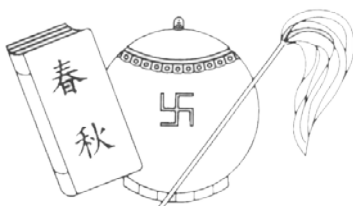


ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

TÒA THÁNH TÂY NINH



CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN

QUYỂN 1

SOẠN GIẢ : ĐỨC NGUYỄN

ĐẠO LỊCH 74 – Canh Thìn - 2000

CAO ĐÀI
TỪ ĐIỂN



高
臺
詞
典

ĐỨC NGUYỄN

高臺詞典三功三立願回元

解義新經一智一心求達德

- Giải nghĩa Tân Kinh nhưt trí nhưt tâm cầu đạt Đức,
- Cao Đài Từ Điển tam công tam lập nguyện hồi Nguyên.

ĐẠO LỊCH 74 – Canh Thìn - 2000

Cẩn Từ của Thánh Thất New South Wales

Cao Đài Từ Điển là một bộ sách mà tác giả đã tốn nhiều năm trường gom góp biên soạn và chú thích một cách rất tỉ mỉ công phu tất cả các từ ngữ, thành ngữ, điển tích, và danh nhân của Đạo kể từ lúc Đạo còn sơ khai cho đến thời kỳ cận đại ngày nay.

Cũng như các bộ sách khác mà TT/NSW đã giới thiệu trước đây, Cao Đài Từ Điển đã và đang được nhiều đồng đạo khắp nơi trong cũng như ngoài nước lưu dùng, để tham khảo nghiên cứu về triết lý, giáo lý và tổ chức của nền Tân Giáo Cao Đài hay còn gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hiện toàn bộ Từ Điển cũng vẫn còn đang trên đường tu chỉnh, và chờ Hội Thánh phục quyền để kiểm duyệt và phê chuẩn, TT/NSW xin được phép miễn nghị bàn về giá trị tác phẩm, xin nhường lại cho Hội Thánh và Nhơn Sanh sau này thẩm định. TT/NSW sẵn sàng đón nhận mọi ý kiến và chuyển đến tác giả mọi ý kiến đóng góp xây dựng.

Trân trọng giới thiệu cùng toàn thể chư Đạo Hữu, Đạo Tâm, và các bạn mộ đạo gần xa khắp nơi trên thế giới.

Noel 2003 (12 năm Quý Mùi),
Thánh Thất NSW thành thật kính cáo.
Email: thanhthatnsw@yahoo.com.au

HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

Bút hiệu Đức Nguyên
(1940- 2005)

ĐỨC
DÀY
ĐỨC
HÓA
THI
ÂN
ĐỨC



NGUYỄN
TÁNH
NGUYỄN
LAI
PHỤC
BỒN
NGUYỄN

*Mến tiếc Hiền Tài hoa bút rụng...
Thương sâu Văn Uyển hạt châu rơi!...*

VÀI NÉT SƠ LƯỢC VỀ HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

Ông sinh ngày 8.7.1940 tại Tân Thuận Tây, Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Thân phụ là Hành Thiện Nguyễn Văn Trương.

Thân mẫu là bà Trần Thị Bình.

Ngày nhập môn: 15. 5. Kỷ Hợi.

Thời là học sinh, ông học tại trường Đạo Đức Học Đường, trường Lê Văn Trung ở Tây Ninh và trường Chu Văn An ở Sài Gòn.

Ông tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Sài Gòn và làm Hiệu trưởng trường Trung học Kiến Phong vào những năm 1966 đến 1970.

Về Sài Gòn, ông là Giáo sư giảng dạy môn Lý Hóa tại các trường trung học Bồ Đề, Quốc Việt, Dân Việt, Nguyễn Công Trứ...

Ông dạy giỏi, viết sách giáo khoa rõ ràng, dễ hiểu, tánh lại hay giúp người nên được đồng nghiệp mến và học trò kính trọng, theo học rất đông.

Ông kết hôn với bạn đồng học tên Phạm Thị Kim Hương (1965).

Ông được phong Hiền Tài khóa IV.

Sau năm 1976, ông nghỉ dạy và xoay sang kinh doanh. Công việc kinh doanh đang tốt đẹp, ông quyết định nghỉ để lo lập công quả với ý nghĩ: cõi đời là cõi tạm, cõi Thiêng liêng Hằng sống mới là vĩnh cửu.

Với sự giúp đỡ, khuyến khích của những người đi trước, của bằng hữu, ông bắt đầu sưu tập tư liệu để biên soạn sách Đạo. Ông viết khá nhiều nhưng nổi bật nhất là bộ Cao Đài Tự Điển, bộ sách mà tác giả và cộng sự đã cực nhọc ròng rã hơn 10 năm để hoàn thành (1981- 1995). Đây là một công trình đồ sộ đầu tiên của tủ sách Đại Đạo. Tuy còn nhiều điều cần được góp ý nhưng tác giả đã hoàn thành được ý nguyện chung của toàn thể tín đồ mong mỏi từ lâu.

Tác giả còn dự định viết thêm vài đề tài nữa thì đột ngột bị xuất huyết não và mất vào lúc 21 giờ ngày 29.5. Ất Dậu (5.7.2005).

Nguồn: <http://daocaodai.info/>

CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN

高臺詞典

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaise

Giáo lý - Triết lý - Danh nhân
Thành ngữ - Điển tích



Quyển 1

Soạn giả: **ĐỨC NGUYỄN**
Ấn hành do theo
hiệu đính 03-2003



Tòa Thánh Tây Ninh
Đền thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

CẢM TẠ

*Cao Đài Từ Điển đã làm xong,
Nhờ bởi Chí Tôn phủ phước hồng.
Tân Dậu khởi biên trong cảnh khó, (1981)
Canh Thìn tận lực mới thành công. (2000)
Ân cần Chức sắc nêu sai sót,
Thắng thần thân bằng chính lý thông.
Cảm tạ Ôn Trên cùng Hội Thánh,
Nghĩa tình bạn đạo, khắc ghi lòng.*

Ước mong Quý Chức sắc, Quý bạn đạo và thân hữu tiếp tục góp ý kiến giúp soạn giả sửa chữa bộ sách Cao Đài Từ Điển cho được hoàn hảo, hầu phụng sự nhơn sanh một cách hữu ích.

Soạn giả có tâm nguyện là khi bộ sách này được hoàn hảo, sẽ hiến dâng bản quyền cho Hội Thánh xuất bản.

Nay kính.

Soạn giả: *Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng*



Báo Ân Từ
Đền thờ (tạm) Đức Phật Mẫu.

TỰA

Bộ sách CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN được biên soạn nhằm mục đích:

- *Thứ nhất*: Giải thích các từ ngữ đặc biệt về Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài.

- *Thứ nhì*: Giải thích các từ ngữ khác rất thông dụng trong các kinh sách hay trong thuyết đạo của Đạo Cao Đài.

* Để sự giải thích các từ ngữ được minh bạch, soạn giả có viết kèm thêm phần chữ Hán cho các từ ngữ Hán Việt. Nhờ phần chữ Hán này, chúng ta xác định được ý nghĩa và cách viết đúng chánh tả của các từ ngữ Hán Việt.

* Phần dịch ra Anh văn và Pháp văn các từ ngữ Giáo lý, Triết lý đặc biệt của Đạo Cao Đài, soạn giả căn cứ và đối chiếu trên các sách Anh văn và Pháp văn kể ra sau đây:

1. LA CONSTITUTION RELIGIEUSE DU CAODAISME (Bản dịch Pháp Chánh Truyền ra Pháp văn) của Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) có sự tu chính của Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng và sự phê duyệt của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, nhà xuất bản Dervy Paris, năm 1953.

2. THE RELIGIOUS CONSTITUTION OF CAODAIM (Bản dịch Pháp Chánh Truyền ra Anh văn) của Cô Lucy Davey, Giáo sư Đại học Sydney (Australia) xuất bản tại Úc năm 1992.

3. HISTOIRE ET PHILOSOPHIE DU CAODAISME của Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron, nhà xuất bản Dervy Paris (Pháp) năm 1949.

4. HISTORY AND PHILOSOPHY OF CAODAIM, bản dịch cuốn sách trên của Gabriel Gobron ra Anh văn, người dịch là Ông Phạm Xuân Thái, xuất bản năm 1950 tại Sài Gòn.

5. LE GRAND CYCLE DE L'ÉSOTÉRISME, bản dịch Đại Thừa Chơn Giáo ra Pháp văn của nhóm tín đồ phái Chiếu Minh, xuất bản năm 1950.

6. LE CAODAISME AU CAMBODGE, luận án thi Tiến sĩ
Đệ tam cấp của Ông Pierre Bernardini tại trường Đại học Paris
VII năm 1974.

Ngoài việc giải thích các từ ngữ, soạn giả còn viết thêm
phần Tiểu sử của các danh nhân của Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là một nền Tân
Tôn giáo được Đấng Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút khai
sáng tại tỉnh Tây Ninh, miền Nam Việt Nam, vào năm Bính
Dần (1926), với tôn chỉ: Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục
nhất, để cứu độ Nhơn loại trước ngày Tận Thế và Đại Hội
Long Hoa. Do đó, Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài có tính
cách bao quát và dung hợp được các Giáo lý và Triết lý của
Tam giáo và Ngũ chi.

Tri thức Đạo học của Đạo Cao Đài thật mênh mông như
biển cả, và tri thức này còn được chia thành nhiều bậc cao
thấp khác nhau, mà sự hiểu biết của soạn giả chỉ giới hạn
trong cái học Hạ thừa, nên khi biên soạn bộ sách CAO ĐÀI TỪ
ĐIỂN này, chắc không tránh khỏi nhiều khuyết điểm.

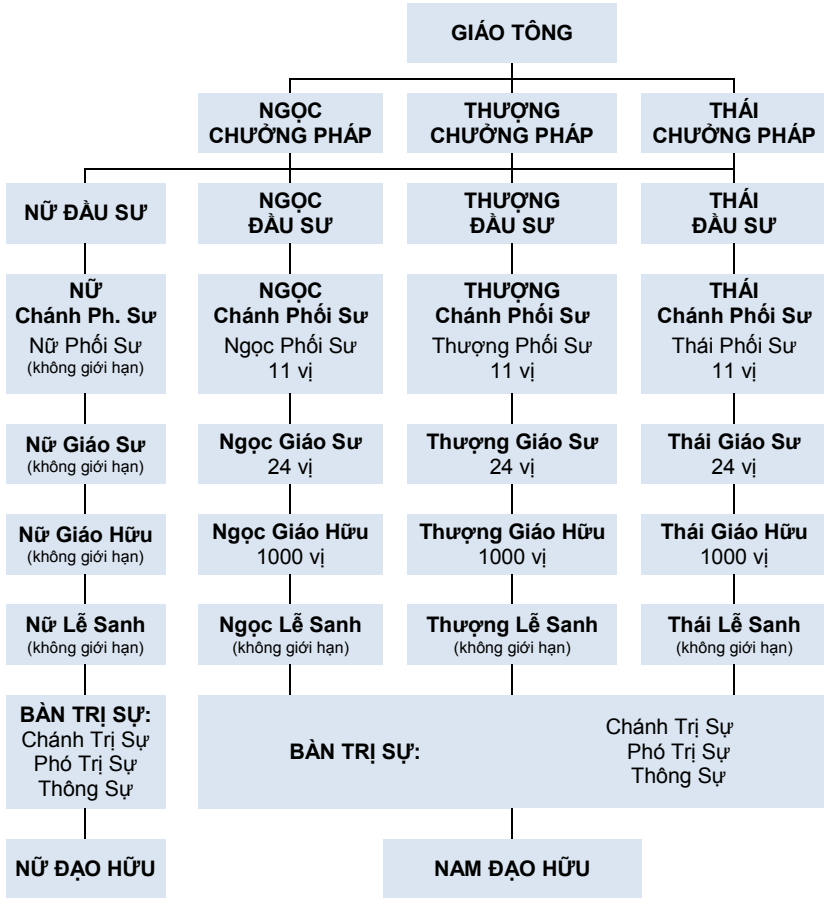
Nhưng vì nguyện vọng tha thiết muốn bảo tồn và phát huy
nền văn hóa Cao Đài, nên soạn giả đem tất cả sức lực của
mình để gia công sưu tầm nghiên cứu trong suốt nhiều năm
liên tục, đồng thời hết sức cầu khẩn Đức Chí Tôn, Đức Phật
Mẫu và các Đấng Thiêng liêng ban bố cho trí não thông minh,
tinh thần mẫn huệ, sức khỏe đầy đủ để thực hiện bộ sách Cao
Đài Từ Điển này.

Ước mong Quý Chức sắc, Quý Bạn đạo và Quý bậc cao
minh vui lòng chỉ giáo những điều thiếu sót hay sai lầm để
soạn giả sửa chữa cho bộ sách được hoàn hảo.

Xin chân thành cảm tạ.

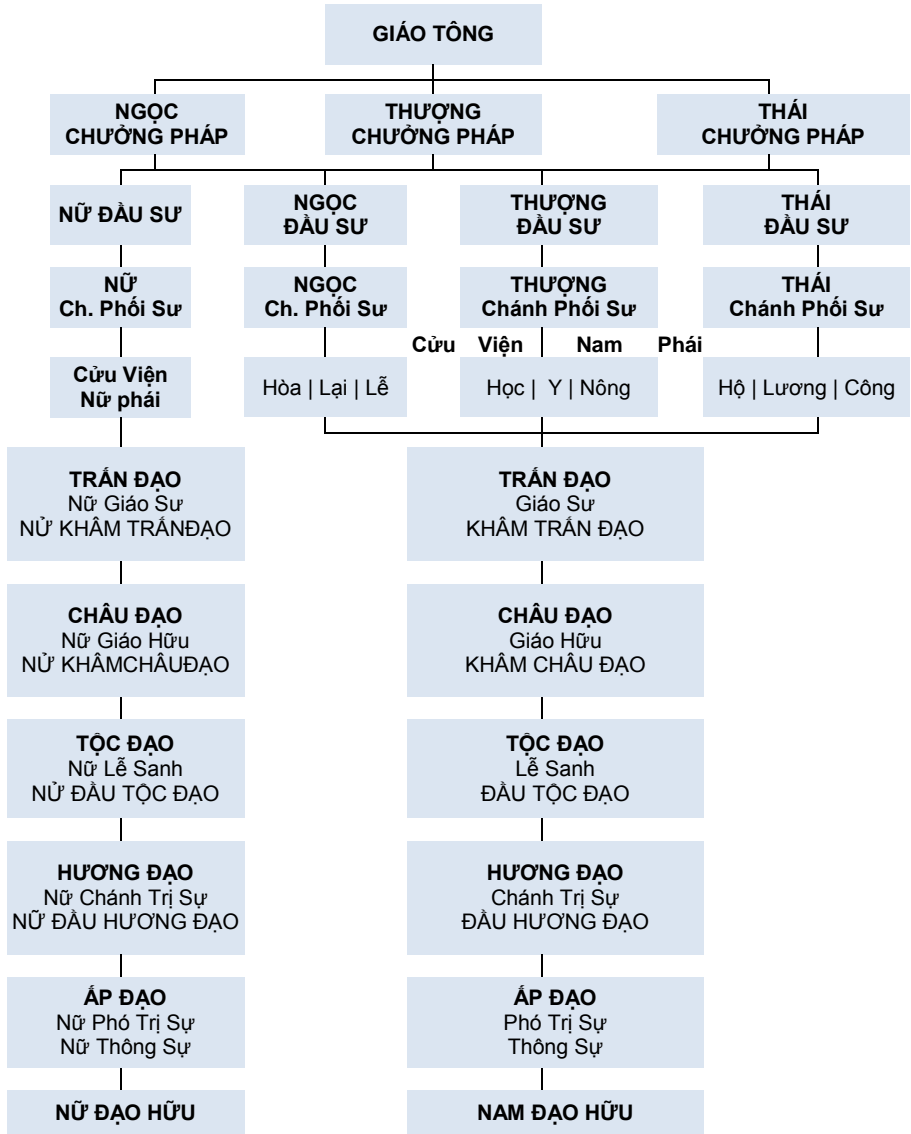
*Soạn giả: **Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng**
bút hiệu ĐỨC NGUYÊN*

**HỆ THỐNG CHỨC SẮC
CỬU TRÙNG ĐÀI**



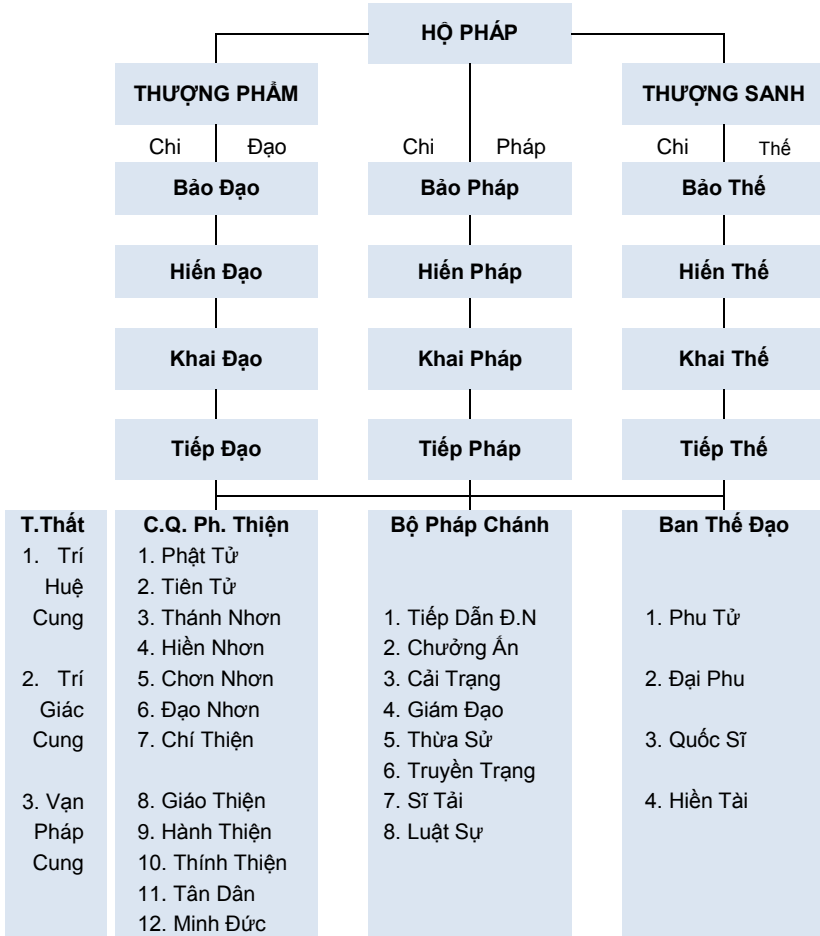
(*) Chánh Ph. Sự: Chánh Phối Sự

**TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH ĐẠO
CỬU TRÙNG ĐÀI**



(*) Chánh Ph. Sự: Chánh Phối Sự

**HỆ THỐNG CHỨC SẮC
HIỆP THIÊN ĐÀI**



(*) T.Thắt: Tịnh Thắt
 (*) C.Q. Ph. Thiện: Cơ Quan Phước Thiện
 (*) Tiếp Dẫn Đ.N: Tiếp Dẫn Đạo Nhơn

TỔ CHỨC CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN



BẢNG ĐỐI PHẪM CHỨC SẮC CÁC CƠ QUAN

| BÁT QUÁI ĐÀI | CỬU TRÙNG ĐÀI | HIỆP THIÊN ĐÀI | CƠ QUAN P. THIỆN | BỘ NHẠC | BAN THẾ ĐẠO | CƠ QUAN KHÁC |
|--------------|--|----------------------------|---------------------------|------------------------------------|-------------|--|
| Thiên Tiên | Giáo Tông | Hộ Pháp | Phật Tử | | | |
| Nhơn Tiên | Chương Pháp | Thượng Phẩm Thượng Sanh | | | | |
| Địa Tiên | Đầu Sư | Thập nhị TQ | Tiên Tử | | | |
| Thiên Thánh | Chánh Phối Sư Phối Sư | Tiếp Dẫn ĐN Chương Ấn | Thánh Nhơn Hiền Nhơn | Tiếp Lễ NQ | Phu Tử | Thập nhị BQ |
| Nhơn Thánh | Giáo Sư | Cải Trang Giám Đạo | Chơn Nhơn Đạo Nhơn | Nhạc Sư Đốc Nhạc Đề Nhạc | Đại Phu | Hộ Đoàn PQ. Hữu Phan Q. Tả Phan Q. |
| Địa Thánh | Giáo Hữu | Thừa Sứ Truyền Trang | Chí Thiện | Lãnh Nhạc Quản Nhạc Đội Nhạc | Quốc Sĩ | Tổng Giám |
| Thiên Thần | Lễ Sanh | Sĩ Tài | Giáo Thiện | Cải Nhạc Bếp Nhạc | Hiền Tài | Phó T. Giám |
| Nhơn Thần | Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự | Luật Sự | Hành Thiện Thỉnh Thiện | Nhạc Sĩ Lễ Sĩ Giáo Nhi | | Tả Lý Đ. Phòng Văn |
| Địa Thần | Đạo Hữu | | Tân Dân Minh Đức | | | Thơ Ký |

Tiếp Dẫn ĐN. : Tiếp Dẫn Đạo Nhơn
 Tiếp Lễ NQ. : Tiếp Lễ Nhạc Quân
 Thập nhị BQ. : Thập nhị Bảo Quân

Hộ Đoàn Pháp Q. : Hộ Đoàn Pháp Quân
 Hữu Phan Q. : Hữu Phan Quân
 Tả Phan Q. : Tả Phan Quân
 Đ. Phòng Văn : Đầu Phòng Văn

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

(Sắp theo thứ tự A B C)

A

- A: Anh văn. P: Pháp văn.

B

- BDH Bài Dâng Hoa.
- BDR Bài Dâng Rượu.
- BDT Bài Dâng Trà.
- BĐNĐ Bát Đạo Nghị Định.
- BKNKSH Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.
- BXTCĐPTTT Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.
- BQĐ Bát Quái Đài.

C

- CG PCT Chú Giải Pháp Chánh Truyền.
- CKTG Càn Khôn Thế giới.
- CKVT Càn Khôn Vũ Trụ.
- CKVV Càn Khôn Vạn vật.
- CLTG Cực Lạc Thế giới.
- CTĐ Cửu Trùng Đài.
- CQPT Cơ Quan Phước Thiện.

D

- DLCK Di Lạc Chơn Kinh.
- DTC Diêu Trì Cung.

Đ

- ĐĐTKPD Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

- ĐS. I. 25 Đạo Sử quyển I trang 25 của NĐS Hương Hiếu.
- ĐLMD Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).
- ĐTCG Đại Thừa Chơn Giáo.

G

- GTK Giới Tâm Kinh.

H

- HTĐ Hiệp Thiên Đài.

K

- KCBCTBCHĐQL Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu.
- KCHKHH Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
- KCK Kinh Cứu Khổ.
- KCS Kinh Cầu Siêu.
- KCTPĐQL Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.
- KĐLC Kinh Đưa Linh Cử.
- KĐ1C Kinh Đệ Nhất cử.
- KĐ2C Kinh Đệ Nhị cử.
- KĐ3C Kinh Đệ Tam cử.
- KĐ4C Kinh Đệ Tứ cử.
- KĐ5C Kinh Đệ Ngũ cử.
- KĐ6C Kinh Đệ Lục cử.
- KĐ7C Kinh Đệ Thất cử.
- KĐ8C Kinh Đệ Bát cử.
- KĐ9C Kinh Đệ Cửu cử.
- KĐRĐ Kinh Đi Ra Đường.
- KĐT Kinh Đại Tường.
- KGO Kinh Giải Oan.

- KHH Kinh Hạ Huyệt.
- KHP Kinh Hôn Phối.
- KK Khai Kinh.
- KKĂCR Kinh Khi Ăn Cơm Rồi.
- KKĐTTTT Kinh Khai Cửa Đại Tường Tiểu Tường.
- KKĐCR Kinh Khi Đã Chết Rồi.
- KKĐN Kinh Khi Đi Ngủ.
- KKTD Kinh Khi Thức Dậy.
- KKV Kinh Khi Về.
- KNH Kinh Nhập Hội.
- KNHTĐ Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- KSH Kinh Sám Hối.
- KTCMĐQL Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.
- KTĐTĐ Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
- KTHĐMP Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần.
- KTKCQV Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.
- KTKTQV Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.
- KTKVQL Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.
- KTKVTH Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.
- KTL Kinh Tẩn Liệm.
- KTP Kinh Thuyết Pháp.
- KTT Kinh Tắm Thánh.
- KTTg Kinh Tiểu Tường.
- KVĂC Kinh Vào Ăn Cơm.
- KVH Kinh Vào Học.
- KXH Kinh Xuất Hội.

N

- NG Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.
- NH Niệm Hương.

- NN Ngũ Nguyên.
- NTTP Nữ Trung Tùng Phận.

P

- PCT Pháp Chánh Truyền.
- PG Phật Giáo (Kinh Phật Giáo).
- PMCK Phật Mẫu Chơn Kinh.

T

- Td Thí dụ.
- TĐ.ĐPHP Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.
- TG Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.
- TKPĐ Tam Kỳ Phổ Độ.
- TL Thiêng liêng.
- TLHS Thiêng Liêng Hằng Sống.
- TNHT Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
- TNHT.I.45 Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, trang 45.
- TTCĐDTKM Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.
- tr. TL trước Tây lịch kỷ nguyên.
- TTTN Tòa Thánh Tây Ninh.

V

- VSTC Vãng Sanh Thần Chú.

Cao Đài Từ Điển

高 臺 詞 典

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Giáo lý - Triết lý - Danh nhân
Thành ngữ - Điển tích



A B C D Đ G H

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



A

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn A

A

- A Ấ Ấ
- A Di-Đà Phật
- A La-Hán
- A Nan (A-Nan-Đà)
- A Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề
- A Tu-La
- A Tỳ

Á

- Á hiện lễ
- Á phiện

ÁC

- Ác
- Ác đạo
- Ác giả ác báo
- Ác hạnh
- Ác lố
- Ác lòng
- Ác nghiệp
- Ác nghiệt
- Ác trược

ÁCH

- Ách
- Ách đất
- Ách nước

AI

- Ai
- Ai bi
- Ai chỉ
- Ai chúc
- Ai điều

ÁI

- Ái
- Ái hà
- Ái mộ
- Ái tuất thương sanh

ÀI

- Ài quan

ÁM

- Âm muội

AN

- An
- An bang tế thể
- An bản lạc đạo
- An linh
- An ngự
- An tâm tĩnh trí
- An tịnh
- An vị

ÁN

- Án Tam Tài
- Án tiết

ÁNG

- Áng văn tuyệt bút

ANH

- Anh
- Anh linh
- Anh hài
- Anh nhi
- Anh hào
- Anh phong
- Anh lạc
- Anh tuấn

ÁNH

- Ánh
- Ánh nhiệm màu
- Ánh Chí Linh
- Ánh Thái dương
- Ánh Hồng Quân
- Ánh Xá lợi

AO

- Ao Thất bửu

ÁO

- Áo nã

ĂN

- Ăn chay - Ăn tương -
- Ăn mật nằm gai
- Ăn lạt
- Ăn năn sám hối
- Ăn mặn

ÂM

- Âm
- Âm đức
- Âm cảnh, Âm cung, Âm
- Âm hồn
- đài, Âm Ty
- Âm lịch - Dương lịch
- Âm chất
- Âm quang
- Âm công
- Cõi Âm quang
- Âm cực dương hồi
- Âm thanh sắc tướng
- Âm Dương
- Âm Dương thủy

ẨM

- Ẩm thực tinh khiết

ÂN

- Ân
- Ân hồng
- Ân cần
- Ân huệ
- Ân điển
- Ân phong
- Ân hậu
- Ân sinh

- Ân tứ
- ÃN**
- Ân
 - Ân chứng
 - Ân hành
- ẪN**
- Ẫn
 - Ẫn danh
- ÂU**
- Âu ca
- ẤU**
- Ấu
 - Ấu trĩ viện
- Ân xá
 - Ân ký
 - Ân tổng
 - Ân Tý
 - Ẫn nhãn
 - Ẫn thân
 - Ấu xuân

A

A Ǻ Ǻ

A Ǻ Ǻ là danh xưng tạm của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế khi giáng điển xuống các buổi xây bàn để tiếp xúc và cảm hóa các môn đồ đầu tiên của Ngài, trong khoảng thời gian từ hạ tuần tháng 7 năm 1925 đến ngày Noel 25-12-1925 (Ất Sửu).

A Ǻ Ǻ là ba nguyên âm đầu tiên của văn quốc ngữ Việt Nam, tượng trưng Tam Thiên Vị, là khởi đầu của CKVT. Đó là Thượng Đế Ba Ngôi: A là ngôi Thái Cực chúa tể CKVT, Ǻ là ngôi Dương chưởng quản Dương quang, Ǻ là ngôi Âm chưởng quản Âm quang. Ba ngôi đó gọi là Tam Thiên Vị, ở tại trung tâm của CKVT, chiếm ba tầng Trời: thứ nhứt, thứ nhì và thứ ba trong Tam thập lục Thiên (36 tầng Trời).

Đấng A Ǻ Ǻ đến với nhóm xây bàn lần đầu tiên vào hạ tuần tháng 7 năm 1925 (Ất Sửu). Ba Ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang thỉnh bàn ra tính xây bàn để cầu Cô Đoàn Ngọc Quế giáng dạy làm thi. Ba Ông vừa đặt tay lên bàn thì có một vị giáng vào bàn, cho bài thi:

*Ớt cay, cay ớt gĩa mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tập lại,
Ăn bòn chẳng chịu tập theo ai.*

Ông Cư thấy bài thi có ý nghĩa rất lạ, liền hỏi vị giáng cơ tên gì, thì vị ấy gõ bàn xưng là A Ǻ Ǻ.

Ông Cư hỏi Ông A Ǻ Ǻ bao nhiêu tuổi? Ông A Ǻ Ǻ gõ bàn trả lời, đếm hoài tới mấy trăm cái mà bàn vẫn tiếp gõ. Ông Cư nói chắc Ông này lớn tuổi lắm, nên không dám hỏi nữa.

Kể từ đó, Đấng A Ǻ Ǻ thường nhập bàn giảng dạy ba Ông nhiều điều rất thâm thúy. Nhiều điều nào quá khó khăn mà không ai giải thích nổi thì cầu Ông A Ǻ Ǻ về, Ngài giải thích rất minh bạch khiến mọi người đều kính phục.

Xin trích thuật vài chuyện sau đây:

1.- Ông A Ặ Ặ giải nghĩa hai câu thi của Quý Cao (tức thi sĩ Huỳnh Thiên Kiềm):

*Ngồi thuyền Bát Nhã qua tình biển,
Mượn nước nhành dương rưới lửa lòng.*

"Bát Nhã Ba La Mật là Phật độ vong hồn qua khỏi biển khổ đặng đến Tây phương, vì trước khi tới Tây phương, phải đi qua cái biển khổ. Biển tình: Tình là oan oan, oan oan là khổ. Biển tình là biển khổ."

2.- Năm 1925, Ông Nguyễn Trung Hậu nghe đồn Ông Tác, Ông Cư, Ông Sang xây bàn có Tiên giáng cho thi hay lắm. Buổi nọ, Ông Hậu đến nhà Ông Cư, ý muốn thử xem thiệt giả.

Ông Hậu vào hầu đàn. Ông A Ặ Ặ giáng, gõ bàn cho Ông Hậu bài thi sau đây:

*THUẦN văn chất ĐỨC tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,
Đến hồi búa Việt giục cờ Mao.*

Không ai biết cái bút hiệu của Ông Hậu là Thuần Đức, mà Ông A Ặ Ặ nói lên đúng tên làm cho Ông Hậu bái phục và bắt đầu có đức tin.

3.- Ông Cư xin Ông A Ặ Ặ giải nghĩa bốn chữ: Cờ Mao búa Việt. Ông A Ặ Ặ giải:

"Cờ Mao búa Việt là vật binh quyền của Hiên Viên Huỳnh Đế ban cho các Trấn Chư Hầu đặng quyền chinh phạt. Ngũ Đế và 2 nhà Thương, Châu còn dùng.

*Đáng phạt thì phát cờ Mao,
Đáng giết thì ban búa Việt.*

Cờ Mao màu hồng, trên lá cờ có đề bốn chữ: Mao trừ loạn tặc. Búa Việt, trên lưỡi búa có khắc bốn chữ: Việt sát phản thần." (Theo Đạo Sử I của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu)

4.- Ngày 26-10-Ất Sửu (dl 12-11-1925), hai nhà báo tên là Lê Thế Vĩnh và Phạm Minh Kiên đến nhà Ông Cư hầu đàn để xem sự xây bàn huyền diệu thế nào. Ông Cư xin với Ông A Ặ Ặ cho mỗi vị khách một bài thi. Đấng A Ặ Ặ liền đáp: Đề Bàn đạo cho chung hai người một bài thi:

*Một viết với thân giữa diển đàn,
Bằng xưa trước giặc vạn binh lang.
Nước nhà ví biết thân là trọng,
Dạy dỗ sao cho đặng mở mang.*

Ai nấy đều khen chỉ có bốn câu mà gồm đủ bộ vận của hai nhà báo.

5.- "Một hôm, Ông Hậu (Nguyễn Trung Hậu) bạch cùng Đấng A Ồ Ồ rằng: Tôi còn nhớ hai câu đối thuở nay chưa ai đối được, xin đem ra cho Ngài đối chơi. Đấng A Ồ Ồ bèn đáp: Bần đạo xin hầu đối, nhưng nếu đối ra không chừng, quý vị chớ cười và niệm tình Bần đạo mà chính lại cho.

Câu đối Ông Hậu ra: *Ngồi trên NGỰA đờng BÒ con NGHÉ.*

Đấng A Ồ Ồ đối lại: *Cỡi lưng TRÁU chớ KHỈ thằng TÊ.*

Câu đối Ông Hậu ra: *Ngựa chạy mang lạch.*

Đấng A Ồ Ồ đối lại: *Cò bay le bè.*

Từ đây Ông Hậu mới hết sức phục tài Đấng A Ồ Ồ, và hết lòng tin tưởng có người vô hình, và sau đó, Ông Hậu nhập môn vào đạo.

Không bao lâu sau, người đến hầu đàn tại nhà Ông Cư càng ngày càng đông, trong ấy có Ông Trương Hữu Đức làm việc tại Sở Hỏa Xa và thi sĩ Bồng Dinh, tục kêu là Ông giáo Sỏi, làm việc tại Dinh Hiệp Lý Sài Gòn.

6.- Một hôm, Ông Bồng Dinh bạch cùng Đấng A Ồ Ồ:

Trong Truyện Kiều có câu: "Sửa sang níp Tử xe Châu, Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa." Chẳng hay: Níp Tử xe Châu là gì? Xin Ngài chỉ giáo.

Đấng A Ồ Ồ đáp: Níp Tử là cái rương của Khổng Tử. Xe Châu là cái xe của Châu Võ Vương ngồi đi phạt Trụ.

Cái rương của Khổng Tử dùng đựng sách vở, tức là văn chương của người văn sĩ thác rồi, thời biết bao nhiêu học thức văn chương cũng theo xác thịt mà chôn vào quan cửu, nên Nguyễn Du mới dùng hai chữ Níp Tử để gọi cái quan tài của bậc văn chương tài tử là nàng Đạm Tiên.

Vua Châu Võ Vương ngồi long xa đi phạt Trụ, tức là gồm thân giang sơn nhà Trụ vào đấy. Con người ở đời làm được bao nhiêu sự nghiệp, khi thác rồi cũng phũ tay không, thì

chẳng khác nào bao nhiêu sự nghiệp tự mình gây dựng trong buổi sanh tiền, khi nhắm mắt rồi, thả đều thâu vào trong linh xa vậy. Cho nên, Nguyễn Du dùng hai chữ Xe Châu để gọi cái linh xa của kẻ tài tình bạc mạng. (Trích trong Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu).

Một hôm khác, Đấng A Ẫ Ẫ giảng bàn bảo ba Ông Cư, Tắc, Sang rằng: Muốn cho Bàn đạo đến thường, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bàn đạo như sau:

- Một là đừng kiếm biết Bàn đạo là ai?
- Hai là đừng hỏi đến Quốc sự.
- Ba là đừng hỏi đến Thiên cơ.

Cả ba Ông đều ưng chịu. Kể từ đó, ba Ông thường cầu Đấng A Ẫ Ẫ về để học hỏi về thi văn.

Lại một hôm khác, Đấng A Ẫ Ẫ nói với ba Ông: "Nếu muốn Ta tận tâm truyền dạy Đạo lý thì hết thầy phải kính Ta làm Thầy cho tiện bề đối đãi."

Ba Ông mừng lắm, liền vâng chịu thọ giáo cùng Đấng A Ẫ Ẫ, và kể từ đây, Đấng A Ẫ Ẫ giảng bàn, xưng mình là Thầy và gọi ba Ông là môn đệ.

Sau đó, Đấng A Ẫ Ẫ dạy ba Ông tổ chức Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung vào đêm Trung Thu năm Ất Sửu (1925) tại nhà Ông Cư. (Xem chi tiết nơi chữ: Hội Yến DTC, văn H).

Ngày 28-8-Ất Sửu (dl 15-10-1925), tức là sau Lễ Hội Yến DTC 14 ngày, Đấng A Ẫ Ẫ nói với ba Ông Cư, Tắc, Sang rằng: "Tôi nói lộ Thiên cơ, trên Ngọc Hư bắt tội. Xin tam vị Đạo hữu cầu Ngọc Hư tha tội cho tôi. Nếu không cầu giùm thì tôi bị phạt."

Ba Ông rất lo lắng, liền tấm gôi tinh khiết, vọng bàn hương án ngày 29-8-Ất Sửu để cầu DTC xin Ngọc Hư tha tội cho Ông A Ẫ Ẫ. Ông Cư có đặt một bài thi, rồi ba Ông qui cầu nguyện trước bàn hương án và ngâm bài thi:

*Vái van xin quý Cửu Thiên Nương,
Tâu với Ngọc Hư tỏ ngọn nguồn.
Vì nghĩa Á A mang trọng tội,
Nghĩ tình đồng đạo để tình thương.*

Đấng A Ắ Ắ làm như thế là để thử xem ba Ông có thương Đấng A Ắ Ắ hay không, đừng sửa soạn cho việc dạy ba Ông Vọng Thiên cầu Đạo.

Ngày 27-10-Ất Sửu (1925), Bà Cửu Thiên Huyền Nữ giảng dạy ba Ông Vọng Thiên Cầu Đạo vào ngày mùng 1-11-Ất Sửu (dl 16-12-1925). (Xem chi tiết: Vọng Thiên cầu Đạo, văn V).

"Mãi đến đêm Noel (24-12-1925), Thất Nương DTC giảng cơ truyền cho ba Ông phải chỉnh đàn cho nghiêm hầu tiếp giá. Nghe vậy, mấy Ông Cư, Tắc, Sang nửa mừng nửa sợ, lật đặt sấm đủ hương, đăng, hoa, trà, tửu, quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai Ông Cư và Tắc mới ngồi chấp cơ.

Cơ giảng như vậy:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết
CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
giáo đạo Nam phương

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đêm nay phải vui mừng là vì ngày Ta đã xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây. Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà này sẽ đầy ơn Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa. (Cúng tại nhà Ông Cao Quỳnh Cư 134 Bourdais, Sài Gòn)

Đức Cao Đài lại phán rằng: Bấy lâu Thầy vẫn tá danh A Ắ Ắ là cốt để diu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp Thầy khai Đạo.

Các con thấy Thầy khiêm nhượng là dường nào chưa? Các con nên bắt chước trong mảy mún thì mới xứng đáng là người đạo đức." (Trích Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp)

Ngày 31-12-1925 (âl 16-11-Ất Sửu), Đức Cao Đài giảng:

A Ẫ Ậ

Ba con thương Thầy lắm há?

Con thấy đặng sự hạ mình của A Ẫ Ậ thế nào chưa?

Con có thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa?

Người quyền thế lớn như vậy có thể hạ mình bằng A Ẫ Ậ chăng? A Ẫ Ậ là Thầy.

Thầy đến con thế ấy, con thương Thầy không?.....

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

DTC: Điều Trì Cung.

A Di-Đà Phật

阿彌陀佛

A: Amita Buddha.

P: Amitabha.

Từ ngữ A-Di-Đà Phật là do phiên âm từ tiếng Phạn: **Amitabhā**, chữ Hán dịch là Vô Lượng Quang Phật, nghĩa là Đức Phật sáng không lường được.

Trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật A-Di-Đà làm Chưởng giáo CLTG. Do đó, bài kệ U Minh Chung, câu 34 là: "*Nam mô Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di-Đà Cổ Phật Chưởng giáo Thiên Tôn.*" (Di-Đà Cổ Phật là Đức Phật A-Di-Đà xưa). Nay là TKPD, Đức Phật A-Di-Đà vâng lệnh Đức Chí Tôn giao quyền Chưởng giáo CLTG cho Đức Phật Di-Lạc.

KCS: A-Di-Đà Phật độ chúng dân.

Câu niệm: "**Nam Mô A-Di-Đà Phật**" gồm 6 chữ, được gọi là Lục tự Di-Đà. Pháp môn niệm Lục tự Di-Đà là để quán tưởng Phật A-Di-Đà, Ngài tượng trưng thể tánh sáng suốt của Thượng Đế, nên niệm như vậy là để giúp cho tánh sáng suốt trong con người thức tỉnh và phát triển đến chỗ phát huệ.

Đức Phật A-Di-Đà có 48 lời đại nguyện mà hai lời đại nguyện quan trọng nhất là: một và hai.

Lời nguyện thứ nhất: Lúc tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi có Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thì tôi không ở ngôi Chánh giác.

Lời nguyện thứ nhì: Lúc tôi thành Phật, nếu hàng Nhơn Thiên trong cõi nước tôi, sau khi thọ chung, còn trở lại sa vào ba đường ác đạo thì tôi không ở ngôi Chánh Giác.

Chính vì hai lời đại nguyện này mà Đức Phật A-Di-Đà mãi mãi không bao giờ ở ngôi Chánh giác, bởi vì Luật Công bình của CKVT lúc nào cũng phải có 2 khối đối trọng nhau: Có Thiên đường thì phải có Địa ngục, có Thiện thanh thì phải có Ác trước, có Tiên Phật thì phải có Quỷ Ma. Nếu Ma Quỷ bị tiêu diệt hết thì cán cân Công bình thiêng liêng gãy đổ, Luật Tiến Hóa của CKVT ngưng lại, thì đó là một cuộc đại sụp đổ của Càn Khôn, tức là sụp đổ Thượng Đế. Điều này không thể xảy ra được vì Thượng Đế thì hằng hữu bất biến.

Có 2 sự tích về Đức Phật A-Di-Đà: Sự tích thứ nhất, Ngài là vua Vô Trách Niệm; sự tích 2, Ngài là khát sĩ Amita.

I. Sự tích thứ nhất: Chép trong Kinh Bi Hoa.

Trong vô lượng kiếp ở quá khứ, có một vị vua gọi là Chuyển Luân Vương, tên Vô Trách Niệm, Ngài có một quan đại thần là Bảo Hải. Vua tôi rất thân mật nhau.

Thời đó có Đức Phật Bảo Tạng ra đời, giáo hóa chúng sanh. Vua và quan đại thần đến nghe thuyết pháp, vua phát tâm thỉnh Phật và đại chúng vào Hoàng cung cúng dường trọn ba tháng để cầu phước báo. Khi đó, đức Phật Bảo Tạng phóng hào quang sáng ngời soi khắp thế giới của chư Phật mười phương cho chúng hội đồng thấy. Nhờ đó nhà vua phát tâm tu hành, đến đảnh lễ Phật và phát nguyện như sau:

"Tôi nguyện tu hành, khi thành Phật, ứng hóa vào cõi Tịnh Độ an vui, nguyện độ tất cả thế giới của tôi dứt hết mọi điều khổ não. Nếu không y lời nguyện thì tôi chẳng chịu thành Phật."

Do nhơn duyên ấy, sau này vua Vô Trách Niệm tu thành Phật hiệu là A-Di-Đà, ở cõi CLTG mà tiếp độ chúng sanh.

Còn quan đại thần Bảo Hải thì phát nguyện như sau:

"Tôi nguyện tu hành, khi thành Phật, ứng hóa về cõi Ta bà ô trược để dạy bảo chúng sanh đương ám muội đồng vắng sanh về cõi CLTG."

Do đó, quan đạị thần Bảo Hải sau tu thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, Giáo chủ Phật giáo ở cõi hạ giới.

II. Sự tích thứ nhì: Kiếp chót của Phật A-Di-Đà.

Ngài là một khất sĩ, tên hiệu AMITA (phiên âm là A-Di-Đà). Đứng đầu Giáo hội khất sĩ là một Trưởng lão, đó là một vị Phật thời quá khứ tái sinh trở lại làm Trưởng lão.

Một hôm, vị Trưởng lão đến thắp thờ Phật, lén lấy cái chén bịt vàng liệng xuống gạch cho bể nát. Sau đó, Ông kêu hết thầy Tỳ kheo đến hỏi rằng:

- Ai làm rớt bể chén quý này?

Cả thầy Tỳ kheo đều nói là không biết, còn Amita thì làm thinh không trả lời, vì ông nghĩ rằng: Cái chén bể tất nhiên phải có người va chạm, nhưng cả thầy Tỳ kheo đều nói không biết, vậy thì ai vào đây? Không lẽ vị sư Trưởng lão? Mà nếu không ai chịu nhận thì vụ này còn hạch hỏi lời thôi nũa, trong Giáo hội ắt bị mang tiếng xấu xa. Ta nên tính cho êm xong, ta nên làm thinh để lãnh tội cho vị Tỳ kheo nào vô ý làm bể đó, cho vị ấy an lòng tu học.

Trưởng lão thấy vậy mới nói:

- Amita, người lặng thinh tức là người phạm tội đó. Vậy muốn cho hết tội, người phải chịu phạt công quả 10 năm, mỗi buổi sáng vào rừng lượm củi, chiều tối phải nấu nước thắp đèn cho Giáo hội.

Khi đó Amita ưng chịu, thực hành công quả đủ 10 năm mà trong lòng vẫn vui vẻ, không than phiền chi cả, chứng tỏ tâm đức trọn vẹn. Trưởng lão thấy vậy rất vui mừng.

Một buổi sáng kia, Trưởng lão bèn hóa hiện ra một cái thầy ma của người thế gian chết nằm tại chỗ thắp thờ Phật, thúi hôi dơ dáy, có ruồi lẩn bu đậu, vòi tửa tanh hôi.

Vị Trưởng lão bảo tăng chúng đem thầy đi chôn và quét rửa chỗ đó cho sạch sẽ. Ai nấy đều lảng tránh, nói rằng:

- Chúng tôi là bậc trong sạch, không làm được việc ấy. Hãy để cho Amita về làm.

Bữa ấy là đúng công quả 10 năm của Amita, nhưng Amita vẫn còn đi gánh củi làm việc như thường. Khi về gần tới Giáo

hội, chư Tỳ kheo đón báo cho biết tự sự, bảo Amita về mau đặng lo chôn cất cái thân ma ấy.

Về đến cửa, Amita lật đặt bỏ gánh củi xuống, lấy cước cầm tay, thẳng đến định vác cái thân lên vai đem chôn.

Vị Trưởng lão nói:

- Người hãy đi độ cơm rồi sẽ chôn cũng không muộn.

Amita bạch rằng:

- Bạch Trưởng lão, xin để tôi đem chôn xác chết ngay, để lâu hôi thúi chổ thờ phượng không nên. Tôi nhịn ăn một bữa cũng không sao, nhưng nhờ vậy mà tâm được an ổn.

Amita liền đến gần xác chết thì không cảm thấy hôi thúi gì hết, vác xác chết lên vai cũng không thấy nặng nề gì, đi được nửa đường thì cảm thấy nhẹ bỗng, giựt mình ngó lại thì xác chết lại biến hóa thành một tòa sen vàng, hào quang rực rỡ, sực nức mùi hương, bay bỗng lên không trung, rồi lần lần hạ xuống trước mặt Amita. Chư Thiên, Bồ Tát đều rải hoa chào mừng và thỉnh Amita ngự lên tòa sen vàng.

Lúc đó, Amita sửng sốt, chẳng biết thực giả ra sao, nên ngần ngại không dám bước lên tòa sen. Chư Thiên và Bồ Tát thúc giục mãi, làm Amita bối rối, nhưng định tỉnh nghĩ rằng: Ta vốn là người trong sạch, dầu ma quỷ có gạt ta cũng chẳng sợ chi, ta nên bước lên tòa sen xem thử.

Amita liền bước lên tòa sen, tức thì một cảnh tượng vô cùng huyền diệu hiện ra, thân thể Amita phát ra hào quang sáng lòa, áo Phật oai nghi tề chỉnh, tinh thần an trụ tươi sáng như nhiên, các phép thần thông hiện đủ, trí huệ toàn giác. Amita đắc đạo chứng quả Như Lai.

Ngài cho tòa sen bay trở lại Giáo hội, tạ ơn Trưởng lão, rồi cùng Trưởng lão hóa hiện hào quang bay về Tây phương.

Tặng chúng đều chấp tay đánh lễ: *Nam-mô Amitabha*, tức là: *Nam Mô A-Di-Đà Phật*.

Phật giáo Tịnh Độ tông tu theo Phật A-Di-Đà, nguyện về cõi CLTG của Đức Phật A-Di-Đà, nên luôn luôn trì niệm Lục tự Di-Đà: ***Nam mô A-Di-Đà Phật***.

Tịnh Độ tông thọ trì ba bộ Kinh: A-Di-Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh.

Đức Phật A-Di-Đà thường hiện thân đi tiếp dẫn những người có duyên phần, có hai vị Bồ Tát hầu hai bên: Bên tả là Đức Đại Thế Chí Bồ Tát và bên hữu là Quan Thế Âm Bồ Tát, gọi chung ba vị là Di-Đà Tam Tôn.

Di-Đà Tam Tôn tượng trưng ba thể tánh: Bi, Trí, Dũng của Phật.

- Di-Đà Phật tượng trưng thể tánh sáng suốt: TRÍ.
- Quan Thế Âm Bồ Tát tượng trưng thể tánh BI.
- Đại Thế Chí Bồ Tát tượng trưng thể tánh DŨNG.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

A-La-Hán

阿羅漢

A: Arhat.

P: Arhat.

A-La-Hán là tiếng phiên âm từ chữ Phạn: Arhat, dịch nghĩa theo Hán văn là Ứng Cúng, Phá ác, Bất sanh.

Ứng cúng nghĩa là có phước đức hoàn toàn, trí huệ hơn cả, đáng làm nơi phước điền cho chúng sanh cúng dường.

Phá ác là phá tan được giặc phiền não Tam độc do Tham, Sân, Si tạo ra.

Bất sanh nghĩa là thoát vòng luân hồi sanh tử, không còn sanh ra tại thế gian này nữa. A-La-Hán thường được gọi tắt là La-Hán. Truyền thuyết nói rằng, hồi Đức Phật Thích Ca mới mở Đạo Phật tại Bắc Ấn Độ, Phật có phái 16 vị La Hán (có sách chép 18 vị) đi ra các nước nhỏ chung quanh để truyền bá Phật đạo. Do đó trong các chùa Phật ngày nay thường có tạc tượng 16 vị hay 18 vị La Hán để thờ, kỷ niệm việc truyền đạo này.

A-La-Hán là quả vị cao nhất trong 4 quả vị của hàng Thinh Văn thừa, từ thấp lên cao, kể ra:

1. **Tu-Đà-Huờn:** Quả vị đầu tiên của Thinh Văn thừa.
2. **Tu-Đà-Hàm:** Quả vị thứ hai của Thinh Văn thừa.
3. **Na-Hàm:** Quả vị thứ ba của Thinh Văn thừa.
4. **La-Hán:** Quả vị thứ tư của Thinh Văn thừa.

Người tu chứng bực A-La-Hán thì đạt được Lục thông (6 phép Thần thông): Thiên Nhãn thông, Thiên Nhĩ thông, Tha Tâm thông, Túc Mạng thông, Thần Túc thông, Lộ Tận thông.

Qua khỏi Thinh Văn thừa thì lên Bồ Tát thừa, tức là tu đặng quả vị La Hán rồi thì mới tiếp tục tu hành để lên quả vị kế tiếp là Bồ Tát.

Thinh Văn thừa thuộc về Tiểu thừa, Bồ Tát thừa thuộc về Đại thừa.

Cả hai Tiểu thừa và Đại thừa đều là Phật thừa.

KCK: Chư Đại Bồ Tát, Ngũ bá *A-La-Hán* cứu hộ....

Ngũ bá A-La-Hán là 500 vị A-La-Hán được Nhứt Tổ Ma-Ha Ca-Điếp chọn để lập Đại hội kết tập Kinh điển lần nhứt của Phật giáo, sau khi Phật Thích Ca nhập Niết Bàn 4 tháng.

Cuộc kết tập này ở tại thành Vương Xá, Nhứt Tổ Ma-Ha Ca-Điếp làm chủ tọa. Ngài A-Nan được cử ra đọc lại lời Phật dạy, chép thành Tạng Kinh; Ngài Ưu-Pa-Ly đọc lại các Luật do Phật dạy chép thành Tạng Luật; và Ngài Ma-Ha Ca-Điếp đọc tạng Luận. Người ta dùng chữ Phạn chép ba Tạng Kinh (Tam Tạng Kinh) trên lá buồn để lượm lại đời sau.

KCK: Kinh Cứu Khổ.

A-Nan (A-Nan-Đà)

阿難

A-Nan là nói tắt của tiếng A-Nan-Đà, do chữ Phạn là ANANDA, Hán văn dịch là Khánh Hỷ, vì Ông A-Nan được sanh ra vào ngày Đức Phật Thích Ca thành Đạo, dân chúng đều vui mừng, nên cha mẹ của Ngài đặt tên Ngài là Ananda,

nghĩa là khánh hỷ. Như vậy, Ngài nhỏ hơn Phật Thích Ca 35 tuổi.

A-Nan là con của Học Phạm, em ruột của Đề-Bà-Đạt-Đa, và cũng là em bà con chú bác với Đức Thích Ca.

Ngài có nhiều tướng tốt, thông minh tuyệt vời, có một trí nhớ tuyệt hảo. Đến năm 25 tuổi, A-Nan xin xuất gia theo Phật Thích Ca. Ngài làm Thị giả, hầu cận bên Đức Phật suốt 20 năm, nên đã nghe và ghi nhớ được tất cả những bài thuyết pháp của Phật. Phật Thích Ca khen Ngài A-Nan: "Thị giả của các Đức Phật thời quá khứ, không ai hơn A-Nan, Thị giả các Đức Phật thời vị lai cũng không ai hơn A-Nan."

A-Nan là người rất quan tâm đến việc mở rộng Phật giáo cho Nữ phái tu học, nhưng Đức Phật Thích Ca chưa chấp thuận.

Một hôm, A-Nan đi khát thực về đến Tịnh Xá thấy Bà Ma-Ha Bà-Xà-Đề (đi ruột và cũng là mẹ nuôi Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta) đang đứng tựa cửa khóc, áo quần đầy bụi, chân dính bùn dơ. Ngài hỏi duyên cớ. Bà cho biết Bà từ xa đi bộ đến tìm Phật xin qui y, năn nỉ đôi ba phen mà Phật không chấp thuận.

A-Nan rất cảm động, liền vào làm lễ Phật và xin Phật cho Bà xuất gia. Phật vẫn từ chối mà không nói lý do.

A-Nan vẫn kiên trì cầu xin nhiều lần sau này cho được mới thôi. Cuối cùng thì Đức Phật cũng phải chấp nhận cho Bà đi mẫu xuất gia, lập thành Giáo hội Tỳ Kheo Ni. Sau này, toàn thể Giáo hội Tỳ Kheo Ni đều hết lòng biết ơn A-Nan.

Phật cho biết, đối với Nữ phái, không phải Phật không từ bi, nhưng nếu Phật không cho Nữ phái xuất gia thì Chánh Pháp của Phật tồn tại được 1000 năm, nay cho Nữ phái xuất gia thì Chánh Pháp của Phật chỉ tồn tại 500 năm mà thôi.

Ngài A-Nan hỏi Phật về cách đối đãi với Nữ phái:

- Bạch Phật, chúng tôi phải đối xử với Nữ phái thế nào?
- Nay A-Nan, dường như không thấy.
- Nhưng đã thấy rồi thì chúng tôi phải làm thế nào?
- Nay A-Nan, không nên nói chuyện.
- Nhưng nếu được hỏi thì chúng tôi phải làm thế nào?

- Nay A-Nan, cẩn thận đề phòng, giữ vững Chánh niệm.

Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, Đức Phật gọi Ma-Ha Ca-Điếp đến, truyền Y Bát cho làm Nhứt Tổ, và Phật dặn về sau sẽ truyền cho A-Nan làm Nhị Tổ.

Khi Nhứt Tổ Ma-Ha Ca-Điếp đem Chánh pháp nhãn tạng truyền lại cho A-Nan làm Nhị Tổ, có nói bài kệ:

*Pháp pháp bổn vô pháp,
Vô pháp vô phi pháp,
Hà ư nhứt pháp trung,
Hữu pháp hữu phi pháp?*

Dịch nghĩa:

Các pháp gốc không pháp,
Không pháp, không phi pháp,
Tại sao trong một pháp,
Có pháp, có phi pháp?

Về sau, Nhị Tổ A-Nan chọn người học trò xuất sắc là Thương-Na-Hòa-Tu, để truyền Y Bát, nên gọi đến nói rằng:

Xưa, Đức Thế Tôn đem Chánh pháp nhãn tạng phú thác cho sư huynh ta là Ma-Ha Ca-Điếp làm Nhứt Tổ, sau Nhứt Tổ truyền lại cho ta. Nay ta phú chúc lại cho ngươi làm Tam Tổ. Vậy ngươi phải hết lòng trân trọng, thọ trì xiển dương Phật pháp hóa độ chúng sanh. Hãy nghe kệ mà ấn tâm:

*Bổn lai truyền hữu pháp,
Truyền liễu ngôn vô pháp,
Các các tu tự ngộ,
Ngộ liễu vô vô pháp.*

Dịch nghĩa:

Xưa nay truyền có pháp,
Truyền rồi nói không pháp,
Thầy thầy tu tự ngộ,
Ngộ rồi không không pháp.

Ngài A-Nan dùng thuyền ra giữa dòng sông Hằng, nhập Niết Bàn. Ngài dặn đệ tử rằng: Khi thiêu xác ta thì chia xá lợi ra làm 4 phần: Một phần giao cho cõi Trời Đạo Ly, một phần giao cho Long Vương, một phần giao cho vua A-Xà-Thế, một phần giao cho vua Tỳ-Xá-Ly, để xây tháp cúng dường.

Lúc sinh thời, Ngài A-Nan nổi tiếng là đa văn quảng kiến, có trí nhớ tuyệt vời, làm Thị giả cho Phật suốt 20 năm, được Phật khen ngợi, nhờ vậy mà Ngài đọc lại rất đúng lời Phật dạy trước 500 vị A-La-Hán, kết tập chép ra thành Kinh Tạng. Ngài cũng là ân nhân của Giáo hội Tỳ Kheo Ni.

KCK: Phật cáo *A-Nan* ngôn thủ kinh Đại Thánh....

KCK: Kinh Cứu Khổ.

A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề

阿耨多羅三藐三菩提

A: The Supreme Buddha

P: Le Bouddha Suprême.

Do phiên âm từ tiếng Phạn: ANOUT TARA SAMYAK SAMBÔDHI. Hán văn dịch là: Vô Thượng Chánh Biến Đạo, và về sau lại dịch là: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nghĩa của chữ Phạn: Anout là Vô (không) , Tara là Thượng (trên), Samyak là Chánh Đẳng (bực chơn chánh), Sambôdhi là Chánh Giác (Giác ngộ chơn chánh).

Samyak, có sách phiên âm là Tam-Miệu, Tam Miếu 三藐, hay Tam Diệu, tùy theo giọng đọc.

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Phật Tối Cao, Phật Thế Tôn, Phật Như Lai. Đây cũng là quả vị mà Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta tu thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

DLCK: Đắc duyên đắc vị, đắc *A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề* chứng quả nhập Cực Lạc Quốc,...

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

A-Tu-La

阿修羅

A: The demon.

P: Le démon.

A-Tu-La là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn: ÂSURA.

Đầu tiên, theo Kinh Vệ Đà của Đạo Bà La Môn, A-Tu-La là vị Thần linh có nhiệm vụ sáng tạo hay phá hoại khi được lệnh truyền, nhưng về sau, danh từ A-Tu-La dùng để chỉ các hạng Thần linh thuộc khối ác trược, tức là thuộc Quỷ vị.

Cho nên vua loài A-Tu-La được gọi là Quỷ vương, Ma vương, Đạo Cao Đài thường gọi là Kim Quang Sứ.

Theo Phật học, A-Tu-La là những vị Thần có nhiều pháp thuật cao cường, sống trong các cung điện lộng lẫy, nhưng tánh tình rất ngạo mạn, nóng giận, hung dữ, thích phá hại, đàn ông thì có thân hình xấu xí, đàn bà thì rất đẹp, nhưng tất cả đều có vẻ không đoan chính, khác hẳn với các vị Thần linh thuộc Chánh đạo. (Xem thêm: Kim Quang Sứ, văn K)

TNHT: Cũng như Kim Quang Sứ là *A-Tu-La*, Thánh giáo gọi là Lucifer phản nghịch, náo động Thiên cung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

A-Tỳ

阿鼻

A: The hell without interruption.

P: L'enfer sans interruption.

Tiếng Phạn là AVICHI, phiên âm ra là A-Tỳ, hay A-Tỳ, nghĩa là vô gián tức là liên tiếp, không gián đoạn.

A-Tỳ là nói tắt A-Tỳ Địa ngục, là Địa ngục Vô gián, nơi ấy tội nhân bị hành hình liên tục, không lúc nào ngừng. Đây là cảnh Địa ngục thấp nhất, đau khổ nhất trong Bát Đại Địa ngục, để trừng trị những tội hồn mà trong kiếp sanh nơi cõi trần đã phạm vào các đại tội như: Ngũ nghịch, hủy báng chánh pháp.

KSH: Phật người hung ác đọa sa A-Tỳ.

KSH: Kinh Sám Hối.

Á

Á hiến lễ

亞獻禮

A: The second offer.

P: La seconde offre.

Á: Đứng hàng thứ nhì. **Hiến:** Dâng. **Lễ:** Cách bày tỏ lòng tôn kính.

Á hiến lễ là lễ dâng phẩm vật cúng lần thứ hai.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi thức cúng tế hàng vong thường, có nghĩa là lễ dâng rượu lần thứ hai.

Lễ dâng rượu lần 1 thì lễ sĩ xướng: Sơ hiến lễ.

Lễ dâng rượu lần 2 thì lễ sĩ xướng: Á hiến lễ.

Lễ dâng rượu lần chót thì lễ sĩ xướng: Chung hiến lễ.

Á phiện

阿片

A: The opium.

P: L'opium.

Á phiện còn được gọi là a phiến, nha phiến, thuốc phiện.

Á phiện là chất nhựa lấy ra từ cây thuốc phiện (tên quốc tế là *Papaver somniferum alba*) được trồng rất nhiều ở các nước như: Thổ Nhĩ Kỳ, vùng tam giác vàng nằm giữa các nước: Miến Điện, Thái Lan, Trung Hoa và Lào. Nhựa á phiện có màu nâu vàng, dẻo như mạch nha, đốt cháy tỏa khói rất thơm. Trong nhựa á phiện có chứa nhiều hóa chất như: Morphine, Codéine, Papavérine, đặc biệt là Héroïne thường gọi là Bạch phiến, một loại ma túy rất độc hại.

Thuốc phiện có tính chất làm tê liệt thần kinh, nên được sử dụng trong y học, nhưng với liều lượng nhỏ để trị các chứng bệnh đau đớn kéo dài, lo âu sợ hãi. Nếu dùng thuốc này thường xuyên thì sanh ra ghiền thuốc, rất nguy hiểm.

Nhiều người dùng thuốc phiện thường xuyên với liều lượng lớn, không phải để trị bệnh, mà là tìm cảm giác say sưa khoái lạc lâng lâng, trở thành ghiền nặng, cơ thể dần dần suy yếu, đi lần đến tử vong. Do đó, người ta gọi á phiện là ma túy.

Các kiểu ghiền á phiện là: Hút, uống, chích. Chích Héroïne vào tĩnh mạch là kiểu nguy hại nhất.

Việc cai nghiện những người ghiền ma túy rất khó khăn, phải kết hợp nhiều biện pháp và đòi hỏi thời gian lâu dài, nhất là người ghiền phải có tinh thần phấn đấu quyết tâm từ bỏ.

Hiện nay các nước trên thế giới đều có điều luật ngăn cấm chế tạo, buôn bán và chuyển vận các loại ma túy. Ai phạm vào thì bị xử án rất nặng, có thể bị tử hình.

Do đó, Đạo Cao Đài cấm hẳn việc hút á phiện.

TL: Điều 20 Thế Luật: Không đặng buôn bán các thứ rượu mạnh và á phiện, là vật độc làm giảm chất con người.

TL: Tân Luật

ÁC

ÁC

1. **ÁC:** 惡 Hung dữ, làm hại người, nghịch đạo lý, trái với Thiện.
Td: Ác đạo, Ác hành.
2. **ÁC:** (nôm) Con quạ, chỉ mặt trời.
Td: Ác ló, Ác lòng.

ÁC đạo

惡道

A: The evil way.

P: La voie mauvaise.

ÁC: Hung dữ, làm hại người, nghịch đạo lý, trái với Thiện.
Đạo: Đường.

Ác đạo là con đường dữ.

Đó là con đường để cho những người làm điều ác độc xấu xa trong kiếp sanh, sau khi chết, phải đi đầu thai trả quả.

Theo Phật giáo, trong Lục đạo luân hồi có ba đường thiện và ba đường ác, gọi là Tam thiện đạo và Tam ác đạo.

Tam thiện đạo là: Nhơn, Thần, Tiên.

Tam ác đạo là: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Ác giả ác báo

惡者惡報

A: The evil begets evil.

P: Le mal appelle le mal.

Ác: Hung dữ, làm hại người, nghịch đạo lý, trái với Thiện.

Giả: Là, ấy là, tiếng trợ từ. **Báo:** Đáp lại.

Ác giả ác báo là làm điều ác thì bị việc ác báo đáp lại.

Đó là luật nhân quả, nhân nào quả nấy.

Ác hành

惡行

A: To make evil.

P: Faire le mal.

Ác: Hung dữ, làm hại người, nghịch đạo lý, trái với Thiện.

Hành: Làm.

Ác hành là làm ác, làm hại người khác.

CG PCT: Còn quỷ nhân là hai chơn linh kia xu hướng ác hành mà bị đọa vào quỷ vị.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Ác ló

A: The sunrise.

P: Le soleil levant.

Ác: Con quạ, chỉ mặt trời. **Ló:** Ló ra, mọc lên.

Ác lộ là mặt trời mọc.

TNHT: Non nam ác lộ ánh tan sương.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ác lòng

A: The sunrise.

P: Le soleil levant.

Ác: Con quạ, chỉ mặt trời. **Lông:** Bộc lộ ra.

Ác lòng là mặt trời lộ ra, mặt trời mới mọc.

TNHT: Ác lòng nhụt rạng tản sương moi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ác nghiệp

惡業

A: The bad karma.

P: Le mauvais karma.

Ác: Hung dữ, làm hại người, nghịch đạo lý, trái với Thiện.
Nghiệp: Những việc làm thiện hay ác trong kiếp trước tạo thành một lực vô hình, ảnh hưởng lên kiếp sống hiện tại, làm cho kiếp sống hiện tại gặp may mắn sung sướng hay rủi ro đau khổ.

Có hai thứ nghiệp: Thiện nghiệp và Ác nghiệp.

- Nếu đời trước mình làm nhiều việc phước thiện thì nó tạo nên Thiện nghiệp, nó sẽ theo ủng hộ mình, nâng đỡ mình trong cuộc sống hiện tại, làm cho mình gặp may mắn tốt đẹp.

- Nếu đời trước mình làm nhiều việc ác độc thì nó tạo nên ác nghiệp hay bất thiện nghiệp, và cái ác nghiệp ấy nó sẽ theo báo hại mình, xui khiến mình gặp họa nạn tai ương. (**Xem thêm chữ: Nghiệp, văn Ng**)

Những người nghèo đói khổ sở, đau ốm triền miên, đừng đổ thừa Trời gây ra cho mình, mà phải nghĩ rằng đó chỉ là sự báo đáp của ác nghiệp mà mình tạo ra trong đời trước.

Cho nên, trong Truyện Kiều, Nguyễn Du có viết:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Thì đừng trách lẫn Trời gần Trời xa.*

Muốn giải trừ ác nghiệp, chỉ có cách duy nhất là làm việc phước thiện, dứt khoát từ bỏ việc làm ác dù là việc ác nhỏ.

Ác nghiệt

惡孽

A: Cruel.

P: Cruel, méchant.

Ác: Hung dữ, làm hại người, nghịch đạo lý, trái với Thiện.

Nghiệt: Hung dữ, ác độc.

Ác nghiệt là rất hung dữ, rất ác độc.

KSH: Lại có kẻ hung hoang ác nghiệt,
Cướp giựt rồi chém giết mạng người.

KSH: Kinh Sám Hối.

Ác trược

惡濁

A: Evil and impure.

P: Mauvais et impur.

Ác: Hung dữ, làm hại người, nghịch đạo lý, trái với Thiện.

Trược: còn đọc là Trọc, là dơ bẩn, trái với Thanh (trong sạch).

Ác trược là chỉ những hành động hay tư tưởng ác độc, bản thủ, thường do quỷ ma xúi giục tạo ra.

Do đó, đám quỷ ma thuộc về khối Ác trược, trái với các vị Thánh Tiên thuộc khối Thiện thanh.

Khối ác trược luôn luôn phát ra những điển quang ô trược, xui khiến con người hành động gian ác, để linh hồn con người bị đọa vào quỷ vị, làm tội tở cho bọn Quỷ ma.

Khối Thiện thanh thì trái lại, luôn luôn phát ra những điển quang trong sáng, thúc đẩy con người làm điều lương thiện, để linh hồn mau tiến hóa, lên được cõi thanh cao tốt đẹp.

Hai khối Âm và Dương luôn luôn hiện hữu, cũng như Âm với Dương, tạo thành thể quân bình, thúc đẩy sự tiến hóa của Càn khôn.

ÁCH

ÁCH

ÁCH: 厄 Tai nạn khổ sở.

Td: Ách đất, Ách nước.

Ách đất

A: The calamity by tremble of earth.

P: La calamité par tremblement de terre.

Ách đất, Hán văn gọi là Địa ách, là tai nạn khốn khổ do sự biến đổi của mặt đất gây ra như: Động đất, đất sụp,...

TNHT: Ách đất rấp nhồi trường não nhiệt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ách nước

A: The flood.

P: Le déluge.

Ách nước, Hán văn gọi là Thủy ách, là tai nạn khốn khổ do nước gây ra như: Lũ lụt, sóng thần,...

TNHT: Cũng nơi Thiên tai, ách nước, nhưng rất đau lòng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

AI

AI

AI: 哀 Buồn rầu, than khóc.

Td: Ai bì, Ai chỉ, Ai chúc, Ai điều.

Ai bi

哀悲

A: **Plaintive.**

P: **Plaintif.**

AI: Buồn rầu, than khóc. **BI:** Buồn thương.

Ai bi là buồn rầu thê thảm.

KĐ8C: Nước Cam lồ rửa *ai bi* kiếp người.

KĐ8C: Kinh Đệ Bát cửu.

Ai chỉ

哀止

A: **To restrain one's tears.**

P: **Cesser de pleurer.**

AI: Buồn rầu, than khóc. **CHI:** Thôi, ngưng lại.

Ai chỉ là thôi khóc, ngưng lại việc than khóc.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi thức tang lễ.

- Khi lễ sĩ xướng "**Cử ai**" thì tang gia đồng cất tiếng khóc thương tiếc người chết. (Cử là cất lên).
- Khi lễ sĩ xướng: "**Ai chỉ**" thì tang gia thôi khóc để lo việc tế lễ người chết.

Ai chúc

哀祝

A: To recite prayers in funeral ceremonies.

P: Réciter des prières dans les funérailles.

Ai: Buồn rầu, than khóc. **Chúc:** Đọc kinh khi tế lễ.

Ai chúc là đọc kinh tế lễ người chết với giọng buồn rầu.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong tang lễ, để đồng nghi bắt đầu tụng kinh tế lễ người chết.

Như khi con qui tế cha chết thì đồng nghi tụng bài kinh: Kinh tụng cha mẹ đã qui liễu, với giọng nam ai.

Ai điệu

哀弔

A: The condolences.

P: Les condoléances.

Ai: Buồn rầu, than khóc. **Điếu:** Viếng thăm tỏ lòng thương tiếc người chết.

Ai điệu là viếng thăm nhà đang có tang, bày tỏ lòng đau buồn thương tiếc người chết, và nói lời phân ưu.

Khách đến viếng tang được gọi là Điếu khách.

Bài văn mà khách đọc lên để tỏ lòng thương tiếc người chết và phân ưu cùng tang quyến, trước khi hạ huyệt, gọi là bài Ai điệu, hay Điếu văn.

Dem phẩm vật đến viếng thăm và tế lễ người chết gọi là Phúng điệu, Điếu tế.

Ái

Ái

Ái: 愛 Thương yêu, ưa thích.

Td: Ái hà, Ái mộ, Ái tuất thương sanh.

Ái hà

愛河

A: The river of love.

P: Le fleuve de l'amour.

Ái: Thương yêu, ưa thích. **Hà:** Dòng sông.

Ái hà là dòng sông ái tình yêu lứa đôi của nam nữ.

Tình yêu giữa nam và nữ khiến con người si mê nên cứ mãi lặn hụp trong sông ái biển tình. Cho nên, ái hà cũng là sông mê biển khổ.

Trong kinh Phật có bài thi:

Thi:

Ái hà thiên xích lãng,
Khổ hải vạn trùng ba,
Dục thoát luân hồi lộ,
Cấp tảo niệm Di-Đà.

Dịch nghĩa:

Sông ái ngàn thước rộng,
Biển khổ muôn lớp sóng,
Muốn thoát đường luân hồi,
Sớm gấp niệm A-Di-Đà Phật.

Ái mộ

愛慕

A: To admire.

P: Admirer.

Ái: Thương yêu, ưa thích. **Mộ:** Mến chuộng.

Ái mộ là mến chuộng, ưa thích.

TNHT: Mượn hành tàng vô nghĩa mà làm cho vừa lòng ái mộ bất lương.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ái tuất thương sanh

愛恤蒼生

A: To have compassion on people.

P: Avoir la compassion du peuple.

Ái: Thương yêu, ưa thích. **Tuất:** Cứu giúp. **Thương:** Màu xanh. **Sanh:** Sống.

Ái tuất là thương xót cứu giúp.

Thương sanh là đồng đảo dân chúng trong giới bình dân.

Ái tuất thương sanh là thương xót và cứu giúp dân chúng.

TĐ ĐHP: Muốn bảo thủ cái sống tồn tại, đạo giáo lập ra cái thuyết “*Ái tuất thương sanh*” làm căn bản.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

ÁI

Ái quan

隘關

A: The frontier pass.

P: La porte de frontière.

Ái: Ngăn trở, chẹn lại. **Quan:** Cửa thông vào một nước.

Ái quan là cái cửa tại biên giới đi thông vào nội địa của một nước.

Nơi đây có lính canh gác và kiểm soát người qua lại.

KĐ5C: Cối Xích Thiên vội mở *ái quan*.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửa.

ÁM

Ám muội

暗昧

A: Obscure. P: Ténébreux.

Ám: Thầm lén. **Muội:** Tối tăm.

Ám muội là tối tăm lén lút, trái nghĩa với minh bạch.

TNHT: *Ám muội* thì nhiều, mưu trí ít.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

AN

AN

AN: 安 Yên ổn, yên lành.

Td: An bang tế thế, An bản lạc đạo.

An bang tế thế

安邦濟世

A: To pacify the country and to aid the world.

P: Pacifier le pays et aider le monde.

An: Yên ổn, yên lành. **Bang:** Một nước. **Tế:** Cứu giúp.
Thế: Đòi.

An bang tế thế là làm cho nước nhà được yên ổn và cứu giúp người đòi.

Thi của Bát Nương:

Hễ gặp người *an bang tế thế*,
 Quì mà nghênh, lạy lễ trọng người.
 Cởi thân ra mảnh áo tôi,
 Che mưa đỡ nắng cho đời nguy nan.

An bản lạc đạo

安貧樂道

A: To be content with one's poverty and happy in virtue.

P: Se contenter de sa pauvreté et être heureux dans la vertu.

An: Yên ổn, yên lành. **Bản:** Nghèo. **Lạc:** Vui. **Đạo:** Đạo đức.

An bản lạc đạo là sống yên ổn trong cảnh nghèo nàn nhưng vui vẻ trong đường đạo đức.

An linh

安靈

A: Calm and miraculous.

P: Calme et miraculeux.

An: Yên ổn, yên lành. **Linh:** Huyền diệu thiêng liêng.

An linh là yên ổn nhưng huyền diệu thiêng liêng.

GTK: Rộng quyền máy nhiệm *an linh* cứu đời.

GTK: Giới Tâm Kinh.

An ngự

安御

A: To throne in peace.

P: Trôner en paix.

An: Yên ổn, yên lành. **Ngự:** Ngồi lên ngôi một cách trang trọng.

An ngự là yên ổn ngồi lên ngôi một cách trang trọng.

KĐLC: Chơn linh *an ngự* cho vừa quả duyên.

KĐLC: Kinh Đưa Linh Cửu.

An tâm tỉnh trí

安心醒智

A: Having a tranquil and awaked mind.

P: Ayant le coeur tranquille et réveillé.

An: Yên ổn, yên lành. **Tâm:** Lòng. **Tỉnh:** Thức tỉnh, không mê. **Trí:** Sự khôn ngoan hiểu biết của con người.

An tâm tỉnh trí là cái tâm được yên ổn (không lo lắng sợ hãi) và trí não tỉnh táo sáng suốt.

TNHT: Muốn *an tâm tỉnh trí* và đề nén lửa lòng, cần phải có một nghị lực vô biên, một tâm trung quảng đại,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

An tịnh

安靜

A: Tranquil and pur.

P: Tranquille et pur.

An: Yên ổn, yên lành. **Tịnh:** Trong sạch.

An tịnh là yên ổn và trong sạch.

TL: (Tịnh Thất) Phải giữ cho Chơn thần *an tịnh*, đừng xao xuyến lương tâm.

TL: Tân Luật

An vị

安位

A: To be in place.

P: Mettre en place.

An: Yên ổn, yên lành. **Vị:** Vị trí, ngôi vị.

An vị là ngồi an ổn trên ngôi vị.

TNHT: Nên biết trách nhiệm rất nặng nề, nếu chẳng kham thì con đường thiêng liêng kia đâu *an vị* được.

Lễ An Vị: Nói đầy đủ là "Lễ An Vị Thánh Tượng Thiên Nhân" tại Thánh Thất. Khi sửa chữa Thánh Thất hay khi xây cất Thánh Thất mới trên nền cũ, cần phải dời Thánh Tượng Thiên Nhân sang nơi khác để thờ tạm. Khi nội tâm Thánh Thất vừa xây cất xong thì Chúc sắc và bỗn đạo địa phương tổ chức

Lễ An Vị Thánh Tượng Thiên Nhân nơi Thánh Thất mới một cách trọng thể, để cho sự thờ phượng được trang nghiêm và có nơi lễ bái cho bỗn đạo, có mời Hội Thánh đến chứng lễ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ÁN

Án Tam Tài

按三才

A: The disposition of three essential elements of universe.

P: La disposition des trois éléments essentiels de l'univers.

Án: đứng hàng ngang. **Tam tài:** 3 ngôi: Thiên, Địa, Nhơn.

Án Tam tài là 3 ngôi Thiên, Địa, Nhơn, đứng hàng ngang.

Khi cúng Đức Chí Tôn, chúng ta phải đốt 5 cây nhang cắm vào lư hương: Hàng trong 3 cây gọi là án Tam tài, hàng ngoài 2 cây nữa, tổng cộng là 5 cây nhang tượng Ngũ Khí.

Cắm cây nhang thứ 1 ngay giữa tượng trưng Thiên, cắm cây nhang thứ 2 phía đĩa trái cây tượng trưng Địa, cắm cây nhang thứ 3 phía bình bông tượng trưng Nhơn. Cắm 3 cây nhang đứng hàng ngang tượng trưng Thiên. Địa, Nhơn như vậy gọi là: Án Tam Tài. (Xem tiếp: **Năm cây nhang, văn N**)

Án tiết

案節

Án: kết quả phân xử của một vụ kiện. **Tiết:** chi tiết.

Án tiết là các chi tiết của một vụ án.

CG PCT: Tiếp Đạo là người tiếp cáo trạng, *án tiết* thì phải quan sát trước coi có oan khức chi chằng....

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

ÁNG

Áng văn tuyệt bút

A: An excellent piece of literary work.

P: Une pièce excellente de littérature.

Áng: Từ dùng để chỉ một vật có vẻ đẹp trang nhã. **Áng văn** là một bài văn hay, một đoạn văn hay hoặc một tác phẩm văn chương hay. **Tuyệt bút:** Viết rất hay, tuyệt diệu.

Phần Chú Giải trong Pháp Chánh Truyền do Đức Phạm Hộ Pháp viết ra, có dâng lên Đức Lý Giáo Tông cầu xin chính lại thì có nhiều đoạn văn được Đức Lý Giáo Tông khen rằng: "Hay ! Áng văn tuyệt bút ! Lão khen đả."

ANH

ANH

1. **ANH:** 嬰 Đưa trẻ mới lọt lòng mẹ, đưa bé con.
Td: Anh hài, Anh nhi.
2. **ANH:** 英 Đẹp nhất, quý nhất, tài giỏi hơn người.
Td: Anh hào, Anh tuấn.
3. **ANH:** 瑛 Trong sáng như ngọc.
Td: Anh lạc.

Anh hài

嬰孩

A: A new born child.

P: Le nouveau né.

Anh: Đưa trẻ mới lọt lòng mẹ, đưa bé con. **Hài:** Bé con.

Anh hài là đưa bé sơ sinh.

TĐ ĐHP: Chúng ta buổi mới sanh ra còn *anh hài* không đủ trí thức xét đoán.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Anh hào

英豪

A: The hero.

P: Le héros.

Anh: Đẹp nhất, quý nhất, tài giỏi hơn người. **Hào:** Người tài trí hơn người.

Anh hào là người tài giỏi xuất chúng, có những thành tích vẻ vang hiển hách. Thường nói: Anh hùng hào kiệt.

KTKVQL: Để thương cho mặt *anh hào* đeo mang.

(Trong câu này, *anh hào* là chỉ người chồng).

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Anh lạc

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Anh lạc

瑛珞

A: A string of pearls.

P: Un collier des perles.

Anh: Loại đá quý đẹp như ngọc. **Lạc:** Một loại ngọc.

Anh lạc, tiếng Phạn là Chi-do-la, là xâu chuỗi ngọc, dùng đeo vào cổ làm trang sức.

Ở Ấn Độ thời xưa, những nhà giàu, chẳng kể nam nữ đều đeo chuỗi anh lạc.

Ở cõi Thiên, chư Bồ Tát và Nữ Tiên cũng thường đeo chuỗi anh lạc.

* Trường hợp 2: Anh lạc

瑛樂

A: Clear and joyful.

P: Clair et joyeux.

Anh: Trong sáng như ngọc. **Lạc:** Vui vẻ, an vui.

Anh lạc là trong sáng an vui.

KCK: Tự ngôn Quan Thế Âm, *anh lạc* bắt tu giải,....

(Nghĩa là: Lời nói của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, tự nó trong sáng an vui, không cần giải thích thêm,...)

KCK: Kinh Cửu Khổ.

Anh linh

英靈

A: Miraculous, the soul.

P: Miraculeux, l'âme.

Anh: Đẹp nhất, quý nhất, tài giỏi hơn người. **Linh:** Linh hồn, thiêng liêng.

1. *Anh linh là cao quý thiêng liêng.*

KĐ1C: Phách *anh linh* ắt phải anh linh.

2. *Anh linh là linh hồn tốt đẹp.*

Bài Thài hiến lễ hàng Thánh: Đầu vọng bái *anh linh* chứng hưởng.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cửu.

Anh nhi

嬰兒

A: Little child.

P: Petit enfant.

Anh: Đứa trẻ mới lọt lòng mẹ, đứa bé con. **Nhi:** Con, con nói với cha mẹ xưng là nhi.

Anh nhi là con trẻ.

Toàn cả nhơn loại đều là con trẻ của Đức Phật Mẫu.

PMCK: Độ *anh nhi* Nam, Bắc, Đông, Tây.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Anh phong

英風

A: The noble appearance.

P: Une apparence noble.

Anh: Đẹp nhất, quý nhất, tài giỏi hơn người. **Phong:** Dáng dấp bên ngoài.

Anh phong là dáng dấp cao quý.

TNHT: Khá trông cậy chí cao thượng *anh phong* mà nhìn sự đau đớn, chính mình Thầy đây không tránh khỏi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Anh tuấn

英俊

A: Eminent.

P: Éminent.

Anh: Đẹp nhất, quý nhất, tài giỏi hơn người. **Tuấn:** Tài trí hơn người.

Anh tuấn là người tài giỏi xuất chúng.

TNHT: Trường đời đem thử gan *anh tuấn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ÁNH

ÁNH

ÁNH: 映 Ánh sáng, chiếu sáng.

Td: Ánh Chí linh, Ánh Xá lợi.

Ánh Chí Linh

映至靈

A: The light of God.

P: La lumière de Dieu.

Ánh: Ánh sáng, chiếu sáng. **Chí:** Rất, cùng cực. **Linh:** Thiêng liêng.

Chí Linh là vô cùng thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn.

Ánh Chí Linh là ánh sáng của Đức Chí Tôn.

KNH: Để tâm dưới ánh Chí Linh.

KNH : Kinh Nhập Hội.

Ánh Hồng Quân

映洪鈞

Ánh: Ánh sáng, chiếu sáng. **Hồng:** To lớn. **Quân:** Cái bàn xoay để nặn đồ gốm. Hồng Quân là chỉ Đấng Hóa công, vì Đấng ấy giống như người thợ nặn đồ gốm, dùng cái bàn xoay vĩ đại, sản xuất vạn vật trong CKVT.

Ánh Hồng Quân là ánh sáng của Đấng Thượng Đế.

KĐ1C: Ánh Hồng Quân đương chói Ngọc lầu.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cửu.

Ánh nhiệm mầu

A: The mysterious light.

P: La lumière mystérieuse.

Ánh: Ánh sáng, chiếu sáng. **Nhiệm:** Sâu kín. **Mầu:** Huyền diệu.

Ánh nhiệm mầu là ánh sáng huyền diệu, ý nói ánh sáng đạo đức dẫn dắt con người vào đường tu hành, giải thoát khỏi luân hồi.

TTCĐDTKM:

Nhờ người gọi ánh nhiệm mầu huyền vi.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.

Ánh Thái dương

映太陽

A: The light of the sun.

P: La lumière du soleil.

Ánh: Ánh sáng, chiếu sáng. **Thái dương:** Mặt trời.

Ánh Thái dương là ánh sáng của mặt trời.

Ánh sáng này khởi chiếu từ phương Đông để phá tan màn đêm đen tối đang bao phủ địa cầu, để vạn vật thức tỉnh, bừng lên sự sống.

Ánh Thái dương là chỉ nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn mở ra ở phương Đông để cứu vớt nhơn loại trong thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp.

KK: *Ánh Thái dương* giọi trước phương Đông.

KK: Khai Kinh.

Ánh Xá lợi

映舍利

A: The aureola of Buddha.

P: L'aurole de Bouddha.

Ánh: Ánh sáng, chiếu sáng. **Xá lợi:** Phiền âm từ tiếng Phạn: Sarira. Trong phép luyện đạo, Xá lợi là chỉ Chơn thần của người đắc đạo.

Ánh Xá lợi là ánh hào quang phát ra từ Chơn thần của Đức Phật.

BXTCĐPTTT: *Ánh Xá lợi* sáng ngời Cực Lạc.

BXTCĐPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

AO

Ao Thất bửu

七寶池

A: The pond of seven precious things.

P: L'étang en sept objets précieux.

Thất bửu (Thất bảo) là bảy thứ quý báu.

Theo Phật giáo, Thất bảo gồm: Vàng, Bạc, Ngọc Lưu ly, Ngọc Xa cừ, Ngọc Mã não, Ngọc San hô, Ngọc Hổ phách.

Các thứ ấy quý báu là vì: Màu sắc tốt đẹp không phai theo thời gian, thể chất không lem ố, dùng làm đồ trang sức rất đẹp, rất ít có trong thế gian nên được nhiều người ham trọng, bán ra rất cao giá.

Ao Thất bửu (Hán văn gọi là Thất bảo trì) là cái Ao nơi cõi CLTG, được xây và trang trí bằng bảy thứ quý báu, tốt đẹp lạ thường, kể ra:

- Cát dưới ao bằng vàng.
- Các bậc thang bốn phía ao bằng vàng, bạc, lưu ly.
- Giữa ao có những đóa hoa sen tỏa hào quang đủ màu đẹp mắt và tỏa mùi thơm ngào ngạt.
- Quanh ao là những lầu đài trang trí bằng các thứ san hô, mã não, hổ phách, xa cừ, vàng, bạc.

Trong Ao Thất bửu chứa một thứ nước rất quý, nước này có đủ 8 công đức, gọi là Bát công đức thủy. Người được ân huệ tắm trong Ao Thất bửu thì trí não được khai thông, chơn thần được trong sáng.

Tám công đức của nước trong Ao Thất bửu là:

1. Trừng tịnh (Lắng sạch).
2. Thanh lãnh (Trong mát).
3. Cam mỹ (Ngọt ngon).
4. Khinh nhuyển (Nhẹ dịu).
5. Nhuận trạch (Nhuần trơn)

6. An hòa.
7. Uống vào thì hết đói khát, hết lo âu.
8. Uống vào thì bỏ khỏe các căn của xác thân.

KTTg: Ao Thất bửu gọi mình sạch tục.

Nơi Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh, vào khoảng cuối năm 1951, Đức Phạm Hộ Pháp có cho xây dựng nơi đầu cầu Đoạn Trần kiều, kế Trí Huệ Cung, một cái Ao, được đặt tên là Ao Thất bửu, làm Thẻ pháp tượng trưng Bí pháp. Người tu phải vào tắm nơi Ao Thất bửu để gội sạch bợn trần, rồi đi qua Đoạn Trần kiều để đoạn tuyệt với cõi trần, không trở lại nữa, rồi nhập vào Trí Huệ Cung, tu hành cho đạt được trí huệ thì đắc đạo.

Đến năm 1998, Ao Thất bửu bị hư hỏng rất nhiều, nên ngày 8-4-Mậu Dần (dl 3-5-1998), Ban Tu Sửa được thành lập và khởi công tái thiết toàn bộ Ao Thất bửu, được bỏn đạo khắp nơi tích cực ủng hộ, nên chỉ trong 4 tháng thi công thì hoàn thành, làm lễ Khánh thành ngày 14-7-Mậu Dần (dl 7-9-1998).

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

KTTg: Kinh Tiểu Tường.

ÁO

Áo não

懊惱

A: Melancholic.

P: Mélancolique.

Áo: Bực bội. **Não:** Phiền muộn.

Áo não là bực bội và phiền muộn.

TNHT: Hội Thánh là vậy các con há? *Áo não!* Thảm thay!

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĂN

Ăn chay - Ăn tương - Ăn lạt:

A: To follow a vegetarian diet.

P: Suivre le régime végétarien.

I. Định nghĩa

II. Ăn chay hợp với luật Thiên nhiên

1. Cấu tạo cơ thể con người
2. Đạm thảo mộc dễ tiêu hóa hơn đạm thú cầm
3. Các loại đậu bổ dưỡng hơn cá thịt

III. Ăn chay đối với tín đồ Cao Đài

IV. Ăn chay kỳ (Trai kỳ)

1. Ăn chay mỗi tháng 6 ngày gọi là Ngũơn Thủy Lục trai
2. Ăn chay mỗi tháng 10 ngày gọi là Chuẩn Đề Thập trai

V. Ăn Chay trường (Trường trai)

- Vấn đề: Ngũ vị tân và tràu thuốc

VI. Ăn chay đối với các tôn giáo khác

VII. Mục đích và ích lợi của ăn chay

1. Ăn chay thì giữ được Ngũ Giới Cấm dể dàng
2. Ăn chay để thanh lọc bản thể, tinh khiết chơn thần
3. Ăn chay là luyện tập Bi, Trí, Dũng
4. Ăn chay là để tránh quả báo luân hồi
5. Ăn chay để kèm chế Lục dục Thất tình

VIII. Giải đáp một số câu hỏi về ăn chay

1. Ăn tôm, cua, sò, ốc được kể là ăn chay không?
2. Ăn chay có được dùng bơ, sữa, hột gà không?
3. Ăn chay trường có thành Tiên, Phật không?
4. Ăn chay thì thanh, ăn mặn thì trược, tại sao?
5. Thảo mộc có mạng sống, nên ăn chay

- cũng sát sanh, thì hơn ăn mặn chỗ nào?
6. Thánh Nhơn nói rằng: VẬT DƯỞNG NHƠN. Vậy ăn mặn là hợp lý, phải không?
 7. Có nên làm món ăn chay giả hình món mặn không?
 8. Ăn chay có được phép ăn bù vào ngày khác không?
 9. Nhiều người ăn chay mà lời nói còn hung dữ quá! Hành động còn thâm độc quá! Tôi không cần ăn chay, miễn tôi làm lành làm phước là đủ rồi
 10. Ăn chay thì lòng phải chay là sao?

I. Định nghĩa:

Ăn chay, do chữ Hán là Trai, người Nam nói là Chay, Trai có nghĩa là thanh tịnh, sạch sẽ.

Ăn chay là ăn các loại thực phẩm phát xuất từ thảo mộc hay được chế biến từ thảo mộc. Thí dụ như: Rau cải, hoa quả, ngũ cốc, các loại đậu, tàu hủ, tương chao,....

Người ăn chay thường dùng nước chấm là nước tương, được làm bằng đậu nành hay xác đậu phộng. Do đó, người bình dân gọi ăn chay là ĂN TƯƠNG.

Ăn chay còn được gọi là ĂN LẠT. Ăn lạt không có nghĩa là ăn những món ăn lạt lẽo, mà nói như vậy để đối nghĩa với ĂN MẶN.

Ăn mặn không có nghĩa là ăn những món ăn được nêm muối cho mặn, mà là ăn các loại thực phẩm xuất phát từ động vật hay được chế biến từ thịt động vật. Thí dụ như: Cá, thịt, tôm, cua, sò, ốc, ba-tê, lạc xướng,....

Vậy, ăn chay, ăn tương hay ăn lạt đều đồng nghĩa.

II. Ăn chay hợp với luật Thiên nhiên.

1. Cấu tạo cơ thể con người:

Muốn biết cơ thể của con người thích hợp với việc ăn chay hay ăn mặn, chúng ta nghiên cứu các loài vật ăn thịt sống

như: Mèo, cọp, cá sấu, và loài vật ăn thảo mộc như: Trâu, bò, ngựa, dê, khỉ,... rồi từ đó chúng ta suy gẫm ra con người, vì con người chỉ là loài tiến hóa cao cấp hơn thú cầm.

- Loài vật ăn thịt thì phải có móng vuốt bén nhọn để vồ mồi, xé thịt, hàm răng cũng bén nhọn chom chồm.
- Loài vật ăn thảo mộc thì không có móng vuốt, không có hàm răng bén nhọn.

Như vậy, xét về mặt cấu tạo cơ thể của con người, chúng ta nhận thấy con người thích hợp với việc ăn thảo mộc và ngũ cốc hơn là ăn thịt loài động vật.

Mặt khác, xét về lịch sử tiến hóa của con người, con người xuất hiện sau thảo mộc và thú cầm, người nguyên thủy sống nhờ hái lượm, tức là nhờ ăn trái cây và ngũ cốc. Việc săn bắn thú vật lấy thịt làm thức ăn chỉ xảy ra sau này.

Do đó, con người ăn thảo mộc và ngũ cốc để nuôi sống cơ thể là hợp với luật Thiên nhiên.

2. Đạm thảo mộc dễ tiêu hóa hơn đạm thú cầm:

Các nhà dưỡng sinh học nhận thấy rằng, chất đạm trong thịt thú vật khó tiêu hóa trong bao tử con người và lại mang nhiều chất độc hơn đạm thảo mộc rất nhiều. Người ăn thịt thú vật thường cảm thấy nặng bụng khó tiêu khi ăn no, và khi lớn tuổi thường bị xơ cứng động mạch, hay tắt nghẽn động mạch.

Trái lại, người ăn chay, ăn ngũ cốc và rau cải, dễ tiêu hóa hơn, động mạch dẻo dai hơn, thường cảm thấy khỏe khoắn trong người.

3. Các loại đậu bổ dưỡng hơn cá thịt:

Viện Vệ Sinh Dịch Tễ Học Việt Nam đưa ra Bảng Phân tích thành phần hóa học của 100 gram thức ăn mỗi loại.

Xin trích ra sau đây một số thức ăn thường dùng để so sánh sự bổ dưỡng (tính bằng Calorie) giữa các thức ăn chay và mặn, tức là so sánh số năng lượng Calorie mà nó cung cấp cho cơ thể của chúng ta. (Bảng này trích trong sách: *Phương pháp Dưỡng Sinh của Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng*)

| TT | Thực phẩm | Đạm (Protit) | Chất béo (Lipit) | Bột đường (Glucit) | Calorie cho 100g |
|----|--------------------------|-----------------|---------------------|--------------------------|---------------------|
| 5 | Khoai lang | 0,8 | 0,2 | 28,5 | 122 |
| 6 | Khoai tây | 2 | | 21 | 94 |
| 7 | Củ cải | 3,1 | | 28,5 | 130 |
| 8 | Đậu đen | 24,2 | 1,7 | 53,3 | 334 |
| 9 | Đậu trắng | 23,2 | 2,1 | 53,8 | 335 |
| 10 | Đậu nành | 34 | 18,4 | 24,6 | 411 |
| 11 | Đậu xanh | 23,4 | 2,4 | 53,1 | 336 |
| 13 | Đậu phộng | 27,5 | 44,5 | 15,5 | 590 |
| 14 | Mè | 20,1 | 46,4 | 17,6 | 586 |
| 15 | Tàu hũ | 10,9 | 5,4 | 0,7 | 98 |
| 31 | Thịt bò | 21 | 3,8 | | 121 |
| 32 | Thịt heo nỡ nạc mỡ | 16,5 | 21,5 | | 268 |
| 33 | Thịt gà | 22,4 | 7,5 | | 162 |
| 34 | Cá lóc | 18,2 | 2,7 | | 100 |
| 35 | Trứng gà | 14,8 | 11,6 | 0,05 | 171 |
| 37 | Sữa bò tươi | 3,9 | 4,4 | 4,8 | 77 |

Thức ăn nào cung cấp cho cơ thể nhiều năng lượng (Calorie) thì được xem là thức ăn bổ dưỡng.

Theo Bảng Phân tích trên, so sánh giữa Đậu nành và Thịt bò, chúng ta thấy:

- 100 g Đậu nành sản xuất 411 cal.
- 100 g Thịt bò sản xuất 121 cal.

Vậy Đậu nành bổ dưỡng hơn Thịt bò gấp 3,4 lần.

Nếu so sánh Đậu phộng với Thịt bò, Đậu phộng bổ dưỡng hơn Thịt bò gấp 4,8 lần.

Do đó trong “**Vệ Sinh Yếu Quyết**”, Hải Thượng Lãn Ông có lời khuyên về sự ăn uống như sau:

Vệ sinh ăn uống trước tiên,
Khuyến ăn thanh đạm, khuyến kiêng đậm nong.
Ngũ tân dùng phải có chừng,
Ăn nhiều tán Khí, biết phòng mới hay.
Các mùi mặn, đắng, chua, cay,
Ăn nhiều sanh bệnh, chẳng sai đâu mà.
Ngọt nhiều cũng chẳng ích gì,

Tỳ chen, thận yếu, xương tê, tóc cần.
 Cao lương tích trệ sanh ung,
 Thịt thà sinh béo, sinh đờm sinh giun.
 Muốn cho ngũ tạng được yên,
 Bớt ăn mấy miếng, nhịn thêm hơn đau.
 Ngô khoai, rau cháo hằng ngày,
 Ấy mà khỏe mạnh hơn người cao lương.

CHÚ THÍCH:

Ăn thanh đạm: Ăn chay. **Ngũ tân:** 5 thứ cay là: Hành, hẹ, tỏi, kiệu, nén. **Cao lương:** Những món ăn ngon như thịt, cá.

Nhà Nữ Bác học White nước Anh nói rằng:

"Các thứ hạt, các thứ trái cây, đậu và rau cải là những thức ăn mà thiên nhiên đã dành để nuôi sống chúng ta. Các thức ăn ấy nấu nướng một cách giản dị thì rất hợp vệ sinh và rất bổ, nó làm cho thân thể trắng kiện, tinh thần sáng suốt và tránh được nhiều bệnh tật."

III. Ăn chay đối với tín đồ Cao Đài.

Về việc ăn chay, Đức Chí Tôn giảng dạy như sau:

TNHT: "*Chư môn đệ phải trai giới, vì tại sao?*"

Chẳng phải Thầy buộc các con theo Cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên, Phật đặng."

Do đó, tín đồ mới nhập môn vào Đạo Cao Đài chưa quen ăn chay, thì Tân Luật chỉ buộc ăn chay mỗi tháng 6 ngày.

Ăn mỗi tháng 6 ngày như vậy, trải qua 6 tháng thì quen rồi, người tín đồ cần phải tiến lên một nấc cao hơn là ăn chay mỗi tháng 10 ngày.

Tân Luật của Đạo Cao Đài qui định như sau:

- **Điều thứ 12:** Nhập môn rồi gọi là tín đồ.

Trong hàng tín đồ có hai bậc:

1. Một bậc còn ở thế, có vợ có chồng, làm ăn như người thường, song buộc phải giữ Trai kỳ, hoặc 6 hoặc 10 ngày trong tháng, phải giữ Ngũ Giới Cấm và phải tuân theo Thế Luật của Đại Đạo truyền bá. Bậc này được gọi là người giữ Đạo mà thôi, vào phẩm Hạ Thừa.

2. Một bực đã giữ Trường trai, Giới sát, và Tứ Đại Điều Qui, gọi là vào phẩm Thượng Thừa.

- **Điều thứ 13:** Trong hàng Hạ Thừa, ai giữ Trai kỳ từ 10 ngày sắp lên, được thọ truyền Bửu pháp, vào Tịnh Thất có người chỉ luyện đạo.

Khi người tín đồ giữ được 10 ngày chay quen rồi, nên tiến lên một nấc nữa là ăn chay suốt trong 3 tháng âm lịch đặc biệt: Tháng giêng (Thượng nguơn), Tháng bảy (Trung nguơn), Tháng mười (Hạ nguơn). Ăn chay được như vậy thì tính ra trong một năm, ăn chay được 180 ngày, tức là ăn chay được nửa năm.

Sau đó cần tiến lên bực Thượng Thừa, ăn chay trường luôn thì rất tốt.

Do đó trong nghi thức tang lễ của các tín đồ ăn chay 6 ngày và ăn chay 10 ngày có khác nhau nhiều điểm:

Theo sách Quan Hôn Tang Lễ do Hội Thánh ban hành năm 1976:

a) Tang lễ của Chức việc, Đạo hữu giữ thập trai trở lên:

Các Chức việc và Đạo hữu, nếu giữ được 10 ngày chay trở lên hoặc trường chay thì được thọ truyền bửu pháp nên được:

- Làm Phép Xác và Phép Đoạn căn.
- Làm lễ Tế điện theo nghi cúng vong thường.
- Làm Tuần cứu, Tiểu Tường và Đại Tường, bài thài theo hàng vong thường.
- Động chuông tại Đền Thánh hoặc Thánh Thất: người chết là Nam thì đồng 7 tiếng, Nữ thì đồng 9 tiếng.
- Cầu Siêu: Tụng bài Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái), tụng xen bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi), tụng 3 lần, xong niệm Câu Chú của Thầy 3 lần. Kế tiếp tụng Di Lạc Chơn Kinh.

b) Tang lễ của chư Đạo hữu Nam Nữ giữ lục trai:

Những vị này không được thọ truyền bửu pháp, nên:

- Không được làm Phép Xác và Phép Đoạn căn.

- Không được làm Tuần cửu, Tiểu Tường và Đại Tường. Khi tới ngày này, thân nhân của người qui liễu đến Thánh Thất sở tại xin hành lễ cầu siêu.
- Không được động chuông cảnh cáo tại Đền Thánh hay tại Thánh Thất.
- Cầu Siêu: Chỉ tụng bài Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái) và tụng Kinh Di Lạc thôi. Không được tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cối). Tụng Kinh Cầu Siêu 3 lần, dứt niệm Câu Chú của Thầy 3 lần.
- Được làm lễ Tế điện theo nghi cúng vong thường.

IV. Ăn chay kỳ (Trai kỳ):

Ăn chay kỳ là chỉ ăn chay một số ngày nhất định trong mỗi tháng âm lịch, còn những ngày khác thì ăn mặn.

Có hai trường hợp ăn chay kỳ:

- Ăn chay mỗi tháng 6 ngày, gọi là Lục trai.
- Ăn chay mỗi tháng 10 ngày, gọi là Thập trai.

1. Ăn chay mỗi tháng 6 ngày gọi là Ngươn Thủy Lục trai:

Có lẽ đây là luật ăn chay do Đức Ngươn Thủy Thiên Tôn đặt ra cho Đạo Tiên. Sáu ngày ăn chay này qui định theo âm lịch là: Mùng 1, mùng 8, ngày 14, 15, 23, và 30.

Tháng nào thiếu (không có ngày 30) thì ăn chay ngày 29 thế vào cho đủ số 6 ngày chay.

2. Ăn chay mỗi tháng 10 ngày gọi là Chuẩn Đề Thập trai:

Có lẽ do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát đặt ra cho Phật giáo.

Mười ngày ăn chay này qui định theo âm lịch là: Mùng 1, mùng 8, ngày 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30.

Tháng nào thiếu (không có ngày 30) thì ăn chay ngày 27 thế vào cho đủ số 10 ngày chay.

Theo Phật giáo, mỗi ngày chay trong tháng đều có một vị Phật hay Bồ Tát vân du đến cõi Ta bà này để kết duyên lành với chúng sanh. Nếu những ngày này, người ăn chay lễ bái

cầu nguyện với vị Phật ấy thì sẽ được ban ơn lành và sức hộ trì.

- Mừng 1: Nhiên Đăng Cổ Phật.
- Mừng 8: Dược Sư Lưu Ly Quang Phật.
- Ngày 14: Phổ Hiền Bồ Tát.
- Ngày 15: A-Di-Đà Phật.
- Ngày 18: Quan Thế Âm Bồ Tát.
- Ngày 23: Đại Thế Chí Bồ Tát.
- Ngày 24: Địa Tạng Vương Bồ Tát.
- Ngày 28: Đại Nhật Phật.
- Ngày 29: Dược Vương Bồ Tát.
- Ngày 30: Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngoài những ngày ăn chay kỳ kể trên, tín đồ Cao Đài được phép ăn mặn, nhưng phải tránh trực tiếp giết hại con vật để lấy thịt (Cấm sát sanh), chỉ nên ra chợ mua các loại thịt cá đã làm sẵn, đem về nấu ăn mà thôi. Các thứ thịt mua ở chợ đó, Phật giáo gọi là thịt trong sạch (thanh tịnh nhục).

Theo Phật giáo Tiểu Thừa, có 5 thứ thịt thanh tịnh được phép ăn, gọi là Ngũ Tịnh nhục, kể ra:

1. Thịt ăn mà không thấy người giết con vật.
2. Thịt ăn mà không nghe tiếng kêu la của con vật.
3. Thịt ăn mà không nghi người ta giết cho mình ăn thịt.
4. Thịt con thú tự chết.
5. Thịt con thú khác ăn còn dư.

V. Ăn Chay trường (Trường trai):

Trường trai là ăn chay trường, tức là ăn chay hoài từ ngày này sang ngày khác.

Bực tu Hạ Thừa ăn chay kỳ, bực tu Thượng Thừa thì ăn chay trường. Đức Chí Tôn có dạy như sau:

"Vi vậy, Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo. Nếu như các con còn ăn mặn, luyện đạo rui có ấn chứng thì làm sao giải tán cho được." (TNHT)

Trong Kinh Phật, có một đoạn Đức Phật Thích Ca nói về việc ăn chay trường như sau:

"Khi còn tại thế, một hôm Ông A-Nan hỏi Phật:

- Bạch Phật, tại sao trước kia Phật cho các đệ tử ăn Ngũ tịnh nhục, mà nay Ngài lại cấm ăn thịt cá?

Phật trả lời Ông A-Nan:

- Vì trình độ của các ông trong buổi sơ cơ còn thấp kém (Tiểu Thừa) chưa thể lãnh thọ giáo pháp Đại Thừa, thực hành đúng lý đặng, nên khi Ta nói pháp Tiểu Thừa, phương tiện cho các ông tạm dùng Ngũ tịnh nhục. Đến nay, trình độ của các ông đã cao, lãnh thọ được giáo pháp Đại Thừa, nên Ta cấm tuyệt ăn thịt cá. Nếu còn ăn các thứ ấy thì còn phạm giới sát sanh, nếu không trực tiếp sát thì cũng gián tiếp sát, làm mất hạt giống từ bi, không thể nào tu hành thành Phật được."

Vấn đề: Ngũ vị tân và trầu thuốc.

Ngũ vị tân, còn gọi là Ngũ huân, là 5 thứ có mùi cay, nồng và hôi, kể ra: Hành, hẹ, tỏi, kiệu, nén. (Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn).

Người tu bậc Thượng Thừa ăn chay trường có cử ăn Ngũ vị tân và cử trầu thuốc không?

Để giải đáp vấn đề này, chúng ta chia bậc Thượng thừa ra làm hai nhóm:

1. Nhóm tu Thượng Thừa còn giữ nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh:

Nhóm này còn hoạt động gần gũi nhơn sanh, đi đứng nhiều, giao tiếp nhiều, nên Luật Đạo không bắt buộc cử Ngũ vị tân và cử ăn trầu hút thuốc. Tuy nhiên, nên cử Ngũ vị tân vì nó làm con người thêm nóng nảy, và cử trầu thuốc vì nó làm phiền toái và hại sức khỏe. Đã là Chức sắc của Hội Thánh thì nên kiêng cử các thứ kể trên để làm gương tốt cho nhơn sanh.

2. Nhóm tu Thượng Thừa vào Tịnh Thất luyện đạo:

Nhóm này sống và làm việc theo giới luật chặt chẽ của Tịnh Thất. Trong Tân Luật, phần Tịnh Thất, Điều thứ 6 có ghi:

"Nhập Tịnh Thất rồi phải tuyệt trâu thuốc và không được ăn vật chi ngoài mấy bữa cơm."

"Phải cử Ngũ huân (Ngũ vị tân). Lại tu cũng cần phải cử kiêng vật thực hằng ngày cho chính mới nên. Đã biết ăn cho ngon miệng mới nuôi được thân phàm, song nuôi thân này cho béo mà hại đến linh hồn thì sao?"

Bởi vậy, như loại Ngũ huân là loại ăn vô có thể làm cho yếu ớt linh hồn thì lẽ nào không cử?"

Cử trâu thuốc:

Thậm chí những vật tầm thường như: thuốc, trâu, mà không bỏ tất cũng có hại cho Kim đơn đó." (ĐTCG)

Như vậy, trong Phép luyện đạo, ngoài việc ăn chay trường, còn cần phải cử tuyệt Ngũ vị tân và trâu, thuốc, vì các thứ ấy sanh ra các chất độc, lưu trữ trong Ngũ tạng Lục phủ nên khó cho việc điều tức và vận chuyển pháp luân.

Trong một đàn cơ ngày 16-1-1926, Ông Quý Cao giảng cơ gọi Ngũ vị tân là Ngũ kỵ, tức là năm thứ cấm kỵ không cho ăn bên Phật giáo. Ông Quý Cao nói rằng:

"**Ngũ kỵ** là: Hành, Tỏi, Sả, Ớt, Tiêu.

Theo Phật giáo thì kỵ, Tiên giáo thì không.

Phật vì tích Mục Liên Thanh Đề gọi là uest vật, là phi.

Tiên đạo cho dùng các thảo mộc, chẳng kỵ vật chi."

Trong quyển sách **Thiên Đạo** của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh, có viết về việc ăn chay trường như sau:

"Trong Trời Đất không có chi là tuyệt đối, thì sự ăn chay tất nhiên cũng không nên tuyệt đối.

Cái nguyên tắc của sự ăn chay là ăn toàn những chất thuộc thảo mộc, thì năm thứ: Hành, họ, tỏi, nén, kiệu, gọi là Ngũ huân vẫn là thảo mộc.

Có cử chẳng là những bậc công cao quả dày, tham thiền nhập định, vì nó có tính cách kích thích và thương tổn tinh thần. Người mới học đạo, cần phải lao động trong Trường công quả, thì chưa buộc phải kiêng cử, nhưng ai kiêng cử được cũng nên.

Vậy, việc ăn chay cũng như việc tu hành, không nên thái quá, mà cũng không nên bắt cập."

VI. Ăn chay đối với các tôn giáo khác:

Bất cứ tôn giáo nào, giáo luật đều buộc tín đồ ăn chay: Ăn chay kỳ hoặc ăn chay trường.

Đạo Cao Đài đặt ra hai bậc tín đồ, căn cứ vào số ngày ăn chay trong tháng: Bậc Hạ thừa thì ăn chay kỳ 6 ngày hoặc 10 ngày, bậc Thượng thừa thì ăn chay trường.

* **Đạo Phật Giáo Hòa Hảo:** Bậc Hạ thừa thì ăn chay kỳ mỗi tháng 4 ngày (14, 15, 29, 30), còn bậc Thượng thừa thì ăn chay trường.

Ăn chay kỳ: ngày đầu (ngày 14) để cầu nguyện cho Tổ quốc; ăn chay ngày thứ nhì (ngày 15) để hiến cho Phật; ngày thứ ba (29) cho đồng bào; ngày thứ tư (30) cho bản thân.

* **Đạo Phật:** Cũng chia ra 2 loại ăn chay: kỳ và trường.

Ăn chay kỳ: Nhiều bậc: - Hai ngày (1, 15). - Bốn ngày (1, 8, 15, 23). - Sáu ngày (1, 8, 14, 15, 23, 30). - Mười ngày (1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30), - Nhứt nguyệt trai là ăn chay suốt một tháng: ăn chay tháng giêng hay tháng 7. - Tam nguyệt trai là ăn chay 3 tháng: tháng giêng, tháng 7, tháng 10.

Ăn chay trường:

Trường hợp ăn chay trường mà lại phát tâm không ăn sau 12 giờ trưa thì gọi là Ngọ trai.

* **Đạo Thiên Chúa:** Kinh Cựu Ước có ghi rõ lời phán của Đức Chúa Trời:

"Đức Chúa Trời lại phán: Nay, Ta sẽ cho các người mỗi thứ cỏ kết hạt mọc khắp mặt đất, và các loài cây sanh trái có hạt, giống ấy sẽ là đồ ăn của các người."

Như vậy, Đức Chúa Trời đã nói một cách rõ ràng, bảo con người phải ăn chay, tức là ăn hoa quả ngũ cốc để sống, chứ không phải ăn thịt các loài thú vật. Việc ăn thịt thú vật xảy ra sau này là do nhơn ý.

Đức Mẹ Maria hiện ra ở Fatima vào năm 1917 đã gửi Thông điệp đến Giáo Hội Thiên Chúa Giáo La Mã và toàn cả

các tín đồ như sau:

"Loài người phải ăn chay trường, tuyệt dục và bố thí."

"Nếu Đức Giáo Hoàng đương kim là Phao Lồ IV chỉ thị và chính Ngài ăn chay trường thì thế giới đương nhiên hòa bình, bởi tín đồ Thiên Chúa Giáo sẽ nghe theo lời Ngài mà trường chay tất cả thì tình thương sẽ lan tràn cả thế giới."

* **Đạo Hồi:** Hồi giáo cũng buộc tín đồ ăn chay. Trong 5 điều chính làm nền tảng cho Giáo lý Hồi giáo thì điều thứ 3 ghi: Phải ăn chay vào tháng 9 theo lịch Hồi giáo, gọi là Ramadan.

VII. Mục đích và ích lợi của ăn chay:

1. Ăn chay thì giữ được Ngũ Giới Cấm dễ dàng.

Ngũ Giới Cấm là giới luật rất quan trọng đối với người tu ở bậc Thượng thừa. Không giữ tròn Ngũ Giới Cấm thì không thể đắc đạo được.

Người ăn chay trường thì giữ được Ngũ Giới Cấm tương đối dễ dàng, bởi vì:

- Ăn chay trường thì rõ ràng tránh được sát sanh trong sự ăn uống. Đã không nở giết hại sanh vật để ăn thịt thì cũng đâu nở giết chúng để làm trò chơi. (*Bất sát sanh*)

- Hễ không ăn thịt thì cũng dễ cử rượu, vì rượu thịt luôn luôn đi kèm nhau như bóng với hình. (*Bất tửu nhục*)

- Không ăn thịt và uống rượu thì lòng dục lắng xuống, nên không nghĩ đến việc tà dâm, phá hại gia cang của người. (*Bất tà dâm*)

- Nhờ ăn chay trường mà lòng tham vật chất không có cơ hội nảy nở. Đã tu rồi thì còn cầu chi tiền tài, của cải, vì khi chết, linh hồn đâu có đem theo được các thứ vật chất đó, chỉ đem theo công đức và tội lỗi mà thôi. Do đó việc trộm cướp hay gian lận tài vật rất ít khi xảy ra. (*Bất du đạo*)

- Nhờ ăn chay trường mà tâm hồn trở nên thanh cao, tránh được việc nói dối lường gạt người, gây đau khổ cho người mà đem lợi lộc về cho mình. (*Bất vọng ngữ*)

2. Ăn chay để thanh lọc bản thể, tinh khiết chơn thần:

Những vật thực ăn mặn là huyết nhục của các loài động vật nên chỉ bổ dưỡng cho thể xác con người, vì thể xác con người cũng là huyết nhục.

Các vật thực ăn chay là rau đậu, trái cây, ngũ cốc; các thứ này nhờ hấp thụ trực tiếp ánh sáng mặt trời, dưỡng khí, đạm khí của không khí, lại hấp thụ các chất khoáng trong lòng đất, nên các vật thực ăn chay có hai tác dụng bổ dưỡng:

- Bổ dưỡng xác thân nhờ những chất khoáng hấp thụ trong đất và đạm khí trong không khí.
- Bổ dưỡng chơn thần nhờ hấp thụ ánh sáng và dưỡng khí.

Như thế, chúng ta phải nhìn nhận rằng, với chế độ ăn chay đầy đủ gồm nhiều rau đậu và trái cây, ăn chay rất tốt so với ăn mặn, vì nó bổ dưỡng cả hai mặt: Thể xác và Chơn thần.

Người ăn chay trường lâu năm thì tạo được vầng hào quang trong sáng nơi đỉnh đầu, chơn thần cũng được trong sáng, tinh tấn, nên nhẹ nhàng hơn không khí. Đến kỳ thoát xác, chơn thần xuất ra khỏi thể xác một cách dễ dàng và bay khỏi bầu không khí, đến các cõi thiêng liêng.

Người ăn mặn thì chơn thần mờ tối, trọng trọc, vì ăn huyết nhục của thú cầm, nên nặng nề, không thể bay thoát khỏi bầu khí quặng đặng.

Thánh ngôn của Đức Chí Tôn dạy rõ rằng:

"Nó (chơn thần) vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên thì hằng có điện quang. Cái chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch, mới nhẹ hơn không khí, ra khỏi ngoài Càn khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật, mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng.

Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thần tinh khiết.

Nếu như các con còn ăn mặn, luyện đạo rủi có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng. Như rủi bị huòn thì đến khi đắc đạo, cái trọc khí ấy vẫn còn, mà trọc khí thì lại là vật

chất tiếp diễn, thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt.

Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thế mà làm một bậc Nhơn Tiên thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mãn.

Vì vậy mà Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo." (TNHT)

Bát Nương giảng cơ giải về cõi Âm Quang, cho biết rằng: Muốn qua khỏi cửa Âm Quang thì phải ăn chay trường.

TNHT: "Ấy là một cái quan ải, các chơn hồn khi qui Thiên, phải đi ngang qua đó. Sự khó khăn bước khỏi qua đó là đệ nhứt sợ của các chơn hồn. Nhưng tâm tu còn lại chút nào nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm. Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy chơn thần thanh trược.

Chí Tôn buộc trường trai cũng vì cái quan ải ấy."

3. Ăn chay là luyện tập Bi, Trí, Dũng:

- Loài vật nào cũng biết ham sống sợ chết như người, biết chỗ nguy hiểm thì tránh né hay trốn chạy để bảo tồn sự sống. Khi sắp bị giết chết, chúng biết sợ sệt và rên la đau đớn.

Không giết hại chúng nó để ăn thịt là thể hiện lòng thương yêu, đức tánh từ bi. Do vậy, việc ăn chay là để tập cho tánh BI càng ngày càng phát triển.

- Khi ăn chay, chúng ta mới sáng suốt nhận định rằng, loài thú vật cũng được Thượng Đế ban cho nó sự sống như con người, nó chỉ là đàn em kém tiến hóa hơn con người mà thôi. Sau nhiều lần chuyển kiếp, chúng nó cũng sẽ tiến hóa lên thành người như chúng ta.

Do đó, không giết hại chúng là để phát triển đức tánh sáng suốt trong con người chúng ta, tức là phát triển thể TRÍ.

- Trước sự hấp dẫn của các món rượu thịt thơm ngon, cũng như sự mời mọc nài ép của bạn bè, ta can đảm từ khước, tức là ta có hùng tâm dũng chí, không để dục vọng thấp kém lôi kéo. Như vậy, ta có được cái DŨNG.

Vậy, sự ăn chay là để phát triển ba đức tánh: BI, TRÍ,

DỮNG trong con người chúng ta, để cuối cùng, ba đức tánh này phát triển rục rờ và cao tột thì đắc thành Phật vị.

4. Ăn chay là để tránh quả báo luân hồi:

Việc giết hại mạng sống của con vật tạo thành một ác nghiệp. Sau này, hồn của con vật ấy sẽ đòi chúng ta phải trả món nợ sát mạng đó, và theo luật công bình thiêng liêng, chúng ta phải luân hồi tái kiếp đền trả mỗi nợ oan nghiệt ấy.

Còn việc ăn chay, tuy cũng có giết hại mạng sống loài thảo mộc, nhưng tội này nhẹ hơn nhiều so với việc giết hại thú vật, vì loài thảo mộc kém tiến hóa rất nhiều so với thú cầm.

Hơn nữa, việc sát hại thảo mộc để nuôi sống xác thân của chúng ta, được chúng ta đền trả lại bằng xác thân của chúng ta khi chết. Khi chết, xác thân của chúng ta được vùi chôn trong lòng đất, rồi dần dần sẽ tan rã thành những chất bổ dưỡng nuôi sống thảo mộc. Khi sống thì ta ăn thảo mộc, khi chết thì thảo mộc ăn lại xác thân ta. Thế là hòa, không ai nợ ai.

Như vậy việc ăn chay giúp chúng ta không mắc nợ oan nghiệt, mà không mắc nợ oan nghiệt thì khỏi phải luân hồi.

5. Ăn chay để kèm chế Lục dục Thất tình:

Ăn chay, ăn những thức ăn thanh đạm, không chứa máu thịt của loài động vật, nên làm dịu bớt bầu máu nóng trong người, dục vọng nhờ đó cũng giảm bớt cường điệu.

Lục dục và Thất tình lúc nào cũng đòi hỏi xác thân làm cho chúng nó thỏa mãn, nhưng nhờ ăn chay, chúng ta có thể kèm chế nó và rèn luyện nó hướng tới mục đích thanh cao.

Thay vì chúng ta muốn giết một con gà để làm thành món ăn khoái khẩu, chúng ta nên lấy thức ăn thích hợp của gà rải cho nó ăn, để chúng ta nhìn nó đang sung sướng vui vẻ vì khoái khẩu. Chúng ta nhìn cái vui và cái sung sướng của con gà để chúng ta có được cái vui mừng cao thượng của kẻ ban ơn.

VIII. Giải đáp một số câu hỏi về ăn chay.

1) Ăn tôm, cua, sò, ốc được kể là ăn chay không?

Có một số người tu mà chưa kèm chế được tánh háu ăn, nên bày ra cái trò cho rằng ăn chay thì được ăn các loài tôm cua sò ốc, vì các loài này có máu trắng, không phải máu đỏ.

Đạo Cao Đài hay bất cứ một tôn giáo nào khác trên thế giới đều không có một điều luật nào cho phép ăn chay kỳ dị như thế. Đó chẳng qua phạm tâm xúi giục làm mờ ám lương tri.

Ăn tôm cua sò ốc, tức là ăn thịt các loài động vật. Chúng nó cũng có sanh mạng và sự sống. Phải bắt giết chúng nó thì mới ăn thịt được, rõ ràng ta phạm tội sát sanh, sao lại bảo là ăn chay? Sao lại còn ngụy biện rằng chúng nó có máu trắng, không có máu đỏ? Máu trắng không phải là máu sao?

Người tu hành chơn chánh cần phải lên án gắt gao những hành động hại đạo, phá đạo kiểu ấy, để người đời thấy rõ ai là người tu chơn thật, ai là tu giả dối, ai lợi dụng màu sắc tôn giáo để tạo lợi riêng cho cá nhân.

2) Ăn chay có được dùng bơ, sữa, hột gà không?

* **Về bơ** (Beurre) và **phô-ma** (Fromage), ta phân biệt hai loại: Bơ thực vật và bơ động vật.

- Bơ thực vật (Beurre végétale) làm bằng các chất béo của thực vật như đậu phộng, dừa, ca cao. Bơ thực vật là thức ăn chay hoàn toàn, người ăn chay trường dùng rất tốt.

- Bơ động vật (Beurre animale) là loại bơ được chế tạo từ sữa bò, sữa trâu, sữa dê. Đây rõ ràng là thức ăn mặn.

* **Về sữa**, cũng có hai loại:

- Sữa động vật như sữa bò, sữa dê,... thì chúng thuộc về nhóm thức ăn mặn.

- Sữa đậu nành, đậu xanh hay đậu phộng thì hoàn toàn là thức ăn chay.

Vấn đề bơ và sữa như vừa trình bày trên là nói một cách tuyệt đối theo đúng định nghĩa ăn chay và ăn mặn. Tuy nhiên, trong điều kiện tương đối phổ biến, chúng ta nhận thấy rằng, bơ và sữa động vật có được là do vắt bầu sữa của con bò hay dê, chứ không phải do sự giết chết con bò hay con dê. Do đó, bên Phật giáo vẫn cho phép dùng bơ và sữa làm món ăn chay.

Nó có nguyên nhân xa xưa là hồi Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta từ bỏ lối tu khổ hạnh, chuyển qua lối tu trung đạo, Ngài kiệt sức, bất tỉnh, nằm chết giấc dựa cội cây bồ đề. Có một thiện nữ được báo mộng trước, hôm ấy chuẩn bị bình bát sữa tìm đến cội bồ đề, cúng dường cho Phật. Khi Phật tỉnh lại, Phật cầm bình bát sữa uống cạn, nhờ vậy, Phật dần dần phục hồi sức khỏe.

Việc dùng bơ sữa động vật không vi phạm giới cấm sát sanh, nhưng đứng về phương diện thanh và trược thì chúng ta đều nhận rằng, bơ sữa động vật trược hơn bơ sữa thảo mộc.

- Về trứng gà, trứng vịt, trứng cút:

Nếu trứng không trống, thì khi ta dùng không phạm tội sát sanh, nhưng trứng vẫn là chất trược tuy ít, vẫn không làm chơn thần chúng ta trong sáng và thanh nhẹ.

Nếu các loại trứng có trống, tức là có chứa sẵn một mầm sống trong đó, để theo thời gian sẽ phát triển thành một sinh vật mới, khi chúng ta dùng chúng làm thức ăn, tức là chúng ta sát hại mầm sống ấy, ắt phạm tội sát sanh.

Đối với những vị đang lập công trong Trường thi công quả, việc ăn chay trường không nên quá bảo thủ khắt khe, nhứt là những khi đau ốm, cần phải phục hồi sức khỏe mau chóng để lo làm công quả, thì việc dùng thêm các loại bơ, sữa động vật, hay các loại trứng không trống, là một điều có thể thông cảm được vì không phạm giới sát sanh, nhưng chúng ta vẫn nhớ rằng các thức ăn ấy có chất trược, không tốt cho chơn thần.

Một điều mà chúng ta cần lưu ý là việc ăn chay là hành động tự giác tự nguyện vì lợi ích cho bản thân của chúng ta, chớ không phải lợi ích cho Đức Chí Tôn hay Phật Mẫu.

3) Ăn chay trường có thành Tiên, Phật không?

Nếu chỉ có ăn chay trường mà không làm công quả thì không thể thành Tiên, Phật đặng. Người ăn chay trường ấy, khi chết, chơn thần và linh hồn được trong sạch nhẹ nhàng và được siêu thăng lên các cõi Trời, hưởng sự an nhàn, nhưng không có ngôi vị là Tiên, hay Phật.

Muốn thành Tiên, Phật thì buộc phải có công quả.

TNHT: "Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật, muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thầy đến độ rỗi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo."

Muốn có công đức thì phải thực hành Tam Lập: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn. Trong Lập Công có: Công phu, Công quả, Công trình.

Việc ăn chay trường chỉ tạo được chơn thần trong sáng, việc làm công quả mới đắc thành Tiên, Phật.

Nhưng ngược lại, nếu có đầy đủ công quả mà không ăn chay trường thì cũng không thể thành Tiên, Phật được, vì chơn thần trọng trước không thể bay khỏi bầu khí quyển mà lên cõi thiêng liêng. Hơn nữa, vì ăn mặn nên còn bị các con vật đòi món nợ oan nghiệt, nên chúng nó buộc chặt chơn thần người đó không cho bay lên cõi TLHS.

Cho nên, muốn đắc thành Tiên Phật thì phải có đủ hai điều kiện: 1.- Ăn chay trường. 2.- Đầy đủ công quả.

4) Ăn chay thì thanh, ăn mặn thì trược, tại sao?

Có nhiều nguyên do, kể ra sau đây:

a.- Về cấp tiến hóa: Thảo mộc ở cấp tiến hóa thấp hơn động vật, chỉ có Sanh hồn; còn động vật thì ở cấp tiến hóa cao hơn, có được hai phần hồn là: Sanh hồn và Giác hồn. Do đó, loài động vật khi đau đớn biết rên la, khi sợ hãi biết chạy trốn.

b.- Về sự sinh sản và di truyền nòi giống: Loài thảo mộc có nhị đực và nhị cái ở trên cùng một cái hoa hay trên cùng một thân cây, nhờ ong bướm hay gió thổi mà nhị đực rơi vào nhị cái, kết thành trái và hạt để di truyền nòi giống.

Loài động vật thì con đực và con cái là hai thân thể khác nhau, chúng có lòng dục nên tìm gặp nhau giao phối, để sanh sản. Khi sanh sản thì máu huyết tiết ra dơ dáy.

Do đó, loài động vật thuộc về Hậu Thiên Cơ Ngẫu nên trược trược; còn loài thảo mộc thuộc về Tiên Thiên Cơ Ngẫu nên thanh nhẹ.

c.- Về sự sinh sống: Loài thảo mộc sống nhờ hấp thu ánh sáng mặt trời và hấp thu các tinh chất từ trong đất, nên thảo mộc chứa nhiều sinh tố và khoáng chất.

Loài động vật sống nhờ ăn thảo mộc hay ăn thịt lẫn nhau, nên thịt của chúng chứa ít sinh tố và lại có chất độc.

Do đó, chúng ta ăn loài thảo mộc thì vừa bổ dưỡng chơn thần vừa bổ dưỡng thể xác, còn ăn thịt thú cầm thì chỉ bổ dưỡng thể xác mà lại làm cho chơn thần ô trược.

d.- Về tính dẫn điện: Khi thoát xác, chơn thần của người ăn chay trường thì trong sáng, nhẹ nhàng bay lên thoát qua lớp không khí dễ dàng; còn chơn thần người ăn mặn thì trọng trước mờ tối, nên không thể bay lên cao được, lại nữa, vì chơn thần trọng trước nên có tính dẫn điện tốt, khi bay lên cao có thể bị sét đánh tiêu tan.

5) Thảo mộc có mạng sống, nên ăn chay cũng sát sanh, thì hơn ăn mặn chỗ nào?

Thảo mộc là một loài trong chúng sanh, nó cũng có mạng sống, nhưng mạng sống của nó nhỏ bé hơn mạng sống của thú cầm, vì nó chỉ có một phần hồn là Sanh hồn, và ở cấp tiến hóa thấp hơn thú cầm. Do đó, việc sát hại thảo mộc ít tội tình oan nghiệt hơn sát hại thú cầm.

Vả lại, muôn loài vạn vật phải ăn mà sống. Để giải quyết cái ăn này, Trời dùng "**Vạn linh phụng sự Vạn linh**", tức là dùng loài sanh vật này làm thực phẩm nuôi sống loài sanh vật kia, và loài sanh vật nào bị hy sinh nhiều nhất thì lại sanh hóa nhiều nhất để quân bình cuộc sống trong CKVT.

Thảo mộc và ngũ cốc là hai thứ sanh vật mà Thượng Đế dành để nuôi sống con người, nên mới cấu tạo cơ thể của con người không có móng vuốt và răng bén nhọn chơm chớm. Nếu con người ăn thịt thú cầm là do dục vọng muốn tìm khẩu vị khác lạ mà thôi.

Vậy con người ăn chay là thuận Thiên ý, nhờ đó con người mới tiến hóa nhanh. Còn ăn mặn là do dục vọng của con người bày đặt thêm ra, trái với Thiên ý, nên nó trì kéo con người chậm bước tiến hóa.

Việc sát hại sanh mạng của một con thú để làm thức ăn nuôi sống thân ta tạo thành một oan nghiệt. Hồn con thú ấy sẽ chờ khi ta chết, nó sẽ đến đòi mạng và kéo níu chơn thân chúng ta không cho siêu thăng về cõi thiên liêng.

Còn việc sát hại loài thảo mộc để làm thức ăn nuôi sống thân ta, thì ta sẽ lấy xác thân ta trả lại cho thảo mộc khi ta chết, nên không tạo ra một mối oan nghiệt nào.

6) Thánh Nhơn nói rằng: VẬT DƯỠNG NHƠN. Vậy ăn mặn là hợp lý, phải không?

Trước hết, chúng ta cần phải hiểu chữ Vật là gì?

Vật là tất cả các loài có hình thể trong CKVT. Vật chính là chúng sanh, gồm: Vật chất, Kim thạch, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm. Chữ Vật không chỉ riêng loài thú cầm.

Con người là một loài trong chúng sanh, sống được là nhờ chúng sanh. Do đó, Thượng Đế chỉ tạo ra loài người sau khi đã tạo ra vạn vật gồm Kim thạch, Thảo mộc và Thú cầm.

Chúng ta không nên hẹp hòi nghĩ rằng: Vật dưỡng nhơn là con người phải ăn thịt thú vật mà sống. Tại sao chúng ta không nghĩ Vật đây là các loài Thảo mộc và ngũ cốc?

Chúng ta cần phải sáng suốt và kiên trì chống lại sự xúi giục và mê hoặc của phàm tâm, phải phấn đấu chuyển hóa phàm tâm trở thành Thánh tâm. Đó là một điều rất khó khăn nhưng không phải không làm được.

Vì lẽ đó là Đức Phật có nói: *"Chiến thắng vạn quân không bằng tự thắng được mình. Tự thắng mình là chiến công vẻ vang oanh liệt nhất."*

7) Có nên làm món ăn chay giả hình món mặn không?

Muốn trả lời câu hỏi này, chúng ta nên phân tích xem cái hay và cái dở của việc làm món ăn chay giả hình món ăn mặn.

*** Những điều hay:**

- Thể hiện tài khéo léo của người đầu bếp.
- Trình bày món ăn có hình thức hấp dẫn với thực khách.

*** Những điều dở:**

- Giả mạo hình thức món ăn.
- Gọi lên làm cho một số thực khách mơ tưởng đến món ăn mặn tương ứng.
- Rất khó đặt tên món ăn cho thông. Thí dụ làm món chay mà hình thức giống như thịt heo quay, đặt tên là: Heo quay chay. Đặt tên như vậy thì chữ nghĩa chối nhau khó nghe quá, mà đặt tên khác là tên gì? Vì thực tế nó giống như vậy.
- Người ngoại đạo nhìn vào bàn ăn, thấy hình thức là các món ăn mặn mà tại sao nói chay? Họ tự đánh lừa mình chẳng?

Người ngoại đạo có cơ sở để đánh giá trị thấp những người ăn chay như thế.

Xét các lý do như trên, chúng ta thấy rõ ràng là việc làm món ăn chay giả hình món ăn mặn có nhiều cái dở hơn cái hay, do đó ta cần điều chỉnh lại, tìm cách thích hợp hơn để trình bày món ăn chay. Thí dụ như món: "Bồ câu tiem chay", thay vì dùng bó sô làm hình con bồ câu thì nên làm hình một quả Đào Tiên chẳng hạn, rồi đặt tên món ấy là: "Đào Tiên tiem". Có nên chẳng?

8) Ăn chay có được phép ăn bù vào ngày khác không?

Hôm nay là ngày mùng 8 nhằm ngày ăn chay, nhưng vì tiệc tùng với người đời hay vì bạn bè nài ép, nên ăn mặn, rồi qua ngày hôm sau, ăn chay bù trở lại. Việc đó thế nào?

Chúng ta thấy rõ người ấy có tinh thần muốn ăn chay cho đúng các ngày theo luật định, nhưng vì một lý do vui vẻ nên không ăn được.

Như vậy là mình quá dễ dãi với sự đòi hỏi của xác thân, xem những lời nài ép của bè bạn quan trọng hơn lời thệ nguyện giữ gìn Luật Đạo của mình. Đó là một sai lầm.

Việc ăn chay bù là để vớt vát lại nhưng nó chứng tỏ lương tâm mình không thẳng nỗi sự lỗi cuốn của dục vọng thể xác.

Thế xác thì thúc đẩy mình ăn uống rượu thịt vui say, mình chiều theo nó là mình yếu kém hơn nó, đầu hàng nó.

Từ sự thua nhỏ dần dần dẫn tới thua lớn, và vật dục sẽ làm trì trệ bước đường tiến hóa của mình, khiến chúng ta phải bị kẹt lại trong thời kỳ Chuyển thế, không kịp bước vào Ngươn Thánh đức.

9) Nhiều người ăn chay mà lời nói còn hung dữ quá ! Hành động còn thâm độc quá ! Tôi không cần ăn chay, miễn tôi làm lành làm phước là đủ rồi.

- Quả đúng như vậy. Nhưng đâu phải vì họ ăn chay mà họ trở nên hung dữ và thâm độc. Chúng ta nên nghĩ rằng: Nếu họ không ăn chay thì họ còn hung dữ và thâm độc hơn gấp bội. Nhờ ăn chay mà họ đã bớt tánh hung dữ nhiều lắm rồi đó.

Họ là những người mới tập tễnh vào đường tu, hoặc họ là kẻ giả tu không chừng. Nhưng ta so sánh với họ làm gì ! So sánh với người kém hơn ta thì có ích lợi gì cho sự tiến hóa của ta, của linh hồn ta? Hay là chỉ để thỏa mãn tánh ích kỷ, cống cao ngã mạn của ta? Chúng ta muốn dừng lại ở mức tiến hóa này, hay ta muốn tiến hóa cao hơn nữa?

Tại sao chúng ta không nhìn lên các bậc chơn tu có đầy đủ đức hạnh? Chúng ta cần phải học hỏi và bắt chước nơi các vị ấy thì chúng ta mới tiến hóa nhanh được.

10) Ăn chay thì lòng phải chay là sao?

Chay hay trai là trong sạch. Lòng chay là lòng trong sạch. Đó là lòng biết quý trọng đạo đức, chơn chánh, nhơn từ.

Nếu ăn chay mà lòng không chay, tức là không biết ý nghĩa của việc ăn chay, hay biết mà không tin tưởng, thì không khác chi người không tiền mua cá thịt, đành phải ăn tương rau dưa muối vậy thôi, đâu có ích lợi gì cho đường đạo đức.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Ăn mặn

A: To eat flesh.

P: Manger de viande.

Ăn mặn là ăn các thứ thực phẩm làm bằng thịt động vật hay được chế biến từ động vật. Thí dụ như: Ăn thịt bò, cá, tôm, cua, sò, ốc, ba tê, lạc xương, v.v...

Ăn mặn thì phải sát sanh hại vật, dù không trực tiếp thì cũng gián tiếp. Gián tiếp sát sanh là người khác giết con vật để làm thịt, đem thịt ra chợ bán, mình mua về ăn. Như vậy, mình vẫn phải chia sót phần nào tội lỗi của người trực tiếp sát sanh.

Người ăn mặn dùng cá thịt làm món ăn thì phạm vào Ngũ Thường của Nhơn đạo.

Ngũ Thường gồm: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

- Giết con vật để ăn cho khoái khẩu là bất Nhơn.
- Giết con vật làm cho nó phân ly đàn thú là bất Nghĩa.
- Đem thịt hôi tanh xào nấu cúng Thần, Thánh là bất Lễ.
- Vì miếng ăn làm con vật chịu cảnh dao thớt là bất Trí.
- Lập mưu nhử bắt con vật là bất Tín.

Nếu Nhơn đạo không xong thì làm sao cầu Thiên đạo?

Tóm lại, việc ăn mặn có nhiều điểm tai hại, kể ra:

1. Phạm giới cấm sát sanh, gây thêm oan nghiệt nên phải bị luân hồi trả quả.
2. Vi phạm Ngũ Thường của Nhơn đạo.
3. Không thể phát triển được 3 đức tánh: Bi, Trí, Dũng.
4. Về phương diện thiêng liêng, ăn mặn làm cho chơn thần ô trược nặng nề, có hào quang mờ đục, nên không thể bay thoát lên khỏi bầu khí quyển, đến cõi TLHS.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ăn mật nằm gai

A: To tast the bile and to lie on thorns;

To support all kinds of misfortunes.

P: Goûter de la bile et se coucher sur les épines.

Supporter toutes les sortes de malheurs.

Ăn mật nằm gai đồng nghĩa với thành ngữ: Nằm gai nếm mật, nghĩa đen là khi khát thì nếm mật đắng, khi ngủ thì nằm trên giường không êm như có gai.

Diễn tích: Vào thời Xuân Thu bên Tàu, vua nước Ngô là Phù Sai đánh bại vua nước Việt là Câu Tiễn, chiếm lấy nước Việt, bắt Câu Tiễn đem về nước Ngô cầm tù ở Cối Kê. Trong thời gian 3 năm bị cầm tù, Câu Tiễn nhiều lần chịu nhục để lấy lòng vua Ngô Phù Sai và cố ý tỏ ra mình là người bất tài, hèn hạ, không có ý chí phục thù, để vua Ngô cho sống sót mà trở về nước Việt.

Do đó, Ngô Phù Sai làm kế, không giết Câu Tiễn, mà còn phóng thích cho trở về nước Việt.

Khi Việt Vương Câu Tiễn trở về nước rồi thì quyết chí phục thù, tạo cho mình một nếp sống khổ hạnh, đơn giản, để làm gương cho dân chúng và nức lòng tướng sĩ. Khi nằm thì lấy củi lót làm giường, từ bỏ nệm ấm chăn êm. Mỗi sáng thức dậy, Câu Tiễn nếm mật đắng, rồi đến trước tấm gương lớn, nhìn hình của mình trong gương nói rằng "Mày quên cái nhục mất nước sao?" Đó xem như nghi thức mà Việt Vương bắt buộc thực hành mỗi sáng thức dậy như một giáo lễ trước khi vào triều để trù tính việc nước.

Nhờ hai người bề tôi tài giỏi, một võ một văn là Phạm Lãi và Văn Chủng, Việt Vương âm thầm tổ chức được một quân đội hùng mạnh, tinh thông võ nghệ, và dân chúng có đời sống sung túc, lương thực đầy đủ, quân dân một lòng phục hận. Mặt khác, Việt Vương tuyển lựa nàng Tây Thi vô cùng xinh đẹp, đem dâng cho vua Ngô Phù Sai.

Vua Ngô mê say sắc đẹp nàng Tây Thi, bỏ việc triều chánh, xây cất Cô Tô Đài để hưởng lạc với Tây Thi, quan Trấn Quốc là Ngũ Tử Tư can gián, bị Ngô Phù Sai giết chết. Dân chúng ta thán, nước Ngô suy sụp, triều đình hết tướng tài ba.

Thời cơ đã đến, Việt Vương Câu Tiễn phát động hùng binh kéo sang đánh tan quân Ngô, bức bách Ngô Phù Sai phải tự tử. Việt Vương tóm thâu nước Ngô và trở thành một bá chủ ở phương Nam nước Tàu.

Thành ngữ: *Ăn mật nằm gai* hay *Nằm gai nếm mật*, là ý nói: Chịu đựng tất cả gian khổ để mưu đồ việc lớn.

TNHT: Bàn đạo hỏi bốn hiền hữu: Có ai đã mang sao đội nguyệt, *ăn mật nằm gai*, chịu muôn sự khổ hạnh để tạo hạnh phúc cho nhơn sanh chưa?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ăn năn sám hối

A: To repent of and to confess one's sins.

P: Se repentir et confesser ses péchés.

Ăn năn là đau xót về điều làm lỗi của mình và tự hứa sẽ không tái phạm.

Sám hối là ân hận về những điều làm lỗi đã qua và thật lòng muốn sửa đổi.

KCHKHH: *Ăn năn sám hối* tội tình,
Xét câu Minh Thệ gởi mình cõi thẳng.

KCHKHH: Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

ÂM

ÂM

ÂM: 陰 có nhiều nghĩa tùy trường hợp:

1. **Âm** là một trong hai chất khí nguyên thủy do Thái Cực phân ra: Khí Dương và Khí Âm.
Tđ: Âm cực dương hồi, Âm dương thủy, Âm quang.
2. **Âm** là nơi tối tăm lạnh lẽo, cõi của người chết.
Tđ: Âm cảnh, Âm đài, Âm ty.

3. **Âm** là ngâm, kín.
Td: Âm chất, Âm đức.
4. **Âm** là chỉ ban đêm, chỉ mặt trăng.
Td: Âm lịch.

ÂM: 音 Tiếng.

Td: Âm thanh sắc tướng.

Âm cảnh, Âm cung, Âm đài, Âm Ty

陰境, 陰宮, 陰臺, 陰司

A: The hades, the hell.

P: L'enfer, l'empire des ténèbres.

- **Âm:** Là nơi tối tăm lạnh lẽo, cõi của người chết. **Cảnh:** Cõi.
Âm cảnh là cõi Âm, cõi của người chết.
- **Âm cung** là cung điện nơi cõi Âm phủ của Thập Điện Diêm Vương, chỉ Địa ngục.
- Âm đài là lầu đài nơi cõi Âm, đồng nghĩa Âm cung.
- **Âm ty** là nơi làm việc của các quan ở cõi Âm, chỉ Địa ngục. (Ty là nơi làm việc của các quan).

KCS: Miền Âm cảnh ngục môn khai giải.

KSH: Chón Âm cung luật xử nặng nề.

Âm đài gông tróng sẵn sàng.

Dắt hồn xuống chón Âm ty.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

KSH: Kinh Sám Hối.

Âm chất

陰鷲

A: The hidden merit.

P: Le meùrite caché.

Âm: Là ngâm, kín.

Âm chất là việc làm lành thầm kín, chỉ có Thần Thánh biết, cốt tạo phước đức nơi cõi vô hình để hưởng quả phúc về sau.

TNHT: Theo làm *âm chất* may bồi đắp.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Âm công

陰功

A: The hidden merit.

P: Le meürite caché.

Âm: Là ngầm, kín. **Công:** Nỗ vất vả làm việc, công việc.

Âm công đồng nghĩa Âm chất, Âm đức.

Trong Ngự Tiều Vấn Đáp có câu:

Môn rằng thứ nhất y khoa,
Chữ kêu *âm chất* thật là *âm công*.

Đồ âm công: Chữ Âm công ở đây có nghĩa khác hơn. Âm công là công việc làm cho người chết ở cõi Âm. Đồ âm công là những thứ dùng để liệm xác người chết vào trong quan tài, như: Vải trắng, giấy sứt, gòn, rơm,...

TL: Điều 16: Trong việc tổng chung, không nên xa xí, không nên để lâu ngày, không nên dùng *đồ âm công* có màu sắc lòe loẹt, chỉ dùng toàn đồ trắng,...

TL: Tân Luật.

Âm cực dương hồi

陰極陽回

A: The Yin tends towards maximum, the Yang returns.

P: Le Yin tend vers maximum, le Yang retourne.

Âm: Là một trong hai chất khí nguyên thủy do Thái Cực phân ra. **Dương:** Khí Dương. **Cực:** Đến đầu cùng. **Hồi:** Trở lại.

Âm cực Dương hồi là khi khí Âm cực thịnh thì khí Dương khởi sanh trở lại. Ngược lại, Dương cực Âm hồi, nghĩa là khi khí Dương cực thịnh thì khí Âm khởi sanh trở lại.

Như vậy, hai khí Âm và Dương biến đổi một cách tuần hoàn, nhưng trái ngược nhau.

Quan sát khí Dương và khí Âm biến đổi trong một ngày đêm 24 giờ, chúng ta nhận thấy:

- Lúc 0 giờ, tức là lúc 24 giờ hay 12 giờ khuya (giờ Tý), khí Âm cực thịnh, Khí Dương khởi sanh. (Âm cực Dương hồi)

- Từ 0 giờ đến 6 giờ sáng (giờ Mão), khí Âm giảm dần, khí Dương tăng lên, để hai khí Dương và Âm cân bằng nhau.

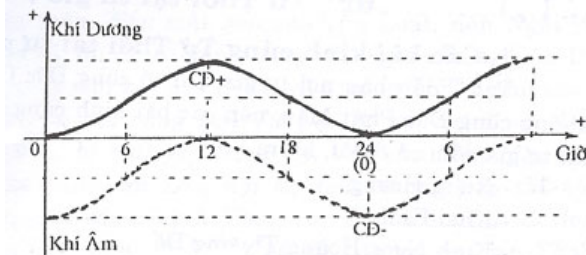
- Từ 6 giờ sáng đến 12 giờ trưa (giờ Ngọ), khí Âm tiếp tục giảm đến mức cực tiểu và triệt tiêu, rồi bắt đầu khởi sanh trở lại; đồng thời khí Dương tăng dần đến mức cực đại, và sau đó thì giảm dần. (Dương cực Âm hồi)

- Từ 12 giờ trưa đến 18 giờ, tức 6 giờ chiều (giờ Dậu), khí Âm tăng dần, khí Dương tiếp tục giảm dần, để hai khí Âm Dương cân bằng nhau.

- Từ 18 giờ (6 giờ chiều) đến 24 giờ (12 giờ khuya), khí Âm tiếp tục tăng cho đến cực đại, khí Dương giảm dần cho đến khi triệt tiêu, để rồi bắt qua 0 giờ thì khởi sanh trở lại.

Và một chu kỳ biến đổi mới bắt đầu giống y như trước.

Sau đây là hình vẽ biểu thị sự biến đổi tuần hoàn của hai khí Dương và Âm.



- Đường cong đậm liền nét tượng trưng sự biến đổi của cường độ khí Dương theo thời gian tính bằng giờ.

- Đường cong nét đứt đoạn biểu diễn sự biến đổi của cường độ khí Âm theo thời gian, cũng tính bằng giờ.

Đó là khảo sát về cường độ của Âm Dương trong một ngày, để từ đó suy rộng hai yếu tố Âm Dương trong Trời Đất.

Hai yếu tố Âm Dương luôn luôn đi đôi với nhau, có tính chất hoàn toàn tương phản nhau như Nóng với Lạnh, Nước với Lửa, Cứng với Mềm, nhưng không tiêu diệt nhau, mà lại

tương tác dung hòa nhau, liên kết bổ sung cho nhau. Chính nhờ bản chất trái ngược mà tương tác đó, làm vạn vật chuyển biến luôn.

Âm Dương chính là cơ động tịnh nhiệm mẫu của Trời Đất. Nếu không có Âm Dương thì muôn vật không thể hóa sanh. Nhờ có Âm Dương tác động lẫn nhau nên mới tạo ra những cuộc biến hóa trong Trời Đất và vạn vật mới phát triển. Nếu chỉ có một Âm hay chỉ có một Dương thì không sanh hóa, không tăng trưởng. (Cô Âm bất sanh, cô Dương bất trưởng).

Hai yếu tố Âm Dương lại vận chuyển theo hai chiều tương phản nhau: Nếu Dương thăng lên thì Âm giáng xuống, nếu Âm thu vào thì Dương tản ra ngoài, hay ngược lại, nếu Âm qua trái thì Dương quay sang phải.

Nếu có thăng mà không có giáng, có vào mà không có tản ra, có qua mà không có lại thì mọi vật sẽ bế tắc, không thể tiến hóa được. Tuy hai yếu tố Âm Dương tương phản nhau như thế, nhưng lại không thủ tiêu nhau mà bổ túc cho nhau, đi đến chỗ kết hợp với nhau, tạo thành giai ngẫu.



Mặt khác, *Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn*, nghĩa là trong Âm có cái gốc Dương và trong Dương có cái gốc Âm.

Do đó, người xưa biểu thị hai yếu tố Âm Dương bằng hình vẽ trên: Vòng tròn bao bên ngoài là Thái Cực, vòng tròn ấy chia làm đôi theo hình chữ S, tức là Thái Cực sanh Lưỡng Nghi: Âm và Dương. Phần màu đen tượng trưng Âm, phần màu trắng tượng trưng Dương. Trong phần đen có một đốm trắng là: Trung Âm hữu Dương căn. Trong phần trắng có một đốm đen là: Trung Dương hữu Âm căn.

Chỗ phần Dương lớn nhứt (cực đại) thì tương ứng với phần Âm nhỏ nhứt (cực tiểu). Do đó, khi Dương tiến lên cực thịnh thì Âm triệt tiêu rồi khởi sanh, và ngược lại, khi Âm đi đến chỗ cực thịnh thì Dương triệt tiêu rồi khởi sanh.

Không bao giờ Dương thịnh mãi hay không bao giờ Âm thịnh mãi. Âm Dương luôn luôn biến đổi trái chiều nhau, có tính cách tuần hoàn và liên tục.

Âm Dương

陰陽

A: Yin and Yang.

P: Yin et Yang.

Ý nghĩa khởi đầu của hai chữ Âm Dương là:

- Dương là nơi có ánh sáng mặt Trời rọi tới, nên sáng sủa ấm áp.
- Âm là phần bị khuất ánh sáng mặt Trời, nên tối đen lạnh lẽo.

Như vậy, khi ta đặt một vật dưới ánh sáng mặt Trời thì:

- Phần vật bên phía ánh sáng được gọi là Dương.
- Phần vật phía sau, chỗ bóng tối là Âm.

Chúng ta có được ý nghĩa này là do giải thích 2 chữ Âm Dương bằng cách chiết tự. (Xem chi tiết nơi chữ: Chiết tự, và Ch).

Vậy, Âm Dương là Tối Sáng. Từ ý nghĩa ban đầu này, người ta suy ra các ý nghĩa khác để chỉ hai cái tương phản nhau mà có cùng một nguồn gốc như: Lạnh nóng, đêm ngày, chết sống, nữ nam, ác thiện, đục trong, v.v... và sau đó đi tới cái nguyên lý ban đầu là hai Khí: Khí Âm và Khí Dương do Thái Cực biến hóa sanh ra. Đây là khởi điểm của CKVT và vạn vật.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Âm Dương thủy

陰陽水

A: The holy water, the lustral water.

P: L'eau bénite, l'eau lustrale.

Âm: Một trong hai chất khí nguyên thủy do Thái Cực phân ra. **Dương:** Khí Dương. **Thủy:** Nước.

Âm Dương thủy là nước Âm Dương.

Khi cúng Đức Chí Tôn, vào giờ Mẹo (6 giờ sáng) hay giờ Dậu (6 giờ chiều), thì cúng nước Âm Dương, tức là cúng hai chung nước: chung nước trà đặt phía đĩa trái cây (tức phía Âm), tượng trưng khí Âm; chung nước trắng đặt phía bình bông (tức phía Dương), tượng trưng khí Dương.

■ Dùng nước trắng tượng trưng cho Dương vì nước trắng nguyên chất tinh khiết, không sắc, không mùi, không cặn bã.

■ Dùng nước trà tượng trưng cho Âm là vì nước trà là hợp chất, có màu sắc và có mùi vị, có cặn bã.

Sau khi cúng xong, thỉnh hai chung nước Âm Dương xuống, đặt song song sát vào nhau, cùng đổ một lượt vào một chung khác lớn hơn, ta được một hỗn hợp nước trắng và nước trà, gọi là Âm Dương thủy, tức là nước Âm Dương.

Nếu Âm Dương thủy này được một vị Chức sắc hành pháp trước Thiên bàn thì nó biến thành Cam lồ thủy (nước Cam lồ), có tính cách huyền diệu, dùng trong bí tích Phép Xác, để tẩy rửa chơn thần của người chết cho hết ô trược.

Âm đức

陰德

A: The hidden virtue.

P: La vertu cachée.

Âm: Ngầm, kín. **Đức:** Điều tốt lành hợp lòng người.

Âm đức, đồng nghĩa Âm chất, là những việc làm phước đức thầm kín, không phô ra, chỉ Thánh Thần chứng biết là đủ.

KSH: Người phú túc vun nền *âm đức*.

TĐ ĐHP: "Còn điều thứ ba khi hôm, Bàn đạo đã tả hình dạng của cải mà từ trước Tiên Nho để lại câu:

- Tích kim dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất năng thủ;
- Tích thơ dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất năng độc;

- Bất như tích *âm đức* ư minh minh chi trung, dĩ trường cửu chi kế.

Nghĩa là: Chứa vàng để lại cho con cháu, biết con cháu có bảo thủ được không? Còn chứa sách để lại cho con cháu, biết con cháu có học hay không? Chỉ có chứa Đức là con cháu hưởng được.

Nếu không vào cửa Đạo thì không bao giờ tạo Đức được, nên ngày nay, Đức Chí Tôn đến lập Đạo để cho các người lập Đức nơi cửa Đạo Cao Đài này đó vậy."

KSH: Kinh Sám Hối.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Âm hồn

陰魂

A: The soul of a death.

P: L'âme du mort.

Âm: Nơi tối tăm lạnh lẽo, cõi của người chết. **Hồn:** Linh hồn.

Âm hồn là linh hồn của người chết nơi cõi Âm phủ.

Kệ chuông: Sám hối âm hồn xuất u đồ.

Âm lịch - Dương lịch

陰曆 - 陽曆

A: The lunar calendar - The sun calendar.

P: Le calendrier lunaire - Le calendrier solaire.

Âm: Chỉ ban đêm, chỉ mặt trăng. **Dương:** Chỉ mặt trời.
Lịch: Phương pháp tính thời gian: Giờ, ngày, tháng, năm.

Âm lịch là phương pháp tính thời gian dựa theo sự vận chuyển của mặt trăng quanh trái đất.

Dương lịch là phương pháp tính thời gian dựa theo sự vận chuyển của trái đất quanh mặt trời.

Thuở ban đầu, con người quan sát thế giới bên ngoài mà có khái niệm về thời gian.

Từ khi mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn, bóng tối bao trùm, rồi thấy mặt trăng mọc lên tỏa sáng mát dịu, cho con người khái niệm về thời gian: Ngày và đêm. Ngày mà ban đêm không thấy mặt trăng gọi là Sóc, ngày mà ban đêm có trăng tròn là Vọng. Thời gian từ ngày không trăng này cho đến ngày không trăng tiếp theo gọi là Nguyệt hay Ngoạ (tháng).

Thời tiết thay đổi từ ấm qua nóng bức, rồi mát mẻ và lạnh lẽo, diễn tiến tuần hoàn cho ý niệm về Quy tức là mùa.

Căn cứ vào các hiện tượng thiên nhiên kể trên, con người chế tạo ra lịch để định ngày thích hợp gieo cấy mùa màng, và ghi chép các sự kiện lịch sử.

Mỗi vùng dân cư trên thế giới đều có chế ra lịch, như lịch của Ai cập, của Hy Lạp, của Ả Rập, của Trung hoa,... nhưng tựu chung có hai loại: Dương lịch và Âm lịch.

I. Dương lịch:

Dương lịch là loại lịch phối hợp giữa năm mặt trời và ngày mặt trời.

Có nhiều loại Dương lịch, như lịch của Hoàng Đế La Mã Jules César (101-44 trước Công nguyên), [gọi là Calendrier Julien], lịch của Đức Giáo Hoàng Grégoire XIII (1572-1585), [gọi là Calendrier Grégorien], ..v v... Nhưng lịch Grégorien thì hiện nay được toàn thế giới công nhận và sử dụng.

Một năm Dương lịch là khoảng thời gian mà trái đất quay giáp một vòng chung quanh mặt trời, bằng 365,25 ngày tức là 365 ngày lẻ $\frac{1}{4}$ ngày, tức lẻ 6 giờ. Như vậy, trong 4 năm sẽ dư ra 24 giờ, tức là dư ra 1 ngày. Ngày dư này được gọi là ngày Nhuận, và được đặt là ngày 29 của tháng 2 dương lịch.

Vậy cứ 4 năm dương lịch thì có 1 năm nhuận, tháng nhuận là tháng hai, bình thường tháng hai có 28 ngày, nhưng tháng hai nhuận có 29 ngày.

Dương lịch Grégorien lấy năm Giáng sinh Đức Chúa Jésus Christ làm năm thứ 1 gọi là Công nguyên: trước năm này gọi

là *trước Công nguyên* (tính bằng số âm), và sau năm này gọi là *sau Công nguyên*.

II. Âm lịch:

Âm lịch là lịch làm ra căn cứ vào sự vận chuyển của mặt trăng quanh trái đất.

Trên thế giới có nhiều loại Âm lịch: Âm lịch của Babylone, của Hồi giáo, của Trung Hoa. Các nhà làm Âm lịch đã cố gắng phối hợp với Dương lịch, để các tiết khí hậu trong một năm được hợp lý nhất.

Âm lịch Trung Hoa được phát minh từ thời Thượng cổ, đời vua Phục Hy (2852 trước Công nguyên). Vua Phục Hy quan sát sự biến đổi và di chuyển của mặt trăng quanh trái đất mà chế ra Âm lịch. Tên của ngày tháng năm Âm lịch được đặt theo Can Chi.

Can là Thập Thiên can, 10 can của Trời, gồm: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Chi là Thập nhị Địa chi, 12 chi của đất, gồm: Tý, Sửu, Dần, Mão (Mẹo), Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Khi kết hợp 10 Thiên can và 12 Địa chi, chúng ta được 60 tên gọi, ấy là một chu kỳ, gọi là Lục thập Hoa Giáp. Âm lịch Trung Hoa còn được gọi là Âm lịch Can Chi, dần dần được hoàn chỉnh, sử dụng ở các nước phương Đông chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa như: VN, Nhật bản, Triều Tiên, Mông cổ,...

Do đó, theo truyền thống của dân tộc ta, Đạo Cao Đài sử dụng Âm lịch là chánh, còn Dương lịch là phụ. Các ngày lễ, vía, ngày hội đều lấy theo Âm lịch.

* *Gọi tên tháng Giêng âm lịch:*

Từ xưa, mỗi triều đại của Trung quốc đều có thay đổi **Chính Sóc. Chính Sóc** là ngày mừng *1 tháng Giêng*.

- Triều nhà Hạ: **Kiến Dần**, nghĩa là lấy tháng Giêng là tháng Dần, rồi tính kế tiếp: Tháng 2 là tháng Mão, . . .

- Triều nhà Thương: **Kiến Sửu**, nghĩa là lấy tháng Giêng là tháng Sửu, rồi tính kế tiếp: Tháng 2 là tháng Dần. . . .

- Triều nhà Châu: **Kiến Tý**, nghĩa là lấy tháng Giêng là tháng Tý, rồi tính kế tiếp: Tháng 2 là tháng Sửu, . . .

- Triều nhà Tần: **Kiến Hợi**, nghĩa là lấy tháng Giêng là tháng Hợi, rồi tính kế tiếp: Tháng 2 là tháng Tý, . . .

- Đến đời vua Võ Đế, triều nhà Hán, lấy trở lại Chính Sóc **Kiến Dần của nhà Hạ**, tức là lấy tháng Giêng là tháng Dần, và sử dụng từ thời đó đến ngày nay không thay đổi nữa.

Điều này thích hợp với quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của người Đông phương là: Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhân sinh ư Dần. Làm lịch là để cho nhân dân sử dụng, nên lấy tháng khởi đầu một năm là Dần thì đó là điều hợp lý.

Lấy theo **Kiến Dần**, tên các tháng Âm lịch như sau:

| | | | |
|----------------|-------|-------------------|-------|
| - Tháng giêng: | Dần. | - Tháng bảy: | Thân. |
| - Tháng hai: | Mão. | - Tháng tám: | Dậu. |
| - Tháng ba: | Thìn. | - Tháng chín: | Tuất. |
| - Tháng tư: | Tý. | - Tháng mười: | Hợi. |
| - Tháng năm: | Ngọ. | - Tháng mười một: | Tý. |
| - Tháng sáu: | Mùi. | - Tháng mười hai: | Sửu. |

Nếu năm Âm lịch khởi đầu bằng CAN (?) thì tháng Âm lịch khởi đầu bằng CAN (?) theo bảng qui định sau đây:

| Năm khởi đầu bằng Can | | Tháng Giêng khởi đầu bằng Can |
|-----------------------|------|-------------------------------|
| Giáp | Kỷ | Bính |
| Ất | Canh | Mậu |
| Bính | Tân | Canh |
| Đinh | Nhâm | Nhâm |
| Mậu | Quý | Giáp |

Thí dụ: Năm nay là năm Canh Thìn thì tháng Giêng là tháng Mậu Dần, nối tiếp tháng hai là tháng Kỷ Mão,...

Một tháng Âm lịch, kể từ lúc không trăng cho đến lúc không trăng tiếp theo (đúng một tuần trăng) là 29, 53 ngày mặt trời. Đây là một số lẻ, nên nhà làm lịch đặt ra: tháng Âm lịch 29 ngày là tháng thiếu (Tiểu nguyệt), và tháng 30 ngày là tháng đủ (Đại nguyệt). Các tháng Âm lịch thiếu và đủ xen kẽ nhau.

Do đó, một năm Âm lịch có: $29, 53 \times 12 = 354,36$ ngày, ít hơn năm Dương lịch vì năm Dương lịch có 365,25 ngày.

Số ngày ít hơn là: $365,25 - 354,36 = 10,89$ ngày.

Trong 3 năm, số ngày Âm lịch ít hơn Dương lịch:

$10,89 \times 3 = 32,67$ ngày.

Để phù hợp với năm Dương lịch và không sai lệch mấy so với thời tiết trong một năm, thì cứ 3 năm Âm lịch, người ta thêm vào một tháng Nhuận, để cho số ngày trong 3 năm của Âm lịch và Dương lịch được gần bằng nhau.

Cho nên, đối với Âm lịch, sau 3 năm có một năm Nhuận và năm Nhuận đó có 13 tháng.

* Gọi tên giờ Âm lịch:

Theo Âm lịch, mỗi ngày được chia thành 12 khoảng thời gian bằng nhau, mỗi khoảng ấy được gọi là giờ Âm lịch.

Giờ Âm lịch được đặt tên theo Thập nhị Địa chi, tức 12 con giáp, khởi đầu là giờ Tý lúc 0 giờ.

Sau đây là Bảng chia giờ Âm lịch theo 24 giờ bình thường của mỗi ngày:

- Giờ Tý : từ 0 giờ đến 2 giờ.
- Giờ Sửu : từ 2 giờ đến 4 giờ.
- Giờ Dần : từ 4 giờ đến 6 giờ.
- Giờ Mão : từ 6 giờ đến 8 giờ.
- Giờ Thìn : từ 8 giờ đến 10 giờ.
- Giờ Tỵ : từ 10 giờ đến 12 giờ.
- Giờ Ngọ : từ 12 giờ đến 14 giờ.
- Giờ Mùi : từ 14 giờ đến 16 giờ.
- Giờ Thân : từ 16 giờ đến 18 giờ.
- Giờ Dậu : từ 18 giờ đến 20 giờ.
- Giờ Tuất : từ 20 giờ đến 22 giờ.
- Giờ Hợi : từ 22 giờ đến 24 giờ, bắt qua 0 giờ hôm sau.

Như vậy, chúng ta nhận thấy:

* Giờ Tý khởi đầu lúc 0 giờ, nên thời điểm 0 giờ được gọi là Chánh Tý. (Chánh là đứng đầu).

* Giờ Ngọ khởi đầu lúc 12 giờ trưa, nên thời điểm 12 giờ trưa được gọi là Chánh Ngọ (đầu giờ Ngọ).

* Vấn đề sứt lại 1 giờ trong Âm lịch:

Những người coi ngày giờ tốt xấu để gả cưới, dựng nhà, khai trương, khởi hành, . . . đều sử dụng các giờ Âm lịch sụt lại 1 giờ so với Bảng vừa ghi trên, kê ra như sau:

- Giờ Mẹo: từ 5 giờ tới 7 giờ sáng.
- Giờ Thìn: từ 7 giờ tới 9 giờ sáng.
- Giờ Ty: từ 9 giờ tới 11 giờ trưa.
- Giờ Ngọ: từ 11 giờ tới 13 giờ trưa. vv

Tại sao có việc sụt lại 1 giờ như vậy?

Chúng ta giải thích điều này như sau: Thầy coi ngày tốt xấu của VN đều xử dụng Âm lịch của Tàu và các sách coi ngày của Tàu. Các sách coi ngày này đều căn cứ vào giờ địa phương của Tàu, tức giờ Bắc Kinh của họ.

Giờ Bắc Kinh của nước Tàu thì đi trước giờ VN 1 giờ.

Thí dụ: Lúc Bắc Kinh 24 giờ thì ở VN là 23 giờ.
 - - - - - 8 giờ - - - - - 7 giờ.

Do đó, khi sử dụng sách coi ngày tốt xấu của Tàu thì phải theo giờ của Tàu, tức là phải lấy giờ VN trừ bớt 1 giờ cho đúng theo giờ Tàu.

Sau đây là Bảng đối chiếu giờ Bắc Kinh và giờ VN:

| | Giờ Bắc Kinh | Tương ứng Giờ VN |
|----------|---------------------|-------------------------|
| Giờ Mão | 6 giờ đến 8 giờ | 5 giờ đến 7 giờ |
| Giờ Thìn | 8 giờ đến 10 giờ | 7 giờ đến 9 giờ |
| Giờ Ty | 10 giờ đến 12 giờ | 9 giờ đến 11 giờ |
| Giờ Ngọ | 12 giờ đến 14 giờ | 11 giờ đến 13 giờ |
| Giờ Mùi | 14 giờ đến 16 giờ | 13 giờ đến 15 giờ |
| Giờ Thân | 16 giờ đến 18 giờ | 15 giờ đến 17 giờ |
| Giờ Dậu | 18 giờ đến 20 giờ | 17 giờ đến 19 giờ |

*** Bảng Lục thập Hoa Giáp:**

| TT | Năm Âm lịch | Dương lịch | TT | Năm Âm lịch | Dương lịch |
|----|-------------|-------------|----|-------------|-------------|
| 1 | Giáp Tý | 1924 , 1984 | 31 | Giáp Ngọ | 1954 , 2014 |
| 2 | Ất Sửu | 1925 , 1985 | 32 | Ất Mùi | 1955 , 2015 |
| 3 | Bính Dần | 1926 , 1986 | 33 | Bính Thân | 1956 , 2016 |
| 4 | Đinh Mão | 1927 , 1987 | 34 | Đinh Dậu | 1957 , 2017 |
| 5 | Mậu Thìn | 1928 , 1988 | 35 | Mậu Tuất | 1958 , 2018 |

| | | | | | |
|----|-----------|-------------|----|-----------|-------------|
| 6 | Kỷ Ty | 1929 , 1989 | 36 | Kỷ Hợi | 1959 , 2019 |
| 7 | Canh Ngọ | 1930 , 1990 | 37 | Canh Tý | 1960 , 2020 |
| 8 | Tân Mùi | 1931 , 1991 | 38 | Tân Sửu | 1961 , 2021 |
| 9 | Nhâm Thân | 1932 , 1992 | 39 | Nhâm Dần | 1962 , 2022 |
| 10 | Quý Dậu | 1933 , 1993 | 40 | Quý Mão | 1963 , 2023 |
| 11 | Giáp Tuất | 1934 , 1994 | 41 | Giáp Thìn | 1964 , 2024 |
| 12 | Ất Hợi | 1935 , 1995 | 42 | Ất Ty | 1965 , 2025 |
| 13 | Bính Tý | 1936 , 1996 | 43 | Bính Ngọ | 1966 , 2026 |
| 14 | Đinh Sửu | 1937 , 1997 | 44 | Đinh Mùi | 1967 , 2027 |
| 15 | Mậu Dần | 1938 , 1998 | 45 | Mậu Thân | 1968 , 2028 |
| 16 | Kỷ Mão | 1939 , 1999 | 46 | Kỷ Dậu | 1969 , 2029 |
| 17 | Canh Thìn | 1940 , 2000 | 47 | Canh Tuất | 1970 , 2030 |
| 18 | Tân Ty | 1941 , 2001 | 48 | Tân Hợi | 1971 , 2031 |
| 19 | Nhâm Ngọ | 1942 , 2002 | 49 | Nhâm Tý | 1972 , 2032 |
| 20 | Quý Mùi | 1943 , 2003 | 50 | Quý Sửu | 1973 , 2033 |
| 21 | Giáp Thân | 1944 , 2004 | 51 | Giáp Dần | 1974 , 2034 |
| 22 | Ất Dậu | 1945 , 2005 | 52 | Ất Mão | 1975 , 2035 |
| 23 | Bính Tuất | 1946 , 2006 | 53 | Bính Thìn | 1976 , 2036 |
| 24 | Đinh Hợi | 1947 , 2007 | 54 | Đinh Ty | 1977 , 2037 |
| 25 | Mậu Tý | 1948 , 2008 | 55 | Mậu Ngọ | 1978 , 2038 |
| 26 | Kỷ Sửu | 1949 , 2009 | 56 | Kỷ Mùi | 1979 , 2039 |
| 27 | Canh Dần | 1950 , 2010 | 57 | Canh Thân | 1980 , 2040 |
| 28 | Tân Mão | 1951 , 2011 | 58 | Tân Dậu | 1981 , 2041 |
| 29 | Nhâm Thìn | 1952 , 2012 | 59 | Nhâm Tuất | 1982 , 2042 |
| 30 | Quý Ty | 1953 , 2013 | 60 | Quý Hợi | 1983 , 2043 |

Can Chi phối hợp có chu kỳ là 60 , nghĩa là: Từ năm Giáp Tý này cho đến năm Giáp Tý sau, là 60 năm. Chu kỳ 60 ấy được gọi là Lục thập Hoa Giáp.

Bảng Lục thập Hoa Giáp trên lập thành kể từ năm Giáp Tý (1924) đến năm Quý Hợi (1983) là đúng 60 năm, bước qua Giáp Tý sau, ứng với năm 1984, khởi đầu một Hoa Giáp mới.

Tìm năm Âm lịch tương ứng với năm Dương lịch hay ngược lại:

Sau đây chúng ta có 2 Bảng để tìm năm Âm lịch tương ứng năm Dương lịch, hay ngược lại: Bảng I các năm trước Công nguyên (tức trước Chúa Giáng sinh) và Bảng II sau Công nguyên. Cả 2 bảng đều căn cứ vào *năm thứ 1 Chúa Giáng sinh là năm Tân Dậu*, cho nên năm -1 (trước Chúa Giáng sinh) là năm Canh Thân).

BẢNG I trước Công nguyên

| Chi | Tý | Sửu | Dần | Mão | Thìn | Tỵ | Ngọ | Mùi | Thân | Dậu | Tuất | Hợi |
|------|----|-----|-----|-----|------|----|-----|-----|------|-----|------|-----|
| Can | | | | | | | | | | | | |
| Giáp | 57 | | 7 | | 17 | | 27 | | 37 | | 47 | |
| Ất | | 56 | | 6 | | 16 | | 26 | | 36 | | 46 |
| Bính | 45 | | 55 | | 5 | | 15 | | 25 | | 35 | |
| Đinh | | 44 | | 54 | | 4 | | 14 | | 24 | | 34 |
| Mậu | 33 | | 43 | | 53 | | 3 | | 13 | | 23 | |
| Kỷ | | 32 | | 42 | | 52 | | 2 | | 12 | | 22 |
| Canh | 21 | | 31 | | 41 | | 51 | | 1 | | 11 | |
| Tân | | 20 | | 30 | | 40 | | 50 | | 60 | | 10 |
| Nhâm | 9 | | 19 | | 29 | | 39 | | 49 | | 59 | |
| Quý | | 8 | | 18 | | 28 | | 38 | | 48 | | 58 |

Thí dụ: Tìm năm Âm lịch tương ứng với năm 2852 trước Công nguyên là năm vua Phục Hy lên ngôi.

Cách tính: Dem 2852 chia cho 60 (chu kỳ Can Chi), ta được: $2852 = 47 \times 60 + 32 \rightarrow$ Số dư của phép chia là 32.

Lấy số dư 32 này, dò lên bảng, ta thấy số 32 ứng với Can là **Kỷ** và Chi là **Sửu**. Vậy năm 2852 t. C.n. là năm **Kỷ Sửu**.

BẢNG II sau Công nguyên

| Chi | Tý | Sửu | Dần | Mão | Thìn | Tỵ | Ngọ | Mùi | Thân | Dậu | Tuất | Hợi |
|------|----|-----|-----|-----|------|----|-----|-----|------|-----|------|-----|
| Can | | | | | | | | | | | | |
| Giáp | 4 | | 54 | | 44 | | 34 | | 24 | | 14 | |
| Ất | | 5 | | 55 | | 45 | | 35 | | 25 | | 15 |
| Bính | 16 | | 6 | | 56 | | 46 | | 36 | | 26 | |
| Đinh | | 17 | | 7 | | 57 | | 47 | | 37 | | 27 |
| Mậu | 28 | | 18 | | 8 | | 58 | | 48 | | 38 | |
| Kỷ | | 29 | | 19 | | 9 | | 59 | | 49 | | 39 |
| Canh | 40 | | 30 | | 20 | | 10 | | 60 | | 50 | |
| Tân | | 41 | | 31 | | 21 | | 11 | | 1 | | 51 |
| Nhâm | 52 | | 42 | | 32 | | 22 | | 12 | | 2 | |
| Quý | | 53 | | 43 | | 33 | | 23 | | 13 | | 3 |

Thí dụ 1: Tìm năm Âm lịch tương ứng với năm 1940.

Cách tính: Lấy số 1940 chia cho 60, ta được: 32 với số dư là 20. Lấy số 20 dò lên bảng, ta thấy số 20 ứng với Can là **Canh** và ứng với Chi là **Thìn**. Vậy năm 1940 là năm **Canh Thìn**.

Thí dụ 2: Bài tính ngược lại: Tìm năm Dương lịch ứng với năm Bính Dần đầu thế kỷ 20.

Cách tính: Dò theo hàng Can để tìm chữ Bính, rồi dò theo hàng Chi để tìm chữ Dần, ta được số 6 ứng với năm Bính Dần. Số 6 này là số dư.

Ta đem số 6 này cộng với một bội số của 60, thế nào để cho số thành lớn hơn 1900 (vì điều kiện là đầu thế kỷ 20).

Ta thấy: $6 + 60 \times 32 = 1926$.

Vậy năm Bính Dần là năm 1926.

Lưu ý: Các bội số của 60 gần bằng với 1900 là: 1860, 1920, 1980.

- Nếu lấy số 1860 thì năm Bính Dần là 1866.
- Nếu lấy số 1920 thì năm Bính Dần là 1926.
- Nếu lấy số 1980 thì năm Bính Dần là 1986.

Điều kiện là đầu thế kỷ 20, nên ta chọn năm 1926.

Năm 1860 là cuối thế kỷ 19; năm 1986 là cuối thế kỷ 20, hai số này không phù hợp với điều kiện của đề bài, nên ta bỏ ra.

Trường hợp số dư là 0:

Khi ta làm bài toán chia, ta có dư số là 0 thì chúng ta lấy số 60 mà dò trên bảng.

Âm quang

陰光

A: The light of the femelle constitutive element.

P: La lumière de l'élément constitutif femelle.

Âm: Một trong hai chất khí nguyên thủy do Thái Cực phân ra: Khí Dương và Khí Âm. **Quang:** Ánh sáng.

Âm quang là khí chất nguyên thủy do Thái Cực biến hóa sanh ra, chứa đầy năng lực sanh hóa, mang tính Âm, nên mờ mịt lạnh lẽo, do Đức Phật Mẫu chưởng quản.

PMCK: Chủ Âm quang thường tàng Thiên mạng.

Tương đối với Âm quang là Dương quang.

Dương quang là khí chất nguyên thủy do Thái Cực biến hóa sanh ra, chứa đầy năng lực sanh hóa, mang tính Dương, nên ấm áp và trong sáng, do Đức Chí Tôn chưởng quản.

Theo Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài, Khí Hư Vô hay Hư Vô chi Khí là khởi thủy. Khí Hư Vô biến hóa sanh ra một Đấng duy nhất gọi Thượng Đế và ngôi của Ngài là Thái Cực.

Đấng Thượng Đế, thường gọi là Đức Chí Tôn, phân Thái Cực ra Lương Nghi: Âm quang và Dương quang. Đó là hai khí chất nguyên thủy có tính đối nghịch nhau, nhưng lại có ái lực nhau, chứa đầy năng lượng sanh hóa vô cùng tận.

Đức Chí Tôn chưởng quản Dương quang. Còn Khí Âm quang chưa có ai chưởng quản. Đức Chí Tôn liền hóa thân ra Đức Phật Mẫu để chưởng quản Âm quang.

Đức Phật Mẫu vận chuyển Khí Âm quang mật mù tỏa rộng khắp trong không gian. Khi Đức Chí Tôn muốn tạo hóa, Đức Chí Tôn cho Dương quang chiếu tới để phối hợp với Âm quang mà hóa sanh CKVT và vạn vật.

Bát Nương DTC giảng cơ ngày 10-1-Nhâm Thìn (1952), giảng giải như sau: (trích trong Luật Tam Thể)

"Nơi Ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm quang. Đài ấy thấu lặn Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên Chơn thần cho vạn linh trong CKVT. Phật Mẫu là Đấng nắm Cơ Sanh hóa, thay quyền Chí Tôn, đứng ra thấu cả Thập Thiên can, đem hiệp với Thập nhị Địa chi mà tạo nên vạn vật. Nơi Cung Diêu Trì là nơi tạo nên Chơn thần và Thẻ xác đó vậy....."

Bát Nương cũng có giảng giải về Âm quang như sau:

TNHT: "Âm quang là khí chất hỗn độn sơ khai, khi Chí Tôn chưa tạo hóa thì Âm quang được tích chứa nơi DTC. Cái khí Âm quang đó cũng tỉ như cái trứng của phụ nữ để tạo nên loài người. Khi Chí Tôn muốn tạo hóa, Chí Tôn đem khí Dương quang ám áp chiếu tới, thì lúc đó, Dương quang phối hiệp với Âm quang mà hóa sanh vạn vật.

Nơi nào ánh Dương quang của Chí Tôn chưa chiếu đến thì nơi đó chỉ có Âm quang nên phải bị tối tăm, mật mờ, chẳng sanh chẳng hóa, và nơi đó gọi là cõi Âm quang."

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DTC: Diêu Trì Cung.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Cõi Âm quang

A: The world of the sinful souls.

P: Le monde des âmes pécheresses.

Cõi Âm quang là nơi chỉ có khí Âm quang mà không có ánh Dương quang chiếu tới.

Do đó, cõi Âm quang tối tăm, lạnh lẽo, buồn thảm lạ thường. Chư Tiên, Phật xưa gọi nơi ấy là: Âm cảnh, Âm phủ, U Minh, Phong Đô, . . .

Khi Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ thì Đức Chí Tôn đóng cửa Địa ngục, ân xá cho các đấng linh hồn tội lỗi khỏi bị hành hình, mà đưa họ đến cõi Âm quang để học đạo và tự xét mình, ăn năn sám hối tội tình, cầu khẩn Đức Chí Tôn cứu vớt.

Thất Nương DTC nói rõ về cõi Âm quang như sau:

TNHT: “Cõi Âm quang là nơi Thần Linh Học gọi là Trường đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là Tịnh Tâm Xá, nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đặng tịnh tâm xét mình coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội. Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình.

Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang. Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dầu gây lắm tội tình mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn đặng tự hối hay là đặng giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ hay là con cái của các chơn hồn cầu rỗi.

Ôi ! Tuy vân, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hàng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy. Đó là mấy Đạo hữu tin đồ bị thất thế, phụ nữ lại là phần đông hơn hết.”

Bát Nương DTC cũng chỉ rõ như sau:

TNHT: “Âm quang là nơi để cho các chơn hồn giải thân định trí (một nơi trung gian giữa Thiên đường và Địa ngục hay là mờ mờ mịt mịt). Ấy là một cái quan ải, các chơn hồn khi qui Thiên phải đi ngang qua đó. Sự khó khăn bước khỏi qua đó là đệ nhất sợ của các chơn hồn. Nhưng tâm tu còn lại chút nào

nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm. Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy chơn thần thanh trược.

Chí Tôn buộc trường trai cũng vì cái quan ải ấy."

Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát làm Giáo chủ cõi Âm quang, và Ngài trách nhiệm giáo hóa các nam tội hồn; phần giáo hóa các nữ tội hồn thì giao cho Thất Nương DTC.

Thất Nương có thuật lại cho Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm biết như sau: (Thất Nương xưng là Em)

TNHT: "Ngày hội Ngọc Hư Cung đặng lo phương tiếp pháp của Tây phương Cực Lạc qua, Em đã đặng nghe thấy những lời của Địa Tạng Vương Bồ Tát than thở rằng: Ngài là Phật, nên khó gần gũi các hồn nữ phái mà khuyến giáo cơ giải thoát mê đồ. Bởi có, nơi Âm quang, nữ hồn còn bị luyện tội nhiều hơn nam phái bội phần. Em lại nghe Người ước rằng: Chớ chi có một Đấng Nữ Tiên dám đảm đương đến phổ tế mới mong tận độ chư vong của Phong Đô thoát kiếp. Em mới để dạ lo lường, cả lòng lân ái đến đó. Em đã chán thấy nhiều tội tình chẳng trọng hệ, song có hồn chịu sâu thảm lạ thường. Em đã liệu nhiều phương thế cho từ đây mấy chơn hồn có bề để tránh khỏi cửa Âm quang hãm tội."

Trong Luật Tam Thể, Bát Nương giáng cơ ngày 10-1-Nhâm Thìn (1952) nói về cõi Âm quang như sau:

"Nơi Cung Diêu Trì còn có một cõi Âm Quang riêng biệt gọi là Phong Đô đặng giáo hóa các chơn thần đã bị lạc nẻo trên đường trần."

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

DTC: Diêu Trì Cung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Âm thanh sắc tướng

音聲色相

A: The sound and the appearance: The tangible verity.

P: Le son et l'apparence: La vérité tangible.

Âm: Tiếng. **Thanh:** Tiếng. **Sắc:** Các vật có hình dáng.
Tượng: Hình dáng bề ngoài thấy được.

Âm thanh sắc tướng là chỉ chung những hình thức hữu hình dùng trong tôn giáo, như: Tiếng tụng kinh, âm nhạc, chuông mõ, trống, nghi lễ cúng tế, hình tượng để thờ phượng, áo mão Chức sắc, phẩm tước, v.v....

Trái với Âm thanh sắc tướng là Vô vi vô hình.

"Tam giáo xưa kia lập Đạo, lúc ban sơ truyền bá cơ diệu lý quang minh, bắt từ chỗ vô vi khẩu thọ tướng truyền, lần lần xuống thì trở ra hữu hình mà Đạo mầu thất chánh, tâm pháp lạc sai. Ấy là cơ Đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam giáo, thất chơn truyền diệu pháp.

Còn Đạo Thầy lại trái hẳn với Tam giáo, là bắt đầu truyền Đạo thì dụng hữu hình, lấy sắc tướng âm thanh mà độ đời một cách lạ lùng mau chóng. Vả lại, Đạo Thầy bắt đầu do chỗ hữu hình mà truyền bá, rồi lần lần mới dẹp hết chỗ hữu hình mà đi đến chỗ vô vi, là cơ Siêu phàm nhập Thánh.

Vậy, thà trước dụng cơ hữu hình để phổ hóa cho cơ Đạo dễ lưu thông, rồi cứ đó mà dắt dẫn cho nó tấn hóa mãi trên đường cao thượng, riết đến chỗ không hư tức là vô vi thì Đạo pháp mới phát minh, cơ diệu lý huệ tâm ứng lộ.

Thế là Đạo Thầy không hư hoại đặng; mà không hư hoại đặng là nhờ ở chỗ hữu hình đi lên riết đến tận vô vi. Còn Tam giáo xưa lại từ vô vi mà lần lần sa sụt xuống hữu hình, mới thành Đạo bẻ, rồi sai lầm ra ngoại giáo bàng môn." (ĐTCG)

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

ÂM

Âm thực tinh khiết

飲食精潔

A: To drink and to eat purely.

P: Boire et manger purement.

Ẩm: Uống. **Thực:** Ăn. **Tinh khiết:** Trong sạch.

Ẩm thực tinh khiết là ăn uống trong sạch, tức là thức ăn và thức uống là đồ chay trong sạch, bổ dưỡng, không dùng các chất kích thích như rượu, cà phê, thuốc lá, ...

Nếu còn ăn mặn thì không thể gọi là ẩm thực tinh khiết được, vì đồ ăn mặn có nhiều chất ô nhiễm.

Trong phần Luyện thân Luyện trí để bước vào con đường thứ ba Đại Đạo, tức là vào Tịnh Thất luyện Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp dạy:

"Ẩm thực tinh khiết. Tư tưởng tinh khiết.

Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí Tôn và Phật Mẫu.

Thương yêu vô tận.

Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này."

ÂN

Ân

1. **ÂN:** 恩 Ơn. Td: Ân điển, Ân huệ.
2. **ÂN:** 慇 Lòng lo lắng. Td: Ân cần.

Ân cần

慇勤

A: Accommodating.

P: Complaisant.

Ân: Lòng lo lắng. **Cần:** Siêng năng, chịu khó.

Ân cần là lo lắng và chăm sóc chu đáo.

KCS: Quan Thế Âm lân mẫn *ân cần*.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

Ân điển

恩典

A: The favour of king.

P: La faveur du roi.

Ân: Ơn. **Điển:** Phép tắc.

Phép tắc của vua là khi có dịp vui mừng thì ban ơn cho cả quan và dân trong nước, nên gọi là ân điển.

TNHT: Thầy đã cho kẻ thù Thầy đặng hưởng *ân điển* của Thầy, lẽ nào truất bỏ phần của các con,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ân hậu

恩厚

A: The generous favour.

P: La faveur généreuse.

Ân: Ơn. **Hậu:** Dày, trái với Bạc là mỏng.

Ân hậu là ơn dày, cái ơn lớn lao dày dặn.

KSH: Thi *ân hậu* bạc ngàn khó sánh.

KSH: Kinh Cầu Siêu.

Ân hồng

恩洪

A: The favour of God.

P: La faveur de Dieu.

Ân: Ơn. **Hồng:** To lớn, chỉ Đức Chí Tôn.

Ân hồng hay Hồng ân là ơn của Đức Chí Tôn ban cho.

KTCMĐQL: Cõi Hư linh bao phủ *ân hồng*.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đấng Qui Liễu.

Ân huệ

恩惠

A: The favour, the kindness.

P: La faveur, le bienfait.

Ân: Ơn. **Huệ:** Ơn, cái ơn làm cho người khác.

Ân huệ là cái ơn làm cho người khác.

TNHT: Tạo hóa đã sắp bày độ dẫn, nhuần gội *ân huệ* cho sanh linh, đương buổi Hạ nguơn này.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ân phong

恩封

A: To reward.

P: Récompenser.

Ân: Ơn. **Phong:** Vua ban phẩm tước cho bề tôi.

Ân phong là Đức Chí Tôn ban ơn phong thưởng phẩm tước Chức sắc cho những vị có công nghiệp hành Đạo.

ĐLMD: Những vị nào có đủ công nghiệp mà đã quá lục tuần, đặng đem vào thông qui cầu hàm phong, nhưng phải chịu các điều kiện buộc như những vị đặng hưởng *ân phong* vậy.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Ân sinh

恩生

A: To survive by the favour of God.

P: Survivre par la faveur de Dieu.

Ân: Ơn. **Sinh:** Sống.

Ân sinh là ban ơn cho được sống còn.

BDR: Thoát tai bá tánh nguỡng *ân sinh*.

BDR: Bài Dâng Rượu.

Ân tứ

恩賜

A: To grant a favour.

P: Accorder une faveur.

Ân: Ơn. **Tứ:** Người trên ban cho kẻ dưới.

Ân tứ là Đức Chí Tôn ban ơn cho các tín đồ.

TNHT: Xưa sanh linh lắm lần hy sinh vì Đạo, song chẳng đặng *ân tứ* cho bằng các môn đệ của Thầy ngày nay.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ân xá

恩赦

A: The amnesty; to give an amnesty.

P: L'amnistie ; donner une amnistie.

Ân: Ơn. **Xá:** Tha tội.

Ân xá là ban ơn tha tội cho.

ĐĐTKPĐ được gọi là Đại Ân Xá Kỳ Ba của Thượng Đế ở phương Đông, Hội Thánh dịch ra Pháp văn là: Troisième Amnistie de Dieu en Orient.

Mỗi kỳ Khai Đạo là Đức Chí Tôn đại ân xá cho các đảng linh hồn, nếu biết ngộ kiếp một đời tu thì có thể đắc đạo, trở về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn. (Xem chi tiết: **Đại Ân Xá**).

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

ẤN

ẤN

ẤN: 印 có nhiều nghĩa tùy trường hợp:

1. **Ấn:** Con dấu đóng vào giấy tờ để làm tin.
Td: Ấn ký.

2. **Ấn:** In ra nhiều bản.
Td: Ấn hành, Ấn tống.
3. **Ấn:** Hai bàn tay làm một dấu hiệu đặc biệt về Đạo, có tác dụng huyền bí.
Td: Ấn Tý.

Ấn chứng

印證

A: The mark of the spiritual exercise.

P: L'empreinte de l'exercice spirituel.

Ấn: Dấu hiệu để làm tin. **Chứng:** Xác nhận có thật.

Ấn chứng là những dấu hiệu xác nhận kết quả đạt được sau một thời gian công phu luyện đạo.

TNHT: Nếu như các con còn ăn mặn, luyện đạo rủi có *ấn chứng* thì làm sao giải tán cho đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ấn hành

印行

A: To print and to publish.

P: Imprimer et publier.

Ấn: In ra nhiều bản. **Hành:** Đi từ nơi này đến nơi khác.

Ấn hành là in ra và phân phát rộng rãi.

TL: Chẳng được soạn hay *ấn hành* những truyện phong tình huê nguyệt.

TL: Tân Luật.

Ấn ký

印記

A: Signature and seal.

P: Signature et cachet.

Ấn: In ra nhiều bản. **Ký:** Ký tên, chữ ký tên.

Ấn ký là con dấu và chữ ký tên (hay ký tên và đóng dấu).

Ấn tổng

印送

A: Printed for free distribution.

P: Imprimé pour distribution gratuite.

Ấn: In ra nhiều bản. **Tổng:** Tặng, biếu.

Ấn tổng là in sách để tặng cho mọi người, không bán.

Các kinh sách của Đạo hay sách khuyến tu được những người phát tâm lập âm chất mượn in rồi phát không cho mọi người. Những quyển sách này thường được in ở bìa sau hai chữ "ẤN TỔNG"

Ấn Tý

印子

A: To joint two hands at Tý.

P: Joindre deux mains en Tý.

Ấn: Hai bàn tay làm một dấu hiệu đặc biệt về Đạo, có tác dụng huyền bí. **Tý:** Chi đứng đầu trong Thập nhị Địa chi. Trên lòng bàn tay trái, vị trí chi Tý ở chân ngón áp út, chân ngón tay giữa là chi Sửu, chân ngón tay trở là chi Dần.

Trong Đạo Cao Đài, khi cúng lạy, hai bàn tay phải bắt Ấn Tý. Bắt Ấn Tý là làm như sau:

Bàn tay trái, co ngón cái bấm vào chi Tý (chân ngón áp út), rồi nắm tay lại. Bàn tay mặt ôm bên ngoài cái nắm tay trái tạo thành một khối tròn, ngón tay cái của bàn tay mặt bấm vào chi Dần của bàn tay trái.

Hai bàn tay bắt Ấn Tý như vậy, có ý chỉ rằng: Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần. (Trời khai ở Hội Tý, Đất yên ở Hội Sửu, Người sanh ra ở Hội Dần).

Tay tả là Dương, tay mặt là Âm. Hai tay chấp lại là Âm Dương hiệp nhất, phát khởi Càn khôn, hóa sanh vạn vật.

Hai tay chấp lại tạo hình như một trái cây, tượng trưng sự kết quả của hai kỳ Phổ Độ trước là: Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ

Phổ Độ.

■ Thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng dạy cách bắt tay: Hai bàn tay mặt và trái nắm co chấp lại, giống như cái bông búp.

■ Thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Thích Ca dạy hai bàn tay xòe chấp lại cho hai lòng bàn tay ốp sát vào nhau, và khi lạy thì hai bàn tay lật ngửa ra giống như cái bông nở.

■ Nay là thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài, dạy hai bàn tay bắt Ấn Tý chấp lại, tựa như kết thành quả, có cái hột bên trong, chỉ rằng đây là thời kỳ kết quả của hai thời kỳ Phổ Độ trước là bông búp rồi bông nở. Khi lạy thì mở hai bàn tay ra và úp xuống như là gieo hạt giống.

Như vậy, Ấn Tý là Ấn đặc biệt của ĐĐTKPĐ. Do đó, khi cúng lạy Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, hay lạy các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, lạy Cửu Huyền Thất Tổ, lạy vong, chúng ta đều phải bắt Ấn Tý.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

ẤN

ẤN

ẤN: 隱 Giấu kín, che giấu.

Td: Ấn danh, Ấn nhấn.

Ấn danh

隱名

A: To retain one's anonymity.

P: Garder l'anonymat.

Ấn: Giấu kín, che giấu. **Danh:** Tên.

Ấn danh là giấu tên, không muốn người ta biết tên mình.

TNHT: Sánh vai Sào Phủ *ấn danh* xưa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ẩn nhẫn

隱忍

A: To repress oneself.

P: Se reprimer.

Ẩn: Giấu kín, che giấu. **Nhẫn:** Nhịn nhục.

Ẩn nhẫn là giấu kín lòng riêng của mình mà nhịn nhục cho qua thời buổi.

TNHT: Chi chi cũng *ẩn nhẫn* đợi lệnh Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ẩn thân

隱身

Ẩn: Giấu kín, che giấu. **Thân:** Thân mình.

Ẩn thân là giấu kín thân mình ở một nơi vắng vẻ để được yên ổn tu hành và luyện đạo.

TNHT: Nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà *ẩn thân* luyện đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ÂU

Âu ca

謳歌

A: To sing joyfully.

P: Chanter joyusement.

Âu: Hát đều tiếng với nhau. **Ca:** Hát.

Âu ca là cùng nhau ca hát vui vẻ.

Âu ca lạc nghiệp là cùng nhau ca hát vui vẻ vì có nghề nghiệp làm ăn sinh sống thoải mái.

Mạnh Tử viết: Bất âu ca Nghiêu chi tử, nhi âu ca Thuấn. Nghĩa là: Không ca hát ngợi khen con của vua Nghiêu, mà hát

ca ngợi khen Ông Thuấn. Bởi vì con vua Nghiêu không là người hiền, còn Ông Thuấn là người hiền. Do đó, vua Nghiêu không truyền ngôi cho con mà truyền ngôi cho Ông Thuấn.

TNHT: Hồng ân chung hưởng buổi *âu ca*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ÂU

ÂU

ÂU: 幼 Bé nhỏ, non nớt.

Td: Ấu trĩ viện, Ấu xuân.

Ấu trĩ viện

幼稚院

A: The crèche.

P: Le crèche.

ÂU: Bé nhỏ, non nớt. **Trĩ:** Trẻ con. **Viện:** Tòa nhà lớn.

Ấu trĩ viện là tòa nhà dùng làm nơi nuôi dạy trẻ con trong lứa tuổi mẫu giáo (dưới 6 tuổi).

ĐLMD: Nơi mỗi nhà Sở Phước Thiện chánh, phải lập các cơ quan thiết dụng như là: Bảo Sanh Viện, Y Viện, Ấu Trĩ Viện, Dưỡng Lão Đường, Học Viện.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Ấu xuân

幼春

A: Infancy. P: Enfance.

ÂU: Bé nhỏ, non nớt. **Xuân:** Tuổi trẻ, thời niên thiếu.

Ấu xuân là thời tuổi trẻ còn non nớt, thời học trò.

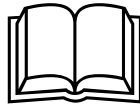
KTKTQV: Công thầy tô điểm từ ngày *ấu xuân*.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Ბ

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn B

BA

- Ba chi -Ba nhánh - Ba phái
- Ba giềng - Ba mối
- Ba mươi sáu cõi Thiên Tào
- Ba sanh (Ba sinh)
- Ba Trấn
- Ba vạn sáu ngàn ngày
- Ba vòng Vô vi

BÀ

- Bà Đen: Linh Sơn Thánh Mẫu

BÁ

- Bá
- Bá Huê Viên
- Bá nạp quang
- Bá Nha - Tử Kỳ
- Bá tánh
- Bá thiên vạn ức Phật
- Bá tông
- Bá trạo
- Bá tước công khanh

BẢ

- Bả bươn
- Bả vinh hoa

BÁC

- Bác ái
- Bác luật - Phá cỗ

BẠC

- Bạc đãi

BÁCH

- Bách
- Bách niên giai lão
- Bách tuế vi kỳ
- Bách văn bất như nhất kiến
- Bách xuyên quy hải

BẠCH

- Bạch
- Bạch câu quá khích
- Bạch Khỉ (Bạch Khởi)
- Bạch Ngọc Chung đài
- Bạch Ngọc Chung minh
- Bạch Ngọc Công Đồng
- Bạch Ngọc Kinh
- Bạch phát
- Bạch tuyết thân quang đái
- Bạch vân thương cầu
- Bạch Vân Động

BÀI

- Bài bác
- Bài vị

BAN

- Ban
- Ban Kiến trúc
- Ban môn lộng phủ
- Ban Phép lành
- Ban sắc
- Ban sơ
- Ban Thế Đạo
- Ban Tử Vụ
- Ban Ủy Viên Hội Nhơn Sanh
- Ban Ủy Viên Phước Thiện

BÀN

- Bàn
- Bàn Cai Quản Phước Thiện
- Bàn Cổ
- Bàn cờ huyền bí
- Bàn đào
- Bàn Trị Sự

BÁN

- Bán
- Bán đồ nhi phé
- Bán hữu hình
- Bán tự vi sự

BÀNG

- Bàng Cử
- Bàng môn Tả đạo

BÁNH

- Bánh Dầy - Bánh Chưng
- Bánh vẽ

BAO

- Bao
- Bao hàm
- Bao nả
- Bao tóc

BÁO

- Báo
- Báo Ân Đường
- Báo Ân Từ
- Báo Quốc Từ
- Báo ứng nhãn tiền

BẢO

- Bảo
- Bảo Đạo
- Bảo Đạo Ca Minh Chương (1850-1928)
- Bảo hộ
- Bảo kê
- Bảo lãnh
- Bảo mạng
- Bảo Pháp
- Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu (1892-1961)
- Bảo Quân

- Bảo Sanh
- Bảo Sanh Quân
- Bảo Sanh Quân Lê Văn Hoạch (1896-1978)
- Bảo Thế
- Bảo Thế Lê Thiện Phước (1895-1975)
- Bảo Thế - Thánh Vệ
- Bảo thủ chơn truyền
- Bảo Văn Pháp Quân
- Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu (1884-1958)

BÁT

- Bát
- Bát âm
- Bát bộ
- Bát bửu - Dàn Bát bửu
- Bát cảnh cung
- Bát Đạo Nghị Định
- Bát hồn
- Bát nhã
- Bát nhã ba la mật
- Bát nhã thuyền
- Bát Nương
- Bát quái
- Bát Quái Đài
- Bát Quái Mạo
- Bát Tiên
- Bát vu

BẠT

- Bạt tiến

BẦY

- Bầy dây oan nghiệt
- Bầy Lão
- Bầy bài

BẮC

- Bắc
- Bắc Đẩu
- Bắc Khuyết

BÀN

- Bàn
- Bàn cùng sanh đạo tặc
- Bàn dưng
- Bàn đạo
- Bàn tăng
- Bàn tiện mạc vong

BẮT

- Bắt
- Bắt cặp
- Bắt câu
- Bắt di bắt dịch
- Bắt đặc kỳ tử
- Bắt hoặc
- Bắt hủ
- Bắt khả tri, bắt khả nghị
- Bắt khả tư nghị
- Bắt mục

- Bất sanh bất diệt
- Bất tận
- BẦU**
 - Bầu
 - Bầu nhứt nguyệt
- BÃY**
 - Bầy vô thường
- BẺ**
 - Bẻ bai biếm nhẻ
- BÈO**
 - Bèo bọt
- BẾ**
 - Bế
 - Bế Đạo - Khai Đạo
- BỂ**
 - Bể địch trợ hoang
- BẺ**
 - Bể (Xem: Biển)
- BẾN**
 - Bến khổ sông mê
- BI**
 - Bi - Trí - Dũng
- BÍ**
 - Bí thương
- BÍ**
 - Bí
 - Bí pháp - Thẻ pháp
- BÍ**
 - Bí tích
 - Bí truyền
- BỈ**
 - Bỉ ngạn
- BỈ**
 - Bỉ thái
- BIẾM**
 - Biếm bác
- BIẾN**
 - Biến
 - Biến kinh
- BIẾN**
 - Biến sanh
 - Biến thể

BIỂN

- Biển dâu - Biển nọ hóa
còn dâu
- Biển giác
- Biển hoạn
- Biển khổ - Biển trần -
Biển trần khổ
- Biển mê

BIỆN

- Biện nhi

BIỆT

- Biệt điện

BÌNH

- Bình
- Bình địa
- Bình sanh
- Bình tâm
- Bình thân

BÓNG

- Bóng
- Bóng dương - Bóng
nhật
- Bóng hồng
- Bóng khuất xương tan
- Bóng ngọc
- Bóng quang âm
- Bóng tùng

BỒ

- Bồ đoàn
- Bồ đề
- Bồ Đề Đạt Ma
- Bồ liễu
- Bồ Tát
- Bồ Tát Ma Ha Tát

BỐ

- Bố
- Bố cáo
- Bố hóa
- Bố thí
- Bố trí
- Bố tử

BỔ

- Bổ báo

BỘ

- Bộ
- Bộ công
- Bộ hạ
- Bộ Nhạc
- Bộ Pháp Chánh (Tòa
Đạo)
- Bộ từ khí

BÔN

- Bôn xu

BỒN (BẢN)

- Bồn
- Bồn đảo
- Bồn hội
- Bồn lai diện mục
- Bồn nguyên
- Bồn quốc

BỒNG

- Bồng Dinh - Bồng Đảo - Bồng Lai

BỜ

- Bờ
- Bờ dương
- Bờ giác

BỌN

- Bọn sầu

BÚT

- Bút
- Bút cơ
- Bút hoa
- Bút thần

BƯỜNG

- Bường

BỮU (BẢO)

- Bửu
- Bửu điện
- Bửu pháp
- Bửu tháp
- Bửu tòa
- Bửu tượng

BA

Ba chi -Ba nhánh - Ba phái

A: Three branches - Three sects.

P: Trois branches - Trois sectes.

Chi: Nhánh. Ba chi là ba nhánh.

■ Các Chức sắc CTĐ được phân ra làm ba chi hay ba phái:

- Phái Ngọc , cũng gọi là phái Nho hay phái Thánh: mặc đạo phục màu đỏ, mũ đỏ, có Thánh danh khởi đầu bằng chữ Ngọc.
- Phái Thượng, cũng gọi là phái Lão hay phái Tiên: mặc đạo phục màu xanh, mũ xanh, có Thánh danh khởi đầu bằng chữ Thượng.
- Phái Thái, cũng gọi là phái Thích hay phái Phật: mặc đạo phục màu vàng, mũ vàng, có Thánh danh khởi đầu bằng chữ Thái.

Các Chức sắc đồng phẩm nhưng khác phái đều đồng quyền nhau, không ai lớn hay nhỏ hơn ai.

PCT: *Ba chi* tuy khác chức quyền lực như nhau.

Hàng phẩm Chức việc Bàn Trị Sự cầu phong lên hàng Lễ Sanh, được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ chấm phái. Khi đã được chấm phái rồi thì phải giữ sắc phái đó suốt đời, dù được thăng lên nhiều cấp hay thay đổi đời Giáo Tông khác.

■ **Ba nhánh** là chỉ Tam Giáo.

Tam giáo gồm: Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo.

KK: Một cội sanh *ba nhánh* in nhau.

■ Bên HTĐ, Thập nhị Thờ Quân được chia làm ba chi:

- Chi Pháp: do Đức Hộ Pháp chưởng quản, dưới quyền có 4 vị Thờ Quân: Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp, Tiếp Pháp.

- Chi Đạo: do Đức Thượng Phẩm chưởng quản, dưới quyền có 4 vị Thời Quân: Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo, Tiếp Đạo.
- Chi Thế: do Đức Thượng Sanh chưởng quản, dưới quyền có 4 vị Thời Quân: Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế, Tiếp Thế.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.
PCT: Pháp Chánh Truyền.
KK: Khai Kinh.

Ba giềng - Ba mối

A: Three net ropes. - Three duties.

P: Trois liens sociaux. - Trois devoirs.

Giềng: Cái dây lớn của tấm lưới. **Mối:** Đầu sợi dây.

Ba giềng hay Ba mối là dịch nghĩa chữ Tam cương hay Tam cang. Cương hay Cang là giềng mối.

Tam cang gồm: Quân thần cang, Phụ tử cang, Phu thê cang, nghĩa là: Giềng mối vua tôi, Giềng mối cha con, Giềng mối vợ chồng.

Tam cang còn được giải thích là: Trung, Hiếu, Kính, nghĩa là: Trung với vua, Hiếu với cha mẹ, Kính bậc thầy và người trên trước. (Xem chi tiết nơi chữ Tam cang)

KSH: - Trai trung hiếu sửa trau *ba mối*.

- *Ba giềng* nắm chặt, nắm hằng chớ rời.

KSH: Kinh Sám Hối.

Ba mươi sáu cõi Thiên Tào

A: Thirty-six Heavens.

P: Trente-six Cieux.

Thiên: Trời. **Tào:** Cơ quan có nhiệm vụ chuyên môn trong triều đình của Thượng Đế. Mỗi Thiên Tào là một tầng Trời.

Ba mươi sáu cõi Thiên Tào là 36 tầng Trời, chữ Hán gọi là Tam thập lục Thiên. (Xem chi tiết: Tam thập lục Thiên)

KKĐCR: *Ba mươi sáu cõi Thiên Tào.*
 Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Ba sanh (Ba sinh)

A: *The three lives.*

P: *Les trois existences.*

Sanh hay sinh là sống.

Ba sanh hay Ba sinh là ba kiếp sống.

Nợ ba sinh: Món nợ tình ái giữa hai người Nam Nữ trong ba kiếp luân hồi phải gặp nhau.

Điều này phù hợp với luật Nhân Quả. Trong chuyện tình yêu, một câu thề nguyện hẹn hò giữa hai người Nam và Nữ, không phải nói rằng chơi mà có Thần Thánh chứng biết, nếu cuộc tình dang dở không kết thành chồng vợ được trong kiếp này thì nội trong ba kiếp tới, hai người cũng phải tái kiếp để gặp nhau mà kết thành chồng vợ.

Trong văn học, Ba sinh là để chỉ mối duyên vợ chồng ràng buộc hai người từ kiếp trước.

Diễn tích: Theo Cam Trạch Dao, Lý Nguyên đời Đường kết bạn thân với ông sư Viên Trạch chùa Huệ Lâm. Một hôm hai người cùng đi chơi núi Tam Giáp, gặp một người đàn bà đi gánh nước. Sư Viên Trạch nói:

- Bà đó là nơi thác thân của tôi. Mười hai năm sau, bạn sẽ gặp lại tôi tại mé ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu.

Đêm hôm đó, Viên Trạch chết. Mười hai năm sau, Lý Nguyên nhớ lời hẹn ước, liền tìm đến Chùa Thiên Trúc, gặp một đứa trẻ chăn trâu. Đứa trẻ ấy cất tiếng hát:

*Tam sinh thạch thượng cựu tình hồn,
 Thường nguyệt ngâm phong bất yếu luận,
 Tâm quý tình nhân viễn tương phỏng,
 Thử thân tuy dị tánh trường tồn.*

Nghĩa là:

Tình hồn cũ gởi trên đá ba sinh,

Thường trăng ngâm gió không bàn định,
Thẹn với bạn tình xa đến thăm,
Thân tuy khác, tánh vẫn trường tồn.

Nghe lời đũa trẻ hát, Lý Nguyên hiểu ngay đũa trẻ ấy chính là Viên Trạch tái kiếp.

KHP: Đốt cho nòng từ bữa *ba sanh*.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Ba Trấn

A: *Three Governors of the Celestial Empire.*

P: *Trois Gouverneurs de l'Empire Céleste.*

Ba Trấn là diễn nô và nói tắt của: Tam Trấn Oai Nghiêm, trong Đạo Cao Đài.

Tam Trấn Oai Nghiêm là ba Đấng thay mặt ba vị Giáo Chủ Tam Giáo để cầm quyền Tam Giáo trong ĐĐTKPĐ. (*Xem chi tiết nơi chữ: Tam Trấn Oai Nghiêm, văn T*).

TNHT: Thầy chẳng để thù thắt, *Ba Trấn* trách Thầy vì yêu mến quá lẽ mà làm mất hết công bình, nhứt là Lý Thái Bạch kêu nài hơn hết.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ba vạn sáu ngàn ngày

A: *Thirty six thousand days.*

P: *Trente six mille jours.*

Một năm Âm lịch, nói một cách đại khái cho tròn số, gồm có 360 ngày. Như vậy 100 năm có 36.000 ngày, tức là ba vạn sáu ngàn ngày.

Thiên Khúc Lễ trong Kinh Lễ có câu: *Nhân thọ dĩ bách niên vi kỳ*. Nghĩa là: Con người sống lâu lấy trăm năm làm kỳ hạn.

Trong sách Trang Tử cũng có viết: *Bách niên cánh nhi ngã do vi nhân*. Nghĩa là: Cõi trăm năm mà ta làm người.

Ba vạn sáu ngàn ngày hay 100 năm là chỉ thời gian kỳ hạn

của một kiếp sống con người nơi cõi trần. (nói tổng quát)

KKTD: Đếm *ba vạn sáu ngàn ngày* khó khăn.

KKTD: Kinh Khi Thức Dậy.

Ba vòng Vô vi

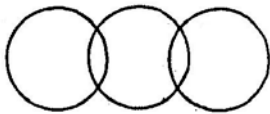
A: *Three mysterious circles.*

P: *Trois cercles mystérieux.*

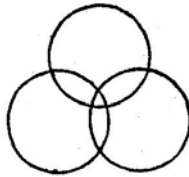
■ Ba vòng vô vi là ba vòng tròn có ba màu vàng, xanh, đỏ, liên kết với nhau theo hình dọc tạo thành một xâu (Hình 1) hay liên kết theo hình tam giác (Hình 2). Ba màu: vàng, xanh, đỏ, tượng trưng Tam giáo: Thích giáo, Lão giáo và Nho giáo.

Chúng ta thường thấy ba vòng vô vi đặt trên các cửa Tam quan hay nơi trung tâm của các cửa sổ ở các Thánh Thất địa phương.

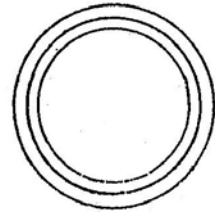
Nơi Trí Huệ Cung Thiên Hỷ Động, Đức Phạm Hộ Pháp trần pháp với hai món bí pháp: Long Tu thiền và cây Kim tiên, hiệp với *ba vòng vô vi* tức là Diệu Quang Tam Giáo hay là hình trạng của CKVT, mà đó cũng là tượng ảnh Huệ Quang Khiếu của chúng ta đó vậy.



Hình 1



Hình 2



Hình 3

Ba màu của ba vòng vô vi tượng trưng: Màu đỏ tượng trưng phái Ngọc (Thánh), màu xanh tượng trưng phái Thượng (Tiên), màu vàng tượng trưng phái Thái (Phật). Phái Ngọc chỉ liên quan với phái Thượng, còn phái Thượng thì liên quan cả hai phái Thái và Ngọc, để tượng trưng cho: Pháp thân, Pháp giới và Pháp Thiên, là hiệp Tinh, Khí, Thần, ấy là Đạo.

Ba vòng vô vi treo theo thể nằm ngang, trên lầu của Trí

Huệ Cung, trên một cái cán, giống như treo cờ, ba vòng quay tự do qua lại theo chiều gió thổi.

"Trí Huệ Cung là con đường thứ ba của Đại Đạo, mà hệ luận đến danh Đạo lại là vô vi chi pháp, nên tượng trưng cửa hữu hình ba vòng vô vi vàng xanh đỏ, thấy trống không mà là bí pháp, nên phải lập hữu hình trấn tại Trí Huệ Cung.

Treo nằm ngang là ám chỉ bình đẳng, Phật, Thánh, Tiên, kết liền, liên quan cùng nhau thành qui Tam Giáo, không còn chia rẽ nữa, mà bạch y bạch giáp vi chủ thống nhất là bí mật cao siêu mầu nhiệm.

Thành ra màu trắng làm chủ các màu khác, nên muốn tu chơn là cửa Phật vô vi, không có sắc tướng là thanh bạch, lấy chủ định Thiên lương mới qui nhất bản, là căn bản đắc đạo, là nhờ tu Chánh pháp.

Trời là Lý, thì Lý ấy rất thông minh sáng suốt bao quát cả CKTG. Tầm cho được Lý Hư Vô mới đạt pháp, mới thông cập nhãn nhục vào tâm cho thành ngôi Thái Cực, tức Thiên nhãn, mới xem thấy ba vòng vô vi chi pháp.

Ấy là Bí pháp trấn tại Trí Huệ Cung Thiên Hỷ Động.

Toàn thể chúng ta, ai cũng đều ngó thấy không có gì hết, trống trơn, mà trong đó huyền pháp siêu hình vô biên vô giới. Tu mà giải thoát đặng cùng chăng là do bao nhiêu đó mà thôi.

Nếu người tu chơn mà không rõ thấu trấn pháp ba vòng vô vi để làm gì, thì làm sao giải thoát cho đặng Lục dục Thất tình, làm sao đạt Lục thông, là tu giả." (TĐ ĐPHP)

■ Trên áo Đạo phục của ba vị Nam Đầu Sư và của vị Nữ Đầu Sư Cửu Trùng Đài, trước ngực và sau lưng đều có một miếng vải hình tròn gọi là bố tử, trên đó có thêu sáu chữ nho 大道三期普度 (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) theo vòng tròn, bao quanh ba vòng vô vi.

Ba vòng vô vi này là ba vòng tròn đồng tâm. (Hình 3)

Trên mào Ngưỡng Thiên của các vị Giáo Hữu ba phái, Thiên nhãn thêu trước mào đều có bao quanh ba vòng vô vi.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CKTG: Cực Lạc Thế giới.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

BÀ

Bà Đen: Linh Sơn Thánh Mẫu

Nơi tỉnh Tây Ninh có một ngọn núi cao nhất miền Nam VN, được gọi là núi Điện Bà, tục gọi là núi Bà Đen, vì trên núi có lập một cái Điện để thờ Bà Đen. Bà Đen rất linh hiển nên được vua Gia Long truyền cho đúc cốt Bà bằng đồng đen và sắc phong là Linh Sơn Thánh Mẫu.

Vào khoảng cuối năm 1953, Ông Bùi Trung Phẩm có làm tờ dâng lên Đức Phạm Hộ Pháp xin rước cốt Bà Đen về thờ nơi Báo Ân Từ TTTN, Đức Phạm Hộ Pháp phê như sau:

"Tư cho Quyền Ngọc Chánh Phối Sư cùng hai vị Quyền Thượng Chánh Phối Sư, Thái Chánh Phối Sư, sắp đặt trước đặng rước cốt Bà Linh Sơn Thánh Mẫu về để thờ tạm nơi Báo Ân Từ cho tới khi thái bình trở lại, trùng tu am tự nơi Điện Bà rồi sẽ đem về Điện trả lại.

Nghĩ đến tình cũ trong hồi lao khổ tù đày nơi ngục, mà Bà đến thăm viếng, an ủi, bệnh vực và phò hộ, Bản đạo phải lo trả nghĩa này.

Công chuyện làm cũng lẽ nghi phải cho long trọng, phải tuyên truyền cho toàn tỉnh, nhưt là Châu Thành Tây Ninh hay đặng định ngày họ đến dự lễ."

Trong thời gian Đức Phạm Hộ Pháp cùng 5 vị Chức sắc (*1) bị nhà cầm quyền Pháp lưu đày nơi đảo Madagascar ở Phi Châu, Bà Linh Sơn Thánh Mẫu thường đến giáng bút chuyện trò cùng an ủi Đức Phạm Hộ Pháp. Bà không xưng tước hiệu của Bà, chỉ nói rằng: *Thầy thiếp là Vương Thất Nương sai thiếp đến đây để viếng thăm Đức Hộ Pháp.* (Vương Thất Nương là Thất Nương DTC, thế danh Vương thị Lễ).

Khi Bà thăng rồi thì Đức Phạm Hộ Pháp thấy hột ngọc của chiếc nhẫn đeo nơi ngón tay phát ra mấy tia hào quang thì Đức Ngài biết đó là Bà Linh Sơn Thánh Mẫu, vì hột ngọc này do ông Lễ Sanh Giáo Thiện Võ văn Đợi kiếm được ở trên núi Điện Bà khi ông lên thỉnh cốt Bà về thờ nơi Báo Ân Từ.

Lúc còn bị đày trong ngục Nossilava ở đảo Madagascar, Đức Hộ Pháp tay cầm một cái que, tay kia khỏa cát thì liền tiếp diễn của Bà Linh Sơn, viết trên cát bài thi sau đây:

Nô - Si - Lao tiếng đặt buồn cười,
 Mi đã rước ai hỡi hỡi người?
 Lượn thăm bở gành tình ột ạt,
 Gió sàu khua đảnh ái tơi bời.
 Yêu phu điều gọi thương cành sớm,
 Vọng ngọn quyên kêu nhớ bụi mơi.
 Tổ quốc đôn đường bao dặm thẳng,
 Đưa xa thăm thăm một phương trời.
 Hòn đảo này đây trước nhốt tù,
 Ngày nay làm khám khảo thầy tu.
 Quả như oan nghiệt vay rồi trả,
 Thì lữ Tây man Nhứt Bồn trừ.

SỰ TÍCH BÀ ĐEN:

Có hai truyền thuyết về sự tích Bà Đen:

- Bà Đen là nàng Đênh, người Cao Miên.
- Bà Đen là Lý Thị Thiên Hương, người Việt Nam.

1.- Bà Đen là Nàng Đênh:

" Tương truyền rằng, khi xưa, thuở còn là phần đất của Cao Miên, tại vùng rừng núi Tây Ninh có một viên quan trấn thủ người Miên sinh hạ được hai con: một trai tuấn tú và một gái hiền thực, tục gọi là nàng Đênh.

Lúc nàng Đênh 13 tuổi, có ông sư người Tàu tên là Trung Văn Danh từ Bến Cát (Thủ Dầu Một) đến vùng núi Tây Ninh tìm chùa làm nơi hoằng dương Phật pháp. Khi đến nhà quan trấn, sư ông thăm hỏi việc truyền bá đạo Phật trong vùng và dò la kiếm nơi cất chùa hành đạo. Quan trấn thủ mời nhà sư tạm nghỉ nơi nhà mình để ông thừa dịp học đạo.

Sư ông vui vẻ nhận lời và từ đó bắt đầu truyền bá Phật pháp trong gia đình quan trấn và cơ vệ đội.

Tuy tuổi trẻ nhưng sớm nhuộm màu thiền, nàng Đênh miệt mài nghe sư ông giảng đạo. Quan trấn cũng mộ đạo nên thiết

lập cho sư ông một cảnh chùa, nay còn di tích là chùa Ông Tàu, nằm về phía Đông chân núi, phía làng Phước Hội đi lên.

Thời gian thắm thoát trôi qua, nghĩ lại đã mấy năm xa cách thiện nam tín nữ Bến Cát, sư ông bèn tạm biệt quan trấn để trở về thăm cảnh cũ người xưa.

Từ ngày sư ông vắng mặt, nàng Đênh vẫn một lòng sùng kính Phật đạo, luôn luôn lo việc hương khói trong chùa.

Vốn con nhà trâm anh, lại tuổi tới tuần cập kê, nên nhan sắc nàng Đênh càng thêm xinh lịch, tiếng đồn khắp nơi. Quan trấn địa phương vùng Trảng Bàn có dinh đặt tại Sông Đưa thuộc làng Lộc Hưng (nay còn di tích), mới cậy mai mối hỏi cưới nàng Đênh cho con trai trưởng của ông. Thân sinh nàng Đênh vui vẻ tán thành. Nhưng khi nói lại cho nàng Đênh biết thì nàng rất bối rối, chưa biết trả lời ra sao, nàng xin cha mẹ đình đãi để kịp suy nghĩ. Qua nhiều đêm trằn trọc, vì nàng Đênh đã phát nguyện xuất gia tu hành, không thể lấy chồng, nàng quyết tâm lánh mặt. Một đêm, khi cha mẹ ngủ yên, nàng Đênh lén ra đi tìm nơi thuận tiện để tiếp tục tu hành. Mọi việc vỡ lở ra, quan trấn cho lính đi tìm nàng Đênh khắp nơi, kẻ băng rừng, người lên núi, mãi đến trưa, quân lính tìm thấy trong kẹt đá một khúc chân của nàng Đênh, có lẽ nàng bị thú dữ bắt ăn thịt còn sót lại một khúc chân, vội báo về cho quan trấn rõ.

Sau khi khóc than thương tiếc, quan trấn cho mai táng khúc chân nàng Đênh trên núi và rước thầy tụng kinh giải oan cho nàng. Dân địa phương cho rằng, nàng Đênh chết oan như thế ắt rất linh hiển, nên từ đó, khi gặp việc gì khó khăn thì khẩn vái nàng Đênh phò hộ thì thường được toại ý.

Việc nàng Đênh hiển linh đồn xa, nhân dân rất sùng kính nên gọi nàng là Bà Đênh để tỏ ý tôn kính.

Thời gian trôi qua... Bao nhiêu năm sau, lúc ấy Chúa Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đuổi theo rất gấp, từ Gia Định, Nguyễn Ánh theo đường sừ đi Tây Ninh định trốn qua Miên.

Lúc Nguyễn Ánh chạy đến Trảng Mang Chà vùng bùng binh hiện nay thì quân Tây Sơn cũng đuổi theo gần tới, nhân dân cho biết trên núi có Bà rất linh, ai cầu gì được nấy.

Nguyễn Ánh liền sai quan Quản Cơ Lê văn Duyệt phi ngựa lên núi cầu Bà mách giùm cách thoát nạn và cho biết tương lai.

Trong đêm, Nguyễn Ánh được Bà hiện ra trong giấc chiêm bao cho biết cứ theo đường sù đến Tây Ninh, vòng qua núi, lên Võ môn Tam cấp, rồi qua Xiêm cầu viện, nghiệp cả sẽ nên, còn việc ngăn đón quân Tây Sơn để Bà lo liệu giúp cho.

Sau khi Nguyễn Ánh dẹp được nhà Tây Sơn, lên ngôi vua xưng là Gia Long, Ngài nhớ ơn cũ, cho đúc tượng Bà bằng đồng đen để thờ và sắc phong cho Bà là Linh Sơn Thánh Mẫu." (Viết theo sách *Nếp Cũ Hội Hè Đình Đám của Toan Ánh*)

Dân chúng truyền nhau sự tích của Bà Đên, và vì kiêng úy nên gọi trại ra là Bà Đen.

2.- Bà Đen là Lý Thị Thiên Hương:

Tại Trảng Bàng, có cô gái tên Lý thị Thiên Hương, con của ông Lý Thiên và Bà Đặng Ngọc Phụng, người gốc ở Bình Định vào Trảng Bàng lập nghiệp. Tuy Thiên Hương không đẹp nhưng rất có duyên và có tài năng khiến nhiều người để ý. Trong làng có chàng trai Lê Sĩ Triệt, mồ côi cha mẹ, được nhà sư Trí Tân nuôi dưỡng từ nhỏ, nên có được văn hay võ giỏi.

Lúc đó, con trai của Hà Đảnh, quan Huyện Trảng Bàng, rất bạo ngược, dùng quyền thế, tiền bạc mua chuộc Thiên Hương đem về làm thiếp nhưng không được, nên sai một thuộc hạ thân tín tên Châu Thiện cầm đầu nhóm người Miên dùng võ lực quyết bắt nàng Thiên Hương đem về cho kỳ được.

Thiên Hương bị đám côn đồ vây bắt. Giữa lúc nguy khốn thì chàng Lê Sĩ Triệt xông ra đánh đuổi, cứu được nàng. Nàng rất cảm động tạ ơn chàng, rồi về nhà thuật chuyện cho cha mẹ nàng rõ. Để đáp ơn chàng, cha mẹ nàng Thiên Hương gả nàng cho Lê Sĩ Triệt. Chưa kịp đám cưới thì Lê Sĩ Triệt phải tòng quân đánh Tây Sơn. Ngày chia tay, nàng ngậm ngùi nói:

- Một lời đã hứa cùng nhau, thiếp nguyện thủ tiết chờ chàng trở về. Xin chàng an tâm lên đường nghĩa vụ.

Chàng ra đi, nàng ở nhà vò võ trông chờ ngày đoàn tụ.

Một hôm nàng lên núi lễ Phật và thăm sư Trí Tân, dưỡng phụ của Lê Sĩ Triệt. Lúc về đến chơn núi, thành linh bọn Châu Thiện thấy nàng đi một mình, liền vây bắt. Nàng chạy trở lên núi nhưng bị tuyết đường, đành nhào xuống khe núi tử tiết. Ba hôm sau, Thiên Hương báo mộng cho sư Trí Tân, trụ trì ngôi chùa trên núi. Hoà Thượng thấy Thiên Hương hiện ra nói:

- Đệ tử là Thiên Hương 18 tuổi, chẳng may bị bọn gia nô của quan Huyện Trảng Bàng vây bắt nên phải nhào xuống khe núi tử tiết. Nhờ căn tu kiếp trước nên linh hồn được siêu thoát, dù đã 3 ngày nhưng xác vẫn còn nguyên, xin sư phụ xuống triều núi đồng nam đem thi hài của đệ tử hỏa táng giùm.

Hòa Thượng làm theo lời mách bảo, tìm gập xác của Thiên Hương, làm lễ hỏa táng chu đáo. Bọn Châu Thiện đến xem hỏa táng bị nàng Thiên Hương báo oán, khiến cho học máu chết liền tại chỗ.

Sau một thời gian khá lâu, Chúa Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh đuổi, chạy lạc đến Tây Ninh, nàng Thiên Hương đến báo mộng, mách bảo Nguyễn Ánh phải qua Xiêm tá binh, sau này sẽ khôi phục cơ đồ, thống nhất giang sơn.

Sự linh hiển của nàng Thiên Hương được đồn vang, dân chúng các nơi lên núi Tây Ninh cầu cúng rất đông. Lúc bấy giờ Thượng Quốc Công Lê Văn Duyệt ở Gia Định đi lên núi Tây Ninh xem xét hư thực thế nào, đến nơi nói với người khuất mặt:

- Hồn trinh nữ Thiên Hương quả có hiển linh, hãy xuất hiện cho bản chức xem thử.

Xảy thấy một cô gái chạy đến ửng tiếng:

- Tôi là Thiên Hương đây, xin chào Thượng quan.

Thì ra Lý Thị Thiên Hương nhập vào xác của một cô gái đến nói chuyện với quan Thượng Công. Cô nói tiếp:

- Tôi xin mách trước cho Thượng quan biết, Thượng quan sau này sẽ được phong Thần vinh hiển, nhưng xác của Thượng Công bị hành hạ, mả bị xiềng xích, tên tuổi bị đục khoét, sau mới được minh oan.

Ngài Thượng Công Lê văn Duyệt nói:

- Bỏ chức không cầu xin biết tương lai của mình mà muốn biết rõ căn do của nàng.

Hồn Thiên Hương qua miệng cô gái thuật rõ mọi việc:

- Thượng Đế chứng lòng đ đoan chính của thiếp, nên cho thiếp hết đọa luân hồi và đ đợc xuống trần cứu nhơn đ độ thế.

Ngài Thượng Công không còn nghi ngờ gì nữa, liền dâng sớ về triều tâu rõ mọi việc.

Vua Gia Long nhớ lại chuyện bôn tẩu năm xưa, khi đến Tây Ninh, có nàng Thiên Hương hiển linh báo mộng, nên ra sắc chỉ phong Lý Thị Thiên Hương là Linh Sơn Thánh Mẫu, chủ trì Linh Sơn Tiên Thạch Động, cho cất điện và đúc tượng bằng đồng đen để thờ nơi núi Tây Ninh.

Kể từ đó, núi Tây Ninh đ đợc gọi là núi Linh Sơn, và để tránh gọi tên Thiên Hương, dân chúng gọi là Bà Đen, vì tượng của Bà màu đen, và gọi núi ấy là núi Bà Đen.

Lễ Vía Linh Sơn Thánh Mẫu đ đợc tổ chức hằng năm tại Điện Bà vào dịp đầu Xuân, từ ngày mừng 10 đến 15 tháng Giêng âm lịch, có hằng trăm ngàn người đến cúng vái cầu xin sự phò hộ của Bà để việc kinh doanh và việc gia đình đ đợc may mắn tốt đẹp.

(*1) Theo Đạo sử, ngày 4-6 Nhuận- Tân Tỵ (dl 27-7-1941), Đức Phạm Hộ Pháp bị nhà cầm quyền Pháp bắt tại Tòa Thánh. Ngày 11-7-Tân Tỵ (dl 2-9-1941), nhà cầm quyền Pháp lại vào Tòa Thánh bắt thêm 3 Chức sắc nữa là: Ngài Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Sĩ Tài Đỗ Quang Hiến; đồng thời tại Sài Gòn chúng bắt Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, và bắt Giáo Sư Thái Phần Thanh tại Nam Vang. Nhà cầm quyền Pháp đ đưa Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946). Như vậy, Đức Hộ Pháp bị đày ở Madagascar thời gian 5 năm 2 tháng.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

BÁ

BÁ

1. **BÁ:** 百 Còn đọc là Bách: một trăm.
Td: Bá Huê Viên, Bá nạp quang.
2. **BÁ:** 柏 Cây bá, tức là cây trắc.
Td: Bá tông, Bá trạo.
3. **BÁ** 伯 Một tước trong 5 tước quan triều đình.
Td: Bá tước công khanh.

Bá Huê Viên

百花園

A: The hundred flowers garden.

P: Le jardin aux cent fleurs.

Bá: Còn đọc là Bách: một trăm. **Huê:** Bông hoa. **Viên:** Vườn trồng hoa.

Bá Huê Viên là vườn trồng trăm hoa.

Bá Huê Viên được lập nên do sáng kiến của Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước vào năm 1963, rộng một mẫu rưỡi tây, đối diện với Báo Ân Từ trong Nội Ô TTTN.

Bá Huê Viên được các địa phương Đạo ủng hộ, dâng hiến nhiều loại hoa kiểng rất đẹp và quý hiếm, tạo thêm cảnh sắc tươi đẹp cho Nội Ô Tòa Thánh.

Đây cũng là một thắng cảnh cho du khách đến thường ngoạn và chụp hình lưu niệm.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Bá nạp quang

百衲光

A: The cloak in hundred squares.

P: Le manteau en cent carrés.

Bá: Còn đọc là Bách: một trăm. **Nạp:** Vá lại cho lành.
Quang: Cái choàng.

Bá nạp quang là cái choàng khoác lên vai được kết lại bởi hàng trăm miếng vải nhỏ.

Bên Phật giáo, các vị sư thường mặc áo bá nạp (bá nạp y). Bá nạp y là cái áo được kết lại bởi hàng trăm miếng vải vụn mà người ta đem bỏ, màu sắc khác biệt nhau, để biểu lộ rằng, người xuất gia tu hành thì không cần mặc đẹp, mà chỉ cần mặc cho lành và cho ấm, lại tỏ ý tiết kiệm, không tốn tiền mua vải, chỉ lấy vải phế liệu mà dùng.

Trong Đạo Cao Đài, các Chức sắc phái Thái (phái Phật) từ phẩm Giáo Sư trở lên, khi mặc Đại phục, bên ngoài đều có khoác một Bá nạp quang màu đỏ, gọi là Khậu.

Có hai loại Bá nạp quang: Đại (lớn) và Tiểu (nhỏ):

- Thái Chưởng Pháp, Thái Đầu Sư, Thái Chánh Phối Sư đều choàng Đại Bá nạp quang.

- Thái Phối Sư và Thái Giáo Sư thì choàng Tiểu Bá nạp quang.

Thái Giáo Hữu không có choàng Bá nạp quang.

Bá Nha - Tử Kỳ

Bá Nha và Tử Kỳ là đôi bạn tri âm thời Xuân Thu Chiến Quốc. Bá Nha làm quan, Tử Kỳ là tiểu phu. Do đó, nơi bao lơn Tòa Thánh có đắp bức tranh Bá Nha - Tử Kỳ để tượng trưng TIÊU, một trong Tứ Dân Tứ Thú.

- *Bá Nha họ Du tên Thụy, người ở Sính Đô nước Sở (nay là phủ Kinh Châu, tỉnh Hồ Quảng). Tuy là người nước Sở, nhưng làm quan cho nước Tấn, chức Thượng Đại Phu.*

- *Tử Kỳ, họ Chung tên Huy, nhà tại Tập Hiền Thôn, gần núi Mã Yên, ở cửa sông Hán Dương, là một danh sĩ ẩn dật, báo hiếu cha mẹ tuổi già nua, làm nghề đồn củi (Tiểu).*

Một hôm, Bá Nha phụng chỉ vua Tấn đi sứ qua Sính Đô nước Sở, vào triều kiến vua Sở, trình quốc thư và giải bày tình giao hiếu giữa hai nước, được vua Sở và quần thần thiết tiệc

khoản đái. Bá Nha nhơn dịp này đi thăm mộ phần tổ tiên, thăm họ hàng, xong vào từ biệt vua Sở trở về nước Tấn.

Khi thuyền trở về đến cửa sông Hán Dương, nhằm đêm Trung Thu, trăng sáng vàng vạc, phong cảnh hữu tình, Bá Nha cho lệnh cấm thuyền dưới chân núi Mã Yên để thưởng ngoạn. Cảm thấy hứng thú, muốn dạo chơi một vài khúc đàn, Bá Nha liền sai quân hầu lấy chiếc lư ra, đốt hương trầm xông cây dao cầm đặt trên án. Bá Nha trịnh trọng nâng đàn, so dây vặn trục, đặt hết tâm hồn đàn lên một khúc réo rất âm thanh, quyen vào khói trầm, chưa dứt, bỗng đàn đứt dây.

Bá Nha giật mình tự nghĩ, dây đàn bỗng đứt thế này ắt có người nghe lén tiếng đàn, bèn sai quân hầu lên bờ tìm xem có ai là người nghe đàn mà không lộ mặt. Quân hầu lãnh lệnh lên bờ thì bỗng có người từ trên bờ lên tiếng:

- Xin đại nhân chớ lấy làm lạ, tiểu dân là tiều phu kiếm củi về muợn, trộm nghe được khúc đàn tuyệt diệu của Ngài.

Bá Nha cười lớn bảo:

- Người tiều phu nào đó dám nói hai tiếng nghe đàn với ta, sao ngông cuồng thế?

- Đại nhân nói sai quá vậy. Há chẳng nghe: Thập thất chi áp, tất hữu trung tín (Một áp 10 nhà ắt có nhà trung tín). Nếu đại nhân khinh chỡ quê mùa không người biết nghe đàn, thì cũng không nên có người khảy lên khúc đàn tuyệt diệu.

Nghe đáp xong, Bá Nha hơi choáng váng, hỏi hạn những lời vừa thốt ra, vội bước ra mũi thuyền, dịu giọng nói:

- Người quân tử ở trên bờ, nếu thực biết nghe đàn, biết vừa rồi ta khảy khúc gì không?

- Khúc đàn đại nhân vừa tấu đó là: Đức Khổng Tử khóc Nhan Hối, phỏ vào tiếng đàn, lời rằng:

*Khá tiếc Nhan Hối yếu mạng vong,
Dạy người tư tưởng tóc như sương.
Đàn, bầu, ngô hạp vui cùng đạo,*

Đến cuối câu ba thì dây đàn đứt, còn lại câu bốn là:

Lưu mãi danh hiền với kỹ cương.

Bá Nha nghe xong, đúng quá, mừng rỡ sai quân hầu bắc cầu lên bờ mời người quân tử xuống thuyền đàm đạo.

Người tiều phu ung dung xuống thuyền, chấp tay vái Bá Nha. Bá Nha vội đưa tay đáp lễ, nói:

- Xin quý hữu miễn lễ cho.

Rồi bắc ghế mời ngồi, phân ngôi chủ khách.

- Quý hữu biết nghe đàn, ắt biết ai chế ra đàn?

- Mong ơn Ngài hỏi tới, kẻ tiểu dân đâu chẳng dám nói hết cái biết của mình.

Khi xưa, vua Phục Hy thấy tinh hoa của năm vì sao rơi xuống cây ngô đồng, chim phượng hoàng liền đến đậu. Vua Phục Hy biết ngô đồng là gỗ quý, hấp thụ tinh hoa Trời Đất, có thể làm đồ nhã nhạc, liền sai người đốn cây ngô đồng xuống, cắt làm ba đoạn để phân Thiên, Địa, Nhơn. Đoạn ngọn thì tiếng quá trong mà nhẹ, đoạn gốc thì tiếng quá đục mà nặng, duy đoạn giữa thì tiếng vừa trong vừa đục, có thể dùng được, liền đem ra giữa dòng sông nước chảy ngậm 72 ngày đêm, rồi lấy lên phơi khô, chọn ngày tốt, thợ khéo Lưu Tử Kỳ chế làm nhạc khí, bắt chước nhạc Cung Dao Trì, đặt tên là Dao cầm.

Dao cầm này dài 3 thước 6 tấc, án theo 360 độ chu Thiên, phía trước rộng 8 tấc án theo Bát tiết, sau rộng 4 tấc án theo Tứ Tượng, dày 2 tấc án theo Lưỡng Nghi, đầu như Kim đồng, lưng như Ngọc Nữ, trên chạm Long Phụng, gắn phím vàng trục ngọc. Đàn ấy có 12 phím tượng trưng 12 tháng, lại thêm một phím giữa tượng trưng tháng nhuận, trên mắc 5 dây, ngoài tượng Ngũ Hành, trong tượng Ngũ Âm: Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ.

Vua Thuấn khải Dao cầm, ca bài Nam phong, thiên hạ đại trị. Vua Văn vương bị Trụ vương giam cầm nơi Dũ Lý, con trưởng Bá Ấp Khảo thương nhớ không nguôi, nên thêm một dây nữa gọi là dây Văn (Văn huyền), đàn nghe thêm ai oán.

Võ vương đem quân phạt Trụ, thêm vào Dao cầm một dây phần kích gọi là dây Võ (Võ huyền).

Như thế, Dao cầm lúc đầu có 5 dây, sau thêm 2 dây Văn và Võ nữa thành 7 dây, gọi là Thất huyền cầm.

Đàn ấy có Sáu ky, Bảy không, Tám tuyệt, kể ra:

* **Sáu Ky** là: Rét lớn, nắng lớn, gió lớn, mưa lớn, sét lớn, tuyết rơi nhiều.

* **Bảy Không** là: Nghe tiếng bi ai và đám tang thì không đàn, lòng nhiều loạn thì không đàn, việc bận rộn thì không đàn, thân thể không sạch thì không đàn, y quan không tề chỉnh thì không đàn, không đốt lò hương thì không đàn, không gặp tri âm thì không đàn.

* **Tám Tuyệt** là: Thanh cao, kỳ diệu, u uất, nhàn nhã, bi đất, hùng tráng, xa vời, dằng dặc.

Đàn ấy đạt đến tận thiện tận mỹ, hồ nghe không kêu, vượn nghe không hú, một thứ nhã nhạc tuyệt vời vậy.

Bá Nha nghe xong , kính phục bội phần, hỏi thêm:

- Quý hữu quả thấu triệt nhạc lý. Khi xưa, Đức Khổng Tử đang khảy đàn, Nhan Hồi từ ngoài bước vào, thoáng nghe tiếng đàn u trầm, nghi là có ý tham sát, lầy làm lạ, liền hỏi Đức Khổng Tử. Ngài đáp: Ta đang khảy đàn, bỗng thấy mèo bắt được chuột, liền khởi lên ý niệm tham sát mà hiện ra tư đồng.

- Nhan Hồi đã nghe tiếng đàn mà biết lòng người khảy đàn. Nay Hạ quan khảy đàn, lòng tư lự điều gì, quý hữu có thể đoán biết chăng?

- Đại nhân thử dạo một khúc xem.

Bá Nha nổi lại dây đàn, tập trung tinh thần đến chốn non cao, khảy lên một khúc. Tiều phu khen rằng:

Đẹp thay vôi vôi kia, chí tại non cao.

Bá Nha ngưng thần, ý tại lưu thủy, khảy lên một khúc nữa. Tiều phu lại khen rằng:

Đẹp thay, mộng mênh kia, chí tại lưu thủy.

Bá Nha thấy tiều phu đã thấy rõ lòng mình qua tiếng đàn, lầy làm kính phục, liền gác đàn, sai bày tiệc rượu, đối ẩm luận đàm. Hai người hỏi nhau tên họ, nguyên quán, nghề nghiệp. Bá Nha lại sanh lòng cảm mến Tử Kỳ về sự hiểu với phụ mẫu, nên xin kết nghĩa anh em với Tử Kỳ, để không phụ cái nghĩa TRI ÂM mà suốt đời Bá Nha chưa từng gặp.

Hai người đến trước bàn hương án lạy Trời Đất, rồi lạy nhau 8 lạy kết làm anh em. Tử Kỳ nhỏ hơn Bá Nha 10 tuổi nên làm em. Hai anh em đối ẩm cùng nhau tâm sự mãi cho đến sáng mà không hay. Tử Kỳ vội đứng lên từ biệt.

Bá Nha bùi ngùi xúc động, hẹn ước Tử Kỳ, đúng ngày Trung Thu năm sau, hai anh em sẽ hội ngộ nhau tại ghềnh đá này. Bá Nha lấy ra hai đỉnh vàng, hai tay nâng lên nói:

- Đây là chút lễ, kính dâng bá phụ và bá mẫu. Tấm tình chí thành, em đừng từ chối.

Hai người từ biệt, lòng đầy lưu luyến.

Chẳng bao lâu, thuyền về tới bến. Bá Nha vào kinh đô cầu trình Tấn Vương các việc, được Tấn vương khen tặng.

Thời gian lặng lẽ trôi qua. . . Nhớ ngày ước hẹn với Tử Kỳ, Tử Nha tâm xun vua Tấn cho nghỉ phép về thăm quê nhà.

Bá Nha thu xếp hành trang đến núi Mã Yên kịp ngày Trung Thu ước hẹn. Kìa là núi Mã Yên mờ mờ sương lạnh, tịch mịch, không một bóng người. Bá Nha nghĩ thầm, năm trước nhờ tiếng đàn mà gặp được tri âm, đêm nay ta phải đàn một khúc để gọi Tử Kỳ. Rồi sai đốt hương trầm, đem Dao cầm ra so dây. Bá Nha đặt hết lòng nhớ nhung của mình vào tiếng đàn réo rắt, bỗng trong tiếng đàn lại có hơi ai oán nổi lên. Bá Nha dừng tay suy nghĩ: Cung Thương có hơi ai oán thâm thê, ắt Tử Kỳ gặp nạn lớn. Sáng mai ta phải lên bờ dò hỏi tin tức về Tử Kỳ.

Đêm ấy, Bá Nha hồi hộp lo âu, trần trọc suốt đêm, chờ cho mau sáng, truyền quân hầu mang theo Dao cầm, 10 đỉnh vàng, vội vã lên bờ, tiến vào núi Mã Yên. Khi qua cửa núi, gặp ngã ba đường, chưa biết nên đi đường nào, đành ngồi chờ người trong xóm đi ra hỏi thăm. Không bao lâu, gặp một lão trượng tay chống gậy, tay xách giỏ, từ từ đi lại. Bá Nha thi lễ, hỏi:

- Xin lão trượng chỉ giùm đường đi Tập Hiền Thôn?
- Thượng quan muốn tìm nhà ai?
- Nhà của Chung Tử Kỳ.

Vừa nghe 3 tiếng Chung Tử Kỳ, lão trượng nhòa lệ, nói:

- Chung Tử Kỳ là con của lão. Ngày Trung thu năm ngoái, nó đi đón củi về muộn, gặp quan Đại Phu là Du Bá Nha kết bạn tri âm. Khi chia tay, Bá Nha tặng hai đĩnh vàng, nó dùng tiền này mua sách học thêm, ngày đi đón củi, tối về học sách, mãi như vậy, sức khỏe hao mòn, sanh bệnh rồi mất.

Bá Nha nghe vậy thì khóc nức nở, thương cảm vô cùng. Lão trượng ngạc nhiên hỏi quân hầu thì biết thượng quan đây chính là Du Bá Nha, bạn tri âm của Chung Tử Kỳ. Chung lão biết vậy lại càng bi thảm hơn nữa nói:

- Mong ơn thượng quan không chê con lão hàn tiện. Lúc mất, nó dặn rằng: Con lúc sống không vẹn niềm hiếu dưỡng, lúc chết không vẹn nghĩa tri giao, xin cha chôn con nơi cửa núi Mã Yên để thực hiện lời ước hẹn với quan Đại Phu Bá Nha.

Lão phu y lời con trở lại. Con đường mà thượng quan vừa đi qua, bên phải có một nắm mộ mới, đó là mộ của Tử Kỳ. Hôm nay là đúng 100 ngày, lão mang vàng hương ra cúng mộ.

- Việc đời biến đổi, may rủi không lường. Xin Lão bá đưa đến mộ Tử Kỳ, bốn lạy cho vẹn tình tri kỷ.

Khi đến phần mộ, Bá Nha sửa lại áo mũ, sụp lạy khóc rằng: Hiền đệ ơi, lúc sống thông minh anh tuấn tuyệt vời, nay chết, khí thiêng còn phảng phất, xin chứng giám cho ngu huynh một lạy ngàn thu vĩnh biệt.

Lạy xong, Bá Nha phục bên mồ, khóc nức nở. Sau đó, Bá Nha gọi mang Dao cầm tới, đặt lên phiến đá trước mộ, ngồi xếp bằng trên mặt đất một cách nghiêm trang, so dây tấu lên một khúc nhạc thiên thu, tiễn người tri âm tài hoa yếu mạng. Bỗng thấy gió rừng thổi mạnh, mây đen kéo lại, u ám bầu trời, hồi lâu mới tan. Có lẽ đó là anh hồn của Tử Kỳ hiển linh chứng giám. Tấu khúc nhạc xong, Bá Nha phủ lời ai oán, thay lời ai điệu, vĩnh biệt bạn tri âm, rồi đến vái cây Dao cầm một vái, tay nâng đàn lên cao, đập mạnh vào phiến đá trước mộ Tử Kỳ, đàn vỡ tan nát, trục ngọc phím vàng rơi lá tả.

Chung lão không kịp ngăn, sợ hãi nói rằng:

- Sao đại quan hủy cây đàn quý giá này?

Bá Nha liền ngâm 4 câu thơ thay câu trả lời:

Dao cầm đập nát đau lòng phượng,

*Đàn vắng Tử Kỳ, đàn với ai?
Gió Xuân khắp mặt bao bè bạn,
Muốn kiếm tri âm, ôi khó thay!*

- Nguyên do là vậy. Âm nhạc là một bộ môn nghệ thuật cao siêu. Nhân đây, xin mời thượng quan đến nhà lão để lão cảm tạ tấm lòng tốt đẹp của thượng quan đối với con lão.

- Cháu quá bi thương, không dám theo bá phụ về quê phủ e gọi thêm nỗi đau lòng. Nay nghĩa đệ vắng số mất rồi, cháu kính dâng lên bá phụ và bá mẫu 10 đỉnh vàng, một nửa dùng mua mấy mẫu ruộng làm Xuân Thu tế tự cho Tử Kỳ, một nửa xin để phụng dưỡng bá phụ và bá mẫu trong tuổi già. Chừng cháu trở về triều, dâng biểu lên vua xin cáo quan, cháu xin đến rước bá phụ, bá mẫu đến an hưởng tuổi già.

Nói xong, Bá Nha lấy vàng dâng lên, rồi khóc lạy mộ Tử Kỳ một lần nữa, mới trở về thuyền.

Chung lão cảm động không cùng, nghẹn ngào đứng lặng nhìn theo bóng Bá Nha cho đến khi khuất bóng.

Bá tánh

百姓

A: The people.

P: Le peuple.

Bá: Còn đọc là Bách: một trăm. **Tánh:** Họ.

Bá tánh hay Bách tính là trăm họ, chỉ một số đông người đủ các họ và đủ các thành phần. Nói rộng ra, bá tánh là dân chúng, nhơn sanh.

BDR: Thoát tai *bá tánh* ngưỡng ân sinh.

BDR: Bài Dâng Rượu.

Bá thiên vạn ức Phật

百千萬億佛

A: The numberless Buddhas.

P: Les innombrables Bouddhas.

Bá: Còn đọc là Bách: một trăm. **Thiên:** Ngàn. **Vạn:** Muôn, mười ngàn. **Ức:** Một trăm ngàn. **Phật:** Đức Phật.

Bá thiên vạn ức Phật là rất nhiều vị Phật, không thể đếm hết được, đồng nghĩa: Hằng hà sa số Phật.

KCK: *Bá thiên vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật,....*

KCK: Kinh Cửu Khổ.

Bá tông

柏松

A: The cypress and the pine.

P: Le cyprès et le pin.

Bá: Cây bá, tức là cây trúc. **Tông:** Cây tùng, cũng gọi là cây thông.

Bá tông là cây bá và cây tùng, là hai loại cây sống rất lâu năm, luôn luôn xanh tươi dù gặp mùa đông giá rét, thường được trồng ở các sân chùa. Do đó, cảnh bá tông là chỉ cảnh chùa, nơi thanh tịnh để tu hành.

TNHT: Lặn đến tìm nơi cảnh *bá tông*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bá trạo

柏櫂

A: The rower.

P: Le rameur.

Bá: Cây bá còn gọi là cây bách. Thời xưa người ta thường đóng thuyền bằng gỗ bách nên gọi là bách châu (bách chu), nghĩa là thuyền bách hay chiếc bách. **Trạo:** Chèo.

Bá trạo là người chèo thuyền.

Trong tổ chức Chèo thuyền Bát Nhã nơi Tòa Thánh, Bá trạo là người chèo thuyền Bát Nhã. Đội Bá Trạo gồm 12 em nhỏ, mặc đồng phục như thủy thủ, mỗi em cầm một mái chèo nhỏ. Theo Thể pháp, 12 bá trạo tượng trưng Thập nhị Thời Quân của HTĐ, nên cũng tượng trưng Thập nhị Địa chi. (Đức

Chí Tôn chọn 12 vị Thờì Quân HTĐ có 12 tuổi đúng theo Thập nhị Địa chi). Các đội Bá trạo đều do một vị Tổng trạo cai quản. (Xem: *Thuyền Bát Nhã, văn T*).

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Bá tước công khanh

伯爵公卿

Bá: Một tước trong 5 tước quan triều đình. **Tước:** Chức tước do vua phong tặng. **Công:** Một trong 5 tước lớn nơi triều đình: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. **Khanh:** Chức quan đại thần, như Chánh Khanh, Thiếu Khanh.

Bá tước công khanh là chỉ chung các chức quan lớn trong triều đình.

Người làm quan cố gắng đem hết sức lực ra để lập công với vua để được vua ban các phẩm tước ấy. Nhưng đối với người tu, đó chỉ là con đường ràng buộc vào lo âu và sầu thảm.

TNHT: *Bá tước công khanh* ý vị gì,
Mà đời dám đổi kiếp sầu bi?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BẢ

Bả bươn

A: To hasten to.

P: Se hâler de.

Bả bươn hay Bươn bả là vội vàng, hối hả, như sợ trễ nải.

TNHT: Đạo Trời khai dẫn bước lối lầm, đem kẻ hữu căn lánh vòng phiền não. Nếu chẳng bả bươn, nhật thức bóng thieu, kiếp phù sinh qua dường nháy mắt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bả vinh hoa

A: The bait of glory.

P: L'appât de gloire.

Bả: Cái có sức cám dỗ để lôi kéo con người vào chỗ xấu xa nguy hiểm. **Vinh hoa:** Về vang đẹp đẽ.

Bả vinh hoa là cái mồi giàu sang vinh hiển.

Dùng chữ Bả là để tỏ ý khinh cái giàu sang vinh hiển.

Đây là quan niệm của người tu, vì muốn đạt được giàu sang vinh hiển thì phải gây nhiều tội lỗi, chịu lắm phiền não; sao bằng lánh vòng danh lợi, an nhàn lo tu tâm dưỡng tánh.

TNHT: Mùi chung đỉnh, *bả vinh hoa* có khác chi ngọn cỏ phơi sương, vùng mây giữa gió.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BÁC

Bác ái

博愛

A: The universal love.

P: L'amour universel.

Bác: Rộng lớn. **Ái:** Thương yêu.

Bác ái là lòng thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh.

TNHT: *Bác ái* là hay thương xót sanh linh hơn mình, cho nên, kẻ có lòng *bác ái* coi mình nhẹ hơn mảy lông mà coi thiên hạ nặng bằng Trời Đất.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bác luật - Phá cỗ

駁律 - 破罍

A: To reject the ancient laws.

P: Rejeter les lois anciennes.

Bác: Bác bỏ. **Luật:** Pháp luật. **Phá:** Bỏ đi. **Cổ:** Tấm lưới pháp luật, ý nói hình pháp khắc khe.

Bác luật là bác bỏ luật pháp xưa vì không còn thích hợp.

Phá cổ là phá bỏ luật pháp khắc khe cũ.

Ý nói bác bỏ những luật pháp xưa lỗi thời, không còn thích hợp với trình độ tiến hóa hiện nay của nhơn sanh.

CG PCT: Chính Thầy đã giảng cơ nói: "Ngọc Hư Cung *bác luật*, Lô Âm Tự *phá cổ*." Ấy vậy, cựu luật thì Ngọc Hư Cung đã biếm bác, còn cổ pháp thì Lô Âm Tự đã phá tiêu. Vậy thì ngày nay, cựu luật và cổ pháp chẳng còn ý vị chi hết. Những bực tu hành mà tưởng làm phải từng cựu luật hay cổ pháp thì trái hẳn với Thiên điều của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thể Thiên hành chánh.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

BẠC

Bạc đãi

薄待

A: To ill-treat.

P: Maltraiter.

Bạc: Mông, tệ, trái với Hậu. **Đãi:** Đối xử.

Bạc đãi là đối xử tệ bạc, có ý rẻ rúng, trái với Hậu đãi.

TNHT: ... lại bị các con *bạc đãi*, biếm nhẽ,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BÁCH

BÁCH

BÁCH: 百 Trăm, còn đọc là Bá.

Td: Bách niên giai lão, Bách tuế vi kỳ.

Bách niên giai lão

百年皆老

A: To live together in throughout life.

P: Vivre ensemble dans toute la vie.

Bách: Trăm, còn đọc là Bá. **Niên:** Năm. **Giai:** Điều, cùng. **Lão:** Già.

Bách niên là trăm năm, ý nói suốt đời.

Bách niên giai lão là trăm năm cùng già.

Đây là câu cầu chúc thường nghe trong đám cưới, chúc cho đôi vợ chồng mới cưới được *bách niên giai lão*, nghĩa là chúc hai người sống bền chặt bên nhau suốt đời.

Bách tuế vi kỳ

百歲為期

A: Hundred years are the limit of life.

P: Cent ans sont la limite de la vie.

Bách: Trăm, còn đọc là Bá. **Tuế:** năm. **Vi:** Làm, là. **Kỳ:** Hạn định.

Bách tuế vi kỳ là một trăm năm làm kỳ hạn.

Nhân sinh *bách tuế vi kỳ* nghĩa là con người sống một trăm năm là kỳ hạn. Thông thường, con người chỉ sống đến 100 năm là cùng, nên người xưa lấy con số 100 năm làm hạn định.

Bách văn bất như nhất kiến

百聞不如一見

Bách: Trăm, còn đọc là Bá. **Văn:** Nghe. **Bất như:** Không bằng. **Nhất kiến:** Một lần thấy.

Bách văn bất như nhất kiến nghĩa là trăm lần nghe danh không bằng một lần thấy mặt.

Bách xuyên quy hải

百川歸海

Bách: Trăm, còn đọc là Bá. **Xuyên:** Sông. **Quy:** Đổ về. **Hải:** Biển.

Bách xuyên quy hải là trăm sông chảy về biển.

Ý nói: Dù con đường đi khác nhau, phương tiện khác nhau, nhưng mục đích đều giống nhau.

Trong sách Hoài Nam Tử có câu: *Bách xuyên dị nguyên, nhi giai quy hải.* Nghĩa là: Trăm sông khác nguồn nhưng đều đổ về biển cả.

BẠCH

BẠCH

BẠCH: 白 Màu trắng, rõ ràng.

Td: Bạch Ngọc Kinh, Bạch vân.

Bạch câu quá khích

白駒過隙

A: The white colt passes a crack: Rapidity of times.

P: Le poulain blanc passe devant une fente: Rapidité du temps.

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Câu:** Con ngựa tơ. **Quá:** Đi qua. **Khích:** Cái khe hở.

Bạch câu quá khích là con ngựa trắng chạy qua khe cửa.

Ý nói: Thời gian đi qua rất mau, mau như thời gian con ngựa chạy qua khe cửa.

Trang Tử có viết: "Nhân sinh Thiên Địa chi gian, nhược bạch câu quá khích, hốt nhiên nhi dĩ." Nghĩa là: Người ta sống trong khoảng Trời Đất, như ngựa trắng lướt qua khe cửa, trong chốc lát mà thôi.

TNHT: *Ngựa qua cửa sổ cuộc tan tành.*

Ngựa qua cửa sổ là nói theo thành ngữ: *Bạch câu quá khích.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bạch Khởi (Bạch Khởi)

白起

Bạch Khởi, thường đọc là Bạch Khởi, là tên của một đại tướng tài giỏi bách chiến bách thắng của vua Tần Chiêu Tương Vương thời Đông Châu Liệt Quốc. Nhưng Bạch Khởi có tánh độc ác và háo sát. Suốt cuộc đời làm tướng của Bạch Khởi, ông ta đã giết hàng trăm vạn quân địch.

Trong trận quân Tần đem quân đánh nước Ngụy ở Y Khuyết, Bạch Khởi lấy được 61 thành, chém 24 vạn địch quân.

Sau đó, Bạch Khởi đem quân đánh nước Sở, chiếm Yên Dĩnh, định được hai đất Vu, Kiềm, rồi lại đánh nước Ngụy, đuổi được Mang Mão, chém 13 vạn thủ cấp, lại kéo quân đánh nước Hàn, lấy 5 thành, chém 5 vạn thủ cấp, lại chém tướng Triệu là Giả Yến, đánh chìm 2 vạn quân Triệu xuống sông.

Do những chiến công lẫy lừng đó, vua Tần phong cho Bạch Khởi chức Võ An Quân.

Nước Tần muốn chiếm nước Triệu, nhưng còn ngại Lão tướng Liêm Pha của Triệu. Thừa Tướng nước Tần là Phạm Chuy bí mật sai người đem vàng bạc qua Triệu, thực hiện kế ly gián khiến vua Triệu nghi ngờ Liêm Pha, tước hết binh quyền rồi giao cho Triệu Quát làm Đại Tướng.

Vua Tần cử Bạch Khởi kéo quân đánh Triệu. Triệu Quát kéo quân ra cự địch. Bạch Khởi lừa Triệu Quát vào hiểm địa Trường Bình, đánh cho một trận, giết chết Triệu Quát và 5 vạn quân Triệu, số quân Triệu còn lại chừng 40 vạn đều đầu hàng. Bạch Khởi bàn với Phó Tướng Vương Hạp rằng:

- Trước quân ta đã lấy được hai thành Giả Vương và Thượng Đảng, dân chúng ở đó không chịu theo Tần mà vẫn theo Triệu. Nay quân Triệu đầu hàng trước sau được 40 vạn, nếu lỡ chúng nó sanh biến thì phòng sao giữ được.

Nghị rồi liền cấp rượu thịt cho quân Triệu ăn uống no say, hẹn ngày mai sẽ thả những quân già yếu, còn quân cường tráng thì phát cho khí giới sung vào quân Tần.

Đêm ấy, Bạch Khởi cho quân Tần lấy vải trắng bịt đầu, ai không có vải trắng trên đầu thì cứ giết. Tất cả 40 vạn quân Triệu đều bị giết sạch trong một đêm, máu chảy thành sông, thân chất thành núi.

Vua quan và dân chúng nước Triệu ở Hàm Đan nghe tin đều thất đảm kinh hồn, than khóc vang Trời.

Bạch Khởi kéo quân đánh tiếp, lấy thêm được 70 thành nữa của Triệu, tiến gần đến kinh đô Hàm Đan của Triệu. Nước Triệu mất hết tinh thần, may nhờ mưu thần Tô Đại dâng kế, vua Triệu cấp tốc cung ứng tiền bạc cho Tô Đại bí mật sang Tần, tìm cách yết kiến Thừa Tướng Phạm Chuy của Tần.

Tô Đại phân tích tình hình cho Phạm Chuy thấy, nếu để Bạch Khởi tóm thủ nước Triệu thì công cán lớn lao ấy làm cho ghế Thừa Tướng của Phạm Chuy lung lay và có thể mất. Chi bằng Thừa Tướng nên tâu với vua Tần ra lệnh cho Bạch Khởi lui binh, nước Triệu và Hàn sẽ sai sứ cầu hòa và cắt đất dâng cho Tần, và đó là cái công lớn của Thừa Tướng, mà lại giải bớt binh quyền của Bạch Khởi.

Phạm Chuy nghe bàn đúng lý nên làm theo kế ấy, khiến Bạch Khởi rất tức giận, vì chỉ không đầy một tháng nữa thì Bạch Khởi sẽ bắt sống được vua Triệu, nhưng nay theo lệnh của vua Tần, Bạch Khởi đành phải lui binh.

Hai năm sau, vua Tần lại sai Bạch Khởi đem quân đánh Triệu. Bạch Khởi biết cơ hội đánh thắng Triệu trước đây hai năm đã bỏ qua, nay quân Triệu đã hùng mạnh. Lão Tướng Liêm Pha tái thủ binh quyền thì làm sao đánh Triệu cho nổi.

Do đó, Bạch Khởi cáo bệnh không đi. Vua Tần nghi ngờ, lại có Phạm Chuy gièm vào, vua Tần thâu hết quan tước của Bạch Khởi, đồng thời thâu hồi các đất ăn lộc, giáng Bạch Khởi xuống làm lính, rồi sai sứ đem trao cho Bạch Khởi một thanh gươm buộc phải tự tử.

Bạch Khởi than rằng: "Ta có tội gì mà ra nông nỗi này? À! Ta thực đáng chết lắm! Trong trận Trường Bình, ta đã đánh

lừa và giết chết 40 vạn quân Triệu đã đầu hàng. Chúng nó có tội gì? Ôi! Nay ta bị vua Tần giết chết là đáng lắm."

Than rồi liền lấy gương tự đâm cổ chết.

Một thời gian dài về sau, thời nhà Đường, có tiếng sét đánh chết một con trâu ngoài đồng, người ta thấy dưới bụng trâu có hai chữ Bạch Khởi. Dân chúng tin rằng, Bạch Khởi giết người nhiều quá nên mấy trăm năm sau vẫn còn bị đọa làm kiếp trâu và bị sét đánh chết.

TNHT: Thanh bỏ suy dương lao khổ phận,
Cũng như *Bạch Khởi* đến hôn mê,

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bạch Ngọc Chung đài

白玉鐘臺

A: The tower of the Bạch Ngọc Bell.

P: La tour de la Cloche Bạch Ngọc.

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Ngọc:** Loại đá quý có màu sáng bóng rất đẹp. **Chung:** Cái chuông. **Đài:** Cái tháp cao.

Bạch Ngọc Chung đài là cái tháp cao trên đó có đặt một cái chuông lớn, gọi là chuông Bạch Ngọc.

Nơi mặt tiền TTTN có hai cái đài hình vuông cất cao lên, mỗi đài cao 36 thước, đài bên mặt có đặt một cái chuông lớn gọi là Bạch Ngọc Chung đài, đài bên trái có đặt một cái trống lớn gọi là Lôi Âm Cổ đài.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Bạch Ngọc Chung minh

白玉鐘鳴

A: The Bạch Ngọc bell rings.

P: La cloche Bạch Ngọc sonne.

Bạch Ngọc Chung: Chuông Bạch Ngọc. **Minh:** Kêu.

Bạch Ngọc Chung minh là động cái chuông Bạch Ngọc cho nó kêu to lên.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi tiết cúng Đại đàn hay Tiểu Đàn tại các Thánh Thất.

Sau khi tiếng trống bên Lôi Âm Cổ đài chấm dứt thì lễ sĩ xướng: "*Bạch Ngọc Chung minh*", người trực bên Bạch Ngọc Chung đài khởi động chuông. Trước tiên động 3 tiếng khởi đầu, tiếp theo ngâm 4 câu kệ chuông, dứt mỗi câu kệ, động một tiếng chuông lớn.

KỆ CHUÔNG

*Thần chung thanh hướng phóng Phong Đô,
Địa Tạng khai môn phóng xá cô.
Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện,
Sám hối âm hồn xuất u đồ.*

(Bài kệ này có giải thích trong chữ: Kệ chuông, vần K)

Tiếp theo, động tiếp 12 tiếng chuông nữa, rồi động tiếp 3 hồi, mỗi hồi 12 chập, mỗi chập 12 tiếng, cộng 3 hồi là 432 tiếng. Sau cùng động thêm 3 tiếng chuông lớn nữa là chấm dứt.

Tổng cộng lúc khởi động chuông cho đến lúc dứt chuông gồm có: $3 + 4 + 12 + 432 + 3 = 454$ tiếng chuông.

Tiếng trống và tiếng chuông đánh lên trước giờ bái lễ Đức Chí Tôn có mãnh lực màu nhiệm, âm thanh vang dội truyền lên đến tận Bạch Ngọc Kinh, CLTG, các tầng Trời, để chư Thần, Thánh, Tiên, Phật biết giờ chầu lễ Đức Chí Tôn, và nhưэт là vang dội đến cõi Âm Quang, để cho các linh hồn tội lỗi thức tỉnh, hồi tâm hướng thiện, cầu xin Đức Chí Tôn cứu vớt.

CLTG: Cục Lạc Thế giới.

Bạch Ngọc Công Đồng

白玉公同

A: The reunion in the White Jade Palace.

P: La réunion dans le Palais de Jade Blanc.

Bạch Ngọc: Bạch Ngọc Kinh. (Xem giải thích Bạch Ngọc Kinh)

Công Đồng: Một cuộc hội gồm nhiều thành phần để bàn luận và quyết nghị các công việc chung.

Bạch Ngọc Công Đồng là một hội nghị tổ chức tại Bạch Ngọc Kinh, mà thành viên của Hội nghị là các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, để quyết định các công việc của CKVT.

KĐLC: Nam mô *Bạch Ngọc Công Đồng*,
Thần Tiên Thánh Phật mở vòng trái oan.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.
KĐLC: Kinh Đưa Linh Cửu.

Bạch Ngọc Kinh

白玉京

A: The White Jade Palace.

P: Le Palais de Jade Blanc.

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Ngọc:** Loại đá quý có màu sáng bóng rất đẹp. **Kinh:** Tòa nhà to lớn làm nơi thường ngự của Đức Chí Tôn.

Bạch Ngọc Kinh là tòa nhà to lớn làm bằng ngọc trắng, ở tại trung tâm của CKVT, là nơi thường ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Trong TNHT, có bài thi mô tả Bạch Ngọc Kinh như sau:

TÂN TẢ BẠCH NGỌC KINH

*Một tòa Thiên các ngọc lầu lầu,
Liền bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
Thiên trùng nhíp khảm hiệp Nam Tào.
Chư Thần chóa mắt màu thường đổi,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
Dời đổi chớp giăng doanh đở nổi,
Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.*

(1-1-Bính Dần)

Bạch Ngọc Kinh là tòa lâu đài quý báu nhưt, đồ sộ nhưt, đẹp đẽ nhưt, huyền diệu nhưt trong CKVT.

Lâu đài nơi cõi trần còn bị hư sập hay bị hủy hoại theo thời gian, nhưng Bạch Ngọc Kinh thì tồn tại vĩnh viễn.

Tất cả các chơn hồn khi đắc đạo, đều phải đến Bạch Ngọc Kinh bái lễ Đức Chí Tôn.

Tòa Thánh Tây Ninh được Đức Phạm Hộ Pháp xây cất theo kiểu vở do Đức Lý Giáo Tông giáng cơ vẽ ra, mô phỏng theo hình ảnh của Bạch Ngọc Kinh nơi cõi thiên liêng. Do đó, Tòa Thánh Tây Ninh được xem là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Trong Con đường Thiêng liêng Hằng sống, Đức Phạm Hộ Pháp mô tả Bạch Ngọc Kinh như sau:

"Lại gần tới còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một tòa Thiên các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rỡ, mà cả Thoại khí bao quanh làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy. Lâu đài chơn chớ mà nó là con vật sống chứ không như gạch đá chúng ta làm đây, nó vận hành như con vật sống vậy, thay đổi màu sắc vô cùng vô biên. Bí pháp ấy không thể gì tả đặng, ngó thấy đặc sắc lắm.

Nhà cửa ở thế gian này là con vật chết, Bạch Ngọc Kinh là con vật sống, biến hóa thay đổi như thể vận hành, xung quanh Thoại khí bao trùm, từ Nam chí Bắc, từ Đông qua Tây, khối lửa ánh sáng ấy, chúng ta ngó thấy như mặt trời vậy, mà ánh sáng mặt trời thì nóng nực bức bối, còn ánh sáng nơi tòa Bạch Ngọc Kinh lại dịu dàng và huyền bí lắm, sung sướng khoái lạc lắm! Tại sao đài các nó là con tử vật mà nó sống? Sống là do nơi đâu? Nếu biết được thì không lạ gì.

Nơi Bạch Ngọc Kinh là Hỗn Nguơn Khí biến hình nó ra. Hỗn Nguơn Khí là Khí Sanh Quang của chúng ta đã thờ, đã hô hấp, khí để nuôi cả sanh vật sống, ta cũng do nơi nó xuất hiện, mà biểu nó làm sao không sống?

Khi Bàn đạo ngồi trên pháp xa đến, thấy các chơn linh hằng hà sa số, bao vây trước cửa la liệt không thể đếm. Pháp xa vừa ngừng, Bàn đạo bước xuống thấy ba cửa nơi Bạch Ngọc Kinh có 12 vị Thời Quân mặc khôi giáp, tay cầm bửu pháp, đứng cản đường không cho thiên hạ vô. Bàn đạo giận quá đổi. Ba cửa ấy xa nhau, mỗi cửa có bốn người giữ. Bàn đạo muốn nói chuyện thì ba cửa ấy gom lại, 12 người hiệp lại

đứng trước mặt Bàn đạo. Bàn đạo hỏi vì có nào không cho người ta vô?

Vừa hỏi thì họ bỡ ngỡ nói người ta biểu đừng cho vô. Nói người ta biểu thì Bàn đạo biết là Kim Quang Sư biểu nó, xúi nó đừng cho các chơn linh vào Bạch Ngọc Kinh.

Giận quá, Bàn đạo day mặt ra ngoài biểu các chơn linh vô. Họ trần vô nghe một cái ào dường như nước bể bờ chảy vào Bạch Ngọc Kinh vậy. Tới chừng các chơn linh vô hết, liền biểu 12 vị Thới Quân vô, rồi đứng dòm cùng hết thấy coi còn ai ở ngoài nữa không. Bàn đạo vác cây Giáng Ma Xử đi vô Bạch Ngọc Kinh sau hết.

Bạch Ngọc Kinh chia làm ba căn, cửa chính giữa là các vị Phật cao siêu, mình đứng day vô, phía bên tả là phái nữ, phía bên hữu là phái nam. Bàn đạo nghe đi rần rần rộ rộ, bên kia thì thấy hình bóng chiếu qua vách mà thôi, tấm vách thật lạ lùng, trong trắng giống như sương sa vậy. Buổi đầu Bàn đạo không để ý, đi tới nữa, thấy tất cả đều có ngói vị của họ sẵn. Bàn đạo vô cửa thấy họ ngồi có chỗ hết, còn mình thì bơ thờ, vác cây Giáng Ma Xử đi vô, không biết đi đâu. Nói sao người ta có chỗ ngồi, còn mình không có?

Vừa nói rồi thì thấy có người đứng gần bên mình mà không hay, họ trả lời: Cái ngại của Ngài kia. Bàn đạo dòm lên thấy cái ngại tốt lắm, thấy rồi trong bụng hồ nghi, nói không biết họ có gạt mình không. Bàn đạo sợ, vừa sợ thì có người nói: Chính cái ngại đó là của Ngài.

Từ thử đến giờ, dầu vạn kiếp sanh chịu khổ để tạo vị nơi mặt thế gian này cũng không bằng ngồi được trên đó. Nơi đó sung sướng lắm, sung sướng làm sao đâu!

Trong bụng nói làm sao lên được trên đó? Vừa tính rồi thì dường như có nấc thang, Bàn đạo lên ngồi rồi thì thấy trước mặt của mỗi người đều có vật ăn và rượu để uống. Bàn đạo nói sao họ có ăn mà mình không có. Vừa nói thì có một trái đào Tiên và một chung Tiên tửu. Ở đó tưởng muốn cái gì đều có hết, nhứt nhứt không có món gì mình muốn mà không có."

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bạch phát

白髮

A: The white hair.

P: Les cheveux blancs.

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Phát:** Tóc. Bạch phát là tóc bạc.

Do câu: Tâm sầu bạch phát, nghĩa là lòng quá sầu muộn thì sanh ra tóc bạc. Ngũ Tử Tư sau một đêm âu sầu lo nghĩ nát óc, sáng ra thấy đầu bạc trắng.

TNHT: Bước thể chịu đầy khơi *bạch phát*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bạch tuyết thần quang đai

白雪神光帶

A: The white belt of the spiritual light.

P: La ceinture blanche de la lumière spirituelle.

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Bạch tuyết:** Màu trắng như tuyết. **Thần:** Thiêng liêng. **Quang:** Ánh sáng. **Đai:** Cái đai lưng.

Bạch tuyết Thần quang đai là cái đai lưng làm bằng hàng trắng trong bộ đại phục của Bảo Văn Pháp Quân.

Đai này có bề dài 3,330 mét và bề ngang 0,333 mét.

Khi buộc ngang lưng, phải buộc mỗi chừa ra trước thể nào đủ thắt một bông sen năm cánh.

Bạch vân thương cầu

白雲蒼狗

A: The white cloud changes into the form of a blue dog.

P: Le nuage blanc change en forme d' un chien bleu.

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Vân:** Mây. **Thương:** Xanh. **Cầu:** Con chó.

Bạch vân thương cầu là mây trắng biến hình chó xanh.

Ý nói: Việc đời biến đổi không lường được.

Thành ngữ trên rút ra từ hai câu thơ của Đỗ Phủ:

*Thiên thượng phù vân như bạch y,
Tu tư hốt biến vi thương cầu.*

Nghĩa là: Trên trời mây nổi như chiếc áo trắng,
Bỗng chốc đột biến ra hình chó xanh.

Bạch Vân Động

白雲洞

A: The White Lodge.

P: La Loge Blanche.

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Vân:** mây. **Động:** cái hang núi.

Bạch Vân Động là một cái Động tên là Bạch Vân, nơi ở của các vị Thánh mà Động chủ là Trạng Trình Ng. B. Khiêm.

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động:

"Theo Kinh Phật thì trái địa cầu hiện ta đang ở nay đã đến kiếp thứ nhì. Sau bảy lần biến hóa, mỗi kỳ 61 triệu năm, vị chi là 427 triệu năm, địa cầu đã chết một lần rồi, di hài kiếp trước còn lại là Nguyệt cầu (Mặt trăng là một tinh tú đã chết, ở trên đó không có một vật sống nào). Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với địa cầu và với các Thần linh ở địa cầu, để quen dần với đời sống ở thế gian này.

Từ cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung). Cơ giáng bên Âu châu, mệnh danh là **Loge Blanche** (Bạch Động).

Giáo chủ của Bạch Vân Động là Bạch Vân Hòa Thượng, miếu duệ của Từ Hàng Đạo Nhơn, dòng dõi Đức Phật Quan Âm. Bạch Vân Hòa Thượng đã hai lần giáng trần ở Pháp: Một lần là Hồng Y Giáo chủ Richelieu; một lần là Quận Công La Roche Foucault. Ở Việt Nam, Ngài giáng trần là Trình Quốc Công Nguyễn Bình Khiêm, tức gọi Trạng Trình."

Như vậy, Bạch Vân Động là Cung trăng hay Mặt trăng, mà Mặt trăng là vệ tinh của địa cầu, nên nó là trạm tiếp chuyển từ địa cầu đi vào CKVT, hay từ các cõi của CKVT đi đến địa cầu.

Trên Cung trắng không có sinh vật sống, nên chỉ làm nơi trú ngụ cho các Đấng thiêng liêng mà thôi.

Đức Quan Âm Bồ Tát và Bạch Vân Hòa Thượng đều là chiết linh của Từ Hàng Bồ Tát. Từ Hàng Bồ Tát chưởng quản tầng Trời Phi Tường Thiên trong Cửu Trùng Thiên.

May mắn cho dân tộc VN, Bạch Vân Hòa Thượng chuyển kiếp làm dân VN với tên là Nguyễn Bình Khiêm. Khi trở về cõi thiêng liêng, Ngài có Thánh danh là Thanh Sơn Đạo Sĩ, cầm quyền Động chủ và cũng là Sư Phó Bạch Vân Động.

Trong thời ĐĐTКPĐ, các vị Thánh của Bạch Vân Động lãnh lĩnh Đức Chí Tôn giáng trần để Chí Tôn lập thành Hội Thánh giúp Chí Tôn khai đạo, làm hình thể của Đức Chí Tôn tại thế mà hoàng dương Chánh pháp, giúp tay vào công cuộc Chuyển thế, gọi là Nho Tông Chuyển Thế.

Do đó, Tam Thánh đứng đầu Bạch Vân Động là: Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm), Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo), Tôn Sơn Chơn Nhơn (Tôn Văn) được lệnh đứng ra công bố bản Thiên Nhơn Hòa Ước cho toàn thể nhơn loại trên thế giới biết, nếu ai thực hiện được bốn chữ: BÁC ÁI - CÔNG BÌNH, thì Đức Chí Tôn cam kết rước về cõi TLHS. (Xem: **Tam Thánh Bạch Vân Động ký Hòa Ước, văn T**)

Khi cúng Đức Phật Mẫu, chúng ta niệm:

- **Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn,**
- **Nam mô Cửu vị Tiên Nương,**
- **Nam mô Bạch Vân Động chư Thánh.**

Bạch Vân Động chư Thánh có nhiệm vụ hộ vệ Đức Phật Mẫu mỗi khi Đức Phật Mẫu xuất hành đến các cõi trần.

Tại Báo Ân Đường Kim Biên, đêm 15-8-Bính Thân (dl 19-9-1956), Đức Hộ Pháp và Ngài Bảo Đạo phò loan, Đức Thanh Sơn ĐS và Nguyệt Tâm Ch. Nh. giáng cơ, xin chép ra sau đây:

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Bần tăng xin chào Thiên Tôn, Chơn Quân và hiền đệ.

Thưa Thiên Tôn, có Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đến nhưng người lại nhượng cơ cho Bần tăng trước. Cười . . .

Nhiều điều Thiên Tôn hỏi thì Bàn tăng khó trả lời đặng, duy Nguyệt Tâm đảm đương Thiên vụ, người hiểu biết rõ hơn Bàn tăng, vậy Thiên Tôn nên hỏi nơi người.

Chỉ có về bài thi của Bàn tăng có hơi huyền bí tiên tri, nên Bàn tăng có thể giải đáp.

Thiên Tôn nhớ lại khi lập thành Phong Thần Bảng, những người đứng vào hàng Thất Thánh là ai?

Đức Hộ Pháp bạch: - Lý Thiên Vương, Kim Tra, Na Tra, Mộc Tra, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử.

- *Phải, thi trước đầu kiếp vào nhà họ Vi, còn nay vào nhà họ Phạm.* Điều ấy có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bàn tăng đã hiểu và chỉ rõ, Việt Nam xuất Thánh thì đã hẳn rồi, còn chi không rõ rệt. Lại còn một điều trọng hệ hơn nữa là **Di-Lạc** giảng linh, thì Thiên Tôn đã thấy rằng tiên tri vốn không sai sót đủ điều. Còn lời thứ hai, Thiên Tôn hỏi Bàn tăng thì xin Ngài vẫn đáp với Nguyệt Tâm vì chính mình người đã truyền tin ấy.

Vui mừng hơn nữa là từ đây, thiên hạ đã hiểu rõ Thánh chất của Thiên Tôn và ngọn cờ cứu khổ sẽ cứu quốc cho giống nòi Việt Nam, rồi lan truyền cho toàn thế giới chung hưởng.

Bảo Đạo, có phải ta tri âm với nhau về điều ấy chăng?

Cười . . . THĂNG. (*Xem thêm chữ: Thanh Sơn Đạo Sĩ*)

TÁI CẦU:

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Thưa chào Thiên Tôn, Chơn Quân và hiền đệ.

Hèn lâu, tộ nhơn không đến là bởi quá thẹn thùa, không tròn Thiên mạng. Nhờ ơn Thiên Tôn không kể lỗi, lại còn khấn đảo Chí Tôn xin cho tộ nhơn tái thủ Đạo quyền hầu chỉnh đốn Hội Thánh Ngoại Giáo lại cho vừa Thiên ý. Ngọc Hư Cung đã đòi tộ nhơn đặng giao truyền Thiên lệnh.

Tộ nhơn khi đặng lời an ủi của Ngọc Hư thì cũng trông mong hội ngộ cùng Ngài, song, thiếu cơ bút thì làm thế nào cho đặng thông công cùng nhau.

Về sự truyền tin vất vả làm cho Thiên Tôn suy nghĩ, cũng vì lẽ thiếu cơ bút. Cười....

(Mấy bữa trước, Đức Hộ Pháp nằm thiu thiu chợt thấy một hàng chữ lửa viết là APOTHÉOSE mà không hiểu ý nói gì?)

Nếu điều truyền tin ấy cho ai khác hơn thì tệ hơn làm đặng dùng vào đâu? **Apothéose** sẽ hiện tượng trong một thời gian ngắn đây thì Thiên Tôn mới rõ biết ai hưởng đặng điều ấy. Còn nghi cho tệ nhân nói đến họ Ngô là chuyện buồn cười!

Điều thứ ba, Thiên Tôn hỏi về Lễ Hội Yến Diêu Trì, sắp ngôi vị cho các Đấng lập giáo thì như đã sắp là trúng.

Hình ảnh của Lễ nó phải tượng hình càn khôn vũ trụ, bởi nơi tay Đại Từ Phụ lập pháp, Thiên Tôn đã hiểu thấu huyền bí chuyển luân của thế giới Manvantara thì cửa Hoàng địa của Dương quyền di chuyển phải có trật tự đẳng cấp thiêng liêng hạp cùng chơn pháp.

Khi mở Bí pháp ấy, Chí Tôn để trọn quyền cho Diêu Trì Cung thay quyền cho Cửu phẩm Thần Tiên cùng Phật vị.

Chiếu đối lại là HTĐ thay quyền Vạn linh: Pháp - Đạo - Thế. Pháp thì Hộ Pháp, Đạo thì Thượng Phẩm, Thế thì Thượng Sanh. Ngôi vị của Tam quyền, có thể đã định sẵn là Đạo bên tay mặt, Thế bên tay trái (của Hộ Pháp), còn Pháp thì tại trung ương. Vậy thì Khai Pháp đặng quyền ngôi chính giữa. Một ngày kia nếu cả thấy qui vị thì cũng sắp như thế. Thiên Tôn xem lại địa vị của họ nơi Đền Thánh mà sắp thì là đúng chơn pháp.

Về việc tái thủ quyền hành Chương Đạo thì tệ hơn đợi thi hành trọn vẹn Thánh Lệnh của Thiên Tôn, rồi tệ nhân sẽ đến trả lời cùng Ngài và quyết định. Xin Ngài miễn lỗi cho./.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

BÀI

Bài bác

排駁

A: To disapprove.

P: Désapprouver.

Bài: chê bai, gạt bỏ. **Bác:** không chấp nhận.

Bài bác là chê bai nhằm gạt bỏ ra ngoài.

TNHT: Mà lắm kẻ trốn lánh, *bài bác* mỗi Đạo Trời.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bài vị

簾位

A: The tablet of the deceased.

P: La tablette du défunt.

Bài: cái thẻ bằng gỗ mỏng hay bằng giấy cứng có viết chữ trên đó. **Vị:** chỗ đứng.

Bài vị, còn gọi là Thần chủ, là một tấm thẻ trên đó có ghi đầy đủ tên họ người chết, năm sanh, ngày chết, chức tước, quê quán, để tế lễ và thờ phượng.

BAN

BAN

1. **BAN:** 頒 Cấp cho, tặng cho.
Td: Ban Phép lành, Ban sắc.

2. **BAN:** 班 Một tổ chức gồm nhiều người có phận sự đặc biệt.
Tđ: Ban Thế Đạo.
3. **BAN:** (Nôm) Đương lúc, đang buổi.
Tđ: Ban sơ.

Ban Kiến trúc

(Xem chữ: Kiến Trúc, văn K)

Ban môn lộng phủ

班門弄斧

Ban: Tên Ban, họ Công Thâu, người nước Lỗ thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên thường được gọi là Lỗ Ban, có nghề làm thợ mộc rất giỏi, về sau được tôn là Ông Tổ nghề thợ mộc.

Môn: Cửa. **Lộng:** Múa. **Phủ:** Cái búa.

Ban môn lộng phủ là múa búa trước cửa Lỗ Ban.

Ý nói: Khoe tài trước mặt bậc thầy, chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Đồng nghĩa với thành ngữ: Múa riu qua mắt thợ.

Vào triều nhà Minh, có văn nhân Mai Chí Hoán du lãm miền Thái Thạch, đến thăm mộ Lý Thái Bạch, thấy trước bia mộ của Ngài chép đầy thơ vịnh của các thi nhân đời sau, nhưng không có bài thơ nào hay. Hoán bèn cảm xúc viết 4 câu thơ:

*Thái Thạch giang biên nhất đôi thổ,
Lý Bạch chi danh cao thiên cổ.
Lai lai vãng vãng nhất thủ thi,
Lỗ Ban môn tiền lộng đại phủ.*

Nghĩa là: Mộ xưa Thái Thạch bên sông,
Tuổi tên Lý Bạch cao cùng ngàn xưa.
Ngày nay thơ chép sờ sờ,
Khác nào múa búa trước nhà Lỗ Ban.

Ban Phép lành

A: To administer the sacrament of benediction.

P: Administrer le sacrement de bénédiction.

Ban: Cấp cho, tặng cho. Ban Phép lành là làm Bí tích huyền diệu để ban phát điển quang sáng suốt cho các tín đồ, hoá giải các điển quang ô trược, giúp cho chơn thần tín đồ được trong sáng nhẹ nhàng, tránh khỏi mê lầm, bước trọn trong đường đạo đức.

Trong dịp Giao thừa năm Ất Mùi (1955), Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo có nhắc lại ngày mừng 1 Tết Đinh Mão (1927), Đức Chí Tôn giáng cơ kiểm điểm việc truyền đạo trong năm Bính Dần, độ được bốn vạn môn đệ. Đức Chí Tôn vui mừng khen tặng các môn đệ và ban Phép lành cho các môn đệ.

"Đêm nay, đêm giao thừa năm Ất Mùi, cũng như các năm trước, Bần đạo nhớ khi Đức Chí Tôn mở Đạo ngày 15-10-Bính Dần tại chùa Từ Lâm Tự (Gò Kén), qua đầu năm Đinh Mão, cũng giờ này, cũng đêm nay, khi hầu đàn rồi phò loan, Đức Chí Tôn biểu cả thầy con cái của Ngài hiện diện nơi đó rằng: Thầy đưa cơ lên, các con chun ngang qua cơ, Thầy ban phép lành cho các con.

Đức Cao Thượng Phẩm và Bần đạo bị Đức Chí Tôn xách đứng lên, ra ngay giữa Đại điện, đưa cần cơ lên cho cả thầy con cái của Ngài, nam nữ chun ngang qua.

Bần đạo vâng mạng lệnh của Đức Chí Tôn, đêm nay, Bần đạo ban Phép lành cho toàn cả con cái của Ngài, nam nữ. Cả thầy cầu nguyện Đức Chí Tôn chan rưới hồng ân thiêng liêng, hồng ân của Ngài rải khắp cho con cái nam nữ." (Xem: **Bài thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp** nơi chữ: Phép lành, văn P)

TNHT: Thầy ban ơn trọn cả các con, dầu không có mặt tại đây cũng vậy. Thầy giờ cơ lên, các con đều chun ngang qua cho Thầy *ban Phép lành*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ban sắc

頒敕

A: To grant a royal decree.

P: Accorder un décret royal.

Ban: Cấp cho, tặng cho. **Sắc:** Tờ giấy viết lệnh của vua.

Ban sắc là Đức Chí Tôn ban lệnh truyền xuống thi hành.

TNHT: Thầy đã *ban sắc* cho Thần Hoàng Long Thành thăng lên chức Văn Xương vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ban sơ

A: In the beginning.

P: Au commencement.

Ban: Đương lúc, đang buổi. **Sơ:** Lúc đầu, lúc mới bắt đầu.

Ban sơ là đang buổi khởi đầu.

TNHT: Ba con lãnh mạng lệnh lớn lao, vệt đường tâm tối trong buổi *ban sơ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Ban Thế Đạo

1. Giải thích về Ban Thế Đạo
2. BẢN QUY ĐIỀU của Ban Thế Đạo
3. NỘI LUẬT của Ban Thế Đạo
4. Lời giảng dạy của Đức Hộ Pháp về Ban Thế Đạo
5. Văn thư của Ngài Bảo Thế giải thích phù hiệu Hiền Tài
6. Thông Tri của Hội Thánh CTĐ về Tang lễ của Hiền Tài qui vị

1. Giải thích về Ban Thế Đạo

班世道

A: Committee of the lay dignitaries.

P: Comité des dignitaires laïques.

Ban: Một tổ chức gồm nhiều người có phận sự đặc biệt.
Thế: Đồi. **Đạo:** Tôn giáo.

Ban Thế Đạo là cơ quan đặc biệt do Đạo Cao Đài lập ra để tạo điều kiện cho những người tài giỏi đang phục vụ trong các cơ quan của quyền đời để họ lập công quả nơi cửa Đạo.

Ý nghĩa của việc thiết lập Ban Thế Đạo: "Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế, sẵn có đạo tâm, giàu lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo, nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với quốc gia xã hội, chưa phé đời hành Đạo được. Ban Thế Đạo là nơi dụng hiền, tạo cơ hội cho những bậc có đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy."

Ban Thế Đạo được thành lập theo Thánh giáo của Đức Lý Thái Bạch, Giáo Tông ĐĐTKPĐ, giảng cơ tại Giáo Tông Đường đêm 3-12-Quý Tỵ (dl 7-1-1954), Phò loan: Phạm Hộ Pháp và Cao Tiếp Đạo. Xin trích ra sau đây:

"Khi hôm qua có luận về Thế Đạo, nên căn dặn phò loan đặng Lão giải nghĩa điều ấy.

Hộ Pháp đã hiểu tổ chức của Hội Thánh Thiên Chúa Giáo, có Chức sắc Thế Đạo, pháp văn gọi rằng Dignitaires laïques.

Hiền hữu đã có phong phẩm HIỀN TÀI, sao không thêm 3 phẩm trên nữa cho đủ 4 như của họ.

Hộ Pháp bạch: - Xin Ngài chỉ rõ.

- Thêm vào 3 phẩm Thế Đạo này: Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử."

Như vậy, Ban Thế Đạo có 4 phẩm Chức sắc:

- Phẩm **Hiền Tài**, do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra.
- Ba phẩm: **Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử**, do Đức Lý Giáo Tông lập ra.

Tuy Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đã định ra như vậy từ ngày 7-1-1954, nhưng mãi đến 11 năm sau, Hội

Thánh HTĐ mới lập Quy Điều cho Ban Thế Đạo, được Đức Cao Thượng Sanh ban hành ngày 28-2-Ất Tỵ (dl 30-3-1965), và sau đó lập Nội Luật Ban Thế Đạo, được Đức Cao Thượng Sanh ban hành ngày 27-11-Mậu Thân (dl 15-1-1969).

2. BẢN QUY ĐIỀU của Ban Thế Đạo

- Chương I: NHIỆM VỤ và PHẨM TRẬT
- Chương II: HỆ THỐNG
- Chương III: LỄ PHỤC
- Chương IV: CẦU PHONG VÀO HÀNG THÁNH

BẢN QUY ĐIỀU của Ban Thế Đạo do Hội Thánh HTĐ lập ra, được Đức Phạm Hộ Pháp chấp thuận theo Thánh giáo ngày 9-2-Ất Tỵ (dl 11-3-1965) và được Đức Cao Thượng Sanh ban hành ngày 28-2-Ất Tỵ (dl 30-3-1965).

Sau đây, xin chép lại Bản Quy Điều này.

QUY ĐIỀU

Thể theo tinh thần Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông đem mừng 3 tháng 12 năm Quý Tỵ (dl 7-1-1954) và theo tôn chỉ của ĐĐTKPĐ, Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh thành lập Ban Thế Đạo, cốt yếu mở rộng trường công quả, tiếp đón những bực nhơn tài văn võ có khả năng phụng sự cho Đạo mà không phể đời hành đạo.

Ban Thế Đạo tức là cơ quan thuộc về phần Đời, bắt nguồn từ cửa Đạo, phát xuất làm dây nối liền cho Đạo Đời tương đắc tương liên, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhơn loại trong thời chuyển thế.

Chương I: NHIỆM VỤ và PHẨM TRẬT

Chức sắc trong Ban Thế Đạo có nhiệm vụ độ đời nâng đạo, hành sự trực tiếp với CTĐ về mặt chuyên môn trong xã hội, trực thuộc HTĐ chỉ Thế về mặt chơn truyền và luật pháp.

Ban Thế Đạo gồm bốn phẩm: Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử.

Những vị nào muốn được tuyển trạch vào Ban Thế Đạo, phải có hai vị Chức sắc trong Đạo tiến cử và phải nhập môn

cầu đạo, khi được Hội Thánh chấp nhận vào hàng phẩm kể trên tùy địa vị ngoài đời của đương sự:

1. HIỀN TÀI: là bậc trí thức chọn trong hàng Đạo hữu có văn bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp hoặc văn bằng Sơ Học (Certificat d'Études Primaires) hồi xưa, hoặc trong hàng công tư chức bậc trung cấp nam nữ đương quyền từ 40 tuổi sắp lên, hay đã hồi hưu, hay trong hàng sĩ phu có Tú Tài Toàn phần từ 21 tuổi sắp lên và hàng sĩ quan từ Đại úy sắp lên.

Ngoài ra, những vị có học lực khá, và có khả năng mở mang kinh tế, làm nên sự nghiệp như: Nghiệp chủ, Điền chủ, nhà Thầu khoán, đã có giúp ích cho Đạo, có đủ bằng chứng, cũng được xin vào phẩm Hiền Tài.

Những vị 40 tuổi sắp lên được chọn vào phẩm Hiền Tài phải có thành tích lập công với Đạo và đầy đủ hạnh đức.

Con nhà Đạo dòng, khi xin gia nhập Ban Thế Đạo, được miễn xuất trình Sơ Cầu Đạo (con những vị Chức sắc tiền bối có công khai Đạo lúc ban sơ).

Hai vị Chức sắc tiền cử phải hoàn toàn chịu trách nhiệm với Hội Thánh về phương diện hạnh đức của người mình tiền cử vào Ban Thế Đạo.

2. QUỐC SĨ: Những danh nhân được trạch cử vào hàng Quốc Sĩ phải có điều kiện sau đây:

1. Bậc Hiền Tài đầy đủ hạnh đức, đã dày công giúp Đạo trợ Đời, được công chúng hoan nghinh có văn bằng minh chứng.
2. Bậc nhân sĩ có công nghiệp vĩ đại đối với quốc gia dân tộc, có bằng chứng cụ thể đặc nơn tâm.
3. Các Tổng Trưởng, Bộ Trưởng, Sứ Thần, Tướng Lãnh, và các vị Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, có thiện tâm giúp Đạo, kỳ công trợ đời.

3. ĐẠI PHU: Những danh nơn được sắp vào hạng Đại Phu là:

1. Bậc Quốc Sĩ đầy đủ hạnh đức, dày công giúp Đạo về việc phổ thông giáo lý và giúp đời về mặt thấu phục nơn tâm.

2. Những bậc có địa vị cao trọng trong nước như: Quốc Trưởng, Tổng Thống hay Thủ Tướng và các ân nhân của nhơn loại có thiện tâm giúp Đạo và kỳ công trợ đời.

4. PHU TỬ: Những danh nhơn được sắp vào hàng Phu Tử là:

1. Bậc Đại Phu đầy đủ hạnh đức, lại có công tế thế an bang.
2. Bậc vĩ nhân khổ hạnh phổ truyền Chơn giáo diu độ toàn dân một nước hay nhiều nước.

PHƯƠNG THỨC CHỌN LỌC VÀ PHONG VỊ:

- a) Hàng phẩm Hiền Tài do Hội Thánh HTĐ chọn lựa và tấn phong.
- b) Các hàng phẩm Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử do Hội Thánh HTĐ tuyển chọn và dâng lên quyền thiêng liêng phán định.

Chương II: HỆ THỐNG

Ban Thế Đạo đặt Văn phòng Trung Ương tại Tòa Thánh Tây Ninh, và những Văn phòng địa phương tại các Châu và Tộc Đạo.

Tại Trung Ương thì hành sự trực thuộc dưới quyền Hội Thánh HTĐ chi Thế.

Tại địa phương, Ban Quản Nhiệm địa phương hoặc Đại diện Ban Quản Nhiệm địa phương hành sự trực tiếp với Ban Quản Nhiệm Trung Ương và tiếp xúc với Chức sắc CTĐ tại địa phương ấy về mặt Đạo.

Chương III: LỄ PHỤC

- **Lễ phục Hiền Tài:** Áo tràng trắng, đầu bịt khăn đóng đen, mang dấu hiệu Cổ pháp Giáo Tông nơi ngực, thêm hai chữ HIỀN TÀI bằng quốc ngữ, trong giờ chầu lễ giữ địa vị trên phẩm Lễ Sanh dưới Giáo Hữu.

- **Lễ phục Quốc Sĩ:** Y như của Hiền Tài, Cổ pháp thêm hai chữ QUỐC SĨ, khi chầu lễ giữ địa vị trên phẩm Giáo Hữu dưới Giáo Sư.

- **Lễ phục Đại Phu:** Y như của Quốc Sĩ, nhưng đầu bịt khăn đóng đen 9 lớp chữ Nhứt, Cổ pháp có thêm hai chữ ĐẠI PHU, khi châu lễ giữ địa vị trên Giáo Sư, dưới Phối Sư.

- **Lễ phục Phu Tử:** Y như Đại Phu, Cổ pháp thêm hai chữ PHU TỬ, khi châu lễ giữ địa vị trên phẩm Phối Sư dưới Đầu Sư.

Lễ phục của nữ phái y như nam phái, nhưng để đầu trần.

Về thể phục thì tùy ý, nhưng được mang phù hiệu theo đẳng cấp, nơi ngực bên trái.

Chức sắc Ban Thế Đạo khi lãnh nhiệm vụ đặc biệt của Hội Thánh HTĐ và với sự chấp thuận của Hội Thánh HTĐ, được mang trường y sáu nút như Tiểu phục Chức sắc HTĐ, trong thời gian thi hành nhiệm vụ được giao phó.

Chương IV: CẦU PHONG VÀO HÀNG THÁNH

Chức sắc Ban Thế Đạo muốn cầu phong vào hàng Chức sắc HTĐ hay CTĐ, phải nộp hồ sơ gồm có:

1. Chứng chỉ cấp bậc hiện tại do chi Thế cấp phát.
2. Tờ hiến thân trọn đời cho Đạo.
3. Tờ khai lý lịch.
4. Tờ ước nguyện gìn giữ trai giới theo Luật pháp Đại Đạo.

Quyền phong vị vào hàng Chức sắc Thánh thể Đức Chí Tôn tại thế do Hội Thánh HTĐ đề cử và dâng lên quyền thiêng liêng định đoạt.

Thể theo tinh thần Thánh lệnh của Đức Hộ Pháp số 49 ngày mùng 1 tháng 6 năm Tân Mão (dl 4-7-1951) thành lập ngôi vị Hiền Tài trong cửa Đạo, sau 5 năm công nghiệp có Bộ Pháp Chánh minh tra đủ lễ, bậc Hiền Tài sẽ cầu phong vào hàng Chức sắc HTĐ hay CTĐ do thiêng liêng chỉ định.

Cũng như trên, bậc Quốc Sĩ, Đại Phu và Phu Tử sẽ được cầu phong do quyền thiêng liêng định đoạt.

Khi đắc phong vào hàng Thánh rồi thì không còn phận sự trong Ban Thế Đạo nữa và phải tuân y trọn vẹn TL và PCT.

Ngày sau, bốn Quy Điều này có thể bổ sung hay điều chỉnh tùy nhu cầu tiến hóa của nhơn sanh.

Quy Điều này đã được tu chỉnh do Hội Thánh HTĐ theo Vi Bằng số 10/VB ngày mùng 6 tháng 6 năm Kỷ Dậu (dl 19-7-1969) và được Đức Hộ Pháp phê chuẩn do Thánh giáo đêm mùng 4 tháng 7 năm Kỷ Dậu (dl 16-8-1969).

3. NỘI LUẬT của Ban Thế Đạo

- Chương mở đầu Chương I: TỔ CHỨC
- Chương II: GIA NHẬP, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG
- Chương III: THĂNG THƯỢNG, KỶ LUẬT
- Chương IV: TÀI CHÁNH Chương V: SỬA ĐỔI NỘI LUẬT

Cách Tổ chức và Điều hành các hoạt động của Ban Thế Đạo từ Trung ương đến Địa phương được qui định trong NỘI LUẬT của Ban Thế Đạo, được Hội Thánh HTĐ duyệt phê.

Chiếu Vi Bằng của Hội Thánh HTĐ số 02/VB ngày 27 tháng 11 năm Mậu Thân (dl 15-1-1969), dưới quyền chủ tọa của Đức Thượng Sanh. Nội Luật được tu chỉnh lần thứ nhì và ban hành cho toàn Ban Thế Đạo tuân hành.

NỘI LUẬT

Chương mở đầu

"Đạo không đời không sức, Đời không Đạo không quyền." Ban Thế Đạo đặt căn bản và định phương hoạt động trên tư tưởng ấy. Đạo lo cho phần hồn của chúng sanh, phổ độ nhơn sanh để sau khi trả xong nợ thế, trở về cõi TLHS, đồng thời Đạo cũng chú trọng đến phần xác của con người, cải thiện xã hội nhơn quần ngay tại thế này.

Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế, sẵn có đạo tâm, giàu lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với quốc gia xã hội, chưa phể đời hành đạo được. Ban Thế Đạo là nơi dụng hiền, tạo cơ hội cho những bậc có đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy.

Đó là ý nghĩa của sự thiết lập Ban Thế Đạo. Ý nghĩa này được minh định trong bản QUY ĐIỀU.

Ban Thế Đạo là cơ quan thuộc về phần đời, bắt nguồn và phát xuất từ cửa Đạo, làm dây nối liền cho Đạo Đời tương liên tương đắc, ngõ hầu tạo lập đời sống thanh bình cho nhơn loại trong thời Chuyển thế.

Như vậy, nhiệm vụ của Ban Thế Đạo là tuân Thế Luật của Đạo, đem công đức và giáo lý đạo hướng dẫn nhơn sanh trở về nguồn cội Đạo, tô điểm cho nền Đại Đạo mỗi ngày một thêm huy hoàng.

Để đạt mục đích ấy, Hội Thánh mở rộng cửa Ban Thế Đạo, đón nhận nhơn tài, chí sĩ đã có thành tích, lập công với Đạo và giúp ích xã hội.

Nội Luật này được soạn thảo để qui định Tổ chức, Nhiệm vụ và Điều hành Ban Thế Đạo theo những chương điều sau đây:

Chương I: TỔ CHỨC

Điều thứ nhất: Ban Thế Đạo thành lập do Thánh Lịnh số 01/TL ngày 28 tháng 2 năm Ất Tỵ (dl 30-3-1965) của Đức Thượng Sanh thể theo Thánh giáo của Đức Lý Đại Tiên đêm mừng 3 tháng 12 Quý Tỵ (dl 7-1-1954), cơ quan này trực thuộc HTĐ, dưới quyền chưởng quản của một vị Thời Quân chi Thế HTĐ do Hội Thánh ủy nhiệm.

Điều thứ nhì: Để giúp ý kiến về sự điều hành công việc chung của Ban Thế Đạo, Hội Thánh đề cử một Ban Cố Vấn mà thành phần gồm có: Chức sắc từ Giám Đạo, Giáo Sư và Chơn Nhơn trở lên.

Điều thứ ba: Dưới quyền lãnh đạo của vị Chưởng quản Ban Thế Đạo, một Ban Quản Nhiệm Trung Ương được thành lập để điều hành công việc của Ban Thế Đạo, thành phần như sau:

- 1 Tổng Quản Nhiệm
- 1 Đệ nhất Phó Tổng Quản Nhiệm
- 1 Đệ nhị Phó Tổng Quản Nhiệm
- 1 Thủ bản

- 1 Trưởng Nhiệm Giáo lý
- 1 Trưởng Nhiệm Văn hóa
- 1 Trưởng Nhiệm Xã hội
- 1 Trưởng Nhiệm Quốc chính
- 1 Trưởng Nhiệm Kế hoạch và Tổ chức
- 1 Trưởng Nhiệm Kinh tài
- 1 Trưởng Nhiệm Ngoại vụ
- 1 Trưởng Nhiệm Thanh sát.

Ban Quản Nhiệm Trung Ương Ban Thế Đạo do Đại hội toàn thể Chức sắc Ban Thế Đạo bầu lên theo thể thức đơn danh, kín, đa số tương đối. Cuộc bầu cử đặt dưới quyền chủ tọa của vị Chủ Đương quản Ban Thế Đạo, hoặc vị Chức sắc HTĐ đặc trách Ban Thế Đạo nếu vị Chủ Đương quản bận việc, và một Ban Phụ tá do Đại hội bầu cử gồm có:

- 1 Phụ tá Chủ tọa
- 2 Thư ký
- 2 Kiểm soát viên.

Thành phần Ban Quản Nhiệm được bầu cử gồm: 1 Tổng Quản Nhiệm và 2 Phó Tổng Quản Nhiệm.

Sau khi đắc cử, 3 vị này trọn quyền tuyển chọn các vị Trưởng Nhiệm trong Ban Quản Nhiệm Trung Ương, trình danh sách lên vị Chủ Đương quản chấp thuận và Hội Thánh HTĐ chuẩn phê.

Nếu Đại hội lần thứ nhất không đủ 2/3 tổng số Chức sắc Ban Thế Đạo thì phải triệu tập lần thứ hai trong vòng một tháng và lần này Đại hội đương nhiên hợp lệ bất cứ với tỷ số nào.

Về việc tính túc số Đại hội, một hội viên hiện diện chỉ có quyền nhận một Ủy nhiệm thư của một Chức sắc Ban Thế Đạo vắng mặt, nhưng khi biểu quyết và bỏ phiếu, vị hội viên hiện diện chỉ bỏ một phiếu cho phần mình.

Mỗi Chức sắc Ban Thế Đạo có quyền ra ứng cử các chức vụ Tổng Quản Nhiệm, Đệ I hoặc Đệ II Phó Tổng Quản Nhiệm.

Các vị Chức sắc Ban Thế Đạo có phẩm trật cao hơn vị Tổng Quản Nhiệm đắc cử, đương nhiên là cố vấn Ban Quản Nhiệm.

Nếu không có ứng cử viên, Đại hội có quyền đề cử ứng cử viên. Tuy nhiên chức vụ Tổng Quản Nhiệm, Đệ I hoặc Đệ II Phó Tổng Quản Nhiệm là chức vụ rất quan trọng, hành động và tư cách của những vị đắc cử có liên quan đến uy tín và danh dự của Ban Thế Đạo, nên khi đề cử ứng cử viên và biểu quyết, Đại hội dựa vào 3 điều kiện:

1. Không can án Đạo và Đồi.
2. Không bị ràng buộc vì chức vụ Đồi như công chức, quân nhân tại ngũ hay chức vụ chính trị khác.
3. Phải liên tục điều hành Ban Quản Nhiệm.

Trong trường hợp 2 ứng cử viên có số thăm đồng nhau thì vị nào cao niên hơn được đắc cử, trừ phi vị cao niên bằng lòng nhường lại cho vị nhỏ tuổi hơn, vị sau này mới được đắc cử.

Điều khoản dự liệu:

Trong trường hợp vì lý do gì không bầu được vị Tổng Quản Nhiệm, Đại hội yêu cầu Hội Thánh HTĐ chỉ định một Chức sắc HTĐ kiêm nhiệm chức vụ Tổng Quản Nhiệm trong thời gian một năm. Vị Chức sắc này có nhiệm vụ tổ chức cuộc bầu cử lại vị Tổng Quản Nhiệm. Nếu cuộc bầu cử vẫn không kết quả, Đại hội yêu cầu Hội Thánh HTĐ bổ nhiệm vị Chức sắc khác đảm trách chức vụ Tổng Quản Nhiệm, hoặc chỉ định vị Chức sắc đương kiêm tái nhiệm.

Trong trường hợp vị Tổng Quản Nhiệm vì một lý do nào không thể tiếp tục hành quyền, vị Chưởng quản Ban Thế Đạo phải triệu tập Đại hội bầu cử vị Tân Tổng Quản Nhiệm trong vòng 6 tháng để tiếp tục đến mãn nhiệm kỳ. Tuy nhiên, cuộc bầu cử này chỉ được thực hiện khi nhiệm kỳ còn lại tối thiểu 18 tháng. Nếu nhiệm kỳ còn lại dưới 18 tháng, vị Đệ I Phó Tổng Quản Nhiệm được ủy nhiệm hành quyền Tổng Quản Nhiệm đến mãn nhiệm kỳ.

Điều thứ tư: Tổng Quản Nhiệm Ban Quản Nhiệm Trung Ương được quyền đề nghị một số nhân viên văn phòng. Những vị này là Chức sắc Ban Thế Đạo do vị Chưởng quản bổ nhiệm. Ngoài ra mỗi vị Trưởng Nhiệm có quyền đề cử một hay nhiều Phụ tá Trưởng Nhiệm liên hệ. Các vị này sẽ được hợp thức hóa bằng một Sắc lệnh do vị Chưởng quản bổ nhiệm.

Điều thứ năm: Thành phần Ban Quản Nhiệm Địa phương và Hải ngoại cũng tổ chức như Trung Ương, tuy nhiên nhân số có thể giảm bớt tùy theo nhu cầu. Các Ban Quản Nhiệm Địa phương và Hải ngoại phải tuân hành chỉ thị của Ban Quản Nhiệm Trung Ương về mọi phương diện. Các Ban Quản Nhiệm Địa phương do một vị Đệ I Phó Tổng Quản Nhiệm chủ tọa bầu cử. Địa phương nào chưa đủ 20 Chức sắc Ban Thế Đạo thì chỉ có quyền cử một Đại diện và một Phụ tá Đại diện để trực tiếp thi hành chỉ thị của Ban Quản Nhiệm Trung Ương.

Điều thứ sáu: Nhiệm kỳ của Ban Quản Nhiệm Trung Ương là ba năm và có thể lưu nhiệm từng một năm do quyết định của vị Chủởng quản, tuy nhiên không được lưu nhiệm quá hai lần.

Do đề nghị của vị Chủởng quản, vì một lý do xác đáng, Hội Thánh HTĐ có thể giải tán toàn thể Ban Quản Nhiệm đương nhiệm. Trong trường hợp này, vị Chủởng quản với sự hộ trợ của Ban Cố Vấn sẽ đảm nhiệm điều hành Ban Thế Đạo. Thời gian tối đa để thành lập Tân Ban Quản Nhiệm là 6 tháng.

Chương II: GIA NHẬP, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG

Điều thứ bảy: Khi được tuyển trạch vào Ban Thế Đạo, tùy theo công đức, tài năng và đạo hạnh, vị Chức sắc Ban Thế Đạo tân phong được xếp vào một trong bốn phẩm tính từ dưới lên như sau:

- Hiền Tài
- Quốc Sĩ
- Đại Phu
- Phu Tử

Điều thứ tám: Muốn vào Ban Thế Đạo, đương sự phải lập hồ sơ cầu phong theo Quy Điều ấn định, trình lên vị Chủởng quản, do hai vị Chức sắc từ phẩm Giáo Hữu đương hành quyền Tòa Thánh Tây Ninh tiến cử. Những vị được tiến cử phải có thành tích lập công với Đạo và đầy đủ hạnh đức.

Chức sắc Ban Thế Đạo, sau thời gian một năm thọ phẩm không phạm kỷ luật, được cùng với một Chức sắc Hội Thánh tiến cử nhân tài gia nhập Ban Thế Đạo.

Điều thứ chín: Nhiệm vụ của Chức sắc Ban Thế Đạo về phương diện Chánh trị đạo.

- Truyền bá giáo lý của Đại Đạo.
- Bảo vệ và giúp đỡ tín đồ của Đại Đạo trong mọi hoàn cảnh.
- Giúp ý kiến cho Chức sắc Hành Chánh Đạo địa phương.
- Đề nghị với Ban Quản Nhiệm Trung Ương đệ lên vị Chưởng quản xin Hội Thánh điều chỉnh hoặc bổ túc phương châm hành đạo nơi địa phương cho thích hợp và hữu hiệu hơn.

Điều thứ mười: Nhiệm vụ của Chức sắc Ban Thế Đạo về phương diện Chánh trị đời.

1.) Lập trường: Ban Thế Đạo có nhiệm vụ thực thi Chính trị đời của Đạo. Do đó, lập trường chính trị của Ban Thế Đạo phải do Hội Thánh hoạch định, hoặc do Ban Thế Đạo đề nghị và được Hội Thánh chấp thuận.

Ban Thế Đạo không phải là một đảng phái chánh trị. Chức sắc Ban Thế Đạo không có quyền tuyên bố bất cứ một đường lối chính trị nào của Ban Thế Đạo mà không phù hợp với lập trường chung của Hội Thánh. Vị nào vi phạm điều này tức là vi phạm kỷ luật Ban Thế Đạo sẽ bị xử theo điều 18 của Nội Luật này.

2.) Với tư cách một Chức sắc: Chức sắc Ban Thế Đạo muốn tham chánh với danh nghĩa Chức sắc phải được sự đề nghị của vị Chưởng quản và sự chấp thuận của Hội Thánh HTĐ.

3.) Với tư cách cá nhân: Chức sắc Ban Thế Đạo có thể tham gia các sinh hoạt lợi ích cho nhơn sanh trong mọi lãnh vực quốc gia, xã hội, miễn là không tương phản với chủ trương của Hội Thánh, nhưng phải trình báo cho Ban Quản Nhiệm Trung Ương và vị Chưởng quản.

Riêng đối với các chức vụ dân cử khi Ban Thế Đạo chủ trương đưa người ra ứng cử tại một địa phương nào thì Chức sắc Ban Thế Đạo muốn ra ứng cử tại địa phương đó, phải qua

cuộc bầu cử nội bộ do Ban Quản Nhiệm Trung Ương tổ chức, có sự chấp thuận của vị Chủởng quản.

Điều thứ mười một: Nhiệm vụ của Ban Quản Nhiệm Trung Ương:

- Thi hành các chỉ thị của vị Chủởng quản và Hội Thánh.
- Phát triển và điều hành Ban Thế Đạo.
- Thực thi các chương trình đã được vị Chủởng quản chấp thuận.
- Biểu quyết các kế hoạch đề nghị.

Điều thứ mười hai: Nhiệm vụ của các chức vụ của Ban Quản Nhiệm Trung Ương được ấn định như sau:

1. Tổng Quản Nhiệm:

- Điều hành Ban Thế Đạo theo đúng Quy Điều và Nội Luật của Ban Thế Đạo.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm với vị Chủởng quản.
- Quản trị Hành chánh, Tài chánh của Ban Thế Đạo.
- Kiểm soát các Ban Quản Nhiệm địa phương hoặc Đại diện Ban Quản Nhiệm T.Ư tại địa phương.
- Có quyền phê xuất tối đa 20.000 \$ 00. Trên số này, phải được sự chấp thuận của Ban Quản Nhiệm T.Ư.
- Thủ bản trực tiếp dưới quyền Tổng Quản Nhiệm.

2. Đệ I Phó Tổng Quản Nhiệm:

- Phụ tá Tổng Quản Nhiệm.
- Điều hành công việc của 4 Trưởng Nhiệm: Kế hoạch và Tổ chức, Quốc chính, Kinh tài, Ngoại vụ.
- Chủ tọa bầu cử Ban Quản Nhiệm địa phương hay Đại diện.
- Thay mặt Tổng Quản Nhiệm điều hành thường vụ khi vị này vắng mặt.

3. Đệ II Phó Tổng Quản Nhiệm:

- Phụ tá Tổng Quản Nhiệm

- Điều hành công việc của 4 Trưởng Nhiệm: Giáo lý, Văn hóa, Xã hội, và Thanh sát.
- Thay mặt Tổng Quản Nhiệm điều hành thường vụ khi vị này và vị Đệ I Phó Tổng Quản Nhiệm vắng mặt.

4. Thủ bản:

- Lập và giữ sổ sách chi thu tài chánh của B.Thế Đạo.
- Giữ tối đa là 50.000 \$ 00, trên số này phải gửi vào Hộ Viện hoặc Ty Ngân Khố.
- Phiếu gửi và phiếu chi thu phải có chữ ký của vị Tổng Quản Nhiệm.
- Tất cả sổ sách tài chánh phải có chữ ký kiểm soát hằng tháng của vị Trưởng Nhiệm Thanh sát.
- Chịu trách nhiệm về kế toán và tài chánh của Ban Thế Đạo và chịu sự kiểm soát của Ban Kiểm Soát Tài chánh của Hội Thánh.

5. Trưởng Nhiệm Giáo lý:

- Soạn lập chương trình Giáo lý tại các Trung Tiều học để dâng đề nghị lên Hội Thánh cứu xét.
- Thành lập Thư viện để tập trung các tài liệu liên quan đến Giáo lý nền Đại Đạo.
- Phát huy và phổ thông triết lý Đại Đạo trong nhơn sanh.
- Nghiên cứu và xuất bản sách về Giáo lý và triết lý Đại Đạo.
- Hằng tháng lập Bản Tin Tức nội bộ để phổ biến cho các Ban Quản Nhiệm và cơ quan Đạo.

6. Trưởng Nhiệm Văn hóa:

- Thành lập Viện Khảo Cổ, sáng tác và dịch thuật các sách Đạo.
- Tổ chức báo chí: Nhựt báo, Tuần báo, Đặc san, Nguyệt san.

- Phát huy và sưu tầm Sử liệu của Đạo.
- Nghiên cứu thành lập nhà Nội trú và các trường chuyên nghiệp cho học sinh Đạo.
- Lập kế hoạch trợ cấp học bổng cho học sinh nghèo học giỏi.
- Vận động học bổng cho học sinh Đạo ưu tú, nghèo, hiến thân đang học tại Đại Học VN hoặc xuất ngoại.

7. Trưởng Nhiệm Xã hội:

- Lo về Quan, Hôn, Tang, Tế.
- Tổ chức cứu trợ.
- Tổ chức Y Tế.

8. Trưởng Nhiệm Quốc chính:

- Đưa ý kiến về ảnh hưởng của tình hình chính trị đối với Đạo và quốc gia.
- Nghiên cứu và hội thảo về lập trường chính trị của Đạo để có thể đệ trình lên Hội Thánh duyệt xét.

9. Trưởng Nhiệm Kế hoạch và Tổ chức:

- Tổ chức nghi lễ khánh tiết của Ban Thế Đạo.
- Soạn thảo kế hoạch chung của Ban Quản Nhiệm.

10. Trưởng Nhiệm Kinh tài:

- Tổ chức kinh tế cho Ban Thế Đạo: Nông, Công, Thương và Kỹ nghệ.
- Hoạt động tài chánh cho Ban Thế Đạo.
- Quản trị các bất động sản và động sản của Ban Thế Đạo.

11. Trưởng Nhiệm Ngoại vụ:

- Liên lạc với các Ban Quản Nhiệm Địa phương và Hải ngoại để tìm hiểu và giúp đỡ.
- Liên lạc với chính quyền địa phương và trung ương khi có ủy nhiệm của Chưởng quản Ban Thế Đạo.
- Liên lạc với các đoàn thể và tôn giáo bạn để gây tình thông cảm.

- Liên lạc với các cơ quan ngoại giao khi hữu cần và với sự ủy nhiệm của Hội Thánh.

12. Trưởng Nhiệm Thanh sát:

- Kiểm soát và đôn đốc Chức sắc Ban Thế Đạo thi hành Nội Luật.
- Kiểm soát và đôn đốc về hoạt động của các Ban Quản Nhiệm địa phương hay Đại diện Ban Quản Nhiệm T.Ư. tại địa phương.
- Kiểm soát và khuyến khích Chức sắc Ban Thế Đạo giữ gìn Luật Đạo.
- Kiểm soát tài chánh và tài sản của Ban Thế Đạo.

Điều thứ mười ba: Văn phòng Ban Quản Nhiệm T.Ư đặt tại Tòa Thánh Tây Ninh và làm việc theo ngày giờ của Hội Thánh. Văn phòng các Ban Quản Nhiệm khác nên đặt trụ sở tại các cơ quan Hành Chánh Đạo địa phương do sự đồng ý của Khâm Châu Đạo, tuy nhiên địa điểm có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh.

Điều thứ mười bốn: Đại hội Chức sắc Ban Thế Đạo mỗi năm họp một lần do vị Chưởng quản triệu tập vào thượng tuần tháng chạp âm lịch. Ban Quản Nhiệm họp mỗi tháng một lần do Tổng Quản Nhiệm triệu tập vào ngày Chúa nhật cuối tháng âm lịch. Trong trường hợp đặc biệt, vị Chưởng quản có thể triệu tập Đại hội bất thường.

Chương III: THĂNG THƯỜNG, KỶ LUẬT

Điều thứ mười lăm: Khi có công trạng đặc biệt, Chức sắc Ban Thế Đạo sẽ được khen thưởng, thể theo đề nghị của Ban Quản Nhiệm T.Ư. và Chưởng quản.

Điều thứ mười sáu: Chức sắc Ban Thế Đạo muốn cầu phong vào hàng phẩm Thánh thể Đức Chí Tôn phải có 5 năm công nghiệp hành đạo không gián đoạn, được Bộ Pháp Chánh minh tra đủ lẽ theo điều kiện pháp định. Hồ sơ gồm có:

1. Đơn xin cầu phong.
2. Chứng chỉ cấp bực hiện tại do chi Thế cấp phát.
3. Tờ hiến thân trọn đời cho Đạo.

4. Tờ khai lý lịch, công nghiệp và tờ tánh hạnh có sự xác nhận của Tổng Quản Nhiệm và sự phê kiến của vị Chưởng quản.
5. Tờ ước nguyện giữ gìn trai giới theo Luật Đạo.

Quyền phong vị vào hàng Chức sắc Thánh thể Đức Chí Tôn do Hội Thánh HTĐ đề cử và dâng lên quyền thiêng liêng định đoạt.

Nếu cầu phong vào hàng Thánh thể, nguyên tắc đối phẩm sau đây sẽ được áp dụng:

- Hiền Tài cầu phong Giáo Hữu.
- Quốc Sĩ cầu phong Giáo Sư.
- Đại Phu cầu phong Phối Sư.
- Phu Tử cầu phong Đầu Sư.

Điều thứ mười bảy: Chức sắc Ban Thế Đạo muốn cầu thăng theo phẩm vị của Ban Thế Đạo từ dưới lên trên cũng phải đầy đủ điều kiện ghi ở điều 16, ngoại trừ việc lập tờ hiến thân phé đời hành đạo.

Sự cầu thăng hay tuyển trạch vào hàng Quốc Sĩ trở lên phải do quyền thiêng liêng định đoạt.

Điều thứ mười tám: Hội Đồng Kỷ Luật.

Ban Thế Đạo có một Hội Đồng Kỷ Luật để phán quyết hình phạt đối với Chức sắc Ban Thế Đạo vi phạm Luật Đạo như: Tân Luật, Quy Điều, và Nội Luật Ban Thế Đạo.

Thành phần Hội Đồng Kỷ Luật gồm có:

- **1 vị Chủ Tọa:** Lựa trong hàng Chức sắc Ban Thế Đạo cao phẩm hơn can nhân, trường hợp chưa có Chức sắc cao phẩm hơn thì Chủ Tọa là một Chức sắc HTĐ cao phẩm hơn do vị Chưởng quản chỉ định.
- **2 vị Nghị Án:** Chức sắc này đồng phẩm với can nhân.
- **1 vị Thư Ký chép án:** Vị này có thể là một Chức sắc Ban Thế Đạo hoặc vị Thư Ký Văn phòng Tổng Quản Nhiệm.

2 vị Nghị Án và Thư Ký cũng do Chưởng quản chỉ định.

Án lệnh của Hội Đồng Kỷ Luật là chung thẩm nhưng phải có sự duyệt y của vị Chưởng quản mới được ban hành.

Hội Đồng Kỷ Luật chỉ xét xử Chức sắc Ban Thế Đạo khi phạm lỗi nhẹ như:

- Tuyên bố về chánh trị sai với lập trường của Hội Thánh.
- Lấy tư cách Chức sắc Ban Thế Đạo đi dự hội với các đoàn thể, tôn giáo, hay các nhóm chính trị mà không có phép của Chưởng quản Ban Thế Đạo.
- Thất lễ với người trưởng thượng.
- Bỏ bê phận sự hoặc bất tuân lệnh của Ban Quản Nhiệm Trung Ương.

Trong những trường hợp kể trên, vị Tổng Quản Nhiệm lãnh phần minh tra, đệ hồ sơ lên vị Chưởng quản để đưa nội vụ ra Hội Đồng Kỷ Luật. Tùy theo trường hợp, can nhân có thể bị ngưng chức từ 1 tới 2 năm.

Hội Đồng Kỷ Luật được triệu tập do quyết định của Chưởng quản Ban Thế Đạo.

Điều thứ mười chín: Khi Chức sắc Ban Thế Đạo phạm tội nặng hay tái phạm, vị Chưởng quản đệ trình lên Hội Thánh HTĐ để đưa ra Tòa HTĐ, chiếu theo Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông mà xét xử do sự minh tra và đề nghị của Bộ Pháp Chánh.

Chương IV: TÀI CHÁNH

Điều thứ hai mươi: Mỗi tháng, Chức sắc Ban Thế Đạo chung đậu một số tiền nhiều ít do Ban Quản Nhiệm Trung Ương quyết định để giúp quỹ điều hành Ban Thế Đạo.

Riêng ở địa phương, Ban Q.Nhiệm được quyền sử dụng 60% để điều hành, còn 40% để giúp Ban Quản Nhiệm T.Ư.

Điều thứ hai mươi mốt: Ngân quỹ của Ban Thế Đạo sẽ được dùng vào việc tương trợ tang tế, tiếp tân, điều hành và phát triển các cơ sở của Ban Thế Đạo.

Điều thứ hai mươi hai: Ban Thế Đạo cũng có thể nhận sự trợ giúp của các nhà hảo tâm, không phân biệt Đạo hay Đời, gồm hiện kim, hiện vật, động sản và bất động sản.

Điều thứ hai mươi ba: Tài sản của Ban Thế Đạo đương nhiên là tài sản của Hội Thánh ĐĐTKPĐ TTTN.

Chương V: SỬA ĐỔI NỘI LUẬT

Điều thứ hai mươi bốn: Để thích ứng với những tiến triển của tinh thể nếu cần, Hội Thánh có thể sửa đổi một phần hay toàn phần Bản Nội Luật này.

Ngoài ra, 2/3 Chức sắc Ban Thế Đạo trong Đại hội thường niên hoặc bất thường cũng có thể đệ đạt ý kiến lên Hội Thánh để xin tu chỉnh Nội Luật.

Ngoài ra, các điều khoản khác không thay đổi.

Nội Luật Ban Thế Đạo được Hội Thánh HTĐ duyệt y do phiên họp ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi (dl 23-12-1967) Vi bằng số 03/VB.

Nội Luật đã sửa đổi chiếu theo Vi bằng số 07/VB do phiên nhóm Hội Thánh HTĐ tại Giáo Tông Đường ngày 30 tháng 2 năm Mậu Thân (dl 28-3-1968) dưới quyền chủ tọa của Đức Thượng Sanh.

Nay chiếu Vi bằng Hội Thánh HTĐ số 02/VB ngày 27 tháng 11 năm Mậu Thân (dl 15-1-1969) dưới quyền chủ tọa của Đức Thượng Sanh, Nội Luật được tu chỉnh lần thứ nhì và ban hành cho toàn Ban Thế Đạo tuân hành.

Chủ Tọa: THƯỢNG SANH

4. Lời giảng dạy của Đức Hộ Pháp về Ban Thế Đạo

Sau đây xin trích lời giảng dạy của Đức Hộ Pháp về Ban Thế Đạo trong đàn cơ tại Giáo Tông Đường đêm mừng 4-7-Kỷ Dậu (dl 16-8-1969) hồi 20 giờ 45 phút, Phò loan: Hiếp Pháp - Khai Đạo. Hầu đàn gồm: Đức Thượng Sanh, Ngài Hiến Đạo, Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, cùng nhiều Chức sắc HTĐ và CTĐ.

HỘ PHÁP

.....

III. Đức Thượng Sanh bạch:

- Bản Nội Qui Ban Thế Đạo đã được Hội Thánh HTĐ tu chỉnh vài điều khoản để cho sự tuyển chọn Chức sắc Ban Thế Đạo được thực hành kỹ lưỡng hơn, hầu gìn giữ chơn giá trị của Ban Thế Đạo, xin dâng lên Đức Ngài phê chuẩn.

- Cười . . . Cũng là việc hữu hình nữa, nếu các bạn để trọn tâm trí về việc ấy mà tu chỉnh thì phải hay thêm chớ sao. Vậy Bản đạo chấp thuận.

IV. Đức Thượng Sanh bạch:

- Hội Thánh CTĐ còn thiếu Chức sắc cao cấp đầy đủ khả năng điều khiển, nên guồng máy Hành Chánh Đạo không tiến triển khả quan.

- Cứ để vậy còn hơn là đem những phần tử đã kể là bất lực thì càng rối thêm.

Đức Lý Đại Tiên có thảo luận với Bản đạo về việc tuyển chọn Chức sắc cao cấp CTĐ thì nên tìm kiếm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo, sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo, thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến, nếu được thì Đức Lý Đại Tiên đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn. Các bạn đồng ý chăng?

Đức Thượng Sanh bạch:

- Nếu áp dụng thể thức đó thì phải đợi thời gian mới tuyển chọn được nhơn tài sẵn lòng phục vụ. Tiểu đệ và các bạn HTĐ sẽ cố gắng thực hành lời chỉ giáo của Đức Ngài.

- Chừng đó Bản đạo sẽ giúp đỡ các bạn thành lập đàn cơ nơi Cung Đạo.

.....

Chào các bạn. THĂNG.

Kể từ ngày Đức Thượng Sanh ban hành Quy Điều Ban Thế Đạo (Ngày 28-2-Ất Tỵ, dl 30-3-1965), Hội Thánh HTĐ đã tấn phong 5 đọt Hiền Tài, kể ra như sau:

- * Khóa I: 57 vị, tấn phong ngày 21-09-1966.
- * Khóa II: 123 vị, tấn phong ngày 30-12-1967
- * Khóa III: 78 vị, tấn phong ngày 15-02-1970.
- * Khóa IV: 162 vị, tấn phong ngày 19-04-1972.
- * Khóa V: 286 vị, tấn phong ngày 15-08-1973.

Tổng cộng: 706 vị Hiền Tài đã được tấn phong.

Số người đã nạp hồ sơ cầu phong Hiền Tài nhưng chưa được tấn phong là: 424 vị.

5. Văn thư của Ngài Bảo Thế giải thích phù hiệu Hiền Tài

HIỆP THIÊN ĐÀI

Văn Phòng

Thượng Sanh

Số: 01/TL

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Tứ thập niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

BẢO THẾ

Thừa quyền Thượng Sanh

Kính gửi: Quý vị Hiền Tài Ban Thế Đạo.

Kính quý vị Hiền Tài,

Nhập vào Ban Thế Đạo với phẩm Hiền Tài, quý vị đã lãnh phù hiệu để mang khi châu lễ Đức Chí Tôn và khi đi đường.

Tôi xin giải thích ý nghĩa của phù hiệu về sử dụng thiêng liêng và sử dụng phạm trần của nó cho quý vị tường lãm.

Số là Chức sắc Thiên phong CTĐ có nhiệm vụ trực tiếp với đời để độ đời vào cửa Đạo nên cần thiết nhờ ba cổ pháp của Giáo Tông ủng hộ trong mọi hành tàng của mình.

Quý vị Hiền Tài còn một phần ở thế, nên phải tùng Chi Thế HTĐ, lại thêm có một phần tùng Đạo nên vẫn gần Hội Thánh CTĐ, tức phải mang cổ pháp của Giáo Tông.

Một ngày kia, quý vị nào có đủ điều kiện muốn hiến thân trọn vẹn cho Đạo thì được xin vào hàng Thánh CTĐ, cũng giữ luôn phù hiệu hiện hữu để bảo vệ mình về cả hai phần hữu hình và vô vi.

Ba cổ pháp của Giáo Tông là: Phát trần, Thư Hùng kiếm và Long Tu phiến.

Phát trần biểu hiệu sự quét sạch trước chất vấn vương lòng phàm. Thư Hùng kiếm là gương thần huệ nghiêm trị xảo trá, khử trừ tà mị. Long Tu phiến xướng xuất khả năng mở vòng oan trái, đưa chơn linh tái nhập trường thi Tiên Phật.

Về sở dụng thiêng liêng, cả ba cổ pháp hiệp lại làm phép phò trì Thiên mạng và vì phép này sắc bén cả hai bề sống và lười thì chẳng phải mang nó để làm đồ trang sức mà để làm khuôn luật khử ám hồi minh, nắm bỗn chơn pháp.

Còn sở dụng phàm trần là phù hiệu có cái vi diệu đưa đời dành cho Đạo một ý niệm sùng đạo và thân dân, và cũng đưa Đạo dành cho đời tất cả tinh thần phục vụ.

Hiểu ý nghĩa siêu nhiên màu nhiệm của phù hiệu, quý vị không còn thắc mắc khi mang nó vào thân và sẽ gặp nhiều may duyên trong nghiệp tương lai của quý vị về mặt đời lẫn mặt Đạo.

Nay kính.

Tòa Thánh, ngày 2-9-Bính Ngọ (dl 15-10-1966).

BẢO THẾ, Thừa quyền Thượng Sanh.

LÊ THIÊN PHƯỚC (ấn ký)

6. Thông Tri của Hội Thánh CTĐ về Tang lễ của Hiền Tài qui vị

CỬU TRÙNG ĐÀI

Văn Phòng

Ngọc Ch. Phối Sư

Số 14-NCPS/TT

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Tứ thập lục niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÔNG TRI **Hội Thánh Cửu Trùng Đài**

Kính gửi: Khâm Trấn, Khâm Thành, Khâm Châu,

Đầu Phận, Đầu Tộc Đạo và Chức việc
Bàn Trị Sự NAM và TRUNG TÔNG ĐẠO.

Kính chư Hiền hữu,

Chiếu Vi Bằng số 6/VB phiên nhóm thu hẹp Hội Thánh Lương Đài Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện nam nữ tại Giáo Tông Đường ngày 7-3-Tân Hợi (dl 2-4-1971) dưới quyền chủ tọa của Đức Thượng Sanh, chưởng quản HTĐ, nơi khoản 3 quyết nghị 2 điều về việc đài thọ cấp táng phẩm Hiền Tài Ban Thế Đạo khi qui vị như sau:

A. Chư vị Hiền Tài đã thật sự hiến thân phé đời hành đạo, có lãnh phận sự do Hội Thánh bổ dụng, khi qui vị, Hội Thánh mới đài thọ về phần cấp táng, còn vị nào mãi lo việc đời, không hiến thân hành đạo thì phần tổn phí về cuộc tổng táng do gia đình người qui vị đài thọ.

B. Ngoài ra, vị Hiền Tài nào có ăn chay 10 ngày một tháng, do tờ chứng nhận của Bàn Trị Sự nơi đương sự cư ngụ, thì khi qui vị mới được Hội Thánh cho làm lễ theo phẩm Lễ Sanh (cúng tế, cầu siêu, chèo hầu tại Khách đình, an táng có bàn đưa 1 lọng và 2 lễ sĩ hầu tới huyệt). Còn vị nào không có ăn chay thì khi qui vị chỉ hành lễ Bạt tiền mà thôi (không có chèo hầu, không có bàn đưa 1 lọng và không có lễ sĩ hầu).

Để thi hành theo Vi Bằng chiếu thượng, chư Hiền hữu cần lưu ý và nhắc nhở Chức việc Bàn Trị Sự đương quyền hiểu biết thực hành khi gặp trường hợp nói trên thuộc phạm vi hành sự của các cấp Hành Chánh Đạo địa phương cho châu đáo.

Quyền Thượng Thống Lại Viện thi hành và ban hành thông tri này đến các nơi rõ biết.

Nay kính.

Tòa Thánh, ngày 28-6-Tân Hợi (dl 18-8-1971).

| | | |
|---------------------|-------------------------|---------------------|
| THÁI CPS (ấn ký) | Q.THƯỢNG CPS (ấn ký) | NGỌC CPS (ấn ký) |
| Thái Bộ Thanh | Thượng Tửng Thanh | Ngọc Nhượn Thanh |

PHÊ CHUẨN:

ĐẬU SƯ

Ch. quản CTĐ nam phái.

*(ấn ký)***Thượng Sáng Thanh****Vâng lệnh ban hành:**

Nội Chánh, ngày 28-6-T.H.

(18-8-71)

Q. Thượng Thống Lại Viện

Giáo Sư Ngọc Tịnh Thanh

*(ấn ký)***ĐĐTKPĐ:** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.**HTĐ:** Hiệp Thiên Đài.**CTĐ:** Cửu Trùng Đài.**TL và PCT:** Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.**TLHS:** Thiêng Liêng Hằng Sống.**ĐĐTKPĐ TTTN:** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.**Ban Tứ Vụ**

班四務

A: Committee of four affairs.

P: Comité de quatre affaires.

Ban: Một tổ chức gồm nhiều người có phận sự đặc biệt.**Tứ:** Bốn. **Vụ:** Việc.*Ban Tứ Vụ là một ban gồm bốn vụ: - Hộ Vụ, - Công Vụ, - Lễ Vụ, - Lương Vụ.*

Tại Văn phòng của mỗi Tộc Đạo, vị Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo phải tổ chức Ban Tứ Vụ của Thánh Thất cho đầy đủ, và hướng dẫn các Chức việc Bàn Trị Sự và Đạo hữu trong Tộc Đạo hiểu rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi Vụ để phối hợp hoạt động Đạo sự nơi Thánh Thất và trong Tộc Đạo được hiệu quả và tiến triển tốt đẹp. Sau đây là nhiệm vụ của mỗi Vụ:

■ **Hộ Vụ:** Lo về tài chánh, giữ Sổ Thâu Xuất hằng ngày, minh chứng cho hợp lệ.

■ **Công Vụ:** Tu tạo, gìn giữ tài sản của Đạo nơi Thánh Thất.

■ **Lễ Vụ:** Quán xuyến về nghi lễ, cúng Tứ thời, Đàn lệ, Sớ điệp, quả phẩm, nhang đèn nơi Thánh Thất.

■ **Lương Vụ:** Khuyến khích, cổ động việc tự túc lương thực, lúa gạo cho Chức sắc, Chức việc, các công quả nơi Thánh Thất và bá tánh đến có đủ chi dùng.

Ban Ủy Viên Hội Nhơn Sanh

班委員會人生

Sau khi khai mạc Hội Nhơn Sanh, Nghị Trưởng trình bày chương trình nghị sự xong rồi thì toàn Hội chọn cử ra các Ban Ủy Viên gánh theo phái đặng tùy phương diện thảo luận các vấn đề cho cận kề thấu đáo. Có bốn Ban Ủy Viên:

1. Phái Thái,
2. Phái Thượng,
3. Phái Ngọc,
4. Phái Nữ.

Các Nghị viên và Phái viên Nữ thì vào Ban Ủy Viên phái Nữ. Các Nghị viên và Phái Viên Nam phái thì chọn lựa để vào 3 Ban Ủy Viên: phái Thái, phái Thượng và phái Ngọc.

Các vị Lễ Sanh phái nào thì vào Ban Ủy Viên phái đó.

Mỗi Ban Ủy Viên gồm có:

1. Một Nghị Trưởng,
2. Một Phúc sự viên,
3. Số Nghị viên còn lại chia đều cho các Ban.
4. Mỗi khi bàn định điều chi rồi thì Phúc sự viên tóm tắt lại, lập tờ phúc, đệ ra Đại Hội nghị quyết.

Ban Ủy Viên Hội Nhơn Sanh, khi nhóm thì mặc Đạo phục thường dùng hằng ngày.

Ban Ủy Viên Phước Thiện

班委員福善

Ban Ủy Viên Phước Thiện là toàn thể số Nghị viên và Phái

viên được chọn cử trong một Quận Đạo Phước Thiện, để thay mặt cho Phước Thiện của Quận Đạo đó trong Đại Hội PT.

- Phái viên thì đại diện cho ba hạng: Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện. Cứ 500 người hiến thân công quả thì đặng cử ra một vị Phái viên thay mặt; từ 501 đến 1000 thì được cử thêm một vị Phái viên nữa.

- Nghị viên thì đại diện cho hạng Hành Thiện, tức là hạng Chủ Sở và Chức việc Bàn Cai Quán nhà Sở Phước Thiện chánh. Mỗi Quận đạo Phước Thiện được cử một Nghị viên.

Cuộc chọn cử Ban Ủy Viên Phước Thiện để thay mặt cho Phước Thiện nơi mỗi Quận đạo thì phải có vị Giáo Thiện Đầu Quận Phước Thiện làm chủ tọa.

Ban Ủy Viên phải có mặt tại Tòa Thánh trước ngày Khai Đại Hội Phước Thiện ít nhất là 5 ngày.

BÀN

BÀN

1. **BÀN:** 班 Do chữ Ban đọc trại ra, là một tổ chức gồm nhiều người có phận sự đặc biệt.
Td: Bàn Cai Quán, Bàn Trị Sự.
2. **BÀN:** 蟠 Quanh co.
Td: Bàn đào.

Bàn Cai Quán Phước Thiện

班該管福善

A: Managing board of Charity District.

P: Comité administratif d'un Quartier Charitable.

Bàn: Do chữ Ban đọc trại ra, là một tổ chức gồm nhiều người có phận sự đặc biệt. **Cai quán:** Đứng đầu coi sóc bao quát các công việc. **Phước Thiện:** Cơ Quan Phước Thiện.

Bàn Cai Quản Phước Thiện là một Ban có phận sự cai quản các hoạt động về Phước Thiện trong một Quận đạo Phước Thiện, thuộc Cơ Quan Phước Thiện của Đạo Cao Đài.

ĐLMD: Mỗi Nhà Sở Phước Thiện trong Quận đạo phải cử ra một Bàn Cai Quản để lãnh trách nhiệm Chủ Trưởng Nhà Sở ấy. Mỗi Bàn Cai Quản phải có ít nữa 12 người Chức việc:

- 1 Chủ Trưởng.
- 1 Phó Chủ Trưởng.
- 1 Từ Hàn.
- 1 Phó Từ Hàn.
- 1 Thủ Bồn.
- 1 Phó Thủ Bồn.
- 6 Nghị viên.

Trong 6 Nghị viên, phải chọn cử ra 2 vị Kiểm Soát.

Chức việc này phải chọn trong hạng người hiến thân trọn đời vào Sở Phước Thiện, có tâm đức, có tư cách xứng đáng, trừ ra chức Chủ Trưởng thì phải lựa chọn công cử trong hạng Chủ Sở Lương điền Công nghệ mà thôi.

Cuộc công cử này phải có mặt Đầu Họ, Đầu Quận, và Sĩ Tải hay Luật Sự chứng kiến. Mỗi khi công cử phải lập Vi bằng.

- Lo chăm nom xem xét các cơ sở Lương điền, Công nghệ thuộc về Sở Phước Thiện của mình cai quản.

- Mỗi tháng, Bàn Cai Quản phải hội nhóm ít nữa là 2 kỳ trong khi có đàn lệ tại Thánh Thất sở tại.

- Nếu xa Thánh Thất thì được nhóm tại Nhà Sở P.Thiện.

Phận sự Chủ Trưởng:

- Khi nhóm, Chủ Trưởng làm chủ tọa, người đem các vấn đề của các cơ sở Phước Thiện, sắp đặt có thứ tự trong chương trình, cho chư Nghị viên bàn định.
- Nghị viên khôngặng bàn tính việc gì khác hơn là vấn đề đã lập trong chương trình. Khi Chủ Trưởng xướng đề ra thì phải giải rành rẽ cho chư Nghị viên được thông hiểu rồi để cho chư Nghị viên tự do bàn định. Chủ Trưởng không nên bàn cãi chi với Nghị viên. Sau khi chư Nghị viên bàn cãi rồi, Chủ Trưởng gom tất cả ý

kiến hay của phần đông Nghị viên mà lập thành quyết nghị.

Phận sự Phó Chủ Trường:

- Phó Chủ Trường phải chung trí giúp Chủ Trường lập chương trình và bàn định các vấn đề trước khi đem ra nhóm hội.
- Khi Chủ Trường vắng mặt thì Phó Chủ Trường đặng quyền thay thế cũng như Chủ Trường vậy.

Phận sự Thủ Bồn:

- Thủ Bồn lãnh phần việc bút toán và biên bản Sổ Thâu xuất cho Bàn Cai Quản xem xét trong mỗi kỳ nhóm lệ. Thủ Bồn chịu trách cứ về số tiền mình giữ và không đặng phép xuất chi phí nào mà không có Chủ Trường hay là Phó Chủ Trường thế quyền chứng kiến.
- Thủ Bồn gìn giữ Sổ Thâu Xuất (Thâu Xuất phải biên hằng ngày và cộng chung mỗi tháng).
- Một cuốn sổ ghi công quả.
- Một cuốn sổ biên tài sản.
- Một cuốn sổ cấp tế những người cô quả bệnh hoạn, đói khổ, già cả, tật nguyên, góa bụa và quan hôn tang tế.

Lúc nào Bàn Cai Quản muốn xem xét thì Thủ Bồn phải bày các sổ sách. Bất hạn là lúc nào, Chủ Trường cũng có quyền xem xét sổ sách và tiền bạc.

Mỗi kỳ nhóm lệ, Thủ Bồn phải lược thuật sự quản suất tài chánh cho rõ ràng.

Phận sự Phó Thủ Bồn:

- Phó Thủ Bồn lãnh giúp Thủ Bồn trong phần giấy tờ sổ sách tài chánh và thay mặt Thủ Bồn trong khi người vắng mặt.

Phận sự Từ Hàn:

- Từ Hàn lãnh lập Vi bằng trong mỗi kỳ hội nhóm. Người giữ một cuốn sổ biên tên họ những Đạo hữu hiến thân trọn đời vào Sở Phước Thiện, có đủ ngày tháng hiến

thân và những điều cần yếu thuộc về gia tộc của Đạo hữu ấy.

- Một cuốn sổ biên nhận các thơ tín tiếp đặng.
- Một cuốn sổ biên nhận thơ tín gởi đi.
- Một cuốn sổ biên tên Chức việc Bàn Cai Quản và tên các Đạo hữu có công sáng tạo Cơ Sở Phước Thiện.

Phận sự Phó Từ Hàn:

- Phó Từ Hàn lãnh phần giúp Từ Hàn trong các phận sự.

Phận sự Nghị viên:

- Nghị viên lo chăm nom quyền lợi chung để giúp hay cho Cơ Sở P.Thiện được mau chóng thành hành phát triển.
- Các vị này giúp Chủ Trưởng trật tự trong các kỳ nhóm.
- Phải chọn lựa trong hàng Nghị viên, cử ra 2 vị Kiểm Soát, trong hạn lệ là 1 năm, để lãnh phận sự tra xét sổ sách của Thủ Bản và Từ Hàn.
- Giấy tờ nào cần ích trong việc điều tra sổ sách thì Thủ Bản phải giao cho Kiểm Soát viên xem xét.
- Kiểm Soát viên đặng tự quyền lập phúc sự các việc điều tra sổ sách đệ về cho Hội Thánh biết.

DLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Bàn Cổ

盤古

A: The first ancestor of man from the Chinese legends.

P: Le premier ancêtre de l'homme d'après les légendes chinoises.

Theo Lão giáo, Bàn Cổ là thủy tổ của loài người, do Trời sanh ra, cũng giống như bên Thiên Chúa Giáo là Adam.

Theo Tam Hoàng Thiên Kinh, sự tích Bàn Cổ như sau:

Tại núi Côn Lôn có một cục đá lớn đã thọ khí Âm Dương chiếu diệu rất lâu đời, nên đã thấu được các tánh linh thông của vũ trụ mà tạo thành thai người.

Sau 10 tháng 16 ngày, đúng giờ Dần, một tiếng nổ vang, khối đá linh ấy nứt ra, sản xuất một vị Linh Chơn hy hữu, một con người đầu tiên của thế gian, được gọi là Bàn Cổ.

Vừa sanh ra thì vị ấy tập đi, tập chạy, tập nhảy, hớp gió nuốt sương, ăn hoa quả, lần lần lớn lên, mình cao trăm thước, đầu như rồng, có lông đầy mình, sức mạnh vô cùng.

Một ngày kia, Bàn Cổ chạy qua hướng Tây, bắt gặp một cái búa và một cái dùi ước đặng ngàn cân. Bàn Cổ, tay phải cầm búa, tay trái cầm dùi, ra sức mở mang cõi trần.

Thuở đó Trời Đất còn mờ mịt. Ngài ước cho phân biệt Trời Đất thì nhơn vật mới hóa sanh được. Ngài ao ước vừa dứt tiếng thì sấm nổ vang, Thiên thanh, Địa ninh, vạn vật sinh ra đều có đủ cả.

Ngài liền chỉ Trời là Cha, chỉ Đất là Mẹ, muôn dân là con. Ngài chính là tôn chủ sáng lập thế gian, nên cũng gọi Ngài là Thái Thượng Đạo Quân.

Ngài tự xưng là Thiên tử, tức là con Trời, cai trị muôn dân. Ngài là vị vua đầu tiên của cõi thế gian nên gọi Ngài là Thiên Hoàng.

Bàn Cổ thọ được 18.000 tuổi rồi qui Thiên.

Tiếp theo thì có Địa Hoàng, rồi Nhơn Hoàng, nối nhau cai trị thiên hạ.

Đó là Tam Hoàng (Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhơn Hoàng) vào thời khởi thủy của nước Tàu.

Bàn cờ huyền bí

A: *The mysterious chess - board.*

P: *L' échiquier mystérieux.*

Bàn cờ huyền bí do Đức Phạm Hộ Pháp đưa ra vào năm 1947. Hiền Tài Lê văn Thuộc, Đạo hiệu Chơn Đăng giải ra được, ông dùng thể thơ lục bát viết ra lời giải, dâng lên Đức Hộ Pháp. Đến năm Tân Hợi (1971), Phạm Môn ấn hành.

Bàn Cờ Huyền Bí gồm 10 quân cờ có kích thước lớn nhỏ khác nhau, và được đặt tên theo hình vẽ. (Xem hình nơi trang

sau). Mỗi quân cờ được làm bằng gỗ, trên đó có khắc tên và sơn màu cho đẹp. Còn bàn cờ thì cũng làm bằng gỗ, có đóng viền chung quanh.

Luận Hành Kỳ là đi từ Bàn cờ số 1 đến Bàn cờ số 2.

Luật Hườn Kỳ là đi từ Bàn cờ số 2 trở về Bàn cờ số 1, gọi là Phần bốn hườn nguyên.

| | | | | | |
|----------------|----------------|-----------|-----------|----------------|----------|
| Thượng Thừa | THƯỢNG SANH | | | THƯỢNG PHẨM | Hữu Biên |
| | | HIỂN PHÁP | TIẾP PHÁP | | |
| | KHAI PHÁP | HỘ PHÁP | | BẢO PHÁP | |
| Tả Biên | ĐẦU SỰ | GIÁO TÔNG | | CHƯỠNG PHÁP | Hạ Thừa |

BÀN CỜ số 1

| | | | | | |
|----------------|----------------|----------------|--------|----------------|----------|
| Thượng Thừa | HIỂN PHÁP | GIÁO TÔNG | | TIẾP PHÁP | Hữu Biên |
| | KHAI PHÁP | | | BẢO PHÁP | |
| | | HỘ PHÁP | | | |
| Tả Biên | THƯỢNG SANH | THƯỢNG PHẨM | ĐẦU SỰ | CHƯỠNG PHÁP | Hạ Thừa |

BÀN CỜ số 2

Dẫn giải

Bàn Cờ Huyền Bí được chia làm 2 phần và 4 địa phận khác nhau:

- Phía trên gọi là Thượng thừa.
- Phía dưới gọi là Hạ thừa.
- Phía trái gọi là Tả biên hay Tả lề.
- Phía mặt gọi là Hữu biên hay Hữu lề.

Hình tích và Tên cờ

GIÁO TÔNG hình lớn lại vuông,
CHƯỞNG, ĐÀU, THƯỢNG, THƯỢNG
hai chuông dính liền.

HỘ PHÁP ngang dọc đồng viên,
BẢO, TIẾP, KHAI, HIẾN, bốn viên vuông đều.

Lời chỉ sắp Bàn cờ huyền bí

Trăm năm biển khổ bụi trần,
Phản hườn nguyên bốn tinh thần chỉnh tu.
Đồng mưu, trí sĩ xuân thu,
Bốn phương tám hướng nên trừ về đông.

Đạo Thầy quyền có GIÁO TÔNG,
Hữu biên CHƯỞNG PHÁP, tả thì ĐÀU SƯ.
Nhiệm màu huyền bí kinh thư,
Cầm cờ HỘ PHÁP trung cư bản đồ.

Tả chi hữu dực tung hô,
THƯỢNG SANH, THƯỢNG PHẨM sát vô lề tường.
Dựng gầy mối đạo đồng phương,
Cần dùng tứ trụ cột rường bên ta.

BẢO, KHAI, TIẾP, HIẾN PHÁP nhà,
Chia phiên gìn giữ để mà giúp nhau.
Cuộc cờ thế sự làm sao,
Khi tan khi hiệp, khi xao khi bình.

Nhờ ông GIÁO CHỦ thông minh,

Tang thương biến đổi công bình đạo Cao.
Thuyền đạo chở cả đồng bào,
Gay chèo tôn giáo đưa vào an ninh.

Giải quyết Bàn cờ Huyền bí

Muốn cho chí cả rạng ngời,
GIÁO TÔNG vì đạo lên ngôi tòa trên.
Đông Tây Nam Bắc tiếng rền,
BẢO, KHAI, TIẾP, HIẾN hai bên bốn vì.

Hoảng khai Đại Đạo tu trì,
Giữ nền tôn giáo, chúc thì Thiên phong.
Trung tâm HỘ PHÁP bền lòng,
CHƯƠNG, ĐÀU, THƯỢNG, THƯỢNG
song song một hàng.

Tích Bàn cờ Huyền bí

Bàn cờ gốc ở Hoa sơn,
Trần Đoàn Lão Tổ thiết hơn tỏ bày.
Buổi kia đang lúc hai Ngài,
Trần Đoàn, Quỷ Cốc vui say cuộc cờ.

Ngồi chơi để sẵn vần thơ,
Cấm không được chỉ thế cờ cho ai.
Mặc dầu lời dặn rất hay,
Nhưng ông Khuôn Dẫn tự Ngài không tuân.

Chỉ qua xúi lại không ngừng,
Trần Đoàn luận biện nếu ưng mời vào.
Tiên sinh biết rõ liền trao.
Nường cho họ Triệu thấp cao ông Trần.

Hai bên giao kết cân phân,
Nếu thua phải thế núi thần Hoa sơn.
Ông Triệu đâu rõ nguồn cơn,
Bằng lòng chịu thế Hoa sơn cuộc cờ.

Hi Di thấu rõ thời cơ,

Thắng luôn họ Triệu, viết tờ ký tên.
Trần Đoàn cất giữ nào quên,
Đến sau Khuôn Dẫn được lên ngai vàng.

Cầu ông Lão Tổ hạ san,
Mời hầu cờ tướng đôi bàn cho vui.
Trần Đoàn ba trận thối lui,
Chịu nhường Thái Tổ muốn xuôi nói rằng:

Vận người nào khác bóng trăng,
Cơn lu hồi tử, khi thăng khi trầm.
Hoa sơn bị cố muôn năm,
Không phương đòi lại, giấy cầm còn luôn.

Trần Đoàn sợ Thái Tổ buồn,
Đặt ra bài luận nói suông mấy tờ.
Khuyên đừng vui thú cuộc cờ,
Siêng lo việc nước thời giờ vàng thoi.

Trần Đoàn sợ Triệu chẳng noi,
Tặng Bàn cờ trí học đòi Thánh Tiên.
Giải bày mối Đạo thiêng liêng,
Nước nhà trị, loạn, ngựa nghiêng cuộc cờ.

Lưu truyền từ ấy đến giờ,
Song người trần tục lẳng lơ không màng.
Tam Kỳ Phổ Độ được ban,
Bàn cờ Huyền bí Trần Đoàn Hi Di.

Thiên phong cần phải biết đi,
Đó là huyền bí, đó là bực cao.
Tham thiên nhập định khác nào,
Muốn cho đắc đạo, công lao rất nhiều.

Khuyên cùng Đạo hữu bấy nhiêu,
Rửa lòng trong sạch, siêu phàm đấng Tiên.
Tu thì lòng dạ chớ nghiêng,
Mong ngày thoát tục, cửa Tiên hầu gần.

Mạng căn đĩnh ở cõi trần,
 Một lòng giữ Đạo, trăm phần không sai.
 May duyên nay đã đến ngày,
 Cùng nhau nhứt trí, Thiên Thai thấy liền.

Cơ cầu thể sự truân chuyên,
 Quốc gia thành lập, Đạo Tiên đổi dời.
 Tam Kỳ khắp cả thành thời,
 Muôn ân Hộ Pháp, ba nơi hiệp hòa.

Luận Hành Kỳ

Trên Trời dưới thế mấy ai,
 Hờn nhau vì chỗ trí tài sĩ mưu.

1. TIẾP lên trên HIẾN dựng tường,
2. PHẨM qua bên tả hết đường dừng chơn.
 BẢO đứng so thiệt tính hờn,
3. Thịnh ông CHƯỞNG PHÁP một cơn hành trình.
4. GIÁO TỔNG huyền bí làm thịnh,
5. ĐẦU SỰ cầu cạnh giữ gìn hữu chi.
6. KHAI PHÁP bốn phận phải đi,
7. THƯỢNG SANH cũng xuống một khi hạ tường.
8. TIẾP, HIẾN lưỡng vị dựa nương,
9. Mời Ngài THƯỢNG PHẨM tả phương luôn về.
10. BẢO PHÁP sàu muộn chán chê,
 Một mình một góc đi về thọ trung.
11. Ông CHƯỞNG trọn thủy trọn chung,
 Tiến lên một bậc lên cùng hữu chi.
12. HỘ PHÁP lăm nghĩ nhiều suy,
 Kiếm tìm phía hữu, việc ni phải thành.
13. THƯỢNG PHẨM về với THƯỢNG SANH,
14. TIẾP hồi trở lại một cảnh BẢO cư.
15. THƯỢNG PHẨM cùng với ĐẦU SỰ,
 Tiến lên tường thượng thẳng ư một đàng.
16. KHAI PHÁP cần phải qua ngang,
 Kế bên GIÁO CHỦ dưới hàng ĐẦU SỰ.

17. THƯỢNG SANH, HIẾN PHÁP di cư,
Ngang hàng KHAI PHÁP, ĐẦU SỰ tường lè.
18. THƯỢNG PHẨM tả dực đi về,
19. ĐẦU SỰ thế chỗ chớ hề để lâu.
20. HIẾN PHÁP tài liệu năm châu,
Hiệp cùng KHAI PHÁP để hầu thảo ra.
21. Đến hồi HỘ PHÁP sang qua,
Tả chi nghiên cứu quốc gia hiện tình.
22. BẢO PHÁP, TIẾP PHÁP đăng trình,
Tiến qua hữu dực giữ gìn GIÁO TÔNG.
23. CHƯỠNG PHÁP kế bạn đồng song,
24. BẢO, TIẾP hai vị gắng công lên cùng.
25. HỘ PHÁP hiểu rõ kỳ chung,
Trở về phía hữu đúc nun nhân tài.
26. THƯỢNG SANH thẳng bước đi ngay,
Đụng cùng THƯỢNG PHẨM hôm nay tiến hành.
27. KHAI qua HIẾN xuống đụng ranh,
28. ĐẦU SỰ trở lại THƯỢNG SANH ngang hàng.
29. CHƯỠNG PHÁP phía tả vừa sang,
30. TIẾP lên kế cận đứng ngang BẢO đồng.
31. HỘ PHÁP nhường chỗ GIÁO TÔNG,
Tiến lên một bực phương đông danh rền.
32. HIẾN, KHAI mau đến một bên,
Dưới chơn GIÁO CHỦ dựa nền hữu biên.
33. CHƯỠNG, ĐẦU, THƯỢNG, THƯỢNG đăng liền,
Đồng nhau xuống hết tả biên hạ tường.
34. TIẾP, BẢO bên trái dựa nương,
35. HỘ PHÁP cần đến thượng tường hữu xong.
36. Thịnh cầu Đức Lý GIÁO TÔNG,
Lên ngang CHƯỠNG PHÁP Đức Ông lại ngừng.
37. KHAI lên trên HIẾN giữa chừng,
38. ĐẦU SỰ tiên hữu gặp mừng HIẾN, KHAI.
39. CHƯỠNG PHÁP giáng hạ bằng nay,
Mời về thế chỗ dựa Ngai GIÁO TÔNG.
40. THƯỢNG PHẨM đứng kế sát hông,
41. TIẾP, BẢO trở xuống tả đồng phẩm ngang.
42. HỘ PHÁP muốn hiểu ngay gian,
Phải gần tả phái hấn tàng giả chơn.

43. GIÁO TÔNG thấu hiểu nguồn cơn,
Phản hồi tường thượng ngỏ đồn Chí Tôn.
44. KHAI, HIẾN cần phải đến đồn,
Dưới ngai GIÁO CHỦ hữu môn lại ngừng.
45. ĐẦU SỰ, CHƯỞNG PHÁP dời chơn,
46. Nhường cho THƯỢNG PHẨM về mừng cùng nhau.
47. TIẾP, BẢO cần phải ngang vào,
BẢO bên GIÁO CHỦ, TIẾP, KHAI giao kê.
48. THƯỢNG SANH cấp tốc trở về,
Đến ngang BẢO, TIẾP chớ hề lo âu.
49. THƯỢNG PHẨM, CHƯỞNG PHÁP, ông ĐẦU,
Ba Ngài trở lại giải sầu tả chi.
50. HIẾN, KHAI trở xuống một khi,
51. Thỉnh Ngài GIÁO CHỦ cũng đi lên đường.
52. HỘ PHÁP trở lại hữu phương,
53. BẢO, TIẾP, hai vị lên đường THƯỢNG SANH.
54. GIÁO TÔNG muốn rưới phước lành,
Trung tâm Tòa Thánh kính thành chứng minh.
55. Hai Ngài KHAI, HIẾN đăng trình,
56. ĐẦU SỰ, CHƯỞNG PHÁP đồng tình thượng phong.
57. THƯỢNG SANH đi xuống một vòng,
58. BẢO, TIẾP hai vị cũng đồng xuống luôn.
59. HỘ PHÁP nghĩ lại thêm buồn,
Tả chi chẳng muốn như tuồng gượng theo.
60. KHAI, HIẾN cũng phải ráng theo,
61. ĐẦU SỰ thượng lộ giữ lèo GIÁO TÔNG.
62. CHƯỞNG PHÁP, THƯỢNG, THƯỢNG công đồng,
Tiến về phía hữu ngóng trông nhơn tài.
63. TIẾP, BẢO hạ đăng xuống ngay,
64. GIÁO TÔNG qua tả bằng nay một mình.
65. ĐẦU SỰ tua khá giữ gìn,
Sát hồng GIÁO CHỦ mưa hình lãng xao.
66. HIẾN, KHAI cần phải về mau,
67. Nhờ Ông HỘ PHÁP trở vào hữu biên.
68. GIÁO TÔNG toan liệu nào yên,
Mau lên tường thượng độ khuyên môn đồ.
69. TIẾP, BẢO tả hữu dời vô,
70. THƯỢNG SANH, THƯỢNG PHẨM đi vô tả biên.

71. ĐẦU SƯ tiếp xuống đồng thuyền,
72. HIẾN, KHAI một nhịp qua liền tả chi.
73. CHƯỞNG PHÁP vì đạo ra đi,
Tìm Ông HỘ PHÁP kịp kỳ gặp nhau.
74. ĐẦU SƯ, THƯỢNG, THƯỢNG đều vào,
Vân du hữu đực phước trao người lành.
75. BẢO, TIẾP làm việc cho nhanh,
Xuống tìm đặng gặp THƯỢNG SANH ngang hàng.
76. GIÁO TÔNG trong dạ không an,
Thượng cho đồ đệ muôn ngàn tai ương.
Cần đi du ngoạn bốn phương,
77. Nhưng cho HỘ PHÁP pháp đường chỉ huy.
78. KHAI, HIẾN cần phải ra đi,
KHAI qua mé hữu, HIẾN thì gần bên.
79. GIÁO TÔNG trung điểm giữ nền,
80. Nhờ hai TIẾP, BẢO tiến lên gần Ngài.
81. THƯỢNG SANH, THƯỢNG PHẨM đi ngay,
82. ĐẦU SƯ, CHƯỞNG PHÁP hôm nay hội đồng.
83. Thỉnh cầu Đức Lý GIÁO TÔNG,
Trở qua phía hữu Đức Ông vui lòng.
84. TIẾP PHÁP chịu khó đi vòng,
Ngang hàng BẢO PHÁP để hòng tiếp nghinh.
85. HỘ PHÁP cần phải điều đình,
Nên Ngài giáng hạ theo mình bốn viên.
86. HIẾN, KHAI mau khá theo liền,
87. Thỉnh Ông GIÁO CHỦ lên miền thượng du.
88. TIẾP, BẢO trở lại hữu trừ,
Dưới Ngài Đức Lý chỉnh tu cơ đồ.
89. HỘ PHÁP tiếp đến hư vô,
Đến trên THƯỢNG, THƯỢNG mưu mô cuộc trần.
90. KHAI PHÁP xuống dưới bạn thân,
HIẾN trên nằm dựa về phần tả chi.
91. Mời Ngài GIÁO CHỦ hỏi qui,
Tòa trên Ngài ngự đơn trì trung tâm,
92. TIẾP, BẢO hữu phái về thăm,
93. Rước Đức HỘ PHÁP năm năm phản hồi.

Luật Huòn Kỳ

(Phản bản huòn nguyên)

- Đạo Trời huyền bí khó bày,
Chỉ người mưu sĩ trí tài mới hay.
Kể từ Đại Đạo hồng khai,
Cứu đời độ thế Cao Đài Tiên Ông.
1. Thỉnh Ngài HỘ PHÁP về đông,
Tả biên mời đến sát hồng bên lề.
 2. BẢO, TIẾP hai vị đứng kề,
CHƯỞNG, ĐẦU ngó lại TIẾP lề hữu biên.
 3. GIÁO TÔNG phía hữu qua liền,
 4. KHAI PHÁP qua dựa kê bên HIẾN nhà.
 5. HỘ PHÁP lăm nổi thiết tha,
Tiến gần KHAI, HIẾN cùng mà gặp nhau.
 6. BẢO, TIẾP hai vị đầu vào,
Trở về tả phái hiệp nhau một đoàn.
 7. GIÁO TÔNG xuống đụng vừng ngang,
 8. KHAI qua, HIẾN kể một đoàn hữu chi.
 9. Mời Ông HỘ PHÁP sớm đi,
Thượng tường lề tả một khi tiến hành.
 10. TIẾP PHÁP cần phải cho nhanh,
Lên trên BẢO PHÁP tả ranh giữ gìn.
 11. GIÁO TÔNG đến lúc hành trình,
Trung tâm Ngài ngự hữu đình chứng tri.
 12. CHƯỞNG PHÁP ông phải lên đi,
Kể Ngài GIÁO CHỦ một khi cho rồi.
 13. ĐẦU SỰ, THƯỢNG, THƯỢNG lìa ngôi,
Hữu biên ba vị tiến thôi sát lề.
 14. BẢO, TIẾP mau khá lộn về,
 15. GIÁO TÔNG qua tả lộn về bằng nay.
 16. CHƯỞNG PHÁP gấp phải qua ngay,
 17. KHAI đi HIẾN xuống đứng dài dựa bên.
 18. HỘ PHÁP tiến thẳng tường trên,
 19. GIÁO TÔNG Ngài cũng đi lên thượng tường.
 20. TIẾP, BẢO hữu tả hai phương,
 21. THƯỢNG SANH, THƯỢNG PHẨM
một đường thẳng qua.
 22. CHƯỞNG PHÁP nhiều lúc kêu ca,
Cùng nhau hiệp lại bốn nhà Thiên phong.
 23. HIẾN, KHAI ngang tiến vô trong,

24. ĐÀU SƯ đi thẳng ngang vòng HIẾN, KHAI.
25. CHƯỞNG rời THƯỢNG, THƯỢNG đi ngay,
26. BẢO, TIẾP rày phải hôm nay phản hồi.
27. GIÁO TÔNG thay đổi tòa ngời,
Xuống gần THƯỢNG, TIẾP đứng ngời bằng nhau.
28. HỘ PHÁP phản bộ cho mau,
29. HIẾN, KHAI lên quẹo gặp nhau đụng tường.
30. GIÁO TÔNG trung điểm hồi hương,
31. TIẾP, BẢO cứ tiến một đường lên ngay.
32. THƯỢNG, THƯỢNG, CHƯỞNG PHÁP ngày nay.
Trở về phía tả, vui say ba vì.
33. ĐÀU SƯ gấp xuống kịp kỳ,
34. HIẾN, KHAI hạ giáng can gì phải lo.
35. HỘ PHÁP nhiều nỗi đắn đo,
Hữu chi Ngài đến ám no môn đồ.
36. TIẾP, BẢO tìm kiếm đường vô,
37. THƯỢNG SANH cần phải xưng hô thất từ.
38. THƯỢNG PHẨM, CHƯỞNG PHÁP, ĐÀU SƯ,
Ba Ông đều phải di cư tả biên.
Hai người hữu phải thiêng liêng,
39. HIẾN, KHAI lưỡng vị xuống miền hạ thương.
40. GIÁO TÔNG lòng mến đồng phương,
Qua miền hữu phái đảm đương cuộc trần.
41. THƯỢNG SANH cũng đến ở gần,
42. BẢO PHÁP, TIẾP PHÁP cũng cần xuống luôn.
43. HỘ PHÁP nghĩ lại thêm buồn,
Trở về phái tả như tuồng chẳng xuôi.
44. GIÁO TÔNG trong dạ không nguôi,
Trở về tường thượng không vui trong lòng.
45. KHAI, HIẾN hai vị đi vòng,
Đỡ nâng GIÁO CHỦ để phòng việc tư.
46. Hai Ông CHƯỞNG PHÁP, ĐÀU SƯ,
Trở qua bên hữu di cư một lần.
47. THƯỢNG SANH đi xuống bạn thân,
48. TIẾP, BẢO dời gót về gần GIÁO, KHAI.
49. THƯỢNG PHẨM tiến bộ đường ngay,
50. THƯỢNG SANH, CHƯỞNG PHÁP

nắm tay Ông ĐÀU.

- Tả biên ba vị thâm bầu,
 51. HIẾN, KHAI hạ xuống sát đầu hữu chi.
 52. GIÁO TÔNG trở lại một khi,
 53. Mời Ông HỘ PHÁP cùng đi qua liền.
 54. TIẾP, BẢO tường thượng tả biên,
 55. Cầu Ngài CHƯỞNG PHÁP dựa quyền GIÁO TÔNG.
 56. ĐẦU SƯ cùng bạn lập công,
 Tả chi phản bộ hội đồng tứ danh.
 57. KHAI xuống tường hạ chí ranh,
 Ngang cùng HIẾN PHÁP nhị khanh sát lè.
 58. GIÁO TÔNG tiến xuống một đường,
 59. Mời Ông HỘ PHÁP chủ trường Hiệp Thiên.
 Xuống gần GIÁO CHỦ bàn riêng,
 60. BẢO PHÁP, TIẾP PHÁP hữu biên lại về.
 61. CHƯỞNG, ĐẦU, THƯỢNG, THƯỢNG một què.
 Tiến lên một bực tiện bề tới lui.
 62. HIẾN, KHAI hai vị rất vui,
 Phản hồi tả phái qua xuôi sát lè.
 63. GIÁO TÔNG, HỘ PHÁP một bề,
 Cùng nhau một lúc trở về hạ căn.
 64. BẢO PHÁP đi xuống thẳng băng,
 65. TIẾP vô lè hữu với ông BẢO cùng.
 66. CHƯỞNG PHÁP một lúc qua chung,
 67. Nhường đường thượng lộ thỉnh cùng ĐẦU SƯ.
 68. HIẾN PHÁP cần phải di cư,
 Lên ngang HỘ PHÁP dưới SƯ đứng chờ.
 69. KHAI PHÁP xa bạn ngăn ngõ,
 70. Tiến qua tường hạ cạy nhờ GIÁO TÔNG.
 71. THƯỢNG SANH trở xuống sát hông,
 72. Đường về mé tả HIẾN xông đụng lè.
 73. ĐẦU SƯ Ngài lại trở về,
 74. Thỉnh Ông THƯỢNG PHẨM qua lè CHƯỞNG phong.
 75. HIẾN PHÁP lên thẳng một vòng,
 76. THƯỢNG SANH Ngài lại một lòng tiến lên.
 77. KHAI PHÁP chí cả rất bền,
 Tiến về phái tả sát qua tường lè.
 78. ĐẦU SƯ, THƯỢNG PHẨM liền về,
 79. Tường trên nhường chỗ HIẾN về nghỉ chơn.

80. THƯỢNG SANH đã tính thiệt hơn,
Đầu tườngmé tả một cơn tiến hành.
81. KHAI PHÁP lên đưng THƯỢNG SANH,
82. ĐẦU SƯ Ngài phải qua ranh tả lẻ.
83. THƯỢNG PHẨM cần tỉnh lộn về,
84. Mời Ngài HIẾN PHÁP dựa kê KHAI viên.
85. THƯỢNG SANH cấp tốc đi liền,
Thẳng qua CHƯỞNG PHÁP ở miền hữu chi.
86. KHAI, HIẾN hai vị phải đi,
Tiến lên tường thượng một khi hai người.
87. HỘ PHÁP tả phái Ngài cười,
88. Nhưng cho BẢO, TIẾP hai người dời chơn.
89. CHƯỞNG PHÁP suy nghĩ thiệt hơn,
90. THƯỢNG SANH hiệp lại một cơn hữu lẻ.
91. HIẾN PHÁP cần phải tiến về,
Đứng ngay KHAI PHÁP hầu kê THƯỢNG SANH.
92. HỘ PHÁP cần gấp tiến hành,
93. BẢO qua TIẾP đến đã đành đi luôn.
94. THƯỢNG SANH, CHƯỞNG PHÁP một xuống,
Xuống tìm GIÁO CHỦ giải nguồn quốc gia.
95. HIẾN, KHAI hai vị thẳng qua,
96. Tỉnh Ngài HỘ PHÁP thiết tha thượng tường.
97. BẢO trên TIẾP dưới dựa nương,
Đền gần lẻ tả chữa đờng người sau.
98. Chờ Ông THƯỢNG PHẨM về mau,
99. GIÁO TỔNG Ngài ngự giữa trào Thiên cung.
100. CHƯỞNG PHÁP Ông lại về chung,
101. HIẾN, KHAI hội họp để cùng xuống luôn.
102. Kính Ngài HỘ PHÁP đờng buồn,
Hữu biên trở lại cứu luôn đồng bào.
103. BẢO, TIẾP hai vị kíp mau,
Thượng tường sát cánh cùng nhau một lần.
104. ĐẦU SƯ lên kiếm người ân,
105. GIÁO TỔNG tả độ đầu phân người hiền.
106. THƯỢNG SANH mau khá xuống liền,
107. THƯỢNG PHẨM cần trở về miền hữu ban.
108. BẢO, TIẾP đi xuống một đàng,
109. HỘ PHÁP trở lại hữu ban một kỳ.

110. HIẾN, KHAI hai vị lên đi,
 111. Mời Ông THƯỢNG PHẨM một khi hữu về.
 112. THƯỢNG SANH lăm nổi bộn bề,
 Trở lên kịp phẩm quyết thề trọn tu.
 113. GIÁO TÔNG lên hội trung thu,
 Phản hồi nguyên bản đồng du chính vì.
 114. ĐẦU SỰ trở lại đơn trì,
 115. TIẾP, BẢO hội kiến cấp kỳ với SỰ.
 116. HỘ PHÁP hiểu rõ địa dư,
 Xuống gần BẢO, TIẾP cũng như lệ thường.
 117. KHAI, HIẾN mau đến tả phương,
 118. THƯỢNG SANH, THƯỢNG PHẨM
 luôn đường tiến lên.
119. BẢO, TIẾP qua hữu một bên,
 120. Thịnh Ngài HỘ PHÁP về Đền Thánh xưa.
 121. HIẾN PHÁP trở xuống tả thừa,
 122. THƯỢNG SANH đặc lệnh mau đưa trở về.
 KHAI, HIẾN tiếp đến dựa kê,
 123. TIẾP, BẢO hai vị đi về tường trên.
 124. HỘ PHÁP muốn được Đạo nên,
 Phản hồi cố thủ ở trên hữu biên.
 125. HIẾN, KHAI đi xuống queo liền,
 126. THƯỢNG SANH trở lại tòa trên của Ngài.
 127. HIẾN PHÁP tiến thẳng đường ngay,
 128. Nhờ Ông HỘ PHÁP đổi thay thế tình.
 Thịnh Ngài trở lại trung đình,
 129. Mời Ông THƯỢNG PHẨM một mình xuống luôn.
 130. TIẾP, HIẾN hữu phái một xuống,
 131. THƯỢNG SANH vận động khỏi ruộng chúng dân.
 132. BẢO, HIẾN, THƯỢNG PHẢI qua gần,
 Muôn ơn Đạo giáo hạ trần rưới ân.
 133. KHAI PHÁP dạ phải cho cần,
 Tiến lên tường tả một lần cho xong.
 134. HỘ PHÁP lăm nổi cực lòng,
 Môn đồ mấy triệu ai hòng biết cho.
 Trở qua tả phái xét dò,
 135. BẢO, HIẾN hai vị một đồ hiệp đi.
 136. TIẾP PHÁP trở lại tả chi,

137. Mời Ngài THƯỢNG PHẨM hồi qui ngôi mình.
 138. BẢO PHÁP trở lại cựa dinh,
 139. Thỉnh Ông HỘ PHÁP trung đình độ dân.
 140. KHAI PHÁP trở lại cựa thần,
 141. THƯỢNG SANH cựa vị về lần ngôi xưa.
 142. HIẾN PHÁP tả phái còn chưa,
 143. TIẾP PHÁP trở xuống ghé xưa hiệp đoàn.

Chung qui thể sự một bàn,
 Cuộc cờ dời đổi, muôn ngàn biến thiên.
 Muốn cho đạo cả lưu truyền,
 Kết thành một khối đoàn viên một lòng.

Phân minh tỏ hết đực trong,
 Bốn phương hiền sĩ ước mong phản hồi.
 Nghơn sanh tế độ trau giồi,
 Lập nên Quốc Đạo đắp bồi giang san.

Từ đây nước thới nhà an,
 Muôn dân hạnh phúc, muôn ngàn vui tươi.
 Hết lo những việc trêu ngươi,
 Cuộc cờ đã mãn nực cười hân hoan./.

Bàn đào

蟠桃

Bàn: Quanh co. **Đào:** Cây đào.

Bàn đào là cây đào có thân mọc quanh co ở cõi Tiên.

Theo sách Thập Châu Ký, biển đông có núi Đạc Sách sơn, trên đỉnh có cây đào lớn, thân mọc quanh co đến 3000 dặm, gọi là cây Bàn đào hay cây Đào Tiên.

Bàn đào là loại cây ở thượng giới, trồng nơi vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu. Tương truyền vườn Đào Tiên của Phật Mẫu có 3600 cây Bàn đào, chia ra:

- Đàng trước có 1200 cây, hoa nhỏ quả nhỏ, 3000 năm mới chín một lần. Người ăn đào này, thân thể khỏe mạnh nhẹ nhàng.

■ Khoảng giữa có 1200 cây, quả ngọt thơm, 6000 năm mới chín một lần. Người ăn đào này có thể bay bổng lên mây, trường sanh bất lão.

■ Đàng sau có 1200 cây, vân cây đỏ tím, hột vàng nhạt, 9000 năm mới chín một lần. Người ăn đào này thì được thọ bằng Trời Đất.

Vào thời nhà Hán bên Tàu, vua Hán Võ Đế rất mộ đạo nên cất một Hoa Điện lộng lẫy và ngày đêm đến Hoa Điện cầu khẩn Đức Phật Mẫu giáng xuống trong dịp lễ khánh thọ của Ngài. Đức Phật Mẫu cảm lòng thành của nhà vua, nên bằng lòng giáng xuống. Đêm rằm Trung Thu, đúng giờ Tý, Đức Phật Mẫu cỡi chim Thanh loan cùng với Cửu vị Tiên Nương, và 4 Tiên đồng Nữ Nhạc, giáng xuống sân Hoa Điện.

Đức Phật Mẫu ban cho Hớn Võ Đế bốn quả Đào Tiên và bảo Tiên đồng Nữ Nhạc đờn và ngâm bài chúc thọ.

Hớn Võ Đế nhận lãnh Đào Tiên, lấy ra ăn chữa hột, bảo thái giám đem ương. Đức Phật Mẫu cười và phán rằng:

"Trái Bàn đào này là thứ Đào Tiên rất quý, ở cõi thế gian không trồng được, vì đất mỏng lắm. Cây Bàn đào trồng 3000 năm mới trở bông, 3000 năm mới kết quả, 3000 năm mới chín. Người ăn vào thì được sống mạnh khỏe và trường thọ."

KĐ9C: Hội *Bàn đào* Diêu Trì Cung,
Phục sanh đào hạnh rượu hồng thưởng ban.

KĐ9C: Kinh Độ Cửu cừu.

Bàn Trị Sự

班治事

A: Administrative Committee of a religious village.

P: Comité administratif d'un village religieux.

Bàn: Do chữ Ban đọc trại ra, là một tổ chức gồm nhiều người có phận sự đặc biệt. **Trị:** Sắp đặt cho yên. **Sự:** Việc.

Bàn Trị Sự là một ban gồm nhiều người có nhiệm vụ quản lý và điều hành các công việc của một cơ quan.

Thông thường, khi nói Bàn Trị Sự là nói Bàn Trị Sự của một Hương đạo, gồm các Chức việc điều hành và sắp đặt công việc đạo trong Hương đạo đó. Hương đạo gồm những tín đồ cư ngụ trong một làng hay trong một xã.

Tổ chức Bàn Trị Sự Hương đạo là cấp thấp nhất trong hệ thống Hành Chánh Đạo Cửu Trùng Đài.

Đứng đầu Bàn Trị Sự của mỗi Hương đạo là một vị Chánh Trị Sự, chức vụ là Đầu Hương đạo. Dưới Chánh Trị Sự có nhiều vị Phó Trị Sự và Thông Sự. Mỗi một Ấp đạo có một vị Phó Trị Sự và một vị Thông Sự phụ trách đạo sự.

Phẩm Chánh Trị Sự được gọi là Đầu Sư Em, Phó Trị Sự được gọi là Giáo Tông Em, và Thông Sự là Hộ Pháp Em. Các Chức việc Bàn Trị Sự được gọi chung là Hội Thánh Em. Hội Thánh Em làm nền tảng cho Hội Thánh Anh ở Trung Ương.

ĐLMD: Bàn Trị Sự nên chọn cử hạng người có tài đức, bất luận là hạng thanh niên hay là bậc trưởng lão, miễn vị ấy đăng phần đông tín nhiệm là đủ.

Nếu như một ai còn đương quyền đời mà muốn vào hàng phẩm Chức việc thì phải từ bỏ quyền đời đăng để trọn tâm lo tròn trách nhiệm đạo.

Mỗi khi khuyết Chánh Trị Sự thì chỉ có hàng Phó Trị Sự và Thông Sự đăng quyền dự cử mà thôi, trừ ra những vị nào đã bị phạm Luật pháp có hình phạt của Hội Thánh.

Còn như khuyết Phó Trị Sự, Thông Sự thì chọn những vị nào có đạo đức, đủ tư cách, hoặc dày công; ngoài những vị trên đây thì Đạo hữu nào, dầu mới nhập môn, cũng đăng dự cử, miễn là đủ sức tín nhiệm của toàn đạo trong địa phận thì đăng. Nhưng trừ ra những vị nào đã bị phạm Luật pháp có hình phạt của Hội Thánh và người trong các Chi phái mới trở lại.

Tài liệu HẠNH ĐƯỜNG huấn luyện Chức việc Bàn Trị Sự nam nữ khóa Canh Tuất (1970)

- I. Bổn phận Chức việc Bàn Trị Sự đối với Hội Thánh
- II. Bổn phận Chức việc Bàn Trị Sự đối với bổn đạo

- III. Quyền hành và Luật công cử Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự
- Quyền Hành
 - Luật Công Cử
 - Trường hợp đặc biệt: Đề cử
- IV. Quyền sửa trị:

xin chép ra sau đây:

I. Bổn phận Chức việc Bàn Trị Sự đối với Hội Thánh:

Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy: Thầy dùng lương sanh mà cứu vớt quần sanh. Cả lương sanh ấy, Thầy dụng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước un đúc nơi lòng một khiếu từ bi cho tâm địa có tính ái vật ưu sanh theo tánh đức háo sanh của Thầy, dùng lợi khí phạm tục để độ rỗi người phạm tục.

Những lương sanh ấy hiệp lại làm một, lập thành Hội Thánh, là xác thân phạm, tức hình thể hữu vi của Thầy tại thế để thể Thiên hành hóa, làm gương mẫu giáo hóa diu dắt con cái của Thầy trên đường Đạo và đường Đời trong buổi TKPD để Thầy tránh khỏi phải hạ trần như lúc Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ.

Bổn phận của Chức việc Bàn Trị Sự là phải tuân mạng lệnh của Hội Thánh truyền dạy, không được phép trái với sở định của bề trên, chẳng lấy ý riêng của mình mà canh cải, bất tưng giáo hóa. Phải giữ lễ nghĩa khiêm cung đối với Chức sắc Hội Thánh cho vẹn toàn bổn phận làm em, dầu có người kém tài trí đi nữa, đàn em cũng chẳng nên khinh khi, vi lệnh. Khinh khi vi lệnh người tức là buộc vào mình tội bất tuân luật pháp.

Thẳng như Chức sắc bề trên cầm quyền Hành Chánh của Đạo rủi ro có việc chi ngộ bất cập lượng, sai suyển một đôi điều không phù hợp với luật thương yêu và quyền công chánh, thì bổn phận của đàn em được phép gián can với lễ độ của tình huynh đệ nhất gia, chỉ rõ những việc làm khuyết điểm để cho đàn anh suy độ mà cải cách hành vi cho phù hợp hơn tâm, thuận tưng Thiên lý. Một điều nên ghi nhớ trong Tứ Đại Điều Qui là: Dưới gián trên đừng thất khiêm cung mà lỗi đạo làm em và bị phạm luật đạo.

Tóm lại, bốn phận Chức việc Bàn Trị Sự, đã mang danh là Hội Thánh Em, mà đối với Hội Thánh cùng Chức sắc đàn anh bề trên được như vậy thì bao giờ Hội Thánh cũng tín nhiệm và thương yêu đàn em có tâm vì Đạo, và cũng làm tròn sứ mạng thiêng liêng của một Chức việc đối với Hội Thánh.

II. Bốn phận Chức việc Bàn Trị Sự đối với bốn đạo:

Chúng ta công nhận Đức Chí Tôn là Ông Cha chung của Nhơn loại về phần thiêng liêng, tức nhiên Nhơn loại là anh em với nhau, mặc dù khác màu da sắc tóc; cái tình huynh đệ này giữa người đồng Đạo càng thêm thâm thúy và mật thiết hơn.

Đức Chí Tôn có giảng dạy:

Chẳng quản đồng tông mới *một nhà,*
 Cùng nhau *một Đạo tức một Cha.*
Nghĩa nhân đàn hình gởi thân trăm tuổi,
 Dạy lẫn cho nhau *đặng chữ hòa.*

Vậy Chức việc Bàn Trị Sự đối với bốn đạo đàn em phải hết dạ thương yêu, thành thật giúp đỡ và dìu dắt đàn em trên đường Đạo cũng như trên đường đời. Phải giữ hạnh khiêm cung từ nhượng, dùng lời dịu ngọt mà dạy dỗ, nhất là phải đối xử cho công bình, giữ cho mình trong sạch để nêu gương tốt cho đàn em bắt chước.

Chức việc Bàn Trị Sự được quyền sai khiến đàn em trong phạm vi quyền hạn của mình. Phải chỗ khiến thì ôn tồn mà khiến, chẳng phải chỗ sai chớ cưỡng bách mà sai, đừng làm điều chi quá quyền mà mất niềm hòa khí cùng nhau trong tình huynh đệ của đại gia đình tôn giáo.

Chức việc Bàn Trị Sự là người mang nơi mình một trọng trách thay Hội Thánh, thân cận với Nhơn sanh trong Hương đạo, thì bốn phận của mỗi vị cần phải thực thi đúng trách nhiệm của mình y trong Pháp Chánh Truyền, tóm lược sau đây:

1. Chánh Trị Sự: Mỗi Hương đạo có một Chánh Trị Sự, thay mặt Hội Thánh làm đầu tín đồ, gọi là Đầu Hương Đạo, làm anh cả trong địa phận ấy, chịu trách nhiệm về phần Đời và phần Đạo đối với Hội Thánh.

Vì vậy, Chánh Trị Sự phải là người đầy đủ đạo hạnh, hiểu biết về Luật pháp Chơn truyền của Đại Đạo, có đủ năng lực dìu dẫn bổn đạo được trong ấm ngoài êm, chăm nom giúp đỡ sanh hoạt của môn đệ Thầy, giúp khó trợ nghèo, coi cả tin đồ như em ruột.

2. Phó Trị Sự: là người thay mặt Chánh Trị Sự trong một Ấp, gọi là Trị Lý Đạo để lo về phần hành chánh đạo, đăng phép sửa đương giúp đỡ, dìu dắt, dạy dỗ chư tín đồ trong địa phận trấn nhậm.

Về mặt xã hội, giúp đỡ bổn đạo trong xóm ấp được tương thân tương trợ, gặp người hoạn nạn thì Phó Trị Sự phải sốt sắng kêu gọi bổn đạo chung tâm trợ giúp. Phó Trị Sự có quyền giáo hóa chứ không có quyền sửa trị.

3. Thông Sự: là người thay mặt Chánh Trị Sự trong một Ấp, gọi là Thông Lý Đạo, để lo về phần luật lệ.

Thông Sự có quyền răn dạy người đạo phạm luật pháp của đạo bằng cách giải thích khuyên lơn, nếu đôi ba lần mà người phạm lỗi không biết ăn năn chữa cải thì Thông Sự có quyền phúc sự lên Chánh Trị Sự khuyên giải hoặc định hình phạt sám hối.

III. Quyền hành và Luật công cử Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự:

Quyền Hành Chánh địa phương có hai vấn đề quan trọng là Quyền Hành và Luật Công Cử Chức việc Bàn Trị Sự.

Để thi hành theo nguyên tắc khởi vi phạm Luật pháp Chơn truyền của Đạo; vì nhiều nơi đã tỏ ra lầm điều sơ sót trong việc công cử Bàn Trị Sự, hoặc cũng có nhiều trường hợp thi thố quyền hành của ba phẩm: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự không đúng qui định của PCT. Sự sơ sót ấy do nơi quyền hành chánh địa phương không được châu đáo ở hạ tầng cơ sở nơi Hương đạo và Ấp đạo, căn bản của nền Chánh Trị Đạo.

1. Quyền Hành:

Chức việc Bàn Trị Sự có ba phẩm trọng yếu là: Thông Sự, Phó Trị Sự, Chánh Trị Sự.

- **THÔNG SỰ:** là người cầm luật pháp, nên trong Pháp Chánh Truyền gọi là Hộ Pháp Em, nghĩa là đồng quyền đồng thể, không hơn không kém, nhưng Hộ Pháp cầm quyền toàn Đạo khắp thế giới, còn Thông Sự chỉ trong địa phận một Ấp mà thôi, vì thế mới gọi là Hộ Pháp Em.

- **PHÓ TRỊ SỰ:** Người cầm quyền hành chánh tức là Chánh Trị Đạo, ở Pháp Chánh Truyền gọi là Giáo Tông Em. Hễ quyền trên lớn lao bao nhiêu thì quyền dưới cũng thế, nhưng Phó Trị Sự cầm quyền một Ấp đạo. Hai vị Phó Trị Sự và Thông Sự đều đồng thể, không ai lớn ai nhỏ, cũng như Giáo Tông và Hộ Pháp, song quyền hành riêng biệt: Phó Trị Sự có quyền về Hành Chánh Đạo, còn Thông Sự có quyền về Luật lệ.

Phó Trị Sự và Thông Sự có quyền ứng cử chức Chánh Trị Sự.

- **CHÁNH TRỊ SỰ:** Người cầm quyền Luật pháp và Hành Chánh Đạo. Tại sao người cầm hết hai quyền? Bởi vì Chánh Trị Sự là Đầu Sự Em, nên phải kiêm cả hai quyền và làm đầu trong một Hương đạo. Trong Luật pháp, cấm người không cho đi ngoài ranh giới Chánh Trị Sự khác.

Ngoài ra, Luật pháp còn nghiêm cấm không cho công cử Chánh Trị Sự Nội dung, Chánh Trị Sự Đầu Văn Phòng, hoặc Chánh Trị Sự Phổ Tế.

2. Luật Công Cử:

Theo như thường tình ở ngoài đời thì ta cũng đã thấy Luật công cử Hội Đồng Xã, Ấp, Tỉnh, vv. . . Hễ có công cử thì có người ra ứng cử và người thừa sai (cử tri), quyền ứng cử của mỗi người đều có quyền như công cử.

Phó Trị Sự và Thông Sự phải chịu cho tín đồ trong Ấp đạo xúm nhau công cử, mà trong một Hương đạo chia ra nhiều Ấp đạo, mỗi Ấp có một Phó Trị Sự và một Thông Sự làm đầu.

Chánh Trị Sự phải chịu cho toàn cả Phó Trị Sự và Thông Sự trong Hương đạo xúm nhau công cử, chớ không phải để cho các tín đồ xúm nhau công cử. (Tín đồ được mời đến dự kiến để phê bình chỉ trích hoặc đồng ý ứng cử viên và ký tên vào Vi bằng công cử.)

Hồ sơ Ứng cử viên gồm có:

1. Đơn xin ứng cử.
2. Chứng chỉ Hạnh kiểm.
3. Tờ khai lý lịch công nghiệp.

Chức Chánh Trị Sự phải có làm Phó Trị Sự hoặc Thông Sự mới được ra ứng cử.

Hồ sơ ứng cử phải nộp cho Đầu Phận đạo.

Sau khi Đầu Phận xem xét xong hồ sơ mỗi vị rồi thì phải gửi danh sách cho toàn Chức việc trong Hương hiểu biết và định ngày công cử, ít nhất là 10 ngày.

Chánh Trị Sự đắc cử mỗi nhiệm kỳ là 5 năm.

Đắc cử rồi mà vô cơ phé phận, không trọn khóa đắc cử thì không được kể công nghiệp, mặc dù có viện lý do. Chánh Trị Sự mãn khóa được quyền ra ứng cử và tái cử lại một khóa nữa (Thủ tục cũng như mới ra ứng cử vậy).

Luật ứng cử Phó Trị Sự và Thông Sự cũng y như công cử Chánh Trị Sự. Ứng cử viên Phó Trị Sự và Thông Sự phải là người Đạo hữu giữ thập trai, có đạo tâm, sốt sắng và có năng lực hành sự.

Mỗi tín đồ, khi được nhập môn thiết thọ, nghĩa là sau khi đổi Sớ Cầu Đạo Tạm rồi đều có quyền đầu phiếu công cử và ứng cử Phó Trị Sự hay Thông Sự, nhưng Nam Nữ riêng biệt.

Một khi có cuộc công cử Chức việc Bàn Trị Sự thì phải thành lập một Ủy Ban chứng sự, lo xem xét cuộc công cử hầu tránh điều gian lận trong khi đầu phiếu.

Ủy Ban này có ba nhân viên:

- Đầu Phận Đạo sở tại làm Chủ Tọa.
- Luật Sự Pháp Chánh địa phương làm Giám Thị.
- Chánh Trị Sự Đầu Hương Đạo kế cận chứng kiến.

Sau cuộc đầu phiếu công cử xong thì phận sự của Ủy Ban này là phải tuyên bố liên tên họ của người đắc cử, kể lập Vi bằng công cử và tờ cử 3 bản y nhau, gửi về cho Khâm Thành Thánh Địa nhờ sự xem xét và phê kiến, rồi giao trả cho Phận Đạo 1 bản để hồ sơ lưu chiếu, 1 bản để hồ sơ văn phòng

Khâm Thành, còn 1 bản gởi về văn phòng Lại Viện. Đến mãn hạn kỳ 6 tháng tạm vị, nếu xét đủ tinh thần phục vụ, hạnh kiểm tốt, không phạm luật pháp đạo thì Đầu Phận Đạo lập phúc trình và hồ sơ ứng cử, luôn cả Vi bằng Công cử, Tờ cử, đính theo ba ảnh bán thân (4 x 6), Hội Thánh sẽ ban Đạo Cấp chánh vị. Đó là cuộc công cử đúng phép.

Trường hợp đặc biệt: Đề cử.

Về Hương đạo mới phổ độ lập thành thì Đầu Phận Đạo có quyền đề cử, nghĩa là lựa chọn trong hàng Đạo hữu, vị nào có hạnh kiểm tốt, đạo tâm sốt sắng, lập thành Bàn Trị Sự gồm: 1 Chánh Trị Sự, 1 Phó Trị Sự, và 1 Thông Sự.

Sau khi đề cử xong, Đầu Phận Đạo phải đệ tờ về Hội Thánh xin chứng nhận mới có giá trị.

IV. Quyền sửa trị:

Khi đã nhận trách nhiệm Bàn Trị Sự thì có quyền giáo hóa chư tín đồ trong Hương đạo hoặc Ấp đạo của mình cai quản và có quyền hòa giải sự xích mích giữa những người đồng đạo.

1. Khuyên giải: Khi có người phạm lỗi nhẹ, về thể luật hoặc thiếu hạnh kiểm, làm mất tư cách người đạo, làm tổn

thương chung cho người đồng đạo, thì Bàn Trị Sự có bổn phận phải dạy khuyên người phạm lỗi cho biết ăn năn sám hối.

2. Răn phạt: Nếu vị nào chẳng biết sửa mình chữa lỗi, lại còn tái phạm, Bàn Trị Sự có quyền răn phạt bằng quì hương, và tụng Kinh Sám hối.

3. Hòa giải: Những việc xích mích tranh tụng thường sự giữa người đồng đạo, dầu thuộc việc đời hay việc đạo, Bàn Trị Sự chẳng nên để dài bỏ qua để mất niềm hòa khí, sanh mầm hờn giận, ghét ganh mất tình tương thân tương ái cùng nhau.

Trong trường hợp này, Chức việc Bàn Trị Sự cần mời hết cả đôi bên đến, dùng lời đạo đức giải thích phép đời, luật đạo, lời thuận lẽ êm, cân phân phải quấy cho đôi bên hiểu rõ, rồi hòa giải cho được thuận hòa cùng nhau.

4. Răn trị: Người giữ đạo buộc phải tuân y Luật pháp của Đạo:

- Luật có Tân Luật và Luật lệ xử đoán.

- Pháp có Pháp Chánh Truyền.

Thoảng như có vị nào phạm luật, phạm pháp về mấy khoản nặng mà Bàn Trị Sự hiểu biết hay do Trưởng thập nhị gia phúc tờ lên thì chẳng nên yêm ần, mà chính mình Bàn Trị Sự phải đích thân đến tận nơi xảy ra, mở cuộc minh tra cho minh bạch, hoặc mời đến văn phòng hạch vấn cho ra lẽ, rồi phúc sự lên Lễ Sanh Đầu Phận Đạo hay Đầu Tộc Đạo để cho người liệu phương giáo hóa, hay là Đầu Phận đệ tờ với nội vụ lên Khâm Thành định đoạt.

5. Kiện tụng: Khi có việc kiện tụng rắc rối đại sự, Chức việc Bàn Trị Sự đã hết lời hòa giải mà chẳng đặng, đôi đảng vẫn cố tình tranh hơn thiệt, hoặc vì quyền lợi, hoặc vì danh thể cá nhân có ảnh hưởng đến quyền dân sự, thì chừng đó mới buộc lòng để đôi đảng kiện đến Tòa Án quốc gia.

Còn những vụ tranh tụng về phần đạo mà Bàn Trị Sự hòa giải không đặng, thì nên dùng quyền điều tra riêng với tánh cách vô tư, rồi phúc sự nội vụ lên Đầu Phận Đạo phân xử.

CHÚ Ý:

Việc Hành Chánh Đạo phải giữ đúng trật tự đẳng cấp: Trưởng thập nhị gia chăm sóc 12 gia đình, Phó Trị Sự giáo hóa một Ấp đạo, Thông Sự gìn giữ Luật pháp một Ấp đạo, Chánh Trị Sự có quyền giáo hóa và sửa trị trong một Hương đạo./.

CHÚ THÍCH QUAN TRỌNG:

Không nên hiểu lầm: Chánh Trị Sự là người coi việc Chánh Trị. Ở đây, chữ Chánh đi với chữ Phó: Có người làm Chánh, có người làm Phó.

Nếu viết ra chữ NHO thì thấy 2 chữ CHÁNH khác hẳn:

- Chánh Trị Sự: 正治事 Chánh 正 là đứng đầu.
- Phó Trị Sự: 副治事 Phó 副 là bực thứ.
- Chánh trị: 政治 Chánh 政 là việc nhà nước.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

BÁN

BÁN

BÁN: 半 Phân nửa, một nửa.

Td: Bán đồ nhi phé, Bán hữu hình.

Bán đồ nhi phé

半途而廢

A: To stop half-way.

P: S'arrêter à demi-chemin.

Bán: Phân nửa, một nửa. **Đồ:** Đường đi. **Nhi:** Mà, thì. **Phé:** Bỏ đi.

Bán đồ nhi phé là nửa đường bỏ cuộc.

Ý nói: Làm việc gì được nửa chừng, khi gặp trở ngại, lòng chán nản, đành bỏ cuộc, chịu thất bại. Đây là một lời khuyên răn đối với những người thiếu bền tâm vững chí, thường chán nản bỏ dở công việc nửa chừng, khiến không khi nào thành công, dù việc lớn cũng như việc nhỏ.

Sách Trung Dung: *Quân tử tuân đạo nhi hành, bán đồ nhi phé, ngô phát năng dĩ hỷ.* Nghĩa là: Người quân tử tuân theo Đạo mà làm, nửa đường bỏ cuộc, ta không thể làm vậy.

Bán hữu hình

半有形

A: Semi-material and semi-spiritual.

P: Semi-matériel et semi-intellectuel.

Bán: Phân nửa, một nửa. **Hữu:** Có. **Hình:** Hình thể thấy được.

Bán hữu hình là phân nửa thì có hình thể, tức nhiên phân nửa kia thì vô hình, nên có thể nhìn thấy được mà cũng có khi không nhìn thấy được. Đó là đặc tính của chơn thần của con người, vì chơn thần là thể làm trung gian cho thể xác (hữu

hình) và linh hồn (vô hình). Linh hồn ra lệnh cho chơn thần, rồi chơn thần mới ra lệnh cho thể xác thi hành.

TNHT: Mỗi kẻ phàm dưới thể này đều có hai xác thân: Một phàm gọi là Corporel, một thiêng liêng gọi là Spirituel, mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi nó là *bán hữu hình*, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.

[**Corps corporel:** Xác thân vật chất hữu hình.

Corps spirituel: Xác thân thiêng liêng vô hình.]

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bán tự vi sư

半字為師

Bán: Phân nửa, một nửa. **Tự:** chữ. **Vi:** là, làm. **Sư:** thầy.

Bán tự vi sư nghĩa là nửa chữ là thầy.

Ý nói: Dầu mình học được của người nửa chữ thì người đó vẫn là thầy mình.

Đức Khổng Tử nói: *Nhứt tự vi sư, bán tự vi sư.* Nghĩa là: Học được một chữ là thầy, học được nửa chữ cũng là thầy.

Một người dạy ta học, dù học được một chữ hay học được nửa chữ thì người đó cũng vẫn là thầy ta, ta có bốn phận kính trọng.

BÀNG

Bàng Cử

旁舉

Bàng Cử là hiệu của Nhạc Phi, một danh tướng trung dũng của nhà Tống thời vua Tống Cao Tông bên Tàu.

Nhờ Nhạc Phi cầm quân bảo vệ giang sơn mà quân nước Kim phía bắc nước Tàu không dám đem quân xâm lấn.

Nhưng vua Cao Tông hôn ám, tin dùng gian thần Tần Cối, nên Tần Cối lộng quyền, lén lút lập mưu bắt Nhạc Phi hãm hại và giết chết một cách oan uổng, làm cho giang sơn nhà Tống phải chinh nghiêng.

TNHT: Tâm ưu *Bàng Cử* trắng đầu non.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bàng môn Tả đạo

旁門左道

A: Perverse religion, Heresy.

P: Religion perverse, Hérésie.

Bàng: Bên cạnh. **Môn:** Cửa. **Tả:** Trái lẽ, không chánh. **Đạo:** Tôn giáo.

Bàng môn là cửa hông, không phải cửa chánh. Tả đạo là tôn giáo sai trái. Bàng môn Tả đạo là chỉ chung các tôn giáo, học thuyết dẫn dắt con người vào đường tà vạy quanh co, có xu hướng trục lợi cầu danh, không đạt được kết quả chơn chánh.

Bàng môn Tả đạo do Quỷ Vương lập ra, để kinh chống và giành giật Nhơn sanh đối với các Chánh đạo do các Đấng Phật, Tiên mở ra hay do Đức Chí Tôn mở ra.

Với trí xét đoán phàm phu, chúng ta khó phân biệt đâu là Chánh đạo, đâu là Tả đạo Bàng môn, vì Tả đạo được Quỷ Vương phủ lên một lớp nước sơn hoa mỹ tinh vi; chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều bị chúng mạo danh, lại còn dùng nhiều hình thức huyền diệu hơn cả chánh đạo, để mê hoặc Nhơn sanh.

Trong **Hội Lý Xiển Chơn Luận** của tác giả Giáo Sư Ngọc Kinh Thanh (Nguyễn Văn Kinh), phần Bàng môn luận có viết:

"Đạo Bàng môn dị thuật phần nhiều tham danh thủ lợi, tài sắc trái lẽ đạo đức, nên khiến học thoát qua mà không gặp đường ngay lý chánh, vì căn duyên suyễn bạc, phước đức chưa đầy đủ, dẫn cho gặp nẻo chánh rồi cũng khiến lòng nghi hoặc thối chí, lại đem mỗi chánh đó biến ra tà.

Nho nói rằng: *Tiểu đức xuyên lưu, đại đức đôn hóa*. Nghĩa là: Người ít phước đức phải tuôn rơi, kẻ phước đức đầy đủ thì ngưng đọng lại đặng. Thương ôi! Lấy sự dối giả làm lạc mà dạy cho người khác nữa thì muôn kiếp không thành, lạc ngõ sai đường, thiệt hại cho đời lắm lắm."

TNHT: "Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự lập pháp TKPD, Quỉ Vương đã khởi khuấy phá chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy Ngai Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi. Lại còn hiểu rõ rằng, Ta đến với huyền diệu này, mượn cơ màu nhiệm, hiệp Tam thập lục Động đổi gọi Tam thập lục Thiên, các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên Tả đạo."

Nội dung Đạo Nghị Định thứ 8 do Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập ngày 15-7-Giáp Tuất (dl 25-8-1934):

"Những Chi phái nào do ĐĐTKPD làm gốc lập thành mà không do nơi mạng lệnh Hội Thánh thì cả chúng sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí Tôn và phải định quyết là **Bàng môn Tả đạo**."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

ĐĐTKPD: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

BÁNH

Bánh Dầy - Bánh Chưng

Bánh Dầy và Bánh Chưng là hai loại bánh đặc biệt được làm ra trong dịp Tết Nguyên đán cổ truyền của dân tộc VN ta. Cả hai loại bánh đều được làm bằng nếp, đậu, và bánh chưng thì có thêm thịt heo.

Bánh Dầy có hình tròn, tượng trưng Trời, và bánh Chưng có hình vuông tượng trưng Đất, vì người xưa cho rằng Trời tròn Đất vuông (Thiên viên Địa phương).

SỰ TÍCH: Vua Hùng Vương thứ sáu có nhiều con trai. Một ngày kia, trước Tết nguyên đán, vua truyền lệnh cho các hoàng

tử, mỗi người phải tìm ra một món ăn ngon, trước cúng tổ tiên, sau nhà vua ăn. Món ăn nào ngon nhất và có ý nghĩa nhất thì vua sẽ truyền ngôi cho hoàng tử làm ra món ăn đó.

Các hoàng tử y lệnh, đi khắp bốn phương tìm sơn trân hải vị đem về dâng vua cha. Riêng hoàng tử Tiết Liêu, con bà Thứ Phi, không đủ tiền bạc để đi đây đi đó, nên ông nghĩ ra cách dùng nếp và đậu để làm hai thứ bánh: Bánh Dầy hình tròn làm bằng bột nếp và bánh Chưng làm bằng nếp hạt. Cả hai đều có nhưn đậu và hấp chín rất thơm ngon.

Đến ngày hẹn, hoàng tử Tiết Liêu đem hai thứ bánh này dâng lên vua cha. Vua cha hỏi ý nghĩa của hai thứ bánh thì hoàng tử Tiết Liêu thưa rằng:

- Tâu Phụ vương, trong Trời Đất không chi quý hơn ngũ cốc, vì ngũ cốc là thực phẩm chính nuôi sống loài người. Nay con lấy gạo nếp là một thứ trong ngũ cốc làm ra hai thứ bánh: Bánh dầy hình tròn tượng trưng cho Trời là Cha, bánh Chưng hình vuông tượng trưng cho Đất là Mẹ. Vậy con đem hai thứ bánh này dâng lên Phụ vương, trước cúng Tổ Tiên, sau Phụ vương dùng.

Nhà vua thấy hoàng tử Tiết Liêu có lòng hiếu hạnh và biết kính thờ Trời Đất thì rất hài lòng, lại khi ăn thử hai thứ bánh thì cảm thấy rất thơm ngon. Do đó, vua quyết định truyền ngôi cho hoàng tử Tiết Liêu.

Cũng từ đó về sau, vua truyền cho dân chúng đến ngày Tết nguyên đán, làm hai thứ bánh của hoàng tử Tiết Liêu để dâng cúng Tổ Tiên.

Về sau, dân chúng cử tên Tiết Liêu, gọi là Bánh Tết.

Ở miền Bắc Việt Nam, bánh Dầy và bánh Chưng vẫn giữ đúng hình dáng thuở xưa, bánh Dầy thì tròn, bánh Chưng thì vuông. Riêng bánh Chưng thì có biến cải cho có mùi vị hấp dẫn hơn bằng cách thêm vào đó một ít thịt heo.

Ở miền Nam VN, hai thứ bánh trên biến đổi khá nhiều từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

Chúa Nguyễn ở phương Nam muốn lập một nước riêng biệt đối với Chúa Trịnh ở phương Bắc, nên Chúa Nguyễn truyền lệnh sửa đổi phong tục của dân miền Nam cho khác

miền Bắc. Do đó, bánh Dầy trở thành bánh ÍT và bánh Chưng trở thành Bánh TẾT.

Bánh vẽ

A: The cake picture.

P: Le gâteau en peinture.

Bánh vẽ là hình vẽ cái bánh trên giấy, nó không phải là cái bánh thật, không ăn được. Chữ Hán gọi là Họa bình.

Bánh vẽ có nghĩa bóng là cái hình thức giống như thật, nhưng thực chất không có gì.

■ Sách Tam quốc Chí, phần Ngụy chí, truyện Lư Dục có câu: "Danh như họa địa tác bình, bất khả đạ dĩ." Nghĩa là: Tiếng tăm như cái bánh vẽ trên đất, không thể ăn được.

■ Sách Truyền Đăng Lục, lời nói của Trí Nhân: "Họa bình bất khả sung cơ." Nghĩa là: Bánh vẽ không làm người cơn đói.

TNHT: Đạo trẻ một ngày thì hại cho chúng sanh một ngày, mà mỗi đứa đều gây ác cảm làm cho mỗi Đạo thành ra *bánh vẽ*, thì chừng nào Đạo trọn thành nơi đây.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BAO

BAO

BAO: 包 Bọc lại, gồm chứa.

Td: Bao hàm, Bao tóc.

Bao hàm

包含

A: To contain.

P: Contenir.

Bao: Bọc lại, gồm chứa. **Hàm:** Chứa đựng.

Bao hàm là bọc lấy và chứa vào bên trong.

PMCK: Thập Thiên can *bao hàm* vạn tượng.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Bao nả

A: How much?

P: Combien?

Bao nả là bao nhiêu? Ngần nào?

Đây là từ ngữ xưa, ngày nay ít dùng.

Bao tóc

A: To enveloppe the hair.

P: Envelopper les cheveux.

Bao tóc là lấy vải bọc mái tóc lại, ý nói quyết giữ lòng chung thủy với chồng, theo Điển tích sau đây:

Điển tích: Đời Đường bên Tàu có ông Giả Trục Ngôn đang làm quan tại triều, vì mang tội với vua, nên bị vua đày vào đất Lãn Nam 20 năm. Giả Trục Ngôn về nhà than với vợ:

- Tôi chẳng may bị vua bắt tội, đày vào Lãn Nam 20 năm, không biết sống chết lẽ nào. Vậy nay tôi không buộc nàng làm vợ tôi nữa, mà để cho nàng được tự do, đừng nàng chọn người chồng khác mà nương nhờ tấm thân về sau.

Vợ của ông nghe nói như vậy thì khóc ngất, rồi đi lấy lụa trắng, vấn mái tóc lại thật chặt, xong biểu chồng đề lên đó mấy chữ: "*Phi quân thủ bất giải*", nghĩa là: không phải tay chồng thì không được mở ra. Người vợ ngụ ý cương quyết giữ lòng chung thủy với chồng, chờ đợi ngày chồng mãn hạn lưu đày trở về sum họp gia đình.

KHP: Ôm bình *bao tóc* sang hèn cũng cam.

KHP: Kinh Hôn Phối.

BÁO

BÁO

BÁO: 報 Đáp lại.

Td: Báo Ân Từ, Báo ứng.

Báo Ân Đường

報恩堂

A: Amita Buddha.

P: La maison de reconnaissance.

Báo: Đáp lại. **Ân:** Ơn. **Đường:** Cái nhà.

Báo Ân Đường là nhà thờ các bậc tiền bối có công lớn với Đạo để tỏ lòng biết ơn.

Báo Ân Đường được xây dựng ở một vài địa phương như: Báo Ân Đường nơi Trấn đạo Kim Biên (Nam Vang), Báo Ân Đường nơi Trí Giác Cung.

Báo Ân Đường nơi Trí Giác Cung do Ngài Đinh Công Trứ, Đốc Trường Qui Thiện, khởi đầu xây dựng bằng nhà gỗ lợp tranh vách đất từ năm Giáp Thân (1945), sau này được Hội Thánh xây dựng lại bằng vật liệu nặng kiên cố, trong đó có lập bàn thờ để thờ Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa,...

Phía trước ngôi Báo Ân Đường này có đắp hai đôi liễn để nói lên ý nghĩa của sự báo ân:

* **Đôi liễn thứ nhất:** do ông Đinh Công Trứ đặt ra:

行道犧牲憐恤前人遺大業

將功立位感懷後世念深恩

*Hành đạo hy sinh lân tuất tiền nhơn di đại nghiệp,
Tương công lập vị cảm hoài hậu thế niệm thâm ân.*

Nghĩa là:

Hy sinh hành đạo, thương xót các bậc tiền nhân, lưu lại sự nghiệp lớn,

Lấy công quả lập nên phẩm vị, hậu thế cảm hoài tưởng nhớ ơn sâu.

* **Đôi liên thứ nhì:** do ông Bùi quang Hoà đặt ra:

報補山河世界回心歸善本

恩培社稷人群悟道識靈根

BÁO bổ sơn hà thế giới hồi tâm qui thiện bản,

ÂN bồi xã tắc nhơn quần ngộ đạo thức linh căn.

Nghĩa là:

Báo bổ ơn quốc gia và thế giới, hồi tâm trở về gốc lành,

Ơn bồi đắp quốc gia và nhơn loại, hiểu rõ đạo lý, biết được nguồn gốc thiêng liêng.

Báo Ân Từ

報恩祠

A: *The Temple of Gratitude.*

P: *Le Temple de Reconnaissance.*

Báo: Đáp lại. **Ân:** Ơn. **Từ:** Đền thờ, nhà để thờ phượng.

Báo Ân Từ là đền thờ các bậc tiền bối có đại công với Đạo và các bậc vĩ nhân có công lớn với nhơn loại.

Báo Ân Từ được xây cất trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh. Hiện nay, Hội Thánh tạm mượn Báo Ân Từ dùng làm Đền thờ Đức Phật Mẫu. Sau này, khi xây dựng Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương xong thì sẽ trả Báo Ân Từ trở lại đúng chức năng của nó.

Đức Phạm Hộ Pháp nói rằng: "Báo Ân Từ là Panthéon của Đạo, Đức Chí Tôn gọi nó là Văn Đài."

Panthéon là Công Thần Miếu hay Vĩ Nhân Miếu ở tại Paris của nước Pháp, nơi đây dùng làm nơi chôn cất thi hài các bậc vĩ nhân của nước Pháp, có Đền thờ trang nghiêm to lớn. Mộ của văn hào Victor Hugo ở trong Panthéon.

Thuở Báo Ân Từ còn làm bằng cây ván, phía trước có làm cái cổng lớn, hai bên có treo đôi liên khởi đầu bằng hai chữ BÁO ÂN, nói lên ý nghĩa của Báo Ân Từ:

報得聖名香火千秋奉祀
恩遺世代威靈萬古留存

BÁO đắc Thánh danh, hương hỏa thiên thu phụng tự,
ÂN di thế đại, oai linh vạn cổ lưu tồn.

Nghĩa là:

Báo đáp được các bậc Thánh, cúng tế ngàn năm thờ phụng,

Cái ơn lưu lại đời đời, cái oai linh mãi mãi tồn tại.

Lịch sử xây dựng Báo Ân Từ:

Vào năm 1932, Đức Phạm Hộ Pháp bảo các vị công quả Phạm Môn đi tháo dỡ ba căn nhà gỗ của ba Sở Phạm Môn: Sở Dưỡng Lão, Sở Nữ Công Nghệ và Sở Trường Hòa, vì ba căn nhà này đều có cùng kiểu vở và kích thước, đem chở tất cả vào Nội Ô Toà Thánh để ráp lại thành một ngôi nhà lớn bên cạnh Hộ Pháp Đường, dùng làm **Báo Ân Từ**.

Lúc đó, Báo Ân Từ có cột làm bằng gỗ, vách đắp bằng đất, và mái lợp ngói.

Qua năm sau, 1933, Hội Thánh khởi công xây dựng Tòa Thánh thiết thọ bằng vật liệu nặng với bê-tông cốt sắt, nên phải tháo dỡ Đền Thánh cũ làm bằng cây ván lúc trước, và đem dời Quả Càn khôn đến tạm đặt thờ nơi Báo Ân Từ.

Vì không tính trước, nên khi Quả Càn khôn đưa vào cửa Báo Ân Từ thì không lọt, bề ngang cửa nhỏ hơn một chút, tưng thế đành phải ép Quả Càn Khôn móp vô một chút đặng cho lọt qua khung cửa. Đứng trước cảnh này, Đức Phạm Hộ Pháp khóc và nói rằng: "*Rồi đây Phước Thiện sẽ khổ lắm.*"

Việc xây cất Tòa Thánh trải qua nhiều giai đoạn khó khăn, kéo dài ngót 14 năm, mãi đến Tết năm Đinh Hợi (1947), Tòa Thánh mới được xây cất và trang trí xong.

Ngày mùng 6 tháng Giêng năm Đinh Hợi (dl 27-1-1947), Đức Phạm Hộ Pháp làm lễ di chuyển Quả Càn khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi BQĐ của Tòa Thánh mới để thờ.

Đức Hộ Pháp cho dọn dẹp và sửa soạn trở lại Báo Ân Từ để dùng tạm làm Đền Thờ Phật Mẫu, bởi vì từ ngày Khai Đạo đến giờ, trong Nội Ô chưa có Đền Thờ Phật Mẫu.

Đức Hộ Pháp dạy Hội Thánh Phước Thiện tổ chức buổi lễ thỉnh Long vị Phật Mẫu nơi Đền Thờ Phật Mẫu tại Trường Qui Thiện đem về thờ nơi Báo Ân Từ và dạy Lễ vụ Phước Thiện tạo thêm hai Long vị chữ Nho để thờ hai gian bên là: 諸眞靈男派 (Chư Chơn Linh Nam phái) và 諸眞靈女派 (Chư Chơn Linh Nữ phái).

Đây là một vinh dự cho các vị công quả nơi Trường Qui Thiện mà Ông Đình Công Trứ đứng đầu.

Nguyên Ông Đình Công Trứ là Chủ trường của Minh Thiện Đoàn do Đức Lý Giáo Tông lập năm 1928 tại làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho; đến năm 1929, Đức Lý Giáo Tông bàn giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Hộ Pháp cai quản. Nơi đây có lập một Thánh Thất gọi là *Thánh Thất Khổ Hiền Trang* và một *Sở Thảo Đường*, do lời dạy của Đức Phật Mẫu giảng cơ năm 1928 với bài thi Thảo Đường, chép ra như sau:

*Thảo Đường phước địa ngộ tông hoa,
Lục ức dư niên vũ trụ hòa.
Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp,
Thế đẳng Bồng đảo định âu ca.*

Thích nghĩa:

Ngôi nhà tranh nơi đất phước gặp mỗi Đạo mới mở ra,
Hơn sáu trăm ngàn năm, vũ trụ được hòa bình.
Nhơn loại cùng nhau hưởng cảnh an cư lạc nghiệp,
Cõi trần tiến lên thành cõi Tiên, mọi người đều có đời sống
thạnh vượng vui vẻ.

Do đó Đức Phạm Hộ Pháp có dạy Ông Đình Công Trứ lập bàn thờ Đức Phật Mẫu nơi Sở Thảo Đường. Sự thờ phượng Đức Phật Mẫu nơi đây còn rất đơn sơ.

Thời gian kể từ năm 1941, giặc giã bắt đầu nổi lên và cường độ chiến tranh càng lúc càng lớn. Nơi làng Phú Mỹ không còn được an ninh như trước, nên từ năm 1943 đến năm 1945, Ông Đình công Trứ cùng với các bạn đạo trong Minh

Thiện Đàn, rời bỏ Phú Mỹ, tản cư về Tây Ninh, lập ra Trường Qui Thiện để làm cơ sở tiếp tục tu hành.

Tại Trường Qui Thiện, Ông Đinh công Trứ tạo lập một Đền Thờ Đức Phật Mẫu kang trang hơn nhiều so với lúc còn ở Phú Mỹ, gọi là Đền Thờ Phật Mẫu Qui Thiện. Long vị của Đức Phật Mẫu thờ nơi Qui Thiện có đề ở giữa bốn chữ Nho lớn thẳng đứng là: **DIÊU TRÌ KIM MẪU** 瑤池金母.

Đức Phạm Hộ Pháp dạy Lễ Viện Phước Thiện sửa soạn đúng 6 giờ chiều ngày mùng 9 tháng Giêng năm Đinh Hợi (dl 30-1-1947), thiết Lễ an vị Đức Phật Mẫu.

Từ từ, toàn thể Chức sắc và Đạo hữu tề tựu tại Báo Ân Từ, các Chức sắc đều mặc Đại phục theo sắc phái, khi thấy Đức Hộ Pháp mặc áo dài trắng thường phục, cả thầy đều trở về thay đổi, mặc áo dài trắng tay chệt hết.

Đức Hộ Pháp nói: *"Nơi triều Thiên ở Đền Thánh châu Lễ Đức Chí Tôn là đẳng cấp nên phải có áo mào, còn về nơi đây là cửa Phật của Đức Phật Mẫu, chỉ với tình MẸ - CON mà thôi, nên không mặc Thiên phục với áo mào."*

Đức Ngài sắp đặt Chức sắc Nữ phái quì ban giữa, kế tiếp đến Nữ Đạo hữu quì chót. Ban bên hữu toàn là Nữ phái quì cúng; Ban bên tả thì thuộc Nam phái, Chức sắc Nam phái quì trước, nối theo là các Nam Đạo hữu.

Ngoại nghi được gọi là Bàn Hội Đồng, cũng hương hoa trà tửu quả, để mời chư Chức sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài quá vãng như Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Quyền Giáo Tông, vv... đến dự lễ cúng Phật Mẫu.

Trong khoảng từ bàn Lễ sĩ đến Ngoại nghi, dành cho Đức Hộ Pháp cùng chư vị Thời Quân và Chức sắc HTĐ quì cúng Đức Phật Mẫu. Sau khi cúng Đức Phật Mẫu xong, lễ thành, Đức Ngài gọi Lễ Viện Phước Thiện và các Giáo Nhi, Đồng Nhi, đến đứng chung quanh Bàn Hội Đồng.

Đức Ngài dạy:

"Khi cúng rồi phải day ra xá một xá, cũng như ở Đền Thánh vậy. Nên hiểu, không phải xá Hộ Pháp, mà là xá để kính chào Khí Sanh quang, tức là nguồn cội của Pháp biến sanh vạn vật: trước là Phật Pháp Tăng gọi là Tam Qui, trong

Pháp ấy xuất hiện Phật Mẫu, kế tiếp vạn linh, vạn vật, vv ... Bởi cái Bí Pháp Diêu Trì Cung có liên quan mật thiết cùng Hiệp Thiên Đài (một căn cội Pháp) vận hành nguơn khí. Nơi nào có Hiệp Thiên Đài thì có Tam Qui thường bộ Pháp giới. Mặc dầu nơi đây không có thờ chữ KHÍ mà buộc mình phải xá ra, đó là lòng tin tưởng biết ơn và chào mạng sanh của chúng ta đó vậy.

Mấy em lễ sĩ nhớ, khi cúng Đức Phật Mẫu, phải xướng câu: "**NAM NỮ NHẬP ĐÀN**". Nơi này về MẸ, ai cũng là con, không ai dám xưng Chức sắc, dầu Hộ Pháp cũng là con.

Lễ sĩ mặc áo vàng, được phép đi giày mang vớ trắng. Theo lễ có Lễ sĩ Nữ dâng Tam Bửu, mà thấy coi bộ bề bộn, phải mấy đứa thủ trình, còn nhỏ, bắt nó tập lễ đi coi gọn hơn.

Mấy em Giáo Nhi, khi cúng đàn nơi Đền Thờ Phật Mẫu, đọc bài Kinh **Tạo Hóa Thiên huyền vi Thiên Hậu**, rồi kể Điện Hoa. Khi cúng Tứ Thời mới tụng bài Kinh **Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu**, tụng đến câu: *Cùng chung giáo hóa chung cùng lo âu*, thì sửa lại là: *Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu*; để rồi Bàn đạo cho linh Tiếp Lễ Nhạc Quân sửa lại những chữ trùng tự trong Kinh.

Bài Dâng Hoa đến chữ: Cúi mong Thượng Đế ... thì sửa lại là: Cúi mong Phật Mẫu rưới ân Thiên.

Kỳ cúng Phật Mẫu này, theo lễ cúng giờ Ngọ, nhưng Bàn đạo định cúng thời Dậu là cốt yếu thuộc Âm, lại là ngày Vía Đức Chí Tôn. Buổi đầu, Bàn đạo biết thế nào cũng ngỡ và sơ sót, nên cúng để chỉ dạy. Đến kỳ Sóc Vọng tới đây, phải chấn chỉnh cho trang hoàng.

Từ đây, Lễ Viện Phước Thiện, Hành Chánh, phải tuân y lệnh dạy, đừng sửa đổi. Vào những ngày Sóc Vọng cùng các ngày Lễ, Vía, phải thiết lễ cúng Đức Chí Tôn vào thời Tý, còn cúng Đức Phật Mẫu vào thời Ngọ.

Từ đây về sau, nơi nào muốn lập Đền Thờ Phật Mẫu thì phải lập Thánh Thất trước, rồi mới lập Đền Thờ Phật Mẫu sau. Phải coi cách thức hành lễ nơi Đền Thánh và nơi Báo Ân Từ đây mà bắt chước làm y theo một khuôn mẫu, chẳng nên canh cải trái Pháp mà sanh biến, loạn hàng thất thứ."

(Viết theo bài Tường thuật của Ông Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn).

Ngày 2-2-Đinh Hợi (dl 22-2-1947), Đức Phật Mẫu giáng cơ tại Báo Ân Từ, bày tỏ sự cảm động vì con cái của Phật Mẫu đã lập Đền Thờ Phật Mẫu trang trọng để thờ phụng Người.

Bài giáng cơ của Đức Phật Mẫu chép ra như sau:

Đàn cơ tại Báo Ân Từ lúc 1 giờ khuya ngày 2-2-Đinh Hợi. Phò loan: Hộ Pháp - Khai Pháp. Hầu đàn: Bảo Thế, Khai đạo, Giáo Sư Hương Nhiều, Chức sắc PT và Pháp Chánh.

ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

Mụ chào các con. Mừng.

Mụ lấy làm thậm cảm tình mặn nồng hiếu hạnh của các con, nhất là Hộ Pháp, đã lập nên Đền thờ trọng hậu. Cả Điều Trì Cung đều để lời cảm ơn.

Nữ phái các con,

Kể từ đây đã có nơi Mẹ con hội hiệp. Khá nên để trí tưởng rằng, chẳng buổi nào Mẹ không ở gần các con, chung chia đau khổ, chỉ xin các con có một điều trọng yếu là các con phải tập tánh hòa nhã, yêu ái lẫn nhau mà chia buồn sót khổ cùng nhau. Ấy là lễ hiến cho Mẹ quý hóa hơn hết.

Nếu biết thương yêu thì chẳng có chi hơn là dạy dỗ trẻ thơ đặng khôn ngoan đạo đức.

THI:

Đầy lòng yêu ái đấm quần linh,
Nghĩa cử chỉ trông một tác thành.
Lựa chọn những gì riêng kiếp trái,
Đón đau chỉ nặng mối thâm tình.

Nếu Mụ còn điều ước vọng thì chỉ trông Ngự Mã Thiên Quân giúp Mụ thường thường cơ bút đặng dạy dỗ Nữ phái.

Hộ Pháp, theo ý Mụ thì chẳng nên làm lễ Mụ trong thời Tý, e cho thất lễ với Từ Bi. Vậy nên sửa lại trong giờ Ngọ Sóc Vọng cho có thể con cái của Từ Bi dâng lễ cho Người. Thăng.

"Đức Phạm Hộ Pháp có dành một khu đất rộng 4 mẫu phía trước cửa Hòa Viện để chánh thức kiến tạo Đền Thờ Phật Mẫu (Trung Ương).

Nhưng lòng từ bi của Phật Mẫu thấy con cái còn đang chịu loạn lạc khổ sở, trong cửa Đạo lại có sự chia phân, nên Đức Phật Mẫu dạy tạm thờ Phật Mẫu nơi Báo Ân Từ, là nhà thờ công nghiệp của con cái Phật Mẫu, đặng thấy lòng thương yêu cưng con đáo để của Phật Mẫu dường nào, cho đến khi cõi xác phàm, còn đem vô té lễ cũng là trình diện trước mắt Bà MẸ Thiêng liêng." (*Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp*).

Khu đất rộng 4 mẫu mà Đức Hộ Pháp dành để cất Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương, nằm ở ngoại ô Tòa Thánh, trên đường Bình Dương, cách cửa Hòa Viện (cửa số 1) chừng 1000 thước về hướng Núi Bà, bên tay mặt, tại xóm Tà Mun hiện nay.

Vào cuối năm Tân Mão (1951), nhận thấy Báo Ân Từ bằng cây ván, cất trước đây 20 năm, nay đã hư mục hầu hết, mái ngói quá cũ bị dột nhiều chỗ khi trời mưa, nên Bà Phối Sư Hương Nhiều, Chương quân Phước Thiện Nữ phái, có dâng tờ lên Đức Hộ Pháp và Hội Thánh xin cho Nữ phái Phước Thiện được lãnh cất lại Báo Ân Từ bằng vật liệu nặng cho chắc chắn.

Đức Hộ Pháp chấp thuận, nhưng kiểu mẫu phải do Đức Ngài chỉ định và Ban Kiến Trúc đứng ra xây dựng.

Đức Ngài kêu Tá Lý Đình văn Cung (Ban Kiến Trúc) chỉ dẫn từng chi tiết để chỉ huy công quả thợ hồ làm việc.

Phần làm móng, đúc cột và đà ngang, hoàn toàn bằng bê-tông cốt sắt, cả mái lợp bên trên cũng đúc bê-tông luôn, vách xây hai mươi bằng gạch rất chắc chắn.

Phần trang trí và đắp vẽ, Đức Hộ Pháp giao cho Tá Lý Hà văn Chinh hướng dẫn công thợ đắp vẽ và sơn phết.

Đức Ngài dạy đắp một khuôn bao thật lớn ở ngay giữa tám vách ngăn (mà phía sau làm Hậu điện), để đắp các pho tượng thờ theo sự tích HỚN RƯỚC ĐIỀU TRỊ, tức là vua Hớn Võ Đế rước Đức Phật Mẫu, Cửu vị Tiên Nương và bốn Tiên đồng Nữ

nhạc, cỡi chim Thanh loan đi xuống phàm trần, chứng lễ Khánh thọ của vua Hớn Võ Đế.

1. Trên hết đắp chơn dung Đức Phật Mẫu cỡi chim Thanh loan. (Thanh loan là con chim loan màu xanh, cùng một loại với chim phụng, con chim trống gọi là phụng, con mái gọi là loan. Thanh loan được dùng làm con chim linh của Đức Phật Mẫu và để Đức Phật Mẫu cỡi đi du hành đến các cõi trần.).

2. Kế đó đắp chín pho tượng của Cửu vị Tiên Nương.

3. Tiếp theo đắp bốn pho tượng của bốn vị Tiên đồng Nữ nhạc theo hầu Đức Phật Mẫu.

4. Đắp pho tượng của Ông Tiên Đông Phương Sóc đứng, hai tay nâng cái đĩa rước bốn quả đào Tiên do Đức Phật Mẫu đem xuống tặng mừng vua Hớn Võ Đế. Tượng của Đông Phương Sóc phải đặt bên tay mặt của Đức Phật Mẫu mới đúng.

5. Bên phía tả của Đức Phật Mẫu đắp lên một ngôi chùa cổ thật đẹp gọi là Hoa Điện, rồi đắp Pho tượng Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư quì trước sân Hoa Điện.

Anh em công quả Sở Đắp Vẽ bạch: - Bạch Thầy, làm sao biết được hình dung của Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương cùng các Đấng mà đắp.

Đức Hộ Pháp dạy: - Tượng của Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương đắp theo hình chưng cộ lần đầu tiên năm Đinh Hợi (1947). Thầy có chỉ Chí Thiện Trạch với Trần Phong Lưu làm và Tá Lý Lâm Thành Kía cất giữ, coi theo đó làm mẫu. Khi trước có mượn bức ảnh của Bà Nữ Phối Sư Hương Hiếu về sự tích đời nhà Hớn bên Tàu. Biểu mấy đưa nó rọi lại bức ảnh và chép lại sự tích ấy.

Trong lúc công thợ làm việc, Đức Hộ Pháp thường đến xem sóc, chỉ dạy việc này việc nọ, khơi nhắc nhiều chuyện vui vẻ làm phấn khởi tinh thần của các anh em công thợ.

Nơi khuôn bao hình chữ nhật ở tám vách ngoài, ngó ngay vào Chánh điện, Đức Hộ Pháp định cho đắp tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì nghinh tiếp Đức Phật Mẫu, nhưng sau đó Đức Ngài đổi ý, dạy chừa trống.

Đức Ngài nói:

- Chờ ngày nào tạo được Đền Thờ Phật Mẫu Trung Ương chánh thức thì nơi đó sẽ đắp hình NAM BÌNH VƯƠNG PHẬT, cũng như nơi Đền Thánh có Hộ Pháp ngự trên ngai trông vào Bát Quái Đài. Còn ở đây là Báo Ân Từ dùng tạm làm Đền Thờ Phật Mẫu, nên chỗ này không đắp, để trống.

Anh em thợ hồ bạch: - Xin Thầy cho biết hình Nam Bình Vương Phật để sau này mấy con đắp.

Đức Hộ Pháp nói:

- Chừng nào tạo Đền Thờ Phật Mẫu chánh thức thì Thầy sẽ cho biết, không gì lạ. Đền Thánh tượng trưng Bạch Ngọc Kinh tại thế có hình Hộ Pháp mặc Thiên phục khôi giáp, thì nơi Đền Thờ Phật Mẫu tượng trưng Lôi Âm Tự, lẽ dĩ nhiên có hình Ngài, nhưng không mặc Thiên phục, chỉ mặc áo cà sa nhà Phật.

Hai gian hai bên của Báo Ân Từ, gian bên Nam phái lập long vị thờ "CHƯ CHƠN LINH NAM PHẢI", gian bên Nữ phái lập long vị thờ "CHƯ CHƠN LINH NỮ PHẢI".

Theo tài liệu của Ban Kiến Trúc, Báo Ân Từ được:

- Khởi công xây dựng ngày 16-1-Nhâm Thìn (dl 11-2-1952).

- Đức Hộ Pháp trấn Thần và An vị cúng Đức Phật Mẫu ngày 4-8-Quý Tỵ (dl 11-9-1953).

- Khánh thành ngày 9-1-Ất Mùi, nhân dịp Đại Lễ Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh từ ngày mùng 6 đến ngày 16-1-Ất Mùi.

Báo Quốc Từ

報國祠

A: [The National Pantheon](#).

P: [Le Panthéon national](#).

Báo: Đáp lại. **Quốc:** Nước, quốc gia. **Từ:** Đền thờ.

Báo Quốc Từ là đền thờ những vị có công lớn đối với đất nước và dân tộc Việt Nam.

Đức Phạm Hộ Pháp có cho xây dựng một ngôi Báo Quốc Từ nằm sừng sững giữa đại lộ đi từ Tòa Thánh xuống Chợ Long Hoa, làm như một quảng trường lớn, xe cộ phải đi vòng chung quanh.

Báo Quốc Từ cất theo hình lục giác đều, hai mặt trước và sau có đắp đôi liễn nơi cổng chánh nói lên sự tôn kính đối với các bức anh hùng chí sĩ xả thân bảo vệ tổ quốc, xây dựng giang sơn. Đôi liễn này do Ngài Hiến Pháp HTĐ đặt ra:

保守基圖英雄揚氣魄

護持國運志士顯威靈

Bảo thủ cơ đồ anh hùng dương khí phách,

Hộ trì quốc vận chí sĩ hiển uy linh.

Nghĩa là:

Bảo thủ cơ đồ, người anh hùng nêu cao khí phách,
Hộ trì vận nước, người chí sĩ hiển lộ oai linh.

Trong Báo Quốc Từ, nơi bàn thờ chánh thì thờ Quốc Tổ Hùng Vương, các vị Cứu quốc công thần, chiến sĩ trận vong.

Bài vị thờ viết bằng Hán tự, chép ra như sau:

Chữ lớn hàng giữa: HÙNG VƯƠNG QUÂN CHI THỈ.

Hàng bên trái: CHIẾN SĨ TRẬN VONG.

Hàng bên phải: CỨU QUỐC CÔNG THẦN.

| | | |
|---|---|---|
| 戰 | 雄 | 救 |
| 士 | 王 | 國 |
| 陣 | 君 | 功 |
| 亡 | 之 | 臣 |
| | 始 | |

Trong Báo Quốc Từ (BQT) cũng thờ linh vị các vua nhà Nguyễn có tinh thần cách mạng chống Pháp đồ hộ như: Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, và nhà cách mạng Cường Để.

Cho nên, trong buổi lễ Khánh Thánh Báo Quốc Từ ngày 16-8-Ât Mùi (dl 1-10-1955), Đức Phạm Hộ Pháp có nói:

"Nơi Đền thờ này, các Ngài đã thấy linh vị của mấy vị Cựu hoàng và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, xin các Ngài đừng tưởng lầm rằng: Đạo Cao Đài đã xu hướng theo thuyết bảo hoàng, mà kỳ thật các Đấng ấy chỉ liệt vào hạng trung quân ái quốc của VN mà thôi, vì công nghiệp của họ là tranh đấu giải ách lệ thuộc cũng như các chiến sĩ cách mạng khác kia vậy.

Tưởng niệm tới lễ ấy nên Hội Thánh mới quyết định lập Báo Quốc Từ (BQT) thờ trọn cả các vong linh của các anh hùng chiến sĩ, cứu quốc công thần cùng là trận vong chiến sĩ.

Hôm nay các anh linh chư vị anh hùng tiền bối và hậu bối đang ngự trị trong khối Quốc hồn của ta và đang vợ vẫn bên ta. Giờ phút thiêng liêng này, Bản đạo xin các Ngài hiệp tâm làm một cùng Bản đạo thành một khối tưởng niệm duy nhất đặng cầu xin các Đấng ấy giúp cho nòi giống ta khỏi cơn ly loạn, cốt nhục tương tàn, đặng đem hạnh phúc hòa bình lại cho nước nhà và cho toàn thiên hạ."

Hoàng thân Tuy Lý Vương Tôn Ưng An Thúc Dật Thị được mời dự lễ Khánh Thánh Báo Quốc Từ ngày 16-8-Ât Mùi (dl 1-10-1955), Ông có viết một bài cảm tưởng, đại ý như sau:

"Trước cảnh các tín đồ Cao Đài nam nữ kéo đến BQT niệm hương, lễ bái thành kính, tôn sùng anh linh của các bậc tiền nhân, thật làm cho kẻ thân tộc này không sao tả xiết nỗi cảm kích tri ân, nó xúc động cả tâm hồn. Những sự tai nghe mắt thấy đã đưa người xem từ cái mới lạ này qua cái mới lạ khác. Khi tôi trở về Sài Gòn, cảm thấy tinh thần rất khoan khoái, tâm trí nhẹ nhàng:

THI:

Muôn vàn cảm tạ các chơn linh,
 Ấn ước Thiên cơ chỉ giáo mình.
 Đôi ngả âm dương tuy cách biệt,
 Một niềm thành kính thấu U Minh.

U Minh hiển hiện giữa quang minh,
Quá khứ tương lai kể sự tình.
Báo quốc tinh trung gương vạn cổ,
Ân cần khuyên nhủ khách tài danh."

Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng BQT ngay giữa đường, không bên tả, không bên hữu, cũng không ở đầu đường hay cuối đường, có ý nghĩa là công nghiệp của mỗi vị vua vẫn còn đang dở nửa chừng, cần có sự nối tiếp của các thế hệ sau.

Trong dịp trùng tu và làm hàng rào bao quanh BQT, rồi làm lễ Khánh thành ngày 20-10-Bính Ngọ (dl 1-12-1966), Ngài Lê Bảo Thế có đọc bài diễn văn và thuật lại như sau:

"Người Việt chúng ta từ ngàn xưa đã sẵn chất chứa trong cõi lòng một nguồn tri ân nồng hậu đối với những nhân vật nào, dầu xa dầu gần, bất luận người bản xứ hay khách ngoại bang, đã chơn thành hy sinh tấm thân trần cấu, giúp họ cho quốc dân ta, tạo dựng một uy lực hùng cường trong quốc nội hay lập nên một ngôi thứ gì trong vạn chủng. Tình giao hảo giữa người thi ân và kẻ thọ ân bất buộc như thế, cho nên, để lưu niệm thành tích của nhiều đấng Tiên Vương trong hiện kim thời đại, Đức Hộ Pháp xây cất ngôi BQT này thành hột kim cương chói rạng miền Nam VN, lại đặt vị trí nơi trung tâm Châu Thành Thánh Địa, thật là một may duyên hy hữu. . . .

Nhưng vận mạng Việt Thường còn truân chuyên thống khổ, nên sau khi vua Gia Long tức vị thì nước VN bị Pháp tóm râu làm thuộc địa. Một lần nữa, dòng châu kia chưa ráo, lệ thảm nọ lại tuôn, quân khí ta lấy lòng định kế chống ngoại xâm. Ngặt nỗi sức yếu cô đơn, chư liệt Vương: Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, lần lượt bị biếm và đồ lưu hải ngoại, rồi gởi xác nơi xứ lạ quê người. Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để cũng bôn ba ra khỏi nước, rồi khuất bóng ngàn thu nơi đất khách, song nắm tro được đem về đất nhà. Chính Đức Hộ Pháp buổi nọ thân hành vượt đại hải trùng dương qua xứ Phù Tang, thỉnh tro về cho còn di tích công thần nhà Nguyễn, và nơi Chánh điện này là bài vị của tứ vị Tiên Đế đó. Thương thay! Chí cả của chư Tiên Vương tuy bị chôn lấp trong thất bại, nhưng hồn nước VN nhờ chí cao cả ấy mà tăng phần hiển

hách, giữ mãi còn dân khí bất khuất trước sự bất công và sức mạnh.

Ngộ nghĩnh một điều và cũng là may mắn một dịp bất trùng lai là tôi cùng ông bạn Thời Quân Tiếp Pháp, trong thời kỳ học hỏi riêng với các Đấng thiêng liêng hồi năm Ất Mùi (1955), Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy chúng tôi thủ lễ, có ba vị Cựu Hoàng đến.

* Đầu tiên là Việt Nam Đại Quốc HÀM NGHI:

Cô nhân thiết cảm đội ơn sâu của Ngự Mã Thiên Quân, quí Thiên Sứ và Hội Thánh. Nhân nhìn lại xã tắc mà đau lòng, tuy trước đã chẳng nên trò, nay vẫn vậy. Thật là tang thương quá đỗi!

THI:

Nhìn ra xe ngựa cỡi phồn ba,
Giống trống trời Nam hiệp nước nhà.
Đem mối cựu thù tô xã tắc,
Định giềng tận thế cứu san hà.
Vì do quyền lợi nên đành vậy,
Ấy bởi hư danh mới thế à!
Cứu khổ từ đây nhờ Đạo pháp,
An dân lập quốc tại Kỳ ba.

Cô nhân xin cảm ơn và xin được phép lui gót.

* Kế tiếp là: THÀNH THÁI chi quân:

Xin chào chư Đại Thiên Phong và Tiểu Thiên mạng.

THI:

Tách bước đồ lưu nhớ hận nhà,
Buồn cho thân thế đã về già.
Mong nhờ liệt sĩ toan trau sửa,
Đáp điểm non sông gấm vóc ta.

* Đoạn tới vua DUY TÂN:

Tiểu vị kính chào quí Đại Đức, quí Thiên ân.

THI:

Mở lối nghĩa nhân quét hận thù,
Qua dòng tân khổ quốc gia thu.
Cái gia khô cổ, nay nhờ Đạo,
Về cõi Hư linh cũng vận trù.

(Cái gia là con đa đa)

* Sau hết là NGUYỄN CƯỜNG ĐỀ:

Kính mừng chư Chơn Quân và Thiên phong. Cười . .

Xin để lời cảm ơn và mừng Bảo Thế Chơn Quân chi đức.

THI:

Vị quốc bôn ba ở nước ngoài,
 Chí mong chưa đoạn đoạn trần ai.
 Tủi mừng đâu biết giờ tiền định,
 Mayặng duyên xưa nợ quốc đài."

Bốn bài thi giáng cơ của 4 vị Tiên Vương nói trên được dùng làm 4 bài thái hiến lễ cho 4 vị khi cúng tế nơi BQT.

Mỗi năm tại Báo Quốc Từ, Hội Thánh có thiết lễ cúng tế thường lệ vào năm ngày, kể ra như sau:

- Ngày 16 tháng Giêng âm: Thượng Ngươn.
- Ngày 10 tháng 3 âm: Giỗ Tổ Hùng Vương.
- Ngày 16 tháng 7 âm: Trung Ngươn.
- Ngày 16 tháng 8 âm: Trung Thu.
- Ngày 16 tháng 10 âm: Hạ Ngươn.

Cũng trong dịp lễ Khánh thành sự trùng tu này, Đức Cao Thượng Sanh ban huấn từ, trích đoạn ra sau đây:

"Vì muốn tôn thờ cái tinh thần vị quốc vong thân đó, nên Đức Hộ Pháp có sáng kiến xây dựng ngôi BQT để làm nơi hương hỏa phụng sự các Đấng Tiên Vương, các bậc anh hùng đã dày công với tổ quốc. Đại Đạo có phận sự bảo tồn quốc túy, giữ cho còn mãi cái hay cái đẹp đó hầu roi truyền cho con cháu đời sau. Lòng ái quốc chơn chánh của Đức Hộ Pháp đã làm cho toàn Đạo mãn nguyện. Nay Hội Thánh tiếp tục gìn giữ dấu tích của Đức Ngài và tổ điểm cho nó còn mãi về uy nghiêm.

Đạo thì dựng từ bi bác ái, cứu khổ nâng nguy. Đời thì dựng tiết tháo anh hùng, trung can nghĩa khí... Cho nên dù trong cửa Đạo hay Đời, những bậc siêu phàm đều có giá trị hiển hách ngang nhau.

Trải thân hữu dụng để phục vụ cho Đạo và nhơn sanh, hay lấy chí anh phong để phụng sự quốc gia, gìn giữ biên cương lãnh thổ. Khi nợ trần giũ sạch, nhục thể trả lại cho lòng đất thì dầu Đạo hay Đời, những linh hồn bất diệt cũng đều được hưởng sự ban thưởng thiêng liêng, qui hồi cựu vị.

Cái gương của Quan Thánh Đế Quân được phong Phật vị và Đức Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm được đứng vào hàng Tiên vị, đã chứng cho chúng ta thấy sự cảm quyền thưởng phạt công bình của Đức Chí Tôn. Một người thì đem tài bách chiến và khí phách anh hùng để phò vua giúp nước; một người thì dụng văn chương bác lãm để trị quốc an dân. Hai Đấng ấy chẳng phải vì tu hành mà vì nơi tâm chí quá cao siêu, nên được thủ đắc thiêng liêng vị.

Vậy tôi mong ước cho chư Đạo hữu nam nữ nên nhận thức được cái ý nghĩa cao quý của Báo Quốc Từ." (Tài liệu của Hồng Ân Nguyễn ngọc Ân)

BÀI KINH CÚNG NƠI BÁO QUỐC TỪ Năm Giáp Thìn 1964

Hương đăng hoa quả kính dâng,
Tửu trà cung hiến Linh Thần chứng minh.
Giúp cho thiên hạ thái bình,
An cư lạc nghiệp Giáp Thìn đương niên.
Cầu xin các Đấng Thánh Hiền,
Hộ trì Đại Đạo đủ quyền chuyển xây.
Bắc Nam hòa hiệp Đông Tây,
Bốn biển huynh đệ sum vầy một nơi.
Nhứt tâm tín ngưỡng Đạo Trời,
Thực hành nhơn nghĩa, lập đời Thượng Ngươn./.

Báo ứng nhãn tiền

報應眼前

A: The retribution of acts before the eyes.

P: La rétribution des actes devant les yeux.

Báo: Đáp lại. **Ứng:** Hiện hiện một cách mau nhiệm. **Nhãn:** Con mắt. **Tiền:** Trước. **Nhãn tiền:** Ngay trước mắt.

Báo ứng nhãn tiền là báo đáp trở lại một cách hiển hiện lạ lùng trước mắt, không phải chờ đợi lâu.

Sự báo ứng này xảy ra ngay trong một kiếp sống, xảy ra liền sau đó, hoặc sau vài năm. Do đó, sự báo ứng nhãn tiền còn được gọi là Tốc báo (Báo ứng cấp tốc).

Sự báo ứng xảy ra chỉ là thi hành theo đúng Luật Nhân Quả: Chường qua đắc qua, chường đậu đắc đậu. (Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu). Nhân nào quả nấy, không bao giờ sai chạy, chỉ có thời gian quả báo lâu hay mau mà thôi.

Đó là Luật Công Bình thiêng liêng của Tạo Hóa.

TNHT: *Nhãn tiền báo ứng dễ đâu sai.*

TNHT:Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BẢO

BẢO

1. **BẢO:** 保 Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng.
Tđ: Bảo Đạo, Bảo hộ.
2. **BẢO:** 寶 Quý báu. Xem: BỬU.

Bảo Đạo

保道

A: Religious Conservator.

P: Conservateur Religieux.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Đạo:** Tôn giáo.

Bảo Đạo là một phẩm Chức sắc của Thập nhị Thời Quân HTĐ, thuộc chi Đạo, dưới quyền trực tiếp của Thượng Phẩm.

Bảo Đạo là Đầu Phòng Văn của Thượng Phẩm.

Khi tiếp nhận giấy tờ do Hiến Đạo dâng lên, thì Bảo Đạo phải gìn giữ cho bí mật, kín nhiệm, làm tờ lý đoán binh vực

chiếu y theo Luật Đạo, rồi dâng lên cho Thượng Phẩm dâng Người lo phương bào chữa.

Theo Hiệp pháp của HTĐ, trách nhiệm của Bảo Đạo là bảo tồn luật Đạo, bảo hộ những điều cần ích cho Đạo đã ra mặt luật rồi.

Đạo phục của Bảo Đạo có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

■ **Bộ Đại phục:** toàn hàng trắng, cổ trịch, viền chỉ kim tuyến bạc, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo (Mão Quạ) cũng bằng hàng trắng, lưng nịt dây Lịnh sắc thả mối bên hông mặt (để chỉ rằng thuộc Chi Đạo), chơn đi giày Vô Ưu màu trắng.

■ **Bộ Tiểu phục:** cũng toàn hàng trắng, lưng nịt dây Lịnh sắc y như Đại phục, đầu đội Hồn Nguơn Mạo y như Tiểu phục của Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, trên mũ có để cổ pháp Thượng Phẩm (Long Tu Phiến và Phát Chủ), chơn đi giày Vô Ưu màu trắng.

Khi hành chánh thì mặc Tiểu phục, còn Đại phục chỉ mặc khi Đại lễ.

Ngoài ra, Đức Phạm Hộ Pháp còn cho chư vị Thời Quân thêm một kiểu Đạo phục nữa là:

Áo cổ bẻ, có yếm tâm ở trước ngực, tay ráp rộng 25 phân. Mão Tam Quang (Nhựt Nguyệt Tinh) tức là kiểu mão của Đức Khổng Tử trị thế ngày xưa, màu trắng, có thêu chữ kim tuyến vàng, trước mão thêu NHỰT ở giữa, NGUYỆT bên hữu, TINH bên tả (của cái mão) trong vòng Minh khí, mặt Nhựt có cổ pháp của Thượng Phẩm. Mỗi bên hông mão có thêu 6 ngôi sao 8 góc và 6 đường Linh khí.

Đạo phục này dùng để hành lễ ngày thường.

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Ca Minh Chương vào chức Bảo Đạo.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Bảo Đạo Ca Minh Chương (1850-1928)

Trong Thập nhị Thời Quân, Ngài Ca Minh Chương lớn tuổi hơn hết và đăng Tiên sớm hơn tất cả.

Ngài Ca Minh Chương sanh năm 1850 (tuổi Canh Tuất) tại ấp Thanh Ba, làng Mỹ Lộc Tây, tổng Phước Điền Trung, quận Cần Giuộc, trong một gia đình thắm nhuần Nho giáo. (Ngài Ca Minh Chương cùng quê với Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung).

Ngài được dân chúng làng Mỹ Lộc cử lên làm chức Hương Bộ trong làng. Sau một thời gian, Ngài chán nản việc làng xã nên xin nghỉ và đi dạy học.

Hiền nội của Ngài Ca Minh Chương là Bà Phạm Thị Kế (1860-1933), Ông Bà sanh được một con gái đặt tên là Ca Thị Thế (1884-1956).

Đầu năm 1926, ngày 3-4-1926 (âi 21-2-Bính Dần), Đức Chí Tôn giáng cơ tại Vĩnh Nguyên Tự, Ngài Ca Minh Chương có hầu đàn, được Đức Chí Tôn ban cho bốn câu thi và thâu nhận Ngài vào hàng môn đệ.

THI:

Thế thượng hê vô bá tuế nhân.
Thất tuần dĩ định vấn thời quân.
Ưu tư mạc vọng thường vô lộ,
Nghiệp trái tùy căn định số phần.

Khoảng tháng 5 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn cho lập sáu đàn cơ để phổ độ Nhơn sanh, trong đó có một đàn cơ lập tại nhà Ông Cựu Hội Đồng Địa Hạt Nguyễn Văn Lai ở Tân Kim quận Cần Giuộc, quan Phủ Nguyễn Ngọc Tương và Ngài Lê Văn Lịch thay phiên chứng đàn, hai Ngài Ca Minh Chương và Phạm Văn Tươi phò loan, để dân chúng đến hầu đàn, nhập môn cầu Đạo.

Ngày Khai Đạo tại chùa Gò Kén, 14-10-Bính Dần (dl 18-11-1926), Đức Chí Tôn lập tịch Đạo Nữ phái, phong cho Cô Ca Thị Thế vào chức Phó Giáo Sư (tức là Giáo Hữu), lấy Thiên ân là Hương Thế. Cũng trong đàn cơ này, Đức Chí Tôn phong Bà Lâm Ngọc Thanh là Nữ Giáo Sư, Thánh danh

Hương Thanh. [Trong bài *Thánh Ngôn này, Đức Chí Tôn gọi Ca thị Thế là Ca thị*]

Khi Đức Chí Tôn lập PCT HTĐ, ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Ca Minh Chương chức Bảo Đạo, nên người ta thường gọi Ngài là Ca Bảo Đạo.

Đức Chí Tôn khai khiếu cho Ngài Ca Minh Chương, để Ngài ngồi phò loan cùng Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi, lập thành cặp Phò loan truyền đạo trong buổi sơ khai.

Đức Chí Tôn giáng cơ cho Ngài Ca Bảo Đạo bài thi để an ủi cho hoàn cảnh gia đình bi thảm của Ngài:

*Thấy con gia đạo tợ tờ cuộn,
Chạnh đến lòng Thầy dạ ướm tuôn.
Ngặt nỗi vợ nhà đau dã dượi,
Khật khùng con trẻ nói luông tuông.
Khiến nên mai đánh khơi máu trắng,
Cho đến tòng lâm trở sắc buồn.
Công quả đã đành công quả đủ,
Nay đem ba kiếp dập dồn luôn.*

Qua bài thi trên, Đức Chí Tôn cho biết: Đức Chí Tôn cho gia đình của Ngài Ca Bảo Đạo nhờ quả ba kiếp nhập lại trả trong một kiếp này: Ngài bị bệnh, vợ cũng bị bệnh, con bị điên khùng. Nay phải ráng chịu đựng để trả trong kiếp này cho sạch nợ tiền khiên thì mới có thể trở về cữ vị.

Ngài Ca Bảo Đạo hành quyền Bảo Đạo được một thời gian gần ba năm thì Ngài đăng Tiên ngày 19-10-Mậu Thìn (dl 30-11-1928), trở về thiên liêng vị, hưởng thọ 79 tuổi.

Lễ An táng của Ngài được tổ chức rất trọng thể tại quê nhà của Ngài, và bửu tháp được xây cất tại đây. (Sau này Hội Thánh lấy cốt, cải táng, đưa về nhập Bửu tháp tại phần đất dành riêng để xây tháp cho Thập nhị Thời Quân, ở Ngã Ba Ao Hồ, Châu Thành Thánh địa, Tây Ninh)

Bài Thái tế lễ Ngài Ca Bảo Đạo:

*Thủ phạm rước hồn kíp phục hồi,
Gạn công tính quả định theo ngôi.
Sạch trong tâm tánh lo trau trước,
Cân tạo công bằng chẳng để lời.*

Bảo Đạo Chơn Quân

Ngài Ca Bảo Đạo có giảng cơ cho bài thi:

*Từ đây ra khỏi chốn nhơn gian,
Thủy tú sơn tinh thích chí nhàn.
Vi bởi lực căn lòng chẳng bợn,
Cho nên mới đặng nhập Tiên bang.*

Qua bài thi này, chúng ta nhận thấy rõ, Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương đã đắc Tiên vị nơi cõi Thiêng liêng.

Ngay sau khi Ngài Ca Bảo Đạo đặng Tiên, Đức Chí Tôn giảng cơ ban cho bài Thánh ngôn dạy như sau:

Ngày 30-11-1928 (âi 19-10-Mậu Thìn).

Phò loan: Hộ Pháp - Bảo Pháp.

Thầy, Các con.

Đại lụy! Cái thảm trạng chia lìa ngày nay có thể làm cho các con vì đau đớn mà biết thương yêu nhau chăng?

Thảm! Từ thử có một mình Bảo Đạo là niên cao kỹ trưởng hơn các con hết, mà buộc Thầy phải đem về thì tưởng các con đủ biết mình là cô cút về đường Đời không ai đủ trí thức hoàn toàn mà bình vực các con nữa, thì mới biết lập mình có đủ khôn ngoan tài tình đạo đức thì địa vị các con mới trở nên cao đặng.

Thầy đôi phen phải buộc lòng lầy hình phạt mà làm ra phần thưởng, các con đã hiểu Đạo đặng chút ít, Thầy tưởng chẳng cần phải cặn lời, Thầy khuyên các con lấy "CHƯƠNG" làm dây thân ái mà buộc nhau, mới đặng hòa nhã nơi HTĐ.

Thầy cho phép các con làm lễ táng cho nó long trọng, hầu nêu gương cho hậu tấn.

TẮC! Phải biểu CU' xuống cho kịp đặng làm lễ y như lời Thầy dạy đám táng của THỤ, nhớ đừng bỏ nữa nghe!

Thầy cũng nhắc lại với con rằng: Đủ ba năm phải thiêu hài cốt, lên tượng đặng đem nó vào Bát Quái Đài nghe!

Nơi mộ nó phải để quan tài khỏi mặt đất một tấc mà đắp xây tháp y như lời Thầy đã dặn. Trên mặt tháp để chữ vàng: "BẢO ĐẠO CHƠN QUÂN" nhớ à!

(Trích trong Thánh giáo chép tay tr. 42 của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Tr. Hậu)

Ghi chú:

CHƯƠNG: Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương.

TẮC: Đức Hộ Pháp Phạm Công Tác.

CỤ: Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.

THỤ: Đức Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ.

Sau đây là **Bài Điều Văn của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung** điều Bảo Đạo Ca Minh Chương qui vị:

Chư Hiền Hữu, Hiền Tỷ, Hiền muội,

Từ ngày Khai Đạo, lần này là lần thứ ba, tôi vì phận sự nên phải dự vào việc tổng chung ba vị Đại Đức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Năm Dân Ông *Thượng Tương Thanh, Thượng Chương Pháp* ly trần ngày mùng 5 tháng 1 mãn phục; năm nay tháng 3 Đức Nho Tông Chưởng Pháp *Trần Đại Nhơn* liêu đạo. (*Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ*).

Ấy là hai vị Đại Đức bên CTĐ, ngày nay Ông Ca Minh Chương thọ Thiên ân Bảo Đạo HTĐ qui Thánh.

Theo thể tình, tôi cũng rơi lụy mà tỏ lòng bi ai nơi mộ phần chưa ráo đây. Con người thầy phạm xác thịt ai tránh khỏi sự yêu thương, tình chồng vợ đầu ấp tay gối, khó giàu có nhau, cang thường nghĩa trọng, cha con hui hút sớm trưa, công sanh thành dưỡng dục bằng non biển; người đồng đạo tất con một CHA, tâm hiệp ý hòa, chia vui sốt nhọc, gánh lại mấy năm tình ấy rồi xem cảnh hôm nay, người qui Thánh nương bóng Đức Cao Đài, kẻ còn lao nhao lổ nhổ nơi bể khổ sông mê. Ôi! Gặp cuộc phân ly như thế, không ngăn giọt lụy, cảnh sầu bi này làm cho ruột thắt gan bào.

Anh Bảo Đạo ôi! Thương vì nhớ mấy lúc cùng nhau hội hiệp, khi thi phú, lúc cờ bàn nơi Tòa Thánh. Nhớ đến tiếng cợt tiếng cười, thương vì nghĩa, rồi đây xác phàm của anh phải ở đồng trống sương gieo, thương vì thế, vì bình bông, có ai giữ mồ trăm năm, lâu rồi cũng là mồ hoang cỏ loáng, thương nỗi vợ yếu trông chồng nhìn cảnh sầu khuya với ngọn đèn leo lét, thương cuộc con ngây, bật vắng lời châu ngọc của cha hiền đức, nhìn nơi đây đồng không mông quạnh, nhớ tới xác phàm

anh ở chỗ như thế thì khó lấp cơn sầu, mà nghĩ kỹ thì Chơn linh vẫn còn, vì anh hữu duyên nên gặp Đạo Trời rộng mở TKPD.

Mấy năm dư, anh đã mượn râu sồng lánh tục, anh vui cùng sanh chúng. Nay hồn lìa khỏi xác, vết ngút mây xanh trông vào Cực Lạc an nhàn, non chiều hạc gáy, động tối qui châu, nghĩ đến đó lấp đặng mạch sầu. Nên tôi mới tỏ ít câu sau đây nhắc công nghiệp của anh đối cùng xã hội.

Tôi xin nhắc một ít công lao của Bảo Đạo trong đường Đồi và trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Nguyên anh là người nhao rún ở ấp Thanh Ba làng Mỹ Lộc Tây, tổng Phước Điền Trung, huyện Phước Lộc. Hồi anh còn thiếu niên, gặp nhiều bậc Nho văn Hiền triết, cư trú trong huyện Phước Lộc, như Ông Đồ Chiêu, Ông Cống Quỳnh, vv...

Ông Ca Minh Chương cũng là chí Thánh, lúc làm Giáo huấn là lo Nhơn đạo, mà người cũng gần lo Thiên đạo. Anh trường chay giữ giới thọ giáo đạo Minh Sư, có câu kinh: Bá niên vạn kiếp nan tao ngộ, trăm năm muôn kiếp khó mà gặp mới Đạo khai. Ông Ca Minh Chương hữu duyên hữu phần, nên gặp lúc Trời khai Long Hoa Tam Hội.

Tôi xin nhắc lại, năm Bính Dần, hội Thượng nguơn, tôi cùng hai em: Cư, Tắc, thọ Thánh chỉ đi phổ độ tại huyện Phước Lộc này, khi ấy Ông Ca Minh Chương đã có hầu đàn nghe lời châu ngọc của Đấng Đại Từ Bi. Người hữu duyên mau hiểu lời Thánh giáo, nên người liền nhập môn cầu Đạo. Qua hạ tuần tháng 2 năm đó, ba anh em tôi thọ Thánh chỉ xuống Vĩnh Nguyên Tự ở 10 ngày học đạo, khi đó Ông Ca Minh Chương cũng theo xuống Vĩnh Nguyên Tự.

Có một bữa, Đại Từ Phụ khai khiếu cho Ông Ca Minh Chương. Hồi mới khai khiếu, ba anh em tôi ngỡ ngỡ ngáo ngáo không hiểu chi hết, tưởng là Đạo hữu Chương niên cao kỹ trường mắt mờ nên Đại Từ Phụ khai khiếu cho sáng lạng, ngộ hầu khi nào Đại Từ Phụ giáng cơ viết Hán tự thì Đạo hữu Chương coi đọc cho dễ, té ra không phải vậy, mình bàn theo trí phàm, thiệt rất lạc lằm.

Đức Chí Tôn khai khiếu cho Ông Chương là để cho người làm phò loan đặng đi phổ độ. Không bao lâu sau, người cùng Đạo hữu Phạm Văn Tươi, là hai Chức sắc HTĐ phò loan đặng phổ độ nhiều nơi. Lúc ấy, Ông Bảo Đạo sức kém lực suy mà nhờ huyền diệu thiêng liêng bảo hộ nên người lập được công quả.

Nhớ lúc Ông dầm mưa trải nắng, thiệp hải đặng sơn, sức tuy yếu mà chí chẳng sờn, không kém gì Huỳnh Trung buổi trước, nghĩ mấy hồi ma khảo, người vô tâm ngăn phá Đạo Trời mà anh cũng thìn một dạ, thiết chí hào kiệt, trí tri để núng, khiến lụy anh hùng đây. Trước nhờ Đấng Chí Tôn diu hồn anh đem về cõi thọ.

Ông Bảo Đạo, lúc gần qui vị, linh quang anh thiết tinh tấn, nhớ đến mấy lời châu ngọc anh than cùng tôi, thiết ruột đường dao cắt. Anh nhắc những ân anh thọ nơi Bác tôi, khi anh lo việc hương đặng, anh khiêm từ đến đổi cung tụng những việc phải của tôi đối đãi với anh khi anh làm Giáo Thọ, ấy là nhơn nghĩa anh giữ vẹn, thiết anh là chí Thánh đó. Anh than cùng tôi, anh buồn lo vì nhiều kẻ tính riêng, người toan tự lập, còn phận anh thì thủy chung như nhứt, cứ do Tòa Thánh.

Nay anh về Tiên cảnh, xin cũng chung lo giúp Đạo đặng tâm hòa như một, xin anh chứng lòng thảo của mấy em.

Hôm nay làm lễ tiễn hành, đưa linh hồn anh về Cực Lạc, an nhàn Bồng Lai.

Huy lụy

THƯỢNG ĐÀU SƯ Thượng Trung Nhựt

Sau đây là **Bài Văn Tế của Đức Phạm Hộ Pháp** đọc tại Bửu tháp của Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương (nơi sanh quán):

Ôi! Cấp Cô Độc vườn thiên quạnh quẽ,
 Hội Thanh Vương chợ thế đìu hiu.
 Dấu xe lìa nước Lũ đọng rong rêu,
 Bàu rượu lạt nhà Nam đầy bụi đất.
 Cuộc đời giống huỳnh lương một giấc,
 Mà kiếp phù sinh là phước chiêu Tiên,

Cõi trần là khổ hải muôn phiền,
 Song cơ thoát tục là thuyền Bát Nhã.
 Thất tuần thọ, đời cho rằng lạ,
 Ngoài phong vân chưa phải sống bao lăm?
 Tam bửu linh Đạo dạy không lăm,
 Trong võ trụ, cầu nhân âu mấy kẻ?

Nhớ Linh xưa,

Tánh hạnh hiền lương, ngôn từ nhỏ nhẹ,
 Trên lớn thương yêu, dưới bé kính nhường,
 Nét gia phong cửa Khổng để nêu gương,
 Phương hóa chúng, học đường ra huấn giáo.
 Công xã hội, công trình ngồi chép Đạo,
 Kế hoàng dân, nghĩ đến lăm công lao.
 Về quan viên tuy chẳng áo cẩm bào,
 Bề đạo đức đáng vào Tòa Bát Quái.
 Hỡi ôi! Vợ già yếu, gái thời ngây dại,
 Nổi lửa hương, ngó lại vắng người.
 Theo linh xa một gái chơi vơi,
 Phò giá triệu bóng trời không kẻ đẩy.
 Kia gia tộc ruột rà còn đấy,
 Sao Anh không ngồi dậy nói đôi điều?
 Để đau thương cho kẻ mến người yêu,
 Nhìn niếp tử chín chiều ruột héo.
 Từ đây phủi cuộc trần lạnh lẽo,
 Phận phàm Tiên hai nẻo khác đường,
 Để các em nuốt thảm ngâm thương,
 Tình bạn bạn một trường đành cách biệt.
 Hay Anh tránh tình đời xảo quyết,
 Nhắm mắt không muốn biết lòng phàm.
 Hay Anh xem thế sự đã nhàm,
 Đi cho rảnh tiếng tham chung đỉnh.
 Hay không thẳng đặng đời, Anh phải nhịn,
 Về cõi Tiên toan tính phép chiêu hồn.
 Hay sợ đời lăm sự dại khôn,
 Về cõi thọ bảo tồn câu chánh lý.
 Tuy đã biết tử qui sanh ký,
 Câu biệt ly ai nghĩ cũng đau lòng,
 Chữ đồng môn tình lại mặn nồng,

Ai gan sắt dạ đồng không đổ lụy.
 Trước linh cữu, các em cùng chị,
 Cúi đưa Anh an nghỉ giấc ngàn thu.
 Nguyễn hương hồn bền giữ căn tu,
 Miền Cực Lạc ngao du nơi đất Thánh.
 Chung rượu lạt, lòng thành xin kính,
 Dâng đưa Anh đặng tỏ chút tình.

Hồn linh xin chứng,
 Phục vi thượng hưởng.

PHẠM HỘ PHÁP

Thuở sinh tiền, Ngài Ca Bảo Đạo rất ít làm thơ.

Sau đây, chúng tôi sưu tầm được một bài thơ đường luật của Ngài, họa vận bài thơ CHỮ BÀN của Ngài Thuần Đức Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Ngài đề bên dưới bài thơ của Ngài là: Giáo Chương, tức là thầy giáo Ca Minh Chương.

Chi bận trần gian nẻo phú bần,
 Dốc tìm đường cả đẩy đưa chân.
 Kính luân chí để an thân phận,
 Hồ hải tình mong lánh nợ nần.
 Vui lại ngồn ngang dòng nước trí,
 Buồn về lẩn bấn khóm non nhân.
 Huỳnh Đình mấy cuốn hằng ngâm đọc,
 Ngổ họa thân sau khỏi bợn trần.

Giáo CHƯƠNG

Tại Minh Thiện Đàn ở Phú Mỹ (Mỹ Tho), Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương giảng đàn ngày 25-7-1929, cho bốn câu thi khuyến tu, khoán thủ Bảo Đạo Chơn Quân:

*BẢO người ở thế gắng công tu,
 ĐẠO đức cao thâm vệt nút mù.
 CHƠN chất thành tâm thi biện bạch,
 QUÂN năng ưu Đạo lập công phu.*

THẮNG

Tại Tòa Thánh, ngày 9-10-Kỷ Sửu (dl 28-11-1949), Ngài Ca Bảo Đạo giảng cơ, xin chép ra sau đây:

BẢO ĐẠO CHƠN QUÂN

Mừng mấy em văn thần võ sĩ của Chí Tôn,

Hèn lâu, Qua mới gặp đặng mấy em, vì Qua mắc lo với Đức Cao Thượng Phẩm cho cơ Đạo đặng mau chóng để làm gương cho mặt thế ngày nay, cho toàn cả nhơn sanh đặng biết nhiệm mầu huyền vi của Đức Chí Tôn và cả chư Thần Thánh Tiên Phật. Nay đã đến thời kỳ Năm Châu đặng hiểu biết mối Đạo Trời. Vậy mấy em ráng lo sao cho tròn phận sự một người con hiếu của Chí Tôn.

Từ tạo Thiên lập Địa tới giờ, biết bao Thần Thánh Tiên Phật thọ lệnh Ngọc Hư xuống trần dạy Đạo, nhưng vì vật dục sở tế, khí bầm sở cấu, làm cho cả con cái Chí Tôn đều bị nhiễm trần mà không đặng hồi cựu vị.

Nay các em đã lãnh lệnh Ngọc Hư mà nở để cho sanh linh chịu hồi chìm đắm hay sao? Mấy em nên cầm cờ Đạo đi khắp mọi nơi, rồi làm như quan Phương Bá nhà Châu để dựng nền nhơn nghĩa cho đời rõ thấu.

Có vậy, nhơn sanh hiểu đặng rồi mới nạp mình vào cửa Thánh. Bằng chẳng vậy thì nhơn sanh lầm đường lạc nẻo rất nhiều, lại uổng một kiếp sanh đã gặp kỳ Khai Đạo, đến lúc lâm chung, hồn ra khỏi xác rồi mới biết tự hồi ăn năn mà phải chịu luật Thiên điều trừng trị. . . Biết bao phen mới trở về cùng Đức Chí Tôn đặng.

Thôi, Qua mừng chung mấy em. THĂNG.

Ngài Ca Bảo Đạo giao quyền Bảo Đạo tại thế cho Ông Hồ Tấn Khoa:

■ Ngày 7-Giêng-Canh Dần (dl 23-2-1950), Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ tại Báo Ân Từ nói với Đức Hộ Pháp:

"Bản đạo đến cốt yếu đặng cậy Hộ Pháp, rằm tới đây làm ơn phò loan cho Ca Bảo Đạo đến nói về vụ Ông Khoa.

Theo ý của Ca Bảo Đạo thì Người nói rằng: Tốt hơn để cho Khoa tu luyện ít nữa mười năm thì mới đủ đạo đức tài tình mà chống cự cùng Cơ Khảo thí. Nếu đức tin chưa vững, e phải thối tâm thì rất nên oan uổng."

■ Ngày 15-Giêng-Canh Dần (dl 3-3-1950), Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương giảng cơ nói với Đức Phạm Hộ Pháp và Ông Hồ Tấn Khoa:

"Bạn KHOA nghe:

*Trước đã có lời hẹn với nhau,
Thì ơn tri ngộ đã dường nào.
Cửa Thiên đưa bạn vào chơn vị,
Cầm vững đạo mầu mới gặp nhau."*

"Thưa Đại huynh Hộ Pháp,

Bần đệ xin Ngài diu dắt dạy dỗ dùm KHOA cho đến ngày đệ đến giao quyền Bảo Đạo cho KHOA.

Thầy đã chấp thuận và có Thiên thơ tiên định. Cái thiệt phận của KHOA, Người đã hiểu biết.

Vậy, ngày nào Người chịu khảo duyệt chẳng nổi thì Ngài nhắc nhở rằng: Cửa chứa chơn tinh phải cho xứng giá mới được."

■ Ba năm sau, ngày 13-8-Quý Ty (dl 20-9-1953), Ngài Ca Bảo Đạo giảng cơ báo cho biết là ngày rằm tháng 8 năm Quý Ty tới đây, Ngài sẽ đến ban quyền Bảo Đạo hữu hình cho Ông Hồ Tấn Khoa.

Khi Ông Khoa được Đức Phạm Hộ Pháp cho biết tin này thì ngay đêm hôm sau là 14-8-Quý Ty (dl 21-9-1953), Ông Hồ Tấn Khoa liền làm một Bức Khải đốt dâng lên Ngài Ca Bảo Đạo và Đức Cao Thượng Phẩm. (Bức Khải là tờ sớ dâng lên để bày tỏ ý kiến).

Nguyên văn Bức Khải của ông Hồ Tấn Khoa, xin chép ra sau đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Nhị thập bát niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

Thành kính bạch Đức Ca Bảo Đạo,

Đệ tử là Hồ Tấn Khoa đặng nghe Đức Phạm Hộ Pháp và quý vị Trần Khai Pháp với Lê Bảo Thế cho hay rằng, ngày rằm

tháng 8 năm Quý Tỵ tới đây, Đức Ngài sẽ đến để ban quyền Bảo Đạo cho đệ tử .

Trước nhiệm vụ lớn lao ấy, đệ tử hết sức sợ sệt và lo lắng, vì đệ tử xét mình nặng mang phàm thể, phải bị lực dục thất tình trì níu, mà đệ tử chẳng đủ chí, đủ tài, đủ đức để chống chỏi cho nổi, nên với sức phàm này, đệ tử không sao gánh nổi nhiệm vụ giao phó.

Đã vậy, từ ngày đệ tử đăng dịp về ở Tòa Thánh và hiểu biết mỗi Đại Đạo Cao Đài thì đệ tử vẫn luôn luôn thắc mắc và khổ tâm khổ trí về chỗ Đức Chí Tôn đã nói, mỗi Đại Đạo của Thầy chỉ có MỘT. Nhưng trái lại, sự thật hiển hiện trước mắt, đệ tử thấy nền Đại Đạo Cao Đài hiện giờ chia ra đến 12 Phái, mỗi Phái đều lập qui mô sự nghiệp riêng, không sao hiệp nhứt đặng. Vì lẽ ấy nên khi nhập môn cầu Đạo, đệ tử có lập đại nguyện xin với Đức Chí Tôn ban bố huyền diệu giúp sức cho đệ tử đóng góp một phần công quả vào CƠ QUI NHỨT và cho đệ tử đặng thấy kết quả trong kiếp sanh này.

Bởi cơ nên đệ tử đã hết tâm gây dựng cho Phái Tiên Thiên hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh để lấy đó làm một cây cầu cho các Phái khác sớm hiệp về một mối.

Đệ tử đã lao tâm khổ nhọc trong mấy năm trường, vừa hã dạ thấy Đức Lý Giáo Tông chấp thuận chuẩn y phẩm vị (nhưng giáng nhứt cấp) cho các Chức sắc Tiên Thiên hiệp về Tòa Thánh, thì tình linh đất bằng sóng dậy, một cuộc khảo đảo quá sức nặng nề làm cho cây cầu Tiên Thiên phải tan rã theo bọt nước, và từ ấy, CƠ QUI NHỨT phải bị bế tắc.

Ngày nay, Đức Ngài định giao quyền Bảo Đạo cho đệ tử thì đệ tử khấp nép dựng bức Khải này, cúi xin Đức Ngài mở lượng khoan hồng giúp xin hai điều sau đây, nếu đặng thì đệ tử mới dám nhận:

1). Đức Ngài và Đức Cao Thượng Phẩm cố gắng thế nào cầu xin cho đặng Đức Chí Tôn về hứa chắc với đệ tử rằng: Đức Đại Từ Phụ sẽ ban bố đầy đủ hồng ân, giúp cả về huyền diệu thiêng liêng và phương tiện hữu hình cho đệ tử thật hành trong kiếp sanh này đặng CƠ QUI NHỨT 12 Phái Đạo Cao Đài hiệp về một mối, anh lớn em nhỏ thật tâm hòa hiệp, thương yêu vui vầy với nhau, chớ không còn chia rẽ nữa.

2). Đức Ngài và Đức Cao Thượng Phẩm cố gắng thế nào cầu xin cho đặng Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp long trọng hứa sẽ thủ tiêu Đạo Nghị Định số 8 để cho các Chi Phái dễ bề qui hiệp.

Đó là đại nguyện của đệ tử, và đệ tử tin chắc rằng Đức Ngài và Đức Cao Thượng Phẩm, cùng luôn cả Đức Lý Giáo Tông với Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu đã soi tâm biết rằng đệ tử xin hai điều kể trên để thật hành đại nguyện của đệ tử là vì Thầy, vì Đạo, vì chúng sanh, chớ đệ tử chẳng có mảy may nào tư kỷ.

Ngoài đại nguyện này, nếu Đức Ngài còn cần giao phận sự chi khác cho đệ tử thì đệ tử xin nguyện hứa để hết tâm lo lắng, còn việc thành bại xin do nơi quyền thiêng liêng của Đức Ngài xây chuyển, chớ sức phàm của đệ tử thì chẳng làm chi nên việc.

Đệ tử thành tâm khẩn nguyện Ông Trên thương tình ban phước cho đệ tử đặng đắc thành sở nguyện thì đệ tử mới dám nhận chức BẢO ĐẠO, bằng không thì đệ tử xin cáo thối trước để làm một vị tín đồ mà thôi.

Đệ tử đê đầu cúi tạ ơn Đức Ngài.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 14 tháng 8 năm Quý Ty.
(ký tên Hồ Tấn Khoa)

Do bức Khải cầu xin hai điều của Ông Hồ Tấn Khoa, thật sự là đặt điều kiện tiên quyết với các Đấng thiêng liêng, nên ngay tối hôm sau, ngày 15 tháng 8 năm Quý Ty, Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ trách cứ nhẹ nhàng:

"Hồ Hiền đệ,

Bạn nên biết rằng, Chí Tôn dành cho mỗi đứa ta mỗi phận sự, mà phận sự chẳng hề đồng đều. Bạn biết rằng, có Trời mới có mình. Ai đã ngồi chờ Thiên mạng mà đặng nên, bạn đã tự hiểu, sự mạng thiêng liêng của mình thì tự mình định liệu, bằng chẳng vậy, ngôi vị tạo thành mới xứng đáng vào đâu?

Ca Bảo Đạo đã cầu xin cho Hiền hữu nơi Ngọc Hư Cung định vị thì Hiền hữu cứ tuân lời, chẳng nên khước từ mà phạm Thiên điều.

Ông Hồ Tấn Khoa bạch: - Xin thấu hồi Đạo Nghị Định thứ 8 để thống nhất nền Đạo.

Đức Cao Thượng Phẩm dạy tiếp: - Phải biết Thiên cơ không luật phạm nào sửa cải được. Ta mong muốn như thế nhưng nghịch Thiên điều thì oai quyền như Cổ Phật cũng không sửa cải được. Hiền hữu nên biết điều ấy. Chi chi cũng do Chí Tôn định liệu."

Do bức Khải này mà việc ban quyền Bảo Đạo cho Ông Hồ Tấn Khoa bị Ngài Ca Bảo Đạo đình lại một thời gian.

Đến đêm mừng 9 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (dl 11-2-1954), tức là gần 5 tháng sau, tại Cung Đạo Tòa Thánh, Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương giảng cơ xin với Đức Phạm Hộ Pháp trao quyền Bảo Đạo tại thế cho Ông Hồ Tấn Khoa để HTĐ có đủ chức vị Thời Quân làm việc.

Bài giảng cơ này, chép ra như sau:

CA MINH CHƯƠNG

Chào Hộ Pháp Thiên Tôn, cùng chức vị Thời Quân HTĐ.

Cùng các bạn,

Thưa Đại huynh Hộ Pháp Thiên Tôn,

Đệ xin giao nơi tay Ngài uy quyền Bảo Đạo đặng Ngài ban lại cho bạn Hồ Tấn Khoa và lập Thánh lịnh.

Bổn Quân Bảo Đạo Ca Minh Chương tuân y mệnh lệnh của Chí Tôn và quyền Ngọc Hư phê chuẩn, giao chức tước quyền hành nơi thế về hữu vi nhi trị, còn phần thiêng liêng về phần Bổn Quân nắm giữ.

Hồ Hiền hữu! Bổn Quân lấy làm hữu hạnh đặng hiểu Hiền hữu kế nghiệp thì chỉ mong một điều trọng hệ hơn hết là trách vụ khó khăn cực nhọc ấy, Hiền hữu cáng đáng kham tất.

Vậy Hiền hữu nên nhớ rằng, nghiệp thiêng liêng hằng tồn tại mãi, còn quán tục là thừa.

Hiền hữu nên nhớ mãi lời ký thác của Bổn Quân hầu ngày sau vui gặp nhau nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Bổn Quân xin nhượng cơ cho Cao Thượng Phẩm.
THĂNG.

Tiếp diễn:

CAO THƯỢNG PHẨM

Chào Hộ Pháp và các bạn.

Hộ Pháp làm ơn trấn thần Thiên phục và ban Phép Giải Thể cho Hồ Hiền đệ. Còn Khai Pháp lập Minh Thế cho Người, có Bàn tăng chứng giám. THĂNG.

Do đàn cơ tại Cung Đạo trên đây, Đức Phạm Hộ Pháp lập Thánh Lịnh ban quyền Bảo Đạo tại thế cho Ông Hồ Tấn Khoa. Nguyên văn Thánh Lịnh chép ra sau đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Nhị thập cửu niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LỊNH

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền ban quyền cho Giáo Tông và Hộ Pháp;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Chiếu y Thánh Ngôn của Bảo Đạo Ca Minh Chương đêm 9 tháng Giêng Giáp Ngọ (11-2-1954):

"Thưa Đại huynh Hộ Pháp Thiên Tôn,

Đệ xin giao nơi tay Ngài uy quyền Bảo Đạo đặng Ngài ban lại cho bạn Hồ Tấn Khoa và lập Thánh Lịnh.

Bổn Quân Bảo Đạo Ca Minh Chương tuân y mệnh lệnh của Chí Tôn và quyền Ngọc Hư phê chuẩn, giao chức tước

quyền hành nơi thế về hữu vi nhi trị, còn phần thiêng liêng về phần Bản Quân nắm giữ."

Chiếu y Thánh Ngôn của Đức Cao Thượng Phẩm nói rằng: "Hộ Pháp làm ơn trấn Thần Thiên phục và ban Phép Giải Thể cho Hồ Hiền đệ, còn Khai Pháp lập Minh Thệ, có Bần tăng chứng giám."

Nên:

THÁNH LỆNH:

Điều thứ nhứt: Kể từ ngày ký tên Thánh Lệnh này, chức tước và phận sự Bảo Đạo về mặt hữu vi, giao trọn cho Hồ Tấn Khoa đảm nhận.

Điều thứ nhì: Các cơ quan Chánh Trị Đạo các tư kỳ phận thi hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh, ngày 13 tháng 1 Giáp Ngọ.

(15-2-1954)

HỘ PHÁP

(ấn ký)

PCT HTĐ: Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TKPĐ: Tam Kỳ Phổ Độ

Bảo hộ

保護

A: To protect.

P: Protéger.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Hộ:** Giúp đỡ, che chở, bênh vực.

1. *Bảo hộ là giữ gìn và trông nom che chở.*

PCT: Lo *bảo hộ* luật đời và luật Đạo, chẳng ai qua luật mà HTĐ chẳng biết.

2. *Bảo hộ là cai trị bằng cách dùng bộ máy chánh quyền thực dân đặt trên chánh quyền bản xứ bù nhìn.*

TNHT: (Đức Chí Tôn nói với một người Pháp) Vậy Thầy nhờ con truyền bá giáo lý này cho dân tộc đặt dưới quyền *bảo hộ* của con.

PCT: Pháp Chánh Truyền.
TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bảo kê

A: Insurance.

P: Assurance.

Bảo kê, từ ngữ bình dân, dùng đồng nghĩa với: Bảo hiểm. Hãng Bảo hiểm thì người bình dân gọi là Hãng Bảo kê.

Từ ngữ Bảo kê còn dùng theo nghĩa là Bảo đảm, cam kết chắc chắn và nhận trách nhiệm về sự cam kết đó.

TĐ ĐPHP: Bàn đạo dám *bảo kê* rằng: Nơi cảnh ấy chưa có buổi nào huyền não hay có tiếng nào buồn.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Bảo lãnh

保領

A: To guarantee.

P: Se porter garant.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Lãnh:** nhận lấy.

Bảo lãnh là nhận lấy trách nhiệm về hành vi của một người nào.

TNHT: Thầy *bảo lãnh* các con, un đức chí Thánh của các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bảo mạng

保命

A: Insurance.

P: Assurance.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Mạng:** cái mạng sống của con người.

Bảo mạng là bảo vệ mạng sống của con người.

KVẮC: Nhớ ơn *bảo mạng* Huyền Thiên.

KVẮC: Kinh Vào Ăn Cơm.

Bảo Pháp

保法

A: Juridical Conservator.

P: Conservateur Juridique.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Pháp:** Pháp luật.

Bảo Pháp là một phẩm Chức sắc của Thập nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài, thuộc chi Pháp, dưới quyền trực tiếp của Hộ Pháp.

Bảo Pháp là Đầu Phòng Văn của Hộ Pháp.

Khi tiếp nhận giấy tờ do Hiến Pháp dâng lên, thì Bảo Pháp phải gìn giữ cho bí mật, kín nhiệm, làm tờ xét đoán và định án chiếu y theo Luật Đạo, rồi dâng lên cho Hộ Pháp đăng Ngươi phân xử.

Theo Hiến pháp của HTĐ, trách nhiệm của Bảo Pháp là bảo tồn luật pháp của Đạo, bảo hộ không cho ai phạm đến những điều luật nào đã thành mặt luật.

Đại phục và Tiểu phục của Bảo Pháp giống hệt Đại phục và Tiểu phục của Bảo Đạo, chỉ khác chỗ bỏ mỗi dây Sắc lệnh: - Bảo Pháp bỏ mỗi dây Sắc lệnh ngay giữa bụng để chỉ rằng thuộc Chi Pháp; - Bảo Đạo bỏ mỗi dây Sắc lệnh ở hông mặt để chỉ rằng thuộc Chi Đạo HTĐ. (Xem: Bảo Đạo).

Ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn lập PCT HTĐ, Đức Chí Tôn phong Ngài Nguyễn Trung Hậu vào chức Bảo Pháp.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

PCT HTĐ: Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu (1892-1961)

Ngài Nguyễn Trung Hậu, tên thật là Nguyễn Văn Hậu, bút hiệu Thuần Đức, sinh ngày 5-3-Nhâm Thìn (dl 1-4-1892) tại làng Bình Hòa, tỉnh Gia Định.

Thân phụ là Cụ Nguyễn Phục Lễ, tức là Cụ Nguyễn Văn Nhiêu, bút hiệu Tiết Văn, Đông Y Sĩ, làm bốn khóa Hội Đồng Địa Hạt làng An Thịch (Gia Định) và Thân mẫu là Cụ Bà Lê Thị Cơ, người gốc Bình Định.

Hiền nội của Ngài Nguyễn Trung Hậu là Bà Diệp Thị Ngụy, sinh ngày 24-11-Canh Tý (dl 14-1-1901), từ trần ngày 10-12-Nhâm Thìn (dl 24-1-1953).

Ông Bà sanh đặng 8 người con, gồm 5 trai 3 gái, đều là người học thức, noi theo chí hướng của phụ thân, chung lo phục vụ cho Đạo, và đều đắc phong phẩm Hiền Tài Ban Thế Đạo, Tòa Thánh Tây Ninh.

Thuở thiếu thời, Ngài Nguyễn Trung Hậu theo Tây học, nhưng Ngài cũng tự học Hán văn. Năm 1911, Ngài tốt nghiệp Trường Sư Phạm Gia Định (École Normale de Gia Định) và được bổ làm giáo viên tại một trường Tiểu học ở đường Tabert thời đó, sau trường này bị bãi bỏ, mới về dạy tại trường Tiểu học ở đường Richaud.

Năm 1919, Ngài làm Thơ Ký cho Ông Giám Đốc các trường Tiểu Học Sài gòn.

Năm 1922, Ngài xin nghỉ làm Thơ Ký, để làm Giám Đốc Tư Thục Internat de Dakao ở đường D'Ariès, nay là đường Huỳnh Khương Ninh.

Đến năm 1926, Ngài Nguyễn Trung Hậu giao trường lại cho Ông Huỳnh Khương Ninh, rồi gia nhập Đạo Cao Đài.

Những năm sau đó, Ngài làm giáo sư dạy Pháp văn cho các trường Hưng Việt, Nguyễn Anh Bồn, Nguyễn Du.

Ngài có viết cho các báo thời đó là: Đuốc Nhà Nam, Hoàn Cầu, Tân Văn, và sau đó làm chủ bút tạp chí LA REVUE CAODAISTE, để truyền bá giáo lý của Đạo Cao Đài cho người Pháp, và người ngoại quốc khác.

Ngài Nguyễn Trung Hậu có khiếu làm thi. Ngay từ thuở thanh niên, Ngài thường xướng họa với các thi sĩ trong Ngưu Giang Thi Xã vào các năm 1918-1920, bút hiệu Thuần Đức đã có tiếng tăm từ những năm đó.

Tháng Giêng năm 1926, Ngài Nguyễn Trung Hậu nghe đồn quý Ngài: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, xây bàn thỉnh Tiên cho thi hay lắm, Ngài rất để ý. Bữa nọ, Ngài đến nhà ông Cư hầu đàn xem thử lời đồn thiệt hay giả.

Cho thi mấy người hầu đàn trước rồi, tới phiên Ngài Nguyễn Trung Hậu, Đấng AẢẢ gõ bàn cho Ngài bốn câu thi:

*THUẦN văn chất ĐỨC tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,
Đến hồi búa Việt giục cờ Mao.*

Ở trong đàn này, không ai biết cái bút hiệu Thuần Đức của Ngài, thế mà Đấng AẢẢ biết, nên khi cho xong bài thi, Ngài Nguyễn Trung Hậu mới chịu phục, và sau đó nhập môn vào Đạo Cao Đài và trở thành một trong 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn.

Đêm 30 tháng Chạp năm Ất Sửu, là đêm giao thừa bước qua năm Bính Dần, Đức Chí Tôn biểu các môn đệ lập thành phái đoàn đi viếng thăm từng nhà môn đệ, đem ngọc cơ theo để cầu Thầy. Khi đến nhà Ngài Nguyễn Trung Hậu, Đức Chí Tôn giáng cho bốn câu thi:

*THUẦN phong mỹ tục giáo nhưn sanh,
ĐỨC hóa thường lao mặc vị danh.
HẬU thế lưu truyền gia pháp quý,
Giáo dân bất lậu, tán thời manh.*

Thời gian sau, Đức Chí Tôn cũng có cho Ngài Nguyễn Trung Hậu bài thi bốn câu nữa:

*Đã có căn phần dựa cảnh Tiên,
Bước đời chớ quản bạc sang hèn.
Mưa mai nắng xế chờ qua khỏi,
Đêm tối lần ra gặp ánh đèn.*

Ngày 15-3-Bính Dần (dl 26-4-1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Nguyễn Trung Hậu cùng với Ngài Trương Hữu Đức làm *Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ*.

Hai Ngài trở thành cặp phò loan cầm cơ cho các Đấng thiêng liêng phổ độ Nhơn sanh các tỉnh: Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ, Đức Chí Tôn phong Ngài Nguyễn Trung Hậu vào phẩm Bảo Pháp HTĐ.

Lúc bấy giờ, Ngài cũng như chư vị Thời Quân HTĐ khác đều là công chức hay tư chức, nên sau khi mãn giờ làm việc ở cơ quan thì mới đi phò loan cho Nhơn sanh nhập môn cầu đạo, có khi chấp cơ suốt đêm, sáng lại đi làm việc luôn. Nhờ các Đấng hộ trì, nên tuy vất vả nhưng các Ngài không biết mệt nhọc và ốm đau.

Ngày mùng 7-3-Quý Dậu (dl 1-4-1933), Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung cùng với Đức Phạm Hộ Pháp ra Châu Tri số 1, cử ba vị Thời Quân HTĐ tạm qua cầm quyền Chưởng Pháp bên CTĐ: Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đảm nhiệm Quyền Thái Chưởng Pháp.

Khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung qui Thiên năm 1934, Ngài Bảo Pháp trở về HTĐ. Sau đó, Ngài bị bệnh hoạn liên miên, nên xin phép lui về tư gia dưỡng bệnh ở đường Ngô tòng Châu Gia Định.

Ngày mùng 5-Giêng-Bính Thân (dl 16-2-1956), Đức Phạm Hộ Pháp bị Chánh quyền Ngô Đình Diệm bó buộc nên phải đi lánh nạn, lưu vong sang Cao Miên.

Lúc bấy giờ nền Đạo tại TTTN thiếu người gánh vác. Hội Thánh yêu cầu Đức Thượng Sanh lên Tòa Thánh nắm quyền điều hành nền Đạo. Đức Thượng Sanh họp cùng chư vị Thời Quân HTĐ, trong đó có Ngài Bảo Pháp, đồng ý trở về Tòa Thánh, trấn an bốn đạo, và đứng ra gánh vác nền Đạo.

Ngày 15-4-Đinh Dậu (dl 14-5-1957), Ngài Bảo Pháp được Hội Thánh cử làm Giám Đốc Hạnh Đường, huấn luyện Chức sắc hai phẩm Lễ Sanh và Giáo Hữu, cho có đủ trình độ về đạo đức và giáo lý để bổ đi hành đạo các địa phương.

Ngài Bảo Pháp có cảm tác bài thi để kỷ niệm:

CẢM TÁC

Hội Thánh giao cai quản Hạnh đường,
 Ân cần lo lập kỷ trần cương.
 Giúp người tâm chí hành Thiên mạng,
 Tuyển bực nhân hiền trấn tứ phương.
 Học hỏi khếp vào khuôn Đạo lý,
 Lọc lừa mở rộng cửa khoa trường.
 Góp phần xây dựng trong muôn một,
 Khó vẫn không nao, nhọc chả màng.

Cũng trong thời gian này, Ngài tái lập Đạo Đức Văn Đàn, mà trước đây Ngài Cao Tiếp Đạo đã lập ra vào năm 1950, để khuyến khích thi văn Đại Đạo, được nhiều người hưởng ứng và có tiếng vang tốt mãi đến ngày nay.

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết và xuất bản nhiều sách Đạo, giải thích và truyền bá Giáo lý của Đạo Cao Đài, kể ra sau đây:

1. Luận Đạo Vấn Đáp (1927)
2. Tiên Thiên Tiểu Học (1927)
3. Bài Thuyết Đạo.
4. Châu Thân Giải.
5. Ăn Chay.
6. Đức Tin.
7. Chơn Lý (1928)
8. Đại Đạo Căn Nguyên (1930)
9. Thiên Đạo (1955), viết chung với Phan Trường Mạnh.
10. Luân Hồi Quả Báo (1956) viết chung với Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi.

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đã viết và xuất bản nhiều đầu sách nhứt về Giáo lý Đạo Cao Đài trong số các Chức sắc Đại Thiên Phong của Đạo Cao Đài.

Về việc viết sách phổ truyền Giáo lý Đạo Cao Đài, Ngài Bảo Pháp lo ngại có điều sai sót không tránh khỏi, nên Ngài cầu hỏi Đức Chí Tôn, thì Đức Chí Tôn giáng cơ trả lời như sau: (Phò loan: Bảo Pháp - Hiến Pháp) [tháng 5-1927]

"Hậu! Sách con làm ra đều có giá trị, là nhờ Thầy giảng tâm con.

Con sợ sai lầm cũng phải, nhưng về sự sai siển, dầu bậc Thánh xưa làm sách cũng còn nhiều chỗ khuyết điểm.

Vậy con cứ an lòng mà làm ích thêm nữa. Thầy hằng ở bên con mà dìu dắt cho trí hóa rộng thêm, nghe con!"

Năm 1928, Ngài Bảo Pháp cũng có hỏi Đức Chí Tôn về việc viết sách Đạo, Đức Chí Tôn đáp:

"- Hay đó con! Con cứ lần lần đến đâu thì có giá trị đến đó, tùy theo trình độ học cứu mà tấn hóa, nghe!"

Sau khi Ngài Bảo Pháp đăng Tiên, người con trưởng nam của Ngài là Hiền Tài Nguyễn Trung Ngôn, đại diện gia đình của Ngài Bảo Pháp, viết văn thư đề ngày 26-7-1973 (âl 27-6-Quý Sửu), hiến dâng cho Hội Thánh bản quyền tất cả sách của Ngài Bảo Pháp viết ra kể trên để Hội Thánh tùy nghi ấn hành phổ biến, và được Hội Thánh chấp nhận ngày 7-8-1973.

Ngoài việc làm thi và viết sách Đạo, Ngài Bảo Pháp còn có thiên tài đặc biệt viết các câu liễn đối. Tuy Ngài tự học chữ Nho, nhưng nhờ sự thông minh lỗi lạc của bậc nguyên căn, khiến các cụ đồ Nho và người Tàu phải chịu khâm phục.

Ngài Hiền Pháp Trương Hữu Đức có thuật lại: "Tôi còn nhớ lúc nọ, Đức Lý Đại Tiên giảng cơ khen tặng và nói rằng: **Ai muốn xin liễn thì xin nơi Hậu.**"

Ngài Bảo Pháp đã viết đôi liễn cho Thuyền Bát Nhã:

*Vạn sự viết vô, nhục thể ký qui tam xích thổ,
Thiên niên tự hữu, linh hồn trực đáo Cửu Trùng Thiên.*

Nghĩa là:

Muôn việc đều không, xác thịt gởi trả lại ba tấc đất,
Ngàn năm tự có, linh hồn đi thẳng lên chín tầng Trời.

Hai câu liễn này rất hay, đối rất chỉnh, nhưng khi dâng lên Đức Lý Giáo Tông thì Đức Lý chỉnh lại khúc sau, lại càng tuyệt diệu hơn nữa:

*Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh hoàn tại thổ,
Thiên niên tự hữu, linh hồn Thiên tứ phản hồi Thiên.*

Nghĩa là:

Muôn việc đều không, xác thịt đất sanh hoàn lại đất,
Ngàn năm tự có, linh hồn Trời ban trở về Trời.

Trong gia đình, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu là người con hiếu thảo. Nhờ công quả của Ngài lập được trong ĐĐTKPĐ mà thân mẫu của Ngài được siêu thăng và tăng cao phẩm vị nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống, đúng với hai câu kinh trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ qui liêu:

*Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.*

Thân mẫu của Ngài Bảo Pháp được Đức Chí Tôn cho phép giáng cơ bày tỏ với Ngài như sau:

Ngày 19-2-1929, Phò loan: Bảo Pháp - Khai Pháp.

"Mẹ mừng con, Mẹ cảm ơn con đó.

Con đâu rõ đặng ngày nay Mẹ nhờ công con mà đặng thăng cấp. Nay Mẹ đặng vào **Đông Đại Bộ Châu**. Ấy cũng nhờ ơn của Đức Chí Tôn rất thương mà cho Mẹ vào phẩm ấy.

Mẹ chẳng biết lấy chi mà thông công cho hai con và các cháu, nên mới dụng huyền diệu mà Mẹ đã cầu xin Chí Tôn ban cho Mẹ đặng cho con cùng cháu hay rằng, Đức Chí Tôn đã giữ lời hứa cùng con. Nay Mẹ đến khuyên hai con khá lo sao cho tròn phận sự, ngày thêm vun đắp nền Đạo đặng báo đáp Ơn Trên đã hết lòng vì cả nhà ta. Nếu con có lòng ấy thì Mẹ rất vui lòng đó, con hiểu . . .

Mẹ rất vui thấy lòng con, nên Mẹ mới xin phép Chí Tôn đến đây tỏ ít lời cho con hiểu. Vậy con khá an lòng mà lo Đạo, chớ nên vì việc nhỏ mà nao chí nghe!

Tôi chào nhị vị Thánh (nói với ông Khai Pháp Trần Duy Nghĩa và Bác vật Lưu Văn Lang). Tôi chẳng biết lấy chi cảm cảnh cho bằng dùng vài lời nhắc đây: Xin nhị vị khá hết lòng lo hiệp tác mà nâng cao địa vị mình càng ngày cho tột phẩm.

Tôi đây chẳng chi xứng phận mà cũng nhờ ơn Chí Tôn thương tưởng thay. Ấy cũng nhờ sức con mới đặng vậy, không thì biết sao mà kể xiết. Ấy đó, công của nhị vị càng dày thì Chí Tôn càng yêu dấu. Xin khá để hết tâm chí mà hành phận sự. Ấy là lời tôi xin nhị vị khá để ý.

(Hỏi về việc ông thân của tôi)

Mẹ không dám nói. Thôi, Mẹ lui."

Vào cuối năm 1958, do tuổi già sức yếu, lại bị bệnh áp huyết cao, Ngài Bảo Pháp phải xin phép trở về dưỡng bệnh tại tư gia ở đường Ngô Tùng Châu, Gia Định.

Nhưng Thiên số định kỳ, Ngài đặng Tiên tại tư gia lúc 16 giờ 50 phút ngày 7-9-Tân Sửu (dl 16-10-1961), hưởng thọ 70 tuổi. Hội Thánh có đến cử hành tang lễ trong năm ngày và tạm an táng nơi nghĩa trang gia đình của Ông Bảy Bích tại Cây Quéo, Gia Định.

Bài Thài tế lễ Ngài:

Nhà Phật hôm nay giữ Đạo màu,
Phiền ba ngành lại có vui đâu.
Tế đường phi thị, noi đường tịnh,
Tìm cửa từ bi, lánh cửa hầu.
Xác thịt trải qua miền gió bụi,
Nắm xương nhờ gởi bóng tang du.
Lửa lòng vụt tắt từ đây vẫn,
Giọt nước hành dương gội tắm sâu.

13 năm sau, vào giữa năm Giáp Dần (1974), (theo lời thuật lại của Hiền Tài Nguyễn Trung Nhơn, thứ nam của Ngài Bảo Pháp), thì Ngài Bảo Pháp ứng mộng cho các con của Ngài, báo lên xin Hội Thánh cải táng cho Ngài về Thánh địa Tây Ninh nội trong năm nay (1974).

Do đó, các con của Ngài dâng tờ lên Ngài Hiến Pháp, lúc đó đang cầm quyền Chương quản HTĐ, và được Ngài Hiến Pháp chấp thuận.

Ngày 4-9-Giáp Dần (dl 17-10-1974), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức đích thân ra lệnh tổ chức lễ cải táng.

Ban Nhà Thuyền Trung Ương do Giáo Sư Thái Hồ Thanh hướng dẫn các Đạo tỳ đến phần mộ, đưa quan tài lên khỏi huyết và mở ra.

Điều đặc biệt làm mọi người ngạc nhiên là thi hài của Ngài Bảo Pháp vẫn còn nguyên vẹn như lúc mới thoát xác, sau 13 năm mà không bị tan rữa như các thi hài khác, lại không khô cứng, nên chỉ cần dùng rượu trắng thoa bóp thì có thể sửa đổi

tay chân, đặt thi hài từ tư thế nằm trở thành tư thế ngồi kiết già, tay bắt Ấn Tý, để liệm vào liên đài một cách dễ dàng.

Liên đài được quàn tại tư gia một đêm để tế điện, hôm sau, Hội Thánh rước liên đài kỵ long mã đi về TTTN, tới nơi vào chiều mùng 6-9-Giáp Dần, và được đặt tại Báo Ân Từ.

Hội Thánh thiết lễ tế điện và cầu siêu.

Ngày mùng 7-9-Giáp Dần, liên đài kỵ long mã đến Đền Thánh, thỉnh bửu ảnh vào kính lễ Đức Chí Tôn, và sau đó, liên đài kỵ long mã đi ra đất Ao Hồ nhập bửu tháp.

Về nguyên căn của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Ngài có ghi lại như sau:

"Ngày mùng 3-7-Đinh Mão (dl 31-7-1927), nguyên Đức Chí Tôn có cho biết tiền thân của Hậu là Xích Tinh Tử và của Đức là Từ Hàng Đạo Nhơn. May được Quí Cốc Đại Tiên giáng đàn, chúng tôi xin Ngài cho mỗi đứa một bài thi..

Bài thi cho Hậu (Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu):

Đỏ đỏ một vùng áy Hỏa tinh,
Nhà Châu tên tuổi đã rành rành.
Tam Kỳ tái thế an thiên hạ,
Hậu nhật thành công hậu hững tình,

Bài thi cho Đức (Hiển Pháp Trương Hữu Đức):

Thập nhị Tiên gia nhứt tánh Từ,
Hàng phong vương mẫn thọ hàn thư.
Trung niên thế cuộc tao vân mộng,
Quản thị Càn Khôn thủ Phật thư.

(Theo Truyện Phong Thần, Đức Nguơn Thi Thiên Tôn, Giáo Chủ Xiển Giáo, có 12 người học trò giỏi, trong đó có: Xích Tinh Tử và Từ Hàng Đạo Nhơn. 12 vị học trò này được lệnh của Đức Nguơn Thi xuống trần giúp Khương Thượng Tử Nha đánh các Tiên Triệt giáo, học trò của Thông Thiên Giáo Chủ, đang ủng hộ Vua Trụ. Phía các Tiên Xiển Giáo đánh phép thắng các Tiên Triệt Giáo, giúp Khương Thượng tiêu diệt Vua Trụ, mở ra nhà Châu, với vua Châu Võ Vương. Xong các Tiên đều trở về núi tiếp tục tu luyện.

Nay đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, các Tiên tình nguyện giáng trần làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo.)

THI VĂN của NGÀI BẢO PHÁP:

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu là một thi sĩ nổi danh trên thi đàn với bút hiệu là Thuần Đức. Ngài làm rất nhiều thơ đường luật, xin trích ra sau đây vài bài tượng trưng:

BÀI THƠ CHỮ BÀN

Vùng vầy khó toan với chữ bàn,
 Khuấy chơi chi cứ quẩn bên chân.
 Chĩn buồn bằng lãng tình bè bạn,
 Đâu quản đeo đai mối nợ nần.
 Rượu sớm mượn mùi khuấy thể sự,
 Thi chiêu lựa vận ngóng tao nhân.
 Tuồng đời ám lạnh qua rồi chán,
 Ướm mượn nhanh dương quét bụi trần.

(HẬU)

DƯỚI CHƠN THẦY

Vì thương sanh chúng độ kỳ ba,
 Ba nhánh Thầy đem lại một nhà.
 Nhà có chơn sư bền mối đạo,
 Đạo không căn bản lạc đường tà.
 Tà quyền khéo giở trò mình chánh,
 Chánh pháp đem mưu cuộc hiệp hòa.
 Hòa cả tinh thần hòa tín ngưỡng,
 Ngưỡng mong Thầy mở Hội Long Hoa.

(1927)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Bảo Quân

保君

A: The Protector.

P: Le Protecteur.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Quân:** người ở địa vị cao, đáng kính trọng.

Bảo Quân là một phẩm Chức sắc cao cấp trong Hàn Lâm Viện của Đạo Cao Đài, có nhiệm vụ bảo tồn và phát huy nền văn hóa Cao Đài.

Đức Chí Tôn lập Hàn Lâm Viện Cao Đài gồm có 12 vị Bảo Quân, gọi là Thập nhị Bảo Quân, mỗi vị có một ngành chuyên môn riêng biệt. (Xem: **Thập nhị Bảo Quân, văn Th**)

Bảo Sanh

保生

A: To protect the life.

P: Protéger la vie.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Sanh:** sự sống.

Bảo sanh là gìn giữ sự sống, bảo vệ mạng sống.

TNHT: Sự thương yêu là giếng *bảo sanh* của CKTG.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Bảo Sanh Quân

保生君

A: Protector of Public Relief.

P: Protecteur de l'Assistance Publique.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Sanh:** Sống. **Bảo sanh** là bảo vệ sự sống.

Bảo Sanh Quân là một Chức sắc trong Thập nhị Bảo Quân, có phận sự cứu tế người nghèo và giúp đỡ người hoạn nạn.

Trong PCT, Đức Chí Tôn có nói rằng: "Bảo Sanh Quân (Assistance Publique), Thầy đang phong đỡ làm Tiếp Y Quân đặng đợi ngày thành Đạo."

Đạo phục của Bảo Sanh Quân:

CG PCT: Bộ Đại phục của Bảo Sanh Quân toàn bằng hàng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo giống như các Chức sắc HTĐ. Ngay giữa mũ từ bìa lên 4 phân, thêu một Thiên Nhân, hai bên mũ thêu hai Thiên Nhân nữa, cả thảy là ba.

Vòng theo vành mũ, cột một sợi dây Tiên thằng (bề ngang 8 phân, bề dài 2 thước), buộc thế nào chừa Thiên Nhân ngay giữa mũ ra, cho 2 mối thòng xuống hai bên vai. Lưng đai Song Quang Thần Thông, nghĩa là một đường lụa trắng kết hai bên hai vòng vô vi. Chơn đi giày Vô Ưu cũng bằng hàng trắng.

Bảo Sanh Quân có nhiệm vụ bảo tồn sự sống cho Nhơn loại và tìm phương hay giúp đời bớt khổ.

Bảo Sanh Quân đối phẩm với Phối Sư bên CTĐ.

Năm 1930, Đức Chí Tôn phong Bác sĩ Lê Văn Hoạch vào phẩm Bảo Sanh Quân.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Bảo Sanh Quân Lê Văn Hoạch (1896-1978)

Ông Lê Văn Hoạch, sanh năm 1896 tại Phong Điền (Cần Thơ), tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ tại Pháp năm 1923.

Bác sĩ Lê Văn Hoạch nhập môn theo Đạo Cao Đài và được Đức Chí Tôn phong làm Bảo Sanh Quân vào năm 1930.

Năm 1946, Bác sĩ Hoạch được cử làm Thủ Tướng Chánh phủ Nam Kỳ. Khi nhậm chức Thủ Tướng, Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giáng cơ cho Ngài Bảo Sanh Quân bài thi:

Lấy Thánh đức diu đời giác ngộ,
Dụng bạo tàn đâu phải chỗ an bang.
Đức lập quyền dân đặng chu toàn,
Quyền xua đức Nhơn gian thống khổ.

Trong thời kỳ làm Thủ Tướng, Ngài Bảo Sanh Quân Lê Văn Hoạch trợ giúp Hội Thánh nhiều việc quan trọng, như việc Hội Thánh Cao Đài TTTN nhận của Phật Giáo Tích Lan: Ngọc Xá Lợi và cây Bồ Đề là do công vận động của Ngài.

Đàn cơ tại Tổng Hành Dinh đêm 22-12-Kỷ Sửu (dl 8-2-1950), Đức Cao Thượng Phẩm giảng nói với Bảo Sanh Quân:

"Bảo Sanh Quân là một phần trọng yếu với danh từ của Chí Tôn đặt để. Vậy Hiền hữu khá trọn tâm làm thế nào cho được sự hạnh phúc cho dân, thì các Đấng sẽ sẵn sàng ám trợ mỗi việc đều được thành công. Vai tuồng của Hiền hữu còn dài, nhơn sanh còn đương mong mỗi thì phải để cho một chí hướng cao siêu tầm phương hay làm đời thoát khổ và bảo tồn sự sống của nhơn loại. Ấy là sở định trách nhiệm của Hiền hữu đó."

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung nói với Ngài Bảo Sanh Quân Lê văn Hoạch:

"Nay có sự hiện diện của Bảo Sanh Quân, Qua rất vui mừng và khuyên Hiền đệ nên để trọn tâm chí với Đạo, vì Hiền đệ đã chán hiểu tuồng đời ra thế nào rồi mà còn đeo đuổi làm gì cho nhọc thể xác lẫn tâm hồn. Hiền đệ nên nhớ rằng khi xưa Qua có tài cán gì đâu, bất quá là một học trò khó, chỉ có mảnh văn bằng trung học mà cũng nhờ thời thế tạo anh hùng mà Qua đi đến nơi đến chốn, dám nói rằng đi tới Trời; huống gì Hiền đệ có đủ khả năng mà nỡ nào bỏ trôi cho đành. Lại nữa, Hiền đệ đang mang sứ mạng Bảo Sanh đâu phải tầm thường. Một điều cần lưu ý là lấy đạo đức thắng hung bạo, dùng nghĩa nhân qui phục lòng dân, ấy là phương lập quốc trường cửu đó."

Khi Hội Thánh lập Viện Đại Học Cao Đài, có mời Ngài BSQ Lê Văn Hoạch làm Viện Trưởng. Về sau, Ngài tuổi già sức yếu nên xin từ chức Viện Trưởng, rồi trở về quê nhà ở Cần Thơ an dưỡng tuổi già, rồi qui vị tại tư gia, hưởng thọ 83 tuổi.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Bảo Thế

保世

A: Temporal Conservator.

P: Conservateur Temporel.

Bảo Thế là một Chức sắc trong Thập nhị Thời Quân HTĐ, thuộc Chi Thế, dưới quyền trực tiếp của Thượng Sanh.

Bảo Thế là Đầu Phòng Văn của Thượng Sanh.

Khi tiếp nhận giấy tờ từ Hiến Thế dâng lên, Bảo Thế phải giữ gìn cho bí mật, kín nhiệm, rồi chiếu y Đạo luật và Thế luật mà làm tờ buộc án, kể dâng lên cho Thượng Sanh đăng Người đến Tòa Tam Giáo CTĐ, HTĐ hay BQĐ mà buộc tội.

Theo Hiến pháp HTĐ, trách nhiệm của Bảo Thế là bảo tồn Luật Thế, bảo hộ những điều cần ích cho Đạo đã ra mặt luật.

Đại phục và Tiểu phục của Bảo Thế giống hệt Đại phục và Tiểu phục của Bảo Đạo, chỉ khác chỗ bỏ mỗi dây Sắc lệnh: - Bảo Thế bỏ mỗi dây Sắc lệnh ở bên hông trái để chỉ rằng thuộc Chi Thế; - Bảo Đạo bỏ mỗi dây Sắc lệnh bên hông mặt để chỉ rằng thuộc Chi Đạo Hiệp Thiên Đài. (Xem Bảo Đạo).

Ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn lập PCT HTĐ, Đức Chí Tôn phong Ngài Lê Thiện Phước vào chức Bảo Thế.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

BQĐ: Bát Quái Đài.

PCT HTĐ: Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

Bảo Thế Lê Thiện Phước (1895-1975)

Vào năm Mậu Thân (1968), Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước có tự viết Tiểu sử của Ngài, xin chép nguyên văn ra sau đây:

I. Thế sự:

Sanh ngày 4-6-1895 (Ất Mùi) tại Sài Gòn.

■ Xuất thân nơi gia đình mô phạm. Thân phụ tôi là Lê Văn Dương, cổ Giám Đốc trường Tiểu Học Dakao, hiện giờ là trường Tiểu Học Đinh Tiên Hoàng Sài Gòn. Thân mẫu tôi là Trần Thị Chơn, trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh. (Xem chi tiết: **Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh, văn T**).

■ Có cấp bằng Thành Chung trường bổn quốc Chasseloup Laubat Sài Gòn năm 1912.

- Có cấp bằng trường Luật Đông Dương năm 1915.
- Thi đậu vào ngạch Thơ Ký Thượng Thơ (Dinh Hiệp Lý Sài Gòn) đời Pháp thuộc.
- Rời quyền môn năm 1927 ra giúp xã hội, đắc cử Hộ Trưởng Quận Tân Định và Hòa Hưng (Đô Thành Sài Gòn).
- Huyện danh dự năm 1944.
- Chủ hai nhà máy xay gạo: một ở Dakao Sài Gòn sản xuất 25 tấn gạo trắng một ngày và một ở Chợ Lớn, 50 tấn gạo trắng một ngày.

II. Đạo sự:

Một khi kia, tôi nghe thiên hạ đồn có cơ bút tại tư thất Ông Nguyễn Ngọc Thơ ở Tân Định, tức Thái Đầu Sư thuộc Tòa Thánh Tây Ninh lúc sau này, tôi liền đến xem cho biết.

Mỗi người hầu đàn được phép biên tên họ mình để trên bàn thờ rồi chờ Ông Trên giáng cơ định phận. Tôi được Đức Chí Tôn cho bài thi như vậy:

*Cang nhu tình thế lắm đua tranh,
Danh lợi là bia kẻ giựt giành.
Mượn thú điền viên vui tuế nguyệt,
Phồn hoa âu cũng bỏ cho đành.*

Đức Chí Tôn dạy tôi tập ăn chay 10 ngày và thượng Thánh tượng thờ Thầy.

Tuân lệnh trên, tôi mời Đức Quyền Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Hộ Pháp với vài quan khách đến nhà tôi và chứng thị cho tôi nhập môn cầu Đạo.

Lập đàn xong, Đức Chí Tôn giảng dạy:

*"Vạn thế vô tri tiếp sắc Thiên,
Khả quang chi hậu kiến nhi tiền.
Hậu lai hữu phúc Tam Kỳ hội,
Chỉ tín tâm thành đắc vị Tiên.*

Thâu làm môn đệ chót như Cư, Tắc, Sang."

Chánh thức trọn phước đời về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo năm Bính Tuất (1946). Về Tòa Thánh nhằm lúc Đức Phạm Hộ Pháp rời hải đảo Madagascar qui hồi cố hương.

A. Trách vụ Thừa Quyền Hộ Pháp:

Đức Hộ Pháp tái thủ quyền hành, liền giao cho tôi trách vụ Thừa quyền Hộ Pháp, chiếu Nghị Định của Đức Ngài số 1 ngày mùng 8 tháng 8 năm Bính Tuất (1946).

Trong thời gian hành đạo đầu tiên này, tôi làm những việc sau đây:

1) Nâng cao chức vụ Quản Lý và Phó Quản Lý Cửu Viện Nội Chánh lên hàng phẩm Thượng Thống và Phụ Thống, cho thích ứng với trách nhiệm nặng nề và thể thống hơn vị của chư Chức sắc Đại Thiên phong đảm đương công việc trọng hệ trong mỗi Viện.

2) Tạo lập Chợ Quan Âm Các, thay thế Chợ Ngã Năm đang choán một góc ngã tư đường, nơi một vị trí dơ bẩn lầy lội thiếu vệ sinh luôn cả bốn mùa trong năm (cửa số 4 đi ra).

3) Mở rộng Châu vi Ngoại ô Tòa Thánh bằng cách sáp nhập bốn Hương đạo làm một Phận Đạo. Châu Thành Thánh địa gồm 7 Phận Đạo đặt dưới quyền quản suất của một vị Khâm Thành và nhiều vị Đầu Phận Đạo. Lần lượt tới hôm nay, Châu Thành Thánh Địa mở rộng từ chơn núi Bà đi vòng ngã Cầu Khởi xuống Bến Kéo, trở về Mít Một.

B. Chức vị Tổng Thư Ký Chánh Trị Đạo:

Mãn trách nhiệm Thừa quyền Hộ Pháp ngày 1-12- Kỷ Sửu (dl 21-1-1950). Nhận chức vụ Tổng Thư Ký Chánh Trị Đạo năm Canh Dần (1951), khai thác 4 khu rừng 176, 316, 56 và 55 (Rạch Rễ Dưới) diện tích chung là 2.354 mẫu tây).

C. Thống lãnh Văn Phòng Hộ Pháp:

Lãnh nhiệm vụ Thống lãnh Văn Phòng Hộ Pháp do Thánh Lệnh ngày 7-5 nhuận năm Nhâm Thìn (dl 28-6-1952), điều chỉnh Cơ quan Hành Chánh Đạo và Phước Thiện được hoàn mỹ hơn. Giữ gìn cho còn mãi sự tương liên mật thiết giữa Chức sắc CTĐ và Chức sắc Phước Thiện.

D. Phận sự Tam Đầu Chế:

Đứng trong Tam Đầu Chế HTĐ, đại diện chi Thế, do Thánh Lệnh ngày mùng 1-9-Ất Mùi (dl 16-10-1955), hiệp với Hội

Thánh CTĐ gìn giữ mối Đạo trong lúc Đức Phạm Hộ Pháp nhập tịnh Trí Huệ Cung.

E. Đại diện Hội Thánh lập Thỏa Ước Bính Thân (1956):

■ Tổng Thống Ngô Đình Diệm (người Công giáo) làm khó Đức Phạm Hộ Pháp, nên Đức Ngài đi Nam Vang ngừa tai họa. Ngô Đình Diệm phái Đặc sứ Nguyễn Ngọc Thơ đến Tòa Thánh gặp tôi để dàn xếp cho đừng xảy ra mối bất hòa nguy hiểm giữa quyền Đạo và quyền Đời.

Trong dịp này mới ra đời Thỏa Ước Bính Thân (1956) mà ai ai đều nhìn nhận là một linh phù khi thấy Đạo được quyền Đời kính nể. Vì kính nể mà Đặc sứ Nguyễn Ngọc Thơ gán biệt hiệu cho tôi buổi nọ là Thầy Rùa.

■ Thỏa Ước này được ký kết giữa Đặc sứ Nguyễn Ngọc Thơ, đại diện Chánh phủ VNCH (thời Ngô Đình Diệm) với Chức sắc đại diện Hội Thánh HTĐ, CTĐ và Phước Thiện ngày 28-2-1956. (Xem Nội dung Thỏa Ước Bính Thân bên dưới)

■ Thay mặt Đức Thượng Sanh trong lúc Đức Thượng Sanh chưa về Tòa Thánh hành đạo (Thánh Lệnh Đức Hộ Pháp số 65/HP ngày 6-5-Bính Thân, dl 14-6-1956).

■ Ngày 11-Giêng-Kỷ Hợi (dl 18-2-1959), lãnh phận sự Quyền Đầu Sư, Đạo Lệnh số 15/ĐL ngày 11-1-Kỷ Hợi. Sau khi nghỉ một thời gian ngắn, tái thủ nhiệm vụ Quyền Đầu Sư, Đạo Lệnh số 08/ĐL ngày 8-12-Canh Tý (dl 24-1-1961).

■ Sáng lập Bá Huê Viên, diện tích một mẫu rưỡi tây, bên kia Đại lộ Phạm Hộ Pháp, trước Báo Ân Từ.

■ Ngày mừng 8-Giêng-Giáp Thìn (dl 20-2-1964) lãnh phận sự Quyền Chương quản HTĐ, Vi Bằng Hội Thánh HTĐ số 01/VB ngày 8-1-Giáp Thìn.

■ Ngày 14-11-Ất Tỵ (dl 6-12-1965), lãnh phận sự Thừa quyền Thượng Sanh, Thánh Lệnh số 27/TL ngày 14-11-Ất Tỵ (dl 6-12-1965).

■ Ngày 21-2-Ất Tỵ (dl 23-3-1965) Trưởng Ban Thế Đạo và Thống quản Đại Đạo Thanh Niên Hội.

■ Ngày 27-2-Ất Tỵ (dl 29-3-1965) Thống quản Nữ phái CTĐ do Hiến Pháp bổ túc ngày 27-2-Ất Tỵ (dl 29-3-1965),

chiếu Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông Nhứt Trần Oai Nghiêm đêm mừng 9-Giêng-Quý Mão (dl 2-2-1963).

- Ngày 25-Giêng-Giáp Ngọ (dl 14-2-1966) Thống quản CQPT do Thánh Lệnh số 34/TL ngày 25-1-Bính Ngọ.

- Ngày 24-3-Bính Ngọ (dl 1-4-1966) Chủ Tọa Tòa HTĐ.

- Ngày mừng 3-12-Bính Ngọ (1966) lâm trọng bệnh.

- Ngày 19-8-Đinh Mùi (dl 29-9-1967) phục hồi sức khỏe và tiếp tục phận sự như cũ.

- Thánh Lệnh số 04/TL ngày 3-12-Đinh Mùi (dl 2-1-1968) sửa đổi danh từ Trưởng Ban Thế Đạo lại là Chưởng quản Ban Thế Đạo.

- Thánh Lệnh số 10/TL ngày 2-2-Mậu Thân (dl 19-3-1968) tái thủ trách vụ Chủ Tọa Tòa HTĐ.

- Hiện thời đang lo thống nhứt các Chi Phái.

Lập tại TTTN, ngày 8-6-Mậu Thân (dl 3-7-1968).

BẢO THỂ LỄ THIỆN PHƯỚC (ấn ký)

Thỏa Ước Bính Thân (1956)

Sau đây chúng tôi xin chép nguyên văn *Thỏa Ước Bính Thân (1956)*:

THỎA ƯỚC

Sau các cuộc hội đàm ngày 22, 26 và 28 tháng 2 năm 1956, Đại diện Chánh Phủ VNCH và các đại diện Đạo Cao Đài Tây Ninh đồng đi đến sự thỏa thuận hoàn toàn các điểm sau đây:

I. Đạo Cao Đài Tây Ninh được tự do truyền bá và được tự do hội họp cúng kiếng theo phép Đạo trong khắp nước VN.

Đạo Cao Đài Tây Ninh do các Chức sắc cao cấp trong Đạo đại diện và diu dắt trong lúc vắng mặt Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, nhìn nhận chỉ biết hành đạo mà thôi, không làm chánh trị trên toàn lãnh thổ VN và về mặt pháp lý, chịu hệ thống luật lệ hiện hành của Chánh phủ VNCH do Ngô Tổng Thống lãnh đạo.

II. Những phần đất nào của Đạo Cao Đài ở Tây Ninh đã làm chủ vĩnh viễn bằng cách hoặc khẩn, hoặc mua, hoặc hưởng của cho, thì Đạo Cao Đài đăng toàn quyền sử dụng.

Những đất quốc gia nào trong vùng Tây Ninh, khi trước là rừng cấm hay đất hoang, đã được tín đồ Cao Đài khai phá và được trong Đạo Cao Đài phân chia theo cách tiểu sản, sẽ được hợp thức hóa đúng theo tinh thần chương trình cải cách điền địa của Chánh phủ đang thi hành bằng cách sẽ cấp phát bằng khoán vĩnh viễn đúng theo thủ tục và thể lệ hiện hành cho mỗi người, để cho các tín đồ đóng thuế mỗi năm cho Chánh phủ theo số đất mình sẽ làm chủ.

Trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày Thỏa Ước này được chấp thuận, Ông Tỉnh Trưởng Tây Ninh và đại diện Cao Đài phải khởi sự hợp thức hóa sự cấp đất và phát bằng khoán vĩnh viễn cho các người choán đất.

III. Trong 6 làng: Long Thành, Hiệp Ninh, Cẩm Giang, Trường Hòa, Phước Hội, Ninh Thạnh, bao trùm 13 Phận đạo hiện hữu, Đạo Cao Đài được cử ra 2 hay là 3 tín đồ tùy theo chỗ để đại diện Đạo cộng tác với mỗi Ban Hội Đồng Hương chính.

IV. Trừ tiền hỷ cúng của tín đồ, Đạo Cao Đài bãi bỏ những thuế có thu thuế giờ, hoặc trên đất Đạo làm chủ, hoặc trên đất quốc gia, còn trong vùng ảnh hưởng của Đạo.

Những Chợ hiện hữu trong vùng Đạo thuộc 6 làng kể trên do Đạo Cao Đài tạo ra, dầu trên đất Đạo cũng là nguồn lợi của quốc gia và chỉ có quốc gia mới được phép sắp đặt, sử dụng và hưởng huê lợi. Dầu vậy, Chánh phủ cũng bằng lòng để Đạo Cao Đài thuê những chợ này trong khoảng 4 năm liên tiếp (1956, 1957, 1958, 1959) bằng cách đóng góp cho làng sở tại một số tiền mỗi tháng:

- Năm đầu bằng 1 phần 5 số thu góp hằng tháng.
- Năm thứ 2 bằng 1 phần 4 số thu góp hằng tháng.
- Năm thứ 3 bằng 1 phần 3 số thu góp hằng tháng.
- Năm thứ 4 bằng 1 phần 3 số thu góp hằng tháng.

Số tiền thuê góp chợ mỗi ngày hay mỗi tháng do bên Đạo và Ông Tỉnh Trưởng Tây Ninh thỏa thuận nhất định một năm 2 lần, trong tháng 6 và tháng 12 dương lịch.

Về phần Chợ Long Hoa, Đạo Cao Đài đang cất, Hành Chánh tỉnh đảm nhận tiếp tục theo bản đồ đã có. Những tổn phí của Đạo Cao Đài đã xuất phát tới ngày nay, Hành Chánh tỉnh chịu trả lại, sau khi được đổi bên xác nhận tách cách chi phí và số tiền. Số tiền này được trả phân kỳ không quá 4 năm, mỗi năm đóng một lần nhằm trong tháng 4 dương lịch.

V. Trật tự an ninh trong 13 Phận đạo theo tổ chức hiện thời của Đạo sẽ đặt dưới hệ thống của Ban Hội Đồng Hương chính của 6 làng nói trên. Các Ban này hành sự với những toán từ 20 đến 30 người Dân Vệ, gốc người tín đồ Cao Đài, được Ông Tỉnh Trưởng chọn với sự đề cử của Ban Hội Đồng Hương chính. Những toán Dân Vệ này được võ trang và trả lương theo thể lệ hiện hành. Hành Chánh tỉnh cấp súng, công nho làng trả lương.

VI. Cơ Thánh Vệ hiện hữu chỉ có phận sự về nghi lễ, giữ vẻ tôn nghiêm cho Đạo trong các cuộc hành lễ lớn nhỏ trong Nội Ô. Số người có thể lên không quá 160 người do Đạo Cao Đài hoàn toàn chọn lựa và trả lương (nếu không phải làm công quả).

Người trong cơ Thánh Vệ có thể có võ trang nhưng phải xin phép sắm và giữ súng theo luật lệ hiện hành. Súng ống đạn dược do Đạo Cao Đài đài thọ.

Trong Nội Ô, các lực lượng quân sự và cảnh sát quốc gia không được xâm nhập, trừ khi phải can thiệp hoặc để thi hành phận sự theo luật lệ hiện hành hoặc để đem trật tự an ninh lại, hoặc vì xảy ra thường tội hay trọng tội.

VII. Được miễn thuế (đủ các sắc) theo thể lệ hiện hành:

- Những Tu viện, Trường học cùng Đường đường của Đạo Cao Đài Tây Ninh cất ra hoặc trên đất Đạo hoặc trên đất quốc gia.

- Những đất trên đó có những bất động sản nói trên. Hiện hữu những bất động sản có tên trong bản đính theo đây, được miễn thuế.

VIII. Các công trình của Đạo Cao Đài về mặt xã hội, y tế, mở mang hay tu bổ kiều lộ trong vùng Đạo, sau khi giao cho Hành chánh Tỉnh Tây Ninh đảm nhận, thì sẽ được tiếp tục tiến hành với sự hợp tác của các Chức sắc chuyên môn của Đạo Cao Đài.

Làm tại Tây Ninh, ngày 28 tháng 2 năm 1956.

ĐẠI DIỆN CHÁNH PHỦ VNCH

(ký tên)

Nguyễn Ngọc Thơ

HIỆP THIÊN ĐÀI

Bảo Thế

(ký tên)

Lê Thiện Phước

Tiếp Pháp

(ký tên)

Trương Văn Tràng

Hiển Pháp

(ký tên)

Trương Hữu Đức

Tiếp Đạo

(ký tên)

Cao Đức Trọng

CỨU TRÙNG ĐÀI

Thái Chánh Phối Sư

(ký tên)

Thái Bộ Thanh

Thượng Chánh Phối Sư

(ký tên)

Thượng Sáng Thanh

Ngọc Chánh Phối Sư

(ký tên)

Thượng Tước Thanh

PHƯỚC THIÊN

Chơn Nhơn

(ký tên)

Trịnh Phong Cương

Đạo Nhơn

(ký tên)

Nguyễn Văn Phú

Đạo Nhơn

(ký tên)

Trần Văn Lợi

Đạo Nhơn

(ký tên)

Đỗ Văn Viên

Số 337-BNV/VP:

CHUẨN Y

Sài Gòn, ngày 1 tháng 3 dl 1956.

BỘ TRƯỞNG NỘI VỤ

(ấn ký)

Bùi Văn Thịnh

Năm 1960, Đức Hộ Pháp giáng cơ tại Giáo Tông Đường, khen Ngài Bảo Thế bằng bài thơ khoán thủ: **Bảo Thế Cứu Nước:**

*BẢO trọng vạn linh hiệp Chí Linh,
THẾ nguy chuyển loạn lập hòa bình.
CỨU đời mở đạo kinh luân sẵn,
NƯỚC Việt trông chờ sách cứu tinh.*

Ngày 6-2-Ất Ty (dl 8-3-1965) Đức Phạm Hộ Pháp cũng có giáng cho Ngài Bảo Thế bài thi khoán thủ: **"Quyền Chưởng quản Hiệp Thiên Đài Thừa mạng"**:

QUYỀN uy nhờ bởi giữ Chơn truyền,
 CHƯỞNG đức dụng hiền mộ Thánh Tiên.
 QUẢN quán chúng sanh tu cội phúc,
 HIỆP hào nhân sĩ hưởng tiền duyên.
 THIÊN môn mở rộng nguyên nhân đến,
 ĐÀI nội tuyền thẳng Thánh đức lên.
 THỪA thế chuyển nguy an Thánh địa,
 MẠNG Trời đâu để quỷ hành quyền.

Ngài Bảo Thế lúc về già bị bệnh bán thân bất toại, sức khỏe yếu dần và Ngài đặng Tiên vào lúc 6 giờ 30 phút sáng ngày 17-3-Ất Mão (dl 27-4-1975) hưởng thọ 81 tuổi.

Đàn cơ đêm 18-3-Ất Mão (dl 29-4-1975) tại Cung Đạo Đền Thánh hồi 19 giờ, Phò loan: Hiến Pháp - Khai Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ cho bài thài tế lễ Ngài Bảo Thế:

HỘ PHÁP

Chào chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, PT.

Quý bạn có điều chi hỏi?

Chưởng Ân bạch: Xin bài thài tế lễ Ngài Bảo Thế.

- Bài thài chúng ta đã thấy: **"Bảo Thế Cứu Nước"** đã trúng lúc, vậy cứ dùng bài ấy thài cúng tế Bảo Thế.

- Còn về bài thài mà Hiến Pháp đã cho để cúng tế chung chư vị Thời Quân thì cứ dùng như vậy trong lễ cúng tế chung.

Bần đạo ban ơn lành cho Hội Thánh và toàn thể.

THĂNG

Ngài Bảo Thế giáng cơ, lấy hiệu Vân Phong:

VÂN PHONG vừa đẩy đám mây lành,
 Hội hiệp quần sanh bất cạnh tranh.
 Phất phước truy hồn qui lối cũ,
 Vén màn mờ ám cứu nhơn sanh.

Ngài Bảo Thế lúc sinh tiền, rất ít làm thơ, may mắn chúng tôi sưu tầm được bài thi của Ngài hạ thi Bát Nương:

BÀI XƯƠNG của BÁT NƯƠNG:

*Hễ muốn làm sư phải hược trò,
Vụng may thường đổ lỗi người đo.
Nhái duyên Tây tử cười môi méo,
Đoạt điều Đường phi bước trọ giò.
Bắt nguyệt lại mò trăng đáy nước,
Theo Tây bợ nợ viết nhà nho.
Vui chi hơn gặp trang tài tử,
Vẫy lưới chòm cây có cút cò.*

BÀI HỌA của NGÀI BẢO THẾ

*Lố xố lãng xăng máy chú trò,
Vấn chương lá mít cũng so đo.
Vác mai chạy quấy ngổ rơi lụy,
Múa búa khoe danh chạy bại giò.
Trí thiển dòm Trời bằng cái xịa,
Tài sơ ngóng chữ tợ rừng nho.
May duyên đưa đến mùi Tiên Thánh,
Mừng được bài thi khỏi gấn cò.*

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Bảo Thế - Thánh Vệ

保體 - 聖衛

A: Guard of the Body of Saints - The Sainted Guard.

P: Garde du Corps des Saints - La Sainte Garde.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Thế:** Ý nói Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là Hội Thánh. **Vệ:** Gìn giữ.

Về từ ngữ, Bảo Thế và Thánh Vệ đồng nghĩa, là cơ quan lập ra để bảo vệ các Chức sắc của Đạo, bảo trọng Đạo quyền và bảo tồn nghiệp Đạo.

Nhiệm vụ của hai cơ quan này phân ra như sau:

- Cơ quan Bảo Thể hay nói tắt Cơ BảoThể giữ gìn trật tự trong các đền đài, dinh thự, tức là trong các cơ quan của Đạo.
- Cơ quan Thánh Vệ hay nói tắt là Cơ Thánh Vệ có nhiệm vụ giữ gìn trật tự trên các đường phố Nội Ô và Ngoại Ô của Tòa Thánh.

Tuy nhiệm vụ có phân chia giữa hai cơ quan riêng biệt như vậy, nhưng nhiệm vụ chung là bảo vệ các Chức sắc của Hội Thánh khi hành quyền và buộc mọi người phải tuân hành các luật lệnh của Hội Thánh ban truyền. Có thể nói rằng đó là hai cơ quan công lực của Đạo vậy.

■ Toán Bảo Thể đầu tiên được thành lập vào khoảng năm 1929. Lúc đó, Đức Phạm Hộ Pháp gọi ông Châu (thường gọi là Châu Hiệp Phố, sau cầu thăng lên phẩm Chí Thiện, có thời gian được bổ đi hành đạo ở miền Bắc VN), bảo ông Châu đi kiếm thêm cho đủ 12 anh em nữa để tạo thành một toán, rồi cả toán phải lo tập luyện võ nghệ, hẹn trong một tháng thì phải trình diện Đức Ngai.

Đức Phạm Hộ Pháp đặt tên là toán Bảo Thể quân. Đây là toán Bảo Thể đầu tiên được thành lập để giữ gìn trật tự trong Nội Ô Tòa Thánh. Đức Hộ Pháp dẫn toán Bảo Thể này qua trình diện với Đức Quyền Giáo Tông và được Ngài chấp thuận.

Nhơn viên trong Cơ Bảo Thể được gọi là Bảo Thể quân. Những người mới vào Cơ Bảo thể, còn trong thời gian tập sự gọi là Tuần quân. Tuần quân làm việc một thời gian, nếu có hạnh kiểm tốt và làm việc đắc lực thì đưa lên làm Bảo Thể quân. Chánh Bảo Thể là người cai quản một toán gồm 12 Bảo Thể quân.

Đứng đầu Cơ Bảo Thể là một Chức sắc (phẩm Giáo Hữu) được gọi là **Thủ Lãnh** Bảo Thể quân.

■ Cơ Thánh Vệ đặt dưới quyền của **Thánh Vệ Trường**. Nhân viên trong Cơ Thánh Vệ được gọi là **Thánh Vệ viên**.

Cơ Bảo Thể và Cơ Thánh Vệ được đặt dưới quyền Thống Quản của Hội Đoàn Pháp Quân.

Khi Đức Lý Giáo Tông phong Cựu Trung Tướng Nguyễn văn Thành làm Tổng Thanh Tra Đặc Nhiệm Chánh Trị Đạo kiêm Thống Quản Cơ Thánh Vệ và Bảo Thể, thì Hội Đoàn Pháp Quân chỉ còn nhiệm vụ giữ gìn trật tự và trang nghiêm trong các đàn cúng tại Tòa Thánh mà thôi.

Nghị quyết của Hội Nhơn Sanh năm Giáp Dần (1974) qui định:

- Chánh Bảo Thể có đủ 5 năm công nghiệp và có đủ hạnh đức thì được cầu phong lên phẩm Lễ Sanh.
- Bảo Thể quân và Thánh Vệ viên đủ 10 năm công nghiệp và đủ hạnh đức cũng được cầu phong lên phẩm Lễ Sanh.

Đạo phục của Bảo Thể quân:

Bảo Thể quân mặc áo trường y 6 nút, lưng buộc thắt lưng trắng, bề ngang 3 phân, tay áo mang Tam sắc đạo, đầu đội mũ giống như cái calot màu trắng, tay cầm cây Tam thanh (thanh gỗ tròn, đầu lớn đầu nhỏ, sơn ba màu vàng xanh đỏ). Nếu là Chánh Bảo Thể thì trên mũ có cờ pháp Hộ Pháp.

Nhân dịp Tết Niên năm Canh Tuất (1970), trong bữa tiệc ủy lạo các nhân viên Thánh Vệ, Bảo Thể và Phòng Bảo, Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức có phát biểu, trích ra như sau:

"Công lao của chư hiền đệ, nhân viên công lực của Đạo, đáng khen tặng và khích lệ. Tôi ước mong chư hiền đệ cứ tiếp tục hành sự tốt đẹp như vậy mãi để xứng đáng với vai trò của mình.

Đã gọi là nhơn viên công lực thì phải áp dụng công lực cho phải chỗ, nghĩa là không khuất phục dưới một áp lực nào và bảo vệ người đồng đạo khỏi bị áp lực bất luận từ đâu đến, cũng không nên lợi dụng quyền công lực sẵn có mà áp đảo kẻ yếu kém hơn mình, nhất là đối với tín hữu là con cái của Đức Chí Tôn thì không nên hiếp đáp đá động đến, nếu họ có làm điều gì sai quấy thì dùng cách êm thấm mà khuyên lơn dạy bảo, chớ không nên hành hung họ.

Đó là ý nghĩa của hai chữ công lực của Đạo và tác phong đạo đức mà người nhơn viên công lực Đạo cần phải có.

Công lực Đạo còn được áp dụng để đem lại chủ quyền cho Hội Thánh bằng cách bắt buộc bốn đạo phải tôn trọng luật pháp đạo, tức là tôn trọng công lý và lẽ phải.

Ngày nào công lực Đạo được áp dụng cho đúng chỗ như vậy thì ngày ấy Đạo thành và người Đạo mới đi đến chỗ vinh quang rực rỡ."

Trong buổi Lễ Khánh Thành Văn phòng Cơ Bảo Thể ngày 28-4-Quý Sửu (dl 30-5-1973), Ngài Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Nhuận Thanh có phát biểu như sau:

"Cơ quan Bảo Thể quân được Đức Hộ Pháp và Hội Thánh thành lập từ buổi Khai Đạo, nhằm bảo trọng Thánh Thể Đức Chí Tôn, giữ gìn an ninh trật tự tại Đền Thánh và dinh thự các cơ quan công quyền của Đạo. Dù là một cơ quan không có tầm quan trọng về phương diện hành chánh đạo, nhưng đã hữu công, đồng chung chịu khổ hạnh trong tất cả mọi biến thiên của nền Đại Đạo từ 48 năm nay.

Trải qua những cơn thử thách, những bước thăng trầm của Đạo, các em Bảo Thể quân biểu dương lòng trung kiên, ý chí hy sinh, thể hiện bằng hành động cương trực để bảo vệ Thánh Thể Đức Chí Tôn, gìn giữ Tổ đình và sản nghiệp Đạo mà các bậc tiền bối đã dày công xây dựng. Sở hành của các em quả xứng đáng với danh nghĩa của nó, phản ánh tấm lòng hiếu hạnh, trung thành đối với Đức Chí Tôn và Hội Thánh."

Sau đây là Thánh Lệnh số 29 của Đức Phạm Hộ Pháp qui định về tổ chức và quyền lợi của Cơ quan Bảo Thể.

BỘ PHÁP CHÁNH

Văn Phòng

Số: 29

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Nhị thập lục niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LỆNH

HỘ PHÁP

**Chương quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng**

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) ban quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Nghĩ vì Cơ Quan Bảo Thể là một cơ quan để giữ gìn trật tự trong Nội Ô Thánh Địa và Đền Thánh, kiêm luôn phận sự cận vệ Chức sắc Đại Thiên phong bên CTĐ từ Đầu Sư trở lên, và bên HTĐ từ Thập nhị Thời Quân sắp lên, thì công quả của Bảo Thể cũng tương đương với các nhân viên khác trong nền Chánh Trị Đạo.

Nghĩ vì con đường lập vị của mỗi người đều được Hội Thánh chăm nom nâng đỡ nếu đầy đủ công nghiệp.

THÁNH LỆNH:

Điều thứ nhứt: Trong Cơ quan Bảo Thể có nhiều nhân viên thì chia nhiều Tiểu bộ cho dễ sắp đặt phiên thứ hành sự.

Mỗi Tiểu bộ có 12 nhơn viên, 12 vị này xúm nhau công cử một vị Chánh Bảo Thể lãnh trách nhiệm cai quản Tiểu bộ của mình.

Mỗi Tiểu bộ sẽ có thứ tự riêng, nhưng về cách làm việc thì Hòa Viện tổng hợp các Tiểu bộ đặng phân công và toàn cả nhơn viên trong các Tiểu bộ, ngoại trừ những vị Chánh, đều đồng thể và đồng nhiệm vụ.

Điều thứ hai: Mỗi vị Bảo Thể phải vào hàng Chánh Bảo Thể và đầy đủ 5 năm công nghiệp trong địa vị Chánh này mới được cầu phong lên hàng Lễ Sanh.

Điều thứ ba: Những vị Tuần quân đầy đủ 2 năm công nghiệp liền được bổ sung vào Cơ quan Bảo Thể, nhưng phải là người có đủ đạo hạnh và siêng năng cần mẫn trong phận sự và đúng 21 tuổi mới đặng. Hết đủ hạng công quả trên đây thì Hòa Viện đệ tờ phúc xin cho sáp nhập liền.

Điều thứ tư: Chư vị Bảo Thể, Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Chưởng quản Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Thượng Thống Lại Viện, Quyền Thượng Thống Hoà Viện, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh, ngày 26 tháng 3 năm Tân Mão.
(dl 1-5-1951)

HỘ PHÁP
(ấn ký)

Đôi liễn đặt tại cổng Cơ Thánh Vệ, khởi đầu bằng hai chữ THÁNH VỆ nói lên nhiệm vụ của cơ quan này:

聖德真傳振整精神從大道

衛權宗教保存國體合三期

THÁNH đức chơn truyền

chấn chỉnh tinh thần tùng Đại Đạo.

Vệ quyền tôn giáo bảo tồn quốc thể hiệp Tam Kỳ.

Nghĩa là:

Đức của bực Thánh, giáo lý chơn thật truyền lại để chấn chỉnh tinh thần đạo đức tùng theo ĐĐTKPĐ,

Quyền bảo vệ tôn giáo và bảo tồn quốc thể hiệp vào Đạo Cao Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Bảo thủ chơn truyền

保守真傳

A: To conserve the true doctrine.

P: Conserver la vraie doctrine.

Bảo: Giữ gìn, che chở, nuôi dưỡng. **Thủ:** Gìn giữ. **Chơn:** Thật. **Truyền:** Truyền lại. **Bảo thủ** là gìn giữ chặt chẽ. **Chơn truyền** là giáo lý chơn thật được truyền lại.

Bảo thủ Chơn truyền là giữ gìn chặt chẽ cái giáo lý chơn thật được truyền lại, không cho biến đổi.

Bảo Văn Pháp Quân

保文法君

A: Protector of Arts and Litterature.

P: Protecteur des Arts et Littérature (Belles Lettres).

Bảo Văn Pháp Quân là một phẩm Chức sắc trong Thập nhị Bảo Quân, mà Thập nhị Bảo Quân hợp thành Hàn Lâm Viện của Đạo Cao Đài. (Xem: Thập nhị Bảo Quân, văn Th)

CG PCT: "Ngoại PCT, dưới quyền Hộ Pháp thì còn Bảo Văn Pháp Quân (Arts et Belles Lettres) trước Thầy phong đỡ làm Tiếp Lễ Nhạc Quân, nay đã vào chánh vị, đặng chính đốn Lễ Nhạc lại cho hoàn toàn cho tới ngày thành Đạo."

Đạo phục của Bảo Văn Pháp Quân:

CG PCT: "Bộ Đại phục của Bảo Văn Pháp Quân toàn bằng hàng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo như các Chức sắc HTĐ, song hai bên ngay chính giữa có kết một bông sen 5 cánh, trên mỗi bông sen thêu Thiên Nhân Thầy, ngay đường giữa trước mào cũng kết một bông sen nhưng khỏi thêu Thiên Nhân, cả thầy là 3 bông sen trên mào.

Lưng đai Bạch Tuyết Thần Quang bằng hàng trắng, bề dài 3 thước 3 tấc 3 phân, bề ngang 3 tấc 3 phân 3 ly, buộc mỗi chừa ra trước thế nào đủ thắt một bông sen 5 cánh.

Chơn đi giày Vô Ưu cũng bằng hàng trắng, trước mũi mỗi chiếc cũng có một bông sen nhỏ hơn một thí."

Bảo Văn Pháp Quân có nhiệm vụ gìn giữ, sắp đặt, phát huy nghệ thuật, văn chương và lễ nhạc. Đó là vị Tướng Lễ mà nhiệm vụ đặc biệt được Đức Chí Tôn giao phó là sắp đặt việc Lễ và Nhạc trong Đạo Cao Đài.

Năm 1927, Ngài Cao Quỳnh Diêu được Đức Chí Tôn phong làm Tiếp Lễ Nhạc Quân, và đến năm 1930 thì thăng lên làm Bảo Văn Pháp Quân.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

PCT HTĐ: Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu (1884-1958)

Ngài Cao Quỳnh Diêu, hiệu là Mỹ Ngọc, nên thường xưng là Cao Mỹ Ngọc, Đạo hiệu là Cao Liên Tử, sanh năm Giáp Thân (1884) tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, tỉnh Tây Ninh, trong một gia đình Nho phong thế phiệt.

Thân phụ là Ông Cao Quỳnh Tuân làm Cai Tổng Hàm Ninh Thượng. Ông Cao Quỳnh Tuân mất lúc Ông Diêu được 14 tuổi. Đức Chí Tôn cho biết Ông Cao Quỳnh Tuân là Xuất Bộ Tinh Quân ở Thượng giới giáng trần.

Thân mẫu của Ngài Diêu là Bà Trịnh Thị Huệ, đắc phong Nữ Giáo Sư ngày 14-Giêng-Đinh Mão (dl 15-2-1927) do Đức Chí Tôn ân phong kỳ phong Thánh Nữ phái lần thứ I.

Ngài Diêu là anh ruột thứ ba của Ngài Cao Quỳnh Cư, Ngài Cư là em thứ tư. Cả hai vị đều đắc phong hàng Chức sắc Đại Thiên phong đầu tiên của Đạo Cao Đài:

Ngài Cao Quỳnh Diêu đắc phong Bảo Văn Pháp Quân trong Thập Nhị Bảo Quân, Hàn Lâm Viện của Đạo Cao Đài.

Ngài Cao Quỳnh Cư đắc phong Thượng Phẩm HTĐ.

Hiền nội của Ngài Cao Quỳnh Diêu là Bà Trần Thị Lựu, đắc phong Nữ Giáo Hữu trong kỳ phong Thánh Nữ phái lần I, được Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ cùng với Nữ Giáo Sư Hương Hiếu (hiền nội của Ngài Cư, đây là hai chị em bạn dâu trong gia đình họ Cao) dạy các Đồng nhi tụng kinh.

Trong TNHT, quyển I trang 44, Đức Chí Tôn bảo:

"Lựu và Hiếu tập một lũ Nữ Đồng nhi chừng 36 đứa đặng mỗi khi Đại lễ nó tụng kinh cho Thầy."

(Lựu: Nữ Giáo Hữu Hương Lựu, hiền nội Ngài Diêu. Hiếu: Nữ Giáo Sư Hương Hiếu, hiền nội Ngài Cư.)

Ngài Diêu là một trong bốn vị (Cư, Tắc, Sang, Diêu) khởi sự xây bàn đầu tiên tại nhà Ông Cao Hoài Sang để tiếp xúc với các vong linh nơi cõi vô hình.

(Trong công cuộc Xây bàn này, Ông Cư đóng vai chủ động. Tiếp theo là thời kỳ phò Ngọc cơ tại nhà Ông Cư, với Lễ Hội Yến DTC được tổ chức tại nhà Ông Cư, rồi Vọng Thiên Cầu Đạo, cũng tại nhà Ông Cư số 134 đường Bourdais Sài Gòn, Ông Cư đều chủ động tổ chức, nên các việc xảy ra trong giai đoạn này, xin đọc giả xem các mục: I, II, III trong Tiểu sử của Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, sẽ biết rõ các việc của 4 vị: Cư, Tắc, Sang, Diêu, khỏi phải lập lại nơi Tiểu sử của mỗi vị.)

[Xem: Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, văn Th]

Sau ngày lễ Hội Yến DTC tại nhà Ông Cư, bốn Ông phân làm hai nhóm: Ông Cư và Tắc xây bàn hay phò ngọc cơ tại nhà Ông Cư; Ông Diêu và Sang thì tại nhà Ông Sang.

Khoảng tháng 5 năm 1926 (Bính Dần), Đức Chí Tôn dạy thành lập 6 đàn cơ phổ độ, trong đó có một đàn ở Chợ Lớn, tại nhà Ông Cựu Thượng Nghị Viên Lê Văn Trung, Ngài Trung và Ngài Đốc Phủ Lê Bá Trang thay phiên nhau chứng đàn, phò loan là hai Ông: Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.

Ngày mùng 6-8-Bính Dần (dl 12-9-1926), Đức Chí Tôn giảng dạy riêng Ngài Cao Quỳnh Diêu (hiệu Mỹ Ngọc), sau đó cho Xuất Bộ Tinh Quân Cao Quỳnh Tuân, thân phụ của Ông Diêu và Cư giảng cơ dạy tiếp. Phò loan: Sang - Diêu.

THẦY,

Mừng mấy con. *Mỹ Ngọc*, từ đây việc nhà con an ổn, dầu điều chi nhớ để ý rằng có Thầy bên con.

Đặng một việc chi chớ vội mừng, thất một việc chi chớ vội buồn, vì sự buồn vui và sự buồn tủi thường pha lẫn kể cận nhau, còn sự gì phải đến cho con, ấy là tại nó phải vậy, chớ cưỡng cầu mà nghịch Thánh ý Thầy.

Hãy xem dò theo đây mà dạy trở trong bước đường Đạo:

*Mối Đạo từ đây ráng vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đĩnh ninh.
Lòng thành một tấm Trời soi xét,
Gương rạng nghìn thu nguyệt chiếu minh.
Gai gốc lằn đường công trước gắng,
Thảnh thơi có lúc buổi sau dành.
Vòng trần chìm nổi từ đây dứt,
Công quả tua bền độ chúng sinh.*

Thầy sẽ cho Xuất Bộ Tinh Quân đến nhập cơ. THĂNG.

Tái cầu:

CAO QUỲNH TUÂN

Mừng mấy con và mấy cháu,

Diêu! Từ đây thầy lấy làm vui mà thấy con đặng để bước vào đường Thánh đạo. Vậy hãy ráng tu hạnh hầu phục hồi cựu vị.

Thầy rất vui mà thấy Cư và con đã đem tâm nhiệt thành cứu độ nhơn sanh khỏi dòng khổ hải. Ấy cũng số phần rất may mắn của lệnh Ngọc Hoàng đã định cho con và Cư, Tắc, Sang.

Vậy thầy có mấy lời thiết yếu cùng con sau đây:

Cựu vị ngày xưa đã có rồi,
Đường về chớ bỏ há con ôi!
Công trình chớ nệ xây nền Đạo,
Phước mỏng đâu hay bởi từ Trời.
Đức trước hưởng rồi tua trả đức,
Ngôi sau gìn ắt đặng an ngôi.
Từ đây son sắt vì sanh chúng,
Cảnh tịnh mai sau cũng đặng ngồi.

Thầy đã an lòng cho con và Cư, còn ĐỨC, AN, THÂN, thì có lệnh Thượng Đế định phần cho chúng nó. LƯỢNG từ đây phải ở nơi Lôi Âm Tự mà châu Phật Như Lai và nghe lệnh, chùng có lệnh Thượng Đế đòi sai trần thì nó sẽ về cùng con đặng. Thầy kiếu mấy con. THĂNG.

GHỊ CHÚ:

Diêu: Cao Quỳnh Diêu, tức Mỹ Ngọc.

Cư: Cao Quỳnh Cư. Tắc: Phạm Công Tắc. Sang: Cao Hoài Sang.

Đức: Cao Quỳnh Đức, con thứ hai của Ngài Cao Quỳnh Diêu.

An: Cao Quỳnh An, con của Ngài Cao Quỳnh Cư, mất bên Pháp.

Thân: là Huệ Chương, con của Ngài Cao Quỳnh Diêu.

Lượng: Cao Quỳnh Lượng, con của Ngài Cao Quỳnh Diêu, đã chết.

Năm Đinh Mão (1927), Ngài Cao Quỳnh Diêu thọ phong Tiếp Lễ Nhạc Quân, có phận sự sắp đặt Lễ nghi và âm nhạc trong việc cúng tế trong Đạo.

Đầu năm 1929, Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân Cao Quỳnh Diêu vâng lệnh Hội Thánh, đặt ba Bài Dâng Tam Bửu (Bài Dâng Hoa, Dâng Rượu và Dâng Trà), có dâng lên Bát Nương giáng cơ chỉnh văn lại, để thay thế ba bài Dâng Tam Bửu cũ đã dùng lúc mới mở Đạo do Ngài Ngô Văn Chiêu đặt ra.

Năm 1929, trong lúc Ngài Cao Quỳnh Diêu còn ở phẩm Tiếp Lễ Nhạc Quân, Ngài viết quyển "NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN

TIỂU ĐÀN" có mục đích chỉnh đốn Lễ Nhạc trong các Đàn cúng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng cho đúng qui cách tốt đẹp, đạt được sự trang nghiêm, để áp dụng thống nhất trong Đạo Cao Đài, dâng lên Đức Chí Tôn duyệt xét, rồi Đức Phạm Hộ Pháp chuyển qua Hội Thánh. Hội Thánh xem xét đồng ý và Đức Quyền Giáo Tông ban hành, kể từ ngày 17-6-Canh Ngọ (dl 12-7-1930), áp dụng thống nhất cho tất cả các Thánh Thất.

Trong quyển "Nghị Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn" này, Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân Cao Quỳnh Diêu, tức Cao Mỹ Ngọc, viết Lời Tựa:

LỄ là một việc rất trọng hệ, vì là cái hình thể của nền Đạo phô bày ra trước mặt người.

Chư Đạo hữu cần phải để công xem sóc nhắc nhở nhau mà gìn giữ tư cách trong mỗi khi hành lễ cho trang hoàng, hầu tỏ tác lòng thành kính của mình cùng Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật Thánh Thần, lại cũng là một phương châm về đường phổ độ.

Mỗi khi chúng ta hành lễ, thì người ngoài Đạo sẵn ý xem vào mà phân biệt Tà Chánh một ít của nền Đạo trong đó, vì Đạo là việc nhiệm mầu huyền bí sâu xa, người ngoài nào thấu đặng, duy có chăm nom cách cử chỉ của chúng ta trọng kính các Đấng thế nào, thì đủ cho người vẽ ảnh Đạo ra thế nấy mà thôi.

NHẠC cũng là một việc cần yếu, vì là phương làm cho đàm ẩm tao nhã cốt để diu dẫn giúp cho thành Lễ, ra vẻ long trọng, vì đã che lấp các việc xao động trong cơn hành lễ, trên thì hiển cái vẻ tiêu tao phù trầm cho các Đấng, dưới là làm cho chúng ta, vì nghe đặng cái giọng tao nhã, nhịp khoan, hoặc có lúc vì tiếng nhạc trở mà lòng ta hân hoan mà quên bằng cái mỗi một trong cơn hành lễ hoặc có khoản vì cái thức phù ba của giọng đờn mà làm cho ta yên tịnh, mới có thể thiển tâm vọng cầu các Đấng cho thấu đáo.

Có câu phương ngôn của bậc hiền triết miền Âu rằng: "La musique adoucit les moeurs", lại có nói rằng: Nếu muốn biết sự tấn hóa của một sắc dân, sau sẽ trở nên thế nào, thì duy có xem trong nét văn chương và nghe giọng nhạc của sắc dân ấy

cũng đủ hiểu trước. Huống chi Đấng Chí Tôn ra công khó nhọc khai sáng cho ta một nền Đại Đạo như vậy, lại diu dẫn ta từ bước, mà ta lại chẳng để hết tâm chí chấn chỉnh nghề Nhạc cho hoàn toàn hầu gìn giữ đường tấn hóa cho nền Đạo sao?

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 20-4-Kỷ Tỵ (1929)
LỄ NHẠC QUÂN Cao Mỹ Ngọc

Đầu năm Canh Ngọ (1930), Ngài Cao Quỳnh Diêu được thăng lên phẩm Bảo Văn Pháp Quân chánh vị đặng chỉnh đốn Lễ Nhạc cho hoàn toàn, cho tới ngày Thành Đạo.

Năm 1932, Ngài Cao Quỳnh Diêu viết bài ***Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu***, cũng được dâng lên Bát Nương DTC chỉnh văn lại, dùng để làm Kinh Cúng Tử Thời Đức Phật Mẫu.

Đầu năm Giáp Tuất (1934), nền Đạo chỉnh nghiêm vì có sự chia rẽ trong nội bộ các Chức sắc lãnh đạo, để rồi sau đó, một vài Chức sắc cao cấp tách ra lập Chi phái chống lại TTTN, đứng đầu là hai Ngài Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang).

Ngài Bảo Văn Pháp Quân cũng bị Chi phái lôi kéo làm cho Ngài phân vân. May nhờ Đức Thái Thượng Đạo Tổ giảng cơ khuyên nhủ, phân tách cho thấy điều hơn lẽ thiệt, làm cho Ngài thức tỉnh, quyết phụng sự Đạo nơi TTTN.

Bài giảng cơ của Đức Thái Thượng ngày 16-7-Giáp Tuất (dl 25-8-1934) khá dài, xin trích ra một đoạn:

"Nền Đạo đã chia ba, theo lời Bàn Đạo đã nói, Mỹ Ngọc Hiền hữu muốn lập công nơi nào? Tòa Thánh, Trung Ương, Hậu Giang? Mỹ Ngọc bạch: Nơi Tòa Thánh.

- Tòa Thánh là gốc cội của Đạo, nếu muốn lập công nơi đó, vì Thầy đã dạy, thì nên làm đi, cách xây đổi phương lược tùy cơ ứng biến, ấy là cơ nghiệp riêng của mỗi Đạo hữu, Bàn Đạo không dám dạy, nếu chờ thì phải trễ chẳng? Hiền hữu nên xét, Đời khác Đạo khác, những sự lỗi lầm của mình tạo khổ cho mình mà nguyên nhân vẫn cứ huyền bí, mắt thịt tâm phàm chưa để độ đặng, nên xét cho xa." (TNHT. II. 96)

(Phần công nghiệp hành Đạo của Ngài Bảo Văn Pháp Quân, xin đọc giả xem nơi bài Điều Văn của Đức Cao Thượng Sanh).

Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu đăng Tiên vào ngày 4-9-Mậu Tuất (dl 16-10-1958), tại Văn Phòng Trung Tông Đạo, trong Nội Ô Tòa Thánh, hưởng thọ 75 tuổi.

Hội Thánh tổ chức Lễ Đạo Táng cho Ngài rất trọng thể.

Sau đây là Bài Ai Điều của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang, đọc trong Lễ An Táng Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu ngày 6-9-Mậu Tuất (dl 18-10-1958):

Kính thưa quý Quan chức,
Kính thưa quý Quan khách,
Kính thưa quý Ông, quý Bà,

Thay mặt Hội Thánh HTĐ, tôi xin thành thật để lời cảm ơn quý vị không nề đường sá khó nhọc, có lòng chiếu cố đến dự lễ an tọa liên đài của Đạo huynh chúng tôi là Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, một vị trong Thập nhị Bảo Quân.

Kính thưa Hội Thánh và toàn Đạo Lưỡng phái,

Trước liên đài, tôi xin nhắc lại công nghiệp của Ngài Bảo Văn Pháp Quân, đã hết lòng tận tụy sứ mạng thiêng liêng và trải qua bao nhiêu khổ cực để góp phần xây dựng nền Đại Đạo trong lúc ban sơ.

Hưởng thọ 75 tuổi, Ngài Bảo Văn Pháp Quân sanh trưởng tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, thuộc tỉnh Tây Ninh, trong một gia đình thế phiệt Nho phong.

Cụ thân sinh Ngài có ba người con trai, mà Ngài là Anh cả, và kế Ngài là Đức Cao Thượng Phẩm của ĐĐTKPĐ.

Ngài là một vị trong Chức sắc HTĐ mà buổi Đạo mới khai, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng đã đến diu dắt trước nhứt để giao phó sứ mạng thiêng liêng sử dụng cơ bút đặng độ nhơn sanh nhập vào cửa Đại Đạo.

Đầu năm 1926, tức là năm Bính Dần, một lượt với chư vị Chức sắc cao cấp HTĐ, Ngài đắc lệnh nâng loan, hiệp với Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, lúc đương phẩm Đầu

Sư, và các vị Đại Thiên phong CTĐ đi phổ độ khắp các tỉnh, nhưt là các tỉnh trung ương và miền Tây Nam Việt.

Mặc dầu còn giúp việc cho một hãng tư, Ngài không nệ cực nhọc gắng làm tròn nhiệm vụ trong hai năm Bính Dần và Đinh Mão (1926 và 1927), là hai năm mà Đức Chí Tôn cho huyền diệu cơ bút, thu nhập môn gần một triệu tín đồ, đem lại cho nền Đạo một thắng lợi vẻ vang về mặt tinh thần cũng như về mặt phổ thông Chơn đạo.

Ngài thọ phong Tiếp Lễ Nhạc Quân năm Đinh Mão (1927), qua năm Kỷ Ty (1929) lối tháng 10, mặc dầu hưởng lương bổng trọng hậu, Ngài phé đời về Tòa Thánh hiến thân lo Đạo, giúp Hội Thánh sắp đặt nội bộ, nhưt là góp công trong việc nâng loan cho Đức Chí Tôn và các Đấng dạy truyền Đạo lý.

Đầu năm Canh Ngũ (1930), được đặc phẩm vị Bảo Văn Pháp Quân, Ngài cố tâm chấn chỉnh Lễ Nhạc, ra công dạy Nhạc cho ban Nhạc sĩ tại Tòa Thánh, từ điệu nghệ cầm roi trống cho tới bài bản Âm nhạc.

Đến cuối năm Canh Ngũ (1930), Ngài rủi bị nạn hỏa tai, cả nhà cửa sự nghiệp bị thiêu hủy, nên vì sinh kế Ngài trở về Phú Nhuận (Gia Định).

Kể một thời gian qua, Ngài hiệp với mấy bạn Thập nhị Thời quân HTĐ để gây dựng cơ quan tái lập tại Thánh Thất Từ Vân nơi Phú Nhuận, lo chú giải Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và lập Luật điều phụ thuộc, để sau này giúp cho Chức sắc dễ thi hành phận sự.

Mãi đến năm Canh Dần (1950), Ngài trở về Tòa Thánh, quyết lòng cộng tác với Chức sắc cao cấp HTĐ lo làm phận sự.

Nhưng từ ấy đến sau, vì tuổi cao sức yếu, Ngài không thể đảm đương nhiệm vụ chung lo với Hội Thánh, hơn nữa Ngài đã phé cả sự nghiệp vì chủ nghĩa của Đạo và bởi đó, Ngài chịu lắm vất vả về vật chất, xác thân càng tiêu tụy hao mòn.

Vừa rồi Ngài ngộ bệnh không mấy ngày, bỗng phút vĩnh biệt cố thân, xa miền dương thế.

Hôm nay, Ngài Bảo Văn Pháp Quân đã ra người thiên cổ. Tuy đã biết nợ Đạo rồi xong, tuồng đời chấm dứt, Ngài trả xác

thân lại cho gió bụi để về với Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, và rồi đây chúng tôi có thể tiếp xúc với Ngài bằng huyền diệu cơ bút.

Nhưng trước cảnh tử biệt kẻ mất người còn, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi mến tiếc khi nhớ đến bạn đồng thuyền đã cùng chúng tôi chia sẻ ấm lạnh mặn nồng và chung lưng đấu cật trót hơn mấy mươi năm để mưu cầu hạnh phúc cho nơn loại.

Vậy nơi đây là nơi an nghỉ giấc ngàn thu, chúng tôi thành kính nghiêng mình để bái biệt liên đài lần cuối cùng và xin thành tâm cầu nguyện cho Ngài được hưởng đầy ân huệ của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu nơi cõi TLHS.

Tòa Thánh, ngày 6-9-Mậu Tuất (dl 18-10-1958)

Thay mặt Hội Thánh HTĐ

THƯỢNG SANH Cao Hoài Sang

Nguyên căn của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu là **Liên Huê Tiên**, một vị Tán Tiên mà vị Đệ nhất Tổ Sư là Đông Phương Sóc, Đệ nhị Tổ Sư là Tây Phương Sóc. Trong Truyện Phong Kiếm Xuân Thu, Liên Huê Tiên có phép thuật rất huyền diệu, khi gặp biến thì miệng nhả ra một cái bông sen để chống đỡ. Liên Huê Tiên có theo Đông Phương Sóc xuống trần giúp **Liễu Nhứt Chơn Nhơn Tôn Tản** đánh **Hải Triều Thánh nhân**.

Thời TKPĐ, Liên Huê Tiên chiết chơn linh giáng trần là Ngài Cao Quỳnh Diêu làm tướng soái cho Đức Chí Tôn mở Đạo.

Do đó, lúc ban sơ, còn xây bàn năm 1925, Liên Huê Tiên có giáng, kêu ngay Mỹ Ngọc, dặn dò:

"Mỹ Ngọc! Nghe Lão:

Hoàn thượng đơn khai chí bách thiên,

Hựu tu chưởng hiệp khởi tranh liên.

Mật đài khánh nhựt khinh hành định,

Cửu tái quang minh đắc cộng niên.

Mật sự khá kiếm hiểu."

LIÊN HUÊ TIÊN

Thuở sanh tiền, Ngài Bảo Văn Pháp Quân là một thi sĩ có tiếng trên thi đàn. Sau đây xin trích tượng trưng vài bài thi của Ngài:

NGỤ ĐỜI

Tuồng đời mộng ảo có chi mong,
Giành giật càng thêm lấm bụi hồng.
Phú quý dường mây treo trước gió,
Lợi danh như bọt nổi trên dòng.
Gặp cơn nước đổ giông tuông đến,
Là buổi mây tan, bọt há còn?
Nào bằng lánh mình xa bến tục,
Lần theo Chơn đạo bước thông dong.

TRÒ ĐỜI

Dừng chơn toan hỏi thử trò đời,
Ngành lại tuổi đầu đã sáu mươi.
Thấy nẻo công danh thêm chán ngán,
Dòm gương phú quý bất buồn cười.
Đai cân mượn vẽ như con hát,
Chung đỉnh bày trò ấy chuyện chơi.
Sao bằng đưa chơn theo hạc nội,
Ven mây lần bước đến thang Trời.

CAO LIÊN TỬ

Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao quỳnh Diêu giáng cơ:

Đêm 12-9-Mậu Tuất (dl 24-10-1958), tức là sau khi Ngài Diêu mất được 8 ngày, Ngài giáng cơ tại Trung Tông Đạo, Phò loan: Huệ Chương và Nữ Giáo Hữu Hương Cường.

BẢO VĂN PHÁP QUÂN CAO QUỲNH DIÊU

Chào tất cả mấy em Nam Nữ và mấy con,

Bản đạo có mấy lời này để mấy em và mấy con được hiểu: Bản đạo rất mừng được mấy em và mấy con lo lắng cho Bản đạo. Vậy Bản đạo hết lòng cảm tạ.

Bản đạo được Đức Phật Mẫu ban ân, nên được nhẹ nhàng lo phổ độ vô vi nơi miền Á Đông cùng mấy bạn tiền bối.

Mấy em và mấy con nên vui để lo phận sự tiếp tục. Bàn đạo được đặc ân mới được về sớm để tạo nghiệp thiêng liêng, công quả như thế để kịp buổi Long Hoa Đại Hội.

Bà Ngoại con Vân, rán lo phục dục ân cần, chớ nên âu sầu theo thường tình. Bàn đạo mất cũng như còn, chớ đâu phải biệt tích mà buồn. Nên tự giải mới là hiểu Đạo đó, có Bàn đạo trợ giúp luôn về vô hình. Hiện giờ Bàn đạo thơ thới, chớ không phải khổ nhọc như hồi sanh tiền. Nên vui mừng cho Bàn đạo đã thoát khổ.

Có Phối sư Thái Hà Thanh ở nhà không?

Bạch: Ông Phối Sư Hà đã vào nghỉ tại Nội Chánh.

Nói lại, Bàn đạo rất cảm ơn về sự hết lòng với Bàn đạo buổi chung qui, và xin cảm tạ ơn Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng Nam Nữ và Phước Thiện, toàn thể Trung Tông, tất cả Giáo Viên Đạo Đức Học Đường và toàn đạo.

Sự dĩ định của Thiên Thơ đúng theo với thời cơ xây chuyển. Kiểm Thánh giáo cũ xem lại thì thấy rõ. Mấy em và mấy con cần cấp lo bồi đắp công quả thiêng liêng cho kịp buổi, đừng để mất thì giờ, vì cơ mầu nhiệm mắc lắm đó, khó đoán được. THẮNG.

Đàn cơ đêm 26-11-Mậu Tuất (dl 5-1-1959) tại Giáo Tông Đường, Phò loan: Thượng Sanh - Tiếp Pháp. (8 giờ 30)

BẢO VĂN PHÁP QUÂN CAO QUỲNH ĐIỀU

Chào hai em Thượng Sanh và Tiếp Pháp, và mấy em.

Cười....

Tiếp Pháp! Bây giờ Bàn đạo hết rệu rồi nghe không! Nhớ lại buổi trước còn nằm dầm tại Trung Tông thì chán quá! Đi ở cũng là sự thường. Đi rồi gánh lại thương mấy bạn còn ở phải chịu bao nhiêu nhọc nhằn tâm trí, nhưng đó là nhiệm vụ của mỗi bạn do Đức Chí Tôn sắp đặt.

Bàn đạo nhờ từ tâm của Phật Mẫu và Cửu vị Phật Nương DTC nên cũngặng phần ân huệ thiêng liêng.

Hiện giờ, Bàn đạo hiệp với mấy bạn của chúng ta nơi thiêng liêng tiếp tục làm công quả về mặt phổ độ Á Châu.

Bần đạo có lời hiến chư quý bạn:

Đau khổ ném xong cái gánh trần,
Nhẹ nhàng mới toại chí thanh vân.
Đường mây vừa thoát tầm sông lệ,
Cánh hạc vui qua tận đánh thần.
Công lớn chưa ghi trang sử đạo,
Nghiep hồng còn tiếp dựng nền nhân.
Giặt mình hồi tiếc bao tâm sự,
Nhấn bạn trường tu gắng vẹn phần.

Thượng Sanh cùng cả thầy mấy bạn, Bần đạo xin để lời cảm ơn, thôi xin kiếu. THĂNG.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DTC: Điều Trì Cung.

TTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

TKPĐ: Tam Kỳ Phổ Độ.

BÁT

BÁT

1. **BÁT:** 八 Tám, thứ tám.
Td: Bát âm, Bát Nương, Bát quái.
2. **BÁT:** 鉢 Cái chén đựng đồ ăn.
Td: Bát vu.

Bát âm

八音

A: The eight sounds.

P: Les huit sons.

Bát: Tám, thứ tám. **Âm:** Tiếng, âm thanh.

Bát âm là tám loại âm thanh phát ra từ tám nhạc khí cổ ở đông phương.

Bát âm tương ứng với Bát Quái, kể ra:

1. Kim: Tiếng chuông thuộc cung Đoài.
2. Thạch: Tiếng khánh thuộc cung Cấn.
3. Ty: Tiếng dây đàn thuộc cung Ly.
4. Trúc: Tiếng sáo tre thuộc cung Khảm.
5. Bào: Tiếng sinh, kèn thuộc cung Tốn.
6. Thổ: Tiếng trống đất thuộc cung Khôn.
7. Cách: Tiếng trống da thuộc cung Càn.
8. Mộc: Tiếng mõ cây thuộc cung Chấn.

Bát âm là chỉ âm nhạc nói chung.

Bát bộ

(Xem: Tam Châu Bát Bộ, văn T)

Bát bửu - Dàn Bát bửu

八寶

A: Eight precious things.

P: Huit objets précieux.

Bát: Tám, thứ tám **Bửu:** còn đọc là Bảo, nghĩa là quý báu.

Bát bửu là tám món quý báu.

Từ ngữ Bát bửu thường dùng để chỉ tám món bửu bối của Bát Tiên thường giữ luôn bên mình.

Mỗi vị Tiên trong Bát Tiên có thể luyện được nhiều bửu bối, nhưng Bát bửu là tám bửu bối thường dùng của Bát Tiên.

1. Lý Thiết Quả có 2 bửu bối: Hồ lô và gậy sắt.
2. Hớn Chung Ly có 2 bửu bối: Quạt Long tu, Phất chủ.
3. Lữ Đồng Tân có 3 bửu bối: Gươm, Phất chủ, Ống tiêu.
4. Lam Thể Hòa có 1 bửu bối: Ngọc bản.
5. Trương Quả Lão có 2 bửu bối: Gậy và Lừa giấy.
6. Hà Tiên Cô có 1 bửu bối: Hoa sen.
7. Hàn Tương Tử có 2 bửu bối: Gươm và Giỏ Hoa lam.

8. Tào Quốc Cựu có 1 bửu bối: Thủ quyền bằng ngọc.

Nơi Tòa Thánh Tây Ninh, ở cấp thứ tám của CTĐ, hai bên có đặt hai **Dàn Bát bửu** song song và đối xứng nhau để trấn nơi Chánh điện, trên đó có 8 bửu bối của Bát Tiên đặt xen kẽ với 3 cây lọng, có thứ tự theo hình sau đây:

(8) (7) O (6) (5) (4) O (3) (2) O (1)

phía Bát Quái Đài

DÀN BÁT BỬU

(1) Hồ lô và gậy (Nai chớ): Bửu pháp của Lý Thiết Quả.

O là cây lọng, có 3 cây lọng cắm xen kẽ trên Dàn Bát Bửu.

(2) Quạt và Phất chủ (Chim chớ): Bửu pháp của Hớn Chung Ly.

(3) Gươm và Phất chủ (Chim chớ): Bửu pháp của Lữ Đồng Tân.

(4) Hai cây gậy trong cái ống (Nai chớ): Bửu pháp Trg Q. Lão.

(5) Giỏ Hoa Lam (Phụng chớ): Bửu pháp của Hàn Tương Tử.

(6) Hoa sen (Rùa chớ): Bửu pháp của Hà Tiên Cô.

(7) Thủ quyền (ống sáo) bằng ngọc (Cá chớ) của Tào Q. Cựu.

(8) Cặp Ngọc bản (Công chớ) của Lam Thế Hòa.

Công dụng của Dàn Bát bửu:

■ Về phương diện hình thức: Dàn Bát bửu với tám bửu bối của Bát Tiên đặt thành hai hàng dài song song trước nơi thờ phượng, thay thế cho hai Dàn Lỗ Bộ thường thấy, để làm tăng thêm vẻ uy nghi trang trọng nơi thờ phượng.

■ Về phương diện thiêng liêng: Tám bửu bối của Bát Tiên trấn giữ ngôi thờ Đức Chí Tôn, không cho tà quái xâm nhập vào, vì hễ xâm nhập thì bị tám bửu bối này đánh đuổi.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Bát cảnh cung

八境宮

A: The palace of eight sights.

P: Le palais de huit sites.

Bát: Tám, thứ tám **Cảnh:** Phong cảnh. **Cung:** Tòa nhà lớn.

Bát Cảnh Cung là tòa nhà lớn trong đó có tám cảnh do Đức Phật Mẫu chưởng quản để un đức cho Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh.

Do đó, nơi Báo Ân Từ, Đức Phạm Hộ Pháp dùng tám lồng căn để làm nơi thờ tạm Đức Phật Mẫu, mỗi lồng căn có đặt tám bảng nhỏ đề chữ nho 八境宮 (Bát Cảnh Cung).

Bát Đạo Nghị Định

八道議定

A: Eight religious decrees.

P: Huit décrets religieux.

Bát: Tám, thứ tám. **Đạo:** Tôn giáo, thuộc về tôn giáo. **Nghị định:** Lời quyết nghị trở thành luật.

■ Bát Đạo Nghị định là Tám Nghị Định quan trọng của Đạo Cao Đài do Đức Lý Giáo Tông hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp tạo thành Quyền Chí Tôn lập ra và đồng ký tên ban hành để chỉnh đốn các cơ quan và chỉnh đốn cách hành đạo.

■ Bát Đạo Nghị Định cũng có nghĩa là Đạo Nghị Định thứ tám trong Tám Đạo Nghị Định do Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập ra.

Chúng ta đã biết, theo Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn thì Quyền Chí Tôn được phân làm hai: một nửa cho Giáo Tông và một nửa cho Hộ Pháp. Cho nên khi Giáo Tông hiệp cùng Hộ Pháp lập ra điều gì thì đó là của Quyền Chí Tôn và nó trở thành Thiên điều, không bao giờ thay đổi.

Vậy Bát Đạo Nghị Định là Thiên điều bất di bất dịch.

Bát Đạo Nghị Định được Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập ra vào hai thời kỳ:

■ Ngày 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (dl 22-11-1930), đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh, phò loan: Hộ Pháp - Bảo Văn Pháp Quân, từ hàn: Sĩ Tải Phạm văn Ngọ, có Đức Quan Thánh Đế Quân trấn đàn.

Đức Lý Giáo Tông giáng cơ lập 6 Đạo Nghị Định từ số 1 đến số 6 có mục đích lập lại trật tự phân minh trong nền Đạo, phân quyền cho các phẩm Chức sắc, đưa Đầu Sư Thượng Trung Nhứt lên làm Quyền Giáo Tông tại thế, và giao cho Đức Hộ Pháp chú giải Pháp Chánh Truyền.

Sau khi ban hành 6 Đạo Nghị Định này thì Đức Hộ Pháp chú giải PCT, phân định quyền hành toàn cả Chức sắc HTĐ và CTĐ, phẩm phục châu lễ Đức Chí Tôn, rồi dâng cho Đức Lý Giáo Tông xem xét và phê chuẩn.

■ Bốn năm sau, ngày 16 tháng 7 năm Giáp Tuất (dl 25-8-1934), đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh, phò loan: Hộ Pháp - Tiếp Đạo, có Đức Cao Thượng Phẩm trợ điển, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ lập thêm hai Đạo Nghị Định số 7 và số 8, nhứt là Đạo Nghị Định số 8 là lá bùa ngăn chặn và trừ khử tà quyền lồng trong cửa Đạo.

Sau đây, xin chép nguyên văn Đạo Nghị Định thứ 8:

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ TÁM

Chiếu y Pháp Chánh Truyền CTĐ và HTĐ,
Chiếu y các Thánh giáo của Chí Tôn,
Nghĩ vì Đạo duy có một.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều thứ nhứt: Những Chi phái nào do bởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm gốc lập thành mà không do nơi mạng lệnh Hội Thánh thì cả chúng sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí Tôn và phải định quyết là Bàng môn Tả đạo.

Điều thứ hai: Các tôn giáo xin nhập môn vào mỗi Chơn truyền phải có đủ quyền Vạn linh và quyền Chí Tôn công nhận.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh
ngày rằm tháng 7 năm Giáp Tuất.

HỘ PHÁP
Phạm Công Tắc

GIÁO TÔNG
Lý Thái Bạch

Việc xin hủy bỏ Đạo Nghị Định thứ 8:

Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa là người rất tích cực dâng sớ vận động hủy bỏ Đạo Nghị Định thứ 8, vì Ngài có đại nguyện thống nhất các Chi phái của Đạo Cao Đài.

Ngài có hai lần dâng sớ cầu xin hủy bỏ, nhưng không được các Đấng chấp thuận.

■ **Lần thứ nhất:** Năm 1953, khi Bảo Đạo Ca Minh Chương giáng cơ báo tin sẽ nhượng quyền Bảo Đạo tại thế cho Ngài Hồ Tấn Khoa, thì Ngài Khoa liền dâng bức Khải lên Ca Bảo Đạo yêu cầu hiệp với Đức Cao Thượng Phẩm cầu xin Đức Lý Giáo Tông hủy bỏ Đạo Nghị Định thứ 8.

Đức Cao Thượng Phẩm và Ca Bảo Đạo giáng cơ trách cứ Ngài Khoa và cho biết đặt điều kiện như vậy là phạm Thiên điều. Điều tốt nhất cho Ngài Khoa là vâng lệnh Đức Chí Tôn và Ngọc Hư Cung. (Xem lại: **Bảo Đạo Ca Minh Chương, văn B**)

■ **Lần thứ nhì:** Năm 1978, khi Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa cầm quyền Chương quản HTĐ (vì tất cả vị Thời Quân khác đã đăng Tiên), Ngài lại dâng mật sớ lên Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp một lần nữa cầu xin hủy bỏ Đạo Nghị Định số 8 để Ngài qui hiệp các Chi phái về TTTN. Nhưng lần cầu xin thứ nhì này cũng không được các Đấng chấp thuận.

Trong lúc này, việc thông công với các Đấng thiêng liêng bằng cơ bút bị nhà nước cấm hẳn, nên Ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại được Đức Cao Thượng Phẩm cho phép xuất chơn thần lên cõi thiêng liêng gặp Đức Thượng Phẩm để xem mật sớ này và cho biết quyết định của quyền thiêng liêng.

Ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại có thuật lại việc này và nói đại khái như sau:

■ Cái gì mà Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lập ra thì đó là Thiên điều, không sửa cải được, có giá trị đến thất ức niên.

■ Đạo Nghị Định thứ 8 là lá bùa hiệu nghiệm để tiêu diệt và ngăn ngừa các Chi phái lồng vào nội bộ của Đạo.

Đạo Thiên Chúa có cả trăm mấy chục Chi phái mà Đức Giáo Hoàng không biết làm sao thống nhất cho được; Đạo

Phật có hơn 300 Chi phái mà cũng không có một quyền lực nào thống nhất làm thành một mối cho được.

Nếu hủy bỏ Đạo Nghị Định thứ 8 thì số Chức sắc của Đạo mỗi khi bất bình Hội Thánh liền tách ra lập Chi phái, thì số Chi phái càng ngày càng tăng, lấy gì để ngăn chặn?

Nếu hủy bỏ Đạo Nghị Định số 8 thì khi Chi phái trở về lòng vào Hội Thánh thì làm sao đuổi nó ra?

Cho nên, Đạo Nghị Định số 8 là lá bùa trừ khử sự chia rẽ, ngăn ngừa việc lập Chi phái, giữ gìn toàn vẹn nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn mãi mãi trong thất ức niên.

Các Chi phái đã lập ra trước khi có Đạo Nghị Định số 8, nếu không tự giác qui hiệp về TTTN theo các điều luật đã được qui định trong Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) thì dần dần rồi đây sẽ suy tàn và mất hẳn.

Chúng ta nhớ bài thi tiên tri của Đức Chí Tôn:

*Đạo Thầy nhiều nhánh các con coi,
Nhánh có trái bông, nhánh cụt còi.
Rốt cuộc cành khô cùng lá héo,
Còn gì tươi tốt để con coi.*

Chúng ta kiểm điểm lại quá trình lập các Chi phái do các Chức sắc TTTN bất bình Chức sắc bề trên tách ra tự lập, trước khi Đạo Nghị Định số 8 ra đời, tức là từ năm 1926 đến 1934.

■ Khởi đầu là Ngài Ngô Văn Chiêu không nhận chức Giáo Tông do Đức Chí Tôn dự bị phong thưởng, Ngài tách ra khỏi nhóm Phổ Độ để lo tu đơn. Khoảng năm 1928, Ngài lập phái Chiếu Minh Vô Vi ở Cần Thơ, chuyên về tịnh luyện.

■ Kế đó, năm 1930, Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh tách ra khỏi TTTN, lập phái Tiên Thiên ở làng Sóc Sãi tỉnh Bến Tre. Cơ bút riêng của ông Chính phong ông chức Chưởng Pháp.

■ Năm 1930, Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh (Vương Quan Kỳ) không tuân lệnh TTTN áp dụng nghi lễ mới, nên tách ra lập phái Cầu Kho tại Thánh Thất Cầu Kho.

■ Năm 1931, ông Phối Sư Thái Ca Thanh cũng tách khỏi TTTN, lập phái Minh Chơn Lý ở Cầu Vỹ, Mỹ Tho.

■ Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang tách khỏi TTTN, theo ủng hộ phái Minh Chơn Lý của Phối Sư Ca, sau thấy Minh Chơn Lý biến thành Tà đạo, liền bỏ Minh Chơn Lý, xuống Bạc Liêu, hợp với Cao Triều Phát lập phái Minh Chơn Đạo vào năm 1934.

■ Năm 1933, Nguyễn Phan Long lập Liên Hòa Tổng Hội, kéo về TTTN mở Hội Vạn Linh mà ông Long làm Nghị trưởng có ý định truất phế Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, nhưng không thành công, đành kéo về Sài Gòn.

■ Đầu năm 1934, hai Ngài Quyền Đầu Sư: Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) bất đồng ý kiến trầm trọng với Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, nên tách ra lập Ban Chính Đạo, lấy Thánh Thất An Hòa ở Bến Tre làm trụ sở, nên thường gọi là phái Bến Tre. Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đăng Tiên vào cuối năm 1934 thì ở Bến Tre tổ chức bầu cử vào năm 1935: Ngài Nguyễn Ngọc Tương lên làm Giáo Tông và Ngài Lê Bá Trang lên làm Chưởng Pháp.

Sau khi hai Ngài Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang tách khỏi TTTN lập Chi phái Bến Tre vào đầu năm 1934, thì giữa năm 1934, Đức Lý Giáo Tông hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập Đạo Nghị Định số 8, thì kể từ đó về sau, không còn Chức sắc nào dám tách ra khỏi TTTN để lập Chi phái nữa.

Nhưng trong mỗi Chi phái các vị lại bất đồng ý kiến, tự tách ra lập thêm Chi phái nữa, đó là Chi phái sanh Chi phái, làm cho số Chi phái tăng lên rất nhiều. (Xem: Chi phái, văn Ch)

Hai phong trào Chi phái chống lại TTTN rất mạnh mẽ, có sự ủng hộ của Chánh quyền Pháp, khủng bố các Chức sắc và tín đồ TTTN là của quý Ông: Nguyễn Phan Long (Liên Hòa Tổng Hội) và Nguyễn Ngọc Tương + Lê Bá Trang (Ban Chính Đạo), làm Hội Thánh TTTN điêu đứng khổ sở, nhưng rốt cuộc họ vẫn thất bại, dầu họ không ngại áp dụng bạo lực và được cường quyền giúp đỡ.

Chính những việc đó mới thấy rõ rằng, câu nói của Đức Chí Tôn là chơn lý: **"Chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi."**

Nhìn lại, từ ngày các vị tách khỏi TTTN lập Chi phái đến nay thì các vị ấy lập được những công trình gì làm về vang cho Đạo? Hay đó chỉ là thỏa mộng bá quyền, tranh quyền tranh chức? Và vì không có chánh nghĩa thật sự nên dần dần mất đi sự ủng hộ của tín đồ, theo thời gian lộ rõ các nét phàm, nên cuối cùng tan rã dần, sẽ tự diệt trong một tương lai gần.

Kết luận: Nhờ Đạo Nghị Định thứ 8 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp mà từ đây về sau Đạo Cao Đài không còn nảy sinh Chi phái, trở thành một nền Đại Đạo duy nhất, chỉ có một Hội Thánh duy nhất đến thất ức niên.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Bát hồn

八魂

A: Eight grades of souls.

P: Huit grades d'âmes.

Bát: Tám, thứ tám. **Hồn:** Linh hồn, chơn linh.

Bát hồn là tám đẳng cấp tiến hóa của linh hồn, nên còn được gọi là Bát phẩm chơn hồn.

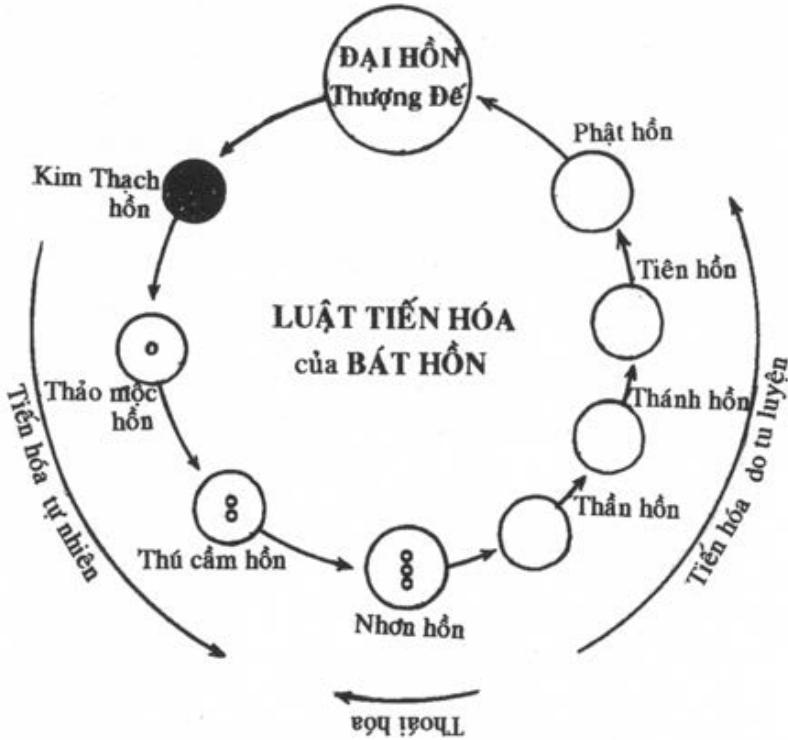
Tất cả Chơn linh trong CKVT, gọi là Vạn linh, được chia làm 8 bậc tiến hóa cao thấp khác nhau, kể từ thấp lên cao:

1. Kim thạch hồn.
2. Thảo mộc hồn.
3. Thú cầm hồn.
4. Nhơn hồn.
5. Thần hồn.
6. Thánh hồn.
7. Tiên hồn.
8. Phật hồn.

Cấp thấp nhất là Kim Thạch hồn, gồm vật chất, đất đá, kim loại. Đó là những vật chưa có tri giác.

Thứ tự trong Bát hồn là nấc thang tiến hóa của chơn hồn.

Khởi đầu đi từ bậc thấp nhất là Kim Thạch hồn, dần dần tiến hóa lên Thảo mộc hồn, rồi đến Thú cầm hồn, kế tiến hóa lên Nhơn hồn. Sự tiến hóa này kéo dài không biết bao nhiêu ngàn kiếp, nó có tánh cách liên tục và tự nhiên, vì các loài Kim Thạch, Thảo mộc, Thú cầm đều sống theo bản năng của nó do Trời ban cho. Chúng chưa có ý thức, chưa có suy nghĩ hiểu biết về thiện ác, về tử bi bác ái.



Khi tiến hóa đạt phẩm Nhơn hồn thì xem như đạt được phân nửa chu kỳ tiến hóa. Nhơn hồn có đầy đủ trí thức tinh thần.

Từ Nhơn hồn, con người có thể tiến hóa lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật hồn, nếu biết làm lành lánh dữ, bác ái vị tha, công bình chánh trực, sống theo Thiên lý. Đó là sự tiến hóa có được do ý thức tu hành. Bằng ngược lại, con người

làm ác, hại người lợi mình, đắm mình vào vật dục thấp hèn, thì Nhơn hồn sẽ bị thoái hóa xuống các đẳng cấp thấp kém hơn.

Tóm lại:

- Sự Tiến hóa trong giai đoạn đầu từ Kim thạch hồn lên Nhơn hồn là sự Tiến hóa tự nhiên, do sự thúc đẩy của Luật Tiến hóa của Thượng Đế, sự tiến hoá đi lên dần dần theo từng cấp bậc, không có sự vượt cấp và cũng không có sự thoái cấp.

- Sự Tiến hóa trong giai đoạn tiếp theo, từ Nhơn hồn lên Phật hồn là do sự Tu luyện của Nhơn hồn, nên Nhơn hồn có thể tiến hóa vượt cấp và cũng có thể thoái hóa xuống Cầm thú.

Tiến hóa vượt cấp là khi Nhơn hồn tu luyện có công đức dồi dào thì tiến hóa vượt qua Thần hồn và Thánh hồn, để đạt đến Tiên hồn và Phật hồn.

Sự Tiến hóa đi lên của Nhơn hồn, khi đã đến Phật hồn rồi thì chưa phải là đến mức tận cùng của nấc thang tiến hóa. Phật hồn còn phải tiếp tục tu luyện để tiến hóa lên mức tận cùng tối cao là Thiên hồn, tức là Đại hồn của Thượng Đế.

Tới đây mới giáp một chu trình tiến hóa của Vạn linh, bởi vì Vạn linh xuất phát từ Thiên hồn (Đại Hồn, Đại Linh Quang, Thái Cực), đi chu du một vòng tiến hóa, trải qua Bát hồn, nay trở về hiệp nhập vào Đại hồn của Thượng Đế là đúng một chu trình tiến hóa.

Đức Cao Thượng Phẩm có giảng cơ giảng giải về sự tiến hóa của Bát hồn, trong Luật Tam Thể, trích ra như sau:

Từ lúc Hỗn Độn sơ khai, Âm Dương biến hóa, trong Khí Hư Vô đã sẵn các tế bào. Sau tiếng nổ, Âm Dương phân tách: Khí Dương quang là khí nhẹ nhàng bay lên trên, còn khí Âm quang là khí chất chứa các tế bào nên lóng xuống dưới.

- Sau một *Chuyển*, các chất khí trên liên đới với tế bào mà tụ lại thành chất khí và biến thành vạn vật. Khi chưa thành hình thể hữu vi, thì chất khí vẫn là một cục lửa do khí Dương quang đốt cháy, sau đó, nơi Diêu Trì Cung thân Thập nhị Địa

Chi mà biến khí Dương quang và chất khí làm Ngũ Hành. Vậy cho nên, Đất, Nước, Sắt, Đá, và Lửa được nẩy sanh trước hết, đó là Kim thạch hồn.

■ Sau một *Chuyển* nữa, Nước, Đất, Đá, Lửa và Sắt mới tiêu ra một chất khí và liên đới với các tế bào lại mà tạo nên cây cỏ, đó là Thảo mộc hồn.

■ Sau một *Chuyển* nữa, các cây cỏ chia tế bào mà liên đới với Ngũ Hành tạo nên Bách Thú, trong đó phần ở khô gọi là Điều thú, còn phần ở nước gọi là Ngư thú, đó là Thú cầm hồn. Cầm thú đều là Bách thú.

■ Sau một *Chuyển* nữa, Ngũ Hành hiệp với Thảo mộc mà nuôi Thú cầm. Trong Thú cầm, chơn hồn đã bước vào Cơ Tấn hóa, do đó tạo nên Thi Tổ loài người là La Hầu, tức người khỉ đó. La Hầu lần lần sanh hóa và nhờ điểm Linh quang của Chí Tôn mà lần đến loài người như hiện giờ, đó là Nhơn hồn."

"Nhơn hồn nào được trọn Trung, ấy đã vào Thần vị.

Biết được nghĩa chánh, bồi bổ đạo Nhơn luân, tức là Thánh vị.

Đến Thánh hồn thì tự nhiên phải thông suốt phần Thế Đạo đó vậy. Trong phần Thế Đạo mà tạo được Bí pháp đặng bước qua mặt Thế pháp Thiên Đạo, tức là Tiên vị.

Đã lập được Thế pháp Thiên Đạo mà tầm nên Bí pháp Thiên Đạo, tức là đắc pháp, ấy là Phật vị."

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Bát nhã

般若

A: The wisdom.

P: La sagesse.

Bát nhã là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn: Prajnâ hay tiếng Pali: Pannâ, phiên âm ra chữ Hán, đọc theo âm Hán Việt là *Ban nhực*.

Bát nhã là từ ngữ đặc biệt của Phật giáo, bao hàm nhiều nghĩa cao xa, nên người ta thường dùng tiếng phiên âm hơn là dịch nghĩa. Bát nhã gồm những ý nghĩa sau đây:

- Trí huệ: Cái trí sáng về đạo lý.
- Huệ là sự sáng suốt của bực thoát trần.
- Thanh tịnh: Trong sạch, không nhiễm trược trần.
- Minh: Sự sáng suốt, không còn mê muội hay lầm lạc.
- Viễn ly: Thoát khỏi các phiền não và các oan nghiệt.

Bát nhã là cái tâm trí thoát ra ngoài Tham, Sân, Si, dứt các mê lầm, tự mình thông đạt, sáng suốt giác ngộ.

Như thế, Bát nhã là cái trí huệ cao siêu đệ nhất trong tất cả trí huệ, là thứ mà không gì sánh bằng hay cao hơn nó được.

Có ba thứ Bát nhã:

1. **Thật Tướng Bát nhã:** Cái trí sáng suốt sẵn có nơi mỗi người.
2. **Quán chiếu Bát nhã:** Cái trí sáng suốt phân biệt các pháp, loại trừ những tà chấp, vọng niệm.
3. **Văn tự Bát nhã:** Cái trí sáng suốt nhận biết cái lý cao siêu trong các kinh điển.

Bát nhã ba la mật

般若波羅蜜

Đây là từ ngữ phiên âm từ tiếng Phạn: **Prajñā paramita**, phiên âm đầy đủ là: *Bát nhã ba la mật đa*, nghĩa là:

- *Bát nhã* là trí huệ.
- *Ba la mật* là vượt qua bể ngạn và đưa người cùng qua với, tức là độ người vượt qua biển khổ đến bờ giác ngộ.

Bát nhã ba la mật nghĩa là trí huệ đáo bỉ ngạn hay huệ độ.

Đó là cái trí huệ siêu việt. Lấy cái trí huệ này soi tỏ thực tướng, làm thành con thuyền hay cái bè để đưa nhưn sanh từ bờ sinh tử luân hồi sang bờ bên kia là bờ tuyệt luân giác ngộ, vào cõi Niết Bàn.

Cái mầm mống của trí huệ siêu việt vốn sẵn có trong mỗi người, nhưng vì bị vô minh và dục vọng che lấp nên con người không biết. Các pháp môn tu hành của Phật giáo là để khơi dậy là phát triển cái mầm mống ấy trong mỗi con người để nó thành Bát nhã ba la mật. Trong kinh điển Đại thừa, các bộ kinh Bát nhã chiếm vị trí quan trọng bậc nhất.

Bát nhã ba la mật là nền đại đức đại hạnh cao rốt về trí huệ của người tu Phật giáo, quyết chí tu hành cho đạt Phật vị.

Có 6 nền đại hạnh đại đức đưa đến đắc đạo, nên thường được gọi là *Lục độ* hay *Lục Ba la mật*, kể ra:

1. Bố thí.
2. Trì giới.
3. Nhẫn nhục.
4. Tinh tấn.
5. Thiền định.
6. Trí huệ.

Bát nhã thuyền

(Xem: Thuyền Bát nhã, văn Th)

Bát Nương

八娘

A: Eighth Muse, the Chinese Muse.

P: Huitième Muse, la Muse Chinoise.

Bát: Tám, thứ tám. **Nương:** Cô, Bà, tiếng gọi người phụ nữ quý phái.

Bát Nương là vị Nữ Tiên thứ tám trong Cửu vị Tiên Nương DTC, hầu cận Đức Phật Mẫu.

Bát Nương mặc áo xanh, tay cầm bửu pháp là Giỏ Hoa lam, ngồi bên mặt Đức Phật Mẫu, nơi tượng thờ Đức Phật Mẫu trong Báo Ân Từ TTTN.

Bát Nương có một kiếp giáng trần ở Trung hoa vào thời Tiên Hán, tên là Bạch Liên hay Liên Bạch (hoa sen trắng), nên thường giáng cơ xưng là Hớn Liên Bạch.

Bài thài hiến lễ Bát Nương trong Lễ Hội Yến DTC:

*Hồ HỚN HOA SEN TRẮNG nở ngày,
Càng gần hơi đẹp lại càng say.
Trêu trắng hằng thói dẫu mây,
Cột mây tranh chức Phật đài thêm hoa.*

Bát Nương có công rất lớn trong việc dẫn dắt các vị tiền khai Đại Đạo như: Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Thượng Sanh Cao Hoài Sang, và Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

Cho nên trong bài Kinh TTCĐDTKM có 2 câu:

*Bát Nương thật Đáng chí linh,
Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu.*

Nơi Báo Ân Đường ở Nam Vang, hơn khi Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan, Bát Nương giáng cơ cho nguyên bài Phật Mẫu Chơn Kinh. Đây là bài kinh rất quan trọng nêu lên triết lý và giáo lý mới mẻ rất đặc biệt của Đạo Cao Đài mà từ trước tới nay, chưa một tôn giáo nào có được. Đó là sự tôn thờ Đức Phật Mẫu, là ngôi Âm của CKVT, nắm quyền tạo hóa CKVT và vạn vật.

Trong Cửu vị Tiên Nương, Bát Nương giáng cơ dạy Đạo nhiều nhất, khi thì giáng cho thi, khi thì giáng cho văn xuôi, kể đó là Thất Nương, rồi Lục Nương, còn các vị Tiên Nương khác thì ít giáng hơn.

Bát Nương cùng với Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ dạy về Luật Tam Thể. Đây là căn bản của triết lý về Nhân sinh quan của Đạo Cao Đài.

DTC: Diêu Trì Cung.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Bát quái

I. Tiên Thiên Bát quái đồ

1. Tên và ý nghĩa của Tám quẻ
2. Nguồn gốc của Bát quái
3. Vua Phục Hy làm ra Bát quái thể nào?
4. Đặc điểm của Tiên Thiên Bát quái

II. Hậu Thiên Bát quái đồ

1. Lạc Thư
2. Văn Vương lập Hậu Thiên Bát quái đồ thể nào?

III. Tương quan giữa Tiên Thiên Bát quái & Hậu Thiên Bát quái

1. Đứng về mặt không gian
2. Đứng về mặt thời gian
3. So sánh phương vị của Tiên Thiên BQ và Hậu Thiên Bát Quái
4. Chiết KHÂM điền LY: Chuyển Hậu Thiên Bát quái thành Tiên Thiên Bát quái

IV. Cao Đài Bát quái

Bát quái

八卦

A: Eight diagrams.

P: Huit diagrammes.

Bát: Tám, thứ tám. **Quái:** Quẻ, nghĩa là treo, vì khi xưa, văn tự thời thái cổ (trước Thương Hiệt) được khắc vào ngọc hay đá rồi đem treo trong các hang động. Quái được dùng làm những định pháp để quyết đoán sự nghi ngờ, chọn những quyết sách để dạy dân và đem khắc vào đá để lưu lại đời sau.

Bát quái là tám quẻ. Bái quái đồ là một bức vẽ gồm tám quẻ xếp đặt trên tám cạnh của một hình bát giác đều.

Mỗi quẻ của Bát quái có ba vạch liền hay đứt đoạn. Vạch liền tượng trưng Dương, vạch đứt đoạn tượng trưng Âm.

Sách điển giải Bát Quái và các quẻ do Bát quái biến hóa ra gọi là Kinh Dịch.

Có 3 cách sắp đặt Bát quái trên Bát quái đồ:

1. *Thời Nhứt Kỳ Phổ Độ*, vua Phục Hy (2852-2737 trước Công nguyên) chế ra Bát quái để giải thích sự hình thành Trời Đất, nên Bát quái ấy được gọi là Tiên Thiên Bát quái.

2. *Thời Nhị Kỳ Phổ Độ*, vua Văn Vương (1136-1122 trước Công nguyên) nhà Châu biến đổi Tiên Thiên Bát Quái của vua Phục Hy để giải thích sự hình thành vạn vật, sau khi đã có Trời Đất, do đó Bát quái do vua Văn Vương chế ra được gọi là Hậu Thiên Bát quái.

3. *Thời Tam Kỳ Phổ Độ*, Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài, lập nên Tòa Thánh có Bát Quái Đài để thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Bát quái đó do Đức Chí Tôn đặt ra nên gọi là Cao Đài Bát quái.

Sau đây, chúng ta sẽ lần lượt trình bày ba kiểu Bát quái vừa nêu trên.

I. Tiên Thiên Bát quái đồ:

先天八卦圖

A: Eight Diagrams of Ante-Creation.

P: Huit Diagrammes de l'Ante-Création.

1. Tên và ý nghĩa của Tám quẻ:

Vua Phục Hy căn cứ vào hai nguyên lý Âm Dương chế ra Bát quái, mà Âm Dương này do Thái Cực biến hóa tạo ra.

Thái Cực được biểu thị bằng một vòng tròn: ○

Nghi Dương được biểu thị bằng một vạch liền: —

Nghi Âm được biểu thị bằng một vạch đứt: - -

* Đem hai vạch Âm Dương chồng lên nhau thành từng đôi và thay đổi vị trí trên dưới giữa hai vạch ấy thì ta được 4 hình sau đây gọi là Tứ Tượng:



Thái Dương Thái Âm Thiếu Dương Thiếu Âm

* Nếu đem hai vạch Âm Dương đặt chồng lên nhau thành từng nhóm ba vạch và thay đổi vị trí trên dưới của chúng, ta được 8 hình sau đây, gọi là Bát quái:

| TT | Quái | Tên | Hình tượng Thiên nhiên | Thành phần | Hình thức |
|----|---|-----------|---------------------------|--------------------------|------------------|
| 1 |  | 乾 CÀN | Trời Con rồng | 3 Dương (thuần dương) | Cần ba liền |
| 2 |  | 兌 ĐOÀI | Đầm Hơi nước | 2 Dương 1 Âm | Đoài khuyết trên |
| 3 |  | 離 LY | Lửa Mặt Trời | 2 Dương 1 Âm | Ly rỗng giữa |
| 4 |  | 巽 TÓN | Gió Rừng | 2 Dương 1 Âm | Tón đứt dưới |
| 5 |  | 坤 KHÔN | Đất Con trâu | 3 Âm (thuần âm) | Khôn 6 đoạn |
| 6 |  | 震 CHẤN | Sấm Cây cối | 1 Dương 2 Âm | Chấn ngựa bát |
| 7 |  | 坎 KHẨM | Nước Mặt trăng | 1 Dương 2 Âm | Khảm đầy giữa |
| 8 |  | 艮 CẢN | Núi | 1 Dương 2 Âm | Cản úp chén |

2. Nguồn gốc của Bát quái:

Ông Khổng An Quốc, một Nho gia đời nhà Hán có viết rằng: "Đời vua Phục Hy có con Long mã xuất hiện trên sông Hoàng Hà. Nhà vua quan sát thấy trên lưng của nó có những đốm đen trắng ở những vị trí đặc biệt, nhà vua ghi nhớ và vẽ lại thành một bức đồ gọi là Hà đồ, và từ Hà đồ nhà vua lập ra Bát quái." Vậy, nguồn gốc của Bát quái là Hà đồ và người lập ra Bát quái là vua Phục Hy.

a) Vua Phục Hy (2832-2737) là vị vua thông thái thời thái cổ nước Tàu. Ngài tượng trưng cho ánh sáng mặt trời nên dân gọi Ngài là Thái Hạo. Ngài dạy dân đánh cá, chăn nuôi các giống vật dùng để tế Thần, nên còn gọi Ngài là Bào Hy. Ngài làm vua 95 năm, truyền lại 15 đời, tổng cộng 1260 năm.

b) Long mã là loại thú linh, đầu rồng mình ngựa nhưng có vẩy như rồng, xương cổ dài, cao lớn, mình không thấm nước.

Long mã có đầu rồng tượng trưng Dương, mình ngựa tượng trưng Âm, nên Long mã là thú linh tượng trưng Âm Dương.

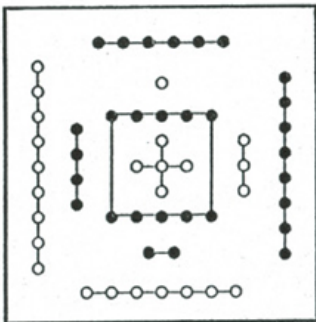
Truyện thần thoại xưa chép lại sự xuất hiện của Long Mã trên sông Hoàng Hà như sau:

Thình lình có một trận dông lớn nổi lên, nước sông Hoàng Hà dâng cao, giữa sông nổi lên một con quái, đầu rồng mình ngựa, đứng khời khời trên mặt nước. Dân chúng thấy lạ, cấp báo cho vua Phục Hy biết. Nhà vua liền đến nơi quan sát. Phục Hy là vị Thánh Đế nên biết con quái ấy là Long mã, một loại thú linh biết hiểu tiếng người. Nhà vua phán: Nếu phải nhà người đem vật báu đến dâng cho ta thì hãy lại đây. Long mã từ từ đi vào bờ, đến trước mặt nhà vua quì xuống. Vua Phục Hy thấy trên lưng Long mã có mang một cây kiếm báu và có một bức đồ gồm 55 đốm nhỏ đen trắng, vua ghi nhớ rồi gỡ lấy kiếm báu. Long mã liền đứng dậy đi ra khơi và biến mất.

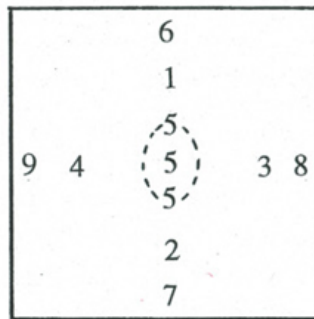
Mực nước sông Hoàng Hà trở lại như lúc bình thường.

c) Hà đồ: Vua Phục Hy vẽ lại các đốm đen trắng thấy được trên mình Long Mã, tạo thành một bức đồ, gọi là Hà đồ. Đồ là bức vẽ, Hà là sông Hoàng Hà. Hoàng Hà là một con sông lớn và dài ở Trung hoa, bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng, dài 8800 dặm, chảy ra biển Trung hoa.

55 đốm đen trắng của Hà đồ tượng trưng những con số từ 1 đến 10, biểu thị Âm Dương: Các đốm trắng là những số lẻ: 1, 3, 5, 7, 9 tượng trưng Dương; các đốm đen là những số chẵn: 2, 4, 6, 8, 10 tượng trưng Âm.



Hà Đồ



Hà Đồ tóm tắt bằng số

Dịch Hệ Từ Thượng viết: Trời 1 Đất 2, Trời 3 Đất 4, Trời 5 Đất 6, Trời 7 Đất 8, Trời 9 Đất 10.

■ Trời có năm số lẻ, là CŨY tượng trưng Dương. Cộng năm số lẻ này được 25: $(1 + 3 + 5 + 7 + 9 = 25)$

■ Đất có năm số chẵn, là NGẪU tượng trưng Âm. Cộng năm số chẵn này được 30: $(2 + 4 + 6 + 8 + 10 = 30)$

Tổng cộng hai số của Trời Đất, được 55: $(25 + 30 = 55)$

Số 55 này biểu thị sự biến hóa vô cùng của Trời Đất.

3. Vua Phục Hy làm ra Bát quái thế nào?

Ngày xưa, vua Phục Hy cai trị thiên hạ, ngẩng lên thì xem tượng Trời, cúi xuống thì nhìn hình trên mặt đất, xem các vẽ của chim muông, cùng những tiện nghi của mặt đất, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở mọi vật, lại quan sát cái tượng Âm Dương của Hà đồ, suy nghĩ sự biến hoá của Trời Đất: Từ Thái cực là số 1 mới có Lưỡng nghi là số 2, từ số 2 mới có 3 và 4 tức là từ Lưỡng nghi mới có Tứ Tượng, rồi biến hoá ra số 5, 6, 7, 8, tức là tạo thành Bát quái, vv...

Như vậy, việc phát minh ra Bát quái của vua Phục Hy là nhờ sự quan sát và suy luận của một bậc đại trí.

Đặt vị trí các quái theo phương vị, tiến hành như sau:

■ CÀN là Trời (Dương), KHÔN là Đất (Âm). Trời Đất tức Âm Dương là gốc của muôn vật nên xuất hiện trước nhất.

- CÀN thì ấm áp nên đặt ở phương Nam.
- KHÔN thì lạnh lẽo nên đặt ở phương Bắc.

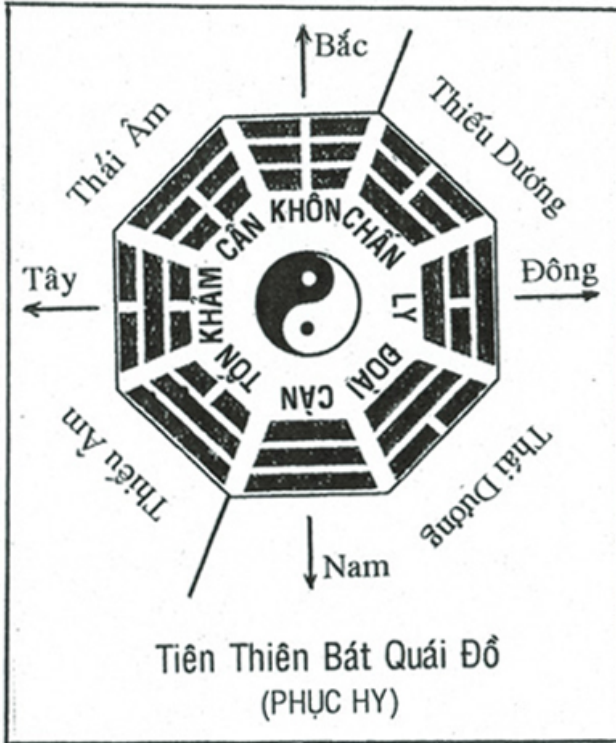
■ Ấm và lạnh tạo ra hơi nước, sương mù, nên đặt ĐOÀI tiếp theo CÀN.

■ Còn LY là lửa, là mặt trời thì đặt ở phương Đông là hướng mặt trời mọc, nên đặt LY tiếp theo ĐOÀI.

■ Hơi nước và khí nóng phát động tạo ra sấm sét, đồng thời giúp cây cỏ nảy sinh, nên đặt CHẤN tiếp theo LY.

■ Mặt đất thì lồi lõm, nơi cao thành núi, nên đặt CẤN kế bên KHÔN; còn nơi thấp thì nước đọng lại thành sông, biển, hồ, nên đặt KHẢM tiếp theo CẤN.

■ Các chuyển động đều tạo ra gió, nên đặt TỐN sau cùng



Đó là Bát quái có đầy đủ: Trời Đất, mặt trời mặt trăng, và Thủy Hỏa Phong.

Phục Hy bố trí các quẻ theo hình tròn, đứng từ tâm điểm hướng ra ngoài, vì Phục Hy quan niệm Vũ trụ rộng lớn bao la đến đâu đi nữa nhưng khởi điểm vẫn ở trung tâm là Thái Cực.

Trước khi có Âm Dương là thời Hỗn Độn (Hồng Mông) mờ mờ mịt mịt gọi là VÔ CỰC, rồi từ Vô Cực mới có THÁI CỰC, có Thái Cực mới có Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành, Bát Quái, rồi từ Bát quái mới biến hóa ra mãi để tạo thành CKVT và vạn vật.

4. Đặc điểm của Tiên Thiên Bát quái:

- Bát quái Tiên Thiên phân làm 2 phía, mỗi phía 4 quẻ.
 - Quẻ Dương là quẻ có hào Dương ở đáy (vạch liền ở dưới)

- Quẻ Âm là quẻ có hào Âm ở đáy (vạch đứt ở dưới).
 - Bốn quẻ: Càn, Đoài, Ly, Chấn thuộc Dương.
 - Bốn quẻ: Khôn, Cấn, Khảm, Tốn thuộc Âm.
- Các quẻ đối ngược với nhau từng đôi một xuyên qua tâm của vòng tròn: Hào Âm đối với hào Dương.
- Quẻ CÀN đối với quẻ KHÔN,
 - Quẻ ĐOÀI đối với quẻ CẤN,
 - Quẻ LY đối với quẻ KHẢM,
 - Quẻ CHẤN đối với quẻ TỐN.

II. Hậu Thiên Bát quái đồ:

後天八卦圖

A: Eight Diagrams of Post-Creation.

P: Huit Diagrammes de Post-Création.

Vua Phục Hy đã lập ra Tiên Thiên Bát quái đồ, phát họa cả một thời gian dài của vũ trụ lúc khởi đầu còn là vô hình.

Vua Văn Vương kế tục sự nghiệp đó, thiết lập Hậu Thiên Bát quái đồ, để mô tả giai đoạn biến hóa của vũ trụ vô hình qua hữu hình.

Có Tiên Thiên Bát quái đồ mà không có Hậu Thiên Bát quái đồ thì quan niệm về vũ trụ chưa toàn diện, cũng như có Phục Hy mà không có Văn Vương thì Dịch lý còn thiếu sót.

Văn Vương tham khảo ba đồ hình: Hà đồ, Tiên Thiên Bát quái đồ và Lạc Thư để thiết lập Hậu Thiên Bát quái đồ.

Hà đồ và Tiên Thiên Bát quái đã trình bày ở phần trước.

Còn **Lạc Thư** là gì ?

Lạc Thư là sách có nguồn gốc ở sông Lạc, tức là sách ghi lại những nốt đen trắng trên lưng Thần qui xuất hiện ở sông Lạc, nơi vua Hạ Võ đang trị thủy. Do đó, Lạc Thư còn được gọi là Qui Thư. (Qui là con qui, giống như rùa; thư là sách).

Hán nho Khổng An Quốc viết: "Đời vua Hạ Võ có con Thần qui nổi lên ở sông Lạc. Nhà vua quan sát những nốt trên lưng qui, vẽ lại thành một bức đồ, gọi là Lạc Thư. Nhờ Lạc Thư, vua Hạ Võ thiết lập Hồng Phạm Cửu Trù."

1. Lạc Thư:

Sông Lạc phát nguyên từ tỉnh Thiểm Tây, chảy về hướng đông nam qua các đất Bảo An, Cam Tuyền, rồi hợp với sông Vị để cùng đổ vào sông Hoàng Hà.

Thần qui là con rùa Thần, tức con rùa sống trên 5.000 năm, nên rất thiêng. Vua Hạ Vũ đang trị thủy ở sông Lạc, thấy một con Thần qui rất lớn xuất hiện, có nhiều vết chấm đặc biệt trên lưng, đếm từ số 1 đến 9. Nhà vua theo đó sắp đặt thành Cửu Trù. Những vết chấm trên lưng Thần qui được ghi lại thành sách gọi là Lạc Thư hay Qui thư.

Sau đây là biểu đồ của Lạc Thư:

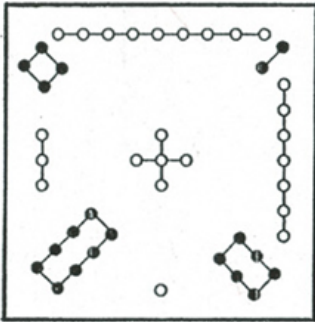
Lạc Thư mô phỏng theo hình lưng rùa, nên vuông, gồm 9 số, bố trí theo hình chữ TỈNH 井:

Tổng cộng các chấm trên Lạc Thư là 45:

$$(4 + 9 + 2) + (3 + 5 + 7) + (8 + 1 + 6) = 45$$

Âm là các số chẵn (số ngẫu) gồm 4 số, cộng lại là 20.

$$2 + 4 + 6 + 8 = 20$$



Lạc Thư

| | | |
|---|---|---|
| 4 | 9 | 2 |
| 3 | 5 | 7 |
| 8 | 1 | 6 |

Lạc Thư tóm tắt bằng số

Theo biểu đồ của Lạc Thư, nếu cộng ba số theo hàng ngang, bất kỳ hàng nào; rồi cộng ba số theo hàng dọc, bất kỳ hàng nào; rồi cộng ba số theo hai đường chéo, ta thấy chúng đều bằng nhau và bằng 15.

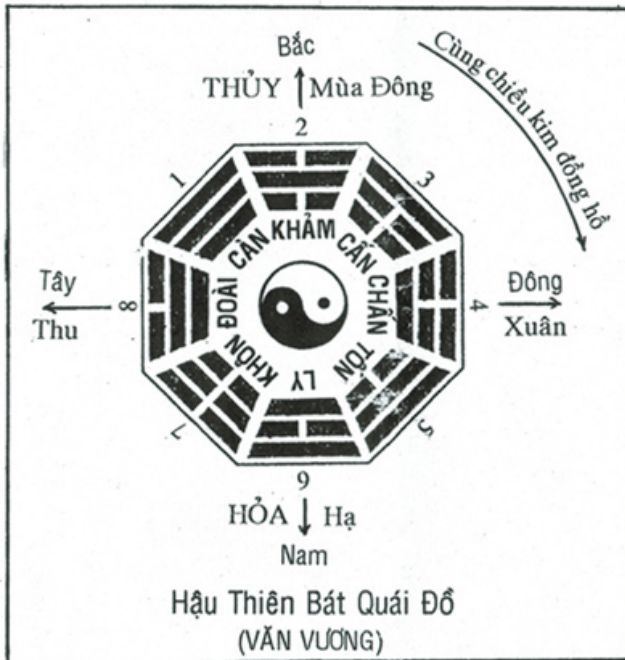
Do đó hình vuông của Lạc Thư được gọi là Ma phương, nghĩa là hình vuông kỳ dị như ma quái.

Nhờ đặc tính kỳ lạ của Lạc Thư mà vua Hạ Võ đem ứng dụng để đặt ra Hồng Phạm Cửu Trù 洪範九疇 làm chuẩn mực cho việc cai trị Thiên hạ được trật tự, hòa bình và thịnh vượng. (Hồng phạm là khuôn phép lớn, Cửu trù là chín phương pháp gồm: Ngũ Hành, Ngũ sự, Bát chính, Ngũ kỹ, Hoàng cực, Tam đức, Kê nghi, Thứ trưng, Ngũ phúc, Lục cực.)

2. Văn Vương lập Hậu Thiên Bát quái đồ thế nào?

Khi vua Văn Vương bị vua Trụ nhà Thương (Ân) cầm tù 7 năm nơi Dũ Lý, Ngài để tâm nghiên cứu Hà đồ, Lạc Thư, Tiên Thiên Bát quái đồ của Phục Hy, để từ đó, Ngài thiết lập Hậu Thiên Bát quái đồ, phối hợp với Ngũ Hành, để giải thích vạn vật hữu hình trong CKVT.

Vua Văn Vương sắp đặt tám quẻ theo một ước định về sự tương ứng giữa các hiện tượng thiên nhiên theo tứ thời bát tiết với tám hướng:



■ Phương Bắc, mùa đông, tiết đông chí, khí trời giá lạnh, nước đóng thành băng, là hiện tượng Âm khí hãm Dương khí, nên Ngài lấy quẻ KHÂM có hình tượng hai hào Âm bao bọc một hào Dương đặt ở đó.

■ Phương Nam, mùa hạ, tiết hạ chí, khí trời nóng, lửa dễ cháy, là hiện tượng Dương khí hãm Âm khí, nên Ngài lấy quẻ LY có hình tượng hai hào Dương bao bọc một hào Âm đặt ở đó.

■ Phương Đông, mùa xuân, tiết xuân phân, Dương khí ở trên giáng xuống, Âm khí ở dưới bốc lên, hai khí Âm Dương va chạm nhau thành tiếng sấm, nên Ngài lấy quẻ CHẤN có hình tượng hai hào Âm ở trên, một hào Dương ở dưới đặt ở đó.

■ Phương Tây, mùa thu, tiết thu phân, khí trời hanh khô, dương khí chiếm hết mặt đất, nên Ngài lấy quẻ ĐOÀI có hình tượng một hào Âm ở trên, hai hào Dương ở dưới đặt ở đó.

■ Phương Đông Bắc, tiết lập xuân, Dương khí vừa thoát khỏi sự bao bọc của Âm khí, Ngài lấy quẻ CẤN có hình tượng một hào Dương ở trên, hai hào Âm ở dưới đặt ở đó.

■ Phương Đông Nam, tiết lập hạ, bắt đầu mùa gió chướng và mùa bão, đây là hiện tượng Dương khí lấn lướt Âm khí, Ngài lấy quẻ TỐN có hình tượng hai hào Dương ở trên, một hào Âm ở dưới, đặt vào đó.

■ Phương Tây Nam, tiết lập thu, lúc này là vào mùa mưa, đây là hiện tượng Âm khí lấn lướt Dương khí, nên lấy quẻ KHÔN có hình tượng ba hào Âm đặt ở đó.

■ Phương Tây Bắc, tiết lập đông, khí hậu lúc này là rất hanh khô, vạn vật trở nên cứng rắn, nên lấy quẻ CÀN có ba hào Dương đặt ở đó.

III. Tương quan giữa Tiên Thiên Bát quái & Hậu Thiên Bát quái:

■ Tiên Thiên là trước Trời, tức là trước khi thành hình vũ trụ hữu hình, lúc đó còn ở trạng thái vô hình, nên thuộc về Hình Nhi Thượng học, do vua Phục Hy hoạch định.

■ Hậu Thiên là sau Trời, tức là vũ trụ đã có hình thể hữu vi, nên thuộc Hình Nhi Hạ học, do vua Văn Vương chủ trương.

1. Đứng về mặt không gian:

■ Tiên Thiên là cái KHÔNG (Hư Vô) vĩ đại của vũ trụ lúc ban đầu, là cái ĐẠO hay cái LÝ gọi là Thái Cực, vô hình vô ảnh, vô thủy vô chung, được tượng trưng bằng một vòng tròn rỗng.

■ Hậu Thiên là cái CÓ (Hữu hình) vĩ đại của vũ trụ lúc đã thành hình cùng với vạn vật, thiên hình vạn trạng, được tượng trưng bằng Bát quái Hậu Thiên.

2. Đứng về mặt thời gian:

■ Tiên Thiên là lúc từ vô thủy đến lúc có Âm Dương tác động sanh Ngũ Hành.

■ Hậu Thiên là bắt đầu từ lúc có Ngũ Hành và Âm Dương hình thành vũ trụ và vạn vật cho đến vô chung.

Như vậy, Tiên Thiên Bát quái và Hậu Thiên Bát quái chỉ là hai chặng đường trong quá trình diễn tiến của vũ trụ vạn vật từ vô thủy đến vô chung, mà trong đó các vấn đề: Xuất nhập, Hữu vô, Sinh diệt, đều do Thái Cực mà ra.

Do đó, cái học về Tiên Thiên là cái học về TÂM, còn cái học Về Hậu Thiên là cái học về TÍCH. (Tích là dấu vết).

3. So sánh phương vị của Tiên Thiên BQ và Hậu Thiên Bát Quái:

Phương vị của Bát quái Hậu Thiên hoàn toàn thay đổi so với Bát quái Tiên Thiên, quẻ nào cũng bị đổi chỗ hết.

■ Ở Bát quái Tiên Thiên, trạch Nam Bắc do hai quẻ Càn Khôn trấn giữ, và trạch Đông Tây do hai quẻ Ly Khảm chế ngự.

■ Ở Bát quái Hậu Thiên, trạch Nam Bắc chuyển cho Ly Khảm, còn trạch Đông Tây chuyển cho Chấn Đoài.

■ Trong giai đoạn Tiên Thiên, sở dĩ trạch Nam Bắc là Càn Khôn là vì Trời Đất đóng vai trò chủ yếu trong công cuộc hình thành vũ trụ. Càn là Trời (Dương), Khôn là Đất (Âm).

■ Qua giai đoạn Hậu Thiên, vũ trụ thành hình xong thì Ngũ Hành đảm nhận vai trò quan trọng trong việc tạo ra muôn loài sinh vật.

Trong Ngũ Hành (Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ) thì hai Hành THỦY và HỎA vượng khí nhất nên lãnh đạo ba Hành kia. Quẻ LY thuộc HỎA và quẻ KHÂM thuộc THỦY, nên LY KHÂM thay thế Càn Khôn để ngự trị trục Nam Bắc, khiến cho hai quẻ Càn và Khôn phải thay đổi vị trí.

■ Trong Hậu Thiên Bát quái đồ, các quẻ đối xứng nhau qua trục Đông Tây; còn trong Tiên Thiên Bát quái đồ thì các quẻ đối xứng nhau qua tâm điểm của Bát quái đồ.

4. Chiết KHÂM đền LY: Chuyển Hậu Thiên Bát quái thành Tiên Thiên Bát quái:

So sánh hai Bát quái đồ Tiên Thiên và Hậu Thiên:



Tiên Thiên Bát Quái Đồ
(PHỤC HY)



Hậu Thiên Bát Quái Đồ
(VĂN VƯƠNG)

■ Theo trục Bắc Nam trong Bát quái Hậu Thiên, nếu thay quẻ KHÂM bằng quẻ KHÔN và thay quẻ LY bằng quẻ CÀN thì Bát quái Hậu Thiên trở thành Bát quái Tiên Thiên.

■ Quẻ KHÂM ☷ khác quẻ KHÔN ☵ do nét giữa. Chiết KHÂM là bẻ gãy làm hai cái nét giữa của quẻ KHÂM thì nó biến thành quẻ KHÔN.

■ Quẻ LY ☲ khác quẻ CÀN ☵ cũng do nét giữa. Điền LY là lấp đầy chỗ trống của nét giữa quẻ LY thì nó thành quẻ CÀN.

Vậy chiết Khảm điền Ly là ý nói chuyển Bát quái Hậu Thiên thành Bát quái Tiên Thiên, tức là chuyển từ Hữu hình qua Vô hình.

Trong phép luyện đạo, luyện cho Hậu Thiên trở thành Tiên Thiên, tức là luyện cho Hữu hình trở về Vô hình thì đắc đạo, thành Tiên, Phật tại thế.

IV. Cao Đài Bát quái:

高臺八卦

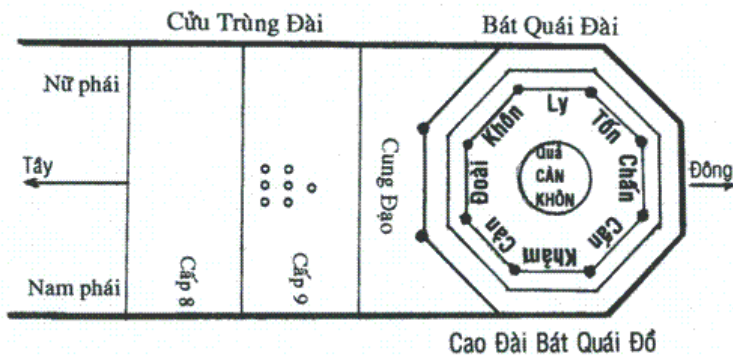
A: Eight diagrams of Caodaism.

P: Huit diagrammes du Caodaisme.

Bát Quái Đài nơi TTTN là nơi để thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Bát Quái Đài xây theo hình Bát quái tức là một hình tám cạnh đều nhau, mỗi cạnh là một quẻ, xây cao 12 bậc, ngoài lớn trong nhỏ, làm như bậc thang đi lên, tượng trưng Thập nhị Thiên (12 tầng Trời), hình thức của nó cũng giống như Cửu Trùng Thiên đặt nơi Đại Đồng Xã trước Tòa Thánh, nhưng Cửu Trùng Thiên chỉ có 9 bậc tượng trưng 9 tầng Trời.

Trên mặt cao nhất của đài này có cần 8 cung Bát Quái.



Thứ tự các quẻ trong Bát Quái Cao Đài được Đức Chí Tôn dạy trong Chú Giải PCT như sau:

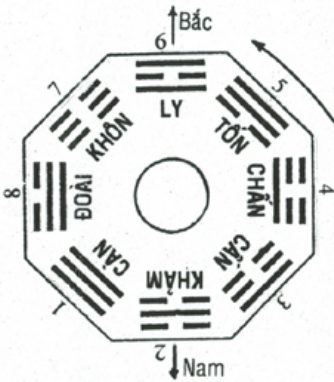
"Tòa Thánh day mặt ngay hướng Tây, tức là chánh cung ĐOÀI, ấy là Cung Đạo, còn bên tay trái Thầy là cung CÀN, bên tay mặt Thầy là cung KHÔN.

Đáng lẽ Thầy phải để *bảy cái ngai* của phái nam bên tay trái Thầy, tức là cung Càn mới phải, song chúng nó vì thể Nhơn đạo cho đủ Ngũ Chi nên Thầy buộc phải để vào Cung Đạo là cung Đoài cho đủ số. Ấy vậy, cái ngai của Đầu Sư nữ phái phải để bên cung Khôn, tức là bên tay mặt Thầy."

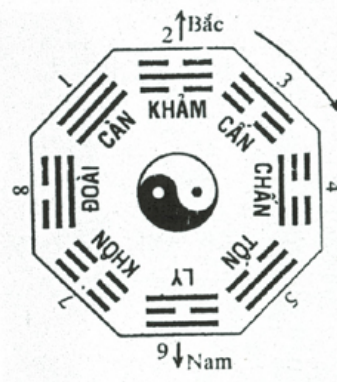
■ Các quẻ trong Bát Quái Cao Đài có thứ tự giống như thứ tự các quẻ trong Bát Quái Hậu Thiên, nhưng lại chuyển theo chiều ngược lại.

Thứ tự tám quẻ khởi đầu từ Càn: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài:

- Bát Quái Hậu Thiên chuyển theo chiều kim đồng hồ.
- Bát Quái Cao Đài chuyển theo chiều nghịch kim đồng hồ.



Cao Đài Bát Quái Đồ



Hậu Thiên Bát Quái Đồ
(VĂN VƯƠNG)

Bát Quái Hậu Thiên tượng trưng thời kỳ nhứt bản tán vạn thù; Bát Quái Cao Đài tượng trưng thời kỳ vạn thù qui nhứt bản, nên có chiều quay ngược lại với Bát Quái Hậu Thiên.

■ Trục Đông Tây của Bát Quái Cao Đài là Chấn Đoài thì giống y trục Đông Tây của Bát Quái Hậu Thiên.

Trục Bắc Nam của Bát Quái Cao Đài là Ly Khảm, ngược chiều với trục Bắc Nam của Bát Quái Hậu Thiên là Khảm Ly, để cho Thủy Hỏa trong hai Bát Quái đồ ký tế tương tác tức Âm Dương tương hiệp mà đắc đạo tại thế.

Ngoài ra, trong dân gian, chúng ta còn thấy một loại Bát Quái đồ nữa gọi là Bát Quái đồ trừ tà, hay thường gọi là Bùa Bát Quái, người Tàu vẽ sẵn, bán ở các tiệm kiếng. Bát Quái đồ trừ tà, gồm các quẻ giống hết Bát Quái Tiên Thiên, nhưng sắp thứ tự các quẻ theo chiều quay ngược lại.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TTTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Bát Quái Đài

八卦臺

A: Octogonal Divine Palace.

P: Palace octogonale divine.

Bát: Tám, thứ tám. **Quái:** Quẻ. **Đài:** Tòa nhà cao lớn.

Bát Quái Đài là tòa nhà cao lớn, có tám cạnh đều nhau, là nơi ngự của Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, dưới quyền chưởng quản của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Trong Chú giải PCT, Đức Phạm Hộ Pháp có viết:

"Trong BQĐ, kể từ Tiên vị đổ lên tới Thầy thì đã vào địa vị của các Đấng trọn lành; từ Thánh vị trở xuống Nhơn vị thì vào hàng Thánh; từ cảm thú xuống vật chất thì vào hàng phàm tục. Ấy vậy, trong BQĐ, từ bực Thánh hồn thì còn phận sự điều đình CKTG, giao thiệp cùng các chơn hồn ở trong vòng vật chất, nâng đỡ, dạy dỗ cho phàm phẩm tấn hóa lên tới Thánh vị. Hễ vào đặng Thánh vị rồi thì tự nhiên mình biết lấy mình, dầu phải bị đọa trần đi nữa cũng còn giữ vẹn Thánh đức mà tu hành, đặng đạt đến địa vị trọn lành. Lên địa vị trọn lành rồi thì mới đồng quyền cùng Tạo Hóa, từ bi, tự tại, bất tiêu bất diệt."

Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài với hình thể gồm ba đài:

1. Cửu Trùng Đài là phần hữu hình, thuộc về Đờì, tức là xác thể của Đạo.

2. Hiệp Thiên Đài là phần bán hữu hình, nửa Đờn nửa Đạo, tức là chơn thần của Đạo.
3. Bát Quái Đài là phần vô hình thuộc về Đạo, tức là linh hồn của Đạo.

Xác nhờ chơn thần mà liên lạc với Hồn, thì CTĐ cũng nhờ HTĐ mà thông công với BQĐ. Hồn muốn điều khiển Xác thì phải qua trung gian của chơn thần, nên BQĐ phải nhờ HTĐ mà điều khiển CTĐ.

- Đức Giáo Tông làm chủ CTĐ.
- Đức Hộ Pháp làm chủ HTĐ.
- Đức Chí Tôn làm chủ BQĐ.

Đức Chí Tôn làm chủ BQĐ tức là nắm Hồn của Đạo thì chẳng khi nào Đạo chịu dưới quyền phàm nữa, cho nên Đức Chí Tôn nói: *"Thấy không giao chánh giáo cho tay phàm nữa."*

Cơ màu nhiệm của Đạo là do chỗ Đức Chí Tôn mở cửa BQĐ cho các chơn linh đã tự mình lập vị nơi CTĐ thì được vào BQĐ mà hiệp cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

CTĐ chỉ cách BQĐ có một cánh cửa, cũng như Niết Bàn cách phàm trần có một xác thân. Cánh cửa ấy nay đã mở thì cơ đắc đạo tại thế đã mở ra rồi vậy.

CTĐ lo phần độ rỗi chúng sanh thì BQĐ lo phần siêu rỗi

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Con đường TLHS, Ngài đến quan sát BQĐ nơi cõi thiêng liêng thuật lại như sau:

"Đài ấy có 8 góc, kêu là BQĐ, không thể gì chúng ta tả ra với lời nói đặng, bởi đài ấy huyền bí lắm, biến hóa vô cùng. Nó có 8 cửa. Trong 8 cửa ấy, chúng ta ngó thấy cả vạn linh và vật loại, các hình thể vạn linh đều xuất hiện, hình ảnh sáng suốt, hiện ra hào quang chiếu diệu. Trong 8 góc có 8 cái cầu. Lạ thay, cầu ấy không phải bằng cây ván, mà nó là 8 đạo hào quang. Cầu ấy bắc ngang bờ. Dưới cầu ấy, chúng ta ngó thấy dường như một Bích Hải, nước xao sóng dợn như biển sôi nổi đó vậy. Trong 8 góc chúng ta thấy đó, chắc cả thủy đều để ý nơi góc ta đến, thấy nhọn loại đi tới đi lui nhiều hơn hết.

Lạ thay cầu ấy rất huyền diệu, ai đứng lên đó được mới biết mình nhập vô BQĐ. Lúc để bước lên cầu, cầu ấy chuyển

đi, làm cho chúng ta phải yếu, đi không đặng. Chúng ta muốn thối bộ. Khi chơn vừa bước tới, chính mình ta ngó thấy dường như mình yếu đi, nhưng người nào bước tới cũng đặng. Đi được nửa chừng, nếu không đủ Thiên vị, hay vì tội tình oan gia nghiệt chướng mà chúng ta đã đào tạo nơi mặt thể này, chúng ta đi tới nửa cầu sẽ bị lọt xuống Bích Hải. Lọt xuống đó rồi, ta thấy hồi lúc đi, còn ở trên cầu, chúng ta thấy hình ảnh còn đẹp để tốt tươi, hễ lọt xuống Bích Hải rồi, chúng ta thấy hình thù trở nên đen thui, dị hợm lăm, ta không thể tưởng tượng, còn hơn loài mọi kia tối đen như vậy."

Cách thờ phượng nơi Bát Quái Đài TTTN:

BQĐ nơi TTTN có hình Bát quái, cao 12 bực, trên bực cao nhất có cần 8 cung Bát quái, tại trung tâm của 8 cung Bát Quái này có đúc một cái trụ, trên trụ đặt Quả Càn Khôn hình cầu. Quả Càn Khôn có đường kính 3 thước 3 tấc, sơn màu xanh da trời, trên đó có cần 3072 ngôi sao tượng trưng Vũ trụ hữu hình gồm Tam thiên thể giới và Thất thập nhị Địa, phía trước Quả Càn Khôn vẽ Thiên Nhãn trên ngôi sao Bắc Đẩu.

Dưới Quả Càn Khôn là bệ thờ trên đó đặt Long vị của Ba Đấng Giáo Chủ Tam giáo: Đức Phật Thích Ca, Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Đức Khổng Tử. Phía dưới ba Long vị này là ba Long vị của Tam Trấn Oai Nghiêm: Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch, Quan Thánh Đế Quân.

Tiếp theo bên dưới nữa, theo hàng dọc ở giữa là Long vị của Đức Chúa Jê-sus, Giáo Chủ Thánh Đạo; kế dưới nữa là Long vị của Khương Thượng Tử Nha, cầm quyền Thần Đạo.

Nếu kể theo hàng dọc ở giữa từ trên xuống dưới thì có: Đức Phật Thích Ca, Lý Đại Tiên Trưởng, Đức Chúa Jê-sus, Đức Khương Thượng Tử Nha, kết hợp với 7 cái ngai nơi cấp 9 CTĐ tượng trưng Nhơn Đạo, thì hàng giữa gồm đủ Ngũ Chi Đại Đạo: Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, và Nhơn đạo.

Cách sắp đặt thờ phượng nơi BQĐ như vậy là để thể hiện tôn chỉ của Đạo Cao Đài là "Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất."

Nơi BQĐ của TTTN còn có Long vị thờ chư vị Thánh Tử Đạo và các Chức sắc nam nữ đã qui vị, để cho trọn phép: Thiên Nhơn hiệp nhất.

Phía bên trên của BQĐ TTTN là một kiến trúc xây cao ba tầng hình 8 cạnh bát quái, dính liền với CTĐ: tầng dưới cao chừng 9 mét, tầng giữa cao chừng 4 mét và tầng trên hết cao chừng 5 mét, có nóc bát quái, trên nóc là một tòa sen lớn, trên đó có đắp tượng ba vị Cổ Phật gọi là Tam Thế Phật:

- Brahma Phật đứng trên lưng con Thiên nga, tay mặt về hướng Tây, tay mặt bắt ấn, tay trái cầm bửu châu.
- Civa Phật đứng trên lưng con Giao long, nhìn hướng Nam, tay mặt cầm kiếm chống xuống, tay trái chống nạnh.
- Christna Phật đứng trên Thất đầu xà, nhìn hướng Bắc, cầm ống sáo thổi.

(Xem chi tiết nơi chữ: Tam Thế Phật, văn T)

PCT: Pháp Chánh Truyền

BQĐ: Bát Quái Đài.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Bát Quái Mạo

八卦帽

A: The high octagonal cap of ceremony.

P: Le haut bonnet octogonale de cérémonie.

Bát: Tám, thứ tám. **Quái:** Quẻ. **Mạo:** Cái mũ đội trên đầu.

Bát Quái mạo là cái mũ cao có hình bát quái, tức là có 8 cạnh đều nhau, trên đó có thêu 8 chữ Hán: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đài. Mỗi cạnh bát quái của mũ, phần trên thì tròn và vảnh ra ngoài. Màu sắc của Bát Quái mạo thì tùy theo phái: Vàng cho phái Thái, xanh cho phái Thượng và đỏ cho phái Ngọc. Hai phẩm Đầu Sư và Phối Sư nam phái đều đội Bát Quái Mạo khi hành đại lễ cúng Đức Chí Tôn.

Bát Tiên

八仙

A: Eight Immortals.

P: Huit Immortels.

Bát: Tám, thứ tám. **Tiên:** Vị Tiên nơi cõi thiêng liêng.

Bát Tiên là 8 vị Tiên ở 8 động đá của núi Bồng Lai trên đảo Bồng Lai nơi cõi Thiêng liêng.

Bát Tiên gồm 8 vị Tiên kể tên ra sau đây:

1. **Lý Thiết Quài.** (Thiết Quài hay Thiết Quả là cây gậy sắt) nhưng thường gọi là Lý Thiết Quả.
2. **Hơn Chung Ly.**
3. **Lam Thể Hòa.**
4. **Trương Quả Lão.**
5. **Hà Tiên Cô.**
6. **Lữ Động Tân,** (Động là cái hang núi) nhưng thường gọi là Lữ Đồng Tân.
7. **Hàn Tương Tử.**
8. **Tào Quốc Cựu.**

Trên tám diềm phía bên Nữ phái của Bát Quái Đài, có đắp tượng Bát Tiên trên những cụm mây lành ngũ sắc. Trong Bát Tiên, có bốn vị cõi thú bay và bốn vị cõi thú chạy.

Sau đây là sự tích của Bát Tiên, viết theo Truyện Đông Du Bát Tiên:

1. Lý Thiết Quả:

Ngài họ Lý, tên là Huyền, hiệu là Ngưng Dương, nên thường gọi là Lý Ngưng Dương, diện mạo nghiêm trang, tánh hạnh trong sạch, học rộng biết nhiều, không mộ công danh, muốn đi tu Tiên. Biết được Lý Lão Tử đang dạy Đạo trên núi Họa Sơn, Lý Ngưng Dương liền tìm đến đó để xin học Đạo.

Đi dọc đường, Ông ngâm thơ rằng:

*Tâm tánh con người có thấp cao,
Khen lò Tạo Hóa đúc anh hào.
Làm trai biết thấu vòng vinh nhục,
Đặng chữ thanh nhàn khỏi chữ lao.*

Khi đến núi Họa sơn thì Trời đã tối. Lý Ngưng Dương tự nhủ: Mình là đệ tử đi cầu thầy học Đạo, lẽ nào ban đêm dám gõ cửa. Chi bằng ngủ đờ trên bàn thạch trước cửa động, chờ Trời sáng sẽ xin vào ra mắt.

Ở trong động, Đức Lão Tử đang đàm đạo với Huyền Khuru Chơn Nhơn, xảy có cơn gió thanh, Đức Lão Tử hỏi:

- Ông có biết gió ấy là điềm chi chăng?
- Chắc có người gần thành Tiên đi tới.

- Ta đã rõ Lý Ngưng Dương gần thành Tiên và là Tiên đứng đầu sổ hết thầy.

Nói rồi, Đức Lão Tử truyền Tiên đồng ra mở cửa động mà đón. Xảy thấy một Đạo sĩ đang đứng trước động, liền hỏi:

- Có phải Lý Ngưng Dương đó không?
- Sao Tiên đồng lại biết tên tôi?
- Tôi vâng lệnh Lão Quân ra cửa đón anh.

Lý Ngưng Dương vô cùng mừng rỡ, chắc là mình có phước lớn nên mới được Lão Quân biết đến, liền đi theo Tiên đồng vào ra mắt, thấy Lão Quân có hào quang sáng lòa, dung nhan tươi nhuận, râu tóc bạc phơ, và Huyền Khuru Chơn Nhơn cũng vậy.

Lý liền quì lạy ra mắt Lão Quân và Huyền Khuru. Hai vị đáp lễ rồi mời ngồi. Lý Ngưng Dương quì thưa rằng: Đệ tử tầm sư học Đạo, lẽ nào dám ngồi. Xin Thầy dạy bảo.

Lão Tử bảo: Người ngồi xuống rồi ta nói cho nghe:

*Học Đạo cho minh,
Lặng lặng làm tinh,
Đừng lo đừng rán,
Cho tịnh cho thanh,
Chẳng nên nhọc sức,
Chớ khá tổn tinh,
Giữ đặng tánh tình,
Là thuốc trường sanh.*

Lý Ngưng Dương mừng rỡ lạy tạ Lão Quân.

Huyền Khuru nói: Người có tên trong Sổ Tiên, đứng đầu hết thầy. Về tu như vậy thì thành.

Nói rồi truyền Tiên đồng đưa Lý Ngưng Dương ra khỏi động, xuống núi. Lý Ngưng Dương lạy tạ rồi theo Tiên đồng rời khỏi động, trở về quê, lên núi cất nhà bên động đá, tu theo lời Đức Lão Tử dạy, cứ tu luyện hoài như vậy. Chẳng bao lâu cảm thấy nhẹ mình, bước đi như gió.

Một người dân quê tên là Dương Tử lên núi thấy vậy cũng phát tâm mộ đạo, xin Lý Ngưng Dương thu làm đệ tử, ở lại tu hành.

Ngày kia, Lý Ngưng Dương thấy hào quang chiếu vào cửa sổ, thì biết có Thần Tiên giáng hạ, rồi mau sửa soạn lên núi đón tiếp. Xảy nghe tiếng hạc, ngó lên thấy Đức Lão Tử và Huyền Khưu Chơn Nhơn cỡi hạc đáp xuống.

Lý Ngưng Dương lạy chào mừng rỡ.

Đức Lão Tử nói:

- Bữa nay tinh thần hơn trước. Ta nhắm ngươi xuất hồn đặng. Vậy 10 ngày nữa, ngươi xuất hồn đi dạo các nước với ta.

Nói rồi liền từ giã, và hai vị cỡi hạc bay trở về núi.

Cách 9 ngày sau, Lý Ngưng Dương kêu học trò là Dương Tử đến dặn rằng: Thầy sẽ xuất hồn đi thiếp bảy ngày ngươi phải gìn giữ xác ta cẩn thận. Nếu sau bảy ngày mà ta không trở về thì hãy thiêu xác.

Dặn dò xong, Lý Ngưng Dương nằm thiếp xuất hồn đi.

Khi Dương Tử giữ xác thầy được 6 ngày thì người nhà đến báo tin rằng: Mẹ anh bệnh nặng, đang hấp hối, trông anh mau về cho mẹ thấy mặt mà tắt hơi. Dương Tử khóc lớn than rằng: Thầy đi thiếp chưa về, nếu ta đi, lấy ai giữ xác thầy, bằng không đi thì làm sao thấy mặt mẹ, ôi khổ biết chừng nào!

Người nhà liền hỏi rõ Dương Tử về sự đi thiếp của thầy, rồi nói: "Xác người chết đã 6 ngày, ngũ tạng thầy đều hư hết, lẽ nào sống lại bao giờ. Vả lại, thầy có dặn 7 ngày thì thiêu xác, chắc thầy đã thành Tiên. Nay 6 ngày mà thiêu xác thầy cũng không lỗi. Mau thiêu xác thầy rồi về gặp mặt mẹ."

Dương Tử bần dưng không nở, nhưng túng thế cũng phải nghe lời, liền đặt nhang đèn, hoa quả tế thầy, rồi thiêu xác. Vừa khóc vừa đọc bài kệ sau đây:

*Mẹ bịnh ngặt hầu kê, Thầy đi thiếp chưa về,
Mẫu thân tình một thuở, Sư phụ nghĩa nhiều bề,
Vẹn thảo nên quyền biển, Lỗi nghi luống ử ê,
Hồn linh xin chứng chiếu, Khoái lạc chốn non huê.*

Thiêu xác thầy xong, Dương Tử liền gấp rút chạy về nhà, vừa đến cửa nhà thì mẹ vừa tắt thở. Rủi ơi là rủi! Lỗi hết hai đàng, đã bất nghĩa với thầy, lại không tròn hiếu sự.

Nhắc lại, Lý Ngưng Dương, hồn xuất về châu Đức Lão Tử, được thầy dẫn đi khắp các nước trên cõi thiêng liêng, đến núi Bồng Lai, gặp các Thánh Tiên, ra mắt đủ mặt, đến bảy ngày thì xin về. Đức Lão Tử cười nói rằng:

Hãy nghe bài kệ này thì rõ:

*Tịch cốc ăn lúa mì, Đường quen xe phơi phới,
Muốn tìm cốt cách xưa, Lại gặp mặt mày mới.*

Lý Ngưng Dương nghe bài kệ của thầy thì ghi nhớ chớ không hiểu ngụ ý gì, nhưng cũng lạy thầy từ tạ ra về. Khi hồn về tới nhà thì không thấy xác, không thấy học trò, coi lại thì xác đã ra tro bụi.

Lý Ngưng Dương rất giận đũa học trò bất nghĩa này. Hồn bay phưởng phất xuống chơn núi, gặp một thầy ăn mày nằm dựa bên đường, ké bên cây gậy, có một chân cù.

Lý Ngưng Dương nghĩ lại bài kệ của thầy cho, chợt hiểu, biết phận mình phải vậy chớ không nên oán trách học trò, liền nhập hồn vào xác ăn mày, rồi ngậm nước phun vào gậy tre hóa ra gậy sắt. Bởi có đó, người đời không biết họ tên ông ăn mày này, thấy cầm cây gậy sắt, nên gọi là Ông Thiết Quày, sau gọi trại ra là Thiết Quả.

Sở dĩ Đức Lão Tử không cho hồn Lý Ngưng Dương về kịp trước khi học trò thiêu xác là vì Đức Lão Tử muốn Lý Ngưng Dương bỏ xác phàm cho tuyệt sự hồng trần mà về luôn nơi Tiên cảnh, còn xác ăn mày là mượn tạm để tu, chớ muốn biến hóa thể nào cũng được.

Thiết Quả đánh tay biết rõ các việc đã xảy ra với đứa học trò mình là Dương Tử. Thiết Quả liền đem linh dược đến cứu tử mẹ nó, kéo đứa học trò tức tối ân hận cả đời tội nghiệp. Đến nơi thấy Dương Tử đang ôm quan tài mẹ khóc ngất, rồi rút gươm ra định tự vận. Thiết Quả kịp đến ngăn cản và nói:

- Người có lòng thành nên Trời khiến ta đến đây đem linh dược cứu tử mẹ người. Vậy người mau giở nắp quan tài ra, cạy miệng mẹ người ra mà đổ thuốc.

Nói rồi lấy ra một hoàn thuốc đưa cho Dương Tử. Dương Tử làm y lời, giây lát, bà mẹ hắt hơi lấy lại hơi thở, rồi ngồi dậy bước ra khỏi quan tài, xem có vẻ mạnh khỏe hơn trước. Cả nhà vô cùng mừng rỡ. Dương Tử quì lạy Thiết Quả, thưa rằng:

- Cảm tạ Tiên ông, xin Tiên ông cho biết danh hiệu.

- Ta đây là Lý Ngưng Dương, là thầy của người. Bởi người thiêu xác ta nên hồn ta phải nhập vào xác ăn mày này. Biết rõ việc làm của người, nên ta không chấp, lại đến cứu tử mẹ người để người nuôi mẹ phỉ tình. Ta tặng thêm cho người một hoàn thuốc nữa để người uống vào sống lâu nuôi mẹ. Thầy trò sẽ gặp lại sau này.

Dương Tử cúi đầu lạy tạ thầy, chưa kịp hỏi thăm thì Thiết Quả đã biến mất.

Thiết Quả biến hóa về núi Họa sơn, hầu thầy. Đức Lão Tử cười nói:

- Vậy mới chắc thành Tiên, không lo trở lại trần thế.

Nói rồi truyền dọn tiệc ăn mừng Thiết Quả.

2. Hớn Chung Ly:

Hớn Chung Ly, họ là Chung Ly đời nhà Hớn (Hán), tên là Quyền, hiệu là Vân Phòng, làm Đại Tướng trong triều đình nhà Hớn.

Khi mới sanh, Chung Ly Quyền có điềm khác lạ, trên nóc nhà hào quang sáng đỏ, ai nấy đều kinh, lớn lên thành một vị tướng quân, võ nghệ như thần, oai danh quá cộp.

Khi ấy triều đình nhà Hớn nhận được sớ khẩn cấp của tướng trấn ải báo có binh Phiên do Bất Dục thống lĩnh đánh vào ải rất nguy kịch, xin triều đình cử binh cứu viện.

Xem xong, Hớn Đế rất kinh hãi, liền hạ chiếu sai Đại Tướng Chung Ly Quyền làm Nguyên soái, Phùng Dị làm Phó Tướng, kéo đại binh 50 vạn gấp rút đi ra quan ải cứu viện.

Nguyên Soái Chung Ly tế cờ, hiểu dụ tướng sĩ xong thì kéo quân đi ngay tới ải Kỳ Thủy đóng trại. Rạng ngày hôm sau, hai bên ra trận. Bất Dục đánh không thắng nổi Chung Ly, quân Phiên bại trận chạy dài. Tin chiến thắng liên tiếp báo về triều đình, danh tiếng Nguyên soái Hớn Chung Ly vang dậy.

Lúc đó, Lý Thiết Quả đang ở Cung Tiên, đánh tay biết Hớn Chung Ly đã thắng quân Phiên nhiều trận, uy danh lừng lẫy, và lại biết kiếp trước của Hớn Chung Ly là Tiên coi sổ bộ ở Thượng giới, phạm tội bị đọa trần, nay mê việc chiến tranh mà không lo tu hành, biết chừng nào trở về ngôi vị cũ.

Lý Thiết Quả muốn độ Chung Ly, nhưng nếu để Chung Ly thắng trận hoải, triều đình sẽ gia phong quan tước, thì bị mê đắm trong vòng phú quý vinh hoa, nên Thiết Quả định làm cho Chung Ly bại trận thì mới độ được. Tính rồi liền hóa ra một Ông già bay xuống dinh Phiên của Bất Dục.

Lúc bấy giờ Bất Dục đang ngồi trong dinh, thở vắn than dài, không tìm được kế chi để đánh binh Hớn. Xảy thấy quân vào báo: Có một ông già cốt cách Thần Tiên xin vào ra mắt.

Bất Dục lấy làm lạ, liền cho mời vào, hỏi:

- Lão trượng đến tôi có việc gì?

- Tôi đến đây bày cho Tướng quân kế thắng binh Hớn. Đêm nay tôi biết bên dinh Hớn có hỏa hoạn lớn, Tướng quân thừa dịp này kéo quân vào cướp dinh thì chắc thắng mười phần.

Ông già nói xong liền từ giả đi mất.

Bất Dục, lòng bán tín bán nghi, sợ làm kế của Nguyên soái Chung Ly, nhưng cũng truyền lệnh chuẩn bị canh hai đến cướp dinh Hớn. Nếu thấy dinh Hớn bị hỏa hoạn như lời của ông già thì sẽ tràn quân đánh vào, bằng không thì rút binh về.

Bên dinh Hớn, tuy vừa mới thắng quân Phiên, nhưng cũng không dám kiêu, cắt đặt canh phòng ban đêm rất cẩn mật vì sợ cướp dinh.

Khoảng giữa canh ba, Lý Thiết Quả hóa phép đốt dinh Hớn, ngọn lửa cháy lan rất mạnh, binh lính không dập tắt nổi.

Bất Dực thấy đúng thời cơ, liền kéo đại binh đánh vào. Chung Ly Nguyên soái cầm giáo lên ngựa đánh với Bất Dực, thấy binh Hớn hoảng sợ chạy hết thì cả kinh, quày ngựa bại tẩu. Bất Dực muốn bắt sống Chung Ly nên buông tên nhắm vào con ngựa của Chung Ly đang cỡi, làm ngựa trúng tên té nhào, may Phó tướng Phùng Dị chạy đến tiếp cứu, bắt một con ngựa khác đưa cho Nguyên soái. Hai người bại tẩu, ngó lại dinh Hớn bị lửa thiêu rụi, binh Hớn bỏ chạy tán loạn. Nguyên soái tức quá té nhào xuống ngựa chết giắc. Khi tỉnh lại than rằng:

- Ta làm Đại Tướng vâng chỉ đánh Phiên, ngờ là cứu nước rạng danh, nào hay Trời khiến ta thảm bại thế này, chẳng những mắc tội với vua, lại còn hổ mặt với triều thần, thiệt là Trời muốn giết ta, ta còn sống làm chi nữa.

Than rồi, Hớn Chung Ly toan rút gươm tự vận. Phùng Dị cứ mãi khuyên can. Xảy thấy binh Phiên kéo đến truy nã. Phùng Dị cản hậu, Hớn Chung Ly chạy trước. Chạy tới sáng thì lạc mất, Hớn Chung Ly đến một nơi không có nhà cửa dân chúng, phía trước là núi, vừa đói vừa khát, tiến thoái lưỡng nan. Xảy thấy một ông sãi mắt xanh chống gậy đi tới. Chung Ly mừng rỡ bước đến thưa rằng:

- Tôi là Hớn Nguyên soái Chung Ly Quyền đem quân đi đánh Bắc Phiên, bị bại trận nên chạy lạc tới đây, xin thầy chỉ nhà cho tôi tá túc để trở về triều đình xin binh cứu viện.

Ông sãi gạt đầu, dắt Chung Ly chỉ một cái am, nói rằng

- Đây là chỗ ở của Đông Huê Chơn nhơn, tướng quân vào đó mà tạm nghỉ.

Nói rồi đi thẳng như bay. Hớn Chung Ly đi đến am, nhìn thấy cảnh vật xinh tươi yên tĩnh, phải chỗ của Thần Tiên, đến trước cửa am, định gõ cửa thì nghe có tiếng ngâm thơ từ trong am vọng ra:

*Việc thế chẳng đua tranh,
Thanh nhàn lánh lợi danh,
Thân nương theo động đá,
Tình gửi tại mây xanh.
Chơi đạo say mùi đạo,
Thong dong dưỡng tánh lành,
Hỏi ai là bạn tác?
Gió mát với trăng thanh.*

Lý Thiết Quả sắp đặt trước, giả làm sãi mắt xanh dẫn Hớn Chung Ly đến cho Đông Huê Chơn Nhơn dạy đạo.

Hớn Chung Ly nghe tiếng ngâm thơ vừa dứt thì có một ông Lão cốt cách Thần Tiên, chống gậy bước ra hỏi:

- Có phải Chung Ly Quyền Nguyên soái đó chăng?

Hớn Chung Ly kinh hãi thưa:

- Phải, tôi vâng chỉ đi đánh Phiên, chẳng may thất trận chạy lạc đến đây, xin Thượng Tiên từ bi cho tôi tá túc.

Đông Huê Chơn Nhơn mời vào am đãi cơm chay, nói:

- Công danh như bọt nước, phú quý như ngọn đèn trước gió. Từ xưa đến nay, giang sơn nhiều chủ, phước thọ ít người. Bần đạo chán cảnh đời đau khổ, tìm nơi u nhã, sống thanh nhàn, thoát vòng lợi danh trần tục. Tướng quân cũng nên thừa dịp này mà tu tâm dưỡng tánh, còn ham công danh phú quý làm chi.

Chung Ly Quyền Nguyên soái lắng nghe, liền tỉnh ngộ, muốn theo học đạo, hỏi:

- Tiên ông luyện phép chi mà dựng trường sanh?

- Phép trường sanh có gì lạ đâu, lòng phải trống mà bụng phải đặc. Lòng trống là không lo lắng, để cho thơ thới như không; bụng đặc là không theo sắc dục, nguơn khí chẳng hao, được như vậy thì thành Tiên, trường sanh bất tử.

Hớn Chung Ly nghe vậy thì mừng rỡ thưa rằng:

- Nhờ Tiên ông chỉ dạy, tôi xin lay để làm học trò. Xin thầy cho biết tôn hiệu.

- Ta là đạo sĩ thời thượng cổ, nay đã thành Tiên, hiệu là Đông Huê.

Nói rồi truyền cho Hớn Chung Ly phép tu luyện và dạy luôn cho Chung Ly phép chỉ đá hóa vàng, rồi tặng cho một cây gươm thanh long chém quỷ.

Hôm sau, Hớn Chung Ly lạy thầy xin trở về nhà lo thu xếp việc nhà. Đông Huê Chơn Nhơn chỉ đường về nhà. Khi Chung Ly ngó lại thì thấy thầy và nhà cửa đều biến mất, suy nghĩ biết là Tiên ông biến hóa để độ mình. Chung Ly Quyền tự đặt hiệu cho mình là Vân Phòng, rồi cải trang đi riết về nhà đặng thăm gia quyến.

Gia đình Chung Ly Nguyên soái hay tin thất trận và mất tích, tin tưởng là đã chết nên cả nhà than khóc để tang. Nay lại thấy Chung Ly cải trang trở về thì thất kinh mừng rỡ, hỏi thăm cơ sự. Chung Ly thuật lại đủ hết. Gia quyến mừng rỡ nói rằng: Khi mới sanh ra có điềm lành, chẳng lẽ lại thác về nghiệp dữ.

Chung Ly Quyền không dám ở nhà lâu, sợ vua hay tin bắt tội, liền ăn mặc theo Đạo sĩ, từ giã gia quyến để đi tu, lại đến thăm anh ruột là Chung Ly Giảng, đang làm chức Lang Trung. Chung Ly Giảng ham mộ đạo đức đã lâu, nay nghe em nói, mừng rỡ bội phần, liền sắp xếp hành trang, cùng em trốn lên non tu luyện. Hai người nhắm núi Họa sơn đi tới. Dọc đường, thấy con cò trắng đang ngóng cổ, Vân Phòng nói:

- Con cò cổ dài, le le cổ ngắn, không thể nào cắt bớt mà can bỏ cho bằng. Việc đời cũng vậy, kẻ ưa danh lợi, người mến thanh nhàn.

Nhờ có gươm phép của thầy trao tặng, Vân Phòng giết được cọp tinh đang phá hại dân làng, lại thấy dân quá nghèo khổ, nên dùng phép chỉ đá hóa vàng, lấy vàng phát cho dân.

Ngày kia, Đông Huê Chơn Nhơn tìm đến để dạy đạo thêm, truyền thêm phép tu luyện cho hai người.

Chung Ly Vân Phòng đi dạo chơi đến núi Tứ Họa, thành linh một tiếng sấm nổ vang, núi nứt ra một cái khe. Vân Phòng thấy lạ, liền tiến vào khe, gặp một cái hộp đá có một cuốn kinh, liền lấy kinh đem ra ngoài xem thì khe núi biến mất, vách núi liền lại như cũ. Vân Phòng thăm biết là Thần Tiên đã ban kinh cho mình tu luyện, nên càng cố công. Chẳng bao lâu thì đạt đến mức cao siêu.

Bỗng nghe tiếng nhạc vang Trời, nhìn lên thấy mây lành năm sắc, Tiên hạc bay xuống đáp trước mặt Vân Phòng, nói tiếng người rằng: "*Thượng Đế sai tôi xuống rước Vân Phòng trở về phục chức cũ ở Thượng giới,*"

Vân Phòng liền đưa sách lại cho anh, dặn dò và giả từ, cỡi hạc lên Trời. Chung Ly Giảng ở lại tu theo sách đó, lâu ngày cũng thành Tiên, được Vân Phòng cỡi hạc xuống rước.

3. Lam Thể Hòa:

Lam Thể Hòa là Xích Cước Đại Tiên đầu thai xuống trần, nên còn nhớ tánh cũ, thường mặc áo rộng xanh, buộc dây lưng đen, một chân đi đất, một chân mang giày, mùa hè mặc áo bông mà không biết nóng nực, mùa đông chỉ mặc áo chiếc mà không biết lạnh, thật lạ lùng.

Thường ngày, Ông Lam Thể Hòa hay cầm cặp sanh dài ba thước (thước Tàu), đi ra ngoài chợ, vừa ca vừa nhịp, để xin tiền bố thí. Những bài ca do Ông tự đặt ra đều có ý khuyên đời bỏ dữ theo lành. Tiền xin được, Ông cột vào dây lưng, vừa đi vừa ca, khi tiền hết cũng không thèm ngó lại, khi lại dùng tiền này bố thí lại cho người nghèo khổ.

Những trẻ nhỏ có dịp thấy Ông Lam Thể Hòa, đến chùng lớp trẻ này lớn lên rồi già (tức là 60 hay 70 năm sau) thì vẫn gặp ông Lam giống y như thuở trước, vẫn ăn mặc như trước, vừa đi vừa ca vừa nhịp, không già như người thường.

Về sau, Lam Thể Hòa gặp Lý Thiết Quả, hai người đàm đạo trên lầu ở quận Hào Lương. Kế nghe tiếng nhạc vang Trời, đôi chim hạc từ trên không đáp xuống, rước hai vị Tiên về Thượng giới.

Khi cỡi hạc, Ông Lam bỏ cặp sanh rơi xuống đất, hóa thành ngọc, giây phút biến mất.

Trong Bát Tiên, Lam Thể Hòa có tánh thuần hậu nhất.

4. Trương Quả Lão:

Trương Quả Lão gốc là một con dơi trắng hồi tạo Thiên lập Địa, tu luyện lâu năm, hóa hình người, sau đến núi Trung Điều

ở Hàng Châu, học đạo với Huyền Khưu Chơn Nhơn, làm bạn với Lý Thiết Quả.

Các ông già bà lão thuật chuyện về Trương Quả Lão:

Khi các ông bà ấy còn con nít, thì đã biết và gặp Ông Trương, thường thấy Ông cỡi con lừa trắng đi dạo khắp nơi, đặc biệt Ông ngồi ngược chiều, quay mặt ra phía sau. Đến khi đi về tới nơi ở, Ông liền đèo bẹp con lừa, biến ra lừa giấy, xếp cất vào khăn. Khi muốn đi chơi, Ông lấy lừa giấy ra, phun nước vào thì hiện ra con lừa trắng để Ông cỡi đi chơi. Khi các ông bà ấy già, vẫn gặp lại Ông Trương giống y như trước, không già hơn chút nào, thật là Ông đã đạt được phép trường sanh bất lão.

Đến đời vua Đường Thái Tông, vua cho triệu Ông vào triều, nhưng Ông không chịu đến.

Qua đời Võ Hậu, Bà cũng biết tiếng Ông Trương, nên cũng cho sứ giả đến triệu vào triều. Ông Trương đi được nửa đường thì chết, giây lát thân thú hóa vôi, sứ giả phải bỏ thân lại đó mà về triều tâu lại cho Võ Hậu rõ.

Nhưng sau đó, người ta vẫn gặp Ông Trương cỡi lừa trắng đi dạo như thường.

Đến đời Đường Minh Hoàng, vua sai quan là Bùi Ngộ đem chiếu đến rước ông Trương, ông Trương giả chết. Bùi Ngộ thấp nhang cầu khẩn, ông Trương từ từ sống lại, nhưng không chịu đi. Bùi Ngộ không dám ép, đành trở về triều tâu lại.

Đường Minh Hoàng lại sai hai sứ giả nữa là Dự Thông và Lư Trang Huyền, đem sắc chỉ đến rước nữa. Ông Trương thấy vua có lòng trọng vọng nên mới chịu tới, được nhà vua và bá quan kính trọng mười phần. Minh Hoàng hỏi Trương Quả Lão về chuyện Thần Tiên, Ông Trương ngồi làm thinh, nín hơi mấy bữa, không chịu nói.

Ngày kia Minh Hoàng làm tiệc đãi Trương Quả Lão, Ông từ chối, nói rằng: "Tôi không biết uống rượu, duy có học trò tôi nó uống tới một đấu."

Vua Minh Hoàng xin vời tới. Giây phút có một đạo sĩ trẻ chừng 16 tuổi từ ngoài bay vào, ra mắt nhà vua.

Trương Quả Lão nói:

- Nó là đệ tử của tôi, xin đừng hầu Bệ hạ.

Minh Hoàng thưởng cho nó một đấu rượu, nó liền uống hết. Minh Hoàng lại ép uống nữa. Trương Quả Lão nói:

- Chẳng nên cho nó uống nhiều, nếu quá chén, ắt sanh điều quái gở.

Minh Hoàng cứ ép uống rượu để xem sự thể ra sao.

Giây phút, trên đầu đệ tử hiện ra một cái quả bằng vàng, rồi người đệ tử biến mất, quả bằng vàng ở dưới đất trơ trơ, giờ nắp ra thấy rượu đầy quả. Coi lại, đó là quả vàng của vua. Ai nấy đều phục phép Tiên của Trương Quả Lão.

Vua hỏi Ông Trương bao nhiêu tuổi. Ông Trương đáp:

- Tôi sanh năm Bính Tý đời vua Nghiêu.

Vua Đường lấy làm lạ, vì thấy Ông Trương tuổi lối 70 hay 80, liền truyền lệnh cho quan coi tướng là Hình Hòa Phát coi tuổi Trương Quả Lão, nhưng coi cũng không ra.

Vua liền sai Sư Dạ Quang là người coi thấu việc quỷ thần, coi cũng không biết tướng tinh của Trương Quả Lão. Khi ấy có Đạo sĩ Diệp Pháp Thiện, học được phép Tiên, biết việc quỷ thần, rất được Minh Hoàng yêu mến, được Minh Hoàng vời đến hỏi tướng tinh của Trương Quả Lão.

Diệp Pháp Thiện tâu rằng:

- Nếu Bệ hạ chịu cắt mào cổ giày mà xin tội cho tôi với Trương Quả Lão thì tôi mới dám nói.

Vua Minh Hoàng vì tính hiếu kỳ nên ưng chịu.

Diệp Pháp Thiện tâu rằng:

- Trương Quả Lão cỡi lừa kỳ lắm, ngồi day ngược ngó ra sau, thiệt là con dơi trắng thời thượng cổ.

Nói vừa dứt lời thì Diệp Pháp Thiện bị sặc máu tươi chết liền tại chỗ. Vua Minh Hoàng kinh hãi, liền cắt mào cổ hài như đã hứa, đến gặp Trương Quả Lão xin tội cho Pháp Thiện. Trương Quả Lão nói:

- Nó nhiều chuyện lắm, nếu không trị nó thì lậu cơ Trời.

Minh Hoàng cứ đứng đó năn nỉ hoài, buộc lòng Trương Quả Lão phải tha cho Pháp Thiện, đến phun nước vào mặt thì Pháp Thiện sống lại như thường.

Minh Hoàng sắc phong cho Trương Quả Lão là Thông Huyền Tiên Sinh, lại sai vẽ chơn dung của Ông Trương treo ở lầu Tập Hiền.

Ngày kia, Minh Hoàng đi săn, bắt được con nai tại đất Hàm Dương, truyền làm thịt đái yến. Ông Trương can rằng:

- Nó là Tiên lộc ngàn năm, chẳng nên giết. Nguyên trước đây, vua Hớn Võ Đế săn đặng con nai này, vua cho đóng đỉnh bài trên gạc bên tả rồi thả cho đi.

Minh Hoàng truyền coi lại thì trên gạc con nai này có đỉnh bài đúng như Ông Trương nói, nhưng chữ trên đỉnh bài đã mòn. Minh Hoàng hỏi: - Từ đó đến nay bao nhiêu năm?

Trương Quả Lão đáp: - Năm Quý Hợi, Hớn Võ Đế đào ao Côn Minh, đến nay là năm Giáp Tuất, cộng lại là 852 năm.

Vua truyền quan Thái Sử coi lại thì y số.

Sau Trương Quả Lão xin về dưỡng già. Minh Hoàng cảm không được, liền ban tặng cho một chiếc xe, một cây lưa, hai lính hầu, đưa Trương Quả Lão về Hàng Châu. Ông Trương cho một tên lính hầu về trào, chỉ giữ lại một tên, rồi hai thầy trò đi vào núi Thiên Bửu.

Ít lâu sau, Minh Hoàng lại cho triệu Trương Quả Lão. Ông bèn giả chết, tên lính hầu lo chôn cất tử tế rồi báo về triều. Mấy hôm sau đó, người ta lại thấy Trương Quả Lão cỡi lừa ngược đi dạo. Tên lính ấy lấy làm lạ, đào mộ của Ông Trương lên xem, chỉ thấy cái hòm không.

Vua Minh Hoàng hay tin, cho lập một cái miếu tại núi Thiên Bửu để thờ Trương Quả Lão.

5. Hà Tiên Cô:

Hà Tiên Cô, tên thật là Hà Tố Nữ, quê ở Quảng Châu, huyện Tăng Thành. Khi còn bé, Hà Tố Nữ có sáu cái xoáy trên đầu, ai cũng cho là kỳ. Hà Tố Nữ ở với mẹ tại khe Vân Mẫu.

Nhằm đời Đường Võ Hậu, Hà Tố Nữ năm chiêm bao được Thánh nhơn mách bảo nên ăn bột Vân Mẫu thì nhẹ mình chẳng thác. Hà Tố Nữ thức dậy, nhớ lại làm y lời. Bà mẹ thấy Tố Nữ đến tuổi trưởng thành nên có ý kén rể. Hà Tố Nữ nhứt định không chịu lấy chồng, chỉ muốn ở vậy nuôi mẹ.

Ngày kia, Tố Nữ đi kiếm bột Vân Mẫu thì gặp hai Tiên Lý Thiết Quả và Lam Thê Hòa đang mang giỏ Hoa Lam đi hái bông. Hai vị thấy Hà Tố Nữ gần thành Tiên, liền gọi đến, truyền cho phép tu luyện, và kêu tặng là Hà Tiên Cô.

Võ Hậu nghe đồn, cho người đến rước Hà Tiên Cô, nhưng dọc đường đi về trào, Hà Tiên Cô biến mất.

Sau quan Thứ Sử họ Cao gặp Hà Tiên Cô ở trên lầu Quảng Châu. Thứ Sử về trào tâu cho Võ Hậu rõ.

Lý Thiết Quả đến độ cả hai mẹ con Hà Tiên Cô về cảnh Bồng Lai.

6. Lữ Đồng Tân:

Lữ Đồng Tân, con của Thứ Sử Hải Châu, sanh ngày 14 tháng 4. Khi bà mẹ mới sanh Ông thì trong phòng mùi hương thơm phức, có hạc trắng bay vào phòng rồi biến mất. Ấy là Huê Dương Chơn Nhơn đầu thai xuống trần làm Lữ Đồng Tân.

Lữ Đồng Tân lớn lên, mắt phụng mày ngài, tay dài, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má cao, chơn mày bên tả có nốt ruồi, dưới bàn chơn có chỉ như lưng qui, mình cao 8 thước 2, tánh ưa bịt khăn huê dương (bao đảnh xanh), mặc áo đạo sĩ.

Khi ấy có thầy coi tướng Mãn Tổ đến coi đoán rằng: *"Người trẻ nầy tướng khác phàm tục, sau gặp chữ Lữ thì đắc thời, gặp chữ Chung thì thành đạo."*

Mọi người trong nhà đều nghe nhưng không hiểu gì.

Năm 20 tuổi, Lữ Đồng Tân xưng hiệu là Thuần Dương, nên gọi là Lữ Thuần Dương, đi thi đỗ Tú Tài, tiếp theo đỗ luôn Cử Nhân, nhưng khi thi Tiến Sĩ thì rớt. Khi đến núi Lư sơn, gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn dạy cho phép tu luyện và tặng cho một thanh gươm chém được yêu quái.

Ngày kia, Lữ Đồng Tân đến chợ Trường An, huyện Hàm Đan, vào quán rượu, gặp một đạo sĩ mặc áo trắng đang đề thơ trên vách ba bài thi như sau:

*Ngồi đứng hăng mang rượu một bầu,
Chẳng cho cặp mắt thấy Hoàng Châu.
Đạo chơi ít kẻ tường tên họ,
Trên thế thanh nhàn muốn được đâu?*

*Thần Tiên tìm bạn khó không nài,
Có phước theo ta dễ mấy ai?
Đồng Hải rõ ràng nhiều động đá,
Ít người được thấy núi Bồng Lai.
Đạo chơi theo thuở, ở theo thời,
Danh lợi làm chi mắc nợ đời.
Nằm nghĩ co tay hằng đếm mãi,
Mấy ai ao ước được như lời.*

Lữ Đồng Tân thấy đạo sĩ cốt cách Thần Tiên, đề thơ thanh thoát thì cảm phục lắm, liền đến làm quen, chấp tay chào hỏi và xin Đạo sĩ cho biết họ tên. Đạo sĩ mời ngồi, rồi nói rằng:

- Ông hãy làm một bài thơ cho ta biết ý trước đã.

Lữ Đồng Tân liền đọc:

*Cân đai ràng buộc ý không màng,
Áo vải coi ra rất nhẹ ì nhàng.
Danh lợi cuộc đời chưa phải nguyện,
Làm tôi Thượng Đế mới nên trang.*

Đạo sĩ nói:

- Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, Ông có muốn đi chơi với ta không?

Đồng Tân có vẻ lưỡng lự. Vân Phòng biết họ Lữ còn muốn đi thi Tiến Sĩ để trở danh với đời, nên ý còn dửng dăng.

Vân Phòng muốn độ Lữ Đồng Tân nên ngồi nấu một nồi huỳnh lương, tức là nồi bắp vàng. Trong lúc chờ cho nồi bắp chín, Vân Phòng đưa cho Lữ Đồng Tân một cái gối, bảo nằm xuống nghỉ, còn mình thì tiếp tục chụm củi đun nồi bắp.

Đồng Tân nằm xuống, kê đầu lên gối, giây lát chiêm bao thấy mình vác lều chõng đi thi, ngang qua nhà giàu nọ, gặp

người con gái rất đẹp thì ướm lời. Nàng nói rằng: Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa ống.

Lữ Đồng Tân vào khoa thi đỗ Trạng, về cưới nàng ấy, sau lại cưới thêm hầu thiếp, được vua bổ làm quan Gián Nghị, lần lần thăng lên. Sau 40 năm được vua phong tới chức Thừa Tướng, con cái đông đảo, sui gia cũng bực quan lớn, lại có cháu nội cháu ngoại. Thật là vinh sang phú quý tốt bực.

Chẳng may, sau đó bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa, vua tin lời, bắt tội, truyền tịch thu gia sản, đày qua núi Lãnh Biển, cực khổ vô cùng. Kể giựt mình thức dậy.

Vân Phòng ngồi kể bên cũi lớn, ngâm câu thơ:

*Nỗi bấp hầy còn ngòi,
Chiêm bao đờ thấy cháu.*

Lữ Đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng:

- Thầy biết sự chiêm bao của tôi sao?

- Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường. (Do sự tích này mà người ta nói: Giác Huỳnh lương, Giác kê vàng, Giác Hàm Đan, là để chỉ giác mộng của Lữ Đồng Tân, xem vinh hoa phú quý là phù du mộng ảo).

Đồng Tân nghe Vân Phòng nói vậy, liền tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ thấy chán ngán cuộc đời, cầu xin Vân Phòng truyền đạo.

Vân Phòng nói:

- Việc nhà hãy chưa an, đời sau tu cũng không muộn.

Nói rồi liền bỏ đi. Lữ Đồng Tân trở về nhà, bỏ việc công danh, lo tu tâm dưỡng tánh. Trong thời gian đó, Chung Ly Vân Phòng lần lượt bày ra 10 điều để thử tâm chí của Lữ Đồng Tân. Vân Phòng rất hài lòng về người đệ tử này, nói:

- Ta đã thử 10 điều, khen người bền chí, đáng được truyền đạo trường sanh. Song người chưa có công quả bao nhiêu, nên ta rước gấp chưa được. Nay ta dạy người phép chỉ đá hóa vàng, người cứ đời đời cho có công quả, rồi ta sẽ rước người về Thượng giới.

Lữ Đồng Tân thưa rằng:

- Vàng ấy chừng bao lâu mới phai?

- Cách 3000 năm mới trở.

Lữ Đồng Tân châu mày thưa rằng:

- Như vậy thì cứu người nghèo bây giờ mà lại làm hại những kẻ 3000 năm sau nhiều lắm, thiệt tôi chẳng nở.

Vân Phòng khen:

- Lòng người hơn đức 10 phần, truyền đạo bây giờ cũng đáng.

Nói rồi dắt Lữ Đồng Tân về núi Triều Hạc, và sau đó truyền hết các phép tu luyện cho Lữ.

Một ngày nọ, Vân Phòng gọi Lữ Đồng Tân nói:

- Ta sắp lên châu Thượng Đế, sẽ tâu xin đem tên người vào sổ Tiên. Cách 10 năm nữa, đến gặp ta tại Động Đình Hồ.

Xảy có một vị Tiên cõi hạ bay đến nói:

- Có chiếu chỉ của Đức Thượng Đế phong Vân Phòng làm chức Kim Khuyết Thượng Tiên. Hãy mau lên lãnh sắc.

Vân Phòng liền từ giã Lữ Đồng Tân rồi bay lên mây. Lữ Đồng Tân vẫn ở núi Triều Hạc để tu và lập công quả.

Ngày nọ, Lữ Đồng Tân đến sông Giang Hoài, được biết có một con giao thành tinh, phá hại dân chúng. Đã có nhiều đạo sĩ đến trị nó không nổi. Lữ Đồng Tân biết mình có gươm phép của Huỳnh Long Chơn Nhơn ban cho, chắc trừ nó đáng, nên nói với quan Phủ để mình lãnh cho.

Nói rồi, rút gươm phép ra, miệng niệm Thần chú, phóng gươm xuống sông Giang Hoài, giây phút thấy nước sông nổi sóng, máu tươi vọt lên thắm đỏ dòng sông, con giao long bị chém đứt họng nổi lên. Gươm linh này chém xong lại trở vô vỏ. Quan Phủ rất mừng, tặng cho Lữ vàng bạc để đền ơn, nhưng họ Lữ không nhận.

Lữ Đồng Tân đi qua Châu Nhạ Dương, bố thí thuốc chữa bệnh, và tìm người lành đạo dẫn tu hành. Kế tới ngày hẹn với Chung Ly, Lữ Đồng Tân sắp đặt để đi đến Động Đình Hồ đón Vân Phòng và cùng Vân Phòng đi độ Hàn Tương Tử.

7. Hàn Tương Tử:

Hàn Tương Tử sanh nhằm đời Đường, cháu ruột của Hàn Dũ, kêu Hàn Dũ bằng chú. Thuở nhỏ, Hàn Dũ ép cháu học Nho để tiến thân trên đường làm quan nhưng Hàn Tương Tử không chịu nên nói:

- Chú mộ công danh phú quý, cháu mộ đạo Thần Tiên.

Vì vậy, Hàn Tương Tử thường lo tu tâm dưỡng tánh.

Ngày nọ, Hàn Tương Tử gặp Chung Ly và Lữ Đồng Tân. Ba người dắt lên non hái đào chín. Chung Ly biết Hàn Tương Tử sắp thành Tiên, liền kêu Hàn leo lên cây hái đào chín, nhánh đào gãy, Hàn Tương Tử té xuống bỏ xác thành Tiên, theo Hớn Chung Ly và Lữ Đồng Tân lên ở núi Bồng Lai.

Hàn Tương Tử có ý muốn độ chú mình là Hàn Dũ. Năm ấy, Trời hạn hán, Hàn Dũ vâng lệnh vua cầu mưa nhưng không linh. Bỗng nghe một đạo sĩ (do Hàn Tương Tử biến hóa ra) rao lên rằng:

- Ai muốn mua mưa tuyết, ta bán cho.

Hàn Dũ liền rước vào yêu cầu đạo sĩ cầu mưa, giây phút mưa xuống ngập đồng, tuyết sa chất ngất. Hàn Dũ nói:

- Không chắc ai đảo võ mà đặng mưa tuyết này. Ta cầu đã nửa ngày rồi, có khi kết quả chậm một chút.

Đạo sĩ nói:

- Mưa tuyết do tôi cầu cao 3 thước 3 tấc.

Hàn Dũ đo lại, đúng y như lời đạo sĩ, mới tin đạo sĩ là Thần Tiên có phép mầu.

Đến ngày Hàn Dũ ăn lễ sinh nhật, Hàn Tương Tử đến chúc thọ chú. Hàn Dũ thấy vậy, nửa mừng nửa giận hỏi:

- Bấy lâu nay ngươi theo học đạo Thần Tiên thế nào? Làm một bài thơ nghe thử.

Hàn Tương Tử ngâm rằng:

*Đã quyết chí tu trì, Thành Tiên chẳng khó chi,
Mây xanh hằng cõi hạ, Động đá cứ ngâm thi.
Đặt rượu trong giây phút, Trồng hoa nở tức thì.
Lâu dài ngàn tuổi thọ, Điều độ kẻ tương tri.*

Hàn Dũ nói:

- Người cướp quyền Tạo Hóa đặng sao? Hãy đặt rượu và trồng hoa xem thử.

Hàn Tương Tử bảo đem một cái ché không, đặt giữa bàn, lấy mâm đặt lại, trong giây phút, rượu ngon đầy ché. Rồi Hàn ra trước sân, đào đất vun đồng, tức thì mọc lên một cây hoa mẫu đơn nở bông rất lớn, giữa bông có hiện ra hàng chữ:

*Vân hoành Tản lãnh gia hà tại,
Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền.*

Hàn Dũ đọc rồi ngẫm nghĩ mãi mà không hiểu ý gì, liền hỏi Hàn Tương Tử. Hàn Tương Tử đáp rằng:

- Ngày sau chú sẽ biết, bây giờ không dám lậu Cơ Trời.

Ai nấy trong bàn tiệc đều lấy làm lạ kỳ. Mãn tiệc, Hàn Tương Tử từ giã về núi.

Lúc ấy nhằm đời vua Đường Hiến Tông, bên Tây Trúc đem dâng tượng Phật, vua muốn rước vào cung để thờ. Bá quan không ai dám can gián. Hàn Dũ thấy vậy liền dâng sớ can vua:

- Từ Tam Hoàng Ngũ Đế đến vua Võ vua Thang, vua Văn Vương, chưa có Đạo Phật thì thiên hạ thái bình. Đến đời Hớn, vua Minh Đế đem Đạo Phật vào Trung Nguyên thì nhà Hớn chẳng lâu dài. Sau qua đời Lương Võ Đế, vua rước Phật về thờ phượng hết lòng, nhưng vua bị Hầu Kiến vây khốn, phải chết đói tại Đài Thành, sao Phật không cứu? Như thế chẳng nên tin Phật. Xin Bệ hạ đãi bọn Tây Vực rồi truyền đem tượng Phật ném xuống sông hay quăng vào lửa mà hủy đi kẻo thiên hạ mê lầm.

Đường Hiến Tông xem sớ xong thì nổi giận, truyền lột chức Hàn Dũ và đày ra Triều Châu tức thì.

Hàn Dũ bị dẫn đi đày, đến một nơi hoang vắng, chẳng có nhà cửa người ở, mây giăng chót núi mịt mù, tuyết rơi bít lối. Chợt thấy phía trước có một đạo sĩ đang quét tuyết dọn đường, nhìn kỹ lại là Hàn Tương Tử. Hàn Dũ mừng rỡ hỏi:

Xứ này là chốn nào?

Hàn Tương Tử đáp:

Đây là Ải Lam quan, núi này là Tản lãnh.

Hàn Dũ nhớ lại hai câu thơ trong hoa mẫu đơn thì than:

Như vậy, số Trời đã định, chạy sao cho khỏi.

Từ đó, Hàn Dũ mới tin Trời và trọng Đạo. Đêm ấy, chú cháu bàn chuyện đạo đức đến khuya. Rạng ngày, Hàn

Tương Tử tặng cho chú một hoàn thuốc, rồi dặn chú:

- Chú uống một hoàn thuốc Tiên này thì khỏi sanh các bệnh. Không bao lâu, ở Triều Châu có sáu nổi lên phá hại, chú đặt văn tế đưa nó phải đi, kể đặng phục chức trở về triều. Sau đó, cháu sẽ về độ chú, truyền cho phép tu luyện.

Nói rồi, Hàn Tương Tử từ giã chú trở về cung Tiên.

8. Tào Quốc Cựu:

Tại núi Bồng Lai, trong lúc ăn tiệc, uống rượu quỳnh tương, Lý Thiết Quả nói:

- Tại Bồng Lai có 8 động đá, mà anh em ta có 7 người, phải rán độ thêm một vị nữa. Ta nhắm em của Tào Thái Hậu là Tào Quốc Cựu có khí tượng Thần Tiên, cũng nên độ kéo uống.

Hớn Chung Ly thưa rằng:

- Để tôi xuống coi thử, nếu thực vậy thì tôi lo điều độ.

Nói về Tào Quốc Cựu, tên thật là Tào Hữu, em ruột của Tào Thái Hậu, đời vua Tống. Tào Hữu có một người em ruột là Tào Nhị, ý thể của anh và chị, lập phe đảng hại dân, bắt hiếp gái lành, sang đoạt tài sản. Tào Hữu rất giận, thường la mắng Tào Nhị, nhưng Tào Nhị vẫn chứng nào tật nấy, lại đem lòng oán trách.

Tào Hữu thường than rằng: Chứa lành có phước, chứa dữ mang họa. Em mình làm dữ mười phần, lẽ nào không bị hại, tuy qua đặng dương pháp, chớ chạy sao khỏi luật Trời. Nếu tai họa tới thì mình phải tội liên can, chi bằng nên lánh trước kẻo như danh và mắc nạn.

Suy nghĩ rồi, liền bán hết tài sản, đem tất cả tiền thân được bố thí cho dân nghèo, rồi mặc áo quần đạo sĩ đi lên núi, tìm chỗ thanh vắng để tu hành. Qua được vài năm thì Hớn Chung Ly và Lữ Đồng Tân tìm đến gặp mặt, hỏi rằng:

- Ông tu luyện ra sao?

- Lòng mộ đạo Thần Tiên thì lánh việc trần, chớ tôi không biết phép tu luyện chi hết.

Hai Tiên liền hỏi tiếp: - Đạo ở đâu mà mộ?

Tào Quốc Cựu chỉ Trời.

- Trời ở đâu?

Tào Quốc Cựu chỉ vào trái tim.

Hơn Chung Ly nói: - Tâm là Trời, Trời là đạo. Ông đã biết rõ cội rễ, tu chắc thành Tiên.

Nói rồi, liền đưa Tào Quốc Cựu về núi Bồng Lai.

Từ đây về sau, núi Bồng Lai có đủ Bát Tiên ở trong 8 động, tiêu diêu nhàn lạc vô cùng.

Ngày kia, Hà Tiên Cô nói với bảy Tiên rằng:

- Lễ thường, Tiên Ông mới thành thì ra mắt Đông Vương Công, còn Tiên Nữ mới thành thì ra mắt Tây Vương Mẫu. Kỳ trước, sanh nhật của Đông Vương Công, Tiên Nữ cũng đi chúc thọ. Nay gần đến sanh nhật của Đức Tây Vương Mẫu, bảy Ông tính đi chúc thọ không?

Hơn Chung Ly và Lam Thể Hòa đồng nói:

- Tây Vương Mẫu không cai trị chúng ta, song Bà là vị làm đầu Tiên Nữ, các Thần Tiên đều phò hội, lễ nào chúng ta không đi, ngặt chẳng có vật chi báu để dâng lễ Chúc thọ. Trương Quả Lão nói:

- Tây Vương Mẫu ở Cung Diêu Trì thiếu chi vật báu, chúng ta đặt vấn chúc thọ mà khánh hạ thì hay hơn.

Lý Thiết Quả khen phải. Lữ Đồng Tân nói:

- Văn của chúng ta cũng tầm thường, ước đặng văn của Lão Quân thì mới xứng đáng.

Hà Tiên Cô nói:

- Thái Thượng Lão Quân hậu đãi Lý Tiên Trưởng lắm, nếu Lý Tiên Trưởng cầu Ngài chắc đặng.

Lý Thiết Quả nói:

- Phải, song việc đồng người mà đi một mình ta thì thất lễ. Vậy thì tám anh em ta cùng đi đến mà cầu Lão Quân.

Nói rồi, Bát Tiên đồng đẳng vân qua Cung Đâu Suất. Đức Lão Quân tiếp Bát Tiên, mời vào Cung, nói:

- Thuở nay, nhà Nho hay học sách của ta như Đạo Đức Kinh, Kinh Cấm Ứng, song dùng cho thông ý tứ mà làm văn, chớ chẳng bắt chước theo lời dạy bảo. Lại có kẻ kiêu ngạo, chê Phật, chê Lão, nên ta chẳng đặt sách chi thêm nữa mà dạy đời.

Lý Thiết Quả thấy Lão Quân có sắc buồn, nhưng cũng rán cầu xin đặt bài chúc thọ Vương Mẫu. Lão Quân cười nói:

- Ta ít ưa việc ấy, vì nhiều người làm không đặng mà lại hay chê. Song tám vị cầu ta, ta đặt giúp cho một bài từ cũng đủ.

Lão Quân nói xong, liền viết một bài, đưa cho Bát Tiên xem thử. Ai nấy đều khen ngợi vô cùng. Bát Tiên từ tạ lui ra, đến cậy Chức Nữ làm trục bằng gấm, dán chữ sáng như sao, rồi đem đi chúc thọ. Bát Tiên đến Hội Bàn Đào chúc thọ Tây Vương Mẫu, thấy các Thần Tiên đến đông lắm. Bát Tiên dâng bức trướng chúc thọ. Tây Vương Mẫu khen văn đặt rất hay.

Sau khi mãn tiệc, các Thần Tiên đều về hết, Bát Tiên còn lưu lại. Tây Vương Mẫu gọi bốn nàng thị nữ đến bảo rằng:

- Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến, An Phát Trinh, bốn người từ khi ca múa tại Hoa Điện của vua Hồn Võ Đế đến nay cũng đã khá lâu, bây giờ hãy thổi sáo và đờn ca cho Bát Tiên uống rượu.

Bốn nàng vâng lời. Lam Thế Hòa khen hay, rót rượu dâng lên Tây Vương Mẫu. Vương Mẫu nói:

- Nghe tiếng Lam Tiên ca hay, nên trình nghề chung vui.

Lam Thế Hòa vâng lời, lấy cặp sanh ra, vừa nhịp vừa ca. Ai nấy đều khen và cười ngất. Tây Vương Mẫu thưởng cho rượu và đào. Lam Thế Hòa nói:

- Hàn Tương Tử thổi sáo hay lắm.

Tây Vương Mẫu bảo thử. Hàn Tương Tử vâng lời. Tây Vương Mẫu nghe xong, khen hay, bảo:

- Bản ấy rất hay, An Phát Trinh phải nhớ mà tập.

Tiệc xong, Bát Tiên từ tạ. Tây Vương Mẫu truyền đưa Bát Tiên đến chơn mây.

Bát Tiên thấy sóng biển Đông cao lắm. Đồng Tân nói:

- Thuở nay nghe đồn Đông hải mà chưa đến xem phong cảnh thế nào. Sẵn dịp này, chúng ta nên xem qua một chuyến.

Lý Thiết Quả nói phải. Trương Quả Lão can rằng:

- Bữa nay chúng ta uống nhiều rượu say rồi, để khi khác.

Hớn Chung Ly nói:

- Sẵn dịp này chẳng đi dạo, còn đợi dịp nào?

Bát Tiên đồng đi đến mé biển. Lữ Đồng Tân nói:

- Nay đàng vùn quá hải, không lấy làm tài, chi bằng mỗi người thả một phép xuống biển, cỡi qua tới mé bên kia mới thiệt thần thông.

Lý Thiết Quả quăng gậy xuống nổi lên mặt nước, rồi nhảy xuống đứng một chân trên gậy.

Hớn Chung Ly ném Phất chủ xuống biển và nhảy xuống đứng trên Phất chủ.

Trương Quả Lão thả Lừa giấy, Lữ Đồng Tân thả Ống tiêu, Lam Thế Hòa thả Ngọc bản, Hàn Tương Tử thả giỏ Hoa lam, Tào Quốc Cựu thả Thủ quyển, Hà Tiên Cô thả Bông sen.

Tất cả Bát Tiên đều đứng trên bửu pháp của mình, giống như đứng trên thuyền, đồng vượt qua Đông hải.

Khi Đức Chí Tôn lập ĐĐTKPĐ, Bát Tiên lãnh lệnh Đức Chí Tôn giáng trần, làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo.

Các Chức sắc tiền bối cho biết:

- Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung là ngươn linh của Lý Thiết Quả giáng trần.
- Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư là ngươn linh của Hớn Chung Ly giáng trần.
- Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang là ngươn linh của Lữ Đồng Tân giáng trần.
- Phối Sư Thái Bính Thanh, người được Chí Tôn giao làm Quả Càn khôn, là ngươn linh của Lam Thế Hòa.

- Nữ Giáo Sư Hương Hồ, con gái của Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh, là người linh của Hà Tiên Cô.

Còn ba vị nữa mới đủ Bát Tiên nhưng chưa được biết.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Bát vu

鉢盂

A: The bowl for alms.

P: Le bol à l'aumône.

Bát: Tám, thứ tám. **Vu:** Cái bầu đựng đồ ăn.

Bát vu là cái bình đựng đồ ăn của các tăng ni Phật giáo thuộc phái Khất sĩ, dùng để đi khất thực.

Mỗi vị sư trong phái Khất sĩ, khi thọ cụ túc giới thì được vị hoà thượng nhận danh Giáo hội phát cho một cái bát, hoặc khi cái bát bị bể thì Giáo hội cũng phát cho cái khác.

Lúc thọ lãnh bát, vị sư nguyện ba lần bài chú sau đây:

*"Thiện tai Bát-đà-la, Như Lai ứng lượng khí!
Phụng trì dĩ tư thân, trường dưỡng trí mạng.
Ấn chỉ rị chỉ rị phạt nhứt ra hồng phần tra."*

Nghĩa là: Lành thay cái Bát-đà-la, món đồ ứng lượng của Phật! Tôi nay phụng trì để nuôi thân và nuôi lớn cái mạng trí huệ. Tiếp theo sau cùng là câu Thần chú bằng tiếng Phạn.

Bát-đà-la là chữ phiên âm từ tiếng Phạn: **Patra**, có nghĩa là cái Bát, cái Bình bát hay Bình bát vu.

Khi Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết Bàn, Đức Phật giao cho Ma Ha Ca Diếp hai món Y và Bát của mình để làm tín vật giữ ngôi Nhứt Tổ, chưởng quản Giáo hội tăng già.

Y là áo cà sa, Bát là bình Bát vu của Đức Phật Thích Ca sử dụng lúc sanh tiền. Y Bát này được truyền dần đến Tổ Sư thứ 28 Bồ Đề Đạt Ma của Phật giáo Ấn Độ, thì Y Bát theo Tổ Sư Đạt Ma sang Trung hoa để mở mang Phật giáo tại đó.

Đạt Ma Tổ Sư trở thành Sơ Tổ của Phật giáo Trung hoa.

Tại Trung hoa, Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma truyền Y Bát lại cho Nhị Tổ, Nhị Tổ truyền cho Tam Tổ, Tam Tổ truyền cho Tứ Tổ,

Tứ Tổ truyền cho Ngũ Tổ, Ngũ Tổ truyền cho Lục Tổ Huệ Năng, và sau đời Lục Tổ Huệ Năng, thì không còn lệ truyền Y Bát nữa, vì theo lời dặn dò của Đạt Ma Tổ Sư, sau 200 năm kể từ ngày Đạt Ma Tổ Sư nhận Y Bát thì không truyền nữa.

Do đó, Lục Tổ Huệ Năng là vị Tổ Sư cuối cùng của Phật giáo có được Y và Bát. Có lẽ các vị Tổ Sư biết trước rằng, sau đời Lục Tổ Huệ Năng thì Phật giáo bắt đầu thất chơn truyền, đi vào thời kỳ Mạt pháp.

Vì ý nghĩa quan trọng của bình Bát vu như thế, nên Đạo Cao Đài chọn bình Bát vu làm cổ pháp tượng trưng Phật giáo.

PMCK: Xuân Thu, Phát chủ, *Bát vu*,
Hiệp qui Tam giáo hữu cầu chí chơn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

BÁT

Bạt tiến

拔薦

A: To recommend a soul; the proposition of elevation of a soul.

P: Recommander une âme; la proposition de l'élévation d'une âme.

Bạt: Cát lên, đề cử. **Tiến:** Dâng lên, tiến cử.

Bạt tiến là đề cử dâng lên các Đấng thiêng liêng cứu giúp một linh hồn cho được siêu thăng.

Những tín đồ Cao Đài, ăn chay kỳ không đủ 10 ngày trong một tháng, hoặc sau này sa ngã, không còn giữ gìn giới luật của Đạo nữa, hoặc những người chưa nhập môn cầu Đạo, mà khi chết, con cháu muốn nhờ Đạo cứu giúp linh hồn, thì Chức việc Bàn Trị Sự tại địa phương phải đến lo lắng giúp đỡ, cho đúng với tôn chỉ của Đạo Cao Đài là tận độ chúng sanh.

"Điều trọng yếu hơn hết là trọn tang môn phải giữ trai giới trong mấy ngày linh cứu còn tại tiền thì mới làm Bạt tiến cho linh hồn giải thoát đặng." (Tiểu Dẫn Kinh Thiên Đạo Thế Đạo)

Khi hành Lễ Bạt Tiến thì:

- Không đọc bài Kinh Khi Đã Chết Rồi.
- Không làm Phép Xác và Phép Đoạn Căn.
- Không làm Tuần Cửu, Tiểu Tường và Đại Tường.

Ngoài ba điều kể trên, các nghi thức cử hành tang lễ khác thì giống y như đối với hàng Vong thường, có ghi rõ trong quyển Tang Lễ của Đạo Cao Đài do Hội Thánh ấn hành.

BẢY

Bảy dây oan nghiệt

A: *Seven bonds of Karma.*

P: *Sept liens Karmiques.*

Bảy dây: Bảy sợi dây vô hình nối liền thể xác với chơn thần của con người. **Oan:** Thù giận. **Nghiệt:** Nghiệp ác.

Khi con người còn sống nơi cõi trần, chơn thần liên lạc với thể xác qua bảy dòng điện từ (còn gọi là bảy sợi dây từ khí) mà mắt phàm không thấy được. Do bảy dòng điện từ này, thể xác đòi hỏi chơn thần phải làm cho nó thoả mãn những ý muốn về vật chất của nó. Nếu chơn thần xuôi theo những ý muốn này của thể xác thì thể xác sẽ gây ra nhiều mối oan nghiệt trong kiếp sống. Do đó, Đạo Cao Đài gọi bảy dòng điện từ này là Bảy dây oan nghiệt.

Nhưng cũng nhờ Bảy dòng điện từ này mà chơn thần ra lệnh cho thể xác không được làm điều sai quấy.

Khi ta ngủ, nằm chiêm bao, chơn thần xuất ra khỏi thể xác đi đó đi đây, nhưng vẫn luôn luôn nối với thể xác bằng Bảy sợi dây này. Lúc đó, Bảy sợi dây nhập lại thành một sợi lớn, nếu có huệ nhãn thì thấy nó có màu bạc. Khi có tiếng động mạnh, thể xác nghe được, liền dùng Bảy sợi dây này kéo chơn thần trở về nhập vào xác và liền đó ta giật mình thức dậy.

Bảy dây oan nghiệt này ở vào bảy nơi trên thân thể:

1. Trên đầu (mỏ ác hay nê hườn cung).

2. Ngay trán (thượng đình, giữa hai chân mày).
3. Ngay cổ (trung đình, đầu cuống họng và cuống phổi).
4. Ngay tim.
5. Ngay hông trái (thận).
6. Dưới dạ dưới (hạ đình, rún, hạ đơn điền)
7. Dưới xương khu (xương cụt).

Khi thể xác chết, Bảy sợi dây oan nghiệt này kéo níu chơn thần, ràng buộc chơn thần, không cho chơn thần xuất ra khỏi thể xác mà bay lên cõi thiêng liêng.

Do đó, Đức Chí Tôn ban cho Phép Đoạn Căn, để Chức sắc hành pháp cắt đứt Bảy dây oan nghiệt này, chơn thần mới tách rời khỏi thể xác mà bay lên cõi thiêng liêng.

Trước khi làm Phép Đoạn Căn, Chức sắc phải làm Phép Xác trước, tức là Phép tẩy rửa chơn thần bằng nước Cam Lô cho chơn thần được trong sạch và thanh nhẹ.

KĐIC: *Bảy dây oan nghiệt hết ràng,
Bợn trần rửa sạch muôn ngàn đau thương.*

KĐIC: Kinh Đệ Nhứt cửu.

Bảy Lão

A: *The seven Sages.*

P: *Les sept Sages.*

Bảy Lão là ý nói Trúc Lâm Thất Hiền, bảy Ông Hiền ở rừng trúc, vào thời sau Tam Quốc bên Tàu.

Bảy Ông tu theo Lão giáo và đều thành Tiên, ở động Thiên Thai nơi cõi thiêng liêng. (Xem: **Trúc Lâm Thất Hiền**)

KĐ3C: Cõi Thanh Thiên lên miền Bồng đảo,
Động Thiên Thai *Bảy Lão* đón đường.

KĐ3C: Kinh Đệ Tam cửu.

Bảy bài

A: *The seven pieces of music.*

P: *Les sept pièces de musique.*

Bây bài là ý nói bây bài đờn trong Nhạc Tấu Quân Thiên khi Đại lễ cúng Đức Chí Tôn. (Xem: Nhạc Tấu Quân Thiên)

TNHT: Khi nhập lễ, xướng Khởi Nhạc thì phải đánh trống và đờn *bây bài*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BẮC

BẮC

Bắc: 北 Hướng Bắc.

Td: Bắc Đẩu, Bắc Khuuyết.

Bắc Đẩu

北斗

A: The polar star.

P: L'étoile polaire.

Bắc: Hướng Bắc. **Đẩu:** Ngôi sao Bắc Đẩu.

Bắc Đẩu là ngôi sao Bắc Đẩu, một ngôi sao nằm ngay hướng Bắc của trục Địa cầu.

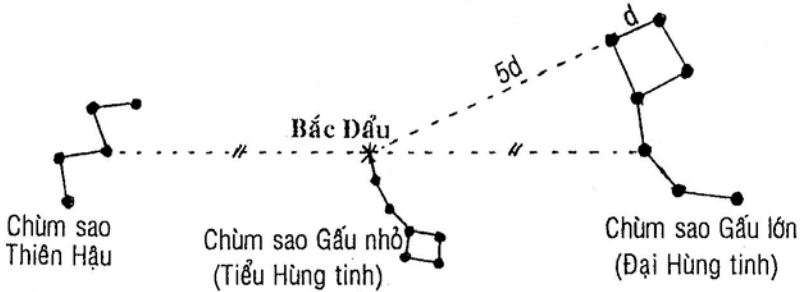
Bắc Đẩu là một định tinh, dùng để định chính xác hướng Bắc của Địa cầu.

Ở Miền Nam Việt Nam khó nhìn thấy sao Bắc Đẩu hơn miền Bắc VN vì ngôi sao Bắc Đẩu nằm gần sát chơn trời, nên thường bị cây cối che khuất. Vị trí của ngôi sao Bắc Đẩu ở chừng 10 độ so với đường nằm ngang.

Cách tìm sao Bắc Đẩu:

Muốn tìm sao Bắc Đẩu để định hướng Bắc, trước hết chúng ta phải tìm chùm sao Đại Hùng tinh (Chùm sao Gấu lớn: Grande Ourse) gồm 7 ngôi sao khá sáng xếp theo hình bánh lái, dễ nhìn thấy trên bầu Trời về đêm, hoặc tìm chùm sao Thiên Hậu gồm 5 ngôi sao xếp đặt theo hình chữ M, rồi mới

tìm chòm sao Tiểu Hùng tinh (Chòm sao Gấu nhỏ: Petite Ourse). Chòm sao Gấu nhỏ có 7 ngôi sao, nên được gọi là Thất Tinh, sao Bắc Đẩu nằm trên đầu cán của chòm Thất Tinh này.



Trên Quả Càn Khôn thờ nơi BQĐ của Tòa Thánh, Đức Chí Tôn bảo vẽ Thiên Nhãn ngay phía trên sao Bắc Đẩu.

Sao Bắc Đẩu là một định tinh ở tại trung tâm của CKVT, các ngôi sao khác đều chuyển động quanh ngôi Bắc Đẩu, và trục quay của các hành tinh đều hướng về sao Bắc Đẩu.

BQĐ: Bát Quái Đài.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Bắc Khuyết

北闕

A: The great door of the North.

P: La grande porte du Nord.

Bắc: Hướng Bắc. **Khuyết:** Cái cổng lớn vào đền vua.

Bắc Khuyết là Huỳnh Kim Khuyết ở hướng Bắc, đó là cái cổng lớn làm bằng vàng ròng nơi cõi thiêng liêng. Cổng này dẫn vào Linh Tiêu Điện, nơi họp triều đình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Một cuốn kinh của Đạo Minh Sư từ Trung hoa truyền sang nước ta, trên bìa kinh có đôi câu liên tiên tri:

高如北闕人瞻仰

臺在南方道統傳

CAO như Bắc Khuyết nhân chiêm ngưỡng,
ĐÀI tại Nam phương Đạo thống truyền.

Nghĩa là:

Cao như Huỳnh Kim Khuyết ở hướng Bắc, nhơn sanh đều chiêm ngưỡng,

Cái Đài cao tại nước Việt Nam (Nam phương) tượng trưng mỗi Đạo lớn thống quản tất cả và truyền bá khắp nơi.

Đôi liễn này khởi đầu bằng hai chữ CAO ĐÀI, tiên tri Đạo Cao Đài sẽ xuất hiện ở nước VN, là một nền Đại Đạo để qui hiệp tất cả các tôn giáo khác.

BẦN

BẦN

BẦN: 貧 Nghèo, thiếu thốn.

Td: Bần cùng, Bần đạo,

Bần cùng sanh đạo tặc

貧窮生盜賊

A: Wretched poverty creates the robber.

P: L'extrêmement pauvre crée le brigand.

Bần: Nghèo, thiếu thốn. **Cùng:** Khổ cực. **Sanh:** Gây ra.
Đạo: Ăn trộm. **Tặc:** Kẻ trộm.

Thành ngữ: *Bần cùng sanh đạo tặc*, có nghĩa là nghèo khổ quá thì sanh ra trộm cắp.

Ý nói, nếu hoàn cảnh của dân chúng quá nghèo khổ, không phương sanh sống thì phải sanh ra trộm cắp, cướp giựt để giành lấy miếng ăn cho sự sống.

Bần dưng

A: Hesitating.

P: Hésitant.

Bần dùng là dụ dụ, không còn hăng hái tiến bước.

TNHT: Thấy sự chi khó thì đã muốn bần dùng thôi bước.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bần đạo

貧道

A: Poor monk.

P: Pauvre religieux.

Bần: Nghèo, thiếu thốn. **Đạo:** Người tu hành, tu sĩ.

Bần đạo là Ông đạo nghèo, vị tu sĩ nghèo.

Bần đạo là tiếng tự xưng khiêm nhượng của những vị đạo cao đức trọng, hay những vị có đại đức lãnh đạo tôn giáo.

Các Đấng Tiên, Phật khi giáng cơ cũng thường tự xưng là Bần đạo. Đức Nhân Âm Đạo Trưởng, Đức Lý Giáo Tông, Đức Thanh Sơn Đạo sĩ, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, khi giáng cơ thường xưng mình là Bần đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp khi thuyết đạo cũng tự xưng mình là Bần đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp có gởi văn thư cho ba vị Chánh Phối Sư CTĐ, khuyên các Chức sắc Tòa Thánh không nên dùng các danh xưng ở ngoài Đờn như: Bồn chức, Tiểu chức,... mà nên dùng các tiếng xưng hô khác cho có tính cách khiêm cung để tỏ ra mình là người đạo đức.

Văn thư có đoạn như sau:

Tiếng Bồn chức là xưng hô của quan viên triều chánh, nó chỉ là tiếng tự tôn của phẩm vị quan viên trường đời đối với dân chúng.

Đức Giáo Hoàng xưng mình là SERVITUS, là SERVITEUR, nghĩa là đầy tớ của Đức Chí Tôn, cũng như tiếng Bần đạo của tôi đã dùng. Muốn có vẻ Đạo, ta nên tránh dùng những ngôn ngữ của quyền Đờn.

Tỷ như:

- Hàng Lễ Sanh xưng mình là Thiếu phẩm,
- Hàng Giáo Hữu xưng mình là Thiếu vị,

- Hàng Giáo Sư xưng mình là Thiểu đức,
- Hàng Phối Sư xưng mình là Tiện minh, Khiếm minh.
- Hàng Đầu Sư hay Chưởng Pháp xưng là Tế Tinh.
- Giáo Tông hay Hộ Pháp xưng mình là Bàn đạo.

(**Ghi chú:** **Thiểu** là thiếu, **Tiện** là thấp, **Khiếm** là thiếu sót, **Minh** là sáng, **Tế** là nhỏ, **Tinh** là ngôi sao).

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Bản tăng

貧僧

A: Poor bonze.

P: Pauvre bonze.

Bản: Nghèo, thiếu thốn. **Tăng:** Người đàn ông xuất gia đi tu.

Bản tăng là ông thầy chùa nghèo, ông sư nghèo.

Đây là tiếng tự xưng khiêm tốn và vinh hạnh của quý Hòa Thượng hay Thượng Tọa của Phật giáo.

Chư Đức Phật và Chư Bồ Tát khi giáng cơ cũng xưng mình là Bản tăng.

Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn ở Tây Phương giáng cơ:

Nhớ tới Long Hoa gần sắp đặt,
Bản tăng vội vã dắt thuyền qua.

Bản tiện mặc vong

貧賤莫忘

Bản: Nghèo, thiếu thốn. **Tiện:** Thấp hèn. **Mặc:** Chớ. **Vong:** Quên.

Bản tiện mặc vong là bốn chữ nói tắt của câu: *Bản tiện chi giao mặc khả vong*, nghĩa là: Bạn bè lúc còn nghèo hèn, bây giờ giàu sang rồi, chớ nên quên.

BẮT

BẮT

BẮT: 不 Không, chẳng, đừng.

Td: Bắt cập, Bắt câu, Bắt hoặc.

Bắt cập

不及

A: Too late.

P: Ne pas atteindre.

Bắt: Không, chẳng, đừng. **Cập:** Kịp, tới kịp.

Bắt cập là không đến kịp, tức là chưa đúng mực, còn thiếu sót vì vội vã.

Hỏi chi bắt cập: Ăn năn không kịp.

KSH: Chớ thái quá, đừng lòng *bắt cập*,
Phép tu hành luyện tập nhiều ngày.

KSH: Kinh Sám Hối.

Bắt câu

不拘

A: Without count; Without distinction.

P: Sans compter; Sans distinction.

Bắt: Không, chẳng, đừng. **Câu:** Bó buộc, hạn chế.

Bắt câu là không hạn chế, sao cũng được.

CG PCT: Người phải chăm nom binh vực những kẻ cô thế, *bắt câu* người có đạo hay người ngoại đạo.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Bất di bất dịch

不移不易

A: Immutable, irremovable.

P: Immuable, inamovable.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Di:** Dời đổi. **Dịch:** Biến đổi.

Bất di bất dịch là không dời đổi, không thay đổi.

Lời tựa PCT: Chẳng hạn luật công bình giữa người với người thì phải có nguyên tắc *bất di bất dịch* là: Kỹ sở bất dục vật thì ư nhơn.

Lời tựa PCT: Lời tựa Pháp Chánh Truyền.

Bất đắc kỳ tử

不得期死

A: To die accidentally.

P: Mourir accidentellement.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Đắc:** Được. **Kỳ:** Hạn định. **Tử:** Chết.

Bất đắc kỳ tử, nghĩa đen là chết không đúng kỳ hạn, nghĩa thường dùng là chết thành linh, chết đột ngột vì tai nạn.

TĐ ĐPHP: Một vị Phật chẳng lẽ chết *bất đắc kỳ tử* như thế được.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Bất hoặc

不惑

A: Unobcured.

P: Inobscurci.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Hoặc:** Làm lẫn, mê muội.

Bất hoặc là không làm lẫn, không mê muội.

Trong sách Luận Ngữ, Đức Khổng Tử nói về Ngài:

"Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri Thiên mệnh lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du cử."

Nghĩa là:

Ta từ 15 tuổi để chí vào sự học,
30 tuổi thì lập chí không còn thay đổi,
40 tuổi thì hết nghi hoặc,
50 tuổi thì biết được mệnh Trời,
60 tuổi thì tai nghe đã thuận đạo Trời,
70 tuổi thì tùy lòng muốn mà không ra ngoài phép tắc.

Do câu nói này của Đức Khổng Tử, người ta dùng chữ Bất hoặc để chỉ tuổi 40; chữ Tri Thiên mệnh để chỉ tuổi 50.

Bất hủ

不朽

A: Indestructible.

P: Indestructible.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Hủ:** Hư hoại, mục nát.

Bất hủ là không mục nát, ý nói vẫn tồn tại mãi mãi.

Người xưa có nói rằng: Có ba điều *bất hủ* (Tam bất hủ): Một là Lập đức, hai là Lập công, ba là Lập ngôn.

Bất khả tri, bất khả nghị

不可知, 不可議

A: Impossible to know, impossible to discuss.

P: Impossible à connaitre, impossible à discuter.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Khả:** Khả, có thể. **Tri:** Biết.
Nghị: Bàn luận.

Bất khả tri là không thể biết rõ được.

Bất khả nghị là không thể bàn luận được.

TG: Thánh *bất khả tri*, công *bất khả nghị*.

Nghĩa là: Không thể biết rõ hết sự thiêng liêng màu nhiệm của Ngài, cũng không thể luận bàn cho hết được công đức của Ngài.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Bất khả tư nghị

不可思議

A: Impossible to reflect and to discuss.

P: Impossible à réfléchir et à discuter.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Khả:** Khá, có thể. **Tư:** Suy nghĩ. **Nghị:** Luận.

Bất khả tư nghị là không thể suy nghĩ bàn luận được.

Ý nói việc này rất cao siêu huyền diệu mà trí phàm của con người không thể suy nghĩ bàn luận cho thấu đáo được.

Bất mục

不睦

A: Disaccord.

P: Désaccord.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Mục:** Hòa thuận.

Bất mục là nói việc anh em không hòa thuận với nhau.

TNHT: Còn trong luân lý chẳng hòa thì dân cư *bất mục*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bất sanh bất diệt

不生不滅

Bất: Không, chẳng, đừng. **Sanh:** Sanh ra. **Diệt:** Làm cho mất đi.

Bất sanh bất diệt là không sanh ra, cũng không mất đi.

Ý nói: Không còn sanh không còn tử, tức là thoát khỏi vòng Luân hồi, mãi mãi tồn tại với Trời Đất mà an nhàn tự tại.

Người tu, khi đã đắc đạo thành Tiên Phật thì thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, trường tồn cùng Trời Đất.

Bất tận

不盡

A: Endless.

P: Sans fin.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Tận:** Hết, chấm dứt.

Bất tận là không hết, còn hoài.

TNHT: Đạo thiêng liêng *bất tận*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bất tức

不息

A: Incessant.

P: Incessant.

Bất: Không, chẳng, đừng. **Tức:** Ngừng, thôi.

Bất tức là không ngừng, không thôi.

KNHTĐ: Thời thừa lục long, du hành *bất tức*.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

BẦU

BẦU

BẦU: Cái gì có hình dạng như quả bầu tròn, dùng để chứa các vật khác.

Td: Bầu nhựt nguyệt, Bầu Tiên.

Bầu nhựt nguyệt

A: The vault of heaven.

P: La vouâte céleste.

Bầu: Cái gì có hình dạng như quả bầu tròn, dùng để chứa các vật khác. **Nhựt:** Mặt trời. **Nguyệt:** Mặt trăng.

Bầu nhựt nguyệt là bầu trời, trong đó có chứa mặt trời mặt trăng, tinh tú.

Ý nói: Sống với cảnh vật thiên nhiên, xa lánh nơi phồn hoa đô hội đua chen danh lợi, vui thú với gió mát trăng thanh.

Bầu Tiên

A: The holywater gourd.

P: La gourde de l'eau bénite.

Bầu: Cái gì có hình dạng như quả bầu tròn, dùng để chứa các vật khác. **Tiên:** Bực Tiên.

Bầu Tiên là cái bầu của các vị Tiên dùng để đựng Tiên tửu (Rượu Tiên) hay đựng nước Cam lồ.

Đức Quan Âm Bồ Tát thì chứa nước Cam lồ trong Tịnh bình. Nước Cam lồ là thứ nước huyền diệu, do các vị Tiên, Phật luyện thành, dùng để cứu tử huồn sanh, hay để tẩy rửa chơn thần cho sạch hết các thứ ô trược nơi cõi trần đã nhiễm vào.

TNHT: Bền khổ, *bầu Tiên* rưới thể tình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BÃY

Bẫy vô thường

A: The inconstant trap.

P: Le piège inconstant.

Bẫy: Sự bố trí sẵn để nhử người ta vô đó thì bị mắc vào,

không thể thoát ra khỏi được. **Vô thường**: Không luôn luôn như vậy, mà biến hoá thay đổi luôn.

Bầy vô thường là cái bầy biến hoá luôn luôn, khiến người ta không thể biết được, nên bị lừa gạt mắc vào bầy.

Đó là cái bầy rập hết sức nguy hiểm, nó luôn luôn biến đổi hình thức, để người ta không biết mà tránh đi. Quĩ vương dùng miếng mồi là: Danh, Lợi, Quyền, Tài, Sắc để nhử người ta ham thích mà mắc vào bầy.

TNHT: Thì một mai mới tránh khỏi *bầy vô thường* của Quĩ vương đương giành xé.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BẺ

Bẻ bai biếm nhẽ

A: To criticize and to rally. **P**: Critiquer et railler.

Bẻ: Bật bẻ. **Bai**: Chê bai. **Biếm**: Chê trách.

Bẻ bai là bật bẻ và chê bai.

Biếm nhẽ là chế giễu.

TĐ ĐPHP: Vì phần nhiều người lạm dụng vào bậc Thiên phong, lấy tà tâm *bẻ bai biếm nhẽ*, chớ chẳng truyền bá lời lành.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

BÈO

Bèo bọt

A: Water lentil and foam. **P**: Lentille d'eau et écume.

Bèo bọt là cánh bèo và cái bọt nước.

Bèo thì lên đênh trên mặt nước, không biết trôi dạt về đâu. Bọt nước thì không bền, chỉ trong chốc lát liền bẻ tan.

Bèo bọt là ý nói thân phận bấp bênh như cánh bèo và không bền vững như cái bọt nước.

KĐRD: Thân như bèo bọt giữa vờn linh đình.

KĐRD: Kinh Đi Ra Đường.

BẾ

BẾ

BẾ: 閉 Đóng lại.

Td: Bế Đạo, Bế địch.

Bế Đạo - Khai Đạo

閉道 - 開道

A: To close the way - To open the way (the Saint Doctrine).

P: Fermer la voie - Ouvrir la voie (la Sainte Doctrine).

Bế: Đóng lại. **Đạo:** Tôn giáo, Giáo lý, Luật pháp tu hành.

Khai: Mở ra.

Đạo là con đường để cho các bậc Thánh Tiên làm lỗi bị đọa trần do theo để trở về cựu vị nơi cõi thiêng liêng. Đạo cũng là con đường để cho các phẩm chơn hồn do theo mà tiến hóa đạt những phẩm vị cao trọng hơn.

Như vậy, Đạo luôn luôn có (hằng hữu), không bao giờ mất đi hay bị tiêu diệt, chỉ có trường hợp Đạo bế hay Đạo khai mà thôi..

Việc bế Đạo hay khai Đạo, tỉ như một dòng suối. Dòng suối này phát khởi từ hồi có Trời Đất và cứ chảy mãi, không bao giờ ngừng nghỉ.

Qua nhiều năm, cỏ rác lần lần mọc bít che lấp dòng suối, đến một lúc nào đó thì dòng suối bị cỏ rác phủ kín, không còn để lại dấu vết gì nữa. Nhưng dòng suối vẫn chảy mãi không ngừng. Dòng suối ấy là Đạo.

Cỏ rác lần lần thu hẹp dòng suối, ấy là thời kỳ chơn truyền của Đạo bị người phàm cải sửa nên sai lạc một phần. Đến khi dòng suối bị phủ kín hoàn toàn thì chơn truyền đã sai lạc hẳn. Đó là thời kỳ Đạo bế, người tu bị lầm lạc, tu không đúng chơn truyền nên công đức có mà đắc đạo thì không.

Sau đó một thời gian, có một vị thông minh sáng suốt phi thường, biết nơi ấy có một dòng suối đã bị phủ kín, liền đến đó khai thông, chặt cỏ hốt rác, dọn dẹp sạch sẽ thoáng mát thì dòng suối hiện ra để nhưn sanh nhìn thấy. Đó là thời kỳ Đạo khai, sau khi đã bị bế lại một thời gian. Vị khai quang dòng suối ấy là Giáo chủ mở ra một chơn truyền mới.

Đạo bị bế rồi lại khai, khai rồi lại bế, cứ luân chuyển mãi như thế, nhưng Đạo vẫn là Đạo, Đạo vẫn như nhiên, lưu hành mãi trong CKVT. Nói là Đạo khai hay là Đạo bế là đứng về phía nhưn loại mà nhìn Đạo.

Đạo khai là khi có một Đấng Giáo chủ vạch ra một phương pháp tu hành để cho người tu để đắc đạo.

Đạo bế là khi Đấng Giáo chủ đã qui Thiên, chơn truyền của Ngài bị môn đồ canh cải lần lần, qua nhiều thế hệ thì sai lạc hẳn, làm cho người tu lầm lạc, tu không đúng pháp, nên không đắc quả được.

Đạo không bao giờ thay đổi, nhưng phương pháp khai Đạo hay dạy Đạo thì thay đổi tùy theo vị Giáo chủ và tùy theo hoàn cảnh của đời, tùy theo trình độ tiến hóa của nhưn sanh. Do đó, mới có nhiều tôn giáo khác nhau, mở ra tại nhiều địa phương khác nhau trên thế giới.

Các tôn giáo có danh xưng khác nhau, phương pháp tu hành khác nhau, kinh kệ khác nhau, nhưng vẫn có một gốc duy nhất là Thượng Đế mà thôi. Các vị Giáo chủ chỉ là những Đấng Tiên, Phật, nhận lãnh mạng lệnh của Thượng Đế giảng trần giáo hóa nhưn sanh tu hành. Do đó, chúng ta đừng mê chấp cho rằng: Đạo mình cao, Đạo kia thấp, Đạo ta chánh, Đạo họ tà. Con mắt phàm của chúng ta không thể phân biệt tà hay chánh.

Trước năm Bính Dần (1926) là thời kỳ Đạo bế, vì các nền tôn giáo lớn ở phương Đông như Tam giáo: Nho, Thích, Đạo,

cũng như Thánh giáo Gia Tô (Thiên Chúa giáo) ở phương Tây, đã trải qua gần 2000 năm đến 2500 năm, nên chơn truyền bị nhờn sanh sửa cải sai lạc hoàn toàn so với lúc ban đầu, Thánh giáo đã biến thành Phàm giáo, nhờn tâm lý tán, thiện ác bất phân, kẻ tu hành chỉ chuộng âm thanh sắc tướng, cố chấp kinh điển, làm cho phép tu sai lạc, thì làm sao đắc đạo.

Đến năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút, khai ĐĐTKPĐ để qui Tam giáo, hiệp nhưt Ngũ chi, sàng lọc các giáo lý, để tạo nên một chơn truyền mới, có khả năng bao gồm và dung hợp tất cả giáo lý cũ, để tận độ nhờn sanh trong thời Hạ Nguồn Tam Chuyển, đưa nhờn loại vào Thượng Nguồn Thánh đức của Tứ Chuyển.

Đức Chí Tôn khẳng định rằng: ***Gặp TKPĐ này mà không tu thì không còn trông mong siêu rồi.***

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Bé địch trợ hoang

閉糴助荒

Bé: Đóng lại. **Địch:** Việc nhập cảng lúa gạo, mua lúa gạo từ nước ngoài chở về nước mình vì dân mình đang thiếu gạo ăn. **Trợ:** Giúp đỡ. **Hoang:** Mất mùa. Ruộng không sản xuất được lúa gạo vì hạn hán, sâu rầy, hay bão lụt.

Bé địch trợ hoang là bé lại, không cho nhập cảng lúa gạo trong lúc bị mất mùa, làm cho lúa gạo khan hiếm, giá lúa lên cao, bộn đầu cơ lúc ấy khai kho lúa ra, bán thật mắc, được giàu to trên sự khốn khổ của dân nghèo.

KSH:

Bàn chông nhọn liềm liềm đánh khảo,
Tra tội nhờn gian giảo ngược ngang.
Hành người bé địch trợ hoang,
Thừa năm hạn đói, mưu toan bức nghèo.

KSH: Kinh Sâm Hối.

BỄ**BỄ**

(Xem: Biển)

BẾN**Bến khổ sông mê**

A: The river of passion.

P: La rivière de passion.

Bến: Chỗ mé sông hay mé biển để cho tàu thuyền ghé vào, đưa khách xuống và rước khách lên. **Mê:** Lầm lạc.

Theo triết lý của Phật giáo, con người sống nơi cõi trần phải chịu trong vòng Tứ Khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, và nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước bốn biển. Do đó, Phật ví cõi trần là biển khổ. Con người bị lục đục thất tình cám dỗ, làm mê muội, nên cõi trần cũng được gọi là Sông mê, hễ có Sông mê thì có Bến mê (Mê tân), hễ có Biển khổ thì có Bến khổ

Cho nên, các từ ngữ: Bến khổ, Bến mê, Sông mê, Biển khổ, Bến tục, Bến trần, đều đồng nghĩa, chỉ cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống.

TNHT: - Hiềm chi bậc Thánh bị đày vào chốn trần ai khổ nhọc, chìm đắm nơi *bến khổ sông mê*.

TNHT: *Bến mê* rước khách thuyền đang đợi.

Dẫn khách Nam qua khỏi bến trần.

Thuyền chờ *bến tục*, buồn thương sẵn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BI**Bi - Trí – Dũng**

悲 - 智 - 勇

A: Pity - Sageness - Courage.

P: Pitié - Sagesse - Courage.

Bi: Lòng thương xót của Tiên, Phật đối với chúng sanh đang trầm luân trong sông mê biển khổ, và lúc nào cũng muốn cứu vớt chúng sanh thoát khỏi các nơi khổ não.

Trí: Sự sáng suốt thông hiểu rốt ráo cái lý của sự vật, không còn mê muội lầm lẫn, và nhờ đó mà không còn phiền não. Thường nói đó là Trí Huệ.

Dũng: Cái tinh thần mạnh mẽ dám đương đầu với các khó khăn nguy hiểm, hoặc quyết thắng những cám dỗ vật chất do dục vọng gây ra.

Bi Trí Dũng là ba thể tánh của Tiên hay Phật.

Bi Trí Dũng của Thượng Đế mới là hoàn toàn.

Tu hành là học tập Bi Trí Dũng và phát triển Bi Trí Dũng cho đến mức cùng tột để được hòa nhập vào Thượng Đế.

■ Phật giáo thờ ba pho tượng gọi là Di Đà Tam Tôn hay còn gọi là Tam Thể Phật gồm: Đức Phật A-Di-Đà ngồi chính giữa, bên mặt là Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, bên trái là Đức Đại Thế Chí Bồ Tát.

Đức Phật A-Di-Đà tượng trưng phần sáng suốt, tức là TRÍ.

Đức Quan Âm Bồ Tát tượng trưng sự thương yêu, tức là thể BI.

Đức Đại Thế Chí Bồ Tát tượng trưng ý lực, tức là thể DŨNG.

Thờ Di-Đà Tam Tôn chính là thờ BI TRÍ DŨNG để nhơn sanh học tập, bắt chước noi theo.

■ Thiên Chúa giáo thờ Đức Chúa Ba Ngôi: Đức Chúa Cha, Đức Chúa con, và Đức Chúa Thánh Thần.

Đức Chúa Cha chính là thể TRÍ.

Đức Chúa con là ngôi tình thương yêu, đó là thể BI.

Đức Chúa Thánh Thần là ý lực của Thượng Đế, đó là thể DŨNG.

Vậy, thờ Chúa Ba Ngôi chính là thờ BI TRÍ DŨNG.

■ Đạo Cao Đài, thuở đầu tiên, Đức Chí Tôn giáng bàn xưng danh là A Ẵ Ẵ, ba mẫu tự đầu tiên, cũng tượng trưng Thượng Đế Ba Ngôi giống như Thiên Chúa giáo, hay Ba Ngôi đó, Đạo Cao Đài gọi là: Phật, Pháp, Tăng.

Phật là Chí Tôn, vị Phật lớn hơn các Phật, tượng trưng thể TRÍ.

Pháp là ngôi tình yêu, đó là thể BI.

Tăng là ý lực của Đức Chí Tôn, đó là thể DŨNG.

Vậy, kính Phật, Pháp, Tăng là kính BI TRÍ DŨNG.

■ Đạo Cao Đài thờ Tam Trấn Oai Nghiêm cũng là thờ Bi Trí, Dũng.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát tượng trưng thể BI.

Đức Lý Đại Tiên Trưởng tượng trưng thể TRÍ.

Đức Quan Thánh Đế Quân tượng trưng thể DŨNG.

■ Tam Lập gồm: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn. Trong Lập Công có ba phần: Công Phu, Công quả, Công trình.

Làm Công quả là tập mở rộng lòng thương yêu đối với đồng loại và chúng sanh, thể hiện chữ BI.

Lo Công phu ngày đêm tinh tấn để cho tâm trí được mau sáng suốt, thể hiện thể TRÍ.

Phần Công trình là quyết chí gìn giữ giới luật tu hành, không cho sa ngã, không chiều theo sự cám dỗ của vật chất, đó là thể hiện chữ DŨNG.

Cho nên, phần Lập Công là để rèn luyện BI TRÍ DŨNG cho nó phát triển.

Bi Trí Dũng tương quan chặt chẽ nhau, kèm cặp nhau, không thể tách rời ra từng phần được.

Muốn mở Trí, phải học Bi. Bi nhiều hơn, Dũng nhiều hơn thì Trí mới được sáng hơn.

Mục đích của việc Công phu là để mở Trí, nhưng có Trí cũng chỉ để thức giác, biết thương yêu nhiều hơn, tức là Bi; biết thương yêu nhiều hơn cũng chỉ để dùng ý chí phấn đấu chiến thắng những đòi hỏi của thể xác và để xông lướt cứu khổ chúng sanh, tức là Dũng.

Ba đức tánh Bi, Trí, Dũng gắn bó chặt chẽ với nhau và cùng phát triển đồng đều với nhau.

Trường công quả mà Đức Chí Tôn lập ra là trường đào luyện Bi Trí Dũng để người tu đắc thành Tiên, Phật vậy.

Bi thương

悲愴

A: Piteous.

P: Pitoyable.

Bi là thương xót. **Thương** (chữ Hán, không phải chữ nôm) nghĩa là đau đớn xót xa.

Bi thương là thương xót và đau buồn.

BÍ

BÍ

BÍ: 秘 Giấu kín, không hở ra cho ai biết.

Td: Bí pháp, Bí tích.

Bí pháp - Thể pháp

- I. Định nghĩa Bí pháp và Thể pháp
- II. Thể pháp của Đạo Cao Đài
- III. Bí pháp của Đạo Cao Đài

I. Định nghĩa Bí pháp và Thể pháp:

秘法 - 體法

A: Esoterism - Exoterism; Esoteric doctrine- Exoteric doctrine.

P: Esotérisme - Exotérisme; Doctrine ésotérique - Doctrine exotérique.

Bí: Giấu kín, không hở ra cho ai biết. **Pháp:** Pháp luật, phương thức, giáo lý. **Thể:** là có hình thể thấy được, thuộc về hữu hình.

Một cách tổng quát, chúng ta có thể định nghĩa:

Bí pháp là pháp luật bí ẩn, là định luật vô hình chi phối sự tiến hóa của các chơn linh trong CKVT.

Thể pháp là pháp luật hữu hình, là định luật định tướng định hình để dẫn dắt đời sống của nhơn loại vào nẻo thanh cao và hạnh phúc.

Như vậy, những điều gì mà chúng ta quan sát thấy được thì gọi là Thể pháp; còn những điều gì bí ẩn mà chúng ta không thể thấy được thì gọi là Bí pháp.

Bất cứ một nền tôn giáo nào cũng đều phải có hai phần: Thể pháp và Bí pháp. Trong trường hợp này, Bí pháp và Thể pháp được định nghĩa như sau:

Thể pháp là tất cả những giáo lý, luật pháp, kinh kệ, thờ phượng, cúng lạy, nhạc lễ, dạy dỗ và dẫn dắt nhơn sanh đi theo con đường đạo đức. Đó là những luật hữu hình ràng buộc đời sống của tín đồ vào trọn trong khuôn viên đạo đức để được sống hòa bình, thanh cao và hạnh phúc. Như thế, Thể pháp chính là cơ quan giải khổ cho chúng sanh.

Bí pháp là các phương thức luyện đạo, cứu giúp linh hồn mà mục đích cuối cùng là đắc đạo, đạt được phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật nơi cõi thiêng liêng, thoát vòng luân hồi đau khổ, sống an nhàn tự tại miên viễn nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn. Như thế, Bí pháp chính là cơ quan giải thoát chúng sanh.

Những phương pháp luyện đạo trong Bí pháp không được phổ biến ra ngoài, chỉ bí truyền cho những đệ tử đã được chọn lọc kỹ lưỡng có đầy đủ hạnh đức. Các phương pháp ấy được

truyền trực tiếp từ Thầy sang trò bằng lời nói riêng, nên gọi là Bí pháp khẩu thọ tâm truyền, hay Tâm pháp bí truyền.

Do đó, Thể pháp và Bí pháp của Đạo Cao Đài rất đặc biệt, hoàn toàn mới so với các nền tôn giáo cổ, nhưng rất phù hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh hiện nay, lại thể hiện được thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn để tận độ nhơn sanh.

TĐ ĐPHP: "Bần đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống trần mở Đạo thì Chí Tôn mới hỏi rằng: Con phục lệnh xuống thể mở Đạo, con mở Bí pháp hay là mở Thể pháp trước?"

Bần đạo mới trả lời: Xin mở Bí pháp trước.

Chí Tôn nói: Nếu con mở Bí pháp trước thì phải chịu khổ đọa, đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở Bí pháp trước thì cả sự bí mật huyền vi của Đạo, đời thấy rõ rồi xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo mới ra thế nào? Vì thế con nên mở Thể pháp trước, dầu cho đời quá dữ, tranh giành phá hoại cả cơ thể hữu vi hư hủy đi nữa thì cũng vô hại, miễn là mặt Bí pháp còn là Đạo còn."

II. Thể pháp của Đạo Cao Đài:

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo chỉ rõ rằng: Thể pháp của Đạo Cao Đài nói gọn trong bốn chữ: **PHỤNG SỰ VẠN LINH**.

Vạn linh là tất cả các chơn linh trong CKVT, gồm đủ Bát hồn: Vật chất hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. Vạn linh đầu kiếp xuống cõi trần là chúng sanh. Vậy, Phụng Sự Vạn Linh tức là **PHỤNG SỰ CHÚNG SANH**.

Danh từ tuy không mới mẻ nhưng ý tưởng lại rất tiến bộ tân kỳ, vì từ xưa tới nay, người tu bao giờ cũng lo cho chính mình để mình được thành Tiên Phật, mà chơn lý của Đạo Cao Đài hiện nay là: *Lo cho người tức lo cho ta; giúp người tiến hóa tức là giúp ta tiến hóa*.

Do đó, đối với các tín đồ Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy: Hãy hoàn toàn quên mình để phụng sự vạn linh.

Phụng sự vạn linh là một quan niệm sống rất cao cả, thỏa mãn đầy đủ ba mục đích sống của ba hạng người tiêu biểu của nhơn loại:

- Hạng mang quả kiếp nặng nề nên phải đầu kiếp trở lại cõi trần để trả quả.
- Hạng muốn học hỏi thêm để tiến hóa thêm nữa.
- Hạng muốn lập công đức để cho phẩm vị của mình thêm cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Chúng ta không thể tự biết rõ mình thuộc hạng nào trong ba hạng vừa kể trên, cho nên cứ lấy việc **Phụng sự Vạn linh** làm mục đích cuộc sống, nhờ đó mình sẽ được:

■ Chúng ta không biết mình bị quả kiếp nơi nào, người nào, nhưng nhờ Phụng sự Vạn linh, và nhờ hồng ân của Đức Chí Tôn, cho ta gặp được những người đó để chúng ta trả hết các quả kiếp tiền khiên.

■ Chúng ta học hỏi để biết bộ máy màu nhiệm của Tạo Hóa, chúng ta nhờ Phụng sự Vạn linh và do việc Phụng sự ấy nó chỉ cho ta những điều mà ta muốn học hỏi, cũng như nhờ đó ta sẽ khám phá được những điều mà ta muốn biết.

■ Chúng ta muốn cho phẩm vị của chúng ta nơi cõi thiêng liêng được thăng lên cao hơn nữa thì chúng ta càng phải Phụng sự Vạn linh nơi cõi trần này, dẫn dắt chúng sanh vào đường đạo đức, thì cái công quả to lớn đó mới giúp phẩm vị ta thêm cao trọng.

Lại nữa, việc Phụng sự Vạn linh là phương thức hiệu quả nhất để mỗi chúng ta trả ba món nợ mà bất cứ ai đã mang xác thịt nơi cõi trần này đều mắc phải. Ba món nợ đó là:

- Món nợ đối với cha mẹ phàm trần: Cha mẹ sanh ta ra, nuôi nấng dạy dỗ cho khôn lớn, công khó nhọc biết bao nhiêu mà kể.
- Món nợ đối với hai Đấng Cha Mẹ thiêng liêng là Đức Chí Tôn và Phật Mẫu đã tạo ra Chơn linh và Chơn thần của ta.
- Món nợ đối với xã hội đã cung cấp cho ta những vật thực và những tiện nghi của cuộc sống, và món nợ quốc gia, đã bảo vệ của chúng ta được an lành.

Muốn trả dứt ba món nợ này thì chỉ có cách là Phụng sự Vạn linh, Phụng sự một cách triệt để và chí thành.

Nếu được như vậy thì khi chúng ta thoát xác, cõi Thiêng liêng Hằng sống sẽ mở rộng cửa rước chúng ta trở về, vì không ai còn níu lưng đòi nợ chúng ta hết. Chúng ta đã Phụng sự Vạn linh tức là chúng ta đã trả dứt nợ.

Muốn Phụng sự Vạn linh đạt được hiệu quả tối đa và hoàn toàn tốt đẹp thì phải có phương pháp và tổ chức khoa học. Do đó, Đức Chí Tôn lập ra cho chúng ta một cơ quan Phụng sự Vạn linh là nền Đại Đạo Cao Đài với hình thể gồm ba Đài: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài.

- *Cửu Trùng Đài*: lo việc phổ độ và giáo hóa nhơn sanh, giúp nhơn sanh giác ngộ, cải ác tùng lương, dẫn dắt nhơn sanh vào đường đạo đức.

- *Hiệp Thiên Đài*: lo gìn giữ luật pháp Chơn truyền Đại Đạo, không cho ai sửa cải.

- *Bát Quái Đài*: chỉ huy hai Đài trên để điều động toàn thể cơ quan Phụng sự Vạn linh cho được hiệu quả.

Bên cạnh Cửu Trùng Đài còn có Cơ Quan Phước Thiện để cứu khổ và giải khổ cho nhơn sanh.

Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Đạo Luật, Đạo Nghị Định, là những cái hàng rào dựng lên dọc theo con đường Phụng sự, và Giáo lý Đại Đạo là người dẫn đường cho mỗi người chúng ta đi trọn vẹn trong con đường đó, đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn.

Việc Phụng sự Vạn linh và đánh giá kết quả việc phụng sự đó, Đức Chí Tôn gọi là một **Trường Thi Công Quả**.

"Vi vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: Một Trường thi Công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc Thế giới thì phải đi tại cửa này mà thôi." (TNHT. I. 34)

Tất cả những hình thức tổ chức trên: CTĐ, HTĐ, BQĐ và CQPT đều được gọi chung là Thể pháp của Đạo Cao Đài trong mục tiêu quan trọng nhất là Phụng sự Vạn linh.

III. Bí pháp của Đạo Cao Đài:

"Đạo Cao Đài có đủ quyền năng hiển hách anh linh của nó, không có một nền tôn giáo nào tại thế này khả dĩ đối thủ được cả thầy, tức nhiên Bí pháp của Đạo Cao Đài, giờ phút này

không có kẻ nào dám cả gan nói Bí pháp ấy do tay phàm hay do một vị Giáo chủ mang xác phàm cầm nó, mà chính trong tay Đức Chí Tôn là Đấng tạo CKVT và Chúa vạn vật, cầm Bí pháp trong tay đặng độ rỗi phần hồn nhơn loại." (*Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp*).

Bí pháp thì bí mật, nhưng ĐĐTKPĐ này, Đức Chí Tôn ban cho ân huệ là Đại Ân Xá, nên Đức Chí Tôn không giấu giếm Bí pháp nữa, mà Đức Chí Tôn bày ra trước mắt nhơn sanh, để nhơn sanh thấy rõ mà thực hành. Và Đức Chí Tôn nhấn mạnh: "*Gặp Tam Kỳ Phổ Độ này mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi.*"

Bí pháp đó là: **Đức Chí Tôn biểu chúng ta dâng Tam Bửu (Tinh, Khí, Thần) của chúng ta lên cho Đức Chí Tôn để Đức Chí Tôn lấy đó làm phương tiện phụng sự vạn linh.**

Tại sao gọi đó là Bí pháp của Đạo Cao Đài?

Vì chính đó là cơ quan giải thoát chúng ta khỏi luân hồi để trở về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn, tức là đắc đạo vậy.

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích như sau:

"Ấy vậy, mỗi ngày, từ nơi tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam giáo và các Đấng thiêng liêng mà phân chứng trước: Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến dâng cho Đức Chí Tôn, để làm tôi tớ cho vạn linh thay thế Đức Chí Tôn.

Giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào chúng ta đã làm, dầu có tội, mà chúng ta không làm điều gì thêm tội nữa thì quá kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được.

Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quá kiếp ấy cũng không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát."

Như vậy, mỗi ngày chúng ta cúng Đức Chí Tôn, chúng ta đều cầu nguyện dâng Tam Bửu Tinh Khí Thần, tượng trưng bằng Bông Rượu Trà, tức là dâng Thể xác, Chơn thần và Linh hồn của chúng ta lên cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng, tức là chúng ta hoàn toàn tùy thuộc Đức Chí Tôn sai

khíen định liệu. Chúng ta không còn gì để lo lắng ngoài sự lo lắng làm thế nào thực hiện cho hoàn tất mệnh lệnh của Đức Chí Tôn giao phó.

Bí pháp này, Đức Chí Tôn để hiển hiện trước mắt nhơn sanh, mà ít ai để ý suy nghĩ.

Nhưng việc thực hiện Bí pháp này một cách trọn vẹn thì cũng rất khó khăn, nhưng càng khó khăn thì càng có giá trị xứng đáng. Đâu có gì dễ đâu! Nhưng cũng không phải là quá khó khăn để chúng ta không thể thực hiện được. Nếu chúng ta có một đức tin mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn, và có một tấm lòng hy sinh quên mình, thì mọi việc đều trở nên dễ dàng.

Như thế, cái tâm thân của ta đây, cả chơn thân và linh hồn nữa, ta đều giao hết cho Đức Chí Tôn, giao thật sự với đầy đủ ý nghĩa của nó, thì không còn gì là của ta nữa, đừng nói chi là của cha mẹ ta hay của vợ con ta.

Như vậy cái TA (tức là cái NGÃ) không còn nữa, thì đâu còn gì để CHẤP NGÃ. Đây là cách PHẢ CHẤP triệt để vô cùng hiệu quả hơn tất cả các phương pháp khác.

Sự dâng hiến này, nếu chúng ta thi hành một cách chí thành thì đủ đem chúng ta trở về cùng Đức Chí Tôn, mà không cần phải làm thêm một điều chi khác nữa.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn có dạy rằng: *"Trong các con, có nhiều đứa làm tuồng, hễ vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều là phở độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao."*

Nhưng trong kỳ Đại Ân Xá này, đối với nhơn sanh trong thời Hạ Nguyên Mạt kiếp, và cũng do sự mơ ước của nhơn sanh nên Đức Chí Tôn cũng mở ra con đường tu luyện gọi là con đường thứ ba của Đại Đạo, bằng cách trao Bí pháp Luyện đạo cho Đức Phạm Hộ Pháp để Ngài truyền lại cho những người nào có đủ Tam Lập (Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn)

trong việc phụng sự chúng sanh. Bí pháp luyện đạo được thực hành trong Tịnh Thất mà Đức Phạm Hộ Pháp đã cho xây dựng ba Tịnh Thất là: Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung và Vạn Pháp Cung.

Bí pháp này dạy luyện Tam Bửu Tinh Khí Thần hiệp nhứt, tức là: *Luyện Tinh hóa Khí, Luyện Khí hiệp Thần, Luyện Thần hườn Hu*. Lúc đó thì Tam Huê tụ đảnh, Ngũ Khí triều nguồn, tạo thành Thánh Thai, đắc đạo thành Tiên Phật tại thế.

Tóm lại, Bí pháp của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn nắm giữ. Đức Chí Tôn mở Bí pháp theo hai con đường tu:

- *Con đường chánh yếu* là Dâng Tam Bửu cho Đức Chí Tôn để Đức Chí Tôn dùng làm phương tiện phụng sự vạn linh. Con đường này là lập công trong CTĐ hay CQPT.

Chỉ cần làm trọn vẹn bao nhiêu đó trong suốt kiếp sanh gặp Đạo thì đủ để thoát khỏi luân hồi, được Đức Chí Tôn rước về hội hiệp cùng Ngài.

- *Con đường tu luyện*: Đức Chí Tôn trao Bí pháp luyện đạo cho Đức Phạm Hộ Pháp để truyền lại cho những vị nào đã thực hành đủ Tam Lập, tịnh luyện trong Tịnh Thất để luyện Tam bửu Tinh Khí Thần hiệp nhứt, đắc đạo tại thế.

Những môn đệ muốn đủ Tam Lập thì phải qua một thời gian phụng sự vạn linh tức phải làm công quả phổ độ nhơn sanh.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn cấm hẳn lối tu "**độc thiện kỳ thân**", một lối tu ích kỷ, chỉ biết lo riêng cho mình.

Như vậy, Thê pháp và Bí pháp của Đạo Cao Đài đều đặt việc Phụng sự Vạn linh lên trên hết, luyện đạo chỉ là phụ thuộc. Đắc đạo cùng chăng là do công quả Phụng sự Vạn linh.

Trong một phương diện khác, Bí pháp còn được định nghĩa là các phép Bí tích, tức là những phép thuật huyền diệu, những Chơn pháp bí truyền, có tác dụng về phương diện thiêng liêng để cứu giúp linh hồn. Các Phép Bí tích này được Đức Hộ Pháp và Thập nhị Thời Quân truyền cho các Chức sắc đi hành đạo nơi các địa phương, hộ trợ cho công cuộc phổ độ nhơn sanh cho được nhanh chóng và hiệu quả, như các Phép

Bí tích: Giải Oan, Tắm Thánh, Phép Xác, Đoạn Căn, v.v...
(Xem chữ: Bí tích)

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

TNHT. I. 34: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển I trang 34.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

BQĐ: Bát Quái Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Bí tích

秘跡

A: The sacrament.

P: Le sacrement.

Bí: Giấu kín, không hở ra cho ai biết. **Tích:** Dấu vết, cũng có nghĩa là pháp thuật.

Bí tích là những pháp thuật huyền diệu, mà khi thi hành sẽ có những hiệu quả thiêng liêng mà ta không thể dùng trí phàm hiểu biết hết được.

Bí tích còn được gọi là *Bí pháp*, hay *Bí pháp Chơn truyền*.

CG PCT: "Nhờ Ngài (Đức Lý Giáo Tông) và Hội Thánh cầu khẩn, Thầy đã giảng bút truyền các Bí pháp ấy cho Hộ Pháp."

"Mừng thay cho nhơn loại chút ít rồi! Hội Thánh Chơn truyền Tân pháp đã đạt đặng: Phép Giải Oan, Phép Khai Sanh môn, Ban Kim Quang, v.v . . . lại còn nhiều Bí pháp nữa mà Hộ Pháp chưa có lệnh truyền và lại bị chúng sanh và Hội Thánh còn mờ hồ không nạp dụng.

Ngày nay, chẳng biết các Đấng thiêngliêng là chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại BQĐ đã thọ lệnh Thầy mà hành pháp, vì thuộc về quyền hành của các Đấng ấy, ngày nay mới tính sao?

Trong các Bí pháp có cơ màu nhiệm đặc đạo, bây giờ các Đấng ấy có cho hay là không? Thăm!"

Trong Đạo Cao Đài, Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn truyền cho các Chức sắc hàng Thánh Thể của CTĐ,

của HTĐ hay Phước Thiện đi hành đạo ở địa phương bảy Phép Bí tích sau đây, để cứu độ nhơn sanh phần xác phần hồn, hầu hộ trợ cho công cuộc phổ độ nhơn sanh được kết quả:

- Phép Tắm Thánh.
- Phép Giải Oan.
- Phép Hôn Phối.
- Phép Giải bệnh.
- Phép Xác.
- Phép Đoạn Căn.
- Phép Độ Thăng.

Bên Thiên Chúa giáo cũng có Bảy Phép Bí tích:

- Rửa tội.
- Thêm sức.
- Thánh Thể.
- Giải tội.
- Xức dầu.
- Truyền chức.
- Hôn phối.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Bí truyền

秘傳

A: To transmit secretly.

P: Transmettre secrètement.

Bí: Giấu kín, không hở ra cho ai biết. **Truyền:** Trao lại.

Bí truyền là những bí tích hay phép luyện đạo trong tôn giáo được truyền dạy một cách bí mật, không cho người ngoài biết được.

Đối với người tu luyện, khi công quả và hạnh đức được đầy đủ, sẽ được Tôn sư bí mật truyền tâm pháp luyện đạo cho đệ tử thực hành. Tôn sư luôn luôn theo dõi để bảo hộ đệ tử khi luyện đạo vì sợ đệ tử luyện sai pháp thì nguy hiểm tánh mạng.

Khi đệ tử thọ tâm pháp bí truyền của Tôn sư thì không được truyền lại cho người khác mà không có phép của Tôn sư.

BỈ

Bỉ ngạn

彼岸

A: The other border: The kingdom of felicity.

P: L'autre bord: Le royaume de la félicité.

Bỉ: Cái kia, bên kia. **Ngạn:** Bờ sông hay bờ biển.

Bỉ ngạn là bờ bên kia. Đây là từ ngữ đặc biệt của Phật giáo, chỉ bờ bên kia của sông mê hay bờ bên kia của biển khổ.

Bờ bên này là Bến mê (Mê tân), là Bến khổ, chỉ cõi trần. Bờ bên kia là Giác ngạn (Bờ giác), tức là cõi giải thoát của người đắc đạo, tức là cõi TLHS.

Bỉ ngạn là Giác ngạn, chỉ cõi TLHS.

Lòng só: Phục vọng Vô Trung Từ Phụ, phát hạ Thiên ân, chuyển họa vi phước, tập kiết nghinh tường, độ tận các đẳng chơn hồn, đồng đăng *bỉ ngạn*.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

BỈ

Bỉ thái

否泰

A: Misfortune and fortune.

P: Infortune et fortune.

Bỉ: Tên một quẻ trong Kinh Dịch, chỉ sự bế tắc, ngưng trệ, thời vận xấu. **Thái:** còn đọc là Thới, cũng là tên một quẻ trong Kinh Dịch, chỉ sự hanh thông, hưng thịnh, thời vận tốt.

Bĩ thái là hai trạng thái: Ngưng trệ hay hanh thông, suy thịnh, xấu tốt, rủi may. Đó là sự biến đổi trong Định luật tuần hoàn của Tạo Hóa: Hết suy tới thịnh, hết rủi tới may, hết bĩ đến thái và ngược lại.

Thường nói: Hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai, nghĩa là: Hết cơn bế tắc dữ dội thì tới hồi thịnh vượng đến.

TNHT: Tác hiệp sẵn nhờ xây *bĩ thái*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BIẾM

Biếm bác

貶駁

A: To dismiss and to criticize.

P: Blâmer et critiquer.

Biếm: Chê bai. **Bác:** Không ưng, bỏ đi.

Biếm bác là chê bai, bác bỏ.

CG PCT: Ấy vậy, cựu luật thì Ngọc Hư Cung đã *biếm bác*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

BIẾN

BIẾN

1. **BIẾN:** 變 Thay đổi.

Td: Biến sanh, Biến thể.

2. **BIẾN:** 遍 Một lượt.

Td: Biến kinh.

Biển kinh

遍經

A: A tour of religious prayer.

P: Un tour de prière religieuse.

Biển: Một lượt. **Kinh:** Bài kinh để tụng.

Biển kinh là tụng bài kinh qua một lượt.

Tụng nhứt thiên biển: Tụng một ngàn lần bài kinh.

Tụng đăc nhứt vạn biển: Tụng được một vạn lần bài kinh.

Biển sanh

變生

A: To transform and to create.

P: Transformer et créer.

Biển: Thay đổi. **Sanh:** Tạo ra. Biển sanh là biến hóa sanh ra.

PMCK: Hiệp Âm Dương hữu hạp *biển sanh*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Biển thể

變體

A: Modification.

P: Modification.

Biển: Thay đổi. **Thế:** Hình thể.

Biển thể là thay đổi hình thể, đổi ra hình thức khác.

TNHT: Nhơn loại phải chịu đau khổ vì sự *biển thể* của các Thánh Tông đồ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BIỂN

Biển dâu - Biển nọ hóa còn dâu

A: The sea changes into the field of mulberry-trees.

P: La mer change en champ de muâriers.

Biển: Vùng nước rộng bao la. Biển còn gọi là bể, chữ Hán là Hải. **Dâu:** Cây dâu tằm ăn. **Còn:** Cái gò đất ở bãi sông hay bãi biển do phù sa bồi đắp dần dần tạo thành.

Biển dâu, chữ Hán là *Tang hải*. Biển nọ hóa còn dâu do thành ngữ chữ Hán là: *Tang điền biến vi thương hải*, nghĩa là: Ruộng dâu biển thành biển xanh.

Thành ngữ chữ Hán trên được nói tắt là: Tang điền thương hải, hay vắn tắt hơn là: Tang hải.

Từ đó xuất phát các thành ngữ trong văn chương VN: Biển dâu, Bể dâu, Ruộng dâu biển thành biển xanh, Còn dâu hóa bể, Bể hóa còn dâu, Bãi bể nương dâu, v.v... Ý nói rằng: Cảnh đời luôn luôn thay đổi, không có gì là bền vững cả.

Diễn tích: Theo Thần Tiên truyện, Vương Phương Bình, người đời Hậu Hán, đỗ Hiếu Liêm, làm quan đến chức Trung Tán Đại Phu, từ quan đi tu Tiên, đắc đạo, giáng xuống nhà Thái Kính, cho sứ giả mời Tiên Nữ Ma Cô đến. Phương Bình hỏi Ma Cô về thời gian cách biệt. Ma Cô nói với Phương Bình rằng: Từ khi biết ông đến nay, đã thấy biển Đông đã ba lần biển thành ruộng dâu.

Biển giác

A: The sea of the understanding.

P: La mer de l'entendement.

Biển: Vùng nước rộng bao la. Biển còn gọi là bể, chữ Hán là Hải. **Giác:** Biết rõ ràng, không còn lầm lạc. Thường nói là Giác ngộ. Trái với Giác là Mê. Giác thì thành Phật, Mê thì còn là chúng sanh.

Phật lấy sự Giác ngộ làm cứu cánh. Sự Giác ngộ ấy sâu rộng như biển cả nên gọi là Biển giác, Hán văn gọi là Giác hải.

Ai giác ngộ rồi thì tới Bờ giác (Giác ngộ), ai chưa giác ngộ thì còn ở Bến mê (Mê tân). Giác hải thì có Giác ngộ; Bến mê thì có Mê tân.

Biển hoạn

A: The mandarinat.

P: Le mandarinat.

Biển: Vùng nước rộng bao la. Biển còn gọi là bể, chữ Hán là Hải. **Hoạn:** Làm quan.

Biển hoạn hay Bể hoạn là tiếng dịch từ Hán văn: Hoạn hải, chỉ chốn quan trường, con đường làm quan.

Cánh buồm bể hoạn mênh mông,
Cái phong ba khéo cột phùng lợi danh.

(Cung Oán NK)

Con đường làm quan của các sĩ phu thời xưa lắm gian nan vất vả, vinh cũng nhiều mà nhục cũng có, lập công cũng nhiều mà khi trái ý vua thì bị bắt tội cũng không ít, nhưng cái tai hại nhất là luôn luôn phiền não lo âu.

TNHT: *Bể hoạn* dập dồn thương bấy trẻ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Biển khổ - Biển trần - Biển trần khổ

A: The ocean of humain pain.

P: L'océan de douleur humaine.

Biển: Vùng nước rộng bao la. Biển còn gọi là bể, chữ Hán là Hải. **Trần:** Bụi bặm, chỉ cõi thế gian, cõi trần.

Chữ Khổ hải được dịch ra là: Biển khổ, Biển trần khổ, Bể thảm, Biển trần.

Đức Phật nói: Nước mắt chúng sanh trong cõi trần nhiều hơn nước bốn biển. Nhơn sanh phải chịu biết bao nhiêu đau khổ, mà bốn cái khổ không thể tránh khỏi là: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Ngoài ra nhơn sanh còn phải chịu những nỗi đau khổ trong việc mưu sinh và trong việc tranh danh đoạt lợi.

Đức Phật ví cõi trần là biển khổ. Nhưng Đức Phật cũng nói: "*Khổ hải mang mang, hồi đầu thị ngạn.*" Nghĩa là: Tuy biển khổ rộng mênh mông nhưng khi quay đầu lại thì thấy bờ giác.

Nơi cõi thiêng liêng, biển khổ hiện ra rõ rệt nhưt. Con người muốn đến cõi TLHS thì phải vượt qua biển khổ này.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo trong Con đường TLHS, có mô tả biển khổ nơi cõi thiêng liêng như sau:

"Chúng ta dòm lại phía dưới thấy đại hải mênh mông, nước cuộn cuộn xanh như biếc, sóng dợn ba đào, mỗi làn sóng có đề chữ KHỔ. Chúng ta chia ra đi trên ấy, chúng ta thấy dợn hào quang nổi lên dữ tợn lắm, mấy chữ lớn là: SANH, LÃO, BỆNH, TỬ. Làn sóng dợn lên rồi hạ xuống, mỗi làn đều có chữ KHỔ. Chúng ta thấy đau khổ trong buổi sanh, thấy làn sóng rồi, chúng ta thấy khổ dữ lắm, mỗi làn sóng đều thấy khổ. Thử nghĩ đại hải như thế nào thì cái khổ của cả nước chúng ta như thế."

TNHT: *Biển khổ* vớt người thuyền gặp lúc.

Biển trần đắm khách nhiều trôi nổi.

KK: *Biển trần khổ* vơi vơi trời nước.

Thi sĩ Đoàn Như Khuê đã cảm khái nỗi đau khổ của con người nơi cõi trần, viết nên bài thơ "BỂ THẨM" đầy xúc cảm:

BỂ THẨM

Bể thẩm mênh mông sóng lựt trời,
Khách trần chèo một lá thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thẩm thôi.
Coi lại cùng trong bể thẩm thôi,
Nổi chìm, chìm nổi biết bao người.
Kiếp người nghĩ cũng lênh đênh quá,
Quá cánh bèo trên mặt nước trôi.

Quá cánh bèo trên mặt nước trôi,
Nước trôi bèo nổi, ngán cho đời.
Cuộc đời đổi đổi thay thay mãi,
Trải mấy lần dâu hóa bể khơi.

Trải mấy lần dâu hóa bể khơi,
 Một hai ba tuổi, chín mười mười.
 Xiết bao mừng rỡ bao thương xót,
 Khóc mấy mươi phen, mấy trận cười?

Khóc mấy mươi phen, mấy trận cười?
 Dấu cười chưa hẳn đã là vui.
 Trần vui sao lại cho là tục?
 Mới lọt lòng ra đã khóc rồi!

Mới lọt lòng ra đã khóc rồi!
 Kiếp trần ngán lắm khách trần ơi!
 Một lần mình khóc, lần người khóc,
 Sống thác đôi lần, giọt lệ rơi.

Sống thác đôi lần, giọt lệ rơi.
 Cảnh phù du cũng khéo trêu người.
 Bể bao nhiêu nước, bao nhiêu thăm,
 Lấp chẳng đầy, cho tát chẳng vơi.

Đoàn Như Khuê

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KK: Khai Kinh.

Biển mê

A: Ocean of passion.

P: L'océan de passion.

Biển: Vùng nước rộng bao la. Biển còn gọi là bể, chữ Hán là Hải. **Mê:** Tối tăm, lằm lằm. Trái với Mê là Giác.

Biển mê trái với Biển giác; Bền mê trái với Bền giác.

Con người trong cõi trần đắm chìm trong dục vọng si mê tăm tối, nên cõi trần được ví với Biển mê.

Biển mê thì có Sông mê. Vượt khỏi Biển mê thì tới Bờ giác (Giác ngộ), rồi đi vào cõi giác ngộ của bậc đấng đạo.

TNHT: *Biển mê* cầu ngọc liên phàm tục.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

BIỆN

Biện nhi

辦兒

A: The chief of chorus-children.

P: Le chef des enfants de choeur.

Biện: Sắp đặt, cáng đáng công việc. **Nhi:** Trẻ em, chỉ các em đồng nhi, là các em nhỏ được luyện tập tụng kinh.

Biện nhi là một đồng nhi có tư cách được cử ra để làm đầu Ban đồng nhi, điều hành công việc của Ban đồng nhi nơi Thánh Thất hoặc nơi Điện Thờ Phật Mẫu.

Biện nhi lãnh lĩnh nơi vị Giáo nhi hay Trưởng Ban Lễ.

Giáo nhi là người đã thi đậu cấp bằng của Hội Thánh, có phận sự dạy đồng nhi tụng kinh đúng giọng và đúng nhịp.

BIỆT

Biệt điện

別殿

A: Personal palace.

P: Palais personnel.

Biệt: Riêng. **Điện:** Tòa nhà.

Biệt điện là tòa nhà dành riêng làm nơi làm việc cho một vị Chức sắc Đại Thiên phong cầm quyền nền Đạo.

- Biệt điện của Đức Giáo Tông là Giáo Tông Đường.
- Biệt điện của Đức Hộ Pháp là Hộ Pháp Đường.
- Biệt điện của Đầu Sư là Đầu Sư Đường.

BÌNH

BÌNH

BÌNH: 平 Bằng phẳng, yên ổn, bình thường.

Td: Bình địa, Bình tâm, Bình thân.

Bình địa

平地

A: Peaceful region.

P: La région paisible.

Bình: Bằng phẳng, yên ổn, bình thường. **Địa:** Đất.

Bình địa là đất bằng, vùng đất yên ổn vui vẻ.

TNHT: Đem chiếc thuyền cận bến để diu dặt vào chỗ *bình địa* đặng tự tại thung dung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bình sanh

平生

A: During the lifetime.

P: Durant la vie.

Bình: Bằng phẳng, yên ổn, bình thường. **Sanh:** sống.

Bình sanh là lúc ngày thường còn sống.

Bình tâm

平心

A: The tranquillity of mind.

P: La tranquillité d'esprit.

Bình: Bằng phẳng, yên ổn, bình thường. **Tâm:** Lòng dạ.

Bình tâm là cái tâm yên ổn, không vọng động lo âu.

ĐLMD: Chẳng những trợ giúp về mặt vật chất hình thức bên ngoài mà thôi, mà đến tinh thần bên trong cũng phải có sự an ủi tâm hồn cho người được an vui, *bình tâm* định trí.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Bình thân

平身

A: To stand up, to get up.

P: Se tenir droit, se mettre debout.

Bình: Bằng phẳng, yên ổn, bình thường. **Thân:** Thân mình.

Bình thân là đứng dậy (khởi phải qui).

TNHT: Chưa hiện hữu *bình thân*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BÓNG

BÓNG

1. **BÓNG:** Ánh sáng, hình ảnh.
Td: Bóng dương, Bóng khuất.
2. **BÓNG:** Phần tối phía sau khi vật được chiếu sáng.
Td: Bóng tùng.

Bóng dương - Bóng nhật

A: The sun light. **P:** La lumière du soleil.

Bóng: Ánh sáng, hình ảnh. **Dương:** chỉ mặt trời. **Nhật:** Mặt trời.

Bóng dương hay Bóng nhật là ánh sáng mặt trời.

TNHT: *Bóng dương* tỏ rạng lối chơn mây.

Rừng thung *bóng nhật* đã hầu chinh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bóng hồng

A: The red light.

P: La lumière rouge.

Bóng: Ánh sáng, hình ảnh. **Hồng:** Màu hồng, màu đỏ.

Bóng hồng là ánh sáng màu đỏ.

KCHKHH: Kìa chiếu diệu *bóng hồng* Bắc Đẩu.

KCHKHH: Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

Bóng khuất xương tan

A: To be death from longtime.

P: Être mort depuis longtemps.

Bóng: Ánh sáng, hình ảnh. **Khuất:** Không thấy.

Bóng khuất là hình ảnh đã mất, ý nói chết.

Bóng khuất xương tan là người chết đã lâu rồi, xương thịt đã tan rã hết.

KSH: Việc lành việc dữ đồn vang,
Tuy là *bóng khuất xương tan* tiếng còn.

KSH: Kinh Sám Hối.

Bóng ngọc

A: Image of a beautiful girl.

P: Image d'une belle fille.

Bóng: Ánh sáng, hình ảnh. **Ngọc:** chỉ người con gái đẹp.

Bóng ngọc là hình ảnh của người con gái đẹp.

KHP: Dưới trăng *bóng ngọc* còn nguyên.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Bóng quang âm

A: As the time goes on.

P: Comme le temps passe.

Bóng: Ánh sáng, hình ảnh. **Quang:** Sáng, chỉ ngày. **Âm:** Tối, chỉ đêm.

Quang âm là ngày đêm.

Bóng quang âm là hình ảnh ngày và đêm thay đổi nhau, hết ngày tới đêm, chỉ thời gian trôi qua mau.

KSH: Việc sanh tử như đường chớp nhoáng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.

KSH: Kinh Sám Hối.

Bóng tùng

A: The shadow of pine (the husband).

P: L'ombre de pin (le mari).

Bóng: Phần tối phía sau khi vật được chiếu sáng. **Tùng:** Cây tùng, thuộc loại thông, thân thẳng, ruột chắc, cành lá xanh tươi suốt bốn mùa, nên thường được ví với người quân tử. Người vợ sống trong sự che chở của chồng nên gọi là núp bóng tùng.

Bóng tùng là bóng của người quân tử, chỉ người chồng.

TNHT: Đẳng cát may đưa dựa bóng tùng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BỒ

Bồ đoàn

蒲團

A: The round rushy carpet

P: Le tapis rond en jonc.

Bồ: Cỏ bồ, ở nhà quê gọi là lác, lá già dùng làm chiếu, làm đệm, hay làm cái túi đựng đồ vật. **Đoàn:** Hình tròn.

Bồ đoàn là một tấm tròn, đan bằng cỏ lác, dùng trải trên gạch cho nhà sư ngồi thiền.

TNHT: Bồ đoàn mạc hám liên huê thất.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bồ đề

菩提

Bồ đề là tiếng phiên âm từ chữ Phạn: Bodhi. Đây là tiếng đặc biệt của Phật giáo, nghĩa là: *Giác, giác ngộ đạo lý.*

Đắc Bồ đề thì diệt hết phiền não, chứng Niết Bàn.

Đắc Bồ đề đầy đủ thì thành Phật Như Lai, ấy là Đại Bồ đề, hay Vô thượng Bồ đề, Vô thượng Trí huệ.

Bực Đắc Bồ đề mà còn giáng trần cứu độ chúng sanh thì gọi là Bồ đề Tát đóa, gọi tắt là Bồ Tát. (Xem: **Bồ Tát**)

Bồ đề tâm: là *Giác tâm, Đạo tâm, tức là cái tâm tìm cầu chánh giác. Đó là cái tâm giác ngộ của Phật.*

Nếu Bồ đề tâm sục lụi thì gọi là *thối chuyển.*

Nếu Bồ đề tâm tinh tấn thì trí huệ càng ngày càng lớn, gọi là *Bất thối chuyển Bồ đề tâm.*

Gặp Phật và thỉnh cầu Phật chứng minh lời nguyện mình quyết tu cho đến khi đắc thành Phật vị, gọi là *phát Bồ đề tâm.*

Bồ đề thọ: cũng gọi là Giác thọ, Đạo thọ.

Bồ đề thọ là cây Bồ đề. (Thọ hay Thọ là cây).

Cây Bồ đề là loại cây thường ở rừng ở Ấn độ, tên thật của nó là: PIPALA, phiên âm là: Tát-bát-la. Nhưng sở dĩ người ta gọi nó là cây Bồ đề vì thuở trước Đức Thích Ca ngồi thiền định nơi cội cây ấy mà thành Phật, nó trở thành loại cây thiêng.

Cây Bồ đề là loại cỏ thụ, cao vài chục mét, có tàn lớn, nơi nhánh lớn có mọc rễ thòng xuống đất, lá có hình trái tim, ngọn lá dài và nhọn. Trái Bồ đề có hạt, hạt già phơi khô thì thấy có vân như mặt trăng, có điểm nhỏ như ngôi sao, nên được gọi là *Tinh nguyệt Bồ đề*, xỏ khâu thành chuỗi 108 hạt, dùng cho các vị sư lần chuỗi niệm Phật.

Lá Bồ đề rụng vào tháng hai, ra lá mới vào tháng năm. Các vị sư thường lấy lá Bồ đề già đem ngâm nước chừng 4 tuần lễ, vớt lên, giữ sạch thì còn lại lá gân mềm, trắng mịn, kết lại làm nón rất đẹp.

Nơi sân Đại Đồng Xã trước TTTN có trồng một cây Bồ đề, dưới gốc có làm bồn bông hình tám góc bằng đá mài màu vàng rất đẹp. Cây Bồ đề này có nguồn gốc như sau:

Cây Bồ đề này được Đại Đức Narada Thera, Phó Giáo Tông của Phật giáo Tích Lan, lấy hột của cây Bồ đề nơi Phật Thích Ca thành đạo, đem ương lên thành cây con, đem qua VN tặng TTTN một cây, và tặng một cái hộp đựng Ngọc Xá Lợi của Đức Phật Thích Ca, vào ngày 15-5-Quý Tỵ (dl 25-6-1953).

Đức Phạm Hộ Pháp và Hội Thánh TTTN làm lễ tiếp nhận rất long trọng và có thuyết minh cho toàn đạo được rõ.

Hai năm sau, vào ngày Vía Đức Quan Thánh Đế Quân, 24-6-Ất Mùi (dl 11-8-1955), Đức Hộ Pháp cùng các Chức sắc đồng ra sân Đại Đồng Xã, trước cột phướn để trồng cây Bồ đề.

Trước đó, Đức Hộ Pháp đã dạy Công Viện CTĐ đào tại đây một cái hố sâu, đục tới đá, rồi xây bầu bao quanh để cho rễ cây rừng Thiên nhiên hai bên không lấn vào gốc Bồ đề, rồi đổ xuống đó vài chục xe bò phân hữu cơ để trồng cây quí.

Sau khi cúng Đại đàn Vía Đức Quan Thánh xong, Đức Hộ Pháp kêu Bảo thể xách đèn măng xông ra Đại Đồng Xã trồng cây Bồ đề. Đức Ngài vẫn mặc Thiên phục, nhưng cái mào cầm nơi tay. Các Chức sắc đứng vây quanh. Đức Ngài ra lệnh cho Lễ Sanh Thái Thu Thanh, Thủ Lãnh của Cơ Bảo Thể, bưng chậu cây Bồ đề đặt vào chỗ trồng. Đức Ngài lấy vá xúc ba vá đất lấp vào gốc Bồ đề.

Cây Bồ đề bắt phân nên rất mau lớn, là một dấu tích tốt đẹp giữa Phật giáo Tích Lan và Đạo Cao Đài.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Bồ Đề Đạt Ma

(Xem: Nhứt Tổ chí Lục Tổ, văn Nh)

Bồ liễu

蒲柳

A: The willow.

P: Le saule.

Bồ liễu là một loại cây liễu mọc ở ven nước, cành lá ẻo là rủ xuống. Trong văn chương, bồ liễu dùng để chỉ người phụ nữ vì thể chất của phụ nữ yếu ớt như cây bồ liễu.

Đổi lại bồ liễu là tùng bách, loại cây rắn chắc, xanh tươi bốn mùa, nên thường dùng tượng trưng người quân tử.

TNHT: Bồ liễu nhứt thân sanh biến hóa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bồ Tát

菩薩

A: Bodhisattva.

P: Bodhisattva.

Bồ Tát là tiếng nói tắt của: Bồ đề Tát đóa, phiên âm từ tiếng Phạn: *Bodhisattva*.

Theo nghĩa bên tiếng Phạn thì: Bồ đề là Giác; Tát đóa là chúng sanh. Bồ đề Tát đóa là bậc đặc quả Bồ đề nhưng còn làm chúng sanh để độ đời. Bồ Tát là bậc tự giác, cần đi cứu độ chúng sanh để lập công quả đặng tiến lên phẩm vị Phật.

Trước khi Đức Thích Ca đặc quả Phật Thế Tôn thì tiền kiếp của Ngài đã chứng quả Bồ Tát. Như thế, muốn đạt phẩm vị Phật thì trước đó phải đặc quả Bồ Tát.

Muốn đặc quả Bồ Tát, người tu phải thệ nguyện thực hiện các điều sau đây:

a) Bốn điều thệ lớn khi mới phát tâm:

- Chúng sanh vô biên, thệ xin độ hết.
- Phiền não vô số, thệ xin dứt hết.
- Pháp môn vô biên, thệ xin học hết.

- Đạo Phật vô thượng, thề xin thành đạo.

b) Bốn điều nguyện đối với thân tâm:

- Nguyện cái tâm như đất rộng.
- Nguyện cái tâm như chiếc thuyền.
- Nguyện cái tâm như đại dương.
- Nguyện cái tâm như hư không.

c) Bốn điều nguyện đối với chúng sanh:

- Nguyện giúp cho những người chưa thông hiểu.
- Nguyện giúp cho những người chưa được yên ổn.
- Nguyện độ những kẻ chưa được độ.
- Nguyện giúp những kẻ chưa đạt Niết bàn.

Chư vị Bồ Tát còn phải thực hiện 10 phép tu hành:

1. **Bố thí:** Sẵn sàng bố thí mà không cần báo đáp.
2. **Tri giới:** Giữ gìn nghiêm ngặt các điều răn cấm.
3. **Nhẫn nhục:** Nhịn nhục chúng sanh dù họ xâm phạm mình.
4. **Tinh tấn:** Luôn luôn cố gắng tu học, suy nghĩ.
5. **Thiền định:** Luôn tu tập các pháp tham thiền nhập định.
6. **Trí tuệ:** Xa lánh phiền não, nuôi dưỡng công đức và an vui.
7. **Đại từ:** Yêu thương chúng sanh và làm lợi ích cho họ.
8. **Đại bi:** Thương xót chúng sanh, chịu khổ thay cho họ.
9. **Giác ngộ:** Lấy trí tuệ của mình soi sáng cho chúng sanh giác ngộ như mình.
10. **Chuyển bất thoái pháp luân:** Để hóa độ chúng sanh, vị Bồ Tát đem pháp luân vô thượng của mình để dạy cho họ noi theo, để đưa họ từ từ vào con đường lập hạnh Bồ Tát.

GHI CHÚ: Các phẩm vị của Phật giáo từ thấp dần lên cao:

1. Tu-Đà-Huòn.
2. Tư -Đà-Hàm.

3. A-Na-Hàm.
4. A-La-Hán. (Thánh)
5. Bồ Tát.
6. Phật.

Bồ Tát Ma Ha Tát

菩薩摩訶薩

Tiếng Phạn là: *Bodhisattva Mahasattva*, phiên âm ra là: Bồ Đề Tát Đóa Ma Ha Tát Đóa, nói tắt là Bồ Tát Ma Ha Tát.

Bồ Đề là giác. Tát Đóa là chúng sanh.

Ma Ha là lớn, đại. Ma Ha Tát Đóa là Đại chúng sanh.

Do đó, *Bồ Tát Ma Ha Tát* được dịch là *Đại Bồ Tát*.

Bồ Tát Ma Ha Tát là những vị Bồ Tát đã có đầy đủ công đức thành Phật, nhưng vì lòng từ bi, phát đại nguyện xuống trần cứu độ chúng sanh, nên chưa chịu ngôi vào ngôi vị Phật.

Các Đấng kể ra sau đây là những vị Bồ Tát Ma Ha Tát:

- Quan Thế Âm Bồ Tát
- Từ Hàng Bồ Tát
- Phổ Hiền Bồ Tát
- Chuẩn Đề Bồ Tát
- Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Trong DLCK, khi Đức Di-Lạc chưởng quản CKVT thì gọi Ngài là **Di-Lạc Vương Phật**, khi Ngài đi cứu độ chúng sanh thì gọi Ngài là **Di-Lạc Vương Bồ Tát**.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

BỐ

BỐ

BỐ: 布 có nhiều nghĩa sau đây tùy trường hợp:

1. **Bố** là truyền rộng ra, khắp.
Tđ: Bố cáo.
2. **Bố** là cho.
Tđ: Bố thí.
3. **Bố** là sắp đặt, bày biện.
Tđ: Bố trí.
4. **Bố** là vải.
Tđ: Bố tử.

Bố cáo

布告

A: Advice.

P: Avis.

Bố là truyền rộng ra, khắp. **Cáo:** Báo cho biết.

Bố cáo là báo cho mọi người biết rõ.

TL: Phần Thế Luật, Điều 7: Tám ngày trước Lễ Sính, chủ hôn trai phải dán *bố cáo* nơi Thánh Thất sở tại cho trong bốn đạo hay, sau khỏi điều rắc trở.

TL: Tân Luật.

Bố hóa

布化

A: To teach.

P: Enseigner.

Bố là truyền rộng ra, khắp. **Hóa:** Thay đổi, dạy dỗ cho thay đổi từ xấu ra tốt, từ dốt ra hiểu biết.

Bố hóa là dạy dỗ cho mọi người hiểu biết để sửa đổi cái xấu thành ra cái tốt.

TNHT: *Bố hóa* người đời gây mỗi Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bố thí

布施

A: To give alms.

P: Faire l'aumône.

Bố là cho. **Thí:** Giúp, cho.

Bố thí là đem phúc lợi mà giúp cho kẻ khác.

Đem của cải của mình chia xẻ cho người khác gọi là **Bố**, bớt của mình đem cho người gọi là **Thí**. Của bố thí tuy có nhiều loại, nhưng lấy việc bố thí tài vật làm căn bản.

Bố thí là hạnh đầu tiên trong phép tu Lục độ của nhà Phật. Lục độ gồm: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.

Hễ làm việc Bố thí thì phải không cần sự báo đáp của người được bố thí, và cũng không cần cái phước báo của việc bố thí. Như thế mới thật đúng là bố thí.

Việc bố thí thể hiện lòng từ bi bác ái, thương mến đồng loại, và có tác dụng diệt được lòng tham lam ích kỷ.

Việc Bố thí có ba cách, gọi là Tam chủng Bố thí:

1. Tài thí: Tài là tiền bạc. Tài thí là xuất tiền bạc, của cải để làm việc phước thiện, đem giúp người nghèo khổ hoạn nạn có được miếng cơm, manh áo, thuốc uống. Đó là sự giúp đỡ về phần vật chất.

2. Pháp thí: Pháp là giáo lý. Pháp thí là dùng lời lẽ đạo đức giảng giải điều thiện, điều ác, để người nghe giác ngộ, sửa đổi, hoặc dùng lời nhỏ nhẹ khuyên lơn để cảm hóa người hung ác, kẻ gian tà quày đầu hướng thiện, cứu giúp linh hồn khỏi sa đọa trầm luân. Đó là sự giúp đỡ về phần linh hồn.

3. Vô úy thí: Úy là sợ sệt. Vô úy là không sợ sệt. Vô úy thí là giúp đỡ người đang lo âu sợ hãi được yên tâm, bình thần trở lại bằng những lời nói phân tích minh bạch hay việc làm cần thiết. Đó là cứu giúp về phần tinh thần.

Việc bố thí không chỉ giúp đỡ về đời sống vật chất mà còn giúp đỡ về mặt tinh thần và cứu giúp cả linh hồn nữa. Việc bố thí như vậy mới được trọn vẹn. Trong Đạo Cao Đài, phần bố thí giúp đỡ mọi người nằm trong nhiệm vụ của CQPT.

ĐLMD: "Về khoản cấp tế của Phước Thiện, chẳng nên phân biệt người trong Đạo hay người ngoài Đòi, nghĩa là mỗi phen nơi nào bị tai nạn, khổ tâm khổ trí thì lẽ cố nhiên người hành thiện chẳng thể nào bỏ qua cho đặng, chẳng những trợ giúp về mặt vật chất hình thức bên ngoài mà thôi, mà đến tinh thần bên trong cũng phải có sự an ủi tâm hồn cho người được an vui và bình tâm định trí." " Nếu một ai vì cảnh bi thương trong gia đình hoặc vì đau thảm về phần xác thịt mà đến Nhà Phước Thiện cầu xin cứu giúp, hay là một tấn kịch khốc hại đã phô bày trước mắt mà người hành thiện lại nở làm ngơ để cho người khốn khổ ấy phải cam tâm tử phạt, chẳng nhờ nơi lòng ái tuất của người phước thiện đoái đến mà có đủ bằng cơ thì vị hành thiện ấy phải bị lỗi nặng với danh giá Nhà Phước Thiện và phải chịu phần trách cứ."

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Bố trí

布置

A: To dispose.

P: Disposer.

Bố là sắp đặt, bày biện. **Trí:** Đặt để.

Bố trí là sắp đặt theo một kế hoạch có mục đích rõ rệt.

TNHT: Con hiểu Thần cư tại nhân, *bố trí* cho chư Đạo hữu con hiểu rõ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bố tử

布子

P: Morceau rond d'étoffe cousu sur le devant ou l'arrière de l'habit de cérémonie.

Bố là vải. **Tử:** miếng. **Bố tử** là một miếng vải hình tròn, bề ngang chừng một gang tay, trên đó có thêu Thiên Nhân, hoặc sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, dùng để gắn trước ngực và sau lưng áo Đại phục của Chức sắc cao cấp CTĐ.

Trong Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của, quyển II trang 511, tác giả định nghĩa **Bố tử** là:

*"**Bố tử:** Tám hàng thêu đính, hoặc tròn, hoặc vuông, kết theo áo quan, áo phẩm phục."*

Trên áo Đại phục ba vị Đầu Sư Nam, trước ngực và sau lưng đều có miếng **bố tử** hình tròn, đường kính 20 phân, có sáu chữ Nho 大道三期普度 sắp đặt trên một vòng tròn, được bao quanh bởi 3 vòng võ vi, nơi chính giữa có chữ Thái 太 hay Thượng 上 hay Ngọc 玉 tùy theo phái của mình.

Áo Đại phục của Nữ Đầu Sư có hai miếng **bố tử** trước và sau giống như của Đầu Sư Nam nhưng không để chữ chỉ sắc phái, mà nơi đó thêu Thiên Nhân bao quanh một vòng Minh khí.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

BỔ

Bổ báo

補報

A: To aid and to recompense.

P: Aider et récompenser.

Bổ: giúp đỡ. **Báo:** đáp lại.

Bổ báo là giúp đỡ báo đáp lại.

NH: Nhờ Ông Trên bổ báo phước lành.

NH: Niệm Hương.

BỘ

BỘ

BỘ: 部 có nhiều nghĩa tùy trường hợp.

1. **Bộ** là sổ sách.
Td: Bộ công, Bộ Từ khí.
2. **Bộ** là thuộc dưới quyền.
Td: Bộ hạ.
3. **Bộ** là một ngành.
Td: Bộ Nhạc.

Bộ công

部功

A: Register of merits.

P: Régistre de mérites.

Bộ là sổ sách. **Công:** Công quả.

Bộ công là sổ sách ghi chép công quả của mỗi người.

KTTg: Bộ công Di-Lạc Tam Kỳ độ sanh.

Thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn lập một Trường thi công quả, và giao cho Đức Phật Di-Lạc làm Chánh Chủ Khảo chấm thi đậu rớt. Do đó, Đức Phật Di-Lạc lập ra Bộ công quả ghi chép công quả làm được của mỗi người, để căn cứ vào đó mà định ngôi thứ cho mỗi người.

KTTg: Kinh Tiểu Tường.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Bộ hạ

部下

A: The subordinate.

P: Le subordonné.

Bộ là thuộc dưới quyền. **Hạ**: Thấp, dưới.

Bộ hạ là người thuộc cấp để sai khiến công việc.

TNHT: Mà làm tay chân *bộ hạ* trong vòng tôi tớ nó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bộ Nhạc

部樂

A: Department of Music.

P: Département de Musique.

Bộ là một ngành. **Nhạc**: Âm nhạc. Bộ Nhạc là cơ quan chuyên môn đào tạo các nhạc sĩ cổ nhạc của Đạo và tổ chức các Ban Nhạc trong việc cúng tế và lễ nghi trong Đạo.

Bộ Nhạc và các phẩm Chức sắc của Bộ Nhạc được chánh thức thành lập theo Thánh Lệnh số 25 của Đức Phạm Hộ Pháp ký ngày 29-3-Tân Mão (dl 4-5-1951).

Xin chép nguyên văn Thánh Lệnh này:

HỘ PHÁP ĐƯỜNG

Văn Phòng

Số: 25

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(*Nhị thập lục niên*)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LỆNH

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Chiếu y Sắc Lệnh số 51 ngày mồng 9 tháng 11 Bính Tý (22-12-1936) định phần phong thưởng cho Lễ Sĩ và Giáo Nhi đầy đủ 5 năm công nghiệp;

Nghĩ vì Ban Lễ đã định phận thì Bộ Nhạc cũng được hưởng đặc ân của Hội Thánh đặng tiến bước lập vị.

THÁNH LỆNH:

Điều thứ 1: Trong Bộ Nhạc của Tòa Thánh có 9 phẩm ân phong như sau này:

- | | |
|--------------|--------------|
| 1. Nhạc Sĩ | 6. Lãnh Nhạc |
| 2. Bếp Nhạc | 7. Đề Nhạc |
| 3. Cai Nhạc | 8. Đốc Nhạc |
| 4. Đội Nhạc | 9. Nhạc Sư |
| 5. Quản Nhạc | |

Điều thứ 2: Bộ Nhạc chuyên chú về tài năng nghệ thuật thì từ hạ phẩm đến thượng phẩm, mỗi cấp đều có khoa mục đặng tuyển chọn danh nhơn để điều khiển nội Ban.

Trong mỗi kỳ khoa mục, vị nào đủ tài ứng thí thì được phép xin thi và mỗi khi thi đậu là mỗi lần được thăng phẩm, nhưng không được xin ứng thí vượt bậc.

Điều thứ 3: Nếu thi rớt vì không đủ tài thì ở lại phẩm cũ, chờ đủ 5 năm công nghiệp mới được cầu ân phong.

Phẩm Nhạc Sư đủ 5 năm công nghiệp thì thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân nếu có khuyết.

Điều thứ 4: Chín phẩm trong Bộ Nhạc đối với 9 phẩm của HTĐ hay các phẩm khác của CTĐ và PT như sau này:

| BỘ NHẠC | PHÁP CHÁNH | CỬU TRÙNG | PHƯỚC THIỆN |
|-----------|--------------|--------------|-------------|
| Nhạc Sĩ | Luật Sư | Chánh Trị Sư | Hành Thiện |
| Bếp Nhạc | Sĩ Tải | Lễ Sanh | Giáo Thiện |
| Cai Nhạc | | | |
| Đội Nhạc | Truyền Trạng | Giáo Hữu | Chí Thiện |
| Quản Nhạc | | | |
| Lãnh Nhạc | Thừa Sử | | |
| Đề Nhạc | Giám Đạo | Giáo Sư | Đạo Nhơn |
| Đốc Nhạc | | | |
| Nhạc Sư | Cải Trạng | | Chơn Nhơn |

| | | | |
|-----|-------------|------------|------------|
| (*) | Chương Ân | Phối Sư | Hiền Nhơn |
| | Tiếp Dẫn ĐN | Chánh P.Sư | Thánh Nhơn |
| | Thập nhị TQ | Đầu Sư | Tiên Tử |

Điều thứ 5: Chư vị: Bảo Thế Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Chương quản Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Thượng Thống Lại Viện, Đạo Nhơn Chương quản Phước Thiện, Phụ Thống Lễ Viện Hành Chánh, Phụ Thống Lễ Viện Phước Thiện, Nhạc Sư Bộ Nhạc, các tư kỳ phạm, lãnh thi hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh, ngày 29 tháng 3 năm Tân Mão.

(4-5-1951)

HỘ PHÁP

(ấn ký)

(*) Ghi chú:

Chỗ đối phẩm của Nhạc Sư trong Điều thứ 4 của Thánh Lệnh này, có điều chỉnh lại đúng theo lời dạy của Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ trong Đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 25-6-Nhâm Tý (dl 4-8-1972), xin xem bên dưới.

Khi trước, Điều thứ 4 trong Thánh Lệnh ghi là: Nhạc Sư đối phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (HTĐ), Phối Sư (CTĐ), Hiền Nhơn, Thánh Nhơn (CQPT). Điều này trái với Điều thứ 3 bên trên: "*Nhạc Sư có đủ 5 năm công nghiệp mới được cầu thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân nếu có khuyết.*"

Vì có sự không khớp nhau giữa Điều thứ 3 và Điều thứ 4 trong cùng một Thánh Lệnh như thế, nên trong Đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 25-6-Nhâm Tý (dl 4-8-1972) hồi 20 giờ 15 phút, Phò loan: Hiến Pháp và Khai Đạo, Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa bạch cùng Đức Phạm Hộ Pháp: "Theo Thánh Lệnh số 25/TL, Điều thứ 3 định phẩm Nhạc Sư sau 5 năm công nghiệp được cầu phong vào phẩm Phối Sư, nhưng qua Điều thứ 4, Nhạc Sư cho đối phẩm Phối Sư và Hiền Nhơn, Thánh Nhơn bên Phước Thiện. Hai điều đó không phù hợp nhau. Xin Đức Ngài chỉ dạy."

Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ đáp: Cho đối phẩm Giáo Sư, sau 5 năm được đối phẩm Phối Sư."

Đạo phục của các Chức sắc Bộ Nhạc:

"Ngày 22-8-Đinh Hợi (6-10-1947), quý ông Nhạc Sư Võ Văn Chở, Đốc Nhạc Đinh Văn Biện và Đề Nhạc Hồ Văn Sai có văn bản thỉnh giáo Đức Hộ Pháp về Đạo phục của Chức sắc Bộ Nhạc, được Đức Hộ Pháp bút phê, nguyên văn như sau:

"Bàn đạo đã dạy trước rằng, mặc sắc phục hồng (màu đỏ), áo đỏ, quần trắng, như các vị võ sĩ cưu, có viền kim tuyến bạc nơi cổ nơi tay, ngay ngực có mang ba màu đạo, chính giữa thêu hình cây đờn tỳ bà. Dưới cây đờn thì để chức tước của vị Chức sắc ấy, áo cụt khỏi tròn mà thôi. Từ Nhạc Sĩ trở lên tới Quản Nhạc viền kim tuyến bạc, từ Đề Nhạc đỏ lên viền kim tuyến vàng."

Ngày 27-11-Kỷ Sửu (15-1-1950), Ngài Bảo Thế, Thừa quyền Hộ Pháp, có sao lời phê trên gởi cho Ông Phụ Thống Lễ Viện Phước Thiện và Nhạc Sư Võ Văn Chở qua đạo thư số 84.

Như vậy, Chức sắc Bộ Nhạc đều mặc đại phục y như nhau theo lời dạy trên, chỉ phân biệt ở tước phẩm ghi phía dưới cây đờn tỳ bà trên tam sắc đạo thêu nơi ngực và màu kim tuyến viền nơi cổ và tay. Đức Hộ Pháp không có dạy về mào và tiểu phục của Chức sắc Bộ Nhạc, nhưng trên thực tế thì Chức sắc Bộ Nhạc đội mào và mặc tiểu phục như sau:

a) Mào đại phục: Gọi là Hồn Nguơn mào có hình dáng như mào Ngưỡng Thiên của Giáo Hữu phái Ngọc nhưng thấp hơn một chút (cao khoảng 12 cm), giữa mào, ngay trước trán có Tam sắc đạo, gác xéo một cây đờn tỳ bà.

b) Tiểu phục: Từ Nhạc Sư đỏ xuống Nhạc Sĩ đều mặc áo tràng trắng, có thắt ngang lưng một sợi dây nịt trắng như tiểu phục của Chức sắc HTĐ từ phẩm Cải Trạng đỏ xuống Luật Sư. Đầu đội Bán Nguyệt mào như cái calot trắng (giống mào của Đầu Phòng văn), ngay giữa trán có huy hiệu hình chữ nhật bằng kim khí, trên có Tam sắc đạo và cây đờn tỳ bà gác xéo."

Năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp ra Thánh Lệnh mở khóa thi tuyển Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc đặng bổ khuyết cho đủ số ứng dụng trong Đạo. Nguyên văn Thánh Lệnh ấy chép ra dưới đây:

HỘ PHÁP ĐƯỜNG

Văn Phòng

Số: 13**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ***(Nhị thập thất niên)***TÒA THÁNH TÂY NINH****THÁNH LỆNH****HỘ PHÁP****Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng**

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Nghĩ vì cần mở Khoa thi Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc đặng bổ khuyết cho đủ số ứng dụng trong cửa Đạo.

Do theo lời phê của Hộ Pháp ngày 6 tháng 10 Tân Mão phân định thể thức khoa mục Nhạc Sĩ và các cấp trong Bộ Nhạc.

THÁNH LỆNH

Điều thứ 1: Khoa thi Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc sẽ mở tại Tòa Thánh ngày rằm tháng chạp năm Tân Mão tại Báo Ân Từ đúng 3 giờ chiều. Những đơn xin thi phải đệ lên Văn phòng HTĐ ngày 14 tháng chạp Tân Mão là ngày chót.

Điều thứ 2: Thể thức thi Nhạc Sĩ là: Biết cầm một cây đàn và trọn hiểu nhạc khi có Tiểu đàn và Đại đàn, Nhạc trống tiếp giá. Thể thức thi Bếp Nhạc là: Biết trọn nghi lễ và nhạc nghệ về tài tử.

Điều thứ 3: Ban Giám khảo trong cuộc thi này là:

Bảo Thế

Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo

Nhạc Sư Võ Văn Chở

Giáo Hữu Thái Huấn Thanh

Chí Thiện Lê văn Phương

Chủ tọa.

Giám khảo.

Giám khảo.

Giám khảo.

Điều thứ 4: Vị Bảo Thế Tổng Thư Ký Chánh Trị Đạo và Chức sắc có danh sách trong Ban Giám khảo, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lịnh này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 9 tháng 12 Tân Mão.

(5-1-1952)

HỘ PHÁP

(ấn ký)

(Xem tiếp: Tiếp Lễ Nhạc Quân, văn T)

Ngày 25-10-Mậu Thân (dl 14-12-1968), Bộ Nhạc khánh thành HỌC ĐƯỜNG BỘ NHẠC TRUNG ƯƠNG để đào tạo nhor tài cho Bộ Nhạc và cũng để gìn giữ và phụng sự nền Âm nhạc cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

Trong dịp này, Ngài Ngọc Chánh Phối Sư có đọc lời Cảm Tưởng, trích ra sau đây:

"Bởi truyền thống của mỗi Đạo là Nho Tông Chuyển Thế, Đức Chí Tôn dùng Nhạc để chế ngự lòng phàm, hóa lòng người, khiến cho được chí thiện chí mỹ. Trên sở năng hoá truyền Lễ Nhạc, người Nhạc sĩ nên ghi nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn như sau: Ngày nào Lễ Nhạc được hoàn toàn thì Đạo mới mong thành lập, mà Lễ Nhạc tức nhiên Hội Thánh của Đức Khổng Phu Tử đó vậy.

Ấy vậy, Nhạc sản xuất trong tinh thần, mà tinh thần mới thật là Đạo, và trong Nhạc biểu tượng cho sự Lễ, như chúng ta đã thấy một bằng cứ là khi hòa đờn cùng nhau, mặc dù ngón đờn của mỗi người đều khác, sự hay dở, song cái nhịp trường canh là qui củ phải nương theo, nếu không tùng, chẳng khi nào hòa nhạc cùng nhau được, bởi khuôn khổ của Nhạc là hòa, ấy là Lễ vậy. Trong tương lai, nơi này sẽ là chỗ đào luyện tinh thần Lễ Nhạc điều hòa của Nho Tông Chuyển Thế, vì Nhạc có thể lực rất mạnh về đường đạo đức để sửa lòng người cho ngay chính hòa thuận."

Cũng trong dịp này, Đức Thượng Sanh Quyền Chưởng quản HTĐ ban Huấn Từ, trích ra sau đây:

"Học Đường của Bộ Nhạc đã hoàn thành, đó là một công quả đáng ghi của Chức sắc Bộ Nhạc. Giờ đây, vị Chưởng quản và Chức sắc Bộ Nhạc phải gắng công đào luyện đàn em

cho thành tài, đồng thời trau luyện nghệ thuật mình cho đến chỗ tận thiện tận mỹ, trước để phụng sự nền Đạo, sau để nâng cao phẩm giá của âm nhạc là môn học rất trọng yếu của Khổng giáo.

Khi mới khai sáng nền Đạo, Đức Chí Tôn rất trọng Nhạc và Lễ, vì cái hay của Lễ là giữ trật tự bên ngoài, cái hay của Nhạc là tạo sự điều hòa để kèm chế tâm tình bên trong cho khỏi vọng niệm.

Lễ và Nhạc cùng hợp nhau và nếu giữ đúng nề nếp thì đàn cúng mới nghiêm chỉnh, được bao trùm một bầu không khí huyền diệu thiêng liêng khiến chúng ta cảm tưởng là có Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật giáng ngự để ban ơn cho toàn đạo.

Trái lại, nếu Lễ không nghiêm, Nhạc không hòa, thì đàn cúng có cái trạng thái hỗn loạn khiến cho người đến lễ bái có một tâm trạng xao xuyến, tinh thần bất định. Đó là một sự thất lễ đối với các Đấng thiêng liêng, và như vậy Đức Chí Tôn không khi nào giáng đàn, tà quái có thể thừa dịp xung nhập gây nên điều rắc rối. Trong nhiều đàn cúng lúc ban sơ, Chức sắc thường bị Đức Chí Tôn giáng cơ quở trách vì đàn không nghiêm, Lễ Nhạc còn khuyết điểm.

Trong năm Ất Tỵ (1965), Đức Hộ Pháp cũng có giáng cơ tại Đền Thánh dạy Chức sắc Bộ Nhạc nên trau luyện Nhạc điệu vì nghệ thuật còn kém. Sự kém cỏi đó, có lẽ một phần do Nhạc Sĩ thiếu tập dượt, hoặc có thụ huấn mà chưa nhuần nhã.

Tôi ước mong mỗi Chức sắc Bộ Nhạc nên lưu tâm để tự mình trau luyện cho đúng mức độ nghệ thuật. Thường thức một bài đờn hay như nghe một bài thi sắc sảo, một câu đờn tao nhã điều luyện như một câu thi tuyệt bút, có mãnh lực gợi cảm làm xúc động tâm hồn.

Vì vậy thời xưa, các Đấng Đế Vương dùng Nhạc để cảm hóa lòng người trong đạo trị dân, vì Nhạc có thể khiến cho dân trở nên thuần hậu và có thể di phong dịch tục.

Nhạc là món ăn tinh thần đứng đầu trong bốn thú phong lưu của Thánh Hiền thời xưa: Cầm, Kỳ, Thi, Họa, và các bậc Thánh Hiền đã dùng Nhạc để đạt đến lý tưởng cao siêu, giúp ích cho sự an bang tế thế, xây dựng nước nhà. Vì Nhạc có cái

thế lực quan trọng như vậy, nên Đức Khổng Tử soạn ra Kinh Nhạc và cho đứng vào hàng Ngũ Kinh là: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Nhạc. Về sau, Ngài làm bộ sách Xuân Thu, nhập với năm bộ sách trước gọi là Lục Kinh.

Sau khi Đức Khổng Tử mất, kể đến nhà Tần có việc đốt sách thì những Kinh ấy bị thiêu hủy hoặc thất lạc ít nhiều, nhưt là Kinh Nhạc thì mất gần hết, chỉ còn lại có một thiên, sau đem nhập vào bộ Lễ Ký đặt tên là thiên Nhạc Ký, thành thử trong sáu bộ Kinh chỉ còn lại có Ngũ Kinh là: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ và Kinh Xuân Thu.

Tánh của Đức Khổng Tử hay ưa thích đàn hát. Lúc Ngài ở nước Tề ham học Nhạc Thiều, trong ba tháng say mê cho đến đổi ăn không biết mùi vị. Ngài nói: Ta chẳng ngờ học Nhạc vui đến như thế (Bất đồ vi Nhạc chi chí ư tư dã.)

Khi Ngài châu lưu khắp thiên hạ thì bên mình không khi nào rời cây đàn Ngũ huyền cầm. Quan niệm của Ngài là tiếng đàn thanh nhã có thể nâng cao tinh thần và trụ vững tâm chí siêu nhân của người quân tử. Lúc Ngài bị vây giữa khoảng nước Trần và nước Sái, bảy ngày không nấu ăn, chỉ ăn rau luộc suông, các đệ tử như Tử Lộ, Nhan Hồi, Tử Cống , v... đều bần khoản lo sợ cho Ngài, nhưng Ngài vẫn ung dung ngồi đàn hát.

Chúng ta thấy rõ Thánh hơn trọng dụng âm nhạc như vậy vì Nhạc nghệ là một bộ môn văn hóa cao đến tột độ và Nhạc Thiều có mãnh lực huyền bí cao siêu, giúp an dân trị nước, cải hóa xã hội.

Du Bá Nha đập nát Dao cầm, thề không đàn nữa vì người bạn tri âm là Chung Tử Kỳ đã mất thì không còn ai biết nghe tiếng đàn của mình. Khổng Minh Gia Cát Lượng mượn tiếng đàn mà lui giặc Tư Mã Ý. Trương Tử Phòng nhờ có giọng tiêu ai oán mà trong một đêm giải tán tám ngàn đệ tử của Sở Bá Vương tại Cửa Lý Sơn để cho Lưu Bang diệt được kẻ thù chung của thiên hạ, lập nên cơ nghiệp nhà Hán hơn 400 năm.

Công dụng của Nhạc Thiều thời xưa thì cao thượng như vậy. Ngày nay, người ta dùng âm nhạc làm công cụ cho chủ nghĩa con buôn trên sân khấu, khiến nên nhạc sĩ vì kế sanh

nhai phải bán rẻ tài nghệ, làm cái giá trị của Quốc Nhạc phải bị hạ thấp đến cực điểm.

Trong cửa Đại Đạo, chúng ta phải nâng đỡ ngành âm nhạc, phải bảo tồn nhạc điệu cổ truyền để lưu lại cho đất nước tinh hoa của một nghệ thuật thuần túy, mặc dù cái tinh hoa ấy nay chỉ còn phưởng phất chút dư hương do sự phé cựu hoán tân của giới nhạc sĩ trong nước. Đi ngược với trào lưu thoái bộ đó, chúng ta không nên coi thường môn âm nhạc và phải cố tâm gìn giữ cái chơn giá trị của nó. Dù Nhạc Lễ hay Nhạc điệu tài tử cổ truyền, mỗi môn đều có cái hay riêng đặc biệt. Nếu học Nhạc dù là môn nào, phải cố gắng học đến chỗ cùng cực uyên thâm, năng luyện tập trau dồi để ngày càng thêm tiến triển mới đáng gọi là biết yêu nghệ thuật.

Từ đây, Bộ Nhạc Trung Ương đã có một ngôi Học Đường làm nơi đào tạo nhơn tài, Chức sắc đàn anh trong Bộ Nhạc phải ra công dìu dắt Nhạc Sĩ thế nào cho khỏi mang tiếng hữu danh vô thực.

Với sự mong ước nói trên, tôi xin cầu chúc vị Chưởng quản và Chức sắc Bộ Nhạc thành công mỹ mãn để phục vụ cho nghệ thuật và cho nền Đại Đạo."

Nay kính. (THƯỢNG SANH Cao Hoài Sang)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài

PT: Phước Thiện

Bộ Pháp Chánh (Tòa Đạo)

部法正

A: Department of Justice.

P: Département de Justice.

Bộ là một ngành. **Pháp:** Pháp luật. **Chánh:** Sửa lại cho đúng, cho ngay thẳng. **Tòa:** Tòa án để xử người phạm luật.

Bộ Pháp Chánh là một cơ quan do HTĐ lập ra để thi hành quyền Tư Pháp của HTĐ, tức là cơ quan trông coi pháp luật về việc hành chánh đạo trong các cơ quan của Đạo.

Tòa Đạo là tòa án của Đạo lập ra để xử đoán các Chức sắc và tín đồ vi phạm pháp luật của Đạo.

Tòa Đạo được lập ra theo Đạo luật Mậu Dần (1938):

"Nghĩ vì Tòa Đạo là một cơ quan bảo thủ Luật pháp Chơn truyền y theo khuôn viên Đạo pháp, bảo đảm sanh chúng, trị loạn phò nguy, gìn cân công lý cho toàn cả chúng sanh đặng sống một cách ung dung thơn thới dưới mặt luật công bình của Đạo.

Tòa Đạo lập ra cốt yếu để bình vực những người bị uất ức, trừng phạt những người phạm luật pháp, giữ gìn quyền hành phân minh, đặng cấp trật tự cho nền Chánh Trị Đạo.

Trách nhiệm trọng hệ hơn hết của Tòa Đạo là vô tư vô vị."

Ngày 15-10-Đinh Hợi (dl 27-11-1947), Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đang đảm nhận nhiệm vụ Chưởng quản Tòa Đạo, lập ra cách Tổ Chức và Nội Luật của Bộ Pháp Chánh, thì danh từ Bộ Pháp Chánh mới được sử dụng, và ngày 15-10-Đinh Hợi được xem là ngày thành lập Bộ Pháp Chánh.

Bộ Pháp Chánh là cơ quan Trung ương Tòa Thánh coi về quyền Tư Pháp của Đạo, dưới quyền Chưởng quản của một vị Thời Quân chi Pháp HTĐ.

Bộ Pháp Chánh tổ chức các Tòa Đạo từ Trung ương đến địa phương. Bộ Pháp Chánh bổ nhiệm các Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân đi hành đạo về Pháp Chánh nơi các địa phương, từ Tộc Đạo đến Châu Đạo và Trấn Đạo.

- Pháp Chánh tại Tộc Đạo là một vị Luật Sự (đối phẩm Ch.T.Sự).
- Pháp Chánh tại Châu Đạo là một vị Sĩ Tải (đối phẩm Lễ Sanh).
- Pháp Chánh tại Trấn Đạo là vị Truyền Trạng (đối phẩm Giáo Hữu).

"Ngoài phận sự bảo vệ luật pháp như Chức sắc HTĐ, hay rõ hơn, chức vị cầm quyền Pháp Chánh còn có phận sự chăm nom cả hành vi toàn thể Đạo trong phạm vi hành sự của mình, thị chứng các cuộc nhóm họp của cơ quan Hành Chánh và PT"

"Trong trường hợp điều tra, khi một Chức sắc phạm tội, Bộ Pháp Chánh có quyền tạm bãi miễn, tức là tạm thu quyền và chức của vị ấy, để đưa bị cáo nhân ra Tòa Pháp Chánh điều tra hay thẩm phán, sau khi ấy, nếu trắng án, vô tội sẽ được phục quyền chức như cũ." (*Trích trong quyển Chánh Trị Đạo của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa*)

Đôi liễn đắp nơi cổng của Bộ Pháp Chánh:

法律無私道教慈威從理

正宗不易真傳善惡隨刑

Pháp luật vô tư đạo giáo từ oai tòng lý,

Chánh tông bất dịch chơn truyền thiện ác tùy hình.

Nghĩa là:

Pháp luật của Đạo thì vô tư, hơn từ, oai nghiêm, tòng lẽ phải,

Chơn truyền của nền Đạo chơn chánh thì không đổi, việc lành dữ tùy mức độ mà có hình phạt.

Bộ Pháp Chánh còn có nhiệm vụ minh tra công nghiệp của các Chức sắc CTĐ và PT. Nếu Pháp Chánh chứng nhận Chức sắc CTĐ hay PT có đầy đủ công nghiệp thì mới được đem tên vào sổ cầu phong hay cầu thăng phẩm cấp.

Do đó, Bộ Pháp Chánh có quyền hành rất rộng lớn, chi phối tất cả các Chức sắc CTĐ và CQPT.

Tóm tắt các quyền hành rộng lớn của Bộ Pháp Chánh:

1. Bảo thủ Luật pháp Chơn truyền của Đạo:
 - Luật thì có Tân Luật, Đạo luật, Luật Hội Thánh.
 - Pháp thì có Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định.
2. Lập các Tòa Đạo để xử trị những người vi phạm Luật pháp Đạo, từ hàng Đạo hữu đến các Chức sắc của CTĐ và PT. (Riêng Chức sắc HTĐ vi phạm Luật Pháp thì có Ban Kỷ Luật HTĐ sửa trị).
3. Minh tra công nghiệp của Chức sắc CTĐ và PT. Việc thăng phẩm Chức sắc hoàn toàn tùy thuộc vào sự minh tra này.

Đạo Lĩnh số 16 ngày 13-Giêng năm Kỷ Hợi (dl 20-2-1959) qui định Bộ Pháp Chánh có ba Văn phòng như sau:

I. Phòng Luận Án: Vả lại phận sự xử đoán người phạm luật của Đạo vốn do Hội Thánh CTĐ đảm nhận, nhưng trước khi xử đoán, hồ sơ phải gửi đến Pháp Chánh để Bộ này định phải giao nội vụ đến: hoặc Hội Công Đồng, hoặc Ban Kỷ Luật phân xử. Và sau khi phân xử rồi, Hội Công Đồng hay Ban Kỷ Luật cũng phải gửi hồ sơ đến Pháp Chánh xem lại coi có đúng theo tinh thần luật pháp chăng. Ấy là Pháp Chánh HTĐ giúp cho Hội Thánh CTĐ áp dụng Luật Pháp để giữ trật tự của Hội Thánh.

II. Phòng Kiểm soát công quả: Mỗi năm có một lần phong thưởng những vị dày công phụng sự chúng sanh mà chẳng vi phạm Pháp luật của Đạo và quốc pháp của Đời. Pháp Chánh HTĐ có phận sự kiểm soát hồ sơ công quả của Chức sắc, Chức việc hầu cho sự phong thưởng được công minh. (Đây là Phòng Minh Tra công nghiệp như đã nêu ở trên.)

Hai phận sự giúp cho CTĐ thưởng người có công và răn kẻ có tội đã kể ở trên, đại ý là khuyến khích người đạo đức mau thành công trên đường Đạo và cảnh tỉnh kẻ sai lầm sớm giác ngộ ăn năn.

III. Phòng Kiểm duyệt Kinh Luật: Ngoài PCT và TL, Hội Thánh cũng tùy trình độ tấn hóa của nhơn sanh mà ban hành những thể lệ bổ túc, hầu nâng đỡ tinh thần đạo đức của bần đạo. Dĩ nhiên, những thể lệ ấy tạm hữu dụng trong một thời hạn, rồi có ngày nó sẽ trở nên lỗi thời.

Pháp Chánh HTĐ có phận sự kiểm duyệt thể lệ ấy và đề nghị với Hội Thánh lập thể lệ khác thích ứng hơn.

Còn những kinh sách nào có tính cách tổn thương tinh thần đạo đức, Pháp Chánh HTĐ cũng được phép đề nghị hủy bỏ.

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy Pháp Chánh:

"Pháp luật vốn vô tự, đứng trong chánh giới chơn truyền, nó là Bác ái, Công bình. Thi hành luật pháp đại khái là làm cho cả chúng sanh biết tương thân tương ái trên đường sanh sống và tấn hóa. Vậy phận sự của Pháp Chánh HTĐ là gieo rắc sự

thương yêu trong toàn sanh chúng: không tư chẳng vị và giúp chúng sanh một cách cận kề, kẻ hung người bạo, kẻ tham người tà, rồi tìm phương nâng đỡ tinh thần họ trở về với chơn lý. Đó là áp dụng Luật Bác ái.

Còn như kẻ dữ nào còn muốn dờ lỏi tà mị, không thể sửa cải được, chừng ấy mới đem pháp luật thi hành một cách công minh, chẳng vì thương mà trọng, không vì ghét mà khinh, chẳng vì trung trực mà bình, không vì tà vạy mà bỏ. Như thế thì căn tội phước mới chói rạng. Ấy là phương bảo tồn trật tự trước Luật Công bình.

Vậy, thực hành cái thuyết Bác ái - Công bình là phận sự của Pháp Chánh HTĐ. Thành thử có khi dùng Đức để cảm hóa, có khi dùng Pháp luật để khuyên răn, cầu cho kẻ sai làm giác ngộ chơn lý.

Nhưng chúng ta cũng chẳng khá quên rằng, ngoài Pháp luật của Đạo, kẻ tu hành còn phải chịu dưới hệ thống thưởng phạt của Luật Nhơn Quả: Lành thì thăng, dữ thì đọa. Sự báo ứng chẳng hề sai chạy mảy may. Thiên võng khô khô sơ nhi bất lậu. Đó là một điều mà người hành đạo nên lưu tâm cho lắm." (*Hạnh Đường 1973*)

Quyền Tư Pháp của HTĐ giao Bộ Pháp Chánh, chia 2 phần:

1. Bộ Pháp Chánh Trung Ương.
2. Các Ty Pháp Chánh ở mỗi địa phương Châu Đạo.

Cách làm việc theo qui tắc Trung ương tập quyền, nghĩa là các Ty Pháp Chánh địa phương ở mỗi Châu Đạo giao cho một vị Luật Sư cầm quyền nắm giữ Luật pháp, trực tiếp các công văn, chịu mạng lệnh ngay nơi Bộ Pháp Chánh Trung Ương.

Tổ chức và Nội Luật của Bộ Pháp Chánh

Dưới đây là cách Tổ chức và Nội Luật của Bộ Pháp Chánh lập thành ngày 15-10-Đinh Hợi (dl 27-11-1947) [khi danh từ Tòa Đạo chưa đổi lại là Pháp Chánh] do vị Khai Pháp Chương quản Tòa Đạo HTĐ. (*Trích quyển Chánh Trị Đạo của Ngài Khai Pháp, trang 72*)

TÒA ĐẠO (tức là PHÁP CHÁNH)

Y theo Luật Hội Thánh ngày 16-Giêng-Mậu Dần (dl 12-2-1938)

Chiếu y PCT phân định đẳng cấp và quyền hành của Chức sắc HTĐ từ Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh tới Thập nhị Thời Quân;

Chiếu y Thánh giáo của Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ngày 16 tháng 2 năm Ất Hợi (20-3-1935) phân định đẳng cấp và quyền hành từ phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn trở xuống đến Luật Sự;

Chiếu y Đạo Luật Hội Thánh năm Mậu Dần (15-2-1938) về cơ quan Tòa Đạo, phân định hình phạt và án tiết cho những người phạm luật pháp của Đạo;

Nghĩ vì Tòa Đạo là một cơ quan để bảo thủ chơn truyền y theo khuôn viên Đạo pháp, không ai qua luật đạo mà HTĐ chẳng biết;

Lập Tòa Đạo để trị kẻ phạm, tức là dụng hình phạt phạm trần đặng giảm bớt hình phạt thiêng liêng. Vậy Tòa Đạo là một cơ quan trọng yếu nắm Cân Công bình, giữ gìn trật tự trong hàng đồng đạo;

Nghĩ vì hiện thời cần dẫn giải rõ thêm quyền hành và phận sự của Chức sắc Tòa Đạo tại Tòa Thánh và các địa phương, nên:

TỔ CHỨC và lập NỘI LUẬT TÒA ĐẠO như sau đây:

Chương thứ nhất

Điều thứ nhất: TÒA HÒA GIẢI

1. Tòa này lập có tính cách hòa giải đôi đàng, tiên cáo và bị cáo, cho thỏa thuận, đừng tranh tụng với nhau nữa, về những vụ lặt vặt ngoài pháp luật của Đạo, như các vụ phạm về tội nhẹ: Chửi bới, hành hung, đánh đập không có thương tích, hay có thương tích nhẹ. Tòa này được quyền ra lệnh điều tra, phân xử và kết án nhẹ, theo bản đính theo đây. Những vụ này

phạm về luật đời nên Tòa này chỉ có tánh cách hòa giải, còn quyền xử đoán quyết định thì thuộc về Tòa Đồi, nếu phạm đến an ninh trật tự công cộng.

2. Về những tội khác phạm pháp hay phạm luật của Đạo mà tội nhờn bị khép về Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông thì Tòa Hòa Giải này vô thẩm quyền.

Trong trường hợp này, nội vụ sau khi điều tra xong, phải đệ về Hội Thánh phân định.

Điều thứ nhì: PHIÊN NHÓM TÒA HÒA GIẢI

Trong phiên nhóm của Tòa Hòa Giải, có những nhờn viên sau đây:

- Chủ Tọa:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lãnh quyền Tòa Đạo tại Trấn Đạo.
- Nghị Án:** Hai Chức Sắc Cửu Trùng Đài trong hàng Lễ Sanh hay là Giáo Hữu nơi địa phận sở tại.
- Biện Hộ:** Một Chức Sắc hoặc Chức Việc đồng phẩm với tội nhờn.
- Chép Án:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lãnh quyền Tòa Đạo tại Châu Đạo hay là một Chức Việc có đủ tư cách.

Điều thứ ba:

Phiên nhóm xử tại Châu Đạo nào thì Chức sắc hay Chức việc nơi ấy đăng tuyển chọn 4 người làm nhờn viên dự xử.

Điều thứ tư: QUYỀN ĐIỀU TRA

Phận sự điều tra và lập hồ sơ những vụ tranh tụng thì về phần của những vị Chức sắc HTĐ thay mặt Tòa Đạo ở các Châu. Vị Chức sắc nào đã lãnh phần điều tra thì không được quyền ngồi xử.

Điều thứ năm: QUYỀN XỬ ĐOÁN

1. Tòa Hòa Giải được quyền xử đoán những vụ tranh tụng trong hàng Chức việc: Chánh, Phó Trị Sự, Thông Sự, cùng là tín đồ trong địa phận của Tòa Đạo mỗi Trấn Đạo.

2. Tòa này cũng có quyền phân xử những vụ xảy ra giữa Đạo hữu bên CQPT từ bậc Hành Thiện trở xuống.

Thẳng như có những vụ tranh tụng giữa tín đồ hay là Chức việc với Chức sắc Thiên phong từ Lễ Sanh hay Giáo Thiện sắp lên, thì vị Chức sắc HTĐ lãnh quyền Tòa Đạo nơi Trấn Đạo phải tức cấp cho điều tra nội vụ rồi lập phúc trình đệ cả hồ sơ về Văn phòng Tòa Đạo HTĐ Tòa Thánh cho vị Chưởng quản Tòa Đạo xem xét.

3. Vị Chưởng quản Tòa Đạo HTĐ sẽ liệu định, hoặc giả đưa ra Hội Công Đồng, hoặc đệ ra Tòa HTĐ Sơ thẩm hay Thượng thẩm, hay là Tòa Tam Giáo CTĐ tùy theo mỗi vụ.

Điều thứ sáu: ÁN TIẾT CỦA TÒA HÒA GIẢI

Những án tiết của phiên Tòa Hòa Giải (Điều thứ 1, 2 và 3) sau khi Tòa đã tuyên án rồi, mà phạm nhơn nghĩ mình bị phạt oan ức thì được phép ký tên nơi Phòng Chép án tại Châu Đạo đăng cầu nài đệ nội vụ lên Tòa HTĐ Tòa Thánh trong hạn lệ là mười lăm ngày kể từ ngày tiếp án. Trong thời gian kêu nài (tục gọi là chống án) thì Tòa Hòa Giải không quyền thi hành án tiết đó.

Điều thứ bảy:

A. THỂ LỆ RIÊNG

Chức sắc HTĐ lãnh phận sự Tòa Đạo tại Trấn Đạo hay tại Châu Đạo vừa thi hành lệnh Minh Tra do Hội Thánh truyền dạy, vừa được phép thu nhận đơn trạng các nơi gửi đến và điều tra liền, rồi sẽ phúc sự sau. Chừng nào có lệnh trên phán đoán sẽ nhóm phiên Tòa xử. Trong buổi hành sự, Chức sắc trên đây được phép chăm nom trong địa phận đạo của mình, những hành vi của những Chức sắc Hành Chánh và PT sở tại. Nếu gặp điều gì sai luật hay bất hợp pháp theo thời cuộc thì được phép đệ tờ về Hội Thánh định liệu.

B. BẢNG ÁN TIẾT

1. Mắng nhiếc, chửi bới, phạm thượng: Phải xin lỗi trước mặt Tòa và công chúng.
2. Hành hung, hăm dọa: Quì hương từ 1 đến 3 nhang.

3. Đánh đập không có thương tích: Quì hương từ 3 đến 5 nhang.
4. Đánh đập có thương tích nhẹ: Chịu sở tổn thuốc men và quì hương từ 5 đến 7 nhang.
5. Đánh đập có thương tích nhẹ và hư hao đồ đạc: Chịu tiền thuốc men, bồi thường đồ đạc và quì hương từ 7 nhang đến 10 nhang.
6. Tái phạm: Bội nhĩ.

Chương thứ nhì

Điều thứ tám: TÒA TAM GIÁO HTĐ

Trong phiên nhóm Tòa Tam Giáo HTĐ tại Tòa Thánh có những vị kể dưới đây:

- Chủ Tòa:** Đức HỘ PHÁP, hay một vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài thay mặt, chọn trong hàng THẬP NHỊ THỜI QUÂN của Chi PHÁP.
- Nghị Án:** Hai vị Chức Sắc Cửu Trùng Đài từ bậc Giáo Sư hay là Phối Sư.
- Buộc Tội:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài trong hàng Thời Quân Chi THẾ.
- Biện Hộ:** Một Chức Sắc Cửu Trùng Đài đồng phẩm với bị cáo nhân, và do bị cáo nhân lựa chọn.
- Cải Trạng:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài trong hàng Thời Quân Chi ĐẠO.
- Chép Án:** Một Chức Sắc tiểu cấp Hiệp Thiên Đài.

Điều thứ chín: QUYỀN XỬ ĐOÁN

Tòa Tam Giáo HTĐ phải nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh để xét đoán, phân xử những đơn kêu nài của phạm nhân còn uất ức, không vừa lòng án tiết của Tòa Tam Giáo CTĐ.

Điều thứ mười: PHÂN ĐỊNH QUYỀN XỬ ĐOÁN CỦA TÒA TAM GIÁO HTĐ

Phiên Tòa Tam Giáo HTĐ cũng có phân định quyền xử đoán những vụ xảy ra:

1. Giữa Chức sắc và Chức việc với tín đồ.
2. Giữa Chức sắc với Chức sắc các cơ quan của Đạo.
3. Giữa Chức sắc CTĐ hay Chức sắc PT với Chức sắc HTĐ.
4. Giữa nhơn viên cao cấp của các Bộ ngoại Chánh Trị Đạo.

Điều thứ mười một: DANH SÁCH CÁC NHÂN VIÊN DỰ XỬ CỦA TÒA HTĐ.

Những danh sách của các nhân viên ngồi xử phiên Tòa HTĐ thì phải có Sắc huấn của Đức Hộ Pháp, đề cử do vị Chưởng quản Tòa Đạo HTĐ tại Tòa Thánh chuyển đệ xin phê.

Điều thứ mười hai: ÁN TIẾT CỦA TÒA HTĐ

Những án tiết của phiên Tòa HTĐ (điều thứ 8, 9, 10) sau khi đã tuyên án rồi thì bị cáo nhơn không còn kêu nài nữa.

Điều thứ mười ba: QUYỀN PHÁ ÁN VÀ QUYỀN ÂN XÁ

Quyền phá án thì phần Tòa Tam Giáo thiêng liêng và quyền của Đức Chí Tôn (BQĐ) nhứt định, ấy là về phần của cơ Thiên trị.

Quyền ân xá là quyền của Đức Hộ Pháp về hình luật hữu vi mà buộc Người phải dâng sớ vào Tòa Đạo BQĐ cầu xin tha thứ về hình luật Thiên điều.

Cách tổ chức của quyền Tư Pháp của Đạo hay là Pháp Chánh rất nên đơn sơ giản dị, chỉ có các Tòa Hòa Giải ở địa phương và một Tòa Tam Giáo HTĐ .

Ngoài ra, mỗi cơ quan Chánh Trị Đạo có kỷ luật riêng, vi nào phạm kỷ luật ấy thì giao cho cơ quan mà họ thuộc thẩm quyền xử trị họ. Ta có thể tạm gọi đó là quyền Tư Pháp Hành Chánh. Quyền này gồm có Hội Công Đồng cho tới Tòa Tam Giáo CTĐ làm cơ quan đặng xử đoán những vụ tranh tụng quyền hành giữa Đạo hữu với Đạo hữu, Đạo hữu với Chức việc, Chức sắc hay là Chức sắc với Chức sắc.

HÌNH ÁN của PHÁP CHÁNH HTĐ

LUẬT: Những vị nào phạm Luật Pháp thì chiếu theo Thập hình của Đức Lý Giáo Tông mà định tội.

Kẻ phạm phải chịu dưới hai quyền lực:

- **Luật:** là Tân Luật, Bát Đạo Nghị Định và luật lệ Hội Thánh.
- **Pháp:** là Pháp Chánh Truyền và Thánh giáo của Đức Chí Tôn.

QUYỀN GIÁM SÁT và QUYỀN BÃI MIỄN của PHÁP CHÁNH

Chiếu theo Đạo luật năm Mậu Dần (1938) thì Pháp Chánh là cơ quan bảo thủ chơn truyền y theo khuôn viên Đạo pháp, bảo đảm sanh chúng, gìn cân công lý cho toàn cả chúng sanh được sống một cách thung dung thơ thới dưới mặt luật công bình của Đạo.

Pháp Chánh bình vực những người bị uất ức, trừng phạt những người phạm luật pháp, gìn giữ quyền hành phân minh, đẳng cấp trật tự cho nền Chánh Trị Đạo.

Ngoài phận sự bảo vệ luật pháp như Chức sắc HTĐ hay rõ hơn chư vị cầm quyền Pháp Chánh còn có phận sự chăm nom cả hành vi của toàn thể Đạo trong phạm vi hành sự của mình, thị chứng các cuộc nhóm họp của cơ quan hành chánh và Phước Thiện.

Quyền này giống như quyền giám sát trong Ngũ quyền Hiến Pháp của Tôn Dật Tiên nước Tàu.

Về Chánh Trị Đồi, trong chánh thể dân chủ, Nghị hội dân chúng có quyền bãi miễn các viên chức của chánh phủ nếu họ không vừa lòng hành vi của các vị này.

Trong Chánh Trị Đạo thường thấy quyền bãi miễn này thuộc Bộ Pháp Chánh, tức là thuộc cơ quan của quyền Tư Pháp, chiếu theo Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông.

Trong các trường hợp điều tra, khi một vị Chức sắc phạm tội, Bộ Pháp Chánh có quyền tạm bãi miễn, tức là tạm thu quyền và chức của vị ấy, để đưa bị cáo nhân ra Tòa Pháp Chánh điều tra hay thẩm phán, sau khi ấy, nếu trắng án vô tội

sẽ được phục quyền chức như cũ. (*Trích quyển Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa*)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

PT: Phước Thiện.

BQĐ: Bát Quái Đài.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Bộ từ khí

部瓷器

A: Register of the porcelains.

P: Le registre des objets en porcelaine.

Bộ là sổ sách. **Từ:** Đồ gốm, đồ sứ. **Khí:** Đồ dùng.

Bộ từ khí là cuốn sổ ghi chép các thứ đồ gốm, đồ sứ và các đồ dùng khác trong Thánh Thất như: Chén, đĩa, bàn, ghế,...

Mỗi Thánh Thất hay Điện Thờ phải lập Bộ từ khí để ghi tài sản của Đạo, kiểm tra thường xuyên, không cho thất thoát.

ĐLMD: Mỗi Thánh Thất phải lập một cuốn *Bộ từ khí* biên các vật dụng của Đạo.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

BÔN

Bôn xu

奔趨

A: To run in pursuit of.

P: Se hâter vers.

Bôn: Chạy vội. **Xu:** Theo về, hướng về.

Bôn xu là chạy theo một cách vội vàng, có ý cầu cạnh để kiếm lợi riêng.

TĐ ĐPHP: Con người trên mặt thế đều *bôn xu* theo quyền lợi, chẳng kể gì nhưn nghĩa đạo đức.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

BỒN (BẢN)

BỒN (BẢN)

BỒN: 本 Có nhiều nghĩa tùy trường hợp:

1. **Bồn** là của mình, của tôn giáo mình, của địa phương mình.
Td: Bồn đạo, Bồn quốc.
2. **Bồn** là cái gốc, cội rễ.
Td: Bồn lai diện mục, Bồn nguyên.

Bồn đạo

本道

A: The adepts in a parish.

P: Les adeptes dans une paroisse.

Bồn là của mình, của tôn giáo mình, của địa phương mình.

Đạo: Người theo đạo, tín đồ.

Bồn đạo là các tín đồ của tôn giáo mình trong một địa phương.

TL: *Bồn đạo* trong Họ phải tuân mạng lệnh của Chức sắc làm đầu trong Họ.

TL: Tân Luật.

Bồn hội

本會

A: The partners of a pagoda.

P: Les sociétaires d'une pagode.

Bồn là của mình, của tôn giáo mình, của địa phương mình.

Hội: Một cái Hội gồm nhiều người. Ở đây là Hội Quản trị và Tế tự trong một ngôi chùa Phật.

Bồn hội là những người trong Hội Quản trị và Tế tự của ngôi chùa trong địa phương của mình.

TNHT: *Bồn hội* nghe: Giữa chùa, gần hai tran thờ Quan Âm Bồ Tát và Quan Thánh Đế Quân, phải lập một điện để Thánh Tượng Ta ở giữa. Bên mặt Ta để tượng Quan Âm, bên trái thì tượng Quan Đế, còn chư Tiên, chư Thánh, chư Phật để hàng dưới. Xưng hiệu chùa là Ngọc Hoàng Tự.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bồn lai diện mục

本來面目

Bồn lai diện mục là thành ngữ đặc biệt của Phật giáo Thiền tông Trung hoa, do Lục Tổ Huệ Năng nói ra trong bài pháp đầu tiên của Ngài.

Nghĩa đen: *Bồn lai diện mục là mặt mày có từ vô thủy đến nay, là khuôn mặt muôn đời của mình.*

"Theo Pháp Bảo Đàn Kinh, Huệ Năng sau khi thọ truyền Y Bát làm Lục Tổ, Ngài vâng lệnh Ngũ Tổ đi về phương Nam ẩn mình một thời gian để khỏi bị hại. Đại Sư Thần Tú biết được liền cho môn nhân đuổi theo. Đi được hai ngày thì có một môn nhân là Huệ Minh đuổi theo kịp Lục Tổ. Lục Tổ bèn ném Pháp Y lên tảng đá, nói: Cái áo này của chư Tổ truyền lại làm tín vật, há dùng sức mà tranh được sao? Nói rồi thì ẩn mình vào bụi rậm. Huệ Minh chạy đến chộp Pháp Y nhưng dờ lên không nhúc nhích, như gắn chặt vào đá, thất kinh nói:

- Hành giả! Hành giả! Tôi vì pháp mà đến đây chớ không phải vì áo đâu.

Lục Tổ bước ra ngồi xếp bằng trên tảng đá, Huệ Minh làm lễ nói: - Mong ơn hành giả nói pháp cho tôi nghe.

- Ông vì pháp mà đến đây thì khá dứt hết trần duyên, chớ sanh niệm tưởng, tôi sẽ nói Phật pháp cho ông nghe.

Lẳng lẳng một hồi lâu, Lục Tổ nói:

- Chẳng nghĩ việc lành, không nghĩ điều dữ, chính trong thời gian đó, Thượng Tọa Huệ Minh hãy đưa cho tôi xem cái **bổn lai diện mục** của ông trước khi cha mẹ chưa sanh ra ông. (Bất tư thiện, bất tư ác, chánh đương hưng ma thời hoàn ngã Minh Thượng Tọa phụ mẫu vị sanh thời diện mục lai.)

Thoạt nghe, Thượng Tọa Huệ Minh bỗng sáng tỏ ngay cái pháp (Chơn lý) căn bản mà bấy lâu nay tìm kiếm khắp bên ngoài. Cái hiểu của ông bây giờ là cái hiểu của người uống nước nóng lạnh tự biết.

Thượng Tọa Huệ Minh cảm động quá đến nỗi trào nước mắt, chấp tay làm lễ Lục Tổ, nói: - Ngoài lời mật ý mật như trên, còn có ý mật nào khác nữa không?

- Điều tôi nói với ông tức chẳng phải mật. Nếu ông tự soi trở lại (hồi quang phản chiếu) sẽ thấy cái mật là ở nơi ông."

Lục Tổ Huệ Năng đã nói một câu bất hủ: "**Thấy cái bổn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra.**" Đó là một thông điệp mới được công bố lần đầu tiên để khai diễn ra dòng sử Thiền vô tận. Lục Tổ Huệ Năng đã mở ra một chơn Trời mới cho Thiền cổ truyền của Ấn Độ.

"Phép biến hóa từ đầu suốt cuối,
Khai Huyền Quan tánh muội đắc thông.
Toàn tri hiển hiện chốn không,
Huyền Quan khai xuất nhãn thông côn đoài.
Đoạt thấu chỗ bổn lai diện mục,
Luyện cho thành cửu khúc minh châu.
Tha tâm thông mới nhiệm mầu,
Lấy kim đơn tại sông mầu vào lò."

(ĐTCG)

GIẢI NGHĨA: Bổn lai diện mục.

Bổn: Gốc, ý nói lúc đầu. **Lai:** Tới, ý nói lúc sau này.

Bổn lai là xưa nay, từ lúc đầu đến nay.

Diện: Cái mặt. **Mục:** Con mắt. Diện mục là mặt mày.

Bổn lai diện mục là mặt mày xưa nay, tức là cái mặt có từ vô thủy đến nay, là khuôn mặt muôn đời của mình.

Chúng ta có một bộ mặt thật muôn đời không đổi từ xưa đến nay mà chúng ta lại bỏ quên nó, lại bám víu vào cái thể xác tạm bợ trong kỳ hạn 100 năm này mà cho là thật của mình.

Bộ mặt thật của mình xưa nay chưa từng bị sanh diệt, một thực thể không do duyên hợp thì làm gì bị đổi thay hay tan hợp theo thời gian? Nó vẫn hằng có, thường còn, mà vì vô minh nên không nhận ra được nó. Khi nhận biết được nó thì gọi là giác ngộ.

Khi không nghĩ thiện, khi không nghĩ ác, để tâm tĩnh táo, vắng lặng, trong sạch, thì cái bộ mặt xưa nay của mình sẽ xuất hiện. Cái bản lai diện mục ấy chính là cái Bản lai diệu giác Chơn tâm (nói tắt là Chơn tâm). Cái Chơn tâm này vốn hư không nên vô cùng linh hoạt, tịch diệt mà rất huyền diệu, châu lưu biến hóa khắp cả pháp giới.

Cái thể của nó bất sanh bất diệt, trải qua vô lượng kiếp mà không hư hoại, nên cũng gọi là Kim cang.

Theo Giáo lý của Đạo Cao Đài, cái bản lai diện mục ấy là cái Chơn ngã, Chơn tâm, Chơn linh, hay thường gọi là Linh hồn của mỗi người. Nó là điểm Linh Quang chiếu ra từ khối Đại Linh quang (Thái Cực), nên gọi nó là Tiểu Linh quang, hay Tiểu Thượng Đế, có đầy đủ các đặc tính màu nhiệm của Đại Linh Quang, của Thượng Đế.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Bổn nguyên

本原

A: The origin.

P: L'origine.

Bổn là cái gốc, cội rễ. **Nguyên:** Gốc.

Bổn nguyên là cái gốc, cái căn cội của sự việc.

TNHT: Con hiểu *bổn nguyên* Bảo Sanh là bổn nguyên Thánh chất của Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bổn quốc

本國

A: Our country.

P: Notre pays.

Bổn là của mình, của tôn giáo mình, của địa phương mình.

Quốc: Nước.

Bổn quốc là nước mình.

Người Việt Nam chúng ta khi nói với nhau thì gọi người Tàu là Đường nhơn, và gọi người Việt Nam là người bổn quốc.

BÔNG

Bồng Dinh - Bồng Đảo - Bồng Lai

蓬瀛 - 蓬島 - 蓬萊

A: The fairy land.

P: Le séjour des immortels.

Ba từ ngữ: Bồng Dinh, Bồng đảo, Bồng Lai, đều đồng nghĩa, chỉ cảnh Tiên, cõi Tiên, cõi TLHS.

Theo truyền thuyết, trên biển Bột Hải có ba hòn đảo:

- Đảo Bồng Lai, gọi tắt là Bồng đảo.
- Đảo Dinh Châu hay Doanh Châu, tức là Dinh đảo.
- Đảo Phương Trượng tức là Phương đảo.

Ba hòn đảo này có hình giống như cái bầu, nên người ta còn gọi ba hòn đảo này là: Bồng hồ, Dinh hồ và Phương hồ. (Hồ là cái bầu). Chung quanh 3 hòn đảo là cái biển mà nước biển rất nhẹ, đỡ không nổi một hột cải, nên gọi là Nhược thủy (Nước nhược). Trên đảo Bồng Lai có núi Bồng Lai hay Bồng Sơn, non Bồng, có 8 động đá rất đẹp, là nơi ở của Bát Tiên.

Tóm lại, các từ ngữ: Bồng Dinh, Bồng đảo, Bồng Lai, Bồng sơn, Phương đảo, non Bồng nước nhược,... đều chỉ cõi Tiên, tức là cảnh đẹp đẽ, vui sướng, hạnh phúc, là cõi TLHS.

TNHT: Lôi Âm tự toại, *Bồng Dinh* hưởng nhân.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BỜ

BỜ

BỜ: Dãy đất dọc theo sông hay biển.

Td: Bờ dương, Bờ giác.

Bờ dương

A: The shore of poplars.

P: Le rivage des peupliers.

Bờ: Dãy đất dọc theo sông hay biển. **Dương:** Cây dương.

Đạo Đức Kinh có câu: *Dương vô trần nhiễm, Đạo giả như dương*. Nghĩa là: Cây dương không nhiễm bụi trần, Đạo như cây dương. Do đó, cây dương là để chỉ đạo đức.

Bờ dương là cái bờ có trồng cây dương, ý nói bờ đạo đức, tức là bờ giác ngộ, bờ của những người giác ngộ.

KĐ3C: Bờ dương bóng phụng đưa mình nâng thân.

TNHT: Nắm đuôi phước phụng đến *dương bờ*.

Do câu: Phụng hàm đơn chiếu đề dương bạn. Nghĩa là: Con chim phụng ngậm sắc lệnh của vua tiến lên bờ dương. Ý nói: Đi theo con chim phụng dẫn đường thì sẽ đến bờ giác ngộ.

(Đơn chiếu là chiếu chỉ của vua, dương bạn là bờ dương).

KĐ3C: Kinh Độ Tam cửu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bờ giác

A: The shore of understanding.

P: Le rivage de l'entendement.

Bờ: Dãy đất dọc theo sông hay biển. **Giác:** Giác ngộ.

Bờ giác, chữ Hán là Giác ngạn, là nơi đi vào cõi của những người giác ngộ, tức là cõi của người đắc đạo, cõi TLHS.

Chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ (khổ hải). Bên này biển khổ là Bến mê (Mê tân), bên kia biển khổ là Bờ giác (Giác ngạn, cũng gọi là Bờ ngạn)

TNHT: *Bờ giác* nương theo nguyệt rọi lâu.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

BỘN

Bợn sầu

A: The dirt of sadness.

P: La souillure de tristesse.

Bợn: Chất dơ bẩn bám vào. **Sầu:** Buồn rầu, phiền não.

Bợn sầu là sự buồn rầu như là chất dơ bám vào tâm hồn, làm cho tâm hồn nặng nề ô trược.

TNHT: Hứng giọt từ bi rửa bợn sầu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BÚT

BÚT

BÚT: 筆 Cây viết để viết ra chữ.

Td: Bút cơ, Bút hoa, Bút thần.

Bút cơ

筆機

A: Spiritual seance.

P: Séance spirituelle.

Bút: Cây viết để viết ra chữ. **Cơ:** Dụng cụ để thỉnh Tiên.

Bút cơ là nói về việc cầu cơ và chấp bút.

Cầu cơ là cầu xin một Đấng thiêng liêng giáng điển vào cơ để cơ viết ra chữ tạo thành một bài văn dạy đạo.

Chấp bút là cầu xin một Đấng thiêng liêng giáng điển vào cánh tay đang cầm cây bút chì để viết ra chữ. (*Xem chi tiết nơi chữ: Cơ bút, văn C*).

TNHT: Các con đừng tưởng việc *bút cơ* là việc tầm thường.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bút hoa

筆華

A: Flowering pencil.

P: Le pinceau fleuri.

Bút: Cây viết để viết ra chữ. **Hoa:** Bông, trở bông.

Bút hoa là cây bút nở hoa, ý nói cây bút viết ra được lời thơ hay lời văn đẹp như hoa.

Nhà thơ Lý Bạch đời Đường, nằm chiêm bao thấy cán bút của mình trở hoa rất đẹp. Kể từ đó, văn thơ của họ Lý mỗi ngày một thêm xuất sắc, tiếng tăm lừng lẫy. Do đó, bút hoa là chỉ cây bút của nhà văn hay nhà thơ nổi tiếng.

NTTP: Tả nổi thảm thêm đau mấy đoạ,
Mượn *bút hoa* đắp cặn thành sầu.

NTTP: Nữ Trung Tùng Phận.

Bút thần

筆神

A: Miraculous pencil.

P: Le pinceau miraculeux.

Bút: Cây viết để viết ra chữ. **Thần:** Thiêng liêng huyền diệu.

Bút thân là cây bút huyền diệu, chỉ cây bút được các Đấng thiêng liêng sử dụng để viết ra Thánh ngôn dạy đạo đức cho nhơn sanh.

TNHT: Trừ diệt tà gian múa *bút thân*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BƯỜNG

BƯỜNG

Bường: Bường là do chữ BÌNH nói trại ra để bắt vần trong thơ.

Bường là bằng, là bình an, yên ổn thoải mái.

TNHT: Một kiếp muối dưa muôn kiếp hưởng,
Đôi năm một nhọc vạn năm *bường*.

BDT: Khai minh Đại Đạo hộ thanh *bường*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

BDT: Bài Dâng Trà.

BỬU (BẢO)

BỬU

BỬU: 寶 Còn đọc là Bảo: Quý báu, quý giá, tỏ ý kính trọng.

Td: Bửu điện, Bửu tòa.

Bửu điện

寶殿

A: Principal palace.

P: Le palais principal.

Bửu: Còn đọc là Bảo: Quý báu, quý giá, tỏ ý kính trọng.

Điện: Tòa nhà dùng làm nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Bửu điện là tòa nhà chánh dùng làm nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng. (Nói chữ Bửu để tỏ ý kính trọng.)

Trong Tòa Thánh, Bửu điện là BQĐ. Những buổi cầu cơ chánh thức, Hội Thánh lập đàn cơ tại Cung Đạo trước BQĐ.

TNHT: Trước khi thủ cơ hay chấp bút thì phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng tắm gội cho tinh khiết, rồi mới đăng đến trước *bửu điện* mà hành sự. Chớ nên thiếu sót mà thất lễ.

BQĐ: Bát Quái Đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bửu pháp

寶法

Bửu: Còn đọc là Bảo: Quý báu, quý giá, tỏ ý kính trọng.

Pháp: Có rất nhiều nghĩa, nhưng ở đây ta lấy hai nghĩa:

- Pháp là phép bí tích (bí pháp chơn truyền).
- Pháp là phương pháp luyện đạo.

1. Bửu pháp là các Phép bí tích quý báu và huyền diệu:

TNHT: "Lịch!.... Muốn trọn hai chữ Phổ Độ phải làm thế nào? Thầy hỏi? Phải bày *bửu pháp* chớ không đăng giấu nữa. Con phải luyện lại cho thành, nội trong tháng 5 này theo Trung đi truyền đạo." (Lịch: **Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt**; Trung: **Đầu Sư Thượng Trung Nhựt**)

2. Bửu pháp là Bí pháp luyện đạo quý báu:

TNHT: "Hữu Ngã đồ Thái Đầu Sư tại thử, nhĩ vô thức luyện đạo, Ngã phái Ngọc Đầu Sư chỉ giáo, thọ *bửu pháp*." (Ta: **Tiếng tự xưng của Đức Chí Tôn. Thái Đầu Sư: Thái Minh Tinh; Ngọc Đầu Sư: Ngọc Lịch Nguyệt**).

Trong Tân Luật, Chương II, Điều thứ 13: "Trong hàng Hạ thừa, ai giữ trai kỳ 10 ngày sắp lên được thọ truyền *bửu pháp*, vào Tịnh Thất có người chỉ luyện đạo."

Bửu pháp ở đây là Bí pháp luyện đạo, vì phải giữ bí mật, nên chỉ truyền cho những đệ tử có đạo hạnh cao, khẩu thọ tâm truyền, chớ không truyền bằng sách vở, và việc luyện đạo chỉ được thực hành trong Tịnh Thất, có Tịnh chủ trông nom và theo dõi chặt chẽ việc luyện đạo của đệ tử .

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bửu tháp

寶塔

A: Precious tower.

P: La tour précieuse.

Bửu: Còn đọc là Bảo: Quý báu, quý giá, tỏ ý kính trọng.

Tháp: Cái tháp cao có nhiều tầng.

Bửu tháp là cái tháp quý, cao nhiều tầng, dùng làm nơi đặt thi hài của Chức sắc cao cấp từ phẩm Đầu Sư hay tương đương đổ lên.

Thi hài của các Chức sắc này được liệm vào một cái áo quan hình bát giác có làm tòa sen bên dưới, gọi là liên đài. Liên đài được đặt trên lưng một con Long Mã gọi là liên đài kỵ Long Mã, đưa đến nhập vào bửu tháp.

Ngay phía sau Tòa Thánh là Bửu tháp của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

Bên phía Đông Lang có 3 bửu tháp của 3 vị Đầu Sư Nam phái. Bên phía Tây Lang là bửu tháp của Nữ Đầu Sư.

Phía trước Tòa Thánh, gần cửa Chánh môn, có ba Bửu tháp nằm hàng ngang, đó là Bửu tháp của Đức Hộ Pháp, của Đức Thượng Phẩm và của Đức Thượng Sanh.

12 Bửu tháp của Thập nhị Thời Quân thì được xây dựng ở phần đất 6 mẫu tại Ngã tư Ao Hồ.

Bửu tòa

寶座

A: The precious throne of lotus.

P: Le trône précieux de lotus.

Bửu: Còn đọc là Bảo: Quý báu, quý giá, tỏ ý kính trọng.
Tòa: Chỗ ngồi, cái ngai.

Bửu tòa là cái ngai quý báu dành làm nơi ngự của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Đó là cái ngai quý báu nhứt, rực rỡ nhứt nơi Bạch Ngọc Kinh, và nơi Linh Tiêu Điện, mà ngày nay gọi là CAO ĐÀI.

TNHT: *Bửu tòa* thơ thới trở thêm hoa,
 Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Bửu tương

寶漿

A: The precious tea.

P: Le thé précieux.

Bửu: Còn đọc là Bảo: Quý báu, quý giá, tỏ ý kính trọng.
Tương: Chất nước dùng để uống. Chất nước đó có thể là Trà hay Rượu. Quỳnh tương là rượu rót vào một cái chung bằng ngọc quỳnh.

Bửu tương là nước trà quý, thơm ngon đặc biệt.

Gọi là Bửu tương vì khi cúng dâng nước trà này lên Đức Chí Tôn thì chung trà ấy tượng trưng một bửu trong Tam bửu (Tinh, Khí, Thần) của con người. Trà tượng trưng Thần, tức là tượng trưng linh hồn.

BDT: Kính lễ thành tâm hiến *bửu tương*.

BDT: Bài Dâng Trà.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn C

CÁC

- Các
- Các Đàng
- Các đẳng chơn hồn
- Các lân
- Các phục kỳ phục
- Các tận sở năng
- Các tư kỳ phận
- Các tư kỳ sự

CÁCH

- Cách vật trí tri

CAI

- Cai
- Cai quản
- Cai trị

CẢI

- Cải
- Cải ác
- Cải dẫn
- Cải hạnh
- Cải quá
- Cải tà qui chánh
- Cải táng
- Cải Trạng

CÃI

- Cãi lịnh
- Cãi luật

CAM

- Cam lồ (Cam lộ)

CÁM

- Cám cảnh

CẢM

- Cảm
- Cảm hóa
- Cảm quang
- Cảm ứng

CAN

- Can qua

CÀN

- Càn
- Càn Khôn - Quả Càn khôn
- Càn khôn dĩ tận thức
- Càn khôn thế giới
- Càn khôn vũ trụ
- Càn kiện cao minh
- Càn ngưng - Khôn ngưng
- Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt

CANG (CƯƠNG)

- Cang cường (Cương cường)
- Cang thường (Cương thường)

CANH

- Canh cải

CẢNH

- Cảnh
- Cảnh duyên
- Cảnh thẳng
- Cảnh thần
- Cảnh tịnh
- Cảnh trí
- Cảnh tục
- Cảnh ủ bông tàn

CAO

- Cao
- Cao Đài
- Cao Đài Đại Đạo
- Cao Đạo hữu
- Cao đê
- Cao đồ
- Cao đường vạn phúc
- Cao hoang
- Cao lương mỹ vị
- Cao minh
- Cao ngạo
- Cao ngự
- Cao sắc
- Cao thẳng
- Cao thâm
- Cao thượng

CÁO

- Cáo
- Cáo luật
- Cáo phó
- Cáo Tiên bối
- Cáo trạng
- Cáo Từ Tổ

CÁT

- Cát (Xem: Kiết)

CĂN

- Căn
- Căn bệnh
- Căn duyên
- Căn nghiệp
- Căn quả
- Căn sinh
- Căn-ta-ca (Kantaka)

CẦM

- Cầm đường tiếng hạc

CẨM

- Cẩm
- Cẩm đơn
- Cẩm nang Hành Chánh Đạo
- Cẩm tú

CÂN

- Cân đai
- Cân thần

CẢN

- Cản
- Cản cáo
- Cản chí
- Cản ngôn cản hạnh
- Cản sơ thượng tấu
- Cản tắc vô ưu
- Cản từ

CẬN

- Cận
- Cận lợi
- Cận đăng tác minh, cận mặc giả hắc

CẤP

- Cấp cấp như luật lệnh
- Cấp tế

CÂU

- Câu Chú của Thầy

CẦU

- Cầu
- Cầu bệnh
- Cầu cơ - Đàn cơ
- Cầu danh
- Cầu đảo
- Cầu Đạo - Sớ Cầu Đạo
- Cầu hòn
- Cầu ngọc
- Cầu nguyện
- Cầu phá luật lệ
- Cầu phong - Cầu thẳng
- Cầu rỗi
- Cầu siêu
- Cầu siêu hội

CO

- Co duỗi

CÔI

- Côi
- Côi âm - Côi dương
- Côi Âm quang (Xem chữ Âm quang, văn Â)
- Côi đọa - Côi thẳng
- Côi Hư linh
- Côi Nam
- Côi Thiêng liêng Hằng sống
- Côi thọ
- Côi trần - Côi tục - Côi thể - Côi tạm

CÔ

- Cô
- Cô hồn - Ngạ quỷ
- Cô hạch xuất quần
- Cô loan độc phượng
- Cô Nhi viện
- Cô nhi quả phụ - Cô quả
- Cô phân

CỐ

- Cố chấp kỷ kiến
- Cố đất cầm vườn
- Cố hữu

CỔ

- Cổ
- Cổ kim hy hữu
- Cổ lai hy
- Cổ lễ
- Cổ luật
- Cổ mang hành hình
- Cổ nhạc
- Cổ pháp
- Cổ Phật
- Cổ quái
- Cổ trệt

CỘ

- Cộ bông - Cộ đèn

CỘI

- Cội
- Cội ái - Nguồn nhân
- Cội bá - Cội tùng
- Cội nhánh

CÔN

- Côn lân

CÔNG

- Công
- Công bình
- Công cán
- Công chánh
- Công chúng
- Công cô
- Công cử
- Công đồng
- Công đức
- Công hầu vương bá
- Công khanh
- Công kích
- Công linh
- Công nghệ
- Công nghiệp
- Công phu - Công quả - Công trình
- Công tham Thái cực
- Công toại thân thoái
- Công truyền - Tâm truyền
- Công viên quả mẫn

CỔNG

- Cổng cao ngã mạn

CỘNG

- Cộng
- Cộng đồng quyền lợi
- Cộng hòa

CƠ

- Cơ
- Cơ bút
- Cơ cần chi tai
- Cơ chuyển thế
- Cơ Đạo
- Cơ Đồi
- Cơ hàn
- Cơ khảo thí
- Cơ nghiệp
- Cơ quan Phát thanh Phổ thông Giáo lý Đại Đạo (Xem chữ Phát thanh, vần P)
- Cơ quan Phổ Tế (Xem chữ Phổ Tế, vần P)
- Cơ quan Phước Thiện (Xem: Phước Thiện, vần P)
- Cơ tạo

CỜ

- Cờ Đạo (Xem chữ Đạo kỳ, vần Đ)
- Cờ tang (Xem chữ Phướn Tử Tôn, vần P)

CỠI

- Cỡi hạc thừa long

CÙ

- Cù lao

CỬA

- Cửa
- Cửa thập phương
- Cửa vô vi

CÚC

- Cúc cung bái
- Cúc xử sương tan

CUNG

- Cung
- Cung âm
- Cung Đạo
- Cung đầu
- Cung hiến Tiên hoa
- Cung loan
- Cung ngọc
- Cung phân số văn
- Cung phụng
- Cung thành thứ tự Chức sắc nhập đàn
- Cung thiềm

CƯ

- Cư bất cầu an, thực bất cầu bảo
- Cư tang

CỬA

- Cửa
- Cửa không
- Cửa Phạm
- Cửa quyền
- Cửa thiền

CỤC

- Cục
- Cục Đông
- Cục Lạc Niết bàn - Cục Lạc Thế giới - Cục Lạc quốc
- Cục Lạc Thái Bình

CƯƠNG

- Cương tỏa

CƯỜNG

- Cường
- Cường khai
- Cường ngành

CƯỜNG

- Cường bức

CƯỢNG

- Cượng
- Cượng cầu
- Cượng lý

CƯU

- Cửu
- Cửu cửu
- Cửu hờn
- Cửu tâm

CỨU

- Cứu
- Cứu cánh
- Cứu chuộc
- Cứu độ
- Cứu hộ
- Cứu rồi
- Cứu tế
- Cứu thế
- Cứu ương
- Cứu vãn

CỬU

- Cửu
- Cửu cửu: Chung cửu
- Cửu Hoàng Tỷ Tổ
- Cửu hạn
- Cửu huyền - Cửu tộc
- Cửu Huyền Thất Tổ
- Cửu nguyên

- Cửu nhị ức nguyên nhân
- Cửu Nương
- Cửu phẩm Thần Tiên
- Cửu thập ngũ hồi
- Cửu thập nhị tào
- Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn
- Cửu Thiên Huyền Nữ - Cửu Thiên Nương Nương
- Cửu Thiên Khai Hóa
- Cửu Tiên
- Cửu tiêu
- Cửu Trùng Đài
- Cửu Trùng Thiên
- Cửu tuyền
- Cửu vị Tiên Nương - Cửu vị Nữ Phật
- Cửu viện
- Cửu U

CỰU

- Cựu
- Cựu lệ
- Cựu luật
- Cựu nghiệp
- Cựu phẩm
- Cựu Ước (Xem: Tân Ước - Cựu Ước, văn T)
- Cựu vị

CÁC

CÁC

1. **CÁC:** 閣 Cái lầu, cái gác.
Td: Các Đàng, Các lân.
2. **CÁC:** 各 Mỗi người, mọi người, mỗi cái, mọi cái.
Td: Các tư kỳ phạt, Các tư kỳ sự.

Các Đàng

閣滕

A: Đàng Vương Palace.

P: Palais de Đàng Vương.

Các: Cái lầu, cái gác. **Đàng:** Đàng Vương. Đường Cao Tổ Lý Uyên phong cho con là Lý Nguyên Anh tước Đàng Vương, làm Thứ Sử ở Hàng Châu.

Các Đàng là tòa nhà lầu của Đàng Vương, gọi đầy đủ là Đàng Vương Các. Đây là một công trình kiến trúc nổi tiếng đẹp đẽ, xây dựng bên cửa sông Chương giang, quận Nam Xương, tỉnh Giang Tây, nước Tàu.

Theo truyện Vương Bột đời Đường, sau khi làm bài hịch ca tụng đá gà (Đấu kê hịch) cho hai vị Vương tử Bái Vương Hiền và Chu Vương Hiến, Vương Bột bị Đường Cao Tông quở trách tại sao không cản ngăn việc đá gà mà còn làm bài hịch ca tụng đá gà, nên vua giận, đuổi Vương Bột đi khỏi kinh thành.

Vương Bột buồn bã, mượn thuyền đi thăm thân phụ đang làm Thứ Sử Giao Châu. Vì sóng to gió lớn nên thuyền phải dừng lại, đậu tại chơn núi Mã Đương. Đêm ấy trời quang đãng, trăng thu vàng vạc, Vương Bột lên bờ ngắm xem cảnh vật, bỗng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ đang ngồi trên một tảng đá, vẫy Bột đến mà nói rằng:

- Cậu sao không đến Đàng Vương Các? Sáng ngày mai là Tết Trùng Dương, ở Đàng Vương Các có tiệc lớn, nếu cậu

đến dự, chỉ cần làm một bài văn cũng đủ để tên tuổi với đời hơn là làm Đấu kê hạch mà bị phạt.

Vương Bột thưa rằng:

- Từ đây đến Đàng Vương Các ở Hàng Châu có đến sáu bảy trăm dặm đường, há một tối mà đến đó được sao?

Cụ già liền đáp: - Cả thủy phủ của vùng Trung nguyên này đều do ta cai quản. Nếu cậu quyết chí, ta giúp cậu một cơn gió đưa thuyền đi đến Hàng Châu ngay tối nay.

Vương Bột liền chấp tay tạ ơn. Bỗng chảng thấy Cụ già đâu nữa, Bột biết là chàng may mắn được Thần Tiên giúp đỡ, nên liền trở về thuyền, ra lệnh tức khắc nhổ neo, căng buồm đi Hàng Châu ngay. Gió mát đẩy buồm, thuyền đi nhanh như tên bắn, chẳng bao lâu thì tới Hàng Châu, tất cả phu thuyền đều hết sức kinh ngạc. Bột rất lấy làm đắc ý.

Lúc này Vũ Văn Quân vừa thôi giữ chức Châu Mục Giang Châu, nhân biết Đô Đốc Diêm Bá Tự có người con rể là Ngô Tử Chương, một bậc thiếu niên anh tuấn, vốn đã làm sẵn văn bài, mong để phô trương, nên Vũ Văn Quân tổ chức một Hội thơ văn tại Đàng Vương Các, mời những người có văn tài đến dự để Ngô Tử Chương trở tài làm hài lòng quan Đô Đốc.

Vương Bột trước đây có quen biết Vũ Văn Quân, nên Bột liền đến viếng, được Quân mời dự tiệc tại Đàng Vương Các.

Sau khi cùng các thiếu niên khác vái chào, Bột liền ngồi xuống ghế. Vì Bột nhỏ tuổi nhất, mới 14 tuổi, nên phải ngồi ở cuối bàn tiệc. Đàn sáo rộn ràng, rượu được vài tuần thì Vũ Văn Quân lên tiếng nói rằng:

- Nhớ xưa Đàng Vương Lý Nguyên Anh đánh Đông dẹp Bắc, gây dựng công nghiệp vẻ vang một đời, sau làm Thứ Sử vùng này, dưới chân dân, trên kính kẻ sĩ, trăm họ chưa quên đức tốt, nên mới xây gác Đàng Vương để làm dấu tích lưu niệm. Nhưng chỉ tiếc danh thắng bậc này mà chưa có người hiền tài làm một bài văn hay, tạc vào bia đá, cho cảnh thêm toàn bích. Nay nhân bữa tiệc hội tụ các anh tài, xin hãy trở hết anh hoa, ghi lại chuyện này, liệu có nên chăng?

Wũ Văn Quân nói rồi liền sai kẻ tả hữu đem văn phòng tứ bảo đến cho mỗi người. Ai nấy đều ngầm hiểu là việc này sắp

sẵn cho Ngô Tử Chương trở tài, nên dùng lời lẽ khác nhau mà từ tạ. Riêng Vương Bột, vì mới đến nên không biết và cũng nổi tánh khí anh hùng, cũng muốn thi thử tài năng, liền nhận lãnh giấy mực, mọi người thấy vậy đều ái náy giùm cho.

Diêm Bá Tự trong lòng thầm nghĩ: Nực cười thay cho kẻ thiếu niên chẳng thấu lẽ đời! Hãy xem hấn thi thử ra sao? Liền ra lệnh cho một viên lại đến đứng cạnh Vương Bột, xem Bột viết được câu nào thì báo vào trong.

Wương Bột trải tờ giấy lên mặt bàn, cầm bút viết ngay:

*Quận cũ Nam Xương, phủ mới Hồng Đô,
Giữa khoảng hai sao Dực, Chấn,
Tiếp giáp hai sông Hành, Lu,
Do Tam giang mà nối với Ngũ Hồ,
Mở Di Kinh mà dẫn về Âu Việt.*

..... vv. . .

*Chiếc cò bay với rán xa,
Sông thu cùng với Trời xa một màu.*

Diêm Bá Tự nghe xong, hết sức kinh ngạc, khen rằng:

- Thằng bé này hay lạ! Thật là Thiên tài! Mau đem chén lớn ra đây, rót thêm hứng cho văn thi nào.

Lát sau, bài văn của Vương Bột viết xong, tả hữu đọc to lên cho mọi người nghe, ai nấy đều khen ngợi.

Bỗng Ngô Tử Chương đứng lên nói:

- Bài văn này đâu phải xuất phát từ đại tài của Vương huynh, mà lại là sự giả mạo, nếu không tin thì Tử Chương xin đọc lại, một chữ cũng không sai.

Mọi người hết sức kinh ngạc. Tử Chương liền đọc một mạch từ đầu đến cuối bài văn của Vương Bột không sót chữ nào. Đọc xong, Tử Chương nói:

- Vậy xin các Ngài xét cho.

Ai nấy đều sợ hãi, không biết xử trí ra sao.

Bỗng Vương Bột lên tiếng nói:

-Ngô huynh có trí nhớ thật phi thường, đọc qua là nhớ liền, không sót một chữ. Nhưng sau bài văn, tiểu đệ còn một bài thơ nữa, không rõ Ngô huynh có đọc được không?

Ngô Tử Chương không biết trả lời làm sao, đành xấu hổ ngồi xuống. Vương Bột liền viết một mạch xong bài thơ:

*Gác Đẳng cao ngất bãi sông thu,
Ngọc múa vàng reo nay thấy đâu?
Nam phổ mây mai quanh óc vẽ,
Tây sơn mưa tối cuốn rèm châu.
Mây vờn nước cuốn bao năm lụn,
Vật đổi sao dời mấy lúc sầu.
Đẳng Các nay nhìn lòng chạnh nhớ,
Non sông ngoài cửa chẳng thay màu.*

Diêm Bá Tự và Vũ Văn Quân xem xong đều hết lời ca ngợi từng câu từng chữ của bài văn, liền tặng thưởng ngay cho Vương Bột 500 tấm lụa.

Tài danh của Vương Bột từ đó càng ngày càng nổi. Về sau, Vương Bột cưới được vợ giàu, và được vua gọi trở về ban cho tước lộc vinh hiển.

Đời sau, Tô Đông Pha đọc lại chuyện này, cảm tác viết ra câu thơ: "*Thời lai phong tống Đẳng Vương Các.*", nghĩa là: Thời vận đến thì gió đưa tới gác Đẳng Vương.

Từ điển tích trên, các thành ngữ sau đây: Các Đẳng, Gác Đẳng, gió Đẳng, duyên Đẳng, . . . đều chỉ cơ hội thuận lợi may mắn đưa tới để tạo nên sự nghiệp vẻ vang hiển hách.

KVH: May duyên gặp hội Long vân,
Thuyền thơ ngọn gió Các Đẳng xuôi đưa.

GHI CHÚ:

Phân biệt: Các Đẳng và Cát đẳng.

- Các Đẳng 閣滕 là nói tắt của Đẳng Vương Các, nghĩa là cái gác Đẳng Vương. Các là cái gác.

- Cát đẳng 葛藤 là dây cát, dây đẳng. Dây cát là dây sắn, dây đẳng là dây bìm. Hai thứ dây leo này phải tựa vào một thân cây khác cứng cáp để leo lên. Do đó, cát đẳng để chỉ thân phận của người đàn bà yếu mềm, phải sống nương tựa vào người chồng.

KVH: Kinh Nhập Hội.

Các đẳng chơn hồn

各等真魂

A: All the ranks of souls.

P: Tous les grades des âmes.

Các: Mỗi người, mọi người, mỗi cái, mọi cái. **Đẳng:** Thứ bậc. **Chơn:** Thật. **Hồn:** Linh hồn. **Các đẳng** là tất cả các cấp.

Các đẳng chơn hồn là tất cả các linh hồn đủ các cấp.

Có tất cả tám bậc chơn hồn, gọi là Bát hồn, kể ra:

- | | |
|------------------|--------------|
| 1. Kim thạch hồn | 5. Thần hồn |
| 2. Thảo mộc hồn | 6. Thánh hồn |
| 3. Thú cầm hồn | 7. Tiên hồn. |
| 4. Nhơn hồn | 8. Phật hồn. |

Các lân

閣麟

A: The tour of unicorn.

P: La tour de licorne.

Các: Cái lầu, cái gác. **Lân:** Con lân, gọi chung là kỳ lân, một loại trong Tứ Linh. Tương truyền, mỗi khi có kỳ lân xuất hiện thì có Thánh nhân ra đời.

Các lân là cái lầu cao trên đó có chạm trở hình kỳ lân.

Lầu này do vua Hán Tuyên Đế dựng nên để thờ 11 vị Đại Công thần của nhà Hán. Do đó, các lân là để chỉ cái vinh quang tốt đỉnh của người đi trên đường công danh, ngự được trên các lân là lưu danh muôn thuở.

Đối với Đạo, các lân là chỉ cái kết quả vẻ vang thu được trên đường tu niệm, đó là sự đắc đạo.

Các lân được cất rất cao, nhìn thấy dường như tới mây, nên cũng được gọi là Đài vân hay Vân đài, dịch ra là Đài mây, để chỉ đài vinh quang.

TNHT: Ví xưa biết chút đường tu niệm,
Thì chắc nay đã ngự các lân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Các phục kỳ phục

各服其服

A: Everyone dress oneself one's mourning apparel.

P: Chacun porte sa robe de deuil.

Các: Mỗi người, mọi người, mỗi cái, mọi cái. **Phục:** quần áo mặc. **Kỳ:** cái ấy, của người ấy.

Các phục kỳ phục là mỗi người có quần áo tang thì mặc vào, tức là áo tang của ai nấy mặc, để chuẩn bị tế lễ người chết.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi thức tang lễ.

Các tận sở năng

各盡所能

Các: Mỗi người, mọi người, mỗi cái, mọi cái. **Tận:** hết. **Sở:** của mình. **Năng:** khả năng.

Các tận sở năng là ai nấy đều đem hết khả năng của mình ra làm việc.

Các tư kỳ phận

各司其分

A: Everyone according to one's duty; Every man for himself.

P: Chacun selon ses devoirs; Chacun de son côté.

Các: Mỗi người, mọi người, mỗi cái, mọi cái. **Tư:** coi giữ. **Kỳ:** cái ấy, của người ấy. **Phận:** phận sự, nhiệm vụ.

Các tư kỳ phận là người nào giữ nhiệm vụ của người ấy mà làm.

Thành ngữ này thường được đặt trong điều cuối của một Thánh lệnh để các Chức sắc có trách nhiệm tùy theo phận sự của mỗi người mà thi hành Thánh lệnh.

Các tư kỳ sự

各司其事

A: Everyone according to one's affairs.

P: Chacun selon ses affaires.

Các: Mỗi người, mọi người, mỗi cái, mọi cái. **Tư:** coi giữ.
Kỳ: của người ấy. **Sự:** việc.

Các tư kỳ sự là việc ai nấy làm, tức là người nào giữ công việc của người ấy mà làm.

Chấp sự giả các tư kỳ sự: Người chấp sự giữ công việc nào thì lo làm công việc của người ấy.

Chấp sự giả là người chấp sự, là người được phân công làm một phận sự trong cuộc Tế lễ.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi thức cúng Đại đàn Đức Chí Tôn nơi Tòa Thánh hay nơi các Thánh Thất.

CÁCH

Cách vật trí tri

格物致知

A: To examine the matters for to penetrate the things.

P: Étudier la nature pour connaître à fond les choses.

Cách: suy xét cho cùng, cho thấu suốt. **Vật:** sự vật. **Trí:** tới cùng. **Tri:** biết.

Cách vật trí tri là suy xét cho thấu suốt về sự vật để hiểu biết đến tận cùng cái lý của nó.

Cách vật trí tri là hai điều trong Bát Điều mục của Nho giáo, và phải làm theo thứ tự các điều mục thì mới trở nên người quân tử. Bát Điều mục còn được gọi là Bát Chánh, gồm:

- | | |
|-------------|-------------|
| 1. Cách vật | 5. Tu thân |
| 2. Trí tri | 6. Tề gia |
| 3. Thành ý | 7. Trị quốc |

4. Chánh tâm

8. Bình thiên hạ.

TĐ ĐPHP: Trong hữu hình này, ta lấy *cách vật trí tri* mà tâm vô hình vô ảnh của nó,

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CAI

CAI

CAI: 該 Gồm cả, đứng đầu.

Td: Cai quản, Cai trị.

Cai quản

該管

A: To manage.

P: Diriger.

Cai: gồm cả, đứng đầu. **Quản:** coi sóc công việc.

Cai quản là đứng đầu coi sóc công việc.

PCT: Như tại Châu thành lớn thì mỗi đấng đặng quyền *cai quản*, cúng tế Thầy như Đầu Sư và Phối Sư. (Đức Chí Tôn nói "mỗi đấng" là nói mỗi vị Giáo Sư).

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Cai trị

該治

A: To administer.

P: Administrer.

Cai: gồm cả, đứng đầu. **Trị:** sắp đặt cho yên, sửa sang cho tốt đẹp.

Cai trị là sắp đặt sửa sang cho yên ổn và tốt đẹp các công việc trong phạm vi nhiệm vụ của mình.

PCT: Đầu Sư có quyền *cai trị* phần Đạo và phần Đời của chư môn đệ Chí Tôn.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CẢI

CẢI

CẢI: 改 Đổi, sửa đổi.

Td: Cải ác, Cải quá.

Cải ác

改惡

A: To leave the evil.

P: Abandonner le mal.

Cải: đổi, sửa đổi. **Ác:** dữ, hung dữ.

Cải ác là sửa đổi để không làm điều hung dữ nữa.

Cải ác đồng nghĩa Cải dữ.

Cải ác tùng thiện: Đổi điều ác theo điều lành.

Cải dữ ra hiền: Đổi điều hung dữ ra điều hiền lành.

TNHT: Thanh thế con người toan *cải ác*.

Cải dữ đòi phen cõi mạch sầu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cải dẫn

改引

A: To change and to guide.

P: Changer et guider.

Cải: đổi, sửa đổi. **Dẫn:** Đưa, dìu đường.

Cải dẫn là thay đổi và dìu dẫn vào đường tốt đẹp.

TNHT: Thầy vì đó mà *cải dẫn* bước đường của các con, nào phiền thành vui về,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cải hạnh

改行

A: To change the conduct.

P: Changer de la conduite.

Cải: đổi, sửa đổi. **Hạnh:** Tánh nét.

Cải hạnh là sửa đổi tánh nét từ xấu ra tốt, từ dữ ra hiền.

TNHT: *Cải hạnh* đổ người về tập thử.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cải quá

改過

A: To right an error.

P: Se corriger de ses défauts.

Cải: đổi, sửa đổi. **Quá:** Làm lỗi, tội lỗi.

Cải quá là sửa lỗi.

TNHT: Nhờ có sự *cải quá* mà nên Chánh quả.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

Cải tà qui chánh

改邪歸正

A: To give up the wrong way and return to the right.

P: Quitter la voie du mal pour s'engager dans celle du bien.

Cải: đổi, sửa đổi. **Tà:** Cong vạy, sai trái. Tà trái với Chánh.

Qui: Trở về. **Chánh:** Ngay thẳng, đúng đắn.

Cải tà qui chánh là sửa đổi điều sai trái để trở về con đường ngay thẳng tốt đẹp.

TNHT: Thầy tướng cho các con lấy đó làm đuốc soi mình
đặng *cải tà qui chánh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cải táng

改葬

A: To exhume.

P: Exhumer.

Cải: đổi, sửa đổi. **Táng:** chôn, đem xác người chết đặt vào áo quan chôn xuống đất.

Cải táng là bốc mộ lấy xương, bỏ vào cái quách, đem chôn nơi khác.

Cải Trạng

改狀

A: Advocate.

P: Avocat.

Cải: đổi, sửa đổi. **Trạng:** văn thư giải bày sự thật để kêu lên cấp trên.

■ Cải trạng là văn thư nêu ra những dẫn chứng xác thật và lý lẽ cụ thể để biện minh và yêu cầu sửa đổi điều buộc tội một cách oan ức của tòa án hay của cơ quan thẩm quyền.

■ *Cải Trạng còn là một phẩm của Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân.* Cải Trạng đứng dưới Chưởng Ấn, trên Giám Đạo, đối phẩm với Giáo Sư CTĐ.

Phận sự, quyền hạn và Đạo phục của Cải Trạng được qui định trong Hiến Pháp HTĐ. (Xem: HTĐ, phần Hiến Pháp)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CÃI

Cãi lệnh

A: To disobey an order.

P: Désobéir à un ordre.

Cãi: dùng lời lẽ chống lại. **Lệnh:** mệnh lệnh của cấp trên truyền xuống để thi hành.

Cãi lệnh là chống lại lệnh của cấp trên.

CG PCT: Chánh Phối Sư đã là người thay mặt nhưn sanh, chỉ biết tuân lệnh mà thôi, chớ không phép *cãi lệnh*,....

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Cãi luật

A: To advocate.

P: Prendre la défense de qqn.

Cãi: dùng lời lẽ để bào chữa. **Luật:** pháp luật.

Cãi luật là dùng những khía cạnh của luật pháp để bênh vực, bào chữa cho một bị cáo trước tòa án.

CG PCT: Thượng Phẩm là Chủ phòng *Cãi luật*, làm trạng sư của tín đồ.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CAM

Cam lồ (Cam lộ)

甘露

A: The Holy-water.

P: L'Eau bénite.

Cam: ngọt. **Lồ hay Lộ:** giọt sương.

Cam lồ hay Cam lộ là nước sương ngọt, Hán văn gọi là Cam lồ thủy, là thứ nước huyền diệu do các Đấng Tiên, Phật luyện thành, mùi vị thơm ngon, có công dụng rất mâu nhiệm.

Khi một người được rưới nước Cam lồ thì người đó được tiêu trừ bệnh tật, sạch hết tai ương, dù người đó sắp chết cũng sống lại mạnh khỏe.

Đức Quan Âm Bồ Tát, tay trái cầm Tịnh bình chứa nước Cam lồ, tay mặt cầm cành dương liễu nhúng vào Tịnh bình để rải nước Cam lồ cứu giúp chúng sanh.

Theo Bí Pháp của Đạo Cao Đài, nước Cam lồ được dùng trong Bí tích Phép Xác, để tẩy rửa chơn thần của người chết cho trong sạch. (Xem cách luyện Cam Lộ Thủy nơi chữ: Phép Xác)

KCBCTBCHĐQL: Diệt trần tình *Cam lộ* tẩy nhơ.

KĐ3C: *Cam lồ* rưới giọt lành dương,
Thất tình lục dục như đường tiêu tan.

KĐ3C: Kinh Độ Tam cửu.

KCBCTBCHĐQL: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đả Qui Liễu.

CÁM

Cám cảnh

A: To be moved by a spectacle.

P: Être ému à la vue d'un spectacle.

Cám: do chữ Cảm nói trại ra, nghĩa là động lòng.

Cảnh: sự vật bày ra trước mắt.

Cám cảnh là cảm động khi đứng trước một cảnh vật.

TNHT: Thầy *cám cảnh* lòng yêu mến của con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CẢM

CẢM

CẢM: 感 Rung động trong lòng, làm cho lòng người rung động.

Td: Cảm hóa, Cảm quang.

Cảm hóa

感化

A: To convert.

P: Convertir.

Cảm: Rung động trong lòng, làm cho lòng người rung động. **Hóa:** thay đổi.

Cảm hóa là làm cho người ta cảm động nhận thấy cái hay mà tự nguyện bỏ cái xấu theo cái tốt.

TNHT: Cái tình cảm hóa của con người là tình thường ứng hiệp Trời Đất.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cảm quang

感光

A: The light of induction.

P: La lumière de l'induction.

Cảm: Rung động trong lòng, làm cho lòng người rung động. **Quang:** ánh sáng, lần ánh sáng của các Đấng thiêng liêng phát ra từ cõi Thượng giới.

Cảm quang là các Đấng thiêng liêng, cảm động trước những lời cầu nguyện chơn thành, liền phát ra lần ánh sáng huyền diệu để đáp lại, như là ân điển của các Đấng ban cho.

KTP: Cảm quang điều động tâm tu.

KTP: Kinh Thuyết Pháp.

Cảm ứng

感應

A: To be moved to respond to the implorings.

P: Être ému pour répondre aux implorations.

Cảm: Rung động trong lòng, làm cho lòng người rung động. **Ứng:** hiện ra để đáp lại.

Cảm ứng là cảm động vì những lời cầu nguyện chân thành nên đáp lại các lời cầu nguyện đó.

TNHT: Thầy không bao giờ không *cảm ứng* với những lời cầu nguyện chân thành.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CAN

Can qua

干戈

A: Buckler and lance: the war.

P: Boucher et lance: la guerre.

Can: cái mộc dùng để che tên đỡ giáo của lính đánh giặc thời xưa. **Qua:** cây giáo, một thứ vũ khí bén nhọn.

Can qua là chỉ việc chiến tranh.

KTKVTH: Cầu cho dân chúng khỏi hời *can qua*.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

CÀN

CÀN

CÀN: 乾 Quẻ thuần dương, tượng trưng Trời.

Td: Càn khôn thế giới, Càn khôn vũ trụ.

Càn Khôn - Quả Càn khôn

果乾坤

A: Heaven and Earth - The celestial sphere.

P: Le Ciel et la Terre - La sphère céleste.

Càn: Quẻ thuần dương, tượng trưng Trời. **Khôn:** Quẻ thuần Âm của Bát quái, tượng trưng Đất. Càn khôn là Trời Đất, tức CKVT. **Quả:** cái trái.

Quả Càn khôn là Trái Càn khôn, là hình ảnh thu nhỏ của CKVT của Đức Chí Tôn, làm bằng một quả cầu, trên đó có vẽ Thiên Nhân và các ngôi sao để thờ nơi BQĐ TTTN.

Thiên Văn Học gọi quả Càn khôn là Thiên cầu.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Phối Sư Thái Bình Thanh làm Trái Càn khôn để thờ nơi BQĐ thuở mới lập Đạo, như sau:

TNHT: *"Bính! Thầy giao cho con lo một Trái Càn khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười.... Một trái như Trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm 3 thước 3 tấc, nghe con! Lớn quá! mà phải vậy mớiặng, vì là cơ mầu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên Càn khôn ấy. Thầy kể Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên thế giới thì đều là tinh tú, tính lại ba ngàn bảy mươi hai (3072) ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con giờ sách Thiên văn tây ra coi mà bắt chước.*

Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu, con vẽ Con Mắt Thầy, hiểu chẵng?

Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đút trong một ngọn đèn cho nó thường sáng, ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nơn loại CKTG đó. Nhưng mà làm chẵng kịp thì con tùy tiện làm thế nào cho kịp Đại Hội, nghe à!"

Chỉ có TTTN mới làm Quả Càn khôn thờ Đức Chí Tôn nơi BQĐ; còn các Thánh Thất địa phương không được làm Quả Càn khôn, chỉ đắp Thánh Tượng Thiên Nhân để thờ mà thôi.

Các giai đoạn trải qua của Quả Càn Khôn thờ nơi Bát Quái TTTN:

Quả Càn Khôn đầu tiên do Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh làm ra theo sự chỉ dạy của Đức Chí Tôn vào ngày 12-8-Bính Dần (dl 17-9-1926). Quả Càn Khôn này làm bằng nan tre bọc vải, sơn màu xanh da trời.

Khi trả chùa Gò Kén cho Hòa Thượng Như Nhãn, Hội Thánh cất Tòa Thánh tạm nơi đất mới mua ở làng Long Thành, Quả Càn Khôn này được rước về Tòa Thánh mới để thờ nơi Bát Quái Đài. Đó là vào đầu năm Đinh Mão (1927).

Đến đầu Xuân Nhâm Thân (1932), tối mùng 8 tháng giêng, chuẩn bị đến giờ Tý thì cúng Đại lễ Đức Chí Tôn, Lễ viện nơi Tòa Thánh cho đốt một cây đèn măng-sông trong Quả Càn Khôn cho có nhiều ánh sáng, giao cho hai vị: Hồ Văn Lầu và Nguyễn Văn Biện chăm sóc đèn.

Tới khoảng 9 giờ tối, đèn măng-sông quá nóng, dầu sôi lên phụt cháy, làm Quả Càn Khôn (QCK) bắt lửa cháy theo.

Lúc đó có ông Văn Thắng Trà (Lễ Sanh Thượng Trà Thanh) tiếp tay với hai vị Lầu và Biện dập tắt được ngọn lửa, nhưng Quả Càn Khôn đã bị cháy hết hơn hai phần, còn một phần bên phía Thiên Nhãn thì không cháy, nên Thiên Nhãn vẫn còn nguyên. Được biết Thiên Nhãn này do Đức Chí Tôn nhập thần vào Đức Cao Thượng Phẩm mà vẽ nên.

Sau khi cháy QCK, Đức Chí Tôn giáng cơ cho bài thi:

*Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,
Cuộc đời luân chuyển thế cheo leo.
Trời còn đất lở tang thương biển,
Ruộng rẫy phổ phùng lộ mốc meo.
Sắc tướng tinh âm tua giảm bớt,
Mở đường công quả chúng làm theo.
Văn chương đâu rõ thông cùng lý,
Chánh trị hưng suy đã thấy dè.*

Đức Hộ Pháp nói với Đức Quyền Giáo Tông: Thiên Nhãn còn (Trời còn) tức là Đạo còn, nhưng đời phải bị nhiều tai biến nguy hiểm (đất lở tang thương biển).

Trong thời gian Hội Thánh xây cất Tòa Thánh bằng vật liệu kiên cố, Tòa Thánh tạm bằng cây ván thuở trước phải dỡ ra, QCK được Hội Thánh dời đến thờ tạm tại Báo Ân Từ.

Đến năm Tân Ty (1941), nhà cầm quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp ngày 28-6-1941, Nội Ô bị quân đội Pháp chiếm đóng, Báo Ân Từ bị chúng dùng làm Câu Lạc Bộ, QCK bị lính Pháp đập phá, lầy Thiên Nhãn liệng ra ngoài sân.

Người Đạo nhìn thấy cảnh ấy thì rất đau lòng và phẫn uất, chờ khi bọn chúng không để ý, liền lượm Thiên Nhãn đem cất kín, để dành sau này làm lại Quả Càn Khôn khác.

Khi Đại Chiến thế giới bùng nổ, quân đội Pháp ở VN bị Nhật bắn đảo chánh đầu hàng, lính Pháp đóng tại TTTN rút lui, Hội Thánh phục hồi, bổn đạo qui tụ về, lo sửa chữa những chỗ hư hỏng và nứt là lo làm QCK mới để tái lập sự thờ phượng.

Khi làm QCK mới, Hội Thánh vẫn lầy Thiên Nhãn cũ gắn lên QCK mới, vì nhận thấy đã hai lần, QCK hư nhưng Thiên Nhãn vẫn không hư. Đó là sự màu nhiệm mà Chí Tôn đặt vào Thiên Nhãn, tất cả mọi người đều phải nhìn nhận.

QCK mới được làm xong và đặt vào vị trí cũ nơi Báo Ân Từ. Sự thờ phượng Đức Chí Tôn nơi đây được tái lập như trước.

Ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946), chánh quyền Pháp đưa Đức Hộ Pháp trở về TTTN. Sau lễ đón tiếp của Hội Thánh, Đức Hộ Pháp tái thủ quyền hành, tái lập các cơ quan của Đạo, đồng thời lo xây dựng, sửa chữa, trang trí Tòa Thánh, làm gấp rút ngày đêm để hoàn thành trước Tết năm Đinh Hợi (1947).

Nhờ sự nỗ lực của tất cả nhân viên công quả và của Hội Thánh, Tòa Thánh được hoàn thành đúng như dự định.

Ngày mừng 8-giêng-Đinh Hợi (dl 29-1-1947), Đức Hộ Pháp làm Lễ rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ đến đặt thờ nơi BQĐ của Tòa Thánh mới, chuẩn bị đến giờ Tý ngày mừng 9-giêng-Đinh Hợi là khởi Đại Lễ cúng Đức Chí Tôn.

Quả Càn Khôn này dần dần theo thời gian cũng hư hỏng, Hội Thánh phải lo làm một QCK khác để thay thế.

Ngày 15-12-Quý Mão (dl 29-1-1964), Hội Thánh tổ chức Lễ Khánh Thành QCK mới, Ngài Hiến Pháp có đọc một bài thuyết đạo, nhắc lại sự tích QCK, xin trích ra một đoạn:

"Thế theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, chư Chửc sắc hiệp sức kiến tạo Quả Càn khôn đầu tiên đặt lên một trụ cốt nơi BQĐ để cho toàn đạo sùng bái và chiêm ngưỡng.

Sau lại vì rủi ro, Quả Càn khôn ấy phát hỏa, cháy tiêu hết, duy có Thiên Nhân thì còn lại y nguyên.

Vì sự linh thiêng ấy mà toàn đạo càng thêm tin tưởng và đến khi tu tạo lại Quả Càn khôn khác, tất cả đều quyết định đặt Thiên Nhân cũ ấy lên Quả Càn khôn mới.

Đến nay, Quả Càn khôn sau cũng vì thời gian mà hư hoại. Hội Thánh quyết định kiến tạo một Quả Càn khôn khác thay thế. Hội Thánh cũng đồng thanh biểu quyết dành lại Thiên Nhân cũ đặt lên Quả Càn khôn mới ngày nay. Đó là do lòng tín ngưỡng cao cả của toàn đạo, không ai có quyền phủ nhận."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

BQĐ: Bát Quái Đài.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Càn khôn dĩ tận thức

乾坤已盡識

Dĩ: đã qua. **Tận:** đến cùng, hết, hoàn toàn. **Thức:** biết.

Càn khôn dĩ tận thức nghĩa là con người đã biết rõ tất cả sự vật trong khắp CKTG.

Nên thường nói: Năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà.

Nhơn loại ngày nay rất văn minh tiến bộ, chế tạo được các loại xe cộ chạy trên mặt đất; chế tạo các loại tàu thuyền di chuyển trên sông, biển; chế tạo được tàu lặn chạy ngầm dưới nước; chế tạo các loại phi cơ bay trên Trời, chế tạo được phi thuyền bay lên mặt trăng và các hành tinh khác; lại còn chế tạo được các máy móc viễn thông truyền tin tức và hình ảnh đi khắp thế giới trong giây phút. Cho nên việc đi lại trên thế giới

hiện nay rất dễ dàng, sự thông hiểu ngôn ngữ giữa các dân tộc cũng không còn khó khăn.

Đó là những điều khác hẳn với thời thượng cổ, hơn loại chỉ hiểu biết nội trong địa phương nhỏ của mình.

Do đó, trong thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn không cần mở nhiều mối Đạo ở nhiều địa phương khác nhau như thuở Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, mà ngày nay chỉ cần mở một mối Đạo duy nhất là Đạo Cao Đài tại nước Việt Nam, rồi nhờ các phương tiện truyền thông hiện đại của hơn loại, rồi in và dịch các loại kinh sách, phổ thông trên toàn thế giới.

TNHT: Còn nay, hơn loại đã hiệp đồng, *Càn khôn dĩ tận thức* thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà hơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy nhứt định qui nguyên phục nhứt.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

DTC: Điều Trì Cung.

Càn khôn thế giới

乾坤世界

A: The world, the universe.

P: Le monde, l'univers.

Thế: đời. **Giới:** cõi. Thế giới là cõi đời, cõi trần.

Càn khôn thế giới là chỉ tất cả các địa cầu trong vũ trụ.

TNHT: Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả hơn loại *Càn khôn thế giới* nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Càn khôn vũ trụ

乾坤宇宙

A: The universe.

P: L'univers.

Càn khôn: Trời Đất. **Vũ:** bốn phương và trên dưới, chỉ không gian. **Trụ:** xưa qua nay lại, chỉ thời gian.

Vũ trụ là khắp cả không gian và thời gian.

CKVT là khoảng không gian bao la trong đó có nhiều quả tinh cầu, gồm: mặt Trời, mặt trăng, trái đất, tinh tú, chuyển động xoay vần không ngừng, cái qua cái lại, cái lên cái xuống, nhịp nhàng theo một trật tự vô cùng huyền diệu, suốt trong thời gian từ lúc thành lập cho đến vô cùng tận.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Càn kiện cao minh

乾健高明

Càn: Quẻ thuần dương, tượng trưng Trời. **Kiến:** mạnh mẽ. **Cao:** ở trên cao. **Minh:** sáng.

Càn kiện cao minh là ngôi Càn mạnh mẽ, cao vợi, sáng tỏ.

Nói về sự mạnh mẽ của ngôi Càn là Trời, Châu Dịch Huyền giải viết: "Càn là cương kiện bất khuất chi nghĩa, thể của nó có 6 hào đều là số cơ (số lẻ), tượng của nó thuần dương. Mạnh không chi bằng Trời. Trời là Đạo, một khí lưu hành tuần hoàn không giáp mỗi, trải bao nhiêu thời gian, không gian, không ngăn mé (vô biên). Vạn vật không có vật nào mà không đặng nó che chở, mà cũng không vật nào làm hại nó được."

Càn nguơn - Khôn nguơn

乾元 - 坤元

Càn: Quẻ thuần dương, tượng trưng Trời. **Khôn:** đất. **Nguơn: Nguyên:** tạo ra đầu tiên.

Càn nguơn tức Càn nguyên là chỉ Trời.

Khôn nguơn tức Khôn nguyên là chỉ Đất.

Càn nguơn Đại đức: Cái đức lớn của Trời.

Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt

乾無得看, 坤無得閱

Càn: Trời. **Khôn:** đất. **Vô:** không. **Đắc:** được. **Khán:** xem thấy. **Duyệt:** xem xét.

Càn vô đắc khán là không thể thấy hết được Trời.

Khôn vô đắc duyệt là không xem xét hết được mặt đất.

Đây là nói về thời Thượng cổ và Trung cổ, hơn loại chưa văn minh tiến bộ như ngày nay, việc đi lại, việc thông tin liên lạc rất hạn chế, nên mỗi địa phương chỉ biết vùng đất quanh mình mà thôi. Do đó, người Tàu cho rằng: Thiên viên địa phương (Trời tròn đất vuông), mà nước Tàu ở chính giữa gọi là Trung quốc. Vì những lý do đó, vào thời Thượng cổ và Trung cổ, Đức Chí Tôn cho mở nhiều mối Đạo để cứu độ hơn sanh trong mỗi vùng đất, như ở nước Trung hoa, Đức Lão Tử mở Tiên giáo ở phía Nam, Đức Khổng Tử mở Nho giáo ở phía Bắc vì nước này đông người; ở nước Ấn Độ thì mở Đạo Bà La Môn, sau đó Đức Phật Thích Ca mở Phật giáo ở phía Bắc; ở Do Thái, Đức Chúa Jêsus mở Đạo Thiên Chúa; v.v...

TNHT: Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gầy Chánh giáo, là vì khi trước *Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt*, thì hơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CANG (CƯƠNG)

Cang cường (Cương cường)

剛強

A: Vigourous and energetic.

P: Vigoureux et obstiné.

Cang: tức là Cương, nghĩa là cứng. **Cường:** mạnh.

Cang cường là cứng và mạnh.

TNHT: *Cang cường* quen tánh hiệp dân nghèo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cang thường (Cương thường)

綱常

A: Bonds and cardinal virtues.

P: Cordes et vertus cardinales.

Cang: cái giềng của tấm lưới, ý nói Tam cang (hay Tam cương). **Thường:** hằng có, ý nói Ngũ thường.

Cang thường là nói tắt của Tam cang và Ngũ thường.

Tam cang và Ngũ thường là phần căn bản trong Nhơn đạo của người đàn ông.

Tam cang hay Tam cương dịch là Ba giềng hay Ba mối. Tam cang gồm: Quân thần cang, Phụ tử cang, Phu thê cang.

Ngũ thường được dịch là Năm hằng. Ngũ thường gồm: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. (Xem chi tiết: Tam cang, Ngũ thường).

CANH

Canh cải

更改

A: To change.

P: Changer.

Canh: thay đổi. **Cải:** sửa.

Canh cải là sửa đổi cho khác đi.

CG PCT: Mọi điều *canh cải* là phạm PCT ắt bị giải ra Tòa Tam giáo.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CẢNH

CẢNH

1. **CẢNH:** 境 Cối, cái bước người ta gặp trong đời.
Td: Cảnh duyên, Cảnh thẳng.
2. **CẢNH:** 景 Hình sắc bày ra trước mắt, phong cảnh.
Td: Cảnh ủ bông tàn.

Cảnh duyên

境緣

A: The predestined circumstance.

P: La circonstance prédestinée.

Cảnh: Cối, cái bước người ta gặp trong đời. **Duyên:** sự ràng buộc có từ kiếp trước.

Cảnh duyên là cái hoàn cảnh mà mình đã bị ràng buộc với nó từ kiếp trước. Ý nói cảnh tu hành vì mình có duyên với cảnh ấy từ kiếp trước.

TNHT: Mở lối dắt người đến *cảnh duyên*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cảnh thẳng

境升

A: The Paradise.

P: Le Paradis.

Cảnh: Cối, cái bước người ta gặp trong đời. **Thẳng:** bay lên Trời, siêu thẳng.

Cảnh thẳng là cõi mà những linh hồn siêu thẳng lên ở trên đó. Đó là cõi TLHS, mà Thiên Chúa giáo gọi là Thiên đường.

KGO: *Cảnh thẳng* ngơ ngẩn lạc lằm Phong đô.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

KGO: Kinh Giải Oan.

Cảnh thần

境神

A: The Paradise.

P: Le Paradis.

Cảnh: Cõi, cái bước người ta gặp trong đời. **Thần:** thiêng liêng, màu nhiệm.

Cảnh Thần là cõi TLHS, cõi của chư vị Thần Tiên.

KTKCQV: Chàng dầu vinh hiển *cảnh Thần*.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

Cảnh tịnh

境淨

A: The pagoda.

P: La pagode.

Cảnh: Cõi, cái bước người ta gặp trong đời. **Tịnh:** trong sạch.

Cảnh tịnh là nơi trong sạch, ý nói cảnh tu hành, cảnh chùa.

TNHT: Mừng thiết là khi nường *cảnh tịnh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cảnh trí

境智

A: The Paradise.

P: Le Paradis.

Cảnh: Cõi, cái bước người ta gặp trong đời. **Trí:** sự hiểu biết sáng suốt của bậc đắc đạo.

Cảnh trí là cõi sáng suốt của những người đắc đạo.

Đó là cõi TLHS, cõi Thiên đường.

TNHT: Thuyền từ sông lệ buồm trương cánh,
Cảnh trí rừng thung khách lướt đường.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cảnh tục

境俗

A: The world.

P: Le monde.

Cảnh: Cõi, cái bước người ta gặp trong đời. **Tục:** Tâm thường thấp kém, chỉ cõi trần.

Cảnh tục là cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống.

KĐRĐ: Cõi Thiên *cảnh tục* cũng dường chung nhau.

KĐRĐ: Kinh Đi Ra Đường.

Cảnh ử bông tàn

A: The sad lanscape, the faded flowwers.

P: Le paysage triste, les fleurs fanées.

Cảnh: Hình sắc bày ra trước mắt, phong cảnh. **Ử:** héo úa.
Bông tàn: hoa tàn rơi rụng.

Cảnh ử bông tàn là chỉ cảnh vật khô héo tàn tạ, ý nói đời người lúc già nua sắp chết.

TNHT: Một mai *cảnh ử bông tàn*, rớt cuộc lại ăn năn vô ích.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CAO

CAO

I. **CAO:** 高 có 3 nghĩa sau đây:

- **CAO:** Ở trên cao, tài giỏi.
Td: Cao ngôi, Cao đề.
- **CAO:** chỉ Đạo Cao Đài.
Td: Cao đồ, Cao Đạo hữu.
- **CAO:** họ Cao.
Td: Cao Thượng Phẩm.

II. **CAO:** 膏 có 2 nghĩa sau đây:

- **CAO:** Bộ phận dưới trái tim.
Td: Cao hoang.
- **CAO:** Thịt ngon béo.
Td: Cao lương mỹ vị.

Cao Đài

高臺

A: The Highest Palace, the Supreme Palace.

P: Le Palais Très Haut, le Palais Suprême.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Đài:** cái đài, cái tháp.

Cao Đài là một cái đài cao nơi Linh Tiêu Điện trong Ngọc Hư Cung ở cõi thiêng liêng, là nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mỗi khi họp Đại hội Thiên Triều.

1. Vào năm 1927, trong một đàn cơ tại Cần Thơ, Đức Chí Tôn giáng cho bài thi tứ tuyệt giải thích 2 chữ CAO ĐÀI:

*Linh Tiêu nhất tháp thị Cao Đài,
Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.
Vạn trượng hào quang từng thử xuất,
Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.*

Nghĩa là: Nơi Điện Linh Tiêu có một cái tháp gọi là Cao Đài, Đại hội các vị Tiên nhóm tại bệ ngọc ấy. Muôn trượng hào quang từ nơi đó chiếu ra, Tên xưa, cảnh quý báu đó là Lạc Thiên Thai.

2. Danh xưng CAO ĐÀI cũng được Đức Chí Tôn Thượng Đế giải thích trong bài Thánh Ngôn sau đây:

*Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,
Thái Thượng Nguơn Thử thị Ngã,
Gia Tô Giáo Chủ thị Ngã,
Kim viết CAO ĐÀI.*

(Trích trong Phổ Cáo Chúng Sanh)

Nghĩa là: Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta,
Thích Ca Mâu Ni Phật là Ta,

Thái Thượng Ngươn Thi là Ta,
 Gia Tô Giáo Chủ Jésus Christ là Ta,
 Nay gọi là Đấng CAO ĐÀI.

Do đó, từ ngữ CAO ĐÀI còn có ý nghĩa là Đấng đã sản xuất ra các vị Giáo Chủ: Nhiên Đăng Cổ Phật, Thích Ca Như Lai, Thái Thượng Đạo Tổ, Jésus Christ. Đó chính là Đấng Đại Từ Phụ của toàn cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật trong CKVT.

TNHT: Cao Đài tá thế đến phạm gian.
 Cao Đài đứng chủ cả sanh linh.
 Có thương mới biết Đấng Cao Đài.

3. Từ ngữ CAO ĐÀI được biết lần đầu tiên vào đêm 30-10-Ất Sửu (dl 15-12-1925) khi Đấng A Ầ Ầ giảng dạy ba vị phò loan: Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Vọng Thiên Cầu Đạo. Đấng A Ầ Ầ dạy như sau:

Ngày mùng 1 tháng 11 này (dl 16-12-1925), tam vị phải VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO, tẩm gội cho tinh khiết, ra qui giữa Trời, mỗi vị cầm 9 cây nhang mà vái rằng: "Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cả tà qui chánh."

Ba ông không hiểu CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ là ai, nhưng lệnh Ông Trên đã dạy thì cứ thi hành.

(Đoạn này, xem chi tiết nơi chữ: Vọng Thiên Cầu Đạo, vần V)

4. Các đôi liễn có hai chữ CAO ĐÀI đứng đầu:

1) Đôi liễn tiêu biểu của Đạo Cao Đài thường đặt ở các cửa đi vào Nội Ô Tòa Thánh hay cửa chánh các Thánh Thất:

高上至尊大道和平民主目

臺前崇拜三期共享自由權

CAO thượng Chí Tôn Đại Đạo hòa bình dân chủ mục,
 ĐÀI tiền sùng bái Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.

Nghĩa là:

Đấng Chí Tôn ở trên cao hơn hết, mở ra một nền Đại Đạo nhắm tới hòa bình và dân chủ.

Vái lạy kính trọng Đấng Cao Đài thời ĐĐTKPĐ, nhơn sanh cùng chung hưởng quyền tự do.

Đôi liễn Cao Đài này của Đức Lý Giáo Tông ban cho.

Thuở xưa, câu 1 của đôi liễn, chỗ chữ MỤC 目 là chữ CHÁNH 政, đối với chữ Quyền ở câu 2. Giáo Sư Thượng Latapie Thanh, người Pháp, sợ nhà cầm quyền Pháp đương thời hiểu lầm Đạo Cao Đài có chủ trương làm Chánh trị, tranh giành Chánh Quyền, là một điều không tốt đối với Đạo, nên ông cầu xin Đức Lý Giáo Tông chỉnh sửa lại.

Đức Lý Giáo Tông liền giảng cơ sửa chữ CHÁNH thành chữ MỤC. Mục là con mắt, là hướng tới.

2) Đôi liễn in nơi bìa của quyển Kinh Minh Sư từ bên Tàu truyền sang Việt Nam vào thời nhà Thanh:

高如北闕人瞻仰

臺在南方道統傳

CAO như Bắc Khuyết nhân chiêm ngưỡng,

ĐÀI tại Nam phương Đạo thống truyền.

Nghĩa là:

Cao như Huỳnh Kim Khuyết ở hướng Bắc, nhơn sanh đều chiêm ngưỡng,

Cái đài cao tại nước Việt Nam tượng trưng một nền Đạo lớn thống quản tất cả và truyền bá khắp nơi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cao Đài Đại Đạo

高臺大道

A: The Great Way of Caodaism.

P: La Grande Voie du Caodaisme.

Cao Đài: (đã giải ở trên). **Đại:** lớn. **Đạo:** con đường.

■ Cao Đài Đại Đạo là một con đường rộng lớn hướng dẫn nhơn sanh tu hành tiến hóa, đạt các phẩm vị Thần, Thánh,

Tiên, Phật, và cuối cùng đạt đến sự hiệp nhất vào Đấng Cao Đài.

■ Cao Đài Đại Đạo là một nền tôn giáo lớn, có một giáo lý và triết lý cao siêu, dung hợp được tất cả giáo lý và triết lý đã có từ trước đến nay của loài người, do Đấng Chúa Tể CKVT gọi là Đấng Cao Đài mở ra trong thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp, để cứu độ toàn cả nhơn sanh trên thế giới trước khi cuộc Tận Thế diễn ra, chuyển sang thời kỳ Thượng nguơn Thánh đức.

Do đó, Đức Chí Tôn khai Đạo vào năm Bính Dần (bởi vì khởi đầu một nguơn là năm Giáp Tý, kế là Ất Sửu, Bính Dần, Nhơn sanh ư Dần, mở Đạo cho nhơn sanh nên phải khai vào năm Dần), và làm Lễ Khai Đạo ngày Rằm Hạ nguơn (15-10-âm năm Bính Dần) để chỉ rằng đây là thời kỳ Hạ nguơn.

Đạo Cao Đài sẽ truyền bá và phổ độ nhơn sanh trong thất ức niên (700 000 năm) mới thất chơn truyền, được nói rõ trong bài thi Tịch đạo của Đức Chí Tôn ban cho:

*Thanh Đạo tam khai thất ức niên,
Thọ như Địa quyển thanh hòa Thiên.
Vô hư qui phục nhơn sanh khí,
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.*

Nghĩa là:

Nền Đạo trong sạch của Đức Chí Tôn mở ra lần thứ ba phổ độ trong 700 000 năm,
Sống lâu dài như trái đất, thịnh vượng cùng Trời.
Đức Chí Tôn đem trở về các chơn linh của nhơn sanh,
Tạo ra từ muôn xưa đàn cúng tế để soi sáng người có duyên với Phật.

(Xem chi tiết nơi chữ Tịch Đạo, vần T)

Đạo Cao Đài xứng đáng là một nền Đại Đạo bởi vì các lý do sau đây:

■ **Thứ nhất**, Giáo chủ của Đạo Cao Đài là Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng sáng lập CKVT và vạn vật, nên Đấng ấy có quyền pháp nhất, được tôn kính nhất. Đấng ấy là vua của Nhứt, Nguyệt, Tinh, là chủ của chư Thần,

Thánh, Tiên, Phật, và cũng là Đại Từ Phụ của Vạn linh sanh chúng.

■ **Thứ nhì**, Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài là nguyên căn của Giáo lý và Triết lý các tôn giáo, nên nó dung hợp được các Giáo lý và Triết lý của Tam Giáo và Ngũ Chi.

■ **Thứ ba**, Đạo Cao Đài có nhiệm vụ tận độ 92 ức nguyên nhân (2 kỳ phổ độ trước chỉ độ được 8 ức) và phổ độ chúng sanh trong 700 ngàn năm (thất ức niên), một thời gian rất dài nơi cõi trần mà không một tôn giáo nào trước đây có được.

Thuở mới Khai Đạo vào năm Bình Dân (1926), các vị tiền bối mở Đạo đã báo cáo với nhà cầm quyền Pháp bấy giờ, nền Tân tôn giáo này là *Phật giáo Chấn hưng* (Bouddhisme Renové) - có thờ Đức Phật Thích Ca và Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Nhưng thật sự, Đạo Cao Đài không những chấn hưng Phật giáo mà còn chấn hưng Lão giáo, Nho giáo và cả Thiên Chúa giáo nữa, tức là chấn hưng cả Tam Giáo và Ngũ Chi.

Do đó, nhiều người lầm tưởng Đạo Cao Đài là tôn giáo tổng hợp, hay nói nặng hơn là một tôn giáo hỗn tạp, vì họ thấy Đạo Cao Đài thờ nhiều Đấng Giáo chủ của các tôn giáo khác như: Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Chúa Jésus Christ,....

Còn Giáo lý của Đạo Cao Đài thì họ thấy lấy một ít của Phật giáo (như Ngũ Giới Cấm, Giới luật Ăn chay), lấy một ít của Lão giáo (như luyện Tam Bửu: Tinh, Khí, Thần), lấy một ít của Nho giáo (như Tam cương, Ngũ thường, Tam tòng, Tứ đức), lấy một ít của Thiên Chúa giáo (như cách tổ chức Giáo hội, tôn thờ Thượng Đế).

Nhưng nếu nghiên cứu sâu xa từ nguồn gốc thì người ta sẽ thấy rằng, Giáo lý của Tam giáo và Ngũ Chi chỉ là một khía cạnh, một phiên diện của một cái toàn thể, của một chơn lý hằng hữu bất biến, mà ngày nay Đạo Cao Đài thể hiện đầy đủ cái chơn lý hằng hữu bất biến đó. Vả lại Giáo chủ của Đạo Cao Đài là Đức Chí Tôn Thượng Đế, Ngài là nguyên căn của các Đấng Giáo chủ khác, nên thiết lập Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài rất hoàn chỉnh, giải quyết một cách đầy đủ, hợp lý và thông suốt tất cả những vấn đề tâm linh mà các tôn giáo khác còn ít nhiều mắc mứu như:

- Phật giáo thì còn lẩn tránh về vấn đề linh hồn và vũ trụ, có lối tu xuất thế, sống nhờ vào sự cúng dường của nhơn sanh.
- Lão giáo (Tiên giáo) có lối tu yếm thế, độc thiện kỳ thân.
- Nho giáo thì quá chú trọng về việc nhập thế giúp đời, nhưng lại thiếu phần vô vi giải thoát.

(Xin xem chi tiết nơi các chữ: Giáo lý, Triết lý)

Như vậy, Đạo Cao Đài có phải là Chơn lý không?

Trả lời: Đạo Cao Đài không phải là Chơn lý, mà Đạo Cao Đài là con đường tốt đẹp và rộng rãi dẫn dắt người tu đi thẳng đến Chơn lý. Cái Chơn lý hằng hữu bất biến đó là Thượng Đế. Đạo Cao Đài tạo ra năm nấc thang tiến hóa, đưa người tu đi lên từ nấc thang một để cuối cùng đến Thượng Đế và hiệp nhập vào Thượng Đế.

Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế sáng lập và làm Giáo chủ. Đức Chí Tôn mở Đạo kỳ này không cần phải giáng sanh xuống cõi trần như hai kỳ Khai Đạo trước, Ngài vẫn ở cõi Hư Linh, dùng huyền cơ diệu bút và phép thông công với những vị Phò loan mà Ngài định trước, lập ra ĐĐTKPĐ, là một mối Đạo cao thượng hoàn hảo, từ hình thức đến nội dung, tức là từ Thể pháp đến Bí pháp, để tận độ nhơn sanh. Lại nữa, nhờ dùng huyền cơ diệu bút lập Đạo, Đức Chí Tôn và Phật Mẫu cùng chư Tiên Phật luôn luôn giáng dạy và chỉnh đốn mối Đạo mỗi khi gặp một giai đoạn tiến hóa khó khăn. Bởi vậy Đức Chí Tôn có nói rằng: *"Thầy không giao Chánh giáo cho tay phàm để càng ngày càng xa Thánh giáo mà biến ra Phàm giáo."* Đạo Cao Đài không qui phàm và thất chơn truyền là nhờ đó.

Nhiệm vụ quan trọng của Đạo Cao Đài là:

1. Qui nguyên Tam Giáo, Phục nhứt Ngũ Chi, để nhơn loại không còn có sự khác biệt về tín ngưỡng và về tôn giáo mà chia rẽ nhau, để tiến tới thống nhứt tư tưởng, xây dựng một xã hội đại đồng.

2. Cứu độ 92 ức Nguyên nhân đang trầm luân nơi cõi trần trở về cựu vị. (Tổng cộng có 100 ức Nguyên nhân giáng trần, hai kỳ Phổ Độ trước đã độ được 8 ức, nay còn lại 92 ức).

3. Tận độ nhơn sanh trong thời Hạ Nguơn Mặt kiếp của Đệ Tam Chuyển, để lập đời Thượng Nguơn Thánh đức của Đệ Tứ Chuyển. Trước khi lập đời Thượng nguơn Thánh đức thì Vạn linh phải trải qua một cuộc Đại Phán Xét nơi Hội Long Hoa. Đó là một cuộc thi chung kết mà đề tài khảo thí là Công quả Phụng sự Chúng sanh.

Đức Chí Tôn giao cho Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ khảo hội thi này, để tuyển chọn các phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, lập đời Thượng nguơn.

Các nhiệm vụ kể trên thật vô cùng trọng đại, nhưng chắc chắn Đạo Cao Đài thực hiện được, bởi vì Giáo chủ của Đạo Cao Đài là Đấng Thượng Đế, mà quyền năng bao trùm khắp CKVT.

Cách lập Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn:

"Đạo lập ra cốt yếu để độ phần hồn của nhơn loại cho thoát khỏi chốn mê đồ, vòng tân khổ, nên mới gieo truyền khắp chỗ, cốt tình ngộ nhơn sanh. Đã biết rằng Đạo là thanh tịnh tịnh, không ứng lộ ra ngoài, nhưng muốn lập giáo, phải làm sao?

- Phải bày cơ Hữu hình để chỉ rõ Lý mới được.

Vậy, cách lập giáo của Thầy cũng không chi lạ, chỉ noi theo Tam giáo trước mà làm qui củ chuẩn thẳng rồi đem gom về một mối chánh.

Tam giáo trước là: Nho, Thích, Đạo, vì hoằng khai cũng đã lâu đời, nên bị biến cải mà thành thử phải thất Chơn truyền, làm cho sai lạc mất hẳn cả Thiên cơ mẫu nhiệm, bởi đó, nhơn sanh tu vậy nhiều mà thành thì chẳng có.

Lại cũng bị thất truyền mà Tam giáo lần lần phải chịu lu mờ mờ mịt. Nào chơn không ai đến, đường chánh chẳng người đi, nên cỏ mọc bìm leo, gai rào cây lúp. Vì lẽ đó, nhơn loại phải chịu mãi trong vòng luân hồi tứ khổ, đày đọa mãi ở chốn trần ai. Nhơn sanh cũng vì vậy mà lần lần tiêu đạo đức, phé tình thần, mới chuộng sự hữu hình, nên bày những âm thanh sắc

tướng, không ai còn để chí lưu tâm đến chỗ thâm huyền cao viễn, chỉ ưa sự dễ dàng, tạng thấy tạng nghe, rồi cứ dấy lòng nhờn đục tham mê, mới gây tội ác nặng nề, phải mang lấy sừng lông mà bị thối hóa lại súc sanh và luân hồi lục đạo.

Ngày nay, Thầy đến đây, đem ba nền tôn giáo hiệp nhứt lại tạo thành một Tòa lớn lao để đời đời kiếp kiếp cho nhờn sanh nương vào đó mà lánh cơn nạn khổ thảm sầu.

Ba nhà tôn giáo ấy, tuy đổ sập mặc dầu, nhưng Thầy cũng vì lòng từ bi, chọn lựa cái nào còn dùng dựng thì Thầy lấy, cái nào hư nát thì bỏ ra, như cột, kèo, xuyên, trính, ngói, gạch, cái nào còn nguyên thì dùng, cái nào bể nát hay hư hao bị mối ăn sâu đục thì bỏ ra. Cây nào cong vẹo thì uốn nó lại, trừ ra uốn không nổi mới bỏ. Thầy lấy các vật ấy ráp lại thành một Tòa Đại Đạo cho nhờn sanh sùng bái, tu hành, là Tòa nhà ngày nay Thầy lập thành đó.

Tại sao ba nhà tôn giáo đó phải bị xiêu đổ? Là tại cái nền tảng không dựng vững chắc, vững vàng, cất ở trên nền cát, bão sao gió thổi không xiêu, giông tố chẳng đổ?

Chớ còn ngày nay, Thầy đến lập một Tòa **CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO** thì trước hết Thầy đã biểu các con xây nền đắp móng cho chặt chĩa vững vàng, rồi mới cất Tòa nhà đồ sộ ấy lên thì sẽ dựng bền vững lâu dài hơn ba nền tôn giáo trước."

Thầy lập Đạo Cao Đài như thế nào?

"Thầy thấy cuộc tuần hòa biến đổi, thời khí bất hòa, nhờn tâm xu hướng về đường vật chất, bỏ mất tinh thần, nên phạm vào đường tội lỗi, thiệt là đời làm lũi mõi mà không định hồn tự hổi, xúm lẩn chen lợi lặn tranh giành mùi tục lụy mà thay đổi chí cao minh.

Ba nền Chánh giáo (Nho, Thích, Đạo) đã nghiêng chình, nhờn loại thủy chuộng hữu hình, không cầu vô vi thâm viễn.

Nay đã đến cuộc tuần hoàn giáp mối, nền Đạo Trời vận chuyển mà phổ hóa sanh linh.

Tam giáo xưa kia lập Đạo, lúc ban sơ, truyền bá cơ diệu lý quang minh, bắt từ chỗ vô vi khẩu thọ tượng truyền, lần lần xuống thì trở ra hữu hình mà Đạo màu thất chánh, tâm pháp

lạc sai. Ấy là cơ Đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam giáo thất Chơn truyền diệu pháp.

Còn Đạo Thầy lại trái hẳn với Tam giáo, là *bắt đầu truyền Đạo thì dụng hữu hình*, lấy sắc tướng âm thanh mà độ đời một cách lẹ làng mau chóng. Vả lại, Đạo Thầy bắt đầu do chỗ hữu hình mà truyền bá, rồi mới lần lần mới *đẹp hết chỗ hữu hình đi đến chỗ vô vi*, là cơ siêu phàm nhập Thánh.

Vậy, thà trước dụng cơ hữu hình để phổ hóa cơ Đạo dễ lưu thông, rồi cứ đó mà dắt dẫn cho nó tấn hóa mãi trên đường cao thượng, riết đến chỗ không hư tức là vô vi thì Đạo pháp mới phát minh, cơ diệu lý huệ tâm ứng lộ, thế là Đạo Thầy không hư hoại đặng, mà không hư hoại đặng là nhờ ở chỗ *hữu hình đi lên riết đến tận vô vi*.

Còn Tam giáo xưa lại từ vô vi mà lần lần sa sục xuống hữu hình, mới thành ra Đạo bẻ, rồi sai lầm ra ngoại giáo bàng môn. Mà Thầy lập giáo kỳ này lại trái hẳn với nền cổ Đạo, Thầy chỉ dùng cái huyền cơ bí pháp mà truyền Đạo khắp dân gian. Thầy đem chơn pháp diệu huyền trao cho người luyện thành Chánh giác thì phản bổn huờn nguyên.

Thầy dùng huyền diệu cơ bút hoằng khai cơ quan Vô Vi Đại Đạo. Thầy nhứt định không giao Thánh giáo cho tay phàm, vì trước kia Tam giáo thất Chơn truyền cũng bởi Thánh giáo ở trong tay phàm, nên các con canh cái làm sai lạc pháp linh.

Vậy, Thiên thơ Thầy định ngày nay Thầy lập giáo như vầy:

1. Trên là dùng huyền diệu thiêng liêng mà bảo tồn cơ Đạo.

2. Dưới để tự Thầy định mới có thể chuyển hóa nỗi nhơn tâm, đủ sức thần thông vận hành chơn giáo, chớ nếu Thầy mà mượn xác thịt nặng nề thì làm sao biến hóa thiên hình vạn trạng mà phổ độ chúng sanh cho mau chóng nổi sôi rần rộ được. Chớ dùng huyền cơ bí pháp, tất có thể lưu thông trong nháy mắt khắp mọi nơi." (ĐTCG)

Nước Việt Nam từ thuở lập quốc đến nay, chưa có một nền tôn giáo nào mở ra cho người VN tại đất nước này. Nhưng người VN có tinh thần thờ kính Trời Đất và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, nên tôn thờ các nền tôn giáo trên khắp thế

giới du nhập vào VN như: Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành,... Để ban thường dân tộc nhỏ nòi này, Đức Chí Tôn Thượng Đế mở ra cho dân tộc VN một nền Đại Đạo lấy danh hiệu là ĐĐTKPĐ, hay nói tắt là Đạo Cao Đài, để làm Quốc Đạo. Nhờ có nền Đại Đạo này, nhiều Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi cõi thiêng liêng sẽ giáng sanh xuống nước VN làm người VN để hoằng khai mối Đạo của Đức Chí Tôn ra khắp thế giới, thống nhất tư tưởng của nơn loại, xây dựng một xã hội đại đồng, tạo ra một nền văn minh mới về tinh thần cho toàn nơn loại.

Người VN nhờ Đạo Cao Đài mà ngày sau làm chủ tinh thần của nơn loại đúng theo bài thi tiên tri của Đức Chí Tôn:

*Lo lường thấu đáo Đạo huyền vi,
Ngàn thuở chưa ai dám sánh bì.
Một nước nhỏ nòi trong vạn quốc,
Ngày sau làm chủ mới là kỳ.*

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Cao Đạo hữu

高道友

A: Caodaist adept.

P: Adepte Caodaïste.

Cao: chỉ Đạo Cao Đài. **Đạo:** tôn giáo. **Hữu:** bạn.

Đạo hữu là bạn Đạo, người bạn có tín ngưỡng tôn giáo.

Cao Đạo hữu là các Đạo hữu của Đạo Cao Đài.

TNHT: Ấy từ đây, Ngọc Đế truyền lệnh cho ta phải theo phò chư *Cao Đạo hữu*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cao đê

高低

A: High and low; Superior and inferior.

P: Haut et bas; Supérieur et inférieur.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Đê:** thấp.

Cao đê là cao thấp, hai trạng thái cao và thấp.

TNHT: Cao đê thể sự khá đĩnh ninh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cao đồ

高徒

A: Caodaist adept.

P: Adepte Caodaïste.

Cao: chỉ Đạo Cao Đài. **Đồ:** học trò.

Cao đồ là các tín đồ của Đạo Cao Đài.

KĐLC: Oai Nghiêm độ rồi *Cao đồ* qui nguyên.

KĐLC: Kinh Đưa Linh Cửu.

Cao đường vạn phúc

高堂萬福

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Đường:** cái nhà. **Vạn:** muôn.

Phúc: phước. **Cao đường** là ngôi nhà cao, chỉ cha mẹ.

Cao đường vạn phúc là lời chúc cha mẹ sống lâu.

Cao hoang

膏肓

Cao: Bộ phận dưới trái tim. **Hoang:** chỗ dưới tim, trên hoành cách mô.

Cao hoang là bộ phận dưới tim, phía trên hoành cách mô, giữa hai lá phổi. Theo Đông y thì chỗ này thuốc không đến,

châm chích không tới, nên khi nói bịnh tới cao hoang thì không còn có thể chữa trị được, nhứt định phải chết.

TNHT: Ấy là lúc bịnh trong ngũ tạng lục phủ nhập đến *cao hoang*, thì người bịnh dầu số Trời cứu cũng không qua đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cao lương mỹ vị

膏粱美味

A: The delicious disk.

P: Les mets délicieux.

Cao: Thịt ngon béo. **Lương:** gạo, nếp. **Mỹ:** đẹp, ngon. **Vị:** mùi vị.

Cao lương mỹ vị là gạo thơm thịt béo, đồ ăn rất ngon.

TNHT: *Cao lương mỹ vị* hại thân phàm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cao minh

高明

A: High and clever.

P: Haut et éclairé.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Minh:** sáng.

Cao minh là cao và sáng, cao siêu và sáng suốt.

TNHT: Trời *cao minh* soi xét mà người vẫn mê muội...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cao ngạo

高傲

A: Haughty.

P: Orgueilleux.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Ngạo:** phách lối.

Cao ngạo là phách lối tự cao, tự cho mình là tài giỏi.

TL: Tự đại điều qui: Chớ khoe tài, đừng *cao ngạo*.

TL: Tân Luật.

Cao ngự

高御

A: To be seated on the high throne.

P: Être assis sur le haut trône.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Ngự:** ngồi lên một cách trang trọng.

Cao ngự là vua ngồi lên ngai một cách trang trọng.

KNH: Trên Bạch Ngọc, Chí Tôn *cao ngự*.

KNH: Kinh Nhập Hội.

Cao sắc

高敕

A: Order of God.

P: L'ordre de Dieu.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Sắc:** tờ giấy viết lệnh của vua ban ra.

Cao sắc là lệnh của Đức Chí Tôn ban ra.

TNHT: Trung thành một dạ thờ *cao sắc*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cao thăng

高升

A: To advance in grade.

P: Monter en grade.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Thăng:** bay lên.

Cao thăng là bay lên cao, ý nói linh hồn được ban thưởng cho phẩm vị được cao hơn.

Cao thăng Thiên vị: Lên được phẩm vị cao nơi cõi Trời.

PMCK: Chuyển luân định phẩm *cao thăng*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Cao thâm

高深

A: High and profound.

P: Haut et profond.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Thâm:** sâu.

Cao thâm là cao sâu.

Cao thâm còn có ý chỉ Trời trong câu thơ:

"Khẩu đầu lạy tạ *cao thâm* nghìn trùng."

TNHT:

Đạo *cao thâm*, Đạo *cao thâm*,

Cao bất cao, thâm bất thâm,

Cao khả xạ, hê thâm khả điều.

Cao thâm vạn sự tại nhơn tâm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cao thượng

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Cao thượng

高上

A: Supreme.

P: Suprême.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Thượng:** trên.

Cao thượng là ở tốt trên cao, cao tột.

Td: Đôi liễn của Đạo Cao Đài do Đức Lý ban cho:

Cao thượng Chí Tôn Đại Đạo hòa bình dân chủ mục,

Đài tiền sùng bái Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.

(Xem giải nghĩa đôi liễn này nơi chữ Cao Đài).

*** Trường hợp 2: Cao thượng**

高尚

A: Noble.

P: Noble.

Cao: Ở trên cao, tài giỏi. **Thượng:** ưa chuộng.*Cao thượng là ưa điều thanh cao, có tư cách và đạo đức hơn người.*

Cao thượng cũng có nghĩa là đem cái chí của mình lên cao để người ta phải kính trọng.

TNHT: Mình vì chữ Thiện mà dạy người thì giá trị mình đã *cao thượng* rồi mà còn thẹn nỗi gì?**TNHT:** Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.**Td:** Thí dụ.**CÁO****CÁO****CÁO:** 告 có hai nghĩa:

1. **CÁO:** Báo cho biết, trình lên cho biết.
Td: Cáo phó, Cáo Từ Tổ.
2. **CÁO:** Buộc tội.
Td: Cáo luật, Cáo trạng.

Cáo luật

告律

A: Accusation.

P: Accusation.

Cáo: Buộc tội. **Luật:** pháp luật.*Cáo luật là căn cứ theo luật pháp mà buộc tội.***CG PCT:** Thượng Sanh làm Chủ phòng *Cáo luật*.**CG PCT:** Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Cáo phó

告訃

A: Death notice.

P: Avis de funérailles.

Cáo: Báo cho biết, trình lên cho biết. **Phó:** báo tang.

Cáo phó là báo cho mọi người biết cái chết của một người thân của mình và cho biết chương trình tang lễ.

Cáo Tiên bối

告前輩

A: To announce to the predecessors.

P: Annoncer aux prédécesseurs.

Cáo: Báo cho biết, trình lên cho biết. **Tiên:** trước. **Bối:** nhóm người.

Cáo Tiên bối là báo cáo với các Chức sắc Tiên bối đã quá vãng, có một Chức sắc vừa mới qui vị.

Khi các Chức sắc thuộc ba phẩm: Giáo Hữu, Giáo Sư, Phó Sư và tương đương, khi qui liễu, hành lễ tại Báo Ân Từ, có phần Lễ Cáo Tiên bối. Đây là một nghi tiết để báo cáo với các Chức sắc tiên bối quá vãng, một Chức sắc vừa mới qui vị.

Cáo trạng

告狀

A: Act of accusation.

P: Acte d'accusation.

Cáo: Buộc tội. **Trạng:** bản văn viết ra những điều mình muốn trình bày cho cơ quan thẩm quyền biết.

Cáo trạng là bản văn buộc tội đọc trước tòa án.

CG PCT: Tiếp Đạo là người tiếp cáo trạng, án tiết,...

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Cáo Từ Tổ

告祠祖

A: To announce to ancestors.

P: Annoncer aux ancêtres.

Cáo: Báo cho biết, trình lên cho biết. **Từ:** nhà thờ. **Từ Tổ** là nhà thờ tổ tiên.

Cáo Từ Tổ là báo cáo với Tổ Tiên biết có một người trong dòng họ vừa mới qui liễu.

Nghi thức Tang Lễ, Hội Thánh có dạy Lễ Cáo Từ Tổ:

"Có lễ nhạc hoặc không có, trước phải đặt một bàn nghi ngoài để kiếng Thần Hoàng Bốn Cảnh, đất đai Ngũ phương, một mâm cơm chay hay hoa quả bánh nước, tùy gia vô hữu. Còn một mâm dâng lên bàn thờ Tổ Phụ (Cửu Huyền Thất Tổ), một cái mâm đựng đồ tang để Cáo Từ Tổ.

Khi xong, bưng mâm tang qua bàn vong (linh cữu) hành lễ. Vị Chánh Trị Sự đứng phát tang phải mặc Đại phục. . .

Phải đảnh lễ Đức Chí Tôn trước khi Cáo Từ Tổ."

Khi có đủ Nhạc và Lễ thì nghi tiết Cáo Từ Tổ như sau:

1. **Từ tôn tỵ vị:** Nhạc xây tá đờn bài Hạ, con cháu tỵ vị lại trước bàn thờ.
2. **Giai qui:** Nhạc đồ hồi trống cho con cháu qui, dứt đờn.
3. **Phản hương:** Nhạc đánh, trống thét, con cháu đốt hương, nhạc dứt.
4. **Nguyện hương:** Nhạc đánh, trống thét, con cháu nguyện hương, nhạc dứt.
5. **Thượng hương:** Nhạc đánh, trống thét, con cháu dâng hương lên, nhạc dứt.
6. **Cúc cung bái:** Nhạc đánh trống lớp tư, con cháu lạy 3 lạy.
7. **Chước tửu:** Nhạc đánh trống thét, rót rượu trên bàn thờ.
8. **Cúc cung bái:** (như từng hương)

9. **Ai chúc:** Nhạc gài trống đờn Xuân Nữ, Đồng nhi tụng Kinh Cầu Tổ Phụ đã qui liễu, tiếp tụng Kinh CứuKhổ 3 lần, nhạc dứt.
10. **Cúc cung bái:** Nhạc đánh trống lợp tự, con cháu lạy 3 lạy như trên.
11. **Điểm trà:** Nhạc đánh thét, con cháu rót nước trà cúng trên bàn thờ.
12. **Cúc cung bái:** (như từng hương)
13. **Hưng bình thân:** Nhạc đánh thét, con cháu đứng dậy.
14. **Tử tôn dĩ hạ giai xuất:** Nhạc đánh thét, tất cả con cháu đều bước ra.
15. **Lễ thành:** Nhạc đổ một hồi ngân rồi thét. Mãn lễ.

CÁT

CÁT

(Xem: Kiệt)

CĂN

CĂN

CĂN: 根 Rễ cây, chỉ cái gốc rễ của sự việc.

Gốc rễ này là chỉ những việc làm thiện ác trong kiếp trước.

Nó cũng là cái Nghiệp.

Td: Căn bệnh, Căn quả, Căn sinh.

Căn bệnh

根病

A: Illness by root of wrong.

P: Maladie de racine du mal.

Căn: Rễ cây, chỉ cái gốc rễ của sự việc. **Bệnh:** bệnh, đau ốm.

Căn bệnh hay Căn bệnh là cái bệnh có nguồn gốc từ kiếp trước nên uống thuốc hoài mà không hết.

Nó còn được gọi là Nghiệp bệnh.

Nghiệp bệnh là cái bệnh do nghiệp ác từ kiếp trước tạo ra, tức là do những việc làm thiếu đạo đức trong kiếp trước, như gây đau khổ oán hận cho người khác, ích kỷ bỏn xẻn không giúp người hoạn nạn, v.v... khiến tạo nên nghiệp xấu, ảnh hưởng lên kiếp sống hiện tại, làm cho kiếp này phải bị bệnh hoạn triền miên, tốn tiền cho thầy này thuốc nọ, nhưng bệnh vẫn không hết. Nghiệp bệnh chỉ gây đau khổ và hao tiền tốn của cho người bệnh chứ không làm chết người bệnh.

Muốn chữa khỏi căn bệnh hay nghiệp bệnh này, chỉ duy có điều lo làm công quả hay lập âm chất cho nhiều, đồng thời cầu khẩn Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng tha thứ tội tình, lạy công chuộc tội, giải trừ nghiệp chướng, thì mới hết bệnh.

KSH: Sống dương thế, hành thì *căn bệnh*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Căn duyên

根緣

A: Cause, origin.

P: Cause, origine.

Căn: Rễ cây, chỉ cái gốc rễ của sự việc. **Duyên:** mối dây ràng buộc định sẵn từ trước.

Căn duyên là mối dây ràng buộc được định bởi cái nghiệp của mỗi người.

TNHT: Trước có *căn duyên* ở Ngọc cung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Căn nghiệp

根孽

A: Evil origin.

P: Origine mauvaise.

Căn: Rễ cây, chỉ cái gốc rễ của sự việc. **Nghiệp:** cái mầm ác, nghiệp ác.

Căn nghiệp là cái nghiệp ác có gốc rễ từ kiếp trước, mà trong kiếp này mình phải đền trả.

TNHT: Đừng mơ căn nghiệp một đời này.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Căn quả

根果

A: The effect of the past life.

P: L'effet de la vie antérieure.

Căn: Rễ cây, chỉ cái gốc rễ của sự việc. **Quả:** kết quả.

Căn quả là cái kết quả của những việc làm thiện ác trong kiếp sống trước thể hiện trên kiếp sống này.

Thường chữ Căn quả dùng với ý nghĩa là Căn quả xấu.

TNHT: Cầu Tam Giáo Tòa cho tái kiếp mà chuộc căn quả.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Căn sinh

根生

A: Origin of the life. P: Origine de la vie.

Căn: Rễ cây, chỉ cái gốc rễ của sự việc. **Sinh:** sống.

Căn sinh là cái gốc rễ của cuộc sống, tức là tất cả hành vi của con người đã gây ra nơi cõi trần trong kiếp sống trước sẽ định cái số phận của con người ấy trong kiếp sống hiện tại.

KĐ5C: Xem rõ ràng tội phước căn sinh.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

Căn-ta-ca (Kantaka)

乾陟馬

Đây là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn: Kantaka, người Tàu dịch: Càn-trắc mã, nghĩa là con ngựa Càn-trắc.

(Kantaka, nếu phiên âm là Căn-ta-ca thì đúng âm hơn Gãn-ta-ca).

Càn-trắc (hay Kiền-trắc) là tên của một con ngựa chạy hay nhất dưới triều vua Tịnh Phạn mà nhà vua dành riêng cho Thái tử Sĩ-Đạt-Ta sử dụng. Chính con ngựa Càn-trắc này đã đưa Thái tử vượt Hoàng thành vào lúc nửa đêm, đi vào rừng, để Thái tử tầm đạo tu hành.

Phật giáo sử chép rằng: Năm 29 tuổi, đêm mùng 7 tháng 2, Thái tử gọi quan hầu cận Xa-nặc (Tchana) thắp yên ngựa Càn-trắc để Thái tử vượt Hoàng cung xuất gia tầm đạo.

Xa-nặc đi theo Thái tử. Con ngựa chạy suốt từ nửa đêm đến trời hừng sáng thì đến một cụm rừng, cách Hoàng thành rất xa. Thái tử nhảy xuống ngựa và khen rằng: Con ngựa này rất hay, nó mạnh mẽ và mau lẹ như một vị Thiên Thần.

Thái tử cắt tóc, đổi áo, rồi giao ngựa Càn-trắc cho Xa-nặc bảo dắt trở về Hoàng thành và tâm rõ ý chí nhất quyết đi tu của Ngài. Ngựa Càn-trắc trở về Hoàng thành, buồn chán, bỏ ăn rồi chết, linh hồn được thoát lên cõi Trời Đạo-ly.

KKV: *Căn-ta-ca* đỡ bước đi,
Ra thành Phật Tổ gặp kỳ ly cung.

KKV: Kinh Khi Về.

CẦM

Cầm đường tiếng hạc

Cầm: cây đàn cầm. **Đường:** nhà. **Tiếng hạc:** tiếng gáy của con chim hạc.

Cầm đường tiếng hạc là lấy theo hai điển tích sau đây:

1. Cầm đường:

Theo sách Lã Thị Xuân Thu, ông Mật Tử Tiện, học trò của Đức Khổng Tử, làm chức Tri Huyện Đan Phú, thường ngày người ta thấy Huyện quan đánh đàn cầm nơi sảnh đường, rất nhàn hạ, mà công việc dân trong huyện vẫn an ổn.

Sau đó có ông Vu Mã Tử Kỳ được bổ nhiệm đến thay thế Mật Tử Tiện. Ông Vu Mã nhậm chức, làm việc ở công đường lu bù cả ngày thì công việc nơi huyện mới xong, dân sự trong huyện mới đặng an ổn. Vu Mã hỏi ông Mật Tử Tiện:

- Tôi làm việc cả ngày không nghỉ mới giải quyết hết các công việc trong huyện; còn ông chỉ ngồi đánh đàn mà sao công việc cũng đều chu toàn tất cả?

Mật Tử Tiện đáp: - Tôi điều khiển kẻ khác làm, còn ông tự làm lấy. Ai biết dùng người thì khỏe, ai tự làm thì mệt.

Vu Mã Tử Kỳ than thở: - Tôi thực không bằng ông.

Theo điển tích này thì Cầm đường là chỉ cuộc sống phong lưu nhàn hạ.

2. Cầm hạc:

Đời nhà Tống có người làm quan tên là Triệu Thanh Hiến ở đất Thục. Mỗi khi được bổ nhiệm làm quan ở một địa phương nào thì ông chỉ mang theo một cây đàn và một con chim hạc, không mang theo gia quyến và đồ đạc chi hết. Ông sống rất thanh bạch, thành thời nhàn hạ.

Do đó, Cầm hạc là chỉ cuộc sống thanh bạch và nhàn hạ.

Tóm lại, Cầm đường tiếng hạc là ý nói cuộc sống nhàn hạ cao khiết.

TNHT: *Cầm đường tiếng hạc* phải muôn chung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CẨM

CẨM

CẨM: 錦 Gám vóc, có hoa đẹp đẽ.

Td: Cẩm đôn, Cẩm tú.

Cẩm đôn

A: The support enveloped in brocade.

P: Le support enveloppé de brocart.

Cẩm: Gám vóc, có hoa đẹp đẽ. **Đôn:** (chữ Nôm) cái ghế ngồi không có đai dựa, thường được làm bằng sành hay bằng gỗ.

Cẩm đôn là cái đôn bọc gám, phía dưới có gắn hai bông sen nở nhụy, dùng làm cái ngai cho vị Nữ Đầu Sư.

Cẩm đôn được đặt ngang hàng với ba cái ngai của ba vị Nam Đầu Sư nơi chánh điện Tòa Thánh, đặt bên phía Nữ phái.

Hiện nay, Hội Thánh chưa chế tạo cẩm đôn này.

CG PCT: Ấy vậy, cái ngai của Nữ Đầu Sư phải để bên cung Khôn, tức bên tay mặt Thầy. Hộ Pháp hỏi cái ngai ấy ra sao? thì Thầy dạy: Giống y như cái ngai của Quan Thế Âm Bồ Tát, nghĩa là một cái *cẩm đôn* để trong vườn Trước Tử bên Nam Hải, dưới chơn đạp hai bông sen nở nhụy.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Cẩm nang Hành Chánh Đạo

錦囊行政道

Cẩm: Gám vóc, có hoa đẹp đẽ. **Nang:** cái túi.

Cẩm nang là cái túi gám, ý nói cái túi chứa của quý, cần phải luôn luôn đeo bên mình.

Hành Chánh Đạo là cơ quan thi hành những qui điều trong chơn pháp của Đạo để dìu độ chúng sanh lánh khỏi tội tình, hiệp về cội Đạo. Cẩm nang Hành Chánh Đạo là CTĐ.

Ngày 26-2-1960, Giáo Sư Ngọc Mỹ Thanh, Q. Thượng Thống Lại Viện CTĐ gửi cho quý vị Lễ Sanh Tân Đầu Tộc Đạo, bức Cẩm nang Hành Chánh Đạo, xin chép ra sau đây:

CẨM NANG HÀNH CHÁNH ĐẠO **Phẩm cấp Lễ Sanh** **hành quyền Đầu Tộc Đạo.**

LỜI KHUYẾN NHỦ **CHƯ VỊ LỄ SANH TÂN ĐẦU TỘC ĐẠO**

Kính chư Hiền hữu Lễ Sanh thân mến,

Từ trước các em hành đạo tại Tòa Thánh với Thiên chức Lễ Sanh. Hôm nay, các em đấng lịnh đi hành đạo tha phương, lãnh thêm trách nhiệm mới là Đầu Tộc Đạo, do Huấn lịnh của Hội Thánh CTĐ định phận. Hội Thánh thọ mạng lịnh Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông có trách nhiệm nhắc nhở các em vững bước trên đường lập vị, tức là làm trọn lời hứa của các em với Hội Thánh trong buổi đầu tiên.

Anh xin nhắc lại, hồi các em còn ở địa vị Chức việc, các em lập hồ sơ cầu phong Lễ Sanh, có ký tên "*Hiến thân trọn đời hành đạo*" thì trong thâm tâm các em lúc ấy mỗi người đều muốn làm sao cho công quả đủ đầy, để khi xác thân lìa bỏ cõi trần, linh hồn được đấng thăng phẩm vị. Chắc mỗi em đều ước mong như thế. Biết bao khổ hạnh vì đạo, cực trí lao tâm, các em vẫn miệt mài với phận sự. Nhưng Hội Thánh nhận thấy mấy em đã gặp đạo rồi, cần phải tạo đức. Muốn tạo đức, phải lập công quả, vì đức phải do công tạo dựng. Ngày nào các em đạo đức đủ đầy mới mong được ngôi Thiên định vị.

Hội Thánh vì thương nên hôm nay phú thác thêm trách nhiệm cho các em và ủy nhiệm anh căn dặn thêm về bước đường hành đạo. Anh thấy bồn phận các em đến địa phương cần thi hành những việc:

- 1- Phụng sự nhơn sanh.
- 2- Gây tình thiện cảm.
- 3- Thương yêu hòa ái.

Cái khó buổi đầu tiên là các em cất bước ra đi đến nơi xứ lạ quê người, chỉ có hai bàn tay không với một Tờ Huấn lệnh. Nhưng các em chớ thấy như thế mà vội ngã lòng. Các em nên đặt hết đức tin rằng ngoài Tờ Huấn lệnh của Hội Thánh truyền bổ, Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng thiêng liêng còn ban cho mỗi em một vật báu vô hình để khi đến địa phương, các em sử dụng hành đạo. Vật báu ấy là tấm gương đạo đức tại trong tâm các em đã có sẵn, chờ khi các em đi hành đạo, các Đấng sẽ khai mở Huệ tâm Kiến tánh cho các em thành công đắc quả đó.

Anh xin nhắc lại lời Thánh giáo của Bát Nương DTC:

*"Lời đã dặn có Trời nối gót,
Lập ngôi Thiên rưới giọt từ bi."*

thì thấy rõ ràng, người hành đạo cần phải có đức, mà cái đức ấy phải tự tay mỗi em tạo nó mới có, nếu không tạo làm gì có được. Muốn tạo đức, phải làm sao? là phải tùng lệnh Hội Thánh đi hành đạo địa phương, đem tấm thân Chức sắc đến gần với nhơn sanh để dung hòa và thân cận diu dặt, chỉ dẫn người tín đồ hành đạo cho đúng y qui củ chuẩn thẳng của Hội Thánh định, tôn thờ và giữ trọn Tân Pháp Đạo. Nếu thiếu người của Hội Thánh nhắc nhở, e ngại cho nhơn sanh lạc bước lỗi lầm, như thế mới có vấn đề truyền bổ Đầu Tộc Đạo.

Các em nay lãnh lệnh ra đi là bồi công tại cõi hữu hình; còn lập đức nơi thiêng liêng vị, các em hành đạo tại Tòa Thánh là có sẵn đạo rồi, nay đi lấy công lập đức nơi địa phương, chừng đến buổi mai hậu, đạo đức đủ đầy, lo chi phẩm vị thiêng liêng mấy em không kết quả. Ngày gần đây, các em cất bước lên đường, anh có đôi lời khuyên nhủ các em, từ khi thọ lệnh đến lúc ra đi, nên nhớ thi hành các khoản sau đây:

Tại Tòa Thánh: Khi tiếp nhận được Huấn lệnh, nhận lãnh tờ Thông Hành Đạo với hành lý xong, quý vị Tân Đầu Tộc Đạo nên ghi nhớ những việc hành đạo trước buổi ra đi:

1. Mặc Thiên phục vào Tòa Thánh kính lễ Đức Chí Tôn và các Đấng. [Thiên phục là áo rộng có màu và mũ Lễ Sanh]
2. Mặc Tiểu phục vào Báo Ân Từ kính lễ Đức Phật Mẫu và Cửu Huyền Thất Tổ.
3. Mặc Tiểu phục đến Hộ Pháp Đường kính lễ Đức Hộ Pháp (câu nguyện ban ơn lành cho đi hành đạo).
4. Mặc Tiểu phục chào Ngài Đầu Sư để thọ lời phủ dụ.
5. Mặc Tiểu phục chào Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư để nghe lời giáo hóa.
6. Mặc Tiểu phục chào Thượng Thống Lại Viện để nghe những điều căn dặn thêm và nhận lãnh công văn thơ tín.
7. Mặc Tiểu phục chào Thượng Thống và Chức sắc từng sự chung một Viện với mình trước ngày tuyên bố, để lời từ giã lên đường hành đạo. [Tiểu phục là áo dài chạt trắng, đội khăn đóng đen]

Khi đến Châu Đạo: Khi đến Châu Đạo, mặc Tiểu phục chào Khâm Châu Đạo (KCĐ), trình Huấn lệnh tuyên bố và tờ Thông Hành Đạo cho KCĐ chứng kiến và nhờ KCĐ tiến dẫn đến Tộc Đạo, hoặc KCĐ viết thư giới thiệu vị Tân Đầu Tộc Đạo, để ông Cửu Đầu Tộc Đạo và toàn đạo địa phương nhận định giao lãnh trách nhiệm.

Khi đến Tộc Đạo: Nơi địa phương, Bàn Trị Sự (BTS) và toàn đạo nam nữ nghe tin Tân Đầu Tộc Đạo mới bổ đến đều lo tiếp rước. Nếu nghi lễ có lập bàn hương án và nhạc long trọng đông người thì bốn phạm Đầu Tộc Đạo (ĐTĐ) thi hành như sau:

Mặc Thiên phục, quần trắng, giày bố trắng, luôn luôn giữ gương mặt vui tươi, tờ Huấn lệnh xếp lại để sẵn vào một bao thơ để trên cái đĩa, hoặc hộp giấy tinh khiết, chính tay vị Tân ĐTĐ bưng đến để trên bàn hương án, xá 3 xá, rồi bước tránh đứng hầu một bên, một vị Chánh Trị Sự cao niên thay mặt toàn đạo lạy bàn hương án để tỏ lòng tiếp rước Huấn lệnh của Hội Thánh gửi tới. Chức việc lạy rồi, Tân ĐTĐ day trở ra ngoài nói:

"Thưa chư Chức sắc, Chức việc, chư hiền huynh hiền tỷ, hiền hữu, hiền muội, các em đồng nhi nam nữ Hành Chánh và

Phước Thiện,... Hôm nay, toàn Tộc Đạo vì thành kính Hội Thánh nên tiếp rước Huấn lệnh với rước tôi thật long trọng. Tôi vưng lệnh Hội Thánh chuyển lời ban ơn toàn Tộc Đạo này được thêm sự thắm nhuần đạo đức, phấn khởi tinh thần, đưa đến nhiều cuộc an vui, chung hưởng phước lành của Đức Chí Tôn chan rưới. Riêng tôi, như danh Tân Đầu Tộc Đạo, xin kính lời chào mừng toàn Tộc Đạo và cảm ơn chung quý hiền huynh hiền tỷ đã đem sự vui vẻ, tổ tình thân mến, dành tặng cho tôi trong buổi đầu tiên. Vậy, xin mời chư hiền huynh hiền tỷ đồng cùng tôi vào bữa điện kính lễ Đức Chí Tôn và nghe đọc Huấn lệnh."

Tân ĐTD nhớ cởi giày để ngoài thêm, chọn một vị Chánh Trị Sự cao niên tại địa phương, thay mặt toàn đạo, bưng hộp đựng Huấn lệnh, đi sau lưng Tân ĐTD, chư đạo nam nữ đồng theo vào bữa điện, để Huấn lệnh trên Thiên bàn, cả thầy đồng kính lễ Đức Chí Tôn.

Lạy rồi, Khâm Châu Đạo (KCĐ) tuyên đọc Huấn lệnh Hội Thánh tuyên bố cho toàn đạo nghe và có lời khen ngợi việc tiếp rước này được tôn nghiêm long trọng và cũng không quên khuyến nhủ việc tu hiền cho chư thiện tín nghe, và khuyên nên tận tâm giúp cho Tân ĐTD. Kế Tân ĐTD nói:

"Thưa chư hiền huynh hiền tỷ, Lễ tiếp rước Huấn lệnh và Tân Đầu Tộc Đạo được tốt đẹp, tôi rất cảm tình toàn đạo trong buổi sơ giao này. Xin kính mời chư hiền huynh hiền tỷ trở vào hậu đường để cùng nhau luận đàm đạo đức."

Khi trở vào hậu đường, Tân ĐTD hỏi thăm ông Chánh Trị Sự sở tại, có Đền thờ Phật Mẫu chưa, như có thì Tân ĐTD phải nói:

"Thưa chư hiền huynh hiền tỷ, xin mời chư vị vui lòng ngồi uống nước chờ đôi phút, vì tôi phải đi kính lễ Đức Phật Mẫu."

Rồi trở lại văn phòng Bàn Trị Sự, có đọc diễn văn chào mừng, Tân Đầu Tộc Đạo phải lắng lắng ngồi nghe, để ý chăm chú từ lời nói của mỗi vị, chót hết, Tân Đầu Tộc Đạo phải đáp từ, nếu có viết sẵn bài đáp từ cũng tốt, bằng không nói ứng khẩu trôi chảy càng hay:

"Đại ý vâng lệnh Hội Thánh truyền bổ đến Tộc Đạo này để góp trí chung tâm, cộng ưu hòa ái với chư hiền huynh hiền tỷ hiệp một lòng cùng nhau kính thờ Đức Chí Tôn, tuân y Chơn truyền Luật pháp của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh, sau nữa giao tình thân ái, kết nghĩa thương yêu trong cửa đạo lẫn ngoài đời, đặng tương thân hòa ái hầu chung hưởng mùi đạo đức an vui. Sở vọng tôi mong ước toàn đạo thương tôi là người ít đức thiếu tài nhưng nhờ lập công quả nhiều năm nên Ông Trên ban thưởng cho chức phẩm đạo. Nay vâng mạng lệnh đi hành đạo tha phương, phải trông nhờ Bàn Trị Sự và chư hiền huynh hiền tỷ góp công giúp ý kiến giùm tôi, cũng như từ trước đã cộng sự chung với ông Cựu Đầu Tộc Đạo vậy, để đồng tâm hiệp trí giúp nền đạo nơi này tiến hành thêm trên đường phổ độ."

Tùy trường hợp, do hoàn cảnh nhận định để phát biểu ý kiến đáp từ trong buổi lễ tiếp rước đầu tiên này, song Tân ĐTD nói hay đọc diễn văn không ngoài 5 phút (nói nhiều không hay), xong rồi dự tiệc trà thân mật hoặc đãi bữa cơm. Tân ĐTD nên cẩn thận về việc người đạo địa phương đãi mình trong buổi tiếp tân và trở về sau.

Các nơi, có một phần ít, sự chay lạt chưa kỹ, còn dùng tôm cua, khô mực, tôm khô, hột vịt hoặc uống rượu, v.v... Đầu Tộc nên dùng toàn chay tinh khiết, tránh các món trên đây.

Cần nhứt, sự ăn mặc phải tự mình nghiêm khắc lấy mình, nên nhớ câu: "Ăn không cầu no, mặc không cầu đẹp, không tìm cao lương mỹ vị để ăn, không kiếm hàng lụa tốt đẹp để mặc." Bữa cơm thanh đạm, vài bộ tinh khiết là đủ, phô bày cử chỉ noi gương đạo đức để toàn đạo địa phương nhận định.

Giao lãnh trách nhiệm:

Sau lễ tiếp rước xong rồi, hỏi ý kiến Cựu ĐTD định ngày nào lập Vi bằng giao lãnh, mời KCD chủ tọa và mời Bàn Trị Sự toàn Tộc Đạo, Ban Tứ Vụ sở tại chứng kiến.

Khi giao lãnh, chú ý về sổ tài chánh cho kỹ lưỡng, hỏi ý kiến Bàn Trị Sự và Ban Tứ Vụ về khoản tài chánh đó có ai kêu nài điều chi không, có kêu nài thì Cựu ĐTD phải giải quyết cho xong sẽ giao lãnh, bằng chẳng kêu nài, thì ký tên nhận lãnh kể từ ngày ấy về sau. Còn từ đó về trước, ông Cựu ĐTD chịu

trách nhiệm. Vi bằng lập 4 bản y nhau: 1 Tân, 1 Cựu, 1 Khâm Châu, 1 gởi Hội Thánh.

Viếng Chánh quyền địa phương:

Giao lãnh xong rồi, cậy ông Cựu ĐTD tiến dẫn đến viếng thăm Quận Trưởng, Trưởng Chi Cảnh sát, Trưởng Chi Y tế, Trưởng Chi Bảo an, Chánh Tổng, Hội Đồng Xã, v.v... Tóm lại là viếng thăm tất cả Chánh quyền sở tại để tỏ lòng thân thiện ngoại giao về sự đời đạo tương đắc. Khi viếng Quận Trưởng và Trưởng Chi Cảnh sát, nên trình Thông Hành Đạo của Hội Thánh cấp phát, mời Quận Trưởng, Trưởng Chi, Hội Đồng Xã kiến thị (ký tên đóng dấu) để mai hậu đi hành đạo nơi thôn quê hẻo lánh, xuất trình giấy hữu quyền đủ phần tín nhiệm với công chức quốc gia khi thừa hành phận sự.

Thăm viếng mặt đời xong thì thăm viếng mặt đạo:

Viếng các Chức sắc Hàm phong, hưu trí (nam và nữ), viếng Chức sắc Phước Thiện, viếng các Bàn Trị Sự, thăm quý bà lão, viếng các bà sượng phụ cao niên, nếu có thể được, viếng các gia đình người đạo, bằng không đủ thời giờ thì chế bót.

Thăm viếng các hương đạo xong, tiếp tục hành đạo đúng 1 tháng, gởi phúc trình về Khâm Châu Đạo kể rõ các khoản sau đây: (Phúc trình này làm 3 bản, chia ra: 1 bản gởi KCĐ, 1 bản nhờ Khâm Châu chuyển về Hội Thánh, và một bản để hồ sơ Tộc Đạo.

1. Trong Tộc Đạo có bao nhiêu hương đạo?
2. Bàn Trị Sự tiếp đón Đầu Tộc Đạo niềm nở không?
3. Toàn đạo tiếp đón đông đảo vui vẻ không?
4. Tinh thần người đạo địa phương thế nào? Có kết chặt trung thành từng Hội Thánh Tây Ninh hay xu hướng nơi nào không?
5. Sự thù tạc vãng lai về tang sự, hôn nhân, có từng y Tân Luật không?
6. Về hoạn nạn tật bệnh, giúp khó trợ nghèo, chư Đạo hữu có siết chặt tình đoàn kết giúp đỡ nhau không?

7. Trong Tộc Đạo có mấy Thánh Thất? Thánh Thất nào cột cây vách ván, nền đất lợp lá, nền đúc vách gạch lợp ngói, kể tên rõ ra từng chi tiết của mỗi Thánh Thất. Đất để cất Thánh Thất do ai hiến hay Đạo mua, số sào mẫu?

8. Thống kê Chức việc mỗi cấp tổng cộng có bao nhiêu vị, Ban Nhạc Lễ, Đồng nhi, số Nam, phụ, lão, ấu nam nữ?

9. Ban Nhạc, Lễ sĩ, Giáo nhi, Đồng nhi, hành sự được điều hòa, trang nghiêm trong đàn cúng như ở Tòa Thánh không?

10. Mức sống của tín đồ thế nào? có những nghề gì?

11. Nguyên vọng của toàn đạo địa phương là điều gì?

12. Nguyên vọng của Đầu Tộc Đạo muốn điều gì giúp hay cho Đạo?

Về cách nhóm Đạo hàng tháng:

1. Mỗi tháng nhóm lệ Bàn Trị Sự (BTS) một kỳ, Đầu Tộc Đạo chủ tọa, lập chương trình đề nghị những việc phần ích chung cho Đạo, để mời BTS hiệp trí chung tâm giải quyết. BTS có quyền phát biểu ý kiến trong phạm vi đạo đức, ý kiến nào được đa số dự hội chấp thuận đăng đem vào Vi bằng đệ trình lên Khâm Châu Đạo phê chuẩn. Khi được phê chuẩn rồi, trả lại mới được ban hành và thi hành.

2. Kiểm điểm công việc hành đạo trong tháng: Đạo lệnh, Huấn lệnh, Huấn thị, Châu tri, Thơ tín của Hội Thánh và KCĐ gọi tới, ĐTD kiểm điểm trong tháng BTS thi hành mọi việc kết quả ra sao.

3. Thu nhận Nguyệt để và phúc trình của Hương đạo: Bàn Trị Sự mỗi tháng gọi Nguyệt để đến Đầu Tộc Đạo kể rõ việc hành đạo trong tháng của Hương đạo. Việc đại sự thì gọi phúc trình riêng, việc thường thì ghi vào Nguyệt để.

Sau ngày nhóm lệ của BTS, ĐTD góp đại ý Nguyệt để các Hương đạo để làm Nguyệt để của Tộc đạo, kể rõ tình hình hành đạo trong tháng của Tộc đạo thế nào để gọi lên KCĐ. Việc đại sự thì làm phúc trình riêng kể rành chi tiết (có mẫu Nguyệt để in sẵn).

4. Cách thức viết phúc trình: Nên viết mỗi vấn đề một tờ phúc, không nên viết nhiều vấn đề vào một tờ là để giúp

thượng quyền để phê định và tiện việc xếp đặt hồ sơ. Nên viết thúc kết đại ý, không nên kể dài dòng, tóm tắt nhưng đầy đủ chi tiết càng hay.

Về cách gởi giấy tờ về Hội Thánh:

ĐTĐ gởi tờ phúc trình chi tiết về Hội Thánh phải nhờ KCĐ vi chứng và chuyển dâng Hội Thánh, không được tự mình gởi ngay về CTĐ, như thế là vượt bậc, có 3 điều sơ sót:

- Thiếu Khâm Châu Đạo vi chứng rằng giấy tờ ấy quả thật của Đầu Tộc Đạo.

- Công việc ấy không thông qua Khâm Châu Đạo để tường trình ý kiến cho Hội Thánh rõ.

- Khó phân biệt giấy tờ của kẻ ngoại cuộc, giả mạo con dấu và chữ ký tên.

Đề ý: Phúc trình hoặc giấy tờ chi gởi về Hội Thánh phải có Khâm Châu Đạo vi chứng, nếu thiếu Văn phòng Lại Viện không nhìn nhận.

Về cách chứng giấy tờ của Bàn Trị Sự:

Bàn Trị Sự (BTS) đệ tờ đến giùm Đạo hữu có xin điều gì thì Đầu Tộc Đạo (ĐTĐ) nên suy nghĩ cẩn thận, xét kỹ coi lời đương sự yêu cầu có giúp hay cho người mà tổn thương danh thể Đạo không? Sẽ nhận định, như không tổn thương danh thể Đạo thì phê cho, rồi trả lại cho đương sự thi hành, bằng vô thẩm quyền thì chờ nhóm BTS giải quyết. Đó là vấn đề địa phương. Còn việc nào cần yếu thì dâng lên cho KCĐ xét định.

Nên đề ý tờ giấy gởi đến KCĐ, ĐTĐ phải **chứng kiến** và cho ý định cất nghĩa hoàn cảnh đương sự yêu cầu đáng cho hay không, rồi đề ngày tháng năm, ký tên đóng dấu. Chẳng nên chứng suông, không ý kiến gì, KCĐ khó bề nhận định công việc của đương sự.

Về chứng, có ba ý nghĩa sau đây:

1.) **Trường hợp thứ nhất:** Đương sự là Đạo hữu đưa giấy tờ đến.

a). BTS **chứng thật** là thấy và biết rõ việc đó đúng y lời của đương sự trạng tỏ trong giấy tờ. BTS chứng thật và cho ý kiến rồi gởi lên ĐTĐ.

b). ĐTD **chứng kiến** là thấy và nghe rõ hoàn cảnh ấy nên nhận định chữ ký tên và con dấu của BTS chứng trước là thật. ĐTD chứng kiến phải cho ý định rành rẽ rồi gửi lên KCĐ.

c). KCĐ **vi chứng** là biết rõ chữ ký tên, con dấu của BTS và ĐTD, phải xét kỹ chứng thật và chứng kiến có hợp pháp không, rồi đệ trình về Hội Thánh nhìn nhận vấn đề ấy là thật. Chữ "thật" là biết rõ tờ giấy và công việc yêu cầu này của Chức việc, Chức sắc trong Hội Thánh chớ không phải do người ngoại cuộc.

2.) **Trường hợp thứ hai:** Nếu đương sự là BTS gửi tới ĐTD, ĐTD phải **chứng thật**, rồi gửi lên KCĐ. KCĐ **chứng kiến**, xong rồi gửi về Lại Viện CTĐ.

3.) **Trường hợp thứ ba:** Nếu đương sự là ĐTD gửi đến KCĐ thì KCĐ **chứng thật** rồi gửi về Lại Viện CTĐ.

Nên nhớ: - Cấp thứ nhất: CHỨNG THẬT.
- Cấp thứ nhì: CHỨNG KIẾN.
- Cấp thứ ba: VI CHỨNG.

Về ý nghĩa: **Phê kiến** và **Phê chuẩn**:

- **Phê kiến:** có nghĩa khi trả xuống ban hành, có khi còn phải dâng lên tối cao thượng lệnh.
- **Phê chuẩn:** tờ giấy ấy dâng lên tột phẩm rồi, được phê chuẩn, trả xuống ban hành.

KẾT LUẬN: Ba sự chứng và hai sự phê, ĐTD tùy hoàn cảnh, tùy phương nhận định để sử dụng.

Về Tài chánh:

Nơi địa phương các Thánh Thất, BTS có cử Ban Tứ Vụ để chung lo công việc tại Thánh Thất. Phen sự Hộ Vụ giữ tài chánh địa phương, như tiền hành hương sở tại, để quý tế, tu bổ Thánh Thất, châu cấp văn phòng, vv...

ĐTD không nên giữ tài chánh địa phương, chỉ có quyền quan sát và chứng kiến sổ đầu xuất, chứng thật Thông qui tiền hành hương để giao Hộ Vụ thu nhận. Trừ ra tiền hành hương gửi Tòa Thánh do người đạo địa phương hỷ cúng, BTS lập Thông qui rành rẽ đem đến gửi ĐTD chuyển giao về Tòa

Thánh thì ĐTD phải nhận lãnh gìn giữ châu báu, chờ đăng lại KCĐ, nếu sơ thất, ĐTD phải chịu trách nhiệm.

Về Lễ cúng:

Ngoài hai kỳ lễ sóc vọng và ngày Lễ vía, ĐTD phải cúng một ngày đêm ít nhất 2 thời, thời Tý hoặc thời nào tùy ý và do hoàn cảnh. Ban đêm khi rảnh rang công việc văn phòng, nên tụng một thời DLCK để cầu nguyện cho đời hưởng thanh bình, nhơn loại cộng lạc an ninh, Đạo được đức tin đầy đủ.

Về sự vắng mặt nơi văn phòng:

Khi về Tòa Thánh cầu lễ, hoặc nạp công văn Hành Chánh Đạo, phải xin phép KCĐ. Khi được phép rồi, viết Tờ Ủy nhiệm một Chánh Trị Sự xử lý thường vụ văn phòng ĐTD trong thời hạn nhất định. Khi đi viếng các Hương đạo, phải có Chức việc gác thường trực tại văn phòng, không nên bỏ vắng (trách nhiệm này cho tạm giải quyết những việc thường thức, còn việc trọng đại thì chờ ĐTD, nếu cần thiết đệ lên KCĐ).

Chọn cử Thơ ký giúp việc văn thư cho văn phòng ĐTD, để BTS chọn lựa và công cử. ĐTD chủ tọa và chứng thật trong tờ cử, đệ trình KCĐ phê chuẩn.

Tóm lại, ĐTD không được vắng mặt vô cớ.

Về tật bệnh của người đạo cũng như người đời:

Hễ mang xác thịt thân phàm, không ai tránh khỏi con đường tứ khổ (sanh, lão, bệnh, tử), càng nặng nề trách nhiệm hơn hết là vị Chức sắc của ĐĐTKPĐ Tòa Thánh Tây Ninh, lãnh mạng lệnh Đức Chí Tôn và Hội Thánh đi hành đạo tha phương, tức là kẻ vai gánh vác, chia sẻ nỗi đau khổ sầu than của nhơn loại (nói chung) và của người tín đồ Cao Đài (nói riêng) nên bổn phận ĐTD khi hay tin người có bệnh, phải đến tận tư gia thăm viếng, an ủi, khuyên giải tâm trí đau buồn của người bệnh, lo tìm thầy chỉ thuốc để thân nhân điều trị cho bệnh nhân. Nếu bệnh nhân đơn cô nghèo khó, phải sắp đặt người đồng đạo ở gần để luân phiên nuôi dưỡng, thang thuốc cho đến khi lành mạnh, nên góp công và của để giúp đỡ hoàn cảnh trên đây (dầu đạo hay đời cũng đồng chung như một).

Về tang sự người đạo:

Khi đặng tin có người đạo qui vị, dầu một em bé sơ sinh, cũng phải tìm cách nào làm cho linh hồn ấy được hưởng đủ lễ cầu hồn và cầu siêu, cùng đưa đến phần mộ, đúng như nghi thức của ĐĐTKPĐ, Hội Thánh đã dạy trong Tân Kinh.

Nếu hay tin mà ngó lơ không lo cầu hồn và cầu siêu cho người chết thì ĐĐĐ còn khuyết điểm về phương tận độ.

Về tang sự của người đời:

Khi nghe tin người đời qui vị, chẳng hạn như quan viên, công chức hương đảng, quý cụ bô lão, quý bà góa phụ kiên trinh thủ tiết, quý anh chị cô đơn nghèo khó, vv... ĐĐĐ phải đến điều tang, chia buồn, cảnh nghèo khó phải tùy phương trợ giúp. Nếu tang gia chịu từng luật đạo, nhập môn lập thế, an vị Thánh tượng thì được phép cầu hồn và cầu siêu Bạt tiến, chung lo đưa xác đến phần mộ, để tỏ tình liên lạc, gây nghĩa tương thân, làm cho người đời hòa ái với người đạo. Có hòa ái mới đi lần đến sự thương yêu, có thương yêu mới có thiện cảm kính mến nhau, mới mong độ rỗi người đời đem vào cửa đạo.

Về sự hoạn nạn của người đạo cũng như người đời:

Khi nghe tin người lâm hoạn nạn, phải đến nhà khổ chủ vấn an và khuyên giải, rồi hiệp ý kiến với BTS chung lo giải cứu người qua hồi hoạn nạn, tùy hoàn cảnh lo liệu. Khi gặp người đời cũng như người đạo, chẳng hạn như góa phụ, cô nhi, cơ hàn đói khổ, tha hương lữ thứ, yếu tha già trẻ, tật bệnh đơn cô, . . . thì ĐĐĐ phải hiệp với toàn đạo địa phương, tùy mưu chước mà trợ giúp người thọ khổ.

Về hôn nhân của người đạo:

ĐĐĐ hiệp với BTS chung lo chia vui cùng gia đình hôn chủ. Khi hành lễ cầu nguyện nơi Thánh Thất hoặc tư gia, nên giải rõ bổn phận làm con, bổn phận làm chồng, bổn phận làm vợ cho cô dâu chú rể nghe. Trai thì phải Tam cương Ngũ thường, gái thì Tam tòng Tứ đức, y như nền nhơn luân của Đức Thánh Nho giáo đã dạy từ thỉ và nên cất nghĩa những điển tích tiết phụ, nghĩa phu cho dâu rể biết rõ, như tích: "Dưới trăng bóng ngọc còn nguyên, Ôm bình bao tóc sang hèn cũng cam." (Kinh Hôn phối) và gương tốt của Tống Hoàng.

Đề ý: ĐTD không đặng làm phép Hôn phối như tại Tòa Thánh, chỉ được cầu nguyện cho hai họ thành hôn là đủ. Tang và Hôn, hoặc các lễ cúng khác, cần khuyên người đạo tụng y Tân Luật và giữ toàn trai giới, cấm sát sanh.

Về cách mặc lễ phục và đạo phục:

Chầu lễ Đức Chí Tôn, mặc Thiên phục. Chầu lễ Đức Phật Mẫu, mặc áo dài trắng, khăn đóng đen. Kính lễ chùa, đình, lăng, miếu, mặc trường y 9 nút, khăn đóng đen.

Tang lễ và Hôn lễ, mặc trường y 9 nút, khăn đóng đen.

Dự lễ mặt đời, cần phải ăn mặc cho trang hoàng, trường y, quần, giày, vớ, khăn, cho sạch sẽ ngay ngắn để giữ thể thống người đại diện của đạo một địa phương.

Về cách lễ bái người cao niên hơn mình khi qui vị:

Chẳng luận phẩm tước đạo đời, chỉ kính người lớn tuổi hơn, không phân nam nữ, mặc trường y 9 nút, khăn đóng đen, bái lễ trước linh cữu hoặc linh vị.

Đến nhà người đạo, phải mặc áo dài trắng. Ở trong văn phòng một mình, không nên mặc quần cụt, áo thun lá, vận chân.

Đề ý: Không nên mặc quần áo đen, dầu đi hành đạo hay ở trong văn phòng cũng vậy. Nên dùng giày bố trắng để tỏ ý tiết kiệm.

Về cử chỉ tiếp Huấn lệnh, Đạo lệnh:

Khi tiếp nhận Đạo lệnh, Huấn lệnh, Huấn thị, Thông tri của Hội Thánh hoặc KCĐ gởi tới, phải nhận lãnh đủ hai tay, đưng trong một cái đĩa hoặc hộp giấy tinh khiết, đem để trên bàn tại Thiên phong đường, rồi lấy áo dài trắng khăn đen mặc vào, đến trước bàn xá Đạo lệnh, Huấn lệnh, Huấn thị, Thông tri, xá 3 xá rồi mở ra đọc để tỏ lòng kính trọng Hội Thánh và KCĐ, không nên mặc áo cụt mở ra đọc liền, như thế ắt thiếu lễ kính trọng, dầu ở trong văn phòng một mình cũng phải mặc áo dài trắng khi đọc Thánh lệnh, Đạo lệnh, vv...

Về sự nhu cầu mức sống của Đâu Tộc Đạo:

ĐTD không đặng đòi hỏi địa phương cung cấp cho mình nhiều hơn món xài phí hằng ngày, nên giữ mức sống vật chất

thế nào cho ngang tín đồ, hoặc khổ hạnh hơn, còn tinh thần đạo đức của mình lúc nào cũng sáng tỏ, vững chắc hơn tín đồ. Nếu mức sống của ĐTD sang trọng sung sướng hơn người thì tín đồ sẽ so sánh, rồi tủi thân buồn phận. Tình cảnh ấy, tín đồ sẽ lần lần xa lánh ĐTD, như thế khó mong gây thiện cảm để điều độ người đi cùng bước đạo.

Về cách hòa giải nhơn tâm:

Khi nghe anh Mít chỉ trích hờn giận anh Xoài, ĐTD chớ vội tin liền, phải dè dặt lắng nghe tư cách ông Xoài thế nào, sẽ nhận định coi ai phải ai quấy. Nên nhớ: người phải cũng có ẩn cái quấy, còn người quấy cũng ẩn có cái phải bên trong, chỉ khác nhau phải nhiều quấy ít hoặc phải ít quấy nhiều, có khi hiểu lầm một câu nói chơi mà sanh ra thù hiềm, nghi kỵ, hờn giận lẫn nhau. Hoặc trong cơn cãi vã lẫn nhau, hai người đấu khẩu tranh lấy lẽ phải về mình, khiến nên sanh chuyện cá nhân ganh ghét.

Đồng lửa đang cháy, muốn tắt phải nhờ nước tưới vào. ĐTD là giọt nước hành dương để tưới vào đồng lửa thất tình của nhơn sanh đang cháy. ĐTD tìm cách cho hai bên hiệp mặt, rồi đứng trung gian hoà giải, khuyên hai người nên ẩn nhẫn nhịn nhục, dung hòa tha thứ cho nhau để chung lo việc đạo. Như thế mới mong cảm hóa lòng người nguôi cơn giận ghét.

Đề ý: Hai người gây hoặc đánh lộn nhau, nếu không có người thứ ba đứng ra can gián thì không hòa hiệp được (dầu hết giận cũng còn thẹn mặt) mà người thứ ba ấy là người lớn tuổi hoặc lớn phẩm mới can gián được. Tâm lý đạo đòi vẫn thế.

Bổn phận của Đầu Tộc Đạo:

- Nên tránh những điều: Tài, Sắc, Tánh nóng nảy giận hờn.
- Nên làm những việc:
 1. Giúp người, quên mình để làm nên cho người.
 2. Thương người, ra công tận tâm lo giải khổ cho người.
 3. Nhận định toàn cả gia đình Đạo hữu là gia đình mình.

4. Công việc của người Đạo hữu là công việc mình.

5. Vợ con của người Đạo hữu là em cháu mình.

Tức là phải hòa mình cùng cả Đạo hữu hiệp một để chung lo công việc của đời lẫn đạo. Đi hành đạo địa phương là một dịp để cho các em lập công và lập đức đó.

Chức sắc có sứ mạng thiêng liêng, cần trau dồi đức tánh và hằng xem Phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo, để rèn luyện tinh thần đạo đức, thực thi trách nhiệm.

TỔNG KẾT:

Chức sắc Đầu Tộc Đạo là người thay mặt Hội Thánh tại một địa phương, lãnh lĩnh giáo dân qui thiện, nên từ lời nói, cử chỉ đi đứng, đến hạnh nét tư cách cư xử của người Chức sắc, bổn phận của ĐTD là phải cố gắng ép mình trong khuôn viên luật pháp để nêu gương đạo đức cho xứng đáng là người thọ mạng lệnh nơi Hội Thánh.

Hỡi chư vị Lễ Sanh Tân Đầu Tộc Đạo thân mến,

Phẩm vị thiêng liêng còn đợi chờ đón rước các em trở về cựu vị. Nếu các em giữ trọn trách nhiệm mình đúng y Tân Pháp Đạo, trở nên người xứng phận giáo đạo tha phương thì: Muôn năm sứ đạo nêu danh, ngàn thuở nhưn sanh ca tụng.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng thiêng liêng ban ơn lành, khai mở trí huệ cho các em tinh thần minh mẫn, xác thịt đầy đủ an khương, ngày mai các em lên đường đến địa phương hành đạo đặng như ý muốn.

Đời mến đức, Đạo thương tài,

Đức tài hiệp một, nhiều ngày lập công.

Hội Thánh mong ước các em đi hành đạo được nhiều kết quả tốt. Nay lời.

Viết tại Văn phòng Lại Viện, ngày 30-1-Canh Tý
(dl 26-2-1960)

Q. Thượng Thống Lại Viện
Giáo Sư NGỌC MỸ THANH
(ký tên đóng dấu)

Phụ Thống Lại Viện
Giáo Hữu NGỌC TỊNH THANH
(ký tên)

CTĐ: Cửu Trùng Đài. **DTC:** Diêu Trì Cung.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cẩm tú

錦繡

A: Elegant and flowery.

P: *Élégant et fleuri.*

Cẩm: Gấm vóc, có hoa đẹp đẽ. **Tú:** thêu hoa.

Cẩm tú là gấm thêu hoa, ý nói rất đẹp.

Bài thái hiến lễ Nhị Nương trong Hội Yến DTC:

Cẩm tú văn chương hà khách đạo?

DTC: Diêu Tri Cung.

CÂN

Cân đai

巾帶

A: Ceremonial dress of mandarin.

P: *Vêtement de cérémonie du mandarin.*

Cân: cái khăn bịt trên đầu. **Đai:** cái vòng cứng choàng ngang bụng bên ngoài cái áo của quan đại thần.

Cân đai là chỉ phẩm phục của các quan nơi triều đình.

Ý nói: Chốn quan trường đua chen danh lợi.

TNHT: Lãng xăng xạ xạ mùi chung đỉnh, vẽ *cân đai*, rớt cuộc cũng chẳng khác chi một giắc huỳnh lương mộng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cân thần

Cân: (nôm) cân đo cho biết nặng nhẹ. **Thần:** chơn thần.

Cân thần là Đức Hộ Pháp trực chơn thần của một vị công quả để Đức Ngài dùng cặp mắt thiêng liêng xem xét các tánh chất của vị công quả đó.

Có tất cả 12 tánh chất, kể ra:

- | | | |
|---------|---------|----------|
| 1. Hạnh | 5. Tinh | 9. Mạng |
| 2. Đức | 6. Thần | 10. Căn |
| 3. Trí | 7. Thân | 11. Kiếp |
| 4. Lực | 8. Tín | 12. Số. |

Đức Hộ Pháp chỉ cần 4 tánh chất đầu. Thí dụ:

- | | |
|------------------|-----------------|
| 1. Hạnh: 5 điểm. | 3. Trí: 4 điểm. |
| 2. Đức: 6 điểm. | 4. Lực: 7 điểm. |

Tổng cộng: 22 điểm. Chia 4 lấy trung bình = 5,5 điểm.

Như vậy là trên trung bình: Đâu.

Ai có điểm dưới trung bình thì phải lập công đức thêm.

Ai có điểm trên trung bình mới cho đâu, được thọ Đào Viên Pháp, tức là làm lễ lập Hồng thệ. Lập Hồng thệ rồi mới được công nhận chính thức là môn đệ của Phạm môn.

CĂN

CĂN

CĂN: 謹 có hai nghĩa sau đây:

- CĂN:** Kính cẩn, tôn kính.
Td: Căn cáo, Căn chí, Căn từ.
- CĂN:** Giữ gìn một cách thận trọng.
Td: Căn ngôn cẩn hạnh.

Cẩn cáo

謹告

A: To inform respectfully.

P: Prévenir respectueusement.

Cẩn: Kính cẩn, tôn kính. **Cáo:** báo cho biết.

Cẩn cáo là báo cáo với cấp trên một cách kính cẩn.

Cẩn chí

謹誌

A: To inscribe respectfully.

P: Inscire respectueusement.

Cẩn: Kính cẩn, tôn kính. **Chí:** ghi chép.

Cẩn chí là ghi chép một cách kính cẩn.

Hai chữ này thường được đề dưới một bài văn, như bài tựa của một quyển sách hay một bài bia để tỏ ý soạn giả đã kính cẩn ghi chép. Soạn giả thường viết: *Soạn giả cẩn chí* (Soạn giả kính cẩn ghi chép).

Cẩn ngôn cẩn hạnh

謹言謹行

A: To take care the language and character.

P: Prendre garde à la parole et au caractère.

Cẩn: Giữ gìn một cách thận trọng. **Ngôn:** lời nói. **Hạnh:** tánh nết.

Cẩn ngôn cẩn hạnh là giữ gìn cẩn thận lời nói để cho lời nói được mình chánh, và giữ gìn cẩn thận tánh nết cho được đứng đắn đoan trang.

TNHT: Nơi Tòa Phán Xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải *cẩn ngôn cẩn hạnh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cẩn sớ thượng tấu

謹疏上奏

A: The respectful petition to God.

P: Le placet respectueux au Dieu.

Cẩn: Kính cẩn, tôn kính. **Sớ:** tờ giấy viết lời tâu dâng lên Đức Chí Tôn. **Thượng:** dâng lên. **Tấu:** tâu lên cho vua rõ.

Cẩn sớ thượng tấu: Kính cẩn dâng sớ tâu lên Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu rõ.

Cẩn tắc vô ưu

謹則無憂

A: To be careful to avoid eventual trouble.

P: Qui fait attention s'évite des ennuis.

Cẩn: Kính cẩn, tôn kính. **Tắc:** thì. **Vô:** không. **Ưu:** lo.

Cẩn tắc vô ưu: Cẩn thận thì không lo lắng về sau.

Cẩn từ

謹詞

A: The respectful speeches.

P: Les paroles respectueuses.

Cẩn: Kính cẩn, tôn kính. **Từ:** lời nói.

Cẩn từ là lời nói kính cẩn.

Hội Thánh cẩn từ: Hội Thánh có lời kính cẩn trình bày.

CẬN

CẬN

CẬN: 近 Gần.

Td: Cận lợi, Cận đấng.

Cận lợi

近利

A: Immediate interest.

P: L'intérêt immédiat.

Cận: Gần. **Lợi:** lợi lộc tiền bạc.

Cận lợi là điều lợi gần, thấy rõ trước mắt.

Thông thường thấy lợi gần mà không thấy hại xa. Lợi gần thì nhỏ, mà hại xa thì lớn.

TNHT: Cứ thấy những điều *cận lợi* mà quên hẳn lương tâm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cận đăng tắc minh, cận mặc giả hắc

近燈則明, 近墨者黑

A: Near of the lamp, it is clear; near of the ink, it is dark.

P: Près d'une lampe, il est clair; près de l'encre, il est sombre.

Cận: Gần. **Đăng:** đèn. **Tắc:** thì. **Minh:** sáng. **Mặc:** mực.
Giả: ấy là. **Hắc:** đen.

Cận đăng tắc minh: Gần đèn thì sáng.

Cận mặc giả hắc: Gần mực thì đen.

CẤP

Cấp cấp như luật lệnh

急急如律令

Cấp: gấp rút, cần kíp. **Luật:** luật pháp. **Lệnh:** mệnh lệnh của cấp trên truyền xuống.

Cấp cấp như luật lệnh: Gấp rút thi hành như lệnh truyền theo luật định.

Câu này có từ thời nhà Hán, thường viết sau các tờ công văn của cấp trên truyền xuống cho cấp dưới thi hành.

Các vị Đạo gia và các pháp sư cũng dùng câu này sau các câu chú để truyền lệnh cho các vị khuất mặt thi hành ngay.

Cấp tế

給濟

A: To relieve one in need.

P: Aider les malheureux.

Cấp: giúp cho. **Tế:** cứu giúp.

Cấp tế là cứu giúp người trong cơn hoạn nạn, bằng cách đem thuốc men, vật thực, quần áo, tiền bạc đến giúp đỡ.

ĐLMD: Về khoản cấp tế của Phước Thiện, chẳng nên phân biệt người trong Đạo hay người ngoài Đời.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

CÂU

Câu Chú của Thầy

A: The invocatory ritual terms of Divine Master.

P: Les termes invocatoires rituels du Maître Divin.

Câu Chú: Câu niệm huyền bí của một Đấng thiêng liêng đặt ra để hộ trì các môn đệ trên bước đường tu.

Thầy: là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Trong thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn giáng cơ xưng là Thầy và gọi các vị theo Đạo là môn đệ. Đức Chí Tôn dạy đạo đức cho nhơn sanh như là Thầy dạy trò, gần gũi và thân mật như thế, chứng tỏ lòng thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn đối với nhơn sanh.

Câu Chú của Thầy là một câu niệm danh hiệu Đức Chí Tôn có tác dụng rất huyền bí do Đức Chí Tôn đặt ra để hộ trì các môn đệ trong thời ĐĐTKPĐ.

Câu Chú của Thầy gồm có 12 chữ:

"Nam- mô Cao- Đài Tiên- Ông Đại Bồ- Tát Ma- Ha- Tát"

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

Khi chúng ta lạy Đức Chí Tôn, chúng ta lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật phải niệm câu Chú của Thầy. Như vậy, chúng ta phải niệm Câu Chú của Thầy tất cả là 12 lần.

Ý nghĩa của số 12 là:

Thập nhị Khai Thiên là Thầy, Chúa cả CKTG, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy. (TNHT)

Trong Câu Chú của Thầy có danh xưng của Đức Chí Tôn là: **Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Danh xưng này có ý nghĩa bao gồm Tam Giáo:

- Chữ Cao Đài tượng trưng Nho giáo, bởi vì Cao Đài là cái Đài cao nơi Linh Tiêu Điện trong Ngọc Hư Cung, là tòa ngự của Đức Chí Tôn Thượng Đế khi họp triều đình của Đức Chí Tôn. Do đó, chữ Cao Đài tượng trưng phẩm trật nơi triều đình, là chủ trương của Nho giáo.

- Tiên Ông tượng trưng Tiên giáo (Lão giáo).

- Đại Bồ Tát Ma Ha Tát là vị Phật cao siêu nhưng còn nhiệm vụ cứu độ nhơn sanh nên còn mang danh Bồ Tát, nên từ ngữ này tượng trưng Phật giáo (Thích giáo).

Trong danh xưng này, Đức Chí Tôn ngụ ý Tam giáo vốn cùng một gốc mà ra, gốc đó là Thượng Đế. Ngày nay, Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ là để qui nguyên Tam giáo về một mối do Đức Chí Tôn chứng quán.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CẦU

CẦU

CẦU: 求 Tim, xin, mong.

Td: Cầu cơ, Cầu rỗi.

Cầu bệnh

求病

A: To pray to God for the recovery of a sick person.

P: Prier au Dieu pour le rétablissement d'un malade.

Cầu: Tim, xin, mong. **Bệnh:** bệnh hoạn, ốm đau.

Cầu bệnh là tụng kinh cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng tha thứ oan khiên nghiệp chướng của người bệnh để người bệnh được bình phục sức khỏe.

Theo Tài liệu Hạnh Đường huấn luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Nam Nữ khóa Canh Tuất (năm 1970), Nghi lễ lập đàn cầu bình cho bốn đạo như sau:

Phương Pháp thực hành: Hành lễ trong ba đêm:

A. Khởi đêm thứ nhất: Vào thời Dậu, thiết lễ cúng Đức Chí Tôn. Có thượng sớ và dâng Tam bửu: Bông, Rượu, Trà, do Chánh Trị Sự dâng sớ.

Khi bắt đầu hành lễ, nên lên nhang đèn bàn thờ Ông Bà cho trong gia quyến của bệnh nhơn cầu nguyện rồi sẽ nhập đàn.

Buộc gia quyến phải cúng Thầy để cầu nguyện. Cúng xong, bái đàn thì tiếp tụng Kinh Di-Lạc và ba biến Cứu Khổ. (Trường hợp tụng Kinh Di-Lạc, một hay ba hiệp cũng được).

B. Đêm thứ hai: Cũng thời Dậu, thiết lễ cúng Thầy, không thượng sớ, chỉ đọc bài dâng Trà nhưng cũng phải có đủ Tam bửu trên bàn thờ và việc hành lễ y như đêm thứ nhất.

C. Đêm thứ ba: Hành lễ như đêm thứ hai là xong nhiệm vụ của Bàn Trị Sự, nhưng nếu gia quyến yêu cầu tụng Kinh Sám Hối đêm chót thì Bàn Trị Sự buộc người trong gia quyến cũng như bệnh nhơn phải giữ việc ăn chay trọn ngày và đêm để tụng Kinh Sám Hối. Bàn Trị Sự khởi quì tụng Kinh Sám Hối (để trọn cho gia quyến quì).

Bàn Trị Sự chưa thọ Pháp Giải Bệnh thì làm như sau:

Khi cúng Thầy xong (chưa bái đàn), trong gia quyến đỡ người bệnh đến trước Thiên bàn, cho bệnh nhơn lạy cầu nguyện Đức Chí Tôn, vị chứng đàn vào quì cầu nguyện Chí Tôn, thỉnh ly rượu giữa để rửa mặt cho bệnh nhơn, kể thỉnh hai tách nước (nước trắng và nước trà), cầu nguyện Chí Tôn xong, ký tế lại (nghĩa là kê hai miệng tách lại, đổ thống nhất xuống một tách khác), rồi cho người bệnh niệm Câu Chú của Thầy mà uống.

Trừ dư, nếu có vị Chức sắc thọ Pháp Giải Bệnh thì từng người mà hành lễ.

Cầu cơ - Đàn cơ

求機 - 壇機

A: Evocation of a Superior Spirit. - Seance of spiritism.

P: Évocation d'un Esprit Supérieur. - Séance de spiritisme.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Cơ:** vật dùng để thông công với các Đấng TL.

Cây cơ được làm bằng một cái giỏ đan bằng tre hay mây, phất giấy lên rồi bọc vải vàng, nơi miệng giỏ có tra một cái cán dài bằng gỗ, đầu cán có chạm hình cái đầu con chim loan, và gắn vào cán một cọng mây, nhìn giống như cái trục đờn, dùng để viết ra chữ. Cây cơ này được gọi là Ngọc cơ (ý nói cây cơ quý báu). Nếu Ngọc cơ kích thước nhỏ thì gọi là Tiểu Ngọc cơ, nếu có kích thước lớn thì gọi là Đại Ngọc cơ. Khi cầu Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu thì phải dùng Đại Ngọc cơ.

Cầu cơ là cầu xin một Đấng thiêng liêng giáng xuống làm cho Ngọc cơ chuyển động viết ra chữ, tạo thành một bài văn dạy Đạo. Muốn cầu cơ thì phải có hai vị Chức sắc HTĐ làm đồng tử phò cơ, và phải lập Đàn cầu cơ.

Trong Đàn cầu cơ hay nói tắt là Đàn cơ, phải có một vị đạo đức khả kính làm Chủ đàn, hai vị Đồng tử phò cơ, một vị Hầu bút làm độc giả để đọc chữ do cơ viết ra, một vị Điền ký để ghi chép bài giáng cơ, và nhiều vị hầu đàn.

Người Chủ đàn cúng cầu nguyện, rồi hai vị đồng tử vào phò cơ, nâng giỏ cơ lên chờ đợi. Khi có một Đấng thiêng liêng giáng đàn thì Ngọc cơ chuyển động và bắt đầu viết chữ bóng trên mặt bàn. Những năm trước ngày Khai Đạo, khi lập Đàn cơ, người Chủ đàn và các vị Hầu đàn phải đọc Bài Kinh Cầu Cơ gọi là Bài Trời Còn.

Gốc tích của Bài Trời Còn: Năm Đinh Tỵ (1917), Ngài Ngô Văn Chiêu hầu đàn Hiệp Minh ở Cái Khế Cần Thơ, để cầu xin thuốc trị bệnh cho thân mẫu, Ngài được Ông Trên ban cho bài thuốc và một bài thơ 10 câu. Về sau, Ngài Ngô Văn Chiêu viết nối thêm 4 câu để làm Bài Kinh Cầu cơ, rồi lấy hai chữ đầu bài đặt tên cho bài kinh, gọi là Bài Trời Còn.

Sau đây, xin chép lại Bài Kinh Cầu cơ: **Trời Còn:**

KINH CẦU CƠ

1. Trời còn sông biển đều còn,
Khấp xem cõi thế, núi non đượm nhuần.
Thanh minh trong tiết vườn xuân,
Phụng châu hạc múa, gà rừng gáy reo.
Đường đi trên núi dưới đèo,
Lặng tìm cao thấp, ải trèo chông gai.
Phận làm con thảo há nài,
Biết phương Tiên Phật, Bồng Lai mà tìm.
Xem qua xét lại cổ kim,
10. Một bầu Trời Đất thanh liêm chín mươi.
Vàng trau ngọc chuốt còn tươi,
Bền lòng theo Phật cho người xét suy.
Thần Tiên vốn chẳng xa chi,
14. Có lòng chiêm ngưỡng như thì giáng linh.

Trường hợp cầu Đức Chí Tôn, sau khi đọc Kinh cầu cơ xong thì Đức Chí Tôn giáng làm Đại Ngọc cơ chuyển động, toàn thể những người trong Đàn cơ đọc Bài Mừng Thay:

Mừng thay chi xiết nỗi mừng,
Hào quang chiếu diệu ngàn tầng không trung.
Hạc reo bay khắp dạo cùng,
Càn Khôn thế giới cũng chung một bầu.
Môn sanh thành kính chực châu,
Tửu Trà Hoa Quả mừng cầu Tiên Ông.
Nhang thơm tốc đốt nức nồng,
Đèn lòa ngọn lửa tựa rồng phun châu

Đọc xong bài Kinh này thì lạy mừng, xong giữ sự yên lặng, thanh tịnh và trang nghiêm để Đức Chí Tôn giáng dạy.

Thời ĐDTKPD, Đức Chí Tôn không đầu kiếp xuống cõi trần mang xác phàm, mà Đức Chí Tôn chỉ dùng huyền diệu cơ bút, giáng dạy để khai mở Đạo Cao Đài.

Trong khoảng từ năm 1924 đến năm 1927, Đức Chí Tôn mở cơ Phổ Độ nhơn sanh nên cho phép lập sáu Đàn cơ để Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng giáng cơ dạy Đạo và thu nhận môn đồ nhập môn vào Đạo. Người ta thường gọi các Đàn cơ ấy là Đàn thính Tiên. Sáu Đàn cơ Phổ Độ thường lệ đó là:

1. Đàn Cầu Kho: tại nhà ông Đoàn Văn Bản, ông Phủ Vương Quan Kỳ chứng đàn, phò loan là hai ông: Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

2. Đàn Chợ Lớn: tại nhà Ông Cựu Thượng Nghị viện Lê Văn Trung, chủ nhà và quan Phủ Lê Bá Trang luân phiên chứng đàn, phò loan: Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.

3. Đàn Tân Định: tại nhà Ông Nguyễn Ngọc Thơ, chủ nhà chứng đàn, phò loan: Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư.

4. Đàn Thủ Đức: tại nhà ông Ngô Văn Điều, chủ nhà chứng đàn, phò loan: Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên.

5. Đàn Tân Kim: tại nhà ông Hội Đồng Nguyễn Văn Lai, quan Phủ Nguyễn Ngọc Tường và ông Lê Văn Lịch luân phiên chứng đàn, phò loan: Ca Minh Chương và Phạm V. Tươi.

6. Đàn Lộc Giang: tại chùa Phước Long của ông Yết Ma Giống, chứng đàn là quan Phủ Mạc Văn Nghĩa, phò loan là Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Trảng.

Ngoài sáu Đàn cơ thường lệ này, Đức Chí Tôn còn dạy lập Đại Đàn ở nhiều chỗ khác khi cần để giúp vào cơ Phổ Độ.

Đức Chí Tôn còn dạy lập tại nhà riêng của Ông Trần Văn Tạ một Đàn cơ để cứu chữa bệnh nhơn. Công quả ấy về phần Ông Trần Văn Tạ và con là Trần Văn Hoàng.

Trong nhơn sanh, nhiều vị bắt chước lập Đàn cầu cơ mà không có lệnh của Đức Chí Tôn, nhiều Đàn cơ ô trược, không trang nghiêm, vị chứng đàn không đủ đạo đức, các vị phò loan không do Đức Chí Tôn chỉ định, người hầu đàn háms vọng, nên thường bị các chơn linh Quỷ Vị nhập vào, mạo xưng Tiên Phật, dẫn dắt nhơn sanh vào Tà đạo.

Người phàm mắt thịt không thể phân biệt được ai là Thần Tiên chơn chánh, ai là Tà Quái Quỷ Vương, do đó sanh ra một trường tranh luận náo nhiệt, người nói vậy, kẻ nói khác, khiến cho đức tin của nhơn sanh bị dao động dữ dội.

Do đó, Đức Chí Tôn dạy Ngưng Cơ bút Phổ Độ:

Vào ngày 1-6-1927, Đức Chí Tôn giảng dạy như sau:

"Còn cuối kỳ tháng 6 đây thì Thầy phải ngưng hết Cơ bút truyền Đạo. Các con sẽ lấy hết chí thành để un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mới Đạo.

Này là lời đĩnh ninh sau rốt, khá lưu tâm.

Ai vậy tà nấy có phần riêng, cứ giữ nẻo thẳng đường ngay bước đến thang thiêng liêng, chờ ngày hội hiệp cùng Thầy. Ấy là điều quý báu đó." (TNHT)

Ngày nay, Cơ bút trong Đạo Cao Đài được giới hạn trong phạm vi HTĐ, đúng theo PCT đã định rõ.

Những Đàn cơ quan trọng phải được tổ chức tại Cung Đạo Tòa Thánh theo lệnh của Đức Hộ Pháp, chương quản HTĐ, theo yêu cầu của Đức Giáo Tông, chương quản CTĐ.

Hai vị Phò loan phải là hai vị Thời Quân HTĐ, Hầu bút là vị Chức sắc CTĐ, Điền ký là Chức sắc Bộ Pháp Chánh.

Không đọc bài Kinh Cầu cơ và bài Mừng thay như thuở trước, Chức sắc chứng đàn chỉ cầu nguyện hay dâng sớ cầu nguyện mà thôi. (Xem thêm nơi chữ: Cơ bút)

TL: Thiêng liêng.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cầu danh

求名

A: To pursue honours.

P: Chercher les honneurs.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Danh:** tiếng tăm.

Cầu danh là cầu xin quan tước để có tiếng tăm với đời.

Cầu danh chác lợi: Cầu xin chức tước để có cơ hội thâm lấy lợi lộc cho riêng mình. (**Chác** là chuốc, mang lấy).

TNHT: Thầy thương đến tâm thành chánh trực, đạo đức khiêm cung, cũng như Thầy xóa kẻ xảo trá gian tà, cầu danh chác lợi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cầu đảo

求禱

A: To implore.

P: Implorer.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Đảo:** cúng tế để cầu xin.

Cầu đảo là cúng tế để cầu xin Đức Chí Tôn hay các Đấng thiêng liêng ban cho một điều gì.

KCHKHH: Đùng hải kinh cầu đảo Chí Tôn.

KCHKHH: Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

Cầu Đạo - Sớ Cầu Đạo

求道 - 疏求道

A: To demand to embrace Caodaism. - Certificate of Conversion in Caodaism.

P: Demander à embrasser Caodaïsme-Certificat de Conversion au Caodaïsme

Cầu: Tìm, xin, mong. **Đạo:** tôn giáo, chỉ Đạo Cao Đài. **Sớ:** tờ giấy tâu bày lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

■ *Cầu Đạo là xin theo Đạo để tu hành.*

TNHT: Con khá khuyên chư nhu đến Thánh Thất cầu Đạo nghe.

■ *Sớ Cầu Đạo là tờ giấy chứng nhận một người là tín đồ của Đạo Cao Đài.*

Khi mới nhập môn vào Đạo Cao Đài, tín đồ được cấp một Sớ Cầu Đạo Tạm. Sau thời gian 6 tháng, dưới sự hướng dẫn của Bàn Trị Sự, người tín đồ biết cách thờ phượng, cúng lạy, học thuộc Kinh Cúng Tứ Thời, và học Giáo lý, ăn chay mỗi tháng 10 ngày thì được công nhận là tín đồ thiết thọ của Đạo, được đổi Sớ Cầu Đạo Tạm để lấy Sớ Cầu Đạo Thiết Thọ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cầu hồn

求魂

A: To pray for soul of death.

P: Prier pour l'âme du défunt.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Hồn:** linh hồn.

Cầu hồn là nói tắt của Cầu hồn khi hấp hối, là tụng kinh cầu nguyện Đức Chí Tôn cho linh hồn vị Đạo hữu đang hấp hối được nhẹ nhàng xuất ra khỏi thể xác và được cứu giúp siêu thăng về cõi TLHS.

Theo Tài liệu Hạnh Đường huấn luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Nam Nữ khóa Canh Tuất (1970):

Phương pháp hành lễ Cầu Hồn Khi Hấp Hối cho vị tín đồ đang hấp hối như sau:

Bàn Trị Sự lo nghi tiết cúng Thầy trước dù chưa đến giờ cúng thời.

A. Nếu ngoài thời cúng thì dâng đủ Tam bửu.

B. Nếu đúng thời cúng, tùy thời nào dâng bửu này, mặc dầu dâng một bửu nhưng phải có đủ Tam bửu trên Thiên bàn.

C. Sau khi cúng Thầy xong, vị Chánh Trị Sự chứng đàn và hai vị Chức Việc Phó Trị Sự hay Thông Sự vào lạy Thầy cầu nguyện Đức Chí Tôn rằng:

"Chúng con là Bàn Trị Sự đương quyền hành chánh sở tại, được lời thỉnh cầu của vị đến đây Cầu hồn cho vị Đạo hữu đang hấp hối, mong nhờ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, các Đấng thiêng liêng ban ân cho người được nhẹ nhàng linh hồn."

Nguyện xong lạy Thầy rồi đứng dậy. Vị Chứng đàn bước lấy 2 cây đèn sáp để trên đĩa, đốt cháy, xá Đức Chí Tôn và đưa cho 2 vị Chức Việc hầu, vị Chứng đàn ngó ngay Thiên Nhãn tịnh thần, bắt Ấn Tý vào ngực, cùng 2 vị cầm đèn đến trước đầu bệnh nhơn, ngó ngay mỏ ác người hấp hối, kêu tên, nói rằng:

"Tôi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến tụng kinh cho vong hồn Đạo hữu nhẹ nhàng siêu thăng. Vậy Đạo hữu phải tịnh tâm mà nghe và phải cầu nguyện với Đức Chí Tôn ban ân lành cho."

Nói xong, đồng nhi khởi tụng bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối (Ráp nhập cảnh TLHS).

Tụng 3 lần, khi dứt niệm Câu Chú của Thầy.

Đoạn vị Chứng đàn cùng 2 Chức Việc cầm đèn trở lại Thiên bàn, xá Đức Chí Tôn 3 xá rồi mới tắt đèn và vị Chứng đàn mới được xả Ấn Tý.

Điều lưu ý là nếu trong khi tụng Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối mà bệnh nhơn tắt hơi (chết) thì tiếp tụng luôn bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi Thiên tào).

Lời dặn: Hai cây đèn sáp hành lễ Cầu Hồn khi hấp hối phải để liên tục trong cuộc hành lễ liên tiếp đến khi hết lễ mới thôi, không nên dùng vào việc khác.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cầu ngọc

A: The bridge of jade.

P: Le pont de jade.

Cầu: cây cầu nối liền hai bên bờ sông. **Ngọc:** loại đá quý, rất đẹp.

Cầu ngọc là cây cầu có màu sắc giống như làm bằng ngọc nơi cõi thiêng liêng.

TNHT: Biển mê *cầu ngọc* liên phàm tục.

Cầu ngọc đây là một đạo hào quang bắc qua biển mê, nối liền hai bờ: Bờ bên này là Bến mê (Mê tân) thuộc cõi phàm tục, bờ bên kia (bỉ ngạn) là Bờ Giác (Giác ngạn) thuộc cõi TLHS, cõi của người đắc đạo.

Những chơn linh có đầy đủ công đức thì bước lên cầu ngọc đi qua Biển mê dễ dàng, đến được Bờ Giác.

Những chơn linh không đủ phước đức, khi lên cầu ngọc, đi được nửa chừng thì bị rơi xuống Biển mê, phải chịu luân hồi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cầu nguyện

求願

A: To pray.

P: Prier.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Nguyện:** mong mỗi điều hằng ước muốn.

Cầu nguyện là cầu xin Đức Chí Tôn hay các Đấng thiêng liêng ban cho mình điều mà mình hằng mong ước.

Cầu nguyện thì phải thành tâm, và nội dung cầu nguyện phải trong sạch, tốt đẹp, không vị kỷ. Chớ nên cầu nguyện lợi riêng cho mình hay gia đình mình, như được thăng quan, được trúng số độc đắc....

Sự cầu nguyện có lợi ích là tránh được sự tuyệt vọng. Cầu nguyện là để gửi gắm tâm sự mình cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, hay một Đấng thiêng liêng, để xin hộ trì, giúp đỡ cho có đủ nghị lực tinh thần giải quyết công việc đang hồi bế tắc hay vượt qua khó khăn.

Với những tâm hồn yếu đuối, sự cầu nguyện như liều thuốc bổ làm tinh thần yên ổn và hy vọng. Cầu nguyện chỉ là một nguyện vọng của tâm hồn.

TNHT: Những lời *cầu nguyện* của con sẽ được chuẩn nhận.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cầu phá luật lệ

求破律例

A: To ask for to break the law.

P: Demander à casser la loi.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Phá:** bỏ đi. **Luật:** khuôn phép định ra cho mọi người phải tuân theo. **Lệ:** Lề lối đặt ra để làm mẫu mực.

Cầu phá luật lệ là cầu xin hủy bỏ những luật lệ nào không còn hợp thời và không đem lại lợi ích cho nhơn sanh.

PCT: Ba vị Chánh Phối Sư đặng phép thể quyền cho Đầu Sư, song không đặng quyền *cầu phá* luật lệ.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Cầu phong - Cầu thăng

求封 - 求升

A: To demand to vest with a dignity - To demand to advance in grade.

P: Demander à conférer une dignité - Demander à avancer en grade.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Phong:** Đức Chí Tôn hay Đức Giáo Tông ban phẩm tước Chức sắc cho các tín đồ. **Thăng:** cho lên chức.

Cầu phong là hàng Chức Việc Bàn Trị Sự cầu xin quyền Vạn Linh ban cho phẩm Lễ Sanh vì đã đủ công nghiệp.

Cầu thăng là hàng Chức sắc có đủ công nghiệp cầu xin Đức Chí Tôn hay Đức Giáo Tông thăng thưởng cho lên chức.

Theo Đạo Luật Mậu Dần (1938), việc cầu phong của Chức Việc BTS và cầu thăng của Chức sắc qui định như sau:

1. CẦU PHONG:

Chức Việc Bàn Trị Sự đã đầy đủ công quả, hoặc các tín đồ có đại công với Đạo được phép khai công nghiệp để xin cầu phong vào phẩm Lễ Sanh.

Đạo Luật: Phương pháp thực hành:

- Chiếu theo Thánh giáo của Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, thì Chánh Trị Sự phải có 5 năm công nghiệp đầy đủ với chức trách của mình, sau nữa phải có Tờ Kiết Chứng Công nghiệp, Tờ Tánh Hạnh, trường chay, đạo đức, đủ tư cách, và phải độ đặng 300 người nhập môn thì mới đặng đem vào Sổ Cầu phong.

- Ngoài ra, nếu vị nào có công nghiệp vĩ đại mà có đủ bằng cơ và chiếm đặng lòng tín nhiệm của chúng sanh đồng dâng lên, hoặc công chúng hoan nghênh, thì cũng đặng dự vào Sổ Cầu phong, nhưng buộc phải là người có chơn trong Đạo.

- Khi đã đắc phong rồi, phải về Hạnh Đường học đạo, hoặc đi tập sự một thời gian, chừng có đủ tài đức cầm quyền hành chánh rồi mới đăng thuyên bổ.

2. CẦU THĂNG:

LUẬT: Chức sắc Thiên phong Nam Nữ toàn đạo phải chịu dưới quyền công nhận của Vạn linh mới đăng thăng chức hay là Vạn linh buộc tội mà bị sa thải.

- Mỗi vị Chức sắc đủ 5 năm công nghiệp và xứng đáng với chức trách của mình, mới đăng đệ ra Quyền Vạn linh công nhận.

- Nếu những Chức sắc nào dưới 5 năm công nghiệp mà có lập đăng đại công, toàn công chúng đều hoan nghinh và Tòa Đạo minh tra đủ lẽ thì sẽ đăng đệ lên Quyền Chí Tôn cầu xin thăng thưởng.

Việc Cầu phong và Cầu thăng như vừa nói ở trên được áp dụng trong giai đoạn đầu của nền Đạo, để Hội Thánh có đủ Chức sắc cần thiết cho việc xây dựng nền Đạo được mau chóng, truyền bá một cách mau lẹ và rộng rãi, phổ độ nhưn sanh tử trong nước ra đến ngoại quốc.

Qua giai đoạn này thì việc Cầu phong và Cầu thăng của Chức Việc và Chức sắc phải chiếu y theo Tân Luật và PCT mà áp dụng. Lúc ấy thì hoàn toàn do công cử. Đó là trường hợp các Chức sắc CTĐ Nam phái và Nữ phái.

Riêng Chức sắc HTĐ và của CQPT thì không theo Luật Công cử trong Tân Luật mà có chế độ riêng:

- Việc thăng thưởng các Chức sắc HTĐ do Đức Phạm Hộ Pháp trọn quyền quyết định.

- Việc thăng thưởng Chức sắc của CQPT thì có Đại Hội Phước Thiện quyết định và Đức Phạm Hộ Pháp chuẩn y.

BTS: Bàn Trị Sự.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Cầu rỗi

A: To ask the salvation.

P: Implorer la salvation.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Rỗi:** (nôm) cứu vớt khỏi ràng buộc tội lỗi.

Cầu rỗi là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng cứu vớt linh hồn thoát khỏi mọi ràng buộc tội lỗi.

TNHT: Các con liệu mình mà cầu rỗi nơi Người.

(Người: Đức Chí Tôn chỉ Đức Lý Giáo Tông).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cầu siêu

求超

A: To ask the salvation of soul.

P: Demander à la salvation de l'âme.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Siêu:** vượt lên cao.

Cầu siêu là cầu nguyện với Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng cứu vớt các vong hồn cho được siêu thăng lên cõi TLHS, thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Kinh Cầu Siêu: là bài Kinh do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát giảng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu), Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh thỉnh bài Kinh này về làm Kinh của Đạo Cao Đài. Nội dung Kinh Cầu Siêu là cầu xin các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật ân xá tội tình cho vong hồn được siêu thăng.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cầu siêu hội

求超會

A: The requiem mass.

P: La messe de requiem.

Cầu: Tìm, xin, mong. **Siêu:** vượt lên cao. **Hội:** tụ họp lại.

Lễ Cầu Siêu Hội là buổi lễ được Hội Thánh tổ chức để cúng tế và cầu siêu cho tất cả vong linh, có Đạo hay không Đạo, ở bất cứ ngành nghề nào, chết trong bất cứ trường hợp nào, ở bất cứ nơi đâu, được thọ hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn trong thời kỳ Đại Ân Xá, tất cả đều được siêu thăng.

Lễ Cầu Siêu Hội được tổ chức mỗi năm 3 lần, vào ngày 16 âm lịch sau ngày Rằm của ba Nguơn, tức là vào các ngày:

- Ngày 16 tháng Giêng âl, sau Rằm Thượng nguơn.
- Ngày 16 tháng 7 âl, sau Rằm Trung nguơn.
- Ngày 16 tháng 10 âl, sau Rằm Hạ nguơn.

Lễ Cầu Siêu Hội được Hội Thánh tổ chức tại Khách Đình trong Nội Ô Tòa Thánh.

Tám phan trong lễ Cầu Siêu Hội được viết như sau đây:

THIÊN VẬN THƯỢNG NGUƠN ĐẠI KHAI ÂN XÁ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

(Lục thập bát niên)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt.

Thiên vận *Quý Dậu* niên, *Chánh* ngoạ, thập lục nhựt, Ngo thời, Thiên ân xá tội.

Hội Thánh thiết lễ Tế Điện Cầu Siêu Hội.

Cẩn thỉnh:

- Đẳng đẳng chư vong linh Nam Nữ quá vãng, sanh bất phùng thời,
- Chư chiến sĩ trận vong,
- Hoặc Sĩ, Nông, Công, Thương, vô can tử nạn,
- Cặp Thập loại cô hồn yếu tử,

Cấp cấp đáo lai Khách Đình đàn nội,

Thọ hưởng hồng ân, đồng đẳng bị nạn.

(Những chữ xiên trong Bài Hán văn trên được thay đổi cho thích hợp tùy theo tháng và năm tổ chức Lễ Cầu Siêu Hội.)

Thích nghĩa Bài chữ Hán viết trên tấm phan:

VẬN TRỜI KỲ RẦM THƯỢNG NGUỒN

RỘNG MỞ ĐẠI ÂN XÁ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

(Năm Đạo thứ 68)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt.

Vận Trời năm Quý Dậu, tháng Giêng, ngày 16, thời Ngọ, Ông Trời xá tội.

Hội Thánh thiết lễ Tế Điện Cầu Siêu Hội.

Kính mời:

- Các cấp chư vong linh Nam Nữ đã chết, sanh không gặp thời,
- Chư chiến sĩ tử trận,
- Hoặc là các vị trong Sĩ, Nông, Công, Thương, vô can mà chết vì tai nạn,
- Cùng với mười loại cô hồn chết non,

Mau mau đi đến Khách Đình, vào trong đàn tế,

Thọ hưởng Ông Trời, cùng qua bờ giác.

CO

Co duỗi

A: To contract and stretch.

P: Se contracter et se détendre.

Co: thu rút lại. **Duỗi:** dẫn dài ra.

Co duỗi là hai trạng thái: Co rút lại hay duỗi dài ra.

Ý nói: Lúc thì thu hẹp các hoạt động khi gặp thời thế khó khăn, lúc thì bung rộng các hoạt động khi gặp thời cơ thuận tiện. Đó là trường hợp làm thương mại, kinh doanh.

Đối với kẻ sĩ cũng vậy, khi người quân tử không gặp thời thì đội nón rách đi chân không, ăn mình tu thân; khi gặp thời

thì đem tài năng ra an bang tế thế, lên xe xuồng ngựa. Đó là xuất xử hai đường tùy theo thời thế.

Co và duỗi cũng tượng trưng hai lẽ suy và thịnh trong cuộc tuần hoàn của Trời Đất.

Co rồi tất phải duỗi ra,
Lẽ thường Trời Đất hẳn là chẳng sai.

TNHT: Đường *co duỗi* vẫn đã lấp kín chút bọt trần mà màn thế tục cũng chưa trông khỏa vén.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CÔI

CÔI

CÔI: Miền, vùng.

Td: Cõi âm, - dương, Cõi tạm.

Cõi âm - Cõi dương

A: *The world of deaths - The world of livings.*

P: *Le monde des morts - Le monde des vivants.*

Cõi: Miền, vùng. **Âm:** tối tăm lạnh lẽo. **Dương:** sáng tỏ ấm áp.

Cõi âm là cõi của người chết, cõi mà linh hồn của người chết đến trú ngụ.

Cõi dương là cõi của người sống, cõi đời, cõi thế gian.

Cõi Âm quang

(Xem chữ: Âm quang, vần Â)

Cõi đọa - Cõi thăng

A: Hell - Paradise.

P: Enfer - Paradis.

Cõi: Miền, vùng. **Đọa:** đày xuống chỗ thấp kém khổ sở. **Thăng:** bay lên, siêu thăng.

Cõi đọa là cõi thấp kém, tối tăm, sầu khổ, để trừng phạt những linh hồn có tội. Các bậc Thánh, Tiên ở nơi cõi TLHS, có làm lỗi thì bị đọa xuống cõi trần để lập công chuộc tội. Còn người ở cõi trần mà làm lỗi, làm nhiều việc thiếu đạo đức thì khi chết, linh hồn bị đọa vào cõi Âm quang để học Đạo cho biết rõ hai lẽ thiện ác mà cải ác tùng lương, rồi cho tái kiếp nơi cõi trần mà trả quả hay là lập công chuộc tội.

Cõi thăng là cõi trong sáng, hạnh phúc, để ban thưởng những linh hồn mà trong kiếp sanh nơi cõi trần lập được nhiều công đức, giúp người giúp đời. Đó là cõi của người đắc đạo, Thiên Chúa giáo gọi là Thiên đường, Phật giáo gọi là cõi CLTG, Đạo Cao Đài gọi là cõi TLHS.

KKĐCR: Quê xưa trở, cõi đọa từ.

KCHKHH: Xét câu Minh Thệ gởi mình cõi thăng.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

KCHKHH: Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

Cõi Hư linh

A: The ethereal world.

P: Le monde éthéré.

Cõi: Miền, vùng. **Hư:** trống không, hư vô. **Linh:** thiêng liêng.

Cõi Hư linh là cõi Hư vô mầu nhiệm.

Đối với mắt phàm thì cõi này thấy trống không như không có gì cả, nhưng chính cái KHÔNG đó là gốc của cái CÓ, chính cái KHÔNG vô hình đó sản xuất ra cái CÓ hữu hình.

Cõi Hư linh là cõi của chư Tiên Phật, là cõi của Trời, là cõi Thiêng liêng Hằng sống.

KTCMĐQL: *Cõi Hư linh* bao phủ ân hồng.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Cõi Nam

A: Southern region: Việt Nam.

P: Région méridionale: Việt Nam.

Cõi: Miền, vùng. **Nam:** phương Nam.

Cõi Nam là vùng đất phương Nam, ý nói nước Việt Nam.

TNHT: Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thuở đến giờ....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cõi Thiêng liêng Hằng sống

A: The supernatural and immortal world.

P: Le monde surnaturel et immortel.

Cõi: Miền, vùng. **Thiêng liêng:** màu nhiệm, vượt trên sự hiểu biết của lý trí con người. **Hằng sống:** sống vĩnh viễn.

Cõi Thiêng liêng Hằng sống là cõi của các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, cõi của những người đắc đạo, nơi đó không có sự chết, cõi Cực Lạc hoàn toàn an vui hạnh phúc.

Con đường đi lên cõi TLHS được gọi là Con đường TLHS, là con đường mà các chơn linh trở về cùng Đức Chí Tôn.

"Con đường về với Đức Chí Tôn không phải dễ, mà cũng không phải về là tới liền. Muốn về với Đức Chí Tôn, ta phải qua nhiều Cung nhiều Điện, mỗi Cung ta gặp một sự lạ, mỗi Điện chúng ta gặp một huyền vi khác nhau. Phải đi từ Cung này đến Điện nọ, nên gọi là dục tấn trên con đường Thiêng liêng Hằng sống. Về được với Đức Chí Tôn thì không còn hạnh phúc nào bằng."

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cõi thọ

A: The fairyland.

P: Le séjour des immortels.

Cõi: Miền, vùng. **Thọ:** sống lâu.

Cõi thọ là cõi sống lâu, là cõi trường sanh.

Đó là cõi Tiên, tức là cõi TLHS.

KTCMĐQL: Thong dong *cõi thọ* nương hồn,
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Cõi trần - Cõi tục - Cõi thế - Cõi tạm

A: The world of mankind.

P: Le monde de l'humanité.

Cõi: Miền, vùng. **Trần:** bụi bặm. **Tục:** thấp kém. **Thế:** đời.
Tạm: không bền, đời sống chỉ tạm bợ trong vòng trăm năm.

Các từ ngữ: Cõi trần, Cõi tục, Cõi thế, Cõi tạm, đều đồng nghĩa, chỉ cõi của nhơn loại đang sống, bởi vì cõi này có nhiều bụi bặm ô trược, là cõi thấp kém có đời sống tạm bợ.

Cõi chơn thật vĩnh viễn của con người là cõi TLHS.

KGO: Thiên cung lữ lối chơi vui *cõi trần*.

TNHT: Mau bước lui dần qua *cõi tục*.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

KGO: Kinh Giải Oan.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CÔ

CÔ

CÔ: 孤 Có hai nghĩa sau đây:

1. **CÔ:** Lê lo một mình.
Td: Cô hồn, Cô phần.
2. **CÔ:** Con mồ côi cha hay mẹ, hay cả cha mẹ.
Td: Cô nhi, Cô quả.

Cô hồn - Ngạ quỷ

孤魂 - 餓鬼

A: Abandoned spirits - Starving demon.

P: Âmes abandonnées - Démon affamé.

Cô: Lê lo một mình. **Hồn:** linh hồn. **Ngạ:** đói quá. **Quỷ:** ma quỷ.

■ Cô hồn là hồn người chết hiu quạnh, không có thân nhân lo nhang khói, cúng tế, nên hồn lạnh lẽo, chịu đói khát, phải vất vưởng không nơi nương tựa.

■ Ngạ quỷ là quỷ đói.

Theo Phật giáo, những người lúc sống có tánh quá bồn xển, thấy người đói khát không giúp đỡ, đến khi chết, linh hồn bị đọa xuống Địa ngục làm Ngạ quỷ, có thân hình gầy ốm đầy lông lá, móng tay móng chân lộ dài ra, cái bụng thì rất to, nhưng cái miệng thì nhỏ bằng lỗ kim, ăn uống không được, luôn luôn bị đói khát hành hạ rất khổ sở.

Nhân ngày Lễ Rằm Trung nguơn, 15-7-Canh Dần (1950) Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về Cô hồn như sau:

Các phẩm chơn hồn đạt nhơn phẩm không có cô độc bao giờ. Nơi cảnh Hư linh hằng sống kia, người ta còn có gia đình, thân tộc, bạn tác, anh em của người ta, không có một chơn hồn nào đã đạt nhơn phẩm mà gọi là Cô hồn đặng.

Có hay chẳng là thiên hạ tưởng vậy thôi, tưởng người chết không con nối hậu, không ai phụng tự, xiêu mờ lạc mả, người ta cho là Cô hồn. Sự thật không phải vậy.

Bần đạo lập lại một lần nữa, không có Cô hồn, chỉ có đám Ngạ quỷ súc sanh mà thôi.

Như các đấng chơn hồn mà chúng ta cầu nguyện trong ngày Trung nguơn đây, là cốt yếu để cho họ giải quả thoát kiếp. Có lẽ trước kia người ta biết một điều bí mật là các Ngạ quỷ súc sanh hay ăn uống, thường phá khuấy thiên hạ đặng kiếm ăn.

Còn chúng ta, ngày Trung nguơn hay Thượng nguơn, chúng ta cúng kiếng là cúng ông bà Tổ phụ, ông bà và bạn tác đồng sống với chúng ta mới qui liểu....

Nếu vị nào đạt được nhưn phẩm ở thế gian này, dầu cho cô quạnh thế nào, nhưng nơi cảnh TLHS kia, họ cũng có anh em bạn tác, gia đình của họ. Chúng ta không có người nào cô độc hết, chỉ sợ có một điều là bạn tác, anh em, chị em đồng sống với chúng ta mà họ không tu, khi về cõi TLHS thì không thể gì gặp nhau được. Cái đó mới vô phước và đáng sợ hơn hết.

Giờ phút này đừng cầu nguyện cho Cô hồn nữa, mà chúng ta cầu nguyện cho con cái Đức Chí Tôn đủ năng lực để mình tâm kiến tánh, bảo trọng sanh mạng của họ mà thôi.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cô hạc xuất quần

孤鶴出群

Cô: Lẻ lo một mình. **Hạc:** chim hạc. **Xuất:** đi ra. **Quần:** nhiều.

Cô hạc xuất quần là con chim hạc trội hơn cả bầy, ý nói người nổi bật nhứt trong đám.

Cô loan độc phượng

孤鸞獨鳳

Cô: Lẻ lo một mình. **Loan:** con chim loan, chỉ người vợ.
Độc: một mình. **Phượng:** con chim phượng, chỉ người chồng.

Cô loan là chỉ người đàn bà chết chồng, sống lẻ loi.

Độc phượng là chỉ người đàn ông chết vợ, sống cô độc.

Cô Nhi viện

孤兒院

A: Orphanage.

P: Orphelinat.

Cô: Con mồ côi cha hay mẹ, hay cả cha mẹ. **Nhi:** trẻ con.
Viện: sở lớn, nhà lớn.

Cô Nhi viện là nhà nuôi trẻ mồ côi.

Việc lập các Cô Nhi viện là trách nhiệm của CQPT.

Cô Nhi Viện tại Tòa Thánh Tây Ninh được thành lập vào ngày 5-3-1959 tại dãy nhà mà trước kia Hội Thánh dùng làm Nhà Du Khách Sạn, đường Ca Bảo Đạo, nay dời về Cửa Số 3 trong Nội Ô Tòa Thánh, đường Thượng Trưng Nhựt.

Cô Nhi viện gồm có 4 phòng:

- 1 phòng dành cho trẻ sơ sanh.
- 1 phòng dành cho trẻ từ 2 tuổi đến 5 tuổi.
- 1 phòng dành cho con trai từ 6 tuổi đến 17 tuổi.
- 1 phòng dành cho con gái từ 6 tuổi đến 17 tuổi.

Các con trai, ngoài giờ đi học, làm các công việc trong Viện như: Vệ sinh các nơi, sắp xếp bàn ghế,...

Các con gái, ngoài giờ đi học, thì chăm sóc và gìn giữ các em cô nhi còn bé.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Cô nhi quả phụ - Cô quả

孤兒寡婦

A: Orphan and widow.

P: Orphelin et veuve.

Cô: Con mồ côi cha hay mẹ, hay cả cha mẹ. **Nhi:** trẻ con.
Quả: góa chồng. **Phụ:** đàn bà.

Cô quả là nói tắt của thành ngữ: Cô nhi quả phụ.

Cô nhi là trẻ mồ côi.

Quả phụ là đàn bà góa, chết chồng.

(Người đàn ông chết vợ thì gọi là Quan phu 鰥夫)

Cô nhi quả phụ là trẻ mồ côi và đàn bà góa.

Đây là hai đối tượng cần được sự giúp đỡ của CQPT.

ĐLMD: Một cuốn sổ để cấp tế những người *cô quả*,...

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Cô phần

孤墳

A: Isolated tomb.

P: Tombeau isolé.

Cô: Lẻ lo một mình. **Phần:** cái mả, mộ phần.

Cô phần là cái mả lẻ loi trơ trọi, cái mồ hoang.

Đức Phật Thích Ca nói rằng:

*Mạc đãi lão lai phương học Đạo,
Cô phần tận thị thiếu niên nhơn.*

Nghĩa là: Đừng đợi tuổi già đến mới học Đạo,
Các mồ hoang thấy rõ là người trẻ tuổi.

TNHT: *Cô phần* ngánh lại đả bao tuổi?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CỐ

Cố chấp kỷ kiến

固執己見

A: To be obstinate.

P: S'obstiner; être obstiné.

Cố: giữ vững, bền chắc. **Chấp:** cầm giữ. **Kỷ:** mình. **Kiến:** thấy, sự hiểu biết.

Cố chấp kỷ kiến là giữ mãi ý kiến của mình, không chịu thay đổi dầu biết ý kiến của mình hẹp hòi.

Cố đất cầm vườn

A: To pawn the earth and garden.

P: Engager de terre et jardin.

Cố: cầm thế để vay tiền. **Đất:** ruộng đất. **Vườn:** vườn tược trồng cây ăn trái.

Cố đất cầm vườn là nói hoàn cảnh của người nghèo gặp lúc thất ngặt, không tiền để giải quyết công việc, phải đem vườn đất thế cho người giàu để xin vay tiền.

Nếu quá kỳ hạn ghi trong giấy tờ mà không trả cả vốn lẫn lời thì vườn đất bị mất luôn vào tay người giàu.

KSH: Ép kẻ nghèo cố đất cầm vườn.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Cố hữu

故友

A: Old friend; late friend.

P: Vieil ami; le feu ami.

Cố: cũ, xưa; cũng có nghĩa là vừa mới chết. **Hữu:** bạn.

Cố hữu là người bạn cũ, người bạn xưa.

Cố hữu cũng có nghĩa là người bạn mới vừa chết.

Trong Kinh Thế Đạo có bài: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu đã qui liễu, để tế lễ bạn cũ mới chết.

CỔ

CỔ

1. **CỔ:** 古 Xưa, cũ.
Td: Cổ kim, Cổ lễ, Cổ nhạc.
2. **CỔ:** (Nôm) Cái cổ.
Td: Cổ trivet.

Cổ kim hy hữu

古今希有

A: Rare from antiquity up to now.

P: Rare depuis l'antiquité jusqu'à ce jour.

Cổ: Xưa, cũ. **Kim:** nay, ngày nay. **Hy:** ít có. **Hữu:** có.

Cổ kim hy hữu là xưa nay ít có.

CG PCT: CTĐ vẫn là chánh trị, mà Chương Pháp lại thuộc về luật lệ. Vậy thì Chương Pháp là người thay mặt HTĐ nơi CTĐ. Ấy là cơ Đạo *cổ kim hy hữu*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Cổ lai hy

古來希

A: Rare since antiquity.

P: Rare depuis l'antiquité.

Cổ: Xưa, cũ. **Lai:** tới. **Hy:** ít có.

Cổ lai hy là ít có từ xưa.

Người xưa thường nói: *Nhân sinh thất thập cổ lai hy*: Người sống 70 tuổi xưa nay ít có.

Do đó, thành ngữ "Cổ lai hy" dùng để chỉ tuổi thọ 70.

Cổ lễ

古禮

A: Ancient rites.

P: Rites antiques.

Cổ: Xưa, cũ. **Lễ:** lễ nghi, tức là cách bày tỏ bề ngoài sự kính trọng trong lòng.

Cổ lễ là lễ nghi thời xưa.

TNHT: Còn **cổ lễ** thì: Rượu là Khí, Bông là Tinh, Trà là Thần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cổ luật

古律

A: Ancient laws.

P: Lois antiques.

Cổ: Xưa, cũ. **Luật:** pháp luật.

Cổ luật là luật pháp thời xưa, tức là luật pháp có trước thời ĐĐTKPĐ.

Cổ luật đồng nghĩa với Cựu luật, là luật pháp xưa cũ, tức là luật pháp thời Nhứt Kỳ Phổ Độ và thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

CG PCT: Bởi cơ ấy nên Đức Chí Tôn đã cấm Ngũ Chi Phái Ngọc dùng **Cổ luật** mà mê hoặc nhơn sanh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Cổ mang hành hình

Cổ: Cái cổ. **Mang:** đeo vào. **Hành:** làm. **Hình:** hình phạt.

Cổ mang hành hình là bắt đeo gông vào cổ để thi hành hình phạt.

KSH: Âm đài gông trống sẵn sàng,
Chờ khi thác xuống *cổ mang hành hình*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Cổ nhạc

古樂

A: Ancient music.

P: Musique ancienne.

Cổ: Xưa, cũ. **Nhạc:** âm nhạc.

Cổ nhạc là âm nhạc cổ truyền của dân tộc VN.

Cổ nhạc Việt Nam rất hay, nhưng vì người đời nay ưa chuộng cái mới nên bỏ bê Cổ nhạc, đi học nhạc Tây phương (Tân nhạc) để tỏ ra mình tiến bộ, nhưng không ngờ đó là mất gốc. Đáng lý những nhà âm nhạc VN phải đem cái hay, cái ưu điểm của nhạc Tây phương mà chỉnh đốn Cổ nhạc, làm cho Cổ nhạc tiến lên ngang bằng hay hơn hẳn nhạc Tây phương, thì đó mới là người trí vậy.

Các loại nhạc khí cổ truyền VN có nhiều thứ, được chia làm hai loại: Văn nhạc và Võ nhạc.

Văn nhạc gồm các nhạc khí phát ra âm thanh réo rắt thanh tao. Văn nhạc có nhiều cây đàn, nhưng 4 cây đàn chánh là: Kim, Tranh, Cò, Độc huyền.

1. **Đàn Kim:** được gọi là Nhựt cầm. (Trước đây, người ta gọi đàn kim là Nguyệt cầm, nhưng theo nhạc sĩ Nguyễn Văn Ngưu trong quyển Cổ Nhạc Tổ truyền Nguyên lý, đổi lại là Nhựt cầm thì đúng hơn). Thùng đàn hình tròn tượng trưng mặt nhựt, bề tròn thùng đàn là 3 thước 6 tấc 5 phân (thước ta) ấn theo số ngày trong năm, hai dây là Lưỡng nghi, 4 trục tượng trưng Tứ Tượng, 8 phím tượng trưng Bát quái, hoặc tượng trưng Bát hồn.
2. **Đàn Tranh:** gọi là Bán Nguyệt cầm, vì thùng đàn có hình cong như mặt trăng khuyết, bề dài 3 thước 6 tấc 5

phân, đầu lớn bề ngang 8 tấc tượng trưng Bát quái, đầu nhỏ bề ngang 4 tấc, tượng trưng 4 mùa, có 16 dây, nên còn gọi là Thập lục huyền cầm.

3. **Đàn Cò:** gọi là Tinh cầm, còn có tên là Hạc cầm vì cái mỏ càn đờn có hình mỏ chim hạc, cũng gọi là Hồ cầm vì đờn này có xuất xứ từ Động Đình Hồ.
4. **Đàn Độc huyền:** còn được gọi là đàn Bầu, chỉ có một dây đàn, trống đàn là một khúc gỗ đục rỗng, thường có kích thước: dài 1m20, ngang 0m12, cao 0m16.
- Ngoài ra còn nhiều loại đàn khác thuộc Văn nhạc như: Đàn Tỳ bà, đàn Tam (3 dây), đàn Tứ hay đàn Đán (4 dây), các thứ ống sáo, tiêu, địch, sinh, v.v...

Võ nhạc: gồm các nhạc khí phát ra âm thanh mạnh mẽ, hùng hồn, kể ra sau đây:

1. Cách là tiếng trống.
2. Biều là tiếng kèn.
3. Thỏ là tiếng bồng.
4. Mộc là tiếng mõ, tiếng phách.
5. Thạch là tiếng đầu, khánh.
6. Kim là tiếng bạc, đồng la.

Cổ nhạc VN có tất cả **20 bản tổ**, chia ra 4 loại: 4 mùa (Xuân, Hạ, Thu, Đông) và 4 hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc), kể ra:

1. Bảy bài Đông (hướng Đông): Ở vào mùa Hạ, nên thường gọi là **7 bài Hạ**, giọng nhạc bực tức, hùng hồn. Nhạc sĩ đờn 7 bài này day mặt về hướng Đông.

Bảy bài Hạ, gồm: Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Long Ngâm, Vạn Giá, Tiểu Khúc.

Ý nghĩa như sau:

- **Xàng Xê:** Thời kỳ Hỗn độn sơ khai, các khí lộn lạo.
- **Ngũ Đối Thượng:** Ngũ Khí nhẹ nổi lên làm Trời.
- **Ngũ Đối Hạ:** Ngũ Khí nặng hạ xuống làm đất. Đó là Ngũ Hành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ.
- **Long Đăng:** Rồng lên, tượng trưng Dương khí.

- *Long Ngâm*: Rộng xuông, tượng trưng Âm khí.
- *Vạn Giá*: Vạn vật sinh thành đều có giá trị,
- *Tiểu khúc*: Nhỏ ngắn đều có định luật.

2. Ba bài Nam: Ở vào mùa Thu, giọng nhạc trầm buồn ai oán. Nhạc sĩ đồn 3 bài này thì day mặt về hướng Nam.

Ba bài Nam gồm: Nam Xuân, Nam Ai, Đảo Ngũ Cung.

- *Nam Xuân*: gặp mời, mừng. (Thượng nguơn)
- *Nam Ai*: trông mong, ngưỡng mộ. (Trung nguơn)
- *Đảo Ngũ Cung*: bày tỏ, tái ngộ. (Hạ nguơn)

Ba bài Nam này có 4 giọng đồn khác nhau tùy theo 4 mùa (Tứ quý: Xuân, Hạ, Thu, Đông) kể ra:

- Giọng Xuân (mùa Xuân) biểu thị mát mẻ, tỏ rạng, vui tươi,
- Giọng Ai (mùa Hạ) biểu thị nóng nực, tâm hồn buồn thảm.
- Giọng Đảo (mùa Thu) biểu thị mưa dầm, xây vắn, đảo lộn.
- Giọng Xong cước (mùa Đông) biểu thị thâm trầm, mù mẫn.

3. Sáu bài Bắc: Ở vào mùa Xuân, giọng nhạc vui tươi. Nhạc sĩ đồn 6 bài này thì day mặt về hướng Bắc.

Sáu bài Bắc gồm: Lưu Thủy Trường, Xuân Tình, Phú Lục, Bình Bán Chấn, Tây Thi, Cổ Bản.

4. Bốn bài Tây: thường gọi là 4 bài Oán, ở vào mùa Đông, giọng nhạc hiền hòa, non nước thanh bình. Nhạc sĩ đồn 4 bài này thì day mặt về hướng Tây.

Bốn bài Oán gồm: Tứ Đại Oán, Giang Nam, Phụng Cầu, Phụng Hoàng.

Cổ pháp

古法

A: The archaic attributes.

P: Les attributs archaïques.

Cổ: Xưa, cũ. **Pháp:** có rất nhiều nghĩa, ở đây có nghĩa là cái dấu hiệu tượng trưng của một tôn giáo.

Cổ pháp là cái dấu hiệu tượng trưng một tôn giáo xưa.

- Bình Bát vu tượng trưng Phật giáo.
- Cây Phất chủ tượng trưng Tiên giáo.
- Quyển Kinh Xuân Thu tượng trưng Nho giáo.

Đức Chí Tôn dùng cổ pháp Tam giáo hiệp với Long Tu Phiến và Thư Hùng kiếm làm thành các Tổ hợp Cổ pháp, gọi tắt là các *Cổ pháp của Đạo Cao Đài*.

Đạo Cao Đài có tất cả bốn Cổ pháp:

1. Cổ pháp Hộ Pháp.
2. Cổ pháp Thượng Phẩm.
3. Cổ pháp Thượng Sanh.
4. Cổ pháp Giáo Tông.
5. Cổ pháp Chưởng Pháp

1. Cổ pháp Hộ Pháp: gồm Bình Bát vu, Cây Phất chủ và Kinh Xuân Thu. Cổ pháp này có ý nghĩa là Đức Hộ Pháp nắm trọn bí pháp Tam giáo, để thực hiện tôn chỉ: Qui nguyên Tam giáo trong thời ĐĐTKPĐ.

2. Cổ pháp Thượng Phẩm: gồm Phất chủ và Long Tu phiến đặt chồng lên nhau. Cổ pháp này có ý nghĩa là Đức Thượng Phẩm dùng pháp bửu đưa các chơn hồn đặc đạo đi lên, vào CLTG hay vào Tam thập Lục Thiên.

3. Cổ pháp Thượng Sanh: gồm Phất chủ và Thư Hùng kiếm, gác chéo lên nhau. Cổ pháp này có ý nghĩa là Đức Thượng Sanh dùng pháp bửu để trị thế, dọn đường cho nhơn sanh đi vào cửa Đạo.

4. Cổ pháp Giáo Tông: gồm Cổ pháp của Thượng Phẩm và Thượng Sanh ghép chung lại. Cổ pháp Giáo Tông có 3

pháp bửu: Phát chủ, Long Tu phiến, Thư Hùng kiếm, có ý nghĩa là Đức Giáo Tông nắm Cơ chuyển thế, giáo hóa nhơn sanh, hướng Đời vào Đạo, làm cho Đời tận thiện tận mỹ.

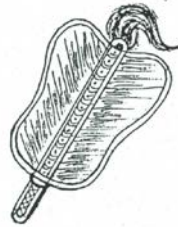
5. Cổ pháp Chưởng Pháp: mỗi Chưởng Pháp có Cổ pháp riêng.

- Thái Chưởng Pháp có Cổ pháp là bình Bát vu.
- Thượng Chưởng Pháp có Cổ pháp là Phát chủ.
- Ngọc Chưởng Pháp có Cổ pháp là Kinh Xuân Thu.

Nhập 3 Cổ pháp của 3 Chưởng pháp thành Cổ pháp Hộ Pháp.



Cổ pháp Hộ Pháp



Cổ pháp Thượng Phẩm



Cổ pháp Thượng Sanh



Cổ pháp Giáo Tông

Ý nghĩa của mỗi Pháp bửu như sau:

- Bình Bát vu:** Đây là cái bình của các tăng ni Phật giáo ôm đi khát thực. Việc khát thực có tác dụng diệt được hai điều thái quá: Sung sướng thái quá và khổ hạnh thái quá. (Xem chi tiết nơi chữ: **Bát vu, văn B**)

- b. **Cây Phất chủ:** cũng gọi Phất trần, là cây chổi Tiên để quét bụi bặm dơ dáy bám vào chơn thân. (Xem: **Phất chủ**).
- c. **Kinh Xuân Thu:** là quyển sách do Đức Khổng Tử biên soạn để nêu lên cái Đạo của Ngài. (Xem chữ: **Xuân Thu**)
- d. **Long Tu phiến:** là cây quạt làm bằng râu rồng. (Xem chi tiết nơi chữ: **Long Tu phiến, văn L**)
- e. **Thư Hùng kiếm:** là đôi gươm trống mái, có đủ Âm Dương nên rất huyền diệu. (Xem chi tiết: **Thư Hùng kiếm, văn Th**)

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Cổ Phật

古佛

A: Ancient Buddha.

P: Bouddha ancien.

Cổ: Xưa, cũ. **Phật:** Đức Phật.

Cổ Phật là vị Phật xưa, vị Phật của thời kỳ xa xưa.

Đức Phật xưa nhất là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, vì Ngài là vị Tôn Sư được sanh ra từ thời Hỗn Độn, làm chủ tể CKVT.

TNHT: Luật điều *Cổ Phật* không chùa tội.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cổ quái

古怪

A: Bizarre.

P: Bizarre.

Cổ quái là lạ lùng, kỳ dị, khác thường.

CG PCT: Kẻ hung bạo thì hình dung cổ quái.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Cổ trịt

A: The flattened collar.

P: Le col aplati d'habit.

Cổ: Cái cổ. **Trịt:** không bâu.

Cổ trịt là áo cổ bằng, không bâu, kiểu cổ áo tràng của các Đạo gia.

Phẩm Chánh Trị Sự mặc Đạo phục là áo đạo màu trắng, cổ trịt, viền chỉ kim tuyến vàng.

CỘ

Cộ bông - Cộ đèn

A: The flowery float - The defile of children with lanterns.

P: Le char décoré - Le défilé des enfants avec lanternes.

Cộ: xe. **Bông:** hoa.

Cộ bông là chiếc xe được trang trí đèn, hoa, và hình tượng của những nhân vật trong các tích xưa để nói lên một giáo lý của Đạo, có tính cách làm gương cho đời. Cộ bông này được chạy diễu hành trong các ngày Lễ lớn của Đạo như: Lễ Vía Đức Chí Tôn, Lễ Vía Đức Phật Mẫu.

Hội Thánh có đặt nhiều giải thưởng cho những cộ bông đẹp và có ý nghĩa nhất.

Cộ đèn: Trong đêm Trung Thu, Lễ Vía Đức Phật Mẫu, các học sinh, mỗi em cầm một lồng đèn, đi biểu diễn từ Tòa Thánh đến Báo Ân Từ, và sau đó đi trên các con đường chánh trong Nội Ô Tòa Thánh, gọi đó là đi dâng Cộ Đèn.

Hàng ngàn lồng đèn lác lác từ tay các thiếu nhi tỏa ánh sáng chập chờn trong đêm tối, tạo thành một khung cảnh vô cùng xinh đẹp và huyền ảo.

Sau đó, Hội Thánh phát thưởng cho những em nào có lồng đèn đẹp nhất và có ý nghĩa nhất.

CỘI

CỘI

CỘI: Gốc cây, nguồn gốc.
Tđ: Cội ái, Cội bá, Cội phúc.

Cội ái - Nguồn nhân

A: The source of love.

P: La source de l'amour.

CỘI: Gốc cây, nguồn gốc. **Ái:** thương yêu. **Nhân:** lòng thương người mền vật, thương khắp chúng sanh.

Cội ái đồng nghĩa Nguồn nhân, là cái nguồn gốc của sự thương yêu.

TNHT: Linh dược đầy bầu là cội ái,
Kính luân nặng túi ấy nguồn nhân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cội bá - Cội tùng

A: The pagoda.

P: La pagode.

CỘI: Gốc cây, nguồn gốc. **Bá:** cây bá, cây trúc. **Tùng:** cây tùng, cây thông.

Nơi sân chùa người ta thường trồng các loại cây sống lâu năm và luôn luôn xanh tươi như cây bá, cây tùng.

Do đó, cội bá hay cội tùng là chỉ cảnh chùa, nơi tu hành.

TNHT: Cội bá chờ khi về Cực Lạc,
Nhật bước đường hoa đến cội tùng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cội ngành

A: Base and branche: Entirely.

P: Base et branche: Entièrement.

Cội: Gốc cây, nguồn gốc. **Nhánh:** nhánh cây.

Cội ngành là gốc cây và nhánh cây, ý nói đầu đuôi gốc ngọn của sự việc.

TTCĐDTKM: Xưa con không thấu *cội ngành*,

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

CÔN

Côn lân

崑崙

Côn lân: tên một ngọn núi cao nơi cõi thiêng liêng.

Theo truyện Phong Thần, Đức Lão Tử và Đức Ngươn Thủy Thiên Tôn, Giáo chủ Xiển giáo ở trên núi Côn lân. Còn Đức Thông Thiên, Giáo chủ Triệt giáo ở tại Động Bích Du.

Xiển giáo là Chánh đạo; Triệt giáo lần lần trở thành Bàng môn Tả đạo. Núi Côn lân là chỉ Xiển giáo; Động Bích du là chỉ Triệt giáo.

Thơ của Đức Quyên Giáo Tông Lê Văn Trung:

Tài ba *Động Bích* bao nhiêu sức,
Quyên phép *Côn lân* sẵn mấy bầu.

CÔNG

CÔNG

1. **CÔNG:** 公 có 4 nghĩa sau đây:

- **CÔNG:** Ngay thẳng, không thiên vị.
Td: Công chánh.
- **CÔNG:** Chung.
Td: Công chúng, Công cử.

- **CÔNG:** Tước quan lớn nơi triều đình.
Td: Công hầu.
 - **CÔNG:** Cha chồng.
Td: Công cô.
2. **CÔNG:** 功 Nỗ vất vả làm nên công việc.
Td: Công cán, Công đức, Công quả.
 3. **CÔNG:** 工 Kỹ nghệ sản xuất.
Td: Công nghệ.
 4. **CÔNG:** 攻 Chỉ trích, đánh phá.
Td: Công kích.

Công bình

公平

A: The justice.

P: La justice.

Công: Ngay thẳng, không thiên vị. **Bình:** ngang bằng.

Công bình là ngay thẳng, không có ý riêng để tư vị.

■ **Công bình phàm:** là cái công bình của người phàm nơi cõi trần. Đó chỉ là cái công bình tương đối, vì có thể còn sự khuất lấp mà mắt phàm và trí phàm không khám phá được.

■ **Công bình thiêng liêng:** là sự công bình của Đức Chí Tôn và của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, nên có tính cách tuyệt đối, vì không có gì có thể khuất lấp trước Thiên Nhân hay Huệ Nhân của các Đấng thiêng liêng.

Sự Công bình thiêng liêng được tượng trưng bằng cây Cân Công bình thiêng liêng.

Đức Chí Tôn cầm cây Cân Công bình thiêng liêng để giữ đúng việc thi hành Luật Nhân Quả, và thúc đẩy sự tiến hóa trong CKVT.

Trong Con đường TLHS, Đức Hộ Pháp thuyết đạo mô tả Đức Chí Tôn cầm cây Cân Công bình thiêng liêng như sau:

"Khi Bàn đạo vô trong muốn biết Từ Phụ, là ai? Ông này có phải là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, mà ông có phải là một người không? Làm sao cho Bàn đạo được biết ông với.

Bàn đạo vừa tưởng, thì ở xa lắm, thấy cái gì bao phủ như tấm màn che vậy, biết ông ở trong, có tấm màn che, ý muốn cái màn này vạch ra đặng thấy ông. Vừa muốn thì cái màn hé ra, dường như có từng nấc xa lắm, không thể gì tả đặng, kể thấy ông bước ra, mặc áo trắng, bịt khăn trắng, cũng có mấy miếng vải lòng thòng sau lưng, râu bạc trắng, coi đẹp lắm, thấy thương làm sao đâu!

Trong bụng nói, ông ngồi tại Linh Tiêu Điện, mình thấy ông mặc bộ đồ khác, không lẽ hai người, chắc không phải ông.

Vừa nói rồi thì thấy ông bước ra đứng ngay giữa, ngó ngay Bàn đạo, dường như thể biểu con coi đây, ngó ngay lên ông thấy đạo hào quang chiếu diệu phát ra, tay cầm cây gậy coi đẹp lắm. Cây gậy của ông quảy cái bầu, bên mình ông mang cái bị, mặc bộ đồ Ngọc Hoàng Thượng Đế, nắm ngang cây gậy trên tay thành cái đòn cân, ông kéo cái bầu ra thành hai cái giá cân, ông kéo cái bị ra thành trái cân.

Ba món báu ấy hiệp lại thành cây Cân thiêng liêng mà chính mình đã thấy ông nơi Linh Tiêu Điện. Không còn ai xa lạ nữa, cũng là Đại Từ Phụ nhưng thiên biến vạn hóa của ông mà tạo ra CKVT vậy."

TNHT: Lão để mắt coi cái *công bình phàm* của chư Hiền hữu giữa Tòa Tam giáo là dường nào. Lão lại còn lấy *Công bình thiêng liêng* mà để phượng cho mỗi vị tội nơn cái lỗi lấy mình, ấy là thể lòng từ bi của Đức Chí Tôn.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công cán

功幹

A: Merit.

P: Mérite.

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. **Cán:** gánh vác.

Công cán là công sức đứng ra gánh vác công việc.

TNHT: Đặng đến nơi khởi hành mà phục hồi *công cán*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công chánh

公正

A: Just and right.

P: Juste et droit.

Công: Ngay thẳng, không thiên vị. **Chánh:** ngay thẳng, không tà vạy.

Công chánh là công bình và chánh trực.

"Cây cờ cứu khổ của Đạo Cao Đài là Thương yêu và Công chánh. Phải thực hiện được hai điều ấy thì hòa bình và hạnh phúc mới đến với chúng ta được.

Ấy vậy, hiện giờ nhơn loại đang kiếm gì?

- Kiếm cân Công chánh, kiếm luật thương yêu.
- Kiếm ở đâu?

Luật thương yêu ấy, Chí Tôn đã ban bố mà nhơn loại chưa tìm được. Nhơn loại đang khao khát mà chớ!

Quyền công chánh thì do nơi luật thương yêu mà có. Quyền công chánh nơi mặt thế gian này không có, dầu trong tay để quyền hay dân quyền cũng không có.

Đức Chí Tôn Ngài đến, do tay Ngài ký một Hòa Ước với một sắc dân nô lệ, sắc dân hèn mọn, đặng Ngài năn nỉ xin cho đặng hai điều trọng yếu làm cho nhơn loại đặng sống tồn tại là: Luật Thương yêu và Quyền Công chánh.

Ngài đã ký, đã hứa với Thánh thể của Ngài, tức nhiên là cả quốc dân này, đặng tạo ra hình ảnh Luật Thương yêu. Nếu cả quốc dân VN lấy Quyền Công chánh làm thành tướng ra, rồi Ngài sẽ lấy tướng diện của nó làm món thuốc cứu sanh mạng của nhơn loại đó vậy." (TĐ ĐPHP)

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Công chúng

公眾

A: The public

P: Le public.

Công: Chung. **Chúng:** nhiều người.

Công chúng là tất cả mọi người trong một vùng, trong một nước.

TNHT: Vì cái gương Đạo mà đem chiếu ra giữa công chúng, nếu gương trong thì tỏ rạng, còn gương lờ thì sao?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công cô

公姑

A: Father-in-law and Mother-in-law.

P: Beau père et Belle mère.

Công: Cha chồng. **Cô:** mẹ chồng hay mẹ vợ.

Công cô là cha mẹ chồng hay cha mẹ vợ.

KSH: Không kiêng chồng, khi đẻ công cô.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Công cử

公舉

A: Public election.

P: Élection publique.

Công: Chung. **Cử:** tuyển chọn bầu lên.

Công cử là nhiều người họp lại, lựa chọn người có tài đức bầu lên để giữ một nhiệm vụ cao trọng hơn.

Theo Pháp Chánh Truyền của Đạo Cao Đài, Luật Công cử Chức sắc CTĐ Nam phái và Nữ phái như sau:

1. *Đầu Sư muốn lên Chương Pháp thì nhờ ba vị công cử nhau.*
2. *Phối Sư muốn lên Đầu Sư thì 36 vị công cử.*
3. *Giáo Sư muốn lên Phối Sư thì 72 vị kia xúm nhau công cử.*
4. *Giáo Hữu muốn lên Giáo Sư thì nhờ 3000 vị kia xúm nhau công cử.*

5. Lễ Sanh muốn lên Giáo Hữu thì nhờ cả Lễ Sanh xúm nhau công cử.
6. Môn đệ muốn lên Lễ Sanh thì nhờ cả môn đệ xúm nhau công cử. Kỳ dư Thầy giảng cơ cho người nào mới khỏi luật ấy mà thôi.
- **CG PCT:** Chức Chánh Trị Sự thì nhờ cả Phó Trị Sự và Thông Sự xúm nhau công cử.
Tín đồ muốn lên Phó Trị Sự thì nhờ cả tín đồ trong họ xúm nhau công cử.
Tín đồ muốn lên Thông Sự thì nhờ cả tín đồ trong họ xúm nhau công cử.
7. Còn Giáo Tông thì hai phẩm Chưởng Pháp và Đầu Sư tranhặng, song phải chịu cho toàn môn đệ công cử mớiặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thường mới ra khỏi luật ấy.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Công đồng

共同

A: In common.

P: En commun.

Công: Chung. **Đồng:** cùng.

Công đồng là cùng chung nhau.

Công đồng chư Chức sắc: Cùng chung với các Chức sắc.

Hội Công Đồng: Theo Tân Luật, CTĐ có lập ra Hội Công Đồng để xét xử các Chức sắc CTĐ phạm pháp.

Hội Công Đồng được xem là Ban Kỷ Luật hay Tòa Án Nội bộ của CTĐ.

Điều thứ 27 của Tân Luật: Như phạm trọng tội hay là tái phạm thì phải đệ lên Hội Công Đồng phán đoán.

Hội ấy, một vị Đầu Sư hay là Phối Sư phái mình làm đầu và có hai vị Chức sắc hai phái kia nghị án. Hội này được quyền trực xuất. (Xem chi tiết: **Hội Công Đồng, văn H**)

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Công đức

功德

A: Merit and virtue.

P: Mérite et vertu.

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. **Đức:** những việc làm hợp lòng người, thuận đạo Trời.

Công đức là chỉ tất cả những việc làm có tính cách giúp đời, giúp người, không cầu danh lợi, dù việc nhỏ hay việc lớn.

Công đức cũng được định nghĩa là Công phu và đức hạnh. Tự mình ra sức làm điều lành là Công, nét na chứa trong mình, lòng dạ mình mộ điều lành là Đức. Việc tụng kinh, bố thí đều có Công đức.

Đó là định nghĩa một cách tổng quát và thông thường.

Nhưng, theo Phật giáo Thiên Tông, trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng có giảng giải về hai chữ Công đức một cách đặc biệt thuộc về Thượng thừa, tu đốn ngộ kiến tánh thành Phật, giải thoát khỏi luân hồi. Xin chép ra sau đây:

"Khi Đức Đạt Ma Tổ Sư được rước vào Kim Lăng, vua Lương Võ Đế hỏi rằng:

- Từ khi lên ngôi, trăm cất chùa, chép kinh, độ tăng không xiết kể, thế có Công đức chăng?

Tổ Sư nói: - Các việc làm ấy thiệt không có Công đức.

Vua Lương Võ Đế hỏi: - Bởi sao không có Công đức?

- Ấy chỉ là cái Tiểu quả của cõi Trời và cõi người mà thôi. Chính là cái nhân hữu lậu cũng như bóng theo hình, tuy có mà chẳng phải thật.

Vua Võ Đế hỏi: - Thế nào mới thiệt là Công đức?

- Cái trí thiệt sạch toàn sáng, huyền vi; cái tánh thể tự nhiên, trống không vắng lặng. Ấy là Công đức. Công đức ở nơi bản tánh mình chớ chẳng phải cầu nơi công nghiệp thế gian.

Tổ Sư lại nói:

- Thấy tánh là Công, giữ lòng bình đẳng là Đức. Niệm niệm tâm không ngưng trệ, thường thấy bản tánh, động tịnh tự nhiên, diệu dụng chơn thật, ấy gọi là Công đức.

Bên trong giữ lòng khiêm hạ là Công, bên ngoài hành động theo lễ là Đức.

Tánh mình lập ra muôn pháp (sự lý, muôn vật) là Công, tâm thể lia niệm là Đức.

Chẳng lia tánh mình là Công, ứng dụng không nhiễm trần là Đức.

Muốn tìm cái Công đức pháp thân thì phải y theo đây mà tu hành. Thế mới thiệt có Công đức. Người tu Công đức thì lòng chẳng nên khinh dễ người, mà phải thường cung kính khắp cả Nhơn vật. Nếu lòng thường khinh dễ người thì bồn ngã của ta chẳng dứt, tức là mình không có Công. Tánh mình giả dối không chơn thật tức là mình không có Đức. Bởi bồn ngã của ta tự đại, nên thường khinh dễ cả thầy Nhơn vật.

Chư Thiện tri thức, niệm niệm thấy tánh không rời là Công, lòng giữ công bình chánh trực là Đức.

Tự giới tánh mình là Công, tự trau thân mình là Đức.

Chư Thiện tri thức, Công đức phải thấy trong tánh mình, chớ chẳng phải tìm ở chỗ cúng dường và bố thí (làm phước).

Bởi vậy, Phước đức với Công đức khác nhau. Vua Võ Đế không biết chơn lý, chớ chẳng phải Tổ Sư của ta lắm."

"GIẢI: Pháp thân: Tiếng Phạn là Dharma-Kaya, là cái pháp tánh thanh tịnh, gồm cả thầy các Công đức tự tại. Ấy là tánh đức căn bản của bực Phật đã chứng quả Niết Bàn.

Lòng bình đẳng: tức là tâm như như. Đối với cả thầy các Pháp, cả thầy chúng sanh đều xem đồng một thể, không thấy có tướng cao thấp và khác nhau.

Tánh mình lập ra muôn pháp: nghĩa là tánh mình có đủ ba đức lớn là: Giải, Tín, và Hành. Ba đức ấy vẫn tự tại mà biến hiện ra muôn vàn công đức, dựng nên tất cả sự vật, tạo ra tất cả lý thuyết.

Cái nguyên lý tạo hóa gốc ở tại bồn tánh của mình.

Bồn tánh con người có cái quyền lực thiêng liêng vi diệu vô cùng: Khi tịnh thì thấu thập sức thiêng liêng của vũ trụ, lúc động lại ứng hóa khắp cả càn khôn. Thế thì bồn tánh mình năng tịnh năng động, tự tại vô ngại, muốn tịnh cũng đặng,

muốn động cũng đặng. Tịnh tức là Thanh tịnh pháp thân, động tức là thiên bá ức Hóa thân."

Công hầu vương bá

公侯王伯

A: High mandarin.

P: Haut mandarin.

Công: Tước quan lớn nơi triều đình. **Hầu:** tước Hầu. **Vương:** tước Vương. **Bá:** tước Bá của triều đình quân chủ thời xưa.

Thuở xưa, vua đặt ra 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam để phong tước cho những người có công lớn với triều đình. Còn tước Vương thì đứng trên 5 tước này.

Công Hầu Vương Bá là chỉ những tước quan đại thần lớn nhất trong triều đình, có quyền hành lớn, sự nghiệp lớn.

TNHT:

Tây Ninh tu luyện động Linh sơn,
Chẳng quản mùi trần thiết với hơn.
Trăm đấng ngàn cay đành một kiếp,
Công Hầu Vương Bá dám đâu hơn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công khanh

公卿

A: Great mandarin.

P: Grand mandarin.

Công: Tước quan lớn nơi triều đình. **Khanh:** chức quan lớn trong triều đình thời xưa như: Chánh Khanh, Thiếu Khanh.

Công Khanh là chỉ chức quan đại thần trong triều đình.

TNHT: Chẳng kể công khanh bỏ ấn quan.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công kích

攻撃

A: To attack.

P: Attaquer.

Công: Chỉ trích, đánh phá. **Kích:** đánh, bài bác.

Công kích là tấn công bằng sự bài bác chê bai.

Công linh

A: Merit.

P: Mérite.

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. Công linh đồng nghĩa Công lênh, Công lao.

Công linh là nỗ vất vả làm nên việc.

TNHT: Có biết thận suy mà chưa chịu biết để *công linh* đào tạo thời thế, đặng diu dắt chúng sanh cho kịp buổi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công nghệ

工藝

A: Industry.

P: Industrie.

Công: Kỹ nghệ sản xuất. **Nghệ:** nghề nghiệp, kỹ năng làm việc đòi hỏi sự khéo léo và thông thạo.

Công nghệ là tất cả ngành sản xuất vật dụng, hàng hóa bằng thủ công hay máy móc.

TNHT: Làm vua, làm thầy, làm *công nghệ*, làm đạo sĩ, cũng cần phải có cái chí lớn mới mong thành tựu được.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công nghiệp

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1 Công nghiệp

功業

A: Work and merit.

P: Oeuvre et mérite.

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. **Nghệp:** sự nghiệp.

Công nghiệp là công lao và sự nghiệp.

TNHT: - Công nghiệp dồi dào, âm chất đủ.

- Độ chúng cứu đời công nghiệp để.

* Trường hợp 2 Công nghiệp

工業

A: Industry.

P: Industrie.

Công: Kỹ nghệ sản xuất. **Nghệp:** nghề nghiệp.

Công nghiệp là các nghề nghiệp chế tạo đồ dùng hay hàng hóa bằng tay hay bằng máy móc.

Trường hợp này, Công nghiệp đồng nghĩa Công nghệ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công phu - Công quả - Công trình

功夫 - 功果 - 功程

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. **Phu:** làm việc vất vả.

Quả: kết quả của việc làm có ảnh hưởng đến phẩm vị nơi cõi thiêng liêng. **Trình:** cách thức làm việc.

Công phu, Công quả, Công trình, nhập lại gọi chung là Tam Công. Tam Công nằm trong phần Lập Công của Tam Lập. Tam Lập gồm: Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn.

1. Công phu: Phần Công phu gồm hai việc:

- Học tập kinh sách để thông hiểu Giáo lý và Luật pháp của Đạo.

- Cúng Đức Chí Tôn vào Tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu.

a. Học tập kinh sách Đạo:

- Kinh thì có Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo (Tân Kinh).
- Luật thì có Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Bát Đạo Nghị Định, Đạo Luật năm Mậu Dần, Luật Hội Thánh.
- Giáo lý thì có các sách: TNHT, Thánh Ngôn Sưu tập, Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Giáo lý của Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, Thiên Đạo của Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, vv

Việc học tập kinh sách có mục đích mở mang thể Trí của tín đồ.

b. Cúng Đức Chí Tôn vào tứ thời:

Chúng ta cố gắng cúng Đức Chí Tôn nơi Thiên bàn tại nhà chúng ta vào Tứ thời: thời Tý lúc 12 giờ khuya, thời Mẹo lúc 6 giờ sáng, thời Ngọ lúc 12 giờ trưa, thời Dậu lúc 6 giờ tối.

Việc Tứ thời Công phu này rất quan trọng, vì lúc đó chơn thần chúng ta hấp thụ thanh điển của Trời.

Đức Quan Âm Bồ Tát giáng cơ nói rằng:

"Các em phải lo cúng kiếng thường:

- Một là tập cho chơn thần gần gũi các Đấng thiêng liêng cho đặng sáng lạn.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng là lẽ tự nhiên.

- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các em nhớ à!" (TNHT)

Thất Nương DTC cũng có viết:

"Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi."

Như vậy, việc công phu hằng ngày giúp cho người tín đồ mở được Trí huệ, tức là cái trí càng ngày càng thêm sáng suốt.

2. Công quả:

Tất cả những việc làm giúp người giúp đời, phụng sự Đạo, phụng sự nhơn sanh, dù phạm vi nhỏ hay lớn, đều gọi là công quả, vì những công việc này tạo ra một kết quả tốt đẹp nơi cõi thiêng liêng.

Công quả muốn được chánh danh và đúng ý nghĩa của nó thì phải là công quả phát xuất từ lòng tự nguyện tự giác, thiết tha với nó, xem nó là mục đích của đời mình.

Muốn lập Công quả được mỹ mãn thì tự bản thân của người tín đồ phải rèn luyện hai điều sau đây:

- Thứ nhất là phải lo học hỏi đạo lý cho thông suốt để có đủ khả năng dẫn dắt người chưa hiểu Đạo vào đường đạo đức như mình. Đó là tự giác nhi giác tha, tức là mình tự giác ngộ trước rồi sau mới giác ngộ người.

- Thứ nhì là phải giữ gìn sức khỏe cho cường tráng để làm điều thiện, phụng sự nhơn sanh. Nếu sức khỏe mình không tốt, đau ốm liên miên thì mong chi phụng sự người khác, mà trái lại người khác phụng sự lại mình, mình mất hết công quả mà lại còn mang nợ nữa là đàng khác.

Mỗi người tùy theo khả năng chuyên môn mà làm công quả. Trong Đạo, biết bao nhiêu công việc, đủ mọi ngành nghề, từ việc làm bằng sức lao động đến việc làm bằng trí não.

Đức Chí Tôn hằng dạy rằng: "*Vậy Thầy khuyên các con, đứa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sụt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng ủng cái điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm.*" (TNHT)

Đức Chí Tôn cũng đã hứa: "*Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần. Đức Chí Tôn đại khai ân xá, mở Đạo kỳ ba này là lập một trường thi công quả cho nhơn sanh đắc đạo.*

Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đầu mà mong, Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng

sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao." (TNHT)

Làm công quả phụng sự nhơn sanh là thể hiện đức tánh Từ Bi Bác Ái. Càng làm công quả thì thể Bi trong mỗi người chúng ta càng phát triển, và phải tiếp tục làm cho nó phát triển mãi, để cuối cùng hòa nhập được vào khối thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn.

3. Công trình:

Công trình là việc lập hạnh tu hành, bao gồm việc gìn giữ giới luật như: Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, Thế Luật, việc ăn chay kỳ hay ăn chay trường.

Việc lập hạnh đòi hỏi người tu phải có ý chí mạnh mẽ, hùng dũng mới thắng nổi những sự yếu hèn và ham muốn của thể xác, do lục dục và thất tình xúi giục gây ra. Thể xác lúc nào cũng muốn tự tung tự tác, sung sướng thoải mái, chớ đâu chịu bó mình trong Giới luật.

Do đó, việc lập hạnh tu hành là thể hiện cái Dũng của con người. Cần phải dũng cảm chiến thắng sự đòi hỏi buông lung của thể xác. Không có chiến thắng nào vẻ vang hơn chiến thắng được dục vọng của mình.

Tóm lại:

- Công quả là thể hiện đức BI,
- Công phu là thể hiện đức TRÍ,
- Công trình là thể hiện đức DŨNG.

Tam Công: Công phu, Công quả, Công trình, liên hệ mật thiết nhau, quan trọng như nhau, giống như Bi, Trí, Dũng, không thể tách rời, không thể bỏ sót phần nào được, mà phải phát triển song song nhau thì sự tiến hóa tâm linh mới nhanh chóng và mau đắc quả.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Công tham Thái cực

功參太極

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. **Tham:** góp mặt, tham dự vào. **Thái cực:** ngôi của Đức Chí Tôn.

Công tham Thái cực là một câu kinh trong bài Kinh Phật giáo, nói về quyền pháp của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, nghĩa là: *Đức Nhiên Đăng Cổ Phật góp công cùng Đức Chí Tôn.*

Đức Chí Tôn nắm cơ Tạo hóa, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật nắm cơ giáo hóa, góp công cùng Đức Chí Tôn trong việc giáo hóa nhơn sanh.

Công toại thân thoái

功遂身退

A: To retire after meritorious service.

P: Se retirer après le service méritoire.

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. **Toại:** thỏa lòng. **Thân:** thân mình. **Thoái:** rút lui.

Công toại thân thoái là nói về việc dựng nước hay bảo vệ đất nước đã thành công mỹ mãn rồi thì tâm thân phải rút lui khỏi vòng danh lợi để bảo toàn tánh mạng.

Phàm khi công việc đã thành tựu, danh đã toại, hưởng được vinh hiển tốt bụng rồi thì chắc chắn sẽ có người đố kỵ, ganh ghét; còn bản thân người đó thì cậy công cậy tài, sanh ra kiêu căng, rồi lại thích hưởng thụ vật chất, tạo ra những việc sai trái, mất đạo đức, làm cho thân danh càng lúc càng suy đồi, và có thể bị bắt tội và bị giết chết.

Cho nên trong sách Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử có viết rằng: "*Công toại thân thoái, Thiên chi Đạo.*" Nghĩa là: Khi công việc đã hoàn toàn thỏa mãn thì nên lui thân, đó là đạo Trời.

Thói thường của con người thì: Đặng chim bẻ ná, đặng cá quên nơm, qua sông phụ sóng, thổ hết thì làm thịt chó săn. Xem lại các điển tích cũ, biết bao anh hùng hào kiệt, công toại rồi mà thân không chịu thoái như: Ngũ Tử Tư, Văn Chủng,

Hàn Tín, . . . hưởng bổng phú quý chẳng đặng bao lâu thì bị vua giết chết một cách không chánh đáng.

Chỉ có hai nhân vật duy nhất thực hành câu "Công toại thân thoái" là Phạm Lãi và Trương Lương.

■ **Phạm Lãi** là một danh tướng của Việt Vương Câu Tiễn thời Xuân Thu. Phạm Lãi cùng với Văn Chủng phò Việt Vương phục hưng nước Việt, đánh bại được Ngô Vương Phù Sai, rửa được cái nhục mất nước thuở trước. Phạm Lãi biết Việt Vương là người hẹp hòi, không thể hưởng chung phú quý, nên sau khi thành công, tiêu diệt được Ngô Vương Phù Sai, Phạm Lãi rút lui, lặn lẽ bỏ đi vào Ngũ Hồ, chu du sơn thủy, trong sự luyến tiếc của mọi người.

Phạm Lãi có viết thư cho Văn Chủng, khuyên Văn Chủng nên rút lui, đừng luyến tiếc công danh, nhưng Văn Chủng không nghe, cuối cùng bị Việt Vương giết chết.

■ **Trương Lương** là người nước Hàn, làm Quân Sư cho Lưu Bang, đánh thắng nước Tần, tiêu diệt Hạng Võ, tóm râu giang sơn vào tay nhà Hán. Khi công việc đã thành công, Lưu Bang lên ngôi Hán Cao Tổ Hoàng Đế, mở ra nhà Hán, thì Trương Lương cáo bệnh, xin từ quan, trả ấn phong Hầu, lên non tìm Xích Tòng Tử tu Tiên.

Còn Hàn Tín, vì mến chuộng công danh, muốn hưởng phú quý, không noi gương Trương Lương, cuối cùng bị tước hết binh quyền, bị vu làm phản, rồi bị Lữ Hậu giết chết.

Công truyền - Tâm truyền

公傳 - 心傳

A: Exoterism - Esoterism.

P: Exotérisme - ÉsoTérisme.

Công: Chung. **Truyền:** trao lại cho người khác. **Tâm:** cái tâm của con người.

■ *Công truyền là truyền bá một cách công khai, rộng rãi cho mọi người đều biết và theo về.*

■ *Tâm truyền là truyền vào tâm, thầy trực tiếp truyền thẳng Bí pháp luyện đạo vào tâm của đệ tử, không cho một người thứ ba biết được.*

Do đó, Tâm truyền còn được gọi là Bí pháp Tâm truyền, chỉ có thầy và trò biết được mà thôi.

Công truyền là về phần Thể pháp của Đạo.

Tâm truyền là về phần Bí pháp của Đạo.

Bất cứ một nền tôn giáo nào cũng đều phải có hai phần: Công truyền và Tâm truyền, tức là Thể pháp và Bí pháp.

- Phần Công truyền là phần phổ thông giáo lý, độ người bước đầu vào Đạo, nên phải dùng âm thanh sắc tướng, có áo rộng mào cao, tước phẩm Chức sắc làm cho vẻ vang trật tự, để truyền bá độ đời một cách mau lẹ, hướng dẫn nhơn sanh tu phần Nhơn đạo cho có căn bản, và thực hành Tam Lập: Lập đức, Lập công và Lập ngôn.

- Phần Tâm truyền thì lựa chọn những đệ tử đã có đủ Tam Lập, đạo tâm kiên cố, quyết tu giải thoát, để truyền cho Bí pháp Luyện đạo. Đó là phần tu luyện, phần cuối của con đường tu, để đắc thành Tiên, Phật, giải thoát khỏi luân hồi.

Pháp môn này trực tiếp đi vào tâm, bỏ hết các hình thức hữu vi sắc tướng, tu tập Thiền định, hồi quang phản chiếu, luyện Tam bửu: Tinh, Khí, Thần hiệp nhưt, đắc đạo tại thế.

Pháp môn luyện đạo này rất khó luyện tập, đòi hỏi người thầy lúc nào cũng phải chăm nom dẫn dắt đệ tử từ bước một, vì nếu luyện sai thì rất nguy hiểm cho tánh mạng.

Phần Bí pháp tâm truyền hành công tu luyện được thực hành trong Tịnh Thất.

Công viên quả mãn

功圓果滿

Công: Nỗ vất vả làm nên công việc. **Viên:** tròn. **Quả:** kết quả. **Mãn:** đầy đủ.

Công viên quả mãn tức là Công quả viên mãn, nghĩa là công quả trong kiếp sanh đã đầy đủ.

Công quả này sẽ giúp cho linh hồn tạo được ngôi vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Khi nắp quan tài đặt lại thì mới chấm dứt một kiếp sanh nơi cõi trần, lúc đó tổng kết phần công quả có được viên mãn hay không. Ngày thoát xác, linh hồn chỉ đem về trình nơi Ngọc Hư Cung những cái công quả thực hiện được và những tội lỗi vấp phải. Cây Cân Công bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn sẽ so sánh Công và Tội mà định vị cho linh hồn.

CÔNG

Cống cao ngã mạn

貢高我慢

A: To be proud and to despise.

P: S'énorgueillir et mépriser.

Cống: dâng lên. **Cao:** trên cao. **Ngã:** ta. **Mạn:** tiếng Phạn là Manô nghĩa là kiêu ngạo, khoe mình.

Cống cao là tự cao tự đại.

Ngã mạn là kiêu ngạo, tự cho mình tài giỏi hơn kẻ khác mà tỏ ra khinh người.

Người học Đạo mà có lòng cống cao ngã mạn thì không học được với các bạn Đạo, lại mê chấp thành ra phải chịu mê dốt, đôi khi còn phá giới nữa, mong chi tiến hóa được.

CỘNG

CỘNG

CỘNG: 共 Hiệp lại.

Td: Cộng đồng, Cộng hòa.

Cộng đồng quyền lợi

共同權利

A: Community of interests.

P: Communauté des intérêts.

Cộng: Hiệp lại. **Đồng:** cùng chung. **Quyền lợi:** quyền được hưởng những lợi ích về vật chất và tinh thần.

Cộng đồng quyền lợi là cùng chung làm việc với nhau và cùng phân chia quyền lợi đồng đều như nhau.

Cộng đồng quyền lợi chỉ được thực hiện đúng nghĩa trong một xã hội đại đồng.

TNHT: Giáo lý của Thầy có mục đích dạy dỗ các con hòa hợp nhau trong sự sống chung *cộng đồng quyền lợi* và sanh hoạt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cộng hòa

共和

A: Union and peace.

P: Union et paix.

Cộng: Hiệp lại. **Hòa:** hòa bình, êm thuận với nhau.

Cộng hòa là chung hiệp và êm thuận với nhau.

TĐ ĐPHP: Thầy dùng: Phép là lương tâm, quyền là tình ái, mà làm cho cả nhơn loại thấy rõ mặt Thầy, hầu nhìn lẫn nhau trong Thánh đức của Thầy mà cộng yêu hòa ái. *Cộng hòa! Cộng hòa!* Ấy là hai lời châu ngọc của Thầy để vào lòng mỗi người. Mình biết *cộng hòa* mới làm cho xã hội quốc dân cộng hòa, rồi làm gương rực rỡ quang minh mà truyền bá cả tư tưởng cao thượng ấy ra khắp hoàn cầu, cho cả nhơn loại đặng *cộng hòa*, đại đồng thế giới.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CƠ

CƠ

1. **CƠ:** 機 Cái máy, sự xây chuyển như cái máy.
Td: Cơ bút, Cơ chuyển thể.
2. **CƠ:** 饑 Đói, mất mùa lúa.
Td: Cơ cần, Cơ hàn.
3. **CƠ:** 基 Nền tảng.
Td: Cơ nghiệp.

Cơ bút

- I. Định nghĩa cơ bút
- II. Nguồn gốc của cơ bút
- III. Tiên cơ - Tà cơ - Nhơn cơ
- IV. Phán đoán Giả Thiệt của cơ bút
- V. Phân biệt Tà Chánh trong cơ bút
- VI. Sự lợi hại của cơ bút
- VII. Ngưng Cơ bút Phổ độ
- VIII. Huyền diệu của cơ bút

I. Định nghĩa cơ bút:

機筆

A: The apparatus in a spiritual seance: The "Corbeille à bec".

P: L'appareil dans une séance spirituelle: La Corbeille à bec.

Cơ: Cái máy, sự xây chuyển như cái máy. **Bút:** cây viết.

■ Cơ bút là dụng cụ dùng để thông công với các Đấng thiêng liêng. Cây cơ gồm một cái giỏ đan bằng tre hay mây, có phủ một lớp giấy và bên ngoài bọc vải vàng, một cái cán dài bằng gỗ xuyên qua miệng giỏ, đầu cán có chạm hình đầu chim loan, dưới cổ chim loan gắn một cọng mây dùng làm bút viết chữ trên mặt bàn.

Cơ để cầu chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thì gọi là Ngọc cơ, hay Tiểu Ngọc cơ.

Cơ để cầu Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu thì phải làm cỡ lớn hơn và gọi là Đại Ngọc cơ.

- Danh từ Cơ Bút còn có nghĩa là: Phò cơ và Cháp bút.

Phò cơ là cầu một Đấng thiêng liêng giáng điển xuống làm Ngọc cơ chuyển động viết ra chữ, tạo thành một bài văn hay bài thi dạy Đạo. Hai vị phò cơ được gọi là đồng tử, ngồi hai bên giỏ cơ, mỗi người dùng hai bàn tay cầm miệng giỏ cơ, nâng lên. Khi Đấng thiêng liêng giáng điển xuống làm tay đồng tử đẩy Ngọc cơ quay tròn, cây bút bằng mây ở đầu cán cơ chạm mặt bàn, viết ra chữ bóng. Độc giả nhìn theo nét chữ bóng mà đọc cho vị điển ký chép vào giấy.

Còn chấp bút thì chỉ có một đồng tử ngồi trước bàn viết, tay cầm sẵn cây bút chì. Khi Đấng thiêng liêng giáng thì cánh tay cầm bút của đồng tử chuyển động và viết ra chữ trên mảnh giấy trắng.

TNHT: *Kẻ phò cơ chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường.*

Trong Cơ bút, đồng tử được gọi là Phò cơ hay Phò loan (vì đầu Ngọc cơ có hình chim loan), đồng tử đóng vai trò rất quan trọng. Đồng tử phải là người có đặc khiếu xuất chơn thần ra khỏi thể xác, để lên hầu các Đấng Tiên, Phật nghe dạy bảo bằng sự chuyển di tư tưởng từ các Đấng qua đồng tử, rồi nhờ linh điển của các Đấng giáng vào đồng tử, hiệp với nhơn điển của đồng tử, làm cánh tay đồng tử chuyển động, đẩy Ngọc cơ quay tròn rồi viết ra chữ bóng trên mặt bàn.

Có hai trường hợp về đồng tử: Đồng mê và Đồng tỉnh.

- Đồng mê (đồng tử mê) thì chơn thần của đồng tử xuất trọn vẹn khỏi thể xác, tiếp được rõ ràng tư tưởng của các Đấng, và các Đấng xuống điển giúp chơn thần đồng tử điều khiển hai cánh tay viết ra chữ, tạo thành bài văn hay bài thi tuyệt diệu, ý nghĩa cao siêu, nhưng sau khi mãn đàn cầu cơ, chơn thần của đồng tử rất mệt mỏi. Trường hợp này bài văn hoàn toàn do các Đấng điều động viết ra.

- Đồng tỉnh thì chơn thần xuất ra khỏi xác, tiếp luồng tư tưởng của các Đấng, rồi chơn thần đồng tử tự điều khiển cánh

tay viết ra tư tưởng ấy. Trường hợp này, tư tưởng là của các Đấng, nhưng chơn thần của đồng tử tạo thành câu văn diễn đạt tư tưởng ấy và viết ra, nên bài văn không trọn vẹn trăm phần trăm là của các Đấng, nhưng sau khi xong đàn cơ thì chơn thần của đồng tử không mệt, và nhờ vậy đồng tử có thể phò cơ liên tiếp nhiều đàn cơ trong một đêm.

Trường hợp đồng tỉnh, Đức Chí Tôn hay các Đấng thiêng liêng lựa chọn đồng tử rất cẩn thận vì chơn thần của đồng tử viết thành văn tư tưởng của các Đấng. Chỉ người nào có chơn thần trong sáng, đạo tâm vững vàng, tư tưởng trong sạch thì mới được chọn làm đồng tỉnh, mới viết ra đúng tư tưởng của các Đấng thiêng liêng.

Để sự chuyển di tư tưởng được hoàn hảo, các Đấng dùng lối **Giáng tâm** hay **Giáng thủ** tùy theo đặc khiếu của đồng tử.

■ **Giáng tâm** là chuyển di tư tưởng của các Đấng thẳng vào tâm của đồng tử, nên đồng tử tuy chưa viết ra mà thần trí biết trước những lời sắp viết ra.

■ **Giáng thủ** là các Đấng giáng điển vào tay của đồng tử và điều khiển cánh tay viết ra, đồng tử không biết chi hết.

Lập Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dùng đồng tỉnh mới tiện cơ Phổ Độ.

"Hồi trước còn ngu xuẩn, kẻ phò cơ không đủ tinh thần như mấy con, vậy nên mỗi khi cầu cơ lấy làm khó nhọc lắm mới được một vài lời của người khuấy mặt: như đồng thật mê thì ra thi hay, song rồi đàn thì thần của nó phải si. Nếu dùng đồng mê thì Đạo biết bao giờ phổ thông đặng." (TNHT)

II. Nguồn gốc của cơ bút:

Thuở đầu tiên, quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang chưa biết cơ bút, chỉ biết xây bàn theo các sách Thần Linh Học từ nước Pháp truyền sang VN.

Nhờ Xây bàn, quý Ngài tiếp xúc được với Thất Nương DTC, sau đó Thất Nương mới hướng dẫn quý Ngài dùng cơ bút để cầu các Đấng thiêng liêng thì mới được tiện lợi và nhanh chóng hơn việc Xây bàn. (Xem chi tiết nơi chữ: Xây bàn, văn X)

Qua thượng tuần tháng 8 năm Ất Sửu (1925), quý Ngài tiếp đặng mấy lời tiết lộ của Thất Nương về DTC: Trên hết có Cửu Thiên Nương Nương chưởng quản, dưới có chín vị Tiên cô mà Thất Nương đứng thứ bảy, cô Hớn Liên Bạch là Bát Nương.

Ngài Cao Quỳnh Cư nhờ Thất Nương dạy cho cách cầu Đấng Cửu Thiên Nương Nương.

Thất Nương bảo quý Ngài phải ăn chay trước 3 ngày và phải có Ngọc cơ thì cầu Cửu Thiên Nương Nương mới được.

Quý Ngài không hiểu Ngọc cơ là chi, nhờ Cô chỉ dạy.

Thất Nương tả hình của Ngọc cơ, rồi dẫn giải rõ căn cội, lấy hình chùm sao Bắc đẩu tạo thành, lại dạy cách phò Ngọc cơ, rồi biểu quý Ngài mỗi người làm sẵn một bài thi mừng Đấng Cửu Thiên Nương Nương, và sẽ cầu Nương Nương vào đêm Trung Thu.

Đip may lúc bấy giờ có Ông Phán Phan văn Tý, làm việc ở Sở Trường Tiền, vốn là bạn học cũ của Ngài Cư và ở gần nhà Ngài Cư tại đường Bourdais Sài Gòn. Ông Phán Tý qua lại chơi nhà Ngài Cư, thấy quý Ngài Cư, Tắc, Sang xây bàn cầu Tiên, được một bài văn thi lâu quá, nhưng ông chưa dám nói, mãi đến khi Ngài Cư qua nhà nói muốn cầu bằng Ngọc cơ nhưng chưa có, ông Phán Tý liền cho biết ông đang có một cây Ngọc cơ, để ông lấy cho mượn. Ông Phán Tý liền đi đến ông Âu Kích ở chùa Minh Lý đường Douamont đòi lại Ngọc cơ mà ông đã cho ông Âu Kích mượn từ lâu để thỉnh kinh.

Ông Âu Kích nói:

- Hiện giờ tôi chấp bút được rồi, ít khi dùng đến Ngọc cơ, xin gởi Ngọc cơ trả lại ông.

Ông Phán Tý liền đem Ngọc Cơ về cho Ngài Cư mượn.

Nguyên cây Ngọc cơ này, ông Phán Tý thỉnh ở chùa Hội Khánh ở Thủ Dầu Một. Ông Trần Hiển Vinh tu ở chùa Hội Khánh thuộc Chi Minh Thiện trong Ngũ Chi Minh đạo, có tạo ra 12 cây Ngọc cơ. Ông thân sinh của Trần Hiển Vinh là một pháp sư rất sành việc cầu cơ thỉnh Tiên. Ông Phán Tý vốn tánh hiếu kỳ, mới xin thỉnh một cây Ngọc cơ về nhà, để ngày nay có cho Ngài Cư mượn dùng.

Đúng đêm 14 tháng 8 âm năm Ất Sửu (1925), tại nhà Ngài Cư, Ngài dọn dẹp và trang hoàng nhà cửa tinh khiết, đặt một cái bàn dài giữa nhà, rải hoa xung quanh, đặt 9 cái ghế mây quanh bàn, ở đầu bàn đặt một cái ghế to hơn, trước mỗi cái ghế đặt một tách trà, một ly rượu, một cái chén và đĩa, trên bàn chưng trái cây và bình hoa tươi tốt, có đốt trầm để xông hương khử trừ trong nhà.

Đúng giờ Tý, Ngài Cư đốt nhang đèn lên, cả thầy ba Ngài Cư, Tắc, Sang đều quỳ lạy khẩn vái, rồi đem Ngọc cơ ra cầu. Đây là lần cầu bằng Ngọc cơ đầu tiên. Quả có Đấng Cửu Thiên Nương Nương giáng cơ, và sau đó lần lượt 9 vị Tiên Cô đều có giáng chào mừng quý Ngài.

Khi ấy Thất Nương yêu cầu ba Ngài đờn và ngâm bài thi của mình dâng hiến lễ Nương Nương, còn Lịnh Bà và Cửu Tiên an vị ngồi nghe.

Chừng nhập tiệc, Thất Nương mời ba Ngài ngồi chung vào bàn cho vui. Ba Ngài sợ thất lễ, không dám ngồi nhưng Thất Nương ép buộc nên vâng theo, đặt thêm ba cái ghế phía sau 9 cái ghế của Chín Cô, xá một xá rồi ngồi xuống.

Bà Hương Hiếu, hiền nội của Ngài Cư, gấp đồ ăn chay đặt vào chén, rót rượu và nước trà đãi Lịnh Bà và Chín Cô, đãi người vô hình mà làm y như là đãi người sống vậy.

Nửa giờ sau, chừng như xong tiệc, hai Ngài Cư và Tắc phò Ngọc cơ trở lại.

Lịnh Nương Nương và Chín Cô giáng cơ viết lời cảm tạ, mỗi vị cho một bài thi để kỷ niệm và hứa rằng, từ đây có Ngọc cơ rồi thì rất tiện cho DTC đến dạy việc.

Đó là buổi phò Ngọc cơ đầu tiên và làm lễ gọi là Lễ Hội Yến DTC tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, 134 Bourdais Sg.

Từ đó về sau, quý Ngài dùng Ngọc cơ để cầu Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng giảng dạy Đạo lý và chính nơi đây là nguồn gốc của cơ bút của Đạo Cao Đài.

Như vậy, Cơ Bút của Đạo Cao Đài bắt nguồn từ cây Ngọc cơ của chi Minh Thiện, mà cây Ngọc cơ này chế tạo theo cách thức của Đạo Minh Sư từ bên Tàu truyền sang nước ta.

Đạo Minh Sư bên Tàu đã biết cách phò cơ thỉnh Tiên, nhưng việc cầu cơ thuở đó còn rất khó khăn. Việc cầu cơ phải được thực hiện trên núi hoặc trong các ngôi chùa rất thanh tịnh và vắng vẻ. Ngọc cơ được treo lên thế nào để đầu cơ chạm nhẹ trên mặt cát khôa bằng chứa trong thau. Khi có Tiên giáng thì cơ chuyển động và đầu cơ viết lên mặt cát một hoặc là hai ba chữ Hán. Phải cầu nhiều đêm như vậy mới được trọn một bài kinh hay một bài văn.

Như vậy, việc Phò cơ trong Đạo Cao Đài có nguồn gốc sâu xa từ cách cầu cơ thỉnh Tiên của Đạo Minh Sư bên Tàu truyền sang nước ta. Nhưng đến khi Đạo Cao Đài sử dụng cơ bút thì có chút ít biến cải tiến bộ hơn, là thay vì đầu cơ viết chữ trên mâm cát thì đầu cơ viết ra chữ bóng trên mặt bàn, và viết chữ quốc ngữ nên dễ nhìn và dễ đọc hơn. Việc viết chữ bóng không để lại dấu vết trên mặt bàn nên cơ viết rất nhanh, tạo thành một bài văn cũng rất nhanh.

Còn việc Xây bàn lúc đầu có nguồn gốc từ Thần Linh Học của nước Pháp truyền sang nước ta. Thần Linh Học Pháp gọi Xây Bàn là: La Table tournante hay La Table frappante.

III. Tiên cơ - Tà cơ - Nhơn cơ:

Cơ bút rất huyền diệu, nhưng không phải lúc nào cũng do Tiên Phật giáng, mà đôi khi cũng có Quỷ Ma giáng, hoặc do nhơn điển của đồng tử tạo ra.

Do đó, cần phải phân biệt ba trường hợp:

- Tiên cơ là cơ bút do Tiên Phật giáng dạy.
- Tà cơ là cơ bút do Quỷ Ma mạo danh Tiên Phật giáng.
- Nhơn cơ là cơ bút do Nhơn điển của đồng tử tạo ra.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy:

"Giờ này, Thầy biện phân về cơ quan đồng tử cho công việc hẩn tàng tự sự.

Cơ là gì? Cơ nghĩa là cái máy. Quan là gì? Quan là một trong các bộ phận của cái máy "Thiên cơ", là mỗi phần cốt yếu của luật tuần hoàn xây chuyển đó. Vậy hai chữ Cơ Quan ứng hiện chia ra làm ba cách:

- Thứ nhất: Tiên cơ dùng huyền vi chơn lý.
- Thứ hai: Tà cơ dùng mê tín dị đoan.
- Thứ ba: Nhơn cơ dùng hữu hình thể cách.

Thầy sẽ luận giải rõ ràng, kéo các con còn nghi ngại.

Tiên cơ: dùng luật huyền vi chơn lý, là lấy sự chánh đáng để dìu dắt các con bước lần theo đường sáng suốt tấn hóa mãi lên.

Tà cơ: dùng mê tín dị đoan, là lấy sự chẳng đáng chơn thật, kiểm thể cho các con quá mê theo những sự dị đoan mà phải sai lầm.

Nhơn cơ: dùng hữu hình thể cách, là sự cho có hình dạng. Đây là do các con làm ra.

Các con khá nhớ, trong ba cách đều phải thọ điển cả, chớ chẳng phải không đâu. Các con nghe Thầy giải lý:

Tiên cơ: Luật tiếp điển như vậy: Hễ đồng tử định chơn thần rồi thì tâm tịnh, mà hễ tâm tịnh thì minh khiếu sẽ phát lộ ra, kế tiếp chơn thần xuất hiện lên trên, rồi nói với Tiên Thiên điển, mới rọi ra thành Thánh giáo. Nên khi lập đàn, các con cần nhứt trước hết phải cho thanh tịnh, đừng khua động. Nếu động thì tâm của đồng tử, cái minh khiếu liên tiếp với Tiên Thiên điển bỗng rời ra thành thứ phải dứt điển đó.

Tà cơ: là vậy: Cũng phải tiếp điển nữa, nhưng vì điển Hậu Thiên quá nhiều, có một tí điển Tiên Thiên thôi. Tiên Thiên điển là Dương điển, còn Hậu Thiên điển là Âm điển. Tà thuộc Âm, nên hễ Âm điển nhiều thành ra Tà cơ đó.

Nhơn cơ: cũng có điển, lúc mới tạo nên vật kiện là vậy: Khi các con muốn làm ra một món chi, thì ý muốn ấy tự trong tâm các con phát hiện ra, óc của các con nó khiến các con cử động tứ chi mà tạo thành vật ấy. Đó cũng gọi là điển, song thật là Nhơn điển, phàm điển.

Vậy Thầy đã minh giải tận tường, các con lấy đó mà suy nghiệm, chớ đừng để lòng nghi ngại như từ bấy lâu nay."

IV. Phán đoán Giả Thiệt của cơ bút:

Như phần trên, Thánh giáo của Đức Chí Tôn có dạy về ba cách ứng hiện của cơ bút. Nay muốn phán đoán để phân biệt sự giả hay thiệt của cơ bút, chúng ta lấy bài Thánh giáo sau đây của Đức Chí Tôn dạy làm tiêu chuẩn cho chơn lý.

"Đồng tử có nhiều hạng, song trong nhiều hạng đó, nên phân biệt trước hết là cái Giả và cái Thiệt.

Lấy về phương diện vô hình thì các con không thể rõ đâu là Ma hay là Phật, nhưng theo phương diện hữu hình thì các con có thể rõ đặng, vì nhờ cái lý tự nhiên ở trong sự giao thiệp Thần Tiên này.

Đạo phải hồi rời rã là vì người học Đạo chưa biết dụng đồng tử, cứ tưởng huyền diệu là Tiên Phật, còn không huyền diệu là Ma Quỷ. Điều đó rất mê tín, các con nên tránh xa.

Cái huyền diệu nơi cõi vô hình là: Trả lời theo số, đáp đúng lời nguyện thầm. Việc ấy, chẳng những Tiên Phật có mà thôi, Quỷ Ma còn huyền diệu hơn nữa. Nhiều huyền diệu để mà chi? Để mà hoặc chúng mê hơn, lợi dụng.

Phần nhiều các con lại tưởng lầm rằng: Cơ huyền diệu là Tiên là Phật, nên chi các đứa ấy hãy nghe cơ bút nào huyền diệu như đã nói trên thì nó cứ tin mà làm lũi thực hành, đó là điều mê tín.

Thầy bảo các con chẳng nên bắt chước. Các con hãy tìm cái chơn lý ở trong mỗi sự hành động của Thần linh thì các con mới biết chắc Thiệt hay Giả.

Trong sự tập cơ, luyện bút, thì Tiên Phật không hơn Ma Quỷ cái huyền diệu mà chỉ hơn chúng nó cái chơn lý tự nhiên mà thôi. Bởi vậy cho nên Thầy thường nhắc các con nhớ rằng: Sau khi học hỏi nơi đàn Tiên, các con cần trình diện với Lương tâm và Trí phán xét cho kỹ.

Chẳng phải nghe nói lời Tiên Phật mà sợ, không phán xét, vì càng có danh hiệu cao chừng nào thì cái Giả danh càng cao chừng nấy. Mọi việc đều có Chánh có Tà. Các con là Thầy mà Thầy là các con, nhưng chỉ khác với chúng con là ngôi chánh trị của Thầy ở nơi cõi Hư Vô mà thôi.

Vả chăng, người tu là miếng mồi ngon mà lũ Quỷ là đám người chực sẵn vậy. Người chực sẵn bao giờ thấy mồi ngon mà bỏ đâu, nhưng con mồi nào khỏi động cũng nhờ cái hay riêng của nó.

Ví dụ con thỏ, cái hay của nó là sức chạy, nếu nó cụt mất một cẳng thì sẽ không còn hay nữa. Các con cũng vậy, cái hay của các con là trí khôn, để phân biệt sự chơn giả cho khỏi lầm lạc, nếu các con để mất trí khôn thì mất cái hay đó không sai. Hễ mất cái hay thì có ngày sa vào bẫy rập của lũ Quỷ Vương.

Mất phàm, nếu các con có thấy huyền diệu là thấy Giả mà thôi, cũng như vật án trước mắt, vật ấy dời đổi tùy cơ thể, tùy theo ngày giờ, nên tu phải gỡ vật ấy rồi mới được đắc huệ tâm, huệ nhãn. Cái đó mới là thiệt."

V. Phân biệt Tà Chánh trong cơ bút.

Một chơn linh giáng xưng Đại Tiên.

Chúng ta nên tin chẳng? Tai phàm mắt tục dễ gì phân biệt giả chơn, nhưng biết chắc chánh danh không mấy cần yếu, là vì chúng ta chỉ căn cứ ở bài giáng cơ mà định giá trị chơn linh ấy. Nếu chơn linh chỉ dạy những việc tầm thường hoặc trái chơn lý, tất nhiên chúng ta đâu tin là bực Đại Tiên.

Trái lại, nếu giáng cho Đạo lý cao siêu, có tính cách Tiên gia, tuy không bằng chứng cụ thể, song chúng ta có thể thừa nhận chơn linh ấy không phải giả danh.

Giả danh chẳng là các chơn linh hạ đẳng (Tà Thần Tinh Quái) giáng cơ, mượn danh lớn lao dựng để gạt kẻ hầu đàn nhẹ tánh. Sự này thường xảy ra, đến đổi cơ bút dạy những việc hoang đường nhằm nhí mà vẫn có người tin, mặc dầu Đức Chí Tôn có đề lời ngừa trước:

"Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quỷ vương đã phá khuấy chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi. Nó lại biết Ta đến với cơ mầu nhiệm này, nên mượn Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên. Các tên Thần, Thánh, Tiên, Phật đều bị mạo nhận mà lập nên Tả đạo."

Những nguyên tắc sau đây, ai thành thật do theo thì có thể khỏi sai lầm, hay ít ra cũng đỡ:

1. Cần phải đủ trí thông minh phán đoán và không nên có thành kiến mới có thể nhận rõ chơn giá trị của bài giảng cơ.

2. Thần Tiên bao giờ cũng dạy những việc chánh lý, đạo đức, từ bi, tuyệt nhiên không dạy việc mờ hồ, huyền hoặc.

3. Thần Tiên chẳng khi nào khoe khoang và miệt thị ai. Lời giảng dạy bao giờ cũng thấm đằm bác ái và khí vị thanh cao.

Trái lại, bài cơ bút nào có vẻ sân si, khoát nạt, có giọng bông lơn cao ngạo, bài ấy dầu phủ một lớp văn chương tuyệt diệu đi nữa, quyết không phải của Thần Tiên.

4. Chẳng nên chú trọng ở văn chương mà nên chú trọng ở lý và ý. Về văn chương, một bài của Thần Tiên giảng cơ có khi khuyết điểm là tại chỗ sơ sót của chơn thần đồng tử, vì Thần Tiên chỉ truyền tư tưởng cho chơn thần đồng tử diễn ra văn chương, chớ không dùng ngôn ngữ như người phàm.

5. Thần Tiên không thích khen ai, tặng ai. Nếu cần khuyến lệ người có công hành đạo, Thần Tiên vẫn dè dặt từng chút, thế nào cho người được khuyến lệ khỏi áy náy nếu có tính khiêm cung, hoặc không tăng vẻ tự đắc nếu có tính kiêu căng.

6. Thần Tiên dạy bảo chúng ta điều chi không bao giờ tỏ vẻ hăm he sai khiến, chỉ để chúng ta tự do suy liệu, nghe không tùy ý. Nếu thấy chúng ta chẳng biết phục thiện và chẳng nghe lời khuyên bảo thì Thần Tiên không giảng nữa. Chừng đó, tha hồ cho Tà Quái xen vào, mạo danh giả vị, dối gạt đủ điều.

7. Thần Tiên chỉ dìu dẫn chúng ta trên đường đạo đức chớ không giúp về tư danh tư lợi.

8. Khi Thần Tiên cho biết trước việc chi, thì việc ấy sớm muộn gì cũng phải xảy ra, vì Thần Tiên không bao giờ hý ngôn.

9. Thần Tiên không phải giảng để thỏa mãn tánh háo kỳ của người phàm tục, hoặc yêu cầu ai tin. Cầu hỏi những điều vô vị, hoặc muốn Thần Tiên làm việc chi linh nghiệm cho mình thấy chắc mới chịu tin, đó là không biết mảy may gì về diệu tánh bút cơ.

VI. Sự lợi hại của cơ bút:

Cơ bút rất quan trọng, vì cơ bút là khí cụ chủ yếu để các Đấng thiêng liêng dạy Đạo, xây dựng đức tin cho nhơn sanh, mà nó cũng có thể bị Quỷ Ma lợi dụng để phá Đạo, làm cho nhơn sanh mất tín ngưỡng.

Cho nên, Cơ bút lợi thì cũng rất lợi, mà hại thì cũng hại không lường được, tùy theo cách thức phán đoán Chánh Tà của người học Đạo.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy về sự lợi hại của Cơ bút như sau:

"Các con đừng thảm tính rằng nên cầu Thầy cùng chư Phật, Thánh, Tiên mà nghe Thánh giáo dạy bảo cho rõ Thiên cơ. Ấy là ở trong đó có một cái lẽ đại hại ẩn vi, nó diu dắt các con đi sai đường lạc ngõ. Có phải vậy không các con?"

Vì cơ bút là cơ quan rất tối cao tối trọng, vả lại cơ bút là cơ vận chuyển theo thời thế mà tấn hóa, diu dắt các con chung hòa như một sợi dây để buộc đàng liên ái, đúng với luật thiên nhiên đó thôi.

Nền Đạo sáng khai, Thầy tạm dùng cơ bút làm khuôn mẫu. Các con phải lãnh ảnh hưởng bên HTĐ mà hành đạo.

Những sự lợi hại của Cơ bút có hai đàng là:

1. Chánh đại quang minh giáo đạo, ấy là: Thầy là các con, Tiên cơ đó.

2. Là chỗ mê muội hữu vi hữu tướng, để cho ác quỷ hung thần truyền thính giáo đạo cho những đứa không đủ đạo đức, tức là Tà cơ và Nhơn cơ vậy."

(Các bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn trích ở trên rút ra từ quyển sách Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu và ông Phan Trường Mạnh)

VII. Ngưng Cơ bút Phổ độ:

Bài Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn giảng cơ ngày 1-6-1927 (Đình Mão) có đăng trong TNHT, theo đó thì Đức Chí Tôn ra lệnh ngưng Cơ bút truyền Đạo (Cơ bút Phổ độ) kể từ cuối tháng sáu năm 1927 này, vì Đức Chí Tôn nhận thấy đã dạy

đầy đủ giáo lý của ĐĐTKPĐ, cứ noi theo đó mà thực hành để lập cho hoàn toàn nền Đạo, nếu kéo dài thêm nữa, e Tà quái có cơ hội xâm nhập vào Cơ bút mà khuấy phá làm rối loạn nền Đạo.

Bài Thánh Ngôn dạy ngưng Cơ bút Phổ độ, chép ra:

"Còn cuối kỳ tháng 6 đây Thầy ngưng hết Cơ bút truyền Đạo. Các con sẽ lấy hết Chí thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mới Đạo.

Này là mấy lời đĩnh ninh sau rốt, khá lưu tâm. Ai vậy tà này có phần riêng, cứ giữ nẻo thẳng đường ngay bước đến thang thiêng liêng chờ ngày hội hiệp cùng Thầy. Ấy là điều quý báu đó. Thầy ban ơn cho các con."

Như thế, theo lệnh của Đức Chí Tôn, Cơ bút Phổ độ phải ngưng từ cuối tháng 6 năm 1927. Như vậy, chỉ còn Cơ bút của Hội Thánh tại Tòa Thánh mà thôi. (Xem thêm: Phò cơ, văn P).

VIII. Huyền diệu của cơ bút:

Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 30-4-Tân Mão (1951) về Huyền diệu Cơ bút: [trích TĐ.ĐPHP Q.4 bài 7]

Đêm nay, Bần đạo thuyết về huyền diệu cơ bút. Cả Thánh Thể Đức Chí Tôn, cả con cái Nam Nữ của người cũng vậy, đã biết về huyền diệu cơ bút. Nó là vấn đề mà chúng ta không thể gì lấy trí khôn tưởng tượng của chúng ta định cái chơn giả của nó đặng.

Tại sao? Trong cái huyền diệu thiêng liêng ấy nó gồm cả bí mật huyền vi của cơ thể tạo đoan hữu hình và vô vi của CKVT... Ấy vậy, Bần đạo chỉ lấy cái đại cương của nó, nói cho Thánh Thể Đức Chí Tôn và toàn cả con cái Nam Nữ của Ngài thấu đáo mảy may chút ít, đặng khởi bị cơ bút làm cho đức tin tàn phá tiêu diệt mà chớ.

Bần đạo buộc mới đây lập Thánh Lịnh định khuôn luật của cơ bút, vì có nhiều lẽ, trước đây Bần đạo khoan dung để cho cơ bút tự do. Khoan dung ấy làm cho phiền lòng Đức Lý, cho nên Đức Lý trách Bần đạo cầm quyền Hộ Pháp trong tay mà không định luật để cho rối loạn cơ bút.

Bàn đạo nói thực tại giảng đài này, Bàn đạo thấu đáo được Thánh ý của Đức Chí Tôn. Ông lấy cái giả dựng lập cái thiệt, chỉ có tay Ông Trời mới làm được mà thôi, chớ không có ai làm dựng hết...

Chính Bàn đạo có thí nghiệm, Bàn đạo có người bạn thiết ở ngoài đời, thi giỏi văn hay. Người ấy nghĩ rằng cả cơ bút trong cửa Đạo xuất hiện ra do đầu óc của Cao Thượng Phẩm và Bàn đạo. Người ấy cho rằng, văn Cao Thượng Phẩm cũng hay, chính mình Bàn đạo cũng giỏi, người ấy cho rằng cả Thánh giáo ấy do Cao Thượng Phẩm và Bàn đạo mà xuất hiện.

Bàn đạo thấy cái nghi ấy của bạn, bây giờ muốn độ bạn thì phải làm thế nào? Muốn thử giả thiệt dựng biết Ông Trời là ai, bạn làm ơn cầm cây viết đây, bạn là nhà văn, bạn muốn viết chi thì viết, còn Bàn đạo sẽ dâng sớ cho Đức Chí Tôn. Bàn đạo viết một bài thi tứ tuyệt cầu xin Đức Chí Tôn cho biết sự chơn giả các quyền năng của Ngài để độ bạn.

Người bạn ấy cầm cây viết, viết ra 4 câu thi, chùng viết rồi, Bàn đạo đưa 4 câu thi của Bàn đạo đã viết để trong bao thơ, chùng xé ra coi họa đúng với 4 câu thi của bạn.

Bàn đạo chỉ cho bạn ngó thấy cái đầu óc và trí khôn của ta là khí cụ của Đấng Chí Linh. Đấng Chí Linh đã lấy cái giả của bạn làm cái thiệt đó vậy. Người bạn ấy tỉnh giấc lại, tự mình theo đạo, sự thật vậy. Ôi huyền diệu cơ bút! Chúng ta không thể gì tả cho được!

Trong CKVT có hai ông chủ:

- Ông chủ vô hình của CKVT, trên cõi TLHS, ấy là Đấng Tạo đoan, là Đấng Chí Linh, là Đấng Đại Từ Phụ.

- Ông chủ thứ nhì là người, tối linh trong vạn vật, cốt yếu của Đức Chí Tôn sanh ra loài người dựng cầm quyền vạn linh hữu hình.

Bởi vậy, Tiên Nho chúng ta nhìn nhận Thiên thượng Thiên hạ. Thiên thượng là Đức Chí Tôn, Thiên hạ là loài người. Muốn dựng thấu đáo CKVT, tinh thông vạn vật, Đức Chí Tôn dùng cơ bút.

Ngài nói rằng: **Một phần của con, và một phần của Thầy hiệp nhưt mới thấu đáo CKVT, tinh thông vạn vật.** Hai người chủ quyền ấy, một người về hữu hình, một vô hình hiệp lại mới làm chủ cơ thể CKVT có lạ chi? lạ chẳng là cây cơ của chúng ta đưa lên hợp lực hai quyền năng ấy, trong đó cây cơ đưa lên là lấy hai cái sống của hai Ông Chủ làm cái sống duy nhưt đặng phục vụ quyền hành thiêng liêng của Đức Chí Tôn sử dụng mà thôi, thì nó là cây viết thiêng liêng của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khéo, chúng ta phải khéo. Cảnh Vô vi Vô Tử Thiên, lại cũng có cảnh Hữu Tử Thiên. Chừng nào đứng địa vị Vô Tử Thiên, tánh chất của họ cao siêu, không còn phàm chất. Các Đấng thiêng liêng còn ở trong Hữu Tử Thiên thì họ cũng như ta vậy, cũng có quân tử, tiểu nhân, cũng cá nhân cá tánh như ta vậy. Các Đấng ấy thế nào thì ta thế đó, có nhiều hàng phẩm mà ta không luận cho cùng, cũng có kẻ thân với ta, mà cũng có kẻ thù nghịch đáo đẽ với ta, không thể gì chúng ta hòa giải với họ đặng. Chúng ta đã ngộ thấy Đạo pháp, nếu có Phật thì có Ma, có Trời thì có Quỷ; chúng ta chịu hai cửa, một là cửa thua, hai là cửa ăn.

Các chơn linh từ bậc Hữu Tử Thiên trở xuống biết bao nhiêu mà nói, họ không đáng gì là thầy ta mà họ mơ vọng dạy ta, biểu ta làm học trò họ. Đám chơn linh đó nhưt là ở trong Đại Hải Chúng, đệ nhưt nguy hiểm hơn hết là Kim Quang Sứ tự là Quỷ Vương. Nếu chúng ta tu, rũi nhưt lằm nghe nó thì lằm đầy tớ cho nó, làm môn sanh của nó...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DTC: Diêu Trì Cung.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TĐ.ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cơ cần chi tai

饑饉之災

A: The misfortune of starvation.

P: Le malheur de disette.

Cơ: Đói, mất mùa lúa. **Cần:** hay **Cận:** mất mùa rẫy. **Chi:** hư tự. **Tai:** điều thiệt hại lớn.

Cơ cần chi tai là tai họa do mất mùa lúa và mùa rẫy, khiến dân lâm vào cảnh đói khổ.

Kệ U Minh chung:

Ngũ phong thập vũ miễn tạo cơ cần chi tai.

(Năm gió mười mưa miễn gây tai họa mất mùa đói khổ)

Cơ chuyển thế

機轉世

A: The Body of renovation of world.

P: Le corps de rénovation du monde.

Cơ: Cái máy, sự xây chuyển như cái máy. **Chuyển:** đổi qua hình thức khác. **Thế:** đời.

Cơ chuyển thế tức là Cơ quan chuyển thế, là cơ quan chuyển đổi cuộc đời từ xấu ra tốt, từ đời phong bại tục ra thuần phong mỹ tục.

Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài là lập ra một Cơ quan chuyển thế, với chủ trương Nho tông Chuyển thế, nghĩa là dùng tinh hoa giáo lý Nho giáo để dạy dỗ nhơn sanh, làm cho cuộc đời hung bạo đời bại lần lần trở nên thuần lương đạo đức.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Cơ quan Chuyển thế:

"Bần đạo nhớ buổi Đức Chí Tôn mới đến tỏ danh hiệu của Ngài, Ngài hứa với các môn đệ của Ngài buổi đầu về Cơ quan Chuyển thế, làm phân vân biết bao nhà trí thức, tìm hiểu hai chữ Chuyển thế là gì?

Theo Triết lý học, định nghĩa chữ Chuyển thế là xoay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác, hoặc không phù hợp, hoặc

quá khuôn khổ nề nếp, nên quyết đoán thay đổi lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định. Chuyển nghĩa là sửa đổi cũ ra mới. Lấy nghĩa lý định hẳn ra, tức nhiên chúng ta nhận thấy các khuôn luật đạo đức từ trước để lại đến giờ đều bị biếm trách cả, bởi vì đời quá hung tàn bạo ngược, vô ơn luân, tinh thần đạo đức không qui định tâm lý loài người không tương quan nhau, mất cả luật đồng sanh làm căn bản loài người, luật đồng sanh gần như bị hủy bỏ... .."

KNH: *Cơ Chuyển thế* khó khăn lắm nổi,

KNH: Kinh Nhập Hội.

Cơ Đạo

機道

A: Organization of religion.

P: Organisation de la religion.

Cơ: Cái máy, sự xây chuyển như cái máy. **Đạo:** Tôn giáo.

Cơ Đạo là bộ máy của Đạo, tức sự tổ chức Giáo hội của tôn giáo để hoạt động về Đạo sự cho có hiệu quả.

CG PCT: Ấy là Cơ Đạo cổ kim hy hữu.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Cơ Đồi

Có hai trường hợp:

*** Trường hợp 1: Cơ Đồi**

A: Organization of human life.

P: Organisation de la vie humaine.

Cơ: Cái máy, sự xây chuyển như cái máy. **Đồi:** Cuộc đời.

Cơ đời là bộ máy của đời, tức là tất cả hoạt động trong cuộc sống của con người nơi cõi trần.

KNH: Mượn Thánh ân xây đổi cơ đời.

*** Trường hợp 2: Cơ đời**

A: The hunger of men.

P: La faim de l'homme.

Cơ: Đói, mất mùa lúa. **Đời:** cuộc đời.

Cơ đời là cái đói khổ của con người nơi cõi đời.

TNHT: Những là khổ cực chịu cơ đời.

KNH: Kinh Nhập Hội.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cơ hàn

饑寒

A: Hunger and cold.

P: Faim et froid.

Cơ: Đói, mất mùa lúa. **Hàn:** lạnh.

Cơ hàn là đói lạnh, tức là nghèo khổ không đủ ăn và rách rưới không đủ ấm.

KSH: Hóa ra nọ quỷ cơ hàn khổ thân.

KSH: Kinh Sám Hối.

Cơ khảo thí

機考試

A: Organ of the eliminative examination.

P: Organe de l'examen éliminatoire.

Cơ: Cái máy, sự xây chuyển như cái máy. **Khảo:** tra xét.

Thí: thi cử.

Cơ khảo thí là cơ quan thử thách để tuyển chọn người có đầy đủ hạnh đức và công quả xứng đáng.

"Có Trường thi công quả tất có Cơ Khảo thí theo phép công bình Thiên đạo.

Phàm muốn đoạt thủ địa vị nơi trường thi ấy, người hành đạo phải có công lao xứng đáng và phẩm hạnh hoàn toàn. Chịu thử thách mà không sa ngã mới đáng đăng tên vào Tiên tịch.

Vì lẽ công bình, Đức Chí Tôn buộc phải để cho Quỷ Vương cảm dỗ. Kẻ nào đạo hạnh kém phải sa vào chạm bẫy.

Thường thường chánh tà tương khắc. Hễ Đạo khai thì Tà khởi. Đạo không Ma khảo, Đạo khó thành. Ma không Đạo khai, Ma không được dịp mở cơ thịnh vượng.

Ma khảo có nhiều cách, đại khái như:

1. Mạo danh Tiên Phật, dối ban huyền diệu cốt mê hoặc người phải xa Chánh giáo.
2. Giục người thấy sắc đẹp mê sa, thấy tài vật ham muốn.
3. Hóa việc lạ lùng quái gở cho người sợ bỏ dở công phu.
4. Chiều theo sở dục của mỗi người mà cảm dỗ, tức là đánh ngay chỗ yếu của con người.
5. Bày bố những khó khăn gay gắt cho người tu thối chí ngã lòng."

Đức Chí Tôn đã cho biết trước rằng:

"Chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con một bộ thiết giáp mà chúng nó chẳng hề thấyặng là đạo đức của các con. Ấy vậy, ráng gìn giữ bộ thiết giáp đó hoài cho đến ngày các con hội hiệp cùng Thầy."

Đường đã trải qua, chúng ta thấy rõ tu hành gặp không biết bao nhiêu trở lực. Nào là người hữu ý hay vô tình kích bác, cho đến bà con cật ruột cùng bạn thân yêu buổi trước, mà ngày nay thấy chúng ta tu hành, họ cũng đem lòng nhạo báng. Nào là kẻ gây điều khó dễ, mong phá hoại việc tu.

Trong khi lập công bồi đức, chúng ta gặp nhiều nghịch cảnh: Tiền tài thiếu thốn, tật bệnh triền miên, hoặc những nỗi bất bình những điều thống khổ để khiến chúng ta ngã lòng thối bước, nếu không nhẫn nại và vững đức tin. Những chướng ngại trên đây, là sự trạnh của Cơ Nghịch khảo.

Lại cũng có khi chúng ta sa ngã vì sắc đẹp, vì danh vọng, vì lợi quyền; đó là những cạm bẫy dễ quyến rũ con người vào đường tội lỗi mà thất Đạo. Đó là Cơ Thuận Khảo.

Tóm lại, Cơ Đạo có Nghịch khảo và Thuận khảo là hai phương pháp trui rèn lòng người tu hành cho ra cao thượng.

Vàng không trui lửa, ai biết vàng cao? Ngọc chẳng giồi mài, ai hay ngọc quý?

Chúng ta tin chắc rằng mỗi lần bị khảo mà không ngã là mỗi lần chúng ta được lên một nấc thang tấn hóa đó.

Vậy, người tu hành phải chịu luật Khảo thí và phải kiên tâm trì chí lướt qua mọi thử thách. Tự tin và bền chí là bí quyết thành công." (Trích bài Giáo lý 21, Hạnh đường Huấn luyện Giáo Hữu)

Cơ nghiệp

基業

A: Inheritance.

P: Héritage.

Cơ: Nền tảng. **Nghiệp:** tài sản, của cải làm ra.

Cơ nghiệp là sản nghiệp tạo lập được.

KTKVQL: *Cơ nghiệp* còn lưu mộng tang du.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

Cơ quan Phát thanh Phổ thông Giáo lý Đại Đạo

(Xem chữ Phát thanh, văn P)

Cơ quan Phổ Tế

(Xem chữ Phổ Tế, văn P)

Cơ quan Phước Thiện

(Xem: Phước Thiện, văn P)

Cơ tạo

機造

A: The mechanism of God. P: Le mécanisme de Dieu.

Cơ: Cái máy, sự xây chuyển như cái máy. **Tạo:** làm ra, chỉ Đấng Tạo hóa.

Cơ tạo là bộ máy của Đấng Tạo hóa, tức là Thiên cơ.

TNHT: Cơ tạo huyền vi chớ hững hờ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CỜ

Cờ Đạo

(Xem chữ Đạo kỳ, văn Đ)

Cờ tang

(Xem chữ Phướn Tử Tôn, văn P)

CỠI

Cỡi hạc thừa long

A: To ride on the crane or the dragon.

P: Monter à la grue ou au dragon.

Cỡi: ngồi lên lưng. **Hạc:** con chim hạc. **Thừa:** cỡi. **Long:** rồng. Thừa long là cỡi rồng.

Cỡi hạc thừa long là chỉ các vị Tiên, người thì cỡi lên chim hạc, người thì cỡi rồng đi đó đi đây.

Ý nói: Cỡi Tiên thật nhàn hạ, ung dung thơ thới.

KCBCTBCHĐQL: Cỡi đào nguyên cỡi hạc thừa long.

KCBCTBCHĐQL: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Có Hữu Đã Qui Liễu.

CÙ

Cù lao

劬勞

A: Painful work of parents for to nourish the children.

P: Peine des parents pour élever leurs enfants.

Cù: nhọc nhằn. **Lao:** khó nhọc.

Cù lao là công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dưỡng con cái cho khôn lớn.

KTCMĐQL: Ôn cức dục cù lao mang nặng.

Kinh Thi có câu: *Phụ hề sinh ngã, mẫu hề cức ngã, ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hạo Thiên võng cức.*

Nghĩa là: Cha thì sanh ta, mẹ thì nuôi ta, thương thay cha mẹ sinh ta nuôi dưỡng khó nhọc, muốn báo ơn sâu, ơn đức của cha mẹ mệnh mông như bầu Trời.

Cửu tự cù lao: Chín chữ cù lao, tức là chín điều khó nhọc của cha mẹ sanh dưỡng con cái. Chín chữ cù lao gồm:

1. Sinh: Sanh đẻ.
2. Cức: Nâng đỡ .
3. Dục: Dạy dỗ.
4. Phủ: Vuốt ve triều mến.
5. Xúc: Cho bú sữa.
6. Trưỡng: Nuôi cho khôn lớn.
7. Cố: Trông nom.
8. Phục: Ôm ấp.
9. Phúc: Bảo vệ.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

CỬA

CỬA

CỬA: Cửa cái gồm tiền bạc, tài sản.

Td: Cửa thập phương, Cửa vô vi.

Cửa thập phương

A: The wealth of every body.

P: Le bien de tout le monde.

Cửa: Cửa cái gồm tiền bạc, tài sản. **Thập phương:** mười phương, ý nói khắp nơi.

Cửa thập phương là cửa cái do nhiều người ở khắp nơi đem đến đóng góp để dùng vào việc chung như cất chùa, đúc tượng Phật, ấn tống kinh sách.

Cửa thập phương đồng nghĩa Cửa bá tánh.

KSH: Thêm những sãi giả nương cửa Phật,

Cửa thập phương châu cấp thế nhĩ.

KSH: Kinh Sám Hối.

Cửa vô vi

A: The invisible wealth.

P: Le bien invisible.

Cửa: Cửa cái gồm tiền bạc, tài sản. **Vô:** không. **Vi:** làm.

Vô vi, nghĩa đen là không làm, nghĩa bóng là vô hình vô ảnh, thuộc về thiên liêng.

Cửa vô vi là cửa cái vô hình, tức là thứ của cái nơi cõi thiêng liêng, ý nói ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

TNHT: Tuy luật lệ siêu phàm nhập Thánh thì vậy mặc dầu, chớ cũng do cơ thường phạt của Thiên đình mới đạt phẩm vị ấy đặng. *Cửa vô vi* chưa chắc ai muốn lấy thì lấy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CÚC

Cúc cung bái

鞠躬拜

A: To prostrate oneself.

P: Se prosterner.

Cúc: cúi xuống. **Cung:** thân mình. **Bái:** lạy.

Cúc cung bái là cúi mình lạy xuống.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn. Khi lễ sĩ xướng: "*Cúc cung bái*", người hầu chuông liền gõ một tiếng chuông làm hiệu, mọi người trong đàn cúng đều lạy xuống. Khi lễ sĩ xướng "*Hưng*", mọi người cất mình lên.

Cúc xử sương tan

A: The autumn is passed.

P: L'automne est passée

Cúc: hoa cúc. **Xử:** rũ xuống. **Cúc xử:** Hoa cúc nở rộ vào mùa thu. Cúc xử là hoa cúc rũ xuống, ý nói mùa thu sắp qua, hoa cúc héo tàn. **Sương tan:** Cuối mùa Thu có tiết Sương giáng. Sương tan là chỉ mùa Thu đã qua, bắt đầu mùa Đông.

Cúc xử sương tan là ý nói mùa Thu đã qua.

TNHT: Lần lựa *cúc xử sương tan*, mai gày sen nở, ngày tháng qua chẳng là bao....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CUNG

CUNG

1. **CUNG:** 宮 Một âm trong ngũ âm, chỉ âm nhạc.
Td: Cung âm.

2. **CUNG:** 宮 Tòa nhà lớn, chánh điện.
Td: Cung Đạo, Cung ngọc.
3. **CUNG:** 恭 Kính.
Td: Cung hiến, Cung phần.
4. **CUNG:** 供 Dâng nộp.
Td: Cung phụng.

Cung âm

宮音

A: The music.

P: La musique.

Cung: Một âm trong ngũ âm, chỉ âm nhạc. **Âm:** âm thanh.

Ngũ âm là: Cung, Thương, Giốc, Chũy, Vũ.

Cung âm là chỉ chung về âm nhạc, đờn ca xướng hát.

KGO: Phong trần quen thú *cung âm*.

KGO: Kinh Giải Oan.

Cung Đạo

宮道

A: Spiritual place in the Tây Ninh Holy See.

P: Place spirituelle dans le Saint Siège de Tây Ninh.

Cung: Tòa nhà lớn, chánh điện. **Đạo:** tôn giáo.

Cung Đạo là khoảng trống nơi chánh điện giữa BQĐ và CTĐ trong Tòa Thánh.

Cung Đạo ở trước nội nghi và phía sau ngai Giáo Tông.

Đây là nơi rất thiêng liêng, nên những đàn cơ chánh thức của Hội Thánh phải được tổ chức tại Cung Đạo.

BQĐ: Bát Quái Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Cung đầu

宮斗

Cung: Tòa nhà lớn, chánh điện. **Đầu:** Đầu Suất.

Cung đầu là Cung Đầu Suất của Đức Thái Thượng Đạo Quán nơi cõi thiêng liêng.

TNHT: *Cung đầu* vít xa gươm xích quí.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cung hiến Tiên hoa

恭獻仙花

A: To offer the fairy flowers.

P: Offrir les fleurs féeriques.

Cung: Kính. **Hiến:** dâng lên. **Tiên hoa:** hoa quí.

Cung hiến là kính cần dâng lên.

Cung hiến Tiên hoa là kính cần dâng hoa quí lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Trong nghi thức cúng Đại đàn hay Tiểu đàn tại Thánh Thất hay tại Điện Thờ Phật Mẫu, có phần *Cung hiến Tiên Hoa, Cung hiến Tiên Tửu, Cung hiến Tiên Trà.*

■ Khi dâng hoa thì bình hoa phải có đủ 5 sắc hoa tươi. Cặp lễ sĩ cầm đài, một bên dâng hoa, một bên dâng quả. Hoa tượng trưng TINH, tức là thể xác. Khi dâng hoa, chúng ta chấp tay lên trán cầu nguyện: ***Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu dùng phương nào thì dùng.***

■ Khi dâng rượu thì dùng rượu trắng trong suốt và thơm. Cặp lễ sĩ cầm đài, một bên dâng một ly rượu, một bên dâng một nhạo rượu. Rượu tượng trưng KHÍ, tức là chơn thần. Khi dâng rượu, chúng ta chấp tay đưa lên trán cầu nguyện: ***Con xin dâng chơn thần của con cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu dùng phương nào thì dùng.***

■ Khi dâng trà thì dùng loại trà thơm ngon. Cặp lễ sĩ cầm đài, một bên dâng tách trà, một bên dâng bình trà. Trà tượng

trưng THẦN, tức là linh hồn. Khi dâng trà, chúng ta chấp tay đưa lên trán cầu nguyện: Con xin dâng linh hồn của con cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu dùng phương nào thì dùng.

Chúng ta có thể cầu nguyện chung khi dâng bửu thứ ba: Con xin dâng hình hài của con, chơn thần và linh hồn của con cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tùy phương sử dụng.

Cung loan

宮鸞

A: The room of the woman.

P: La chambre de femme.

Cung: Tòa nhà lớn, chánh điện. **Loan:** con chim loan, chỉ người vợ.

Cặp vợ chồng được ví với đôi chim loan phụng, phụng chỉ chồng, loan chỉ vợ.

Cung loan là phòng của người vợ, chỗ ở của người vợ.

TNHT: Phòng tía cắt thành hình thỏ vờ,
Cung loan lập giống dạng Cao Đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cung ngọc

宮玉

P: Palace of the Immortals.

P: Palais des Immortels.

Cung: Tòa nhà lớn, chánh điện. **Ngọc:** đá quý màu sắc rất đẹp.

Cung ngọc là cung điện làm bằng ngọc, chỉ cung Tiên, cõi Tiên.

KCBCTBCHĐQL: Nơi cung ngọc học thông đạo cả.

KTKCQV: Chàng dầu cung ngọc an ngôi.

KCBCTBCHĐQL: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đả Qui Liễu.

KTKCQV: Kinh Cầu Tổ Phụ Đả Qui Liễu.

Cung phần sớ văn

恭焚疏文

A: To burn respectfully the petition to God.

P: Brûler respectivement le placet au Dieu.

Cung: Kính. **Phần:** đốt cháy. Sớ văn: bài văn viết tâu lên Đức Chí Tôn.

Cung phần sớ văn là kính cần đốt sớ văn.

Đây là câu xướng của lễ sĩ sau khi đọc xong sớ văn. Vị chứng đàn cầm bao sớ trong đó có lá sớ, đưa vào hai ngọn đèn dùm lại của hai lễ sĩ đang quì, để đốt sớ. Khi sớ cháy được phân nửa thì bỏ vào một cái thổ sành, bưng đặt lên bệ thờ, lá sớ tiếp tục cháy đến hết.

Cung phụng

供奉

A: To offer adequately.

P: Offrir suffisamment.

Cung: Dâng nộp. **Phụng:** hầu hạ, chăm sóc.

Cung phụng là chăm sóc và cung cấp đầy đủ các thứ cần dùng cho người bề trên như: Ông bà, cha mẹ.

KTHĐMP: Gởi Tổ phụ anh hiền *cung phụng*.

KTHĐMP: Kinh Tụng Huỳnh Đệ Mãn Phần.

Cung thành thứ tự Chức sắc nhập đàn

恭誠次序職色入壇

Cung: Kính. **Thành:** thơn thật. **Thứ tự:** theo từng bậc trên dưới có trật tự. **Nhập:** đi vào. **Đàn:** nơi hành lễ cúng tế.

Đây là câu xướng của lễ sĩ, có nghĩa là: Thành thật kính mời quý Chức sắc đi trật tự vào đàn cúng.

Cung thiềm

宮蟾

A: Palace in the moon, the moon.

P: Palais dans la lune, la lune.

Cung: Tòa nhà lớn, chánh điện. **Thiềm:** con thiềm thừ, tục gọi là con cóc.

Cung thiềm là cung điện trong đó có con thiềm thừ to lớn, đó là cung trăng, cung Quảng Hàn của Hằng Nga.

Sách Âu Học Tầm Nguyên có viết: Ở trên mặt trăng có một con thiềm thừ to lớn, tốt đẹp, đã sống 8000 tuổi, dưới họng có chữ son; và có một con thỏ trắng như ngọc.

Do đó, cung thiềm là chỉ mặt trăng.

KĐ1C: *Cung thiềm* gắng bước cho mau.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cửu.

CƯ

Cư bất cầu an, thực bất cầu bão

居不求安食不求飽

Cư: ở. **Bất:** không. **Cầu:** mong. **An:** yên. **Thực:** ăn. **Bão:** no. **Bất cầu:** không mong.

Cư bất cầu an: Ở không mong được yên, ý nói không cần phải có những tiện nghi vật chất cho đời sống.

Thực bất cầu bão: Ăn không mong được no, ý nói ăn vào miễn nuôi sống được thân thể thì thôi, không mong món ngon vật lạ, và ăn cho thật no nê.

Sách Luận ngữ có viết rằng: *Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tỵu hữu đạo nhi chánh yên, khả vị hiếu học giả dĩ.*

Nghĩa là: Người quân tử ăn không cầu no, ở không cầu yên, làm việc thì cần mẫn, nói điều gì thì cẩn thận, tìm người

có Đạo mà theo học, để làm cho chánh đáng ngôn ngữ và hành vi của mình. Được như thế mới có thể gọi là người hiểu học.

TNHT: Nhưng chưa nghèo phải học nghèo, chưa khổ phải học khổ, kể chí quân tử: *Cư bất cầu an, thực bất cầu báo*, chỉ cặm cụi quanh năm lo cho xã hội được no ấm thôi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cư tang

居喪

A: To be in mourning.

P: Être en deuil.

Cư: ở. **Tang:** lễ tế người chết.

Cư tang là đang để tang.

CỬA

CỬA

CỬA: Chỗ mở trống để thông ra bên ngoài.

Td: Cửa không, Cửa phạm.

Cửa không

A: The pagoda.

P: La pagode.

CỬA: Chỗ mở trống để thông ra bên ngoài. **Không:** trống rỗng, không có gì cả.

Giáo lý của Phật giáo cho rằng tất cả đều "Không": Ngã không, Tâm không, Pháp không, Hữu vi không,...

Kinh Bát Nhã:

Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc.

Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc.

Do đó, từ ngữ Không dùng để chỉ về Phật giáo.

Cửa "Không", chữ Hán là Không môn, nghĩa là cửa Phật, cửa chùa, nơi tu hành.

TNHT: Trước cửa không rồi mới Đạo thông.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cửa Phạm

A: The temple of Saints. **P:** Le temple des Saints.

Cửa: Chỗ mở trống để thông ra bên ngoài. **Phạm:** Phật.

Cửa Phạm là dịch chữ: Phạm môn, nghĩa là cửa Phật, nơi tu hành. Cửa Phạm đồng nghĩa với Cửa không.

Đối với Đạo Cao Đài thì cửa Phạm là Thánh Thất, nơi thờ Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

TNHT: Trước muốn đưa chân vào cửa Phạm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cửa quyền

A: The public office; Bureaucratic.

P: Le bureau administratif; Bureaucratique.

Cửa: Chỗ mở trống để thông ra bên ngoài. **Quyền:** có nhiều quyền hành, nhiều thế lực.

Cửa quyền là văn phòng làm việc của quan.

Cửa quyền còn có nghĩa là thái độ hống hách khinh người của kẻ có quyền thế. Td: Thái độ cửa quyền.

KTKTQV: Dầu cửa quyền trọng tiếng chần dân.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

Cửa thiền

Cửa: Chỗ mở trống để thông ra bên ngoài. **Thiền:** pháp môn tu của Phật giáo.

Cửa Thiền, chữ Hán là Thiền môn (chỉ Phật giáo), là cửa chùa, nơi tu hành.

Cửa thiền đồng nghĩa với: Cửa Phạm, Cửa Không.

CỰC

CỰC

CỰC: 極 Rất mực, vô cùng.
Td: Cực Đông, Cực Lạc.

Cực Đông

極東

A: The Far-East.

P: L'Extrême-Orient.

Cực: Rất mực, vô cùng. **Đông:** hướng Đông.

Cực Đông là ở tận cùng phương Đông.

Người Pháp và người Âu Châu thường gọi nước VN là Cực Đông hay Viễn Đông.

TĐ ĐPHP: Xúm xít nhau, bảo thủ tùy phương, bảo thủ cây cờ Đạo của Thầy là Tòa Thánh, lại gắng tạo thành sựng sựng tại miền *Cực Đông* nơi VN này một cái Cao Đài, đặng làm ngọn đèn soi sáng đến cảnh cộng hòa của toàn thế giới.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Cực Lạc Niết bàn - Cực Lạc Thế giới - Cực Lạc quốc

極樂涅槃 - 極樂世界 - 極樂國

A: Nirvana - Paradise - Kingdom of happiness.

P: Nirvana - Paradis - Royaume de bonheur.

Cực: Rất mực, vô cùng. **Lạc:** vui. **Niết bàn:** phiên âm từ tiếng Phạn: Nirvana, có nghĩa là ra khỏi rừng mê tối và phiền não, có được trí huệ, đắc đạo. **Thế giới:** cõi, miền. **Quốc:** nước.

Cực lạc là hoàn toàn vui vẻ, hạnh phúc.

Ba từ ngữ: Cực Lạc Niết Bàn, Cực Lạc Thế giới, Cực Lạc quốc, đều đồng nghĩa, chỉ cõi hoàn toàn an vui, hạnh phúc, không còn mê lầm hay phiền não. Đó là cõi của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, của những người đắc đạo.

Theo Phật giáo, ở cõi CLTG, nhà cửa, đèn đài, cung điện, ao hồ đều rất đẹp được làm bằng bảy món quý báu gọi là Thất bảo, có hoa Tiên rơi xuống như mưa, có chim linh hát thanh tao. Người ở cõi này muốn gì có nấy, chỉ cần tưởng là có liền. Mục đích của người tu Phật giáo là được đắc quả lên ở cõi CLTG hay Cực Lạc Niết Bàn, giải thoát khỏi luân hồi.

Cõi CLTG ở tầng Trời thứ 10, đó là tầng Trời Hư Vô Thiên, do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chưởng quản.

TNHT: Nhuộm áo nâu sồng về *Cực Lạc*.

DLCK: Chứng quả nhập *Cực Lạc quốc*, hiệp chúng....

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng về CLTG như sau:

"Từ thử đến giờ, CLTG trong Phật giáo đã truyền bá, tả tình trạng đã nhiều, cả thầy đều định, nếu mình tu theo Phật giáo, hễ đoạt vị đặng thì về CLTG.

Bần đạo nói CLTG là cảnh của chúng ta tạm giải thoát, tức là cảnh của chúng ta định nghiệp của chúng ta, chớ chưa phải là cảnh tối cao tối thượng của các chơn linh.

CLTG hay Niết Bàn không có chi lạ cả, chỉ là nơi cho các chơn linh đoạt đạo đến đấy đặng nhập vào đại nghiệp của họ, nên Phật giáo coi là trọng hệ, bởi vì không đoạt đặng tức là đại nghiệp của mình chưa tạo thành.

Niết Bàn cảnh cũng như là kinh đô CLTG vậy. Chúng ta sẽ ngó thấy Đức Phật Thích Ca nơi Kim Sa Đại Điện, tức là Kim Tự Tháp, giống như bên Ai Cập, mà không thiệt giống.

Có một điều, chúng ta nên để ý hơn hết là Kim Tự Tháp ấy có một cây dương lớn lắm, chúng ta không thể gì tả được, hình tướng cái lá của nó giống như sợi chỉ, chúng ta thấy nó bao trùm Kim Tự Tháp ấy. Trong cái bí pháp của Niết bàn là cây dương ấy, mỗi lá dương đều có một giọt nước Cam lồ, mỗi giọt nước là một mạng căn trong CKVT.

Kim Tự Tháp có từng, có nấc, hằng hà sa số chư Phật, chúng ta không thể đếm được, ngồi trên liên đài của mình trên mỗi từng.

Bên Cửu Thiên Khai Hóa cầm quyền chánh trị CKVT. Bên CLTG tức là Niết Bàn, duy có giáo hóa mà thôi.

Giờ phút này, dưới cội cây dương ấy, chúng ta vẫn thấy một liên đài rực rỡ quý báu vô giá, chiếu diệu cả muôn vạn linh quang bao phủ CKVT.

Trên liên đài ấy, giờ phút này, vị Chưởng giáo ở Niết Bàn là Đức Di-Lạc Vương Phật đó vậy.

Buổi trước, ngài đó thuộc quyền của Đức A-Di-Đà.

Ngày giờ mở ĐĐTKPĐ, tức là mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn đã giao quyền lại cho Đức Di-Lạc. Ngày giờ này, giờ phút thiêng liêng này, Đức Chí Tôn ban cho nhơn loại nguyên tử lực cũng do nơi liên đài đó vậy.

Bởi Đức A-Di-Đà đã giao quyền lại cho Đức Di-Lạc, giao quyền chưởng quản CKVT, Đức Di-Lạc ngồi ngự nơi Kim Tự Tháp, còn Đức A-Di-Đà trở vào ngự nơi Lôi Âm Tự."

CLTG: Cục Lạc Thế giới.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DLCK: Di Lạc Chợ Kính.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cục Lạc Thái Bình

極樂太平

A: The religious cemetery Thái Bình.

P: La cimetièrre religieuse de Thái Bình.

Cục Lạc Thái Bình là một khu đất rộng 50 mẫu thuộc vùng Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh, được Hội Thánh dùng làm nghĩa địa của Đạo, để chôn cất thi hài của các Chức sắc và các tín đồ Cao Đài qui liễu.

Người Đạo gọi đất này là Cực Lạc là vì có ý mong mỗi linh hồn của người chết hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn được siêu thăng lên cõi CLTG.

"Đức Phạm Hộ Pháp căn dặn một điều là nên để ý làm sao ngày qui liễu gởi Thánh cốt tại đất Thánh địa, vì trái Địa cầu 68 này không còn có chỗ đất nào quý hóa hơn đất Thánh địa. Nếu để được cốt hài nơi đây rồi thì rất hạnh phúc cho tương lai con cháu, dù nơi Cực Lạc cũ hay đất mới là Nghĩa địa (Thái Bình) 50 mẫu ở Long Thành cũng vậy.

Bần đạo đã biết bên nước Tàu, hễ cha mẹ họ có qui, họ quản lại để chọn ngày hoặc chọn chỗ đất tốt có hàm rồng, dầu phải chờ năm hay ba năm, họ cũng đợi kiếm được mới làm lễ an táng, vì bên nước Tàu có nhiều nhà biết Thiên văn hay khoa coi bói họ giỏi. Phần nhiều các nhà giàu có hay chọn lựa.

Ngày nay, dân tộc Việt Nam có phước, Đức Chí Tôn đã tiên định cho dòng giống Lạc Hồng hưởng điều phúc hậu tương lai, ai có duyên mà về đây gởi hài cốt là có phước lắm vậy.

Đất Thánh là nơi tạm gởi Thánh cốt của con cái Đức Chí Tôn cho đến mãn một đời Giáo Tông là thiêu cốt lấy tro làm nên một khối lớn đem để nơi hầm Bát Quái Đài, tro đầu tiên hạ đơn tay chơn là đem vô khối ấy, còn dư bao nhiêu thì làm lễ long trọng đem xuống sông Cẩm Giang đổ. Cẩm Giang là Thánh giang như sông Gange vậy.

Cái quý trọng của đất Thánh địa là có Lục long phò ấn, nên Đền Thánh nằm ngay trung tim của 6 con rồng doanh lại."

(Trích trong quyển *Lời Phê của Đức Phạm Hộ Pháp*)

(Sông Gange dịch là sông Hằng hay Hằng hà, là con sông lớn ở Ấn Độ, là con sông mà Thái Tử Sĩ Đạt Ta tấy trần đoạt đạo, nên con sông đó linh hiển, Phật giáo gọi là Thánh giang.)

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

CƯƠNG

Cương tỏa

韁鎖

A: Bridle and bit: To oblige. P: Bride et mors: Obliger.

Cương: cái dây xỏ qua lỗ mũi ngựa để điều khiển con ngựa. **Tỏa:** cái khóa hàm ngựa.

Cương tỏa là sự trói buộc, không cho tự do hành động theo ý muốn.

Người tu hành ví công danh, lợi lộc là những thứ như là cương tỏa ràng buộc con người vào vòng phiền não, lao tâm mệt trí, khiến con người gây thêm oan nghiệt tội tình, mãi mãi chìm đắm trong bể khổ luân hồi đời đời kiếp kiếp.

TNHT: *Cương tỏa* đương thời đã giải vây.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CƯỜNG

CƯỜNG

CƯỜNG: 強 Mạnh, mạnh mẽ.

Td: Cường khai, Cường ngạnh.

Cường khai

強開

A: To open powerfully. P: Ouvrir puissamment.

Cường: Mạnh, mạnh mẽ. **Khai:** mở ra.

Cường khai là mở ra một cách mạnh mẽ.

PMCK: Diệt hình tà pháp, *cường khai* đại đồng.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Cường ngạnh

強梗

A: Stubborn.

P: Obstiné.

Cường: Mạnh, mạnh mẽ. **Ngạnh:** ngang ngược, bướng.

Cường ngạnh là ngang ngược, không từng lĩnh cấp trên, không nghe lời dạy bảo của người bề trên.

Đệ lục hình: Cường ngạnh.

Những vị nào phạm vào luật này thì bị khép vào tội thứ 6 trong Thập hình của Đức Lý Giáo Tông, nghĩa là phạt vào Tịnh Thất từ 1 tháng tới 1 năm mà còn hành chánh như thường.

CƯỜNG

Cưỡng bức

強逼

A: To oblige.

P: Obliger.

Cưỡng: dùng sức mạnh bắt ép phải theo. **Bức:** ép buộc.

Cưỡng bức là dùng sức mạnh ép buộc người khác phải làm theo ý mình.

TĐ ĐPHP: Chúng ta chỉ lấy đạo đức hơn nghĩa làm quyền, còn ngoài kia họ lấy quyền lực *cưỡng bức*, hai cái so nhau khác hẳn.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CỰƠNG

CỰƠNG

CỰƠNG: Cố gắng chống lại.

Td: Cựơng cầu, Cựơng lý.

Cượng cầu

A: To desire to resist.

P: Désirer à résister.

Cượng: Cố gắng chống lại. **Cầu:** mong muốn.

Cượng cầu là mong muốn tìm cách chống lại.

TNHT: Chớ *cượng cầu* mà nghịch Thánh ý Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cượng lý

A: To resist the right.

P: Résister à la raison.

Cượng: Cố gắng chống lại. **Lý:** lý lẽ, lẽ phải.

Cượng lý là cố gắng chống lại lẽ phải.

TĐ ĐPHP: Tu không được, nguyên do tại bạn đã làm bạn phải chịu, không còn *cượng lý* gì nữa.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CƯU

CƯU

CƯU: Mang lầy, cưu mang.

Td: Cưu hờn, Cưu tâm.

CƯU CƯU

鳩鳩

A: The great black cuckoo.

P: Le grand coucou noir.

Cưu cưu là con chim tu hú.

Con chim tu hú có lông màu đen, tánh chất rất vụng về, không biết làm tổ để đẻ trứng. Nó rình con chim cườm làm tổ

để trứng, khi chim cưỡng bay đi kiếm ăn thì nó liền đáp vào, mổ ăn trứng cưỡng, xong để vào đó một trứng tu hú thế vào. Con cưỡng không biết, tưởng là trứng của mình, vẫn ấp trứng tu hú. Khi nở ra toàn là tu hú con. Cưỡng mẹ vẫn tìm mồi đút nuôi tu hú con. Khi lớn lên, nó là tu hú, nó bay đi, không kể gì đến con cưỡng mẹ đã nuôi nó bấy lâu.

Do đó, người ta cho giống chim tu hú (cưu cưu) là giống bạc tình, bạc nghĩa, ăn ở bạc ác.

TNHT: Giận nổi *cưu cưu* ở bạc tình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cưu hờn

A: To bear a resentment.

P: Nourrir la haine.

Cưu: Mang lấy, cưu mang. **Hờn:** giận.

Cưu hờn là mang lấy sự hờn giận.

TNHT: Các con khá thương hại cho lũ vô tâm ấy mà chẳng nên *cưu hờn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cưu tâm

A: To bear the sentiments.

P: Nourrir les sentiments.

Cưu: Mang lấy, cưu mang. **Tâm:** lòng dạ.

Cưu tâm là mang lấy lòng dạ....

TNHT: Kẻ nào *cưu tâm* chia phe phân phái là đứa thù nghịch của Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CỨU

CỨU

1. **CỨU:** 救 Giúp cho thoát nạn.
Td: Cứu độ, Cứu hộ.
2. **CỨU:** 究 Cuối cùng, tra xét.
Td: Cứu cánh.

Cứu cánh

究竟

A: The final aim.

P: Le but final.

Cứu: Cuối cùng, tra xét. **Cánh:** chỗ cuối cùng.

Cứu cánh là mục đích cuối cùng, chỗ cuối cùng sẽ đạt đến.

Thuyết cứu cánh cho rằng mọi vật sở dĩ tồn tại là vì nó có một cứu cánh nhất định. Trái lại là Thuyết ngẫu nhiên.

Cứu chuộc

A: To aid for to redeem a fault.

P: Aider pour racheter une faute.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Chuộc:** chuộc tội, làm điều phước đức để trừ bớt tội lỗi đã gây ra.

Cứu chuộc là giúp đỡ những người tội lỗi biết ăn năn sám hối để chuộc lại lỗi lầm đã gây ra.

TNHT: Rộng mở cửa răn năng cứu chuộc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cứu độ

救渡

A: To save.

P: Sauver.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Độ:** đưa qua sông.

Cứu độ là cứu giúp đưa qua khỏi sông mê bể khổ.

Cứu nơn độ thế: Cứu người giúp đời.

TNHT: Phước gặp Tam Kỳ Trời *cứu độ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cứu hộ

救護

A: To save and to protect.

P: Sauver et protéger.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Hộ:** che chở giữ gìn.

Cứu hộ là giúp đỡ, che chở giữ gìn.

KCK: Ngũ bá A-La-Hơn *cứu hộ* đệ tử....

KCK: Kinh Cứu Khổ.

Cứu rỗi

A: To save one's soul.

P: Sauver son âme.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Rỗi:** cứu giúp bằng cách bình vực cho giảm bớt hình phạt, khỏi bị đọa đày.

Cứu rỗi là giúp đỡ và bình vực để thoát khỏi chốn đọa đày khổ sở.

TNHT: Chúng nó đã gieo ác cảm lừng đến Tam Giáo Đài, thế thì bước đường sau này Thầy khó *cứu rỗi* được.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cứu tế

救濟

A: To assist.

P: Assister.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Tế:** đưa qua sông.

Cứu tế là cứu giúp người nghèo khổ hay người đang cơn hoạn nạn cho qua cơn khốn khổ.

Cơ Quan Phước Thiện có nhiệm vụ lo cứu tế những người hoạn nạn đói khổ hoặc bị Thiên tai.

Cứu thế

救世

A: To save the world.

P: Sauver le monde.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Thế:** đời, người đời.

Cứu thế là cứu đời, cứu giúp người đời.

TNHT: *Cứu thế* quyết ngưng quyền Địa phủ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cứu ương

救殃

A: To save from misfortune. P: Sauver du malheur.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Ương:** tai vạ, tai ương.

Cứu ương là cứu giúp cho qua cơn hoạn nạn.

TTCĐDTKM: Cúi xin Kim Mẫu muôn loài *cứu ương*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Cứu vãn

救挽

A: To retrieve the situation. P: Sauver la situation.

Cứu: Giúp cho thoát nạn. **Vãn:** kéo lại, vớt lại.

Cứu vãn là giúp đỡ cho khỏi thất bại và đem trở về tình trạng như trước.

TNHT: Con vì tâm tình cao thượng mà *cứu vãn* sự sụp đổ của một dân tộc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CỬU

CỬU

1. **CỬU:** 九 Chín, thứ chín.
Td: Cửu huyền, Cửu Nương.
2. **CỬU:** 久 Lâu.
Td: Cửu hạn, Cửu tử.

Cửu cửu: Chung cửu

九九: 終九

A: Ninth Neuvaine: The final Neuvaine.

P: Neuvième Neuvaine: La Neuvaine finale.

Cửu: Chín, thứ chín. **Cửu:** tuần cửu, tuần 9 ngày.

Cửu cửu là Tuần cửu thứ 9, cũng là Tuần cửu sau chót, nên được gọi là Chung cửu, Hiệp cửu. (Chung là hết).

Trong Đạo Cao Đài, khi một tín đồ qui liễu, thân nhơn trong gia đình phải làm Tuần cửu cho vị tín đồ đó theo nghi thức của Đạo, tại Thánh Thất sở tại, để đưa linh hồn người chết lần lượt đi lên 9 tầng Trời (Cửu Trùng Thiên).

Đầu tiên là làm Tuần nhứt cửu: Kể từ ngày chết đếm 1, đếm tới ngày thứ 9 thì đến Thánh Thất sở tại làm Tuần Nhứt cửu, tụng bài Kinh Đệ Nhứt Cửu.

Tiếp tục đếm 9 ngày nữa (tức là sau khi chết được 18 ngày) thì làm Tuần nhị cửu, tụng bài Kinh Đệ nhị cửu. v.v.

Đếm đến ngày thứ 81 sau ngày chết thì đến Thánh Thất làm Tuần Cửu cửu và tụng bài Kinh Đệ Cửu cửu.

Tới đây là dứt Tuần cửu (Chung cửu).

Sau ngày Chung cửu 200 ngày thì làm Tiểu Tường.

Sau Tiểu Tường 300 ngày thì làm Đại Tường, mãn tang.

GHI CHÚ: Phạt giáo thì làm Tuần thất (Tuần 7 ngày).

Sau khi chết được 7 ngày thì làm Tuần thất thứ nhứt, 14 ngày thì làm Tuần thất thứ nhì,..., 49 ngày thì làm Tuần thất thứ 7, đây là Tuần thất sau cùng, nên gọi là Chung thất.

Cửu Hoàng Tỹ Tổ

九皇鼻祖

A: The originator of nine first emperors.

P: Le premier ancêtre de neuf premiers empereurs.

Cửu: Chín, thứ chín. **Hoàng:** vua. **Cửu Hoàng:** chín vị vua. **Tỹ Tổ:** Ông Tổ đầu tiên sanh ra một dòng họ.

Cửu Hoàng là chín vị vua đầu tiên vào thời thái cổ, lập ra nước Tàu, nối nhau làm vua khai hóa dân Tàu và cũng là khai hóa nhơn loại.

Theo sách Tam Hoàng Thiên Kinh:

- Khởi đầu là Tam Hoàng: Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhơn Hoàng.

- Kế tiếp là Tam Vương: Ngũ Long, Hữu Sào, Toại Nhân.

- Tiếp theo Tam Vương là Tam Đế: Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế. (Xem chi tiết nơi chữ: Tam Hoàng - Ngũ Đế, văn T)

Công đức của Chín vị vua đầu tiên này đối với nhơn loại thật vô cùng to lớn, đưa con người thoát khỏi tình trạng ăn lông ở lỗ, lần lần văn minh. Con người biết làm quần áo để mặc, làm nhà để ở, biết tạo ra lửa để nấu chín thức ăn, biết cày cấy, biết lễ nghi, biết dùng cây thuốc để trị bệnh, biết viết chữ,...

Thiên Hoàng, chính là Bàn Cổ, một hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Quân, xuống trần để mở mang cõi trần, là Thủy Tổ của nhơn loại và làm vua đầu tiên. Các vị vua kế tiếp là dòng dõi của Bàn Cổ.

Cửu Hoàng Tỹ Tổ là một câu trong Kinh Tiên giáo nói về căn nguyên và công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân. Ngài hóa thân xuống trần là Ông Bàn Cổ, là vị vua khởi thủy nên gọi là Thiên Hoàng, là Tỹ Tổ của các vị vua sau này và cũng là Tỹ Tổ của nhơn loại.

Cửu hạn

久旱

A: The dryness for a long time; the great dryness.

P: La sécheresse de longs jours; la grande sécheresse.

Cửu: Lâu. **Hạn:** tình trạng nắng lâu ngày, không mưa.

Cửu hạn là hạn hán kéo dài nhiều tháng.

Cửu hạn phùng cam võ: Nắng hạn lâu ngày mà gặp được mưa lành, ý nói mừng rỡ vô cùng.

Người xưa thường nói: Bốn điều vui mừng (Tứ Khoái):

*Cửu hạn phùng cam võ,
Tha hương ngộ cố tri,
Động phòng hoa chúc dạ,
Kim bãng quả danh thi.*

Nghĩa là: Nắng hạn lâu ngày gặp mưa lành,
Nơi quê người gặp bạn cũ,
Đêm tân hôn động phòng hoa chúc,
Thi đậu, tên đề trên bảng vàng.

Cửu huyền - Cửu tộc

九玄 - 九族

A: The nine degrees of relationships - The nine families.

P: Les neuf degrés de parentés - Les neuf familles.

Cửu: Chín, thứ chín. **Huyền:** cháu 4 đời gọi là Huyền tôn, nên chữ Huyền ở đây có nghĩa là đời. **Tộc:** họ.

Cửu huyền là bà con chín đời. Cửu tộc là chín họ.

"Xưng hô Cửu huyền là kể từ Cao Tổ nhỏ giọt xuống đến cháu Huyền tôn là 9 đời, nên gọi Cửu huyền.

Xưng hô Cửu tộc là kể từ Cao Tổ đến thích thuộc Huyền tôn gọi rằng dòng dõi 9 đời.

Giải rõ ý nghĩa chữ Cửu huyền là xưng hô cháu 9 đời, còn chữ Cửu tộc là xưng hô dòng họ 9 đời.

Hai cái danh từ ấy vẫn liên quan mật thiết, chung chịu một hệ thống từ Cao Tổ dẫn đến cháu, chất, chít, 9 đời vậy.

Hễ xưng hô Cửu huyền thì liên hệ đến Cửu tộc, còn xưng hô Cửu tộc thì liên hệ đến Cửu huyền.

Vậy thì cái danh từ Cửu huyền với Cửu tộc, tuy đặc biệt chớ kỳ trung vẫn có một nguyên lý mà thôi."

Do đó nói rằng: "*Bổn thị Cửu tộc, Hệ thống Cửu huyền.*"

Tổ chức Tộc đã có từ thời Thượng cổ, nhưng thời đó chưa có sự kết hợp vợ chồng, con không biết cha, nên lấy Mẫu hệ làm căn bản. Mãi đến thời vua Nghiêu, vua Thuấn, mới tổ chức vợ chồng nên bỏ Mẫu hệ và chuyển qua Phụ hệ.

Lúc đó, con theo họ cha. Người cùng họ càng ngày càng đông, dòng máu càng ngày càng sơ, lại ở xa cách nhau nên mới đặt ra chế độ Tông pháp, để đoàn kết tập hợp lại những người cùng trong họ.

Tông pháp đặt ra Cửu Tộc, căn cứ ở dòng huyết tộc, lấy xa gần làm bà con thân sơ.

■ Theo Tộc chế đời nhà Châu, Cửu Tộc là 9 hạng người có liên hệ thân thuộc với bản thân mình, kể ra như sau:

1. Những người trong Ngũ phục thuộc họ cha.
2. Cô và con cô.
3. Chị em gái và con của chị em gái.
4. Con gái và con của con gái.
(*Bốn hạng người trên thuộc Tộc của cha*)
5. Cha của mẹ: Ông ngoại.
6. Mẹ của mẹ: Bà ngoại.
7. Chị em gái của mẹ: Dì.
(*Ba hạng người này thuộc Tộc của mẹ*)
8. Cha vợ.
9. Mẹ vợ.
(*Hai hạng người này thuộc Tộc của vợ*)

■ Đến thời nhà Tần, nhà Hán, Cửu Tộc đổi lại, lấy y theo thời vua Nghiêu vua Thuấn, tức là lấy người trong họ của cha, bà con trực hệ làm căn bản, từ bản thân suy lên 4 đời, và từ bản thân lấy xuống 4 đời, tổng cộng là 9 đời, kể ra sau đây:

1. Cao Tổ : Ông Sơ.
2. Tằng Tổ : Ông Cố.
3. Tổ Phụ : Ông Nội.

4. Phụ : Cha.

5. Bản thân.

6. Tử : Con trai.

7. Tôn : Cháu nội.

8. Tăng tôn : Chắt (Cháu cố)

9. Huyền tôn : Chít hay Chút (Cháu sơ).

■ Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh, trang 149, Cửu Tộc được giải thích làm hai phần: Trục hệ và Bàng hệ, chép ra như sau:

Cửu tộc: Chín họ.

- Lấy người trong họ Cha làm hạn thì gồm bà con Trục hệ do Bản thân suy lên đến Cao Tổ 4 đời, dưới suy đến Huyền tôn 4 đời.

- Bà con Bàng hệ thì từ Bản thân suy ngang ra đến Anh em ba từng, kiêm cả nội ngoại thì gồm: - Ông ngoại. - Bà ngoại. - Con dì. - Cha vợ. - Mẹ vợ. - Con cô. - Con chị em gái. - Cháu ngoại. - Cùng Bản thân mình.

KKCĐTTT: Giọt lụy của Cửu huyền dầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.

Theo câu kinh này, chúng ta phải hiểu Cửu huyền ở đây là bà con chín họ, nhưng những người bà con này còn sống, nên mới khóc than cho cái chết của người thân yêu.

Cửu huyền là chỉ những người bà con trong chín họ, nói chung như vậy, để chỉ những người bà con thân thiết của người chết, không nhất thiết phải là Trục hệ hay là Bàng hệ.

Phối hợp Trục hệ và Bàng hệ, những người bà con thân thiết trong 9 họ có thể kể ra như sau:

1. Cha ruột.
2. Mẹ ruột.
3. Cha vợ (hay Cha chồng)
4. Mẹ vợ (hay Mẹ chồng)
5. Vợ (hoặc Chồng) của Bản thân.
6. Anh chị ruột.
7. Em ruột trai hay gái.

8. Con .

9. Cháu.

Xét như trên, vấn đề Cửu huyền và Cửu tộc không phải chỉ có một cách giải thích, mà sự giải thích của chúng ta tùy theo thế nào cho thích đáng với mỗi trường hợp.

KKCĐTTT: Kinh Khai Cửu Đại Tường Tiểu Tường.

Cửu Huyền Thất Tổ

九玄七祖

A: The ancestors of nine degrees in direct line.

P: Les ancêtres de neuf degrés en ligne directe.

Cửu: Chín, thứ chín. **Huyền:** ý nói đời, thế hệ. **Thất:** bảy.

Thất Tổ là bảy ông Tổ của dòng họ nhà mình.

Thờ Cửu Huyền thì mình là cháu chín đời thờ Tổ Tiên chín đời trước của dòng họ nhà mình.

Tại sao chỉ thờ tới Thất Tổ? mà không thờ tới Bát Tổ? Tại sao không nói thờ Cửu Tổ mà nói thờ Cửu Huyền?

Nho giáo thời xưa qui định cách thờ Tổ Tiên có thứ bậc từ dân cho đến vua như sau:

- Sĩ và thứ dân chỉ được thờ tới Nhứt Tổ (Ông Nội).
- Các quan Đại Phu được thờ tới Tam Tổ.
- Các vua chư Hầu được thờ tới Ngũ Tổ.
- Hoàng Đế (Thiên tử) thì thờ tới Thất Tổ.

Theo qui định này, chúng ta không được thờ tới Thất Tổ (vì thờ Thất Tổ chỉ dành cho vua), nhưng muốn thờ Tổ Tiên những bậc cao hơn nữa thì chúng ta nói là thờ Cửu Huyền, tránh dùng chữ Thất Tổ mà bị tội phạm thượng. Đó là nói theo thời có vua chúa thuở xưa.

Thờ cúng Cửu Huyền Thất Tổ là tỏ lòng kính trọng các bậc tiền nhân Tổ tiên chúng ta trong buổi sanh tiền đã dày công giáo hóa, chỉ bảo công việc làm ăn, dạy bảo cử chỉ hành động sao cho được tốt đẹp, hợp đạo lý, để phát huy sự nghiệp của Tổ tiên và làm rạng rỡ Tổ tiên.

I. Giải thích Cửu Huyền Thất Tổ chung trong một hệ thống:

Sau đây là Bảng Hệ thống Cửu Huyền Thất Tổ:

Hệ Thống CỬU HUYỀN:

| | | | |
|-----------------------|--------------|---------|-----------|
| 1. Ông Sơ của Ông Sơ | (Thỉ Tổ) | Thất tổ |] THẤT TỔ |
| 2. Ông Cố của Ông Sơ | (Cao Cao Tổ) | Lục tổ | |
| 3. Ông Nội của Ông Sơ | (Viễn Tổ) | Ngũ tổ | |
| 4. Cha của Ông Sơ | (Tiên Tổ) | Tứ tổ | |
| 5. Ông Sơ | (Cao Tổ) | Tam tổ | |
| 6. Ông Cố | (Tằng Tổ) | Nhị Tổ | |
| 7. Ông Nội | (Nội Tổ) | Nhứt Tổ | |
| 8. Cha | (Phụ thân) | | |
| 9. Bản thân | | | |

Theo Hệ thống Cửu Huyền Thất Tổ này thì:

- Phụ thân (Cha) chưa được liệt vào hàng Thất Tổ, mà Ông Nội (Nội Tổ) mới được liệt vào hàng Thất Tổ.

- Từ Bản thân lên tới Ông Thỉ Tổ (Ông Sơ của Ông Sơ) là chín đời, cho nên mới gọi là thờ Cửu Huyền.

Bảng Hệ thống Cửu Huyền Thất Tổ này rất đơn giản và giải thích dễ hiểu hơn tất cả.

II. Giải thích Cửu Huyền Thất Tổ theo hai Hệ thống riêng:

A. Giải thích Thất Tổ theo bản đồ Thất Tổ miếu:

Theo Bản đồ Thất Tổ Miếu, sự giải thích về Thất Tổ có hơi khác: Cha (Phụ thân) được liệt vào hàng Thất Tổ.

Do đó, Bản đồ Thất Tổ miếu thờ bảy vị Tổ sau đây:

| | |
|-----------------------|-----------|
| 7. Thỉ Tổ (Tỷ Khảo) | : Thất Tổ |
| 6. Viễn Tổ (Tỷ Khảo) | : Lục Tổ |
| 5. Tiên Tổ (Tỷ Khảo) | : Ngũ Tổ |
| 4. Cao Tổ (Tỷ Khảo) | : Tứ Tổ |
| 3. Tằng Tổ (Tỷ Khảo) | : Tam Tổ |
| 2. Nội Tổ (Tỷ Khảo) | : Nhị Tổ |
| 1. Phụ thân (Tỷ Khảo) | : Nhứt Tổ |

(Trên Bản đồ Thất Tổ Miếu, hai chữ: Tỷ Khảo là Ông Bà đã chết)

B. Giải thích Cửu Huyền theo Cửu tộc:

Thờ Cửu Huyền là con cháu đời thứ chín thờ những vị Tổ thuộc chín đời trước mình, tính theo trực hệ.

Cách gọi tên trong Cửu Huyền lấy theo cách gọi tên trong Cửu Tộc thời nhà Hán bên Tàu: Lấy Bản thân làm gốc, lên trên bốn đời, xuống dưới bốn đời.

1. Cao Tổ : Ông Sơ.
2. Tăng Tổ : Ông Cố.
3. Tổ Phụ : Ông Nội.
4. Phụ : Cha.

5. Bản thân.

6. Tử : Con trai.
7. Tôn : Cháu nội.
8. Tăng tôn : Chắt (Cháu cố)
9. Huyền tôn : Chít hay Chút (Cháu sơ).

Như vậy, thờ Cửu Huyền, cúng lạy Cửu Huyền là cúng lạy cả con cháu của mình nữa hay sao?

Điều này có thể được giải thích bởi nhiều lẽ như sau:

1. Vấn đề đặt tên, danh từ: có Bản thân, có ông cha 4 đời trước, có con cháu 4 đời sau, là để gọi lên cho dễ hiểu, dễ phân định, trong đó gồm có người sống (Dương) và người chết (Âm). Gọi như thế để tượng trưng đủ cả Âm Dương.
2. Gọi như thế để chỉ 3 đời (Tam thế) nối tiếp nhau: - Đời quá khứ là các Tổ Tiên, - Đời hiện tại là mình, - Đời tương lai là các con cháu của mình.
3. Gọi như thế để chỉ rằng có sự luân hồi chuyển kiếp trong dòng họ. Có thể có những vị Tổ của các đời lâu xa trước, nay đầu thai trở lại trong dòng họ mình, làm con cháu mình để thực thi nhân quả; và chính mình đây cũng có thể là một vị Tổ đầu kiếp trở lại.
4. Gọi như thế để thể hiện sự vay trả. Bản thân mình đứng giữa, vay lớp trên 4 đời, trả cho lớp dưới 4 đời. Cho nên, công đức hay tội lỗi của mình tạo ra trong

kiếp sanh này có ảnh hưởng đến Tổ Tiên 4 đời trước mình, và cũng ảnh hưởng đến con cháu 4 đời sau mình.

Phước đức của mình tạo ra, cả Cửu Huyền đều thọ hưởng, tức là 4 đời Tổ có hưởng và con cháu 4 đời sau có hưởng.

Tội lỗi mình gây ra thì Tổ Tiên 4 đời trước mình phải chịu khổ tâm nơi cõi thiêng liêng và nếu trong kiếp sanh này mình trả chưa hết, thì con cháu 4 đời sau mình phải gánh trả.

Đức Chí Tôn có giảng cơ dạy về Cửu Huyền Thất Tổ trong bài Thánh Ngôn sau đây: *(Theo Chí Thiện Phan Trung Châm, bài này do Chí Thiện Nguyễn văn Ninh cầu Đức Chí Tôn tại Minh Thiện Đàn, Phú Mỹ, Mỹ Tho)*

"Thầy, các con,

Con chưa rõ Cửu Huyền Thất Tổ,

Thầy vui lòng chỉ chỗ chưa rành.

Kể từ phụ mẫu sơ sanh,

Cũng nhờ Tổ đức lập thành chánh chơn.

Người chưa rõ nguồn cơn trong đó,

Nên dễ dui đánh bỏ rã rời.

Từ con lên đó năm đời,

Từ con xuống đó bốn đời chia ra.

Trong số ngũ (5) sót ra làm chín (9),

Chiết mình con là định trung hòa.

Trước con là gọi mẹ cha,

Sau con kể đó nó là cháu con.

Tới bực cháu Huyền tôn là chín (9),

Cháu Huyền tôn là chính Cửu Huyền.

Hợp thành số cửu (9) quá nguyên.

Cũng trong Cửu Tộc lưu truyền chẳng sai.

Đếm tới chín, bớt hai còn bảy (7),

Là bảy ông thầy thầy kêu chườn.

Hiệp thành số cửu chi nguyên,

Nên kêu Thất Tổ Hậu Thiên không lia.

Con đứng giữa đặng chia vay trả,

Vay ơn dày thì trả nghĩa sâu.
 Tại vậy nên mới lo tu,
 Lo tuặng độ đền bù nghĩa nhơn.
 Người có đó nên người hơn thú,
 Thú được vậy thú cũng bằng người.
 Khuyên con chớ tưởng trò chơi,
 Ráng công tu luyện nên người để chi!"

■ Thuở chưa khai Đạo, trong một đàn cơ ngày 7-1-1926, Đức Chí Tôn giảng dạy Bà Cư (tức là Bà Hương Hiếu) phải lo đi phổ độ nhơn sanh vào Đạo.

"Bà Cư bạch với Thầy rằng:

- Má con mắc ở xa, làm sao con đi độ được.

Thầy:

- Hiếu! Con biết một lòng tu niệm đạo đức của con đủ cứu Cửu Huyền Thất Tổ, hưởng là mẹ con, để Thầy định đoạt, con đừng lo buồn...." (ĐS. I. 36)

■ Trong một đàn cơ có Bát Nương giảng, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt hỏi Bát Nương:

- Thân phụ và Thân mẫu của qua có được siêu không? Giờ đây ở đâu?

Bát Nương đáp:

- Em chỉ nói bằng thơ, nếu anh giảng trúng thì nói nữa, trật thì lui.

Ngài Thượng Trung Nhựt năn nỉ:

- Nếu qua nói trật thì em thương tình mà chỉ dẫn để qua học hỏi thêm với.

Bát Nương nói:

- Bạch Y Quan nay sanh Cực Lạc, Bá phụ cùng bá mẫu đang an.

- Như vậy là thân phụ và thân mẫu trước ở cõi Bạch Y Quan, nay đã sang ở nơi Cực Lạc.

- Đúng đó, ấy là nhờ công tu luyện của anh nên bá phụ và bá mẫu mới được siêu thăng nơi Cực Lạc.

■ Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo ngày 15-10-Canh Dần (1950):

"Bản đạo nói thật, thời buổi này, chúng ta không tìm phương giải thoát cho Cửu Huyền Thất Tổ thì không có thời buổi nào có năng lực độ rỗi Cửu Huyền Thất Tổ của mình đặng.

Bởi thế nên toàn thể con cái Đức Chí Tôn, Nam Nữ cũng vậy, có tấm lòng yêu ái nồng nàn hoài vọng giọt máu, mảnh thân hình, giờ phút này là giờ phút nên để trọn tâm cho thanh tịnh đặng cầu nguyện siêu thoát cho Cửu Huyền Thất Tổ.

Bản đạo dám nói: Giờ phút này, mấy người có thể nhong nhèo với Đức Chí Tôn được. Ngài sẵn sàng để hai chữ ân xá thì mấy người xin cái gì thì ông cũng cho cái nấy."

KCTPĐQL:

Nguyện cùng Thất Tổ xin thương,
Cho bèn gan tấc noi đường thảo ngay.
Âm Dương đôi nẻo như nhau,
Cửu Huyền Thất Tổ giữ câu thọ trì.

KCTPĐQL: Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

Cửu nguyên

九原

A: *The world of deaths.*

P: *Le monde des morts.*

Cửu nguyên là một địa danh của nước Tấn thời Xuân Thu, nay ở về phía Bắc tỉnh Sơn Tây nước Tàu, dùng làm nghĩa địa chôn cất thi hài các quan khanh đại phu nước Tấn.

Về sau người ta dùng chữ "Cửu nguyên" để chỉ cõi của người chết hay cõi của những linh hồn người chết đến trú ngụ.

Sách Lễ Ký có câu: *Dĩ tòng tiên đại phu ư Cửu nguyên*, nghĩa là: Đã theo các quan đại phu đã chết ra đất Cửu nguyên. Ý nói đã chết và đặt mộ nơi đất Cửu nguyên.

Theo cách đồng âm trong ngôn ngữ, người ta cho tên đất Cửu nguyên 九原 thành Cửu nguyên 九源 là Chín suối (chữ

Nguyên có bộ thủy là suối, là nguồn nước), để từ đó dịch ra là Cửu tuyền, cũng để chỉ cõi Âm phủ. (Xem Cửu tuyền)

Cửu nhị ức nguyên nhân

九二億元人

Cửu: Chín, thứ chín. **Nhị:** hai. **Ức:** một trăm ngàn.

Cửu nhị là 92, Cửu nhị ức là 92 cái trăm ngàn, tức là 9 triệu 2 trăm ngàn người (9 200 000).

Nguyên nhân là những người mà chọn linh được sanh ra từ lúc khai Thiên, vâng lệnh đầu thai xuống trần để khai hóa Nhơn loại thuở sơ khai.

Cửu nhị ức nguyên nhân là 9 200 000 nguyên nhân.

Hiện nay, trên quả địa cầu 68 này, Nhơn loại có hơn 5 tỷ người đang sống, thì trong đó có 92 ức nguyên nhân đang còn bị đọa trần chưa trở về cựu vị, họ ở trong đủ các sắc dân khắp nơi trên địa cầu này. (Xem chi tiết nơi chữ: Nguyên nhân, Văn Ng)

ĐĐTKPĐ tức Đạo Cao Đài có nhiệm vụ cứu độ tất cả số nguyên nhân này trở về cựu vị nơi cõi thiêng liêng.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cửu Nương

九娘

A: Ninth Muse.

P: Neuvième Muse.

Cửu: Chín, thứ chín. **Nương:** người phụ nữ quý phái, ở đây chỉ vị Nữ Tiên thuộc DTC nơi cõi thiêng liêng.

Cửu Nương là vị Nữ Tiên thứ 9 trong Cửu vị Tiên Nương DTC, dưới quyền của Đức Phật Mẫu. (Xem: Cửu vị Tiên Nương)

Trong một kiếp giáng sanh xuống trần gần đây nhất, ở tại nước Việt Nam, Cửu Nương có tên là Cao Thị Kiệt (tên

thường gọi là KHIẾT), sanh ngày 16 tháng Giêng năm Bính Thân (1895) tại Thị xã Bạc Liêu, con của Ông Đốc Phủ Sứ Cao Minh Thạnh, và Bà Tào Thị Xúc.

Cửu Nương có người anh ruột là Cao Triều Phát, đứng đầu chi phái Minh Chơn Đạo ở Bạc Liêu.

Cô Cao Thị Kiết được gia đình hứa hôn gả cho Ông Nguyễn Bá Tính, con thứ của Ông Đốc Phủ Sứ Nguyễn Bá Phước thời đó, đám hỏi xong nhưng chưa đám cưới thì Cô bị bệnh và mất. Ngày mất là ngày 27 tháng 6 năm Canh Thân (1920), hưởng dương được 25 tuổi.

Mộ của Cô được làm toàn bằng đá xanh kiên cố và hùng vĩ, tọa lạc giữa đồng ruộng, cách Châu thành Bạc Liêu khoảng hai cây số, về hướng Vĩnh Châu.

Nơi cổng vào mộ có liễn chữ nho, bia trước và sau mộ đều viết bằng chữ nho. Trên mộ có 9 hàng chữ Pháp khắc sâu vào đá, chép ra như sau:

"Ici repose - Madame - CAO THỊ KIẾT - née le 16 1er mois - Année Bính Thân - 1895 - décédée le 27 6è mois - Année Canh Thân - (1920)"

DTC: Diêu Trì Cung.

Cửu phẩm Thần Tiên

九品神仙

A: The nine grades of Genii and Immortals.

P: Les neuf grades de Génies et Immortels.

Cửu: Chín, thứ chín. **Phẩm:** thứ bậc cao thấp. **Thần Tiên:** chỉ chung các Đấng thiêng liêng từ phẩm Thần đến phẩm Tiên.

Cửu phẩm Thần Tiên là 9 bậc từ bậc Thần đến bậc Tiên.

Cửu phẩm Thần Tiên gồm: 3 bậc Thần, 3 bậc Thánh và 3 bậc Tiên, kể ra từ thấp lên cao như sau:

| | Pháp văn: | Anh văn: |
|-------------|---------------------|-----------------|
| 1 Địa Thần | <i>Ange Gardien</i> | Guardian Angel |
| 2 Nhơn Thần | <i>Archange</i> | Archangel |

| | | | |
|---|-------------|--------------------|--------------|
| 3 | Thiên Thần | <i>Principauté</i> | Principality |
| 4 | Địa Thánh | <i>Puissance</i> | Power |
| 5 | Nhơn Thánh | <i>Vertu</i> | Virtue |
| 6 | Thiên Thánh | <i>Domination</i> | Domination |
| 7 | Địa Tiên | <i>Trône</i> | Throne |
| 8 | Nhơn Tiên | <i>Chérubin</i> | Cherub |
| 9 | Thiên Tiên | <i>Séraphin</i> | Seraph. |

(Theo bản dịch Pháp Chánh Truyền Chú giải ra Pháp văn của Ngài Phối Sư Trần Quang Vinh và ra Anh văn của Cô Lucy Davey)

Cửu phẩm Thần Tiên nơi Bát Quái Đài, theo lệnh của Đức Chí Tôn, có nhiệm vụ cai quản và điều hành sự vận chuyển và sự tiến hóa trong khắp CKVT và vạn vật.

Nơi Cửu Trùng Đài, Đức Chí Tôn cũng lập ra 9 phẩm Chức sắc từ bậc Đạo hữu đến bậc Giáo Tông để đối phẩm với Cửu phẩm Thần Tiên nơi BQĐ. (Xem: Cửu Trùng Đài)

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

BQĐ: Bát Quái Đài.

Cửu thập ngũ hồi

九十五迴

A: Ninety five successive reincarnations.

P: Quatre-vingt quinze réincarnations successives.

Cửu: Chín, thứ chín. **Thập:** mười. **Ngũ:** năm. **Hồi:** luân hồi.

Cửu thập ngũ hồi là 95 lần luân hồi.

Đây là một câu trong bài Kinh Nho giáo nói về Đức Khổng Tử. Trước khi giáng trần là Khổng Tử, chơn linh Ngài đã đầu kiếp xuống trần và trở về cõi thiêng liêng được 95 lần.

Đức Khổng Tử phải chuyển kiếp đầu thai xuống cõi trần 95 lần để học hỏi và tiến hóa thì mới đoạt được địa vị Giáo chủ Nho giáo, đứng ngang hàng Đức Lão Tử và Đức Phật Thích Ca.

Cửu thập nhị tào

九十二曹

A: The group of ninety two.

P: Le groupe de quatre-vingt douze.

Cửu: Chín, thứ chín. **Thập:** mười. **Nhị:** hai. **Tào:** nhóm người.

Cửu thập nhị tào là nhóm người 92, ý nói nhóm 92 ức nguyên nhân đang còn trầm luân nơi cõi trần.

Trong Kinh Phật giáo nói về Đức Nhiên Đăng Cổ Phật có câu: "*Cửu thập nhị tào chi mê muội,*" nghĩa là: nhóm 92 ức nguyên nhân đang mê muội. (Xem chữ: Nguyên nhân, văn Ng)

Cửu Thiên Cảm Ứng Lôì Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn

九天感應雷聲普化天尊

Đây là phẩm tước của vị Chánh Thần cầm đầu Lôì Bộ (Bộ Lôì Công) trông coi việc làm sấm sét và làm mưa.

Theo truyện Phong Thần, Đức Giáo chủ Nguơn Thỉ Thiên Tôn phong cho chơn linh của Thái Sư Văn Trọng (làm quan Thái Sư cho vua Trụ) vào chức Cửu Thiên Cảm Ứng Lôì Thịnh Phổ Hoá Thiên Tôn để cầm đầu Bộ Lôì Công, gồm tất cả 24 vị Thiên quân, chia ra như sau:

- 4 vị coi về việc kéo mây, sấm chớp, làm gió làm mưa.
- 20 vị coi về sấm sét.

Bốn vị Chánh Thần coi việc sấm chớp, làm gió làm mưa, có tên kể ra sau đây:

- Kim Quang Thánh Mẫu: **Thiên Điện Thần**, coi sấm chớp.
- Thễ Vân Tiên Cô: **Hưng Vân Thần**, coi việc kéo mây.
- Hạm Chi Tiên Cô: **Trợ Phong Thần**, coi việc làm gió.
- Kim Tô: **Bố Võ Thần**, coi việc làm mưa.

Thái Sư Văn Trọng có pháp bửu (bửu bối) là cặp Kim tiên. Ngài giao cho Đức Hộ Pháp một cây Kim tiên và Đức Hộ Pháp dùng cây Kim tiên này và quạt Long Tu Phiến để trấn pháp nơi Trí Huệ Cung Thiên Hỷ Động. (Xem: Kim tiên, văn K)

Cửu Thiên Huyền Nữ - Cửu Thiên Nương Nương

九天玄女 - 九天娘娘

A: Buddha-Mother.

P: Buddha-Mère

Cửu: Chín, thứ chín. **Thiên:** từng Trời. **Huyền:** sâu kín, huyền diệu, màu nhiệm. **Nữ:** người phụ nữ.

Nương Nương: tiếng gọi bà Hoàng Hậu ở thế gian; còn nơi cõi thiêng liêng, Nương Nương là tiếng gọi người phụ nữ cao trọng nhất, đó là Đức Thiên Hậu, Đức Mẫu Hậu mà Đạo Cao Đài thường gọi là Đức Phật Mẫu.

Cửu Thiên là từng Trời thứ 9, từng Trời cao nhất trong Cửu Trùng Thiên, có tên là Tạo Hóa Thiên.

■ **Cửu Thiên Huyền Nữ**, nghĩa đen là người phụ nữ huyền diệu nơi từng Trời thứ 9. Đây là một danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

■ **Cửu Thiên Nương Nương**, nghĩa đen là Đấng Thiên Hậu ở từng Trời thứ 9. Đây cũng là một danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Nhơn loại đợc biết Đức Phật Mẫu qua danh hiệu Cửu Thiên Huyền Nữ vào thời thượng cổ, đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Tàu. Sử ký chép như sau:

Sau đời vua Thần Nông, các bộ lạc đều tự tách ra hùng cứ mỗi nơi. Có một bộ lạc hùng mạnh mà vị thủ lãnh là Xuy Vụ muốn thôn tính các bộ lạc khác để lên làm bá chủ, nhưng Xuy Vụ lại quá độc ác, ai không thuận theo thì bị giết chết rất tàn nhẫn. Các bộ lạc liền liên kết nhau, tôn vị thủ lãnh Hữu Hùng Thị (nay ở huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam) lên chỉ huy chống lại

Xuy Vưu. Trận đánh dữ dội quyết định sự thắng bại với Xuy Vưu xảy ra ở Trác Lộ.

Sương mù dày đặc, quân Hữu Hùng Thị bị Xuy Vưu vây chặt, không nhận định được phương hướng đánh ra giải vây, nên thường bị Xuy Vưu đánh bại phải tháo lui. Sự thảm bại của Hữu Hùng Thị thấy rõ trước mắt.

Trong lúc nguy cấp như thế, Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ hiện ra dạy Hữu Hùng Thị chế ra xe hai bánh chỉ Nam, có bộ phận chỉ rõ hướng Nam, để phân định phương hướng và vị trí tiến quân, lại dạy cho binh pháp. Nhờ vậy, Hữu Hùng Thị cũng cố binh mã, từ trong đánh ra bất ngờ, làm cho binh đội Xuy Vưu thảm bại, bắt sống được thủ lĩnh Xuy Vưu đem giết chết.

Thế là yên giấc, tất cả dân chúng các bộ lạc đều hoan nghinh Hữu Hùng Thị, tôn Hữu Hùng Thị lên ngôi Minh chủ, lấy hiệu là Hoàng Đế hay Huỳnh Đế. Nguyên Hữu Hùng Thị được sanh ra tại gò Hiên Viên, nên về sau gọi là Hiên Viên Huỳnh Đế.

Sau đó, Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ cũng thường ứng hiện giúp vua Huỳnh Đế và những người hiền tài trong nước, như giúp Hoàng Hậu Nguyên Phi chế ra nghề nuôi tằm lấy tơ dệt lụa, giúp ông Dung Thành chế ra máy Cai Thiên để xem Thiên tượng, giúp ông Thương Hiệt chế ra chữ viết tượng hình để thay cho việc thắt nút ghi nhớ các sự việc.

Ngoài ra Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ truyền khoa Lục Nhâm Độn Giáp, và phép bói 64 quẻ Dịch mà đoán kiết hung.

Trong buổi Lễ Hội Yên DTC lần đầu tiên tổ chức tại nhà Ngai Cao Quỳnh Cư ở số 134 đường Bourdais Sài Gòn vào Trung Thu năm Ất Sửu (1925), Đức Phật Mẫu cùng Cửu Vị Tiên Nương giáng cơ, mỗi vị cho một bài thi, mà bài thi của Đức Phật Mẫu khoán thủ bốn chữ: Cửu Thiên Huyền Nữ, chép ra như sau:

CỬU kiếp Hiên Viên thọ sắc Thiên,
THIÊN Thiên cửu phẩm đặc cao huyền.
HUYỀN hư tác thể Thần Tiên Nữ,
NỮ hảo thiện căn đoạt cửu Thiên.

Viết ra Hán văn:

九劫軒轅受敕天
 天天九品得高玄
 玄虛作世神仙女
 女好善根奪九天。

Nghĩa là:

Đức Phật Mẫu thọ sắc lệnh của Đức Chí Tôn giáng trần kiếp thứ 9 vào thời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Tàu, Nơi cõi Trời, Cửu phẩm Thần Tiên đều cao siêu và huyền diệu.

Đức Phật Mẫu huyền diệu nơi cõi Hư Vô tạo ra các cõi trần và các Đấng Thần Tiên Nữ phái,

Người phụ nữ nào có lòng tốt và có căn lành thì đoạt đặng phẩm vị trong 9 tầng Trời.

DTC: Diêu Trì Cung.

Cửu Thiên Khai Hóa

九天開化

Cửu: Chín, thứ chín. **Thiên:** tầng Trời. **Khai:** mở. **Hóa:** giáo hóa.

Cửu Thiên là 9 tầng Trời.

Khai hóa là mở ra giáo hóa nhưn sanh.

Cửu Thiên Khai Hóa là chỉ các Đấng thiêng liêng trong Cửu phẩm Thần Tiên có nhiệm vụ mở ra Cửu Trùng Thiên và giáo hóa nhưn sanh.

Đức Chí Tôn lập CTĐ có 9 phẩm Chức sắc theo trật tự đối phẩm với 9 phẩm của Cửu Thiên Khai Hóa. Như vậy, CTĐ được xem là hình ảnh của Cửu Thiên Khai Hóa nơi cõi trần.

Sự đối phẩm của Chức sắc CTĐ với các Đấng trong Cửu Thiên Khai Hóa như sau:

CỬU TRÙNG ĐÀI**CỬU THIÊN KHAI HÓA**

| | | |
|----------------------|-----------------|-------------|
| 1. Đạo hữu | <i>đối phẩm</i> | Địa Thần |
| 2. Chức Việc BTS | <i>đối phẩm</i> | Nhơn Thần |
| 3. Lễ Sanh | <i>đối phẩm</i> | Thiên Thần |
| 4. Giáo Hữu | <i>đối phẩm</i> | Địa Thánh |
| 5. Giáo Sư | <i>đối phẩm</i> | Nhơn Thánh |
| 6. Chánh PS, Phối Sư | <i>đối phẩm</i> | Thiên Thánh |
| 7. Đầu Sư | <i>đối phẩm</i> | Địa Tiên |
| 8. Chưởng Pháp | <i>đối phẩm</i> | Nhơn Tiên |
| 9. Giáo Tông | <i>đối phẩm</i> | Thiên Tiên. |

Đạo Cao Đài mở ra ba con đường tu cho nhơn sanh đắc đạo để lập vị mình nơi cõi TLHS. Ba con đường ấy là:

- Lập công nơi CTĐ, tiến hoá theo các phẩm Chức sắc CTĐ tức là lập vị theo phẩm trật trong Cửu Thiên Khai Hóa.
- Lập công nơi CQPT, tiến hóa theo các phẩm Chức sắc CQPT tức là lập vị theo Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng.
- Tu chơn, luyện đạo trong Tịnh Thất, đắc thành Tiên Phật tại thế.

TĐ ĐPHP: "Các chơn hồn mượn xác phàm phải đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa, tức là theo Hội Thánh CTĐ, dùng tài sức mình lập công để đoạt đạo, nghĩa là phải đi từ bậc Đạo hữu lên Lễ Sanh, Giáo Hữu, Giáo Sư,... .., phải lập công từ Tiểu thừa, Trung thừa đến Thượng thừa, phải ăn chay từ 6 ngày mỗi tháng đến 10 ngày, rồi ăn chay trường luôn.

Các chơn hồn đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa còn phải có tự tín, rồi tha tín, tức là tự giác nhi giác tha đó vậy. Có tự tín rồi tha tín, tức là có tự độ mình rồi độ chúng sanh.

Đạo Cao Đài khác các nền tôn giáo khác ở chỗ đó. Trước hết phải độ mình, độ gia đình mình, rồi độ ngoài thân tộc, tức là độ cả nhơn loại vậy.

Mình phải học để hiểu Đạo, hiểu Đạo rồi nói sao cho thân tộc mình hiểu Đạo. Chẳng những nói Đạo cho thân tộc mình biết mà thôi, mà phải nói Đạo cho toàn nhơn loại nữa.

Mình học để biết Đạo là Lập Đức, nói Đạo cho thân tộc mình biết là Lập Công, độ toàn nhơn loại là Lập Ngôn. Có làm đủ ba điểm đó mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa.

Cả thầy đều biết qua CTĐ này là Cửu Thiên Khai Hóa.

Chúng ta khi vào đại điện của Đức Chí Tôn tức là Cửu Trùng Thiên đó, đứng trong hàng phẩm Cửu Thiên Khai Hóa, có trật tự, phẩm vị, quyền hành, hạng thứ, nên phải mặc Thiên phục vào chầu.

CTĐ là chơn tướng của Cửu Thiên Khai Hóa, tức là cơ hữu vi của CKVT, do Cửu Thiên Khai Hóa tạo thành."

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Cửu Tiên

九仙

A: Nine Fairies, nine Muses.

P: Neuf Fées, neuf Muses.

Cửu: Chín, thứ chín. **Tiên:** vị Tiên.

Cửu Tiên là nói tắt Cửu vị Tiên Nương, là chín vị Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung. (Xem: Cửu vị Tiên Nương).

PMCK: Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn chưởng Âm.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Cửu tiêu

九霄

Cửu: Chín, thứ chín. **Tiêu:** từng mây.

Cửu tiêu là chín từng mây, ý nói chín từng Trời.

Cửu tiêu là từ ngữ của đạo Tiên. Những từng Trời trong Cửu tiêu có tên gọi khác với các từng trong Cửu Trùng Thiên.

Cửu tiêu gồm:

Thần tiêu, Thanh tiêu, Bích tiêu,

Linh tiêu, Đan tiêu, Cảnh tiêu,

Ngân tiêu, Tử tiêu, Vân tiêu.

Cửu Trùng Đài

九重臺

A: Palace of nine divine planes. Palace of nine degrees of the evolution. Palace of nine degrees of the Episcopal Hierachy.

P: Palais de neuf plans divins. Palais de neuf degrés de l'évolution. Palais de neuf degrés de la Hiérarchie Épiscopale.

Cửu: Chín, thứ chín. **Trùng:** từng, lớp. **Đài:** tòa nhà cao lớn.

Cửu Trùng Đài, theo từ ngữ, có nghĩa là tòa nhà cao lớn có chín bậc, nhưng về phương diện Đạo thì Cửu Trùng Đài có ý nghĩa rất rộng. Chúng ta lần lượt xem xét sau đây:

- I. **TỔNG QUÁT**
- II. **HỆ THỐNG CHỨC SẮC CTĐ**
 - A. Cửu Trùng Đài Nam phái
 - B. Cửu Trùng Đài Nữ phái
- III. **TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH ĐẠO CTĐ**
 - A. Hành Chánh Đạo CTĐ Nam phái
 - B. Hành Chánh Đạo CTĐ Nữ phái
 - C. Cơ quan Phổ Tế
 - D. Cơ quan Truyền giáo Hải Ngoại

IV. CÁC CHỨC SẮC ĐẠI THIÊN PHONG ĐẦU TIÊN CỦA CTĐ

1. Giáo Tông
2. Chương Pháp
3. Đầu Sư
4. Nữ Đầu Sư

I. TỔNG QUÁT:

Đức Chí Tôn Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút mở ĐĐTĐ từ năm Bính Dần (1926) với hình thể gồm ba đài:

- Cửu Trùng Đài là phần Hữu hình, thuộc về Đời, là xác thể của Đạo.
- Hiệp Thiên Đài là phần Bán Hữu hình, thuộc về nửa Đời nửa Đạo, là chơn thần của Đạo.
- Bát Quái Đài là phần Vô hình, thuộc về Đạo, là linh hồn của Đạo.

Thể xác nhờ chơn thần mà liên lạc với linh hồn thì CTĐ cũng phải nhờ HTĐ mà thông công với BQĐ.

Linh hồn nhờ chơn thần mà ra lệnh cho thể xác thì BQĐ cũng phải nhờ HTĐ (phò cơ) mà ra lệnh cho CTĐ thi hành.

Ba Đài này phải có đủ thì nền Đạo mới hoàn toàn.

CTĐ là tòa ngự của chư Chức sắc Thiên phong, thay mặt Chí Tôn, phổ độ nhơn sanh đem vào cửa Đạo, giáo hóa cho trở nên lành, dẫn dắt từ từ tiến lên đường tu, để cuối cùng đạt được phẩm vị cao trọng, trở về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn.

Cho nên phận sự quan trọng nhứt của CTĐ là phổ độ và giáo hóa nhơn sanh. Do đó, phẩm tước Chức sắc CTĐ thường có chữ GIÁO hay chữ SƯ, thí dụ như: Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư, Đầu Sư, Giáo Tông.

CTĐ là hình ảnh của Cửu Trùng Thiên tại thế, nên Chức sắc CTĐ là hình ảnh của các Đấng Cửu Thiên Khai Hóa, tức là hình ảnh của Cửu phẩm Thần Tiên nơi cõi thiêng liêng.

Cửu phẩm Thần Tiên cầm quyền cai trị thế giới thì Chức sắc CTĐ cầm quyền Chánh Trị Đạo nơi tay, cứu độ và dìu dắt nhơn sanh trở về cùng Đức Chí Tôn.

Các chơn linh nơi địa cầu 68 này trong thời ĐĐTKPD đều phải đi vào cửa CTĐ lập công để đạt được phẩm vị giả trạng hữu hình (là phẩm vị Chức sắc) thì mới mong lập được phẩm vị thiết thọ vĩnh cửu nơi cõi thiêng liêng.

Cho nên, Đức Phạm Hộ Pháp có nói rằng: "Chẳng vào cửa Đạo hiệp cùng Cửu Trùng Đài thì chẳng đi đường nào khác mà vào Cửu Trùng Thiên cho đặng."

Kinh Giải Oan: "Nhập Thánh Thể dò đường cựu vị."

Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam phái được Đức Chí Tôn lập ngay sau đại lễ Khai Đạo tại Chùa Gò Kén đêm 15 rạng 16-10-Bính Dần (dl 19/20-11-1926).

Ngày 9-Giêng-Đinh Mão (dl 10-2-1927), Đức Chí Tôn giao cho Đức Lý Thái Bạch, Nhứt Trần Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD, lập Pháp Chánh Truyền CTĐ Nữ phái.

II. HỆ THỐNG CHỨC SẮC CTĐ:

Điểm đặc biệt của các tổ chức trong Đạo Cao Đài là phân ra riêng biệt hai phái: phái Nam và phái Nữ, nhiệm vụ và quyền hạn của hai phái giống nhau, nhưng phái nào thì điều hành riêng phái nấy mà thôi.

A. Cửu Trùng Đài Nam phái:

Đức Chí Tôn lập CTĐ có chín bậc làm hình ảnh cho Cửu Trùng Thiên, nên Chức sắc CTĐ có 9 phẩm cấp tương ứng với Cửu phẩm Thần Tiên:

Sự đối phẩm như sau:

**Bảng đối phẩm Chức sắc CTĐ
và Cửu phẩm Thần Tiên**

| PHẨM | Anh văn | Pháp văn | ĐỐI PHẨM |
|-------------|-----------------|------------------|------------|
| Giáo Tông | Pope | Pape | Thiên Tiên |
| Chưởng Pháp | Legist Cardinal | Cardinal Légiste | Nhơn Tiên |
| Đầu Sư | Cardinal | Cardinal | Địa Tiên |

| | | | |
|--|-------------------------------------|---------------------------------|-------------|
| Chánh Phối Sư Phối Sư | Principal Archbis. Archbishop | Archev. principal Archevêque | Thiên Thánh |
| Giáo Sư | Bishop | Évêque | Nhơn Thánh |
| Giáo Hữu | Priest | Prêtre | Địa Thánh |
| Lễ Sinh | Student-Priest | Élève-Prêtre | Thiên Thần |
| Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự | Minor dignitaries | Petits dingitaires | Nhơn Thần |
| Đạo hữu | Adept | Adepté | Địa Thần |

Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ kỳ này chọn đến:

- Nhứt Phật là 1 Giáo Tông.
- Tam Tiên là 3 Đầu Sư.
- Tam thập lục Thánh là 36 Phối Sư.
- Thất thập nhị Hiền là 72 Giáo Sư.
- Tam thiên Đò đệ là 3 000 Giáo Hữu.

Đó là những con số mà Đức Chí Tôn qui định, không được thay đổi, thêm hay bớt.

Phẩm Giáo Tông chương quản CTĐ chỉ có 1 vị, còn các phẩm Chức sắc khác từ Chương Pháp xuống Lễ Sinh đều được chia ra ba phái: Thái, Thượng, Ngọc, noi theo Tam giáo.

- Phái Thái là phái Phật giáo, mặc Đạo phục màu vàng.
- Phái Thượng là phái Lão giáo hay Tiên giáo, mặc Đạo phục màu xanh.
- Phái Ngọc là phái Nho giáo, mặc Đạo phục màu đỏ.
- Đức Giáo Tông thì mặc Đạo phục toàn trắng, vì màu trắng là gốc của các màu, từ màu trắng mới phân ra các màu: Vàng, xanh, đỏ, v.v...
- Phẩm Chương Pháp có ba vị chia ra ba phái: Thái, Thượng, Ngọc. Đặc biệt Thượng Chương Pháp mặc Đạo phục màu trắng giống như Đức Giáo Tông, vì Ngài thay thế Đức Giáo Tông khi Giáo Tông vắng mặt. Còn

hai vị Chưởng Pháp hai phái Thái và Ngọc thì mặc Đạo phục theo màu của phái mình.

- Phẩm Đầu Sư có ba vị, mỗi phái 1 vị.
- Phẩm Phối Sư có 36 vị, chia ra mỗi phái 12 vị. Trong 12 vị của mỗi phái, Đức Giáo Tông chọn một vị đứng đầu gọi là Chánh Phối Sư, còn lại 11 vị kia là Phối Sư.
- Phẩm Giáo Sư có 72 vị, chia ra mỗi phái 24 vị.
- Phẩm Giáo Hữu có 3000 vị, chia ra mỗi phái 1000 vị.
- Phẩm Lễ Sanh thì không hạn định số lượng, nhiều bao nhiêu cũng được tùy theo sự mở rộng nền Đạo.
- Ba phẩm Chức Việc Bàn Trị Sự: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự cũng không hạn định số lượng. (**Xem Biểu đồ Hệ Thống Chức sắc CTĐ**).

B. CỬU TRÙNG ĐÀI NỮ PHÁI:

Bên CTĐ Nữ phái, chỉ có 7 phẩm Chức sắc từ phẩm cao nhất là Nữ Đầu Sư xuống đến hàng Nữ Đạo hữu. Chức sắc Nữ phái không phân chia ra 3 nhóm: Thái, Thượng, Ngọc như bên Nam phái, và Đạo phục của Nữ phái thì toàn dùng màu trắng từ trên xuống dưới.

Chức sắc CTĐ Nữ phái chỉ có 1 vị Nữ Đầu Sư và 1 vị Nữ Chánh Phối Sư, còn các phẩm Chức sắc cấp dưới khác thì không hạn định số lượng như bên Nam phái.

Như vậy, Chức sắc Nữ phái CTĐ, chỉ hạn định số lượng nơi hai phẩm: Nữ Đầu Sư 1 vị và Nữ Chánh Phối Sư 1 vị.

Tại sao Nữ phái CTĐ bị truất hai phẩm: Chưởng Pháp và Giáo Tông? Đức Phạm Hộ Pháp giải thích trong Pháp Chánh Truyền Chú giải như sau:

"C.G: Hội Thánh Nữ phái phải tòng quyền Đầu Sư Nữ phái, song cả thầy đều phải tòng quyền Giáo Tông và Chưởng Pháp.

Xem rõ lại thì Pháp Chánh Truyền truất quyền Nữ phái không cho lên địa vị Chưởng Pháp và Giáo Tông.

Hộ Pháp để lời phân phiên cùng Thầy như vậy:

- Thừa Thầy, Thầy đã nói con cũng đồng con, nam nữ vốn như nhau mà Thầy truat quyền của Nữ phái không cho lên địa vị Chưởng Pháp và Giáo Tông thì con e mất lễ công bình chẳng?

Thầy dạy:

- Thiên Địa hữu Âm Dương, Dương thanh tác sanh, Âm thanh tác tử, cả Càn khôn Thế giới nhờ Dương thanh mới bền vững, cả chúng sanh sống bởi Dương quang; ngày nào mà Dương quang tuyệt, Âm khí lầy lừng, ấy là ngày Càn khôn Thế giới phải chịu trong hắc ám mà bị tiêu diệt. Nam ấy Dương, Nữ ấy Âm, nếu Thầy cho Nữ phái cầm quyền Giáo Tông làm chủ nền Đạo thì là Thầy cho Âm thắng Dương, nền Đạo ắt bị tiêu tàn ám muội.

Hộ Pháp lại kêu nài nữa rằng:

- Thầy truat quyền Giáo Tông của Nữ phái đã đành, song quyền Chưởng Pháp thì tưởng dầu ban cho cũng chẳng hại.

Thầy dạy:

- Chưởng Pháp cũng là Giáo Tông, mà còn trọng hệ hơn là vì người thay mặt cho Hộ Pháp nơi CTĐ. Thầy đã chẳng cho ngồi địa vị Giáo Tông thì lẽ nào cho ngồi địa vị Hộ Pháp con. Bởi chịu phận rủi sanh nên cam phận thiệt thòi, lẽ Thiên cơ định, Thầy chỉ trông cậy con để dạ thương yêu binh vực thay Thầy, kéo tội nghiệp."

Đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh đêm 15-11-Tân Hợi (dl 01-01-1973), Phò loan: Hiến Pháp - Khai Đạo, Đức Lý Thái Bạch giảng cơ. Ngài Hiến Đạo bạch:

- Cầu xin Đức Ngài từ bi chỉ giáo số Chức sắc Nữ phái CTĐ từ phẩm Phối Sư xuống Giáo Hữu, mỗi phẩm có bao nhiêu vị?

Đức Lý đáp: - Vô định.

Như vậy, Nữ phái CTĐ tuy không được lên hai phẩm Giáo Tông và Chưởng Pháp, nhưng lại được đặc ân là số lượng Chức sắc Nữ phái từ Phối Sư xuống Lễ Sanh không bị giới hạn, nghĩa là nhiều bao nhiêu cũng được. Do đó việc thăng phẩm Chức sắc CTĐ Nữ phái không bị bó buộc vì số lượng, nghĩa là khi có đủ công nghiệp thì được thăng phẩm; không

như bên Nam phái CTĐ, thí dụ như nếu số lượng Giáo Hữu đã đủ 3000 vị rồi thì số Lễ Sanh dù có đủ công nghiệp cũng chưa thể lên Giáo Hữu được, phải chờ đợi khi nào có một vị Giáo Hữu nghỉ hưu hay qui vị, chỗ đó khuyết thì mới được cử một vị Lễ Sanh lên Giáo Hữu đặng thay thế.

III. TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH ĐẠO CTĐ:

Sự tổ chức bắt đầu từ dưới lên trên. Nền móng của Hành Chánh Đạo CTĐ là Hương Đạo. Nhiều Hương Đạo hợp thành Tộc Đạo (hay Họ Đạo), nhiều Tộc Đạo hợp thành Châu Đạo, nhiều Châu Đạo hợp thành Trấn Đạo.

Các Trấn Đạo liên lạc trực tiếp với Cửu Viện.

Từ Trấn Đạo trở xuống thuộc về Hành Chánh Đạo địa phương, còn từ Cửu Viện trở lên là Hành Chánh Đạo Trung ương đặt tại Tòa Thánh Tây Ninh, cầm quyền nền Đạo.

Hành Chánh Đạo CTĐ chia hai riêng biệt: Nam phái và Nữ phái. Mỗi phái chỉ điều khiển riêng phái mình mà thôi.

A. Hành Chánh Đạo CTĐ Nam phái:

Đơn vị Hành Chánh Đạo nhỏ nhất là Hương Đạo.

Hiện nay số tín đồ của Đạo Cao Đài còn ít nên lấy số tín đồ ở trong một xã làm Hương Đạo. Khi số tín đồ đông hơn thì sẽ lấy số tín đồ trong một Ấp làm Hương Đạo.

Đứng đầu Hương Đạo là vị Đầu Hương Đạo, phẩm Chánh Trị Sự. Mỗi Hương Đạo được chia ra làm nhiều Ấp Đạo. Đứng đầu mỗi Ấp Đạo là 2 vị: 1 Phó Trị Sự và 1 Thông Sự. Phó Trị Sự coi về hành chánh và Thông Sự coi về luật pháp.

Nếu Hương Đạo ấy có 4 Ấp Đạo thì số Chức Việc Bàn Trị Sự của Hương Đạo ấy có 9 vị, kể ra:

1 Chánh Trị Sự (正治事)

4 Phó Trị Sự (副治事)

4 Thông Sự. (通事)

Đứng đầu một Tộc Đạo (Họ Đạo) là một vị Đầu Tộc Đạo, phẩm Lễ Sanh, do Hội Thánh bổ nhiệm.

Đứng đầu một Châu Đạo là một vị Khâm Châu Đạo, phẩm Giáo Hữu, do Hội Thánh bổ nhiệm.

Đứng đầu một Trấn Đạo là một vị Khâm Trấn Đạo, phẩm Giáo Sư, cũng do Hội Thánh bổ nhiệm.

Các Khâm Trấn Đạo nhận lệnh trực tiếp từ Cửu Viện Trung Ương Tòa Thánh, do 3 vị Chánh Phối Sư cầm quyền.

Cửu Viện là 9 Viện gồm: Hòa Viện, Lại Viện, Lễ Viện, Học Viện, Y Viện, Nông Viện, Hộ Viện, Lương Viện, Công Viện. Mỗi Viện có nhiệm vụ chuyên môn đặc biệt. (Xem chi tiết nơi chữ: Cửu Viện).

Đứng đầu mỗi Viện là một vị Thượng Thống, phẩm Phối Sư, có một hay hai vị Phụ Thống giúp việc.

CTĐ Nam phái có 3 Chánh Phối Sư nên mỗi vị điều khiển 3 Viện:

- Ngọc Chánh Phối Sư điều khiển 3 Viện: Hòa, Lại, Lễ.
- Thượng Chánh Phối Sư điều khiển 3 Viện: Học, Y, Nông.
- Thái Chánh Phối Sư điều khiển 3 Viện: Hộ, Lương, Công.

Ba vị Chánh Phối Sư từng quyền Ba vị Đầu Sư.

Ba vị Đầu Sư từng quyền 3 vị Chưởng Pháp và Đức Giáo Tông. Đức Giáo Tông chưởng quản CTĐ cả Nam và Nữ phái. (Xem Biểu đồ Tổ chức Hành Chánh Đạo CTĐ)

B. Hành Chánh Đạo CTĐ Nữ phái:

Tổ chức Hành Chánh Đạo CTĐ Nữ phái giống hệt và song song với Hành Chánh Đạo Nam phái, từ cấp địa phương cho đến cấp trung ương, nhưng chỉ hoạt động về bên Nữ phái mà thôi.

Cấp cao nhất của Hành Chánh Đạo Nữ phái chỉ có 1 Nữ Đầu Sư và 1 Nữ Chánh Phối Sư cai quản Cửu Viện Nữ phái.

Nữ Chánh Phối Sư từng quyền Nữ Đầu Sư và Nữ Đầu Sư thì từng quyền ba vị Chưởng Pháp và Đức Giáo Tông.

Sự tổ chức các cơ quan Hành Chánh Đạo riêng biệt cho Nam phái và Nữ phái thể hiện sự phân quyền rõ rệt và sự bình

đăng giữa Nam phái và Nữ phái. Đây là một nét đặc biệt của Đạo Cao Đài mà các tôn giáo khác không có.

C. Cơ quan Phổ Tế:

Hành Chánh Đạo CTĐ có tổ chức một cơ quan đặc biệt có nhiệm vụ truyền Đạo ở trong nước, gọi là Cơ quan Phổ Tế.

Cơ quan Phổ Tế được thành lập theo Đạo Luật năm Mậu Dần (1938), được Hội Thánh ban hành vào ngày 16-Giêng-Mậu Dần (dl 16-2-1938). (Xem chi tiết nơi chữ: **Phổ Tế**)

D. Cơ quan Truyền giáo Hải Ngoại:

Cơ quan Truyền giáo Hải Ngoại được Đức Chí Tôn giao cho Đức Hộ Pháp thành lập tại Nam Vang vào tháng 4 năm Đinh Mão (1927) khi Đức Hộ Pháp lên làm việc ở Nam Vang.

Cơ quan Truyền giáo Hải Ngoại (Mission étrangère) đầu tiên được gọi là Hội Thánh Ngoại giáo, Giáo Sư Thượng Bảy Thanh (Lê Văn Bảy) được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại giáo, chịu dưới quyền chỉ huy thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, mà Đức Chí Tôn đã phong cho Ngài làm Chương Đạo cầm quyền Hội Thánh Ngoại giáo. (Xem chi tiết nơi chữ: **Hội Thánh Ngoại giáo, vàn H**).

- Quyền hành của mỗi phẩm cấp Chức sắc CTĐ, - Đạo phục của Chức sắc, - Luật công cử: (xin đọc giả xem trong quyển Pháp Chánh Truyền, có Đức Phạm Hộ Pháp chú giải rất rõ ràng, ở đây khỏi phải lập lại).

- Luật Cầu phong và Cầu thăng: (xem trong Đạo Luật năm Mậu Dần 1938).

IV. CÁC CHỨC SẮC ĐẠI THIÊN PHONG ĐẦU TIÊN CỦA CTĐ:

1. Giáo Tông:

Phẩm Giáo Tông, Đức Chí Tôn dành sẵn cho Ngài Ngô Văn Chiêu, vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, đã được Đức Chí Tôn dạy Đạo từ năm Tân Dậu (1921) tại Hà Tiên.

Đức Chí Tôn kêu Bà Hương Hiếu (hiên nội của Ngài Cao Quỳnh Cư) may một bộ Thiên phục Giáo Tông dành cho Ngài Ngô Văn Chiêu mặc trong ngày tấn phong Giáo Tông là ngày

Khai Đạo Cao Đài tại Thánh Thất tạm đặt tại Chùa Gò Kén, 15-10-Bính Dần (1926). Nhưng đến ngày Khai Đạo, Ngài Ngô Văn Chiêu không đến dự, nên mất ngôi.

Sau đó, Đức Chí Tôn giao chức vụ Giáo Tông cho Đức Lý Thái Bạch, Nhứt Trần Oai Nghiêm, kiêm nhiệm nên gọi Ngài là: Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ.

Ngày 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930), Đức Lý Giáo Tông ban cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê văn Trung) cầm quyền Giáo Tông tại thế để điều hành nền Đạo cho được mau chóng, còn quyền Giáo Tông thiêng liêng vẫn do Đức Lý nắm giữ, nên gọi Ngài Thượng Trung Nhựt là Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung.

(Xem tiểu sử và công nghiệp của Đức Lý Giáo Tông nơi chữ: **Lý Thái Bạch [văn L]**; của Ngài Lê văn Trung nơi chữ: **Quyền Giáo Tông [văn Q]**; và của Ngài Ngô Văn Chiêu nơi chữ: **Ngô Văn Chiêu [văn Ng]**)

2. Chưởng Pháp:

■ Thái Chưởng Pháp: Hòa Thượng Như Nhãn, Thiên phong ngày 29-7-Bính Dần. (Xem tiểu sử nơi chữ **Chưởng Pháp**)

■ Thượng Chưởng Pháp: Ngài Nguyễn Văn Tương, Lão Sư của phái Minh Sư, thọ Thiên phong ngày 24-7-Bính Dần. (Xem tiểu sử nơi chữ **Chưởng Pháp, văn Ch**)

■ Ngọc Chưởng Pháp: Ngài Thái Lão Sư Trần Văn Thụ, phái Minh Đường chùa Vĩnh Nguyên Tự, thọ Thiên phong ngày 10-9-Bính Dần. Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ đăng Tiên ngày 14-5-Đinh Mão (dl 13-6-1927). Sau đó, Đức Chí Tôn phong Ngài Thái Lão Sư Trần Đạo Quang vào chức Ngọc Chưởng Pháp. (Xem tiểu sử nơi chữ **Chưởng Pháp, văn Ch**)

3. Đầu Sư:

Ba vị Đầu Sư đầu tiên được Đức Chí Tôn phong là:

- Thượng Đầu Sư: Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung)
- Ngọc Đầu Sư: Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch).

■ Thái Đầu Sư: Thái Minh Tinh (Hòa Thượng Thiện Minh, học trò của Hòa Thượng Như Nhãn).

Ngài Thái Minh Tinh không hành Đạo, bị Đức Lý Thái Bạch cách chức ngày 12-12-Bính Dần, và Đức Chí Tôn phong Ngài Dương Văn Nương thế vào chức vụ ấy, gọi Ngài là Thái Đầu Sư Thái Nương Tinh.

Chỉ có 3 vị Đầu Sư đầu tiên mới có Thánh danh mang 3 chữ: Nhật, Nguyệt, Tinh. Các vị Đầu Sư tiếp sau đều mang Thánh danh theo Tịch Đạo.

Ngày 17-2- Quý Dậu (1933), 3 vị Chánh Phối Sư ba phái được Đức Chí Tôn thăng lên phẩm Đầu Sư, kể ra:

- Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ).
- Thượng Đầu Sư ThượngTươngThanh (Ng. Ngọc Tương)
- Ngọc Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang).

(Xem tiểu sử quý Ngài Đầu Sư kể trên nơi chữ: Đầu Sư, vấn Đ)

4. Nữ Đầu Sư:

Từ ngày Khai Đạo năm 1926 đến năm 1975, Đạo Cao Đài có 3 vị Nữ Đầu Sư:

- Nữ Đầu Sư Hương Thanh (Lâm Ngọc Thanh). Bà là vị Nữ Chánh Phối Sư đầu tiên của Đạo Cao Đài, sau khi qui vị được truy thăng lên phẩm Nữ Đầu Sư, được Hội Thánh đúc tượng nơi mặt tiền Tòa Thánh, phía bên Nữ phái.

- Nữ Đầu Sư Hương Hiếu (Nguyễn Thị Hiếu). Bà được Thiên phong Chánh vị Nữ Đầu Sư ngày 24-10-Mậu Thân (dl 13-12-1968).

- Nữ Đầu Sư Hàm Phong Hương Lự (Hồ Thị Lự). Bà đắc phong Nữ Đầu Sư Hàm phẩm trong một đàn cơ tại Cung Đạo cùng một lượt với Bà Hương Hiếu (Thiên phong Nữ Đầu Sư chánh vị).

(Xem tiểu sử của ba vị Nữ Đầu Sư nơi chữ Nữ Đầu Sư, vấn N)

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

BQĐ: Bát Quái Đài. **HTĐ:** Hiệp Thiên Đài. **CTĐ:** Cửu Trùng Đài.

Cửu Trùng Thiên

九重天

A: Nine celestial planes; Nine heavens.

P: Neuf plans célestes; Neuf cieux.

Cửu: Chín, thứ chín. **Trùng:** Từng, lớp. **Thiên:** Trời.

Chúng ta có 2 trường hợp:

- Cửu Trùng Thiên là 9 tầng Trời nơi cõi thiêng liêng,
- Cửu Trùng Thiên là cái đài hình 8 cạnh có 9 tầng đặt tại sân Đại Đồng Xã trước Tòa Thánh Tây Ninh.

1. Cửu Trùng Thiên nơi cõi thiêng liêng:

Cửu Trùng Thiên là chín tầng Trời nơi cõi thiêng liêng.

KHH: Góc Cực Lạc theo hườn Xá lợi,

Cửu Trùng Thiên mở lối qui nguyên.

Tên của mỗi tầng Trời trong Cửu Trùng Thiên được định rõ trong 9 bài Kinh Tuần Cửu, từ Nhứt Cửu đến Cửu Cửu, kể ra sau đây từ thấp dần lên cao:

- **Tầng Trời thứ 1:** trên tầng Trời này có Vườn Ngạn Uyển do Nhứt Nương DTC cai quản.
- **Tầng Trời thứ 2:** trên tầng Trời này có Vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu do Nhị Nương cai quản.
- **Tầng Trời thứ 3:** tên gọi là Thanh Thiên.
- **Tầng Trời thứ 4:** Huỳnh Thiên.
- **Tầng Trời thứ 5:** Xích Thiên.
- **Tầng Trời thứ 6:** Kim Thiên.
- **Tầng Trời thứ 7:** Hạo Nhiên Thiên, do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát cai quản.
- **Tầng Trời thứ 8:** Phi Tường Thiên, do Đức Từ Hàng Bồ Tát cai quản.
- **Tầng Trời thứ 9:** Tạo Hóa Thiên, do Đức Phật Mẫu cai quản và Đức Phật Mẫu chưởng quản tất cả 9 tầng Trời của Cửu Trùng Thiên.

Việc giải thích Cửu Trùng Thiên căn cứ trên 9 bài Kinh Tuần cửu hoàn toàn phù hợp với 4 điều kể ra sau đây:

1. Phù hợp với Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp:

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nhiều lần xác định Tạo Hóa Thiên là từng Trời thứ 9 trong Cửu Trùng Thiên.

Trong quyển I Thuyết đạo Đức Hộ Pháp, trang 64, Ngài giải thích bài Phật Mẫu Chơn Kinh tại Cửu Long Đài trước Báo Ân Từ lúc 4 giờ chiều ngày 15-8-Đinh Hợi (1947) xin chép ra:

"Từng Trời thứ chín gọi là Tạo Hóa Thiên có vị cầm quyền năng tạo đóa gọi là Thiên Hậu, nắm cả Kim Bàn, tức là nắm đẳng cấp thiêng liêng điều khiển chơn linh gọi là Phật Mẫu Diêu Trì."... ..

2. Phù hợp với 2 danh hiệu của Đức Phật Mẫu:

Đức Phật Mẫu có hai danh hiệu: Cửu Thiên Huyền Nữ và Cửu Thiên Nương Nương.

Chữ Cửu Thiên có nghĩa là từng Trời thứ 9.

Cửu Thiên Huyền Nữ, theo từ ngữ, có nghĩa là: Người phụ nữ huyền diệu nơi từng Trời thứ 9.

Cửu Thiên Nương Nương là Bà Thiên Hậu ở từng Trời thứ 9, đó là từng Trời Tạo Hóa Thiên.

3. Trong Tang lễ của Chức sắc hàng Tiên Vị, liên đài được đặt trên Cửu Trùng Thiên nơi Đại Đồng Xã:

Các Chức sắc Đại Thiên phong bên CTĐ từ phẩm Đầu Sư đổ lên, hay bên HTĐ từ phẩm Thập nhị Thời Quân đổ lên, khi dâng Tiên, thể xác được liệm vào liên đài.

"Liên đài được quàn tại biệt điện của mỗi vị một đêm, Báo Ân Từ một đêm, Đền Thánh một đêm, và Cửu Trùng Thiên một đêm. Hội Thánh sẽ cử hành Lễ Tiểu Tường, Đại Tường, kỷ niệm hằng năm và xây tháp. Không có làm Tuần Cửu và hành pháp Độ Thăng." *(Trích trong Quan Hôn Tang Lễ 1976)*

Chúng ta để ý, trong nghi thức tế lễ này, liên đài được đặt trên Cửu Trùng Thiên ở Đại Đồng Xã, không làm Tuần Cửu, chỉ làm Tiểu Tường và Đại Tường, không hành pháp Độ Thăng.

Điều này cho chúng ta biết rằng: Chức sắc hàng Tiên vị thì đã có đủ công đức để chơn thần vượt lên khỏi Cửu Trùng Thiên (*mới được ngồi trên Cửu Trùng Thiên*) nên không cần phải làm Tuần Cửu và Phép Độ thăng.

Hội Thánh làm Lễ Tiểu Tường, tức là đưa linh hồn lên từng Trời Hư Vô Thiên. Vậy Hư Vô Thiên phải ở phía trên Cửu Trùng Thiên, chớ không thể ở trong Cửu Trùng Thiên được, và chính đó là từng Trời thứ 10.

Vậy, Hư Vô Thiên là từng Trời thứ 10, nằm bên trên Cửu Trùng Thiên. Theo Di Lạc Chơn Kinh, từng Trời Tạo Hóa Thiên ở ngay bên dưới Hư Vô Thiên, nên Tạo Hóa Thiên là từng Trời thứ 9 trong Cửu Trùng Thiên.

4. Thập nhị Thiên: 12 từng Trời.

Theo bài ghi thuật lại cuộc lễ đặt khuôn tượng Tam Thánh và Đức Phạm Hộ Pháp trấn Thần tượng Tam Thánh nơi Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Hộ Pháp có nói: *"Bây giờ chúng ta chỉ thông công với các Đấng trong Cửu Thiên Khai Hóa, rồi đây, cũng có ngày Bản đạo kêu lên Đức Di-Lạc ở từng thứ 11 chưa biết chừng, khi ấy sẽ phải dùng đến 11 cây nhang, chớ không phải 9 cây nữa."*

Vậy thì Đức Di Lạc Vương Phật ở từng Trời thứ 11.

Theo Di Lạc Chơn Kinh, hai từng Trời: Hỗn Nguơn Thiên và Hội Nguơn Thiên do Đức Di Lạc Vương Phật chưởng quản, nên từng Trời thứ 11 chính là Hội Nguơn Thiên và Hỗn Nguơn Thiên là từng Trời thứ 12.

Tóm lại:

- Bên dưới là Cửu Trùng Thiên (9 từng Trời)
- Kế trên là từng Trời thứ 10: Hư Vô Thiên, do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chưởng quản.
- Kế tiếp là từng Trời thứ 11: Hội Nguơn Thiên.
- Trên hết là từng Trời thứ 12: Hỗn Nguơn Thiên.

Hai từng Trời 11 và 12 do Đức Di-Lạc chưởng quản.

12 từng Trời ấy được gọi chung là Thập nhị Thiên. Trong Thập nhị Thiên có Cửu Trùng Thiên.

Các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật khai hóa Cửu Trùng Thiên được gọi là Cửu Thiên Khai Hóa.

Các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật khai mở Thập nhị Thiên được gọi chung là Thập nhị Khai Thiên.

2. Cửu Trùng Thiên tại Đại Đồng Xã:

Trước Tòa Thánh Tây Ninh có một sân rất rộng, gọi là Đại Đồng Xã. Giữa Đại Đồng Xã, Hội Thánh có xây dựng một cái đài 9 nấc như cầu thang đi lên, hình 8 cạnh Bát quái đều nhau, sơn ba màu đạo: 3 nấc thấp nhất sơn màu đỏ, 3 nấc giữa sơn màu xanh và 3 nấc trên sơn màu vàng. Đài này tượng trưng Cửu Trùng Thiên nên được gọi là Đài Cửu Trùng Thiên.

Khi có tế lễ Chúc sắc Đại Thiên phong hàng Tiên vị qui liễu, Hội Thánh cho dựng bên trên Đài Cửu Trùng Thiên một cái nhà rộng có 8 cột cao khoảng 12 mét đứng theo hình Bát Quái, nóc nhà có 8 mái tạo thành 8 cung Bát Quái. Tại mỗi cung có vẽ một bức tranh lớn nói lên ý nghĩa của mỗi cung theo Bát Quái đồ:

- Cung Càn: vẽ cảnh Rồng bay trên mây.
- Cung Khảm: vẽ cảnh biển cả mênh mông.
- Cung Cấn: vẽ cảnh núi non.
- Cung Chấn: vẽ cảnh sấm chớp.
- Cung Tốn: vẽ cảnh bão tố.
- Cung Ly: vẽ cảnh núi phun lửa.
- Cung Khôn: vẽ cảnh con trâu cày đất.
- Cung Đoài: vẽ cảnh đầm nước, ao hồ.

Tám cột được Ban Mỹ Thuật trang trí rất khéo léo, dùng các thứ trái cây và bông hoa kết thành hình rồng vấn khúc.

Nối liền với nhà Bát Quái là một rạp lễ rộng chừng 10 mét, cao khoảng 8 mét và dài khoảng 24 mét.

Liên đài của Chúc sắc Đại Thiên phong được đặt lên đài Cửu Trùng Thiên để tế lễ. Ấy là cách lấy hình thức tại thế gian (Thể pháp) để tượng trưng sự màu nhiệm thiêng liêng (Bí pháp) là Chúc sắc hàng Tiên vị đã dày công với Đạo, có nhiều công đức, nên không đi từ từ qua Cửu Trùng Thiên nhờ các

bài Kinh Tuần Cửu, mà vượt thẳng lên Cửu Trùng Thiên vào châu Đức Phật Mẫu nơi Tạo Hóa Thiên.

Đó là tiêu biểu cho sự giải thoát khỏi kiếp luân hồi nhờ công đức tu hành, và lập được Thiên vị nơi cõi thiêng liêng.

Đài Cửu Trùng Thiên nơi Đại Đồng Xã còn được Hội Thánh dùng làm nơi thiêu hài cốt của chư vị Chức sắc Đại Thiên phong, lấy tro xá lợi đem bỏ vào hủ, đặt nơi bàn thờ trong Hầm Bát Quái của Tòa Thánh. (Xem: **Cực Lạc Thái Bình**)

■ Ngày 15-1-Ất Mùi (dl 7-2-1955), Đức Hộ Pháp đứng chủ lễ hỏa thiêu tại đài Cửu Trùng Thiên hài cốt của 4 vị:

- Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.
- Nữ Đầu Sư Hương Thanh.
- Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.
- Ngọc Đầu Sư Ngọc Trang Thanh.

■ Ngày 17-8-Bính Thìn (dl 10-9-1976), Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa tổ chức lễ hỏa thiêu hài cốt của 4 vị:

- Bảo Đạo Ca Minh Chương.
- Tiếp Đạo Cao Đức Trọng.
- Đầu Sư Thái Thơ Thanh.
- Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu.

Xin chép ra sau đây Chương trình hành Lễ Hỏa thiêu và việc thỉnh xá lợi để thờ nơi Hầm Bát Quái và phần tro còn lại đem đổ xuống sông Cẩm Giang ở Bến Kéo.

CHƯƠNG TRÌNH LỄ HỎA THIÊU THÁNH CỐT ĐẠI THIÊN PHONG

Ngày 17 tháng 8 Bính Thìn (10-9-1976)

Buổi Mai:

7 giờ 00: Chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện, chư Chức việc và toàn đạo lưỡng phái tề tựu tại ĐĐX.

7 giờ 30: Thỉnh Đại huynh Bảo Đạo, quý Đại huynh Đầu Sư, Hội Thánh lưỡng đài đến bửu tháp cổ Ca Bảo

Đạo, Thái Đầu Sư, Cao Tiếp Đạo và Bảo Văn Pháp Quân.
 Lễ Khai tháp. Khi xong, Lễ di liên đài đến Đại Đồng Xã (viết tắt ĐĐX) an vị. (theo nghi lễ Đạo)

Buổi chiều:

14 giờ 00: Chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Ph. Thiện, Chức việc và toàn Đạo lưỡng phái tề tựu tại lễ đài.

Tiếp theo: Hành lễ tế điện.

Nội nghi:

- 3 vị Quyền Chánh Phối Sư,
- Quyền Nữ Chánh Phối Sư,
- Cải Trạng HTĐ,
- Chơn Nhơn Phước Thiện.

Ngoại nghi:

- 1 vị Giáo Sư,
- 2 vị Đạo Nhơn,
- 1 Chức sắc HTĐ.

(Lễ sĩ dâng Tam bửu. Đồng nhi tụng Hồn Nhơn Kinh).

- Hội Thánh tuyên dương công trạng chư vị Đại Thiên phong: Cố Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh, Cố Bảo Đạo Ca Minh Chương, Cố Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, và Cố Bảo Văn Pháp Quân tại lễ đài.

Đại diện HTĐ đọc tuyên dương.

Đại diện CTĐ đọc tuyên dương.

- Toàn thể Chức sắc lưỡng đài, chư Chức việc và Đạo hữu Nam Nữ vào bái lễ.

- Lễ tế điện xong, thỉnh Đại huynh Bảo Đạo, quí Đại huynh Đầu Sư đến chứng lễ khai liên đài của chư vị Đại Thiên phong, thỉnh hài cốt để vào hòm sắt đặt lên Thọ Tỷ Đài (Cửu Trùng Thiên). Đồng nhi tụng Di-Lạc Chơn Kinh. Đại huynh Bảo Đạo hành pháp phát hỏa.

(Đồng nhi luân phiên tụng kinh đến 22 giờ).

Ngày 18 tháng 8 Bính Thìn (11-9-1976)

- 7 giờ 00: Chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Ph. Thiện, Chức việc và toàn Đạo lương phái tề tựu tại lễ đài.
Thỉnh Đại huynh Bảo Đạo, quý Đại huynh Đầu Sư đến Thọ Tỷ Đài (Cửu Trùng Thiên) thỉnh xá lợi của chư Đại Thiên phong để vào liên hoa đệ lên thờ nơi BQĐ Đền Thánh (theo nghi lễ Đạo).
Hội Thánh, chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo lương phái đồng bái lễ.
- 8 giờ 00: Kính thỉnh Đại huynh Bảo Đạo, quý Đại huynh Đầu Sư, chư Chức sắc, Chức việc và toàn đạo lương phái trở lại lễ đài, hành lễ đưa tro lên xe đến dòng sông Vàm Cỏ Đông (Bến Kéo). Nghi lễ:
Bàn hương án,
Dàn hầu, Lỗ bộ,
Dàn trống quan,
2 lọng + 1 tàn,
2 lễ sĩ và đồng nhi....
(Lộ trình di chuyển: Khởi hành tại Đại Đồng Xã, vòng qua đại lộ Phạm Hộ Pháp, ra cửa số 4, thẳng đến Mít Một, dọc theo quốc lộ 22, đến Bến Kéo)
- 10 giờ 00: Tại Thánh Thất Đệ Cửu (Bến Kéo), chư Chức sắc, Chức việc cùng bổn đạo nơi địa phương ứng trực tiếp rước và đưa đến bến thuyền (theo nghi lễ Đạo có đồ 5 hồi chuông trống).
Tới giữa dòng sông, Đại huynh Bảo Đạo hành lễ đồ tro.
Mãn lễ.

KHH: Kinh Hạ Huyệt.**DTC:** Diêu Trì Cung.**HTĐ:** Hiệp Thiên Đài.**CTĐ:** Cửu Trùng Đài.

Cửu tuyền

九泉

A: The nine springs in the earth: The world of deaths.

P: Les neuf sources souterraines: Le monde des morts.

Cửu: Chín, thứ chín. **Tuyền:** Dòng suối.

Cửu tuyền là chín suối, chỉ Âm phủ, cõi của người chết.

Chữ Cửu tuyền có nguồn gốc từ chữ Cửu nguyên, tên của một bãi tha ma của nước Tấn bên Tàu. (Xem: Cửu nguyên).

Theo Thế Thuyết, sau khi Ân Trọng Kham chết, Hoàn Huyền hỏi Ân Trọng Văn: Cha ngươi là Ân Trọng Kham là người thế nào? Ân Trọng Văn đáp: Tuy không thể làm sáng tỏ một đời nhưng cũng để soi rọi khắp Cửu tuyền.

KTKCQV: Thiệt thòi cam phận thuyền quỳên,
Chứa chan giọt lệ *cửu tuyền* cuộn trôi.

Cửu tuyền còn có ý chỉ cõi Địa ngục, nơi giam giữ và trừng phạt các tội hèn.

Khi Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ tức Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn cũng mở Đại Ân Xá Kỳ ba, nên ra lệnh đóng cửa Địa Ngục, đồng thời mở rộng cửa Trời để rước người đắc đạo. Các linh hồn nơi Địa Ngục được phóng thích cho đi đầu thai, để trả quả và để tu hành lập công chuộc tội, hầu được siêu thăng.

KĐT: Khai cơ tận độ, *cửu tuyền* diệt vong.

TNHT: Ném thử Giáng Ma đóng *cửu tuyền*.

KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chờng Qui Vị.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KĐT: Kinh Đại Tường.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cửu vị Tiên Nương - Cửu vị Nữ Phật

九位仙娘 - 九位女佛

Cửu: Chín, thứ chín. **Vị:** Ngôi, lời tôn kính để gọi một người. **Tiên Nương:** Cô Tiên. **Nữ Phật:** Vị Phật phái Nữ.

Cửu vị Tiên Nương là chín vị Nữ Tiên nơi DTC hầu cận Đức Phật Mẫu.

"Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ phổ độ mà Quan Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu.

Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại cung Nam hải, ở An Nhân động. Còn Diêu Trì Cung thì ở Tọa Hóa Thiên." (Trích Luật Tam Thế)

Cửu vị Tiên Nương đứng hàng Tiên vị, nhưng theo 5 nấc thang tiến hóa của Nhơn hồn (Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật) thì Tiên vị còn phải tiến hóa lên Phật vị.

Cửu vị Tiên Nương đã lập được nhiều công quả trong thời kỳ khai Đạo, dẫn dắt các nguyên căn đi vào đường đạo đức để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo, lại dày công giáo hóa Nữ phái nên Cửu vị Tiên Nương được thăng lên hàng Phật vị, và được gọi là: *Cửu vị Nữ Phật*.

Nhiệm vụ của mỗi Tiên Nương nơi cõi TL như sau:

1. Nhứt Nương:

Nhứt Nương cầm bửu pháp là đờn Tỳ bà, cai quản vườn Ngạn Uyển nơi tầng Trời thứ nhứt trong Cửu Trùng Thiên, đón tiếp các chơn hồn qui Thiên đi lên Cửu Trùng Thiên, xem xét các nguyên nhân đang còn sống nơi cõi trần hay đã qui liễu. Mỗi đoá hoa trong vườn Ngạn Uyển là một chơn linh. Khi chơn linh tái kiếp xuống trần thì hoa nở, khi qui liễu thì hoa héo tàn, khi chơn linh làm điều đạo đức thì sắc hoa tươi thắm, còn làm điều gian ác thì sắc hoa ử dột xấu xí.

Trong một kiếp giáng trần ở VN, Nhứt Nương có tên là HOA. Do đó, khi Nhứt Nương giáng cơ cho thi thì có chữ HOA đứng đầu bài thi.

*HOA ngào ngạt mùi hương tỏa kín,
Cảm lòng thành điện Thánh nương về.
Khuyên đời mau tỉnh giấc mê,
Lo tu sau khỏi nẻo nề kiếp duyên.*

2. Nhị Nương:

Nhị Nương cầm bửu pháp Lưu hương, cai quản vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu ở tầng Trời thứ nhì trong Cửu Trùng Thiên, đón tiếp và hướng dẫn các chơn hồn đi lên tầng Trời thứ nhì, vào vườn Đào Tiên, mở tiệc rót rượu trường sanh đãi các chơn hồn, rồi đưa chơn hồn lên Ngân Kiều, có lần Kim quang đỡ chơn hồn đi lên tầng Trời thứ ba.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Nhị Nương có tên là CẨM, nên khi giáng cơ cho thi, thường có chữ CẨM đứng đầu bài thi:

*CẨM tịch Diêu Cung Tiên vị đắc,
Hạnh phúc vũ lộ sắc Thiên ban.
Đầy vui vui hưởng kiếp nhân,
Ngảnh trần có khác chi tràng mộng xuân.*

3. Tam Nương:

Tam Nương cầm bửu pháp là quạt Long Tu Phiến, đón tiếp các chơn hồn lên tầng Trời thứ ba là Thanh Thiên, dùng thuyền Bát Nhã đưa các chơn hồn đi qua biển khổ sang bờ giác ngộ, qui hồi cựa vị.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Tam Nương có tên là TUYẾN, nên khi giáng cơ cho thi, thường có chữ TUYẾN đứng đầu bài thi:

*TUYẾN nghiệp phàm vô vị,
Đạo khai dĩ định kỳ.
Hồng ân chan rưới mấy khi,
Bến mê há để lỡ thi độ sanh.*

4. Tứ Nương:

Tứ Nương cầm bửu pháp Kim Bàng, đón tiếp các chơn hồn lên tầng Trời thứ tư là Huỳnh Thiên, làm giám khảo tuyển chọn các văn tài trong mỗi khoa thi, ai hiền đức và tài giỏi thì

Tứ Nương hộ trì cho thi đậu, để đem tài năng ra giúp đời.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Tứ Nương có tên là GẤM, nên khi giáng cơ cho thi, thường có chữ GẤM đứng đầu bài thi:

GẤM thêu hoa càng nhìn càng đẹp,
Đức thêm tài chẳng hẹp đường tu.
Mặc người lên võng xuống dù,
Lợi danh xạo xự thiên thu lở làng.

5. Ngũ Nương:

Ngũ Nương cầm bửu pháp là cây Như Ý, tiếp dẫn các chơn hồn lên tầng Trời thứ 5 là Xích Thiên trong Cửu Trùng Thiên. Nơi đây, chơn hồn được hướng dẫn đến Minh Cảnh Đài để xem rõ ràng các việc làm tội phước trong kiếp sanh nơi cõi trần, rồi đến cung Ngọc Diệt Hình để mở quyển Kinh Vô Tự, xem quả duyên của mình.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Ngũ Nương có tên là LIỄU, nên khi giáng cơ cho thi, thường có chữ LIỄU đứng đầu bài thi:

LIỄU chiều gió xung xăng màn hạnh,
Như để lời cửa Thánh nhắn tin.
Đạo tâm xin gắng vẹn gìn,
Đọa thẳng hai lẽ nơi mình liệu toan.

6. Lục Nương:

Lục Nương cầm bửu pháp là Phướn Tiêu diêu hay Phướn Truy hồn, tiếp đón các chơn hồn lên tầng Trời thứ sáu là Kim Thiên, hướng dẫn đến cung Vạn Pháp cho chơn hồn xem rõ cựu nghiệp của mình, rồi chơn hồn lãnh Kim sa, được chim Khổng Tước đưa lên Đài Huệ Hương xông thơm chơn thân, có nhạc Thiên thiêu trời đưa chơn hồn đi lên.

Trong một kiếp giáng trần ở nước Pháp. Lục Nương là Thánh Nữ Jeanne d'Arc (1412-1431), đã đánh đuổi quân xâm lăng Anh quốc để cứu nước Pháp. Sau đó, Lục Nương giáng trần ở Việt Nam, tên là HUỆ, nên khi giáng cơ cho thi, thường có chữ HUỆ đứng đầu bài thi:

HUỆ ân chan khắp toàn nhơn loại,

*Vào đường tu phỉ toại kiếp sanh.
Lánh nơi tranh đấu giết giành,
Nghịch oan khỏi vướng thân danh vẹn phần.*

7. Thất Nương:

Thất Nương cầm bửu pháp là Hoa sen, tiếp đón các chơn hồn đến từng Trời Hạo Nhiên Thiên bá kiến Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát.

Thất Nương lại để lòng từ bi, tinh nguyện lãnh lĩnh Ngọc Hư Cung xuống cõi Âm Quang giáo hóa các Nữ tội hồn cho họ sớm thức tỉnh, để được tái kiếp trả xong căn quả và tu hành.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Thất Nương có tên là VƯƠNG THỊ LỄ, sanh năm 1900 tại Chợ Lớn, là con gái của ông Vương Quan Trân và Bà Đỗ thị Sang (con của Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương). Cô Lễ bị bạo bệnh mất năm Cô 18 tuổi. (Xem chi tiết nơi chữ **Thất Nương, vần Th**).

Thất Nương thường giáng cơ dạy Đạo và cho thi. Khi giáng cơ cho thi, Cô thường đặt chữ LỄ đứng đầu bài thi:

*LỄ văn đủ định phân khách trí,
Hạnh đức toàn xứng vị Thánh nhân.
Cõi trần là chốn mê tân,
Diu nhau lánh giả tầm chân tiếc gì.*

8. Bát Nương:

Bát Nương cầm bửu pháp là Giỏ Hoa Lam, tiếp đón các chơn hồn đến từng Trời Phi Tượng Thiên, từng thứ tám trong

Cửu Trùng Thiên, hướng dẫn chơn hồn đến bá kiến Đức Từ Hàng Bồ Tát.

Bát Nương rất thường giáng cơ dạy Đạo và cho thi.

Bài Phật Mẫu Chơn Kinh mà chúng ta thường tụng khi cúng Đức Phật Mẫu do Bát Nương giáng cơ ban cho tại Báo Ân Đường Kim Biên, khi Đức Phạm Hộ Pháp phò cơ tại đó.

Bát Nương giáng trần nơi nước Trung Hoa, vào thời nhà Tây Hán, tên là Bạch Liên (Hoa sen trắng). Bát Nương cũng có giáng trần ở VN vào nhà họ Hồ.

*SEN TRẮNG vóc tinh vi đánh Hờn,
 Nêu tiết trong soi sáng tài hoa.
 Để lời nhủ bạn quần thoa,
 Kiên trinh liệt nữ phẩm nhà chớ quên.*

9. Cửu Nương:

Cửu Nương cầm bửu pháp Ông tiêu, tiếp đón các chơn hồn lên từng Trời Tạo Hóa Thiên để đưa vào bái kiến Đức Phật Mẫu, được Phật Mẫu ban cho đào hạnh và rượu Tiên.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, tỉnh Bạc Liêu, Cửu Nương tên là Cao Thị Khiết (tên giáy tờ là Kiệt), con của ông Đốc Phủ Cao Minh Thạnh và Bà Tào Thị Xúc. Cô là con gái út thứ 9. (Xem chi tiết nơi chữ: Cửu Nương). Khi giáng cơ cho thi, Cô thường đặt chữ Khiết đứng đầu bài thi:

*KHIẾT kỹ tu chơn duyên quả định,
 Xả thân vị Đạo đắc Thiên ân.
 Láng láng giữ sạch bụi trần,
 Cứu nhân độ thế phước phần hậu lai.*

Tóm lại, Cửu vị Tiên Nương trông nom về Cơ giáo hóa vạn linh. Tất cả nghề hay nghiệp khéo, về Nữ công hoặc Cầm, Kỳ, Thi, Họa hay Văn chương Triết học đều thuộc phần nhiệm của Cửu vị Tiên Nương giáo hóa và un đúc cho thành tài.

Ngày nay thời ĐĐTKPĐ, Cửu vị Tiên Nương đã đắc thành Nữ Phật, nhưng khi cúng Đức Phật Mẫu tại Báo Ân Từ hay tại Điện Thờ Phật Mẫu, chúng ta vẫn niệm: "Nam mô Cửu vị Tiên Nương" là để ghi nhớ công đức của Chín Cô trong thời kỳ khai Đạo Cao Đài.

TẢ CHÍN VỊ TIÊN NỮ

*Một mày liễu trong ngần đóa ngọc,
 Hai má đào phải trọng tiết trinh.
 Mảnh thân trọn hiếu thâm tình,
 Phải hình thực nữ, phải gìn căn duyên.*

*Ba yếu điệu thuyền duyên vóc hạc,
 Bốn mỹ miều đài các trâm anh.*

Khi vui bóng nguyệt rọi màn,
 Khi dòng bích thủy, khi cành hoa xuân.
Năm phận gái hồng quần đáng mặt,
Sáu vẹn toàn quốc sắc Thiên hương.
 Vào ra phụng trướng loan đường,
 Vào ra ngọc các cấm tường xem hoa.
Bảy trau chuốt thân ngà mặt ngọc,
Tám, Chín phần rèn tập nữ nhi.
 Chung lo mối Đạo Tam Kỳ,
 Giúp nhà Nam Việt kịp thì Long Hoa.

BÁT NƯƠNG

(Đêm 25-4-Canh Dần, 1950)

(Trích trong Luật Tam Thẻ)

Ngoài 9 bài thi dùng làm bài thái hiến lễ Cửu vị Tiên Nương trong lễ Hội Yến DTC, Cửu vị Tiên Nương còn giáng cơ cho rất nhiều thi văn dạy đạo. Sau đây, xin trích ra một số bài có đủ 9 vị Tiên Nương giáng cơ.

THI VĂN của CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG

Ngày mùng 8 tháng 8 năm Ất Hợi (dl 5-9-1935)

CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG

HOA tiên đổ đẹp xinh Văn miếu,
 Gót Tiên đưa yếu điệu nữ dung.
 Cung Diêu ghé mắt thư hùng,
 Reo tơ may gặp hội cùng tương tri.

NHỨT NƯƠNG

CẨM chức dệt câu thi biệt khách,
 Bút Tiên nay vẽ nét tri hoan.
 Xe mây lướt dặm trần hoàn,
 Dòm theo nổi khổ đôi hàng lệ sa.

NHỊ NƯƠNG

TUYẾN kim đưa khách chưa hòa,

Mượn gương bạch thổ rọi nhà tri âm.
 Ngân kiều cách bức bao năm,
 Ướm bông lời ngọc hỏi trần vui chưa?

TAM NƯƠNG

GẤM Tô Huệ ngày xưa đề thăm,
 Nét Tiên hoa sầu đặm vân phong.
 Kia thương những khách má hồng,
 Đẹp xinh tô đậm bụi nồng thế gian.

TỨ NƯƠNG

LIỄU yếu ớt những lo gió dội,
 Có mảnh thân e nổi khổ thân.
 Riêng lo tài sắc hồng quần,
 Không nhớ bợn tục, nợ trần lánh chơn.

NGŨ NƯƠNG

HUỆ trí định Tiên phạm đôi lẽ,
 Cửa không môn mới nhẹ tiền duyên.
 Phát phơ đưa phước diệu huyền,
 Trông voi thấy khách cửu tuyền rậm chơn.

LỤC NƯƠNG

LỄ kính để mấy chương tiết nghĩa,
 Vô tự đề cửa tía chứa chan.
 Trăm cay là phép tạo nhân,
 Có phong ba mới dựa hàng trượng phu.

THẤT NƯƠNG

SEN thì ở nơi hồ quán trọc,
 Công thì hay định phước vinh ba.
 Non Thần nhấn bạn đường xa,
 Đường tu khổ hạnh mới là cao siêu.

BÁT NƯƠNG

KHIẾT tính nét thanh liêm là trọng,
 Phép tu thân nhớ lóng là hơn.
 Chuông mai đập thức mê hồn,
 Cung Tiên mới đặt rửa hờn kiếp sanh.

CỬU NƯƠNG

Ngày 15-8-Nhâm Ngọ (dl 2-9-1942):

NHỨT khí tạo đoan cả địa cầu,
 NƯỞNG theo Mẹ Cả giảng vài câu.
 KÍNH dâng tam bữa hằng năm vẹn,
 TẶNG lễ mừng thăm đấng chẳng lâu.

NHỊ Châu Chơn Võ nhớ cùng không,
 NƯỞNG cõi Thiên cung gọi bóng hồng.
 KÍNH tặng vài câu mừng bạn cũ,
 TẶNG người hiếu hạnh chịu phòng không.

TAM kỳ khai mở Đạo lần ba,
 NƯỞNG nấu ít lâu rõ báu hòa.
 KÍNH lượng bề trên ban đức tánh,
 TẶNG người tài trí húng Đài Cao.

TỨ đức vẹn toàn mới xứng danh,
 NƯỞNG hơi nhang khói chỉ điều lành.
 KÍNH mừng quý vị ân cần tịnh,
 TẶNG khách nầu sòng diệt quới khanh.
 NGŨ hành vận chuyển đoạt Huyền Thiên,
 NƯỞNG níu đôi năm khỏe tự nhiên.
 KÍNH có công tu nay gặp hội,
 TẶNG người hữu hạnh phục qui nguyên.

LỤC lạc khua ran cả Ngũ châu,
 NƯỞNG chi vật chất phải u sầu.
 KÍNH xin tỉnh giấc lo tu sớm,
 TẶNG quyết cầu ân cõi ách sầu.

THẤT thể náo nường chớ tưởng lâu,
 NƯỞNG cùng quý vị chỉ đường cầu.
 KÍNH đem đến tận bờ dương liễu,
 TẶNG nghĩa đài sơn kẻ chực châu.

BÁT vu hành khát bữa mọi chiều,
 NƯỞNG nường mình to giống kẻ thiêu.
 KÍNH đến Tây phương tầm Xá lợi,
 TẶNG tình đồng Đạo phải đồng yêu.

CỬU Thiên mở cửa rước người hiền,
 NƯỞNG chí dặt dìu khách hữu duyên.

KÍNH lập công to qui cựu vị,
TẶNG tiền phát khởi lập căn nguyên.

Ngày 15-8-Bính Tuất (dl 9-9-1946):

Những ngôi giữ huỳnh hoa Ngạn Uyển,
Mà quên nghe đặng tiếng vĩnh sanh.
Dọn đường lều cỏ chòi tranh,
Tay nương con gậy một mình trông vơi.

NHỨT NƯƠNG

Trông động cũ màu trời biển sắc,
Trông cung nga thiếu mặt từ quân.
Trông xa đảnh Thánh non Thần,
Trông Đền Ngọc Khuyết vắng phần Thiên lương.

NHỊ NƯƠNG

Nay đàm ám con đường hạnh phúc,
Cõi phong trần gọi chút hồng ân.
Tiêu diêu phai lợt mùi trần,
Tĩnh say với giọt nước ngân tấy mê.

TAM NƯƠNG

Tưởng tròn phận tô xuê đảnh Việt,
Nương thuyền từ cứu tuyệt trần ai.
Đường quê nào thấy Thiên Thai,
Công trình lập đặng Vân đài chí công.

TỨ NƯƠNG

Mở rộng cửa đại đồng vạn chủng,
Khai nẻo sanh cứu sống nhơn gian.
Trị tâm mở mắt song quang,
Khai đường Cực Lạc, mở đàng Lô Âm.

NGŨ NƯƠNG

Đưa gương rạng Quan Âm dẫn thế,
Diệt mê hồn tòi tệ kiếp căn.

Cam lồ rửa sạch phong trần,
Gương xưa để bước đi lần cảnh thẳng.

LỤC NƯƠNG

Nào dè phép quỷ toan cải chánh,
Mượn quyền yêu so sánh Chí Linh.
Đem thân lũ thú làm binh,
Cầm gươm huệ chặt tan tành cung thương.

THẤT NƯƠNG

Hỡi nào kẻ lo lường nghiệp Đạo,
Hỡi những trang nóng máu anh phong.
Ngôi Thiên để tựa bóng hồng,
Phục hưng gầy nghiệp con Rồng cháu Tiên.

BÁT NƯƠNG

Gầy sự nghiệp tổ tiên ngày trước,
Dựng miếu đường hưởng phúc tự do.
Mảng trông bên cũ đưa đò,
Chờn quân lương tể gây trò vinh phong.

CỬU NƯƠNG.

Xin nhượng bút cho Bát Nương.

Đào nguyên lại trở trái hai lần,
Ai ngỡ Việt Thường đã thấy lân.
Cung Đẩu vít xa gươm xích quỷ,
Thềm cung mở rộng cửa Hà ngân.
Xuân Thu định vững ngôi lương tể,
Phật Chủ quét tan lũ nịnh thần.
Thối khí vịnh sanh lau xã tắc,
Mở đường quốc thể định phong vân.

BÁT NƯƠNG

DTC: Diêu Trì Cung.

TL: Thiêng liêng.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cửu viện

九院

A: Nine religious institutes.

P: Neuf instituts religieux.

Cửu: Chín, thứ chín. **Viện:** cơ quan lớn.

Cửu Viện là 9 cơ quan lớn của Đạo có phần hành chuyên môn ở Trung Ương, điều hành tất cả công việc của Đạo.

Cửu Viện gồm:

Hộ Viện, Lương Viện, Công Viện,
Học Viện, Y Viện, Nông Viện,
Hòa Viện, Lại Viện, Lễ Viện.

Cửu Viện của CTĐ Nam phái đặt dưới quyền của 3 vị Chánh Phối Sư ba phái:

- Thái Chánh Phối Sư chưởng quản 3 Viện: Hộ, Lương, Công.
- Thượng Chánh Phối Sư chưởng quản 3 Viện: Học, Y, Nông.
- Ngọc Chánh Phối Sư chưởng quản 3 Viện: Hòa, Lại, Lễ.

Việc phân chia trách nhiệm này là do Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông qua bài thi chép ra sau đây:

***Thái, Hộ Lương Công, nội chủ trương,
Thượng, Nông Y Học, chấp phương cương.
Ngọc, Hoà Lại Lễ, quyền cai quản,
Cửu Viện phân qua khả khán tường.***

Nghĩa là:

Phái Thái, 3 viện: Hộ, Lương, Công, chủ trương bên trong,
Phái Thượng, 3 Viện: Học, Y, Nông, nắm giữ giềng mối.
Phái Ngọc, 3 Viện: Hòa, Lại, Lễ, nắm quyền cai quản,
Chín Viện giải qua khá thấy rõ ràng.

Đứng đầu mỗi Viện là một vị Thượng Thống, có một hoặc hai vị Phụ Thống giúp việc, dưới có một vị Quản Văn phòng, các Thư ký và các vị phụ trách.

Các vị Thượng Thống tòng lệnh trực tiếp Chánh Phối Sư.

Nhiệm vụ của mỗi Viện như sau:

1. HỘ VIỆN:

Quản lý sản nghiệp và tài chánh của Đạo, chấp chương thu xuất tiền bạc do các nơi cúng hiến, phỏng định số thu xuất mỗi năm đăng trình Hội Thánh.

2. LƯƠNG VIỆN:

Chăm lo về lương thực, tiếp thu, phân phối, nấu nướng (Phòng trù), lo nuôi nấng Chức sắc và tín đồ hiến thân làm công quả nơi các cơ quan trung ương.

3. CÔNG VIỆN:

Tạo tác, tu bổ Thánh Thất, dinh thự, đường sá, hệ thống điện nước, và phát triển các ngành công nghiệp đem lợi tức về Hội Thánh.

4. HỌC VIỆN:

Phụ trách việc giáo dục và đào tạo: Giáo dục thanh thiếu niên trong Đạo, huấn luyện Bàn Trị Sự và Chức sắc để có đủ khả năng về đạo đức và trí thức để đi hành đạo.

5. Y VIỆN:

Phụ trách việc trị bệnh và phòng bệnh, cung cấp thuốc men Đông y và Tây y dược, chăm sóc các nhà Dưỡng Lão, Cơ Nhi viện, mở các cuộc cứu tế đồng bào ở vùng bị Thiên tai.

6. NÔNG VIỆN:

Phụ trách trồng tía, khai phá làm ruộng rẫy, trồng các thứ cây lương thực, lập đồn điền trồng cây công nghiệp, lập các nhà máy chế biến thực phẩm.

7. HÒA VIỆN:

Hòa Viện xem xét gìn giữ sự công bình giữa Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu, chỉ có quyền hòa giải sự tranh tụng cá nhân, cảnh cáo hay răn phạt các tội nhẹ. Trường hợp tội nặng, Hòa Viện phải chuyển lên Hội Công Đồng hay Tòa Tam giáo.

8. LẠI VIỆN:

Lại Viện lập hồ sơ cá nhân mỗi Chức sắc, lo việc cầu phong và thăng thưởng, nghiên cứu và đề nghị việc bổ nhiệm hay chuyển chuyển Chức sắc đi hành đạo ở các địa phương.

Lại Viện có nhiệm vụ lưu trữ, tiếp chuyển hay ban hành các văn thư, Huấn lệnh của Hội Thánh, tiếp nhận giấy tờ từ các địa phương gửi về.

9. LỄ VIỆN:

Lễ Viện sắp đặt việc thờ phượng, các nghi thức cúng kiếng, tế lễ trong Đạo, lo việc Tang, Hôn.

Lễ Viện đứng ra tổ chức các cuộc lễ lớn trong Đạo, lo việc sắp đặt kho sách, in ấn kinh sách của Đạo.

Nhiệm vụ của các Viện đã được qui định như trên, nhưng có thể được Hội Thánh thêm hay bớt tùy theo nhu cầu phát triển của nền Đạo.

- Cửu Trùng Đài phân ra hai phái Nam và Nữ nên có:
 - Cửu Viện của CTĐ Nam phái,
 - Cửu Viện của CTĐ Nữ phái.
- CQ Phước Thiện cũng phân ra Nam và Nữ nên có:
 - Cửu Viện PT Nam phái,
 - Cửu Viện PT Nữ phái.

I. Cửu Viện CTĐ Nam phái:

Theo Châu Tri số 9 ngày 16-3-1931, Ngài Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh ký có ghi như sau: (Trích mục số 3)

"■ Thượng Chánh Phối Sư đặng quyền xem xét các nơi, chăm nom Đạo hữu, giáo dục nhơn sanh, thay mặt toàn Đạo giao thông cùng Chánh phủ và cả tín đồ, Chủ tọa Hội Nhơn sanh, cai quản:

1. Nội giao, Ngoại giao Viện.
2. Học Viện.
3. Y Viện.

■ Thái Chánh Phối Sư đặng quyền điều hành sự phổ độ, cầu xin và điều độ Chức sắc hành đạo tha phương, làm Chủ tọa Hội Thánh và chủ tài liệu của Đạo, lo về tài chánh và định lương hưởng cho Chức sắc Thiên phong, cai quản:

1. Hộ Viện.

2. Công Nông Viện.
3. Lương Viện.

■ Ngọc Chánh Phối Sư đặng quyền sửa trị cả Chức sắc và tín đồ về phần Đạo và phần Đời, coi Chơntruyền HộiThánh, buộc Chức sắc làm y phận sự và cầm quyền tạp tụng, cai quản:

1. Lại Viện.
2. Lễ Viện.
3. Hòa Viện."

(Chúng ta nhận thấy, theo Châu Tri số 9 này thì Cửu Viện có sự thay đổi cho thích hợp với giai đoạn đó là một Viện mới được thành lập là Nội giao, Ngoại giao Viện, do Thượng Chánh Phối Sư cai quản, còn Nông Viện thì nhập chung vào Công Viện, gọi chung là Công Nông Viện, do Thái Chánh Phối Sư cai quản.)

@ Ngày 15-12-Kỷ Sửu (dl 31-1-1950), Đức Hộ Pháp có ra Thánh Lệnh số 137 phân định phận sự chi tiết cho Cửu Viện, xin chép nguyên văn Thánh Lệnh này ra sau đây để chúng ta cùng tham khảo:

Hộ Pháp Đường
Văn Phòng

Số: 137

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Nhị thập ngũ niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LỆNH
Hộ Pháp chương quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng

- Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,
- Chiếu y Đạo luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (1938) giao quyền Thống nhất Chánh Trị Đạo cho Đức Hộ Pháp nắm giữ cho tới ngày có Đầu Sư chánh vị,
- Chiếu y Vi bằng hội nhóm ngày 29 tháng 10 năm Kỷ Sửu (18-12-1949) phân định phận sự cho Cửu Viện Nội Chánh dưới quyền của ba Chánh Phối Sư được thi hành có ích lợi chung cho nền Đạo đương hồi biến chuyển, nên:

THÁNH LỊNH:

Điều thứ nhất: Ba Chánh Phối Sư và Cửu Viện Nội Chánh phải thi hành các khoản quyết định sau đây:

Khoản A: Phần Thái Chánh Phối Sư:

1. Hộ Viện: Những số tiền công quả tạo tác truat ra 5% để bổ dụng cho các Viện, nhất là phần lương thực của Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu làm công quả tại Tòa Thánh.

Hiện thời xuất cho Chức sắc và Thư ký hành sự nơi Nội Chánh mỗi vị ba cắc (0\$30) tiền chợ mỗi ngày.

Số tiền hai ngàn tám trăm đồng (2 800\$) Cơ Thánh Vệ định cho lính Biệt thự và liên tiếp mãi từ đây để gởi cho caisse Học Viện phân phát cho chư Giáo viên chi dụng, còn lính Biệt thự chỉ hưởng số tiền năm chục ngàn đồng (50 000\$) của Chánh phủ ban cho.

2. Lương Viện: Cần phải lo cho Chức sắc và Đạo hữu sự ăn uống được tăng thêm đồ thực phẩm. Cần nhất nơi phòng trú Trai đường phải năng giữ vệ sinh cho lắm.

3. Công Viện: Từ đây phải lập sổ sách cho rành về sự chi phí hằng ngày, sổ làm được món gì, đáng giá bao nhiêu, sổ ghi công, v.v... Phải lo công thợ tạo dinh thự của Hành Chánh, còn những công thợ thuộc về Phước Thiện thì trở về tạo dinh thự cho Hội Thánh Phước Thiện.

Cần lập Thông qui những công quả đã làm từ lâu đăng ghi vào công nghiệp của họ. Như công khi xin phép nghỉ, phải có Tá Lý và Tổng Giám chứng trước rồi mới đệ lên Hội Thánh phân định.

Sở sạ, từ đây Hội Thánh phải xuất tiền mua, lợi hơn là cho công quả đi đào.

Khoản B: Phần Thượng Chánh Phối Sư:

1. Học Viện: Phải lo cho có ngân quỹ phụ cấp chư Giáo viên hằng tháng cho họ có đủ sức khỏe để tâm giáo hóa đoàn thơ sinh thông minh đạo đức hầu hữu dụng cho Đạo và Đời buổi tương lai.

Trường học cần mở rộng thêm nơi Châu Thành Thánh Địa có đủ lớp cho học sinh học tập. Sau này, từ cấp bằng Sơ học mới được nhận vào trường Nội Ô Tòa Thánh.

2. Y Viện: Phải sưu tầm các diệu dược đặng bảo vệ Chức sắc và Đạo hữu Nam Nữ công quả mới đủ sức khỏe mà làm việc, chớ hiện thời phần nhiều Chức sắc bị bệnh lao tởn.

Cần phải lập Dưỡng đường cho có vệ sinh, sau này sẽ cậ Docteur mua giúp thêm mới có đủ thuốc chuyên trị bệnh cho Chức sắc và Đạo hữu.

3. Nông Viện: Gắng để tâm lo tạo thêm 30 cái sở nữa, trồng tía cho có hoa quả tiêu thụ hằng ngày nơi LươngViện cho đỡ tốn tiền chợ, lại có đồ thực phẩm gia tăng cho chư Đạo dùng mới đủ sức mạnh mà làm công quả.

Rồi đây, Ông Bảo Sanh Quân Lê văn Hoạch mượn sở đất của ông Grassier ở tại Sa-no-tông-đông (Cần Thơ) trên một ngàn mẫu, mỗi công giá mượn 2 gạ lúa, nhưng khai mở làm đặng bao nhiêu là tính giá mượn bấy nhiêu, và còn một số lúa nếu cần dùng được thì mua với giá rẻ, số bạc được trả kỳ lần cho đến tất số.

Theo ý kiến của ông Bảo Sanh Quân thì tiến dẫn vị Giáo Hữu Thượng Túng Thanh đứng coi qui dân cho mượn cả sở đất trọn quyền của Đạo kiểm soát. Định cho Giáo Hữu Thái Chính Thanh hiệp cùng Giáo Hữu Túng thừa hành phận sự.

Quyền Ngọc Chánh Phối Sư ban lệnh cho thi hành vụ ruộng này.

Khoản C: Phần Ngọc Chánh Phối Sư:

1. Hòa Viện: Cần phải áp dụng phương cách nào để khuyên răn mỗi Đạo hữu ở Châu Thành Thánh địa biết giữ lễ nghĩa khiêm cung, tòng theo luật pháp đặng sau này khách ngoại quốc đến tìm Đạo, họ thấy đây về đạo hạnh, họ mới để tâm kính phục.

Phần Bảo Thể, chọn 25 người gác Đền Thánh và các dinh thự là đủ. Tuyển chọn 40 người Tuần quân, phần phiên gác các poste nơi cửa ra vào để trọn quyền cho Cảnh vệ. Vị Tuần quân gác chỉ ghi những việc xảy ra giữa Cảnh vệ và Đạo hữu, hoặc các việc thưa kiện, thì phải ghi vào sổ tức cấp cho Hòa

Viện hay biết liền. Phải lập sổ nhật ký cho rành rẽ đăng mỗi vị Tuần quân đến có sổ nhận ký.

2. Lại Viện: Làm việc như thường, không có điều chi sửa đổi, nhưng từ đây, Hội Thánh CTĐ lập riêng ra một cuốn sổ "Lạc quyền" để dự định trợ cấp những Chức sắc bị bệnh hoạn, tai nạn, và những vị hữu công được dưỡng lão hồi hưu. Ấy là phương hay để giúp cho người lâm cơn thống khổ.

3. Lễ Viện: Hằng ngày phải chăm nom nơi Thiên bàn cho được tinh khiết, những đồ thờ sắp đặt cho có thứ tự trang hoàng. Đèn Thánh trong ngoài cho sạch sẽ uy nghi hầu tượng trưng tinh thần tín ngưỡng đặc sắc của toàn đạo.

Điều thứ nhì: Khi tiếp đăng lệnh này, Hội Thánh CTĐ phải thi hành liền cho hợp với trào lưu hiện tại.

Điều thứ ba: Chư vị Bảo Thế, Chương quản Bộ Pháp chánh, Thái Chánh Phối Sư, Q. Thượng Chánh Phối Sư, Q. Ngọc Chánh Phối Sư, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh lệnh này.

Lập tại Tòa Thánh ngày 15-12-Kỷ Sửu.
(le 31 Janvier 1950)

HỘ PHÁP

(ấn ký)

**Chương quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng**

II. Cửu Viện CTĐ Nữ phái:

CTĐ Nữ phái chỉ có một Nữ Chánh Phối Sư, nên vị Nữ Chánh Phối Sư này cai quản tất cả Cửu Viện CTĐ Nữ phái.

Chức năng của mỗi Viện bên Nữ phái giống hết như bên Nam phái, nhưng chỉ điều hành bên Nữ phái mà thôi.

III. Cửu Viện Phước Thiện Nam phái:

Đứng đầu CQPT Nam phái là một vị Chơn Nhơn, Chương quản PT Nam phái. Dưới vị chương quản này là Hai vị Phó Chương quản: Đệ I Phó Chương quản và Đệ II Phó Chương quản.

Bên dưới kế đó là Cửu Viện PT Nam phái, có chức năng giống hệt Cửu Viện CTĐ nhưng chỉ hành quyền bên CQPT Nam phái mà thôi. (Xem biểu đồ tổ chức CQPT)

IV. Cửu Viện Phước Thiện Nữ phái:

Tổ chức CQPT Nữ phái giống hệt như bên PT Nam phái để điều hành toàn bộ PT Nữ phái.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

PT: Phước Thiện.

Cửu U

九幽

A: Nine doors of Hell.

P: Neuf portes de l'Enfer.

Cửu: Chín, thứ chín. **U:** tối tăm, chỉ cõi U Minh hay cõi Địa ngục.

Cửu U là chín cửa Địa ngục nơi cõi Địa ngục.

Nơi cõi Địa ngục có Thập Điện Diêm Vương cai quản 10 cửa Địa ngục, nhưng thật ra chỉ có 9 Địa ngục từ 1 đến 9, còn Địa ngục thứ 10 do Chuyển Luân Vương cai quản, xem xét các tội hồn cho đi đầu thai.

Kệ U Minh Chung:

Cửu U thập loại chi trung tất ly khổ hải.

(10 loại chơn hồn ở trong 9 cửa Địa ngục ắt hẳn là khỏi biển khổ).

CỰU

CỰU

CỰU: 舊 Xưa, cũ.

Td: Cựu lệ, Cựu luật, Cựu nghiệp.

Cựu lệ

舊例

A: Old custom.

P: Vieilles coutumes.

Cựu: Xưa, cũ. **Lệ:** lẽ lối đặt ra để người ta theo, lâu dần thành thói quen.

Cựu lệ là lẽ lối đã được đặt ra từ xưa lưu truyền đến nay.

TNHT: Ai có lòng thì tế lễ chi chi ta cũng chẳng trách đặng, vì *cựu lệ* bày đến ngày nay.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cựu luật

舊律

A: Ancient laws.

P: Anciennes lois.

Cựu: Xưa, cũ. **Luật:** pháp luật.

Cựu luật là luật pháp của thời xưa truyền lại.

Đó là các luật tu hành của thời Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ độ. Ngày nay là thời Tam Kỳ Phổ độ, nên có luật tu hành mới thích hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh hiện nay, và gọi đó là Tân luật.

Tân luật đặt căn bản trên Cựu luật, chỉ bỏ đi những điều luật nào trong Cựu luật không còn phù hợp với đà tiến hóa của nhơn sanh. Tân luật vẫn giữ những điều căn bản trong Cựu luật như: Ngũ giới cấm, Luật ăn chay, cách cúng kiếng và thờ tự.

TNHT: Chẳng phải Thầy còn buộc theo *Cựu luật*, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên, Phật đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cựu nghiệp

舊業

A: Ancient work.

P: Ancienne oeuvre.

Cựu: Xưa, cũ. **Nghiệp:** sự nghiệp, công nghiệp.

Cựu nghiệp là sự nghiệp xưa, tức là sự nghiệp mà mình đã đào tạo được trong các kiếp sống trước, vẫn được gìn giữ nơi cõi thiêng liêng.

KĐ6C: Cho tường cựu nghiệp mấy tòa thiên nhiên.

KĐ6C: Kinh Đệ Lục cửu.

Cựu phẩm

舊品

A: The old dignity.

P: La vieille dignité.

Cựu: Xưa, cũ. **Phẩm:** cái giá trị, phẩm tước.

Cựu phẩm là phẩm tước cũ nơi cõi thiêng liêng.

TNHT: Thiên phong là để cho bậc Thánh, Tiên, Phật là trần phải lấm dầy công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cựu phẩm đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cựu Ước

(Xem: Tân Ước - Cựu Ước, vần T)

Cựu vị

舊位

A: The old position.

P: L'ancienne position.

Cựu: Xưa, cũ. **Vị:** ngôi vị, phẩm vị.

Cựu vị là ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

Đó là ngôi vị mà mình đã đoạt được nơi cõi thiêng liêng khi mình còn ở nơi đó, chưa đầu kiếp xuống trần.

Mỗi người chúng ta đều có ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng. Nay chúng ta đã đầu kiếp xuống trần, sống nơi cõi trần, chúng ta muốn sau khi chết, chơn thần được trở về ngôi vị cũ của mình thì chúng ta phải lo tu hành, lo lập đức bồi công, lo trả cho hết các nghiệp ác, thì nhưt định Đức Chí Tôn sẽ cho chúng ta trở về ngôi vị cũ.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn có nói rằng: "Thầy nói cho các con biết, dầu một vị Đại La Thiên Đế xuống phàm mà không tu cũng khó trở lại địa vị đặng."

KGO: Nhập Thánh thể dò đường *cựu vị*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KGO: Kinh Giải Oan.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Ch

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục vần CH

CHA

- Cha - Thầy

CHÁC

- Chác
- Chác buộ
- Chác tiếng bua danh

CHÁNH (CHÍNH)

- Chánh
- Chánh Chủ khảo
- Chánh chuyên (Chính chuyên)
- Chánh danh (Chính danh)
- Chánh đại quang minh
- Chánh đạo - Chánh giáo
- Chánh đẳng Chánh giác
- Chánh điện
- Chánh lý
- Chánh môn
- Chánh Ngộ - Chánh Tý
- Chánh ngoạt
- Chánh nhứt
- Chánh niệm (Xem: Vọng niệm, vần V)
- Chánh Phối Sư
- Chánh quả
- Chánh tà
- Chánh tâm - Chơn tâm
- Chánh tế - Phụ tế
- Chánh thể
- Chánh tín (Xem: Mê tín, vần M)
- Chánh trị & Đạo
- Chánh Trị Đạo
- Chánh Trị Sự - Phó Trị Sự - Thông sự
- Chánh truyền
- Chánh tự
- Chánh văn
- Chánh vị

CHÀY

- Chày kinh

CHÂM

- Châm
- Châm chế
- Châm chước
- Châm tửu

CHÂN

- Chân (Xem: Chơn)

CHẨN

- Chẩn động

- Chẩn hưng

CHẪN

- Chấn bản

CHẤP

- Chấp
- Chấp bút
- Chấp mê
- Chấp ngã

- Chấp sự giả các tư kỳ sự
- Chấp thủ
- Chấp trách
- Chấp trung quán nhứt

CHÂU (CHU)

- Châu
- Châu cấp
- Châu Công
- Châu đạo
- Châu Mãi Thần

- Châu nhi phục thi
- Châu thành Thánh địa
- Châu toàn
- Châu tri - Thông tri

CHẾ

- Chế biến

- Chế ngự

CHI

- Chi
- Chi chi hữu sanh

- Chi lan
- Chi phái

CHÍ

- Chí
- Chí chơn
- Chí công
- Chí cực chí tôn
- Chí đức
- Chí linh

- Chí phàm
- Chí sĩ
- Chí tâm qui mạng lễ
- Chí thành
- Chí thiện
- Chí Tôn

CHÍCH

- Chích
- Chích cánh

- Chích lẻ

CHIÊM

- Chiêm nghiệm

- Chiêm ngưỡng

CHIẾN

- Chiến sĩ trận vong

CHIẾT

- Chiết
- Chiết khảm điền ly
(Xem chữ Bát Quái,
vần B)
- Chiết trung
- Chiết tự

CHIÊU

- Chiêu
- Chiêu hồn
- Chiêu phước họa
- Chiêu tài tấn bảo

CHIẾU

- Chiếu
- Chiếu chỉ
- Chiếu diệu
- Chiếu giám
- Chiếu y

CHÍN

- Chín Cô
- Chín lớp
- Chín Trời mười Phật

CHỈN

- Chĩn có

CHINH

- Chinh lòng

CHÍNH

- Chính (Xem: Chánh)

CHỈNH

- Chỉnh
- Chỉnh sát cúng phẩm
- Chỉnh Tiên hoa
- Chỉnh túc y quan

CHƠN (CHÂN)

- Chơn
- Chơn hồn
- Chơn linh - Chơn thần
- Chơn lý
- Chơn mạng
- Chơn mây
- Chơn ngã
- Chơn ngôn
- Chơn nhơn
- Chơn nữ
- Chơn pháp
- Chơn pháp bí truyền
- Chơn Phật
- Chơn Quân
- Chơn tâm
- Chơn thân
- Chơn thiệt nghĩa
- Chơn trị
- Chơn truyền
- Chơn tu
- Chơn tục

CHU

- Chu (Xem: Châu)

CHÚ

- Chú giải
- Chú Vãng Sanh (Xem: Vãng Sanh Thần Chú, văn V)

CHỦ

- Chủ
- Chủ nghĩa
- Chủ quan - Khách quan
- Chủ quản
- Chủ thể
- Chủ tọa
- Chủ trương
- Chủ trương Chức sắc
- Chủ trương Bàn Cai quản Phước Thiện
- Chủ tướng
- Chủ ý

CHÙA

- Chùa chiền
- Chùa Gò Kén (Xem: Từ Lâm Tự, văn T)

CHUẨN

- Chuẩn
- Chuẩn Đề Bồ Tát
- Chuẩn nhận
- Chuẩn phê
- Chuẩn thẳng
- Chuẩn y

CHÚC

- Chúc thọ

CHUNG

- Chung
- Chung cửu
- Chung đỉnh
- Chung hiến lễ
- Chung ly biệt - Chung ly hận
- Chung niên
- Chung phong
- Chung qui
- Chung thân
- Chung tình

CHÚNG

- Chúng
- Chúng nam
- Chúng sanh
- Chúng sơn

CHUYÊN

- Chuyên luyện
- Chuyên quyền

CHUYỂN

- Chuyển
- Chuyển đạo vi thăng
- Chuyển kiếp
- Chuyển luân
- Chuyển pháp
- Chuyển thân tái thể
- Chuyển thế

CHƯ

- Chư
- Chư ác mạc tác
- Chư hiền
- Chư linh
- Chư nhu
- Chư sơn

CHỨC

- Chức
- Chức cảm hồi văn
- Chức sắc Thiên phong
- Chức trách trọng hậu
- Chức việc

CHƯNG

- Chung

CHỨNG

- Chứng
- Chứng chiếu
- Chứng đàn
- Chứng hôn
- Chứng minh
- Chứng quả
- Chứng sự
- Chứng thật - Chứng kiến - Vi chứng
- Chứng tri

CHƯỚC

- Chước
- Chước màu
- Chước sâu kế độc
- Chước tửu
- Chước tửu quỳnh

CHƯỜNG

- Chường
- Chường âm
- Chường Ấn
- Chường Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn
- Chường giáo
- Chường Pháp
- Chường qua đặc qua, chường đầu đặc đầu
- Chường quản
- Chường thiện quả ư thi thơ chi phổ

CHA

Cha - Thầy

A: Divine Father - Supreme Master.

P: Père Divin - Maître Suprême.

CHA và THẦY là hai tiếng rất thân thiết mà các tín đồ Đạo Cao Đài thường dùng để gọi Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Mỗi người chúng ta đều có Tam thể xác thân:

- Thể xác bằng xương thịt do cha mẹ phàm trần sanh ra.
- Chơn thần tức là xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu tạo ra. Do đó, chúng ta gọi Đức Phật Mẫu là Đại Từ Mẫu, tức là Đức Mẹ thiêng liêng.
- Chơn linh hay linh hồn là điểm linh quang do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh quang ban cho mỗi người để điều khiển chơn thần và thể xác. Do đó, chúng ta gọi Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ, là Đấng Cha thiêng liêng.

Vậy, mỗi người chúng ta, ngoài cha mẹ phàm trần, chúng ta còn có hai Đấng CHA MẸ chung thiêng liêng là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Khi Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Đạo, mở ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn xưng mình là Thầy và gọi các tín đồ là môn đệ.

Như vậy, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, vừa là CHA, vừa là THẦY của chúng ta và của toàn nhân loại.

Đức Phạm Hộ Pháp rất thắc mắc về điều này, nên mới đem ra hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo):

- Le PÈRE et le MAÎTRE sont différents. Pourquoi notre PÈRE prend-il aussi le titre de MAÎTRE?

(CHA và THẦY khác nhau. Tại sao Đại Từ Phụ của chúng ta lấy danh xưng là Thầy?)

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ trả lời bằng thơ Pháp văn, chép ra sau đây:

Il est même temps Père et Maître,
 Parce que c'est de LUI, vient tout notre être.
 Il nourrit notre corps de ce qui est sain,
 Et fabrique notre esprit de ce qui est divin.
 En LUI, tout est Science et Sagesse,
 Le progrès de l'âme est son oeuvre sans cesse.
 Les viles matières sont joyaux à ses yeux,
 De vils esprits, Il en fait des Dieux.
 Sa loi est Amour, sa puissance est Justice.
 Il ne connaiât que la vertu et non le vice.
 PÈRE: Il donne à ses enfants sa Vitalité,
 MAÎTRE: Il leur lègue sa propre Divinité.

Nghĩa là:

Ngài trong cùng một lúc là CHA và THẦY,
 Bởi vì chính Ngài sanh ra tất cả con người chúng ta.
 Ngài nuôi dưỡng thân thể chúng ta bằng vật lành mạnh,
 Và tạo ra linh hồn chúng ta bằng phép thiêng liêng.
 Nơi Ngài, tất cả là thông thái và trí huệ,
 Sự tiến hóa của linh hồn là công nghiệp của Ngài không ngừng.

Những vật chất hèn mọn là châu báu trước mắt Ngài,
 Những linh hồn hèn hạ, Ngài biến chúng thành Thần Thánh.

Luật của Ngài là Bác ái, quyền của Ngài là Công chánh.
 Ngài chỉ biết đạo đức và không biết thói xấu.

CHA: Ngài ban cho các con Sanh khí của Ngài.

THẦY: Ngài di tặng cho họ cái Thiên tánh riêng của Ngài.

Đức Phạm Hộ Pháp diễn dịch ra thơ như sau:

Người cũng vẫn Cha, Thầy luôn một,
 Cả chơn linh, hải cốt tay Người.

Nuôi hình dùng vật tốt tươi,

Tạo hồn lấy phép tốt vời Chí Linh.

Nơi Người vốn quang minh cách trí,

Tấn hóa hồn phép quý không ngưng.

Vật hèn trước mắt thành trân,

Hồn hèn Người lại dành phần Phật, Tiên.

Luật thương yêu, quyền là ngay chánh,

Gần thiện căn, xa lánh phạm tâm.
 Làm Cha nuôi nặng ân cần,
 Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngời Tiên.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CHÁC

CHÁC

CHÁC: Chuốc lấy, rước lấy.

Td: Chác buộc, Chác tiếng.

Chác buộc

A: To search for.

P: S'attirer.

Chác: Chuốc lấy, rước lấy. **Buộc:** cột cho chặt.

Chác buộc là mang lấy đem cột vào người, nên luôn luôn bị ràng buộc, không còn được ung dung thơ thới.

TNHT: Chung đỉnh mảng tranh giành, lợi danh thường *chác buộc*, kiếp phù sanh không mấy lát,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chác tiếng bua danh

A: To seek glory.

P: Convoiter la gloire.

Chác: Chuốc lấy, rước lấy. **Tiếng:** tiếng tăm. **Bua:** đồng nghĩa với Chác. **Danh:** danh tiếng.

Chác tiếng bua danh là cầu lấy danh tiếng.

TĐ ĐPHP: Làm gương xấu cho kẻ *chác tiếng bua danh*, gây phe đảng, lập riêng tư làm nên thế lực.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CHÁNH (CHÍNH)

CHÁNH

1. **CHÁNH:** 正 Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy.
Td: Chánh danh, Chánh đạo.
2. **CHÁNH:** 正 Đứng đầu, lớn nhất.
Td: Chánh điện, Chánh môn.
3. **CHÁNH:** 政 Việc chánh trị, việc tổ chức trị an trong nước.
Td: Chánh kiến, Chánh trị.

Chánh Chủ khảo

正主考

A: The principal examiner.

P: L'examineur principal.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Chủ:** người có nhiệm vụ cốt yếu. **Khảo:** cuộc thi tuyển chọn người tài giỏi.

Chánh Chủ khảo là người đứng đầu trong công cuộc tổ chức thi tuyển và chấm thi để tuyển chọn người tài giỏi.

Thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn lập ra một Trường thi công quả cho chúng sanh đắc đạo. Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Di-Lạc làm Chánh Chủ khảo, tuyển đức lọc công, chấm phong người xứng đáng vào những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Cuộc thi lớn lao này dành cho toàn cả nhơn loại, gọi là cuộc Phán Xét Cuối Cùng hay Đại Hội Long Hoa, để sau đó lập đời Thượng nguơn Thánh đức.

KĐT: Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị.

Đây là cuộc thi chung kết trong suốt một chặn đường tiến hóa dài của nhơn loại, để rồi 700 ngàn năm sau nữa mới có một kỳ thi tương tự, chấm dứt nhiệm vụ phổ độ của ĐĐTKPĐ.

Tại sao Đức Chí Tôn không làm Chánh Chủ khảo mà lại giao cho Đức Di-Lạc Vương Phật?

Bởi vì Đức Chí Tôn đã làm Thầy, làm Cha, mở Đạo lo việc giáo hóa nhơn sanh, rèn luyện môn đệ chờ đến ngày thi cử để chứng tỏ tài năng. Nếu Thầy mà lại làm Giám khảo chấm thi học trò của mình thì người ta sẽ nghi ngờ ông Thầy tư vị học trò mình, làm mất lẽ công bình chăng? Vì Thầy bao giờ cũng muốn học trò mình thi đậu càng nhiều càng tốt.

Cho nên để khỏi ai dị nghị, và đúng lẽ công bình thì Thầy không làm Giám khảo mà giao nhiệm vụ này cho một vị khác, là Đức Phật Di-Lạc.

Cũng như thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Thích Ca mở đạo Phật giáo hóa các môn đồ, thì Đức Phật A-Di-Đà làm Chánh Chủ khảo chấm thi đậu rớt. Hai môn thi chánh của cuộc thi thời Nhị Kỳ Phổ Độ là **Công quả** và **Luyện đạo**. Phải thi đậu cả hai môn này thì mới đắc thành Tiên, Phật.

Nhưng đến thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn đại khai ân xá, nên Đức Chí Tôn miễn cho môn thi Luyện đạo, chỉ còn một môn thi Công quả. Thí sinh nào có đầy đủ công quả thì đắc đạo. Do đó, Đức Phật Di-Lạc phải thiết lập Bộ Công quả để căn cứ vào đó mà chấm thi đậu rớt.

KTTg: Bộ Công Di-Lạc Tam Kỳ độ sanh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KĐT: Kinh Đại Tường.

KTTg: Kinh Tiểu Tường.

Chánh chuyên (Chính chuyên)

正專

A: Faithful, constant (woman).

A: Fidèle, constant (femme).

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Chuyên:** chỉ chú ý một việc.

Chánh chuyên hay Chính chuyên là chỉ người phụ nữ đức hạnh, lòng dạ cứng cõi không thay đổi.

Bài thái hiến lễ Cửu Nương:

Chính chuyên buồn chẳng trọn đời.

Chánh danh (Chính danh)

正名

A: The true name.

P: Le vrai nom.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Danh:** tên.

Chánh danh hay Chính danh là cái tên gọi phải đúng theo cái nghĩa của nó.

Chính danh là một phần quan trọng trong học thuyết của Nho giáo do Đức Khổng Tử đề ra. Đó là một nguyên tắc về chánh trị có mục đích ổn định trật tự xã hội, làm cho đời loạn trở nên đời bình trị.

Chính danh, ví như gọi là vua thì phải làm đúng bổn phận của một ông vua, gọi là quan thì phải làm đúng bổn phận của một ông quan, nghĩa là làm đúng theo ý nghĩa của tên gọi; trái lại, như làm quan Hàn Lâm mà không biết chữ, làm Thừa phái mà không biết việc, như vậy là bất chính danh.

"Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành." Nghĩa là: Danh không chánh thì lời nói không xuôi, lời nói không xuôi thì việc không kết quả. Cho nên, người quân tử danh có chánh thì khá nói được, nói được thì ắt làm được. Bởi vậy người quân tử không bao giờ dám cầu thả lời nói.

Tôn chỉ Chánh danh của Đức Khổng Tử được Ngài phê diễn rõ rệt trong sách Xuân Thu của Ngài.

Ngài làm sách Xuân Thu là để bày tỏ cái ý nghĩa của sự Chánh danh định phận, khiến cho sự ngôn luận có tiêu chuẩn rõ ràng, chỉ rõ kẻ gian người ngay, kẻ nịnh người trung. Danh đã chánh thì việc gì đều có nghĩa của việc ấy, những tà thuyết không làm mờ tối chơn lý. Danh phận đã được định rõ thì người nào có địa vị và bổn phận chánh đáng của người ấy: Trên ra trên, dưới rằng dưới, trật tự phân minh, vua ra vua, tôi ra tôi, vua lấy lễ sai khiến bề tôi, bề tôi lấy lòng trung mà thờ vua.

Trong sách Luận Ngữ có chép như sau:

Một hôm Tử Lộ hỏi Đức Khổng Tử:

- Nếu vua nước Vệ nhờ thầy sửa việc chánh trị thì thầy làm việc gì trước?

Đức Khổng Tử đáp:

- Tất phải sửa danh cho chánh trước hết.

- Sửa danh cho chánh để làm gì?

- Anh quê mùa lắm! Người quân tử chưa biết điều gì thì đừng vội nói. Danh không chánh thì nói không xuôi, nói không xuôi thì việc không thành, việc không thành thì lễ nhạc không hưng, lễ nhạc không hưng thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết xử trí ra sao cho khỏi bị hình phạt. Cho nên, người quân tử, danh mà chánh thì tất nói được, nói được tất làm được.

Về sau, Tuân Tử cũng cho sự Chính danh là cần thiết. Tuân Tử có viết một chương về Chính danh phát huy được nhiều điều mới, nhưng ông thiên về mặt hình pháp, còn Đức Khổng Tử thì thiên về mặt đạo đức.

Một nước thịnh trị thì trong nước, vua phải ra vua, quan phải ra quan, cha phải ra cha, con phải ra con, thầy phải ra thầy. Làm chồng, làm vợ, làm cha, làm mẹ trong gia đình phải tròn trách nhiệm của mình thì con cái mới cảm phục và vâng lời, gia đình mới có trật tự và nề nếp, mới thuận hòa và hạnh phúc.

Gia đình là căn bản của xã hội. Nếu giữ được gia đình yên ổn thì xã hội mới trật tự phân minh. Như vậy, Chính danh là căn bản trong việc chánh trị của người xưa.

Chánh đại quang minh

正大光明

A: Upright and clear.

P: Droit et clair.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Đại:** lớn. **Quang:** sáng. **Minh:** sáng tỏ.

Chánh đại quang minh là ngay thẳng, rộng lớn, sáng tỏ.

Đó là đức tánh căn bản của người tu, mọi việc đều phải sáng tỏ, không làm điều gì mờ ám hay khuất lấp, trái đạo lý.

Chánh đạo - Chánh giáo

正道 - 正教

A: Right way, Orthodoxy.

P: Bonne voie, Orthodoxye.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Đạo:** con đường để cho các bậc Thánh Tiên bị đọa trần do theo mà trở về cựu vị. Đạo cũng là con đường để nhơn sanh đi theo mà lánh khỏi luân hồi. Trong nghĩa này, Đạo là tôn giáo. Chánh đạo đồng nghĩa Chánh giáo.

Chánh đạo hay Chánh giáo là một nền tôn giáo chơn chánh, dẫn dắt người tu mau đến chỗ đắc đạo.

Chánh đạo, cũng gọi là Chánh giáo, đối lại là Tà đạo hay Tà giáo, dẫn dắt người tu vào nẻo quanh co, đưa đến chỗ sai lầm hư hỏng, uổng công tu hành.

TNHT: Lại nữa, trước Thầy giao *Chánh giáo* cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà làm ra phạm giáo. Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao *Chánh giáo* cho tay phạm nữa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chánh đẳng Chánh giác

正等正覺

A: State of one who have the knowledge of all.

P: État de celui qui a la connaissance de tout.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Đẳng:** thứ bậc. **Giác:** biết rõ chơn lý.

Chánh đẳng là bậc chơn chánh. Chánh giác là giác ngộ chơn chánh, giác ngộ hoàn toàn.

Chánh đẳng Chánh giác là tiếng dịch nghĩa câu tiếng Phạn: Samyak Sambodhi, phiên âm ra là: Tam-diệu Tam-bồ-đề, nghĩa là ngôi vị cao nhất của bậc giác ngộ, sáng suốt hoàn toàn, đó là ngôi vị Phật.

Chánh điện

正殿

A: The principal palace.

P: Le palais principal.

Chánh: Đứng đầu, lớn nhất. **Điện:** toà nhà lớn.

Chánh điện là toà nhà lớn, đẹp đẽ và trang nghiêm, để làm nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Nơi Tòa Thánh hay Thánh Thất, Chánh điện còn được gọi là Bửu điện, tức là Bát Quái Đài, có đặt Thiên Nhân và long vị của các Đấng thiêng liêng để thờ phượng.

Phần trước của Chánh điện được gọi là Điện tiền.

Chánh lý

正理

A: The reason.

P: La raison.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Lý:** lẽ phải.

Chánh lý là lẽ phải đúng đắn.

TNHT: Thầy đến chuyển đạo lập lại vô vi, các con coi thử bên nào *chánh lý*: Hữu hình thì bị diệt đặng, chớ vô vi chẳng thế nào diệt đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chánh môn

正門

A: The portal.

P: Le portail.

Chánh: Đứng đầu, lớn nhất. **Môn:** cửa.

Chánh môn là cửa lớn nhất so với 12 cửa ra vào Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh.

Chánh môn ở ngay hướng phía trước Tòa Thánh, nơi khởi đầu của một đại lộ bề ngang 60 thước chạy thẳng về hướng Tây, nên cũng gọi là đại lộ Chánh môn.

Khi trước, Đức Phạm Hộ Pháp có chỉ dẫn Ban Kiến Trúc của Đạo vẽ họa đồ Chánh môn: Bề cao 36 thước, bề ngang 60 thước, cổng cổ kính tam quan, trên nóc đắp mái ngói có để cổ pháp Tam giáo.

Khi Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước làm Quyền Chương quản HTĐ, Ngài hợp tác với Tỉnh Trưởng tỉnh Tây Ninh lúc đó là Thiếu Tướng Lê Văn Tấn để lo xây cất Chánh môn. Một số vị cho rằng họa đồ Chánh môn của Ban Kiến Trúc vẽ theo lệnh của Đức Hộ Pháp thì Chánh môn cao tới 36 thước, như vậy thì cao quá, không thích hợp nên đề nghị Ty Kiến Thiết Tây Ninh vẽ họa đồ khác. Ty Kiến Thiết vẽ họa đồ Chánh môn chỉ cao 9 thước, ngang 54 thước, trên nóc đắp 2 rồng phò cổ pháp. Họa đồ này được Ngài Bảo Thế chấp thuận.

Ngài Bảo Thế ra lệnh cho Ban Kiến Trúc bỏ công thợ đến xây dựng, nhưng ông Tổng Giám Ban Kiến Trúc lúc đó là ông Lê Văn Thế không đồng ý xây dựng theo họa đồ do Ty Kiến Thiết Tây Ninh vẽ, vì không đúng theo lời dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, nên không chịu bỏ công thợ đến làm. Ngài Bảo Thế bắt lỗi, ra lệnh cho ông Chương quản CQPT thu quyền chức Tổng Giám của ông Lê Văn Thế và cử ông Phó Tổng Giám Trần Văn Lành lên thay, làm Tổng Giám cai quản Ban Kiến Trúc, vì ông Lành chịu phục lệnh của Ngài Bảo Thế. (Xem tiếp vụ này nơi chữ: Kiến Trúc, văn K, Q,2)

Ngày 10-7-1965 (âm 12-6-Ất Ty), Ngài Bảo Thế ra lệnh tổ chức lễ đặt viên gạch đầu tiên xây Chánh môn theo họa đồ của Ty Kiến Thiết Tây Ninh.

Ông Tân Tổng Giám Ban Kiến Trúc Trần Văn Lành bỏ công thợ đến xây dựng Chánh môn cho đến khi hoàn tất.

Đại lộ Chánh môn: là con đường lớn khởi đầu từ Chánh môn đi thẳng về hướng Tây, mở ra đến khi gặp quốc lộ. Đại lộ này có bề ngang 60 thước, bằng bề ngang Chánh môn.

Lễ khởi công mở Đại lộ Chánh môn ngày 25-3-Giáp Dần (dl 17-4-1974), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức nhắc lại bài

thi của Đức Phạm Hộ Pháp sáng tác hồi năm Mậu Tý (1948) nói về Đại lộ Chánh môn:

Đại đồng thiên hạ đó dĩ đây,
 Tiện mỗi lưu thông mở lộ này.
 Trước mặt Cao Đài xuyên đất Việt,
 Sau lưng tháp ngọc tận Trời Tây.
 Ngang bằng mặt rộng hai bên rãnh,
 Lưng thẳng thân to một lối ngay.
 Trên lộ dưới thuyền du khách ngoạn,
 Đường về tầm Đạo, động Thiên Thai.
 PHẠM HỘ PHÁP.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Chánh Ngọ - Chánh Tý

正午 - 正子

A: Midday - Midnight.

P: Plein midi - Plein minuit.

Chánh: Đứng đầu, lớn nhất. **Ngọ** là giờ Ngọ, tức là từ 12 giờ đến 14 giờ. **Tý** là giờ Tý, tức là từ 0 giờ đến 2 giờ khuya.

Chánh Ngọ là đầu giờ Ngọ, tức là lúc 12 giờ trưa.

Chánh Tý là đầu giờ Tý, tức là lúc 0 giờ, thường nói là lúc 12 giờ khuya. (Xem thêm chi tiết nơi chữ Âm lịch, vần Ấ)

Chánh nguyệt

正月

A: The first month of the lunar year.

P: Le premier mois de l'année lunaire.

Chánh: Đứng đầu, lớn nhất. **Nguyệt:** còn đọc là nguyệt: tháng.

Chánh nguyệt hay Chính nguyệt là tháng đầu năm âm lịch, tức là tháng Giêng âm lịch.

Chánh nhứt

正一

A: The first man.

P: Le premier homme.

Chánh: Đứng đầu, lớn nhứt. **Nhứt:** một.

Chánh nhứt là người số một đứng đầu.

TG: Tiên Thiên Chánh Nhứt, Thái Thượng Đạo Quân.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Chánh niệm

(Xem: Vọng niệm, văn V)

Chánh Phối Sư

正配師

A: The Principal Archbishop.

P: L'Archevêque Principal.

Chánh: Đứng đầu, lớn nhứt. **Phối Sư:** phẩm Chức sắc CTĐ đối phẩm với Thiên Thánh của BQĐ.

Chánh Phối Sư là người đứng đầu các vị Phối Sư.

Theo Pháp Chánh Truyền, phẩm Chánh Phối Sư không do công cử, mà do Đức Giáo Tông lựa chọn một vị trong 12 Phối Sư của mỗi phái lên làm Chánh Phối Sư cầm đầu 11 vị Phối Sư còn lại.

CTĐ có 3 phái: Thái, Thượng, Ngọc, nên có 3 Chánh Phối Sư: Thái Chánh Phối Sư, Thượng Chánh Phối Sư, Ngọc Chánh Phối Sư.

Quyền hành và Đạo phục của 3 Chánh Phối Sư được ghi rõ trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải.

BQĐ: Bát Quái Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Chánh quả

正果

A: The highest result.

P: Le résultat plus élevé.

Chánh: Đứng đầu, lớn nhất. **Quả:** cái kết quả.

Chánh quả là cái kết quả cao nhất của sự tu hành mà người tu chứng đắc được. Đó là ngôi vị Phật.

TNHT: Ngày thành Chánh quả có bao lâu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chánh tà

正邪

A: True and false, Orthodoxy and Heresy.

P: Vrai et faux, Orthodoxie et Hérésie.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Tà:** cong queo, không ngay thẳng.

Chánh tà có nghĩa đen là ngay thẳng và cong queo.

Đây là hai phần đối kháng nhau như nước với lửa, như Âm với Dương, như Địa ngục với Thiên đàng, như Phật với Ma, luôn luôn hiện hữu trong CKVT, tạo thành hai thế lực lôi cuốn theo hai chiều ngược nhau để thúc đẩy sự tiến hóa của vạn linh.

Đức Chí Tôn giải thích chánh tà trong 4 câu thi sau đây:

TNHT:

Lẽ Chánh tự nhiên có lẽ Tà,
Chánh Tà hai lẽ đoán sao ra.
Sao ra Tiên Phật, người trần tục,
Trần tục muốn thành phải đến Ta.

Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy về Tà Chánh như sau:

TNHT: "Tà Chánh, Cười.... Bần đạo nói thiệt, cũng chưa dám định đoạt. Trong cái rủi thường có sự may, trong cái may vẫn khép cầm sự rủi, khó lường được, điều cần là nên làm mà thôi.

Nếu luận Tà Chánh thì chưa một ai dám còn mang mất phạm xưng tụng mình là Chánh. Cái Tà vì Thiên thơ sử dụng, Tà vì cơ thử thách của Tam Giáo Tòa, Tà vì những quỷ xác ma hồn lẫn lộn của quỷ vương để làm cho công phu lỡ dở. Mỗi cái Tà có duyên cố ấy, ngày sau đều có sự biến đổi thiêng liêng hoặc có một kết quả.

Ngày chung qui chỉ đem về Thầy một chữ TÂM và những công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng.

Tà Chánh là do cái Tâm của mình mà thôi. Người theo một mối đạo Chánh mà tâm Tà thì cũng là Tà. Ngược lại, nếu rũi làm theo đạo Tà mà tâm vẫn Chánh thì vẫn là Chánh."

TĐ ĐPHP: "Triết lý nào giúp cho hơn loại bảo trọng cơ quan tạo đoạn bền bỉ vững chắc thì nó là Chánh. Triết lý nào xúi giục làm cho vạn vật tàn sát nhau, diệt hóa, tức nhiên Triết lý ấy là Tà."

Tóm lại, chúng ta có thể tóm tắt để rút ra định nghĩa Tà Chánh như sau:

- Chánh là những việc nào giúp cho sự tiến hóa của người và vạn vật được tốt đẹp, hay bảo tồn sự tiến hóa ấy. Những việc ấy cũng được gọi là Thiện.

- Tà là những việc làm trái lại, tức là những việc làm nào có hại cho sự tiến hóa hay đi ngược lại sự tiến hóa của người và vật trong CKVT. Đó là sự diệt hóa. Những việc làm diệt hóa đó còn được gọi là Ác.

Đó là quan niệm triết lý về Tà Chánh và Thiện Ác của Đạo Cao Đài.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Chánh tâm - Chơn tâm

正心 - 真心

A: The true heart. P: Le vrai coeur.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Tâm:** cái tâm của con người, nghĩa thông thường là lòng dạ. **Chơn:** thật.

Chánh tâm là cái tâm ngay thẳng, không tà vạy, đó cũng chính là cái tâm chơn thật, nên thường nói là Tâm chơn chánh.

Cho nên, Chánh tâm đồng nghĩa Chơn tâm.

Chánh tâm là một trong Bát điều mục của Nho giáo, dạy về cách tu thân để trở thành người quân tử. Bát điều mục là: Cách vật, Trí tri, Thành ý, Chánh tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ.

Trong sách Đại Học, chương Chánh tâm có viết:

"Tâm có điều tức giận thì không thể chánh, có điều sợ hãi thì không thể chánh, có điều ham mê thì không thể chánh, có điều lo buồn thì không thể chánh."

Như vậy, muốn Chánh tâm thì phải giữ cho tâm được quân bình, yên ổn, trong sạch. Nếu tâm không chánh thì sẽ muốn những điều không đáng muốn, ưa những điều không đáng ưa, yêu và ghét không đúng đối tượng, không hợp cách thức, không theo độ lượng. Con người như thế là hư hỏng sai lầm. Vì thế, ta cần phải giữ cái tâm cho chơn chánh luôn luôn, để cho ngôn ngữ và hành vi được đúng đắn, hợp đạo lý.

Chánh tế - Phụ tế

正祭 - 附祭

A: Principal funeral ceremony. - Secondary funeral ceremony.

P: Principale cérémonie funèbre. - Secondaire cérémonie funèbre.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Tế:** dâng cúng phẩm vật cho người chết. **Phụ:** phụ thuộc, không phải phần chánh.

Chánh tế là phần tế lễ chánh thức trong Tang lễ, long trọng với đầy đủ nghi tiết.

Phụ tế là phần tế lễ phụ thuộc trong Tang lễ, không quan trọng bằng Chánh tế, nối tiếp theo phần Chánh tế, với nghi thức chằm chế cho đơn giản.

Phần Chánh tế do Tang chủ đứng tế, có lễ sĩ dâng điện dâng cúng phẩm. Phần phụ tế để cho những bà con thân tộc đứng tế, không có lễ sĩ dâng điện.

Chánh thể

政體

A: Form of government.

P: Forme de gouvernement.

Chánh: Việc chánh trị, việc tổ chức trị an trong nước. **Thể:** hình thể, hình thức tổ chức.

Chánh thể của Đạo là hình thức tổ chức các cơ quan cầm quyền nền Đạo.

Chánh thể của Đạo được xác định bởi Pháp Chánh Truyền và Tân Luật của Đạo.

TNHT: Nhưng mà buộc phải lập *chánh thể*, có lớn có nhỏ đặng dễ thể cho các con diu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng đảo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chánh tín

(Xem: Mê tín, văn M)

Chánh trị & Đạo

政治 & 道

A: Politics and religion.

P: Politique et religion.

Chánh: Việc chánh trị, việc tổ chức trị an trong nước. **Trị:** sắp đặt, sửa sang công việc. **Đạo:** tôn giáo.

Chánh trị là sắp đặt và sửa sang các công việc trong một tổ chức lớn cho được ổn định và tiến triển tốt đẹp.

Quốc gia nào cũng có hai phần: Đời và Đạo, cho nên có Chánh trị Đời và Chánh trị Đạo. Nhưng thông thường khi nói đến Chánh trị là nói Chánh trị Đời.

Vậy Chánh trị Đời hay Chánh trị là gì? Có nhiều nghĩa:

- Chánh trị là những vấn đề tổ chức và điều khiển bộ máy cai trị của nhà nước.

■ Chánh trị là những hoạt động của một tầng lớp dân chúng hay của một nhóm người, của một đảng phái, nhằm đấu tranh với chánh quyền đang cai trị để giành lấy quyền lãnh đạo và cai trị quốc gia.

■ Chánh trị là những hoạt động đấu tranh có tính cách quần chúng để chống lại đường lối cai trị của chánh quyền bằng những phương thức hợp pháp, dựa vào cơ quan dân cử.

Người làm chánh trị thì chỉ biết mục tiêu tranh đấu và cứu cánh là then chốt. Họ chỉ biết trung thành với đường lối và quyền lợi của đảng phái hay phe nhóm của họ. Tất cả phương tiện để đạt được mục tiêu cứu cánh đó đều tốt và cần thiết, dù những phương tiện đó chánh đáng hay tà mị cũng đều được sử dụng triệt để.

Bởi vậy, chánh trị và đạo đức (tức là tôn giáo chọn chánh) không bao giờ đi đôi với nhau. Người ta thường nói: Người làm chánh trị phải có mặt dày, lòng đen.

Đức Chí Tôn giảng cơ nhiều lần dạy về sự khác biệt giữa Chánh trị và Đạo, xin trích ra như sau:

TNHT:

■ " Trung, mặc kệ nó. Chúng nghi các con lo quốc sự (chánh trị). Thầy vì các con xin lắm, mới ép lòng chịu vậy, chớ Chánh trị với Đạo chẳng buổi nào liên hiệp cùng nhau. Thầy nói ít, các con hiểu nhiều."

■ "Thầy tưởng các con đã hiểu vì có nào Chánh phủ Lang sa (Pháp) nghi ngờ như vậy, vì các con chẳng tỏ ra rằng: Đạo là Đạo, còn Chánh trị là Chánh trị, các con chỉ vì Đạo là phận sự của các con, các con cũng chỉ biết Đạo mà thôi.

Các con cũng nên bạo gan mà nói trước mặt Vạn quốc cùng chánh phủ rằng: Các con là người Đạo, chỉ biết giúp đỡ nhơn sanh, dạy dỗ nhơn sanh, chớ chẳng biết Chánh trị là gì, dầu ai buộc các con cam đoan thì Thầy tưởng các con cũng không ái ngại."

■ "Trong Đạo, duy có một điều làm cho chánh phủ không vừa lòng là mỗi nước muốn cho phân cách nhau, mà Đạo thì lại hiệp, các con cũng nên nói với người Lang sa rằng:

Nhờ Đạo mà các sắc dân được yêu nhau, mến nhau, lấy sự yêu mến mà buộc tình người thì quyền hành kia mới bền vững."

Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang có phát biểu:

"Trị nước thì có nhà cầm quyền quốc gia, trị Đạo thì có các nhà bình cán tôn giáo. Tôn giáo không trị nước được, cũng như Chánh quyền không thể điều khiển Đạo giáo được. Thế thì hô hào làm gì!

Không thể xen Chánh trị vào Tôn giáo, cũng như không thể xen Tôn giáo vào Chánh trị. Nếu đi sai nguyên tắc đó thì chắc chắn là nắm thất bại trong tay, và có hô hào hoặc không chịu lên tiếng đều do ý niệm riêng biệt của Đạo giáo, người thức thời vụ phải biết rõ." (Nguyệt san ThôngTin số 112, trang 16)

Chức sắc Cao Đài được tham gia làm Chánh trị không?

Trả lời: Không, dứt khoát là không, vì luật pháp của Đạo Cao Đài tuy không ghi rõ là nghiêm cấm Chức sắc làm chánh trị, nhưng lại nói rõ rằng:

- Buộc Chức sắc phải phé đời hành Đạo,
- Nghiêm cấm Chức sắc mượn danh Đạo tạo danh đời,
- Nghiêm cấm Chức sắc lợi dụng danh Đạo làm điều bất chánh.

Như thế là rõ ràng là luật pháp của Đạo Cao Đài cấm hẳn Chức sắc làm chánh trị.

Những điều luật trên, xin chép rõ ra sau đây:

1) Theo Đạo Nghị Định thứ 5 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp: Điều thứ nhất: Buộc cả Chức sắc đã thọ phong phải phé đời hành Đạo.

(Đã phé bỏ việc đời rồi thì đâu còn làm chánh trị được).

2) Theo Đạo Luật năm Mậu Dần (1938):

- Nếu như một ai còn đương quyền đời mà muốn vào hàng phẩm Chức việc thì phải từ bỏ quyền đờiặng để trọn tâm lo tròn trách nhiệm Đạo.

3) Trong Thập hình của Đức Lý Giáo Tông:

* **Đệ nhị hình:** Chư Chức sắc Thiên phong không tùng mạng lệnh của Hội Thánh:

- Thuyên bổ không đi.
- Không trọn phé đời hành đạo.
- Bỏ bê phận sự.

Những vị nào phạm vào các điều trên đây thì bị khép vào tội thứ hai trong Thập hình của Đức Lý Giáo Tông, nghĩa là giáng cấp tới hàng tín đồ hay là buộc hành đạo ngoại quốc, trừ ra các xứ lân bang Nam quốc như Ai Lao, Tản quốc.

* **Đệ tam hình:**

- Làm nhơ danh Đạo.
- Mượn danh Đạo tạo danh đời.
- Lợi dụng danh Đạo làm điều bất chánh.

Những vị nào phạm vào các khoản trên đây thì bị khép vào tội thứ ba trong Thập hình của Đức Lý Giáo Tông, nghĩa là giáng cấp từ đương quyền xuống tới hai hay là một cấp.

Do đó, một vị Chức sắc của Đạo Cao Đài, nếu lấy danh nghĩa Chức sắc mà đi làm chánh trị, dù dưới bất cứ hình thức nào, đều là một trong tội đối với luật pháp của Đạo.

Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, nếu một Chức sắc muốn làm chánh trị, như tham gia vào các chức vụ trong chánh quyền đời hay ở cơ quan dân cử lập pháp, buộc vị Chức sắc ấy phải làm đơn xin giao phẩm tước Chức sắc lại cho Hội Thánh, rồi mới được tham gia vào chánh quyền đời với tư cách là một tín đồ bình thường và là một công dân của quốc gia.

Sau khi hết hoạt động chánh trị, muốn trở lại tu hành, vị đó phải làm đơn xin Hội Thánh cho phục hồi phẩm vị Chức sắc cũ, và lúc đó Hội Thánh sẽ định đoạt.

Tôn giáo là siêu chánh trị:

"Những người trong cửa Đạo từ lâu không dám bàn đến hai tiếng CHÁNH TRỊ, vì quan niệm rằng chánh trị là có lập phe đảng, có tranh bá đồ vương, có giựt giành quyền thế. Tại hiểu như vậy nên không dám nghĩ và bàn đến hai tiếng ấy.

Thật nghĩa của nó là cao cả biết bao!

Định nghĩa: CHÁNH là chánh trực, quang minh, ngay thẳng, đúng đắn, có nhân nghĩa đạo đức và háo sinh. TRỊ là an ninh, bảo tồn trật tự, hòa thuận dưới trên.

Trên thế gian này, nhưn loại vì còn những quốc gia trong vòng loạn lạc triền miên, danh từ Chánh trị bị lạm dụng vì người chấp hành không đúng nghĩa của nó. Bởi đó mà danh từ ấy không được đề cập trong cửa tôn giáo hay đạo giáo.

Ngày nay cũng như từ bao giờ, những phần tử tốt, tu hành chơn chánh trong cửa Đạo, hằng hoàn thiện hóa từ nội tâm đến ngoại thể con người cho đúng với hai chữ đạo đức. Đó là phần vụ Tu Thân. Còn phần lập công bồi đức là việc tế nhưn độ thế. Làm những công việc xã hội từ thiện, lấy lý Đạo lồng vào việc làm để tỉnh thức kẻ tội lỗi hung ác trở lại đường thiện lương thuần mỹ, giáo dân vi thiện.

Độ được một người vào cửa thiện là giảm đi một phần tử xấu của quốc gia. Độ được một người biết làm công việc giáo dân vi thiện là đã bớt đi hàng trăm phần tử xấu của quốc gia.

Nếu độ được trăm ngàn muôn triệu người như vậy thì một quốc gia sẽ giảm đi rất nhiều khám đường và sẽ chuyển những cơ sở ấy lại thành Giáo Đường.

Như vậy, không phải **Đạo đức là Siêu Chánh trị** hay sao?

Nếu mỗi người thương nhau trong tình Đạo hữu, trong tình anh chị em cùng một Cha chung Thượng Đế, lo dìu dắt nhau, bảo trợ nhau, dạy dỗ nhau như người cùng ruột thịt thì xã hội quốc gia đương nhiên an bình, dân tình được lạc nghiệp.

Việc làm ấy trong quyền pháp ĐĐTKPĐ đã ấn định rõ ràng từ buổi sơ khai Đại Đạo.

Nếu cấp thừa hành đứng đắn nghiêm chỉnh phổ độ chúng sanh càng đông thì quốc gia xã hội sớm thanh bình thịnh trị. Được thịnh trị nhờ chữ CHÁNH: Chánh tâm, Chánh trực, Chánh tín, từ lớn chí nhỏ, từ quan chí dân, từ kẻ sĩ phu tới hàng cùng đinh mà được Chánh thì lo gì không thịnh trị an ninh, quốc gia cường thịnh, xã hội thanh bình.

Đó không phải **Đạo đức là Siêu Chánh trị** hay sao?

Người làm đạo đức là làm Chánh trị trong tình thương yêu, giáo dục và bảo tồn.

Dầu mang sắc thái riêng biệt của mỗi tôn giáo, mỗi tổ chức hành đạo có khác nhau, nhưng cái cứu cánh căn bản của nó là tế nhân lợi vật, giáo dân vi thiện, để đem lại xã hội thanh bình, quốc gia thịnh trị trong tình thương.

Người lãnh đạo xem dân như con đẻ, dân xem người lãnh đạo như cha sanh. Bổn phận, nhiệm vụ và quyền lợi tương thân tương trợ trong đường lối Chánh tâm, Chánh trực. Đó là đạo làm người ở thế gian. Đừng hiểu rằng vào Đạo là trốn tất cả sự đời, mà phải hiểu vào đạo có hai phần: Một phần về tâm linh, một phần về nhơn sanh thế đạo. Nếu đóng cửa độc thiện kỳ thân thì Thượng Đế cũng không mở Đạo mà làm gì.

Giữa thời buổi loạn ly cũng là giữa lúc phân Chánh biệt Tà, phân thanh lóng trược, cũng là buổi sàng sảy thanh lọc.

Bao nhiêu căn duyên nghiệp quả mới hưởng được buổi lập đời Thượng nguơn Thánh đức. Đừng vì ngoại cảnh để mất phong độ cốt cách của người tu hành.

Nếu đạo đức không đem lại sự an bình thịnh trị thì Thượng Đế cũng không mở Đạo làm chi!" (Trích trong Thánh giáo Sưu tập)

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chánh Trị Đạo

政治道

A: The religious politics.

P: La politique religieuse.

Chánh: Việc chánh trị, việc tổ chức trị an trong nước. **Trị:** sắp đặt và sửa sang công việc cho tiến triển tốt đẹp. **Đạo:** tôn giáo.

Chánh trị Đạo là một tổ chức cầm quyền cai trị trong Đạo, có nhiệm vụ hướng dẫn các tín đồ đi đúng theo con đường đạo đức để đạt đến hạnh phúc và bảo tồn sanh chúng.

Chánh trị Đạo khác hẳn Chánh trị Đời, tức là khác hẳn Chánh trị của xã hội quốc gia, vì Chánh trị Đạo chỉ thuần túy về đạo đức tu hành mà thôi.

TĐ ĐPHP: "Bản đạo nói quyết một điều là Chánh trị Đạo mà có dính một chút quyền đời thì dị hợm xấu xa lắm vậy! Bởi tinh thần không chịu vật chất, vật chất không hề hòa thuận với tinh thần. Trường quan lại của nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn khác hơn đời, chúng ta chỉ lấy đạo đức hơn nghĩa làm quyền, còn ngoài kia họ lấy quyền lực cưỡng bức, hai cái so nhau khác hẳn.

Trong cửa Đạo, nếu chẳng biết quyền mình là gì, lại bắt chước đồ theo tâm lý thiên hạ, cưỡng bức vô đạo đức, vô hơn tình, thì quả nhiên sai hẳn. Quyền của chúng ta là chỉ lấy đạo đức tinh thần của tổ phụ ta để lại trong 4000 năm làm huệ kiếm để bảo trọng quốc hồn của nòi giống mới trúnng, còn ngoài ra dùng phương pháp khác là sai lầm."

Khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đăng Tiên vào năm 1934, do lệnh Ngọc Hư Cung, Đức Lý Giáo Tông giao quyền Giáo Tông tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Ngài nắm quyền Thống nhất, Chương quản Nhị hữu hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng, Đức Ngài lo củng cố nền Đạo đang rã rời vì sự phá khuấy của Ban Chính Đạo Bến Tre, bằng cách tổ chức lại nền Đạo thành 4 cơ quan theo Đạo luật Mậu Dần (1938), gọi là 4 cơ quan Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài, kể ra:

I. Hành Chánh Đạo:

Hành Chánh Đạo là cơ quan để thi hành các luật lệnh của Hội Thánh, hoặc của chúng sanh dâng lên mà đã có Quyền Chí Tôn phê chuẩn, nghĩa là buộc chúng sanh phải tuân y luật pháp mà đi trên con đường đạo đức cho đặng thông dong, hòa bình, trật tự, hạnh phúc, tức là thực hành cả khuôn viên luật pháp cho ra thiết tướng.

Cầm đầu cơ quan Hành Chánh Đạo là 3 vị Đầu Sư Nam và vị Nữ Đầu Sư thuộc CTĐ.

II. Phổ Tế:

Phổ Tế là cơ quan để cứu vớt hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng an ủi khuyên lơn những kẻ đã bị luật pháp buộc ràng mà phể vong phạm sự, hay là độ rỗi những kẻ hữu tâm tâm Đạo.

Cầm đầu cơ quan Phổ Tế là một Chức sắc CTĐ làm Chủ Trưởng.

III. Phước Thiện:

Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc những kẻ tật nguyền, cô độc, dốt nát, hoặc giúp tay cho bên Hành Chánh thi hành luật pháp cho đặng dễ dàng trọn vẹn. (Xem chi tiết nơi chữ: Phước Thiện, và P)

Cầm đầu CQPT là 2 vị Chưởng quản Phước Thiện Nam và Nữ phái.

IV. Tòa Đạo: (Bộ Pháp Chánh)

Tòa Đạo hay Bộ Pháp Chánh là cơ quan bảo thủ chơn truyền, giữ gìn luật pháp Đạo, chăm nom chư Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu thi hành phạm sự, che chở kẻ yếu tha, bình vực những người cô thế, hoặc tiếp cả sự uất ức bất công của toàn sanh chúng, tức là giữ nét công bình trên mặt Đạo, lại cũng là một cơ quan giúp cho Hành Chánh, Phước Thiện và Phổ Tế thêm oai quyền mạnh mẽ tôn nghiêm đặc sắc.

Tóm lại là lập phương bảo toàn sanh chúng khỏi điều thống thiết đau khổ với nét oai nghiêm của Chức sắc đương quyền hành chánh. (Xem chi tiết nơi chữ: Bộ Pháp Chánh)

Cầm đầu Bộ Pháp Chánh là một vị Thời Quân chi Pháp, Chưởng quản Bộ Pháp Chánh.

Mỗi năm vào ngày Lễ Vía Đức Chí Tôn, mừng 9 tháng Giêng, tất cả các Chức sắc Thiên phong Nam Nữ có trách nhiệm trong nền Chánh Trị Đạo phải hội nhóm tại Tòa Thánh đặng chia ra quan sát Tờ Vi bằng của Quyền Vạn Linh ước vọng, cùng tầm phương pháp thực hành cho nên mặt Đạo.

Sau khi 4 cơ quan của nền Chánh Trị Đạo hiệp nhau lập luật và quyết định phương pháp thực thành thì buộc Hội Thánh phải thi hành y theo, tức nhiên nó sẽ thành luật, bởi vì theo Thiên ý của Đức Chí Tôn là để trọn quyền cho chúng sanh tự lập luật mà tu, nên các nguyện ước của Quyền Vạn linh cầu nài và Quyền Chí Tôn công nhận nhập thành với Tân Luật gọi là Luật Hội Thánh.

Trong kỳ hạn 6 tháng, Hội Thánh sẽ phái một Ban Thanh Tra đi xem xét các hành động của 4 cơ quan Chánh Trị Đạo cho đặng am hiểu để tầm phương hay giúp Hội Thánh chấn chỉnh lại cho đặc sắc. (Trích Đạo Luật Mậu Dần 1938).

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Chánh Trị Sự - Phó Trị Sự - Thông sự

正治事 - 副治事 - 通事

Chánh: Việc chánh trị, việc tổ chức trị an trong nước. **Phó:** bực thứ, đứng dưới bực Chánh. **Sự:** việc. **Thông:** suốt qua, truyền đạt.

Chánh Trị Sự là phẩm Chức việc do Đức Lý Giáo Tông lập ra để làm đầu một Hương đạo, gọi là Đầu Hương đạo, có phận sự coi về hành chánh và luật pháp trong một Hương đạo.

Hương đạo là một tập thể các tín đồ cư ngụ trong một xã hay một làng. Một Hương đạo được chia làm nhiều Ấp đạo.

Phó Trị Sự là phẩm Chức việc do Đức Lý Giáo Tông lập ra để giúp việc cho Chánh Trị Sự và làm đầu một Ấp đạo về phương diện hành chánh.

Thông sự là phẩm Chức việc do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra để coi về Luật pháp trong một Ấp đạo.

Với nhiệm vụ đặc biệt của mỗi vị Chức việc trong Hương đạo, nên PCT gọi:

■ **Chánh Trị Sự là Đầu Sự Em**, vì nắm cả hai quyền: Hành Chánh và Luật pháp trong một Hương đạo. Còn Đầu Sự thì nắm cả hai quyền Hành chánh và Luật pháp của cả CTĐ.

■ **Phó Trị Sự là Giáo Tông Em**, vì chỉ nắm quyền Hành chánh trong một Ấp đạo. Còn Đức Giáo Tông thì nắm quyền Hành chánh của cả nền ĐĐTKPĐ. Nhiệm vụ của Phó Trị Sự và Đức Giáo Tông thì giống nhau nhưng phạm vi quyền hạn lớn nhỏ thì khác nhau.

■ **Thông Sự là Hộ Pháp Em**, vì chỉ nắm quyền về Luật pháp trong một Ấp đạo. Còn Đức Hộ Pháp thì nắm quyền về Luật pháp của cả nền Đạo của Đức Chí Tôn. Nhiệm vụ thì giống nhau, nhưng phạm vi quyền hạn lớn nhỏ thì khác nhau.

Trong một Hương đạo, chỉ có một vị Chánh Trị Sự làm Đầu Hương đạo, nhưng có nhiều Phó Trị Sự và nhiều Thông Sự tùy theo Hương đạo ấy có bao nhiêu Ấp đạo.

Các vị Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự trong một Hương đạo được gọi chung là Chức việc Bàn Trị Sự Hương đạo.

Đối với Hội Thánh ở Trung ương thì gọi là Hội Thánh Anh, còn các Chức việc Bàn Trị Sự ở Hương đạo được gọi là Hội Thánh Em. Hội Thánh Anh cai quản toàn đạo, còn Hội Thánh Em chỉ cai quản một Hương đạo mà thôi.

Hội Thánh Anh chỉ có một ở trung ương, nhưng Hội Thánh Em thì có rất nhiều, hằng vạn hằng ức ở khắp các địa phương trong nước và cả thế giới. Hội Thánh Em làm nền tảng cho Hội Thánh Anh ở trung ương. Cho nên, dầu Hội Thánh Anh có bị hoàn cảnh làm cho mất đi mà Hội Thánh Em ở các địa phương còn thì nền Đạo vẫn còn.

- Quyền hành, Bồn phạt, Luật công cử, quyền sửa trị của Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự: **Xem: Bàn Trị Sự, văn B.**
- Đạo phục của Nam Nữ Chức việc Bàn Trị Sự: Xem Pháp Chánh Truyền Chú giải.

Luật Cầu phong:

Chiếu theo Thánh giáo của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Chánh Trị Sự có 5 năm công nghiệp đầy đủ với chức trách của mình, có Tờ Kiết chứng công nghiệp, Tờ Tánh hạnh, trường trai, đạo đức, đủ tư cách và phải độ đặng 300 người nhập môn (chẳng kể số Đạo hữu của Cựu Chánh Trị Sự đã độ đặng) thì

mới đem vào sổ cầu phong thăng thưởng lên phẩm Lễ Sanh. Việc Cầu phong này phải đưa ra Quyền Vạn linh định đoạt.

Khi đắc phong rồi, phải học Đạo nơi Hạnh Đường Tòa Thánh, và phải đi tập sự một thời gian, chừng nào đủ tài đức cầm quyền hành chánh thì mới đăng bổ làm Đầu Tộc Đạo.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Chánh truyền

正傳

A: The true doctrine.

P: La vraie doctrine.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Truyền:** trao lại.

Chánh truyền là Giáo lý chọn chánh được truyền lại.

TNHT: Từ trước Ta giáng sanh lập Phật giáo gần sáu ngàn năm thì Phật đạo *chánh truyền* gần thay đổi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chánh tự

正字

A: The official writing.

P: L'écriture officielle.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Tự:** chữ viết.

Chánh tự là chữ viết chánh thức dùng để chép kinh sách và dạy Đạo.

Phật giáo dùng chữ Phạn để chép Tam Tạng Kinh của Phật giáo, nên chữ Phạn là chánh tự của Phật giáo.

Ngày nay, Đức Chí Tôn chọn VN để mở ĐĐTKPĐ, nên Đức Chí Tôn chọn chữ quốc ngữ của VN làm chánh tự để truyền đạo, chép các kinh sách của Đạo, và giảng giải đạo lý.

Vả lại, chữ VN có một ưu điểm mà không một thứ chữ viết nào trên thế giới có thể so sánh được, bởi vì lẽ nó là tiếng đơn

âm, và viết theo mẫu tự La-tinh, nên rất dễ học và rất tiện dụng. Nó thể hiện sự hòa hợp tuyệt diệu giữa hai nền văn hóa Đông phương và Tây phương, nên rất đáng được Đức Chí Tôn chọn làm chánh tự để mở Đạo Cao Đài cho toàn thế giới.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn ngày 29-7-Bính Dần (1926), chép trong Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, có đoạn Đức Chí Tôn nói với Hòa Thượng Như Nhãn như sau:

*"Như Nhãn hiền đồ! Thầy không muốn nói với con bằng Hồn ngôn, vì tiếng An Nam từ đây Thầy cho là **Chánh tự** đặng lập Đạo của Thầy nên buộc phải nói rõ với con."*

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chánh văn

正文

A: The legitimate literature.

P: La littérature légitime.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Văn:** văn chương.

Chánh văn là văn chương chánh đáng, đúng cách.

KNH: Soi tường chọn lý, chỉ rành *chánh văn*.

KNH: Kinh Nhập Hội.

Chánh vị

正位

A: The official dignity.

P: La dignité officielle.

Chánh: Ngay thẳng, đúng đắn, không tà vạy. **Vị:** phẩm vị, địa vị.

■ *Chánh vị là phẩm vị chánh thức được Hội Thánh nhìn nhận.*

Hiến pháp HTĐ qui định rằng: phẩm Luật Sư do khoa mục tuyển chọn, tức là phải trải qua một kỳ thi tuyển. Sau khi đậu

rồi, phải học Đạo và tập sự trong một thời gian là một năm thì Hội Thánh HTĐ mới nhìn nhận vào hàng Luật Sự chánh vị.

■ *Chánh vị còn có nghĩa là phẩm vị thiết thọ, không phải quyền tạm.*

Các phẩm vị Chức sắc cao cấp CTĐ như Chánh Phối Sư, Đầu Sư, thường được Đức Lý Giáo Tông phong làm Quyền, rồi sau khi hành sự được vài năm mới được đưa vào hàng chánh vị.

Thí dụ như: Quyền Thượng Chánh Phối Sư, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, như vậy là chưa được vào chánh vị. Khi được vào chánh vị rồi thì không có chữ Quyền phía trước, chỉ gọi là Thượng Chánh Phối Sư hay Ngọc Chánh Phối Sư.

Trường hợp Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung:

Quyền hành Giáo Tông được phân ra làm hai: Quyền hành thiêng liêng và quyền hành tại thế. Quyền hành Giáo Tông thiêng liêng vẫn do Đức Lý Thái Bạch nắm giữ, Đức Lý giao quyền Giáo Tông tại thế cho Ngài Lê Văn Trung, nên toàn đạo gọi Ngài là Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CHÀY

Chày kình

A: The bell-stick.

P: Le pilon gravé la forme de baleine.

Chày: khúc gỗ dài dùng để động hay giã. **Kình:** cá kình, một loại vớt cá ông ở biển.

Chày kình là cái chày bằng gỗ mà ở đầu có chạm hình cá kình, dùng để động chuông nơi Thánh Thất hay Điện Thờ.

Tương truyền, thuở xưa nơi bờ biển có một loại thú tên là con bò lao, nó rất sợ cá kình, vì cá kình thường bơi vào bờ để

đánh bồ lao. Mỗi khi bồ lao bị cá kinh đánh thì nó hét vang lên, tiếng kêu rất lớn.

Vì thế, người xưa thường đúc đỉnh chuông có hình hai con bồ lao, tạo thành hai cái quai để treo chuông, còn cái chày gỗ thì chạm hình con cá kinh. Người ta tin rằng khi chày kinh động vào chuông bồ lao thì nó phát ra tiếng chuông thật to.

Do đó, tiếng chày kinh là chỉ tiếng chuông chùa, hay chỉ việc tụng kinh gõ chuông gõ mõ tu hành.

Thơ của Chu Mạnh Trinh:

Thoảng bên tai một tiếng *chày kinh*,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.

TNHT: Cân vàng khôn lấy nện *chày kinh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHÂM

CHÂM

CHÂM: 斟 Rót rượu, thêm vào.

Td: Châm chén, Châm chước.

Châm chén

斟制

A: To attenuate, to tolerate.

P: Atténuer, tolérer.

Châm: Rót rượu, thêm vào. **Ché:** ngăn cấm, bớt ra.

Châm chén có nghĩa đen là thêm vô hay bớt ra cho vừa.

Nghĩa thường dùng: - *Giảm nhẹ bớt yêu cầu.* - *Chiếu cố mà tha thứ.*

TNHT: Còn sự tự hối của mỗi đấng, sau này ra sao thì tăng tội phước, cũng vì đó là *châm chén*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Châm chước

斟酌

A: To simplify.

P: Simplifier.

Châm: Rót rượu, thêm vào. **Chước:** rót rượu, liệu lượng cho thỏa đáng.

Châm chước là người này rót rượu mời người kia, người kia lại rót rượu mời lại người này.

Như thế là đều hòa cho hai bên. Đó là nghĩa đen.

Nghĩa thường dùng là: Thêm bớt hai bên sao cho vừa phải với nhau.

Nghi châm chước: là nghi thức tế lễ có bớt đi một số lớn tiết mục để cho đơn giản và ít mất thời gian.

Trong Tang lễ, khi phụ tế thì dùng nghi châm chước.

Châm tửu

斟酒

A: To pour the wine.

P: Verser de vin.

Châm: Rót rượu, thêm vào. **Tửu:** rượu.

Châm tửu là rót rượu.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi thức tế lễ. Khi lễ sĩ xướng: "Châm tửu" thì người chấp sự rót rượu vào ly trên bàn thờ, để làm lễ dâng rượu.

CHÂN

CHÂN

(Xem: Chơn)

CHẤN

Chấn động

震動

A: To shake.

P: Ébranler.

Chấn: vang động cả lên. **Động:** chuyển động.

Chấn động là vang động lừng lẫy cả lên.

TNHT: Những bậc Tiên Thánh báo tin ngày Giáng sinh *chấn động* của Chúa Cứu Thế Jésus.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chấn hưng

振興

A: To ameliorate.

P: Améliorer.

Chấn: sắp đặt lại cho hoàn chỉnh hơn. **Hưng:** thịnh vượng.

Chấn hưng là sắp đặt lại cho hoàn chỉnh và thịnh vượng hơn.

TNHT: Vì vậy là Thầy muốn cho mỗi đấng đều để lòng lo liệu chấn hưng nền Thánh giáo.

Phật giáo Chấn hưng: Lúc sơ khai nền Đạo, vào giữa năm Bính Dần (1926), nhà cầm quyền Pháp hỏi quý vị tiên khai đây là mối Đạo gì? Quý vị ấy chưa dám nói đây là Đạo Cao Đài, là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vì những từ ngữ này còn mới mẻ quá, chỉ nói vắn tắt với nhà cầm quyền Pháp, đây là Phật giáo chấn hưng hay Phật giáo canh tân (Bouddhisme renové).

Thật vậy, Đạo Cao Đài không những chấn hưng Phật giáo mà chấn hưng cả Tứ giáo nữa: Đó là chấn hưng Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo và Thánh giáo Gia Tô.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHẪN

Chấn bản

賑貧

A: To relieve the poors.

P: Assister les pauvres.

Chấn: đem cho, cứu giúp. **Bản:** nghèo.

Chấn bản là đem tiền bạc, vật thực, thuốc men đến giúp đỡ người nghèo khổ.

KSH: Thí tiền thí bạc *chấn bản*.

KSH: Kinh Sám Hối.

CHẤP

CHẤP

CHẤP: 執 có hai nghĩa tùy trường hợp:

1. **CHẤP:** Cầm giữ.
Td: Chấp bút, Chấp sự.
2. **CHẤP:** Câu nệ, để ý ghi nhớ lỗi lầm của người.
Td: Chấp ngã, Chấp trách.

Chấp bút

執筆

A: To hold pencil for realization of a spiritistic seance.

P: Tenir le crayon pour réaliser une séance spirite.

Chấp: Cầm giữ. **Bút:** cây viết.

Chấp bút là đồng tử tay cầm cây viết (thường là viết chì) đặt trên tờ giấy trắng, chờ một Đấng thiêng liêng giáng điển vào cánh tay cầm bút để tay viết ra chữ trên tờ giấy.

Chấp bút là một hình thức thông công với các Đấng thiêng liêng, nhưng chỉ cần một đồng tử, nên thường được dùng trong trường hợp khẩn cấp và cần giữ bí mật.

Đồng tử ngồi chấp bút phải là người có đạo hạnh thanh cao, trường chay, tuyệt dục để chơn thần được tinh tấn, thân thể và y phục phải sạch sẽ, nghiêm trang, tay cầm bút phải xông hương khử trừ, tâm phải tịnh, ý tưởng phải trong sạch, không không. Khi ngồi chấp bút, phải ngồi ngay ngắn, nghiêm trang.

Đức Chí Tôn dạy như sau:

TNHT: "Còn chấp bút, khi Thầy đến thì làm cho thần của con bất định một lát cho thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết, ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt mới thấu đáo Càn Khôn, tinh thông vạn vật đặng."

"Kẻ phò cơ, chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chấp mê

執迷

A: To be obstinate in blinding.

P: S'obstiner dans l'obscurcissement.

Chấp: Câu nệ, để ý ghi nhớ lỗi lầm của người. **Mê:** mê muội, không tỉnh.

Chấp mê là cố chấp một cách mê muội, đã làm lạc mà không biết lại cố chấp nó.

Chấp mê bất ngộ: Cố chấp trong mê muội thì không bao giờ có thể giác ngộ được.

Chấp ngã

執我

A: The egotism.

P: L'égotisme.

Chấp: Câu nệ, để ý ghi nhớ lỗi lầm của người. **Ngã:** cái ta của mỗi người.

Chấp ngã là cố chấp cái ta của mình, cho rằng chỉ có mình là hiểu biết đúng, cái hiểu của người khác thì sai, chỉ có mình là tài giỏi hơn hết.

Sự chấp ngã đưa đến Ngã mạn, kiêu căng, tự tôn tự đại.

Vì chấp ngã nên không thấy được cái dở, cái xấu của mình để sửa đổi và tiến bộ; cũng không thấy được cái hay của người khác mà học hỏi bắt chước.

Chấp ngã thì mê muội, không tiến hóa, và bị mọi người xa lánh, dễ đi đến chỗ thất bại trong mọi hoạt động.

Chấp sự giả các tư kỳ sự

執事者各司其事

A: Each officer in charge according to one's affair.

P: Que ceux qui ont un rôle prennent place.

Chấp: Cầm giữ. **Sự:** việc. **Giả:** người. **Các:** mỗi người. **Tư:** coi giữ. **Kỳ:** cái ấy.

Chấp sự giả: Người chấp sự, tức là người được phân công giữ một công việc trong một đàn cúng tế.

Chấp sự giả các tư kỳ sự là người được phân công phần việc nào thì đến giữ phần việc ấy.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi tiết cúng đại đàn nơi Báo Ân Từ, Điện Thờ Phật Mẫu hay Thánh Thất. Khi lễ sĩ xướng câu này, những vị có trách nhiệm trong đàn cúng phải đứng tại vị trí phận sự của mình, dự bị sẵn sàng để thi hành nhiệm vụ, không được để cho sơ thất mà mang tội với các Đấng thiêng liêng.

Chấp thủ

執手

Chấp: Cầm giữ. **Thủ:** tay, cầm bằng tay.

Chấp thủ là nói tắt thành ngữ: Thủ cơ chấp bút, nghĩa là phò cơ và chấp bút.

Đó là hai cách thông công với các Đấng Thiêng liêng.

TNHT: Thủ cơ hay là chấp bút, phải để cho thần, tâm tịnh mà xuất chơn thần ra khỏi phách đặng đến hầu Thầy nghe dạy. Khi *chấp thủ* thì tay tuân theo chơn thần nói lại mà viết ra, mường tượng như con đặt để, con hiểu đặng vậy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chấp trách

執責

A: To hold a grudge.

P: Garder rancune.

Chấp: Câu nệ, để ý ghi nhớ lỗi lầm của người. **Trách:** quở phạt.

Chấp trách là vịn vào một lý do về việc làm sai trái để trách phạt.

TNHT: Thầy chẳng buổi nào *chấp trách* các con, bởi lòng thương yêu hơn *chấp trách* rất nhiều, sợ là sợ cho các con mất đức với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chấp trung quán nhất

執中貫一

A: To maintain the Happy-Medium and an enfilade alone.

P: Tenir le Juste-Milieu et une seule enfilade.

Chấp: Cầm giữ. **Trung:** chính giữa, mức trung bình. **Quán:** một xuyên suốt. **Nhứt:** một.

Chấp trung là giữ cái mức giữa, không thái quá mà cũng không bất cập. Ấy là cái đạo Trung Dung của Đức Khổng Tử.

(Xem chi tiết nơi chữ: Trung Dung, vắn Tr).

Quán nhứt là một dây chuỗi mà xâu được nhiều thứ, ý nói chỉ lấy một lẽ mà suốt cả mọi việc. (Xem chi tiết nơi chữ: Nhứt dĩ quán chi, vắn Nh).

Thường nói: *Chấp trung quán nhứt và Doãn chấp quyết trung.*

■ **Chấp trung quán nhứt:** là giữ đạo Trung Dung một xâu xuyên suốt từ đầu đến cuối.

Đức Khổng Tử nói: *"Ngô đạo nhứt dĩ quán chi"* (吾道一以貫之) nghĩa là: Đạo của ta suốt từ đầu đến cuối chỉ có một lý mà thôi.

Câu nói ấy tóm hết cái Đạo của Ngài, làm cho cái thống hệ nhứt thể rất sáng tỏ. Đạo Nhứt quán ấy còn được gọi là Trung Thứ hay Nhân Nghĩa, cũng do Đạo Nhân mà ra cả.

■ **Doãn chấp quyết trung:** (允執厥中) là hãy tin giữ lấy cái đạo Trung.

Ông Chu Hy viết: Xem trong kinh, Doãn chấp quyết trung là lời của vua Nghiêu dặn lại vua Thuấn.

Sau đó, khi vua Thuấn truyền ngôi lại cho vua Võ, vua Thuấn dặn lại vua Võ: "Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhứt, doãn chấp quyết trung (人心惟危, 道心惟微, 惟精惟一, 允執厥中) nghĩa là: Cái tâm của người thì hiểm nghèo, cái tâm của đạo thì kín nhiệm, phải giữ cái tâm của mình cho tinh thuần và chuyên nhứt, thì mới giữ được cái đạo Trung.

Lời nói của vua Nghiêu rất mực thay! Đến khi vua Thuấn dặn lại vua Võ lại thêm ba lời nữa để cho ý nghĩa càng thêm sáng tỏ, như thế là đầy đủ và tỏ rõ lắm vậy.

Người ta thường nói cái hư linh tri giác của cái Tâm chỉ là một, thể mà lại chia ra: Nhân tâm và Đạo tâm, hai cái đó khác nhau, ấy là vì muốn giữ cái công chánh của tính Trời phú bẩm. Do đó, Nhân tâm thì hiểm nghèo, không yên ổn và thường nghiêng về Nhân dục; còn Đạo tâm thì kín nhiệm, khó thấy được, nhưng lúc nào cũng tồn tại. Cái Đạo tâm đó khi hiển lộ thì nó là Phật tánh, tức là cái tánh bản thiện của con người.

Con người ai cũng có Nhân tâm và Đạo tâm, hai cái ấy xen lẫn nhau chỉ trong gang tấc. Dầu bậc thượng trí hay bậc hạ ngu đều có hai cái tâm ấy như nhau.

Do đó, phải "tinh" để xét hai cái tâm ấy đừng cho lẫn lộn, phải "nhút" để giữ cái công chánh của bản tâm, đừng để nó xa lìa, rồi theo thế mà làm, không gián đoạn thì Đạo tâm sẽ thường làm chủ được mình, buộc Nhân tâm phải tùng phục, ắt là hiếm nghèo trở thành yên ổn, mọi việc làm đều khỏi sai lầm vì thái quá hay vì bất cập, tức là giữ được đạo Trung.

Những điều của ông Chu Hy nêu ra như đã nói ở trên, không những là yếu chỉ của đạo Trung Dung, mà cũng là cái gốc trong phép tu dưỡng của con người muôn thuở.

Đây là chỗ gặp nhau của Tam Giáo. Chỉ có một lý mà mỗi tôn giáo đều dùng những từ ngữ riêng của tôn giáo mình mà diễn tả, nên khi thoạt thấy thì tưởng là khác nhau.

Con người nơi cõi trần, dù ở bậc thấp hay bậc cao, mỗi người cũng đều có một Nhân tâm và Đạo tâm (Thiên tâm). Trong Nhân tâm ấy có một điểm Đạo tâm, nếu điểm Đạo tâm ấy lu mờ thì Nhân tâm sẽ lấn lướt, con người ấy sẽ đi vào đường ác, chịu trong vòng vay trả mà phải luân hồi. Nếu điểm Đạo tâm sáng tỏ, Nhân tâm phải tùng phục theo thì con người ấy sẽ càng lúc càng thiện lương chơn chánh, càng tiến hóa, sớm được trở về cùng Đức Chí Tôn Thượng Đế.

CHÂU (CHU)

CHÂU

1. **CHÂU:** 周 Đến nơi đến chốn, họ Châu (Chu).
Td: Châu cấp, Châu toàn, Châu Công.
2. **CHÂU:** 州 Một khu vực hành chánh.
Td: Châu đạo, Châu thành.
3. **CHÂU:** 週 Vòng quanh, đi vòng quanh.
Td: Châu tri.

Châu cấp

周給

A: To aid, help.

P: Aider, secourir.

Châu: Đến nơi đến chốn, họ Châu (Chu). **Cấp:** giúp cho, phát cho.

Châu cấp hay Chu cấp là đem tiền bạc giúp cho đầy đủ, giúp tới nơi tới chốn để đủ sống.

ĐLMD: Mở thêm giáo viên Nam Nữ và định phần *châu cấp* mỗi tháng.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Châu Công

周公

Châu: Đến nơi đến chốn, họ Châu (Chu). **Công:** tước Công, đứng đầu 5 tước của triều đình. Năm tước ấy là: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

Châu Công hay Chu Công là Công tước họ Châu, là Ông Châu Công Đán, con thứ ba của vua Châu Văn Vương, em ruột của Châu Võ Vương, chú ruột của Châu Thành Vương.

Khi vua Văn Vương băng, truyền ngôi lại cho Võ Vương thì Châu Công Đán giúp anh sắp đặt các việc chánh trị, chiêu đãi người hiền, đặt ra lễ nhạc.

Châu Công xem xét gương hưng vong của các đời trước như: Đường, Ngu, Hạ, Thương, thấy rằng chỉ do chư Hầu bất phục mà ra. Do đó, Châu Công đem những đất đai đã chiếm được phong cấp cho các tù trưởng cũ, còn các nơi trọng yếu thì phong cho các công thần, hoặc phong cho người trong dòng họ để khống chế các chư Hầu cũ và cũng là làm hàng rào bảo vệ triều đình.

Các chư Hầu mới cũ đều theo đất phong lớn nhỏ mà hưởng các tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Đất phong của Công và Hầu là 100 dặm vuông, đất phong của tước Bá là 70

dặm vuông, đất phong của tước Tử là 50 dặm vuông. Người được đất phong dưới 50 dặm vuông thì gọi là Phụ dung.

Châu Công đặt ra Lễ Nhạc, nghi thức nơi triều đình, trật tự trong gia tộc, các việc đều được qui định chặt chẽ.

Nông nghiệp được đặt theo phép Tỉnh điền. Một khoảng đất rộng chừng năm sáu trăm mẫu được chia thành 9 khu vực theo hình chữ Tỉnh (井), 8 gia đình chia nhau ở 8 khu chung quanh, và phải chung sức nhau cày cấy khu trung tâm để lấy lúa nộp cho triều đình.

Châu Công chế ra xe chỉ Nam để đưa sứ giả nước Việt về nước, không bị lạc đường.

Công Công có một công trình văn học lớn là tiếp nối vua cha (Châu Văn Vương) chuyên tâm nghiên cứu Kinh Dịch. Vua Văn Vương mới viết ra Thoán Từ để giải nghĩa 64 quẻ của Kinh Dịch do vua Phục Hy truyền lại, Ông Châu Công Đán viết thêm Hào Từ để giải thích các hào trong mỗi quẻ của 64 quẻ. Tổng cộng có 384 hào: 64 quẻ x 6 hào = 384 hào.

Khi Võ Vương băng, con là Tụng lên nối ngôi lấy hiệu là Thành Vương. Thành Vương còn nhỏ tuổi nên Châu Công giữ chức Nhiếp Chánh, trông coi mọi việc trong nước. Có bọn bầy tôi cũ của vua Trụ phao ngôn rằng Châu Công sẽ phế Thành Vương để cướp ngôi vua. Thành Vương nghe biết nhưng không trị tội kẻ phao ngôn ly gián phá hoại, mà Thành Vương lại có ý nghi ngờ. Châu Công liền xin trả chức Nhiếp Chánh rồi lui về sống ở ấp riêng, soạn tập thơ Xuy Hiền gởi lên vua Thành Vương bày tỏ lòng trung nghĩa. Vua Thành Vương cảm động, biết Châu Công là người trung nghĩa nên đi rước Châu Công trở lại triều đình làm Nhiếp Chánh như trước.

Châu Công Đán nhiếp chính được 7 năm rồi giao chánh quyền lại cho vua Thành Vương, vì lúc đó Thành Vương đã trưởng thành tự mình quản lý được việc nước.

Em của Châu Công là Quản Thúc có ý đồ không tốt, nhiều lần gièm siểm, nói xấu Châu Công với vua Thành Vương, sau đó liên kết với Võ Canh và Tam Giám, bề tôi cũ của vua Trụ, nổi lên làm phản. Một vài chư Hầu ở phía đông cũng hưởng ứng theo. Châu Công kéo binh đông chinh, bắt được Quản

Thúc và Võ Canh giết đi, bình định được giặc, lại sai con là Bá Cầm đánh dẹp các chư Hầu làm phản như Hoài Di, Từ Nhung ở huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông ngày nay. Sau khi dẹp xong loạn, nơi đây lập thành nước Lỗ và phong đất này cho Bá Cầm, con của Châu Công Đán.

Châu Công là một nhà chánh trị tài giỏi, mà cũng là một nhà bác học, lại rất kính trọng hiền sĩ. Lúc tắm gội hay khi ăn cơm mà nghe hiền sĩ đến viếng thăm, liền nhả cơm ra, vợ bới tóc sửa áo ra tiếp khách.

Vợ của Châu Công là một mệnh phụ đứng bực nhứt của triều đình, nổi tiếng là người đức hạnh và gương mẫu, giúp đỡ chồng, lo lắng công việc gia đình hoàn hảo, lại lo việc canh cửi, làm gương tiết kiệm tốt cho dân.

Châu Công Đán là người có nhiều tài đức, làm cho nền văn hóa của xã hội thời đầu nhà Châu rất rực rỡ và phồn thịnh.

Các chế độ, tộc chế, các lễ nhạc do Châu Công Đán đặt ra có ảnh hưởng rất lớn lao đến chính trị và xã hội của Trung quốc, ảnh hưởng lên các nước lân bang theo văn hóa Trung quốc suốt hơn hai ngàn năm sau đó.

TNHT: Chẳng khác nào khi trước, như đạo chưa mở thì đã có *Châu Công* truyền trước.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Châu đạo

州道

A: The religious province. **P:** La province religieuse.

Châu: Một khu vực hành chánh. **Đạo:** tôn giáo.

Châu đạo là một tỉnh đạo, tức là gồm các tín đồ cư ngụ trong một tỉnh.

Như vậy, một Châu đạo có nhiều Tộc đạo, và nhiều Châu đạo hợp thành một Trấn đạo.

Đứng đầu Châu đạo là một vị Khâm Châu đạo, phẩm Giáo Hữu, do Hội Thánh bổ nhiệm đến hành đạo.

Châu Mãi Thần

周買臣

Nơi bao lơn trước Tòa Thánh có một bức tranh ghi lại sự tích của Châu Mãi Thần (hay Chu Mãi Thần), tượng trưng cho Sĩ, một trong tứ dân (Sĩ, Nông, Công, Thương) thời trước.

Châu Mãi Thần, người đất Cối Kê, đời nhà Hán, nhà rất nghèo, nhưng rất ham đọc sách. Thuở hàn vi, chàng phải đi đốn củi rừng đem bán để sanh sống, thường treo sách nơi đầu gác, vừa đi vừa đọc.

Vợ của Châu Mãi Thần không thể chịu nổi cảnh nghèo túng mãi như vậy được nên đòi thôi chồng, để đi lấy chồng khác khá giả hơn mà nương nhờ tấm thân.

Châu Mãi Thần khuyên vợ:

- Năm nay tôi 49 tuổi rồi, qua năm 50 tuổi, tôi biết tôi thế nào cũng lập được công danh. Bấy lâu nay, chúng ta sống trong cảnh cơ cực cũng đã quen rồi, nay nàng ráng chờ tôi một năm nữa thì nàng sẽ hưởng được phú quý.

Người vợ liền trả lời:

- Đến chừng Ông làm quan thì tôi đã chết đói rồi.

Thế là vợ của Châu Mãi Thần dứt quyết bỏ chồng, nàng đi lấy một anh nông dân khá giả trong làng.

Châu Mãi Thần rất đau buồn. Chàng lại càng quyết tâm học tập hơn nữa, bất luận ngày đêm, cuốn sách đều kè bên mình.

Năm sau, Châu Mãi Thần được Nghiêm Trợ tiến cử lên vua Hán Võ Đế, được vua thân dụng, phong chức Trung Đại Phu. Lúc bấy giờ xảy ra giặc giã ở vùng Đông Việt. Hán Võ Đế sai Châu Mãi Thần lo chuẩn bị khí giới, thuyền bè, để cho binh sĩ đi dẹp giặc. Sau đó, Châu Mãi Thần được thăng chức làm Thái Thú Cối Kê.

Cối Kê là quê hương của họ Châu. Khi Châu Mãi Thần đến nhậm chức Thái Thú Cối Kê, quân dân địa phương phải ra nghênh đón. Tới nơi, bỗng thấy người vợ cũ chạy đến đón

trước đầu ngựa, xin Châu Mãi Thần bỏ qua chuyện lầm lỗi xưa của nàng, cho nàng trở lại làm vợ chàng.

Châu Mãi Thần bèn lấy một bát nước đầy, đổ xuống đất trước đầu ngựa, rồi bảo người vợ cũ:

- Nếu nàng hốt nước lại cho đầy bát như trước thì tôi sẽ đem nàng về với tôi như trước.

Bát nước đã đổ, làm sao hốt lại cho đầy. Bởi vậy, người vợ biết ý Châu Mãi Thần đã quyết nên hổ thẹn bỏ đi.

Tuy vậy, để đáp đền tình nghĩa vợ chồng ngày trước, Mãi Thần cấp cho người vợ cũ và chàng nông dân một ngôi nhà và một số tiền đủ để sống suốt đời. Nhưng người vợ cũ cảm thấy quá xấu hổ, nên treo cổ tự tử. Người nông dân đem xác nàng táng bên bờ ao gần đường lộ.

Người đời có khắc một bài thơ 4 câu trên cái bia đặt trước mộ nàng để làm gương cho phụ nữ đời sau:

*Thanh thảo trì biên mộ nhứt khu,
Thiên niên mai cốt bất mai tu.
Đình ninh ký ngữ nhơn gian phụ,
Tự cổ tào khang đáo bạch đầu.*

Tạm dịch:

Một nấm mộ xanh cạnh vũng bờ,
Ngàn năm chôn xác chẳng chôn nhờ.
Đình ninh nhấn gởi đoàn nhi nữ,
Từ cổ vợ chồng trọn tóc tơ.

Từ điển tích về Châu Mãi Thần, trong văn chương, người ta rút ra hai thành ngữ:

- Mã tiền bát thủy: Trước ngựa chén nước.
- Phúc thủy nan thu: Nước đổ khó hốt lại.

Hai thành ngữ này dùng để chỉ người vợ phụ bạc chồng lúc chồng còn hàn vi chưa gặp thời, và người chồng nhứt định không cho người vợ trở lại khi được vinh hiển.

Châu nhi phục thi

週而復始

A: To circulate and return to the beginning.

P: Circuler et retourner au début.

Châu: Vòng quanh, đi vòng quanh. **Nhi:** mà, tiếng dùng để chuyển ý. **Phục:** trở lại. **Thi:** bắt đầu, mới khởi đầu.

Châu nhi phục thi là đi giáp một vòng thì trở lại mỗi đầu và cứ thế tiếp tục, đúng một chu kỳ thì trở lại.

Ý nói: Việc đời cứ biến chuyển xoay vần và tái diễn.

TĐ ĐPHP: Đền Thánh hoàn thành là triệu chứng *châu nhi phục thi*, từ đây sắp vô cùng, vạn linh sanh chúng sẽ được hưởng muôn điều hạnh phúc.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Châu thành Thánh địa

州城聖地

A: The city of Holy land.

P: La ville de la Terre Sainte.

Châu Thành Thánh Địa là một vùng ngoại ô rộng lớn của Tòa Thánh Tây Ninh, rộng 20 383 mẫu, tức là 203 cây số vuông (theo tài liệu trong sách 40 năm lược sử ĐĐTKPĐ của Hoài Nhân), do các tín đồ Cao Đài từ khắp nơi trong nước về Thánh Địa khai phá lập nghiệp sanh sống. Dân số vùng Thánh Địa càng ngày càng đông, do sự sanh sản gia tăng và nhứt là thu hút các nơi do sự phát triển kinh tế mau lẹ của vùng này.

Theo Bảng Thống Kê trước năm 1974, Châu Thành Thánh Địa có tất cả 18 Phận đạo, từ Phận đạo Đệ nhứt đến Phận đạo Thập bát. Các Phận đạo này được phân ra làm 3 khu vực theo hướng Bắc Nam:

- Châu Thành Bắc có 6 Phận đạo: 6, 10, 11, 12, 13, 18.
- Châu Thành Nam có 6 Phận đạo: 5, 8, 9, 14, 15, 16.
- Châu Thành Trung có 6 Phận đạo: 1, 2, 3, 4, 7, 17.

Đến năm 1974 thì số Phận đạo là 19, và năm 1975 thì số Phận đạo là 20.

Theo Bảng Thống Kê năm 1974 báo cáo trong Hội Nhơn Sanh năm Giáp Dần (1974), Châu Thành Thánh Địa có:

- Số Phận đạo: 19
- Số Hương đạo: 198
- Số nóc gia: 29 874
- Nhân số: 170 000 người.
- Số lộ đất: 608 con đường.

Số Hương đạo và Phận đạo càng lúc càng tăng vì số tín đồ Cao Đài qui tụ về Thánh Địa càng ngày càng đông.

Mỗi Phận đạo có chừng 10 Hương đạo.

Mỗi Hương đạo có 3 Ấp đạo, mỗi Ấp đạo có 36 nóc gia.

Mỗi Ấp đạo chia ra làm 3 Liên gia, mỗi Liên gia có 12 nóc gia, lập thành Thập nhị Liên gia Bảo.

Đứng đầu Châu Thành Thánh Địa là một vị Khâm Thành, phẩm Giáo Sư, do Hội Thánh bổ nhiệm.

Dưới vị Khâm Thành có 3 vị Phó Khâm Thành, phẩm Giáo Hữu, mỗi vị phụ trách một khu vực:

- Phó Khâm Thành Bắc.
- Phó Khâm Thành Trung.
- Phó Khâm Thành Nam.

Đứng đầu Phận đạo là vị Đầu Phận đạo, phẩm Lễ Sanh.

Đó là sự tổ chức về Hành Chánh Đạo trong Châu Thành Thánh Địa bên CTĐ.

Đối với CQPT, hệ thống tổ chức trong Châu Thành Thánh Địa cũng tương tự như trên, nhưng các chức vụ thì gọi khác đi một chút để tránh sự trùng lặp giữa Hành Chánh và PT: như gọi Quản Châu Thành Thánh Địa, Phó Quản Châu Thành Bắc,... ..., rồi Quản Phận đạo, với phẩm cấp Chức sắc tương đương đối phẩm với CTĐ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Châu toàn

周全

A: To aid perfectly.

P: Aider complètement.

Châu: Đến nơi đến chốn, họ Châu (Chu). **Toàn:** trọn vẹn.

Châu toàn hay Chu toàn là giúp đỡ một cách trọn vẹn.

KTKTQV: Xin *châu toàn* đường hạnh môn sinh.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

Châu tri - Thông tri

週知 - 通知

A: The circular.

P: La circulaire.

Châu: Vòng quanh, đi vòng quanh. **Thông:** thông suốt, hiểu thấu. **Tri:** biết.

Về từ ngữ, Châu tri và Thông tri đồng nghĩa, nhưng về phương diện Hành Chánh Đạo, hai từ này khác nhau một chút:

Châu tri là văn kiện có mục đích **phổ biến rộng rãi** một vấn đề của đạo để cho toàn Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ hiểu rõ, do cấp Thượng Thống Cửu viện ký tên.

Thông tri là văn kiện có mục đích **giải thích pháp lý** một vấn đề của đạo để cho toàn Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ hiểu rõ, do cấp Thượng Thống Cửu Viện ký tên.

CHẾ

Chế biến

制變

A: To transform.

P: Transformer.

Chế: làm ra, đặt ra. **Biến:** thay đổi.

Chế biến là thay đổi để làm ra cái mới theo ý mình.

CG PCT: Chẳng đặng cái mạng lệnh, tự mình *chế biến*, nhứt nhứt đợi lệnh Đâu Sư.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Chế ngự

制御

A: To dominate.

P: Dominer.

Chế: ngăn chặn. **Ngự:** cai trị.

Chế ngự là ngăn chặn và cai trị, bắt buộc phải tuân theo.

TNHT: Ấy là Trời đang *chế ngự* số mạng của các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHI

CHI

1. **CHI:** 支 Ngành, nhánh.
Td: Chi phái.
2. **CHI:** 芝 Một thứ cỏ thơm.
Td: Chi lan.

Chi chi hữu sanh

支支有生

A: All the living beings.

P: Tous les êtres vivants.

Chi chi: tất cả những thứ gì. **Hữu sanh:** có sự sống.

Chi chi hữu sanh là tất cả những thứ gì có sự sống, tức là tất cả các loài sinh vật.

TNHT: *Chi chi hữu sanh* cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sự sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chi lan

芝蘭

A: Lily and orchid.

P: Lys et orchidée.

Chi: Một thứ cỏ thơm. **Lan:** cây lan có hoa đẹp và rất thơm.

Chi lan là cỏ chi và cỏ lan, có hoa đẹp và tiết ra mùi thơm nhẹ nhàng, hòa hợp với nhau.

■ Theo sách Khổng Tử Gia Ngữ: *Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất*. Nghĩa là: Ở với người lành như vào nhà có cỏ chi cỏ lan.

Do đó, chi lan là để chỉ người hiền đức, người tốt hay tình bạn cao quý.

■ Theo Tấn thư, Tạ An thường khuyên răn con cái trong nhà. Con là Tạ Huyền thưa rằng: *Tỷ như chi lan ngọc thụ, dực sử kỳ sinh ư đình giai nhĩ*. Nghĩa là: Cũng ước như cây chi cây lan là những cây quý được mọc trước thêm nhà.

Do đó, chi lan cũng chỉ con hiền cháu quý.

TNHT: *Chi lan* mọc lẫn cỏ hoa thường,
Chẳng để mùi gần chẳng biết hương.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chi phái

支派

A: The sects of Caodaism.

P: Les sectes du Caodaïsme.

Chi: Ngành, nhánh. **Phái:** phe nhóm gồm nhiều người.

Chi phái là những chi nhánh do những Chức sắc của Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tách riêng tự lập ra, không còn chịu hệ thống của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh nữa.

Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế lập nên, được chánh thức làm Lễ Khai Đạo vào ngày 15-10-Bính Dần (1926).

Sau đó, một số Chức sắc cao cấp của Đạo Cao Đài không tùng phục Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh, nên tách riêng ra, lập cơ bút riêng, phong thưởng Chức sắc riêng, tạo thành những Chi phái của Đạo Cao Đài.

Từ năm 1928 đến năm 1934, có 5 Chi phái được lập ra có hoạt động đáng kể, nhưng vì muốn được con số 12 Chi phái, nên người ta kể thêm những nhóm nhỏ lẻ tẻ mà đúng ra không thể gọi là Chi phái.

Năm Chi phái có hoạt động đáng kể lúc đầu là:

1. Chiếu Minh (1927)
2. Cầu Kho (1930)
3. Minh Chơn Lý (1931)
4. Tiên Thiên (1932)
5. Ban Chỉnh Đạo Bến Tre (1934).

Rồi từ 5 Chi phái này lại nảy sinh nhiều Chi phái khác nữa, như: từ Minh Chơn Lý nảy ra Minh Chơn Đạo, từ Chi phái Chiếu Minh Vô Vi nảy ra Chiếu Minh Đàn, Chiếu Minh Long Châu, vv... Chúng ta sẽ khảo sát kỹ ở phần sau.

Từ trước tới nay, ít tín đồ Cao Đài muốn thảo luận vấn đề này một cách công khai và cởi mở, vì lẽ: người chủ trương lập Chi phái thì đứng núp sau lưng các Đàn cơ và biện minh trách móc; người không chủ trương thì hoang mang hoặc không dám bàn, sợ phạm thượng mang tội.

Người tín đồ thì chẳng hiểu bề trong, nên chỉ biết đi theo Chức sắc lãnh đạo ở địa phương mình. Thành phần tín đồ trí thức hiểu biết thì đâm ra khó chịu, tủi thẹn, rời xa Đạo, hoặc rút về tu tại gia, không muốn tham gia vào việc Đạo.

Còn Hội Thánh thì không muốn phơi bày việc không tốt của Hội Thánh cho tín đồ biết vì sợ người ngoài biết được mà khinh rẻ cười chê, và làm suy giảm tín ngưỡng, nên mong mỗi

những Chức sắc lập Chi phái hồi tâm, thương Thầy mến Đạo mà trở về cùng Hội Thánh, hoặc được sự hộ trì của các Đấng thiêng liêng để vấn đề được dàn xếp ổn thỏa êm đẹp.

Sự chia rẽ trầm trọng trong nội bộ của Đạo Cao Đài sau ngày Khai Đạo dẫn đến sự phân chia Đạo Cao Đài thành nhiều Chi phái, đã làm cho biết bao thế hệ tín đồ Cao Đài có nhiệt tâm thương Thầy mến Đạo phải ngậm ngùi đau khổ, hổ thẹn; nhưng chúng ta không nên vì đó mà ém nhem đi, cần phải phơi bày ra để phân tích tìm hiểu, rút kinh nghiệm, để từ đây đến mãi về sau, không còn đi vào vết xe đã đổ trước nữa.

KHẢO CỨU VỀ CHI PHÁI

- I. Tiên tri sự phân chia Chi phái
- II. Nguyên nhân phân chia Chi phái
- III. Hậu quả việc phân chia Chi phái
- IV. Các Chi phái của Đạo Cao Đài
 - Tổng kết số lượng Chi phái
 - A. Những Chi phái buổi đầu
 - B. Những Chi phái lúc sau
 - C. Các nhóm nhỏ không đáng kể là Chi phái
 - D. Nhóm đặc biệt: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam
- V. Vấn đề qui hiệp các Chi phái Cao Đài
 - A. Các phong trào thống nhất Chi phái
 - B. Tại sao các Chi phái không thống nhất được?
- VI. Phần Phụ: Tiểu Sử các vị lãnh đạo Chi phái
 1. Ngài Ngô Văn Chiêu
 2. Ông Vương Quan Kỳ (1880-1940)
 3. Phối Sư Thái Ca Thanh phái Minh Chơn Lý
 4. Hai vị lãnh đạo phái Bến Tre:
 - NGUYỄN NGỌC TƯƠNG (1881- 1951)
 - LÊ BÁ TRẠNG (1879-1936)
 5. Ông Nguyễn Bửu Tài phái Tiên Thiên
 6. Nhóm Tịch Cốc tập bay
 7. Ông Cao Triều Phát, phái Minh Chơn Đạo
 8. Ông Huệ Lương Trần Văn Quế (CQPTGL)

I. Tiên tri sự phân chia Chi phái:

Lúc chưa chánh thức Khai Đạo, Đức Chí Tôn đã có cho bài thi tiên tri việc phân chia Chi phái, nhưng không ai để ý:

TNHT: Ngày 20-2-1926.

*"Bữa tòa thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp ráng vun nên đạo đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.*

Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu."

Như vậy sự phân chia Chi phái cũng là tiền định, nhưng trong đó cũng do nhơn dục nên mới đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại cho nền Đạo Đạo của Đức Chí Tôn.

II. Nguyên nhân phân chia Chi phái:

Trước khi nêu ra các nguyên nhân phân chia Chi phái, xin độc giả xem 2 đoạn Thánh Ngôn sau đây của Đức Chí Tôn:

TNHT: Ngày 21-4-1930 (âm 23-3-Canh Ngọ)

"Thầy phải sửa cải Thiên thơ để cho mỗi đứa được có ngày giờ và thế lực mà dìu dắt nhau cho tròn phận sự, nhưng rốt lại, Tà quyền cũng lấn lướt chất Thánh, bước tục dẫn chơn phạm. Thầy rất đau lòng mà dòm thấy con cái lú xú bị làm vào đường Tà quái.

Đứa thì mê tài, đứa thì ham cận sắc, đứa bị biếm vào lối lợi quyền, đứa bị xô vào nơi thất đức. Mỗi đứa mỗi nẻo, đều quảng sạch chất thiêng liêng, làm lủi đưa tay theo mấy mươi động.

Hại nữa, các con bị nó tàng ẩn xô cho dang nhau, bứt nghiêng tình đoàn thể, chặt lia dây liên lạc, giành xé cắn rứt nhau như kẻ khác nhà, gà riêng ổ, cho đừng có thế lực chi mà kinh chống với chúng nó, rồi rớt cuộc lại thì các con phải lần lần bị manh mún phân chia, sa vào hang sâu vực thẳm.

Thầy tưởng để cho các con lo liệu giành giựt đương cự với chúng nó, nhưng dòm Thiên thơ thì tám phần mười đã sa

ngay vào chơn của Quỷ vương vày đập, mà lại phần đông các con là bậc phẩm cao, chức trách trọng hậu.

Tà đã thắng Chánh thì con (Thượng Trung Nhựt) làm thế nào đương cự cho kham. Con là đứa Thầy tin cậy hồi ban sơ, tuy bước đường cũng lắm lúc sai lầm nhưng nhờ các Đấng thiêng liêng thương mà chỉ dẫn, nên bước vừa trở tới kịp lúc trở ra.

Thương hại thay cho nhiều đứa khác, quyền chưa từng nắm, của chưa từng cầm, sắc chưa từng gần, lợi chưa từng thấy, bị lũ quái tùy Thiên thơ, đem treo trước mắt mà phải lầm lũi bước đường, chơn linh quý hóa kia mắc lẫn với xác phàm mà phải chịu muôn đời chìm đắm.

Đạo tuy cao, song nên biết sức Quỷ cũng chẳng hèn. Nếu không ngăn ngừa dần lửa nóng trong tâm thì lửa Tam Muội của Quỷ vương đốt cháy."

Thánh Ngôn Sư Tập: 14-7-1932 (âi 11-6-Nhâm Thân)

"Thầy đến cùng các con chỉ trông cậy có một điều là làm phương nào cho các con đừng thiệt lòng thương yêu hòa thuận cùng nhau. Thầy đã hết lời khuyên dạy buổi đầu, lại để lời tiên tri dặn bảo, mà các con chẳng biết vâng lời, cứ gây đoan những điều hờn giận, dối trá, gạt nhau, đòi phen lại dám mượn danh Thầy mà làm lợi khí.

Thầy hỏi: - Chẳng CA nó phản đạo là tại cơ nào? Nói Thầy nghe thử...

- Không phải vì vạy mà thôi, mà tại gương xấu của các con phản phúc lẫn nhau, nhục mạ lẫn nhau, mưu hại lẫn nhau, giành giật quyền hành, gây điều bất chánh, đến đổi HTĐ cũng thế. TẮC! Con nghe rõ: nhiều đứa dùng cơ bút mà làm ngọn đao thương đặng sát phạt mắng chửi nhau, ngày nay mới làm mối oan khiên cho Tà Thần bắt chước.

Hại thay cho một nền tôn giáo chơn chánh đường này, bị phàm tâm của các con đã ra ô trước...

Thầy đã thấy trong Thiên thơ, tội tình của mỗi đứa, Thái Bạch đã giao nạp cho Ngọc Hư Cung rồi, đã đủ mặt CTĐ và HTĐ đều có hết."

Như vậy, các nguyên nhân gây chia rẽ để lập thành các Chi phái, có những nguyên nhân do bên trong và do từ bên ngoài, nhưng tựu trung 4 nguyên nhân chánh sau đây:

1. Anh hùng tách cá nhân, muốn làm một ông vua xứ nhỏ hơn là làm đại thần của một nước lớn.
2. Sự bất đồng ý kiến, sự mâu thuẫn trong nội bộ khiến không thể cộng tác với nhau được.
3. Mỗi người hay mỗi nhóm có lập cơ bút riêng, và chính cơ bút này phong cho họ những chức tước cao cấp theo lòng mong muốn của họ, và xúi giục họ lập Chi phái không tùng mạng lệnh của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh.
4. Bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp xúi giục phân chia làm cho nền Đạo rã tan thành manh mún, không còn đủ sức để đe dọa nền thống trị của nước Pháp.

Người Pháp lúc đó rất sợ Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, vì trước khi theo Đạo Cao Đài, Ngài là Thượng Nghị Sĩ của Thượng Nghị Viện Nam Kỳ, đứng đối lập với chánh quyền để tranh đấu cho quyền lợi của dân chúng VN, như vụ chống tăng thuế điền, làm Pháp phải nhượng bộ.

Trong văn thư số 23 của Đức Phạm Hộ Pháp gửi cho Bắc Tông Đạo (Hà Nội), lúc Ngài ở Kim Biên (Nam Vang) đề ngày 12-3-Mậu Tuất (dl 29-4-1958), Ngài có viết:

"Khi mới mở Đạo thì mấy anh lớn đều do nơi trường quan lại của Pháp, trong hàng Phủ và Đốc phủ, mà họ đương cầm quyền Chủ Quận hay Phó Chủ Tỉnh. Vì có mà Pháp đã ra lệnh cho mấy anh ấy phải từ khước, không đăng hiệp tác cùng Anh Lê Văn Trung, là tay nghịch hấn cùng Pháp đã rõ ràng bằng cứ. Pháp lại hứa cùng mấy anh lớn ấy rằng: Họ muốn tu theo Đạo Cao Đài thì họ tự lập Chi phái, rồi họ sẽ được sự bảo vệ đặc biệt của Pháp, còn theo Anh Lê Văn Trung thì họ sẽ bị khủng bố, không cho làm quan lại của Pháp nữa.

Điều ấy mấy anh lớn cũng không đủ sợ, vì công danh quyền lợi mình mà nhảy ra thành lập Chi phái, nhưng tới khi Pháp hăm rằng: sẽ khủng bố đến con cái của họ đương du học tại Pháp, tiền cấp học bổng bị thu lại, và không cho cha

mẹ có phương thế gởi tiền sang cho nữa đặng tiếp tục việc học hành. Điều này làm cho họ kinh khủng hơn hết. Thật ra thì cả con cái mấy anh đương du học tại Pháp và tương lai của chúng rất nên sáng lạn, sẽ bị bỏ dở vì cuộc trả thù của Pháp.

Bởi cố cho nên họ lén trở về hội đàm cùng Anh Quyền Giáo Tông liệu phương gỡ rối. Buổi ấy có mặt "Qua" và chính mình Qua khuyên họ nên nghe lời Pháp, lập Chi phái dưới quyền bảo hộ của họ, miễn là Đạo đặng truyền bá là đủ.

Nguyên do lập Chi phái của Đạo là như thế."

Tóm tắt lại phần này, xin lấy bài Thánh giáo sau đây của Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ ngày 1-4-Kỷ Dậu (dl 16-5-1969) in trong Thánh Giáo Sư Tập của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo VN trang 161:

"Công quả khai ĐĐTKPĐ có thể nói là Bàn đạo đã đóng góp được hai phần ba công quả ấy, nhưng buồn vì nước nhà chủ quyền không được bảo đảm kể từ thuở khai đạo, các đàn anh cũng vì lẽ ấy bị chi phối rất nhiều.

Từ chỗ vị kỷ, vị danh, vị lợi, cũng như tự ái, tự đại, tự tôn, nên đã gây ra cánh chia ly phân tán, đã để lại một gánh nặng cho đoàn hướng đạo ở hậu sanh. Đó là điều đáng buồn và cũng là kinh nghiệm quý giá cho đàn em trong mai hậu.

Nếu mình mỗi người biết đặt đạo lý Chí Tôn, quyền pháp và nhân sinh lên trên hết, và tự trọng tự ái vì danh dự của quốc gia dân tộc và đạo pháp thì không có kẻ hở nào để bạo quyền chuyên chế, ngoại nhập khuyh đảo để rẽ chia.

Vết xe trước đã sụp đổ, đoàn xe sau nên tránh. Kể ra đàn anh chịu phần trách nhiệm rất lớn trong sử mạng.

Chính vì thế mà trong hàng tiền bối, người nào không làm đúng Thiên ý thì sẽ bị triệu hồi để đảm nhận phần vụ khác. Tuy về non Tiên, Phật cảnh, nhưng chưa được hưởng ngôi vị của mình, phải còn có nhiệm vụ đến khi nào mục đích của Chí Tôn khai đạo được hoàn thành, các hàng tiền bối ấy sẽ tùy công đức mà định vị."

III. Hậu quả việc phân chia Chi phái:

1. Những hậu quả tai hại:

- Sự chia rẽ trầm trọng về tâm lý trong giới tín đồ: Nguyên tắc giáo lý của Đạo Cao Đài là Thương yêu và Công chính, hay là Bác ái và Công bình, bị thương tổn dữ dội, khiến người tín đồ nhiệt tâm với Đạo rất đau lòng, không thể nào biện bạch được trước dư luận quần chúng. Người ngoại đạo nhìn Đạo Cao Đài với cặp mắt khinh thường.

- Sự phân chia Chi phái làm ly tán nhơn lực và tài lực của Đạo Cao Đài vốn đã ít ỏi lúc ban sơ, làm nền Đạo rã tan manh mún, trở nên yếu ớt, và công việc khuếch trương nền Đạo, phổ độ chúng sanh bị ngưng trệ một thời gian dài, khiến một số người đã nhập môn vào đạo năn lòng lui chơn thối bước.

2. Trong cái dở cũng có ẩn tàng cái hay.

Bên cạnh những hậu quả tai hại như đã kể trên, sự phân chia Chi phái của Đạo Cao Đài cũng có một vài cái hay đối với nhà cầm quyền Pháp.

- Nhà cầm quyền Pháp cho Đạo Cao Đài là một nhóm hỗn tạp, luôn luôn tranh quyền đoạt vị với nhau, không thể tạo thành một lực lượng đoàn kết đủ mạnh làm ảnh hưởng nền cai trị của Pháp, nhờ vậy mà họ bớt quan tâm và không cần thiết phải đàn áp Đạo Cao Đài.

- Sự phân chia Chi phái giúp bảo tồn nền Đạo trước ý đồ của Pháp là muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài. Nếu diệt được Chi phái này thì cũng còn Chi phái khác hoạt động. Họ không thể tiêu diệt hết được.

Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế lập ra tại nước VN do Thiên thơ tiền định thì nhứt định không có một thế lực nào có thể tiêu diệt đặng. Tuy nhiên, Đạo khai thì Tà khởi. Đức Chí Tôn đã ban cho Quĩ Vương cái quyền thử thách người tu, làm giám khảo tuyển lựa người xứng đáng.

Kỳ Ba này, Đức Chí Tôn đến cùng nhơn loại với Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước mà nội dung là bốn chữ: Bác Ái - Công Bình. Ai đủ Bác Ái Công Bình thì Đức Chí Tôn rước về cõi TLHS, nên Quĩ Vương lấy đề tài này mà thử thách và tuyển lựa, để lọc phàm phân Thánh.

Tuy nhiên, sự thử thách này xảy ra quá khắc nghiệt, khiến cho nhiều thí sinh bị đánh rớt một cách thê thảm, làm tổn hại

danh thể của Đạo. Đức Chí Tôn có báo trước là rớt 80 %, chỉ đậu có 20 %.

Nhiều vị chưa bị thử thách thì chê bai kẻ đi trước, nhưng khi chính mình vào cuộc thì cũng bị lực dục thất tình xui khiến đi vào vết chân của người trước mà sa vào nghiệt cảnh.

IV. Các Chi phái của Đạo Cao Đài:

Nguyên trong buổi sơ khai nền Đạo, vào giữa năm Ất Sửu (1925), Đức Chí Tôn thân phục được hai nhóm riêng nhau: Nhóm của Ngài Ngô Văn Chiêu và nhóm của Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

Khoảng ngày 26-1-1926 (âl 10-12-Ất Sửu), Đức Chí Tôn giáng cơ bảo hai nhóm phải hiệp lại nhau dựng lo mở Đạo. Các vị trong hai nhóm đều vâng lời hiệp lại, lúc đó được 12 người, là 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn mà Đức Chí Tôn có cho bài thi đủ tên 12 vị ấy để làm kỷ niệm trong ngày vía Trời mừng 9 tháng Giêng năm Bính Dần (1926).

Ngày 17-4-1926 (âl 6-3-Bính Dần), Đức Chí Tôn định phong Ngài Chiêu vào chức Giáo Tông nên bảo bà Nguyễn Thị Hiếu (hiên nội của Ngài Cao Quỳnh Cư) may một bộ Đạo phục Giáo Tông cho Ngài Chiêu, nhưng 5 ngày sau, đến ngày 22-4-1926 thì Đức Chí Tôn cho biết là Ngài Chiêu bị truat.

Đến ngày mừng 24-4-1926 (âl 14-3-Bính Dần) Ngài Ngô Văn Chiêu và nhóm của Ngài lại tách ra không hợp tác với nhóm Ngài Lê Văn Trung nữa, Ngài trở về lo tu đơn như trước. (Xem chi tiết nơi chữ: **Ngô Văn Chiêu và Ng**)

Như thế cuộc hợp tác của hai nhóm chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, vốn vẹn chừng 3 tháng.

Đầu năm Đinh Mão (1927), Ngài Ngô Văn Chiêu lập cơ tuyển độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, và đây chính là một Chi phái đầu tiên của Đạo Cao Đài do Ngài Ngô Văn Chiêu thành lập.

Sau đó, có một vài vị Chức sắc khác tự lập đàn cơ riêng, bị cơ bút dẫn dắt lần lần, để sau cùng tách ra khỏi Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh, lập Chi phái như quý ông:

■ Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh (Vương Quan Kỳ) lập phái Cầu Kho tại Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn vào năm 1930.

■ Phối Sư Thái Ca Thanh (Nguyễn Văn Ca) lập Chi phái Minh Chơn Lý năm 1931 ở Mỹ Tho.

■ Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh (Nguyễn Văn Chính) lập phái Tiên Thiên vào năm 1932 tại Cai Lậy.

■ Sau cùng là hai vị Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Đốc phủ Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Đốc phủ Lê Bá Trang) tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh lập Ban Chính Đạo ở Bến Tre vào đầu năm 1934.

Đến giữa năm 1934, ngày 15-7-Giáp Tuất (dl 24-8-1934), Đức Lý Giáo Tông hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập Đạo Nghị Định thứ 8 để ngăn chặn các Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh tách ra lập Chi phái, thì kể từ đó về sau, không có Chức sắc nào của TTTN dám tách ra lập Chi phái nữa. Tuy nhiên, số Chi phái sau này nảy sinh càng lúc càng nhiều là do trong mỗi Chi phái có sự bất đồng nên lại tách riêng lập Chi phái mới, đó là Chi phái sanh Chi phái, và số lượng này thì rất nhiều.

Trên đây là những nét đại cương về sự thành lập các Chi phái của Đạo Cao Đài buổi đầu.

Nhưng về sau này, nhiều nhà viết lịch sử của Đạo Cao Đài khi nghiên cứu về các Chi phái, đều không thống nhất nhau về số lượng Chi phái, và về việc nên kể những Chi phái nào và không kể những Chi phái nào.

■ Đầu tiên, Ông **Gabriel Gobron** người Pháp, đặc phong Tiếp Dẫn Đạo Nhơn HTĐ viết quyển Histoire et Philosophie du Caodaïsme xuất bản năm 1949, đã kể ra 11 Chi phái.

■ Trong Nguyệt san Đại Đạo của TTTN, năm Ất Tỵ (1965), trong 3 số báo liên tiếp 7, 8, 9, Ngài **Huệ Lương Trần Văn Quế** viết bài: "Để tìm hiểu các Chi phái trong ĐĐTKPĐ" Ngài Huệ Lương đã kể ra: Năm 1940 có 12 Chi phái chánh với 3 nhóm không được kể là Chi phái; năm 1963 thì có 15 Chi phái với 2 nhóm không kể là Chi phái.

■ Năm 1966, Ông **Hoài Nhân** trong: "40 năm lịch sử Đạo Cao Đài 1926-1966" trang 109, ông kể ra được 35 Chi phái.

Sau đây chúng ta sẽ nêu ra các chi tiết về 12 Chi phái của hai soạn giả: Gabriel Gobron và Trần Văn Quế.

1. Histoire et Philosophie du Caodaïsme của Gabriel Gobron:

Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron kể ra 11 chi phái vào năm 1948 sau đây: (trang 174)

1. Minh Chơn Lý, đứng đầu là ông Nguyễn Văn Ca (Phối Sư Thái Ca Thanh) ở Mỹ Tho.

2. Ban Chính Đạo, đứng đầu là Ông Nguyễn Ngọc Tương (Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh, đặc phong Quyền Thượng Đầu Sư) ở Bến Tre.

3. Tiên Thiên, đứng đầu là Ông Lê Kim Ty ở Phú Nhuận (Gia định), Ông Lê Kim Ty tự phong cho mình là Hội Trưởng Cao Đài Hiệp Nhứt, ông mất tại Hải Phòng năm 1948.

4. Thông Thiên Đài, đứng đầu là hai Ông Quách Văn Nghĩa và Lê Quang Hộ, ở Gò Công và Sài Gòn.

5. Liên Hòa Tông Phái, đứng đầu là hai Ông Nguyễn Phan Long và Trần Văn Quế, ở Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn.

6. Minh Chơn Đạo hay Công Đồng Hội Giáo, đứng đầu là Ông Cao Triều Phát ở Bạc Liêu.

7. Trung Hòa Học Phái, đứng đầu là Bác sĩ Trương Kế An, ở Thủ Dầu Một. Ông có mở phòng mạch tại Thủ Dầu Một.

8. Tây Tông Vô Cực Cung, đứng đầu là Ông Nguyễn Bửu Tài, ở Bến Tre. Ông Tài hiệp nhứt với Tòa Thánh Tây Ninh năm 1948.

9. Tuyệt Cốc, đứng đầu là hai Ông Nhuận và Ruộng, ở Tây Ninh, họ sống ẩn dật, rất ít người biết họ.

10. Chiêu Minh Đàn, đứng đầu là Ông Tư Huỳnh, ở Cái Khế Cần Thơ, sáng lập là Cố Đốc phủ Ngô Văn Chiêu.

11. Nữ Trung Hòa Phái, đứng đầu là Bà Ngọc Nhiên Hương và Lê Ngọc Trinh, ở tại Sài Gòn.

Theo tài liệu này thì Ông Gabriel Gobron không cho Tòa Thánh Tây Ninh là một Chi phái, vì đây là cái gốc của Đạo, cái gốc thì sanh ra các nhánh, tức là sanh Chi phái.

2. Để tìm hiểu các Chi phái trong ĐĐTKPD của Huệ Lương:

Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế viết, kể ra như sau:

"Vây đến năm 1940, 12 Chi phái của Đạo Thầy như sau:

1. **Tòa Thánh Tây Ninh**, với chư quý Ngài: Trung, Tắc.
2. **Chiếu Minh**, với chư quý Ngài: Thiên, Quý.
3. **Cầu Kho**, với chư quý Ngài: Bản, Tường.
4. **Tiên Thiên**, với chư quý Ngài: Tòng, Ty.
5. **Minh Chơn Lý**, với chư quý Ngài: Ca, Phùng.
6. **Bến Tre (Ban Chính Đạo)**, quý Ngài: Tương, Trang.
7. **Minh Chơn Đạo**, với chư quý Ngài: Quang, Thiệu.
8. **Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản**, quý Ngài: Kiên,Phân.
9. **Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý**, quý Ngài: Tòng, Tãi.
10. **Tây Tông Vô Cực Cung**, quý Ngài: Đãi, Tài.
11. **Cơ quan TruyềnGiáo TrungViệt**, quý Ngài Hiền,Châu.
12. **Liên Hòa Tổng Hội**, với chư quý Ngài: Long, Quế.

Điều nên chú ý:

- Trong số 12 Chi phái của Đạo Trời, chúng tôi không kể phái **Tịch Cốc** do 2 ông Nhuận, Ruộng (Nguyễn Ngọc Điền) là vì phái này thực ra chỉ là một nhóm Đạo hữu độ 10 vị làm công quả tại Tòa Thánh Tây Ninh, vì bất mãn điều chi đó, rồi xuống tóc, mặc áo dà, tịch cốc,...

- Chúng tôi cũng không kể **Trung Hòa Học Phái**, mà các vị hướng đạo là chư quý Ngài Cao Triều Phát, Phan Trường Mạnh và Huỳnh Văn Thảo, vì tổ chức này có tính cách một tổ chức thanh niên chuyên sự học tập và hành đạo hơn là một phái của Đạo Trời có nhiệm vụ hành chánh và phổ độ. Trung Hoà Học phái đặt trụ sở tại Thánh Thất Minh Đức tỉnh Rạch Giá do Bà Nữ Đầu Sư Ngọc Nhiên Hương chưởng quản.

- Trong số 12 Chi phái của Đạo Trời, chúng tôi cũng không kể **Thông Thiên Đài**, trụ sở đặt tại Thánh Thất Đồng Sơn (tổng Hòa Đồng Thượng tỉnh Gò Công). Thực ra phái này với Tòa Thánh Tây Ninh là một, vì phái này được lập lên để thay

thể Hội Thánh Hiệp Thiên Đài Tây Ninh. Nhưng sau rồi công việc bắt thành và sự hoạt động dần dần thu hẹp vào phạm vi một Thánh Thất thường thôi.

12 Chi phái kể trên của Đạo Trời, từ năm 1940 đến 1963, trải qua hơn 20 năm đã bị thử thách dữ dội. Nhiều Chi phái vẫn tồn tại và bành trướng thêm lên hoặc thu hẹp phạm vi hoạt động. Trái lại cũng có Chi phái đã cùng với thời gian mà mai một.

Các Chi phái còn lại là:

1. Tòa Thánh Tây Ninh gần y như trước. (?)

2. Chiếu Minh: Hiện giờ, ngoài phái Chiếu Minh Vô Vi lại còn có các phần dư nữa là: Chiếu Minh Long Châu và Cao Đài Thượng Đế Hội Giáo hay là Chiếu Minh Đàn.

3. Phái Cầu Kho hiện giờ được thay thế bằng Nam Thành Thánh Thất và phạm vi hoạt động đã thu hẹp lại nhiều với tính cách một Thánh Thất thường.

4. Minh Chơn Lý Mỹ Tho ngày nay đã thu hẹp nhiều và gồm 2 phân chi: Chi Chân Lý Cầu Vỹ (Minh Chơn Lý cũ), và Tòa Thánh Cao Đài VN tại Bến Tranh.

5. Tiên Thiên, trụ sở đặt tại Tòa Thánh Châu Minh Sóc Sãi, Bến Tre, hiện đang áp dụng Tân Luật và Pháp Chánh Truyền trong sự tổ chức Hội Thánh. Phái này cố gắng lấy lại sự quan trọng ngày xưa như là đối với Thất thập nhị Tịnh.

6. Cơ quan Qui Thống, trụ sở đặt tại Thánh Thất Thiên Thai, làng Mỹ Phước quận Cai Lậy, Mỹ Tho.

7. Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý hoạt động với tầm quan trọng như hồi xưa.

8. Cao Thượng Bửu Tòa được xây dựng tại Bạc Liêu và được coi là Toà Thánh Hậu Giang.

9. Minh Chơn Đạo hiện nay cũng hoạt động như trước và hình như đang trù tính xây Tòa Thánh ở Tắc Vân.

10. Phái Bến Tre vẫn hoạt động như xưa và cố gắng củng cố nội bộ.

11. Hội Thánh Tam Quan, được thành lập mấy năm gần đây và cố gắng củng cố nội bộ.

12. Hội Thánh Truyền Giáo được thành lập trước năm 1956 và được ra mắt với các Chi phái ngày Lễ Khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa năm 1956.

13. Tòa Thánh Nhị Giang, trụ sở đặt tại Châu Đốc, hành đạo theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, có Hội Thánh lưỡng đài cũng như các Hội Thánh khác.

14. Tòa Thánh Tiền Giang, cũng có lưỡng đài, được đặt tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài, làng Hạnh Thông Tây, Gò Vấp.

15. Thiên Khai Huỳnh Đạo đặt tại số 78 đường Phan Thanh Giản, Gò Vấp, Gia Định, phái này mới ra đời gần đây.

Điều cần chú ý: Chúng tôi trân trọng xin chư đạo trưởng và huynh tỷ đặc biệt để ý những điểm sau đây về 2 tổ chức:

■ **Ban Liên Giao Chi Phái** giữa 23 Thánh Thất và Tịnh Thất ngoại ô Đô Thành Sài Gòn và các tỉnh lân cận. Trụ sở của tổ chức này đặt tại Thánh Thất Bình Hòa, Gia Định. Tổ chức này có mục đích siết chặt dây liên ái giữa các Thánh Thất, Tịnh Thất nói trên về phương diện hữu hình (Quan, Hôn, Tang, Tế).

■ **Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý**, trụ sở tạm thời đặt tại Tam Giáo Điện (Chùa Minh Tân) với mục đích siết chặt dây liên ái về phương diện tinh thần giữa các Hội Thánh, Chi phái, và giữa các Thánh Thất biệt lập thuộc phạm vi Đạo Thầy."

CHÚ THÍCH: Họ và tên của quý vị mà Ngài Huệ Lương Trần Văn Quý nêu ra trong phần kể 12 Chi phái:

- **Trung:** Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.
- **Tắc:** Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.
- **Thiên:** ? . **Quý:** Lý Trọng Quý (?)
- **Bản:** Thượng Giáo Sư Đoàn Văn Bản.
- **Tường:** Thượng Giáo Hữu Nguyễn Văn Tường.
- **Tòng:** Phan Văn Tòng. . Ty: Lê Kim Ty.
- **Ca:** Thái Phối Sư Nguyễn Văn Ca.
- **Phùng:** Nguyễn Văn Phùng.
- **Tương:** Quyền Thượng Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương.
- **Trang:** Quyền Ngọc Đầu Sư Lê Bá Trang.
- **Quang:** Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang.
- **Thiệu:** Nguyễn Ngọc Thiệu.
- **Kiên:** Nguyễn Văn Kiên. .
- **Phân:** ? . **Tòng:** ? . **Tài:** ? **Đãi:** ? .
- **Tài:** Nguyễn Bửu Tài, đạo hiệu Thiện Pháp.
- **Hiền:** Lê Trí Hiền. . **Châu:** Nguyễn Quang Châu.

- **Long:** Nguyễn Phan Long. (Ông Trần Văn Quế cho biết: Ngài Nguyễn Phan Long là học trò nhất của Đức Thông Thiên Giáo Chủ.)
- **Quế:** Trần Văn Quế, đạo hiệu Huệ Lương.

Trong phần trình bày về 12 Chi phái của Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế, Ngài cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh là một Chi phái. Điều này hoàn toàn không đúng, bởi vì Tòa Thánh Tây Ninh là gốc của Đạo. Các Chức sắc thuở ban đầu tách ra lập Chi phái đều là Chức sắc của Tòa Thánh Tây Ninh.

Gốc (Tòa Thánh Tây Ninh) không thể là nhánh (Chi phái) được, mà là phần quan trọng để nảy sinh các nhánh.

Tổng kết số lượng Chi phái:

Như đã trình bày ở trên, các nhà viết sử không thống nhất nhau về tên các Chi phái trong số 12 Chi phái.

Quý vị ấy dường như bị ám ảnh bởi con số 12, nên họ cố gắng kể ra cho đủ 12 Chi phái, dầu có sự gượng ép hay không đúng thực tế.

Thí dụ như: Hai nhóm *Tịch Cốc* và *Thông Thiên Đài*, không thể kể là 2 Chi phái được vì thực lực mỗi nhóm chỉ có chừng hơn 10 người, không phát triển thêm được, không ai theo, những người trong nhóm già cả chết dần, rồi mất hẳn.

Hai nhóm: *Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản* và *Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý* cũng không đáng kể là Chi phái vì thực lực không có mấy người, hoạt động không được gì, và khi người đứng đầu chết thì nhóm tan rã luôn.

Nhóm *Tây Tông Vô Cực Cung* chỉ là một nhóm tu đơn, không liên quan đến Đạo Cao Đài, nên không phải là một Chi phái, có điều người đứng đầu nhóm này là ông Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài sau này nhập qua phái Tiên Thiên, rồi qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, sau lại trở về phái Tiên Thiên.

Để cho dễ dàng trong công việc khảo sát các Chi phái của Đạo Cao Đài, chúng ta phân ra các mục sau đây:

A. Những Chi phái buổi đầu: 6 Chi phái:

1. Chiêu Minh Vô Vi (1927)
2. Cầu Kho (1930)

3. Minh Chơn Lý (1931)
4. Tiên Thiên (1932)
5. Ban Chỉnh Đạo Bến Tre (1934)
6. Minh Chơn Đạo (1935)

1. Chiếu Minh Vô Vi:

Phái này do Ngài Ngô Văn Chiêu lập ra vào đầu năm 1927, sau khi Ngài đã bị truất ngôi Giáo Tông, lúc đầu gọi là Cơ Tuyển Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi ở tại Châu Thành Cần Thơ. (Xem chi tiết nơi chữ: Ngô Văn Chiêu, văn Ng). Sau khi Ngài Chiêu đăng Tiên thì ông Tư Huỳnh lãnh đạo.

Phái Chiếu Minh chuyên về Nội giáo Vô Vi, Tâm pháp bí truyền luyện đạo, nên lựa chọn và thu nhận rất ít tín đồ, hoạt động hạn hẹp ở ba nơi: Cần Thơ (Tổ đình), Phú Quốc và Sài Gòn. Hiện nay Phái Chiếu Minh lại phân ra: Chiếu Minh Long Châu và Chiếu Minh Đà.

2. Cầu Kho:

Phái Cầu Kho do ông Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh (Vương Quan Kỳ) đứng đầu, qui tụ được các ông: Giáo Sư Thượng Bản Thanh (Đoàn Văn Bản), ông Nguyễn Văn Tường, Trần Quang Minh, Nguyễn Văn Khai,... Phần lớn số trí thức Cao Đài ở Sài Gòn đều ngã theo phái Cầu Kho.

Ông Vương Quan Kỳ là Đốc phủ, được Ngài Ngô Văn Chiêu độ, sau được Đức Chí Tôn phong phẩm Thượng Giáo Sư .

Nguyên năm 1930, số Chức sắc tại Thánh Thất Cầu Kho do ông Kỳ cầm đầu, không tuân lệnh Hội Thánh Tây Ninh thi hành quyền "*Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn*" do Ngài Bảo Văn Pháp Quân biên soạn, trình lên Đức Phạm Hộ Pháp, rồi chuyển qua CTĐ, Hội Thánh xem xét đồng ý thì Đức Quyền Giáo Tông ban hành kể từ ngày 12-7-1930 để áp dụng thống nhất trong toàn đạo. Trong quyền này, Ngài Bảo Văn Pháp Quân bỏ 3 bài Dâng Tam bửu cũ do Ngài Ngô Văn Chiêu đặt ra đã áp dụng trước đây, thay bằng 3 bài Dâng Tam bửu mới mà ngày nay chúng ta thường đọc. Quý Chức sắc ở Cầu Kho không chịu áp dụng các nghi tiết mới ban hành, nên quý Ngài

tự tách ra lập thành Chi phái Cầu Kho, lấy Thánh Thất Cầu Kho làm trụ sở. Về sau, Thánh Thất này dời đến đất mới gần đó, xây dựng lên đặt tên là Thánh Thất Nam Thành, ở đường Nguyễn Cư Trinh Sài Gòn.

3. Minh Chơn Lý:

Phái này do Ngài Đốc phủ Nguyễn Văn Ca lập ra. Ông nhập môn vào Đạo Cao Đài năm 1926, được Đức Chí Tôn phong phẩm Phối Sư Thái Ca Thanh. Ông Ca đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng tờ báo La Revue Caodaïste, bằng Pháp văn để truyền bá Đạo Cao Đài cho người ngoại quốc.

Ông Ca vâng theo Cơ bút của ông Trương Kế An (hiệu là Tuyết Vân Mặc Khách) nên ông Ca ở luôn tại Cầu Vỹ, Mỹ Tho, không về Tòa Thánh Tây Ninh, và không tuân mạng lệnh của Hội Thánh nữa, lập phái Minh Chơn Lý vào năm 1931.

Ông Ca lôi kéo được một số Chức sắc hiệp tác với ông buổi đầu như: Ngài Chưởng Pháp Trần Đạo Quang, vài Chức sắc ở Cầu Kho, quý ông Cao Triều Phát, Nguyễn Ngọc Thiệu.

Cơ bút do ông Trương Kế An cầu, phong ông Ca làm Đầu Sư Thái Ca Nhựt. Cũng trong năm này, cơ bút lại dẫn ông đi xa hơn nữa, qua các kỳ An Thiên Đại Hội, gọi ông là Đức Cửu Trùng Đài. Từ đây, chưởng quản HTĐ là Thiên Sư Nguyễn Văn Phùng cầu cơ sửa đổi hết cách thờ phượng và nghi lễ, thay Thiên Nhân bằng Trái Tim và Thập ngũ Linh Đấng, rồi giải thích Thánh Ngôn một cách lệch lạc, khiến cho không còn gì là chơn truyền của Đạo Cao Đài nữa.

Các Chức sắc trước đây hiệp tác với ông Ca thấy vậy liền rút khỏi Minh Chơn Lý, đồng xuống Bạc Liêu là quê hương của Ngài Cao Triều Phát lập phái Minh Chơn Đạo, xây dựng Tòa Thánh Ngọc Minh ở Giồng Bướm, Giá Rai, Cà Mau.

Phái Minh Chơn Lý hiện nay thu hẹp rất nhiều, lại chia làm hai: chi Chơn Lý tại Cầu Vỹ (Minh Chơn Lý cũ) và Tòa Thánh Cao Đài VN tại Bến Tranh.

(Theo các vị Tiền bối cho biết, Phối Sư Nguyễn Văn Ca là chơn linh của Thanh Ngưu của Đức Lão Tử giáng phàm, Truyền Trạng Phạm Văn Ngọc là Tử Giáp giáng phàm)

4. Tiên Thiên:

Phái này do ông Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh (Nguyễn Văn Chính) lập ra ở Cai Lậy. Nguyên ông Chính thọ phong Giáo Hữu tại TTTN, nhưng ông không hành đạo, mà lo việc luyện đạo và lập cơ bút riêng. Ông bị Hội Thánh Tây Ninh cảnh cáo nhiều lần, và cuối cùng thì ông bị trục xuất vào năm 1930.

Năm 1932, cơ bút phong ông Chính làm chức Chưởng Pháp, quý ông Nguyễn Văn Tông và Lê Kim Ty qua hợp tác với ông Chính, thành lập phái Tiên Thiên, lập Tòa Thánh Châu Minh tại làng Sóc Sãi tỉnh Bến Tre.

{Ông Lê Kim Ty là một nhà thầu khoán có tài, người có danh vọng lúc bấy giờ, tính tình cương nghị, người Pháp rất kính nể. Khi ban sơ mới mở Đạo tại Sài Gòn, ông Ty có đến hầu đàn, Ngài Nguyễn Trung Hậu phò loan, Đức Chí Tôn cho ông 4 câu thi rồi viết tiếp: Ty họa bất như tinh phi. [nghĩa là: Tránh họa không bằng xét lại lỗi lầm của mình], Lui. (tức là Đức Chí Tôn không thấu nhận ông Ty làm môn đệ)}.

Phái Tiên Thiên dùng Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tân Luật và Pháp Chánh Truyền như Tòa Thánh Tây Ninh, nhưng Chức sắc không chia ra Thái, Thượng, Ngọc, chỉ mặc đạo phục toàn trắng, đầu đội khăn đóng trắng.

Nhờ tài thầu khoán của ông Lê Kim Ty, ông xây dựng được 72 Thánh Tịnh (Thất thập nhị Thánh Tịnh) trong khắp các tỉnh ở miền Nam cho phái Tiên Thiên.

Hội Thánh Tiên Thiên cũng có hai đài: HTĐ và CTĐ nhưng cầm đầu lại do Thất Thánh, có Thất Hiền phụ tá.

Thất Thánh gồm 7 ông: Phan Văn Tông, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Thế Hiển, Lê Kim Ty, Trần Lợi, Nguyễn Bửu Tài, Trần Lợi, Nguyễn Tấn Hoài.

Thất Hiền gồm 7 ông: Lê Thành Thân, Nguyễn Phú Thứ, Lâm Quang Tỳ, Đoàn Văn Chiêu, Phan Lương Hiền, Trương Như Mầu, Phan Bá Phước. Dự khuyết: Phan Thanh.

Cũng trong thời gian này, phái Tiên Thiên lập *Trước Tiết Tàng Thơ*, chủ tịch là ông Trương Duy Toàn.

Ông Trần Văn Quế thì hiệp với đồng tử Liên Hoa (Đàm Thi) lập nhiều Thánh Tịnh khác như: Trước Lý Minh Đài ở Gia Định, Ngọc Minh Đài ở Bà Điểm, Ngọc Tuyển Thánh Tịnh ở Long Thành, Biên Hòa.

Sau đó cơ bút phái Tiên Thiên dạy thành lập Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn, qui tụ một số Chức sắc kỳ cựu trong Đạo và một số trí thức trong mục tiêu hiệp nhất các Chi phái, làm cho phái Tiên Thiên bắt đầu xuống dốc và có nguy cơ tan rã.

Ngài Nguyễn Bửu Tài, được cơ bút Tiên Thiên phong chức Đầu Sư Thượng Tài Thanh, lãnh đạo 65 vị Chức sắc Tiên Thiên qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ chấp thuận ngày 29-6-1949, tạm thời giáng nhứt cấp tất cả các vị nên Ngài Nguyễn Bửu Tài là Phối Sư Thượng Tài Thanh, và Đức Lý hứa, khi nào đem hết tất cả Chức sắc và bổng đạo của phái Tiên Thiên qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh thì Đức Lý sẽ phong cho chức cũ.

Hai năm sau, Ngài Nguyễn Ngọc Tương Giáo Tông phái Bến Tre qui liễu, Ngài Nguyễn Bửu Tài rời Tòa Thánh Tây Ninh trở về Sóc Sãi Bến Tre, tái lập phái Tiên Thiên, và sau đó cơ bút Tiên Thiên phong Ngài Nguyễn Bửu Tài lên chức Giáo Tông ngày 9-1-1957. (Xem chi tiết nơi Phần phụ phía sau).

Sự kiện có tính cách vĩ đại này của phái Tiên Thiên không được các Chi phái khác quan tâm vì phái Tiên Thiên lúc bấy giờ không có thực lực đáng kể, số tín đồ còn lại rất ít, số Chức sắc thì lại nhiều hơn.

5. Ban Chính Đạo (Phái Bến Tre):

Ban Chính Đạo trở thành Chi phái Bến Tre do hai Ngài Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) lãnh đạo.

Vào đầu năm 1934, hai Ngài Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh bất đồng ý kiến trầm trọng với Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, nên hai ông rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, với mục đích chấn chỉnh lại nền Đạo, qui tụ được 85 Thánh Thất theo về với hai ông, trong lúc đó, toàn Đạo Cao Đài chỉ có 128 Thánh Thất, như

vậy số Thánh Thất theo hai ông Tương và Trang cùng với số tín đồ chiếm hết 2/3, Tòa Thánh Tây Ninh chỉ còn lại 1/3. Hai ông cố gắng lôi kéo một số vị Thời Quân HTĐ theo về 2 ông để cho có đủ 2 Đài: HTĐ và CTĐ, nhưng không thành công, vì một số vị Thời Quân, tuy có bất mãn Đức Phạm Hộ Pháp nhưng quý vị ấy muốn giải quyết vấn đề theo chiều hướng khác hơn 2 ông nên quý vị ấy không hợp tác với hai ông được.

Thế lực của hai ông rất mạnh, lại được chánh quyền Pháp ủng hộ, nên hai ông tổ chức thuê bao gần chục chiếc xe đồ đưa rất đông tín đồ của hai ông đi Tây Ninh dự định sẽ dùng sức mạnh chiếm Nội Ô TT. Hai ông báo cho Đức Q. Giáo Tông biết ngày 20-1-Giáp Tuất (1934) hai ông sẽ kéo lên Tòa Thánh, vì hai ông nghĩ rằng phần thắng nắm chắc trong tay.

Đức Quyền Giáo Tông liền thông báo cho Đức Hộ Pháp. Đức Hộ Pháp tức cấp huy động tất cả khoảng 500 công quả Phạm Môn chia nhau giữ chặt các cửa vào Nội Ô Tòa Thánh. Với sức kháng cự quyết liệt mạnh mẽ của 500 công quả Phạm Môn, lực lượng của hai ông Tương và Trang phải chịu thảm bại, rút lui về Sài Gòn.

Cuối năm 1934, Đức Quyền Giáo Tông đăng Tiên (ngày 13-10-Giáp Tuất, dl 19-11-1934).

Tại Thánh Thất An Hội Bến Tre, Ngài Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang tổ chức Đại Hội toàn thể Chức sắc và tín đồ thuộc Ban Chính Đạo để bầu cử chức Giáo Tông. Lần bầu cử thứ nhứt, Ngài Lê Bá Trang lên chức Ngọc Chưởng Pháp; lần bầu cử thứ nhì, Ngài Nguyễn Ngọc Tương lên chức Giáo Tông. Đó là vào năm 1935 (Ất Hợi).

Năm 1938, Ngài Nguyễn Ngọc Tương cử hành một lễ long trọng, tuyên bố nhiệm vụ của Ban Chính Đạo chấm dứt. Như vậy là Ngài lập thành Chi phái Bến Tre, xây dựng Thánh Thất An Hội thành Tòa Thánh Bến Tre, tổ chức Cửu Viện, thăng thưởng một số Chức sắc cầm quyền Cửu Viện.

Thực lực của phái Bến Tre lúc đầu rất đông và rất mạnh, nhưng vì không có chánh nghĩa nên số người đi theo lần lần rút lui, các hoạt động chỉ cầm chừng, dần dần suy tàn, nhất là sau khi Ngài Lê Bá Trang qui liễu. Ngài Nguyễn Ngọc Tương thường nhập tịnh theo cách riêng của ông, càng về sau này,

Ngài tự xem mình như là một phân thân của Đức Lý Giáo Tông, nên Ngài tự xưng là Lý Giáo Tông.

Năm 1951, Ngài Nguyễn Ngọc Tương qui liễu.

Sau đó, phái Bến Tre phân ra làm hai nhóm nhỏ độc lập nhau: Một nhóm tại Tòa Thánh Bến Tre, một nhóm tại Thánh Thất Tân Túc (Bình Chánh) và Thánh Thất Đô Thành đường Hậu Giang Chợ Lớn.

(Đức Quyền Giáo Tông giáng cơ tiết lộ cho biết: Ngài Nguyễn Ngọc Tương là chơn linh của Ngô Tôn Quyền tái kiếp, Ngài Lê Bá Trang là chơn linh Quan Vân Trường thời Tam Quốc tái kiếp).

6. Minh Chơn Đạo:

Phái này do ba Ngài: Chưởng Pháp Trần Đạo Quang, Cao Triều Phát và Nguyễn Ngọc Thiệu, tách khỏi phái Minh Chơn Lý (vì thấy hai ông Ca và Phùng biến cải theo Tà đạo), qui tụ về Giá Rai tỉnh Bạc Liêu, lập ra phái Minh Chơn Đạo vào năm 1935. Lúc đầu trụ sở đặt tại Chùa Minh Sư của Ngài Trần Đạo Quang tại Giá Rai, sau mới lập Tòa Thánh Ngọc Minh ở Giồng Bướm Giá Rai, cũng gọi là Tòa Thánh Hậu Giang. Gần Tòa Thánh này có Ngũ Hành Tòa để làm HTĐ. Phái này hoạt động khá mạnh, lên tới tỉnh Vĩnh Long.

Phái Minh Chơn Đạo giữ đúng theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và lễ nghi của Đạo buổi sơ khai. Phái này không luyện đạo, mặc dầu Ngài Trần Đạo Quang, trước khi gia nhập Đạo Cao Đài, Ngài là Thái Lão Sư cầm đầu Chi Minh Sư ở VN. Ngài Trần Đạo Quang được phong chức Chưởng quản Vô Vi Chưởng quản CTĐ, Ngài Cao Triều Phát chức Thái Chưởng Pháp Chưởng quản HTĐ, Ngài Nguyễn Ngọc Thiệu chức Đầu Sư Ngọc Thiệu Nhứt. Sau này, Ngài Cao Triều Phát lại tách ra, ông Nguyễn Văn Kiện tự Huân được phong chức Hộ Pháp Thiên Ân Tinh Quân, chưởng quản HTĐ.

Cơ bút của phái Minh Chơn Đạo phong gần đủ các phẩm Chức sắc cao cấp HTĐ và CTĐ, như: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, 9 vị Thời Quân, 2 vị Chưởng Pháp, 7 vị Đầu Sư, 3 Chánh Phối Sư, . . . (không có phẩm Giáo Tông, bên CTĐ thì chức Chưởng quản Vô Vi là cao nhứt).

Sau cuộc đảo chánh của Nhật Bản, quân đội Pháp trở lại dùng phi cơ dội bom, trúng Tòa Thánh Ngọc Minh tan tành.

Ngài Cao Triều Phát hợp tác với Việt Minh để bảo vệ tín đồ. Sau Hiệp Định Genève 1954, Ngài Cao Triều Phát được tập kết ra Bắc, và qui liễu tại đó trong năm sau.

B. Những Chi phái lúc sau: 6 Chi phái:

1. Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt.
2. Hội Thánh Tam Quan.
3. Thiên Khai Huỳnh Đạo.
4. Cao Thượng Bửu Tòa.
5. Nữ Chung Hòa.
6. Trung Hòa Học Phái.

1. Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt:

Sự truyền bá Đạo Cao Đài tại Trung Việt đầu tiên do phái Tiên Thiên, theo lệnh dạy của Cơ bút, đã tổ chức bí mật sự truyền đạo ra Quảng Nam và Đà Nẵng từ năm 1936 với quý ông ở tại đó là: Lê Trí Hiển, Nguyễn Quang Châu, Trần Công Bang, Huỳnh Ngọc Trác, và 4 đồng tử: Long, Lân, Qui, Phụng.

Sự kiện nổi bật nhất là công cuộc cổ động và vận động xây cất Thánh Thất Trung Thành tại Thị xã Đà Nẵng, chỉ trong thời hạn 22 ngày là xong, để làm Đại lễ Khánh Thành ngày 8-4-Mậu Dần (dl 7-5-1938). Những vị đóng vai tích cực trợ giúp quan trọng đi đến thành công là quý Ngài: Trần Đạo Quang, Cao Triều Phát, Nguyễn Bửu Tài và nhứt là ông Lê Kim Ty của phái Tiên Thiên.

Cơ quan này hoạt động mạnh ở các tỉnh miền Trung, nhưng sau đó bị Việt Minh khủng bố, hàng lãnh đạo tan rã.

Sau Hiệp Định Genève 1954, tín hữu các nơi qui tụ trở lại, quyết định đưa Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt lên thành Hội Thánh, nên mua thêm một khu đất rộng tại đường Nguyễn Hoàng, Đà Nẵng, để xây dựng Trung Hưng Bửu Tòa, một kiến trúc lớn và đẹp, làm Đại lễ Khánh Thành vào ngày 1-6-Bính Thân (dl 8-7-1956), ra mắt Hội Thánh Truyền Giáo Trung Việt (HTTGTV).

Năm 1973, HTTGTV có hai vị đứng đầu là: Chánh Phối Sư Ngọc Quế Thanh (Trần Văn Quế) Chủ trưởng Hội Thánh, và Thanh Long Lương Vĩnh Thuật, Thanh tra quyền pháp, đại diện HTĐ.

2. Hội Thánh Tam Quan (Phái Chơn lý Cầu Kho):

Gọi đầy đủ là Hội Thánh Trung Ương Trung Việt, trụ sở đặt tại Tam Quan, quận Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (BĐ).

Nguyên đầu năm 1927, hai vị Nguyễn Hữu Phương và Nguyễn Hữu Hào, ở BĐ, vào Sài Gòn nhập môn theo Đạo Cao Đài tại Thánh Thất Cầu Kho, rồi trở về BĐ âm thầm truyền bá Đạo Cao Đài tại đây. Số người theo Đạo càng lúc càng đông nhưng bị nhà nước khủng bố vì vua Bảo Đại cấm Đạo Cao Đài.

Trải qua nhiều cuộc khủng bố, hết lớp này tới lớp khác, Đạo Cao Đài nơi đây cũng phát triển, đến năm 1956 mua được một mẫu đất tại Tam Quan, khởi xây dựng Thánh Thất, giấy phép ký ngày 21-9-1956, và làm lễ thánh thành gọi là Đại Hội An Thiên Khánh Thành Hội Thánh ngày 15-3-Canh Tý (1960). Hội Thánh Tam Quan tổ chức y theo Tân Luật và PCT, có hai Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

3. Thiên Khai Huỳnh Đạo:

Phái này thành lập từ năm Nhâm Dần (1962), Tòa Thánh đặt tại đường Phan Thanh Giản, quận Gò Vấp, Sài Gòn.

Trước khai Chương Tòa Huỳnh Đạo tại Gò Công, rồi thiên về Nhị giang, sau mở Bửu Tòa Di-Lạc tại Gia Định, sau một thời gian ngắn ngủi 3 năm, Đạo Vàng đã chiếu rạng nhiều nơi với một hệ thống: trên có Chương Tòa (Châu Đốc), dưới có Bửu Tòa Di-Lạc: Tiền giang (Gia Định), Trung giang (Vĩnh Long), Hậu giang (Bạc Liêu), Liên giang (Cần Thơ) và những Tòa Đại diện tại Kiên Giang, Hà Tiên, đúng với Thiên cơ, đúng với lời tiên tri Kỳ Ba Cứu Thế.

Huỳnh Đạo là Vô Vi Đại Đạo, lấy Âm Dương làm gốc, Ngũ Hành làm thể, hòa hợp ở Trung Huỳnh gọi là Mồ Thổ, sắc Huỳnh để luyện Kim thai Thánh thể, xuất khiếu hiển thần, đoạn dứt luân hồi trong lục đạo.

Xuất phát từ Cao Đài, Huỳnh Đạo là thể hiện hoàn mỹ của Đạo Cao Đài, Hữu, Vô, trọn vẹn. (Trích trong quyển Chơn truyền Huỳnh Đạo Trung ương).

4. Cao Thượng Bửu Tòa:

Cao Thượng Bửu Tòa được xây dựng tại Thị xã Bạc Liêu, còn gọi là Tòa Thánh Hậu Giang, do Ông Trần Văn Tìa, đạo hiệu Chơn Sắc, chủ trương xây dựng.

Ông Trần Văn Tìa qui liễu, có giáng đàn ngày 2-10-1966 tại Cao Thượng Bửu Tòa, để lời than: Trước kia, nếu tậ huynh biết sẽ xảy ra cơ sự như vậy thì không xây dựng lên trụ tướng của Cao Thượng Bửu Tòa này, mà chỉ để tiền và nhơn lực, vật lực đó dùng vào những công tác từ thiện xã hội. Nếu biết trước và làm việc đó thì đâu còn để hậu hoạn lại cho anh em như trước hiện tình. Đó cũng là cái trách nhiệm của tậ huynh vẫn còn dang dở.

5. Nữ Chung Hòa:

Nhóm này được thành lập do lệnh Cơ bút của Chi Minh Tân ở Bến Vân Đồn, Sài Gòn, mục đích để tập hợp Nữ phái mà dạy dỗ về đường đạo đức và lập công quả dưới sự dìu dẫn vô hình của Đấng Lê Sơn Thánh Mẫu, trụ sở đặt tại Chùa Minh Tân ở Bến Vân Đồn.

Hai Bà Ngọc Nhiên Hương và Lê Thị Trinh điều khiển nhóm này.

Nữ Chung Hòa trước đây hợp tác với Bà Diệu Minh ở Vạn Quốc Tự đường Phan Thanh Giản cũ Sài Gòn (ngang Bệnh Viện Bình Dân), khi Bà Diệu Minh qui liễu, nhóm Nữ Chung Hoà hợp tác với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo VN (viết tắt CQPTGL) có trụ sở ở đường Cống Quỳnh (ngang Chợ Thái Bình) và nhóm Nữ Chung Hòa dời trụ sở về CQPTGL. (Xem: CQPTGL ở phần tiếp theo sau, trong đó có nói nhiệm vụ qui định cho Nữ Chung Hòa).

Nhóm Nữ Chung Hoà không được nhiều người gia nhập, nên hoạt động rất yếu ớt, chỉ còn làm một vài công tác từ thiện mà thôi. Do đó, chỉ nên xem Nữ Chung Hòa là một nhóm học tu Nữ phái, làm việc từ thiện.

6. Trung Hòa Học Phái:

Sau khi ông Cao Triều Phát tách ra khỏi Minh Chơn Đạo thì ông hợp tác với quý ông Phan Trường Mạnh, Phan Lương Hiền, Huỳnh Văn Thảo lập thành Trung Hòa Học Phái, có mục đích qui tụ các thanh niên trong các phái Đạo Cao Đài để dìu dắt chúng trên đường đạo đức, thực hành thuyết Trung Thứ của Nho giáo, vừa lo học tập vừa lo hành đạo. Để thực hành mục đích đó, Ngài Cao Triều Phát lập nên một tổ chức thanh niên gọi là "*Thanh Niên Đạo Đức Đoàn*" đặt trụ sở tại Thánh Tịnh Minh Đức của Bà Ngọc Nhiên Hương ở Rạch Giá, sau này Thanh niên Đạo đức Đoàn mở rộng hoạt động lên Sài Gòn, trụ sở đặt tại Tam Giáo Điện, chùa Minh Tân ở Bến Vân Đồn Sài Gòn. Sau Hiệp Định Genève năm 1954, Ngài Cao Triều Phát tập kết ra Bắc, nên nhóm Thanh Niên Đạo Đức Đoàn phải ngưng hoạt động vì không người hướng dẫn.

Trung Hoà Học Phái đã nổi tiếng một thời ở Hậu Giang.

C. Các nhóm nhỏ không đáng kể là Chi phái:

1. Tịch Cốc.
2. Thông Thiên Đài.
3. Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản.
4. Tây Tông Vô Cực Cung.
5. Tòa Thánh Nhị Giang.
6. Tòa Thánh Tiền Giang.

1. Tịch Cốc (hay Tuyệt Cốc):

Gọi là Tịch Cốc hay Tuyệt Cốc là vì nhóm này chủ trương không ăn cơm, chỉ ăn trái cây, tu theo lối ép xác đặng luyện pháp thuật.

Vào năm 1934, có một nhóm chừng 10 người đang làm công quả trong Tòa Thánh Tây Ninh, vì bất mãn Hội Thánh không cho họ luyện pháp thuật, nên họ rủ nhau đi vào núi để khổ tu luyện đạo cho mau kết quả. Trong nhóm này có hai ông: Ngô Đức Nhuận và Nguyễn Ngọc Điền tức Ruộng, tự xưng là Nguyên soái cầm đầu.

Hồi Tòa Thánh còn làm bằng cây ván, nhóm này lên vô Bửu Điện Tòa Thánh, leo lên ngồi trên 7 cái gai mà Bảo Thế

không hay biết, đến chừng Bảo Thể phát hiện thì bắt từ ông lôi xuống, và trục xuất họ ra khỏi Nội Ô.

Về sau, ông Điền mặc toàn đồ trắng, xuống Sài Gòn đến Dinh Thống Soái Nam Kỳ treo cờ và đòi hỏi người Pháp trả nước VN, bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam vào nhà thương điên. Nhóm Tịch Cốc tan rã và mất hẳn. (Xem thêm nơi Phần phụ phía sau, việc nhóm Tịch Cốc tập bay).

2. Thông Thiên Đài:

Nhóm Thông Thiên Đài được lập nên bởi quý ông: Bác sĩ Nguyễn Văn Nhã, Đốc phủ Lê Quang Hộ, đại điền chủ Quách Văn Nghĩa, Đốc học Chiếu, Nguyễn Trung Thăng, Lê Quang Nghi, Lê Quang Tĩnh,... và đồng tử phò loan là hai người con của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu: Đức (Ngươn Ngọc) và Thân (Huệ Chương).

Đấng bề trên của nhóm này là Liễu Nhứt Chơn Nhơn Tôn Tẩn trong truyện Phong Kiếm Xuân Thu. Các Đấng bề trên cho biết, nhóm này về sau sẽ thay thế HTĐ của Tòa Thánh Tây Ninh, nhưng thực tế thì không có việc này.

Trụ sở của nhóm Thông Thiên Đài đặt tại Thánh Thất Đồng Sơn ở Gò Công. Nhóm này không thu tín đồ, các người sáng lập già cả rồi chết, nhóm này tan rã và mất luôn. Thánh Thất Đồng Sơn trở nên vắng vẻ, chỉ còn ông từ lo cúng kiếng mà thôi.

3. Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản bản:

Nguyên trước đây ông Thái Phối Sư Nguyễn Văn Ca thành lập phái Minh Chơn Lý ở Mỹ Tho, được nhiều người ủng hộ, nhưng từ khi Thiên Sư Nguyễn Văn Phùng nắm cơ bút của Minh Chơn Lý, ông cầu cơ sửa đổi hết các cách thờ phượng, làm cho nhiều người bất mãn nên bỏ đi, kể ra:

- Quý Ngài Chường Pháp Trần Đạo Quang, Nguyễn Quang Thiệu, Cao Triều Phát về Bạc Liêu lập Minh Chơn Đạo.
- Quý Ngài Vương Quan Kỳ và Đoàn Văn Bản trở về Thánh Thất Cầu Kho.

- Ngài Trần Văn Quế bỏ đi, nhập phái Tiên Thiên.
- Quý Ngài Nguyễn Văn Kiên và Nguyễn Văn Phấn lập "*Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản*" trụ sở đặt tại Long An, mục đích là phục hồi nguyên bản Đạo Cao Đài như buổi đầu Đức Chí Tôn lập ra, nhưng không được nhiều người hưởng ứng.

Khi ông Nguyễn Văn Kiên được bầu làm Hội Trưởng Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn thì phái này bắt đầu suy tàn và khi ông Kiên qui liễu thì phái này tan rã.

4. Tây Tông Vô Cực Cung:

Đây chỉ là một nhóm tu đơn, do Ngài Nguyễn Bửu Tài, pháp danh Thiện Pháp, lập ra tại quê nhà của Ngài là làng Phú Hưng, tục gọi làng Chệt Sậy, quận Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Phái này cho rằng phái tu đơn của Ngài Ngô Văn Chiêu từ Phú quốc chuyển về Sài Gòn là phái Đông Tông, còn Ngài Nguyễn Bửu Tài ở Bến Tre là Tây Tông, nên Ngài gọi Thánh Tịnh của Ngài lập ra ở Chệt Sậy là Tây Tông Vô Cực Cung.

Như vậy, Tây Tông Vô Cực Cung không phải là một Chi phái của Đạo Cao Đài và cũng không dính dáng gì đến Đạo Cao Đài, chỉ có điều là sau đó Ngài Nguyễn Bửu Tài gia nhập phái Tiên Thiên, trở thành Chức sắc cao cấp (Thượng Đầu Sư) của Tiên Thiên, rồi lãnh đạo phái Tiên Thiên qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh.

Sau khi Ngài Nguyễn Ngọc Tương Giáo Tông phái Bến Tre qui liễu, Ngài Nguyễn Bửu Tài rút lui khỏi TTTN, trở về tái lập phái Tiên Thiên, sau đó cơ bút của Ngài phong Ngài chức Giáo Tông của phái Tiên Thiên. (Xem trở lại: Tiên Thiên)

5. Tòa Thánh Nhị Giang:

Phái này lập trụ sở tại Châu Đốc, gọi là Tòa Thánh Nhị Giang, chỉ hoạt động trong vùng Châu Đốc, có tổ chức lưỡng đài HTĐ và CTĐ như các Hội Thánh khác, hành đạo theo Tân Luật và Pháp Chánh truyền, nhưng không được nhiều người ủng hộ, hình như họ chán nản trước các sự kiện lập Chi phái.

6. Tòa Thánh Tiên Giang:

Phái này lập trụ sở tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài ở làng Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp, Gia Định.

Về sau phái này lập lên Tòa Thánh gọi là Tòa Thánh Tiền Giang, để đổi lại Tòa Thánh Hậu Giang. Tuy đã nâng cấp lên Tòa Thánh nhưng không có hoạt động gì đáng kể.

D. Nhóm đặc biệt: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (viết tắt: CQPTGL):

Cơ Quan này do lệnh Ông Trên lập ra với mục đích để siết chặt dây liên ái về phương diện tinh thần giữa các Hội Thánh, Chi phái, và các Thánh Thất, Thánh Tịnh biệt lập. Lúc ban sơ, trụ sở đặt tại Tam Giáo Điện chùa Minh tâm, 221 Bến Vân Đồn, Vĩnh Hội, Sài Gòn, và lấy danh xưng là "*Cơ Quan Liên Giao Hành Đạo*".

Cho đến năm 1965, Cơ Quan này chưa tổ chức được nên chưa có hoạt động chi thật sự. Năm này thừa lệnh Ông Trên dời trụ sở về 165E đường Cống Quỳnh Sài Gòn, gần Chợ Thái Bình, lấy danh xưng là '*Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam*' do Đức Chí Tôn ân ban ngày 1-Giêng-Ất Tỵ (dl 1-2-1965). Mục đích được đề ra cơ quan là của toàn đạo do Ông Trên chỉ định lập ra để tổ chức các phương cách phương pháp và phương châm với mục đích phổ thông và phổ biến trong nhơn sanh một giáo lý Cao Đài thuần nhất....

Một Ban Thường Vụ gồm có: - 1 *Tổng Lý Minh Đạo*, - 1 *Hiệp Lý Minh Đạo*, - 1 *Tham Lý Minh Đạo*, - 1 *Tổng Thư Ký* được lập ra để điều hành điều khiển Cơ Quan. Dưới đó có một số Văn Phòng Vụ Trưởng, các Ban Giáo Sĩ, Tu Sĩ, vv . . .

Tổng Lý Minh Đạo, Hiệp Lý Minh Đạo, Tham Lý Minh Đạo và Tổng Thư Ký là tứ trụ của Cơ Quan, mà 3 vị đứng đầu là những vị làm chánh sách và vạch đường lối, còn Tổng Thư Ký là chấp hành.

(Ông Trên phong Ngài Trần Văn Quế đạo hiệu Huệ Lương là Tổng Lý Minh Đạo, Ngài Đỗ Vạn Lý đạo hiệu Minh Lý là Tham Lý Minh Đạo, kiêm nhiệm Quyền Tổng Thư Ký. Đức Lý Giáo Tông giao cho Ngài Đỗ Vạn Lý soạn Bản Qui Điều CQPTGL và được Ông Trên phê chuẩn gọi là Thánh Dự Qui Điều.)

CQPTGL theo lệnh Ông Trên là cơ quan cuối cùng của cơ Đại Đạo ở tại VN, với một nhiệm kỳ 20 năm kể từ năm 1965 như Ông Trên đã định.

Thật thế, đến năm 1985, sai lệch vài năm, tất cả những vị có trọng trách trong Cơ Quan đều được Đức Chí Tôn gọi về hoặc ra đi hết. Có thể nói đến đây là hết một nguơn 60 năm của cơ Đại Đạo hành đạo trong nước VN, chấm dứt một giai đoạn đầu tiên của đời sống của cơ Cao Đài giáo. 20 năm đã được Đức Chí Tôn ấn định cho Cơ Quan là 20 năm vớt vát cho cơ Đạo sau sự thất bại của những cố gắng thống nhất trước đó.

Vì lẽ đó mà CQPTGL được thành lập hơi khác các Chi các Phái các Nhóm khác trong Đạo từ trước tới giờ....

Nơi đây cũng nên ghi nhận ngay một việc là Cơ Quan này cũng nhằm vào mục đích thống nhất Đạo chứ không phải không, nhưng phương pháp để đi đến mục đích đó không trực tiếp như những Hội Long Vân hoặc những Nhóm khác. Cơ Quan hướng về cơ thống nhất một cách gián tiếp, coi đó như là kết quả đương nhiên của chương trình phổ thông một Giáo lý thuần nhất mà tất cả toàn đạo đồng phải chấp nhận.

Cái khác biệt của CQPTGL là Cơ Quan chỉ là một Cơ Quan thôi. Như một Cơ Quan thì nó không phải là, cũng không có quyền hạn của: một Hội Thánh, Thánh Thất, Thánh Tịnh, không nằm trong Luật Đạo, dù rằng Cơ Quan rất kính trọng và tuân theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Cơ Quan không có Phận đạo riêng của mình, không có tín đồ riêng của mình, không nhập môn, không Tắm Thánh, không có Chức sắc, không tùy ai mà cũng không lãnh đạo ai, chỉ có một Văn Phòng với một số Phận sự và Đạo tâm tình nguyện. Là một Cơ Quan nên cũng không có phép và không có quyền hành Quan Hôn Tang Tế sự. Cơ Quan chỉ có một nơi nho nhỏ thờ phượng Đức Chí Tôn và cúng Tứ thời. Vì thế, Cơ Quan không có cái chi để có thể cho lớn hơn hay nhỏ hơn ai cả.

Cơ Quan cũng không có sổ Công nghiệp để đem dâng trình cho ai để lên phẩm lên vị lên chức.

Phận sự niên cao thì được gọi là Đạo Trưởng, hoặc Đạo huynh, Đạo tử, còn nhỏ tuổi hơn thì gọi Đạo đệ, Đạo muội.

Cơ Quan chỉ chú trọng vào tinh thần, vào giáo lý, vào phụng sự Thượng Đế, để giúp đỡ tất cả các Chi phái, các Nhóm và nhơn sanh. Tất cả cái chi trong Đạo: của cải, Thánh đường, Thánh Thất, Thánh Tịnh, Văn phòng, tín đồ, nhơn sanh, vv... là của Thượng Đế tất cả.

CQPTGL chỉ là một Cơ Quan thôi, không có lợi, cũng không có quyền, nên không cạnh tranh, không giành giật, không dẫm chân lên ai cả, chỉ cho chỉ hiển dưng chứ không lấy, không thâu nhập của ai trừ ra của thiêng liêng mà thôi, cũng không ăn bánh vẽ mà cũng không cho ai ăn bánh vẽ. Cơ Quan chỉ có tinh thần và tinh thần mà thôi.

Nếu Giáo lý là cây cầu nối liền các Chi phái ở VN thì Giáo lý, theo lẽ phải, cũng là cây cầu nối liền Cao Đài giáo với các tôn giáo bạn ở VN và ở cả thế giới năm châu bốn biển vậy.

Cũng vì lẽ tinh thần này và phương châm hoàng dương Chánh đạo như thế này, nên Cơ Quan không nê chấp lăm về phương diện hình thức bề ngoài đã được thể hiện và áp dụng các nơi, dù rằng mong mỗi các nơi đều thể hiện một hình thức thuần nhất trong Đạo đúng theo tinh thần Pháp Chánh Truyền, Tân Luật và những điều đã được Đức Chí Tôn dạy dỗ, tức là Chơn truyền Chánh pháp.

Cũng vì lẽ này, Cơ Quan cũng lấy phương pháp song tu cho những Phận sự và cho luôn những ai muốn cùng theo phương pháp đó. Song tu là vừa tu phước và tu huệ, nghĩa là phổ độ cùng với vô vi. (Trích trong quyển **Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của Đạo Trưởng Đỗ Vạn Lý, CQPTGL**).

Trong danh xưng CQPTGLCĐGVN, nhiều vị cho rằng chữ Việt Nam đã đóng khung, làm hạn hẹp tầm quan trọng của sứ mạng truyền bá giáo lý Cao Đài. Nên năm 1996, danh xưng trên đổi lại là: **Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo**.

Nhiệm vụ của CQPTGLĐĐ được Đức Phật Mẫu giảng cơ dạy như sau: CQPTGL có 3 việc tối yếu phải làm:

- Phổ thông Giáo lý.
- Tổ chức Nữ Chung Hòa.
- Đào tạo thế hệ tiếp nối.

"Các vụ các ban, về mặt hành chánh vẫn tiến hành trong khuôn viên mẫu mực, nhưng đừng quên phần Phổ thông Giáo lý là then chốt của Cơ Quan.

Ngày nay thế giới bất hòa, xã hội loài người bất hòa, quốc gia bất hòa, tôn giáo bất hòa, các đoàn thể trong nước bất hòa, rất đổi những người cùng một tổ chức, một cơ quan, một hiệp hội cũng bất hòa. Đó là triệu chứng của sự tan rã đi đến chỗ diệt vong. Nữ Chung Hòa được tái lập đúng lúc, đúng thời kỳ và đúng sứ mạng của nó.

Nữ Chung Hoà đảm trách những công việc thích hợp với Nữ giới:

- Hướng vào nhiệm vụ của người làm mẹ, làm chị gương mẫu, tạo nên nề nếp đạo đức trong mỗi gia đình, làm gương mẫu cho đoàn con cái noi theo.

- Dẫn dắt đào luyện mầm non cho đạo.
- Làm công tác xã hội phước thiện.

Đào tạo thế hệ tiếp nối bằng cách thành lập đội: Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý để làm lò đúc, làm học đường rèn luyện Thanh Thiếu niên làm rường cột truyền Đạo ở tương lai." (Trích: Nói Chuyện Cao Đài của Ngài Thiên Vương Tinh)

CQPTGL không có hệ thống Chức sắc lưỡng Đài như các Chi phái, nhưng có Cơ bút riêng, đồng tử riêng, có Ban Nghiên Cứu Giáo lý và Đạo sử, tổ chức các lớp huấn luyện Giáo sĩ, mở các khóa dạy tu Thiên định, xuất bản báo chí. Trước 1975, CQPTGL có xuất bản Nguyệt san Cao Đài Giáo Lý, rất được nhiều giới ủng hộ.

V. Vấn đề qui hiệp các Chi phái Cao Đài:

A. Các phong trào thống nhất Chi phái:

Kể từ năm 1936 đến trước ngày giải phóng 30-4-1975, nhiều tín đồ Cao Đài có nhiệt tâm lo âu sự phân chia Chi phái của nền Đại Đạo nên đã đứng ra lập nhiều cơ quan vận động qui hiệp các Chi phái, mặc dầu không thành công nhưng cũng gây được tiếng vang tốt trong dư luận, xin lần lượt kể ra:

■ Năm 1936, một đàn cơ mà Liên Hoa làm đồng tử, Ôn Trên dạy lập một tổ chức gọi là **Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn** đặt trụ sở tại Thánh Thất Cầu Kho. Một số vị được bầu vào Ban Chương quản: Đốc phủ Nguyễn Văn Kiên làm Hội Trưởng, ông Cao Triều Phát làm Phó Hội Trưởng,... nhưng tổ chức này không làm được việc gì vì nội bộ bất đồng ý kiến.

■ Cũng năm 1936, Ôn Trên lại dạy quý vị: Nguyễn Phan Long, Đoàn Văn Bản, Trần Quang Nghiêm, Trần Văn Quế, hợp nhau lập ra **Liên Hòa Tổng Hội** để tổ chức các cuộc Hội Long Vân vận động hòa hiệp các Chi phái. Liên Hòa Tổng Hội tổ chức được 12 Hội Long Vân, nhưng các Chi phái rất thờ ơ trong việc hòa hiệp. Ôn Trên dạy Liên Hòa Tổng Hội phải giải nhiệm sau kỳ Hội Long Vân 12, vì Ôn Trên tiên tri rằng:

*Liên Hòa vị hiệp đạo lương vong,
Lãnh tụ khâm sai họ nạn hồng.*

Hội Long Vân 12 tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài ở Hạnh Thông Tây Gò Vấp, ngày 15-12-Canh Thìn (1940) thì đệ nhị thế chiến sắp bùng nổ, ở VN quân đội Pháp bắt các lãnh đạo tôn giáo cầm tù và lưu đày... ..

■ Năm 1945, ông Cao Triều Phát lập **Cơ Quan Cao Đài Hiệp Nhứt**, sau có ông Lê Kim Tỵ và Bùi Văn Nhân tiếp nối, nhưng công việc không được nhiều người hưởng ứng.

■ Năm 1952, ông Nguyễn Bửu Tài cùng với quý ông Phan Khắc Sửu, Trần Văn Quế lập ra **Cơ Quan Cao Đài Qui Nhứt**, nhưng cũng không qui tụ được bao nhiêu người.

■ Năm 1964, ông Trần Văn Quế lập ra **Phái Đoàn Thiện Tâm** hướng về Tòa Thánh Tây Ninh, tiếp xúc với Hội Thánh TTTN thảo luận việc thống nhứt các Chi phái, được Hội Thánh TTTN ủng hộ. Công việc thấy có kết quả bước đầu, nhưng sau đó không tiến thêm được.

■ Năm 1969, ông Phan Khắc Sửu (đạo hiệu Huỳnh Đức) lại cầm đầu một Phái đoàn đồng đảo gồm 72 đại diện một số Hội Thánh Chi phái lên Tòa Thánh Tây Ninh họp để thảo luận vấn đề thống nhứt Chi phái. Ông Phan Khắc Sửu dùng uy tín bên Đờn và bên Đạo của ông gây được một phong trào lớn, có

tánh cách qui mô. Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh họp tác thảo luận, đạt được một số nguyên tắc chung.

■ Năm 1972, Hội Thánh TTTN cử Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa làm đại diện mời lãnh đạo các Chi phái họp tại TTTN để tiếp tục bàn về sự qui hiệp các Chi phái. Được biết, trong Hội Thánh TTTN, Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa có đại nguyện thống nhất các Chi phái, nên Hội Thánh cử Ngài lo công việc thống nhất này thì rất hợp với ý nguyện của Ngài.

Các Chi phái hưởng ứng lời mời nên lên họp tại Tòa Thánh Tây Ninh rất đông. Hội nghị bước đầu đạt thỏa thuận gồm 5 điểm:

1. Làm sáng tỏ danh Đại Đạo của Đức Chí Tôn trong và ngoài nước, y theo Chơn truyền Luật pháp của Đạo (Tân Luật, PCT, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển).
2. Tương thân tương trợ, tương ái tương liên trong phạm vi đạo đức.
3. Không làm Chánh trị, không lập Quân đội.
4. Bành trướng sâu rộng cơ phổ độ trong và ngoài nước, hiệp sức mở mang công việc văn hóa và từ thiện phục vụ nhơn sanh.
5. Tạm thời tôn trọng hệ thống tổ chức nội bộ của mỗi Chi phái cho tới ngày Đức Chí Tôn phán đoán.

Hội Nghị thành lập được một Hội Đồng Vận Động Thống Nhất ĐĐTKPĐ mà Ngài Hồ Tấn Khoa được bầu làm Trưởng Ban Thường Vụ Lâm thời.

Hội Đồng tổ chức được vài cuộc viếng thăm thân hữu trụ sở của vài Chi phái, rồi đến ngày giải phóng, Hội Thánh và các Cơ quan của Đạo Cao Đài ở khắp nơi đều bị giải thể.

Qua các điểm vừa trình bày trên, chúng ta nhận thấy việc qui hiệp các Chi phái của Đạo Cao Đài, tuy có nhiều cố gắng của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh và của một vài Chi phái, nhưng cuối không đạt được tiến bộ quan trọng nào.

Mục Sư Olliver đạo Tin Lành, người Mỹ, khi nghiên cứu về Đạo Cao Đài có bày tỏ ý kiến sau đây: (dịch ra Việt văn)

"Tôi rất buồn mà thấy rằng các Chi phái trong Đạo Cao Đài chỉ nói tốt cho mình mà hạ phẩm giá người khác. Điều đáng buồn hơn hết là mỗi Chi phái đều quá ư tự túc tự mãn và không hề nói đến sự thống nhất, dù rằng đó là sự thống nhất tinh thần.

Một vài Chi phái khi nghe nói đến việc thống nhất thì nghiêm nhiên tuyên bố: Đấng Chí Tôn sẽ làm cho chúng tôi.

Các Chi phái trong Đạo Cao Đài mà hiệp nhau lại được thì trước nhất sẽ có lợi trong các Chi phái ấy và sau đó là lợi cho quốc gia VN của họ.

Trước khi chờ Đấng Chí Tôn làm giùm cho chư vị, thì chính chư vị phải cố gắng đứng lên làm một việc gì trước đã."

Lời phê bình và nhận xét của Mục Sư Olliver khá xác đáng để cho mỗi tín đồ Cao Đài chúng ta lưu tâm suy nghĩ.

B. Tại sao các Chi phái không thống nhất được?

Đây là một câu hỏi làm hoang mang rất nhiều người. Những người hành đạo đi sau có cảm tưởng dường như càng vận động thống nhất, càng có sự dạy dỗ khuyên lơn, khuyên cáo của chư Thiêng liêng chừng nào thì chia rẽ lại càng trầm trọng chừng nấy.

Có lẽ những người hành đạo đi sau bực tức hơn là hoang mang, bực tức cho sự việc, vì sự việc đã biến thành những chướng ngại vật cho sự tiến triển của cơ Đạo mà mình muốn để vào một tay xây dựng....

Thầy (Đức Chí Tôn) chỉ trông cậy có một điều là thiệt lòng, là chơn thành mà thôi. Với Thầy, Thầy muốn ở các con một tấm lòng, nhưng không phải bất cứ tấm lòng nào, mà tấm lòng chơn thật mà thôi, trước mắt Thầy cũng thế, sau lưng Thầy cũng thế, không có Thầy cũng thế. Còn giữa con cái Thầy thì Thầy cũng muốn thấy con cái Thầy thương yêu hòa thuận với nhau, nhưng không phải thương yêu hòa thuận đầu môi chót lưỡi, thương yêu hòa thuận trên giấy tờ, mà thiệt lòng, vâng, thiệt lòng nghĩa là chơn thành thương yêu hòa thuận.

Nếu cái thiệt lòng đó có, nếu cái chơn thành đó có, và nếu cái tình thương yêu hòa thuận đó thật có, thì các nguyên nhân

mà Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nêu ra trên kia chắc có lẽ đã được giải quyết từ lâu rồi. Vì lẽ tình thương chơn thành sẽ khắc phục một cách dễ dàng những chỗ vị kỷ, vị danh, vị lợi, cũng như tự ái, tự đại, tự tôn.

Hễ thiệt lòng thương thì sẽ hiển dưng trọn vẹn, mà hiển dưng trọn vẹn thì cái TA chỉ còn là để phục vụ cho cái tình thương đó mà thôi. Thương ở đây là thương Đạo, thương Thượng Đế, thương Nhơn sanh, thương con cái Đức Chí Tôn, thương anh chị em của mình, thương Nhơn loại, mà hễ thiệt lòng thương rồi thì tự nhiên là thiệt lòng tin, mà thiệt lòng tin thì không còn tí gì nghi ngờ ở nữa, cái mà Thầy thường dạy người trong Đạo ở những ngày đầu.

Nghi kỵ là một nguyên nhân nữa để chia rẽ nhau, mà nghi kỵ là do mất chữ tín với nhau, là bội tín, thất tín mà ra.

Thật thế, lúc mới khai đạo, tất cả các chư vị tiền khai đều cùng nhau chung tay góp sức để giúp Thầy lập đạo, tin tưởng nơi nhau, một lòng một dạ, chia ngọt sẻ bùi, chi chi cũng cùng nhau bàn thảo, rót hết cả tâm thành với nhau, bày tỏ với nhau bao điều thầm kín tâm tư trước những trở lực bao quanh tứ phía, che chở cho nhau trước những cạm bẫy đầy dẫy hằng ngày của thực dân đô hộ. Nói một cách khác, tin nhau như thể tay chân. Rồi đến một lúc nào đó, thỉnh linh có việc "*Mặt nhứt hỏi mô thấy xẻ hai . . . Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai?*"

Câu hỏi này bắt đầu đặt một dấu hỏi trong lòng những môn đồ của Thượng Đế. Dấu hỏi đó cứ theo cái đà nứt rạn kể từ Thánh Thất Cầu Kho, Ban Chỉnh Đạo, Tiên Thiên, v.v... mà lớn dần lên cho đến nỗi mỗi nghi kỵ càng ngày càng ăn sâu vào tâm tư, trước nhứt của những vị đứng đầu các Chi phái, rồi sau nữa, của người Cao Đài nói chung trong toàn đạo.

Một khi mỗi nghi kỵ đã nảy nở trong lòng người thì một vấn đề tâm lý đã được đặt thành. Rồi từ đó đến sau, không một ai tin ai nữa, dầu có nói bao nhiêu lời, dầu có viết bao nhiêu chữ, dầu có họp bao nhiêu lần đi nữa. Vấn đề tâm lý này không thể nào giải quyết được, nếu không được mang ra mổ xẻ một cách khách quan chân thành. Từ 1935 cho đến 40 năm sau, vấn đề tâm lý này không được mang ra một lần để giải quyết, vì một lẽ nào đó, vấn đề thống nhứt cũng không thể thực hiện.

Thế cũng chưa hết, vấn đề tâm lý này đã được nảy sinh rồi thì nó lại sinh ra những vấn đề tâm lý phụ thuộc mà về lâu sau này sẽ trở thành một bịnh nan y bao trùm tất cả những cái "tự ái, tự đại, tự tôn" đã được ghi trên. Bịnh tâm lý này hết phương cứu chữa, bịnh chia rẽ đến đây khó mà làm gì được....

Đứng về một khía cạnh khác nữa thì cũng thấy hiện diện trong cơ đạo những bịnh khác nữa rất thường tình trong nhơn sanh trên cõi dinh hoàn là: *vị kỷ, vị danh, vị lợi*, mà trong đạo thường đề cập đến một vài phương diện gọi là "*cân đại, áo mào, chức tước, lấy danh đạo tạo danh đời và làm lãnh tụ.*"

Trong những bịnh này, có lẽ cái bịnh làm lãnh tụ là nổi nhứt chẳng trong phần chia Chi lập Phái? Các bịnh kia còn có thể chữa được, tuy khó chữa nhưng cũng còn có thể chữa được, chứ cái bịnh cuồng vọng *làm lãnh tụ* thì thật vô cùng khó khăn, thật là nhiều, quá nhiều, lan tràn trong xã hội. Chỉ có *chức lãnh tụ* mới giải quyết được cái bịnh *lãnh tụ* mà thôi.

Cứ phóng tầm mắt chung quanh chúng ta trong Đạo cũng như ngoài đời thì thấy rõ, không cần phải biện chứng gì cả. Trong Đạo thì chỉ trông vào thành phần các Chi phái, và phẩm vị của các thành phần đó thì thấy rất rõ ràng. Chí đến tín đồ cũng chưa an phận tu hành để tăng tiến mà còn muốn làm Nguyên Soái để rồi bị bỏ vào nhà thương điên. (Nhóm Tịch Cốc)

Nếu ai cũng muốn làm lãnh tụ hết thì làm sao có một lãnh tụ cho tất cả? Mà không có lãnh tụ cho tất cả thì cơ đạo không khi nào thống nhứt được; mà vấn đề chọn một vị lãnh tụ cho tất cả, theo lẽ phải, không thành vấn đề, vì lẽ ngoài đời cũng như trong đạo, có đầy đủ phương pháp để giải quyết nó một cách dễ dàng nếu thành tâm muốn giải quyết. Vấn đề là vì nơi đây không chiuu đặt ra hoặc không muốn đặt ra để giải quyết, nghĩa là không muốn vấn đề được giải quyết.

Đó cũng là một lẽ nữa làm cho cơ đạo không thể thống nhứt được.

Chia rẽ có thể làm chậm sự tiến triển của nền Đại Đạo, chứ không khi nào diệt được Đạo, vì chương quản ĐĐTKPĐ là Thượng Đế, mà Thượng Đế là vô vi. Có ai phạm tục phá được

vô vi đâu? Hơn nữa, vô vi này là vô vi Thượng Đế thì tất nhiên tuyệt đối. Phá thì được chứ diệt chắc là không được rồi.

Ngoài những nguyên nhân nêu trên đã làm cho cơ đạo không thống nhất được, còn có một vài trở trêu, tưởng cũng cần ghi riêng biệt ra để lưu ý.

Trước nhất, chính những vị đã tự tách rời khỏi Tây Ninh để lập Chi phái cũng là những vị hô hào hoạt động mạnh nhất cho cơ thống nhất. Nhưng trở trêu thay! chư vị càng hô hào chừng nào, càng hoạt động mạnh chừng nào, lâu chừng nào, lại càng bị nghi ngờ nhiều chừng nấy. Cái lẽ tự nhiên là vì cái gút tâm lý nêu trên không được cởi tháo; cái mê hồn trận nghi ngờ đã đưa chư vị vào một cơn gió trời quay tít không còn lối thoát nữa, vì thế cho nên mãi cho đến năm 1954, hãy còn lập Hội Thánh để khánh thành vào năm 1956!

Thứ đến là sau này khi thấy việc thống nhất thành một việc đạo rất thời trang, được ai ai cũng để ý đến, nên có những cá nhân tranh giành để hoạt động, tạo thành một phong trào **"Thống nhất nhằm chống thống nhất"** với ý đồ là để Chi phái mình được danh dự làm việc đó. Vì thế mà có những mưu mô giữ miếng mà Thầy đã phiên trách trước kia.

Bên ngoài, khi hắc cân bạch y gặp nhau thì bãi buổi, chào chào mừng mừng vui vẻ, nhưng bên trong thì phần ai nấy lo, miếng ai nấy giữ. Có nhiều khi vì quá say mê trong dục vọng mà đâm ra ruộng rẫy, xua đuổi ngấm ngấm tế nhị, để lại cho đồng đạo một cái vị hoặc một cái hậu đắng chua.

Thống nhất cho cơ đạo thì quý hóa vô cùng, nhưng thống nhất cho quyền lợi hoặc cho danh vọng cá nhân mình thì gây ra tình trạng **"Thống nhất phản thống nhất"** nghĩa là làm cho chia rẽ càng thêm chia rẽ... ..

Trong bất cứ trường hợp nào, toàn đạo phải tin tưởng trọn vẹn vào một việc: *Có Thầy, có Thiên liêng chương quản cơ đạo. Cứ một lòng theo Hội Thánh, một Hội Thánh duy nhất của ĐĐTKPĐ, nơi đây có nghĩa là Tây Ninh và Tây Ninh mà thôi, bất cứ như thế nào, tối hậu sẽ có Thầy.*

Vì một lẽ duy nhất là sự nguyên vẹn của cơ Đại Đạo là đại sự, là điều kiện tối cần thiết, không có không được, để đi đến

mục tiêu tối cao tối thượng của Thượng Đế đã đề ra cho cơ Đại Đạo.

Người viết mấy hàng này không thấy có một lý lẽ chính đáng nào để biện minh cho ổn thỏa được việc chia rẽ, chia Chi lập Phái. *Nếu không đồng ý với nhau cho tới mức không thể ngồi chung với nhau được, thì cách xử sự tốt đẹp nhất là nói lên tiếng nói thành tâm thiện ý, rồi bước ra, nếu mình muốn, về nhà đóng cửa lại tu hành tịnh luyện.*

Như thế mới phải, mới nên, mới xây dựng, mới đúng với chữ tu hành. *Chứ bước ra để lập một tổ chức khác hầu chống lại cái tổ chức trước kia của mình, thì chắc chắn sẽ tạo ra điều uất nể, tạo ra sự chia rẽ hữu hình thật sự khó bề sửa chữa về sau.*

Hậu quả rất là tai hại, như ta đã thấy rõ trong 60 năm qua trong Đạo, và bao nhiêu lần trong lịch sử nước nhà.

Còn nếu muốn "**chỉnh**" lại những việc mình cho là sai lầm trong việc điều hành điều khiển cơ đạo, thì có không biết bao nhiêu phương cách tốt đẹp đầy ý nghĩa xây dựng, hợp với câu kinh đầu của bài kinh đầu của đạo là "*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*", đồng thời giữ vững được sự nguyên vẹn của nền đạo. Làm cái chi mà không giữ được không tạo được tinh thần "**thành, tín, hiệp**" thì không giữ gốc đạo rồi vậy. Mà không giữ được gốc đạo thì không thể nào sống được, tồn tại được, chứ đừng nói tới việc tăng tiến được. Căn bản giữ đạo là ở chỗ đó vậy. Căn bản thương đạo, thương dân thương nước, thương người là ở chỗ đó vậy.

Còn nếu nói rằng vì "*đã mong mỗi sự xuất hiện một Hội Thánh duy nhất mà không thấy*" nên lập lên một Hội Thánh khác nữa, ngoài cái Hội Thánh gốc của cơ đạo, thì chính mình đã vi phạm luật đạo như bao nhiêu người khác, vì cơ đạo không được phép có nhiều Hội Thánh. Hoặc giả cho Hội Thánh của mình là Hội Thánh duy nhất vì một lẽ nào đó thì lại càng không đúng lý nữa, càng chứng tỏ cái phạm tâm của mình và càng làm cho cơ đạo xáo trộn và phân tán hơn nữa.

Chia rẽ là không thống nhất, là phản thống nhất. Chia rẽ mà còn nói đến thống nhất thì chắc hẳn là có tư tâm tư ý, tư lợi tư quyền, tư kỷ.

Tách rời ra khỏi Tây Ninh để lập lên một Hội Thánh khác và sau khi gây dựng bề thế tổ chức xong xuôi, rồi trở lại kêu Tây Ninh thống nhất, thì thật quả là chôn sâu cái tinh thần thống nhất bất vụ lợi vì Thầy vì Đạo, vì nhơn sanh. Không trách, vì cái lẽ nói khác, nghĩ khác, làm khác đó, nghĩa là không đạo hạnh, nên cơ đạo không thống nhất được và bị chinh nghiêng trong 60 năm qua.

Muốn Đạo thành, muốn đất nước dân tộc vinh quang, nhơn sanh được hòa bình cơm no áo ấm thì đừng khi nào làm cho cơ đạo bị chia rẽ, bất cấu trong trường hợp nào. Muốn cơ đạo giữ được sự nguyên vẹn thì đừng tách rời, đừng sang ngang để chia Chi lập Phái, chống đối với tổ chức gốc của cơ đạo.

Đạo thành thì tất cả được thành và được hưởng. Đạo không thành thì con người và vạn linh phải theo guồng máy của phàm tâm con người tạo thành mà tự tiêu diệt.

Sống là do tự quyết của mình, mà chết là do phàm tâm của mình. Thượng Đế muốn cứu nhơn sanh, nhưng nhơn sanh không theo lời dạy của Thượng Đế mà theo tiếng gọi của phàm tâm thì Thượng Đế cũng không biết làm sao!

Hòa hiệp là theo Thượng Đế, chia rẽ là theo tánh phàm. (Trích trong quyển **Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của Đạo Trưởng Đỗ Vạn Lý, CQPTGL**)

Chúng ta hiện nay là những tín đồ Cao Đài thuộc thế hệ sau, không liên hệ gì đến việc phân chia Chi phái của các bậc tiền bối, chúng ta thử bình tâm suy nghĩ, đem hết lương tri lương năng ra xét đoán một cách thành thật với lòng mình, lột trần sự thật (dù là sự thật phũ phàng) để xem xét: Tại sao vấn đề Chi phái của Đạo Cao Đài lâu nay không thể qui hiệp được, và có lẽ mãi mãi sẽ không bao giờ qui hiệp được?

Đó là vấn đề hết sức quan trọng mà người tín đồ Cao Đài có nhiệt tâm với đạo cảm thấy nhức nhối vô cùng khó chịu, bởi vì Giáo lý Cao Đài mà chúng ta đọc thuộc lòng, nào là Bác Ái, Công bình, nào là luật Thương yêu quyền Công chánh, rồi Qui nguyên Tam giáo, Phục nhất Ngũ Chi... mà *chính những người tín đồ Cao Đài với nhau đây mà không thương yêu được nhau, không hòa hợp được nhau thì làm sao nói đến việc*

thương yêu và hòa hợp đồng bào chủng tộc, làm sao thương yêu được hơn loại, thương yêu toàn thể chúng sanh, như lời Đức Chí Tôn thường dạy dỗ.

Nếu tôn giáo Cao Đài không qui hiệp được các Chi phái Cao Đài thì làm sao dám nói đến việc Qui nguyên Tam giáo, Phục nhứt Ngũ Chi?

Vậy nguyên nhân chủ yếu làm cho không thể qui hiệp được các Chi phái là gì?

Có vị đáp rằng: - *Tại Đạo Nghị Định số 8 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp.*

Để vấn đề được sáng tỏ thêm, chúng ta thử đặt câu hỏi: Nếu giữa năm 1934, Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp không ra Đạo Nghị Định thứ 8 thì sẽ ra sao?

Phải chăng sẽ có một số Chức sắc cao cấp của Tòa Thánh Tây Ninh khi bất đồng với Hội Thánh sẽ tiếp tục tách ra để lập Chi phái? Làm cách nào để ngăn chặn việc này?

Cho nên Đạo Nghị Định thứ 8 là hàng rào hiệu quả ngăn chặn việc Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh tách riêng lập Chi phái, và từ đây mãi mãi đến thất ức niên về sau, Đạo Cao Đài nhờ Đạo Nghị Định thứ 8 mà không còn tình trạng phân chia Chi phái nữa.

Chúng ta thấy trước mắt chúng ta, các tôn giáo lớn như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, mỗi tôn giáo đều có hàng trăm Chi phái chống đối nhau, và còn có thể tiếp tục phân chia thêm nữa, vì các tôn giáo này không có một Đạo luật nào ngăn chặn sự phân chia Chi phái.

Cái nguyên nhân cốt yếu làm cho các Chi phái không thể qui hiệp được, mà ít ai dám có can đảm nói ra, vì nó rất phàm tục nhưng lại rất hấp dẫn, là vấn đề phẩm tước của các Chức sắc lãnh đạo Chi phái.

Nếu trong sự qui hiệp này mà Đức Lý Giáo Tông tại Tòa Thánh Tây Ninh nhìn nhận tất cả phẩm tước của Chức sắc Chi phái, thì tại TTTN sẽ có cảnh tượng là:

- cả chục vị Chương Pháp,
- cả chục vị Đầu Sư,

- cả chục vị Chánh Phối Sư,
- cả hai, ba vị Hộ Pháp,
- cả ba bốn vị Thượng Phẩm, Thượng Sanh,
- cả mấy chục vị Thời Quân.

Thử hỏi như thế thì Đạo Cao Đài còn ra thể thống gì nữa! Tân Luật và Pháp Chánh Truyền còn giá trị gì nữa!

■ Nếu quý Chức sắc cầm đầu Chi phái chịu từ bỏ phẩm tước của Chi phái, qui hiệp về TTTN, chờ đàn cơ cầu Đức Lý Giáo Tông tại Cung Đạo Tòa Thánh do chư vị Thời Quân HTĐ phò loan, để Đức Lý giảng dạy và định phận, thì liệu Đức Lý tại Cung Đạo TTTN có ban cho họ phẩm tước cao trọng như khi họ cầu nơi Chi phái?

Nhiều vị cũng tự thú nhận rằng, đàn cơ tại Cung Đạo TTTN chắc chắn không thể ban cho họ phẩm tước như ở Chi phái được, mà sẽ ban cho họ phẩm tước mới, đúng với trình độ tu hành và công đức của họ. Và như vậy thì họ bị sụt chức một cách nặng nề, họ sẽ mặc cảm nên không thể hành đạo một cách thoải mái và tốt đẹp được.

(Chúng ta lưu ý rằng, Cung Đạo tại TTTN là nơi mà Đức Chí Tôn tiền định, để cầu cơ cho các Đấng thiêng liêng giảng dạy điều hành nền Đạo, hai vị Thời Quân HTĐ phò loan [đồng tử tiền định] thì không có chơn linh quý vị nào dám vào đây phá khuấy)

■ Nếu không dùng Cơ bút để các Đấng thiêng liêng phân định mà dùng sự công nhận của Quyền Vạn Linh, thì chúng ta đều biết Quyền Vạn Linh do 3 Hội lập thành, mà quan trọng nhất là Hội Nhơn Sanh vì đây là căn bản. Bên Chi phái, phần lớn số tín đồ hiện nay rất ít, cho nên Chi phái làm sao có đủ số Nghị viên và Phái viên trong Hội Nhơn Sanh đạt đủ số thăm quá bán để tín nhiệm công nhận quý vị.

Như vậy, khi Chi phái qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, dùng lối cơ bút hay dùng lối công nhận của Quyền Vạn linh, cả hai cách đều không đảm bảo phẩm tước cho Chức sắc lãnh đạo Chi phái, thì họ đâu có chịu qui hiệp! Qui hiệp để mà bị thiệt hại danh dự hay sao?

Bởi vì con người, dù là người tu hành, phần lớn vẫn còn CHẤP NGÃ, cái bịnh này rất nặng và phổ biến, nên coi trọng phẩm tước phàm trần, coi trọng áo mũ phàm trần. Đức Chí Tôn đã có nói: các thứ đó đều giả, đều là phàm mà Đức Chí Tôn tạm cho mượn để làm công quả, cái phẩm tước thật là ở nơi cõi thiêng liêng. Đừng tưởng khi về thiêng liêng vẫn giữ được áo mũ phàm trần.

Tội nghiệp cho những tín đồ chơn chất, họ không được quyền lợi gì trong việc phân chia Chi phái, mà vì người hướng đạo sai lầm nên họ phải chịu nhiều thiệt thòi rất nên oan uổng!

Chỉ khi nào những thế hệ thừa kế nối tiếp lãnh đạo Chi phái không còn cảm thấy hấp dẫn đối với các phẩm tước của Chi phái nữa thì họ sẽ tự động qui hiệp về gốc Đạo.

Chúng ta thử điểm lại một số các cột mốc quan trọng về sự diễn tiến của nền Đạo, chúng ta sẽ thấy được sự huyền diệu trong câu nói xác định của Đức Chí Tôn: **"Chi chi cũng chỉ tại Tây Ninh đây mà thôi"**:

- **15-10-Bính Dần (1926)**: Đại Lễ Khai đạo tại Gò Kén.
- **16-10-Bính Dần (1926)**: Đức Chí Tôn lập PCT CTĐ Nam phái.
- **09-1-Đinh Mão (1927)**: Đức Lý G.Tông lập PCT CTĐ Nữ phái
- **12-1-Đinh Mão (1927)**: Đức Chí Tôn lập PCT HTĐ.
- **Từ 1926 đến đầu 1934**: Các Chức sắc CTĐ tách ra lập Chi phái gồm quý Ngài: Ngô Văn Chiêu, Phối Sư Nguyễn Văn Ca, Giáo Hữu Nguyễn Văn Chính, Chưởng Pháp Trần Đạo Quang, hai vị Q. Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang.

■ **Năm 1935**: Các Đấng thiêng liêng vâng lệnh Chí Tôn giáng cơ ban cho Tân Kinh. Đây mới chính thực là Kinh Cao Đài, Kinh Tận độ chúng sanh, và ban cho PMCK, dạy cách thờ phượng Đức Phật Mẫu. Các bài kinh có trước năm 1935 đều là kinh thỉnh từ Tam giáo hay từ Ngũ Chi Minh đạo.

Như vậy, chỉ có Tòa Thánh Tây Ninh mới hưởng được hồng ân này của Đức Chí Tôn, còn các Chi phái không hưởng được, nếu muốn hưởng thì phải qui hiệp về Tòa Thánh Tây

Ninh mà thôi. Cho nên được biết có một vài Chức sắc Chi phái di chúc lại rằng khi họ qui liễu thì nhờ Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh đến cầu kinh cho họ và tổ chức tang lễ cho họ.

Về tương lai của các Chi phái, Đức Chí Tôn có tiên tri trong bài thi tứ tuyệt sau đây:

**Đạo Thầy nhiều nhánh các con coi,
Nhánh có trái bông, nhánh cụt còi.
Rốt cuộc cành khô cùng lá héo,
Còn gì tươi tốt để con coi.**

Theo bài thi này, lúc đầu có một vài Chi phái bông trái sum suê, còn một vài Chi phái thì còi cọc, nhưng rốt cuộc rồi thì các Chi phái dầu sum suê hay còi cọc đều bị tàn tạ dần, rồi sẽ mất hẳn. Đức Chí Tôn như ngầm nói rằng vấn đề qui hiệp là sống còn, còn Chi phái nào không chịu qui hiệp thì dần dần suy tàn rồi mất hẳn.

Chúng ta nhớ lại hai phong trào Chi phái nổi bật nhất là phong trào của ông Nguyễn Phan Long lập Hội Vạn Linh để trướat phế Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, và phong trào Ban Chính Đạo của hai vị Quyền Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang, các vị này đã chống đối TTTN rất mãnh liệt.

Hỏi vậy, những vị ấy đã thành công được những gì? Tạo lập được những công trình gì để làm vẻ vang cho Đạo? làm lợi ích cho nhơn sanh? Hay đó chỉ là tranh quyền đoạt vị cá nhân, không có chánh nghĩa để thủ thắng nên chiuu thất bại.

Trong lúc đó, Tòa Thánh Tây Ninh là cái gốc của Đạo, càng ngày càng phát triển, sum suê bông trái đầy đủ.

Trước năm 1935, trong Nội Ô, Tòa Thánh còn cất tạm bằng cây ván, các cơ quan của Hội Thánh còn bằng mái tranh vách đất, nhưng dần dần Tòa Thánh được cất lên nguy nga đồ sộ theo kiểu vở của Thiên đình, báo hiệu sự xuất hiện của một nền văn minh mới của nhơn loại nơi cõi Á Đông, rồi các dinh thự khác cũng dần dần được dựng lên bằng những con tim chơn chất thực sự thương Thầy mến Đạo, và đặc biệt dựng lên ngôi thờ Đức Phật Mẫu, bà Mẹ Chung thiêng liêng của toàn nhơn loại, thể hiện một nền triết lý hoàn chỉnh của Đạo

Cao Đài là tôn thờ đủ hai ngôi: ngôi Dương và ngôi Âm. Đó là nguồn gốc của con người, của vạn vật và của CKVT.

Người tín đồ Cao Đài hôm nay phải tự nhận thức rằng, chỉ có con đường duy nhất để tự cứu lấy mình, cứu lấy linh hồn mình là tự giác trở về Tòa Thánh Tây Ninh để lập công quả, hoặc là bên CTĐ, hoặc là bên HTĐ hay CQPT. Đức Chí Tôn chưa cho phép mở Tịnh Thất và chưa ban cho pháp môn luyện đạo, bởi vì kỳ thi chung kết sắp mở trong Đại ân xá của Chí Tôn là môn thi **CÔNG QUẢ** và chỉ thi môn này mà thôi. Chúng ta nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn: "Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Thầy nói cho các con nghe, nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ."

Cho nên nếu chúng ta lo luyện đạo mà không lo công quả thì tới kỳ thi chung kết này, e chúng ta phải đứng ngoài trường thi, chịu phạt thiệt thòi thì mất cơ hội để tiến hóa.

Trong kỳ Đại Hội Nhơn Sanh năm Giáp Dần (1974) tại Tòa Thánh Tây Ninh, vị Chức sắc đại diện Lại Viện CTĐ báo cáo trước các Nghị viên và Phái viên nhơn sanh, số Chi phái Cao Đài bằng lòng qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh như sau:

"Tổng số 36 (!) Chi phái Cao Đài, đã có 10 Chi phái qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh như:

- Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt.
- Phái đoàn Cao Đài Chiếu Minh.
- Hội Thánh Trung Ương Trung Việt (Tam Quan).
- Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế (Chiếu Minh Đàn).
- Phái đoàn Hội Thánh Tiền giang.
- Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý CĐG VN.
- Hội Thánh Hậu giang Minh Chơn Lý.
- Cao Đài Cứu Thế Thiện Huyệt Lâm Huyền Châu.
- Giáo Hội Cao Đài Thống nhất."

VI. Phần Phụ: Tiểu Sử các vị lãnh đạo Chi phái:

1. Ngài Ngô Văn Chiêu:

(Xem chữ Ngô Văn Chiêu, văn Ng)

2. Ông Vương Quan Kỳ (1880-1940):

Song thân của ông Vương Quan Kỳ là: Vương Quan Đễ và Huỳnh Thị Bảy. Vương Quan Đễ là con trai của Thống Chế Vương Quan Hạc, và Huỳnh thị Bảy là con gái của Ông Huỳnh Mẫn Đạt, một nhà Nho yêu nước làm quan dưới triều Minh Mạng và Tự Đức.

Ông Kỳ học tại trường Chasseloup Laubat, đậu bằng Thành Chung (Diplôme), làm việc tại Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, ngạch Tri phủ, bạn cùng sở với Ngài Ngô Văn Chiêu nên được Ngài Chiêu độ theo Đạo Cao Đài.

Ông Kỳ là em ruột của Vương Quan Trân, ông Trân là cha ruột của Cô Vương Thị Lễ, Thất Nương DTC. Nhà riêng của ông Kỳ ở tại số 80 đường Lagrandière, sau đổi lại là đường Gia Long, Quận Nhứt, Sài Gòn.

Ông Vương Quan Kỳ là 1 trong 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn được Thiên phong Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh ngày 14-5-Bính Dần (1926).

Năm 1930, ông Vương Quan Kỳ cùng các Chức sắc nơi Thánh Thất Cầu Kho tách ra khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, lập ra Chi phái Cầu Kho, hành đạo riêng, không theo hệ thống TTTN.

Trong Con Đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo đêm 8-9-Mậu Tý (dl 10-10-1948) nhắc lại khi Đức Ngài xuất chơn thần về thiêng liêng có thấy ông Vương Quan Kỳ trên đó, Đức Ngài thuật lại như sau:

"Bần đạo thấy người bạn nhờ ơn thiêng liêng của Chí Tôn riêng ban cho người ấy, người ấy có người chí thân là một Đấng cầm quyền trọng hệ trên hư linh tức là Thất Nương DTC. Bần đạo nói rõ, người ấy là Vương Quan Kỳ, chú ruột của Thất Nương vậy. Người mở đạo mà chẳng biết đạo là gì hết, đi theo một tư tưởng của nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn định quyết, mà tư tưởng của người ấy và cả hành tàng

nếu chúng ta thấy sẽ lên án là Tả đạo Bàng môn chắc hẳn vậy.

Lạ thay! Khi Bàn đạo quay lại dòm thấy nhiều bạn rơi xuống Bích Hải khóc lóc, còn người đó trước bạn Thiên phục Giáo Sư, nhưng bây giờ thì áo tốt dắt vai, mào cầm nơi tay, bạn quần cụt ở trần, đi ngật ngờ ngật ngưỡng, cười một mình, không biết cười cái gì, đi ngang Bát Quái Đài như không vậy.

Ấy các bạn đủ biết, dầu hành tàng của người bề hữu vi thấy trái hẳn nền chơn giáo của Đức Chí Tôn mà trọn tâm tín ngưỡng Ngài, người thọ Thiên phục áo mào, dầu không thế gì mặc vô được, duy cầm nơi tay, đi ngang vô Bát Quái Đài, không quyền luật nào ngăn cản được. Chúng ta lấy bài học ấy đặt để trong tâm, đừng phê bình công kích." (*Trích Con đường TLHS, trang 11*)

3. Phối Sư Thái Ca Thanh phái Minh Chơn Lý:

Sau đây, xin trích một đoạn trong quyển Lịch Sử Cao Đài Quyển 2 của Đồng Tân, trang 391-395:

"Thế là một phái nữa thành hình, ban đầu lấy tên là ĐĐTKPĐ Minh Lý Hội, sau đổi thành Minh Chơn Lý Hiệp Ngũ Chi.

Những việc ông Ca làm buổi ban sơ xem cũng có mòi xây dựng, nhưng qua năm 1935, Chương quản HTĐ là Thiên Sư Nguyễn Hữu Phùng chấp cơ sửa đổi hết cách thờ phượng, lễ bái, nghi tiết, đổi sự thờ Thiên Nhân bằng Trái Tim và Thập ngũ Linh Đấng. Vì lẽ ấy mà phần lớn Chức sắc, một số trở về Cầu Kho giữ nguyên gốc cũ làm thành nhóm bảo thủ, còn một số thì hợp tác với phái Tiên Thiên. Minh Chơn Đạo cũng nảy sinh khi phái Minh Chơn Lý bắt đầu đi sâu vào Tả phái.

Việc ông Ca tách ra thành hình phái Minh Chơn Lý là cơ đại khảo trong đạo, nhưng cũng do nghiệp báo của ông, nên sự canh cải làm cho thất chơn truyền là một sự nguy hại cho ông và cho phái ông rất nhiều.

Để chứng minh điều này, ta hãy xem bài cơ bút sau đây đã giải thích huyền vi Thiên Nhân một cách rất tà mị, dù người kém chữ nghĩa đến đâu cũng không thể hiểu như vậy được.

Bài trích trong tập Đuốc Chơn Lý, do Tòa Thánh Định Tường (Minh Chơn Lý, Cầu Vỹ) xuất bản năm 1955:

" VÔ VI HIỆP THIÊN ĐÀI

Ngày 19 tháng 8 âm lịch 1938 (7 giờ tối)

- Được! Con nghe Thầy dặn, nay Thầy giải nghĩa câu: Nhãn thị chủ tâm, Lưỡng quan chủ tể, quan thị Thần, Thần thị Thiên, Thiên giả Ngã dã.

Trước Thầy có hứa sau Thầy sẽ chỉ rành là đợi cho đến ngày nay là đúng Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy phải giải cho rành cho cả thầy đặng hay kéo nhiều đũa nó ước ao trông đợi.

Giải nghĩa như vậy:

Chữ Nhãn thị chủ tâm nghĩa là cái nhãn của mỗi người đó là chủ nghĩa ở nơi tạng Tâm mà truyền ra, ấy là trái tim nên hình cái Nhãn cũng tương tự trái tim vậy. Đó là Tâm nội xuất hình ư ngoại đó nên lấy nó mà làm chủ nghĩa đặng cho đời xem chung nên gọi là Nhãn thị chủ Tâm là vậy đó.

Lưỡng quan chủ tể, chữ tể này là cai trị (gouverner) nghĩa là hai điều quan hệ trong sự ngó dòm, coi xét, đó phải ngăn ngừa phòng sợ, trong đó có chánh có tà, đó là lưỡng quan là hai ngõ, hễ ngó chánh thì có chánh, ngó tà thì có tà, trong đó có một ngôi chủ tể xem xét không lầm nên phải quan phòng là vậy đó.

Quan thị Thần, chữ quan này là khán (observer), chữ thị này là thật (droit) nghĩa là xem xét đặng làm việc phải là chữ thị đó. Thị trong đó có Thần. Thần này là Thần huệ diệu minh là điển đó, nên gọi là điển quan Thần diệu huệ phát minh tâm là vậy đó.

Thần thị Thiên, Thần vậy đó mới gọi là có Trời ẩn trong đó. Thần này mới gọi là Thần mục tự điển. Còn Thiên đó là người đời hay kêu là Thiên La Thần, Địa La Thần là vậy, vì xem xét không lầm, bao la vũ trụ chẳng vị chẳng tư.

Còn chữ *Thiên giả ngã dã*, chữ Thiên là xấu (mauvais), chữ Ngã là nghiêng (pencher).

Đó là nghĩa nói về người đạo. Nếu dùng Thiên Nhân đặng treo vậy thì trong chỗ ngó xem hành động không y theo lời dạy thì người đó có chỗ thiên là không đúng thiết nơi lòng. Phật gọi là ngã (tomber) tương đó. Hễ người đạo mà phạm vào nhưn ngã thì hóa ra là người nương đạo mà lập danh quyền lợi, dầu có treo cũng vô ích.

Vậy, con biểu CA nó coi rồi giao lại cho ba Đầu Sư, Tứ Bửu, Thiên Sư xét cho kỹ, coi cho rành đặng in ra, rồi gửi cho các Chi phái khác đặng rõ lời Thầy dạy đó, mặc may chúng nó có đặng hồi tâm mà tránh cái nạn tu mà lảm mê hoặc đặng biết chơn lý mà theo Thầy thì là nhờ công trong mỗi đứa đó. Thăng."

(Trích trong Đuốc Chơn Lý, số 51 trang 12)

Thêm vào sự canh cải đó, Minh Chơn Lý gọi Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài là hai phẩm tước chớ không phải là hai cơ quan như trong Pháp Chánh Truyền, cho rằng hai chức này hiệp với Đức Chí Tôn làm thành một cái gọi là Tam Thân Hiệp Nhứt. Những phẩm Chức sắc trên Chánh Phối Sư còn có Thiên Sư, Tứ Bửu, Đầu Sư, Cửu Trùng Đài, Tam Tôn. Kinh sách thì sửa đổi hầu hết, không theo như cũ, tuy giọng đọc na ná như trước.

Tệ hại hơn nữa là Minh Chơn Lý đã xóa bỏ nguồn cội nền Đạo. Cơ bút của Minh Chơn Lý dạy như sau:

"Thầy xuống lập đạo có một mình Thầy hiệp với hai Chưởng quản, một là Lê Văn Đước làm chức Hiệp Thiên Đài (hồn) của Đạo, là bậc Chơn như có Phật Hàng Long hiệp mới thành chánh vị Tam Tôn chủ tam hồn, đội áo Khai Thiên (12 thước vải trắng) đứng trên ngọc ý, phía trước mặt kế bên án có ông Cửu Trùng Đài Nguyễn Văn Ca là xác của Đạo. Đạo có một xác một hồn mà thôi. Cửu Trùng Đài nhờ chuyển kiếp 9 lần mới hiệp cùng Phật An Thiên nên Thánh danh kêu là Bửu An Thiên 18 năm, trong thời gian ấy chịu trả vay nhiều nãi. Còn ai bày ra HTĐ, CTĐ là hồn ma xác quỉ, đó là giả dối."

(Trích trong Đuốc Chơn Lý số 51 trang 97)

Vì sự canh cải Chơn truyền Luật pháp nên Minh Chơn Lý tuy hấp dẫn được một số Chức sắc Đại Thiên phong buổi đầu,

nhưng sau này lại trở thành một tề đoàn lớn lao hơn hết trong sự phân tán nhà Đạo. Do đó, ta có thể nói rằng, phái Minh Chơn Lý, ngay sau khi tự canh cải Chơn truyền, thờ phụng, đã không còn là Đạo Cao Đài nữa, và như thế phái này không tránh khỏi bàn tay Tà Thần vậy."

Theo lời các tiền bối kể lại, nguyên căn của Phối Sư Thái Ca Thanh là Độc Giác Thanh Ngưu của Đức Lão Tử giáng phàm, Truyền Trạng Phạm Văn Ngộ là Từ Giáp giáng phàm. Thanh Ngưu ở với Đức Lão Tử lâu năm nên có nhiều phép biến hóa huyền diệu, xem truyện Đông Du Bát Tiên thì rõ.

Nguyên khi Đốc Phủ Ca làm Quận Trưởng Châu Đốc, ông vâng lệnh Thực dân Pháp ruồng bỏ các nhóm Cách Mạng chống Pháp đang lập căn cứ trong Thất Sơn, giết chết ông Cử Đa và bắt học trò của Cử Đa là Bảy Do giao cho Pháp xử tử. Linh hồn Bảy Do lên kiện nơi Ngọc Hư Cung. Ngọc Hư Cung cho phép ông Bảy Do báo oán và giao phận sự giục loạn trong nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn để trục ngoại các thành phần phản đạo, rửa ráy hàng ngũ Chức sắc cho trong sạch.

Ngày 21-7-1934, tại Phạm Nghiệp, Đức Phạm Hộ Pháp cùng Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan, ông Bảy Do nhập cơ:

BẢY DO

" Kính chào chư vị Đại Đức và chư Đạo hữu,

- Xin cho biết phẩm vị.

- Thần. Thầy của Bàn tăng mắc chuyện cơ đặng giáo hóa TRANG, TƯỞNG, nên đến không đặng, mới sai Bàn tăng thưa lại cùng chư quý vị.

Thưa Đức Hộ Pháp, Bàn tăng lấy làm bất nguyện vì buổi nọ Ngọc Hư Cung ban lệnh cho trừ diệt Phủ CA đặng báo oán. Bàn tăng đã dụ nó vào Cẩm Sơn và định đưa luôn vào ngục thất đặng sát hại, nào dè có lệnh Chí Tôn mật chỉ không cho sát mạng. Sau Bàn tăng muốn nhập thể nó làm cho nó điên cuồng rồi bắt nó tự ải, nào dè Chí Tôn lại binh vực cấm ngăn thêm nữa, chỉ cho hành bịnh mà thôi. Nay nó bị điều tàn cơ giả Đạo nên mang bịnh thất tình, tưởng khi Bàn tăng cũng còn phương tẩy hận.

Ngài nín nằm lóng tin thì hiểu rõ hành tàng mọi lẽ.

Còn hai người TRANG, TƯƠNG thì Ngọc Hư Cung cho khảo. Thần đặng phép thử, khử tà trừ trược đủ 3 năm khảo án, rồi dạy dỗ cho nó trung tâm, rồi cho trở lại Hội Thánh.

.....
- Không. Cười . . . Hạng Thiên Thánh mà vào phẩm Đầu Sư sao đặng. Bản tằng tưởng khi Ngài hiểu điều ấy chán chường, chẳng cần để luận. Họ chỉ lãnh Hàm phong là may mắn lắm đó." (*Theo tài liệu sưu tập của Quang Minh*)

4. Hai vị lãnh đạo phái Bến Tre:

4.1. NGUYỄN NGỌC TƯƠNG (1881- 1951)

Ông Nguyễn Ngọc Tương sinh ngày 26-5-Tân Ty (dl 22-6-1881) tại làng An Hội, tỉnh Bến Tre, thuở nhỏ học tại Collège Mỹ Tho, rồi lên Sài Gòn học ở Lycée Chasseloup Laubat, đậu bằng Thành Chung năm 1902, xin làm Thư ký phòng Thượng Thơ. Làm nơi đây được 1 năm thì xin về làm Thư ký nơi Tòa Bố tỉnh Bến Tre suốt 17 năm liền.

Năm 1919, thi đậu ngạch Tri Huyện, được bổ làm Chủ Quận Châu Thành Cần Thơ, rồi Chủ Quận Hòn Chông (Hà Tiên), rồi đến năm 1924 thì đổi về làm Chủ Quận Cần Giuộc, qua năm 1927 đổi ra làm Chủ Quận Xuyên Mộc (Bà Rịa).

Ông nhập môn vào Đạo Cao Đài vào tháng 2 năm Bính Dần (1926), thọ phong Thượng Chánh Phối Sư ngày 17-5-Bính Dần (dl 26-6-1926). Năm 1930, thăng lên Quyền Đầu Sư.

Đầu năm 1934, ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, rút về làng An Hội lập Ban Chính Đạo và sau đó biến thành Chi phái Bến Tre.

Ngày 8-1-Ất Hợi (dl 11-2-1935), Đại Hội Vạn Linh của phái Bến Tre bầu ông Tương lên làm Giáo Tông phái Bến Tre.

Ngày 7-4-Ất Hợi (dl 9-5-1935) cử hành Lễ Đăng điện cho Ngài Tương lên ngôi Giáo Tông ở Thánh Thất An Hội Bến Tre, và từ đó, Thánh Thất An Hội được gọi là Tòa Thánh Bến Tre.

Từ năm 1942 đến 1951, ông Tương thường nhập tịch trong Tịnh Thất riêng, lúc đó ông thường tự xưng là Lý Giáo Tông.

Ngày 14-4-Tân Mão (dl 19-5-1951), ông Tương đăng Tiên, tháp được xây dựng ngay trước Thánh Thất An Hội, Bến Tre.

4.2. LÊ BÁ TRANG (1879-1936):

Ông Lê Bá Trang sanh năm 1879 tại làng An Qui, tổng An Trung, tỉnh Sađéc. Ông theo Tây học, thi đậu ngạch Tri Huyện, được bổ làm Chủ Quận Thủ Đức, rồi thi đậu Tri phủ, được bổ làm Chủ Quận Chợ Lớn, được thăng Đốc Phủ Sứ, làm Chủ Quận Vũng Tàu.

Ông nhập môn vào Đạo Cao Đài vào tháng 5 năm 1926 (Bính Dần), được Thiên phong Ngọc Chánh Phối Sư vào ngày 3-7-Bính Dần (dl 10-8-1926). Năm 1929, Ngài Lê Bá Trang xin từ quan và phề đời về Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo.

Năm 1930, Ngài Lê Bá Trang được thăng lên Quyền Ngọc Đầu Sư, cùng một lượt với Ngài Nguyễn Ngọc Tương.

Ông Trang cùng với ông Tương rút về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, sau đó biến thành Chi phái Bến Tre. Ông được Đại Hội Vạn Linh của phái Bến Tre bầu làm Ngọc Chương Pháp.

Ông Trang qui liễu tại Bến Tre ngày 30-5-Bính Tý (dl 17-7-1936), liên đài được đưa về Tòa Thánh Tây Ninh ngày 21-7-1936, được đưa vào nhập bửu tháp ở phẩm Ngọc Đầu Sư.

Đàn cơ tại Phạm Nghiệp ngày 11-6-Bính Tý (dl 28-7-1936), phò loan: Đức Hộ Pháp và Cao Tiếp Đạo, Đức Quyền Giáo Tông giảng cơ nói về chơn linh của Ngài Lê Bá Trang bị đọa nơi Lạc Hồn Trì, chép ra như sau:

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Chào mấy em. Thượng Phẩm nói với Qua mấy em đợi.

Ôi! Qua nghĩ lại bất tức mình, mấy em nghĩ lại mà coi, một kiếp sanh đâu mấy lát, cái giả cuộc trần hoàn tuy xem nháy mắt mà ảnh hưởng nó sâu sắc biết là bao, nào là danh, nào là vị, nào là tước, nào là quyền, nào là vinh, nào là trọng, rồi sự rồi cũng không còn mảy mún giá trị chút gì nơi cõi Hư linh

Hằng sống, bất quá như còn vui dự đặng một tiệc ngọt ngon của khách phong trần say sưa một lát mà đòi phen chịu thảm cả đời.

Qua đến viếng TRANG nơi Lạc Hồn Trì, nó nằm mê sảng sốt, đau lòng hết sức, như lời Thất Nương và Bát Nương làm chứng, thì dầu cho Qua có đến gần nó lúc này cũng không bổ ích chút nào cả, phải đợi cho nó từ từ định tỉnh, may ra có tay Thất Nương giải mộng thì thỉnh thoảng định tỉnh tỉnh thần. Nếu Qua cưỡng cầu thì chẳng khác nào hầu chuyện với người điên, chọc thêm loạn tánh.

TÁM, Em nên phò loan đặng Qua truyền tin TRANG cho Em hiểu. Khi này, Qua thấy em có khách nhiều thì phải, thôi Qua đi.

Thăng.

(GHI CHÚ: TRANG: Ông Lê Bá Trang. Đức Quyền Giáo Tông gọi Đức Hộ Pháp là Em TÁM vì Đức Hộ Pháp thứ tám)

Đàn cơ tại Hộ Pháp Đường ngày 17-10-Bính Tý (dl 30-11-1936), phò loan: Đức Hộ Pháp và Cao Tiếp Đạo. Đức Quyền Giáo Tông giảng cơ nói về chơn linh của ông Trang và ông Tương:

THƯỢNG TRUNG NHỰT

.....

TRANG khóc quá bây ơ! Vừa hiểu hiểu chớ còn khi tỉnh khi say, nhưng Qua theo bên mình ủng hộ, không sao phòng ngại.

Em TÁM làm ơn nói với con Hai cho nó biết, kéo lo rầu tội nghiệp.

Hộ Pháp bạch: - Biết nó nghe không?

- Em cứ nói giùm. Cha chả! Va oán Em đánh va hôm nọ lắm. Qua an ủi mà hể tỉnh thì cần rần hoài. Em nên viết cho va một cái thơ an ủi, cậy Qua đưa giùm đặng Qua thừa dịp thức tánh va một chút. Em làm ơn giùm.

-

- Ôi! Thầy kệ, đừng giận làm gì nữa. Nếu Em thấy va lúc này thế nào Em cũng tội nghiệp. Em làm phước làm giùm cái tháp cho va, hễ tỉnh thì hỏi có bao nhiêu đó hơn hết.

Ôi! TƯỞNG là cục nợ báo đời của TRANG, do căn kiếp phải vậy, dầu khi chết cũng còn theo báo hại.

Em biết TƯỞNG là ai chẳng?

Đưa nào nói trúng, Qua thưởng một củ mì.

Qua nói nhỏ: NGỒ TÔN QUỒN đó biết không?... ..

5. Ông Nguyễn Bửu Tài phái Tiên Thiên:

Ông Nguyễn Bửu Tài sanh năm 1882 tại làng Chệt Sậy, sau đổi tên là làng Phú Hưng, tỉnh Bến Tre. Ngài theo tân học nhưng cũng rất giỏi Hán học, làm giáo viên tại Bến Tre, được thăng lên Thanh Tra Tiểu Học, sau bị đổi lên Biên Hòa.

Năm 1926, ông Nguyễn Bửu Tài lập một phái tu đơn tại Chệt Sậy, Tịnh Thất được đặt tên là Tây Tông Vô Cực Cung.

Năm 1941, ông có liên lạc với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Nhật, nên bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo 5 năm.

Ngày 25-8-1945, Chánh phủ Trần Trọng Kim ân xá, ông Tài được trả tự do, ông trở về quê nhà tiếp tục tu đơn.

Sau đó ông gia nhập phái Tiên Thiên, được cơ bút phái Tiên Thiên phong ông vào hàng Thất Thánh, sau được phong Thượng Đầu Sư, trở thành Chức sắc lãnh đạo phái Tiên Thiên.

Một số lớn Chức sắc cao cấp của phái Tiên Thiên nhập qua các phong trào Thống Nhất Chi phái, làm cho phái Tiên Thiên suy yếu. Do đó, ông Nguyễn Bửu Tài cùng một số Chức sắc Tiên Thiên cấp dưới qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ chấp thuận trong đàn cơ đêm 1-3-Mậu Tý (dl 9-4-1948), và Đức Hộ Pháp ra Thánh Lệnh số 535 ngày 4-6-Kỷ Sửu (dl 29-6-1949) để thi hành quyết định của Đức Lý Giáo Tông.

Ngày 27-5-Canh Dần (dl 11-7-1950), theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông đêm 3-1-Canh Dần, Đức Phạm Hộ Pháp ký Thánh Lệnh số 302, chư Chức sắc phái Tiên Thiên có danh sách trong Thông qui ngày 30-10-Kỷ Sửu, đã đệ trình lên Đức

Lý Giáo Tông xem xét, được Đức Lý tạm phong vào hàng Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh, sụt bớt một cấp, như sau đây:

1. Phối Sư Thượng Tài Thanh (Nguyễn Bửu Tài)
2. Phối Sư Thượng Hiền Thanh (Phan Lương Hiền)
3. Giáo Sư Ngọc Thiệu Thanh (Phan Lương Thiệu)
4. Giáo Sư Ngọc Dừng Thanh (Đình Văn Dừng)
5. Giáo Sư Thượng Tấu Thanh (Trần Văn Tấu)

Phần tiếp theo là danh sách 26 Giáo Hữu và 35 Lễ Sanh.

Tổng cộng: 66 vị Chức sắc, không ai là Đạo hữu cả.

Ngày 23-12-Canh Dần (dl 30-1-1951) Đức Phạm Hộ Pháp lại ký Thánh Lệnh phong thêm 5 vị Giáo Sư, 3 Giáo Hữu và 17 Lễ Sanh.

Cả thầy Chức sắc phái Tiên Thiên được Đức Lý Giáo Tông tạm phong do cơ bút tại Tòa Thánh Tây Ninh, phải hành sự tùng quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Chủ trường Chức sắc.

Giữa năm 1951, ông Nguyễn Ngọc Tương Giáo Tông phái Bến Tre qui liễu tại Thánh Thất An Hội Bến Tre.

Sau đó, ông Nguyễn Bửu Tài và số Chức sắc Tiên Thiên đã qui hiệp về TTTN trước đây, âm thầm tự ý rút lui khỏi Tây Ninh, trở về Sóc Sãi tỉnh Bến Tre tái lập phái Tiên Thiên, lập Tòa Thánh Châu Minh và Hội Thánh Tiên Thiên.

Ngày 13-8-1955, cơ bút phái Tiên Thiên phong ông Nguyễn Bửu Tài lên chức Thượng Chương Pháp.

Ngày 9-1-1957, ông Nguyễn Bửu Tài được tấn phong Quyền Giáo Tông phái Tiên Thiên.

Ngày 9-1-1958, tức là đúng 1 năm sau, cơ bút phong ông Nguyễn Bửu Tài lên chức Giáo Tông chánh vị phái Tiên Thiên.

Ngày 21-9-Mậu Tuất (dl 1-11-1958), ông Nguyễn Bửu Tài qui liễu, bửu tháp của được xây tại Tòa Thánh Châu Minh ở Sóc Sãi, Bến Tre.

Vậy ở Bến Tre, trước sau có hai vị Giáo Tông Chi phái: Nguyễn Ngọc Tương và Nguyễn Bửu Tài.

CUỘC THỬ CƠ của PHÁI TIÊN THIÊN:**Phò loan:**

LS Nhung - Hường.
Thừa Sứ Nguyễn Văn Kiệt.

Hầu đàn:

Chức sắc CTĐ, HTĐ,
Sĩ quan cao cấp, Chức sắc
Tiên Thiên và đồng tử.

Thanh Trước Đàn,

Tiền Phong Hội Quán, ngã 5,
Tòa Thánh TN, lúc 21g30
Đêm 4-2-Tân Mão (11-3-51).

LÝ GIÁO TÔNG

Chào con cái Chí Tôn.

Thượng Tàì Thanh, Hiền hữu có biết chẳng Đạo Thầy có một.

Khai Pháp Hiền hữu chấp bút nhang đuổi nó đi, vì đây trước mặt Lão lại còn cho Thần Cái trụ.

Thượng Tàì Thanh, hỏi một Hội Thánh có mấy Đài Hiệp Thiên và mấy Đài Cửu Trùng?

Chính tay Lão đã lập Đạo Nghị Định thứ 8, có đầu Lão lại phá luật; còn Đài Hiệp Thiên do Hộ Pháp nắm giữ, có đầu Lão lại quá quyền phạm pháp, phong tước Chưởng quản HTĐ, Hiền hữu vốn biết Lão đương quyền Giáo Tông đó chớ?

Cơ chia phe phân phái cũng do đó có phải?

Nè Lão cho hay rằng: Hội Nhơn Sanh sắp đến đó, thử hỏi Chức sắc và tín đồ về đặng bao nhiêu?

Hiền hữu khá nhớ rằng: được phẩm thì dễ, chớ ngồi yên khó lắm, sự không qui thuận của Chức sắc và tín đồ Tiên Thiên là lỗi nơi Hiền hữu, chớ không phải nơi họ. Từ đây, Hiền hữu cứ ra nghiêm lệnh coi. Nên nhớ rằng: với tình thì Lão dung thứ được, chớ về luật pháp e khó dung tha được.

Cao Sĩ Tấn! Lão biết Hiền hữu có ý bất mãn, nhưng Lão khuyên Hiền hữu khá suy nghĩ sẽ thấy rõ đường đi.

Đức Chí Tôn khai Đạo chẳng bó buộc một ai hết thầy, nếu ngoan là con của Thầy, còn dại thì mặc tình quỷ dẫn.

Những cặp đồng tử của Hiền hữu, tuy vốn xuất thân, nhưng bị hồi điển do bản thân. Hiền hữu khá đem họ nhờ sự

trau luyện của HTĐ Chức sắc thì sẽ được ứng dụng ngày sau. Hiền hữu thử hỏi lại chúng nó coi: trước đêm mừng 4 vừa qua nó có suy nghĩ gì chăng?

Thượng Tài Thanh, Hiền hữu hiểu lời Lão rồi chứ?

Bảo Thế, Khai Pháp, Tiếp Đạo, sáng ngày mai phải xuống Trí Huệ Cung tường thuật cận kề cho Hộ Pháp nghe.

Còn hai em Hưởng và Nhung, Lão khen đó, hai em đã giúp Lão chinh đốn CTĐ nhiều lắm đó, Lão mang ơn nơi cõi Hư linh, còn hữu hình Lão chẳng có quyền. Thăng.

Tái cầu: Lúc 23 giờ.

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Qua chào mấy em. Cười

Ông Già nộ khí dữ quá ta! Lúc nãy đồng tử của họ có một người tà tâm nên Ông đánh nó đó.

Bạch:

- Không sao, tuy vậy chứ Thượng Tài Thanh và Cao Sĩ Tấn biết suy nghĩ lắm, họ bị quá mê tín mà nên nông nổi.

Cười . . . Coi chừng đồng tử bị đánh, bệnh ta ơi!

Tội nghiệp, không phải tự họ muốn lên giả, nhưng tại Thần trước mà bị hồi điển. Những người đồng tử họ bất bình, họ nói mình xúm nhau mà làm ngưng nghề họ, chứ không phải là Đức Lý. Cười Mặc dầu lúc nãy, Ông Già đã nói trước rồi.

Còn KHOA thì coi hình như đeo muốn rớt.

Em Trung Dõng nên gần gũi dẫn dụ họ, nếu họ có ức thì xin với Đức Hộ Pháp, Đức Hộ Pháp phò loan tại Trí Huệ Cung một lần nữa, nhưng không cho đồng tử theo vì có hại cho họ.

Cười . . . Cần cơ gãy . . . Cười . . .

Anh nói thiệt, nếu cơ không gãy thì e cho họ phát điên rồi mà chứ. Đó cũng may cho họ vì đầu cơ không có điển, hành pháp không xuất được. Thôi cũng yên một phần, em Trung Dõng cười đi em.

Thăng.

(KHOA: Ngài Hồ Tấn Khoa, lúc đó chưa được phong chức Bảo Đạo. TRUNG DŨNG: hiệu của Trung Tướng Nguyễn Văn Thành).

6. Nhóm Tịch Cốc tập bay:

Trong quyển Tây Ninh xưa và nay của Huỳnh Minh, soạn giả có thuật lại việc Nhóm Tịch Cốc lên lên ngôi 7 cái ngai trong Tòa Thánh, rồi sau đó lại tập bay theo lời kể của ông Huỳnh Hữu Lộc, cựu Tổng Thư Ký Hội Đồng tỉnh Tây Ninh.

Năm 1936, lúc bấy giờ, tôi (Huỳnh Hữu Lộc) còn trong hạng tuổi thiếu thời. Tôi về TTTN làm công quả, nơi đó tôi được biết câu chuyện chiếm 7 ngai xảy ra như sau:

Một buổi trưa sau giờ cúng Ngọ tại Bửu điện Tòa Thánh, các Chức sắc, Chức việc và đồng nhi đã về phòng nghỉ. Lúc bấy giờ chỉ có một vị Tuần quân ở lại canh gác Bửu điện mà thôi. Vị Tuần quân đó là anh Nghiêm. Thình lình anh Nghiêm nghe tiếng động rất to trong Bửu điện, anh Nghiêm chạy vào coi thì thấy một số người, lối 7 người, mặc áo màu dà, đầu trọc, tay cầm chuỗi bồ đề, đang xô các cốt Phật, Tiên, Thánh, Thần ngã rớt rầm rầm xuống đất.

Lúc đó, anh Nghiêm hoảng hốt tri hô lên, bỗng đạo quanh đó chạy đến, thấy 7 cái ngai đều bị các vị Tả đạo ấy chiếm ngôi hết cả. Nên biết, Đền thờ Đức Chí Tôn có 7 cái ngai dành riêng cho 7 vị: 1 cho Đức Giáo Tông, 3 cho 3 vị Chưởng Pháp, 3 cho 3 vị Đầu Sư, nhưng đó chỉ là tượng trưng thôi, chớ chưa có ai dám lên đó ngôi. Các tu sĩ Tả đạo ấy lên vào Bửu điện làm việc đại náo. Ngoài số 7 vị chiếm 7 cái ngai trong Bửu điện, còn một vị khác ra trước Tòa Thánh chiếm con ngựa của Đức Phật Tổ đang cỡi, vị này lên lưng ngựa và ra roi thúc ngựa.

Nên nói thêm, ngôi Bửu điện lúc đó bằng cây lợp ngói, các cửa đơn sơ không được chắc chắn như hiện nay, do đó các vị Tả đạo mới lên vào được dễ dàng.

Cũng nên nói thêm là các đạo sĩ ấy không có ăn cơm, chỉ ăn trái cây, rau hoặc bánh mà thôi, nên có người gọi là đạo Tuyệt Cốc.

Thật ra thì các vị ở non động cả, có nhiều vị chơn tu cũng tuyệt cốc. Vậy chúng tôi đề nghị gọi nhóm người này là gian đạo sĩ hoặc là nhóm Tả đạo. Các vị này có nhiều lần cho biết râu chuối bỏ đi của họ đã luyện thành bảo vật, đánh người và cả cây hay đá cũng đều tan ra tro bụi, còn nếu chỉ vào ngựa ván (ngày xưa gọi divan là bộ ngựa) thì ngựa ván bay lên cao.

Vì lẽ bồng đạo kiêng sợ bảo vật chuối bỏ đi nên chưa ai dám xông vào kéo các vị Tả đạo xuống khỏi ghế.

Sau đó có một vị bồng đạo thử xông vào kéo vị chiếm ngai Giáo Tông xuống, và cuộc níu kéo ầu đã bắt đầu, các râu chuối được tung ra. Nhiều bồng đạo đứng bên ngoài thấy chuối phép không làm tan đối thủ ra tro bụi thì vững lòng nhào vô trợ chiến, xua đuổi nhóm người Tả đạo ra khỏi Chánh điện.

Cũng trong thời gian này, một vị Đạo hữu hương khói tại Quan Âm Các (Quan Âm Các lúc bấy giờ ở tại Ngã tư gần nhà Ngài Chưởng Ấn Hối bây giờ), chạy vô báo cho Hội Thánh hay có hai Nữ gian đạo sĩ lên lầu, nơi thờ Phật Bà Quan Âm, xô cốt Bà xuống và leo lên bàn thờ ngồi tự xưng mình là Phật Quan Âm giáng thế.

Bồng đạo nghe vậy chạy ra leo lên lầu xua đuổi hai Nữ Tả đạo. Lại một phen chuối phép được tung ra, chuối chẳng hại được ai cả, chỉ trì kéo làm đứt dây, hột chuối rơi đồ tứ tung.

Bị xô té xuống đất, hai Nữ Tả đạo cứ nằm vạ tại đó rất lâu, bồng đạo thấy vậy ra về, nhưng vẫn để ý xem động tịnh ra sao. Một lúc lâu thấy vắng người, hai Nữ Tả đạo đứng dậy đi theo đường Phước Đức Cù về xóm Sân Cu.

Thu dọn chiến trường: Bồng đạo dựng các cốt Phật dậy và quét dọn, lượm được cả râu chuối hạt bỏ đi của các nam nữ gian đạo sĩ bỏ rơi rớt lại.

Vào năm Mậu Dần (1938), nhóm gian đạo sĩ Tả đạo Bàn môn hành động nông cuồng phá rối nhiều nơi. Lúc đó nhóm Tả đạo ở vùng Sân Cu (xã Long Thành) và vùng Sơn Đình (chơn núi Bà Đen) là đông hơn hết.

Nếu tôi nhớ không lầm thì vào lúc 15 giờ ngày 14 tháng Giêng năm Mậu Dần (1938), có một gian đạo sĩ đầu trọc, trang

phục áo màu đà, tay cầm tấm bảng có viết chữ sẵn, đem cắm tại Cửa số 1 Tòa Thánh .

Lúc bảy giờ Cửa này tuy làm bằng gạch nhưng thô sơ, không phải kiến trúc như ngày nay, trên bảng có 4 câu kệ, đại ý nói 24 giờ khuya đêm 14 rạng rằm tháng Giêng sẽ có Đế vương xuất thế.

Ông đạo đọc bài kệ 3 lần, đánh 3 hồi cồng, rồi đi về hướng sân bay, nơi này hiện là đồng ruộng lúa sau Tòa Thánh. Sân bay này của người Pháp lập ra, nhưng rất ít khi máy bay đáp xuống, vì vậy cỏ mọc rất nhiều, nhứt là loại cỏ cần câu.

Ngày 14 tháng Giêng nói trên, tại sân bay qui tụ hằng trăm vị nam nữ Tả đạo để làm lễ mừng Đế vương xuất thế.

Tại đây, họ cất một lễ đài 9 tầng cao độ 40 thước. Đài cất bằng cây, hai bên đài là hai dãy nhà lá, mỗi dãy độ 5 hay 6 căn, phân ra Nam tả Nữ hữu, dưới chơn đài, họ cho đỗ hằng trăm xe rơm để họ tập bay.

Mỗi người sắm một cặp cánh bằng cây và giấy bạch, cánh giống như cánh chim, to cỡ bằng cái sàng gạo.

Khi muốn bay, họ đút hai cán cánh vào hai ống tre cột sẵn hai bên hông người, và từ trên đài cao, họ phóng mình ra, hai tay nắm hai cánh mà quạt nhanh.

Kết quả 1: Họ không bay được đến đâu cả. Bay làm sao được khi khối thịt nặng 50, 60 ký mà hai cánh thì mỏng manh và dầu cho có quạt nhanh đến đâu cũng không đủ tốc độ để cất mình lên nổi. Rốt cuộc họ bị rơi xuống đồng rơm dưới chơn đài, nhờ có rơm xốp nên không bị hại chi về nhơn mạng.

Kết quả 2: Đế vương xuất hiện đâu chẳng thấy, chỉ thấy lúc 22 giờ, có 3 xe cam nhông lính mã tà chỉ huy bởi một viên đội Pháp đến bao vây sân bay, bắt hết tất cả nam nữ đạo sĩ Tả đạo Bàng môn.

Kết quả 3: Nhà binh Pháp phóng hỏa đốt cả hai dãy nhà, đài bay, luôn 100 xe rơm, ánh lửa sáng rực một góc Trời.

Không biết, chánh quyền Pháp đối xử với nhóm Tả đạo ấy ra sao, mà từ đó ở Tây Ninh không còn thấy họ xuất hiện nữa.

7. Ông Cao Triều Phát, phái Minh Chơn Đạo:

Ông Cao Triều Phát, tự là Thuận Đạt, sanh ngày 18-3-Kỷ Sửu (dl 17-4-1889) tại Vĩnh Ninh, làng Vĩnh Lợi, tổng Thạnh Hưng, tỉnh Bạc Liêu. Thân phụ là Cao Minh Thạnh và Thân mẫu là Tào Thị Xúc. Gia đình có 8 anh em: 6 trai và 2 gái, ông Phát thứ 5 và thứ út là Cô Cao Thị Khiết, Cữu Nương DTC.

1910, ông Cao Triều Phát tốt nghiệp Trung học.

1912, học xong hai lớp luật do Tòa Án Sài Gòn tổ chức, làm thơ ký phiên dịch tại Tòa Án Bạc Liêu.

1914, đi Pháp làm thông ngôn cho toán lính thợ VN.

1922, trở về VN, hoạt động chánh trị, viết cho tờ báo La Tribune Indigène (Diễn đàn bản xứ).

12-11-1926, ông Phát được bầu làm Đảng trưởng đảng Đông Dương Lao động, cơ quan ngôn luận của đảng là Nhựt Tân báo.

1930, đắc cử Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ.

1932, ông Cao Triều Phát gia nhập phái Minh Chơn Lý.

1939, thành lập Đoàn Thanh niên Đạo đức.

15-5-Át Dậu (dl 24-6-1945), đại hội tại Tam Giáo điện của chi Minh Tân (221 Bến Vân Đồn Sài Gòn) thành lập Cao Đài Hiệp Nhứt 11 Phái (không có TTTN), ông Phát được bầu làm Chủ tịch.

1941, Tỉnh Ủy Viên Bạc Liêu là Tào Văn Ty vận động ông Cao Triều Phát gia nhập Mặt Trận Việt Minh, làm Phó Chủ tịch Ủy Ban Giải phóng dân tộc tỉnh Bạc Liêu.

1945, làm Chủ tịch Ủy Ban giải phóng dân tộc Bạc Liêu.

23-9-1945, quân viễn chinh Pháp trở lại đánh chiếm Sài Gòn. Đầu năm 1946, quân Pháp chiếm Bạc Liêu, ông Cao Triều Phát rút về Giồng Bướm huyện Giá Rai, lập chiến khu kháng chiến cứu quốc. Tại đây có Tòa Thánh Ngọc Minh của Minh Chơn Đạo được dùng làm trụ sở Trung ương của Kháng chiến.

15-4-1946, Pháp đem đại quân cùng phi cơ ném bom đánh Giồng Bướm, Tòa Thánh Ngọc Minh bị trúng bom sụp đổ, Cao Triều Phát rút binh về Cái Nước. Khu Bộ trưởng Chiến khu 9

là Vũ Đức (tức Hoàng Đình Giong) mời ông Phát về Bộ Chỉ Huy Chiến khu 9.

1948, Hồ Chủ tịch ở Bắc gửi thư khen ngợi ông Cao Triều Phát, đồng thời tặng ảnh và áo để kỷ niệm.

Tháng 12-1946, thành lập Kỳ Bộ Việt Minh Nam Bộ tại chiến khu Đồng Tháp Mười, do Hà Huy Giáp làm Chủ nhiệm, Cao Triều Phát được bầu làm Chủ nhiệm danh dự Kỳ Bộ.

15-2-1948, tại căn cứ Việt Bắc, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 132/SL cử ông Cao Triều Phát và Nguyễn Bá Sang làm Cố Vấn Ủy Ban Kháng chiến Hành Chánh Nam Bộ.

14-10-1947, ông Cao Triều Phát trên cương vị Chủ tịch Cao Đài 11 Phái Hiệp Nhứt triệu tập hội nghị đại biểu các Chi phái tại Đồng Tháp Mười để thành lập Hội Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Hợp Nhứt, với Ban Chấp hành gồm:

- **Chủ tịch:** Cao Triều Phát (phái Minh Chơn Đạo).
- **Hai Phó Chủ tịch:**
 - Nguyễn Ngọc Nhựt (Ban Chính đạo)
 - Nguyễn Văn Khảm (phái Tiên Thiên).
- **Tổng Thư Ký:** Phạm Thị Tư (Vạn Quốc Tự)
- **Ủy Viên Tài Chánh kiêm Thủ Quỹ:** Trần Đại Khái (phái Tây Ninh trung thành).
- **Ủy Viên Truyền Tin và Giao Thông:** Hoàng Minh Viễn (phái Tây Ninh trung thành).

Chủ nhiệm Kỳ Bộ Việt Minh Nam Bộ Hà Huy Giáp tuyên bố thừa nhận Hội Cao Đài Cứu Quốc là một tổ chức của Kỳ Bộ.

Hội Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Hợp Nhứt thành lập Hội Thánh Duy Nhứt, gồm HTĐ, CTĐ và Cứu Viện.

- HTĐ gồm 3 vị do quyền Thượng phẩm Cao Huệ Chương (phái Tây Ninh trung thành) làm chưởng quản.
- CTĐ gồm 3 vị do Phối Sư Nguyễn Văn Năm (Minh Chơn Lý) làm chưởng quản.
- Cứu Viện gồm 9 vị, mỗi vị coi một viện.

Hội Cao Đài Cứu Quốc thành lập thêm 2 đoàn thể: - Thanh niên Cao Đài Cứu quốc, - Phụ nữ Cao Đài Cứu quốc.

19-10-1948, Đại Hội Nhơn Sanh Hội Thánh Duy Nhất bầu hai vị trưởng quản hai Đài:

- Thái Chưởng Pháp Cao Triều Phát (Minh Chơn Đạo) làm quyền Trưởng quản Cửu Trùng Đài.
- Tiếp Đạo Phạm Hồng Tiên (Ban Chính Đạo) làm quyền Trưởng quản Hiệp Thiên Đài.

Hiệp định Genève ký kết ngày 21-7-1954, VN tạm phân hai miền Nam Bắc, Cà Mau là một trong những khu vực tập trung cán bộ và bộ đội trong 200 ngày trước khi xuống tàu tập kết ra Bắc.

Ông Cao Triều Phát triệu tập Hội Thánh Duy Nhất và Hội Cao Đài Cứu Quốc tại Cà Mau để sắp đặt lại tổ chức:

- Giải thể Hội Thánh Duy Nhất để các Chi phái tái lập Hội Thánh riêng của phái mình.

- Một số Chức sắc sẽ tập kết ra Bắc, gồm:

- Trưởng quản Cao Triều Phát.
- Đầu Sư Nguyễn Hiền Ngô.
- Phối Sư Nguyễn Văn Khoan.
- Giáo Sư Nguyễn Văn Khâm.
- Ông Hoàng Minh Viễn, v.v...

Tết Ất Mùi (dl 24-1-1955), tại Thánh Thất Hà Nội (48 phố Hòa Mã, khu phố Hai Bà Trưng) làm lễ ra mắt Hội Thánh Cao Đài tại Hà Nội mà đứng đầu là Giáo Tông Cao Triều Phát, có đại diện chánh quyền và Mặt trận Liên Việt đến dự.

8-9-1956, ông Cao Triều Phát mất tại Bệnh Viện B303 Hà Nội lúc 2 giờ chiều. Chánh phủ tổ chức lễ tang rất long trọng, thi hài được an táng tại nghĩa trang Nam Kỳ (số 32 đường Nguyễn Công Trứ, Hà Nội).

1983, gia đình bốc mộ, hỏa táng, đem tro hài cốt về Sài Gòn, thờ tại tư gia số 4 đường Đặng Tất, phường Tân định, Quận 1.

21-5-2000, tiểu sành đựng hài cốt của ông Cao Triều Phát được đưa lên đặt tại Phòng số 2 của Nhà Lưu hài cốt tại nghĩa trang Thành phố. (Viết theo quyển: Cao Triều Phát, Nghĩa khí Nam bộ, của Phan Văn Hoàng, nhà xuất bản Trẻ)

8. Ông Huệ Lương Trần Văn Quế (CQPTGL):

Ông Trần Văn Quế, đạo hiệu Huệ Lương, sinh ngày 7-4-Nhâm Dần (dl 1-11-1902) tại làng Phước long, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa, Thân phụ là Trần Văn Được và thân mẫu là Nguyễn Thị Là. Thuở nhỏ, học chữ hán với đồng y sĩ Trương Văn Thuận. Khi ông Thuận mất thì chuyển qua học quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Tổng Phước long.

1919, đậu bằng Tiểu học Pháp-Việt, rồi thi đậu vào trường Sư Phạm Sài Gòn.

1923, tốt nghiệp trường Sư Phạm, đậu luôn bằng Thành Chung và bằng Trung học Pháp quốc.

1925, đậu bằng Tú Tài bổn quốc, trúng tuyển vào trường Cao đẳng Sư phạm Đông dương tại Hà Nội ban Toán Lý Hóa.

1928, tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, được bổ về trường Pétrus Ký, và dạy học tại đây trong 16 năm liền.

15-7-Kỷ Tỵ (dl 19-8-1929), nhập môn vào Đạo Cao Đài tại Thánh Thất Phú Hội ở quê nhà, thường đến sanh hoạt đạo sự ở Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn.

1930, lên hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh, được Ông Trên phong phẩm Giáo Hữu, được cử vào *Hội đồng Nghị sự* do Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh chủ tọa.

1933, hợp với ông Nguyễn Văn Kiên lập *Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn* tại Thánh Thất Cầu Kho, ông Kiên làm chủ tịch, ông Quế làm Tổng Thơ Ký. Sau 1 năm làm việc không đem lại kết quả.

1934, tại Trước Lý Minh Đài thành lập *Liên Hòa Tổng Hội* với nhiệm vụ tổ chức 12 kỳ Long Vân Hội để vận động thống nhất các chi phái, ông Nguyễn Phan Long làm Hội trưởng, ông Quế làm Tổng Thơ Ký.

1943, tham gia Liên Đoàn Ái Quốc hội tranh thủ độc lập cho VN, bị Pháp bắt, kết án 20 năm lưu đày nơi Côn đảo.

1945, Chánh phủ Trần Trọng Kim ân xá, ông Quế trở về Sài Gòn, sau đó hoạt động trở lại, làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành Chánh tỉnh Biên Hòa, chủ tịch là ông Hoàng Minh Châu.

1949, ông Quế lên Tòa Thánh Tây Ninh, chiêu dụ đạo tâm tại Chiêu Hiền Viện, được Đức Phạm Hộ Pháp phong chức *Khâm Sai Bắc Tông Đạo*, đại diện Tòa Thánh Tây Ninh đi mở đạo tại Bắc Hà.

1952, trở về Sài Gòn, hợp tác với quý ông Phan Khắc Sửu và Nguyễn Bửu Tài, lập cơ quan *Cao Đài Qui Nhứt* tại Tam Giáo điện Minh Tân, nối tiếp công cuộc vận động liên hòa Chi phái.

1953, ông Quế được mời giữ chức: Hội Trưởng Cơ quan Truyền giáo Cao Đài.

1955, tháng 8, ông Quế hướng dẫn Phái đoàn Cơ quan Truyền giáo Cao Đài đi dự Hội nghị Quốc tế Tôn giáo tại Kyoto Nhật bản.

1-6-Bính Thân (1956), cơ đạo Trung Việt khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa tại Đà Nẵng, nâng *Cơ quan Truyền giáo* lên thành *Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt*, ông Quế được Ông Trên ân ban phẩm Ngọc Phối Sư, làm Chủ trưởng Hội Thánh.

1962, tại Minh Tân, ông Quế và ông Chơn Tâm được Đức Lý chỉ định làm Đệ nhứt và Đệ nhị Phó ban Phổ Thông Giáo Lý liên quan hành đạo, mà chính Đức Lý làm Trưởng ban.

1965, Ông Trên giao cho ông Quế lèo lái Cơ quan Phổ thông Giáo lý Cao Đài giáo VN trong nhiệm vụ: Tổng Lý Minh Đạo.

1973, tại Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt, Phối Sư Ngọc Quế Thanh được Đức Lý thăng lên Chánh Phối Sư.

14-10-Canh Thân (dl 21-11-1980), ông Huệ Lương Trần Văn Quế qui vị, được an táng tại nghĩa trang của Thánh Thất Trung Minh thuộc Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CHÍ

CHÍ

1. **CHÍ:** 至 Rất, lắm, tột bực.
Td: Chí công, Chí linh.
2. **CHÍ:** 志 Cái ý muốn mạnh mẽ bền bỉ hướng dẫn hành động để đạt mục đích.
Td: Chí sĩ, Chí tâm.

Chí chơn

至真

A: Honest truth.

P: La honnête vérité.

Chí: Rất, lắm, tột bực. **Chơn:** thật.

Chí chơn là rất chơn thật.

PMCK: Hiệp qui Tam giáo hữu cầu chí chơn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Chí công

至公

A: Absolute justice.

P: La justice absolue.

Chí: Rất, lắm, tột bực. **Công:** công bình.

Chí công là rất công bình, tức là cái công bình tuyệt đối.

Cái công bình này không có nơi cơi phạm, vì tất cả mọi thứ ở cơi này đều tương đối. Chỉ có Đức Chí Tôn Thượng Đế mới có được cái công bình tuyệt đối này. Do đó, Chí Công dùng để chỉ Đức Chí Tôn.

PMCK: Chí Công định vị vĩnh tồn Thiên cung.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Chí cực chí tôn

至極至尊

A: Very venerable.

P: Très vénérable.

Chí: Rất, lắm, tột bậc. **Cực:** cái đầu cùng. **Tôn:** kính trọng.

Chí cực chí tôn là cao tột bậc và được kính trọng tột bậc.

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Tiên giáo, tán tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân, là Đấng lớn nhất, được tôn kính nhất trong Đạo Tiên.

Chí đức

至德

A: Highest virtue.

P: La grande vertu.

Chí: Rất, lắm, tột bậc. **Đức:** đạo đức.

Chí đức là lòng đạo đức cao cả.

TNHT: Tòa Tam Giáo đã xin ngưng phổ độ nơi đây nhiều lần, song Thầy thấy lòng *chí đức* của các con mà chẳng nở.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chí linh

至靈

A: Very sacred.

P: Très sacré.

Chí: Rất, lắm, tột bậc. **Linh:** thiêng liêng.

Chí linh là rất thiêng liêng.

Đấng Chí linh là chỉ Đức Chí Tôn.

KGO: Cứ nương bóng *Chí Linh* soi bước.

KGO: Kinh Giải Oan.

Chí phàm

志凡

A: Profane will.

P: La volonté profane.

Chí: Cái ý muốn mạnh mẽ bền bỉ hướng dẫn hành động để đạt mục đích. **Phàm:** thấp kém, chỉ con người nơi cõi trần.

Chí phàm là cái ý chí thấp kém của người phàm.

TNHT: Nền Đạo cao thâm là mấy, *chí phàm* không thấu lý cao sâu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chí sĩ

志士

A: Man of will.

P: Homme de volonté.

Chí: Cái ý muốn mạnh mẽ bền bỉ hướng dẫn hành động để đạt mục đích. **Sĩ:** người trí thức.

Chí sĩ là người trí thức có ý chí cao cả.

TNHT: Nhưng cái khó mình lướt qua đặng mới có công, mới anh hùng, mới *chí sĩ*, mới đáng đạo sĩ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chí tâm qui mạng lễ

志心皈命禮

Chí: Cái ý muốn mạnh mẽ bền bỉ hướng dẫn hành động để đạt mục đích. **Tâm:** lòng. **Qui:** đem mình về nương theo. **Mạng:** mệnh lệnh. **Lễ:** cúng lạy.

Chí tâm qui mạng lễ là cúng lạy với tất cả ý chí và tấm lòng, đem mình về vâng chịu nương theo.

Ngọc Hoàng Thượng Đế chí tâm qui mạng lễ: Cúng lạy Đức Chí Tôn với tất cả ý chí và lòng thành, đem mình về vâng chịu nghe theo Đức Chí Tôn.

Chí thành

至誠

A: Very sincere.

P: Très sincère.

Chí: Rất, lắm, tột bậc. **Thành:** thật.

Chí thành là lòng rất thành thật.

TNHT: Còn *chí thành*, là mỗi việc lấy lòng thành thật mà đối đãi trong đời và trong Đạo. Dù kẻ phú quý đến bậc nào đi nữa mà không có lòng bác ái và *chí thành* thì không làm chi nên việc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chí thiện

至善

A: Perfect.

P: Parfait.

Chí: Rất, lắm, tột bậc. **Thiện:** lành.

Chí thiện là rất lành, rất tốt.

Chí Thiện còn là một phẩm Chức sắc của CQPT, trên phẩm Giáo Thiện, dưới Đạo Nhơn, đối phẩm Giáo Hữu CTĐ.

Đạo phục của Chí Thiện: Khi đi chầu lễ Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh hay Thánh Thất, Chí Thiện mặc áo tràng trắng, choàng qua vai một Dây Sắc lệnh màu xanh, bỏ mỗi qua phía hông mặt (thể Đạo), trên Dây Sắc lệnh có gắn Khuê bài theo hàng phẩm Chí Thiện, đầu đội khăn đóng đen 7 lớp chữ Nhơn.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Chí Tôn

至尊

A: The Supreme, The Most High.

P: Le Suprême, Le Très Haut.

Chí: Rất, lắm, tốt bụng. **Tôn:** kính.

Chí Tôn là kính trọng đến tốt bụng.

Đức Chí Tôn hay Đấng Chí Tôn là Đấng được tôn kính nhất trong CKVT, là Đấng lớn nhất và cao cả nhất.

Đấng ấy là Ngọc Hoàng Thượng Đế, là vua của Nhứt, Nguyệt, Tinh, Thần, là chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Ngày nay, Đấng ấy giáng cơ lập ĐĐTKPĐ, lấy danh hiệu là: Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi tắt là Cao Đài, dạy đạo đức cho nhơn sanh nước VN, xưng mình là Thầy và gọi các tín đồ là môn đệ.

TNHT: Rất đổi Thầy là bậc *Chí Tôn* đây mà còn bị chúng nó mưu lén cho qua Thánh ý Thầy thay....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CHÍCH

CHÍCH

CHÍCH: 隻 Chiéc, chỉ còn một.

Td: Chích cánh, Chích lẻ.

Chích cánh

A: To break one wing.

P: Briser une aile.

Chích: Chiéc, chỉ còn một. **Cánh:** cái cánh của con chim để bay.

Chích cánh là gãy mất một cánh, chỉ còn một cánh.

Đôi vợ chồng được ví như: chim liền cánh, cây liền cành. Nay một người đã chết thì giống như là chim chích cánh.

TNHT: *Chích cánh* riêng vui con hạc lánh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chích lẻ

A: Solitary.

P: Solitaire.

Chích: Chiếc, chỉ còn một. **Lẻ:** lẻ loi, chỉ có một mình.

Chích lẻ là ý nói vợ chồng mà một người đã chết, chỉ còn lại một người lẻ loi tro tro.

TL: Thể Luật: Rủi có *chích lẻ* giữa đường thì được chấp nối.

TL: Tân Luật.

CHIÊM

Chiêm nghiệm

占驗

A: To experiment.

P: Expérimenter.

Chiêm: xem xét. **Nghiệm:** có bằng cứ chứng thực.

Chiêm nghiệm là xem xét suy nghĩ để hiểu rõ những điều bí ẩn bên trong bằng sự từng trải và kinh nghiệm.

TNHT: Vạy nên nhớ mấy lời Thầy, chẳng phải đọc sơ qua mà coi làm chơi, cần *chiêm nghiệm* kỹ lưỡng mà hiểu nghe.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chiêm ngưỡng

瞻仰

A: To contemplate.

P: Contempler.

Chiêm: ngẩng mặt lên trông. **Ngưỡng:** kính mến.

Chiêm ngưỡng là ngẩng mặt trông lên người trên với lòng kính mến.

CHIẾN

Chiến sĩ trận vong

戰士陣亡

A: The war dead on the battle field.

P: Les combattants morts sur le champ de bataille.

Chiến: đánh nhau. **Sĩ:** người. **Trận:** cuộc đánh nhau.
Vong: chết. **Trận vong:** chết nơi mặt trận.

Chiến sĩ trận vong là chỉ chung các sĩ quan và binh lính bị chết nơi chiến trường trong lúc hai bên đánh nhau.

Hằng năm, vào các ngày 15 hoặc 16 của tháng giêng, tháng 7, và tháng 10, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất đều có tổ chức cúng tế và cầu siêu cho các Chiến sĩ trận vong.

Sau đây là bài Kinh tụng Tế Chiến sĩ Trận vong, do Trung Dũng (bút hiệu của Trung Tướng Nguyễn Văn Thành) đặt ra, có dâng lên Đức Phạm Hộ Pháp chỉnh văn lại và cho phép đồng nghi tụng trong nghi lễ cúng tế Chiến sĩ Trận vong:

KINH TẾ CHIẾN SĨ TRẬN VONG

(Giọng Nam ai)

Nợ cung kiếm, chiến chinh là nghiệp,
Giúp quốc dân sánh kịp tha bang.
Xông pha ra chốn chiến tràng,
Đắng cay cam chịu, gian nan không sờn.

Nguyện lấy sức đền ơn cương thổ,
Dốc lòng lo báo bổ ơn nhà.
Trần hoàn gió bụi xông pha,
Dựng nên tổ nghiệp mấy tòa thiên nhiên.
Gày việc cả truân chuyên lắm nỗi,
Lướt trận tiền mở lối chông gai.
Ngăn quân là bậc Thiên tài,
Đỡ nâng quốc thể đến ngày hiển vinh.

Đạp gió tuyết phạm mình cam chịu,
Một kiếp sanh bận bịu giang sơn.

Muôn dân thất quốc căm hờn,
 Định an nước cũ chi sờn lòng trai.
 Ách nô lệ ngày nay hầu dứt,
 Nước quật cường nhờ sức quốc dân.
 Hồn thiêng rày đã tỉnh lần,
 Muôn năm chung hưởng hồng ân của Trời.

Cờ Tiến Hóa đòi đòi chói rạng,
 Giữ Nghĩa Nhân rọi sáng đạo màu.
 Bảo Sanh bủa khắp năm châu,
 Toàn cầu chung hưởng phép màu Chí Linh.
 Mưu định quốc anh minh trị nước,
 Giúp giống nòi bảo được tự do.
 Hiền vinh là phước Trời cho,
 An nguy vận nước chung lo mỗi giềng.

Nay nhân quả tiền khiên vừa mãn,
 Cõi Hư linh cách biệt trần ai.
 Hồn thiêng nương bóng Cao Đài,
 Theo vàng nhật nguyệt ra ngoài Càn khôn.
 Trọng nghĩa bạn, linh hồn nên nhớ,
 Trợ cho nhau nâng đỡ nghiệp nhà.
 Rượu nồng xin chớ bỏ qua,
 Tình thân hưởng cạn mới là tri âm.

Công chinh chiến nay lần tỏ rạng,
 Đuốc từ bi rọi sáng tâm hồn.
 Lọc lừa thế giới bôn chôn,
 Làn theo đuốc huệ bảo tồn chúng sanh.
 Công viên mãn đường mây nhẹ tách,
 Lánh bến mê phủi sạch bợn trần.
 Sống làm tướng, thác làm Thần,
 Hiền linh xin chứng tâm lòng tiết trung.

TRUNG DỔNG

CHIẾT

CHIẾT

CHIẾT: 折 Bẻ gãy.

Td: Chiết tự, Chiết trung.

Chiết khảm điền ly

(Xem chữ Bát Quái, văn B)

Chiết trung

折中

A: To take the middle.

P: Prendre le juste milieu.

Chiết: Bẻ gãy. **Trung:** ngay giữa.

Chiết trung là thấu nhận các ý kiến, rồi chọn lựa lấy những ý kiến hay và thích hợp để làm thành một ý kiến chung, dung hoà được tất cả ý kiến đóng góp.

Chiết tự

折字

A: To decompose the elements of a chinese character.

P: Décomposer les éléments d'un caractère chinois.

Chiết: Bẻ gãy. **Tự:** chữ, ý nói chữ Nho.

Chiết tự là phân tách một chữ Nho ra làm nhiều thành phần, giải thích ý nghĩa của mỗi thành phần, và sau rút giải thích ý nghĩa của toàn chữ.

Đây là điểm đặc biệt của chữ Nho, vì khởi đầu chữ Nho là loại chữ tượng hình.

Thí dụ 1: Giải thích chữ Đại Đạo bằng cách chiết tự.

■ Chữ ĐẠI 大 do chữ Nhơn 人 và chữ Nhứt 一 hiệp lại.

Nhơn là người, viết hai nét tượng trưng Âm Dương. Do đó chữ Đại là Âm Dương hiệp nhứt, mà Âm Dương hiệp nhứt thì phát khởi Càn Khôn, hóa sanh vạn vật.

Nhơn là người, mà người biết tu luyện đoạt đặng cơ mầu nhiệm của Đức Chí Tôn thì đắc nhứt. Nhơn mà đắc nhứt thì vĩnh kiếp trường tồn, diên niên bất hoại.

Đắc nhứt là gì? nghĩa là đặng một, tức là đặng cái pháp độc nhứt vô nhị, cái pháp huyền vi của Tiên, Phật, khẩu truyền tâm thọ, để cõi xác phi thăng, siêu phàm nhập Thánh.

Có câu: Thiên đắc nhứt: Thanh.
Địa đắc nhứt: Ninh.
Nhơn đắc nhứt: Thành.

Trời đặng một, ấy là khinh thanh.
Đất đặng một, ấy là bền vững.
Người đặng một, ấy là trường tồn.

■ Chữ ĐẠO:

Viết chữ Đạo 道 bắt đầu bằng 2 phết 丿 tượng trưng Âm Dương, gạch dưới một gạch 一 là chữ Nhứt tượng trưng Âm Dương hiệp nhứt, là cơ sanh hóa CKVT. Kế bên dưới là chữ Tự 自 nghĩa là chính mình, tự tri tự giác, tự giải thoát, chớ không ai làm giúp cho mình được.

Trên và dưới ráp lại thành chữ Thủ 首 nghĩa là đứng đầu, là trên hết, là nguồn gốc của CKVT và vạn vật.

Bên hông có bộ xước tức là chữ Tẩu 走 nghĩa là chạy, tức là vận chuyển biến hóa.

Vậy trong chữ Đạo có hàm ý Âm Dương, động tịnh, động thì sanh hóa, tịnh thì vô hình vô ảnh.

Và chúng ta cũng thấy rằng, nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo. Âm Dương ấy chính là Lưỡng Nghi do Thái Cực hóa thành. Khi Âm Dương hiệp nhứt tức là trở về Thái Cực, vô hình vô ảnh. Nho gia Chu Liêm Khê nói rằng: Vô Cực nhi Thái

Cực, nghĩa là: Vô Cực mà Thái Cực vì Thái Cực ở trong Vô Cực mà ra. Vô Cực chính là Đạo.

Kinh Dịch cũng viết rằng: Nhứt hợp nhứt tịch vị chi biến hóa, vãng lai bất cùng vị chi Đạo. Một đống một mở gọi là biến hóa, qua lại không cùng gọi là Đạo.

Một đống một mở, đó là máy huyền vi, là nơi xuất sinh nhập tử của muôn loài sanh vật, ấy là Đạo. Đạo màu nhiệm, sâu kín, cao siêu. Trước khi chưa có Trời Đất thì đã có Đạo. Đạo là Hư Vô chi Khí. Đạo tạo dựng CKVT, hóa sanh vạn vật. Muôn loài vạn vật phải thọ bẩm Khí Hư Vô mà sanh hóa mãi.

Thí dụ 2: Giải thích chữ Âm Dương bằng chiết tự.

■ **Chữ DƯƠNG** 陽 gồm 2 phần: Bên trái là là bộ Phụ 阝 là núi đất, bên phải có chữ Nhựt 日 là mặt trời đứng trên đường ngang, ý nói mặt trời đã mọc lên khỏi đường chơn trời, bên dưới là chữ Vật 勿 vẽ hình giống các tia sáng rọi xuống.

Do đó, chữ Dương có nghĩa là phía có ánh sáng mặt trời chiếu vào, nên sáng sủa.

■ **Chữ ÂM** 陰 bên trái có bộ Phụ 阝 là núi đất, bên phải, phía trên là chữ Kim 今 có hình như cái nóc nhà, bên dưới chữ Vân 云, ý nói bị che khuất nên tối tăm.

Do đó Âm là chỉ phía mặt trời bị che khuất.

Phía có mặt trời chiếu vào thì sáng sủa ấm áp, cây cối phát triển; còn phía ánh sáng mặt trời bị che khuất thì tối tăm, lạnh lẽo, cây cối không phát triển.

Do đó, chữ Âm Dương, nghĩa khởi đầu của nó là Tối Sáng, suy thành các nghĩa khác là hai cái tương phản nhau mà có cùng nguồn gốc như: lạnh nóng, đêm ngày, nữ nam, ác thiện, xấu tốt, đục trong, vv... Và hai Khí do Thái Cực biến hóa sanh ra cũng được gọi là hai Khí Âm Dương vì hai Khí này có đặc tính trái ngược nhau mà không tương hại.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CHIÊU

CHIÊU

CHIÊU: 招 Lấy tay vẫy gọi, mời, khiến đến với mình.

Td: Chiêu hồn, Chiêu tài.

Chiêu hồn

招魂

A: To evoke the dead's soul.

P: Évoquer l'âme du mort.

Chiêu: Lấy tay vẫy gọi, mời, khiến đến với mình. **Hồn:** linh hồn của người chết.

Chiêu hồn là gọi linh hồn của người chết về nói chuyện.

Chiêu hồn thuật: (la nécromancie) là cách thức để gọi linh hồn người chết về.

Chiêu phước họa

招福禍

A: To attract the happiness or misfortune.

P: S'attirer le bonheur ou le malheur.

Chiêu: Lấy tay vẫy gọi, mời, khiến đến với mình. **Phước:** điều tốt lành. **Họa:** tai họa.

Chiêu phước họa là mời cái phước hay cái họa tới.

Cái đó là do nơi mình, bởi vì nếu mình làm điều thiện thì y như là mình mời cái phước tới; còn nếu mình làm điều ác độc hại người thì y như là mình mời tai họa tới.

Gieo lành thì phước đến, gieo dữ thì họa tới.

TNHT: Lành dữ nơi mình *chiêu phước họa*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chiêu tài tấn bảo

招財進寶

Chiêu: Lấy tay vẫy gọi, mời, khiến đến với mình. **Tài:** tiền bạc. **Tấn:** dâng lên. **Bảo:** quý.

Chiêu tài tấn bảo là mời gọi tiền bạc tới, dâng hiến đồ quý báu. 4 chữ Nho này thường thấy đề nơi bài vị thờ Thần Tài.

CHIẾU

CHIẾU

1. **CHIẾU:** 詔 Giấy viết lệnh của vua ban ra.
Td: Chiếu chỉ.
2. **CHIẾU:** 照 Rọi sáng, dựa theo.
Td: Chiếu diệu, Chiếu giám.

Chiếu chỉ

詔旨

A: The royal edict.

P: L'édit royal.

Chiếu: Giấy viết lệnh của vua ban ra. **Chỉ:** đồng nghĩa với Chiếu.

Chiếu chỉ là tờ giấy viết lệnh của vua ban ra để thi hành.

TNHT: Từ thuở ta vâng *chiếu chỉ* trấn nhậm nơi đây...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chiếu diệu

照耀

A: Dazzling. P: Éclatant.

Chiếu: Rọi sáng, dựa theo. **Diệu:** rực rỡ.

Chiếu diệu là chiếu sáng rực rỡ.

KCHKHH: Kia *chiếu diệu* bóng hồng Bắc đẩu.

KCHKHH: Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

Chiếu giám

照鑑

A: To light up.

P: Éclairer.

Chiếu: Rọi sáng, dựa theo. **Giám:** chiếu soi.

Chiếu giám là soi rọi, phóng tia sáng tới.

TNHT: Nơi nào ánh linh quang của Chí Tôn chưa *chiếu giám* đến thì còn tối tăm mịt mờ, chẳng sanh chẳng hóa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chiếu y

照依

A: To conform to.

P: Se conformer à.

Chiếu: Rọi sáng, dựa theo. **Y:** theo.

Chiếu y là căn cứ theo.

Từ ngữ Chiếu y thường được dùng đặt ở phần đầu của một Thánh Lịnh, Đạo Lịnh hay Đạo Nghị Định.

Td: *Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền...*

Td: Thí dụ.

CHÍN

Chín Cô

A: Nine Muses.

P: Neuf Muses.

Chín Cô là ý nói Cửu vị Tiên Nương DTC.

(Xem chi tiết nơi chữ: Cửu vị Tiên Nương)

TTCĐDTKM: *Chín Cô* đã sẵn lòng thương.

DTC: Điều Trì Cung.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.

Chín lớp

A: Nine celestial planes.

P: Neuf plans célestes.

Chín lớp là chín tầng Trời, tức là Cửu Trùng Thiên.

KKĐCR: Dưới *chín lớp* liên thần đưa bước.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Chín Trời mười Phật

Chín Trời là Chín tầng Trời, tức Cửu Trùng Thiên, cũng có ý chỉ các Đấng Cửu Thiên Khai Hóa.

Mười Phật là chư Phật ở tầng Trời thứ 10, tức là chư Phật ở cõi CLTG, vì cõi này ở tầng Trời thứ 10.

Chín Trời mười Phật là nói các Đấng Tiên Phật trong Cửu Thiên Khai Hóa và chư Phật ở cõi CLTG.

TNHT: *Chín Trời mười Phật* cũng là Ta.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

CHỈN

Chỉn có

A: To have only. **P:** Avoir seulement.

Chỉn: vốn, vẫn, chỉ. *Chỉn có* là *vốn có, chỉ có*.

TNHT: Thầy *chỉn có* một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh đức của Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHINH

Chinh lòng

A: To hurt, to vex.

P: Froisser, vexer.

Chinh: nghiêng, lệch qua một bên.

Chinh lòng là làm cho lòng người bất bình với nhau.

TNHT: Nếu trong môn đệ đồng tâm chí như mấy con đay thì đường đi của các con sẽ vui vẻ tươi cười, chẳng chi *chinh* lòng nhau đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHÍNH

CHÍNH

(Xem: Chánh)

CHỈNH

CHỈNH

CHỈNH: 整 Sửa sang cho ngay ngắn, tốt đẹp.

Td: Chỉnh đàn, Chỉnh sát.

Chỉnh sát cúng phẩm

整察供品

A: To examine and to arrange the offerings.

P: Examiner et arranger les offrandes.

Chỉnh: Sửa sang cho ngay ngắn, tốt đẹp. **Sát:** quan sát, xem xét. **Cúng phẩm:** phẩm vật dâng lên cúng.

Chỉnh sát cúng phẩm là xem xét và sắp đặt cho ngay ngắn các phẩm vật dâng cúng.

Đây là câu xướng của vị Chức sắc xướng lễ tại Giảng đài Tòa Thánh trong nghi tiết Đại đàn. Chỉ có Đại đàn ở Tòa Thánh mới xướng câu này, còn nơi các Thánh Thất, Báo Ân Từ và Điện Thờ Phật Mẫu thì không có.

Khi cúng Đại đàn nơi Tòa Thánh, vị Giáo Sư phái Ngọc trên Giảng đài xướng "*Chỉnh sát cúng phẩm*" thì một vị Chức sắc HTĐ từ dưới đi lên lầu HTĐ, đến xông hương khử trừ hai bàn tay và mặt, vừa niệm câu "*Vạn trước tiêu tan, sanh khí phục hồi*", rồi mở Tráp Tam bửu ra xem xét đủ Tam bửu (Hoa Quả, Rượu, Trà), lấy từ món xông hương khử trừ, nhớ niệm câu "*Vạn trước tiêu tan, sanh khí phục hồi*".

Tiếp theo, lễ sĩ đem bó hương 12 cây trao cho, vị Chức sắc HTĐ kiểm lại có đủ 12 cây không, rồi cầm đốt cho cháy đầy đủ, đứng định thần, ngó lên Bửu điện, nhìn ngay Thiên Nhãn, tay mặt cầm bó nhang 12 cây đang cháy, mắt vẽ chữ (.) ngay con người Thiên Nhãn, ngón cái của chơn trái vẽ dưới gạch chữ (.), chơn trái đứng lên chữ ấy, chơn mặt ký chữ Đinh vào gót chơn trái, gọi là đạp Đinh Giáp.

Tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay mặt cầm bó nhang, nín thở định thần vẽ chữ (.) trên Tráp Tam bửu, rồi xá và đập nắp Tráp lại, trở xuống tầng dưới, đứng tại vị trí cũ.

Khi thấy Nhạc Sư đứng trên Giảng đài bên Nữ phái đưa bông sen lên làm hiệu, vị Chức sắc HTĐ ấy lên Cung Đạo, xá Đức Chí Tôn, thỉnh Năm cây nhang, đi trở xuống, đứng ngang vị Chức sắc qui Ngoại nghi, chờ.

Khi Chức sắc đứng ở Giảng đài xướng "*Qui*" thì cùng qui xuống với 4 Lễ sĩ, trao bó hương cho vị Chức sắc qui Ngoại nghi, xong thì đứng dậy bày ban. Khi Lễ sĩ khởi điện hương thì vị Chức sắc HTĐ đi trở xuống, đứng tại vị trí cũ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Chỉnh Tiên hoa

整仙花

A: To arrange the fairy flowers.

P: Arranger les fleurs féeriques.

Chỉnh: Sửa sang cho ngay ngắn, tốt đẹp. **Tiên hoa:** ý nói hoa quý.

Chỉnh Tiên hoa là sửa sang bông hoa quý cho tốt đẹp.

Đây là câu xướng của lễ sĩ. Khi xướng lên câu này, hai cặp lễ sĩ dâng đài quì xuống tại Ngoại nghi, trao hoa cho Chức sắc đang quì, để Chức sắc này sửa sang bông hoa cho ngay ngắn tốt đẹp, rồi trao lại cho cặp lễ sĩ đài, điệן vào Nội nghi.

Chỉnh túc y quan

整肅衣冠

Chỉnh: Sửa sang cho ngay ngắn, tốt đẹp. **Túc:** nghiêm khắc. **Y:** áo. **Quan:** mũ, mào.

Chỉnh túc y quan là sửa sang nghiêm chỉnh áo và mào.

CHƠN (CHÂN)

CHƠN

1. **CHƠN:** 眞 Cũng đọc **CHÂN:** Thật, không giả dối.
Td: Chơn hồn, Chơn lý.
2. **CHƠN:** (Nôm) Cái căng, chỉ phần thấp nhứt.
Td: Chơn mây, Chơn tục.

Chơn hồn

眞魂

Chơn: Thật, không giả dối. **Hồn:** phần vô hình của con người.

Chơn hồn có 2 nghĩa tùy trường hợp sau đây:

1. Nghĩa thường dùng: *Chơn hồn là linh hồn, chơn linh.*

TNHT: Hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các *chơn hồn* sa đọa hằng hà.

2. Nghĩa đặc biệt: *Chơn hồn là chơn thần.*

KKĐCR: Kêu *chơn hồn* vịn núu chơn linh.

Chúng ta nên lưu ý là những bài kinh do Đức Nguyệt Tâm giảng cơ ban cho trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, chữ *Chơn hồn* được Đức Nguyệt Tâm dùng với nghĩa là *Chơn thần*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Chơn linh - Chơn thần

真靈 - 真魂

A: The soul - The perisprit, the astral body.

P: L'âme - Le périsprit, le corps astral.

■ *Chơn linh là linh hồn, là điểm linh quang do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh quang của Ngài, ban cho mỗi người làm linh hồn để tạo nên sự sống và làm chủ xác thân.*

■ *Chơn thần là xác thân thiêng liêng của mỗi người, do Đức Phật Mẫu dùng nguyên khí nơi DTC để tạo thành.*

"Nơi Ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm quang. Đài ấy thấu lặn Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên chơn thần cho Vạn linh trong CKVT."

Lặn Sanh quang của ngôi Thái Cực là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho. Đức Phật Mẫu thấu điểm Linh quang này làm linh hồn, rồi dùng Âm quang phối hợp Dương quang để tạo chơn thần (tức là xác thân thiêng liêng) bao bọc điểm Linh quang ấy, tạo thành một con người nơi cõi thiêng liêng.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn giảng dạy về Chơn linh và Chơn thần như sau đây:

1. CHƠN LINH:

Thầy đã nói, nơi thân phàm của các con, mỗi đứa Thầy đều có cho một Chơn linh theo gìn giữ chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng không cần nói các con cũng hiểu rằng: Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng Trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt việc lành việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán Xét. Bởi vậy, một mảy không sai, dữ lành đều có trả. Lại nữa, Chơn linh ấy có tánh Thánh nơi mình, chẳng phải gìn giữ các con mà còn dạy dỗ nữa, thường nghe đời gọi lộn "Lương tâm" là đó. (TNHT)

2. CHƠN THẦN:

Chơn thần là gì? là Nhị xác thân, là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm kéo níu. Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật là huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bạc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy. (TNHT)

Thầy cắt nghĩa: Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân: Một phàm gọi là corporel, còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng, mà cũng có thể không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh, Khí, Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Khi nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn khi đắc đạo mà có Tinh, Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng. Còn có Thần mà không có Tinh, Khí thì khó hườn đặng Nhị xác thân. Vậy ba món báu ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên thì hằng có điển quang. Cái Chơn thần ấy buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ nhàng hơn không khí, ra khỏi ngoài Càn khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thần tinh khiết. (TNHT)

Cửa xuất nhập của Chơn thần đối với thể xác là Nê Hoàn Cung, tức là nơi mở ác.

Màu sắc của chơn thần:

- Người tu chơn chánh, trường chay, có Chơn thần tỏa hào quang trong trắng sáng lòa.

- Người bình thường có Chơn thần màu hồng.

- Người làm điều xấu xa độc ác có chơn thần màu tím.

Các Đấng thiêng liêng chỉ cần nhìn màu sắc của Chơn thần thì biết tâm ý của người đó như thế nào.

Tóm lại:

■ Chơn linh là điểm Linh quang của Chí Tôn ban cho mỗi người để tạo sự sống và làm chủ con người.

■ Chơn thần là xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu tạo nên, bao bọc Chơn linh.

Một con người nơi cõi thiêng liêng có hai thể: - Thể thứ nhất là Linh hồn và - Thể thứ nhì là Chơn thần.

Một con người nơi cõi phàm trần, ngoài hai thể trên, còn có một thể thứ ba nữa là - Thể xác phàm.

Chơn thần ẩn trong xác phàm, và có hình ảnh giống hệt xác thân phàm. Chơn linh điều khiển Chơn thần, Chơn thần điều khiển xác phàm. Chơn linh không trực tiếp điều khiển xác phàm mà điều khiển xác phàm qua trung gian Chơn thần. Khi Chơn thần xuất ra khỏi xác thì lấy theo hình ảnh của thể xác.

Chơn linh ngự tại trái tim của xác phàm, gìn giữ nhịp đập của trái tim. Cho nên khi Chơn linh xuất khỏi thể xác thì trái tim ngưng đập: Thể xác chết.

Trung tâm của Chơn thần ở tại não bộ (óc) để từ đó điều khiển toàn thể xác thân phàm.

Chơn linh và Chơn thần nương theo xác thân phàm để tu hành, lập công quả và dự trường thi công quả do Đức Chí Tôn

lập ra trong ĐĐTKPĐ. Nếu không có xác thân phàm thì Chơn linh và Chơn thần rất khó mà lập được công quả.

DTC: Diêu Trì Cung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chơn lý

真理

A: The verity, the truth.

P: La vérité.

Chơn: Thật, không giả dối. **Lý:** lẽ phải.

Chơn lý hay Chân lý là cái lẽ phải chơn thật, hằng hữu đời đời mà lương tri lương năng của con người đều nhận biết.

Cho nên, Chơn lý phải có tính cách không phụ thuộc thời gian và không gian.

Thông thường thì người ta hiểu Chơn lý là cái lẽ thật thấy rõ trước mắt, như: Cái nhà, cái bàn, xác thân của ta, vì ta thấy rõ nó, sờ nó được, cân đo được. Đó là các thứ thuộc về vật chất hữu hình. Mặt khác, sự hạnh phúc mà ta đang thọ hưởng, sự đau khổ mà ta đang gánh chịu, sự thương yêu, giận ghét, các thứ đó được con người cảm nhận thực sự, thuộc về tình cảm. Tất cả những thứ ấy, thuộc vật chất hay tình cảm, tuy con người có cảm nhận thực sự, nhưng chúng không phải là Chơn lý, vì các thứ đó, dầu vật chất hay tình cảm đều bị biến đổi theo thời gian và không gian.

Thời gian sẽ làm cái nhà cái bàn hư mục, làm cho xác thân ta già rồi bệnh hoạn, rồi chết, xác thân tan rã thành đất; thời gian cũng sẽ làm cho cái hạnh phúc hay đau khổ biến đổi, sự giận hờn thương ghét cũng tùy hoàn cảnh mà biến dời. Tất cả những thứ đó, nhà Phật đều cho là huyễn, là giả tạm, là tứ đại giả hợp, đều không bền vững với thời gian, nên nó không phải là Chơn lý.

Câu nói của Đức Khổng Tử: "*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*", câu nói của Đức Chí Tôn "*Thầy là các con, các con là Thầy*", Luật Nhân Quả, Luật Tiến Hóa,... Đó là những Chơn lý, vì các

điều này luôn luôn đúng trong bất cứ trường hợp nào và trong bất cứ thời gian nào, nghĩa là không phụ thuộc vào thời gian và không gian.

Chơn lý tuyệt đối: Có một Chơn lý mà không có gì để so sánh ngang bằng hay là hơn Chơn lý ấy được, gọi là Chơn lý tuyệt đối. Nó bất biến và hằng hữu đời đời trong không gian và thời gian, từ vô thi đến vô chung, cái Chơn lý ấy là cái nguyên lý tạo dựng CKVT và vạn vật, mà các tôn giáo thường gọi là: Đấng Tạo Hóa, Đấng Thượng Đế, Đức Chúa Trời.

Từ ngàn xưa cho đến ngày nay, thiên hạ đã tranh giành và gìn giữ độc quyền Chơn lý. Chỉ có mình, nhóm của mình, tôn giáo của mình mới là Chơn lý, còn những cái của ai khác hơn đều là giả, đều là hình thức bề ngoài, nên không phải là Chơn lý. Cho nên trên thế giới luôn luôn xảy ra bao cuộc chiến tranh tàn khốc để giựt giành Chơn lý, đưa đến tình trạng hỗn loạn như tâm, xáo trộn tư tưởng, làm cho chơn giả khó phân.

Muốn nhận được Chơn lý, chỉ có cách là phản tỉnh với lòng, lắng đọng tâm tư, tạo cho mình một tâm đạo trọn vẹn và sáng suốt, không bị chi phối bởi bản ngã hay sắc tướng bên ngoài, để cho lương tri lương năng chỗi dậy tìm hiểu và nhận định, chúng ta sẽ nhận định được cái Chơn lý tuyệt đối, cái nguyên lý của tất cả nguyên lý, đó là Thượng Đế, Đấng tuyệt đối theo đúng nghĩa của danh từ: Toàn tri, Toàn năng, Toàn thiện, Toàn mỹ, Toàn giác.

Tóm tắt một lời: mọi thứ, mọi cái nào mà có tính cách tương đối đều không phải là Chơn lý tuyệt đối.

Chúng ta là những tín đồ của Đạo Cao Đài, chúng ta đừng nghĩ rằng chỉ có đạo của mình là Chơn lý, còn các đạo khác đều không phải là Chơn lý. Nghĩ như thế thì rất hẹp hòi phiến diện và không đúng.

Đạo Cao Đài cũng như các tôn giáo khác đều không phải là Chơn lý, mà chỉ là những con đường dẫn dắt như sanh đi đến Chơn lý. Nhưng có điều là con đường mà Đạo Cao Đài vạch ra là con đường rộng rãi, thẳng tắp, bằng phẳng, để hướng dẫn như sanh đi đến Chơn lý một cách chắc chắn, mau lẹ và dễ dàng nhất; bởi vì con đường này do Đấng

Thượng Đế tạo ra và chính Ngài hướng dẫn chúng ta đi đến Chơn lý Tuyệt đối.

KTP: Soi tường *Chơn lý* chỉ rành chánh văn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

DTC: Điều Trì Cung.

KTP: Kinh Thuyết Pháp.

Chơn mạng

眞命

A: The life, the existence.

P: La vie, l'existence.

Chơn: Thật, không giả dối. **Mạng:** cái mạng sống của con người.

Chơn mạng là cái mạng sống thực sự của con người.

TNHT: Nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều có cho một chơn linh theo gìn giữ *chơn mạng* sanh tồn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chơn mây

A: Under the cloud.

P: Sous le nuage.

Chơn: Cái cằng, chỉ phần thấp nhứt. **Mây:** đám mây.

Chơn mây là dưới đám mây, phần dưới của đám mây.

KCTPĐQL: *Chơn mây* vái với hương hồn hiển linh.

KCTPĐQL: Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

Chơn ngã

眞我

A: The true ego.

P: Le vrai égo, vrai moi.

Chơn: Thật, không giả dối. **Ngã:** ta, cái ta.

Chơn ngã là cái ta chơn thật, hằng có, thường còn, hằng sống, tức là cái Ta bất biến, hằng hữu đời đời.

Chơn ngã chính là Chơn linh hay Linh hồn của ta, vì nó là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho ta, nên nó hằng hữu, bất biến, bất tiêu bất diệt.

Còn Chơn thần và Thể xác của chúng ta không phải là Chơn ngã, bởi vì Chơn thần và Thể xác biến đổi tùy theo mỗi kiếp sống nơi cõi trần. Mỗi lần Chơn linh đầu kiếp xuống trần là mỗi lần ta có một Thể xác mới và một Chơn thần mới.

Trái với Chơn ngã là: Vọng ngã, Phàm ngã, giả ngã, là cái ta hư vọng, biến đổi theo thời gian và không gian.

Chơn ngôn

真言

A: The magical formulas.

Les formules magiques, l'incantation.

Chơn: Thật, không giả dối. **Ngôn:** lời nói.

Chơn ngôn thường được dùng với nghĩa là: Câu Thần chú, thường được phát âm theo tiếng Phạn, khi đọc lên nó tạo ra một âm ba (làn sóng âm thanh) vang động lên các tầng Trời, được các Đấng thiêng liêng nhận biết, được các Đấng dùng huyền diệu mà hộ trì hay cứu giúp.

Vãng Sanh Thần chú được gọi là Vãng Sanh Chơn ngôn.

Phần cuối của bài Kinh Cứu Khổ là những câu Chơn ngôn, đó là Thần chú.

Những câu Chơn ngôn có ý nghĩa rất huyền bí, không thể giải thích được bằng văn từ, do chư vị Phật hay Bồ Tát đặt ra để các đệ tử trì tụng, giúp cho trí não mau phát sáng, và được sự hộ trì của chư Phật.

Chơn nhơn

真人

A: The Saint.

P: Le Saint.

Chơn: Thật, không giả dối. **Nhơn:** người.

Chơn Nhơn là chỉ bực Thánh hay bực Tiên.

- Tôn Tẩn là một vị Tiên, đạohiệu Liễu Nhứt Chơn Nhơn.
- 3 vị Thánh đứng đầu Bạch Vân Động đều là Chơn Nhơn:
 - Trạng Trình Nguyễn B. Khiêm là Thanh Sơn Chơn Nhơn,
 - Victor Hugo là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn,
 - Tôn Văn là Tôn Sơn Chơn Nhơn.

Chơn Nhơn còn là phẩm vị Chúc sắc trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT, đứng trên Đạo Nhơn và đứng dưới Hiền Nhơn. Chơn Nhơn đối phẩm Giáo Sư bên CTĐ.

Từ phẩm Chơn Nhơn trở xuống thì còn ở CQPT, lập công quả bên CQPT. Khi được thăng phẩm Hiền Nhơn thì phải lên HTĐ để bảo tồn Chơn pháp.

Đạo phục của Chơn Nhơn: Khi châu lễ Đức Chí Tôn, Chơn Nhơn mặc Đạo phục áo tràng trắng, mang Dây Sắc lệnh màu xanh bỏ mối qua hông mặt (thể Đạo), trên Dây Sắc lệnh có gắn Khuê bài đề chữ CHƠN NHƠN bằng quốc tự, đầu đội khăn đóng trắng 7 lớp chữ nhơn.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Chơn nữ

眞女

A: Honest woman.

P: La femme honnête.

Chơn: Thật, không giả dối. **Nữ:** người phụ nữ.

Chơn nữ là người phụ nữ chơn thật, tức là hiền lành và đạo đức.

TNHT: Thiện nam gắng giữ nền Nhơn nghĩa,
Chơn nữ hằng ghi thuyết cộng hòa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chơn pháp

眞法

A: True doctrine.

P: Vraie doctrine.

Chơn: Thật, không giả dối. **Pháp:** có rất nhiều nghĩa, ở đây chúng ta hiểu Pháp là giáo lý của một tôn giáo.

Chơn pháp là giáo lý chơn thật của một vị giáo chủ truyền dạy.

Nếu tu đúng theo chơn pháp này thì nhứt định đắc đạo.

KXH: Tùng theo *chơn pháp* độ lần chúng sanh.

Chơn pháp còn có nghĩa là pháp luật chơn thật, nên Chơn pháp đồng nghĩa Chơn luật.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo đêm 15-9-Mậu Dần về Chơn pháp và Chơn luật của Đức Chí Tôn:

"Đức Chí Tôn đào tạo Chơn pháp vô lượng vô biên để cho nhơn loại thi hành mà đoạt phẩm vị thiêng liêng: Thần, Thánh, Tiên, Phật. Chơn pháp cũng có một như Chơn luật vậy.

Chơn luật của Đức Chí Tôn đã chỉ rõ là **Thương yêu**, còn Chơn pháp là **Công bình**. Luật pháp của Chí Tôn đã chỉ rõ ra sau đây thì toàn cả nhơn sanh đều nghe hiểu biết và thường có nói: Chỉ có một điều là tại sao không thực hành? Nếu con người ở dưới thế này đồng thi hành y theo Chơn pháp Công bình thì đời sẽ trở nên tận thiện tận mỹ, mà cơ tận diệt sẽ tiêu tan, không còn thấy tấn tuồng bi ai thảm đạm như thế.

Tóm lại, cái sở hành của Chơn pháp Công bình chỉ dùng một câu: "*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhơn*" nghĩa là: Những điều nào mình chẳng muốn ai làm cho mình phải buồn than đau đớn thì tức nhiên mình không nên làm mấy điều đó cho người khác.

Pháp Công bình của Đức Chí Tôn là một cây Cân Song bằng: Một đầu là Tiên, Phật, một đầu là Quỷ Ma, chánh tà phân biệt đôi bên, ấy là pháp Công bình: Lành thường dữ răn, lành siêu dữ đọa.

Đức Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài đều đứng cao thẳng phẩm vị thiêng liêng, chứ không bao giờ Ngài đào tạo Địa ngục để đầy đọa hình phạt nhơn sanh, mà trái lại do nhơn sanh tạo thành cảnh khổ ấy. Ví như một ông Cha trong gia đình, có khi nào lập ngục thất để cầm tù con cái bao giờ?

Những điều khổ hạnh ấy là tự con người đào tạo nơi mặt thế này, cũng là một trường học để con người suy gẫm tự giác tâm hồn, hầu giải thoát bến mê mà tầm đến cảnh thiêng liêng an nhàn tự tại. Nếu con người muốn được an nhàn tự tại nơi cảnh TLHS thì phải thực hành theo Chơn pháp của Chí Tôn.

Ngày nào mà nhơn sanh trên mặt địa cầu này biết tôn trọng và thực hành y theo luật pháp của Chí Tôn cho ra chân tướng thì mới mong giải thoát cơ tự diệt, tức là ngày của nhơn sanh chung hưởng mọi điều hạnh phúc của Chí Tôn ân tứ.

KXH: Kinh Xuất Hội.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Chơn pháp bí truyền

眞法秘傳

A: The sacrament.

P: Le sacrement.

Chơn: Thật, không giả dối. **Pháp:** cách thức, phương pháp. **Bí:** kín nhiệm. **Truyền:** trao lại cho người khác.

Chơn pháp bí truyền là những phương thức chơn thực có tác dụng rất mau nhiệm được truyền lại cho người thọ lãnh một cách bí mật, không cho người ngoài biết.

Theo nghĩa này, Chơn pháp bí truyền là những phép Bí tích, giống như các phép thuật của Đạo Tiên.

Chơn pháp bí truyền trong Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn truyền dạy Đức Hộ Pháp để Ngài lựa chọn Chức sắc mà truyền lại để Chức sắc đi hành đạo phổ độ chúng sanh.

Chơn pháp bí truyền của Đạo Cao Đài gồm 7 Bí tích:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 1. Phép Tắm Thánh. | 5. Phép Độ thăng. |
| 2. Phép Giải Oan. | 6. Phép Hôn phối. |
| 3. Phép Xác. | 7. Phép Giải bịnh. |
| 4. Phép Đoạn căn. | |

Chúng ta cần lưu ý là: *Chơn pháp bí truyền khác với Tâm pháp bí truyền*. Tâm pháp bí truyền là pháp môn luyện đạo, luyện Tam Bửu Tinh, Khí, Thần hiệp nhưt, đắc đạo tại thế.

Chơn Phật

眞佛

A: Superior Buddha.

P: Buddha supérieur.

Chơn: Thật, không giả dối. **Phật:** Đức Phật.

Chơn Phật là vị Phật cao siêu, ở cấp bậc cao.

Các Đấng Thánh, Tiên, Phật mà có chữ CHƠN phía trước thì đó là những Đấng ở bậc cao siêu.

TNHT: Thầy là bậc Chí Tôn và các địa vị *Chơn Phật* xưa, nhiều lúc phải xuất chơn linh để mình vào trần thế đặng dìu dắt chúng sanh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chơn Quân

眞君

A: The Lord of Zodiac.

P: Le Seigneur Zodiacal.

Chơn: Thật, không giả dối. **Quân:** người có tài đức hơn người.

Chơn Quân là những vị Thời Quân của HTĐ.

Có 12 vị Chơn Quân được gọi là Thập Nhị Thời Quân: Bảo Pháp Chơn Quân, Bảo Đạo Chơn Quân, v.v....

CG PCT: Còn nhiều vị *Chơn Quân* khác, hoặc đã đến rồi, hoặc chưa đến,....

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Chơn tâm

真心

A: The true heart.

P: Le vrai coeur.

Chơn: Thật, không giả dối. **Tâm:** cái tâm của con người.

Chơn tâm là cái tâm chơn thật, trong sạch, sáng suốt, đã rời bỏ được các vọng tưởng, phục hồi được bản tánh của nó.

Chơn tâm chính là Lương tâm, Thiện tâm.

Trái với Chơn tâm là Vọng tâm, là cái Tâm luôn luôn vọng động, mơ tưởng hết điều này đến điều nọ, không ngừng phóng ra nhảy vào như con khỉ nên gọi là Tâm viên ý mã.

Phép Tham Thiền Nhập Định là để gìn giữ cái tâm cho được trong sạch, yên lặng, tư tưởng không không, tức là đã diệt bỏ Vọng tâm để phát triển Chơn tâm.

Ngài Hiền Đạo Chơn Quân HTĐ giải về Chơn tâm:

"Con người sanh ra có kẻ trí người ngu, kẻ hiền người dữ, kẻ sang người hèn, kẻ mạnh người yếu, ai ai cũng có sẵn một phần thiên liêng sáng suốt để phân biệt phải trái, chánh tà, thiệt hư, thiện ác. Phần thiên liêng sáng suốt ấy, Nho giáo gọi là Minh đức, hay là tánh bản nhiên; Phật giáo gọi là Tự tâm, Bản tánh hay là Phật tánh, hay là Chơn như. Danh từ tuy khác mà nghĩa vẫn đồng. Đây chúng tôi xin dùng danh từ CHƠN TÂM để gọi phần thiên liêng sáng suốt ấy.

Chơn tâm sáng như ánh sáng mặt trời. Mặt trời tuy có bị mây che mờ, ánh sáng chưa hề bị mất, vẫn còn vàng vạc chói lọi trong chốn không gian.

Chơn tâm ví như hòn ngọc quý, đủ màu sắc, đầy vẻ đẹp. Ngọc dầu bị bụi cát bám vào nhưng chưa từng mất phần mỹ lệ.

Ánh sáng mặt trời không thêm không bớt, chất quý của ngọc giữ nguyên vẹn không thay đổi, đó là bản thể của Chơn tâm. Cho nên mới nói rằng: Bản thể Chơn tâm vẫn bình đẳng và bất biến. Bình đẳng nghĩa là bằng nhau, không có cao thấp, không có lớn nhỏ, bất biến là không biến đổi.

Chơn tâm của người quân tử, Chơn tâm của kẻ tiểu nhân cũng đồng một thể, không vì hành động của kẻ trí mà Chơn tâm thêm phần sáng suốt, không vì hành động của người ngu mà Chơn tâm bớt phần sáng suốt. Nhưng sự nghe thấy của người quân tử có khác hơn sự nghe thấy của kẻ tiểu nhân, là vì quân tử hay trau dồi Chơn tâm, còn tiểu nhân thì không thể, không biết trau dồi Chơn tâm, thành thử quân tử và tiểu nhân có chỗ sai biệt trong sự nghe thấy biết.

Chơn tâm của quân tử như ngọc đã trau, như gương đã sạch bụi. Chơn tâm của tiểu nhân như ngọc chưa trau, như gương dính bụi. Chơn tâm không hình ảnh, không phương sở, không từ nơi nào đến, cũng không đi về đâu, không quá khứ, không vị lai mà vẫn thường tại. Chơn tâm rộng lớn, bao la như vũ trụ. Thời gian vô tận thì Chơn tâm cũng vô tận; không gian vô cùng thì Chơn tâm cũng vô cùng.

Những kẻ đã phạm tội lỗi, vì si mê hay nóng giận, sau rồi biết ăn năn tự hối, là vì khi họ phạm lỗi, họ quên mất Chơn tâm, đến khi họ tỉnh ngộ, biết nhìn nhận tội lỗi đã làm, dường như Chơn tâm họ trở lại, nên mới có câu nói: Người ấy đã hồi tâm. Kỳ thật, Chơn tâm không đi đâu cả, chỉ tại người hoặc nhớ hoặc quên đó thôi. Vì vậy, trong mọi hành động, mọi ý nghĩ, ta nên thận trọng. Làm việc gì, nghĩ việc gì, ta hãy chính chắn suy xét cho cùng, luôn luôn nghĩ nhớ đến Chơn tâm, phòng khi thi thố cho khỏi sai lầm.

Chơn tâm rất sáng suốt, linh diệu, không sự vật gì mà không hay biết, không ai che giấu được, không ai lừa dối được, mắt ta không trông thấy, tai ta không nghe tiếng mà ta vẫn biết rằng có, như ở bên ta. Đức Phật Thích Ca nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tức là Phật và chúng sanh đồng một Chơn tâm như nhau, không hơn không kém. Thế là Phật và chúng sanh bình đẳng, bình đẳng ở chỗ đồng một bản thể Chơn tâm. Sở dĩ Phật được gọi là Phật vì Phật đã giác ngộ hoàn toàn, biết thuận dụng Chơn tâm; chúng sanh còn mê muội, không biết thuận dụng Chơn tâm nên chưa thành Phật.

Thế nào là thuận dụng Chơn tâm? Là phải biết trau dồi cái tâm mình cho được sáng suốt, trong sạch như gương, chẳng chút bụi trần, hễ vật gì dính vào Chơn tâm thì biết ngay, hiện

hay bất hiện, phải hay chẳng phải, bỏ cái gốc ác thâm nhiễm từ lâu, trừ những bụng tham, sân giận, si mê làm nhẹ phẩm giá con người; hành động ngay chánh, nói năng ngay chánh, thành thật tiếp xúc với mọi người không chút gì giả dối, thành thật mưu sinh, không gian lận xảo trá, luôn luôn giữ một mực công bằng, hợp đạo, trúng tiết. Thuận dụng Chơn tâm là hành động theo Chơn lý đã tỏ ngộ, sáng suốt như Phật."

Chơn thân

真身

A: The real body.

P: Le corps réel.

Chơn: Thật, không giả dối. **Thân:** xác thân con người.

Chơn thân là cái xác thân chơn thật, không hư hoại, vĩnh viễn trường tồn. Đó là cái xác thân thiêng liêng, tức là Nhị xác thân hay Chơn thần.

Cái xác thân phàm bằng xương bằng thịt chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian sống trăm năm, rồi nó phải chết và hư hoại, nên nó không phải là cái Chơn thân, mà phải gọi nó là cái Giả thân. Đó là cái xác thân giả tạm mà linh hồn tạm mượn để sống một thời gian nơi cõi trần mà học hỏi và tiến hóa.

Chơn thiệt nghĩa

真實義

Chơn: Thật, không giả dối. **Thiệt:** thật, thực. **Nghĩa:** ý nghĩa.

Chơn thiệt nghĩa là cái ý nghĩa chơn thật.

DLCK: Khai Kinh Kệ: Nguyễn giải Tân Kinh *chơn thiệt nghĩa*, Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết Di-Lạc Chơn Kinh.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Chơn trị

眞治

A: To administer with honesty.

P: Administrer avec l'honnêteté.

Chơn: Thật, không giả dối. **Trị:** cai trị.

Chơn trị là dùng sự chơn thật mà cai trị dân chúng.

TNHT: Tham gian đã nhập vào nước thì nước hết *chơn trị*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chơn truyền

眞傳

A: The true doctrine.

P: La vraie doctrine.

Chơn: Thật, không giả dối. **Truyền:** trao lại.

Chơn truyền là giáo lý chơn thật được truyền lại một cách chính xác để hành giả tu theo đó thì nhứt định đắc đạo.

KGO: Noi chơn truyền khừ quỷ trừ ma.

KGO: Kinh Giải Oan.

Chơn tu

眞修

A: The real monk.

P: Le vrai religieux.

Chơn: Thật, không giả dối. **Tu:** sửa mình cho tốt đẹp.

Chơn tu là người tu hành chơn chánh, tu thiệt tình, chí quyết tu hành mong cầu giải thoát.

Trái với Chơn tu là Giả tu, tu để mượn danh đạo tạo danh đời, hay tạo thế lực để thỏa mãn ước vọng riêng.

Chơn tục

A: Steps of the profane.

P: Les pas du profane.

Chơn: Cái căng, chỉ phần thấp nhứt. **Tục:** tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần hay người nơi cõi trần.

Chơn tục là bước chơn của người phàm.

TNHT: Đường trần dù muốn dừng *chơn tục*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHU

CHU

(Xem: Châu)

CHÚ

Chú giải

註解

A: To explain and comment.

P: Expliquer et commenter.

Chú: biên chép ý nghĩa phụ vào bên dưới hay kể bên.

Giải: phân tích cho rõ nghĩa ra.

Chú giải là ghi chép thêm để làm rõ ý nghĩa của một câu văn hay của một đoạn văn.

Pháp Chánh Truyền do Đức Chí Tôn lập ra. Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông chú giải, tức là giải nghĩa cho rõ ràng từng chi tiết một, để phân định quyền hạn của mỗi Chức sắc trong mỗi cơ quan cho minh bạch, phân định nhiệm vụ rõ ràng của mỗi người để việc điều hành nền Đạo được trật tự, tốt đẹp, không có sự dẫm chân lên nhau, và nhờ vậy nền

Đạo mới phát triển mau lẹ. Bản chú giải Pháp Chánh Truyền của Đức Phạm Hộ Pháp được dâng lên Đức Lý Giáo Tông xem xét và sửa chữa thêm, rồi mới được phép ban hành.

Chú Vãng Sanh

(Xem: Vãng Sanh Thần Chú, vần V)

CHỦ

CHỦ

CHỦ: 主 có nhiều nghĩa tùy trường hợp:

1. **CHỦ:** Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn.
Td: Chủ quản, Chủ quyền, Chủ tọa.
2. **CHỦ:** Phần chánh, phần cốt yếu.
Td: Chủ nghĩa, Chủ ý.
3. **CHỦ:** Tự mình.
Td: Chủ quan, Chủ trương.

Chủ nghĩa

主義

A: Principle.

P: Principle.

Chủ: Phần chánh, phần cốt yếu. **Nghĩa:** điều phải theo.

Chủ nghĩa là cái cốt yếu của một học thuyết để làm đường lối phải theo.

Thí dụ: Chủ nghĩa Duy Linh (Spiritualisme) là một quan điểm triết học duy tâm khách quan, coi linh hồn là nguyên lý cơ bản của hiện thực, là thực tế vô hình đặc biệt, tồn tại độc lập với vật chất và điều khiển vật chất.

Trái với Chủ nghĩa Duy Linh là Chủ nghĩa Duy Vật.

Chủ nghĩa của Đạo Cao Đài là: Bác ái và Công bình.

ĐLMD: Thăng như Chức sắc nào chẳng vì *chủ nghĩa* hóa dân vị thiện, làm mất tín nhiệm của chúng sanh thì phải chiếu y Thập hình của Đức Lý Giáo Tông mà định tội.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Chủ quan - Khách quan

主觀 - 客觀

A: Subjective - Objective.

P: Subjectif - Objectif.

Chủ: Tự mình. **Quan:** xem xét, quan niệm. **Khách:** ở ngoài, trái với Chủ.

Chủ quan là chỉ dựa vào nhận thức riêng của cá nhân mình mà suy nghĩ và hành động, cho nên đôi khi không sát thực tế và có tánh cách phiến diện, dễ đi đến thất bại.

Khách quan là căn cứ vào sự thật đang diễn tiến ở bên ngoài của hiện tượng mà quan sát, suy nghĩ, rồi đưa ra những quyết định thích hợp.

Chủ quản

主管

A: The manager.

P: Le directeur.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Quản:** quản lý, coi sóc công việc.

Chủ quản là người đứng đầu coi sóc công việc và chịu trách nhiệm về kết quả của công việc.

Chủ tể

主宰

A: Supreme Master.

P: Maître Suprême.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Tể:** đứng đầu.

Chủ tế, thường nói là Chúa tế, là người đứng đầu, có quyền thống trị hết thảy.

TNHT: Đấng *Chủ tế* toàn năng, giáng thế tá danh Cao Đài, truyền chơn lý tại Việt Nam.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chủ tọa

主坐

A: The president.

P: Le président.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Tọa:** ngồi.

Chủ tọa là người ngồi làm chủ điều khiển một Hội nghị.

■ Chủ tọa Hội Thánh là Thái Chánh Phối Sư. Khi có cuộc họp của Hội Thánh thì Thái Chánh Phối Sư làm Chủ tọa điều khiển cuộc họp.

■ Chủ tọa Hội Nhơn Sanh là Thượng Chánh Phối Sư. Khi có tổ chức Hội Nhơn sanh thì Thượng Chánh Phối Sư làm Chủ tọa điều khiển cuộc họp.

Chủ trung

主中

A: Supreme head.

P: Patron suprême.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Trung:** ở giữa.

Chủ trung là người đứng ở giữa điều khiển các nơi.

TNHT: Từ đây Thầy là đứng *chủ trung* dìu dắt các con trong đường đạo hạnh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chủ trương

主張

A: To sustain a doctrine.

P: Soutenir une doctrine.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Trương:** giương rộng ra.

Chủ trương là đứng làm chủ, quyết định đường lối và biện pháp làm việc và theo đuổi đường lối đó.

TNHT: Thầy là Đấng *chủ trương* khai sáng nền Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chủ trưởng Chức sắc

主長職色

A: Chief of the dignitaries.

P: Chef des dignitaires.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Trưởng:** lớn hơn hết trong một cơ quan.

Chủ trưởng Chức sắc là người đứng đầu cai quản các Chức sắc.

Theo Đạo Nghị Định thứ 4 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp thì: Ngọc Chánh Phối Sư là Chủ trưởng Chức sắc CTĐ nam phái.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Chủ trưởng Bàn Cai quản Phước Thiện

主長班該管福善

A: Chief of Administrative Committee of Charity.

P: Chef du Comité administratif de Charité.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Trưởng:** lớn hơn hết trong một cơ quan.

Mỗi nhà Sở Phước Thiện Chánh trong mỗi Quận đạo (Tộc đạo) phải cử ra một Bàn Cai Quản điều hành các việc thuộc Phước Thiện trong Tộc đạo. Đứng đầu Bàn Cai Quản Phước Thiện là một vị

Chủ trưởng, phẩm Hành Thiện.

Phận sự của Chủ trưởng Bàn Cai Quản Phước Thiện:

1. Khi nhóm Bàn Cai Quản thì Chủ trưởng chủ tọa. Chủ trưởng nêu chương trình nghị sự cho các Nghị viên bàn định.
2. Nghị viên khôngặng bàn tính việc gì khác hơn là vấn đề đã lập trong chương trình. Khi Chủ trưởng xướng đề ra thì phải rành rẽ cho chư Nghị viên được thông hiểu, rồi để cho chư Nghị viên tự do bàn định. Chủ trưởng không nên bàn cãi chi với Nghị viên. Sau khi chư Nghị viên bàn cãi rồi, Chủ trưởng gom tất cả ý kiến hay của phần đông mà lập thành quyết nghị. (Xem thêm chữ: Bàn Cai Quản, văn B)

Chủ tướng

主將

A: The commander-in-chief.

P: Le commandant-en-chef.

Chủ: Người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn. **Tướng:** vị quan võ cao cấp trong quân đội.

Chủ tướng là vị tướng đứng đầu chỉ huy tất cả.

TNHT: Nhưng còn nhiều đũa háo danh và ham làm một vị *chủ tướng* trong đạo, nên cần phải nói cho biết mà xét mình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chủ ý

主意

A: The main idea.

P: L'idée principale.

Chủ: Phần chánh, phần cốt yếu. **Ý:** điều suy nghĩ trong lòng.

Chủ ý là cái ý định chuyên nhứt về một việc gì.

TNHT: *Chủ ý* các con có phải vậy chăng?

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHÙA

Chùa chiền

A: Temples, Oratories.

P: Temples, Oratoires.

Chùa: Nhà thờ Phật. **Chiền:** do phiên âm từ tiếng Phạn: Caitya rồi nói trại ra, nghĩa là điện thờ Phật.

Chùa chiền là chỉ chung các chùa, các điện, dùng làm nơi thờ Phật.

Thuở mới khai Đạo Cao Đài, các tín đồ Cao Đài theo thói quen gọi các Thánh Thất là Chùa Cao Đài, vì trong Thánh Thất có thờ Đức Phật Thích Ca và Quan Thế Âm Bồ Tát.

Trong Đạo Cao Đài, các tín đồ cũng thường hay dùng từ ngữ "chùa chiền" để chỉ chung các Thánh Thất và các Điện Thờ Phật Mẫu.

TNHT: Còn *chùa chiền* thì ngày sau e cho con không đủ sức cai quản cho hết.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chùa Gò Kén

(Xem: Từ Lâm Tụ, văn T)

CHUẨN

CHUẨN

CHUẨN: 準 có hai nghĩa tùy trường hợp:

1. **CHUẨN:** Chấp thuận, cho phép.
Td: Chuẩn nhận, Chuẩn phê, Chuẩn y.
2. **CHUẨN:** Mẫu mực, phép tắc phải theo.
Td: Chuẩn thẳng.

Chuẩn Đề Bồ Tát

準提菩薩

Đức Chuẩn Đề Bồ Tát cùng với Đức Phổ Hiền Bồ Tát chường quanh tầng Trời Hạo Nhiên Thiên, là tầng thứ 7 trong Cửu Trùng Thiên, có nhiệm vụ coi về Pháp luật.

Do đó, Đức Chuẩn Đề Bồ Tát ngự tại *Cung Chường Pháp*.

Ngài không có hóa thân xuống cõi trần, nhưng Đức Phật Thích Ca có giải rõ công đức và hình tượng của Ngài nên mới biết và họa hình để thờ.

Ngài có tấm lòng từ bi vô hạn đối với chúng sanh, cũng như mẹ thương con, nên người đời gọi Ngài là Chuẩn Đề Phật Mẫu hay là Thất-Cu-Chi Phật Mẫu.

Bửu tượng của Đức Chuẩn Đề Bồ Tát quang minh chiếu diệu, mặc toàn sắc trắng, ngồi kiết già, đeo râu chuỗi anh lạc, trên ngực có chữ Vạn. Pháp thân của Ngài có 18 cánh tay: 2 tay chấp nơi ngực, 2 tay để nơi bụng, còn 14 cánh tay kia, mỗi bên 7 cánh tay đều cầm những bửu bối. Ngài ngự trên tòa sen, dưới có hai vị Long vương ủng hộ.

Ngài thường thuyết kinh Đà-La-Ni và chú Đà-La-Ni. Ngài khuyên chúng sanh nên tụng chú Đà-La-Ni cho thường, khi thọ chung, linh hồn sẽ được sanh vào chỗ thiện duyên, hưởng những an lạc.

Chú Đà-La-Ni chép ra như sau đây:

Nam mô Phật Đà La, Nam mô Đạt Ma Da, Nam mô Tăng Già Da. Ấn Tất Đế, Hộ Rô Rô, Tất Đô Rô Chỉ Rị Ba, Kiết Rị Bà, Tất Đạt Rị Bồ Rô Rị, Ta Bà Ha.

KĐ7C: Cung Chưởng Pháp xây quyền Tạo Hóa, Kiến *Chuẩn Đề* thạch xá giải thi.

KĐ7C: Kinh Đệ Thất cừu.

Chuẩn nhận

準認

A: To accept.

P: Acceptor.

Chuẩn: Chấp thuận, cho phép. **Nhận:** lãnh.

Chuẩn nhận là bằng lòng thấu nhận.

TNHT: Các lời cầu nguyện của con sẽ được *chuẩn nhận*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chuẩn phê

準批

A: To ratify.

P: Ratifier.

Chuẩn: Chấp thuận, cho phép. **Phê:** viết ý kiến vào lá đơn.

Chuẩn phê hay Phê chuẩn là đồng ý ký tên chấp thuận.

TNHT: Đã mãn kỳ, phải giao quyền lại cho Tòa Tam Giáo lấy mực công bình mà *chuẩn phê* các cử chỉ của mỗi đứa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chuẩn thẳng

準繩

A: The rule of conduct.

P: Le règle de conduite.

Chuẩn: Mẫu mực, phép tắc phải theo. **Thẳng:** sợi dây tơ.

Chuẩn thẳng là sợi dây căng thẳng ra dùng làm mức để người thợ noi theo. Đó là nghĩa đen.

Nghĩa bóng, *Chuẩn thẳng* là mẫu mực đạo đức căn bản mà mọi người phải tuân theo.

TĐ ĐHP: Một gia đình mà không *chuẩn thẳng*, không đạo giáo kèm giữ, gia đình còn loạn lạc thay!...

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Chuẩn y

準依

A: To approve.

P: Approuver.

Chuẩn: Chấp thuận, cho phép. **Y:** y nguyên.

Chuẩn y là chấp thuận y như lời cầu xin.

CHÚC

Chúc thọ

祝壽

A: To wish a longevity.

P: Souhaiter une longivité.

Chúc: cầu ước. **Thọ:** sống lâu.

Chúc thọ là cầu chúc cho được sống lâu.

Lễ Chúc thọ là một cuộc lễ do con hay cháu tổ chức để cầu nguyện và cầu chúc cha mẹ hoặc ông bà được sống lâu.

Theo sách Quan Hôn Tang Tế của Đạo Cao Đài thì:

1. Đúng 61 tuổi: làm Lễ chúc thọ Đáo tuế.
2. Từ 65 đến 74 tuổi: làm Lễ Hạ thọ.
3. Từ 75 tuổi đến 84 tuổi: làm Lễ Trung thọ.
4. Từ 85 đến 100 tuổi: làm Lễ Thượng thọ.

I. Chương trình Lễ Chúc thọ:

Cách thức sắp đặt do theo các khoản dưới đây:

1. Lập một Nội nghi, chưng dọn có một cặp lọng, cùng hoa quả cho tốt đẹp. Phía sau Nội nghi đặt một cái bàn vuông, hoặc là một bộ ván để chiếu gối, trà nước, đặng cho vị hưởng thọ an tọa, gọi là Thọ tịch.

Còn ở phía ngoài, phải lập một Ngoại nghi, sắp đặt cho có đủ phẩm vật như là: Cơm, rượu, trà, vv . . .

Hai bên Tả Hữu phải có đặt trường kỷ, chưng dọn các thực phẩm như là: Rượu, trà, trái cây, bánh để đãi khách và các thân bằng cố hữu, gọi là Bồi tịch.

2. Chọn hai vị Chấp sự để theo hộ vệ vị hưởng thọ và tiếp lễ hiến lên Thọ tịch.

Tuyển thêm 4 vị Chấp sự (2 Nam, 2 Nữ) để bồi tửu đãi thân bằng cố hữu ngồi ở hai bên Bồi tịch (Nam tả Nữ hữu).

3. Các cơ quan có lòng hoài cảm đến công trình và hạnh đức của vị hưởng thọ, muốn đến chúc thọ cho người thì trước đó phải lập 3 ban, tuyển chọn 3 vị đại diện để đứng ra dâng rượu và đọc bài chúc.

Khi Lễ sĩ xướng: "*Đệ nhứt ban chúc thọ giả nghệ tôn tọa tiền*" thì vị đại diện của Đệ nhứt ban bước vào đứng trước, còn nhân viên thì đứng theo sau có trật tự.

Khi nghe Lễ sĩ xướng: "*Chước tửu*" thì vị đại diện rót rượu dâng lên, tiếp đọc bài Chúc thọ, đọc xong kính 2 xá lui ra.

Chờ nghe Lễ sĩ xướng: "*Đệ nhị ban chúc thọ giả nghệ tôn tọa tiền*" thì vị đại diện Đệ nhị ban bước vào hành lễ, giống như Đệ nhứt ban lúc nầy.

Sau cùng là Đệ tam ban cũng hành lễ y như vậy.

II. Nghi tiết Lễ Chúc thọ:

Vào lễ, Nhạc xô Bắc cầu, Lễ sĩ bái lễ Đức Chí Tôn xong. Lễ sĩ mặc áo màu xanh thường, Nhạc trỗi lợp thét và dứt, chờ Lễ sĩ xướng.

1. **Tịnh túc thị lập.**
(Mọi người đều đứng ngang nhau hầu lễ, thứ tự, nghiêm trang, Lễ xướng giọng Xuân ngân).
2. **Chấp sự giả các tư kỳ sự.**
(Các vị Chấp sự giữ phần việc nào thì đến giữ phần việc nấy)
3. **Cung thỉnh Thọ đại nhơn đẳng Thọ tịch.**
(Kính mời vị Đại nhơn hưởng thọ đến ngồi nơi ghế Thọ tịch).
4. **Nhạc công khởi nhạc.**
(Nhạc xô Bắc cấu)
5. **Cung thỉnh Thọ bằng đẳng Bồi tịch.**
(Kính mời các bạn hữu của vị hưởng thọ đến ngồi ghế Bồi tịch)
6. **Tử tôn tỵ vị.**
(Các con cháu bước ra đứng giữa)
7. **Giai quì.**
(Tất cả con cháu đều quì xuống)
8. **Hành lễ Hạ thọ súc cung bái.**
(Con cháu cầu nguyện cho vị hưởng thọ sống lâu rồi lạy 2 lạy)
9. **Tấn soạn.**
(Dâng các món đồ ăn lên. Nhạc xây tá đờn bài Hạ, Lễ bước đến ngoại nghi.)
10. **Quì.**
(Nhạc đồ trống, Lễ quì, dứt đờn).
11. **Chỉnh soạn.**
(Nhạc trởi thét, con cháu chỉnh soạn giao lại cho Lễ, Nhạc đồ trống, Lễ sĩ đứng lên, dứt).
12. **Hiển soạn.**
(Nhạc gài trống đờn Đào, châu 8 lái để đệm cho đồng nhi thài.)
13. **Quì.**
(Nhạc đồ Lễ quì, con cháu dâng cơm lên, Nhạc đồ, Lễ

đứng lên, sang trở xuống, Nhạc thúc bũa cho Lễ xuống, dứt).

14. **Cúc cung bái.**
(Nhạc trối lớp tư, con cháu đều lạy 2 lạy)
15. **Cung tẩn tửu nghi.**
(Sửa soạn dâng rượu. Nhạc xây tá đờn bài Hạ, Lễ bưng ly và nhạo đến ngoại nghi).
16. **Qui.**
(Nhạc đồ, Lễ qui, dứt đờn).
17. **Chước tửu.**
(Nhạc trối thét, con cháu rót rượu, Nhạc đồ trống. Lễ đứng dậy).
18. **Hiển tửu.**
(Nhạc gài trống đờn Đào, châu 8 lá, Lễ điện, đồng nghi thài).
19. **Qui.**
(Hành lễ như từng soạn).
20. **Thượng tửu nghi.**
(Con cháu dâng rượu lên, Nhạc đồ trống, Lễ lên, trở bũa, Lễ xuống trở về ngoại nghi).
21. **Cúc cung bái.**
(Con cháu lạy 2 lạy)
22. **Phân hiến thọ tửu.**
(Các Chấp sự hai bên rót rượu đãi các vị thân bằng. Nhạc trối Bắc cẩu).
23. **Khánh chúc.**
(Nhạc gài trống trối Nam Xuân, Đồng nghi tụng kinh Chúc thọ giọng Nam xuân)
24. **Cúc cung bái.**
(Hành lễ như trên).
25. **Cung tẩn trà nghi.**
(sửa soạn dâng trà, hành lễ như từng tửu)
26. **Qui.**
(Hành lễ như từng tửu).

27. **Điểm trà.**
(Rót nước trà. Hành lễ như từng tửu).
28. **Hiển trà.**
(Hành lễ như từng tửu).
29. **Qui.**
(Hành lễ như từng tửu).
30. **Thượng trà nghi.**
(Hành lễ như từng tửu).
31. **Cúc cung bái.**
(Hành lễ như từng tửu).
32. **Hưng bình thân.**
(Con cháu đứng dậy, Nhạc trở trống thét, dứt).
33. **Chúc huân từ.**
(Vị thọ nhơn để lời phủ dụ con cháu)
34. **Tử tôn dĩ hạ giai xuất.**
(Con cháu đều đi ra. Nhạc trở thét, dứt)
35. **Thạnh lễ dĩ thành thỉnh thối.**
(Cuộc lễ long trọng đã xong, xin mời lui ra. Nhạc trở, trống bạc chiêm một hồi tiếp thét rồi dứt)

III. Các bài chúc đáo tuế.

1. Bài Dâng cơm (Từng phạn)

Trai phạn xin dâng thọ phước lành,
Nghìn thu hạnh đức rạng thình danh.
Thủy chung vẹn giữ gương nhơn nghĩa,
Trọn hưởng hồng ân buổi đạo thành.

2. Bài Dâng rượu (Từng tửu)

Hồng tửu kính dâng chúc thọ trường,
Tinh thần quý thể đặng an khương.
Tâm thành đức vẹn nêu gương đạo,
Đất Việt trùng hưng hưởng thái bường.

3. Bài Dâng trà (Từng trà)

Thanh trà mỹ vị lễ xin dâng,
Đáo tuế ngươn sanh chí lục tuần.
Hạnh ngộ Tam Kỳ, Thiên tứ phước,

Đạo thành đời rạng hưởng phong thuần.

4. Bài Chúc thọ Đáo tuế. (Giọng Nam xuân)

Mừng nay đáo tuế chi kỳ,
 Kính dâng khánh hạ lễ nghi trang hoàng.
 Cầu cho thọ tử Nam san,
 Miên trường bá tuế hân hoan tinh thần.
 Tận tâm ái quốc ưu dân,
 Đạo Trời trọn phận, nghĩa nhân vẹn toàn.
 Hưởng nhờ hồng phước rưới chan,
 Thông minh đạo lý diu dàng Nam nhi. (Nữ nhi)
 Phải trang cách vật trí tri,
 Tửu, trà, thực phẩm, lễ nghi chúc mừng.
 Ngày nay đáo tuế lục tuần,
 Chúc cho quý thể tinh thần an khương.
 Chúc cho vạn sự thái bường,
 Đạo thành đời rạng miên trường muôn năm./.

5. Mẫu số văn câu nguyện trong Lễ Đáo tuế:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Thất niên)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt.

Thời duy, Thiên vận niên, ngoạt,
 nhựt, thời, hiện tại Việt Nam quốc, Trấn,
 Châu, Tộc, Hương, cư trụ chi trung.

Kim đệ tử công đồng chư Chức sắc
 hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu Nam Nữ đẳng, qui tại Thiên bàn
 (điện tiền) thành tâm trình tấu:

HUỲNH KIM KHUYẾT NỘI:

Huyền Khung Cao Thượng Đế

Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO:

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn,

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn,

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỶ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,
 Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông
 Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,
 Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
 Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn,
 Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn,
 Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn,
 Thập phương chư Phật, vạn chưông chư Tiên, liên đài chi hạ.
 Kim vì châu niên kiết nhật Đáo tuế chi lễ,
 Đệ tử niên canh lục thập nhứt tuế,
 Bửu quyền..... thiết lập đàn tràng, hương đăng hoa
 trà quả, thanh chưốc chi nghi, lễ kỳ chúc Hạ thọ,
 Ngưỡng nguyện Đại Từ Phụ, Đại Từ Mẫu, các Đấng thiêng
 liêng thi ân bố đức cho đệ tử nhứt nhứt tinh thần mẫn huệ,
 niên niên đạo đức, vĩnh hưởng an khương, gia phong thịnh
 mậu, tử hiếu tôn hiền, ngưỡng lại Thánh ân, tử bi gia huệ
 phúc.
 Chư đệ tử đồng thành tâm khẩu báí căn sở thượng tấu, Dĩ
 Văn.
 Đệ tử

CHUNG

CHUNG

1. **CHUNG:** 終 Cuối cùng, hết, trọn, suốt.
Td: Chung cửu, Chung niên.
2. **CHUNG:** 鐘 Cái chuông.
Td: Chung đình.
3. **CHUNG:** 鍾 Cái cốc uống rượu, tụ họp un đúc lại.
Td: Chung ly biệt, Chung tình.

Chung cửu

終九

A: Final neuvaine.

P: Neuvaine finale.

Chung: Cuối cùng, hết, trọn, suốt. **Cửu:** tuần cửu, tuần 9 ngày.

Chung cửu là tuần cửu chót hết làm cho người chết.

Đó là tuần cửu cửu, tức là tuần cửu thứ 9, đến đây thì hết làm tuần cửu. Đợi 200 ngày sau làm Tiểu tường.

Chung đỉnh

鐘鼎

A: The bell and the basin: Honour and wealth.

P: La cloche et la vasque: Honneur et richesse.

Chung: Cái chuông. **Đỉnh:** cái vạc lớn để nấu cơm.

Chung đỉnh là cái chuông và cái vạc, ý nói sự giàu sang và danh tiếng.

Diễn tích: Mạnh Thường Quân làm Tể Tướng nước Tề thời Xuân Thu, giàu sang tột bậc, lại là người nhân nghĩa, chiêu hiền đãi sĩ, thường có vài ngàn khách trí thức trong nhà để quây quần bàn việc quốc gia đại sự, ích nước lợi dân.

Do đó, nhà Mạnh Thường phải dùng những vạc lớn để nấu cơm, đến giờ ăn cơm thì đánh chuông làm hiệu mời khách.

Trong tôn giáo thường dùng các từ ngữ như: miếng đỉnh chung, mùi chung đỉnh, là để chỉ sự giàu sang danh vọng nhưng lại có ý chê bai khinh rẻ bởi vì đó là những thứ vật chất giả tạm, mà muốn có được nó thì phải bắt nạt thắt đứt, và cái giàu sang ấy lại buộc con người vào vòng phiền não.

TNHT: Ham miếng *đỉnh chung*, mê sắc đẹp.

Hại thân, tiếng xấu để muôn đời

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chung hiến lễ

終獻禮

A: The final offer.

P: L'offre finale.

Chung: Cuối cùng, hết, trọn, suốt. **Hiến:** dâng. **Lễ:** cách bày tỏ sự tôn kính.

Chung hiến lễ là lễ dâng lần chót.

Lễ dâng rượu lần đầu gọi là: Sơ hiến lễ.

Lễ dâng rượu lần thứ nhì gọi là: Á hiến lễ.

Lễ dâng rượu lần thứ ba và cũng là lần chót thì gọi là: Chung hiến lễ.

Chung ly biệt - Chung ly hận

鍾離別 - 鍾離恨

A: The cup of separation.

P: La coupe d'adieu.

Chung: Cái cốc uống rượu, tụ họp un đúc lại. **Ly:** chia lia. **Biệt:** xa cách. **Hận:** giận vì thương tiếc.

■ *Chung ly biệt là ly rượu bày tỏ sự biệt ly, không bao giờ gặp mặt lại.*

■ *Chung ly hận là ly rượu bày tỏ sự biệt ly và thương tiếc.*

KTKTQV: Rót chung ly hận gạt mình đưa thương.

KTKCQV: Rót chung ly biệt đôi hàng lụy sa.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.
KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

Chung niên

終年

A: The whole year.

P: Toute l'année.

Chung: Cuối cùng, hết, trọn, suốt. **Niên:** năm.

Chung niên là hết năm, hay là suốt năm.

Phúc trình chung niên: Bản báo cáo gởi lên cấp trên vào dịp cuối năm để tường trình tất cả công việc xảy ra trong suốt một năm qua của cơ quan để cấp trên biết rõ.

Chung phong

鐘風

A: The sound of bell brought by the wind,

P: Le son de cloche apporté par le vent.

Chung: Cái chuông. **Phong:** gió.

Chung phong là tiếng chuông theo gió đưa lại.

KĐ8C: Say sưa bầu khí bồi hồi *chung phong*.

KĐ8C: Kinh Độ Bát cửu.

Chung qui

終歸

A: Finally.

P: Finalement.

Chung: Cuối cùng, hết, trọn, suốt. **Qui:** trở về.

Chung qui là rốt cuộc lại.

Nói về đời sống của con người, Chung qui là chết và trở về, tức là lúc cuối cùng, lúc dứt hơi, thể xác chết, linh hồn xuất ra khỏi thể xác bay trở về cõi thiêng liêng.

TNHT: Nếu các con đợi đến buổi *chung qui*, hồn ra khỏi xác mới thấy cơ mầu nhiệm đặng thì chừng ấy muộn rồi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chung thân

終身

A: The whole life.

P: Toute la vie.

Chung: Cuối cùng, hết, trọn, suốt. **Thân:** thân mình.

Chung thân là suốt cuộc sống của mình, tức là suốt đời.

Chung tình

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Chung tình

鍾情

A: Ardent love.

P: Amour ardent.

Chung: Cái cốc uống rượu, tụ họp un đúc lại. **Tình:** tình yêu.

Chung tình là tình yêu gom đúc lại dành cho một người.

KHP: Đã cùng gánh chung tình hòa ái.

* Trường hợp 2: Chung tình

終情

A: Constant in love.

P: Fidèle à l'amour.

Chung: Cuối cùng, hết, trọn, suốt. **Tình:** tình yêu.

Chung tình là tình yêu chung thủy, trước sau như một.

KHP: Kinh Hôn Phối.

CHÚNG

CHÚNG

CHÚNG: 眾 Đông đảo, nhiều người.

Td: Chúng nam, Chúng sanh.

Chúng nam

眾男

A: The men.

P: Les hommes.

Chúng: Đông đảo, nhiều người. **Nam:** đàn ông con trai, nam phái.

Chúng nam là những người phái nam, các tín đồ nam phái.

Chúng sanh

眾生

A: All the living beings. P: Tous les êtres vivants.

Chúng: Đông đảo, nhiều người. **Sanh:** sống.

Chúng sanh là tất cả các loài vật có sự sống.

Chúng sanh gồm: Vật chất, Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm và Nhơn loại.

CG PCT: "Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, nhơn loại hữu sanh, tức *chúng sanh*."

Trong chúng sanh có: Nguyên sanh, Hóa sanh, Quỷ sanh.

- Nguyên sanh là gốc từ khai Thiên đã có.
- Hóa sanh là khai Thiên rồi mới biến hóa ra.
- Quỷ sanh là hai phẩm kia phạm Thiên điều, bị sa đọa.

Tỷ như Nguyên nhân, là khi khai Thiên rồi thì đã có chơn linh ấy, còn Hóa sanh là chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị nhơn phẩm, còn Quỷ nhân là hai chơn linh kia xu hướng ác hành mà bị đày vào Quỷ vị. Trong các kiếp hữu sanh (tức là chúng sanh) duy có phẩm người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng sanh. Lập TKPD này, Thầy đem các chơn linh, đầu Nguyên sanh, Quỷ sanh hay là Hóa sanh lên phẩm vị nhơn loại mới trọn câu phổ độ."

Trong chúng sanh, nếu căn cứ theo cách sanh ra thì có thể chia chúng sanh làm 4 loại:

- *Thai sanh:* Sanh ra bằng bào thai trong bụng mẹ, như: Loài người, trâu, bò, chó, mèo, v.v....
- Sanh ra bằng trứng: Gà, vịt, loài chim....
- Sanh ra do biến hóa: Ruồi, muỗi, bướm....
- *Thấp sanh:* Sanh ra do ẩm thấp: Trùng, dế, sâu, rầy....

Từ ngữ "chúng sanh" thường được dùng theo nghĩa hẹp là chỉ nhơn sanh, nhơn loại.

KĐ4C: Thâu quyền độ thể bảo tồn *chúng sanh*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ. **KĐ4C:** Kinh Đệ Tứ cứu.

Chúng sơn

眾山

A: Buddhist.

P: Buddhiste

Chúng: Đông đảo, nhiều người. **Sơn:** núi.

Các vị tăng Phật giáo thường lên núi cất chùa để tu hành, vì nơi ấy thanh tịnh vắng vẻ, nên chữ sơn dùng để chỉ các tu sĩ Phật giáo.

Chúng sơn là các tu sĩ Phật giáo.

CHUYÊN

Chuyên luyện

專練

A: To exercise specially.

P: S'exercer spécialement.

Chuyên: chăm chỉ làm một công việc. **Luyện:** làm nhiều lần cho quen và giỏi.

Chuyên luyện là chăm chỉ luyện tập nhiều lần cho thuần thục.

TĐ ĐPHP: Vì không đủ thì giờ để *chuyên luyện* hoặc cho là chưa trọng hệ lắm, nên có điều sơ lược.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Chuyên quyền

專權

A: The usurping power.

P: Le pouvoir usurpatoire.

Chuyên: giữ riêng lấy cho mình. **Quyền:** quyền hành.

Chuyên quyền là một mình nắm giữ quyền hành, không chịu chia sẻ bớt cho người khác mà lại còn lấn lướt sang quyền hành của người khác.

TNHT: Thầy chưa hề một mình *chuyên quyền* bao giờ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHUYÊN

CHUYÊN

CHUYÊN: 轉 Dời đổi, thay cái cũ đổi ra cái mới.

Td: Chuyển kiếp, Chuyển thế.

Chuyển đọa vi thăng

轉墮為升

A: To change the descent into ascendant.

P: Changer la descente en l'ascendance.

Chuyên: Dời đổi, thay cái cũ đổi ra cái mới. **Đọa:** đày xuống chỗ tối tăm khổ sở. **Vi:** làm. **Thăng:** bay lên cao.

Chuyển đọa vi thăng là thay đổi sự đày đọa thành siêu thăng.

PMCK: Huờn hồn *chuyển đọa vi thăng*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Chuyển kiếp

轉劫

A: To reincarnate, the reincarnation.

P: Réincarner, la réincarnation.

Chuyên: Dời đổi, thay cái cũ đổi ra cái mới. **Kiếp:** một kiếp sống nơi cõi trần.

Chuyển kiếp là đầu thai nơi cõi trần một kiếp sống nữa.

TNHT: Vào Tam thập lục Thiên rồi, phải *chuyển kiếp* tu hành nữa mới đặng lên đến Bạch Ngọc Kinh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chuyển luân

轉輪

A: To turn round, the metempsychosis.

P: Tourner, la métempsychose.

Chuyển: Dời đổi, thay cái cũ đổi ra cái mới. **Luân:** cái bánh xe, chỉ sự xoay vần.

Chuyển luân là sự luân hồi chuyển kiếp.

Linh hồn từ cõi thiêng liêng đầu thai xuống cõi trần, rồi chết, linh hồn trở về cõi thiêng liêng, sau đó lại đầu kiếp xuống trần, cứ lên lên xuống xuống như cái bánh xe xoay tròn.

PMCK: *Chuyển luân* định phẩm cao thấp.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Chuyển pháp

轉法

A: To change the laws.

P: Changer les lois.

Chuyển: Dời đổi, thay cái cũ đổi ra cái mới. **Pháp:** luật pháp.

Chuyển pháp là thay đổi pháp luật để thích hợp với tình hình mới.

TNHT: Khi mọi này, Em nghe đặng tin lành: Ngọc Hư Cung lo *chuyển pháp*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chuyển thân tái thế

轉身再世

A: To reincarnate. **P:** Réincarner.

Chuyển: Dời đổi, thay cái cũ đổi ra cái mới. **Thân:** thân mình. **Tái:** lại một lần nữa.

Chuyển thân tái thế là đem cái thân đầu thai xuống cõi trần một lần nữa.

KSH: *Chuyển thân tái thế* ngựa trâu công đèn.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Chuyển thế

轉世

A: To renovate the world.

P: Renover le monde.

Chuyển: Dời đổi, thay cái cũ đổi ra cái mới. **Thế:** đời, cõi đời, cõi trần.

Chuyển thế là làm cho cảnh đời thay đổi từ xấu ra tốt, làm cho đời tệ hóa ra hay.

TĐ ĐPHP: Bàn đạo nhớ buổi Chí Tôn mới đến tỏ danh hiệu Ngài, Ngài hứa với các môn đệ của Ngài buổi đầu tiên về *cơ quan chuyển thế*, làm phân vân biết bao nhà trí thức tìm hiểu hai chữ Chuyển Thế là gì?

Theo Triết lý học, định nghĩa chữ Chuyển Thế là xoay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác, hoặc không phù hợp, hoặc quá khuôn khổ nề nếp, nên quyết đoán lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định.

Chuyển nghĩa là sửa cũ ra mới. Lấy nghĩa lý đã định hẳn ra, tức nhiên chúng ta nhận thấy các khuôn luật đạo đức từ trước đến giờ để lại đều bị biếm trách cả, bởi vì đời quá hung tàn bạo ngược vô ơn luân, tinh thần đạo đức không qui định tâm lý loài người không tương quan cùng nhau. Mất cả luật đồng sanh làm căn bản của loài người, luật đồng sanh gần như bị hủy bỏ.

CG PCT: Thượng Sanh đặng mạng lệnh *chuyển thế*, điều độ ơn sanh ra khỏi trầm luân khổ hải.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CHƯ

CHƯ

CHƯ: 諸 Nhiều người, nhiều thứ, nhiều cái.

Td: Chư hiền, Chư nhu, Chư sơn.

Chư ác mạc tác

諸惡莫作

Chư: Nhiều người, nhiều thứ, nhiều cái. **Ác:** điều ác. **Mạc:** không, chớ. **Tác:** làm.

Chư ác mạc tác là những điều ác chớ làm.

Đây là một câu trong bài kệ nổi tiếng của Thiền sư Ô Sào trả lời Ông Bạch Cư Dị:

*Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chi Phật giáo.*

Những điều ác chớ làm,
Các điều thiện vâng làm,
Tự giữ tâm ý trong sạch,
Ấy là Phật dạy.

Chư hiền

諸賢

A: The sages.

P: Les sages.

Chư: Nhiều người, nhiều thứ, nhiều cái. **Hiền:** người có tài đức hơn người.

Chư Hiền là những người có tài đức hơn người.

Nho giáo có Thất thập nhị Hiền, tức là 72 ông Hiền.

TNHT: *Chư Hiền*, chư Thánh nho nói rằng: khi nhơn tức khi tâm. (Khinh người tức khinh rẻ cái tâm của mình)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chư linh

諸靈

A: The superior spirits.

P: Les esprits supérieurs.

Chư: Nhiều người, nhiều thứ, nhiều cái. **Linh:** thiêng liêng.
Chư linh là các Đấng thiêng liêng.

KĐ2C: Chơn thần khá đến hội hàng *chư linh*.

KĐ2C: Kinh Đệ Nhị cửu.

Chư nhu

諸儒

A: The scholars.

P: Les lettrés.

Chư: Nhiều người, nhiều thứ, nhiều cái. **Nhu:** nho, người học đạo Nho, người trí thức.

Chư nhu là các nho sĩ, các vị trí thức.

TNHT: Thầy mời *chư nhu* xuất ngoại một giây phút Thầy sẽ kêu vào.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chư sơn

諸山

A: The bonzes.

P: Les bonzes.

Chư: Nhiều người, nhiều thứ, nhiều cái. **Sơn:** núi, ở đây chỉ những tu sĩ Phật giáo vì các vị này thường cất chùa ở trên núi để tu hành.

Chư sơn là chỉ chung các tu sĩ Phật giáo.

Chư sơn đồng nghĩa: Chúng sơn, Chư tăng.

TNHT: *Chư sơn* đắc đạo cùng chẳng là do nơi mình hành đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CHỨC

CHỨC

1. **CHỨC:** 織 Dệt.
Td: Chức cẩm hồi văn.
2. **CHỨC:** 職 Chức vụ, chức phận.
Td: Chức sắc, Chức việc.

Chức cẩm hồi văn

織錦回文

Chức: Dệt. **Cẩm:** gấm. **Hồi:** trở lại. **Văn:** bài văn thơ.

Chức cẩm hồi văn là dệt bài thơ lộn quanh trên gấm.

Đây là nói nàng Tô Huệ chức cẩm hồi văn, nàng dâng bài thơ ấy lên vua đặng xin cho chồng đang đi lính thú trở về.

Chức sắc Thiên phong

職色天封

A: The dignitaries wested by God.

P: Les dignitaires conférés par Dieu.

Chức: Chức vụ, chức phận. **Sắc:** hình tượng. **Thiên:** Trời, Đức Chí Tôn. **Phong:** ban cho phẩm tước.

Chức sắc là những vị có chức phận trong Đạo, từ phẩm Giáo Hữu đở lên.

Phẩm Lễ Sanh chưa phải là Chức sắc chánh thức, chỉ là Chuẩn Chức sắc mà thôi.

Chức sắc Thiên phong là những Chức sắc trong Đạo do Đức Chí Tôn ban cho phẩm tước.

Thuở sơ khai nền Đạo, Đức Chí Tôn trực tiếp phong chức cho một số môn đệ đầu tiên của Ngài để lập thành Hội Thánh thay thế cho Đức Chí Tôn lập nên nền Đạo.

Sự Thiên phong này, Đức Chí Tôn căn cứ trên nguyên căn của chơn linh mỗi người, khi lãnh lệnh Ngọc Hư Cung đầu kiếp xuống trần, chớ không phải căn cứ trên địa vị của người đó trong xã hội nơi mặt thế này.

Sau khi lập xong Hội Thánh, Đức Chí Tôn giao quyền thường phạt lại cho Đức Lý Giáo Tông.

Do đó, sau này Đức Lý Giáo Tông tiếp tục phong chức cho những vị hữu công cùng Đạo, và những Chức sắc ấy cũng được gọi là Chức sắc Thiên phong.

Chức trách trọng hậu

職責重厚

A: The heavy responsibility.

P: La responsabilité lourde.

Chức: Chức vụ, chức phận. **Trách:** trách nhiệm, phần việc phải làm. **Trọng:** nặng. **Hậu:** dày dặn.

Chức trách trọng hậu là chức phận lớn, trách nhiệm nặng nề.

TNHT: Mà lại phần đông các con là bậc phẩm cao, *chức trách trọng hậu.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chức việc

A: The minor dignitaries.

P: Les mineurs dignitaires.

Chức: Chức vụ, chức phận. **Việc:** công việc.

Chức việc là những vị phẩm nhỏ, ở cấp cơ sở Hương đạo, gồm 3 phẩm: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự.

Các Chức việc cầm quyền một Hương đạo họp lại thành Bàn Trị Sự của Hương đạo.

CHƯNG

CHƯNG

Chưng là tiếng trợ ngữ, thường dùng với chữ Vì.

Đây là từ ngữ xưa, ngày nay không dùng.

Vì chưng là vì bởi, bởi vì, gốc bởi, vì rằng.

KSH: *Vì chưng hung bạo đốt nhà bắn sắn.*

KSH: Kinh Sâm Hối.

CHỨNG

CHỨNG

CHỨNG: 證 Nhận thực, làm bằng cứ.

Td: Chứng đàn, Chứng quả.

Chứng chiếu

證照

A: To prove and to light.

P: Prouver et éclairer.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Chiếu:** soi rọi.

Chứng chiếu là nhận thực và soi rọi.

KTKCQV: Hiển linh *chứng chiếu* tám lòng tiết trinh.

KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

Chứng đàn

證壇

A: To prove an ceremony.

P: Prouver une cérémonie.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Đàn:** một đàn cúng tế.

Chứng đàn là nhận thực lòng thành kính và chấp nhận những lễ phẩm dâng hiến.

TNHT: Con phải nhớ dặn chúng nó tịnh tâm mới dâng vì có cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật *chứng đàn*.

*** Từ ngữ Chứng đàn còn được dùng với ý nghĩa thông thường như sau đây:**

Chức sắc chứng đàn: Nơi các Thánh Thất địa phương, Chức sắc chứng đàn thường là vị Chức sắc lớn nhất trong đàn cúng, quì ngay giữa và phía trước đàn cúng, có nhiệm vụ dâng hương, dâng Tam Bửu, đứng sớ và dâng sớ lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng.

Nơi Thánh Thất của Tộc Đạo, Chức sắc chứng đàn là vị Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chứng hôn

證婚

A: To act as witness at a wedding.

P: Être témoin à un mariage.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Hôn:** việc gả cưới thành vợ chồng.

Chứng hôn là nhận thực cuộc hôn nhân này đúng phép.

TL: Thệ luật, Điều 8: Làm Lễ Sính rồi, hai chàng trai và gái phải đến Thánh Thất mà cầu lễ "Chứng hôn".

TL: Tân Luật.

Chứng minh

證明

A: To prove, to verify.

P: Prouver, vérifier.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Minh:** sáng.

Chứng minh là nhận thực rõ ràng.

TNHT: Nhơn sanh phải thiện tâm và hết lòng vì đạo đức mới đặng Thần Thánh *chứng minh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chứng quả

證果

A: To verify the result of improvement.

P: Verifier le resultat de perfectionnement.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Quả:** cái kết quả của sự tu hành.

Chứng quả là nhận biết rõ (có bằng cứ) cái kết quả của sự tu hành, tức là nhận biết rõ sự đắc đạo thành Tiên hay Phật.

Đức Phật Thích Ca thiền định 49 ngày đêm dưới cội cây bồ đề đã chứng quả Phật: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chứng sự

證事

A: To recognize.

P: Reconnaître.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Sự:** việc.

Chứng sự là nhìn nhận sự việc diễn tiến đúng pháp luật.

TNHT: Mỗi lần nhóm Bàn Trị Sự, ba vị Đầu Sự phải có mặt, ba vị Chức sắc HTĐ *chứng sự*, mỗi việc nghị định đều biên chép để lại đàn hành, sau khỏi điều dị nghị.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chứng thật - Chứng kiến - Vi chứng

證實 - 證見 - 為證

A: Certification - Eye-witness - Testimony.

P: Certification - Témoin oculaire - Témoignage.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Thật:** thực. **Kiến:** thấy. **Vi:** làm.

- Chứng thật: Nhìn nhận đây là sự thật.
- Chứng kiến: Nhìn nhận có thấy rõ.
- Vi chứng: Làm chứng vì có bằng cứ rõ ràng.

Theo **CẨM nang Hành đạo của Lại Viện CTĐ** lập nên qui ước về sự phân cấp chứng nhận các loại giấy tờ trong Đạo theo hệ thống Hành Chánh Đạo, có 3 trường hợp sau đây:

■ Trường hợp thứ nhất:

Đương sự là Đạo hữu đưa giấy tờ đến.

1. **Bàn Trị Sự CHỨNG THẬT** là thấy và biết rõ việc đó đúng y lời của đương sự trạng tỏ trong giấy tờ. Bàn Trị Sự chứng thật và cho ý kiến rồi gửi lên Đầu Tộc Đạo.
2. **Đầu Tộc Đạo CHỨNG KIẾN** là thấy và nghe rõ hoàn cảnh ấy nên nhận định chữ ký tên và con dấu của Bàn Trị Sự chứng trước là thật. Đầu Tộc Đạo chứng kiến phải cho ý định rành rẽ rồi gửi lên Khâm Châu Đạo.
3. **Khâm Châu Đạo VI CHỨNG** là biết rõ chữ ký tên, con dấu của Bàn Trị Sự và Đầu Tộc Đạo, phải xét kỹ "*Chứng thật*" và "*Chứng kiến*" có hợp pháp không, rồi đệ trình về Hội Thánh nhìn nhận vấn đề ấy là thật. Chữ "THẬT" là biết rõ tờ giấy và công việc yêu cầu này là của Đạo hữu, của Chức việc, Chức sắc trong Đạo, chứ không phải của người ngoài đời.

■ Trường hợp thứ hai:

Nếu đương sự là Bàn Trị Sự gửi tới Đầu Tộc Đạo, thì Đầu Tộc Đạo phải **CHỨNG THẬT**.

Đầu Tộc Đạo chứng thật rồi gửi lên Khâm Châu Đạo, thì Khâm Châu Đạo **CHỨNG KIẾN**.

Khâm Châu Đạo chứng kiến xong rồi gửi về Lại Viện Cửu Trùng Đài.

■ Trường hợp thứ ba:

Nếu đương sự là Đầu Tộc Đạo gửi đến Khâm Châu Đạo thì Khâm Châu Đạo **CHỨNG THẬT** rồi gửi về Lại Viện CTĐ.

Tóm lại, nên nhớ:

- Cấp thứ nhất: **CHỨNG THẬT**.

- Cấp thứ nhì: **CHỨNG KIẾN**.
- Cấp thứ ba: **VI CHỨNG**.

Về ý nghĩa của 2 chữ: Phê kiến và Phê chuẩn.

- **PHÊ KIẾN**: có nghĩa là khi trả xuống ban hành, có khi còn dâng lên tới cao thượng lịnh.
- **PHÊ CHUẨN**: tờ giấy ấy dâng lên đến tốt phẩm rồi, được phê chuẩn, trả xuống ban hành.

Kết luận:

Ba sự CHỨNG và hai sự PHÊ, Đầu Tộc Đạo tùy hoàn cảnh, tùy phương nhận định để sử dụng cho đúng chỗ.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Chứng tri

證知

A: To prove and to understand.

P: Témoigner et comprendre.

Chứng: Nhận thực, làm bằng cứ. **Tri:** biết.

Chứng tri là chứng thật và biết rõ.

NH: Chín tầng Trời Đất thông truyền *chứng tri*.

(Chú ý: Bồn kinh của Hội Thánh in năm 1928, chỗ này in là Chiếu tri. Chiếu tri là soi rọi biết rõ.)

NH: Niệm Hương.

CHƯỚC

CHƯỚC

1. **CHƯỚC:** (Nôm) Mưu kế, phương cách.
Td: Chước màu.
2. **CHƯỚC:** 酌 Rót rượu.
Td: Chước tửu.

Chước mầu

A: The mysterious manner.

P: La manière mystérieuse.

Chước: Mưu kế, phương cách. **Mầu:** mầu nhiệm, sâu kín khó lường.

Chước mầu là phương cách rất mầu nhiệm.

TNHT: Sau trước nương nhau ấy *chước mầu*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chước sâu kế độc

A: The deep and dangerous scheme.

P: La ruse profonde et dangereuse.

Chước: Mưu kế, phương cách. **Kế:** mưu kế. **Sâu độc:** rất ác độc.

Chước sâu kế độc là mưu kế rất thâm độc.

TNHT: Chúng nó lại tưởng rằng kiếp người là kiếp sống chỉ có giây giờ rồi tiêu mất, nên tìm những *chước sâu kế độc* cho đặng của nhiều, no lòng sượng dạ, trối kệ luân hồi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chước tửu

酌酒

A: To pour the wine.

P: Verser de vin.

Chước: Rót rượu. **Tửu:** rượu.

Chước tửu là rót rượu vào cái chung nhỏ.

Đây là câu xướng của lễ sĩ trong nghi tiết cúng tế.

Khi nghe lễ sĩ xướng câu này thì người chấp sự cầm nhạo rượu rót rượu vào cái chung nhỏ.

Chước tửu quỳnh

酌酒瓊

Chước: Rót rượu. **Tửu:** rượu. **Quỳnh:** một thứ ngọc màu đỏ, được đẽo gọt làm thành cái chung nhỏ để uống rượu, cái chất ngọc quỳnh làm tăng thêm mùi vị thơm ngon của rượu.

Chước tửu quỳnh là rót rượu vào chung bằng ngọc quỳnh.

BDR: Thành kính Trường Xuân *chước tửu quỳnh*.

BDR: Bài Dâng Rượu.

CHƯỜNG

CHƯỜNG

1. **CHƯỜNG:** 掌 Trông coi các việc, chức giữ.
Td: Chường âm, Chường ấn.
2. **CHƯỜNG:** 種 Đọc cho đúng âm là CHỪNG, nghĩa là gieo trồng.
Td: Chường qua đặc qua.

Chường âm

掌陰

A: To manage the female element.

P: Diriger l'élément femelle.

Chường: Trông coi các việc, chức giữ. **Âm:** khí Âm quang.

Chường âm là cai quản Khí Âm quang.

Khí Hư Vô sanh ra Thái Cực, ngôi của Đức Chí Tôn. Thái Cực biến hoá tạo thành hai chất Khí: Dương quang và Âm quang, gọi là Lưỡng nghi. Đức Chí Tôn chường quản Khí Dương quang, Đức Phật Mẫu chường quản Khí Âm quang.

PMCK: Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn *chường âm*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Chương Ấn

掌印

A: Chancellor.

P: Chancelier.

Chương: Trông coi các việc, chức giữ. **Ấn:** con dấu, ấn tín.

Chương ấn, nghĩa đen là người giữ ấn tín của vua.

Trong Đạo Cao Đài, Chương Ấn là một phẩm Chức sắc HTĐ cấp dưới Thập nhị Thời Quân, đứng trên phẩm Cải Trạng, dưới phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Chương Ấn đối phẩm Phối Sư CTĐ.

Nhiệm vụ, quyền hành và Đạo phục của Chương Ấn được qui định trong Hiến pháp HTĐ. (**Yêu cầu xem chữ: Hiệp Thiên Đài, phần Hiến Pháp.**)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

掌道月心真人

Chương Đạo là phẩm tước do Đức Chí Tôn phong Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn để Ngài cầm quyền chương quản Hội Thánh Ngoại Giáo, truyền bá Đạo Cao Đài ra ngoại quốc.

Chức Chương Đạo đối phẩm với Chương Pháp CTĐ.

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là đạo hiệu của một vị Thánh của Bạch Vân Động nơi cõi thiêng liêng. Khi giáng trần bên nước Pháp, Ngài có tên là Victor Hugo, một đại văn hào của nước Pháp. (**Xem tiểu sử: Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, văn Ng**)

Tất cả Chức sắc giáo đạo nơi hải ngoại đều thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo, dưới quyền điều khiển trực tiếp của Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Ngài cũng có quyền giáng cơ để thăng thưởng hay răn phạt các Chức sắc của Hội Thánh Ngoại Giáo.

TNHT: "Bản đạo khi đắc lệnh làm *Chưởng Đạo* lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì tùng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thể cho nhơn sanh dưng công đối vị. Bản đạo chẳng kể là Nguyên nhân, Hóa nhân hay Quỷ nhân, ví biết lập công thì thành đạo."

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Chưởng giáo

掌教

A: The Chief of a religion.

P: Le Chef d'une religion.

Chưởng: Trông coi các việc, chức giữ. **Giáo:** tôn giáo.

Chưởng giáo là vị đứng đầu chưởng quản một tôn giáo, tức là vị giáo chủ của một tôn giáo.

TG: Tiên Thiên Chánh Nhất, Thái Thượng Đạo Quân *Chưởng Giáo* Thiên Tôn.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Chưởng Pháp

掌法

A: Legist-Cardinal, Censor-Cardinal.

P: Cardinal-Légiste, Cardinal-Censeur.

Chưởng: Trông coi các việc, chức giữ. **Pháp:** pháp luật.

Chưởng pháp là nắm giữ và trông coi về pháp luật.

Trong Đạo Cao Đài, Chưởng Pháp là một phẩm Chức sắc rất cao trọng nơi CTĐ, đứng kế dưới Giáo Tông, có nhiệm vụ đặc biệt chưởng quản về Pháp luật trong Đạo.

Chưởng Pháp đối phẩm với Thượng Phẩm và Thượng Sanh HTĐ, và đối phẩm Nhơn Tiên nơi BQĐ.

(Quyền hành và Đạo phục của Chưởng Pháp, xin xem trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải, ở đây khỏi lập lại.)

Đạo phục của ba vị Chưởng Pháp có điểm đặc biệt là Thượng Chưởng Pháp mặc áo màu trắng (thay vì màu xanh của phái Thượng), còn hai vị Chưởng Pháp kia thì màu áo theo sắc phái của mình.

Trong quyển "*Chánh Trị Đạo*" của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, có giải thích việc này, chép ra sau đây:

"Chưởng Pháp (Cardinal-Censeur):

Ba vị Chưởng Pháp là người có phận sự đặc biệt của HTĐ mà phẩm vị lại ở bên CTĐ. Ấy là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn CTĐ phải có HTĐ chăm nom gìn giữ làm thế nào cho nền Chơn giáo của Đức Chí Tôn không qui phạm, nhờ vậy mà Chánh Trị Đạo không tự tung tự tác, tự do canh cải mà làm mất nét đạo đức, để xứng đáng là một nền Chánh Trị của Trời tại thế có sự công bằng hy hữu vậy.

Tại sao Thượng Chưởng Pháp mặc áo trắng?

- Thượng Chưởng Pháp có quyền thay thế cho Giáo Tông khi vắng mặt (pour remplacer le Pape par intérim).

Đạo phục của Đức Giáo Tông màu trắng, màu nguồn gốc của Đạo. Đạo không màu sắc hay tượng trưng bằng một màu rất trong sạch là trắng, là màu vô tội, trắng có thể biến ra các màu vàng, xanh, đỏ, v.v....Trở lại màu trắng tức là qui hồi căn bản vậy."

Các vị Chưởng Pháp đầu tiên:

Thái Chưởng Pháp: Hòa Thượng Như Nhãn

Thượng Chưởng Pháp: Lão Sư Nguyễn Văn Tường

Ngọc Chưởng Pháp: Thái Lão Sư Trần Văn Thụ

Ngọc Chưởng Pháp: Thái Lão Sư Trần Đạo Quang

Sau đây là tiểu sử vắn tắt của quý vị Chưởng Pháp trên:

1. Thái Chưởng Pháp:

Hòa Thượng Như Nhãn (1864-1939)

Hòa Thượng Như Nhãn, thế danh là Nguyễn Văn Tường, sanh năm 1864, con của ông Nguyễn Văn Bàu và bà Đoàn Diệu Hoa, quê quán ở Đức Hòa (Long An), đi tu từ năm 17 tuổi, qui y với Hòa Thượng Thích Trí Lượng (Minh Đạt) trụ trì

ở chùa Thiên Lâm Cổ Tự (xóm Chùa, tỉnh Tây Ninh), thọ Pháp danh là Thích Từ Phong.

Nguyên vào năm Mậu Tý (1888), tại vùng Phú Lâm Chợ Lớn, (đường Bà Kế, khu vực Chợ Gạo, nay là Bến Phú Lâm, Quận 6), bà Hồ Thị Lộc có xây một ngôi chùa lớn, đặt tên là Chùa Giác Hải, bà giao cho ông Thủ Tọa Nguyễn Minh Sự coi sóc. Ông Sự mất năm 1908.

Sự Thích Từ Phong về đây kế nghiệp, trụ trì Chùa Giác Hải. Năm 1912, Ngài Thích Từ Phong giữ chức Yết Ma và năm 1924, Ngài được phong chức Hòa Thượng, nên các Phật tử tại vùng này thường gọi Ngài là Hòa Thượng Giác Hải.

Trong lúc trụ trì ở chùa Giác Hải, Hòa Thượng Giác Hải có quyên góp tiền bạc trong bốn đạo để mua đất và lập một cảnh chùa tại vùng Gò Kén, Tây Ninh, lấy tên là Từ Lâm Tự (sau đổi lại là Thiên Lâm Tự). Chùa được xây dựng trên một khu đất gò rộng 4 mẫu, dựa quốc lộ Sài Gòn Tây Ninh, cách quốc lộ khoảng 200 mét và cách thị xã Tây Ninh chừng 5 cây số, phía trước cất chùa, phía sau làm nghĩa địa.

Trong số bốn đạo đóng góp tiền mua đất và xây chùa Từ Lâm ở Gò Kén, ông bà Huyện Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đóng góp tiền bạc nhiều hơn cả. Chùa mới vừa xây dựng xong phần chánh, chưa trang trí, chưa làm đường lớn từ quốc lộ vào chùa. Lúc đó là vào năm 1925.

Vào giữa năm Bính Dần (1926), ông bà Nguyễn Ngọc Thơ được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ, nhập vào Đạo Cao Đài. Hai ông bà cũng muốn Đức Chí Tôn thân phục Hòa Thượng Như Nhãn, nên ông bà thuyết phục Hòa Thượng đến dự một đàn cơ cầu Đức Chí Tôn tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ ở Tân Định. Đức Chí Tôn giáng cơ thân phục được Hòa Thượng Như Nhãn.

Giữa tháng 7 năm Bính Dần (1926), Hòa Thượng Như Nhãn được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ.

Sau đó, do sự yêu cầu của ông bà Thơ, Hòa Thượng Như Nhãn hiến chùa Từ Lâm (Gò Kén) cho Đạo Cao Đài dùng làm Thánh Thất tổ chức Lễ Khai Đạo.

(Có lễ trong thời gian xây dựng chùa Từ Lâm ở Gò Kén, Hòa thượng Giác Hải lấy hiệu là Như Nhãn).

Ngày 29-7-Bính Dần (dl 5-9-1926), Hòa Thượng Như Nhãn được Đức Chí Tôn giáng cơ ân phong là: *Quảng Pháp Thiền Sư Thích Đạo Chuyển Luật Lịnh Điều Đạo Sĩ: Chưởng Pháp phái Thái*.

Ngày 15-10-Bính Dần (dl 11-11-1926), Đại Lễ Khai Đạo Cao Đài được tổ chức long trọng tại Thánh Thất Từ Lâm Tự (Gò Kén, Tây Ninh), có hàng vạn tín đồ Cao Đài dự lễ, số quan khách người đời đến dự rất đông.

Đêm 14 rạng 15 tháng 10 âm, tổ chức đàn cơ trong Thánh Thất, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trấn pháp sót một cửa, nên thừa dịp này, quỉ nhập vào đàn, một con quỉ nhập vào ông Lê Thế Vĩnh xưng là Tề Thiên Đại Thánh, một con quỉ khác nhập vào cô Vương Thanh Chi xưng là Lê Sơn Thánh Mẫu, nói năng búa xua rồi nắm tay nhau nhảy múa, khiến cho nhiều người mới vào Đạo Cao Đài mất đức tin.

Hòa Thượng Như Nhãn cũng bị mất đức tin. Mặc khác, số đệ tử của Hòa Thượng Như Nhãn yêu cầu Ngài thôi Đạo Cao Đài và đòi chùa lại. Hòa Thượng Như Nhãn nghe theo và quyết định đòi chùa Từ Lâm, không hiến cho Đạo Cao Đài nữa, hẹn trong 3 tháng Đạo Cao Đài phải dời đi.

Ngày 19-11-Bính Dần, Hòa Thượng Như Nhãn bị thiêng liêng phạt làm cho đau nặng.

Ngày 01-12-Bính Dần, Đức Chí Tôn giáng cơ quả phái Thái và Hòa Thượng Như Nhãn, tỏ ý muốn phế bỏ phái Thái. Đức Phổ Hiền Bồ Tát cầu xin Chí Tôn tha thứ phái Thái và đừng bỏ phái Thái (phái Phật).

Đức Lý Giáo Tông giáng cơ trực xuất Hòa Thượng Như Nhãn ra khỏi Đạo Cao Đài.

Tháng 2 năm Đinh Mão, Đức Lý Giáo Tông quyết định trả chùa Từ Lâm cho Hòa Thượng Như Nhãn, và chỉ dẫn Hội Thánh tìm mua được 96 mẫu đất tại làng Long Thành (Tây Ninh) để dời các cơ sở của Đạo về nơi đây, lập thành Tòa Thánh Trung ương của Đạo Cao Đài.

Hòa Thượng Như Nhãn qui liễu vào ngày 5-12-Mậu Dần (dl 24-1-1939) hưởng thọ 75 tuổi. Tháp của Ngài được xây ngay trước chùa Từ Lâm Tự (nay là Thiền Lâm Tự) Gò Kén.

Trên bia mộ có đề chữ Hán, dịch ra như sau đây:

- Ngài là Đại Lão Hòa Thượng Thiền Tông Lâm Tế đời thứ 39.
- Ngày sanh: 15-3-Giáp Tý (1864).
- Ngày chết: 5-12-Mậu Dần (1939), thọ 75 tuổi.

Tháp của Hòa Thượng Như Nhãn xây ở chính giữa, hai tháp hai bên là của hai vị: - Hoà Thượng Minh Đạt, thầy của Ngài Như Nhãn, - Hòa Thượng Hồng Tăng, học trò của Ngài Như Nhãn.

2. Thượng Chương Pháp: Lão Sư Nguyễn Văn Tương (1879-1926)

Ngài Nguyễn Văn Tương sanh năm Kỷ Mão (1879) tại làng Hữu Đạo, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, con của ông Nguyễn Văn Ty và bà Cao Thị Huệ.

Nhờ có học thức, Ngài được cử làm Hương Bộ trong làng, nên người ta gọi Ngài là ông Bộ Tương.

Khoảng năm 30 tuổi, Ngài Nguyễn Văn Tương tu theo Đạo Minh Sư, thọ giáo với Thái Lão Sư Trần Đạo Quang.

Ngài Nguyễn Văn Tương theo Thái Lão Sư Trần Đạo Quang về hành đạo nơi chùa Linh Quang Tự ở làng Hạnh Thông Tây, Gò Vấp, Gia Định. Ngài tu đến bậc Lão Sư.

Ngài Nguyễn Văn Tương được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ trước Thái Lão Sư Trần Đạo Quang. Do đó, Ngài Tương cùng với đệ tử của Ngài là Nguyễn Văn Kinh xin với Thái Lão Sư Trần Đạo Quang lập đàn cơ tại Linh Quang Tự Gò Vấp để Đức Chí Tôn độ Thái Lão Sư, và được kết quả tốt đẹp.

Trong Phổ Cáo Chúng Sanh có ghi một đoạn như sau:

"Có hai Đạo hữu: Tương, Kinh, vẫn trước khi nhập môn thì đã thọ nghĩa thầy trò cùng vị lão thành pháp danh là Đạo Quang nơi chùa Minh Đường (Hạnh Thông Tây).

Nhằm ngày 21 tháng 8 năm Bính Dần, Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ tại chùa ấy dạy việc, luôn dịp có đề lời rằng: ' Tương, Kính, hai con phải lạy Đạo Quang trước mặt Thầy, rồi từ đây gọi là Anh mà thôi, còn Thầy duy có một Thầy."

Ngày 24-7-Bính Dần (dl 31-8-1926), Đức Chí Tôn ân phong cho Ngài Nguyễn Văn Tương là: *Thuyết Pháp Đạo Sư Chương Quản Oai Linh Đạo Sĩ: Chương Pháp phái Thượng*.

Ngài Nguyễn Văn Tương có người vợ là Bà Võ Thị Tước (1880-1947) và con gái thứ hai là Nguyễn Thị Quyền (1900-1987), cũng đều từng giáo Cao Đài. Trong kỳ phong Thánh Nữ phái lần đầu tiên vào ngày 14-1-Đinh Mão (dl 15-2-1927), Đức Chí Tôn ân phong:

- Bà Võ Thị Tước: Lễ Sanh.
- Cô Nguyễn Thị Quyền: Giáo Hữu.

(Trích trong *Đạo Sử Q.2 của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu*, tr.218)

Ngày 5-11-Bính Dần (dl 11-12-1926), Ngài Chương Pháp Nguyễn Văn Tương thọ bệnh và đặng Tiên, chỉ hưởng được 48 tuổi tại tư gia ở làng Hữu Đạo.

Các Chức sắc cao cấp của Đạo Cao Đài đến làm lễ tang cho Ngài rất long trọng. Lúc đó, mới khai đạo được khoảng 20 ngày, còn tạm tại Chùa Gò Kén, nên thi hài được an táng nơi quê nhà là làng Hữu Đạo (gần Chợ Thuộc Nhiêu) quận Cai Lậy, Mỹ Tho.

Sau những năm chiến tranh, ngôi mộ của Ngài hoàn toàn bị hư hại. Năm 1997, nhân dịp Thanh Minh, một vài vị Đạo tâm tìm tòi biết được vị trí ngôi mộ của Ngài, nên kết hợp với người cháu nội của Ngài là ông Nguyễn Văn Bá, xây dựng lại trên nền mộ cũ một cái tháp nhỏ cao 3 thước 6 tấc.

(Chúng ta lưu ý trong các Chức sắc cao cấp của Đạo Cao Đài thờ đầu tiên có 2 vị tên TƯƠNG: - một là Thượng Chương Pháp Nguyễn Văn Tương, - hai là Thượng Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương, sau được thăng phẩm Quyền Thượng Đầu Sư, và sau đó tách khỏi Hội Thánh TTTN để lập ra Ban Chính Đạo ở Bến Tre và trở thành Giáo Tông chi phái

Bến Tre. Xem tiểu sử của Ngài Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương nơi chữ: **Chi phái, văn Ch).**

Ngay sau khi Ngài Chưởng Pháp Nguyễn Văn Tương đăng Tiên, ngày 7-11-Bính Dần, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt:

"Thầy, các con.

Trung, Lịch! Hai con phải dụng Đại lễ mà an táng cho *Tương* nghe. Thầy ngật một lễ chẳng thể nào đem *Tương* vào Tam thập lục Thiên, phải để nó đợi nơi Đông Đại Bộ Châu mà chờ Tòa Tam Giáo phát lạc.

Thầy có đề lời cho Thái Bạch Kim Tinh cầu rỗi, nhưng Người giận *Tương* không công quả, dâng Bộ Công Thiên thơ ra trống trải lắm, tại nơi Tòa mới cãi chối nổi gì. Người nhứt định không dự đến. Các con nghe à!

Vậy trong hịch văn Sứ tấu, các con phải thượng nơi Tòa Tam Giáo mà cầu rỗi cho nó thiệt hết lòng, rồi Thầy sẽ rỗi cho nó. Các con hiểu.

Lịch bạch Thầy về sự Đại lễ

- Không con! . . . Đại lễ là làm theo một lễ với sự an táng bậc Thái Lão nghe! . . ." (*trích trong Đạo Sử II tr. 86*)

Ngày Tết Đinh Mão, ngày 1-1-Đinh Mão (dl 1-2-1927), Ngài Chưởng Pháp Nguyễn Văn Tương giáng cơ:

Thượng Chưởng Pháp TƯƠNG

"*Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội.*

Mừng ... Mừng ... Mừng ... Vui ... Vui ... Vui ...

Đại phước cho cả nhơn sanh, đại hạnh cho Địa cầu 68 này! Em còn phải công quả phổ độ mới vào đặng Tam thập lục Thiên, nhờ Đại Từ Phụ cứu độ Em, khuyên nhủ cùng chư Huynh khá coi Thiên vị mình là trọng, vì là của quý báu vô giá, còn sứt sẽ đường Đạo, xin nhớ lấy danh Em cự chống cùng tà ma quỷ mị cám dỗ.

Tương đây, công cán chẳng chi mà còn đặng địa vị này, hưởng lựa là mấy anh độ rỗi toàn cả Cửu nhị Nguyên nhơn thì

phẩm cựu sẽ đặng trở thêm thế nào! Xét lấy đủ vui lòng hành đạo." (TNHT. I. tr 92).

3. Ngọc Chương Pháp: Thái Lão Sư Trần Văn Thụ (1857-1927)

Ngài Trần Văn Thụ sinh năm Đinh Tỵ (1857), tại làng Đức Hưng, tổng Dương Hòa Hạ, tỉnh Gia Định.

Thuở nhỏ Ngài học chữ Nho, lớn lên làm nghề dạy học.

Năm Đinh Mùi (1907), Ngài đến chùa Vĩnh Nguyên Tự tại làng Long An, quận Cần Giuộc, thọ giáo với Thái Lão Sư Lê Đạo Long, thế danh là Lê Văn Tiêng (1843-1913) để học Đạo Minh Sư. Ngài được Sư phụ Lê Đạo Long thâm nhận và ban cho pháp danh là Trần Đạo Minh. Ngài là đệ tử lớn nhất trong các đệ tử của Thái Lão Sư Lê Đạo Long nơi Vĩnh Nguyên Tự.

Đến năm Bính Dần (1926), tức là sau khi Thái Lão Sư Lê Đạo Long liễu đạo 12 năm, Thái Lão Sư giáng cơ cho biết là Ngài đã đắc quả *Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn*, và khuyên các đệ tử nay tùng giáo theo Đức Cao Đài Ngọc Đế.

Các đệ tử vâng theo lời Ngài, và do đó, Vĩnh Nguyên Tự trở thành cơ quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thuở đầu tiên và sau này trở thành Thánh Thất của Đạo Cao Đài gọi là Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự.

Ngài Trần Đạo Minh lúc đó đã tu lên đến bực Thái Lão Sư, và con trai Ngài Lê Đạo Long là Lê Văn Lịch tu tới bực Dẫn Ân, đạo hiệu Lê Xương Tịnh, cùng các đệ tử khác tại Vĩnh Nguyên Tự, đều vâng lệnh Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, tùng giáo Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

- Ngài Trần Văn Thụ (pháp danh Trần Đạo Minh) được Đức Chí Tôn giáng cơ ân phong là: *Như Tông Chương Giáo Tuyên Đạo Thiển Sư Đại Đức Đại Hòa Đạo Sĩ: Chương Pháp phái Ngọc*, trong đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự đêm mừng 10-9-Bính Dần (dl 16-10-1926).

- Ngài Lê Văn Lịch được Đức Chí Tôn ân phong là Đầu Sư phái Ngọc, Thánh danh là Ngọc Lịch Nguyệt, cùng một lượt với Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, trong cuộc Thiên phong

đầu tiên tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn, vào đêm 12-3-Bính Dần (dl 23-4-1926).

Ở đây có sự liên hệ gia đình: con gái của Ngài Trần Văn Thụ, quý danh Trần Thị Khá, được gả cho Ngài Lê Văn Lịch.

Kể từ khi Ngài Trần Văn Thụ thọ phong Ngọc Chưởng Pháp, Ngài vâng lệnh Đức Chí Tôn, cùng với các vị Chức sắc Thiên phong khác lo đi hành đạo, phổ độ nhơn sanh.

Khi làm lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm ở Chùa Từ Lâm Tự (Gò Kén, Tây Ninh), ngày 15-10-Bính Dần (1926) thì Ngài Ngọc Chưởng Pháp thường xuyên hành đạo tại đó, để cùng quý Chức sắc cao cấp khác soạn thảo Tân Luật theo lệnh dạy của Đức Chí Tôn.

Qua năm sau, tức là năm Đinh Mão (1927), Ngài Ngọc Chưởng Pháp lâm bệnh, Ngài trở về nhà an dưỡng tại làng Trường Bình, quận Cần Giuộc, sau đó Ngài đăng Tiên vào ngày 14-5-Đinh Mão (dl 13-6-1927), hưởng thọ 71 tuổi.

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh, Phối Sư Thái Ca Thanh, cùng nhiều Chức sắc khác đến thọ tang và phúng điếu.

Bởi cơ Đạo còn sơ khai, đang tạm ở Từ Lâm Tự, nên gia đình Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ đưa linh cữu của Ngài an táng nơi quê nhà ở làng Thới Hiệp, cạnh ngôi chùa cũ của Ngài, nay là Ấp 1 Xã Hiệp Phước, quận Nhà Bè.

Năm 1996 (Bính Tý), Ban Cai Quản Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự đã lấy cốt của Ngài Ngọc Chưởng Pháp đem cải táng về đất phía sau Vĩnh Nguyên Tự, nằm cạnh ngôi mộ của Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long.

Di ảnh của Ngài Ngọc Chưởng Pháp được thờ nơi Hậu Điện Vĩnh Nguyên Tự, cùng với di ảnh của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn và của Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

Đức Ngọc Chưởng Pháp thường giảng cơ dạy đạo tại Vĩnh Nguyên Tự, xưng hiệu là: *Thiết Quang Chơn Nhơn*.

Trong quyển sách ĐẠO NGUYỄN CHÁNH NGHĨA do Vĩnh Nguyên Tự in năm 1939, có in hình Đức Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ, đề là:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

*Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Minh
Thiết Quang Chơn Nhơn, Ngọc chiếu.*

với hai câu liên đặt ở hai bên ảnh là:

CHƯƠNG khai Nho phái Tam Kỳ Đạo,
PHÁP hóa Thiên Tông Tứ giáo truyền.

4. Ngọc Chương Pháp: Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (1870-1946)

Ngài Trần Đạo Quang, thế danh là Trần Văn Quang (có tài liệu chép là Trần Thanh Nhàn) sanh ngày 10-11-Canh Ngọ (dl 31-12-1870) tại Ban Dầy, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Ngài là con trai duy nhứt của ông Trần Chí Hiếu và bà Dương Mỹ Hậu. Hai ông bà làm nghề nông và tu theo đạo Minh Sư, tông Phổ Tế.

Ngài có lòng mộ đạo từ nhỏ. Năm 12 tuổi, Ngài noi theo cha mẹ, tu theo đạo Minh Sư. Năm 16 tuổi, Ngài bắt đầu ăn chay trường. Thái Lão Sư Trần Đạo Cửu nhận làm thầy đứng ra khai thị cho Ngài.

Năm 21 tuổi, Ngài xuất gia tu hành, bắt đầu tu Nhứt Thừa: Nhứt bộ rồi Nhị bộ và Tam bộ, sau tiến lên tu Nhị Thừa qua bốn bậc: Thiên Ân, Chứng Ân, Dẫn Ân, Bảo Ân; rồi Ngài tiếp tục tu lên Tam Thừa, qua hai bậc:

- Đánh Hàng: lấy đạo hiệu Trần Vận Quang.
- Thập Địa là Thái Lão Sư: lấy đạo hiệu là Trần Đạo Quang. Năm này Ngài được 45 tuổi.

Thái Lão Sư Trần Đạo Quang, được sự tín nhiệm của 12 vị Lão Sư Tông Phổ Tế đạo Minh Sư ở Việt Nam, nên Ngài về trụ trì chùa Linh Quang Tự là Tổ đình của Tông Phổ Tế ở VN.

Tổ Sư của Tông Phổ Tế đạo Minh Sư bên Tàu là Thái Lão Sư Trần Đạo Khánh dự định phong cho Ngài Trần Đạo Quang làm "Việt Nam Đệ Nhứt Tổ" của Tông Phổ Tế đạo Minh Sư ở Việt Nam. (Tài liệu của Huệ Nhân)

Trong lúc đó thì Lão Sư Nguyễn Văn Tương và Nguyễn Văn Kinh đã được Đức Chí Tôn độ theo Đạo Cao Đài, nên hai

Ngài xin lập đàn cơ tại Linh Quang Tự để Đức Chí Tôn độ Ngài Thái Lão Sư Trần Đạo Quang luân thể, và Ngài Trần Đạo Quang được Đức Chí Tôn độ nên bằng lòng qui hiệp vào Đạo Cao Đài.

Khi Ngài Thượng Chưởng Pháp Nguyễn Văn Tương đăng Tiên tại làng Hữu Đạo quận Cai Lậy thì khoảng hơn một tháng sau, Đức Chí Tôn phong Ngài Trần Đạo Quang làm Quyền Thượng Chưởng Pháp ngày 12-12-Bính Dần (dl 15-1-1927).
(Theo Đạo Sử của Bà NĐS Hương Hiếu Q.2 trang 172 và 192)

Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ đăng Tiên ngày 14-5-Đinh Mão, thì sau đó ít lâu, Đức Chí Tôn ân phong Ngài Trần Đạo Quang làm Ngọc Chưởng Pháp chánh vị.

Trong cơ Đạo phân chia Chi phái, năm 1931 Phối Sư Thái Ca Thanh rút khỏi TTTN về Mỹ Tho lập phái Minh Chơn Lý, Ngài Ngọc Chưởng Pháp hợp tác với Minh Chơn Lý, sau đó thấy ông Ca và ông Phùng sửa đổi hết cách thờ phượng, nên Ngài rút khỏi Minh Chơn Lý, xuống Bạc Liêu hợp với ông Cao Triều Phát mở ra phái Minh Chơn Đạo năm 1935.

Năm 1937, Ngài Ngọc Chưởng ra hành đạo ở Đà Nẵng. Lúc đi ra Trung, Ngài Ngọc Chưởng Pháp không có giấy thuê thân, nên Ngài lấy giấy thuê thân của người trong làng tên là Hà Văn Thuần để xin làm căn cước thì mới được phép ra Trung. Cho nên khi hành đạo ở Đà Nẵng, Ngài lấy tên là Hà Văn Thuần. Ngài ủng hộ bổn đạo nơi đây xây dựng được Thánh Thất Trung Thành, để làm cơ sở hoạt động của Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt.

Ngày 17-2-Bính Tuất (dl 20-3-1946), Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang đăng Tiên tại chùa Linh Quang Tự ở Gò Vấp, Gia Định, hưởng thọ 77 tuổi.

Thi hài của Ngài được an táng tại nghĩa trang Minh Sư gần Linh Quang Tự. Sau này, do nhu cầu mở rộng sân bay Tân Sơn Nhứt, Linh Quang Tự và nghĩa trang đều bị giải tỏa, bổn đạo cải táng Ngài về phần đất ở phía sau Thánh Tịnh Minh Kiến Đài vào ngày 15-8-Kỷ Mùi (1956) thuộc xã Thông Tây Hội, cũng thuộc quận Gò Vấp.

BQĐ: Bát Quái Đài. **HTĐ:** Hiệp Thiên Đài.
CTĐ: Cửu Trùng Đài. **TTN:** Tòa Thánh Tây Ninh.

Chường qua đắc qua, chường đậu đắc đậu

種瓜得瓜，種豆得豆

Chường: Đọc cho đúng âm là CHƯỜNG, nghĩa là gieo trồng. **Qua:** trái dưa. **Đắc:** được. **Đậu:** cây đậu.

Chường qua đắc qua: Trồng dưa thì được trái dưa.

Chường đậu đắc đậu: Trồng đậu thì được trái đậu.

Đây là câu nói rất thông dụng để diễn tả Luật Nhân Quả một cách cụ thể và thật dễ hiểu: Gieo nhân nào thì được quả nấy, nhứt định không bao giờ sai chạy. Nếu gieo nhân lành thì được trái lành, hễ gieo giố thì gặt bão.

Tuy nhiên, kết quả có thể thấy được liền (Tốc báo) hay thấy nội trong một kiếp, hoặc đôi khi phải chờ đợi đến kiếp sau, nhưng cái kết quả ấy nhứt định không thể thay đổi được.

Chường quản

掌管

A: To manage, Manager.

P: Diriger, Directeur.

Chường: Trông coi các việc, chức giữ. **Quản:** coi giữ, quản lý.

Chường quản (động từ) là nắm giữ và coi sóc các công việc trong một cơ quan.

Chường quản (danh từ) là người đứng đầu cơ quan, điều hành và chịu trách nhiệm các công việc của cơ quan.

Cơ Quan Phước Thiện chia ra Nam phái và Nữ phái. Mỗi phái có một vị Chường quản đứng đầu:

- Chường Quản Phước Thiện Nam phái là một vị Chơn Nhơn Nam phái.
- Chường Quản Phước Thiện Nữ phái là một vị Chơn Nhơn Nữ phái.

Bên trên là một vị Thời Quân chi Đạo HTĐ chương quản toàn cả Cơ Quan Phước Thiện Nam Nữ, gọi là Thống Quản Phước Thiện.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Chương thiện quả ư thi thơ chi phó

種善果於詩書之圃

Chương: Đọc cho đúng âm là CHỪNG, nghĩa là gieo trồng. **Thiện:** lành. **Quả:** cái trái. **Ư:** ở tại. **Thi:** thi văn. **Thơ:** thơ, sách. **Chi:** hư tự. **Phó:** vườn trồng cây và hoa kiểng.

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Nho giáo, có nghĩa là: *Gieo trái lành nơi vườn văn chương sách vở.*

Ý nói: Đức Khổng Tử viết kinh sách dạy dỗ nhơn sanh làm điều lành, làm điều đạo đức nhơn nghĩa, tức là gieo trái lành nơi vườn văn chương, thì chắc chắn sẽ hưởng được điều hạnh phúc tốt đẹp về sau.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Đ

Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục vần D

DÀ

- Đà Lam (Già Lam)

DẠ

- Dạ đài
- Dạ lang

DẢI

- Dải đồng tâm

DÀN

- Dàn Bát bửu
- Dàn Bắc - Dàn Nam

DANH

- Danh
- Danh chánh ngôn thuận
- Danh cương lợi tỏa
- Danh lam thắng cảnh
- Danh Lợi Quyền
- Danh nhân Đại Đạo
- Danh thể

DAO

- Dao (Xem: Diêu)

DÂM

- Dâm
- Dâm loạn
- Dâm phong
- Dâm phụ gian phu

DẪN

- Dẫn
- Dẫn độ
- Dẫn giải

DÂY

- Dây oan - Dây oan nghiệt
- Dây Sắc lịnh

DẪY

- Dẩy xe trâu

DÈM

- Dèm (Xem: Gièm)

DÉP

- Dép cỏ

DỄ

- Dễ
- Dễ duôi
- Dễ người

DI

- Di
- Di-Đà
- Di-đà Tam tôn
- Di dưỡng tánh tình
- Di hài
- Di-Lạc Vương Phật
- Di ngôn bất hủ
- Di phong dịch tục
- Di quan
- Di xú vạn niên

DĨ

- Dĩ
- Dĩ ân báo oán
- Dĩ chí
- Dĩ định
- Dĩ đức phục nhơn
- Dĩ hạ - Dĩ thương - Dĩ hậu
- Dĩ hòa vi tiên
- Dĩ thân tuần đạo
- Dĩ vãng
- Dĩ văn

DỊ

- Dị
- Dị đồng
- Dị chủng
- Dị đoan
- Dị hượng
- Dị lộ đồng qui
- Dị nghị

DỊCH

- Dịch lý
- Dịch sử

DIÊM

- Diêm cung - Diêm đài - Diêm đình

DIÊN

- Diên
- Diên niên ích thọ
- Diên trì

DIỆN

- Diện
- Diện bích
- Diện kiến
- Diện mục
- Diện thị bối phi

DIỆT

- Diệt
- Diệt độ
- Diệt hình
- Diệt hóa - Bảo hóa
- Diệt phàm
- Diệt tàn
- Diệt tận phàm tâm
- Diệt thác
- Diệt tục xử phàm
- Diệt vong

DIÊU (DAO)

- Diêu
- Diêu động
- Diêu Trì Cung
- Diêu Trì Cửu Nương
- Diêu Trì Kim Mẫu - Phật Mẫu Diêu Trì

DIỆU

- Diệu
- Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết
- Diệu huyền
- Diệu quang

DINH (DOANH)

- Dinh
- Dinh đảo
- Dinh hoàn
- Dinh hư tiêu trường

DÒ

- Dò đơn

DOAN

- Doan (Xem: Duyên)

DÒNG

- Dòng
- Dòng bích
- Dòng giống
- Dòng ngân

DỐC

- Dốc kiếm diệu huyền

DỐI

- Dối
- Dối cậ in kinh
- Dối kết
- Dối tu cúng chùa

DU

- Du
- Du đăng
- Du đạo
- Du hành bất tức
- Du hý du thực
- Du tiên

DỤC

- Dục
- Dục anh
- Dục đa thương thần
- Dục lòng
- Dục lợi cầu danh
- Dục quyền cầu lợi
- Dục tấn
- Dục tình
- Dục tốc bất đạt
- Dục vọng

DUNG

- Dung
- Dung hợp
- Dung nghi
- Dung thứ

DUỘT

- Duột kiếp khiên

DUY

- Duy
- Duy kỹ
- Duy lý
- Duy ngã độc tôn
- Duy tâm
- Duy tâm - Duy vật
- Duy tha vong kỷ
- Duy trì
- Duy truyền

DUYÊN

- Duyên
- Duyên khởi
- Duyên phần

DỰ

- Dự luận
- Dự sanh

DỮ

- Dữ
- Dữ tận hiền thặng

DỰ

- Dự
- Dự cử
- Dự khuyết
- Dự ngôn
- Dự thính

DƯƠNG

- Dương
- Dương bờ
- Dương gian - Dương thế - Dương trần
- Dương lịch (Xem: Âm lịch, vần Ấ)
- Dương pháp
- Dương quang
- Dương tụng từ ân

DƯỠNG

- Dưỡng
- Dưỡng chí thanh nhàn
- Dưỡng dục
- Dưỡng lão viện
- Dưỡng phụ - Dưỡng mẫu - Dưỡng tử
- Dưỡng sanh
- Dưỡng sanh tánh mạng
- Dưỡng tánh tu tâm

DÀ

Dà Lam (Già Lam)

伽藍

Dà Lam, còn viết là Già Lam, là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn: ASHARAM, có nghĩa là khu vườn ngoạn cảnh.

Ngày xưa, khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, các đệ tử giàu có của Phật thường tặng Phật những khu vườn rộng lớn để Phật lập Tịnh Xá làm nơi ở của Phật và chư tăng để Phật thuyết pháp dạy dỗ môn đồ.

Những nơi ấy đều được gọi là Già Lam (hay viết Dà Lam), là Tịnh Xá, hay là nói chung các chùa chiền.

■ Dà Lam còn có một nghĩa đặc biệt là chỉ ngôi vị Phật, gọi là Phật Dà Lam. Phật Dà Lam có nhiệm vụ hướng dẫn các chơn hồn đắc đạo đến cõi CLTG. Nhiệm vụ này cũng giống như nhiệm vụ của Đức Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Đức Quan Thánh Đế Quân khi linh hồn về cõi thiêng liêng, Ngài vẫn lo giúp đời, phò thiện diệt ác, nên Ngài đắc quả Cái Thiên Cổ Phật, cũng gọi là Phật Dà Lam.

KĐ7C: *Dà Lam* dẫn nẻo Tây qui.

KTTg: Ngôi liên đài quả phúc *Dà Lam*.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

KĐ7C: Kinh Đệ Thất cửu.

KTTg: Kinh Tiểu Tường.

DẠ

Dạ đài

夜臺

A: The palace of the Hell. **P:** Le palais de l'Enfer.

Dạ: đêm. **Đài:** lầu đài, cung điện.

Dạ đài là lầu đài ban đêm, ý nói lầu đài nơi cõi Âm phủ, nơi làm việc của Thập Điện Diêm Vương.

Cõi Âm phủ thường tối tăm như cảnh ban đêm.

KCS: Chón *dạ đài* Thập Điện Từ Vương.

KCS: Kinh Sám Hối.

Dạ lang

A: The heart of wolf.

P: Le coeur du loup.

Dạ: lòng dạ. **Lang:** chó sói. Chó sói là loài vật rất hung dữ và tàn bạo.

Dạ lang là lòng dạ hung dữ như lang sói.

Thường nói: Lòng lang dạ thú, để chỉ người có lòng dạ ác độc, mất hết nhân tính, y như loài chó sói.

KSH: Chớ hiểm độc, *dạ lang* lẫn lộn.

KCS: Kinh Sám Hối.

DẢI

Dải đồng tâm

A: The belt of a same heart. **P:** La ceinture d'un même coeur.

Dải: miếng lụa mỏng có bề ngang nhỏ và rất dài, dùng để buộc hay buộc xuống. **Đồng:** cùng. **Tâm:** lòng dạ.

Dải đồng tâm, Hán văn: Đồng tâm đái, là dây thắt lưng bằng lụa dùng tặng cho nhau để biểu thị tình cảm khăng khít.

Theo sách Tỳ Thư, Tùng Dương Đế sai lấy lụa ngũ sắc kết thành nút gọi là Đồng tâm kết để ban cho vợ yêu của mình.

Dải đồng tâm, dùng theo nghĩa rộng, chỉ sự đồng tâm hiệp lực cùng nhau để chung lo việc lớn cho thành công.

TNHT: Nhớ bởi chung nhau kết *dải đồng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DÀN

Dàn Bát bửu

A: The assortment of eight precious things.

P: L'assortiment de huit objets précieux.

(Xem chi tiết nơi chữ: Bát bửu, văn B)

Dàn Bắc - Dàn Nam

Dàn: một tổ hợp gồm nhiều thứ được xếp đặt theo một chủ đề nhất định. **Bắc:** phương Bắc. **Nam:** phương Nam.

Trong Cổ Nhạc VN, có 20 bản nhạc tổ chia ra: 7 bài Đông, 3 bài Nam, 6 bài Bắc và 4 bài Tây. (Xem: **CỔ NHẠC, VĂN C**)

■ **Dàn Bắc:** Dàn nhạc cổ, trở lên những bản nhạc cung Bắc. Đây là những bản nhạc cổ phóng tác theo Tàu nhưng âm điệu mang sắc thái VN. Nhạc cung Bắc gồm 6 bản: Lưu thủy trường, Xuân tình, Phú lục, Bình bán chấn, Tây thi, Cổ bản.

Dàn Bắc thường gồm các nhạc khí sau đây:

- Trống cái.
- Thanh la.
- Kèn.
- Chập chả.

■ **Dàn Nam:** Dàn nhạc cổ trở lên các bản nhạc cung Nam. Đây là những bản nhạc cổ được sản xuất ở miền Nam VN từ thời Chúa Nguyễn, nên chịu ảnh hưởng của nhạc nước Chiêm thành, tứ nhạc có giọng ai, bi, oán. Nhạc cung Nam gồm 3 bài: Nam ai, Nam xuân, Đảo ngũ cung.

Dàn Nam thường gồm các nhạc khí sau đây:

- Trống cơm.
- Đờn cò.
- Kèn.
- Cặp sanh.

Nghi thức đưa tang trong Đạo Cao Đài, đối với hàng Chức sắc Thiên phong, tùy theo phẩm cao thấp mà có Dàn Nam hay Dàn Bắc hoặc cả hai Dàn Nam Bắc đi theo đưa tang.

DANH

DANH

DANH: 名 Tên gọi, tiếng tăm, nổi tiếng.

Td: Danh chánh, Danh lam.

Danh chánh ngôn thuận

名正言順

Danh: Tên gọi, tiếng tăm, nổi tiếng. **Chánh:** đúng đắn, ngay thẳng. **Ngôn:** lời nói. **Thuận:** xuôi theo.

Danh chánh ngôn thuận là tên gọi có đúng đắn thì lời nói mới êm thuận, nghe lọt tai, mới thuyết phục được người nghe.

Sách Luận Ngữ có câu:

Danh bất chánh tắc ngôn bất thuận,

Ngôn bất thuận tắc sự bất thành.

Nghĩa là:

Danh không chánh đáng thì lời nói không xuôi,

Lời nói không xuôi thì công việc không kết quả.

Danh cương lợi tỏa

名韁利鎖

Danh: Tên gọi, tiếng tăm, nổi tiếng. **Cương:** sợi dây buộc vào miệng ngựa để điều khiển ngựa. **Lợi:** lợi lộc. **Tỏa:** cái khóa để khóa lại.

Cương tỏa là ý nói cái bó buộc mình, làm mất tự do.

Danh cương lợi tỏa là cái danh thì như sợi dây cương, cái lợi thì như cái khóa, hai thứ ấy ràng buộc con người mất tự do.

Danh lam thắng cảnh

名藍勝景

A: The famous landscape.

P: Le paysage célèbre.

Danh: Tên gọi, tiếng tăm, nổi tiếng. **Lam:** do chữ Già Lam phiên âm từ tiếng Phạn, chỉ cảnh chùa. **Thắng:** tốt đẹp. **Cảnh:** phong cảnh.

Danh lam là cảnh chùa đẹp nổi tiếng, như cảnh chùa Hương. Thắng cảnh là phong cảnh đẹp trội hơn hết.

Danh lam thắng cảnh là chỉ các cảnh đẹp nổi tiếng.

Danh Lợi Quyền

名利權

A: Honour, riches, power.

P: Honneur, richesse, pouvoir.

Danh: Tên gọi, tiếng tăm, nổi tiếng. **Lợi:** lợi lộc. **Quyền:** quyền hành.

Danh lợi quyền là danh dự, lợi lộc, quyền hành.

Đó là ba món mà con người nơi cõi trần rất ham thích, luôn luôn muốn thu đoạt cho mình càng nhiều càng tốt. Có tiếng tăm, danh dự để được vẻ vang vinh hạnh với đời, thỏa mãn lòng tự ái; có lợi lộc để có đời sống vật chất đầy đủ sung sướng mà hưởng thụ; có quyền thế để có kẻ hầu người hạ, kẻ đưa người đón, ngời không mà sai khiến người.

Nhưng đối với người tu hành, ba thứ danh lợi quyền là ba cái chướng ngại to lớn cản trở bước đường tu, nên cần phải dứt bỏ hẳn thì mới mong đạt đến cứu cánh của việc tu hành.

Còn ai danh vọng hơn Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta, có ai quyền thế hơn Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta? Thế mà khi Ngài quyết tâm đi tu tìm phương giải khổ cho chúng sanh thì Ngài can đảm vứt bỏ tất cả, chỉ một thân một mình, đi vào núi rừng thanh vắng, thiền định tu hành. Nhờ vậy mà Ngài đắc đạo vô thượng bồ đề với ngôi vị Chánh Đẳng Chánh Giác.

■ Đức Chí Tôn dạy rằng: "Dùng hết mưu chước quỷ quyết thân đặng lợi lộc quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường hỗn độn, tranh tranh đấu đấu, giựt giựt giành giành, gây nên mối loạn, nhờn loại nghịch lẫn nhau, giúp cho phép Tà quyền, mạnh hơn yếu thiện, mất phép công bình thiêng liêng tạo hóa. Cái trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra."

■ Thánh Ngôn Pháp văn, Đức Chí Tôn dạy về danh lợi quyền, Hội Thánh dịch ra như sau:

"Phẩm tước là gì? Của cải danh vọng là gì?"

Phẩm tước là sự tổng hợp các chức tước đã bày ra để quyền rũ người hoặc ít hoặc nhiều. Những chức tước ấy do người đời tạo ra để phong thưởng kẻ khác.

- Giá trị của các chức tước ấy ra sao?

Giá trị của những chức tước ấy tùy theo người đã tạo nó ra. Việc chi do người đều phạm cả, nó không bền, thường bị hư hỏng và tiêu tan ngay sau khi người đã được nó tặng bị cướp mất sự sống.

Các con hãy tìm phẩm tước nơi cõi thiêng liêng, tước phẩm ấy mới là vĩnh viễn.

Còn tài sản là tổng quát các vật quý của con người đã thu nhặt trên thế gian này. - Của cải ấy gồm những gì?

Vàng bạc chỉ là loại kim khí tầm thường. Hồng là một chất màu, còn lụa là chất do loài vật cấu thành ra.

- Các con xem của ấy là quý giá thật sao?

Xét từ nơi sản xuất, các vật ấy đều không đáng kể.

Các con nên tìm sự giàu đức tính của Trời. Chỉ có cách đó mới gọi là vĩnh cửu. Của quý ấy không ai cướp đặng cả.

Danh vọng thường hay chống lại với đức hạnh. Nó rất ngắn ngủi và thường thành tựu nhờ sự gian trá.

Danh quyền nơi Trời là bền chắc như đá, và danh quyền ấy mới chịu đựng nổi bao thử thách.

TRUNG bạch: Mấy con phải làm sao mà tìm đặng phẩm tước, của cải và danh vọng của Trời?

Thầy trả lời: Tu."

Danh lợi đem đường xuống hố sâu,
Lợi danh tráo chác lăm cơ cầu.
Mua danh cột buộc lẫn mưa đạn,
Chác lợi là phăng mối chỉ sầu.

Đức Chí Tôn (29-3-1933)

■ Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ cũng có dạy về Danh Lợi Quyền, chép ra như sau:

"Nếu kể danh và quyền thì trong cửa Đạo có danh và quyền gì? Đạo chỉ có danh là biết thương người, quyền là phục vụ người, sau mới được cái danh quyền bất diệt của Chí Tôn ban cho nơi cõi thiêng liêng.

Nên hiểu: Danh, quyền, lợi lộc, theo thế gian thì đó là con đường tìm tội tình.

Vậy, Bần đạo khuyên nên lưu tâm, ngoài ra phải phân biệt tiểu tiết và đại sự. Để hồng đại sự là bất trí, giữ danh cá nhân mà để thất danh Đạo là thấp hơn thường tình."

■ Tại Minh Thiện Đàn, Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ngày 1-4-Quý Dậu (dl 25-4-1933) dạy về Danh Lợi Quyền:

"Ôi thôi! Nói thì nói vậy,
Chớ cuộc thế trò đời biết bao nhiêu kẻ,
Dùng thế lực mà bỏ khoan dung,
Lấy quyền hành quên bác ái.
Lấy danh dự ép tài tình,
Cuộc trò đời thấy vậy càng kinh,
Giảng tận lý nói bình nói hiếp.
Dầu dạy đến buổi đời mặt kiếp,
Cũng không trừ dứt nghiệp quyền danh.
Xúm đầu nhau thế lực giựt giành,
Để ngàn thuở ô danh thanh sử!
Lão khuyên hãy hồi tâm cư xử,
Để lòng công mới dự Thần Tiên.
Ở đời đây là chỗ ưu phiền,
Vui chi đó, thế quyền danh lợi!
Thấy lẽ phải thì mình khen ngợi,
Việc trái thời toan gởi ngoài tai.

Dầu phải người mình lại khoe hay,
 Hay như thế thật tài ai phục?
 Dầu leo mép đưa qua một lúc,
 Chớ tai đời trong đục đều thông,
 Vậy Lão khuyên công lý cân đồng,
 Bỏ tánh tục noi lòng Tiên Thánh.

Này chư nhu! Từ đây chẳng thật hành còn để dùng quyền hay là thế lực mà tới trước trở ngoái ra sau thì sẽ coi Lão có đủ quyền hành mà phạt răn trừng trị hay không cho biết nghe. Lão từ giả chư nhu."

Danh nhân Đại Đạo

名人大道

A: The celebrities of Caodaism.

P: Les célébrités du Caodaïsme.

Danh: Tên gọi, tiếng tăm, nổi tiếng. **Nhân:** người. **Đại Đạo:** nền Đạo lớn, đó là ĐĐTKPĐ, tức là Đạo Cao Đài.

Danh nhân Đại Đạo là các Chức sắc có phẩm tước lớn, có tiếng tăm lớn, có đức hạnh lớn và có công nghiệp lớn đối với Đạo Cao Đài.

Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là hai vị đứng đầu các Danh nhân Đại Đạo.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Danh thể

名體

A: Honour and face.

P: Honneur et face.

Danh: Tên gọi, tiếng tăm, nổi tiếng. **Thể:** thể diện, những cái làm cho người ta coi trọng mình.

Danh thể là danh dự và thể diện.

ĐLMD: Nếu vị Chức sắc nào chẳng vì *danh thể* Đạo, làm cho đến đời rẻ rúng thì sẽ bị Hội Thánh nghiêm trị.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

DAO

DAO

(Xem: Diêu)

DÂM

DÂM

DÂM: 淫 Ham mê thú vui xác thịt nam nữ.

Td: Dâm loạn, Dâm phong.

Dâm loạn

淫亂

A: The debauch, debauched.

P: La luxure, luxurieux.

Dâm: Ham mê thú vui xác thịt nam nữ. **Loàn:** loạn, không có trật tự và phép tắc.

Dâm loạn là dâm dục bậy bạ, quan hệ thể xác lung tung với nhiều người, bất kể phép tắc lễ nghi.

KSH: Buông lờn tục tĩu dâm loạn.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Dâm phong

淫風

A: The wanton customs.

P: Les mœurs obscènes.

Dâm: Ham mê thú vui xác thịt nam nữ. **Phong:** nếp sống theo thói quen lâu đời.

Dâm phong là nếp sống quen thuộc nghiêng về thú vui xác thịt nam nữ.

GTK: Thói *dâm phong* rù quên nguyệt hoa.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Dâm phụ gian phu

淫婦奸夫

A: The adulteress and adulterer.

P: La femme adultère et l'homme adultère.

Dâm: Ham mê thú vui xác thịt nam nữ. **Phụ:** đàn bà. **Phu:** đàn ông.

Dâm phụ là người đàn bà có chồng mà lại thông dâm với một người đàn ông khác.

Gian phu là người đàn ông có vợ mà lại thông dâm với một người đàn bà khác đang có chồng.

GTK: Để răn loài *gian phụ dâm phu*.

GTK: Giới Tâm Kinh.

DẪN

DẪN

DẪN: 引 Đưa đường, chỉ bảo cho biết.

Td: Dẫn độ, Dẫn giải.

Dẫn độ

引渡

A: To guide and to help.

P: Guider et secourir.

Dẫn: Đưa đường, chỉ bảo cho biết. **Độ:** cứu giúp, đưa qua sông.

Dẫn độ là dẫn dắt và cứu giúp, ý nói dẫn dắt vào đường đạo đức để cứu giúp linh hồn.

KK: Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.

KK: Khai Kinh.

Dẫn giải

引解

A: To explain and to comment.

P: Expliquer et commenter.

Dẫn: Đưa đường, chỉ bảo cho biết. **Giải:** cắt nghĩa cho rõ ra.

Dẫn giải là dẫn dắt và cắt nghĩa cho biết rõ.

DÂY

Dây oan - Dây oan nghiệt

A: The bond of animosity - The bonds of Karma.

P: Le lien de l'animosité - Les liens Karmiques.

Dây: sợi dây dài dùng để buộc. **Oan:** thù giận. **Nghiệt:** cái mầm ác, nghiệp ác.

Ta vì lợi lộc cho mình mà làm điều ác độc hại người, khiến người ta thù giận mình. Sự thù giận đó tạo thành sợi dây vô hình ràng buộc chơn thần mình. Sợi dây đó được gọi là *dây oan* hay *dây oan nghiệt*. Chừng nào cái oan nghiệt đó được đền trả thì sợi dây ấy mới tiêu mất, còn nếu chưa đền trả thì sợi dây oan nghiệt ấy vẫn còn hoài để ràng buộc chơn thần mình. Mất thường không thể thấy được sợi dây oan nghiệt, người có huệ nhãn mới có thể nhìn thấy được.

Khi mình chết, sợi dây oan nghiệt vẫn còn, ràng buộc chơn thần mình không cho xuất ra khỏi thể xác để siêu thăng, chơn thần buộc phải luân hồi trở lại để đền trả trong kiếp sau.

Do đó, trong thời kỳ Đại Ân Xá, Đức Chí Tôn ban cho Phép Đoạn Căn, để Chức sắc hành pháp cắt đứt các sợi dây oan nghiệt này, linh hồn mới xuất ra khỏi thể xác mà bay lên.

Những oan nghiệt mà con người gây ra nơi cõi trần thì rất nhiều, nhưng các sợi dây oan nghiệt ấy chỉ gom vào trong Bảy dây oan nghiệt mà thôi. (Xem: **Bảy dây oan nghiệt, văn B**)

KGO: Dây oan xe chặt buộc mình.

KTL: Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ.

KGO: Kinh Giải Oan.

KTL: Kinh Tẩn Liệm.

Dây Sắc lệnh

A: A three-coloured sash of commander.

P: Une écharpe tricolore de commandement.

Sắc: Chiếu chỉ của vua ban ra. **Lịnh:** Mệnh lệnh.

Dây Sắc lịnh là một cái băng vải có 3 màu đạo (vàng, xanh, đỏ) theo chiều dọc, buộc ngang bụng của chư Chức sắc cao cấp HTĐ khi mặc Đạo phục châu lễ Đức Chí Tôn hay khi cầm quyền hành chánh.

Dây Sắc lịnh này do Đức Lý Giáo Tông ban cho Chức sắc cao cấp HTĐ từ Thập nhị Thời Quân đổ lên để tỏ cho biết là đang hành chánh với trách nhiệm lớn và quyền hành lớn.

Đức Lý Giáo Tông buộc cả Chức sắc Thiên phong và tín đồ, hễ mỗi khi Chức sắc HTĐ mang Dây Sắc lịnh vào mình mà hành chánh nơi nào thì cả thầy đều phải tuân mạng, dầu lỗi hay phải gì cũng phải tùng theo, chỉ có Hội Thánh mới có quyền định đoạt mà thôi.

Dây Sắc lịnh may bằng vải gồm 3 màu vàng, xanh, đỏ kết lại theo chiều dọc làm như 3 sọc, tượng trưng quyền chưởng quản Tam giáo, nắm Thẻ pháp và Bí pháp trong tay.

Chức sắc Thời Quân chi Pháp thì mỗi cột Dây Sắc lịnh đặt giữa bụng, Thời Quân chi Đạo thì mỗi cột đặt bên hông mặt, Thời Quân chi Thế thì mỗi cột đặt bên hông trái.

Khi một Chức sắc HTĐ hay CTĐ dưới Thập nhị Thời Quân lãnh lịnh HTĐ thì hành một công việc Đạo quan trọng thì được

Đức Hộ Pháp ban cho Dây Sắc lệnh để ủy nhiệm toàn quyền hành sự trong phạm vi trách nhiệm, buộc phải minh thệ chí công vô tư, và buộc toàn cả Chức sắc và tín đồ phải tùng mạng lệnh vị đó, xem vị đó là Đại diện của HTĐ. Khi thi hành nhiệm vụ xong, Chức sắc đó phải trả Dây Sắc lệnh lại HTĐ.

Trong quyển sách Chánh Trị Đạo của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa xuất bản năm Giáp Dần (1974), trang 68, Ngài có giải về quyền năng của Dây Sắc lệnh, chép ra như sau đây:

Trong Pháp Chánh Truyền, Đức Chí Tôn có nói: "Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành đạo. Thầy cho các con biết trước rằng: Hễ trọng quyền thì ắt có trọng phạt.

Vì lời khuyên ấy mà Đức Lý Giáo Tông buộc cả Chức sắc HTĐ phải minh thệ giữa Hội Thánh: Giữ dạ vô tư mà hành sự. Lại muốn tỏ ra rằng: Chức sắc HTĐ thật trọng quyền, Ngài mới ban cho Dây Sắc lệnh."

Dưới đây là sao lục lại lời của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa giải đáp về Dây Sắc lệnh (thơ số 1421/PC) đáp hồi thơ số 47 ngày 23-9-Mậu Tý (dl 25-10-1948) của Thừa Sứ Nguyễn Huọt Hải, Pháp Chánh Kim Biên:

1. Về quyền năng thiêng liêng: Người được HTĐ ban Dây Sắc lệnh là người đại diện của Đức Hộ Pháp trong khi hành sự, quyền hành y như Hộ Pháp khi thi hành mạng lệnh của Hộ Pháp. Dây Sắc lệnh là tướng diện của luật pháp, chẳng một quyền nào tương đối lại đặng. Khi hành pháp, thắng như quá quyền thì người đại diện đó mang trọng tội là lợi dụng hay là phỉ nhục Hộ Pháp.

2. Quyền hành hữu hình: Cả cơ quan hữu vi của Đạo, dầu trọng dầu khinh, đều phải cúi đầu vâng phục người thay mặt cho Thiên điều tại thế, tổng hợp cả quyền Tam giáo nơi mình đặng thi hành luật pháp.

Vì quyền hạn của Chức sắc HTĐ, dầu thượng cấp, dầu hạ cấp, hễ Hộ Pháp ban cho tới đâu, hành quyền tới đó, nó không có giới hạn định chắc cao hay thấp.

■ Chúng ta cũng cần lưu ý rằng trong bộ Đạo phục của Chức sắc CQPT, cái băng vải có một màu: đỏ, xanh hoặc vàng, choàng từ vai trái xuống hông mặt cũng được gọi là Dây

Sắc lệnh. Trên Dây Sắc lệnh có gắn khuê bài mang phẩm cấp của Chức sắc đó.

Trường hợp này, Dây Sắc lệnh của Chức sắc CQPT không mang ý nghĩa như Dây Sắc lệnh của Chức sắc cao cấp HTĐ như vừa trình bày bên trên.

(Thiết nghĩ cái băng màu đỏ, xanh, hoặc vàng trong Đạo phục của Chức sắc CQPT, không nên gọi là Dây Sắc lệnh, để tránh trùng tên với Dây Sắc Lệnh của Chức sắc cao cấp HTĐ, mà nên gọi bằng một danh từ khác, thí dụ như gọi là: Dây Đạo lệnh.)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

DẤY

Dấy xe trâu

A: The starting of the buffalo drawn carriage.

P: Le départ de la voiture à buffle.

Dấy: cất lên, chồm mình khởi đi về phía trước. **Xe trâu:** chiếc xe có con trâu kéo đi.

Dấy xe trâu là chiếc xe trâu khởi bánh đi tới.

Đây là nói về sự tích Đức Lão Tử ngồi trên xe trâu, có Từ Giáp đánh xe, đi về phía Tây nước Tàu, đến ải Hàm Cốc thì gặp quan Doãn giữ ải tên Hỷ đón lại xin học đạo. Đức Lão Tử ở lại Hàm Cốc truyền đạo cho Doãn Hỷ, rồi lấy sách Đạo Đức Kinh tặng cho Doãn Hỷ, dặn tu theo đó thì đắc đạo. Sau đó, Đức Lão Tử tiếp tục đi về phía Tây, đến núi Côn Lôn.

KKV: Kinh Khi Về.

DÈM

DÈM

(Xem: Gièm)

DÉP

Dép cỏ

A: The straw sandal.

P: La sandale en paille.

Dép: đồ dùng có quai để mang vào chân.

Dép cỏ, chữ Hán: Thảo hài, là đôi dép được làm bằng loại cỏ mềm, dành cho các tu sĩ dùng.

Người tu thì mang dép cỏ, tránh mang các loại giày dép bằng da, vì hại lễ:

- Tổ ý tiết kiệm, không khoe vẻ đẹp.
- Tổ ý không muốn có sự sát sanh thú vật để phụng sự cho con người.

TNHT: Môn đệ của Thầy, nhiều đũa muốn bỏ đạo y, ném *dép cỏ*, lột khăn tu mà mong hồi tục thế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DỄ

DỄ

DỄ: Coi thường, khinh rẻ.

Td: Dễ dãi, Dễ người.

DỄ duôi

A: To scorn, to disdain.

P: Mépriser, dédaigner.

DỄ: Coi thường, khinh rẻ. **Duôi:** tiếng đệm.

Dễ duôi là khinh rẻ, coi thường.

GTK: May đặng làm người chớ *dễ duôi*.

GTK: Giới Tâm Kinh.

DỄ người

DỄ: Coi thường, khinh rẻ. **Người:** người, tiếng dùng với ý không tôn kính.

Dễ người, đồng nghĩa Dễ duôi, là khinh thường, coi người ta không ra gì.

TNHT: Biết Đạo thì con chớ *dễ người*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DI

DI

1. **DI:** 移 Dời đi, chuyển đi, đổi đi.
Td: Di phong dịch tục, Di quan.
2. **DI:** 遺 Sót lại, để lại, tặng biếu.
Td: Di hài, Di truyền.
3. **DI:** 怡 Vui vẻ, hòa thuận.
Td: Di dưỡng tánh tình.

Di-Đà

彌陀

Đây là từ ngữ của Phật giáo, có nguồn gốc từ tiếng Phạn, được dùng với hai nghĩa như sau:

■ *Di-Đà* là nói tắt danh hiệu *A-Di-Đà Phật*, nghĩa là Đức Phật A-Di-Đà ở cõi Tây phương Cực Lạc.

GTK: Tây phương Phật Tổ, *Di-Đà*.

Kệ U Minh Chung: Nam mô Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội *Di-Đà Cổ Phật* Chưởng Giáo Thiên Tôn.

■ *Di-Đà* là Phật, Đức Phật

KĐT:Giáng linh Hộ Pháp *Di-Đà*.

(**Hộ Pháp Di-Đà là Đức Phật Hộ Pháp**).

GTK: Giới Tâm Kinh.

KĐT: Kinh Đại Tường.

Di-đà Tam tôn

彌陀三尊

Di-Đà: Đức Phật A-Di-Đà. **Tam:** ba. **Tôn:** kính trọng.

Di-Đà Tam Tôn là ba pho tượng Phật đáng tôn kính.

Di-Đà Tam Tôn gồm: Đức Phật A-Di-Đà ngồi chính giữa, bên tay mặt của Ngài là tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, và bên tay trái của Ngài là tượng của Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nơi các chùa Phật thuộc Tịnh Độ Tông thường thấy thờ tượng Di-Đà Tam Tôn.

Đức Phật A-Di-Đà và hai vị Bồ Tát ấy ngự ở cõi Tây phương Cực Lạc, phóng hào quang để tiếp dẫn chúng sanh về cõi CLTG.

Thờ Di-Đà Tam Tôn còn có ý nghĩa là giúp chúng ta phát triển ba thể tánh: Bi, Trí, Dũng, trong mỗi con người chúng ta theo Đại Bi, Đại Trí, Đại Dũng của ba Đấng ấy.

■ Đức Phật A-Di-Đà tượng trưng sự sáng suốt hoàn toàn, tức là thể TRÍ.

■ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát tượng trưng tình thương yêu muốn cứu khổ chúng sanh, tức là thể BI.

■ Đức Đại Thế Chí Bồ Tát tượng trưng sức mạnh của ý chí, tức là thể DŨNG.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Di dưỡng tánh tình

怡養性情

Di: Vui vẻ, hòa thuận. **Dưỡng:** nuôi. **Tánh tình:** tánh nét và tình cảm.

Di dưỡng tánh tình là nuôi nấng, bồi bổ cho tánh tình được yên vui, hòa nhã.

Di hài

遺骸

A: The mortal remains.

P: Les dépouilles mortelles.

Di: Sót lại, để lại, tặng biếu. **Hài:** bộ xương.

Di hài là bộ xương của người chết còn sót lại.

Ngay sau khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên tại Nam Vang, Đức Ngài giáng cơ dặn dò Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa như sau:

1. *Di hài* tận liệm theo đại liệm như đã làm cho Thượng Phẩm và Khai Pháp.

2. Phải tìm phương nào dung hòa tâm lý Đời Đạo nơi đây để *di hài* nằm yên một thời gian nơi đất Tần, rồi ngày kia sẽ di về Tổ Đình không muộn.

Dù rằng sẽ có sự kéo níu của thế lực, song *di ngôn* Tôi đã ký thì phải giữ, kéo thế thường xem rỏ rúng mà tội nghiệp cho đoàn em của Chú. (Đức Phạm Hộ Pháp gọi Ngài Hồ Bảo Đạo là Chú em thân mật như tình gia đình).

Di-Lạc Vương Phật

彌勒王佛

A: Maitreya-Buddha.

P: Maitreya-Bouddha.

Di-Lạc, Phật giáo gọi là Di-Lặc, do phiên âm từ tiếng Phạn: Maitreya, dịch ra Hán văn là Từ Thị, nghĩa là họ Tư, dòng lành, vì Phật lấy Từ Bi làm gốc.

Vậy Di-Lạc là Từ Thị. Thuở xa xưa lâu đời, Ngài Từ Thị gặp Phật, liền phát tâm tu hành, chứng phép Từ Thị Tam Muội. Từ ấy đến nay, Ngài lấy chữ Từ làm họ của mình.

Vương Phật là Phật Vua, tức là vị Phật thay mặt Đức Chí Tôn làm vua cai trị Càn khôn Thế giới và Vạn linh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Di-Lạc Vương Phật là vị Phật tương lai, giáng sanh xuống cõi trần vào thời TKPD, đắc đạo tại cội cây Long Hoa, làm Giáo chủ Đại Hội Long Hoa, thay mặt Đức Chí Tôn Thượng Đế mà làm vua cai trị Càn khôn Thế giới và Vạn linh.

Trong Kinh Thiên Đạo của Đạo Cao Đài, Đức Phật Thích Ca giáng cơ ban cho hai bài Kinh: *Kinh Đại Tường* và *Di-Lạc Chơn Kinh*, nhờ đó chúng ta biết được nhiệm vụ và quyền hành của Đức Di-Lạc Vương Phật.

Khi Ngài làm nhiệm vụ cai quản Càn khôn Thế giới thì gọi Ngài là Đức **Di-Lạc Vương Phật**; nhưng khi Ngài làm nhiệm vụ cứu độ chúng sanh (*năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chur nghiệt chướng*) thì gọi Ngài là **Di-Lạc Vương Bồ Tát**.

Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp trong *Con đường Thiêng liêng Hằng sống*: Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức A-Di-Đà Phật giao quyền lại cho Đức Di-Lạc Vương Phật chưởng quản CLTG, nên Đức Di-Lạc Vương Phật hiện nay ngự tại cửa Kim Tự Tháp, dưới tàn cây dương tối cổ ở Kinh đô CLTG, còn Đức A-Di-Đà Phật vào ngự trong Lôi Âm Tự và Đức Phật Thích Ca ngự tại Kim Sa Đại điện.

Kim Tự Tháp tại Kinh đô CLTG có hình giống như Kim Tự Tháp Ai Cập, nhưng mình nó lại tròn, có nhiều tầng, nhiều nấc, có rất nhiều chur Phật ngự trên đó, mỗi vị có liên đài riêng.

Bài *Di-Lạc Chơn Kinh* cho biết Đức Di-Lạc Vương Phật cai quản hai tầng Trời: Hồn Nguơn Thiên và Hội Nguơn Thiên, là hai tầng thứ 12 và thứ 11, nằm kế bên trên Hư Vô Thiên, và bên dưới Hư Vô Thiên là Cửu Trùng Thiên.

Bài *Kinh Đại Tường* cho biết Đức Di-Lạc Vương Phật sẽ giáng sanh xuống trần vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, có nhiệm vụ thực hiện các điều sau đây do Đức Chí Tôn giao phó:

1. Tái sanh sửa đổi Chơn truyền và Thâu các đạo hữu hình làm một:

Đức Phật Di-Lạc sẽ giáng sanh xuống cõi trần để sửa đổi và chỉnh đốn các giáo lý chơn truyền của các Đấng Giáo chủ thời Nhị Kỳ Phổ Độ để lại, đã bị người đời canh cải sai lạc rất nhiều, đồng thời gom tất cả tín ngưỡng tôn giáo trên hoàn cầu thống nhất lại làm một mối, để có một tín ngưỡng chung, cùng nhìn nhận Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là hai Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng của toàn nhơn loại.

2. Khai cơ Tận độ, Cứu tuyền diệt vong:

Đức Di-Lạc Vương Phật mở ra một cơ quan Tận độ chúng sanh, đóng cửa Địa ngục, giải phóng các tội hồn, cho đi đầu thai trả quả và lo tu hành để được cứu vớt trong sự Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn.

3. Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị và Trường thi Tiên, Phật, duợt kiếp khiên:

Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ Khảo Trường thi công đức, tuyển lựa các ngôi vị Thần Thánh Tiên Phật để đưa vào tham dự Đại Hội Long Hoa do Ngài làm Giáo chủ.

4. Tạo đời cải dữ ra hiền, Bảo sanh nắm giữ diệu huyền Chí Tôn:

Đức Di-Lạc Vương Phật thay mặt Chí Tôn để tạo lập lại đời Thượng Nguơn Thánh đức, dân chúng hiền lương tôn thờ đạo đức, sống hòa bình trong một xã hội đại đồng trong giếng bảo sanh của Thượng Đế.

Đức Phật Di-Lạc có nhiều lần hóa sanh xuống cõi trần để giáo hóa và cứu độ nhơn sanh ở Ấn Độ và Trung Hoa. Phật giáo sử Trung Hoa còn ghi lại 3 lần hóa thân của Ngài là:

- Vào đời nhà Tùy, Ngài hóa thân là Tăng Can.
- Vào đời Ngũ Đại, Ngài là Bồ Đại Hòa Thượng.
- Vào đời Lục Triều, Ngài hóa thân là Phó Đại Sĩ.

Trong 3 lần hóa thân, nổi tiếng nhất là Bồ Đại Hòa Thượng. Dân chúng vẽ hình, đúc tượng theo hình ảnh của Bồ Đại Hòa Thượng, có vóc dáng như Ông Địa, miệng cười toe toét, chung quanh có 6 đứa con nít đang chọc ghẹo.

Xin chép hai sự tích: *Tăng Can* và *Bồ Đại Hòa Thượng*.

I. TĂNG CAN.

Vào đời nhà Tùy bên Tàu, có một Ông sư gọi là Tăng Can, cất một cái am bên cạnh chùa Quốc Thanh để ở. Không ai biết gốc tích của Ông sư này ở đâu, chỉ biết Ông lúc Ông đến cất am. Ông thỉnh thoảng đi thuyết giáo nơi này nơi nọ. Có nhiều lúc Ông cỡi cọp đi về am khiến chúng tăng trong chùa Quốc Thanh hoảng sợ.

Có lần Ông ôm về một đứa bé gởi nuôi trong chùa Quốc Thanh đặt tên là Thập Đắc. Thỉnh thoảng có một ông ăn mặc rách rưới từ núi tuyết đi ra, tên gọi Hàn Sơn, cũng đến ở chùa.

Hàn Sơn và Thập Đắc được người trong chùa xem như hai gã ăn mày. Khi chúng tăng ăn cơm xong thì hai người mới ăn những thức ăn còn thừa lại. Khi ngủ thì chỉ được ngủ ngoài hành lang. Có lúc cao hứng thấy hai người làm thơ, nhưng những bài thơ đó đọc lên không ai hiểu được ý nghĩa.

Một hôm, sau cơm trưa, chúng tăng đi nghỉ hết, hai người đi vào chỗ thờ, một người leo lên ngồi trên cổ tượng Văn Thù Bồ Tát, còn người kia leo lên ngồi trên vai tượng Phổ Hiền Bồ Tát. Một vị tăng tình cờ đi vào Chánh điện phát hiện ra việc này, vội chạy đi báo cho Hòa Thượng trụ trì biết và chur tăng đến lôi hai người xuống quở mắng về tội bất kính.

Lúc đó Ông Tăng Can đã tịch. Quan Huyện sở tại mắc một chứng bệnh nan y, Ông nằm chiêm bao thấy Ông Tăng Can hiện đến, tự xưng là Phật Di-Lạc, bảo quan Huyện muốn hết bệnh thì hãy đến đánh lễ Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát, xin hai vị đó ban cho Ông phương thuốc trị dứt bệnh, mà muốn đánh lễ hai vị Bồ Tát đó thì phải vào chùa Quốc Thanh, hỏi hai người tên là Hàn Sơn và Thập Đắc, vì đó là Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát hóa thân.

Sáng ngày, quan Huyện liền đi đến chùa Quốc Thanh như lời báo mộng, đòi gặp hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc. Hòa Thượng trụ trì và chúng tăng trong chùa rất ngạc nhiên, không biết tại sao quan Huyện lại có vẻ kính trọng hai người ăn mày đó thế. Hòa Thượng buộc lòng gọi hai người ấy ra. Hai vị liền nắm tay đi ra. Vừa thấy hai vị, quan Huyện quì mọp xuống lạy.

Hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc đồng cười nói:

- Cái Lão Tăng Can bày đặt làm cho ta bại lộ rồi.

Nói rồi, hai vị công nhau chạy tuốt vô rừng mất dạng.

Quan Huyện mới thuật lại đằm chiêu bao của Ông cho vị Hòa Thượng và chúng tăng trong chùa nghe, mới biết: Tăng Can là Đức Di-Lạc Bồ Tát hóa thân, còn hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc là Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát hóa thân.

II. BỐ ĐẠI HÒA THƯỢNG.

Bố Đại Hòa Thượng là một vị sư trọng tuổi có mang một túi vải lớn. (Bố Đại là cái túi vải lớn). Không ai biết tên tuổi và gốc gác của Ông, chỉ thấy Ông luôn luôn mang một cái túi vải lớn bên mình nên đặt ra gọi như vậy.

Ai cho gì, Ông cũng bỏ vào cái túi vải đó, đến chỗ gặp con nít đông thì Ông dừng lại, lấy tất cả đồ trong túi vải ra, rồi bày trò chơi vui đùa với lũ trẻ.

Ông có thân hình khác người thể tục, trán nhăn, mặt tròn, bụng lớn, mập mạp, luôn luôn mặc áo phạch ngực, miệng lúc nào cũng cười vui. Ông thường trú tại chùa Nhạc Lâm, huyện Phong Hóa, tỉnh Châu Minh.

Mỗi khi đi đường, Ông luôn luôn mang theo cái túi vải lớn và một cây tích trượng, không bao giờ rời xa hai vật ấy. Lại còn có 18 đứa con nít nhỏ thường đeo đuối bên Ông để chọc ghẹo mà Ông vẫn cười hề hề, không phiền trách chi cả, đứa thì móc lỗ mũi, đứa dùi lỗ tai, đứa chọc vô rún, đứa móc miệng, đứa bịt mắt, vv. . . Mười tám đứa con nít đó là Lục căn, Lục thức, ở trong tịnh trí của Ông mà hiện ra do thần thông quảng đại của Ông. Nhưng người đời sau họa hình hay làm tượng Đức Phật Di-Lạc, họ bớt lại chỉ còn 6 đứa con nít, tượng trưng Lục căn, bởi vì chính Lục căn làm con người vọng động phải bị chìm đắm trong vòng luân hồi sanh tử, mà cũng chính Lục căn làm cho con người đắc đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Thời đó là đời Ngũ Đại sau đời nhà Đường, nước Tàu chia làm 5 nước: Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu, kéo dài từ năm 907 đến năm 960.

Thiền Tông bấy giờ rất mạnh. Một hôm, có một vị Thiền sư phái Thảo đường hỏi Bồ Đại Hòa Thượng:

- Đại ý Phật pháp là thế nào?

Bồ Đại Hòa Thượng đang quảy cái bị trên vai, Ngài liền để xuống rồi đứng yên.

Thiền sư hỏi tiếp:

- Chỉ có thể thôi hay có con đường tiến lên chăng?

Ngài lại xách túi vải mang lên vai rồi đi.

Hai cử chỉ ấy là hai câu trả lời. Ngài để cái bị xuống là ý nói buông tất cả, xả bỏ tất cả, đừng chấp cái gì hết kể cả Phật pháp. Buông tất cả rồi đứng yên là để tâm thanh tịnh, rồi quảy bị lên vai và đi là tự tại, là ung dung của bực thoát trần.

Khi Bồ Đại Hòa Thượng ở xứ Mân Trung thì có một cư sĩ họ Trần thấy Ngài làm nhiều việc thần kỳ, nên đái Ngài rất trọng. Lúc Ngài gần từ giả Ông Trần để đi qua xứ Lương Chiết thì Ông cư sĩ muốn rõ tên họ của Ngài, bèn hỏi rằng:

- Thưa Hòa Thượng, xin cho tôi biết họ của Ngài, sanh năm nào và xuất gia đã bao lâu rồi?

Ngài bèn đáp rằng:

- Ta tỏ thiệt cho người rõ, ta chính họ Lý, sanh ngày mùng 8 tháng 2. Ta chỉ biểu hiệu cái túi vải này để độ đời đó thôi. Vậy người chớ tiết lộ cho ai biết.

Trần cư sĩ nghe vậy thì thưa rằng:

- Hòa Thượng đi đây, nếu có ai hỏi việc chi thì xin Ngài trả lời làm sao cho hợp lý, chớ tùy thuận theo người thì không khỏi bàng nhơn dị nghị tiếng thị phi.

Ngài liền đáp bằng bài kệ:

Ghét thương phải quấy biết bao là,

Xét nét lo lường giữ lấy ta.

Tâm để rỗng thông thường nhện nhục,

Bữa hằng thông thả phải tiêu ma.

Nếu người tri kỷ nên y phận,

Dẫu kẻ oan gia cũng cộng hòa.

Miền tấm lòng này không quá ngại,

Tự nhiên chứng đặng lục ba la.

Trần cư sĩ lại hỏi:

- Bạch Hòa Thượng, Ngài có pháp hiệu chi không?

Bồ Đại Hòa Thượng lại đáp bằng bài kệ:

*Ta có cái túi vải,
Rỗng rang không quái ngại,
Mở ra khắp mười phương,
Thâu vào quán tự tại.*

Trần cư sĩ lại hỏi tiếp:

- Ngài có đem hành lý gì theo không?

Ngài liền đáp bằng một bài kệ nữa:

*Bình bát cơm ngàn nhà,
Thân chơi muôn dặm xa,
Mắt xanh xem người thế,
Mây trắng hỏi đường qua.*

Trần cư sĩ hỏi tiếp:

- Đệ tử rất ngu muội, biết làm sao đặng thấy tánh Phật.

Ngài đáp bằng bài kệ:

*Phật tức tâm, tâm tức Phật,
Mười phương thế giới là linh vật,
Tung hoành diệu dụng biết bao nhiêu,
Cả thấy chẳng bằng tâm chơn thật.*

Trần cư sĩ nói:

- Hòa Thượng đi lần này nên ở chùa, chớ ở nhà thế gian.

Ngài lại đáp rằng:

*Ta có nhà Tam bảo,
Trong vốn không sắc tướng,
Chẳng cao cũng chẳng đê,
Không ngăn và không chướng.
Học vẫn khó làm bằng,
Cầu thì không thấy dạng,
Người trí biết rõ ràng,
Ngàn đời không tạo đặng,
Bốn môn bốn quả sanh,
Mười phương đều cúng dường.*

Trần cư sĩ nghe rồi liền đánh lễ Ngài mà thưa rằng:

- Xin Hòa Thượng nán lại một đêm dùng cơm chay với đệ tử đặng đệ tử hết lòng cung kính. Xin Ngài từ bi hạ cố.

Đêm ấy, Bồ Đại Hòa Thượng ngụ tại nhà Trần cư sĩ, đến khi đi thì Ngài viết một bài kệ dán nơi cửa như vầy:

*Ta có một thân Phật,
Có ai đặng tường tất,
Chẳng vẽ cũng chẳng tô,
Không chạm cũng không khắc,
Chẳng có chút đất bùn,
Không phai màu thể sắc,
Thợ vẽ vẽ không xong,
Kẻ trộm trộm chẳng mất.
Thể tướng vốn tự nhiên,
Thanh tịnh trong vặc vặc,
Tuy là có một thân,
Phân đến ngàn trăm ức.*

Khi Ngài đến quận Tứ Minh, Ngài thường ở nhà Ông Tường Tôn Bá. Ngài khuyên Ông này nên trì niệm Câu chú: "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa". Ông Bá nghe lời, luôn luôn trì niệm Câu chú này, trong lúc ngồi hay nằm đều niệm, nên người ta gọi Tường Tôn Bá là Ma Ha Cư sĩ.

Có một bữa nọ, Ngài cùng Ma Ha Cư sĩ ra tắm ở khe nước Trường đình. Khi Ngài đưa lưng cho Ma Ha cư sĩ kỳ cọ giùm thì ông này thấy nơi lưng Ngài có 4 con mắt rực rỡ chói lòa, lấy làm kinh dị vô cùng. Ông đánh lễ Ngài và nói rằng:

- Hòa Thượng là một vị Phật tái thể.

Ngài liền khoát tay bảo nhỏ rằng:

- Người chớ tiết lộ. Ta với người vốn có nhân duyên rất lớn, rồi đây ta sẽ từ biệt người mà đi, chớ nên buồn rầu.

Khi trở lại nhà, Ngài hỏi Ma Ha cư sĩ:

- Ý người muốn giàu sang không?

Ma Ha cư sĩ thưa rằng:

- Vả chẳng, sự giàu sang như mây nổi, như chiêm bao, nên tôi nguyện cho con cháu đời đời được miên viễn mà thôi.

Ngài thọc tay vào túi vải lấy ra cái hộp, trong đó đựng cái túi nhỏ và một sợi dây, đưa tặng Ma Ha cư sĩ, nói rằng:

- Ta tặng người mấy vật này mà từ biệt. Song ta căn dặn người phải gìn giữ kỹ lưỡng mà làm biểu tín những việc hậu vận của người.

Ma Ha cư sĩ lãnh mấy món ấy mà chẳng hiểu được ý gì. Cách vài bữa sau, Bồ Đại Hòa Thượng trở lại hỏi rằng:

Nhà người hiểu được ý ta không?

Cư sĩ thưa rằng:

- Thưa Ngài, đệ tử thiệt chẳng rõ.

- Đó là ta muốn cho con cháu của người ngày sau cũng như mấy vật ta tặng đó vậy. Cái hộp là thể thân xác của người, cái túi nhỏ là cái tâm, sợi dây là ý để liên lạc với Phật về mặt vô hình. Người đã hiểu giàu sang là mây nổi, kiếp sống là chiêm bao, vậy nên thành ý.

Nói rồi Ngài liền từ giả đi ngay.

Đến sau, quả nhiên con cháu của Ma Ha cư sĩ đều được vinh hoa phú quý, hưởng lộc nước đời đời.

Bồ Đại Hòa Thượng trở về chùa Nhạc Lâm. Đến ngày mùng 3 tháng 3, năm thứ 3 niên hiệu Trinh Minh, Ngài không bệnh chi cả, ngồi trên bàn thạch gần mái chùa Nhạc Lâm, làm một bài kệ:

*Di-Lạc chơn Di-Lạc,
Phân thân thiên bách ức,
Thời thời thị thời nhơn,
Thời nhơn tự bất thức.*

Nghĩa là:

Di-Lạc thật Di-Lạc,
Phân thân thành muôn ức,
Thường thường dạy người đời,
Người đời tự không biết.

Làm bài kệ xong thì Ngài nhập diệt.

Nhắc lại, ở vùng này có Ông Trần Đình Trường, thấy Bồ Đại Hòa Thượng hay khôi hài mà không lo sợ gì cả, nên mỗi lần gặp Ngài thì hay buông lời diễu cợt, rồi giựt cái túi vải đem

đốt. Hễ bữa nay đốt rồi thì hôm sau lại thấy Ngài mang cái túi vải như cũ. Ông lại giặt và đem đốt nữa, thì hôm sau vẫn thấy Ngài mang cái túi vải đó. Ông Trần lấy làm lạ nên đem lòng kính phục và chẳng dám chế diễu nữa.

Nay thấy Ngài nhập diệt rồi, Ông Trần Đình Trường lo mua áo quan để tẩm liệm Ngài, cốt ý chuộc tội với Ngài, nhưng đến chùng khiêng quan tài đi chôn, người rất đông mà khiêng cái quan tài không nổi.

Trong bọn ấy có người họ Đồng, ngày thường vẫn tỏ lòng tôn kính Ngài, khi thấy việc linh hiển như vậy liền vội đi mua cái áo quan khác mà đổi, liệm thi hài của Ngài vào áo quan mới. Khi khiêng đi chôn thì cảm thấy nhẹ phơi phới.

Ai nấy đều kính sợ, và đem lòng cung kính. Người trong quận lập hội lớn, lo xây tháp cho Ngài tại núi Phong sơn.

Các vị Tổ Sư Thiên Tông Phật giáo Trung Hoa chọn ngày Vía Đức Phật Di-Lạc vào ngày đầu năm, mừng 1 Tết Nguyên đán hằng năm với ý nghĩa là:

- Hình ảnh phúc hậu và nụ cười cởi mở của Đức Phật sẽ đem đến niềm vui và hạnh phúc cho gia đình suốt năm.

- Đức Phật Di-Lạc là vị Phật tương lai, vị Phật trong niềm hy vọng của mọi người để lập đời Thượng nguồn Thánh đức, mà ngày mừng 1 Tết là ngày hy vọng, là ngày chúc tụng lẫn nhau được mọi điều tốt đẹp và thành công.

Thời kỳ khởi đầu của ĐĐTKPĐ, Đức Phật Di-Lạc chưa giáng sanh xuống cõi trần, Ngài còn ở Cung Trời Đâu Suất. Ngài chỉ thỉnh thoảng giáng cơ để giáo hóa nhơn sanh.

Sau đây xin trích một bài Thánh giáo của Đức Di-Lạc Vương Phật giáng cơ trong Thánh giáo sưu tập:

THI:

*" DI -LẠC THIÊN TÔN giáng cõi trần,
Chào chư Thiên mạng, bực nguyên nhân.
Mừng chung thiện tín hàng tâm đạo,
Để nghiệm lời đây đạo đức phân.*

Này chư môn đồ! Đương giữa lúc thế trần đau khổ, ách nước nạn dân, chư môn đồ đã là những thành phần giác ngộ,

tìm Đạo học Đạo để tu thân và đem Đạo dìu dẫn người đời. Đó là chư môn đồ làm đúng theo lòng Thượng Đế.

Cõi đời là tạm bợ, hãy nương vào đây để lập công bồi đức, đừng xem đây là cõi thiệt vĩnh cửu trường tồn, rồi đắm say trần lụy, quên mất căn xưa, không ngày trở lại ngôi xưa vị cũ.

Một xã hội loài người muốn hưởng cảnh đất Thuần Trời Nghiêu, thái bình thanh trị, cần phải có đa số con người lương thiện để xây dựng xã hội đó.

Chư môn đồ ngày nay đang dần thân vào nghiệp duyên trần cấu, chịu sự trả quả chung của dân tộc, đừng bi quan, đừng thối chí, hãy nương cảnh ấy mà tu thân hành thiện, tự giải thoát cho mình và giúp người khác cùng giải thoát.

Hằng ngày, Bàn đạo thấy đa số nhơn sanh bá tánh đến trước Chánh điện lễ bái kính thành, hiển dâng lễ vật, nghĩ thiệt là tội nghiệp. Thương thay cho lòng mê muội của nhơn sanh còn quá nặng! Có mấy ai thấy được mặt Di-Lạc Thiên Tôn bao giờ chưa? Bàn đạo chắc là chưa ai thấy, chỉ có lời truyền tụng hoặc huấn dụ xuyên qua đàn cơ cùng Thánh giáo.

Sự tạc tượng thờ đó là do lòng kính thành của nhơn sanh thiện tín để cụ thể tượng và thể hiện lòng kính thờ đối với bậc trọn lành đem Đạo cứu đời.

Thương hại cho người đời còn lầm tưởng rằng: Đem lễ vật hiển dâng lễ bái để cầu xin một việc tư riêng sẽ được Bàn đạo hộ trì giúp đỡ!...

- Sự lễ bái, cúng lạy, quì mọp, ngoài ý nghĩa trịnh trọng thi lễ với Phật Trời, lại còn có ý nghĩa câu thúc thân mình trong sự khó khăn để trừ bớt nghiệp thân.

- Tịnh khẩu hoặc niệm Phật, tụng kinh để trừ bớt nghiệp khẩu.

- Nhắm mắt tham thiền hoặc ngó ngay vào tượng Phật hoặc ngọn nhang, ngọn đèn để trừ bớt nghiệp nhãn.

- Tham thiền định ý, khép chặt không cho tư tưởng suy nghĩ vẩn vơ phóng túng để trừ bớt nghiệp ý.

- Thiền định, không chấp nhận mọi tiếng động vào tai để trừ bớt nghiệp nhĩ.

Tóm lại, tất cả những điều ấy là những phương pháp trợ người tu hành được yên ổn trả dứt nghiệp cũ, không gây nghiệp mới và tạo thêm âm chất để làm vốn liếng sản nghiệp vô hình cho kiếp lai sanh hoặc cho bên kia thế giới.

Người tu hành nhờ rất nhiều phương pháp để trợ duyên, đừng quá chú trọng những hình thức đó tưởng là để Trời Phật thương rồi cho thành Chánh quả!

Mặc áo đạo để được nghiêm chỉnh, không nói, không dám làm điều trái đạo, làm cho thân thể mình mất mỹ thuật như thí phát, áo bã nâu sòng, chơn không đi dép, đó là ngăn chặn sự quyến rũ của tha nhân mà quấy rầy, không được an thân hành Đạo, ăn chay ăn lạt cho nhiều để thể hiện lòng bác ái hy sinh: Bác ái với loài vật, không nở giết chúng để nuôi mình sống, hy sinh sự thèm thuồng rượu ngon thịt béo để làm chủ được Thất tình Lục dục.

Đó là phương tiện cần kíp cho người tu và cũng đừng chú trọng đến đó là được thành Chánh quả.

Nói rõ hơn, ăn chay, niệm Phật, cúng lạy, hiến dâng, áo bã nâu sòng, là những phương tiện, không lấy đó làm đề tài chính để thành Chánh quả. Nhưng muốn thành Chánh quả, phải có những phương tiện đó gắn bó bên mình từ nội tâm đến ngoại thể.

Chư môn đồ ơi! Kỳ này là kỳ Đại Ân Xá, ai tu hành cũng dễ đắc quả vị, mà cũng chính thời kỳ này là thời kỳ hoàng kim, khoa học tiến bước vượt bậc. Những chủ thuyết hiện sinh đang tràn ngập thị trường sách báo, những vật chất xa hoa đua đòi thụ hưởng cũng dễ quyến rũ hấp dẫn. Vì vậy, cũng chính thời kỳ này là thời kỳ dễ sa đọa, làm tiêu tán bốn chơn linh, nguyên nhân khó trở lại.

Đa số môn đồ tín hữu đều có lòng mong vọng ngày Long Hoa Đại Hội, Phật Vương ra đời cầm quyền thương phạt.

Ý niệm đó cũng tốt, nhưng muốn được Phật Vương ban thưởng, ngay từ bây giờ, hãy làm những phương tiện, phương pháp hành đạo mà Bàn đạo vừa dạy khuyên. Có làm đúng được, ví như làm bài trúng, sẽ thi đậu trong kỳ chung cuộc của Đại Hội Long Hoa.

Còn điều quan trọng nữa sau đây: Tất cả môn đồ tín hữu, hoặc con chiên của Trời, của Phật, của Chúa, v.v...hãy vì lòng Đạo mà thương yêu đoàn kết, quây quần với nhau thành một khối vĩ đại để kết tụ khối tinh thần đạo đức vĩ đại, thường xuyên liên giao thân hữu, thăm viếng để trao đổi học hỏi đạo lý thuần chơn. Hễ đạo đức thắng thì Ma Vương Tà mị thối. Ngược lại, nếu đạo đức còn chia rẽ là đạo đức thối, ắt Ma Vương Tà mị thắng.

Nhớ đạo đức nơi đây có nghĩa là thuần túy tôn giáo. Có thuần túy tôn giáo mới thuận lòng Trời, hạp lòng người, mới mong thế gian được đạo đức bảo tồn trong kỳ Hạ nguơn Mặt kiếp này. THĂNG."

Trong những ngày Đại lễ Khai Đạo Cao Đài tại Thánh Thất tạm đặt tại Chùa Từ Lâm Tự Gò Kén (Tây Ninh), có trưng bày đôi liễn do Đức Chí Tôn ban cho:

- *Di-Lạc thất bá thiên niên quảng khai Đại Đạo,*
- *Thích Ca nhị thập ngũ thế chung lập Thiên môn.*

Nghĩa là:

Thất bá thiên niên: 700 000 năm. **Quảng khai:** Rộng mở.
Nhị thập ngũ thế: 25 thế kỷ tức là 2 500 năm. **Chung:** Hết.

- Đức Phật Di-Lạc, 700 000 năm, rộng mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,
- Đức Phật Thích Ca, 25 thế kỷ, chấm dứt việc lập nền Phật giáo.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

ĐĐTKPD: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Di ngôn bất hủ

遺言不朽

A: The indestructible last-words.

P: Les dernières paroles indestructibles.

Di: Sốt lại, để lại, tặng biếu. **Ngôn:** lời nói. **Bất:** không. **Hủ:** gốc mục.

Di ngôn là lời nói của người chết để lại.

Bất hủ là không mục nát.

Di ngôn bất hủ là lời nói của người chết để lại không bao giờ mục nát, có giá trị vĩnh viễn, làm khuôn thước cho đời sau.

Như vua Hớn Chiêu Liệt (Lưu Bị thời Tam Quốc) trước khi chết, kêu con là Thái Tử Lưu Thiện đến dặn rằng:

Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi, 勿以惡小而為之

Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi. 勿以善小而為

Nghĩa là:

Chớ cho việc ác nhỏ (tội không đáng kể) mà làm,

Chớ cho việc thiện nhỏ (công không đáng kể) mà không làm.

Đây quả thật là di ngôn bất hủ của Lưu Bị.

Đối với người tu hành, hai câu này có một giá trị đặc biệt trên phương diện lập công bồi đức, nên trong bài Kinh Nhập Hội, Đức Phạm Hộ Pháp có viết rằng: "*Phép tu vi là kế tu hành.*" Người tu hành, phải bắt đầu tập làm các việc lành nhỏ, rồi dần dần mới tới việc lành lớn. Nhiều cái công đức nhỏ gom lại cũng thành công đức lớn. (Tụ thiểu thành đa).

Di phong dịch tục

移風易俗

A: To change the customs.

P: Changer les coutumes.

Di: Dời đi, chuyển đi, đổi đi. **Dịch:** dời đổi. **Phong tục:** thói quen lâu đời.

Di phong dịch tục là làm cho phong tục của xã hội dời đổi khác với thuở xưa.

Di quan

移棺

A: To displace the coffin.

P: Déplacer le cercueil.

Di: Dời đi, chuyển đi, đổi đi. **Quan:** cái áo quan trong đó có

liệm xác người chết, thường gọi là quan tài. Khi di chuyển thì gọi là Linh cữu.

Di quan là di chuyển cái quan tài đem đi chôn.

Di xú vạn niên

遺醜萬年

A: To leave a bad reputation in ten thousand years.

P: Laisser une mauvaise réputation dans dix mille ans.

Di: Dời đi, chuyển đi, đổi đi. **Xú:** xấu, việc xấu. **Vạn niên:** muôn năm.

Di xú vạn niên là để lại cái tiếng xấu muôn năm sau.

Dĩ

Dĩ

1. **Dĩ:** 以 Lấy, dùng, cho đến, nhân vì.
Td: Dĩ ân báo oán, Dĩ chí.
2. **Dĩ:** 已 Thôi, quá, sự đã qua.
Td: Dĩ định, Dĩ vãng.

Dĩ ân báo oán

以恩報怨

A: To return good for evil.

P: Rendre le bien pour le mal.

Dĩ: Lấy, dùng, cho đến, nhân vì. **Ân:** ơn. Báo: đáp lại. **Oán:** thù giận.

Dĩ ân báo oán là lấy ơn đức đáp lại oán thù.

Dĩ ân báo oán thì oán mới tiêu.

Dĩ oán báo oán thì oán còn mãi mãi.

Dĩ chí

以至

A: Until.

P: Jusqu'à.

Dĩ: Lấy, dùng, cho đến, nhân vì. **Chí:** tới, đến.

Dĩ chí là cho đến.

TĐ ĐPHP: Từ trong vật loại *dĩ chí* hơn thân chúng ta đã có liên quan mật thiết nồng nàn.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Dĩ định

已定

A: Decided already.

P: Déjà accompli.

Dĩ: Thôi, quá, sự đã qua. **Định:** không dòi đổi.

Dĩ định là đã định như vậy rồi thì không dòi đổi.

TNHT: Thiên cơ *dĩ định* cho nên Đạo sáng lập đặng cứu vớt sanh linh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dĩ đức phục hơn

以德服人

Dĩ: Lấy, dùng, cho đến, nhân vì. **Đức:** đạo đức. **Phục:** thuận theo. **Nhơn:** người.

Dĩ đức phục hơn là dùng đạo đức làm cho người thuận theo, tức là dùng đạo đức để chinh phục lòng người khiến người ta tâm phục.

Dĩ hạ - Dĩ thượng - Dĩ hậu

以下 - 以上 - 以後

A: Down to - As above - After.

P: En dessous - En dessus - Après.

Dĩ: Lấy, dùng, cho đến, nhân vì. **Hạ:** thấp, dưới. **Thượng:** trên. **Hậu:** sau.

Dĩ hạ là lấy trở xuống dưới, từ đây trở xuống.

Dĩ thượng là lấy trở lên trên, từ đây trở lên.

Dĩ hậu là lấy trở về sau, từ đây về sau.

Dĩ hòa vi tiên

以和為先

Dĩ: Lấy, dùng, cho đến, nhân vì. **Hòa:** êm thuận với nhau. **Vi:** làm. **Tiên:** trước.

Dĩ hòa vi tiên là lấy sự hòa thuận làm trước hết.

TNHT: Vì vậy Thiếp khuyên các em *dĩ hòa vi tiên*.

(**Thiếp:** tiếng tự xưng của Đức Quan Âm Bồ Tát)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dĩ thân tuấn đạo

以身殉道

Dĩ: Lấy, dùng, cho đến, nhân vì. **Thân:** thân mình. **Tuấn:** liều chết vì một việc gì. **Đạo:** tôn giáo.

Dĩ thân tuấn đạo là đem thân chết vì Đạo hay là vì Đạo mà hy sinh thân mình.

Những vị này sẽ đắc thành Thánh Tử Đạo.

Dĩ vãng

已往

A: The past.

P: Le passé.

Dĩ: Thôi, quá, sự đã qua. **Vãng:** đã qua.

Dĩ vãng là thời gian đã qua.

Dĩ văn

以聞

A: To report respectfully.

P: Rapporter respectueusement.

Dĩ: Lấy, dùng, cho đến, nhân vì. **Văn:** truyền đạt, báo cho biết.

Dĩ văn là dùng để báo cho biết.

Trong các Sớ Văn thượng tấu, cuối bài Sớ thường có hai chữ "Dĩ Văn", có nghĩa là: Kính trình với thượng cấp, tức là kính cẩn tâu bày lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Dị

Dị

Dị: 異 Khác, lạ.

Td: Dị đồng, Dị chủng.

Dị đồng

異同

A: Different and similar.

P: Différent et semblable.

Dị: Khác, lạ. **Đồng:** cùng, giống nhau.

Dị đồng là khác nhau và giống nhau.

Những điểm dị đồng là những điểm khác nhau và những điểm giống nhau.

Dị chủng

異種

A: The different race.

P: La race différente.

Dị: Khác, lạ. **Chủng:** loài, giống nòi, chủng tộc.

Dị chủng là những người thuộc chủng tộc khác, ý nói người ngoại quốc.

TNHT: Chi cần *dị chủng* đến dân công.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dị đoan

異端

A: The superstition.

P: La superstition.

Dị: Khác, lạ. **Đoan:** đầu mối.

Dị đoan là những điều tin ngưỡng kỳ quái khiến người ta mê muội tin theo.

TNHT: Thầy chẳng dùng sự chi mà thế gian gọi là tà quái *dị đoan*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dị hợm

A: Bizarre.

P: Bizarre.

Dị: Khác, lạ. **Hợm:** hay Hợm là kỳ lạ xấu xa.

Dị hợm hay Dị hợm là điều kỳ lạ xấu xa, quái gở.

TĐ ĐPHP: Tôi nói quyết một điều là Chánh Trị Đạo mà có dính một chút của quyền đời thì *dị hợm* xấu xa lắm.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Dị lộ đồng qui

異路同歸

A: To arrive at a same aim by the different ways.

P: Arriver au même but par des voies différentes.

Dị: Khác, lạ. **Lộ:** đường. **Dị lộ** là những con đường khác nhau. **Đồng:** cùng. **Qui:** trở về, hiệp về. **Đồng qui** là cùng về một điểm.

Dị lộ đồng qui là nhiều con đường khác nhau mà cùng về một chỗ.

Ý nói: Phương pháp khác nhau nhưng cùng một mục đích. Câu này có ý nghĩa giống như câu: **Vạn thù qui nhứt bôn.**

Dị nghị

異議

A: To contest, to contradict.

P: Contester, contredire.

Dị: Khác, lạ. **Nghị:** bàn cãi.

Dị nghị là bàn cãi khác đi, có ý bài bác, phản đối.

TNHT: Thầy cấm không cho *dị nghị* việc người.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DỊCH

Dịch lý

易理

A: The philosophy of the Yi King.

P: La philosophie du Yi King.

Dịch: kinh Dịch. **Lý:** triết lý.

Dịch lý là triết lý trong Kinh Dịch.

Kinh Dịch là một bộ sách rất xưa và rất nổi tiếng, nói về triết lý vũ trụ và nhân sinh của cổ nhân Trung hoa.

Nhưng trước hết, chúng ta xem Dịch là gì?

Theo chiết tự, Dịch 易 có phần trên là chữ Nhật 日: mặt trời, phần dưới là biến thể của chữ Nguyệt 月: mặt trăng.

Như vậy Dịch là sự vận chuyển biến đổi của mặt trời và mặt trăng, tức là của ngày đêm, sáng tối, nói một cách tổng quát thì Dịch là sự biến đổi của Âm Dương.

Âm Dương có tính chất tương phản nhau nhưng cũng tương ứng, tương cầu (tìm nhau), tương giao (gặp nhau), có tương giao mới có tương thời (xô đẩy nhau), tương thể (thay thế nhau và bổ túc nhau) để tương thành (giúp nhau hoàn thành).

Dịch còn là biến dịch, tức là biến hóa, và mọi vật đều do sự biến hóa của Âm Dương mà ra. Sở dĩ có sự biến hóa như thế là vì do hai Khí Âm Dương tương ma (chà xát nhau) và nhờ đó mà sanh thành vạn vật.

Sự biến dịch cũng có qui luật: Phản phục, tuần hoàn.

Phản phục là khi Âm thịnh thì Dương suy, khi Dương thịnh thì Âm suy, hết thịnh tới động, hết động tới tịnh, vật cùng tắc biến, mà biến thì phản phục. Nhờ sự phản phục mà sự vật trong vũ trụ không bị bế tắc, không bị cùng, nên mới thông được mà sinh sinh hóa hóa mãi mãi.

Tuần hoàn là sự biến hóa đến cùng rồi thì quay trở lại, để cho được thông, có thông thì mới vĩnh cửu trường tồn.

*** Vũ Trụ Quan: Kinh Dịch nói về nguồn gốc của vũ trụ, từ Nhị nguyên tiến tới Nhật nguyên.**

Kinh Dịch xây dựng nguyên lý Âm Dương làm nguồn gốc của vũ trụ. Dương (Càn) tạo ra vạn vật vô hình, thuộc phần khí, nhưng phải nhờ Âm (Khôn) vạn vật mới chuyển qua hữu hình, cho nên công của Khôn cũng lớn như công của Càn, nhưng Khôn phải ở sau Càn, tùy thuộc Càn và bổ túc Càn.

Càn Khôn không phải tự nhiên mà có. Càn Khôn tức Âm Dương do Thái Cực biến hóa sanh ra. Đây mới chính thật là

khởi điểm của CKVT. Khi Âm Dương thống nhất trở lại thì biến thành Thái Cực, tức là từ Nhị nguyên trở về Nhất nguyên.

*** Nhân Sinh Quan: Kinh Dịch nêu rõ: Thiên nhân tương dữ, tức cho rằng: Vũ trụ vạn vật đồng nhứt thể.**

Đại biểu của vũ trụ là Trời Đất, đại biểu của vạn vật là Người. Trời Đất và Người cùng một thể, nên người được đứng vào hàng Tam Tài (Thiên Địa, Nhân). Phép tắc của Trời làm mô phạm cho hành vi của Người, tức là Thiên đạo làm mô phạm cho Nhơn đạo.

Cả vũ trụ chỉ là Âm Dương, Trời Dương, Đất Âm, trai là dương, gái là âm, như vậy Trời Đất và con người là nhứt thể. Loài người bị luật Âm Dương chi phối, thì Nhơn đạo bị Thiên đạo chi phối.

Cho nên trong Thuyết Quái truyện của Kinh Dịch có nói rằng: Dịch lập đạo Trời là Âm Dương, đạo Đất là cương nhu, đạo Người là nhân nghĩa.

Trong 64 quẻ của Kinh Dịch, tổng hợp lại chỉ nói bao gồm trong hai chữ: TRUNG CHÁNH.

Chánh là ngay thẳng, hợp với đạo lý.

Trung là ngay giữa, không nghiêng lệch.

Đạo lý trong thiên hạ chỉ khiến cho việc không trung trở về chỗ trung, việc không chánh trở về chỗ chánh.

Trung Chánh là quan niệm căn bản trong Kinh Dịch.

Nhưng Chánh không quý bằng Trung, vì có Chánh chưa hẳn đã có Trung, nhưng khi giữ được Trung thì đã có Chánh rồi. Như thế, Trung bao gồm Chánh, chứ Chánh không bao gồm được Trung. Khi quan sát các việc thiên nhiên trong Trời Đất, thấy cái gì đi đến chỗ thái quá thì gây phản ứng, nên Thánh nhân khuyên giữ lấy đạo Trung, phải giữ quân bình để tránh phản ứng tức là tránh tai họa.

Nhưng 2 chữ Chánh Trung lại gồm trong một chữ THỜI.

Hợp Thời mới gọi là Trung. Thí dụ như người giàu sang mà keo kiệt, người nghèo khó mà xa xỉ, thế thì không hợp Thời, tức không phải là Trung.

Thời gồm cả Chánh nữa, bởi vì nếu Chánh mà không hợp Thời thì thành ra xấu.

Tùy Thời mà vẫn giữ được Trung Chánh. Chúng ta phải biết lúc nào nên cương, lúc nào nên nhu, lúc nào nên tiến, lúc nào nên thoái, lúc nào nên động, lúc nào nên tĩnh,... tức là phải tùy Thời mà hành động. Cái đó rất khó, phải bình tĩnh, vô tư, sáng suốt thì mới biết tùy Thời.

64 quẻ của Kinh Dịch là 64 thời; 384 hào là 384 hoàn cảnh. Bấy nhiêu đó mà suy ra thì có thể áp dụng cho mọi việc mọi lúc trong đời sống.

Như phần trên đã nói: Dịch là Âm Dương, hai thế lực ấy không bao giờ tiêu diệt nhau, nhưng lại biến đổi nghịch chiều nhau: Âm thịnh thì Dương suy, hay ngược lại. Từ chỗ đó mới suy ra Thiện và Ác, Tiên Phật và Quỷ Ma, Quân tử và Tiểu nhân. Hai cái đó luôn luôn tồn tại, kèm giữ nhau chớ không thể tiêu diệt nhau.

Nếu không có Ác thì làm sao biết Thiện, không có Quỷ Ma thì làm sao biết Tiên Phật, cũng như không có Tiểu nhân thì làm sao biết được người nào là Quân tử.

Thời thịnh thì Quân tử thắng, Tiểu nhân thối nhưng nó vẫn còn ẩn náo ở đó chớ không phải bị tiêu diệt. Cuộc tranh đấu giữa Thiện và Ác không bao giờ chấm dứt, từ bao đời xưa sẽ mãi mãi tồn tại đến bao đời sau.

Người Quân tử phải dụng đức trí mà *tùy thời* hành động cho thích hợp. Khi đắc thời thì khoan dung với Tiểu nhân, còn khi thất thời thì qui ẩn giữ đạo Trung Chánh.

Tóm lại: "***Chu Dịch nhất bộ thư, khả nhứt ngôn nhi tế chi, viết: Thời.***" Nghĩa là: Bộ sách Chu Dịch có thể tóm tắt trong một chữ: THỜI.

(Đây là nói tóm tắt về Triết lý của Kinh Dịch, còn phần nguồn gốc của Kinh Dịch thì xem nơi chữ: **Ngũ Kinh, văn Ng**)

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Dịch sử

役使

A: To command, to order.

P: Commander, donner un ordre.

Dịch: sai khiến. **Sử:** sai khiến.

Dịch sử là sai khiến.

KNHTĐ: Vô vi nhi *dịch sử* quân linh.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

DIÊM

Diêm cung - Diêm đài - Diêm đình

閻宮 - 閻臺 - 閻廷

Diêm: cõi Âm phủ, cõi của người chết.

Cung: cung điện. **Đài:** đèn đài. **Đình:** triều đình.

Diêm cung là cung điện nơi cõi Âm phủ, là nơi làm việc của Thập Điện Diêm Vương cai quản cõi Âm phủ.

Diêm đài là đèn đài nơi cõi Âm phủ.

Diêm đình là triều đình của Thập Điện Diêm Vương.

Ba từ ngữ trên đều đồng nghĩa, chỉ cõi Âm phủ, nơi đó có Thập Điện Diêm Vương cai quản.

KCTPĐQL: Cõi *Diêm cung* tha quả vong căn.

KSH: Diêm đài gông tróng sẵn sàng.

Chón *Diêm đình* phạt quở trừng răn.

KCTPĐQL: Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

KSH: Kinh Sám Hối.

DIÊN

DIÊN

DIÊN: 延 Lâu dài, kéo dài.

Td: Diên niên, Diên trì.

Diên niên ích thọ

延年益壽

A: To lengthen life.

P: Prolonger la vie.

Diên: Lâu dài, kéo dài. **Niên:** năm, tuổi. **Ích:** thêm lên.
Thọ: sống lâu.

Diên niên ích thọ là kéo dài tuổi tác cho được sống lâu.

Diên trì

延遲

A: To delay.

P: Retarder.

Diên: Lâu dài, kéo dài. **Trì:** chậm chạp, trễ muộn.

Diên trì là làm chậm lại, kéo dài thời gian.

TNHT: Nếu *diên trì* thì bước đường sau khó theo dấu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DIỆN

DIỆN

DIỆN: 面 Mặt, trước mặt, mặt ngoài.

Td: Diện bích, Diện kiến.

Diện bích

面壁

A: To turn the face to the wall.

P: Tourner la face au mur.

Diện: Mặt, trước mặt, mặt ngoài. **Bích:** vách tường bằng đá.

Diện bích là mặt nhìn vào vách đá để tu luyện.

Thường nói: *Cửu niên diện bích:* chín năm ngồi quay mặt vào vách đá để thiền định.

Đó là nói về Đức Đạt Ma Tổ Sư từ Ấn Độ qua nước Trung hoa để truyền Phật giáo, nhưng chưa đến thời kỳ, nên Ngài đến chùa Thiếu Lâm, ngồi quay mặt vào vách đá thiền định trong suốt 9 năm. (Xem chi tiết: **Nhứt Tổ, văn Nh**)

Diện kiến

面見

A: To visit personally.

P: Visiter en personne.

Diện: Mặt, trước mặt, mặt ngoài. **Kiến:** thấy, gặp.

Diện kiến là vào thăm thấy tận mặt.

Diện mục

面目

A: The face and eyes.

P: La face et les yeux.

Diện: Mặt, trước mặt, mặt ngoài. **Mục:** con mắt.

Diện mục là mặt và mắt, chỉ tướng mạo.

Hà diện mục: Còn thể diện nào!

Diện thị bối phi

面是背非

Diện: Mặt, trước mặt, mặt ngoài. **Thị:** đúng, phải. **Bối:** sau lưng. **Phi:** sai.

Diện thị bối phi là trước mặt nói phải, sau lưng nói trái.

Ý nói: kẻ phản phúc, tráo trở.

DIỆT

DIỆT

DIỆT: 滅 Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt.

Td: Diệt hóa, Diệt vong.

Diệt độ

滅渡

A: To enter Nirvana. P: Entrer au Nirvana.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Độ:** cứu giúp qua sông.

Đây là từ ngữ của Phật giáo có nghĩa là tiêu trừ nhân quả của vòng sanh tử luân hồi, qua khỏi biển khổ đến bờ giác.

Như thế, diệt độ là chỉ sự chết của thể xác, linh hồn thoát ra nhập vào cõi Niết Bàn (cõi TLHS).

Kinh Niết Bàn: Do diệt sinh tử nên gọi là diệt độ.

Thuật ngữ "Diệt độ" thường dùng để chỉ cái chết của các vị Tổ Sư Phật giáo, hay các cao tăng đắc đạo.

Đạo Cao Đài thì dùng các từ ngữ:

- **Qui Thiên:** Trở về Trời, chỉ cái chết của Đức Giáo Tông hay Đức Hộ Pháp.
- **Đăng Tiên:** Lên cõi Tiên, chỉ cái chết của các Chức sắc hàng Tiên vị.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Diệt hình

滅形

A: To destroy the material form.

P: Détruire la forme matérielle.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Hình:** hình thể vật chất, sắc tướng thấy được.

Diệt hình là làm cho mất đi cái hình thể vật chất, hay tiêu diệt các hình thức hữu vi.

Hữu vi thì có hình tướng, diệt mất cái hình tướng ấy thì trở lại vô vi.

KĐ1C: Giải thi thoát khổ *diệt hình* đoạn căn.

PMCK: *Diệt hình* tà pháp cường khai đại đồng.

KĐ1C: Kinh Độ Nhứt cửu.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Diệt hóa - Bảo hóa

滅化 - 保化

A: To destroy the life - To conserve the life.

P: Détruire la vie - Conserver la vie.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Hóa:** sanh hóa, biến đổi để tạo ra cái khác. **Bảo:** giữ gìn.

Diệt hóa là tiêu diệt sự sanh hóa, tức là sát sanh.

Bảo hóa là gìn giữ sự sanh hóa, tức là gìn giữ sự sống và phát triển sự sống.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải thích như sau:

Cái bảo vệ cho Tạo đoạn không có quyền diệt hóa, phải bảo hóa mà thôi. Cơ quan bảo hóa tức nhiên là Chánh, cơ quan diệt hóa tức nhiên là Tà.

Triết lý nào giúp cho nhơn loại bảo trọng cơ quan Tạo đoạn bền bỉ vững chắc, nó là Chánh; triết lý nào xúi giục làm cho vạn vật tàn sát nhau, diệt hóa, tức nhiên triết lý ấy là Tà. Diệt hóa là Bàng môn Tả đạo.

Bây giờ, muốn bảo hóa, đừng diệt hóa, Đức Chí Tôn biểu gì? Ngài để một định luật trước mặt là: Bác ái, Công bình.

TNHT: Quĩ vương là tay *diệt hóa*, cũng như có sống của Thầy ắt có chết của Quĩ vương vậy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Diệt phàm

滅凡

A: To destroy the mediocrity.

P: Détruire la médiocrité.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Phàm:** tầm thường thấp kém.

Diệt phàm là trừ bỏ những cái tầm thường thấp kém của mình để vươn mình lên chỗ cao thượng.

Cái phàm của con người tâm phàm, tánh phàm, trí phàm.

Diệt phàm để cho tâm phàm mất đi, tâm Thánh hiện ra.

TNHT: *Diệt phàm* gắng chí thoát mê tâm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Diệt tàn

滅殘

A: To annihilate.

P: Anéantir.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Tàn:** làm hư hại, cái còn sót lại.

Diệt tàn là tiêu diệt cho mất hết.

TNHT: Kẻ nghịch cùng thế Đạo thì tội trục ngoại xã hội hay là *diệt tàn* cho khỏi lưu hại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Diệt tận phàm tâm

滅盡凡心

A: To destroy the profane heart.

P: Détruire le coeur profane.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Tận:** hết. **Phàm:** tầm thường thấp kém. **Tâm:** cái tâm của con người.

Diệt tận phàm tâm là tiêu diệt cho mất hết cái phàm tâm của mình để cho Thánh tâm hiển lộ.

TNHT: Các con phải cho thanh tịnh kể từ nay, *diệt tận phàm tâm*, chớ như một điểm, thì ngày ấy thẻ mới đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Diệt thác

A: To kill.

P: Tuer.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Thác:** chết.

Diệt thác là giết chết.

TNHT: Còn kẻ nghịch cùng Đạo pháp thì tội trục ngoại Thánh thể Chí Tôn hay là có ngày quyền thiêng liêng *diệt thác*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Diệt tục xử phàm

A: To destroy the vulgarity.

P: Détruire la vulgarité.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Tục:** tầm thường thấp kém. **Xử:** trút bỏ khỏi mình những cái vương vít. **Phàm:** phàm tục.

Diệt tục xử phàm là tiêu diệt và trút bỏ những cái thấp kém thô鄙 để tiến lên chỗ cao thượng.

TNHT: Thầy thấy nhiều đũa xả thân cầu Đạo, *diệt tục xử phàm*, để mình làm hướng đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Diệt vong

滅亡

A: To be extinction.

P: Être extintif.

Diệt: Trừ bỏ, mất đi, tiêu diệt. **Vong:** mất.

Diệt vong là làm cho tiêu mất.

KĐT: Khai cơ tận độ, Cứu tuyền *diệt vong*.

KĐT: Kinh Đại Tường.

DIÊU (DAO)

DIÊU

1. **DIÊU:** 搖 Lay động qua lại.
Td: Diêu động.
2. **DIÊU:** 瑤 Ngọc Diêu hay ngọc Dao, là loại ngọc rất quý ở cõi thiêng liêng.
Td: Diêu Trì Cung.

Diêu động

搖動

A: To oscillate.

P: Osciller.

Diêu: Lay động qua lại. **Động:** chuyển động.

■ *Diêu động hay Dao động là chuyển động đưa qua đưa lại một cách nhịp nhàng như quả lắc đồng hồ.*

KĐ5C: Thiên Quân diêu động linh phan.

■ *Diêu động hay Dao động còn có một nghĩa nữa là làm cho rung động để thức tỉnh.*

KTP: Cảm quang diêu động tâm tu.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

KTP: Kinh Thuyết Pháp.

Diêu Trì Cung

瑶池宫

A: Palace at the lake of jade: Palace of Buddha-Mother.

P: Palais au lac de jade: Palais de Bouddha-Mère.

Diêu: Ngọc Diêu hay ngọc Dao, là loại ngọc rất quý ở cõi thiêng liêng. **Trì:** cái ao. **Cung:** cung điện.

Diêu trì hay Dao trì là cái ao làm bằng ngọc diêu nơi cõi thiêng liêng, ở tầng Trời thứ 9 Tọa Hóa Thiên.

Diêu Trì Cung là cung điện bên cạnh ao Diêu Trì, là nơi thường ngự của Đức Phật Mẫu.

Bát Nương giáng cơ đêm 10-1-Nhâm Thìn (1952) giảng về Diêu Trì Cung như sau:

"Chị chào mấy em. Đêm nay Chị đến đặng chỉ cho mấy em rõ Diêu Trì Cung là nơi nào?"

Nơi ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm quang, đài ấy thấu lặn Sanh quang của ngôi Thái Cực rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên chơn thần cho vạn linh trong CKVT.

Phật Mẫu là Đấng nắm Cơ Sanh hóa, thay quyền Chí Tôn, đứng ra thấu cả Thập Thiên can đem hiệp với Thập nhị Địa chi mà tạo nên vạn vật. Nơi Cung Diêu Trì là nơi tạo nên chơn thần và thể xác đó vậy.

Diêu Trì Cung là cung điện bằng ngọc diêu ở bên Ao Thất bửu, chớ chẳng chi lạ. Ngọc tượng trưng cho sự quý giá, còn Diêu là chất hơi kết tụ mà thành.

Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ độ mà Quan Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu.

Quan Âm Bồ Tát ngự tại cung Nam Hải, ở An Nhân động, còn Diêu Trì Cung thì ở tại Tọa Hóa Thiên.

Nơi Cung Diêu Trì còn có một cõi Âm Quang riêng biệt gọi là Phong Đô đặng giáo hóa các chơn hồn đã bị lạc nẻo trên đường trần.

Vậy, vẫn tất hơn, Diêu Trì Cung là Cơ Sanh hóa vạn linh và vạn vật đó."

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Diêu Trì Cửu Nương

瑶池九娘

A: The nine Muses in the palace of jade.

P: Les neuf Muses dans le palais de jade.

Diêu Trì: Diêu Trì Cung. **Cửu Nương:** 9 vị Nữ Tiên.

Diêu Trì Cửu Nương là 9 vị Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung, có phận sự giúp việc cho Đức Phật Mẫu trong coi về cơ Giáo hóa vạn linh. (Xem chi tiết: Cửu vị Tiên Nương, văn C)

TTCĐDTKM: Dưới tay cây có Diêu Trì Cửu Nương.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Diêu Trì Kim Mẫu - Phật Mẫu Diêu Trì

瑶池金母 - 佛母瑶池

A: Buddha-Mother.

P: Bouddha-Mère.

Kim Mẫu: là từ nói tắt của danh hiệu: Kim Bàn Phật Mẫu, nghĩa là Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn nơi Diêu Trì Cung. Kim Bàn hay Kim Bồn là nơi Đức Phật Mẫu chứa các nguyên chất để tạo ra chơn thần cho vạn linh.

* Diêu Trì Kim Mẫu là Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn nơi Diêu Trì Cung.

* Phật Mẫu Diêu Trì là Đức Phật Mẫu ở Diêu Trì Cung.

Đây là hai danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

- I. Đức Phật Mẫu là ai?
- II. Quyền năng của Đức Phật Mẫu
 - Sự tích: Hồn rước Diêu Trì

I. Đức Phật Mẫu là ai?

Theo Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài, khi chưa có Trời Đất, còn trong thời kỳ Hỗn Mang hay Hồng Mông, trong vũ trụ chỉ có một chất khí hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi, thanh trước hỗn hợp, nhưng vô cùng huyền diệu, gọi là Khí Hư Vô (còn gọi là Tiên Thiên Hư Vô chi Khí).

Khí Hư Vô ấy lần lần ngưng kết rồi nổ ra một tiếng thật lớn, sanh ra một khối Đại Linh Quang, cũng gọi là Thái Cực, trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô tận vô cùng.

Vũ trụ từ đây bắt đầu có một ngôi Thái Cực duy nhất, là Đại Hồn của một Đấng duy nhất được gọi là **Ngọc Hoàng Thượng Đế** mà chúng ta thường gọi là **Đức Chí Tôn**.

Đức Chí Tôn phân Thái Cực ra Dương Nghi: Dương Quang và Âm Quang. Đức Chí Tôn chưởng quản Khí Dương Quang, còn Khí Âm Quang chưa có ai chưởng quản, vì Càn khôn Vũ trụ lúc bấy giờ chỉ có một mình Đức Chí Tôn mà thôi. *Đức Chí Tôn mới hóa thân ra Đức Phật Mẫu để chưởng quản Khí Âm Quang.*

Vậy, nguồn gốc của Đức Phật Mẫu là một hóa thân đầu tiên của Đức Chí Tôn để làm chủ Khí Âm Quang, cầm phân nửa quyền lực của Đức Chí Tôn và luôn luôn tùng theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn. (Khi Đức Chí Tôn tạo dựng ra Càn khôn Vũ trụ tới đâu thì Đức Chí Tôn tiếp tục hóa thân ra các Đấng khác để chưởng quản tới đó).

Vũ trụ tới đây đã có 2 khối chất khí vĩ đại là Dương Quang và Âm Quang, và có 2 Đấng đầu tiên cầm quyền Càn khôn Vũ trụ là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Sau đó, Đức Phật Mẫu vâng lệnh Đức Chí Tôn, thân lần sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Âm Quang phối hợp với Dương Quang để tạo hóa ra các tầng Trời, các quả Tinh cầu và các Địa cầu, tạo thành Càn khôn Vũ trụ.

Tiếp theo, Đức Phật Mẫu tạo hóa ra Vạn linh nơi cõi Thiêng liêng vô hình. (Vạn linh gồm đủ Bát hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn).

Rồi Đức Phật Mẫu lại cho Vạn linh đầu kiếp xuống các Địa cầu tạo thành Vạn vật, tức là Chúng sanh. (Chúng sanh gồm: Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại).

PMCK: *Bát hồn vạn chuyển hóa thành chúng sanh.*

*** Mỗi một người nơi cõi thiêng liêng đều có 2 thể:**

- **Một Chơn linh**, tức là Linh hồn, do Đức Chí Tôn ban cho. Chơn linh này chỉ là một điểm Linh quang do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh quang của Ngài, ban cho mỗi người để con người có được Tánh linh, có được sự sống và biết gìn giữ sự sống ấy.
- **Một Chơn thân**, tức là một Xác thân thiêng liêng hay Hình hài thiêng liêng, do Đức Phật Mẫu tạo ra và ban cho để làm hình thể vô vi, bao bọc Chơn linh.

Do đó, con người nơi cõi thiêng liêng gọi Đức Chí Tôn là **Đại Từ Phụ**, gọi Đức Phật Mẫu là **Đại Từ Mẫu**. Ấy là 2 Đấng CHA MẸ chung thiêng liêng vĩ đại nơi cõi Hư linh.

Khi con người ấy đầu kiếp xuống cõi phàm trần thì Chơn linh và Chơn thân của người ấy liền nhập vào thai nhi ngay lúc được sanh ra từ trong bụng bà mẹ phàm trần. Vậy:

*** Một con người nơi cõi phàm trần có 3 thể:**

- **Chơn linh** (đã giải ở trên) do Đức Chí Tôn ban cho.
- **Chơn thân** (đã giải ở trên) do Đức Phật Mẫu tạo ra.
- **Xác thân** phàm trần do cha mẹ phàm trần tạo ra.

Như thế, một con người nơi cõi phàm trần, ngoài hai Đấng CHA MẸ chung thiêng liêng, còn có thêm hai vị cha mẹ phàm trần nữa.

Tóm lại, toàn cả chúng sanh trong CKVT hay toàn cả Vạn linh, đều là con cái của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, dầu cho đó là những vị Phật cao siêu như Đức Phật Thích Ca, Đức Phật Di-Lạc, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Chúa Jésus, vv... Tất cả đều là con cái của Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Hiện nay, Đức Phật Mẫu ngự tại Cung Diêu Trì, ở tầng Trời Tạo Hóa Thiên, là tầng Trời thứ 9 trong Cửu Trùng Thiên.

Theo DLCK, Đức Phật Mẫu cùng các vị Phật: Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chưởng Hậu Phật, Thủ Luân Phật, với Cửu vị Nữ Phật, và hàng hà sa số chư Phật khác, thường đi đến các cõi trần để dưỡng dục chúng sanh qui nguyên Phật vị.

Đức Phật Mẫu được hơn loại tôn xưng bằng nhiều danh hiệu khác nhau, tùy theo tín ngưỡng tôn giáo, dân tộc và địa phương, kể ra như sau đây:

- **Phật Mẫu**, vì là MẸ thiêng liêng của toàn cả Vạn linh và Chúng sanh.
- **Điều Trì Kim Mẫu**, vì Đức Phật Mẫu ngự tại DTC.
- **Kim Bàn Phật Mẫu**, vì Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn nơi Điều Trì Cung.
- **Cửu Thiên Huyền Nữ**, vì Đức Phật Mẫu rất huyền diệu, ngự tại tầng Trời Tạo Hóa Thiên là tầng thứ 9 trong Cửu Trùng Thiên.
- **Đức MẸ thiêng liêng,**
- **Đại Từ Mẫu,**
- **Thiên Hậu,**
- **Địa Mẫu,**
- **MẸ sanh.**

Đạo Cao Đài tôn thờ Đức Phật Mẫu là tôn thờ NGÔI ÂM, tức là Ngôi Thứ Nhì; còn NGÔI DƯƠNG là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, tức Ngôi Thứ Nhất.

Đây là một Triết lý hết sức mới mẻ và đúng đắn mà từ trước tới nay các tôn giáo chưa từng có. Họ chỉ biết thờ Ngôi Dương mà thôi.

Việc thờ phượng Đức Phật Mẫu hiện nay của Đạo Cao Đài còn tạm đặt tại Báo Ân Từ trong Nội Ô TTTN, vì Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương chưa xây dựng. Chừng nào Hội Thánh xây dựng Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương thì sẽ chánh thức thờ Đức Phật Mẫu tại đó và trả lại Báo Ân Từ làm đền thờ các bậc vĩ nhân có đại công với hơn loại và các bậc tiền bối có đại công với Đạo, để hậu sanh tỏ lòng biết ơn theo đúng chức năng của nó như tên gọi Báo Ân Từ (nhà thờ báo ơn).

II. Quyền năng của Đức Phật Mẫu:

Quyền năng to lớn của Đức Phật Mẫu được cho biết trong hai bài kinh: Phật Mẫu Chơn Kinh và Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu, và trong các bài Thánh Ngôn của Đức Phật Mẫu giáng cơ ban cho (Thánh Ngôn của Đức Diêu Trì Kim Mẫu có chép trong phần sau).

Một số quyền năng của Đức Phật Mẫu được biết kể ra:

1. Chủ Âm Quang:

Đức Chí Tôn làm chủ Dương Quang, Đức Phật Mẫu làm chủ Âm Quang, nghĩa là Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu làm chủ phần Âm trong toàn cả CKVT.

PMCK: *Chủ Âm Quang thường tòng Thiên mạng.*

2. Chương quản Kim Bàn:

Kim Bàn hay Kim Bồn là nơi Đức Phật Mẫu dùng chứa các nguyên chất để tạo Chơn thần (Xác thân thiêng liêng) cho con người nơi cõi thiêng liêng.

KĐ9C: *Nơi Kim Bồn vàn vàn ngưng chát,
Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.*

3. Chương quản Vườn Đào Tiên:

Đức Phật Mẫu lập ra Vườn Đào Tiên và dùng các quả Đào Tiên ban thưởng cho các Chơn linh tu hành đắc đạo khi trở về cõi Thiêng liêng Hằng sống.

PMCK: *Chương Đào Tiên thủ giải trường tồn*

KĐ2C: *Tây Vương Mẫu vườn Đào ươm chín,
Chén trường sanh có lệnh ngự ban.
Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng,
Chơn thần khá đến hội hàng chư linh.*

Hằng năm, đến kỳ Đào Tiên chín, Đức Phật Mẫu mở Hội Yến Bàn Đào nơi Diêu Trì Cung, dùng các quả Đào Tiên và Tiên tửu, đãi các Đấng Tiên Phật nơi cõi thiêng liêng.

4. Tận độ nhơn sanh:

Toàn cả nhơn loại, nhứt là 92 ức nguyên nhân đang còn trầm luân nơi cõi trần, đều là con cái thương yêu của Đức Phật Mẫu. Đức Phật Mẫu tận dụng các hình thức giáo hóa để

cứu độ tất cả con cái của Ngài, đem trở về cõi thiêng liêng, giao cho Đức Chí Tôn phán định phẩm tước và ngôi vị.

PMCK: *Nghiệp hồng vận tử hồi môn,
Chí Công định vị vĩnh tồn Thiên Cung.*

5. Chương quản Tạo Hóa Thiên:

Tạo Hóa Thiên là tầng Trời rất huyền diệu, cao nhất trong Cửu Trùng Thiên.

Theo DLCK: *"Tạo Hóa Huyền Thiên hữu: Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chương Hậu Phật, Thủ Luân Phật, dữ Cửu vị Nữ Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, từng linh Kim Bàn Phật Mẫu, năng tạo năng hóa Vạn linh, năng du Ta-bà Thế giới, dưỡng dục quần sanh, qui nguyên Phật vị.*

*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thính Ngã dục tu phát nguyện: **Nam mô Kim Bàn Phật Mẫu** dưỡng dục quần linh; nhược hữu sanh, nhược vị sanh, nhược hữu kiếp, nhược vô kiếp, nhược hữu tội, nhược vô tội, nhược hữu niệm, nhược vô niệm, huòn hư thi hình đắc A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề xá lợi tử qui nguyên Phật vị, tất đắc giải thoát."*

Nghĩa là: Tầng Trời Tạo Hóa Thiên huyền diệu có: Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chương Hậu Phật, Thủ Luân Phật, cùng với Chín vị Nữ Phật, như các cấp vô số Phật, tuân theo mạng lệnh của Đức Phật Mẫu chương quản Kim Bàn, có khả năng tạo hóa tất cả Chơn linh, có khả năng đi đây đi đó đến các cõi trần, nuôi nấng chăm sóc chúng sanh, trở về nguồn cội là ngôi vị Phật.

Nếu như có người nam lành, người nữ lành, nghe theo lời Ta, muốn tu hành thì phát ra lời nguyện: **Nam mô Kim Bàn Phật Mẫu** nuôi nấng chăm sóc tất cả các Chơn linh ; nếu như có sanh ra, nếu như chưa sanh ra, nếu như có kiếp sống, nếu như không có kiếp sống, nếu như có tội, nếu như không tội, nếu như có lòng tưởng niệm, nếu như không có lòng tưởng niệm, trở lại cõi Hư Vô, thi hành đúng theo khuôn phép, được phẩm vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Chơn thần trở về nguồn cội là ngôi vị Phật, ắt được giải thoát.

6. Quyền làm MẸ Vạn linh:

Đức Phật Mẫu là bà MẸ thiêng liêng của toàn cả Vạn linh, mà Vạn linh thì gồm đủ Bát Hồn (tức là 8 phẩm Chơn linh) gồm: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Nhưng tại sao quyền hành của Đức Phật Mẫu lại nhỏ hơn quyền hành của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật hay Đức Di-Lạc Vương Phật?

Đức Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS giải như sau:

"Bản đạo đi ngang Cung Hồn Nguồn Thượng Thiên, là nơi Đức Di-Lạc đã thâm pháp, đã định vị nơi ấy. Bản đạo có tả mà trong tâm còn mờ hồ, không biết tại sao, vì lẽ gì, Đức Phật Mẫu là MẸ mà phải chịu dưới quyền con là Đức Di-Lạc, trong bụng coi hơi bất mãn.

Liền khi ấy, Bản đạo ngó thấy cái tướng hình của Đức Phật Mẫu đứng đằng trước, còn Đức Di-Lạc ở đằng sau lưng, qui xuống, đưa hai bàn tay lên, đặng tỏ cho Bản đạo hiểu, dầu cho người con ấy mạnh mẽ, quyền hành thế nào, mà quyền MẸ vẫn là quyền MẸ, không thế gì qua được. Ngài chỉ tuân theo mạng lệnh của Đức Phật Mẫu đặng trị thế mà thôi."

Cũng trong Con đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo, thuật lại lúc Ngài vào Diêu Trì Cung bái kiến Đức Phật Mẫu, thấy cái huyền năng vô biên của Đức Phật Mẫu:

Bản đạo cùng các bạn kỳ trước đã ghé nơi Tọa Hóa Thiên, tức Tòa Thiên Cung Phật Mẫu là Diêu Trì Cung.

Bản đạo có nói một điều làm cho chúng ta nên suy nghĩ nhiều là: Huyền bí vô biên của Phật Mẫu.

"Bản đạo nói sơ lược huyền năng thế nào, mà khi chúng ta vào kiến diện Đức Phật Mẫu, ta ngó trên mặt Ngài, ta thấy mặt bà mẹ ta, sanh ta, đương như buổi sống, đương lo buổi trở về. Bản đạo tưởng ngó thấy bà mẹ sanh Bản đạo, tưởng cả thấy cũng đều ngó thấy người mẹ của họ vậy.

Nếu lấy theo cái trí học tưởng tượng không biết con mắt thiêng liêng có chiếu hình mẹ ta chiếu diệu ra không? hay là Huyền diệu vô biên của Phật Mẫu cho chúng ta thấy như vậy.

Bà mẹ hình hài chúng ta đây là nhơn viên của Đức Phật Mẫu bên phái nữ đó....

Có điều trọng hệ là dầu nam nữ cũng vậy, ráng giữ một điều này: Coi chừng đừng thất hiếu với cha mẹ. Ngày mình ngó thấy hình ảnh Đức Phật Mẫu thì thấy người Mẹ hơn từ, hiền hậu vô cùng, hạnh phúc mình được hưởng đó, còn trái ngược lung lay, nếu ta thất hiếu, ta dòm vào hình ảnh của Phật Mẫu, ta thấy nét mặt nghiêm nghị và lãnh đạm, chúng ta sẽ hết sức đau khổ đó."

Việc thờ phượng Đức Phật Mẫu hiện nay tạm đặt tại Báo Ân Từ trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh. Trong Báo Ân Từ, Đức Phạm Hộ Pháp dạy đắp tượng thờ Đức Phật Mẫu theo sự tích Hồn rước Diêu Trì, tức là vua Hồn Võ Đế cầu Đức Phật Mẫu giáng xuống Hoa Điện:

Sự tích: Hồn rước Diêu Trì:

Vua Hồn Võ Đế hay Hán Vũ Đế (141-87 trước Tây lịch) là vị vua thứ 5 của nhà Hồn (Hán) bên Tàu, có hùng tài đại lược, nhưng cũng rất tín ngưỡng Trời Phật.

Khi Hồn Võ Đế mới lên ngôi, Ngài có phát nguyện lập một cảnh chùa thật tráng lệ gọi là HOA ĐIỆN để sùng bái Trời Phật. Gọi là Hoa Điện, vì chùa này được chạm khắc hình các thứ hoa trên các vật liệu xây dựng, nên mới trông vào thấy như là một Cung Điện toàn bằng hoa.

Ngôi chùa lớn lao cực kỳ xinh đẹp như thế, nhưng nhà vua chưa quyết định thờ Đấng nào, chỉ để trống, chủ tâm là chờ đợi đến chừng nào nhà vua thấy được sự huyền diệu hiện tượng ra thì nhà vua mới sùng bái.

Đến năm Hồn Võ Đế được 61 tuổi, nhà vua tổ chức một Lễ Khánh thọ Đáo tuế long trọng, Ngài có sở vọng cầu khẩn thế nào cho có Đức Phật Mẫu giáng xuống chứng lễ, nên nhà vua lập bàn hương án trước sân chùa cầu khẩn ngày đêm, mà không biết Đức Phật Mẫu ngự ở nơi nào và có thấu biết chăng?

Lúc bấy giờ có Ông Đông Phương Sóc, tu đắc đạo thành Tiên, mà trước kia Ông có làm quan trong triều đình của Hồn Võ Đế, sau về núi tu luyện, đang ngồi tịnh, chợt động tâm, liền đoán biết hiểu rõ mọi việc của Võ Đế nơi triều đình. Ông liền xuống núi, đi đến kinh đô, vào triều đình yết kiến Võ Đế.

Vua Hớn Võ Đế gặp Đông Phương Sóc thì rất mừng rỡ, thuật hết mọi việc cho Đông Phương Sóc nghe và nói rõ ước vọng của nhà vua nhân cuộc Lễ Khánh thọ Đáo tuế là sở cầu Đức Phật Mẫu đến chứng lễ, mà không biết Đức Phật Mẫu ở nơi nào, và nhờ ai đi thỉnh, may mắn có Đông Phương Sóc tới, vậy nhờ khanh giúp trăm đi thỉnh Đức Phật Mẫu được chăng?

Ông Đông Phương Sóc tâu rằng:

- Bệ Hạ đã định thì hạ thần phục mạng, dầu khổ nhọc thế nào, hạ thần cũng đến Diêu Trì Cung thỉnh Đức Phật Mẫu, nhưng kết quả được cùng chăng là do lòng thành cầu nguyện của Bệ Hạ. Vạy xin Bệ Hạ ban chiếu cho Thần đi thỉnh.

Đoạn Đông Phương Sóc lãnh chiếu chỉ ra đi.

Ông dùng huyền diệu Tiên gia, chỉ trong chốc lát, Đông Phương Sóc đã đến được Diêu Trì Cung nơi cõi Tạo Hóa Thiên.

Đông Phương Sóc xin vào yết kiến Đức Phật Mẫu và tâu bày hết các việc của vua Hớn Võ Đế khẩn cầu.

Đức Phật Mẫu cảm động và phán:

- Phật Mẫu sẽ giáng phàm vào đêm Trung Thu chứng lễ Khánh thọ của Hớn Võ Đế theo sự khẩn cầu, sẽ đem theo 4 Tiên đồng nữ nhạc đờn ngâm bài chúc thọ, và tặng 4 quả Đào Tiên. Khi Phật Mẫu đến có Thanh loan báo tin trước.

Phương Sóc rất vui mừng, bái tạ Đức Phật Mẫu, rồi cấp tốc trở lại trần gian, tâu bày các việc cho vua Võ Đế biết.

Nhà vua rất vui mừng và hỏi: - Thanh loan là gì?

Đông Phương Sóc đáp: - Thanh loan là con chim loan màu xanh, đó là con chim lịnh của Đức Phật Mẫu, dùng để chở Đức Phật Mẫu du hành khắp nơi.

Xin Bệ Hạ chỉnh trang cho long trọng, trang nghiêm, tinh khiết để nghinh tiếp Đức Phật Mẫu, phải lập bàn hương án bên trong và bên ngoài, xông hương khử trừ.

Đêm rằm Trung Thu năm đó, trăng sáng vàng vạc, đầu giờ Tý, Hớn Võ Đế quì trước Hoa Điện, thành tâm cầu khẩn.

Xây thấy một con chim Thanh loan đáp xuống sân Hoa Điện. Liền khi đó, Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương và bốn Tiên đồng nữ nhạc giáng lâm trước Hoa Điện.

Hớn Võ Đế cung nghinh Đức Phật Mẫu vào ngự nơi Chánh điện của Hoa Điện.

Đức Phật Mẫu dạy bốn Tiên đồng nữ nhạc trao tặng cho Hớn Võ Đế 4 quả Đào Tiên và ca ngâm bài chúc thọ. Ông Đông Phương Sóc quì, hai tay nâng cái đĩa lên để rước lộc (rước 4 quả Đào Tiên).

Bốn vị Tiên đồng nữ nhạc ấy có tên là: Hứa Phi Yến, An Phát Trinh, Đổng Song Thành và Vương Tử Phá.

Sau khi chứng lễ Đáo tuế của Vua Hớn Võ Đế xong, Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương và 4 Tiên đồng nữ nhạc cỡi chim Thanh loan trở về DTC nơi cõi Thiêng liêng.

Vua Hớn Võ Đế ghi nhớ hình ảnh của Đức Phật Mẫu và Chín vị Nữ Tiên, cho thợ khéo, tạc hình Đức Phật Mẫu và Chín vị Nữ Tiên nơi Hoa Điện để ghi nhớ sự tích và phụng thờ Đức Phật Mẫu.

Sự tích này được truyền tụng đến ngày nay.

Do đó, nơi thờ Đức Phật Mẫu được gọi là **DIỆN** chứ không gọi là **ĐỀN**.

Do theo sự tích này, Đức Hộ Pháp dạy đắp tượng thờ Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương nơi Báo Ân Từ như sau:

" 1. Trên hết là chơn dung Đức Phật Mẫu (ĐPM) cỡi thanh loan, tức là con chim loan màu xanh.

2. Kế đắp 9 pho tượng của Cửu vị Tiên Nương.

3. Đắp thêm 4 pho tượng của 4 Nữ nhạc theo hầu ĐPM.

4. Pho tượng ông Đông Phương Sóc quì bưng bằng hai tay một cái đĩa nâng lên khỏi đầu, trên đĩa có 4 quả đào Tiên do ĐPM ban tặng. Ông Đông Phương Sóc quì bên hữu ĐPM.

5. Pho tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện.

Trong khuôn tượng, đắp lên một cảnh chùa cổ tự, kiểu xưa gọi là Hoa Điện.

Đáng lẽ tạo hình Hớn Võ Đế, nhưng vì đời Hớn Võ Đế đến nay quá xa thẳm, lại nữa, nguyên căn của Hớn Võ Đế là chơn linh Hớn Chung Ly trong Bát Tiên giáng phàm. Nay là thời Hạ nguơn Tam Chuyển, bước qua Thượng nguơn Tứ Chuyển, Bát Tiên lãnh lệnh giáng phàm làm tướng soái cho Đức Chí Tôn mở Đạo, Đức Cao Thượng Phẩm chính là chơn linh Hớn Chung Ly giáng phàm kỳ này, nên tạo hình Đức Cao Thượng Phẩm thay vào chỗ Hớn Võ Đế thì thuận hơn."

Thánh ngôn của Đức Phật Mẫu giáng dạy cũng khá nhiều, sau đây xin chép ra một bài tượng trưng:

Đàn cơ tại Thảo Xá Hiền Cung, ngày 15-11-Tân Mùi (dl 23-12-1931)

Phò loan: Đức Hộ Pháp - Bảo Văn Pháp Quân.

ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

Thiếp chào chư Hiền đồ Nam Nữ.

Có Từ Bi giá ngự, Thiếp nhượng cho Người, mà Người nhượng lại cho Thiếp giáng trước giáo hóa đôi điều. Thiếp phải tuân mạng. Chư Hiền đồ bình thân.

THI:

Từ Hồn độn Chí Tôn hạ chỉ,
 Cho Thiếp quyền quân Khí Hư Vô,
 Lấy Âm quang tạo phách tăng đồ,
 Muôn vật cả lo cho sanh hóa.
 Nuôi nấng lấy xác thân hòa hỏa,
 Thuận Âm Dương căn quả hữu vi,
Chưa ai vào đến cõi trần này,
Chẳng thọ lấy Chơn Thần tay Thiếp.
 Sanh dưỡng đã biết bao căn kiếp,
 Rồi dặt diu cho hiệp với CHA.
 Kia mớm cơm vú sữa cũng là,
 Sanh một kiếp người ta đáng mấy!
 Dầu hài cốt trăm năm cũng vậy,
 Khó tình thương chẳng lấy chi nhiều.
 Huống tạo Thiên đùm bọc chất chiu,
 Sanh một đũa liều ngàn thế kỷ.

Chịu mất trẻ cũng vì Tà mị,
 Cướp con thương bỏ vị quên ngôi,
 Ôi! Thương nhiều phen phải chịu ngậm ngùi,
 Thấy thân trẻ nổi trôi biển khổ.
 Trân trọng lấy hình hài dơ ố,
 Còn thiêng liêng vô số tiếc thương,
 Hằng trông mong con đừng phi thường,
 Đem vào đừng con đường hằng sống.
 Kể từ trước Thiếp là hình bóng,
 Biết thương con chẳng mộng con thương,
 Đạo diu Đồi bởi Thiếp lo lường,
 Trên mới thuận khoáng trượng phổ tế.
 Kể từ trước Đạo còn bị bế,
 MẸ thương con chẳng thế dặt dìu,
 Nay cỡi trần nghiệt chướng giảm tiêu,
 Ngọc Hư định đã nhiều phép cứu.
*Thiếp từ đừng **Phái Vàng** chí bửu,*
Lịnh Chí Tôn khai mồi Tam Kỳ,
 Hằng ngày lo cho đám Nữ nhi,
 Chẳng đủ trí sánh bì Nam tử.
 Ơn nhờ có con là Long Nữ,
 Đến thay thân Thiên sứ Từ Hàng,
 Đùm bọc em, con ráng bước một đường,
 Đừng cho MẸ dễ dàng cứu rỗi.
 Kia Cực Lạc Niết Bàn đem đổi,
 Lấy thân phạm làm mối giải oan,
 MẸ trông con về cảnh an nhàn,
 Ở trần thế muôn ngàn sầu thảm.
 Cỡi Thiên vị cho con còn dám,
 Huống dạy khuyên mô phạm căn tu,
 Chính tiếc con chẳng rõ hiền ngu,
 Đừng tự định công phu trọn phận.
 Con thì đưa đường đời lần bản,
 Con thì hay vay trở cơ mầu,
 Mối huyền vi nào rõ cao sâu,
 Cứ đeo đẳng mạch sầu nguồn thảm.
 Con ví biết mình cao bực phẩm,
 Thì phải toan cho dám phé đời,

Các em con chỉ để con người,
 Coi con bước mấy đời nổi gót.
 Lời cần yếu MẸ than cho trót,
 Muốn dạy em, con khá xót xa chùng,
 Phải hằng ngày ở dựa bên lưng,
 Nhắc từ chuyện, khuyên răn từ việc.
Cửu Nương vốn nhọc nhằn chẳng tiếc,
 Chỉ trách con chưa biết nhập trường,
 Phải hiểu rằng lòng MẸ hằng thương...

THĂNG

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

DTC: Điều Trì Cung.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

KĐ2C: Kinh Đệ Nhị cửu.

KĐ9C: Kinh Đệ Cửu cửu.

DIỆU

DIỆU

1. **DIỆU:** 渺 Còn đọc là Diểu, Miểu: xa tít mù.
 Td: Diểu diểu Huỳnh Kim Khuyết.
2. **DIỆU:** 妙 Tinh xảo, khéo léo.
 Td: Diểu huyền, Diểu quang.

Diểu diểu Huỳnh Kim Khuyết

渺渺黃金闕

Diểu: Còn đọc là Diểu, Miểu: xa tít mù. **Diểu diểu:** ở mù mù rất xa.

Diểu diểu Huỳnh Kim Khuyết là cửa Huỳnh Kim Khuyết nơi cõi thiêng liêng ở mù mù rất xa.

Diệu huyền

妙玄

A: Mysterious.

P: Mystérieux.

Diệu: Tinh xảo, khéo léo. **Huyền:** sâu kín.

Diệu huyền hay Huyền diệu là mầu nhiệm, khéo léo sâu kín, không thể dùng trí phàm xét đoán được.

TG: *Diệu huyền* thần biến, Tử khí đông lai.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Diệu quang

妙光

A: The mysterious light.

P: La lumière mystérieuse.

Diệu: Còn đọc là Diểu, Miểu: xa tít mù. **Quang:** ánh sáng.

Diệu quang là ánh sáng huyền diệu.

DLCK: Năng chiếu *diệu quang* tiêu trừ nghiệt chướng.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

DINH (DOANH)

DINH

1. **DINH:** 瀛 Biển lớn.

Td: Dinh đảo.

2. **DINH:** 盈 Đầy đủ.

Td: Dinh hư.

Dinh đảo

瀛島

A: Isle of the Immortals.

P: Île des Immortels.

Dinh: Biển lớn. **Đảo:** hòn đảo giữa biển, cù lao.

Dinh đảo hay Doanh đảo là đảo Doanh Châu ở biển Bột Hải. Tương truyền trên hòn đảo này có Tiên ở. Do đó, Dinh đảo là chỉ cõi Tiên, hay cảnh Tiên. (Xem: Bồng đảo)

TNHT: Dinh đảo nghiêng tại Thánh khải đờn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dinh hoàn

瀛寰

A: The world.

P: Le monde.

Dinh: Biển lớn. **Hoàn:** vùng đất lớn.

Dinh hoàn hay Doanh hoàn là đất liền và biển, chỉ toàn cả mặt địa cầu, tức là cả thế giới.

TNHT: Biết chừng nào cho cảnh *dinh hoàn* này được trọn hưởng ân huệ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dinh hư tiêu trưởng

盈虛消長

A: Full and empty, decadent and prosperous.

P: Plein et vide, décadent et prospère.

Dinh: Đầy đủ. **Hư:** trống không.

Dinh hư là khi đầy khi vơi, ý nói thịnh suy bất thường.

Tiêu: mòn đi. **Trưởng:** lớn lên.

Tiêu trưởng là khi xuống khi lên, biến đổi luôn luôn.

Dinh hư tiêu trường là chỉ những trạng thái biến đổi bất thường của cuộc đời, khi suy khi thịnh, khi vui khi buồn, vv... không bao giờ thịnh mãi hay suy mãi, luôn luôn biến đổi, cứ hết thịnh tới suy và hết suy tới thịnh.

TNHT: Biết thế biết thời, biết *dinh hư*, biết tồn vong ưu liệt, rồi mới biết hổ mặt thẹn lòng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DÒ

Dò đơn

A: To inform, doubtful.

P: S'informer, douteux.

Dò: thử cho biết. **Đon:** hỏi thăm, thăm chùng.

Dò đơn là tìm tòi thăm hỏi cho biết.

Ý nói: Việc chưa biết, còn ngờ.

TNHT: Thông minh miệng thế mặc dò đơn.
Về tươi bợn thế nét dò đơn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DOAN

DOAN

(Xem: Duyên)

DÒNG

DÒNG

1. **DÒNG:** Đường nước chảy.
Td: Dòng Bích.
2. **DÒNG:** Những người cùng một gốc mà ra.
Td: Dòng giống.

Dòng bích

A: The current of greenish water.

P: Le courant de l'eau verdâtre.

Dòng: Dòng nước, đường nước chảy. **Bích:** màu xanh biếc.

Dòng bích là dòng nước xanh biếc của biển khổ.

Ý nói: Bích Hải, tức là biển khổ.

TĐ ĐPHP: Con đường TLHS.

"Đài ấy có 8 góc, kêu là BQĐ, không thể gì chúng ta tả ra với lời nói đặng, bởi đài ấy huyền bí biến hóa vô cùng. Nó có 8 cửa, trong 8 cửa, chúng ta ngó thấy cả vạn linh và vật loại, các hình thể vạn linh đều xuất hiện, hình ảnh sáng suốt, hiện ra hào quang chiếu diệu. Trong 8 góc có 8 cái cầu, lạ thay, cầu ấy không phải bằng cây ván mà nó là 8 đạo hào quang. Cầu ấy bắc ngang bờ. Dưới cầu ấy, chúng ta ngó thấy dường như một Bích Hải, nước xao sóng dợn như biển sôi nổi đó vậy.

Lạ thay! Cầu ấy rất huyền diệu, ai đứng lên đó được mới biết mình nhập vô BQĐ. Lúc để bước lên cầu, cầu ấy chuyển đi làm chúng ta phải yếu, đi không đặng, chúng ta muốn thối bộ. Khi chơn vừa bước tới, chính mình ta ngó thấy dường như mình yếu đi, nhưng người nào bước tới cũng đặng.

Đi được nửa chừng, nếu không đủ Thiên vị, hay vì tội tình oan gia nghiệt chướng chi mà chúng ta đã đào tạo nơi mặt thể này, chúng ta đi tới nửa cầu sẽ bị lọt xuống Bích Hải. Lọt xuống đó rồi, ta thấy hồi lúc đi, còn ở trên cầu, hình ảnh còn đẹp đẽ tốt tươi, hễ lọt xuống Bích Hải rồi chúng ta thấy hình thù đen thui, dị hợm lắm, ta không thể tưởng tượng, còn hơn loài mọi kia tối đen như vậy...

Chúng ta dòm phía dưới thấy đại hải mênh mông, nước cuộn xanh biếc, sóng dợn ba đào, mỗi làn sóng đề chữ KHỔ, chúng ta chia ra đi trên ấy, chúng ta thấy dợn hào quang nổi lên dữ tợn lắm, mấy chữ lớn là SANH, LÃO, BỊNH, TỬ, làn sóng dợn lên rồi hạ xuống, mỗi làn đều có đề một chữ KHỔ.

Bên kia bờ sông có một chiếc thuyền, thuyền ấy của Đức Quan Âm Bồ Tát vâng lệnh Đức Phật Di-Lạc đi độ sanh. Thuyền ấy qua qua lại lại..."

Vậy, Bích Hải là biển khổ. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật chèo thuyền Bát Nhã qua lại trên biển khổ để rước những người đầy đủ phước đức đem lên cõi TLHS. Dòng Bích chính là Bích Hải, là biển khổ đó vậy.

TNHT: *Dòng bích* thuyền từ còn đợi bến.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

BQĐ: Bát Quái Đài.

Dòng giống

A: The race.

P: La race.

Dòng: Những người cùng một gốc mà ra. **Giống:** giống nòi.

Dòng giống là những người có cùng chung một huyết thống, một tổ tiên.

TNHT: Thầy lập nhơn loại là dòng giống các con...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dòng ngân

A: The milky way.

P: La voie lactée.

Dòng: Đường nước chảy. **Ngân:** màu sáng bạc.

Dòng ngân là dòng sông Ngân Hà mà chúng ta thấy nằm vắt ngang bầu Trời.

Theo truyện Ngưu Lang và Chức Nữ, dòng sông Ngân Hà chia cắt tình yêu của đôi vợ chồng Ngưu Lang và Chức Nữ, nên nó là dòng sông đau khổ.

Ngân Hà nối liền với biển khổ. Cho nên, dòng Ngân là chỉ Biển khổ. (Xem chi tiết nơi chữ: Ngân Hà, văn Ng).

TNHT: Thuyền khơi đọi gió lướt *dòng ngân*,
Dẫn khách Nam qua khỏi bến trần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DỐC

Dốc kiếm diệu huyền

A: To unsheathe the mysterious sword.

P: *Dégainer l'épée mystérieuse.*

Dốc kiếm: tuốt kiếm ra khỏi vỏ. **Kiếm diệu huyền:** cây gươm huyền diệu, đó là cây gươm trí huệ. Người tu khi đạt được trí huệ thì dùng cái trí huệ này như là cây kiếm huyền diệu để diệt trừ phiền não, quyết thắng tam độc: Tham, Sân, Si.

Dốc kiếm diệu huyền là rút ra khỏi vỏ cây gươm trí huệ để diệt trừ phiền não. (Xem: Gươm huệ, vần G)

KTT: Đã gan dốc kiếm *diệu huyền*,
Sanh sanh là phận, hiền hiền là công.

KTT: Kinh Tắm Thánh.

DỐI

DỐI

DỐI: Nói sai sự thật để lừa gạt người.

Td: Dối cậ in kinh, Dối tu.

Dối cậ in kinh

Dối: Nói sai sự thật để lừa gạt người. **Cậ:** dựa vào. **In kinh:** in các kinh sách trong Đạo để phổ biến ra ngoài, có mục đích khuyến tu.

Dối cậy in kinh là dựa vào việc in kinh sách để làm điều gian dối, in giá thấp mà nói giá cao để ăn lời, bỏ túi riêng.

KSH:

Lại có kẻ miệng ngay lòng vạy,
Tồi làm chùa, *dối cậy in kinh*,
Ăn gian xới bớt cho mình,
Dầu qua dương pháp, luật hình Diêm Vương.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Dối kết

A: To reunite lyingly.

P: Réunir trompeusement.

Dối: Nói sai sự thật để lừa gạt người. **Kết:** liên kết, kết hợp.

Dối kết là liên kết với nhau một cách dối trá để mưu lợi.

GTK: Ngoài mặt giả tuồng người trượng nghĩa,
Trong lòng *dối kết* chút tình chung.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Dối tu cúng chùa

Dối: Nói sai sự thật để lừa gạt người. **Dối tu:** tu giả dối, giả làm người tu hành.

Dối tu cúng chùa là đi cúng chùa để giả danh là kẻ tu hành, hầu để bề lừa gạt người nhẹ dạ dễ tin.

KSH: Lường cân tráo đấu, *dối tu cúng chùa*.

KSH: Kinh Sâm Hối.

DU

DU

1. **DU:** 遊 Đi rong chơi, đi chơi đó đây.
Td: Du hành, Du hý, Du Tiên.
2. **DU:** 偷 Ăn cắp, ăn trộm.
Td: Du đạo.

Du đãng

遊蕩

A: The vagrancy.

P: Le vagabond.

Du: Đi rong chơi, đi chơi đó đây. **Đãng:** rong chơi lêu lổng.

Du đãng là kẻ rong chơi lêu lổng, thường tụ tập nhậu nhẹt la hét, phá phách người đi đường.

KSH: Gái xướng ky, trai thì du đãng.

KSH: Kinh Sám Hối.

Du đạo

偷盜

A: To rob and to pirate.

P: Voler et piller.

Du: Ăn cắp, ăn trộm. còn đọc một âm nữa là Thâu. **Đạo:** trộm.

Du đạo tức là Thâu đạo, nghĩa là trộm cướp.

Du đạo là một trọng tội, nên trong Ngũ Giới Cấm có ghi rõ: **Nhị bất du đạo.** Nghĩa là: "Điều răn cấm thứ nhì là cấm trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận."

Du hành bất tức

遊行不息

A: To circulate without cease.

P: Circuler sans cesse.

Du: Đi rong chơi, đi chơi đó đây. **Hành:** đi. **Bất:** không. **Tức:** ngừng nghỉ.

Du hành bất tức là đi đó đây khắp nơi không ngừng nghỉ.

KNHTĐ: Thời thừa lục long, *du hành bất tức.*

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Du hý du thực

遊戲遊食

A: The amusement and vagabondage.

P: L'amusement et vagabondage.

Du: Đi rong chơi, đi chơi đó đây. **Hý:** đùa giỡn vui vẻ. **Thực:** ăn.

Du hý du thực là đi chơi lông bông tìm đến những chỗ vui vẻ và ăn uống không nơi nhứt định.

TĐ ĐPHP: Hạng thứ tư là hạng ta bà, *du hý du thực*, đến chơi rồi về.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Du tiên

遊仙

A: To travel to the fairyland.

P: Voyager au séjour des immortels.

Du: Đi rong chơi, đi chơi đó đây. **Tiên:** cõi Tiên.

Du Tiên là đi chơi lên cõi Tiên, ý nói chết, linh hồn thoát ra đi lên cõi Tiên.

DỤC

DỤC

1. **DỤC:** 育 Nuôi cho khôn lớn.
Td: Dục anh.
2. **DỤC:** 欲 Muốn, tham muốn.
Td: Dục lợi, Dục quyền, Dục tấn.
3. **DỤC:** 慾 Lòng ham muốn.
Td: Dục lòng, Dục vọng.

Dục anh

育嬰

A: The nursery.

P: La crèche.

Dục: Nuôi cho khôn lớn. **Anh:** trẻ con.

Dục anh là chăm sóc nuôi nấng trẻ con.

Dục anh viện là nhà nuôi nấng trẻ con, thường là nuôi dưỡng trẻ mồ côi.

Dục đa thương thần

慾多傷神

Dục: Lòng ham muốn. **Đa:** nhiều. **Thương:** làm hại. **Thần:** tinh thần.

Dục đa là lòng ham muốn nhiều thứ.

Thương thần là làm tổn hại tinh thần.

Đức Lão Tử nói: "*Dục đa thương thần, tài đa lụy thân.*"
Nghĩa là: Lòng dục nhiều thì hại tinh thần, tiền của nhiều thì lụy đến thân.

Dục lòng

A: The desires.

P: Les désirs.

Dục: Lòng ham muốn.

Dục lòng là lòng ham muốn tranh đua vật chất hay hưởng thụ khoái lạc.

TNHT: Khuya sớm tương đưa hết *dục lòng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dục lợi cầu danh

欲利求名

Dục: Muốn, tham muốn. **Lợi:** lợi lộc. **Cầu:** mong mỏi. **Danh:** tiếng tăm.

Dục lợi là ham muốn lợi lộc.

Cầu danh là mong cầu danh tiếng.

Danh và lợi là hai thứ rất hấp dẫn đối với người đời, họ muốn thu đoạt về cho họ càng nhiều càng tốt, để thỏa mãn lòng tự ái và ích kỷ. Danh và lợi làm con người mù quáng lương tâm, gây ra nhiều tội lỗi và đau khổ, ràng buộc mãi con người vào vòng luân hồi vay trả, trả vay.

TNHT: Công Thầy bố hóa bị lũ học trò tham lam ngu xuẩn, *dục lợi cầu danh*, làm cho tà quái lẫn vào...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dục quyền cầu lợi

欲權求利

Dục: Muốn, tham muốn. **Quyền:** quyền hành. **Cầu:** mong mỏi.

Dục quyền cầu lợi là ham muốn quyền thế để mưu cầu lợi lộc.

TNHT: Nghe điều cảm dỗ, mê luyến hồng trần, ăn cho phải đọa, dâm cho phải bị đày, nên phải chịu nạn áo cơm, *dục quyền cầu lợi*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dục tấn

欲進

A: The desire of advancement.

P: Le désir de l'avancement.

Dục: Muốn, tham muốn. **Tấn:** tiến tới, tiến hóa.

Dục tấn là mong muốn tiến tới, mong muốn tiến hóa.

Dục tình

慾情

A: The sensuality.

P: La sensualité.

Dục: Lòng ham muốn. **Tình:** tình cảm giữa nam nữ.

Dục tình là lòng ham muốn về thú vui xác thịt nam nữ.

KĐ3C: Tiêu thiêu lấp tiếng *dục tình*.

KĐ3C: Kinh Đệ Tam cừu.

Dục tốc bất đạt

欲速不達

Dục: Muốn, tham muốn. **Tốc:** mau. **Bất:** không. **Đạt:** thành.

Dục tốc bất đạt là muốn làm gấp thì không thành công.

Đức Khổng Tử có nói rằng: Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi: "*Dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành.*" Nghĩa là: Chớ muốn mau, chớ thấy lợi nhỏ: Muốn mau thì không đạt, thấy lợi nhỏ thì việc lớn không thành.

Dục vọng

慾望

A: Ambition.

P: Ambition.

Dục: Lòng ham muốn. **Vọng:** trông mong.

Dục vọng là lòng ham muốn mong ước.

TNHT: Thánh đạo của Chúa Cứu Thế làm tăng *dục vọng* của kẻ mạnh đối với người yếu...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DUNG

DUNG

DUNG: 容 có 3 nghĩa sau đây:

1. **DUNG:** Hình dáng.
Td: Dung nghi.
2. **DUNG:** Hoà lẫn, bao bọc.
Td: Dung hợp.
3. **DUNG:** Tha thứ.
Td: Dung thứ.

Dung hợp

容合

A: To fuse, concord.

P: Fusionner, concorde.

Dung: Hoà lẫn, bao bọc. **Hợp:** hòa hợp.

Dung hợp là hợp lại hòa lẫn vào nhau, không có điều xung khắc.

Giáo lý của Đạo Cao Đài dung hợp hoàn toàn các giáo lý của Tam giáo vì Giáo lý của Đạo Cao Đài là nguyên căn của các Giáo lý, do Đấng Thượng Đế lập nên.

Dung nghi

容儀

A: The countenance.

P: La contenance.

Dung: Hình dáng. **Nghi:** dáng ngoài.

Dung nghi là dáng vấp bề ngoài.

Hai câu thơ vui do Đức Phạm Hộ Pháp đặt ra, gắn trước tiệm chụp hình Xuân Dung ở Long Hoa:

DUNG nghi ví muốn còn XUÂN mãi,
Đừng để rụng răng mới chụp hình.

(Tiệm chụp hình Xuân Dung là cơ sở của CQPT, lập ra để lấy lợi tức nuôi công quả, nay đã dẹp bỏ vì mở rộng đường Báo Quốc Từ).

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Dung thứ

容恕

A: To tolerate.

P: Tolérer.

Dung: Tha thứ. **Thứ:** bỏ qua, không bắt lỗi.

Dung thứ là khoan dung tha thứ.

DUỢT

Duyệt kiếp khiên

劫劫愆

A: To examine the faults in a life.

P: Examiner les fautes dans une vie.

Duyệt: Duyệt: xem xét để đánh giá trị hơn kém. **Kiếp:** một kiếp sống nơi cõi trần. **Khiên:** tội lỗi.

Duyệt kiếp khiên tức là Duyệt kiếp khiên, là xem xét các tội lỗi mà một người đã gây ra trong suốt một kiếp sống nơi cõi trần để đánh giá trị và định kết quả: Thăng hay đọa.

Nếu tội ít mà phước đức nhiều thì được siêu thăng. Nếu tội nhiều mà phước đức ít thì bị đọa luân hồi.

KĐT: Trường thi Tiên, Phật, *duyet kiếp khiên*.

KĐT: Kinh Đại Trường.

DUY

DUY

1. **DUY:** 唯 Chỉ có, hướng về.
Td: Duy kỷ, Duy ngã, Duy tâm.
2. **DUY:** 維 Tóm buộc, liên kết.
Td: Duy tân, Duy trì.

Duy kỷ

唯己

A: Egoism.

P: Égoïsme.

Duy: Chỉ có, hướng về. **Kỷ:** mình.

Duy kỷ là chỉ biết vì mình.

Trái với Duy kỷ là Duy tha: Chỉ biết vì người.

Duy lý

唯理

A: Rationalism.

P: Rationalisme.

Duy: Chỉ có, hướng về. **Lý:** lẽ phải, cái lý lẽ trước sau, gốc ngọn.

Duy lý là chỉ thiên về lẽ phải, về sự suy nghĩ và luận lý theo trí não.

Duy ngã độc tôn

唯我獨尊

Duy: Chỉ có, hướng về. **Ngã:** cái Ta của mỗi người. **Độc:** chỉ có một.

Duy ngã độc tôn nghĩa là chỉ có cái Ta của mình là tôn quý hơn hết. (Xem chi tiết nơi chữ: Thiên thượng Thiên hạ duy ngã độc tôn, văn Th)

Duy tân

維新

A: Modernism.

P: Modernisme.

Duy: Tóm buộc, liên kết. **Tân:** mới.

Duy tân là buộc vào cái mới, tức là cải cách xã hội theo cái mới cho phù hợp trào lưu văn minh tiến bộ của thế giới.

Duy tâm - Duy vật

唯心 - 唯物

A: Idealism, Spiritualism - Materialism.

P: Idéalisme, Spiritualisme - Matérialisme.

Duy: Chỉ có, hướng về. **Tâm:** cái phần vô hình của con người. Do đó, tâm là linh hồn, nên thường nói là tâm hồn, tâm linh; tâm là tinh thần, là tư tưởng, ý thức. **Vật:** vật chất, tức là các thứ có hình thể thấy được, cân đo được, triết học gọi là những thực tại.

Theo nghĩa đen:

Duy tâm là chỉ lấy tinh thần làm chánh yếu.

Duy vật là chỉ lấy vật chất làm chánh yếu.

Đây là hai chủ nghĩa triết học quan trọng nhất, có chủ trương hoàn toàn đối lập nhau, như đen với trắng, nhưng cả

hai đều có cùng một mục đích là giải thích về vũ trụ và con người.

Chủ nghĩa Duy tâm chủ trương tinh thần có trước, vật chất có sau, tinh thần độc lập vật chất và làm chủ vật chất. Chủ nghĩa Duy tâm đưa đến sự nhìn nhận có Đấng Thượng Đế sáng tạo ra vũ trụ, con người và vạn vật.

Chủ nghĩa Duy vật chủ trương vật chất có trước tinh thần, có vật chất rồi mới có tinh thần, tinh thần là sản phẩm của vật chất và vật chất quyết định tinh thần. Chủ nghĩa Duy vật đưa đến sự phủ nhận linh hồn, phủ nhận Thượng Đế và các Thần linh, nên còn được gọi là chủ nghĩa Vô Thần.

I. Chủ nghĩa Duy Tâm:

Chủ nghĩa Duy tâm là một hệ thống triết học bao gồm các quan điểm giải quyết vấn đề cơ bản của triết học theo hướng lấy tinh thần làm chánh yếu: Tinh thần có trước, chi phối và điều khiển vật chất.

Các sự vật chỉ là biểu thị của tâm hay chính do tâm sáng tạo nên hoàn toàn chịu ảnh hưởng của tâm. Vật chất chỉ có khi nào được tâm biết tới.

Phật giáo nói rằng: tất cả các pháp chỉ có ở bên trong cái tâm, không có pháp nào ở ngoài cái tâm. Đó gọi là Duy tâm, cũng gọi là Duy thức. (Pháp là các sự vật hữu hình hay vô hình, miễn là qua giác quan mà nhận biết được hay là qua ý thức nghĩ tới được. Vậy pháp là tất cả sự vật ở trong hay ngoài thế gian. Tâm thì nhóm khởi các pháp, thức thì phân biệt các pháp. Tâm và thức tuy khác nhau nhưng đồng một thể. Duy tâm bao gồm cả nhân và quả. Duy thức chỉ nói về nguyên nhân mà thôi.)

Chủ nghĩa Duy tâm cho rằng rốt cuộc lại thì chỉ có Tâm là thực tại, tất cả các hiện tượng trong vũ trụ đều phát hiện ở Tâm. Tinh thần là bản thể tự nhiên và hiện tượng vật chất là tác dụng của tinh thần.

Chủ nghĩa Duy tâm phân ra làm hai khuynh hướng:

1. Duy tâm chủ quan: cho rằng thế giới bên ngoài chỉ là cảm giác, tri giác, biểu tượng của ý thức cá nhân, không tồn tại ngoài ý thức.

2. Duy tâm khách quan: cho rằng mọi sự vật tồn tại không phải là ý thức cá nhân, tức là không phải do chủ quan mà là một ý thức khách quan, thần bí, tồn tại ngoài ý thức con người và độc lập với con người. Đó là Thượng Đế.

■ Người Duy tâm chủ quan cho rằng nếu không có cảm giác chủ quan của chủ thể, tức cảm giác của mỗi cá nhân con người thì không thể nhận thức được sự vật, rồi từ đó phủ nhận sự tồn tại thực sự của vật chất, coi cảm giác là thực tại duy nhất.

■ Người Duy tâm khách quan thì cho rằng sự vật chỉ tồn tại do một ý thức khách quan là Thượng Đế.

Do đó, chủ nghĩa Duy tâm thường trực tiếp hay gián tiếp gắn liền với tôn giáo, nên gọi là chủ nghĩa Duy linh (linh là linh hồn). Con người có cái tâm hay linh hồn là chủ yếu, nó tồn tại vĩnh viễn, điều khiển mọi hoạt động của thể xác. Thể xác chỉ là khối vật chất, khi có linh hồn ngự trị thì thể xác sống và hoạt động; khi thể xác chết thì linh hồn xuất ra trở về cõi thiêng liêng, còn thể xác thì tan rã trở thành đất.

Thế giới vật chất này cũng như sự sống trong thế giới đều do quyền năng sáng tạo của Thượng Đế. Dù không biết rõ Thượng Đế nhưng không thể phủ nhận quyền năng của Ngài.

Triết gia Duy tâm nổi tiếng là Hegel quan niệm rằng Thượng Đế là tinh thần trong ý tưởng tuyệt đối, tức là một ý tưởng tự nó vốn có chứ không phải do một bộ óc nào.

II. Chủ nghĩa Duy vật:

Chủ nghĩa Duy vật gồm những hệ thống và quan điểm triết học giải quyết các vấn đề cơ bản của Triết học theo hướng vật chất là chủ yếu: Vật chất có trước và chi phối tinh thần.

Vật chất tồn tại ngoài ý thức con người và không phụ thuộc vào ý thức. Vật chất là nguồn gốc của cảm giác, còn ý thức là sản phẩm của bộ óc con người.

Chủ nghĩa Duy vật chủ trương:

- Chỉ có vật.
- Tâm do vật biến hóa mà ra.
- Vật hoàn toàn chi phối tâm.

Chỉ có vật chất là tồn tại thực sự. Tinh thần, ý thức chỉ là sản phẩm của vật chất hay là hình thức tồn tại cao cấp của vật chất. Vật chất thì vô thủy vô chung, nó đã có từ bao giờ và tồn tại mãi mãi, người ta không thể tạo lập được một cái gì thực tại cả. Như vậy, việc sáng tạo vũ trụ và vạn vật là không thể có được. Nếu cho rằng mọi vật phải có nguồn gốc và vũ trụ này là do Thượng Đế tạo ra thì ta phải đặt vấn đề là tìm nguồn gốc của Thượng Đế, và tất nhiên theo quan niệm này thì Thượng Đế cũng không thể từ hư vô mà sản xuất ra được.

Con người do vật chất biến hóa ra. Vật chất sản xuất ra tinh thần và tư tưởng con người theo các định luật lý hóa sinh.

Bản chất của vũ trụ là vật chất. Có vật chất rồi mới có ý thức. Vật chất là một thực tại khách quan ngoài ý thức và quyết định ý thức. Trong thế giới không có gì khác hơn là vật chất đang chuyển động trong không gian và thời gian. Ý thức chỉ là sản phẩm của bộ não của con người, tức là sản phẩm của vật chất hay chỉ là phản ánh của thế giới vật chất bên ngoài.

Do đó, chủ nghĩa Duy vật hoàn toàn phủ nhận sự hiện hữu của linh hồn, sự sáng tạo vũ trụ vạn vật của Thượng Đế. Con người chết đi là hết, không còn thứ gì khác cả. Họ phủ nhận hoàn toàn sự luân hồi chuyển kiếp, cho nên trong cuộc sống, họ hoàn toàn đi theo sự thúc đẩy và dẫn dắt của dục vọng, của nhu cầu thể xác, cố gắng thỏa mãn dục vọng càng nhiều càng hạnh phúc, bởi vì khi thể xác này chết đi thì hết, không còn gì nữa.

Chủ nghĩa Duy vật phản khắc tôn giáo một cách triệt để. Họ cho rằng lòng tín ngưỡng tôn giáo làm cho chủ nghĩa Duy vật không thể nảy sinh được.

Đỉnh cao nhất của chủ nghĩa Duy vật là phong trào Duy vật Biện chứng do hai triết gia Marx và Engel sáng lập, sau đó được Lénine phát triển rạch rỡ với Cách Mạng Nga thành công, lật đổ chế độ Nga Hoàng để thiết lập chế độ Cộng sản Vô thần trên đất Nga vào năm 1917.

Nhưng dần dần, người dân Nga nhận thấy chủ nghĩa Duy vật trái với bản tính tự nhiên của con người, trái với lương tâm và truyền thống đạo đức đã có từ bao đời xưa truyền lại nên

họ không ủng hộ nữa, và Ông Gorbachev là người đứng ra đánh đổ làm cho chủ nghĩa Duy vật và chế độ cộng sản sụp đổ trên đất nước Nga.

Kết luận:

Triết học trên thế giới từ xưa tới nay đã phân ra làm hai nhóm lớn: Duy Tâm và Duy Vật. Hai nhóm này có chủ trương hoàn toàn phản khác nhau, chống đối nhau từng điểm một.

Chủ nghĩa Duy Tâm và Duy Vật đều là những sản phẩm của tư tưởng con người, đều nhằm mục đích là giải thích nguồn gốc của vũ trụ và vạn vật và của con người.

Chủ nghĩa Duy Tâm đưa đến sự thành hình Khối Tư bản Hữu Thần; và chủ nghĩa Duy vật đưa đến sự thành hình Khối Cộng Sản Vô Thần. Hai khối ấy tranh giành ảnh hưởng quyết liệt với nhau, gây ra nhiều cuộc chiến tranh thế giới khốc liệt.

Xét cho cùng thì hai chủ nghĩa Duy Tâm và Duy Vật đều có những cái đúng và những cái sai: Cái đúng là đúng trong phạm vi hạn hẹp của cái nhìn giới hạn, cái sai là sai trên một tổng thể nhất quán, từ cái vĩ đại là CKVT cho đến cái nhỏ là tiểu vũ trụ của con người.

Các triết gia Duy Tâm và Duy Vật chỉ là những anh mù sờ voi, chỉ nhìn biết một phiến diện nhỏ hẹp của chơn lý rồi giải thích chơn lý theo cái biết phiến diện ấy và cố chấp nó mãi.

Từ xưa tới nay, chưa có ai hiểu biết gì về Thượng Đế, có biết chăng chỉ là biết chút ít do các vị Giáo chủ tôn giáo truyền lại, nhưng vẫn còn rất thiếu sót và mơ hồ.

Ngày nay, Thượng Đế đã trực tiếp giảng trần, qua trung gian của huyền diệu cơ bút, hơn loại tiếp nhận được những lời giảng dạy của Thượng Đế nên hiểu được Thượng Đế và biết rõ các quyền năng tuyệt đối của Ngài.

Do đó, Triết lý của Đạo Cao Đài xem chủ nghĩa Duy Tâm và Duy Vật chỉ là hai cái nhìn vào hai mặt thể hiện khác biệt nhau của Thượng Đế: Mặt trong và mặt ngoài hay một mặt cao và một mặt thấp, một mặt vô vi vô hình và một mặt hữu vi hữu hình của một Thượng Đế duy nhất tuyệt đối.

Điều đó cũng giống như hai xung đối: Tiên Phật và Ma quỷ, sự thanh nhẹ trong sáng và sự nặng trọc tối tăm, như Dương và Âm.

Hai mặt xung đối ấy đều là của Thượng Đế, tạo thành hai thế lực cần thiết không thể thiếu được để cân bằng CKVT và thúc đẩy sự tiến hóa của Càn Khôn và vạn vật.

Triết lý Duy Tâm và Duy Vật chỉ là hai cấp học nối tiếp của linh hồn. Trên con đường tiến hóa, linh hồn phải học Duy vật trước, rồi sau đó mới lên lớp học Duy tâm. Điều này giống như cấp Tiểu học và Trung học là Trường học Duy Vật, cấp Đại học và cao hơn Đại học là Trường học Duy Tâm, trên cùng một con đường Tiến Hóa bất tận của linh hồn. (Xem thêm nơi chữ: Ngọc Hoàng Thượng Đế, văn Ng).

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Duy tha vong kỷ

唯他忘己

Duy: Chỉ có, hướng về. **Tha:** người khác. **Vong:** quên. **Kỷ:** mình.

Duy tha vong kỷ là vì người quên mình, chỉ biết lo cho người mà quên bản thân mình.

Trái với Duy tha vong kỷ là: Duy kỷ vong tha.

Duy trì

維持

A: To maintain.

P: Maintenir.

Duy: Tóm buộc, liên kết. **Trì:** cầm giữ, giữ lại.

Duy trì là gìn giữ cho tiếp tục tồn tại như cũ những thứ mà nó đang có chiều hướng giảm sút sắp mất.

TNHT: Chỉ có xứ Việt Nam còn duy trì được sự tôn sùng tổ phụ theo tục lệ cổ truyền.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Duy truyền

唯傳

A: To transmit solely.

P: Transmettre seulement.

Duy: Chỉ có, hướng về. **Truyền:** trao lại cho người sau.

Duy truyền là chỉ trao cho lớp người sau với mục đích nhất định.

KSH: Lời kệ sám *duy truyền* khuyến thiện.

KSH: Kinh Sám Hối.

DUYÊN

DUYÊN

DUYÊN: 緣 có nhiều nghĩa tùy trường hợp:

1. Duyên là mối dây ràng buộc vô hình từ kiếp trước.
Td: Duyên tiền định, Duyên phần, Duyên tình.
2. Duyên là cái lý do:
Td: Duyên khởi.
3. Duyên là cái hỗ trợ cho cái nhân thành cái quả.
Td: Nhân duyên.

Duyên khởi

緣起

A: The cause of beginning.

P: La cause de commencement.

Duyên: lý do, cái có. **Khởi:** bắt đầu.

Duyên khởi là sự vật chờ duyên có mà khởi lên.

Người ta bắt đầu làm một việc là do duyên có đưa đẩy.

Duyên phận

緣分

A: The fate.

P: Le sort.

Duyên: mối dây ràng buộc từ kiếp trước. **Phận:** số phận.

Duyên phận là cái số phận của mỗi người được định sẵn từ kiếp trước, thể hiện trong kiếp sống hiện tại.

TNHT: Ai biết đạo đức tức có duyên phận.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DỰ

Dự luận

輿論

A: Public opinion.

P: Opinion publique.

Dự: công chúng, đám đông. **Luận:** bàn luận.

Dự luận là lời bàn luận của dân chúng về một việc gì.

Dự sanh

餘生

A: The useless remainder of life.

P: Le reste inutile d'une vie.

Dự: thừa ra. **Sanh:** sống.

Dự sanh là kiếp sống thừa, tức là cái đời sống vô ích còn lại lúc trở về già.

DỮ

DỮ

與

Dữ (chữ Hán) có nhiều nghĩa:

- *Nghĩa thông thường: Dữ là với, và, cùng với.*

Td: Phú *dữ* quý: giàu cùng sang.

DLCK: Thủ Luân Phật *dữ* Cửu vị Nữ Phật,...

Số văn: Công đồng chư Chức sắc hiệp *dữ* Chức việc...

- *Dữ là cho, cấp cho.*

Td: Dĩ thư *dữ* chi: lấy sách cho đó.

- *Dữ là chơi thân.*

Td: Tương *dữ*: chơi thân với nhau.

- *Dữ là tới, đến.*

Td: *Dữ* kim: tới nay.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Dữ tận hiền thắng

Dữ (chữ nôm): hung ác. **Tận:** tiêu hết. **Thắng:** bay lên

Dữ tận hiền thắng là người hung ác thì tiêu hết, người hiền lành thì được siêu thăng.

TNHT: *Dữ tận hiền thắng*, khách lọc lừa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DỰ

DỰ

DỰ: 預 Tham gia vào, sắp đặt trước khi xảy ra.

Td: Dự cử, Dự ngôn, Dự thính.

Dự cử

預舉

A: To present oneself for election.

P: Se présenter à l'élection.

DỰ: Tham gia vào, sắp đặt trước khi xảy ra. **CỬ:** bầu cử, cất lên.

Dự cử là tham dự vào việc ứng cử một chức vụ.

Dự khuyết

預缺

A: Alternate.

P: Suppléant.

DỰ: Tham gia vào, sắp đặt trước khi xảy ra. **Khuyết:** thiếu, không đủ.

Dự khuyết là dự bị sẵn người để thay thế người chánh thức khi người này vắng mặt.

Dự ngôn

預言

A: The prediction.

P: La prédiction.

DỰ: Tham gia vào, sắp đặt trước khi xảy ra. **Ngôn:** lời nói.

Dự ngôn là lời nói đoán trước, lời tiên tri.

Dự thính

預聽

A: To attend a conference.

P: Assister à une audience.

Dự: Tham gia vào, sắp đặt trước khi xảy ra. **Thính:** nghe.

Dự thính là tham dự vào để nghe chứ không quyền bàn cãi.

DƯƠNG

DƯƠNG

1. **DƯƠNG:** 楊 Cây dương, chỉ đạo đức.
Td: Dương bờ.
2. **DƯƠNG:** 陽 Trái với Âm, chỉ mặt trời, ban ngày, cõi của người sống.
Td: Dương gian, Dương pháp.
3. **DƯƠNG:** 揚 Giương cao lên.
Td: Dương tụng.

Dương bờ

A: The shore of poplars.

P: Le rivage des peupliers.

Dương: Cây dương, chỉ đạo đức. **Bờ:** dãy đất dọc theo sông hay biển, gọi là bờ sông hay bờ biển.

Bờ dương là cái bờ có trồng hàng cây dương.

Sách Đạo Đức Chơn Kinh có câu: "*Dương vô trần nhiễm, Đạo giả như dương.*" Nghĩa là: Cây dương không nhiễm bụi trần, Đạo như cây dương. Như vậy, cây dương là chỉ đạo đức. Bờ dương là bờ đạo đức, ấy là bờ giác ngộ (giác ngộ), bờ giải thoát của những người đắc đạo.

TNHT: Năm đuôi phước rụng đến *dương bờ*.

Do câu: "*Phụng hàm đơn chiếu đề dương bạn.*" Nghĩa là: Con chim phụng ngậm chiếu chỉ của Đức Chí Tôn tiến lên bờ dương. (**Hàm**: ngậm. **Đơn chiếu**: Tờ chiếu chỉ màu đỏ. **Đề**: tiến lên. **Dương bạn**: bờ dương).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dương gian - Dương thế - Dương trần

陽間 - 陽世 - 陽塵

A: The world of the livings.

P: Le monde des vivants.

Dương: Trái với Âm, chỉ mặt trời, ban ngày, cõi của người sống. **Gian**: khoảng rộng. **Thế**: cõi đời. **Trần**: bụi, cõi trần.

Dương gian đồng nghĩa với Dương thế và Dương trần, là cõi của nhân loại và vạn vật đang sống.

Trái với Dương gian là Âm cảnh, là cõi của người chết.

KSH - *Dương gian* ngộ nghịch lãng loạn.

- *Cõi dương trần* tội quá dẫy đầy.

KCBCTBCHĐQL: Khi *dương thế* không phân phải quấy.

KSH: Kinh Sám Hối.

KCBCTBCHĐQL: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu.

Dương lịch

(Xem: Âm lịch, vần Â)

Dương pháp

陽法

A: The laws of mankind.

P: Les lois de l'humanité.

Dương: Trái với Âm, chỉ mặt trời, ban ngày, cõi của người sống. **Pháp**: pháp luật.

Dương pháp là pháp luật nơi cõi dương gian, tức là pháp luật do con người tạo ra nơi cõi trần.

Pháp luật này là của người phạm nên nó có tính cách phạm, chỉ thể hiện được sự công bình tương đối, vì còn có nhiều sơ hở mà những người mưu kế khôn ngoan có thể lọt lưới pháp luật được. Nơi cõi thiêng liêng, pháp luật thể hiện được sự công bình thiêng liêng tuyệt đối, bởi vì không có một tội lỗi nào có thể che giấu được khi chơn hồn đến đứng trước Minh Cảnh Đài, hay đến đứng trước quyền Kinh Vô Tự.

KSH: Dầu qua *dương pháp*, luật hình Diêm Vương.

KSH: Kinh Sâm Hối.

Dương quang

陽光

A: The light of the male constitutive element.

P: La lumière de l'élément constitutif mâle.

Dương: Trái với Âm, chỉ mặt trời, ban ngày, cõi của người sống. **Quang:** ánh sáng.

Dương quang là khí chất nguyên thủy do Thái Cực biến hóa sanh ra, chứa đầy năng lực sanh hóa, mang tính Dương, do Đức Chí Tôn chuồng quẩn. (Xem: Âm quang, vần Â)

Dương tụng từ ân

揚頌慈恩

Dương: Giương cao lên. **Tụng:** khen ngợi. **Từ:** lòng thương yêu chúng sanh, thường nói Từ bi. **Ân:** ơn huệ.

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Tiên giáo, nói về công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân: *Đại thiên thế giới, dương tụng từ ân.* Nghĩa là: Cả ba ngàn thế giới đều ca tụng và nêu cao lòng từ bi và ơn đức của Đức Thái Thượng.

DƯỠNG

DƯỠNG

DƯỠNG: 養 Nuôi nấng.

Td: Dưỡng dục, Dưỡng sanh.

Dưỡng chí thanh nhàn

養志清閒

Dưỡng: Nuôi nấng. **Chí:** cái ý chí của mỗi người. **Thanh:** trong sạch. **Nhàn:** thơi thới, không vướng bận việc gì.

Dưỡng chí thanh nhàn là nuôi dưỡng cái ý chí của mình cho được trong sạch và thơi thới, mới có được một đời sống an nhàn tự tại thanh cao.

TNHT: Ném mùi tự tại, *dưỡng chí thanh nhàn*, thì có chi hơn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Dưỡng dục

養育

A: To nurse and to bring up.

P: Nourrir et élever.

Dưỡng: Nuôi nấng. **Dục:** nuôi cho khôn lớn.

Dưỡng dục là nuôi nấng cho khôn lớn nên người.

Đây là bổn phận của cha mẹ đối với con cái.

PMCK: Sanh quang *dưỡng dục* quần nhi.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Dưỡng lão viện

养老院

A: Hospice for the aged.

P: Hospice des vieillards.

Dưỡng: Nuôi nấng. **Lão:** người già cả. **Viện:** toà nhà lớn.

Dưỡng lão viện là nhà nuôi dưỡng những người già cả không có con cháu phụng dưỡng.

CQPT có nhiệm vụ lập ra các Viện Dưỡng lão để nuôi dưỡng các người già yếu không con cháu, những Chức sắc và tín đồ già yếu không nơi nương tựa.

Dưỡng lão viện cũng được gọi là Dưỡng lão đường, hay Nhà dưỡng lão.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Dưỡng phụ - Dưỡng mẫu - Dưỡng tử

養父 - 養母 - 養子

A: Foster father - Foster mother - Foster child.

P: Père adoptif - Mère adoptive - Fils adoptif.

Dưỡng: Nuôi nấng.

Dưỡng phụ là cha nuôi, không phải cha ruột.

Dưỡng mẫu là mẹ nuôi, không phải mẹ đẻ.

Dưỡng tử là con nuôi, nếu là con trai.

Dưỡng nữ là con nuôi gái.

Con nuôi còn được gọi là *Minh linh*.

(Minh linh, nghĩa đen là loại sâu giống như con nhện con, con tò vò bắt bỏ vào tổ, 7 ngày sau thì thành tò vò con khoét tổ bay ra. Người xưa tưởng rằng con sâu này biến thành con tò vò, mà không biết rằng trứng tò vò nở ra tò vò con, tò vò con ăn thịt con sâu này mà lớn lên, rồi khoét tổ bay ra. Do đó, người xưa so sánh và gọi Minh linh là đứa con nuôi.)

Dưỡng tử còn có nghĩa là nuôi con, cha mẹ nuôi con.

Dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân: Nuôi con mới biết công ơn của cha mẹ.

Dưỡng sanh

養生

A: To nourish.

P: Nourrir.

Dưỡng: Nuôi nấng. **Sanh:** sống.

Dưỡng sanh là sanh ra đưa con và nuôi con khôn lớn.

Ơn dưỡng sanh là công ơn của cha mẹ.

TNHT: *Dưỡng sanh* cam lồ tình sông núi.

PMCK: Ơn *dưỡng sanh* đảm bảo hồn hài.

Dưỡng sanh hay **Dưỡng sinh** còn có nghĩa là nuôi dưỡng cho sống mạnh khỏe, không bệnh tật.

Phương pháp Dưỡng sinh là các phương pháp tập thể dục và cách thức ăn uống để cho người già cả và người bị bệnh nan y, thực hành cho được khỏe mạnh, hết bệnh tật, sống vui vẻ và trường thọ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Dưỡng sanh tánh mạng

養生性命

Dưỡng: Nuôi nấng. **Sanh:** sống. **Tánh:** Tánh là biểu hiện của Tâm. Bên trong là Tâm, bên ngoài là Tánh. Tâm là Chơn linh thì Tánh là Chơn thần. **Mạng:** Cái mạng sống của con người. Cái mạng sống này do điểm chơn linh của Đức Chí Tôn ban cho tạo ra.

Dưỡng sanh tánh mạng là phương pháp Tu tánh Luyện mạng, hay Tu tâm Luyện tánh, tức là phương pháp tu luyện chơn thần và chơn linh.

Một thể xác khương kiện và trong sạch mới tạo được chơn thần mạnh mẽ và tinh khiết. Chơn thần tinh khiết mới làm cho chơn linh được thông huyền.

Sự ăn chay trường là để cho chơn thần được tinh khiết nhẹ nhàng, sự cúng kiếng thường ngày là để cho chơn thần được trong sáng thiêng liêng, tập cho tư tưởng không không là để cho chơn linh được thanh cao huyền diệu.

Dưỡng tánh tu tâm

養性修心

Dưỡng: Nuôi nấng. **Tu:** sửa. **Tâm và Tánh:** Tánh là bản thể của Tâm, bên trong là Tâm, thể hiện ra bên ngoài là Tánh. Tuy là hai danh từ khác nhau nhưng sự tác động vẫn một.

Dưỡng tánh là nuôi cái bản tánh cho lành như thuở ban sơ (Nhơn chi sơ tánh bản thiện), rồi sau đó mới luyện cho cái tánh trở nên linh thiêng để hiệp được với Trời thì đắc đạo.

Tu tâm là sửa đổi cái Tâm. Cái bản tâm của mỗi người thì chơn chánh thiện lương, nhưng vì vật dục làm cho nó nghiêng lệch. Hễ nó nghiêng thì phải sửa lại liền để cho nó luôn luôn ngay chính tốt đẹp. Phật giáo ví cái Tâm như là tấm gương, khi để lâu thì bụi bám trở nên lu mờ, cần phải lau chùi thường xuyên để cho nó được trong sáng luôn luôn.

Tâm là chơn linh thì tánh là chơn thần. Dưỡng tánh tu tâm là phương pháp tu luyện chơn thần và chơn linh cho được mạnh mẽ, tinh khiết và huyền diệu để đắc đạo.

TNHT: Dưỡng *tánh tu tâm* tua gắng sức,
Ngày sau toại hưởng trọn Thiên ân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục vần Đ

ĐA

- Đa
- Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề
- Đa ngôn đa quá
- Đa phú đa oán
- Đa số tuyệt đối
- Đa Thần giáo
- Đa thi huệ trạch
- Đa thọ đa nhục
- Đa văn quảng kiến

ĐÀI

- Đài
- Đài Chiếu Giám - Đài Minh Cảnh
- Đài gương
- Đài liên
- Đài Linh Tiêu
- Đài Nghiệt Cảnh
- Đài vân

ĐÁI

- Đái tội lập công

ĐẠI

- Đại
- Đại Ân Xá - Đại xá
- Đại đàn - Tiểu đàn
- Đại Đạo
- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
- Đại Đạo Thanh Niên Hội
- Đại đẳng khoa - Tiểu đẳng khoa
- Đại điện
- Đại đồng
- Đại đồng xã
- Đại giác
- Đại hạnh
- Đại hỷ phát đại tiểu
- Đại hóa
- Đại hồi - Tiểu hồi
- Đại Hội Phước Thiện
- Đại hồn - Tiểu hồn
- Đại khái
- Đại La Thiên Đế
- Đại liệm - Tiểu liệm
- Đại Linh quang - Tiểu Linh quang
- Đại lụy
- Đại mộc
- Đại Nam Việt quốc
- Đại ngọc cơ - Tiểu ngọc cơ
- Đại ngoạt - Tiểu ngoạt
- Đại phục - Tiểu phục
- Đại sĩ

- Đại Thiên Địa - Tiểu Thiên Địa
- Đại Thiên phong
- Đại thiên thế giới
- Đại Thiên Tôn
- Đại thừa - Tiểu thừa
- Đại thừa Cửu chuyển
- Đại tịnh
- Đại trí nhược ngu
- Đại Từ Phụ - Đại Từ Mẫu
- Đại tường - Tiểu tường

ĐÀM

- Đàm đạo

ĐẢM

- Đảm
- Đảm bảo
- Đảm đương

ĐẠM

- Đạm bạc

ĐAN

- Đan (Xem: Đơn)

ĐÀN

- Đàn
- Đàn cơ
- Đàn lệ
- Đàn-na
- Đàn nội
- Đàn tràng

ĐẢNH (ĐỈNH)

- Đảnh
- Đảnh hạc
- Đảnh hồ
- Đảnh nghiệp
- Đảnh Tàn
- Đảnh Thần
- Đảnh Việt

ĐÀO

- Đào
- Đào độn
- Đào hạnh
- Đào luyện
- Đào nguyên
- Đào thái
- Đào Tiên
- Đào viên kết nghĩa
- Đào viên pháp

ĐÁO

- Đáo
- Đáo đầu
- Đáo để
- Đáo tuế

ĐÀO

- Đào cáo

- Đào huyền

ĐẠO

- Đạo
- Đạo - Tôn giáo
- Đạo bế - Đạo khai
(Xem: Bế Đạo, vần B)
- Đạo cả
- Đạo cao nhất xích, ma
cao nhất trượng
- Đạo dâu
- Đạo Đồi
- Đạo Đức
- Đạo Đức Học Đường &
Trường Lê Văn Trung
- Đạo Đức Kinh
- Đạo Đức Văn đàn
- Đạo giả tựu vị (Xem:
Đạo tỳ)
- Đạo giáo
- Đạo hạnh
- Đạo hữu
- Đạo không Đồi không
sức, Đồi không Đạo
không quyền
- Đạo kỳ

- Đạo lịch
- Đạo Luật Mậu Dần
- Đạo lý
- Đạo Nghị Định
- Đạo ngô ác giả thị ngô
sư
- Đạo Nhon
- Đạo nhơn luân
- Đạo pháp bao la - Đạo
pháp trường lưu
- Đạo phục
- Đạo sĩ
- Đạo sở
- Đạo sử - Ban Đạo sử
- Đạo táng
- Đạo tâm
- Đạo thiền
- Đạo triều
- Đạo tỳ
- Đạo xuất ư đông
- Đạo y

ĐẠT

- Đạt
- Đạt lý

- Đạt vị

ĐẮC

- Đắc
- Đắc duyên đắc vị
- Đắc đạo
- Đắc kiếp
- Đắc kỳ sở nguyện
- Đắc lịnh

- Đắc lộ
- Đắc Pháp đắc Phật
- Đắc phong
- Đắc quả
- Đắc thất

ĐẶC

- Đặc an

ĐĂNG

- Đăng
- Đăng đàn thuyết pháp
- Đăng điện
- Đăng Tiên

ĐẰNG

- Đàng cát
- Đàng giao khởi phụng

ĐẰNG

- Đẳng
- Đẳng bất khả liệt
- Đẳng cấp

ĐẰNG

- Đấng Chơn linh

ĐẦU

- Đầu
- Đầu Tộc Đạo - Đầu Phận Đạo - Đầu Hương Đạo
- Đầu kiếp
- Đầu Phòng Văn
- Đầu Sư
- Đầu Sư Đường
- Đầu Sư Em
- Đầu thai
- Đầu thượng viết Cao Đài
- Đầu vọng bá

ĐẦU

- Đầu tinh
- Đầu vân

ĐÈN

- Đèn Tam giáo
- Đèn Thái Cực - Cặp đèn Lưỡng nghi
- Đèn Thất tinh

ĐỀ

- Đề đầu khẩu bá

ĐẾ

- Đế khuyết
- Đế Thiên Đế Thích

ĐỆ

- Đệ
- Đệ huynh bất mục
- Đệ trình
- Đệ tử

ĐỊA

- Địa
- Địa ách
- Địa cầu 68
- Địa chi
- Địa đàn
- Địa giới

- Địa hoàn
- Địa Kỳ Thần Tướng
- Địa linh nhơn kiệt
- Địa ngục

ĐIỀM

- Điềm nhiên tọa thị

ĐIỂM

- Điểm
- Điểm Linh quang

ĐIỂN

- Diễn
- Diễn chiếu

ĐIỆN

- Điện
- Điện lễ
- Điện Tiên hoa - Điện Tiên tửu - Điện Tiên trà

ĐIỀU

- Điều
- Điều linh

ĐIỀU

- Điều đình

ĐIẾU

- Điếu
- Điếu giả tất báí
- Điếu khách - Phúng điếu

ĐÌNH

- Đình
- Đình án

ĐỊNH

- Định
- Định bá đồ vương
- Định phân
- Định phận

- Địa phận
- Địa phủ
- Địa quyền
- Địa Tạng Vương Bồ Tát

- Điểm Quang minh
- Điểm trà

- Diễn cổ - Diễn tích
- Diễn quang

- Điện Thờ Phật Mẫu
- Điện tiền

- Điều tàn

- Điều trần

- Điếu tang tất hữu ai
- Điếu văn

- Đình đái

- Định thần định tánh
- Định tinh
- Định vị

ĐỌA

- Đọa
- Đọa lạc
- Đọa tam đồ bất năng thoát tục
- Đọa tam pháp
- Đọa sa A Tỳ
- Đọa trần

ĐOÁI

- Đoái
- Đoái hoài
- Đoái tình

ĐOAN

- Đoan dương

ĐOÀN

- Đoàn Thị Điểm (1705-1748)

ĐOẠN

- Đoạn
- Đoạn căn
- Đoạn ly
- Đoạn tình yếm dục
- Đoạn trần kiều
- Đoạn trường
- Đoạn trường bổ đoản

ĐÒI

- Đòi
- Đòi đoạn
- Đòi ngàn
- Đòi phen

ĐƠN

- Đơn đường

ĐỒ

- Đồ
- Đồ đệ
- Đồ lưu hải ngoại
- Đồ nghiệp
- Đồ thán
- Đồ thơ

ĐỔ

- Đổ
- Đổ hiện tạt năng
- Đổ phụ loạn gia

ĐỔ

- Đổ bác

ĐỘ

- Độ
- Độ căn
- Độ sanh - Độ tử
- Độ tận
- Độ thắng - Hành pháp
- Độ thắng

ĐỐC

- Đốc thân chi hiếu

ĐỘC

- Độc
- Độc chúc
- Độc Thần giáo
- Độc thiện kỳ thân

ĐỐN

- Đốn
- Đốn ngộ - Tiệm ngộ
- Đốn thủ - Đốn thư

ĐÔNG

- Đông
- Đông chí
- Đông hiên - Tây hiên
- Đông lang - Tây lang
- Đông Nhạc Đế Quân
- Đông Phương Sóc

ĐỒNG

- Đồng
- Đồng bào
- Đồng bệnh tương lân
- Đồng cam cộng khổ
- Đồng lạc
- Đồng lai phôi hường
- Đồng mạch
- Đồng môn
- Đồng nhi - Biện nhi - Giáo nhi
- Đồng nhứt thể
- Đồng quan đồng quách
- Đồng qui thù đồ
- Đồng quyền đồng thể
- Đồng sàng dị mộng
- Đồng sanh đồng tịch
- Đồng song
- Đồng tâm hiệp chí
- Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu
- Đồng tông
- Đồng tử
- Đồng ưu cộng lạc
- Đồng vị

ĐỔNG

- Đổng Hồ chi bút

ĐỘNG

- Động
- Động Bích
- Động đào
- Động Đình Hồ
- Động tịnh

ĐỜM

- Đờm (Xem: Đả)

ĐƠN (ĐAN)

- Đơn
- Đơn cử
- Đơn điền
- Đơn đình

- Đơn khâm cô chằm
- Đơn sai

ĐUỐC

- Đuốc huệ

ĐỨC

- Đức
- Đức cao ân trọng
- Đức hóa
- Đức hoán hư linh
- Đức lập quyền
- Đức tâm
- Đức trạng
- Đức tánh
- Đức tin
- Đức tồn hậu lai
- Đức trọng qui thần kinh

ĐỨNG

- Đứng đọt

ĐƯƠNG

- Dương
- Dương cụ
- Dương đạo sài lang
- Dương sanh - Vị sanh

ĐƯỜNG

- Đường
- Đường Đạo - Đường Đời
- Đường hoa
- Đường huynh đệ
- Đường mây
- Đường Ngu
- Đường nhơn
- Đường Thánh - Nẻo tà
- Đường thi
- Đường tý đương xa

ĐA

ĐA

ĐA: 多 Nhiều.

Td: Đa ngôn, Đa số, Đa văn.

Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề

多羅三藐三菩提

Đây là từ ngữ của Phật giáo, phiên âm từ tiếng Phạn: TARA SAMYAS SAMBODHI, có nghĩa như sau:

Đa-La (Tara): Thượng, ở trên cao. Tam-Diệu (Samyas): Chánh đẳng. Tam-Bồ-Đề (Sambodhi): Chánh giác.

Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề, dịch ra Hán văn là: Thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa là bực giác ngộ chơn chánh cấp cao. Đó là phẩm vị Phật.

DLCK: Tùng thị pháp điều TKPD tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ *Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề* thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn.

Đa ngôn đa quá

多言多過

A: Speak a lot, sin a lot.

P: Qui parle beaucoup, faute beaucoup.

Đa: Nhiều. **Ngôn:** nói, lời nói. **Quá:** lỗi, sai lầm.

Đa ngôn đa quá là: Nói nhiều thì sai nhiều.

Đa phú đa oán

多富多怨

Đa: Nhiều. **Phú:** giàu. **Oán:** thù giận.

Đa phú đa oán là càng giàu càng có nhiều người oán giận.

Tại sao? Bởi vì: "**Vi phú bất nhơn, vi nhơn bất phú.**"
Nghĩa là: Người làm giàu thì không có lòng nhơn, còn người có lòng nhơn thì thường không giàu.

Đa số tuyệt đối

多數絕對

A: The absolute majority.

P: La majorité absolue.

Đa: Nhiều. **Số:** số lượng.

Đa số là số lượng nhiều hơn. Trái với Đa số là Thiểu số.

Trong một cuộc bàn luận, khi lấy ý kiến quyết định thì Thiểu số phải phục tùng Đa số, tức là ý kiến nào mà Đa số đồng ý thì trở thành quyết nghị.

Trong các cuộc bầu cử, có hai cách lấy Đa số: Đa số tương đối và Đa số tuyệt đối.

1. Đa số tương đối: Số thăm thuận nhiều hơn số thăm chống là được, không cần biết tổng số cử tri là bao nhiêu người và số thăm trắng là bao nhiêu.

2. Đa số tuyệt đối: còn gọi là Đại Đa số, Đa số quá bán, tức là số thăm thuận phải nhiều hơn phân nửa tổng số cử tri tham dự.

Thí dụ: Tổng số cử tri là 100, tức là có 100 phiếu bầu.

- Nếu số phiếu đạt được như sau: 45 phiếu thuận, 40 phiếu chống, 15 phiếu trắng. Trường hợp này gọi là Đa số tương đối. (vì số phiếu thuận chưa bằng phân nửa tổng số cử tri)

- Nếu số phiếu đạt được: 51 phiếu thuận, 45 phiếu chống, 4 phiếu trắng. Trường hợp này gọi là Đa số tuyệt đối, bởi vì số phiếu thuận 51 lớn hơn số 50 là phân nửa tổng số cử tri.

Luật công cử Chức sắc CTĐ qui định trong PCT thì sự đắc cử phải đạt quá bán, tức là đạt Đa số tuyệt đối.

PCT: *Phối Sư muốn lên Đầu Sư thì 36 vị công cử.*

CG: *Tỷ như phẩm Đầu Sư bị khuyết thì phép chia thăm làm hai theo luật công cử thường tình, nghĩa là mỗi người phải*

cho đủ 18 lá thăm hay là hơn mới đắc cử. Sự công cử ấy phải tại nơi Tòa Thánh, trước Hội Thánh CTĐ, có HTĐ chứng kiến mới đặng.

Phẩm Phối Sư, Đức Chí Tôn qui định trong PCT, tổng cộng chỉ có 36 vị, mỗi phái 12 vị Phối Sư.

Thí dụ như phẩm Thượng Đầu Sư bị khuyết, tất cả 36 vị Phối Sư ba phái hợp lại công cử 1 vị Thượng Phối Sư lên Thượng Đầu Sư. Ứng cử viên là những vị Thượng Phối Sư. Các vị Thái Phối Sư và Ngọc Phối Sư không được làm ứng cử viên vì khác phái. Vị Thượng Phối Sư đắc cử phải có số thăm quá bán.

Nếu có 1 Thượng Phối Sư ứng cử, và vị này không bỏ thăm. Như vậy tổng số phiếu bầu là $36 - 1 = 35$, và phân nửa của 35 là 17,5. Muốn đắc cử, vị Thượng Phối sư này phải có số thăm quá bán là 18 thăm. Ấy là lấy theo Đa số tuyệt đối.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CG: Chú Giải.

Đa Thần giáo

多神教

A: The polytheism.

P: Le polythéisme.

Đa: Nhiều. **Thần:** vị Thần. **Giáo:** tôn giáo.

Đa Thần giáo là tôn giáo tôn thờ nhiều vị Thần linh như: Thần mặt trời, Thần lửa, Thần gió, Thần mưa, Thần sấm, Thần sông, Thần núi, Thần đá, v.v...

Đó là tôn giáo của loài người thời nguyên thủy, còn ở chế độ thị tộc, bộ lạc. Mỗi thị tộc có một vị Thần hộ mệnh riêng, không giống với thị tộc khác.

Đa thi huệ trạch

多施惠澤

A: To distribute the numerous benefits.

P: Distribuer de nombreux bienfaits.

Đa: Nhiều. **Thi:** làm, thi hành. **Huệ:** ơn. **Trạch:** ơn.

Đa thi huệ trạch: ban phát nhiều ơn huệ cho chúng sanh.

Đa thọ đa nhục

多壽多辱

Đa: Nhiều. **Thọ:** sống lâu. **Nhục:** nhơ nhục.

Đa thọ đa nhục là càng sống lâu càng nhục nhã nhiều.

Càng sống lâu thì càng thấy rõ nhiều nỗi ê chề của tình đời, càng thấy cái nhục thêm chồng chất.

Đa văn quảng kiến

多聞廣見

Đa: Nhiều. **Văn:** nghe. **Quảng:** rộng. **Kiến:** thấy.

Đa văn quảng kiến là nghe nhiều thấy rộng, chỉ người có trình độ bác học, thông suốt nhiều việc.

Trong số các đệ tử của Đức Phật Thích Ca, Ông A-Nan là người nổi tiếng là đa văn quảng kiến.

ĐÀI

ĐÀI

ĐÀI: 臺 Toà nhà cao, chỗ xây cao, cái giá đỡ.

Td: Đài Chiêu Giám, Đài liên, Đài Vân.

Đài Chiếu Giám - Đài Minh Cảnh

臺照鑑 - 臺明鏡

Đài: Toà nhà cao, chỗ xây cao, cái giá đỡ. **Chiếu:** soi rọi.
Giám: cái gương soi. **Minh:** sáng. **Cảnh:** có một âm nữa là Kính: gương soi.

Đài Chiếu Giám, cũng gọi là Minh Cảnh Đài, dịch ra là Đài Gương Sáng, là một cái đài nơi cõi thiêng liêng, nơi đó có đặt một tấm gương rất huyền diệu.

Khi một chơn hồn đến đứng trước tấm gương huyền diệu ấy thì trong tấm gương sẽ lần lượt hiện rõ ra tất cả những việc làm, cử chỉ hay lời nói của chơn hồn trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, không bỏ sót một điều gì hết, dầu thiện, dầu ác, chiếu lại một cách minh bạch giống như chiếu một khúc phim sống động, để không ai có thể chối cãi tội lỗi của mình đã gây ra, hay khai gian dối công nghiệp, để cây Cân công bình thiêng liêng nơi Tòa Tam Giáo định phân tội phước. Phước nhiều thì thăng, tội nhiều thì bị đọa luân hồi.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS:

"Khi chúng ta bước vào Tòa Tam Giáo BQĐ rồi thì chúng ta thấy hào quang chiếu diệu xông lên rồi biến mất, kể thấy một cây Cân công bình hiện ra trước mắt, rồi cũng biến mất. Chúng ta thấy mình chẳng khác nào như khán giả đứng trước đài kia, coi lại cả kiếp sanh của chúng ta, diễn tiến trước mắt chúng ta, không có điều gì sót. Khi trước chúng ta làm những việc gì thì giờ đây nó chiếu y lại như xem hát bóng vậy. Nơi đó, kinh Phật gọi là Minh Cảnh Đài.

Mỗi hành động của chúng ta trong kiếp sanh đều hiện rõ ra, ngó thấy trước mặt, và cây Cân công bình để cân tội phước, nên hư, quyết đoán một cách công bình, không sai chút nào hết. Đó là sự huyền bí của Đài thiêng liêng ấy."

KĐ5C: *Đài Chiếu Giám Cảnh Minh* nhẹ bước,
Xem rõ ràng tội phước căn sinh.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

BQĐ: Bát Quái Đài.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

Đài gương

A: The mirror on the support.

P: Le miroir sur le support.

Đài: Toà nhà cao, chỗ xây cao, cái giá đỡ. **Gương:** tấm kiếng có tráng thủy để soi mặt.

Đài gương là tấm gương sáng đặt trên giá gỗ để soi mặt.

GTK: Lầu lầu một tấm tợ đài gương.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Đài liên

臺蓮

A: The throne of lotus.

P: Le trône de lotus.

Đài: Toà nhà cao, chỗ xây cao, cái giá đỡ. **Liên:** sen.

Đài liên, tức là Liên đài, là tòa sen dùng làm nơi ngự của chư Bồ Tát và chư Phật.

Phật chọn bông sen làm tòa ngự bởi vì hoa sen có các đặc tính sau đây:

- Theo Kinh Pháp Cú:

Như giữa đồng rác nhớt,
Quăng bỏ nơi bờ đầm,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch đẹp ý người.
Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế, nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Sáng ngời với trí huệ.

- Theo Kinh Tăng Nhứt A Hàm:

Như hoa sen đẹp dễ dễ thương,
Không ô nhiễm bùn dơ nước đục,
Giữa đám bụi trần,
Ta không vướng chút bợn nhơ,
Như vậy, ta là Phật.

Hoa sen có đặc tính gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, lại tỏa hương thơm ngát. Cũng như Phật, sống giữa trần gian mà không nhiễm bụi trần, nên Phật chọn hoa sen làm tòa ngự.

TNHT: Uy linh Trời giữ tạc *đài liên*.

Trên Thánh Tượng Thiên Nhân thờ tại tư gia, chúng ta thấy Đức Phật Thích Ca và Đức Quan Âm Bồ Tát đều ngự trên tòa sen.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đài Linh Tiêu

臺靈霄

Đài: Toà nhà cao, chỗ xây cao, cái giá đỡ. **Linh:** thiêng liêng. **Tiêu:** khoảng Trời không.

Đài Linh Tiêu là cái đài cao nơi Linh Tiêu Điện trong Ngọc Hư Cung ở tầng Trời Hư Vô Thiên.

Mỗi khi có Đại hội Quần Tiên, Đức Chí Tôn Thượng Đế ngự trên cái đài cao ấy để chủ tọa Đại hội Ngự triều.

*Linh Tiêu nhất tháp thị Cao Đài,
Đại hội Quần Tiên thử ngọc giai.
Vạn trượng hào quang từng thử xuất,
Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.*

(Cần Thơ, 1927)

Nghĩa là:

Nơi Điện Linh Tiêu có một cái tháp cao gọi là Cao Đài, Đại hội các vị Tiên nhóm tại bệ ngọc ấy. Muôn trượng hào quang từ nơi đó chiếu ra, Tên xưa, cảnh quý báu đó là Lạc Thiên Thai.

TTCĐDTKM:

Kể từ Hồn Độn sơ khai.
Chí Tôn hạ chỉ trước *Đài Linh Tiêu*.

TTCĐDTKM: Tân Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Đài Nghiệt Cảnh

臺孽鏡

Đài: Toà nhà cao, chỗ xây cao, cái giá đỡ. **Nghiệt:** mằm ác, nghiệp ác. **Cảnh:** còn một âm nữa là Kính, nghĩa là tấm gương soi.

Đài Nghiệt Cảnh hay Nghiệt Cảnh Đài chính là Minh Cảnh Đài hay Đài Chiếu Giám, đặt trong Tòa Tam Giáo thiêng liêng, để diễn lại các hành vi tội lỗi của mỗi chơn hồn khi đến đứng trước Đài ấy, để cây Cân công bình thiêng liêng xác định có bao nhiêu tội phước đặng Tòa Tam Giáo định phạt cho chơn hồn: Thăng hay đọa. (Xem Đài Chiếu Giám).

TNHT: *Đài Nghiệt Cảnh* rọi chẳng biết bao nhiêu tội tình mà chốn tội tình lắm người đưa chơn tìm đến.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đài vân

臺雲

A: The high tower.

P: La tour élevée jusqu'aux nuages.

Đài: Toà nhà cao, chỗ xây cao, cái giá đỡ. **Vân:** mây.

Đài vân hay Vân đài, dịch ra là: Đài mây, Góc mây, là cái đài cất lên rất cao, ngó lên thấy dường như cao tới mây.

Đài này do vua Hán Minh Đế (57-75) nhà Hậu Hán xây dựng lên để treo hình 28 vị Đại công thần của nhà Hán, ghi nhớ công đức của các vị để lưu truyền cho đời sau về những tấm gương trung nghĩa phò vua giúp nước.

Được treo hình nơi Vân Đài là một danh dự cao quý nhất của kẻ bề tôi, là đỉnh cao nhất của sự nghiệp công danh.

Trong văn chương, từ ngữ Đài Vân, Vân đài, Góc mây, dùng để chỉ những bậc trung thần có đại công với đất nước, ghi đậm nét son trong lịch sử của triều đại.

Trong tôn giáo, Vân đài dùng để chỉ người đắc đạo, đạt được phẩm vị cao quý nơi cõi thiêng liêng.

TNHT: *Đài vân* Quan Võ để phong Thần.

Gắng tu kịp buổi lướt *Đài vân*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐÁI

Đái tội lập công

戴罪立功

A: To bring a fault and to accomplish a merit.

P: Porter une faute et accomplir une oeuvre pour expier.

Đái: đội lên đầu. **Tội:** tội lỗi. **Lập:** làm nên. **Công:** công trạng.

Đái tội lập công là đội cái tội lên đầu để lo lập công chuộc tội.

Đồng nghĩa: Đái công chuộc tội, Lập công chuộc tội.

ĐẠI

ĐẠI

- ĐẠI:** 大 Lớn, trái với Tiểu là nhỏ.
Td: Đại Ân Xá, Đại đàn, Đại đạo.
- ĐẠI:** 代 Thay thế, một đời.
Td: Đại biểu, Đại diện.

Đại Ân Xá - Đại xá

大恩赦 - 大赦

A: General Amnesty of God.

P: Amnistie Générale de Dieu.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Ân:** ơn huệ. **Xá:** tha tội.

Đại Ân Xá hay Đại Xá là Đức Chí Tôn ban ơn huệ lớn lao bằng cách tha thứ tội lỗi cho những kẻ có tội.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được gọi là Đại Ân Xá Kỳ Ba của Thượng Đế ở phương Đông.

PMCK: Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên.

Kể từ ngày khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn mở ra một thời kỳ Đại Ân Xá cho các đẳng linh hồn và cho chúng sanh, để chúng sanh tu hành để đắc đạo.

Muốn hưởng được sự ân xá này, mỗi người phải biết thành tâm hối lỗi, ăn năn sám hối tội tình, cải tà qui chánh, nguyện thề từ bỏ lỗi lầm, chuyên tâm tu hành lập công bồi đức.

"Mỗi lần khai Đạo là mỗi lần Đức Chí Tôn Đại Ân Xá, tức là ban cho những người biết hồi đầu hướng thiện, biết lo tu hành, một ân huệ lớn lao, nghĩa là những tội lỗi của họ đã chông chất từ mấy kiếp trước được Ông Trên bôi xóa và cho họ làm một Tân Dân (người dân mới) trong cửa Đạo với một Tư Pháp Lý lịch trong sạch, nhờ vậy người nhập môn hành đạo mới rảnh nợ tiền khiên, chỉ lo trau dồi Đạo hạnh và lập công bồi đức, là đắc đạo trong một kiếp tu.

Hạ ngươn này, Đức Chí Tôn lập Đạo Kỳ Ba nên mới có Đại Ân Xá Kỳ Ba. Phép Giải oan, Phép Cắt dây oan nghiệt, Phép Độ thăng và các phép Bí tích khác của ĐĐTKPĐ được đem áp dụng trong sự thi hành Luật Đại Ân Xá đó vậy." (*Trích Giáo Lý bài 18, khóa Huấn luyện Giáo Hữu tại TTTN*)

Ngày khai Đạo Cao Đài là 15-10 âm năm Bính Dần (1926) là ngày khởi đầu thời kỳ Đại Ân Xá Kỳ Ba.

Đức Chí Tôn ban cho nhơn loại những đặc ân sau đây:

1. Tha thứ tội lỗi ở các kiếp trước của những người biết hồi đầu hướng thiện, nhập môn cầu đạo, lập Minh Thệ với Đức Chí Tôn, có các Đấng chứng minh, nhứt tâm tu hành.

May đặng gặp hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.

(KGO)

Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nản độ căn.
Ơn Tạo hóa tha tiền khiên trước,
Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.

(KCBCTBCHĐQL)

2. Đức Chí Tôn đặc ân cho các tín đồ Cao Đài, khi chết, linh hồn được Cửu vị Tiên Nương hướng dẫn đi lên các tầng Trời của Cửu Trùng Thiên, mỗi nơi đều được quan sát các cảnh Trời đẹp đẽ mà dưới thế gian này không bao giờ có, đến bái kiến các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, đến Minh Cảnh Đài để xem trở lại tất cả hành vi thiện ác của mình đã gây ra trong suốt một kiếp sống nơi cõi trần, đến DTC ở tầng Trời Tạo Hóa Thiên để bái kiến Đức Phật Mẫu, đến Ngọc Hư Cung bái kiến Đức Chí Tôn để cây Cân công bình thiêng liêng của Tòa Tam Giáo cân tội phước.

Phước nhiều thì được phong thưởng bằng phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng. Nếu tội nhiều thì bị đưa đến cõi Âm Quang, vô Tịnh Tâm Xá mà định tâm tịnh trí xét mình, cầu nguyện Đức Chí Tôn độ rỗi. Tại đây có Thất Nương DTC giáo hóa các nữ tội hồn và Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nam tội hồn.

3. Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa ngục. Các tội hồn không còn bị hành hình thảm khốc nơi Địa ngục như trước nữa, mà được đưa đến cõi Âm Quang để học Đạo, cầu khấn Đức Chí Tôn cứu rỗi, chờ ngày tái kiếp trở lại cõi trần để trả cho xong nghiệp quả.

4. Đức Chí Tôn cho mở cửa CLTG để rước những người đầy đủ công đức đắc đạo. Nếu người nào quyết chí tu hành, chỉ trong một kiếp tu cũng có thể đắc đạo. Nên Thầy cho một

quyền rộng rãi cho cả nhơn loại trong CKVT, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng.

Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương.

(KGO)

5. Những người bị tội Tận đọa Tam đồ bất năng thoát tục hay bị tội Ngũ Lôi tru diệt, cũng nhờ Đại Ân Xá này mà được Đức Phật Mẫu huân lại chơn thần, đặng tái kiếp lập công chuộc tội.

Thời kỳ Đại Ân Xá không phải kéo dài đến thất ức niên (700 000 năm) mà chỉ được giới hạn trong thời gian đầu của thời kỳ Khai Đạo. Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng không tiết lộ cho biết thời kỳ Đại Ân Xá kéo dài trong bao nhiêu năm, nhưng theo sự khảo cứu của chúng tôi, thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn khởi đầu từ năm Khai Đạo (Bính Dần, 1926) cho đến khi Đức Di-Lạc Vương Phật mở Đại Hội LongHoa là chấm dứt, vì đã bước vào một thời kỳ tiến hóa mới của nhơn loại.

Chúng ta hôm nay gặp Đạo Cao Đài, được làm môn đệ của Thượng Đế, là một duyên may ngàn năm một thuở, nếu không mau bước chân vào cửa Đạo lo tu hành, cứ để dần dà ngày tháng trôi qua, có mong chi đắc đạo trở về ngôi vị cũ.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

DTC: Điều Tri Cung.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Đại đàn - Tiểu đàn

大壇 - 小壇

A: The great ceremony - The small ceremony.

P: La grande cérémonie - La petite cérémonie.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Đàn:** nghĩa đen là cái nền đất đắp cao lên để làm chỗ tế lễ, ở đây Đàn là chỉ sự cúng tế.

Tiểu: nhỏ.

Đại đàn là sự cúng tế lớn, với đầy đủ nghi tiết long trọng. Do đó, Đại đàn còn được gọi là Đại lễ.

Tiểu đàn là sự cúng tế nhỏ hơn, với nghi tiết châm chế cho đơn giản ngắn gọn hơn, nên còn gọi là Tiểu lễ. (Xem chi tiết nơi chữ: Nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn, văn Ng)

Đại Đạo

大道

A: The great way, the great doctrine.

P: La grande voie, la grande doctrine.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Đạo:** con đường, tôn giáo.

"Đạo tức là con đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo thì các bậc ấy mất hết ngôi phẩm." (TNHT)

Đại Đạo là con đường lớn do Đức Chí Tôn Thượng Đế mở ra cho nhơn sanh do theo đó mà tu hành, chắc chắn sẽ được đắc đạo thành Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Khi chiết tự để giải nghĩa hai chữ Đại Đạo theo Hán văn thì hai chữ ấy có ý nghĩa rất cao xa, bao gồm được nhiều mặt thể hiện. (Xem chi tiết nơi chữ: Chiết tự, văn Ch)

Tại sao Đạo Cao Đài xưng là Đại Đạo, còn các tôn giáo khác như Phật giáo, Thiên Chúa giáo không xưng là Đại Đạo?

Đạo Cao Đài rất xứng đáng là một nền Đại Đạo, vì ba lý do kể ra sau đây:

1. Thứ nhất, Giáo chủ của Đạo Cao Đài là Đấng Thượng Đế, Đấng đã tạo hóa ra CKVT và vạn vật. Đấng ấy là vua của Nhật, Nguyệt, Tinh, là chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, là Đại Từ Phụ của vạn linh sanh chúng.

2. Thứ nhì, giáo lý của Đạo Cao Đài là nguyên căn của các giáo lý của các tôn giáo, nên nó dung hợp được các giáo lý của Tam giáo và Ngũ Chi, nên Đạo Cao Đài sẽ thành công trong tôn chỉ: Qui nguyên Tam giáo và Phục nhứt Ngũ Chi.

3. Thứ ba, Đạo Cao Đài có nhiệm vụ tận độ 92 ức nguyên nhân và phổ độ chúng sanh trong một thời gian rất dài là thất

ức niên, tức 700 000 năm, mà trước đây không có một tôn giáo nào có thời kỳ phổ độ nhưn sanh lâu dài như thế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

大道三期普度

A: Third Amnesty of God in the East.

Third Revelation of the Great Way.

The Great Way of Third Universal Salvation.

P: Troisième Amnistie de Dieu en Orient.

Troisième Révélation de la Grande Voie.

La Grande Voie de Troisième Salvation Universelle.

Đại Đạo: (đã giải ở trên). **Tam Kỳ:** thời kỳ thứ ba. **Phổ Độ:** cứu giúp chúng sanh khắp nơi.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một nền Đạo lớn mở ra vào thời kỳ thứ ba để cứu giúp toàn cả chúng sanh nơi cõi trần thoát khỏi khổ cảnh luân hồi mà trở về cõi TLHS.

Khi mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Đức Chí Tôn xưng danh hiệu là: CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT, nên ĐĐTKPĐ được gọi vắn tắt là Đạo Cao Đài.

Gọi là **Đại Đạo** bởi vì Đạo Cao Đài là một nền Đạo lớn do Thượng Đế lập nên, bao gồm Tam giáo (**Nho, Thích, Lão**) và Ngũ Chi (**Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo**).

Gọi là **Tam Kỳ Phổ Độ** là vì trước đây đã có hai kỳ phổ độ: Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ.

- Nhứt Kỳ Phổ Độ mở ra vào thời thượng cổ gồm các tôn giáo: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật mở Phật giáo, Đức Brahma Phật mở Đạo Bà La Môn, Đức Thái Thượng Đạo Tổ mở Tiên giáo, vua Phục Hy mở Nho giáo, Đức Moïse mở Thánh giáo ở nước Do Thái gọi là Do Thái giáo, vv...

- Nhị Kỳ Phổ Độ mở ra vào thời Trung cổ với các tôn giáo: Đức Phật Thích Ca mở Phật giáo ở Ấn Độ, Đức Lão Tử mở Tiên giáo và Đức Khổng Tử mở Nho giáo ở Trung hoa, Đức

Chúa Jésus mở Thánh giáo ở nước Do Thái, Đức Mahomét mở Hồi giáo ở nước Ả Rập, Đức Khương Thượng cầm Bàng Phong Thần mở ra Thần đạo Trung hoa, vv...

■ Nay là đến thời TKPD, ứng với vận hội cuối Hạ nguơn Tam Chuyển bước qua Thượng nguơn Tứ Chuyển, Đức Chí Tôn Thượng Đế không cho mở ra nhiều Đạo như hai thời kỳ phổ độ trước, vì ngày nay Càn khôn dĩ tận thức, Năm châu chung chợ, Bốn biển chung nhà, nên Đức Chí Tôn chỉ mở ra một nền Đại Đạo tại nước Việt Nam bao gồm hết thầy Tam giáo và Ngũ chi, thống nhất thành một mối, để nhơn loại không còn bị chia rẽ nhau vì khác tôn giáo, hầu tiến đến một xã hội đại đồng.

Đức Chí Tôn cho biết đây là kỳ phổ độ chót, trước khi có Đại Hội Long Hoa là cuộc Phán Xét Cuối Cùng, để tận độ toàn cả chúng sanh, cứu giúp không để sót một ai.

Đức Chí Tôn khẳng định: **"Gặp TKPD này mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi."**

ĐĐTKPD chánh thức mở ra vào ngày Rằm Hạ nguơn năm Bính Dần (1926) và Đức Chí Tôn chọn dân tộc VN, đất nước VN để Khai Đạo, dùng TâyNinh làm Thánh Địa xây dựng các cơ quan trung ương, để từ nơi đây truyền bá khắp hoàn cầu.

■ **Vấn đề: Tại sao có Tam giáo rồi mà Đức Chí Tôn còn mở ĐĐTKPD?**

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 22-6-Mậu Dần (1938) giảng giải như sau:

"Do Tam giáo thất chơn truyền, Nho, Thích, Đạo hiện nay đã trở nên phàm giáo. Chư đệ tử trong ba nhà đạo không giữ y luật pháp qui điều, lại canh cãi chơn truyền, bày ra các điều giả cuộc làm cho Tam giáo biến thành dị đoan.

Đệ tử nhà Đạo chẳng tòng giáo pháp của Đức Thái Thượng Lão Quân, tuy ở trong nhà Đạo mà dị đoan mê tín.

Đệ tử nhà Thích không thuận theo lời giảng dạy của Đức Phật Thích Ca thì đệ tử nhà Thích dị đoan mê tín.

Đệ tử nhà Nho chẳng thật hành điều mục của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh thì đệ tử nhà Nho dị đoan bất chánh.

Tóm lại, hai chữ dị đoan nghĩa là đồ theo không trúng kiểu cái qui giới thể lệ chơn truyền của Tam giáo.

Tiên giáo, Đức Thái Thượng dạy Tam bửu Ngũ Hành, tu tâm luyện tánh, thủ cảm ứng công bình.

Phật giáo, Đức Thích Ca dạy Tam qui Ngũ giới, minh tâm kiến tánh, thật hành bác ái từ bi.

Nho giáo, Đức Khổng Tử dạy Tam cương Ngũ thường, tôn tâm dưỡng tánh, giữ theo hai chữ Trung Hiếu mà làm tiêu chuẩn cho mọi hành vi.

Cả luật pháp khuôn viên điều mục của ba nhà tôn giáo từ buổi sơ khai có đủ phương diện quyền năng dùi đời thống khổ, nhơn sanh trong thời kỳ thượng cổ còn tánh đức biết giữ chơn truyền, chuẩn thẳng, qui củ của ba nhà Nho Thích Đạo, làm lành lánh dữ, dưỡng tánh tu tâm, nên mới chung hưởng đời thái bình, an cư lạc nghiệp.

Nay đến đời Hạ nguơn cuối cùng, thế Đạo suy vi, nhơn tâm bất cổ, đạo đức đổi dời, lòng người chẳng giống như xưa, luật Tam cương chẳng giữ, phép Ngũ thường không noi, Tam giáo thất chơn truyền, nhơn tâm biến đổi, bỏ phép công bình, tranh danh trục lợi, cướp giật hiếp đáp, giết hại lẫn nhau, thành ra một trường náo nhiệt, nên gọi là đời mạt kiếp.

Các vị Giáo chủ ngày xưa tiên tri rằng: Buổi sau này, Tam giáo phải qui phạm, nên có để lời trong Sấm truyền:

- Như trong Phật Tông Nguyên Lý, Đức Thích Ca có nói: Lược vạn dư niên Thiên khai Huỳnh đạo.

- Còn Nho giáo, Đức Khổng Tử nói: Mạt hậu Tam Kỳ Thiên khai Huỳnh đạo.

- Đức Chúa Jésus khi bị đóng đinh trên cây Thánh giá có nói tiên tri với các môn đồ rằng: Trong 2000 năm Tận thế, Ta sẽ đến phán xét cho nhơn loại một lần nữa, và Ngài nói: Còn nhiều chuồng chiên, sau Đức Chúa Cha sẽ qui về một mối.

Nay Đức Chí Tôn khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đúng theo lời Sấm truyền của các vị Giáo chủ ngày xưa.

Chỉ có phương diện là do nơi Tam giáo thất chơn truyền, chính mình Đức Chí Tôn giảng cơ lập Đạo đặng qui nguyên

phục nhứt, gọi là chấn hưng Tam giáo lại cho hoàn toàn, lập luật pháp khuôn viên cho phù hợp theo dân trí buổi này, mới tìm phương độ rỗi nhơn sanh. Hiệp cả tinh thần của các dân tộc biết nhìn nhau một Cha Chung mà thuận hòa cùng nhau, thật hành chủ nghĩa thương yêu, chung thờ một nền tôn giáo đại đồng, thì nhơn loại mới đặng gọi nhuần ân huệ, và đời tranh đấu tự diệt sẽ trở nên đời mỹ tục thuần phong, thì vạn loại mới chung hưởng hòa bình, phục lại đời thượng cổ, là do nơi Thiên thơ tiền định, buổi Hạ nguơn chuyển thể hoán cựu nghinh tân.

Tóm lại, Đức Chí Tôn khai Đạo kỳ ba này là thuận theo lẽ tuần hoàn, châu nhi phục thủy."

■ **Vấn đề: Từ ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đấng nào giảng cơ dạy cho biết lần đầu tiên vào ngày nào và nơi đàn cơ nào?**

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I trang 14, chúng ta nhận thấy Đức Phật Thích Ca giảng cơ dạy về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lần đầu tiên vào ngày 8-4-1926 (âl 26-2-Bính Dần) tại đàn cơ nơi Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc). Bài Thánh ngôn này chép ra sau đây:

Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cơ: THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Chuyển Phật Đạo,
Chuyển Phật Pháp,
Chuyển Phật Tăng,
Qui nguyên Đại Đạo.
Tri hồ chư chúng sanh?

Khánh hỷ! Khánh hỷ! Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ.

Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đại hỷ phát đại tiếu.

Ngã vô lự tam đồ chi khổ.

Khả tòng giáo Ngọc Đế viết Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

(**Chú thích: Qui nguyên Đại Đạo:** Trở về nguồn gốc là nền Đại Đạo. **Tri hồ chư chúng sanh?** Chư chúng sanh biết không? **Khánh hỷ:** Vui mừng. **Hội đắc TKPD:** Hợp được vào TKPD. **Đại hỷ phát đại tiếu:** Mừng lớn phát cười lớn. **Ngã vô**

lự tam đồ chi khổ: Ta không lo cái khổ của ba đường luân hồi đầy đọa. **Khả tụng giáo Ngọc Đế:** Khả nghe theo lời dạy của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.)

Cũng trong đàn cơ này, khi tái cầu, Đức Chí Tôn giảng dạy như sau đây:

CAO ĐÀI

Lịch! Con nghe Phật Như Lai nói chưa?

Tam Kỳ Phổ Độ là gì? là phổ độ lần thứ ba.

Sao gọi là phổ độ? Phổ độ nghĩa là gì?

Phổ là bày ra. Độ là gì? là cứu chúng sanh.

Muốn trọn hai chữ Phổ Độ phải làm thế nào?

Chúng sanh là gì?

Chúng sanh là toàn cả nơn loại, chớ không phải là lựa chọn một phần người, như ý phàm các con tính rồi.

Muốn trọn hai chữ phổ độ phải làm thế nào? Thầy hỏi?

Phải bày bữa pháp chớ không đặng giấu nữa.

Con phải luyện lại cho thành, nội trong tháng 5 này về theo Trung đạo đi truyền Đạo. Nghe và tuân theo.

Phải mặc y phục như Trung mà màu hồng.

(Chú thích: Trung: tên của Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt. **Lịch:** tên của Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.)

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TKPĐ: Tam Kỳ Phổ Độ.

Đại Đạo Thanh Niên Hội

- Giải thích về Đại Đạo Thanh Niên Hội
- Nghị Định thành lập Đại Đạo Thanh Niên Hội
- Đạo Lệnh thành lập Đại Đạo Thanh Niên Hội
- Điều Lệ Đại Đạo Thanh Niên Hội
- Nội Quy Đại Đạo Thanh Niên Hội

大道青年會

Đại Đạo: (đã giải ở trên). **Thanh niên:** Tuổi xanh, tuổi trẻ.
Hội: Một đoàn thể có tổ chức gồm nhiều người.

Đại Đạo Thanh Niên Hội là tên của một đoàn thể gồm các thanh niên con nhà Đạo Cao Đài, có mục đích huấn luyện các thanh thiếu niên 3 phương diện: đức dục, trí dục và thể dục, để đào tạo thành lớp người trẻ hữu dụng cho Đạo và cho đời.

Khởi thủy vào năm 1963, một nhóm trí thức Cao Đài như quý ông: Kỹ sư Nguyễn Ngọc Hòa, Hạ Chí Khiêm,... xin lập đàn cơ cầu các Đấng dạy đạo. Đức Quyền Giáo Tông thường giảng cơ dạy đạo và có gợi ý với quý ông nên lập một tổ chức để huấn luyện các thanh thiếu niên con nhà Đạo.

Thế là hai vị trên vận động cùng với các giáo viên và học sinh của Đạo Đức Học Đường (ngôi trường của Đạo trong Nội Ô Tòa Thánh), lập ra Ban Vận Động thành lập Đại Đạo Thanh Niên Hội.

Đức Quyền Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Phạm Hộ Pháp thường giảng cơ giúp ý kiến cho Ban Vận Động thảo ra Điều Lệ và Nội Qui hoạt động của Hội.

Khi Bản Điều Lệ và Nội Qui được soạn thảo xong thì Ban Vận Động cầu cơ dâng lên Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp duyệt xét và được hai Đấng ấy chấp thuận.

Kế đó, Ban Vận Động lập văn thư dâng Bản Điều Lệ và Nội Qui lên cho Hội Thánh HTĐ. Đức Thượng Sanh và Ngài Bảo Thế chấp thuận theo Đạo Lệnh số 038/ĐL ngày 25-5-Ất Tỵ (dl 24-6-1965).

Mặt khác, Ban Vận Động làm đơn gửi lên Chánh phủ quyền Đời xin thành lập Đại Đạo Thanh Niên Hội, được ông Tổng Trưởng Thanh Niên và Thể Thao thời bấy giờ chấp thuận cho phép thành lập theo Nghị Định số 67 ngày 16-3-1965.

Sau đây, xin chép lại Nghị Định và Đạo Lệnh nói trên:

Nghị Định thành lập Đại Đạo Thanh Niên Hội

NGHỊ ĐỊNH SỐ 67-BTNTT/TN9/NĐ ngày 16-3-1965 cho phép Đại Đạo Thanh Niên Hội thành lập và hoạt động trong toàn quốc.

TỔNG TRƯỞNG THANH NIÊN và THỂ THAO

- Chiếu Hiến chương lâm thời ngày 20-10-1964,
- Chiếu Sắc lệnh số 040/b/QL/SL ngày 16-2-1965 ấn định thành phần Chánh phủ,
- Chiếu Dụ số 10 ngày 6-8-1950 sửa đổi bởi Dụ số 24 ngày 19-11-1952 ấn định Quy chế các Hiệp Hội,
- Chiếu đơn đề ngày 4-11-1964 của ông Lê Minh Khôi và Hạ Chí Khiêm xin cho Đại Đạo Thanh Niên Hội được phép thành lập và hoạt động,
- Chiếu công văn thỏa hiệp của Bộ Nội Vụ số 1784-BNV/KS ngày 9-3-1965,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều thứ 1: Nay cho phép "Đại Đạo Thanh Niên Hội" thành lập và hoạt động trong toàn quốc theo Điều Lệ đính kèm, kể từ ngày ký Nghị Định này.

Điều thứ 2: Hội trên đây phải tuân theo những thể lệ hiện hành và quy chế Hiệp Hội.

Điều thứ 3: Đồng Lý Văn Phòng Bộ Thanh Niên và Thể Thao, Tổng Giám Đốc Thanh Niên và Thể Thao, chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị Định này.

Sài Gòn, ngày 16 tháng 3 năm 1965.
Tổng Trưởng Bộ Thanh Niên và Thể Thao,
Y Sĩ Trung Tá Nguyễn Tấn Hồng.
(ấn ký)

Đạo Lĩnh thành lập Đại Đạo Thanh Niên Hội

HIỆP THIÊN ĐÀI
Văn Phòng
Quyền Chương quản

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(*Tứ thập niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

Số: 038/ĐL

ĐẠO LĨNH**BẢO THỂ, Quyền Chương Quản HTĐ**

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,
Chiếu Hiến pháp và Nội luật HTĐ ngày 15-2-Nhâm Thân (1932),

Chiếu Hiến pháp HTĐ ngày 8-Giêng-Giáp Thìn (20-2-1964) và Hiến pháp HTĐ bổ túc ngày 27-2-Ất Tỵ (29-3-1965).

Nghĩ vì trào lưu tiến hóa của thanh niên VN đã phát khởi rất mạnh để tiếp sức đàn anh trong việc cứu quốc và kiến quốc,

Nghĩ vì thanh niên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng phải kịp bước theo trào lưu trên để giúp Đạo trong sự thi hành Thế luật của Đạo cho được tận mỹ,

Nghĩ vì một số thanh niên ưu tú con nhà Đạo đã được Chánh phủ VNCH cho phép lập thành một cơ quan thanh niên, lấy danh hiệu là ĐẠI ĐẠO THANH NIÊN HỘI (Nghị Định của Tổng trưởng Thanh niên và Thể thao số 67/BTNNTT/NĐ ngày 16-3-1965).

Nghĩ vì Nội Qui của Đại Đạo Thanh Niên Hội có ấn định một phần lớn trong nhiệm vụ chung là thi hành Thế luật của Đạo dưới quyền chăm nom của Hội Thánh,

Nghĩ vì Hội Thánh đã công nhận Đại Đạo Thanh Niên Hội là một cơ quan của Đạo, do Vi Bằng số 09/VB ngày mùng 6-5-Ất Tỵ (dl 5-6-1965),

Nghĩ vì Ban Chấp Hành Trung ương của Đại Đạo Thanh Niên Hội có cam kết với Hội Thánh không làm chánh trị, không lập cơ bút riêng, và trọn tuân mạng lệnh của Hội Thánh, nên:

ĐẠO LỊNH:

Điều thứ nhất: Hội Thánh công nhận Đại Đạo Thanh Niên Hội là một cơ quan để tiếp sức với Hội Thánh trong việc thi hành Thế luật của Đạo cho được đắc lực.

Điều thứ nhì: Chức sắc hành quyền Đạo ở trung ương cũng như địa phương phải hết lòng nâng đỡ Đại Đạo Thanh Niên Hội trong nhiệm vụ nói trên.

Điều thứ ba: Chư vị Hiến Pháp chương quản Bộ Pháp Chánh, Đầu Sư CTĐ, Chương quản Phước Thiện, Nữ Chánh Phối Sư chương quản Nữ phái CTĐ, và Nữ Phối Sư chương quản Nữ phái Phước Thiện, các tư kỳ phận, lãnh ban hành và thi hành Đạo Lĩnh này.

Tòa Thánh, ngày 25 tháng 5 Ất Tỵ (dl 24-6-1965).

BẢO THẾ
(ấn ký)

PHÊ KIẾN:
Thượng Sanh Chương quản HTĐ
(ấn ký)

Điều Lệ Đại Đạo Thanh Niên Hội

- **Chương I:** Danh hiệu, Trụ sở, Mục đích, Phạm vi, Thời hạn
- **Chương II:** Thành phần, Nhiệm vụ, Điều kiện nhập Hội và ra Hội
- **Chương III:**
Tổ chức
Kỷ Luật
- **Chương IV:** Tài chánh
- **Chương V:** Nội Qui, Sửa đổi Điều lệ, Giải tán

ĐIỀU LỆ ĐẠI ĐẠO THANH NIÊN HỘI

Chương I: Danh hiệu, Trụ sở, Mục đích, Phạm vi, Thời hạn

Điều 1: Nay thành lập trong hàng thanh niên nam nữ Đạo Cao Đài một Hội lấy tên là: Đại Đạo Thanh Niên Hội.

Điều 2: Cơ quan Trung ương đặt tại Tòa Thánh TâyNinh (VN).

Điều 3: Đại Đạo Thanh Niên Hội thành lập nhằm mục đích:

- Đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp thanh niên con em của Đạo thành một khối vững chắc để phục vụ Hội Thánh.
- Gây tình tương thân tương ái, trao đổi văn hóa, kiến thức và kinh nghiệm giữa các đoàn thể thanh niên tôn giáo trên thế giới, thể hiện tình thương vạn loại đúng theo tôn chỉ của ĐĐTKPĐ.
- Đào tạo nhân tài cho xã hội trên căn bản: Đức, Trí, và Thể dục để bảo đảm hạnh phúc chung cho hơn loại.
- Quyết tâm giữ vững nền Tân pháp của ĐĐTKPĐ, bảo vệ tự do tín ngưỡng và tôn trọng các tôn giáo, tiến tới một thế giới đại đồng duy nhất trong Bảo sanh, Nhânghĩa, Công bằng.

Hội chủ trương đặt tình yêu hơn loại lên trên hết và tuyệt đối không tham gia chánh trị.

Điều 4: Hội hoạt động trên toàn lãnh thổ VN và vô kỳ hạn.

Chương II: Thành phần, Nhiệm vụ, Điều kiện nhập Hội và ra Hội

Điều 5: Thành phần Đại Đạo Thanh Niên Hội gồm có:

1. *Hội viên sáng lập:* là những người khởi xướng và đứng ra thành lập Hội.
2. *Hội viên danh dự:* là những Chức sắc cao cấp trong Đạo hoặc những nhân sĩ trí thức có uy tín trong xã hội có nhiệt tâm đối với Hội. Các vị này sẽ được Ban Chấp

Hành Trung Ương mời và loan báo cho toàn thể Hội viên hay.

3. *Hội viên chỉ đạo*: là những người được mời giúp ý kiến và hoạch định đường lối cho Hội, là thành phần cốt cán của Hội.
4. *Hội viên ân nghĩa*: là những người hảo tâm thiện chí giúp Hội về phương diện tinh thần lẫn vật chất một số vật liệu hoặc tiền bạc trị giá từ 5000 đồng trở lên. Các Hội viên này được Ban Chấp Hành Trung ương giới thiệu với Đại Hội.
5. *Hội viên hoạt động*: là tất cả Hội viên thiết thọ của Hội có trách nhiệm trực tiếp về sinh hoạt của Hội.

Điều 6: Nhiệm vụ của Hội viên:

- Thi hành triệt để Thế luật của Đạo.
- Trung thành với tôn chỉ, mục đích của Hội.
- Tôn trọng Điều Lệ và Nội Qui của Hội.
- Tuân hành chỉ thị của Trung ương đúng theo tinh thần của các quyết nghị của Đại Hội đã ấn định.
- Gia công khảo cứu và sưu tầm để trau dồi văn hóa, tập luyện thể dục thể thao để kiện toàn bản thân hầu làm tròn bổn phận một tín đồ xứng đáng của đạo giáo, một công dân tốt của đất nước.
- Kính lão kính trưởng, giúp chư vị Chức sắc Thiên phong của Đại Đạo, cũng như các bậc Đạo đức chơn tu, không phân tôn giáo, chủng tộc, bằng những phương tiện sẵn có.
- Tham gia các công việc từ thiện của Hội Thánh.
- Khuyến khích và giúp đỡ lẫn nhau trên đường tu học, thực hiện đại đoàn kết. Giữ niềm hòa ái tương thân, làm cho mọi người hướng về Thượng Đế, nhìn nhận Đấng Cha Chung theo tinh thần đại đồng nhơn loại.

Điều 7: Điều kiện nhập Hội và ra Hội:

Những thanh niên có khuynh hướng đạo đức xã hội từ 18 tuổi trở lên muốn gia nhập Hội:

1. Phải làm đơn xin gia nhập Hội có 2 Hội viên tiến dẫn và gửi đơn đến Đơn vị trưởng thuộc địa phương.
2. Đóng tiền nhập Hội và tiền nguyệt liễm.
3. Lập thẻ trước Hội Kỳ tại trụ sở Hội với sự chứng minh của một Đơn vị trưởng từ cấp Quận trở lên.
4. Hội viên muốn ra Hội phải gửi đơn đến Đơn vị trưởng và thanh toán các món tiền nợ của Hội (nếu có).
5. Khi Hội viên xin ra khỏi Hội hoặc bị Hội khai trừ, không được đòi lại những khoản tiền đã đóng góp cho Hội.
6. Hội viên đã xin ra khỏi Hội có thể xin gia nhập trở lại, cũng phải tuân theo thể lệ đã ấn định như một Hội viên mới xin gia nhập Hội.

Điều 8: Những thiếu niên dưới 18 tuổi sẽ được kết nạp vào Đoàn Thiếu Sinh Đại Đạo nếu có sự chấp thuận của cha mẹ mà không phải đóng một món tiền nào vào Hội.

Chương III: Tổ chức

Điều 9: Tổ chức của Đại Đạo Thanh Niên Hội theo hệ thống từ dưới lên trên, gồm có:

- Phân hội
- Hương hội
- Quận hội
- Tỉnh hội
- Khu hội
- Liên Khu hội
- Bang hội
- Trung Ương.

Điều 10: Thành phần của mỗi cấp sẽ được qui định rõ trong Bản Nội Qui.

Điều 11:

A. Nhiệm kỳ: Sau khi được Chánh phủ chính thức cho phép thành lập Hội, trong thời hạn tối đa là 6 tháng, các sáng lập viên phải triệu tập Đại Hội để bầu Ban Chấp Hành Trung Ương (BCH TU) chính thức.

- Nhiệm kỳ của Ban Chấp Hành Trung Ương là 3 năm.
- Nhiệm kỳ của các cấp khác là 1 năm.

B. Định kỳ:

- Ban Chấp Hành các cấp họp hằng tháng 1 kỳ.
- Ban Chấp Hành Trung Ương họp tam cá nguyệt 1 kỳ.
- Riêng BCH TƯ có thể họp bất thường do Hội Trưởng triệu tập hoặc do 2/3 số nhân viên yêu cầu.

C. Đại Hội:

1. Mỗi năm vào dịp rằm tháng Giêng (âm lịch) sẽ tổ chức Đại Hội thường niên để tường trình công việc năm qua và hoạch định chương trình hoạt động cho năm tới.
2. Bầu cử BCH TƯ khi mãn nhiệm kỳ.
3. Thành phần của Đại Hội gồm có các Hội Viên lãnh đạo các cấp đại diện.
4. Thủ tục bầu cử và Nghị quyết:
 - Đại Hội chỉ họp lệ khi có sự hiện diện của 2/3 các đại diện hợp pháp.
 - Trong trường hợp không đủ số này, BCH sẽ triệu tập Đại Hội lần thứ hai trong thời hạn 1 tháng và Đại Hội này bất cứ bao nhiêu đại diện hợp pháp tham dự cũng đều có giá trị. Bầu cử và Nghị quyết theo thể thức đa số tương đối những đại diện có mặt, hoặc có đại diện hợp pháp.
 - Trường hợp số phiếu tương đương, phải bỏ phiếu lại lần thứ hai.
 - Trong lần bỏ phiếu lần thứ hai, nếu hai số phiếu bằng nhau thì ý kiến của Chủ tọa Hội nghị sẽ có giá trị tuyệt đối.

KỶ LUẬT**Điều 12:**

A- Tường thưởng: Sau 5 năm làm Hội viên không gián đoạn công nghiệp và có đủ điều kiện về:

- Phương diện hạnh đức,
- Trình độ học thức,
- Tinh thần phục vụ,
- Trên 25 tuổi,

Sẽ được Hội Thánh chọn cho cầu phong lên Lễ Sanh. Do đề nghị của vị Lãnh đạo. Chư vị Tân Lễ Sanh này sẽ làm cán bộ ưu tú để dạy lại đàn em. Sau 3 năm làm cán bộ sẽ được Hội Thánh bổ nhiệm hành đạo địa phương.

B- Trừng phạt: Những Hội viên không tuân hành đúng theo quyết nghị của Trung ương và hành động có phương hại đến danh nghĩa Hội, tùy trường hợp phải chịu kỷ luật sau đây:

- Phê bình, - Cảnh cáo, - Quì hương,
- Khai trừ có thời hạn, - Khai trừ vĩnh viễn.

Điều 13: Hội Đồng Kỷ Luật gồm:

- Hội Trưởng,
- 3 Phó Hội Trưởng,
- Tổng Thư Ký,
- 2 Kiểm Soát Viên tham dự.

Hội Trưởng: Chủ tọa phiên họp và nghị quyết trừng phạt (theo các Qui luật của Hội).

Đệ I Phó Hội Trưởng: Giữ quyền buộc tội Hội viên phạm kỷ luật của Hội.

Đệ II Phó Hội Trưởng: Đứng ra biện hộ cho Hội viên phạm kỷ luật của Hội.

Đệ III Phó Hội Trưởng: Tuyên đọc bản phạm kỷ luật trạng của Hội viên phạm kỷ luật (nêu rõ điều khoản).

2 Kiểm Soát Viên: (Tham gia ý kiến và chứng kiến).

Trong trường hợp một trong những Hội viên chỉ đạo phạm kỷ luật, sẽ do Đại Hội họp Hội Đồng Kỷ Luật xét xử dưới sự chứng kiến của Hội Thánh.

Tổng Thư Ký: là thuyết trình viên và có phận sự ghi chép các phiên xử.

Chương IV: Tài chánh

Điều 14: Tài chánh của Hội gồm có:

- Tiền gia nhập Hội và tiền niên liễm của Hội viên.
- Tiền do các Hội viên ân nghĩa giúp.
- Nguồn lợi hợp pháp do hoạt động của Hội tạo nên.
- Động sản, bất động sản hiện hữu và đang được tạo mãi do nhu cầu của Hội có Ban Chấp Hành đứng tên.

Điều 15: Chi thu:

- a) Tiền gia nhập Hội và tiền niên liễm của Hội do Thủ quỹ thu.
- b) Thủ quỹ chỉ giữ được tối đa 10.000 \$, ngoài ra sẽ đưa gửi ở Ngân khố hoặc Hộ Viện Hội Thánh.
- c) Thủ quỹ chỉ được quyền chi tới 1.000 \$ mỗi lần trong một công việc và không được chi quá 3 lần trong 1 tháng. Trên 5.000 \$ đến 10.000 \$ phải có chữ ký của Hội Trưởng. Từ 10.000 \$ trở lên, phải do toàn Ban Chấp Hành ấn định. Nếu công việc chi không ở trong chương trình của Đại Hội quyết định thì phải chờ tới Đại Hội kỳ sau để lấy quyết nghị.
- d) Tiền niên liễm sẽ đóng từng tam cá nguyệt vào khoảng từ 1 đến 10 ngày của tháng đầu tam cá nguyệt.

Tiền nhập Hội đóng một lần ngay khi làm Lễ Nhập Hội.

Chương V: Nội Qui, Sửa đổi Điều lệ, Giải tán

Điều 16: Nội Qui:

- a) Bản Nội Qui của Hội do một Ủy Ban nghiên cứu và soạn thảo, được Đại Hội chấp thuận.

- b) Chỉ Đại Hội mới có quyền quyết định sửa đổi Điều lệ.
- c) Hội có thể bị giải tán khi hội đủ các điều kiện sau đây:
- Do quyết nghị của Hội Thánh.
 - Do quyết nghị của 2/3 tổng số Hội viên.
 - Do quyết định của Chánh quyền.

Trong trường hợp Hội giải tán, tài sản của Hội sẽ giao cho Cơ Quan Phước Thiện của Hội Thánh.

Làm tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 8 tháng 4 Giáp Thìn.
(dl 19-5-1964)

T.M. BAN CHẤP HÀNH

Hội Trưởng

Lễ Sanh Ngọc Hòa Thanh
(Kỹ sư Nguyễn Ngọc Hòa)

Nội Quy Đại Đạo Thanh Niên Hội

- **Chương I:** Hệ thống Tổ chức
- **Chương II:**
- **Chương III:** Tài chánh
- **Chương IV:** Phù hiệu, Đồng phục, Lối chào, Khẩu hiệu, Hội ký, Con dấu

NỘI QUY

CHƯƠNG I: Hệ thống Tổ chức

Điều 1: Đơn vị căn bản của Đại Đạo Thanh Niên Hội là Phân Hội gồm 12 thanh niên nam hoặc 12 thanh nữ Đạo riêng biệt hợp lại thành một Phân Hội, dưới sự điều khiển của một Phân Hội trưởng và một Thư ký do trong 12 người tự chọn bầu ra.

Điều 2: Hương Hội: Số Phân Hội trong một xã hợp thành một Hương Hội. Các Phân Hội trưởng và Thư ký sẽ bầu ra:

- 1 Hương Hội trưởng,
- 1 Hương Hội phó,

- 1 Thư ký,
- 1 Thủ quỹ.

Điều 3: Quận Hội: Số Hương hội trong một Quận hợp thành Quận Hội. Các Hương Hội trưởng và Hương Hội phó sẽ bầu lên một Ban Chấp Hành (BCH) gồm có:

- 1 Hội trưởng,
- 1 Phó Hội trưởng,
- 1 Thư ký,
- 1 Thủ quỹ,
- 1 hoặc nhiều Ủy viên tùy nhu cầu của Hội.

Điều 4: Tỉnh Hội: Số Quận Hội trong một tỉnh hợp thành Tỉnh Hội. Các BCH Quận Hội sẽ bầu lên BCH Tỉnh Hội gồm có:

- 1 Hội trưởng,
- 1 Phó Hội trưởng,
- 1 Thư ký,
- 1 Thủ quỹ,
- 1 hoặc nhiều Ủy viên tùy nhu cầu của Hội.

Điều 5: Khu Hội: Số Tỉnh Hội trong một khu hợp thành Khu Hội. Các BCH Tỉnh Hội sẽ bầu BCH Khu Hội, gồm có:

- 1 Hội trưởng,
- 1 Phó Hội trưởng,
- 1 Thư ký,
- 1 Thủ quỹ,
- 1 hoặc nhiều Ủy viên tùy nhu cầu của Hội.

Điều 6: Liên Khu Hội: Số Khu Hội trong một Miền hợp thành Liên Khu Hội. Các BCH Khu Hội sẽ bầu BCH Liên Khu Hội gồm có:

- 1 Hội trưởng,
- 1 Phó Hội trưởng,
- 1 Thư ký,
- 1 Thủ quỹ,
- 1 hoặc nhiều Ủy viên tùy nhu cầu của Hội.

Điều 7: Bang Hội: Số Liên Khu Hội trong một quốc gia hợp thành một Bang Hội. Các BCH Liên Khu Hội sẽ bầu lên BCH Bang Hội, gồm có:

- 1 Hội trưởng,
- 1 Phó Hội trưởng,
- 1 Thư ký,
- 1 Thủ quỹ,
- 1 hoặc nhiều Ủy viên tùy nhu cầu của Bang Hội.

Điều 8: Ban Chấp Hành Trung Ương (BCH TƯ):

BCH TƯ sẽ do Đại Hội bầu lên trong số các Hội viên lãnh đạo cấp tỉnh trở lên.

a. Thành phần của BCH TƯ gồm có:

- 1 Hội trưởng
- 3 Phó Hội trưởng
- 1 Tổng Thư Ký
- 3 Thư Ký
- 1 Thủ quỹ
- 1 Phó Thủ quỹ
- 3 Ủy viên Kiểm Soát
- 5 Ủy viên đặc trách.

b. Quyền hạn và nhiệm vụ:

* **Hội Trưởng:** Đại diện cho Hội, điều khiển BCH và điều hành các chương trình hoạt động của Hội, kiểm soát và phụ trách việc thi hành các quy điều của Hội.

- Triệu tập các buổi họp của BCH và chủ tọa các phiên Đại Hội.
- Thay mặt Hội với Hội Thánh và Chánh quyền hay tư nhân trong các trường hợp liên hệ đến quyền lợi của Hội.
- Xuất phát khi đã đồng ý với BCH.

* **Đệ nhất Phó Hội Trưởng:** Phụ tá và thay thế Hội Trưởng khi vắng mặt.

* **Đệ nhị Phó Hội Trưởng:** Phụ trách Nội Vụ.

* **Đệ tam Phó Hội Trưởng:** Phụ trách Ngoại Vụ.

* **Tổng Thư Ký:** Phụ trách văn thư.

- Lập Biên bản các buổi họp của BCH và Đại Hội.
- Thay mặt BCH mời nhóm họp.
- Đảm nhiệm việc phách thành các tài liệu sách báo của Hội.
- Xử Lý Thường Vụ khi Chánh Phó Hội Trưởng vắng mặt.

* **Thư Ký:** Phụ tá và thay thế Tổng Thư Ký khi vắng mặt.

* **Thủ quỹ:** Thâu nguyệt liễm và các khoản thâu khác của Hội và ký phát biên lai khi nhận.

- Sổ Biên lai do Tổng Thư Ký đánh số và ký tên.
- Ghi các khoản xuất của Hội theo các chứng thư của Hội Trưởng chuẩn xuất.
- Trình sổ sách lên BCH trong các phiên nhóm khi cần đến.
- Chịu trách nhiệm về kế toán.
- Trình kết toán các khoản chi thu hằng niên lên Đại Hội có sự kiểm nhận của một Ủy viên Kiểm soát.

* **Ủy viên Kiểm soát:** Kiểm tra đôn đốc giúp ý kiến cho BCH, minh tra các công việc của BCH giao phó.

* **Ủy Viên đặc trách:**

1. *Văn Hóa và Xã hội:* Phụ trách Tuyên Nghiên Huấn cho Hội như: Soạn sách báo và Giáo lý, sưu tầm sáng tác văn nghệ, thực hiện các công tác xã hội theo chương trình của Hội, phối hợp với cơ quan Phước Thiện của Hội Thánh để cải thiện sanh hoạt cho đồng đạo và Hội viên.

2. *Kinh Tế và Tài Chánh:* Lo tiếp tế, vận chuyển và gây quỹ cho Hội, tạo tác các ngành kinh tế do Hội Thánh hoạch định, gìn giữ tài sản của Hội, báo cáo tình hình tài chánh cũng như các ngành hoạt động kinh tế hằng tháng lên BCH.

3. *Kế hoạch và Tổ chức:* Nghiên cứu đặt kế hoạch và tổ chức các chương trình để thực hiện đường lối của Hội.

4. *Văn nghệ, Thể thao và Khánh tiết:* Lo phần tiếp tân trong các kỳ họp hay Đại Hội. Sắp đặt trang hoàng mỗi kỳ lễ của Hội

tổ chức bất thường hoặc thường kỳ, lo tổ chức chương trình sinh hoạt vui trẻ của Hội (Thể thao, Văn nghệ, Cắm trại, vv...)

5. **Đặc nhiệm:** Theo dõi tinh thần và hoạt động chung của Hội, có nhiệm vụ lo lắng bảo vệ Hội.

Điều 9: Mỗi Ủy viên Đặc trách có quyền chọn 1 hay 2 phụ tá tùy theo nhu cầu.

Điều 10: Nhiệm kỳ:

- Nhiệm kỳ của BCH TƯ là 3 năm.
- Nhiệm kỳ của BCH các cấp là 1 năm.

CHƯƠNG II:

Điều 11: Tại các cấp Trung Ương, Bang Hội, Liên Khu Hội, Khu Hội, Tỉnh Hội, Quận Hội sẽ có các Ủy Ban đặc trách:

- a) Văn hóa và Xã hội.
- b) Kinh tế và Tài chánh.
- c) Tổ chức và Kế hoạch.
- d) Văn nghệ, Thể thao và Khánh tiết.
- e) Đặc nhiệm.

Điều 12: Hội viên được bầu vào thành phần lãnh đạo các cấp, phải chịu thụ huấn ở các khóa huấn luyện của Trung Ương tổ chức trước khi ra hành sự.

CHƯƠNG III: Tài chánh

Điều 13:

a. Tiền gia nhập: Khi gia nhập ĐĐTNH, mỗi Hội viên phải đóng một số tiền là 15 đồng.

b. Tiền niên liễm Hội viên phải đóng là 24 đồng, có thể đóng phân từng tam cá nguyệt. Mỗi khi đóng tiền gì cho Hội phải nhận một biên lai của Thủ quỹ phát.

Điều 14: Sự phân phối sẽ do một Tiểu ban soạn thảo hằng năm và đệ trình trước Đại Hội để lấy quyết nghị.

Điều 15: Kiểm soát:

- Phải có Sổ Tài chánh của từng BCH các cấp.

- Chi thu phải có chứng thư hợp lệ (có kèm chữ ký của Đơn vị trưởng nếu ở các cấp và Hội Trưởng nếu ở trung ương).
- Sổ chi thu phải cập nhật và phải trình lên BCH hằng tháng.

Điều 16: Thành phần và tổ chức của Đoàn Thiếu Sinh Đại Đạo sẽ do cuộc Đại Hội đầu tiên của ĐĐTNH nghị quyết.

CHƯƠNG IV: Phù hiệu, Đồng phục, Lối chào, Khẩu hiệu, Hội kỳ, Con dấu

Điều 17:

a. Phù hiệu Hội viên làm bằng kim loại hình tròn, đường kính 1 cm 80, nền xanh thẫm, chính giữa có 3 vòng Tam Thanh.

b. Đồng phục ĐĐTNH qui định như sau:

- **NAM:** Áo chemise trắng, tay ngắn, cà vạt xanh, mũ trắng, quần dài nâu, giày bố trắng loại thể thao.
- **NỮ:** Áo chemise trắng tay dài, cà vạt nâu, mũ trắng, váy nâu, giày bố trắng loại thể thao.

Điều 18: Lối chào: Lối chào của ĐĐTNH qui định như sau:

- Cánh tay phải đưa lên ngang vai.
- Ngón cái hợp với ngón trỏ thành một vòng tròn (vòng vô vi), 3 ngón tay còn lại để thẳng và khép kín lại (tất cả tượng trưng 3 vòng vô vi), đầu ngón giữa để ngang màng tang, lòng bàn tay đưa nghiêng về phía trước.

Điều 19: Nghi thức lập thẻ và khẩu hiệu:

- *Lập thẻ vào Hội*, Hội viên sẽ chịu lễ Nhập Hội và tuyên thệ trung thành với tôn chỉ mục đích và triết đề tôn trọng Nội qui của Hội trước Hội Kỳ và Bàn thờ Chí Tôn, có một Đơn vị trưởng từ cấp Quận trở lên chứng kiến.
- *Sau khi lập thẻ*, Hội viên mới được công nhận chính thức và được cấp thẻ Hội viên có chữ ký của Hội Trưởng Ban Chấp Hành Trung Ương.

- *Khẩu hiệu*: "Quyết Tâm" "Đoàn Kết"

Điều 20: Hội Kỳ: Hội Kỳ hình chữ nhật, kích thước theo tỉ lệ 2/3, nền xanh thẫm, tua trắng, góc trên cán cờ có 3 vòng Tam Thanh (vàng, xanh, đỏ) chiếm 1/3 bề rộng, trên nền xanh còn lại có hình Thất Tinh (ngôi sao Bắc Đẩu đứng trên).

Điều 21: Con dấu của Hội: Con dấu của Hội hình tròn, đường kính 4 cm, ở giữa có 3 vòng tròn tượng trưng cho 3 vòng Tam Thanh, về phía dưới con dấu có ghi tên:

Hương Hội, Quận Hội, Tỉnh Hội,
Khu Hội, Liên Khu Hội, Bang Hội,
Trung Ương.

Ý nghĩa Hội Kỳ:

Nền cờ xanh tượng trưng cho tuổi trẻ, cho sự tiến hóa, màu thanh bình hạnh phúc cho hơn loại.

Viền trắng, màu trắng chỉ sự trong sạch tinh khiết.

Ba vòng vô vi tượng trưng Tam giáo: Nho, Thích, Đạo, trong sự hợp nhất hay sự đoàn kết đại đồng tôn giáo đúng như chủ trương Tam giáo qui nhất của nền ĐĐTKPĐ.

Ngôi sao Bắc đẩu: Trung tâm của vũ trụ, định hướng cho vạn vật, noi theo đó để tiến hóa.

(Tài liệu về ĐĐTNH của Ông Hạ Chí Khiêm)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đại đẳng khoa - Tiểu đẳng khoa

大登科 - 小登科

A: Laureate at Pre-Court competitive examination. - Wedding.

P: Lauréat au grand concours - Mariage.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Đăng:** ghi tên vào sổ. **Khoa:** kỳ thi.

Đại đẳng khoa là thi đậu khoa thi lớn, đậu Trạng Nguyên.

Hồi xưa, thi đậu Đại khoa là thi đậu kỳ thi Hội và thi Đình

trước đền vua, người thi đậu được gọi là Trạng Nguyên hoặc Tiến Sĩ, được vua trọng dụng, bổ làm quan.

Tiểu đẳng khoa là thi đậu khoa nhỏ, ý nói cưới vợ.

Thuở xưa, việc thi đậu và việc cưới vợ gần như liên tiếp gắn liền với nhau, vì thi đậu Trạng Nguyên thì được nên danh phận, rồi có nhiều gia đình quyền quý kêu gả con gái cho. Do đó, người xưa xem việc thi đậu Trạng là đậu lớn (Đại đẳng khoa), cưới vợ là đậu nhỏ (Tiểu đẳng khoa).

Đại điện

大殿

A: The principal palace.

P: Le Palais principal.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Điện:** cung điện của vua hoặc nơi trang trọng để thờ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đại điện còn được gọi là Chánh điện, Bửu điện là nơi tôn nghiêm nhất trong Thánh Thất để thiết lập Thiên Nhân thờ Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Nơi đặt Thiên Nhân thờ Đức Chí Tôn được gọi là BQĐ.

Trước BQĐ, chỗ nhơn sanh qui cúng, là CTĐ.

Sau CTĐ, nơi đặt tượng chữ Khí là HTĐ.

TL: Điều 10: Mỗi Thánh Thất từ đây phải lập Minh thệ. Còn ai mới vô Đạo, nội ngày đem tên vào sổ, phải đứng giữa đại điện thề liện.

BQĐ: Bát Quái Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TL: Điều 10: Tân Luật: Điều 10.

Đại đồng

大同

A: The universal fraternity (concord).

P: La fraternité (concorde) universelle.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Đồng:** cùng chung.

Đại đồng là cả thế giới chung một nhà, không phân biệt quốc gia hay chủng tộc.

Xã hội đại đồng là một xã hội trong đó khắp mọi nơi đều hòa bình, an lạc, mọi người đều bình đẳng, không còn phân biệt chủng tộc, quốc gia, xem nhau như anh em một nhà.

Đó là một xã hội thái bình an lạc lý tưởng, là đời Thượng nguyên Thánh đức, mà hơn loại đều mong ước.

Trong Kinh Lễ, Đức Khổng Tử nói về xã hội đại đồng như sau:

"Ở thời đại đạo thực hành thì thiên hạ là của chung, người ta chọn kẻ hiền năng, giảng điều xác thực, thực hiện trên thuận dưới hòa. Cho nên, người ta không chỉ thương kính riêng cha mẹ mình, không riêng yêu con mình. Kẻ già được nuôi dưỡng trọn đời, người trẻ được sử dụng, trẻ con được săn sóc đến trưởng thành, người ta thương kẻ góa, con cô, người già cô độc, người tàn tật được châu cấp, con trai có chức phận, con gái có chồng con. Người ta ghét thấy của cải bỏ phí trên đất mà lượm lên, chứ không chủ ý giấu giếm trong mình, ghét sự không dùng sức mình (tức không chịu ngồi không) nên làm việc chứ không chủ ý lo lợi riêng cho mình. Vì vậy mà cơ mưu phải bế tắc, kẻ trộm cắp, người làm loạn làm giặc không nổi lên, cho nên cửa ngõ không cần đóng. Đó là thời đại đồng.

Nay đại đạo đã bỏ, người ta lấy thiên hạ làm của riêng, ai nấy đều riêng thân cha mẹ mình, đều riêng yêu con mình, cho của cải và sức lực là riêng của mình, vua quan thì cha truyền con nối, quốc gia thì lấy thành quách hào trì mà giữ vững, lấy lễ nghĩa làm kỷ cương, làm cho chính cái nghĩa vua tôi, hậu cái tình cha con, thuận cái tình anh em, hòa cái đạo vợ chồng, đặt chế độ, lập điển lý, tôn trọng kẻ trí dũng, lập công khởi sự riêng cho mình. Cho nên, sự dùng mưu chước mới sanh ra việc chiến tranh do đó khởi lên.

Vua Vũ, vua Shang, vua Văn, vua Võ, Thành Vương, Chu Công, bởi đó mà được chọn là bậc hơn cả. Sáu bậc quân tử ấy chưa từng không cẩn thận ở lễ. Lễ là để làm cho rõ cái nghĩa, thành điều tín, rõ người có lỗi, lấy nhân làm phép, giảng điều tôn nhượng, bảo dân theo phép thường. Nhưng có ai

không theo những điều ấy, thì dầu có thể vị, chúng nhân cho là họa ác, bắt tội mà truất bỏ đi. Ấy là đời Tiểu khang."

Như vậy, theo ý của Đức Khổng Tử, thời Tam Vương: nhà Hạ, nhà Thương, nhà Châu, không phải là thời đại đồng, mà chỉ là thời Tiểu khang; còn thời Ngũ Đế: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn mới thật là thời Đại đồng.

Từ xưa cho tới nay, đã có nhiều nhà đạo đức, nhiều triết gia, nêu ra nhiều học thuyết để thực hiện đưa đến một thế giới Đại đồng, nhưng tất cả đều không đạt được, vì con người còn có lòng tham lam ích kỷ. Chính cái tham lam ích kỷ đó khiến con người có nhiều dục vọng, nên gây ra biết bao nhiêu tai họa cho loài người.

Muốn tiến tới xã hội đại đồng thì phải có những con người hoàn toàn mới (Tân dân) có hai phẩm chất căn bản là: Bác ái và Công bình.

Bác ái là thương người thương khắp chúng sanh, luôn luôn muốn giúp đỡ chúng sanh, xem nhau như anh em một nhà, vì tất cả đều là con cái của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Công bình là nguyên tắc căn bản từ ngàn xưa để lại là: "*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*", nghĩa là: Điều nào mình không muốn thì đừng làm cho người.

Chỉ có Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, với quyền pháp tuyệt đối của Ngài, mới có thể thực hiện cho loài người một xã hội đại đồng.

Trước nhất, Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ với tôn chỉ qui nguyên Tam giáo, phục nhất Ngũ chi, để thống nhất tín ngưỡng của nhơn loại, đồng nhìn nhận Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là hai Đấng Cha Mẹ Chung thiêng liêng của toàn nhơn loại.

Đức Chí Tôn lập ra một trường thi công quả để tuyển lựa những người đầy đủ bác ái và công bình, đúng theo Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước. Những người này sẽ được Đức Di-Lạc Vương Phật chấm đậu và cho tham dự Đại Hội Long Hoa.

Những người không đủ bác ái và công bình thì bị rớt, tức là thể xác của họ bị tiêu diệt và linh hồn của họ phải chờ đợi

một thời gian dài để sau đó nhập vào một chu trình tiến hóa mới sau Đại Hội Long Hoa.

Chừng đó, trên thế giới chỉ còn lại những người bác ái và công bình. Đó là những Tân dân có đầy đủ đức tánh để thành lập một xã hội đại đồng đúng nghĩa.

Chính đó cũng là đời Thượng nguơn Thánh đức, khởi đầu một kỷ nguyên mới là kỷ nguyên Thượng nguơn của Đệ tứ Chuyển trên quả địa cầu 68 này.

KTP: Muốn cho thiên hạ *đại đồng*,

Lấy câu Cứu Khổ dụ lòng thương sanh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KTP: Kinh Thuyết Pháp.

Đại đồng xã

大同社

A: The great terrace of universal fraternity.

P: La grande terrasse de la fraternité universelle.

Đại: Lớn, trái với Tiều là nhỏ. **Đồng:** cùng chung. **Xã:** nơi tế lễ. **Đại đồng:** (Xem giải nghĩa ở trên).

Đại đồng xã là tên của một cái sân rộng lớn, nằm ngay phía trước Tòa Thánh, giữa hai cụm rừng Thiên nhiên, dùng làm nơi tổ chức các buổi lễ lớn trong Đạo Cao Đài.

Hai bên Đại đồng xã là hai khán đài lớn, xây dựng kiên cố, ẩn dưới tàn các cây cổ thụ nơi bìa rừng Thiên nhiên.

Giữa Đại đồng xã có: (từ Tòa Thánh kể ra)

- Một cây cột phướn hình vuông rất cao, có treo lá phướn ĐĐTKPĐ dài 12 thước mỗi khi có lễ vía hay đàn lễ.

- Một cây Bồ đề do Hội Phật giáo Tích Lan trao tặng, lấy giống từ cây Bồ đề ở Ấn Độ mà khi xưa, Đức Phật Thích Ca ngồi thiền định đắc đạo.

- Một đài tám cạnh có 9 bậc cao, sơn ba màu đạo, được gọi là Cửu Trùng Thiên, dùng làm nơi đặt liên đài của Chửcsắc Đại Thiênphong hàng Tiên vị để tế lễ và đưa đi nhập bửu tháp.

■ Tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta cỡi bạch mã Kiên trắc và người hầu là ông Xa-Nặc vượt hoàng cung, đi vào rừng tìm nơi thanh vắng tu hành.

ĐĐTКPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đại giác

大覺

A: The great enlightened: Buddha.

P: Le grand illuminé: Bouddha.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Giác:** biết rõ, giác ngộ.

Đại giác là bậc giác ngộ lớn, giác ngộ hoàn toàn. Ấy là bực Phật, vì chỉ có Phật mới giác ngộ hoàn toàn, viên mãn.

Bực Thánh (A-La-Hán) đạt được sự tự giác nhưng chưa giác tha, tức là tự độ chớ chưa độ tha.

Bực Bồ Tát thì vừa tự giác vừa giác tha, nhưng sự giác ngộ ấy chưa đạt đến chỗ hoàn toàn.

Bực Phật thì tự giác và giác tha viên mãn, nên Phật được gọi là bực Đại giác.

Tiếng Phạn: Bouddha dịch ra Hán văn là Đại giác.

CG PCT: Dầu cho bậc trí thức hơn sanh đặng tấn hóa lên tới bậc *Đại giác* đi nữa, cũng chưa hề có phương thể hé trọn vẹn màn bí mật ấy.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Đại hạnh

大幸

A: The good chance.

P: La bonne chance.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Hạnh:** may mắn.

Đại hạnh là điều may mắn lớn.

TNHT: *Đại hạnh* cho địa cầu 68 này!

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đại hỷ phát đại tiếu

大喜發大笑

A: The great joy.

P: La grande joie.

Đại: Lớn, trái với Tiếu là nhỏ. **Hỷ:** mừng. **Phát:** đưa ra. **Tiểu:** cười.

Đại hỷ phát đại tiếu là vui mừng lớn nên phát cười lớn.

Đó là trạng thái một người gặp việc quá vui mừng.

TNHT: Khánh hỷ! Khánh hỷ! Hội đắc TKPĐ: chư Thần, Thánh, Tiên, Phật *đại hỷ phát đại tiếu.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TKPĐ: Tam Kỳ Phổ Độ.

Đại hóa

大化

A: The great transformation.

P: La grande transformation.

Đại: Lớn, trái với Tiếu là nhỏ. **Hóa:** thay đổi, biến đổi.

Đại hóa là cuộc biến đổi rộng lớn khắp CKVT.

KNHTĐ: Bất ngôn nhi mặc tuyên *đại hóa.*

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đại hòi - Tiếu hòi

大回 - 小回

A: The Ego - The Monad.

P: L'Égo - La Monade.

Đại: Lớn, trái với Tiếu là nhỏ. **Hòi:** lớp, cấp lớp. **Tiểu:** nhỏ.

Đại hòi là cấp lớp lớn, cao, ý nói hơn loại.

Tiểu hòi là cấp lớp nhỏ, thấp, chỉ loài thú cầm.

(Xem chi tiết nơi chữ: Tiếu hòi, văn T)

Đại Hội Phước Thiện

大會福善

A: The General Assembly of Charitable Body.

P: L'Assemblée Générale du Corps de Charité.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Hội:** tụ họp. **Phước Thiện:** CQPT của Đạo.

Đại Hội Phước Thiện là một Hội nghị lớn gồm đủ các phẩm Chức sắc của CQPT để giải quyết tất cả những vấn đề Đạo sự của CQPT.

Theo Đạo luật năm Mậu Dần (1938), thể lệ Đại Hội PT qui định như sau đây:

1. Mỗi năm, sau ngày Hội Quyền Vạn linh có Đại Hội PT một lần.

2. Về phần tuyển chọn Phái viên của hạng Minh đức, Tân dân, và Thánh Thiện, tức là hạng mới xin làm công quả học thiện, theo thiện và nghe thiện. Mỗi Quận đạo nào có lập cơ sở Lương điền, Công nghệ, Thương mại thuộc PT thì từ 1 đến 500 người hiến thân công quả đăng cử 1 vị Phái viên ra thay mặt; từ 501 tới 1000 thì công cử 2 vị, y theo thể lệ chọn Phái viên của Hội Nhơn Sanh.

3. Về phần công cử Nghị viên của hạng Hành Thiện tức là hạng Chủ sở và Chức việc Bàn Cai Quản nhà sở PT chánh. Mỗi Quận đạo nào có lập cơ sở Lương điền, Công nghệ, Thương mại thuộc PT thì cả Chủ sở nơi ấy và Chức việc Bàn Cai Quản hiệp nhau công cử Nghị viên.

- a) Cả Chủ sở Lương điền, Công nghệ, Thương mại thì đăng chọn cử 1 vị thay mặt.
- b) Cả Chức việc Bàn Cai Quản nhà sở PT chánh thì đăng chọn cử ra 1 vị thay mặt.

Nghị viên và Phái viên hiệp lại gọi là Ban Ủy Viên thay mặt cho toàn PT nơi mỗi Quận đạo.

4. Người đắc cử phải là hạng trường trai, có tánh đức tốt mới xứng là người thay mặt cho PT.

5. Khi được tuyển chọn rồi, Đầu Quận đạo phải giao cho

người đắc cử ấy Tờ Kiết Chứng y như kiểu nhưt định của Hội Thánh.

6. Lúc về Tòa Thánh dự Hội thì phải trình Tờ Kiết Chứng ấy mới đăng vào dự Hội.

7. Cuộc chọn cử Ban Ủy Viên thay mặt cho toàn PT nơi mỗi Quận đạo thì phải có mặt vị Giáo Thiện Đầu Quận đạo PT làm chủ tọa.

8. Ban Ủy Viên phải có mặt tại Tòa Thánh trước ngày dự Hội ít nữa là 5 ngày.

9. Còn phần Chức sắc chánh danh PT Nam Nữ từ Giáo Thiện đổ lên đều có quyền đến dự Đại Hội toàn PT.

Như vậy, Đại Hội PT gồm 3 thành phần:

- Tất cả Phái viên (đại diện 3 phẩm: Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện).
- Tất cả Nghị viên (đại diện phẩm Hành Thiện).
- Tất cả Chức sắc PT ở các phẩm: Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn.

Nhiệm kỳ của Phái viên và Nghị viên là 3 năm. Sau 3 năm thì bầu cử lại.

Đại Hội PT gồm toàn cả hai phái Nam và Nữ.

Chủ Tọa Đại Hội PT:

- Chưởng Quản PT Nam phái làm Nghị Trưởng.
- Chưởng Quản PT Nữ phái làm Phó Nghị Trưởng.

Trong khi họp Đại Hội Phước Thiện, phải có một hoặc nhiều vị Chức sắc HTĐ do Bộ Pháp Chánh cử đến chứng kiến Đại Hội PT và bảo thủ luật pháp chơn truyền của Đạo không cho phạm đến.

Nhiệm vụ của Đại Hội PT:

■ Kiểm soát tất cả các hoạt động của CQPT trong một năm hoạt động từ địa phương đến Trung ương, nhưt là đối với Cửu Viện PT nam và nữ, cùng các Ban trực thuộc để nhận xét về ưu khuyết điểm.

■ Định hướng hoạt động cho năm tới.

■ Xem xét và biểu quyết việc cầu phong và cầu thăng của các phẩm Chức sắc PT để dâng lên Đức Phạm Hộ Pháp quyết định.

Ngày 15-12-Bính Tuất (1946) là ngày khai mạc Đại Hội PT, Đức Phạm Hộ Pháp đến khai hội và ban lời giáo huấn, xin chép ra sau đây:

"Ngày nay nhóm Đại Hội PT cũng là một Hội trong Quyền Vạn linh, Bàn đạo cần giải rõ nhiệm vụ rất trọng yếu của PT cho Chức sắc, chư Phái viên và Nghị viên được hiểu.

Từ thử, Thiên phong Nam Nữ PT chỉ hiểu mảy may cái trách nhiệm tối cao tối trọng của mình chớ chưa hiểu cùng tột. Bởi có cho nên nhiều người không hiểu phận sự, hành đạo không đúng chơn truyền, sai hẳn giá trị của CQPT, việc làm của chư vị không ra gì hết, thành thử CQPT chưa có kết quả chi, lại còn theo lối giành giựt nhau.

Hội Thánh có hai cơ quan: Hành Chánh và Phước Thiện, thường tương khắc nhau, song chưa tìm chơn lý để hòa nhau. Ngày nào chưa hòa nhau là còn thất sách, bất lực, thì không thi thố phận sự trọng yếu cho ra thiệt tướng được.

Mấy em cũng dư biết, Đạo Cao Đài sản xuất do một chơn lý tối cao tối trọng, nên đời buổi này khao khát đợi chờ như hạn trông mưa, những kẻ tội tình trong bể khổ khát khao đợi giọt cam lồ của Đức Chí Tôn chan rưới cho bớt sự đau thảm. Đức Chí Tôn đến tạo Đạo giải khổ tâm hồn cả con cái của Ngài, mượn tay các em và các bạn làm hình thể của Ngài, giải khổ cho đời về phần xác.

Phước Thiện lại có nhiệm vụ tối cao tối trọng của Đức Chí Tôn: Giải khổ vừa xác vừa hồn.

Ngài mượn mấy em nuôi nấng con cái của Ngài, nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ giúp đỡ cho kẻ nghèo nàn cô độc. Chừng nào cả cơ quan khốc hại của loài người mình gánh vác hết thì mới đúng cái nhiệm vụ của Đức Chí Tôn phú thác.

Mấy em thử tự hỏi: Hồn nào đến giờ làm nên những gì chưa? Chỉ lo bảo bọc anh em trong Đạo mà thôi, có đâu ngó đến ngoài đời. Các vật loại đều là con cái của Đức Chí Tôn, chớ không phải nội trong cửa Đạo mà thôi. Như thế có đủ

đâu?

Cơ quan giải khổ của Chí Tôn cậy nhờ mấy em lo, nuôi mấy em còn chưa rồi.

Từ ban sơ, Qua chịu nhọc nhằn hằm hút, ăn từ miếng tương rau, hiệp cùng nhau gầy dựng lập nên Phạm Môn. Qua chịu khó nhọc như mấy em cho đến ngày CQPT ra thiết tướng, đã tạo đủ lực lượng cho mấy em thi hành nhiệm vụ.

Tuy vậy, lúc nọ mấy em có phương thế lắm, mà mấy em chỉ cố tâm vị kỷ, trót năm năm Qua đi vắng đến khi Qua trở về, Qua còn thấy có kẻ đối không ai nuôi, rách rưới không ai bảo dưỡng, thất lạc nơi này nơi khác, đoàn em Qua gởi gắm đã xiêu lạc, thủ phạm Đạo không được, nên phải tìm đôi bạn sống theo đời, vì nếu ở thủ phạm theo Đạo thì chẳng ai nuôi.

Ngoài nữa, Qua còn nghe, trong lúc Qua đi, đứa nào có thể thì tự vi chủ, giành lấy một mình để toại hưởng. Hỏi vậy, mấy em có nghĩa hay không? Nếu Qua cho Tòa Đạo mình tra thì không có một người nào có thể đứng trước mặt Qua mà xưng là đại công được, cái đối khó cùng khổ của các em nó tố cáo mấy em, không còn chối cãi được.

Qua nói thật, thể Đạo chưa rồi thì mong gì tạo thành chơn tướng của Đạo... ..

Qua nói, Qua sẽ mở cửa BQĐ dìu dắt mấy em, mà mấy em có đến được cùng chẳng là do tâm lý của mấy em đó.

Ấy vậy, mấy em phải ráng sức định tâm, lấy tinh thần vi chủ, nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phàm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đoạt mục đích tối cao tối trọng được. Phải có một khối óc thiêng liêng mới mong thay hình Thánh thể Đức Chí Tôn đối với con cái Ngài là quần sanh.

Đến đây Qua xin mở Hội, để trọn quyền Hội Thánh PT đủ sáng suốt làm việc, và Bàn đạo để trọn tín nhiệm về việc cầu phong, thăng thưởng một cách chánh đáng và công bằng.

(Trích TĐ.ĐPHP. Quyển I trang 21-23)

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

PT: Phước Thiện.

BQĐ: Bát Quái Đài.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Đại hồn - Tiểu hồn

大魂 - 小魂

A: The universal soul - The individual soul.

P: L'âme universelle - L'âme individuelle.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Hồn:** linh hồn. **Tiểu:** nhỏ.

Đại hồn là Thái Cực, Đại Linh quang của Thượng Đế, là trung tâm ban phát sự sống và sự sáng tạo của toàn thể CKVT.

Tiểu hồn là Tiểu Linh quang, hay là điểm Linh quang được Đấng Thượng Đế chiết ra từ Đại Linh quang của Ngài để ban cho mỗi người làm linh hồn, chủ nhơn ông của thể xác.

Thượng Đế là Đại hồn, cũng gọi là Thiên hồn; con người là Tiểu hồn. Như vậy, con người chính là một Tiểu Thượng Đế, hay nói nôm na là một "Ông Trời Con". Thượng Đế cho các Tiểu hồn đầu kiếp xuống cõi trần, vì thể theo Luật Tiến hóa của Càn khôn, để Tiểu hồn học hỏi và tiến hóa, dần dần lên các phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật, và cuối cùng sẽ tiến hoá lên hiệp nhứt vào Thượng Đế, tức là Tiểu hồn đi giúp một chu kỳ tiến hóa, và sau cùng thì trở về nguồn cội ban đầu.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Đại khái

大概

A: In general.

P: En général.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Khái:** bao quát.

Đại khái là bao quát toàn thể, tổng quát những nét lớn.

TNHT: Trừ ra, Nhạc phải cho toàn, đi Lễ cho có vẻ nghiêm nghị, ấy là hai món *đại khái* đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đại La Thiên Đế

大羅天帝

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **La:** tám lưới. **Thiên:** Trời. **Đế:** vua.

Đại La là tám lưới lớn. Thiên Đế là vị vua Trời cai quản một quả tinh cầu trong CKVT.

Vị Thiên Đế cai quản Địa cầu 68 này, bên Phật giáo gọi là Đấng Phạm Thiên Vương. Theo kinh sách truyền lại, Đấng Phạm Thiên có hiện đến khuyên Thái Tử Sĩ Đạt Ta nên xuất gia tu hành, khi Đức Phật Thích Ca thành Đạo thì Ngài hiện đến chúc mừng và yêu cầu Phật thuyết pháp cứu độ chúng sanh, khi Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn thì Ngài cũng có hiện đến để tỏ lời thương tiếc.

CKVT rộng lớn bao la gồm 3072 quả tinh cầu, được ví như một tám lưới lớn mà mỗi mắt lưới là một tinh cầu, những sợi dây liên kết các mắt lưới là những lực hấp dẫn vô hình ràng buộc các quả tinh cầu quay vòng quanh nhau. Mỗi tinh cầu có một vị Thiên Đế cai quản.

Chường quản tất cả các tinh cầu, tức là chường quản toàn cả tám lưới CKVT là một Đấng gọi là Đại La Thiên Đế hay cũng gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Như vậy, Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế hay Đại La Thiên Đế là vua của các vị Thiên Đế (Phạm Thiên Vương). Các vị Thiên Đế thật ra chỉ là những hóa thân của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế để cai quản các tinh cầu.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Đại liệm - Tiểu liệm

大殮 - 小殮

A: To wrap a corpse in two shrouds and to put into the coffin.

P: Envelopper le mort de deux suaires et le mettre en bière.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Liệm:** mặc quần áo và bọc xác người chết bằng các lớp vải trắng rồi đem đặt vào áo quan.

Việc liệm xác người chết vào áo quan, có hai cách:

- Tiểu liệm là bọc xác người chết bằng một lớp vải.
- Đại liệm là bọc xác người chết bằng hai lớp vải.

Sách Quan Hôn Tang Lễ của Hội Thánh ấn hành có giải rõ về Tiểu liệm và Đại liệm. (Xem chi tiết nơi chữ: **Tiểu liệm**, **vần T**, quyển 3).

Đại Linh quang - Tiểu Linh quang

大靈光 - 小靈光

A: The Macro-Divine light - The Micro-Divine light.

P: La lumière divine du Macrocosme - La lumière divine du Microcosme.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Linh:** thiêng liêng. **Quang:** ánh sáng.

Đại Linh quang là Đại hồn.

Tiểu Linh quang là Tiểu hồn. (Xem: Đại hồn - Tiểu hồn)

Đại lụy

大淚

A: Great pain.

P: Grande douleur.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Lụy:** còn đọc là Lệ: nước mắt.

Đại lụy là nỗi đau khổ dữ dội.

TNHT: Thầy cũng *đại lụy* mà ngó xem một phần môn đệ xứng đáng của Thầy phải sa vào vực thẳm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đại mộc

大木

A: Great tree.

P: Grand arbre.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Mộc:** cây.

Đại mộc là cây to.

TNHT: Chẳng khác chồi non xô *đại mộc*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đại Nam Việt quốc

大南越國

Đại Nam: Quốc hiệu của nước Việt Nam dưới thời vua Minh Mạng nhà Nguyễn. **Việt quốc:** nước Việt.

Đại Nam Việt quốc là chỉ nước Việt Nam.

TNHT: Thầy có hội chư Tiên, Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại *Đại Nam Việt quốc*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đại ngọc cơ - Tiểu ngọc cơ

大玉機 - 小玉機

A: The great apparatus: Billed-Basket.

P: Le grand appareil: Corbeille à bec.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Ngọc:** ý nói quý báu như ngọc. **Cơ:** cái máy.

Ngọc cơ là dụng cụ dùng cầu các Đấng thiêng liêng giáng vào để viết ra chữ tạo thành bài văn dạy Đạo.

Khi cầu các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật thì dùng Tiểu ngọc cơ. Khi cầu Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu thì phải dùng Đại ngọc cơ. (Xem chi tiết nơi chữ: Cơ bút, văn C)

Đại nguyệt - Tiểu nguyệt

大月 - 小月

A: The full lunar month - The incomplete lunar month.

P: Le mois lunaire plein - Le mois lunaire incomplet.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Nguyệt:** tức là Nguyệt: tháng âm lịch.

Đại nguyệt là tháng âm lịch đủ, có 30 ngày. (Xem: Âm lịch)

Tiểu nguyệt là tháng âm lịch thiếu, chỉ có 29 ngày.

Đại phục - Tiểu phục

大服 - 小服

A: The great ceremony dress - The small ceremony dress.

P: La grande tenue de cérémonie - La petite tenue de cérémonie.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Phục:** y phục, quần áo.
Tiểu: nhỏ.

Đại phục là áo mào Chức sắc phải mặc trong dịp Đại lễ cúng Đại đàn tại Tòa Thánh hay tại Thánh Thất.

Tiểu phục là áo mào Chức sắc phải mặc trong các ngày Tiểu lễ cúng Tiểu đàn nơi Tòa Thánh hay Thánh Thất, hoặc khi thi hành Đạo sự.

Đại phục và Tiểu phục, gọi chung là Đạo phục, là y phục của người Đạo. Từ phẩm Giáo Sư trở lên, Đạo phục mới có 2 bộ: Đại phục và Tiểu phục. Các phẩm Chức sắc: Giáo Hữu, Lễ Sanh và Chức việc Bàn Trữ Sự, Đạo phục chỉ có một bộ mà thôi.

Đại sĩ

大士

A: The great hero.

P: Le grand héros.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Sĩ:** người học thức.

Đại sĩ là từ ngữ mà Phật giáo dùng để gọi bậc Bồ Tát và bậc Phật. Đại sĩ còn được gọi là Thượng sĩ.

Trong sách Luận Du Già: Người hành giả không đủ tự lợi lợi tha thì gọi là Hạ sĩ, có tự lợi lợi tha thì gọi là Trung sĩ, đủ cả tự tha lưỡng lợi thì gọi là Thượng sĩ.

Quan Âm Đại sĩ là Đức Quan Âm Bồ Tát.

Đại Thiên Địa - Tiểu Thiên Địa

大天地 - 小天地

A: Macrocosm - Microcosm.

P: Macrocosme - Microcosme.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Thiên Địa:** Trời Đất.

Đại Thiên Địa là Đại vũ trụ, chỉ Đấng Thượng Đế.

Tiểu Thiên Địa là Tiểu vũ trụ, chỉ con người.

Đấng Thượng Đế tạo nên con người theo luật tạo hóa CKVT, cho nên hễ Trời Đất có gì thì con người có nấy.

Trời có Tam bửu: Nhứt, Nguyệt, Tinh; Đất có Tam bửu: Thủy, Hỏa, Phong, con người có Tam bửu: Tinh, Khí, Thần.

Trời có Ngũ Khí, Đất có Ngũ Hành, con người có Ngũ tạng, v.v...

Con người là Tiểu Thiên Địa, Tiểu hồn, Tiểu Linh quang, hay nói vắn tắt, con người là một Tiểu Thượng Đế. Cho nên, con người nếu biết tu hành thì sẽ trở nên Thần, Thánh, Tiên, Phật, và cuối cùng thì sẽ trở thành Thượng Đế, để hiệp nhứt vào Thượng Đế. (Xem: **Tiểu Thiên Địa, văn T**).

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Đại Thiên phong

大天封

A: The great dignity.

P: Le grand dignitaire.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Thiên:** Trời. **Phong:** phong chức.

Đại Thiên phong là những Chức sắc cao cấp trong Đạo do Đức Chí Tôn hay Đức Đại Tiên Trưỡng Lý Thái Bạch thay mặt Đức Chí Tôn phong chức.

Chức sắc vào hàng Tiên vị trở lên: bên CTĐ, Chức sắc từ phẩm Đầu Sư trở lên; bên HTĐ, Chức sắc từ phẩm Thời Quân trở lên, đều được gọi là Chức sắc Đại Thiên phong. Còn các

Chức sắc ở các phẩm thấp hơn thì chỉ gọi là Chức sắc Thiên phong.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Đại thiên thế giới

大千世界

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Thiên:** ngàn. **Thế giới:** các quả tinh cầu trong CKVT. **Đại thiên:** một ngàn lớn, ý nói ba ngàn.

Đại thiên thế giới là ba ngàn thế giới, tức là ba ngàn quả tinh cầu trong CKVT, đó cũng gọi là Tam thiên thế giới.

TG: Đại thiên thế giới, dương tụng từ ân.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Đại Thiên Tôn

大天尊

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Thiên:** Trời. **Tôn:** kính trọng.

Đại Thiên Tôn là Đấng lớn nhất và được kính trọng nhất ở trên Trời. Đó là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Danh hiệu "Đại Thiên Tôn" chỉ dùng duy nhất cho Đức Chí Tôn, còn các Đấng khác đều nhỏ hơn Đức Chí Tôn nên chỉ gọi là "Thiên Tôn" mà thôi.

Td:

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

Nhiên Đăng Cổ Phật Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn.

Đại thừa - Tiểu thừa

大乘 - 小乘

A: The great vehicle - The small vehicle.

P: Le grand véhicule - Le petit véhicule

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Thừa:** còn đọc là Thặng: chiếc xe.

■ *Đại thừa hay Đại thặng, tiếng Phạn là MAHAYANA (Maha: lớn, yana: xe), là chiếc xe lớn, chở được nhiều người.*

■ *Tiểu thừa hay Tiểu thặng, tiếng Phạn là HINAYANA (Hina: nhỏ, yana: xe), là chiếc xe nhỏ chỉ chở được một người.*

Giáo pháp của Đức Phật Thích Ca ví như một cỗ xe chở người tu hành đến bờ giác ngộ. Giáo pháp này phân làm hai bậc: Bực thấp và bực cao.

Bực thấp ví như cỗ xe nhỏ (Tiểu thừa) chỉ chở được một người và đưa đến nơi gần, dành để độ bậc hạ trí.

Bực cao ví như cỗ xe lớn (Đại thừa) chở được nhiều người và đưa đi xa, đến bờ Giác ngộ, dành cho bậc thượng trí.

"Nhắc lại cuộc hoằng hóa của Đức Phật như thế này: Ban đầu Ngài đem Thịnh Văn thừa hay Tiểu thừa mà độ chúng sanh. Ngài dạy cho họ Tứ Diệu Đế để họ đắc quả La Hán. Kế đó Ngài đem Duyên Giác thừa, cũng có thể kêu là Trung thừa mà độ chúng sanh. Ngài chỉ cho họ tu Thập nhị Nhơn duyên để đắc quả Duyên Giác (Bích Chi Phật).

Tiến lên nữa, Ngài đem Bồ Tát thừa tức là Đại thừa mà độ chúng sanh, dạy cho họ tu Lục Độ để đắc thành Bồ Tát.

Sau rốt, Ngài gom tất cả ba thừa (Tam thừa) vào một thừa (Nhứt thừa) gọi là Phật thừa, Thượng thừa, Thắng thừa, Vô thượng thừa, Vô đẳng thừa. Ngài trao quả Phật cho chúng sanh. Ngài bảo, ai nấy noi theo Giáo pháp của Ngài mà tu cho thành Phật là bậc Vô thượng tôn.

Trong những năm sau rốt của Phật, Ngài hằng giảng Kinh Đại thừa (Phật thừa), nhứt là trong Hội Pháp Hoa tại núi Kỳ Xà Quật (Linh Thứu sơn), Ngài tuyên bố giáo lý Đại thừa rất đặc lực, khiến cho vô số chúng sanh phát tâm đồng mãnh quyết tu cho thành Phật." (**Phật học Từ Điển của Đoàn Trung Còn**)

Do Giáo pháp của Đức Phật Thích Ca chia làm hai bậc nên Phật giáo phân thành hai nhánh lớn:

- Phật giáo Đại thừa,
- Phật giáo Tiểu thừa.

Phật giáo Đại thừa thịnh hành ở miền Bắc Ấn Độ, được truyền bá sang Tây Tạng, qua Trung Hoa, Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản, và từ Trung Hoa truyền xuống Việt Nam. Do đó, Phật giáo Đại thừa còn được gọi là Bắc Tông.

Phật giáo Tiểu thừa thịnh hành ở miền Nam Ấn Độ, được truyền bá sang đảo quốc Tích Lan, qua Miến Điện, Thái Lan, Cao Miên, Lào và cũng truyền đến Việt Nam. Do đó, Phật giáo Tiểu thừa được gọi là Nam Tông, đối lại với Bắc Tông là Phật giáo Đại thừa.

Kinh điển của Phật giáo là Tam Tạng Kinh, cũng được phân thành Đại thừa và Tiểu thừa: - Tam Tạng Kinh Đại thừa viết bằng tiếng Phạn (Sancrit: Bắc Phạn). - Tam Tạng Kinh Tiểu thừa viết bằng tiếng Pali (Nam Phạn).

Đại thừa Cửu chuyển

大乘九轉

Đại thừa: (đã giải ở kể trên). **Cửu:** chín. **Chuyển:** đổi hướng khác khi hành động.

Đại thừa Cửu chuyển là Tâm pháp vô vi luyện đạo, luyện Tinh Khí Thần hiệp nhưt, trải qua chín giai đoạn luyện pháp.

Xin chép ra sau đây bài Đại Thừa Cửu Chuyển trong sách Đại Thừa Chơn Giáo:

Cao Đài Giáo Kỳ Ba chánh giác,
 Người chán đời tầm đoạt chơn truyền.
 Đại thừa đạo chánh Tiên Thiên,
 Luyện hồn chế phách đấng Tiên hưởng nhàn.
 Trong CỬU CHUYỂN phải tàng tâm pháp,
 Hãy hành y cho hạp phép tu.
 Ở ăn theo lẽ hạp phù,
 Trước tua vệt phá ám mù cho tan.
 Làm Tiên Phật phải tàng cơ nhiệm,
 Phải tham thiền mà kiếm lý minh.
 Nhưt là dưỡng Khí tồn Tinh,
 Tinh khô Khí tận, Thần linh chẳng còn.

Sơ **NHỨT CHUYỂN** lo tròn luyện kỹ,
 Xây đắp nền Thần Khí giao thông.
 Diệt trừ phiền não, lòng không,
 Thất tình lục dục tận vong đơn thành.
 Tâm đạo phát thanh thanh tịnh tịnh,
 Dưỡng Thánh thai chơn bình đạo huyền.
 Ngày đêm cư ở khí hạo nhiên,
 Hiệp hòa tánh mạng, hống diên giao đầu.

Sang **NHỊ CHUYỂN** diệu màu ứng lộ,
 Bé ngũ quan, tứ Tổ qui gia.
 Âm Dương thăng giáng điều hòa,
 Huân chưng đầm ấm, Tam hoa kết huờn.
 Khai cửa khiếu kim đơn phan luyện,
 Vận ngũ hành lưu chuyển càn khôn.
 An nhiên dưỡng dục chơn hồn,
 Làm cho cứng cáp lớn khôn diệu huyền.

Đến **TAM CHUYỂN** Hậu Thiên ngưng giáng,
Nhứt Bộ thành, ngọc bảng đề danh.
 Công phu khử trừ lưu thanh,
 Linh đơn một phẩm, trường sanh muôn đời.
 Qua **TỨ CHUYỂN** cơ Trời phát lộ,
 Thoát ngoài vòng tứ khổ trần ai.
 Gom vào tư tưởng trong ngoài,
 Luyện phan trong sạch Thánh thai nhẹ nhàng.

NGŨ CHUYỂN đạo thông toàn cơ nhiệm,
 Ngồi tịnh Thần tâm kiếm căn nguyên.
 Xuất Thần lên cảnh Thần Tiên,
 Học thêm tâm pháp bí truyền cao siêu.
 Làn **LỤC CHUYỂN** tam diêu bất động,
 Tâm vô vi trống lỗng căn cơ.
 Bụi trần không thể đóng dơ,
 Linh đơn Hai Phẩm giựt cờ Thánh Tiên.

THẤT CHUYỂN pháp hạo nhiên chi khí,
 Luyện chơn thần qui vị hưởng an.
 Linh sơn nở búp sen vàng,

Cởi rời bảy thể nhẹ nhàng biết bao!

BÁT CHUYỂN đức thanh cao thắm nhuận,
Đến bực này thì chứng **Kim Tiên**.

Không không, không hậu không tiền,
Không hay không biết, không phiền não, an.

Lửa cung Ly nấu vàng cung Khảm,
Lộc Âm Dương hai tám thành cân.

Hồn còn nường nấu xác thân,
Nhưng không dính líu bụi trần vào tâm.

CỬU CHUYỂN đắc Lôi Âm an hưởng,
Mặc vui chơi bốn hướng ba nhà.

Rượu cờ vui thú sen tòa,
Đào Tiên chung cuộc, điều hòa cảnh không.

Pháp Tiên Phật thần thông vô lượng,
Ứng hóa linh cao thượng toàn năng.

Quý thay cảnh báu chi bằng,
Nghêu ngao khiển hứng gió trăng khó lường.

Pháp Cửu Chuyển là nền thanh khiết,
Thoát luân hồi đoạn diệt oan khiên.

Còn chi nghiệp quả nổi chuyền,
Tâm không đắc Phật thành Tiên tại trần./.

Đại tịnh

大淨

A: Perfectly pure.

P: Parfaitement pur.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Tịnh:** trong sạch.

Đại tịnh là hoàn toàn trong sạch.

Muốn được hoàn toàn trong sạch thì phải giữ cho Tâm được trong sạch, và Thân Khẩu Ý phải cho trong sạch.

Tâm trong sạch khi không vọng động, lặng yên, không không. Thân trong sạch khi được tắm rửa sạch sẽ và xông hương khử trực. Khẩu trong sạch khi nói lời đạo đức, khuyến

nhơn tu hành. Ý trong sạch khi không mơ tưởng việc quấy, giữ ý tưởng trong những điều cao thượng.

TNHT: Thơ! Con ngồi *đại tịnh* đặng tối nay nghe Thầy dạy việc. (Thơ: Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đại trí nhược ngu

大智若愚

A: Great mind like ignorant.

P: Grand esprit comme ignorant.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Trí:** sự sáng suốt hiểu biết sự lý. **Nhược:** giống như. **Ngu:** khờ dại.

Đại trí nhược ngu là người có trí tuệ lớn thường có vẻ giống như kẻ ngu khờ.

Khác hẳn với kẻ tiểu trí, thường làm bộ khôn lanh, ăn nói ba hoa như thông suốt hết mọi sự việc, để lòn bịp người.

Đại Từ Phụ - Đại Từ Mẫu

大慈父 - 大慈母

A: The Great Holy Father - The Great Holy Mother.

P: Le Père Divin Suprême - La Mère Divine Suprême.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Từ:** lòng thương yêu chúng sanh và muốn giúp đỡ chúng sanh. **Phụ:** cha. **Mẫu:** mẹ.

Đại Từ Phụ là Đấng Cha lành nơi cõi thiêng liêng mà con cái của Ngài là toàn cả chúng sanh nơi cõi trần này. Đấng ấy là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đại Từ Mẫu là Đấng Mẹ hiền nơi cõi thiêng liêng mà con cái của MẸ là toàn cả chúng sanh nơi cõi trần này. Đó là Đức Diêu Trì Kim Mẫu, hay Đức Phật Mẫu.

Mỗi một người của chúng ta nơi cõi trần đều có tam thể xác thân: Chơn linh, Chơn thần và xác phàm. Chơn linh do Đức Chí Tôn ban cho. Chơn thần tức xác thân thiêng liêng do Phật Mẫu tạo ra, còn xác phàm do cha mẹ phàm trần tạo nên.

Cho nên Đức Chí Tôn là CHA của Chơn linh và Đức Phật Mẫu là MẸ của Chơn thân chúng ta.

Không có chi trong CKVT này mà không do Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tạo hóa, dù một vật rất nhỏ mọn như con vi trùng hay một vật lớn lao như trái đất, dù một người nghèo khổ dốt nát hay những bậc thượng lưu trí thức, bác học hay Thánh nhân, cả đến các vật vô hình và vạn linh cũng đều do Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tạo hóa ra tất cả.

Đức Phạm Hộ Pháp khi xuất chơn thân đi lên cõi TLHS, vào yết kiến Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, trở về thuật lại như sau:

"Khi Bần đạo vô trong (Bạch Ngọc Kinh) muốn biết Đại Từ Phụ, Ông là ai? Ông này có phải là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế? Mà Ông có phải là người không? Làm sao cho tôi được biết Ông với.

Bần đạo vừa tưởng thì xa lắm, thấy cái gì bao phủ như tấm màn che vậy, vô gặp rồi, biết Ông ở trong, có tấm màn che, ý muốn cái màn này vệt ra đặng thấy Ông. Vừa muốn thì cái màn hé vệt ra, dường như có từng có nấc, xa lắm, không thể gì tả đặng. Kế ngó thấy Ông bước ra, mặc áo trắng, bịt khăn trắng, giống như bộ đồ tiểu phục của Giáo Sư mặc vậy, cũng có mấy miếng vải lòng thông sau lưng, râu bạc trắng, coi đẹp lắm, thấy thương làm sao đâu!

Trong bụng nói, Ông ngồi tại Linh Tiêu Điện, mình thấy Ông mặc bộ đồ khác, không lẽ hai người, chắc không phải Ông. Vừa nói rồi thì thấy Ông bước ra, đứng ngay chính giữa, ngó ngay Bần đạo, dường như thể biểu: Con coi đây.

Ngó ngay lên Ông, thấy một đạo hào quang chiếu diệu ra, tay cầm cây gậy đẹp lắm, cây gậy của Ông quảy cái bầu, bên mình Ông mang một cái bị, mặc bộ đồ Ngọc Hoàng Thượng Đế, nắm ngang cây gậy trên tay thành cái đòn cân, Ông kéo cái bầu ra thành cái giá cân, Ông kéo cái bị ra thành trái cân. Ba món báu ấy hiệp lại thành cây Cân Công bình thiêng liêng mà chính mình đã thấy Ông nơi Linh Tiêu Điện, không còn ai xa lạ nữa, cũng là Đại Từ Phụ nhưng thiên biến vạn hóa của Ông mà tạo ra CKVT vậy."

Cũng trong Con đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp đến bái yết Đức Phật Mẫu, thuật lại như sau:

"Bần đạo cùng các bạn kỳ trước đã ghé nơi Tạo Hóa Thiên, tức Tòa Thiên Cung Phật Mẫu là Diêu Trì Cung.

Bần đạo có nói một điều làm cho chúng ta nên suy nghĩ nhiều là: Huyền bí vô biên của Phật Mẫu.

Bần đạo nói sơ lược huyền năng thế nào mà khi chúng ta vào kiến diện Ngài, ta ngó trên mặt Ngài, ta thấy bà mẹ ta sanh ra ta, đương như buổi sống, đương lo buổi trở về. Bần đạo tưởng ngó thấy bà mẹ sanh Bần đạo, tưởng cả thấy đều ngó thấy người mẹ của họ vậy.

Nếu lấy theo trí tưởng tượng không biết con mắt thiêng liêng có chiếu hình mẹ ta chiếu diệu ra không, hay là huyền diệu vô biên của Phật Mẫu cho chúng ta thấy như vậy.

Bà mẹ hình hài của chúng ta đây là nhân viên của Đức Phật Mẫu bên phái Nữ đó... ..

Có điều trọng hệ là dầu Nam Nữ cũng vậy, ráng giữ một điều này: Coi chừng đừng thất hiếu với cha mẹ. Ngày mình ngó thấy hình ảnh của Đức Phật Mẫu thì thấy người Mẹ hơn từ, hiền hậu vô cùng, hạnh phúc mình được hưởng đó, còn trái ngược lụng lại, nếu ta thất hiếu, ta dòm vào hình ảnh của Phật Mẫu, ta thấy vẻ mặt nghiêm nghị và lãnh đạm, chúng ta sẽ hết sức đau khổ đó."

"Bần đạo đi ngang cung Hồn Ngươn Thượng Thiên là nơi Đức Di-Lạc đã thâu pháp, định vị nơi ấy, Bần đạo có tả mà trong tâm còn mờ hồ, không biết tại sao, vì lẽ gì Đức Phật Mẫu là Mẹ mà phải chịu dưới quyền con là Đức Di-Lạc, trong bụng coi hơi bất mãn.

Liền khi ấy, Bần đạo ngó thấy tướng hình của Đức Phật Mẫu đứng đàng trước, còn Đức Di-Lạc ở đàng sau lưng quì xuống đưa hai tay lên, đặng tỏ cho Bần đạo hiểu, dầu người con ấy mạnh mẽ quyền hành thế nào mà quyền Mẹ vẫn là quyền Mẹ, không thể gì qua được. Ngài chỉ tuân theo mạng lệnh của Đức Phật Mẫu đặng trị thế mà thôi."

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đại tường - Tiểu tường

大祥 - 小祥

A: The great ceremony in the end of mourning - The small ceremony in the middle of mourning.

P: La grande cérémonie à la fin de deuil - La petite cérémonie au milieu de deuil.

Đại: Lớn, trái với Tiểu là nhỏ. **Tường:** điềm tốt lành. **Tiểu:** nhỏ.

Tiểu tường là điềm tốt lành nhỏ.

Đại tường là điềm tốt lành lớn.

Trong nhà có tang, cả nhà đều buồn rầu thương nhớ người quá cố. Nhưng thời gian trôi qua lâu dần, xoa dịu nỗi đau thương, cái buồn vui đi, đem lại cái vui như một điềm lành, điềm tốt trở lại. Vì vậy, Tiểu tường là tiểu kiết tường, và Đại tường là đại kiết tường.

Theo Nho giáo, Tiểu tường là ngày giỗ đầu tiên của người chết, tức là sau khi chết đúng một năm. Đại tường là ngày giỗ lần thứ hai tức là đúng hai năm sau khi chết, và cũng là ngày mãn tang.

Theo Tân Luật của Đạo Cao Đài, kể từ ngày làm Tuần Cửu Cửu tức tuần thứ 9 sau khi chết 81 ngày, rồi tiếp tục đếm thêm 200 ngày nữa thì làm Lễ Tiểu tường; từ ngày Tiểu tường đếm thêm 300 ngày nữa thì làm Lễ Đại tường và mãn tang.

Như vậy, Lễ Tiểu tường cách ngày chết 281 ngày (chưa đầy 1 năm) và Lễ Đại tường cách ngày chết 581 ngày (chưa đầy 2 năm).

Lễ Tiểu tường cũng như Đại tường, phải làm tại Thánh Thất sở tại. Trước hết là cúng Đức Chí Tôn có dâng đủ Tam bửu và thượng sớ, song không có lễ nhạc. Khi cúng Đức Chí Tôn xong, thỉnh linh vị của người chết đến trước Điện, đồng nhi tụng Kinh Khai Cửu Tiểu tường và Đại tường, rồi tụng tiếp Kinh Tiểu tường (nếu là lễ Tiểu tường), hoặc tụng Kinh Đại tường (nếu là lễ Đại tường). Tụng như vậy cho đủ 3 hiệp, rồi niệm Câu Chú của Thầy 3 lần, lạy Thầy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật có niệm Câu chú của Thầy.

Tiếp theo là tụng Di-Lạc Chơn Kinh, tụng dứt thì niệm danh hiệu mỗi vị Phật, lạy 1 lạy (không gật), lạy tất cả 53 lạy, xong niệm Câu Chú của Thầy 3 lần, lạy Thầy 3 lạy, 12 gật.

Lễ Tiểu tường tại Thánh Thất đến đây là dứt.

Nếu là Lễ Đại tường thì có thêm phần Lễ Trừ phục và Xả tang. Lập một nghi Trừ phục, tang gia cúng Đức Chí Tôn, cầu nguyện xong thì lột tất cả khăn tang và áo tang để vào một cái mâm trên nghi, đem đốt cùng lá phước và linh vị người chết.

Lễ Tiểu tường có mục đích đưa chơn hồn người chết lên tầng Trời thứ 10 là Hư Vô Thiên, bái kiến Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, đến Ngọc Hư Cung, ra trước Tòa Tam Giáo để cây Cân Công bình thiêng liêng cân tội phước và các Đấng theo đó mà định phạt cho chơn hồn: Siêu thăng hay bị tái kiếp trả quả.

Lễ Đại tường có mục đích đưa chơn hồn lên tầng Trời thứ 12 là Hồn Nguơn Thiên, bái kiến Đức Di-Lạc Vương Phật, Giáo chủ Hội Long Hoa.

Trong Lễ Tiểu tường hay Đại tường, sau phần cúng cầu nguyện về Thiên đạo tại Tòa Thánh hay Thánh Thất, tang gia có thể trở về tư gia làm thêm phần Thế đạo cúng tế người chết, có sự hướng dẫn và chứng kiến của Bàn Trị Sự và Đầu Tộc Đạo, có đầy đủ nhạc lễ và đồng nghi. Nếu là Đại tường thì phần Lễ Trừ phục và Xả tang không làm nơi Thánh Thất, mà đem về làm trước Thiên bàn tại tư gia, cách làm thì cũng y như tại Thánh Thất.

Kể từ ngày Đại tường, con cháu không còn để tang người chết nữa, chờ tới ngày kỷ niệm làm đám giỗ mà thôi.

ĐÀM

Đàm đạo

談道

A: To converse.

P: Converser.

Đàm: nói chuyện. **Đạo:** nói, trình bày ý kiến.

Đàm đạo là nói chuyện với nhau.

ĐẢM

ĐẢM

ĐẢM: 擔 Gánh vác, gánh lấy.

Td: Đảm bảo, Đảm đương.

Đảm bảo

擔保

A: To guarantee.

P: Garantir.

Đảm: Gánh vác, gánh lấy. **Bảo:** gìn giữ.

Đảm bảo hay Bảo đảm là hứa gìn giữ chắc chắn.

PMCK: Ân dưỡng sanh *đảm bảo* hồn hài.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Đảm đương

擔當

A: To take charge of.

P: Se charger de.

Đảm: Gánh vác, gánh lấy. **Đương:** hay Đương là nhận lãnh.

Đảm đương hay Đảm đương là nhận lãnh gánh vác công việc với ý thức trách nhiệm cao.

TNHT: Chớ chi một Đấng Nữ Tiên dám *đảm đương* đến phổ tế mới mong tận độ chur vong của Phong đô thoát kiếp.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐẠM

Đạm bạc

淡薄

A: Frugal.

P: Frugal.

Đạm: vị lạt lẽo. **Bạc:** mỏng.

Đạm bạc là sơ sài, đơn giản, nghèo nàn.

TTCĐDTKM: Nén hương *đạm bạc* xin thương chứng lòng.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.

ĐÀN

ĐÀN

(Xem: Đơn)

ĐÀN

ĐÀN

ĐÀN: 壇 Chỗ cao ráo sạch sẽ dùng làm nơi cúng tế, chỉ một cuộc cúng tế cầu nguyện.

Td: Đàn nội, Đàn tiền, Đàn tràng.

Đàn cơ

壇機

A: A spiritual seance.

P: Une séance spirituelle.

Đàn: Chỗ cao ráo sạch sẽ dùng làm nơi cúng tế, chỉ một cuộc cúng tế cầu nguyện. **Cơ:** máy, dụng cụ dùng để thông công với các Đấng thiêng liêng.

Đàn cơ là một buổi cúng cầu nguyện có tổ chức cầu cơ.
(Xem: Cơ bút, văn C)

Đàn lệ

壇例

A: The ordinary ceremony.

P: La cérémonie ordinaire.

Đàn: Chỗ cao ráo sạch sẽ dùng làm nơi cúng tế, chỉ một cuộc cúng tế cầu nguyện. **Lệ:** cách thức đã quen làm từ trước.

Đàn lệ là đàn cúng theo lệ thường, mỗi tháng hai lần vào ngày Sóc (mùng 1) và ngày Vọng (ngày 15: Rằm) âm lịch.

TNHT: Hiền hữu, mỗi *đàn lệ*, cần phải buộc nữ phái tới nghe thuyết đạo chung với nam phái.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đàn-na

壇那

A: The donator.

P: Le donateur.

Đàn-na là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn: DÂNNA, nghĩa là bố thí, cúng dường, Hán văn dịch là Thí.

Đàn-na là bố thí. Người bố thí thì gọi là Đàn chủ hay Đàn việt, tiếng Phạn là DANAPATI.

Người làm việc bố thí thì vượt qua được biển nghèo túng, và được trường thọ.

Kệ U Minh Chung: Viễn cận *đàn-na* tăng viên phước thọ

Đàn nội

壇內

A: The interior of the esplanade of ceremony.

P: L'intérieur de l'esplanade de cérémonie.

Đàn: Chỗ cao ráo sạch sẽ dùng làm nơi cúng tế, chỉ một

cuộc cúng tế cầu nguyện. **Nội:** trong, bên trong.

Đàn nội là ở trong một đàn cúng.

TNHT: Đã để vào tòa một sắc hoa,
Từ đây đàn nội tỷ như nhà.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đàn tràng

壇場

A: The esplanade of ceremony.

P: L'esplanade de cérémonie.

Đàn: Chỗ cao ráo sạch sẽ dùng làm nơi cúng tế, chỉ một cuộc cúng tế cầu nguyện. **Tràng:** hay Trường: chỗ đất rộng có nhiều người tụ họp. Td: Hý trường, trường đời, vận động trường.

Đàn tràng hay Đàn trường là cuộc cúng tế có đông người tham dự, chỉ cuộc cúng tế nơi Thánh Thất.

Kệ chuông bãi đàn:

Đàn tràng viên mãn, Chúc sắc qui nguyên vĩnh mộc từ ân phong điều vô thuận.

Thiên phong hải chúng quốc thới dân an hoi hương đàn trường tận thâm pháp giới. (Xem giải nghĩa nơi chữ: Kệ Chuông)

ĐẢNH (ĐỈNH)

ĐẢNH

- ĐẢNH:** 頂 còn đọc là Đỉnh hay Đính: Chỗ cao nhất, chỉ đỉnh đầu, đỉnh núi.
Td: Đảnh hạc, Đảnh thần.
- ĐẢNH:** 鼎 còn đọc là Đĩnh: cái vạc lớn, chỉ sự to lớn hiển hách.
Td: Đảnh nghiệp, Đảnh Việt.

Đảnh hạc

頂鶴

A: The fairy land.

P: Le séjour des immortels.

Đảnh: còn đọc là Đỉnh hay Đính: Chỗ cao nhất, chỉ đỉnh đầu, đỉnh núi. **Hạc:** chim hạc.

Đảnh hạc hay Đỉnh hạc là cái núi có chim hạc đến đậu, ý nói cảnh Tiên, cõi Tiên.

TNHT: Không sắc, sắc không, vui đảnh hạc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đảnh hồ

鼎瓠

Đảnh: còn đọc là Đỉnh: cái vạc lớn, chỉ sự to lớn hiển hách. **Hồ:** trái bầu. Khi trái bầu khô, người ta móc bỏ ruột, lấy vỏ dùng làm cái bình đựng rượu.

Đảnh hồ hay Đỉnh hồ là cái vạc đúc theo hình trái bầu, chỉ việc vua chết. (Xem điển tích nơi chữ: Vân âm đảnh hồ, vần V)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đảnh nghiệp

鼎業

A: The glorious work of king.

P: L'oeuvre glorieux du roi.

Đảnh: còn đọc là Đỉnh: cái vạc lớn, chỉ sự to lớn hiển hách. **Nghiệp:** sự nghiệp.

Đảnh nghiệp là sự nghiệp to lớn hiển hách của một vị vua.

Khi xưa, Ông Hạ Võ trị thủy thành công, được vua Thuần truyền ngôi. Vua Hạ Võ đúc ra 9 cái vạc (Cửu đỉnh) thật lớn tượng trưng 9 châu (Cửu Châu) dùng làm vật trấn quốc. Do đó, sau này người ta dùng chữ Đảnh nghiệp (hay Đỉnh nghiệp) là để chỉ công nghiệp to lớn và hiển hách của một vị vua.

KTKVTH: Giữ bền *đánh nghiệp* vĩnh tồn hậu lai.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

Đánh Tần

頂秦

Đánh: còn đọc là Đỉnh hay Đính: Chỗ cao nhất, chỉ đỉnh đầu, đỉnh núi. **Tần:** tên một ngọn núi ở Triều Châu, có sách chép ở tỉnh Thiểm Tây.

Do hai câu thơ của Hàn Dũ: "*Vân hoành Tần lãnh gia hà tại.*" Nghĩa là: Mây che ngang núi Tần, quê nhà ở đâu?

Do đó: *Đánh Tần là chỉ nơi quê nhà, lòng nhớ quê nhà.*

TNHT: - Hơn ngự lâu Yên góc *đánh Tần.*
- Mây tỏa sương phơi bạc *đánh Tần.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đánh Thần

頂神

A: The fairyland.

P: Le séjour des immortels.

Đánh: còn đọc là Đỉnh hay Đính: Chỗ cao nhất, chỉ đỉnh đầu, đỉnh núi. **Thần:** Thần Tiên, thiêng liêng.

Đánh Thần là chỉ cõi Tiên, cõi Bồng lai.

TNHT: Đưa chiếc thuyền sen dựa *đánh Thần.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đánh Việt

鼎越

A: The country Vietnam.

P: Le pays Vietnam.

Đánh: còn đọc là Đỉnh: cái vạc lớn, chỉ sự to lớn hiển hách. **Việt:** nước Việt Nam.

Đảnh Việt là nước Việt Nam hiển hách.

TNHT: *Đảnh Việt* chờ qua cơn bão tố.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐÀO

ĐÀO

1. **ĐÀO:** 陶 Ché tạo, hun đúc nhân tài.
Td: Đào luyện, Đào tạo.
2. **ĐÀO:** 桃 Cây đào, trái đào.
Td: Đào hạnh, Đào nguyên.
3. **ĐÀO:** 淘 Giữ phần tốt, bỏ phần xấu.
Td: Đào thải.

Đào độn

陶沌

A: To form.

P: Former.

Đào: Ché tạo, hun đúc nhân tài. **Độn:** trộn qua trộn lại.

Đào độn là hun đúc và rèn luyện.

TĐ ĐPHP: Long Tu Phiến có thể vận chuyển CKVT do ngưng khí *đào độn* sanh ra đó vậy. Nó có quyền đào độn ngưng khí, thấu hoạch ngưng khí để trong sanh lực.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Đào hạnh

桃杏

A: The peach and apricot.

P: Le pêche et l'abricot.

Đào: Cây đào, trái đào. **Hạnh:** trái hạnh, giống như trái mận.

Đào hạnh là trái đào và trái hạnh.

Nơi cõi thiêng liêng, Đức Phật Mẫu có vườn đào tiên và vườn trồng hạnh. Các chơn hồn có nhiều công đức trở về trình diện Đức Phật Mẫu, được ban thưởng trái đào và trái hạnh.

KĐ9C: Phục sinh *đào hạnh* rượu hồng thưởng ban.

KĐ9C: Kinh Đệ Cửu cửu.

Đào luyện

陶煉

A: To form.

P: Former.

Đào: Chế tạo, hun đúc nhân tài. **Luyện:** rèn đúc, tập tành cho hay giỏi.

Đào luyện là đào tạo và rèn luyện cho tài giỏi.

TĐ ĐPHP: Chúng ta nhờ tìm mà hay, nhờ học mà hiểu, *đào luyện* trí lự đặng nổi chí tiền nhơn.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Đào nguyên

桃源

A: The fairyland.

P: Le séjour des immortels.

Đào: Cây đào, trái đào. **Nguyên:** nguồn nước, dòng suối.

Đào nguyên, dịch ra là Nguồn đào, Suối hoa đào, là một dòng suối từ trong khe núi chảy ra, hai bên bờ có những cây đào, hoa đào rơi xuống trông rất đẹp mắt.

Đào nguyên là chỉ cảnh Tiên, cõi Tiên.

Diễn tích: Trong bài Đào Hoa Nguyên ký, tác giả Đào Tiềm kể chuyện về suối hoa đào như sau:

Vào triều vua Hiếu Vũ Đế nhà Tấn (376-396), có một người ở huyện Vũ Lăng tỉnh Hồ Nam làm nghề đánh cá, theo dòng khe mà bơi thuyền đi chơi, quên mất đường xa gần, bỗng gặp

một rừng hoa đào mọc sát bờ khe mấy trăm bước, không xen loại cây nào khác, cỏ thơm tươi đẹp, hoa rụng rục rĩ.

Người đánh cá lấy làm lạ, tiến thêm vô đến cuối khu rừng. Rừng hết, hiện ra một cái suối và một ngọn núi. Núi có hang nhỏ, mờ mờ như có ánh sáng, bèn buộc thuyền rồi lên bờ, đi vào lối cửa hang. Mới đầu, hang rất hẹp, chỉ vừa lọt một người đi. Nhưng đi vô vài chục bước thì hang nở rộng ra, sáng sủa, đất bằng phẳng trống trải, thấy có nhà cửa tề chỉnh, ruộng tốt ao đẹp, có trồng cây dâu cây trúc, đường ruộng thông nhau, tiếng gà gáy, tiếng chó sủa tiếp nhau, thấy có người đi lại, có người đang làm ruộng, đàn ông đàn bà đều ăn mặc giống như những người bên ngoài, từ người già tóc bạc đến những đứa trẻ để tóc trái đào, đều hớn hờ vui vẻ.

Họ thấy người đánh cá đi tới thì lấy làm kinh dị, hỏi ở đâu tới? Người đánh cá kể rõ đầu đuôi. Họ bèn mời về nhà, bày rượu thịt ra thết đãi. Người trong xóm hay tin có người lạ vào xóm thì đến xem rồi hỏi thăm chuyện này chuyện nọ.

Họ bảo tổ tiên của họ trốn loạn đời Tần Thủy Hoàng, dắt vợ con và người trong ấp đến ở chỗ hiểm trở xa xôi này, rồi không trở ra nữa. Từ đó cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài. Họ hỏi người đánh cá bây giờ là đời nào? Vì họ không biết có đời Hán nữa, nói chi đến đời Ngụy và đời Tấn.

Người đánh cá nhất nhất kể lại đủ cả sự tình. Họ nghe nói thì đều tỏ lòng đau xót và than thở.

Người đánh cá ở lại chơi vài ngày rồi từ tạ trở về. Trong bọn họ có người dặn: Đừng kể lại việc này cho người ngoài hay biết làm gì nhé!

Người đánh cá ra khỏi hang, đến bờ khe thì gặp lại chiếc thuyền cũ, bèn bơi thuyền trở về, bơi tới mỗi khúc rẽ thì đánh dấu chỗ đó. Về tới Quận, người đánh cá đến yết kiến quan Thái Thú, kể lại tất cả sự tình.

Viên Thái Thú sai người đánh cá trở lại suối hoa đào, tìm theo những chỗ có đánh dấu mà đi, nhưng các dấu đã bị mất hết, không tìm lại được đường cũ.

Ông Lưu Tử Ký, người ở đất Nam Dương tỉnh Hà Nam, là bậc cao sĩ, nghe kể chuyện, hân hoan tự mình băng rừng vượt

suối đi tìm nơi đó, nhưng chưa tìm ra được thì ông bị bệnh mà chết. Kể từ đó, không ai hỏi thăm đường đi vào chỗ đó nữa.

Từ điển tích này, trong văn chương, người ta dùng các từ ngữ: Đào nguyên, Nguồn đào, suối hoa đào là để chỉ cảnh Tiên, nơi đó có phong cảnh tuyệt đẹp và người sống rất sung sướng, hạnh phúc.

TNHT: *Nguồn đào* đoạt vị mới hầu nên.

KCBCTBCHĐQL: Cối *đào nguyên* cối hạc thừa long.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KCBCTBCHĐQL: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu.

Đào thải

淘汰

A: To eliminate.

P: Éliminer.

Đào: Giữ phần tốt, bỏ phần xấu. **Thải:** gạt cái vô ích bỏ đi.

Đào thải là lọc bỏ những cái vô dụng hay không hợp thời.

Đào Tiên

桃仙

A: The fairy peach.

P: Le pêche féérique.

Đào: Cây đào, trái đào. **Tiên:** cõi Tiên.

Đào Tiên là trái đào nơi cõi Tiên.

Theo truyện Tây Du Ký, vườn Bàn đào (Đào Tiên) của Đức Tây Vương Mẫu được mô tả như sau:

Xinh tươi rực rỡ hoa đầy ngọn,
Mơn mớn rướm rả quả trĩu cành.
Quả mọng đầu cành hơn gấm rủ,
Hoa ngời quanh ngọn cánh rung rinh.
Khai hoa kết quả ba nghìn năm chín,
Không đông, không hạ, vượt thời gian.
Quả chín trước màu da đỏ lựng,
Trái ra sau đài cuống còn xanh.

Mỡ màng phô sắc lục,
 Óng ánh nổi vân hồng.
 Quanh gốc mọc hoa thơm cỏ lạ,
 Bốn mùa tám tiết vẫn tươi xanh.
 Sau trước lầu đài cùng quán các,
 Ráng chiều mây sớm lượn vây quanh.
 Đào Tiên Vương Mẫu trồng ra đó,
 Chẳng phải huyền đồ giống dưới trần.

■ Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, nơi Diêu Trì Cung, Đức Phật Mẫu trụ Sinh quang lại làm thành một khối gọi là quả Đào Tiên, có đủ sự sống vĩnh cửu nơi cõi Hư linh.

Người ăn được trái Đào Tiên thì luôn luôn mạnh khỏe, trẻ mãi không già.

Đức Phật Mẫu dùng các quả Đào Tiên làm phần thưởng cho các chơn hồn mà trong kiếp sanh nơi cõi trần lập được nhiều công đức, khi trở về đến bái kiến Đức Phật Mẫu.

PMCK: Chường *đào Tiên* thủ giải trường tồn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Đào viên kết nghĩa

桃園結義

A: To make friends in the garden of peach trees.

P: Se lier d'amitié dans le jardin de pêchers.

Đào: Cây đào, trái đào. **Viên:** vườn. **Kết:** ràng buộc với nhau. **Nghĩa:** đường lối cư xử đúng theo đạo lý.

Đào viên kết nghĩa là nơi vườn đào, anh em bạn kết chặt tình thân thiết với nhau bằng điều nghĩa.

Đây là nói về việc ba vị: Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, đời Tam Quốc, tế cáo Trời Đất, thề nguyện kết chặt tình nghĩa anh em với nhau nơi vườn đào.

Diễn tích: Đào viên kết nghĩa.

Vào cuối thời Đông Hán, loạn lạc nổi lên khắp nơi trong nước Tàu. Lúc bấy giờ có ba thanh niên chí khí anh hùng,

không hẹn mà cùng gặp nhau trong một quán rượu tại đất Cối Kê, đó là ba ông:

- Lưu Bị, tự là Lưu Huyền Đức, dòng dõi nhà Hán.
- Quan Vũ hay Quan Vĩ, tự là Quan Vân Trường.
- Trương Phi, tự là Trương Dực Đức.

Ba ông gặp nhau bàn chuyện anh hùng trong thiên hạ, trở nên tâm đầu ý hiệp, nên nguyện kết làm anh em với nhau. Trương Phi, nhà giàu có, lại ở gần nơi đó, liền mời hai bạn kia về nhà mình, sai người nhà làm thịt trâu dê, đem ra vườn đào, tế cáo Trời Đất để ba người thề nguyện kết nghĩa anh em:

"Chúng tôi là Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, tuy khác họ, nhưng nguyện kết làm anh em với nhau, đồng tâm hiệp lực, cứu khổ phò nguy, trên báo ân quốc gia, dưới giúp an bá tánh, chúng tôi không sanh đồng năm đồng tháng đồng ngày, chỉ nguyện chết được cùng ngày cùng tháng cùng năm. Xin Hoàng Thiên Hậu Thổ chứng giám, ai bội nghĩa có Trời Đất tru diệt."

Thề rồi, so tuổi nhau, Lưu Bị lớn tuổi nhất nên làm Đại Ca, kế đó là Quan Vũ làm Nhị Ca, và nhỏ tuổi nhất là Trương Phi làm Tam đệ.

Đào viên pháp

桃園法

Đào: Chế tạo, hun đúc nhân tài. **Viên:** vườn. **Pháp:** cách thức.

Đào viên: vườn đào, ý nói: Đào viên kết nghĩa của ba anh em Lưu, Quan, Trương. (đã nói trong điển tích bên trên).

Đào viên pháp là lập hồng thệ kết nghĩa anh em trong cơ quan Phạm Môn, giống như ba anh em Lưu Quan Trương kết nghĩa tại vườn đào.

Vị nào được lập hồng thệ rồi mới chánh danh là môn đệ của Phạm Môn. Muốn được lập hồng thệ, Đức Phạm Hộ Pháp phải làm phép "cân thần" tức là trục chơn thần của vị đó ra, để Đức Hộ Pháp xem người đó có đủ Hạnh, Đức, Trí, Lực không,

nếu đủ thì Đức Hộ Pháp mới cho thợ Đào Viên pháp, và lập hồng thệ Phạm Môn. (Xem chữ: *Cân thần, văn C*)

Trong Lược sử Phạm Môn, ông Đạo Nhơn Nguyễn Đức Hòa có thuật lại lễ thọ Đào viên pháp của quý vị Phạm Môn tại Sở Trường Hòa, ngày mùng 3 tháng giêng năm Nhâm Thân (1932), xin chép ra sau đây:

Đến 7 giờ tối, Đức Thầy (Đức Phạm Hộ Pháp) dạy lấy một cái thau rửa thật sạch, đem để trước Thiên bàn.

Đức Thầy nói:

- Đáng lẽ mỗi người có tên hồng thệ hôm nay, tự mình cắt tay lấy máu đưng chung trong thau này, rồi mỗi người uống một hớp, nhưng mấy em là người đạo, mỗi người đều giữ trường trai, không thể làm như vậy được, nên phải dùng rượu chất đồ thay thế, đổ rượu vào thau này cho nhiều, vì mấy em đông lắm, lại thêm cha mẹ, vợ con của mấy em.

Khi đổ rượu vào thau xong, Đức Thầy làm lễ Đức Chí Tôn và hành pháp vào thau rượu, rồi kêu vô từ người theo danh bộ đã chọn sẵn và cả cha mẹ, vợ con của người được hồng thệ vô. Người chánh danh Phạm Môn được hồng thệ, quì trước Thiên bàn, nguyện như vậy:

"Tôi là: tuổi thề rằng:

Từ nay tôi coi anh em Phạm Môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoảng có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với anh em tôi. Nếu ngày sau tôi thất nguyện, quyền thiêng liêng hành pháp tận đạo tam đồ bất năng thoát tục, và Thầy tôi không nhìn đến tôi nữa."

Lạy 3 lạy, đứng dậy, rồi thọc ngón tay giữa của bàn tay mặt vô rượu chất đồ mà nói rằng: "*Đây là huyết thệ của tôi.*" Rồi uống mỗi người một hớp, cha mẹ vợ con của người chánh danh cũng uống mỗi người một hớp.

Như vậy, kế người sau đó cũng làm y như vậy, tiếp theo cho đến hết.

ĐÁO

ĐÁO

ĐÁO: 到 Tới, đến.
Td: Đáo đầu, Đáo tuế.

Đáo đầu

到頭

A: To arrive to the end.

P: Arriver à la fin.

Đáo: Tới, đến. **Đầu:** cái đầu cùng.

Đáo đầu là đến đầu cùng, ý nói việc đến lúc kết thúc.

Sách Nho có câu rằng: "*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, cao phi viễn tẩu giả nan tàng.*" Nghĩa là: Lành dữ đến lúc cuối cùng thì có quả báo, cao bay xa chạy khó ẩn trốn.

TNHT: Đáo đầu mới rõ Đạo là cao.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đáo đế

到底

A: To the bottom, excessively.

P: Jusqu'au fond, excessivement.

Đáo: Tới, đến. **Đế:** ở dưới đáy.

Đáo đế là đến cái đáy thùng, đến tận cùng, ý nói: Quá quắt, quá lắm, dữ dội.

Thí dụ: Con bé này **đáo đế** thật! (Quá quắt)
Khổ não **đáo đế**. (Quá lắm)

Đáo tuế

到歲

A: To arrive at the birth year (according to the lunar calendar).

P: Arriver à l'année de naissance (suivant le calendrier lunaire)

Đáo: Tới, đến. **Tuế:** năm (theo âm lịch).

Đáo tuế là đến cái năm mà mình được sinh ra, tính theo năm âm lịch, lúc đó được 61 tuổi.

Năm âm lịch tính theo Can Chi, chu kỳ của Can Chi là 60.

Thí dụ: Một người được sanh ra vào năm Giáp Tý, theo truyền thống dân tộc VN, đứa bé mới sinh ra được tính là 1 tuổi, vì tính cả thời kỳ còn là bào thai trong bụng mẹ. Người ấy sống và lớn lên, qua nhiều năm Tý nhưng không phải là năm

Giáp Tý, như: - đến năm Bính Tý thì được 13 tuổi, - đến năm Mậu Tý thì được 25 tuổi, - đến năm Canh Tý thì được 37 tuổi, - đến năm Nhâm Tý thì được 49 tuổi, - và đến đúng năm Giáp Tý nữa thì được 61 tuổi. Đây là năm Đáo tuế.

Thuở xưa, y học chưa phát triển như ngày nay, nên tuổi thọ trung bình của người VN còn thấp, sống được 61 tuổi là mừng lắm, nên đến tuổi này thì người ta tổ chức Lễ Chúc thọ, hay Khánh thọ để mừng Đáo tuế. (Xem chữ: Chúc thọ, văn Ch)

ĐẢO

Đào cáo

禱告

A: To pray the Spirits, to implore.

P: Prier les Esprits, implorer.

Đảo: cúng tế để cầu phước. **Cáo:** trình báo.

Đào cáo là cúng tế cầu nguyện và trình báo các Đấng Thiêng Liêng.

NH: Lòng sờ vọng gắng ghi đảo cáo,

NH: Niệm Hương.

Đảo huyền

倒懸

Đảo: lộn ngược. **Huyền:** treo.

Đảo huyền là treo lộn ngược, ý nói sự thay đổi đảo ngược, tình trạng rất tốt đổi thành rất xấu.

TNHT: Biến chuyển trời Nam cuộc đảo huyền.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐẠO

ĐẠO

- **ĐẠO:** 道 có nhiều nghĩa kể ra sau đây:
 1. **ĐẠO:** Tôn giáo, con đường.
Td: Đạo đời, Đạo phục.
 2. **ĐẠO:** Nguyên lý đầu tiên của Càn Khôn Vũ Trụ..
Td: Đạo giáo.
 1. **ĐẠO:** Bản phận và nguyên tắc phải theo.
Td: Đạo lý
 2. **ĐẠO:** Nói.
Td: Đạo ngô ác giả thị ngô sư.
 3. **ĐẠO:** Một toán quân: Đạo binh.
- 3. **ĐẠO:** 導 Dẫn dắt.
Td: Đạo ngôn, Đạo luận.
- 4. **ĐẠO:** 盜 Trộm.
Td: Đạo tặc.

Đạo - Tôn giáo

- **Phần thứ nhất: ĐẠO là gì?**
 1. Giải nghĩa ĐẠO theo Nho giáo
 2. Giải nghĩa ĐẠO theo Lão giáo
 3. Giải nghĩa Đạo theo Phật giáo
 4. Giải nghĩa Đạo theo Cao Đài
o Tổng kết
- **Phần thứ hai: TÔN GIÁO là gì?**
 1. Định nghĩa
 2. Nguồn gốc của các tôn giáo

道 - 宗教

A: The absolute principle - The religion.

P: Le principe absolu - La religion.

Phần thứ nhất: ĐẠO là gì?

1. Giải nghĩa ĐẠO theo Nho giáo:

Đầu tiên hết, chúng ta giải nghĩa ĐẠO theo lối chiết tự:

Viết chữ Đạo 道 bắt đầu hai phết 丩, tượng trưng Âm Dương, gạch dưới một gạch là chữ Nhứt tượng trưng Âm Dương hiệp nhứt là cơ Sanh hóa, kế bên dưới là chữ Tự 自 nghĩa là chính mình, tự tri tự giác, tự giải thoát, chớ không ai làm giùm cho mình được, trên và dưới ráp lại thành chữ Thủ 首 nghĩa là đứng đầu, là trên hết, là nguồn gốc của CKVT và vạn vật, bên hông lại có chữ Tẩu 走 là chạy, tức là vận chuyển biến hóa.

Vậy trong chữ ĐẠO có hàm ý Âm Dương, động tịnh, động thì sanh hóa, tịnh thì vô hình vô ảnh.

Chúng ta cũng thấy rõ rằng "Nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo". Âm Dương ấy chính là Lưỡng nghi do Thái Cực biến sanh. Khi Âm Dương hiệp nhứt tức là trở về Thái Cực.

Chu Liêm Khê nói rằng: Vô Cực nhi Thái Cực nghĩa là: "Vô Cực mà Thái Cực" vì Thái Cực ở trong Vô Cực mà ra.

Vô Cực ấy chính là ĐẠO.

2. Giải nghĩa ĐẠO theo Lão giáo:

Trong Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử giảng giải về Đạo:

Đạo là cái nguyên lý hoàn toàn huyền diệu, không thể bàn được, không thể định danh được, không thể dùng lý trí mà hiểu được. Muốn hiểu Đạo phải dùng Tâm mà thôi.

Vậy, Đạo là cái nguyên lý vô danh, vô hình vô ảnh, nó là nguyên căn của Trời Đất và vạn vật.

Đức Lão Tử mô tả cái đó như sau:

Có một vật do sự hỗn hợp mà thành, nó sanh ra trước Trời Đất, vừa trống không, vừa yên lặng, đứng yên một mình mà không biến cải, trôi đi khắp mọi nơi mà không thôi, có thể làm mẹ đẻ của thiên hạ. Ta không biết tên nó là gì, phải đặt tên cho nó là Đạo và gượng gọi nó là Đại.

(Hữu vật hỗn thành, tiên Thiên Địa sanh, tịch hê liêu hê, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất dĩ, khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại).

Xem thế thì Đạo chỉ là một chữ mà Đức Lão Tử miễn cưỡng phải dùng. Kỳ thực, cái vật nguyên thủy sanh ra Trời Đất vẫn là một vật không tên, hay nói cho đúng, nó chưa có tên, vì nó có trước loài người và nó chưa thành một hình thái nhứt định.

Muốn cho người ta khỏi hiểu lầm, Lão Tử nói thêm:

Cái Đạo mà người ta có thể nói được thì chẳng phải là cái Đạo bất biến, cái tên mà người ta có thể gọi là tên được thì chẳng phải là cái tên bất biến. Cái *không tên* là khởi thủy của Trời Đất, cái có tên là mẹ của muôn vật. Cho nên, thường lúc thì Không (Vô) để cho người ta thấy cái ảo diệu của nó, thường lúc thì Có (Hữu) để cho người ta thấy cái phạm vi giới hạn của nó. Hai mặt này cùng xuất hiện một lượt với nhau, nhưng tên khác nhau, đều gọi là huyền diệu. Huyền diệu đến mấy từng và là cái cửa đi vào mọi sự huyền diệu.

(Đạo khả Đạo phi thường Đạo, Danh khả Danh phi thường Danh. Vô danh Thiên Địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu. Cổ thường Vô dục dĩ quan kỳ diệu, thường Hữu dục dĩ quan kỳ họa. Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền, huyền nhi hựu huyền, chúng diệu chi môn.)

Sách Châu Dịch Xiển Chơn cũng có giải về chữ Đạo:

*Hữu vật tiên Thiên Địa, Vô danh bốn tịch liêu,
Năng vi vạn vật chủ, Bất trực tứ thời điều.*

Nghĩa là:

Có một vật trước Trời Đất,
Không tên mà vốn yên lặng trống không,
Có khả năng làm chủ vạn vật,
Không quay theo bốn mùa mà điều tàn.

Vậy Đạo có trước Trời Đất, chẳng những không tên mà còn vô hình vô ảnh, vô tình vô xứ nữa.

Nói như thế thì Đạo là cái Không. Đức Lão Tử sợ người ta hiểu lầm Đạo là trống rỗng, nên Ngài nói thêm:

Đạo dường như Không mà cũng dường như Có, trong cái Không có cái Diệu Hữu là năng lực sanh hóa. Vậy:

Đạo có 3 trạng thái: Di, Hi, Vi hỗn hợp thành một thể:

- Xem mà chẳng thấy gọi là Di,
- Lóng mà chẳng nghe gọi là Hi,
- Bất mà chẳng nắm được gọi là Vi.

(Thị chi bất kiến, danh viết Di; Thính chi bất văn, danh viết Hi; Đoàn chi bất đắc, danh viết Vi).

Tóm lại, Đạo là cái vô danh, vô hình, vô sắc, vô thanh, vô xú, dường như có, dường như không. Ấy là cái lẽ huyền nhiệm định vị Tạo đoan, định vị Trời Đất, hóa sanh vạn vật.

Đạo rất huyền diệu, siêu viển, cao thâm. Người căn trí thấp không thể hiểu nổi nên cho là huyền hoặc và chê cười.

Bậc thượng sĩ nghe Đạo thì siêng năng làm theo.

Bậc trung sĩ nghe Đạo thì dường như còn, dường như mất, tức là nửa tin nửa ngờ, nửa nhớ nửa quên, khi làm khi bỏ.

Bậc hạ sĩ nghe Đạo thì cười lớn. Nếu chẳng cười lớn thì không đủ là Đạo.

(Thượng sĩ văn Đạo cần nhi hành chi. Trung sĩ văn Đạo nhược tồn nhược vong. Hạ sĩ văn Đạo đại tiếu chi, bất tiếu bất túc dĩ vi Đạo.)

3. Giải nghĩa Đạo theo Phật giáo:

"Đạo, tiếng Phạn là Marga (Mạt già), có nghĩa là con đường thông tới chỗ đã nhứt định.

Đạo có khi chỉ là một đường, một nẻo, một nơi tụ họp như: thiện đạo, ác đạo, lục đạo,...

Đạo cũng có nghĩa là con đường tôn trọng, đạo lý, tôn giáo, như Phật đạo, Thánh đạo.

Đạo lại có nghĩa là Bồ đề (bodhi), Chánh đặng Chánh giác, như: đạo tâm, đạo thọ, đạo trường.

Đạo cũng có nghĩa là tôn giáo như: đạo Lão (Lão giáo), đạo Phật (Phật giáo), đạo Nho (Nho giáo).

Cốt yếu, Đạo có 3 thứ:

1. Hữu lậu đạo: Đạo hữu lậu, do nghiệp lành hoặc nghiệp ác của con người đưa tới cảnh sướng hoặc cảnh khổ. Như thân làm lành, miệng nói lành, ý tưởng lành, ba nghiệp lành ấy thông tới cảnh phước lạc của loài người hoặc Thần, Tiên. Còn như làm ác, nói ác, tưởng ác, ba nghiệp ác ấy thông tới cảnh đọa dữ của Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc cảnh của người nghèo khổ hoạn nạn.

2. Vô lậu đạo: Đạo vô lậu, đường giải thoát. Ấy là con đường cao thượng đưa những nhà tu học có tâm giải thoát. Như Bát Chánh Đạo, Thỉnh Văn Đạo, Duyên Giác Đạo, Bồ Tát Đạo. Nhà tu hành nương theo nền Vô lậu đạo để tới Niết Bàn.

3. Đạo là thể Niết Bàn, nền Chánh giác, quả Bồ đề, mức cao siêu cùng cực, vượt khỏi các mối chướng ngại, được tự do tự tại như: Đạo nhãn, Đạo tâm, Đạo thọ.

Theo Câu Xá Luận, đạo là con đường đưa đến Niết Bàn.

Đạo vẫn trường tồn, lúc nào cũng có, nên lúc nào mình cũng tu học được, chớ chẳng phải đợi đến lúc Phật ra đời. Nhưng trong khi Phật hiện ra ở thế, chúng sanh dễ hành đạo đắc quả, vì nhờ có Phật giáo hóa chỉ đường.

Đạo có dễ (dị đạo), có khó (nan đạo). Như ở cõi ta bà thế giới này đầy ngũ trược mà tu theo phép Lục Độ Vạn hạnh thì rất khó mà thành đạo, ấy là Đạo khó. Còn ở tại cõi này mà tu phép Tịnh Độ, niệm Phật A-Di-Đà cầu về Cực Lạc thì rất dễ

dàng, ấy là Đạo để. Vậy chúng ta nên tinh tấn mà tu trì pháp môn niệm Phật." (Trích Phật học Từ điển của Đoàn Trung Còn)

Vậy, theo Phật giáo, chữ Đạo có ý nghĩa thông thường mà thôi: Đạo là con đường luân hồi, Đạo là tôn giáo, Đạo là con đường tu đưa đến CLTG hay Niết Bàn.

4. Giải nghĩa Đạo theo Cao Đài:

a. Nghĩa thông thường: Đạo là con đường tu, là tôn giáo.

Đức Chí Tôn dạy: "Đạo là gì? Sao gọi là Đạo? Đạo là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm. Đạo nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó, rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng." (TNHT)

Bài thi của Đức Chí Tôn về chữ Đạo: (29-3-1933)

*Đạo Trời cao lắm đó con ơi!
Đạo vốn gay go khó cạn lời.
Đạo ví dòng sông luồng gió bạt,
Đạo như thuyền bách giữa dòng khơi.
Đạo đưa người tục về Tiên cảnh,
Đạo giúp đưa ngu rõ cuộc đời.
Đạo quý đem đường Tiên, Thánh, Phật,
Đạo mẫu gắng chí trẻ hôm mơi.*

Như vậy, nghĩa thông thường của Đạo là con đường tu, con đường giải thoát, là tôn giáo. Thí dụ: Đạo Cao Đài.

b. Nghĩa triết lý: Đức Chí Tôn dạy như sau:

"Như kẻ bên Phật giáo hay tặng Nhiên Đăng là Chưởng giáo, Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế.

Người gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhơn biến thân, Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần, đời nhà Thương.

Người gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ, Thích Ca vốn sanh ra đời nhà Châu.

Người gọi Lão Tử là Tiên Tổ Giáo, thì Lão Tử cũng sanh ra đời nhà Châu.

Người gọi Jésus Christ là Thánh Đạo Chưởng giáo, thì Jésus lại sanh ra nhằm đời nhà Hờn.

Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy?

Khi Hư Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng kể đó ai sanh? Ấy là ĐẠO. Các con nên biết.

Nếu không Thầy thì không có chi trong CKTG này, mà nếu không có Hư Vô chi Khí thì không có Thầy."

Bài Thánh ngôn trên cho chúng ta hiểu rằng ĐẠO là Hư Vô chi Khí. Khí Hư Vô là chất khí nguyên thủy biến hoá sanh ra Thái Cực, là ngôi của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Thái Cực biến hóa sanh ra Lưỡng nghi: Dương quang và Âm quang. Âm Dương ấy mới phối hợp sanh hóa ra CKVT và vạn vật.

Đạo là Hư Vô chi Khí, mà Hư Vô chi Khí sanh Thái Cực, mà Thái Cực cũng là Vô Cực (Vô Cực nhi Thái Cực).

Vậy, chúng ta có thể xem Đạo, Khí Hư Vô, Vô Cực, Thái Cực đều đồng một thể, và đó là nguồn cội của tất cả những cái vô hình và hữu hình trong CKVT.

Tổng kết:

Đạo rất huyền bí cao siêu, trước khi chưa có Trời Đất thì đã có Đạo. Tuy dùng nhiều danh từ khác nhau, nhưng tựu chung đều chỉ có một, ấy là cái nguồn cội của CKVT và vạn vật. Cái nguồn cội ấy khi còn bất động thì gọi là Đạo (Hư Vô chi Khí, Vô Cực), khi đã động để sanh hóa thì gọi là Thái Cực hay Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đấng ấy là Đấng duy nhất, tuyệt đối, được các tôn giáo gọi bằng nhiều từ ngữ khác nhau, nhưng chung qui chỉ có một Đấng mà thôi.

Đạo là chơn lý tuyệt đối. Bản tánh của Đạo là hư không, lặng lẽ, xem chẳng thấy, lóng chẳng nghe, rờ chẳng đụng, không lớn không nhỏ, không trước không sau, không thể đem ra so sánh, cũng không thể dùng lời nói mà diễn tả cho hết được vì ngôn ngữ thì có giới hạn mà Đạo thì vô cùng.

Đạo là nguyên lý tuyệt đối tốt cùng, là nguồn gốc của CKVT và vạn vật, nên Đạo lưu hành khắp vũ trụ, tàng ẩn trong vạn vật. Bất cứ vật nào cũng có một phần linh diệu bên trong

(đó là Đạo) để điều hòa trường dưỡng nó. Đạo là tinh thần của Trời Đất và vạn vật. Trời Đất và vạn vật là bản thể của Đạo.

Đạo bền vững mãi mãi, không bao giờ hư hoại. Vạn vật không thể xa Đạo. Hễ còn Đạo thì sống, mất Đạo thì chết.

Đạo vốn vô hình, nên muốn trình bày cái Đạo tất phải mượn hữu hình. Đó là cái thể và cái dụng của Đạo.

- Cái thể của Đạo là những hình thể do Đạo sản xuất. Tôn giáo là cái cửa, muốn biết Đạo thì phải đi vào cái cửa ấy.
- Cái dụng của Đạo là phá mê khai ngộ, đem ánh sáng chơn lý rọi vào cái vô minh, bảo tồn con người trở về với Đạo.

Phần thứ hai: TÔN GIÁO là gì?

1. Định nghĩa: Tôn là một học phái. Chữ này đúng ra đọc Tông, nhưng vì kỵ húy vua Minh Mạng (Miền Tông) nhà Nguyễn nên đọc trại là Tôn, lâu dần thành quen. Giáo là dạy.

Tôn giáo là một học thuyết dạy con người tín ngưỡng tu hành. Nếu ai thực hiện đúng theo lời dạy của tôn giáo thì:

- Khi người đó còn sống, họ có đời sống tâm linh an lạc hạnh phúc, tâm trí trở nên sáng suốt, biết rõ quá khứ vị lai và những điều huyền diệu của Trời Đất.
- Còn khi người đó chết, linh hồn trở về cõi thiêng liêng được Đấng Thượng Đế ban cho phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng, và đời đời hưởng cực lạc nơi cõi TLHS.

2. Nguồn gốc của các tôn giáo:

Trên thế gian có nhiều tôn giáo khác nhau do nhiều vị Giáo chủ khác nhau lập ra trong nhiều thời kỳ khác nhau, tại những địa phương khác nhau. Các tôn giáo tuy hình thức khác nhau như vậy, nhưng đều là cái thể của Đạo.

Nói khác đi, tôn giáo là cái cửa đi vào tòa nhà Đạo, hay tôn giáo là con đường dẫn đến mức cuối cùng là Đạo, là chơn lý tuyệt đối hằng hữu.

Xét như thế, tất cả tôn giáo đều có chung một nguồn gốc là Đạo. Nhưng tôn giáo không phải là Đạo, tất nhiên tôn giáo không phải là chơn lý tuyệt đối, mà chỉ là những phương tiện để đạt đến chơn lý tuyệt đối ấy.

Mỗi tôn giáo chỉ diễn tả được một khía cạnh, một màu sắc của chơn lý, nên chỉ nói lên được một phần nào của chơn lý mà thôi. Không một tôn giáo nào diễn đạt trọn cả chơn lý, vì chơn lý đó là Đạo, là Thượng Đế, là nguyên lý tuyệt đối, tuyệt diệu tuyệt huyền, không thể diễn tả hết bằng ngôn ngữ và cũng không thể nghĩ bàn. Vả lại, tôn giáo mở ra là để giáo hóa nhơn sanh nên phải tùy thuộc vào trình độ tiến hóa của nhơn sanh, nên tôn giáo cũng phải có giới hạn.

Các Đấng Giáo chủ như: Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Jésus Christ, vv... và tất cả những Giáo chủ khác đều là những Đấng thiêng liêng lãnh lĩnh Đấng Thượng Đế giáng trần, có sứ mạng giáo hóa một sắc dân ở một địa phương, rao giảng điều lành, khuyến dân hành thiện, thể hiện những màu sắc tốt đẹp khác nhau của chơn lý, hầu tùy duyên trợ lành, tùy phương tiện và trình độ mà hướng dẫn nhơn sanh phần đầu vươn lên đến sự giác ngộ sáng suốt.

Vì nhơn loại có nhiều chủng tộc khác nhau, ở nhiều địa phương khác nhau, có trình độ tiến hóa khác nhau, nên Thượng Đế phải lập ra nhiều tôn giáo khác nhau để thích hợp với từng hoàn cảnh mà giáo hóa và độ rỗi nhơn sanh.

Nhưng người đời còn quá vô minh, mê chấp, nên người ở tôn giáo này bài xích tôn giáo kia, tự cho tôn giáo mình là chơn chánh, tôn giáo khác là tà mị, gây mối hiềm khích rẽ chia, đưa đến nhiều cuộc chiến tranh tôn giáo tàn khốc, được phủ một lớp sơn tốt đẹp là Thánh chiến, giết hại biết bao nhiêu người trong tham vọng của những vị lãnh đạo mù quáng.

Ngày nay, nhơn loại ở vào thời kỳ cuối cùng của Hạ nguơn Tam Chuyển, gọi là đời Mạt kiếp, sắp bước qua Thượng nguơn Tứ Chuyển, gọi là Thượng nguơn Thánh đức, Đấng Thượng Đế mở lòng Đại từ bi khai sáng ĐĐTKPĐ gọi tắt là Đạo Cao Đài, để tha thiết kêu gọi toàn thể nhơn loại một lần cuối cùng trước khi đến đại nạn Tận Thế, mở Hội Long Hoa.

- Thứ nhứt, Nhơn loại dù khác chủng tộc, nhưng đều có chung một gốc sanh ra là Thượng Đế, Đấng Cha lành thiêng liêng của toàn thể chúng sanh. Nhơn loại cần nhìn nhau là anh em một nhà, thương yêu giúp đỡ nhau, người khôn dẫn đường kẻ dại, kẻ giàu giúp đỡ kẻ nghèo, kẻ mạnh bảo vệ người yếu...

- Thứ nhì, Nhơn loại dù khác tín ngưỡng tôn giáo, nhưng đều có chung một nguồn gốc là Đạo và đều có chung một mục đích là tiến hóa trên con đường cao thượng đạo đức tốt đẹp, nên phải hòa đồng cùng nhau, xem nhau là đồng tâm đồng chí, giúp đỡ nhau để cùng tiến hóa.

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

CLTG: Cực Lạc Thế giới. **CKVT:** Càn Khôn Vũ Trụ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. **TLHS:** Thiêng Liêng Hằng Sống.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đạo bé - Đạo khai

(Xem: Bé Đạo, vần B)

Đạo cả

A: The great way.

P: La grande voie.

Đạo: tôn giáo. **Cả:** lớn.

Đạo cả là nền Đạo lớn, tức là Đại Đạo hay ĐĐTKPĐ.

KCBCTBCHĐQL:

Nơi Cung Ngọc học thông Đạo cả,
Chốn hư vô Tào hóa tìm cơ.

KCBCTBCHĐQL: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu.

Đạo cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng

道高一尺，魔高一丈

Đạo: tôn giáo. **Cao:** trên cao. **Nhứt:** một. **Xích:** thước. **Ma:** ma quỷ. **Trượng:** một trượng dài bằng 10 thước.

*Đạo cao nhưt xích, ma cao nhưt trượng,
Đạo cao nhưt trượng, ma thượng đầu nhưn.*

Nghĩa là:

Đạo cao 1 thước thì ma cao 10 thước,
Đạo cao 1 trượng thì ma cao khỏi đầu người.

(Ở đây, xích và trượng là đồ dùng để đo bề dài của người Tàu thời xưa, 1 xích bằng khoảng 2 tấc tây)

Hai câu trên ý nói: Người tu hành sẽ bị ma khảo dữ dội lắm, chớ không phải Quỷ Ma có tài phép cao hơn Tiên Phật.

Nếu tinh thần của người tu không đủ vững chắc, tâm tu không đủ trung kiên, thì khi bị ma khảo sẽ bị ngã nhào; còn nếu vượt qua được tức là thắng được các cuộc khảo vượt cám dỗ của quỷ ma thì quỷ ma mới chịu phục tùng và người tu đắc đạo đạt phẩm vị cao trọng.

Ma quỷ là giám khảo của người tu vì Đức Chí Tôn đã cho chúng nó cái quyền khảo vượt ấy, và đó cũng là việc cần thiết để đánh giá trị tinh thần và tâm đức của người tu.

Đạo dâu

A: *The duties of the daughter-in-law.*

P: *Les devoirs de la belle-fille.*

Đạo: những phép tắc và lễ lối hợp lẽ phải và đạo lý mà mọi người phải tuân theo để có được cuộc sống trật tự tốt đẹp.

Dâu: con dâu, vợ của con trai của mình.

Đạo dâu là bổn phận làm một đứa con dâu trong gia đình.

KSH: Ở sao đáng phận đạo dâu,
Thờ chồng tiết hạnh mới hầu gái ngoan.

KSH: Kinh Sám Hối.

Đạo Đồi

A: *The religion and the lay life, Religions and laymen.*

P: *La religion et la vie laïque, Religieux et laïques.*

Đạo: tôn giáo. **Đồi:** bên ngoài tôn giáo, thuộc về thế tục, không tin tưởng tôn giáo.

Đời và Đạo là 2 mặt thể hiện khác nhau của con người:

■ **Người Đạo** thì cho rằng tiền tài, danh vọng, vật chất là phù du, giả tạm, là huyễn, xác thân của con người cũng là giả tạm, gây ra nhiều phiền não và đau khổ, nên lo tu hành để linh hồn giải thoát khỏi biển khổ luân hồi, để linh hồn tiến hóa lên cảnh Cực Lạc Niết Bàn, hưởng đặng hạnh phúc đời đời.

■ **Người đời** thì cho rằng linh hồn là mơ hồ huyễn hoặc, viễn vông, không thực tế, nên chỉ lo cho cuộc sống thấy rõ trước mắt, với tiền bạc, địa vị, tước quyền, ăn sung mặc sướng, thỏa đạt danh lợi càng nhiều càng thích.

Đạo thì lo về tinh thần, Đời thì lo về vật chất. Không nên phé Đời mà chỉ biết Đạo, không nên phé Đạo mà chỉ biết Đời. Đời Đạo phải nương nhau và bổ sung nhau, có thể làm thành hai giai đoạn sống của con người.

Khi nào Đời biết trọng Đạo, Đạo dìu Đời thì đời thái bình, dân chúng hạnh phúc.

Khi nào Đời khinh thường Đạo, tìm cách tiêu diệt Đạo thì đời ấy loạn lạc, luân lý suy đồi, trộm cướp nổi lên khắp nơi, dân chúng lâm than khổ sở.

Đức Chí Tôn có dạy rằng: *"Đời cũng thế, Đạo cũng thế, chẳng Đạo chẳng nên Đời, Đời Đạo chẳng trọn, lấy Đạo trau Đời, mượn Đời giới Đạo, Đạo nên Đời rạng, giữ áo phồn hoa, nương bóng khổ trăm năm mãn cuộc, tự thanh cao, ném mùi tự toại, dưỡng chí thanh nhàn, thì có chi hơn. Vậy là mầu, vậy là trí!" (TNHT)*

Hai bài thi sau đây: Đạo và Đời.

Thi chữ ĐẠO

Đạo như đuốc huệ rọi đường tu,
 Đạo vốn nguồn trong rửa mạch sầu.
 Đạo giải oan khiên cản nghiệp trước,
 Đạo gìn hạnh phúc cháu con sau.
 Đạo dìu kẻ đến miền an lạc,
 Đạo chỉ người tìm chước diệt lao.
 Đạo để làm nền vun cội đức,

Đạo là thang bắc tận Trời cao.
Thuần Đức

Thi chữ ĐỜI (họa vận)

Đời muốn trọn lành cố gắng tu,
 Đời trau đạo đức khỏi đeo sầu.
 Đời gìn kinh kệ noi gương trước,
 Đời giữ luật điều tránh họa sau.
 Đời Trụ chặn dân bày ngục thất,
 Đời Châu trị nước dẹp đề lao.
 Đời chưng nước ấy, Đời nương Đạo,
 Đời biết nhận nhìn Đạo tối cao.

Võ Thành Lượng

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đạo Đức

1. Nghĩa thông dụng
2. Nghĩa theo Đạo Đức Kinh
3. Bài Giáo lý Đạo Đức, khóa Hạnh Đường Lễ Sanh
4. Đức Chí Tôn dạy về Đạo Đức

道德

A: The wisdom and holiness.

P: La sagesse et sainteté.

1. Nghĩa thông dụng:

Đạo: tôn giáo. **Đức:** những việc làm hợp lòng người, thuận đạo Trời.

Đạo Đức là cái khuôn mẫu để con người phải nương theo đó mà sửa mình, rèn tâm luyện tánh, đặt mở mang trí não cho được sáng suốt, đạt đến chỗ trí huệ.

Con người mà xa lìa Đạo Đức thì chẳng khác chi kẻ mù, biết đường nào hay hướng nào mà đi cho tới nơi tới chốn. Con người cần phải biết rõ con đường đạo đức, lo tu tâm luyện tánh mà trở lại bản nguyên, dùng cái Đức sáng (Minh

đức) mà sửa mình nên thiện mỹ, thì nhứt định sẽ thoát khỏi luân hồi, linh hồn siêu thăng lên miền Bồng đảo.

TNHT: Thế không đạo đức thế không thành.

2. Nghĩa theo Đạo Đức Kinh:

Theo Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử:

Cái gốc sinh ra vạn vật là ĐẠO, nhưng đến làm vật nào cho ra vật nấy và có thể tồn tại trong vũ trụ thì không phải ĐẠO mà lại là ĐỨC. (Xem chữ: Đạo Đức Kinh)

3. Bài Giáo lý Đạo Đức, khóa Hạnh Đường Lễ Sanh:

Theo Đức Lão Tử, cái nguyên lý tự nhiên là Đạo, được vào lòng người rồi gọi là Đức.

Theo nghĩa thông thường, Đạo Đức là lý pháp người ta noi theo để cư xử với đời thế nào cho trên hợp với lẽ Trời, dưới hợp cùng luân lý.

Người có đạo đức bao giờ cũng biết thận trọng: Đối nội không làm việc gì tổn thương đến nhân cách mình, dù cho là việc âm thầm không ai hay biết; đối ngoại cũng không bao giờ làm việc phi nghĩa và tổn hơn hại vật, mặc dù việc ấy có lợi cho mình.

Người không đạo đức, không cần phải quấy, phạm việc gì có lợi cho mình thì cứ mạnh dạn làm, mặc dù việc ấy có hại cho ai. Vì vậy, họ tính đủ trăm mưu ngàn kế quyết làm sao cho nên việc, hầu thỏa mãn những bản năng đê tiện của họ.

Người không đạo đức thì không có tín ngưỡng và tư tưởng thanh cao. Họ chỉ sống với sự lôi cuốn của thị hiếu và dục vọng, không cần biết nghĩa vụ đối với hơn quần xã hội.

Người không đạo đức chẳng thế nào bền chịu cảnh nghèo túng, họ dám làm liều, miễn sao cho có tiền xây dựng. Cho nên trong một xã hội mà đa số người không đạo đức, thường xảy ra những thảm kịch giết người đoạt của, hoặc lừa đảo lẫn nhau, tưởng không phải là việc lạ.

Trái lại, người có đạo đức thì vui chịu với số phận, gặp cảnh nào cũng yên ổn thành thoi, thì đâu đến nỗi bị ngoại vật lôi cuốn vào vòng tội lỗi.

Nhưng đạo đức cần phải đi đôi với tài năng, một người có đạo đức mà thiếu tài năng thì chưa đủ tư cách giúp đời và giúp Đạo. Một người có tài năng mà thiếu đạo đức, chỉ lo sống ích kỷ và làm hại cho hơn quần xã hội thôi.

Một người khả dĩ được hoàn toàn là khi nào kiêm cả tài đức. Có đức để làm tròn nghĩa vụ, có tài để làm tròn nhiệm vụ.

Còn như chịu kém một phần, thà kém tài hơn kém đức.

Câu: "**Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức vi tiểu nhân**" thật là chí lý.

Đạo đức làm nền tảng tinh thần xã hội. Thiếu đạo đức, xã hội sẽ lâm vào cảnh cuồng loạn.

Đức Chí Tôn đã dạy:

"Những sự phạm tục đều là mưu kế của tà mị yêu quái, cốt để ngăn cản bước đường Thánh đạo của các con. Thầy đã nói: Thầy thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, nó hằng thừa dịp cắn xé các con. Nhưng Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp chúng nó chẳng hề thấyặng là đạo đức của các con. Thầy lại khuyên các con gìn giữ bộ thiết giáp ấy hoài cho đến ngày hội hiệp cùng Thầy.

Ấy vậy, đạo đức rất hữu ích cho các con như thiết giáp hữu ích cho thân. Nếu các con bỏ thiết giáp thì thân các con ra trần lổ, còn bỏ đạo thì các con ở dưới phép tà quyền." (TNHT)

Nhờ đạo đức, chúng ta chế phục thất tình lục dục. Chế phục được tình dục tức khỏi lo vướng phải lưới rập của tà mị bủa giăng, tức là tránh khỏi những điều cám dỗ.

Đạo đức là nguồn cội của sự sáng. Nhờ đạo đức, thần trí được quang minh thông huệ. Thần trí minh huệ thì biết phán đoán giá chơn và thấu đáo một phần lẽ huyền vi của Tạo hóa.

Lòng đạo đức vốn làm nòng cốt cho Thần Thánh, vì một tư tưởng hay hành vi đạo đức luôn luôn được Thần Thánh chứng giám và hộ trì. Lòng vô đạo đức tức có nét vạy tà, mà tâm tánh vạy tà là chỗ cho tà thần xâm nhập để giục quấy thêm lên.

Đạo đức là chiếc thang tấn hóa đưa lần chúng ta lên tột phẩm vị thiêng liêng. Bước đặng một nấc tức đặng một phần cao, bước lên tột nấc thang tức là đến cõi hoàn toàn chí thiện, tức đến cõi Thượng Đế vậy.

4. Đức Chí Tôn dạy về Đạo Đức:

"Đạo Đức phải đi cặp nhau. Đạo là dương, Đức là âm. Âm Dương phải tương cảm tương ứng, điều hoà mới thành đặng.

Con người phải biết đường Thiên lý, lo tu hành quày bước trở lại bản nguyên, nương pháp đạo mà luyện tánh tu tâm, dùng đức cả sửa mình nên hạnh tốt.

Người phải có Đạo nhưng phải làm cho Đạo rộng lớn thêm ra, chớ Đạo không thể làm cho người rộng lớn đặng. *(Nhơn năng hoằng Đạo, Đạo bất hoằng nhơn).*

Đạo đức là cái khuôn mẫu để cho loài người phải nương đó mà sửa mình, đặng mở trí hóa thông minh sáng suốt hoàn toàn cho đến chí thiện chí mỹ. Chớ con người mà bỏ xa đạo đức đi rồi, nào khác chi kẻ bị quáng lòn, cặp nhơn mờ tối, có biết đường nào mà đi cho khỏi sa hầm sa hố.

THI BÀI:

Người không Đạo như hồ không đáy,
Chứa bao nhiêu nó chảy bấy nhiêu.

Người tròn đạo đức xuôi chiều,
Như thuyền sẵn nước gió xuôi thuận đường.

Đạo tâm nhuận chơn dương không khí,
Muôn vật nhờ báu quý hấp nuôi.

Thảnh thơi khỏe khoắn mừng vui,
Trăm hoa đua nở phát mùi THANH HƯƠNG.

Làm cho đặng thông thương trên dưới,
Phước đức lành nhuận rưới khắp chung.

Nhờ đây nhơn vật vẫy vùng,
Nhờ đây mở hoáat Cửu Trùng bước lên.

Người học Đạo là nền chơn lý,
Nhờ sức người lập chí đạt thành.

Luyện tu chiếm địa vị lành,
Đạo khai tâm tánh bạch thanh huệ từ.

Người có Đạo cũng như có ngọc,
Ngọc không trau nên vóc nên hình.

Thì đâu có vẻ đẹp xinh,
Đức là trau luyện, Đạo hình ngọc kia.

Đạo đức để xa lìa mãi mãi,
 Thì khác gì thuyền lại không sông.
 Đức là nước chảy lưu thông,
 Tâm nhuần khắp cả non sông gọi nhờ.
 Người quân tử bao giờ bỏ Đức,
 Đức làm nên thước mực cho người.
 Đức còn muôn vật tốt tươi,
 Đức minh minh đức rắng khươi cho đời.

Đức cao thượng Phật Trời do đó,
 Đức Thánh Hiền sáng tỏ hơn sao.
 Đức như cây có vỏ bao,
 Cây mà không vỏ cây nào sống đâu.
 Đức tô điểm thanh cao giá phẩm,
 Đức từ hòa nhuận tằm bốn phương.
 Đức làm người vật yêu thương,
 Đức ân vô lượng phải tường mới cao.

Đức âm đức dồi dào minh mẫn,
 Đức lưu hành im ẩn tự nhiên.
 Đức ưa gần với Thánh Hiền,
 Người làm âm đức là Tiên trong trần.
 Âm đức tựa như vàng trắng chói,
 Không khoe mình hay giỏi cao sang.
 Sửa mình chính đính hoàn toàn,
 Trọng người như ngọc như vàng như châu."

(ĐTCG)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Đạo Đức Học Đường & Trường Lê Văn Trung

A: Đạo Đức School - Lê Văn Trung School.

P: École de Đạo Đức - École de Lê Văn Trung.

Học đường là nhà dạy học hay trường học.

■ **Đạo Đức Học Đường** là một ngôi trường Trung Tiểu Học do Hội Thánh lập ra, cất trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh, để dạy văn hóa và đạo đức cho các con em trong Đạo.

■ Trường Lê Văn Trung cũng là một ngôi trường Trung Tiểu Học, do Quân Đội Cao Đài xây dựng, đặt dưới sự quản trị của Học Viện CTĐ Tòa Thánh, lấy thể danh của Đức Quyền Giáo Tông đặt tên cho ngôi trường để tưởng nhớ công nghiệp vĩ đại trong thời kỳ Khai Đạo, và đức tánh chăm lo mở mang văn hóa của Ngài. Trường Lê Văn Trung nằm giữa khoảng Cửa số 7 ngoạ i ô và ngã tư Ao Hồ, Châu Thành Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh.

1. Đạo Đức Học Đường:

Đạo Đức Học Đường (ĐĐHĐ) được Hội Thánh thành lập rất sớm, do Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) vào năm 1928 (Mậu Thìn), tại phần đất kế bên Đông Lang Tòa Thánh (tại Sở Bông Huệ ngày nay). Lúc đó Đạo còn rất nghèo, Tòa Thánh cất tạm bằng cây ván, nên ĐĐHĐ lúc đó cũng chỉ cất bằng mái tranh vách đất, bàn ghế thô sơ, học trò không có tập giấy để viết, phải viết trên lá buông. Các học sinh là những con em trong nhà Đạo mới qui tụ về Tòa Thánh làm công quả.

Các thầy giáo đều là những người làm công quả, có trình độ học vấn Văn bằng Tiểu học và Thành Chung, được Hội Thánh bổ nhiệm làm Giáo viên. Ông Đốc phủ Nguyễn Hữu Đắc làm Giám Đốc đầu tiên.

ĐĐHĐ thật sự là một Nghĩa thực của Đạo Cao Đài, giáo viên ăn cơm Đạo dạy công quả, học sinh không đóng học phí, những học sinh mà gia đình quá nghèo được Hội Thánh cho ăn cơm nơi Trai Đường của Hội Thánh.

Niên học đầu tiên 1928-1929, ĐĐHĐ chỉ có 3 lớp: 2 lớp Đồng Ấu (Cours enfantin) và 1 lớp Dự Bị (Cours préparatoire) tức là lớp 1 và lớp 2 ngày nay, dạy theo chương trình Pháp.

Cuối niên học này, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt đến dự Lễ Phát thưởng cho học sinh, vào ngày 18-8-1929 (Âl 14-7-Kỷ Tỵ). Ngài có đọc một bài diễn văn, trong đó, phần đầu nói chung về tình hình Đạo sự trong năm, phần cuối Ngài mới đề cập đến Lễ Phát thưởng và các học sinh, xin trích ra:

"Trong mấy năm dư, Đạo nghèo, mấy em chịu phần hui hút, còn mấy anh đây lại bị kẻ thúc người đe, cũng không sẵn sóc mấy em trẻ dại, để mấy em chịu chút như gà kia mất mẹ."

Ít người xét cổ suy kim, mới biết rằng tôn giáo nào cũng nhờ học thức mà thìn mới Đạo, truyền Chánh giáo mới đặng tròn câu phổ độ. Đạo nghèo, đồng tiền eo hẹp, còn thầy giáo huấn không một đồng lương, lại thêm ngày dạy ấu nhi, lại còn phải làm công quả vùi cùng sanh chúng. Học sinh đồng nhi nam nữ tập viết bằng lá buông, chỗ ngủ lấy ván sạp làm giường, bẻ ăn uống tương rau hăm hút.

Ba năm dư mới rảnh chút thì giờ, máy anh đây mới lập trường mà phát thưởng. Lễ đơn sơ để dạ yêu thương, giục máy cháu hết lòng lo đạo đức."

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Cơ Sở Đạo Đức Học Đường sau đó được dời đến phần đất mà ngày nay là Bệnh Viện Y Học Dân Tộc trong Nội Ô, góc đường Phạm Hộ Pháp và Oai Linh Tiên. Trường được xây cất rộng rãi hơn, gồm hai dãy hai bên và một văn phòng ở giữa, bằng mái tranh vách đất, cột bằng cây rừng, số học sinh cũng tăng lên nhiều hơn vì số gia đình Đạo qui tụ về Thánh Địa lập nghiệp cũng đông hơn.

Năm 1931 (Tân Mùi), Đạo Đức Học Đường có được 8 lớp học, gồm: 6 lớp học sinh nam, 1 lớp học sinh nữ, 1 lớp dạy trẻ em người Miên. Lớp cao nhất là lớp Trung Đẳng (Cours Moyen). Tổng số học sinh nam nữ là 247 học sinh.

Qua năm 1932 (Nhâm Thân), ĐĐHĐ phát triển thêm 3 lớp: 1 lớp Cao Đẳng (Cours Supérieur) và 2 lớp Đồng Ấu, nên trường có tất cả 11 lớp với tổng số học sinh là 417, chia ra: 312 nam học sinh và 105 nữ học sinh.

Kỳ thi Tiểu Học năm nay, ĐĐHĐ đưa 26 học sinh lớp Cao Đẳng đi thi, tất cả đều thi đậu, chiếm tỷ lệ 100 %, trong đó có 21 học sinh đậu Mention de Français. Kết quả về vang này có được là do sự chăm nom dạy dỗ học sinh của các thầy giáo và sự chịu khó và siêng năng học tập của các học sinh.

Trong số học sinh ĐĐHĐ, Hội Thánh có nuôi 94 học sinh nam nữ là con mồ côi, vừa đi học vừa làm đồng nhi.

Từ năm 1933 đến năm 1941, Đạo Đức Học Đường liên tục phát triển, nhưng vẫn chỉ dạy bậc Tiểu Học, số học sinh và số phòng học mỗi năm mỗi tăng.

Giám Đốc ĐĐHĐ đầu tiên là ông Nguyễn Hữu Đắc. Sau khi Đức Quyền Giáo Tông qui Thiên (ngày 19-11-1934), ông Đắc trở về Sài Gòn, sau đó ông Huờn được Hội Thánh bổ làm Giám Đốc, và vị Giám Đốc thứ 3 là ông Nguyễn Văn Hợi (sau này đăc phong Tiếp Dẫn Đạo Nhơn HTĐ).

Các Giáo viên ĐĐHĐ gồm có: ông Lê Văn Chương (thường gọi là thầy giáo Văn), ông Phạm Ngọc Trán, ông Nguyễn Văn Kiệt (sau đăc phong Chương Ân HTĐ), ông Phan Hữu Phước (sau đăc phong Thừa Sứ), ông Nguyễn Công Cảnh (sau đăc phong Phối Sư Thượng Cảnh Thanh), ông Ba Chấn,...

Năm Tân Tỵ (1941), Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc cao cấp khác của Hội Thánh bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam và lưu đày ở đảo Madagascar, Phi Châu, Tòa Thánh Tây Ninh bị quân đội Pháp chiếm đóng, họ đóng cửa các cơ quan của Đạo và đui các Chức sắc và công quả không cho ở trong Nội Ô nữa, nên ĐĐHĐ cũng bị đóng cửa, học sinh bị giải tán.

Đến ngày 30-8-1946, Chánh quyền Pháp trả tự do cho Đức Phạm Hộ Pháp và các Chức sắc, rồi đưa về Tòa Thánh Tây Ninh. Tòa Thánh và các cơ quan của Đạo được Chánh quyền Pháp giao trả, Hội Thánh được tái lập.

Cơ sở vật chất của ĐĐHĐ qua nhiều năm bỏ phế nên hư hỏng hoàn toàn, nên Hội Thánh tái lập ĐĐHĐ trên phần đất mới nơi đường Cao Thượng Phẩm, gần Cửa số 6 Nội Ô, trường vẫn được cất bằng mái tranh vách đất, được các công quả gấp rút xây dựng cho kịp khai giảng niên học 1946-1947. Cơ sở trường mới được xây dựng gồm có: 8 dãy nhà tranh vách đất, 1 dãy lợp ngói, 1 ngôi nhà ở chính giữa làm văn phòng.

Hội Thánh cử Lễ Sanh Ngọc Hải Thanh (Lê Phú Hải) và Lễ Sanh Thượng Cảnh Thanh (Nguyễn Công Cảnh) ở Học Viện, lập Ban Quản Trị phụ trách ĐĐHĐ.

Hội Thánh cử ông Nguyễn Hữu Lương làm Hiệu Trưởng, Phụ tá có hai ông: Trần Hữu Khuôn làm Giám Đốc, Hạ Chí Khiêm làm Phó Giám Đốc.

Các Giáo viên gồm các vị: Nguyễn Văn Đáng, Huỳnh Văn Tiểng, Huỳnh Văn Lòng, Lê Văn Vang, Nguyễn Phùng Hưng, Nguyễn Phước Thanh, Nguyễn Văn Xem, Hà Văn Kiều, Trần Nhơn Tâm, Lê Văn Vinh, Nguyễn Văn Thơ, Hoàng Châu, Huỳnh Văn Danh, Lê Kim Tấn, Nguyễn Văn Nhiều, thầy Nho Võ Văn Hợi (Võ Thiện Tâm),... Các Cô: Hồ Kim Quang, Huỳnh thị Long Vân Phi, Trương Bửu Châu, Trương Từ Tâm, Nguyễn Thị Trụ, Lê Kim Huê, Phùng Kim Lan, Hà Huệ Tươi, Nguyễn Thị Hân, Cô Phụng, Cô Xuân Ba, Cô Khoe, Cô Thuán, vv... (còn nhiều Giáo viên khác nữa mà không nhớ hết)

Chương trình dạy học là theo Chương trình dạy tiếng Việt của Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Trường khởi đầu mở các lớp Tiểu học gồm các cấp lớp Đồng Ấu (lớp 1), Dự Bị (lớp 2), Sơ Đẳng (lớp 3), Trung Đẳng (lớp 4), Cao Đẳng (lớp 5), và sau đó mở tiếp lên Trung học. Các lớp Trung học thì còn dạy theo Chương trình Pháp, gồm 4 lớp: Première année, Deuxième année, Troisième année, và Quatrième année. Học sinh lớp này đi thi bằng Thành Chung (Diplôme d'Études primaires supérieures, dịch là Bằng Cao Đẳng Tiểu Học).

Nhân dịp Lễ Bãi trường niên khóa đầu tiên tái lập này, ngày 30-9-1947 (âl 16-8-Đinh Hợi), Đức Phạm Hộ Pháp đến dự lễ và ban Huấn Dụ cho Ban Giám Đốc và các Giáo viên nam nữ, xin chép ra sau đây: (trích TĐ ĐPHP, Q.1 trang 73)

"Mời mấy vị Giáo viên và ân nhân của Đạo Đức Học Đường vào trước mặt Bàn đạo.

Lời Tiên Nho chúng ta đã nói: Gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thân. Hoàn cảnh khó khăn làm cho Bàn đạo khó định tâm, cảm xúc vô hạn, thấy tinh thần mấy em đối với đoàn hậu tấn, tức là tương lai vận mạng nước nhà. Đạo ngày sau cũng nhờ đám này. Cả thầy thống khổ của mấy em, Đức Chí Tôn và Hội Thánh đều nhận thấy cả yếu lý.

Hại thay! Gặp buổi loạn lạc, khôn khổ phong hóa nước nhà bị tiêu hủy, đời xu hướng theo vật hình, bỏ rơi đạo đức...

Hễ tranh đấu tức nhiên còn trường tiêu diệt. Có cơ quan tiêu diệt tức là có cơ quan bảo tồn, chẳng phải mình ta là đủ.

Chí Tôn mở trường dạy con cái của Ngài là lo làm sao bảo tồn sanh mạng cho nhơn loại, chẳng phải kiếp này mà đời đời kiếp kiếp. Phận sự tối trọng, Ngài giao cho Đạo. Chúng ta chỉ mới vẽ một nét đầu mà thôi, kết quả không phải trong buổi này mà trong tương lai đoàn hậu tấn. Máy em nhận định được điều ấy, chẳng kể vì danh vị, chẳng kể hoàn cảnh khó nhọc, chẳng nài đói khổ khổ não, chẳng tủi hờn, cái cảnh máy em chịu đói rách với Đạo, tạo đầu óc cho máy em nhỏ, thì không ân nào trọng hơn nữa.

Đài Tản đảnh Hớn từ thượng cổ tới giờ còn ghi, đó là cơ quan hữu hình, cả khối tinh thần chúng nó do máy em tạo sẽ trường cửu, không có năng lực nào đối phó đặng. Máy em như là Kiến trúc viên, vẽ từ nét, coi từ điều, quan sát tất cả mọi hay dở mà sửa đổi cho tận thiện tận mỹ, cái thành trì Chí Tôn giao cho máy em kiến trúc đó, sẽ tạo lập thành quách tương lai mà chớ.

Bản đạo cảm ơn và tin cậy máy em."

Trong lúc đó, do nạn chiến tranh lan tràn khắp nơi, số gia đình của các tín đồ tản cư về Thánh Địa càng lúc càng đông, Ban Giám Đốc ĐĐHĐ xin phép Hội Thánh cho mở thêm các chi nhánh trong khắp các Phận Đạo, nơi dân cư đông đúc, để dạy các học sinh nhỏ thuộc bậc Sơ đẳng, gồm các cấp lớp: lớp Đồng Ấu, lớp Dự Bị, và lớp Sơ Đẳng. Khi học hết Sơ Đẳng rồi thì học sinh phải vào ĐĐHĐ trong Nội Ổ để học lớp Trung Đẳng và Cao Đẳng, để đi thi lấy bằng Tiểu Học.

Tính ra, ĐĐHĐ lúc đó, kể cả các chi nhánh nơi các Phận Đạo có tổng số hàng trăm lớp bậc Tiểu Học.

Đầu niên học 1952-1953, Ban Trung Học của ĐĐHĐ được sáp nhập với Trường Phổ Thông, và Trường Phổ Thông này được Hội Thánh cải danh là Trường Trung Tiểu Học Lê Văn Trung. (Xem phần 2, phía sau: Trường Lê Văn Trung)

ĐĐHĐ vẫn tiếp tục hoạt động liên tục, đào tạo các học sinh là con em nhà Đạo trong bậc Tiểu Học. Khi lên bậc Trung Học

thì các học sinh được chuyển ra trường Lê Văn Trung học tiếp cho đến hết bậc Trung Học.

Năm 1957, ĐĐHĐ tạm dời ra phần đất Cơ Thánh Vệ cũ, gần Chợ Thương Bình ở ngoại ô Tòa Thánh. Ông Nguyễn Văn Công làm Giám Học ĐĐHĐ từ năm 1957 đến năm 1963.

Mãi đến năm 1963, ĐĐHĐ mới được dời về vị trí cũ trong Nội Ô Tòa Thánh.

Lúc đó cơ sở cũ gần như hư hỏng hoàn toàn nên Ban Giám Đốc nhà trường phải lo kiến thiết lại. Nhờ sự quan tâm giúp đỡ của Ông Phó Sư Thượng Cảnh Thanh, Thượng Thống Học Viện (Ông Cảnh nguyên là giáo viên ĐĐHĐ thuở đầu tiên), Ông vận động các nhà hảo tâm giúp tiền bạc và vật liệu xây dựng được một Văn phòng, 6 dãy nhà gồm 30 phòng học, xây vách tường, mái lợp ngói hay lợp tôn, có bàn ghế học sinh và bảng đen đầy đủ. Ông Nguyễn Hữu Lương trở lại làm Hiệu Trưởng từ năm 1964 đến năm 1968. Lúc bấy giờ, ĐĐHĐ phát triển lên bậc Trung Học đệ nhứt cấp và đệ nhị cấp.

Năm 1967, ông Hạ Chí Khiêm đang làm Phó Giám Đốc trường Lê Văn Trung, được Hội Thánh rút về ĐĐHĐ làm Phụ Tá Hiệu Trưởng, tiếp tay với ông Hiệu Trưởng Nguyễn Hữu Lương điều hành nhà trường.

Sau đó, Ban Giám Đốc vận động với Ban Bảo Trợ nhà trường xây cất 10 phòng học có lầu đúc bằng vật liệu kiên cố.

Từ năm 1969 đến năm 1978, ông Hạ Chí Khiêm lên làm Hiệu Trưởng thay thế ông Nguyễn Hữu Lương.

Đến cuối tháng 4 năm 1978, các cơ quan của Đạo Cao Đài trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh đều bị giải thể, hai ngôi trường của Đạo là ĐĐHĐ và Lê Văn Trung được giao cho nhà nước quản lý.

ĐĐHĐ được Sở Giáo Dục tỉnh Tây Ninh phân thành hai trường: một trường dạy học sinh cấp 3 được đặt tên là trường Phổ Thông Trung Học Lý Tự Trọng và một trường dạy học sinh cấp 1 và 2 đặt tên là trường Mạc Đĩnh Chi.

Hai câu liễn đặt tại cổng ĐĐHĐ thuở ban sơ của trường:

道德留傳後進孝忠扶社稷
學堂教化書生仁義立江山

*Đạo Đức lưu truyền hậu tấn hiếu trung phò xã tắc.
Học Đường giáo hóa thư sinh nhơn nghĩa lập giang sơn.*

Nghĩa là:

Đạo đức lưu truyền cho đoàn hậu tấn, lấy hai chữ hiếu trung giúp dân giúp nước,
Trường học giáo hóa học sinh lấy hai chữ nhơn nghĩa xây dựng quốc gia.

2. Trường Lê Văn Trung:

Tiền thân của trường Lê Văn Trung là trường Phổ Thông do Thiếu Tướng Trình Minh Thế và Thiếu Tá Nguyễn Văn Ngọc của Quân Đội Cao Đài, lấy khu đất làm trại چرا công nghiệp của quân đội nơi vườn Mít, xây dựng lên vào năm 1950 đặt tên là trường Phổ Thông, chủ yếu là để dạy các con em trong quân đội. Ngôi trường này tọa lạc tại đường Hoàng Tông Hường, ở khoảng giữa từ Cửa số 7 Ngoại ô đến ngã tư Ao Hồ, thuộc Ấp Hiệp An, xã Hiệp Ninh, Quận Châu Thành, Tây Ninh.

Việc xây dựng còn đơn sơ, chỉ mái tranh vách đất. Ông Thiếu Tá Nguyễn Văn Ngọc làm Quản lý.

Niên học 1952-1953, Ban Trung Học của ĐĐHĐ được sáp nhập vào Trường Phổ Thông và cải danh trường này là Trường Trung Tiểu Học Lê Văn Trung, đặt dưới sự quản lý của Học Viện CTĐ của Hội Thánh. Các học sinh của ĐĐHĐ, sau khi thi đậu Tiểu Học thì được chuyển ra Trường Lê Văn Trung học Ban Trung Học, khởi đầu là lớp Đệ Thất (lớp 6 ngày nay), rồi lên lớp Đệ Lục, Đệ Ngũ và Đệ Tứ, thi Trung Học Đệ I Cấp.

Niên học 1951-1952, 500 học sinh lớp Cao Đẳng của ĐĐHĐ đi ra tỉnh lỵ Tây Ninh thi bằng Tiểu Học, đậu được 499 học sinh, chỉ rớt 1, và số 499 học sinh này được đưa ra Trường Trung Học Lê Văn Trung học Lớp Đệ Thất niên học 1952-1953, chiếm tất cả 10 lớp. Kết quả học sinh thi đậu về

vang kể trên là nhờ công lao khó nhọc của thầy cô giáo nơi ĐĐHĐ, chăm lo dạy dỗ học sinh, không kể giờ giấc nghỉ ngơi, trên có Hội Thánh khuyến khích và chăm lo đời sống của thầy cô giáo về vật chất cũng như tinh thần.

Việc lấy thế danh Lê Văn Trung của Đức Quyền Giáo Tông của Đạo Cao Đài đặt tên cho một ngôi Trường Trung Tiểu Học của Đạo có hai ý nghĩa lớn:

- Thứ nhất, để tưởng nhớ công nghiệp vĩ đại của Ngài trong buổi ban sơ Khai Đạo.

- Thứ nhì, để tưởng nhớ đến một vị mà lúc nào cũng có tư tưởng lập trường dạy học nâng cao dân trí, ở ngoài đời cũng như trong cửa Đạo. Nhớ lại thuở Ngài Lê Văn Trung còn làm Hội viên Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ, Ngài đề xướng việc mở Nữ Học Đường. Đây là một ý kiến mới mẻ rất táo bạo vào thời đó, Ngài hiệp tác với Bà Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương đi vận động tiền bạc xây dựng được một ngôi trường Nữ đầu tiên tại Sài Gòn gọi là Collège des Jeunes filles vào năm 1911. Về sau, trường đổi tên là Trường Nữ Trung Học Gia Long, Sài Gòn. Khi Ngài cùng với quý Chức sắc tiền bối trả chùa Từ Lâm, dời về đất mới là Tòa Thánh ngày nay thì song song với việc tổ chức Hội Thánh, Ngài Lê Văn Trung liền lập ĐĐHĐ bên cạnh Tòa Thánh để dạy con em nhà Đạo học tập.

Ban Giám Đốc đầu tiên của Trường Trung Tiểu Học Lê Văn Trung kể từ niên khóa 1952-1953 gồm có:

- **Giám Đốc (Hiệu Trưởng):** Luật Sư Trần Tuyên.
- **Phó Giám Đốc:** Ông Nguyễn Hữu Lương.
- **Tổng Giám Thị:** Ông Trần Hữu Khuôn.
- **Đầu Phòng Văn:** Ông Hạ Chí Khiêm.
- **Quản Lý:** Thiếu Tá Nguyễn Văn Ngộ.

Năm 1954, ông Trần Tuyên xin nghỉ, ông Chu Văn Bình (nhà văn Chu Tử) làm Giám Đốc thay ông Trần Tuyên.

Ban Giáo Sư và Giáo viên của nhà trường gồm có: Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Văn Thơ, Nguyễn Văn Xem, Đinh Khắc Quyết, Trương Bảo Sơn, Hồ Việt Diệu, Hồ Thái Bạch, Lâm Ngọc Diệp, Bùi Đắc Sử, Nguyễn Minh Đạo, Huỳnh Văn Danh, Tạ Cao Huê, Tạ Chí Đông Hải, Âu Quang Nhứt, thầy

Nho Võ Văn Hợi (Võ Thiện Tâm), Ông Phước, Ông Tịnh, Ông Thúc, Ông Thụy, v.v... (còn nhiều vị Giáo Sư nữa mà không nhớ hết); Nữ Giáo Sư, quý Cô: Hồ Kim Quang, Phạm thị Côn, Châu Kim Anh, v.v...

Các học sinh của Trường Lê Văn Trung, cũng như của ĐĐHĐ, có truyền thống là mỗi đầu buổi học, đều vào lớp, đứng nghiêm trang tại chỗ, hai tay bắt Ấn Tý đặt trước ngực, đọc Kinh Vào Học (*Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu, Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ...*) xong rồi mới ngồi xuống và bắt đầu buổi học.

Năm 1958, Trường Trung Học Lê Văn Trung bị nhà nước bán công hóa, ông Hiệu Trưởng Chu Văn Bình và ông Trần Hữu Khuôn xin nghỉ và rút về Sài Gòn, ông Nguyễn Hữu Lương thì vắng mặt, Ban Giám Đốc chỉ còn lại ông Hạ Chí Khiêm. Ông Hiệu Trưởng trường Trung Học Công Lập Tây Ninh kiêm nhiệm Hiệu Trưởng Bán Công Lê Văn Trung.

Mãi đến niên học 1963-1964, Trường Trung Học Bán Công Lê Văn Trung mới được chánh phủ trả lại cho Hội Thánh. Hội Thánh bổ nhiệm Hiền Tài Dương Văn Dũng làm Hiệu Trưởng từ đó cho đến cuối tháng 4 năm 1978.

Sau ngày Giải phóng, Trường Trung Học Lê Văn Trung được Sở Giáo Dục tỉnh Tây Ninh quản lý và đổi tên là Trường Bán Công Lê Quý Đôn.

(Viết theo tài liệu của thầy Hạ Chí Khiêm)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

ĐĐHĐ: Đạo Đức Học Đường

Đạo Đức Kinh

- Bàn về chữ Đạo
- Bàn về chữ Đức
- Chủ nghĩa Vô Vi
- Bàn về việc Chánh trị

道德經

A: The book of Laotze.

P: Le livre de Laotseu.

Đạo Đức Kinh là quyển sách do Đức Lão Tử viết ra, truyền lại cho ông Doãn Hỷ, trong lúc ông Doãn Hỷ đang làm quan Doãn giữ ải Hàm Cốc, dạy Doãn Hỷ cứ tu theo đó thì đắc đạo. Do đó, Đạo Đức Kinh còn được gọi là sách Lão Tử.

Đạo Đức Kinh gồm có 81 chương, chia làm 2 phần: Thượng Kinh và Hạ Kinh.

■ Thượng Kinh gồm 37 chương, bắt đầu bằng câu: **Đạo khả Đạo phi thường Đạo**. Thượng Kinh luận về chữ Đạo nên được gọi là **Đạo Kinh**.

■ Hạ Kinh gồm 44 chương, bắt đầu bằng câu: **Thượng Đức bất Đức thị dĩ hữu Đức**. Hạ Kinh luận về chữ Đức nên được gọi là **Đức Kinh**.

Lời lẽ trong Đạo Đức Kinh rất khúc chiết, ý nghĩa rất uyên thâm, luận về hai chữ Đạo Đức, nói về cơ Tạo Hóa, định vị Trời Đất, hóa sanh vạn vật, và những phương pháp huyền bí dạy về tu luyện để đắc thành bậc Thiên Tiên.

Đây là quyển Kinh căn bản của Tiên Giáo do Đức Lão Tử viết ra và chính Ngài là Giáo Chủ Tiên giáo.

Quan niệm về Vũ trụ và nhân sinh của Đức Lão Tử căn cứ trên hai chữ Đạo và Đức, nên Ngài theo đó mà lập thành giáo lý của Ngài.

1. Bàn về chữ Đạo:

Trong chương mở đầu phần Thượng Kinh, Đức Lão Tử bàn về chữ Đạo:

*Đạo khả Đạo phi thường Đạo,
Danh khả Danh phi thường Danh.
Vô Danh Thiên Địa chi thủy,
Hữu danh vạn vật chi mẫu.*

Nghĩa là:

Đạo nói được không phải là Đạo thường,
Danh gọi được không phải là Danh thường.
Vô Danh (không tên) là đầu của Trời Đất,
Hữu Danh (có tên) là mẹ của muôn vật.

Chữ *thường* ở đây có nghĩa là mãi mãi, luôn luôn, bất biến, dù mọi vật biến đổi nhưng tự nó không đổi. Vậy chữ *thường* mà Đức Lão Tử dùng để chỉ cái gì luôn luôn là thế, tức là xem nó là qui tắc.

Đạo là vô danh, nên nó không thể chứa đựng ngôn ngữ, nhưng khi ta muốn nói tới nó, ta phải mượn ngôn ngữ nên gọi là Đạo. Đạo là cái mà bất cứ vật gì và tất cả mọi vật đều do đó mà sanh ra. Bởi nó luôn luôn có trong mọi vật nên Đạo luôn luôn hiện hữu. Nó là cái bắt đầu của mọi cái bắt đầu.

Đức Lão Tử nói về Lý Âm Dương: *Đạo sinh nhứt, nhứt sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*. Nghĩa là: Đạo sanh một, một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật.

Vạn vật giai phụ Âm bảo Dương, xung khí dĩ vi hòa. Nghĩa là: Muôn vật đều công một Âm và bồng một Dương, nhân chỗ xung nhau mà hòa nhau.

2. Bàn về chữ Đức:

Đức Lão Tử nói: *Đạo sinh chi, Đức xúc chi, vật hình chi, thế thành chi. Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quý Đức. Đạo chi tôn, Đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên. Cổ Đạo sinh chi, Đức xúc chi, trưởng chi, dục chi, đình chi, độc chi, dưỡng chi, phúc chi*.

Nghĩa là: Đạo sanh ra nó (vạn vật), Đức chứa đựng nó, rồi thì vật chất khiến nó thành hình, hoàn cảnh khiến nó thành vật. Vì thế, muôn vật đều phải tôn Đạo mà quý Đức. Đạo được tôn, Đức được quý, không có cái gì sai khiến mà vẫn tự nhiên như thế. Cho nên, Đạo sanh ra nó, Đức xúc tích nó, làm cho nó lớn, làm cho nó sống, làm cho nó hiện ra hình, làm cho thành ra chất, và nuôi nấng che chở nó.

Xem như thế thì Đạo sanh ra và Đức nuôi dưỡng.

Đạo như là khối gỗ chưa đẽo gọt, tức là giản dị. Không có gì giản dị hơn cái Đạo vô danh. Đức là cái gì giản dị sau Đạo, và người theo Đức thì phải sống cuộc đời càng giản dị càng hay. Người có cuộc sống hợp với Đức thì phải ở ngoài vòng phân biệt tốt xấu, thiện ác. Lão Tử nói: Nếu thiên hạ biết được đẹp là đẹp thì ấy là có xấu, biết thiện là thiện ấy là có bất thiện.

(Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.)

Vì vậy, Đức Lão Tử cho cái Nhân và Nghĩa của Nho gia là những đức tánh làm suy đồi Đạo và Đức. Do đó, Lão Tử nói: Mất Đạo mới có Đức, mất Đức mới có Nhân, mất Nhân mới có Nghĩa, mất Nghĩa mới có Lễ. Lễ là suy đồi của Trung Tín, bước đầu của rối loạn. (*Cổ thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhi hậu Lễ. Phù Lễ giả Trung Tín chi bạc, nhi loạn chi thủ*).

Người ta để mất cái Đức nguyên thủy là vì có quá nhiều ham muốn và hiểu biết. Thỏa mãn ham muốn tức là tìm hạnh phúc, nhưng khi cố tìm cách thỏa mãn quá nhiều ham muốn thì ta chỉ đạt kết quả trái lại. Lão Tử nhấn mạnh đến quả dục (ít muốn) nên nói: Chẳng có họa nào lớn hơn là không biết đủ, chẳng có lỗi nào lớn hơn là muốn được.

3. Chủ nghĩa Vô Vi:

Vô Vi là không làm, tức là để cho tự nhiên diễn tiến.

Đức Lão Tử thấy cái tự nhiên bao giờ cũng có lợi chớ không có hại. Đã thế thì cứ phó mặc cho tự nhiên làm việc. Nhúng tay vào guồng máy thiên nhiên thì không khỏi mang họa vào mình.

Bởi vậy, Lão Tử cho Vô Vi là chủ nghĩa rất hợp với lẽ tự nhiên, vừa là chủ nghĩa vạn năng. Lão Tử đem nó ứng dụng vào tất cả các việc trong đời, từ việc nhỏ như tu thân, xử sự hằng ngày, cho đến việc lớn như lo hạnh phúc cho xã hội.

Chữ Vô trong Vô Vi không có nghĩa tuyệt đối, nên chủ nghĩa Vô Vi cũng không phải là không hành động mảy may.

Lão Tử nói: "Đạo thường không làm", nghĩa là thuận với lẽ tự nhiên, nhưng không cái gì mà nó không làm. (*Đạo thường Vô Vi nhi vô bất vi*). Vì sao thế?

Trong Trời Đất, cái gì cũng có nguyên nhân. Có sống mới có chết, có làm mới có thất bại, có cạnh tranh mới có người tranh cạnh với mình. Muốn được bình yên vô sự thì đừng cạnh tranh, mình không tranh thì thiên hạ không ai cạnh tranh với mình. (*Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh*).

Vậy muốn khỏi thất bại và muốn tránh những di hại do nó mà ra, người ta phải trừ cái nguyên nhân của nó.

Nguyên nhân của sự thất bại là gì?

Đức Lão Tử cho nó là "Có làm" (Hữu vi). Lão Tử nói: Người có làm tất có thất bại, người muốn cầm giữ tất bị mất. Cho nên Thánh nhân không làm việc gì nên không bại, không giữ cái gì nên không mất. Người thường làm việc, thường khi gần thành thì thất bại. *(Vi giả bại chi, chấp giả thất chi. Thị dĩ Thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất. Dân chi tòng sự, thường ư cơ thành nhi bại chi).*

Chủ nghĩa Vô Vi làm thế nào mà trừ được những nguyên nhân sanh ra những điều có hại?

Người đời thường hay khinh suất, coi thường những việc nhỏ mọn dễ dàng, đến lúc những cái nhỏ mọn đã thành ra những nguyên nhân to lớn, những cái dễ dàng đã thành ra những nguyên nhân khó khăn mới làm, thì lúc bấy giờ không thể làm được nữa.

Chủ nghĩa Vô Vi cốt diệt những nguyên nhân tai hại từ khi nó chưa phát hiện. Lão Tử nói: Làm cách Vô Vi, thờ cái Vô Sự, mến cái Vô Vị. Lớn nhỏ nhiều ít đều lấy Đức báo lại thù oán. Lo việc khó từ khi còn dễ, làm việc lớn từ khi còn nhỏ. Việc khó trong thiên hạ tất phải làm từ khi còn dễ, việc lớn trong thiên hạ tất phải làm từ khi còn nhỏ. Vì vậy, Thánh nhân không bao giờ làm việc lớn nào mà có thể thành được việc lớn. Vâng nhận một cách khinh suất tất nhiên ít được đúng lời, coi là dễ bao nhiêu thì càng khó khăn bấy nhiêu. Vì vậy Thánh nhân thường lấy làm khó mà chung qui không có việc gì khó. *(Vi Vô Vi, Sự Vô Sự, Vị Vô Vị. Đại tiểu đa thiểu báo oán dĩ đức. Đồ nan ư kỳ dị, vi đại ư kỳ tế. Thiên hạ nan sự tất tác ư dị, thiên hạ đại sự tất tác ư tế. Thị dĩ Thánh nhân chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại. Phù khinh nặc tất quả tín, đa dị tất đa nan. Thị dĩ Thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan kỳ.)*

Bổn ý của Đức Lão Tử không phải ngồi khoanh tay mà nhìn. Ngài cũng muốn lo việc thiên hạ, nhưng lo hẩn bằng cách trừ những cái mầm hại trước khi nó xảy ra.

Vì vậy chủ nghĩa Vô Vi không phải là không làm, không trị, nhưng phải làm từ lúc chưa có việc gì xảy ra, trị lúc chưa loạn. (*Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn*).

4. Bàn về việc Chánh trị:

Đức Lão Tử cho rằng quốc gia lý tưởng là quốc gia được một Thánh nhân cai trị. Điều này đồng quan điểm với Nho gia, nhưng Nho gia lại nói rằng: Khi lên cầm quyền, Thánh nhân phải làm nhiều việc cho dân.

Còn Lão Tử thì nói trái lại: Bỏn phận của Thánh vương không phải làm việc mà phải không làm gì cả (Vô Vi) vì những việc rối loạn xảy ra trong đời này không phải vì nhiều việc chưa được làm, mà vì quá nhiều việc đã được làm.

Lão Tử nói rõ: Dân có nhiều ngày kỵ húy thì dân nghèo, dân có nhiều khí giới thì nước loạn. Nhiều người tài khéo thì vật giả mạo càng thêm, pháp lệnh càng tăng thì trộm cướp càng nhiều. Hành động đầu tiên của Thánh vương là bãi bỏ hết những điều ấy.

Lão Tử nói thêm: Dứt Thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm; dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại hiểu từ; dứt khéo bỏ lợi, trộm cướp chẳng còn. Không chuộng người hiền, khiến dân không tranh; không trọng vật quý hiếm khiến dân không trộm cướp; không thấy vật đáng ham khiến lòng dân không loạn. (*Tuyệt Thánh khí trí, dân lợi bách bội; tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiểu từ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu; bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc chi vật, sử dân bất vị đạo; bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn*)

Cho nên, lỗi trị dân của Thánh vương là làm cho lòng trống bụng no, yếu chí, mạnh xương, thường khiến dân không biết ham muốn, để những kẻ có biết cũng không dám làm. (*Thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục, sử tri giả bất cảm vi giả.*)

Thánh vương sẽ diệt mọi nguyên nhân rối loạn trong đời, sau đó sẽ trị vì bằng chủ nghĩa Vô Vi. Vô Vi là không làm gì nhưng mọi việc đều thành.

Đức Lão Tử nói: Ta không làm mà dân tự hay, ta thích yên

mà dân tự chánh, ta vô sự mà dân tự giàu, ta không muốn mà dân tự phác.

Không làm (Vô Vi) mà không có gì chẳng làm được. Đó là một tư tưởng đặc biệt của Lão Tử, nó có vẻ như mâu thuẫn, nghịch lý, nhưng theo các Đạo gia, vị cầm quyền quốc gia phải bắt chước theo Đạo. Nhà cầm quyền không làm gì, mà để cho mọi người dân làm điều gì mà mỗi người có thể làm.

Từ luận lý đó, Đức Lão Tử nói thêm: Thánh vương không làm cho dân sáng mà làm cho dân ngu.

Chữ ngu ở đây có nghĩa đặc biệt như: Đại trí nhược ngu. Cái ngu của bậc Thánh nhân là đại trí; cái ngu của dân ở đây là không tham vọng, sống giản dị tự nhiên.

Đạo Đức Văn đàn

道德文壇

A: Đạo Đức Poetical Club.

P: La tribune de Poésie Đạo Đức.

Văn đàn: nơi hội họp của các nhà văn, nhà thơ để bàn về việc văn chương thi phú. Văn đàn cũng có nghĩa là Thi đàn, nơi hội họp của các nhà thơ xướng họa với nhau.

Đạo Đức Văn đàn là một hội các nhà thơ trong Đạo Cao Đài ở Tòa Thánh Tây Ninh.

Đạo Đức Văn đàn do Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng (bút hiệu Chánh Đức) đứng ra thành lập vào năm 1950, hoạt động được hai năm thì ngưng, vì Ngài Cao Tiếp Đạo bận lo việc Đạo, và sau đó Ngài thường bệnh hoạn luôn.

Đến năm 1957, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu (bút hiệu Thuần Đức) về Tòa Thánh hành đạo, Ngài Bảo Pháp phục hồi sinh hoạt của Đạo Đức Văn đàn, đảm nhiệm trọng trách Trưởng Ban, để giáo hóa anh em. Phó Ban là Phối Sư Thái Đến Thanh, thế danh là Huỳnh Văn Đến (bút hiệu Thông Quang), nhưng Văn đàn hoạt động cũng không lâu, chỉ hơn một năm, vì Ngài Bảo Pháp tuổi già sức yếu, phải lui về tư gia ở Sài Gòn dưỡng bệnh.

Phần Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trong thì bệnh nặng và đăng Tiên ngày 23-5-Mậu Tuất (dl 9-7-1958).

Sau đó, Ngài Bảo Pháp đăng Tiên tại tư gia vào ngày 7-9-Tân Sửu (dl 16-10-1961).

Một thời gian sau, Đạo Đức Văn đàn nhóm Đại hội, bầu Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức (bút hiệu Thân Dân) làm Cố Vấn và Ngài Phối Sư Thái Đến Thanh làm Trưởng Ban Văn đàn, Ông Chơn Nhơn Phạm Mộc Bản (bút hiệu Phước Huệ) làm Phó Ban.

Văn đàn hoạt động khởi sắc được chừng đôi năm thì cũng phải dừng bước tiến thủ.

Mãi đến tháng 7 năm Kỷ Dậu (1969), Đạo Đức Văn đàn hoạt động trở lại với sự hướng dẫn của Cụ Thông Quang.

Thành phần tổ chức theo Nội Qui gồm: Ban Kiểm duyệt, Ban Ấn loát, Thủ bản, Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký.

Ngày mùng 3 Tết năm Canh Tuất (1970), Đạo Đức Văn đàn họp mặt đầu năm, có mời nhà thơ lão thành Võ Trung Nghĩa (bút hiệu Lâm Tuyền) và thi sĩ Hà Ngọc Dự đến dự.

Ông Võ Trung Nghĩa là người từng làm môi giới cho các thi nhân khác đến gần gũi với anh em thi nhân trong Đạo Đức Văn đàn. Trong dịp này, nhà thơ Hà Ngọc Dự (lúc đó đang làm Trưởng Ty Quan Thuế tỉnh Tây Ninh) đọc một bài thi mừng Đạo Đức Văn đàn, xin chép ra sau đây:

*Tao đàn hội hữu đã từ lâu,
Tôi đến đây là kẻ đến sau.
Cao thượng từng nghe vang một đạo,
Đài tiền chợt thấy sáng muôn màu.
Nhu hòa điệu nhạc tơ vờn trúc,
Réo rắc dòng thơ ngọc kết châu.
Nhấn nhủ những ai mong thoát tục,
Tìm Tiên đây vậy biết tìm đâu.*

Dứt lời, ông Hà Ngọc Dự tỏ ý tiếc phải xa cách anh em vì ông được lệnh dời đi Mỹ Tho.

Thi sĩ Huệ Phong thay mặt cho anh em trong Đạo Đức Văn đàn liền họa lại bài thơ của ông Hà Ngọc Dự:

Ngọn bút thần giao mộ bấy lâu,

*Duyên văn tao ngộ trước hòa sau.
 Thi hương ngào ngọt hoa phô gấm,
 Xuân tứ trau tria cảnh rỡ màu.
 Một áng văn chương lời nhả ngọc,
 Năm vắn tình cảm nét phun châu.
 Non sông nước Việt thanh bình lại,
 Muôn dặm đường xa chữa mấy đau.
 (Theo Tây Ninh Xưa và Nay của Huỳnh Minh, trang 290)*

Trước năm 1975, các thi nhân trong Đạo Đức Văn đàn đã xuất bản được nhiều tập thơ giá trị, đượm mùi đạo đức và triết lý của Đạo Cao Đài. Tuy Văn đàn này đã giải tán từ lâu, nhưng các thi nhân vẫn có một số còn đó, vẫn dệt ra những vần thơ đầy xúc cảm trước những biến đổi của cuộc đời.

Như bài thi sau đây:

CÚNG NGOÀI TRỜI BUỔI TRƯA

Thượng nguồn Tân Dậu cúng ngoài trời,
 Ngồi cội bồ đề thật thanh thời.
 Gió thổi bụi trần bay hết sạch,
 Nắng soi gương đạo sáng trong ngời.
 Trong Đèn vọng tưởng không nên một,
 Ngoài Điện thành tâm chứng gấp mười.
 Nếu biết Chí Tôn đâu cũng có,
 Thì đừng cố chấp chỗ cao ngời.

Hồng Ân (1981)

Đạo giả tựu vị

(Xem: Đạo tỳ)

Đạo giáo

道教

Đạo giáo có hai nghĩa tùy theo nghĩa của chữ Đạo:

1. Đạo là tôn giáo, giáo là dạy. *Đạo giáo là tôn giáo.*

Đôi liên của Bộ Pháp Chánh:

Pháp luật vô tư *đạo giáo* từ oai tàng lý,
Chánh tông bất dịch chơn truyền thiện ác tùy hình.

(Pháp luật của tôn giáo thì vô tư, nhưn từ, oai nghiêm, tùng theo lẽ phải.)

(Chơn truyền của một nền tôn giáo chơn chánh không thay đổi, lành dữ tùy theo hình phạt.)

2. Đạo là từ ngữ đặc biệt của Đức Lão Tử dùng để chỉ cái vô danh định vị Trời Đất, hóa sanh vạn vật.

Đạo giáo là tôn giáo dạy về chữ Đạo.

Đó là tôn giáo của Đức Lão Tử, nên còn được gọi là Lão giáo, hay Tiên giáo, và Đức Lão Tử làm Giáo chủ.

Đạo hạnh

道行

A: The virtue.

P: La vertu.

Đạo: tôn giáo. **Hạnh:** đức hạnh, tánh tốt.

Đạo hạnh là đức hạnh của người tu.

Đó là những tánh tốt đẹp, cử chỉ đoan chính, lời nói thanh nhã hiền lành, đúng theo tư cách của kẻ chơn tu.

Người đời chỉ cần nhìn nét mặt, cử chỉ, lời nói của người tu thì có thể đoán biết đạo hạnh của vị đó đạt đến mức độ nào.

Đạo hữu

道友

Từ ngữ Đạo hữu có hai nghĩa sau đây:

■ *Đạo hữu là phẩm khởi đầu trong 9 phẩm cấp của CTĐ.*

Người mới nhập môn vào Đạo Cao Đài được gọi là tín đồ, ở phẩm Đạo hữu. Theo Tân Luật, hàng tín đồ có hai bậc: Hạ thừa và Thượng thừa.

1. Một bậc còn ở thế, có vợ chồng làm ăn như người thường, song buộc phải giữ trai kỳ hoặc 6 hoặc 10 ngày trong tháng, phải giữ Ngũ Giới Cấm và phải tuân theo Thế luật của

Đại Đạo truyền bá. Bực này gọi là người giữ Đạo mà thôi, vào phẩm Hạ thừa.

2. Một bực đã giữ trường trai, giới sát và Tứ Đại Điều Qui, gọi là vào phẩm Thượng thừa.

Nếu vị Đạo hữu nào giữ trọn 10 ngày chay mỗi tháng, giữ tròn luật Đạo, thì theo Pháp Chánh Truyền, vị Đạo hữu ấy được đổi phẩm Địa Thần trong Cửu phẩm Thần Tiên và được thọ truyền bửu pháp.

Từ phẩm Đạo hữu mới được bầu lên làm Thông Sự hay Phó Trị Sự. Đây là 2 phẩm Chức Việc Bàn Trị Sự trong một Ấp đạo dưới quyền của một vị Chánh Trị Sự làm Đầu Hương đạo.

Có làm Đạo hữu rồi mới được phép xin qua làm công quả nơi CQPT (nếu muốn), và được vào phẩm Minh Đức trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT.

■ *Đạo hữu là bạn đạo, người bạn trong cửa đạo.*

Những người tu nhưng khác tôn giáo, ở độ tuổi gần bằng nhau, khi gặp nhau cũng gọi nhau là Đạo hữu, nếu lớn tuổi hơn thì gọi là Đạo huynh, Đạo tỷ và nhỏ tuổi hơn thì gọi là Đạo đệ hay Đạo muội.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, có một số trường hợp, các Đấng giáng cơ gọi các Chức sắc tiền bối là Đạo hữu.

TNHT: Phần nhiều các *Đạo hữu* dày công mà xây đắp nền Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Đạo không Đòi không sức, Đòi không Đạo không quyền

A: Without the Temporal, the Spiritual has no strength;
Without the Spiritual, the Temporal has no right.

P: Sans le Temporel, le Spirituel n'a aucune force;
Sans le Spirituel, le Temporel n'a aucun droit.

Trước khi giải thích hai câu trên, chúng ta đọc lại hai đoạn Chú Giải Pháp Chánh Truyền của Đức Phạm Hộ Pháp nơi

trang 4, 5 nói về quyền hành của Đức Giáo Tông:

"Hễ nói về phần **Xác** là nói phần **hữu hình**, mà nói về phần hữu hình của chúng sanh tức là nói về phần **Đời**.

Còn như nói về phần **Hồn** tức là phần **thiên liêng**, mà nói về phần thiên liêng ấy là phần **Đạo**.

Như Thầy để cho Giáo Tông trọn quyền về phần Xác và phần Hồn (nghĩa là Đạo với Đời) thì Hiệp Thiên Đài lập ra chẳng là vô ích lắm sao?

*Cửu Trùng Đài là **Đời**, Hiệp Thiên Đài là **Đạo**.*

Đạo không Đời không sức, Đời không Đạo không quyền. Sức quyền tương đắc mới mong tạo thời cải thế, ấy là phương hay cho các con liên hiệp cùng nhau, chăm nom săn sóc lẫn nhau, mà giữ vẹn Thánh giáo của Thầy cho khỏi trở nên Phàm giáo."

Chúng ta rút ra được định nghĩa hai chữ ĐẠO và ĐỜI:

- ĐẠO là cơ quan quản lý về phần linh hồn, tức là phần thiên liêng vô hình. Đó là nhiệm vụ thiên liêng của HTĐ, dưới quyền chưởng quản của Đức Hộ Pháp. Còn nhiệm vụ phàm trần của HTĐ là quản lý về pháp luật của Đạo.

- ĐỜI là cơ quan quản lý phần thể xác tức là phần hữu hình, phần đời sống vật chất của chúng sanh. Đó là CTĐ. Ngoài ra CTĐ còn có nhiệm vụ giáo hóa và phổ độ chúng sanh, thi hành luật pháp Đạo tức là cơ quan hành chánh của Đạo.

Đạo không Đời không sức: nghĩa là HTĐ mà không có CTĐ thì lấy ai thi hành luật pháp cho Đạo được mạnh mẽ.

Đời không Đạo không quyền: nghĩa là CTĐ mà không có HTĐ bảo thủ luật pháp Chơn truyền thì CTĐ không có quyền hành, ắt Đạo phải loạn hàng thất thứ. Quyền hành của CTĐ là do nơi Luật pháp lập nên, mà không có HTĐ gìn giữ luật pháp, tất nhiên mạnh ai nấy làm, không có trật tự chi cả thì làm sao CTĐ có được quyền hành!

- Luận trong phạm vi nhỏ hẹp của con người, Đạo là chơn thần và Đời là thể xác thì: *Đạo không Đời không sức* là chơn thần mà không có thể xác thì làm sao có sức mạnh để làm công quả phụng sự nhơn sanh; *Đời không Đạo không quyền* là

thể xác mà không có chơn thần điều khiển thì chỉ là người điên khùng, đâu có giá trị gì.

■ Nếu suy rộng ra, Đạo là tôn giáo như Đạo Cao Đài, Đờì là nhơn quần xã hội thì:

Đạo không Đờì không sức: Đạo mở ra là vì Đờì, để giúp nhơn sanh giải khổ. Nếu dân chúng nghe theo Đạo giác ngộ tu hành thì tạo thành một khối đức tin mạnh mẽ, có quyền lực lớn để cứu độ nhơn sanh. Nếu Đạo mở ra mà Đờì không hoan nghinh, không theo Đạo, tức nhiên Đạo ấy không chơn chánh thì Đạo không thể nào cứu độ được nhơn sanh.

Đờì không Đạo không quyền: Đạo mở ra là để giáo hóa nhơn sanh sống đờì lương thiện, làm ăn chơn chánh, tức nhiên Đạo dạy dân tuân theo luật pháp của Đờì để có được đờì sống hòa bình, hạnh phúc. Đó là Đạo lập quyền cho Đờì.

Đờì phải nương Đạo thì mới thịnh trị thái bình; còn Đạo phải nương Đờì mới trọn câu phổ độ. Đờì không nương Đạo thì Đờì loạn, đạo đức suy đồi, luân thường điên đảo.

"Đờì cũng thế, Đạo cũng thế, chẳng Đạo chẳng nên Đờì, Đờì Đạo chẳng trọn, lấy Đạo trau Đờì, mượn Đờì giới Đạo, Đạo nên Đờì rạng." (TNHT)

Đạo Đờì tương đắc mới mong tạo thời cải thế, đưa nhơn loại đến cảnh Đại đồng.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đạo kỳ

道旗

A: The religious flag.

P: Le drapeau religieux.

Đạo: tôn giáo. **Kỳ:** lá cờ.

Đạo kỳ là lá cờ Đạo tượng trưng nền tôn giáo đó.

Mỗi tôn giáo đều có Đạo kỳ. Đạo Cao Đài có Đạo kỳ gồm 3 màu vàng, xanh, đỏ, nên còn gọi là Cờ Tam Thanh.

Lá cờ Đạo treo trước Tòa Thánh hay các Thánh Thất, lá cờ treo theo bề đứng, phần trên hết là màu vàng, phần giữa màu xanh và phần dưới màu đỏ. Trên phần màu vàng có thêu 6 chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng chữ Nho màu đen, trên phần màu xanh có thêu Thiên Nhân và Cổ pháp Tam Giáo (Xuân Thu, Phất chủ, Bát vu).

Ý nghĩa của lá cờ Đạo Cao Đài được Thượng Thống Lễ Viện Phối Sư Thượng Sáng Thanh giải thích bằng một văn thơ, chép ra sau đây: (*1)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(*Nhị Thập Tứ Niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

**GIẢI THÍCH VỀ LÁ CỜ ĐẠO
CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI**

Đạo CAO ĐÀI là một nền Chánh Tông chơn giáo Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ khai sáng nơi nước VIỆT NAM, qui cả ba Đại TÔN GIÁO lớn nhất Á ĐÔNG, PHẬT GIÁO, TIỀN GIÁO, KHỔNG GIÁO; và dung hợp cả tinh thần cao siêu Thần Giáo của nhơn loại để làm tiêu chuẩn cho tâm lý nhơn sanh. *Truyền nhơn nghĩa làm phương cứu cánh, dụng trung hòa định phép hóa dân.* Bởi thế lá Cờ Đạo có ba sắc phái và ba thể Cổ Pháp; tượng thể Tam Thanh xuất thế.

Thái Thanh, sắc vàng (Phái Phật) Cổ Pháp BÌNH BÁT DU.

Thượng Thanh, sắc xanh (Phái Tiên) Cổ Pháp PHẤT CHỦ.

Ngọc Thanh, sắc đỏ (Phái Thánh) Cổ Pháp BỘ XUÂN THU.

PHẤT GIÁO: Dùng Bình Bát Du trì bình khát thực, dụng của bố thí để tạo duyên lành, chường thiện nghiệp cho nhơn sanh trong thời kỳ lập GIÁO, truyền bá tinh thần bác ái, độ tha.

TIỀN GIÁO: Dùng Phất Chủ tức là chổi tiên, Thánh Giáo có câu: Dùng chổi tiên quét sạch bụi trần, Định huệ tánh lập thành chơn pháp; khứ phạm tánh đem về Thiên tánh hợp với yếu pháp Tiên Môn.

NHO GIÁO: Bảo trọng Xuân Thu để làm cương kỷ cho các vị Đế Vương trị đạo, định rõ chánh tà; biệt phân thiện ác, lập phép tu thân xử thế cho các phẩm nhơn sanh, ấy là phép Nho Gia trị Thế.

Ba CỒ PHÁP là hình ảnh của Thể Pháp và Bí Pháp của Đạo CAO ĐÀI tạo thành một Chánh Giáo độ tận Vạn Linh trên đường nhập thế và xuất thế, trong buổi Tam Giáo qui tông Hạ Ngươn tái tạo.

THIÊN NHÃN ngụ ư trung tức là Thiên khai hoàng Đạo.

Làm tại Tòa Thánh, ngày 09 tháng 11 năm Mậu Tý
(Le 09 Décembre 1948)

Kính Ngài Bảo Thế
Có một đôi chỗ hỏi về lá cờ Đạo, phần
nhiều chưa rõ cái chơn lý của nó.
Nhờ Ngài xem giùm lời giải thích trên
đây, có điều sơ sót, xin dạy thêm được
cho trong Đạo hiểu rõ.

Ngày 13-11-Mậu Tý
Thượng Thống Lễ Viện

Phối Sư

Ấn ký

Thượng Sáng Thanh

Giải trúng rồi đó
Hộ Pháp
(Ấn ký)

Giao hồi cho Ngài Thượng Thống Lễ
Viện nội chánh để hồ sơ.

16-11-Mậu Tý,
Bảo Thế Ấn ký

(*1) **Ghi chú:** Chúng tôi xin hiệu đính lại phần GIẢI THÍCH VỀ LÁ CỜ ĐẠO
theo tài liệu cập nhật mới nhất.
CDEB kính cáo

Đạo lịch

道曆

A: Calendar of Caodaism.

P: Calendrier du Caodaïsme.

Đạo: Tôn giáo, ý nói Đạo Cao Đài. **Lịch:** Phép tính năm tháng và ngày giờ.

Đạo lịch là niên lịch của Đạo Cao Đài tức là niên lịch của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Muốn tính Đạo lịch, chúng ta phải xác định kỷ nguyên của Đạo lịch là năm nào hay là ngày nào.

Kỷ nguyên là năm hay ngày khởi đầu tính Đạo lịch.

Phật lịch (Lịch của Phật giáo) lấy kỷ nguyên là năm Đức Phật Thích Ca tịch diệt. Công lịch (Lịch của Thiên Chúa giáo, cũng là Dương lịch) lấy kỷ nguyên là năm Giáng sanh của Đức Chúa Jêsus. Còn đối với Đạo Cao Đài, tức ĐĐTKPĐ, kỷ nguyên của Đạo lịch là năm nào hay ngày nào?

Kỷ nguyên của Đạo lịch: - hoặc là lấy ngày 15-10-Bính Dần là ngày Đại Lễ Khai Đạo; - hoặc lấy năm Bính Dần là năm Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài.

Chúng ta đã thấy, mỗi năm vào ngày 15 tháng 10 âm, trong Sớ văn thượng tấu, Đạo lịch tăng thêm 1 năm. Điều này có nghĩa là Hội Thánh đang dùng ngày 15-10-Bính Dần làm kỷ nguyên Đại Đạo. Chúng ta có Bảng Đạo lịch sau đây:

| Đạo lịch | ÂM LỊCH | DƯƠNG LỊCH |
|-----------|--------------------------------------|---------------------------------|
| Năm Đạo 1 | từ 15-10-B. Dần đến 14-10-Đ. Mão | từ 19-11-1926 đến 08-11-1927 |
| Năm Đạo 2 | từ 15-10-Đ. Mão đến 14-10-M. Thìn | từ 09-11-1927 đến 25-11-1928 |
| Năm Đạo 3 | từ 15-10-M. Thìn đến 14-10-Kỷ Ty | từ 26-11-1928 đến 14-11-1929 |
| Năm Đạo 4 | từ 15-10-Kỷ Ty đến 14-10-C. Ngọ | từ 15-11-1929 đến 03-12-1930 |
| Năm Đạo 5 | từ 15-10-C. Ngọ đến 14-10-T. Mùi | từ 04-12-1930 đến 23-11-1931 |
| Năm Đạo 6 | từ 15-10-T. Mùi đến 14-10-N. Thân | từ 24-11-1931 đến 11-11-1932 |
| Năm Đạo 7 | từ 15-10-N. Thân đến 14-10-Q. Dậu | từ 12-11-1932 đến 01-12-1933 |
| Năm Đạo 8 | từ 15-10-Q. Dậu đến 14-10-G. Tuất | từ 02-12-1933 đến 20-11-1934 |
| Năm Đạo 9 | từ 15-10-G. Tuất | từ 21-11-1934 |

| | | |
|------------|-------------------|----------------|
| | đến 14-10-Ất Hợi | đến 09-11-1935 |
| Năm Đạo 10 | từ 15-10-Ất Hợi | từ 10-11-1935 |
| | đến 14-10-Bính Tý | đến 27-11-1936 |
| Năm Đạo 11 | từ 15-10-Bính Tý | từ 28-11-1936 |
| | đến 14-10-Đ. Sửu | đến 16-11-1937 |
| Năm Đạo 12 | từ 15-10-Đ. Sửu | từ 17-11-1937 |
| | đến 14-10-M. Dần | đến 05-12-1938 |
| Năm Đạo 13 | từ 15-10-M. Dần | từ 06-12-1938 |
| | đến 14-10-Kỷ Mão | đến 24-11-1939 |
| Năm Đạo 14 | từ 15-10-Kỷ Mão | từ 25-11-1939 |
| | đến 14-10-C. Thìn | đến 13-11-1940 |
| Năm Đạo 15 | từ 15-10-C. Thìn | từ 14-11-1940 |
| | đến 14-10-Tân Ty | đến 02-12-1941 |
| Năm Đạo 16 | từ 15-10-Tân Ty | từ 03-12-1941 |
| | đến 14-10-N. Ngọ | đến 21-11-1942 |
| Năm Đạo 17 | từ 15-10-N. Ngọ | từ 22-11-1942 |
| | đến 14-10-Q. Mùi | đến 11-11-1943 |
| Năm Đạo 18 | từ 15-10-Q. Mùi | từ 12-11-1943 |
| | đến 14-10-G. Thân | đến 29-11-1944 |
| Năm Đạo 19 | từ 15-10-G. Thân | từ 30-11-1944 |
| | đến 14-10-Ất Dậu | đến 18-11-1945 |
| Năm Đạo 20 | từ 15-10-Ất Dậu | từ 19-11-1945 |
| | đến 14-10-B. Tuất | đến 07-11-1946 |
| Năm Đạo 21 | từ 15-10-B. Tuất | từ 08-11-1946 |
| | đến 14-10-Đ. Hợi | đến 26-11-1947 |
| Năm Đạo 22 | từ 15-10-Đ. Hợi | từ 27-11-1947 |
| | đến 14-10-Mậu Tý | đến 14-11-1948 |
| Năm Đạo 23 | từ 15-10-Mậu Tý | từ 15-11-1948 |
| | đến 14-10-Kỷ Sửu | đến 03-12-1949 |
| Năm Đạo 24 | từ 15-10-Kỷ Sửu | từ 04-12-1949 |
| | đến 14-10-C. Dần | đến 23-11-1950 |
| Năm Đạo 25 | từ 15-10-C. Dần | từ 24-11-1950 |
| | đến 14-10-T. Mão | đến 12-11-1951 |
| Năm Đạo 26 | từ 15-10-T. Mão | từ 13-11-1951 |
| | đến 14-10-N. Thìn | đến 30-11-1952 |
| Năm Đạo 27 | từ 15-10-N. Thìn | từ 01-12-1952 |
| | đến 14-10-Quý Ty | đến 20-11-1953 |
| Năm Đạo 28 | từ 15-10-Quý Ty | từ 21-11-1953 |
| | đến 14-10-G. Ngọ | đến 09-11-1954 |
| Năm Đạo 29 | từ 15-10-G. Ngọ | từ 10-11-1954 |
| | đến 14-10-Ất Mùi | đến 27-11-1955 |
| Năm Đạo 30 | từ 15-10-Ất Mùi | từ 28-11-1955 |

| | | |
|------------|---------------------------------------|---------------------------------|
| | đến 14-10-B. Thân | đến 16-11-1956 |
| Năm Đạo 31 | từ 15-10-B. Thân | từ 17-11-1956 |
| | | |
| Năm Đạo 65 | từ 15-10-C. Ngọ đến 14-10-Tân Mùi | từ 31-12-1990 đến 19-11-1991 |
| Năm Đạo 66 | từ 15-10-Tân Mùi đến 14-10-N. Thân | từ 20-11-1991 đến 08-11-1992 |
| Năm Đạo 67 | từ 15-10-N. Thân đến 14-10-Quý Dậu | từ 09-11-1992 đến 27-11-1993 |
| Năm Đạo 68 | từ 15-10-Quý Dậu đến 14-10-G. Tuất | từ 28-11-1993 đến 16-11-1994 |
| Năm Đạo 69 | từ 15-10-G. Tuất đến 14-10-Ất Hợi | từ 17-11-1994 đến 05-12-1995 |
| Năm Đạo 70 | từ 15-10-Ất Hợi đến 14-10-Bính Tý | từ 06-12-1995 đến 24-11-1996 |
| Năm Đạo 71 | từ 15-10-Bính Tý đến 14-10-Đ. Sửu | từ 25-11-1996 đến 13-11-1997 |
| Năm Đạo 72 | từ 15-10-Đ. Sửu đến 14-10-Mậu Dần | từ 14-11-1997 đến 02-12-1998 |
| Năm Đạo 73 | từ 15-10-Mậu Dần đến 14-10-Kỷ Mão | từ 03-12-1998 đến 21-11-1999 |
| Năm Đạo 74 | từ 15-10-Kỷ Mão đến 14-10-C. Thìn | từ 22-11-1999 đến 09-11-2000 |
| Năm Đạo 75 | từ 15-10-C. Thìn đến 14-10-Tân Ty | từ 10-11-2000 đến 28-11-2001 |
| Năm Đạo 76 | từ 15-10-Tân Ty đến 14-10-N. Ngọ | từ 29-11-2001 đến |

Nhận xét: Qua Bảng kê Đạo lịch trên, chúng ta nhận thấy mỗi năm có 2 Đạo lịch: đầu năm Đạo lịch khác và cuối năm Đạo lịch khác, mà ranh giới phân chia là ngày 15 tháng 10.

Do đó, cách tính Đạo lịch này có phần rắc rối phức tạp.

Chúng tôi xin phép đề nghị lấy năm Bính Dần (năm Khai Đạo) làm kỷ nguyên Đạo lịch để cách tính đơn giản và mỗi năm chỉ có một Đạo lịch mà thôi. (Xem: **Kỷ nguyên, văn K**)

Việc làm này giống như: Đức Phật Thích Ca tịch diệt ngày 15 tháng 2 nhưng vẫn lấy năm tịch diệt này làm kỷ nguyên Phật lịch; Đức Chúa Jésus giáng sanh ngày 25 tháng 12, nhưng vẫn lấy năm giáng sinh làm kỷ nguyên Công lịch.

Khi lấy kỷ nguyên Đạo lịch là năm Bính Dần thì:

- Năm Bính Dần, 1926, Đạo lịch 1 (Đệ nhất niên).
- Năm Đinh Mão, 1927, Đạo lịch 2 (Đệ nhị niên).
- Năm Mậu Thìn, 1928, Đạo lịch 3 (Đệ tam niên).

Nếu chọn như thế thì mừng 1 Tết mỗi năm mới tăng Đạo lịch lên 1 năm. Ta có Bảng kê sau đây:

| ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch | ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch |
|-----------|---------|--------|-----------|---------|--------|
| Bính Dần | 1926 | 1 | Bính Tý | 1936 | 11 |
| Đinh Mão | 1927 | 2 | Đinh Sửu | 1937 | 12 |
| Mậu Thìn | 1928 | 3 | Mậu Dần | 1938 | 13 |
| Kỷ Ty | 1929 | 4 | Kỷ Mão | 1939 | 14 |
| Canh Ngọ | 1930 | 5 | Canh Thìn | 1940 | 15 |
| Tân Mùi | 1931 | 6 | Tân Ty | 1941 | 16 |
| Nhâm Thân | 1932 | 7 | Nhâm Ngọ | 1942 | 17 |
| Quý Dậu | 1933 | 8 | Quý Mùi | 1943 | 18 |
| Giáp Tuất | 1934 | 9 | Giáp Thân | 1944 | 19 |
| Ất Hợi | 1935 | 10 | Ất Dậu | 1945 | 20 |

| ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch | ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch |
|-----------|---------|--------|-----------|---------|--------|
| Bính Tuất | 1946 | 21 | Bính Thân | 1956 | 31 |
| Đinh Hợi | 1947 | 22 | Đinh Dậu | 1957 | 32 |
| Mậu Tý | 1948 | 23 | Mậu Tuất | 1958 | 33 |
| Kỷ Sửu | 1949 | 24 | Kỷ Hợi | 1959 | 34 |
| Canh Dần | 1950 | 25 | Canh Tý | 1960 | 35 |
| Tân Mão | 1951 | 26 | Tân Sửu | 1961 | 36 |
| Nhâm Thìn | 1952 | 27 | Nhâm Dần | 1962 | 37 |
| Quý Ty | 1953 | 28 | Quý Mão | 1963 | 38 |
| Giáp Ngọ | 1954 | 29 | Giáp Thìn | 1964 | 39 |
| Ất Mùi | 1955 | 30 | Ất Ty | 1965 | 40 |

| ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch | ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch |
|-----------|---------|--------|-----------|---------|--------|
| Bính Ngọ | 1966 | 41 | Bính Thìn | 1976 | 51 |
| Đinh Mùi | 1967 | 42 | Đinh Ty | 1977 | 52 |
| Mậu Thân | 1968 | 43 | Mậu Ngọ | 1978 | 53 |
| Kỷ Dậu | 1969 | 44 | Kỷ Mùi | 1979 | 54 |
| Canh Tuất | 1970 | 45 | Canh Thân | 1980 | 55 |

| | | | | | |
|----------|------|----|-----------|------|----|
| Tân Hợi | 1971 | 46 | Tân Dậu | 1981 | 56 |
| Nhâm Tý | 1972 | 47 | Nhâm Tuất | 1982 | 57 |
| Quý Sửu | 1973 | 48 | Quý Hợi | 1983 | 58 |
| Giáp Dần | 1974 | 49 | Giáp Tý | 1984 | 59 |
| Ất Mão | 1975 | 50 | Ất Sửu | 1985 | 60 |

| ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch | ÂM LỊCH | Dg lịch | Đ.lịch |
|-----------|---------|--------|-----------|---------|--------|
| Bính Dần | 1986 | 61 | Bính Tý | 1996 | 71 |
| Đinh Mão | 1987 | 62 | Đinh Sửu | 1997 | 72 |
| Mậu Thìn | 1988 | 63 | Mậu Dần | 1998 | 73 |
| Kỷ Tỵ | 1989 | 64 | Kỷ Mão | 1999 | 74 |
| Canh Ngọ | 1990 | 65 | Canh Thìn | 2000 | 75 |
| Tân Mùi | 1991 | 66 | Tân Tỵ | 2001 | 76 |
| Nhâm Thân | 1992 | 67 | Nhâm Ngọ | 2002 | 77 |
| Quý Dậu | 1993 | 68 | Quý Mùi | 2003 | 78 |
| Giáp Tuất | 1994 | 69 | Giáp Thân | 2004 | 79 |
| Ất Hợi | 1995 | 70 | Ất Dậu | 2005 | 80 |

Cách tìm Năm Đạo tương ứng với năm Dương lịch:

Công thức: **Năm Dương lịch - 1925 = Năm Đạo**

Thí dụ: Năm 2000 tương ứng với Năm Đạo thứ mấy?

Đáp: 2000 - 1925 = 75. Năm Đạo thứ 75.

Đạo Luật Mậu Dần

道律戊寅

A: The religious laws Mậu Dần.

P: Les lois religieuses Mậu Dần.

Đạo: Tôn giáo. **Luật:** Pháp luật. **Mậu Dần:** Năm âm lịch Mậu Dần, tương ứng năm dương lịch 1938.

Đạo luật là luật pháp của Đạo Cao Đài nằm dưới PCT và Tân Luật, giúp cho sự điều hành nền Đạo được đúng pháp lý và thích hợp trong một giai đoạn mới.

Đầu năm Mậu Dần (1938), Đức Phạm Hộ Pháp Chương quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng, ra lệnh cho Chức sắc HTĐ dự thảo một Bộ Đạo luật, xong chuyển qua cho các Chức sắc CTĐ và CQPT thảo luận và bàn cãi, sửa đổi.

Khi cả hai Cơ quan CTĐ và Phước Thiện thống nhất đồng ý thì dâng lên cho Đức Phạm Hộ Pháp phê chuẩn và ban hành vào ngày rằm tháng Giêng năm Mậu Dần (1938).

Do đó, Đạo luật trên được gọi là Đạo luật Mậu Dần.

Đạo luật Mậu Dần qui định nền Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài có 4 cơ quan:

1. Hành Chánh
2. Phổ Tế
3. Tòa Đạo
4. Phước Thiện

- Hành Chánh và Phổ Tế thuộc CTĐ.
- Tòa Đạo và Phước Thiện thuộc HTĐ.

Do đó, Đạo luật Mậu Dần có 4 chương, mỗi chương qui định luật lệ cho một cơ quan:

- Chương thứ nhất: Hành Chánh
- Chương thứ nhì: Phước Thiện.
- Chương thứ ba: Phổ Tế.
- Chương thứ tư: Tòa Đạo (Pháp Chánh).

PCT: Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài. **CTĐ:** Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Đạo lý

道理

A: The axiom, doctrine.

P: L'axiome, la doctrine.

Từ ngữ Đạo lý có 2 nghĩa tùy trường hợp:

1. **Đạo:** Đường lối và nguyên tắc mà con người phải gìn giữ và tuân theo trong cuộc sống chung đặng nhiều người cho được trật tự, yên ổn, hạnh phúc. **Lý:** lẽ phải, lý lẽ.

Đạo lý là cái lẽ phải đương nhiên mà ai cũng phải công nhận, vì nó phù hợp với lương tâm và đạo đức. Đạo lý đồng nghĩa: Công lý.

Đạo lý công bình trong phép xử thế là: "*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*" nghĩa là: mình không muốn điều đó làm cho mình thì mình đừng làm điều đó cho người khác.

TNHT: Mang nặng xác phàm, miếng đĩnh chung, mồi danh lợi, giành giật phân chia, mà chẳng kể *đạo lý*, luân thường, khiến cho mỗi đạo quý báu ngàn năm, đã thành nấc thang để dắt người xuống hang sâu vực thẳm.

2. Đạo: tôn giáo. **Lý:** lẽ phải, lý lẽ.

Đạo lý là giáo lý của một nền tôn giáo, do vị Giáo chủ thiết lập cho tôn giáo ấy, gồm hai phần: Giáo lý Công truyền và Giáo lý Tâm truyền.

TNHT: Con tự hy sinh để đem lại cho dân tộc ấy một nền Đạo lý chơn chánh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đạo Nghị Định

道議定

A: The religious decree.

P: Le decret religieux.

Đạo: tôn giáo. **Nghị:** thảo luận. **Định:** quyết chắc.

Nghị Định là bàn luận và quyết định một vấn đề quan trọng để đem ra thi hành.

Đạo Nghị Định là những Nghị Định của Đạo Cao Đài do Đức Lý Giáo Tông hợp cùng Đức Phạm Hộ Pháp bàn luận và quyết định đồng lập ra để toàn Đạo thi hành.

Khi Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp lại đồng ý lập ra một điều gì thì đó là quyền của Đức Chí Tôn quyết định, nó trở thành Thiên điều, có giá trị trong thất ức niên tức là có giá trị trong suốt thời gian tồn tại của Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài có tất cả 9 Đạo Nghị Định quan trọng, lập ra vào 3 thời kỳ, kể ra:

1) Năm Canh Ngọ (1930), ngày 3 tháng 10 ãl, Đức Lý Giáo Tông hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên lập 6 Đạo

Nghị Định từ Thứ nhất đến Thứ sáu, để chấn chỉnh việc tổ chức và phân quyền trong nền Đạo.

2) Năm Giáp Tuất (1934), ngày 16-7 âm, Đức Lý Giáo Tông lại hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập thêm 2 Đạo Nghị Định: Thứ bảy và Thứ tám, để trị loạn và phòng ngừa việc tiếp tục phân chia Chi phái sau này.

3) Năm Mậu Dần (1938), ngày 19-10 âm, Đức Lý Giáo Tông lại hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập Đạo Nghị Định số 48/PT chánh thức thành lập CQPT với Thập nhị đẳng cấp Thiên Lương.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Đạo ngô ác giả thị ngô sư

道吾惡者是吾師

Đạo: nói. **Ngô:** ta. **Ác:** xấu. **Giả:** tiếng trợ từ. **Thị:** ấy là. **Sư:** thầy. **Ngô sư:** thầy của ta.

Thường nói: *Đạo ngô ác giả thị ngô sư, Đạo ngô hảo giả thị ngô tặc.* Nghĩa là: Nói xấu ta ấy là thầy ta, nói tốt ta ấy là kẻ hại ta.

Đạo Nhơn

道人

Đạo: tôn giáo. **Nhơn:** người.

■ *Đạo Nhơn là một phẩm Chức sắc trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT.*

Đạo Nhơn đứng trên phẩm Chí Thiện, dưới phẩm Chơn Nhơn, đối phẩm Giáo Sư CTĐ.

Đạo phục của Đạo Nhơn: Khi đi châu lễ Đức Chí Tôn, Đạo Nhơn mặc áo tràng trắng, mang dây Sắc lệnh xanh có đeo khêu bài đề chữ Đạo Nhơn bằng quốc tự, đầu đội khăn đóng trắng 7 lớp chữ nhơn.

■ *Đạo Nhơn còn là phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.*

Thí dụ: Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Phước linh khai mở nẻo đường Lôi Âm. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn là một vị Phật có nhiệm vụ tiếp rước các chơn hồn đắc đạo đi vào CLTG.

Từ Hàng Đạo Nhơn là Từ Hàng Bồ Tát, vị Phật chưởng quản tầng Trời thứ 8 Phi Tướng Thiên trong Cửu Trùng Thiên.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Đạo nhơn luân

道人倫

A: The moral laws.

P: Les lois morales.

Đạo: đường lối, nguyên tắc mà con người có bổn phận gìn giữ và tuân theo trong cuộc sống chung đựng trong gia đình và xã hội. **Nhơn:** người. **Luân:** phép tắc đạo đức.

Đạo nhơn luân là đường lối cư xử theo lẽ phải trong cuộc sống đối với gia đình và xã hội.

Trong Đạo nhơn luân có Ngũ luân, là 5 cách đối xử với 5 hạng người: Quân Thần (vua và bề tôi), Phụ tử (cha và con), Phu phụ (chồng vợ), Huynh đệ (anh em), Bằng hữu (bạn bè).

KĐRĐ: *Đạo nhơn luân cư xử cùng đời.*

KĐRĐ: Kinh Đi Ra Đường.

Đạo pháp bao la - Đạo pháp trường lưu

道法包羅 - 道法長流

Hai từ ngữ: Đạo và Pháp có nhiều nghĩa, nhưng ở đây, chúng ta dùng hai nghĩa này:

■ **Đạo:** tôn giáo. **Pháp:** pháp luật.

Đạo pháp là pháp luật của một tôn giáo.

Trong Tân Luật của Đạo Cao Đài có phân làm 3 phần:

- Phần đầu là Đạo pháp: Pháp luật tổ chức nền Đạo.
- Phần hai là Thế luật: Pháp luật về mặt đời.
- Phần ba là Tịnh Thất: Nhà để luyện đạo.

■ **Đạo:** tôn giáo. **Pháp:** giáo lý.

Đạo pháp là giáo lý của một nền tôn giáo.

- Kinh Phật giáo có câu: **Đạo pháp trường lưu:**

Trường là lâu dài, lưu là nước chảy. Đạo pháp trường lưu là Giáo lý của Phật như dòng nước chảy hoài không dứt.

- Kinh Tiên giáo có câu: **Đạo pháp bao la:**

Bao là trùm cả, la là tấm lưới. Đạo pháp bao la là Giáo lý của Tiên rộng lớn mênh mông như tấm lưới bao trùm tất cả.

Đạo phục

道服

A: The religious dress.

P: La tenue religieuse.

Đạo: tôn giáo. **Phục:** y phục, quần áo.

Đạo phục là áo mũ và giày của các phẩm Chức sắc.

Đạo phục của các phẩm Chức sắc CTĐ và HTĐ được qui định rõ ràng trong Pháp Chánh Truyền.

Đạo phục của các Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân được qui định trong Hiến pháp HTĐ.

Đạo phục của các Chức sắc PT được qui định trong Đạo Nghị Định số 48 thành lập CQPT.

Các Chức sắc từ phẩm Giáo Sư hay tương đương đồ lên, Đạo phục thường có hai bộ: Đại phục và Tiểu phục. Đại phục dùng để châu lễ Đức Chí Tôn trong những ngày Đại lễ, cúng Đại đàn. Tiểu phục mặc khi Tiểu lễ và Tiểu đàn.

Các Chức sắc từ phẩm Giáo Hữu hay tương đương trở xuống chỉ có một bộ Đạo phục mà thôi.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài. CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Đạo sĩ

道士

A: Taoist priest.

P: Prêtre Taoiste.

Đạo: đạo của Đức Lão tử: đạo Tiên. **Sĩ:** người có học.

Đạo sĩ là người tu theo Tiên giáo (Đạo Tiên).

Theo nghĩa rộng, Đạo sĩ là người xuất gia tu hành.

TNHT: Nhưng cái khó mình lướt qua được mới có công, mới anh hùng, mới chí sĩ, mới đáng *Đạo sĩ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đạo sở

道所

Đạo: tôn giáo, Đạo Cao Đài. **Sở:** nơi làm việc.

Đạo sở là người đạo mới hiến thân vào làm công quả nơi các Sở Lương điền, Công nghệ hay Thương mại của CQPT.

Sau một thời gian làm công quả, giữ đúng nội qui và các điều luật Phước Thiện, Đạo sở được đưa vào phẩm Minh Đức, là phẩm khởi đầu của Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Đạo sử - Ban Đạo sử

道史 - 班道史

A: The history of a religion - Committee of religious history.

P: L'histoire d'une religion - Comité de l'histoire religieux.

Đạo: tôn giáo. **Sử:** lịch sử. **Ban:** một tổ chức gồm nhiều người có phận sự được qui định rõ rệt.

Đạo sử là lịch sử của một nền tôn giáo.

Ban Đạo sử là một tổ chức chuyên môn có nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu lịch sử của Đạo Cao Đài từ lúc sơ khai để viết thành quyển sách: Lịch Sử Đạo Cao Đài.

Ban Đạo Sử được Hội Thánh thành lập theo Vi bằng số 02/VB ngày 26-10-Mậu Thân (dl 15-12-1968) do phiên họp của Hội Thánh Lương Đài: Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện, dưới sự chủ tọa của Đức Thượng Sanh.

Sau đó, Đức Thượng Sanh bổ nhiệm Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức làm Trưởng Ban Đạo Sử.

Trong buổi lễ ra mắt Ban Đạo Sử, Ngài Hiến Pháp đọc diễn văn khai mạc, có nói:

"Đạo Sử của chúng ta có ảnh hưởng nhiều đến giá trị cao siêu và danh dự của nền Đại Đạo, nên tôi trân trọng thỉnh cầu Hội Thánh tán đồng hai chữ 'Vô tư' để cho cơ quan Đạo Sử hoàn thành sứ mạng. Và đời đời hậu tấn, kể từ nay cho đến thất ức niên, cứ theo lẽ lối ấy tiến hành. Có được như thế, người đời trông vào việc làm của chúng ta, mới có phần nể trọng."

Cũng trong buổi lễ trên, Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang, Quyền Chương quản HTĐ, ban Huấn Từ, nói lên ý kiến của Ngài về Ban Đạo Sử:

"Ban Đạo Sử phải có những ngòi bút vô tư, thanh khiết, để dẹt lại những dòng lịch sử đầy dẫy cảm, đầy hy sinh của bao nhiêu chí sĩ trong nền Đạo hầu lưu lại những nét đan thanh cho ngàn đời sau giữ làm của quý..."

Cho hay, dù là viết Đạo Sử hay Quốc Sử, sự cần yếu nhất là tôn trọng sự thật. Người viết sử phải giữ triệt để công bằng, không nên thiên vị, không nên vì tôn trọng một nhơn vật nào mà đề cao quá sự thật, không nên vì mình ít mến một cá nhân nào mà bỏ qua công trạng đáng ghi của cá nhân đó."

Trong quyển sách: Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Ngài Hiến Pháp viết Lời Tựa:

"Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (hay là Đạo Cao Đài) nay đã có tên tuổi trong lịch sử rồi, vì tôn chỉ của Đạo rất chính đáng, sự công ích của Đạo đã rõ ràng, nên công chúng lấy làm hữu hạnh mà hoan nghinh tôn giáo ấy.

Tôn giáo ấy, ai sáng lập ra? Những tay tế thế là ai? Câu hỏi đó, tưởng ai ai cũng đều mong mỗi cho có câu trả lời.

Nhưng câu trả lời phải ở đâu mà ra cho có đủ bằng cứ chơn thật? Chắc là phải tự nơi những người đầu công sáng lập, có nghe thấy rõ ràng từ lúc ban sơ. Nhưng người ấy cũng phải cho có đủ tư cách một người Đạo nhơn, thì câu trả lời mới là chơn thật và có giá trị.

Nếu Lịch sử của một nền tôn giáo mà mất sự thật, hay là còn một điểm tư vị, thì sao đáng gọi là Lịch sử? Sao đáng gọi là căn nguyên của nền Chánh giáo?

Tôi sờ dĩ phải nói mấy câu này ra là vì có lòng mừng chung với anh em, chị em mà đặng thấy cuốn Đại Đạo Căn Nguyên ra đời, mà tác giả là một người trong mấy vị đầu công, lại có lòng vô tư, vô ngã.

Như vậy thì từ đây mới có một quyển Lịch sử của Đạo rất đứng đắn, không tư vị, mà không mất sự thật."

Sài Gòn, le 15 Mars 1930.

TRƯƠNG HỮU ĐỨC tự Hoà Dân.

Đức Phạm Hộ Pháp lúc tỵ nạn ở Nam Vang, có thổ lộ cùng vị Chức sắc hầu cận về điều mong ước viết Đạo Sử của Đức Ngài như sau:

"Khi nước nhà được hoàn toàn độc lập và thống nhất, Bần đạo sẽ trở về Tòa Thánh, giao trọn quyền cho Hội Thánh Lương Đài, còn Bần đạo sẽ ra Phạm Nghiệp tịnh dưỡng. Bần đạo sẽ chọn lựa vài em trường chay, ly gia để thường xuyên gần gũi bên cạnh Bần đạo, hầu hoàn thành pho sử của Đạo.

Bần đạo sẽ kể lại cho mấy em chép các nguyên nhân vì sao Đức Chí Tôn dùng huyền diệu mở Đạo. Mở Đạo rồi, tại sao Đức Chí Tôn không truyền Bí pháp cho ai mà lại truyền cho Bần đạo, và trong trường hợp nào Bần đạo được thọ pháp và thọ những gì? Lý do nào nền Đạo bị chia phe phân phái như các phái: Minh Chơn Lý, Ban Chính Đạo, Tiên Thiên và các phái khác, v.v...

Bần đạo sẽ cho ghi lại công nghiệp của các vị tiền bối như: Đức Quyền Giáo Tông, Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, Ông Thái Thợ Thanh, Đức Cao Thượng Phẩm,..."

Tiếc thay, Đức Phạm Hộ Pháp đã qui Thiên, nên điều mong ước viết Đạo Sử của Đức Ngài không thực hiện được.

Trong dịp Lễ Khánh Thành Văn phòng Ban Đạo Sử, Ngài Phối Sư Thượng Cảnh Thanh, Phó Trưởng Ban Đạo Sử, dâng đôi liễn cho Ban Đạo Sử:

道脈開成教理搜尋今驗古
史綱編撰真經藏貯本追原

*Đạo mạch khai thành giáo lý sưu tầm kim nghiệm cổ,
Sử cương biên soạn chơn kinh tàng trữ bản truy nguyên.*

Nghĩa là:

Con đường Đạo đã mở ra xong, sưu tầm học hỏi giáo lý, xem việc ngày nay nghiệm lại việc thời xưa.

Biên soạn sách Sử cương, cất chứa Chơn kinh, và tìm tòi biết đến tận nguồn gốc.

Đạo táng

道喪

A: The religious funeral.

P: Les funérailles religieuses.

Đạo: tôn giáo. **Táng:** lễ chôn cất người chết.

Đạo táng là việc tổ chức tế lễ, cầu siêu và chôn cất thể xác của người Đạo qui liểu theo nghi thức của tôn giáo.

Lễ Đạo táng các phẩm Chức sắc của Đạo Cao Đài được qui định đầy đủ chi tiết trong quyển sách "Quan Hôn Tang Tế" do Hội Thánh xuất bản và phát hành.

Đạo tâm

道心

A: The religious faith.

P: La croyance religieuse.

Từ ngữ Đạo tâm có 2 nghĩa:

1. **Đạo:** tôn giáo. **Tâm:** lòng dạ, cái tâm con người.

Đạo tâm là lòng tín ngưỡng mạnh mẽ vào tôn giáo mình.

TNHT: Còn mấy đũa chưa đựng phong thường cũng không nên vội buồn mà thất *đạo tâm*.

2. Đạo Tâm là tịch Đạo dành cho Chức sắc nối tiếp theo tịch đạo Thanh Hương của Đức Lý Giáo Tông.

CG PCT: Đương đời này của Đức Lý Giáo Tông thì nam lấy chữ THANH, nữ lấy chữ HƯƠNG làm tịch, tức là cả Đạo hữu nam nữ, từ tín đồ dĩ chí Thiên phong đều trong đời Đức Lý Giáo Tông hành chánh, đứng vào tịch THANH HƯƠNG.

Qua đời Giáo Tông khác thì nam sẽ lấy chữ ĐẠO, nữ chữ TÂM. Rồi cả chư Đạo hữu nam nữ sẽ lấy tịch ĐẠO TÂM, như vậy nối truyền hoài cho hết tịch đạo, thì Thầy sẽ giảng cơ cho tịch đạo khác nữa. Lớn nhỏ sau trước, nhờ chữ tịch đạo ấy mà phân biệt. (Xem chi tiết nơi chữ: Tịch Đạo, văn T)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Đạo thiền

道禪

A: Buddhism.

P: Bouddhisme.

Đạo: tôn giáo. **Thiền:** nói đầy đủ là Thiền-Na, do phiên âm từ tiếng Phạn: DHYANA, Hán văn dịch là Tĩnh lự, nghĩa là để tâm trong sạch mà suy tư.

Đạo Phật có pháp môn Thiền định, trực chỉ vào tâm, kiến tánh thành Phật, được gọi là Thiền tông, thuộc Đại thừa.

Đức Đạt Ma Tổ Sư đem pháp môn Thiền từ Ấn Độ truyền qua Trung Hoa, và đến đời Lục Tổ Huệ Năng thì pháp môn Thiền mới phát triển cao độ, rực rỡ nhất.

Do đó, Thiền là chỉ Đạo Phật. *Đạo Thiền là Đạo Phật.*

TNHT: Chánh pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh giáo, lập riêng pháp luật buộc mỗi *Đạo Thiền*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đạo triều

道朝

A: The festival of the advent of Caodaism

P: La fête de l'avènement du Caodaïsme.

Đạo: tôn giáo. **Triều:** thời đại. Chữ Triều còn có một âm nữa là Triều: Ngày. **Nhứt triều:** một ngày, mỗi ngày.

Đạo triều là thời đại của Đạo Cao Đài, tức là thời đại của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Lễ Đạo Triều là lễ kỷ niệm ngày khai ĐĐTKPĐ, là ngày rằm tháng 10 âm hằng năm.

TNHT: Nay vì Lễ Đạo Triều nên đến chúc mừng Hiền hữu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đạo tỳ

道隨

A: The undertaker.

P: Le croque-mort.

Nguyên gốc là chữ ĐỒ TÙY, rồi biến thể thành chữ ĐẠO TÙY, và người miền Nam không quen uốn lưỡi nên đọc là ĐẠO TỶ, để chỉ những người lãnh làm nhiệm vụ khiêng quan tài người chết đem đi chôn.

- **Đồ tùy** 都隨 [Đồ là đều, tùy là theo],

- **Đạo tùy** 道隨 [Đạo là một toán quân, tùy là theo].

Người bình dân còn gọi những vị Đồ tùy là Đạo hò, vì mỗi lần khiêng quan tài, họ phải hò lên để ra hiệu lệnh cùng làm cho ăn nhịp.

- **Đạo hò:** Bọn lãnh việc khiêng quan cữu trong đám ma.

Ngoài ra, người ta còn dùng các từ ngữ:

- **Giang quan giả** 扛棺者: Người khiêng quan cữu đem chôn. [Giang là khiêng, quan là quan tài, giả là người].

- **Nhơn quan giả** 埋棺者: Người đem quan tài đi chôn. [Nhơn là chôn vùi, quan là cái quan tài, giả là người].

Nhưng lúc Khiển điện thì Lễ xướng là Đạo giả, chớ không xướng là Đạo tỳ, như mấy câu Lễ xướng sau đây:

- *Đạo giả tựu vị*: Đạo tỳ đi vào đứng trước bàn vong.
- *Đạo giả nhập cữu*: Đạo tỳ vào đứng hai bên quan tài.
- *Đạo giả cử cữu thăng xa phát hành*: Đạo tỳ nâng quan tài đặt lên xe (Thuyền Bát Nhã) và khởi đi. (Cữu là linh cữu). (Xem chữ: Khiển điện, văn Kh)

- **Đạo giả** 道者: Đạo là Đạo tỳ, giả là người.

Ngày nay, trong Đạo Cao Đài, **ĐẠO TỶ** là những người có nhiệm vụ: *Tấn liệm, khiêng quan tài, kéo Thuyền Bát Nhã đến nghĩa địa, đào huyệt chôn cất.*

Sắc phục của Đạo tỳ là: Áo đen quần đen có viền vải trắng, đội kết trắng viền đen và mang giày bố đen.

Những người Đạo tỳ là nhân viên của Ban Thuyền Bát Nhã. Theo Bí pháp, Đức Phật Di-Lạc là chủ của Thuyền Bát Nhã nên những người trong Ban Thuyền Bát Nhã đều là nhân viên của Đức Di-Lạc Vương Phật.

Đạo xuất ư đông

道出於東

A: The new religion comes from the East.

P: La religion nouvelle vient de l'Orient.

Đạo: tôn giáo. **Xuất**: sản xuất. **Ư**: ở tại. **Đông**: phương Đông, chỉ nước Việt Nam.

Đạo xuất ư đông là một nền tôn giáo xuất hiện ở một nước phương đông, tức là xuất hiện ở nước VN.

TĐ ĐPHP: Có nhiều Hội giáo đã lập thành có trót trăm năm trước khi mở Đạo, dạy dỗ cho vạn quốc rõ thấu Chánh truyền; ngày nay Thầy mới đến lập một cái CAO ĐÀI, nghĩa là đền thờ cao hay là đức tin lớn tại thế này làm nên nền Đạo, lại mượn một sắc dân hèn hạ nhỏ nhít của Á Đông là

Việt Nam ta, đặt cho trọn lời tiên tri: "*Đạo xuất ư đông*" và cho trúng Thánh ý chiều lạy hạ mình của Thầy...

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Đạo y

道衣

A: The religious dress.

P: Le tenue religieuse.

Đạo: tôn giáo. **Y:** cái áo.

Đạo y là y phục của người đạo.

Đạo y đồng nghĩa với Đạo phục.

TNHT: Môn đệ của Thầy nhiều đứa muốn bỏ *Đạo y*, ném dép cỏ, lột khăn tu mà mong hồi tục thế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐẠT

ĐẠT

Đạt: 達 Thông suốt, thành tựu, hiển vinh.

Td: Đạt lý, Đạt vị.

Đạt lý

達理

A: To understand the reason.

P: Comprendre la raison.

Đạt: Thông suốt, thành tựu, hiển vinh. **Lý:** cái lẽ của sự việc.

Đạt lý là thấu suốt cái lẽ của sự việc.

Thường nói: Thấu tình đạt lý, là thông suốt cả tình và lý, tức là hai mặt tình cảm và lý trí đều đạt hết.

Đạt vị

達位

A: To attain the situation.

P: Atteindre la situation.

Đạt: Thông suốt, thành tựu, hiển vinh. **Vị:** phẩm vị, địa vị.

Đạt vị là đạt được phẩm vị.

CG PCT: Nhắc rằng Lễ Sanh, hoặc đăng đấng cử, hay là có khoa mục mới *đạt vị*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

ĐẮC

ĐẮC

ĐẮC: 得 Được, có được.

Td: Đắc đạo, Đắc lộ, Đắc Pháp đắc Phật.

Đắc duyên đắc vị

得緣得位

Đắc: Được, có được. **Duyên:** mối dây ràng buộc được định sẵn từ trước. **Vị:** phẩm vị, ngôi vị.

Đắc duyên là có được cái duyên lành với Phật, tức là có được mối dây ràng buộc với Phật từ kiếp trước.

Đắc vị là có được phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.

DLCK: Đắc duyên đắc vị, đắc A-Nậu Đa-La Tam....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Đắc đạo

得道

A: To reach to the great wisdom.

P: Parvenir à la grande sagesse.

Đắc: Được, có được. **Đạo:** tôn giáo, con đường tu hành.

Đắc đạo là đạt được cái mức cuối cùng của con đường tu hành, tức là đạt được phẩm vị Tiên, Phật nơi cõi thiêng liêng.

TNHT: Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của cải. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật, muốn cho **đắc đạo** phải có công quả.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đắc kiếp

得劫

Đắc: Được, có được. **Kiếp:** một kiếp sống.

Đắc kiếp là đắc đạo trong một kiếp tu.

Đắc kiếp đồng nghĩa đắc đạo.

Đắc kỳ sở nguyện

得其所願

A: To attain one's vow.

P: Atteindre son voeu.

Đắc: Được, có được. **Kỳ:** cái ấy. **Sở:** chỉ về mình. **Nguyện:** lòng mong ước. **Sở nguyện:** điều mà mình hằng mong ước.

Đắc kỳ sở nguyện là đạt được cái mà lòng mình hằng mong ước.

TNHT: Con sẽ **đắc kỳ sở nguyện** của một người làm phải.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đắc lệnh

得令

A: To have an order.

P: Avoir un ordre.

Đắc: Được, có được. **Lệnh:** mệnh lệnh của cấp trên.

Đắc lệnh là được lệnh của cấp trên truyền xuống.

TNHT: Bàn đạo khi *đắc lệnh* làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của Chí Tôn....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đắc lộ

得路

Đắc: Được, có được. **Lộ:** đường đi, con đường, đồng nghĩa: Đạo.

Đắc lộ là đắc đạo, tức là đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

DLCK: Đắc lộ Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Đắc Pháp đắc Phật

得法得佛

Đắc: Được, có được. **Pháp:** tâm pháp tu luyện. **Phật:** ngôi vị Phật.

Đắc Pháp đắc Phật là đạt được tâm pháp tu luyện nên đắc đạo thành Phật.

DLCK: Độ dẫn chơn linh *đắc Pháp đắc Phật*, đắc....

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Đắc phong

得封

A: To be conferred a dignity.

P: Être conférée une dignité.

Đắc: Được, có được. **Phong:** ban cho phẩm tước.

Đắc phong là được ban cho phẩm tước Chức sắc.

ĐLMD: Khi *đắc phong* rồi phải về Hạnh Đường học đạo.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Đắc quả

得果

Đắc: Được, có được. **Quả:** cái trái, kết quả.

Đắc quả là đạt được cái kết quả tốt đẹp của việc tu hành, tức là do công phu tu hành mà đạt được phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Làm công quả là cái Nhân, đắc thành Tiên Phật là Quả.

Đắc quả đồng nghĩa đắc đạo.

Đắc thất

得失

A: The success and failure.

P: Le succès et échec.

Đắc: Được, có được. **Thất:** mất, thất bại.

Đắc thất là được mất, thành công hay thất bại.

TNHT: *Đắc thất* đều do tại máy Trời.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐẶC

Đặc an

特安

A: Entirely calm.

P: Entièrement calme.

Đặc: đặc biệt, hơn hẳn bình thường. **An:** yên ổn.

Đặc an là đặc biệt an ổn, tức là hoàn toàn an ổn.

KTKVTH: Văn ban Võ bá triều đình *đặc an*.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

ĐĂNG

ĐĂNG

ĐĂNG: 登 Lên, bước lên cao.

Td: Đăng điện, Đăng Tiên.

Đăng đàn thuyết pháp

登壇說法

A: To mount the rostrum and to preach the doctrine.

P: Monter à la tribune et prêcher la doctrine.

Đăng đàn là lên diễn đàn để nói trước công chúng.

Đăng đàn thuyết pháp là lên diễn đàn để giảng giải về giáo lý của một tôn giáo.

Đăng điện

登殿

A: To mount the throne

P: Monter au trône.

Đăng: Lên, bước lên cao. **Điện:** chánh điện, nơi thờ phượng.

Đăng điện là lên ngồi trên ngai nơi Chánh điện.

Đây là nói về việc Đức Giáo Tông lên ngồi trên ngai của Ngài đặt nơi Chánh điện của Tòa Thánh .

Theo PCT, khi Đức Giáo Tông đã được đấng cử chánh thức rồi thì Hội Thánh tổ chức một cuộc lễ long trọng cho Ngài lên ngự trên ngôi Giáo Tông nơi Chánh điện. Lễ này được gọi là Lễ Đăng điện, giống như Lễ Đăng quang của Đức Giáo Hoàng Thiên Chúa Giáo.

CG PCT: Đấng cử quả quyết rồi, nghĩa là Hội Thánh đã đủ chứng chắc không điều gì bất công thì Hội Thánh mới xúm nhau làm Lễ *Đăng điện* cho Ngài.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Đăng Tiên

登仙

A: To mount the fairyland (Disincarnation).

P: Monter au séjour des immortels (Disincarnation).

Đăng: Lên, bước lên cao. **Tiên:** cõi Tiên.

Đăng Tiên là đi lên cõi Tiên, ý nói thể xác chết, linh hồn xuất ra đi lên cõi Tiên.

Trong Đạo Cao Đài, từ ngữ này dùng để nói sự chết của Chức sắc Đại Thiên phong hàng Tiên vị như: Đầu Sư, Chương Pháp, Thập nhị Thời Quân, Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

Đức Giáo Tông, Đức Hộ Pháp chết thì gọi là qui Thiên.

KĐ9C: Hườn hư màu nhiệm thoát trần *đăng Tiên*.

KĐ9C: Kinh Độ Cửu cữu.

ĐẰNG

Đằng cát

藤葛

Đằng: dây bìm. **Cát:** dây sắn.

Đằng cát là hai loại dây leo, có thân nhỏ yếu ớt, phải dựa vào một cây khác rắn chắc để leo lên mà sống.

Do đó, *đằng cát là chỉ thân phận yếu mềm của người phụ nữ, phải sống nương tựa vào người chồng.*

Đằng cát cũng chỉ người cô đơn thế yếu, phải nương dựa vào một thế lực mạnh mẽ khác.

TNHT: *Đằng cát* may đưa dựa bóng tùng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đằng giao khởi phụng

騰蛟起鳳

Đằng: vượt lên cao. **Giao:** con giao long, một loại rồng. **Khởi:** dấy lên. **Phụng:** con chim phụng.

Đằng giao khởi phụng là con giao long vọt lên (khí thế rất mạnh), con chim phụng dấy lên để bay (thế rất mạnh), thường dịch là: Rồng bay phụng dậy, chỉ người tài giỏi hiếm có, khí thế rất mạnh, văn chương vượt bậc.

Bài thài hiến lễ Tú Nương DTC:

Đằng giao khởi phụng chẳng chẳng ngựa Tiên thi.

DTC: Điều Trì Cung

ĐẰNG

ĐẰNG

ĐẰNG: 等 Thứ bực, ngang nhau, bộn.
Td: Đẳng cấp.

Đẳng bất khả liệt

等不可躡

Đẳng: Thứ bực, ngang nhau, bộn. **Bất khả:** không thể.
Liệt: vượt qua.

*Đẳng bất khả liệt là thứ bực không thể vượt qua, ý nói:
Làm việc phải có trật tự, theo thứ bực cao thấp.*

Đẳng cấp

等級

Đẳng: Thứ bực, ngang nhau, bộn. **Cấp:** bực thêm.
Đẳng cấp là thứ bực trên dưới, cao thấp.

TNHT: Trong địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra **đẳng cấp** đường ấy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐẰNG

Đấng Chơn linh

A: Spirit, Soul, Superior Spirit.

P: Esprit, Âme, Superior Esprit.

Đấng: từ ngữ đặt trước danh hiệu của Thần, Thánh, Tiên, Phật để tỏ sự tôn kính. **Chơn linh:** linh hồn.

Có hai trường hợp sau đây:

1. Đấng Chơn linh: là các vị có chơn linh cao trọng nơi cõi thiêng liêng, tức là chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

TNHT: Thầy lại cũng đã nói: Mỗi khi chơn linh Thầy giáng đàn thì cả vắn vắn muôn muôn Thần, Thánh, Tiên, Phật theo hầu hạ. Các con nếu lấy mắt phàm thấy đặng, phải khùng khiếp kinh sợ vô cùng, nhưng thấy chẳng đặng nên tội cũng giảm nhẹ đó chút. Thất lễ là đại tội trước mắt các *Đấng Chơn linh* ấy. Thầy phải thẳng cho các con khỏi bị hành phạt.

2. Đấng Chơn linh nhập thể, trong Kinh Vào Học:

Cầu khẩn *Đấng Chơn linh* nhập thể,
Đủ thông minh học lễ học văn.

Ở đây có sự hiểu lầm là: Chơn linh của đũa học sinh ở ngoài thể xác, bây giờ đọc bài kinh này để cầu khẩn chơn linh ấy nhập vào thể xác của đũa học sinh để nó thông minh học giỏi. Vậy thì chúng ta đặt câu hỏi: Nếu không cầu khẩn thì chơn linh không nhập vào thể xác hay sao?

Theo triết lý của Đạo Cao Đài thì chơn linh của con người đã nhập vào thể xác ngay khi được sanh ra khỏi lòng bà mẹ, và chơn linh ấy ngự tại trái tim, chứ không phải ở bên ngoài thể xác. (Xem chữ *Nhơn Sinh Quan, vắn Nh*).

Câu kinh: *Cầu khẩn Đấng Chơn linh nhập thể*, có nghĩa là: Cầu khẩn với chơn linh đang ngự trong thể xác, sớm hiển lộ Thiên chức sáng suốt và lành để làm chủ nhân thể xác, để mà học hỏi cho mau tiến hóa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐẦU

ĐẦU

- ĐẦU:** 頭 Cái đầu, người đứng đầu.
Td: Đầu Tộc Đạo, Đầu vọng bái.
- ĐẦU:** 投 Nhập vào, nương dựa, hợp nhau.
Td: Đầu kiếp, Đầu thai.

Đầu Tộc Đạo - Đầu Phận Đạo - Đầu Hương Đạo

頭族道 - 頭分道 - 頭鄉道

A: The chief of a religious district - Chief of a religious village.

P: Le chef d'un district religieux - Chef d'un village religieux.

Đầu: Cái đầu, người đứng đầu. **Tộc:** họ. Tộc Đạo là Họ Đạo. **Phận:** phần.

Tộc Đạo: Chữ nôm là **Họ Đạo**. Theo Tân Luật, nơi nào có đông tín đồ, được chừng 500 người sắp lên, thì được lập riêng một Họ Đạo, đặt riêng một Thánh Thất, có Chức sắc được Hội Thánh bổ xuống làm đầu. Sự lập Họ Đạo phải có phép của Đức Giáo Tông.

Nhưng số tín đồ của Đạo lúc đầu còn ít, nên Hội Thánh căn cứ theo sự phân chia các đơn vị hành chánh địa phương của quyền đời là Làng hay Xã, Quận, Tỉnh, mà áp dụng vào Đạo.

■ **Hương Đạo** là Làng Đạo, gồm số tín đồ cư ngụ trong một Làng hay một Xã.

Đầu Hương Đạo là người đứng đầu cai quản một Hương Đạo, phẩm Chánh Trị Sự, do tất cả các vị Phó Trị Sự và Thông Sự trong Hương Đạo bầu lên, và được Hội Thánh chuẩn nhận.

■ **Tộc Đạo** là một Quận Đạo, gồm số tín đồ trong một Quận. Như vậy, Tộc Đạo gồm nhiều Hương Đạo.

Đầu Tộc Đạo là người đứng đầu cai quản một Tộc Đạo, phẩm Lễ Sanh, do Hội Thánh bổ nhiệm.

■ **Phận Đạo:** Chỉ có Châu Thành Thánh Địa Tây Ninh mới chia ra Phận Đạo, bởi vì nơi Châu Thành Thánh Địa, tất cả đều là người đạo từ các tỉnh về đây cư ngụ lập nghiệp.

Mỗi Phận Đạo có chừng 10 Hương Đạo, mỗi Hương Đạo có 3 Ấp Đạo, mỗi Ấp Đạo có 36 nóc gia (gia đình người Đạo). Năm 1974, số Phận Đạo nơi Châu Thành Thánh Địa là 19, sắp sửa lập Phận Đạo 20, tổng số Hương Đạo là 198.

Đầu Phận Đạo là người đứng đầu cai quản một Phận Đạo, phẩm Lễ Sanh, do Hội Thánh bổ nhiệm.

Đầu kiếp

投劫

A: To reincarnate.

P: Se reincarner.

Đầu: Nhập vào, nương dựa, hợp nhau. **Kiếp:** một đời sống nơi cõi trần.

Đầu kiếp là nhập vào một kiếp sống nơi cõi trần, tức là chọn linh và chọn thân từ cõi thiêng liêng đi xuống cõi trần, nhập vào một hài nhi vừa mới được sanh ra khỏi lòng mẹ để làm một con người mới, có một kiếp sống mới nơi cõi trần.

Đầu Phòng Văn

頭房文

A: Chief of the bureau.

P: Le chef du bureau.

Đầu: Cái đầu, người đứng đầu. **Phòng văn:** văn phòng, bộ phận phụ trách công việc văn thư hành chánh trong một cơ quan.

Đầu Phòng Văn là người đứng đầu trông coi về văn thư, giấy tờ, sổ sách trong một văn phòng.

Mỗi Tộc Đạo hay Châu Đạo, Hội Thánh bổ xuống một vị Đầu Phòng Văn để trông coi văn thư, giấy tờ, sổ sách của Tộc Đạo hay của Châu Đạo.

Đầu Phòng Văn phải do khoa mục tại Tòa Thánh tuyển chọn qua một kỳ thi tuyển, thi đậu rồi mới dự lớp huấn luyện làm Đầu Phòng Văn và thi tốt nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, có cấp bằng của Hội Thánh mới được bổ đi làm Đầu Phòng Văn nơi Tộc Đạo và Châu Đạo, hay Phận Đạo.

Đầu Phòng Văn đối phẩm Chánh Trị Sự, khi đủ 5 năm công nghiệp thì được cầu phong lên Lễ Sanh.

Đạo phục của Đầu Phòng Văn: Mặc áo trường y trắng 7 nút, đội mào trắng giống cái calô, trước mào có phù hiệu tròn, kính 4 cm, nền xanh trên đó có hai cây viết đồ cột lại bởi sợi dây vàng, một cây viết chỉ lên, cây viết kia chỉ xuống.

Đầu Sư

頭師

A: The Cardinal.

P: Le Cardinal.

Đầu: Cái đầu, người đứng đầu. **Sư:** thầy.

Đầu Sư là phẩm Chức sắc cao cấp của CTĐ, dưới phẩm Chưởng Pháp và Giáo Tông, trên phẩm Chánh Phối Sư.

Bên Nam phái CTĐ có 3 vị Đầu Sư, mỗi phái một vị: - Thái Đầu Sư, - Thượng Đầu Sư, - Ngọc Đầu Sư.

Bên Nữ phái CTĐ chỉ có một vị gọi là Nữ Đầu Sư.

Phẩm vị Đầu Sư rất quan trọng, vì Đầu Sư nắm cả hai quyền: Hành Chánh và Luật pháp, nên thay thế Đức Giáo Tông và Chưởng Pháp điều hành trực tiếp nền Đạo.

Đầu Sư đối phẩm Thập nhị Thời Quân HTĐ, và đối phẩm Địa Tiên trong Cửu phẩm Thần Tiên.

Quyền hành và Đạo phục của Đầu Sư được qui định rõ trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải, xin đọc giả xem trong đó.

Các vị Nam Đầu Sư và Tiểu sử:

Trong năm Khai Đạo, Đức Chí Tôn Thiên phong 3 vị Đầu Sư sau đây vào phẩm Đầu Sư đầu tiên của Đạo Cao Đài:

■ Đầu Sư phái Ngọc: Ngài Lê Văn Lịch, Thánh danh là **Ngọc Lịch Nguyệt**.

■ Đầu Sư phái Thượng: Ngài Lê Văn Trung, Thánh danh **Thượng Trung Nhật**, sau được thăng Quyền Giáo Tông.

■ Đầu Sư phái Thái: Hòa Thượng Thiện Minh, Thánh danh là **Thái Minh Tinh**.

Ngài Thiện Minh là học trò của Hòa Thượng Như Nhãn, được Thiên phong ngày 13-10-Bính Dần, nhưng Ngài không hành Đạo, nên ngày 12-12-Bính Dần (dl 15-1-1927), Đức Lý Giáo Tông cất chức Thái Đầu Sư của Ngài Thiện Minh.

Cũng trong ngày này (12-12-Bính Dần), Đức Chí Tôn phong Ngài Dương Văn Nương chức Thái Đầu Sư, Thánh

danh Thái Nương Tinh. Ngài **Thái Nương Tinh** cũng không hành đạo.

Ngày 11-2-1933 (âm 17-1-Quý Dậu), ba vị Chánh Phối Sư ba phái đầu tiên là: Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ), Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) được Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp (có sự đồng ý của Đức Lý Giáo Tông) đồng ký tên ra Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu Sư cho 3 vị Chánh Phối Sư này. Qua năm sau, hai vị Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh tách khỏi TTTN lập Ban Chính Đạo, sau thành chi phái Bến Tre.

Về sau, có ba vị Chánh Phối Sư được Đức Lý Giáo Tông thăng thưởng lên phẩm Đầu Sư là: Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, Đầu Sư Thái Bộ Thanh, Đầu Sư Ngọc Nhuận Thanh.

Sau đây là Tiểu sử của mỗi vị Đầu Sư:

- Đầu Sư Thượng Trung Nhựt
- Đầu Sư Thái Nương Tinh (1870-1929)
- Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (1890-1947)
- Đầu Sư Thái Thơ Thanh (1873-1950)
- Đầu Sư Thượng Tương Thanh (1881-1951)
- Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (1879-1936)
- Đầu Sư Thượng Sáng Thanh (1888-1980)
- Đầu Sư Thái Bộ Thanh (1891-1976)
- Đầu Sư Ngọc Nhuận Thanh (1906-1985)

1. Đầu Sư Thượng Trung Nhựt:

Ngày 11-3-Bính Dần (dl 22-4-1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Lê Văn Trung làm Đầu Sư phái Thượng, Thánh danh Thượng Trung Nhựt.

Ngày 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ban quyền Giáo Tông tại thế cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, nên gọi Ngài là Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung. (Xem tiểu sử của Ngài nơi chữ: Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, văn Q)

2. **Đầu Sư Thái Nương Tinh (1870-1929):**

Ngài Thái Nương Tinh, thế danh là Dương Văn Nương, làm Tri Huyện Hàm tại Sađéc, sanh năm Canh Ngọ (1870) tại Sađéc và mất ngày 25-10-Kỷ Tỵ (dl 25-11-1929) tại Sađéc, hưởng thọ 60 tuổi.

Mộ của Ngài hiện ở phần đất dành làm nghĩa trang gia đình của hai họ Dương và Phạm, tại đường Đình Tiên Hoàng (Tạ Thu Thâu cũ), Thị xã Sađéc, cách chợ Sađéc chừng hơn 1000 thước.

Được biết, trước kia, mộ của Ngài ở Chợ Cồn xã Tân Qui Đông, Sađéc, bên bờ sông Tiền Giang. Vì bờ sông bị đất lở, nên con cháu trong gia đình cải táng về đây ngày 21-8-1959. Kế bên mộ của Ngài là mộ của Bà Huyện Dương Văn Nương, nữ danh Nguyễn Thị Quế (1876-1951) cũng được cải táng về đây ngày 24-4-1960.

Sau đây xin chép lại hai bài Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn liên quan đến quý Ngài: Đầu Sư Thái Minh Tinh, Đầu Sư Thái Nương Tinh và Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh. (Trích trong **Đạo Sử quyển II của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, trang 172 và 177**).

Ngày 12-12-Bính Dần (dl 15-1-1927).

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Các con,

Nhị Chưởng Pháp, Nhị Đầu Sư tọa vị.

Đạo Quang! Con phải quyền Chưởng Pháp.

Nương! Thầy dặn con, con chẳng hề nghe đến. Thầy muốn bỏ, song vì cưu vị nên chẳng đành. Từ đây phải lo Đạo nghe. Thầy phong cho con chức Thái Đầu Sư. Phải hành Đạo mà hiệp sức phổ độ phái Thái.

Thái Minh Tinh bị Thái Bạch cách chức...

Ngày 14-12-Bính Dần (dl 17-1-1927).

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỂ viết CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Thơ! con đừng lo lắng về chơn thần con lắm vậy nghe!

Nhiều phen Thầy nghe con vái, nhưng mà ngày chưa đến, nên Thầy chưa nói, ngày nay Thầy tỏ thiệt cho con hiểu.

Con là một chơn linh cùng Quan Âm Bồ Tát, con đã hiểu rồi, vậy từ đây phải biết mình trân trọng mà trau dồi tánh hạnh nghe.

Thầy chẳng nói căn cội của *Nương*, e còn giận. Vậy Thầy nói luôn để cho anh em nhìn nhau, thương yêu nhau. Nó là Văn Thủ Bồ Tát tái thế, nghe à!

Nó lập ngôi vị cho con, nó đi một đường với con mà hành Đạo cho tới ngày hai con đắc quả đặng trở về cùng Thầy.

.....

3. Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (1890-1947):

Ngọc Lịch Nguyệt là Thánh danh của Ngài Lê Văn Lịch, khi Đức Chí Tôn phong Ngài làm Đầu Sư phái Ngọc.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt, hiệu là Thạch Ẩn Tử, sanh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (dl 14-10-1890) tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn.

Thân sinh của Ngài là Cụ Lê Văn Tiểng, tu theo Đạo Minh Sư đến bậc Thái Lão Sư, hiệu Lê Đạo Long, là người sáng lập ngôi chùa *Vĩnh Nguyên Tự* ở Cần Giuộc. Cụ Tiểng tu đắc đạo, sau khi qui liễu, đắc quả *Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn*. Cụ có lời di chúc:

"Lập Vĩnh Nguyên Tự để sau này có Thập nhị Khai Thiên đến mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ."

Thân mẫu của Ngài Lê Văn Lịch là Cụ Bà Trần Thị Đắc, hiền nội của Ngài là Bà Trần Thị Khá, con gái của Ngài Trần Văn Thụ (Ngọc Chưởng Pháp). Ngài Lê Văn Lịch có người con gái là Cô Lê Ngọc Trang, Đạo hiệu Bạch Tuyết.

Ngài Lê Văn Lịch thọ nhận từ phụ thân bí thuật huyền môn của Đạo Lão (Tiên giáo) và Y thuật. Sau khi nhập môn vào Đạo Cao Đài, Ngài không dùng bí thuật huyền môn nữa, chỉ truyền lại cho con gái Lê Ngọc Trang về Y học cổ truyền.

Đầu năm Bính Dần 1926, quý Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc được lệnh cơ bút dạy xuống Vĩnh Nguyên Tự lập đàn cầu cơ, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn (Cụ Lê Văn Tiếng, đạo hiệu Lê Đạo Long, thân sinh của Ngài Lịch) giảng cơ dạy Ngài Lịch, lúc bấy giờ đã tu tới bậc Dẫn Ân (Minh Đường), phải hiệp với quý Ngài Cư, Tắc để mở Đạo Cao Đài.

Trong thời gian này, Ngài Đốc phủ Nguyễn Ngọc Tương đang làm Chủ quận Cần Giuộc đã gia nhập Đạo Cao Đài, nên cũng khuyên Ngài Lê Văn Lịch nhập môn vào Đạo.

Đêm 12-3-Bính Dần (dl 23-4-1926), Ngài Lê Văn Lịch được Đức Chí Tôn giảng cơ ân phong Ngọc Đầu Sư, Thánh danh Ngọc Lịch Nguyệt, cùng một lượt với Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, trong cuộc Lễ Thiên phong đầu tiên tổ chức tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn có giảng cơ dạy Ngài Ngọc Lịch Nguyệt như sau:

TNHT. I.14: "CAO ĐÀI. Lịch! Con nghe Phật Như Lai nói chưa?

Tam Kỳ Phổ Độ là gì? Là phổ độ lần thứ ba.

Sao gọi là phổ độ? Phổ độ nghĩa là gì?

Phổ là bày ra, độ là cứu chúng sanh.

Muốn trọn hai chữ Phổ độ, phải làm thế nào?

Chúng sanh là gì?

Chúng sanh là toàn cả nhơn loại, chớ không phải là lựa chọn một phần người, như ý phàm các con tính rồi.

Muốn trọn hai chữ Phổ độ, phải làm thế nào? Thầy hỏi? Phải bày bửu pháp chớ không đặng giấu nữa. Con phải luyện lại cho thành, nội trong tháng năm này về theo Trung đi truyền đạo. Nghe và tuân theo...

Phải mặc y phục như Trung, mà màu hồng."

TNHT. I. 22: *"Thích Ca Như Lai thị Ngã, dục cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát. Nhữ tri hồ?"*

Hữu Ngã đồ Thái Đầu Sư tại thử, nhĩ vô thức luyện đạo, Ngã phái Ngọc Đầu Sư chỉ giáo thọ bửu pháp.

Tam thập tứ vị chúng sơn bất tri Chơn lý luyện thành. Ngã vi Chủ khảo giáo hóa. Khả tuân Ngã mạng.

Nhữ đẳng tu thọ pháp, tu thọ pháp. Khâm tai!"

Diễn nôm:

Thích Ca Như Lai là Thầy (Ta), muốn cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát. Con biết không?

Có học trò của Thầy là Thái Đầu Sư tại đây, nó không biết luyện đạo. Thầy phái Ngọc Đầu Sư chỉ giáo thọ bửu pháp.

34 vị tăng không biết Chơn lý luyện thành. Thầy là Chủ khảo giáo hóa. Khả tuân lệnh Thầy.

Các con tu thọ pháp, tu thọ pháp. Kính vậy thay!

Những ngày đầu Khai Đạo, Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đóng vai trò quan trọng không kém Ngài Thượng Trung Nhật.

Ngài được lệnh Đức Chí Tôn sưu tập 3 bài Kinh Tam giáo trong Kinh Tam Thánh Đại Động để làm Kinh của ĐĐTKPĐ. Ngài cùng với Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật phụng soạn và ban hành quyển **"TỨ THỜI NHỰT TỤNG KINH"**, trong đó các bài Kinh Nhựt Tụng của Đạo Cao Đài được viết bằng chữ Nho, chữ Nôm và chữ quốc ngữ, cùng là giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi câu kinh, có phần phụ thêm giải về Nghi tiết phụng thờ của Đạo Cao Đài, in và ban hành vào năm Mậu Thìn (1928).

Khi hai Ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang rút khỏi TTTN lập Ban Chính Đạo ở Bến Tre, thì Ngài Ngọc Lịch Nguyệt cũng rời Tòa Thánh, trở về Vĩnh Nguyên Tự tu hành.

Năm 1943, trong công cuộc nhà cầm quyền Pháp khủng bố Đạo Cao Đài, Ngài bị họ bắt đày đi Côn Đảo, đến năm 1945, Ngài mới được trả tự do trở về.

Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt bị sát hại trong cuộc chiến chống Pháp xâm lược của phong trào Việt Minh, Ngài qui liễu

tại Chợ Lớn ngày 2-9-Đinh Hợi (dl 15-10-1947) thọ 58 tuổi. Mộ của Ngài đặt tại phần đất phía sau Vĩnh Nguyên Tự, gần mộ của thân phụ Ngài là Cụ Lê Văn Tiêng.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt thỉnh thoảng có giáng cơ tại đàn cơ ở Vĩnh Nguyên Tự. Ngày 7-1-Ât Tỵ (1965), Ngài Ngọc Lịch Nguyệt giáng cơ, xin trích lục ra sau đây:

THI:

NGỌC chiếu khai xuân đã vẹn tròn,
LỊCH trình quý giá đáng vàng son.
NGUYỆT lai sẽ rõ cơ mầu nhiệm,
 Mừng thấy đệ huynh chí chẳng mòn.

Hỡi chư Hiền đệ, Hiền muội!

THI:

Bần đạo thấy khắp trong huynh đệ,
 Gối đã dùn, chẳng nệ mỗi xương.
 Bạc màu tóc đã điểm sương,
 Mà không nệ nhọc trên đường quả công.

Thiệt quý giá phúc hồng hiếm có,
 Bước dậm trường đi đó đi đây.
 Phổ thông giáo lý Đạo Thầy,
 Thiêng liêng nương đó giải bày thiệt hơn.

Dầu nóng bức chẳng sờn cực nhọc,
 Dầu ngày đêm lẫn lóc phụng hành.
 Hiệp hòa lớn nhỏ em anh,
 Rày đây mai đó chẳng canh cãi lời.

Bần đạo thấy nghĩ thôi quá tiếc!
 Mạnh thân phạm bị diệt tiêu tan.
 Lấy đâu làm một con hoàn,
 Để cùng huynh đệ một đàn thi đua.

Còn ở tục dễ thừa hành đạo,
 Nương cõi đời giả, tạo cái Chân.
 Có nhiều phương tiện xa gần,
 Để mà khuyến thiện diu nhân trở về.

Như Bần đạo lỡ bề thoát tục,
 Cõi vô hình mấy lúc tiếc thương.

Tùng chung Tiên Phật một đường,
Muốn diu sanh chúng phải nương cơ huyền.

Vì lẽ đó lời khuyên hơn thiệt,
Để đệ huynh nghiệm biết gần xa.

Ráng mà khắc kỷ xông pha,
Ráng mà giữ tánh để ra giúp đời.

Đừng bê trễ than ôi uổng bấy!
Đời mỗi mòn chẳng phải còn xa.

Trước tiên gìn giữ chữ hòa,
Tuy rằng số ít mà ra muôn phần.

Đến chùa, Thất, rửa lần tội lỗi,
Nghe kệ kinh tẩm gội linh hồn.

Mau chân mà tiến bước dồn,
Quả đầy công đủ bảo tồn nguyên căn.

THI:

Căn lành gìn giữ chớ buông lời,
Dù mấy năm qua cũng một đời.
Mãi miết mặc ăn cùng chỗ ở,
Hơi tàn vạn sự thấy buông trôi.

4. Đầu Sư Thái Thơ Thanh (1873-1950):

Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, thế danh là Nguyễn Ngọc Thơ, tên thật là Nguyễn Văn Tơ, sanh năm 1873 tại quận Bã Xà tỉnh Sóc Trăng, sau lên Sài Gòn lập nghiệp ở Tân Định. Thân sinh là Ông Nguyễn Hưng Học, cháu ruột của Trung Quân Nguyễn Văn Thiện (kêu bằng Chú ruột), vốn dòng trâm anh thế phiệt, trung hưng công thần.

Thuở thiếu thời, Ngài theo Nho học, sau theo Tây học, rất ái mộ Phật giáo, phụng thờ cha mẹ rất hiếu hạnh. Ngài có làm Thơ Ký tại phòng Phiên dịch được ít lâu, sau nghỉ ở nhà, noi theo nghiệp làm thầy hốt thuốc Bắc của ông thân, rồi ra làm thầy hốt thuốc, lại có phụ dịch nhật trình cho nhật báo tỉnh.

Sau đó, Ngài bước qua đường buôn bán, mở mang trước nhỏ, sau to, trở nên giàu có, mua được một sở Đại Thương Cước tại Sài Gòn.

Nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ cử Ngài làm Hội Đồng Thẩm Án tại Tam Tòa Sài Gòn, tất cả trước sau được thưởng 7 Huân chương với 2 tấm Kim Khánh, Kim Tiền.

Chánh thất của Ngài là Bà Bùi Thị Đông, một phụ nữ khôn khéo bề tề gia nội trợ, thuận tòng theo chồng, tạo lập nhà cửa, phố xá tại Tân Định, sự nghiệp càng ngày càng thịnh lợi, bề thế lớn lao.

Về sau, Ngài được ban cho phẩm Hàm Tri Huyện, nên người đời thường gọi Ngài là ông Huyện Thơ.

Ông Nguyễn Liên Phong, trong tập Điều Cổ Hạ Kim Thi Tập, có làm bài thơ khen tặng Ngài Nguyễn Ngọc Thơ:

*Làm trai chí khí trước sau bền,
 Án viện luận bàn hiển họ tên.
 Nề nếp ông thân khuôn những tạc,
 Phụng thờ từ mẫu thảo tâm đền.
 Dựng nền buôn bán ra đồ sộ,
 Cậy sức vợ hiền hiệp giúp nên.
 Nề lợi thân vào thành nghiệp cả,
 Ơn nhờ che chở hộ hai bên.*

Con gái của Ngài Nguyễn Ngọc Thơ là Nguyễn Thị Hương, có chồng là Trương Văn Tuấn, chủ nhà in *Đức Lưu Phương* ở Tân Định, sanh người con trai là Bác sĩ Trương Văn Quýnh. Bà Nguyễn Thị Hương cũng theo cha nhập môn vào Đạo Cao Đài, đặc phong phẩm Giáo Hữu ngày 14-Giêng-Đinh Mão (dl 15-2-1927) đàn cơ Phong Thánh Nữ phái kỳ I.

Đầu năm Bính Dần (1926), Ông Phạm Tấn Đãi, nhà ở Rạch Kiến, tỉnh Long An, thường chấp bút để học đạo. Ngày nọ, Ông chấp bút thì được lệnh Đức Chí Tôn dạy: "*Con hiệp cùng Trung để đi độ Thơ.*"

Ông Phạm Tấn Đãi (sau đặc phong Khai Đạo HTĐ) vâng lệnh Đức Chí Tôn lên Sài Gòn, tìm đến nhà Ông Cao Quỳnh Cư để hỏi thăm nhà Ông Trung. Bà Cư đáp: *Ông Trung có ra đây, vừa mới đi lên nhà Ông Thơ.*

Ông Đãi hỏi thăm địa chỉ của Ông Thơ, liền đi lên Tân Định tìm nhà Ông Thơ, thì gặp Ông Trung tại đó.

Ông Đãi liền trình bày Thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy cho hai ông xem. Ông Thơ xem xong nói: Tôi muốn làm sao hai ông cầu nguyện thế nào cho tôi chấp bút được thì tôi mới tin.

Ông Trung liền chịu và bảo Ông Thơ phải trai giới 3 ngày, đồng thời hai Ông Trung và Đãi cũng ở đó hiệp nhau cầu nguyện. Ông Thơ chấp bút thông công được với các Đấng một cách tốt đẹp, nên Ông bằng lòng theo Đạo. Ông nói với Ông Trung và Ông Đãi làm thế nào để độ cho vợ của Ông là Bà Lâm Ngọc Thanh đang ở Vũng Liêm theo Đạo luôn cho thuận chiều xuôi gió một đường.

Ông cầu nguyện, Ông Trên cho biết hiện giờ này bà Lâm Ngọc Thanh đang làm gì ở Vũng Liêm, cho biết từng chi tiết để ông ghi chép, rồi hôm sau, ông đánh điện kêu bà lên Sài Gòn. Khi bà lên tới Sài Gòn, ông hỏi các hoạt động của bà trong ngày vừa qua thế nào, thì bà nói đúng như Ông Trên đã mách bảo, không sai một mảy. Thế là 2 ông bà đều tin và theo Đạo.

Hai ông bà Thơ bàn tính làm thế nào để độ thầy mình là Hòa Thượng Như Nhãn theo Đạo luôn. Ông Trung và ông Thơ cậy ông Đãi ra nhà ông Cao Quỳnh Cư để mời 3 ông Cư, Tắc, Sang và Đạo hữu đến nhà ông Thơ để lập đàn cầu cơ. Đàn cơ được kết quả, Đức Chí Tôn thấu phục được Ngài Như Nhãn.

Tại nhà của Ngài Nguyễn Ngọc Thơ ở Tân Định, Đức Chí Tôn cho phép mở một cái Đàn để thấu nhận những người mộ đạo, Ngài Thơ chứng đàn, phò loan là 2 Ngài: Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

Ngày 2-7-Bính Dần (dl 9-8-1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Thơ làm Phối Sư phái Thái, cầm quyền Thái Chánh Phối Sư, Thánh danh là Thái Thơ Thanh.

Ngày 17-2-Quý Dậu (dl 12-3-1933), Ngài Thái Thơ Thanh được thăng lên Quyền Thái Đầu Sư.

Ngài Nguyễn Ngọc Thơ có chấp nối thành vợ chồng với Bà Lâm Ngọc Thanh ở Vũng Liêm, tục gọi là Bà Huyện Xây. Hai Ông Bà đều được Đức Chí Tôn độ theo Đạo, và về sau bà Lâm Ngọc Thanh đắc phong Nữ Đầu Sư, Thánh danh là

Hương Thanh. (Xem Tiểu sử: Nữ Đầu Sư Hương Thanh, và N)

Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh, nhờ giàu có sẵn, và một lòng tin tưởng vào nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn, nên đã đem nhiều tiền bạc ra hiến cho Đạo trong buổi sơ khai để xây dựng nền móng cho Đạo, kể ra như sau:

- Khi Hòa Thượng Như Nhãn hiến chùa Từ Lâm Tự tại Gò Kén (Tây Ninh) cho Đạo Cao Đài làm Thánh Thất để tổ chức Lễ Khai Đạo, Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền ra tu bổ, sơn phết, trang trí lại thành một Thánh Thất Cao Đài, làm đường thông ra quốc lộ cho rộng rãi, cất thêm nhà cho bồng đạo ở làm công quả, vv... Nhờ vậy mới có chỗ rộng rãi tốt đẹp để tổ chức long trọng Đại Lễ Khai Đạo Cao Đài ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926).

- Qua đầu năm 1927, Hòa Thượng Như Nhãn đổi ý, đòi chùa Từ Lâm lại, không hiến cho Đạo Cao Đài nữa, Đức Lý Giáo Tông dạy Ngài Thái Thơ Thanh hiệp cùng chư Chức sắc CTĐ và HTĐ đi coi mua 100 mẫu đất rừng tại làng Long Thành với giá 25.000 đồng thuê đó để làm nơi xây dựng Tòa Thánh và các cơ quan Trung ương của Đạo, trả chùa Từ Lâm Tự lại cho Hòa Thượng Như Nhãn. Số tiền 25.000 đồng mua đất do Ngài Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh xuất ra cho Hội Thánh mượn, sẽ từ từ hoàn lại sau.

- Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền in 10.000 tấm Thánh Tượng Thiên Nhân Ngũ Chi khổ lớn để phát không cho bồng đạo lập Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn tại tư gia.

Riêng phần Ngài Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh thì xuất tiền ra khai thác một sở rừng hoang để xây dựng Cực Lạc Cảnh, có ý muốn qui tụ các tăng ni Phật giáo qui hiệp về đây tu hành theo Tân pháp Đạo Cao Đài, nên lập ra nhiều cảnh như: Quan Âm Các, Long Nữ Điện, Tây Vực Trì, đặt tên các con đường là: Phước Đức Cù, Di-Lạc Đạo. Tuy là cảnh tạm nơi cõi trần mà nghe qua như là cảnh Phật nơi cõi CLTG.

Sau đây xin chép lại Sơ Văn phúc trình của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh và Bà Lâm Hương Thanh (lúc đang cầm

quyền Nữ Chánh Phối Sư) dâng lên Hội Thánh và Đức Chí Tôn.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ lục niên)

Chánh ngoạt, sơ nhị nhựt, Tân Vị, Khâm Thiên Tổng quản Tài Chánh, phụng sắc Chương quản tài liệu, Tổng lý Công viện, Lương viện, Hội viện, Nông viện, Phổ Độ viện.

Quyền Thái Đầu Sư Chủ Tọa Hội Thánh, Quản lý tạo tác Tổ đình, Thái Thơ Thanh kính bút,

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đệ lục niên, Chánh ngoạt, sơ tam nhựt, Tân Vị, Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh đề bút,

Tượng mằng Đại Đạo hoàng khai Tam Kỳ Phổ Độ lưu truyền thiên vạn cổ, bủa khắp Ngũ Châu, thì nền Chơn đạo phải to tát mới ra cảnh tượng thể thống Đạo cả.

Vì vậy mà hai tôi nong nả đêm ngày lo mở mang cuộc Thánh địa, chế ra nền Tây Vức, bởi công trường cực nhọc, trên nhờ sức thiêng liêng Đại Từ Phụ ban bố, mới xui khiến mua thêm được 100 mẫu đất rừng, của tư bốn vợ chồng tôi xuất ra mua, liên tiếp Thánh địa, nối dài ra tới Ngã ba Mít Một (Boulevard d'Anglais), bề mặt tiền trên 2000 mét, giáp ranh Bá Huê Viên, nối liền Động Đình Hồ, 1000 mét Thánh địa nữa, cộng chung là 3000 mét.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn ngày sau Hội Thánh mở mang 3 phía là Đông, Nam, Bắc, mỗi phía 3000 mét, vuông vức cộng là 12.000 mét vuông, dựng xây vách thành cao lớn giáp 4 phía, dựng nên miền Tây Vức, đề hiệu là **THÁI CỰC TOÀN ĐỘ**.

Trong chia ra 2 cuộc: Phía Chánh Bắc, xây cửa thành lớn, đắp nổi cao chữ "**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**", lộ ra 4 chữ to tát là "**ĐẾ THIÊN THƯỢNG HOÀNG**"; còn phía Chánh Nam, cũng tại cửa thành y kiểu 3 mặt như nhau, đề hiệu là "**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**", hiện ra 4 chữ "**ĐẾ THÍCH PHẬT TỔ**"; phía Chánh Đông, tạo một cuộc **Ngũ Quang Môn**, nghĩa là **Đại Thành Môn**, có 5 cửa **Ngũ Chi Đại Đạo**, hiện ra 4 chữ

"**THÁI CỤC TOÀN ĐỒ**"; còn Chánh Tây Môn thì cửa thành y kiểu 3 phía đề hiệu là **Tây Vực Cảnh**.

Trong Thái Cục Toàn Đồ chia ra làm 2 cuộc: Bên phía Bắc là **BẠCH NGỌC KINH**, tạo tác **Tổ Đình**, có **Bá Huê Viên**, **Động Đình Hồ**, Đức Thế Tôn ngự mở cảnh thoát trần, Đức Di-Lạc giáng thế khai Long Hoa Hội. Hai bên là Rừng Thiên Nhiên, phía sau lập Cửu Viện, Thiên Phong Đường, Đầu Sư Đường, Chánh Phối Sư Đường, Hộ Pháp Đường, Thái Y Viện, Dưỡng Lão Ấu, Tịnh Thất Sở, và Học Đường, Dưỡng Đường, với các xưởng Bá công kỹ nghệ.

Còn các con đường: 1) Như Lai Đò, 2) Di-Lạc Đạo, 3) Phước Đức Cù, 4) Oai Linh Tiên, 5) Bình Đặng Đò, 6) Sử Quân Tử, 7) Thái Hòa Lộ, 8) Bình Dương Đạo.

Còn bên phía Nam thì tạo **CỤC LẠC VÔ VI CẢNH GIỚI**, là đắp con đường chữ Thập lớn dài từ Nam chí Bắc, từ Đông giáp Tây, gọi là **TỨ TƯỢNG ĐỒ** biến **BÁT QUÁI**, chính giữa Ngã Tư biến ra Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Giữa trung tim, un đúc một cảnh **Nội Điện Đế Thích**, giống in như cuộc cổ tích trên chốn Đế Thiên gần nước Xiêm La vậy.

Phía bên hữu Tây Bắc thì tạo **Quan Âm Các**, phía bên tả Tây Bắc thì dựng **Long Nữ Điện**. Phía bên hữu Đông Bắc thì cất **Tòa Kinh Viện** 15 căn lầu 3 tầng nóc. Phía bên tả Đông Nam thì xây núi **Tô Sơn**, trên chót núi có đắp tượng Đức Thế Tôn nằm qui Niết Bàn, bề dài 12 thước tây, trên đỉnh trung có thạch động **Phổ Đà Sơn**, Đức Từ Hàng Đạo Nhơn thành Phật, ấy là 5 cuộc to lớn.

Còn các cuộc nhỏ khởi tạo trước là: tạo **Thất Bửu Tháp**, đảo **Tây Vực Trì**, cất **Thường Liên Đình**, tạo **Từ Thiên Lâm**. Trong cuộc Từ Thiên có 3 con đường cái: 1) Bát Nhã Đạo, 2) Bồ Đề Lộ, 3) Như Ý Cảnh. Lựa những bậc chơn tu trường trai khổ hạnh, từ trung thừa sắp lên mới cho vào trong cuộc Từ Thiên Lâm này, vương vực 500 công.

Ấy là bên hướng Nam. Còn bên hướng Bắc thì **Thái Bình Địa**, cũng 500 công, cất Chợ Từ Bi, Nhà Thương, Nhà Thí, Nhà Mát, Nhà Nghỉ cho bực tín đồ nhập môn theo Hạ thừa sắp lên thì được phép ở.

Ước mong ngày sau, Hội Thánh mở mang cuộc Thánh Địa này cho giáp hết núi Điện Bà dựng ra về nền Chơn đạo.

Trân trọng một bài kính cáo, nguyện cầu Đạo mạch hoàn toàn lưu truyền, trăm họ trước sau an nhàn.

Thái Thơ Thanh, Lâm Hương Thanh kính đề.

Chuyển đạt Thiên Đình, ngưỡng vọng Đại Từ Phụ Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chứng chiếu.

Ngu đệ tử phục thủ bá báí.

Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Ngài Thái Thơ Thanh:

TNHT. II. 6: "THO, nghe dạy:

Thời kỳ Mạt pháp này khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ, các sự Hữu hình phải hủy phá tiêu diệt.

Thầy đến chuyển Đạo, lập lại Vô Vi, các con coi thử bên nào Chánh lý: Hữu hình thì bị diệt đặng, chớ Vô Vi chẳng thể nào diệt đặng.

Thơ! Thầy đã khiến con đi Đế Thiên Đế Thích đặng xem cho tạn mặt Hữu hình, nội thế gian này ngày nay ai cũng nhìn nhận cho là tối đại, mà con đã thấy nó còn bền vững đặng chẳng? Lòng đạo đức của con, Thầy thấy rõ, nhưng thời giả dối đã qua, thời kỳ chân thật đã đến, Thầy không muốn cho con hao tài tốn của mà gìn giữ sự giả dối.

Chẳng cần chi con lập Thánh Thất của Thầy và sùng tu Phật tượng chi hết. Con hiểu bản nguyên Bảo Sanh là bản nguyên Thánh chất Thầy.

Thầy khuyên con để dạ lo cho nhơn sanh mà thôi, phần hồn về Thầy."...

Các Đấng thiêng liêng giao cho Lục Nương DTC giáng cơ trả lời Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh về Tờ Sớ xin làm Cục Lạc Cảnh và Thái Cục Đồ. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng mở đầu, sau đó nương cơ cho Lục Nương.

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Mặt nhựt rạng nhờ trời thanh bạch,
Cõi trần may nhờ khách đức dày.

Mùi hương sen Phật đã bay,
 Từ bên Đông Á phô bày Tây Âu.
 Nước hằng sông rửa bầu thế sự,
 Khiến nguyên nhân đổi dữ theo lành.
 Vạn bang dẹp cuộc chiến tranh,
 Lập cơ thoát khổ độ sanh muôn loài.
 Kẻ vì mị đoái hoài giả đạo,
 Kẻ hay tin quái giáo gây trò.
 Nguyên nhân lỡ bước ai lo,
 Đơn đường Cực Lạc đưa đò mê tân.
 Khá hiểu nghĩa Thiền Lâm cho chóng,
 Các nguyên nhân trông ngóng bấy lâu.
 Biết thân lại đợi ai cầu,

Tái cầu, Lục Nương tiếp:

Cầm gương thần huệ soi lầu nguyệt quang.
 Dục thế tục an nhàn lấy phận,
 Cửa Thiên cơ khởi vấn vương oan.
 Để chân vào cõi Niết Bàn,
 Thoát vòng luân chuyển may đàng tầm duyên.
 Tu đặng phép nhà Thiền ít kẻ,
 Những đam mê theo lẽ dối đời.
 Sa môn chánh pháp đổi dời,
 Con buôn cửa Phạm gạt người thiện tâm.
 Khá hiểu nghĩa Thiền Lâm cho rõ,
 Các thỉnh âm chẳng có cửa Không.
 Bớt điều sắc tướng hoàn vong,
 Bớt điều hồ mị nhọc lòng phạn hương.
 Bớt những lẽ người đương mê tín,
 Nhập Tịnh gia cây lịnh Thích Ca.
 Bớt điều làm sãi bó ma,
 Đưa linh lại mượn có nhà minh sanh.
 Bớt những lẽ giựt giành báỉ phước,
 Lấy Vu Lan đặng được ấm no,
 Bớt kinh bớt xá dăng thơ,
 Mã môn con hát giả đò giải khiên.
 Bớt cây Phật lập quyền Địa Ngục,
 Bớt đồ mưu lấy phục Di-Đà.

Bớt phương giải nạn tinh ma,
Lập nên danh phận cho nhà quỷ tăng.

THÁI THƠ THANH,

Anh khá kiếm lời răn của Phật,
Lấy từ bi dịu dặt sa môn.
Phật tăng như xác không hồn,
Lấy câu cứu khổ làm môn độ đời.
Anh khá mở cho rồi Cục Lạc,
Lập đường tu cho các chư sơn.
Tùng theo Tân Pháp Chí Tôn,
Đường tu cửa Phật may hườn như xưa.
EM nói rõ cho vừa ANH hiểu,
Bác Thiên Lâm, tùng kiếu Tam Kỳ.
Phép mẫu hai chữ Từ Bi.

THẮNG

Đức Chí Tôn giáng cơ tiết lộ cho biết, ngươn linh của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh là Từ Hàng Bồ Tát, và của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh là Long Nữ, đồ đệ của Đức Quan Âm Bồ Tát, và của Ngài Đầu Sư Thái Nương Tinh là Văn Thủ Bồ Tát. (Xem lại mục 2: Đầu Sư Thái Nương Tinh)

Sau đây xin chép lại bài: Đức Phạm Hộ Pháp xuất vĩa về Bạch Ngọc Kinh và CLTG, thấy Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, Chơn linh của Đức Từ Hàng Bồ Tát giáng trần, vào năm Đinh Mão (1927):

"Lúc mở Đạo ở Nam Vang (Tần quốc), Đức Phạm Hộ Pháp xuất Chơn thần về Thiên đình, qua Bạch Ngọc Kinh và CLTG, thấy Cửu phẩm Liên Hoa, nên thuật y câu chuyện lại cho Ngài Thái Thơ Thanh nghe như vậy:

Đương lúc mơ màng, Chơn thần liền xuất đi, thấy ngòi trên một cái xe ngựa, day qua thấy cảnh Thất thập nhị Địa, qua đến Tứ Đại Bộ Châu, nhìn thấy Đức Chí Tôn đứng trên Tòa Kim Khuyết, Đức Lý Giáo Tông cũng đứng trên bàn, kể Chức sắc Thiên phong, mấy vị Đạo tâm đứng hầu Ngài.

Chùng sắp trận Đại chiến với Quỷ Vương trên Thiên đình, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thắng trận, chúng Quỷ đều chạy tan vỡ, rồi kéo nhau qua CLTG, chùng đến cửa Niết Bàn

thì thấy Ngài Thái Thơ Thanh cầm bửu kiếm ngồi trên lưng con Kim Mao Hổ, trấn thủ CLTG.

Lúc ấy Đức Hộ Pháp hỏi Ngài Thái Thơ Thanh rằng:

Anh về trên này hỏi nào vậy?

Ngài Thái Thơ Thanh trả lời:

Tôi phải về trước để rước chư Hiền hữu.

Đức Phạm Hộ Pháp ngó ra ngoài thấy các vị Đại Đức đứng lao nhao lố nhố, đoàn ba lũ bảy, đến yêu cầu Ngài Thái Thơ Thanh cho họ nhập vào CLTG.

Ngài Thái Thơ Thanh không cho ai vào cửa hết, làm Đức Hộ Pháp động lòng, hỏi rằng:

- Tại sao Anh không cho họ vào?

Ngài Thái Thơ Thanh trả lời:

- Ngài không nhớ hồi đó chúng ta độ họ không đặng sao? Nếu người nào không nhập môn làm môn đệ của Đức Chí Tôn thì không thể gì vào được, vì các đạo giáo đều bị bế, chỉ có Đại Đạo Chánh Truyền dưới quyền của Di-Lạc Vương tận độ, mà điều trọng yếu hơn hết là không có lệnh Ngọc Hư Cung, tôi đâu dám cho họ vào. Nếu tôi cho vào, họ bị cây Giáng Ma Xử của Anh thì Anh nghĩ sao? Không cho họ vào là cứu linh hồn của họ vì họ có công tu. Nếu cưỡng lại mà cho vào thì họ sẽ bị lửa Thái Cực trong chữ VẠN đốt cháy ra tro tạt, mình lại có tội nữa mà chớ. Tốt hơn hết là để họ trở lại *Thanh Tịnh Đại Hải Chúng* mà đợi thời gian, rồi họ sẽ tái kiếp, sẽ tu, rồi về sau. Hữu duyên mới gặp Tam Kỳ độ.

Đức Phạm Hộ Pháp ngó vào cửa CLTG thấy chữ VẠN quay cuồng trông như cái chong chóng, hào quang chiếu diệu sáng ngời. Không có lệnh cho vào, mà chơn linh nào vào gần đó thì bị đốt tiêu ra tro tạt. Nên cảm thương thay cho các vị Đại Đức đã dày công tu luyện mà khi về đến cõi Tây phương, chẳng đặng nhập vào cõi CLTG.

Nên họ phát ra nhiều tiếng rên siết rầm rĩ, họ xúm nhau, đoàn năm lũ bảy, kẻ thì tụng kinh, người thì đánh chuông cầu nguyện, kẻ đánh mõ vang dậy.

Phần thì con Kim Mao Hầu hả miệng nhăn răng le lưỡi rất dữ tợn, nên không vị nào dám đến gần cửa CLTG.

Ấy là đúng theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn đã tiên tri hồi mới Khai Đạo năm Bính Dần, các Đạo bị bế lại, thảm thương cho các con, tu có công mà thành chẳng đặng. Nếu không đi vào con đường Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì không thể gì nhập vào CLTG cho đặng.

Chừng tới giờ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kéo cò về tới cửa CLTG, thì Ngài Thái Thơ Thanh, ngồi trên lưng Kim Mao Hầu, tay cầm bửu kiếm, chỉ ngay chữ VẠN thì cửa CLTG hóa ra to lớn rộng rãi vì chữ VẠN đã ngừng quay. Đức Hộ Pháp dẫn đầu đi vào trước, kế là những vị Chức sắc Đại Đạo Tam Kỳ và Đức Lý Giáo Tông tiến vào, sau mỗi vị đều có dấu hiệu cò cùng sắc phục khác nhau.

Lần lượt liên tiếp, Đức Lý Giáo Tông dẫn vào 9 ức nguyên nhân, chừng vào xong, kiểm soát lại, Đức Hộ Pháp nghe trong Niết Bàn hô lớn lên rằng: Còn thiếu một ức nữa.

Đức Hộ Pháp vội vàng muốn trở lại trần gian đặng độ tiếp cho đủ, thì có lệnh của Đức Chí Tôn phán rằng:

- Không hề chi đâu con, cửu nhị ức Nguyên nhân mới độ về có 9 ức, thì lần lượt sau cũng độ hết đặng.

Chừng nghe xong, Đức Hộ Pháp mới yên lòng.

Nhưng còn nghe văng vẳng bên tai rằng: "*Phương pháp độ rồi chỉ khuyên lơn các chơn linh, dầu Nguyên nhân hay Hóa nhân, đoạt được chữ HÒA với chữ NHẪN, mới về cửa này được. Dầu cho vạn kiếp sanh dày công tu luyện mà còn ganh ghét thì sẽ bị vào tay Chúa Quỷ, không trông mong gì về cùng Thầy được.*"

Đến đây, Đức Hộ Pháp ghi nhớ tỉ mỉ, để rồi biên chép lại cho các Chức sắc Kim Biên xem và đem về Tòa Thánh Tây Ninh cho Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh biết rõ tự sự.

Đức Ngài dạy sao ra nhiều bản để lưu truyền đến ngày sau traу thân học Đạo."

Năm 1950, Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh trở về nhà riêng ở Tân Định Sài Gòn để dưỡng bệnh. Ngài bị một bọn cướp ăn

mặc giả trang là người thân đến thăm, lọt được vào nhà, chúng ám hại Ngài để cướp bóc tiền của và vàng bạc.

Ngài qui vị ngày 21-7-Canh Dần (dl 3-9-1950) hưởng thọ 77 tuổi.

Hội Thánh hay tin, đem Liên đài xuống Sài Gòn để tấn liệt thi thể rồi rước về Tòa Thánh Tây Ninh làm lễ Đạo táng rất long trọng. Liên đài nhập Bửu tháp, xây tại Đông Lang Tòa Thánh, và đem bửu ảnh thờ nơi Báo Ân Từ.

Bài thài hiến lễ Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh:

*Tu thân giáo hóa chính đời thanh,
 Đồng chúc lễ dân hưởng phước lành.
 Cõi tục cầu an kinh tụng niệm,
 Lời truyền nguyện thấu đến cao xanh.
 Mưa nhuần gió thuận NghiêuThang tịnh,
 Nắng tốt tuyết hòa Thuấn Võ thanh.
 Đồng hưởng đời đời cầu thịnh trị,
 Tiêu diêu khoái lạc chí hùng anh.*

Bài thài này về sau được Hội Thánh dùng làm bài thài hiến lễ chung trong Lễ cúng kỷ niệm và tế lễ các vị Nam Nữ Đầu Sư quá vãng hằng năm.

Ngày mùng 8-4-Nhâm Dần (dl 5-8-1962), tại Thánh Tịnh Huỳnh Quang Sắc ở Bình Đông, Chợ Lớn, Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh có giảng cơ cho bài thi ngụ ý cho biết Ngài trở về cõi thiêng liêng được đặc phong là Từ Hàng Đạo Nhơn.

THI:

TỪ bi xây dựng lập ban vui,
 HÀN mặc viết tu bước thẳng xuôi.
 ĐẠO lý sáng soi diu khách tục,
 NHƠN luân tô điểm tợ hoa tươi.
 NGUYỄN gia gọi phước gìn nên một,
 NGỌC quý đượm màu giữ vẹn mười.
 THƠ phú Thần Tiên ngâm hiểu nghĩa,
 Giảng khuyên ráng học đạo làm người.

Khoán thủ 8 câu thơ trên là: Từ Hàn(g) Đạo Nhơn Nguyễn Ngọc Thơ giảng.

Tiếp theo, ngày 15-9-Nhâm Dần (dl 13-10-1962), cũng tại Thánh Tịnh Huỳnh Quang Sắc, Ngài Thái Thơ Thanh giảng cơ bản cho Kinh Nhạc Đạo Hành Ca, giảng giải về Đạo lý:

Từ tâm cứu khổ độ quần sanh,
Hàng uyển chỉnh tu tạo sống lành.
Đạo lý gieo truyền gây hạnh lạc,
Nhơn luân bồi đắp tạc thình danh.
Nguyễn gia phước huệ nêu màu đẹp,
Ngọc tốt tinh vi rạng sắc thanh.
Thơ viện sáng soi gìn giác thể,
 Giảng phân lẽ phải gắng thi hành.

Đàn nay, Bần đạo thừa vâng sắc lệnh của Đức Chí Tôn giảng tả KINH NHẠC ĐẠO HÀNH CA quyển nhứt trên đường khai thông chuyển hóa.

TỰA KINH:

NHẠC lòng hòa tấu bản Đường Tu,
 ĐẠO đức sáng soi vệt ngút mù.
 HÀNH hóa cảm thông khai mạch sống,
 CA ngâm đúng điệu tính phạm phu.

Nhạc Đạo Hành Ca là những điệu sồng đàn lành mạnh hòa nhịp bản ca đạo đức, là những giọng điệu hiền giác hóa khách trần đời trên khúc quanh mê lộ.

NHẠC ĐẠO hồn quê gọi kêu người lạc lối,
 HÀNH CA lý tưởng khai triển bước quang vinh.

Câu đối:

Nhạc Đạo Tam Kỳ giác ngộ trần mê
khai tâm chuyển hóa,
Hành Ca nhứt lộ xiển dương chánh pháp
bình tánh hồi nguyên.

5. Đầu Sư Thượng Tương Thanh (1881-1951)

6. Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (1879-1936):

Hai vị Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang), bất đồng ý kiến trầm trọng với Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Đức Phạm Hộ Pháp, nên hai Ngài rút khỏi TTTN, xuống Sài Gòn và

Bến Tre lập Ban Chính Đạo, chống lại TTTN, và sau đó Ban Chính Đạo biến thành Chi Phái Cao Đài Bến Tre. (Xem tiểu sử của hai Ngài nơi chữ: Chi Phái, phần sau, văn Ch)

7. Đầu Sư Thượng Sáng Thanh (1888-1980):

Sau đây xin chép lại nguyên văn Bản Tuyên Dương Công Nghiệp của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, do Đại diện của Hội Thánh CTĐ (Ngài Đầu Sư Ngọc Nhươn Thanh) đọc trước Liên đài của Cố Thượng Đầu Sư:

"Nhân danh Ngọc Đầu Sư, Đại diện Hội Thánh ĐĐTKPĐ, tôi xin trân trọng tuyên dương công nghiệp hành đạo của Ngài Thượng Đầu Sư Thượng Sáng Thanh vừa qui Thiên, hưởng thọ 93 tuổi.

A. Phần lai lịch hành đạo:

Ngài Thượng Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, thế danh là Trần Ngọc Sáng, sanh năm 1888 tại làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho, người quốc tịch Việt Nam.

Nhập môn ngày 16 tháng 11 năm Bính Dần (1926) tại chùa Gò Kén, Tây Ninh. Sau ngày nhập môn tụng giáo, Ngài giữ trọn phận sự tin đồ Đại Đạo, xứng đáng là môn đệ yêu dấu của Đấng Chí Tôn.

- Ngày 21-5-Đinh Mão (1927), trong một đàn cơ tại Thánh Thất Hữu Đạo (Mỹ Tho), có Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt chứng đàn, Ngài thọ phong phẩm Giáo Hữu phái Thượng, do Đức Chí Tôn giáng cơ phong Thánh.

- Từ ngày đắc phong vào hàng Thánh Thể, Ngài xả thân hành đạo, tận tụy với nhiệm vụ thiêng liêng của Hội Thánh giao phó trong sứ mạng Thể Thiên hành hóa.

- Năm Đinh Mão (1927), Ngài đắc lệnh hành đạo tại Mỹ Tho, nơi Thánh Thất của Ông Phối Sư Thái Ca Thanh để phổ độ nhơn sanh trong tỉnh.

- Năm Mậu Thìn (1928), đảm nhiệm Đầu Họ Đạo Mỏ Cà, đồng thời đi phổ độ và truyền giáo ở các tỉnh Rạch Giá, Cà Mau, Bạc Liêu, Long Xuyên.

- Năm Kỷ Ty (1929), đắc lệnh đi quan sát tình hình Đạo sự ở 5 tỉnh Hậu Giang.

- Năm Canh Ngọ (1930), đảm nhiệm Đầu Tỉnh Đạo Long Xuyên, và mỗi tháng về Tòa Thánh dạy Hạnh Đường 10 ngày, trong suốt gần 2 năm trường.
- Ngày 15-10-Nhâm Thân (1932), được thăng Giáo Sư.
- Năm Quý Dậu (1933), kiêm nhiệm Đầu Tỉnh Đạo Mỹ Tho.
- Năm Giáp Tuất (1934), đảm nhiệm Đầu Tỉnh Đạo Sa Đéc.
- Năm Ất Hợi (1935), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa, Vũng Tàu.
- Năm Kỷ Mão (1939), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre.
- Năm Canh Thìn (1940), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Chợ Lớn, Gia Định, Tân An,
- Năm Tân Tỵ (1941), về Tòa Thánh hành đạo.
- Năm Quý Mùi (1943), Chánh quyền Pháp bắt đày ra Côn Đảo trong 2 năm, cho đến ngày Đảo Chánh 9-3-1945 mới được trả tự do trở về xứ.
- Năm Bính Tuất (1946), đảm nhiệm Khâm Trấn Đạo Định Tường.
- Năm Đinh Hợi (1947), về Tòa Thánh dạy Hạnh Đường, khóa Huấn Luyện Lễ Sanh.
- Năm Mậu Tý (1948), kiêm nhiệm Quyền Thượng Thống Lại Viện.
- Ngày 7-4-Mậu Tý (1948), Ngài được thăng Phối Sư.
- Năm Kỷ Sửu (1949), đảm nhiệm Quyền Thượng Chánh Phối Sư.
- Năm Tân Mão (1951), kiêm nhiệm Quyền Thái Chánh Phối Sư.
- Năm Ất Mùi (1955), Ngài được thăng Thượng Chánh Phối Sư Chánh vị, do Quyền Chí Tôn tại thế phong thưởng.
- Năm Quý Mão (1963) thăng phẩm Quyền Đầu Sư.
- Năm Giáp Thìn (1964), thăng phẩm Đầu Sư Chánh vị, nhưng phải tạm hành quyền Thượng Chánh Phối Sư.

- Năm Bính Ngọ (1966), Ngài chỉ hành quyền Đầu Sư sau khi có Thánh giáo của Đức Lý Đại Tiên, Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ giảng cơ phong thượng vị Phối Sư Thượng Tểng Thanh, lãnh nhiệm vụ Quyền Thượng Chánh Phối Sư.

B. Phần công nghiệp khổ hạnh:

- Năm Tân Mùi (1931), Ngài bị nhà chức trách Pháp bắt giam tại Sa Đéc, giải xuống Vĩnh Long, xét vô tội nên được thả.

- Năm Nhâm Thân (1932), Ngài cùng với Đức Quyền Giáo Tông đi hành đạo tại Chợ Mới Long Xuyên, bị kẻ nghịch đạo vu oan, khiến nhà chức trách bắt Ngài cùng Đức Q. Giáo Tông, giải ra Tòa Long Xuyên xét xử được trắng án.

- Năm Giáp Tuất (1934), Ngài đi dự Lễ Khánh Thành Thánh Thất Tân Khánh Tây Sa Đéc, bị Chủ Quận Châu Thành Sa Đéc ó đạo, bắt giải ra Tòa Sa Đéc xét xử, được trắng án.

- Năm Quý Mùi (1943), Chánh Phủ Pháp bắt Ngài đày ra Côn Đảo, nơi đây do ân huệ thiêng liêng tiền định, Ngài cảm hóa được dân chúng địa phương nhập môn tùng giáo, mà phần đông là nhân viên chánh quyền buổi ấy, khuyến khích họ tạo dựng được một ngôi Thánh Thất sở tại mà hiện nay di tích Thánh Thất nơi Côn Đảo vẫn còn.

C. Phần công nghiệp ban khen:

- Trong những năm dài hành đạo tại Sa Đéc, Ngài chịu nhiều cực nhọc và khổ hạnh, vì bị quyền Đờn buổi nọ gây khó khăn, tuy nhiên, Ngài vẫn một lòng tận tụy với nhiệm vụ, không một lời than thở, chí nguyện tận trung với Đạo, tận hiếu với Thầy mà thôi.

Cảm đến công khó của Ngài, nên Đức Bát Nương DTC có giảng cơ đề nghị với Ngài Khai Pháp Chơn Quân, lúc ấy đang đảm nhiệm Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, cấp Ban Khen cho Ngài về tinh thần phục vụ, có chí đảm đương, gánh chịu sự khó khăn nơi tỉnh Sa Đéc. Hội Thánh có lập Tờ Ban Khen đọc tại Đền Thánh và cũng có lời Ban Khen của Đức Quyền Giáo Tông khi Ngài hành đạo tại Long Xuyên.

- Năm Tân Mão (1951), Ngài Chủ Tọa Đại Hội Nhơn Sanh được Đức Phạm Hộ Pháp gửi văn thư để lời Ban Khen Ngài đã ngoan khéo cầm quyền chủ tọa, đủ trí, vững tâm, nắm oai quyền gìn giữ Chơn pháp của Đạo, nên Đại Hội Nhơn Sanh được kết quả hoàn toàn.

- Năm Tân Mão (1951), Ngài vâng lệnh Hội Thánh đi chứng Lễ An Vị Thánh Thất Bạc Liêu, được Đức Cửu Nương DTC về cơ khen ngợi lập được kỳ công đắc thắng và để lời cảm ơn Ngài có chút từ tâm để khêu ngọn đuốc huệ cho nhiều nhân vật đạo đức nơi tỉnh Bạc Liêu theo đường Chánh giáo.

D. Tổng Luận:

Ôn lại quá trình 55 năm hành đạo của Ngài, chúng ta nhận thấy:

- Ngài là một Chức sắc Đại Thiên phong tiền bối đạo hạnh và gương mẫu.

Ngài đã vì chúng sanh, vì Đạo, mà 4 lần lâm vào vòng lao lý. Nhưng không vì khổ hạnh ấy mà Ngài thối bước ngã lòng. Khó nhọc không màng, gian nan chẳng quản, Ngài để bước ta-bà khắp Lục Tỉnh Nam Kỳ buổi trước để hoàng dương nền Chơn pháp của Đức Chí Tôn theo Thiên ý. Với sứ mạng thể Thiên hành hóa, Ngài là một trong những sứ giả tiền bối, mang lời châu tiếng ngọc của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng gieo vào căn não nhơn sanh, để giục thức các bậc nguyên căn hữu phước tỉnh giấc mộng trần, qui tùng Chánh giáo, hầu chung hưởng hồng ân của Đại Từ Phụ trong buổi Chuyển thể khai Nguơn Thánh Đức.

Với đức tánh từ hòa, khiêm nhượng, rộng lượng, khoan hồng, giàu lòng bác ái, Ngài thu phục được nhơn tâm, cảm hóa được lòng người, khiến toàn đạo ai cũng cảm mến, kính yêu.

Đối với bề trên, Ngài một mực kính ngưỡng.

Đối với bạn đạo đồng hành, Ngài trọn tình trọn nghĩa, hữu thủy hữu chung.

Đối với đàn em, Ngài hết dạ thương yêu, đùm bọc và nhất là hết lòng dìu dắt, nâng đỡ, an ủi, vỗ về những đứa em lạc bước.

Toàn đạo thường ca tụng Ngài là:

Hiện thân của sự thương yêu, từ nhượng.

Một bậc đại đức chơn tu, mẫu mực hoàn toàn.

Tóm lại, chúng ta thấy cuộc đời hành đạo của Ngài luôn luôn gắn bó với nghiệp Đạo trên 50 năm qua. Với chí hy sinh vì đời thọ khổ, Ngài đã miệt mài và tận tụy với Thiên trách, cùng gánh vác chia sẻ những nỗi vui buồn vinh nhục với Hội Thánh và toàn đạo trong những lúc cơ Đạo thăng trầm.

Trên 15 năm cầm quyền Thượng Đầy Sư, là cấp lãnh đạo Hội Thánh CTĐ về mặt hữu vi, Ngài tỏ ra luôn luôn ôn hòa và khéo léo diu dắt Chức sắc đàn em đi trong khuôn viên luật pháp chơn truyền của Đại Đạo.

Với đức độ từ ái của Ngài, toàn đạo đều hết lòng chiêm ngưỡng, công nghiệp lớn lao của Ngài sẽ ghi đậm nét son nơi thanh sử muôn đời lưu dấu và ngời sáng ánh huệ quang cho hậu tấn soi chung.

Mấy năm sau này, vì niên kỷ quá cao, sức phàm hữu hạn, mặc dù tinh thần Ngài vẫn còn tráng kiện, sáng suốt, song thể xác theo định luật của Tạo đon phải lần lượt hao mòn, đi đứng khó khăn, yếu ớt, nên Ngài phải trở về tư gia tịnh dưỡng cho con cháu được thỏa niềm hiếu đạo. Mặc dầu Hội Thánh hằng lui tới viếng an và gia đình tận tình lo lắng cho Ngài, nhưng mạng căn và Thiên số đã định, sức khỏe của Ngài kiệt dần, nên ngày mùng 6 tháng Giêng năm Canh Thân, Hội Thánh rước Ngài vào biệt điện Nam Đầy Sư Đường an dưỡng, chờ giờ về Thầy, cho đến lúc 11 giờ 30 phút khuya đêm mùng 8 rạng mùng 9 tháng Giêng năm Canh Thân (1980), Ngài nhẹ nhàng viên tịch, hưởng thọ được 93 tuổi.

Hôm nay, Thiên mạng đã xong, nợ trần giữ sạch, công viên quả mãn, Ngài trở về bái mạng Ngọc Hư. Hội Thánh và toàn đạo ngậm ngùi thương tiếc. Từ đây, Hội Thánh vắng bóng hình một bậc Chức sắc Đại Thiên phong tiền bối lão thành rất dày công cùng Đạo nghiệp.

Nhưng công nghiệp đặc biệt nhất của Ngài là:

1. Công cuộc truyền giáo Ngoại quốc.

2. Việc phổ độ nhơn sanh ở Côn Đảo, nơi mà Ngài chịu cảnh lưu đày tù tội.

- Về mặt truyền giáo Ngoại quốc, với cương vị Thượng Chánh Phối Sư có trọng trách về phần Ngoại giao, Ngài vâng lệnh Đức Hộ Pháp và Hội Thánh, đi dự Đại Hội Tôn giáo Quốc Tế tại Nhựt Bản. Nơi đây, Đạo kỳ của tôn giáo Cao Đài được phát phơ trên Kỳ đài quốc tế, triết lý và tôn chỉ của Đại Đạo được xương minh mạnh mẽ, chủ thuyết Tứ hải giai huynh đệ hay là Đại đồng huynh đệ của Đại Đạo nhận định: Bốn biển đều là anh em, tất cả loài người là đồng bào, do một nguồn cội, một gốc thiêng liêng mà ra, được Đại Hội Tôn giáo Quốc tế chân thành tán dương nhiệt liệt.

Đây là một thắng lợi tinh thần đáng kể của Đạo Cao Đài trên vũ đài quốc tế mà chính Ngài đạt được kỳ công đó.

- Mặt khác, Chánh phủ Pháp bắt Ngài lưu đày ra Côn Đảo, những tưởng nơi đây xa xứ biệt nhà, với cảnh trời nước bao la, núi cao rừng rậm, biển cả mênh mông, hết trông ngày qui hồi cố quốc, và có thể gởi xương nơi đất khách. Nào ngờ đâu, chính nơi đây, do ơn huệ thiêng liêng chan rưới và tiền định, trong lúc tiếp xúc với dân chúng địa phương trong các công tác tù nhân hằng ngày, Ngài cảm hóa được họ nhập môn cầu đạo khá đông đảo, trong đó đa số là nhân viên chánh quyền buổi ấy, khuyến khích họ tạo dựng thành công một ngôi Thánh Thất, mà hiện nay di tích vẫn còn.

Thật là một việc hy hữu, một kết quả hiếm có bất ngờ, ngoài sự ước muốn của Ngài. Ấu đó cũng là một diễm phúc mà Ông Trên đã dành để đặc biệt cho Ngài đó vậy. *(Trích bài Điều Vãn của Ngài Đầu Sư Ngọc Nhươn Thanh, đọc trước Liên đài khi nhập bửu tháp).*

Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh có làm Tờ Di Ngôn để lại căn dặn các con của Ngài như sau:

"Từ trước tới giờ, Ba hành đạo không muốn làm hao tổn của Hội Thánh và nhơn sanh, nên chừng nào Ba có về thiêng liêng thì các con làm y như Má các con buổi trước, nghĩa là: Từ điều và mọi việc mua sắm quả phẩm cúng tế như bánh trái, rượu, trà,... làm hao tổn của nhơn sanh, chỉ dùng bông hoa tươi một ít để cúng tế mà thôi."

Tờ Di Ngôn này được các con của Ngài gửi đến Hội Thánh, và Hội Thánh thông truyền cho Chức sắc, Chức việc và toàn đạo nên nghiêm chỉnh tuân hành di ngôn đáng kính trên đây và cũng để chừa vị ái nữ của Cố Thượng Đầu Sư giữ được trọn lời căn dặn cuối cùng của thân sinh.

Bài Thái hiến lễ Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh:

*SÁNG đèn cánh bướm phải điêu tàn,
Phải biết gần quan mới hiểu quan.
Thinh thế mượn con tua trả lại,
Thử chơn danh mối đạo tìm đàng.*

Bài thi 4 câu này là của Đức Chí Tôn ban cho Ngài Đầu Sư vào năm Bính Dần khi Chí Tôn thân nhận Ngài làm môn đệ, nay lấy bài thi này làm bài thái hiến lễ.

8. Đầu Sư Thái Bộ Thanh (1891-1976):

Sau đây là BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP của Ngài Đầu Sư Thái Bộ Thanh, do Ngài Đầu Sư Ngọc Nhươn Thanh thay mặt Hội Thánh tuyên dương tại Giảng Đài Tòa Thánh ngày 29-9-Bính Thìn (dl 20-11-1976):

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

Kính Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện,

Kính quý Chức sắc Thiên phong, Chức việc, các Ban Bộ và toàn đạo lưỡng phái.

Nhơn danh Ngọc Đầu Sư đại diện Hội Thánh Cửu Trùng Đài Nam Nữ, tôi trân trọng tuyên dương công nghiệp của Ngài Cố Thái Đầu Sư Thái Bộ Thanh vừa đăng Tiên.

Sơ lược phần Tiểu sử:

Ngài Cố Thái Đầu Sư Thái Bộ Thanh, thế danh là Nguyễn Lễ Bộ, sanh ngày 7-7-Nhâm Thìn (dl 28-8-1892) tại làng Bình Hòa, tổng Cửu Cư Thượng quận Thủ Thừa, tỉnh Tân An. Ngài là con của Cụ Nguyễn Văn Ngư và Bà Lê Thị Biếu, xuất thân trong một gia đình thế phiệt, nhỏ túng Nho học, lớn lên theo đà tiến triển của xã hội, chuyển qua học Tây học, làm Đại Hương Cả và cũng là một nghiệp chủ có tiếng tại làng Bình Hòa.

Người bạn hôn phối của Ngài là Bà Thái Thị Hạnh, tức Lễ Sanh Hương Hạnh.

Năm Đinh Mão, ngày 12-Giêng (dl 13-2-1927), Ngài nhập môn tùng theo ĐĐTKPĐ tại Chùa Gò Kén. Cho đến ngày 18-6-Đinh Mão (dl 16-7-1927), Ngài thọ phẩm Giáo Hữu phái Thái, do đàn cơ Phong Thánh tại Xuyên Mộc (Bà Rịa), Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi và Hiến Đạo Phạm Văn Tươi phò loan.

Sau khi nhập môn, Ngài hiến nhà làm Thánh Thất tạm, là cơ sở đầu tiên để lo truyền giáo nơi tỉnh Long An.

Lúc thọ phong xong, vâng lệnh Thượng Đầu Sư (tức Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung) đi mở Đạo trong tỉnh Long An, Ngài châu lưu khắp các làng xã phổ độ nhơn sanh nhập môn tùng giáo.

Ngài vận động và hiến tài vật để xây cất Thánh Thất đáng giá, suốt 3 năm liền, chi phí trong Thánh Thất và việc ăn uống cho bốn đạo trong các kỳ đàn vía, sóc vọng, Ngài đều đài thọ tất cả. Ngài còn vận động và hướng dẫn công quả lãnh phá một mẫu rừng để lập Tòa Thánh hiện giờ.

Năm 1930, Ngài được lệnh về Tòa Thánh lãnh phận sự trong Ban Tài Chánh.

Năm 1931, Ngài làm Quản Lý Hộ Viện.

Năm 1932, lãnh trách nhiệm Đầu Hộ Đạo Cần Thơ.

Cuối năm 1933, Ngài được chuyển về đảm nhiệm Đầu Hộ Đạo Tân An.

Tháng Giêng năm 1940, Ngài trở về Tòa Thánh lãnh phận sự Phó Quản Lý Lương Viện, rồi chuyển qua Phó Quản Lý Nông Viện.

Đến năm 1941, cường quyền Pháp khủng bố, đóng cửa Tòa Thánh và các Thánh Thất, Đức Phạm Hộ Pháp và nhiều vị Đại Thiên phong bị bắt đờ lưu nơi Hải ngoại, Hội Thánh cơ hồ bị tan rã, mỗi người tự tầm phương lánh nạn, chỉ còn Ngài và hai vị Chức sắc khác (Giáo Sư Thượng Đưa Thanh Quản Lý Lương Viện, Lễ Sanh Thượng Thanh Thanh Lễ Viện) là ba người sau cùng còn ở lại Nội Ô Tòa Thánh .

Qua năm 1942, Ngài và cả gia đình đều hưởng ứng cơ chuyển thế, hiệp tác với hãng tàu Nitinan (Sài Gòn).

Năm 1943, đảm nhiệm Khâm Châu Đạo Sài Gòn kiêm Tân An.

Năm 1944, lãnh trách nhiệm Tổng Quản Tài Chánh tại Sở đóng tàu Nitinan Rạch Ông (Sài Gòn) và lãnh đóng một chiếc tàu cho Châu Đạo Tân An để tạo ngân quỹ thêm cho cơ quan rất đặc lực.

Năm 1945, nguyện ước cuộc đảo chánh Pháp đạt thành, Ngài hiệp cùng Chức sắc khác lo phục hưng các cơ sở Đạo.

Nhưng đến tháng 9 năm 1945, quân đội Pháp được sự che chở của Đồng Minh, tái chiếm VN và thẳng tay đàn áp Đạo. Cơ sở Đạo bị đốt phá, Chức sắc thì bị lưu đày hoặc bị hành quyết. Ngài may mắn thoát khỏi và trở về quê nhà tại làng Bình Hòa để chờ thời cơ.

Năm 1946, Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, Ngài trở lên Tòa Thánh hành đạo và lãnh nhiệm vụ Quản Lý Hộ Viện, do Đạo Nghị Định số 1 ngày 8-9-Bính Tuất (1946).

Thánh Lệnh số 18 ngày 7-4-Mậu Tý (dl 15-5-1948) Ngài được vinh thăng phẩm Giáo Sư do Quyền Vạn Linh năm Bính Tuất công nhận.

Thánh Lệnh số 713/TL ngày 8-8-Kỷ Sửu (1949) lãnh trách nhiệm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo.

Thánh Lệnh số 27/TL ngày 16-12-Canh Dần (1951) lãnh trách nhiệm Khâm Trấn Đạo Miền Đông.

Sắc Huấn số 5/PC ngày 19-4-Nhâm Thìn (1952) kiêm nhiệm vụ Chủ Tọa Pháp Chánh Tự Quyền CTĐ.

Huấn Lệnh số 17/HL ngày 2-5-Quý Tỵ (1953) kiêm thêm trách vụ Phó Trưởng Ban Kiểm Soát Công nghiệp của Chức sắc thăng phẩm.

Hành quyền Khâm Trấn Đạo Miền Đông đến năm Quý Tỵ, Ngài được về Tòa Thánh hành đạo, lãnh trách nhiệm Giám Đốc trường Huấn Luyện Giáo Sĩ do Thánh Lệnh số 38/HP ngày 11-6-Quý Tỵ (dl 21-7-1953).

Thánh Lệnh số 575/HP ngày 2-12-Quý Tỵ (dl 6-1-1954) Ngài được vinh thăng phẩm Phối Sư.

Năm Giáp Ngọ, lãnh phận sự Quyền Thái Chánh Phối Sư do Thánh Lệnh số 915/VPHP ngày 11-4-G.Ngo i(dl13-5-54).

Thánh Lệnh số 1/TL ngày 16-11-Ất Mùi (dl 29-12-1955), Ngài được Đức Phạm Hộ Pháp ban cho hành quyền chánh vị Thái Chánh Phối Sư.

Đến hạ tuần tháng 6 năm Đinh Dậu (1957), Ngài bị chế độ Ngô Đình Diệm áp bức bắt quản thúc và xử lưu xứ 5 năm.

Do Đạo Lệnh số 1/ĐL ngày 2-1-Nhâm Dần (1962), Ngài tái thủ nhiệm vụ Thái Chánh Phối Sư.

Thánh giáo đêm rằm tháng 4 năm Giáp Thìn (dl 26-5-64) tại Cung Đạo Đền Thánh, Đức Lý Đại Tiên cho Ngài hồi hưu dưỡng lão.

Thánh Lệnh số 6/TL ngày 18-12-Bính Ngọ (dl 28 -1- 67) Ngài được tái lãnh nhiệm vụ Thái Chánh Phối Sư do đàn cơ đêm 11-12-Bính Ngọ (dl 21-1-1967) của Đức Lý Giáo Tông tại Cung Đạo Đền Thánh.

Sắc Lệnh số 11/ĐS-SL ngày 6-3-Mậu Thân (1968), Ngài kiêm nhiệm Chủ Tọa Hội Công Đồng phái Thái.

Ngài chấm dứt nhiệm vụ Thái Chánh Phối Sư vì kém sức khỏe theo tinh thần Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông đêm rằm tháng 11 năm Tân Hợi (dl 1-1-1972).

Do Thánh Lệnh số 25/TL ngày 8-Chạp-Nhâm Tý (dl 11-1-1973), Ngài được vinh thăng lên phẩm Đầu Sư do đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 1-Chạp-Nhâm Tý (dl 4-1-1973) của Đức Lý Giáo Tông và tiếp tục hành đạo cho đến ngày nay.

Ôn lại công nghiệp hành đạo của Ngài Cố Thái Đầu Sư Thái Bộ Thanh trong 50 năm qua, Ngài đã từng cam chịu lắm khổ tâm, nếm biết bao mùi cay đắng vì Đạo vì Thầy, nhưng với một ý chí cương quyết, một nghị lực nhẫn nại phi thường, Ngài trầm tĩnh lướt qua mọi cơn khải đảo để bảo vệ và phát huy đại nghiệp Đạo, thực thi tròn sứ mạng thể Thiên hành hóa.

Từ ngày lãnh trọng trách Thái Đầu Sư, Ngài quá lo âu và tận tụy với nhiệm vụ nặng nề khó nhọc, nên thường hay bệnh hoạn. Hội Thánh hết lòng lo lắng, săn sóc, nhưng hễ bệnh căn được thuyên giảm phần nào thì Ngài lại cố gắng tiếp tục Đạo quyền, chẳng quản tuổi già mệt nhọc.

Mới đây, bệnh Ngài tái phát, Hội Thánh liền rước Ngài vô Y Viện Hành Chánh để cho bác sĩ điều trị, nhưng thuốc Đông y và Tây y chữa vẫn không thuyên giảm được bệnh căn, nên Ngài thoát xác qui Tiên vào lúc 7 giờ 15 phút ngày 27-9-Bính Thìn (dl 18-11-1976) tại Y Viện Hành Chánh Tòa Thánh .

Than ôi! Một giấc thiên thu, ngàn năm vĩnh biệt! Vẫn biết sống ở thác về là định luật của Đấng Hóa Công, nhưng Ngài về bái mạng Ngọc Hư, Hội Thánh CTĐ mất một Chức sắc Đại Thiên phong lãnh đạo nhiệt thành và toàn đạo mất một đàn anh khả kính.

Nay Ngài đã rảnh rồi nợ thế, duyên Đạo trả xong, nợ trần phủi sạch, nhưng trước cảnh tử biệt sanh ly, kẻ còn người mất, Hội Thánh cùng toàn đạo không khỏi ngậm ngùi mến tiếc, nhớ thương một Chức sắc đàn anh trọn đời chỉ biết sống và hy sinh cho đại nghiệp Đạo.

Thay mặt Hội Thánh CTĐ và toàn đạo, tôi xin chân thành phân ưu cùng tang quyến.

Trước khi dứt lời, xin kính mời Hội Thánh và toàn đạo hướng vào BQĐ thành tâm cầu nguyện Ơn Trên Đại Từ Phụ, Đại Từ Mẫu và các Đấng thiêng liêng ban ân lành cho chơn linh Ngài Cố Đầu Sư Thái Bộ Thanh được cao thăng Thiên vị nơi cõi TLHS.

Nay kính.

Tòa Thánh ngày 29-9-Bính Thìn (dl 20-11-1976)

ĐẦU SƯ NGỌC NHƯỢNG THANH

Bài Thái hiến lễ Ngài Đầu Sư Thái Bộ Thanh:

*Giáo Tông ban chức Thái Đầu Sư,
Lao khổ bao nhiêu cũng chẳng từ.
Lục bá, tam thiên công quả mãn,
Nhứt thời đặc pháp ngộ chơn như.*

Liên đài của Ngài Thái Đầu Sư nhập bửu tháp lúc 8 giờ ngày 2-10-Bính Thìn (dl 22-11-1976).

9. Đầu Sư Ngọc Nhưộn Thanh (1906-1985):

* **Buổi thiếu thời**, Ngài được sanh trưởng trong gia đình đạo đức Nho phong, Bùi Đắc Nhưộn chào đời lúc 10 giờ đêm 10-5-Bính Ngọ tại làng An Hòa, tổng Hàm Ninh Hạ, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, con thứ sáu của Cụ Ông Bùi Đắc Vị và Cụ Bà Nguyễn Thị Bích. Hai Cụ đều tu theo Đạo Minh Sư, đến chức Lão Sư.

Năm 1918, Ngài Bùi Đắc Nhưộn là con thứ sáu của gia đình mới ra tùng học vỡ lòng tại trường Tổng Trảng Bàng cho đến năm 1922, thi đậu vào trường tỉnh Tây Ninh.

Cuối năm 1922, Cụ thân sinh qua đời. Cách một tháng sau, Bà ngoại liễu đạo. Qua năm 1924, Bà thân mẫu thất lạc.

Sớm mồ côi cha mẹ, nhờ người anh cả chăm nom cho tiếp tục ăn học đến thành tài.

Năm 1925, thi đỗ bằng Sơ Học và thi đậu học bổng vào trường bỗn quốc Chasseloup Laubat Sài Gòn. Nha Học Chánh gởi học bổng nội trú vào trường Trung Học Cần Thơ trong lúc đang thọ ba cái tang: Bà ngoại và cha mẹ.

Với thiên tư sẵn có và chí công đèn sách, nên năm 1930 thi đỗ bằng Thành Chung (Diplôme d'Études Supérieures Franco Indigènes: DESFI), kế thi tuyển đậu vào trường Đại Học Công Chánh Hà Nội. Nhưng chưa kịp đi Hà Nội nhập học thì gặp hồi kinh tế khủng hoảng, nên đành nghỉ học.

Người anh cả lo lập gia đình cho Ngài Bùi Đắc Nhưộn, kết hôn với Cô Võ Thị Nam, út nữ của Cụ Võ Thiện Giáo, Cai Tổng ở làng Mỹ Bình, tổng An Ninh Hạ, Thủ Thừa, Tân An.

* Ngài Bùi Đắc Nhưộn lập gia đình rồi thì sanh tổng cộng được 10 người con: 6 trai và 4 gái, vì chạy loạn năm 1945, nên bỏ 3 trai 3 gái, hiện giờ còn lại 3 trai và 1 gái, kể ra:

1. Trưởng nam Bùi Đắc Sử, tốt nghiệp Tú Tài Toàn Phần, thọ phẩm Giáo Hữu phái Thượng, phé đời hành đạo.

2. Thứ nữ Bùi thị Ký, Giáo Sư trường Trung học Tư thực Đức Trí, Tây Ninh.

3. Thứ nam Bùi Đắc Chương, tốt nghiệp Quốc Gia Sư Phạm Sài Gòn, biệt phái làm Trưởng Ty Xã Hội Tây Ninh.

4. Thứ nam Bùi Ngọc Yên, tốt nghiệp Cử Nhân Văn Khoa, Giáo Sư trường Nữ Trung học Công lập Tây Ninh.

Lập thành gia thất thì Ngài Bùi Đắc Nhuận phải lo sinh kế cho gia đình về phần Nhuận đạo, nên:

Năm 1932, 1933, 1934, Ngài dạy học tại trường Trung học Tư thực Hoàn Tỷ đường Kitchener Sài Gòn.

Năm 1935, 1936, dạy trường Trung học Tư thực Chấn Thanh của Phan Bá Lân, đường Marchaise Sài Gòn.

Năm 1937, 1938, 1939 Ngài làm quản lý rượu của hãng Đông Pháp Công ty, đường Paris Chợ Lớn.

Năm 1940, thôi làm việc, trở về làng sống nghề nông và kỹ nghệ máy xay lúa, và bắt đầu tham chính ở hương thôn, với chức Hương Giáo, rồi Hương Trưởng, và lãnh chức Xã Trưởng năm 1943 đến 1945.

*** Bước vào đường Đạo:**

Khi Đức Chí Tôn khai ĐĐTKPĐ tại chùa Gò Kén Tây Ninh, toàn thể anh em trong gia đình đều nhập môn vào Đạo:

1. Anh thứ hai Bùi Tấn Tước (sinh 1898) đắc phẩm Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tước Thanh.

2. Anh thứ ba Bùi Văn Tứ (sinh 1900) đắc phẩm Ngọc Phối Sư Ngọc Tứ Thanh.

3. Anh thứ tư Bùi Văn Tác (sinh 1901) đắc phẩm Thái Phối Sư Thái Tác Thanh.

4. Anh thứ năm Bùi Quang Chiêu (sinh 1904) đắc phẩm Thượng Giáo Sư Thượng Chiêu Thanh.

5. Thứ sáu là Bùi Đắc Nhuận (sinh 1906) đắc phẩm Ngọc Đầu Sư Ngọc Nhuận Thanh.

6. Em thứ bảy là Bùi Văn Khảm (sinh 1908) chết vào năm Canh Ngọ (1930) lúc 23 tuổi.

7. Em thứ tám Bùi Đắc Hùng (sinh 1910) Hiền Tài BTĐ

8. Em thứ chín Bùi Đắc Cẩn (sinh 1911) làm chức Thông Sự nơi Hương Đạo An Hòa.

9. Em gái thứ mười Bùi Thị Nhường (sinh 1914) thọ phẩm Giáo Hữu Hương Nhường.

10. Em út Bùi Cung Kính (sinh 1917), thọ phẩm Luật Sự HTĐ, qui vị ngày 18-7-Giáp Thân (1944) tại Thánh Thất Chợ Lớn, an táng tại An Hòa, được truy thăng Truyền Trạng vào năm 1946, là nghĩa tế thứ ba của Đức Phạm Hộ Pháp.

Ngài Bùi Đắc Nhuận nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày 15-1-Đinh Mão (1927) tại chùa Bà Quan làng Lộc Giang tỉnh Chợ Lớn, lúc còn là học sinh nội trú trường Trung học Cần Thơ.

Năm 1944, đắc cử *Chánh Trị Sự Phổ Tế* Tộc Đạo Thủ Thừa, Châu Đạo Tân An, tham gia phong trào hăng tàu Nitinan dưới sự chỉ đạo của Giáo Sư Đại biểu Thượng Vinh Thanh.

*** Giai đoạn phê đời hành Đạo:**

Tháng 11 năm Bính Tuất (1946) được Hội Nhơn Sanh công nhận vào hàng phẩm Lễ Sanh.

Ngày 26-7-Đinh Hợi (1947), Hội Thánh bổ làm Đầu Phòng Văn và thông ngôn cho Khâm Châu Đạo Tân An để giao thiệp với nhà cầm quyền Pháp, do tờ tạm bổ số 34/LV.

Ngày 16-10-Đinh Hợi (1947), được Hội Thánh công nhận phẩm Lễ Sanh, rồi bổ làm Đầu Tộc Đạo Châu Thành Tân An, do Thánh Lệnh số 30 đề ngày 18-1-Mậu Tý (dl 27-2-1948) thay thế Lễ Sanh Thượng Lâu Thanh trở về Phước Thiện.

*** Công nghiệp hành đạo:**

Do quyền Vạn Linh năm Bính Tuất (1946), Đức Phạm Hộ Pháp chấp bút tại Hộ Pháp Đường, Đức Lý Giáo Tông chấm cho *Lễ Sanh phái Ngọc*, do Thánh Lệnh số 177 ngày 7-4-Mậu Tý (dl 15-5-1948).

Để giúp cho trẻ em Đạo tản cư khỏi nạn thất học, năm 1948 sáng lập Đạo Đức Học Đường tại căn cứ Đạo Châu Thành Tân An, được Tỉnh Trưởng cho đứng làm Hiệu Trưởng, và được Hội Thánh hợp thức hóa là ngôi trường của Đạo. Ngày 3-1-1951 được Hội Thánh ban khen hữu công với Đạo trong việc sáng lập Đạo Đức Học Đường tại Tân An.

Ngày 15-5-Tân Mão (dl 19-6-1951) khởi công tạo tác Thánh Thất và Tây Lang tại Châu Thành Tân An được hoàn thành cho bản Đạo có nơi bái lễ Đức Chí Tôn.

Ngày 20-9-Tân Mão (dl 20-10-1951) được Hội Nhơn Sanh công nhận thăng phẩm Giáo Hữu.

Ngày 21-6-Nhâm Thìn (1952) được quyền Hội Thánh công nhận thăng phẩm Giáo Hữu.

Thánh Lệnh số 522/VPHP đề ngày 2-12-Quý Tỵ (dl 6-1-1954) quyền Thượng Hội phê chuẩn thăng phẩm *Giáo Hữu*.

Đức Phạm Hộ Pháp dạy Ngài Giáo Hữu Ngọc Nhuận Thanh mở lên ban Trung Học Đạo Đức Học Đường tại Tân An, và Nghị Định số 9602/GD/HV của Chánh phủ cho phép mở hai lớp Đệ Thất bậc Trung Học. Lúc bấy giờ trường có được 3 dãy lớp ngói và tôle, gồm 13 lớp Tiểu Học và Trung Học.

Huấn Lệnh số 99 ngày 13-6-Giáp Ngọ (dl 12-7-1954), Hội Thánh bổ nhiệm làm Quản Văn Phòng Thượng Chánh Phối Sư kiêm Giám Đốc Đạo Đức Học Đường Tân An.

Ngày 19-7-Giáp Ngọ (dl 17-8-1954) 68 vị Chức việc Bàn Trị Sự trong Châu Đạo Tân An dâng tờ về Hội Thánh hoan nghinh công nghiệp hành đạo đắc lực của Giáo Hữu Ngọc Nhuận Thanh và được Hội Thánh ra tờ Ban Khen số 624 ngày 23-9-Giáp Ngọ (dl 19-10-1954).

Sắc Huấn số 19/PC ngày 23-2-Ất Mùi (dl 16-3-1955), Ngài Tiếp Pháp Chương quản Bộ Pháp Chánh ban cho quyền Biện hộ Tòa Pháp Chánh Tư Quyền CTĐ và Nghị Án Tòa Pháp Chánh Trị An.

Thánh Lệnh số 69/TL ngày 9-5-Ất Mùi (dl 28-6-1955), Đức Phạm Hộ Pháp tuyên bổ làm Giám Khảo thi Đầu Phòng Văn khoa mục khóa 15-5-Ất Mùi tại Hạnh Đường Tòa Thánh.

Được Hội Thánh ban Bằng cấp Danh dự ngày 15-8-Ất Mùi (dl 30-9-1955) về việc làm đắc lực trong nhiệm vụ Tổng Thư Ký Ban Tổ Chức Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung và khánh thành Báo Quốc Từ.

Huấn Lệnh số 236/LV ngày 16-6-Đinh Dậu (dl 13-7-1957) Hội Thánh CTĐ bổ làm Giảng viên Hạnh Đường và nhơn viên Ban Tiếp Tân Tòa Thánh .

Đạo Lệnh số 27/ĐL ngày 25-6-Đinh Dậu (dl 22-7-1957) của Hội Thánh HTĐ bổ làm Giảng viên dạy lớp Công truyền tại Hạnh Đường về khoa Xã giao.

Huấn Lệnh số 3/HL ngày 24-11-Đinh Dậu của Hội Thánh CTĐ bổ nhiệm làm Cải Trạng Ban Kỷ Luật CTĐ.

Huấn Lệnh số 25/HL ngày 1-6-Mậu Tuất (dl 17-7-1958) của Hội Thánh CTĐ bổ nhiệm làm Giám Khảo thi cấp bằng năng lực lớp Huấn Luyện Lễ Sanh của Đại Đạo Học Đường.

Đạo Lệnh số 27/ĐL ngày 29-2-Kỷ Hợi (dl 6-4-1959) của Hội Thánh HTĐ bổ làm Giảng viên lớp Huấn Luyện Lễ Sanh Đại Đạo Học Đường khóa Kỷ Hợi (1959), và các khóa Huấn Luyện Lễ Sanh tiếp theo, Canh Tý (1960), Tân Sửu (1961).

Đạo Lệnh số 10/ĐL ngày 6-12-Tân Sửu (dl 11-1-1962) của Hội Thánh HTĐ thăng phẩm *Giáo Sư* kể từ ngày 4-12-Tân Sửu (dl 9-1-1962).

Thánh Lệnh số 77/TS ngày 19-5-Nhâm Dần (dl 20-6-1962) của Đức Thượng Sanh HTĐ giao phó nhiệm vụ "Xử Lý Thường Vụ Văn phòng Thượng Chánh Phối Sư" cho Ngài Thượng Chánh Phối Sư nghỉ phép dưỡng bệnh.

Huấn Lệnh số 7/HL ngày 21-8-Nhâm Dần (dl 19-9-1962) của Hội Thánh CTĐ bổ nhiệm Tổng Quản Văn Phòng Thái Chánh Phối Sư.

Huấn Lệnh số 30/HL ngày 28-2-Nhâm Dần (dl 2-4-1962) của Hội Thánh CTĐ bổ nhiệm làm Phó Giám Đốc kiêm Giảng viên Hạnh Đường khóa Nhâm Dần (1962).

Huấn Lệnh số 4/HL ngày 17-11-Nhâm Dần (dl 13-12-1962) của Hội Thánh bổ nhiệm làm Khâm Thành Thánh Địa.

Thánh giáo đêm 15-4-Giáp Thìn (dl 26-5-1964) tại Cung Đạo Đền Thánh hồi 8 giờ 35 phút do Hiến Pháp và Tiếp Pháp phò loan, Đức Lý Giáo Tông cho thăng lên phẩm *Phối Sư* và lãnh *Quyền Ngọc Chánh Phối Sư* thay thế Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Non Thanh hồi hưu dưỡng lão.

Văn thư số 59/TĐS ngày 13-12-Giáp Thìn (dl 15-1-1965) của Ngài Đầu Sư, được sự chấp thuận của Ngài Bảo Thế Quyền Chưởng quản HTĐ, giao cho Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Như Ợn Thanh đảm nhiệm thêm phận sự Quyền Thái

Chánh Phối Sư, vì Quyền Thái Chánh Phối Sư Ngọc Lương Thanh bệnh nặng và qui vị ngày 21-12-Giáp Thìn (dl 23-1-1965).

Phê văn số 158/QCQ ngày 3-2-Ất Ty (dl 5-3-1965) của Ngài Bảo Thế Quyền Chưởng quản HTĐ phê cho Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Nhuận Thanh kiêm luôn nhiệm vụ Thượng Chánh Phối Sư thế cho Ngài Thượng Đầu Sư kiêm Thượng Chánh Phối Sư nghỉ dưỡng bệnh một tháng.

Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông đêm 11-12-Bính Ngọ (dl 21-1-1967) tại Cung Đạo Đền Thánh, thăng thưởng Ngọc Nhuận Thanh lên *chánh vị Ngọc Chánh Phối Sư*.

Thánh giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm mừng 1-12-Nhâm Tý (dl 4-1-1973), Đức Lý Giáo Tông thăng thưởng vị Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Nhuận Thanh lên *Đầu Sư chánh vị*, nhưng vẫn kiêm nhiệm chức Ngọc Chánh Phối Sư cho đến khi có người thay thế.

Thánh giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 29-5-Giáp Dần (dl 18-7-1974) của Đức Lý Giáo Tông ban cho vị Phối Sư Ngọc Triệu Thanh lãnh Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, và Đầu Sư Ngọc Nhuận Thanh chỉ hành quyền Ngọc Đầu Sư mà thôi.

(Viết theo tài liệu của Giáo Hữu Thượng Sứ Thanh [Bùi Đắc Sứ] trưởng nam của Ngài Đầu Sư Ngọc Nhuận Thanh)

Kể từ năm Giáp Dần (1974), Ngài Đầu Sư Ngọc Nhuận Thanh hành quyền Đầu Sư một cách rất đặc lực.

Nhưng tuổi già sức yếu, Ngài bị bệnh tình linh và thoát xác đặng Tiên vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 12-9-Ất Sửu (dl 25-10-1985), hưởng thọ 80 tuổi.

Bài thài hiến lễ Ngài Đầu Sư Ngọc Nhuận Thanh:

*Từ thưở chung vai gánh Đạo quyền,
Đầu Sư phái Ngọc thọ ân Thiên.
Xả thân hành hóa gìn chung thủy,
Bùa đức diu nhân vẹn chí nguyên.
Khổ hạnh từng cam cơn gió ngược,
Gian lao lắm chịu buổi chính nghiêng.
Qua bao thử thách lòng không nãn,
Xông lướt sông mê vững lái thuyền.*

Cuộc đời và sự nghiệp của Ngài Đầu Sư Ngọc Nhưộn Thanh cho chúng ta một tấm gương phấn đấu kiên trì hành đạo.

Ngài nhập môn vào Đạo năm 1927 phẩm Đạo hữu, được cử làm Chánh Trị Sự năm 1944, chánh thức thọ phẩm Lễ Sanh phái Ngọc năm 1948, thăng phẩm Giáo Hữu năm 1954, thăng Giáo Sư năm 1962, thăng Quyền Ngọc Chánh Phối Sư năm 1964, Ngọc Chánh Phối Sư chánh vị năm 1967, cuối cùng thăng Ngọc Đầu Sư chánh vị năm 1973.

Đây là vị Đầu Sư duy nhất của Đạo Cao Đài từ trước đến nay, khởi đầu đi từ phẩm Đạo hữu, hành đạo trong hơn 30 năm, lên đến phẩm Đầu Sư, đối phẩm Địa Tiên của BQĐ.

Điều này cho chúng ta thấy rằng, chỉ cần hành đạo tích cực, lập công quả phổ độ chúng sanh, chỉ trong một kiếp tu, chúng ta có thể đạt được Tiên vị.

Ngài Đầu Sư Ngọc Nhưộn Thanh đã đi đúng vào trường công đức do Đức Chí Tôn lập ra, đạt được phẩm vị cao trọng là do công quả, chứ không phải do tu luyện.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

DTC: Điều Trì Cung.

Đầu Sư Đường

頭師堂

A: The Cardinals 's office.

P: L'office des Cardinaux.

Đầu: Cái đầu, người đứng đầu. **Sư:** thầy. **Đường:** cái nhà.

Đầu Sư Đường là tòa nhà dành làm Văn phòng làm việc của quý Ngài Đầu Sư.

Nam Đầu Sư Đường là tòa nhà dùng làm nơi làm việc của ba vị Đầu Sư Nam phái: Thái Đầu Sư, Thượng Đầu Sư và Ngọc Đầu Sư.

Nữ Đầu Sư Đường là tòa nhà dùng làm nơi làm việc của vị Nữ Đầu Sư.

Đầu Sư Em

A: Cardinal in miniature.

P: Cardinal en miniature.

Đầu Sư Em là chỉ phẩm Chánh Trị Sư làm đầu một Hương Đạo.

Theo PCT, Chánh Trị Sư nắm hai quyền: Hành Chánh và Luật pháp trong một Hương Đạo. Quyền hành này giống hết quyền hành của Đầu Sư, nhưng quyền hành của Đầu Sư trong phạm vi rất lớn là toàn cả thế giới, còn quyền hành của Chánh Trị Sư chỉ nhỏ hẹp trong một Hương Đạo mà thôi. Do đó, PCT gọi Chánh Trị Sư là Đầu Sư Em.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Đầu thai

投胎

A: To reincarnate.

P: Se réincarner.

Đầu: Nhập vào, nương dựa, hợp nhau. **Thai:** cái bào thai trong bụng mẹ.

Đầu thai là nói về một linh hồn nơi cõi thiêng liêng đi xuống cõi trần, nhập vào một bào thai vừa mới được sanh ra, để làm một người mới có một kiếp sống mới nơi cõi trần.

Ở cõi thiêng liêng, con người có hai thể: linh hồn và chơn thần. Khi người ấy được lệnh đi đầu thai nơi cõi trần thì người ấy sẽ đến với một bà mẹ đang mang thai trong bụng theo luật hấp dẫn "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu".

Đức Phạm Hộ Pháp giảng giải chi tiết trong Bí Pháp, trích ra sau đây:

"Cái buổi tượng hình của chúng ta ở trong bụng mẹ, thì chơn thần của chúng ta còn ở bên ngoài thân thể cốt hài của

chúng ta, nó vờ vẫn quanh theo bà mẹ, ở dựa một bên bà mẹ, nhưt là bà mẹ đi nơi nào nó đều theo nơi đó, chơn thần luôn luôn theo bảo hộ bà mẹ có chữa, nếu người mẹ có đạo đức, dám chắc đi đâu chưa có sự gì rủi ro đến thiệt hại. Bởi có cho nên đưa con nít theo mãi, theo cho đến khi tượng hình của chúng ta ra khỏi lòng bà mẹ, chơn thần mới nhập vô ảnh hài đó, làm khuôn viên cho ảnh hài đó."

Như thế, chơn linh và chơn thần đầu thai chỉ nhập vào thể xác của hài nhi ngay khi hài nhi vừa được mẹ sanh ra; sự xung nhập ấy gây rung động làm hài nhi phát ra tiếng khóc chào đời, bắt đầu một kiếp sống mới nơi cõi trần.

Đầu thượng viết Cao Đài

頭上曰高臺

Đầu: Cái đầu, người đứng đầu. **Thượng:** trên. **Viết:** gọi là, nói rằng.

Đầu thượng viết Cao Đài: trên đỉnh đầu là Cao Đài.

Đây là một câu trong sách Ấu Học Tầm Nguyên của Nho giáo, có hai ý nghĩa sau đây:

- Nơi đỉnh đầu của con người là Mỏ ác, tên chữ là Nê Hoàn Cung, cũng gọi là Huyền Quan Khiếu, là cửa xuất nhập của chơn linh và chơn thần. Người tu khi đắc đạo thì chơn linh và chơn thần theo cửa Nê Hoàn Cung mà xuất ra ngoài, đến với Đấng Cao Đài, tức là đến với Đức Chí Tôn Thượng Đế.

- Đỉnh đầu là nơi ngự của Đấng Cao Đài, ý nói con người tôn thờ Đấng Cao Đài. Đây là câu tiên tri về sự xuất hiện của Đạo Cao Đài, do Đấng Cao Đài lập ra và làm Giáo Chủ.

Đầu vọng bái

頭望拜

Đầu: Cái đầu, người đứng đầu. **Vọng:** trông mong. **Bái:** lạy.

Đầu vọng bái là cúi đầu cầu nguyện và lạy.

KCS: *Đầu vọng bái* Tây phương Phật Tổ.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

ĐẦU

Đầu tinh

斗星

A: Polar star.

P: Étoile polaire.

Đầu: sao Bắc Đầu. **Tinh:** ngôi sao.

Đầu tinh là sao Bắc Đầu. (Xem: Bắc đầu, vần B)

Đây là một ngôi sao cố định (Định tinh) ở tại trung tâm của CKVT, nơi đó có Bạch Ngọc Kinh, tòa ngự của Đức Chí Tôn. Do đó, khi vẽ Thiên Nhãn để thờ Đức Chí Tôn, phải vẽ Thiên Nhãn ngay phía trên sao Bắc Đầu.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Đầu vân

陡雲

A: To jump quickly on the clouds.

P: Sauter rapidement sur les nuages.

Đầu: thành linh vọt lên. **Vân:** mây.

Đầu vân là thành linh vọt lên mây, chỉ phép thuật đi trên mây rất nhanh của các vị Thánh, Tiên.

Trong truyện Tây Du ký, Tề Thiên Đại Thánh học được phép Càn Đầu Vân (Càn là gân). Càn Đầu Vân là phép luyện gân sức cho thật khỏe, xoa rốn, giữ hơi thở, miệng niệm Chơn ngôn, bắm quyết, chấp sát hai tay lại, rồi cất mình nhảy vọt lên, rẽ mây bay đi. Mỗi Càn Đầu Vân bay được 18.000 dặm.

ĐÈN

Đèn Tam giáo

A: Three lamps in 3 colours symbolize 3 religions.

P: Trois lampes en 3 couleurs symbolisent 3 religions.

Đèn: cái đèn. **Tam giáo:** ba nền tôn giáo lớn ở Á Đông là: Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo. Phật giáo được tượng trưng màu vàng, Tiên giáo tượng trưng màu xanh và Nho giáo tức là Thánh giáo tượng trưng bằng màu đỏ.

Đèn Tam giáo là một nhóm 3 lồng đèn tròn, lần lượt có 3 màu vàng, xanh, đỏ, tượng trưng Tam giáo.

Trong Đại lễ cúng Đại đàn tại Tòa Thánh, trước khi tụng kinh Niệm Hương, có 3 cặp lễ sĩ mặc áo lễ màu vàng, xanh, đỏ, cầm đèn Tam giáo đi từ trên lầu HTĐ xuống cầu thang, đi vào bửu điện theo đường giữa. Việc đi này rất trang nghiêm và chậm rãi. Theo sau 3 cặp lễ sĩ này là vị Chức sắc Ngọc Giáo Sư mang Tráp Tam bửu. Hai lễ sĩ mặc áo vàng, cầm hai lồng đèn vàng có chữ Thái 太 đi trước, hai lễ sĩ mặc áo xanh cầm hai lồng đèn xanh có chữ Thượng 上 đi nối theo và hai lễ sĩ áo đỏ cầm hai đèn đỏ có chữ Ngọc 玉 đi sau chót. Khi đi gần tới ngoại nghi thì rẽ làm hai, phân ra mỗi bên 3 lễ sĩ, đứng hai bên ngoại nghi và quay mặt vô ngoại nghi.

Chúng ta thấy lễ sĩ áo vàng cầm đèn vàng đứng trên, lễ sĩ áo xanh cầm đèn xanh đứng kế dưới, lễ sĩ áo đỏ cầm đèn đỏ đứng dưới chót.

Khi dâng Tam bửu xong thì 3 cặp lễ sĩ cầm đèn Tam giáo đi theo đường cũ, trở lên lầu HTĐ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Đèn Thái Cực - Cặp đèn Lưỡng nghi

A: The lamp of Universal Monad - Two lamps of two logos.

P: La lampe de Monade Universelle - Deux lampes de 2 logos.

Đèn Thái Cực là cái đèn đốt lên tượng trưng ngôi Thái Cực của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Cặp đèn Lưỡng Nghi là hai cây đèn đốt lên tượng trưng ngôi Dương và ngôi Âm của CKVT.

Trên Thiên bàn thờ Thánh tượng Thiên Nhân, ngay chính giữa trước Thánh tượng, đặt một cây đèn tượng trưng ngôi Thái Cực nên gọi là đèn Thái Cực; hai bên lư hương có hai cây đèn tượng trưng Lưỡng Nghi Âm Dương nên gọi là cặp đèn Lưỡng Nghi. Đèn Thái Cực luôn luôn thấp sáng, còn cặp đèn Lưỡng Nghi chỉ đốt lên khi cúng Đức Chí Tôn, cúng xong thì tắt.

Đức Chí Tôn dạy về đèn Thái Cực và Lưỡng Nghi:

"Trước khi chưa phân Trời Đất thì Khí Hư Vô bao quát Càn khôn, sáng soi đầy vũ trụ. Nó là một cái trung tâm điểm, tức là Đạo. Đạo ấy mới sanh Thái Cực, hóa Lưỡng Nghi. Lưỡng Nghi là Âm với Dương (động với tịnh). Có Âm Dương rồi mới hóa sanh muôn vật.

Ngọn đèn các con thờ chính giữa đó là giả mượn làm Tâm đặng. Phật Tiên truyền đạo cũng do đó, các con thành đạo cũng tại đó. Nó ngay chính giữa, không lay động xao xuyên, chiếu soi khắp cả Càn khôn. Mặt Nhật mặt Nguyệt có lúc sáng hồi tối, chớ nó thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng, không lu mờ. Nhơn vật nhờ đó mà sanh, nhờ đó mà thành, nhờ đó mà an vui. Trời Đất nhờ đó mà quang minh trường cửu, người tu hành nhờ đó mà tạo Phật tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh. Hễ chinh qua bên tả thì thành Tả đạo, xê quan bên hữu thì lại Bàng môn, ngay ở giữa là Chánh đạo.

Các con nên tường lý ấy. Lý ấy ở trong tâm. Tâm an tịnh vô vi tự nhiên bất động là chánh đạo, tâm còn tính mưu thần chước quỷ, độc ác hiểm sâu, ấy là Bàng môn Tả đạo.

Hai chén nước là Âm Dương (động và tịnh). Âm Dương là cơ động tịnh của Trời Đất, tức là Thần, Khí của các con. Tu hành không nhờ Thần, Khí ấy lấy gì luyện đắc Thánh thai? Trời Đất không có Âm Dương làm sao hóa sanh vạn vật? Muôn vật không trống mái làm sao sanh thêm ra?

Vậy Âm Dương là cái diệu động tịnh của Trời Đất. Âm Dương lại có thêm cái thể dụng của Âm Dương nữa, là Nhật Nguyệt, tức là cặp đèn Lương Nghi. Người tu hành biết cách hồi quang phản chiếu thì đắc kim đơn vậy." (ĐTCG)

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.
ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Đèn Thất tinh

Thất: bảy. **Tinh:** ngôi sao.

Đèn Thất tinh là cây đèn có bảy ngọn, thắp lên giống như bảy ngôi sao.

Buổi sơ khai nền Đạo, trong ngày Đại lễ cúng Đức Chí Tôn mừng 9 tháng Giêng năm Đinh Mão, Bát Nương giáng cơ dạy tìm một cây đèn có đủ 7 ngọn đèn để làm đèn Thất tinh.

TNHT: "Quý anh tầm một phương pháp dùng tạm một ngọn đèn có đủ yếng sáng, vì chúng ta không có những đèn có đủ yếng sáng, nên cùng chẳng đã phải tạm đó thôi. Đèn 7 ngọn cũng có lẽ đặt tên là đèn Thất tinh.

Bạch: - Cái đèn của anh Phối Sư tuy cũ nhưng chùi lau có lẽ cũng tốt.

- Em gọi rằng tạm thì vật chi miễn có đủ 7 ngọn đèn thì có thể dùng được.

Bạch: - Đèn Thất tinh, Bà định treo ở đâu?

- Để tại đây thế cho ngọn đèn trước hết, để khi nào có cầu đàn mới dùng, còn thường ngày khỏi phải đốt lên, vì một là cho đủ yếng sáng, hai là rọi chơn thần quý anh quý chị cho sáng lạn minh mắt. Đúng giờ Tý này khởi lễ. Khi cầu các Đấng, phải ráng thủ lễ. Mãn lễ cũng để nhang đèn như kỳ này vậy."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐỀ

Đê đầu khấu bái

低頭叩拜

A: To bend the head and to prostrate.

P: Baisser la tête et se prosterner.

Đê: cúi xuống thấp. **Đầu:** cái đầu. **Khấu:** cúi rạp mình xuống. **Bái:** lạy.

Đê đầu khấu bái là cúi đầu rạp mình xuống để lạy, tỏ ý vô cùng kính trọng.

TTCĐDTKM:

Đê đầu khấu bái Nương Nương,
Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

ĐẾ

Đế khuyết

帝闕

A: The palace of the Heavenly Emperor.

P: Le palais de l'Empéreur Céleste.

Đế: vua. **Khuyết:** cửa vào đền vua. Đó là Huỳnh Kim Khuyết nơi cõi thiêng liêng, nơi họp triều đình của Thượng Đế.

Đế Khuyết là Huỳnh Kim Khuyết của Đấng Thượng Đế, nơi họp Thiên triều.

BXTCĐPTTT: Truyền tâu Đế Khuyết dữ lành nhơn gian.

BXTCĐPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Đế Thiên Đế Thích

帝天帝釋

A: The Temples of Angkor: Angkor Vat and Angkor Thom.

P: Les Temples d'Angkor: Angkor Vat et Angkor Thom.

Đế Thiên Đế Thích là tiếng phiên dịch từ tiếng Miên: Angkor Vat và Angkor Thom.

Angkor theo tiếng Phạn, có nghĩa là kinh thành, đô thị. Vat là chùa, Thom là lớn. Angkor Vat là khu đền thờ, Angkor Thom là khu đền vua.

Angkor Vat và Angkor Thom, tiếng Việt gọi là Đế Thiên Đế Thích, do các vua Miên xây dựng. Angkor Vat được xây dựng vào đầu thế kỷ 12; Angkor Thom và đền Bayon được xây dựng vào cuối thế kỷ 12, dưới thời các vua nước Miên anh hùng là Suryavarman II và vua Jayavarman VII, đánh dấu một giai đoạn văn minh rực rỡ trước kia của nước Miên.

Đế Thiên Đế Thích nằm phía Bắc Siem-Reap cách tỉnh lỵ chừng mười mấy cây số. Chung quanh Đế Thiên Đế Thích là một vùng đất rộng lớn trù phú, ruộng vườn màu mỡ, gần với Biển Hồ là vựa cá lớn của thiên nhiên. Cho nên các vua Miên chọn nơi đây để xây dựng kinh thành, chỉ có điều không tốt là vùng này gần biên giới Thái Lan, cách biên giới chừng 100 cây số về hướng Bắc, nên dễ bị quân Thái tràn qua cướp phá khi nước Miên suy yếu. Sau cùng thì từ giữa thế kỷ 15, vua và dân chúng Miên phải rời bỏ khu đền này, di cư xuống miền đông nam, dựng đô ở Oudon, phía trên bên đò Kompong Luong vài cây số, rồi lại dời lần xuống nữa, đến Phnom Pênh ngày nay.

Từ đó khu Angkor lần lần bị rừng rậm bao phủ trở thành hoang phế, ít người lui tới. Đến khi người Pháp chiếm lấy Đông Dương, họ mới khám phá ra khu di tích này, và năm 1898, Chánh phủ Pháp lập trường Viễn Đông Bác Cổ đặt ra bộ phận bảo tồn khu di tích vĩ đại này.

Đền Angkor Vat được xây dựng để thờ Thần Vishnou.

Đường vào Angkor Vat là một đại lộ dài gần 2 cây số, lót những tảng đá lớn. Cuối đường là một cái cổng lớn và rộng độ

200 thước. Bước qua cổng là một đoạn đường rộng chừng 10 thước, hai bên có hành lang bằng đá chạy dọc theo, có hình chạm rắn thần bảy đầu. Trước khi đến chánh điện, có hai hồ nước rất lớn, hình vuông, soi bóng đền Angkor Vat lung linh. Trước chính điện là một sân rộng lát đá, là nơi tổ chức các buổi lễ tôn giáo. Chánh điện là một tháp lớn cao khoảng 60 thước, có 4 tháp nhỏ vây quanh 4 bên. Trong tháp lớn, có một cái giếng sâu, tương truyền là nơi chôn giấu các báu vật của vua, bên cạnh đó là Tầng Kinh Các, lầu chuông, lầu trống, phòng chứa cả ngàn tượng Thần đủ cỡ lớn nhỏ.

Toàn bộ các công trình kiến trúc này được bao bọc bởi 3 dãy hành lang làm bằng đá tảng. Trên các dãy hành lang ấy, nghệ nhân Miên điêu khắc những bức phù điêu khổng lồ, dài cả ngàn thước, ghi lại đời sống nơi cung đình, hoạt cảnh Thần Tiên và các sinh hoạt xã hội khác.

Rời Angkor Vat, đi về hướng Bắc hơn một cây số thì đến khu hoàng thành Angkor Thom, một đại công trình kiến trúc hình vuông, mỗi cạnh chừng 3 cây số, được bảo vệ bởi một tường thành rất kiên cố, ghép bằng đá tảng, cao 8 thước, dày 1 thước. Các tầng đá chồng lên nhau khít khao, khéo đến nỗi cỏ cũng không có chỗ để mọc.

Sau bức tường đá dày này là một lũy đất có bề mặt trên rộng 25 thước, đủ rộng để hành quân bảo vệ hoàng thành, có thiết lập các trạm gác cách khoảng đều nhau và đài chỉ huy.

Bên ngoài tường thành là hào nước sâu, bề mặt rộng hơn 100 thước, như một con sông lớn bao quanh hoàng thành.

Nằm cổng vào hoàng thành, tại mỗi cổng có đặt những tượng thần khổng lồ cao 3 thước ôm rắn thần 7 đầu, có tượng voi đá 3 đầu.

Vượt qua những tượng thần, rắn và voi, là 5 con đường đi vào hoàng cung, đoạn đường khá dài, khoảng 1500 thước, với những vách đá hai bên, cuối đường là điện Bayon, trung tâm của hoàng cung.

Điện Bayon dài 160 thước, ngang 140 thước, có hai lớp hành lang bằng đá bao bọc. Nền Điện là một tảng đá khổng lồ. Tại đây có hàng ngàn tượng Thần, vách các tháp đá có tạc

hình 172 mặt Phật khổng lồ dài 2 đến 3 thước, ngoài ra còn có những bức phù điêu dài hàng ngàn thước giống như ở Angkor Vat.

Điện Bayon thờ vua Jayavarman VII, được xây dựng trong 30 năm mới xong.

Ngoài Điện Bayon, khu hoàng thành còn có hàng ngàn dinh thự bằng đá, hàng trăm ngôi tháp nhỏ, có một ngôi tháp bằng vàng là nơi để cho vua ngủ.

Bên ngoài hai khu vực Angkor Vat và Ankor Thom, còn có vài chục khu đền khác nằm rải rác cách nhau một tầm nhìn. Toàn bộ các công trình vĩ đại bằng đá ấy tập hợp thành một toàn cảnh hùng vĩ không kếp Kim Tự Tháp Ai Cập.

Gần khu đền Đế Thiên Đế Thích còn có một ngôi đền nhỏ hơn, ở về phía biên giới Thái Lan, nhưng tuyệt mỹ, những nét chạm trổ còn nguyên vẹn rất tinh vi, đường nét đặc sắc gọi là Đền Banteai Srey, được vua Jayavarman V xây dựng vào thế kỷ thứ 10, bị bỏ hoang trong rừng rậm, được một người Pháp tìm ra vào năm 1914.

Khu đền Angkor Vat và Angkor Thom hiện nay được liệt vào một trong những kỳ quan của thế giới, giống như Kim Tự Tháp của Ai Cập, Điện Parthenon của Hy Lạp, Vạn Lý Trường Thành của Trung Hoa, vv . . .

Các khu đền Angkor tượng trưng nền văn hóa cổ của người Cao Miên có một thời rất huy hoàng. Người Cao Miên rất hãnh diện về những khu đền đài này, nên trên lá cờ của nước họ, có hình ảnh 5 cái tháp của Angkor.

TNHT: "Thơ! Thầy đã khiến con đi Đế Thiên Đế Thích đặng xem cho tọng mặt hữu hình, nội thế gian này ngày nay, ai cũng nhìn nhận là tối đại, mà con đã thấy nó còn bền vững đặng chăng?" (Thơ: Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh).

Đức Phạm Hộ Pháp có 3 lần vãng cảnh Angkor:

* **Lần thứ nhất**, vào năm 1928. Khi đến nơi, Ngài liền đặt bàn phò cơ cùng với Tiếp Đạo Cao Đức Trọng. Bỏ Tát BAKHANAYOUK giáng cơ cho bài thi:

BAKHANAYOUK

Mưa chầy gió lụn cảnh riêng gìn,
 Tạc để nền Tiên rạng trước Minh. (1)
 Trời hỡi gương roi gương viễn đại,
 Đất còn chặt giữ dấu anh linh. (2)
 Rừng tòng hạc lánh muôn năm khuất,
 Chùa đá đời lưu một thuở nhìn.
 Dâu bể tan tàn non nước cũ,
 Dừng chuông cảnh tỉnh vẽ nên tranh.
 (Trích trong *Lược giải TTTN của Huệ Phong*)

- (1) Trước đời nhà Minh, quân Mông Cổ kéo vòng quanh Đông Nam Á vào thế kỷ 13, đến tàn phá Đệ Thiên Đệ Thích.
 (2) Trước khi giặc đến tàn phá thì những báu vật đã được chôn giấu dưới nền chùa để làm đồ trấn quốc, nên về đêm ánh ngọc phát sáng cả chùa.

* **Lần thứ nhì**, vào năm 1939, Đức Phạm Hộ Pháp đến viếng Đệ Thiên Đệ Thích. Sau đây là các bài giảng cơ của các Đấng trong chuyến du hành này:

CAO THƯỢNG PHẨM

Chào mấy bạn và mấy em,

Hộ Pháp hỏi:

- Cười . . . Có Bakhanayouk Bồ Tát đến viếng thăm mấy bạn và mấy em.

- Chúng tôi xin chào mừng người.

- Khi hôm qua, có Chuẩn Đề Bồ Tát cho hay rằng: Hộ Pháp giá lâm nơi Đệ địa, nên Bản đạo cùng Kim Cang Bồ Tát có đến tại Kim Cang Từ mà lễ triều, nhưng thấy mệt mỏi nên định thần cho an giấc thêm nữa rồi lui chơn. Vậy Người có cậy Bản đạo xin Hộ Pháp rộng tình phò cơ tại chùa cho Người giảng lo phận sự. Hiền hữu nên chủ tâm giữ gìn. Bản đạo nương cơ cho Bakhanayouk.

Thăng.

BAKHANAYOUK

Bản tặng để lời cảm ơn thăm viếng.

THI:

Cảnh Thiên đọi bạn bấy lâu chầy,
 Một phút âm quang ngõ tỉnh say.
 Bóng tục tuy xa muôn vạn bước,
 Đường trần cũng giữ một đôi ngày.
 Dưới khuôn hồng để tình thiên cổ,
 Dựa phép từ bi dụng đức tài.
 Hỏi thử ai là người quán thế?
 Trước quyền Tạo vật lấy chi hay?

Bần tăng đôi phen đến viếng, nhưng không có cơ bút nên có miệng như câm, không phương thân cận.

Thưa Hộ Pháp, Bần tăng sẽ có mặt nơi Thánh địa khi lễ Lạc thành. Xin Ngài để lòng điều ấy vì cũng còn nhiều vị Bồ Tát khác đến cùng Bần tăng. Cười ...

BADANAYA Bồ Tát

Ananda, Brassei Hoàng Hậu cậy ta đến biểu Hiền hữu dất BroôlSrey (em dâu) của Người đến trước điện Savomi, đếm từ bên tay mặt ngó qua tháp thứ tư có cốt hài của Người tại đó.

Kim Cang Từ, ngày 2-2-1939.

KIM CANG BỒ TÁT

Chào chư Thiên phong. Hỷ hỷ hỷ chi đại hỉ!

Từ bi dĩ đức độ quần linh,
 Hữu kiếp tu chơn đắc đạo thành.
 Quần đệ hư vong Tàn nghiệp phục,
 Chư tăng thậm cố Phật môn linh.
 Huệ quang hiện hứng Thiên phong định,
 Thánh đế tri duyên Đạo nghiệp bình.
 Trí huệ Niết Bàn an cảm hóa,
 Môn đồ vấn thử kiến Tam Thanh.

Thưa Thiên Tôn, xin để gót đến tháp đặng cho Thiên hóa mượn tay đề tháp nơi Linh Từ này. Kiếu từ, đa tạ.

Thăng.

Linh Sơn Tự (Núi Tổ) ngày 3-2-1939.

BRADAYA LA HÁN

Chào chư vị Đại Đức. Cười . . . Nơi đây là nơi Bàn tăng đã đổ biết bao giọt thương tâm với đời mộng ảo này.

Chư vị Đại đức đã đi ngang qua một nền chùa là nơi Bàn tăng đã bị Assovarman cầm ngục, vì nhờ đó mà Bàn tăng lập vị Bồ đề. Sau nhờ Bakhanayouk đem lên Thiên cung, đầu kiếp một kỳ nữa mới nên La Hán.

THI:

Trí thượng khuynh thân định quốc thiềm,
Hiển linh hữu kiếp tại cường quyền.
Danh lưu thiên cổ hà nhân thức?
Vấn đáp nguyên do tại Đế Thiên.

Bàn tăng mừng cho Thiên Tôn đã để bước đến nước của Thiên Tôn đó. Vậy tái ngộ.

Thăng.

Trước cảnh hoang tàn của Đế Thiên Đế Thích (Aux ruines d'Angkor), Bradaya La Hán giáng bút cho bài thi:

THI:

Thổ võ Xiêm quân tức Việt triều,
Đế Thiên hồn nước dấu còn nêu.
Mảnh tâm Hồng Lạc đề thiên sử,
Giọt máu Nam phong định quốc thiều.
Để mắt trông đô xây thế cuộc,
Nhấn mày ngó cảnh vẫn điều hiu.
Ví đem gan tặc tô hồn nước,
Siem Reap là nơi đắp điều kiêu.

(Tài liệu của Tôn Hưng Huỳnh Văn Hưởng)

* **Lần thứ ba**, Đức Phạm Hộ Pháp du hành đến Angkor từ ngày 16-4-1956 đến ngày 21-4-1956.

Đàn cơ tại Đế Thiên Đế Thích hồi 9 giờ sáng ngày 7-3-Bính Thân (dl 17-4-1956), phò loan: Trung Tá Thoại - Giám Đạo Lợi.

PraMo Mô Pháp, Mô Phật, Đại hỷ, Đại hỷ. Thăng.

Sang Angkor Thom lập đàn trên một tháp cao lúc 11 giờ.

PraMo Mô Phật, Tệ tăng mừng! Mừng! Mừng!

Thiên Tôn giá ngự hữu phước cho nơi này.

Mô Phật, tệ tăng nhường cơ cho Đức Tiêu Diêu giáng.
Thăng.

Tái cầu:

TIÊU DIÊU ĐẠO SĨ

Đại hỷ! Đại hỷ! Bình thân.

Cả chư vị Bồ Tát và A La Hán đều đồng thanh nhờ Bàn đạo
để lời chào mừng Thiên Tôn, họ lấy làm hoan hỷ.

THI:

Để bước Angkor viếng Phật đài,
Tang thương tàn phá bởi Thiên tai.
Chạnh lòng Thượng Đế ban ơn huệ,
Gìn giữ nơi đây tỏ chút tài.
Thăng.

Tái cầu:

HOÀNG HẬU PRASEY

Chị mừng, mừng, mừng. Vui nghe:

Để bước đền xưa bắt chạnh lòng,
Ngôi Thiên này kịp định thông dong.
Cửa từ em ráng lo vun đắp,
Thì đến Lôi Âm khỏi bận lòng.
Thăng.

PRASEY PRAKHET

Đại hỷ! Đại hỷ!

THI:

Cửa Phạm dò đơn bước đến nơi,
Thông dong tự tại bất qui thời.
Bồ đoàn tưởng niệm tâm an lạc,
Chí ở bốn phương chẳng đổi dời.

Có Đức Tôn Sơn giáng.

Thăng.

Tái câu:

TÔN TRUNG SƠN

Bàn đạo mừng chư Thiên mạng. Bàn đạo về đây cho hay
tối nay thỉnh Đức Hộ Pháp nâng loan cho các Đấng dạy.

Thăng.

*Đàn cơ tại Kim Cang Từ Siem Reap, đêm 17-4-1956, Hội thời.
Phò loan: Đức Hộ Pháp và Giám Đạo Lợi.*

TÔN TRUNG SƠN

Xin để lời cảm ơn Đức Hộ Pháp. Hôm nay trông gặp nhau
đặng tỏ nhiều điều thắc mắc của Tường Tổng Thống và Lý
Tổng Thống về vấn đề giải quyết hiệp nhứt Việt Nam. Theo ý
hai bạn của Đức Ngài thì không thể chung cùng Cộng Sản là
do hai thuyết bất đồng. Hễ giải quyết đặng VN tức là giải quyết
đặng cuộc quốc tế, mà quốc tế tức là vấn đề Triều Tiên và Đài
Loan đứng đầu trong khối Á Đông này hơn hết. Họ cho là Đức
Ngài làm tính, theo Bàn sĩ thì Đức Ngài cho hai người một bức
tâm thư Nho văn, đặng minh bạch đường lối quyết định của
giải pháp phi thường của Đức Ngài, nhưng chẳng nên quên bí
mật cho hiểu rằng chỉ tạm thời gian ngắn duy trì ngày giờ cho
tình thế quốc tế xoay hướng, hầu tránh nội loạn VN mà thôi,
trước khi Nam và Bắc xung đột.

Hộ Pháp, xin tin chắc rằng sẽ thành công vinh diệu, quốc
tế đã đổi chiều hướng thuận tiện cho thuyết chung sống, nhứt
là Ấn Độ có nhiều uy tín hơn hết. Đức Ngài nên liên lạc cùng
Sứ Thần Ấn Độ thì rộng phương hành động.

Bảo Đạo bạch: Về việc xin hội kiến vừa rồi có thể được
không? - Còn bợ ngỡ, song sẽ quyết gặp Hộ Pháp vì có lệnh
của chánh phủ họ.

Nhị Hiền Hữu Thoại và Bạch nghe Bàn tăng:

THI:

Từ bi năng lực gấm phi thường,

Cửa Đạo mới tìm đặng giống lương.
 Nền Khổng nầy sanh bao Thánh triết,
 Nhà Nho sản xuất bậc Hiền trung.
 Hữu nhơn hữu đức thâm quần chúng,
 Vô úy vô tư mới tự cường.
 Nguy hiểm tạo thành trang tuần kiệt,
 Thành kiên lũy cố định phong cương.

Tiêu Diêu Đạo Sĩ sẽ hội hiệp cùng các Ngài ngày mai.

Xin Thiên Tôn phò loan cho Ngươi đến.

Thăng.

Dương lịch ngày 19-4-1956, Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Hồ Bảo Đạo và đoàn tùy tùng đến PENTESREY(Bantéai Srey).

Công chúa Prao Srey xin mừng Thiên Tôn giá ngự.

Tệ Nữ tiếc vì không còn tại thế để triều kiến Thiên Tôn. Mô Phật.

Thăng.

Đàn cơ tại Điện Prey-Rup, 11 giờ, Phò loan: Hồ Bảo Đạo và Trung Tá Thoại.

Này là cung điện Prey Rup. Hỷ chư Thiên mạng. Mô Phật. Dấu tích hơn ngàn lễ mấy trăm năm, biết bao công cán tô bồi, rồi rốt cuộc lưu lại chút tàn tích. Ấy vậy, cuộc đời là giả, không có chi còn, nó sẽ trôi theo thời gian và không gian. Kia là Vương Đế, nọ là Bửu ngời, thử hỏi còn tồn tại bao nả?

Thăng.

Tại hồ nước của động Angkor Thom.

Thần NOUL,

Đức Tiêu Diêu Đạo sĩ mời Đức Hộ Pháp đến dinh Ngài.

Thăng.

PRA KHEN, Mô Phật. Nơi Thiên đình của Tiêu Diêu ở hướng Đông, nhưng khó bề Thiên Tôn đến. Vậy bất cứ nơi nào, Hộ Pháp phò loan thì Đạo trưởng giáng. Mô Phật, xin kiếu.

Thăng.

Tái cầu: Tại đền.

TIÊU ĐIỀU ĐẠO SĨ

Tệ tăng xin kiếu lỗi vì đã làm Thiên Tôn bận lòng.

Tệ tăng nói nhiều một chút, xin chư Thiên mạng thứ lỗi.

Thưa Hộ Pháp và Bảo Đạo,

Bần tăng cùng nhị vị Đại Thiên phong thử tìm hiểu coi sắc dân nhược tiểu nơi vùng Á Đông này do đâu xuất hiện? Phải chăng là do hai đại dân Ấn Độ và Trung Hoa liên giao mà cấu tạo. Trước họa phân chia Âu Á, thì lẽ các đồng chủng ấy phải hợp nhau mà bảo thủ sanh tồn mình, nếu không do quân lực thì ít ra cũng đồng tâm lý tinh thần hay là đồng môn đạo giáo mới phải; trái lại, cảnh tượng nguy vong Á chủng mà không một phương hay bảo thủ, thì số mạng họ phải thế nào? Vừa thoát nạn, Âu Á lại bị giam hãm vào vòng thúc phục tân chủng Mỹ, Anh, thì tránh sao khỏi diệt vong tuyệt chủng do Thiên cơ tiền định. Hộ Pháp đã giáng trần thì trách vụ thiêng liêng cốt để cứu dân độ thế. Phương lược hay của Đức Ngài sẽ tự nhiên gặp nhiều khó khăn gay trở, song không qua phép Thiên thơ tiền định. Xin nhị vị an lòng số kiếp của Miên cũng đồng số kiếp của VN, vì có cho nên các chơn linh Phật giáo Miên hội nghị cùng nhau quyết định cho Miên Việt đồng tình tranh đấu. Nhị vị nên để tâm suy tính đặng theo dõi thời cuộc quốc tế xoay chiều, Đạo cứu Đời là như thế.

Xin nhị vị nghe Bần tăng:

THI:

Thân tu cửa Phạm đã nhiều đời,
Thoát tục nay mừng đặng thanh thời.
Dạy rõ nhơn duyên thông cách vật,
Đề cao Phật phẩm để nâng người.
Tụng kinh bác ái dìu đường tục,
Lần chuỗi Từ bi định phép Trời.
Buồn chẳng Long Hoa vào kịp hội,
Định phân Phật phẩm với Tiên ngôi.
Thăng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐỆ

ĐỆ

1. **ĐỆ:** 弟 Em trai, học trò.
Td: Đệ huynh.
2. **ĐỆ:** 遞 Dâng lên, đưa lên.
Td: Đệ trình.

Đệ huynh bất mục

弟兄不睦

A: The brothers are discord.

P: Les frères sont en désaccord.

Đệ: Em trai, học trò. **Huynh:** anh. **Bất:** không. **Mục:** hòa thuận.

Đệ huynh bất mục là anh em không hòa thuận với nhau.

KSH: Cũng vì lòng dạ vô lương,
Đệ huynh bất mục, chẳng thương đồng bào.

KSH: Kinh Sám Hối.

Đệ trình

遞呈

A: To submit.

P: Soumettre.

Đệ: Dâng lên, đưa lên. **Trình:** tỏ ra cho người trên biết.

Đệ trình là dâng giấy tờ lên cấp trên.

Đệ tử

弟子

A: The disciple.

P: Le disciple.

Đệ: Em trai, học trò. **Tử:** con.

Đệ tử là học trò.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn xưng mình là Thầy, gọi các người theo học Đạo là môn đệ, và các môn đệ xưng mình là đệ tử .

TNHT: Ta rất vui lòng mà thấy *đệ tử* kính mến Ta như vậy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐỊA

ĐỊA

ĐỊA: 地 Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội.

Td: Địa ách, Địa ngục, Địa vị.

Địa ách

地厄

A: The terrestrial misfortune.

P: Les fléaux terrestres.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Ách:** tại nạn khôn khổ.

Địa ách là tai nạn khôn khổ do đất gây ra, như: động đất, sụp đất, lở đất,...

Thường nói: Thiên tai Địa ách, nghĩa là những tai nạn khôn khổ do Trời Đất gây ra như: Bão tố, núi lửa, động đất,...

Địa cầu 68

地球

A: The Earth number 68.

P: La Terre numéro 68.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Cầu:** cái quả tròn. Địa cầu là Trái đất.

Địa cầu 68 là địa cầu mà hơn loại chúng ta hiện nay đang ở, đứng hàng thứ 68 trong dãy Thất thập nhị Địa.

Các Địa cầu trong Thất thập nhị Địa được đánh số từ cao xuống thấp, từ thanh nhẹ xuống trọng trước. Địa cầu 68 của chúng ta thuộc loại trọng trước. Nhưng còn 4 Địa cầu phía dưới chúng ta lại còn trọng trước hơn nữa, đó là các Địa cầu số: 69, 70, 71, và 72. Còn các Địa cầu bên trên chúng ta là 67, 66,..., đến số 1 thì càng thanh nhẹ. Hễ càng thanh nhẹ thì trình độ tiến hóa càng cao; càng trọng trước thì trình độ tiến hóa càng thấp.

Đức Chí Tôn có dạy rằng: "Đứng bực Đế Vương nơi trái Địa cầu này (Địa cầu 68) chưa đặt vào bực chót của Địa cầu 67. Trong Địa cầu 67, hơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của mỗi Địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới Đệ nhứt cầu (Địa cầu số 1)."

Nhơn loại trên Địa cầu 68, những người hung dữ gian tà, có chơn thần trọng trước nặng nề, khi chết, chơn thần xuất ra bị hấp lực mạnh của 4 Địa cầu bên dưới hấp dẫn đến đó, và chúng ta gọi đó là bị đọa vào U Minh Địa.

Còn những người nào lương thiện, đạo đức, tâm hồn trong sáng, thì chơn thần thanh nhẹ, khi chết, chơn thần xuất ra bay lên theo lực hấp dẫn của các Địa cầu bên trên, và chúng ta gọi đó là siêu thăng, tức là tiến hóa lên các Địa cầu tốt đẹp hơn, có đời sống thanh cao hơn.

Tóm lại: "Ai giữ trọn bực phẩm thì Tòa Nghiệt Cảnh tương công chiết tội để vào địa vị cao hơn chốn Địa cầu 68 này, ai chẳng trọn trách nhiệm hơn sanh, phải bị đọa vào nơi U Minh Địa, để trả xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ, bằng chẳng biết sửa mình, thì luật Thiên điều chông chập, khổ A Tỳ phải vương muôn muôn đời đời mà đền tội ác." (TNHT)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Địa chi

地支

A: The Earthly branches.

P: Les branches terrestres.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Chi:** cái dẫu, cái nhánh.

Địa chi là chi của đất. Có tất cả 12 chi đất được gọi là Thập nhị Địa chi, gồm: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Trời có Thập Thiên can, Đất có Thập nhị Địa chi.

PMCK: Thập Thiên can bao hàm vạn tượng,
Tùng *Địa chi* hóa trường Càn Khôn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Địa đàng

地堂

A: The terrestrial paradise.

P: Le paradis terrestre.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Đàng** tức là Đường: nhà, ý nói Thiên đàng.

Địa đàng là Thiên đàng tại thế, cỡi trên mặt đất mà đời sống rất sung sướng, an vui, hạnh phúc, không còn phiền não.

TNHT: Cảnh nhàn chẳng phải đâu xa, chỉ nơi *địa đàng* đây, mà vì nhơn loại không để ý tìm ra, cứ theo một lối thấp hèn mà quên đàng cao thượng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Địa giới

地界

A: The terrestrial world.

P: Le monde terrestre.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Giới** hay **Giới:** cõi, một vùng đất có giới hạn.

Địa giới hay Địa giới là thế giới địa cầu, cõi của nhơn loại đang sống, cõi trần.

KCTPĐQL: Dầu tội chướng ở miền *địa giới*.

KCTPĐQL: Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

Địa hoàn

地震

A: The terrestrial world.

P: Le monde terrestre.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Hoàn:** vùng đất lớn, bờ cõi rộng lớn.

Địa hoàn là Địa giới, Trần hoàn, chỉ cõi trần.

TNHT: Day mặt Hồng Quân ngó *địa hoàn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Địa Kỳ Thần Tướng

地祇神將

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Địa Kỳ:** Thần Đất, Thổ Thần. **Thần Tướng:** Các vị Thần làm Tướng trấn nhậm ở địa phương.

Địa Kỳ Thần Tướng là chỉ chư vị Thần Đất, chư vị Thần Tướng trấn nhậm ở một địa phương.

BXTCĐPTTT: *Địa Kỳ, Thần Tướng* đàn tiền giáng lâm.

BXTCĐPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Địa linh nhơn kiệt

地靈人傑

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Linh:** thiêng liêng. **Nhơn:** người. **Kiệt:** tài giỏi hơn người.

Địa linh là vùng đất thiêng, tức là có được nhiều khí thiêng của Trời Đất.

Địa linh hơn kiệt là đất thiêng thì sản xuất người tài giỏi xuất chúng.

Địa ngục

- Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn
- Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt của Giáo Hội Phật giáo VN
- Theo quyển Kinh Sám Hối của Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu)
- Theo Thiên Chúa Giáo
- Tổng kết vấn đề Địa ngục xét qua các tôn giáo
- Đạo Cao Đài quan niệm về Địa ngục

地獄

A: The Hades, Hell.

P: L'Enfer.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Ngục:** nhà tù, nơi giam cầm tội phạm.

Địa ngục là nơi giam giữ và trừng phạt các linh hồn tội lỗi, tương truyền nhà ngục này ở dưới đất.

■ Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn:

Địa ngục có những nghĩa sau đây:

1. **Bất lạc, Bất khả lạc:** Ấy là nơi chẳng vui, chẳng thể vui được vì có đủ mọi lỗi khổ.
2. **Bất khả cứu tế:** Không thể cứu cho thoát khỏi được, vì cảm ứng các sự ác đã làm.
3. **Âm minh:** Nơi tối tăm, chúng sanh ở cảnh ấy không hề nghe biết đạo lý hay chánh pháp.
4. **Địa ngục:** Cảnh ngục thất hành phạt ở dưới đất.

Trong **Địa Tạng Kinh**, như kể tên các Địa ngục với Thánh Mẫu Ma-Da (mẹ của Đức Phật Thích Ca), Ngài Địa Tạng Bồ Tát có giảng rằng:

Về phương Đông cõi Diêm Phù Đề có cảnh núi Thiết Vi. Núi ấy tối om, không có ánh sáng mặt trời mặt trăng rọi tới.

Trong núi có *Đại Địa ngục Cực Vô gián*, lại cũng có *Địa ngục Đại A Tỳ*, lại có những cảnh Địa ngục nữa tên là: *Tứ giác* (4 sừng), *Phi đao* (đao bay), *Hỏa tiễn* (mũi tên lửa), *Giáp sơn* (núi ép), *Thông sang* (đâm lủng), *Thiết xa* (xe sắt), *Thiết sàng* (giường sắt), *Thiết ngư* (trâu sắt), *Thiết y* (áo sắt), *Thiên nhận* (ngàn mũi nhọn), *Thiết lư* (lửa sắt), *Dương đồng* (nước đồng nấu sôi), *Bảo trụ* (ôm cột đồng), *Lưu hỏa* (lửa tấp), *Canh thiết* (kéo lưỡi ra cày), *Tỏa thủ* (chém đầu), *Thiếu cước* (đốt gót chân), *Đạm nhãn* (móc mắt), *Thiết hoàn* (viên sắt cháy đỏ),...

Lại còn những cảnh Địa ngục khác như là: *Khiếu hoán* (kêu gào), *Bạt thiết* (lôi lưỡi), *Phản niếu* (phân và nước tiểu), *Đồng tỏa* (khóa đồng), *Hỏa tượng* (voi lửa), *Hỏa cầu* (chó lửa), *Hỏa mã* (ngựa lửa), *Hỏa ngư* (trâu lửa), *Hỏa sơn* (núi lửa), *Hỏa thạch* (đá lửa), *Hỏa sàng* (giường lửa), *Hỏa lương* (rường lửa), *Hỏa ưng* (chim ó lửa), *Cứ nha* (cưa răng), *Bác bì* (lột da), *Ấm huyết* (uống máu), *Thiếu thủ* (đốt tay), *Thiếu cước* (đốt chân), *Đảo thích* (đâm ngược), *Hỏa ốc* (nhà lửa), *Thiết ốc* (nhà sắt), *Hỏa lang* (sói lửa).

■ Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt của Giáo Hội Phật giáo VN:

Ở vùng Nam Thiệm Bộ Châu, sâu dưới đất chừng 500 Yojana có Địa ngục Đẳng hoạt. Theo thứ tự thì Địa ngục thứ tám gọi là Vô gián Địa ngục. Tám Địa ngục lớn ấy chồng chất hiện lên khắp cả. Theo Luận Câu Xá quyển 8 thì có:

1. *Đẳng Hoạt Địa ngục* (Sonytra): Ở đó có chúng sanh phạm tội bị gươm đao đâm chém, gậy gộc đánh đập, cối xay nghiền giã, khi có gió mát thổi tới thì lại tỉnh như cũ, như lúc còn sống, nên gọi là Đẳng hoạt.
2. *Hắc thằng Địa ngục* (Kālasūtra): Kẻ phạm tội bị dây thừng đen căng tứ chi ra, rồi cưa chém tứ chi và thân thể nên gọi là Hắc thằng.
3. *Chúng hợp Địa ngục* (Sanghāta): Nơi đây những kẻ phạm tội hợp nhau lại cấu xé lẫn nhau nên gọi là chúng hợp.

4. *Hào khiếu Địa ngục* (Rovuva): Cũng gọi là Khiếu hoán Địa ngục. Nơi đây kẻ mắc tội chịu nhiều nhục hình cực khổ mà kêu la thảm thiết.
5. *Đại Khiếu hoán Địa ngục* (Maha rovuva): Nơi đây kẻ mắc tội phải chịu hình phạt tăng lên, kêu khóc càng to nên gọi là Đại hào khiếu Địa ngục.
6. *Viêm nhiệt Địa ngục* (Tapana): Ở đây kẻ mắc tội bị lửa thiêu toàn thân bốc cháy, khổ cực không sao chịu được, nên gọi là Viêm nhiệt Địa ngục.
7. *Đại nhiệt Địa ngục* (Pratapana): Nơi đây lửa thiêu cực kỳ gay gắt, nỗi khổ tăng gấp bội nên gọi là Đại nhiệt.
8. *Vô gián Địa ngục* (Avisi): Nơi đây kẻ mắc tội phải chịu khổ hình liên tục, không lúc nào được nghỉ, nên gọi là Vô gián Địa ngục.

■ Theo quyển **Kinh Sám Hối của Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu)**,

sau bài kinh là phần vẽ Hình Thập Điện kể ra:

1. Nhứt điện: *Tần Quảng Vương* cầm sỏ sống thác.

- Phước: Lượm giấy chữ đốt ra tro bỏ chảy dòng sông và in phát kinh sách khuyến thiện thì đặng phước.
- Tội: Tội nhiều bị quỷ dẫn đến Đài Nghiệt Cảnh soi kiếng, biên các tội lỗi theo như trong kiếng ứng ra, rồi các Điện cứ do đó mà hành hình. Ăn tiền tụng kinh thiếu, phải ở Sở Bỏ Kinh tụng cho đủ. Liều mạng đồ tội cho người hiền, phạt làm ngựa quỉ (ma đỏi).

2. Nhị Điện: *Sở Giang Vương* coi Đẳng Huột Đại Địa ngục.

- Phước: Thí tiền, thí thuốc, thí cơm cháo thì đặng phước.
- Tội: Phạm tội loạn luân, bị cắt (thiến) thận, làm quan tính kẻ đảo điên, ăn hối lộ, bị nhốt trong hỏa xa, đêm vắng toan mưu dối, bị cát mây đen đè mình, xúi trẻ thơ làm lỗi bị cầm trong ngục giá lạnh.

3. Tam Điện: *Tống Đế Vương* coi Hắc Thằng Đại Địa ngục.

- Phước: Bắc cầu, sửa đường cho thiên hạ đi, dựng phước.
- Tội: Giết người lấy của, bị cạy xé thân, đoạt thơ của người bị bắn, gian dâm bị gươm chém giáo đâm đao mổ, hung bạo đốt nhà, bắn sắn bị trói vào cột đồng bèo lạc đố đố chà sát.

4. Tứ Điện: *Ngũ Quan Vương* coi Chúng Hiệp Đại Địa ngục.

- Phước: Thí quan tài và đồ liệm thì dựng phước.
- Tội: Đo gian đong thiếu, lường cân tráo đấu bị cối đập đồng giã dần cho chó ăn, hoặc bị móc treo mình những nhánh; tự vận chẳng màng thảo ngay, hồn oan bị cầm nơi Thành Uổng Tử, đọa đày hành mãi cho đến đứng số mới dựng luân hồi; cho vay ăn lời quá vốn, phạt mang gông cùm.

5. Ngũ Điện: *Diêm La Vương* coi Kiếu Hoán Đại Địa ngục.

- Phước: Nhiều năm bố thí cho người nghèo, dân đói.
- Tội: Tội nhiều lên Đài Vọng Hương ngó về nhà cửa quê hương, hoặc thấy việc buồn rầu, hoặc xem qua cảnh tượng thì tức tối mà khóc than thảm thiết. Hủy hoại lúa gạo, cơm cháo, bị ăn giòi tửa dơ dáy. Con bất hiếu bị chặt, bầm, vv...

6. Lục Điện: *Biện Thành Vương* coi Đại Kiếu Hoán Đại Địa ngục

- Phước: cất chùa, sửa am thì dựng phước.
- Tội: bẻ vựa chờ giá lúa cao mà bán, để người nghèo chịu đói (bẻ địch trợ hoang), hoặc là gian xảo ngược ngang, bị hành bàn chông nhọn. Chửi gió mắng mưa, kêu tên Thần Thánh chẳng chút kiêng vì bị cột trói ngược mà cựa xẻ cắt lưỡi.

7. Thất Điện: *Thái Sơn Vương* coi Nhiệt Nảo Đại Địa ngục.

- Phước: Hết lòng phụng dưỡng kính yêu cha mẹ, cần mẫn thuốc thang khi bệnh hoạn thì dựng phước vô cùng.

- Tội: Bày thuốc phá thai bị quăng lên núi lửa. Khinh khi Tam giáo bị chó phân thây. Nói tục tĩu bị cắt lưỡi. Đàn bà có chồng còn ngoại tình với trai bị đốt nấu trong vạc đồng.

8. Bát Điện: *Bình Đăng Vương* coi Đại Nhiệt Nảo Đại Địa ngục.

- Phước: Người giàu thường trai tặng bố thí cho thầy tu thì được phước lộc.
- Tội: Con bắt hiểu tới điện nào cũng bị hành phạt hoặc bị xay, cưa, đốt, giã, bị phanh rã tim gan, hoặc bị xe cán. Chứa râu lông của, trừ ếm, chửi rửa, đồ dơ giặt đổ rạch sông, ứ trước đến chỗ thờ, phơi áo quần dơ không nể Tam quang, vv. . . bị xô xuống ao huyết phẫn (Huyết Ô Trì).

9. Cửu Điện: *Đô Thị Vương* coi A Tỳ Đại Địa ngục.

- Phước: Thí nước uống cho bộ hành, đưa đồ thí đặng phước lớn.
- Tội: Xói bớt tiền cất chùa, tiền in kinh, sửa ngay ra vạy, phân thây bắt trung bị quăng lên núi đao. Ăn thịt trâu chó, sát mạng vật vô cớ, bị quạ mổ. Phân rẽ vợ chồng, thân tộc của người, đặt thơ huê tình bị chó móc ruột ăn tim. Hăm hiếp hoặc dụ dỗ trẻ thơ mà ăn của bị xay ra bột.

10. Thập Điện: *Chuyển Luân Vương* cho đi đầu thai.

- Phước: Tụng kinh niệm Phật, giữ y lời, đặng phước lớn.
- Tội: Không kính giấy chữ, rủ nhau ăn thịt trâu chó, phạt làm ăn mày. Không kính người lớn, chẳng vâng lời phải, thầy không bảo học trò trọng giấy chữ đều bị đá đê. Nói ra nói vô, xúi người kiện cáo, bị xô xuống cầu Nại Hà cho rắn cua ăn thịt.

Hình Thập Điện vẽ ra căn cứ vào Kinh Sám Hối mà các Đấng giáng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu).

■ Theo Thiên Chúa Giáo,

quan niệm về Địa ngục như sau: (trích đoạn trong sách Điển Ngữ Thần Học Thánh Kinh trang 80-85 nói về Âm Phủ và Hỏa Ngục. Giáo Hoàng Học Viện Thánh Piô X)

"Cửa Âm Phủ nơi Đức Kitô xuống đã được mở rộng để những người bị giam cầm thoát ra, trong khi Hỏa Ngục nơi người bị kết án phải xuống, đóng nhốt họ đời đời.

Cái chết trong lửa kéo dài mãi mãi trong hư nát, đó đã là những hình ảnh Tin Mừng về Hỏa ngục. Đây không còn là Hỏa ngục theo nghĩa thông thường như Shêol (Âm phủ), nhưng là Hỏa ngục có thể nói từ Trời rơi xuống, từ GIAVÊ mà đến. Nếu nó tổng hợp vực thẳm không đáy với trận mưa lửa, hình ảnh Shêol với kỷ niệm Sôđôma, đó là vì Hỏa ngục này được đốt cháy bằng hơi thở của GIAVÊ và cơn giận bừng của Ngài.

Hỏa ngục dành cho người tội lỗi này không thể là số phận của kẻ công chánh, nhất là khi họ vì muốn trung thành với Thiên Chúa đã phải chịu kẻ tội lỗi bách hại và đôi khi giết chết. Thật là hợp lý khi từ xứ bụi đất tức Shêol truyền thống, nơi người thánh thiện và kẻ tội lỗi an nghỉ lẫn lộn, kẻ tội lỗi thức dậy để hãi sợ đời đời, trong khi nạn nhân của họ thức dậy để sống muôn đời.

Hỏa ngục không còn định chỗ ở tận đáy sâu trong lòng đất, nhưng là vũ trụ sỗ lồng chống lại kẻ ngu dại. Các Tin Mừng lấy lại những hình ảnh này: Trong chỗ ở kẻ chết, bị lửa hành hạ, người giàu có thấy Lazarô trong lòng Abraham, nhưng giữa họ có một vực thẳm to lớn không thể vượt qua là vực thẳm, cơn giận của Trời và của Đất nứt ra, sự chúc dữ của Thiên Chúa và sự đối nghịch của muôn vật, đó là Hỏa ngục.

Đức Giêsu quan tâm nhiều đến việc sự sống phải hư mất, đến việc bị phân cách với Người, hơn là mô tả Hỏa ngục theo môi trường Người. Nếu chưa chắc, có thể rút ra từ dụ ngôn người giàu xấu tính một quả quyết minh bạch về Hỏa ngục, thì dù sao cũng phải lưu tâm đến Đức Giêsu khi Người dùng những hình ảnh Thánh Kinh dữ dội nhất, khắc nghiệt nhất nói về vằn đề này: Khóc lóc và nghiền răng trong lò lửa hực nóng; gehenna nơi giới bọ không hề chết và lửa không hề tắt, nơi Thiên Chúa có thể diệt cả hồn lẫn xác.

Đức Giêsu không chỉ nói về Hỏa ngục như là một thực tại để dọa; Người tuyên bố rằng chính Người sẽ sai các Thiên Thần ném vào lò lửa hực nóng những kẻ làm điều ác.

Nhưng Đức Kitô, cả trước khi Người đến, đã được hứa ban và mong đợi. Trong mức độ họ tiếp nhận lời hứa ấy, con người thời Cựu Ước nhận thấy Âm Phủ được chiếu sáng mờ mờ rồi thành sáng hẳn. Ngược lại, trong mức độ họ từ chối, Âm Phủ trở thành Hỏa ngục, họ rơi chìm vào một vực thẳm nơi quyền lực SATAN ngự trị khủng khiếp. Sau cùng khi Đức Giêsu-Kitô xuất hiện, những ai không vâng phục Tin Mừng Người sẽ bị phạt diệt vong đời đời, xa cách Thánh nhan Chúa, họ sẽ tái hợp với Thần Chết và Hades trong ao lửa."

■ Văn đề Địa ngục xét qua các tôn giáo

vừa kể trên là một quan niệm có cơ sở hợp lý, bởi vì hễ có thưởng thì phải có phạt, hễ có tự do thì phải có nhà tù, hễ có Phật Tiên thì phải có Ma Quỷ, hễ có Thiên đàng thì phải có Địa ngục, đó là lẽ công bình của Trời Đất mà ai ai cũng phải nhìn nhận.

Thiên đàng và Địa ngục là hai cảnh hoàn toàn đối ngược nhau, thể hiện cán cân công bình thiêng liêng của Thượng Đế và cũng để giúp vào sự thúc đẩy sự Tiến Hóa của CKVT.

Nếu không có Địa ngục thì cán cân công bình thiêng liêng gãy đổ, Luật Tiến Hóa tan vỡ và đó cũng là sự hủy diệt của CKVT, tức là hủy diệt Thượng Đế. Điều này chắc chắn không bao giờ xảy ra.

Tuy nhiên, chúng ta cần phải có một quan niệm về Địa ngục một cách khoa học để tránh rơi vào chỗ mê tín dị đoan.

- Trước hết, Địa ngục không phải ở dưới đất, vì dưới đất sâu là ruột của quả địa cầu, nơi đó chỉ toàn là đất đá nóng chảy lỏng ở nhiệt độ rất cao, hàng trăm ngàn độ.
- Kế đó, Địa ngục không có các hình phạt như móc mắt, moi tim, xay cưa đốt giã, v.v....

■ Đạo Cao Đài quan niệm về Địa ngục

một cách rất khoa học, như sau: Địa ngục là một cảnh giới hoàn toàn trái ngược với cảnh Cực Lạc Niết Bàn hay Bồng Lai

Tiên cảnh. Cảnh Cục Lạc Niết Bàn thì trong sáng, tốt đẹp, an vui; đối lại cảnh Địa ngục tăm tối, ô trược, đau khổ.

Do đó, Đạo Cao Đài đổi chữ Địa ngục thành chữ U Minh Địa giới thì rất đúng và tránh được điều mê tín dị đoan.

Cõi U Minh Địa giới gồm 4 quả Địa cầu: Số 69, 70, 71, và 72 trong dãy Thất thập nhị Địa mà Địa cầu của Nhơn loại chúng ta đang ở là Địa cầu số 68. Đó là 4 Địa cầu trọng trược, tối tăm, lạnh lẽo, chìm sâu dưới đáy vũ trụ, buồn thảm vô cùng.

Những người gian tà độc ác, phạm nhiều trọng tội trong kiếp sanh, khi chết thì linh hồn và chơn thần xuất ra bị bao phủ bởi một chất khí ô trược nặng nề, không thể bay lên được, mà bị kéo rơi xuống vào một trong bốn quả Địa cầu của U Minh Địa theo luật hấp dẫn đồng khí tương cầu.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn:

"Nếu các con cho Địa ngục là ở dưới đất thì lầm lắm! Trong trung tim trái đất chỉ toàn là lửa. Và trong vũ trụ này có biết bao nhiêu là trái địa cầu, những trái thanh thì vượt nổi lên trên mà hưởng lấy khí Dương rất đổi nhẹ nhàng sáng suốt, còn những trái trọng trược thì lặn chìm xuống dưới mà bị lấy khí Âm rất đen tối u minh.

Vậy, nếu các con, hoặc đã phạm tội với Trời, hoặc mang đại ác với người, thì linh hồn tất phải bị đọa xuống nơi mấy trái địa cầu mà Âm khí nặng nề khốn nạn ấy để chịu buồn rầu, khổ cực, nhức nhối tâm hồn, xoắn xang trí não.

Đó là Nhân quả, nghiệp chướng, oan gia của các con đã tạo gieo, nó theo các con mà hành phạt lấy các con, chớ không có cửa xê, trừng trị như người ta hiểu lầm, thường gọi là Thất Điện Diêm Vương đầu.

Những cõi ấy, linh hồn nào rui ro bị đọa lạc vào thì càng ngày càng thêm mê muội, tối tăm mãi mãi. Ôi! Khốn khổ biết bao! Thầy khó tả ra những sự đọa đầy trải qua của các linh hồn phạm tội phải cam chịu trong mấy cõi ấy." (ĐTCG)

Các Đấng Giáo Chủ của các tôn giáo cũng biết Địa ngục là như thế, nhưng tại sao lại ra kinh sách nói rằng Địa ngục có

những hình phạt ghê gớm như xay cưa đốt giã, hình bào lạt, cưa kình xé thân, ao huyết phần gây cây đánh đầu?

Bởi vì trình độ non sanh lúc đó còn thấp, mô tả ra những điều ghê gớm như thế cốt để người ta kinh sợ, không dám làm ác, lo làm điều lành.

Trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo có hai bài kinh còn nói đến các cảnh trừng phạt các tội hồn nơi Địa ngục: Kinh Sám Hối và Giới Tâm Kinh.

Kinh Sám Hối do các Đấng thiêng liêng giáng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) vào năm 1925. Bài Giới Tâm Kinh do các Đấng ban cho Chi Minh Tân.

Đây là hai bài kinh mà Hội Thánh vâng lệnh Đức Chí Tôn thỉnh về làm Kinh của Đạo Cao Đài thuở mới Khai Đạo.

Chúng ta cần phải lưu ý để phân biệt, kinh nào là kinh chánh gốc của Đạo Cao Đài, và kinh nào là kinh thỉnh nơi các tôn giáo khác. Nhưng trong các bài kinh của Đạo Cao Đài, các Đấng vẫn dùng chữ "Địa ngục" mà chúng ta phải hiểu đây là cõi U Minh Địa giới gồm 4 Địa cầu chìm sâu dưới đáy vũ trụ.

Trong thời kỳ khởi đầu của Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn Đại khai Ân Xá, nên Đức Chí Tôn ra lệnh đóng cửa Địa ngục, không cho đày đọa các linh hồn tội lỗi xuống cõi U Minh nữa, mà Đức Chí Tôn giao cho DTC mở ra cõi Âm Quang để dạy Đạo cho các linh hồn này. Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy Đạo cho các nam tội hồn, và Thất Nương DTC dạy Đạo cho các nữ tội hồn. Khi các tội hồn thức tỉnh, học đạo biết hồi đầu hướng thiện thì được cho tái kiếp nơi cõi trần mà trả quả và tu hành, hầu sớm được trở về cùng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn nói rằng: Khi nào Đức Phạm Hộ Pháp thoát xác trở về thiêng liêng, Ngài sẽ vâng lệnh Đức Chí Tôn đi đóng cửa các Địa ngục.

Mà Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên năm 1959, tức là năm Kỷ Hợi, năm Đạo thứ 33, như vậy, Địa ngục hoàn toàn được đóng cửa vào năm này.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

DTC: Điều Trì Cung.

Địa phận

地分

A: The territorial division.

P: La division territoriale.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Phận:** phần.

Địa phận là một phần đất có ranh giới được chia ra căn cứ trên số dân cư ngụ trên vùng đất ấy.

CG PCT: Thầy buộc Giáo Sư phải lo lắng cho các tín đồ trong *địa phận* mình cai quản như anh ruột lo cho em.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Địa phủ

地府

A: The Hell.

P: L'Enfer.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Phủ:** chỗ làm việc quan.

Địa phủ là Địa ngục. (Coi chữ Địa ngục ở trên)

TNHT: Cứu thế quyết ngưng quyền *Địa phủ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Địa quyển

地圈

A: The round earth. P: La terre ronde.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Quyển:** còn đọc là Khuyên: tròn, bao bọc.

Địa quyển là trái đất tròn, đồng nghĩa Địa cầu.

Cũng như từ ngữ: Khí quyển là lớp không khí tròn bao bọc quanh trái đất.

TNHT: Thọ như *địa quyển*, thanh hòa Thiên.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Địa Tạng Vương Bồ Tát

地藏王菩薩

Tiếng Phạn gọi là: KSITIGARBHA BODHISATTVA.

Địa: Đất, vùng đất; chỗ đứng trong xã hội. **Tạng:** chứa, chõ. **Vương:** vua. **Bồ Tát:** phẩm vị Bồ Tát, dưới Phật, còn nhiệm vụ cứu giúp chúng sanh.

Phật hiệu "**Địa Tạng**" có ý nghĩa như sau:

Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát có lập nguyện tế độ tất cả chúng sanh, cũng như đất chõ muôn vật. Ngài hiện thân ở hằng hà sa số thế giới, độ vô số chúng sanh, không một thế giới nào hay một chúng sanh nào ra ngoài tự tâm của Ngài, nên gọi là Tạng (trùm chứa). Ngài phát nguyện rằng: Địa ngục mà còn chúng sanh thì Ngài chẳng thành Phật.

Do lời Đại nguyện ấy, Đức Chí Tôn phong Ngài làm U Minh Giáo Chủ, độ rỗi các linh hồn tội lỗi bị đọa vào U Minh Địa giới (thường gọi là Địa ngục).

Ngài có đầy đủ công đức thành vị Phật cao siêu, nhưng vì Đại nguyện của Ngài chưa hoàn thành, cõi U Minh vẫn còn nhiều chúng sanh bị đọa, nên Ngài vẫn làm một vị Bồ Tát.

Thất Nương DTC giảng cơ nói với Đức Phạm Hộ Pháp (Thất Nương xưng Em) về Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát:

"Ngày Hội Ngọc Hư lo tiếp pháp của Tây Phương Cực Lạc, Em đặng nghe thấy những lời của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát than thở rằng: Ngài là Phật, nên khó gần gũi các hồn nữ phái mà khuyến giáo cơ giải thoát mê đồ. Bởi cơ nơi Âm Quang, nữ hồn còn bị luyện tội nhiều hơn nam phái bội phần.

Em lại nghe Người ước rằng: Chớ chi có một Đấng Nữ Tiên dám đảm đương đến phổ tế mới mong tận độ chư vong của Phong Đô thoát kiếp. Em mới để dạ lo lường, cả lòng lân ái đến đó, Em đã chán thấy nhiều tội tình chẳng trọng hệ, song có hồn chịu sâu thâm lạ thường. Em đã liệu nhiều phương thế cho từ đây, mấy chơn hồn có bề để tránh khỏi cửa Âm Quang hãm tội." (TNHT)

Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát có nhiều lần giáng sanh xuống cõi trần để độ dẫn chúng sanh. Sau đây xin kể lại một tiền thân và một kiếp giáng trần của Ngài.

I. Tiền thân: Hồi đời quá khứ, lâu xa lắm, có Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương ra đời. Sau Đức Phật ấy nhập diệt, rồi đến thời kỳ Tượng pháp, Ngài Địa Tạng, lúc ấy chưa chứng vị Bồ Tát, sanh làm con gái dòng Bà La Môn ở Ấn Độ.

Thân mẫu của nàng thì tin theo ngoại đạo, thường đem lòng tà niệm khinh khi Tam bảo, đã không tin nhân quả nghiệp báo mà còn chê bai chánh pháp nữa. Khi đó, nàng biết thế nào mẹ mình khi chết cũng phải bị đọa, nên hết sức khuyên can, nhưng thân mẫu nghiệp ác dầy đầy, đạo tâm nông cạn, chẳng chút nghe nàng. Ôi! Chẳng bao lâu, bà nhuốm bệnh và chết. Thân hồn bà theo nghiệp ác mà bị đọa vào Vô Gian Địa Ngục.

Còn phần nàng, nỗi thương mẹ, nỗi sợ mẹ bị đọa Địa Ngục, nên nàng bán hết nhà cửa ruộng vườn, rồi mua sắm đủ các thứ hương hoa và đồ quý báu đem đến chùa Phật mà cúng dường. Lúc nàng vào chùa lễ Phật, nàng thấy tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai rất oai nghiêm, linh động như vị Phật sống, lòng nàng bội phần kính ngưỡng.

Nàng lễ Phật xong thì nghĩ rằng: Phật là bậc Đại Giác, đủ trí sáng suốt, hiểu thấu các lẽ, nếu được Phật chỉ dẫn thì ta có thể biết được mẹ ta sanh về đường nào và nhờ Phật từ bi chỉ bảo cho ta biết cách cứu mẹ ta thì đâu có bị thảm như thế này.

Nàng nghĩ như vậy rồi thì cứ đứng nhìn sừng tượng Phật mà khóc, dường như tổ lòng cầu khẩn Đức Phật thì ân cứu độ.

Thoạt nghe giữa thình không có tiếng gọi rằng: "Nàng thiện nữ kia, đừng buồn rầu khóc lóc nữa, ta sẽ chỉ cho biết chỗ thác sanh của mẹ người."

Nàng nghe nói như vậy liền chấp tay ngửa mặt lên không bạch: "Từ khi mẹ tôi mất đến nay, ngày đêm thương nhớ, không biết hỏi ai cho rõ chỗ thác sanh của mẹ tôi, nay không biết Đức Thánh Thần chi có lòng đoái thương như vậy?"

Giữa thình không lại có tiếng đáp: "Ta là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà ngươi vừa cúng dường và bái lễ đó. Vì thấy ngươi có lòng chí hiếu nên ta đến đây chỉ bảo."

Nàng liền bạch giữa thanh không: "Xin Phật từ bi chỉ giùm chỗ thác sanh của mẹ tôi, và xin cứu giúp mẹ tôi."

Khi ấy Đức Như Lai nói: "Ngươi cúng dường và lễ bái xong, mau trở về nhà, ngồi ngay thẳng và yên lặng, niệm danh hiệu ta thì tự nhiên biết được xứ sở của mẹ ngươi thác sanh."

Nàng lễ Phật xong liền trở về nhà, tắm rửa sạch sẽ rồi nàng ngồi thiền định, niệm danh hiệu của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Nàng thiền định được một ngày một đêm thì thình linh xuất thần đi đến một chỗ bờ biển kia, nước cuộn cuộn sôi trào, sóng dợn ba đào, thấy nhiều giống ác thú mình bằng sắt nhảy nhót chạy trên mặt biển, lại thấy cả ngàn người đàn ông đàn bà, trời lên lặn xuống trong biển ấy, bị những thú dữ kia giành giật cầu xé mà ăn thịt. Còn bọn quỷ Dạ xoa có hình thù kỳ dị, xua đuổi đám người ấy cho thú dữ bắt, xé xác ăn thịt. Cảnh tượng thật là ghê gớm.

Nàng nhờ niệm Phật nên được Phật hộ trì, nên nhìn cảnh ấy mà không sợ hãi chi cả.

Xảy đâu có một Quỷ Vương tên Vô Độc, thấy hình tướng của nàng chẳng phải người phàm, bèn đến trước mặt nàng hỏi:

- Dám hỏi Bồ Tát vì duyên cớ nào đến đây?
- Chỗ này kêu là xứ gì?
- Đây là biển nghiệp thứ 1, ở phía Nam núi Thiết Vi.
- Ta nghe nói trong núi Thiết Vi có Địa ngục ở chính giữa. Việc này có không?
- Quả thật có Địa ngục, chớ không phải huyền hoặc.

Nàng nghe Quỷ Vô Độc nói như thế thì rất kinh nghi, liền hỏi tiếp rằng:

- Địa ngục là nơi để giam giữ và trừng phạt người có tội, còn ta đây, có lòng kính ngời Tam Bảo, mà duyên cớ gì ta cũng đến chỗ này?

- Phạm người đi đến đây có hai cách: Một là có oai lực thần thông, đến cứu độ mấy người tội khổ hay là đến chơi cho biết; hai là những người tội ác bị giải đến đây chịu khổ.

Nàng lại hỏi nữa rằng:

- Nước biển này sao lại trào lên hoài, còn ở trong biển thì có nhiều tội nơn lặn xuống trời lên bị thú dữ xâu xé ăn thịt như thế?

- Đây là chỗ nhốt những kẻ tạo ác nơi cõi Diêm Phù Đề, nên khi chết rồi, cái ác nghiệp chiêu cảm khổ báo mà đến đây chịu đầy đọa. Ở phía Đông biển này, cách chừng 10 vạn do tuần, lại có một cái biển nữa, còn ở phía Tây cũng có một cái biển nữa, sự đầy đọa chúng sanh còn khổ hơn tại đây bội phần, thảm thiết không kể xiết. Những người thọ khổ là do khi sống nơi thế gian tạo quá nhiều nghiệp ác.

- Còn Địa ngục ở chỗ nào?

- Ở giữa ba cái biển nghiệp ấy là chỗ Địa ngục. Nếu kể riêng ra thì nhiều đến cả trăm ngàn, mà sự thọ khổ mỗi nơi mỗi khác, như nói về ngục lớn thì có 18 chỗ, ngục trung thì có 500 chỗ, ngục nhỏ thì có cả ngàn chỗ. Sự khổ đau trong các ngục ấy không biết bao nhiêu mà kể.

Nàng lại hỏi Quỷ Vô Độc:

- Mẹ ta khi chết đến nay chưa bao lâu, nhưng chẳng biết thần hồn đi đến chỗ nào?

Quỷ Vô Độc nói:

- Chẳng hay mẹ của Bồ Tát lúc sanh tiền làm những nghiệp gì?

- Mẹ ta trước nhiễm theo tà kiến, chê bai Tam bảo, hủy báng Phật giáo, không nghe điều thiện.

- Vậy mẹ của Bồ Tát tên họ là chi?

- Cha ta là Thi La Thiện Hiện, còn mẹ ta tên là Duyệt Đề Lị, đều là dòng dõi Bà La Môn cả.

- Xin Thánh giả trở về bổn xứ, chẳng cần buồn rầu thương nhớ mẫu thân vì số là bà Duyệt Đề Lị đã khởi sự chịu khổ nơi Địa ngục này, nhưng nhờ con của bà hết lòng hiếu thảo, lập đàn tu phước và cúng dường nơi tháp của Đức Giác Hoa Định

Tự Tại Vương Như Lai nên mới cảm đến Phật Thánh mà được sanh về cõi Trời rồi. Chẳng những thân mẫu của Bồ Tát nhờ phước đức đó mà khỏi đọa Vô Gian Địa ngục, đặng sanh lên cõi Trời mà thôi, cho đến những người đồng thọ tội ở đó cũng nhờ duyên phước ấy đều đặng sanh về cõi Thiên đàng trong ngày đó nữa.

Quỉ Vô Độc nói đến đây thì chấp tay cung kính xin rút lui. Còn nàng thì dường như chiêm bao tỉnh giấc, mới rõ việc này là nhờ Phật lực, đưa nàng đến chỗ Địa ngục để biết về chỗ thác sanh của mẹ nàng.

Nàng cảm ơn Đức Phật, liền đến bửu tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, phát lời đại nguyện:

"Nay tôi nguyện cho đến kiếp vị lai, nếu có chúng sanh nào tạo tội mà bị khổ nơi Địa ngục, bất luận là kẻ thân thuộc hay người cừu oán chi, thì tôi lập ra nhiều pháp môn phương tiện để cứu độ cho tất cả được giải thoát."

II. Giáng sanh: Trong truyện Thần Tăng có chép:

Sau khi Phật Thích Ca nhập diệt 1508 năm, nhằm đời nhà Tấn, niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ tư, Đức Địa Tạng Bồ Tát giáng sanh tại nước Tân La, tên là Kim, hiệu là Kiều Giác.

Khi được 24 tuổi, Ngài xuất gia tu hành, có dắt theo một con chó trắng kêu là con Thiện Thính (con chó biết nghe tiếng người), đi thuyền qua tỉnh Giang Nam, huyện Thanh Dương, phía đông phủ Trì Châu, rồi Ngài lên đỉnh núi Cửu Hoa mà ngồi tu thiền định trọn 75 năm.

Đến đời nhà Đường niên hiệu Khai Nguyên (vua Đường Huyền Tông), năm thứ 6, tối bữa 30 tháng 7, Ngài chứng thành Đạo quả, lúc ấy Ngài được 99 tuổi, và cũng còn ở trong động núi Cửu Hoa.

Thuở đó có một vị quan trong triều là Mẫn Công, thường hay cúng trai tăng cho 100 vị sư tăng. Kỳ này thiếu một vị, Mẫn Công bèn lên núi Cửu Hoa thỉnh Ngài Kiều Giác cho đủ 100 vị. Ngài Kiều Giác xin một cái áo cà sa và một khoảnh đất, ước trả đủ cái áo cà sa này. Mẫn Công vui lòng ưng thuận, Ngài liền lấy y trả ra, y trùm hết cả một vùng đất rộng bên cạnh núi. Mọi người đều hết sức thán phục thần thông của Ngài.

Mẫn Công thấy sự thần kỳ như vậy, biết đây là một vị Thánh tăng đắc đạo, nên bội phần hoan hỷ, nguyện hiến hết vùng đất ấy cho Thánh tăng sử dụng, và người con của Mẫn Công xin xuất gia theo Thánh tăng, được Thánh tăng bằng lòng thu nhận, đặt pháp hiệu là Đạo Minh.

Về sau, Mẫn Công thu xếp công việc rồi cũng xuất gia theo Ngài Kiều Giác tu hành.

Ngài Kiều Giác trở về núi thiên định thêm 20 năm nữa, rồi đến niên hiệu Chí Đức thứ nhì, cũng đời nhà Đường, Ngài Kiều Giác nhập diệt, đắc đạo là Địa Tạng Bồ Tát.

Nơi đỉnh núi Cửu Hoa, còn nhiều di tích của Địa Tạng Bồ Tát. Muốn lên tới đỉnh núi này, người ta phải leo lên 81 bậc đá rất hiểm trở.

Do sự tích này, người đời sau tạc tượng thờ Địa Tạng Bồ Tát, bên tả có Đạo Minh Hòa Thượng, bên hữu có Mẫn Công đứng hầu, và hằng năm, đến ngày 30 tháng 7 âm lịch, các chùa đều làm lễ kỷ niệm Ngài.

KSH: Đại Thánh *Địa Tạng Vương Bồ Tát*,
Bồ từ bi, tế bạt vong hồn.

DTC: Diêu Trì Cung.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KCS: Kinh Sám Hối.

ĐIỀM

Điềm nhiên tọa thị

恬然坐視

Điềm: yên lặng, làm thình. **Nhiên:** như thế. **Tọa:** ngồi. **Thị:** xem. **Điềm nhiên:** không quan tâm.

Điềm nhiên tọa thị là yên lặng như thế ngồi xem.

Ý nói: Thờ ơ, không muốn tham gia công việc.

ĐIỂM

ĐIỂM

ĐIỂM: 點 có hai nghĩa tùy trường hợp:

- **ĐIỂM:** Một chấm nhỏ.
Td: Điểm Linh quang.
- **ĐIỂM:** Rót nước.
Td: Điểm trà.

Điểm Linh quang

點靈光

A: The divine light, the divine spark.

P: La lumière divine, l'étincelle divine.

Điểm: Một chấm nhỏ. **Linh:** thiêng liêng. **Quang:** ánh sáng.

Điểm Linh quang là một điểm ánh sáng thiêng liêng.

Điểm Linh quang chỉ là một tia sáng hay một điểm sáng từ trong khối Đại Linh quang (Thái Cực) phát ra. Đức Phật Mẫu thu điểm linh quang này làm linh hồn, rồi dùng nguyên khí Âm Dương trong DTC tạo ra một chơn thần làm xác thân thiêng liêng bao bọc điểm linh hồn này, như thế là tạo thành một con người nơi cõi thiêng liêng. Cho nên, Đức Chí Tôn là Cha (vì đã ban cho điểm linh quang làm linh hồn) và Đức Phật Mẫu là Mẹ (vì đã tạo ra chơn thần tức là xác thân thiêng liêng).

Cho nên một con người nơi cõi thiêng liêng có hai yếu tố: Linh hồn (hay Chơn linh) và Chơn thần (hay xác thân thiêng liêng). Khi con người ấy đầu thai xuống cõi trần thì người ấy có thêm một xác thân phàm trần do cha mẹ phàm trần tạo ra. Điểm Linh quang và Chơn thần nhập vào xác thân phàm trần làm khuôn viên và điều khiển xác thân phàm trần.

TNHT: Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nhân cách thì rất uổng cái *điểm linh quang* của Thầy đổ vào xác thân của các con lắm!

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DTC: Diêu Trì Cung.

Điểm Quang minh

點光明

Điểm: Một chấm nhỏ. **Quang:** ánh sáng. **Minh:** sáng.

Điểm quang minh là điểm linh quang, tức là linh hồn của con người.

TNHT: - Một điểm quang minh một điểm linh.

- Một điểm quang minh là một hồn người, là vật tối linh của Thầy trân trọng. Nếu con muốn làm lành thì gắng dạy mấy hồn ấy cho đặng hiền.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Điểm trà

點茶

A: To pour the tea in a cup.

P: Verser du thé dans un coupe.

Điểm: Rót nước. **Trà:** nước trà.

Điểm trà là rót nước trà vào tách.

Đây là một câu xướng của lễ sĩ trong nghi thức cúng đại đàn nơi Tòa Thánh hay nơi các Thánh Thất.

Khi lễ sĩ xướng "Điểm trà" thì người quì tại ngoại nghi cầm bình trà rót vào tách trà cho lễ sĩ điện, dâng vào nội nghi.

DIỄN

DIỄN

1. **DIỄN:** 典 Kinh sách thời xưa.
Td: Diễn cố.
2. **DIỄN:** 電 cũng đọc là Điện, là làn sóng điện.
Td: Diễn chiếu, Diễn quang.

Điện chiếu

電照

A: The propagation of the electric waves.

P: La propagation des ondes électriques.

Điện: cũng đọc là Điện, là làn sóng điện. **Chiếu:** rọi tới.

Điện chiếu là làn sóng điện truyền đi.

Làn sóng điện truyền đi rất nhanh, gần bằng phân nửa vận tốc của ánh sáng, và có thể mang theo tiếng nói và hình ảnh, nên chúng ta có thể dùng máy TV (Truyền hình) để bắt làn sóng điện ấy, làm cho hình ảnh hiện ra trên màn hình và có tiếng nói kèm theo.

KKĐCR: Kinh Bạch Ngọc muôn lần diễn chiếu.
Mau như *điện chiếu*, nhẹ thành bóng mây.

KKĐCR: Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Diễn cố - Diễn tích

典故 - 典跡

A: Classic allusions - Classic examples.

P: Allusions classiques - Exemples classiques.

Diễn: Kinh sách thời xưa. **Cố:** cũ, xưa. **Tích:** chuyện xưa.

Diễn cố đồng nghĩa Diễn tích là chỉ những việc có chép trong các sách vở thời xưa, được cô đọng lại trong một từ ngữ hay một thành ngữ để nói lên ý nghĩa của chuyện đó.

Văn học cổ thường dùng rất nhiều Điển tích hay Điển cố. Nếu không biết được Điển tích thì không thể hiểu được ý nghĩa của câu văn hay câu thơ ấy.

Thí dụ: *Huỳnh lương một giấc cuộc đời in.* Nghĩa là: Cuộc đời giống hệt như một giấc huỳnh lương.

Nếu chúng ta không biết điển tích "giấc huỳnh lương" thì chúng ta không thể hiểu được câu thi trên.

Giấc huỳnh lương là giấc mộng của Ông Lữ Đồng Tân khi nằm trên chiếc gối của Ông Hớn Chung Ly đưa cho, bên cạnh nồi huỳnh lương (bắp vàng) mà Hớn Chung Ly đang chụm lửa nấu nhưng chưa chín. Trong giấc mộng đó, Lữ Đồng Tân thấy mình đi thi đậu Trạng Nguyên, cưới được vợ đẹp và giàu, được vua bổ làm quan, thăng quan tiến chức trong 50 năm, lên chức Tể Tướng, vinh hiển tột bực, con cháu đầy nhà. Sau bị gian thần hãm hại, vua bắt tội, tịch thu hết gia sản, đày đi xa thật vô cùng khổ sở. Kế giựt mình thức dậy, nồi bắp vàng nấu nãy giờ vẫn chưa chín.

Từ điển tích này, rút ra thành ngữ: Giấc huỳnh lương là để chỉ sự giàu sang quyền tước nơi cõi đời này không bền vững, và ngắn ngủi như một giấc chiêm bao.

Điện quang

電光

A: The luminous waves.

P: Les ondes lumineuses.

Điện: cũng đọc là Điện, là làn sóng điện. **Quang:** ánh sáng.

Điện quang là ánh sáng có tính chất như một làn sóng điện, nghĩa là ánh sáng truyền đi trong không gian giống như làn sóng điện, nhưng làn sóng điện thì có tần số thấp, còn ánh sáng thì có tần số rất cao và truyền đi nhanh hơn sóng điện.

Ở cõi trần, hơn loại dùng làn sóng điện để truyền tải tiếng nói và hình ảnh trong không gian. Nếu chúng ta có một máy TV, điều chỉnh cho đúng tần số thì chúng ta thu được tiếng nói và hình ảnh đó và làm cho nó hiện ra trên màn hình.

Các Đấng thiêng liêng ở cõi rất thanh, rất vi diệu nên tần số rung động rất lớn so với cõi trần, nên các Đấng dùng ánh sáng có tần số rất cao để truyền tư tưởng. Những đồng tử phò cơ chấp bút là những người có năng khiếu đặc biệt tiếp nhận được các làn sóng ánh sáng ấy, hiểu biết được tư tưởng của các Đấng, nên tay viết ra thành một bài văn của các Đấng dạy đạo.

Đó là nguyên tắc cầu cơ hay chấp bút thường dùng.

Con người phàm chúng ta thì dùng làn sóng điện, vì làn sóng điện có tần số thấp, thích hợp với cõi trần trọng trước, còn các Đấng thiêng liêng thì dùng điện quang tức là ánh sáng với tần số rất cao thích hợp với cõi khinh thanh, để truyền tư tưởng.

TNHT: Còn việc truyền thần lấy *điện quang* thì ai ai cũng có điện trong mình, nó tiếp điện ngoài rồi thần của nó viết ra, có khi trúng khi trật.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

DIỆN

DIỆN

1. **DIỆN:** 奠 Lễ sĩ dâng phẩm vật cúng tế theo cách thức đặc biệt của tôn giáo.
Td: Điện lễ, Điện Tiên hoa.
2. **DIỆN:** 殿 Nơi trang nghiêm để thờ cúng các Đấng thiêng liêng.
Td: Điện tiên.

Điện lễ

奠禮

A: To offer a present with a special manner of Caodaism.

P: Offrir un present avec une manière spéciale du Caodaisme.

Điện: Lễ sĩ dâng phẩm vật cúng tế theo cách thức đặc biệt của tôn giáo. **Lễ:** nghi thức cúng tế.

Điện lễ là lễ sĩ dâng phẩm vật lên cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng theo cách thức đặc biệt của Đạo Cao Đài: Lễ sĩ mặc áo tràng rộng, màu vàng hay màu xanh, đội mũ trắng của lễ sĩ, hai tay cung tròn đưa lên ngang mặt, cầm một cái đài trên đó có đặt phẩm vật dâng cúng, chân bước theo hình chữ tâm 心 đi từ ngoại nghi vào nội nghi theo điệu trống và nhạc, với giọng thài của đồng nghi.

TNHT: Chừng nào nội xướng thì để cho Lễ Sanh (nay gọi là Lễ Sĩ) *điện lễ*, cúng vật thì để sẵn ngoài ba bàn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Điện Tiên hoa - Điện Tiên tửu - Điện Tiên trà

奠仙花 - 奠仙酒 - 奠仙茶

A: To offer the fairy flowers - To offer the fairy wine

P: Offrir des fleurs féériques - Offrir de vin féérique

Điện: Lễ sĩ dâng phẩm vật cúng tế theo cách thức đặc biệt của tôn giáo. **Tiên:** ở đây có nghĩa là cao quý, thanh khiết. **Hoa:** bông hoa. **Tửu:** rượu. **Trà:** nước trà.

Điện Tiên hoa là lễ sĩ dâng bông hoa tinh khiết (dùng đủ 5 sắc hoa tươi) từ ngoại nghi vào nội nghi để vị Chửc sắc chứng đàn cầu nguyện dâng lên Đức Chí Tôn rồi đem đặt trên bàn thờ.

Mỗi khi điện lễ như vậy thì có 2 cặp lễ sĩ (gồm 4 lễ sĩ), phân làm hai bên, cặp đi đầu cầm đèn, gọi là cặp đăng; cặp đi kế cầm đài, trên đó có đặt cúng phẩm, gọi là cặp đài.

Điện Tiên tửu hay Điện Tiên trà thì cách thức cũng giống như Điện Tiên hoa, nhưng thay Hoa bằng Rượu hay Trà.

Trong cuốn Nghi Tiết Tiểu Đàn và Đại Đàn năm 1930, Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu chú thích như sau:

"Điện Tiên hoa: Trống đổ 3 hồi giót, vừa thấy Lễ sĩ cung tay rồi thì tiếp xây trống, đờn Đảo Ngũ Cung, hễ đờn vô xong thì châu trống khởi đầu cho Lễ bước, rồi cứ xây đến 7 lá châu

lá 8, nghĩa là đủ một lớp đờn Đảo 8 câu thì châu tiếp như vậy, cho đến Lễ sĩ dâng lễ tới nội nghi, day vô giữa thì thôi châu, nhưng cứ đờn tiếp hoài (ấy là Thánh giáo của Đức Chí Tôn). Lễ sĩ cung tay lên đờn, dùng câu châu, trống nhạc khởi đầu thì cũng khoát cẳng bìa (tả khoát tả, hữu khoát hữu), Lễ phải đi chữ Tâm.

Bước Lễ phải tùy câu trống, nhạc châu 7 lá mà đi cho rập ràng. (Khoảng này, Đức Thái Thượng Lão Quân hằng dặn phải tập Lễ cho rập). Đồng nhi phải tùy bước đầu của Lễ mới khởi thái, nhưng phải có người thông thạo diu dặt, đặng phân đường cho đồng nhi thái, thế nào trong 4 câu, Lễ sĩ tới bửu điện thì vừa dứt bài, đặng Lễ day vào giữa. Người dặt đồng nhi thái phải hiểu biết câu đờn cao thấp, đặng tùy giọng khởi đầu cho đồng nhi tiếp theo mới rập ràng với đờn, bằng không hiểu thì làm trái giọng, thêm loạn đờn. (Việc này rất khó, cần phải hỏi nhiều mới đặng)."

Hoa, Rượu, Trà là tượng trưng Tinh, Khí, Thần, là Tam thể xác thân của con người:

- Hoa tượng trưng Tinh là xác thân phàm.
- Rượu tượng trưng Khí là chơn thần.
- Trà tượng trưng Thần là linh hồn.

1. Điện Tiên Hoa: Phải chuẩn bị một cái bình hoa nhỏ có cắm đủ 5 sắc hoa tươi, chuẩn bị thêm một trái cây đặt trên cái đĩa nhỏ. Lễ sĩ bên phải dâng hoa, Lễ sĩ bên trái dâng quả. Lễ sĩ điện, đồng nhi thái bài Dâng Hoa: Từ bi giá ngự...

Khi dâng hoa, chúng ta cầu nguyện: "*Con xin dâng xác thân của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.*"

Đức Chí Tôn dùng Hoa tượng trưng thể xác của chúng ta vì Đức Chí Tôn muốn cho hình hài của con cái Ngài tốt đẹp như cái hoa vậy.

2. Điện Tiên Tửu: Phải chuẩn bị một cái nhạo đựng rượu trắng (bạch tửu) và một cái chung nhỏ đựng rượu. Lễ sĩ bên phải dâng chung rượu, Lễ sĩ bên trái dâng nhạo rượu. Lễ sĩ điện, đồng nhi thái bài Dâng Rượu: Thiên ân huệ chiếu

Khi dâng rượu, chúng ta cầu nguyện: "*Con xin dâng chơn thần của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.*"

Đức Chí Tôn dùng Rượu tượng trưng chơn thần của chúng ta vì Đức Chí Tôn muốn cho chơn thần của các con cái của Ngài được cường liệt như rượu mạnh vậy.

3. Điện Tiên Trà: Phải chuẩn bị một bình trà nhỏ và một tách nước trà. Lễ sĩ bên mặt dâng bình trà, Lễ sĩ bên trái dâng tách trà. Lễ sĩ điện, đồng nhi thài bài Dâng Trà: Mai xuân nguyệt cúc...

Khi dâng trà, chúng ta cầu nguyện: "*Con xin dâng linh hồn của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.*"

Đức Chí Tôn dùng trà tượng trưng linh hồn là muốn linh hồn của con cái Ngài được điều hòa và thơm tho như trà vậy.

Câu cầu nguyện chót này, chúng ta nên cầu nguyện chung: "*Con xin dâng thể xác của con, chơn thần của con và linh hồn của con lên cho Đức Chí Tôn tùy phương sử dụng.*"

Điện Thờ Phật Mẫu

A: The temple of Buddha-Mother.

P: Le temple de Bouddha-Mère.

Điện: Nơi trang nghiêm để thờ cúng các Đấng thiêng liêng.

Thờ: thờ phượng. **Phật Mẫu:** Đức Diêu Trì Kim Mẫu, chưởng quản Âm Quang và chưởng quản Kim Bàn.

Điện Thờ Phật Mẫu là tòa nhà lớn dùng làm nơi thờ Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Nữ Phật và Chư Thánh Bạch Vân Động.

Gọi là Điện Thờ Phật Mẫu chớ không gọi Đền Thờ là vì lấy theo sự tích Hồn Rước Diêu Trì nơi Hoa Điện.

Hiện nay, Hội Thánh tạm thờ Đức Phật Mẫu nơi Báo Ân Từ, vì Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương chưa được xây cất.

Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương sẽ có kiểu vở khác hẳn Báo Ân Từ, do các Đấng thiêng liêng giáng cơ chỉ dạy.

Điện tiền

殿前

A: Before the Altar.

P: Devant l'Autel.

Điện: Nơi trang nghiêm để thờ cúng các Đấng thiêng liêng.
Tiền: trước.

Điện tiền là trước điện, tức là trước bửu điện thờ Đức Chí Tôn (hay Đức Phật Mẫu) và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

TNHT: Chư Tiên, chư Phật hầu lễ tại *điện tiền*...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐIỀU

ĐIỀU

ĐIỀU: 凋 Héo rụng, tàn tạ.

Td: Điều linh, Điều tàn.

Điều linh

凋零

A: To decay.

P: Dépérir.

Điều: Héo rụng, tàn tạ. **Linh:** héo rụng. Linh đồng nghĩa với Điều.

Điều linh là tàn tạ, héo rụng, chỉ cảnh khốn đốn sắp mất.

TĐ ĐPHP: Giữa hồi nhơn tâm điên đảo, quyền hành tinh thần đạo đức *điều linh*, tâm hồn loài người thống khổ,...

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Điều tàn

凋殘

A: Faded, ruined.

P: Flétri, ruiné.

Điều: Héo rụng, tàn tạ. **Tàn:** hư hại tan tác.

Điều tàn là héo rụng tan nát.

TNHT: Để cho đến đổi càng ngày càng tiêu tụy mà ra một cảnh *điều tàn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐIỀU

Điều đình

調停

A: To arrange.

P: Arranger.

Điều: làm cho hòa hợp. **Đình:** ngưng lại.

Điều đình là bàn tính để làm ngưng lại các sự tranh chấp và khiến đôi bên hòa hợp nhau.

TNHT: Thượng Trung Nhựt! Hiền hữu mang trách nhiệm lớn lao của Đại Từ Bi đặng phổ thông *điều đình* mỗi Đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Điều trần

條陳

A: To expose in detail.

P: Exposer en détail.

Điều: một phần nhỏ trong vấn đề lớn. **Trần:** bày tỏ ra.

Điều trần là trình bày vấn đề theo từng phần chi tiết.

ĐIẾU

ĐIẾU

ĐIẾU: 弔 Viếng thăm nhà có tang, thương xót.

Td: Điếu khách, Điếu văn.

Điều giả tất bái

弔者必拜

Điều: Viếng thăm nhà có tang, thương xót. **Giả:** người.
Tất: ắt hẳn. **Bái:** lạy.

Điều giả tất bái là người đi viếng tang ắt phải lạy.

Người đến viếng tang, trước hết phải cúng Đức Chí Tôn để cầu nguyện Đức Chí Tôn ân xá tội tình cho linh hồn người chết và xin ban ơn cho linh hồn được siêu thăng.

Kế đó, đến trước bàn vong có đặt linh vị trước quan tài, thắp hương cầu nguyện vong linh nên luôn luôn hướng đến Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cầu xin cứu độ.

Nếu vong linh là bạn hữu hay là người lớn hơn mình thì mình phải lạy. Khi lạy, tay phải bắt Ấn Tý, vì Ấn Tý là ấn đặc biệt của ĐĐTKPĐ:

- Khi lạy vong phàm thì lạy 2 lạy quì và 2 lạy đứng.
- Khi lạy bực Thần, Thánh thì lạy 3 lạy quì, không gật.
- Khi lạy bực Tiên, Phật thì lạy 3 lạy quì, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm danh hiệu của vong linh.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Điều khách - Phúng điếu

弔客 - 贈弔

A: Visitor of condolences - To make a visit of condolences in offering gifts.

P: Visiteur de condoléances - Faire une visite de condoléances avec présents.

Điều: Viếng thăm nhà có tang, thương xót. **Khách:** người khách. **Phúng:** đem lễ vật tới cúng người chết.

Điều khách là người khách đến viếng tang và chia buồn.

Phúng điếu là đem lễ vật đến cúng người chết, thăm hỏi và chia buồn cùng tang quyến.

Điếu tang tất hữu ai

弔喪必有哀

Điếu: Viếng thăm nhà có tang, thương xót. **Tang:** cái lễ đối với người mới chết. **Tất:** ắt hẳn. **Hữu:** có. **Ai:** buồn thương.

Điếu tang tất hữu ai nghĩa là đi thăm hỏi nhà có người chết đang làm đám tang thì phải tỏ ra buồn rầu thương tiếc.

Muốn làm được điều đó, người viếng tang phải có thái độ trang nghiêm, không được cười giỡn ồn ào, nói chuyện um sùm, và ăn nhậu rượu thịt.

Điếu văn

弔文

A: The funeral oration.

P: L'oraison funèbre.

Điếu: Viếng thăm nhà có tang, thương xót. **Văn:** bài văn.

Điếu văn là bài văn đọc trước linh cữu của người chết, nhắc lại công nghiệp và tỏ lòng thương tiếc người chết.

Điếu văn còn được gọi là Bài Ai điếu.

Điếu văn thường được viết theo lối phú hay lối biền ngẫu, có vần điệu, đọc lên có thanh âm trầm bổng, giọng lâm ly thống thiết.

ĐÌNH

ĐÌNH

ĐÌNH: 停 Ngừng lại.

Td: Đình án, Đình đãi.

Đình án

停案

A: To suspend a process.

P: Suspendre un procès.

Đình: Ngừng lại. **Án:** bản văn ghi kết quả giải quyết một vụ thưa kiện nơi tòa án.

Đình án là ngưng lại việc thi hành bản án để xem xét lại.

CG PCT: Khai Đạo, khi dựng tờ kêu nài cầu rỗi thì liệu như đáng rỗi thì nhứt diện tư tờ qua cho Tòa Tam Giáo CTĐ xin đình án, bao lâu tùy ý song chẳng dựng phép quá 15 ngày.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Đình đãi

停待

A: To put off, to adjourn.

P: Remettre, ajourner.

Đình: Ngừng lại. **Đãi:** chờ đợi.

Đình đãi là ngưng lại và chờ đợi.

CG PCT: Khai Pháp, ... như đáng việc thì tức cấp nhứt diện tư tờ cho CTĐ xin đình đãi nội vụ lại...

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

ĐỊNH

ĐỊNH

ĐỊNH: 定 có hai nghĩa tùy trường hợp:

1. **ĐỊNH:** Sắp đặt, quyết định.
Tđ: Đình án, Đình vị.
2. **ĐỊNH:** Giữ cho yên.
Tđ: Định thần định tánh.

Định bá đồ vương

定霸圖王

Định: Sắp đặt, quyết định. **Bá:** vua đứng đầu một số nước chư Hầu. Vua một nước chư Hầu gọi là Công, Công phải chịu dưới quyền của Bá. **Vương:** Vua của toàn cả Bá và Công, gọi là Thiên Tử. **Đồ:** mưu tính. **Đồ Vương:** mưu tính việc làm vua.

Định bá đồ vương là sắp đặt và mưu tính việc làm vua.

Ý nói người anh hùng, đứng ra khôi phục nhơn tâm, tranh giành thiên hạ để mưu lập cơ nghiệp vĩ đại, làm vua làm chúa thiên hạ.

KTKVTH: Sống thì *định bá đồ vương*,
Qui Thiên dựng lại miếu đường thuở xưa.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

Định phân

定分

A: To decide.

P: Décider.

Định: Sắp đặt, quyết định. **Phân:** chia ra từng phần.

Định phân là phân tích cho rõ ra để quyết định công việc

KTCMĐQL: E ra tử biệt, Thiên tào *định phân*.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Định phạt

定分

A: To determinate one's lot.

P: Déterminer son sort.

Định: Sắp đặt, quyết định. **Phạt:** số phận của mỗi người.

Định phạt là sắp đặt cái số phận cho mỗi người.

KHP: Ở trước mắt Hồng Quân *định phạt*.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Định thần định tánh

定神定性

A: To fix the soul and mind.

P: Fixer l'âme et l'esprit.

Định: Giữ cho yên. **Thần:** chơn linh, tức là cái Tâm của con người. **Tánh:** chơn thần. Tánh tự Tâm sanh, Tâm là chơn linh thì tánh là chơn thần.

Định thần định tánh là giữ cho yên ổn chơn linh và chơn thần không cho xao động.

KTCMĐQL: Xin Lịnh Cha *định thần định tánh*,
Nói khuôn linh nẻo Thánh đưa chơn.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.

Định tỉnh

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Định tỉnh

定醒

A: To recover oneself.

P: Se ressaisir.

Định: Giữ cho yên. **Tỉnh:** không mê, hiểu biết rõ mọi việc.

Định tỉnh là giữ tinh thần cho yên ổn để trí não sáng suốt trở lại mà hiểu rõ mọi việc.

KĐ1C: Hồn *định tỉnh* đã vừa *định tỉnh*.

* Trường hợp 2: Định tỉnh

定省

A: To be attentive to parents.

P: Prendre soin des parents.

Định: Giữ cho yên. **Tỉnh:** thăm hỏi cho biết.

Định tỉnh là nói tắt của thành ngữ: Thần hôn định tỉnh, Hôn định thần tỉnh 昏定晨省 hay Thần hôn, nghĩa là: buổi tối hầu cha mẹ cho ngủ yên giấc, buổi sáng thăm cha mẹ có yên ổn không, ý nói chăm lo săn sóc cha mẹ.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cửu.

Định vị

定位

A: To determinate the situation.

P: Déterminer la situation.

Định: Sắp đặt, quyết định. **Vị:** ngôi vị, địa vị.

Định vị là sắp đặt ngôi vị cho mỗi người.

PMCK: Chí Công *định vị* vĩnh tồn Thiên cung.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

ĐỌA

ĐỌA

ĐỌA: 墮 Phạt xuống cõi thấp kém chịu hình phạt khổ sở.

Td: Đọa lạc, Đọa Tam pháp.

Đọa lạc

墮落

A: To fall down.

P: Tomber bas.

Đọa: Phạt xuống cõi thấp kém chịu hình phạt khổ sở. **Lạc:** rơi rụng.

Đọa lạc là phạt cho rơi xuống chỗ thấp kém khổ sở.

KCS: Vớt lê thứ khổ trần *đọa lạc*.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

Đọa sa A Tỳ

A: To damn.

P: Damner.

Đọa: Phạt xuống cõi thấp kém chịu hình phạt khổ sở. **Sa:** (chữ nôm) rơi xuống. **A Tỳ:** tiếng Phạn là Avichi: Địa ngục vô

gián, là cảnh giới Địa ngục đau khổ nhất, tội nhân bị hành hình không hề gián đoạn, để trừng trị những kẻ đại gian ác, đại bất lương.

Đọa sa A Tỳ là phạt cho rơi xuống Địa ngục A Tỳ.

KSH: Phạt người hung ác đọa sa A Tỳ.

KSH: Kinh Sám Hối.

Đọa tam đồ bất năng thoát tục

墮三途不能脫俗

A: To be punished 3 tours of metempsychosis, without going out from world.

P: Être puni à 3 tours de métempsycose, sans pouvoir sortir du monde.

Đọa: Phạt xuống cõi thấp kém chịu hình phạt khổ sở. **Tam đồ:** ba đường. **Bất năng:** không thể. **Thoát tục:** thoát ra khỏi cõi trần.

Đọa tam đồ bất năng thoát tục: Bị đày đọa chuyển kiếp 3 vòng luân hồi, không thể thoát khỏi cõi trần.

Ba vòng luân hồi là đi từ Kim thạch tiến hóa lên phẩm Người (1 vòng), rồi từ phẩm Người trở xuống làm Kinh thạch để tiến hoá lên phẩm Người lần thứ hai (2 vòng), rồi trở xuống lần thứ ba nữa mới dứt hình phạt. Mỗi vòng luân hồi như vậy phải hằng ngàn năm mới xong. Đó là một hình phạt rất nặng.

Bát Nương giảng giải về hình phạt này như sau:

"Thoảng như bị tặn đọa tam đồ bất năng thoát tục thì chơn linh phải bị ngăn cản, không hiệp được với chơn thân, làm cho đệ nhị xác thân phải trở lại chuyển kiếp từ bực Kim thạch cho đến làm Người, và phải chuyển trở lại đủ ba vòng mới khởi lập công trở lại.

- Có phải ba vòng đều trở lại từ bực Kim thạch không?
- Phải vậy.
- Một vòng cũng đủ giác ngộ rồi, cần gì phải tới 3 vòng?
- Bởi phạm thệ Thiên điều, chớ không phải phạm tội. Phạm tội cũng có khi trở về Kim thạch chớ.

- Nếu phạm tội thì phạt tới Thú cầm là đủ, cần gì phải tới Kim thạch?

- Kiếp Hóa nhân thì về Quỷ vị, còn kiếp Nguyên nhân phải bị đọa như vậy mới sánh với Quỷ vị được chớ. Đó là Luật Thiên điều đã định. Dầu cho Nguyên nhân hay Hóa nhân cũng đồng hình phạt, lẽ công bình là đó." (Trích trong Luật Tam Thế)

TNHT: Như ngày sau phạm Thiên điều thề có Hộ Pháp đọa tam đồ bất năng thoát tục.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đọa tam pháp

墮三法

Đọa: Phạt xuống cõi thấp kém chịu hình phạt khổ sở. **Tam Pháp:** ba phép. Có hai trường hợp:

■ **Đọa tam pháp là đọa tam đồ bất năng thoát tục.** Đây là hình phạt đối với những người phạm Thiên điều. (Xem bên trên)

■ **Đọa tam pháp là đọa vào ba đường ác.** Đối với những người phạm vào thập ác và ngũ nghịch (nhưng không phạm Thiên điều) thì theo Phật giáo, bị đọa vào ba đường ác là: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, trong Lục đạo luân hồi. (Xem Lục đạo)

TNHT: Ai hữu phước thì địa vị đặng cao thêm, ai vô phần thì bị đọa tam pháp.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đọa trần

墮塵

A: To fall down to the world.

P: Tomber bas au monde.

Đọa: Phạt xuống cõi thấp kém chịu hình phạt khổ sở.
Trần: bụi, chỉ cõi trần.

Đọa trần là phạt cho đầu kiếp xuống cõi trần.

Đó là nói về các bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật có làm lỗi, bị phạt đọa xuống cõi trần để lo lập công bồi đức, tương công chiết tội mà trở về ngôi vị cũ.

TNHT: Bậc Chí Thánh đầu bị *đọa trần*, lòng hỡi còn nhớ hoài nơi Tiên cảnh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐOÁI

ĐOÁI

ĐOÁI: Ngoảnh lại, nghĩ tới, tưởng đến.

Td: Đoái hoài, Đoái tình.

Đoái hoài

A: To look at with compassion.

P: Considérer avec compassion.

Đoái: Ngoảnh lại, nghĩ tới, tưởng đến. **Hoài:** nhớ tới.

Đoái hoài là tưởng nhớ mà quan tâm đến.

KSH: Hoặc là đỉnh nhọn chông gai,
Mau tay lượm lấy *đoái hoài* kẻ sau.

KSH: Kinh Sám Hối.

Đoái tình

A: To have an affection for. **P:** Avoir l'affection de.

Đoái: Ngoảnh lại, nghĩ tới, tưởng đến. **Tình:** tình cảm thương mến.

Đoái tình là nghĩ tới tình cảm thương yêu thuở trước.

KTKVQL: Bước Tiên nàng đã ngao du,
Đoái tình thương kẻ ôm cầu khóc duyên.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

ĐOAN

Đoan dương

端陽

Đoan dương là một tiết khí hậu nhằm ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch hằng năm. Ngày này cũng là kỷ niệm ngày giáng sanh của Đức Phạm Hộ Pháp.

ĐOÀN

Đoàn Thị Điểm (1705-1748)

- I. Thân thế
- II. Sự nghiệp văn chương
 - Những bài thơ xướng họa
 - Văn phẩm
- III. Tâm Trạng của Bà Đoàn Thị Điểm khi diễn nôm Chinh Phụ Ngâm
- IV. Những giai thoại văn chương
 - Kết luận

I. Thân thế:

Bà Đoàn Thị Điểm, hiệu là Hồng Hà Nữ sĩ, biệt hiệu là Ban Tang, quê quán ở làng Hiến Phạm (còn gọi là Giai Phạm, tên nôm là làng Giữa), huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay là huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng. Bà chính họ là Đoàn, nhưng vì Bà lấy chồng họ Nguyễn (Ông Nguyễn Kiều), nên có sách chép Bà là Nguyễn Thị Điểm. Đây là một sai lầm đáng tiếc. Bà sanh năm Ất Dậu (1705), thời nhà Lê Trung Hưng, đời vua Lê Hy Tông, Chúa Trịnh là Định Vương Trịnh Căn và Chúa Nguyễn ở phương Nam là Nguyễn Phúc Chu.

Theo gia phả họ Đoàn, tằng tổ của Bà Điểm là Ông Lê Công Nắm, làm quan võ tới chức Thái Thường Thị Thiếu

Khanh, được tước phong Thiêm Hào Tử; nội tổ là Ông Lê Doãn Vi (có bản viết là Lê Công Vi), người có tài văn học, làm quan đến chức Xã quan; Thân phụ là Ông Lê Doãn Nghi, từng theo học với các vị Tiến Sĩ như Nguyễn Hanh (ở Hoa Cầu, huyện Văn Giang), Đoàn Tuấn Hòa (ở Cự Đồng huyện Siêu Loại), đậu Hương Cống (Cử Nhân) năm 21 tuổi, nhưng rớt kỳ thi Hội ở Thăng Long, bèn kiếm chỗ dạy học ở kinh kỳ để bồi mài kinh sử thêm nữa chờ khóa thi sau.

Ông Lê Doãn Nghi nằm mộng thấy một vị Thần bảo Ông đổi sang họ Đoàn thì mới hiển đạt. Do đó, từ đây, Ông đổi qua họ Đoàn, gọi là Đoàn Doãn Nghi.

Hiện nay ở huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng còn có ngôi thờ nhà họ Đoàn. Năm 1944, Trúc Khê Ngô Văn Triện (người ở ngoại thành Hà Nội) có tới thăm ngôi thờ này và có ghi được đôi câu đối:

*Vũ liệt văn khôi quang thế phả,
Lê tiên Đoàn hậu ký Thần ngôn.*

Tạm dịch:

Võ giỏi văn tài ngời phả họ,
Lê xưa Đoàn mới nhớ lời Thần.

Năm Ông Đoàn Doãn Nghi được 20 tuổi, ở tại quê nhà, Ông có lấy một người vợ họ Nguyễn, sanh được một người con trai tên Đoàn Doãn Sỹ, sau Đoàn Doãn Sỹ cũng thi đậu Hương Cống và làm Tri Huyện tại Châu Hoan (Nghệ An).

Khi Đoàn Doãn Nghi dạy học ở Thăng Long, Ông có lấy thêm một bà vợ nữa là con gái của quan Thái Lĩnh Bá họ Vũ, nhà ở phường Hà Khẩu, gần Hồ Hoàn Kiếm. Nguyên vào một buổi tối rằm Trung Thu, Ông Hương Cống họ Đoàn cùng mấy người bạn đi xem bày cỗ triễn lăm Trung Thu ở kinh thành, thấy nơi đây có một cô gái xinh đẹp rất có duyên thì đâm ra mê mẩn, liền cậy người mối lái đến hỏi cưới.

Năm 1703, người vợ họ Vũ này sanh được một con trai đầu lòng, đặt tên là Đoàn Doãn Luân; qua hai năm sau, năm 1705, sanh thêm một đứa con gái đặt tên là Đoàn Thị Điểm.

Hai anh em Luân và Điểm, từ bé được nuôi dưỡng ở gia đình ông bà ngoại là quan Thái Lĩnh Bá. Quê của họ Vũ ở làng

Vũ Điện, huyện Nam Xương, nên ngay từ tấm bé, hai anh em thường được nghe mẹ và bà ngoại kể chuyện Thiều phụ Nam Xương là nàng Vũ Thị Thiết nổi danh tiết liệt.

Cô Điềm, mặc dầu là gái nhưng rất được gia đình nâng niu, ngay từ thuở nhỏ được học chữ nghĩa giống hệt như anh Luân, học đủ Ngũ Kinh và Tứ Thư. Ngoài ra Cô Điềm còn được mẹ dạy nghề Nũ công làm những món khéo léo đặc biệt để tham dự hội Triển Lãm như: Những khúc mía được làm thành lều cao gọi là Đài Chín Tầng, những trái hồng ngâm dùng làm hình các Cô Tiên múa nón trong đêm Hội Long Trì, những vỏ trái bưởi được cắt xếp thành hình hoa quỳnh, v.v...

Hai anh em Luân và Điềm lớn lên đều có dáng người đẹp đẽ, tư chất thông minh vượt bậc và có văn tài đặc biệt.

Đoàn Doãn Luân được thân phụ dạy cho chữ Hán ngay từ lúc 3 tuổi, đến khi 5 tuổi thì biết ráp thành câu, đến năm 10 tuổi thì học thông Kinh Sử, đến tuổi trưởng thành thì thi đậu Hương cống, nhưng sau đó lại rớt kỳ thi Hội.

Đoàn Doãn Nghi hỏi cưới con gái của bạn học cho con trai của mình. Bạn học ấy tên là Lê Hữu Hỷ, có bản chép là Lê Hữu Mưu. Hỷ và Mưu là 2 anh em ruột. Con gái của Hỷ tên là Lê Thị Vy. Sau lễ Hối ít lâu, chẳng may Cô Vy bị bệnh đậu mùa, cứu sống được nhưng mặt bị rỗ hoa, chân tay lóng cồng. Bên nhà gái thấy vậy cho người sang xin hủy bỏ cuộc hôn nhân này vì e rằng không đảm bảo hạnh phúc vợ chồng. Nhưng Đoàn Doãn Luân nhứt quyết giữ hạnh quân tử, một dạ thủy chung, không đổi ý vì sắc đẹp, làm mọi người đều kính phục.

Lê Thị Vy về nhà họ Đoàn, gặp hoàn cảnh nhà chồng mẹ hiền em thảo, hết lòng giúp đỡ mọi việc trong nhà.

Năm 1726, vợ Doãn Luân sanh đặng con gái đầu lòng, đặt tên là Đoàn Lệnh Khương, ba năm sau sanh thêm một trai đặt tên là Đoàn Doãn Y. Ngay từ khi lọt lòng, hai cháu Khương và Y đều được cô ruột là Điềm chăm sóc tận tình.

Đoàn Thị Điềm là một giai nhân đức độ, có tư cách cao thượng, văn tài càng lúc càng thêm lỗi lạc.

Năm 16 tuổi, Cô Điềm nổi tiếng là một tài nữ trẻ tuổi. Quan Thượng Lê Anh Tuấn, vốn đã quen biết nhiều với Đoàn Doãn Nghi, mến tài văn chương và đức hạnh của Cô Điềm nên nhận Cô làm con nuôi. Kể từ đó, Cô Điềm về ở nhà của dưỡng phụ tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long. Quanh đây toàn là dinh thự của các quan lớn trong triều như dinh quan Tham Tụng Nguyễn Công Hãn,... Quan lại khắp nơi đều luôn luôn lui tới các nhà quan Đại Thần ở phường Bích Câu để cầu cạnh chức tước bổng lộc; còn các văn nhân lui tới để tìm thầy và tìm bạn luyện tập văn bài, chờ khi ứng thí. Đó là dịp để Cô Điềm quen biết nhiều người có danh vọng, có khoa bảng, cũng chính vì vậy mà tiếng tăm về tài ứng đối văn chương và về hoa tay khéo léo của tài nữ họ Đoàn được đồn vang.

Có một lần quan Tham Tụng Nguyễn Công Hãn sang chơi bên dinh của Thượng Thợ Lê Anh Tuấn, thấy Cô Điềm đang đi một mình bên bờ đậu, ông dừng lại, bảo Cô Điềm làm câu đối lấy đề tài là đi một mình. Chỉ giây lát, Cô Điềm đọc:

*Đàm luận cổ kim tâm phúc hữu,
Truy tùy tả hữu cổ quăng thần.*

Dịch nghĩa:

Bàn chuyện xưa nay, tim bụng là bạn,
Đi theo trái phải, tay chân là bề tôi.

Ông Hãn đã đỗ Tiến sĩ năm 21 tuổi, thường tự phụ về tài mẫn tiệp của mình, nay thấy Cô Điềm chưa đầy 20 tuổi mà làm được như vậy thì Ông vô cùng kinh ngạc, khen ngợi luôn miệng, thưởng cho Cô 10 quan tiền và chúc mừng Lê Anh Tuấn có phúc.

Trong thời gian ở nhà dưỡng phụ, Cô Điềm có dịp đọc được rất nhiều sách quý báu trong kho sách của quan Thượng Thợ, nhờ vậy mà kiến thức của Cô Điềm trở nên rộng rãi hơn trước nhiều. Dưỡng phụ của Cô muốn cho Cô có dịp đem tài năng thi thố nên tiến cử Cô vô cung Chúa Trịnh để dạy các cung nữ, nhưng Cô nhút nhát từ chối, vì không muốn bị gò bó trong chốn triều đình.

Cô Điềm có thêu ba cái túi đựng trầu cau rất đẹp để đeo bên cạnh dây lưng:

Chiếc túi thứ nhứt thêu hình ba cây Tùng Trúc Mai, phía dưới có thêu hai chữ Tam Hữu; chiếc túi thứ nhì thêu hình Bát Quái, đặc biệt chiếc túi thứ ba thêu hai câu thơ của Lý Bạch đời Đường:

*Đã sử chủ nhân năng túy khách,
Bất tri hà xứ thị tha hương.*

Tài nữ công của Cô Điềm được các Tiểu thư phường Bích Câu rất khâm phục, nên nhiều cô đến xin học tập.

Thân phụ của Cô Điềm, Ông Đoàn Doãn Nghi được bạn bè khuyên nên nhận một chức quan nhỏ, nhưng Doãn Nghi với tính phóng khoáng, không quen gò bó luồn lụy, nên không chịu nhận, và Ông chọn con đường dạy học. Hơn nữa, Ông thấy con là Doãn Luân đã đỗ Hương Cống rồi, tuy rớt thi Hội, nhưng còn trẻ, chắc sau này có thể đậu được, còn con gái là Cô Điềm thì đã có nơi quyền quý để nương tựa, bề gia thất sau này cũng dễ, nên Đoàn Doãn Nghi chuyển đi dạy học ở thôn Lạc Viên, huyện An Dương, nay thuộc Hải Phòng.

Dạy học ở Lạc Viên được vài năm, Đoàn Doãn Nghi đau bệnh và mất tại đây, vào năm 1729. Anh em Luân và Điềm đưa xác cha về an táng tại quê nhà. Nhiều học trò của Ông Nghi góp tiền làm một nhà thờ, và dựng mộ bia cho thầy học. Bia dựng năm Kỷ Dậu (1729), thời vua Lê Vĩnh Khánh.

Nhân tiện chuyến này, Đoàn Doãn Luân đưa vợ con về ở luôn quê nhà là làng Hiến Phạm, sau đó lại chuyển qua ở làng Vô Ngại gần bên.

Lúc này, Đoàn Thị Điềm cũng xin với dưỡng phụ cho phép về quê nhà đặng săn sóc mẹ già, giúp anh và chị dâu quán xuyến công việc gia đình.

Đoàn Doãn Luân mở trường dạy học. Chị dâu trước đây là một tiểu thư khuê các, nhưng vì bệnh đậu mùa làm cho gương mặt trở nên xấu xí, tay như có tật, nên Cô Điềm đứng ra thay thế chị dâu lo việc tề gia nội trợ, lại giúp anh trong việc giao thiệp với bên ngoài. Cô Điềm tỏ ra rất đảm đang và lịch thiệp trong mọi công việc. Mỗi khi anh Luân đau ốm, Cô thường thay thế anh Luân giảng sách cho đám học trò.

Nhiều giai thoại văn chương rất lý thú xảy ra trong giai đoạn này còn ghi chép trong sách vở. (Xem ở phần sau).

Gia đình họ Đoàn đang sống an vui như thế thì Đoàn Doãn Luân bị bạo bệnh đột ngột từ trần, để lại hai đứa con thơ chưa đầy 10 tuổi với một người vợ gần như tật nguyền, và một mẹ già tóc bạc. Năm đó là năm 1735.

Đoàn Thị Điểm đọc một bài văn tế trước quan tài của anh rất lâm ly thống thiết, nhắc lại cảnh gia đình đơn chiếc, ai nấy đều cảm động không cầm được giọt lệ. Cô Điểm và chị dâu đưa xác anh về an táng nơi quê nhà, kể mộ phần của cha.

Gia cảnh bây giờ rất hiu quạnh, chị dâu thì thiếu đảm đang, lại mất sinh kế nuôi sống gia đình. Cô Điểm phải mở tiệm xem mạch và hốt thuốc Bắc cho dân quanh vùng. Cô có tay phục dược, người đến xem mạch hốt thuốc khá đông, nhờ vậy có đủ tiền nuôi mẹ, lo cho hai cháu và chị dâu được tươm tất. Đối với mẹ thì Cô Điểm trọn hiếu, đối với chị dâu thì trọn nghĩa, nuôi dạy hai cháu khôn lớn nên người.

Trong thời gian này, nhiều người đem lễ vật trọng hậu tới cầu hôn, nhưng Cô Điểm nhứt định từ chối. Cô rất kén chồng vì Cô gồm đủ tài sắc và đức hạnh. Cô kén một người chồng có tài đức tương xứng với Cô, chứ không nghĩ đến giàu sang hay chức tước. Cô rất ghét bọn giàu có mà dốt nát. Nhiều người có quyền thế tìm cách bắt ép Cô phải ưng họ, nhưng Cô cương quyết không chấp nhận và tìm cách tránh né. Việc này đã làm Cô bực mình không ít. Một việc đáng ghi nhớ là quan Bính Trung Công Vũ Tất Thận, cậu ruột của Chúa Trịnh Doanh định làm lễ rước dâu bắt cóc Cô Điểm. Ông tổ chức một lễ rước dâu với đầy đủ nghi tiết mà không cho gia đình Cô Điểm biết trước, thỉnh linh đi đến nhà Cô Điểm. Ông sắp đặt sẵn với đám gia nhân, xông đại vào nhà, bắt ép Cô Điểm mặc áo cô dâu vào, rồi đỡ Cô ra kiệu rước về phủ. Cô Điểm như đã có chuẩn bị trước, liền bình tĩnh đi ra nhà sau, mặc giả dạng là đầy tớ đi mò cua, bùn đất dính đầy quần áo, mặt mày tèm lem, đội nón rách đi thẳng ra cổng rồi lánh mặt sang làng bên. Thế là quan Bính Trung Công bị một phen mắc lõm.

Nhân dịp có người tiến cử Cô Điểm vào cung Chúa Trịnh để dạy học, Cô Điểm không từ chối như lần ở với dưỡng phụ,

liền nhận lời để khỏi phải lo đối phó với những kẻ không xứng đáng đến cầu hôn hoài.

Trong thời gian làm việc trong cung, Cô luôn luôn liên lạc với gia đình để cung cấp tiền bạc nuôi mẹ già, chị dâu và hai cháu. Nhưng khi ở trong cung, Cô lại thấy rõ những điều xấu xa bỉ ổi trong đám quan lại, sự thối nát của triều đình, nên Cô chán nản xin trở về quê nhà.

Lúc bấy giờ, giặc giã nổi lên đánh phá khắp nơi, Cô Điềm cùng mẹ, chị dâu và hai cháu phải bỏ làng Vô Ngại, tản cư đến làng Chương Dương bên bờ sông Nhị Hà, gần Hà Nội. Năm ấy là năm 1739, Cô Điềm được 35 tuổi.

Cô không muốn làm nghề xem mạch hốt thuốc nữa, vì không phải là chí hướng của Cô, mà chí hướng của Cô là mở trường dạy học, mong đem hết sở học bình sanh truyền lại cho thế hệ sau, đào tạo lớp người mới, vừa có kiến thức cao, vừa có đạo đức để giúp dân giúp nước. Cô rui sanh làm phận Nữ lưu, nên dù học hành tài giỏi đến bậc nào đi nữa cũng không được phép ra ứng thí để thi thố tài năng, nên việc mở trường dạy học là một lối thoát cho tinh thần của Cô, và Cô cũng nhận thấy, từ trước tới nay chưa có một phụ nữ nào dạy học mà có học trò thành đạt cả. Cô quyết tâm làm nên sự lạ, nên xin mở trường dạy học đào tạo nhân tài. Đúng với lòng mong ước của Cô, trong số học trò, có Đào Duy Doãn ở làng Chương Dương, sau này thi đậu Tiến Sĩ năm 1763 (nhưng rất tiếc Cô Điềm không hưởng được niềm vui này vì Cô đã mất năm 1748).

Trong thời gian Cô Điềm dạy học, ông Nguyễn Kiều nhiều lần đến xin cầu hôn. Năm đó Cô Điềm 37 tuổi.

Ông Nguyễn Kiều, hiệu là Hạo Hiên, sanh năm 1695 (lớn hơn Cô Điềm 10 tuổi), tại làng Phú Xá huyện Hoài Đức, 18 tuổi đậu Giải Nguyên, 21 tuổi đậu Tiến Sĩ, là người có tài văn học lỗi lạc.

Năm 1717, Nguyễn Kiều được bổ làm quan Đốc Đồng ở Nghệ An, và năm 1736 được thăng chức Thị Lang. Ông là bậc danh nho nổi tiếng từ thời còn trẻ, văn hay chữ tốt, sớm đỗ đại khoa nên tính khí có phần kiêu ngạo. Nhiều nhà quyền quý gọi Nguyễn Kiều đến gả con gái cho. Vợ đầu tiên của Nguyễn

Kiều là Cô Lê Thị Hằng, con gái của quan Thượng Thơ Lê Anh Tuấn, dưỡng phụ của Cô Điềm. Cô Hằng mất sớm và không có con. Người vợ kế là Cô Đoan, con gái của quan Tham Tụng Nguyễn Quý Đức. Cô Đoan sanh được hai con trai và một con gái, rồi cũng qua đời lúc chưa tới 30 tuổi.

Sách Đoàn Thị Thực Lục chép việc Ông Nguyễn Kiêu cầu hôn Cô Điềm như sau: "Một hôm Cô đang giảng bài cho học trò thì từ ngoài có một người vén rèm bước vào, theo sau có vài đầy tớ mang cái quả sơn sơn thếp vàng, trong quả có một phong thơ dán kín. Bức thơ này là của quan Thị Lang, người làng Phú Xã, tên là Nguyễn Kiêu gửi thơ đến cầu hôn. Cô Điềm chép miệng than rằng: Lúc trẻ ta mong được người này đến cầu hôn. Đã trải qua hơn 20 năm, ta không bao giờ nghĩ tới nữa. Ta từng nhủ lòng, hạng người tài tử giai nhân rất hiếm trên đời này. Tốt hơn ta nên rửa lấy lòng trần, an nhàn nuôi lấy khí tượng thanh bình."

Cô Điềm còn đang suy nghĩ chưa vội trả lời thì chừng 10 ngày sau, Nguyễn Kiêu lại sai người mang thơ đến nữa. Trong bức thơ kỳ này, lời lẽ rất khẩn thiết chân thành, có đoạn như sau: "Tôi rất bận việc quan, lại phải lo chuẩn bị lên đường, việc nhà không ai coi sóc và cai quản. Tôi nghĩ rằng Cô cùng nội trợ tôi vốn trước có tình nghĩa chị em, nếu Cô vui lòng đùm bọc cho nội trợ tôi thì thật là may mắn cho cả nhà tôi đó."

Cô Điềm đọc thơ lần này có vẻ cảm động, nhưng vẫn chưa muốn đem mình vào cuộc hôn nhân muộn màng, gây thêm phiền nhiễu, nhưng mẹ già và cả gia đình đều muốn Cô chấp nhận, nên Cô Điềm bằng lòng kết hôn với Nguyễn Kiêu, lúc đó là năm 1743, Cô Điềm được 39 tuổi.

Bà Đoàn Thị Điềm về nhà chồng, sống với chồng rất tâm đầu ý hợp, khi rảnh thường hay xướng họa thơ văn. Nhưng chưa đầy một tháng sau thì quan Thị Lang Nguyễn Kiêu được lệnh vua làm Chánh Sứ sang triều cống nhà Thanh. Ông phải từ giã Bà để phụng chiếu ra đi. Lệ thường, đi sứ như vậy trong vòng 2 năm thì trở về tới nhà, nhưng lần này, khi sứ bộ trở về tới Quảng Tây, gặp lúc dân chúng vùng này nổi lên chống nhà Thanh nên bị nghẽn đường. Sứ bộ VN phải lưu lại cả năm trời, chờ cho đến khi yên giặc. Trong thời gian này, Nguyễn Kiêu

làm nhiều bài thơ, gửi hồn mộng nhớ nhưng đến người vợ mới cưới nơi quê nhà, nhứt là trong những ngày Tết tha hương:

*Tứ thơ niềm khách bên đèn mộng,
Tiếng pháo hò xe rộn ngõ ngoài.*

Trong lúc Nguyễn Kiều đi sứ Trung Hoa, ở nhà, Bà Đoàn Thị Điểm, khi thì ở bên nhà chồng săn sóc ba đứa con của chồng trong đời vợ trước, khi trở về nhà mẹ ruột thăm hỏi mẹ già, cùng chăm nom hai đứa cháu kêu bằng Cô ruột.

Trong khoảng thời gian này, ông Đặng Trần Côn có gửi đến cho Bà xem thi phẩm của ông: Chinh Phụ Ngâm viết bằng Hán văn. Bà đọc say mê, vì tác phẩm này hay quá! Bà cảm thấy nổi lòng của nàng chinh phụ trong tác phẩm giống hết tâm trạng của Bà trong lúc này. Cho nên Bà đem hết sự rung động trong lòng về nỗi cô đơn, nhớ nhung, lo lắng cho chồng mà dịch ra thơ nôm bản Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn. (Xem phần sau: **Tâm trạng Bà Đoàn khi diễn nôm Chinh Phụ Ngâm**).

Chính tác phẩm Chinh Phụ Ngâm diễn nôm này đưa tên tuổi Đoàn Thị Điểm lên đỉnh cao trong nền văn học nước nhà.

Ngày Nguyễn Kiều đi sứ trở về, vợ chồng sum họp sau hơn ba năm xa cách nhớ nhung, Bà Đoàn trao cho chồng xem bản diễn nôm Chinh Phụ Ngâm như là bức tâm thư bày tỏ tất cả nỗi niềm thương nhớ chồng sau hơn ba năm xa cách. Nguyễn Kiều xem xong rất cảm động và kính phục tài năng của vợ.

Chuyến đi sứ thành công, Nguyễn Kiều được vua khen thưởng và cho thăng quan tiến chức. Ít lâu sau, ông được bổ làm Tham Thị ở Nghệ An.

Thế là Nguyễn Kiều chuẩn bị đi vào Nghệ An nhậm chức. Ý của Bà Đoàn không muốn theo chồng vào Nghệ An, vì ở nhà còn mẹ già và các cháu thiếu người chăm sóc, cũng như linh tính báo cho Bà biết có điều gì không lành trong chuyến đi này xảy đến cho Bà, nhưng Nguyễn Kiều hết lời nài nỉ đem Bà đi theo. Cuối cùng Bà phải chiều chồng, làm bỗ phận người vợ từng phụ, xuống thuyền cùng chồng đi vào Nghệ An, với nỗi lòng lo âu buồn bã.

Thuyền xuôi dòng sông Nhị Hà, theo cửa bể Thần Phù để vào sông Chính Đại. Lúc thuyền đến bến Đền Sòng, nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh, Bà bị cảm rất nặng. Biết mình không thể sống được, Bà trần trối cùng chồng: Chàng nên cố gắng lo tròn việc nước để trở về kinh sớm ngày nào tốt ngày đó, chớ nên ở lâu nơi chốn biên thùy này mà dần thân vào nơi gió bụi hiểm nguy.

Trối xong, Bà từ trần, lúc đó là ngày *11 tháng 9 năm Đinh Mão (1748)*, hưởng được 44 tuổi. Bà chưa có con với Nguyễn Kiều.

Nguyễn Kiều vô cùng thương tiếc người vợ tài ba lỗi lạc mà lại vắn số. Ông quản quan tài vợ tại Nghệ An đến một tháng sau mới đưa linh cữu trở về quê nhà của Bà an táng.

Trong thời gian này, ông lập đàn cúng tế rất nghiêm bên bờ sông để tế lễ Bà. Ông đọc một bài văn tế rất bi ai thống thiết bằng Hán văn, được ông Hoàng Xuân Hãn diễn nôm trong cuốn *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo*, chép ra sau đây:

Ô hô! Hỡi nàng! Huệ tốt lan thơm!
 Phong tư lộng lẫy, cử chỉ đoan trang,
 Nữ đức trọn vẹn, tài học ngổ ngang.
 Giáo mác, ấy bàn luận,
 Gấm vóc, ấy văn chương.
 Nữ trung, rất hiếm có như nàng.
 Sao mà lại,
 Gia thất chậm hơn Mạnh Quang,
 Con cái hiếm hơn Trang Khương,
 Dứt tuổi Từ Phi, vui tài Ban Nương.
 Sao hóa cơ khó đoán,
 Mà Thiên mệnh phi thường lắm thay!
 Xưa nghe được tiếng nàng,
 Bèn kết thân hai họ.
 Nàng về nhà tôi, vẹn tròn đạo vợ,
 Việc bút nghiên tài lạ hăng chuyên,
 Nghề kim chỉ tay sành chẳng bỏ.
 Thường thường đàm luận cổ thi,
 Ngày ngày xướng thơ họa phú.
 Ba năm đi sứ Bắc, mảy liễu buồn chau,

Năm Sửu trở về nhà, mặt hoa cười nở.
 Lúc rảnh việc, cùng vui thú văn hàn,
 Mới có chỉ sai trở vào xứ Nghệ.
 Non sông chẳng ngại đường dài,
 Tần tảo quyết theo nội trợ.
 Đường sông nghìn dặm gian nan,
 Doanh liệt ba tuần tới đó.
 Một bệnh càng thêm, trăm phương khó chữa,
 Đào chưa quả đã vội khô,
 Quế đang thơm mà đã rủ!
 Rừng sâu bể rộng, nàng hỏi đi đâu?
 Ngọc nát châu chìm, lòng tôi quận nhớ.
 Những muốn chèo thuyền lan mà sớm phát,
 Đưa giá liễu chóng về,
 Hẹn lại quê nhà an táng.
 Dốc đem ý hậu theo đi.
 Nhưng, nghĩa cùng thời trái việc hẳn lòng tùy,
 Nửa bước khó dời trần sở.
 Một thân khó vẹn công tư.
 Lối về trên bến, tạm dựng bàn thờ,
 Lệ tiễn hai hàng chan chứa,
 Tình thương một lễ đơn sơ,
 Sóng gió xin đừng kinh sợ,
 Đường đi chớ ngại rữ rờ.
 Hương hồn nàng yên nghỉ,
 Cố áp tôi hằng mơ.
 Thượng hưởng!

II. Sự nghiệp văn chương:

Những bài thơ xướng họa:

Bà Đoàn Thị Điểm, những khi nhàn hạ lúc thiếu thời, Bà thường ngâm vịnh với phụ thân và với anh trai Đoàn Doãn Luân. Khi có chồng thì ngâm vịnh với chồng.

Các bài thi ngâm vịnh này có đến mấy trăm bài, thường viết bằng chữ Hán, hiện nay hầu như thất lạc hết cả.

Có vài đoạn còn sót lại, do ông Bùi Hạnh Cẩn sưu tầm và dịch ra thơ Nôm:

HỨNG THU

Thu về gió mát nhẹ mưa bay,
 Muôn mảng thơm trong ấp chén đầy.
 Trời biển chừng nhiều đàn sáo nổi,
 Cuộc đời may có chuyển chơi nay.

NIỀM VUI DẠO ĐÊM

Sao nhĩ! Đêm Xuân đốt đuốc chơi,
 Sáng như ngày hửng, quế thơm trời.
 Cầu Ngân bến Hán treo cao nhịp,
 Phách ngọc đầu thu tỏa ánh ngời.
 Đồng nội trước nay nhìn chả khác,
 Phồn hoa vua chúa đất xưa thôi.
 Hứng về chẳng quản sông hồ lạ,
 Một mái chèo thênh chuốc rượu mời.

Văn phẩm:

Sau khi thân phụ mất, Bà Đoàn Thị Điềm về quê nhà săn sóc mẹ già, sống chung với anh và chị dâu. Trong thời gian này, Bà có viết tập sách *Truyện Kỳ Tân Phả* hay *Tục Truyện Kỳ* bằng Hán văn, viết nối tiếp sách *Truyện Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ. Tác phẩm này được biên soạn rất công phu, nội dung viết về những người phụ nữ tài giỏi và tiết liệt, được anh của Bà là Đoàn Doãn Luân, hiệu là Tuyết Am, tự là Đạm Như Phủ, viết lời phê bình.

Tác phẩm *Tục Truyện Kỳ*, gồm có 6 truyện, kể ra:

- Bích Câu Kỳ Ngộ, chuyện nàng Tiên trong tranh là Giáng Kiều và chàng hàn sĩ Tú Uyên ở phường Bích Câu. (Chuyện này về sau được viết lại bằng văn Nôm theo thể văn vần, không biết tác giả).
- Hải khẩu Linh Từ (Nữ Thần Ché Thắng).
- Hoành Sơn Tiên Cục (cuộc cờ Tiên trên núi Hoành Sơn)
- Vân Cát Thần Nữ (Công Chúa Liễu Hạnh).
- An Ấp Liệt Nữ (chuyện người vợ của Tiến Sĩ Đinh Nho Hoàn).
- Nghĩa khuyến khuất miêu (chó khôn bắt mèo).

Trong quyển "Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí", Ông Phan Huy Chú ca ngợi tác phẩm Tục Truyền Kỳ như sau: Lời văn trau chuốt, ý chuyện dồi dào.

Về sau, Bà có chồng là Ông Nguyễn Kiều, trong thời gian Ông Nguyễn Kiều đi sứ sang Tàu và bị kẹt ở bên đó ba năm, Bà ở nhà diễn Nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn. Văn chương trong tác phẩm này rất hay, lời thơ đẹp đẽ đầy âm điệu, diễn tả sống động hình ảnh của nàng chinh phụ.

Khúc ngâm Chinh Phụ này chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, nhưng thể hiện được tài năng xuất chúng của Bà Đoàn Thị Điểm, đưa Bà lên địa vị cao trong nền văn học VN.

III. Tâm Trạng của Bà Đoàn Thị Điểm khi diễn nôm Chinh Phụ Ngâm:

Đoàn Thị Điểm khi còn là thiếu nữ, lúc ở nhà của dưỡng phụ Lê Anh Tuấn tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long, có dịp gặp Đặng Trần Côn. Côn nhỏ hơn Cô Điểm chừng hai tuổi, con nhà quý tộc, quê ở Kẻ Mực Hạ Đình. Đó là một trang thiếu niên anh tuấn tài hoa, năm 15 tuổi đã đậu Hương Cống.

Côn rất quý mến Cô Điểm về nhan sắc cũng như về tài văn chương, nên có gởi đến Cô Điểm một bài thơ tỏ ý cầu hôn.

Cô Điểm không trả lời nhưng nói đùa với chị em bạn:

- Cái Ông Cống Đặng, miệng còn hôi sữa, làm thơ chưa xong mà lại đi nói chuyện vợ chồng.

Đặng Trần Côn nghe thuật lại thì tức lắm, nên cố gắng miệt mài đèn sách, cố đậu cho được Tiến Sĩ trong kỳ thi Hội.

Đầu niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê Trung Hưng, gặp buổi chiến tranh ly loạn, trai tráng bị bắt đi lính đánh giặc phương xa, gây cảnh biệt ly đau đớn cho nhiều gia đình, Ông Đặng Trần Côn cảm xúc, đem hết sức học bình sanh viết nên tác phẩm Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn theo thể thơ xưa Cổ Nhạc Phủ. Khi viết xong, Đặng Trần Côn đưa tác phẩm này cho Ông Ngô Thời Sĩ xem. Ông Sĩ xem xong lấy làm thán

phục nói rằng: "*Văn chương đã tới mức này thì Lão Ngô tôi chỉ còn biết bái phục mà thôi.*"

Ông Đặng Trần Côn sau đó gửi tác phẩm này đến cho Bà Đoàn Thị Điểm xem, ngụ ý cho Bà biết rằng, trước đây Bà xem thường ông là làm to. Lúc này Bà Điểm đã lấy chồng là Nguyễn Kiều, và ông Kiều đang đi sứ sang Tàu, bị kẹt ở lại bên đó vì giặc giã cắt đứt đường giao thông, nên chưa trở về Việt Nam được. Bà Điểm xem xong tác phẩm Hán văn của Đặng Trần Côn thì rất phục tài văn chương của họ Đặng, lại thấy tâm sự của nàng Chinh phụ trong tác phẩm giống y hệt tâm sự của Bà lúc đó: Chồng đi sứ sang Tàu giống như đi lính thú chinh chiến ngoài biên thùy, Bà ở nhà lòng nhớ nhung lo lắng cho chồng không nguôi, lại còn lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi nấng và dạy dỗ đàn con thơ của chồng xem như con ruột.

Tâm hồn của người Nữ sĩ rung động, và cũng muốn đáp lại tấm tình cảm của Đặng Trần Côn khi trước, Bà đem hết sự xúc cảm của tâm hồn, diễn nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn, theo lối thơ trữ tình hoàn toàn Việt Nam là song thất lục bát.

- Lòng nhớ nhung của Bà đối với chồng khi chồng phụng mạng đi sứ sang Bắc Kinh, giống hệt tâm trạng của nàng Chinh phụ nhớ mong chồng đang đánh giặc ngoài quan ải, nên Bà diễn Nôm đoạn này rất tuyệt diệu:

169. Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gọi tới cùng,
172. Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.
Nhấn đeo tay mọi khi ngấm nghĩa,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gọi tới nơi,
176. Để chàng trân trọng dấu người tương thân.
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?
Ném chua cay, tấm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai?
236. Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,

253. Ném chua cay, tấm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai?
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
256. Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.
- Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn.
Duy còn hồn mộng được gần,
260. Đêm đêm thường đến Giang Tân tìm người.

- Trong lúc vắng chồng, Bà ở nhà lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy đàn con thơ của chồng, giống y như người Chinh phụ ở nhà nuôi dạy con thơ và săn sóc mẹ già đầu bạc:

153. Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương.
Mẹ già phơ phát mái sương,
156. Con thơ mắng sửa vả đương phù trì.
- Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam,
160. Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.
- Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao.
Nhớ chàng trải mấy sương sao,
164. Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư.

- Sau ba năm, ông Nguyễn Kiêu thành công trong nhiệm vụ sứ thần, trở về triều được vua khen thưởng và được thăng quan tiến chức, thì cũng giống hết như người Chinh phụ đã bình xong giặc nơi biên ải, ca khúc khải hoàn, trở về được vua phong thưởng tước lộc, vinh hiển gia đình:

381. Bóng kỳ xí giã ngoài quan ải,
Tiếng khải ca trở lại thần kinh.
Đình non khắc đá đề danh,
384. Triều thiên vào trước cung đình dâng công.
389. Nền huân tướng đại cân rạng vẻ,

Chữ đồng hươu bia để nghìn đồng.
 Ôn Trên tử ám thê phong,

392. Phần vinh thiếp cũng đượm chung hương Trời.

- Rồi chàng trở về sum họp gia đình, viếng thăm mẹ già, nâng niu con cái. Chàng kể cho nàng nghe chiến công và nỗi nhớ gia đình, còn nàng kể lễ nỗi hiu quạnh nhớ nhung mong đợi.

401. Giở khăn lệ, chàng trông từng tấm,
 Đọc thơ sầu, chàng thăm từng câu.

Câu vui đối với câu sầu,

404. Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.

Sẽ rót vui lần lần từng chén,
 Sẽ ca dần rén rén từng thiên.

Liên ngâm đối ẩm đòi phen,

408. Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
 Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình.

Ngâm nga mong gửi chữ tình,

412. Đường này âu hẳn tài lành trượng phu./.

IV. Những giai thoại văn chương:

1. Đối chữ sách:

Cô Điềm, khi lên 6 tuổi, đang học Sử Ký Trung Hoa, anh là Đoàn Doãn Luân lấy một câu trong Sử Ký ra câu đối:

Bạch xà đương đạo, Quý bặt kiếm nhi trảm chí.

Cô Điềm liền lấy một câu cũng trong Sử Ký đối lại:

Hoàng long phụ chu, Vũ ngưỡng Thiên nhi thán viết.

Nghĩa là:

Rắn trắng giữa đường, Ông Quý (Lưu Bang) tuốt gươm mà chém.

Rồng vàng đội thuyền, Ông Vũ (Hạ Vũ) ngựa mặt lên Trời mà than.

2. Đối chữ bóng:

Anh Luân thấy Cô Điểm đang soi gương trang điểm nơi cửa sổ, liền ra câu đối:

Đối kính họa mi, nhứt điểm phiên thành lưỡng điểm.

Cô Điểm liền đối lại:

Lâm trì nguyệt nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Nghĩa là:

Trước gương vẽ mày, một điểm hóa thành hai điểm, cũng có nghĩa là một Cô Điểm hóa thành hai Cô Điểm.

Tới ao xem trăng, một vầng tròn chuyển thành hai vầng, cũng có nghĩa là một anh Luân chuyển thành 2 anh Luân.

Sự tài tình ở đây là cảnh rất thực, dùng được tên hai người đúng với cảnh vẽ mày và ngắm trăng.

3. Có lần Đoàn Doãn Luân từ ngoài đi vào nhà, thấy em gái đang ngồi bên rổ kim chỉ, liền đọc:

Huynh lai đường thượng tâm song nguyệt.

(Anh trai đến nhà trên tìm hai mặt trăng)

Song nguyệt là 2 mặt trăng, mà theo chữ Hán, 2 chữ *Nguyệt* 月 ghép lại là chữ *Bằng* 朋: Bè bạn, bằng hữu, nên câu trên còn có nghĩa là: Anh trai đến nhà trên tìm bạn.

Cô Điểm liền đối lại:

Muội đáo song tiền tróc bán phong.

(Em gái đến trước cửa sổ bắt nửa làn gió)

Bán phong là nửa làn gió, mà cũng có nghĩa là phân nửa chữ *Phong* 風 tức là chữ *Sắt* 虱 nghĩa là con rận. Nên câu đối trên có nghĩa là: Em gái đến trước cửa sổ bắt con rận.

4. Khi hay tin chị dâu sanh được con gái đầu lòng trong đêm rộn rịp vui mừng, Cô Điểm đùa với anh, đọc rằng:

Bán dạ sinh hài, Hợi Tý nhị thời vị định.

(Nửa đêm sanh con, Hợi Tý hai giờ chưa định)

Đoàn Doãn Luân liền đối lại:

Lưỡng tình tương phối, Kỳ Dậu song hợp nãi thành.

(Hai tình phối hợp, Kỳ Dậu hai hợp mà thành)

Với lối chơi chữ, 2 chữ: Hợi 亥 và Tý 子 ghép lại thành chữ Hải 孩; chữ Kỷ 己 và chữ Dậu 酉 ghép lại thành chữ Phối 配.

5. Vịnh nước Đàng bốn ông hai vợ:

Có lần ở Chương Dương, Bà Đoàn đang giảng sách cho học trò, tới đoạn: Đàng là nước nhỏ, lại lọt vào giữa hai nước lớn là Tề và Sở, nên việc ngoại giao với hai nước lớn rất khó khăn. Vào lúc ấy, ông hàng xóm có hai vợ gây lộn om sòm. Bà tức cười, bảo học trò lấy đầu đề nước Đàng làm thơ bốn ông hai vợ. Học trò có nhiều đứa làm bài, nhưng bài của Đoàn Lệnh Khương (con của anh Luân) là có ý hay hơn cả, được Bà chỉnh văn lại, ghi ra như sau đây:

*Đàng quốc xưa nay vốn nhỏ nhen,
Lại thêm Tề, Sở ép hai bên.
Quay đầu với Sở, e Tề giận,
Ngảnh lại sang Tề, sợ Sở ghen.*

Đúng là hoàn cảnh của ông hàng xóm có 2 vợ hay ghen.

6. Thách đối kén chồng:

Nhiều người khoa bảng thời bấy giờ nghe tiếng Cô Điểm hương sắc vẹn toàn, văn chương lối lạc, nên có ý muốn đến thử tài và cầu hôn, nhưng tất cả đều chịu thua Cô Điểm và rút lui.

* **Chuyện thứ nhất** là Ông Vũ Diệm, bạn của Nhữ Đình Toàn, đỗ Hoàng Giáp năm 1739, đến viếng Cô Điểm. Biết được dụng ý của người khách tài hoa này, Cô Điểm liền ra tay trước, bằng cách sai con hầu bưng ra một khai trầu mời khách, rồi Cô sẽ ra sau, nhưng trên khai trầu Cô để sẵn một tờ giấy, trên đó Cô viết một câu đối nhờ khách đối giúp:

Đình tiền thiếu nữ khuyển tân lang.

Câu này có nghĩa đen là: Trước sân gió thoảng phát cây cau. Thiếu nữ là cơn gió nhẹ, tân lang là cây cau; nhưng nghĩa bóng của câu này theo cách đồng âm: Trước sân, người con gái mời chàng rể mới. (Thiếu nữ: Con gái. Tân lang: Chàng rể).

Vũ Diệm thấy câu thách đối khó quá, không thể đối nổi nên đành rút lui, không dám trêu vào giai nhân nữa.

* **Chuyện thứ nhì** được truyền khẩu trong dân gian là Cô Điềm nhiều lần thách đối Trọng Quỳnh, vì Trọng Quỳnh dò dè trên Cô và lần nào Trọng Quỳnh cũng đành chịu thua.

- Một hôm, Cô Điềm đang ngồi bên cửa sổ thì Trọng Quỳnh tới, Cô liền đọc một câu thách đối:

**Song song là hai cửa sổ,
hai người ngồi trong cửa sổ song song.**

Trọng Quỳnh đối không được, chịu thua rút lui.

- Lần khác, Cô Điềm gặp Trọng Quỳnh theo Cô lên phố Mía Sơn tây, Cô đứng lại chờ Quỳnh tới đọc một câu thách đối:

**Lên phố Mía gặp cô hàng mật,
cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.**

Trọng Quỳnh lại chịu thua nữa, vì câu thách đối ra toàn là mía, đường, mật, kẹo, nên không thể kiếm ra chữ để đối lại.

- Lần khác nữa, Trọng Quỳnh lại gần chỗ Cô Điềm tắm, Cô biết vậy liền ra một vé thách đối:

Da trắng vỗ bì bạch.

Bì là da, bạch là trắng, bì bạch là da trắng, nhưng hai tiếng này theo nghĩa nôm là để tượng thanh, tiếng vỗ vào da thịt. Trọng Quỳnh cũng đành chịu thua keo nữa.

- Lần cuối, nhân buổi Hội Xuân, Cô Điềm thuận tay bẻ một nhánh xương rồng, chợt thấy Quỳnh đi tới, liền đọc:

Cây xương rồng trồng đất rắn, long vẫn hoàn long.

Long, chữ Hán là rồng, mà tiếng nôm nghĩa là không chặt. Lần này, Quỳnh đối lại được, chữ nghĩa rất chỉnh mà lại biểu lộ được tánh ngang tàng của mình:

Quả dưa chuột tuột thẳng gang, thử chơi thì thử.

Thử là con chuột, nhưng tiếng nôm nghĩa là làm thử, chưa phải làm thiệt.

Tương truyền, sau lần đối này, Trọng Quỳnh và Cô Điềm chia tay, không còn gặp nhau nữa.

7. Sứ Tàu bị lừa:

Thời xưa, mỗi lần có đoàn sứ bộ nước Tàu sang nước ta, triều đình thường kén chọn những người tài giỏi, lanh lợi, văn hay chữ tốt, thạo việc ứng đối, để giả làm các công việc: Bán hàng, đưa đồ, hoặc làm việc nơi các công quán, mục đích là để đối đáp Sứ Tàu làm cho họ kính phục nước Nam ta.

Sứ có chép, đoàn Sứ Mãn Thanh sang nước ta, hai vị đứng đầu là: Hàng Địch Lộc và Nhiệm Lan Chi. Trong số những người bán hàng trên đường Sứ Tàu đi qua, có Cô Điềm và chú bé Trần Quang Trạch, con trai của Ông Hoàng Giáp Trần Danh Ninh, mới hơn 10 tuổi mà đã giỏi văn thơ ứng đối. Bộ điệu Sứ Tàu hồng hách, thấy có cô bán hàng xinh đẹp thì nói đùa một câu:

Nam phương nhất thốn thổ, bất tri kỳ nhân canh.

(Phương Nam có 1 tấc đất, không biết bao nhiêu người cày)

Cô Điềm đứng đó liền đáp lại rằng:

Bắc quốc đại trượng phu, giai do thử đồ xuất.

(Nước Tàu phương Bắc các bậc đại phu đều bởi đường ấy mà ra)

Hai câu đối trên, nếu giải nghĩa thanh thì đối nhau rất thanh, giải nghĩa tục thì đối nhau rất tục, ý nghĩa hơn hẳn Sứ Tàu, thật xuất sắc tài tình. Bọn Sứ Tàu tưởng nói bỡn như vậy là bóng gió cao kỳ để hạ nhục Cô bán hàng, nào dè Cô hiểu ý, lanh trí trả lời đích đáng, đem cái nhục trả lại chúng, làm chúng hổ thẹn rút lui, phục tài gái nước Nam, không còn dám bỡn cợt gái nước Nam nữa.

Kết luận:

Bà Đoàn Thị Điềm đứng hàng đệ nhất trong các Nữ sĩ tên tuổi trên văn đàn VN như: Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Anh,... Bà là một Nữ sĩ có thi tài lỗi lạc, lời thơ tao nhã, đài các, bóng bẩy đầy âm điệu. Bà còn là một phụ nữ mẫu mực Nho phong, đầy đủ hiếu thảo, nghĩa khí, Tứ Đức, Tam Tòng.

Tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm* của Bà được các nhà văn trong nhóm "*Mercure de France*" nước Pháp dịch ra tiếng Pháp, xuất bản năm 1939 tại Ba-lê (Paris) nhan đề là: "*Les Plaintes d'une Chinh phụ.*"

Bà Đoàn Thị Điểm là một vị Nữ Tiên trên Thượng giới giáng trần. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Bà không đầu kiếp xuống trần, mà chỉ dùng huyền diệu cơ bút, nhờ hai vị đồng tử trong Đạo Cao Đài phò loan để Bà giáng cơ viết tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN có mục đích giáo dục phụ nữ Việt Nam trong chủ trương Nho Tông Chuyển Thế của Đạo Cao Đài.

Đức Chí Tôn có nói trước rằng: "*Nam phong thử nhứt biến nhơn phong.*" nghĩa là: Nền phong hóa của người VN ngày ấy sẽ trở thành nền phong hóa của nhơn loại, tức là nhơn loại ngày sau sẽ học tập và bắt chước theo phong hóa VN.

Do đó, cần phải củng cố và chấn chỉnh nền phong hóa nước nhà cho tốt đẹp vẹn toàn thì mới làm gương mẫu được.

Nền phong hóa đó phải bắt đầu từ gia đình, mà người phụ nữ đảm nhiệm vai tuồng quan trọng nhất. Cần phải hướng dẫn người phụ nữ trở lại nền nếp tốt đẹp thời xưa với Tứ Đức, Tam Tòng, nhưng chỉ nên giữ lại phần tinh hoa tốt đẹp, bỏ bớt những điều làm giảm nhân cách phụ nữ và bất bình đẳng với Nam phái, cho hợp trình độ tiến hóa của nhơn sanh ngày nay.

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN của *Tiên Nương Đoàn Thị Điểm* nhứt định sẽ đóng góp một phần tích cực và quan trọng trong chiều hướng giáo dục này. (Xem: *Nữ Trung Tùng Phận, văn N*).

Ngoài tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN, Bà Đoàn Thị Điểm còn giáng cơ cho nhiều thi văn dạy Đạo.

Sau đây, chúng tôi xin chép ra hai bài giáng cơ của Bà:

Ngày 16-8-Quý Dậu (dl 5-10-1933)

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Em xin chào chư vị.

Có một tri âm, Em rất vui lòng hầu bút.

Quyền Giáo Tông chỉ làm sao cho nhà Nho về không đặng chơi...

Cười ... Em đâu dám.

Thưa dịp, Đại nơn, Em cảm ơn Ngài đã chỉnh sửa Nữ Trung Tòng Phận, nhiều câu vô tình nhờ tay Ngài trở nên thanh tao thâm thúy. Vậy Em dâng bài thi này hầu Ngài gọi là chút tình đền đáp:

THI:

Gắm đẹp thêu hoa vẽ tốt tươi,
 Thiên tư vốn sẵn có tay Trời.
 Kim chi ngọc điệp nhà nơi dẫu,
 Thổ mã huyền môn đức rạng ngời.
 Áo đỏ chưa hay thân dựa bệ,
 Gót son đã sạch bước vân lời.
 Túi vàng rỗng ản chờ khuôn ản,
 Tạo thế sao may cũng phải thời.

Đọc lại giùm Em những lời tiên tri này, sẽ kết quả, xin Ngài triêm nghiệm thì hiểu.

Em sẽ biết chị Hồ Xuân Hương đến hội diện với phu nhân vì hai người có tình cùng nhau trước.

Em kiếu lỗi, đi theo mấy chị Nương Nương cho kịp.

Thăng.

Ngày 18-8-Quý Dậu (dl 7-10-1933)

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Em xin chào chư vị Đại Thiên phong. Xin nghe:

Non nước cũ nay đương sửa mới,
 Chốn kinh đô tiến tới đặng quang.
 Long nêu thức tỉnh hững nhàn,
 Trong cung cấm trước mở đàng tự do.

Ngoài Pháp binh đang cho nghi hoặc,
 Trong triều ca trở mặt khấu quan.
 Dẹp an hết lũ quyền thần,
 Lên thanh đế khuyết hưu tàn diệt vong.

Nơi văn miếu ân phong Thánh chỉ,
 Triệu tường minh giải bĩ qui hương.
 Bắc thành nong nả anh hùng,
 Cầm gươm Lê Lợi mở vòng thê noa.

Hiệp Chung quốc khó hoà bình khí,
 Trận lửa un thiêu hủy Thái bình.
 Kia trong trào nhứt đồng minh,
 Thì quan nô lệ nước mình giải qua.

Trăm máy nhiệm trước hòa dân trí,
 Học tài ba đãi sĩ anh hiền.
 Xa thơ trước đã ngửa nghiêng,
 Cậy cây huệ kiếm mới tìm phước công.

Phải chung trí hiệp đồng Đạo mạch,
 Cầm chổi Tiên quét sạch phong trần.
 Nền gian đổi lại nền nhân,
 Đạo y thể thử đai cân hoàng triều.

Cờ Việt quốc làm nêu buổi Tết,
 Tiếng khải ca đổi huyết mã binh.
 Thâu thành nhờ tiếng kệ kinh,
 Phục hưng lấy một mảnh hình làm đau.

Hòa trí huệ còn cao hành động,
 Hòa thể thời hòa rộng tương thân.
 Hòa cùng mấy vị cựu thân,
 Tương Trang hết phải mới gần phản gian.

Hòa đặng dọ lấy đàng phản nghịch,
 Hòa đặng hay lợi ích người hiền.
 Nuôi ong tay áo họa riêng,
 Để chi gieo thảm rải phiền khắp nơi.

Hòa thì đặng lòng người thương mến,
 Hòa thì an những tiếng thị phi.
 Hòa cho bạc rẽ khỏi chì,
 Hòa làm nghĩa thẳng vô nghi dân gian.

Hòa cho đặng bình an cơ Đạo.
 Thăng.

ĐOẠN

ĐOẠN

ĐOẠN: 斷 Ắt đứt, chặt cho đứt lia ra.
Tđ: Đoạn căn, Đoạn tình yếm dục.

Đoạn căn

斷根

A: To cut off all attachments.

P: Couper tous les attachements.

Đoạn: Ắt đứt, chặt cho đứt lia ra. **Căn:** rễ cây, chỉ những mối dây ràng buộc.

Đoạn căn là ắt đứt các mối dây ràng buộc.

Trong Đạo Cao Đài có Bí tích: Phép Đoạn Căn, để ắt đứt 7 dây oan nghiệt để chơn thần người chết rời khỏi thể xác đi lên cõi thiêng liêng. (Xem chi tiết nơi chữ: Bẫy dây oan nghiệt)

KĐ1C: Giải thi thoát khổ diệt hình *đoạn căn*.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cửu.

Đoạn ly

斷離

A: To cut off entirely.

P: Couper entièrement.

Đoạn: Ắt đứt, chặt cho đứt lia ra. **Ly:** lia ra.

Đoạn ly là ắt đứt hẳn cho lia ra.

TNHT: Chia tình xẻ nghĩa, máu thịt *đoạn ly*, mà làm cho tròn trách nhiệm xứng đáng của mình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đoạn tình yếm dục

斷情掩慾

A: To cut off all sentiments and to master all passions.

P: Couper tous les sentiments et contenir toutes les passions.

Đoạn: Cắt đứt, chặt cho đứt lìa ra. **Tình:** tình cảm của con người. Con người có Thất tình, tức là bảy tình: Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Dục. **Yếm:** che đậy, đè nén. **Dục:** lòng ham muốn. Con người có Lục dục: Sắc dục, Thính dục, Hương dục, Xúc dục, Vị dục, Ý dục.

Đoạn tình yếm dục là cắt đứt các thứ tình cảm, và đè nén lòng ham muốn.

Ý nói: Mình phải làm chủ Thất tình và Lục dục, không cho nó tự do dấy động, phải chế ngự chúng nó để hướng chúng nó vào đường cao thượng.

Thất tình và Lục dục là những mối loạn hằng ngày trong tâm trí. Con người vì bị Thất tình Lục dục lôi kéo mà làm nhiều việc không chánh đáng, hao tổn tinh thần, tiêu mòn khí phách, chúng xô đẩy con người vào hang sâu vực thẳm.

Làm người phải lập chí vững chắc, đừng để Thất tình Lục dục khiến sai mình. Mình phải cương quyết làm chủ nó, điều khiển nó, chớ đừng yếu ớt lồi thoi để nó điều khiển lại mình, thì mới mong đi lên đường cao thượng, đến cõi Bằng Lai.

KKCTTĐT: *Đoạn tình yếm dục* đặt vào cõi Thiên.

KKCTTĐT: Kinh Khai Cửu Đại Tường Tiểu Tường.

Đoạn trần kiều

斷塵橋

A: The bridge of renunciation of world.

P: Le pont de renoncement du monde.

Đoạn: Cắt đứt, chặt cho đứt lìa ra. **Trần:** cõi trần. **Kiều:** cây cầu.

Đoạn Trần kiều là cây cầu Đoạn Trần, ở phía trước Trí Huệ Cung, bắc ngang qua một con rạch nhỏ được gọi là Suối Đoạn Trần, chảy vào Rạch Rẽ và đổ ra sông Cẩm Giang.

Con rạch ấy tượng trưng Sông mê.

Bờ bên Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung tượng trưng Bờ giác, nơi đó khởi đầu đi vào cõi TLHS.

Bờ bên kia, đối diện với Thiên Hỷ Động là Bến mê (Mê tân), đi vào cõi trần.

Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng toàn khu ấy, là tạo Thế pháp để nói lên ý nghĩa của nó là Bí pháp.

Từ Thiên Thọ Lộ, qua Trường Xuân Lộ, rồi mới đến Đoạn Trần Kiều. Muốn đi qua Đoạn Trần Kiều thì phải dừng lại nơi Ao Thất Bửu, vào đó tắm để gội cho sạch hết bợn trần:

Ao Thất Bửu gội mình sạch tục.

Gội sạch bợn trần rồi thì bước lên Đoạn Trần Kiều là kể từ đây giữ sạch nợ trần, nhắm Thiên Hỷ Động đi tới, qua Pháp Luân Lộ thì vào Thiên Hỷ Động, trong đó có Trí Huệ Cung là cửa đi vào cõi TLHS, đắc đạo vậy.

Trên Đoạn Trần Kiều, Đức Phạm Hộ Pháp có cho xây một cái nhà mát để du khách dừng chân hóng gió. Trên nóc nhà mát, Đức Ngài dạy ban thợ hồ đắp một con hạc lớn bằng xi măng cốt sắt, trên lưng chở hai thầy trò Tân Dân Tử và Tôn Võ Tử. Đức Ngài dặn đắp con hạc ngó về Trí Huệ Cung, nhưng Đức Ngài không giải thích lý do. Sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp đi Nhứt Bồn để rước tro thiêu xác của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về thờ nơi Báo Quốc Từ.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trở về, Ngài đến nhà mát coi thử công thợ làm tới đâu, thấy Tá Lý Trần Văn Lành và nhóm thợ đắp con hạc xong rồi, nhưng con hạc lại hướng về phía ngược lại. Đức Phạm Hộ Pháp nói:

- Khi đi, Bàn đạo có dặn đắp con hạc ngó vô Trí Huệ Cung, trên lưng có chở thầy trò Tân Dân Tử và Tôn Võ Tử. Ấy là thế pháp tượng trưng rước khách phàm nhập cõi Thánh, mấy em lại đắp con hạc trở đầu ra, như vậy là chở Thánh lâm phàm. Một việc quên của mấy em mà làm ra rất ngộ nghĩnh.

Tá Lý Trần Văn Lành bạch cùng Đức Hộ Pháp:

- Bạch Thầy, để mấy con sửa lại. Thầy dạy mà mấy con quên vì cố làm cho mau rồi.

Đức Ngài nói:

- Mấy em làm lỡ rồi, thôi để y như vậy, dầu có sửa lại cũng khó lắm vì đã làm rồi. Việc này thiêng liêng khiến vậy, cũng là phương pháp tượng trưng bực tu chơn, dầu có lâm phạm mà thắng nổi cái phạm thì mới là Thánh, bằng chẳng thắng được phạm thì vẫn là phạm. Đáng lý cái nhà mát và cây cầu này (Đoạn Trần Kiều) phải đúc cho thật chắc, vì không làm được như thế nên phải tạm làm bằng cây, sợ e ngày kia có kẻ cố tâm phá hoại hư sập, tức nhiên kẻ ấy muốn cắt con đường Phạm Thánh thì tai hại cho kẻ phá hoại ấy.

Vậy cái nhà mát và cây cầu này giao cho Ban Kỳ Lão Phạm Môn và Hội Thánh Phước Thiện bảo thủ thế nào cho tồn tại để nối liền cho khách phạm nhập Thánh.

Rồi đây còn phải lập một cái Chợ nữa, kêu là Chợ Thiên Vương tại ngã ba Thiên Thọ Lộ, thuộc xã Trường Hòa, lần lượt mở con kinh ra phía trên sông Cẩm Giang để làm bến ghe tàu xuất nhập cảng hàng hóa, sản phẩm cùng là thực phẩm, tự do thương mại.

Còn hai hình ngồi trên lưng hạc là Tân Dân Tử và Tôn Võ Tử. Xưa kia, Tân Dân Tử dạy Tôn Võ Tử học đạo Tiên. Ngày nọ, hai thầy trò cỡi hạc vân du ngoạn cảnh. Tân Dân Tử dặn Tôn Võ Tử:

- Thầy dặn con một điều, nếu lòng con còn mền tiếc việc phạm trần, nhứt là khi bay ngang qua chợ Thiên Vương là quê hương của con, nếu lòng con tưởng nhớ việc trần thì con hạc bay không nổi, nó phải đáp xuống, rồi con phải ở lại cỡi trần, không về cùng Thầy được.

Tuy Tôn Võ Tử đã đạt phẩm Nhơn Tiên, mà tránh không khỏi nét phạm, nên khi hạc bay ngang qua chợ Thiên Vương, nhìn thấy cảnh cũ, lòng bắt ngậm ngùi, con hạc liền đáp xuống. Tôn Võ Tử ở lại Chợ Thiên Vương, buồn bã đi tìm nơi quê xưa. Khi trở về nhà cũ, thấy người vợ trước kia nay đã già quá 70 tuổi, còn ông thì nhờ tu Tiên, vẫn giữ được như thuở 40, muốn tạo lại sự nghiệp thì đã muộn, muốn tái lập đạo Nhơn luân thì vợ đã già, bèn than rằng:

"Ta đã theo thầy học đạo Tiên trên 30 năm, nếu bây giờ ở luôn lại đây thì uổng công tu luyện, mà muốn theo thầy thì con học không cất cánh nổi. Ôi! Lỡ Đạo lỡ Đời, ấy cũng vì ta không nghe lời thầy mà không nên Đạo."

Đức Phạm Hộ Pháp thuật đến đây rồi kết luận:

- Ngày nay, nếu mấy em quên làm con học hướng về Chợ Thiên Vương, ấy là một duyên cớ về thể pháp, tượng trưng nêu gương cho các bậc chơn tu phải cố gắng giữ lòng thanh bạch, dầu còn ở lẫn lộn nơi trần thế mà không nhiễm trần mới đắc đạo được. Đó cũng là một phương chọn Thánh lọc phàm.

Chúng tôi sưu tầm được một bài giảng cơ của Ông Tôn Võ Tử, xin chép ra sau đây:

Báo Ân Từ, ngày 15-8-Kỷ Sửu (dl 6-10-1949).

Phò loan: Đức Hộ Pháp - Cao Tiếp Đạo.

TÁI CẦU:

THI:

TÔN quân gặp đặng các chư Hiền,
VÕ đức văn nhân của Thánh Tiên.
TỬ hậu bia danh muôn kiếp để,
GIÁNG cơ chuyện văn chốn đàn tiên.

Đàn tiên học Đạo Đức Cao Tiên,
Hứng giọt nhành dương tươi lửa phiền.
Một kiếp duyên may muôn kiếp hưởng,
Thanh nhàn Tiên cảnh cõi thiên nhiên.

Từ ngày Bàn tăng xuống thế, biết bao nhiêu những nỗi khó khăn, cũng vì mưu của Tà thần Tinh quái theo hại Bàn tăng.

Nền Đạo của Chí Tôn ngày nay cũng vậy. Các em ráng giữ gìn cho lắm, kéo uổng kiếp sanh này rồi làm trò cười, biết bao phen mới rửa sạch. Cửa Đạo là chiếc thuyền từ của Đức Chí Tôn, hiền nhân hay gian trá đều chứa cả, nên hư tự kẻ lọc lừa....

Nếu lấy linh tâm sáng suốt thì đặng nhiệm lấy Đạo mẫu, còn mê muội thì vào nơi u thăm. Phước phước phần phần, hai

đường chọn lấy, dừng để sau về đến Thiên cung, khi hội hiệp lại ra tuồng hổ thẹn, còn nơi mặt thể, chúng lại chê cười.

Hỏi thử các bạn, nên làm sao cho xứng đáng là môn đệ của Ngọc Hư Cung?

Thăng.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đoạn trường

斷腸

A: To rend the entrails: Great pain.

P: Déchirer les entrailles: Grande douleur.

Đoạn: Cắt đứt, chặt cho đứt lia ra. **Trường:** ruột.

Đoạn trường là đứt ruột, chỉ sự đau đớn dữ dội.

Diễn tích: Theo Sưu Thần Ký, có người bắt được hai con vượn con, thường đem ra hiến đùa giỡn. Vượn mẹ ngày nào cũng đến ở trên cây gần đó, trông thấy hai vượn con thì kêu la thảm thiết. Ít ngày sau, vượn mẹ chết, xác rơi xuống gốc cây. Người ta mổ bụng vượn mẹ thấy ruột vượn mẹ đứt từng đoạn.

TTCĐDTKM: Trẻ nào có biết khúc nôi *đoạn trường*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Đoạn trường bổ đoản

斷長補短

Đoạn: Cắt đứt, chặt cho đứt lia ra. **Trường:** dài. **Bổ:** bù vào. **Đoản:** ngắn.

Đoạn trường bổ đoản là cắt chỗ dài đắp qua chỗ ngắn.

Ý nói: Bớt chỗ thừa để bù vào chỗ thiếu, làm cho hai bên đều tốt đẹp.

ĐÒI

ĐÒI

ĐÒI: Nhiều.

Td: Đòi đoạ, Đòi ngàn.

Đòi đoạ

A: Suffering.

P: Dououreux.

Đòi: Nhiều. **Đoạ:** chặt đứt thành nhiều khúc.

Đòi đoạ đồng nghĩa với Đoạ trường, chỉ sự đau đớn dữ dội như ruột bị cắt ra nhiều khúc.

KCTPĐQL: Tác lòng đòi đoạ đau thương.

KCTPĐQL: Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

Đòi ngàn

A: Several mountains and forests.

P: Plusieurs montagnes et forêts.

Đòi: Nhiều. **Ngàn:** rừng núi.

Đòi ngàn là rừng núi chập chồng.

KĐ3C: Thanh quang rờ rờ đòi ngàn.

KĐ3C: Kinh Đệ Tam cửu.

Đòi phen

A: Several times.

P: Plusieurs fois.

Đòi: Nhiều. **Phen:** lần.

Đòi phen là nhiều lần.

TTCĐDTKM: Đòi phen MỆ luống ưu sầu.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

ĐƠN

Đơn đường

A: To inquire about the road.

P: S'informer avec soin sur le chemin.

Đơn: hỏi thăm một cách ân cần. **Đường:** đường đi.

Đơn đường là ân cần hỏi thăm đường cho biết đường đi.

KCHKHH: Ngọc Hư, Cục Lạc đơn đường ruổi dong.

KCHKHH: Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

ĐỒ

ĐỒ

- **ĐỒ:** 徒 có hai nghĩa sau đây:
 1. **ĐỒ:** Học trò.
Td: Đồ đệ.
 2. **ĐỒ:** Bắt giam và làm khổ sai.
Td: Đồ lưu hải ngoại.
- **ĐỒ:** 圖 có hai nghĩa sau đây:
 3. **ĐỒ:** Mưu tính, sắp đặt.
Td: Đồ nghiệp
 4. **ĐỒ:** Bức vẽ, bức họa đồ.
Td: Đồ thơ.
- 5. **ĐỒ:** 塗 Bùn dơ.
Td: Đồ thán.

Đồ đệ

徒弟

A: The disciple.

P: Le disciple.

Đồ: Học trò. **Đệ:** em, học trò.

Đồ đệ là học trò theo học với một ông thầy.

Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài chọn đến: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên đồ đệ.

Nghĩa là:

- Nhứt Phật là một vị Giáo Tông.
- Tam Tiên là ba vị Đầu Sư.
- Tam thập lục Thánh là 36 vị Phối Sư.
- Thất thập nhị Hiền là 72 vị Giáo Sư.
- Tam thiên đồ đệ là 3000 Giáo Hữu.

Đồ lưu hải ngoại

徒流海外

A: To exile to foreign country.

P: Exiler à l'étranger.

Đồ: Bắt giam và làm khổ sai. **Lưu:** bị đày đi xa. **Hải ngoại:** nước ngoài.

Đồ lưu hải ngoại là bị bắt tội đày đi ra ngoại quốc.

TĐ ĐPHP: "Bản đạo hồi tưởng lại, khi trở về bản xứ sau 5 năm bị đồ lưu nơi hải ngoại, thì thấy một trường náo nhiệt chiến tranh đã biến sanh trong nước."

Theo Đạo Sử, nhà cầm quyền Pháp muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài, nên từ giữa năm 1940 đến tháng 5 năm 1941, họ gây ra nhiều hình thức khủng bố Chức sắc và tín đồ Cao Đài. Họ ra lệnh đóng cửa toàn bộ các Thánh Thất và các Sở Phước Thiện.

- Ngày mùng 4-6-Tân Tỵ (dl 28-6-1941), lính mật thám Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp chở đi Sài Gòn.

- Ngày 17-6-Tân Tỵ (dl 11-7-1941), lính mật thám Pháp lại vào Tòa Thánh bắt thêm 3 vị Chức sắc nữa, kể ra:

- Phối Sư Ngọc Trọng Thanh,
- Giáo Sư Thái Gấm Thanh
- Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển.

Đồng thời tại Sài Gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa tại tư gia, và ở Nam Vang, chúng đến Thánh Thất Kim Biên bắt Giáo Sư Thái Phấn Thanh.

- Ngày 28-6-Tân Tỵ (dl 22-7-1941), nhà cầm quyền Pháp dự định đưa Đức Phạm Hộ Pháp đày đi Sơn La (Bắc Việt) là một nơi rừng thiêng nước độc ở sát biên giới VN và Lào.

- Ngày 4-6 Nhuận-Tân Tỵ (dl 27-7-1941), Pháp đổi ý kiến, họ đưa Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc xuống chiếc tàu COMPIÈGE đày sang hải đảo Madagascar ở Phi Châu.

(Chúng ta lưu ý năm Tân Tỵ là năm nhuận, có hai tháng 6, một tháng 6 trước và một tháng 6 nhuận. Ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị bắt là ngày 4 tháng 6 trước, và ngày bị đưa đi đày là 4 tháng 6 Nhuận-Tân Tỵ)

Đức Phạm Hộ Pháp và 5 Chức sắc bị giam trong ngục Nossilava của đảo Madagascar (Phi châu), hơn hai năm sau mới được cho ra ngoài làm việc. Đức Hộ Pháp có thuật lại giai đoạn này như sau:

"Nhớ lại lúc chánh quyền Pháp đày ra hải đảo Madagascar, trong đó có nhiều vị Chức sắc Thiên phong cùng chung chịu ảnh hưởng, Bản đạo chỉ thấy một Ngài Khai Pháp và em Thánh Hiền hết lòng phụng sự Bản đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bản đạo ráo để.

Có người dựa quyền lợi của thuyết Cộng sản, dùng sức mạnh trở lại khổ khắc Bản đạo mà chưa vừa lòng, họ còn xúi giục chánh quyền đày đọa Bản đạo lên nguồn cao nước độc để giết một cách gián tiếp. Nếu chẳng nhờ quyền năng thiêng liêng giúp sức thì Bản đạo không thể trở về tổ quốc, Thánh địa VN ngày nay. Tội nghiệp em Thánh Hiền và Ngài Khai Pháp, thấy vậy cũng xin đi theo, đã bị chúng đuổi đánh, cũng tính kế đi theo để nuôi dưỡng Bản đạo cho được.

Thánh Hiền vì đi theo Bản đạo, uống nước độc mà phải bỏ mình nơi rừng sâu núi thẳm, chỉ còn Bản đạo và Ngài Khai Pháp. Ngài ôm Bản đạo mà khóc, chỉ van vái một điều là cầu xin Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu đem về đất Thánh cõi xác mà thôi. Thật quả nhiên như lời nguyện không sai.

Khi trở về Thánh địa, Bàn đạo gượng làm vui, chớ kỳ thật riêng Ngài Khai Pháp và Bàn đạo không giờ khắc nào quên cảnh tù đầy lao khổ. Bàn đạo thấy con cái của Đức Chí Tôn rất chú ý về việc đó, nhưng Bàn đạo ôm lòng nín chịu, căn dặn Ngài Khai Pháp không nên thốt ra lời nói gì cả. Bàn đạo sợ nói ra đây gây thêm oán hờn thêm trong Đạo.

Nếu Bàn đạo nói ra, chắc không bút mực nào tả hết, lại gây thêm xung đột." (Trích TĐ ĐPHP ngày 12-3-Ất Sửu 1955, tại bữa tháp của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, nhưn lễ Đại tường)

Trong số 5 vị Chức sắc bị đày theo Bàn đạo, có 2 vị chết vì sức khỏe không chịu nổi cảnh khắc khổ lưu đày, đó là Giáo Sư Thái Gấm Thanh và Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến.

Sĩ Tải Hiến vì có lòng trung thành với Đạo và với Đức Hộ Pháp, vẫn giữ được đức tin nơi Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, nên khi thoát xác đấng Thánh vị, trấn ở Phi Châu, gọi là Thánh Hiến hay Thánh Phi Châu.

Trong những năm tháng bị đày khổ sở, Đức Phạm Hộ Pháp đã được các Đấng thiêng liêng che chở, thoát khỏi nhiều tai nạn hiểm nghèo, mà bọn Pháp cố ý gây ra để giết bớt một số tù nhân, mà khi trước đã có thành tích yêu nước chống Pháp.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp cầm một cái que nhỏ và tay kia khỏa cát cho bằng thì liền tiếp diễn, có một Đấng giáng vào tay cầm que viết chữ trên cát, dùng lời lẽ an ủi và báo tin cho biết tình hình chuyển biến của thế giới và nơi nước nhà, cũng như đề lời tiên tri gây niềm hy vọng:

Đức Tiêu Diêu Đạo Sĩ giáng bút cho bài thi:

THI:

Lược chiến từng quen đã bấy lâu,
 Thiên cơ đã rõ máy cao sâu.
 Dẫn lòng nhẩn nại chờ đôi lúc,
 Sẽ thấy khuôn linh phép nhiệm màu.

TIÊU DIÊU ĐẠO SĨ

Chào Thiên Tôn và chư vị Thiên phong,
 Có Đức Nhân Âm Đạo Trường đến.

NHÀN ÂM ĐẠO TRƯỞNG

Bàn tăng lầy làm cảm xúc cho chư vị dường này. Hận thay cho giống dã man tàn bạo...

Trung Quân là Nam Kinh đó vậy. Nơi ấy là hang ổ của Việt Kiều. Thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

THI:

*Quá hải đòi phen đến viếng nhau,
Ngặt không cơ bút để lời giao.
An nhàn đợi thuở triều linh địa,
Chuyển thế gặp thời phải múa đao.
Cõi Á đã thành nơi chủng quốc,
Phương Âu sẽ diệt tận Nô-Lao.
Lửa hương đất Việt dầu nhen nhúm,
Nhờ đám Trung Quân ở nước Tàu.*

Ít lâu sau, có một Đấng giáng bút cho bài thi:

THI:

*Nô-Si-Lao tiếng đặt buồn cười,
Mi đã rước ai hỡi hỡi người?
Lượn thăm bỏ gành tình ột ạt,
Gió sầu khua đảnh ái toi bời.
Yêu phu điều gọi thương cảnh sớm,
Giọng ngạn quỳên kêu nhớ bụi moi.
Tổ quốc đơn đường bao dặm thẳng,
Đưa xa thăm thăm một phương trời.*

Vị này giáng không xưng tên, chỉ nói rằng: "Thầy thiếp là Thất Nương sai đến đây để thăm viếng Đức Hộ Pháp."

Khi vị này thăng rồi thì Đức Hộ Pháp thấy hột ngọc nơi chiếc nhẫn đeo tay phát ra mấy tia hào quang thì Đức Ngài biết đó là Bà Linh Sơn Thánh Mẫu giáng khi này, bởi vì hột ngọc này do ông Lễ Sanh Giáo Thiện Võ Văn Đợi lượm được trên núi Bà Đen, đem hiến cho Đức Ngài làm nhẫn đeo tay.

Lần sau, Bà Linh Sơn giáng, viết:

Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên phong,

Thiếp vì có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chư vị mang lệnh của Đức Chí Tôn cho ngơi nghỉ nơi đây.

Chí Tôn than rằng: Chức sắc Thiên phong bên CTĐ thiếu hùng biện văn tài đặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì cơ ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ.

THI:

*Đã phong trần chịu phong trần,
Có thân âu phải biết thương thân.
Nam xa ví chẳng vì đường khó,
Việt đành mong chi đượm lửa mừng.
Nặng gánh giang sơn là Thương Trụ,
Nhẹ tay cung kiếm ấy Thường Quân.
Ngũ hồ Tứ hải không lưu lạc,
Mặt địa cầu ta vốn định chừng.*

Sau khi giải thích Nam xa, Việt đành, Bà cho thi tiếp:

THI:

*Hòn đảo này đây trước nhốt tù,
Ngày nay làm khám khảo thầy tu.
Quả như oan nghiệt vay rồi trả,
Thì lũ Tây man Nhứt Bồn trừ.*

Khi Đức Phạm Hộ Pháp được phép đi ra ngoài làm việc thì Ngài liền nghĩ rằng cần phải tìm cách làm việc cho có tiền để giúp đỡ các Chức sắc đồng cảnh ngộ, và có dư nữa thì giúp các nhà cách mạng yêu nước VN cũng bị Pháp bắt đày qua đây như quý Ông: Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Song, Trần Hữu Nam, vv...

- Ngài để ý thấy phụ nữ bản xứ thích đeo các món nữ trang, nên Ngài tổ chức làm thợ bạc, kiếm được khá tiền để mua lương thực, thuốc men, quần áo gửi vào giúp các Chức sắc và các nhà yêu nước VN đúng như ý Ngài mong muốn.

- Dân bản xứ tại đảo Madagascar còn bán khai, chưa biết dùng trâu bò để cày bừa ruộng đất. Đức Phạm Hộ Pháp tìm cách chế tạo ra chiếc cày và chiếc bừa, rồi bắt trâu bò kéo cày và bừa làm đất cho dân chúng thấy. Họ rất hoan nghinh và bắt chước làm theo. Đức Ngài lại dạy họ làm cối xay lúa quay tay. Dân bản xứ rất biết ơn Đức Ngài.

- Xứ ấy cũng không biết làm gạch ngói. Đức Ngài tổ chức làm gạch và ngói, lập lò hầm gạch và ngói cho chín đỏ, rồi làm

vôi, và nhứt là làm xi măng để xây dựng nhà cửa. Dân chúng đều vui vẻ học tập làm theo.

- Đức Hộ Pháp còn giúp dân chúng xây đập dẫn nước từ trên núi xuống ruộng để dân có nước trồng tía hoa màu.

- Đức Ngài còn xây dựng một sở trường học để dạy trẻ em nơi đây tiếng Pháp và tiếng bản xứ.

- Đức Phạm Hộ Pháp mở Huệ khiếu cho một Đạo sĩ:

Đạo sĩ là người địa phương của đảo Madagascar, được vị thầy mách cho biết trước trên đảo này hiện có một vị Phật cư ngụ, người cố gắng gặp vị ấy để xin truyền pháp thì người mới có thể thoát đạo. Đạo sĩ ấy có trình độ Cử nhân Luật. Một hôm Đức Phạm Hộ Pháp đi dạo, không hiểu tại sao lại đi tới đi lui trước nhà Đạo sĩ 3 lần. Đạo sĩ để ý thấy liền ra chào và rước vào nhà, rồi quì xuống làm lễ xin Đức Hộ Pháp truyền pháp. Đức Ngài hẹn 3 hôm sẽ trả lời.

Đức Hộ Pháp xuất thần về Ngọc Hư Cung xin Đức Chí Tôn và được Chí Tôn chấp thuận. Thế là đúng 3 hôm sau, Đức Ngài trở lại gặp Đạo sĩ, cân thần rồi mở Huyền Quan khiếu cho Đạo sĩ. Đạo sĩ xuất được chơn thần vân du Thiên ngoại, nên rất cảm phục Đức Ngài và tin chắc đây là vị Phật sống đang bị nạn.

- Đức Hộ Pháp thu nhận một Nữ đệ tử trí thức:

Cô gái này con nhà giàu, du học tại Pháp đến năm thứ hai Đại Học Luật, nằm mộng thấy một vị Thần mách bảo: Phật tại xứ không thờ lại đi tìm đâu xa mà lập thân.

Cô tin lời Thần nên bỏ học, trở về nước, bị cha mẹ quở trách nặng nề. Cô cam chịu mà không dám giải bày, và quyết đi tìm Phật. Như đã có căn duyên từ trước, cô tìm gặp được Đức Phạm Hộ Pháp và thọ giáo nhập môn vào Đạo Cao Đài. Đây là tín đồ Cao Đài đầu tiên tại đảo Madagascar.

- Gặp lính Pháp hồi:

Anh em Đạo hữu Cao Đài vâng lệnh Hội Thánh tòng chinh làm lính Công binh giúp Pháp khi nước Pháp bị quân Đức xâm lăng, để đáp ân nhà cầm quyền Pháp cho tôn giáo Cao Đài được tự do truyền bá trên cõi Đông Dương. Có một số được đưa qua đảo Madagascar. Đức Ngài rất nhớ các tín đồ tình

nguyện đi lính, các tín đồ cũng nhớ Đức Ngài, mà ai có tưởng ngày hội ngộ trên xứ lạ quê người. Trong số đoàn quân đưa lên đảo, phần nhiều là đồng bào miền Bắc và Trung, còn người miền Nam chỉ có 13 người tín đồ Cao Đài.

Một người miền Trung nói với mấy người Nam: Ở Sài Gòn, mấy anh có quen với ông già chống gậy đàng kia không? Ông là người Nam, lại đó thử coi có nhìn được bà con không?

Anh Tám Quận liền đến gặp Đức Ngài và hỏi thăm:

Đức Ngài hỏi: - Em ở đâu? Đi lính hồi nào? Do Pháp bắt hay tình nguyện?

Tám Quận trả lời: - Tôi là tín đồ Cao Đài, vâng lệnh Đức Giáo chủ tình nguyện đi lính giúp nước Pháp.

Đức Ngài hỏi: - Cao Đài nào?

- Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh.

- Tây Ninh thiệt không?

- Dạ thiệt.

- Em biết Đức Giáo chủ không?

- Dạ, em mới nhập môn nên chưa biết mặt.

Ngài nghe nói như vậy thì ôm chầm Tám Quận và nói rằng: Thầy đây con. Rồi khóc òa! - Con đi mấy đũa, bảo chúng nó lại hết đũa cho Thầy thăm.

Anh Tám Quận mừng quá, vội chạy về trại lính thông báo anh em hay lại chào Thầy. Có ba người gặp trước là: Tám Quận, Chín Tháo, và Mười Phú, chạy riết lại, không kịp chào hỏi, Chín Tháo và Mười Phú thấy đúng là Đức Phạm Hộ Pháp, thì mỗi người ôm một chân nâng bổng Đức Ngài lên, muốn kêu Thầy mà mừng kêu không ra tiếng.

Cảnh quán quít Thầy trò tương hội nơi xứ lạ, thâm trầm đậm đà trong yên lặng, nó thiêng liêng không bút mực nào tả cho cạn lời được. Bốn Thầy trò quán quít nhau trong giây lâu, Đức Ngài mới ôn tồn hỏi:

- Mấy con kêu hết các đũa khác đến cho Thầy thăm. Còn bao nhiêu đũa nữa?

Tám Quận thưa:

- Chúng con có tất cả 13 đứa đều là tín đồ Cao Đài là:

- | | |
|-----------------------|------------------|
| 1. Chánh Trị Sự Tháo. | 8. Đạo hữu Lễ. |
| 2. Đạo hữu Thôi. | 9. Đạo hữu Noài. |
| 3. Đạo hữu Phu. | 10. Đạo hữu Tọi. |
| 4. Đạo hữu Dương. | 11. Đạo hữu Lân. |
| 5. Đạo hữu Quận. | 12. Thông Sự Ёn. |
| 6. Đạo hữu Ái. | 13. Đạo hữu Tân. |
| 7. Đạo hữu Tăng. | |

Đức Phạm Hộ Pháp dẫn các anh em lại nhà của Thiếu Tá Pháp Desanges, người có nhiệm vụ đưa Đức Ngài trở về VN, giới thiệu với Bà vợ của Thiếu Tá. Bà rất vui vẻ.

Các anh em mới thết đãi Đức Ngài một bữa tiệc trùng hoan. Đức Ngài cũng tổ chức một bữa tiệc khác đãi tất cả 13 chiến sĩ Pháp hồi tại nhà Bà Thiếu Tá Desanges, vì chính Bà Thiếu Tá cũng có nhĩ ý ấy.

Hân hạnh thay! Tưởng rằng kẻ hy sinh vì Đạo pháp sẽ bị thiệt thòi, nhưng ngờ đâu lại có giờ phút tương hội vô cùng cảm động, làm gội mát và an ủi tâm hồn, không ai có thể đoán trước được nó diễn biến huyền diệu như thế. (Tài liệu của Nguyễn Ngọc Thử, Cao lãnh)

- Ngày 25-7-Bính Tuất (dl 21-8-1946), Đức Phạm Hộ Pháp và ba vị Chức sắc Đại Thiên phong: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Phần Thanh, (còn 2 vị kia là GS Thái Gấm Thanh và ST Đỗ Quang Hiến đã chết trên đảo, ST Hiến đắc Thánh Phi Châu), cùng 10 vị lính Pháp hồi, trở về VN trên chiếc tàu buôn ILE DE FRANCE, cập bến Vũng Tàu. (còn lại 3 vị lính Pháp hồi trở về 3 tháng sau).

Đức Hộ Pháp được người Pháp đem phi cơ riêng rước về Sài Gòn và đưa đến tạm ngụ nơi nhà của Ông Sĩ Tải Nguyễn Văn Hợi (về sau đắc phong Tiếp Dẫn Đạo Nhơn) gần chợ Thái Bình, Sài Gòn, tới nơi lúc 5 giờ chiều ngày 22-8-1946.

- Ngày mừng 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946) tức là là hơn một tuần lễ sau, nhà cầm quyền Pháp mới tổ chức lễ đưa Đức Phạm Hộ Pháp về Tòa Thánh Tây Ninh. Hội Thánh và rất đông

Chức sắc, tín đồ Đạo Cao Đài tổ chức Lễ Nghinh Tiếp vô cùng trọng thể và cảm động đến rơi lệ.

Giáo Sư Đại Biểu Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) thay mặt Hội Thánh CTĐ đọc một bài diễn văn chào mừng Đức Ngài, xin chép nguyên văn ra sau đây:

"Kính bạch Đức Hộ Pháp,

Sau khi 5 năm 2 tháng bị đờ lưu nơi hải ngoại vì chủ nghĩa thương đời, ngày nay, một ngày đáng để vào Sử Đạo, Ngài đã để chơn về Tổ Đình. Tiểu chức xin thay mặt Hội Thánh CTĐ và toàn Đạo nam nữ để tỏ ít lời chúc tụng mừng rỡ Ngài luôn dịp để dâng cho Ngài ý nguyện toàn sanh chúng, nhứt là trong buổi mặt đời biến đổi, tình thế phân vân do cuộc tang thương hiện tại.

Kính Ngài,

Tiếng nói của tâm hồn, nó có thật chẳng là khi trí não bị kích thích một cách mạnh mẽ, do sự biến động của cơ hữu hình, hay là nói trái lại, khi xác thịt phải chịu dày bừa quá lẽ, trong cảnh điêu linh sầu khổ, về mặt Đạo cái khổ để lại là phần hồn, bởi thế nên từ khi vắng mặt Ngài, trong Đạo không một ai là không buồn thảm, bất luận già trẻ lớn nhỏ, khi gặp nhau nhắc nhở đến Ngài và các bạn xa quê, thì trên khuôn mặt âu sầu chảy đôi dòng lệ, chỉ nhìn nhau, từ từ rơi xuống khóe miệng, để thế cho lời nói, điểm tô thêm thảm trạng ấy là cảnh Đạo điêu linh, kẻ còn người mất, nhưng đó là ngày chiếc thuyền từ của Đức Thích Ca thả chum phao tuồng trên bể khổ chứa đầy nước mắt, mới độ đặng chúng sanh.

Nhìn tận mặt Ngài nơi đây, Tiểu chức tưởng tượng dường như thấy đặng chiếc bình Bát vu của Đức Thích Ca trôi ngược dòng nước Ma-Ha một cách huyền linh rục rở khi người đã thành lập Đạo Phật.

Vậy Tiểu chức xin dâng lên Ngài đóa hoa tươi nở này, nó biểu hiệu cho cả triệu quả tim của con cái Đức Chí Tôn cùng đang tươi nở cõi lòng, để hiến lên Ngài mối tình thân ái yêu thương vô giá của Đức Chí Tôn đã đào tạo trong bao nhiêu năm khổ hạnh.

Kính Ngài,

Cái vui mừng của toàn Đạo đối với Ngài tràn trề, nương tựa nơi sự mừng vui ấy là một tiếng kêu đau thương tha thiết của tâm linh, nó làm cho chúng tôi ái ngại xốn xang, đó là tiếng kêu đau thảm của mặt Đồi vì hoàn cảnh hiện tại, tiếng kêu đau thảm ấy có khi đã làm cho lay động lòng Ngài giữa trời Nam, ước mong rằng chiếc thuyền từ của Ngài sẽ vệt lối nguy nan, làm cho nhơn sanh bớt khổ, thì Hội Thánh CTĐ và cả nam nữ nguyện đồng tâm hiệp lực cùng Ngài, theo Ngài từng bước một, đặng đoạt mục đích cao thượng của Đạo là:

Cởi thân ra mảnh áo tơi,
Che mưa đỡ nắng cho đời nguy nan.

thì dù phải quên vết thương lòng, chúng tôi nguyện không hề lui bước."

TRẦN QUANG VINH

Sau bài diễn văn chào mừng của Giáo Sư Đại Biểu Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) đại diện CTĐ, tiếp theo là bài diễn văn chào mừng của Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước, đại diện Chức sắc HTĐ.

Tiếp theo là một Sĩ quan Pháp, đại diện Chánh phủ Bảo hộ, đọc diễn văn chúc mừng Đức Hộ Pháp.

Sau cùng, Đức Phạm Hộ Pháp đáp từ, lời lẽ rất cảm động và Đức Ngài tuyên bố về chủ trương của Đạo Cao Đài trong giai đoạn tới.

Tổng kết:

- Ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị Pháp bắt tại Tòa Thánh: ngày 4-6-Tân Tỵ (dl 28-6-1941).
- Ngày Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh: ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946).

Thời gian Đức Phạm Hộ Pháp bị đồ lưu hải ngoại là:

- Nếu tính theo âm lịch là: đúng 5 năm 2 tháng.
- Nếu tính theo dương lịch là: 5 năm 2 tháng 3 ngày.

TD ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Đồ nghiệp

圖業

A: To project a work.

P: Projeter une oeuvre.

Đồ: Mưu tính, sắp đặt. **Nghiệp:** sự nghiệp.

Đồ nghiệp là mưu tính việc lập nên sự nghiệp.

PMCK: Cộng vật loại huyền linh *đồ nghiệp*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Đồ than

塗炭

A: Mud and coal: Miserable.

P: Boue et charbon: Misérable.

Đồ: Bùn dơ. **Than:** than củi.

Đồ than là bùn và than, chỉ đời sống cơ cực nghèo nàn, tối tăm trong chốn bùn lầy và than củi.

TĐ ĐPHP: Nếu trong nước mà cầu lợi như thế thì bá tánh phải chịu lao lung, muôn dân *đồ than*...

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Đồ thơ

圖書

A: The paintings and books: The culture.

P: Les peintures et livres: La culture.

Đồ: Bức vẽ, bức họa đồ. **Thơ:** sách.

Đồ thơ là những bức họa và sách vở, chỉ nền văn hóa của một dân tộc, hay của một nước.

TNHT: *Đồ thơ* oằn oại gánh ngang vai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐỐ

ĐỐ

ĐỐ: 妒 Ghen ghét.
Tđ: Đố hiền, Đố phụ.

Đố hiền tạt năng

妒賢嫉能

Đố: Ghen ghét. **Hiền:** người có tài năng và đức hạnh. **Tạt:** ghen ghét, đồng nghĩa với Đố. **Năng:** tài năng.

Đố hiền tạt năng là ghen ghét người có tài đức hơn mình.
Đố hiền tạt năng đồng nghĩa: Tạt đố hiền tài.

Đố phụ loạn gia

妒婦亂家

Đố: Ghen ghét. **Phụ:** vợ, đàn bà. **Loạn:** làm mất trật tự.

Đố phụ loạn gia là người vợ mà có tánh hay ghen, thường làm cho gia đình rối loạn, mất trật tự.

ĐỔ

ĐỔ bạc

賭博

A: Gambling.

P: Jeu d'argent.

Đổ: đánh bài bạc ăn tiền. **Bác:** đánh bài.

Đổ bác là đánh bài đánh bạc ăn tiền.

Đây là một trong Tứ Đố tường, làm cho con người hư hỏng, gia đình tan nát.

TNHT: Vui nơi đố bác là vui khổ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐỘ

ĐỘ

ĐỘ: 度 Cứu giúp.

Td: Độ căn, Độ sanh.

Độ căn

度根

A: To succour.

P: Secourir.

Độ: Cứu giúp. **Căn:** gốc rễ.

Những việc làm thiện hay ác trong kiếp sống trước là gốc rễ của kiếp sống hiện tại. Nếu kiếp trước làm nhiều điều thiện thì kiếp này sẽ gặp may mắn và hạnh phúc. Trái lại kiếp trước làm nhiều điều ác thì nó tạo thành nghiệp ác báo lại làm cho kiếp này phải chịu nhiều hoạn nạn tai ương.

Độ căn là cứu giúp những tội lỗi đã gây ra trong kiếp trước, để kiếp này được rảnh nợ tiền khiên mà lo tu hành.

KCBCTBCHĐQL: Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn đố căn.

KCBCTBCHĐQL: Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đả Qui Liễu.

Độ sanh - Độ tử

度生 - 度死

A: To save the livings and the mortals.

P: Sauver les vivants et les morts.

Độ: Cứu giúp. **Sanh:** người sống. **Tử:** người chết.

Độ sanh là cứu giúp người sống, tức là giúp đỡ về phần vật chất cho đời sống bớt khổ, và an ủi giúp đỡ tinh thần cho được an vui bằng cách dẫn dắt vào đường Đạo Đức.

TNHT: Vú MẸ chưa lìa đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vuông tròn.

Độ tử là cứu giúp người chết, tức là cứu giúp linh hồn của người chết bằng cách cầu kinh cho linh hồn sớm thức tỉnh và cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng ân xá tội tình.

Đạo Cao Đài có nhiệm vụ vừa độ sanh và vừa độ tử:

Phản độ sanh là nhiệm vụ của CQPT và CTĐ. CQPT cứu giúp phần thể xác, CTĐ dẫn dắt và giáo hóa.

Phản độ tử là nhiệm vụ của HTĐ. Đức Chí Tôn trao các phép Bí Tích cho HTĐ để cứu độ phần hồn như: Phép Xác, Phép Đoạn căn, Phép Độ thăng,...

ĐỘ SANH: còn có nghĩa là cứu giúp cho linh hồn được siêu thăng lên sống nơi cõi TLHS hay CLTG.

KGO: Chèo thuyền Bát Nhã Ngân Hà độ sanh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

KGO: Kinh Giải Oan.

Độ tận

度盡

A: To save all the living beings.

P: Sauver tous les êtres vivants.

Độ: Cứu giúp. **Tận:** hết.

Độ tận là cứu giúp toàn cả chúng sanh, không để sót một người nào.

"Thầy chẳng hiểu thế nào chư môn đệ ám muội dường ấy?
"Chiêu kỳ trung độ dẫn hoài sanh" là nghĩa gì? Dầu cho trẻ con

còn trong bụng cũng phải độ, sao các con lại đuổi thiện nam tín nữ?" (TNHT)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Độ thăng - Hành pháp Độ thăng

度升 - 行法度升

A: To confer the mystery of deliverance.

P: Conférer le mystère de délivrance.

Độ: Cứu giúp. **Thăng:** bay lên.

Độ thăng là cứu giúp cho linh hồn được siêu thăng.

Hành pháp độ thăng là làm phép Bí tích để giúp linh hồn của vị Chức sắc qui liễu được siêu thăng lên cõi TLHS.

Chỉ có những Chức sắc vào hàng Thánh (Chánh Phối Sư và Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu) mới được hành pháp Độ thăng tại Tòa Thánh.

Chức sắc hàng Tiên vị đở lên khi đấng Tiên, không làm phép Độ Thăng; còn hàng Thần vị qui liễu thì cũng không làm phép Độ thăng, chỉ làm phép xác và cắt dây oan nghiệt.

Cách hành pháp Độ thăng nơi Tòa Thánh:

Vị Chức sắc hành pháp vào Cung Đạo quì trước Thiên bàn cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, nhất là cầu nguyện Đức Hộ Pháp ban ân điển hộ trì cho đệ tử hành pháp Độ thăng cho vị Chức sắc: (tên họ, phẩm tước, phái, tuổi) được siêu thăng lên cõi TLHS.

Cầu nguyện rồi lạy và bắt đầu luyện Cam Lồ thủy.

Người hành pháp đến trước Thiên bàn, xông hương khử trừ hai bàn tay và mặt mình, đoạn xông hương mấy món sấm để hành pháp. Trong lúc xông hương phải niệm câu: *Vạn trước tiêu tan, sanh khí phục hồi.*

Xong rồi lấy cái chén không để ngay Thiên bàn, lấy nhánh dương gác ngang qua miệng chén, thỉnh hai chung nước Âm Dương cúng trên Thiên bàn để hai bên cái chén không. Đoạn người hành pháp đứng ngay Thiên bàn, định thần ngó ngay Thiên Nhân, tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, lấy con

mắt vẽ trong con người của Thiên Nhân chữ (.), lấy chơn trái vẽ dưới gạch chữ (.), chơn trái đứng lên chữ ấy, chơn mặt ký chữ Đinh vào góc chơn trái gọi là đạp Đinh Giáp.

Hai tay lấy chung nước Âm Dương kê sát miệng nhau cho Âm Dương ký tế, hai mặt nước hiệp nhau rồi thì đổ ngay giọt nước vào cái chén không vừa niệm câu "*Cam Lò thủy năng hủy trước kiếp ô sinh, oan nghiệt, tội chướng chi đọa.*" Hễ dứt câu niệm thì phải ngưng giọt nước.

Đoạn tay trái bắt ấn Hộ Pháp, lấy chén nước Cam Lò để trên ấn. Tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp chụp trên miệng chén, và niệm danh hiệu Hộ Pháp. Xong rồi co ngón tay giữa vẽ lên mặt nước bùa Tam Thiên (.). Trong lúc vẽ bùa, khi chấm 3 chấm thì niệm: Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng, và khi vẽ 3 chữ Thiên thì niệm: Nam mô Cao Đài Tiên Ông, và khi vẽ 3 vòng Vô vi thì niệm tiếp: Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Vẽ xong, buông ngón tay và xòe bàn tay úp trên miệng chén, nhắm mắt lại, truyền thần xuống mặt nước. Khi thấy Thiên Nhân giáng ngay mặt nước thì tức cấp rút tay ra, đừng để tiêu Thiên Nhân mà thất pháp. Cam Lò thủy đã luyện thành.

(Muốn luyện Thiên Nhân thì hằng ngày phải tập ngó ngay Thiên Nhân cho lâu, rồi nhắm mắt lại mà vẫn còn ngó thấy Thiên Nhân),

Hành pháp Độ thăng:

Khi đem quan tài của vị Chức sắc qui liễu vô cửa hồng Đền Thánh yên chỗ xong rồi, người hành pháp bầy bình Cam Lò thủy, tay trái bắt ấn Hộ Pháp, và để bình Cam Lò thủy trên ấn Hộ Pháp, tay mặt cầm nhánh dương liễu, đưa ngọn đi trước, và từ từ đi xuống đến trước mặt quan tài, sau lưng có vị phụ lễ cầm bó nhang chín cây đốt sẵn theo sau.

Trong lúc ở Cung Đạo đi ra, nếu vị Chức sắc qui liễu là Nam thì đi ra phía nam phái, còn nữ thì đi ra phía nữ phái.

Đến trước quan tài, định thần, tay trái cầm bình Cam Lò thủy, tay mặt cầm nhánh dương đưa ngọc chỉ Thiên, chơn trái vẽ chữ (.) dưới gạch rồi đạp Đinh Giáp, định thần vẽ chữ (.) ngay trên đầu người chết và kê một cách oai quyền (Ton de

commandement) tên họ người qui liễu, biểu xuất thần ra ngoại thân và ngồi trên nắp hòm đựng ta giải trực cho.

Kêu rồi định thần thấy người qui liễu ngồi lên nắp hòm rồi thì cầm nhánh dương liễu, nhúng vào Cam Lò thủy, rải trước mặt 3 cái, bên hông 3 cái, sau lưng 3 cái, và hông bên kia 3 cái. Hễ nam thì đi vòng bên nam trước; còn hễ nữ thì đi vòng bên nữ trước. Xong rồi trở lại trước đầu hòm, giao bình Cam Lò thủy cho vị phụ lễ, đổi lấy bó nhang chín cây, định thần đứng đạp Đinh Giáp, ngó ngay nguyệt cung (miếng kiếng trước đầu hòm) và ra lệnh một cách oai quyền biểu chơn thần người qui liễu nắm đuôi phướn theo ta vào Cung Đạo, và đồng thời cầm chín cây nhang vẽ bùa chữ (.) trùm lên hết cái thầy, trực thần người chết đưa cao lên cho chơn thần theo ta vào Cung Đạo.

Lúc đi vô thì cũng tùy: nam thì đi phía nam, còn nữ thì đi phía nữ. Khi đến Cung Đạo, day lại ra lệnh chơn thần đứng đó chờ. Đoạn xông hương hai tay và mặt, vói lấy nơi bình bông một cái bông, tay trái bắt ấn Hộ Pháp, để cái bông trên ấn, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp, chụp lên rồi xả ấn, lấy ngón tay giữa vẽ bùa (.) lên cái bông, xé nhỏ bỏ vào bình Cam Lò thủy.

Kế đó lấy ly rượu giữa để lên ấn Hộ Pháp như cái bông, vẽ bùa chữ (.) lên ly rượu rồi đổ luôn vô bình Cam Lò thủy.

Trong bình bây giờ có đủ Tam bửu (Bông, Rượu, Trà). Tay trái bắt ấn Hộ Pháp, để bình Cam Lò trên ấn, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp, xả ấn, lấy ngón tay giữa vẽ bùa Tam Thiên truyền thần xuống bình, hành pháp cho Tam bửu hiệp nhưt.

Xong rồi ngó ngay Thiên Nhân, định thần, tay trái cầm bình Cam Lò để trên ấn Hộ Pháp, day lại cây phướn Thượng Phẩm, kêu biểu chơn thần người qui liễu phải tiếp cái ngươn khí của ta giao cho đựng tạo pháp thân của mình, rồi tung chén nước lên không trung cho nó biến thành ngươn khí, (hoặc dùng nhánh dương liễu nhúng vào nước Cam Lò rải tung lên không trung, chỗ phướn Thượng Phẩm) thì người đoạt Đạo sẽ nương theo ngươn khí đó mà đoạt Pháp thân.

Xong rồi để bình và nhánh dương liễu lại, lấy bó nhang chín cây cầm đưa Pháp thân theo lá phướn Thượng Phẩm xuống Nghinh Phong Đài, đứng trước quan tài chứng cho

đồng nhi đọc kinh . Xong rồi cúi đầu thi lễ và dạy vô Chánh điện xá 3 xá và cất táng.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

ĐỐC

Đốc thân chi hiếu

篤親之孝

Đốc: rất, lắm. **Thân:** gần gũi thương yêu, chỉ cha mẹ. **Chi:** hư tự. **Hiếu:** chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ.

Đốc thân chi hiếu là hết lòng hiếu thảo với cha mẹ.

NG: Khai nhơn tâm tất bổn ư đốc thân chi hiếu.

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

ĐỘC

ĐỘC

1. **ĐỘC:** 獨 Chỉ có một, một mình.
Td: Độc Thần giáo, Độc thiện kỳ thân.
2. **ĐỘC:** 讀 Độc (đọc sách).
Td: Độc chúc.

Độc chúc

讀祝

Độc: Đọc (đọc sách). **Chúc:** lời khẩn, lời chúc mừng.

Độc chúc là đọc kinh cầu nguyện hay đọc văn tế.

Trong nghi tiết Tế Thần, có phần: ĐỘC CHỨC, là đọc bài chúc kể lai lịch và công nghiệp của vị Thần.

Độc Thần giáo

獨神教

A: Monotheism.

P: Monothéisme.

Độc: Chỉ có một, một mình. **Thần:** Đấng thiêng liêng, chỉ Thượng Đế. **Giáo:** tôn giáo.

Độc Thần giáo là tôn giáo chỉ nhận có một Thượng Đế và chỉ tôn thờ Đấng Thượng Đế mà thôi.

Đối lại Độc Thần giáo là Đa Thần giáo, là tín ngưỡng thờ nhiều vị Thần.

Độc Thần giáo gồm các tôn giáo: Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo.

Độc thiện kỳ thân

獨善其身

Độc: Chỉ có một, một mình. **Thiện:** lành, tốt đẹp. **Kỳ:** cái ấy. **Thân:** mình, bản thân mình.

Độc thiện kỳ thân là chỉ cầu cái tốt đẹp cho riêng bản thân mình.

Độc thiện kỳ thân là một lối tu ích kỷ, chỉ biết lo độ mình, mà không nghĩ đến biết bao người khác còn đang chìm đắm trong biển khổ. Người tu độc thiện kỳ thân đóng cửa luyện đạo, mong đạt được thần thông để đưa mình lên địa vị cao thượng. Trong khi đó, đại đa số nhơn sanh còn đang mê muội, tứ khổ vây quanh, mà không để ý tìm phương cứu khổ, thì lối tu đó phỏng có ích lợi gì cho Đạo và cho đời.

"Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của, ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật, muốn cho đắc đạo, phải có công quả. Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ."

(TNHT)

Lối tu độc thiện kỳ thân hoàn toàn xa rời với Chánh pháp của ĐĐTKPĐ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

ĐỐN

ĐỐN

ĐỐN: 頓 có hai nghĩa sau đây:

1. **ĐỐN:** Tức khắc, mau lẹ.
Td: Đốn ngộ.
2. **ĐỐN:** Cúi xuống.
Td: Đốn thủ.

Đốn ngộ - Tiệm ngộ

頓悟 - 漸悟

A: To recover oneself immediately - To recover oneself slowly.

P: Se ressaisir tout de suite - Se ressaisir lentement

Đốn: Tức khắc, mau lẹ. **Ngộ:** giác ngộ, hiểu rõ đạo lý.
Tiệm: từ từ.

■ *Đốn ngộ là giác ngộ tức khắc*, đó là khả năng của người có đại căn đại tâm nghe thẳng giáo pháp đại thừa, tu hành đại pháp, đột nhiên giác ngộ, thấy được bản tánh, chứng đắc ngay Phật quả.

■ *Tiệm ngộ là giác ngộ dần dần*, đó là hạng người bình thường, căn trí còn thấp, nên phải tu dần dần từ thấp lên cao, từ tiểu thừa lên đại thừa, ban đầu đắc tiểu quả, dần dần tu hành qua nhiều kiếp, mới đắc thành Phật quả.

"Thế nào là Đốn ngộ? Trả lời: Đốn ngộ là lập tức trừ bỏ vọng niệm, ngộ là giác ngộ được điều vô sở đắc. Lại nói: Đốn ngộ là chưa qua đời này mà được giải thoát ngay." (PHTĐ)

Phép tu Đốn ngộ được gọi là Đốn pháp và phép tu Tiệm ngộ là Tiệm pháp.

Đốn pháp là phép tu hành thành công tức khắc (liền thấy Tánh thành Phật).

Tiệm pháp là phép tu hành thành công từ bậc (từ thấp dần lên cao).

Phật pháp chỉ có một, gọi là Bất nhị Pháp môn. Bởi căn tánh của chúng sanh mê ngộ chẳng đồng, có người tiến hóa mau, có kẻ tiến hóa chậm, nên mới bày ra các phép phương tiện giáo hóa gọi là Đốn pháp, Tiệm pháp. Pháp môn thấy tánh do Thiền Tông đặt ra, là một pháp môn để độ các bậc thượng căn thẳng sĩ. Người hạ căn nghe pháp này e không hiểu thấu. Đức Lục Tổ Huệ Năng thấy rõ chỗ ấy nên Ngài nói cho đại chúng buổi trước.

Đức Lục Tổ đã nói rõ, Ngài xuống thế mục đích chỉ mở môn Đốn giáo "Kiến tánh thành Phật" đặng độ các bậc thượng căn thẳng sĩ là những người hữu duyên với Thiền Tông Bát Nhã. Ngài cũng có tiên đoán các người hạ căn không thể vào pháp môn ấy được." (Trích Pháp Bảo Đàn Kinh của HT. Minh Trục)

Phật pháp vốn không có Đốn Tiệm, song con người có thông minh và có chậm lụt. Với kẻ mê thì khuyến tu Tiệm pháp, với người ngộ thì nên tu Đốn pháp.

Biết được bản tâm, tức là thấy bản tánh. Khi ngộ thì lập tức nhận ra được rằng, hai pháp Đốn Tiệm này vốn chẳng sai biệt. Nếu không ngộ thì mãi mãi trôi lăn trong luân hồi.

Phật pháp, Đốn Tiệm gì cũng vậy, từ xưa đến nay đều lấy Vô Niệm làm tông, Vô Tướng làm thể, Vô Trụ làm bản. Vô Tướng có nghĩa là ở trong tướng mà vẫn ly tướng; Vô Niệm là ở trong niệm mà không niệm; Vô Trụ là bản tánh của con người.

Đốn thủ - Đốn thư

頓首 - 頓書

A: To bow down - To present a letter in bowing respectfully.

P: S'incliner pour saluer - Présenter une lettre en saluant respectueusement.

Đốn: Cúi xuống. **Thủ:** cái đầu. **Thư:** bức thư.

Đốn thủ là cúi đầu chào.

Đốn thư là cúi đầu dâng thư.

Hai từ ngữ: Đốn thủ và Đốn thư, thường được dùng trong thư tín thời xưa, viết ở cuối lá thư để tỏ ý kính trọng người nhận thư và sự khiêm tốn của mình.

ĐÔNG

ĐÔNG

1. **ĐÔNG:** 冬 Mùa đông.
Td: Đông chí.
2. **ĐÔNG:** 東 Hướng đông, hướng mặt trời mọc, chỉ bên nam phái.
Td: Đông hiên, Đông lang.

Đông chí

冬至

A: The winter solstice.

P: Le solstice d'hiver.

Đông: Mùa đông. **Chí:** tới, đến.

Đông chí là tới mùa đông ở Bắc bán cầu.

Ngày Đông chí là ngày 21 hoặc 22 tháng 12 dương lịch mỗi năm. Vào ngày Đông chí, đêm thì dài nhất và ngày thì ngắn nhất.

Đông hiên - Tây hiên

東軒 - 西軒

A: Eastern corridor - Western corridor.

P: Corridor oriental - Corridor occidental

Đông: Hướng đông, hướng mặt trời mọc, chỉ bên nam phái. **Hiên:** dãy nền có mái che ở phía trước hoặc chung quanh nhà, không có tường bao.

Đông là hướng mặt trời mọc, thuộc Dương, chỉ phái Nam.

Tây là hướng mặt trời lặn, thuộc Âm, chỉ phái Nữ .

Hai chữ Đông và Tây ở đây không lấy theo nghĩa đen là hướng Đông và hướng Tây, mà lấy theo nghĩa về Âm Dương để chỉ hai phái Nam và Nữ.

Đông hiên, không phải là cái hiên ở hướng Đông, mà là cái hiên dành cho Nam phái.

Tây hiên, không phải là cái hiên ở hướng Tây, mà là cái hiên dành cho Nữ phái.

Chỉ những nơi chùa chiền, nhà thờ, Thánh Thất thì mới chia ra Đông hiên và Tây hiên, cho Nam Nữ có chỗ phân biệt.

Tòa Thánh Tây Ninh cất dầy mặt về hướng Tây, Đông hiên là cái hành lang bên Nam phái, ở bên hướng Nam; Tây hiên là cái hành lang bên Nữ phái, ở bên hướng Bắc.

TNHT: Nam Nữ phân biệt: Nam ở *Đông hiên*, Nữ ở *Tây hiên*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đông lang - Tây lang

東廊 - 西廊

A: The oriental outbuilding - The occidental outbuilding.

P: Les dépendances orientales - Les dépendances occidentales.

Đông: Hướng đông, hướng mặt trời mọc, chỉ bên nam phái. **Lang:** cái nhà phụ ở ngay sát bên ngôi nhà chánh. Tây: (Xem nghĩa về Âm Dương nơi chữ: Đông hiên, Tây hiên)

Phía sau Tòa Thánh hay các Thánh Thất đều có cất một cái nhà phụ hình chữ U.

Dãy nhà dọc bên Nam phái gọi là Đông lang.

Dãy nhà dọc bên Nữ phái gọi là Tây lang.

Dãy nhà ngang ngay phía sau Thánh Thất được gọi là Thiên Phong Đường. Thiên Phong Đường được dùng làm nơi làm việc của các Chức sắc Thiên phong nam nữ, của Bàn Trị Sự và Ban Tứ Vụ nam nữ, để tiếp khách, hội họp, và trong đó có lập bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ.

Đông lang của Thánh Thất được dùng làm nơi làm việc của các Ban Bộ thuộc bên nam phái như: Ban Nhạc, Lễ,...

Tây lang của Thánh Thất được dùng làm nơi làm việc của các Ban Bộ Nữ phái: Ban Đồng nhi, Ban nấu chay,...

Đông Nhạc Đế Quân

東岳帝君

Đông Nhạc Đế Quân là vị Thiên Thần làm đầu Ngũ Nhạc, cai trị phần hồn của nhơn loại.

Ai mới thác xuống, linh hồn phải đến cho Thần Đông Nhạc tra xét tội phước, rồi đến lúc đi đầu thai, linh hồn cũng phải trình qua Thần Đông Nhạc.

Theo truyện Phong Thần, năm vị Thần Ngũ Nhạc chia ra ở trên năm hòn núi theo bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương, kể ra:

1. **Hoàng Phi Hổ**, làm Đông Nhạc Thái Sơn, Tề Thiên Nhân Đại Đế, làm đầu Ngũ Nhạc.
2. **Sùng Hắc Hổ**, làm Nam Nhạc Hành Sơn, Tư Thiên Chiêu Thánh Đại Đế.
3. **Thôi Anh**, làm Bắc Nhạc Hằng Sơn, An Thiên Huyền Thánh Đại Đế.
4. **Tường Hùng**, làm Tây Nhạc Hoa Sơn, Kim Thiên Thư Thánh Đại Đế.
5. **Văn Sính**, làm Trung Nhạc Trung Sơn, Trung Thiên Sùng Thánh Đại Đế.

Năm vị Thần Ngũ Nhạc kể trên có nhiệm vụ xem xét họa phước cho dân.

KCS: *Ơn Đông Nhạc Đế Quân* quảng đại.

KCS: Kinh Cầu Siêu.

Đông Phương Sóc

東方朔

Theo sách Sử Ký của Tư Mã Thiên, Đông Phương Sóc là một học giả cùng thời với ông, dưới trào vua Hán Võ Đế, năm sanh và năm mất không rõ. Sử gia Tư Mã Thiên chép chuyện Đông Phương Sóc trong chương "*Hoạt Kế liệt truyện*" trích ra sau đây:

"Thời Vũ Đế có người nước Tề, họ Đông Phương tên là Sóc, thích đọc truyện sách xưa, yêu đạo Nho, xem nhiều sách của các nhà. Lúc đầu, Sóc vào Trường An, đến công xa dâng sách, vào khoảng ba ngàn thẻ tre (thời xưa chưa có giấy viết, dùng dao khắc chữ vào thẻ tre), công xa sai hai người ôm thẻ tre đưa lên mới nổi. Nhà vua ở trong cung đọc, ngừng lại chỗ nào thì đánh dấu chỗ đó, đọc hai tháng mới hết. Chiếu cho Sóc làm quan Lang, thường hầu ở bên cạnh nhà vua. Nhà vua mấy lần gọi đến trước mặt để nói chuyện, không lần nào nhà vua không vui lòng, có khi cho thức ăn trước mặt vua, Sóc ăn xong, còn bao nhiêu thịt thì mang đi làm bản hết cả áo.

Mấy lần nhà vua thưởng cho lụa là, Sóc vác lên vai mà đi, dùng tất cả lụa và tiền vua cho để lấy những người con gái đẹp và trẻ ở Trường An. Cứ lấy được một năm lại bỏ, lấy người vợ khác. Nhà vua cho được bao nhiêu tiền của đều tiêu hết vào việc lấy vợ. Các quan Lang xung quanh nhà vua, phân nửa gọi Sóc là anh Cường.

Nhà vua nghe vậy nói:

- Nếu Sóc làm quan không có điều ấy thì các người làm sao kịp nó được.

Sóc cử con làm quan Lang, lại làm người yết giả để châu chực, thường cầm cờ tiết đi sứ. Sóc đi trong điện, có quan Lang bảo: - Người ta đều bảo tiên sinh là người cuồng.

Sóc nói: - Như bọn Sóc đây có thể gọi là trốn đời ở giữa triều đình vậy. Người đời xưa mới trốn đời ở trong núi sâu.

Sóc thường ngồi trên chiếu uống rượu, say bở trên đất mà hát: "Luân lạc cùng với bọn thế tục, ở ẩn nơi Kim Mã. Trong cung điện có thể trốn đời, bảo toàn thân mình, cần gì phải vào nơi núi sâu, ngồi dưới lều cỏ."

Cửa Kim Mã là cửa quan, hai bên có hai con ngựa bằng đồng nên gọi là cửa Kim Mã.

Sóc thường cùng các quan Bác sĩ họp nhau trong cung bàn luận. Những người kia hỏi vặn Sóc:

- Tô Tần, Trương Nghi, một khi gặp các vị vua có vận cỡ xe đều lên địa vị Khanh Tướng, ơn đức lưu lại đến đời sau. Nay ông trau dồi đạo tiên vương, hâm mộ các nghĩa của Thánh nhân, đọc thuộc ngâm nga lời của Kinh Thi, Kinh Thư, Bách gia, kể không thể hết. Viết ở trên tre, lụa, cho rằng trong thiên hạ không ai bằng mình. Như thế có thể gọi là kẻ biết nhiều, có tài biện luận vậy. Nhưng ông đem hết sức hết lòng để thờ Thánh đế, đến nay, ngày qua tháng lại đã được mấy chục năm ròng, mà chức quan chẳng qua là Thị Lang, địa vị thực ra chỉ cảm kích để hầu, như thế có phải còn điều gì thiếu sót chẳng? Thế là tại làm sao?

Đông Phương Sóc nói:

- Đó không phải là điều các ông biết được! Thời xưa khác, thời nay khác, có giống nhau đâu! Thời Trương Nghi, Tô Tần, ngày xưa là lúc nhà Chu tan rã, chư Hầu không vào châu, về chánh trị thì dùng võ lực tranh nhau quyền thế, đem binh giữ nhau, thôn tính nhau, còn lại 12 nước, không ai hơn ai. Nước nào được kẻ sĩ thì mạnh, nước nào mất kẻ sĩ thì mất nước. Vì thế cho nên kẻ sĩ nói được nghe, đi được lọt, thân mình ở địa vị tôn quý, ơn đức lưu lại đời sau, con cháu mãi mãi vinh hiển.

Ngày nay không phải thế nữa! Thánh đế ở trên, ơn đức tưới khắp thiên hạ, chư Hầu theo phục, uy thế vang đến tứ di, cả ngoài bốn biển cũng đều liền như chiếu, thế yên ổn như cái chậu úp sập, tất cả thiên hạ đều cân bằng, thu vào một nhà, có việc gì muốn làm thì dễ như trở bàn tay. Bây giờ, người hiền người dở có khác gì nhau nữa đâu! Trong lúc này, thiên

hạ to lớn, kẻ sĩ và dân chúng đông đúc, những người đem hết tâm lực, học thuyết kéo nhau tụ tập, không thể kể hết.

Những kẻ hết sức theo nghĩa, ăn mặc còn thiếu thốn, có kẻ mất cả thể diện, gia thế. Giả sử Trương Nghi, Tô Tần cùng tôi đều sinh ra ở đời này thì họ sẽ không được chức quan Chưởng Cố, chứ làm gì mong đến chức Thường Thị Thị Lang. Truyện có câu: Trong thiên hạ nếu không có điều nguy hại, tai họa thì Thánh nhân cũng không có chỗ để thi thố tài năng. Trên dưới hòa hợp thì người hiền cũng không có cách gì lập công. Cho nên nói rằng thời đổi khác thì việc đổi khác. Tuy nhiên, điều đó đâu phải là để ta không lo tu thân.

Kinh Thi nói: Chuông đánh ở cung, tiếng vang ra ngoài. Hạc kêu nơi ao đầm xa xôi, tiếng nghe trên trời. Nếu mình tu thân thì lo gì không được hiển vinh. Xưa, Thái Công lo làm việc nhân đức, năm 72 tuổi gặp Văn Vương, được thực hành cái thuyết của mình, được phong đất ở Tề 700 năm mà không dứt. Chính vì vậy cho nên kẻ sĩ ngày đêm lo lắng trau dồi việc học, thực hành đạo nghĩa không dám thôi. Nay những người xử sĩ, trên đời tuy chưa gặp thời, vẫn đứng nghiêm nhiên ở một nơi, một mình sừng sững, trên xem Hứa Do, dưới nhìn Tiếp Dư, theo sách lược của Phạm Lãi, trung thành hợp với Tử Tư, thiên hạ hòa bình, tu thân để giữ gìn mình. Nếu mình cô độc, ít có bè bạn, thì đó là lẽ thường. Các ông sao lại nghi ngờ ta?

Các Bác sĩ đều im lặng, không biết dùng lời gì đáp lại.

Ở lan can gác sau cung Kiến Chương có con vật xuất hiện, hình nó giống như con nai. Người ta tâu lên, vua Hán Vũ Đế tới xem, hỏi các quan chung quanh và những người am hiểu đạo Nho nhưng không ai biết là con gì. Vua sai Đông Phương Sóc đến xem, Sóc nói:

- Thần biết. Xin nhà vua cho rượu ngon cơm ngọt đãi thần một bữa tiệc sang thì thần mới nói.

Chiếu nói: - Được.

- Ở nơi nọ có mấy sớ công điền, ao cá, mấy khoảnh đất lau lách, bệ hạ cho thần thì Sóc mới nói.

Nhà vua cũng bằng lòng cho. Bấy giờ Sóc mới chịu nói:

- Con vật ấy là con Sô Nha. Nơi xa xôi sắp theo về thần phục nên con Sô Nha xuất hiện trước, răng cửa răng hàm nó như nhau, bằng nhau như không có răng vậy, cho nên gọi nó là Sô Nha.

Sau đó một năm, quả nhiên có vua Hồn Gia của Hung Nô đem 10 vạn người đến đầu hàng nhà Hán. Nhà vua bèn thưởng cho Sóc rất nhiều tiền bạc.

Khi Sóc sắp mất, Sóc can nhà vua:

- Lăng xanh nhưng nhúc, đậu ở rào giậu. Người quân tử chớ nghe lời gièm pha. Lời gièm pha làm rối loạn các nước bốn phương. Xin bệ hạ đuổi xa bọn xu nịnh, gạt bỏ lời gièm pha.

Nhà vua nói:

- Ngày nay, Đông Phương Sóc cũng nói được những lời hay đến thế sao!

Vua lấy làm lạ, được ít lâu sau, quả nhiên Sóc mắc bệnh chết. Truyện có câu: Con chim sắp chết thì tiếng kêu thảm thương, người sắp chết thì lời nói hay, là ý nghĩa như vậy."

Trong sách Thần Tiên Truyện của Trung quốc có chép về Đông Phương Sóc như sau đây:

"Đông Phương Sóc tự là Mạn Sảnh, người ở Bình Nguyên. Có một lần ông đi chơi một năm sau mới trở về nhà. Anh của ông hỏi vì sao ông đi chơi lâu như thế?

Đông Phương Sóc đáp rằng: Tôi đi đến bờ biển rộng chơi, biển có chỗ nước màu tím làm dơ y phục của tôi, tôi chỉ có cách chạy đến Ngô Uyên để rửa sạch. Tôi mới ra đi buổi sáng, trưa lại trở về, sao anh nói tôi đi mất một năm.

Thời vua Hán Vũ Đế, Đông Phương Sóc dâng thư lên vua, tự cử mình như Mao Toại. Ông viết:

"Thần là Sóc, từ nhỏ mất cha mẹ, được anh và chị dâu nuôi dưỡng. Năm 12 tuổi đi học, ba năm hiểu rành văn sử vận dụng rành mạch. Năm 15 tuổi học kiếm, 16 tuổi học Thi Thư, có thể thuộc 22 vạn chữ, 19 tuổi học binh pháp Tôn Tử, tất cả chiến thuật đều thông suốt. Năm nay tôi 22 tuổi, người cao 9 thước ba, môi đỏ như son, răng đều như bắp, dững mảnh lạnh

lệ, thanh liêm và uy tín, nhân tài như tôi tự giới thiệu cho Ngài, giống như Mao Toại, không có vấn đề gì."

Ngữ khí của Đông Phương Sóc không một chút khiêm tốn, mà còn thổi phồng mình nữa, nhưng bậc anh tài đại lược như Hán Vũ Đế dĩ nhiên có mắt sáng nhận biết được anh hùng, xem biết người này không phải tầm thường, nên lập tức phong Đông Phương Sóc làm quan, thường ở Kim Mã Môn hầu Hán Vũ Đế, và thường ban thưởng cho ông.

Đông Phương Sóc dùng đồ vua ban thưởng để cưới một thiếu phụ ở Trường An.

Có lúc ông uống rượu say, ngồi trên đất ca hát: "Ta tránh thế gian làm người trong triều đình. Người đời rất nhơ nhớp, ta muốn ẩn cư trong Kim Mã Môn, cung điện có thể bảo tồn tánh mạng cho ta, đâu cần đi vào rừng sâu mà trốn."

Đông Phương Sóc trước khi chết, nói với các bạn đồng liêu: "Thiên hạ chưa có ai biết được lai lịch của ta, biết ta chỉ có một người là Đại Ngũ Công."

Đông Phương Sóc chết rồi, sau đó Hán Vũ Đế biết việc này, đòi Đại Ngũ Công tới hỏi, Đại Ngũ Công nói không biết. Vua hỏi về các tinh tú trên Trời, Đại Ngũ Công nói các tinh tú đều có đủ, chỉ có Tuế Tinh 40 năm nay không biết đi đâu, không ngờ ngày gần đây mới xuất hiện trở lại.

Hán Vũ Đế ngược mặt lên Trời than: "Đông Phương Sóc sống bên ta 18 năm mà không biết ông ta là Tuế Tinh."

Đông Phương Sóc tuy đã trở về cõi Trời, nhưng ông đã để lại cho Hán Vũ Đế nhiều văn chương văn bút của ông, có mục đích khuyên Vũ Đế theo thiện bỏ ác, luôn luôn tu thân.

Do bộ óc khôi hài nên được nhiều người gán cho nhã hiệu là: Hoạt kê chi hùng (người hùng có tài hoạt kê)."

Trong truyện **Hơn Rước Diêu Trì**, có nói về ông Đông Phương Sóc tu thành Tiên, chép ra như sau đây:

"Lòng mộ Đạo và sự tín ngưỡng nơi Trời Phật đã trải qua các triều đại Đế Vương, dĩ chí đến đời nhà Hơn (Hán), duy chỉ có vua Hơn Võ Đế là thật lòng thành kính và tin tưởng có Đấng Phật Mẫu hơn ai hết.

Từ ngàn xưa, nhưn loại đã tin tưởng và thờ phượng Đấng Phật Mẫu, cũng gọi là Diêu Trì Kim Mẫu hay Bà Thiên Hậu, tin chắc rằng Đấng Vô Hình ấy tạo hóa ra nhưn loại và vạn vật, nhưng chưa ai được may mắn nhìn thấy Đức Phật Mẫu.

Vua Hớn Võ Đế hay Hán Vũ Đế (141-87 trước Tây lịch) là vị vua thứ 5 của nhà Hớn (Hán) bên Tàu, có hùng tài đại lược, nhưng cũng rất tín ngưỡng Trời Phật.

Khi Hớn Võ Đế mới lên ngôi, Ngài có phát nguyện lập một cảnh chùa thật tráng lệ gọi là HOA ĐIỆN để sùng bái Trời Phật. Gọi là Hoa Điện, vì chùa này được chạm khắc hình các thứ hoa trên các vật liệu xây dựng, nên mới trông vào thấy như là một Cung Điện toàn bằng hoa.

Ngôi chùa lớn lao cực kỳ xinh đẹp như thế, nhưng nhà vua chưa quyết định thờ Đấng nào, chỉ để trống, chủ tâm là chờ đợi đến chừng nào nhà vua thấy được sự huyền diệu hiện tượng ra thì nhà vua mới sùng bái.

Đến năm Hớn Võ Đế được 61 tuổi, nhà vua định tổ chức một Lễ Khánh Thọ Đáo tuế long trọng, và Ngài có sở vọng là cầu khẩn thế nào cho có Đức Phật Mẫu giáng xuống chứng lễ, nên nhà vua lập bàn hương án trước sân chùa cầu khẩn ngày đêm, mà không biết Đức Phật Mẫu ngự ở nơi nào và có thấu biết chăng.

Lúc bấy giờ có Ông Đông Phương Sóc, tu đắc đạo thành Tiên, mà trước kia Ông có làm quan trong triều đình của vua Hớn Võ Đế, sau về núi tu luyện, đang ngồi tịnh, chợt động tâm, liền đoán biết hiểu rõ mọi việc của Võ Đế nơi triều đình. Ông liền xuống núi, đi đến Kinh đô, vào triều đình yết kiến Võ Đế.

Vua Hớn Võ Đế gặp Đông Phương Sóc thì rất mừng rỡ, thuật hết mọi việc cho Đông Phương Sóc nghe và nói rõ ước vọng của nhà vua nhân cuộc Lễ Khánh thọ Đáo tuế là sở cầu Đức Phật Mẫu đến chứng lễ, mà không biết Phật Mẫu ở nơi nào, và nhờ ai đi thỉnh, may mắn có Đông Phương Sóc tới, vậy nhờ khanh giúp trẫm đi thỉnh Đức Phật Mẫu được chăng?

Ông Đông Phương Sóc tâu rằng:

- Bệ hạ đã định thì Hạ thần xin phục mạng, dầu khổ nhọc thế nào, Hạ thần cũng sẽ đến Diêu Trì Cung thỉnh Đức Phật Mẫu, nhưng kết quả được cùng chẳng là do lòng thành cầu nguyện của Bệ hạ. Vậy xin Bệ hạ ban chiếu cho Thần đi thỉnh.

Đoạn Đông Phương Sóc lãnh chiếu chỉ ra đi.

Ông dùng huyền diệu Tiên gia có khác, chỉ trong chốc lát, Đông Phương Sóc đã đến được Diêu Trì Cung nơi cõi Tạo Hóa Thiên. Sóc xin vào yết kiến Đức Phật Mẫu và tâu bày hết các việc của vua Hớn Võ Đế khẩn cầu.

Đức Phật Mẫu cảm động và phán:

- Phật Mẫu sẽ giáng phàm vào đêm Trung Thu chứng lễ Khánh thọ của Hớn Võ Đế theo sự khẩn cầu, sẽ đem theo 4 Tiên đồng Nữ nhạc đờn ngâm bài chúc thọ, và tặng 4 quả Đào Tiên. Khi Phật Mẫu đến có Thanh loan báo tin trước.

Sóc rất vui mừng, bái tạ Đức Phật Mẫu, rồi cấp tốc trở lại trần gian, vào triều tâu bày các việc cho vua Võ Đế rõ.

Nhà vua rất vui mừng và hỏi:

- Thanh loan là gì?

Đông Phương Sóc đáp:

- Thanh loan là con chim loan màu xanh, đó là con chim linh của Phật Mẫu, dùng để chở Phật Mẫu du hành khắp nơi.

Xin Bệ Hạ chỉnh trang cho long trọng, tinh khiết và thanh tịnh để nghinh tiếp Đức Phật Mẫu, phải lập bàn hương án bên trong và bên ngoài, xông hương khử trừ và cho thật tinh khiết và trang nghiêm.

Đêm rằm Trung Thu năm đó, trăng sáng vàng vạc, đầu giờ Tý, Hớn Võ Đế quì trước Hoa Điện, thành tâm cầu khẩn.

Xảy thấy một con chim Thanh loan đáp xuống sân Hoa Điện. Liền khi đó, Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương và 4 Tiên đồng Nữ nhạc giáng lâm trước Hoa Điện.

Hớn Võ Đế cung nghinh Đức Phật Mẫu vào ngự nơi Chánh điện của Hoa Điện.

Đức Phật Mẫu dạy 4 Tiên đồng Nữ nhạc trao tặng cho Hớn Võ Đế 4 quả Đào Tiên và ca ngâm bài chúc thọ. Ông Tiên

Đông Phương Sóc quì, hai tay nâng cái đĩa lên để rước lộc (rước 4 quả Đào Tiên).

Bốn vị Tiên đồng Nữ nhạc ấy có tên là:

- Hứa Phi Yến, - Đồng Song Thành,
- An Phát Trinh, - Vương Tử Phá.

Sau khi chứng lễ Đáo tuế của Hớn Võ Đế xong, Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương và 4 Tiên đồng Nữ nhạc cỡi chim Thanh loan trở về Diêu Trì Cung nơi cõi Thiêng liêng.

Vua Hớn Võ Đế ghi nhớ hình ảnh của Đức Phật Mẫu và Chín vị Nữ Tiên, cho thợ khéo, tạc hình Đức Phật Mẫu và Chín vị Nữ Tiên nơi Hoa Điện để ghi nhớ sự tích và phụng thờ Đức Phật Mẫu."

Sự tích này được truyền tụng đến ngày nay.

Chúng tôi sưu tầm được một bài Thánh giáo của ông Đông Phương Sóc, đăng trong Đại Đạo Nguyệt San số 11 (1965), xin chép ra sau đây:

Ngày giáng cơ: 3-6-Mậu Dần (dl 30-6-1938)

"Giáng điển nâng thần bút,

Chào chư Chức sắc Thiên phong,

Có ai biết Ta không? Ta là **Đông Phương Sóc**.

Nghe nói nhiều tay ham học, hỏi học làm chi? Nói học làm Trời, mà làm người chưa đúng.

Hỏi người tu làm chi? Nói tu thành Phật thành Tiên, mà tách đảo điên không bỏ.

Hỏi sao không biết hổ, còn ngóng cổ cãi hoài.

Quấy là ai? Phải là ai? Hỏi lại ai ai cũng quấy.

Mắt chưa thấy, tai chưa nghe, mở miệng ra khoe tôi là trí thức, đua chen rộn rục, làm in tuồng quỷ chực dàn chay, kẻ nói dở, người nói hay, dở hay không quyết đoán. Tu lâu năm chầy tháng, tu nhiều ngày kết án đầy đầy, quấy ăn mặn, phải ăn chay, mặn chay chay mặn. Đã biết Trời trao gánh nặng, sao không lo gánh nặng cho rồi? Xưng mình là đạo đức cao ngô, sao lại dám bỏ trôi phận sự. Kẻ đa ưu, người đa lự chưa rành, người ganh ghét, kẻ càn nanh thêm sanh ác cảm.

Ồi!Ồi! Nhìn thấy chur hiền mà thăm, thăm cho người rồi
thăm cho đời, đời trở lại phá đời, rồi trở lại nói đời quá dữ.

Đạo thì không lo lánh dữ, rồi trở lại trách Trời, có tiền định
đổi đời, người sao dám chống Trời ngăn cản. Nay kết phe, mai
kết đảng, quyết lòng đánh tẩn Thiên điều, sớm tự đắc, tối tự
kiêu, tưởng rằng Đạo bấy nhiêu là hết.

Một câu kinh chưa biết, dám xưng mình rằng thiệt thông
minh, kẻ thì chống, người thì kinh, kinh chống cho lâu thêm
hại.

Kẻ khoe khôn, người nói dại, khôn dại rồi lại tự hại mình.

Xuống bút thần dặn bảo đình ninh, phải không phải tự
mình hỏi lại.

Tự mình hỏi lại tại vì đâu?
Cũng bởi Thiên cơ chẳng dễ dầu.
Dầu chẳng dễ dầu, dầu khó dễ,
Dễ dầu, khó dễ, chớ cơ cầu.

Đông Phương nhứt xuất chiếu kiên khôn,
Sóc giáng phân minh rõ xác hồn.
Ca chẳng biết Ca mà kể giọng,
Được dầu không được, giữ cho tồn.

Bàn đạo giáng đàn rất hổ! Hổ vì Ca chê chỗ bất tài. Thần
Tiên thăm thiết bi ai, thương vì được việc may đành rủi. Ta
khuyên đừng có tủi, buổi cuối cùng rủi đó rồi may. Lời xin
người chớ vội khoe tài, cơn rắc rối ỷ tài thêm hại.

Sớm hồi tâm suy nghĩ, suy nghĩ thành chớ ỷ không thành,
khuyên bớt việc cạnh tranh, tranh vút nhọn ắt sanh chuyện dữ.

Xúm nhau mưu sự, dạ hằng lo chống cự cho vừa, ngoài kẻ
chắc phần đồng, lòng quyết chí lấp sông tát biển.

Chưa xong điều hiền mà luận việc vô vi, chẳng rõ chữ trí
tri, lại kẻ cạnh vật lý. Câu tâm linh phước chí, Trời lựa người
mà mượn ký thiêng liêng, căn tình dục đảo huyền, ái nữ phụ
sớm khuyên chừa bỏ.

Luật Thiên đình treo đó, người tu phải ngó cho tường,
pháp nước rõ chán chường, ai sớm biết tìm phương lánh họa.

Muốn tu cho khỏi đọa, ta khuyên chừa cái dạ đa nghi, muốn theo đũa vô nghi thì phải mê si chung với nó.

Trương buồm coi chừng gió, gió có ngược có xuôi, mọi việc đều có đầu đuôi, đầu đuôi có chỗ.

Xét sao không biết hổ, phận mình còn nhiều chỗ chưa rời, hồn dụ dự lời thôi, trong đó cũng có hồi còn sơ sót. Tranh đua theo nước bọt, không lo học lo hành, giả dối muốn tranh giành, lòng chẳng ưa việc phải.

Ta nói chung cả thầy, muốn theo Thầy thì phải tin Thầy, lời dặn chớ làm sai, không tu niệm, tội ai nấy chịu. Xét sớm mau lo liệu, đừng để muộn ăn năn, khuyên chớ có dưng dưng, ắt không tròn bổn phận. Chác chi điều cừu hận, làm cho bạn ưu phiền, dứt hết nợ oan khiên, ngày sau mình khỏi đọa.

Đạo lúc này rời rã, cũng vì tứ bửu không hòa, Trời định chẳng dung tha, làm lũ yêu tà thêm vỡ mặt.

Một còn một mất, còn mất là lẽ tự nhiên, một dữ một hiền, dữ hiền là thay đổi. Ai sớm may gặp hội, cũng trong một lúc này, kẻ vô phước chẳng may, rồi đây toan bỏ việc.

Muốn tu phải giả câm giả điếc,
Dầu thiệt hư mình biết lấy mình.
Hành đạo thì tâm tánh cho thanh,
Dầu trong đục tự mình lóng trước.

Ai có công thì hưởng phước, lòng đừng mơ ước uổng công. Muôn việc chi phải trước đề phòng, hư hỏng ắt không thành việc.

Giáng bút phân rành hơn thiệt, ai sớm biết liệu lo, sâu thì chống, cạn thì dò, đừng để cho đến đổi giông tuông rồi gió thổi. Cũng trong một lúc này, xây chuyển lại chuyển xây, cuộc đời thay đổi. Ta khuyên đừng có vội, ráng an lòng chờ đợi lệnh Trời. Tiếng nói chẳng phải chơi, nhiều lời ắt vương nên tội lỗi. Có tội thì sau sám hối, để lâu ngày thì tội không trừ, việc thiệt dám chê hư, dầu cho Đấng Đại Từ không chế đặt.

Đường ngay mực thẳng, phe đảng tan tành, lời thiệt phân rành, người tu chung hiệp. Chân thiện lo cần kíp, đừng để trễ ngày giờ, nếu biết luận Thiên cơ, đừng ngẩn ngơ chán ngán.

Khuyên đừng chán ngán, ráng lo tròn,

Ấy mới thật là trọn nghĩa con.
Thoả thuận cùng không cơn rắc rối,
Vững bền theo Đạo mới vuông tròn.

ĐÔNG PHƯƠNG SÓC

ĐÔNG

ĐÔNG

1. **ĐÔNG:** 同 Cùng, giống nhau.
Td: Đông bào, Đông bệnh, - môn.
2. **ĐÔNG:** 童 Đứa trẻ nhỏ.
Td: Đông nhi, Đông tử.

Đông bào

同胞

A: Compatriot.

P: Compatriote.

Đông: Cùng, giống nhau. **Bào:** cái bọc chứa thai nhi trong bụng mẹ.

Đông bào là những người cùng chung một bào thai sanh ra, chỉ dân tộc Việt Nam.

Theo Sử VN, thời kỳ lập quốc, vua Lạc Long Quân tên là Sùng Lãm, con của vua Kinh Dương Vương và Long Nữ, nối ngôi làm vua. Lạc Long Quân cưới con gái của vua Đế Lai là Bà Âu Cơ, sanh ra một cái bọc trong đó có 100 trứng, nở ra 100 người con. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng:

- Ta là dòng dõi Long Quân (vua rồng), còn nàng là dòng dõi Thần Tiên, ăn ở nhau lâu không đặng. Ta và nàng nay có 100 đứa con, vậy nàng dẫn 50 đứa lên miền núi, còn ta dẫn 50 đứa đi về phương Nam đến vùng Nam Hải.

Đến sau, Lạc Long Quân phong cho người con trưởng làm vua nước Văn Lang, hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu, ngày nay thuộc huyện Bạch Hạc tỉnh Vĩnh Yên.

Đó là truyền thuyết về nguồn gốc của dân tộc VN. Những người VN hiện nay đều là dòng dõi của Lạc Long Quân và Âu Cơ, nên gọi nhau là **đồng bào** và xưng là *con Rồng cháu Tiên, dòng giống Lạc Hồng* (Lạc là Lạc Long Quân, Hồng là Hồng Bàng, họ của vua Hùng Vương).

Trong nghĩa hẹp, đồng bào là anh em ruột có chung một cha một mẹ trong gia đình.

KTHĐMP: Rễ phân cốt nhục *đồng bào*.

KTHĐMP: Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần.

Đồng bệnh tương lân

同病相憐

A: Fellow-sufferers have mutual compassion.

P: Ceux qui souffrent d'un même mal ont pitié les uns des autres.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Bệnh:** ốm đau. **Tương:** lẫn nhau. **Lân:** cũng đọc là Liên: thương xót.

Đồng bệnh tương lân là ý nói những người cùng một cảnh ngộ thì thương xót nhau và giúp đỡ nhau.

Sách Nho có câu: *Đồng bệnh tương lân, đồng ưu tương cứu*. Nghĩa là: Cùng bệnh thì thương xót nhau, cùng một nỗi lo thì cứu giúp nhau.

Đồng cam cộng khổ

同甘共苦

Đồng: Cùng, giống nhau. **Cam:** ngọt, sung sướng. **Cộng:** cùng chung. **Khổ:** đắng, khổ sở.

Đồng cam cộng khổ, nghĩa đen là cùng chung hưởng ngọt bùi thì cùng chung chịu đắng cay.

Ý nói: Bạn bè gắn bó với nhau, cùng vui hưởng những điều sung sướng và cùng nhau gánh chịu những điều khổ cực.

Đồng lạc

同樂

A: Of the same joy.

P: De même joie.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Lạc:** vui.

Đồng lạc là cùng vui vẻ với nhau.

TNHT: Giáng ban phúc hạnh nhưn *đồng lạc*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đồng lai phối hưởng

同來配享

Đồng: Cùng, giống nhau. **Lai:** tới, đến. **Phối:** phối hợp, phân chia thỏa đáng. **Hưởng:** nhận lấy mà dùng.

Đồng lai phối hưởng là khẩn mời Tổ Tiên cùng các vong linh thân thích trong dòng họ đến hưởng những lễ vật cúng tế.

Đồng mạch

同脈

A: Of the same way.

P: De même voie.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Mạch:** đường máu chảy trong thân thể.

Đồng mạch là cùng một chung đường nước chảy, ý nói cùng có chung một tín ngưỡng tôn giáo.

PMCK: Hiệp vạn chủng nhưt môn *đồng mạch*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Đồng môn

同門

A: Of the same school and same master.

P: De même école et même maître.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Môn:** cửa, chỉ trường học.

Đồng môn là bạn học cùng một trường một thầy.

KVH: Buộc yêu thương bạn đồng môn.

KVH: Kinh Vào Học.

Đồng nhi - Biện nhi - Giáo nhi

童兒 - 辦兒 - 教兒

A: The children of chorus - Chief of children of chorus - The institutress of children of chorus.

P: Les enfants de choeur - Chef des enfants de choeur - L'institutrice des enfants de choeur.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Nhi:** trẻ nhỏ. **Biện:** sắp đặt.

Giáo: dạy.

Đồng nhi là trẻ nhỏ con nhà Đạo, được tuyển chọn để dạy cho biết cách tụng kinh, để đứng tụng kinh trong các thời cúng tại Thánh Thất và Điện thờ.

Biện nhi là Trưởng ban đồng nhi, tức là một em đồng nhi lớn tuổi hơn trong Ban được cử lên để điều hành Ban đồng nhi.

Giáo nhi là cô giáo dạy các em đồng nhi tụng kinh.

Mỗi Thánh Thất hay mỗi Điện thờ, đều có tổ chức Ban đồng nhi. Đồng nhi Nam thì ở trong Ban đồng nhi Nam, đồng nhi Nữ thì ở trong Ban đồng nhi Nữ. Mỗi Ban đồng nhi phải có ít nhất là 12 em, nhiều nhất là 36 em, tuổi từ 8 đến 15 tuổi.

Tất cả đồng nhi đều mặc đạo phục là áo dài trắng, quần trắng. Đồng nhi nữ thì để đầu trần, còn đồng nhi nam thì đội khăn đóng đen.

Trong Đại lễ cúng Đại đàn tại Tòa Thánh, đồng nhi Nam đứng trên lầu BQĐ, tụng các bài kinh: Ngọc Hoàng Thượng Đế, Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo; còn các đồng nhi Nữ thì đứng tại Nghinh Phong Đài, tụng các bài kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, thài 3 bài Dâng Tam bửu, tụng Ngũ nguyện.

Ở các Thánh Thất địa phương, thường chỉ có Ban đồng nhi Nữ, ít khi có Ban đồng nhi Nam. Ngoài việc tụng kinh cúng

Đại đàn, Tiểu đàn, hay cúng Tứ thời tại Thánh Thất, Điện Thờ, đồng nghi còn đi tụng kinh nơi các đám tang trong Đạo, Tiểu tường hay Đại tường, Thượng tượng.

Khi hết tuổi làm đồng nghi, các em có thể dự thi lên Giáo Nhi khi Hội Thánh có mở kỳ thi tuyển. Khi thi đậu, Hội Thánh phát cho cấp bằng Giáo Nhi, được Hội Thánh bổ đi dạy trở lại các đồng nghi.

Giáo Nhi đối phẩm Chánh Trị Sự, sau 5 năm công nghiệp được cầu phong lên hàng Lễ Sanh. Giáo Nhi phải là con gái không có chồng, khi có chồng thì phải từ chức Giáo Nhi.

Đạo phục của Giáo Nhi giống đạo phục của Nữ Lễ Sanh, nhưng trên đầu không có giắt bông sen. (Xem: **Giáo Nhi, văn G**)

BQĐ: Bát Quái Đài.

Đồng nhứt thể

同一體

A: Identity of the spirit.

P: Identité de l' esprit.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Nhứt:** một. **Thể:** thể cách.

Đồng nhứt thể là có cùng một thể như nhau.

Mọi vật trong CKVT, tuy có hình dạng khác nhau, trí khôn khác nhau, cách sống khác nhau, nhưng mỗi vật đều có hai thể:

1. Một thể hữu hình do vật chất tạo thành, gọi là xác thể.

2. Một thể vô hình là hồn, do Thượng Đế ban cho, có thể gọi chung là linh thể (thể thiêng liêng). Cái linh thể này có khác nhau về trình độ tiến hoá, nhưng bản chất thì như nhau, vì tất cả đều xuất phát từ một gốc duy nhứt là Thượng Đế.

*Cái linh thể đó của vạn vật đều đồng nhứt với nhau, nên mới nói rằng: **Vạn vật đồng nhứt thể.***

Do đó, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giảng cơ nói rằng:

"Vi vạn vật do Đức Từ Bi mà sanh hóa trong cả thể gian này, vậy *vạn vật đồng nhứt thể.*" (TNHT)

Ông Trang Tử, học trò của Đức Lão Tử, trong thiên "Tề Vật Luận" trong sách Nam Hoa Kinh có viết: "*Thiên Địa dữ ngã tịnh sanh, vạn vật dữ ngã vi nhất.*" Nghĩa là: Trời Đất với ta đều sống, vạn vật với ta làm một.

Vạn vật tuy có lớn có nhỏ, thọ yếu khác nhau, nhưng theo luật tự nhiên thì không vật nào khinh, không vật nào trọng. Từ đó, Trang Tử đưa ra thuyết mọi vật đều ngang nhau, tức là đồng nhất thể vậy.

Cũng với ý thức đồng nhứt thể ấy, Lục Tổ Huệ Năng khi mới đến gặp Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn nói một câu thật nổi tiếng:

"Con người tuy có phân Nam Bắc, chớ Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Cái thân dã man này đối với Hòa Thượng tuy chẳng giống nhau chớ cái tánh Phật nào có khác!"

Do đó, đối với Phật giáo Thiền Tông, cái đồng nhứt thể của con người là cái Phật tánh.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đồng quan đồng quách

同棺同槨

A: In the same coffin.

P: Dans le même cercueil.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Quan:** cái áo quan để liệm xác người chết. **Quách:** cái quách để bọc ngoài áo quan (nhà giàu mới dùng), nên có thành ngữ: *Trong quan ngoài quách:* Bên trong là áo quan, bên ngoài là quách. (Ở đây, quách không có nghĩa là cái hòm nhỏ để liệm xác con nít chết, hay để lấy cốt đem cải táng).

Đồng quan đồng quách có nghĩa là cùng nằm trong một cái áo quan và cùng trong một cái quách.

Ý nói: Cùng sống với nhau, cùng chết với nhau, cùng nằm chung trong một cái áo quan, cùng chôn một chỗ.

Đây là lời nguyện của những người vợ quyết sống chung thủy với chồng: "*Sanh đồng tịch đồng sàng, thác đồng quan*

đồng quách." Nghĩa là: Khi sống thì cùng một chiếc chiếu, cùng một cái giường; khi chết thì cùng trong một cái quan tài.

Diễn tích: Vào thời nhà Nguyên bên Tàu, có một đôi vợ chồng trẻ, chồng tên là Trần Sử Chánh. Vợ chồng đang sống hạnh phúc bên nhau thì Chánh phải đi tòng quân đánh giặc. Chẳng may, đội quân của Chánh bại trận, và Chánh bị tử trận giữa chiến trường. Vợ của Chánh hay tin, lặn lội ra chiến tuyến để tìm xác chồng, nhờ cái túi vải mà chồng luôn luôn đeo bên mình, vợ nhận được xác chồng, xin đem xác về nhà lo chôn cất. Vợ Chánh kêu thợ đến đóng một cái áo quan có bề ngang rộng gấp đôi cái áo quan thường. Người thợ nói: Bà biểu đóng rộng như vậy thì làm sao có đủ đồ liệm?

Vợ Chánh trả lời: Ông thợ cứ đóng y theo lời tôi dặn, vì sẽ có đủ đồ liệm.

Khi cái áo quan đóng xong, người vợ ôm xác chồng khóc lóc một hồi rồi nằng nằng cầm dao tự tử chết theo chồng. Lúc đó, người ta mới hiểu ý và cho liệm xác của hai vợ chồng chung trong một áo quan.

Mọi người đều cảm động và hết lời ca ngợi một người vợ chung thủy với chồng.

Đồng qui thù đồ

同歸殊途

A: To arrive to the same aim by the different ways.

P: Arriver au même but par des voies différentes.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Qui:** trở về. **Thù:** khác. **Đồ:** đường đi.

Đồng qui thù đồ là cùng về một chỗ mà đường đi thì khác nhau. Ý nói: Đạt đến cùng một mục đích nhưng dùng những phương tiện khác nhau.

Tỷ như một cái núi cao, từ chân núi đi lên đỉnh, có nhiều con đường khác nhau, bắt đầu ở những nơi khác nhau, nhưng cuối cùng đều gặp nhau tại đỉnh núi. Như vậy, phương tiện hành động khác biệt nhau, nhưng mục đích thì chỉ có một.

Đức Khổng Tử nói: "*Thiên hạ tư hà lự? Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. Thiên hạ hà tư hà lự?*" Nghĩa là: Thiên hạ nghĩ gì lo gì? Thiên hạ cùng về một chỗ mà nhiều đường khác nhau, cùng một mối mà trăm điều lo nghĩ. thiên hạ nghĩ gì lo gì?

Ý của Đức Khổng Tử nói rằng: Thiên lý tuy biến hóa thành trăm đường ngàn lối, nhưng rốt cuộc cũng qui về một mối mà thôi. Nếu người ta biết thế thì còn lo nghĩ gì nữa.

Trên thế giới, hơn loại có nhiều tôn giáo khác nhau, nhưng chơn lý chỉ có một. Muốn tìm gặp chơn lý thì phải đi vào cái cửa tôn giáo. Các tôn giáo đều khác nhau về giáo lý, cách thờ phượng, luật tu hành, nhưng cứu cánh của tôn giáo thì chỉ có một, đó là dạy con người làm lành lánh dữ, mở lòng thương yêu giúp đỡ mọi người để cuối cùng thoát khỏi luân hồi, đắc thành Thánh, Tiên, Phật, tức là đạt đến Chơn lý.

Vậy thì không nên vì chỗ khác nhau ở những hình thức mà phỉ báng nhau, đố kỵ nhau, mà phải nghĩ đến cái mục đích cuối cùng vẫn có một, để hòa đồng cùng nhau, tạo lập cuộc sống thanh bình hạnh phúc, lập một Thiên đảng tại thế. Đó là đời Thánh đức vậy.

Đồng quyền đồng thể

同權同體

A: Of the same power and the same rank.

P: De même pouvoir et de même rang.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Quyền:** quyền hành. **Thể:** hình thức.

Đồng quyền đồng thể là có quyền hành như nhau, và có phẩm vị như nhau, không hơn không kém.

CG PCT: Phối Sư là người lãnh quyền của Chánh Phối Sư ban cho, đặng *đồng quyền đồng thể* cùng Chánh Phối Sư khi người trao trách nhiệm cho mình.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Đồng sàng dị mộng

同床異夢

A: On the same bed but different dreams.

P: Sur un même lit mais différents rêves.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Sàng:** giường. **Dị:** khác. **Mộng:** chiêm bao.

Đồng sàng dị mộng là cùng ngủ chung trên một cái giường mà chiêm bao thấy những việc khác nhau.

Ý nói: Cùng một địa vị như nhau nhưng tâm hồn khác nhau, tư tưởng khác nhau.

Đồng sanh đồng tịch

同生同席

A: To live together with the same mat.

P: Vivre ensemble avec la même natte.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Sanh:** sống. **Tịch:** chiếc chiếu.

Đồng sanh đồng tịch là cùng sống chung với nhau trên một chiếc chiếu.

Thành ngữ này đồng nghĩa với: *Đồng tịch đồng sàng, Đồng quan đồng quách*, để chỉ đôi vợ chồng sống hòa hợp với nhau đến trọn đời.

KHP: Giữa đèn để một tấc thành,
Đồng sanh đồng tịch đã đành nương nhau.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Đồng song

同窗

A: The school fellow.

P: Le condisciple.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Song:** cái cửa sổ.

Đồng song là bạn cùng học với nhau nơi cái cửa sổ, ý nói bạn cùng học một thầy một trường.

Bài Thái hiển lễ hàng Thánh và Thiên Thần: Tuần Từ:

Kẻ ở người đi dòng lệ đổ,
 Từu quỳnh kính hiển nghĩa *đồng song*.

Đồng tâm hiệp chí

同心合志

Đồng: Cùng, giống nhau. **Tâm:** lòng dạ. **Hiệp:** hợp lại.
Chí: ý chí.

Đồng tâm hiệp chí là đồng lòng kết hợp ý chí với nhau để mưu cầu việc lớn cho được thành công tốt đẹp.

TNHT: Điều Thầy vui hơn hết là muốn cho các con thương yêu giúp lẫn nhau như con một nhà, phải *đồng tâm hiệp chí*, chia vui sót nhọc cho nhau,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu

同聲相應，同氣相求

A: Those of the same sound respond to each other,
 Those of the same character seek each other.

P: Ceux qui ont la même voix s'accordent entr'eux,
 Ceux qui ont le même caractère se recherchent.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Thanh:** tiếng, âm thanh. **Tương:** cùng nhau, với nhau. **Ứng:** đáp lại. **Khí:** cái khuynh hướng của tinh thần. **Cầu:** tìm.

Đồng thanh tương ứng: Những vật có cùng tiếng thì cùng đáp lại với nhau. Thí dụ như một con gà gáy thì các con gà khác cùng gáy theo. Ý nói: Người hay vật có cùng bản chất thì ứng hiệp nhau.

Đồng khí tương cầu: Những vật có cùng khí chất thì tìm đến nhau. Thí dụ như nam châm và đinh sắt, khi gặp nhau thì hút nhau, vì chúng đều có từ tính. Ý nói: Những người có ý chí giống nhau thì tìm đến kết hợp nhau, những người có ý chí khác nhau thì dang xa nhau.

Đức Cao Thượng Phẩm nói về bửu pháp Long Tu Phiến:

"Long Tu Phiến là cây quạt do điển khí của Tam thập lục Thiên kết thành. Quạt ấy tiết ra một điển lực có ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa của quần linh. Chơn thần nào trong sạch thì nương theo đó mà siêu nhập vào CLTG; trái lại, chơn thần nào luyến ái tà mị thì lánh xa mà đi lần đến U Minh cảnh giới.

Cả cơ thu và xuất của Long Tu Phiến với chơn thần đều do luật "*đồng khí tương cầu*" mà thành tựu, nghĩa là: Nếu chơn thần đạo đức thì Long Tu Phiến hấp dẫn đến gần và đưa vào CLTG; còn nếu chơn thần nào trọng trược thì Long Tu Phiến đẩy ra xa và lần hồi đi đến cõi U Minh đen tối."

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Đồng tông

同宗

A: Of the same religion.

P: De même religion.

Đồng: Cùng, giống nhau. **Tông:** cũng đọc là Tôn, nghĩa là tôn giáo.

Đồng tông là cùng một tôn giáo, cùng một đạo.

Đồng tông, đồng nghĩa với Đồng đạo.

TNHT: Chẳng quản *đồng tông* mới một nhà,
Cùng nhau một đạo tức một Cha.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đồng tử

童子

A: The medium.

P: Le médium.

Đồng: Đưa trẻ nhỏ. **Tử:** người.

Đồng tử là người làm trung gian để người phàm có thể thông công các Đấng thiêng liêng, và cũng để các Đấng thiêng liêng truyền những tư tưởng đạo đức giáo dục người phàm.

Khi xưa, Đạo Tiên dùng đồng tử là những trẻ nhỏ, vì bản chất còn ngây thơ và hồn nhiên. Nhưng ngày nay, Đạo Cao Đài dùng đồng tử là những Chức sắc HTĐ do Đức Chí Tôn chỉ định, và thường được gọi là Phò cơ hay Phò loan. (*Xem chi tiết nơi chữ: Cơ bút, văn C*)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Đồng ưu cộng lạc

同憂共樂

Đồng: Cùng, giống nhau. **Ưu:** lo âu. **Cộng:** cùng chung. **Lạc:** vui.

Đồng ưu cộng lạc là cùng nhau lo âu và cùng nhau vui vẻ.

Ý nói: Anh em thương yêu đoàn kết với nhau, khi gặp việc khó khăn thì cùng nhau lo âu giải quyết, khi gặp việc vui vẻ thì cùng nhau chung hưởng.

Đồng vị

同位

Đồng: Cùng, giống nhau. **Vị:** phẩm vị.

Đồng vị là có cùng phẩm vị ngang nhau.

CG PCT: "Tuy trong Hội Thánh có chia ra hai phần hữu hình là: CTĐ và HTĐ, mà nơi HTĐ, đầu cho Hộ Pháp cũng phải là em của Giáo Tông, song Hộ Pháp phải nhỏ về phần hữu hình đã nói trên đây, chớ phần thiêng liêng thì *đồng vị*."

Đức Hộ Pháp ở phẩm vị Phật. Do đó, Đức Giáo Tông cũng phải ở phẩm vị Phật hay tương đương, tức là bậc Thiên Tiên hay Đại Tiên Trưởng.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

ĐỔNG

Đổng Hồ chi bút

董狐之筆

Đổng Hồ: tên của một vị Sử quan (quan chép sử) đời nhà Tấn bên Tàu. **Chi:** cửa. **Bút:** cây viết.

Đổng Hồ chi bút là cây viết của ông Đổng Hồ.

(Xem điển tích nơi chữ: *Viết của chàng Hồ, văn V*)

ĐỘNG

ĐỘNG

1. **ĐỘNG:** 洞 Cái hang núi.
Td: Động Bích, Động đào.
2. **ĐỘNG:** 動 Chuyển động.
Td: Động tịnh.

Động Bích

洞碧

Động: Cái hang núi. **Bích:** Bích Du Cung của Thông Thiên, Giáo chủ Triệt giáo.

Động Bích là cái hang núi đi vào Bích Du Cung của Đức Thông Thiên, Giáo Chủ Triệt giáo.

Theo truyện Phong Thần, Đức Hồng Quân Lão Tổ (một danh xưng của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế) có ba người học trò: Lão Tử, Nguơn Thi Giáo chủ Xiển giáo và Thông Thiên Giáo chủ Triệt giáo.

Xiển giáo là Chánh đạo, Triệt giáo là Bàng môn Tả đạo. (Triệt là bỏ đi, ý nói bác bỏ những qui tắc của Xiển giáo). Do đó, Xiển giáo và Triệt giáo luôn luôn có sự mâu thuẫn với

nhau, khiến cho đệ tử của hai nhà hiềm khích đánh nhau. Triệt giáo tuy đông đảo, đôi khi thắng thế, nhưng cuối cùng thì luôn luôn bị thất bại, thể hiện rõ Chánh luôn luôn thắng Tà.

TNHT: Lối mòn *động Bích* chớ làm đường.

Lối mòn *động Bích* là con đường đi vào *Bích Du Cung* của *Thông Thiên Giáo* chủ là con đường đi vào *Tà đạo*, chớ nên làm tưởng đó là *Chánh đạo*.

Đôi liễn treo trước *Bích Du Cung*, dịch ra như sau:

Đóng cửa tụng Huỳnh Đình,
thiệt bực cố thành ngôi Chánh quả,
Tách mình qua Tây Thổ,
là người đứng tên Bảng Phong Thần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyền.

Động đào

洞桃

A: The grotte of peach trees.

P: La grotte des pêchers.

Động: Cái hang núi. **Đào:** cây đào, hoa đào.

Động đào là cái hang núi có mọc nhiều cây đào trổ hoa rơi xuống đường trông rất đẹp mắt.

Động đào chỉ cảnh Tiên. (Xem chữ: Đào nguyên, vần Đ)

Động Đình Hồ

洞庭湖

Động Đình Hồ là tên một cái hồ nổi tiếng đẹp nhứt trong Ngũ Hồ ở Trung quốc.

Nước Tàu có tất cả 5 cái hồ lớn phong cảnh rất đẹp, gọi chung là Ngũ Hồ, gồm:

- *Động Đình Hồ* (tỉnh Hồ Nam, giữa hồ có núi Quân sơn), - *Tây Hồ* (giữa hồ có núi Cô Sơn), - *Thái Hồ* (giữa 2 tỉnh Triết giang và Giang tô), - *Phan Dương Hồ*, - *Sào Hồ*.

Động Đình Hồ ở tỉnh Hồ Nam, thông với sông Trường Giang, mùa nước lớn, mặt nước hồ dài đến hơn trăm cây số, rộng hơn tám mươi cây số. Giữa hồ có nhiều núi, nhưng nổi tiếng nhất là núi Quân Sơn, thi nhân thường đến đây để ngắm cảnh và ngâm vịnh.

Nhà đại thi hào Lý Bạch đời Đường, khi du ngoạn đến Động Đình Hồ thì Ngài thoát xác đấng Tiên. Do đó Ngài cũng tự xưng là Động Đình Hồ Tiên Trưởng.

Ngài giáng cơ cho bài thi:

*ĐỘNG lòng thương xót buổi đời nguy,
ĐỈNH hội Phật Tiên đã mấy kỳ.
HỒ điệp mê man chưa tỉnh thức,
ĐẠI TIÊN TRƯỞNG giáng hoát vô vi.*

Đức Lý Giáo Tông có dạy Hội Thánh mua khoảnh đất Bào Cà Na để làm Động Đình Hồ, làm tăng thêm cảnh đẹp nơi Tòa Thánh.

TNHT: *Động Đình* trở gót lại ngôi xưa.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Động tịnh

動靜

A: Movement and repose: The actual situation.

P: Mouvement et repos: La situation actuelle.

Động: Chuyển động. **Tĩnh:** yên lặng, đứng yên.

Động tịnh là chuyển động hay đứng yên, ý nói tình hình diễn ra trong một địa phương.

CG PCT: Mỗi ngày phải chạy nhứt để cho Chánh Trị Sự hiểu điều *động tịnh* trong địa phận của mình.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

ĐỎM**ĐỎM**

(Xem: Đắm)

ĐƠN (ĐAN)**ĐƠN**

1. **ĐƠN:** 丹 Màu đỏ, màu son.
Td: Đơn đình, Đơn tâm.
2. **ĐƠN:** 單
 - Có một, lẻ loi.
Td: Đơn cử, Đơn sai.
 - Tờ giấy kê khai việc gì.
Td: Đơn trạng.

Đơn cử

單舉

A: To cite a single fact as example.

P: Prendre isolément un fait comme exemple.

Đơn: Có một, lẻ loi. **Cử:** nêu ra.

Đơn cử là kể riêng ra một việc để làm thí dụ.

Đơn điền

丹田

Đơn: Màu đỏ, màu son. **Điền:** ruộng đất để cày cấy.

Đơn điền hay Đan điền là cái huyết dưới rún độ 3 tấc ta.

Từ ngữ này thường được dùng trong phép Luyện đạo.

Đơn đình

丹庭

Đơn: Màu đỏ, màu son. **Đình:** cái sân.

Đơn đình là cái sân màu đỏ trong đền vua để các quan vào đó chầu vua. Ý nói: nơi triều đình.

TNHT: Độ cho trở buổi lại *đơn đình*.

Đơn đình ở đây là chỉ nơi triều đình của Thượng Đế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đơn khâm cô chằm

單衾孤枕

Đơn: Có một, lẻ loi. **Khâm:** cái mền, cái chăn để đắp cho ấm. **Cô:** lẻ loi. **Chằm:** cái gối kê đầu.

Đơn khâm cô chằm là chăn đơn gối chiếc, ý nói sống một mình cô độc.

Đơn sai

單差

A: Untrue.

P: Infidèle.

Đơn: Có một, lẻ loi. **Sai:** không đúng.

Đơn sai là không đúng như lời nói, nói sai sự thực.

TNHT: Gìn lòng tu tánh chớ *đơn sai*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đơn tâm

丹心

A: True heart.

P: Coeur sincère.

Đơn: Màu đỏ, màu son. **Tâm:** lòng dạ.

Đơn tâm hay Đan tâm, dịch là Lòng son, nghĩa là tấm lòng thành thật tốt đẹp không phai màu đỏ của son.

TNHT: Đơn tâm khó định lấy chi mong.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đơn trạng

單狀

Đơn: Tờ giấy kê khai việc gì. **Trạng:** bài văn viết ra những điều muốn trình bày với cấp trên.

Đơn trạng là chỉ chung các đơn từ thưa kiện hay khiếu nại.

CG PCT: Tiếp Pháp là người tiếp luật lệ, đơn trạng kiện thưa, có quyền xét đoán, coi có nên phân định hay chẳng...

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

ĐUỐC

Đuốc huệ

A: The torch of wisdom.

P: Le flambeau de sagesse.

Đuốc: vật cầm tay dùng đốt lên cho sáng để thấy đường đi trong đêm tối. **Huệ:** trí huệ, sự sáng suốt rõ thông đạo lý, không còn mê lầm.

Đuốc huệ là ngọn đuốc trí huệ. Người tu dùng cái trí huệ đạt được làm ngọn đuốc soi đường cho nhơn sanh bước theo.

TNHT: Ngày giờ nhật thức, sanh chúng đương bơ vơ, chẳng biết *đuốc huệ* soi về phương nào.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

ĐỨC

ĐỨC

ĐỨC: 德 Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời.

Td: Đức hóa, Đức tánh, Đức tin.

Đức cao ân trọng

德高恩重

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Cao:** lớn, nhiều. **Ân:** ơn. **Trọng:** nặng.

Đức cao ân trọng là đạo đức cao, ơn huệ nhiều.

KSH: Nhờ Viêm Đế *đức cao ân nặng*,
Tìm lúa khoai người đặng no lòng.

KSH: Kinh Sám Hối.

Đức hóa

德化

A: To transform by emotion of virtue.

P: Transformer par l'émotion de vertu.

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Hóa:** biến đổi.

Đức hóa là dùng đạo đức mà cảm hóa lòng người, làm cho lòng người thay đổi từ xấu ra tốt.

GTK: Đạo Quân *đức hóa* háo sanh.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Đức hoán hư linh

德煥虛靈

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Hoán:** rục rờ. **Hư linh:** cõi Hư Vô thiêng liêng, thường gọi là cõi TLHS.

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Tiên giáo: *Cái đạo đức của Thái Thượng Đạo Quân sáng rục nơi cõi Hư Linh.*

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đức lập quyền

德立權

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Lập:** tạo nên. **Quyền:** quyền hành.

Đức lập quyền là dùng cái đạo đức cao thượng mà lập nên quyền hành.

Thông thường người ta xây dựng quyền hành bằng sức mạnh võ lực, nên cái quyền hành ấy thường không bền vững vì người ta không tâm phục. Khi cái sức mạnh võ lực ấy yếu đi hay không còn nữa thì quyền hành kia cũng mất theo.

Cái quyền hành chỉ bền vững khi nó được xây dựng trên đạo đức, tức là là trên sự thương yêu và công chánh.

TNHT: Non sông Việt chúng ngày êm lặng,
Chung sức cùng nhau *đức lập quyền.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đức tánh

德性

A: The quality.

P: La qualité.

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Tánh:** bản chất, phẩm chất.

Đức tánh là phẩm chất đạo đức tốt đẹp.

TNHT: Đức tánh khuyên con có chí thành.

Khóa Huấn Luyện Lễ Sanh nơi Hạnh Đường dạy về Đức tánh của người tu như sau:

"Người Đạo cần phải giữ bền hạnh cho chánh đáng thì tinh thần mới mau tấn hóa. Cần phải có những đức tánh: Từ bi, Hỷ xả, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Bình đẳng, Bác ái, Nhu hòa, Tự tại, Chí thành, Vong ngã, Lợi tha, Khiêm tốn.

1. Trọng mạng sống của tất cả loài Tứ sanh, xót thương người đói khó cô đơn mà trợ giúp, buồn thấy người làm dữ, vui xem kẻ làm lành. Đó là Từ bi.

2. Ai chê không giận, ai ghét chẳng hờn, đại lượng với người thù nghịch, dĩ ân báo oán mà không dĩ oán báo oán, hơn nữa dĩ oán vi ân. Đó là Hỷ xả.

3. Vui chịu đủ phương thử thách, gặp biến cảnh thế nào cũng biết chiều theo thế ấy mà không phiền muộn trách than, không ngã lòng thối chí. Đó là Nhẫn nhục.

4. Cố tâm tiến trên đường công đức, trong không nhiễm một mảy vọng niệm để tâm hồn được hư không thơ thới, ngoài không biếng nhác tháo lui, một mực hâm hở lo tròn bổn phận. Đó là Tinh tấn.

5. Xem vạn vật vốn đồng nguyên, xem các loài máy động vẫn đồng tánh, đối đãi với người không phân giai cấp, không phân quốc tịch, chẳng so đo phú bần quý tiện, lấy đức làm trọng, lấy Đạo làm cao, không cậy thế ý quyền, không xu phụ người thế lực, xem ta như người, xem người như ta. Đó là Bình đẳng.

6. Xem tất cả chúng sanh là con một Cha, thương người mến vật, trọng tất cả sanh mạng mà không phạm giới sát. Đó là Bác ái.

7. Dùng nhã lượng, lễ nghi ứng đối người phỉ báng, mềm mỏng mà khuyên lớn, ôn hòa mà hóa độ, dầu gặp rối ren gay cấn thế nào cũng bình tĩnh điều đình ổn thỏa. Đó là Nhu hòa.

8. Phàm ở đời, bắt câu vào cảnh ngộ nào, hễ tri túc là toại, tùy phận là yên, lập công với đời là phỉ nguyện chớ không cần khen thưởng, thấy lợi thì sợ điều phi nghĩa, gặp may không đắc chí, gặp rủi chẳng nao lòng, lành dữ đều phú cho cơ báo

ứng, cứ ung dung thơ thới, chẳng cho lưới trần lao lung câu thúc. Đó là Tự tại.

9. Thành thật với mọi người, dầu trong Đạo hay ngoài đời cũng vậy. Trong tất cả hành vi nhứt nhứt đều ngay thẳng thật thà, không một lời giả dối, không một ý tà tây, xử sự chẳng mưu mô lừa đảo. Đó là Chí thành.

10. Làm phải không cần khen, làm lành không cầu thưởng, giàu sang không ham, quyền hành chẳng thích, một mực cứ quên mình, quên cả nếp sống tiện nghi, quên cả công lao cực nhọc để phụng sự chúng sanh. Đó là Vong ngã.

11. Giúp người lợi vật, chỉ cho người làm âm đức, giúp người giác ngộ, tùy phương tiện thí tài thí pháp. Ấy là Lợi tha.

12. Không khoe tài đức, nhứt là khi tài đức mình không có đủ, không tự cho mình giỏi hơn ai, hạ mình mà trọng người. Đó là Khiêm tốn.

Người tu hành giữ tròn được 12 đức tánh trên đây thì lo gì không nên Đạo."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đức tin

德信

A: The belief.

P: La foi.

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Tin:** tin tưởng, tín ngưỡng tôn giáo.

Đức tin là lòng tin tưởng vững chắc vào tôn giáo của mình. Đó là lòng tin tưởng mạnh mẽ vào hai Đấng: Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, là hai Đấng vô hình nhưng có thật, tạo lập CKVT và sanh hóa vạn vật.

TNHT: "Ngày nay, các con chẳng thấy đặng hành vi màu nhiệm mà chính mình Thầy đã đến nói, các con cũng nên tin nơi Thầy mà cho lời dạy của Thầy là chơn thật. Nếu các con đợi đến buổi chung qui, hồn ra khỏi xác mới thấy đặng cơ màu nhiệm thì chùng ấy đã muộn rồi.

Các con liệu phương thế mà nâng đỡ *đức tin* của môn đệ cao lên hằng ngày, ấy là công quả đầu hết."

TĐ ĐPHP: "Cái chơn lý là các ông không biết tin mình thì còn tin ai?"

Đức tin nơi ta đó, trước hết là ta biết ta, có biết ta rồi mới biết thiên hạ, có biết thiên hạ rồi mới biết đến Đức Chí Tôn là ngôi Chúa tể tạo đoan CKVT, biết Đấng ấy là biết mình rồi vậy. Nếu chưa biết Đấng ấy thì đừng trông mong biết mình, mà chính mình không biết mình thì không còn ai biết mình hết.

Sống không đức tin, tức là không tự biết mình, khác nào cây cỏ vật loại kia thì không có nghĩa gì hết, sống ấy vô giá trị.

Đức tin có ở con người tự biết tự trọng, tự thờ mình. Mình thờ mình đặng tức thiên hạ thờ mình đặng. Đức tin do nơi mình tin mình, mình tin mình đặng thì thiên hạ mới tin mình, còn mình chưa tin mình mà biểu thiên hạ tin mình sao đặng?

Mình không tin mình mà biểu nhơn loại tin tưởng Đức Chí Tôn là Đấng tạo sanh CKVT và linh hồn ta sao đặng?

Nếu chưa đủ đức tin làm bằng chứng vô đối thì chưa xứng đáng làm phần tử trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là Hội Thánh của Ngài đó vậy." (Trích Con đường TLHS)

"Đức tin chia ra làm ba phương diện: Tự tín, Tha tín và Thiên tín.

1. TỰ TÍN là gì? là mình tin nơi sở sanh của mình có thể bảo đảm được sanh mạng cho mình. Con người từ buổi ấu thơ đã biết ăn biết nói thì biết thương cha mẹ anh em. Đến lúc trưởng thành, cha mẹ dạy bảo công việc làm ăn, cho đến các sự ở đời, giao thiệp cùng xã hội nhơn quần, việc nào lợi, điều nào hại, cha mẹ đã chỉ vẽ phân minh cũng như có một quyển sách lập thành để làm căn bản. Ngoài ra, hằng ngày ta đã nghe và thấy các tấn tuồng của đời diễn ra từ lớp, hay dở tốt xấu, lành dữ hư nên, ta mới lấy đó mà kinh nghiệm kỹ càng rồi mới lọc lược cái hay cái khéo ở trong đó mới lập lại, làm với quyển sách của cha mẹ dạy ta từ thử, rồi ta mới đem lên trên linh đài, ta sẽ do theo đó mà làm mực thước cho hành vi của ta, và ta đủ đức tin nơi đó, là cơ bảo tồn lấy thân, ấy gọi là Tự Tín.

2. Còn **THA TÍN** nghĩa là gì? là ta biết quang tiền dụ hậu, ta tin nơi ông thầy dạy ta học các bài vở để lập thân cho nên người cao quý, lại có nhiều người trong xã hội, chẳng phải họ cố ý dạy ta học, nhưng cái sở hành của họ, mọi điều phải trái, lành dữ, tội phước, thì nó hiện ra trước mắt ta, đó là một bài học nên chú ý, rồi ta mới gồm tất cả mọi hành vi của người đời, ta sẽ lập làm quyển sách thứ nhì nữa, ta mới cân phân lựa lọc, tuyển chọn điều hay lẽ phải, ta đem lên linh đài (tức là khối óc của ta) đặng làm phương pháp bảo vệ trường tồn tánh mạng của ta. Ấy là Tha Tín.

3. Tự Tín và Tha Tín chưa đủ hoàn toàn, phải có **THIÊN TÍN** là trọn đức tin nơi Đức Chí Tôn, có đủ quyền năng bảo hộ sanh mạng của chúng ta và toàn thể chúng sanh nơi mặt thế. Nếu để trọn đức tin nơi Đức Chí Tôn và tuân theo bài học của Đức Chí Tôn dạy là Từ bi Bác ái, Nhơn nghĩa Thuận hòa, đem tất cả vào hai quyển sách nói trên, hiệp lại thành một khối đức tin đặc sắc, ta mới dựng lên để tên CAO ĐÀI rồi ta do đó mà thi hành cho chu đáo. Ấy là cơ bảo tồn trường cửu của ta và của tất cả nhơn loại.

Nếu có Tự Tín và Tha Tín là hai cái năng lực hữu hình mà không có Thiên Tín là huyền pháp vô vi, thì cái năng lực ấy nó sẽ cuốn trôi theo cơ tự diệt. Vì vậy, ta phải có đủ đức tin nơi Đức Chí Tôn, phải trọng mạng sống của con người, bởi Đức Chí Tôn hóa sanh một người là một vật báu của Ngài. Nếu ai tàn sát cho tiêu vật báu ấy thì phạm Thiên điều, tức là đại tội.

Ngày nào toàn thể nhơn loại trên mặt thế này có đủ đức tin nơi Đức Chí Tôn và thật hành y theo chủ nghĩa Từ bi, Bác ái, Nhơn nghĩa cho được hoàn toàn thì mới mong chung hưởng đời thái bình hạnh phúc. Ấy là gầy dựng lại đời Minh Đức Tân Dân, tái lập Tân thế giới. (TĐ ĐPHP quyển I trang 17)

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu cũng có giảng giải về Đức Tin như sau đây:

"Đức tin là Chánh tín, Dị đoan là mê tín.

Đức tin là cái làm sao?

Đức tin là cái đắp cao Đạo Trời.

Đức tin chớ núi như chơi,

Cho hay Thần lực muôn người khó đương.

Đức tin bày tỏ Thiên đường,
 Phân rành Địa ngục, đôi đàng cách xa.
 Đức tin gây dựng Đạo nhà,
 Đường ngay chỉ đến, nẻo tà tránh dang.
 Đức tin đánh đổ dị đoan,
 Khỏi điều lãng phí, tiền ngàn bạc muôn.
 Đức tin kèm chế trẻ con,
 Ai ơi ghi tạc vào lòng chớ sai.
 Đức tin chớ để lung lay,
 Một phen lâm vấp, ngàn ngày ăn năn.

Nếu chúng ta tu hành mà bụng còn mờ hồ nghi hoặc, không trọn tin nơi quyền năng thiêng liêng, đến khi chung qui mới thấy đặng cơ mầu nhiệm thì chừng ấy đã muộn rồi.

Chúng ta muốn đến được dưới chân Đại Từ Phụ để được thấm nhuần ơn huệ, hầu đoạt đặng cơ hằng sống thì không gì hơn là phải đầy đủ chánh tín, dầu gặp bao trở lực, tâm thành vẫn vững mạnh, chí khí vẫn thanh cao. Muốn thành Đạo phải có tâm thành, muốn đặng tâm thành phải có đức tin mạnh mẽ. Đức tin càng lớn, chí càng cao thì tinh thần đạo đức càng vững."

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Đức tồn hậu lai

德存後來

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Tồn:** còn. **Hậu:** sau. **Lai:** tới.

Hậu lai nghĩa là tới sau, ý nói đời sau.

Đức tồn hậu lai là cái đạo đức còn tồn tại đến đời sau.

KSH: Giữ cho trong sạch linh hồn,
 Rèn lòng sửa nét, đức tồn hậu lai.

KSH: Kinh Sám Hối.

Đức trọng quỷ thần kinh

德重鬼神驚

Đức: Đạo đức, kết quả của những việc làm giúp người giúp đời. **Trọng:** nặng, nhiều. **Quỷ:** ma quỷ. **Thần:** vị Thần. **Kinh:** nể sợ.

Đức trọng quỷ thần kinh là người có đạo đức lớn thì ma quỷ và chư Thần đều nể sợ và tôn kính.

ĐỨNG

Đứng đọt

A: To have the high rank.

P: Avoir le haut grade.

Đứng: Đẳng, từ ngữ chỉ người đáng kính. **Đọt:** bậc, lớp.

Đứng đọt hay Đẳng đọt là có thứ bậc cao trong xã hội.

Đây là từ ngữ xưa, ngày nay rất ít dùng.

TĐ ĐPHP: "Trái lại, cần phải tô điểm Nam phong do tinh thần tổ phụ ta để lại làm căn bản, mới đủ sức mạnh, đủ cường liệt *đứng đọt* với toàn cầu vạn quốc."

"Đến chừng lập thân danh ra *đứng đọt* với đời...."

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

ĐƯƠNG

ĐƯƠNG

ĐƯƠNG: 當 có hai nghĩa sau đây:

1. **ĐƯƠNG:** Cáng đáng, nhận lãnh.

Td: Đương cự.

2. **ĐƯƠNG**: Hiện có, đang có.
Tđ: Đương sanh, Đương sự.

Đương cự

當拒

A: To stand up against.

P: Résister à.

Đương: Cáng đáng, nhận lãnh. **Cự**: chống lại.

Đương cự là đảm nhận việc chống lại.

TNHT: Nếu con chẳng dụng quyền lực của Thầy ban cho con mà *đương cự*, dẫu dặt các em thì một ngày kia, nó dẫn đi lần hồi hết...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đương đạo sài lang

當道豺狼

Đương: Cáng đáng, nhận lãnh. **Đạo**: con đường. **Sài lang**: loài chó sói. **Đương đạo**: lãnh đạo, ý nói cầm chánh quyền.

Đương đạo sài lang là bọn lang sói đang đắc thế.

Đương sanh - Vị sanh

當生 - 未生

A: In living - Not yet born.

P: En vivant - Non encore né.

Đương: Hiện có, đang có. **Sanh**: sống, sanh ra. **Vị**: chưa.

Đương sanh là đang sống.

Vị sanh là chưa sanh ra.

DLCK: Nhược hơn đương sanh, nhược hơn vị sanh,...

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

ĐƯỜNG

ĐƯỜNG

1. **ĐƯỜNG:** (tiếng nôm) Lối đi, phương diện.
Td: Đường Đạo, Đường hoa, Đường mây.
2. **ĐƯỜNG:** 唐 Một triều vua nước Tàu, họ Đường.
Td: Đường Ngu, Đường nhơn.
3. **ĐƯỜNG:** 堂 Nhà, bà con cùng ông tổ, sáng sửa.
Td: Đường đường, Đường huynh đệ.

Đường Đạo - Đường Đời

A: The spiritual way - The temporal way.

P: La voie spirituelle - La voie temporelle.

Đường: Lối đi, phương diện. **Đạo:** đạo đức. **Đời:** đời sống vật chất.

Đường Đạo là con đường đạo đức tu hành, tức là Đạo pháp trong Tân Luật của Đạo Cao Đài.

Đường Đời là về mặt đời sống, tức là Thế Đạo trong Tân Luật của Đạo Cao Đài.

PCT: Giáo Tông là Anh Cả của các con, có quyền thay mặt cho Thầy mà diu dắt các con trong đường Đạo và đường Đời. Nó có quyền về phần xác, chớ không có quyền về phần hồn.

CG: Giáo Tông đặng đồng quyền cùng Thầy mà dạy dỗ cả chư môn đệ của Thầy trong đường Đạo đức, diu bước từ người, chăm nom săn sóc cho khỏi phạm Thiên điều, thì là buộc tuân y Tân Luật.

Ấy vậy, dầu cho phẩm vị nào phạm tội thì Giáo Tông cũng chẳng vị tình riêng gọi là tha thứ khoan dung để lòng che chở, làm cho kẻ phạm phải mất Thiên vị,...

Hễ nói về phần xác là nói phần hữu hình, mà nói về phần hữu hình của chúng sanh tức là nói về phần Đời. Còn như nói về phần hồn tức là phần thiêng liêng, mà nói về phần thiêng liêng ấy là phần Đạo.

Trên đây Thầy đã nói rằng: Có quyền diu dất trong đường Đạo và đường Đời, thì Thầy đã chỉ rõ rằng, có quyền diu dất cả các con cái của Thầy trên con đường Đạo đức của chính mình Thầy khai tạo và trên con đường Đời do cơ Đạo gầy nên, chớ chẳng phải nói trọn quyền về phần Đạo và phần Đời. Nghĩa lý phân biệt nhau duy có chữ ĐƯỜNG và chữ PHẦN. Xin ráng hiểu, đừng lầm hai chữ ấy.

Đức Giáo Tông diu dất nhơn sanh trong đường Đạo và đường Đời, nghĩa là hướng dẫn nhơn sanh tu hành theo đúng Tân Luật (gồm Đạo pháp và Thế Luật).

Đức Giáo Tông chỉ có quyền về phần thể xác hữu hình (gọi là phần Đời), chớ không có quyền về phần hồn, tức là không có quyền về phần độ rỗi linh hồn (gọi là phần Đạo). Phần độ rỗi linh hồn thuộc quyền của BQĐ.

Như vậy, Đức Giáo Tông chỉ có quyền cầu rỗi, chớ không có quyền siêu rỗi.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

CG: Chú Giải. **BQĐ:** Bát Quái Đài.

Đường hoa

A: The way of glory.

P: Le chemin de gloire.

Đường: Lối đi, phương diện. **Hoa:** bông hoa.

Đường hoa là con đường có rải bông hoa tốt đẹp, ý nói con đường vinh quang, con đường hạnh phúc.

TNHT: Nhặt bước đường hoa đến cõi tòng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đường huynh đệ

堂兄弟

Đường: Nhà, bà con cùng ông tổ, sáng sửa. **Huynh:** anh.
Đệ: em.

Đường huynh đệ là anh em bà con có cùng một ông nội, tức là anh em chú bác ruột.

Đường mây

A: The road of clouds.

P: Le chemin de nuages.

Đường: Lối đi, phương diện. **Mây:** mây ở trên bầu Trời.

Đường mây là con đường đi lên mây, tức là con đường đi lên cõi Trời, con đường đi lên của người đắc đạo.

TNHT: - Mở rộng đường mây rước khách trần.

- Đường mây thẳng gió hồng trương cánh.

Trong văn chương, Đường mây là dịch từ ngữ: *Vân trình*, chỉ con đường công danh, con đường làm quan.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đường Ngu

唐虞

Đường: họ của vua Nghiêu. **Ngu:** họ của vua Thuấn.

Vua Đường Nghiêu lên ngôi năm 2356 trước Tây lịch, và truyền ngôi cho vua Ngu Thuấn năm 2255 trước Tây lịch.

■ **Vua Nghiêu**, họ **Đường**, làm chức Hầu, nên gọi là Đường Hầu, sau lên làm vua, đóng đô ở đất Đào, nên lập quốc hiệu là Đào Đường. Ngài lên ngôi vua lúc 16 tuổi, ở ngôi được 70 năm, gả hai con gái tên Nga Hoàng và Nữ Anh cho Ông Thuấn và thử tài Ông Thuấn trong 3 năm rồi truyền ngôi lại cho Ông Thuấn. Vua Nghiêu tuổi già, không thính chính 28 năm mới mất, thọ 117 tuổi.

■ **Vua Thuấn**, họ **Ngu**, nên gọi Ngu Thuấn, nổi tiếng là hiếu và nghĩa, nên được vua Nghiêu tìm hiền, truyền ngôi cho lúc Ông Thuấn 30 tuổi. Vua Thuấn ở ngôi 33 năm, truyền ngôi lại cho Ông Võ, dưỡng lão 50 năm thì mất, thọ 113 tuổi.

(Xem chi tiết nơi chữ: Nghiêu - Thuấn, văn Ngh)

Đường nhơn

唐人

A: The chinese. P: Le chinois.

Đường: Một triều vua nước Tàu, họ Đường. **Nhơn:** người.

Đường nhơn là người Tàu, người Trung hoa.

Người Tàu rất hãnh diện với nền văn hóa rực rỡ của họ dưới thời nhà Đường (Lý Uyên, Lý Thế Dân), nên họ thường tự xưng là Đường nhơn, tức là người nhà Đường.

Người Trung hoa theo Đạo Cao Đài, lập thành Hội Thánh Đường nhơn, có nhiệm vụ cai quản và phổ độ người Trung hoa vào Đạo. Nơi nào có nhiều Đạo hữu Trung hoa (thí dụ như Chợ Lớn) thì Hội Thánh Đường nhơn lập tại đó một Tộc Đạo Đường nhơn, bổ hai vị Lễ Sanh Đường nhơn Nam và Nữ đến cai quản hai phái Nam và Nữ Đường nhơn.

Đường Thánh - Nẻo tà

A: The virtuous way - The perverse way.

P: La voie vertueuse - La voie perverse.

Đường: Lối đi, phương diện. **Thánh:** thiêng liêng chơn chánh. **Nẻo:** lối đi. **Tà:** cong vạy, sai trái.

Đường Thánh là con đường thiêng liêng chơn chánh, đó là Chánh Đạo dẫn người tu đạt đến phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi cõi thiêng liêng.

Nẻo tà là con đường cong vạy, sai lầm, dẫn người tu đến hố sâu vực thẳm. Đó là Bàng môn Tả đạo.

TNHT: Than ôi! Đường Thánh ít kẻ tìm, mà nẻo tà nhiều người đến.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Đường thi

唐詩

A: Poetry of T'ang. P: Poésie de T'ang.

Đường: Một triều vua nước Tàu, họ Đường. **Thi:** thơ văn.

Đường thi là thơ văn của các thi sĩ thời nhà Đường.

"Tất cả các nhà phê bình văn học đều công nhận rằng, đời Đường (618-907) là thời đại hoàng kim của thi ca Trung quốc.

Bộ *Toàn Đường Thi* ấn hành năm 1707 gồm 900 quyển, hợp thành 30 tập, chép 48.900 bài thơ của 2200 thi nhân đời Đường. Nếu đem số lượng thơ này so với tổng số thơ làm trong bảy, tám trăm năm của tám đời (Đông Hán, Ngụy, Tấn, Tề, Lương, Trần, Tùy) thì thấy nhiều gấp mấy lần. Nhưng đó chỉ xét về lượng. Thực ra trong lịch sử thi ca Trung quốc, thơ Đường sở dĩ được người ta chú ý đến nhất, yêu chuộng nhất, chính là vì thời ấy đã xuất hiện những nhà thơ vĩ đại, có khuynh hướng sáng tác khác nhau và nghệ thuật đạt đến mức độ thuần thực hoàn hảo, khiến cho thơ của những đời kế tiếp chỉ là những bài mô phỏng, những thi sĩ đời sau chỉ là những đệ tử truyền thuật, và hễ nói đến thơ Tàu, người ta hầu như chỉ nói đến thơ Đường." (Trích: *Thơ Đường của Trần Trọng San*)

Ba đại thi sĩ đứng hàng đầu thời nhà Đường là:

- Lý Bạch (701-762)
- Đỗ Phủ (712-770)
- Bạch Cư Dị (772-846)

(Xem thêm: *Thơ Đường luật, văn Th*)

Đường tý dương xa

螳臂當車

Đường: con bọ ngựa, thường nói là Đường lang 螳螂. **Tý:** cánh tay. **Đương:** chống cự. **Xa:** xe.

Đường tý dương xa là cánh tay con bọ ngựa mà chống cự với xe (Châu chấu chống xe).

Y nói: Không tự lượng sức mình, ắt có ngày thất bại, như con bọ ngựa dương càng ra chống lại xe, bị xe cán nát.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục vần G

GÀ

- Gà lòng

GAN

- Gan tấc

GẠN

- Gạn đục lóng trong

GĂN

- Găn-ta-ca

GHE

- Ghe phen

GIA

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Gia • Gia ân • Gia bản hiền hiếu tử • Gia công • Gia giáo bất nghiêm • Gia hòa vạn sự hưng • Gia nghiêm • Gia phả (Gia phở) • Gia pháp • Gia phong | <ul style="list-style-type: none"> • Gia tặc nan phòng • Gia tế phước • Gia thất • Gia tiên • Gia Tô Giáo chủ • Tiểu sử Đức Chúa Jésus • Gia vô bế hộ, lộ bất thập di |
|---|--|

GIÀ

- Già Lam (Xem chữ Đà Lam, vần D)

GIÁ

- Giá ngự

GIẢ

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Giả • Giả cuộc • Giả luật | <ul style="list-style-type: none"> • Giả mạo văn từ • Giả thân |
|---|--|

GIÁC

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Giác • Giác hải • Giác mê | <ul style="list-style-type: none"> • Giác nạn • Giác ngộ • Giác tánh |
|---|---|

- Giác thân
- GIAI**
 - Giai ngẫu
 - Giai kỳ
- GIẢI**
 - Giải
 - Giải căn
 - Giải cấu
 - Giải đãi
 - Giải khổ
 - Giải kết
 - Giải nạn
 - Giải nghệ
 - Giải nghiệt
- GIÁM**
 - Giám
 - Giám Đạo
- GIẢM**
 - Giảm
 - Giảm thâm
- GIAN**
 - Gian
 - Gian dâm
 - Gian giảo
- GIÁNG**
 - Giáng
 - Giáng bút - Giáng cơ
 - Giáng cấp
 - Giáng đàn
- GIẢNG**
 - Giảng đài
- GIAO**
 - Giao
 - Giao kết
 - Giao long đặc thủy
- Giác thể
- Giai quì
- Giải oan - Phép Giải oan
- Giải phần hữu sanh
- Giải quả trừ căn
- Giải thân định trí
- Giải thể
- Giải thi
- Giải thoát mê đồ
- Giám khảo
- Giảm tiêu
- Gian nguy
- Gian phu
- Gian truân
- Giáng lâm
- Giáng linh
- Giáng Ma Xử
- Giáng trần
- Giao phó
- Giao thân
- Giao thừa

GIÁO

- Giáo
- Giáo chủ
- Giáo dân
- Giáo đa thành oán
- Giáo đạo Nam phương
- Giáo đạo tha phương
- Giáo điều
- Giáo đồ
- Giáo giả học chi bán
- Giáo hóa
- Giáo Hoàng
- Giáo Hội
- Giáo Hữu
- Giáo lý
- Giáo nhi - Lễ sĩ
- Giáo nhi hậu thiện
- Giáo phẩm
- Giáo phụ sơ lai, Giáo tử anh hài
- Giáo sĩ
- Giáo Sư
- Giáo Thiện
- Giáo Tông
- Giáo Tông Đường

GIÀY

- Giày
- Giày đạo
- Giày gai áo bã
- Giày sen
- Giày vô ưu

GIẤC

- Giấc huỳnh lương
- Giấc mộng trần

GIỀM (DÈM)

- Giềm
- Giềm pha
- Giềm siểm

GIEO

- Gieo
- Gieo thảm chất sầu
- Gieo truyền

GIỌT

- Giọt
- Giọt lụy
- Giọt máu mủ
- Giọt nhành dương
- Giọt tử bi

GIỚI

- Giới
- Giới cấm
- Giới - Định - Huệ
- Giới sát
- Giới Tâm Kinh
- Giới tửu

GIỰC

- Giục loạn

GÓA

- Góa thân

GÓT

- Gót son

GÔNG

- Gông với tróng

GƯƠM

- Gươm huệ

GƯƠNG

- Gương
- Gương đạo
- Gương hạnh
- Gương nguyệt
- Gương vỡ lại lành

GÀ

Gà lồng

A: The cock in a case.

P: Le coq dans une cage.

Gà lồng là con gà bị nhốt trong lồng (lồng là cái chuồng nhỏ). Ý nói: Mất tự do, sống trong lo âu sợ sệt, không biết bị giết làm thịt lúc nào.

Thơ của Đức Lý Thái Bạch:

籠雞有米攤鍋近

野鶴無梁天地寬

Lung kê hữu mễ than oa cận,

Dã hạc vô lương Thiên Địa khoan.

Nghĩa là:

Con gà ở trong chuồng có đầy đủ lúa thóc mà gần bên cái nồi đang bày ra.

Con hạc ở ngoài đồng không có lương thực mà Trời Đất rộng rãi.

Ý nói: Thà chịu bữa đói bữa no mà được ung dung thông thả, còn hơn bị ràng buộc mất tự do, tuy ăn uống đầy đủ mà không biết cái chết kề bên.

TNHT: Bụng trống thành thoi con hạc nội,
Lúa đầy tủng tú phạm gà lồng.

"Thà cực mà được thông thả còn hơn sướng mà phải chịu nguy hiểm. Có mỗi Đạo diu mình được tự do thiêng liêng, mà cái tự do thiêng liêng ấy, ta hãy làm con hạc nội mới mong chiếm được."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GAN

Gan tấc

A: Courageous.

P: Courageux.

Gan: lá gan trong lồng ngực của con người, biểu thị sự bạo dạn dám làm những việc nguy hiểm mà người nhát không dám làm. **Tấc:** một tấc bằng 1/10 của thước. Chữ "Tấc" thường được dùng để nói về lòng dạ của con người với ý khiêm tốn: Tấc lòng, Tấc dạ, Tấc son.

Gan tấc là lòng dạ bên bĩ, can đảm, không đổi.

KCTPĐQL: Cho bên *gan tấc* noi đường thảo ngay.

CHÚ Ý: **Gang tấc:** Gang là một gang bàn tay, chỉ một đoạn ngắn; Tấc là 1/10 của thước. Gang tấc là chỉ sự gần gũi thân thiết. Truyện Kiều: Trong *gang tấc* lại gấp mười quan san.

KCTPĐQL: Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

GẠN

Gạn đục lóng trong

A: To clarify. P: Clarifier.

Gạn: lùa lọc để bỏ đi phần cặn bã. **Lóng:** để yên cho chất cặn lắng xuống đáy để lấy chất trong bên trên. **Đục:** chất bẩn. **Trong:** chất trong sạch.

Gạn đục lóng trong là lọc bỏ phần cặn bã dơ bẩn để lấy phần trong sạch bên trên.

Ý nói: Chừa bỏ dần dần các tánh nét xấu xa để giữ cho tâm tánh được trong sạch tốt đẹp.

TNHT: Thế giới cũng vì đó phải đổi thay, *gạn đục lóng trong* mà tạo thành miền Cực Lạc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GẮN

Gắn-ta-ca

(Xem chữ: Cấn-ta-ca, vần C)

GHE

Ghe phen

A: *Several times.*

P: *Plusieurs fois.*

Ghe: nhiều. Đây là từ ngữ xưa, nay ít dùng. **Phen:** lần.

Ghe phen là nhiều lần, đồng nghĩa: Đòi phen.

TNHT: Thầy cũng *ghe phen* muốn phạt những kẻ lấy bực phẩm của phàm mà gây nên rối rắm trong Đạo, nhưng chẳng nổi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIA

GIA

1. **GIA:** 加 Thêm, cho thêm.
Td: Gia ân.
2. **GIA:** 家 Nhà, gia đình.
Td: Gia pháp.

Gia ân

加恩

A: *To grant a favour.*

P: *Accorder une faveur.*

Gia: Thêm, cho thêm. **Ân:** ơn.

Gia ân là ban thêm ơn huệ.

TNHT: *Gia ân* đồ đệ dựng nền nhân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

Gia bản hiển hiếu tử

家貧顯孝子

Gia: Nhà, gia đình. **Bản:** nghèo. **Hiển:** lộ rõ ra.

Gia bản hiển hiếu tử là nhà nghèo mới rõ lòng con hiếu.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám, Ông Vương Lương có viết: *Quân thánh thần trung, phụ tử tử hiếu; gia bản hiển hiếu tử, thế loạn thức trung thần.* Nghĩa là: Vua thánh thì tôi trung, cha hiền thì con hiếu; nhà nghèo mới hiện rõ con hiếu, đời loạn mới biết bề tôi trung.

Cũng thường nói: *Gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thần.* Nghĩa là: Nhà nghèo mới biết con hiếu, nước loạn mới biết bề tôi trung.

Gia công

加功

A: To strive.

P: S'efforcer.

Gia: Thêm, cho thêm. **Công:** sức lực đem ra làm việc.

Gia công là thêm công sức vào đó để làm cho kết quả.

TNHT: Ấy là những đấng Thầy đã tin cậy đặng *gia công* dọn lối công gai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Gia giáo bất nghiêm

家教不嚴

Gia: Nhà, gia đình. **Giáo:** dạy. **Bất:** không. **Nghiêm:** chặt chẽ, đúng theo kỷ luật. **Bất nghiêm:** không chặt chẽ đúng phép.

Gia giáo bất nghiêm là việc dạy dỗ con cái trong nhà không được chặt chẽ, nghiêm nhặt.

Gia hòa vạn sự hưng

家和萬事興

Gia: Nhà, gia đình. **Hòa:** êm thuận với nhau. **Hưng:** thịnh.

Gia hòa vạn sự hưng là gia đình hòa thuận thì muôn việc đều hưng thịnh.

Gia nghiêm

家嚴

A: My father.

P: Mon père.

Gia: Nhà, gia đình. **Nghiêm:** chỉ người cha.

Gia nghiêm là tiếng gọi cha mình khi nói chuyện với người khác.

Đồng nghĩa Gia nghiêm là: Nghiêm đường, Nghiêm quân.

Gia phả (Gia phả)

家譜

A: The genealogical register.

P: Le registre généalogique.

Gia: Nhà, gia đình. **Phả** hay **Phổ:** quyển sách ghi chép có thứ tự.

Gia phả hay Gia phổ là quyển sách ghi chép các thế hệ tổ tiên trong dòng họ và lai lịch của tổ tiên.

Gia pháp

家法

A: The family rules.

P: Les règles familiales.

Gia: Nhà, gia đình. **Pháp:** phép tắc.

Gia pháp là phép tắc đặt ra cho gia đình mà mọi người trong gia đình phải tuân theo và gìn giữ.

TĐ ĐPHP: Anh em, thằng có đũa du côn không kể gia pháp, làm rối loạn gia đình thì kẻ đó, ai cũng muốn bỏ.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Gia phong

家風

A: The family habits.

P: Les mœurs familiales.

Gia: Nhà, gia đình. **Phong:** tạp quán, lề lối quen thuộc.

Gia phong là nếp nhà, lề lối quen thuộc trong gia đình.

CHÚ Ý: **Gia phong:** 加封 (Gia là thêm, phong ban cho chức tước) Vua ban thêm chức tước cho bề tôi (thăng chức).

Gia tặc nan phòng

家賊難防

Gia: Nhà, gia đình. **Tặc:** kẻ trộm. **Nan:** khó. **Phòng:** giữ gìn.

Gia tặc nan phòng là kẻ trộm ở trong nhà thì khó mà gìn giữ cho khỏi bị mất trộm.

Gia tế phước

加濟福

A: To grant the favours.

P: Accorder les faveurs.

Gia: Thêm, cho thêm. **Tế:** giúp đỡ. **Phước:** điều tốt lành.

Gia tế phước là cứu giúp và ban thêm phước lành.

BDH: Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước.

BDH: Bài Dâng Hoa.

Gia thất

家室

A: The family, to built a family.

P: La famille, fonder une famille.

Gia: tiếng vợ gọi chồng. Sách Mạnh Tử: "Nữ tử sinh nhi nguyên vi chi hữu gia." Nghĩa là: Con gái sanh ra, cha mẹ mong cho con gái có chồng. **Thất:** tiếng chồng gọi vợ. Kinh Lễ: "Tam thập viết tráng hữu thất." Nghĩa là: Ba mươi tuổi là tráng niên có vợ.

Do đó, *gia thất là chỉ vợ chồng, việc lập gia đình.*

TĐ ĐPHP: Đối với xã hội, tổ phụ chúng ta biết con cái lớn lên phải lập *gia thất*.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Gia tiên

家先

A: The ancestors.

P: Les ancêtres.

Gia: Nhà, gia đình. **Tiên:** trước, chỉ tổ tiên.

Gia tiên là tổ tiên của gia đình.

Gia Tô Giáo chủ

耶蘇教主

Đức Chúa Jésus Christ là Giáo chủ của Thiên Chúa giáo. Thiên Chúa giáo còn được gọi là Công giáo, Đạo Gia-Tô, nên Đức Chúa Jésus còn được gọi là Gia-Tô Giáo chủ.

Đạo Thiên Chúa do Đức Chúa Jésus lập ra ở nước Do Thái, sau Đạo Phật ở Ấn Độ 544 năm.

Đạo Thiên Chúa là Thánh đạo trong Ngũ Chi Đại Đạo.

Đức Chúa Jésus là chơn linh của Đức Phật Christna, một vị Phật trong Tam Thế Phật, giáng sanh để mở đạo Thánh nơi Do Thái, cứu độ các sắc dân ở Âu Châu thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo trong ngày Vía Đức Chúa Jésus 25-12-1948 và 25-12-1949, xin trích ra như sau:

"Có một Đấng Chơn linh Tam Thế Chí Tôn, nơn loại đều biết danh: Brahma Phật, tức là Tạo hóa; Nhị thế Çiva Phật, tức Tấn hóa; Tam thế Christna Phật, tức Bảo tồn; Đấng trọn quyền bảo tồn ấy là lòng ái tuất thương sanh vậy.

Vì cơ cho nên, Đức Chúa Jésus Christ thương nơn loại một cách nồng nàn thâm thúy.

*Ngài đã ngộ thấy Nhứt Kỳ Phổ Độ, nơn loại ký Hoà ước với Chí Tôn mà đã bội ước, nên phạm Thiên điều, nơn quả nơn loại gớm ghiết. Do nơn quả ấy mà tội tình nơn loại lưu trữ đến ngày nay. Thánh giáo gọi "**Tội Tổ Tông**". Chính mình Ngài đến, đến với một xác thịt phạm phu, Ngài đến giơ tay để ký Đệ nhị Hòa ước với Đức Chí Tôn, chịu tội cho nơn loại, ký Đệ nhị Hòa ước đặng dìu dắt chúng sanh trở về cùng Đấng Cha Lành của họ tức là Đức Chí Tôn của chúng ta ngày nay đó vậy.*

Đấng ấy vô tận vô biên, thấy nạn của nơn loại đã đầy đầy, Ngài chỉ xuống mặt thế này làm con tế vật đặng chuộc tội tình cho nơn loại, mà lại còn đem quyền của Chí Tôn để nơi tay của nơn loại, bàn tay đó đã ký Đệ nhị Hòa ước cho nơn loại, nó làm cho Ngài thế nào? Do tay Ngài ký tờ Hòa ước với Chí Tôn, nên hai tay của Ngài bị đóng đinh trên cây Thập tự giá. Hai chân của Đấng ấy đã đi trước nơn loại, dìu đường hằng sống cho họ, rồi hai chân của Đấng ấy cũng bị đóng đinh trên cây Thánh giá. Còn trái tim yêu ái nơn sanh vô hạn ấy bị một mũi kiếm vô tình đâm cạnh hông Ngài, lấy giọt máu cuối cùng đó đặng cứu nơn loại, một tình ái vô biên ấy để lại cho loài người một tôn chỉ yêu ái. Tôn chỉ nhìn nơn loại là anh em cốt nhục và khuyên nhủ nơn loại coi nhau đồng chủng.

Cho đến ngày nay, cả nơn loại trên Địa cầu này không chịu nghe lời Ngài, không theo bước của Ngài, nên nạn tương tàn tương sát sắp diễn ra gần đây. Nhưng nếu chừng nào toàn cả nơn loại biết thương yêu nhau, vì tình cốt nhục, thì cái nạn tương tàn tương sát trên mặt Địa cầu này sẽ không còn nữa.

Hai tấn tuồng, hai thảm trạng như thế, có thể đưa nơn loại đến chỗ tiêu diệt mà chớ, vì nơn loại không biết nghe, Đấng

ấy đã lấy máu thịt của mình làm con tế vật dâng hiến cho Đức Chí Tôn để cầu xin tha tội cho nhơn loại.

Nhơn loại sẽ mất đức vì không nghe theo Đấng Cứu thế. Đấng ấy đã bảo anh em phải yêu ái nhau, giúp đỡ nhau, sống cùng nhau cho trọn vẹn kiếp sanh.

Trái ngược lại, Đệ nhị Hòa ước kia đã ký với Đức Chí Tôn bị nhơn loại bội ước nữa. Vì bội ước mà bảo nhơn loại không bị tội tình mắc mỏ sao được.

Đêm nay, nhờ hiển Thánh anh linh của Đấng Cứu thế, Đấng ấy đã để lòng ưu ái vô tận, mong cứu vãn tình thế nguy ngập, lấy cả tình ái ấy làm phương giải khổ cho nhơn loại.

Chúng ta để tâm cầu nguyện Ngài, để Ngài mở con mắt thiêng liêng cho chúng sanh đặng nhìn thấy cái chơn tánh của kiếp sống họ nơi nào, đừng mê muội, đừng ngu dốt, lấy tinh thần sáng suốt, bỏ cái Lục đục Thất tình đầy tội ác này."

"Cái chết của Đức Chúa Jêsus Christ là gì? Là Ngài đem xác Thánh quý trọng dâng cho Đức Chí Tôn làm tế vật. Xác Thánh chết trên Thánh giá là tế lễ đồng thể với Tam Bửu của chúng ta dâng cúng Đức Chí Tôn ngày nay đó vậy.

Vậy, Đức Chúa Jêsus Christ đã làm con tế vật cho Đức Chí Tôn đặng cứu chuộc tội lỗi của loài người, nhứt là các sắc dân Âu Châu, nên danh thể Ngài để hai chữ Cứu Thế chẳng có chi là quá đáng."

"Ngài chết như thế ấy, nếu không phải con mắt thiêng liêng oai quyền của Đức Chí Tôn thì cái chết của Jêsus Christ mai một mờ ám mà thôi, không có cái gì gọi là Chí Thánh cả. Không phải vậy, Đức Chí Tôn đã hứa, đã nhìn nhơn loại là con và chính mình Ngài đã ở trọn hiếu cùng hy sinh tánh mạng của mình làm cho danh của Đức Chí Tôn cao trọng và làm cho nhơn loại đặng hưởng đặc ân của Đức Chí Tôn chan rưới, làm cho con cái của Chí Tôn biết cái hiếu của Ngài đối với Đức Chí Tôn.

Từ thử tới giờ, chưa có một Giáo chủ nào đã làm. Cái hiếu của Ngài đến giờ chót đối với Đức Chí Tôn đã trọn.

Còn Đức Chí Tôn, nếu không phải giữ Nghĩa với đấng con yêu dấu, con hiếu hạnh của Ngài, thì cái chết của Jêsus Christ

bất quá như kẻ tù nhân chết mà thôi, có đâu lên phẩm vị Giáo chủ, ngồi trên ngai thiêng liêng vô cùng quý báu trên mặt địa cầu này gần 2000 năm.

Trong lúc Đức Chúa Jésus Christ làm con hiếu hạnh có 3 năm thôi, mà Đức Chí Tôn trả lại cái danh dự sang trọng cho Ngài đến 1949 năm là năm nay."

Tiểu sử Đức Chúa Jésus

Đức Chúa Jésus giáng sanh trong một gia đình bần hàn nhưng rất đạo đức: Gia đình Bà Maria và Ông Joseph.

Bà Maria trước đó là một Nữ tu trong Đền thờ Jérusalem, đến tuổi lấy chồng, luật Đền thờ buộc các Nam tu sĩ trong Đền thờ phải có người đứng ra cưới, bởi vì căn cứ theo lời dạy của Thượng Đế với Ông Adam và Bà Êve: "Unissez-vous et multipliez." (Bây phải chung sống cùng nhau đặng sanh sản ra nhiều nữa).

Lễ chọn chồng của Nữ tu Maria tổ chức theo luật của Đền thờ: Các vị Nam tu sĩ chưa có vợ, mỗi người lựa một nhánh bông, cắm vào bình bông đặt trong Đền thờ, sau ba ngày, bông của người nào còn tươi tắn là duyên của người đó, phải cưới Maria.

Ông Joseph lúc đó đã 50 tuổi, cũng phải theo luật lệ đó. Các vị Nam tu sĩ trẻ tuổi đã lựa bông kỹ lưỡng với nhiều hy vọng và đã cắm vào bình hoa hết rồi. Còn Joseph nghĩ mình đã già rồi, có vợ con làm chi nữa, nhưng luật Đền thờ thì phải vâng, nhưng làm cho có lệ. Ông lựa một nhánh bông huệ khô héo của ai bỏ dưới đất, đem cắm đại vào bình. Nhưng kỳ lạ thay, loài hoa huệ, những bông nở tàn rồi thì rụng đi, còn bông búp bắt nước sống lại, nở ra tươi tốt. Các thứ hoa khác trong bình đều tàn rụi. Thế là Ông Joseph phải cưới Maria.

Luật Đền thờ lại buộc hai vợ chồng mới cưới phải ra ở ngoài, không được ở trong Đền thờ nữa. Vợ chồng Maria và Joseph dất ra ngoài mượn nhà ở, lo làm ăn sanh sống. Ông Joseph làm nghề thợ mộc, Bà Maria làm nghề vá may, đan thêu, tạm sống qua ngày.

Bà Maria có thai con đầu lòng: Chúa Jésus. Bà được Thiên Thần Gabriel báo mộng cho biết Bà sẽ sanh ra cho loài người một Đấng Cứu Thế.

Đến ngày Lễ Noel hằng năm tổ chức long trọng nơi Đền thờ Jérusalem, tuy bụng mang dạ chửa gần ngày sanh nở, nhưng vì lòng mộ đạo, hai vợ chồng Maria-Joseph đều cố gắng đi đến Đền thờ để cầu lễ. Khi đến nơi, các quán trọ đều bị khách dự lễ mượn hết, tiết Trời lại quá lạnh lẽo, hai vợ chồng phải đến Bêlem, xin với một chủ trại cho tạm trú đỡ trong chuồng chiên.

Đúng 12 giờ khuya đêm 24 tháng 12 dương lịch, Bà Maria chuyển bụng sanh ra Chúa Jésus. Chúa Hài đồng được quấn tã và được tạm đặt vào máng cỏ cho đỡ lạnh nơi chuồng chiên trong hang đá.

Các nhà Tiên tri đã báo trước ngày Chúa giáng sanh: Ngày nào sao chổi mọc là ngày đó Chúa giáng sanh, nên nhớ mà để ý tìm người. Trong giờ Chúa giáng sanh, có nhiều huyền diệu xảy ra: Đám chăn chiên ngoài đồng bỗng nghe giữa thình không có tiếng nói của Thiên Thần: Có Chúa Cứu Thế giáng sanh, hào quang tỏa sáng ngời.

Các người chăn chiên liền đi tìm và gặp Chúa Hài đồng nằm trong máng cỏ, họ đánh lễ Chúa trước tiên hơn hết.

Vua Hérode đang cai trị dân Do Thái, bỗng tiếp kiến các Đạo sĩ từ phương Đông tìm đến và hỏi rằng: "Vua dân Do Thái mới sanh ra hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Ngài bên Trời Đông, nên tìm đến để đánh lễ Ngài."

Nghे vậy, vua Hérode hoảng hốt và cả thành Jérusalem cũng náo động lên. Ông cho triệu tập các vị Thượng Tế và Ký Lục để hỏi thì họ cho biết Chúa đã được sanh ra ở Bêlem xứ Judê. Vua Hérode lo sợ sự hiện diện của Chúa làm hại đến quyền lực của Ông, nên Ông tìm cách giết Chúa, nhưng Ông không biết trẻ con nào là Chúa. Ông ra lệnh giết tất cả những đứa trẻ từ 2 tuổi trở xuống, tính theo thời gian mà Ông đã hỏi nơi các Đạo sĩ.

Thiên Thần liền hiện ra báo mộng cho ông Joseph, bảo: Hãy chỗi dậy và đem hài nhi và mẹ Ngài trốn qua Ai Cập và cứ

ở đó cho đến khi ta nói lại, vì vua Hérode sắp lòng bắt hài nhi mà giết đi.

Sáu năm sau, vua Hérode chết. Thiên Thần lại đến báo mộng bảo Joseph: Hãy chỗi dậy và đem hài nhi và mẹ Ngài trở về Do Thái vì kẻ tìm hại hài nhi đã chết.

Ông Joseph đem gia đình về xứ Galilé ở thành Nazaret. Chúa Jésus được 6 tuổi. Hai ông bà còn sanh thêm 4 người con nữa, cả gia đình sống rất bận rộn. Ông Joseph tiếp tục làm nghề thợ mộc, bà Maria thì vá may. Chúa Jésus là anh cả trong nhà thường giúp mẹ đội nước mướn ở bờ sông Jourdain.

Lúc Chúa Jésus được 12 tuổi, Ngài theo cha học nghề thợ mộc. Khi đó, Ông Joseph lãnh làm nhà cho một người trong xóm, tính toán thế nào mà khi cất cột gỗ, mấy cây cột đều cụt hết. Chủ nhà bắt đền.

Ông Joseph ngồi khóc ròng, vì nhà nghèo tiền đâu mà đền. Chúa Jésus liền cầu nguyện, rồi cha nắm một đầu cột, con nắm một đầu cột kéo dần dài ra cho đủ thước tắc để bồi thường cho chủ nhà. Việc làm liều đó, lạ lùng thay, cây cột gỗ lại dần dài ra như ý muốn.

Đó là Đấng Christ làm phép lạ lần đầu tiên lúc 12 tuổi.

Cũng trong năm đó, Chúa Jésus vô Đền thờ Jérusalem. Các vị giáo sĩ trong Đền thờ nghe danh Chúa là thần đồng liền xúm lại chất vấn. Buổi đó, Đức Christna Phật giảng linh trên Chúa, nên Ngài đã ngồi giữa các vị giáo sĩ thuyết pháp say mê làm mọi người rất đổi kinh ngạc.

Từ đó, Chúa Jésus về nhà thì cũng như mọi người, phụ làm thợ mộc với cha, hiếu hạnh với mẹ, hòa nhã với em út. Nhưng các em thường hay lấn lướt Ngài. Cảm thấy khó khăn, Chúa Jésus bèn xin đi làm thuê bên ngoài, lấy tiền về phụ với cha mẹ nuôi gia đình.

Thời gian dài trôi qua, đến năm Chúa Jésus được 30 tuổi, nghe Thánh Jean Baptiste đang làm lễ Giải Oan tại bờ sông Jourdain, Chúa Jésus liền đi đến đó. Khi nhìn thấy Chúa Jésus từ xa đi tới, Thánh Jean Baptiste biết đây là Chúa Cứu Thế, mới nói: *"Từ sáng tới giờ, tôi chỉ chờ vị này mà thôi."*

Đức Chúa đến thọ pháp Giải Oan nơi Thánh Jean. Khi Thánh Jean hành pháp vừa xong, Đức Chúa Jésus từ dưới sông vừa bước lên bờ thì trên không trung hiện ra hào quang sa xuống giữa đầu Chúa và có tiếng phán rằng: "*Này con yêu dấu của Ta! Cả ân đức của Ta để cho người đó.*"

Sau đó, Chúa Jésus được khiến đi vào sa mạc để chịu sự thử thách của Quỷ Satan. Suốt 40 ngày đêm, Chúa bị Quỷ vương cám dỗ đủ điều, nhưng không dụ được Chúa. Quỷ vương đành khuất phục trước sự cao cả của Ngài.

Từ buổi đó, Đức Chúa Jésus là chơn linh của Đấng Christna Phật giáng hạ. Ngài bắt đầu truyền Đạo khắp nơi, thân nhận 12 Tông đồ, làm nhiều phép lạ để cứu khổ nhơn sanh. Ngài xưng là con của Đức Chúa Trời, tức là con của Thượng Đế và tôn vinh Đấng Thượng Đế cao cả.

Đức Chúa Jésus, với lòng thương yêu nhơn sanh một cách nồng nàn, Ngài đã dạy dỗ các môn đồ lòng thương yêu, bác ái, hạnh bố thí, sự chơn thật, khiêm nhượng, tự xét mình để sửa mình, các điều răn cấm, giữ tâm thanh cao trong sạch, lời nói trọn lành, hành động chơn chánh, thờ kính Đức Chúa Trời một cách hết lòng.

Bởi luật vô vi, không ai thoát khỏi ngày Phán Xét cuối cùng, dù người đã chết hay người đang sống, cũng đều chịu sự thưởng phạt đúng mức công bình.

Tất cả những điều giáo huấn của Đức Chúa Jésus tạo thành một hệ thống giáo lý cho nền Đạo Thánh ở nước Do Thái, truyền bá mạnh mẽ sang Âu Châu. Uy quyền của bọn vua quan phong kiến và bọn Giáo chủ Cai-phe bị lung lay, nên chúng tìm cách giết Chúa Jésus.

Bọn chúng vu cáo Ngài mưu việc phản loạn, chúng lại mua chuộc Yuda, một Tông đồ của Chúa, phản lại Chúa. Tiền bạc đã làm chóa mắt Yuda, ông đã điềm chỉ cho bọn lính bắt Chúa. Chúa Jésus bị chúng lên án tử hình và bị đóng đinh trên Thập tự giá. Đức Chúa Jésus đã biết trước việc đó, nhưng Ngài không né tránh, mà cứ thể theo Thiên ý.

Cái chết của Ngài có ý nghĩa gì?

Đó là đem xác Thánh quý trọng hiến dâng lên Đức Thượng Đế, làm con tế vật hầu chuộc tội cho loài người. Việc làm này đồng thể với việc dâng Tam bửu của tín đồ Cao Đài lên Đức Chí Tôn, nhưng lại tuyệt đối cao trọng hơn.

Cái chết của Chúa Jêsus để chuộc tội cho các sắc dân Âu châu thật cao cả, xứng đáng là Chúa Cứu Thế của nhơn loại.

Mười hai vị Thánh Tông đồ của Đức Chúa Jêsus là:

1. Simôn, cũng gọi là Phêrô (Thánh Pierre).
2. Anhrê, em của Phêrô.
3. Yacôbê, con của Zêbêđê.
4. Yoan, em của Yacôbê.
5. Philip.
6. Barthêlêmy.
7. Thôma.
8. Mathiơ là người thu thuế.
9. Yacôbê, con của Alphê.
10. Thađê.
11. Simôn nhiệt thành người Ca-na-an.
12. Yuda Iscariốt (được thay bằng Matthya).

Chính Yuda đã bán Chúa để nhận tiền của bọn Cai-phe đem về mua ruộng đất, nhưng liền bị tai nạn té nhào, vỡ bụng lòi ruột chết thảm. Mười một Tông đồ còn lại của Chúa đã cử Ông **Matthya** thay thế Yuda cho đủ số 12 Tông đồ như lúc đầu.

Đức Chúa Jêsus, tuy là Giáo chủ Thánh đạo, nhưng chơn linh Ngài là một vị Phật. Ngài lãnh lịnh Đức Chí Tôn mở Đạo Thánh nơi nước Do Thái để cứu độ các sắc dân ở Âu châu.

Đức Chúa Jêsus giáng sanh, dù do phạm thai hay do Thánh thai, dù là con ruột của ông Joseph thuộc dòng dõi vua David (tức là phạm thai, Đức mẹ Maria không đồng trinh), hay là con nuôi của ông Joseph, không thuộc dòng dõi của vua David (tức là Thánh thai, Đức mẹ Maria đồng trinh), thì sự tôn thờ Chúa, không phải căn cứ vào điều đó, mà căn cứ vào công đức và sự nghiệp của Chúa đối với nhơn loại. Chúa Jêsus đã dạy dỗ nhơn loại nhiều điều hữu ích và sau cùng dùng cái chết của mình trên cây Thập tự giá để chuộc tội cho

loài người và trả hiếu Thượng Đế. Đó mới là điều quan trọng. Nhơn loại mới tôn thờ Ngài, suy tôn Ngài là Đấng Cứu Thế.

Nếu nói rằng Đức Chúa Jêsus giáng sanh bằng phàm thai là hạ thấp giá trị của Chúa thì hoàn toàn không đúng, bởi vì nếu đúng như vậy, Đức Phật Thích Ca hay Đức Khổng Tử đều giáng sanh bằng phàm thai thì không đáng kính trọng hay sao?

Các Đấng ấy là Giáo chủ tôn giáo, thuộc hàng Tiên, Phật, thì không cần các môn đệ Thần Thánh hóa các Ngài, vì điều đó chỉ đem lại sự mê tín cho các tín đồ, làm trở ngại bước đường tu tiến mà thôi.

Trong sự thờ phượng của Đạo Cao Đài, việc sắp xếp Đức Chúa Jêsus ngồi dưới Đức Đại Tiên Trường Lý Thái Bạch không có nghĩa là Đức Chúa Jêsus nhỏ hơn Đức Lý, mà đó chỉ là thứ tự trong Ngũ Chi Đại Đạo. Bắt đầu từ Nhơn đạo với phẩm Giáo Tông, đối phẩm với Thiên Tiên hay Phật vị, lên kế trên là Thần đạo (với Đức Khương Thượng Tử Nha), kế trên nữa là Thánh đạo (với Đức Chúa Jêsus mà chơn linh là Đức Phật Christna), kế lên Tiên đạo (Đức Lý Thái Bạch) và trên cùng là Phật đạo với Đức Phật Thích Ca.

Hàng năm, khi đến ngày Lễ Noel, ngày giáng sanh của Chúa Jêsus, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều thiết Đại lễ cúng Vía Đức Chúa Jêsus, có Chức sắc thuyết đạo nhắc lại công đức của Chúa đối với nhơn loại.

*"Vâng lệnh Vua Cha xuống thái bang,
Truyền ra Đạo Thánh rất gian nan.
Ba mươi năm lễ chưa toàn vẹn,
Ngàn chín trăm dư thế muốn tàn.
Đắc lệnh Vua Cha truyền lập lại,
Vâng lời Kim Mẫu tá phàm gian.
Thuyết đàn vạn quốc nay mai sẽ,
Phổ độ Ngũ Châu, vạn sự toàn."*

(Bài thi do Đức Chúa Jêsus giáng cơ)

Sau đây là một bài Thánh giáo của Đức Gia Tô Giáo Chủ ngày Noel 1967 tại Th. Thất Bàu Sen, trích Thánh Giáo Sư Tập.

Mathieu chào chư Thiên mạng nam nữ. Vâng lệnh báo đản, có **THÁNH CHÚA** giá lâm. Chào chư liệt vị. Thăng.

Tiếp diễn:

Ta đến với một mùa đông đầy gió rét,
Để hy sinh cứu rỗi cho nhân loài.
Ta lại đến trong cơn lửa bỏng dầu sôi,
Để cất tiếng từng hồi gọi đản chiên lạc lỏng.
Chúa Cứu Thế muôn đời còn mãi sống,
Sống muôn đời và sống mãi muôn đời.
Việt Nam ơi! Hồng Lạc ơi!
Đấng Thượng Đế, Đức Cao Đài đang ngự trị.

GIA TÔ GIÁO CHỦ - JÉSUS CHRIST

Ta chào chư sứ mạng, chào chư hiền nam nữ.

Điển lành của Thượng Đế vẫn toàn vẹn nơi lòng chư hiền trên mọi bước đường thế Thiên hoàng đạo. Miễn lễ, chư hiền an tọa.

Một lần nữa, đông thiên lại đến với nhân loài. Thêm một lần nữa chư hiền kỷ niệm ngày Ta giáng lâm. Khi thái dương bừng sáng, Ta lại đến, đến để hành tròn sứ mạng thiêng liêng.

Hỡi dân tộc được chọn! Hỡi dân tộc được thương yêu!

Này chư hiền nam nữ, quốc gia này còn tan tác là vì dân tộc này chưa vừa ý trong sứ mạng của Thượng Đế Chí Tôn.

Một hân hạnh lớn lao, một hãnh diện to tát, chư hiền được đem ra từ một dân tộc của một quốc gia trong muôn vàn quốc gia mà Đại Từ Phụ điểm nhuận. Trách vụ cam go chỉ giao cho người chí khí. Mọi thử thách sẽ định giá cho thành quả của sự vụ mai sau.

Ta nói với chư hiền: Chính sự vầy vò của tâm tư, sự nhọc nhằn của thể xác, sự gò ép, sự chết chóc, sẽ điểm đạo cho hàng Thiên mạng. Xem gương Ta đi trước mà mạnh bước vượt qua rừng sâu bể khổ. Ta đã đến với nhơn sanh trong đau khổ lạnh lùng, đem thân mình hòa đồng trong băng tuyết, trong gió rét đêm đông.

Có người đã bảo chư hiền: không vào tận hang cọp làm sao bắt được hùm con. Ta lại nói: Chỉ có đem mình vào bẫy hổ mới cứu vớt sự đắm chìm của nhơn loại.

Hãy xem gương Do Thái, lấy đó làm gương cho chư hiền. Không một phần thưởng nào không ban cho đũa khôn ngoan; không một trách phạt nào không ban cho đũa phản lại ý thành của bề trên.

Hỡi chư hiền của dân tộc được chọn! Sứ mạng mà chư hiền được Chí Tôn giao phó, không phải là người vun phân, mà là người gieo giống. Sự quan trọng không phải những điều kiện khởi phát mà là mầm khởi phát.

Có ai bảo cái hoang phế của mùa đông, cái trơ trọi dưới lớp tuyết dày mà không có sự sống, hay cái nguy nga rực rỡ, cái đồ sộ của lâu đài mà bảo rằng không có sự tàn tạ suy vi. Đừng thấy cái cháy bỏng của sa mạc mà bảo rằng sau một cơn mưa, bãi cát chết không là đồng cỏ đầy sinh khí.

Kìa xem quá khứ, hiện tại và tương lai, có bao giờ Ta ngự trên ngai vàng của vua Do Thái. Chính cái ngai vàng David đã vùi chôn về cho David, mà cái tâm tư của nhơn sanh âu vẫn là ngai vàng bất diệt. Hãy noi gương Ta mà hành tròn sứ mạng.

Điều cần nhứt cho người được mang danh là Thiên mạng, không phải chỉ biểu tượng hình thể của Chí Tôn tại bên ngoài, mà chính là phải quyết lòng biểu dương Thiên ý vào trong mọi từng lớp nhơn sanh. Những cái tạm bợ cũng trở về cho tạm bợ, cái bất diệt đều trả về cho bất diệt.

Tất cả mọi sự ở thế gian đều là một phương tiện, một cứu rỗi vô sanh bất diệt cho nhơn sanh. Gieo một giống tốt, dầu sớm hay muộn, hãy chờ ngày gặt hái. Không chú trọng vào cái tạm bợ, nhưng mượn cái tạm bợ để thi hành cứu cánh.

Chư hiền hãy dọn mình cho sẵn, ngày giờ đến đang sửa soạn đến. Cái sống của mùa xuân đang luân lưu trong mùa đông chết chóc, đêm tối âm u là bình minh dọn đường bừng sáng. Hỡi dân tộc được hiến dâng! Đừng mê ngủ, đừng say đắm, đừng mơ màng trong bóng tối đêm đông. Hãy bừng tỉnh, hãy đợi chờ ánh xuân quang đến khi không ai ngờ đến. Sứ mạng của kẻ chăn chiên trong mùa đông là canh chừng.

Phải hiền từ hơn tất cả kẻ hiền từ, phải khôn ngoan hơn tất cả sự khôn ngoan. Cái lạnh lùng nó ru ngủ con người trong mê dại để rồi đi vào cõi chết. Chỉ có những kẻ tỉnh mới thoát khỏi quyền rũ của giá lạnh đêm đông.

Kia đàn chó sói đói khát đang rình rập chực hiền và đàn chiên trong mọi lối. Hãy cố gắng lên! Lấy sức mạnh của người được đặt để, đem dũng cảm của người dọn đường mà hành đạo.

Chư hiền nên lưu ý, sứ mạng vẫn là sứ mạng, kẻ được chọn vẫn là được chọn. Nên lấy quá khứ để làm đà tiến, đem hiện tại để làm phương tiện, lấy tương lai làm cứu cánh. Càng bảo tố phủ phàng, càng biểu dương tinh thần của kẻ vững leo vững lái. Sự nhứt tâm trong sứ mạng, sự đoàn kết trong thực hành sẽ giúp chư hiền vượt qua muôn ngàn thử thách. Đừng dại dột phân tranh trên phi cơ khi gió loạn. Ngoại cảnh phủ phàng, nội bộ điên nguy sẽ đưa nhau nhận chư hiền đắm chìm trong Phong đô hỏa ngục.

Hỡi chư hiền! Hãy thương những người đi trước chư hiền vì đó mới có vết chân đi trước, hãy thương những bậc đi sau chư hiền vì đó mới có vết chân đi sau. Nhạc trùng dương không bao giờ dứt, vì mọi làn sóng cứ kế tục theo nhau ngày đêm chẳng cách ngăn rời rạc.

Cuối cùng Ta muốn nói với chư hiền về Thiên mạng vì hơn là hãy làm con chiên khôn ngoan hơn là làm người chần chừ u tối. Giá rét nào không trở lại mùa đông, sứ mạng nào không trao cho người đã chọn. Việt Nam ơi! Hồng Lạc ơi! Đấng Thượng Đế Cao Đài đang ngự trị.

Ta chào chư hiền nam nữ được toàn vẹn ân điển trong mọi chư hiền. Đêm nay, Ta ban ơn lành cho tất cả con người nơi thế gian được bằng an và làm sáng danh Ta, danh Đạo trong muôn thuở.

Ta cũng giáng khắp nơi và để lời dạy dỗ hơn sanh, tùy trình độ, tùy hoàn cảnh.

Chào chư sứ mạng, chào chư hiền nam nữ. Ta trở lại nước Thiên Đàng. THĂNG.

Gia vô bế hộ, lộ bất thập di

家無閉戶，路不拾遺

Gia: Nhà, gia đình. **Vô:** không. **Bế:** đóng lại. **Hộ:** cửa có một cánh. Cửa hai cánh gọi là Môn. **Lộ:** đường đi. **Bất:** không. **Thập:** lượm, nhặt. **Di:** sót mất, rơi mất.

Gia vô bế hộ: Nhà không đóng cửa.

Lộ bất thập di: Ngoài đường không lượm của rơi.

Câu trên, ý nói: Đời Thánh đức thái bình, dân chúng có đời sống sung túc, hạnh phúc và biết tôn trọng đạo đức, nên ban đêm, ngủ không cần đóng cửa (vì không có kẻ trộm), đi ra ngoài đường gặp của rơi, không ai lượm lấy vì không cần thiết.

Trong Tờ Khai Đạo mà Đức Quyền Giáo Tông gửi lên Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol ngày 7-10-1926, có câu:

"On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (Gia vô bế hộ, lộ bất thập di), tel est l'adage dans nos annales."

Dịch ra như sau: Vào thời xưa, người ta sống không lo âu, đến nỗi người ta có thể ngủ không đóng cửa và cũng không thèm lượm của rơi ngoài đường (Gia vô bế hộ, lộ bất thập di), ấy là câu ngạn ngữ ghi chép trong sử sách của chúng tôi.

GIÀ

Già Lam

(Xem chữ Đà Lam, văn D)

GIÁ

Giá ngự

駕御

A: The descent of God.

P: La descente de Dieu.

Giá: xe của vua đi. **Ngự:** ngồi lên một cách trang trọng.

Giá ngự là vua ngồi lên xe để đi.

Ở đây, Giá ngự là nói Đấng Thượng Đế ngồi lên xe đi xuống cõi trần.

BDH: Từ Bi giá ngự rạng môn thiên.

BDH: Bài Dâng Hoa.

GIẢ

GIẢ

GIẢ: 假 Không thật, làm giống y như thật để lừa gạt người.

Td: Giả luật, Giả mạo, Giả thân.

Giả cuộc

假局

A: The false situation.

P: La situation fausse.

Giá: Không thật, làm giống y như thật để lừa gạt người.

Cuộc: còn đọc là Cực: tình hình cụ thể.

Giá cuộc là cuộc diện giả tạo để gạt người không biết.

TNHT: Nó bày bố ra mỗi nơi một *giả cuộc* mà đổ dành các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giả luật

假律

A: False laws.

P: Lois fausses.

Giả: Không thật, làm giống y như thật để lừa gạt người.
Luật: pháp luật.

Giả luật là luật pháp giả tạo, không giá trị.

Đối nghĩa Giả luật là Chơn luật, là luật pháp chơn truyền, tức là Chánh pháp. Chơn luật của các tôn giáo xưa, lần lần bị người phạm sửa cải, ngày nay không còn đúng như buổi đầu, biến thành Giả luật, khiến cho các mối Đạo bị bể, nên tu hữu công mà không thành chánh quả.

TNHT: Phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trông *giả luật*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giả mạo văn từ

假冒文詞

A: To falsify the writing.

P: Falsifier les écrits.

Giả: Không thật, làm giống y như thật để lừa gạt người.
Mạo: làm giả. **Văn từ:** lời văn viết ra.

Giả mạo văn từ là làm giả các thứ giấy tờ để lừa gạt người, lừa gạt Hội Thánh hay các cơ quan.

Giả mạo văn từ là một tội trong Thập hình của Đức Lý Giáo Tông. Ai phạm vào tội này thì bị giáng cấp từ phẩm đương quyền xuống một hoặc hai cấp.

Giả thân

假身

A: Untrue body.

P: Corps irréal.

Giả: Không thật, làm giống y như thật để lừa gạt người.
Thân: xác thân.

Giả thân là cái xác thân giả tạm, không thiết nên không bền vững với thời gian. Đó là cái xác thân phàm, bằng xương bằng thịt. Nó chỉ tồn tại một thời gian rồi phải chết và tan rã.

Linh hồn đầu kiếp xuống trần, phải tạm mượn xác thân giả tạm này một thời gian để trả quả, học hỏi và tiến hóa. Nhờ có xác thân phàm mới có được TINH, nhờ có TINH mới có thể luyện đạo: Luyện TINH hóa KHÍ, luyện KHÍ hiệp THẦN, và luyện THẦN huần HU, đắc đạo tại thế. Khi linh hồn xuất ra khỏi xác thân giả tạm thì cái giả thân phải chết, xác thịt thúi rữa và tan rã, rồi mục nát biến thành đất.

Đối với Giả thân là Chơn thân, là cái xác thân chơn thật, tồn tại vĩnh viễn với thời gian. Đó là Xác thân thiêng liêng, còn gọi là Chơn thân. (Xem: **Chơn thân, văn Ch**).

GIÁC

GIÁC

GIÁC: 覺 Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý.

Td: Giác mê, Giác ngộ, Giác tánh.

Giác hải

覺海

A: The sea of awakening.

P: La mer de réveil.

Giác: Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý. **Hải:** biển.

Giác hải là biển giác ngộ.

Cái trí giác ngộ của chúng sanh rộng lớn mênh mông như biển cả, chỉ vì bị vô minh và phiền não che lấp nên trở thành hạn hẹp và không sáng tỏ. Nếu tu hành đúng theo Phật pháp chơn truyền, gìn giữ giới luật, luyện tâm và tư tưởng cho trong sạch thì dần dần trí huệ phát khai, biển giác sẽ thể hiện.

Giác mê

覺迷

A: To awake the blinding.

P: Réveiller l'aveuglement.

Giác: Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý. **Mê:** tối tăm, làm lạc. Trái với Mê là Giác.

Giác mê là làm cho những người mê mọi giác ngộ để họ biết rõ đạo lý.

Thánh huấn giác mê: Lời dạy của các Đấng thiêng liêng giúp cho người đời tỉnh ngộ, không còn mê lầm nữa.

Tiếng trống Giác mê: Đánh lên tiếng trống, âm thanh vang rền, để người đang mê mọi nghe được giật mình thức tỉnh, quay về con đường đạo đức, tức là bỏ mê tìm giác.

Giác ngạn

覺岸

A: The shore of awakening.

P: Le rivage de réveil.

Giác: Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý. **Ngạn:** bờ sông hay bờ biển.

Giác ngạn là bờ giác ngộ, tức là nơi của những người đắc đạo đến đó để đi vào cõi TLHS.

Giác ngạn còn được gọi là Bỉ ngạn, Đạo ngạn.

Bên này biển khổ là Mê tân (Bến mê), bên kia biển khổ là giác ngạn (Bờ giác), có chiếc thuyền Bát Nhã của Đức Phật Di Lạc qua qua lại lại từ Bến mê sang Bờ giác để đưa những người đầy đủ phước đức đến Bờ giác, đi vào cõi TLHS.

Kệ U Minh Chung: Lịch đại tiên vong đồng đăng *giác ngạn*.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Giác ngộ

覺悟

A: To awake.

P: Réveiller.

Giác: Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý. **Ngộ:** tỉnh ra mà biết rõ.

Giác ngộ là tỉnh ra mà thấu rõ chơn lý.

Giác ngộ có 3 trình độ, tức là có ba bậc:

- Người phạm tỉnh ra mà nhận biết thân này là cõi khổ, cõi trần là cõi tạm, nên lo tu hành, đạt được sự Tự giác thì đắc thành bậc Thánh.

- Khi đã đạt được Tự giác rồi, thì đi giác ngộ người khác để họ tự giác như mình. Đó là Giác tha. Hễ đạt được Tự giác và Giác tha thì đắc thành bậc Tiên hay Bồ Tát.

- Đến bậc Phật thì có: Tự giác, Giác tha, và Giác hạnh viên mãn, gọi là Chánh giác.

Cái tánh giác ngộ vẫn thường có nơi mỗi chúng sanh, song con người chẳng tự biết mình, chẳng phân chơn giả, cứ mãi say mê đường vật chất, lấy giả làm chơn, nên phải đắm chìm trong biển khổ luân hồi. Đó là vô minh. Nếu bỏ được vô minh thì cái tánh giác ngộ hiện ra ngay.

KKTD: Tăng huyền linh *giác ngộ* chí thành.

KKTD: Kinh Khi Thức Dậy.

Giác tánh

覺性

A: The nature of sensation.

P: La nature se sensation.

Giác: Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý. **Tánh:** cái tính chất biểu hiện ra ngoài.

Giác tánh là cái tánh hiểu biết.

Giác tánh có được là do Giác hồn: Bên trong là Giác hồn, biểu hiện ra ngoài là Giác tánh. (Xem: Tam hồn, văn T)

TĐ ĐPHP: *Giác tánh* là trí não thô sơ, nó chỉ biết sống như con vật. Tỷ như con thú kia, mới sinh ra chưa biết gì, mà đã biết tìm vú mẹ để bảo trọng sanh mạng của mình. Luật bảo sanh biểu nó tìm bao nhiêu đó để sống mà thôi.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Giác thân

覺身

A: The body of sensation.

P: Le corps de sensation.

Giác: Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý. **Thân:** xác thân.

Giác thân là cái thân biết cảm giác, ý nói xác thân bằng xương bằng thịt có các giác quan nhận biết sự vật chung quanh.

Con người có Ngũ giác quan: Xúc giác (Da), Thị giác (Mắt), Thính giác (Tai), Vị giác (Lưỡi), Khứu giác (Mũi).

Giác thân chính là xác thân phàm giả tạm, nhưng nhờ nó mà linh hồn có thể làm công quả, học hỏi và tiến hóa.

KĐ2C: Cởi *giác thân* lên đạp Ngân kiều.

KĐ2C: Kinh Đệ Nhị cửu.

Giác thế

覺世

A: To awake the mankind.

P: Réveiller l'humanité.

Giác: Hiểu biết, tỉnh ra mà biết rõ đạo lý. **Thế:** đời, người đời.

Giác thế là giác ngộ người đời, làm cho người đời giác ngộ. Đây là Giác tha, nhưng phạm vi rộng lớn, toàn cả cõi trần.

TNHT: Mượn thế đặng phương toan *giác thế*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIAI

Giai ngẫu

佳耦

A: The well assorted couple.

P: Le couple bien assorti.

Giai: đẹp, tốt đẹp. **Ngẫu:** một đôi, một cặp.

Giai ngẫu là đẹp đôi, chỉ cặp vợ chồng xứng đôi vừa lứa.

TL: Thể luật, Điều 6: Phải chọn hôn trong người đồng đạo, trừ ra khi nào người ngoài ưng thuận nhập môn thì mới được kết làm *giai ngẫu*.

TL: Tân Luật.

Giai kỳ

佳期

A: Lucky day.

P: Jour faste.

Giai: tốt đẹp. **Kỳ:** thời hạn.

Giai kỳ là ngày tốt lành, vận hội tốt.

Giai quì

皆跪

A: To kneel down together.

P: S'agenouiller ensemble.

Giai: đều, cùng. **Qui:** tức là Qui: quì xuống.

Giai quì tức là Giai quì: tất cả đều quì xuống.

Đây là một câu xướng của Lễ sĩ trong nghi thức cúng Đại đàn. Khi Lễ sĩ xướng câu này thì tất cả mọi người trong đàn cúng đều quì xuống.

GIẢI

GIẢI

1. **GIẢI:** 解 Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thưởng.
Td: Giải căn, Giải khổ, Giải kết, Giải nạn, Giải oan, Giải thân, Giải thể.
2. **GIẢI:** 懈 Lười biếng.
Td: Giải đãi.
3. **GIẢI:** 邂 Giải cẩu.

Giải căn

解根

A: To deliver the cause. P: Délivrer la cause.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thưởng. **Căn:** gốc rễ.

Những việc làm thiện ác trong kiếp sống trước là gốc rễ của những điều họa phước xảy ra trong kiếp sống hiện tại, và những việc làm thiện ác trong hiện tại là gốc rễ của những việc họa phước cho kiếp sống tương lai. Cái gốc rễ ấy tạo thành cái Nghiệp ảnh hưởng lên kiếp sống. Việc làm thiện tạo thiện nghiệp, làm cho đời sống được tốt đẹp hạnh phúc, việc làm ác tạo ra ác nghiệp, gây họa nạn đau khổ.

Giải căn là cởi bỏ cái gốc rễ, tức là cởi bỏ cái nghiệp.

Hễ dứt nghiệp thì cũng dứt luân hồi, linh hồn bay trở về cõi thiêng liêng.

KCHKHH: Trông Kinh Bạch Ngọc định thân *giải căn*.

Giải căn sinh: Cởi bỏ cái gốc rễ của kiếp sống, tức là cởi bỏ cái nghiệp. Giải căn sinh đồng nghĩa Giải căn.

KTHĐMP: *Giải căn sinh* xa lánh trần ai.

KCHKHH: Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

KTHĐMP: Kinh Tụng Huỳnh Đệ Mãn Phần.

Giải cẩu

邂逅

A: To meet unexpectedly.

P: Rencontrer fortuitement.

Giải cẩu là không hẹn mà gặp, gặp gỡ tình cờ.

Giải đãi

懈怠

A: Lazy. P: Paresseux.

Giải: Lười biếng. **Đãi:** trễ nải.

Giải đãi là lười biếng, không hăng hái làm việc.

Giải đãi bản dùng là lười biếng, chần chờ không muốn làm việc, để cho công việc bê trễ kéo dài.

TNHT: Đường đạo vững bền, chớ nên bạo tính, mà cũng chẳng nên *giải đãi* bản dùng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giải khổ

解苦

A: To deliver from misfortune.

P: Délivrer d'un malheur.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái dễ thương. **Khổ:** vất vả, đau khổ.

Giải khổ là cởi bỏ hết các nỗi đau khổ về thể xác và tinh thần.

Đạo là cơ quan giải khổ cho chúng sanh. Chúng sanh nào có đau đớn khổ sở thì mới đi tìm Đạo để giải khổ. Người chưa biết đau khổ thì chưa muốn đem mình vào cửa Đạo.

ĐLMD: Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi sống thi hài, tức là cơ quan *giải khổ* cho chúng sanh.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Giải kết

解結

A: To deliver oneself from attachments.

P: Se délivrer des attaches.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Kết:** ràng buộc, sợi dây ràng buộc.

Giải kết là cởi bỏ các sợi dây ràng buộc.

Giải nạn

解難

A: To deliver from calamity.

P: Délivrer de la calamité.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Nạn:** tai nạn.

Giải nạn là giải thoát khỏi các tai nạn.

TNHT: Chớ chi thất tại Tà quyền thì có mấy em trừ khử, nhưng tại nơi đồng tử thì mấy em không phương *giải nạn* cho mấy người mê tín.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giải nghệ

解藝

A: To leave the profession.

P: Abandonner la profession.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Nghệ:** nghề nghiệp.

Giải nghệ là bỏ nghề, không làm nghề đó nữa vì nghề ấy không còn thích hợp với hoàn cảnh mới của mình.

TL: Những người làm nghề nghiệp phạm nhằm luật cấm thì được kỳ hạn một năm phải *giải nghệ*.

TL: Tân Luật.

Giải nghiệp

解孽

A: To deliver from retribution.

P: Délivrer de la rétribution.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thưởng. **Nghiệp:** cái nghiệp ác. Cái nghiệp ác này là nguyên nhân sâu xa gây ra hoạn nạn đau khổ.

Giải nghiệp là cởi bỏ hết các nghiệp ác để khỏi bị ác báo.

GTK: Xin ban ơn *giải nghiệp* cho đời.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Giải oan - Phép Giải oan

解冤

A: Baptism of expiation.

P: Baptême de l'expiation.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thưởng. **Oan:** thù giận. Sự thù giận là mầm mống gây ra các việc làm ác độc hại người, tạo thành nghiệp ác, nên thường gọi là Oan nghiệp.

Giải oan là cởi bỏ hết các oan nghiệp.

Nếu không cởi bỏ hết các oan nghiệp thì các oan nghiệp này tạo thành những nghiệp chướng nặng nề, ảnh hưởng lên kiếp sống hiện tại, làm cho kiếp này phải chịu nhiều hoạn nạn, tai ương, đau khổ triền miên.

Làm người nơi cõi trần tất phải nhiễm trần, không ai tránh khỏi gây ra oan nghiệp, vì bản thân con người còn mang nhiều dục vọng, tham sân si nơi mình. Nhưng khi đã giác ngộ, nhập môn cầu đạo, lo việc tu hành thì người tín đồ Cao Đài được hưởng **Phép Giải Oan**, là một Bí tích do Đức Chí Tôn ban cho để giải trừ các oan nghiệp nơi kiếp sống trước, nhưng phải hứa chắc là kể từ giờ phút này trở đi, người tín đồ không được gây thêm oan nghiệp nữa.

Kinh Giải Oan là bài kinh nói lên ý nghĩa của Phép Giải Oan, để đồng nhi tụng trước khi vị Chức sắc hành pháp Giải Oan cho một tín đồ.

May gặp đặng hồng ân chan rưới,
Giải trối oan sạch tội tiền khiên.

(KGO)

Ngoài ra trong các bài kinh khác cũng có nói về mục đích của Phép Giáo Oan:

Dầu trọn kiếp sống không nên đao,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng,
Chí Tôn xá tội *giải oan*,
Thánh Thần Tiên Phật cứu nản độ vong.

(KCHKHH)

Phép *Giải oan* độ hồn khỏi tội.

(KHH)

Chí Tôn xá tội *giải oan*,
Thánh Thần Tiên Phật cứu nản độ căn.

(KCBCTBCHĐQL)

Khi xưa, Đức Chúa Jêsus được Thánh Jean Baptiste làm Phép Giải Oan tại bờ sông Jourdain, Đức Chúa phải đi xuống sông ngâm mình trong nước rồi đi lên.

Đức Phật Thích Ca được chư Phật hành pháp Giải Oan khi Ngài xuống tắm nơi bờ sông Gange (Hằng hà), các chất ô trược bám vào chơn thân được tẩy sạch. Nhờ đó, Đức Phật Thích Ca mới tiếp xúc được chư Phật nơi các cõi thiêng liêng.

Trong Đạo Cao Đài ngày nay, hành pháp Giải Oan không dùng cách xuống sông tắm như thuở xưa, mà chỉ dùng một cái tô chứa nước Ma Ha Thủy xối lên đầu mà thôi.

Chức sắc làm phép Bí tích Giải Oan, thì trước hết phải luyện Ma Ha thủy, rồi sau đó mới hành pháp Giải Oan.

1. Luyện Ma Ha Thủy:

Múc một tô nước trong sạch (nước thiên nhiên như nước sông, nước suối, nước phong tên) đặt lên Thiên Bàn. Sau khi cúng thời xong, vị Chức sắc hành pháp vào đứng ngay chính giữa, trước Thiên Bàn, định thần ngó ngay lên Thiên Nhãn, vẽ bằng con mắt chữ (.) trong con người của Thiên Nhãn, rồi co

chân trái lên vẽ chữ (.) rồi đập lên chữ Ấy, rút chơn mặt lên ký chữ Đinh, gọi là đập Đinh Giáp.

Kế đó, tay trái bắt ấn Hộ Pháp đặt ngay ngực, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp đặt trên tô nước, buông ấn ra, co ngón tay giữa vẽ bùa (.) đoạn ngay ngón tay ra để truyền thần xuống nước, niệm câu chú: "*Ma Ha Thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa.*" Nhắm mắt định thần, đợi thấy Thiên Nhãn giáng xuống mặt nước thì liền xả ấn. Ma Ha Thủy đã luyện thành. (Xem thêm chữ: Ma Ha Thủy, văn M)

2. Hành pháp Giải Oan:

Cầm tô nước nơi tay mặt, đến trước mặt người được giải oan, bảo cúi đầu xuống, dùng con mắt vẽ chữ (.) ngay Nê hoàn cung. Hễ vẽ vừa xong liền chụp 5 ngón tay trái lên mỏ ác, gọi là ấn Ngũ Hành Sơn, vừa chụp vừa niệm câu chú: "*Úm ma ni bát rị hồng.*" Đoạn cầm tô nước đổ ngay xuống mỏ ác một giọt, niệm "*Nam mô Phật*", đổ xuống giọt thứ nhì niệm "*Nam mô Pháp*", rồi trút hết tô nước lên đầu niệm "*Nam mô tăng, Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*"

Phép Giải Oan đã xong, người được giải oan lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gật, mỗi gật niệm câu chú của Thầy, rồi đứng dậy xá 3 xá, lui ra.

KGO: Kinh Giải Oan.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

KHH: Kinh Hạ Huyệt.

KCBCTBCHĐQL: Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liêu.

Giải phần hữu sanh

解分有生

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Phần:** một phần trong một tổng thể chia ra. **Hữu:** có. **Sanh:** sống, đời sống.

Giải phần hữu sanh là giải quyết về phần đời sống của con người, tức là giải quyết về phần Nhơn đọa.

Giáo lý của Thiên Chúa giáo chủ yếu về phần Thể pháp và Bí pháp của Nhơn đạo, giáo hóa người tu trở thành bực Thánh, nên Thiên Chúa giáo cũng được gọi là Thánh đạo.

KKV: Gia Tô Giáo chủ *giải phần hữu sanh*.

KKV: Kinh khi về.

Giải quả trừ căn

解果除根

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Quả:** kết quả. **Trừ:** làm cho mất đi. **Căn:** gốc rễ, chỉ những việc thiếu đạo đức trong kiếp sống trước.

Giải quả trừ căn tức là giải trừ căn quả, là cởi bỏ hết và làm cho mất đi các kết quả xấu báo đáp lại của các việc làm thiếu đạo đức trong kiếp sống trước.

PMCK: Phước từ bi giải quả trừ căn.

(Nhờ phước đức và lòng từ bi của Đức Phật Mẫu mà giải trừ được các căn quả của chúng sanh)

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Giải thân định trí

解身定智

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Thân:** xác thân phàm. **Định:** làm cho yên. **Trí:** trí não, sự khôn ngoan hiểu biết.

Giải thân định trí là cởi bỏ xác thân phàm để linh hồn và chơn thần thoát khỏi thể xác, rồi làm cho cái trí được yên ổn thì mới có thể sáng suốt nhận định hiểu biết được.

TNHT: (Cõi Âm Quang) chớ kỳ thật là nơi để các chơn hồn *giải thân định trí* (một nơi trung gian giữa Thiên đường và Địa ngục, hay là mờ mờ mịt mịt).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giải thể

解體

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái dễ thường. **Thể:** thể xác, hình thể.

1. *Giải thể là cởi bỏ thể xác phàm, để linh hồn và chơn thần rời bỏ thể xác để đi lên cõi TLHS.*

TĐ ĐPHP: Hại thay! Có nhiều chơn hồn ân hận, đau khổ khi *giải thể*, mới nhận thấy tranh đấu nhau trên mặt thể này là một điều rất vô lý.

2. *Giải thể là làm cho tan vỡ ra, không còn giữ được hình thể như lúc trước nữa.*

Td: Giải thể một cơ quan, tức là hủy bỏ cơ quan ấy, vì cơ quan này không còn ích lợi cho dân chúng nữa.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

Giải thi

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Giải thi

解尸

A: To deliver from the material body.

P: Délivrer du corps matériel.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái dễ thường. **Thi:** thi hài, thể xác người chết.

Giải thi là cởi bỏ thể xác.

Thể xác con người chết rồi thì linh hồn và chơn thần xuất ra rời bỏ thể xác để đi lên cõi thiêng liêng.

Trong trường hợp này, Giải thi đồng nghĩa: Giải thân, Giải thể.

KHH: Giải thi lánh chốn đọa đày.

KĐ1C: Giải thi thoát khổ, diệt hình đoạn căn.

*** Trường hợp 2: Giải thi**

解書

A: To explain the Book of Heaven.

P: Expliquer le Livre du Ciel.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Thi:** Thiên thi, hay Thiên thư, tức là quyển sách của Trời ghi chép Thiên điều.

Giải thi là giảng giải Thiên thi, tức là giải về Thiên điều.

KĐ7C: Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.

Câu kinh này có nghĩa là: Gặp Đức Chuẩn Đề Bồ Tát đang giảng giải Thiên thi trong ngôi nhà đá.

Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát chường quần từng Trời Hạo Nhiên Pháp Thiên, coi về Pháp luật của Trời, tức là Thiên điều.

KHH: Kinh Hạ Huyệt.

KĐ1C: Kinh Đệ Nhứt cửu.

KĐ7C: Kinh Đệ Thất cửu.

Giải thoát mê đồ

解脫迷途

A: To deliver from the way of blindness.

P: Délivrer de la voie de l'aveuglement.

Giải: Cởi bỏ ra, thoát khỏi, cắt nghĩa cho rõ, làm cho chia lìa ra, cái để thường. **Thoát:** ra khỏi. **Mê:** tối tăm, lầm lạc. **Đồ:** con đường. **Mê đồ:** con đường lầm lạc.

Giải thoát mê đồ là thoát ra khỏi con đường lầm lạc, tức là giác ngộ, đến được chỗ sáng suốt.

TNHT: Ngài là Phật, nên khó gần gũi các hồn nữ phái mà khuyến giáo cơ giải thoát mê đồ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIÁM

GIÁM

GIÁM: 監 Coi xét.

Td: Giám Đạo, Giám khảo.

Giám Đạo

監道

A: Juridical Inspector.

P: Inspecteur Juridiciare.

Giám: Coi xét. **Đạo:** tôn giáo.

Giám Đạo là một phẩm Chức sắc của HTĐ, do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn vâng lệnh Đức Chí Tôn lập nên theo yêu cầu của Đức Phạm Hộ Pháp, trong đàn cơ ngày 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935).

Giám Đạo đứng trên Thừa Sứ và dưới Cải Trạng.

Giám Đạo đối phẩm với Giáo Sư bên CTĐ.

Nhiệm vụ, quyền hành, Đạo phục của Giám Đạo được qui định trong Hiến Pháp HTĐ. (Xem chữ Hiệp Thiên Đài, phần Hiến Pháp).

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Giám khảo

監考

A: The examiner.

P: L'examineur.

Giám: Coi xét. **Khảo:** tra xét, hạch hỏi.

Giám khảo là người chấm thi để xác định trình độ học trò mà cho đậu hay rớt.

TNHT: Nhưng chẳng lẽ Thầy làm *giám khảo* lại cấp nấp bài thi lên cho mỗi đứa thì cái đậu của các con có ra chi!

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIẢM

GIẢM

GIẢM: 減 Bớt, trừ bớt.

Td: Giảm thầu, Giảm tiêu.

Giảm thầu

減收

A: To diminish.

P: Diminuer.

Giảm: Bớt, trừ bớt. **Thầu:** lấy vào, thu vào.

Giảm thầu là làm giảm bớt bằng cách thầu lấy một phần.

KSH: Trong lòng nham hiểm, lọc quyền *giảm thầu*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Giảm tiêu

減消

A: To diminish and to dissolve.

P: Diminuer et dissoudre.

Giảm: Bớt, trừ bớt. **Tiêu:** mất hết.

Giảm tiêu là làm giảm dần cho tiêu mất hết.

TTCĐDTKM: Giờ nay gặp lỗi nghiệt trần *giảm tiêu*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

GIAN

GIAN

1. **GIAN:** 奸 Giả dối, lương lẽ, núp lén.
Td: Gian dâm, Gian giảo.
2. **GIAN:** 艱 Vất vả khó khăn.
Td: Gian nguy, Gian truân.

Gian dâm

奸淫

A: Adultery.

P: Adultère.

Gian: Giả dối, lương lẽ, núp lén. **Dâm:** ham mê thú vui xác thịt nam nữ.

Gian dâm là đàn ông và đàn bà lén lút ăn nằm với nhau một cách bất chánh.

KSH: Còn một nỗi gian dâm đại tội.

KSH: Kinh Sám Hối.

Gian giảo

奸狡

A: Cheating.

P: Fourbe.

Gian: Giả dối, lương lẽ, núp lén. **Giảo:** quỷ quyệt.

Gian giảo là dối trá và quỷ quyệt.

KSH: Bàn chông nhọn liên liên đánh khảo,
Tra tội nhưn gian giảo ngược ngang.

KSH: Kinh Sám Hối.

Gian nguy

艱危

A: Dangerous.

P: Dangereux.

Gian: Vất vả khó khăn. **Nguy:** nguy hiểm.

Gian nguy là vất vả khó nhọc và nguy hiểm.

TNHT: Đòi cũng vậy, Đạo cũng vậy, hễ chác danh cao quyền lớn, bực quý phẩm Tiên thì phải dày chịu *gian nguy*, nặng đeo sâu thắm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Gian phu

奸夫

A: Adulterer.

P: Homme adultère.

Gian: Giả dối, lường lẽo, núp lén. **Phu:** người đàn ông.

Gian phu là người đàn ông phạm tội thông dâm với một người đàn bà đã có chồng. Còn người đàn bà thất tiết ấy gọi là Gian phụ hay Dâm phụ.

GTK: Nơi Địa ngục gông kèm sẵn đủ,
Để răn loài dâm phụ *gian phu*.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Gian truân

艱屯

A: Adversity.

P: Adversité.

Gian: Vất vả khó khăn. **Truân:** khó khăn vất vả.

Gian truân là chịu nhiều khó khăn vất vả liên tiếp.

KSH: Dầu khi gặp lúc *gian truân*.

KSH: Kinh Sám Hối.

GIÁNG

GIÁNG

GIÁNG: 降 có hai nghĩa sau đây:

1. **GIÁNG:** Rơi xuống, từ trên Trời đi xuống.
Td: Giáng bút, Giáng trần.
2. **GIÁNG:** còn đọc là **HÀNG:** Buộc phải tùng phục.
Td: Giáng Ma Xử.

Giáng bút - Giáng cơ

降筆 - 降機

A: To be manifested itself by the "Corbeille à bec".

P: S'être manifestée par la Corbeille à bec.

Giáng: Rơi xuống, từ trên Trời đi xuống. **Bút:** cây viết, chỉ cây Ngọc cơ mà nơi cán có gắn một cọng mây làm như cây viết để viết ra chữ bóng. **Cơ:** cây Ngọc cơ, một dụng cụ để thông công với các Đấng thiêng liêng.

Giáng bút đồng nghĩa Giáng cơ.

Giáng bút là Đấng thiêng liêng giáng điển vào cây Ngọc cơ để Ngọc cơ chuyển động viết ra chữ bóng trên mặt bàn, tạo thành một bài văn dạy Đạo.

CG PCT: Đây xin nhắc lời của Đức Lý Giáo Tông *giáng bút* giải nghĩa chức Chánh Trị Sự và nài Hộ Pháp ban quyền luật lệ HTĐ cho Chức sắc ấy.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.
HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Giáng cấp

降級

A: To retrograde.

P: Rétrograder.

Giáng: Rơi xuống, từ trên Trời đi xuống. **Cấp:** phẩm bậc Chức sắc.

Giáng cấp là phạt cho xuống phẩm thấp hơn vì có tội, do quyết định của Tòa Tam Giáo.

TL: Điều 31: Tòa này (Tòa Tam Giáo) có quyền xử *giáng cấp* hay là trục xuất.

TL: Tân Luật.

Giáng đàn

降壇

A: To come down into the esplanade of ceremony.

P: Descendre à l'esplanade de cérémonie.

Giáng: Rơi xuống, từ trên Trời đi xuống. **Đàn:** nơi tổ chức nghi lễ cúng tế Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Giáng đàn là các Đấng thiêng liêng từ cõi Trời đi xuống cõi trần, đến đàn cúng tế để chứng kiến lòng thành tín của các tín đồ hiến lễ.

TNHT: Ngã Thái Thượng Lão Quân *giáng đàn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giáng lâm

降臨

A: To descend.

P: Descendre.

Giáng: Rơi xuống, từ trên Trời đi xuống. **Lâm:** tới, đến.

Giáng lâm là đi xuống tới nơi.

BXTCĐPTTTT: Địa Kỳ Thần Tướng đàn tiền *giáng lâm*.

BXTCĐPTTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phạt Tiên Thánh Thần.

Giáng linh

降靈

A: The descendance of soul.

P: La descente de l'âme.

Giáng: Rơi xuống, từ trên Trời đi xuống. **Linh:** linh hồn, chơn linh.

Giáng linh là chơn linh giáng xuống cõi trần.

KĐT: *Giáng linh* Hộ Pháp Di-Đà.

KĐT: Kinh Đại Tường.

Giáng Ma Xử

降魔杵

A: The pestle of the domination of demons.

P: Le pilon de la domination des démons.

Giáng: còn đọc là **HÀNG:** Buộc phải tùng phục. **Ma:** quỷ ma. **Xử:** cái chày, còn đọc là Chử.

Giáng Ma Xử là một bửu bối của Đức Hộ Pháp có hình dạng giống như một cái chày, dùng để trị tà ma yêu quỷ, không cho chúng lộng hành phá khuấy, để bảo tồn nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn.

Đức Phạm Hộ Pháp có hai bửu bối: Giáng Ma Xử và Kim Tiên.

■ Giáng Ma Xử là bửu bối vô hình, Đức Phạm Hộ Pháp để trấn CLTG nơi cõi thiêng liêng.

■ Kim Tiên là cây roi vàng, do Thái Sư Văn Trọng giao cho Đức Hộ Pháp. Thái Sư Văn Trọng thời Phong Thần, đắc vị: Cửu Thiên Cầm Ứng Lôì Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn, Ngài có một cặp roi Kim Tiên, nay Ngài trao cho Đức Phạm Hộ Pháp một cây, Ngài còn giữ lại một cây. (Kim là vàng, Tiên là roi).

Đức Phạm Hộ Pháp có thuật lại lúc Đức Ngài vâng lệnh Đức Chí Tôn qua mở cửa CLTG bằng bửu bối Giáng Ma Xử:

"Khi tới cửa CLTG môn ngoại, khi gần tới thấy có hai cái chong chóng. Hai cái chong chóng ấy quay tròn luôn. Nếu chúng ta lấy trí tưởng tượng, chong chóng quay thì mặt dưới lên tới mặt trên ít nữa cũng năm mươi ngàn thước, đặng ngăn CLTG môn ngoại, như Vạn lý Trường thành, không một người nào qua lọt. Hai cửa ấy, một cửa hóa hào quang trắng, một cửa hóa hào quang đỏ hồng hồng.

Mới ngó thấy hai cửa ấy, Bàn đạo không biết gì hết, tới chừng Bàn đạo dùng cây Giáng Ma Xử trong thân, định thần chỉ ngay vào bảo ngưng thì nó liền ngưng lại, coi kỹ vòng tròn trắng ấy là chữ VẠN. Bàn đạo biểu ngưng thì mấy người ở Cực Lạc môn ngoại chạy ùa vào. Chừng vô được một mớ, Bàn đạo chỉ bên kia biểu ngưng, cũng chạy vô được một mớ nữa.

Vô rồi, thấy một vị Phật đứng ở trên, hai tay bắt ấn liệng xuống chữ VẠN thì chữ VẠN quay nữa. Thành thử họ vô được một mớ."...

KĐT: Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây *Ma Xử* đuổi tà trục tinh.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

KĐT: Kinh Đại Tường.

Giáng trần

降塵

A: To descend into the world.

P: Descendre en ce monde.

Giáng: Rơi xuống, từ trên Trời đi xuống. **Trần:** bụi, chỉ cõi trần.

Giáng trần là giáng sanh xuống cõi phàm trần để làm một người nơi cõi trần.

Giáng trần đồng nghĩa với: Giáng thế, Giáng phàm.

TNHT: Khi *giáng trần* là Chí Tôn Phật Tổ, Thầy duy đặng có bốn môn đệ, chúng nó đều chối Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIẢNG

Giảng đài

講臺

A: The pulpit of the preachment.

P: La chaire de la prêcherie.

Giảng: giải thích rộng ra cho dễ hiểu. **Đài:** nơi xây cao.

Giảng đài là nơi xây cao lên để Chúa sắc lên đứng trên đó giảng đạo.

Trong Tòa Thánh Tây Ninh, ngang hai cửa hông của Tòa Thánh, có xây cất hai cái Giảng đài dựa vào cột rồng, đường đi lên có nấc thang xoắn ốc uốn theo cột rồng, một đài xây bên Nam phái và một đài xây bên Nữ phái.

Dưới Giảng đài là hình đầu rồng há miệng phun ra 6 chia đỡ vững Giảng đài, với ý nghĩa như sau:

"Hồi Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Khổng Tử giảng thế chán hưng Nho giáo ở Trung hoa. Khi Ngài truyền đạo đến nước vua Phò Dư thì Ngài bị vua Phò Dư ố đạo bắt giam 2 năm. Khi thả Đức Khổng Tử ra thì vua cấm ngặt không cho Đức Khổng Tử đến nước ông lần thứ nhì.

Sự ác độc và tàn bạo của vua Phò Dư làm động lòng Trời, nên Trời phạt nước của vua Phò Dư phải bị hạn hán và con cháu của vua và quần thần bị bệnh chướng trong 3 năm.

Lúc ấy trong nước, dân chúng vô cùng thống khổ, bệnh chướng lan tràn. Vua Phò Dư thức tỉnh, ra lệnh cho quần thần và dân chúng ăn chay nằm đất, lập bàn hương án, ngày đêm cầu khẩn Trời Phật giải hết tai ách cho dân.

Thượng Đế sai Đức Văn Xương Đế Quân giảng trần, thấy tướng tinh của vua Phò Dư là con rồng xanh, nên Đức Văn Xương hóa ra một con rồng xanh, miệng phun ra 6 chia, rồi Ngài đứng trên 6 chia ấy, khiến rồng bay khắp nước của vua Phò Dư. Ý nghĩa của 6 chia của miệng rồng là:

- Mắt của vua Phò Dư không ngó điều đạo đức.
- Miệng của vua Phò Dư không nói lời nhân nghĩa.

- Lưỡi của vua Phò Dư khắc bạc, hiểm sâu.
- Thân của vua Phò Dư không biết hy sinh vì đạo nghĩa.
- Ý của vua Phò Dư không nhớ điều đạo đức.
- Tai của vua Phò Dư không nghe điều đạo đức mà làm việc nhân nghĩa.

Đây là những điều mà vua Phò Dư làm trái với Đạo Thánh nên Trời khiến Đức Văn Xương giáng trần cảnh tỉnh vua Phò Dư. Đức Văn Xương cho rồng bay đến triều đình, vẫn đứng trên 6 chia rồng, nói với vua Phò Dư rằng:

- Bệ hạ không cần ăn chay nằm đất mà cầu khẩn chi hết. Muốn cho dân chúng hết nạn bệnh tật và hạn hán thì nhà vua đi rước Đức Khổng Tử đến mở Đạo và qui y theo.

Nói xong, Đức Văn Xương và rồng liền biến mất.

Vua Phò Dư quá ăn năn hối ngộ, liền cho người đi tìm và rước Đức Khổng Tử. Vua hết lòng nghe theo và bảo dân chúng cũng phải hết lòng thực hành Đạo của Đức Khổng Tử. Tật bệnh và hạn hán hết dần, đời thanh bình và an vui trở lại.

Thuở xưa, Đức Văn Xương Đế Quân đạp lên 6 chia rồng mà khuyên vua Phò Dư trở lại con đường Thánh đức.

Ngày nay, cả nhơn sanh đua chen trên đường tranh giành danh lợi, khuynh hướng theo vật chất, phế bỏ tinh thần, làm cho xã hội loài người suy đồi đạo đức, đưa nhơn loại đến chỗ tự diệt.

Đức Chí Tôn mở lòng từ bi, sai Đức Hộ Pháp và chư Chức sắc Thiên phong, lần lượt thay phiên nhau lên đứng trên Giảng đài, đạp lên 6 chia rồng để giảng đạo, kêu gọi nhơn sanh hồi tâm hướng thiện, đi vào con đường đạo đức do Đức Chí Tôn lập ra, để được cứu vớt, thoát khỏi cơ tự diệt. (Theo quyển: **Lược thuật Tòa Thánh Tây Ninh của Minh Tân**)

Khi có Đại lễ hay Tiểu lễ cúng Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh, một vị Giáo Sư phái Ngọc lên đứng trên Giảng đài bên Nam phái để xướng lễ; một vị Chức sắc Bộ Nhạc cầm bông sen, đứng trên Giảng đài bên Nữ phái để điều khiển Nhạc Lễ và đồng nhi. Khi mãn lễ, hai vị trên đi xuống Giảng đài, nhường chỗ cho Chức sắc lên đứng trên đó giảng đạo.

GIAO

GIAO

1. **GIAO:** 交 Hai bên qua lại với nhau, trao cho.
Td: Giao kết, Giao thân, Giao thù.
2. **GIAO:** 蛟 Con vật cùng loại với rồng.
Td: Giao long đắc thủy.

Giao kết

交結

A: To keep one's engagement.

P: Tenir sa promesse.

Giao: Hai bên qua lại với nhau, trao cho. **Kết:** ràng buộc.

Giao kết là bắt buộc giữ lời hứa với nhau.

TNHT: Muốn học mùi Đạo mà lại kẻo nài *giao kết*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giao long đắc thủy

蛟龍得水

Giao: Con vật cùng loại với rồng. **Long:** rồng. **Đắc:** được.
Thủy: nước.

Giao long là loại rồng ở dưới nước, không có sừng, có khả năng gây sóng to gió lớn, lụt ngập.

Giao long đắc thủy là rồng gặp được nước, ý nói người tài năng gặp thời, mặc sức tung hoành.

Giao phó

交付

A: To entrust.

P: Confier.

Giao: Hai bên qua lại với nhau, trao cho. **Phó:** đem sự việc trao cho người.

Giao phó là trao cho một trách nhiệm quan trọng với lòng tin cậy.

TNHT: Con đến đây với lòng thành thật để làm việc phải cho giống dân biết phục thiện hiện đang *giao phó* cho con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giao thân

交親

A: To exchange the amicable relations.

P: Échanger des relations amicales.

Giao: Hai bên qua lại với nhau, trao cho. **Thân:** thân mến.

Giao thân là đối đãi nhau một cách thân thiết.

CG PCT: Nếu Giáo Tông muốn gần với nhơn sanh thì phải cần mẫn *giao thân* cùng Giáo Hữu.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Giao thừa

交承

A: The transition hour between the old year and new year.

P: Heure de transition entre deux années.

Giao: Hai bên qua lại với nhau, trao cho. **Thừa:** nối tiếp.

Giao thừa là thời điểm giao tiếp giữa năm cũ và năm mới, tức là thời điểm chấm dứt năm cũ và bắt đầu năm mới.

Đối với dương lịch, Giao thừa là lúc 24 giờ đêm 31 tháng 12 của năm cũ, tức là 0 giờ ngày 1 tháng 1 của năm mới.

Đối với âm lịch, Giao thừa là lúc cuối giờ Hợi của đêm 30 tháng chạp (hoặc đêm 29 khi tháng chạp thiếu) của năm cũ, tức là đầu giờ Tý của ngày mùng 1 tháng Giêng năm mới.

GIÁO

GIÁO

GIÁO: 教 Dạy, truyền dạy, tôn giáo.

Td: Giáo Chủ, Giáo đạo, Giáo Tông.

Giáo chủ

教主

A: The founder of a religion.

P: Le fondateur d'une religion.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Chủ:** người sáng lập và làm chủ.

Giáo chủ là người sáng lập và làm chủ một tôn giáo.

■ Giáo chủ của Phật giáo là Đức Phật Thích Ca, những vị kế truyền cầm đầu Giáo Hội Phật giáo được gọi là Tổ Sư.

■ Giáo chủ của Thiên Chúa giáo là Đức Chúa Jésus (Gia Tô Giáo Chủ), những vị kế truyền cầm đầu Giáo Hội Thiên Chúa giáo ở La Mã được gọi là Giáo Hoàng.

Trong Đạo Cao Đài, hai phẩm Chức sắc lớn nhất là Giáo Tông và Hộ Pháp. Đức Giáo Tông không phải là Giáo chủ của Đạo Cao Đài; cũng như Đức Hộ Pháp không phải là Giáo chủ của Đạo Cao Đài.

Vậy ai là Giáo chủ của Đạo Cao Đài?

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã giáng cơ sáng lập Đạo Cao Đài, nên Đức Chí Tôn là Giáo chủ.

Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài với hình thể 3 Đài có sự phân quyền rất rõ rệt, gồm:

- BQĐ cai trị phần hồn, do Đức Chí Tôn chưởng quản.
- CTĐ cai trị phần xác, do Giáo Tông chưởng quản.
- HTĐ làm trung gian liên lạc giữa BQĐ và CTĐ, và nắm giữ Pháp luật, do Hộ Pháp chưởng quản.

Để phòng tránh sự độc tài và lộng quyền, Đức Chí Tôn lấy quyền Giáo chủ phân ra làm hai: một nửa giao cho Giáo Tông và một nửa giao cho Hộ Pháp. Khi Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp lại, đồng ký tên ra lệnh một điều gì thì đó là quyền của Giáo chủ, tức là là quyền của Đức Chí Tôn, tất cả đều phải tuân mạng, bất tuân là phạm Thiên điều.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đăng Tiên, vì tình hình nền Đại Đạo đang gặp cơn khủng hoảng khó khăn, nên Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch giao quyền Giáo Tông hữu hình tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp, để dễ bề đối phó các khó khăn và điều hành nền Đạo. Lúc đó Đức Phạm Hộ Pháp là Chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng, nên quyền của Đức Hộ Pháp bấy giờ là quyền Chí Tôn tại thế, tức là quyền Giáo chủ tại thế của Đạo Cao Đài. (Quyền Giáo chủ thiêng liêng vẫn do Đức Chí Tôn nắm giữ).

Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp đôi khi xưng mình là Giáo chủ (tại thế) của Đạo Cao Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài. BQĐ: Bát Quái Đài.
CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Giáo dân

教民

A: To educate the people.

P: Éduquer le peuple.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Dân:** dân chúng, nhơn sanh.

Giáo dân là dạy bảo nhơn sanh trong đường đạo đức.

Thường nói: **Giáo dân qui thiện:** Dạy bảo nhơn sanh trở về điều lành, tức là bỏ dữ theo lành.

[Bên Thiên Chúa giáo, từ ngữ Giáo dân có nghĩa khác hơn: Giáo dân (Catholic) là người dân theo Đạo Thiên Chúa, đối lại người dân không theo Đạo Thiên Chúa gọi là Lương (Non-Catholic), nên thường nói: Bên Lương bên Giáo.]

TNHT: Một chức *giáo dân* tua lãnh lĩnh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giáo đa thành oán

教多成怨

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Đa:** nhiều. **Oán:** thù giận.

Giáo đa thành oán: Dạy nhiều thành ra thù giận.

Người thầy giáo, vì muốn cho học trò mình mau giỏi, nên dạy nhiều bài, nhiều môn, lại áp dụng kỷ luật nghiêm, khảo bài thường xuyên, quở phạt những học trò chểnh mảng, khiến các trò này oán hận thầy giáo. Đó cũng chính là cái bạc bẽo của nghề dạy học.

Giáo đạo Nam phương

教道南方

A: To teach the true doctrine in Việt Nam.

P: Enseigner la vraie doctrine en Việt Nam.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Đạo:** giáo lý chơn thật của một tôn giáo. **Nam:** hướng Nam. **Phương:** nơi chốn, vùng đất.

Nam phương là chỉ nước Việt Nam.

Giáo đạo Nam phương là giảng dạy một nền giáo lý chơn thật cho nhơn sanh ở nước Việt Nam.

Đức Chí Tôn đã chọn nước VN, dân tộc VN để gieo truyền nền Đại Đạo, và chọn Tây Ninh làm Thánh Địa để cất Tòa Thánh Trung Ương, rồi từ nơi đây mới khởi truyền bá nền Đại Đạo ra các nước trên toàn thế giới.

TNHT: "Vốn Thầy lập nền Chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu.

Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lăm cơn thịnh nộ của Thầy. Thầy tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả địa cầu 68 này đặng vậy."

Khi Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo, Đức Chí Tôn luôn luôn mở đầu bằng câu: "NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO

ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT, GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG." (Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế gọi là Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, giảng dạy Đạo lý tại nước VN.)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giáo đạo tha phương

教道他方

A: To teach the true doctrine in the foreign countries.

P: Enseigner la vraie doctrine dans les pays étrangers.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Đạo:** giáo lý của một nền tôn giáo. **Tha:** khác. **Phương:** vùng đất. **Tha phương:** địa phương khác, nước khác, ý nói các nước ngoại quốc.

Giáo đạo tha phương là giảng dạy đạo lý cho dân chúng các nước ngoại quốc.

TNHT: Bần đạo khi đắc lệnh làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh *giáo đạo tha phương* thì từng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thể cho nhơn sanh dăng công đổi vị.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giáo điều

教條

A: Religious commandments.

P: Commandements religieux.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Điều:** điều mục, điều khoản.

Giáo điều là những điều giảng dạy của Đấng Giáo chủ, trở thành những điều luật bất di bất dịch của tôn giáo.

Chủ nghĩa Giáo điều: (A: Dogmatism. P: Dogmatisme)

Trong Triết học, Chủ nghĩa Giáo điều là phương pháp tư duy căn cứ trên những công thức bất biến, không biết uyển chuyển theo các điều kiện cụ thể mới, cho thích hợp với hoàn cảnh mới, về không gian và thời gian.

Chủ nghĩa Giáo điều xuất hiện gắn liền với sự phát triển của những quan niệm tôn giáo, của những yêu cầu phải tin vào những tín điều khắc khe của tôn giáo được khẳng định là chân lý bất di bất dịch, không thể phê phán và có tính cách bất buộc đối với các tín đồ.

Giáo đồ

教徒

A: Adept, Disciple.

P: Adepte, Disciple.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Đồ:** học trò, tín đồ.

Giáo đồ là tín đồ của một tôn giáo.

Giáo giả học chi bán

教者學之半

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Giả:** ấy là. **Học:** học tập. **Chi:** tiếng đệm. **Bán:** phân nửa.

Giáo giả học chi bán: Dạy ấy là học phân nửa.

Người thầy giáo khi soạn bài để giảng dạy học sinh, ấy là một lần học ôn vậy.

Giáo hóa

教化

A: Teaching.

P: Enseignement.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Hóa:** thay đổi.

Giáo hóa là dạy dỗ để cho biến đổi từ dốt ra biết chữ, từ xấu trở nên tốt.

TNHT: Cái công giáo hóa cũng đồng sanh.

Câu Thánh Ngôn này ý nói: Cái công ơn giáo hóa của thầy dạy học cũng bằng với cái công sanh dưỡng của cha mẹ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giáo Hoàng

教皇

A: Pope.

P: Pape.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Hoàng:** vua.

Giáo Hoàng là người đứng đầu Hội Thánh của Thiên Chúa giáo, tức là người cầm đầu Giáo Hội Thiên Chúa giáo.

Giáo Hội Trung Ương Thiên Chúa giáo đặt tại La Mã (Roma) trong nước Ý, nên thường gọi là Giáo Hoàng La Mã.

Phẩm vị Giáo Hoàng do các vị Hồng Y bầu lên. Khi Đức Giáo Hoàng qui vị, tất cả các vị Hồng Y khắp nơi trên thế giới đều tụ họp về La Mã để bầu một vị Hồng Y lên làm Giáo Hoàng thay thế. Khi một vị Hồng Y đắc cử, toàn thể Giáo Hội làm lễ dâng quang cho Ngài lên ngôi Giáo Hoàng.

Phẩm vị Giáo Hoàng không có thời hạn nhiệm kỳ. Khi Giáo Hoàng đương kim chết thì mới bầu vị khác lên thay thế.

Giáo Hội

教會

A: The Church.

P: L'église.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Hội:** họp lại nhiều người.

Giáo Hội là đoàn thể lãnh đạo cao nhất của một tôn giáo.

Trong nghĩa này, Giáo Hội cũng là Hội Thánh.

Đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành phân ra: Giáo Hội Trung Ương và các Giáo Hội địa phương.

Giáo Hữu

教友

A: The Priest.

P: Le Prêtre.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Hữu:** bạn.

Giáo Hữu là một phẩm Chức sắc CTĐ, đối phẩm với Địa Thánh trong Cửu phẩm Thần Tiên, nên phẩm Giáo Hữu đứng vào hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

PCT của Đức Chí Tôn ấn định, tổng số Giáo Hữu đương quyền bên Nam phái CTĐ (không kể các vị Giáo Hữu hàm phong hay hồi hưu dưỡng lão) của toàn Đạo Cao Đài không được quá 3000 vị. Số Nữ Giáo Hữu của CTĐ Nữ phái không giới hạn số lượng, nghĩa là nhiều bao nhiêu cũng được.

Quyền hành, Nhiệm vụ và Đạo phục của Giáo Hữu, xin xem trong PCT Chú giải, qui định đầy đủ chi tiết.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Giáo lý

教理

A: Doctrine, Dogma.

P: Doctrine, Dogme.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Lý:** lý thuyết, học thuyết.

Giáo lý của một nền tôn giáo là học thuyết về triết lý siêu hình và triết lý vũ trụ, nhân sinh, đem áp dụng vào việc giáo hóa nhơn sanh nhằm hai mục tiêu:

■ Dạy cho con người một nếp sống đạo đức cao thượng, tạo lập gia đình hạnh phúc, một xã hội thái bình an lạc, tiến đến cảnh đại đồng huynh đệ.

■ Dạy cho con người phương pháp tu luyện, cốt yếu giải thoát con người khỏi những khổ não của thế gian và hưởng được sự hằng sống và phẩm tước cao quý nơi cõi thiêng liêng.

Giáo lý của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế giảng cơ giảng dạy, nên nó gồm đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn chánh, kể ra các mục lớn sau đây:

- Bí pháp và Thể pháp, tức là phần Đại Đạo Công truyền và Đại Đạo Tâm truyền.
- Nhơn Đạo và Thiên Đạo, Luật Tiến hóa.

- Phụng sự nhơn sanh.
- Đại Ân Xá Kỳ Ba.
- Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt, Nho Tông chuyển thế...
- Triết lý: Vũ trụ quan và Nhân sinh quan.

(Xin xem các từ ngữ này trong bộ CĐTĐ theo mẫu tự đứng đầu)

Giáo nhi - Lễ sĩ

教兒 - 禮士

A: The institutress of children of chorus - The acolyte.

P: L'institutrice des enfants de choeurs - Le cérémoniaire.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Nhi:** trẻ em, chỉ các Đồng nhi. **Lễ:** nghi lễ. **Sĩ:** học trò, người.

■ *Giáo nhi là cô giáo dạy các đồng nhi tụng kinh cho đúng giọng và đúng nhịp đờn.*

■ *Lễ sĩ là học trò lễ, là những người có phận sự dâng các phẩm vật cúng tế lên người chủ lễ, để vị này cầu nguyện rồi đem đặt trên bàn thờ.*

Thuở mới Khai Đạo, người hiến lễ được Đức Chí Tôn gọi là **Lễ sanh** (Lễ sinh) theo như bên Nho giáo thường gọi, nhưng sau đó, Đức Chí Tôn định một phẩm Chức sắc CTĐ là Lễ Sanh, nên Đức Lý Giáo Tông giáng cơ đặt cho người hiến lễ là **Lễ sĩ** để phân biệt:

"Nhiều khi chư Hiền hữu lạm dụng danh từ Lễ Sanh mà cho kẻ hiến lễ, làm mất thể diện của vị Thiên phong. Vậy Lão đặt tên cho kẻ hiến lễ là Lễ sĩ."

Bổn phận, quyền lợi, đạo phục của Lễ sĩ và Giáo nhi được Đức Phạm Hộ Pháp qui định trong Sắc Lệnh số 51 ngày 22-12-1936. Sau đây xin chép lại nguyên văn Sắc Lệnh này:

Văn Phòng
PHẠM HỘ PHÁP

SỐ: 51

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Thập nhị niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

SẮC LỊNH

Nghĩ vì Tân Kinh là Kinh Tận độ đã ra, nên cần nhứt phải có Lễ sĩ và Giáo nhi dạy mấy em Đồng nhi cho thành thuộc, phòng độ rồi phần hồn của toàn con cái Chí Tôn khắp cả các nơi mà phươn đạo đã đủ huyền linh che chở,

Nghĩ vì Hội Thánh mong mỗi mở rộng con đường Thánh đức cho đoàn hậu tấn bước vào Thánh Thể của Chí Tôn đặng lập vị,

Nghĩ vì trẻ em Đồng nhi từ 11 năm mở Đạo đến nay đã trưởng thành nên buộc Hội Thánh định phần phong thưởng công nghiệp, nên:

SẮC LỊNH:

Từ đây mở khoa mục mỗi năm cho Lễ sĩ và Giáo nhi thi cử.

Lễ sĩ thì thi theo mặt kinh luật của Đạo về Quan, Hôn, Tang, Tế, nhứt là về Lễ Nhạc. Buộc Lễ sĩ phải cần cho hay một món đờn trong mấy thứ âm nhạc: Tam, Tiêu, Tranh, Đản, Kim, Tỳ, Cò, Độc.

Giáo nhi thì phải thuộc lòng Tân Kinh và cũng phải thuộc một môn âm nhạc như Lễ sĩ.

Những Đồng nhi Nam Nữ có đủ giấy chứng Tòa Thánh, lớn trên 20 tuổi mới đặng thi Lễ sĩ và Giáo nhi, và phải biết viết với đọc chữ quốc ngữ.

Mỗi năm mở khoa mục ngày rằm tháng 10 tại Tòa Thánh .

Hội Thánh chia ra hai thứ Lễ sĩ và Giáo nhi:

■ Thứ nhứt thì những hạng Lễ sĩ và Giáo nhi trọn hiến thân cho Hội Thánh, nhứt là Giáo nhi đã tuyên thệ thủ trình hành đạo thì sẽ đặng tuyên bố hành đạo trong các Thánh Thất bất cứ nơi nào. Hết đủ 5 năm công nghiệp thì thăng Lễ Sanh, khỏi phải cầu phong lại nữa. Hạng Lễ sĩ và Giáo nhi này trên quyền

Chánh Trị Sự và dưới quyền Lễ Sanh, nhưng về mặt Lễ Nhạc, Quan Hôn Tang Tế mà thôi, chớ không đặt dự vào chánh trị hay là luật pháp Tòa Đạo.

■ Thứ nhì là hạng Lễ sĩ và Giáo nhi ở lại gia đình, nhứt là Giáo nhi có chồng con theo thể thì không đặt vào nơi Thánh Thất nào mà hành đạo hết, duy hành đạo nơi xóm làng của mình mà thôi, lại buộc mỗi năm phải dạy ít nữa là trên 36 đứa Đồng nhi; Lễ sĩ thì dạy Nam, Giáo nhi thì dạy Nữ, chớ không đặt dạy lộn xộn Nam Nữ chung nhau. Cấm nhứt Lễ sĩ không đặt dạy Đồng nhi Nữ. Nếu mỗi năm có một phái Chức sắc, Chức Việc sở tại nói rằng dạy thiếu và không đi hành đạo thì bị ngưng chức liền. Hội Thánh không cần minh tra lại nữa.

Hạng này từng quyền Chánh Trị Sự và ngang quyền Phó Trị Sự và Thông Sự nhưng về mặt Lễ Nhạc, Quan Hôn Tang Tế mà thôi, chớ không đặt dự vào chánh trị hay là luật pháp Tòa Đạo. Đủ 8 năm công nghiệp đở lên mới đặt câu phong vào hàng Lễ Sanh, nhưng do nơi tờ yêu cầu của Chức sắc và Chức Việc sở tại mới đặt.

■ Lễ sĩ mặc như Lễ Sanh Nam phái, nhưng trên mão ngay trán có Tam Sắc Đạo và Cổ pháp của Giáo Tông là Thư Hùng Kiếm, Long Tu Phiến và cây Phất Chủ thêu trên.

■ Giáo nhi mặc Đại phục như Lễ Sanh Nữ phái nhưng không đặt giắt Bông sen trên đầu tóc, còn Tiểu phục cũng vậy nhưng trước ngực có choàng một tấm choàng đen.

Kiểu y phục này phải do nơi tiệm Linh Đức.

Kỳ dư mấy vị Lễ sĩ và Giáo nhi đương thời hành đạo trong Hội Thánh và có tờ Hội Thánh công nhận chánh thể rồi; Hội Thánh nhứt định cấm nhứt không ai đặt xưng danh hiệu Lễ sĩ hay Giáo nhi mà không có khoa mục và cấp bằng của Tòa Thánh ban cho đủ lễ.

Khai Pháp, Tiếp Thế, Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài,

Quyền Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư, Nữ Chánh Phối Sư và Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, mỗi vị tùy phận sự thi hành Sắc lệnh này.

HỘ PHÁP

Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài

HIỆP THIÊN và CỬU TRÙNG

Phạm Công Tắc

(ấn ký)

Tòa Thánh, ngày 28-6-Tân Hợi (dl 18-8-1971).

VÃNG LỊNH BAN HÀNH.

Tòa Thánh ngày 12 tháng 11 Bính Tý (le 25-12-36).

Q. Thái Chánh P.Sư
THÁI TU THANHQ. Thượng Chánh
P.SưTHƯỢNG THÀNH
THANHQ. Ngọc Chánh P.Sư
NGỌC TRỌNG
THANHNữ Chánh Phối Sư
HƯƠNG THANH

TĐ ĐPHP: "Giáo nhi từ trước cho lên Giáo Thiện (CQPT) là thể theo lòng từ bi bác ái của Đức Chí Tôn mà ân tứ. Nhưng kể từ nay, Giáo nhi có thể lên Lễ Sanh, chớ không được lên Giáo Thiện vì thiếu luật tạo nghiệp cho 12 gia đình."

CTĐ: Cửu Trùng Đài.**CQPT:** Cơ Quan Phước Thiện.**TĐ ĐPHP:** Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Giáo nhi hậu thiện

教而後善

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Nhi:** mà. **Hậu:** sau. **Thiện:** lành.

Giáo nhi hậu thiện: Nhờ nghe lời dạy bảo mà sau đó trở nên lành.

Đây là hạng người trung bình trong xã hội, biết nghe lời giáo hóa của Chúa sắc bề trên, lần lần sửa đổi những điều sai trái trong tâm tánh, rốt cuộc cũng được lành và đắc quả vị.

Đức Phạm Hộ Pháp nói chuyện với các thợ hồ công quả đang xây cất Tòa Thánh. Đức Phạm Hộ Pháp hỏi:

- Thầy hỏi mấy em về làm công quả, tự mình đi hay có ai biểu?

Một thợ hồ công quả trả lời:

- Mấy con là người hiến thân Phước Thiện thì trọn quyền Hội Thánh sai khiến. Khi nghe Châu Tri mộ công quả, mấy con mới vâng lệnh Ông Đầu Họ biểu về đây.

Đức Phạm Hộ Pháp nói:

- Điều đó là tạo công lập vị hay là chuộc quả, đứng vào hàng "*Giáo nhi hậu thiện*" là nghe lệnh làm theo. Nếu có em nào tâm đức minh mẫn được "*Bất giáo nhi thiện*" là thiện công thiện ngôn đó vậy. Hạng này gọi là phi thường, khỏi vào nhà tịnh, họ cũng đoạt pháp được, là vì họ sẵn có nguyên nhân do hiểu biết mà làm, họ tự tạo âm chất, thật hành điều nghĩa điều thiện, là Thể pháp, tức nhiên có thể họ đoạt Bí pháp, có điều thiếu một việc, muốn đắc pháp phải có chơn sư khai khiếu mới trọn vẹn được, đó mới là *Thượng phẩm chi nhơn*.

Còn mấy em đây là "*Trung phẩm chi nhơn, giáo nhi hậu thiện*", mấy em tạo thiện đức tức là biết nghe theo lời Hội Thánh. Người ta có tài thì họ làm việc hay, còn mình dở thì làm việc thường.

Giáo phẩm

教品

A: Hierachy.

P: Hiérarchie.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Phẩm:** bậc phẩm Chức sắc.

Giáo phẩm là các phẩm cấp Chức sắc trong Giáo hội của một tôn giáo.

Giáo phụ sơ lai, Giáo tử anh hài

教婦初來，教子嬰孩

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Phụ:** vợ. **Sơ:** bắt đầu. **Lai:** tới. **Tử:** con. **Anh:** đưa bé mới sanh. **Hài:** trẻ con.

Giáo tử anh hài: Dạy con từ thuở còn thơ.

Giáo phụ sơ lai: Dạy vợ từ thuở ban sơ mới về.

Giáo sĩ

教士

A: The missionary.

P: Le missionnaire.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Sĩ:** người có học thức.

Giáo sĩ là người tín đồ của tôn giáo được huấn luyện để trở thành những Chức sắc đi truyền đạo.

Giáo Sư

教師

A: Bishop.

P: Évêque.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Sư:** thầy.

Giáo Sư là một phẩm Chức sắc CTĐ, đứng trên Giáo Hữu, dưới Phó Sư.

Giáo Sư đối phẩm Nhơn Thánh trong Cửu phẩm Thần Tiên. Quyền hành, nhiệm vụ và Đạo phục của Giáo Sư và Nữ Giáo Sư được qui định rõ trong PCT Chú Giải.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Giáo Thiện

教善

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Thiện:** lành.

Giáo Thiện là một phẩm Chức sắc trong Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng của CQPT, đối phẩm Lễ Sanh CTĐ.

Cho nên, thuở chưa thành lập Cơ Quan Phước Thiện, Đức Phạm Hộ Pháp đưa 20 vị công quả Phạm Môn cho Đức Lý Giáo Tông chấm phong, Thánh giáo ngày 15-2-Ất Hợi (1935), Đức Lý tạm phong vào hàng Lễ Sanh gọi là: Lễ Sanh Giáo Thiện. Đó là 20 vị Giáo Thiện đầu tiên trước khi thành lập CQPT, được bổ làm Đầu Họ Đạo Phước Thiện, lo khai mở lập các cơ sở Ph.Thiện cùng khắp trong các tỉnh miền nam VN.

Phẩm Giáo Thiện có ý nghĩa là người đã làm lành (Hành Thiện) rồi thì phải đi dạy lành cho nhơn sanh.

Đạo phục của Giáo Thiện: Khi chào lễ Đức Chí Tôn, Giáo Thiện mặc áo trắng, mang dây Sắc lệnh màu đỏ, bỏ qua tay mặt (thể Đạo), trên dây Sắc lệnh có gắn Khuê bài để chữ Giáo Thiện bằng quốc tự, đầu đội khăn đóng đen 7 lớp chữ nhơn 人.

Nữ Giáo Thiện: Quyền hành, nhiệm vụ của Giáo Thiện Nữ phái giống y như của Giáo Thiện Nam phái, nhưng chỉ lo về phần Phước Thiện Nữ phái mà thôi.

Đạo phục của Nữ Giáo Thiện giống y như Đạo phục của Giáo Thiện Nam phái, nhưng đầu để trần.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Giáo Tông

教宗

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Tông:** thường đọc là Tôn: tôn giáo.

Giáo Tông là phẩm Chức sắc cao cấp nhất của Đạo Cao Đài, làm Chương Quân CTĐ, là anh cả của toàn chư Chức sắc và tín đồ, nên cũng là anh của Hộ Pháp.

Khi khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn chuẩn bị cho Ngài Ngô Văn Chiêu đảm nhiệm chức Giáo Tông.

Do đó, ngày 17-4-1926, Đức Chí Tôn dạy ba Ông: Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc lên nhà Ngài Ngô Văn Chiêu biểu Ngài Chiêu may một bộ Đạo phục Giáo Tông. Bài Thánh Ngôn này chép ra như sau đây:

"Ngày 17-4-1926 (âl 6-3-Bính Dần).

THẦY

Trung, Cư, Tắc, ba con lập tức lên Chiêu biểu nó phải sắm sửa liền một bộ Thiên phục màu trắng, trên đầu chẳng phải bịt

khăn mà đội mũ trắng, có chữ Càn thêu bằng chỉ vàng. Dặn nó mua thứ hàng thiết tốt. Mũ cũng vậy, áo cũng vậy.

Hiếu! lại phải nhọc công nữa. Thầy giao phần may sắm cho con, con liệu cho kịp, rằm phải có nghe con.

Hiếu! lấy chén nước lạnh Thầy vẽ kiểu mũ cho con coi.

Bà Hiếu bạch Thầy: Mitre (mũ này là mũ Giáo Tông)

Trước ngực, ngay trán phải để chữ cung Càn chữ vàng, chữ Bát Quái; còn cái áo con phải tái cầu trong lúc may đặng Thầy chỉ sắp mấy cung kia trên áo.

Nghe và tuân theo nghe con!" (ĐS.I.106)

Nhưng 5 ngày sau, ngày 22-4-1926 (âm 11-3-Bính Dần), Đức Chí Tôn giảng cơ nói với Bà Hiếu:

"Hiếu! dâng mũ Giáo Tông cho Thầy xem. Trúng, mà ai đội con phòng lật đật. (Đức Chí Tôn biết là Ông Chiêu không lãnh chức Giáo Tông nên mới nói câu này.)" (ĐS.I.109)

Về sau, ngày 3-8-1926, trong đàn cơ ở Tân Định, tại nhà Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, Đức Chí Tôn tiết lộ cho biết là khi Đức Chí Tôn định giao chức Giáo Tông cho Ngài Ngô Văn Chiêu thì Quý Vương xin thử thách Ngài Chiêu, vì lẽ công bình Đức Chí Tôn phải chấp thuận, và rốt cuộc Ngài Chiêu không thắng nổi các thử thách của Quý Vương, đành chịu mất ngôi Giáo Tông. (Xem chi tiết nơi chữ: Ngô Văn Chiêu, văn Ng)

Do đó, khi đến ngày Khai Đạo, Đức Chí Tôn giao chức Giáo Tông cho Đức Lý Thái Bạch, Nhứt Trấn Oai Nghiêm, kiêm nhiệm.

Vị Giáo Tông đầu tiên của Đạo Cao Đài là Đức Lý Thái Bạch. Ngài là Giáo Tông vô hình nên khi cầm quyền điều khiển CTĐ hữu hình thì Ngài phải thông qua cơ bút nơi HTĐ, và trong tình hình nghiêm trọng của nền Đạo do nhà cầm quyền Pháp gây ra, sự đối phó không được mau lẹ, nên ngày 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930), Đức Lý Giáo Tông ban quyền cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhứt cầm quyền Giáo Tông hữu hình tại thế để điều khiển nền Đạo cho kịp thời ứng phó tình hình của Đạo đối với nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ.

Như vậy, quyền Giáo Tông lúc đó được phân làm hai:

- Phần vô vi thiêng liêng do Đức Lý Giáo Tông nắm giữ.
- Phần hữu hình tại thế do Ngài Lê Văn Trung nắm giữ.

Do đó, Đạo Cao Đài gọi Ngài Lê Văn Trung là Đức Quyền Giáo Tông.

Quyền hạn, nhiệm vụ và Đạo phục của Đức Giáo Tông được qui định rất rõ trong Pháp Chánh Truyền Chú giải.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Giáo Tông Đường

教宗堂

A: The office of the Pope.

P: L'office du Pape.

Giáo: Dạy, truyền dạy, tôn giáo. **Tông:** thường đọc là Tôn: tôn giáo. **Đường:** nhà, văn phòng làm việc.

Giáo Tông Đường là tòa nhà dành để làm Văn phòng làm việc của Đức Giáo Tông.

Đôi liễn đặt tại cổng của Giáo Tông đường:

教化人生日日中心歸善果

宗開僧眾時時重道合真傳

*GIÁO hóa nhơn sanh nhật nhật trung tâm qui thiện quả,
TÔNG khai tăng chúng thì thì trọng đạo hiệp Chơn truyền.*

Nghĩa là:

Giáo hóa nhơn sanh cho mỗi ngày mỗi giờ được cái tâm trung dung để được trở về ngôi vị nơi cõi thiêng liêng,

Đạo mở ra cho dân chúng tu hành, luôn luôn tôn trọng đạo đức cùng với chơn truyền.

GIÀY

GIÀY

GIÀY: Đồ dùng để mang vào chân lúc đi đứng để bảo vệ chân.

Td: Giày đạo, Giày sen, Giày võ ưu.

Giày đạo

A: The religious shoes.

P: Les chaussures religieuses.

Giày: Đồ dùng để mang vào chân lúc đi đứng để bảo vệ chân. **Đạo:** tôn giáo.

Giày đạo là đôi giày của người tu.

Thuở xưa, người tu thường dùng loại giày dép làm bằng cỏ, lát, nên Hán văn gọi là Thảo hài, dịch ra là: Giày cỏ, dép cỏ; ngày nay dùng loại giày dép làm bằng nhựa, vải hay simili, tránh việc dùng giày dép bằng da thú vật, bởi vì da thú vật có được là do sự sát sanh thú vật.

TNHT: Áo dà cũng muốn mặc, *giày đạo* cũng muốn mang, muốn đứng trước cả nhơn sanh để cho họ biết mình hướng đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giày gai áo bã

Giày: Đồ dùng để mang vào chân lúc đi đứng để bảo vệ chân. **Gai:** nhám, không êm tay. **Bã:** phần còn lại của một vật khi đã ép lấy hết nước cốt, ý nói chất phé thải.

Giày gai là giày bằng cỏ, nhám, mang không êm chân.

Áo bã là áo làm bằng vải vụn phé thải may ghép lại.

Giày gai áo bã là chỉ cảnh sống của người tu, thiếu thốn bề vật chất, chỉ cốt lo trau luyện tinh thần.

TNHT: Thầy nhớ khi xưa, kẻ mộ đạo chịu ngàn cay muôn đắng, biết có người mà chẳng biết nhọc mình, *giày gai áo bả*, đội nguyệt mang sao, gió trước lọt chồi tranh, mưa sau hư giậu lá, bần hàn chẳng quản, tay trắng diu người, một mảy không bợn nhớ, mới có thể lập ngôi cho mình đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giày sen

A: The shoes of a noble woman.

P: Les chaussures d'une femme noble.

Giày: Đò dùm để mang vào chân lúc đi đứng để bảo vệ chân. **Sen:** bông sen.

Giày sen là giày của người phụ nữ quý phái.

Diễn tích: Thời Lục triều bên Tàu, vua Nam Tề là Đông Đôn Hầu có nàng quý phi rất đẹp là Phan thị. Đông Hầu sai thợ khéo làm những bông sen bằng vàng lót trên gạch trong cung để mỗi khi Phan phi bước đi trên đó thì dường như dưới gót chân nàng có nở hoa sen. Đông Hầu nhìn Phan phi đi, khen rằng: "*Bộ bộ sinh liên hoa*" (mỗi bước đi nở ra hoa sen).

Do đó, trong văn chương cổ, người ta dùng các thành ngữ: Bước sen, Gót sen, để chỉ người đàn bà đẹp quý phái.

TNHT: Muốn đi cho tận trường sanh địa,
Phải đổi *giày sen* lấy thảo hài.

Ý nói: Muốn đi đến tận cõi trường sanh bất tử (đắc đạo thành Tiên) thì phải bỏ đời sống vật chất xa hoa để lo việc tu hành. (Thảo hài là giày cỏ, giày của người tu hành).

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giày vô ưu

A: The shoes "Without-worry".

P: Les souliers "Sans-souci".

Giày: Đò dùm để mang vào chân lúc đi đứng để bảo vệ chân. **Vô:** không. **Ưu:** lo nghĩ.

Giày vô ưu là đôi giày của người tu. Khi mang đôi giày này thì phải nhớ giữ cái tâm cho trong sạch, không lo phiền.

Giày vô ưu được làm bằng vải, có hình dáng như giày của các quan văn thời xưa.

Các Chức sắc từ phẩm Phối Sư hay tương đương trở lên, mới được phép mang giày vô ưu khi mặc Đạo phục vào bái lễ Đức Chí Tôn.

■ Đức Giáo Tông mang giày vô ưu màu trắng, trước mũi giày có đề chữ tịch đạo nam nữ: Thanh Hương 清香.

■ Thái Chuông Pháp mang giày vô ưu màu vàng, trước mũi giày có đề chữ Thích 釋.

■ Thượng Chưởng Pháp mang giày vô ưu màu trắng, trước mũi giày có đề chữ Đạo 道.

■ Ngọc Chưởng Pháp mang giày vô ưu màu hồng, trước mũi giày có đề chữ Nho 儒.

■ Ba vị Đầu Sư nam phái đều mang giày vô ưu màu đen, trước mũi giày của Thái Đầu Sư có chữ Thái 太, trước mũi giày của Thượng Đầu Sư có chữ Thượng 上, trước mũi giày của Ngọc Đầu Sư có chữ Ngọc 玉.

■ Ba vị Chánh Phối Sư và các Phối Sư nam phái đều mang giày vô ưu màu đen, trước mũi giày không có chữ chi hết.

■ Nữ Đầu Sư, Nữ Chánh Phối Sư và các Nữ Phối Sư đều mang giày vô ưu màu trắng, trước mũi giày có đề chữ Hương 香 là tịch đạo của nữ phái.

■ Thượng Phẩm và Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân, Thập nhị Bảo Quân đều mang giày vô ưu màu trắng, nhưng đặc biệt giày vô ưu trắng của Thượng Phẩm, trước mũi có chữ Đạo 道; và của Thượng Sanh trước mũi chữ Thế 世.

GIẤC

Giấc huỳnh lương

A: The yellow-millet dream.

P: Le rêve de millet-jaune.

Giấc huỳnh lương là giấc chiêm bao của Ông Lữ Đổng Tân nằm bên nồi bắp vàng đang được nấu chín. Ý nói: Công danh phú quý của cuộc đời ngắn ngủi như giấc chiêm bao.

(Xem điển tích nơi chữ: Bát Tiên, mục Lữ Đổng Tân)

Giấc mộng trần

A: The human life is like a dream.

P: La vie humaine semble un rêve.

Giấc mộng trần là xem những việc công danh phú quý của con người nơi cõi trần ngắn ngủi như một giấc chiêm bao.

Đời người nhiều lắm kéo dài được trăm năm, mà mông lo tranh danh đoạt lợi, cầu xé giành giật cho thỏa lòng ham muốn. Hỏi: Khi nhắm mắt xuôi tay, linh hồn đem theo được những gì? Vàng bạc, chức tước, hay chỉ hai bàn tay trắng?

Linh hồn chỉ đem theo được những phước đức và những tội lỗi đã gây ra trong suốt kiếp sống nơi cõi trần.

TNHT: Kiếp phù sinh không mấy chốc, đời mộng ảo chẳng là bao, sanh đứng nên người, chen vai vào vòng thế cuộc, có khác chi kẻ bị đày vào biển khổ, để làm xong nhân sự, đặng chuộc thừa tội tiền khiên; bao nhiêu tiếng khóc câu cười, thế lộ bước đã mòn, mà *giấc mộng trần* chưa thức tỉnh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIÈM (DÈM)

GIÈM

GIÈM: còn viết Dèm: Đặt điều nói xấu hại người.
Td: Gièm pha, Gièm siểm.

Gièm pha

A: To vilify.

P: Médire.

Gièm: còn viết Dèm: Đặt điều nói xấu hại người. **Pha:** trợn lẫn vào.

Gièm pha hay Dèm pha là đặt điều thế này thế nọ để nói xấu người khác với cấp trên, để cấp trên không tin dùng người ấy nữa, mà lại tin dùng mình.

TNHT: Tại lời *gièm pha* của phái phụ nữ mà ra nổi ấy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Gièm siểm

A: To vilify and to flatter.

P: Médire et flatter.

Gièm: còn viết Dèm: Đặt điều nói xấu hại người. **Siểm:** dua nịnh, thường nói Siểm nịnh.

Gièm siểm hay Dèm siểm là nịnh bợ cấp trên vừa đặt điều nói xấu người khác để người đó không còn được cấp trên tin dùng nữa mà lại tin dùng mình.

TNHT: Nhóm lại nghịch lẫn nhau, *gièm siểm* nhau, lo đứng trên người khác nhưng lại không tài liệu biện cho có ích....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIEO

GIEO

GIEO: Đem hạt giống rải lên mặt đất để hạt giống nảy mầm lên cây mới.
Td: Gieo thâm, Gieo truyền.

Gieo thâm chất sầu

A: To sow and to amass the sorrow.

P: Semer et entasser la tristesse.

Gieo: Đem hạt giống rải lên mặt đất để hạt giống nảy mầm lên cây mới. **Chất:** chứa lại. **Thâm sầu:** buồn rầu sâu đậm.

Gieo thâm chất sầu là gieo hạt giống sầu thâm thì thấu hoạch được rất nhiều sầu thâm rồi chất chứa lại.

TNHT: Ngày vui vẻ của sanh linh đã mòn, họa Thiên điều đã cận, CKTG còn đeo đuổi, dụng thất đức vô nhân mà *gieo thâm chất sầu* trong nhơn loại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Gieo truyền

A: To sow and to spread.

P: Semer et répandre.

Gieo: Đem hạt giống rải lên mặt đất để hạt giống nảy mầm lên cây mới. **Truyền:** truyền rộng ra cho nhiều người biết.

Gieo truyền là đem hạt giống gieo rộng ra.

Nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn ví như hạt giống lành, cần phải gieo truyền cho rộng ra để hạt giống lành nảy mầm thành cây lành khắp nơi để nhơn sanh hưởng nhờ.

TNHT: Từ nền Đạo khai sáng, *gieo truyền* mỗi Chánh giáo đến nay,....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIỌT

GIỌT

GIỌT: Hạt nước rơi xuống.

Td: Giọt lụy, Giọt máu mủ, Giọt từ bi.

Giọt lụy

A: The teardrops.

P: Les larmes.

Giọt: Hạt nước rơi xuống. **Lụy:** nước mắt.

Giọt lụy là giọt nước mắt, chỉ sự khóc lóc vì đau khổ buồn rầu, đồng nghĩa với: Giọt châu, Giọt lệ.

KKCĐTTT: *Giọt lụy của cừu huyền dầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.*

KKCĐTTT: Kinh Khai Cừu, Đại Tường, Tiểu Tường.

Giọt máu mủ

A: Drop of blood.

P: Goutte de sang.

Giọt: Hạt nước rơi xuống. **Máu mủ:** chỉ sự quan hệ huyết thống ruột thịt.

Giọt máu mủ là ý nói đứa con của dòng họ để nói dõi tông đường.

KCTPĐQL: *Giọt máu mủ lưu truyền tại thế,
Con nhặng mong truyền kế lửa hương.*

KCTPĐQL: Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liểu.

Giọt hành dương

A: The drop of Holy Water.

P: La goutte de l'Eau Bénite.

Giọt: Hạt nước rơi xuống. **Nhành dương:** cành cây dương liễu.

Giọt hành dương là giọt nước Cam lồ do Đức Quan Âm Bồ Tát cầm cành dương liễu rải ra.

Nước Cam lồ có tác dụng rất huyền diệu, làm cho con người hết phiền não, tẩy trừ các chơn thần trong sáng, và có thể cải tử huân sanh.

KĐ3C: Cam lồ rưới giọt *hành dương*,
Thất tình, lục dục như đường tiêu tan.

KĐ3C: Kinh Đệ Tam cửu.

Giọt từ bi

Giọt: Hạt nước rơi xuống. **Từ bi:** hạnh của Phật, chỉ Đức Phật.

Giọt Từ bi là giọt nước của Phật, tức là giọt nước Cam lồ do Đức Phật chế luyện tạo thành.

Giọt Từ bi đồng nghĩa Giọt hành dương.

TNHT: Hứng giọt *Từ bi* rửa bợn sâu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIỚI

GIỚI

GIỚI: 戒 Răn cấm.

Td: Giới luật, Giới sát.

Giới cấm

戒禁

A: Interdiction.

P: Interdiction.

Giới: Răn cấm. **Cấm:** không cho phép làm.

Giới cấm là những điều răn cấm, không cho làm.

Trong sách Khóa Hư Lục, vua Trần Thái Tông có giải thích chữ Giới như sau:

"Giới như đất bằng, vạn điều lành từ đây mà sanh ra. Giới như lương y, có thể cứu chữa mọi bệnh. Giới như hạt châu sáng, có thể phá tan mọi u ám. Giới như thuyền bè, có thể đi qua biển khổ."

Tân Luật của Đạo Cao Đài có 5 Giới cấm quan trọng làm căn bản cho người tu, gọi là Ngũ Giới cấm.

TNHT: Phải giữ *giới cấm* ấy cho lắm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Giới - Định - Huệ

戒 - 定 - 慧

A: Prohibition - Contemplation - Wisdom.

P: Prohibition - Contemplation - Sagesse.

Giới: lời răn của Phật.

Định: *thiền định, giữ tâm ý cho yên ổn, không loạn động, để suy nghiệm các vấn đề đạo lý.*

Huệ: *sự phát sáng của trí hiểu biết sau khi đã tẩy sạch phiền não và vô minh.*

Giới, Định, Huệ là Tam Học của Phật giáo, phân ra làm ba như vậy cho dễ giải thích. Thật ra chúng tương quan mật thiết với nhau, nương dựa nhau, tuy là ba nhưng đồng một thể.

Do giữ được Giới mà thân tâm không loạn động, nên tâm trí được Định, nhờ đó trí não lần lần phát sáng, ấy là Huệ.

Ngược lại, trí não phát sáng thì tâm dễ định, tâm đã định thì giữ giới dễ dàng.

Giới, Định, Huệ tương liên mật thiết nhau, một cái tăng thì hai cái kia cùng tăng theo và ngược lại.

Học Giới Định Huệ là học Tam Tạng Kinh: Học Giới là học Tạng Luật, học Định là học Tạng Kinh, học Huệ là học Tạng Luận.

Giới được ví như cái bóng thủy tinh bao bọc ngọn đèn dầu, tâm ví như ngọn đèn, Trí Huệ ví như ánh sáng phát ra. Nhờ có bóng thủy tinh che gió mà ngọn đèn đứng yên không lay động, tức là nhờ Giới mà định được tâm. Ngọn đèn đứng yên thì ánh sáng mới tỏa ra chói lọi, tức là nhờ Định được tâm mà Trí Huệ phát sáng.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng giải về Giới, Định, Huệ như sau:

"Đại chúng chớ mê lầm mà nói Định với Huệ khác nhau. Định và Huệ chỉ là một thể, chẳng phải hai. Định là cái thể của Huệ, Huệ là cái dụng của Định, tức là lúc Định thì Huệ ở trong Định, lúc Huệ thì Định ở trong Huệ. Nếu biết cái nghĩa ấy thì Định và Huệ đều phải học.

Các người học Đạo chớ nói rằng: trước Định rồi mới phát Huệ, trước Huệ rồi mới sanh Định, rồi phân biệt Định với Huệ là khác nhau.

Nếu thấy hiểu như thế thì Pháp có hai tướng. Miệng nói lời lành mà trong lòng chẳng lành, nói không rằng có Định Huệ mà Định Huệ chẳng đồng một thể. Nếu lòng và miệng đều lành, trong ngoài như một, thì Định và Huệ đồng nhau.

Phép tự ngộ tu hành chẳng phải tại chỗ tranh. Nếu tranh chỗ trước sau, tức là đồng với người mê. Chẳng dứt lòng phân hơn thua thì quả nhiên làm lớn thêm lòng chấp ngã, chấp pháp, mà không lìa khỏi bốn tướng: Ngã tướng, Nhơn tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng.

Định và Huệ giống như cái đèn và cái ánh sáng. Có đèn tức là sáng, không đèn tức là tối. Đèn là cái thể của ánh sáng, ánh sáng là cái dụng của đèn. Tên tuy có hai mà thể vẫn có một. Phép Định Huệ này cũng giống như thế."

"Một ngày kia, Đại Sư Thần Tú bảo môn nhơn tên là Chí Thành rằng:

- Người thông minh đa trí, khá vì Ta mà đến Tào Khê (chỗ Lục Tổ Huệ Năng thuyết pháp) nghe Pháp. Nếu nghe được chỗ nào hay thì nhớ lấy, rồi trở về đây nói lại cho ta rõ.

Chí Thành vâng lệnh đến Tào Khê, nhập theo đại chúng đến viếng Tổ Sư và cầu dạy, nhưng chẳng xưng ở đâu lại.

Khi ấy, Lục Tổ Huệ Năng bảo chúng nhưn rằng:

- Nay có kẻ trộm Pháp ẩn trong hội này.

Chí Thành buộc phải bước ra làm lễ và bày tỏ hết các việc của Đại Sư Thần Tú. Tổ Sư nói:

- Người ở chùa Ngọc Tuyền đến, lễ ưng là dọa thám?

- Chẳng phải vậy.

- Sao gọi là chẳng phải?

- Chưa nói ra thì phải như thế, nói ra rồi chẳng phải vậy.

- Thầy người dạy chúng môn nhưn thế nào?

- Thường dạy trụ tâm quán tịnh, ngồi mãi không nằm.

- Trụ tâm quán tịnh, ấy là bệnh, chẳng phải Thiền. Thường ngồi là câu thúc cái thân, đối với Đạo lý có ích chi đâu?

Hãy nghe ta đọc kệ:

*Khi sống, ngồi không nằm,
Thác rồi, nằm chẳng ngồi.
Thiệt đồ xương thịt thú,
Sao luống lập công phu!*

Chí Thành làm lễ Tổ Sư và bạch rằng:

- Kẻ đệ tử theo Tú Đại Sư học đạo 9 năm mà chẳng đặng tỏ sáng, nay nghe Hòa Thượng nói một lần liền tỏ sáng bỗng tâm. Việc sống thác là lớn, đệ tử xin Hòa Thượng mở lòng từ bi chỉ dạy.

- Ta nghe nói thầy người dạy phép Giới, Định, Huệ cho các học giả, nhưng chưa rõ thầy người nói cái hạnh tướng của Giới Định Huệ như thế nào, hãy nói lại cho ta nghe.

- Tú Đại Sư nói: Các điều dữ chớ làm, gọi là Giới. Các điều lành vâng làm, gọi là Huệ. Giữ ý mình trong sạch, gọi là Định. Thầy tôi nói như vậy, chưa rõ Hòa Thượng dùng phép nào mà dạy người?

Tổ Sư nói:

- Nếu ta nói ngay ta có phép dạy người tức là nói dối với người. Ta chỉ tùy phương tiện mà giải thoát cho người. Phương tiện ấy giả gọi là Tam Muội (Chánh định). Cứ như chỗ thầy người nói về môn Giới Định Huệ thiết không thể nghĩ bàn được. Chỗ ta nói về Giới Định Huệ lại khác.

Chí Thành bạch cùng Tổ Sư:

- Giới Định Huệ chỉ hiệp có một thứ, thế nào lại khác?

Tổ Sư đáp:

- Phép Giới Định Huệ của thầy người để tiếp độ người đại thừa; còn phép Giới Định Huệ của ta để tiếp độ người tối thượng thừa. Chỗ tỏ hiểu không đồng, chỗ thấy có mau chậm. Người nghe chỗ ta nói với chỗ thầy người nói, có đồng nhau chăng? Chỗ ta nói Pháp không lìa Tánh mình, lìa bản tánh mà nói Pháp là trước tướng mà nói, thế thì Tánh mình thường mê. Phải biết muôn Pháp đều do Tánh mình mà khởi dụng. Thế mới thiết là Pháp Giới Định Huệ.

Hãy nghe ta nói kệ:

*Tâm địa không quấy thì Tánh mình Giới,
Tâm địa không si thì Tánh mình Huệ,
Tâm địa không rối thì Tánh mình Định.
Không thêm không bớt, Tánh mình Kim cang,
Thân tới thân lui vốn là Tam Muội (Chánh Định)."*

Giới sát

戒殺

A: The forbiddance of killing.

P: Défense de tuer.

Giới: Răn cấm. **Sát:** giết chết, sát sanh.

Giới sát là cấm sát sanh, tức là cấm giết hại các loài sanh vật.

Giới sát là giới cấm thứ nhất trong Ngũ Giới Cấm.

TL: Điều thứ 12: Một bực đã giữ trường trai *giới sát* và tứ đại điều qui, gọi là vào phẩm Thượng thừa.

TL: Tân Luật.

Giới Tâm Kinh

戒心經

A: The prayer of preservation of heart.

P: La prière de préservation du coeur.

Giới: Răn cấm. **Tâm:** lòng dạ, cái tâm của con người.

Giới Tâm Kinh là bài kinh tụng thường ngày để ghi nhớ những điều các Đấng răn dạy mà sửa tánh răn lòng.

Giới Tâm Kinh có tác dụng như Kinh Sám Hối.

Bài Giới Tâm Kinh trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo (Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín), do Hội Thánh vâng lệnh Đức Chí Tôn thỉnh nơi chi Minh Tân trong Ngũ Chi Minh Đạo.

Giới tửu

戒酒

A: The forbiddance of wine.

P: L'abstention de vin.

Giới: Răn cấm. **Tửu:** rượu.

Giới tửu là cấm uống rượu.

TNHT: Vì sao phải *Giới tửu*?

Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à!

Thánh giáo ngày 29-11-Bính Dần (dl 2-1-1927), Đức Lý Giáo Tông dạy ông Lê Châu Tri không được uống rượu:

Tri! Nghe dạy. Sơn! Phải lấy một ly rượu nhỏ, một ly rượu lớn, rót ly nhỏ vào ly lớn, đem lại đây, đưa cho nó cầm, đội ngay trán, thề rằng: "*Tôi tên là Lê Châu Tri, thề uống Tiên tửu một phen nầy với Lý Đại Tiên, từ đây không uống nữa, như ngày sau phạm giới, Ngũ Lô đã tử,*"

Như quỷ giục thì Hiền hữu niệm câu này:

"Tửu nhập tâm di, hại tổn bình sanh chi đức, tánh thiên đạo diệt, dục tranh thế sự chi oan."

Giải nghĩa: Rượu vào lòng dối, hại hao đức bình sanh, tách đời đạo hủy, dục tranh oan nghiệt thế tình.

Trì! Nhớ nghe. Đợi hầu Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GIỤC

Giục loạn

A: To foment a rebellion.

P: Foment a revolt.

Giục: xúi giục, thúc cho mau lên. **Loạn:** làm giặc.

Giục loạn là xúi giục làm loạn, tức là thúc đẩy cho cái mầm loạn mau trở ra để phân rõ chánh tà, dễ dàng đối phó.

TNHT: Lão đã lăm phen thấy điều khó khăn mắc mớ của phần ấy, nên ra tay *giục loạn* đặng phân rõ chánh tà.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GÓA

Góa thân

A: The widowed person: Widow or Widower.

P: Le veuvage: Une femme veuve ou un homme veuf.

Góa: người đàn bà bị chết chồng (Góa chồng) hoặc người đàn ông bị chết vợ (Góa vợ). **Thân:** thân mình.

Góa thân là:

Người đàn bà có chồng chết; hoặc

Người đàn ông có vợ chết.

KTKCQV: Xin hiển linh giúp kẻ *góa thân*.

KTKVQL: Chịu *góa thân* tuyệt đống song thu.

- Người đàn bà góa chồng còn được gọi là: Quả phụ 寡婦, hay Sương phụ 孀婦.
- Người đàn ông góa vợ còn được gọi là: Quan phu 鰥夫.

KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

GÓT

Gót son

A: The red heel: Noble woman.

P: Le talon rouge: Femme noble.

Gót: cái phần sau của bàn chân. **Son:** màu đỏ như son.

Gót son là gót chân đỏ như son, chỉ người phụ nữ quý phái.

TNHT: Gót son biết đặng mắt hay còn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GÔNG

Gông với trống

A: The cang and shackle.

P: La cangue et le cep.

Gông: cái khung gỗ nặng có then gài để đóng mở, dùng tròng vào cổ tội nhân bị án nặng. **Trống:** Cái cùm để giam chân tội nhân vào một chỗ, gồm hai miếng gỗ hay sắt, ghép lại có lỗ vừa cái cổ chân.

Gông với trống là chỉ những hình phạt khổ sở để trừng trị các tội nhân thời xưa.

TNHT: Quyển hành Chí Tôn của Thầy, các con nên hiểu thấu thì các con sẽ thấy nó là một hình phạt rất nặng nề, chẳng khác nào như *gông với trống*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

GƯƠM

Gươm huệ

A: The sabre of wisdom.

P: Le sabre de sagesse.

Gươm: cây kiếm, một thứ khí giới võ thuật. **Huệ:** trí huệ, là sự sáng suốt thông hiểu đạo lý, dứt điều mê muội.

Gươm huệ là cây gươm trí huệ.

Người tu dùng cái trí huệ đạt được của mình làm như cây gươm cây kiếm để chặt đứt mọi phiền não và các sợi dây oan nghiệt ràng buộc nơi cõi trần, quyết thắng 6 tên giặc cướp gọi là Lục tặc, và ba tên độc hại Tham, Sân, Si gọi là Tam độc, để cho linh hồn được thông dong trở về cõi TLHS.

Kinh Duy Ma Cát có câu: "*Dĩ trí huệ kiếm phá phiền não tặc*" Nghĩa là: Lấy cây gươm trí huệ để phá tan tên giặc phiền não.

TNHT: Cầm *gươm huệ* chặt tiêu oan trái.

KXH: *Gươm huệ* đưa trị xảo trừ tà.

Các từ ngữ khác đồng nghĩa với Gươm huệ là:

Gươm thần huệ: Cây gươm trí huệ huyền diệu:

KVH: Nương *gươm thần huệ* đặng trừ nghiệt căn.

Huệ kiếm gươm thần: Cây kiếm, cây gươm trí huệ huyền diệu.

KKCĐTTT: Nắm cây *huệ kiếm gươm thần*,
Dứt tan sự thế nọ trần từ đây.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KXH: Kinh Xuất Hội

KVH: Kinh vào học.

KKCĐTTT: Kinh Khai Cửa, Đại Tường, Tiểu Tường.

GƯƠNG

GƯƠNG

- Tấm kiếng tráng thủy để soi mặt.
- Cái mẫu mực tốt để mọi người noi theo.
Td: Gương nguyệt, Gương đạo.

Gương đạo

A: The good example.

P: Le bon exemple.

Gương: Tấm kiếng tráng thủy để soi mặt. Cái mẫu mực tốt để mọi người noi theo. **Đạo:** đạo đức.

Gương đạo là tấm gương tốt về đạo đức, tức là những mẫu mực tốt đẹp về đạo đức để người sau noi theo.

TNHT: *Gương đạo* noi theo đời Thuấn Đế.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Gương hạnh

A: The example of virtue.

P: L'exemple de la vertu.

Gương: Tấm kiếng tráng thủy để soi mặt. Cái mẫu mực tốt để mọi người noi theo. **Hạnh:** đức hạnh, tánh nết tốt đẹp.

Gương hạnh là tấm gương tốt về đức hạnh.

TNHT: Lâu soi *gương hạnh* rạng Nam hoa.

(Nam hoa: Gái nước Việt Nam)

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Gương nguyệt

A: The moon.

P: La lune.

Gương: Tấm kiếng trảng thủy để soi mặt. **Nguyệt:** mặt trăng.

Gương nguyệt là gương trắng, ý nói mặt trăng sáng bóng như gương.

TNHT: Nẻo hạnh lâu soi gương nguyệt thắm.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Gương vỡ lại lành

Gương: Tấm kiếng trảng thủy để soi mặt. **Vỡ:** bể ra thành nhiều mảnh. **Lành:** liền lại như khi chưa bị bể.

Gương vỡ lại lành, chữ Hán là: Phá kính trùng viên, ý nói: tình cảnh vợ chồng thất lạc nay được đoàn tụ vui vẻ.

Diễn tích: Sách Bản Sự Thi của Mạnh Khải đời Đường có chép câu chuyện như sau: Nhạc Xương Công chúa là em gái của vua Trần Hậu Chủ, có chồng là Từ Đức Ngôn. Gặp buổi nhà Trần suy loạn, Từ Đức Ngôn nói với vợ: Nước nhà sắp nghiêng đổ, đôi ta chưa chắc được mãi như thế này, chúng ta phải có vật gì để sau này làm tin. Nói đoạn, Từ Đức Ngôn lấy cái gương tròn bằng đồng của vợ, bể ra làm hai mảnh, mỗi người giữ một nửa và ước hẹn rằng: Mỗi năm vào ngày rằm tháng giêng thì đem nửa mảnh gương ra bán ở chợ kinh đô. Khi tôi thấy được, tôi nhất định sẽ tìm gặp nàng.

Quả nhiên, không bao lâu sau, Trần Hậu Chủ bị Tùỵ Dương Đế tiêu diệt. Công chúa Nhạc Xương bị tướng của Tùỵ là Dương Tố bắt làm hầu thiếp.

Sau khi yên giấc, Từ Đức Ngôn nhớ lời hẹn với vợ năm xưa, nên y hẹn lên chợ kinh đô đúng ngày rằm tháng giêng. Chàng rảo qua chợ để tìm người bán gương, chàng thấy có một nàng hầu gái cầm một miếng gương vỡ đem ra chợ bán. Chàng thấy đúng là nửa mảnh gương của vợ chàng, liền gọi

người hầu gái đến một chỗ vắng hỏi thăm thì biết rõ hiện nay Công chúa Nhạc Xương đang ở trong phủ của Dương Tố.

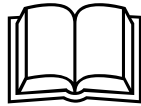
Chàng liền viết 4 câu thi đưa cho người hầu gái trao lại Công chúa, gọi là **Phá kính thi**: *Kính dữ nhân câu khứ, Kính qui nhân vị qui, Vô phục hằng nga ảnh, Không lưu minh nguyệt huy.* (Gương với người đều đi, Gương về người chưa về, Chẳng có bóng hằng nga, Lưu sông ánh trăng sáng.)

Công chúa nhận được bài thơ của chồng, khóc than thảm thiết, suốt ngày không chịu ăn uống. Dương Tố hay được, suy nghĩ kỹ rồi mời Từ Đức Ngôn đến, cho vợ chồng tái hiệp, lại cấp cho tiền bạc khá nhiều để về quê sinh sống.

CAO
ĐÀI
TỪ
ĐIỂN



高
臺
詞
典



Dictionary of Caodaism
Dictionnaire du Caodaïsme

Soạn giả: ĐỨC NGUYỄN

Danh mục văn H

HÀ

- Hà
- Hà Ngân
- Hà đồ
- Hà thanh hải yến

HẠ

- Hạ
- Hạ chí
- Hạ chỉ
- Hạ cơ
- Hạ đẳng nhơn sanh
- Hạ đơn điền
- Hạ giới
- Hạ huyết
- Hạ ngươn Tam chuyển
- Hạ ốc thất thập nhị Địa
- Hạ rộng
- Hạ thể - Hạ trần
- Hạ thọ - Trung Thọ - Thượng thọ
- Hạ thừa - Thượng thừa
- Hạ tuần
- Hạ Võ (Hạ Vũ)

HẠC

- Hạc thọ

HẢI

- Hải
- Hải ngoại
- Hải hà
- Hải nội chư quân tử

HÃI

- Hải kinh

HÀM

- Hàm
- Hàm huyết phún nhơn
- Hàm oan
- Hàm phẩm
- Hàm phong - Hội Thánh Hàm Phong

HÁM

- Hám
- Hám lợi xu danh
- Hám vọng

HÃM

- Hãm
- Hãm hại
- Hãm tội

HÀN

- Hàn
- Hàn Lâm Viện
- Hàn mặc

HÀNG

- Hàng long phục hổ

HÀNH

- Hành
- Hành biến
- Hành Chánh Đạo
- Hành công tu luyện
- Hành đạo
- Hành đạo tha phương
- Hành giả
- Hành hải
- Hành hình
- Hành hóa
- Hành hương
- Hành khiển
- Hành lễ
- Hành pháp
- Hành tàng
- Hành thiện
- Hành xác

HẠNH

- Hạnh
- Hạnh chất
- Hạnh đàn
- Hạnh đường
- Hạnh hưởng
- Hạnh lâm
- Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo

HÀO

- Hào phú
- Hào quang

HÁO (HIẾU)

- Háo
- Háo danh
- Háo sanh

HẢO

- Hảo
- Hảo quang minh
- Hảo sự

HẠO

- Hạo
- Hạo kiếp
- Hạo nhiên

HẰNG

- HẰng
- HẰng hà sa số
- HẰng Nga
- HẰng sanh
- HẰng tâm

HẤP

- Hấp hối

HẦU

- Hàu
- Hàu chung
- Hàu đàn
- Hàu kê
- Hàu mẫn
- Hàu thiếp

HẬU

- Hậu
- Hậu duệ
- Hậu đãi
- Hậu điện
- Hậu hậu vô chung
- Hậu hối mạc cập
- Hậu kế vô nhân
- Hậu lai
- Hậu sanh khả úy
- Hậu sự
- Hậu tấn (Hậu tiến)
- Hậu thế
- Hậu thổ
- Hậu thuấn
- Hậu ý

HỆ

- Hệ lụy
- Hệ phái

HI, HỈ

- Hi, Hỉ (Xem: Hy, Hỷ)

HIỀM

- Hiềm
- Hiềm nghi
- Hiềm thù

HIẾM

- Hiếm chi

HIỀN

- Hiền Viên Huỳnh Đế

HIỀN

- Hiền
- Hiền đồ
- Hiền đức
- Hiền hiền
- Hiền huynh - Hiền tỷ -
Hiền đệ - Hiền muội
- Hiền hữu
- Hiền lương
- Hiền minh Thánh trí
- Hiền ngô
- Hiền Nhơn
- Hiền nhơn quân tử
- Hiền sĩ
- Hiền tài
- Hiền triết

HIẾN

- Hiến
- Hiến chương ĐĐTKPĐ
- Hiến công
- Hiến Đạo
- Hiến Đạo Phạm Văn Tươi (1897-1976)
- Hiến lễ
- Hiến pháp
- Hiến Pháp Trương Hữu Đức (1890-1976)
- Hiến thân
- Hiến Thế
- Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh (1894-1970)

HIỂN

- Hiến
- Hiến hách
- Hiến khảo - Hiến tử
- Hiến linh
- Hiến nhiên
- Hiến Thánh
- Hiến thân dương danh

HIẾP

- Hiếp bức

HIỆP - HỢP

- Hiệp - Hợp
- Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh
- Hợp cần (Hiệp cần)
- Hiệp chưởng (Hợp chưởng)
- Hiệp chưởng mạo (Hợp chưởng mạo)
- Hợp đạo (Hiệp đạo)
- Hiệp định - Hiệp ước
- Hiệp đồng
- Hợp đồng
- Hợp gia (Hiệp gia)
- Hiệp lý
- Hợp lý
- Hợp nhứt (Hiệp nhứt)
- Hợp pháp
- Hợp phổ hoàn châu
- Hiệp qui
- Hợp tác (Hiệp tác)
- Hiệp tuyền (Hợp tuyền)
- Hiệp Thiên Đài

HIẾU

- Hiếu
- Hiếu đạo
- Hiếu dễ
- Hiếu đức trung nhơn
- Hiếu hậu vi tiên
- Hiếu thân
- Hiếu thuận

HIỂU

- Hiểu dụ - Hiểu thị

HÌNH

- Hình
- Hình hoa
- Hình khổ
- Hình nhi hạ học - Hình nhi thượng học
- Hình sự
- Hình thể
- Hình tượng

HỌ

- Họ Đạo

HOA (HUÊ)

- Hoa
- Hoa biểu (Huê biểu)
- Hoa khai bất trạch bản gia địa
- Hoa lệ
- Hoa lợi (Huê lợi)
- Hoa nguyệt (Huê nguyệt)
- Hoa tình (Huê tình)

HÒA

- Hòa
- Hòa giải
- Hòa hảo
- Hòa ki (Hòa cơ)
- Hòa nam khê thủ
- Hòa thượng - Giáo thọ - Yết Ma
- Hòa viện

HÓA

- Hóa
- Hóa công
- Hóa dân qui thiện
- Hóa dục quần sanh
- Hóa duyên
- Hóa độ
- Hóa nhân
- Hóa sanh
- Hóa thân
- Hóa trưởng

HỎA

- Hỏa
- Hỏa giáo
- Hỏa tai
- Hỏa táng
- Hỏa thượng thêm du
- Hỏa tinh Tam muội
- Hỏa tốc

HỌA

- Họa
- Họa Âu tai Á
- Họa bất đơn hành
- Họa hổ họa bì nan họa cốt
- Họa kín
- Họa phước vô môn
- Họa Thiên điều
- Họa tông khẩu xuất

- Họa vô đơn chí

- Họa xà thêm túc

HOẠCH

- Hoạch tội ư Thiên vô sở đảo đã

HOÀI

- Hoài
- Hoài niệm
- Hoài thai
- Hoài vọng

HOAN

- Hoan
- Hoan lạc
- Hoan tâm

HOÀN

- Hoàn
- Hoàn cầu
- Hoàn nguyên
- Hoàn thiện hóa
- Hoàn tục
- Hoàn vũ

HOÁN

- Hoán
- Hoán ác thành nhân
- Hoán cải
- Hoán cựu tòng tân
- Hoán đàn

HOÃN

- Hoãn huợt

HOẠN

- Hoạn
- Hoạn dưỡng
- Hoạn đắc hoạn thất
- Hoạn lộ
- Hoạn nạn chi giao
- Hoạn vô tài, hà hoạn vô vị

HOANG

- Hoang
- Hoang dâm thái thậm
- Hoang đường
- Hoang niên
- Hoang phí

HOÀNG

- Hoàng
- Hoàng đồ
- Hoàng Thiên - Hậu Thổ
- Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn

HOÀNH

- Hoành phi

HOẠNH

- Hoạnh tài

HOÁT

- Hoát nhiên đại ngộ

HOẠT

- Hoạt
- Hoạt kê
- Hoạt Phật
- Hoạt nhân vô số

HOẶC

- Hoặc
- Hoặc chúng
- Hoặc thể vu dân

HOÀNG

- Hoàng
- Hoàng đạo
- Hoàng khai
- Hoàng nhơn Đế Quân

HỌC

- Học
- Học dã hảo
- Học lễ học văn
- Học nhiên hậu tri bất túc
- Học Viện

HỒ

- Hồ
- Hồ điệp
- Hồ giả hổ uy
- Hồ lô
- Hồ thi
- Hồ Tiên
- Hồ tử thố khắp

HỔ

- Hổ
- Hổ lang
- Hổ ngươi
- Hổ phách thập giới

HỖ

- Hổ sơn vân ám - Dĩ lĩnh vân mê

HỘ

- Hộ
- Hộ Đàn Pháp Quân
- Hộ giá
- Hộ Pháp
- Hộ Pháp Phạm công Tắc (1890-1959)
- Hộ Pháp Đường
- Hộ Pháp Em
- Hộ trì
- Hộ Viện
- Hộ vụ

HÒI

- Hòi
- Hòi dương
- Hòi đầu thị ngạn
- Hòi giáo

- Hồi hướng công đức
- Hồi hưu dưỡng lão
- Hồi loạn
- Hồi môn
- Hồi phục

HỐI

- Hối
- Hối cải
- Hối chi bất cập

HỘI

- Hội
- Hội ẩm
- Hội Công Đồng
- Hội diện
- Hội hàng chư linh
- Hội hiệp
- Hội Quyền Vạn Linh
- Hội ngộ

HÔN

- Hôn
- Hôn định thần tinh
- Hôn nhân - Hôn lễ

HỒN

- Hồn
- Hồn bạch
- Hồn bất phụ thể

HỖN

- Hỗn
- Hỗn độn sơ khai
- Hỗn mang

HỒNG

- Hồng
- Hồng ân
- Hồng cầu - Hồng trần
- Hồng chung

- Hồi quang phản chiếu
- Hồi tâm
- Hồi tỉnh
- Hồi tục thể
- Hồi ty

- Hối ngộ
- Hối quá
- Hối sót

- Hội nguơn
- Hội Nguơn Thiên
- Hội Nhơn Sanh
- Hội Thánh
- Hội Thánh Em
- Hội Thánh Ngoại Giáo
- Hội Yến Diêu Trì Cung

- Hôn phối - Hành pháp
Hôn phối
- Hôn thơ - Hôn thú

- Hồn ma bóng quế
- Hồn nhiên
- Hồn phách

- Hỗn nguyên (Hỗn nguơn)

- Hồng hoang - Hồng mông
- Hồng học
- Hồng nhan
- Hồng oai - Hồng từ

- Hồng phạm cửu trụ
- Hồng Quân
- Hồng Quân Lão Tổ

HỚN (HÁN)

- Hớn
- Hớn Lưu Bang (Hớn Bái Công)

HỢP

- Hợp (Xem: Hiệp)

HỦ

- Hủ nhỏ

HUÂN

- Huân
- Huân chưng

HUẤN

- Huấn
- Huấn chúng
- Huấn dụ
- Huấn đạo bất nghiêm, sư chi đọa

HUÊ

- Huê (Xem: Hoa)

HUỆ

- Huệ
- Huệ
- Huệ chiếu
- Huệ duyên
- Huệ đấng
- Huệ khiêu
- Huệ kiếm
- Huệ lan
- Huệ Mạng Kim Tiên
- Huệ nhãn
- Huệ quang
- Huệ trạch

HUNG

- Hung
- Hung hoang

HƯỜN (HOÀN)

- Hườn
- Hườn hồn
- Hườn hư
- Hườn nguyên chơn thần
- Hườn xá lợi

- Hồng quân
- Hồng thệ
- Hồng thủy

- Hớn rước Diêu Trì
- Hớn Thọ Đình Hầu

- Huân nghiệp
- Huân tập

- Huấn hôn
- Huấn lệnh
- Huấn thị
- Huấn tử

- Hung triệu

HUY

- Huy lự

HÚY

- Húy
- Húy kỵ
- Húy nhựt

HỦY

- Hủy báng
- Hủy phá tiêu diệt

HUYỀN

- Huyền đường

HUYỀN

- Huyền
- Huyền công
- Huyền diệu Tiên gia
- Huyền đồng
- Huyền học - Huyền môn
- Huyền khung
- Huyền linh
- Huyền phạm
- Huyền pháp
- Huyền Quan khiêu
- Huyền Thiên
- Huyền vi

HUYỄN

- Huyễn thân

HUYẾT

- Huyết
- Huyết mạch đồng môn
- Huyết nhục tương liên
- Huyết thống

HUYNH

- Huynh
- Huynh đệ như thủ túc
- Huynh đệ tương tàn
- Huynh trưởng

HUỲNH (HOÀNG)

- Huỳnh
- Huỳnh đạo
- Huỳnh Kim Khuyết
- Huỳnh Lão (Hoàng Lão)
- Huỳnh lượng mộng
- Huỳnh tuyền (Hoàng tuyền)

HƯ

- Hư
- Hư danh
- Hư không
- Hư linh
- Hư sanh
- Hư thực
- Hư trương thanh thế
- Hư tự
- Hư vinh
- Hư Vô
- Hư Vô chi Khí
- Hư Vô tịch diệt

HỨA

- Hứa nhập - Khai môn

HƯNG

- Hưng
- Hưng - Bái
- Hưng bình thân
- Hưng vong

HƯƠNG

- Hương
- Hương án
- Hương đạo
- Hương, đấng, hoa, trà, quả, thanh chước chi nghi
- Hương hỏa tông đường
- Hương hồn
- Hương lô (Hương lư)
- Hương lửa
- Hương lý
- Hương nguyên
- Hương thề

HƯỚNG

- Hướng
- Hướng đạo
- Hướng thiện

HƯỜNG

- Hưởng dương - Hưởng thọ

HỮU

- Hữu
- Hữu bằng
- Hữu căn hữu kiếp
- Hữu cầu tất ứng
- Hữu chí cánh thành
- Hữu danh vô thực
- Hữu duyên
- Hữu hà diện mục
- Hữu hạp
- Hữu hình - Vô hình
- Hữu hư vô thực
- Hữu lậu - Vô lậu
- Hữu Phan Quân - Tả Phan Quân
- Hữu phần - Vô phần
- Hữu phước bất khả hưởng tận
- Hữu sanh hữu tử
- Hữu sắc vô hương
- Hữu Thần
- Hữu thi
- Hữu vi - Vô vi
- Hữu xạ tự nhiên hương

HỰU

- Hựu tội

HY

- Hy hữu
- Hy sinh
- Hy vọng

HÝ

- Hý
- Hý ngôn
- Hý trường
- Hỷ
- Hỷ hiển
- Hỷ xả

HÀ

HÀ

HÀ: 河 Sông.

Td: Hà đồ, Hà Ngân.

Hà đồ

河圖

A: The drawing comes from the Hoàng Hà river.

P: Le dessin sort du fleuve Hoàng Hà.

Hà: Sông. **ĐỒ:** bức họa, bức vẽ.

Hà đồ là bức vẽ có nguồn gốc là sông Hoàng Hà bên Tàu.

(Xem chi tiết nơi chữ: Bát Quái, mục Tiên Thiên Bát Quái)

Hà Ngân

河銀

A: The milky way.

P: La voie lactée.

Hà: Sông. **Ngân:** bạc, trắng như bạc.

Hà Ngân, tức Ngân Hà, là dòng sông bạc nằm vắt ngang trên bầu trời. (Xem: Dòng Ngân, văn D)

TNHT: Thiềm cung rộng mở cửa Hà Ngân.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hà thanh hải yến

河清海晏

Hà: Sông. **Thanh:** trong sạch. **Hải:** biển. **Yến:** yên lặng.

Hà thanh hải yến là sông trong biển lặng, ý nói đất nước thái bình, dân cư an lạc.

Trong Ấu Học Quỳnh Lâm có câu: "*Hà thanh hải yến, triệu thiên hạ chi thắng bình.*" Nghĩa là: Sông trong biển lặng, ứng điềm thái bình trong thiên hạ .

Đời nhà Tần, năm thứ ba vua Trang Tương Vương, nhằm năm Giáp Dần, sông Hoàng Hà rất trong (Hà thanh), năm ấy Lưu Bang (Hán Cao Tổ) được sanh ra ở đất Phong Bái. Cho nên chữ Hà thanh là chỉ điềm lành, có Đế Vương ra đời.

HẠ

HẠ

1. **HẠ:** 夏 Mùa hè, hạ. Td: Hạ chí, Hạ Võ.
2. **HẠ:** 下 Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. Td: Hạ chỉ, Hạ nguơn, Hạ thừa.

Hạ chí

夏至

A: Summer solstice.

P: Solstice d'été.

Hạ: Mùa hè, hạ. **Chí:** tới, đến.

Hạ chí là một tiết trong mùa hạ có ngày dài nhất và đêm ngắn nhất. (Trái với Đông chí, có ngày ngắn nhất và đêm dài nhất).

Tiết Hạ chí vào ngày 20 hoặc 21 tháng 6 dl hằng năm.

Hạ chỉ

下旨

A: To issue an edict.

P: Publier un édit.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Chỉ:** mệnh lệnh của vua.

Hạ chỉ là vua xuống lệnh cho bề tôi.

TTCĐDTKM: Chí Tôn *hạ chỉ* trước Đài Linh Tiêu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hạ cơ

下機

A: To order by the Billet-Basket.

P: Ordonner par la Corbeille à bec.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Cơ:** cây Ngọc cơ dùng để cầu các Đấng thiêng liêng giáng vào viết ra chữ.

Hạ cơ là xuống lệnh bằng cơ bút.

TNHT: Bằng chẳng thì Lão đã *hạ cơ* trục xuất cả thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hạ đẳng nhơn sanh

下等人生

A: Men in inferior degree.

P: Hommes au degré inférieur.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Đẳng:** thứ bậc. **Nhơn sanh:** con người.

Hạ đẳng nhơn sanh là những người thuộc bậc thấp trong xã hội, tức là hạng bình dân nghèo khổ, có mức sống thấp và trình độ hiểu biết kém.

CG PCT: Bậc *hạ đẳng nhơn sanh* thường bị hiếp đáp vì mất lễ công bình hơn hết.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Hạ đơn điền

下丹田

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Đơn điền:** tên một cái huyệt ở dưới rún.

Hạ đơn điền là bên dưới huyệt đơn điền, tức là ở phía dưới rún, cách rún chừng 15 phân tây.

CG PCT: Bộ Tiểu phục (của Giáo Tông) cũng toàn bằng hàng trắng, có thêu chữ Bát Quái bằng vàng, cung Khảm ngay hạ đơn điền,...

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Hạ giới

下界

A: Here-below, the world.

P: Ici-bas, le monde.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Giới:** cõi.

Hạ giới là cõi thấp, chỉ cõi của nhơn loại đang sống.

Vũ trụ được phân ra làm ba cõi: Hạ, Trung và Thượng.

- Hạ giới là cõi của nhơn loại, ở thấp nhất.
- Trung giới là cõi của chư Thần, Thánh, ở khoảng giữa.
- Thượng giới là cõi của chư Tiên, Bồ Tát, Phật, ở cao hơn hết.

Thi của Đức Chí Tôn:

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
 Chẳng cần hạ giới vọng cao ngời.
 Sang hèn trời mặc tâm là quý,
 Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.
 (13-2-1926)

Hạ huyệt

下穴

A: To set down the coffin into the grave.

P: Descendre le cercueil dans la fosse.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Huyệt:** cái hố đào sâu xuống đất.

Hạ huyệt là đem quan tài đặt xuống cái hố đã đào sẵn.

Kinh Hạ Huyệt là bài kinh để đồng nhi tụng cầu nguyện trước khi đem quan tài đặt xuống huyệt để chôn.

Hạ ngươn Tam chuyển

下元三轉

A: The last Cycle of the Third Manvantara.

P: Le dernier Cycle du Troisième Manvantara.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Nguơn và Chuyển:** chỉ những khoảng thời gian rất dài, hằng vạn năm.

Tam: thứ ba.

Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp thì:

- Một Chuyển có 36 000 năm.

Một Chuyển có ba Nguơn: Thượng, Trung, Hạ.

- Mỗi Nguơn có 12 000 năm.

Địa cầu 68 của nhơn loại đã trải qua ba Chuyển:

- Chuyển thứ nhứt gọi là Nhứt Chuyển,
- Chuyển thứ nhì gọi là Nhị Chuyển,
- Chuyển thứ ba gọi là Tam Chuyển.

Mỗi Chuyển chia làm ba Nguơn (Nguyên): Thượng nguơn, Trung nguơn và Hạ nguơn.

Hạ nguơn Tam Chuyển là ở vào thời kỳ Hạ nguơn thuộc Chuyển thứ ba của Địa cầu 68 của nhơn loại.

Hết Hạ nguơn Tam chuyển thì bắt qua Thượng nguơn Tứ Chuyển. (Xem chi tiết: Tam nguơn, văn T)

TNHT: Nay là *Hạ nguơn* hầu mãi, phải phục lại như buổi đầu, nên phải phản tiền vi hậu.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hạ ốc thất thập nhị Địa

下握七十二地

A: To manage below the seventy two earths.

P: Ménager en bas soixante douze terres.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Ốc:** còn đọc là Ác: cầm giữ, nắm lấy. **Thất thập nhị Địa:** 72 quả Địa cầu.

Đây là một câu kinh trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế: Hạ ốc thất thập nhị Địa, tứ Đại Bộ Châu, nghĩa là: Phần dưới của vũ trụ, Đức Thượng Đế chưởng quản 72 Địa cầu và 4 Bộ Châu lớn.

Hạ rộng

A: To set down the coffin into the grave.

P: Descendre le cercueil dans la fosse.

Hạ rộng, đồng nghĩa Hạ huyệt, là đem quan tài đặt xuống huyệt.

Đây là từ ngữ xưa, ngày nay không dùng.

Hạ rộng cũng được gọi là: Hạ khoáng 下壙. Khoáng là cái huyệt đào xuống đất.

Hạ khoáng đồng nghĩa Hạ huyệt.

Hạ thế - Hạ trần

下世 - 下塵

A: The incarnation.

P: L'incarnation.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Thế:** cõi đời. **Trần:** cõi trần, cõi đời.

Hạ thế, đồng nghĩa Hạ trần: Đi xuống cõi trần đầu thai làm một người nơi cõi trần.

TNHT: Nếu chẳng vậy, ai còn dám ra ượng thuận *hạ thế* cứu đời. Mỗi phen Thầy đau thảm khóc lóc các con, phải lên *hạ trần*, quyết bỏ ngôi Chí Tôn xuống lập Đạo,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hạ thọ - Trung Thọ - Thượng thọ

下壽 - 中壽 - 上壽

A: First longevity - Second longevity - Third longevity.

P: Première longévité - Seconde longévité - Troisième longévité.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Thọ:** sống lâu.

Tuổi thọ của con người được phân làm ba bậc: Hạ thọ, Trung thọ và Thượng thọ.

Thông thường, sự phân chia tuổi của ba bậc như sau:

- Hạ thọ: từ 61 tuổi đến 69 tuổi.
- Trung thọ: từ 70 tuổi đến 79 tuổi.
- Thượng thọ: từ 80 tuổi đến 100 tuổi.

■ Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh thì:

- 60 tuổi gọi là Hạ thọ.
- 70 tuổi gọi là Trung thọ.
- 80 tuổi gọi là Thượng thọ.

■ Nhưng theo sách Ấu Học Quỳnh Lâm thì:

"Bá tuế viết Thượng thọ, bát thập viết Trung thọ, lục thập viết Hạ thọ; bát thập viết Diệt, cửu thập viết Mạo, bá tuế viết Kỳ hy."

Nghĩa là: Trăm tuổi gọi là Thượng thọ, 80 gọi là Trung thọ, 60 gọi là Hạ thọ; người 80 tuổi gọi là Diệt, 90 tuổi gọi là Mạo, 100 tuổi gọi là Kỳ Hy.

Hạ thừa - Thượng thừa

下乘 - 上乘

A: The inferior category - The superior category.

P: La catégorie inférieure - La catégorie supérieure.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Thừa:** bực. **Thượng:** trên.

Hạ thừa là bực thấp, Thượng thừa là bực cao.

Đạo Cao Đài chia các tín đồ làm hai bực: Hạ thừa và Thượng thừa. Không có Trung thừa.

Tân Luật: Chương II: Về người giữ đạo.

Điều thứ 12: Nhập môn rồi gọi là Tín đồ. Trong hàng tín đồ có hai bực:

1. Một bực còn ở thế, có vợ chồng làm ăn như người thường, song buộc phải giữ trai kỳ hoặc 6 hoặc 10 ngày trong tháng, phải giữ Ngũ Giới Cấm và phải tuân theo Thế Luật của Đại Đạo truyền bá. Bực này gọi là người giữ đạo mà thôi, vào phẩm Hạ thừa.

2. Một bực đã giữ trường trai, giới sát và Tứ Đại Điều Qui, gọi là vào phẩm *Thượng thừa*.

Điều thứ 13: Trong hàng *Hạ thừa*, ai giữ trai kỳ từ 10 ngày sắp lên được thọ truyền Bửu pháp, vào Tịnh Thất có người chỉ luyện đạo.

Điều thứ 14: Chức sắc cai trị trong Đạo từ bực Giáo Hữu sắp lên, phải chọn trong bực người *Thượng thừa* mà thôi.

Hạ tuần

下旬

A: The last decade of the lunar month.

P: La dernière décade du mois lunaire.

Hạ: Dưới, thấp, đem xuống, truyền xuống. **Tuần:** khoảng thời gian 10 ngày theo âm lịch.

Một tháng âm lịch được chia làm ba tuần:

- Thượng tuần: từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 10.
- Trung tuần: từ ngày 11 đến ngày 20.
- Hạ tuần: từ ngày 21 đến ngày 30 cuối tháng.

Hạ Võ (Hạ Vũ)

(2205-2197 trước TL):

夏禹

Hạ Võ hay Hạ Vũ là vị vua sáng lập ra nhà Hạ vào thời thượng cổ nước Tàu.

Ngài là người hiền nên được vua Thuấn truyền ngôi vào năm 2205 trước Tây lịch kỷ nguyên.

Vua Hạ Võ là con của ông Bá Cỗn, làm quan dưới triều vua Nghiêu. Vua Nghiêu sai ông Bá Cỗn trị thủy để tránh cho dân nạn lụt. Ông Cỗn làm việc trong 9 năm không thành công.

Sau vua Thuấn lên nối ngôi vua Nghiêu, sai con ông Bá Cỗn là ông Hạ Võ trị thủy, tiếp tục công việc của cha. Ông Võ chăm lo làm việc trong 10 năm rất khẩn trương, đi qua nhà mà không có thời giờ ghé thăm gia đình, khai thông các sông ngòi, đào thêm các kinh rạch, nhờ vậy nước lưu thông rút hết ra biển.

Nhờ công nghiệp to lớn này, ông Hạ Võ được vua Thuấn phong làm chức Tư Không, điều khiển các quan.

Vua Thuấn ở ngôi 33 năm, lúc ấy đã già, nhận thấy con là Thương Quân bất tài, nên bắt chước vua Nghiêu, muốn truyền ngôi cho người hiền là ông Võ, gọi ông Võ nói rằng:

- Lại đây ông Võ, Ta ở ngôi đã 33 năm, già yếu mỗi mệt. Người thay Ta, gắng sức lo cai trị dân.

Ông Võ xin từ chối, nhường lại cho ông Cao Dao, nói:

- Tôi, đức trạch không khắp, chắc dân không theo. Ông Cao Dao gây nhiều đức vọng khắp dân gian, dân chúng cảm phục, dám xin nhà vua nghĩ lại. Tôi thường nghĩ đến, chỉ có ông Cao Dao, ngoài ra cũng chỉ có ông Cao Dao. Xin nhà vua nghĩ đến công lao của ông ấy.

Vua Thuấn nói:

- Ông Cao Dao! Bầy tôi và dân bây giờ không có ai phạm đến chánh trị của ta, ấy là vì có nhà người làm quan Sĩ Sư, xử năm tội hình rất minh xác, để giúp về sự giáo hóa trong năm bậc thường mà mong cho được thanh trị. Xử việc hình mà vẫn

mong dân không bị hình phạt, nên nhân dân hòa hiệp theo đạo trung. Thiết đó là công của nhà người. Cố gắng thêm lên.

Vua Thuấn lại phủ dụ ông Hạ Võ:

- Lại đây ông Võ! Trời ra tai họa nước lụt có ý răn Ta. Nay tin giữ được lời nói, làm được thành công, ấy là tài của người, chăm chỉ việc nước, tiết kiệm việc nhà, bụng không tự mãn, ấy là đức tốt của người. Người không khoe tài, không khoe công, thiên hạ không ai cùng người tranh công. Ta quý cái đức tốt của người, khen cái công to của người. Lịch số của Trời nay đến lượt nhà người. Sau này người đáng lên ngôi vua.

Lòng người dễ thiên về vật dục, rất hiểm nghèo. Lòng mến Đạo thì kín nhiệm, khó thấy, nhưng lúc nào cũng tồn tại. Cần phải xét cho tinh, giữ một mực cái công chánh của bản tâm, đừng để nó xa lìa, rồi theo thế mà làm không gián đoạn thì Đạo tâm thường làm chủ được mình, buộc Nhân dục phải từng phục, ắt là hiểm nghèo trở thành yên ổn, mọi việc làm đều khỏi sai lầm vì thái quá hay vì bất cập, tức giữ được đạo Trung Dung.

Những lời nói vu vơ không căn cứ, chớ nghe. Những mưu kế độc chuyên, không hỏi ý kiến công chúng, chớ dùng.

Đáng yêu chẳng phải là vua ư? Đáng sợ chẳng phải là dân ư? Dân không có vua, dân trông cậy vào đâu? Vua không có dân, vua cùng ai giữ nước? Kính vậy thay!

Người nên thận trọng ngôi vua, tu tỉnh những nguyện dục của mình. Nhớ rằng, để cho dân khổn cùng thì lộc Trời sẽ hết. Lời nói ở miệng ra có khi thiện cảm, có khi gây việc binh đao. Ta không nói hai lần, người đừng từ chối.

Sáng ngày mùng 1 tháng Giêng, ông Hạ Võ chịu mệnh ở miếu thờ vua Nghiêu, tổng xuất trăm quan, lên ngôi vua, nối đời vua Thuấn. Vua Hạ Võ dời đô sang An Ấp, nay thuộc Hà Đông tỉnh Sơn Tây, đổi quốc hiệu là Hạ.

Vua Hạ Võ khi trị thủy ở sông Lạc, từ núi Hùng Nhĩ cho chảy qua sông Giản, sông Chiền, sông Vị, rồi đổ vào sông Hoàng Hà, vua Hạ Võ bắt gặp một con Thần qui (Rùa Thần) nổi lên ở sông Lạc, trên lưng của nó có những chấm đen và trắng theo những vị trí rất đặc biệt, đếm được từ 1 đến 9. Nhà

vua theo đó vẽ lại thành một bức đồ, ghi chú thành sách, gọi là Lạc Thư, hay Qui Thư. Vua Võ nghiên cứu Lạc Thư, đặt ra Hồng Phạm Cửu Trù. (**Xem chi tiết nơi chữ: Bát Quái, văn B**)

Căn cứ Hồng Phạm Cửu Trù, vua Võ chia đất đai của nước Tàu làm 9 Châu theo thể núi, định hẳn các núi to, sông lớn và đặt tên cho Cửu Châu đó là: Duyệt, Ký, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dự, Lương và Ung Châu.

Vua Võ lấy kim loại trong 9 Châu đúc ra 9 cái đỉnh thật lớn làm vật trấn quốc gọi là Cửu Đỉnh Trấn Quốc.

Vua Hạ Võ ở ngôi được 8 năm, muốn bắt chước các vị vua đời trước để truyền ngôi cho người hiền là ông Ích, nhưng khi vua Hạ Võ băng, quần thần tôn con vua Hạ Võ là ông Khải cũng là người hiền, rất nhân đức, lên nối ngôi, gọi là Đế Khải.

Việc ngôi vua truyền hiền đến đời vua Hạ Võ là chấm dứt. Sau vua Hạ Võ, ngôi vua bắt đầu được truyền tử.

Vua Hạ Võ mở ra nhà Hạ, truyền 17 đời vua thì mất, kéo dài từ năm 2205 đến năm 1766 trước TL, được 439 năm.

Theo Nho giáo, vua Hạ Võ được người đời sau tôn là: **Hạ Ngươn Giải Ách Thủy Quan Đại Đế**, và chọn ngày rằm Hạ ngươn làm ngày Thánh đán của Ngài.

HẠC

Hạc thọ

鶴壽

A: The old age.

P: La vieillesse.

Hạc: con chim hạc, loại chim quý hiếm, cổ cao, chân cao, lông trắng, dáng rất thanh nhã, tiếng kêu to, bay cao và nhanh, sống rất lâu năm, tương truyền chim hạc sống cả ngàn năm.

Thọ: Sống lâu.

Hạc thọ là ý nói sống lâu như chim hạc.

Đây là từ ngữ dùng để cầu chúc người già sống lâu như chim hạc. Từ ngữ: *Tuổi hạc*, cũng lấy trong ý nghĩa này.

HẢI

HẢI

HẢI: 海 Biển.

Td: Hải hà, Hải ngoại.

Hải hà

海河

A: The generosity.

P: La générosité.

Hải: Biển. **Hà:** sông.

Hải hà là sông biển, ý nói rộng rãi mệnh mông như sông biển, hoặc là lòng dạ rộng rãi khoan dung cao thượng.

BXTCDPTTT: Từ bi Phật Tổ hải hà độ dân.

BXTCDPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Hải ngoại

海外

A: Oversea, foreign country.

P: Outremer, l'étranger.

Hải: Biển. **Ngoại:** ngoài.

Hải ngoại, nghĩa đen là ngoài biển, chỉ những nước ở ngoài nước mình, vì thời xưa cho rằng, muốn đi ra nước ngoài thì phải đi bằng đường biển.

Hải nội chư quân tử

海内諸君子

A: The gentlemen in the country.

P: Les gentilhommes dans le pays.

Hải: Biển. **Nội:** trong. **Chư:** nhiều vị. **Quân tử:** người có trình độ về trí thức và đạo đức. Đây là tiếng nói để tôn xưng người khác trong thuật xã giao.

Hải nội: trong nước. Đối lại là Hải ngoại: ngoài nước, tức là ở ngoài quốc.

Hải nội chư quân tử là các vị trí thức ở trong nước.

HÃI

Hãi kinh

駭驚

A: To be afraid of.

P: Avoir peur.

Hãi: sợ sệt. **Kinh:** sợ.

Hãi kinh là sợ sệt lắm.

KCHKHH: Đừng *hãi kinh*, cầu đảo Chí Tôn.

KCHKHH: Kinh cầu hồn khi hấp hối.

HÀM

HÀM

1. **HÀM:** 含 Ngậm.

Td: Hàm oan.

2. **HÀM:** 銜 Có phẩm tước mà không có quyền hành.

Td: Hàm phẩm, Hàm phong.

Hàm huyết phún nhờn

含血噴人

Hàm: Ngậm. **Huyết:** máu. **Phún:** phun ra. **Nhờn:** người.

Hàm huyết phún nhờn: Ngậm máu phun người.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám, ông Thái Công viết:

Dục lượng tha nhân, tiên tu tự lượng;

Thương nhân chi ngữ, hoàn thị tự thương;

Hàm huyết phún nhờn, tiên ô tự khẩu.

Nghĩa là:

Muốn xét người khác, trước nên xét mình;

Nói xấu hại người, trở lại là tự hại mình;

Ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình.

Hàm oan

含冤

A: To suffer an injustice.

P: Subir une injustice.

Hàm: Ngậm. **Oan:** bị ức hiếp trái lẽ, oan ức.

Hàm oan là ngậm sự oan ức, tức là bị oan ức mà không tỏ bày ra được.

CG PCT: Khi nào có Tòa Tam Giáo CTĐ xử đoán rồi mà người bị cáo còn uất ức *hàm oan* thì mới kêu nài đến Tòa Tam Giáo HTĐ.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hàm phẩm

銜品

A: The honorary title.

P: Le titre honoraire.

Hàm: Có phẩm tước mà không có quyền hành. **Phẩm:** phẩm tước.

Hàm phẩm là phẩm tước danh dự nhưng không có quyền hành.

Những Chức sắc lớn tuổi, không còn đủ sức khỏe đi hành đạo để cầm quyền hành chánh, phổ độ nhơn sanh thì được phong vào Hàm phẩm.

ĐLMD: Những vị nào đủ công nghiệp mà quá lục tuần thì cũng đăng dự vào sổ cầu phong *hàm phẩm*, nhưng cũng phải chịu y theo điều kiện thuộc về hạng ân phong vậy.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Hàm phong - Hội Thánh Hàm Phong

- Đạo Luật năm Mậu Dần (1938):
 - o Về Hàm phong Chức sắc Cửu Trùng Đài
 - o Về Hàm phong Chức sắc Cơ Quan Phước Thiện
- Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp trong kỳ khai hội Hội Thánh Hàm Phong ngày 5-5-Kỷ Mão (1939)
- Văn phòng Hội Thánh Hàm Phong
- **Thánh Lịnh ấn định hạn tuổi của Chức sắc CTĐ qua Hàm phẩm**
- Nguyên do buộc Chức sắc CTĐ quá 61 tuổi phải qua Hàm phẩm
- **Thánh Lịnh Thành lập điều lệ nội qui Hội Thánh hàm phong**

銜封 - 會聖銜封

A: The honorary dignitaries - The Sacerdotal Counsel of honorary dignitaries.

P: Les dignitaires honoraires - Le Conseil Sacerdotal des dignitaires honoraires.

Hàm: Có phẩm tước mà không có quyền hành. **Phong:** vua ban phẩm tước cho bề tôi.

Chức sắc Hàm phong là những Chức sắc có phẩm vị nhưng vì tuổi già sức yếu nên xin hồi hưu dưỡng lão.

Hội Thánh Hàm phong là một tổ chức của Đạo gồm tất cả các Chức sắc Hàm phong nam nữ.

DLMD: Về Hàm phong Chức sắc Cửu Trùng Đài:

■ Những vị nào đủ công nghiệp mà đã quá lục tuần (61 tuổi) đăng đem vào thông qui cầu Hàm phong, nhưng phải chịu các điều kiện buộc như những vị đăng hưởng ân phong vậy.

■ Còn những Chức sắc Thiên phong trong khi hành chánh mà tuổi đã quá lục tuần, nếu còn sức lập công thêm nữa thì tùy ý, nhược bằng liệu sức mình già yếu thì đăng xin vào hạng Hàm phong. Trong lúc đã Hàm phong rồi mà có thể lập công quả xứng đáng chi khác thì đứng lệ 5 năm cũng đăng dự cầu thăng Hàm phong theo đẳng cấp.

■ Những vị Hàm phong mà còn lập nên công nghiệp vĩ đại, nhưng liễu đạo trước ngày cầu thăng thường cũng đăng Hội Thánh xét công nghiệp cầu truy phong thăng thưởng.

DLMD: Về Hàm phong Chức sắc CQPT:

■ Hạng Hàm phong cũng vậy. Những vị nào đủ công nghiệp mà quá lục tuần (61 tuổi) thì cũng đăng dự vào sổ cầu phong Hàm phẩm, nhưng cũng phải chịu y theo điều kiện thuộc về hạng ân phong vậy.

■ Những vị đắc phong Hàm phẩm, lúc còn sanh tiền, đã lập thêm công nghiệp xứng đáng mà liễu đạo trước ngày cầu phong thăng cấp thì cũng đăng đem vào sổ cầu truy phong vậy.

Tất cả các Chức sắc Hàm phong họp lại thành Hội Thánh Hàm Phong.

Hội Thánh ĐĐTKPĐ có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho các vị Chức sắc Hàm phong cho đến ngày qui liễu, cùng là việc tang lễ, chôn cất và xây mộ.

Theo Đạo Luật năm Mậu Dần thì hạn tuổi cho Chức sắc Hàm phong là quá lục tuần (61 tuổi trở lên), nhưng Đạo Luật Mậu Dần không bắt buộc Chức sắc tới 61 tuổi phải qua Hàm phong, mà để vị Chức sắc Thiên phong đó tự xem xét sức khỏe của mình, nếu sức khỏe còn tốt, còn đủ sức lập công thì cứ tiếp tục, còn nếu sức mình già yếu thì tự mình xin qua Hàm phẩm.

Nói tóm lại, đối với các Chức sắc Thiên phong, không có một sự bắt buộc nào để phải qua Hàm phẩm, chỉ hoàn toàn do tự giác mà thôi.

Hội Thánh Hàm Phong hoạt động theo Nội Qui riêng, được Đức Phạm Hộ Pháp giao phó nhiệm vụ giáo hóa và kiểm tra nền Đạo.

Trong kỳ khai hội Hội Thánh Hàm Phong ngày 5-5-Kỷ Mão (1939), Đức Ngải đến dự và giảng giải như sau:

"Trước khi mở Hội, Bàn đạo xin để đôi lời tâm huyết nói cùng chư Chức sắc Hàm phong những điều làm cho Chí Tôn vui lòng hơn hết.

Từ thử đến giờ, Hội Thánh vì công nghiệp nên cho những Chức sắc niên kỷ quá lục tuần (61 tuổi trở lên) đăng vào phẩm Hàm phong, hầu an dưỡng lúc tuổi già, gọi là hồi hưu dưỡng lão.

Một điều Hội Thánh thương tâm hơn hết là thấy toàn đạo xem Chức sắc này dường như vô giá trị, còn kéo lê ngay, nhẹ thể hơn tìn đồ. Bởi cố, vì nét công bình của Chí Tôn, thấy con cái Thầy chịu khó nhọc trong buổi ban sơ, nên đến lập giá trị cho Chức sắc Hàm phong, cốt yếu là muốn cho Hội Thánh nhìn nhận các công nghiệp ấy, đăng để cho đoàn hậu tấn noi gương, kéo chúng nó quên mấy anh mấy chị, thành ra thất nghĩa, và Hội Thánh cũng vì công lý và quyền hành Chí Tôn ban cho mấy anh mấy chị, tức là quyền sở hữu của mỗi người, nên mới lập trong Hội Thánh Hàm Phong có Ban Ủy Viên để bảo hộ cho Chức sắc Hàm phong vậy.

Trót 13 năm trường, Chí Tôn chọn mấy vị niên kỷ, hao biết bao nhiêu giọt mồ hôi chan hòa giọt lụy, khổ não với Đạo mà vào hàng phẩm Hàm phong, nói ngay ra chơn lý, thiệt là tay tạo thành chơn tướng của Đạo, là do nơi công nghiệp của mấy anh mấy chị, chớ không phải đám thanh niên sau này.

Ngày nào mấy anh mấy chị dựng lại đăng cả hồn phách quốc dân Nam, để đền đáp ơn sâu của Tổ phụ, rồi mới thỏa nguyện, mấy anh mấy chị có trăm tuổi, rủi phần xuống tuyền đài nhìn mặt Tổ phụ của chúng ta cũng không thẹn, vì đã trả xong mảnh hiếu tâm với Đạo.

Còn hiện giờ, cái gia nghiệp của mấy anh mấy chị tạo thành đây, biết đâu đến phiên đoàn hậu tấn, thay vì nó bảo trọng, trở lại tàn diệt tiêu tan, thời lý nào mấy anh mấy chị lại làm ngơ, ngồi xem kẻ vô cớ sau này mặc tình phá hủy.

Đến đổi Đức Chí Tôn đến tạo Đạo còn lo các Đấng Chơn linh tối cổ để giao mối chơn truyền, chẳng khác chi một vị tân quan đến trấn nhậm xứ nào, cũng phải nhờ mấy ông kỳ lão thì mới rõ thông xứ ấy đặng, thời có đâu Hội Thánh chẳng coi hạng kỳ lão là trọng.

Mấy anh mấy chị nhớ ngó lại xem đoàn hậu tấn thời thấy trí não chúng nó đã đảo điên hết rồi, hình xác người Nam mà đầu óc chẳng còn mảy mún chi người Nam nữa.

Vậy Đạo nên hay chẳng, thiệt tướng hay chẳng, chẳng phải nhờ nơi đấm tâm thời, mà do nơi tay mấy anh mấy chị.

Mấy anh mấy chị tưởng mình già rồi, đã hết phận sự, nên xin nghỉ về nhà an dưỡng, rồi thử hỏi gia nghiệp hư hỏng, mấy anh mấy chị có bằng lòng không? Cái gia nghiệp vĩ đại này, găm lại toàn nòi giống chúng ta chung hưởng, tận thế cũng vẫn còn, thời lý đâu lại coi nó rẻ hơn cái gia đình con con của mấy anh mấy chị.

Bần đạo thay thế cho Hội Thánh xin gởi cái Đạo nhà chúng ta nơi tay mấy anh mấy chị, vì là người lịch duyệt khôn ngoan đạo đức hơn, đặng nắm giềng mối Đạo. Nếu để hư thì tội tình ấy, mấy anh mấy chị phải gánh vác.

Bây giờ, Bần đạo mới chỉ rõ, chẳng phải nói ngồi nhà mà thành ra vô dụng, tỷ như trị thế không đặng, chớ giáo hóa cũng không đặng nữa sao?

Vậy nơi nào có Chức sắc Hàm phong ở đó, chẳng cần nói một vị tín đồ, dầu Hộ Pháp hay Giáo Tông đi nữa mà thất đạo, thời phần trách cứ ấy về phần mấy anh mấy chị phải chịu. Nếu mình biết coi cái đại nghiệp nước nhà, mà người nào sẵn tay tàn phá, làm rẻ rúng nó, thời có lý đâu mình điềm nhiên tọa thị. Từ đây dầu cho Hộ Pháp hay là Giáo Tông, chẳng lựa chi là tín đồ mà thất đạo, nghịch chơn truyền, thì tội tình ấy, mấy anh mấy chị lãnh phần gánh vác. Lâu lâu, nửa tháng hoặc một tháng, hễ nghe đũa nào thất đạo thì mời nó đến để dùng lời

giáo hóa. Nếu nó không nghe, mấy anh mấy chị dầu có trầu rượu lạ nó đừng đem cái hiểu nghĩa cho Tổ phụ, chúng ta tưởng cũng không phải hồ mà!

Ngày nào, dầu ngoài đời hay trong Đạo, thất đạo như luân, mà Bản đạo không thấy một mảnh thơ của mấy anh mấy chị thời Bản đạo trở nên người thù nghịch của mấy anh mấy chị.

Nếu hiển nhiên trước mắt nhìn thấy một Chức sắc, dầu cơ quan nào, làm điều chi sai, phi pháp, hại danh thể Đạo, thời mình không cần nói đến, chỉ lấy đủ bằng cứ, cả hồ sơ gởi về cho Hội Thánh, hoặc là xin trục xuất, cất chức, ngưng quyền, hay đổi đi nơi khác, tùy theo tội nặng nhẹ, nhưng phải hứa với Hội Thánh rằng: Mình chấp giữ quyền hành ấy cho đến ngày nào có vị Chức sắc khác đến thế.

Nam cũng vậy, Nữ cũng vậy, kể từ nay, Bản đạo xin giao quyền kiểm soát cả nền Đạo nơi tay Hội Thánh Hàm Phong, giao cả hành trình, giao cả tinh thần đạo đức đoàn em quốc dân Nam này cho mấy anh mấy chị giáo hóa chúng nó.

Vậy nơi nào có nhiều vị Hàm phong thì đừng quyền cử một **Ban Kiểm Viên Kỳ Lão**, gồm:

- 1 vị Chủ Trưởng,
- 1 vị Phó Chủ Trưởng,
- 1 vị Từ Hàn,
- 1 vị Phó Từ Hàn,

từ Nghị viên trở lên kế dĩ hạ, tùy số Kỳ Lão nhiều ít, để giáo hóa, quan sát, điều đình trong địa phận mình."

Văn phòng Hội Thánh Hàm Phong

được xây dựng trong Nội Ô Tòa Thánh, ở đại lộ Phạm Hộ Pháp, kế Y Viện Hành Chánh. Hai bên cổng vào Văn phòng có đắp đôi liễn Hội Thánh Hàm Phong sau đây:

聖會年高顧問九重心不倦
銜封德邵執中一貫位何憂

*Thánh Hội niên cao, cố vấn Cửu Trùng, tâm bất quyện,
Hàm Phong đức thiệu, chấp trung nhất quán, vị hà ưu.*

Nghĩa là:

Chức sắc lão thành của Hội Thánh, làm cố vấn cho Cửu Trùng Đài, lòng không mối,

Chức sắc Hàm phong đức cao, giữ đúng theo Đạo của Đức Khổng Tử, lo gì không đạt được ngôi vị.

(**Quyện:** mối, chán. **Thiệu:** cao. **Chấp trung nhưt quán:** giữ chặt đạo trung dung xuyên suốt từ đầu đến cuối. [Xem giải nghĩa chi tiết chữ này trong từ điển] **Vị:** ngôi vị. **Hà ưu:** lo gì.)

Ngày 11-11-1971, Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Quyền Chương quản HTĐ, có ra một Thánh Lệnh ấn định hạn tuổi của Chức sắc CTĐ qua Hàm phẩm là 61 tuổi.

Sau đây xin chép lại nguyên văn Thánh Lệnh này:

Thánh Lệnh ấn định hạn tuổi của Chức sắc CTĐ qua Hàm phẩm

Văn phòng
QUYỀN CHƯƠNG QUẢN
Hiệp Thiên Đài

Số: 17/TL

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(*Tứ thập lục niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

HIẾN PHÁP QUYỀN CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu Hiến pháp và Nội Luật HTĐ ngày rằm tháng 2 năm Nhâm Thân (1932),

Chiếu Hiến pháp HTĐ ngày mùng 8 tháng Giêng Giáp Thìn (dl 20-2-1964) và Hiến pháp HTĐ bổ túc ngày 27-2-Ất Tỵ (dl 29-3-1965),

Chiếu Thánh giáo của Đức Hộ Pháp tại Cung Đạo Đền Thánh đêm mùng 6 tháng 5 Tân Hợi (dl 29-5-1971) chấp nhận việc công cử vị Thời Quân Hiến Pháp lên cầm quyền Chương Quản HTĐ,

Chiếu Vi Bằng Thượng Hội sơ bộ năm Mậu Thân (1968) quyết nghị theo lời dạy của Đức Hộ Pháp, kêu gọi trong hàng

Chức sắc trên 61 tuổi tự định phận xin qua Hàm phẩm, mặt khác Hội Thánh kiểm soát lại những Chức sắc nào, mặc dầu trên hay dưới 61 tuổi mà bất lực và thiếu khả năng phục vụ, nhưng họ không tự định phận thì Hội Thánh đương nhiên đưa họ qua Hàm phẩm, để khỏi choán chỗ của bậc nhơn tài,

Chiếu Vi Bằng số 6/VB phiên nhóm thân hẹp của Hội Thánh Lưỡng Đài ngày 12-9-Tân Hợi (dl 30-10-1971) quyết nghị thể theo Vi Bằng phiên nhóm thường niên của Hội Thánh Hàm phong, có Đức Hộ Pháp dự hội ngày 5-5-Kỷ Mão (1939) cho thành lập Hội Thánh Hàm Phong để nâng đỡ các đương sự vừa nghỉ ngơi tịnh dưỡng, vừa có cơ hội lập thêm công quả, làm những việc nhẹ nhàng và thích hợp với tuổi già theo Nội Qui riêng biệt, nên:

THÁNH LỆNH:

Điều thứ nhất: Chấp thuận cho tái thành lập Hội Thánh Hàm Phong Cửu Trùng Đài kể từ ngày ký tên Thánh Lệnh này.

Điều thứ nhì: Những vị Chức sắc Nam Nữ trên 61 tuổi, già yếu, bệnh hoạn hoặc kém khả năng về mặt hành chánh, nên tự định phận xin qua Hàm phẩm. Mặt khác, Hội Thánh kiểm soát lại những vị Chức sắc Nam Nữ nào, mặc dầu trên hay dưới 61 tuổi mà bất lực, thiếu khả năng phục vụ, nhưng họ không tự định phận thì Hội Thánh đương nhiên đưa họ ra Hàm phẩm, để khỏi choán chỗ của bậc nhơn tài.

Điều thứ ba: Giao cho Hội Thánh CTĐ soạn thảo Bản Nội Qui về nhiệm vụ của Chức sắc Hàm phong như thế nào cho khỏi tương khắc với quyền hành của Chức sắc hành chánh và dự trù sự cấp dưỡng cho các đương sự ở Trung ương. Bản Nội Qui sẽ đưa ra phiên nhóm của Hội Thánh Lưỡng Đài duyệt xét và biểu quyết để ban hành.

Điều thứ tư: Hội Thánh CTĐ Nam Nữ tùy nhiệm vụ thi hành và ban hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh ngày 24 tháng 9 Tân Hợi.
(dl 11-11-1971)

**Quyền Chương Quản HTĐ
HIẾN PHÁP**

Trương Hữu Đức
(ấn ký)

Số: 110/ĐS-SL Sao nguyên văn:

Kính gửi Hiền Hữu Ngọc Chánh Phối Sư,
Ra lệnh cho Lại Viện thi hành và ban hành Thánh Lịnh trên cho toàn đạo rõ, đồng thời Hiền Hữu cho soạn thảo Bản Nội Qui theo điều thứ ba của Thánh Lịnh này.

Nay kính.

Tòa Thánh, ngày 25-9-Tân Hợi (dl 12-11-1971)

ĐÀU SƯ THƯỢNG SÁNG THANH
(ấn ký)

Kính tường:

- Ngài Hiền Pháp Q.CQ HTĐ
- HH. Thái Chánh Phối Sư.
- HH. Thượng Chánh Phối Sư.
- Hồ sơ.

Nguyên do buộc Chức sắc CTĐ quá 61 tuổi phải qua Hàm phẩm:

Bởi vì số lượng Chức sắc CTĐ Nam phái từ Giáo Hữu đồ lên, ở mỗi phẩm cấp, do Đức Chí Tôn qui định, không được thêm, không được bớt. Đó là những con số tiền định.

Nhứt Phạt: Giáo Tông: **1** vị.

Chưởng Pháp: **3** vị (mỗi phái 1 vị)

Tam Tiên: Đầu Sư: **3** vị (mỗi phái 1 vị)

Tam thập lục Thánh: **36** vị Phối Sư (mỗi phái 12 vị)

Thất thập nhị Hiền: **72** Giáo Sư (mỗi phái 24 vị)

Tam thiên Đồ đệ: **3000** Giáo Hữu (mỗi phái 1000 vị).

Từ phẩm Lễ Sanh trở xuống, số lượng Chức sắc không hạn định, nghĩa là nhiều bao nhiêu cũng được.

Nếu không hạn định số tuổi để Chức sắc CTĐ Nam phái qua Hàm phẩm thì số Chức sắc cấp dưới phải chờ đợi một vị Chức sắc cấp trên qui liễu thì mới trống chỗ ấy, sau đó mới công cử một vị Chức sắc dưới lên thay thế.

Như vậy, hàng ngũ Chức sắc CTĐ càng ngày càng già nua, sức khỏe yếu kém, làm cho công việc điều hành nền Đạo kém hiệu quả và chậm phát triển, chậm tiến bộ,

Chỉ có Chức sắc CTĐ Nam phái là bị buộc qua Hàm phẩm vì tuổi tác, còn các Chức sắc của CTĐ Nữ phái, của HTĐ và CQPT thì không buộc vì số lượng Chức sắc của mỗi cấp không hạn chế, nghĩa là nhiều bao nhiêu cũng được.

Sau đây xin chép nguyên văn THÁNH LỊNH thành lập Điều Lệ và Nội Qui của Hội Thánh Hàm Phong, số 26/ĐS-TL ngày 28-3-Nhâm Tý (dl 11-5-1972) do Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh ký tên, có Ngài Hiến Pháp HTĐ phê kiến.

THÁNH LỊNH thành lập Điều Lệ và Nội Qui của Hội Thánh Hàm Phong

- CHƯƠNG I Điều kiện ấn định Chức sắc CTĐ Nam Nữ vào Hàm Phong
- CHƯƠNG II: Hệ thống tổ chức
- CHƯƠNG III: Nhiệm vụ - Quyền hạn
- CHƯƠNG IV: Kỷ Luật (Quyền Nội trị)
- CHƯƠNG V: Thưởng thưởng
- CHƯƠNG VI: Châu cấp

CỬU TRÙNG ĐÀI
Văn phòng
ĐẦU SƯ

Số: 26/ĐS-TL

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Tứ thập thất niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐẦU SƯ **CHƯƠNG QUẢN CỬU TRÙNG ĐÀI NAM PHÁI**

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu Thánh giáo đêm rằm tháng 4 năm Giáp Thìn (dl 26-5-1964) của Đức Lý Đại Tiên Nhứt Trần Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ, giáng cơ tại Cung Đạo Đền Thánh tấn phong Thượng Sáng Thanh làm Đầu Sư chánh vị,

Chiếu Thánh Lĩnh số 17/TL ngày 24-9-Tân Hợi (dl 11-11-1971) của Ngài Hiến Pháp Quyền Chương quản HTĐ định tái lập Hội Thánh Hàm Phong CTĐ Nam Nữ,

Chiếu Vi Bằng số 8/VB ngày 6 và 7-3-Nhâm Tý (dl 19 và 20-4-1972) của Hội Thánh Lương Đài Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện Nam Nữ tại Giáo Tông Đường dưới quyền Chủ Tọa của Ngài Hiến Pháp, Quyền Chưởng Quản HTĐ đã cứu xét xong Bản Điều Lệ Nội Quy Hội Thánh Hàm Phong CTĐ gồm có: 6 Chương, 18 Điều, nên:

THÁNH LỊNH

Thành lập điều lệ nội quy Hội Thánh hàm phong

CHƯƠNG I

Điều kiện ấn định Chức sắc CTĐ Nam Nữ vào Hàm Phong

Điều I: Tất cả Chức sắc CTĐ Nam Nữ, tuổi quá lục tuần trở lên, được xin vào Hàm phẩm, nếu xét mình không còn đủ sức đảm đương Hành Chánh Đạo. Chư Chức sắc Hàm phong sẽ được tiếp tục lập công cùng Đạo suốt đời theo sở nguyện, được cầu thăng Hàm phẩm theo luật định (Đạo Luật) và sẽ đặt dưới quyền lãnh đạo của Hội Thánh Hàm Phong.

Điều II: Chư vị Chức sắc trên 60 tuổi, già yếu, bệnh hoạn, kém năng lực hành chánh mà không tự xét mình để xin vào Hàm phẩm, Hội Thánh đương nhiên chọn lọc những vị này cho qua Hàm phẩm. (Về năng lực thì do Hội Thánh CTĐ lập Ủy Ban xét định, về sức khỏe thì có giấy chứng của bác sĩ).

Điều III: Chư Chức sắc Nam Nữ, dầu tuổi chưa tới lục tuần, mà tự xét mình kém khả năng hoặc thường hay đau yếu, cũng được xin qua Hàm phẩm, hay là Hội Thánh cứu xét và quyết định theo Điều II ghi trên.

Điều IV: Chủ Trưởng Hội Thánh Hàm Phong phải là một vị Chức sắc Nam phái từ phẩm Giáo Sư hay Phối Sư.

Dưới quyền quản trị và điều hành của vị Chủ Trưởng gồm có:

- 2 vị Phó Chủ Trưởng (1 Nam, 1 Nữ) đồng phẩm với vị Chủ Trưởng hay thấp hơn, hoặc sẽ do vị Chủ Trưởng tuyển chọn và đề nghị, hoặc toàn thể Chức sắc Hội Thánh Hàm Phong bầu lên.
- 2 vị Quản Lý Nội Viện H P. (Nam chánh Nữ phó).

- 2 vị Quản Lý Giáo Huấn H P. (Nam chánh Nữ phó).
- 1 vị Tổng Quản Văn phòng.
- 1 vị Quản Văn phòng.
- 1 vị Bí thư.
- Nhiều Chức sắc Hàm phong và nhơn viên phụ trách.

CHƯƠNG II: Hệ thống tổ chức

Điều V: Việc tuyển chọn vị Chức sắc làm Chủ Trưởng Hội Thánh Hàm Phong sẽ do toàn thể Chức sắc Hội Thánh Hàm Phong bầu cử. Hội Thánh CTĐ Nam Nữ chấp nhận và sẽ hợp thức hóa bằng một Huấn Lịnh.

Điều VI: Hội Thánh Hàm Phong được tổ chức tại mỗi Châu Đạo, Tộc Đạo, một Ban Chức sắc Hàm phong, tùy theo hoàn cảnh và nhân số. Thành phần Ban này gồm có:

- 1 vị Trưởng Ban phải là một Chức sắc Hàm phong cao phẩm hơn hết trong Châu Đạo hay Tộc Đạo.
- 2 vị Phó Trưởng Ban (1 Nam, 1 Nữ)
- 2 vị Chánh Phó Từ Hàn.
- 2 vị Kiểm Soát Viên và nhiều nhơn viên chọn lựa trong hàng cựu Chức Việc và Đạo hữu lão thành, hạnh kiểm tốt, thông Đạo thạo đời và phải có Chức sắc Hành Chánh Đạo địa phương đồng ý để giúp hay cho Ban này, nhưng không quá 12 người.

Điều VII: Sự kiến thiết Văn phòng và Cơ sở Trung ương của Hội Thánh Hàm Phong đặt tại Nội Ô Tòa Thánh, vị trí và kiểu mẫu do Hội Thánh quyết định và đài thọ, hoặc do Hội Thánh chỉ định một nơi thuận tiện để đặt Văn phòng làm việc trong buổi đầu.

Ở địa phương, sẽ tùy hoàn cảnh và phương tiện, cũng do các cấp Hành Chánh Đạo giúp đỡ y như Trung ương Tòa Thánh.

Hội Thánh Hàm Phong (HP) chịu đặt dưới hệ thống Hội Thánh CTĐ Nam Nữ.

CHƯƠNG III: Nhiệm vụ - Quyền hạn

Điều VIII: Quyền hành của Chủ Trưởng Hội Thánh Hàm Phong: Chủ Trưởng có nhiệm vụ:

- Chủ Tọa và triệu tập các phiên họp của Chức sắc HP.
- Trực tiếp với Hội Thánh CTĐ để tham khảo ý kiến xây dựng đại nghiệp Đạo.
- Kiểm soát sự hoạt động của Chức sắc Hàm phong.
- An ủi và khuyên nhủ chư Chức sắc Nam Nữ khi vi phạm luật đạo hoặc sa ngã vì nghịch cảnh.
- Đề nghị lên Hội Thánh CTĐ Nam Nữ thăng thưởng chư Chức sắc HP có công nghiệp phi thường và răn người có tội.

Điều IX: Quyền hành của Phó Chủ Trưởng Hội Thánh Hàm Phong:

Phó Chủ Trưởng là người thay mặt Chủ Trưởng để điều hành mọi công việc nội và ngoại dung, được thay quyền cho Chủ Trưởng khi vắng mặt, có sự ủy quyền của Chủ Trưởng và hành quyền y như Chủ Trưởng.

Điều X: Quyền hành của hai vị Quản Lý:

Trực thuộc dưới quyền điều khiển của Chủ Trưởng, có hai vị Quản Lý và Phó Quản Lý.

A. Quản Lý Nội Việ̣n Hàm phong:

- Giữ gìn các hồ sơ của Hội Thánh Hàm Phong.
- Lập sổ bộ Chức sắc Hàm phong.
- Lập lệnh, ban hành và thi hành các công văn.
- Ghi nhận công nghiệp của Chức sắc HP hữu công cũng như người vi phạm luật đạo.
- Phúc nghị xin thăng thưởng hay răn phạt.

B. Quản Lý Giáo Huấn Hàm phong:

- Thiết lập chương trình Huấn luyện Chức sắc HP.
- Cấp chứng minh trình độ của Chức sắc HP.
- Phúc nghị các sáng kiến lên Chủ Trưởng.

- Kiểm soát mọi sở hành của Chức sắc HP, đệ trình ý kiến lên Chủ Trưởng để tùy phương xây dựng.
- Khuyến khích kẻ hữu công và an ủi người phạm tội.

Hai vị Phó Quản Lý sẽ trực tiếp thực hiện các kế hoạch và chương trình của vị Quản Lý do chỉ thị của vị Chủ Trưởng Hội Thánh Hàm Phong.

Chức vụ và phẩm vị của hai vị Quản Lý và Phó Quản Lý sẽ do vị Chủ Trưởng chọn bổ.

Điều XI: Tổ chức Văn phòng:

A. Phụ tá và điều hành công việc Văn phòng của Chủ Trưởng gồm có:

- 1 vị Tổng Quản Văn.
- 1 vị Quản Văn.
- 1 vị Bí thư.
- và nhiều vị Chức sắc HP phụ trách.

B. Phụ tá và sắp đặt Văn phòng cho hai vị Quản Lý gồm có: - 1 Quản Văn phòng.

- 1 vị Bí thư.
- và nhiều Chức sắc HP phụ trách tùy nhu cầu công vụ.

Điều XII: Quyền dự hội và đánh lễ Đức Chí Tôn.

Chiếu Thánh Lịnh ngày 12-12-Giáp Ngọ (dl 5-1-1955) của Đức Hộ Pháp Chương quản Nhị Hữu Hình Đài ấn định:

- Ngoại trừ Đại Đàn và Tiểu Đàn, Chức sắc HP được mặc Thiên phục cúng Tứ thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu) trong những ngày thường.
- Không được mặc áo trường y (9 nút) bất luận trường hợp nào, chỉ mặc áo dài trắng đeo phẩm hiệu có 2 chữ Hàm Phong theo phẩm tước của mình.
- Được đề cử người đại diện đưa ý kiến trong các phiên khoáng nghị Đại Hội của Hội Thánh để giúp thêm sáng kiến xây dựng nghiệp Đạo, nếu có thơ mời, nhưng không quyền biểu quyết.

Điều XIII: Ngày Đại Hội Hội Thánh Hàm Phong.

Hằng năm, đến trung tuần tháng 10 âm lịch (Kỷ niệm Đại Đạo hoằng khai), Hội Thánh Hàm Phong sẽ triệu tập một phiên nhóm Đại Hội để kiểm nhận các diễn tiến và kết quả của cả Chức sắc HP Nam Nữ từ trung ương đến địa phương trong năm qua và hoạch định chương trình hoạt động cho năm tới, cũng như đúc kết các đề nghị xây dựng nghiệp Đạo và phúc sự chung niên, chuyển qua Hội Thánh CTĐ Nam Nữ.

CHƯƠNG IV: Kỷ Luật (Quyền Nội trị)

Chức sắc HP là thành phần niên cao kỳ trưởng, đạo đức cao thâm, lịch lãm Đạo Đồi, ít khi phải để vi phạm luật pháp đạo. Tuy nhiên, trong tổ chức cộng đồng, không thể tuyệt đối, nên Hội Thánh sẽ áp dụng các biện pháp dưới đây nếu có vi phạm vi phạm luật đạo:

Điều XIV: Hội Đồng Kỷ Luật:

Tất cả chư Chức sắc Hàm phẩm khi có phạm các thường tội thì vị Chủ Trưởng có toàn quyền khuyên lơn hay sửa răn, nếu tái phạm thì đưa ra Hội Đồng Kỷ Luật của Hội Thánh HP, chiếu theo luật pháp Đạo để răn phạt.

Hội Đồng Kỷ Luật gồm có:

- 1 vị Chủ Tọa: Chức sắc Hàm phẩm, phẩm cấp cao hơn bị can.
- 2 vị Nghị án, phẩm cấp cao hơn bị can.
- 1 vị buộc tội, phẩm cấp cao hơn bị can.
- 1 vị biện hộ, Chức sắc Hàm phẩm đồng phẩm bị can.
- 1 vị Từ Hàn (1 Chức sắc Hàm phẩm do Chủ Tọa chọn)

Vị Quản Lý Nội Viện HP sẽ chọn cử Chức sắc HP vào thành phần của Hội Đồng Kỷ Luật để xét xử các tội, nhưng phải có sự chấp thuận của vị Chủ Trưởng.

Điều XV: Phạm trọng tội.

Nếu Chức sắc HP nào vi phạm trọng tội, Chủ Trưởng Hội Thánh HP phải đưa nội vụ qua Hội Thánh CTĐ, chiếu theo luật pháp đạo định hình phạt và tùy theo phẩm cấp mà phân xử, các án lệnh có hiệu lực như Chức sắc Hành Chánh Đạo.

CHƯƠNG V: Thăng thưởng

Điều XVI: Cả Chức sắc HP Nam Nữ được cầu thăng khi có công nghiệp phi thường.

Riêng Chức việc Nam Nữ tuổi quá lục tuần, đầy đủ công nghiệp, cũng được lập hồ sơ cầu phong Hàm phẩm, nhưng hồ sơ phải lập đủ thủ tục và theo hệ thống Hành Chánh Đạo, dâng về Hội Thánh CTĐ cứu xét.

Chư vị Chức sắc HP nào có đủ sức khỏe, muốn lập công quả nơi các cơ quan Hành Chánh Đạo, được đệ đơn xin phục vụ nơi cơ quan nào phù hợp với khả năng mình, qua sự đồng ý của vị Chủ Trưởng Hội Thánh HP và Hội Thánh CTĐ chấp thuận bổ dụng.

CHƯƠNG VI: Châu cấp

Nghĩ vì Chức sắc HP đã dày công với Đạo trong buổi đương thời, khi tuổi già sức yếu, cần được đãi ngộ xứng đáng để ghi nhớ công ơn của bậc Chức sắc lão thành, nên:

Điều XVII: Tất cả Chức sắc HP đều được hưởng sự châu cấp y như Chức sắc đương quyền Hành Chánh Đạo.

- Đang hành sự hoặc dưỡng lão cũng được lãnh phần trợ cấp thực phẩm (nếu không dùng cơm nơi Trai đường).
- Bệnh tật được Hội Thánh xuất tiền trợ cấp và điều trị tại các Y Viện.
- An nghỉ tại Dưỡng Lão Đường, có người chăm nom săn sóc (ngoài ra nếu muốn về tư gia thì phải có đơn xin của gia đình, Hội Thánh mới chấp thuận).
- Khi liễu đạo được Hội Thánh cấp táng tùy phẩm cấp y như Chức sắc đương quyền Hành Chánh Đạo.

Điều XVIII: Nội Qui này áp dụng chung cho cả Chức sắc Hàm phong Nam Nữ đối với tình thể hiện hữu, được tùy thời sửa đổi cho phù hợp với trào lưu tiến hóa buổi tương lai, và sẽ do Hội Thánh Hàm Phong đề nghị bổ túc, hoặc Hội Thánh đương quyền thấy cần thì tu chỉnh.

Điều XIX: Bản Nội Qui Hội Thánh Hàm Phong dẫn thượng có hiệu lực kể từ ngày ký Thánh Lệnh này.

Điều XX: Tam vị Quyền Thái, Quyền Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư và Quyền Nữ Chánh Phối Sư tùy nhiệm vụ ra lệnh thi hành và ban hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh , ngày 28-3-Nhâm Tý (dl 11-5-1972)

ĐẦU SƯ Thượng Sáng Thanh

(ấn ký)

PHÊ KIẾN:

HIẾN PHÁP Q. Chưởng quản HTĐ

(ấn ký)

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HÁM

HÁM

HÁM: 噉 còn đọc Đạm: Ham thích, ăn.

Td: Hám lợi xu danh, Hám vọng.

Hám lợi xu danh

噉利趨名

A: To seek honour and wealth.

P: Désirer la renommée et la richesse.

Hám: còn đọc Đạm: Ham thích, ăn. **Lợi:** lợi lộc. **Xu:** chạy theo, xua vào. **Danh:** tiếng tăm.

Hám lợi xu danh là ham muốn lợi lộc, xua vào chỗ có tiếng tăm.

TNHT: Tâm trí bất định, đạo hạnh không hoàn toàn, thì con đường *hám lợi xu danh* tới hàng sâu vực thẳm đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hám vọng

瞰望

A: To covet.

P: Convoiter.

Hám: còn đọc Đạm: Ham thích, ăn. **Vọng:** mong mỏi.

Hám vọng là ham muốn mong mỏi.

TĐ ĐPHP: Trong tâm có nuôi *hám vọng* là vui chịu bắt lưu đày để gánh khổ cho nước nhà thoát đọa.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

HÃM

HÃM

HÃM: 陷 Mưu hại, mắc vào.

Td: Hãm hại, Hãm tội.

Hãm hại

陷害

A: To harm.

P: Faire tort.

Hãm: Mưu hại, mắc vào. **Hại:** làm hao tổn.

Hãm hại là đặt mưu kế để làm hại người.

KSH: Đừng gian mưu *hãm hại* người hiền.

KSH: Kinh Sám Hối.

Hãm tội

陷罪

A: To imprison.

P: Emprisonner.

Hãm: Mưu hại, mắc vào. **Tội:** tội lỗi.

Hãm tội là bị giam cầm vì có tội.

TNHT: Em đã liệu nhiều phương thế cho từ đây mấy chơn hờn có bề để tránh khỏi cửa Âm Quang *hãm tội*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HÀN

HÀN

HÀN: 翰 Bút, cây viết.

Td: Hàn Lâm Viện, Hàn mặc.

Hàn Lâm Viện

翰林院

A: The academy of Caodaism.

P: L'académie de Caodaïsme.

Hàn: Bút, cây viết. **Lâm:** rừng. **Viện:** tòa nhà lớn.

Hàn lâm là rừng bút, chỉ chỗ nghiên cứu văn học.

Thuở xưa, Hàn Lâm Viện là cơ quan văn học được thiết lập bởi các vua nhà Lý, có nhiệm vụ biên soạn các văn từ nội trị và ngoại giao, vị quan đứng đầu là Đại Học Sĩ.

Ngày nay, Hàn Lâm Viện là cơ quan tối cao về văn học và khoa học của một nước.

Trong Đạo Cao Đài, Hàn Lâm Viện là một cơ quan đặc biệt nằm ngoài CTĐ và HTĐ, do Đức Chí Tôn lập nên, dưới quyền chưởng quản của Giáo Tông và Hộ Pháp, có nhiệm vụ bảo tồn

và phát huy nền Văn hóa Cao Đài mà Đức Chí Tôn tạo ra cho toàn nhân loại.

Hàn Lâm Viện Cao Đài gồm 12 Viện sĩ gọi là Thập nhị Bảo Quân, mỗi vị có chức năng chuyên môn riêng biệt đặc sắc, kể ra sau đây:

■ Theo quyển "**Lời Phê của Đức Hộ Pháp**", trang 25 thì Thập nhị Bảo Quân gồm:

LỜI PHÊ: Toàn thể Bảo Quân là Hàn Lâm Viện, mỗi vị có sở thức sở năng, ấy là điều khác nhau đặc biệt, tỷ như Huyền Linh Quân, nghĩa là Thần linh hồn, khác với Bảo Học Quân thuộc về khoa học hay là thực tế học.

1. Bảo Huyền Linh Quân.
2. Bảo Thiên Văn Quân.
3. Bảo Địa Lý Quân.
4. Bảo Học Quân.
5. Bảo Cô Quân.
6. Bảo Sanh Quân.
7. Bảo Phong Hóa Quân.
8. Bảo Văn Pháp Quân.
9. Bảo Y Quân.
10. Bảo Nông Quân.
11. Bảo Công Quân.
12. Bảo Thương Quân.

Thập nhị Bảo Quân dưới quyền nào của Đạo?

LỜI PHÊ: Riêng cho quyền Thượng Hội, dưới quyền chỉ huy của Giáo Tông và Hộ Pháp.

■ Theo quyển "**Chánh Trị Đạo**" của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, trang 69, Ngài kể Thập nhị Bảo Quân, thay vì số 7 là Phong Hóa Quân thì chỗ đó là Bảo Sĩ Quân. Như vậy có đủ 4 vị Bảo Quân: Sĩ, Nông, Công, Thương. (**Xem thêm: Thập nhị Bảo Quân, văn Th**)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hàn mặc

翰墨

A: Pen and ink: The scholars.

P: Pinceau et encre: Les lettrés.

Hàn: Bút, cây viết. **Mặc:** mực.

Hàn mặc là cây viết và lọ mực, ý nói người trí thức hay các văn nhân thi sĩ.

HÀNG

Hàng long phục hổ

降龍伏虎

Hàng: còn một âm nữa là Giáng: buộc phải tùng phục.
Phục: nằm sát xuống. **Long:** rồng. **Hổ:** cọp.

Hàng long phục hổ là bắt rồng phải đầu hàng, bắt cọp phải tùng phục.

Trong phép Luyện đạo của Tiên giáo, Hàng long phục hổ là có ý nói sự tu luyện của hành giả Nam và Nữ cần phải chế phục tình dục, đi đến chỗ tuyệt dục luôn.

Hàng ma phục quỷ là buộc tà ma phải đầu hàng và buộc quỷ quái phải tùng phục.

HÀNH

HÀNH

1. **HÀNH:** 行 Làm, đem làm, đi.
Tđ: Hành biến, Hành đạo, Hành lễ.
2. **HÀNH:** (nôm) Đày cho khổ sở.
Tđ: Hành hải, Hành xác.

Hành biến

行變

A: To act with liberty.

P: Agir avec liberté.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Biến:** thay đổi.

Hành biến là làm việc một cách linh động, thay đổi phương lược cho thích hợp với hoàn cảnh đổi thay để đạt được kết quả tốt đẹp.

TNHT: Các con đừng tự do hành biến cho xong việc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hành Chánh Đạo

- Mục đích của Hành Chánh Đạo
- Cứu cánh của Hành Chánh Đạo
- Hệ Thống Tổ Chức Hành Chánh Đạo

行政道

A: The body of the religious administration.

P: Le corps de l'administration religieuse.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Chánh:** khuôn phép, qui tắc làm việc, việc sắp đặt trị an. **Đạo:** tôn giáo.

Theo nghĩa ngoài đời, Hành Chánh là thi hành chánh sách và pháp luật của nhà nước trong việc cai trị dân chúng.

Hành Chánh Đạo là một cơ quan của Đạo Cao Đài để thi hành các luật lệnh của Hội Thánh, hoặc của nhơn sanh dâng lên mà đã có Quyền Chí Tôn phê chuẩn, nghĩa là buộc chúng sanh tuân y luật pháp chơn truyền của Đạo mà đi trên con đường đạo đức cho đặng thông dong, hòa bình, trật tự, hạnh phúc, an nhàn, tức là thực hành cả khuôn viên luật pháp cho ra thiết tướng.

"Hành Chánh Đạo là thi hành cho đúng những qui điều trong chơn pháp để diu độ chúng sanh lánh khỏi tội tình, hiệp về cội Đạo.

Cầm quyền Hành Chánh Đạo là phận sự của CTĐ, thay mặt cho Trời mà thực thi nhơn nghĩa đạo đức, để phục vụ nhơn sanh về phần vật chất tức là phần Đời. Bảo thủ chơn truyền chẳng để cho Chánh giáo trở nên Phàm giáo là nhiệm vụ của Chức sắc HTĐ can hệ về phần tinh thần tức là phần Đạo.

Thiết nghĩ, Chức sắc CTĐ được quyền sử dụng những luật lệ do nhơn sanh lập thành, nên phải gìn giữ và nhắc nhở nhơn sanh tuân hành nghiêm chỉnh giáo điều Tân Luật, để khỏi bị vi phạm luật pháp mà thất thế và lỗi đạo.

Vả lại, Chức sắc Hội Thánh CTĐ cũng không nên quên rằng chính mình cũng phải chịu dưới luật lệ ấy vì nó đã trở thành Thiên điều tại thế rồi. Vì thế, để xứng đáng là người hướng đạo tinh thần cho nhơn sanh, chư Chức sắc Thiên phong cần ý thức rõ vai tằng Hành Chánh Đạo của mình, đừng vì một sơ suất hiểu lầm do phạm tâm lẩn áp mà biến sự **PHỤC VỤ** thành **QUYỀN CAI TRỊ**, gây thống khổ cho nhơn sanh mà đắc tội với Đại Từ Phụ, sanh điều phản khắc với tôn chỉ và chủ nghĩa của nền Đại Đạo.

Tại sao nơi cửa Đạo Cao Đài lại có Hành Chánh Đạo mà không như các tôn giáo khác hằng ngời yên để tịnh luyện?

Xin thưa: Đối với Đạo Cao Đài, Hành Chánh Đạo là một cơ cấu bình cán các đẳng chơn linh hạ trần nương theo đó mà hồi cựa vị.

Mục đích của Hành Chánh Đạo

là phục vụ nhơn sanh trong tinh thần giáo hóa để giác ngộ, hầu hướng dẫn nhơn sanh lập công bồi đức, chuộc lỗi tiền khiên, qui hồi cựa vị.

Hành Chánh Đạo là một danh từ rất kêu đối với Đời, nhưng nó là một danh từ trống rỗng ở cửa Đạo về mặt uy quyền cũng như lợi lộc. Đạo Cao Đài sở dĩ có Hành Chánh là vì muốn cho có đẳng cấp trật tự đi trong lẽ phải, thực hành chơn lý để mỗi chơn linh, dù lớn dù nhỏ, có phương tiện nương theo đó mà lập vị mình, hầu trở lại quê xưa hay là tiến hóa.

Chức sắc Hội Thánh CTĐ có phận sự thực thi Hành Chánh Đạo một cách công minh, nghĩa là chúng ta, kẻ tay sai cho tất cả chúng sanh, nhờ ta kêu gọi diu dẫn mà họ sớm giác ngộ, cải tà qui chánh, thoát khỏi tục trần, lánh vòng phiền não.

Chúng ta nên hiểu rằng, mục tiêu chánh của Hành Chánh Đạo là giáo hóa, chứ không phải như Hành Chánh của Đời là cai trị.

Các bậc Giáo Chủ của các nền tôn giáo xưa kia đâu cần phải có hình thức quan lại trong khuôn khổ trị dân để giáo đạo đâu. Các Đấng ấy đi ta bà để khuyên dân dạy đời và thức tỉnh nhơn loại, rồi các đạo giáo ấy cũng thành hình trong sự dạy dỗ.

Vậy, chúng ta cả thầy nên nhìn vào sự giáo hóa mà tiến lên, đừng để hình thức cai trị bắt buộc phải theo Đạo thì hình thức ấy chỉ là lầu đài trên bãi cát.

Cứu cánh của Hành Chánh Đạo

là "đoạt vị tại thế" trong chiều hướng tận độ chúng sanh đưa về cữu phẩm.

Chúng ta biết rằng, Nhơn hồn có nhiều bậc cấp của chơn hồn từ Nguyên nhơn đến Hóa nhơn và Quĩ nhơn. Hành Chánh Đạo chẳng phải chỉ kêu gọi hàng Nguyên nhơn mà còn độ rỗi Hóa nhơn và trừ khử Quĩ nhơn nữa. (Quĩ nhơn là tà tâm dục vọng). Bởi có nên Đại Từ Phụ lập ra CTĐ để sắp xếp các đẳng linh hồn đã xuống thế, tùy theo căn nguyên biết mộ đạo, tu tính mà trở lại nguyên căn ở cõi vô hình hay là thượng giới.

Ngoài ra, bên Quĩ vị, vì lẽ công bình của Tạo Đoan, nên cũng có thành lập Tam thập lục Động, đối chiếu với Tam thập lục Thiên, để khảo duợt các chơn linh trước khi trở về đền Ngọc Hư Cung.

Do đó, Hành Chánh Đạo làm thế nào cho sáng tỏ chơn lý, rạng rỡ nét công, đừng còn những lẽ tà vạy trong hàng Chức sắc Thánh Thể Đức Chí Tôn, cũng như trong bốn đạo là con của Đại Từ Phụ. Nếu mỗi mỗi trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn biết nêu ra lẽ chánh thì con đường tận độ sẽ thênh thang, cả Nguyên nhân lẫn Hóa nhơn có thể trở lại ngôi xưa hay hóa

kiếp để đoạt vị một cách dễ dàng, bằng ngược lại thì sẽ bị rơi trong cái bẫy khảo duyệt của Chúa quỷ, tức nhiên lọt vào tay của Kim Quang Sứ vậy." (*Tài liệu Hạnh Đường, Huấn Luyện Giáo Hữu*)

Hệ Thống Tổ Chức Hành Chánh Đạo

của Đạo Cao Đài bắt đầu từ dưới lên trên. Nền móng tổ chức là Hương Đạo.

Nhiều Hương Đạo lập thành Tộc Đạo, nhiều Tộc Đạo lập thành Châu Đạo, nhiều Châu Đạo lập thành Trấn Đạo. Các Trấn Đạo trực tiếp với Cửu Viện (9 Viện).

Từ Trấn Đạo trở xuống thuộc về Hành Chánh Đạo Địa phương, từ Cửu Viện trở lên thuộc về Hành Chánh Đạo Trung ương, là những cơ quan quan trọng tại Tòa Thánh cầm quyền điều hành nền đạo.

Hệ Thống Tổ Chức Hành Chánh Đạo, được tóm tắt bằng sơ đồ nơi trang 13 của quyển Cao Đài Từ Điển này.

Các phẩm vị: Giáo Tông, Hộ Pháp và Đầu Sư tại Trung ương thường được gọi là "**HỘI THÁNH ANH**".

Ba phẩm cấp nơi Hương Đạo: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự được gọi là "**HỘI THÁNH EM**".

Đạo Cao Đài chỉ có một Hội Thánh Anh mà lại có vô số Hội Thánh Em. Dầu có một quyền lực mạnh mẽ nào đi nữa cũng không thể tiêu diệt được Hội Thánh của Đạo Cao Đài.

Trong Tổ chức Hành Chánh Đạo, Nam Nữ được phân quyền rõ rệt, Nam phái làm việc theo Nam phái và Nữ phái làm việc theo Nữ phái.

Sở dĩ CTĐ tổ chức Hành Chánh Đạo là nhằm mục đích phổ độ và giáo hóa nhơn sanh đạt được kết quả mau chóng và tốt đẹp. Ấy là thể hiện công việc Phụng sự nhơn sanh.

Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài thời Tam Kỳ Phổ Độ là lập một trường thi công quả cho nhơn sanh đắc đạo. Bí pháp giải thoát trong thời kỳ này là công quả phụng sự nhơn sanh, chứ không phải tìm nơi thanh vắng hành công tu luyện, độc thiện kỳ thân. Muốn phụng sự nhơn sanh có hiệu quả thì phải tổ chức ra một guồng máy gồm nhiều cơ quan, sự điều hành

phải có trật tự phân minh, nhiệm vụ lớn nhỏ rõ rệt. Sự phổ độ không phải chỉ riêng dân chúng nơi nước Việt Nam mà còn phải lan rộng ra toàn nhơn loại trên thế giới.

Đạo Cao Đài dùng từ ngữ Hành Chánh Đạo, khiến cho người đời lầm tưởng là Đạo Cao Đài lập ra một triều đình hay một Chánh phủ quân chủ để tranh giành quyền lực với Chánh quyền đời. Chính vì sự hiểu lầm như thế, mà từ khi Khai Đạo năm Bính Dần (1926) đến nay, Đạo Cao Đài luôn luôn bị Chánh quyền đời nghi ngờ, tìm cách đàn áp và tiêu diệt.

Để giải tỏa các điều hiểu lầm tai hại nói trên, mỗi Chức sắc CTĐ cầm quyền Hành Chánh Đạo phải thực hiện rõ nét nhiệm vụ phổ độ và giáo hóa nhơn sanh hành thiện, trong tình thương yêu cao cả, muốn cứu khổ ban vui.

Đừng nên có một hành động hay một cử chỉ, lời nói nào để người đời hiểu lầm Chức sắc được Hội Thánh bổ xuống địa phương như là một "*Ông quan của đạo*" để cai trị tín đồ trong địa phương đó, hoặc tự cho mình như là một "*ông Thánh Sống*" với lời nói thốt ra như là lời phán truyền buộc các tín đồ phải cúi đầu tòng phục.

Đức Chí Tôn đã từng dạy, Chức sắc là người đi phụng sự nhơn sanh, chớ đâu phải đến đó để nhơn sanh phụng sự Chức sắc. Nếu để nhơn sanh phụng sự Chức sắc thì có gì gọi là công quả của Chức sắc. Đây là điều rất tế nhị khó khăn, đòi hỏi Chức sắc phải có đủ hạnh đức của bậc chơn tu, có trình độ thông hiểu giáo lý Đại Đạo, không ham quyền tước danh vọng nơi cõi trần này, chỉ muốn giúp đời, cứu khổ ban vui cho đời.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cứu Trùng Đài.

Hành công tu luyện

行功修煉

Hành: Làm, đem làm, đi. **Công:** sự vất vả làm việc. **Tu:** sửa. **Luyện:** nấu đúc cho thật kỹ.

Hành công tu luyện là làm các công việc luyện đạo theo Tâm pháp bí truyền, để luyện TINH hóa KHÍ, luyện KHÍ hiệp

THẦN, luyện THẦN hườn hư, tức là luyện Tam Bửu (Tinh Khí Thần) hiệp nhất, gọi là Tam Huê tụ đảnh, Ngũ Khí triều nguồn, đắc đạo thành Tiên, Phật tại thế.

Việc hành công tu luyện phải thực hành trong Tịnh Thất, dưới sự hướng dẫn của Tịnh Chủ.

TL: Tịnh Thất, Điều 8: Phải tuân mạng lệnh của một Tịnh Chủ, phải y theo giờ khắc sẽ định mà *hành công tu luyện*.

TL: Tân Luật.

Hành đạo

行道

A: To preach.

P: Aller prêcher.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Đạo:** tôn giáo.

Hành đạo, theo nghĩa thông thường, là đi truyền đạo, tức là đi truyền bá giáo lý của một nền tôn giáo để mọi người biết được chọn lý mà cầu đạo, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ, bảo vệ những tín đồ của tôn giáo mình.

Nhưng đó chỉ là mặt ngoài thôi, người hành đạo cần phải có cả hai phương diện trong và ngoài:

Thứ nhất là **Tự giác**, tức là mình lo học đạo, thực hành đạo lý để bản thân mình nên đạo, làm gương cho nhơn sanh.

Thứ nhì là **Giác tha**, tức là mình đem sự hiểu biết đạo lý của mình truyền cho người khác để họ được giác ngộ như mình, giúp đỡ họ để cùng nhau tiến hóa trên đường đạo đức.

TNHT: Thầy khuyên *hành đạo* sẽ vui lòng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hành đạo tha phương

行道他方

A: To preach in the strange land.

P: Aller prêcher dans la terre étrangère.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Đạo:** tôn giáo. **Tha:** khác. **Phương:** miền.

Hành đạo tha phương là đi truyền bá giáo lý, phổ độ nhơn sanh ở những vùng đất xa xôi đối với Tổ đình trung ương là Tòa Thánh Tây Ninh.

ĐLMD: Phần châu cấp cho Thiên phong đi hành đạo tha phương thì chiếu theo Châu Tri số 9 mà thi hành.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Hành giả

行者

A: The initiate.

P: L'initié.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Giả:** người.

Hành giả là người đang hành công tu luyện, tức là người đã thọ bí pháp tâm truyền và đang thực hành việc luyện đạo.

Hành hài

A: To macerate.

P: Macérer.

Hành: Đày cho khổ sở. **Hài:** hình hài thể xác.

Hành hài là làm cho thể xác đau đớn khổ sở.

TNHT: Nó cũng noi chước Thiên cung mà lập thành Quỷ vị, cũng đủ các ngôi các phẩm, đặt đày đọa các con, hành hài các con,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hành hình

行刑

A: To execute a convict.

P: Exécuter un condamné.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Hình:** hình phạt.

Hành hình là thi hành hình phạt đối với một tội nhân.

KSH: Âm đài gông trống sẵn sàng,
Chờ khi thác xuống, cổ mang hành hình.

KSH: Kinh Sám Hối.

Hành hóa

行化

A: To teach.

P: Enseigner.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Hóa:** dạy dỗ cho biến đổi từ xấu thành tốt.

Hành hóa là làm công việc dạy dỗ nhơn sanh để biến đổi kẻ hung dữ thành hiền lương đạo đức.

CG PCT: Nơi CTĐ có Đức Giáo Tông là người thay mặt cho các Đấng thiêng liêng **đặng hành hóa.**

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hành hương

行香

A: To go on a pilgrimage.

P: Aller en pèlerinage.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Hương:** cây nhang đốt lên để cúng tế.

Hành hương là đi đến chùa đốt nhang lễ bái.

Hằng năm, các ngày trong tháng Giêng, những người sùng đạo nam nữ già trẻ khắp nơi tổ chức đi hành hương ở Tòa Thánh Tây Ninh và ở núi Bà Đen rất đông đảo, vì ở Tòa Thánh Tây Ninh có Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế vào ngày mùng 9 tháng giêng, và ở Chùa Bà trên núi, Lễ Vía Bà Lê Sơn Thánh Mẫu được tổ chức từ ngày mùng 10 đến rằm tháng giêng.

Tiền hành hương: là số tiền mà những người đến cúng bái đóng góp để chi phí cho việc cúng tế. Thông thường, số tiền này dùng để mua: hương, đấng, hoa, trà, tửu, quả.

Tử hành hương: Cái tử dùng để đựng tiền hành hương. Tử này được khóa cẩn thận, có dán niêm, trên mặt tử có một cái khe nhỏ để khách hành hương bỏ tiền vào.

Hành khiển

行遣

Hành: Làm, đem làm, đi. **Khiển:** phân phát, sai khiến.

Hành khiển là vị Thần coi việc nhân gian trong một năm.

Người Trung hoa tin tưởng có 12 vị Thần Hành Khiển cai quản 12 năm theo 12 con giáp, mỗi vị trách nhiệm một năm và cứ luân phiên nhau. Mỗi vị Thần Hành Khiển có một Phán quan đi theo giúp việc.

Sau đây là danh sách 12 vị Thần Hành Khiển và Phán quan trong 12 năm, theo các sách của người Tàu truyền lại:

1. **Năm Tý:** Chu Vương Hành Khiển, Thiên Ôn Hành Binh chi Thần, Lý Tào Phán quan.
2. **Năm Sửu:** Triệu Vương Hành Khiển, Tam thập lục phương Hành Binh chi Thần, Khúc Tào Phán quan.
3. **Năm Dần:** Ngụy Vương Hành Khiển, Mộc Tinh chi Thần, Tiêu Tào Phán quan.
4. **Năm Mão:** Trịnh Vương Hành Khiển, Thạch Tinh chi Thần, Liêu Tào Phán quan.
5. **Năm Thìn:** Sở Vương Hành Khiển, Hỏa Tinh chi Thần, Biểu Tào Phán quan.
6. **Năm Ty:** Ngô Vương Hành Khiển, Thiên Hải chi Thần, Hứa Tào Phán quan.
7. **Năm Ngọ:** Tấn Vương Hành Khiển, Thiên Hao chi Thần, Nhân Tào Phán quan.
8. **Năm Mùi:** Tống Vương Hành Khiển, Ngũ Đạo chi Thần, Lâm Tào Phán quan.
9. **Năm Thân:** Tề Vương Hành Khiển, Ngũ Miếu chi Thần, Tống Tào Phán quan.

10. **Năm Dậu:** Lỗ Vương Hành Khiển, Ngũ Nhạc chi Thần, Cự Tào Phán quan.
11. **Năm Tuất:** Việt Vương Hành Khiển, Thiên Bá chi Thần, Thành Tào Phán quan.
12. **Năm Hợi:** Lưu Vương Hành Khiển, Ngũ Ôn chi Thần, Nguyễn Tào Phán quan.

Hành lễ

行禮

A: To celebrate a ritual ceremony.

P: Célébrer une cérémonie rituelle.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Lễ:** nghi thức cúng tế.

Hành lễ là thực hành các nghi thức cúng tế.

PCT: Chúng nó đặng phép *hành lễ* khi làm chủ các chùa trong mấy tỉnh nhỏ.

(**Chúng nó:** Đức Chí Tôn gọi các Giáo Hữu. **Chùa:** Thánh Thất. Trước ngày khai đạo chưa có Thánh Thất, nên Đức Chí Tôn tạm gọi là chùa.)

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Hành pháp

行法

A: To administer a sacrament.

P: Administrer un sacrement.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Pháp:** Phép Bí tích, như Phép Tắm Thánh, Phép Giải Oan, Phép Đoạn Căn, Phép Hôn Phối, v.v...

Hành pháp là thực hành một phép Bí tích.

Đức Phạm Hộ Pháp thọ lãnh các Phép Bí tích nơi Đức Chí Tôn để truyền lại cho các Chức sắc đi hành đạo. Các vị Chức sắc này trước khi thọ lãnh các Phép Bí tích, phải lập thệ trước Bàn Hộ Pháp và Bàn Ngũ Lô.

Chức sắc muốn hành pháp cho đúng thì phải luyện tập cho thuần thực, đầy đủ các chi tiết theo đúng chơn pháp thọ

truyền. Muốn hành cho đắc pháp thì bản thân vị Chức sắc phải có đủ 4 yếu tố: - Trường trai hoàn toàn, - Tuyệt dục, - Giữ tâm thanh tịnh, - Đức tin mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Hành tàng

行藏

A: The visible et hidden acts.

P: Les actes visibles et cachés.

Hành: Làm, đem làm, đi, chỉ những việc làm thấy rõ được.

Tàng: ẩn kín, chỉ những việc ẩn kín, không thấy rõ.

Hành tàng là những việc làm thấy rõ hay những việc làm còn ẩn kín.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám, có bài thi Hán văn:

Hành tàng hư thực tự gia tri,

Họa phúc nhân do cánh vấn thù.

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo,

Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì.

Nghĩa là:

Hờ kín hư thực, tự nhà mình biết,

Nguyên nhân của họa phúc có cần chi hỏi ai.

Lành dữ đến cuối cùng bao giờ cũng có báo đáp,

Chỉ tranh nhau đến sớm, cùng là đến muộn.

Máy Hành tàng: chỉ tất cả sự vận chuyển trong CKVT, có cái mắt phàm thấy được, có cái mắt phàm không thấy được (như là ẩn kín). Máy hành tàng là Thiên cơ, Máy Trời.

Đức Phạm Hộ Pháp: *Hành tàng* hư thiệt tại Cha Trời.

TNHT: Nhon là đầu hết các *hành tàng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Hành thiện

行善

A: To do a good deed.

P: Faire le bien.

Hành: Làm, đem làm, đi. **Thiện:** lành, tốt.

1. Hành thiện là làm điều lành điều tốt, ích lợi cho người khác, thí dụ như: Cứu đói trợ nghèo, bắc cầu sửa đường,...

ĐLMD: Mỗi đẳng cấp (CQPT) phải có đủ 3 năm hành thiện mới mong bước qua đẳng cấp khác.

Sách Minh Tâm Bửu Giám:

*Hành thiện chi hơn như xuân viên chi thảo,
Bất kiến kỳ trường, nhật hữu sở tăng;
Hành ác chi hơn như ma đao chi thạch,
Bất kiến kỳ tổn, nhật hữu sở khuy.*

Nghĩa là:

Người làm lành như cỏ trong vườn xuân,
Không thấy lớn mà mỗi ngày vẫn tăng;
Kẻ làm ác như đá mài dao,
Không thấy mòn mà mỗi ngày vẫn khuyết.

2. Hành Thiện là một phẩm Chức sắc trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT.

Hành Thiện là người đã nghe đã biết việc lành rồi, bây giờ phải đi làm lành, làm thế nào cho kẻ bệnh hoạn, tật nguyền, già cả, góa bụa, được hưởng điều lành, được an ủi cõi lòng, hết than thân tủi phận dở dang, bớt điều khổ não, mới xứng đáng gọi là Hành Thiện.

Hành Thiện đối phẩm Chánh Trị Sự bên CTĐ.

Đạo phục của Hành Thiện khi châu lễ Đức Chí Tôn:

Hành Thiện mặc áo tràng trắng, choàng ngang vai một Dây Sắc Lịnh màu đỏ, bỏ mỗi qua tay mặt, trên Dây Sắc Lịnh có gắn khuê bài đề chữ Hành Thiện bằng quốc tự, đầu đội khăn đóng đen 7 lớp chữ Nhon.

Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp về phẩm Hành Thiện:

"Chơn pháp bên Phước Thiện có điều này trọng yếu hơn hết, từ bực Hành Thiện muốn lên Giáo Thiện, phải tạo nghiệp cho đủ 12 gia đình theo chơn pháp.

Nếu thiếu một người trong số 12 người ấy thì phải dừng lại ở bực Hành Thiện mà thôi, chớ không thăng lên Giáo Thiện. Tạo nghiệp cho 12 gia đình, không phải đem bà con vào đó

mà được, tạo nghiệp cho mỗi gia đình phải có bằng chứng là ngoại nhân, còn đem bà con cật ruột thì truat bỏ, chẳng kể công nghe chưa? Bởi vì bậc Hành Thiện là phải làm thiện, nhưng nếu làm cho thân nhân mình, anh em của mình, làm cho gia đình mình, thì không kể là hành thiện."

Lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp về phẩm Hành Thiện:

"Chiếu theo chơn pháp thì cả Sở Lương điền Công nghệ chỉ có hàng Chức sắc phẩm Hành Thiện mới được lập mà thôi, vì họ phải nuôi sống và bảo vệ lập nghiệp cho 12 gia đình; còn hạng Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện thì làm công quả trong các cơ sở của Hội Thánh, đặng nhưn thời gian từng sự với một Chức sắc Thiên phong hàng Giáo Thiện mà học đạo lý và tu tâm dưỡng tánh, kiên cố tâm đạo.

Vậy, hễ trọn hiến thân vào Đạo thì họ không còn gia đình nữa, hay là gia đình của họ cũng thuộc về Đạo, dưới quyền của một vị Giáo Thiện giáo huấn, bảo bọc, là cơ sở của Hội Thánh. Do đó, chư vị Giáo Thiện là riêng biệt, nạp trọn huê lợi công ích cho Hội Thánh.

Còn các cơ sở của Hành Thiện là thuộc quyền của gia tộc của họ đào tạo, phải từng khuôn luật đặng sửa đương.

Hội Thánh Phước Thiện, trong kỳ Đại Hội này, Bần đạo nhứt định không cho qua khỏi mặt luật ấy nữa."

(Ngày 5 tháng 9 năm Tân Mão, 1951)

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện. CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hành xác

A: To macerate. P: Macérer.

Hành: Đày cho khổ sở. **Xác:** thể xác. Hành xác đồng nghĩa Hành hài.

Hành xác là làm cho thể xác đau đớn khổ sở.

TNHT: Quí vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HẠNH

HẠNH

1. **HẠNH:** 行 Tánh nét, đức hạnh.
Td: Hạnh chất, Hạnh đường.
2. **HẠNH:** 幸 May mắn, có phước.
Td: Hạnh hưởng, Hạnh ngộ,
3. **HẠNH:** 杏 Cây hạnh, cùng loại với cây đào.
Td: Hạnh đàn, Hạnh lâm.

Hạnh chất

行質

A: The conduct.

P: La conduite.

Hạnh: Tánh nét, đức hạnh. **Chất:** phẩm chất.

Hạnh chất là phẩm chất và đức hạnh.

TNHT: Khá kiểm hiệu cho đích xác, chớ tưởng lầm rằng dầu *hạnh chất* của các con đường bao, Đạo cũng thành hành mà điu đất các con đến tận chốn đượ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hạnh đàn

杏壇

A: The terrace of apricot-trees.

P: La terrasse des abricotiers.

Hạnh: Cây hạnh, cùng loại với cây đào. **Đàn:** cái nền đất đắp cao.

Hạnh đàn là cái nền đất đắp cao, trên đó có trồng nhiều cây hạnh. Đó là nơi Đức Khổng Tử cất nhà ở và dạy học.

Đến nay, Hạnh đàn vẫn còn di tích ở trước Khổng Miếu, huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn đông.

Hạnh đàn là chỉ nơi học hành và tu dưỡng của nhà Nho.

Hạnh đường

行堂

A: School of training of dignitaries.

P: École de l'entraînement des dignitaires.

Hạnh: Tánh nết, đức hạnh. **Đường:** nhà, trường học.

Hạnh Đường có nghĩa đen là trường huấn luyện về đức hạnh, nhưng nghĩa thông thường là trường huấn luyện Chức sắc và Chức việc cho có đủ đức độ và tài ba để đi hành đạo.

ĐLMD: "Phải lập Hạnh Đường nơi Tòa Thánh và Văn phòng Đầu Tỉnh Đạo đặng giáo hóa Chức sắc Thiên phong và Chức việc."

"Thiên phong Chức sắc phải vào Hạnh Đường học thêm Đạo lý, Luật Đạo và Luật đời, đặng dễ bề thân thiện cùng đời mà độ đời cho biết Đạo. Phải giữ phẩm giá của mình cho đặng thanh cao đạo đức."

Hạnh Đường nơi Tòa Thánh Trung ương huấn luyện 3 cấp Chức sắc: Giáo Hữu, Lễ Sanh và Chức việc Bàn Trị Sự.

Khóa Hạnh Đường huấn luyện Giáo Hữu được gọi là Cao Đẳng Hạnh Đường.

Các môn được đem ra huấn luyện nơi Hạnh Đường gồm:

- Giáo lý.
- Hành Chánh Đạo.
- Luật pháp Đạo.
- Lễ nghi Tế tự.
- Ngoại giao và xã giao.

1. Môn Giáo lý Đại Đạo: giúp thấm nhuần chủ nghĩa và triết lý cao siêu của Đạo Cao Đài, hấp thụ một ý thức hệ mới, xây dựng cho mình một lập trường chánh nghĩa, một quan niệm tiến bộ trong việc khắc kỷ tu thân và phục vụ nhơn loại.

2. Môn **Hành Chánh Đạo**: sẽ hướng dẫn thông suốt phương pháp tổ chức, lễ lối làm việc khoa học, hầu làm phương châm giáo hóa và hướng dẫn nhơn sanh đi đúng qui điều chọn pháp của Đức Chí Tôn trong nhiệm vụ thể Thiên hành hóa.

3. Môn **Luật Pháp Đạo**: là môn rất quan trọng, vì nó là khuôn vàng thước ngọc điều hành guồng máy Hành Chánh, hầu bảo thủ chọn truyền và công bình Thiên đạo, bắt buộc mọi người tụng Đạo, cũng như chư Thiên phong trong hàng Thánh Thể đều phải triệt để tuân hành mới mong đoạt được phẩm vị.

4. Môn **Nghi lễ Tế tự**: chỉ rõ cách thức thờ phượng, cũng như nghi tiết hành lễ cho chu đáo nghiêm trang, phô diễn một cách chí kính chí thành, vì có lễ nghi pháp mục oai nghiêm mới ra vẻ tôn giáo và mới cảm ứng được chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

5. Môn **Ngoại giao và Xã giao**: giúp thông thạo cách đối nhân xử thế, sự giao hảo giữa người với người và với nhơn quần xã hội, để càng ngày càng thấu tình đạt lý hơn.

Ngày 6-5-Nhâm Tý (dl 16-6-1972), Hội Thánh khai giảng khóa Cao Đẳng Hạnh Đường, Ngài Giám Đốc Hạnh Đường là Giáo Sư Thái Tác Thanh có đọc một bài diễn văn nói về mục đích của Hạnh đường, xin trích ra một đoạn sau đây:

"Trong buổi Hạ ngươn kỳ ba khai Đạo, Đức Chí Tôn không lâm phạm như buổi trước, Đức Ngài chỉ dùng huyền diệu cơ bút để mở Đại Đạo, Đức Chí Tôn lập thành Hội Thánh để làm tai mắt cho Ngài mà lèo lái, hướng dẫn nhơn sanh giải thoát nơi trầm luân khổ hải, Đức Ngài mượn tài đức Chưc sắc mang tin lành Đại Đạo truyền bá cho toàn cả chúng sanh nhập môn cầu Đạo để được cứu rỗi buổi Hạ ngươn này.

Như vậy, Chưc sắc mặc nhiên đã lãnh một sứ mạng hết sức cao trọng do Đức Chí Tôn giao phó. Mà muốn thực thi đúng mức sứ mạng thể Thiên hành hóa, ta cần có những yếu tố nào?

Người hữu tài kém đức khó làm nên việc cả.

Người dư đức thiếu tài cũng không mong xây thế cuộc.

Hạnh Đường sẽ đáp ứng cho Chức sắc hai yếu tố trên được kết quả mỹ mãn. Bởi thế, Hạnh Đường không nhứt thiết để rèn luyện đức tin mà còn hàm súc bao ý nghĩa. Một Chức sắc đầy đủ đức hạnh chưa làm tròn sứ mạng của Đức Chí Tôn giao phó khi biết rằng mình còn thiếu tài năng. Vì lẽ đó mà Chức sắc cần bồi bổ tinh thần học rộng nghĩ xa trong các môn học tối thiểu cần thiết.

Trái lại, một Chức sắc tài ba lỗi lạc cũng khó làm tròn sứ mạng thiêng liêng, nếu nói kỳ tài mà chưa thấm nhuần Giáo lý, Tân pháp, Triết lý Đại Đạo thì sợ e trong bước hành đạo không đủ năng lực cảm hóa người.

Ấy vậy, Hạnh Đường là lò đào tạo Chức sắc khuôn mẫu, phổ biến đúng Chơn truyền Tân pháp. Chức sắc làm cây kim chỉ nam đưa đường dẫn lối cho sanh chúng, theo dõi bước đường tu đến nơi giải thoát để hội hiệp với Đức Chí Tôn ngày công viên quả mãn."

Trong Khóa Hạnh Đường huấn luyện Chức việc Bàn Trì Sự Nam Nữ năm Canh Tuất (1970), Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang ban Huấn từ, xin trích ra một đoạn sau đây:

"Thiết tưởng dầu cho trong giới nào, từ cổ chí kim, ai cũng lấy sự học tập làm phương pháp đào tạo nhân tài, nhứt là trong các tôn giáo, sự học hỏi lại càng cần thiết cho người tu sĩ, do câu: Tự giác nhi giác tha. Phải đủ sáng suốt mới có thể dìu đường cho kẻ khác. Nếu mình không sáng suốt, hoặc thông hiểu một cách mù mờ, tức nhiên tránh không khỏi sự lạc đường sai hướng và trên bước lầm lạc của mình, mình sẽ kéo theo cả một đoàn người do mình làm hướng đạo.

Đức Chí Tôn có dạy: "Dầu làm vua, làm thầy, làm công nghệ, làm đạo sĩ, cũng phải có cái chí lớn mới mong thành tựu đặng." Chúng ta nên quan niệm rằng, trước khi lập chí, chúng ta cần phải lo học hỏi để trở nên sáng suốt, tức là đem trí não ra khỏi vòng mờ tối vậy.

Hội Thánh hằng để tâm lo lắng, muốn cho quý vị trở nên những nhơn vật xứng đáng đối với mặt Đạo, cũng như mặt Đời, vì quý vị là những cộng sự viên cần yếu của Hội Thánh, đại diện cho Hội Thánh nơi địa phận mình trấn nhậm. Tuy ở vào địa vị hạ cấp của guồng máy Hành Chánh Đạo, nhưng quý

vị có nhiệm vụ trọng yếu không kém gì các Chức sắc cao cấp của Hội Thánh. Hơn nữa, quý vị là những người thân cận hằng ngày với tín đồ, hòa mình với nhơn sanh, chia vui sốt nhục với bốn đạo trong mọi trường hợp, thì quý vị chẳng nên khinh thường cái trách vụ cao đẹp của mình.

Cũng như ngoài mặt đời, nền tảng Chánh Trị quốc gia ở nơi Ấp Xã; trong Đạo Cao Đài, nền tảng Chánh Trị Đạo ở nơi Ấp và Hương Đạo, rồi kế đến là Tộc Đạo hay là Phận Đạo.

Mặc dầu ở vào hạ tầng cơ sở, nhưng nếu trong Ấp hoặc Hương Đạo có điều xáo trộn, trên dưới thiếu sự êm ả điều hòa, tín hữu có điều bất mãn, nhơn tâm ly tán, mất hẳn tình đoàn kết tương thân thì ở nơi cấp trên, Hội Thánh cũng chịu ảnh hưởng không hay, khó giữ vững uy tín đối với mặt đời và bốn đạo. Bởi thế, đem thắng lợi về vang về cho Đạo hay làm Đạo thất bại, mang tai tiếng, cũng đều do nơi hành vi của quý vị.

Đã mang danh là Hội Thánh Em, quý vị nên thận trọng, giữ gìn tư cách đứng đắn, làm cho người đời kính nể, người Đạo tin cậy, đối đãi với toàn thể tín hữu nơi địa phận mình như tình huynh đệ trong gia đình, đem tình thương chan rưới khắp cả bốn đạo, giúp đỡ nương nhờ lẫn nhau, thực hành câu: *Nhứt gia hữu sự bá gia ưu*. Được vậy, dù cuộc đời chua cay bi đát đến mức nào, quý vị cũng không đến nỗi lâm vào cảnh khó khăn nan giải.

Điều cần nhứt là phải giữ trọn hiếu với Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, giữ trọn trung thành với Hội Thánh, ngoài ra gắng công học hỏi, noi gương Thánh trước Hiền xưa mà rèn luyện đức tốt tánh lành.

Tiền tài châu báu có nhiều giá trị ở đời, nhưng đức tốt tánh lành có giá trị hơn nữa. Tiền tài châu báu có thể bị chúng cướp giật, chớ đức tốt tánh lành không thể nào mất được, và khi xác thân trở về với cát bụi, những đức tốt tánh lành sẽ theo linh hồn ta để nâng cao địa vị ta nơi cõi thiêng liêng.

Đức Chí Tôn có bài thi dạy rằng:

Được vàng chớ khá gọi là may,
Vàng hết tội kia chất đầy đầy.

Bỏ đức bỏ nhân bao kiếp đọa,
Khuyên con giữ Đạo đến cùng Thầy.

Phân biệt được lẽ cao thấp giữa tinh thần và vật chất, quý vị nên quý trọng cái Thiên chức của mình và gắng công làm tròn Thiên chức ấy. Muốn làm tròn Thiên chức, quý vị nên thực thi mấy điều sau đây:

1. Thực hành trọn vẹn Tứ Đại Điều Qui, ấn định nơi Chương 5 Tân Luật.

2. Phải giữ dạ vô tư mà cư xử với bốn đạo, không vì ai giàu mà trọng đãi, ai nghèo mà khinh khi.

3. Chỉ thi hành những việc do Hội Thánh ra lệnh bằng văn kiện chánh thức, không nên chia phe phân nhóm làm mất sự đoàn kết thân mật trong bốn đạo và gây khó khăn cho Hội Thánh.

4. Nếu có điều khó khăn không giải quyết được, phải thỉnh giáo bề trên, không nên phán định sơ suất.

5. Trong trường hợp nào cũng phải giữ uy tín của mình và nâng cao uy quyền của Hội Thánh.

Nếu quý vị tuân hành đúng theo lẽ lối ghi trên đây, tôi tin chắc quý vị sẽ thành công mỹ mãn và sẽ được người Đạo cũng như người đời kính phục.

Đã dấn thân vào Trường thi Công quả, quý vị phải chịu khó nhọc làm cho cái vốn đạo đức của mình ngày càng tăng lên mãi. Phải biết ưa thích công việc mình làm thì việc làm mới có thành quả tốt đẹp và sẽ đem hạnh phúc đến cho mình, vì hạnh phúc không cốt làm việc gì ta thích mà thích việc gì ta làm.

Cái vốn đạo đức mà quý vị cố gắng góp nhặt và dành dụm, ngày sau sẽ giúp quý vị được mãn nguyện, vì quý vị sẽ đạt đến địa vị trọng yếu trong hàng Thánh Thể Đức Chí Tôn và ngày đó, quý vị sẽ không tiếc công học hỏi cần cù nơi Hạnh Đường mà quý vị đang hiện diện trong cuộc lễ khai giảng hôm nay."

DLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Hạnh hưởng

幸享

A: To enjoy good luck.

P: Jouir de bonne chance.

Hạnh: May mắn, có phước. **Hưởng:** được nhận, hưởng thụ.

Hạnh hưởng là may mắn được hưởng.

BKNKSH: Đương sanh hạnh hưởng phước duyên.

BKNKSH: Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.

Hạnh lâm

杏林

Hạnh: Cây hạnh, cùng loại với cây đào. **Lâm:** rừng.

Hạnh lâm là rừng cây hạnh. Từ ngữ này dùng để chỉ ông thầy thuốc như đức và tài giỏi.

Điển tích: Ông Đổng Phụng nước Tàu, có lòng nhưn đức, làm việc từ thiện, trị bệnh cho dân không lấy tiền. Để tỏ lòng biết ơn ông thầy thuốc đã trị cho mình hết bệnh, mỗi người đem đến một cây hạnh để trồng chung quanh nhà ông, khiến dần dần chung quanh nhà ông thầythuốc có một rừng cây hạnh.

Do đó, dùng chữ Hạnh lâm để kính xưng ông thầy thuốc trị bệnh tài giỏi và có lòng từ thiện giúp đỡ người bệnh.

Đôi liễn của Y Viện có dùng chữ Hạnh lâm:

*Y nghiệp thuật Kỳ Hiên diệu dược hạnh lâm trừ vạn bệnh,
Viện đường thâm võ lộ tế nhưn công đức phục hồi xuân.*

(Xem giải thích đôi liễn này nơi chữ: Y Viện, văn Y)

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo

幸遇高臺傳大道

Hạnh: May mắn, có phước. **Ngộ:** Gặp. **Hạnh ngộ:** May mắn gặp được.

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo: May mắn gặp được Đức Chí Tôn truyền bá nền ĐĐTKPĐ.

Khánh thờ đóng bằng gỗ, làm Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn tại tư gia, hai bên có chạm đôi liễn:

幸遇高臺傳大道
好逢玉帝御塵間

*Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.*

Nghĩa là:

May mắn gặp được Đức Chí Tôn truyền bá nền ĐĐTKPĐ,
Tốt đẹp gặp được Đấng Thượng Đế ngự xuống cõi trần.

Hai câu liễn trên là cặp trạng rút ra từ bài thi Hán văn của Đức Chí Tôn, có in trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, mà câu đầu là: "Hảo Nam bang! Hảo Nam bang!"

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HÀO

Hào phú

豪富

A: The rich person.

P: Le richard.

Hào: tài trí hơn người, có thể lực. **Phú:** giàu.

Hào phú là giàu và có thể lực.

Hào quang

毫光

A: The aureola.

P: L'auréole.

Hào: cái lông dài và nhọn. **Quang:** ánh sáng.

Hào quang có nghĩa đen là các tia sáng phát ra chung quanh giống như các lông nhọn mọc túa ra.

Nghĩa thường dùng: *Hào quang là ánh sáng phát ra từ chơn thân của những bậc tu hành đắc đạo.*

Hào quang của các Đấng Tiên, Phật thì rực rỡ, chói lọi nhưng không nóng bức gay gắt mà lại mát dịu. Hào quang này có thể truyền đi rất xa trong không gian và có thể thu phát tùy theo ý muốn của Đức Phật.

Mỗi người phạm chúng ta cũng đều có Hào quang phát ra từ chơn thân của chúng ta, nhưng hào quang này yếu ớt không rực rỡ mà lại có màu sắc tùy theo sự thanh trược của chơn thân. Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy trong Luật Tam Thể như sau:

"Nói về đệ nhị xác thân (chơn thân), Chơn khí là sự tiết khí của Chơn tinh, hoặc trong sạch, hoặc ô trược, mà đổi nên hình sắc. Như Chơn khí toàn trong trắng, chí Thánh thì nó là một Hào quang sáng chói, còn chưa được Thánh chất thì nó có màu hồng, còn như ô trược thì nó lại có màu tím. Những hào quang ấy bao phủ lấy thể xác đặng tiếp diễn cùng chơn linh và chơn thân."

"Chơn khí ấy có một ánh sáng riêng của nó gọi là Hào quang, mà tiếng Pháp kêu là Auréole. Nhờ Hào quang biến đổi hình sắc mà nơi cõi Hư linh thấu triệt hành tàng tâm ý của mỗi người."

KĐ7C: Hào quang chiếu diệu khai đàng thẳng Thiên.

KĐ7C: Kinh Đệ Thất cửu.

HÁO (HIẾU)

HÁO

HÁO: 好 Cũng đọc là Hiếu: Ham thích.

Td: Háo danh, Háo sanh.

Háo danh

好名

A: To seek for glory.

P: Aimer la gloire.

Háo: Cũng đọc là Hiếu: Ham thích. **Danh:** tiếng tăm.

Háo danh hay Hiếu danh là ham thích chức tước để có tiếng tăm mà hãnh diện với đời.

TNHT: Mỗi đũa đều lấy sự *háo danh* cầu tiến mà quên cả nghĩa vụ xứng đáng của Thầy đã lắm phen phú thác.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Háo sanh

好生

A: To love the life.

P: Aimer la vie.

Háo: Cũng đọc là Hiếu: Ham thích. **Sanh:** sống, sự sống.

Háo sanh hay Hiếu sinh là ham thích sự sống.

Trái với Hiếu sinh là Hiếu sát: Ham chém giết.

Đức Háo sanh là bản chất của Thượng Đế.

TNHT: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sự sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống. Vì vậy lòng *háo sanh* của Thầy không cùng tận.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HẢO

HẢO

HẢO: 好 Tốt, tốt lành.

Td: Hảo tâm.

Hảo quang minh

好光明

A: Good and clear.

P: Bon et clair.

Hảo: Tốt, tốt lành. **Quang:** sáng. **Minh:** sáng.

Quang minh là sáng sủa, rõ ràng.

Hảo quang minh là tốt đẹp và sáng sủa.

CG PCT: Còn người lương thiện thì tướng *hảo quang minh*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Hảo sự

好事

A: Good affaire.

P: Belle affaire.

Hảo: Tốt, tốt lành. **Sự:** việc.

Hảo sự là việc tốt.

HẠO

HẠO

HẠO: 浩 Nhiều, lớn rộng.

Td: Hạo kiếp, Hạo nhiên.

Hạo kiếp

浩劫

A: Several generations.

P: Plusieurs générations.

Hạo: Nhiều, lớn rộng. **Kiếp:** kiếp sống, một đời sống.

Hạo kiếp là trải qua nhiều kiếp, ý nói rất lâu đời.

TG: Đạo kinh *hạo kiếp*, Càn khôn oát vận....

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

Hạo nhiên

浩然

Hạo: Nhiều, lớn rộng. **Nhiên:** như thế.

Hạo nhiên: To lớn như thế.

Khí Hạo Nhiên: Hạo Nhiên chi khí: Cái khí chất to lớn trong bầu Trời. Khí Hạo Nhiên cũng có nghĩa là cái ý chí to lớn và chính đại quang minh.

Mạnh Tử nói: *Ngã thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí.*
Nghĩa là: Ta nuôi dưỡng thuần thực cái khí hạo nhiên của ta.

Bài phú Kê Sĩ của Nguyễn Công Trứ có câu:

*Khí hạo nhiên chí đại chí cương,
So chính khí đã đầy trong Trời Đất.*

Hạo Nhiên Thiên: Tầng Trời Hạo Nhiên. Đây là tầng Trời thứ 7 trong Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chưởng quản của hai vị Đại Bồ Tát là: Chuẩn Đề Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát.

Theo Kinh Đệ Thất Cửu và Di Lạc Chơn Kinh, tầng Trời Hạo Nhiên Thiên có Cung Chưởng Pháp coi về Pháp, nên tầng Trời này thường được gọi là: Hạo Nhiên Pháp Thiên.

HẰNG

HẰNG

1. **HẰNG:** 恆

- Tên một quẻ trong Kinh Dịch, ý nói: thường có, giữ được lâu dài.
- Tên con sông lớn linh thiêng ở Ấn Độ.
Td: Hằng sanh, Hằng hà sa số.

2. **HẰNG:** 姮 Chỉ mặt trăng.

Td: Hằng Nga.

Hằng hà sa số

恆河沙數

A: Innumerable.

P: Innombrable.

Hằng: Tên con sông lớn linh thiêng ở Ấn Độ. **Hà:** sông.
Sa: cát. **Số:** số lượng.

Hằng hà sa số là số cát nơi sông Hằng, ý nói: một số lượng rất lớn, không thể đếm hết được.

Thường nói: Hằng hà sa số Phật,...

Thành ngữ này được nói tắt là: Hằng sa, Hằng hà.

TNHT: Ôi! Tuy vân, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa *hằng hà*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hằng Nga

姮娥

A: The moon.

P: La lune.

Hằng: Chỉ mặt trăng. **Nga:** người con gái đẹp.

Hằng Nga, dịch là Ả Hằng, chị Hằng, chỉ mặt trăng.

Diễn tích: Theo sách Hoài Nam Tử, Hậu Nghệ có tài bắn cung. Nhờ chiếc cung thần, Hậu Nghệ bắn rơi 9 mặt Trời, chỉ chừa lại một mặt Trời để soi sáng, cứu dân khỏi nạn 9 mặt Trời thiêu đốt. Dân chúng mang ơn, tôn lên làm vua.

Hằng Nga là một cô gái rất đẹp, ở miền thôn dã phương Bắc, được Hậu Nghệ lấy làm vợ, lập lên làm Hoàng Hậu.

Hậu Nghệ xin được thuốc trường sanh của Bà Tây Vương Mẫu, bị Hằng Nga biết được. Hằng Nga thấy Hậu Nghệ càng ngày càng hung bạo, hay tàn sát dân chúng mỗi khi kéo binh dẹp loạn, Hằng Nga khuyên nhủ không được, ý muốn thoát ly, tìm cách lấy trộm thuốc trường sanh của Hậu Nghệ, uống vào thành Tiên, bay lên ở trên mặt trăng cùng con thỏ ngọc và con thềm thừ. Hậu Nghệ tức giận, lấy cung thần ra bắn lên mặt

trăng ba phát, bị Nguyệt Lão thâu hết. Sau đó, Hậu Nghệ bị dân chúng nổi lên giết chết.

Hằng sanh

恆生

A: Immortal.

P: Immortel.

Hằng: Tên một quẻ trong Kinh Dịch, ý nói: thường có, giữ được lâu dài. **Sanh:** sống.

Hằng sanh là hằng sống, sống hoài không chết.

Hằng sanh đồng nghĩa: Trường sanh, bất tử.

Cõi thiêng liêng hằng sống: Cõi của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Con đường hằng sanh: Con đường đi lên cõi thiêng liêng hằng sống.

TTCĐDTKM: Mẹ đem con đến tận đường *hằng sanh*.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Hằng tâm

恆心

A: The constant good heart.

P: Le bon coeur constant.

Hằng: Tên một quẻ trong Kinh Dịch, ý nói: thường có, giữ được lâu dài. **Tâm:** lòng dạ.

Hằng tâm là cái tâm tốt đẹp không thay đổi của con người trước những biến chuyển của cảnh đời.

Hằng tâm cũng có nghĩa là lòng tốt sẵn có thường tồn của con người. Đó là cái bản tâm do Trời phú cho.

TNHT: Mấy anh nên lấy đó làm phép *hằng tâm* thì bước vinh diệu thiêng liêng không lạc nẻo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HẤP

Hấp hối

A: To be in the agony.

P: Être à l'agonie.

Hấp hối là tình trạng sắp chết vì bệnh hoạn.

Trong những gia đình người Đạo Cao Đài, khi có người đau nặng gần chết thì thân nhân phải đến báo cho Bàn Trị Sự biết để Bàn Trị Sự đến sắp đặt công việc, khi hấp hối thì đồng nhi đến tụng Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối. (Xem chi tiết nơi chữ: Cầu Hồn, vần C).

HẦU

HẦU

1. **HẦU:** Đứng đầu chực kể một bên.
Td: Hầu chung, Hầu đàn.
2. **HẦU:** Gần, sắp.
Td: Hầu kê, Hầu măn.

Hầu chung

A: The bell-ringer.

P: Le sonneur.

Hầu: Đứng đầu chực kể một bên. **Chung:** cái chuông.

Hầu chung là người được sắp đặt đứng kể bên cái chuông, có phận sự đánh chuông làm hiệu trong nghi tiết cúng đàn nơi Thánh Thất hay Điện Thờ.

TNHT: Đánh chuông, phải sắp đặt cho có một vị đứng hầu chung cho sẵn.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hầu đàn

A: To assist at a ceremony.

P: Assister à une cérémonie.

Hầu: Đứng chầu chực kể một bên. **Đàn:** một đàn cúng nơi Thánh Thất hay Điện thờ. Có Tiểu Đàn và Đại Đàn.

Hầu đàn là khoan tay đứng hầu trong một đàn cúng.

TNHT: Vì vậy mà Lý Thái Bạch định cho làm đại lễ nơi Thánh Thất Cầu Kho cho các môn đệ có thể *hầu đàn* đủ mặt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hầu kê

A: Near to, close to.

P: Près de, proche de.

Hầu: Đứng chầu chực kể một bên. **Kê:** kể bên.

Hầu kê là gần kể bên, không còn xa nữa.

TNHT: Hiện nay vì thế gian rất hung bạo nên thời kỳ tận diệt đã *hầu kê*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hầu mãn

A: On the point of end.

P: Sur le point de fin.

Hầu: Đứng chầu chực kể một bên. **Mãn:** hết.

Hầu mãn là gần hết.

Hạ ngưng hầu mãn là thời kỳ Hạ ngưng sắp hết.

TNHT: Đạo Trời mở ra cho một nước tất là ách nạn của nước ấy *hầu mãn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hầu thiếp

A: The concubine. P: La concubine.

Hầu: Đứng chầu chực kể một bên. **Thiếp:** vợ lẽ.

Hầu thiếp là vợ lẽ để hầu hạ kẻ bên.

TL: Thê Luật, Điều 9: Cấm người trong Đạo, từ ngày ban hành luật này về sau, không được cưới *hầu thiếp*.

TL: Tân Luật.

HẬU

HẬU

1. **HẬU:** 後 Sau, đời sau, phía sau.
Td: Hậu điện, Hậu lai, Hậu thế.
2. **HẬU:** 后 Vua, vợ vua.
Td: Hậu thổ.
3. **HẬU:** 厚 Dày dặn, tốt.
Td: Hậu đãi, Hậu ý.

Hậu duệ

後裔

A: The descendants.

P: Les descendants.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Duệ:** con cháu đời sau.

Hậu duệ là các con cháu đời sau.

Hậu đãi

厚待

A: To treat well.

P: Bien traiter.

Hậu: Dày dặn, tốt. **Đãi:** đối xử.

Hậu đãi là đối xử với tình nghĩa dày dặn, tốt đẹp.

Hậu điện

後殿

A: The building at the back of Buddha-Mother's Temple.

P: Le bâtiment postérieur du Temple de Bouddha-Mère.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Điện:** ý nói Điện thờ Phật Mẫu.

Hậu điện là cái nhà cất phía sau Báo Ân Từ hay Điện thờ Phật Mẫu, dùng làm nơi làm việc hay nơi hội họp của Ban Cai quản. Trong Hậu điện có lập bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ chung (Ông Bà chung).

Thiên phong đường cất phía sau Thánh Thất cũng còn được gọi là Hậu điện Thánh Thất.

Ở địa phương, Hậu điện thường được xây cất nối liền Đông Lang và Tây Lang, tạo thành một kiến trúc hình chữ U.

Hậu hậu vô chung

後後無終

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Vô:** không. **Chung:** hết.

Hậu hậu vô chung là mãi mãi về sau, không dứt.

Một thành ngữ tương tự nói về thuở trước:

Tiền tiền vô thủy: mãi mãi về trước, không có khởi đầu.

Hai thành ngữ trên ghép lại là: "*Tiền tiền vô thủy, hậu hậu vô chung*", thường được nói vắn tắt là: Vô thủy vô chung: nghĩa là không có khởi đầu, không có chấm dứt.

Hậu hối mạc cập

後悔莫及

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Hối:** hối hận. **Mạc:** không. **Cập:** kịp.

Hậu hối mạc cập: Sau này hối hận thì không kịp, ý nói: Khi hối hận thì đã muộn.

Hậu kế vô nhân

後繼無人

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Kế:** tiếp nối. **Vô:** không.
Nhân: người.

Hậu kế vô nhân: Không người nối tiếp sự nghiệp về sau.

Hậu lai

後來

A: Future.

P: Futur.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Lai:** tới, đến.

Hậu lai là đến sau, chỉ thời gian sắp tới, tương lai.

KTKVTH: Giữ bền danh nghiệp vĩnh tồn *hậu lai*.

Hậu lai cư thượng: Đến sau mà ở trên, ý nói: Người trẻ tuổi tài giỏi được đưa lên làm những chức vụ cao xứng đáng.

KTKVTH: Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.

Hậu sanh khả úy

後生可畏

A: The posterity is fearful.

P: La posterité est à craindre.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Sanh:** sanh ra. **Khả:** khá, đáng. **Úy:** sợ.

Hậu sanh khả úy là kẻ sanh sau đáng sợ.

Bởi vì thế hệ sau khôn ngoan tiến bộ hơn thế hệ trước. Chính sự khôn ngoan đó làm cho thế hệ sau không giữ được nề nếp đạo đức và sự chơn thật như thế hệ trước, đó mới là điều đáng sợ.

Trong truyện Thần đồng Hạng Thác vấn Đức Khổng Tử, Hạng Thác dùng lời lẽ của người biện sĩ làm cho Đức Khổng Tử không thể đối đáp được. Đức Khổng Tử buồn, tỏ bày tâm sự với học trò là Tử Lộ. Tử Lộ ra ngoài nói với các bạn:

Thầy ta bảo: *Hậu sanh khả úy*. Không phải là sợ kẻ sanh sau tài giỏi hơn mình, mà chỉ sợ họ làm sai lạc chánh lý bằng ngoa ngôn vị lợi đó thôi.

Hậu sự

後事

A: The funeral.

P: Les funérailles.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Sự:** việc.

Hậu sự là công việc sau khi chết. Ý nói: Đám tang.

Hậu tấn (Hậu tiến)

後進

A: Posterity, young generations.

P: Postérité, jeunes gens.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Tấn** hay **Tiến:** đi tới.

Hậu tấn hay Hậu tiến là lớp người đi sau.

Đó là lớp người trẻ đang sức hoạt động, sẽ tiến lên thay thế lớp người trước đã từ từ già nua theo thời gian.

TNHT: Gương sáng phước Trời soi *hậu tấn*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hậu thế

後世

A: Future generations.

P: Générations futures.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Thế:** đời.

Hậu thế là đời sau, ý nói những thế hệ nối tiếp theo sau.

TNHT: Nêu danh *hậu thế* tiếng bền dai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hậu thổ

后土

A: Genius of earth.

P: Génie du sol.

Hậu: Vua, vợ vua. **Thổ:** đất.

Hậu Thổ là vị Thần cai quản đất đai của một nước, là vua của các vị Thổ Thần.

Thổ Thần là vị Thần cai quản một vùng đất nhỏ.

KHH: Nhờ *Hậu Thổ* xương tăn gìn giữ.

KHH: Kinh Hạ Huyệ.

Hậu thuẫn

後盾

A: The support.

P: Le support.

Hậu: Sau, đời sau, phía sau. **Thuần:** cái mộc để che đỡ.

Hậu thuẫn là lực lượng ủng hộ ở phía sau để làm mạnh thanh thế cho kẻ tiến lên phía trước.

Hậu ý

厚意

A: Good intent.

P: Intention généreuse.

Hậu: Dày dặn, tốt. **Ý:** ý kiến.

Hậu ý là ý kiến tốt.

HỆ

Hệ lụy

係累

A: To implicate.

P: Impliquer.

Hệ: buộc lại, liên hệ. **Lụy:** dính dấp tới.

Hệ lụy là vướng víu bó buộc.

Hệ phái

系派

A: The fraction of an association.

P: La fraction d'une association.

Hệ: ràng buộc. **Phái:** một nhánh, một ngành.

Hệ phái là một nhánh của một tổ chức hay một đoàn thể.

HI, HỈ

Hi, Hỉ

(Xem: Hy, Hỷ)

HIỀM

HIỀM

HIỀM: 嫌 Có điều không bằng lòng nhau đến mức ghét nhau.

Td: Hiềm nghi, Hiềm thù.

Hiềm nghi

嫌疑

A: The suspicion.

P: Le soupçon.

Hiềm: Có điều không bằng lòng nhau đến mức ghét nhau.

Nghi: ngờ vực.

Hiềm nghi, khi xưa nói là Hềm nghi, là ngờ vực vì ghen ghét nhau.

TNHT: Các con được tin cậy nhau, dùm dất nhau, nâng đỡ nhau mà phải hết sự *hiềm nghi* nhau theo thể tình.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hiềm thù

嫌讎

A: To hate.

P: Haïr.

Hiềm: Có điều không bằng lòng nhau đến mức ghét nhau.

Thù: giận ghét sâu sắc.

Hiềm thù là giận ghét thù hằn.

TNHT: Thay vì làm cho sanh linh thương mến dùm dất nhau, lại làm cho chúng sanh càng *hiềm thù* nhau.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HIỀM

Hiềm chi

A: Several.

P: Plusieurs.

Hiềm: ít có, thiếu. **Chi:** gì.

Hai từ ngữ "Chi" và "Gì" khi dùng sau một từ ngữ khác là để biểu thị ý phủ định, tức là bác bỏ ý nghĩa của từ ngữ trước.

Hiếm chi là hiếm gì, thiếu gì, tức là không hiếm, không thiếu, nghĩa là nhiều.

Td: Hiếm chi bực Thánh bị đầy: có nhiều vị Thánh bị đầy.

TNHT: *Hiếm chi* bực Thánh bị đầy vào chốn trần ai khổ nhọc, chìm đắm nơi bến khổ sông mê,...

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HIÊN

Hiên Viên Huỳnh Đế

軒轅黃帝

Huỳnh Đế hay Hoàng Đế (2697-1596 trước TL) là một vị Thánh vương của nước Tàu vào thời thượng cổ. Ngài được sanh ra ở gò Hiên Viên, nên gọi Ngài là Hiên Viên Huỳnh Đế. (Xem chi tiết nơi chữ: Tam Hoàng - Ngũ Đế, và T)

Bài Thái hiến lễ Đức Phật Mẫu trong Lễ Hội Yên DTC:

Cửu Kiếp *Hiên Viên* thọ sắc Thiên,

HIỀN

HIỀN

HIỀN: 賢 Có 3 nghĩa tùy trường hợp:

1. **HIỀN:** Người có tài năng và đức hạnh hơn người.
Td: Hiền hơn, Hiền sĩ, Hiền triết.
2. **HIỀN:** Tiếng dùng với ý tôn trọng trong xã giao, hoặc với ý yêu mến thân thiết.
Td: Hiền đồ, Hiền hữu, Hiền huynh.
3. **HIỀN:** Lành, có đức tốt.
Td: Hiền đức, Hiền ngộ.

Hiền đồ

賢徒

A: Dear disciple.

P: Cher disciple.

Hiền: Tiếng dùng với ý tôn trọng trong xã giao, hoặc với ý yêu mến thân thiết. **Đồ:** học trò.

Hiền đồ là học trò thân mến.

TNHT: Trung, *hiền đồ*, trương Thiên phục lên cho Thầy trấn Thần, con đặng phép mặc hầu Thầy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hiền đức

賢德

A: Kind and virtuous.

P: Bon et vertueux.

Hiền: Lành, có đức tốt. **Đức:** đạo đức.

Hiền đức là hiền lành và có đạo đức.

Ông Kê Khang có nói rằng:

Hung hiểm chi hơn, kính nhi viễn chi,

Hiền đức chi hơn, thân nhi cận chi.

Nghĩa là:

Đối với kẻ hung dữ hiểm độc, nên kính mà xa lánh,

Đối với người hiền đức, nên thân thiết mà gần gũi.

TNHT:

Ức lòng dễ tỏ đặng cùng ai,

Hiền đức mà sao chịu khổ hoài?

Lão nói tỏ tường cho đó hiểu,

Cũng là vay trả, luật xưa nay.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hiền hiền

賢賢

A: Talented and virtuous.

P: Talentueux et vertueux.

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. có đức hạnh và tài năng. **Hiền:** Lành, có đức tốt.

Hiền hiền là tài giỏi và hiền lành.

KTT: Sanh sanh là phận, *hiền hiền* là công.

KTT: Kinh Tẩm Thánh.

Hiền huynh - Hiền tỷ - Hiền đệ - Hiền muội

賢兄 - 賢姊 - 賢弟 - 賢妹

A: Reverend brother - Reverend sister - Dear younger brother - Dear younger sister.

P: Révérend frère - Révérende soeur - Cher petit frère - Chère petite soeur.

Hiền: Tiếng dùng với ý tôn trọng trong xã giao, hoặc với ý yêu mến thân thiết. **Huynh:** anh. **Tỷ:** chị. **Đệ:** em trai. **Muội:** em gái.

Hiền huynh là tiếng gọi người anh với ý kính trọng.

Hiền tỷ là tiếng gọi người chị với ý kính trọng.

Hiền đệ là tiếng gọi em trai với ý thân mật.

Hiền muội là tiếng gọi em gái với ý thân mật.

Hiền hữu

賢友

A: Good friend.

P: Bon ami.

Hiền: Tiếng dùng với ý tôn trọng trong xã giao, hoặc với ý yêu mến thân thiết. **Hữu:** bạn.

Hiền hữu là tiếng gọi người bạn với lòng quý trọng.

Hiền lương

賢良

A: Talented and virtuous.

P: Talentueux et vertueux.

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. **Lương:** tốt, lành.

Hiền lương là tài giỏi và tốt lành.

TNHT: Nhỏ dại Thầy nuôi mùi đạo hạnh,
Lớn khôn bầy xứng mặt *hiền lương*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hiền minh Thánh trí

賢明聖智

A: Saint and sage.

P: Saint et sage.

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. **Minh:** sáng. **Trí:** khôn ngoan hiểu biết.

Hiền ở đây có nghĩa là bực Hiền, dưới bực Thánh. Thường nói các bực Thánh Hiền, bực Thánh trước Hiền xưa.

Hiền minh Thánh trí là các bực Thánh Hiền sáng suốt và khôn ngoan hiểu biết.

Hiền ngộ

A: The good-natured man.

P: Bonhomme.

Hiền: Lành, có đức tốt. **Ngộ:** cho được, tiếng ước về sau.

Hiền ngộ là người hiền lành đạo đức.

TNHT: *Hiền ngộ* rủi sanh đời bạo ngược.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hiền Nhơn

賢人

A: Virtuous and talented man.

P: Homme vertueux et talentueux.

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. **Nhơn:** người.

Hiền Nhơn có 2 nghĩa sau đây:

1. Nghĩa thông thường: Hiền nhơn là người hiền, tức là người có tài năng và đạo đức hơn người.

Thường nói: Hiền nhân quân tử.

2. Bên CQPT: Hiền Nhơn là một phẩm Chức sắc cao cấp trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT.

Hiền Nhơn ở dưới phẩm Thánh Nhơn và trên phẩm Chơn Nhơn, đối phẩm với Phối Sư của CTĐ.

Chức sắc của CQPT từ phẩm Hiền Nhơn trở lên, phải rời CQPT để qua HTĐ, có nhiệm vụ bảo tồn Chơn pháp. Do đó, phẩm Hiền Nhơn phải do cơ bút của Đức Hộ Pháp giáng phong mới được.

Đạo phục của Hiền Nhơn:

Khi đi châu lễ Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh: Hiền Nhơn mặc áo tràng trắng, choàng ngang vai một Dây Sắc Lịnh màu vàng, bỏ mối qua tay mặt (thể Đạo), trên Dây Sắc Lịnh có gắn khêu bài đề chữ Hiền Nhơn bằng quốc tự, đầu đội khăn đóng màu vàng 9 lớp chữ nhứt, chơn đi giày bố trắng.

Trong Đoàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh đêm 1-12-Nhâm Tý (dl 4-1-1973), hồi 20 giờ, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ phong cho hai vị Chơn Nhơn: Nguyễn Văn Phú và Lê Văn Trung, có đủ công nghiệp thăng lên phẩm Hiền Nhơn.

Trước đó, Đức Phạm Hộ Pháp cũng có truy thăng Chơn Nhơn Trịnh Phong Cương tử nạn vì Đạo ngày 12-5-Đinh Dậu (dl 9-6-1957) lên phẩm Hiền Nhơn.

Vậy, **CQPT có 3 vị Hiền Nhơn đầu tiên là:**

1. **Hiền Nhơn Trịnh Phong Cương (1882-1957).**

2. **Hiền Nhơn Nguyễn Văn Phú (1890-1976):** Ngài sanh tại Đông Hòa Hiệp, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, qui vị ngày 10-10-Bính Thìn (dl 30-11-1976) tại Tòa Thánh Tây Ninh.
3. **Hiền Nhơn Lê Văn Trung (1902-1976)** (Xem tiểu sử ngay kế dưới)

Hiền Nhơn Lê Văn Trung (1902-1976):

Sau đây, xin chép lại Bản Tuyên Dương Công Nghiệp của Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung để làm Tiểu sử của Ngài.

BẢN TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP

của Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung được Ngài Hiến Đạo HTĐ, Thống Quản Phước Thiện, đọc tại Giảng Đài Đền Thánh lúc 9 giờ ngày 20-1-Bính Thìn (dl 19-2-1976) sau khi hành pháp Độ Thăng.

Kính Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện,

Kính chư Chức sắc Thiên phong, Chức việc, các Ban Bộ và toàn Đạo Nam Nữ,

Tôi Nhơn danh Hiến Đạo HTĐ, Thống quản Hội Thánh Phước Thiện, tuyên dương công nghiệp của Hiền Nhơn Lê Văn Trung, khi sanh tiền, Ông hành đạo, ngày hôm nay đã quá cố.

Lai lịch: Ông Lê Văn Trung sanh năm Nhâm Dần (1902), nguyên quán tại Hương Đạo Phú Mỹ, Tộc Đạo Bến Tranh, Châu Đạo Mỹ Tho, hiện cư ngụ tại Hương Đạo Thái Hiệp Thạnh, Tộc Đạo Phú Khương, Châu Thành Tây Ninh, nơi nhà lễ giáo Nho phong, thật hành Nhơn đạo, học lực Việt ngữ được thông minh trí tuệ.

Phần Công nghiệp: Sớm nghe Đại Đạo hoằng khai, nhập môn ngày 26-5-Đinh Mão (1927) tại Thánh Thất Phú Mỹ, Mỹ Tho, tùng luật pháp Chơn truyền Đại Đạo lo tu hành, làm lãnh lán dữ, được sự tín nhiệm của toàn đạo nơi Hương, đồng công cử Ông lên chức Phó Trị Sự, lo tròn trách nhiệm.

■ Năm Mậu Thìn (1928), ngày 15 tháng Giêng, giữ trai giới trường trai. Ngày 15 tháng 7 nhập Minh Thiện Đoàn. Đoàn này

do Đức Lý Giáo Tông giáng cơ lập ra dạy đạo, Ông Đinh Công Trứ làm chủ đàn, Ông xin nghĩ chức Phó Trị Sự.

■ Năm Kỷ Ty (1929), ngày 3 tháng Giêng, Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ lập Đồng Nghĩa Đường tại nhà Ông để nhận sanh đến lập thế vào Minh Thiện Đàn, dựng lập cơ sở giúp Đạo. Đến ngày 15 tháng 2, nhận sanh nhập Minh Thiện Đàn dựng 3400 người, lập 36 Ty, mỗi Ty có 3 Sở Lương điền hoặc Công nghệ, trong 5 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Vĩnh Long, Long Xuyên, và Châu Đốc.

Ngày 22 tháng 2, Đức Hộ Pháp ở Thủ Đức xuống tại Thánh Thất Phú Mỹ. Đức Lý giáng cơ giao Minh Thiện Đàn cho Đức Hộ Pháp điều khiển. Đức Ngài cho lệnh mời đêm 28 dựng Đức Ngài hành pháp cân thần, hiện diện được 93 vị.

Trưa ngày 29, lúc 11 giờ, dựng tin nhà Bưu Điện cho hay Đức Cao Thượng Phẩm đau nặng, Đức Ngài tuyển chọn trong 93 vị cân thần dựng 24 vị, dạy mời 24 vị 7 giờ tối phải có mặt cả gia đình dựng thọ "Đào Viên Pháp", trong 24 vị có ông Trung, còn lại bao nhiêu, Đức Ngài hẹn khi khác sẽ hành pháp. Sáng ngày 30, Đức Ngài ra xe về Tòa Thánh.

Ngày 10 tháng 6, Đức Ngài và Đức Quyền Giáo Tông cùng đi xuống Thánh Thất Phú Mỹ, cân thần thêm những người Minh Thiện Đàn, kỳ này ở 7 ngày, cân thần 647 người, chỉ lựa dựng 48 người.

Sáng ngày 18, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh.

Soạn lại hai kỳ cân thần, tuyển dựng 72 người.

Khi cúng Lễ Trung Nguơn xong, Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông chứng giấy cho đi hành thiện, dựng cho toàn đạo ở Miền Tây hay biết, mấy vị Chức sắc cao cấp tách ra lập Chi phái, nếu vị Đạo hữu nào muốn hành đạo nơi Tòa Thánh thì biên tên vào danh sách.

Riêng Ông với Ông Đinh Công Trứ đi hai tỉnh Rạch Giá và Long Xuyên, còn hai tỉnh Mỹ Tho và Tân An cứ lưu hành.

Trong thời gian đi hành thiện, 72 người, ai hành đạo theo địa phương nấy, cho đến cuối năm Kỷ Ty (1929), làm sổ thống kê tất cả dựng 17.400 người.

■ Năm Canh Ngọ (1930), đặc lệnh trở về lo vận động hành lý và gạo lúa cho anh em ở Tòa Thánh đi làm 1000 công ruộng tại núi Sập, Long Xuyên. Sau khi về lo việc làm ruộng xong, cứ thay phiên nhau đi trong hai tỉnh Mỹ Tho và Tân An.

■ Năm Tân Mùi (1931), đặc lệnh Đức Phạm Hộ Pháp bổ trách nhiệm Chủ Sở Giang Tân, đặng lo kiến tạo cơ sở.

■ Năm Nhâm Thân (1932), đời Pháp thuộc, chánh phủ làm khó dễ ngăn đón đủ mọi phương, nhưng Ông vẫn tận tâm len lỏi lo giúp đạo.

■ Năm Ất Hợi (1935), ngày 15 tháng 10, đặc phong Lễ Sanh Giáo Thiện.

■ Năm Đinh Sửu (1937), lãnh trách nhiệm Đầu Hộ Phước Thiện Gia Định, Đạo Nghị Định số 48/NĐ ngày 16 tháng giêng.

■ Năm Mậu Dần (1938), được bổ Đầu Hộ Phước Thiện Tây Ninh, Nghị Định số 181/NĐ ngày 2 tháng 7.

■ Năm Kỷ Mão (1939), ngày mùng 4 tháng 10, kiêm nhiệm Thủ Bồn HTĐ.

■ Năm Canh Thìn (1940), lãnh trách nhiệm đi quan sát các Hộ Đạo Phước Thiện, Nghị Định số 284/NĐ ngày mùng 8 tháng 11.

■ Năm Tân Ty (1941), lãnh trách nhiệm Đầu Hộ Phước Thiện Mỹ Tho, Nghị Định số 04/NĐ ngày 20 tháng Giêng. Đến tháng 6 Đức Phạm Hộ Pháp bị đồ lưu, tháng 10 nhà cầm quyền Pháp ra lệnh cấm, những người đứng bộ tỉnh nào thì về tỉnh đó ở, không đặng ở Tây Ninh nữa. Vì tình thế khó khăn, Ông trở về Sài Gòn ở, lâu lâu đi xuống Hộ Đạo một lần.

■ Năm Quý Mùi (1943), Ông hợp tác hãng tàu Nittinan, cộng sự chung với quý Chức sắc lo cơ chuyển thế. Lúc này nhà binh Pháp chiếm Tòa Thánh làm trại lính.

■ Năm Ất Dậu (1945), ngày 25 tháng Giêng (dl 9-3-1945), cuộc đảo chánh Pháp thành công, tháng 8 rước Đức Phạm Hộ Pháp về Tòa Thánh.

■ Năm Bính Tuất (1946), Đại Hội Phước Thiện cầu thăng được vào phẩm Chí Thiện, toàn hội dâng tờ xin thăng cho Ông lên phẩm Đạo Nhơn, Ông không dám nhận. Kế đặc lệnh bổ

nhệm làm Khâm Châu Phước Thiện tại Sài gòn, Thánh Lệnh số 28/TL ngày 18 tháng Giêng.

■ Năm Đinh Hợi (1947), lãnh trách nhiệm Cai quản Trường Qui Thiện, Thánh Lệnh số 84/TL ngày 18 tháng 5.

■ Năm Mậu Tý (1948), lãnh trách nhiệm Trưởng ban Kinh Tế Lý Tài, sắc tứ số 606/ST ngày 8 tháng 7.

■ Năm Canh Dần (1950), đặc lệnh kiêm ban Trấn định nhơn tâm toàn đạo do Ngài Tiếp Pháp làm Trưởng ban, Thánh Lệnh số 347/TL ngày 27 tháng 6.

■ Năm Tân Mão (1951), lãnh trách nhiệm Hội viên Hội Đồng Tối Cao, Thánh Lệnh số 416/TL ngày 4 tháng 7.

■ Năm Giáp Ngọ (1954), lãnh thêm trách nhiệm Hội Viên Hội Đồng miễn dịch thanh niên Cao Đài, do Ngài Tiếp Pháp làm Trưởng Ban.

■ Năm Bính Thân (1956), Hội Thánh xét vì Ông đã dày công với Đạo, đủ điều kiện xứng đáng thăng thưởng vào phẩm Đạo Nhơn, Thánh Lệnh số 15/TL ngày 25 tháng 11.

■ Năm Đinh Dậu (1957), đặc lệnh Hội Thánh HTĐ tuyên bố trách nhiệm Chưởng quản CQPT, Đạo Lệnh số 09/ĐL ngày 7 tháng 6.

■ Năm Canh Tý (1960), được thăng lên phẩm Chơn Nhơn, Đạo Lệnh số 03/ĐL ngày 13 tháng 11.

■ Năm Tân Sửu (1961), lãnh phận sự Cố Vấn Phước Thiện, kiêm Quản Văn phòng Khai Đạo HTĐ, Huấn Lệnh số 30/HL ngày 10 tháng 3 (dl 24-4-1961).

■ Năm Nhâm Dần (1962), lãnh trách nhiệm Tổng quản Văn phòng Tiếp Pháp, Thống quản Tam Vụ: Hòa, Lại, Lễ.

■ Năm Giáp Thìn (1964), trách nhiệm Chưởng quản Phước Thiện, thay thế Chơn Nhơn Nguyễn Văn Phú.

■ Năm Nhâm Tý (1972), chiếu Thánh Giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm mừng 1 tháng Chạp (dl 4-1-1973), Đức Phạm Hộ Pháp thăng thưởng vị Chơn Nhơn Lê Văn Trung lên phẩm Hiền Nhơn, Thánh Lệnh số 07/TL ngày 8 tháng chạp năm Nhâm Tý (dl 11-1-1973).

■ Năm Quý Sửu (1973), lãnh trách nhiệm Cố Vấn HTĐ, kiêm nhiệm Chưởng quản Hội Thánh Phước Thiện Nam phái, Sắc Lệnh số 04/SL ngày 11-6 (dl 10-7-1973) cho đến nay.

Ôi! Người sanh nơi thế này đều phải thọ Tứ khổ là Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

Ngày Ông ngoại bệnh cũng thông thường, nhưng vì tuổi cao sức kém, biến chứng nội thương, có đi bệnh viện Sài Gòn, bác sĩ chuyên khoa điều trị có trên thảng trường, nhưng không thuyên giảm, như khuôn thuyền chở khẳm, cả gia đình đều lo sợ, xin chở về nhà.

Nào hay đâu, Thiên số nan đào, Ông trút hơi thở cuối cùng lúc 19 giờ 15 phút ngày 17 tháng Giêng năm Bính Thìn (dl 16-2-1976) tại tư gia.

Tuy sự mất còn là do định mệnh của Đức Chí Tôn, nhưng đối với kiếp sanh của con người có giới hạn, sao khỏi đau lòng lúc tử biệt sanh ly, dầu bậc nào đi nữa, cũng không khỏi rơi châu đổ lệ.

Thánh xưa có câu: Sanh ký tử qui, sống gởi thác về, là lẽ dĩ nhiên Thiên định.

Trước khi dứt lời Tuyên dương, kính chư Chức sắc, chư Chức việc, các Ban Bộ và toàn đạo Nam Nữ, đồng hướng về BQĐ, thành tâm cầu nguyện cho linh hồn Ông Hiền Nhơn Lê Văn Trung được hưởng pháp siêu thăng về Thiên cảnh, an nhàn nơi cõi thọ.

Nay kính.

HIẾN ĐẠO HTĐ
Thống Quản Phước Thiện
(ấn ký)
PHẠM VĂN TƯƠI

Sau đây xin trích vài đoạn trong các bài Điều văn, nhắc lại công nghiệp của Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung.

*** Trích Điều văn của Hội Thánh Phước Thiện:**

"Có lẽ toàn đạo còn nhớ, năm Kỷ Ty (1929), tại Tòa Thánh Tây Ninh lúc bấy giờ, cơ đạo chính nghiêng chia phe phân phái, thì tại Thánh Thất Khổ Hiền Trang, Phú Mỹ, Đức Phạm

Hộ Pháp điều khiển Minh Thiện Đoàn, giao phó cho Đại huynh cùng Ông Cố Đốc Trường Đình Công Trứ, với 72 người trong Minh Thiện Đoàn, có sứ mạng, Đức Hộ Pháp bổ nhiệm cho đi hành thiện khắp trong Lục tỉnh Nam Kỳ, để trấn tĩnh nhơn tâm bốn Đạo và đem được một số tín hữu trở về Tòa Thánh, tổng số thống kê cuối năm Kỷ Tỵ đặng 17.400 người.

Năm Ất Hợi (1935), ngày Rằm tháng 10, Đại huynh được Đức Lý Giáo Tông chấm phong Lễ Sanh Giáo Thiện, được Đức Phạm Hộ Pháp tuyên bổ trách nhiệm Đào Hộ Đạo Phước Thiện các tỉnh Gia Định, Tây Ninh, Mỹ Tho, để lo khai mở CQPT, hầu đem huê lợi về tạo tác Tòa Thánh và các dinh thự trong Nội Ô Thánh địa, ngày nay được nguy nga đồ sộ, ấy cũng một phần công cán của Đại huynh đáng kể.

Qua năm Đinh Dậu (1957), cầm quyền Chưởng quản PT, lo phổ hóa nhơn sanh, khuếch trương các cơ sở địa phương, cùng kiến tạo nghiệp đạo Phước Thiện tại Trung Ương Tòa Thánh được tốt đẹp, diu dắt anh chị em tiến bước trên trường thi công quả của Đức Chí Tôn, hầu thực hành cơ cứu khổ.

Trải qua nhiều giai đoạn gay go thử thách, nhưng Đại huynh tâm không đổi, chí chẳng dời, một lòng nhất quyết giữ lập trường Phước Thiện, hầu diu dắt đàn em đến nơi bí ngạn."

*** Trích Ai Điều của Đại diện Thệ hữu Phạm Môn:**

"Về Tiểu sử và công nghiệp, Hội Thánh đã biểu dương nơi Đền Thánh, nên xin miễn lập lại. Đây tôi xin trích lược đôi điều trọng yếu để tỏ nỗi niềm trong tinh Thệ hữu trên 45 năm theo thầy học đạo, dưới mái Đạo trường, đồng chung khổ hạnh, chịu đủ điều cay đắng ngọt bùi, hiệp sức chung tâm đắp xây đạo nghiệp.

Nguyên Thệ huynh đây, hồi năm Mậu Thìn (1928) được tin Đức Phạm Hộ Pháp từ Tòa Thánh đến Thủ Đức và sẽ ở nơi đây để lo về Đạo sự, Thệ huynh liền tìm đến yết kiến Đức Phạm Hộ Pháp và xin thỉnh Đức Ngài đến Phú Mỹ (Mỹ Tho) để tìm phương hoằng hóa nền Chánh giáo.

Khi Đức Hộ Pháp đến Phú Mỹ thì ở tại nhà của Thệ huynh, bốn đạo hay tin có Đức Hộ Pháp đến, nên rủ nhau tụ lại để nghe Đức Ngài giảng dạy về Giáo lý và hạt Thánh cốc Minh

Thiện Đàn cũng bắt đầu gieo rải từ đây. Mãi đến ngày 28 tháng 9 năm Tân Mùi (1931), Đức Hộ Pháp mới làm lễ điểm đạo tức là Hồng Thệ tại Khổ Hiền Trang được 24 vị.

Một việc đáng lưu ý hơn nữa là vụ lấy ếm tại Khổ Hiền Trang. Nguyên hôm nọ, bất ngờ Đức Hộ Pháp đến tại Phú Mỹ cho Thệ huynh biết rằng: Đức Ngài vừa được các Đấng mách bảo là tại đây người ngoại bang ếm không cho nước Việt Nam xuất tướng, nên cần phải lấy cho được cái ếm này thì VN mới xuất hiện nhân tài. Liên trong đêm ấy, Đức Hộ Pháp chấp bút nhờ các Đấng thiêng liêng chỉ địa điểm, sáng ngày do Thệ huynh đây hướng dẫn đến địa điểm mà các Đấng đã chỉ, đào sâu xuống đất, lấy vật ếm là: 1 lưới kiếm và 6 con cò tướng.

Đến năm Bính Tý (1936), Thệ huynh thu xếp gia đình về Tòa Thánh hành đạo. Đức Phạm Hộ Pháp định cho Thệ huynh làm Thủ Bản cho Đức Ngài, quan trọng là sổ tài chánh tạo tác Đền Thánh thuở đó đều do Thủ Bản này thu và xuất.

Đến năm Bính Thân (1956), Đức Phạm Hộ Pháp xuất ngoại sang Miên quốc, con thuyền đạo gặp cơn gió dập sóng dồi, Thệ huynh chẳng nệ hiểm nguy gian khổ, lãnh trọng trách lèo lái con thuyền Phước Thiện, nhờ khả năng Thiên phú thấy rộng hiểu xa, nên con thuyền vượt sóng trùng dương cập đến bờ giác ngộ và dìu dẫn đàn em tiến bước trên đường đạo đức."

Theo lời thuật lại của ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai, các tiền bối cho biết nguyên căn của Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung là Nhạc Phi đời nhà Tống bên Tàu tái kiếp, mà chơn linh của Nhạc Phi lại là Hộ Pháp Thần Kỳ gọi là Đại Bàng Kim Xí Minh Vương, hầu Đức Phật Tổ nơi Lôi Âm Tự cõi CLTG, vì phạm tội giết chết con dơi Nữ Thổ Bức vô phép trước mặt Phật, nên phải đầu kiếp xuống làm Nhạc Phi để trả quả.

Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung có người con trai trưởng nam là Lê Thanh Tông, làm chức Thiếu Tá Quân đội Cao Đài, bị tử trận ngày 26-4-1946, lúc còn rất trẻ, mới 27 tuổi. Đó chính là Nhạc Vân, con trưởng của Nhạc Phi, tái kiếp. Ông Lê Thanh Tông được truy thăng Đại Tá và đặc phong Thánh Tử Đạo.

Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung rất ít làm thơ. Chúng tôi sưu tập được một bài thơ của Ngài, đăng trong Bán Nguyệt san Thông Tin, số 58 trang 13, Ngài làm lúc Ngài còn ở phẩm Chơn Nhơn và được 69 tuổi.

TỰ THUẬT

*Sáu mươi chín tuổi, Đạo như Đồi,
Mây nước từng vui thú thánh thời.
Hành thiện dám đâu bì Mạnh Tử,
Chơn nhơn đã hẳn kém Nhan Hôi.
Nêu gương bác ái, sương pha tóc,
Tìm lẽ công bình, muối chát môi.
Tuổi hạc Trời cho tặng nếp sống,
Gieo truyền Phước Thiện khắp nơi nơi.*

CHƠN NHƠN Lê Văn Trung

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Hiền nhơn quân tử

賢人君子

A: The virtuous and talented man.

P: L'homme vertueux et talentueux.

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. **Nhơn:** **Nhân:** người. **Quân tử:** người có tài năng và đạo đức hơn người.

Hiền nhơn quân tử là chỉ chung các bậc trí thức có tài năng và đức hạnh hơn người.

Hiền sĩ

賢士

A: Virtuous and talented man.

P: Homme vertueux et talentueux.

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. **Sĩ:** người trí thức.

Hiền sĩ là người trí thức có đạo đức.

Hiền tài

賢才

A: **Virtuous and talented man.**

P: **Homme vertueux et talentueux.**

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. **Tài:** tài năng.

1. Hiền tài là người có tài năng và đức hạnh hơn người.

Trong nghĩa này, Hiền tài đồng nghĩa: Hiền sĩ, Hiền nhơn, Quân tử.

2. Hiền Tài là một phẩm Chức sắc của Ban Thế Đạo, trực thuộc chi Thế của HTĐ, do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra để phổ độ những nhân tài trí thức đang làm việc ở ngoài đời có cơ hội nhập vào cửa Đạo và lập công quả với Đạo.

Sau đó, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ lập thêm 3 phẩm đứng trên Hiền Tài là: Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử.

Hiền Tài đối phẩm với Lễ Sanh bên CTĐ.

Theo quyển Tang Lễ do Hội Thánh in năm 1976 có Đức Lý Giáo Tông phê chuẩn, phần chú thích in chữ nhỏ bên dưới:

"Khi Hiền Tài qui vị, nếu Hiền Tài có ăn chay mỗi tháng 10 ngày sắp lên, do Tờ chứng nhận của Bàn Trị Sự nơi đương sự cư ngụ, thì mới được Hội Thánh cho hành lễ theo nghi tiết của hàng phẩm Lễ Sanh. Còn vị Hiền Tài nào không có ăn chay hoặc ăn chay dưới 10 ngày mỗi tháng, khi qui vị, chỉ hành lễ Bạt Tiến mà thôi."

Đạo phục của Hiền Tài: Khi châu lễ Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng tại Tòa Thánh hay tại các Thánh Thất, Hiền Tài mặc áo tràng trắng, trước ngực có mang Cổ Pháp Giáo Tông, có thêm hai chữ HIỀN TÀI bằng quốc tự, đầu đội khăn đóng đen thường (7 lớp chữ Nhơn).

Theo Bảng Phúc Trình của Hội Ngành phái Thượng trong Đại Hội Nhơn Sanh năm Giáp Dần (1974) thì:

- Tổng số Hiền Tài được ân phong trong 5 khóa từ trước đến nay là: 770 vị.

- Đã nạp hồ sơ nhưng chưa được phong là: 424 vị.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hiền triết

賢哲

A: The sage, the philosopher.

P: Le sage, le philosophe.

Hiền: Người có tài năng và đức hạnh hơn người. **Triết:** sáng suốt, hiểu thấu cái lẽ tận cùng của sự vật.

Hiền triết là bậc cao minh đạo đức, hiểu thấu suốt về con người và sự vật.

Những nhà hiền triết lớn của nhơn loại: Lão Tử, Khổng Tử, Socrate, Platon, v.v...

HIẾN

HIẾN

1. **HIẾN:** 獻 Dâng lên.
Td: Hiến công, Hiến lễ.
2. **HIẾN:** 憲 Pháp luật.
Td: Hiến chương, Hiến pháp.

Hiến chương ĐĐTKPĐ

憲章

A: The constitutional charter of Caodaism.

P: La charte constitutionnelle du Caodaïsme.

Hiển: Pháp luật. **Chương:** bản văn.

Hiển chương là một bản văn ấn định pháp luật làm nền tảng cho việc hình thành một tổ chức với tất cả các mặt hoạt động của nó. Td: Hiến chương Liên Hiệp Quốc,...

Đạo Cao Đài, từ ngày khai đạo đến nay, có hai Hiến chương vào hai thời kỳ:

- Thời kỳ trước 1975: Hiến chương ngày 21-1-1965.
- Thời kỳ sau 1975: Hiến chương ngày 5-4-1997.

(Xem chi tiết về Hiến chương nơi chữ: Pháp nhân, vần P)

Hiển công

獻功

A: To offer a merit.

P: Offrir un mérite.

Hiển: Dâng lên. **Công:** nổi vất vả làm nên việc, công quả.

Hiển công là hiến dâng công quả.

TNHT: Các con gắng chung tâm xua trừc hết lũ vạ tà thì hiến công lớn cho Thầy đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hiển Đạo

獻道

A: Religious Renovator.

P: Rénovateur Religieux.

Hiển: Dâng lên. **Đạo:** tôn giáo.

Hiển Đạo là một phẩm trong Thập nhị Thời Quân HTĐ, thuộc Chi Đạo, dưới quyền trực tiếp của Đức Thượng Phẩm.

Theo **CGPCT:** Hiến Đạo khi đăng tờ chi của Khai Đạo dâng lên, tức cấp phải tìm biết căn nguyên cho rõ ràng, cấm không cho Hiến Đạo thông đồng cùng Hiến Pháp và Hiến Thế.

Sự chi đã vào tay Hiến Đạo rồi thì đã ra bí mật, dầu cho Chức sắc HTĐ cũng không đăng biết tới nữa.

Hiển Đạo phải dâng nội vụ cho Bảo Đạo.

Theo Hiến pháp HTĐ, trách nhiệm của Hiến Đạo là lo tìm kiếm những phương hay để hiến cho Đạo và truyền bá những tư tưởng cần ích cho Đạo.

Đạo phục của Hiến Đạo gồm hai bộ Đại phục và Tiểu phục, giống hệt Đạo phục của Bảo Đạo. (Xem Bảo Đạo).

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm Văn Tươi vào phẩm Hiến Đạo.

Sau đây là **Tiểu sử của Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi**:

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Hiển Đạo Phạm Văn Tươi (1897-1976)

Ngài Phạm Văn Tươi, sanh ngày 17-1-1897 (âi 15-12-Bính Thân) tại quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn thời bấy giờ.

Thuở thiếu thời, Ngài theo Tây học, sau khi đậu bằng Tiểu Học Pháp, Ngài thi đậu vào trường Sư Phạm (École Normale) thời đó, tốt nghiệp rồi được bổ về dạy học tại trường Tiểu Học Cần Giuộc, sau đó lên làm Hiệu Trưởng trường này. Về sau, Ngài được đổi về Sài Gòn dạy tại trường Pétrus Ký.

Hiền nội của Ngài là Bà Nguyễn Thị Quận, sanh năm 1899 tại làng Long Phụng, quận Cần Giuộc. Hai Ông Bà có được 7 người con, chỉ có một con trai, thứ tư tên là Phạm Duy Ninh, sanh năm 1925 và mất ngày 16-6-1990 tại Cần Giuộc.

Ngài Phạm Văn Tươi nhập môn vào Đạo Cao Đài năm 1926, và đắc phong vào phẩm Hiến Đạo HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927) khi Đức Chí Tôn lập PCT HTĐ.

Đầu năm 1926, Đức Chí Tôn mở rộng cơ phổ độ tại Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, nên cho thiết lập 6 Đoàn lệ để nhơn sanh nhập môn cầu Đạo, trong đó, Đoàn ở Tân Kim (Cần Giuộc) thiết lập tại nhà Ông Cựu Hội Đồng Địa Hạt Nguyễn Văn Lai.

Tại đàn này, quan Phủ Nguyễn Ngọc Tương và Ngài Lê Văn Lịch luân phiên chứng đàn, hai Ông Ca Minh Chương và Phạm Văn Tươi làm phò loan; còn việc sắp đặt thờ cúng có quý Ông Lê Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỷ và Võ Văn Kính.

Ngày 4-3-1933 (âi 9-2-Quý Dậu), Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Đức Phạm Hộ Pháp ra Đạo Nghị Định giao cho Ngài Thời Quân Hiến Đạo làm Quyền Chưởng Pháp CTĐ trong lúc CTĐ đang khuyết Chức sắc ở phẩm vị này.

Cuối năm Bính Tuất (1946), Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Hội Thánh Phước Thiện, có bổ nhiệm Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi làm Thống Quản Cơ Quan Phước Thiện.

Qua đầu năm 1947, Tết Đinh Hợi, Ngài trở về quê nhà ở Cần Giuộc, rồi vì thời cuộc nên Ngài bị kẹt luôn không trở lên Tòa Thánh hành đạo được.

Năm Kỷ Dậu (1969), Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi được giao nhiệm vụ Phó Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện Nam Nữ, theo Thánh Lệnh số 20/TL ngày 3-7-Kỷ Dậu (dl 15-8-1969) của Đức Cao Thượng Sanh, Chưởng quản HTĐ.

Năm Tân Hợi (1971), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức lên nắm Quyền Chưởng quản HTĐ, có ký Thánh Lệnh số 02/TL ngày 26-5-Tân Hợi (dl 18-6-1971), bổ nhiệm Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi vào các chức vụ, xin chép nguyên văn Thánh Lệnh này ra sau đây:

HIỆP THIÊN ĐÀI
Văn Phòng
Q. Chưởng Quản HTĐ

Số: 02/TL

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(*Tứ thập lục niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

HIẾN PHÁP
Quyền Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,
Chiếu Hiến pháp và Nội Luật HTĐ ngày 15-2-Nhâm Thân (dl 21-3-1932),

Chiếu Hiến pháp HTĐ ngày 8-Giêng-Giáp Thìn (dl 20-2-1964) và Hiến pháp bổ túc ngày 27-2-Ất Tỵ (dl 29-3-1965),

Chiếu Thánh giáo của Đức Hộ Pháp tại Cung Đạo Đền Thánh đêm mừng 6-5-Tân Hợi (dl 29-5-1971) chấp thuận việc công cử vị Thời Quân Hiến Pháp lên cầm quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài,

Chiếu Thánh Lệnh số 20/TL ngày mừng 3-7-Kỷ Dậu (dl 15-8-1969) của Đức Thượng Sanh giao cho Ngài Hiến Đạo nhiệm vụ Phó Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện Nam Nữ,

Chiếu Vi Bằng số 11/VB phiên nhóm ngày 24-4-Tân Hợi (dl 18-5-1971) của Hội Thánh HTĐ công cử Ngài Thời Quân Hiến Đạo lên cầm quyền Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện Nam Nữ thay thế cho Ngài Thời Quân Khai Đạo qua lãnh nhiệm vụ Chương quản Bộ Pháp Chánh, cuộc công cử này được sự chấp thuận của Đức Phạm Hộ Pháp do Thánh giáo đêm mừng 4-5-Tân Hợi (dl 27-5-1971) tại Giáo Tông Đường,

Chiếu Vi Bằng số 01/VB phiên nhóm ngày 25-5-Tân Hợi (dl 17-6-1971) Hội Thánh HTĐ đồng tình quyết nghị giao cho Ngài Thời Quân Hiến Đạo, ngoài nhiệm vụ Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện Nam Nữ, kiêm nhiệm luôn các cơ quan Tang Tế Sự thay thế Ngài Thời Quân Khai Đạo, nên:

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhất: Giao cho Ngài Thời Quân Hiến Đạo lãnh nhiệm vụ sau đây kể từ ngày ký tên Thánh Lệnh này:

- Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện Nam Nữ.
- Thống Quản các cơ quan Tang Tế Sự: Nhạc, Lễ, Giáo Nhi, Đồng nhi, Ban Tổng Trạo, Ban Truyền Bát Nhã.
- Thống Quản Trí Huệ Cung.
- Trưởng Ban Cứu Thương và Ban Phòng Hòa.

Điều thứ nhì: Thâu hồi Thánh Lệnh số 20/TL chiếu thượng không còn hiệu lực nữa.

Điều thứ ba: Ngài Thời Quân Hiến Đạo, Hội Thánh Lương Đài Hiệp Thiên Cứu Trùng Nam Nữ và Hội Thánh Phước

Thiện Nam Nữ, tùy nhiệm vụ thi hành và ban hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh , ngày 26 tháng 5 Tân Hợi.
(dl 18-6-1971)

Quyền Chương Quản HTĐ
HIẾN PHÁP Trương Hữu Đức
(ấn ký)

Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi lãnh nhiệm vụ hành đạo theo Thánh Lệnh kể trên từ ngày 26-5-Tân Hợi (1971) cho đến ngày liêu Đạo.

Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi đăng Tiên tại tư gia ở địa chỉ số 21 đường Lý Nam Đế, Quận 5, Sài Gòn, lúc 23 giờ đêm mùng 8-4 âl-Bính Thìn (dl 6-5-1976) [nhằm ngày vía Đức Phật Thích Ca và Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh], hưởng thọ 80 tuổi.

Ngài di chúc cho con cái an táng Ngài tại quê nhà ở xã Qui Đức, quận Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Vì tình hình Đạo Sự năm 1976 (sau khi Giải phóng miền Nam được một năm) có nhiều khó khăn, nên Hội Thánh cũng tuân theo di chúc của Ngài Hiến Đạo.

Hội Thánh cử Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa thay mặt Hội Thánh xuống tới gia đình của Ngài Hiến Đạo, đọc bài Điều văn tuyên dương công nghiệp của Ngài đối với Đạo và chia buồn cùng tang quyến. (Tài liệu của Cải Trạng Lê Minh Khuyên) Sau đây xin chép nguyên văn bài Điều văn này:

ĐIỀU VĂN

của Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, Quyền Chương quản HTĐ đọc trước phần mộ Cố Hiến Đạo Chơn Quân Phạm Văn Tươi, Thống Quản Hội Thánh Phước Thiện, ngày 11-4-Bính Thìn (dl 9-5-1976).

Kính Chư Chức sắc, Chức việc, Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện, và chư Tín hữu Nam Nữ,

Kính Quý Đại diện Chánh quyền Địa phương,

Kính Quý tang gia bửu quyến,

Kính Thân bằng cố hữu,

Kính Quý vị, Trước cảnh đau khổ của toàn đạo trong thời gian có mấy tháng, phải chịu đến ba cái đại tang trong hàng Thập nhị Thời Quân, trước là hai Anh lớn **Hiển Pháp** và **Khai Đạo**, và hiện nay lại đến phiên Anh lớn **Hiển Đạo Chơn Quân**, thì không có người đạo nào khỏi ngậm ngùi mẩn tiếc. Lễ ra Hội Thánh phải rước Thánh hài của Anh lớn Hiển Đạo về Tòa Thánh hành lễ theo hàng Thập nhị Thời Quân để tri ân một vị Chức sắc Đại Thiên phong có công lớn góp sức xây dựng nền Đại Đạo buổi sơ khai.

Nhưng với đức độ khiêm tốn và vì không muốn làm cực khổ và tổn hao cho Hội Thánh trong lúc Đạo đang gặp cảnh khó khăn. Anh đã di chúc xin để cho gia đình hành lễ đơn giản nơi quê nhà, nên Hội Thánh không thể làm trái ý muốn cuối cùng của người quá cố.

Vì vậy mà hôm nay, tôi xin thay mặt toàn Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện Nam Nữ cùng với một phái đoàn đại diện Hội Thánh tiễn đưa Anh lớn đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Đứng trước Thánh hài của Anh lớn, tôi xin nghiêng mình kính lễ, trước để tỏ lòng tri ân của toàn đạo đối với một bậc tiền bối đã dày công gây dựng nền Đại Đạo và cũng để lời chơn thành phân ưu cùng tang quyến.

Nhớ buổi xưa, với tài năng học lực của Anh lớn lúc thi đỗ ra trường, Anh có thể như bao nhiêu bạn khác, chọn một ngành nào đó có quyền thế hay lợi lộc nhiều, nhưng Anh lại chọn vào Ty Giáo Huấn là một ngành mà buổi đó tâm lý quần chúng thường coi rẻ và gán cho danh từ là nghề gõ đầu trẻ. Nhưng với một tinh thần cao thượng, một đức độ khó bì, một tấm lòng vị tha yêu ái đoàn hậu tấn, nên Anh đem hết kiếp sanh để đào tạo cho xứ sở đất nước những thanh niên ưu tú, trong số đó có nhiều vị đã từng tranh đấu giải ách nô lệ cho dân tộc, xây dựng một nước VN độc lập, dân chủ, hòa bình và thống nhất, và hiện nay đang lo kiến thiết tổ quốc được vinh quang và giàu mạnh.

Đang lúc Anh đang âm thầm làm một sứ mạng cao cả mà buổi ấy không ai nghĩ đến, thì vào năm 1926-1927, Đức Chí

Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến mở đạo ở VN thì do đại căn mà Anh được Đức Chí Tôn chọn đi phò loan chung với Cụ Ca Minh Chương, sau đắc phong Bảo Đạo và với Anh lớn Phạm Tấn Đãi, sau đắc phong Khai Đạo để phổ độ chúng sanh.

Nhận thấy huyền diệu thiêng liêng và đặc biệt tánh cách dân tộc và tinh thần hy sinh phục vụ nhơn sanh của nền Đại Đạo rất hợp với tánh đức yêu đời, yêu nòi giống của Anh, nên Anh cùng với các bậc tiền bối khác, không ngại gian lao khổ cực, ngày đi dạy học, tối lại thức sáng đêm đi khắp nơi phò loan phổ độ nhơn sanh. Chỗ xa thì đi xe, còn chỗ gần thì đi xe đạp hoặc đi bộ, hễ hết giờ làm việc thì lo ăn cơm gấp rút, rồi lo sửa sang nang thác lên đường cho đến sáng ngày hôm sau mới về nhà, tắm rửa xong, lại đến trường dạy học, như vậy năm này tháng nọ không bao giờ sờn lòng nãn chí.

Công đức đó không sao tả xiết và từ nay cho đến ngày sau, những ai núp bóng mát cửa từ bi của nền Đại Đạo, không bao giờ quên công to đó đặng.

Đến khi tuổi quá 70, lẽ ra Anh được an nghỉ tuổi già, nhưng Anh lại về Tòa Thánh góp phần gánh vác nghiệp Đạo với nhiệm vụ Thống Quản Cơ Quan Phước Thiện và cơ quan Tang Tế Sự, đồng thời điều hành ba Cung: Trí Huệ, Trí Giác, và Vạn Pháp.

Những tưởng còn góp sức già đở nâng nghiệp Đạo trong cơn thử thách này, nào ngờ cơ thể suy kiệt lần đưa đến chứng bệnh nan y, mặc dầu chạy chữa đủ phương, Anh phải theo hai Anh Hiến Pháp và Khai Đạo, về châu Đức Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, bỏ lại đàn em bơ vơ như gà mất mẹ, lưu lại biết bao mến tiếc của toàn đạo và nhớ thương của gia đình.

Vẫn biết theo thể thường, có chi đau buồn hơn cảnh tử biệt sinh ly, nhưng đối với Anh thì đã làm tròn Thiên chức, công viên quả mãn, đắc vị thiêng liêng, thì chúng ta cũng tự an ủi rằng được một người Anh xứng đáng.

Một lần nữa, tôi xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và thành tâm cầu nguyện xin Đức Chí Tôn và các Đấng ban ơn lành cho Anh đặng cao thăng Thiên vị, thường giáng chơn linh hộ trì đàn em hành đạo cho vuông tròn.

Xin Anh hiển linh chứng chiếu tấm lòng thành của tất cả đàn em đang ngưỡng mộ.

BẢO ĐẠO HỒ Tấn Khoa.

Ngài Hiến Đạo có lưu lại tập sách mỏng tựa đề "TIẾNG GỌI" do ông Giáo Hữu Thượng Tư Thanh, Tổng Quản Văn phòng Hiến Đạo, cùng các nhân viên trực thuộc tạo thành, bằng cách gom góp các bài giảng đạo, các bài diễn văn và huấn từ của Ngài trong suốt ba năm từ 1970 đến 1972.

Ngài Hiến Đạo có bút hiệu là Lạc Nhân, nhưng Ngài rất ít làm thơ. Chúng tôi sưu tập được một bài thơ đường luật của Ngài, họa vận bài thơ Xuân Tân Hợi của Hội Thánh CTĐ:

Đất nước Xuân về mấy độ qua,
Toàn dân trông ngóng cảnh bình hòa.
Ruộng dâu hóa bể đầy kinh ngạc,
Dòng nước chưa thanh chảy bến hà.
Thương kẻ tuổi xanh còn nặng nợ,
Xót vì nhiệm vụ phải ly gia.
Ước mong đến buổi hòa ngưng chiến,
Cho vợ gặp chồng, con gặp cha.

HIẾN ĐẠO

(Xuân Tân Hợi 1971)

Trong dịp Lễ Khánh Thành Thánh Thất Cần Giuộc ngày 21-2-Nhâm Tý (dl 4-4-1972), Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi, thay mặt Hội Thánh HTĐ đến dự lễ, có đọc một bài diễn văn, trong đó nhắc lại lúc Đạo Cao Đài mới mở tại Cần Giuộc, trích ra sau đây:

"Hồi ức lại hơn 45 năm về trước, lúc Đạo mới phôi thai, cố Tri Phủ Nguyễn Ngọc Tương, lúc bấy giờ làm Quận Trưởng Quận Cần Giuộc, là người có trọng trách truyền đạo nơi đây.

Ông Phạm Tấn Đãi, ông Trương Thế Ngộ và tôi được Đức Chí Tôn thân nhận làm môn đệ, để hiệp cùng ông Nguyễn Ngọc Tương phổ thông Chơn đạo.

Kể đến ông Ca Minh Chương, cựu giáo chức, cũng được đứng vào hàng ngũ chúng tôi.

Chính nơi đây, Đạo được khai mở trước nhứt và thâm nhận một số tín đồ đông nhứt.

Chúng tôi là những trong giáo giới, ban ngày thì đi dạy học, ban đêm mới rảnh việc, cùng đi với ông Nguyễn Ngọc Tương khai đàn thượng tượng, thâm nhận tín đồ. Suốt một năm trường, đêm nào cũng như đêm nấy, chẳng quản gió sương, bùn lầy nước lội, gai góc cũng qua, chúng tôi từ xã ấp này sang xã ấp kia, một niềm tin tưởng mãnh liệt, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng, khuyên nhủ đồng bào theo đường Chánh giáo, mở rộng Đạo Trời.

Ấu cũng là cơ duyên hiếm có giúp chúng tôi lập được công quả và sớm lập vị mình.

Ngày qua tháng lại, Đạo dần dần mở rộng như vết dầu loang, từ quận Cần Giuộc đến Rạch Kiến, Rạch Đào, Rạch Núi, Gò Đen, Cần Đước trong tỉnh Chợ Lớn, rồi tràn qua tỉnh Gò Công, Mỹ Tho, Bến Tre.

Lẽ cố nhiên chánh quyền Pháp không muốn Đạo được bành trướng mau chóng với một số tín đồ quá đông, bèn đặt kế hoạch bài trừ. Một mặt phân tán mấy người có nhiệm vụ trong yếu trong Đạo, một mặt khủng bố tín đồ, làm khó dễ trăm bề, hăm he dọa nạt đủ điều.

Chúng tôi vốn là công chức, cùng chung số phận với Ông Quận trưởng Nguyễn Ngọc Tương, bị đày đi xa, một người một nơi, cách trở gia đình.

Ấu cũng là cái may cho Đạo, hột giống Đạo được đem rải trên đất mới. Thế là Đạo được mở rộng châu vi hoạt động. Thiệt là "tình cờ chẳng hẹn mà nên."

Rồi bắt đầu từ đó, Đạo càng ngày càng tiến mãi, mặc dầu gặp nhiều khó khăn trở ngại cũng vượt qua khỏi, là do tinh thần nhẫn nại và lòng hy sinh vô bờ bến của phần nhiều chư Đạo hữu.

Trải bao nhiêu năm biến chuyển thăng trầm, Đạo được tô điểm mang sắc thái ngày hôm nay, ấy cũng nhờ các vị tiền bối đã dày công xây dựng nghiệp Đạo.

Nói đến tiền bối, ở đây chúng tôi không khỏi bồi hồi nhắc đến Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, nơi chôn nhau cắt rún của Đức Ngài cách đây cũng không xa.

Đức Ngài buổi sanh tiền, sau khi được Đức Chí Tôn nhận làm môn đệ, một lòng tin tưởng nơi Đấng Đại Từ Phụ, tận tụy hành Đạo, đi khắp đó đây gieo hạt giống lành, chịu trăm đắng ngàn cay, nhiều điều hổ nhục, mang tiếng thị phi, người đời mai mỉa.

Chúng tôi còn nhớ hình bóng Đức Ngài, mặc dầu tuổi cao, cũng có lúc cùng chúng tôi, cùng lặn lội bùn lầy, cùng vầy đập chông gai, để đến tận một nơi xa trong làng mạc, thiết lễ lập đàn cho thiện nam tín nữ cầu Đạo. Thiết là một bực Đại Đức có công to trong nền Đạo.

Còn hai vị nữa, đối với chúng tôi, trước là bạn thâm giao, sau là người đồng đạo: Cố Quận Trưởng Nguyễn Ngọc Tương thọ Thiên ân Quyền Thượng Đầu Sư, là một trong những người rường cột của Đạo lúc ban sơ; thứ đến là Cố Giáo viên Ca Minh Chương, tức Bảo Đạo HTĐ, là người có công buổi đầu trong Đạo. Nay gặp dịp may, chúng tôi trở về cảnh cũ, chạnh nhớ đến người xưa, tình đồng đạo, nghĩa kim bằng, vắng bóng cố nhân, lòng nào mà chẳng náo lòng."

PCT HTĐ: Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

Hiến lễ

獻禮

A: To offer a present.

P: Offrir un présent.

Hiến: Dâng lên. **Lễ:** cách bày tỏ lòng kính trọng.

Hiến lễ là dâng phẩm vật lên để cúng tế, tỏ lòng thành kính, như dâng bông, dâng rượu và dâng trà.

Trong nghi thức cúng tế hàng vong thường trong Tang lễ, phần hiến tửu (Dâng rượu) chia làm 3 lần:

- Sơ hiến lễ: Hiến lễ lần đầu.

- Á hiến lễ: Hiến lễ lần thứ nhì.
- Chung hiến lễ: Hiến lễ lần chót.

Người hiến lễ được gọi là Lễ Sĩ.

Hiến pháp

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Hiến pháp

憲法

A: The religious constitution.

P: La constitution religieuse.

Hiến: Pháp luật. **Pháp:** pháp luật.

Hiến pháp là một bản văn về luật pháp căn bản qui định việc tổ chức các cơ quan lớn trong Đạo, nhiệm vụ và quyền hạn của Chức sắc trong mỗi cơ quan.

Pháp Chánh Truyền là Hiến pháp của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế lập nên, được Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông chú giải ra chi tiết.

Pháp Chánh Truyền đã lập hiến HTĐ, nhưng chư vị Chức sắc cao cấp HTĐ họp nhau lại lập thêm một bản bổ túc gọi là **Hiến pháp và Nội Luật HTĐ** vào ngày 15-2-Nhâm Thân (dl 21-3-1932) qui định trách nhiệm và quyền hạn từ phẩm Thập nhị Thời Quân lên đến Hộ Pháp. Hiến pháp này được bổ sung 2 lần: lần I vào ngày 8-Giêng-Giáp Thìn (dl 20-2-1964) và lần II vào ngày 27-2-Ất Tỵ (dl 29-3-1965).

Sau đó, lập thêm **Hiến pháp Chức sắc HTĐ** ngày 16-11-Bính Ngọ (dl 27-12-1966) qui định các phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân, trách nhiệm, quyền hạn, Đạo phục và thăng thưởng, được Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ chấp thuận.

* Trường hợp 2: Hiến pháp

獻法

A: Juridical Renovator.

P: Rénovateur Juridique.

Hiến: Dâng lên. **Pháp:** pháp luật.

Hiển Pháp là một phẩm trong Thập nhị Thời Quân HTĐ, thuộc Chi Pháp, dưới quyền trực tiếp của Đức Hộ Pháp.

Theo **CGPCT**: Hiển Pháp khi đăng tờ chi của Khai Pháp dâng lên, tức cấp phải tìm biết căn nguyên cho rõ ràng, cấm không cho Hiển Pháp thông đồng cùng Hiến Đạo và Hiến Thế. Sự chi đã vào tay Hiển Pháp rồi thì đã ra bí mật, dầu cho Chức sắc HTĐ cũng không đăng biết tới nữa.

Hiển Pháp phải dâng nội vụ cho Bảo Pháp.

Theo Hiến pháp HTĐ, trách nhiệm của Hiển Pháp là lo tìm kiếm những phương hay để hiến cho luật pháp của Đạo tiện việc thi hành và truyền bá những tư tưởng cần ích cho Đạo về phương diện pháp luật.

Đạo phục của Hiển Pháp gồm hai bộ: Đại phục và Tiểu phục, giống hệt Đạo phục của Bảo Pháp. (**Xem: Bảo Pháp**)

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Trương Hữu Đức vào phẩm Hiến Pháp.

Sau đây là **Tiểu sử của Hiến Pháp Trương Hữu Đức**:

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Hiển Pháp Trương Hữu Đức (1890-1976)

Ngày 20-5-Tân Hợi (dl 12-6-1971), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức có tự viết Tiểu sử của Ngài, xin chép y nguyên văn như sau đây:

"Trương Hữu Đức, sanh ngày mùng 2 tháng 2 năm Canh Dần (1890) (trên giấy tờ sanh năm 1892), con ông Trương Văn Tự (chết) Cựu Cai Tổng Cầu An Thượng, làng Hiệp Hòa (Chợ Lớn), Giáo Sư phái Ngọc và bà Lê Thị Nhụy tức Sót (chết). (Hiển nội của Ngài Trương Hữu Đức là Bà Nguyễn Thị Sanh, nhập môn vào Đạo Cao Đài rất sớm, được Đức Chí Tôn phong phẩm Nữ Lễ Sanh, do kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ nhứt ngày 14-Giêng-Đinh Mão, dl 15-2-1927).

Nhập môn vào Đạo Cao Đài từ năm Ất Sửu (1925) lúc mới còn xây bàn, vì lúc ban sơ, những người theo đạo đều do lệnh Đức Chí Tôn chỉ định, nên không có Sớ Cầu Đạo.

Trong số 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn nêu tên trên bài thi tứ tuyệt trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển thứ I có tên ĐỨC (sau thọ phong Hiến Pháp HTĐ), hiệp với Ông HẬU thành cặp phò loan truyền đạo, Ông Hậu sau thọ phong Bảo Pháp HTĐ.

Trong lúc các Ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang bày cuộc xây bàn thì Đức còn hoài nghi cho rằng mấy bạn ấy giả ngộ chơi nên không tin; về nhà, Đức đem bàn ra, đặt tay lên xây thử để xin thi, tức thì có vong linh người anh nhập, nhưng thay vì cho thi, lại cho hai vị thuốc. Đức uống thuốc ấy lành bệnh hậu trên 20 năm.

Qua bữa kể đó, vào lúc đứng ngộ, trong khi thanh tịnh, Đức bắt chước Ông Tắc, chấp bút một mình và cầu nguyện xin thi. Có vị Minh Nghĩa Tiên Ông giáng bút cho bài thi như sau:

*Minh Đức mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn ao ước cái không hay.
Mừng cầu Âu Á càng thêm mật,
Mừng nậu côn đồ đã chịu chay.*

Đức chỉ xin được một bài thi đó thôi, sau chấp bút hoài cũng không được. Từ đó, Đức hết lòng tin tưởng, ăn chay luôn, phụng thờ Đức Cao Đài và hiệp cùng các đồng đạo đi phổ độ các nơi.

Cặp cơ Hậu - Đức có nhiệm vụ chấp cơ truyền đạo, mà mỗi đêm thứ bảy phải chấp cơ tại Thánh Thất Cầu Kho (Thánh Thất tạm nơi nhà Ông Đốc Bản) để cho thiện nam tín nữ đến hầu đàn cầu đạo. Đồng thời mỗi đêm khác đều đi phổ độ các nơi thôn quê sau khi mãn giờ làm việc, vì lúc ấy, Ông Hậu làm Đốc học trường tư thực, còn Đức thì làm công chức cho chánh phủ Pháp. Lắm khi phải đi suốt đêm, sáng về điếm tâm rồi đi làm việc luôn, nhưng vì sự tin tưởng nên không biết nhọc. Có nhiều đêm, Đức phải đi lên Gò Kén (Tây Ninh) để chấp cơ tại đó cho nhơn sanh nhập môn cầu đạo.

Lúc đạo mới mở, Đức Chí Tôn chẳng những giáng cơ độ rỗi hơn sanh mà còn ban điển lành cho các đồng tử để chữa bệnh cho bản đạo. Vì vậy mà Đức chữa lành nhiều bệnh tê thủng, dịch tả, và cam, vv... Việc chữa bệnh có được kết quả như vậy là nhờ điển lành của Đức Chí Tôn ban cho, chứ mấy vị đồng tử đâu có phải là người chữa bệnh.

Sự huyền diệu lạ lùng ấy làm cho đức tin của mọi người được tăng gia. Nhưng chẳng bao lâu, khi Đạo lập thành rồi, thì việc chữa bệnh bằng hơn điển phải ngưng một lượt với cơ bút, vì e có sự lạm dụng.

Khi thọ phong chánh thức vào hàng Thập nhị Thời Quân HTĐ với chức Hiến Pháp Chơn Quân, Đức thường lên xuống Tòa Thánh Tây Ninh để hành đạo trong lúc rảnh rang, vì Đức vẫn còn giúp việc cho Chánh phủ Pháp, từng sự tại Sở Hỏa Xa Sài Gòn.

Sau, Đức được Ông Chánh Sở Mật Thám Nam Kỳ là Ông Nadau mời đến để giao chức vụ Thông dịch viên Sở ấy. Trước khi nhận lời, Đức có cầu cơ thỉnh giáo Đức Chí Tôn, vì lúc bình thường, Đức không thích giúp việc cho Sở ấy, là Sở không có cảm tình đối với dân chúng. Đức Chí Tôn dạy Đức nên qua giúp việc cho Sở ấy vì sẽ có cơ hội giúp Đạo.

Quả thật như lời Đức Chí Tôn nói, chẳng bao lâu Ông Cao Quỳnh Cư (tức Cao Thượng Phẩm), có ra bản "**PHỔ CÁO CHÚNG SANH**" để truyền bá Đạo Cao Đài, trên bìa Bản Phổ Cáo ấy có tựa đề "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Lần đầu tiên Bản Phổ Cáo ấy không có kèm thêm chữ Hán, nhưng lần sau, Ông Cư có thêm mấy chữ Hán. Để tượng trưng Tam giáo qui nguyên, ngoài bìa Phổ Cáo Chúng Sanh có vẽ hình ba vị Giáo chủ là Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, và Đức Khổng Tử.

Bản Phổ Cáo Chúng Sanh in lần đầu được gửi ra Nha Tổng Giám Đốc Mật Thám Hà Nội để dịch ra Pháp văn. Nhưng người thông dịch viên ngoài ấy lại dịch câu tựa: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đạo lớn cứu vớt 3 Kỳ.

Lúc đó là lúc nhà cầm quyền Pháp để ý theo dõi hành vi Đạo Cao Đài rất gắt, nên Hà Nội gửi bài dịch văn ấy vào Nam hỏi Ông Chánh Sở Mật Thám Nadau, có phải Đạo Cao Đài làm chánh trị không, để họ giải tán.

Nhằm lúc ấy, Ông Nadau tin dùng Đức, nên Ông mới đến hỏi bài dịch văn ấy có đúng nghĩa không?

Đức trả lời rằng: Không đúng, vì nguyên văn câu ấy có nghĩa là Đại Đạo mở lần thứ ba để độ rồi, chớ không phải cứu vớt 3 Kỳ (trong Liên bang Pháp là Nam kỳ, Trung kỳ và Bắc kỳ). Để trưng bằng cụ thể, Đức đem trao cho Ông Nadau Bản Phổ Cáo Chúng Sanh có in chữ Hán. Ông liền phúc trình ra Hà Nội giải thích rõ việc ấy. Nhờ đó mà Đạo khỏi bị giải tán và người Đạo cũng đỡ khổ. Đó là bằng chứng Đức cứu Đạo.

Còn nhiều việc khác nữa, nhưng không đáng kể.

Qua năm 1945, Pháp bị Nhật bắn đảo chánh tại Đông Dương, Đức tản cư về thôn quê, nhưng ở đâu cũng không yên, Đức liền về Tòa Thánh, ở được một hôm thì Pháp đổ bộ, bắn chết một Đạo hữu ở Rừng Thiên nhiên (Tòa Thánh). Tính không êm, Đức liền rời khỏi Tòa Thánh, băng rừng đi bộ từ Tây Ninh về Lộc Giang (Chợ Lớn). Lúc đó dẫu có tiền cũng không có xe đi.

Tản cư ở Lộc Giang được một thời gian, Đức trở lại quê nhà ở Hiệp Hòa (Chợ Lớn), nhưng sau lại tản cư xuống chùa Minh Đức nơi Đền Thờ Phật Mẫu tại cầu Bằng Ky Gò Vấp, do Ông Sĩ Tải Nguyễn Văn Thiệt làm chủ, lúc ấy cùng ở chung với mấy Ông: Bảo Pháp, Bảo Thế, Khai Đạo, cũng đồng cảnh huống.

Cũng trong năm 1945, bị bom nguyên tử, Nhật đầu hàng Đồng Minh, Pháp trở lại Đông Dương và chiến đấu với Việt Minh. Pháp kêu gọi công chức hồi cư để hiệp tác, Đức còn do dự mấy tháng.

Đến năm 1946, mới chịu trở lại vì hoàn cảnh bắt buộc.

Đến năm Nhâm Thìn (1952), được giấy hồi hưu, Đức trở về Hiệp Hòa ở chung với người em ruột trong một ngôi nhà tranh rách nát. Nhờ vậy mà tránh khỏi Việt Minh và quân đội Pháp khủng bố. Quân đội này chỉ khủng bố những nhà tốt mà thôi. Đức cũng muốn về Tòa Thánh làm Đạo nhưng vì lúc ấy, Đạo còn dùng rất nhiều quân đội nên không về vì tình trạng không hợp.

Mãi đến hạ tuần tháng 8 năm Ất Mùi (1955), quân đội Cao Đài, một phần tự giải ngũ, một phần gia nhập vào quân đội quốc gia, còn Đức Phạm Hộ Pháp thì bị cấm phòng tại Hộ Pháp Đường, Đức mới về Tòa Thánh để quan sát tình hình và hiệp với các Chức sắc khác để lo gỡ rối cho Đạo.

Nói đến đây, Đức không quên ghi ơn hai Ông bạn HTĐ là Bảo Thế và Tiếp Pháp, có lòng đến tận nhà ở Hiệp Hòa, khuyên Đức về hợp tác hành đạo. Vì vậy mà Đức mới thanh toán hết gia nghiệp mới gầy dựng được chút ít, chí quyết phé đời hành đạo, mong cứu vãn tình thế, vì lúc ấy là lúc hỗn loạn. Có nhiều Chức sắc và Đạo hữu bị giam cầm do Ban Thanh Trừng điều khiển.

Năm Bính Thân (1956), Đức cùng Hội Thánh ký kết Thỏa Ước với Chánh phủ Cộng Hòa, cam kết không làm chánh trị. (Thỏa Ước Bính Thân 1956, Xem nơi Tiểu sử của Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước).

Đồng thời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đang lưu vong tại Nam Vang, lại phát động Phong trào Chung sống Hòa bình, và chỉ định Đức làm đại diện cho Người nơi Tòa Thánh. Vì lẽ đó mà Đức bị tình nghi và bị cấm cư trú hai năm tại Sài gòn, mặc dù Đức không thọ lãnh chức Trưởng Ban Miền Nam Phong trào Chung sống Hòa bình do Đức Phạm Hộ Pháp bổ nhiệm, nghĩ vì đã ký Thỏa Ước Bính Thân, thì cố nhiên phải tôn trọng chữ ký của mình.

Mãn hai năm cư trú, Đức trở về nhà với gia đình để dưỡng sức vì tuổi cao kỹ trưởng. Tuy nhiên, đối với sự thành bại của Đạo, không thể ngồi ngó cho đành.

Vậy nên vào lúc tháng 9 năm Nhâm Dần (1962), Đức trở về Tòa Thánh tái thủ phận sự tại HTĐ với nhiệm vụ: Tuyển soạn Thánh Ngôn và viết Đạo Sử.

Chí nguyện làm tròn phận sự, rồi có nhắm mắt theo Thầy cũng ngậm cười nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Từ ấy, Đức cộng tác với Đức Thượng Sanh.

Ngoài nhiệm vụ kể trên, còn kiêm nhiệm thêm Bộ Pháp Chánh, Ban Kiểm Duyệt, Ban Đạo Sử và Thơ viện cho đến ngày nay.

Đắc phong Quyền Chương Quán HTĐ và cuộc lễ Tấn Phong được tổ chức vào ngày Chúa Nhật 21-5-Tân Hợi (dl 13-6-1971) tại Tòa Thánh Tây Ninh, có mời Chánh quyền, các đoàn thể và các tôn giáo bạn đến dự."

Tòa Thánh, ngày 20 tháng 5 Tân Hợi.
(dl 12-6-1971)

HIẾN PHÁP Trương Hữu Đức

Sau ngày Đức Thượng Sanh đăng Tiên (26-3-Tân Hợi, dl 21-4-1971), Hội Thánh HTĐ họp phiên Đại Hội vào ngày 24-4-Tân Hợi (dl 18-5-1971) để công cử vị cầm quyền Chương quán HTĐ, thì toàn Hội đồng thanh cử Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức lên đảm nhận trọng trách ấy. Vì Bằng công cử được dâng lên quyền thiêng liêng, Đức Phạm Hộ Pháp giám cơ chấp nhận và phê chuẩn, do đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh ngày 6-5-Tân Hợi (dl 29-5-1971).

Tháng 4 năm Quý Sửu (1973), trong đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh, Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ý thăng nhiệm cho Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức lên Chương quán HTĐ, để đủ quyền năng thực hành trọng trách bảo thủ Luật pháp Chơn truyền hầu phát triển nền Đạo.

Từ ngày lãnh trọng trách Chương quán HTĐ, Ngài Hiến Pháp rất lo âu và tận tụy với nhiệm vụ, nên thường hay bệnh hoạn, mỗi lúc mỗi nhiều hơn.

Ngài đăng Tiên lúc 20 giờ 15 phút ngày 15-12-Ất Mão (dl 15-1-1976), hưởng thọ 87 tuổi.

Trong Bài Điều văn của Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, đọc trước liên đài của Ngài Hiến Pháp, trước khi nhập bửu tháp, có một đoạn quan trọng, xin trích ra sau đây:

"Nhớ buổi xưa, lúc cơ Đạo chính nghiêng, Đức Phạm Hộ Pháp đang bị bao vây trong Hộ Pháp Đường, cả Chức sắc lưỡng phái lưỡng Đài đang hoang mang, như tâm bất nhứt, tâm lý bất đồng, sống trong hoàn cảnh hồi hộp lo âu sợ sệt, đột nhiên thấy Anh (Hiến Pháp) đơn độc xách gói về Tòa Thánh.

Anh Bảo Thế và các Anh khác hỏi Anh về Tòa Thánh làm gì trong lúc khó khăn rối rắm như vậy?

Khi ấy, lần đầu tiên Em gặp Anh và cũng lần đầu tiên Em nghe Anh thốt ra một câu trả lời bất hủ, mà Em vẫn còn ghi mãi trong ký ức, lấy làm gương sáng cho bước hành đạo, và hôm nay, Em xin nhắc lại cho toàn thể các bạn Đạo hiện diện nơi đây đừng biết và ghi nhớ để làm phương châm hành đạo.

Anh nói rằng: "Sách xưa có dạy: Gia bần tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thần. Trong Đạo cũng vậy, lúc cơ Đạo thanh hành, ai cũng làm đặng. Hôm nay gặp buổi chinh nghiêng, nền Đại Đạo đang cơn bối rối, Đức này mới xin về để cùng chia sót phần nào cảnh lo âu khó nhọc với Anh Em."

Lời nói bất hủ này cho ta thấy tinh thần hy sinh phục vụ của Anh cao cả là dường nào và có mãnh lực nhắc cho chúng ta cả thầy nhớ câu Minh Thệ: Hiệp đồng chư môn đệ..., để mỗi khi cơ Đạo gặp cảnh khó khăn, thì chúng ta phải nhứt tâm nhứt trí siết chặt hàng ngũ, trụ vững đức tin, chia đau sót khổ với nhau, để phục vụ cho Đạo pháp và cho nhơn sanh, chớ không lý do gì lánh né phận sự, để miệng thể bia danh muôn thuở."

Đầu năm 1975, trong lúc nội chiến giữa quân đội quốc gia và quân đội cộng sản xảy ra rất ác liệt trong toàn Miền Nam VN, Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, với tư cách là Chương quản HTĐ, lãnh đạo tối cao của Đạo Cao Đài, có gởi một bức Thông Điệp kêu gọi Hòa bình đến các Chánh phủ liên hệ trong cuộc chiến và yêu cầu đặt vùng Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh ra ngoài vòng chiến tranh.

Sau đây là nguyên văn Thông Điệp Hòa bình này:

Văn Phòng
CHƯƠNG QUẢN
HIỆP THIÊN ĐÀI

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỒ ĐỘ
(Ngũ thập niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI
THÔNG ĐIỆP
của Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh và
Hòa Bình Việt Nam

Kính gửi:

- Các Chánh phủ liên hệ trong cuộc chiến tại VN.
- Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc.
- Ông Chủ Tịch Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.
- Ông Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Soát Quốc Tế Đình Chiến tại VN.
- Chánh Phủ các quốc gia trong Liên Hiệp Quốc.
- Các nhà Lãnh đạo Tôn giáo.

Nghĩ vì Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973 qui định cuộc đình chiến ở VN là một niềm hy vọng lớn lao cho toàn cả dân VN đã quá đau khổ vì nạn chiến tranh, nay mong được thấy Hòa bình lập lại.

Nhưng ngược lại, hai năm qua mà cuộc chiến tranh vẫn tiếp diễn ngày càng ác liệt, gây không biết bao nhiêu cảnh máu đổ thịt rơi, cửa nhà tan nát, mỗi ngày hy sinh cả ngàn thanh niên ưu tú của dân tộc, làm cho mọi người phải đau lòng thất vọng.

Trước cảnh tang thương tang tóc của dân lành, Hội Thánh và toàn thể tín hữu Cao Đài luôn luôn giữ vững tôn chỉ cộng yêu hòa ái của một nền tôn giáo đại đồng và trung thành với đường lối Hòa bình Chung sống của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chủ trương để hòa giải dân tộc.

Nên thiết tha kêu gọi quý Lãnh tụ các bên lâm chiến:

1) Xin mở lòng thương xót đồng bào ruột thịt của chúng ta quá đau khổ vì chiến tranh, sớm bình tình ngòi lại để tự giải quyết vấn đề nội bộ giữa người Việt với nhau trong tinh huynh đệ, tương thân tương ái, tương nhượng, hầu chấm dứt nạn chiến tranh tàn khốc. Đặng như vậy, cả 40 triệu đồng bào VN sẽ ghi ơn quý vị và thế hệ mai sau sẽ ghi một điểm son vào trang lịch sử hiện tại cho quý vị.

2) Xin lưu tâm đến Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh và cả vùng Thánh địa gồm 19 Phận đạo là nơi tôn nghiêm sùng bái của toàn thể tín hữu Cao Đài và cũng là nơi gần nửa triệu dân lành chỉ biết tu hiền, sống đông đúc nơi đây được đôi bên đặt

ngoài vòng chiến, để tránh kích động đến lòng tin ngưỡng của mấy triệu tín hữu trong toàn quốc.

3) Nếu muốn dùng một nơi nào trong vùng Thánh địa Tây Ninh để làm địa điểm của hai bên và Ủy Hội Quốc Tế làm nơi hòa đàm trong quốc nội thì chúng tôi có thể sẵn sàng chấp thuận. Trong khi chờ đợi giải quyết vấn đề Hòa bình VN, trật tự an ninh nơi đây sẽ tạm thời do Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đảm nhiệm.

Hội Thánh ĐĐTKPĐ chúng tôi cũng thiết tha kêu gọi các cường quốc trong hai khối và tất cả các quốc gia Hội Viên Liên Hiệp Quốc, cùng toàn thể nhân dân yêu chuộng Hòa bình trên thế giới chứng nhận và ủng hộ lời kêu gọi này.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ngày 04-12-Giáp Dần.
(dl 15-1-1975)

TM. Hội Thánh ĐĐTKPĐ
CHƯƠNG QUẢN HTĐ
Hiến Pháp TRƯỞNG HỮU ĐỨC
(ấn ký)

Bài Thái hiển lễ Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức:

*HỮU ĐỨC mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn mong ước cái không hay.
Mừng nay gặp Đạo lòng mong muốn,
Chí quyết cùng nhau để hiệp vầy.*

Nguyên Đức Chí Tôn cho biết nguyên căn của Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức là Từ Hàng Đạo Nhơn và Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu là Xích Tinh Tử.

Quĩ Cốc Đại Tiên có giáng cơ cho mỗi Ngài một bài thi. (Xin đọc giả xem **Tiểu Sử của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu**).

Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức có bút hiệu là Thân Dân, có làm khá nhiều bài thi đường luật, xin trích ra đây vài bài tượng trưng:

ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC

Đạo Đời tương đắc cứ như nhiên,
 Đời Đạo đời bên nắm vững quyền.
 Đạo đắc hơn tâm, Đời đắc sách,
 Đời do dân ý, Đạo dân quyền.
 Ái hòa Đạo dụng làm căn bản,
 Nhân nghĩa Đời toan giúp phổ truyền.
 Đời Đạo tương liên gieo Thánh đức,
 Hơn sanh an hưởng cảnh Thần Tiên.

Ba đào sóng bủa bởi thuyền to,
 Lèo lái kiên gan vững phận trò.
 Nẻo tắt đường quanh bèn sức chống,
 Sông sâu biển thẳm gắng công dò.
 Lướt dòng cây có nhiều thần lực,
 Quá hải nương nhờ bóng tự do.
 Bến tục thuyền từ dịu độ chúng,
 Đưa vào nguồn sống khỏi tò mò.

THÂN DÂN

Họa nguyên vận 2 bài thi Ngự và Tiêu của Ông Huệ Giác:

Nghinh ngang mặt nước một con thuyền,
 Cái thú ngự ông ấy thú Tiên.
 Bủa lưới bao trùm gồm bốn biển,
 Giăng câu định hướng nắm ba giềng.
 Ở trần không nhiễm mùi trần tục,
 Xử trí yên vui cảnh trí riêng.
 Trời Đất rộng thênh dành một cõi,
 Thú nhàn quyết tránh lợi danh quyền.

Nào phải nông gia sợ mất mùa,
 Tiêu phu nghề ấy khỏi nài mua.
 Rừng tòng phủ sạch điều hơn thiệt,
 Rìu búa chi màng cảnh được thua.
 Trối kệ những ai ham đổi mới,
 Thìn lòng riêng tứ giữ nghề xưa.

Chim trời cá nước ai ngăn đón,
 Danh lợi đâu cần nhọc trí đua.

HIẾN PHÁP Trương Hữu Đức
 Biệt hiệu THÂN DÂN.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hiến thân

獻身

A: To lay down one's life for one's religion.

P: Se donner sa vie à sa religion.

Hiến: Dâng lên. **Thân:** thân mình.

Hiến thân là dâng trọn thân mình, dâng trọn cuộc đời mình cho Đạo để phụng sự cho Đạo.

Những Chức sắc thọ phong, phải làm giấy hiến thân trọn đời hành đạo, tức là phải ly gia cắt ái, không còn biết đến việc gia đình, sống trọn vẹn trong cửa Đạo, lãnh lệnh Hội Thánh đi hành đạo các nơi.

TNHT: Vào nơi đạo đức rồi, dầu cho phải cắt ái ly gia, chia tình xẻ nghĩa, máu thịt đoạn ly, mà làm cho tròn trách nhiệm xứng đáng của mình, để hiến thân chuộc sanh mạng cho muôn ngàn kẻ đồng bào, thì cái đau đớn thường tình, sự khổ tâm ở thế kia, đau khổ nào có tiếc.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hiến Thế

獻世

A: Temporal Renovator.

P: Rénovateur Temporel.

Hiến: Dâng lên. **Thế:** đời.

Hiến Thế là một phẩm trong Thập nhị Thời Quân HTĐ, thuộc Chi Thế, dưới quyền trực tiếp của Đức Thượng Sanh.

Theo **CGPCT**: Hiến Thế khi đặng tờ chi của Khai Thế dâng lên, tức cấp phải đi tra xét tìm biết căn nguyên cho rõ ràng, cấm không cho Hiến Thế thông đồng cùng Hiến Đạo và Hiến Pháp. Sự chi đã vào tay Hiến Thế rồi thì đã ra bí mật, dầu cho Chức sắc HTĐ cũng không đặng biết tới nữa.

Hiến Thế phải dâng nội vụ cho Bảo Thế.

Theo Hiến pháp HTĐ, trách nhiệm của Hiến Thế là lo tìm kiếm những phương hay để hiến cho Đòi và truyền bá những tư tưởng cần ích cho Đạo.

Đạo phục của Hiến Thế gồm hai bộ: Đại phục và Tiểu phục, giống hệt Đạo phục của Bảo Thế. (Xem: **Bảo Thế**).

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền HTĐ ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Nguyễn Văn Mạnh vào phẩm Hiến Thế.

Sau đây là **Tiểu sử của Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh**:

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh (1894-1970)

Tiểu sử của Ngài Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh được Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa viết và đọc nhân ngày gia đình của Ngài Hiến Thế thiêu hài cốt của Ngài, lấy tro đưa về Tòa Thánh.

Nguyên văn bản Tiểu sử này, xin chép ra sau đây:

TIỂU SỬ của HIẾN THẾ NGUYỄN VĂN MẠNH:

Đại huynh Nguyễn Văn Mạnh, sanh năm Giáp Ngọ (1894) tại làng Tân Niên Trung, tỉnh Gò Công. Cụ thân sinh là Nguyễn Văn Chợ, Xã Trường và Cụ thân mẫu là Lê Thị Liễu, Giáo viên.

Thời thơ ấu, ở với cha mẹ đi học, đỗ bằng Tiểu học ở Gò Công, rồi lên Sài Gòn ngụ nơi nhà người cậu là Cụ Đốc Phủ Lê Quang Liêm tiếp tục đường học vấn nơi trường Tabert, thi đỗ bằng Trung học Phổ Thông và bằng Tú Tài.

Cũng như bao thanh niên thời ấy, sau khi đỗ đạt rồi thì cũng ra trường làm công chức tại Tòa Tân Đảo tức là Sở Ngoại Kiều ngày nay.

Vốn con nhà thế phiệt trâm anh đạo đức, nên Đại huynh vẫn giữ truyền thống của ông bà và được tiếng là vị công chức chí mực thanh liêm, luôn luôn tận tụy với nhiệm vụ, mau mắn giúp đỡ mọi người, nên Đại huynh được trên quan yêu, dưới dân chuộng, đường hoạn lộ Đại huynh thăng lần lên Thông Phán, Tri Huyện, Tri Phủ.

Được hấp thụ tinh thần đạo đức từ thuở bé, nên Đại huynh không bỏ qua một dịp nào để làm điều âm chất và nhơn nghĩa. Kịp đến năm Bính Dần, Đức Chí Tôn mở Đạo tại Sài Gòn, thì Đại huynh là một trong các môn đệ đầu tiên được Đức Chí Tôn giao trọng trách phổ thông Chơn đạo.

Ngày Rằm tháng 3 năm Bính Dần (1926), cùng một lượt với Ông Phạm Công Tắc được Đức Chí Tôn phong là Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ, Ông Cao Quỳnh Cư là Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ, Đại huynh và chư vị: Đức, Hậu, Nghĩa, Tràng, Tươi, Chương, Kim, Đãi, Mai, Nguyễn, Phước đồng được Đức Chí Tôn phong là Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.

Mặc dầu việc quan ràng buộc, nhưng Đại huynh vẫn tận tụy với nhiệm vụ của Đức Chí Tôn giao phó, nên ngày thì làm việc cho Nhà nước, đêm thì làm việc cho Đạo, phò cơ phổ độ chúng sanh.

Đến ngày 13-2-1927, Đại huynh được Đức Chí Tôn ân phong vào hàng Thập nhị Thời Quân với phẩm tước là Hiến Thế, một lượt với chư vị Thời Quân khác.

Đắc phong Thời Quân, Đại huynh càng hăng say thêm, chẳng quản nhọc nhằn, quên ăn quên ngủ, đêm nào cũng như đêm nầy, thức gần suốt sáng, ôm cơ phổ độ cùng với chư vị Thời Quân khác, khai đường mở lối đến ngày hôm nay, nền Đạo mới dựng huy hoàng đẹp đẽ để cho chúng ta thọ hưởng.

Tiếc một điều là Đại huynh có một thể xác không được tráng kiện mà lại phải quá lao tâm lao lực trong lúc Đạo mới phối thai, nên Đại huynh thường hay bệnh hoạn, không thể hành đạo một cách liên tục như chư vị Thời Quân khác.

Nhưng lúc nào Đại huynh cũng một lòng hoài bão với sứ mạng thiêng liêng, luôn luôn lưu tâm về đại nghiệp Đạo.

Trong lúc Đức Phạm Hộ Pháp tự lưu vong nơi Cao Miên, nền Đạo chính nghiêng, thì Đại huynh cùng Đức Thượng Sanh và chư vị Thời Quân khác về Tòa Thánh, hiệp sức cùng nhau để cầm giềng mối đạo. Đại huynh lãnh trách nhiệm điều khiển CQPT với chức vụ Phó Thống Quản CQPT, do Thánh Lệnh số 26/TL ngày 19-8-Ất Tỵ (dl 14-9-1965).

Ít lâu sau, Đại huynh được thăng lên cầm quyền Thống Quản Phước Thiện, do Thánh Lệnh số 47/TL ngày 20-12-Ất Tỵ (dl 11-1-1966).

Nhưng sức người có hạn, cơn bệnh của Đại huynh ngày càng thêm trầm trọng, nên ngày 10-2-1966, Đại huynh phải xin nghỉ một thời gian để đi qua Tích Lan và Thái Lan chữa bệnh, nhưng chỉ thuyền giảm đôi phần.

Trở về Sài Gòn, mặc dầu gia đình tận tâm lo đủ phương điều trị về Tây cũng như Đông y, nhưng nhiệm kỳ đã mãn, nên ngày Rằm tháng Giêng Canh Tuất (dl 20-2-1970), Đại huynh đã trở về bái lịnh Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, hưởng thọ 77 tuổi.

Hôm nay, Đại huynh lại hiển linh kêu gọi và thúc giục gia quyến sớm đưa tro xá lợi của Đại huynh về nơi Tổ Đình, vì vậy mới có buổi lễ hôm nay, đi cặp với Lễ kỷ niệm Đức Cao Thượng Phẩm cho đặng thêm trọng thể.

Nhơn dịp này, tôi xin toàn thể Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu lưỡng phái thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban hồng ân cho Đức Cao Thượng Phẩm và Đại huynh Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh được cao thăng Thiên vị, thường giáng linh hộ trì mỗi chúng ta được thi hành sứ mạng cho được vuông tròn.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tòa Thánh ngày 1-3-Đinh Tỵ (dl 19-4-1977)

BẢO ĐẠO HỒ TẤN KHOA

(Tài liệu của Cải Trạng Lê Minh Khuyên)

■ Bán Nguyệt San Thông Tin số 18 ngày 10-11-Canh Tuất (dl 8-12-1970) có đăng ngày Tiểu Tường của Cố Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh là ngày 1-11-Canh Tuất (dl 29-11-1970).

Buổi chiều, lúc 14 giờ 30 phút, Hội Thánh đã hành lễ Tiểu Tường trước Bàn linh của Ngài nơi Báo Ân Từ.

Bài Thài hiến lễ:

*HIẾN mình cho Đạo buổi sơ khai,
THẾ cuộc càng xây dựng chẳng nài.
CHƠN chánh quyết tâm lo lập đức,
QUÂN thần vẹn nghĩa cảm bi ai.*

■ Bán Nguyệt san Thông Tin số 40 ngày 12-11-1971 có đăng ngày Đại Tường của Cố Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh là ngày 10-9-Tân Hợi (dl 28-10-1971).

Lễ Đại Tường được cử hành tại Báo Ân Từ, có tế điện.

Phối Sư Ngọc An Thanh, Thượng Thống Lễ Viện dâng sớ.

Hiện diện: Hiến Pháp, Hiến Đạo, 3 Chánh Phối Sư, Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai, chư Chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện và Đạo hữu Nam Nữ.

Thượng Thống Lễ Viện hành pháp xả tang.

Gia đình Ngài Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh có:

- Hiền nội: Lê Thị Biếu.
- Các con: Nguyễn Hữu Thìn, Nguyễn Văn Thịnh.
Nguyễn Thị Bạch Mai, Nguyễn Thị Bạch Cúc.
- Cháu nội: Nguyễn Trung Toàn.
- Dâu: Trương Thị Hạnh và Trần Thị Kim Hoa.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

HIỄN

HIỄN

HIỄN: 顯 có nhiều nghĩa tùy trường hợp:

1. **HIỄN:** Có tiếng tăm vinh hiển.
Td: Hiễn hách.
2. **HIỄN:** Hiện ra.
Td: Hiễn linh, Hiễn nhiên.
3. **HIỄN:** Con gọi cha mẹ đã chết là Hiễn.
Td: Hiễn khảo, Hiễn tỹ.

Hiễn hách

顯赫

A: Celebrate.

P: Célèbre.

Hiễn: Có tiếng tăm vinh hiển. **Hách:** rực rỡ.

Hiễn hách là làm nên danh tiếng lừng lẫy.

TĐ ĐPHP: Sống về tinh thần, tức nhiên sống về phương pháp *hiễn hách* anh linh của nó.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Hiễn khảo - Hiễn tỹ

顯考 - 顯妣

A: My deceased father - My deceased mother.

P: Mon père défunt - Ma mère défunte.

Hiễn: Con gọi cha mẹ đã chết là Hiễn. **Khảo:** tiếng gọi cha đã chết. **Tỹ:** tiếng gọi mẹ đã chết.

Hiễn khảo là tiếng kính xưng cha mình đã chết.

Hiễn tỹ là tiếng kính xưng mẹ mình đã chết.

Hiển linh

顯靈

Hiển: Hiện ra. **Linh:** thiêng liêng.

Hiển linh là hiện ra một cách thiêng liêng huyền diệu.

KCTPĐQL: Chơn mây vái với hương hồn *hiển linh*.

KCTPĐQL: Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liễu.

Hiển nhiên

顯然

A: Evident.

P: Évident.

Hiển: Hiện ra. **Nhiên:** như thế.

Hiển nhiên là rất rõ ràng, ai cũng thấy như thế.

TĐ ĐPHP: Chúng ta đã thấy *hiển nhiên* trước mắt cái thảm khổ của đời.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Hiển Thánh

顯聖

A: To sanctify.

P: Sanctifier.

Hiển: Hiện ra. **Thánh:** bực Thánh.

Hiển Thánh là hiển linh thành bực Thánh.

Hiển thân dương danh

顯親揚名

Hiển: Có tiếng tăm vinh hiển. **Thân:** chỉ cha mẹ. **Dương:** đưa lên cao cho mọi người thấy. **Danh:** tiếng tăm.

Hiển thân dương danh là làm cho cha mẹ được vinh hiển và nêu cao danh giá.

Mạnh Tử có nói rằng:

*Thân thể phát phu, thọ chi phụ mẫu,
Bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy dã.
Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế,
Dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã.*

Nghĩa là:

Thân thể tóc da, nhận nơi cha mẹ,
Không dám hủy hại, là hiếu trước tiên vậy.
Lập thân hành đạo, nêu cao tiếng tăm đời sau,
Làm vinh hiển cha mẹ, là hiếu trọn vẹn vậy.

HIẾP

Hiếp bức

脅逼

A: To force.

P: Forcer.

Hiếp: dùng sức mạnh hay quyền thế bắt ép người khác phải làm theo ý muốn của mình. **Bức:** ép buộc.

Hiếp bức là dùng quyền lực bắt buộc người khác làm theo ý mình.

TNHT: Như kẻ làm quan ý quyền *hiếp bức* dân lành.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HIỆP - HỢP

HIỆP - HỢP

1. **HIỆP:** 協 Chữ này chỉ đọc **Hiệp** (không đọc Hợp): Hòa hợp, giúp đỡ.
Td: Hiệp thương, Hiệp lý.
2. **HỢP:** 合 Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng.
Td: Hợp gia, Hợp pháp.

Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh

協陰陽有合變生

Hiệp: Chữ này chỉ đọc **Hiệp** (không đọc Hợp): Hòa hợp, giúp đỡ. **Âm Dương:** hai chất khí nguyên thủy là Âm Quang và Dương quang. **Hữu:** có. **Hạp:** do chữ Hợp nói trại ra để bắt vận với câu thơ trên. Hạp là hợp lại. **Hữu hạp:** có hợp lại. **Biến sanh:** biến hóa sanh ra.

Đây là một câu kinh trong Phật Mẫu Chơn Kinh, có nghĩa là: *Hòa hợp hai khí Âm quang và Dương quang, hợp lại làm một để biến hóa sanh ra CKVT và vạn vật.*

CKVV: Càn Khôn Vạn vật.

Hợp cần (Hiệp cần)

合巹

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Cần:** cái chung uống rượu dùng trong lễ cưới thời xưa.

Hợp cần hay Hiệp cần là vợ chồng cùng uống với nhau một chung rượu trong đêm tân hôn.

Hiệp chưởng (Hợp chưởng)

合掌

A: Two jointed hands.

P: Deux mains jointes.

Hiệp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Chưởng:** bàn tay.

Hiệp chưởng là hai bàn tay xoè ra và chắp lại cho 10 ngón tay sát vào nhau, nên cũng gọi là Hiệp thập.

Khi chắp tay lại như vậy thì tâm mình biểu lộ ra cái phép kính lễ. Đó là cách kính lễ bên Phật giáo. Đối với Nho giáo thì phép kính lễ là khoanh tay (Cung thủ).

Tay ở hai bên thân, nay chắp tay lại hay khoanh tay là để biểu thị cái ý chẳng dám tán loạn, chuyên chú nhứt tâm, vì thế nó biểu thị sự cung kính.

Đối với tín đồ Cao Đài, việc chắp tay cung kính là hai tay bắt Ấn Tý.

Hiệp chưởng mạo (Hợp chưởng mạo)

合掌帽

A: The mitre.

P: La mitre.

Hiệp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Chưởng:** bàn tay. **Mạo:** cái mũ.

Hợp Chưởng mạo hay Hiệp Chưởng mạo là cái mũ đội trên đầu có hình dáng giống như hai bàn tay úp lại.

■ **Đức Giáo Tông**, khi mặc Tiểu phục thì đội mũ Hiệp Chưởng. CGPCT: Đầu đội mũ Hiệp Chưởng cũng toàn bằng hàng trắng, bề cao 3 tấc 3 phân 3 ly (0m333) may giáp mỗi lại cho có trước một ngạnh, sau một ngạnh, hiệp lại có một đường xếp (ấy là Âm Dương tương hiệp), cột dây xếp hai lại, nơi bên tay trái có để hai dải thòng xuống, một mí dài một mí

vấn, mí dài bề ngang 3 phân, bề dài 3 tấc, trên mào ngay trán có thêu chữ cung CÀN.

■ **Thái Chưởng Pháp**, khi mặc Đại phục thì đội mào Hiệp Chưởng Hòa Thượng của nhà Thiền.

■ **Thượng Chưởng Pháp**, khi mặc Đại phục thì đội mào Hiệp Chưởng màu trắng y như mào Tiểu phục của Giáo Tông.

■ **Giáo Sư phái Thái**, khi mặc Đại phục cũng đội mào Hiệp Chưởng của nhà Thiền.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Hợp đạo (Hiệp đạo)

合道

A: To reunite.

P: Réunir.

Hiệp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Đạo:** con đường.

Hợp đạo hay Hiệp đạo là hợp hai con đường lại làm một.

KHP: Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo,
Do Âm Dương *hiệp đạo* biến thiên.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Hiệp định - Hiệp ước

協定 - 協約

A: Convention - Treaty.

P: Convention - Traité.

Hiệp: Chữ này chỉ đọc **Hiệp** (không đọc Hợp): Hòa hợp, giúp đỡ. **Định:** quyết định. **Ước:** hẹn nhau phải tuân giữ các điều kiện mà hai bên đã thỏa thuận.

Hiệp định là cùng nhau bàn bạc, thỏa hiệp và quyết định, tạo thành văn bản ký kết với nhau để thực hiện.

Hiệp ước là cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận, tạo thành văn bản ký kết với nhau, không bên nào được hủy bỏ.

Hiệp đồng

協同

A: To concert.

P: S'accorder.

Hiệp: Chữ này chỉ đọc **Hiệp** (không đọc Hợp): Hòa hợp, giúp đỡ. **Đồng:** cùng chung.

Hiệp đồng là hoà hợp để cùng nhau làm việc.

Trong lời Minh Thệ nhập môn cầu Đạo có câu:

Hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài: Hòa hợp với các môn đệ để cùng nhau gìn giữ luật lệ của Đức Chí Tôn lập ra.

Hợp đồng

合同

A: The contract.

P: Le contrat.

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Đồng:** cùng chung.

Hợp đồng là hai bên hợp lại, thỏa thuận với nhau những điều kiện, rồi ghi ra giấy, cùng ký tên cam kết thi hành.

Hợp gia (Hiệp gia)

合家

A: The whole family.

P: Toute la famille.

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Gia:** nhà.

Hợp gia hay Hiệp gia là cả nhà, tất cả người trong nhà.

KCK: *Hiệp gia ly khổ nạn:*

(cả nhà đều thoát khỏi tai nạn khổ sở.)

KCK: Kinh Cứu Khổ.

Hiệp lý

協理

A: To aid to repair.

P: Aider à réparer.

Hiệp: Chữ này chỉ đọc **Hiệp** (không đọc Hợp): Hòa hợp, giúp đỡ. **Lý:** sửa sang.

Hiệp lý là giúp người sửa sang công việc.

Hợp lý

合理

A: Rational.

P: Rationnel.

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng, đúng với. **Lý:** lẽ phải.

Hợp lý là đúng theo lẽ phải.

Hợp nhất (Hiệp nhất)

合一

A: To unify.

P: Unifier.

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Nhất:** một.

Hợp nhất hay Hiệp nhất là hợp lại làm một.

Hợp pháp

合法

A: Legal.

P: Légal.

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng, đúng với.

Pháp: pháp luật.

Hợp pháp là đúng theo luật pháp.

Hợp phổ hoàn châu

合浦還珠

Hợp phổ: sông Hiệp phổ, nơi sản xuất ngọc trai. **Hoàn:** trở lại. **Châu:** ngọc trai.

Hiệp phổ hoàn châu là ngọc trai trở lại sông Hiệp phổ.

Thời Hậu Hán có quan Thái thú cai trị nước ta rất bạo tàn, bắt dân đi mò ngọc trai ở Hợp phổ cho hắn. Vì thế, ngọc trai bỏ Hợp phổ đi qua nơi khác. Mỗi sau có quan Thái thú khác nhưn đức thanh liêm, ngọc châu lại quay trở về Hợp phổ.

Thành ngữ: Hợp phổ châu hoàn, có ý nói: *Cái gì quý giá đã mất nay lại trở về với chủ cũ.*

Hiệp qui

協歸

A: To assemble.

P: Se rassembler.

Hiệp: Chữ này chỉ đọc **Hiệp** (không đọc Hợp): Hòa hợp, giúp đỡ. **Qui:** trở về.

Hiệp qui là trở về hòa hợp lại.

PMCK: *Hiệp qui* Tam giáo hữu cầu chí chơn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Hợp tác (Hiệp tác)

合作

A: To collaborate.

P: Collaborer.

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Tác:** làm nên.

Hợp tác hay Hiệp tác là góp sức cùng làm với nhau.

Hiệp tuyển (Hợp tuyển)

合選

A: The anthology.

P: L' anthologie.

Hợp: Chữ này đọc **Hợp** hay **Hiệp** đều được: Hợp lại, góp lại, gồm cả, đúng phép, đúng khớp, hợp đồng. **Tuyển:** chọn lựa.

Hiệp tuyển hay Hợp tuyển là tập sách gồm nhiều bài đã được chọn lựa.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: Tập sách gồm những bài Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng giảng cơ dạy đạo, được quý Thời Quân HTĐ hợp với quý Chức sắc cao cấp CTĐ lựa chọn và ấn hành.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hiệp Thiên Đài

I. Phần Tổng quát

- A. HTĐ là trung gian của BQĐ và CTĐ
- B. HTĐ là cơ quan Tư pháp của Đạo

II. Các phẩm cấp Chức sắc HTĐ

- A. Chức sắc cao cấp HTĐ
- B. Chức sắc HTĐ cấp dưới
- C. Chức sắc đặc biệt HTĐ

III. Đối phẩm Chức sắc HTĐ và CTĐ

IV. Quyền hành, Nhiệm vụ, Đạo phục

- A. Chức sắc Đại vị HTĐ
- B. Chức sắc HTĐ cấp dưới

Hiến Pháp Chức Sắc HTĐ

Chương I: Phẩm vị

Chương II: Quyền hành và trách nhiệm

Chương III: Đạo phục

Chương IV: Cầu phong và thăng thưởng

- Ghi thêm về Đạo phục của Thời Quân
- Giải thích thêm về quyền hành của HTĐ: Dây Sắc Lịnh

V. Các cơ quan trực thuộc HTĐ

1. Bộ Pháp Chánh
2. Cơ Quan Phước Thiện
3. Tịnh Thất
4. Ban Thế Đạo
5. Đại Đạo Thanh Niên Hội

VI. Các Chức sắc Đại vị HTĐ đầu tiên

- VẤN ĐỀ 1: Tại sao Đức Chí Tôn lập pháp HTĐ sau CTĐ?
- VẤN ĐỀ 2: Tại sao Đức Chí Tôn giao cho HTĐ cầm quyền nền Đạo?
- Đồi Liễu Hiệp Thiên Đài

協天臺

A: Palace of meeting between God and Mankind. Temple of the Divine Alliance.

P: Palais de relation entre Dieu et Humanité. Temple de l'Alliance Divine.

Hiệp: Chữ này chỉ đọc **Hiệp** (không đọc Hợp): Hòa hợp, giúp đỡ. **Thiên:** Trời. **Đài:** tòa nhà lớn.

■ *Hiệp Thiên Đài là một trong ba Đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, và Cửu Trùng Đài. Hiệp Thiên Đài làm trung gian giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài, tức là làm trung gian giữa Thượng Đế và Nhơn loại hay giữa Trời và Người.*

■ *Hiệp Thiên Đài là cơ quan Tư pháp của Đạo, có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ luật pháp chơn truyền của Đạo, lập các Tòa Đạo để xử trị những người vi phạm luật pháp của Đạo.*

I. Phần Tổng quát:

A. HTĐ là trung gian của BQĐ và CTĐ:

Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài với hình thể gồm 3 Đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

■ **Cửu Trùng Đài** là phần Hữu hình, thuộc Đời, là thể xác của Đạo, Đức Giáo Tông chưởng quản, có nhiệm vụ giáo hóa nhơn sanh và thi hành các luật pháp của Đạo.

■ **Hiệp Thiên Đài** là phần Bán Hữu hình, thuộc nửa Đồi nửa Đạo, tức là chơn thần của Đạo, do Đức Hộ Pháp chưởng quản, có nhiệm vụ làm trung gian giữa BQĐ và CTĐ, tức là BQĐ muốn ra lệnh cho CTĐ làm điều gì thì phải nhờ HTĐ lập cơ bút cho các Đấng của BQĐ giảng dạy CTĐ, đồng thời HTĐ cũng có nhiệm vụ quản lý luật pháp của Đạo.

■ **Bát Quái Đài** là phần Vô hình thuộc về Đạo, tức là linh hồn của Đạo, do Đức Chí Tôn chưởng quản.

Thể xác nhờ chơn thần mà liên lạc với linh hồn thì CTĐ cũng phải nhờ HTĐ mà thông công với BQĐ.

HTĐ là hình ảnh của Ngọc Hư Cung tại thế. Ngọc Hư Cung nắm Thiên điều thì HTĐ nắm luật pháp của Đạo.

CG PCT: "Xác phải phù hợp với hồn, cũng như vật chất phải phù hợp với tinh thần. Vật chất vốn hữu hình mà tinh thần lại vô vi, vô vi cùng với hữu hình phải tương đắc, thấy hữu hình đoán vô vi, biết vô vi mới định quyết hữu hình.

Ấy vậy, CTĐ là xác, HTĐ là chơn thần. Đã nói rằng CTĐ là Đồi, tức nhiên là xác của Đạo, còn HTĐ là Đạo tức nhiên là chơn thần của Đạo. Vậy thì xác thịt có hạn lệ đẳng cấp, chớ chơn thần chẳng hề định hạn lệ đẳng cấp đặng. Nhiều Đấng thiêng liêng cao mà lại tái thể muốn ra hèn hạ, còn cũng có nhiều Đấng thiêng liêng thấp mà lại nhờ một phen đắc đạo lập vị cao trọng tốt phẩm. Vậy thì thiêng liêng không có giới hạn, tức là Đạo không có giới hạn. Ấy là cơ bí mật của Đạo vậy.

Chư Hiền hữu cùng chư Hiền muội sẽ thấy rằng: Thầy không quyết định trách nhiệm của mỗi Chức sắc HTĐ, bởi có mà gây nên lầm điều trắc trở trong phẩm trật của cả Thiên phong, tức là để tự nhiên cho cả Chức sắc HTĐ lập vị mình thế nào cho xứng đáng cùng phẩm định.

CTĐ là Đồi, mà HTĐ là Đạo, cho nên buộc Đồi phải nương Đạo mà lập ra thiết tướng, mới mong độ rỗi nhơn sanh chuyển cơ tạo hóa. Cái hệ trọng là nếu không có HTĐ thì không có Đạo. Trời Đất qua chớ Đạo không qua, nhơn loại tuyệt chớ HTĐ không tuyệt.

HTĐ là tay vén màn bí mật cho sự hữu hình và sự vô vi hiệp làm một, tức là tay làm cho Đạo với Đồi tương đắc vậy.

Vì có ấy mà Thầy giáng cơ buộc cả chư môn đệ Thầy chẳng khi nào đặng phép trái mạng linh của Thầy.

Dưới đây Thầy đã nói rõ:

PCT: *Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền thiêng liêng mối Đạo, hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.*

CG: Thầy là chúa cả CKTG, tức là chúa tể sự vô vi, nghĩa là chủ quyền của Đạo, mà hễ chủ quyền Đạo ngự nơi nào thì Đạo ở nơi ấy. Thầy đã nói HTĐ là nơi Thầy ngự, ấy là nơi Thầy cầm quyền thiêng liêng mối Đạo. Vậy Đạo còn thì tòa ngự của Thầy là HTĐ vẫn còn, hễ nói Đạo chẳng hề khi nào bị diệt, vì Đạo diệt thì là tận thế, vậy thì Đạo chưa tuyệt ắt HTĐ cũng không tuyệt."

"Trước đã nói, HTĐ là chơn thần, CTĐ là xác thịt, BQĐ là linh hồn. Hồn đặng tương hiệp cùng xác phải nhờ chơn thần, chơn thần lại là Bán Hữu hình, tiếp vô vi mà hiệp cùng hình thể, cũng như Đạo tiếp Thánh đức của các Đấng thiêng liêng mà rưới chan cho nhơn loại. Nhơn loại đặng hiệp cùng Trời thể nào thì CTĐ phải liên hiệp cùng BQĐ thể ấy.

BQĐ là hồn của Đạo, mà Thầy đã nắm chặt phần hồn thì xác phải nương theo hồn mới mong giữ bền sanh hoạt. Hồn Đạo, Thầy đã nắm chặt rồi thì Đạo chẳng hề khi nào còn chịu dưới tay phàm nữa. Ấy vậy, Thầy nói không chịu giao Thánh giáo cho tay phàm là tại vậy."

Đó là nói về *sở dụng thiêng liêng* của HTĐ.

Còn *sở dụng phàm trần* của HTĐ là cầm quyền luật lệ, đó là cơ quan Tư pháp của Đạo.

B. HTĐ là cơ quan Tư pháp của Đạo:

CGPCT: *"Còn phần phàm trần thì cầm quyền luật lệ."*

HTĐ là hình trạng Ngọc Hư Cung tại thế. Nơi cõi thiêng liêng, Ngọc Hư Cung nắm Thiên điều thì nơi cõi phàm trần, HTĐ nắm giữ về luật pháp. HTĐ lo bảo hộ luật Trời và luật Đạo, gìn giữ cho Đạo khỏi qui phạm, nâng đỡ cho Trời vào Thánh vị, chẳng ai qua luật mà HTĐ chẳng biết.

Như thế, về mặt Bán Hữu hình, tức là sở dụng phàm trần mà Đức Chí Tôn đặt cho HTĐ, là cơ quan Tư Pháp của Đạo. (Tư

là quản lý, Tư pháp là quản lý luật pháp, xử trị người vi phạm luật pháp)

Quyền Tư Pháp của đời là để bảo vệ pháp luật của đời, có nhiệm vụ giải thích pháp luật tùy trường hợp thực tế để mọi người biết tôn trọng luật pháp ấy, nghĩa là giải quyết các vụ tranh tụng quyền lợi giữa nhân dân (dân sự) và trừng trị những tội xâm phạm pháp luật (hình sự).

Quyền Tư Pháp của Đạo do HTĐ nắm giữ, có phận sự bảo thủ luật pháp chơn truyền của Đức Chí Tôn, gìn giữ các cơ quan Hành Chánh Đạo dĩ trong khuôn viên Đạo pháp.

Chức sắc HTĐ có 3 Chi: Pháp, Đạo, Thế.

Ba Chi này đều có phận sự về Tư Pháp, phân ra:

- Chi Pháp: phận sự xét xử, định án.
- Chi Đạo: phận sự cải án, binh vực.
- Chi Thế: phận sự buộc tội.

Các Chức sắc cao cấp HTĐ cầm quyền Tư pháp của Đạo có thể so sánh giống như Tối Cao Pháp Viện của quyền đời, cầm quyền Tư pháp của một nước theo thể chế dân chủ Tây phương.

Đức Chí Tôn đã tổ chức nền Đạo Cao Đài, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thật là dân chủ.

Dân chủ là toàn dân làm chủ, mà toàn dân của Đức Chí Tôn là toàn thể Nhơn loại trên mặt địa cầu này, do Vạn linh đầu kiếp xuống cõi trần lập nên. Cho nên quyền làm chủ của toàn Nhơn loại là quyền làm chủ của Vạn linh.

Do đó, trong nền Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn phân ra 3 quyền tương ứng với 3 Đài:

- Cửu Trùng Đài: **Quyền Hành pháp.**
- Hiệp Thiên Đài: **Quyền Tư Pháp.**
- Bát Quái Đài: **Quyền Lập pháp.**

Đức Chí Tôn, chương quản BQĐ, sau khi lập Pháp Chánh Truyền thành lập Đạo Cao Đài xong thì Đức Chí Tôn giao quyền lập pháp lại cho Vạn linh, để Vạn linh tự lập luật tu hành cho hợp với trình độ tiến hóa của Vạn linh.

Quyền Vạn Linh được lập thành do Ba Hội, gọi là Ba Hội lập Quyền Vạn linh, gồm:

- Hội Nhơn Sanh
- Hội Thánh.
- Thượng Hội.

Ba Hội lập Quyền Vạn linh đã lập thành Tân Luật, dâng lên Đức Chí Tôn, được Đức Chí Tôn chuẩn nhận.

Vậy, trong Đạo Cao Đài, Ba Hội lập Quyền Vạn linh thì lập pháp, Cửu Trùng Đài thì hành pháp, Hiệp Thiên Đài thì tư pháp. (Xem chi tiết nơi chữ: **Hội Quyền Vạn linh, phần chữ HỘI**).

II. Các phẩm cấp Chức sắc HTĐ:

A. Chức sắc cao cấp HTĐ:

Chức sắc cao cấp của HTĐ do Đức Chí Tôn lập thành gồm 15 vị, với 6 phẩm cấp và 3 Chi, kể ra:

- Đức Hộ Pháp, chưởng Quản HTĐ và Chi Pháp.
- Đức Thượng Phẩm, chưởng quản Chi Đạo.
- Đức Thượng Sanh, chưởng quản Chi Thế.
- Dưới có Thập nhị Thời Quân, mỗi Chi có 4 vị Thời Quân, sắp theo thứ tự từ trên xuống là: Bảo, Hiến, Khai, Tiếp.

| 1. | HỘ PHÁP | |
|-----------------------|------------------|--------------------|
| 2. THƯỢNG PHẨM | | THƯỢNG SANH |
| | <i>(Chi Đạo)</i> | <i>(Chi Pháp)</i> |
| | <i>(Chi Thế)</i> | |
| 3. BẢO ĐẠO | BẢO PHÁP | BẢO THẾ |
| 4. HIẾN ĐẠO | HIẾN PHÁP | HIẾN THẾ |
| 5. KHAI ĐẠO | KHAI PHÁP | KHAI THẾ |
| 6. TIẾP ĐẠO | TIẾP PHÁP | TIẾP THẾ |

B. Chức sắc HTĐ cấp dưới:

Năm 1935, nhiều Đạo hữu dày công với Đạo xin cầu phong, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ phê: Để cho HTĐ định vị.

Ngày 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935), Đức Phạm Hộ Pháp cầu hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thì Ngài giáng cơ cho biết:

Ngài vâng Thánh chỉ của Đức Chí Tôn lập các phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân, để làm tay cho quyền Tư pháp của Đạo, bảo thủ luật pháp chơn truyền của Đạo.

Bài Thánh Ngôn này của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn rất quan trọng, xin chép nguyên văn ra sau đây:

Tòa Thánh, ngày 16 tháng 2 năm Ất Hợi (dl 20-3-1935)

CHƯƠNG ĐẠO

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ou Victor Hugo.

Thưa Hộ Pháp,

Bần đạo để lời chia vui cùng Ngài. Khi hôm qua, nhờ có Thánh chỉ Chí Tôn nên mới rộng đường xuất Thánh . . .

Bần đạo có để lời trân trọng cầu thường cho các học tu nên mới đặt cao phong phẩm giá.

Cười... Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba: Pháp, Đạo, Thế, thì theo sự hiểu biết của Bần đạo như vậy:

SĨ TÀI là Secretaire archiviste.

Lên phẩm TRUYỀN TRẠNG là Greffier.

Rồi lên phẩm THỪA SỬ là Commissaire de la Justice.

Phẩm GIÁM ĐẠO là Inspecteur.

Lên phẩm CẢI TRẠNG là Avocat.

Lên CHƯƠNG ÁN là Chancelier.

Lên phẩm ấy rồi, tùy phái lên Đại vị HTĐ, nhưng phải biết rằng CHƯƠNG ÁN phải lên Đại vị TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN mà đặc phong phổ thông đặt một nước nào rồi mới vào chánh vị.

Lợi và mấy vị kia là Sĩ Tài của HTĐ mà thôi. Thăng.

(Trích trong quyển Đạo Sử II trang 318 của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu)

"Sau nữa, Đức Phạm Hộ Pháp ra Sắc Lệnh số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (dl 11-7-1936) mở khoa mục tuyển chọn thêm một cấp nữa là LUẬT SỰ (*Agent judiciaire*) của HTĐ đặt làm tay chơn của quyền Tư pháp."

Tóm tắt: Chức sắc cấp dưới Thập nhị Thời Quân gồm 8 phẩm cấp, kể ra như sau:

1. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (*Instructeur*)
2. Chưởng Ân (*Chancelier*)
3. Cải Trạng (*Avocat*)
4. Giám Đạo (*Inspecteur*)
5. Thừa Sứ (*Commissaire de Justice*)
6. Truyền Trạng (*Greffier*)
7. Sĩ Tài (*Secrtaire Archiviste*)
8. Luật Sự (*Agent Judiciaire*).

C. Bên cạnh các Chức sắc HTĐ vừa kể trên, HTĐ còn có 3 Chức sắc đặc biệt thuộc 3 Chi là:

- Hộ Đoàn Pháp Quân (chi Pháp)
- Hữu Phan Quân (chi Đạo)
- Tả Phan Quân (chi Thế).

(Xem chi tiết nơi mỗi chữ này trong CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN).

III. Đối phẩm Chức sắc HTĐ và CTĐ:

(Xin đọc giả xem "Bảng Đối phẩm Chức sắc các cơ quan" nơi trang 16 của quyển CAO ĐÀI TỪ ĐIỂN này).

IV. Quyền hành, Nhiệm vụ, Đạo phục:

A. Chức sắc Đại vị HTĐ:

Chức sắc Đại vị HTĐ gồm 15 vị do Đức Chí Tôn lập thành gồm: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và 12 Thời Quân thuộc 3 Chi: Pháp, Đạo, Thế.

Quyền hành, Nhiệm vụ, Đạo phục của chư Chức sắc Đại vị HTĐ được qui định chi tiết rõ ràng trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải, ngoài ra còn được bổ sung bởi **Hiển pháp và Nội luật HTĐ ngày 15-2-Nhâm Thân** (dl 21-3-1932) do Đức Phạm Hộ Pháp và chư vị Thời Quân quyết nghị lập nên, **Hiển pháp HTĐ ngày mùng 8-Giêng-Giáp Thìn** (dl 20-2-1964) và **Hiển pháp HTĐ bổ túc ngày 27-2-Ất Ty** (dl 29-3-1965).

B. Chức sắc HTĐ cấp dưới:

Quyền hành, Nhiệm vụ, Đạo phục, Thăng thưởng của Chức sắc HTĐ cấp dưới từ phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn xuống phẩm Luật Sự, được qui định trong **Hiển pháp Chức sắc HTĐ** được Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ chấp thuận và Đức Cao Thượng Sanh ban hành ngày 16-11-Bính Ngọ (dl 27-12-1966).

Sau đây xin chép lại nguyên văn Hiển pháp này:

Hiển Pháp Chức Sắc HTĐ

HIỆP THIÊN ĐÀI
Văn Phòng
THƯỢNG SANH

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(*Tứ thập nhị niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

Số: 002/TL

THƯỢNG SANH
CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu Hiển pháp và Nội Luật HTĐ ngày 15-2-Nhâm Thân (dl 21-3-1932),

Chiếu Hiển pháp HTĐ ngày 8-Giêng-Giáp Thìn (dl 20-2-1964) và Hiển pháp HTĐ bổ túc ngày 27-2-Ất Tỵ (dl 29-3-1965),

Chiếu Thánh giáo Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đêm 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935) chỉ giáo về phẩm vị Chức sắc HTĐ từ hàng Sĩ Tải lên Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,

Chiếu Sắc Lệnh số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (dl 11-7-1966) của Đức Hộ Pháp mở khoa mục cho phẩm Luật Sự dưới phẩm Sĩ Tải,

Chiếu Vi Bằng số 009/VB ngày 30-4-Bính Ngọ (dl 18-6-1966) Hội Thánh HTĐ đã nghiên cứu và thành lập bản Hiển pháp Chức sắc Hiệp Thiên Đài ,

Chiếu Thánh giáo của Đức Hộ Pháp đêm 15-11-Bính Ngọ (dl 26-12-1966) chấp thuận toàn diện bản Hiến pháp nói trên, nên:

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhất: Nay ban hành bản Hiến pháp Chức sắc HTĐ đính theo đây, kể từ ngày ký tên Thánh Lệnh này.

Điều thứ nhì: Hội Thánh HTĐ, Hội Thánh CTĐ, và Hội Thánh Phước Thiện Nam Nữ tùy nhiệm vụ ban hành và thi hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh, ngày 16 tháng 11 Bính Ngọ (dl 27-12-1966)

THƯỢNG SANH

Cao Hoài Sang

(ấn ký)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Tứ thập nhất niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

HIẾN PHÁP

Chức sắc HIỆP THIÊN ĐÀI từ phẩm Tiếp dẫn Đạo Nhơn sắp xuống Luật Sự.

Chiếu Thánh giáo của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đêm 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935) chỉ giáo về phẩm vị của Chức sắc Hiệp Thiên Đài từ hàng Sĩ Tải lên Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Nghĩ vì Hội Thánh HTĐ, ngoài Thập nhị Thời Quân, còn nhiều phẩm Chức sắc cấp dưới để bảo thủ Luật pháp Chơn truyền của nền Đại Đạo và được qui định như dưới đây:

Chương I

Điều thứ nhất: Phẩm vị.

Phẩm trật Chức sắc HTĐ từ hàng Sĩ Tải lên Tiếp Dẫn Đạo Nhơn ấn định theo đẳng cấp sau đây:

- Sĩ Tải

- Truyền Trạng
- Thừa Sử
- Giám Đạo
- Cải Trạng
- Chưởng Ấn
- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Điều thứ nhì: Còn thêm một phẩm Luật Sự dưới cấp Sĩ Tải được thành lập bởi Sắc Lệnh của Đức Hộ Pháp số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (dl 11-7-1936). Phẩm này do khoa mục tuyển chọn.

Chương II

Điều thứ ba: Quyền hành và trách nhiệm của mỗi phẩm.

1. Phẩm LUẬT SỰ: Luật Sự là phẩm chốt của HTĐ.

- Sau thời gian tập sự một năm, Luật Sự được Hội Thánh HTĐ nhìn nhận vào hàng Luật Sự chánh vị.
- Luật Sự có bốn phận hành sự tại các Văn phòng của Hội Thánh HTĐ ba Chi: Pháp, Đạo, Thế.

2. Phẩm SĨ TẢI: Phẩm Sĩ Tải là Chức sắc HTĐ. Sĩ Tải có phận sự:

- Minh Tra công nghiệp cầu phong và cầu thăng.
- Thẩm vấn chư Lễ Sanh, Giáo Thiện, Chức Việc, Đạo hữu Nam Nữ Hành Chánh và Phước Thiện phạm pháp.
- Giữ gìn hồ sơ lưu trữ.
- Được làm Bí Thư cho Chức sắc cao cấp các Văn phòng Hội Thánh HTĐ ba Chi: Pháp, Đạo, Thế.
- Được bổ dụng hành sự Pháp Chánh địa phương.

3. Phẩm TRUYỀN TRẠNG: Truyền Trạng có phận sự:

- Được quyền thu nhận các đơn trạng và vâng lệnh ban hành các án tiết của Tòa HTĐ. Trong lúc hành quyền tại Bộ Pháp Chánh thì được lãnh nhiệm vụ:
 - a) Minh tra công nghiệp chư Chức sắc, Chức Việc Nam Nữ các cơ quan Đạo.

b) Thẩm vấn Chức sắc, Chức Việc và Đạo hữu Nam Nữ bị truy tố.

- Được làm Đầu phòng văn cho chư vị Thời Quân.

4. Phẩm THỪA SỬ: Thừa SỬ có phạm sự:

1. Trong lúc hành quyền tại Bộ Pháp Chánh thì được lãnh nhiệm vụ:
 - a) Hòa giải giữa tiên cáo và bị cáo.
 - b) Làm Trưởng phòng Minh Tra và Thẩm Vấn.
2. Được phụ tá Thời Quân dự Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Phước Thiện để bảo thủ luật pháp Đạo.
3. Được làm Quản Văn phòng cho chư vị Thời Quân.

5. Phẩm GIÁM ĐẠO: Giám Đạo có phạm sự:

- Được đi thanh tra về mặt luật pháp trong các cơ quan Chánh Trị Đạo từ trung ương đến địa phương khi có thượng lệnh.
- Được quyền thay mặt Hội Thánh HTĐ giao tiếp với các tôn giáo khi có lệnh của Chương Quản HTĐ hay của Hội Thánh HTĐ.
- Được quyền thay mặt Bộ Pháp Chánh bảo thủ luật pháp nơi các phiên Đại Hội Hội Thánh CTĐ và Đại Hội Hội Thánh Phước Thiện.
- Được cầm quyền Pháp Chánh một Trấn Đạo khi có thượng lệnh.
- Có quyền điều tra lại các vụ án khiếu nại.
- Được quyền làm Giảng viên các khóa huấn luyện Chức sắc về mặt luật pháp khi có sự yêu cầu của Hội Thánh CTĐ và khi có lệnh của Hội Thánh HTĐ.
- Được làm Tổng Quản Văn phòng cho chư vị Thời Quân

6. Phẩm CẢI TRẠNG: Cải Trạng có phạm sự:

- Biện hộ trong các phiên Tòa của Đạo.
- Có quyền xin đình ngày xử các phiên Tòa nếu cần điều tra bổ túc.
- Được quyền làm Giảng viên về Luật pháp tại Hạnh Đường nếu có sự yêu cầu của Hội Thánh CTĐ và khi có lệnh của Hội Thánh HTĐ.

- Được quyền thay mặt Bộ Pháp Chánh bảo thủ luật pháp trong các phiên Đại Hội Hội Thánh và Đại Hội Phước Thiện.
- Có quyền giao tiếp với các tôn giáo khi có thượng lệnh.

7. Phẩm CHƯỜNG ẮN: Chưởng Ẩn có phận sự:

- Được quyền chủ tọa các phiên Tòa HTĐ khi có đề nghị của Bộ Pháp Chánh và sự chấp thuận của Chưởng quản HTĐ.
- Được quyền làm Trưởng phòng Kiểm Ẩn và quyết định thu nhận hay bác bỏ những đơn khiếu nại hay thượng tố.

Nhưng vị Chưởng Ẩn có chủ tọa phiên Tòa đã xử, không được quyền thu nhận hay bác bỏ đơn khiếu nại, thượng tố của can phạm bị kết án do phiên Tòa này.

8. Phẩm TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN:

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn:

- Có sứ mạng phổ thông Chơn đạo ở ngoại quốc.
- Được quyền đi dự hội với các tôn giáo quốc tế khi có lệnh.

Điều thứ tư: Mặc dầu quyền hành và trách nhiệm của mỗi cấp qui định như trên, tuy nhiên trong trường hợp thiếu Chức sắc mà cấp dưới có khả năng thì có thể được bổ dụng lãnh phận sự cấp trên với địa vị của mình đương có tùy ý định của Chưởng Quản HTĐ.

Chương III

Điều thứ năm: Đạo phục của mỗi phẩm Chức sắc HTĐ.

1. Đạo phục của Luật Sự: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, hai bên vai áo có dấu hiệu Tam giáo và Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng mang dây nịt trắng, đầu đội Khôi Nguyên Mạo, trước mào có thêu Thiên

Nhãn, có dấu hiệu Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình và hai chữ Luật Sự bằng quốc tự.

2. Đạo phục của Sĩ Tài: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo, hai bên mào có dấu hiệu Tam giáo và Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng mang dây nịt trắng, đầu đội Khôi Nguyên Mạo, trước mào có thêu Thiên Nhãn, có dấu hiệu Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình và hai chữ Sĩ Tài bằng quốc tự.

3. Đạo phục của Truyền Trạng: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục:

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo, hai bên mào có dấu hiệu Tam giáo và Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng mang dây nịt trắng, đầu đội Khôi Nguyên Mạo, trước mào có thêu Thiên Nhãn, có dấu hiệu Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình và hai chữ Truyền Trạng bằng quốc tự.

4. Đạo phục của Thừa Sứ: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo, hai bên mào có dấu hiệu Tam giáo và Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng mang dây nịt trắng, đầu đội Khôi Nguyên Mạo, trước mào có thêu Thiên Nhãn, có dấu hiệu Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình và hai chữ Thừa Sứ bằng quốc tự.

5. Đạo phục của Giám Đạo: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo, hai bên mào có dấu hiệu Tam giáo và Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng mang dây nịt trắng, đầu đội Khôi Nguyên Mạo, trước mào có thêu Thiên Nhãn, có dấu hiệu Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình và hai chữ Giám Đạo bằng quốc tự.

6. Đạo phục của Cải Trạng: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo, hai bên máo có dấu hiệu Tam giáo và Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng mang dây nịt trắng, đầu đội Khôi Nguyên Mạo, trước máo có thêu Thiên Nhân, có dấu hiệu Cổ pháp, trên Cổ pháp có Cân Công bình và hai chữ Cải Trạng bằng quốc tự.

7. Đạo phục của Chưởng Ấn: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo, lưng buộc đường lụa trắng đánh ba tao, dưới có hai tụi trắng, chơn mang giày trắng.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng buộc đường lụa trắng đánh ba tao, dưới có hai tụi trắng đầu đội Hồn Nguơn Mạo, trước máo có thêu Cổ pháp và hai chữ Chưởng Ấn bằng quốc tự, chơn mang giày trắng.

8. Đạo phục của Tiếp Dẫn Đạo Nhơn: có 2 bộ: Đại và Tiểu phục.

a) Đại phục: Mặc áo tràng trắng, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo, lưng buộc đường lụa trắng đánh ba tao, dưới có hai tụi trắng, chơn mang giày trắng.

b) Tiểu phục: Mặc trường y trắng có 6 nút, lưng buộc đường lụa trắng đánh ba tao, dưới có hai tụi trắng đầu đội Hồn Nguơn Mạo, trước máo có thêu Cổ pháp và chữ Tiếp Dẫn Đạo Nhơn bằng quốc tự, chơn mang giày trắng.

Điều thứ sáu: Khi thọ mạng lệnh của Chưởng quản HTĐ hay của Thập nhị Thời Quân, từ phẩm Sĩ Tả đến phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn được buộc dây Sắc Lệnh nơi mình trong lúc hành sự, nhưng phải tùy theo Chi của vị Chưởng quản HTĐ hay của vị Thời Quân ra lệnh mà thả mối. Trường hợp mang dây Sắc Lệnh phải ghi rõ trong Thánh Lệnh giao phó nhiệm vụ cho đương sự.

Chương IV

Điều thứ bảy: Việc cầu phong và thăng thưởng Chức sắc HTĐ.

1. Phẩm LUẬT SỰ:

- Luật Sự sau khi đã đắc khoa mục phải tập sự một năm tại Bộ Pháp Chánh hay các Văn phòng Thập nhị Thời Quân.
- Sau một năm tập sự không gián đoạn, được nhìn nhận vào hàng Luật Sự chánh vị.
- Luật Sự muốn lên phẩm Sĩ Tài phải có đầy đủ 5 năm công nghiệp với chức vụ (kể luôn một năm tập sự) và có minh tra đủ lễ.

2. Phẩm SĨ TÀI:

- Sĩ Tài muốn thăng phẩm Truyền Trạng, phải có đầy đủ 5 năm công nghiệp với chức vụ và có sự minh tra đủ lễ.

3. Phẩm TRUYỀN TRẠNG:

- Truyền Trạng muốn thăng phẩm Thừa Sứ, phải có đầy đủ 3 năm công nghiệp với chức vụ và có sự minh tra đủ lễ.

4. Phẩm THỪA SỨ:

- Thừa Sứ muốn thăng phẩm Giám Đạo, phải có đầy đủ 3 năm công nghiệp với chức vụ và có sự minh tra đủ lễ.

5. Phẩm GIÁM ĐẠO:

- Giám Đạo muốn thăng phẩm Cải Trạng, phải có đầy đủ 3 năm công nghiệp với chức vụ và có sự minh tra đủ lễ.

6. Phẩm CẢI TRẠNG:

- Cải Trạng muốn thăng phẩm Chưởng Ấn, phải có đầy đủ 3 năm công nghiệp với chức vụ và có sự minh tra đủ lễ.

7. Phẩm CHUỖNG ẤN:

- Chưởng Ấn phải đầy đủ 3 năm công nghiệp với chức vụ và có minh tra đủ lễ mới được cầu thăng lên Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

8. Phẩm TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN:

- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đặc công phổ độ một nước có bằng cơ cụ thể, khi trở về được cầu thăng vào hàng Thập nhị Thời Quân chánh vị khi có khuyết tịch.

Điều thứ tám: Cầu thăng đặc biệt.

Ngoài luật định cầu phong và cầu thăng của mỗi cấp bậc kể trên, những Chức sắc HTĐ còn được hưởng trường hợp đặc biệt như:

a) Có công nghiệp phi thường được công chúng hoan nghinh, có bằng cơ xác đáng và Bộ Pháp Chánh minh tra đủ lẽ.

b) Có khổ hạnh trong trách vụ hành đạo và có Bộ Pháp Chánh minh tra đủ lẽ, thì được vị Thời Quân Chương Quản đề nghị cầu thăng thưởng đặc biệt. Sự cầu thăng thưởng đặc biệt không áp dụng trong trường hợp Chức sắc bị tù tội hay giam cầm vì những hành vi trái với luật pháp chơn truyền của Đạo.

Điều thứ chín: Những cấp bậc nào được thiêng liêng giáng cơ phong thưởng tại Cung Đạo Đền Thánh thì mới ra ngoài luật định kể trên.

Bản Hiến pháp này, Hội Thánh HTĐ đã dâng lên Đức Hộ Pháp cầu xin chỉnh sửa và phê chuẩn, được Đức Ngài chấp thuận toàn diện do đàn cơ đêm rằm tháng 11 năm Bính Ngọ (dl 26-12-1966).

Ghi thêm về Đạo phục của Thời Quân:

Đức Phạm Hộ Pháp có dạy Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa về Đạo phục như vậy:

Thêm vào Đại phục và Tiểu phục hiện thời, Đức Hộ Pháp và chư vị Thời Quân có thêm một kiểu Đạo phục mới nữa:

Áo cổ bẻ, có yếm tâm trước ngực, tay ráp rộng 25 phân. Mão Tam Quang (Nhật, Nguyệt, Tinh) tức là kiểu mão của Đức Khổng Phu Tử trị thế ngày xưa, màu trắng, có thêu chỉ kim tuyến vàng, trước mão thêu Nhật ở giữa, Nguyệt bên hữu, Tinh bên tả, trong vòng Minh Khí, mặt Nhật có Cổ pháp của mỗi Chi, mỗi bên hông mão thêu 6 ngôi sao tám góc và 6 đường linh khí.

Đạo phục này dùng hành lễ ngày thường.

Mỗi khi có Tiểu đàn, Đức Hộ Pháp mặc Đạo phục cũng y như trên mà màu vàng.

Ngang hông vẫn buộc dây Sắc Lịnh, bỏ mối tùy theo Chi.

Giải thích thêm về quyền hành của HTĐ: Dây Sắc Lịnh.

Trong PCT, Đức Chí Tôn có nói: Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành Đạo, Thầy cho các con biết trước rằng: Hề trọng quyền ắt có trọng phạt.

Vì lời khuyên ấy mà Đức Lý Giáo Tông buộc cả Chức sắc HTĐ phải Minh thệ giữa Hội Thánh: Giữ dạ vô tư mà hành sự. Lại muốn tỏ ra rằng Chức sắc HTĐ thật trọng quyền, Ngài mới ban cho dây Sắc Lịnh.

Khi một Chức sắc HTĐ mang dây Sắc Lịnh hành sự thì mọi người đều phải trọn tuân theo, dầu phải, dầu không, không được cưỡng lại, chỉ có Hội Thánh mới có quyền định tội hay trừng phạt vì ấy mà thôi.

Dưới đây xin sao lục lời của Ngài Khai Pháp giải về quyền năng của dây Sắc Lịnh (Thơ số 1421/PC) đáp hồi thơ số 47 ngày 23-9-Mậu Tý (dl 25-10-1948) của Thừa Sứ Nguyễn Huọt Hải, Pháp Chánh Kim Biên:

1) Về quyền năng thiêng liêng: Người được HTĐ ban dây Sắc Lịnh là người đại diện của Hộ Pháp trong khi hành sự, quyền hành y như Hộ Pháp khi thi hành mạng lịnh của Hộ Pháp.

Dây Sắc Lịnh là tượng diện của luật pháp, chẳng một quyền nào tương đối lại đặng khi hành pháp. Thẳng như quá quyền thì người đại diện đó phải mang trọng tội là lợi dụng hay là phỉ nhục Hộ Pháp.

2) Về quyền năng hữu hình: Cả cơ quan hữu vi của Đạo, dầu trọng dầu khinh, đều phải cúi đầu vâng phục người thay mặt cho Thiên điều tại thế, tổng hợp cả quyền Tam giáo nơi mình đặng thi hành luật pháp.

Vì quyền hạn của Chức sắc HTĐ, dầu thượng cấp dầu hạ cấp, hề Hộ Pháp ban cho tới đâu thì hành quyền tới đó, nó

không có giới hạn định chắc cao hay thấp. (Hai đoạn trên trích trong quyển Chánh Trị Đạo của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, trang 67-68)

V. Các cơ quan trực thuộc HTĐ:

HTĐ có ba Chi: Pháp, Đạo, Thế. Nên HTĐ có lập ra nhiều cơ quan trực thuộc ba Chi ấy, kể ra:

1. BỘ PHÁP CHÁNH:

Theo Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) thì gọi là Tòa Đạo, nhưng đến ngày 15-10-Đinh Hợi (dl 27-11-1947), Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đổi tên lại gọi là Bộ Pháp Chánh.

Đây là cơ quan trực thuộc Chi Pháp, do một vị Thời Quân chi Pháp làm Chủởng quản.

Bộ Pháp Chánh được xem là Bộ Tư Pháp của Đạo, quản lý luật pháp của Đạo, tổ chức các phiên Tòa để xử trị Chức sắc hay tín đồ vi phạm luật pháp của Đạo. (Xem chi tiết nơi chữ: Bộ Pháp Chánh, văn B).

2. CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN:

CQPT có nhiệm vụ cứu khổ và tận độ chúng sanh, với Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, trực thuộc chi Đạo, do một vị Thời Quân chi Đạo làm Thống Quản. (Xem chi tiết nơi chữ: Phước Thiện, văn P)

3. TỊNH THẮT:

Tịnh Thắt được Đức Phạm Hộ Pháp lập ra gồm có 3 Cung trong 3 Động, trực thuộc chi Đạo, do một vị Thời Quân chi Đạo làm Thống Quản, kể ra:

- **Trí Huệ Cung Thiên Hỷ Động:** Nơi tu chơn của Nữ phái.
- **Trí Giác Cung Địa Linh Động:** Nơi tu chơn của cả tín đồ Nam và Nữ phái.
- **Vạn Pháp Cung Nhơn Hòa Động:** Nơi tu chơn của các tín đồ Nam phái.

4. BAN THẾ ĐẠO:

Ban Thế Đạo là cơ quan độ dẫn các trí thức và quan chức đang làm việc nơi các cơ quan của đời, đi vào cửa Đạo. Ban Thế Đạo trực thuộc chi Thế, do một Thời Quân chi Thế làm Chưởng quản. (Xem chi tiết nơi chữ: Ban Thế Đạo, văn B)

5. ĐẠI ĐẠO THANH NIÊN HỘI:

Cơ quan này để qui tụ và huấn luyện các thanh niên con em trong Đạo. Sự huấn luyện nhằm vào Đức dục, Thể dục và Trí dục, đào tạo một lớp thanh niên có đạo đức và tài năng, hữu dụng cho Đời và cho Đạo mai sau. Cơ quan này trực thuộc chi Thế. (Xem chi tiết nơi chữ: Đại Đạo Thanh Niên Hội, văn Đ)

VI. Các Chức sắc Đại vị HTĐ đầu tiên:

Đức Chí Tôn lập pháp HTĐ ngày 12-Giêng-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong các vị sau đây vào các phẩm Chức sắc cao cấp HTĐ.

Đặc biệt 3 phẩm: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh Đức Chí Tôn phong cho 3 vị có tuổi liên tiếp là: Tý, Sửu, Dần; còn Thập nhị Thời Quân, mỗi vị có tuổi là một con Giáp, 12 vị đủ 12 con Giáp:

- Hộ Pháp: Phạm Công Tắc, tuổi Canh **Dần** (1890)
- Thượng Phẩm: Cao Quỳnh Cư, tuổi Mậu **Tý** (1888)
- Thượng Sanh: Cao Hoài Sang, tuổi Tân **Sửu** (1901)
- Bảo Pháp: Nguyễn Trung Hậu, tuổi Nhâm **Thìn** (1892)
- Hiến Pháp: Trương Hữu Đức, tuổi Canh **Dần** (1890)
- Khai Pháp: Trần Duy Nghĩa, tuổi Mậu **Tý** (1888)
- Tiếp Pháp: Trương Văn Tràng, tuổi Quý **Ty** (1893).
- Bảo Đạo: Ca Minh Chương, tuổi Canh **Tuất** (1850)
- Hiến Đạo: Phạm Văn Tươi, tuổi Bính **Thân** (1897)
- Khai Đạo: Phạm Tấn Đãi, tuổi Tân **Sửu** (1901)
- Tiếp Đạo: Cao Đức Trọng, tuổi Đinh **Dậu** (1897).
- Bảo Thế: Lê Thiện Phước, tuổi Ất **Mùi** (1895)

- Hiến Thế: Nguyễn Văn Mạnh, tuổi Giáp **Ngọ** (1894)
- Khai Thế: Thái Văn Thâu, tuổi Kỷ **Hợi** (1899)
- Tiếp Thế: Lê Thế Vĩnh, tuổi Quý **Mão** (1903)

Trong số Thập nhị Thời Quân, Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương lớn tuổi nhất, nên đăng Tiên sớm nhất (1927). Do đó, năm 1953, Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương giáng cơ, với sự chấp thuận của Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, cầu xin Đức Phạm Hộ Pháp ban cho ông Hồ Tấn Khoa cầm quyền Bảo Đạo tại thế thay Ngài, để cho có đủ Chức sắc Thời Quân làm việc. Đức Phạm Hộ Pháp chấp thuận và sau đó tấn phong ông Hồ Tấn Khoa lên chức Bảo Đạo, cầm quyền tại thế. (Xem chi tiết nơi chữ: **Bảo Đạo Ca Minh Chương, phần chót**)

VẤN ĐỀ 1: Tại sao Đức Chí Tôn lập pháp HTĐ sau CTĐ?

Trong diễn văn đọc ngày 14-2-Mậu Thìn (dl 5-3-1928) tại Tòa Thánh, Đức Phạm Hộ Pháp giải thích như sau:

"Như Tân Luật ngày nọ thì Đức Lý Giáo Tông hội cùng chư Thánh mà lập thành, chớ Thầy chưa hề biết đến, chỉ ngày dâng lên cho Thầy thì nó đã trở thành Thiên Luật mà thôi.

Hễ Thiên Luật thì phải vô tư, tử như Thiên điều, dầu cho chính mình Thầy là Chí Tôn cũng chẳng vị tình.

Bởi cơ mà khi lập Pháp Chánh Truyền, Thầy không lập Hiệp Thiên Đài một lượt với Cửu Trùng Đài, e cho cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài ra ngoại luật. Thầy lại để cho các Chức sắc ấy dự hội lập luật cùng chư Chức sắc CTĐ, thì phạm thân của họ cũng phải dưới quyền luật lệ ấy như mọi người vậy."

VẤN ĐỀ 2: Tại sao Đức Chí Tôn giao cho HTĐ cầm quyền nền Đạo?

Theo bài Thánh Ngôn của Bát Nương ngày 12-2-1934 (âl 29-12-Quý Dậu) có in trong TNHT, Bát Nương cho biết: Khi lập Đạo năm Bính Dần (1926), Ngọc Hư Cung định giao cho HTĐ cầm quyền nền Đạo, nhưng Đức Chí Tôn trở pháp, không giao cho HTĐ mà lại giao cho CTĐ cầm quyền nền Đạo.

Trích ra sau đây một đoạn trong bài Thánh Ngôn trên:

"EM nhớ lại, khi Ngọc Hư Cung định cho HTĐ cầm sổ mạng nhưn sanh, lập thành Chánh giáo thì Đại Từ Phụ lại trở pháp, giao quyền ấy cho CTĐ.

Cả Ngọc Hư, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều ngạc nhiên sự lạ. Đại Từ Phụ phổ giáo rằng: Hay! Hay! Không lẽ để phận hèn, ngày sau sẽ rõ Thánh ý Người quyết liệu."

Do đó, từ năm 1926 đến 1934, chúng ta thấy quý Chức sắc cao cấp CTĐ cầm quyền nền Đạo, gồm: Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, ba Chánh Phối Sư sau được thăng lên Quyền Đầu Sư: Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh.

Nhưng sau đó, nội bộ Chức sắc CTĐ chia rẽ trầm trọng khiến cho quý Chức sắc cao cấp tách ra khỏi Tòa Thánh Tây Ninh để lập Chi phái như:

- Phối Sư Thái Ca Thanh lập phái Minh Chơn Lý.
- Hai Ngài Quyền Đầu Sư: Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh lập Ban Chính Đạo, rồi biến thành chi phái Bến Tre.

Các Đấng nơi Ngọc Hư Cung nhận thấy quý Chức sắc CTĐ cầm quyền nền Đạo không hiệu quả, nên chuyển pháp, truat quyền CTĐ, giao cho HTĐ cầm quyền nền Đạo.

Do đó, bài thi trong phần Thi văn dạy đạo có hai câu:

TNHT:

***Cửu Trùng không ké an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.***

Cho nên đến ngày 13-10-Giáp Tuất (dl 19-11-1934), Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung qui Thiên, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ giao quyền Giáo Tông tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp. Điều này được xác nhận qua bài Thánh Ngôn của Đức Lý Giáo Tông ngày 13-11-1935 (âl 18-10-Ất Hợi):

TNHT: "Lão để lời cảm ơn Hộ Pháp đã chịu lăm phen nhọc nhằn khổ não làm cho nền Đạo ngày nay đặng ra thiệt tướng. Lão chĩn thẹn một điều là Lão chưa giúp hay vào đó.

Lão đa tạ, đa tạ!

Hộ Pháp bạch:

- Cười ... Lão chẳng nói rõ, Hiền hữu cũng thấy hiển nhiên rằng từ thử, thằng Lão có muốn nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chi đặng với một Hội Thánh hữu hư vô thiệt, như vậy có phải?

May thay! Thiên thơ do một mặt chẳng chi dòi đòi trở ngăn, nên may ra nữa, từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.

Hộ Pháp bạch: - Thiên thơ đã đổi, đệ tử xin giao quyền hành của Quyền Giáo Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ oai cầm Thiên thơ vững chặt.

- Cười ... Lão e cho, một là Lão đã cho, không lẽ lấy lại, hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó, không có nửa quyền trị thế của Lão nơi tay Hộ Pháp, có thể nào điều hành Hội Thánh cho đặng"....

Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên ngày 10-4-Kỷ Hợi (dl 17-5-1959), Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang được cử lên làm Chưởng quản HTĐ, thay Đức Hộ Pháp, nối tiếp cầm quyền nền Đạo, chưởng quản cả Hội Thánh HTĐ và CTĐ. Đến ngày 26-3-Tân Hợi (dl 22-4-1971) thì Đức Cao Thượng Sanh đăng Tiên.

Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức được chur vị Thời Quân cử làm Chưởng quản HTĐ, nối tiếp Đức Thượng Sanh cầm quyền nền Đạo, chưởng quản Hội Thánh Lương Đài cho đến khi Ngài Hiến Pháp đăng Tiên 15-12-Ất Mão (dl 15-1-1976).

ĐÔI LIỄN HIỆP THIÊN ĐÀI:

協入高臺百姓十方歸正果
天開黃道五枝三教會龍花

Phiên âm:

*HIỆP nhập Cao Đài bá tánh thập phương qui Chánh quả,
THIÊN khai Huỳnh Đạo Ngũ chi Tam giáo hội Long hoa.*

Nghĩa là:

Hiệp nhau nhập vào Đạo Cao Đài thì hơn loại trong mười phương sẽ được trở về ngôi chánh quả,

Trời mở Đạo Cao Đài, các Đấng trong Ngũ Chi Đại Đạo và trong Tam Giáo tham dự Đại Hội Long Hoa.

Đôi liễn HTĐ này đặt tại mặt tiền Tòa Thánh Tây Ninh, nơi lâu một gọi là Lầu HTĐ, phía dưới hai chữ Nhơn 仁 Nghĩa 義, gắn trên hai khuôn bông hai bên.

BQĐ: Bát Quái Đài. **HTĐ:** Hiệp Thiên Đài.
CTĐ: Cửu Trùng Đài. **CQPT:** Cơ Quan Phước Thiện.
CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.
PCT: Pháp Chánh Truyền. **CG:** Chú Giải.
TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HIẾU

HIẾU

HIẾU: 孝 Hết lòng với cha mẹ.

Td: Hiếu đễ, Hiếu thân, Hiếu thuận.

Hiếu đạo

孝道

A: The duty of filial piety.

P: Le devoir de la piété filiale.

Hiếu: Hết lòng với cha mẹ. **Đạo:** đường lối và nguyên tắc phải theo thì mới hợp đạo đức và luân lý.

Hiếu đạo là bổn phận làm con phụng dưỡng cha mẹ.

KSH: Làm con phải trau dồi *hiếu đạo*.

KSH: Kinh Sám Hối.

Hiếu đễ

孝悌

A: The filial piety and respect for elder brothers.

P: La piété filiale et respect des aînés.

Hiếu: Hết lòng với cha mẹ. **Đễ:** hòa thuận và kính trọng anh chị trong nhà, trọn bổn phận làm em.

Hiếu để là hiếu thảo với cha mẹ và hòa thuận với anh chị.

TL: Thái Luật, Điều 3: Phải giữ Tam cương, Ngũ thường là nguồn cội của Nhơn đạo: Nam thì *hiếu để*, trung tín,...

TL: Tân Luật.

Hiếu đức trung nhơn

孝德忠仁

Hiếu: Hết lòng với cha mẹ. **Đức:** đạo đức. **Trung:** thành thực hết lòng. **Nhơn:** lòng thương người mền vật.

Đây là một câu trong bài Kinh Nho giáo, ý nói: Đức Khổng Tử có đủ bốn đức tánh: Hiếu, Đức, Trung, Nhơn.

NG: *Hiếu đức trung nhơn*, Vương tân sách phụ,...

NG: Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.

Hiếu hậu vi tiên

孝厚為先

Hiếu: Hết lòng với cha mẹ. **Hậu:** dày dặn, trái với Bạc là mỏng. **Vi:** làm. **Tiên:** trước.

Hiếu hậu vi tiên là việc hết lòng hiếu thảo với cha mẹ phải làm trước hết.

Ông Tăng Tử có nói rằng:

"Hiếu giả bách hạnh chi tiên.

Hiếu chí ư Thiên tắc phong vũ thuận thì,

Hiếu chí ư Địa tắc vạn vật hóa thành,

Hiếu chí ư nhân tắc chúng phúc lai trăn."

Nghĩa là:

Hiếu là nét đứng đầu trăm nét.

Hiếu cảm đến Trời thì mưa gió thuận mùa;

Hiếu cảm đến Đất thì muôn vật hóa thành;

Hiếu cảm đến người thì mọi phước lại đến.

Hiếu thân

孝親

A: The filial piety.

P: La piété filiale.

Hiếu: Hết lòng với cha mẹ. **Thân:** chỉ cha mẹ.

Hiếu thân là hiếu với cha mẹ.

Ông Thái Công có nói rằng:

"Hiếu ư kỳ thân, tử diệc hiếu chi;

Thân kỳ bất hiếu, tử hà hiếu yên?"

Nghĩa là:

Mình hiếu thảo với cha mẹ thì con mình cũng sẽ hiếu thảo với mình; mình không hiếu thảo thì lẽ nào con mình hiếu thảo với mình?

KTCMĐQL: Thon von phận bạc không vừa *hiếu thân*.

KTCMĐQL: Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liều.

Hiếu thuận

孝順

A: The piety and obedience.

P: La piété et obéissance.

Hiếu: Hết lòng với cha mẹ. **Thuận:** thuận thảo với nhau.

Hiếu thuận là hiếu với cha mẹ và thuận với anh chị em.

Ông Thái Công có nói:

"Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử,

Ngỗ nghịch hoàn sanh ngỗ nghịch nhi."

Nghĩa là:

Người hiếu thuận thì sanh con hiếu thuận, người ngỗ nghịch thì sanh con ngỗ nghịch.

HIỂU

Hiểu dụ - Hiểu thị

曉諭 - 曉示

A: Exhortation, Notification, to exhort.

P: Exhortation, Notification, Exhorter.

Hiểu: bảo cho biết. **Dụ:** người trên bảo người dưới. **Thị:** bảo cho biết.

Hiểu dụ, đồng nghĩa Hiểu thị.

Hiểu dụ là người trên bảo cho các người dưới đều biết.

HÌNH

HÌNH

1. **HÌNH:** 形 Cái dáng vấp bề ngoài thấy được.
Td: Hình hoa, Hình nhi hạ.
2. **HÌNH:** 刑 Hình phạt của pháp luật trừng trị.
Td: Hình khổ, Hình sự.

Hình hoa

形花

A: The appearance of a girl.

P: L'apparence d'une fille.

Hình: Cái dáng vấp bề ngoài thấy được. **Hoa:** bông hoa, chỉ người con gái.

Hình hoa là hình ảnh của người con gái.

TNHT: Mềm mỏng *hình hoa* ấy phép tài.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hình khổ

刑苦

A: The torture.

P: Le supplice.

Hình: Hình phạt của pháp luật trừng trị. **Khổ:** đau đớn khổ sở.

Hình khổ là hình phạt khổ sở.

KCS: Thấy *hình khổ* lòng thương thâm thiết.

KSH: Kinh Sám Hối.

Hình nhi hạ học - Hình nhi thượng học

形而下學 - 形而上學

A: Exoterism - Esoterism; Physics - Metaphysics.

P: Exotérisme - Étotérisme; Physique - Métaphysique.

Hình: Cái dáng vấp bề ngoài thấy được. **Nhi:** mà, bèn, tiếng trợ từ dùng để chuyển ý. **Hạ:** thấp. **Thượng:** trên. **Học:** học thuyết.

■ **Hình nhi hạ:** chỉ những vật có hình chất, thuộc hữu hình sắc tướng.

Trong Kinh Dịch có câu: *Hình nhi hạ giả vị chi khí*. Nghĩa là: Từ cái hình chất trở xuống gọi là Khí.

Hình nhi hạ học là cái học ở mức thấp về những cái hữu hình thực tế, quan hệ đến cuộc sống hằng ngày. Đó là cái học Công Truyền, gọi là Hiển giáo.

■ **Hình nhi thượng:** chỉ những cái vô hình, không có hình chất, cũng gọi là Siêu hình, Tinh thần, Đạo.

Trong Kinh Dịch có câu: *Hình nhi thượng giả vị chi Đạo*. Nghĩa là: Từ cái hình chất trở lên gọi là Đạo. Đạo thì vô vi vô ảnh vô hình.

Hình nhi thượng học là cái học ở mức cao về những lẽ vô hình, huyền bí cao siêu, vượt lên trên hình chất. Đó là cái học Bí Truyền, hay Tâm Truyền, gọi là Mật giáo.

Hai phần: Hình nhi hạ học và Hình nhi thượng học giống như thể xác và linh hồn, liên quan mật thiết với nhau, không thể bỏ thấp mà học cái cao, mà phải đi tuần tự từ thấp dần lên cao. Do đó Hình nhi hạ học là phần căn bản thiết yếu.

■ Học thuyết **Nho giáo** phân làm hai phần rõ rệt:

- *Hình nhi Hạ học*: dạy về Quân Tử, Tiểu nhân, Tam cương, Ngũ thường, Chính danh, Tu thân. Đó là Nhơn đạo.
- *Hình nhi Thượng học*: dạy về những nguyên lý và mục đích của sự vật, của nhân sinh, của vũ trụ. Đó là quan niệm về Thái Cực, sự biến hóa của Thiên lý, sự sanh tử, Thiên mệnh, Quỷ Thần. Hình nhi Thượng học chính là Thiên đạo.

■ Bên **Phật giáo**, chúng ta cũng thấy phân làm hai nhánh lớn: Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa.

- Phật giáo *Tiểu thừa* thuộc về Hình nhi Hạ học.
- Phật giáo *Đại thừa* thuộc về Hình nhi Thượng học.

■ Trong **Đạo Cao Đài**, Tân Luật phân ra làm hai bậc tín đồ: Hạ thừa và Thượng thừa. (không có Trung thừa).

- Bậc *Hạ thừa* là bậc còn ở thế, có vợ chồng làm ăn như người thường, nhưng buộc tuân theo Thế Luật của Đạo, ăn chay kỳ 6 hoặc 10 ngày trong một tháng, giữ Ngũ Giới Cấm. Mục đích của bậc Hạ thừa là để hoàn thành Nhơn đạo, tức là thuộc về Hình nhi Hạ học.
- Bậc *Thượng thừa* là bậc xuất thế, chẳng còn bận rộn lo lắng gia đình và xã hội, giữ trường chay, Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại điều qui, giữ các giới luật tu hành của Hội Thánh đặt ra, xả thân hành Đạo phụng sự nhơn sanh. Khi đã lập công quả đầy đủ rồi thì vào Tịnh Thất có Tịnh Chủ truyền Tâm pháp luyện đạo. Mục đích của bậc Thượng thừa là tu giải thoát, đắc quả trong một kiếp sanh, đạt phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Như vậy, bậc Thượng thừa tu Thiên đạo, tức là thuộc về Hình nhi Thượng học.

Mỗi tôn giáo lập ra đều phải có hai phần: Hình nhi Hạ học và Hình nhi Thượng học.

Nếu thiếu một phần thì tôn giáo ấy không hoàn chỉnh, không thể đạt đến cứu cánh là giải thoát con người khỏi kiếp luân hồi để trở về cõi Thiên Liêng Hằng Sống.

Hình sự

刑事

A: Criminal affair.

P: Affaire criminelle.

Hình: Hình phạt của pháp luật trừng trị. **Sự:** việc.

Hình sự là việc hình, tức là việc phạm vào luật pháp của quốc gia, đáng bị trừng phạt.

Hình thể

形體

A: The body, the appearance.

P: Le corps, l'apparence.

Hình: Cái dáng vấp bề ngoài thấy được. **Thể:** thân thể.

Hình thể là hình dạng của thân thể.

CG PCT: Thầy đến qui các lương sanh của Thầy đã sai đến trước lại làm một đảng lập Hội Thánh mà làm *hình thể* của Thầy, hầu tránh khỏi hạ trần trong lúc TKPD này.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

Hình tượng

形象

A: The body, the appearance.

P: Le corps, l'apparence.

Hình: Cái dáng vấp bề ngoài thấy được. **Tượng:** hình trạng lộ rõ ra.

Hình tượng là hình dạng bề ngoài thấy rõ.

CG PCT: Vật chất phải từng lịnh tinh thần mà lập thành hình tượng.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

HỌ

Họ Đạo

A: The parish.

P: La paroisse.

Họ Đạo, chữ Hán là Tộc Đạo, là một khu vực có số tín đồ được 500 người đổ lên. (Tộc là họ)

Mỗi Họ Đạo được lập một Thánh Thất riêng, và Hội Thánh sẽ bổ đến một Chức sắc làm Đầu Họ Đạo.

Tân Luật của Đạo Cao Đài qui định việc lập Họ Đạo nơi Chương III, xin chép ra sau đây:

Chương III: Về việc lập Họ.

Điều thứ 16: Nơi nào có đông tín đồ được chừng 500 người sắp lên thì được lập riêng một Họ, đặt riêng một Thánh Thất, có một Chức sắc làm đầu cai trị.

Điều thứ 17: Sự lập Họ phải có phép của Đức Giáo Tông và phải do nơi quyền Người.

Điều thứ 18: Bổn đạo trong Họ phải tuân mạng lịnh của Chức sắc làm đầu trong Họ, nhứt nhứt phải do nơi người, chẳng đặng tự chuyên mà trái đạo.

Điều thứ 19: Mỗi tháng hai ngày Sóc Vọng, bổn đạo phải tụ lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế.

Điều thứ 20: Chức sắc giữ Thánh Thất mỗi ngày phải làm Tiểu lễ bốn lần theo tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Mỗi thời phải cúng đúng 6 giờ sáng, 12 giờ trưa, 6 giờ tối và 12 giờ khuya.

Đổ một hồi chuông trước khi hành lễ. Trong mấy thời này, bổn đạo muốn đến tụng kinh tùy ý.

Hiện nay, số tín đồ của Đạo Cao Đài còn ít, ở rải rác, nên không phân chia lập thành Họ Đạo, mà căn cứ theo ranh giới hành chánh của nhà nước để lập ra, thay vì gọi Họ Đạo đúng theo Tân Luật thì tạm gọi là Tộc Đạo. Hơn nữa từ ngữ Họ Đạo thường được dùng bên Thiên Chúa Giáo, nên gọi là Tộc Đạo thì Đạo Cao Đài tránh được việc trùng hợp này.

- **Hương Đạo:** Số tín đồ trong một làng hay một xã.
- **Tộc Đạo:** Số tín đồ trong một quận hay huyện.
- **Châu Đạo:** Số tín đồ trong một tỉnh.

HOA (HUÊ)

HOA

1. **HOA:** 花 Bông hoa, chỉ con gái, ả đào, bệnh đậu, tóc bạc, hao phí.
Td: Hoa lợi, Hoa nguyệt.
2. **HOA:** 華 Đẹp tốt, vẻ vang, Trung hoa.
Td: Hoa biểu, Hoa lệ.

Hoa biểu (Huê biểu)

華表

Hoa: Đẹp tốt, vẻ vang, Trung hoa. **Biểu:** cái để làm dấu cho mọi người biết.

Hoa biểu là cái trụ đá đặt ở trước mộ.

Thường cái trụ đá này trên đầu có chạm khắc hình bông sen, để làm dấu tích cho ngôi mộ.

Mộ biểu: là cái bia dựng ở trước mộ.

Bài Thái hiến lễ hàng vong thường: Tuần Sơ:

Nguyệt minh *huê biểu*, hạc qui trì.

Nghĩa là: Trăng soi trụ đá trước mộ, chim hạc trở lại muện.
(Xem thêm chữ: Vân ám đảnh hồ, văn V)

Hoa khai bất trạch bản gia địa

花開不擇貧家地

Hoa: Bông hoa, chỉ con gái, ả đào, bệnh đậu, tóc bạc, hao phí. **Khai:** nở ra. **Bất trạch:** không lựa chọn. **Bản gia:** nhà nghèo. **Địa:** đất.

Sách Nho: *Hoa khai bất trạch bản gia địa,
Nguyệt chiếu sơn hà đảo xứ minh.*

Nghĩa là: Hoa nở chẳng lựa đất nhà nghèo,
Trăng soi núi sông chỗ chỗ đều sáng.

Ý nói: Cái bông, đúng thời kỳ của nó thì hoa nở, không phải do chỗ đất của nhà giàu hay nhà nghèo. Trăng soi soi khắp thế gian, chỗ nào cũng sáng. Đó là do Trời, nhờ Trời, không phải do nơi người.

Hoa lệ

華麗

A: Beautiful and bright.

P: Beau et éclatant.

Hoa: Đẹp tốt, vẻ vang, Trung hoa. **Lệ:** đẹp.

Hoa lệ là đẹp rực rỡ, xa hoa tráng lệ.

Hoa lợi (Huê lợi)

花利

A: Income.

P: Revenu.

Hoa: Bông hoa, chỉ con gái, ả đào, bệnh đậu, tóc bạc, hao phí. **Lợi:** có ích, dùng được.

Hoa lợi hay Huê lợi là chỉ chung những thứ thu hoạch được do trồng tía.

ĐLMD: Phương pháp thực hành: Khi cơ sở đã thành lập, mỗi năm phải tùy theo *huê lợi* trong sổ đăng giúp lương thực trong các Thánh Thất.

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Hoa nguyệt (Huê nguyệt)

花月

A: Flower and moon: Sensual love.

P: Fleur et lune: Amour sensuel.

Hoa: Bông hoa, chỉ con gái, ả đào, bệnh đậu, tóc bạc, hao phí. **Nguyệt:** mặt trăng.

Hoa nguyệt là trăng hoa, chỉ cảnh trai gái hẹn hò ngắm trăng xem hoa để bày tỏ tình yêu. Từ ngữ này thường dùng để chỉ tình yêu lãng mạn bất chánh.

TL: Ngũ Giới Cấm: ... hoặc lấy lời gieo tình *huê nguyệt*.

TL: Tân Luật.

Hoa tình (Huê tình)

花情

A: Sensual love.

P: Amour sensuel.

Hoa: Bông hoa, chỉ con gái, ả đào, bệnh đậu, tóc bạc, hao phí. **Tình:** tình cảm.

Hoa tình hay Huê tình, đồng nghĩa Hoa nguyệt, chỉ tình yêu lãng mạn bất chánh giữa nam nữ.

KSH: Các thơ truyện *huê tình* xé hủy.

KSH: Kinh Sám Hối.

HÒA

HÒA

HÒA: 和 Thuận thảo với nhau, hòa hợp, điều hòa.

Td: Hòa giải, Hòa ki, Hòa thương.

Hòa giải

和解

A: To reconcile.

P: Concilier.

Hòa: Thuận thảo với nhau, hòa hợp, điều hòa. **Giải:** gỡ ra.

Hòa giải là dàn xếp những bất đồng để hai bên hòa thuận với nhau.

TL: Tứ Đại điều qui: Đừng thấy đồng đạo tranh đua, ngồi mà xem, không để lời *hòa giải*.

TL: Tân Luật.

Hòa hảo

和好

A: Concord.

P: Concorde.

Hòa: Thuận thảo với nhau, hòa hợp, điều hòa. **Hảo:** tốt đẹp.

Hòa hảo là hòa hợp tốt đẹp với nhau.

TTCĐDTKM: Chí mong *hòa hảo* Âm Dương.

TTCĐDTKM: Tân Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Hòa ki (Hòa cơ)

和機

A: The favourable circumstance of concord.

P: L'occasion favorable de concorde.

Hòa: Thuận thảo với nhau, hòa hợp, điều hòa. **Ki:** thường đọc là Cơ: cơ hội, cái máy.

Hòa ki tức là Hòa cơ là cơ hội để hòa hiệp cùng nhau.

PMCK: Đại Long Hoa nhưn chủng hòa ki (cơ).

Câu kinh này nghĩa là: Đại Hội Long Hoa do Đức Di Lạc Vương Phật làm Giáo Chủ là cơ hội để cho các chủng tộc của nhưn loại hòa hiệp với nhau, tiến tới Đại Đồng thế giới.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Hòa nam khể thủ

和南稽首

A: To prostrate oneself.

P: Se prosterner.

Hòa nam: do phiên âm từ tiếng Phạn: Vandana, nghĩa là lễ bái, chấp tay cúi đầu đánh lễ. **Khể thủ:** khể là cúi sát đất, thủ là cái đầu. Khể thủ là cúi đầu sát đất, tức là lạy xuống.

Khể thủ là dịch nghĩa chữ Hòa nam ra Hán văn.

Hòa nam khể thủ là cúi đầu lạy sát xuống đất.

Kệ U Minh Chung:

Nam mô liệt Thánh đàn tràng hòa nam khể thủ.

Hòa thượng - Giáo thọ - Yết Ma

和尚 - 教授 - 羯磨

A: Superior bonze - Bonze of teaching - Bonze of rites. P: Bonze supérieur - Bonze d'enseignement - Bonze de rites.

A: Superior bonze - Bonze of teaching - Bonze of rites. P: Bonze supérieur - Bonze d'enseignement - Bonze de rites.

1. Hòa Thượng:

Hòa Thượng là vị sư đứng đầu trong ba vị sư chủ trì giới đàn, truyền giới cho các Phật tử thọ giới. Hai vị sư kia là: Giáo Thọ và Yết Ma. Hòa Thượng chủ trì giới đàn được gọi là Hòa Thượng đầu đường.

Hòa Thượng là vị thầy thân cận có khả năng dạy ba môn học: Giới, Định, Huệ cho các học tăng.

Ở VN, người ta thường dùng từ Hòa Thượng để chỉ những tăng sĩ cao tuổi đời và đạo, có uy tín trong tăng chúng, thường là trên 40 tuổi đạo và 60 tuổi đời, và phải được Hội Đồng Chứng Minh của Giáo hội tấn phong trong các kỳ Đại hội của Giáo hội.

2. Giáo Thọ:

Giáo Thọ là vị sư đứng kế dưới Hòa Thượng, có phận sự dạy các tăng sĩ về chữ nghĩa, giới luật và đạo lý.

3. Yết Ma hay Kiết Ma:

Từ ngữ Kiết Ma có nghĩa là: Tác pháp biện sự, vì các pháp và các sự đều do vị Kiết Ma mà thành tựu.

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn thì Kiết Ma (Yết Ma) có đủ bốn pháp: Pháp, Sự, Nhơn, Giới.

- Pháp: Biết lúc nào nên cử hành pháp nào.
- Sự: Thông rõ luật nghi và trông nom việc sám hối các tội phạm của chư tăng.
- Nhơn (người): họp cho thành Giáo hội Tỳ kheo.
- Giới: Trông nom việc kết giới theo nghi pháp.

Vị sư làm Yết Ma phải có giới đức đầy đủ, có tuổi đạo cao. Các Phật sự như: Truyền giới, tụng giới, thi hành kỷ luật đối với tăng sĩ phạm giới, v.v... đều do vị Yết Ma điều khiển.

Tăng sĩ xuất gia được truyền giới thì gọi là Tỳ Kheo.

Tỳ Kheo tham dự được 5 kỳ Trường hương (nhập hạ) thì được lên chức Giáo Thọ hay Yết Ma.

Tỳ Kheo tham dự đủ 10 kỳ Trường hương thì có thể thọ phong chức Hòa Thượng.

Trong một giới đàn, phải có đủ 3 vị: Hòa Thượng, Giáo Thọ và Yết Ma, gọi chung là Tam Sư.

Hòa Thượng bảo lãnh và dẫn dắt đệ tử trên đường tu.

Giáo Thọ lãnh phần dạy giáo lý, giới luật.

Yết Ma chỉ bảo giới hạnh, luật lệ và cách cư xử nơi chùa và ngoài xã hội.

Khi mới mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn phổ độ nhiều vị Hòa Thượng, Giáo Thọ, Yết Ma theo Đạo Cao Đài, lập thành phái Thái. Thí dụ như: Hoà Thượng Như Nhãn (Thái Chương Pháp), Hòa Thượng Thích Thiện Minh (Thái Đầu Sư), Yết Ma Nhung (Thái Giáo Sư), Yết Ma Luật (Thái Giáo Sư),...

Hòa viện

和院

A: Institute of conciliation. P: Institut de conciliation.

Hòa: Thuận thảo với nhau, hòa hợp, điều hòa. **Viện:** tòa sở lớn.

Hòa Viện là một trong Cửu Viện (9 Viện) của CTĐ.

Hòa Viện CTĐ thuộc quyền của Ngọc Chánh Phối Sư, có một vị Thượng Thống (phẩm Phối Sư) đứng đầu, có các vị Phụ Thống, Quản Văn Phòng và các thư ký giúp việc.

Hòa Viện có nhiệm vụ hòa giải các vụ tranh chấp kiện thưa giữa các Chức sắc hay giữa tín đồ, hay giữa Chức sắc và tín đồ, có tính cách nhỏ, không quan trọng.

Các vụ án quan trọng phạm vào Thập hình của Đức Lý Giáo Tông thì Hòa Viện phải chuyển lên Hội Công Đồng CTĐ hay Tòa Tam Giáo CTĐ xét xử.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HÓA

HÓA

HÓA: 化 có nhiều nghĩa sau đây:

1. **HÓA:** Sinh ra vạn vật.
Tđ: Hóa công, Hóa dục, Hóa trưởng.
2. **HÓA:** Biến đổi, dạy dỗ.
Tđ: Hóa dân, Hóa độ, Hóa nhân.
3. **HÓA:** Cầu xin.
Tđ: Hóa duyên.

Hóa công

化工

A: The Creator.

P: Le Créateur.

Hóa: Sinh ra vạn vật. **Công:** người thợ.

Hóa công là người thợ tạo ra vạn vật. Đó là Ông Trời, Thượng Đế, Đức Chúa Trời, ngày nay gọi là Đấng Cao Đài.

Hóa dân qui thiện

化民歸善

Hóa: Biến đổi, dạy dỗ. **Dân:** dân chúng, nhơn sanh. **Qui:** trở về. **Thiện:** lành.

Hóa dân qui thiện là dạy dân chúng theo về điều lành.

ĐLMD: Thăng như Chức sắc nào chẳng vì chủ nghĩa *hóa dân qui thiện*, làm cho mất tín nhiệm của chúng sanh thì phải chiếu y Thập hình của Đức Lý Giáo Tông mà định tội...

ĐLMD: Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

Hóa dục quần sanh

化育群生

A: To create and to nourish the living beings.

P: Créer et nourrir les êtres vivants.

Hóa: Sinh ra vạn vật. **Dục:** nuôi dưỡng. **Quần:** nhiều người. **Quần sanh:** chúng sanh, nhơn sanh

Hóa dục quần sanh là Thượng Đế tạo ra và nuôi dưỡng chúng sanh.

Hóa duyên

化緣

A: To beg, to open a subscription.

P: Mendier, ouvrir une souscription.

Hóa: Cầu xin. **Duyên:** mối dây ràng buộc.

Hóa duyên là nhà sư đi quyên tiền làm việc công đức như cất chùa, tạc tượng Phật, ấn tống kinh sách, khiến người ta đóng góp tiền bạc, tức là giúp người ta kết duyên lành với Phật.

Hóa duyên còn có một nghĩa nữa là: Nhân duyên giáo hóa. Phật hay Bồ Tát đến cõi ta bà vì có nhân duyên giáo hóa chúng sanh, khi nhân duyên hết thì trở về ngay.

BXTCDPTTT: Hiện kim thân Bồ Tát *hóa duyên*.

BXTCDPTTT: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Hóa độ

化度

A: To save.

P: Sauver.

Hóa: Biến đổi, dạy dỗ. **Độ:** cứu giúp.

Hóa độ là giáo hóa để cứu giúp nhơn sanh.

Hóa nhân

化人

A: The man of impure soul, the evolutionary being.

P: L'homme de l'âme impure, l'être évolué.

Hóa: Biến đổi, dạy dỗ. **Nhân:** người.

Hóa nhân là con người do sự tiến hóa từ loài thú cầm, đầu thai lên làm người. (Xem chi tiết: Nguyên nhân, văn Ng)

Hóa sanh

化生

Hóa sanh có 2 nghĩa, tùy trường hợp:

1. **Hóa:** Sanh ra vạn vật. **Sanh:** sanh ra.

Hóa sanh là Trời Đất sanh thành vạn vật.

Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu công việc tạo hóa.

Đức Phật Mẫu thân lần sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem hai nguyên khí Âm quang và Dương quang kết hợp với nhau tạo thành CKVT và vạn vật.

TTCĐDTKM:

Lưỡng Nghi phân khí Hư Vô,
 Điều Trì Kim Mẫu nung lò *hóa sanh*.

2. Hóa: Biến đổi, dạy dỗ. **Sanh:** sanh ra.

Hóa sanh là do sự biến hóa mà sanh ra.

Thí dụ: Con muỗi là do con lăng quăng biến thành.

Hóa sanh là một loại trong Tứ sanh: Thai sanh. - Noãn sanh. - Hóa sanh. - Thấp sanh. (Xem: **Tứ sanh, vàn T**)

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu.

Hóa thân

化身

A: To be metamorphosed.

P: Se métamorphoser.

Hóa: Biến đổi, dạy dỗ. **Thân:** thân mình.

Hóa thân là dùng phép huyền diệu làm biến hóa thân mình thành một người khác.

KĐ5C: Phép huyền công trụ nghĩa *hóa thân*.

Bên Phật giáo, Hóa thân là một trong ba thân của Phật: Pháp thân, Ứng thân, và Hóa thân.

Pháp thân là cái chơn thân của Phật, rất huyền diệu, biến hóa vô cùng. Nếu Phật hiện ra Phật hình thì gọi là Ứng thân; nếu Phật hiện hình ra người thường thì gọi là Hóa thân. Phật hiện ra Hóa thân là để dễ dàng gần gũi chúng sanh mà tiện việc giáo hóa.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

Hóa trưởng

化長

A: To create and to nourish.

P: Créer et nourrir.

Hóa: Sinh ra vạn vật. **Trưởng:** lớn lên.

Hóa trưởng là sinh ra và nuôi dưỡng cho lớn lên.

PMCK: Tùng Địa chi *hóa trưởng* Càn Khôn.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

HỎA

HỎA

HỎA: 火 Lửa, lửa cháy.

Td: Hỏa giáo, Hỏa tai.

Hỏa giáo

火教

A: Zoroastrianism.

P: Zoroastrianisme.

Hỏa: Lửa, lửa cháy. **Giáo:** tôn giáo.

Hỏa giáo, hay Bái Hỏa giáo, là tôn giáo thờ Thần Lửa.

Đây là một tôn giáo phát triển mạnh ở Ấn Độ và Ba Tư.

Theo truyền thuyết, ông Ma Ha Ca Diếp là Đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca, vốn là một tín đồ của Hỏa giáo.

Hỏa tai

火災

A: Fire, conflagration.

P: Incendie, conflagration.

Hỏa: Lửa, lửa cháy. **Tai:** tai nạn.

Hỏa tai là tai nạn do lửa cháy.

Hỏa tai là một trong Tam Tai: Hỏa tai, Phong tai, Thủy tai. Phong tai là tai nạn do gió gây ra. Thủy tai là tai nạn do nước gây ra.

Hỏa táng

火葬

A: Cremation.

P: Crémation.

Hỏa: Lửa, lửa cháy. **Táng:** chôn xác người chết.

Hỏa táng là chôn thân người chết vào lửa, tức là dùng lửa thiêu xác người chết thành tro, lấy tro bỏ vào hủ kín để thờ.

Trên thế giới, tùy theo phong tục, tập quán và hoàn cảnh sống của mỗi dân tộc mà người ta chế ra nhiều cách táng thể xác người chết, kể ra:

Thổ táng: Chôn xác người chết xuống đất.

Hỏa táng: Thiêu xác người chết thành tro.

Thủy táng: Đem xác người chết bỏ xuống biển cho cá biển ăn, nên cũng gọi là Ngư táng (chôn vào bụng cá).

Điều táng: Đem xác người chết chặt thành nhiều miếng nhỏ, bỏ trên núi cho kên kên và quạ ăn. Phong tục này ở Tây Tạng.

Lâm táng: Đem thân người chết bỏ vào rừng sâu cho thú cầm ăn thịt. Một vài dân tộc thiểu số ở Trường Sơn VN còn tục lệ này.

Hỏa thượng thêm du

火上添油

Hỏa: Lửa, lửa cháy. **Thượng:** lên cao. **Thêm:** thêm lên.
Du: dầu.

Hỏa thượng thêm du là lửa cháy thêm dầu.

Ý nói: Sự việc diễn ra dữ dội rồi mà còn làm cho bùng to thêm lên.

Hỏa tinh Tam muội

火星三昧

Hỏa: Lửa, lửa cháy. **Tinh:** ngôi sao.

Tam muội: do phiên âm tiếng Phạn: Samâdhi, dịch ra Hán văn là Thiền định. Đó là một phương pháp Thiền của Phật giáo để định cái tâm, không cho loạn động, nhờ đó mà tâm được sáng suốt và có năng lực lớn. Chư Phật, Bồ Tát, La Hán đều có phép Tam muội và các Ngài dùng nó làm phương tiện hộ thân và độ đời.

Đức Cao Thượng Phẩm có dạy về Hỏa Tinh trong Luật Tam Thể: "Hỏa Tinh, tiếng pháp gọi là Calorie về Y học, còn gọi là Feu Serpent về khoa Thần Linh học, nó chạy luồn theo tủy và tiết ra bởi các dây thần kinh. Muốn luyện Hỏa Tinh, phải tịnh tâm, định trí, trụ thần (Tam muội) mà chuyển vận, tức là lấy khí Dương vào cơ thể đó vậy. Phải lấy trí điều khiển nó."

Hỏa Tinh Tam muội là phép Thiền định giữ tâm thanh tịnh, rồi lấy khí Dương đem vào cơ thể, phối hợp với chơn hỏa của ngũ hành trong cơ thể mà luyện thành.

Hỏa Tinh Tam muội, bên Phật giáo gọi là: Hỏa Diệm Tam muội, hay Hỏa Quang Tam muội.

KĐ4C: Cửa lầu Bát Quái chun ngang,
Hỏa Tinh Tam muội thiêu tàn oan gia.

KĐ4C: Kinh Đệ Tứ cứu.

Hỏa tốc

火速

A: Very urgent. **P:** Très urgent.

Hỏa: Lửa, lửa cháy. **Tốc:** mau chóng.

Hỏa tốc là mau như lửa cháy, ý nói rất khẩn cấp.

HỌA

HỌA

1. **HỌA:** 禍 Tai vạ, tai nạn lớn.
Td: Họa Âu tai Á, Họa bất đơn hành.
2. **HỌA:** 畫 Vẽ, bức vẽ.
Td: Họa hổ họa bì nan họa cốt.

Họa Âu tai Á

禍歐災亞

A: The misfortune of Europe and Asia.

P: Le malheur de l'Europe et de l'Asie.

Họa: Tai vạ, tai nạn lớn. **Tai:** tai nạn. **Âu:** Âu châu. **Á:** Á châu.

Họa Âu tai Á là tai vạ lớn lao xảy đến cho Âu châu và cho Á châu.

TNHT: Họa Âu tai Á sẽ lần lượt thay phiên nhau, dụng luật Thiên đing mà diệt phạt người vô đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Họa bất đơn hành

禍不單行

A: The misfortunes never come singly.

P: Les malheurs n'arrivent jamais seul.

Họa: Tai vạ, tai nạn lớn. **Bất:** không. **Đơn:** một lần. **Hành:** đi, làm.

Họa bất đơn hành là tai vạ không đi một lần.

Ý nói: Tai họa thường đến dồn dập nhiều lần.

Thành ngữ này đồng nghĩa với: Họa vô đơn chí.

Họa hổ họa bì nan họa cốt

畫虎畫皮難畫骨

Họa: Vẽ, bức vẽ. **Hổ:** cọp. **Bì:** da. **Cốt:** xương. **Nan:** khó.

Họa hổ họa bì nan họa cốt: Vẽ cọp vẽ da, khó vẽ xương.

Ý nói: Vẽ được hình ảnh bên ngoài, không vẽ được lòng dạ bên trong.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám có viết rằng:

*Thiên khả đạ, Địa khả lường,
Duy hữu nhơn tâm bất khả phòng.
Họa hổ họa bì nan họa cốt,
Tri nhơn tri diện bất tri tâm.*

Nghĩa là:

Trời có thể đo, Đất có thể lường,
Duy có lòng người thì chẳng thể phòng được.
Vẽ cọp vẽ da khó vẽ xương,
Biết người biết mặt chẳng biết lòng.

Họa kín

A: Secret misfortune.

P: Malheur secret.

Họa: Tai vạ, tai nạn lớn. **Kín:** không lộ ra.

Họa kín là tai họa không để lộ ra, khi họa tới mới biết.

KSH: Phải hiểu biết máy sâu họa kín.

KSH: Kinh Sám Hối.

Họa phước vô môn

禍福無門

Họa: Tai vạ, tai nạn lớn. **Phước:** điều may mắn tốt lành.

Vô: không. **Môn:** cửa. **Vô môn:** không cửa.

Họa phước vô môn: Họa và phước không có cửa, tức là không có chỗ nhứt định.

Thiên Thái Thượng Cảm Ứng có chép:

*Họa phúc vô môn, duy nhơn tự triệu,
Thiên ác chi báo, như ảnh tùy hình.*

Nghĩa là:

Điều họa và phúc không có cửa, chỉ do người rước lấy,
Lành dữ đều có báo đáp lại, như bóng theo hình.

TNHT: *Họa phúc vô môn*, chỉ tại người,
Thỉnh mời rồi đổ bởi nơi Trời.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Họa Thiên điều

禍天條

Họa: Tai vạ, tai nạn lớn. **Thiên:** Trời. **Thiên điều:** Luật Trời.

Họa Thiên điều là tai họa do Luật Trời đã định, không sao tránh khỏi.

TNHT: Ngày vui vẻ của sanh linh đã mòn, *họa Thiên điều* đã cận, CKTG còn đeo đuổi, dụng thất đức vô nhân mà gieo thảm chất sâu trong nhơn loại.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

Họa tòng khẩu xuất

禍從口出

A: The misfortunes go out by the mouth.

P: Les malheurs sortent de la bouche.

Họa: Tai vạ, tai nạn lớn. **Tòng:** tòng theo. **Khẩu:** miệng.
Xuất: đi ra.

Họa tòng khẩu xuất là cái tai họa tòng theo lời nói phát ra từ miệng.

Ý nói: Lời nói bậy bạ gây họa vào thân.

Ông Phó Huyền đời Tấn viết: *Bệnh tòng khẩu nhập, Họa tòng khẩu xuất.* Nghĩa là: Bệnh tật do cửa miệng đi vào cơ thể

(do sự ăn uống), tai họa từng theo cửa miệng mà ra (do lời nói không ngay thẳng).

Họa vô đơn chí

禍無單至

A: The misfortunes never come singly.

P: Les malheurs n'arrivent jamais seul.

Họa: Tai vạ, tai nạn lớn. **Vô:** không. **Đơn:** một lần. **Chí:** đến, tới.

Họa vô đơn chí là cái tai họa không đến một lần.

Ý nói: Tai họa thường xảy đến liên tiếp, dồn dập.

Thường nói: *Họa vô đơn chí, Phước bất trùng lai.*

Nghĩa là: Cái họa thì không đến một lần, còn cái phước thì không đến nhiều lần.

Cái họa thì luôn luôn nhiều hơn cái phước, bởi vì con người thường làm ác nhiều hơn làm thiện. Cho nên, Phật gọi cõi trần là biển khổ.

Họa xà thêm túc

畫蛇添足

Họa: Vẽ, bức vẽ. **Xà:** con rắn. **Thêm:** thêm vào. **Túc:** chân.

Họa xà thêm túc là vẽ rắn thêm chân.

Diễn tích: Theo Chiến Quốc Sách, có người nước Sở thi vẽ rắn, đã vẽ xong con rắn trước tiên, đáng được thưởng rượu, nhưng anh ta nhìn thấy những người chung quanh đều vẽ chưa xong, liền nổi hứng vẽ thêm mấy cái chân rắn. Vẽ chân rắn vừa xong thì một thí sinh khác cũng vẽ vừa xong. Hai người cùng báo là đã vẽ rắn xong, nhưng bức vẽ của anh nước Sở bị loại vì rắn làm gì có chân.

Thành ngữ: Họa xà thêm túc, là có ý nói người đa sự, thêm thắt nhiều điều không có thật, khiến cho hư việc.

HOẠCH

Hoạch tội ư Thiên vô sở đảo dã

獲罪於天無所禱也

Hoạch: được, mắc. **Tội:** tội lỗi. **Ư:** ở tại. **Vô:** không. **Sở:** nơi chốn. **Đảo:** cầu nguyện cúng tế. **Dã:** vậy.

Đây là câu nói của Đức Khổng Tử, chép trong Luận Ngữ, có nghĩa là: *Mắc tội với Trời thì không cầu cúng vào đâu được.*

Một người làm nhiều điều trái đạo đức, phạm tội với Trời, thì dầu có cúng tế cầu nguyện linh đình cũng không thể xin cho hết tội được.

HOÀI

HOÀI

HOÀI: 懷 Ghi nhớ trong lòng, mang trong lòng.
Td: Hoài niệm, Hoài thai, Hoài vọng.

Hoài niệm

懷念

A: To remember.

P: Se ressouvenir.

Hoài: Ghi nhớ trong lòng, mang trong lòng. **Niệm:** nhớ tưởng.

Hoài niệm là tưởng nhớ trong lòng.

Hoài thai

懷胎

A: To be pregnant.

P: Être enceinte.

Hoài: Ghi nhớ trong lòng, mang trong lòng. **Thai:** đàn bà có mang.

Hoài thai là đàn bà đang mang một bào thai trong bụng.

Hoài vọng

懷望

A: To hope.

P: Espérer.

Hoài: Ghi nhớ trong lòng, mang trong lòng. **Vọng:** mong ước.

Hoài vọng là nhớ nhưng, trông đợi.

TNHT: Các con xa Thánh giáo của Thầy đã lâu, tưởng lòng cũng hằng ước mơ *hoài vọng*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HOAN

HOAN

HOAN: 歡 Vui vẻ, vui mừng.

Td: Hoan lạc, Hoan tâm.

Hoan lạc

歡樂

A: To be overjoyed.

P: Être comblé de joie.

Hoan: Vui vẻ, vui mừng. **Lạc:** vui.

Hoan lạc là hoàn toàn vui vẻ.

TNHT: Mắt Thầy chưa đặng hữu hạnh *hoan lạc* thấy đặng kẻ ấy.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hoan tâm

歡心

A: The joyful heart.

P: Le coeur joyeux.

Hoan: Vui vẻ, vui mừng. **Tâm:** lòng dạ.

Hoan tâm là lòng vui vẻ.

TNHT: Thầy cũng *hoan tâm* nắm máy huyền vi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HOÀN

HOÀN

1. **HOÀN:** 完 Hoàn toàn, xong, đầy đủ, tốt.
Td: Hoàn thiện.
2. **HOÀN:** 寰 Khu vực lớn, vùng đất rộng.
Td: Hoàn cầu, Hoàn vũ.
3. **HOÀN:** 還 Quay về, trở lại.
Td: Hoàn nguyên, Hoàn tục.

Hoàn cầu

寰球

A: The whole world.

P: Le monde entier.

Hoàn: Khu vực lớn, vùng đất rộng. **Cầu:** quả tròn.

Hoàn cầu là địa cầu, khắp thế giới.

TNHT: Vì Đạo năm nay sẽ rõ thấu *hoàn cầu*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hoàn nguyên

還源

A: To bring back to the original state.

P: Revenir à son point de départ.

Hoàn: Quay về, trở lại. **Nguyên:** nguồn gốc.

Hoàn nguyên là trở lại nguồn gốc.

Ý nói: Trở lại cái tánh bản thiện lúc mới sanh ra của mình. Con người vì dục vọng làm cho bản tánh mờ tối, mê lầm. Muốn trở lại cái tánh bản thiện thì phải trừ bỏ dục vọng. Hết dục vọng thì hết mê, trí não quang minh, bước vào cảnh giác.

Hoàn thiện hóa

完善化

A: To perfect.

P: Perfectionner.

Hoàn: Hoàn toàn, xong, đầy đủ, tốt. **Thiện:** lành, tốt. **Hóa:** biến đổi.

Hoàn thiện hóa là làm cho biến đổi để trở nên tốt lành.

Hoàn tục

還俗

A: To unfrock oneself.

P: Se défroquer.

Hoàn: Quay về, trở lại. **Tục:** tầm thường thấp kém, chỉ cõi đời.

Hoàn tục là trở lại cõi đời.

Người xuất gia tu hành thì lìa bỏ thế tục, nhưng trên đường tu gặp phải nhiều khó khăn khổ cực không kham nổi, xin trở về đời sống thế tục gọi là **Quy tục**, còn người tu phạm giới luật nặng nề, bị trục xuất khỏi nơi tu hành thì gọi là **Hoàn tục**.
(Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt)

Hoàn vũ

寰宇

A: The world.

P: Le monde.

Hoàn: Khu vực lớn, vùng đất rộng. **Vũ:** khắp cả không gian.

Hoàn vũ là khắp thế giới, đồng nghĩa Hoàn cầu.

HOÁN

HOÁN

HOÁN: 換 Đổi, thay đổi.

Td: Hoán cải, Hoán đàn.

Hoán ác thành nhân

換惡成仁

Hoán: Đổi, thay đổi. **Ác:** điều dữ, trái với Thiện. **Thành:** trở nên. **Nhân:** lòng thương người mền vật.

Hoán ác thành nhân là thay đổi lòng dạ hung dữ thành lòng nhân từ. Thành ngữ này đồng nghĩa: Cải ác tùng thiện, Cải tà qui chánh, Hồi đầu hướng thiện.

Hoán cải

換改

A: To change.

P: Changer.

Hoán: Đổi, thay đổi. **Cải:** sửa đổi.

Hoán cải là thay đổi theo chiều hướng tốt.

Hoán cụu tông tân

換舊從新

A: To modernize, to renew.

P: Moderniser, renouveler.

Hoán: Đổi, thay đổi. **Cựu:** cũ. **Tông:** theo. **Tân:** mới.

Hoán cụu tông tân là đổi cũ thay mới.

Những cái cũ nào lạc hậu thì cần phải đổi mới cho thích hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh; tuy nhiên những cái cũ mà giá trị vẫn tốt đẹp đúng đắn thì phải bảo tồn và phát huy.

Hoán đàn

換壇

Hoán: Đổi, thay đổi. **Đàn:** đàn cúng Đức Chí Tôn.

Hoán đàn tại Tòa Thánh trong những kỳ Đại lễ cúng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng là các Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu Nam Nữ nhập đàn, đi từ cấp 1 CTĐ lên đến cấp 9, lên Cung Đạo, rồi vòng qua phía bên kia, trở xuống cấp 1 CTĐ, rồi lại đi trở lên, lập vị theo phẩm bậc.

Cấp 1 CTĐ là bậc Địa Thần thuộc phàm, lên cấp 4 là bậc Thánh, lên cấp 9 là bậc Tiên, vào Cung Đạo là bậc Phật.

Đi lên từ cấp 1 lên đến cấp 9 và Cung Đạo là phàm lên Tiên Phật (phàm nhập Thánh); rồi trở xuống là Tiên Phật xuống phàm (Thánh lâm phàm), rồi quay trở lên là Lập vị.

Chỉ có Đại đàn nơi Tòa Thánh mới có đi Hoán đàn.

Chi tiết về cách đi Hoán đàn, mô tả ra như sau:

Khi tiếng kệ chuông nơi Bạch Ngọc Chung Đài vừa dứt 4 câu, vị Hộ Đàn Pháp Quân cầm cây Cờ lệnh (cờ đạo 3 màu vàng xanh đỏ, trên đó có thêu 6 chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) đi ra, có vị Hữu Phan Quân cầm Phướn Thượng Phẩm nói tiếp theo sau, rồi cả hai vị hướng dẫn các Chức sắc đi vào Tòa Thánh. Hai vị này đi trước, nói tiếp theo sau là các Chức sắc

HTĐ, phẩm lớn đi trước, phẩm nhỏ đi sau. Hết Chức sắc HTĐ rồi thì Chức sắc CTĐ nổi bước theo sau, có xen kẻ Chức sắc Phước Thiện, Chức sắc lớn đi trước, Chức sắc nhỏ đi sau. Chức sắc CTĐ đồng phẩm vị thì phái Thái đi trước, kế là phái Thượng và sau là phái Ngọc, rồi Chức sắc Phước Thiện phẩm tương đương đi kế sau phái Ngọc.

Thí dụ như phẩm Giáo Sư: Giáo Sư phái Thái đi trước, rồi Giáo Sư phái Thượng, kế là Giáo Sư phái Ngọc, kế đó là các Chơn Nhơn và Đạo Nhơn bên Phước Thiện. Hết Đạo Nhơn rồi mới đến Giáo Hữu phái Thái, phái Thượng, phái Ngọc, Chí Thiện, Hiền Tài, vv...

Bên Chức sắc CTĐ Nữ phái thì đứng chờ ở bậc thềm năm cấp trước Tòa Thánh. Khi vị Đầu Sư Nam phái bước lên thềm vào Tòa Thánh thì vị Nữ Đầu Sư cũng bước lên ngang hàng, rồi đi vào Tòa Thánh. Nam phái đi vào theo cửa bên Nam, Nữ phái đi vào theo cửa bên Nữ.

Khi vào Tòa Thánh thì mọi người đều phải bắt Ấn Tý đặt lên ngực. Hai hàng Chức sắc Nam Nữ, đi hàng một, theo hai hàng cột rồng, thẳng vào Bửu điện, lên Cung Đạo. Nam phái đi ngang qua Cung Đạo, vòng qua bên Nữ phái, rồi đi thẳng xuống; còn Nữ phái cũng đi ngang Cung Đạo, vòng qua bên Nam phái rồi đi thẳng xuống.

Các Chức sắc HTĐ đi dẫn đầu, khi trở xuống đến chỗ dành cho HTĐ thì phân ra đứng nơi vị trí qui định của mỗi vị.

Còn các Chức sắc CTĐ thì đi ngang qua chỗ lập vị của Chức sắc HTĐ rồi đi trở lên, đến phẩm cấp của mỗi người thì lập vị mình, Nam theo Nam, Nữ theo Nữ.

Đứng trên lầu HTĐ nhìn xuống, quan sát việc đi Hoán đàn, chúng ta thấy giữa hai hàng cột rồng, mỗi bên có hai hàng Chức sắc Nam Nữ đi ngược chiều nhau, bên này Nam đi lên thì Nữ đi xuống, bên kia Nam đi xuống thì Nữ đi lên, đi vòng từ dưới lên trên rồi từ trên xuống dưới, tạo thành một khung cảnh sống động, trật tự yên lặng, trang nghiêm, trong bầu không khí tịch mịch giữa đêm khuya, dưới ánh đèn màu huyền ảo, tượng trưng Pháp Luân Thường Chuyển.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng giải ý nghĩa của việc đi Hoán đàn trong bài Thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 15 tháng 2 năm Mậu Tý (dl 25-3-1948), Đại lễ vía Đức Thái Thượng Lão Quân, chép ra sau đây:

"Không có một điều chi Chí Tôn để trong pháp giới của Ngài trong cửa Đạo này mà không có nghĩa lý. Ít nữa mình không biết thì phải tìm cho biết, coi tại sao làm như thầy chùa chạy kim đàn vậy, tìm cho ra duyên cớ đặng hiểu biết bên trong pháp giới của Đức Chí Tôn là thế nào mà hình thể bên ngoài lại dị kỳ như vậy. Không biết phải hỏi, cả thầy nên biết rằng, không một điều gì trong nền tôn giáo này mà vô nghĩa lý.

Tại sao phải Hoán đàn? Nam Nữ chen nhau?

Đó là bùa Pháp Luân Thường Chuyển.

Tại sao Chí Tôn để bùa Pháp Luân Thường Chuyển tại thế này? Đặng chi vậy?

Hiện đã mãn Hạ Nguồn Tam Chuyển, bắt đầu Thượng Nguồn Tứ Chuyển, ta gọi là khai nguồn, nên phải để cho Pháp Luân chuyển.

Ta đã biết thì Tiên Thiên Khí và Hậu Thiên Khí chuyển làm một mới đạt Đạo đặng. Cả thầy đều biết qua, CTĐ này là Cửu Thiên Khai Hóa, còn cung trên kia là Cung Đạo. Từ trước đến nay, mỗi người mài miết tìm Đạo mà Đức Chí Tôn để giữa đó, trước mắt mà không biết. Đi Chín tầng Trời để cho phần hồn đi cho cùng tốt Cửu phẩm Thần Thánh Tiên, đến Phật; rồi từ Phật xuống phàm, rồi từ phàm trở lên Phật, chuyển luân như vậy, Bí pháp gọi là đạt Đạo.

Tại sao cả thầy không tìm hiểu, rồi không chịu vô Hoán đàn, sợ mỗi chân, chờ trong này thiên hạ đi giáp vòng rồi mới vô cúng mà thôi.

Cũng vì bởi không Hoán đàn là không đạt được Thế pháp đó, không đủ theo pháp giới của Chí Tôn, nên người cầm pháp có phận sự không cho vô, tức là không cho làm loạn Đạo."

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HOÃN

Hoãn huợt

緩活

A: No hurry.

P: Sans hâte.

Hoãn: chậm lại, thông thả. **Huợt:** do chữ Hoạt nói trại ra. Hoạt là cử động, hoạt động.

Hoãn huợt, tức là Hoãn hoạt: Làm chậm lại, không gấp.

TĐ ĐPHP: Lộ trình còn *hoãn huợt*, dù có trễ ít ngày cũng chẳng hề bao.

TĐ ĐPHP: Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

HOẠN

HOẠN

1. **HOẠN:** 宦 Làm quan.
Td: Hoạn lộ.
2. **HOẠN:** 患 Lo lắng, tai nạn, bệnh tật.
Td: Hoạn dưỡng, Hoạn nạn.

Hoạn dưỡng

患養

Hoạn: Lo lắng, tai nạn, bệnh tật. **Dưỡng:** nuôi.

Hoạn dưỡng là nuôi dưỡng và chăm sóc cẩn thận một đứa bé (hay một con vật) mà cơ thể ốm yếu có nhiều bệnh tật cho từ từ mạnh khỏe và lớn lên.

Hoạn đắc hoạn thất

患得患失

Hoạn: Lo lắng, tai nạn, bệnh tật. **Đắc:** được. **Thất:** mất.

Hoạn đắc hoạn thất là lo được lo mất.

Ý nói: Lòng ham muốn thái quá của con người: Chưa có thì lo cho có, có được rồi lại lo lắng gìn giữ cho đừng mất.

Hoạn lộ

宦路

A: The career of mandarin.

P: La carrière de mandarin.

Hoạn: Làm quan. **Lộ:** con đường.

Hoạn lộ là con đường làm quan, con đường công danh.

KTKTQV: Dầu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện.

KTKTQV: Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị.

Hoạn nạn chi giao

患難之交

A: The companions in distress.

P: Les compagnons de malheur.

Hoạn: Lo lắng, tai nạn, bệnh tật. **Nạn:** tai nạn. **Chi:** tiếng đệm. **Giao:** bạn bè với nhau. Hoạn nạn là khốn khổ gian nan.

Hoạn nạn chi giao là bạn bè cùng một cảnh khổ với nhau.

Hoạn vô tài, hà hoạn vô vị

患無才何患無位

Hoạn: Lo lắng, tai nạn, bệnh tật. **Vô:** không. **Tài:** tài năng. **Hà:** sao? Tiếng để hỏi. **Vị:** địa vị.

Hoạn vô tài, hà hoạn vô vị: Lo mình không có tài, sao lại lo không có địa vị trong xã hội.

Cái đáng lo là mình không có đủ tài đức; còn mình có tài có đức rồi thì lo gì mình không có địa vị cao trong xã hội.

HOANG

HOANG

HOANG: 荒 có nhiều nghĩa tùy trường hợp:

1. **HOANG:** Mê loạn, không chánh.
Td: Hoang dâm.
2. **HOANG:** Mất mùa.
Td: Hoang niên.
3. **HOANG:** Xa xôi, không có thật.
Td: Hoang đường.

Hoang dâm thái thậm

荒淫太甚

Hoang: Mê loạn, không chánh. **Dâm:** ham mê thú vui xác thịt Nam Nữ. **Thái:** rất. **Thậm:** quá mức.

Hoang dâm thái thậm là ham mê nhục dục quá độ đến mê loạn.

TNHT: Võ Tắc Thiên *hoang dâm thái thậm.*

Hoang đường

荒唐

A: Fabulous, legendary. **P:** Fabuleux, légendaire.

Hoang: Xa xôi, không có thật. **Đường:** viễn vông, nói khoác.

Hoang đường là chuyện không có thật, viễn vông.

TNHT: **Lời tựa:** Gọi Thiên đường và Địa ngục là câu chuyện *hoang đường.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hoang niên

荒年

A: The year of famine.

P: L'année de famine.

Hoang: Mất mùa. **Niên:** năm.

Hoang niên là năm mất mùa vì bị Thiên tai.

Hoang phí

荒費

A: To waste.

P: Gaspiller.

Hoang: Mê loạn, không chánh. **Phí:** tiêu dùng, tiêu dùng quá mức.

Hoang phí là lãng phí tiền của.

HOÀNG

HOÀNG

1. **HOÀNG:** 皇 Vua, thuộc nhà vua.
Tđ: Hoàng đồ, Hoàng Thiên.
2. **HOÀNG:** 黃 còn đọc là HUỖNH: Màu vàng.
(Xem chữ: Huỳnh)

Hoàng đồ

皇圖

A: The nation of an emperor.

P: La nation d'un Empereur.

Hoàng: Vua, thuộc nhà vua. **Đồ:** bức họa đồ, chỉ đất nước của quốc gia.

Hoàng đồ là đất nước của một vị vua, chỉ nước VN thời quân chủ, có vua cai trị.

Hoàng Thiên - Hậu Thổ

皇天 - 后土

A: The God - The God of the soil.

P: Le Dieu - Le Dieu de la terre.

Hoàng: Vua, thuộc nhà vua. **Thiên:** Trời. **Hậu:** vua. **Thổ:** đất.

Hoàng Thiên là vua Trời, tức là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế cai quản cả CKVT.

Hậu Thổ là vua đất, tức là vị Thần Linh cai quản đất đai của một nước.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn

皇天不負好心人

Hoàng: Vua, thuộc nhà vua. **Thiên:** Trời. **Bất:** không. **Phụ:** phụ rẫy. **Hảo tâm:** lòng tốt. **Nhơn:** người.

Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn: Trời không phụ người có lòng tốt.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám có chép rằng:

*Hoàng Thiên bất phụ đạo tâm nhơn,
Hoàng Thiên bất phụ hiếu tâm nhơn,
Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn,
Hoàng Thiên bất phụ thiện tâm nhơn.*

Nghĩa là:

Trời không phụ người có lòng đạo đức,
Trời không phụ người có lòng hiếu thảo,
Trời không phụ người có lòng tốt đẹp,
Trời không phụ người có lòng lương thiện.

HOÀNH

Hoành phi

橫扉

A: The horizontal lacquered board.

P: Le panneau laqué horizontal.

Hoành: đường ngang. **Phi:** cánh cửa, tấm bảng.

Hoành phi là tấm bảng lớn trên đó có khắc chữ Hán, sơn phết đẹp, treo ngang giữa hai cây cột trong nhà.

HOẠNH

Hoạch tài

橫財

A: Ill-gotten gains.

P: Biens mal acquis.

Hoạch: bất ngờ, vô lý, cũng đọc Hoành. **Tài:** tiền của.

Hoạch tài là tiền của có được rất nhiều một cách bất ngờ, không chánh đáng, không do công sức mình tạo ra.

Td: Lượm được của rơi, trúng số, đào được hủ vàng.

Hoạch tài bất phú: của hoạch tài không làm giàu được.

Từ Đồng Đế Quân dạy rằng:

*Điều được nan y oan trái bệnh,
Hoạch tài bất phú mệnh cùng non.
Khuy tâm chiết tận bình sanh phước,
Hạnh đoãn Thiên giao nhứt thế bần.*

Nghĩa là:

Thuốc hay khó chữa được bệnh oan trái,
Của hoạch tài chẳng làm giàu người mạng cùng.
Sự mất lương tâm bẻ gãy hết phước đức bình sanh,
Thiếu hạnh nết, Trời khiến một đời nghèo.

Ông Tô Đông Pha cũng có nói rằng: "Vô có nhi đắc thiên kim, bất hữu đại phước tất hữu đại họa." Nghĩa là: Vô có mà được ngàn vàng thì chẳng có phước lớn ắt có họa lớn.

GTK: *Hoạnh tài* trợ mắt khỏi tai ương.

GTK: Giới Tâm Kinh.

HOÁT

Hoát nhiên đại ngộ

豁然大悟

Hoát: mở mang, rộng sâu, thông suốt. **Nhiên:** như thế.
Đại: lớn. **Ngộ:** giác ngộ, tỉnh ra mà biết rõ.

Hoát nhiên là thông suốt sâu sắc.

Đại ngộ là hoàn toàn giác ngộ.

Hoát nhiên đại ngộ là nói về tình trạng của một Thiền sư tu thiền định, sau nhiều năm công phu suy nghĩ về một công án, nhờ một sự kiện xảy ra bất chợt nào đó, khiến cho giựt mình thức tỉnh, thông suốt được cách giải lý công án, nhờ đó thông suốt được đạo lý, đắc đạo tại thế.

HOẠT

HOẠT

1. **HOẠT:** 滑 Trơn láng.
Td: Hoạt kê.
2. **HOẠT:** 活 Sống, cứu khỏi chết.
Td: Hoạt Phật, Hoạt nhân.

Hoạt kê

滑稽

A: The humour.

P: L'humour.

Hoạt kê, còn đọc là Cốt kê, là lời nói hay cử chỉ pha trò, làm cho những người xung quanh bất tức cười.

Hoạt Phật

活佛

A: Living-Buddha. P: Bouddha-vivant.

Hoạt: Sống, cứu khỏi chết. **Phật:** Đức Phật.

Hoạt Phật là vị Phật Sống, tức là vị Phật đang còn mang xác phàm tại thế gian.

Hoạt Phật là từ ngữ dùng để xưng tụng Đức Đạt-Lai Lạt-Ma, người đứng đầu Giáo hội Phật giáo Tây Tạng và cai trị nước Tây Tạng.

Khi Trung quốc đem quân xâm chiếm Tây Tạng, sáp nhập Tây Tạng vào Trung quốc thì Đức Đạt-Lai Lạt-Ma lưu vong sang tỵ nạn ở Ấn Độ.

Hoạt nhân vô số

活人無數

Hoạt: Sống, cứu khỏi chết. **Nhân:** người. **Vô số:** nhiều lắm không đếm hết.

Hoạt nhân vô số là cứu sống rất nhiều người.

HOẶC

HOẶC

HOẶC: 惑 Lừa dối, nghi ngờ, mê hoặc.

Td: Hoặc chúng, Hoặc thế.

Hoặc chúng

惑眾

A: To delude the public.

P: Tromper la foule.

Hoặc: Lừa dối, nghi ngờ, mê hoặc. **Chúng:** nhiều người.

Hoặc chúng là mê hoặc chúng sanh, tức là lừa dối nhơn sanh, làm cho nhơn sanh lầm tưởng.

Hoặc thế vu dân

惑世誣民

Hoặc: Lừa dối, nghi ngờ, mê hoặc. **Thế:** đời. **Vu:** nói dối.

Dân: dân chúng.

Hoặc thế vu dân là dối đời gạt dân, tức là mê hoặc người đời, dối gạt dân chúng.

HOÀNG

HOÀNG

HOÀNG: 弘 Rộng lớn, làm cho rộng lớn.

Td: Hoàng đạo, Hoàng khai.

Hoàng đạo

弘道

A: To develop the religion.

P: Développer la religion.

Hoàng: Rộng lớn, làm cho rộng lớn. **Đạo:** tôn giáo.

Hoàng đạo là làm cho nền đạo rộng lớn thêm ra.

Trong sách Luận Ngữ có chép lời Đức Khổng Tử: "Nhân năng hoàng Đạo, phi Đạo hoàng nhân." Nghĩa là: Người có thể mở rộng Đạo, chứ Đạo không mở rộng người.

"Người thì có cái biết mà Đạo thì vô vi, nhờ cái biết cho nên người mới làm cho Đạo rộng lớn ra, chứ Đạo tự nó không làm cho người rộng lớn ra được. Bởi vì Đạo lập thành cái cùng cực của người, mà người là cái khí cụ của Đạo, cho nên Đạo và người không lia bỏ nhau được. Người phải dụng lực đem cái đạo thể ở trong mình, làm cho sáng rõ ra. Nếu người mà không dụng lực, cứ muốn để cái Đạo tự nhiên làm cho người ta lên đến chỗ cao minh quảng đại thì không có bao giờ."
(Trích Nho Giáo của Trần Trọng Kim, trang 62)

Hoảng khai

弘開

A: To develop extensively.

P: Développer considérablement.

Hoảng: Rộng lớn, làm cho rộng lớn. **Khai:** mở ra.

Hoảng khai là mở rộng ra.

Hoảng khai Đại Đạo: mở rộng nền Đại Đạo, tức là truyền bá, phổ biến giáo lý của nền Đại Đạo rộng rãi khắp nơi.

NN: Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo *hoảng khai*.

NH: Niệm Hương.

Hoảng nhờn Đế Quân

弘仁帝君

Hoảng: Rộng lớn, làm cho rộng lớn. **Nhờn:** lòng nhờn, tức là lòng thương người mền vật, thương khắp chúng sanh. **Đế Quân:** phẩm tước rất cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Hoảng nhờn Đế Quân là một vị Đế Quân có lòng nhờn đức rộng lớn.

Đây là Thiên tước của Đức Khổng Tử do Đức Chí Tôn phong thưởng. Cũng như Quan Vân Trường thời Tam Quốc, hiện nay được Đức Chí Tôn phong là: Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, làm Tam Trấn Oai Nghiêm ĐĐTKPĐ.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HỌC

HỌC

HỌC: 學 Theo lời Thầy dạy hay theo sách dạy mà bắt chước làm y theo.
Td: Học lễ học văn.

Học dã hảo

學也好

Học: Theo lời Thầy dạy hay theo sách dạy mà bắt chước làm y theo. **Dã:** vậy. **Hảo:** tốt.

Bài văn Khuyển học của vua Huy Tông có câu:

*Học dã hảo, bất học dã hảo?
Học giả như hòa như đạo,
Bất học giả như cỏ như thảo.*

Nghĩa là:

Học tốt vậy hay không học tốt vậy?
Học ấy là như lúa như nếp,
Không học ấy là như cỏ như rác.

Học lễ học văn

學禮學文

Học: Theo lời Thầy dạy hay theo sách dạy mà bắt chước làm y theo. **Lễ:** lễ nghi, phép tắc xử thế. **Văn:** văn chương.

Học lễ học văn là thành ngữ rút trong sách Nho: *Tiên học lễ, hậu học văn*. Nghĩa là: trước hết là học về lễ, sau mới học về văn chương.

Học lễ tức là học về đạo đức luân lý, học văn là học văn chương chữ nghĩa, viết thành bài văn, bài thơ đúng cách.

Học lễ là để tạo Đức, học văn là để tạo Tài năng. Đức và Tài phải đi đôi với nhau mới trở thành người hữu ích tốt đẹp trong xã hội. Người có đức mà không tài thì khó làm nên việc

lớn; người có tài mà không có đức thì như cất nhà trên bãi cát, là mối nguy cho xã hội.

Học nhiên hậu tri bất túc

學然後知不足

Học: Theo lời Thầy dạy hay theo sách dạy mà bắt chước làm y theo. **Niên hậu:** rồi sau. **Tri:** biết. **Bất túc:** không đủ.

Học nhiên hậu tri bất túc: Học rồi sau mới biết chưa đủ.

Ý nói: Càng học nhiều càng thấy mình dốt.

Học Viện

學院

A: Institute of education.

P: Institut de l'éducation.

Học: Theo lời Thầy dạy hay theo sách dạy mà bắt chước làm y theo. **Viện:** tòa sở lớn.

Học Viện là một Viện trong Cửu Viện, có nhiệm vụ lo về việc giáo dục trong nền Đạo: - Giáo dục về Giáo lý Đạo đức, - Giáo dục về Văn hóa, Khoa học, Lịch sử.

Học Viện của Cửu Viện CTĐ Nam phái trực thuộc Thượng Chánh Phối Sư, có một vị Thượng Thống (phẩm Phối Sư) đứng đầu, nhiều vị Phụ Thống, Quản Văn phòng và Thư ký giúp việc.

Học Viện quản lý các trường Trung Tiểu Học do Hội Thánh lập ra như: Đạo Đức Học Đường, trường Lê Văn Trung.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

HỒ

HỒ

HỒ: 狐 Con chồn, con cáo.

Td: Hồ giả hổ uy, Hồ tử thổ khắp.

Hồ điệp

蝴蝶

A: The butterfly.

P: Papillon.

Hồ điệp là con bướm bướm.

Hồ điệp mộng: Giác chiêm bao thấy mình hóa thành con bướm. Đó là giấc mộng của Trang Tử. (Xem: Trang Tử).

Hồ giả hổ uy

狐假虎威

Hồ: Con chồn, con cáo. **Giả:** mượn. **Hổ:** con cọp. **Uy:** oai quyền.

Hồ giả hổ uy là chồn mượn oai cọp.

Ý nói: Mượn thế lực mạnh mẽ để hù dọa người khác.

Trong Chiến Quốc Sách có kể lại câu chuyện ngụ ngôn: Con chồn bị con cọp bắt được. Cọp sắp ăn thịt chồn thì chồn lanh trí nói với cọp: Ta là quân của Trời sai xuống để quản lý các loài dã thú, mi ăn thịt ta là có tội với Trời. Nếu mi không tin thì cứ đi theo ta, sẽ thấy các loài thú đều sợ ta mà chạy tránh hết. Cọp nghe chồn nói có lý, liền thả chồn ra, cho chồn đi trước, cọp đi sau. Quả thật chồn đi tới đâu thì các loài dã thú khác đều hoảng sợ chạy trốn hết. Cọp ngỡ rằng các loài thú sợ oai chồn, chớ đâu biết các thú không sợ chồn mà chỉ sợ cọp.

Hồ lô

葫蘆

A: The calabash.

P: La calabasse.

Hồ lô là trái bầu, nơi cổ trái bầu có cái eo, vỏ cứng, phơi khô rồi lấy ruột bầu bỏ ra, còn lại vỏ bầu dùng làm bình đựng rượu rất tốt.

Các vị Tiên thường dùng cái bầu hồ lô để đựng Tiên tửu.

Bài thi của Đức Hộ Pháp nhan đề: "**Nhấn bạn Quyền Giáo Tông**": (chơn linh của Đức Q. Giáo Tông là Đại Tiên Lý Thiết Quả)

*Hồ lô anh để ở nơi đâu?
Ái quốc Việt Nam nhét bẻ bầu.*

Hồ thi

弧矢

A: Bow and arrow.

P: Arc et flèche.

Hồ: cây cung. **Thi:** cái tên.

Hồ thi là cung tên.

Thường nói: **Tang bồng hồ thi:** Cây cung làm bằng gỗ dâu, mũi tên làm bằng cỏ bồng. Tang bồng hồ thi là chỉ chí khí nam nhi, vẫy vùng ngang dọc. (Xem: **Tang bồng hồ thi, văn T**)

TNHT: *Hồ thi* vẫy vùng đáng phận trai.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hồ Tiên

壺仙

A: Gourd of fairy wine.

P: Gourde de vin féérique.

Hồ: cái bầu. **Tiên:** các vị Tiên.

Hồ Tiên là cái bầu đựng rượu Tiên của các vị Tiên.

KĐ8C: *Hồ Tiên* vọt rót tức thì.

KĐ8C: Kinh Đệ Bát cửu.

Hồ tử thỏ khắp

狐死兔泣

Hồ: Con chồn, con cáo. **Tử:** chết. **Thỏ:** con thỏ. **Khấp:** khóc ra nước mắt mà không ra tiếng. Khóc to tiếng gọi là Khốc.

Hồ tử thổ khắp là chồn chết thổ khóc. Ý nói: Cùng một loài thì thương xót nhau.

Thành ngữ này còn được nói là: *Thổ tử hồ bi*: Thổ chết chồn buồn, cũng cùng một ý nghĩa.

HỔ

HỔ

1. **HỔ:** 虎 Con cọp, hùm.
Td: Hổ lang.
2. **HỔ:** 琥 Tên một loại ngọc.
Td: Hổ phách.
3. **HỔ:** (nôm) Tủi thẹn.
Td: Hổ ngươi.

Hổ lang

虎狼

A: The tiger and wolf.

P: Le tigre et le loup.

Hổ: Con cọp, hùm. **Lang:** con chó sói.

Hổ lang là cọp và chó sói.

Đây là hai loài thú vật rất hung dữ, chuyên bắt các con vật yếu ớt để ăn thịt.

Hổ lang thường dùng để chỉ những người có lòng dạ rất ác độc, hình người mà lòng thú.

TNHT: Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình, chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ *hổ lang* ở lộn cùng các con....

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HỔ NGƯỜI

A: To be ashamed.

P: Avoir honte.

HỔ: Tội thẹn. **NGƯỜI:** người.

Hổ người là cảm thấy mắc cỡ vì đã làm điều sai quấy.

KSH: Lương tâm biết hổ người chừa lỗi.

KSH: Kinh Sám Hối.

HỔ PHÁCH THẬP GIỚI

琥珀拾芥

HỔ: Tên một loại ngọc. **HỔ PHÁCH:** một loại ngọc có tên là hổ phách. **THẬP:** nhặt lấy. **GIỚI:** hột cải.

Hổ phách thập giới là ngọc Hổ phách hút hột cải.

Trường hợp này giống như cục nam châm hút cây kim bằng sắt, vì chúng đều có từ tính, tức là cùng một tính chất. Hột cải và hổ phách có cùng tính chất nên hút nhau.

Tính chất này được gọi là: **ĐỒNG KHÍ TƯƠNG CẦU:** Các vật có cùng khí chất thì tìm nhau.

HỔ

HỔ SƠN VÂN ÁM - DĨ LĨNH VÂN MÊ

岵山雲暗 - 岷嶺雲迷

HỔ SƠN: núi Hổ. **VÂN ÁM:** mây che tối. **DĨ LĨNH:** núi Dĩ. **VÂN MÊ:** mây mờ. Mê là lờ mờ.

Theo Văn Công Thọ Mai Gia Lễ, thì:

Khi cha mất thì đề 4 chữ: Hổ sơn vân ám.

Khi mẹ mất thì đề 4 chữ: Dĩ lĩnh vân mê.

Ý nghĩa của hai câu này là lấy từ hai câu của Kinh Thi:

陟彼岵兮瞻望父兮

陟彼屺兮瞻望母兮

Trắc bĩ Hổ hề chiêm vọng phụ hề.

Trắc bĩ Dĩ hề chiêm vọng mẫu hề.

Nghĩa là:

Trèo lên núi Hổ chừ, trông ngóng cha chừ.

Trèo lên núi Dĩ chừ, trông ngóng mẹ chừ.

Cho nên người ta cũng dùng hai chữ:

Trắc Hổ để nói sự thương nhớ cha.

Trắc Dĩ để nói sự thương nhớ mẹ.

HỘ

HỘ

1. **HỘ:** 護 Che chở, bảo vệ, giúp đỡ.
Td: Hộ đàn, Hộ pháp, Hộ trì.
2. **HỘ:** 戶 Nhà cửa, tài sản.
Td: Hộ Viện, Hộ vụ.

Hộ Đàn Pháp Quân

護壇法君

Hộ: Che chở, bảo vệ, giúp đỡ. **Đàn:** đàn cúng Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu. **Pháp:** luật pháp. **Quân:** người, với ý tôn xưng.

Hộ Đàn Pháp Quân là một phẩm Chức sắc đặc biệt trực thuộc Chi Pháp HTĐ, có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ đàn cúng cho được trật tự, trang nghiêm, tinh khiết.

Hộ Đàn Pháp Quân đối phẩm với Giáo Sư của CTĐ.

Phẩm vị Hộ Đàn Pháp Quân không có thăng phẩm, người được phong vào phẩm vị này thì giữ phẩm vị ấy suốt đời.

Vị Hộ Đoàn Pháp Quân đầu tiên do Đức Chí Tôn phong thưởng là ông Trần Văn Tạ.

Đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh đêm 15-10-Ất Ty (dl 7-11-1965), Phò loan: Hiến Pháp - Khai Đạo, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ phong: Giáo Hữu Thượng Khanh Thanh (Đỗ Công Khanh) Thánh Vệ Trưởng vào chức Hộ Đoàn Pháp Quân.

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, ngày 12-11-Ất Ty (dl 4-12-1965)

HỘ PHÁP

"- Thượng Sanh hỏi chi?

Đức Thượng Sanh bạch:

- Vị Tân Hộ Đoàn Pháp Quân là Thượng Khanh Thanh sẽ mặc Đạo phục thế nào? Đương sự phải kiêm luôn nhiệm vụ Thánh Vệ Trưởng theo lời Đức Ngài dạy, vậy đương sự sẽ đặt dưới quyền trực thuộc của cơ quan nào?

- Hộ Đoàn chịu dưới quyền trực thuộc HTĐ Chi Pháp.

Đại phục: Áo tràng rộng như Thời Quân, đội Nhứt Nguyệt Mạo, lưng thắt Dây Sắc lệnh bỏ mối ngay giữa.

Hộ Đoàn có Tiểu phục như Thời Quân, nhưng không Dây Sắc Lệnh, đội Mão Tam Quang không có thêu, nhưng có Thiên nhân ngay giữa, đạo phục màu trắng.

Hộ Đoàn kiêm luôn Cơ Thánh Vệ và Bảo Thể, vì hai cơ quan này chịu dưới quyền thống quản của Hộ Đoàn. Từ đây, quyền của Hộ Đoàn được nới rộng thêm để có đủ thẩm quyền tổ chức các cơ cấu giữ gìn an ninh, trật tự trong Nội Ô Thánh Địa.

Hộ Đoàn còn có bốn phận trông nom các Phận Đạo, giúp sức cho Khâm Thành, nhứt là phải tái lập Thập nhị gia Liên bảo để tiện việc kiểm tra Đạo hữu."

Vậy, theo lời dạy của Đức Phạm Hộ Pháp thì:

1. Đạo phục: Hộ Đoàn PQ có 2 bộ Đại và Tiểu phục:

Đại phục: Áo tràng trắng, rộng như của Thời Quân, đầu đội Nhứt Nguyệt Mạo, lưng thắt Dây Sắc Lịnh, bỏ mối ngay giữa bụng (trực thuộc chi Pháp)

Tiểu phục: Áo tràng trắng như của Thời Quân, không mang Dây Sắc Lịnh, đầu đội Mão Tam Quang không có thêu, ngay phía trước có Thiên Nhãn.

2. Quyền hành và Nhiệm vụ: Hộ Đàn Pháp Quân làm Thống quản Cơ Thánh Vệ và Cơ Bảo Thể, giữ gìn an ninh và trật tự trong vùng Châu Thành Thánh Địa gồm Nội Ô và các Phận Đạo, tổ chức Thập nhị gia Liên bảo để bảo vệ Đạo hữu.

Khi Đức Lý Giáo Tông phong cho Cựu Trung Tướng Nguyễn Văn Thành làm Tổng Thanh Tra Chánh Trị Đạo kiêm Thống Quản Thánh Vệ và Bảo Thể thì quyền hành và nhiệm vụ của Hộ Đàn Pháp Quân chỉ còn thu gọn trong việc gìn giữ trật tự và trang nghiêm trong các đàn cúng nơi Tòa Thánh mà thôi. (Yêu cầu xem thêm: Hữu Phan Quân, nơi chữ Hữu)

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hộ giá

護駕

A: To escort the God.

P: Escorter le Dieu.

Hộ: Che chở, bảo vệ, giúp đỡ. **Giá:** xe của vua đi.

Hộ giá là người đi theo để hộ vệ Đức Chí Tôn khi Đức Chí Tôn du hành.

Hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay là một vị Phật gọi là Ngự Mã Thiên Quân. (Xem chi tiết trong Tiểu sử của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, phần Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp)

Hộ Pháp

護法

A: The Maintainer of the rules and laws.

The Chief of Temple of Divine Alliance.

P: Le Détenteur des règles et lois.

Le Chef du Temple de l'Alliance Divine.

Hộ: Che chở, bảo vệ, giúp đỡ. **Pháp:** pháp luật.

Hộ pháp có nghĩa là bảo vệ và che chở pháp luật.

Hộ Pháp là một phẩm Chức sắc cao cấp nhất của HTĐ, nắm quyền Chưởng quản HTĐ.

Hộ Pháp đối phẩm với Giáo Tông bên CTĐ, nhưng Đức Giáo Tông là bậc Thiên Tiên, còn Đức Hộ Pháp lại là Phật vị.

Quyền hành, Nhiệm vụ và Đạo phục của Đức Hộ Pháp được Đức Chí Tôn định rõ trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải. (Xin quý độc giả xem quyển sách ấy, khỏi lập lại ở đây).

Cặp Phò loan: Hộ Pháp - Thượng Phẩm là cặp phò loan để Đức Chí Tôn giáng cơ Lập Đạo, Phong Thánh và Lập Pháp cho Đạo Cao Đài buổi ban sơ.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, bài Thánh Ngôn đêm 22 rạng 23-4-1926 (âi 11/12-3-Bính Dần), Đức Chí Tôn trực xuất Chơn Thần của Ngài Phạm Công Tắc để cho Chơn thần của Đức Phật Vi Hộ Pháp nhập vào xác thân của Phạm Công Tắc. (*Vi Hộ Pháp là Hộ Pháp họ Vi, tức là ông Vi Hộ đời Phong Thần, sau tu thành Phật Hộ Pháp*)

Kể từ giờ phút ấy, Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp của Đạo Cao Đài. Đây là trường hợp giáng linh trọn vẹn duy nhất trong Đạo Cao Đài.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hộ Pháp Phạm công Tắc (1890-1959)

• Tiểu sử

1. Đức Chí Tôn dạy đi độ Ngài Lê Văn Trung
2. Đức Chí Tôn dạy liên hiệp với Ông Chiêu
3. Hộ Pháp giáng linh
4. Phò loan Phong Thánh
5. Lập Hội Thánh Ngoại Giáo (1927)
6. Lấy Long Tuyền Kiếm (1930)
7. Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Bát Đạo Nghị Định
8. Chương quản Nhị Hữu hình Đài
9. Cát Tòa Thánh và Báo Ân Từ
10. Lập các phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân
11. Lập Phạm Môn và Cơ Quan Phước Thiện
12. Đức Hộ Pháp giao cầm nang cho Giáo Sư Thái Khí Thanh gìn giữ Tòa Thánh
13. Đề lưu Hải ngoại (1941-1946)
14. Tái thủ quyền hành, củng cố nền Đạo
15. Xây dựng 3 Cung 3 Động
16. Cát Chợ Long Hoa và mở mang Thánh địa
17. Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Ban Thế Đạo
18. Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong Cao Miên
19. Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên
- Tổng kết
20. Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp
21. Thượng pho tượng của Đức Phạm Hộ Pháp lên ngài Thất Đầu Xà
22. Kinh sách và Thi văn

Tiểu sử:

Ngài Phạm Công Tắc sanh ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch năm Canh Dần (dl 21-6-1890) tại làng Bình Lập, bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An), nhưng song thân của Ngài quê quán tại làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Thân phụ của Ngài là Ông Phạm Công Thiện và Thân mẫu là Bà La Thị Đường.

Đức Chí Tôn tiết lộ cho biết, Ông Phạm Công Thiện là Chơn linh của Ngân Hà Công Bộ nơi Thiên đình giáng trần.

Ông Phạm Công Thiện làm công chức dưới thời Pháp thuộc, khi đổi đến Tân An làm việc thì đem gia đình theo, và ở đó sanh ra Ngài Phạm Công Tắc.

Ngài Phạm Công Tắc có tất cả tám anh chị em ruột, mà Ngài là thứ tám, còn một người em gái út thứ chín, như vậy Ngài là Áp Út trong gia đình.

Gia đình Ngài đều theo Đạo Công giáo.

Ông Phạm Công Thiện, tuy là một công chức nhưng Ông rất thanh liêm, lòng hâm mộ đạo đức, luôn luôn chủ trương "*Dĩ đức vi trọng*", nên thường tham gia chống áp bức và bất công một cách tích cực. Do đó, giới đồng liêu không ưa ông, tìm cách đẩy ông đi xa, và cuối cùng ông phải nghỉ việc, đưa gia đình trở về quê quán là làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, để làm ăn sinh sống.

Năm 1902, Ông Phạm Công Thiện mất, lúc đó Ngài Phạm Công Tắc mới được 13 tuổi.

Thuở nhỏ, Ngài Phạm Công Tắc được cha mẹ cho theo học chữ Nho tại trường làng, sau đó mới đổi qua Tây học, và học bậc Trung học tại trường Chasseloup Laubat Sài Gòn.

Gia đình lúc đó gặp cảnh khó khăn sa sút, nên Ngài rập tâm học tập để thi đậu ra làm việc, có tiền phụ giúp gia đình.

Năm 1907, Ngài thi đậu bằng Thành Chung.

Trong thời gian đi học, Ngài có tham gia phong trào Đông Du (1904-1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Nhựt Bản lãnh đạo, có hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh giúp sức. Ngài Phạm Công Tắc có tên trong danh sách các thanh niên đi du học ở Nhựt, chỉ chờ ngày đưa đi. Nhưng mật thám Pháp khám phá được phong trào này, chúng đến xét nhà Ông Trần Chánh Chiếu (Gilbert Chiếu) là người đại diện phong trào Đông Du ở Sài Gòn, và xét cơ sở Minh Tân Công Nghệ của Ông Lương Khắc Ninh, để tìm danh sách và tổ chức phong trào Đông Du, nhưng Ông Ninh lanh tay thiêu hủy tất cả hồ sơ để phi tang, nên bọn mật thám Pháp không có bằng cứ

để bắt bớ. Tuy nhiên chúng vẫn theo dõi rất gắt gao, nên phong trào Đông Du không thể hoạt động được.

Ngài Phạm Công Tắc tạm gác lại mộng Đông Du, quyết định xin đi làm việc để có tiền nuôi mẹ và phụ giúp gia đình. Ngài có thuật lại quãng đời này trong một bài thuyết đạo:

"Bản đạo hiện ở tại Tây Ninh, thiên hạ còn nhớ, buổi ấy không biết gì hết, duy có biết thương mẹ mà thôi, thêm đũa em gái tới lúc định gả chồng, không còn ở chung nữa.

Lúc ấy Bản đạo đã thi đậu, nên ra làm việc với hãng buôn, ăn lương lớn lắm, mà sợ không biết nuôi mẹ được không, lại bị người anh rể nói: Em làm việc ở hãng buôn không có danh dự gì hết. Nghe lời nên xin vô sở nhà nước, làm việc mỗi tháng lương bảy tám chục đồng, là nhiều lắm, ăn xài không hết, còn dư đôi ba chục bạc để nuôi mẹ."

Do đó, Ngài xin làm việc ở Sở Thương chánh Sài Gòn.

Năm 21 tuổi, Ngài vâng lệnh mẫu thân lập gia đình với Bà Nguyễn Thị Nhiều, sanh đặng ba người con, nuôi được hai người con gái là: Cô ba Phạm Hồ Cẩm và Cô tư Phạm Tần Tranh. *(Bà Nguyễn Thị Nhiều, thường gọi là Bà Tám, vì Đức Phạm Hộ Pháp thứ tám, sau đắc phong Nữ Chánh Phối Sư, Thánh danh Hương Nhiều, làm Chưởng quản Phước Thiện Nữ phái; Cô tư Phạm Tần Tranh, sau cũng được thăng lên Nữ Phối Sư, Thánh danh Hương Tranh; còn Cô ba Phạm Hồ Cẩm không có cầu phong hành đạo).*

Năm 1912, thân mẫu của Ngài Phạm Công Tắc qui liễu, lúc đó Ngài được 22 tuổi. Một nỗi đau đớn vô cùng tận đối với Ngài. Sau này, Ngài có thuật lại như sau:

"Năm Bản đạo 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu, chỉ biết có một điều là lo lập thân danh đặng nuôi mẹ, lập thân danh để bảo trọng anh em, đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, cha mẹ đã khuất hết, dầu thương bao nhiêu cũng không còn, lại bị ác nữa là vợ con gia đình sanh đẻ mãi, đâu có lo ngoài được nữa, khởi thống khổ tâm hồn, tới chừng cao sang sung sướng, ngó lụng lại không thấy cha mẹ, vì cha mẹ đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em, em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái đều chết hết, bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi

một người anh rể, thương hơn anh ruột nữa; có một người em gái thứ chín, đó là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bàn đạo, mà đã qui liễu rồi, tới chừng ấy, tâm hồn ngơ ngẩn, xác thịt bơ thờ, đi ra ngoài đồng ngó ngọn cỏ, con chim, nó cũng nhắc, nghe tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe, cũng nhắc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy, không biết buổi nào được vui, chỉ muốn đi tu, muốn tìm cảnh tu, cho đến từng tuổi này, đáo để tâm hồn quá lẽ."

Buồn phiền về việc tử biệt sanh ly, Ngài chán nản sự đời, nên để tâm nghiên cứu Thần Linh Học và tìm cách liên lạc với các vong linh của thế giới vô hình.

Vào lồi tháng 6 năm 1925, sau khi luận đàm với các bạn trí thức đương thời, cũng là bạn đờn ca tài tử, có một ông cho biết hiện giờ ở Nam Vang, có nhiều trí thức chơi xây bàn để mời các vong linh người quá vãng về nói chuyện, ông cũng nói rõ là dùng cái bàn ba chân và cách giao tiếp với vong linh.

Thế là đúng với ý hướng của Ngài, nên Ngài bàn với quý ông: Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, hiệp nhau thử thực hành việc xây bàn coi kết quả thế nào.

Vào hạ tuần tháng 7 năm 1925, quý ông: Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và vài người trong gia đình, tụ lại nhà ông Cao Hoài Sang, thử nghiệm việc xây bàn. Đêm đầu tiên, xây bàn không kết quả. Đêm thứ nhì tiếp tục xây bàn thử nghiệm nữa, thì được kết quả hoàn toàn.

(Trong công cuộc xây bàn này ông Cao Quỳnh Cư đóng vai chủ động. Tiếp theo là thời kỳ phò Ngọc cơ tại nhà ông Cư với Lễ Hội Yên Diêu Trì Cung cũng tại nhà ông Cư, rồi Vọng Thiên Cầu Đạo, cũng tại nhà ông Cư ở 134 đường Bourdais Sài Gòn, ông Cư chủ động và tổ chức tại nhà ông Cư, cho nên các việc xảy ra trong giai đoạn này, xin độc giả xem chi tiết trong Tiểu Sử của Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, nơi chữ: Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, văn Th).

1. Đức Chí Tôn dạy đi độ Ngài Lê Văn Trung.

Đầu năm dương lịch, ngày mùng 5-12-Ất Sửu (dl 18-1-1926), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy hai ông Cư và Tắc đi vô nhà

ông Lê Văn Trung, Cựu Nghị viên Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương để Đức Chí Tôn dạy việc.

Hai ông Cư và Tắc rất lầy làm bỡ ngỡ, vì từ trước đến giờ không quen biết ông Trung, nhưng Đức Chí Tôn dạy thì phải vâng lời. Hai ông ôm Ngọc cơ đem theo, rồi đi vào Chợ Lớn, tìm nhà và vào gặp ông Trung, trình bày đầu đuôi sự việc, ông Trung rất vui vẻ và hoan nghinh, lật đặt sắm sửa thiết đàn cầu Đức Chí Tôn.

Hai ông Cư và Tắc phò Ngọc cơ, Đức Chí Tôn liền giảng, dạy ông Trung lo tu hành.

Đức Chí Tôn lại phân rằng: *Ngài đã sai Lý Thái Bạch diu đất ông Trung nơi đàn Chợ Gạo lâu rồi.*

Ngài dạy tiếp:

"Trung, nhưt tâm nghe con! Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lầy. (ông Trung bị lòa hai mắt, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu làm cho hai mắt của ông sáng trở lại).

*Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên.*

Từ đây, ông Trung vâng theo Thánh ý, thu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành Đạo." (Theo Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu).

2. Đức Chí Tôn dạy liên hiệp với Ông Chiêu:

Cách ít ngày sau, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy quý ông: Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, phải hiệp với ông Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Đức Chí Tôn còn dặn rằng: Mỗi việc chi đều phải do nơi ông Chiêu là Anh Cả.

Đêm 30 tháng chạp năm Ất Sửu (dl 12-2-1926), tức là đêm giao thừa bước qua mừng 1 Tết Bính Dần, Đức Chí Tôn dạy quý ông đến thăm từng nhà, thăm mỗi môn đệ (lúc đó có được 13 môn đệ có tên trong bài thi tứ tuyệt của Đức Chí Tôn: Chiêu Kỳ Trung...), đem Ngọc cơ theo để cầu Thầy. Khi phái

đoàn đến nhà ông Tắc, Đức Chí Tôn giáng cho bốn câu thi, mà sau này Đức Phạm Hộ Pháp thuật lại như sau:

"Bản đạo nhớ lại hồi ban sơ mới Khai Đạo, thật ra Bản đạo không có đức tin gì hết, không có đức tin đến nước Đại Từ Phụ tức cười. Ngài đến nhà Bản đạo cuối năm Ất Sửu, dạy cả mấy anh lớn ngày nay là Chức sắc của Đạo, đi đến mọi nhà, thật ra Đức Chí Tôn đến thăm viếng mọi con cái của Ngài. Bản đạo không có đức tin gì hết, nghe nói Tiên giáng thi, theo nghe thi chơi, làm cho Đại Từ Phụ phải tức cười. Ngài cho bài thi ai nấy cũng tốt, duy có bài thi cho Bản đạo thì rất dị hợm, như vậy:

***Ngao ngáo không phân lẽ thiệt không,
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng.***

Đại Từ Phụ còn thêm hai chữ: Nghe con!"

(Thẳng Áp út là Đức Chí Tôn gọi ông Phạm Công Tắc, vì ông là con trai Áp út trong gia đình).

3. Hộ Pháp giáng linh

■ Đêm 11 rạng 12 tháng 3 năm Bính Dần (dl 22/23-4-1926), tại chùa Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc, Đức Chí Tôn sắp đặt cuộc Thiên phong quý Ngài:

- Lê Văn Trung, Thiên phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.
- Lê Văn Lịch, Thiên phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.
- Trục Chơn thần của Ngài Phạm Công Tắc.

TNHT. I. 16: "Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó), biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón...

Cười . . . Đáng lẽ nó phải sấm khô giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô ngay ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch viết một lá phù (Giáng Ma Xử) đưa cho nó cầm."

.....

"Biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt Tắc, đặng Thầy trực xuất chơn thần nó ra, nhớ biểu Hậu, Đức, xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ."

■ Đêm 14 rạng 15 tháng 3 năm Bính Dần (dl 25/26-4-1926), Đức Chí Tôn phong: (TNHT. I. 19)

- Cư, phong vi Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.
- Tắc, phong vi Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

■ Ngày 18-5-Bính Dần (dl 27-6-1926), Đức Chí Tôn dạy về Nhạc và Lễ nơi Thánh Thất, có đoạn như sau:

TNHT. I. 25: "Mấy đứa con là: Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vậy: Nghĩa, Đức đứng ngoài, là tại Bàn Thờ Hộ Pháp, rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó, kế ba con sau rút hết: Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái."

■ Ngày 16-6-Bính Dần (dl 25-7-1926), Đức Chí Tôn giáng khen Thiên phục của Ngài Phạm Công Tắc:

TNHT. I. 32: Cười! Tắc, con coi mặc Thiên phục có xấu gì đâu con? Một ngày kia, sắc phục ấy đời sẽ coi quý trọng lắm! Con ôi! Con có biết những điều ấy bao giờ!

Qua các phần Thánh giáo của Đức Chí Tôn mà chúng tôi vừa trình bày trên, trích trong TNHT, chúng ta thấy không có ngày Thiên phong chánh thức cho ba vị: Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang vào ba chức vụ quan trọng nhất của HTĐ là: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, mà chỉ thấy kết quả của việc Thiên phong ấy, như về vị trí đứng hành lễ châu Đức Chí Tôn, Thiên phục.

Đặc biệt chỉ có Ngài Phạm Công Tắc là được Đức Chí Tôn trực chơn thần. Việc trực chơn thần này là Đức Chí Tôn làm chơn thần Ngài Phạm Công Tắc được thanh khiết để chơn linh của Ngự Mã Thiên Quân giáng vào xác thân của Phạm Công Tắc và Đức Chí Tôn đặt Ngài vào phẩm vị Hộ Pháp của ĐĐTKPĐ. Chỉ có Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc mới được giáng linh trọn vẹn, còn quý vị khác chỉ là chiết chơn linh giáng trần. (Xem thêm mục 20: Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp).

4. Phò loan Phong Thánh:

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư được Đức Chí Tôn chỉ định làm cặp Phò loan Phong Thánh, để Đức Chí Tôn và Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch phong thưởng các phẩm Chức sắc lập thành Hội Thánh.

Nhờ cặp Phò loan Phong Thánh này, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền cho CTĐ Nam phái, rồi giao cho Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền cho CTĐ Nữ phái. Kế đó, Đức Chí Tôn lập Tịch Đạo cho Nam phái và cho Nữ phái.

Đức Chí Tôn phong các phẩm Chức sắc CTĐ: Chưởng Pháp 3 vị, Đầu Sư 3 vị, Chánh Phối Sư 3 vị, nhiều vị Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu và Lễ Sanh, cả Nam phái và Nữ phái.

Cũng do cặp Phò loan Phong Thánh này, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, phong Thập nhị Thời Quân, và một vài vị Bảo Quân trong Thập nhị Bảo Quân, cơ quan Hàn Lâm Viện của Đạo Cao Đài.

Như vậy, Đức Chí Tôn lập PCT là tạo thành Hiến pháp của Đạo, làm căn bản tổ chức Giáo Hội của Đạo Cao Đài.

Nhờ cặp Phò loan Phong Thánh này, Đức Chí Tôn giảng dạy Đạo lý, lập thành một hệ thống Giáo lý và Triết lý mới mẻ và đầy đủ, phổ biến được Chơn lý hằng hữu bất biến của Càn Khôn, dung hợp và bao quát được các giáo lý và triết lý của các nền tôn giáo đã có từ trước đến nay.

Khi Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên ngày 1-3-Kỷ Tỵ (1929), cặp Phò loan Phong Thánh không toàn vẹn nữa. Lúc đó, khi có Phong Thánh hay lập Đạo Nghị Định thì Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng thay thế Đức Cao Thượng Phẩm, ngồi phò loan với Đức Phạm Hộ Pháp, nhưng luôn luôn có Đức Cao Thượng Phẩm đến trợ diễn cho Cao Tiếp Đạo nâng loan.

5. Lập Hội Thánh Ngoại Giáo (1927):

Khi Đức Chí Tôn ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo ngày 15-10-Bính Dần (1926) tại Thánh Thất tạm là Chùa Từ Lâm Tự, Gò Kén Tây Ninh, Đức Phạm Hộ Pháp xin tạm nghỉ làm việc 6 tháng ở Sở Thương Chánh Sài Gòn, để hợp lực với Hội Thánh lo việc Khai Đạo.

Sau khi mãn phép, Đức Phạm Hộ Pháp bạch hỏi ý kiến của Đức Chí Tôn, có nên xin nghỉ việc luôn để hành đạo hay không, thì Đức Chí Tôn giảng trả lời là chưa phải lúc cần thiết, cứ đi làm việc trở lại, rồi sẽ có chuyện hay.

Thế là Đức Phạm Hộ Pháp trở lại làm việc ở Sở Thương Chánh Sài Gòn. Chánh quyền Pháp không muốn để Đức Phạm Hộ Pháp làm việc ở Sài Gòn, sợ Ngài hoạt động mạnh mẽ cho Đạo Cao Đài, nên họ đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên.

Đức Hộ Pháp lợi dụng hoàn cảnh mới này để mở Đạo tại Kim Biên Nam Vang, xây dựng cơ sở Đạo đầu tiên, để dần dần thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang.

Đức Phạm Hộ Pháp có thuật lại trong bài thuyết đạo:

"Riêng Bần đạo là công chức, khi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến Chùa Gò Kén mở Đạo, Bần đạo có xin phép nghỉ 6 tháng, đến chừng trở lại làm việc, người ta đổi Bần đạo lên Kim Biên. Nơi đó, Bần đạo vừa làm việc vừa lo mở Đạo..."

Đàn cơ ngày 27-7-1927 (âi 29-6-Đinh Mão) tại Kim Biên, Đ. Chí Tôn ân phong các vị sau đây vào hàng Chức sắc:

- Giáo Hữu: Thượng Bảy Thanh (Lê Văn Bảy).
- Giáo Hữu: Thượng Lắm Thanh (Nguyễn Văn Lắm).
- Giáo Hữu: Ngọc Sự Thanh (Võ Văn Sự).
- Lễ Sanh: Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử).
- Lễ Sanh: Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh).
- Lễ Sanh: Thái Cửa Thanh (Phạm Kim Cửa).
- Nữ Giáo Hữu: Hương Phụng (Bà Batrya Trần Kim Phụng).
- Nữ Giáo Hữu: Hương Huê (vợ của Ông Lê Văn Bảy).
- Tiếp Đạo HTĐ: Cao Đức Trọng.

Nhờ số Chức sắc đầu tiên này, Đức Phạm Hộ Pháp thành lập CƠ QUAN TRUYỀN GIÁO HẢI NGOẠI, thường gọi là HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO tại Kim Biên Nam Vang, có nhiệm vụ phổ độ Nhơn sanh ngoại quốc tại đây gồm: Việt kiều, Hoa kiều, người Pháp và người Cao Miên.

Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được cử làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo.

Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) với Chức vụ: Chưởng Đạo, do Đức Chí Tôn phong, và dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.

6. Lấy Long Tuyền Kiếm (1930):

Nước Tàu có số dân vĩ đại, nhưng lúc nào cũng lo sợ nước VN hùng mạnh. Cho nên các thầy địa lý của Tàu luôn luôn tìm cách ếm vào các cuộc đất tốt có linh khí kết phát nhân tài của VN để VN không sản xuất được người tài giỏi tranh đua với họ. Cũng như khi xưa, sau khi Mã Viện đánh thắng Hai Bà Trưng, ông ta dựng cây cột đồng có ghi hàng chữ: "*Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt*" là để ếm vào long mạch kết phát nhân tài của nước ta.

Khoảng năm 1914, bắt đầu cuộc thế giới đại chiến lần thứ I, một người Tàu Triều Châu độ 65 tuổi len lỏi qua VN, đến làng Phú Mỹ quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, dùng cây kiếm báu Long Tuyền, ếm vào đỉnh của hòn núi đất vàng sắp nổi lên, mà sau này người Tàu biết là nơi đây, linh khí núi sông sẽ sản xuất nhân tài VN; khi có nhân tài xuất hiện thì cây kiếm báu này sẽ giết chết lúc còn trẻ. Đó là lời thuật lại của các bộ lão hiểu biết ở vùng này.

Khi Đức Chí Tôn chọn Miền Nam VN làm nơi khai sáng mới Đạo của Đức Chí Tôn, thì Đức Chí Tôn ân xá cho dân tộc VN khỏi các tai ách lớn. Do đó, Bát Nương DTC mách cho Đức Phạm Hộ Pháp biết để đi xuống làng Phú Mỹ lấy Long Tuyền Kiếm, phá phép ếm của người Tàu.

Ngày 28-3-Canh Ngọ (dl 26-4-1930), Đức Phạm Hộ Pháp dẫn một phái đoàn gồm có Ông Lê Văn Trung (CQPT) và Ông Đinh Công Trứ, cùng với một số ít tín đồ vùng đó, từ Thánh Thất Khổ Hiên Trang, đi xuống vào chỗ ếm, có Lễ Ban Sư chỉ dẫn, đào lấy được Long Tuyền Kiếm, khi lấy kiếm lên, nước trong long mạch phun ra, Đức Phạm Hộ Pháp liền cho đào một con kinh đi qua chỗ ếm để nước trong long mạch chảy ra hòa vào các con sông, phá hẳn phép ếm độc hại của thầy địa lý người Tàu, mà còn làm cho dân tộc VN hưởng được nhiều điều tốt đẹp do khí thiêng sông núi đem lại.

Đức Phạm Hộ Pháp nói: "Ngày nay là ngày kỷ niệm giồng dân Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai, sẽ gỡ ách cho dân tộc và sẽ cởi ách nô lệ, dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp, dân tộc sẽ xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích, chẳng còn lệ thuộc một sắc dân nào."

7. Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Bát Đạo Nghị Định:

■ Ngày mùng 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ yêu cầu Đức Phạm Hộ Pháp hiệp với Ngài lập thành 6 Đạo Nghị Định để chỉnh đốn nền Đạo, phân định quyền hành giữa các chức vụ cao cấp của CTĐ và HTĐ.

Trong Đạo Nghị Định thứ nhì, Đức Lý Giáo Tông giao cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế để điều hành nền Đạo cho được mau lẹ dễ dàng.

■ Ngày 16-7-Giáp Tuất (dl 25-8-1934), tức là gần 4 năm sau ngày ban hành 6 Đạo Nghị Định trước, Đức Lý Giáo Tông lại hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp, lập Đạo Nghị Định thứ 7 và thứ 8, để trị loạn trong nền Đạo, ngăn cấm việc lập chi phái và không cho các chi phái về Tòa Thánh phá Đạo.

Nhờ Bát Đạo Nghị Định này mà nền Đạo Cao Đài tại TTTN dần dần đi vào trật tự, ổn định và phát triển.

8. Chương quản Nhị Hữu hình Đài.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung qui Thiên ngày 13-10-Giáp Tuất (dl 19-11-1934), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ giao quyền Giáo Tông hữu hình tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp, theo đúng lời của Bát Nương và Lục Nương giáng cơ cho biết trước đó khoảng 9 tháng: Ngọc Hư Cung đã chuyển pháp, giao quyền cho HTĐ cầm số mạng của nhơn sanh.

Bài Thánh Ngôn này ngày 12-2-1934 (âl 29-12-Quý Dậu), có in trong TNHT, xin trích ra sau đây:

"BÁT NƯƠNG,

Em nhớ lại, khi Ngọc Hư Cung cho HTĐ cầm sổ mạng nhơn sanh, lập thành Chánh giáo thì Đại Từ Phụ lại trở pháp, giao quyền ấy cho CTĐ.

Cả Ngọc Hư, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều ngạc nhiên sự lạ. Đại Từ Phụ phổ giáo rằng: Hay! Hay! Không lẽ để phận hèn, ngày sau sẽ rõ Thánh ý Người quyết liệu."

"LỤC NƯƠNG,

Khi mới này Em đặt tin lành: Ngọc Hư lo chuyển pháp. Cả Thiên thơ hủy phá, sửa cải pháp chơn truyền.

Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng xiết, Diêu Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng, nhưng vì cái mừng ấy mà làm cho Người đổ lụy... .."

Trong TNHT, phần Thi Văn Dạy Đạo, cũng có một bài thi cho biết việc này:

Bất ẩn trừ yêu đã tới kỳ,
 Ngọc Hư định sửa mối Thiên thi.
Cửu Trùng không kể an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.
 Thành pháp diu đời qua nẻo khổ,
 Nên công giúp thế lánh cơn nguy.
 Quyền hành từ đây về tay nắm,
 Phải sửa cho nên đáng thế thì.

Như vậy, chúng ta thấy, Ngọc Hư Cung đã chuyển pháp, trút quyền lãnh đạo nhơn sanh của CTĐ để chuyển qua giao quyền này cho HTĐ nắm giữ. Cho nên, sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung qui Thiên Đức Lý Giáo Tông giao quyền Giáo Tông hữu hình tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp nắm giữ, thành ra Đức Phạm Hộ Pháp chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng. Điều đó là đúng theo sự chuyển pháp của Ngọc Hư Cung.

Lúc đó có rất nhiều sự kiện rối ren xảy ra trong nền Đạo, bên trong nội bộ của Đạo thì chia rẽ trầm trọng, bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp tìm mọi cách áp đảo.

Hội Thánh gấp rút triệu tập Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh để tìm phương củng cố nền Đạo.

Ngày 6-11-Giáp Tuất (dl 12-12-1934), Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh đồng yêu cầu Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chưởng quản CTĐ cho đến ngày có đủ ba vị Đầu Sư, để sớm chỉnh đốn nền Đạo.

Như vậy, chúng ta nhận thấy, Ngọc Hư Cung nơi cõi thiêng liêng và Hội Thánh, Hội Nhơn Sanh nơi cõi phàm trần, đều đồng nhất ý kiến, giao cho Đức Phạm Hộ Pháp cầm quyền thống nhất nền Đạo.

Kể từ ngày ấy, Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền thống nhất, Chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài: HTĐ và CTĐ. Nhờ quyền thống nhất rộng rãi này, Đức Phạm Hộ Pháp lèo lái con thuyền Đạo từ từ qua khỏi cơn sóng gió và phát triển thêm lên vượt bực.

Ngày 18-10-Ất Hợi (dl 13-11-1935), Đức Lý Giáo Tông có giáng cơ tại Hộ Pháp Đường nói chuyện với Đức Phạm Hộ Pháp, xin trích ra một đoạn:

TNHT: *"- Cười! Lão chẳng nói rõ, Hiền Hữu cũng thấy hiển nhiên rằng từ thử, thẳng Lão có muốn nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chiặng với một Hội Thánh hữu danh vô thực như vậy có phải? May thay! Thiên thơ do một mặt chẳng chi đòi đổi trở ngăn, nên may ra nữa, từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.*

Hộ Pháp bạch: - Thiên thơ đã đổi, đệ tử xin giao quyền hành của Quyền Giáo Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ oai cầm Thiên thơ vững chắt.

- Cười! Lão e cho, một là Lão đã cho, không lẽ lấy lại; hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó, không có nữa quyền trị thế của Lão nơi tay thì Hộ Pháp có thể nào điều hành Hội Thánh cho đặng. Ấy vậy, cứ để y"....

Một bài Thánh giáo khác của Đức Lý Giáo Tông nói thêm về việc: Tại sao Đức Lý Giáo Tông giao quyền Giáo Tông Hữu hình cho Đức Phạm Hộ Pháp nắm giữ:

Phò loan: Tòa Thánh, 1-12-Quý Tỵ (dl 5-1-1954).
 Hộ Pháp
 Tiếp Đạo.

LÝ GIÁO TÔNG

- Hiền Hữu có nghĩ tại sao Lão phải dâng quyền Giáo Tông cho Hiền Hữu dâng trọn quyền Chí Tôn Hữu Hình tại thế chẳng?

Hộ Pháp bạch: - Xin Ngài dạy rõ.

- Thì cũng do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ. Người sợ oai của Lão khi cầm quyền thiêng liêng mỗi Đạo quá chấp nê phạm tánh, không dung thứ tội tình cho con cái của Người, nên giao cho Hiền Hữu là bạn đồng sanh, biết đau đớn, biết khổ cực với mảnh thi phạm, mà rộng dung cho họ. Cười...

Quyền Chí Tôn trong tay Hiền Hữu thì cứ tự dụng đặt định vị cho Thánh Thể của Người. Lão chẳng nên can thiệp vào đó. Này Hiền Hữu, Lão nói thử, Hiền Hữu nghĩ coi có lẽ nào Lão cầm cơ thăng vị cho những người như: Kiên, Chấn, Thạch, Dục.

Cười . . . Hiền Hữu tự mình định liệu lấy, nếu cần, phò loan nơi Giáo Tông Đường, Lão sẽ đến bàn luận. Lão xin kiếu.
 THĂNG.

9. Cát Tòa Thánh và Báo Ân Từ:

Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn xây dựng tại Tây Ninh một ngôi Tòa Thánh khang trang để tạo thành khối đức tin cho toàn tín đồ Đạo Cao Đài. (Thánh ngôn của Đức Chí Tôn: Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi).

Đức Lý Giáo Tông muốn xây dựng Tòa Thánh lớn lao nguy nga tráng lệ theo kiểu võ của Thiên đình, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế. Do đó, Đức Lý dạy đi mua đất, định hướng, vẽ kiểu và ra kích thước Tòa Thánh cho Hội Thánh theo đó mà xây dựng.

■ Khởi đầu, vào tháng 10 năm Tân Mùi (1931), Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh lãnh trách nhiệm khởi công

cất Tòa Thánh, đào móng, làm Hàm Bát Quái. Sau đó, vì gặp nhiều khó khăn trở ngại nên công việc phải ngưng lại.

■ Kế tiếp Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, hiệp cùng Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh tiếp tục công trình xây dựng, nhưng không tiến triển được bao nhiêu.

■ Tiếp theo nữa, Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh đứng ra vận động tiền bạc mua vật liệu để xây cất, có mượn Bác vật Phan Hiếu Kinh làm Cổ Vấn, khởi làm lầu HTĐ, đổ được plafond chút ít rồi cũng dừng lại, do nền Đạo lúc bấy giờ chính nghiêng, nội bộ chia rẽ vì chánh quyền Pháp xúi giục.

■ Khi Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài, Đức Ngài mới trừ tính kế hoạch xây cất Tòa Thánh cho đạt kết quả thành công.

Đức Ngài huy động 500 vị công quả hiển thân Phạm Môn làm lực lượng công thợ nòng cốt, và khởi công tiếp tục công trình tạo tác Tòa Thánh, vào ngày 1-11-Bính Tý (dl 14-12-1936).

Đức Ngài lại buộc các công quả công thợ phải lập hồng thệ: Trong suốt thời gian xây cất Tòa Thánh, không được cưới vợ hay lấy chồng, đặng đủ tinh khiết mà tạo tác.

Đức Ngài chỉ thị cho các Châu Đạo và Tộc Đạo bên Hành Chánh và bên Phước Thiên, nỗ lực lo quyên góp tiền bạc, vật liệu và lương thực, gửi liên tục về Tòa Thánh để công cuộc xây dựng được liên tục mau chóng.

Đến ngày 4-6-Tân Tỵ (dl 28-6-1941), sau hơn 4 năm nỗ lực làm việc, công việc xây dựng cơ bản đã xong, chỉ còn phần đắp vữa, trang trí và sơn phết, thì một biến cố quan trọng xảy ra, chánh quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp và một số Chức sắc cao cấp đày đi hải đảo Madagascar, ở Phi Châu, chúng chiếm đóng Tòa Thánh làm chỗ đậu xe nhà binh, xua đuổi các công thợ và Chức sắc ra khỏi Nội Ô.

Ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946), tức là hơn 5 năm sau, qua bao nhiêu biến cố chánh trị, chánh quyền Pháp bị bắt buộc phải đưa Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh.

Ngày sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp kêu gọi số công quả cất Tòa Thánh khi trước, trở lại tiếp tục công việc, gấp rút sửa

chữa những chỗ hư hỏng do bọn lính Pháp gây ra, rồi lo đắp, vẽ, trang trí, cho đến cuối năm âm lịch phải hoàn thành.

Ngày 30 tháng chạp năm Bính Tuất (dl 21-1-1947), Tòa Thánh được hoàn thành trong nỗi vui mừng của toàn cả tín đồ Đạo Cao Đài.

Qua ngày mừng 3 Tết, tức là ngày 3-Giêng-Đinh Hợi, (dl 24-1-1947), Tổng Giám Lê Văn Bàng, các Phó Tổng Giám, Tá Lý, đại diện các công thợ nam nữ xây cất Tòa Thánh làm lễ bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh.

Ngày mừng 6-Giêng-Đinh Hợi (dl 27-1-1947), tức là 3 ngày sau khi giao lãnh Tòa Thánh, Đức Phạm Hộ Pháp thiết lễ Trấn Thần Tòa Thánh, và ngày mừng 8-Giêng-Đinh Hợi, làm lễ rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi BQĐ Tòa Thánh để khuya hôm đó thiết Đại Lễ cúng Vía Đức Chí Tôn lần đầu tiên tại Tòa Thánh mới vừa xây cất xong.

Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, mãi đến năm Ất Mùi, nhân dịp Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, ngày mừng 9 tháng Giêng năm Ất Mùi (dl 01-02-1955), Đức Phạm Hộ Pháp mới tổ chức Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, Báo Ân Từ và các dinh thự trong Nội Ô. Đây là một cuộc lễ lớn lao và long trọng nhất của Đạo Cao Đài từ trước tới nay tại Nội Ô Tòa Thánh.

Tòa Thánh là một công trình kiến trúc vĩ đại, tượng trưng Đạo Cao Đài và nền Văn minh Cao Đài. Tất cả tín đồ Đạo Cao Đài đều rất hãnh diện, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng Báo Ân Từ để tạm làm nơi thờ phụng Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương.

Điện Thờ Phật Mẫu thiết thọ sẽ được xây dựng sau này. Đức Phạm Hộ Pháp có dành sẵn một khu đất 4 mẫu ở Ngoại Ô Tòa Thánh, trên đường Bình Dương, tại Xóm Tà Mun, cách Tòa Thánh khoảng 1000 thước, để xây dựng Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương. Kiểu vở và kích thước của Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương sẽ được các Đấng giáng cơ vẽ ra cho biết khi khởi đầu thiết kế xây dựng.

Như vậy, Đức Phạm Hộ Pháp đã xây dựng thành công hai Đền Thờ lớn:

- Một là Tòa Thánh để thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, tức là thờ Ngôi Dương của CKVT.

- Hai là Báo Ân Từ để thờ Đức Phật Mẫu, tức là thờ Ngôi Âm của CKVT.

Đây là điểm đặc biệt và mới mẻ trong giáo lý của Đạo Cao Đài, xứng đáng là một nền Tân Tôn giáo, và Đạo Cao Đài sẽ nương theo hai thế lực mạnh mẽ Dương và Âm ấy của Càn Khôn mà phát triển để cứu độ chúng sanh trong thất ức niên (700.000 năm).

10. Lập các phẩm Chức sắc HTĐ dưới Thập nhị Thời Quân:

Năm 1935, có nhiều vị Đạo hữu dày công cùng Đạo được đem vào Sổ Cầu Phong dâng lên Đức Lý Giáo Tông. Ngài phê: Để Hiệp Thiên Đài định vị.

Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cầu hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Đêm 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ góp ý cùng Đức Phạm Hộ Pháp, mở rộng trường công quả bên HTĐ, lập ra 7 phẩm Chức sắc dưới Thập nhị Thời Quân, để làm nhân viên giúp cho chư vị Thời Quân hành quyền Tư Pháp của HTĐ.

Bảy phẩm Chức sắc đó là:

1. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.
2. Chương Ấn.
3. Cải Trạng.
4. Giám Đạo.
5. Thừa Sứ.
6. Truyền Trạng.
7. Sĩ Tài.

Dưới phẩm Sĩ Tài, Đức Phạm Hộ Pháp muốn lập thêm một phẩm thứ 8 nữa là Luật Sự, đối phẩm với Chánh Trị Sự của CTĐ, nên Đức Phạm Hộ Pháp ký Sắc Lệnh số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (dl 11-7-1936) mở khoa thi tuyển chọn những người có khả năng vào phẩm Luật Sự.

11. Lập Phạm Môn và Cơ Quan Phước Thiện:

Khởi đầu, Đức Lý Giáo Tông lập Minh Thiện Đoàn tại nhà ông Đinh Công Trứ ở làng Phú Mỹ quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho ngày 15-7-Mậu Thìn (dl 29-8-1928).

Sau đó, ngày 25-2-Kỷ Ty (dl 4-4-1929), Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Phạm Hộ Pháp để Ngài thành lập Phạm Môn, theo tinh thần của bài thi bốn câu của Đức Chí Tôn ban cho:

*Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.*

Các cơ sở Lương điền Công nghệ của Phạm Môn được chánh thức khai mở vào cuối năm Canh Ngọ (1930) tại Tâm Lạch, xã Trường Hòa (Tây Ninh).

Đầu tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934), sau khi ăn Tết xong, Đức Phạm Hộ Pháp ra lệnh triệu tập khẩn cấp tất cả các công quả Phạm Môn về Nội Ô để giữ Tòa Thánh, chống lại lực lượng của Chi phái Bến Tre kéo về dùng bạo lực đánh chiếm Tòa Thánh.

Ngày 20-Giêng-Giáp Tuất (dl 5-3-1934), lực lượng của Chi phái Bến Tre từ Sài Gòn, bao xe đồ, kéo về Tòa Thánh rất đông, bị các công quả Phạm Môn chặn ngay tại các cổng lớn, kiên quyết không cho xâm nhập Nội Ô Tòa Thánh, chỉ yêu cầu vài vị đại diện của Chi phái, vào Tòa Thánh gặp Đức Quyền Giáo Tông để dàn xếp, nhưng các vị ấy không chịu vào, rốt cuộc họ không làm được việc gì, khiến âm mưu chiếm đoạt Tòa Thánh của họ bị thất bại hoàn toàn.

Những người cầm đầu Chi phái này vu cáo các công quả Phạm Môn với nhà cầm quyền Pháp nơi tỉnh Tây Ninh, khiến cho nhà cầm quyền Pháp tìm cách bắt bớ các công quả Phạm Môn, và buộc Hội Thánh đóng cửa các cơ sở Phạm Môn.

Năm Mậu Dần (1938), Đức Phạm Hộ Pháp chuyển Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện, trực thuộc Chi Đạo HTĐ, dưới quyền đặc biệt của Đức Phạm Hộ Pháp, do Đạo Nghị Định số 48/PT ngày 19-10-Mậu Dần (dl 10-12-1938) của Đức

Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên, qui định 12 phẩm cấp Chức sắc Phước Thiện gọi là Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, kể ra sau đây:

- | | |
|----------------|------------------|
| 1. Phật Tử. | 7. Chí Thiện. |
| 2. Tiên Tử. | 8. Giáo Thiện. |
| 3. Thánh Nhơn. | 9. Hành Thiện. |
| 4. Hiền Nhơn. | 10. Thính Thiện. |
| 5. Chơn Nhơn. | 11. Tân Dân. |
| 6. Đạo Nhơn. | 12. Minh Đức. |

Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt, nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho nhơn sanh, tầm phương bảo bọc kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát, ít oi, và giúp tay cho CTĐ tận độ nhơn sanh cho tròn trách nhiệm.

12. Đức Hộ Pháp giao cầm nang cho Giáo Sư Thái Khí Thanh gìn giữ Tòa Thánh:

Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn Đức Phạm Hộ Pháp, các Chức sắc và tín đồ Đạo Cao Đài phải chịu khổ nạn một thời gian để giải bớt oan nghiệt của dân tộc Việt Nam hầu nước VN sớm được độc lập và tự chủ, nên khiến cho nhà cầm quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp và các Chức sắc lưu đày nơi đảo Madagascar Phi châu.

Đức Hộ Pháp vâng chịu Thánh ý của Đức Chí Tôn nên không chút sợ hãi, bí mật chuẩn bị một vài việc cần thiết trước khi khổ nạn xảy đến:

- Đức Ngài gọi ông Giáo Thiện Đình Công Trứ đến và giao cho ông Trứ lo gìn giữ luật pháp chơn truyền của Đạo.

- Đức Ngài giao cho vị Giáo Sư người Tàu là Thái Khí Thanh một bức cầm nang để gìn giữ Tòa Thánh, khi tới ngày giờ thì mở ra, coi theo đó mà thi hành.

Cho nên, trong trận Đệ nhị thế giới chiến tranh, khi nước Nhựt bị hai trái bom nguyên tử phải đầu hàng, quân đội Pháp trở lại đánh chiếm Việt Nam, định tiêu diệt các đoàn thể trước đây theo Nhựt đánh Pháp, trong đó có quân đội Cao Đài.

Giáo Sư Thái Khí Thanh có thuật lại như sau:

"Một vị quan ba của Pháp đem binh đội đến trấn áp vào cửa Hoà Viện, dùng súng bắn xả vào Tòa Thánh.

Tôi liền cầu nguyện với Đức Hộ Pháp, mở nang thơ ra xem, thấy Đức Hộ Pháp dặn: khi có chuyện hỗn loạn, khói lửa, thì Giáo Sư Thái Khí Thanh treo cờ Tàu (cờ Trung Hoa Dân Quốc) nơi ban-công Tòa Thánh thì Tòa Thánh được yên ổn.

Bà Tư (Hương Hiếu) và Bà Tám (Hương Nhiều) đang có mặt tại đó, ngăn cản không cho Giáo Sư Khí treo cờ Tàu vì cho rằng đây là cờ của Đồng Minh chứ không phải cờ của Đạo. Hai bà lôi kéo tôi, nhứt định không cho tôi treo cờ Tàu.

Tôi (Giáo Sư Khí thuật lại) làm thỉnh không trả lời, vì việc Đức Hộ Pháp dặn tôi tôi biết, chứ tôi không thể giải thích được. Pháp bắn vô dũ đội, bắn đạo bị thương đổ máu, có hai Bảo thể bị tử thương. Hai bà thấy vậy sợ hãi, bỏ chạy về Báo Ân Từ. Lúc bấy giờ tôi mới leo lên ban-công Tòa Thánh, xỏ cờ Tàu ra treo. Quan ba Pháp thấy cờ Tàu, liền ra lệnh ngưng bắn, kéo binh từ cửa Hòa viện vào Tòa Thánh hỏi tôi.

Lúc đó, tôi đang mặc Thiên phục Giáo Sư, tôi lấy nang thơ của Đức Hộ Pháp giao cho tôi đưa cho quan ba Pháp xem, ông ta xem xong thì trả thơ lại rồi họ kéo binh ra khỏi Tòa Thánh. Bắt đầu ngày hôm sau, nhà binh Pháp ruồng bỏ dân chúng ở bên ngoài khổ sở vô cùng, còn nội ô vẫn yên tịnh. (Tài liệu của ông Lê Minh Dương)

13. Đồ lưu Hải ngoại (1941-1946):

(Phần Đức Phạm Hộ Pháp bị đồ lưu hải ngoại nơi hải đảo Madagascar thuộc Phi Châu, yêu cầu độc giả xem chi tiết nơi chữ: Đồ lưu hải ngoại, văn Đ).

14. Tái thủ quyền hành, củng cố nền Đạo:

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh thì Đức Ngài gặp phải rất nhiều việc khó khăn của Đạo mà Đức Ngài phải lo giải quyết gấp như sau đây:

- Sự hiện hữu của Quân đội Cao Đài do Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) thành lập theo sự chỉ đạo của Đức Lý Giáo Tông, trong lúc Đức Ngài bị đồ lưu nơi hải ngoại.

- Tòa Thánh còn đang dang dở ngổn ngang và hư hỏng vì việc xây dựng bị đình chỉ hơn 5 năm nay.

- Hội Thánh và các cơ quan của Đạo rã rời sau nhiều cuộc đàn áp và khủng bố của bạo quyền.

Đức Ngài không có thời gian để nghỉ ngơi sau những ngày lao khổ, liền bắt tay ngay vào việc huy động trở lại số công quả công thợ xây cất Tòa Thánh trước đây, gấp rút hoàn thành Tòa Thánh, cho có chỗ đẹp để trang nghiêm cúng bái Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng. Sau gần 4 tháng tích cực làm ngày làm đêm của các công thợ, Tòa Thánh được hoàn thành, đắp vẽ đầy đủ, sơn phết trang trí rực rỡ.

Ngày mùng 6 tháng Giêng Tết Đinh Hợi (dl 27-1-1947), Đức Phạm Hộ Pháp làm lễ Trấn Thần Tòa Thánh. Kế đó, sáng ngày mùng 8 tháng Giêng thì rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi BQĐ Tòa Thánh, kịp cúng Đại lễ Vía Đức Chí Tôn vào thời Tý.

Mặt khác, Đức Phạm Hộ Pháp lo tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh, Đại Hội Phước Thiện để thăng thưởng Chức sắc và Chức việc đã đầy đủ công quả hành đạo, bổ nhiệm các Chức sắc vào các cơ quan từ trung ương đến địa phương, để củng cố và phát triển nền Đạo.

Ngày 1-12-Bính Tuất, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Nhơn Sanh.

Ngày 15-12-Bính Tuất, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Phước Thiện.

Ngày 15-10-Đ. Hợi, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Hội Thánh CTĐ.

Về Quân Đội Cao Đài, ông Giáo Sư Đại Biểu Trần Quang Vinh đã thành lập sẵn rồi, Đức Ngài chỉ thị cho Quân đội Cao Đài thực thi chủ trương: **Bảo Sanh - Nhơn Nghĩa - Đại Đồng**, phải là một quân đội nghĩa hiệp và gương mẫu, bảo tồn nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn và các tín đồ.

15. Xây dựng 3 Cung 3 Động:

Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng 3 Cung 3 Động, để dự bị sau này làm Tịnh Thất khi có lệnh Đức Chí Tôn cho phép truyền Bí pháp luyện đạo cho các vị tu chơn:

- **Trí Huệ Cung** ở Thiên Hỷ Động được xây dựng cách Tòa Thánh khoảng 5 cây số, về hướng đông nam. Trí Huệ Cung là một tòa nhà vuông vức 3 tầng, mỗi bề 12 thước, tầng trệt ngầm dưới đất. Nơi đây sẽ là Tịnh Thất của Nữ phái.

- **Trí Giác Cung** ở Địa Linh Động, được xây dựng trên đường đi từ Tòa Thánh đến Trí Huệ Cung, cách Tòa Thánh chừng 3 cây số. Trước khi Đức Phạm Hộ Pháp lập thành Trí Giác Cung thì nơi đây là Trường Qui Thiện do ông Đinh Công Trứ và các Đạo hữu trong Minh Thiện Đoàn từ Phú Mỹ qui tụ về đây xây dựng làm cơ sở tu hành.

- **Vạn Pháp Cung** ở Nhơn Hòa Động, sẽ được xây dựng tại Sở Sơn Đình, chân núi Điện Bà, về phía Bắc Tòa Thánh, cách Tòa Thánh chừng 10 cây số. Vạn Pháp Cung dùng làm Tịnh Thất cho Nam phái.

Chờ đến ngày giờ Đức Chí Tôn định, 3 Cung này sẽ là 3 Tịnh Thất tiếp nhận bậc tu thượng thừa đã đủ Tam lập, vào đây thọ Tâm pháp bí truyền luyện đạo, đắc thành Tiên Phật tại thế.

Khi Đức Hộ Pháp trấn pháp Long Tu Phiến và cây Kim Tiên nơi Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung, Đức Ngài có nói:

"Ngày nay là ngày vui mừng của Bần đạo hơn hết, là vì Bần đạo còn sức khỏe đầy đủ, cầm Bí pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bần đạo vậy."

16. Cắt Chợ Long Hoa và mở mang Thánh địa.

Kể từ năm 1947 trở về sau, chiến tranh giành độc lập của quân đội Việt Minh chống lại quân đội Pháp lan rộng khắp nơi, khiến cho các tín đồ Cao Đài từ khắp các nơi đổ dồn về vùng Thánh địa lập nghiệp càng lúc càng đông. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng Chợ Long Hoa, có nhà lồng chợ bốn cánh hình chữ Thập, chung quanh Chợ có 8 cửa, hướng ra 8 con đường, với ý nghĩa là: Lương Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái,

theo Vũ Trụ quan của Đạo Cao Đài. Cho nên Đức Phạm Hộ Pháp gọi Chợ Long Hoa là cái Chợ Chuyển Thế.

Ngày 5-6-Tân Mão (dl 8-7-1951), Đức Phạm Hộ Pháp trần Thần và ban Phép lành chợ Long Hoa, có nói rằng:

"Càng ngày nhơn sanh qui tụ càng đông, vì thế nguồn sanh sống càng bị bóp nghẹt, nên Bàn đạo cho lập gấp cái chợ này để tạo lại nguồn sanh sống dễ dàng cho nhơn sanh.

Ngày giờ này, tuy là nhìn thấy cái chợ thô sơ, nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn, mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế, nhưng Bàn đạo dám quả quyết nó phải có và nhứt định có, vì là cái Chợ Chuyển Thế và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy."

Để mở mang vùng Thánh địa cho có qui củ, Đức Phạm Hộ Pháp thiết lập Phòng Kinh Lý Họa Đồ, phóng các con đường thẳng tắp thẳng góc nhau như trong bàn cờ, phân đất ra thành từng lô để cấp phát cho bốn đạo từ các nơi về đây lập nghiệp, định nơi cất Trường học, Nhà Thương (Bệnh viện), Chợ búa, Sân máy bay, Nghĩa địa, v.v...

Đức Ngài khuyến khích bốn đạo khai phá đất rừng thành ruộng rẫy, tạo lương thực cho vùng Thánh địa được sung túc. Đức Ngài còn buộc các con em nhà đạo phải đến trường do Đạo mở ra để học chữ nghĩa.

Dần dần vùng Thánh địa mở mang rộng đến hơn 200 cây số vuông, bao bọc luôn cả Núi Điện Bà.

17. Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Ban Thế Đạo.

Ngày 3-12-Quý Ty (dl 7-1-1954), trong một đàn cơ tại Giáo Tông Đường, Phò loan: Hộ Pháp - Tiếp Đạo, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập Ban Thế Đạo với bốn phẩm Chức sắc:

"Khi hôm qua, đã có luận về Thế Đạo, nên căn dặn Phò loan đặng Lão giải nghĩa điều ấy.

- Hộ Pháp đã hiểu tổ chức của Hội Thánh Thiên Chúa giáo, có Chức sắc Thế Đạo, pháp văn gọi rằng: Dignitaires

laïques. Hiền Hữu đã có phong phẩm HIỀN TÀI, sao không thêm ba phẩm trên nữa cho đủ như của họ.

Hộ Pháp bạch: - Xin Ngài chỉ rõ.

- Thêm vào 3 phẩm Thế Đạo này: QUỐC SĨ, ĐẠI PHU, PHU TỬ."

Bản Qui Điều của Ban Thế Đạo mãi đến khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên rồi mới được Hội Thánh HTĐ soạn thảo, dâng lên Đức Phạm Hộ Pháp, và ngày 9-2- Ất Tỵ (dl 11-3-1965), Đức Ngài giảng cơ chấp thuận. Đức Thượng Sanh lúc đó cầm quyền Chưởng quản HTĐ ban hành ngày 28-2-Ất Tỵ (dl 30-3-1965).

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, đêm 4-7-Kỷ Dậu (dl 16-8-1969), Phò loan: Hiền Pháp - Khai Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ nói về Ban Thế Đạo:

"Đức Lý Đại Tiên có thảo luận với Bàn đạo về việc tuyển Chức sắc cao cấp CTĐ thì nên tìm kiếm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo, sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo, thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến, nếu được thì Đức Lý đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn. Các bạn đồng ý chăng?"

18. Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong Cao Miên.

Sau Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954, nước VN bị phân chia thành hai miền Nam Bắc, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Miền Bắc chịu ảnh hưởng của khối thế lực Cộng sản, Miền Nam chịu ảnh hưởng của khối thế lực Tự bản.

Đức Phạm Hộ Pháp thấy rõ sẽ có cuộc nội chiến tương tàn tương sát giữa hai miền Nam Bắc, nên Đức Ngài đưa ra chánh sách Hòa bình Chung sống, hòa giải hai miền, thống nhất với nhau bằng thương thuyết tương nhượng, nhưng không được chánh phủ hai miền ủng hộ, nhất là Ngô Đình Diệm ở miền Nam dựa thế lực của nước Mỹ nhất định đánh Cộng sản. Do đó, Ngô Đình Diệm tìm mọi cách khủng bố Đức Phạm Hộ Pháp và trấn áp Đạo Cao Đài.

Đức Ngài bị cầm lỏng trong Hộ Pháp Đường suốt 4 tháng rưỡi. Nhận thấy không có cách nào khác hơn được nữa, nên

Đức Ngài quyết định lưu vong sang thủ đô Nam Vang của nước Cao Miên.

Đúng 3 giờ sáng ngày mùng 5-Giêng-Bính Thân (dl 16-2-1956), Đức Phạm Hộ Pháp cùng vài vị Chức sắc thân cận, lên xe hơi đi lên Nam Vang theo ngã Gò Dầu.

Đức Ngài đến Nam Vang bình yên, sau đó xin Hoàng Thân Sihanouk cho tị nạn tại Cao Miên, và xin ở tại Thánh Thất Kim Biên, Nam Vang.

19. Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên.

Trong thời gian lưu vong tại Nam Vang, Đức Phạm Hộ Pháp cố gắng vận động thực hiện chánh sách Hòa bình Chung sống của Đức Ngài, nhưng lãnh đạo của mỗi miền VN đều có đường lối và ý định riêng, nên tiếng kêu của Đức Ngài không được hưởng ứng.

Đức Ngài vì tuổi già sức yếu, quá lao tâm lao lực với nền Đạo, lại bị đày đọa quá khổ cực trong hơn 5 năm đồ lưu nơi hải đảo, ngày nay lại mang tâm bệnh nơi lòng, Đức Ngài cảm thấy giờ qui Thiên sắp tới, nên Đức Ngài làm một văn thư gửi Hoàng Thân Sihanouk, thỉnh cầu cho Đức Ngài tạm gởi thi hài nơi đất Miên dưới sự bảo vệ của Hoàng gia Miên, đồng thời, Đức Ngài gọi các Chức sắc và bổn đạo tới bên giường bệnh để di chúc:

"Bản đạo qui Thiên, tạm gởi thể xác nơi đất Cao Miên một thời gian. Ngày nào nước nhà độc lập thống nhất hoặc thực hiện đúng theo đường lối Hòa bình Trung lập, sẽ di liên đài về Tòa Thánh Tây Ninh."

Ngày mùng 10-4-Kỷ Hợi (dl 17-5-1959), lúc 13 giờ 30 phút, Đức Phạm Hộ Pháp thoát xác qui Thiên, để lại bao mối tiếc thương trong lòng người tín đồ Cao Đài, trước một bậc vĩ nhân đã hiến trọn đời mình khai sáng và xây dựng nền Chơn giáo của Đức Chí Tôn.

Đức Ngài hưởng thọ 70 tuổi. Thở xác được liệm vào liên đài, nhập Bửu tháp tạm, xây ngay phía sau Thánh Thất Kim Biên, Nam Vang.

Kể từ khi Đức Ngài lưu vong sang Cao Miên, ngày 5-Giêng-Bính Thân (dl 16-2-1956), cho đến ngày Đức Ngài qui Thiên, 10-4-Kỷ Hợi (dl 17-5-1959), Đức Ngài ở nơi đất Cao Miên được 3 năm 3 tháng (tính theo dương lịch).

Đêm mừng 10-4-Kỷ Hợi, lúc 10 giờ 45, Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và Sĩ Tải Bùi Quang Cao phò loan, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ, dặn dò công việc tế lễ và cho bài thi tạm làm bài Thái hiền lễ:

*Ba năm xa cách để chờ may,
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.
Chí muốn cao bay trong một kiếp,
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.
Đã đành danh phận còn xa thăm,
Nhưng đứng mây râu chẳng mấy may.
Một kiếp vì đời tua gắng trả,
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.*

Đêm 13-4-Kỷ Hợi, Ngài Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Cao phò loan, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ cho bài Thái khác, thay bài Thái trước, dùng hiền lễ Đức Ngài mãi về sau này:

*Trót đã ba năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm Chơn pháp,
Tô điểm non sông, Đạo lẫn Đời.*

Ngay sau khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên, ở bên nước Pháp, Nữ Đồng Tử Sarah Barthel tại thủ đô Paris, đã nghe được tiếng nói từ cõi thiêng liêng về sự liễu đạo của vị Giáo Chủ Đạo Cao Đài. Bà ghi lại trong bài Chứng Nghiệm, đăng trên báo **Le Lien des Cercles d'Etudes** số 4 tháng 5-6 năm 1959, xuất bản tại Paris, được dịch ra sau đây:

SỰ QUI THIÊN của VỊ GIÁO CHỦ HOÀN CẦU của ĐẠO CAO ĐÀI: HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC.

*Để liên hiệp tất cả đệ tử Thần Linh thế giới,
Chúng ta hãy than khóc, nhưng vẫn hy vọng!
Hỡi các đệ tử Thần Linh Tây phương!*

Đối với anh chị em ta bên phương Đông và Viễn Đông, chúng ta có bổn phận là hiệp tinh thần trong việc hợp tác huynh đệ để tìm biết về vô hình.

Một tiếng nói trên không trung nói với tôi:

"Sở dĩ đạo đức đưa tới một đời sống hạnh phúc là vì đạo đức là một tình thương yêu cao cả và tình yêu này chỉ là một với tình yêu cả nhơn loại lẫn vũ trụ.

Tiếng nói ấy là tiếng nói nào mà nó thoát ra ngoài vật thể và nó ở ngàn chỗ trên thế giới địa hoàn để cho tâm hồn yên lặng và mở rộng đều có thể nghe được, dầu họ ở phương Đông cũng như phương Tây, hoặc ở phương Bắc, cũng như phương Nam, họ chờ đợi tiếp nhận những lời Thánh giáo giống nhau, trạng tỏ rõ sự thỏa hiệp của tâm hồn.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc vừa qui Thiên ngày 17-5-1959 hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên) tại Chùa Tual Svay Prey, ở hộ đệ ngũ thuộc Châu thành Nam Vang ...

Đúng giờ đã định, những vị Thiên Thần cầm cây tàn vàng tới đón rước Ngài, và các Hung Thần bị xua đuổi ra xa tít, hợp thành một làn đen xa thẳm, như đóng khung không hện mà nên cho một cảnh giới thiên nhiên càng mở rộng thêm mãi.

Những Đấng đã liễu đạo, lớp mặc Thiên phục đỏ, lớp Thiên phục xanh dương, lớp nữa Thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn mặc Thiên phục trắng.

Những vị Thiên phong sắc phục trắng nói rằng: Tiết độ là mối tình thương yêu làm chúng ta gìn giữ trong sạch những gì mà chúng ta yêu mến.

Những vị Thiên phong sắc phục xanh dương nói: Thận trọng là mối tình thương yêu, phân biệt điều gì đưa đẩy chúng ta đến chỗ thiện và điều gì có thể lôi kéo chúng ta đi xa chỗ thiện.

Những vị Thiên phong sắc phục vàng lúc bấy giờ nói: Công bình là tình thương yêu đặt chúng ta vào con đường phục vụ cho tình bác ái.

Sau chót, những vị Thiên phong sắc phục đỏ cũng tuyên bố: Dũng lược là tình thương yêu giúp ta đảm nhiệm mọi khó khăn cho cái gì chúng ta yêu mến.

Bốn lớp người nói xong thì tiếng nói của Đấng Thượng Đế, tiếng nói ở trong Tâm của mỗi người, dầu ở Thiên giới hoặc Địa giới, hay ở Trung giới, tiếng nói ấy đã phán:

"Trong bốn màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo Chủ tốt. Hộ Pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của TA, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế."

Ngày 17-5-1959, hồi 7 giờ, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tịnh hay phiêu lãng, tất cả những người Nam Nữ trong đại cơ quan đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên.

Nữ Đồng tử Sarah Barthel
20 đường Alibert, Paris X ème

(Trích trong quyển Hình Ảnh Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc qui Thiên do soạn giả Nguyễn Văn Hào xuất bản năm 1967)

Tổng kết:

Tiểu sử của Đức Phạm Hộ Pháp gần như là lịch sử của Đạo Cao Đài trong 31 năm đầu tiên, kể từ lúc sơ khởi nền Đạo năm 1925 cho đến năm 1956 khi Đức Phạm Hộ Pháp, rời khỏi Tòa Thánh, lưu vong sang Cao Miên.

Đức Ngài là một trong những môn đệ yêu ái nhất đầu tiên của Đức Chí Tôn, lại là người trẻ tuổi được Đức Chí Tôn đặt vào phẩm vị cao quý nhất của HTĐ, 37 tuổi đắc phong Hộ Pháp, và kể từ năm đó, Đức Ngài xả thân hành đạo cho đến ngày sức morn hơi tàn, trở về thiên liêng vị.

Cho nên công nghiệp của Đức Ngài đối với Đạo Cao Đài vĩ đại nhất so việc tất cả các Chức sắc cao cấp cầm quyền điều khiển nền Đạo thuở ban đầu.

Trong Nội Ô Tòa Thánh, cũng như trong khắp Châu Thành Thánh địa Tây Ninh, từ những Đền thờ đến các dinh thự, từ những con đường lớn hay nhỏ đến các cây cầu, từ những ngôi chợ đến các khu nhà ở trật tự khang trang, từ những ngôi trường dạy trẻ em nhà Đạo cho đến các Y Viện, Dưỡng Lão, Cô Nhi Viện, vv... đâu đâu cũng đều thấy có những dấu tích nhắc nhở công nghiệp vĩ đại của Đức Ngài.

Thế xác của Đức Ngài tuy đã mất, hình bóng Đức Ngài tuy đã khuất, nhưng trong lòng của mỗi tín đồ Cao Đài trong nhiều thế hệ vẫn ghi khắc hình ảnh sống động của Đức Ngài.

Đức Ngài là bậc vĩ nhân của Đạo Cao Đài, và cũng sẽ như Đức Chúa Jê-sus hay Đức Phật Thích Ca, Đức Ngài sẽ là bậc vĩ nhân của toàn thể nhân loại.

20. Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp.

■ Theo tài liệu của Thừa Sứ Phạm Ngọc Trán viết lưu lại, Đức Phạm Hộ Pháp có kể cho ông nghe, thuở nhỏ, Đức Ngài có lần nằm mê xuất chơn thần về Bạch Ngọc Kinh nơi cõi thiêng liêng gặp Đức Chí Tôn.

"Thuở nhỏ, Đức Hộ Pháp còn đi học, có một lần nằm mê luôn hai ngày. Lúc xuất Thần ra đi, Ngài có một người Em thiêng liêng vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống rước Ngài về. Ngài cùng đi với người Em đến cửa Bạch Ngọc Kinh thì thấy 8 con gì như con chó xù, to lớn mạnh mẽ coi đáng ghê sợ, có con nằm đưa bàn chơn trước ra ngang giữa giữ cửa, người Em bước lên trên chơn nó thì nó nâng lên đưa vào cửa, còn Ngài thì sợ, đứng lại. Người Em ngó ngoái lại thấy sao Ngài không vào, nên cười và nói: Anh cứ vào, Anh đi không bao lâu mà lạ, rồi Ngài liền bước lên trên chơn con chó xù đó thì nó cũng đưa Ngài vào trong cửa Bạch Ngọc Kinh.

Người Em nói: Anh chờ một chút, Em vào bạch với Đức Chí Tôn. Ngài ngồi xem cung điện rất nguy nga tráng lệ, thấy toàn bằng trân châu báu ngọc, dưới lót bằng hào quang sáng đẹp vô cùng.

Chờ hồi lâu, Ngài kêu lớn lên thì người Em chạy ra nói: Anh đừng sợ, chờ tôi một chút.

Bồng thấy Chí Tôn phán rằng: Con có đói không?

Ngài đáp: Thưa Thầy con đói.

Đức Chí Tôn biểu người Em Ngài đem ra ba cái bánh ếch trần. Ngài ăn hai cái thì vừa no, còn cái thứ ba Ngài nghẹn, nuốt không vô, Ngài muốn liệng nhưng vì sợ lắm cung điện, Ngài ráng nuốt cho được nhưng ngán lắm.

Đức Chí Tôn hỏi: Con còn đói không?

Ngài bạch: Con no lắm rồi.

Đức Chí Tôn hỏi: Con có khát nước không?

Ngài đáp: Bạch Thầy con khát.

Đức Chí Tôn dạy đem một tô nước trong thật đầy. Ngài uống ngon lắm. Khi uống vào, Ngài thấy nhẹ nhàng lại như cũ.

Đức Chí Tôn bảo người Em Ngài đưa Ngài trở về.

Trước khi ra về, Ngài bạch: Thưa Thầy, cho con xin một con chó xù đem về giữ nhà.

Đức Chí Tôn bảo: Con về trước đi, Thầy sẽ cho nó xuống sau."

■ Ngày 15-8-Bính Thân (dl 19-9-1956), tại Báo Ân đường Kim Biên, Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Động chủ Bạch Vân Động nơi cõi thiêng liêng) giảng cơ, phò loan: Đức Phạm Hộ Pháp và Hồ Bảo Đạo, nói với Đức Phạm Hộ Pháp: *(Đức Thanh Sơn tự xưng là Bần tăng, gọi Đức Phạm Hộ Pháp là Thiên Tôn)*

"Nhiều điều Thiên Tôn hỏi thì Bần tăng khó trả lời đặng, duy Nguyệt Tâm (Chơn Nhơn) đấm đương Thiên vụ, người hiểu biết rõ hơn Bần tăng, vậy Thiên Tôn nên hỏi nơi người. Chỉ có bài thi của Bần tăng có hơi huyền bí tiên tri, nên Bần tăng có thể giải đáp.

Thiên Tôn nhớ lại khi lập thành Phong Thần Bảng, những người đứng vào hàng Thất Thánh là ai?

Hộ Pháp đáp: Lý Thiên Vương, Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử.

- Phải, thì trước đầu kiếp vào nhà họ **Vi**, còn nay vào nhà họ **Phạm**. Điều đó có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bàn tăng đã nhiều và chỉ rõ VN xuất Thánh thì đã hẳn rồi, còn cho không rõ rệt, hơn nữa lại còn một điều trọng hệ hơn là Di-Lạc giáng linh thì Thiên Tôn đã thấy rằng tiên tri vốn không sai sót đủ điều."

■ Ngày 15-3-Bính Dần, Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm Công Tắc là: **Hộ giá** Tiên Đồng Tá cơ Đạo Sĩ. (có chữ Hộ giá, nghĩa là hộ vệ Đức Chí Tôn khi xuất hành).

■ Đức Lý Giáo Tông thổ lộ nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp và quyền năng của Ngài trong bài thi khoán thủ:

1. **Hộ** giá Chí Tôn trước đến giờ,
2. **Pháp** luân thường chuyển máy Thiên thơ.
3. **Chương** quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
4. **Quản** suất Càn khôn định cõi bờ.
5. **Nhị** kiếp Tây Âu cầm máy Tạo,
6. **Hữu** duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
7. **Hình** hài Thánh Thể chừ nên tượng,
8. **Đài** trọng hồng ân gắng cấy nhờ.

(Khoán thủ: **Hộ Pháp Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài**)

CHÚ THÍCH:

Câu 1: cho biết Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay.

Câu 2: cho biết Đức Ngài nắm về Pháp, xoay chuyển cơ Trời theo Thiên thơ đã định.

Câu 3: Đức Ngài nắm quyền phân định ngôi vị nơi cõi CLTG. (Chính Đức Ngài được Đức Chí Tôn sai đi mở cửa CLTG bằng bửu pháp Giáng Ma Xử cho các chơn linh đạo đức nhập vào CLTG).

Câu 4: Đức Ngài sẽ thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền cai trị CKTG. Câu này kết hợp với bài Kinh Đại Tường cho chúng ta biết rằng, Đức Hộ Pháp sẽ giáng trần là Đức Di-Lạc Vương Phật, thay mặt Đức Chí Tôn cai trị CKTG.

Câu 5: Cho biết kiếp giáng sanh xuống trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jê-sus, mở Đạo Thiên Chúa ở Do Thái rồi truyền qua Âu Châu, cứu độ các sắc dân Âu Châu.

Câu 6: Kiếp này Ngài giáng sanh xuống nước VN làm Hộ Pháp chưởng quản HTĐ, nắm giữ Thiên điều.

Câu 7: Nhờ Ngài mà hình thể của Đức Chí Tôn tại thế (tức là Hội Thánh CTĐ) được nên hình tướng.

Câu 8: Phẩm vị của Ngài rất cao trọng, hơn sanh gắng cây nhờ ân huệ lớn lao của Ngài.

Chúng ta với trí não phàm phu thô thiển, không thể hiểu rõ huyền diệu của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, nhưng qua các tài liệu vừa nêu trên, chúng ta có thể nêu lên một thuyết về Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp:

Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp là: **Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.**

- Kiếp giáng trần thứ nhất là Vi Hộ, với bửu pháp là Giáng Ma Xử, một trong Thất Thánh vào thời Phong Thần. (Thời Phong Thần, cuối Nhà Thương, khởi đầu Nhà Châu, trước kỷ nguyên Tây lịch chừng 1100 năm). Vi Hộ sau khi giúp mở ra nhà Châu xong thì trở về núi tu luyện, đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là Vi Hộ Pháp, tức là Đức Phật Hộ Pháp họ Vi.

- Kiếp giáng trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jésus mở Đạo Thánh Thiên Chúa giáo bên Âu Châu.

- Kiếp giáng trần thời ĐĐTKPĐ là Hộ Pháp Phạm CôngTắc.

- Đức Ngài sẽ giáng sanh xuống trần lần nữa là Đức Di-Lạc Vương Phật, làm Giáo Chủ Đại Hội Long Hoa, mở ra đời Thượng Nguơn Thánh đức.

21. Thượng pho tượng của Đức Phạm Hộ Pháp lên ngai Thất Đầu Xà:

Vào ngày 15-12-Quý Mão (dl 29-1-1964), Hội Thánh tổ chức một buổi lễ long trọng thượng pho tượng Đức Hộ Pháp lên Ngai Thất Đầu Xà tại HTĐ Tòa Thánh. Đây là nguyện vọng của Hội Thánh và toàn đạo khắp nơi, mong ước đã lâu nhưng vì thời cuộc, đành phải nén sự đau buồn từ mấy năm qua.

Hôm nay, pho tượng Đức Hộ Pháp sắp thượng lên Ngai Thất đầu Xà, toàn đạo tung bừng hân hoan biết bao! (Trích trong Đại Đạo Nguyệt san số 1 trang 32).

Trong dịp này, Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức có lên Giảng Đài Tòa Thánh nói về ý nghĩa của Lễ An Vị tượng Đức Phạm Hộ Pháp trên Thất Đầu Xà:

"Khi Đức Hộ Pháp trấn pháp, hành bí pháp cùng thể pháp các đàn Vía, Sóc, Vọng, khi Ngài đứng là Chuyển pháp, Ngài ngồi là Trụ pháp, nên khi Ngài ngồi, hai chân đạp hai đầu Ai bên tả, Nộ bên hữu, hai tay đè Ô bên hữu, Dục bên tả.

Đức Ngài nói: Khi Hộ Pháp trấn trên Thất Đầu Xà là đè nén các vật dục ở thế gian này gom lại khỏi cấu xé nhau, để Mừng, Vui, Thương cho mọi người chung hưởng thái bình, để gìn giữ đạo đức tu hành dễ dàng, nước nhà thanh trị, e sau này Hộ Pháp xuất ngoại, Thượng Sanh về ngự nơi đuôi thì Thất tình tự do lôi cuốn, cấu xé lẫn nhau, không phương kèm chế. Ấy là cơ thử thách nội và ngoại. Ngày nào Hộ Pháp trấn lại trên ngài thì mới có thể dễ dàng mọi việc Đời và Đạo.

Quyền thiêng liêng phải vậy đặng vay trả cho sạch oan khiên, mới đem thuần phong mỹ tục, văn hội hòa bình trật tự tháng Thuần ngày Nghiêu, trở nên thượng cổ.

Vì lời tiên tri trên của Đức Phạm Hộ Pháp mà Hội Thánh rất lo ngại nên quyết định đúc tượng của Đức Ngài gấp rút để trấn an trên Thất Đầu Xà, nghĩa là trấn áp phần nào Thất tình của con người, đặng tránh bớt biến cố trong Đạo, vì lời tiên tri ấy đã thể hiện rõ rệt từ ngày Đức Thượng Sanh về cầm quyền tối cao trong Đạo. Có nhiều hiện tượng cho thấy rõ Thất tình đã dậy, gây sự bất hòa giữa người đạo với người đạo.

Tuy nhiên, nếu chúng ta biết thận trọng trong các hành vi và trụ vững tinh thần, đừng để Thất tình lôi cuốn thì dầu không trấn an cũng có thể tránh được bất hòa, vì chủ trương của Đạo là hòa ái. Nếu đi ngoài chủ trương ấy là lạc Đạo vậy.

Anh chị em chúng ta có bổn phận phải thành tâm cầu nguyện Ông Trên ban phước lành cho toàn Đạo và toàn chúng sanh để tránh những điều chẳng may, và khẩn cầu riêng Đức Hộ Pháp ban ân điển vào Thánh tượng của Ngài để ngự chế Thất Đầu Xà, tức là Thất tình, làm sao cho Đạo được êm ấm điều hòa, mới mong Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm ân xá cho tất cả, rồi mới mong đến việc cầu phong cầu thăng cho những Chức sắc đầy đủ công nghiệp.

Chúng ta cũng phải cầu nguyện cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban ơn lành cho nước nhà mau bình yên thanh trị, đặng rước liên đài của Đức Ngài về Tòa Thánh để trấn an vĩnh viễn nơi ngôi Đức Ngài ngự."

(Trích trong bài *Thuyết đạo của Ngài HIẾN PHÁP*).

22. Kinh sách và Thi văn:

Đức Phạm Hộ Pháp có hai bút hiệu: **Tây Sơn Đạo** và **Ái Dân**, có trước tác hai quyển sách: - *Phương Tu Đại Đạo* gồm hai tập và - *Thiên Thai Kiến Diện*.

- Quyển *Phương Tu Đại Đạo*, viết theo thể thơ đặc biệt, mỗi câu có từ 7 đến 8 chữ hoặc 9 chữ, khi dùng cước vận, khi dùng yêu vận, trường thiên, nội dung dạy về phần Nhơn Đạo cho các tín đồ nam nữ. Xin trích ra đây một đoạn ngắn:

PHẬN LÀM CHA

Cha mẹ rùi sanh con hung bạo,
Tội dưỡng nhi bất giáo đã đành.
Vớ hình hài mình đã sanh thành,
Thì chữ Đạo chữ Tình cần đứng giá.
Cơ chuyển thế nơi tay đã quả,
Thay mặt cho Tạo Hóa dựng đời.
Vật tối linh thiên hạ là người,
Cha mẹ vốn là Trời phần xác thịt.
Phận nuôi dưỡng tuy vẫn cần ích,
Phải dạy răn kéo nghịch lòng Trời.
Đã lập Đời ắt phải dạy Đời,
Đừng dưỡng ác hại người mang nghiệp chướng...

- Quyển *Thiên Thai Kiến Diện*, gồm 77 bài thơ Đường luật, viết vào năm 1927, thuật lại những điều mà Đức Ngài thấy tận mắt khi xuất chơn thân lên viếng cảnh Thiên Thai nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Xin chép ra sau đây bài thi số 1 mở đầu và bài 77 cuối hết để tượng trưng:

*Ngoài áng Đào Nguyên sấn bước vào,
Thiên Thai Tiên cảnh trước cao cao.
Mây lành phủ động làm khuôn cửa,*

*Tòng rậm bao quanh giống mặt rào.
 Hạc đạo đón đưa bay xạo xự,
 Nai tăng tiếp rước chạy lao xao.
 Lừng trời lững đững ngàn muôn kẻ,
 Cười nói mừng vui đến miệng chào.*

*Chùm sao khi tỏ lại khi mờ,
 Thấy ngọn cờ hồng gió phát phơ.
 Cõi ngoạ reo vang quân dị quốc,
 Trong thành ong óng tiếng con thơ.
 Rượu dâu giáo đóng dầy như giầu,
 Bể hoạn nước sâu dấy quá bờ.
 Chộn rộn khó phân người với quỉ,
 Đèn vàng người ngựa bóng u ơ.*

Đức Phạm Hộ Pháp thường xuyên thuyết đạo trong mỗi kỳ đàn cúng, suốt mười mấy năm, kể từ năm 1946, năm Đức Ngài hồi loan từ Mã đảo (đảo Madagascar ở Phi Châu), cho đến khi Đức Ngài qui Thiên. Đức Phạm Hộ Pháp muốn "Cậy phương thuyết giáo vẽ thành Kinh Chơn" (KNH)

Những bài thuyết đạo này được Ban Tốc Ký ghi chép lại, tập hợp theo từng năm, và theo từng đề tài, tạo thành được 8 quyển Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, in được 4 cuốn, còn 4 cuốn chưa in. Hai quyển có đề tài đặc biệt là:

- Bí Pháp.
- Con đường Thiêng Liêng Hằng sống.

Đây là những tài liệu rất quý báu cho người học Đạo, nghiên cứu về Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài.

Đức Phạm Hộ Pháp cũng rất sành thơ. Đức Ngài làm rất nhiều bài thơ đường luật, xướng họa cùng các thi hữu nơi HTĐ và Cửu vị Tiên Nương DTC. Xin chép ra vài bài tượng trưng:

ĐỨC HỘ PHÁP HỌA VẬN TRẢ LỜI BÁT NƯƠNG:

*Hành tàng hư thiệt tại Cha Trời,
 Đông Mậu năm hỏa khắp nơi.
 Châu ngũ khí hòa tan ác nghiệt,
 Thất sơn dấy động Thất sơn đời.*

*Thế tiêu xuân Kỷ Long Hoa trở,
Thường phật cuối cùng Thánh đức thôi.
Long Mã ban vương tiêu trận ky,
Cù phi hải sụp lý thay Trời.*

BẮC DU CẢM TÁC

*Non nước hồn thiêng đã tỉnh dân,
Xuân Thu xưa nay đổi Thu Xuân.
Nam phong đở vững xa thơ Hán,
Bắc tục xô nghiêng đảnh nghiệp Tần.
Bác ái là đề thi tiến hóa,
Nghĩa nhân ấy mục định duy tân.
Thiên thời Địa lợi đôi điều sẵn,
Chỉ thiếu hòa Nhân để hợp quần.*

CẢM THUẬT

*Một thân lưu xứ quá đìu hiu,
Thấy khổ hơn sanh hết sức chiều.
Võ lực gầy bao tang tóc lại,
Đạo mầu hóa giải nghiệt oan tiêu.
Rủi sanh phải lúc đời ly loạn,
Mong gặp đặng hời chúa Thuần Nghiêu.
Đã quyết hy sinh vì nghĩa cả,
Chỉ mong gầy dựng phước thiên thiêu.*
(Kim Biên, 1957)

BQĐ: Bát Quái Đài.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

DTC: Diêu Trì Cung.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

KNH: Kinh Nhập Hội.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Hộ Pháp Đường

護法堂

A: The office of Hộ Pháp.

P: L'office de Hộ Pháp.

Hộ Pháp: Đức Hộ Pháp chưởng quản HTĐ. **Đường:** nhà.

Hộ Pháp Đường là tòa nhà lớn dành làm văn phòng làm việc của Đức Hộ Pháp, và cũng là nơi nghỉ ngơi của Đức Ngài ngoài giờ làm việc.

Hộ Pháp Đường được xây dựng trong Nội Ô, kế Báo Ân Từ, bên cạnh Văn phòng HTĐ của chư vị Thời Quân.

■ Đôi liễn nơi cổng Hộ Pháp Đường khi xưa, khởi đầu bằng hai chữ HỘ PHÁP:

護執天機管率乾坤安世界
法權處定和平天下總寰球

*HỘ chấp Thiên cơ quản suất Càn Khôn an thế giới,
PHÁP quyền xử định hòa bình thiên hạ tổng hoàn cầu.*

Nghĩa là:

Che chở và gìn giữ Thiên cơ, cai quản CKVT, làm cho thế giới an ổn,

Quyền hành chưởng quản pháp luật, phán đoán sắp đặt hòa bình cho nhơn loại khắp hoàn cầu.

■ Đôi liễn nơi cổng Hộ Pháp Đường hiện nay là đôi liễn của Phạm Môn, nên khởi đầu bằng hai chữ PHẠM MÔN:

梵教隨元救世度人行正法
門權定會除邪滅魅護真傳

*PHẠM giáo tùy nguơn cứu thế độ nhơn hành chánh pháp,
MÔN quyền định hội trừ tà diệt mị hộ chơn truyền.*

Nghĩa là:

Phật dạy tùy theo thời gian mà cứu độ người đời, thi hành chánh pháp,

Quyền hành nơi cửa Đạo là định ra khoảng thời gian để diệt trừ tà mị yêu quái, bảo hộ chơn truyền.

■ Trên lầu Hộ Pháp Đường, trước bàn thờ Đức Phạm Hộ Pháp, quý vị công quả Phạm Môn có làm đôi liễn ghi nhớ công ơn vĩ đại của Đức Phạm Hộ Pháp:

大德慈悲始創弘基眞法宣揚傳正教
偉功救世永懷明訓眾生崇拜仰尊師

Đại đức từ bi thủy sáng hồng cơ

chơn pháp tuyên dương truyền chánh giáo,

Vĩ công cứu thế vĩnh hoài minh huấn

chúng sanh sùng bái ngưỡng tôn sư.

Nghĩa là:

Đức từ bi lớn, đầu tiên gây dựng nền tảng rộng lớn về giáo lý chơn thật, tuyên dương và truyền bá chánh giáo,

Công lao to lớn cứu đời, ghi nhớ mãi những lời giáo huấn rõ ràng, chúng sanh kính phục tôn thờ, chiêm ngưỡng Đấng tôn sư.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

Hộ Pháp Em

A: Hộ Pháp in miniature.

P: Hộ Pháp en miniature.

Hộ Pháp Em là tiếng gọi danh dự để chỉ phẩm Thông Sự trong một Ấp Đạo, vì Thông Sự có nhiệm vụ coi về Pháp luật trong một Ấp Đạo.

Phận sự của Thông Sự giống y như nhiệm vụ phàm trần của Đức Hộ Pháp, nhưng chỉ trong phạm vi nhỏ hẹp là một Ấp Đạo mà thôi. Phẩm vị Thông Sự do Đức Hộ Pháp lập nên để hành quyền nơi Ấp Đạo. (**Xem thêm chữ: Hộ Thánh Em**)

Hộ trì

護持

A: To help, to succour.

P: Aider, secourir.

Hộ: Che chở, bảo vệ, giúp đỡ. **Trì:** gìn giữ.

Hộ trì là che chở và gìn giữ.

DLCK: Thi pháp *hộ trì* vạn linh sanh chúng.

DLCK: Di Lạc Chơn Kinh.

Hộ Viện

戶院

A: Institute of finances.

P: Institut de finances.

Hộ: Nhà cửa, tài sản. **Viện:** toà sở lớn.

Hộ Viện là một Viện trong Cửu Viện CTĐ, trực thuộc Thái Chánh Phối Sư, có nhiệm vụ gìn giữ và bảo vệ tiền bạc và tài sản của Đạo.

Hộ Viện lập Sổ Thâu Xuất phân minh, lập Sổ Tài sản: nhà cửa, máy móc, dinh thự, ruộng đất, đồn điền, v.v...

Đứng đầu Hộ Viện là một vị Thượng Thống, phẩm Phối Sư, có các Phụ Thống, Quản Văn phòng và Thư ký giúp việc.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hộ vụ

戶務

A: Financial affair.

P: Affaire financière.

Hộ: Nhà cửa, tài sản. **Vụ:** Công việc.

Hộ Vụ là một Vụ trong Ban Tứ Vụ của mỗi Thánh Thất, có nhiệm vụ giữ gìn tiền bạc và tài sản của Thánh Thất.

Hộ Vụ lập Sổ Thâu Xuất tiền bạc, Sổ Tài sản của Đạo nơi Thánh Thất. (Xem: Ban Tứ Vụ, văn B)

HỒI

HỒI

1. **HỒI:** 回 Trở về, hướng về.
Td: Hồi dương.
2. **HỒI:** 迴 Đi trở về.
Td: Hồi loan, Hồi ty.

Hồi dương

回陽

A: To restore the life.

P: Revenir à la vie.

Hồi: Trở về, hướng về. **Dương:** Khí dương, chỉ sự sống.

Hồi dương là tình trạng người bệnh sắp chết tỉnh lại để trở lại với người thân, rồi sau đó thì yếu dần và chết hẳn.

Trong cơ thể con người, khi hai 2 âm dương điều hòa thì cơ thể mạnh khỏe. Nếu hai khí ấy mất cân đối thì sanh ra bệnh hoạn. Khi khí dương tuyệt dứt, chỉ còn lại khí âm thì cơ thể phải chết, khí âm làm cơ thể lạnh dần, đơ cứng và bất động.

Trong nhiều trường hợp người bệnh sắp chết, khí dương gần hết, may nhờ uống vào một liều thuốc hồi sinh, hay vì tinh thần nổi lên chống lại Thần chết, để trở trần dần dò con cháu, thì bỗng nhiên người bệnh tỉnh lại hẳn. Người ta gọi là người bệnh hồi dương, cũng giống như ngọn đèn dầu, trước khi tắt thì phụt sáng lên.

Thường thì sự hồi dương chỉ kéo dài một thời gian ngắn, rồi người bệnh yếu dần và chết hẳn.

Hồi đầu thị ngạn

回頭是岸

Hồi: Trở về, hướng về. **Đầu:** cái đầu. **Thị:** là, ấy là. **Ngạn:** bờ.

Hồi đầu là quay đầu lại, ý nói tỉnh ngộ, cải tà qui chánh.

Hồi đầu thị nạn: Quay đầu lại là bờ.

Ý nói: Người làm ác chỉ còn cách hối cải thì mới có con đường sống.

Khô hải mang mang, Hồi đầu thị nạn: Biền khổ mệnh mông, quay đầu thì gặp bờ ngay. Ý nói: Tuy đời là biển khổ mênh mông, nhưng nếu biết giác ngộ tu hành, quay đầu nhìn trở lại tâm mình, nếu thấy tánh thì sẽ được giải thoát ngay.

Hồi giáo

回教

A: Mahometanism, Islamism.

P: Mahométisme, Islamisme.

Hồi: được dịch từ tiếng Ả Rập: Islam, nghĩa là phục tùng.
Giáo: tôn giáo.

Hồi giáo là một tôn giáo dạy các tín đồ phải phục tùng Thượng Đế một cách hoàn toàn tuyệt đối, không thắc mắc, không bàn cãi, vô điều kiện.

Đây là tôn giáo độc thần tiêu biểu nhất. Nó có tính cách cứng rắn, đưa người Hồi giáo lẫn lộn giữa Đạo và Đời.

Hồi giáo được Giáo chủ Mahomet chánh thức mở ra từ ngày 16-7-622 (sau kỷ nguyên Tây lịch) tại thành phố Medina, nước Ả Rập, và ngày này được dùng làm kỷ nguyên Hồi giáo.

Quyển sách căn bản của Hồi giáo là Thánh Kinh Coran, ghi chép những điều giảng dạy của Giáo Chủ Mahomet.

Hồi hướng công đức

回向功德

Hồi: Trở về, hướng về. **Hướng:** về phía. **Công đức:** công quả và phước đức.

Hồi hướng là hồi chuyển về phía.

Hồi hướng công đức là hồi chuyển công đức do mình lập ra đến cho một người khác như cha mẹ, cho một người thân nào đó, hay cho cả chúng sanh.

Nếu hồi hướng công đức của mình để khiến cho mọi người đều đắc thành Phật quả thì đó là hồi hướng Phật đạo.

■ Các vị **Cư sĩ tại gia**, cuối mỗi thời cúng Phật, thường tụng bài Hồi Hướng Văn sau đây:

| | |
|--|--|
| (Hán văn) | (Việt văn) |
| <i>Nguyện dĩ thử công đức, Phổ cập ư nhứt thiết, Ngã đẳng dữ chúng sanh, Giai cộng thành Phật đạo.</i> | Nguyện đem công đức này, Hướng về khắp tất cả, Đề độ tử và chúng sanh, Đều trọn thành Phật đạo. |

■ Bên **Tịnh Độ Tông** thường tụng bài Hồi Hướng Văn:

| | |
|--|---|
| (Hán văn) | (Việt văn) |
| <i>Nguyện dĩ thử công đức, Bình đẳng thí nhứt thiết, Đồng phát bồ đề tâm, Vãng sanh An Lạc quốc.</i> | Nguyện đem công đức này, Bình đẳng thí hết thảy, Cùng phát tâm bồ đề, Vãng sanh nước An Lạc. |

Tụng được một thời kinh là một việc làm công đức. Nhưng công đức ấy, người tụng kinh nguyện chuyển lại cho tất cả mọi người, các đệ tử của Phật cũng như tất cả chúng sanh, để họ thành tựu được sự nghiệp giác ngộ và giải thoát.

Kệ Chuông Bã đàn: Thiên phong hải chúng, quốc thối dân an, *hồi hướng* đàn trường, tận thâm pháp giới.

Hồi hưu dưỡng lão

回休養老

A: To retire on a pension and to rest while the old age.

P: Prendre la retraite et se reposer pendant la vieillesse.

Hồi: Trở về, hướng về. **Hưu:** nghỉ việc. **Dưỡng lão:** nuôi tuổi già.

Hồi hưu dưỡng lão là nghỉ làm việc và trở về nhà nuôi dưỡng tuổi già.

Hồi loan

迴鑾

A: To return to one's palace.

P: Retourner à son palais.

Hồi: Đi trở về. **Loan:** ngày xưa, trước xe vua đi có gắn một con chim loan miệng ngậm một cái chuông, vì thế xe của vua đi gọi là Loan giá. Ở đây, loan là chỉ xe vua đi.

Hồi loan là vua đi xe trở về cung.

Hồi môn

回門

A: To come back home.

P: Rentrer chez-soi.

Hồi: Trở về, hướng về. **Môn:** cửa, chỉ cái nhà.

Hồi môn là trở về nhà.

PMCK: Nghiệp hồng vận tử *hồi môn*.

Cửa hồi môn: Cửa cái mà cha mẹ cho con gái đem về nhà chồng.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Hồi phục

回復

A: To restore.

P: Rétablir.

Hồi: Trở về, hướng về. **Phục:** trở lại.

Hồi phục hay Phục hồi là quay trở lại, trở lại tình trạng cũ.

PMCK: Cửu Tiên *hồi phục* Kim Bàn chưởng Âm.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Hồi quang phản chiếu

回光返照

A: The interior illumination.

P: L'illumination intérieure.

Hỏi: Trở về, hướng về. **Quang:** ánh sáng. **Phản chiếu:** rọi ngược trở lại.

Hồi quang phản chiếu là đem ánh sáng soi rọi trở lại bản thân mình, nội tâm mình.

Thế thường thì người ta chiếu ánh sáng ra chung quanh để soi rọi việc làm của người khác, nên thường thấy lỗi làm của người khác mà không thấy được lỗi của mình. Bây giờ, chúng ta đem ánh sáng ấy rọi ngược trở lại vào bản thân mình, rọi vào Thân, Khẩu, Ý và Thất tình Lục dục của mình, rọi vào tâm tánh của mình, để thấy được những cái xấu xa tội lỗi của mình mà lo sửa đổi, và phát huy những cái tốt đẹp.

Cứ hồi quang phản chiếu mãi thì đến một lúc nào đó, con người của mình hết xấu, hết lỗi, hết ác, trở thành thiện lương chơn chánh, tức là đắc đạo đó vậy.

■ Hồi quang phản chiếu là thuật ngữ của việc luyện nội công, nên cũng gọi là: Nội chiếu phản quán. Quang ở đây là ánh mắt, là cái nhìn của đôi mắt. Hướng cái nhìn của đôi mắt vào bản thân là Hồi quang, tập trung cái Thần vào bên trong là Phản chiếu.

■ Theo sách Thiên Đạo Tu Tập trang 422 thì:

Hỏi: Hồi quang phản chiếu là thế nào?

Đáp: Ấy là nói rằng đem cái ánh sáng của mình (tự kỷ quang minh) vẫn chiếu các pháp bên ngoài, quay trở lại chiếu vào nội tâm của chính mình.

Tâm rục rở như ánh sáng nhật nguyệt, vô lượng vô biên, chiếu tất cả các quốc độ trong ngoài. Các chỗ tối tăm là do ánh sáng không đến được, gọi là núi mờ hang quỷ, tất cả quỷ thần ở trong ấy. Quỷ thần có thể hại người. Tâm pháp cũng như vậy.

Cái ánh sáng trí huệ của tâm tánh, vô lượng vô biên, chiếu tất cả các cảnh giới. Chỗ u tối, ánh sáng không đến kịp, gọi là u minh âm giới, tất cả phiền não đều ở trong ấy. Phiền não có thể hại người.

Trí là ánh sáng của tâm, vọng niệm là bóng. Ánh sáng rực rỡ thì mọi vật được chiếu sáng. Tâm niệm không rời cảnh giới, hướng vào bản tánh, gọi là Hồi quang phản chiếu, cũng gọi là biến chiếu, chiếu khắp đương thể, nơi mê ngộ chưa phát lộ.

Người thời nay lấy vọng niệm suy tư làm bản tâm, lấy phiền não làm an lạc, đến lúc nào mới lìa sanh tử đây?

Hồi tâm

回心

A: To repent. P: Repentir.

Hồi: Trở về, hướng về. **Tâm:** lòng dạ, cái tâm của con người.

Hồi tâm là quay cái tâm trở lại hướng về điều lành, tức là cải tà qui chánh.

TNHT: Lão đến gieo hạt Thánh cốc nơi lòng kẻ tà tâm mong đơm bông kết quả, đừng liệu thể *hồi tâm*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hồi tỉnh

回醒

A: To recover consciousness. P: Reprendre la connaissance.

Hồi: Trở về, hướng về. **Tỉnh:** hết mê.

Hồi tỉnh là đương trong cơn mê mà thức tỉnh, biết rõ đường sáng.

Hồi tục thế

回俗世

Hồi: Trở về, hướng về. **Tục:** tầm thường thấp kém. **Thế:** đời.

Hồi tục thế là trở lại cõi đời.

Ý nói: Người phát nguyện xuất gia tu hành, tu được một thời gian thì chán nản, bỏ việc tu hành, trở lại cõi đời. Đó còn gọi là Quy tục hay Hoàn tục.

TNHT: Môn đệ của Thầy, nhiều đũa muốn bỏ đạo y, ném dép cỏ, lột khăn tu mà mong *hồi tục thế*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hồi ty

迴避

A: To make way.

P: S'abstenir.

Hồi: Đi trở về. **Ty:** lánh ra.

Hồi ty là tránh ra.

HỐI

HỐI

HỐI: 悔 Biết lỗi và ăn năn sửa lỗi.

Td: Hối cải, Hối ngộ.

Hối cải

悔改

A: To amend oneself.

P: S'amender.

Hối: Biết lỗi và ăn năn sửa lỗi. **Cải:** sửa đổi.

Hối cải là ân hận đã làm việc sai quấy và quyết sửa đổi.

TNHT: *Hối cải* tu thân phải giữ lời.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hối chi bất cập

悔之不及

Hối: Biết lỗi và ăn năn sửa lỗi. **Chi:** hư tự. **Bất cập:** không kịp.

Hối chi bất cập là ăn năn thì đã muộn.

Hối ngộ

悔悟

A: To repent.

P: Se repentir.

Hối: Biết lỗi và ăn năn sửa lỗi. **Ngộ:** tỉnh ra mà biết rõ.

Hối ngộ là ăn năn và tỉnh ngộ.

TNHT: Thầy vui lòng thấy nhơn sanh *hối ngộ*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyên.

Hối quá

悔過

A: To regret one's mistakes.

P: Regretter ses erreurs.

Hối: Biết lỗi và ăn năn sửa lỗi. **Quá:** làm lỗi.

Hối quá là hối lỗi, ân hận vì những làm lỗi của mình.

Hối sóc

晦朔

A: The last and first day of the lunaison.

P: Le dernier et premier jour de la lunaison.

Hối: tối tăm, ngày cuối tháng âm lịch. **Sóc:** ngày mùng 1 đầu tháng âm lịch.

Hối sóc là ngày cuối và đầu của tháng âm lịch.

HỘI

HỘI

HỘI: 會

- Nhiều người tụ họp lại.
 - Cơ quan có nhiều người.
- Td: Hội ngộ, Hội đồng, Hội Thánh.

Hội ẩm

會飲

A: To drink together.

P: Se réunir pour boire.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. **Ẩm:** uống.

Hội ẩm là họp nhau lại mà uống rượu vui vẻ.

TNHT: Rượu cúc Bàn Đào chờ *hội ẩm*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hội Công Đồng

會公同

A: The Discipline Council.

P: Le Conseil de Discipline.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. Cơ quan có nhiều người.
Công: chung. **Đồng:** cùng nhau.

Hội Công Đồng là Ban Kỷ Luật hay là Tòa Án Nội bộ của Cử Trùng Đài để xử trị các Chức sắc và tín đồ phạm tội.

Trong Tân Luật của Đạo Cao Đài, điều thứ 27, qui định về Hội Công Đồng như sau:

"Nhu phạm tội trọng hay là tái phạm thì phải đệ lên cho Hội Công Đồng phán đoán. Hội ấy, một vị Đầu Sư hay là Phối Sư phải mình làm đầu và có hai vị Chức sắc hai phái kia nghị án. Hội này được quyền trực xuất."

Hội Công Đồng không xử đoán các Chức sắc phạm tội từ phẩm Giáo Hữu đổ lên. Chức sắc từ Giáo Hữu đổ lên phạm tội thì phải đưa lên Tòa Tam Giáo CTĐ.

Hội Công Đồng chỉ xét xử người phạm trọng tội là Lễ Sanh, Chức Việc và Đạo hữu Nam Nữ.

Trọng tội là những tội vi phạm sau đây:

■ Đối với đời: - Tà dâm. - Tham lam. - Xúi giục nhơn sanh làm rối cuộc trị an.

■ Đối với Đạo: - Không tuân luật Đạo, làm loạn chơn truyền. - Chia phe phân phái. - Lập Bàng môn Tả đạo, Đồng cốt, Bồng chàng, Phù chú, ếm đối, xúi giục người theo dị đoan, Tà thuyết.

Theo bản "**TỔ CHỨC TƯ PHÁP LẬP QUYỀN NỘI TRỊ ĐẠO**" do Ngài Tiếp Pháp Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh và Ngài Hiến Pháp soạn thảo, dâng lên Đức Cao Thượng Sanh, Chưởng Quản HTĐ, được Đức Thượng Sanh phê chuẩn và chấp thuận cho thi hành ngày 24-5-Mậu Thân (dl 19-6-1968), Hội Thánh HTĐ quyết định về Hội Công Đồng CTĐ như sau đây:

CHƯƠNG NHỨT: HỘI CÔNG ĐỒNG.

Nghĩ vì Tân Luật đã ấn định thành phần Hội Công Đồng có tánh cách đơn giản, nhứt là Chức sắc HTĐ là cơ quan gìn giữ luật pháp mà không có điều khoản nào qui định trách nhiệm trong việc áp dụng hay xét xử.

Chiếu đề nghị của Hội Thánh CTĐ số 133/ĐSTT ngày 6-10-Đinh Mùi (dl 7-11-1967) và Vi Bằng số 2 phiên nhóm Hội Thánh HTĐ ngày 20-11-Đinh Mùi (dl 21-12-1967), Đức Thượng Sanh Chưởng Quản HTĐ lập Thánh Lịnh số 01/TL ngày 28-11-Đinh Mùi (dl 29-12-1967) ấn định và bổ túc thành phần Hội Công Đồng phân làm 4 trường hợp sau đây:

Điều thứ nhứt:

a) Nếu bị can là Lễ Sanh nam phái thì:

- Chủ Tòa: 1 vị Phối Sư (đồng phái với bị can)
- Nghị Án: 2 vị Giáo Sư (hai phái khác)
- Biện Hộ: 1 vị Giáo Sư (đồng phái)

- Buộc Tội: 1 vị Chức sắc Bộ Pháp Chánh.
- Chép Án: 1 vị Giáo Hữu hay Lễ Sanh.

b) Nếu bị can là Lễ Sanh nữ phái thì:

- Chủ Tọa: 1 vị Phối Sư nam phái (bất luận Thái, Thượng, Ngọc)
- Nghị Án: 2 vị Giáo Sư nữ phái.
- Biện Hộ: 1 vị Giáo Sư nữ phái.
- Buộc Tội: 1 vị Chức sắc Bộ Pháp Chánh.
- Chép Án: 1 vị Lễ Sanh nam phái.

c) Nếu bị can là Chức Việc hoặc Đạo hữu nam nữ:

- Chủ Tọa: 1 vị Phối Sư phái Ngọc.
- Nghị Án: 2 vị Giáo Hữu (nam hay nữ tùy phái của bị can).
- Biện Hộ: 1 vị Giáo Hữu (tùy phái của bị can).
- Buộc Tội: 1 vị Chức sắc Bộ Pháp Chánh.
- Chép Án: 1 vị Lễ Sanh nam phái.

d) Trong trường hợp sự kiện tụng mà tiên và bị cáo có nam lẫn nữ:

- Chủ Tọa: 1 vị Phối Sư nam phái (bất luận Thái Thượng Ngọc)
- Nghị Án: 2 vị Giáo Sư hay Giáo Hữu (1 nam 1 nữ tùy theo Lễ Sanh hay Đạo hữu như đã qui định trên đây)
- Biện Hộ: 1 vị Giáo Sư hay Giáo Hữu nam phái.
- Buộc Tội: 1 vị Chức sắc Bộ Pháp Chánh.
- Chép Án: 1 vị Lễ Sanh nam phái.

Điều thứ nhì: Việc triệu tập thành phần Hội Công Đồng để xét xử do Sắc Lệnh của vị Đầu Sư, chiếu theo sự chọn cử Chức sắc của vị Ngọc Chánh Phối Sư hay vị Nữ Chánh Phối Sư Chủ trưởng Nữ phái CTĐ tùy theo trường hợp.

Vị Chức sắc buộc tội do Bộ Pháp Chánh đề cử.

Điều thứ ba: Khi Hội Công Đồng được triệu tập, có nhận đủ hồ sơ để xét xử thì phải nhóm xử trong thời hạn tối đa là 3 tháng (90 ngày tròn) kể từ ngày nhận hồ sơ.

Điều thứ tư: Bản án do Hội Công Đồng phán quyết phải có sự duyệt y của vị Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh mới được phép ban hành, và bị án không được quyền thượng tố, vì bản án có sự duyệt y là tuyệt đối và chung thẩm.

Điều thứ năm: Trong trường hợp vị Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh không đồng ý bản án do Hội Công Đồng phán quyết (xử nặng quá hay nhẹ quá) thì vị này sẽ trả hồ sơ lại cho vị Đầu Sư để triệu tập thành phần Hội Công Đồng khác xử lại.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hội diện

會面

A: To meet one another.

P: Se rencontrer.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. **Diện:** mặt.

Hội diện là gặp mặt nhau.

TNHT: Nếu biết ăn năn trở bước lại nơi đường sáng sủa, giỏi tâm trau đức đặng đến *hội diện* cùng Thầy, thì mới đạt địa vị thanh cao trong buổi chung qui đó.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hội hàng chư linh

會行諸靈

Hội: Nhiều người tụ họp lại. **Hàng:** thứ lớp. **Chư linh:** các chơn linh, ý nói các Đấng thiêng liêng.

Hội hàng chư linh là hội họp với các Đấng thiêng liêng.

KĐ2C: Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng,
Chơn thần khá đến *hội hàng chư linh*.

KĐ2C: Kinh Đệ Nhị cửu.

Hội hiệp

會合

A: To reunite.

P: Réunir.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. **Hiệp:** hợp lại.

Hội hiệp hay Hội hợp là tụ họp lại biểu thị sự đoàn kết.

TNHT: Thầy lấy làm vui mà trông thấy các con *hội hiệp* nhau đêm nay mà tỏ lòng thành kính.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hội Quyền Vạn Linh

會權萬靈

A: The Councils of the Power of Creatures.

P: Les Conseils du Pouvoir des Créatures.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. Cơ quan có nhiều người.
Quyền: quyền hành. **Vạn linh:** tất cả các Chơn linh trong CKVT. Các chơn linh này gồm đủ Bát phẩm Chơn hồn đầu kiếp xuống trần làm chúng sanh. Bát phẩm Chơn hồn gồm: Kim Thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Hội Quyền Vạn Linh (hay Hội lập Quyền Vạn Linh) là một Hội nghị lớn gồm các đại diện của Bát phẩm Chơn hồn, để lập ra các quyết nghị có tính cách tối cao mà quyền lực gần như tuyệt đối, bởi vì quyền lực này ngang bằng quyền của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Hội lập Quyền Vạn Linh được phân ra 3 cấp Hội theo thứ tự từ thấp lên cao:

1. Cấp thứ nhất là HỘI NHƠN SANH:

Cấp này đại diện cho 5 phẩm Chơn hồn: Kim Thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn.

Do đó Hội Nhơn Sanh gồm đại diện các hạng nhơn sanh: Đạo Hữu, Thông Sự, Phó Trị Sự, Chánh Trị Sự và Lễ Sanh.

- Đạo Hữu đại diện Địa Thần,

- Chánh, Phó Trị Sự, Thông Sự đại diện Nhơn Thần,
- Lễ Sanh đại diện Thiên Thần.

Ba phẩm Thần này đại diện cho Thần hồn, Nhơn hồn và các phẩm chơn hồn thấp kém bên dưới.

2. Cấp thứ nhì là HỘI THÁNH:

Cấp này đại diện cho Thánh hồn.

Do đó Hội Thánh gồm tất cả các Chức sắc CTĐ nam nữ trong ba phẩm Giáo Hữu, Giáo Sư và Phối Sư.

- Giáo Hữu đại diện Địa Thánh,
- Giáo Sư đại diện Nhơn Thánh,
- Phối Sư đại diện Thiên Thánh.

3. Cấp thứ ba là THƯỢNG HỘI:

Cấp này đại diện cho Tiên Hồn và Phật hồn.

Do đó, Thượng Hội gồm các Chức sắc cao cấp nhất là: Đầu Sư, Chưởng Pháp, Giáo Tông, Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

- Giáo Tông đại diện Thiên Tiên.
- Hộ Pháp đại diện Phật vị.
- Chưởng Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh đại diện Nhơn Tiên.
- Đầu Sư đại diện Địa Tiên.

Ba Hội lập Quyền Vạn Linh được tổ chức theo hệ thống nấc thang từ thấp lên cao:

■ Trước hết là HỘI NHƠN SANH: gồm các đại biểu do nhơn sanh trực tiếp bầu lên, thu thập ý kiến và nguyện vọng của nhơn sanh đem ra họp bàn, thảo luận rồi lấy quyết nghị dâng lên Hội Thánh.

■ Kế tiếp, HỘI THÁNH cứu xét các quyết nghị của Hội Nhơn Sanh, kèm chế bớt những ý nguyện của nhơn sanh, tán thành hay phản đối rồi lập quyết nghị dâng lên Thượng Hội.

■ Sau cùng, THƯỢNG HỘI xem xét các quyết nghị của Hội Thánh, đồng thời cũng đặc biệt xem xét các quyết nghị nào của Hội Nhơn Sanh mà Hội Thánh không tán thành.

Khi Ba Hội vừa kể trên quyết nghị thống nhất một vấn đề gì thì quyết nghị đó có quyền lực rất lớn, gọi là Quyền Vạn Linh. Chỉ có quyền của Đức Chí Tôn mới đối kháng được cùng Quyền Vạn Linh.

Nếu thiếu một trong ba Hội kể trên thì không thành Quyền Vạn Linh.

Vậy: Quyền Vạn Linh là những quyết nghị của ba Hội vừa nói trên: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội.

*Ba Hội Quyền Vạn Linh là cơ quan Lập Pháp,
Cửu Trùng Đài là cơ quan Hành Pháp,
Hiệp Thiên Đài là cơ quan Tư Pháp của Đạo.*

Tại sao có Quyền Vạn Linh?

"Từ xưa đến nay, xem qua Chánh Trị của Đời, quyền Lập Pháp thường do một người hay một thiểu số người chủ trương, thành ra đa số thường bị áp bức phải tuân theo ý chí của nhóm thiểu số kia. Mà pháp luật đã đặt ra do một thiểu số người, chỉ thích hợp với quyền lợi của một nhóm người này mà không thích hợp với quyền lợi của nhóm người khác, thích hợp với tạp quán địa phương này mà không thích hợp với tạp quán của địa phương khác.

Vậy thì ta chỉ thấy '*Người cai trị người*' chứ chưa thấy '*Luật cai trị người*'. Vì cố cho nên Đời thường loạn.

Con người có ý chí trước rồi hành động sau, thì hành động đó mới thích hợp được, bằng không thì chỉ là những hành động làm lẫn, thiếu suy gẫm, thiếu tính toán.

Pháp luật cũng như ý chí của con người, có pháp luật làm khuôn viên thì toàn nhơn sanh cứ một mực khép mình vào khuôn viên ấy mới có thể tránh những hành vi trái phép được. Ý chí của con người thường biến đổi, trình độ của nhơn sanh luôn luôn tiến hóa về mặt trí thức tinh thần, cần phải có luật pháp chế biến cho thích hợp với trình độ tiến hóa với nhơn ý nhơn nguyện thì nhơn sanh mới vui lòng tuân hành.

Đức Chí Tôn là Đấng Tối Cao, sản sanh ra muôn loài, song Ngài đã nói rằng: '*Thầy là các con, các con là Thầy* ', ý nghĩa nói rằng: *Quyền Vạn Linh bằng với Quyền của Chí Linh,*

ý muốn của Vạn Linh (Créatures) tức là ý muốn của Chí Linh (Créateur), ý muốn của các con tức là ý muốn của Cha Lành đó vậy.

Vì thế mới có lập Quyền Vạn Linh để Vạn Linh tự lập luật lấy đặng tự kèm chế mình trong con đường tu, hầu qui hồi cựu vị, hội hiệp cùng Thầy."

Sự ích lợi của chế độ nhiều Hội Hội trong Quyền Lập Pháp:

"Như đã nói trên, tánh cách của Hội Nhơn Sanh là dục tấn, nghĩa là bông bột, đòi hỏi rất nhiều, nếu trong Quyền Lập Pháp chỉ có một Hội Nhơn Sanh làm cơ quan thì ý nguyện của nhơn sanh nhiều khi đi quá cao hơn sự thực hành của họ, tất nhiên nhơn sanh không thể nào theo kịp, cần phải có Hội Thánh để dung hòa ý chí quá cấp tiến của nhơn sanh, và có Thượng Hội để quyết định chấp thuận đề nghị nào.

Thành ra cả Ba Hội đều tự thấy cần phải dung hòa cùng nhau, mỗi Hội tự nhượng bộ một ít, trong khuôn viên luật pháp.

Về phương diện chuyên môn, một đề nghị đi quasự thảo luận của nhiều Hội tức nhiên chính chắn hơn là chỉ đi qua có một Hội." (Trích Chính Trị Đạo của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa)

Sau đây là Luật Lệ Chung cho Ba Hội lập Quyền Vạn Linh, do Đức Phạm Hộ Pháp thiết lập ngày 16-11-Giáp Tuất (dl 22-12-1934):

LUẬT LỆ CHUNG CÁC HỘI QUYỀN VẠN LINH

Khi nhóm hội, chư Nghị viên tuân y điều lệ sau đây:

Điều thứ nhất: Lễ trước lúc mở Hội.

Khi Nghị Trưởng vào Hội lại ghé Chủ Tọa thì cả thầy Nghị viên phải đứng dậy thủ lễ với người, chờ người ngồi rồi mới ngồi sau.

Khi cả thầy ngồi xuống thì Nghị Trưởng đứng dậy trước, rồi cả thầy đứng dậy sau, và giữ vẻ nghiêm trang, đoạn tay bắt

Ấn Tý lấy dấu và mật niệm năm câu chú và cầu khấn Đức Chí Tôn bố trí chung, rồi cả hội đọc Kinh Nhập Hội.

Khi đọc rồi niệm câu chú của Đại Từ Phụ, đoạn chờ cho Nghị Trưởng ngồi rồi thì Nghị viên mới ngồi xuống sau.

Điều thứ nhì: Mở Hội.

Khi đầu đó ngồi xong xả êm tịnh thì Nghị Trưởng rung một tiếng chuông cho chư Nghị viên nghe đặng lắng lặng, rồi Nghị Trưởng mở Hội, bảo Từ Hàn đọc Tờ Vi bằng nhóm kỳ trước. Thoảng như cá Nghị viên có đọc Tờ Vi bằng ấy rồi thì Nghị Trưởng hỏi Nghị viên Tờ Vi bằng ấy đặt ra có y theo lời đã bàn định chăng, và cả Nghị viên đều công nhận hết chăng?

Nếu có điều chi mà cả Hội định phải sửa đổi vì không y theo lời đã bàn định thì Nghị Trưởng cho lệnh Từ Hàn lập tức sửa lại liền và cho biết luôn sự kết quả các lời bàn định trong Tờ Vi bằng ấy. Kế đó, đem các vấn đề trong chương trình bữa nhóm mà bàn định.

Điều thứ ba: Phận sự Nghị Trưởng.

Trong hội nhóm, Nghị Trưởng hay là Chủ Tọa đem các vấn đề sắp đặt có thứ tự trong chương trình cho Nghị viên bàn luận. Nghị viên không đặng bàn tính việc gì khác hơn là vấn đề đương tranh luận cho tới vấn đề 'Tạp vụ'.

Nghị Trưởng khi xướng đề ra nói rành rẽ cho chư Nghị viên thông hiểu, rồi để cho Nghị viên tự do bàn luận, chẳng nên cãi lầy điều chi với Nghị viên và chờ khi bàn cãi rồi thì kết luận những ý kiến của chư Nghị viên và cho hiểu rõ mà công nhận hay hủy bỏ.

Điều thứ tư: Phận sự Phó Nghị Trưởng.

Phó Nghị Trưởng giúp Nghị Trưởng về việc ban hành các lời bàn định, trước khi mời nhóm hội, chung trí với Nghị Trưởng lập chương trình và khi Nghị Trưởng vắng mặt vì bận việc, hoặc phải hành đạo phương xa, hoặc bị đau ốm thì Phó Nghị Trưởng đủ quyền thay thế.

Điều thứ năm: Phận sự Từ Hàn.

Từ Hàn giúp Nghị Trưởng lập chương trình, thiệp mời, lập Vi bằng và lo các giấy tờ trong Văn phòng Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng.

Khi hội nhóm, lúc Nghị viên bàn tính, thì chăm chỉ biên các lời bàn tính, rồi chùng bải Hội, lập Vi bằng và tờ sao lục các lời bàn tính. Từ Hàn được chọn lựa người phụ sự đặng giúp mình trong việc giấy tờ.

Điều thứ sáu: Cách bỏ thăm.

Việc bỏ thăm có hai cách:

- a). Khi việc cần yếu trọng hệ thì phải bỏ thăm kín.
- b). Khi việc thường thì bỏ thăm giơ tay.

Những việc chi bàn tính, nếu được phân nửa số thăm của cả Nghị viên hiện diện, thêm một lá nữa thì việc ấy được công nhận. Thoảng như số thăm đồng nhau, Nghị Trưởng bỏ thăm bên nào thì lời bàn tính ấy được công nhận.

Nếu 3/5 Nghị viên hiện diện xin bỏ thăm kín thì Nghị Trưởng cho lệnh y theo.

Điều thứ bảy: Số Nghị viên.

a) Kỳ nhóm lệ: Dầu số Nghị viên hiện diện bao nhiêu, Hội cũng cứ nhóm và lời bàn định cũng có giá trị như khi nhóm đều đủ vậy.

b) Kỳ nhóm ngoại lệ: Số Nghị viên phải được phân nửa cái số chung và thêm một vị nữa. Nếu chẳng đủ số định trên thì Nghị Trưởng đình lại và cho Quyền Chí Tôn hay, hoặc là hủy bỏ quyền hội, hay là trùng trị cách nào tùy ý, còn Hội cũng cứ việc hội như số hội viên đều đủ.

Điều thứ tám: Những việc Nghị viên muốn đem ra Hội.

Nghị viên nào muốn xin canh cải, thêm bớt, hủy bỏ điều chi trong Luật Đạo hoặc nơi khác, xin hạch hỏi kích trách tại giữa Hội thì phải gửi tờ xin trước ngày nhóm y theo hạn lệ đã định trong Nội Luật mỗi Hội nhóm.

Điều thứ chín: Quyền bàn tính.

Mỗi Nghị viên được quyền nói thông thả, xong phải giữ lễ nghĩa, giữ hạnh khiêm cung, lấy lời tao nhã êm thuận, chẳng nên nóng nảy và lớn tiếng làm cho mất vẻ ôn hòa của Hội. Mỗi

khi muốn nói, phải đưa tay xin phép, rồi chờ Nghị Trưởng phân theo thứ tự cho phép mới được nói.

Trong một vấn đề đem ra bàn luận, thì Nghị viên được phép nói 3 lần, mỗi lần chẳng đặng quá 5 phút.

Nghị viên nào có xin trước, y theo điều thứ tám đã buộc, thì được quyền đem việc mình muốn xin sửa cái, hoặc mình muốn tra vấn, ra nói một lần trong nửa giờ; khi phải mình triết thêm nữa, thì được nói thêm hai lần nữa, mỗi lần 10 phút đồng hồ. Khi hai hoặc nhiều Nghị viên đưa tay lên một lượt xin phép nói, thì Nghị Trưởng định cho người chức lớn, hoặc như đồng chức nhau thì người tuổi tác lớn nói trước, rồi kế cho đến hết người xin một lượt.

Điều thứ mười: Buổi nhóm.

Mỗi buổi nhóm không nên quá 4 giờ đồng hồ. Chư Nghị viên phải đến cho đúng giờ nhóm, chớ nên vô cớ mà bê trễ. Như Nghị Trưởng định nhóm giờ nào, khi quá giờ ấy 15 phút đồng hồ mới mở hội, không kể số Nghị viên nhiều ít.

Thoảng như Nghị Trưởng vắng mặt hoặc đến trễ, thì Phó Nghị Trưởng thay thế. Một Nghị viên chức lớn, hoặc cũ hơn hết, hoặc tuổi tác lớn hơn hết, ngồi ghế Phó Nghị Trưởng. Chừng Nghị Trưởng đến thì ngồi chỗ Nghị viên.

Còn như Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng vắng mặt, hoặc đến trễ, thì hai Nghị viên chức lớn, hoặc lâu cũ hơn hết, ngồi Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng, chừng Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng đến thì ngồi chỗ Nghị viên.

Nếu vô cớ mà không đến nhóm hội thì phải bị phạt có định trong các Nội Luật.

Điều thứ mười một: Tư cách Nghị viên.

Nghị viên, nếu là Chức sắc hay Chức việc thì phải mặc Thiên phục hoặc Đạo phục, còn tìn đồ thì phải mặc y phục thường cho trang hoàng sạch sẽ, phải bạch y theo hàng Phái viên của Hội Thánh ban cho.

Cả Nghị viên đều phải thủ lễ nghĩa chung với nhau, ngồi trên ghế mình phải ngay thẳng, không nên dựa nghiêng dựa ngửa, hoặc xếp bằng, hoặc co chân lên, vén ống quần mà gãi, không nên hút thuốc, ăn trầu, phải ngồi một chỗ chờ đến khi

Hội giải tán. Trước khi giải tán thì Nghị Trưởng và Nghị viên đồng đứng dậy như trước khi nhập Hội, và tụng Kinh Xuất Hội, đoạn lấy dấu niệm câu chú của Đại Từ Phụ, xá 3 xá, rồi lui ra cho có hàng ngũ thứ tự.

Đương nhóm mà vị nào có việc phải ra ngoài thì phải xin phép Nghị Trưởng, xong rồi phải vô liền.

Nếu vị nào làm mất cách lịch sự của Hội thì Nghị Trưởng rung chuông, xin vị ấy giữ phép lịch sự.

Khi Nghị viên đương nói mà nổi giận, làm điều vô lễ thì Nghị Trưởng rung chuông ngăn lại để khuyên giải. Nếu chẳng khứng nghe thì Nghị Trưởng hỏi ý kiến của cả Nghị viên khác, như phần đồng đồng ý kiến thì Nghị Trưởng mời ra khỏi Hội. Thoảng như cưỡng ngạnh thì Nghị Trưởng rung chuông, ngưng bàn tính chừng 5 phút trở lại, đệ vị ấy ra Ban Nội trị, chừng yên rồi thì rung chuông nhóm lại.

Khi một Nghị viên đương bàn luận thì người khác ngồi nghe chẳng nên xen vô làm đứt đoạn. Nghị Trưởng sẽ rung chuông chỉ trách người làm mất phép lịch sự ấy.

Nghị Trưởng, khi thấy Nghị viên nào tỏ sắc giận dữ xin phép nói đặng cố ý tỏ nét giận của mình ra thì được quyền không cho phép nói.

Điều thứ mười hai: Hỏi ý kiến Nghị viên.

Khi có điều chi phải hỏi ý kiến từ Nghị viên, Nghị Trưởng phải hỏi trước hết vị nào nhỏ chức hơn, hoặc khi đồng chức, thì vị nào nhỏ tuổi hơn hết, cứ như vậy cho đến Phó Nghị Trưởng.

Điều thứ mười ba: Đại Hội tại Tòa Thánh: Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh.

Hai Hội này nhóm tại nhà nhóm trong Tòa Thánh .

Lễ Khai mạc:

Trước giờ mở Hội thì Nghị Trưởng phái vài Nghị viên đi rước Giáo Tông và Hộ Pháp đến dự lễ.

Khi nhị vị Đại Thiên phong này đến thì Lễ Viện cho lĩnh nhạc thổi tiếp mừng: Chánh, Phó Nghị Trưởng, Chức sắc HTĐ

và Nội Chánh nam nữ ra tại cửa đón rước, cả Nghị viên đồng đứng dậy, chờ cho nhị vị an tọa mới ngồi sau.

Giáo Tông ngồi ghế Chủ Tọa, bên tay mặt thì Hộ Pháp, bên tay trái thì Nghị Trưởng.

Giáo Tông đọc bài diễn văn khai Hội, Hộ Pháp chú giải những luật pháp mà Hội không hiểu rõ. Kế đó, Nghị Trưởng đọc bài diễn văn về chương trình buổi nhóm.

Khi nhị vị Đại Thiên phong về, Chánh, Phó Nghị Trưởng và Chức sắc đồng đưa ra đến cửa, còn Nghị viên cũng đứng dậy như khi hai vị Đại Thiên phong đến.

"Ty Cảnh Sát Tuần phòng" ở ngoài hầu giữ.

Lúc nhóm Hội Nhơn Sanh thì một Lễ Sanh phái Ngọc lãnh cai quản Ty ấy, mặc Thiên phục, buộc dây Sắc Lịnh tam sắc Đạo của HTĐ ban cho trong lúc hội nhóm. Khi Hội giải tán thì đem nạp lại cho HTĐ.

Lúc nhóm Hội Thánh thì một Giáo Hữu phái Ngọc cai quản Ty ấy, mặc Thiên phục, buộc Dây Sắc Lịnh tam sắc Đạo của HTĐ ban cho trong lúc hội nhóm. Khi Hội giải tán thì đem nạp lại cho HTĐ. (mỗi 2 giờ đồng hồ đổi phiên canh).

Điều thứ mười bốn: Ban Ủy Viên Ngánh.

Khi Nghị Trưởng và cả thầy đều trở về chỗ ngồi yên rồi thì chọn cử bốn Ban Ủy Viên Ngánh:

1. Phái Thái.
2. Phái Thượng.
3. Phái Ngọc.
4. Phái Nữ.

đặng chia các việc đã đem vào chương trình hầu bàn tính ít người cho dễ dàng thấu đáo mọi việc.

Mỗi Ban Ủy Viên có chừng 5 hoặc 7 Nghị viên: 1 Nghị trưởng, 1 Phúc sự viên và mấy vị kia làm Nghị viên.

Mỗi khi bàn định điều chi rồi thì Phúc sự viên tóm tắt lại, lập một tờ phúc để đệ ra Đại Hội nghị quyết.

Chư Nghị viên của Ban Ủy Viên khi nhóm thì mặc Đạo phục dùng hằng ngày.

Điều thứ mười lăm:

Hội Nhơn Sanh thường xuyên và Hội Thánh thường xuyên cũng nhóm tại nhà nhóm, nhưng không có lễ nhạc rước đưa Giáo Tông và Hộ Pháp, vì hai vị này không cần đến nhóm hội.

Ty Cảnh sát Tuần phòng cũng canh giữ, nhưng không mặc Thiên phục và Đạo phục với Dây Sắc Lịnh.

Điều thứ mười sáu: Thượng Hội.

Bữa lễ khai Hội thường lệ thì ba nam Chánh Phối Sư đến rước Giáo Tông và Hộ Pháp và Nữ Chánh Phối Sư thì đi rước Nữ Đầu Sư.

Cả Chức sắc HTĐ và CTĐ nam nữ hiện diện tại Tòa Thánh mà không có phận sự cần yếu mặc Thiên phục đến trước Điện hầu chực tiếp rước.

Khi Giáo Tông và Hộ Pháp đến thì Lễ Viện cho lịnh đánh 6 hồi trống và chuông (đánh bát nhã, mỗi hồi 12 tiếng), dứt hồi chuông trống thì chư Nghị viên vào Đại Điện làm lễ bái Đức Chí Tôn, nhạc đánh bản Nhạc Tấu Quân Thiên. Chừng nhạc dứt, cả Nghị viên tọa vị mới khai Hội.

Bốn Chánh Phối Sư tạm xuất ngoại, chờ có lịnh mời mới đến. Cả Chức sắc khác vào Thiên Phong Đường chờ, chừng bãi Hội đến hầu lễ đưa.

Hội nhóm tại Bửu Điện, nơi Đại Điện nổi hương đăng, cửa màn mở ra, 6 Lễ Sanh ba phái đứng hầu trong BQĐ, 2 Nữ Lễ Sanh hầu bàn Phật Quan Âm, 2 Lễ Sanh phái Ngọc hầu bàn Quan Thánh. Mỗi giờ đồng hồ phải thay đổi.

Ty Tuần phòng Cảnh Sát và Bảo Thủ Quân có một Giáo Sư phái Ngọc cai quản đứng trước cửa hầu giữ chỉnh tề cho đến bãi Hội. Mỗi 2 giờ thì đổi phiên. Chức sắc ấy mặc Thiên phục và buộc dây Sắc Lịnh tam sắc Đạo của HTĐ ban cho trong lúc hội nhóm, khi Hội giải tán, đem nạp lại cho HTĐ.

Lúc bãi Hội, chư Nghị viên ra về, Lễ Viện cũng cho lịnh đánh 6 hồi chuông trống, là lễ đưa. Bốn Chánh Phối Sư đưa chư Nghị viên đến dinh mỗi vị.

Điều thứ mười bảy:

Thượng Hội thường xuyên thì nhóm tại Giáo Tông Đường, không có mấy lễ rước đưa như hội thường lệ.

Ty Cảnh Sát Tuần phòng cũng canh giữ nhưng mặc y phục thường và không buộc Dây Sắc Lịnh. Lễ Viện không đồ chuông trống và đánh nhạc.

Điều thứ mười tám:

Nếu ngày sau có điều chi sửa cải, hủy bỏ hoặc cần ích thì trứt bỏ hoặc thêm vô luật lệ này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 16 tháng 11 năm Giáp Tuất.
(Le 22 Decembre 1934)

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
HIỆP THIÊN và CỬU TRÙNG
PHẠM CÔNG TẮC
(ấn ký)

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.
HTĐ: Hiệp Thiên Đài.
CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hội ngộ

會遇

A: To meet each other.

P: Se rencontrer.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. **Ngộ:** gặp.

Hội ngộ là gặp gỡ nhau.

KTKCQV: Càng nhớ đến những ngày *hội ngộ*.

KTKCQV: Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.

Hội nguyên

會元

Có hai trường hợp:

1) **Hội:** tụ lại. **Nguyên:** một đơn vị tính thời gian dài.

Theo Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp (Quyển 1 trang 75) giải thích về Nguơn và Chuyển như sau: Mỗi Chuyển có 36.000 năm, chia làm 3 Nguơn, mỗi Nguơn có 12.000 năm. Ba Nguơn ấy là: Thượng nguơn, Trung nguơn, Hạ nguơn.

Quả địa cầu của nhơn loại đang ở vào thời kỳ Hạ Nguơn Tam Chuyển, khởi Thượng Nguơn Tứ Chuyển. Do đó, thời này được gọi là Hội Nguơn, tức là chỗ gặp nhau của hai Nguơn: Hạ Nguơn (Tam Chuyển) và Thượng Nguơn (Tứ Chuyển).

PMCK: *Hội nguơn* hữu Chí Linh huấn chúng.

2) Hội: một đơn vị tính thời gian dài. **Nguơn** cũng là đơn vị tính thời gian.

Trong sách Nho có nói: Trời mở ra ở Hội Tý, Đất thành ra ở Hội Sửu, Người sanh ra ở Hội Dần.

Theo Thiệu Khang Tiết thì: 1 Nguơn là 129.000 năm.

1 Nguơn có 12 Hội. 1 Hội là 10.800 năm.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Hội Nguơn Thiên

會元天

Hội Nguơn: tên của một tầng Trời. **Thiên:** tầng Trời.

Hội Nguơn Thiên là tầng Trời Hội Nguơn.

Theo Di Lạc Chơn Kinh, tầng Trời này nằm phía trên Hư Vô Thiên và phía dưới Hỗn Nguơn Thiên.

Hư Vô Thiên là tầng Trời thứ 10 thì Hội Nguơn Thiên là tầng Trời thứ 11 và Hỗn Nguơn Thiên là tầng Trời thứ 12.

Ba tầng Trời này đều nằm bên trên Cửu Trùng Thiên.

(Xem chi tiết nơi chữ: **Vũ Trụ quan, văn V**)

Hội Nhơn Sanh

會人生

A: The Popular Council.

P: Le Conseil Populaire.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. Cơ quan có nhiều người.
Nhơn sanh: dân chúng.

Hội Nhơn Sanh là một trong ba Hội lập Quyền Vạn Linh, mà Hội Nhơn Sanh là căn bản.

Hội Nhơn Sanh gồm các đại biểu của các hạng nhơn sanh của Đạo Cao Đài trong quốc nội cũng như quốc ngoại, có nhiệm vụ quan trọng là:

- Lập pháp hay sửa đổi Luật pháp.
- Kiểm soát các cơ quan của CTĐ.
- Tìm phương hướng giúp Hội Thánh CTĐ điều hành nền Đạo mỗi ngày một phát triển tốt đẹp.

Hội Nhơn Sanh của Đạo Cao Đài có quyền hạn giống như Hạ Nghị Viện của chánh quyền Đờn trong thể chế dân chủ, nhưng chỉ lo hoàn toàn về mặt tôn giáo mà thôi.

Tất cả các vấn đề như: Tổ chức, Quyền hạn, Nhiệm vụ, Điều hành Hội Nhơn Sanh được Đức Phạm Hộ Pháp qui định trong **NỘI LUẬT HỘI NHƠN SANH**, được Đức Ngài thiết lập ngày 16-11-Giáp Tuất (dl 22-12-1934).

Sau đây xin chép lại nguyên văn:

NỘI LUẬT HỘI NHƠN SANH

Chương thứ I: Về Đại Hội tại Tòa Thánh.

Điều thứ nhất: Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ tư, điều thứ bảy của Đức Lý Giáo Tông và Phạm Hộ Pháp thì Thượng Chánh Phối Sư là Nghị Trưởng của Hội Nhơn Sanh.

Hội Nhơn Sanh sắp đặt như vầy:

- | | |
|--|------------------|
| 1. Thượng Chánh Phối Sư: | Nghị Trưởng. |
| 2. Nữ Chánh Phối Sư: | Phó Nghị Trưởng. |
| 3. Lễ Sanh, Chánh Phó Trị Sự, Thông Sự, Phái viên: | Nghị Viên. |

4. Một Nghị Viên Nam
và một Nghị Viên Nữ: Từ Hàn.

5. Hai Nghị Viên Nam
và hai Nghị Viên Nữ: Phó Từ Hàn.

Điều thứ hai: Thái và Ngọc Chánh Phối Sư và các Quản Lý Tòa Nội Chánh (ngày nay gọi là Thượng Thống các Viện) đều đến dự Hội, hoặc trả lời những điều nào Nghị viên không rõ mà xin bày tỏ, hoặc minh triết những vấn đề Nghị viên hạch hỏi. Nếu một vấn đề nào bị công kích thì Chánh Phối Sư hay là Quản Lý thuộc về vấn đề ấy phải trả lời hay bày tỏ cho khỏi sanh điều khó khăn cho việc bàn cãi.

Điều thứ ba: Một Chức sắc HTĐ đến chứng kiến và bảo thủ luật lệ không cho Hội phạm đến.

Điều thứ tư: Hội Nhơn Sanh để bàn tính những việc:

1. Giáo hóa nhơn sanh.
2. Lo liệu phương hay cho Đạo với Đời khỏi điều phản khác, và nâng cao tinh thần trí thức của nhơn sanh.
3. Phổ độ nhơn sanh vào cửa Đạo, diu dắt tín đồ cho khỏi trái bước và trọn vâng các luật lệ của Đạo.
4. Xin sửa cải thêm bớt hay hủy bỏ những luật lệ của Đạo không phù hợp với trình độ trí thức, tinh thần của nhơn sanh.
5. Lo cho nền Đạo được trong ấm ngoài êm và đủ phương tiện đặng phổ thông nền chơn giáo.
6. Xem xét và công nhận phương diện chánh trị của Đạo, quan sát sổ thâm xuất tài sản và nghị số phỏng định năm tới.

Điều thứ năm: Mỗi năm, Hội Nhơn Sanh nhóm nhằm ngày rằm tháng Giêng, những Hội viên và Phái viên phải có mặt tại Tòa Thánh ngày 13 tháng đó và phải ở lại cho đến ngày bãi hội. Khi đến Tòa Thánh thì lại Nội Chánh (Lại Viện) ghi giấy thông hành, chừng về cũng trở lại Nội Chánh ghi giấy thông hành. Nếu vô cơ đến trễ thì không đặng dự nhóm.

Điều thứ sáu: Mỗi năm, mùng 1 tháng chạp, thì Nghị Trưởng gọi chương trình những vấn đề sẽ đem ra bàn giải cho các Đầu Tỉnh Đạo lúc Hội Nhơn Sanh nơi Tỉnh Đạo nhóm

ngày rằm tháng này, đem ra bàn cãi xem xét trước cho kỹ lưỡng.

Điều thứ bảy: Hội viên và Phái viên nhớ mỗi năm đến lệ về nhóm chớ không có thơ mời, cũng nhớ đem giấy chứng rằng mình là Nghị viên hay Phái viên đăng nhập Hội.

Điều thứ tám: Nghị viên muốn xin canh cải, thêm bớt, hủy bỏ điều chi trong Luật Đạo hay là điều chi khác nữa thì phải gởi tờ xin 20 ngày trước bữa hội nhóm, cũng phải chỉ rõ mình xin sửa cải, thêm bớt hay là hủy bỏ việc gì.

Điều thứ chín: Khi nhóm hội, cả Nghị viên phải tuân y thể lệ của bốn Luật Lệ Chung các Hội. Nếu vô cớ mà không đến nhóm hội, thì phải bị mất quyền Hội viên hay là Phái viên. Nếu là Hội viên thì mất quyền ấy 3 năm, còn Phái viên thì trong 3 năm không quyền ra ứng cử. Cả Nghị viên phải mặc Thiên phục hay là Đạo phục tùy theo phẩm mình.

Điều thứ mười: Nội trong 20 ngày sau khi hội nhóm thì Từ Hàn phải lập Vi bằng cho rồi, trong đó có Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn nam nữ và một Chức sắc HTĐ ký tên vào. Vi bằng này phải lập 5 bản: 1 bản gởi cho Thượng Hội, 2 bản gởi cho Hội Thánh, 1 bản cho HTĐ, và giữ lưu chiếu 1 bản. Khi Hội Thánh và Thượng Hội gởi lại Thượng Chánh Phối Sư 3 bản đã công nhận hay là bác bỏ khoản nào thì Thượng Chánh Phối Sư giữ lưu chiếu 1 bản và gởi ngay cho Nữ Chánh Phối Sư và Ngọc Chánh Phối Sư mỗi vị 1 bản đăng lo liệu cách thi hành.

Điều thứ mười một:

Trước bữa Đại Hội mà Nam Nữ phải nhóm chung nhau, Thượng Chánh Phối Sư hoặc Nữ Chánh Phối Sư có điều chi phải hỏi ý kiến riêng Hội viên phái của mình thì được quyền mời nhóm Nam theo Nam, Nữ theo Nữ.

Kỳ nhóm này, Từ Hàn phái nào theo phái nấy, lập Vi bằng 2 bản, Nghị Trưởng và Từ Hàn ký tên, để lưu chiếu một bản, còn một bản, như Chánh Phối Sư Nam thì gởi cho Chánh Phối Sư Nữ, còn Chánh Phối Sư Nữ thì gởi cho Chánh Phối Sư Nam, hầu hiểu rõ những điều của mỗi phái đã bàn tính.

Điều thứ mười hai: Nhóm ngoại lệ.

Khi có việc chi thật trọng hệ cần yếu thì được phép nhóm ngoại lệ Đại Hội tại Tòa Thánh, một năm một kỳ mà thôi. Thiệp mời nhóm gửi trước 15 ngày, hoặc gửi điện tín thì 3 ngày trước.

Chương thứ II: Về sự chọn cử Phái viên.

Điều thứ mười ba: Lễ Sanh, Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự đều có quyền đến dự nhóm Hội Nhơn Sanh, nhưng bữa ấy mà cả thầy đều đến Tòa Thánh thì nơi làng nơi quận không còn Chức sắc, Chức việc, phận sự phải bỏ bê, e xảy ra điều khó khăn. Vậy định như sau đây rất tiện:

Sau khi nhóm tại tỉnh, đặt bàn cãi quyết định và lập Vi bằng các vấn đề trong chương trình của Thượng Chánh Phối Sự gửi đến thì mỗi phẩm chọn cử một Hội viên đặt thay mặt cho tỉnh mình hầu đến Tòa Thánh mà dự Đại Hội.

Còn Phái viên thì cũng một vị như mấy phẩm đã kể trên đây. Việc chọn cử này phải tuân y Đạo Nghị Định thứ 20 của Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp. Tại tỉnh thành Tây Ninh là tỉnh Thánh địa, cũng tùy một luật ấy.

Nghị viên Hội Nhơn Sanh lãnh trách nhiệm một hạn kỳ là 3 năm.

Phái viên đắc cử Nghị viên Hội Nhơn Sanh chụp 3 tấm hình giao Đầu Tỉnh Đạo, gửi cho Nội Chánh (Lại Viện) đặt gắn vào giấy chứng và sổ bộ, cùng vô khuôn treo tại nhà Hội.

Cả Lễ Sanh, Chức việc và Phái viên không đắc cử Nghị viên Hội Nhơn Sanh được thông thả đến Tòa Thánh nhập Hội, nhưng được dự thánh mà thôi. Nơi Hội có sắp đặt chỗ ngồi cho chư vị được dự thánh.

Muốn tỏ ý chi cho Hội thì do nơi chư Nghị viên Tỉnh Đạo của mình mà thôi.

Chương thứ III: Hội Ngánh Thường xuyên.

Điều thứ mười bốn: Lập một Hội Ngánh Thường xuyên đặt bàn tính các điều thường, ngoại chương trình, không việc trọng hệ cần yếu xảy ra tình linh, nhưt là việc Thượng

Chánh Phối Sư hoặc Chức sắc nào mà Hội Thánh cho quyền thông công cùng Chánh phủ. Thượng và Nữ Chánh Phối Sư cũng làm Chánh, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn Chánh Phó nam nữ cũng lãnh y phận sự, Nghị viên thì sắp đặt y như sau đây:

Cũng có mặt một vài Chức sắc Nội Chánh tùy theo việc bàn tính và một Chức sắc HTĐ.

Một năm nhóm 3 kỳ (4 tháng 1 kỳ):

- Nhóm kỳ nhứt, mồng 6 tháng 4,
- Nhóm kỳ nhì, ngày 13 tháng 8,
- Nhóm kỳ ba, ngày 13 tháng 11.

Phải đến trước bữa Hội 1 ngày.

Khi có việc trọng hệ gấp rút, thì Nghị Trưởng được quyền gọi điện tín mời nhóm, nhưng mà một năm không quá 2 lần. Điện tín mời nhóm gọi 3 ngày trước bữa nhóm.

Nội trong 10 ngày sau khi nhóm hội, thì lập Vi bằng và làm y như nhóm Đại Hội.

Chánh, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn nam nữ với một Chức sắc HTĐ ký tên Tờ Vi bằng.

Lúc Đại Hội Nhơn Sanh thường lệ, trước khi giải tán, thì chư Nghị Viên các tỉnh Nam Kỳ (Nam, Nữ riêng nhau) phải phái mỗi tỉnh một vị đặng thay mặt nơi Hội Ngánh thường xuyên cho tỉnh của mình.

Toàn các nước lân bang cũng đồng quyền y như phép công cử nơi Việt quốc mà sắp đặt những Phái viên nhập về Đại Hội Nhơn Sanh theo Luật lệ sở định này.

Nghị viên Nam và Nữ phải đồng một số.

Tòa Thánh sẽ lập nhà khách để cho chư Phái viên ngoại bang đến cư ngụ, nhứt là sẽ cấp đất Nội Ô Tòa Thánh đặng chia cho mỗi Tỉnh Đạo cất nhà cửa cùng cơ sở vĩnh cửu đặng người thay mặt mình ở thường xuyên gần Tòa Thánh.

Điều thứ mười lăm: Ban Ủy Viên xem xét tài chánh.

Hội Ngánh thường xuyên chọn 3 Nghị viên nam và 3 Nghị viên Nữ, đặng mỗi kỳ nhóm lệ thường xuyên, 3 ngày trước bữa nhóm, xem xét sổ sách của Hộ Viện, rồi lập tờ phúc đem ra trình cho Hội.

Mỗi kỳ nhóm lệ thì Nghị Viên lãnh làm kiểm soát phải đến Tòa Thánh trước 3 ngày đặng có thì giờ xem xét sổ sách.

Điều thứ mười sáu: Nếu ngày sau có điều chi sửa cải, hủy bỏ hoặc cần ích thì truất bỏ hoặc thêm vô Luật lệ này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 16 tháng 11 năm Giáp Tuất.

(Le 22 Decembre 1934)

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cứu Trùng

PHẠM CÔNG TẮC

(ấn ký)

Trong NỘI LUẬT Hội Nhơn Sanh, Đức Phạm Hộ Pháp qui định những nét chánh, Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Chương Quản Bộ Pháp Chánh, triển khai thêm nhiều chi tiết về Hội Nhơn Sanh, in trong quyển Chánh Trị Đạo, xin chép ra sau đây:

HỘI NHƠN SANH

I. Các hạng đại biểu:

Cũng như cái tên của nó đã chỉ, Hội này gồm các đại biểu của nhơn sanh trực tiếp bầu cử.

Làm đầu nhơn sanh là Lễ Sanh, nên đại biểu của nhơn sanh kể từ phẩm Lễ Sanh trở xuống, gồm có:

1. **Chư vị Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo.**

2. **Nghị viên:** tức là đại biểu gián tiếp của nhơn sanh.

Ba vị Nghị viên cho mỗi Tộc Đạo:

- a) *Một Chánh Trị Sự* (tất cả Chánh Trị Sự trong Tộc Đạo xúm nhau công cử 1 người)
- b) *Một Phó Trị Sự* (tất cả Phó Trị Sự trong Tộc Đạo xúm nhau công cử 1 người)
- c) *Một Thông Sự* (tất cả Thông Sự trong Tộc Đạo xúm nhau công cử 1 người).

3. **Phái viên:** tức là đại biểu trực tiếp của nhơn sanh. Cứ 500 tín đồ trưởng trai công cử ra một đại biểu gọi là Phái viên.

Số Nghị viên và Phái viên Nam phái thể nào thì bên Nữ phái cũng đồng số với nhau theo qui tắc.

HẠN LỆ NHIỆM KỲ: Mỗi Nghị viên và Phái viên có nhiệm kỳ 3 năm. Đến năm thứ tư thì tổ chức tuyển cử lại. Tháng trong thời gian 3 năm đó, có người chết hoặc vì lẽ gì không thể đi dự Hội, phải cử người khác thay thế trong hạn lệ nhiệm kỳ.

II. Điều kiện tuyển chọn đại biểu Hội Nhơn Sanh:

Như trên vừa nói thì không có điều kiện chi quá đáng, đại khái có mấy điều như sau:

1. Phải là tín đồ Cao Đài giáo thuộc TTTN.
2. Phải trường trai.
3. Không phân biệt Nam Nữ.
4. Phải trên 18 tuổi là hạng tuổi đem tên vào Bộ Chánh của Đạo.

Xem các điều kiện trên đây thì sự tuyển chọn đại biểu tùy địa phương và tỷ lệ hơn số tín đồ trong mỗi địa phương.

Khi đã đắc cử rồi, mỗi Nghị viên và Phái viên Hội Nhơn Sanh (viết tắt HNS) chụp 3 tấm hình giao cho Khâm Châu Đạo gửi về Tòa Nội Chánh (Lại Viện) (cỡ hình dán căn cước 4x6):

- Một gắn vào giấy Chứng Nhận Nghị viên, Phái viên.
- Một gắn vào Bộ Nghị viên và Phái viên HNS.
- Một lộng khuôn để tại nhà nhóm.

Cả Nghị viên và Phái viên nơi Châu Đạo hội nhóm lại nhằm ngày rằm tháng chạp, hiệp cùng chư Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu trong địa phương mình thảo luận chương trình của HNS và lấy quyết nghị chung. Vi bằng cuộc hội nhóm này làm 3 bản giao cho các đại biểu 1 bản, lưu chiếu 1 bản, còn 1 bản gửi về Lại Viện trước ngày khai mạc hội nghị.

Các Nghị viên và Phái viên lãnh một tờ chứng nhận tạm của Chức sắc địa phương sở tại, khi về đến Tòa Thánh Tây Ninh, vào trình diện văn phòng Lại Viện đăng đổi Giấy chứng thiết thọ và ghi tên vào sổ để tiện việc sắp đặt trật tự.

Hạn lệ phải đến Tòa Thánh ít nhất là 2 ngày trước ngày mở Hội, nghĩa là phải đến Tòa Thánh vào ngày 13 tháng Giêng và lưu lại đến ngày Hội bế mạc, nếu vô cố đến trễ thì

không được dự Hội. Còn trong thời gian hội họp mà vô cớ không đến nhóm hội thì:

- Nghị viên bị mất quyền nhóm hội 3 năm.
- Phái viên mất quyền ứng cử 3 năm.

Các năm sau, chư Nghị viên và Phái viên nhớ đến lệ thì về hội nhóm, chớ không có thơ mời, nhớ đem Giấy Chứng Nhận theo mới đăng nhập Hội.

Ngày nào từ giã Tòa Thánh, phải trình Giấy Thông Hành tại Lại Viện (Tòa Nội Chánh).

Mỗi năm, vào ngày mùng 1 tháng chạp thì Nghị Trưởng gọi chương trình những vấn đề sẽ đem ra bàn cãi cho các Châu Đạo. Nơi Châu Đạo nhóm ngày rằm tháng này, đem ra bàn cãi, xem xét trước cho kỹ lưỡng.

Nghị viên nào muốn canh cải, thêm bớt, hủy bỏ điều chi trong Luật Đạo hay điều chi khác nữa thì phải gửi tờ xin phép Nghị Trưởng 20 ngày trước Đại Hội và phải nói rõ mình muốn xin canh cải, thêm bớt hoặc hủy bỏ điều chi.

III. Tư cách của Hội Viên:

1. Y phục: Nếu là Chức sắc hay Chức việc thì mặc Đạo phục, nếu là tín đồ hạng Phái viên thì mặc thường phục (áo dài trắng khăn đen).

2. Khi đứng ngồi: Phải thủ lễ, ngồi ngay ngắn, không nên dựa nghiêng dựa ngửa, không được ăn trầu hút thuốc. Đương nhóm mà vị nào có việc cần ra ngoài, phải xin phép Nghị Trưởng, xong trở vô liền.

3. Khi nói năng: Khi Nghị viên đương nói mà có vẻ nổi giận, Nghị Trưởng rung chuông ngăn lạiặng khuyên giải. Nếu không vâng lời, Nghị Trưởng hội ý kiến các Nghị viên, nếu phần đông đồng ý kiến thì Nghị Trưởng mời vị đó ra khỏi Hội.

Khi một Nghị viên đương nói, các người khác phải im lặng nghe, chớ nên xen vào làm đứt đoạn.

Khi vị nào mặt có sắc giận dữ, xin phép nóiặng tỏ ý giận của mình, Nghị Trưởng có quyền không cho phép nói.

Tóm lại, tất cả Nghị viên phải tuân y Luật Lệ Chung các Hội (do Đức Phạm Hộ Pháp lập ngày 16-11-Giáp Tuất).

IV. Biểu quyết các vấn đề:

Có hai cách biểu quyết:

1. Gặp việc quan trọng cần yếu thì bỏ thăm kín.
2. Gặp việc thường thì quyết nghị bằng cách giơ tay lên.

Với cách thứ nhứt hay cách thứ nhì, quyết nghị của Hội vẫn lấy quá bán số thăm làm qui tắc, nghĩa là bên nào được một lá thăm nhiều hơn bên kia là thắng số và vấn đề ấy được công nhận hay bác bỏ. Thắng như số thăm thuận và nghịch đồng nhau, Nghị Trưởng đồng ý kiến với bên nào thì bên đó thắng số.

Vấn đề thường hay trọng yếu nào có 1/3 số Nghị viên hiện diện xin bỏ thăm kín thì Nghị Trưởng cho lịnh y theo.

V. Tổ chức Hội Nhơn Sanh:

Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ 4, điều thứ 4 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp ngày 3-10-Canh Ngọ (Đệ ngũ niên) thì Thượng Chánh Phối Sư làm Nghị Trưởng HNS.

Vậy Hội Nhơn Sanh (HNS) sắp đặt như sau:

- | | |
|--|------------------|
| 1. Thượng Chánh Phối Sư: | Nghị Trưởng. |
| 2. Nữ Chánh Phối Sư: | Phó Nghị Trưởng. |
| 3. Lễ Sanh, Nghị viên, Phái viên: | Hội viên. |
| 4. Một Nghị Viên Nam và một Nghị Viên Nữ: | Từ Hàn. |
| 5. Hai Nghị Viên Nam và hai Nghị Viên Nữ: | Phó Từ Hàn. |

Ngoài chư vị đại biểu của HNS trên đây, còn có:

A. Cửu Trùng Đài:

a) Thái và Ngọc Chánh Phối Sư.

b) Chư vị Chức sắc cầm quyền Cửu Viện Nội Chánh đến dự Hội để trả lời những điều nào Nghị viên không rõ xin bày tỏ, hoặc minh triết những vấn đề Nghị viên chất vấn. Nếu có một vấn đề nào thuộc Viện nào bị chỉ trích thì Chánh Phối Sư hay Thượng Thống Viện đó phải giải thích cho rõ ràng và bày tỏ đủ

lý lẽ để khỏi sanh điều khó khăn cho việc bàn cãi và giúp chư Nghị viên giải quyết dễ dàng và nhanh chóng.

c) Dự thỉnh: Cả Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu không đắc cử Nghị viên HNS, được thông thả đến Tòa Thánh nhập Hội, nhưng chỉ được dự thỉnh mà thôi. Nơi nhà nhóm có sắp đặt chỗ ngồi riêng cho những vị này.

B. Hiệp Thiên Đài:

Một Chức sắc HTĐ (thường thì có vị Chương Quản Bộ Pháp Chánh và các Ty Pháp Chánh địa phương) đến chứng kiến và bảo thủ luật lệ không cho Hội Phạm đến.

VI. Phận sự của Hội Nhơn Sanh:

Hội Nhơn Sanh nhóm để bàn cãi những việc này:

1. Giáo hóa nhơn sanh.
2. Liệu phương hay cho Đạo với Đời khỏi phản khắc nhau và nâng cao tinh thần trí thức của nhơn sanh.
3. Phổ độ nhơn sanh vào cửa Đạo, dìu dắt các tín đồ cho khỏi trái bước và trọn vâng theo các luật lệ của Đạo.
4. Xin sửa cải, thêm bớt hay hủy bỏ những luật lệ của nhơn sanh.
5. Lo cho nền Đạo được trong ấm ngoài êm và đủ phương tiện đặng phổ thông nền Chơn giáo.
6. Xem xét và công nhận phương diện chánh trị của Đạo, quan sát sổ đầu xuất, tài sản, nghị số phỏng định năm tới.

NƠI NHÓM HỌP: Đại Hội Nhơn Sanh nhóm nơi nhà nhóm riêng tại Tòa Thánh .

VII. Thời kỳ làm việc của Đại Hội Nhơn Sanh:

Đại Hội Nhơn Sanh mỗi năm nhóm lệ một lần, khai mạc vào ngày rằm tháng giêng.

Khi có việc chi trọng hệ thì được phép nhóm ngoại lệ Đại Hội tại Tòa Thánh mỗi năm một kỳ mà thôi. Như vậy thì thiệp mời phải gửi đến trước 15 ngày, hoặc điện tín thì phải gửi đến trước 3 ngày.

Trước bữa Đại Hội mà nam nữ sẽ nhóm chung nhau, Thượng Chánh Phối Sư hoặc Nữ Chánh Phối Sư có điều chi

phải hỏi ý kiến riêng Hội viên phái mình thì được quyền mời nhóm riêng (nam theo nam, nữ theo nữ). Kỳ nhóm này, Từ Hàn phái nào theo phái này, lập Vi bằng 2 bản, Nghị Trưởng và Từ Hàn ký tên (1 bản để lưu chiếu, còn 1 bản thì Chánh Phối Sư nam gửi cho Nữ Chánh Phối Sư; còn Nữ Chánh Phối Sư thì gửi cho Chánh Phối Sư nam) hầu hiểu rõ những điều của mỗi phái đã bàn tính.

1. Lễ Khai mạc Đại Hội:

Trước giờ mở Hội thì Nghị Trưởng phái và Hội viên đi rước Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đến dự lễ.

Khi nhị vị Đại Thiên phong này đến thì Lễ Viện cho nhạc trở tiếp mừng. Chánh, Phó Nghị Trưởng, Chức sắc HTĐ và Nội Chánh nam nữ ra cửa đón rước. Toàn thể Hội viên đứng dậy chờ cho nhị vị an tọa rồi mới ngồi xuống sau.

Đức Giáo Tông ngồi ghế Chủ Tọa, bên tay mặt thì Đức Hộ Pháp, bên tay trái thì Nghị Trưởng.

Đức Giáo Tông đọc bài diễn văn khai mạc, Đức Hộ Pháp chú giải những khoản luật pháp mà Hội không hiểu rõ. Kế đó, Nghị Trưởng đọc bài diễn văn trình bày chương trình nghị sự.

Xong rồi, nhị vị Đại Thiên phong ra về. Lễ đưa sắp đặt cũng như lễ rước, nghĩa là Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng đưa ra tới cửa, chư vị Hội viên đứng dậy chào như lúc đến.

Lễ Khai mạc HNS và Hội Thánh giống như nhau, chỉ khác có nơi nhóm họp mà thôi.

2. Ban Ủy Viên:

Sau khi Khai mạc Đại Hội, Nghị Trưởng trình bày chương trình nghị sự xong rồi thì toàn Hội chọn cử ra các Ban Ủy Viên Ngánh theo phái đặng tùy phương diện thảo luận các vấn đề cho cặn kẽ thấu đáo. Có 4 Ban Ủy Viên:

- Ban Ủy Viên phái Thái,
- Ban Ủy Viên phái Thượng,
- Ban Ủy Viên phái Ngọc,
- Ban Ủy Viên phái Nữ.

Mỗi Ban Ủy Viên gồm có:

- Một Nghị Trưởng,

- Một Phúc sự viên,
- Số Nghị viên còn lại chia đều cho các Ban.

Mỗi khi bàn định điều chi rồi thì Phúc sự viên tóm tắt lại, lập tờ phúc đệ ra Đại Hội nghị quyết.

Ban Ủy Viên khi nhóm thì mặc Đạo phục thường dùng hằng ngày.

3. Việc trật tự:

Một vị Lễ Sanh phái Ngọc lãnh phần cai quản Cơ Tuần phòng Bảo Thể Quân, mặc Thiên phục, buộc dây Sắc Lệnh tam sắc Đạo của HTĐ ban cho lúc hội nhóm. Khi Hội giải tán thì đem nạp lại cho HTĐ.

4. Sau khi hội nhóm:

Hai mươi ngày sau khi hội nhóm bế mạc, Từ Hàn phải lập Vi bằng cho rồi, trong đó, Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn nam nữ và một Chức sắc HTĐ ký tên vào.

Vi bằng này phải lập ra 5 bản:

- 1 bản gửi cho Thượng Hội,
- 2 bản gửi cho Hội Thánh,
- 1 bản gửi cho HTĐ,
- 1 bản lưu chiếu.

Khi Thượng Hội và Hội Thánh gửi trả lại 3 bản với những lời phê công nhận hay bác bỏ khoản nào thì Thượng Chánh Phối Sư giữ 1 bản, 1 bản gửi cho Nữ Chánh Phối Sư, 1 bản gửi Ngọc Chánh Phối Sư đăng hai vị đó thi hành.

VIII. Hội Ngánh Thường Xuyên Hội Nhơn Sanh:

1) **Mục đích** của Hội Ngánh thường xuyên tại Tòa Thánh này là bàn tính các điều ngoại chương trình nghị sự của Đại Hội và các việc trọng hệ xảy ra thình lình, nhất là việc Chánh Phối Sư hoặc Chức sắc nào mà Hội Thánh ủy quyền cho giao thông với chánh phủ.

2) Thành phần:

Hội Ngánh Thường Xuyên HNS gồm có:

- Thượng Chánh Phối Sư: Nghị Trưởng.
- Nữ Chánh Phối Sư: Phó Nghị Trưởng.

- Từ Hàn nam và nữ của Đại Hội: Từ Hàn.
- Phó Từ Hàn nam và nữ của Đại Hội: Phó Từ Hàn.
- Sau khi bế mạc Đại Hội, mỗi tỉnh chọn trong hàng Nghị viên của mình 1 người nam và 1 người nữ để thường xuyên tại Tòa Thánh (Nam Tông Đạo hay các Tông Đạo ngoại giáo cũng vậy) để làm: Nghị viên Hội Ngánh.
- Chức sắc Nội Chánh, Thượng Thống các Viện tùy việc bàn tính: Đại diện CTĐ.
- Một Chức sắc HTĐ: Đại diện HTĐ.

3) Ngày giờ làm việc:

Hội Ngánh Thường Xuyên HNS nhóm mỗi năm 3 kỳ (4 tháng 1 kỳ):

- Kỳ thứ nhất: mừng 6 tháng 4.
- Kỳ thứ nhì: ngày 13 tháng 8.
- Kỳ thứ ba: ngày 13 tháng 11.

4) Sau khi Hội Ngánh Thường xuyên nhóm:

Mười ngày sau ngày bế mạc Hội Ngánh, Vi bằng phải lập xong và làm y như Đại Hội. Chánh, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn nam nữ với một Chức sắc HTĐ ký tên vào tờ Vi bằng ấy.

5) Ban Ủy Viên xem xét tài chánh:

Hội Ngánh Thường xuyên chọn 3 vị Nghị viên nam và 3 Nghị viên nữ lập thành Ban Kiểm Soát tài chánh.

Trước ngày khai mạc thường lệ của Hội Ngánh Thường xuyên, Ban Kiểm Soát này đến xem xét sổ sách của Hộ Viện, lập tờ phúc trình đệ ra giữa Hội thảo luận.

6) Ngụ sở của Nghị viên thường xuyên:

Hội Thánh cất đất trong Châu vi Tòa Thánh chia cho các Tỉnh Đạo cất nhà cửa hoặc cơ sở vĩnh cửu đặng cho người đại biểu của tỉnh ở thường xuyên gần Tòa Thánh. Đó là phần của các tỉnh thuộc VN.

Còn riêng các nước lân bang, Hội Thánh cất nhà khách đặng đón rước và làm nơi lưu trú cho chư Nghị viên thuộc các nước đó. Về quyền hạn đại biểu, họ vẫn đồng quyền như các Nghị viên sở tại vậy.

IX. Trách vụ và quyền hạn của Hội Nhơn Sanh:

Quyền Vạn Linh có 3 Hội làm cơ quan như trên đã nói:

Quyền Vạn Linh đối với Quyền Chí Linh, cũng như câu: Ý dân là ý Trời, cho nên Hội Nhơn Sanh có quyền hạn rất rộng rãi trong nền chơn giáo của Đức Chí Tôn. Có như vậy, ta mới thấy được mặt cân công bình thiêng liêng tại thế.

A. Trách vụ Lập Pháp:

Hiển pháp của Đạo tức là Pháp Chánh Truyền do Đức Chí Tôn truyền xuống bằng huyền diệu cơ bút, là một Bộ Hiển pháp bất di bất dịch, bất khả xâm phạm (Cang tánh Hiển pháp).

Vậy thì quyền Lập Pháp đây là lập các Luật lệ thường thức đặng thi hành PCT, khép mình vào khuôn viên Đạo, để có thể đi trọn vẹn con đường phổ độ của Đức Chí Tôn một cách sáng suốt, minh mẫn và trong sạch.

Tất cả ý nguyện của nhơn sanh đề nghị, qua sự xem xét của Hội Thánh và Thượng Hội, được dâng lên Quyền Chí Tôn phê chuẩn, tức nhiên thành Luật lệ ban hành trong toàn đạo.

Một đề nghị nào do ý nguyện của nhơn sanh đưa ra, 3 Hội thay nhau thảo luận và chấp thuận thì đã thành ra ý nguyện chung của 3 Hội, mà 3 Hội là cơ quan của Quyền Vạn Linh, tức nhiên ý nguyện đó thành ra ý nguyện của Vạn Linh, là tượng trưng ý chí chung của toàn vạn loại, để ấn định quyền hạn của toàn đạo và tổ chức quyền chánh trị chung toàn đạo.

Nhơn sanh được tự do đề nghị và thảo luận thế nào cho dung hợp với trình độ tiến hóa của nhơn loại và thích nghi với khắp các địa phương.

Trách vụ Lập pháp của HNS có thể chia ra:

a) Quyền Sáng kiến: Lập pháp của ĐĐTKPD, Đức Chí Tôn cho nhơn sanh được tự lập luật để khép mình vào cái khuôn khổ do mình tạo ra, vì cơ nhơn sanh được đề nghị lập những Đạo luật mới, tùy theo sự tấn triển của nhơn trí. Các dự án luật đó phải gởi trước một bản đến vị Nghị Trưởng HNS đặng vị này đem vào chương trình nghị sự giữa HNS.

b) Quyền phủ quyết: Thảng có điều luật nào không còn thích hợp với phong hóa, có thể cản trở bước đường đạo đức của toàn đạo, nhơn sanh được quyền xin hủy bỏ.

c) Quyền phúc quyết: Chia làm 2 loại:

- *Phúc quyết thăm dò:* Hội Thánh có thể đưa ra một dự luật cho nhơn sanh bàn cãi, trước khi lập thành điều luật thiết thọ.

- *Phúc quyết thừa nhận:* Cũng có nhiều điều luật do Hội Thánh ban hành trong vòng một năm, từ ngày Đại Hội năm trước tới kỳ này đem ra cho nhơn sanh xem xét coi điều luật đó trong khi thi hành đã làm lợi cho nhơn sanh hay là làm hại. Thảng đã làm lợi và còn thích hợp thì nhơn sanh thừa nhận, để còn đủ hiệu lực. Bằng không, xin hủy bỏ. Trường hợp này quyền phúc quyết thành ra quyền phủ quyết.

B. Trách vụ kiểm soát chánh trị:

Trách vụ kiểm soát chánh trị của HNS có nhiều khoản:

1. Quyền tuyển cử:

Trong cửa Đạo, mỗi Chức sắc của Đạo đều tuyển cử bắt đầu từ tín đồ đi lên. Căn Công bình của Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài tạo công nghiệp xứng đáng, tu tâm đức vững chắc, đặng lập vị thiêng liêng, phải đi có trật tự từ hàng tín đồ vào hàng Chức việc Bàn Trị Sự trong Hương Đạo, lần lần đủ công nghiệp y như luật lệnh, được đem ra Quyền Vạn Linh xem xét công nhận. Nếu không có nhơn sanh công nhận thì trừ phi do khoa mục hay do Quyền Chí Tôn ân tứ, chiếu theo công nghiệp phi thường, thì không còn con đường nào khác đặng bước lên thiêng liêng vị. Mà tại thế này, đẳng cấp trong Cửu phẩm Thần Tiên được nhìn nhận cân đối ngang nhau với thiêng liêng vị ngày qui liễu về cùng Đức Chí Tôn.

Vừa nói nhơn sanh tuyển chọn Chức sắc của Đạo trong hàng tín đồ, bắt đầu chọn vào phẩm Chức việc Bàn Trị Sự, rồi mỗi khi thăng cấp, phải có sự công nhận của Quyền Vạn Linh, hay nói trước hết, của Hội Nhơn Sanh.

2) Quyền bầu cử và ứng cử Nghị viên:

Quyền của nhơn sanh được rộng rãi vô cùng, song không thể tất cả mọi người đều ra giữa nghị hội được, thành thử phải chọn người đại biểu theo tỷ lệ.

Những người đại biểu này được bầu trực tiếp (như Phái viên) hay gián tiếp (như Nghị viên).

Đến quyền ứng cử, mọi người đều có quyền cũng như bầu cử. Và lại cũng là nhiệm vụ tối trọng của cả tín đồ, phải tham gia việc chánh trong Đạo, đặng dự phần cải cự hoán tân cho kịp theo trào lưu tiến hóa hơn loại.

3) Quyền ủy nhiệm quyền hành:

Thường những quyền nào trong nền Chánh Trị Đạo đã khuyết mà không người thay thế, vì nó có tính cách quan hệ, cơ quan Chánh Trị Đạo trao cho HNS để Hội này giao lại cho người nào và trọn ủy nhiệm cho người đó hành sự.

Ví dụ như: Quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo thuộc về Đầu Sư, mà trong Đạo khuyết phẩm Đầu Sư, nên HNS năm Mậu Dần (1938) ủy nhiệm Quyền Thống Nhứt cho Đức Phạm Hộ Pháp cầm cho tới ngày có Đầu Sư chánh vị.

4) Xem xét công việc đã thi hành và kết quả của nó:

Mỗi năm một kỳ Đại Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh trình bày công việc mình sắp sửa làm, đang làm hoặc đã làm, và trình bày kết quả của nó giữa Hội, sẽ được HNS thừa nhận hay là không.

C. Trách vụ kiểm soát tài chánh:

Y như trong khoản phạt sự của HNS đã nói sơ lược và chiếu theo Nội Luật Hội Ngánh Thường Xuyên HNS, thì HNS còn có trách vụ quan sát tài sản, sổ thu xuất và đề nghị số phỏng định cho năm tới.

Trước ngày Đại Hội Nhơn Sanh, các cơ quan trong nền Chánh Trị Đạo dự đoán số thu xuất tài chánh trong năm tới của cơ quan mình, rồi dâng lên Cửu Viện, nơi đây tổng số các khoản thu xuất đem ra HNS công nhận.

Quan hệ nhứt về vấn đề tài chánh này thuộc phái Thái (có 3 Viện: Hộ, Lương, Công), cho nên trong lúc Đại Hội, Ban Ủy Viên phái Thái phải chú ý đến điều này, đến tại 3 Viện trên, nhứt là Hộ Viện, xem xét sổ sách rồi Phúc sự viên lập tờ trình

đem ra giữa Đại Hội đặng toàn HNS thảo luận lại, hoặc công nhận, hoặc bác bỏ các khoản dự toán chi phí vô ích.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

TTTN: Tòa Thánh Tây Ninh.

Hội Thánh

會聖

A: Sacerdotal Council, Assembly of Saints.

P: Conseil Sacerdotal, Assemblée des Saints.

Có hai nghĩa:

a) Nghĩa đúng: *Hội Thánh là một tổ chức chỉ gồm các Chức sắc vào hàng Thánh của Cửu Trùng Đài.*

Hội Thánh này là một trong Ba Hội lập Quyền Vạn Linh, chỉ gồm 3 phẩm Chức sắc CTĐ cả nam phái và nữ phái:

Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh,

Giáo Sư đối phẩm Nhơn Thánh,

Phối Sư và Chánh Phối Sư đối phẩm Thiên Thánh.

b) Nghĩa chung: *Hội Thánh là một tổ chức gồm tất cả các Chức sắc từ hàng Thánh đở lên đến hàng Tiên, Phật vị.*

Trong Đạo Cao Đài, khi chúng ta gặp chữ Hội Thánh, chúng ta tùy theo câu văn mà hiểu các trường hợp sau đây:

1. Hội Thánh Đạo Cao Đài hay **Hội Thánh ĐĐTKPĐ:** bao gồm tất cả Chức sắc nam nữ của Đạo Cao Đài từ hàng Thánh đở lên, tức là bao gồm cả Hội Thánh CTĐ và Hội Thánh HTĐ, do Đức Giáo Tông chưởng quản.

2. Hội Thánh Cửu Trùng Đài: bao gồm các Chức sắc nam nữ của CTĐ từ hàng Thánh đở lên, tức là từ phẩm Giáo Hữu đến phẩm Giáo Tông, do Đức Giáo Tông chưởng quản.

3. Hội Thánh Hiệp Thiên Đài: bao gồm tất cả Chức sắc HTĐ từ phẩm Truyền Trạng (đối phẩm Giáo Hữu) lên đến phẩm Hộ Pháp, do Đức Hộ Pháp chưởng quản.

Ngoài ra còn một số Hội Thánh nhỏ khác thuộc CTĐ hay HTĐ, kể ra:

■ *Cơ Quan Phước Thiện* có **Hội Thánh Phước Thiện**, gồm các Chức sắc nam nữ PT từ phẩm Chí Thiện trở lên.

Hội Thánh Phước Thiện thuộc Hội Thánh HTĐ. (Xem chữ: **Phước Thiện, văn P**)

■ *Cơ quan Truyền giáo Hải ngoại* có **Hội Thánh Ngoại Giáo**, gồm các Chức sắc nam nữ của Cơ quan Truyền giáo Hải Ngoại từ phẩm Giáo Hữu trở lên. (Xem chữ: **Hội Thánh Ngoại Giáo**)

Hội Thánh Ngoại Giáo thuộc Hội Thánh CTĐ.

■ *Cơ quan Hàm Phong* có **Hội Thánh Hàm Phong**, gồm các Chức sắc Hàm Phong nam nữ từ Giáo Hữu trở lên. Hội Thánh Hàm Phong thuộc Hội Thánh CTĐ. (Xem chữ: **Hàm Phong**).

■ **Hội Thánh Đường Nhơn** gồm các Chức sắc nam nữ người Trung hoa từ phẩm Giáo Hữu trở lên.

Hội Thánh Đường Nhơn thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo, tức thuộc Hội Thánh CTĐ.

Trong bài Diễn văn của Đức Phạm Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 14-2-Mậu Thìn (1928) có đoạn nói về Hội Thánh, xin trích ra sau đây:

"Hội Thánh là gì?"

Trong bài phú của Thầy cho bà cụ di mẫu của Chị Phối Sư Hương Thanh có câu: "*Thầy dùng lương sanh mà cứu vớt quần sanh.*"

Hội Thánh tức là đám lương sanh của Thầy tom góp lại làm một. Cả lương sanh ấy, Thầy đã dùng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước ung đúc nơi lòng một khiếu từ bi cho tâm địa có mảy mún tình ái vật ưu sanh theo Thánh đức háo sanh của Thầy, dùng làm lợi khí phạm tục để độ rỗi người phạm tục.

Những lương sanh ấy phải thế nào hội hiệp lại nhau làm một mà làm ra một xác thân phạm của Thầy thì Thầy mới có hình thể trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này, hầu tránh cho khỏi phải hạ trần như trong mấy kỳ phổ độ trước vậy.

Thầy mới dùng huyền diệu cơ bút dạy dỗ mỗi người đặng tỏ rằng quả nhiên có Thầy trước mắt, để đức tin vào lòng mỗi

lượng sanh ấy, rằng Thầy thật là Chí Tôn, Chúa tể CKTG, cầm cán cân Công bình thiêng liêng thưởng phạt, quyết đoán rằng chính mình Thầy đủ quyền bảo hộ con cái của Thầy, dầu đương sanh tiền hay buổi chung qui cũng có Thầy trước mắt, công thưởng tội trừng, tu thì thành, dữ thì đọa, chỉ rõ Niết Bàn, Địa ngục đôi đường, đặng dẫn bước đường không lầm lạc.

Hứa rằng: Lập ngôi nơi Bạch Ngọc Kinh, khai đường vào CLTG và đóng chặt cửa Phong Đô đặng tận độ chúng sanh, vớt 92 ức nguyên nhân trở về cữu vị.

Các lời hứa ấy, nếu chẳng phải Thầy thì chưa một vị Phật nào dám gọi mình là đủ quyền năng mà làm đặng.

Cả lượng sanh Thầy lựa chọn so sánh quyền Chí Tôn của Thầy và cân lời hứa ấy mà nhìn quả thật là Thầy, để đức tin mạnh mẽ mà trong cật nơi Thầy.

Cái đức tin ấy nó tràn khắp trong nhơn sanh mà gây ra một khối lớn tửa khắp cả hoàn cầu, sửa đời cải dữ. Cải dữ đặng thì phải tu, tu thì phải thành, mà nếu cơ thành Chánh quả mà không để trước mắt mọi người thì khó làm cho nhơn sanh mến yêu mùi Đạo, nên buộc Thầy phải lập Chánh thể, xây nền Đạo tạo Đời, cho cả chúng sanh đều nhìn nhận, vì cơ hiển nhiên, đặng giục lòng tu niệm."

Sau đây là phần chi tiết nói về **Hội Thánh**, một Hội trong ba Hội lập Quyền Vạn Linh: (trích trong quyển **Chánh Trị Đạo** của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, trang 30-34)

HỘI THÁNH

Như cái tên của Hội, Nghị viên của Hội này gồm các Chức sắc thuộc hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn và phải đương quyền hành chánh.

I. Phận sự của Hội Thánh:

1. Thảo luận lại các vấn đề của Hội Nhơn Sanh dâng lên, hoặc của Thượng Hội đưa xuống đặng lập phương ban hành.
2. Lo về sự phổ độ chúng sanh, việc châu cấp cho Chức sắc hành đạo tha phương, xem xét lại tài chánh của Đạo, kiểm thảo lịch trình chánh trị của Đạo.

3. Bàn cãi và công nhận số phông định thầu xuất tài chánh năm tới.
4. Xin hủy bỏ, thêm bớt, sửa cải những luật lệ nào không phù hợp với sự tấn hóa về dân trí của nhơn sanh.
5. Quan sát các việc có ảnh hưởng về nền Đạo.

II. Điều kiện chọn Nghị viên:

- a) Từ hàng Giáo Hữu đở lên đến Chánh Phối Sư được kể là Nghị viên của Hội Thánh vì đã nhập vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn.
- b) Phải dưới 60 tuổi.
- c) Phải đương quyền hành chánh.

III. Hội Thánh gồm những ai?

A.- CỬU TRÙNG ĐÀI:

1. Chức sắc dự Hội Thánh:

- Thái Chánh Phối Sư: Nghị Trưởng.
- Nữ Chánh Phối Sư: Phó Nghị Trưởng.
- Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu nam nữ: Nghị Viên.
- Một Nghị Viên Nam và một Nghị Viên Nữ: Từ Hàn.
- Hai Nghị Viên Nam và hai Nghị Viên Nữ: Phó Từ Hàn.

2. Chức sắc Nội Chánh:

- Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư và chư Chức sắc Thiên phong cầm quyền Cửu Viện Nội Chánh đến dự đặng minh triết các điều hạch hỏi của Nghị viên. Chức sắc Nội Chánh có cả Chức sắc nữ phái cũng đồng quyền như nam phái, đều là Nghị viên cả.

3. Dự thính:

Chức sắc Hàm Phong nam nữ đặng quyền dự thính, chỗ ngồi sắp đặt riêng.

Số Chức sắc dự Hội Thánh, nếu kể ra cho đủ số phải có, bên nam phái có:

- 36 Phối Sư

- 72 Giáo Sư
- 3000 Giáo Hữu.
- Còn về phần nữ phái thì gồm tất cả Chức sắc nữ phái hiện hiện từ hàng Giáo Hữu đồ lên.

B. HIỆP THIÊN ĐÀI:

Thập nhị Thời Quân phải có mặt đặng bảo thủ luật pháp không cho Hội phạm đến, cũng đồng quyền như Nghị viên.

IV. Tiến hành Đại Hội Hội Thánh:

1. Trước khi nhóm Đại Hội:

Mỗi năm vào ngày rằm tháng 6, Nghị Trưởng Hội Thánh (Thái Chánh Phối Sư) lập xong chương trình Đại Hội Hội Thánh và gọi cho chư vị Thiên phong mỗi người một bản, rồi đến ngày nhóm, cả thầy tự tiện về Tòa Thánh dự nhóm, chớ không có thư mời. Khi đến Tòa Thánh, phải đến Lại Viện Nội Chánh ghi giấy thông hành, chùng trở về cũng phải trở lại Nội Chánh trình ghi như khi đến, nếu vô cơ đến trễ không được dự nhóm.

2. Ngày giờ nhóm Đại Hội:

Mỗi năm, Đại Hội Hội Thánh nhóm thường lệ một kỳ vào ngày rằm tháng 7. Chư Nghị viên phải có mặt tại Tòa Thánh trước 3 ngày và lưu trú lại cho đến ngày bế mạc.

3. Nhóm ngoại lệ:

Khi có việc chi thật trọng hệ, cần yếu thì được nhóm ngoại lệ một năm một kỳ mà thôi. Thiệp mời phải gửi trước 15 ngày.

4. Trong khi nhóm Đại Hội:

Chư Nghị viên phải tuân y Thể lệ chung các Hội.

Buổi nhóm mà vô cơ không đến bị đệ ra Tòa Tam Giáo.

Tư cách Nghị viên trong lúc nhóm hội phải nghiêm chỉnh, mặc Thiên phục trang hoàng.

5. Phương pháp biểu quyết:

Hội Thánh có đủ hai bên: HTĐ và CTĐ dự nhóm, cho nên sự biểu quyết các vấn đề có khác hơn Hội Nhơn Sanh.

Nếu một vấn đề nào, sau khi bàn cãi rồi mà CTĐ bỏ thăm thuận, còn HTĐ bỏ thăm nghịch, hoặc là HTĐ bỏ thăm thuận

mà CTĐ bỏ thăm nghịch thì vấn đề ấy phải bàn tính mà bỏ thăm lại. Nếu hai bên bàn cãi mà vẫn còn phản kháng nhau thì Nghị Trưởng tuyên bố liền rằng: Vấn đề ấy sẽ dâng lên Thượng Hội định đoạt.

6. Quyền chất vấn:

Chư Nghị viên muốn xin canh cải, thêm bớt, hay hủy bỏ điều chi, luật lệ nào, phải gởi tờ xin phép trước ngày mùng 1 tháng 6 đặng Nghị Trưởng ghi vào chương trình.

Nếu có điều chi chất vấn, hạch hỏi ở giữa Hội thì phải gởi tờ trước ngày 15 tháng 6 và nói rõ muốn chất vấn về khoản nào, đặng Hội Thánh đủ thì giờ minh triết.

Trong lúc đang nhóm hội, Nghị viên được quyền xin hạch hỏi hoặc công kích Hội Thánh. Nội Chánh có quyền trả lời liền lúc đó. Thảng như gặp việc trọng hệ phải quan sát lại thì Nghị Trưởng có quyền đình lại đến kỳ nhóm Hội Ngánh thường xuyên, Hội Thánh sẽ đem vấn đề ấy ra minh triết, hoặc gởi Châu Tri trả lời các câu hỏi đó.

7. Nơi nhóm họp:

Hội Thánh nhóm Đại Hội giữa Đền Thờ Đức Chí Tôn.

Trật tự: Cơ Bảo Thể Tuần phòng lãnh giữ trật tự trong lúc nhóm Đại Hội. Một vị Giáo Hữu phái Ngọc chỉ huy công việc này, mặc Thiên phục, mang Dây Sắc Lịnh ba màu Đạo của HTĐ ban cho, sau khi mãn Hội, phải trả lại cho HTĐ.

8. Sau khi Đại Hội Hội Thánh bế mạc:

Hai mươi ngày sau khi bế mạc Đại Hội, Từ Hàn phải lập xong 5 bản Vi bằng: Lưu chiếu 1 bản, đệ lên Thượng Hội 3 bản, gởi cho HTĐ 1 bản. Khi Thượng Hội giao trả 3 bản trở lại, Hội Thánh lưu chiếu 1 bản, còn lại 2 bản gởi cho Ngọc Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư ban hành.

Vi bằng này có Nghị Trưởng (Thái Chánh Phối Sư), Phó Nghị Trưởng (Nữ Chánh Phối Sư), Từ Hàn nam nữ và một Chức sắc HTĐ ký tên.

9. Phiên nhóm riêng nam, nữ:

Cũng như Hội Nhơn Sanh, trước khi nhóm Đại Hội Hội Thánh, Thái Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư có quyền

mời nhóm riêng chư Nghị viên, nam theo nam, nữ theo nữ.

Từ Hàn nam, nữ của Đại Hội cũng thi hành phận sự mình ở hội nhóm này và cùng với vị Chủ Tọa ký tên bản Vi bằng. Xong rồi, Vi bằng của Hội nhóm nam phái gửi cho Hội nhóm nữ phái và trái lại, đặng hai bên hiểu rõ công việc của mỗi phái đã bàn tính.

V. Hội Ngánh Thường xuyên của Hội Thánh:

Hội Ngánh Thường xuyên của Hội Thánh lập tại Tòa Thánh đặng thảo luận các việc bất thường xảy ra, trọng yếu nhất là kiểm soát hành vi của vị Chánh Phối Sư hay Chức sắc nào được quyền giao thông cùng Chánh phủ, kể đó là phận sự kiểm soát tài chánh của Đạo, cho nên trong Hội Ngánh Thường xuyên Hội Thánh có một Ban Kiểm Soát tài chánh, thi hành phận sự như Ban Kiểm Soát tài chánh của Hội Nhơn Sanh vậy.

Ngày giờ làm việc:

Hội Ngánh nhóm một năm 3 kỳ (4 tháng 1 kỳ):

- Kỳ thứ nhất: ngày 13 tháng 2.
- Kỳ thứ nhì: ngày 13 tháng 6.
- Kỳ thứ ba: ngày 13 tháng 10.

Chư Nghị viên phải có mặt trước một ngày.

Bốn vị Kiểm Soát tài chánh phải tới trước 3 ngày cho tiện việc xét Sổ Hộ Viện.

Trong 3 kỳ Hội này, chư vị Thượng Thống có quyền vắng mặt và phái các vị Phụ Thống thay thế.

Sau khi Hội Ngánh Thường xuyên nhóm:

Chư vị Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn, Phó Từ Hàn nam, nữ của Đại Hội Hội Thánh vẫn giữ y phận sự cũ ở Hội Ngánh Thường xuyên và 10 ngày sau mỗi kỳ nhóm, ký tên vào Vi bằng, có một vị Chức sắc HTĐ ký chứng.

Nhiệm kỳ của Nghị viên Hội Ngánh Thường xuyên Hội Thánh:

- Mỗi Trấn Đạo cử 2 Nghị viên, một Chánh một Phó, nhiệm kỳ 1 năm.

- Các nước lân bang được cử từ 1 đến 3 Nghị viên, nhiệm kỳ 1 năm đến 3 năm, nam nữ đồng số.

Ngụ sở: Chư Nghị viên cư ngụ tại nhà khách.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

CQPT: Cơ Quan Phước Thiện.

CKTG: Cán Khôn Thế giới.

CLTG: Cục Lạc Thế giới.

Hội Thánh Em

A: The Sacerdotal Council in miniature.

P: Le Conseil Sacerdotal en miniature.

Đơn vị nhỏ nhất làm nền tảng cho Hành Chánh Đạo là Hương Đạo, gồm số tín đồ cư ngụ trong một làng hay một xã.

Đứng đầu Hương Đạo là một vị Chánh Trị Sự, nắm cả hai quyền: Hành Chánh và Luật lệ. Do đó, PCT gọi Chánh Trị Sự là Đầu Sư Em, vì quyền hành của Chánh Trị Sự giống hết quyền hành của Đầu Sư, nhưng chỉ trong phạm vi Hương Đạo.

Hương Đạo chia ra nhiều Ấp Đạo. Mỗi Ấp Đạo có một Phó Trị Sự coi về Hành Chánh và một Thông Sự coi về Luật lệ.

Do đó, PCT gọi Phó Trị Sự là Giáo Tông Em, vì quyền hành của Phó Trị Sự giống hết quyền hành của Đức Giáo Tông, nhưng chỉ trong phạm vi nhỏ là một Ấp Đạo mà thôi.

PCT gọi Thông Sự là Hộ Pháp Em, vì quyền hành của Thông Sự (chỉ coi về Luật lệ) giống hết quyền hành của Đức Hộ Pháp nhưng chỉ trong phạm vi nhỏ là một Ấp Đạo.

Các vị: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự trong một Hương Đạo, tức là các vị Đầu Sư Em, Giáo Tông Em, Hộ Pháp Em, họp lại gọi là Hội Thánh Em.

Các vị Giáo Tông, Đầu Sư, Hộ Pháp ở Tòa Thánh trung ương gọi là Hội Thánh Anh.

Vậy Đạo Cao Đài chỉ có một Hội Thánh Anh ở trung ương nhưng có vô số Hội Thánh Em ở các địa phương, từ quốc nội cho đến quốc ngoại.

Vô số Hội Thánh Em ở địa phương làm nền tảng cho một Hội Thánh Anh ở trung ương. Nhờ cơ cấu tổ chức đặc biệt này mà Đạo Cao Đài sẽ vững bền mãi mãi, không một thế lực nào có thể tiêu diệt nó được, xứng đáng là một nền Đại Đạo chơn thật của Đức Chí Tôn.

PCT: Pháp Chánh Truyền.

Hội Thánh Ngoại Giáo

會聖外教

A: The Society of Foreign Missions.

P: La Société des Missions Étrangères.

Hội: Nhiều người tụ họp lại. Cơ quan có nhiều người.
Thánh: các vị Thánh. **Ngoại:** ngoài. **Ngoại giáo** là giáo Đạo nơi ngoại quốc.

Hội Thánh Ngoại Giáo là một cơ quan gồm các Chức sắc vào hàng Thánh, có nhiệm vụ truyền bá Đạo Cao Đài ra ngoại quốc, phổ độ Nhơn sanh là người ngoại quốc.

Thuở ban đầu, cơ quan này được gọi bằng tiếng Pháp là: Mission Étrangère: Phái đoàn truyền giáo hải ngoại.

Có một điều chúng ta lưu ý là cơ quan này tiếp xúc thường xuyên với người ngoại quốc, nên tưởng lầm rằng đây là cơ quan ngoại giao, nên lầm gọi là Hội Thánh Ngoại Giao.

Trong Hội Nhơn Sanh năm Quý Dậu, báo cáo ngày 7-3-Quý Dậu (dl 1-4-1933), có đỉnh chánh từ ngữ: Hội Thánh Ngoại Giao là Hội Thánh Ngoại Giáo, trích ra sau đây:

"Luôn đây xin giải nghĩa 4 chữ: Hội Thánh Ngoại Giáo.

Phải đọc **Hội Thánh Ngoại Giáo** chứ không phải **Ngoại Giao**. Hội Thánh Ngoại Giáo là một hội của chư Thánh giáo đạo ở ngoại quốc. Bậc phẩm và trách nhiệm, tuy phải tuân theo luật của ĐĐTKPĐ, hành chánh tuy hiện thời phải tùng quyền của Q. Thái Đầu Sư, nhưng cũng có phần đặc biệt là phải tùy theo tánh cách người bốn xứ, tài liệu vật liệu bốn xứ....."

SỰ THÀNH LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO:

Khi Đức Chí Tôn ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo vào ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926) tại Thánh Thất tạm là Chùa Từ Lâm Tự Gò Kén Tây Ninh, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc lúc đó đang làm công chức nơi Sở Thương Chánh Sài Gòn, làm đơn xin tạm nghỉ việc 6 tháng để lo cho Đạo.

Sau khi mãn phép, Đức Phạm Hộ Pháp cầu cơ hỏi Đức Chí Tôn nên xin nghỉ luôn để lo cho Đạo hay là trở lại làm công chức. Đức Chí Tôn bảo Đức Phạm Hộ Pháp cứ đi làm công chức trở lại, sẽ có việc hay.

Đức Phạm Hộ Pháp vâng lời, trở lại làm việc nơi Sở Thương Chánh Sài Gòn. Chánh quyền Pháp không muốn để Đức Phạm Hộ Pháp làm việc ở Sài Gòn nữa, vì sợ Đức Ngài hoạt động mạnh mẽ cho Đạo Cao Đài, họ đổi Đức Ngài lên làm việc ở Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên.

Đức Ngài lên Nam Vang, tạm ngụ tại nhà Ông Cao Đức Trọng (anh ruột của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang). Lợi dụng hoàn cảnh mới này, Đức Ngài nói Đạo cho những người chung quanh nghe và tổ chức cầu cơ tại nhà của Ngài Cao Đức Trọng để Đức Chí Tôn thấu phục nhơn sanh.

Đàn cơ ngày 27-7-1927 (âl 29-6-Đinh Mão), Đức Hộ Pháp phò loan với Ngài Cao Đức Trọng, Đức Chí Tôn giáng cơ ân phong các vị sau đây:

- Ba Ông: Bầy, Lắm, Sự, phong chức Giáo Hữu.
- Ba Ông: Chử, Vinh, Cửa, phong chức Lễ Sanh.
- Ông Cao Đức Trọng: phong Tiếp Đạo HTĐ.

- BẦY là ông Lê Văn Bầy, làm việc tại hãng buôn Au Petit Paris rồi đổi làm việc ở Denis Frères. (sau được thăng Giáo Sư, qui vị tại Kim Biên ngày 10-1-Mậu Tý, dl 19-2-1940).

- LẮM là ông Nguyễn Văn Lắm, làm việc ở Đông Dương Ngân Hàng chi nhánh tại Nam Vang.

- SỰ là ông Võ Văn Sự, Đông Y Sĩ, có tiệm thuốc Bắc và phòng mạch tại NamVang. (sau qui vị tại Tòa Thánh 1969).

- CHỬ là ông Đặng Trung Chử, kế toán viên hãng Aliatini. (sau được thăng Phối Sư, qui vị tại Chợ Lớn năm 1947).

- VINH là ông Trần Quang Vinh, Thơ Ký ngạch Bảo hộ.(sau thăng Phối Sư, qui vị tại Sài Gòn 7-12-B. Thìn, dl 25-1-1977).

- CỬA là ông Phạm Kim Cửa, Thầu khoán Biển Hồ và chủ xe đò. (sau thăng Giáo Sư, Khâm Trấn Kim Biên Tông Đạo).

Sau khi Đức Chí Tôn phong chức cho quý ông, tới chừng tái cầu thì Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chọn Nhơn giáng đàn chấm phái cho quý ông:

- Ông Bảy, phái Thượng, Thánh danh Thượng Bảy Thanh.
- Ông Lắm, phái Thượng, Thánh danh Thượng Lắm Thanh
- Ông Sự, phái Ngọc, Thánh danh Ngọc Sự Thanh.
- Ông Chử, phái Thượng, Thánh danh Thượng Chử Thanh.
- Ông Vinh, phái Thượng, Thánh danh Thượng Vinh Thanh
- Ông Cửa, phái Thái, Thánh danh Thái Cửa Thanh.

Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm sau đó giáng cơ phong Thánh cho phái Nữ:

- Bà Trần Kim Phụng, đặc phong Giáo Hữu Hương Phụng, sau thăng Giáo Sư.
- Bà Đặng Thị Huê (vợ của ông Lê Văn Bảy) đặc phong Giáo Hữu.
- Bà Nguyễn Thị Hạt (thân mẫu ông Đặng Trung Chử) đặc phong Giáo Hữu.
- Bà Huỳnh Thị Trọng (vợ của ông Đặng Trung Chử) đặc phong Lễ Sanh, sau thăng Giáo Hữu.

Nhờ số Chúc sắc đầu tiên này, Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, thường gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo (viết tắt HTNG), đặt trụ sở tại Thánh Thất Kim Biên (Nam Vang), có nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh tại nước Miên gồm: Các Việt kiều, Hoa kiều, và người Cao Miên.

Ngày năm 1927, Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng HTNG tại Nam Vang.

Nhờ có HTNG, việc truyền Đạo tại đây có kết quả nhanh chóng, chỉ trong vòng một năm, số tín đồ nhập môn vào Đạo Cao Đài có đến hơn một vạn người.

Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, với chức vụ Chương Đạo, do Đức Chí Tôn giao phó, dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.

Ngày 14-2-Nhâm Thân (dl 20-3-1932), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Chương Đạo HTNG giảng cơ tại Kim Biên, chỉnh đốn nhân sự trong HTNG. Bài giảng cơ này có in trong TNHT chép ra sau đây:

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Bần đạo chào Quyền Giáo Tông, Hộ Pháp, Tiếp Đạo và Hội Thánh Ngoại Giáo.

Nam Nữ Thiên phong, xin nghe:

Nước Thiên đường thì ít kẻ, cửa Địa ngục vẫn nhiều người, chưa từng thấy hạng nhơn sanh nào mà tự trọng thân hình, chẳng hữu ích chi cho cả cơ Tạo, mà đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Ngôi vị thiêng liêng chẳng phải do nơi sự cầu may mà đoạt đặng.

Bần đạo khi đắc lệnh làm Chương Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thể cho nhơn sanh dưng công đổi vị. Bần đạo chẳng kể là nguyên nhân, hóa nhân, hay là quỷ nhân, ví biết lập công thì thành đạo. Bần đạo để cho mỗi người tự do định phận, lại tùy thể khó khăn mà gây thành công quả. Ấy vậy, nếu lấy phép công bình thì tự nhiên nên thì thâu, hư thì bỏ.

Bần đạo đã chán thấy kẻ bắt lực rất nhiều. Vậy Bần đạo để lệnh cho mỗi vị Thiên phong xét mình, khai tội cùng Giáo Tông và Hộ Pháp, rồi sau mới định rõ điều thưởng phạt. Thăng.

"Đầu mùa Xuân năm Tân Mùi (1931), Chánh phủ Bảo hộ tại Cao Miên phái ông Trần Quang Vinh đi Paris công cán (ông Trần Quang Vinh lúc đó đang làm công chức cho Pháp, bên Đạo ông mới được thăng lên Giáo Hữu) trong dịp nước Pháp tổ chức Đấu Xảo quốc tế thuộc địa ở Vincennes - Paris.

Thừa cơ hội này, Ông Vinh truyền giáo và vận động cho Đạo Cao Đài được tự do tín ngưỡng ở Đông Dương, ông Vinh thuyết phục và gây dựng được một số nhơn vật và chánh khách Pháp có thiện cảm đối với Đạo Cao Đài, trong số ấy có 5 vị kể tên sau đây được thọ phong Chức sắc vào năm 1932:

1. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn: ông Gabriel Gobron.
2. Nữ Giáo Sư: bà Félicien Challaye, bạn của ông Félicien Challaye, Đại học Sorbonne.
3. Giáo Hữu: ông Charles Bellan, cựu Tham biện ở VN.
4. Giáo Hữu: Gabriel Abadie de Lestrac, Lục Sự Tòa án Paris.
5. Nữ Lễ Sanh: bà Marguerite Gobron (bạn ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron), sau thăng Giáo Hữu.

Ngoài ra còn có các vị ân nhân can thiệp cho sự tự do tín ngưỡng tại Đông Dương, đáng kể như là:

- Albert Sarraut, Tổng Trưởng.
- Alexis Métois, Trung Tá quân đội Pháp.
- Edouard Daladier, Tổng Trưởng và Cựu Thủ Tướng.
- Henri Guernut, Nghị sĩ Quốc Hội, cựu Tổng Trưởng, Tổng Thư Ký Hội Nhân Quyền.
- Emille Kahn, Tổng Thư Ký Hội Nhân Quyền.
- Ernest Outrey, Nghị sĩ Quốc Hội Pháp tại Nam Kỳ.
- Eugène Tozza, Luật sư Tòa Thượng Thẩm Paris.
- Félicien Challaye, Giáo sư Đại Học Sorbone.
- Marius Moutet, Nghị sĩ Quốc Hội và Tổng Trưởng.
- Cô Marthe Williams, Nghị viên Hội Nhân Quyền.
- Jean Laffray, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo La Griffie.
- vv

Ngoài ra, tại Đông Dương, còn nhiều nhân vật bình vực Đạo Cao Đài như hai vị Trạng Sư:

- Lortat Jacob, Trạng Sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, đặt văn phòng tại Nam Vang.
- Roger Lascaux, Trạng Sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn.
- Ba quan Khâm Sứ tại Miên quốc là: ông Richomme, ông Sylvestre, ông Thibaudeau, mặc dầu là quan Bảo

Hộ của Pháp triều, nhưng ba ông này để yên cho Đạo Cao Đài, mà lắm lúc còn binh vực là khác...

Còn về phần báo chí thì có các báo sau đây liên tiếp bào chữa và tường thuật tất cả mọi sự áp chế Đạo Cao Đài:

1. La Libre Opinion - Paris.
2. Cahier de la ligue des droits de l'homme - Paris.
3. La Griffes - Paris.
4. Le Progrès civique - Paris.
5. Le Fraternaliste - Lille (Nord).
6. Le Réveil Ouvrier - Nancy.
7. Le Semeur falaise (Calvados).
8. L'Aurore Malgache - Tananarive.
9. Germinal - Croix (Nord).
10. La Tribune Indochinoise - Saigon.

Với sự ủng hộ và bênh vực nhiệt thành của nhiều nhơn vật, chánh khách và báo chí, Đạo Cao Đài hưởng được chế độ khoan hồng của chánh phủ Pháp, do cuộc đồng thanh quyết nghị của Quốc Hội Pháp vào tháng 2 năm 1932 và tiếp theo đó là sự tự do tín ngưỡng cho Đạo Cao Đài được ban bố trên toàn cõi Đông Dương. Đó là kết quả của thời gian tranh đấu kiên nhẫn và chịu khổ của toàn Đạo, ít ra cũng nhiều năm liên tục.

Cuối mùa đông năm Tân Mùi (1931), ông Trần Quang Vinh đã mãn hạn công cán tại Pháp quốc, trở về tới Sài Gòn ngày 30-12-1931." (Trích trong Lịch Sử Đạo Cao Đài tại Cao Miên của Phối Sư Thượng Vinh Thanh, Đạo hiệu Hiến Trung)

Năm 1937, ông Thượng Bảy Thanh được thăng lên Giáo Sư, được Hội Thánh bổ đi truyền Đạo tại Hà Nội. Năm sau, ông qua truyền Đạo ở nước Tàu, nhưng không thành công.

Năm 1938, Giáo Sư Bảy được rút về Tòa Thánh .

Sau khi Giáo Sư Thượng Bảy Thanh được Hội Thánh bổ đi Hà Nội truyền Đạo, Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, đang làm việc ở Nam Vang, được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng HTNG.

Thời gian về sau, nối tiếp Ngài Cao Tiếp Đạo, quý vị sau đây lần lượt được Hội Thánh bổ nhiệm làm Chủ Trưởng HTNG tại Kim Biên, Nam Vang, kể từ năm 1937 đến 1941:

Mấy em nam nữ đã thấy rõ vì lẽ nào mà Chưởng Đạo Nguyệt Tâm đã từ bỏ chức vụ mà mấy em từ thử hay chẳng? Mấy em nhớ lại coi, từ khi Phong Chí (Đạo hiệu của Giáo Sư Thượng Bửu Thanh) nắm quyền đến nay, sự nghiệp Đạo đã hư hoại thế nào? Thì cũng do nơi bội phản Hộ Pháp và anh em giành quyền mà sanh ra rối loạn.

Qua nói thiệt cùng mấy em rằng: Vì hổ thẹn ấy mà Chưởng Đạo từ chức và hủy bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo. Các em đã hiểu rõ điều ấy. Qua chỉ thương Thanh Sơn mang tiếng phụ phàng, lỗi tình cùng Hộ Pháp.

Qua đã nhiều phen cầu xin Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tha thứ, nhưng Ngài quyết hẳn, vì có là chúng đã mạo danh Bạch Vân Động, đặng chia phe phân phái, lập quyền Đồi của họ.

Các em có biết chẳng, Đấng đã mang trọn ân của Hộ Pháp là Bạch Vân Hòa Thượng tức là Đức Thanh Sơn, khi lãnh lệnh Ngọc Hư thì người hứa rằng: Hộ Pháp trọn quyền sử dụng các chơn linh Bạch Vân Động.

Hôm nay lời ước nguyện ấy đã thất. (Xin xem tiếp chữ: **Bạch Vân Động, văn B**)

Sự tái lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại:

Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, cầm quyền Chưởng Quản HTĐ, ra Thánh Lệnh tái lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, ngày 3-7-Quý Sửu (dl 1-8-1973), và cử Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa làm Chủ Trưởng Cơ Quan này.

Xin chép nguyên văn Thánh Lệnh trên ra sau đây:

Văn Phòng
CHƯƠNG QUẢN
Hiệp Thiên Đài

Số: 65/TL

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Tứ thập bát niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu Hiến pháp và Nội Luật HTĐ ngày rằm tháng 2 năm Nhâm Thân (dl 21-3-1932),

Chiếu Hiến pháp HTĐ ngày mừng 8 tháng Giêng năm Giáp Thìn (dl 20-2-1964) và Hiến pháp HTĐ bổ túc ngày 27-2-Ất Tỵ (dl 29-3-1965),

Chiếu Thánh giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 16 và 17 tháng tư Quý Sửu (dl 18 và 19-5-1973), Đức Lý Đại Tiên Nhứt Trần Oai Nghiêm đồng ý với Đức Hộ Pháp ban đặc quyền cho Hiến Pháp Chương Quán HTĐ,

Chiếu Vi bằng số 12/VB phiên nhóm ngày 9 tháng 4 Quý Sửu (dl 11-5-1973), Hội Thánh đồng quyết nghị tái lập Cơ Quan Truyền Giáo,

Nghĩ vì nền Đại Đạo đã được phổ biến ít nhiều nơi ngoại quốc và để xúc tiến việc phổ hóa bốn đạo các nơi ấy y theo khuôn viên luật pháp của nền Đạo, nên:

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhứt: Tái lập CƠ QUAN TRUYỀN GIÁO để phổ thông Chơn Đạo nơi hải ngoại, kể từ ngày ký tên Thánh Lệnh này.

Điều thứ nhì: Vị Thời Quân Bảo Đạo HTĐ Hồ Tấn Khoa được tạm giao phó trách vụ Chủ Trưởng Cơ Quan Truyền Giáo, có nhiệm vụ hội ý cùng Hội Thánh CTĐ trực tiếp liên lạc, chỉ dẫn, diu dắt các bốn đạo nơi hải ngoại đi trong khuôn khổ luật pháp hiện hành của Đạo.

Điều thứ ba: Vị Thời Quân Bảo Đạo HTĐ và các cơ quan Chánh Trị Đạo, tùy nhiệm vụ lãnh thi hành và ban hành Thánh Lệnh này.

Tòa Thánh, ngày mừng 3 tháng 7 Quý Sửu.
(dl 1-8-1973)

CHƯƠNG QUẢN HTĐ
Hiến Pháp Trương Hữu Đức
(ấn ký)

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

HTNG: Hội Thánh Ngoại Giáo.

Hội Yến Diêu Trì Cung

- Góc tích Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung
- Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì Cung

會宴瑤池宮

Hội: Nhiều người tụ họp lại. **Yến:** tiệc rượu. **Diêu Trì Cung:** Cung của Đức Phật Mẫu nơi từng Trời Tạo Hóa Thiên.

Hội Yến Diêu Trì Cung là một cái tiệc long trọng của các tín đồ Cao Đài đái Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương.

Hằng năm, vào đêm rằm Trung Thu (15 tháng 8 âm lịch), tại Báo Ân Từ, Đền Thờ Đức Phật Mẫu trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh có tổ chức một buổi lễ long trọng gọi là Hội Yến Diêu Trì Cung, trong đó có một cái tiệc dâng Tam Bửu: Hoa Quả, Rượu, Trà lên Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương.

I. Góc tích Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.

Cuộc Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung được tổ chức theo sự tích có từ năm Ất Sửu (1925), khi chưa Khai Đạo. Đức Chí Tôn lúc đó còn ẩn danh, chỉ xưng là Đấng A Ẫ A, dạy 3 ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, làm một cái tiệc chay đái 10 Đấng vô hình ở Diêu Trì Cung là: Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương.

SỰ TÍCH ấy như sau:

Nguyên vào thượng tuần tháng 8 âm lịch năm Ất Sửu (1925), ba ông Cư, Tắc, Sang được Thất Nương tiết lộ cho biết chút ít về Diêu Trì Cung ở từng Trời Tạo Hóa Thiên nơi cõi thiêng liêng: Trên hết có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có Cửu vị Tiên Nương phụ tá, mà Cô đứng hàng thứ bảy, gọi là Thất Nương, Hớn Liên Bạch là Bát Nương, v.v... Ba ông xin Cô cho biết cách cầu Cửu Thiên Nương Nương.

Thất Nương bảo: Ba Anh muốn cầu Nương Nương thì phải ăn chay trước ba ngày và tìm choặng Ngọc cơ thì cầu Lịnh Bà mới được. Ba ông không biết Ngọc cơ là chi. Cô mới mô tả

Ngọc cơ, giải thích rõ căn cội buổi xưa lấy hình dạng chùm sao Bắc đẩu mà tạo thành, lại dạy cho cách phò cơ. Thất Nương cũng dặn mỗi vị làm sẵn một bài thơ đón mừng Cửu Thiên Nương Nương.

Ba ông không biết tìm Ngọc cơ ở đâu, nhưng như có linh tính xúi giục, ông Cư qua nhà một người bạn lối xóm là ông Phán Tý hỏi thăm. Ông Tý liền cho biết ông có một cây Ngọc cơ hiện đang cho ông Âu Kích ở Chùa Tam Tông Miếu mượn, để ông lấy về cho ông Cư mượn cầu các Đấng, chớ lối Xây bàn của ông Cư đang áp dụng, tiếp nhận được một bài văn của các Đấng thì tốn nhiều thì giờ quá.

Ba ông rất mừng rỡ, chuẩn bị ăn chay cho đủ ba ngày để cầu Cửu Thiên Nương Nương vào ngày Trung Thu sắp tới.

Đêm ấy có Đấng A Ẳ Ẳ giáng bàn, bảo ba ông nhơn dịp đó mà làm một cái tiệc chay để đãi 10 Đấng vô hình nơi DTC là: Cửu Thiên Nương Nương và Cửu vị Tiên Nương. Đấng A Ẳ Ẳ còn dạy cách sắp đặt bàn ghế và trang hoàng nhà cửa.

Ông Cao Huệ Chương, con của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, thuở ấy còn là thanh niên, có theo Ngài Diêu và Ngài Cư để xây bàn. (ông Cao Huệ Chương gọi ông Cư là Chú Tư, gọi ông Tắc là Chú Tám, gọi ông Sang là Anh Sang). Ông Huệ Chương có tham dự vào việc chưng dọn và đứng hầu trong buổi lễ ấy, thuật lại trong quyển sách **"Đại Đạo Truy Nguyên"**, chép ra sau đây:

"Qua đến ngày thứ ba, là buổi hẹn hò, lại nhằm tiết Trung Thu, đúng đêm 14 rạng mặt 15 tháng 8, ngoài trời thì trăng thanh gió mát, trong nhà Chú Tư tôi lại dọn dẹp trang hoàng, xem vào có vẻ tinh khiết lắm.

Đúng giờ Tý, cả thầy đều đủ mặt, tôi thấy Chú Tư tôi đã sắp đặt dọn bàn dài, rải bông lá xung quanh, phía trong bàn, ngay chính giữa, để một bộ đồ trà, còn 9 vị Tiên Cô, mỗi người một cái tách, sắp vòng theo bàn, hàng giữa dọn những trái cây tươi tốt, ngó vào rất lịch sự, tựa hình như đãi tiệc, vì chung quanh có để 9 cái ghế mây.

Cuộc cúng này, mấy ông gọi là Phó Yến Diêu Trì, đến ngày nay hãy còn noi dấu lễ kỷ niệm này.

Đoạn Chú Tư tôi đốt hương đèn lên, cả thầy đều quì lạy khăn vái, rồi đem Ngọc cơ ra cầu.

Thật quả có Linh Cửu Thiên Nương Nương đến, và đủ 9 vị Tiên Cô, mỗi vị đều có giáng cơ chào mừng mấy ổng.

Khi ấy, Thất Nương xin ba ông đờn, rồi mỗi người ngâm bài thi của mình làm đặng hiến lễ, còn Linh Bà và Cửu Cô an vị mà nghe.

Chừng nhập tiệc, Thất Nương lại mời ba ông ngồi chung vào cho vui. Cũng tội nghiệp cho mấy ổng, vì e thất lễ, nên không dám ngồi, rồi việc vì ép uống quá, mấy ổng liệu thế khó chối từ, mới đem thêm ba cái ghế sắp sau lưng chín cái ghế nọ, ba ông xá rồi ngồi xuống.

Tôi dòm thấy mấy ổng, cũng bắt tức cười, nhưng không dám nhích mép, cứ đứng khoanh tay hầu mà thôi.

Cách chừng nửa giờ, Chú Tư tôi lại tái cầu. Linh Nương Nương và Chín vị Tiên Cô để lời cảm tạ chẳng cùng, lại hứa rằng: "Từ đây đã có Ngọc cơ rồi thì tiện cho Diêu Trì Cung Cửu Cô đến dạy việc."

Đêm ấy, mấy ổng thức tới 3 giờ khuya mới nghỉ."

Đức Phạm Hộ Pháp, thuyết đạo tại Đền Thánh ngày 15-8-Kỷ Sửu (dl 6-10-1949) cũng có thuật lại buổi đó như sau:

"Tuy buổi ban sơ mà dường như khối óc đã thâm nhiễm nhiều rồi, nên Đức Chí Tôn mới ra lệnh biểu làm một cái tiệc. Ngài dạy sắp đặt cái tiệc ấy để đãi 10 Đấng vô hình: Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương. Phần hữu hình có ba người (Thượng Sanh, Thượng Phẩm và Hộ Pháp). Sắp đặt tiệc ấy do tay Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu, vâng mạng lệnh tạo thành một cái tiệc, trên là bàn thờ Đức Phật Mẫu, ở dưới sắp chín cái ghế như có người ngồi vậy. Chén đĩa, muỗng đĩa, bát kỳ cái gì cũng giống như đãi người hữu hình vậy, duy có ba người xác thịt là Thượng Sanh, Thượng Phẩm, Hộ Pháp.

Bàn đạo mới hỏi, tiệc này là tiệc gì?

Ngài nói là: - Hội Yến Diêu Trì.

Bàn đạo nghe nói vậy thì hay vậy chớ không biết giá trị Hội Yến là gì cả. Nghĩ chắc cũng có ảnh hưởng gì cần yếu đến

tương lai của Đạo mà vâng lệnh thôi, chứ không hiểu nghĩa lý cho cùng cặn hết.

Ba người sống đồng ngồi ăn, còn Bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu gấp đồ ăn để vào chén cho chín vị và trên bàn thờ cho Đức Phật Mẫu cũng như người sống vậy.

Chừng Hội Yến Diêu Trì rồi, các Đấng Thiêng liêng từ giả (thăng), kể Đức Chí Tôn đến nhập cơ.

Thượng Phẩm và Bần đạo tọc mạch hỏi: - Khi nầy Diêu Trì Cung đến, có Ngài đến ở đó không?

Đức Chí Tôn trả lời: - Có chứ, Ta ở đây từ khi ban sơ tới giờ.

- Ngài có thấy Diêu Trì Cung đến không?

- Có chứ, chính mình Ta tiếp đãi.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Diêu Trì Cung ngó thấy Ngài không?

- Không ngó thấy.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Sao vậy?

Ngài trả lời: - Ta dùng phép ẩn thân.

Bần đạo tọc mạch hỏi tiếp: - Như đũa em của tôi là Thất Nương Diêu Trì Cung có thể đạt Đạo đặng chăng?

- Đạt đặng chứ.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Phải làm sao?

Ngài đáp: - Phải tu, bằng không tu thì chẳng đạt đặng.

Bần đạo hỏi: - Tu chừng bao lâu mới đạt đặng?

Cái đó Ngài làm thình. Bần đạo hỏi 1 năm, 5 năm, một ngàn năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, Ngài cũng làm thình, rồi thôi không hơi sức nào hỏi nữa, không biết chừng nào mới đạt đặng, nghe vậy hay vậy.

Các vị Nữ phái rần nhớ, Bần đạo đã giải nghĩa Hội Yến Diêu Trì là gì rồi đó."

Như trên đã trình bày, sau khi đãi tiệc Hội Yến Diêu Trì xong, Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương giáng cơ cảm ơn ba ông: Tắc (Đức Hộ Pháp), Cư (Đức thượng Phẩm), Sang

(Đức Thượng Sanh), và sau đó mỗi vị giảng cho một bài thi 4 câu để làm kỷ niệm buổi Hội Yến đầu tiên này.

Xin chép 10 bài thi ấy ra sau đây:

CỬU THIÊN NƯƠNG NƯƠNG

Cửu kiếp Hiên Viên thọ sắc Thiên,
Thiên Thiên Cửu phẩm đặc cao huyền.
Huyền hư tác thể Thần Tiên Nữ,
Nữ hảo thiện căn đoạt Cửu Thiên.

NHỨT NƯƠNG:

HOA thu ủ như màu thẹn nguyệt,
 Giữa thu ba e tuyết đông về.
 Non sông trải cánh Tiên lòe,
 Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.

NHỊ NƯƠNG:

CẨM tú văn chương hà khách đạo?
 Thi Thần tửu Thánh vấn thủy nhân?
 Tuy mang lấy tiếng hồng quần,
 Cảnh Tiên còn mến, cõi trần anh thư.

TAM NƯƠNG:

TUYẾN đức năng thành đạo,
 Quảng trí đặc cao huyền.
 Biển mê lắt léo con thuyền,
 Chở che khách tục, cửu tuyền ngăn sông.

TỨ NƯƠNG:

GÃM lót ngõ chưa vừa gót ngọc,
 Vàng treo nhà ít học không ưa.
 Đợi trông nho sĩ tài vừa,
 Đăng giao khởi phụng khó ngừa Tiên thi.

NGŨ NƯƠNG:

LIỄU yếu điệu còn ghen nét đẹp,
 Tuyệt trong ngần khó phép so thân.
 Hiu hiu nhẹ gót phong trần,
 Đài sen mấy lượt gió thần đưa hương.

LỤC NƯƠNG:

HUỆ ngào ngạt đưa hơi vò dịu,
 Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.
 Nương mây như thả cánh hồng,
 Tiêu Diêu phát phước, cõi tòng đưa Tiên.

THẤT NƯƠNG:

LỄ bái thường hành tâm đạo khởi,
 Nhân từ tái thế tử vô ưu.
 Ngày xuân gọi thế hảo cừu,
 Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.

BÁT NƯƠNG:

HỒ HỚN HOA SEN TRẮNG nở ngày,
 Càng gần hơi đẹp lại càng say.
 Trêu trắng hằng thói dẫu mày,
 Cợt mây tranh chức Phật đài thêm hoa.

CỬU NƯƠNG:

KHIẾT sạch duyên trần vẹn giữ,
 Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.
 Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,
 Thương người noi Đạo, Phật Trời cũng thương

II. Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì Cung:

Bí Pháp của Hội Yến Diêu Trì Cung được Đức Phạm Hộ Pháp giảng giải nhiều lần trong các bài Thuyết đạo, xin lần lượt chép ra sau đây, theo thứ tự thời gian:

■ Ngày 30-1-Đinh Hợi (dl 20-2-1947):

"Hội Yến Diêu Trì là cơ quan đặc đạo tại thế. Đức Diêu Trì Kim Mẫu cùng Cửu vị Nữ Phật đã giảng trần hội yến với chư Chức sắc, xương họa thi phú và dạy Đạo. Ấy là Hội chư Tiên tại thế.

Đức Chí Tôn thuộc về Phật, Đức Diêu Trì Kim Mẫu thuộc về Pháp. Nếu có Đức Chí Tôn mà không có Đức Diêu Trì Kim Mẫu thì trong vũ trụ này không có chi về mặt hữu vi, còn hơn loại là Tăng.

Ta nhìn có Đức Chí Tôn khai hóa, nhưng cơ sanh hóa Càn khôn cũng như cơ sản xuất nhưn loại tại thế do nơi Âm Dương tương hiệp mới phát sanh vạn vật, cho nên con người gọi Đức Chí Tôn và Đức Diêu Trì Kim Mẫu là hai Đấng Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, và con người là Tiểu Thiên Địa."

■ **Tại Đền Thánh, ngày 15-8-Kỷ Sửu (dl 6-10-1949):**

"Hôm nay là ngày Kỷ niệm Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì, Đức Chí Tôn đã lập trong nền Chơn giáo của Ngài. Bần đạo thừa dịp nên thuyết minh cho toàn cả con cái Đức Chí Tôn hiểu rõ cái huyền vi bí mật ấy, bởi có ảnh hưởng với cơ quan đật đạo của chúng ta tại mặt thế này. Hơn nữa, Bần đạo có phương tiện tỏ ra một đức tin dị thường nơi một Đấng yêu ái, một Đấng tạo Càn khôn Vũ trụ, Đấng tự hữu hằng hữu, Đấng quyền năng vô tận vô biên, cốt để cho con cái của Ngài thấu đáo cái thâm tình của Ngài đối với ta và ta đối với Ngài dường nào....

... ..

Toàn thể Thánh thể của Đức Chí Tôn là con cái của Ngài ráng để ý cho lắm. Từ khi Đạo bị bế, Ngọc Hư Cung bác luật, Cực Lạc Thế giới thì đóng cửa, nên chúng sanh toàn cả Càn khôn Vũ trụ có tu mà thành rất ít, bởi phương pháp khó khăn lắm, muốn đạt pháp thì không phải dễ.

Cổ pháp định cho các chơn hồn về nơi DTC hưởng được Hội Yến Bàn Đào, tức nhiên hưởng được Hội Yến Diêu Trì, ăn được quả Đào Tiên, uống được Tiên tửu, mới nhập vô cảnh TLHS gọi là Nhập Tịch. Ôi thôi! Từ thử đến giờ có aiặng hưởng, nếu cóặng hưởng thì cũng một phần rất ít.

Giờ phút này, Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài, thay vì Bí Pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu đặng hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian này để Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại cửa Đạo này cho con cái của Ngài giải thoát. Ấy là Bí Pháp thiêng liêng, duy có tay Ngài (Đức Chí Tôn) định pháp ấy mới đặng.

Hôm nay là ngày Đức Phật Mẫu đem Bí Pháp đặng giải thoát chúng sanh, tận độ toàn vạn linh sanh chúng. Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo này mà thôi.

Hôm nay, ngày Lễ của Ngài mà cũng là ngày trọng hệ trong cửa Đạo, xin toàn cả con cái của Ngài nhớ và để nơi tâm mình. Bởi thế, năm nào Bần đạo cũng để ý Lễ của Ngài hơn hết, từ tạo Thiên lập Địa đến giờ, chưa có ai hưởng được thời kỳ này. Ngài đến tại mặt Địa cầu 68 này đặng tận độ con cái của Ngài. Chúng ta phải chiêm ngưỡng ơn vô biên vô tận của Ngài. Chúng ta phải chiêm nghiệm lễ này để mật niệm cảm ơn Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Ấy là Bí pháp của chúng ta đó vậy."

■ **Tại Cửu Long Đài, chiều ngày 15-8-Tân Mão (dl 15-9-1951):**

"Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu cơ quan siêu thoát, phải làm thế nào đặng tận độ 92 ức nguyên nhân trở về cựu vị. Muốn đạt đặng Bí pháp siêu thoát ấy, chúng ta ngó thấy Đức Phật Mẫu đã làm gì? Đức Chí Tôn giao cho Phật Mẫu nắm quyền hành để rước hết những chơn hồn khi đã đạt pháp, tức nhiên đạt cơ siêu thoát, lập vị mình đặng vào cái địa vị thiêng liêng, đạt đặng thì phải về Hội Yến cùng Đức Phật Mẫu.

Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, mà người ta gọi là Hội, nhưng thật ra chúng ta về hội hiệp vui cùng MẸ SANH của chúng ta đó vậy.

Đạo pháp gọi là Hội Yến Diêu Trì, tức nhiên chúng ta đã đạt đặng cơ siêu thoát nơi cõi TLHS sống kia. Chưa biết, nếu chúng ta không tu thì con đường ấy là gì mà chớ?

Chính mình Đức Chí Tôn biểu Đức Phật Mẫu, tức nhiên Mẹ Sanh của chúng ta, cầm cả quyền năng giải thoát trong tay, đến lập Hội Yến Diêu Trì tại mặt thế này cho cả con cái của Ngài, nhứt là 92 ức nguyên nhân ấy, nếu nhập vào cửa Đạo, từng theo chơn pháp thì đặng hồng ân của Đức Chí Tôn cho hưởng Bí pháp Hội Yến Diêu Trì tại thế này.

Cái cơ siêu thoát thiên hạ đã đặt trong tay họ sẵn, tức nhiên giờ phút cuối cùng này là giờ phút hứng thú, giờ phút chết của họ, thì họ đạt vị một cách dễ dàng, ngời vị mà cơ quan siêu thoát của Đức Chí Tôn đã cho không họ đó vậy.

Nhờ đó mà cơ quan tận độ vạn linh của Đức Chí Tôn đã lập tại thế này, từ đây sẽ mở rộng cửa TLHS, đặng đến gom góp cả con cái của Ngài trở về hiệp một cùng Ngài.

Bí pháp Hội Yến Diêu Trì là vậy đó."

■ **Cửu Long Đài, chiều ngày 15-8-Nhâm Thìn (dl 3-10-1952):**

"Hôm nay là ngày chúng ta hội hiệp cùng Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Bàn đạo nhớ lại lúc ban sơ, Đức Chí Tôn mới đến mở Đạo, Ngài làm một Bí pháp từ thử đến giờ chưa ai tưởng đến. Ngài ra lệnh lập một cái tiệc rất trọng hậu, chay chớ không phải mặn như ngoài đời, lấy trong số 13 người chúng ta, kể: Cửu vị Nữ Phật và Đức Phật Mẫu, với ba người sống, tức nhiên 3 người hữu hình và 10 người vô hình, dự tiệc ấy. Ba người hữu hình là Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Cao Thượng Sanh và Bàn đạo. Tưởng không có cái ngộ nghĩnh nào hơn là ngồi ăn uống với những vị khuất mặt. Buổi nọ, Bàn đạo chưa có đức tin, thấy một cái đó là việc nghịch nhứt, nhưng khi vào ngồi tiệc rồi, không biết cái tinh thần nó thay đổi thế nào, chẳng khác gì như chúng ta dự một tiệc trọng hậu, có mặt đủ các bạn ngồi chung quanh chúng ta đó vậy.

Đức Chí Tôn thi hành Bí pháp ấy, buổi nọ chúng tôi không hiểu gì hết, Bàn đạo cũng tìm tòi kiếm nghĩa lý. Có lẽ những người đoạt được cơ siêu thoát, tức nhiên tầm được cái huyền bí giải thoát cho mình, thì có đặc ân thiêng liêng ban cho Bàn Đào Hội Yến, tức nhiên là Hội Yến Diêu Trì .

Cái nghĩa lý sâu xa ấy, chúng ta thử đề dấu hỏi, tại sao Đức Chí Tôn đã đến báo chúng ta Hội Yến Diêu Trì. Ngài muốn gì đó? Muốn cho toàn cả con cái của Ngài, chớ không phải với ba người đó mà thôi.

Đoạt cơ siêu thoát, tức nhiên ta nói thường ngữ của chúng ta là muốn cho toàn thể con cái của Ngài đoạt đặng cơ siêu thoát đó vậy.

Vì cơ cho nên, hôm rồi Bàn đạo có nói một câu rất chánh đáng: "*Xưa kia, con người đi tìm Đạo, còn hôm nay trái lại, Đạo đến tìm người.*" Ôi! Nếu ta tưởng cái ân hậu vô biên của

Đức Chí Tôn đã thi thố, thì chúng ta hạnh phúc không thể gì có ngôn ngữ nào mà tả cho đặng.

Thật ra hôm nay chúng ta hội hiệp cùng nhau đây, nó sẽ trở thành một tương lai, cũng như bên Thánh giáo GiaTô, tức nhiên là Công giáo, họ có phương thông công cùng Đức Chí Tôn đó vậy.

Hạnh phúc thay cho những người đặng Hội Yến Diêu Trì hôm nay, tức nhiên đặng hồng phúc hội hiệp cùng Bà MẸ thiêng liêng của chúng ta, lẽ dĩ nhiên được mang sứ mạng thiêng liêng nơi mình, cả toàn con cái của Đức Chí Tôn cũng thế, Nam cũng thế, Nữ cũng thế, kể Đông người Tây, kể Nam người Bắc, đem cả cơ bí mật thiêng liêng của Đức Chí Tôn là lòng yêu ái của Ngài mà rải khắp cho toàn thể con cái của Ngài đều hưởng.

Mỗi một năm, chúng ta được hưởng cái hạnh phúc hội hiệp cùng nhau, chính mình Bàn đạo mỗi khi Hội Yến Diêu Trì được sum hiệp cùng mấy em Nam Nữ đồng đảo chùng nào thì Bàn đạo càng thêm vui mừng hân hạnh chùng ấy.

Bàn đạo có nhớ một tích xưa: Một bà mẹ có nhiều con, rồi họ xúm lại với nhau thay phiên đặng nuôi mẹ. Hễ khi anh cả nuôi rồi thì cần được bao nhiêu, tới phiên em thứ nuôi, rồi cần phải hơn hay là như số đó mới đặng. Nhưng trong đám con ấy, rũi thay có một đứa nghèo mà đứa nghèo ấy lại được bà mẹ yêu ái bình vực hơn, phần nghèo khó có phương chi nuôi mẹ cho đầy đủ được, nên hễ tới phiên người con nghèo ấy thì bà mẹ ôm o gầy mòn, vì ăn không đủ thì thể nào cũng ốm. Bây giờ đến ngày cần, thì bà mẹ phải làm sao? Bà lặn lưng thêm mấy cục chì cho nặng thêm, không thì tội nghiệp cho đứa con nghèo ấy. Cho nên lời tục họ gọi là: *"Bà mẹ thương con phải bù chì."* là lẽ ấy.

Bà MẸ thiêng liêng của chúng ta cũng vậy. Bàn đạo tưởng nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống kia, không ai bảo vệ bình vực cả linh hồn chúng ta hơn Bà MẸ thiêng liêng ấy. Mỗi phen chúng ta hội hiệp cùng Người mỗi năm một lần, thử thí nghiệm coi, cả con cái của Ngài khi về thì sẽ đặng an ủi và có cái vui hứng làm sao đâu! Không biết mấy em Nam Nữ có cái cảnh tượng đó hay chăng? Chớ Bàn đạo mỗi phen được Hội Yến

Điều Trì, làm như Bàn đạo uống một chén thuốc bổ. Tinh thần Bàn đạo vui hứng, mạnh mẽ tráng kiện làm sao đâu! Có phải là cái huyền diệu ấy duy để cho cả con cái, Chức sắc Thiên phong, những người lãnh sứ mạng cao trọng trong Đạo hay cả toàn thể con cái Đức Chí Tôn đều hưởng được?

Bàn đạo dám quả quyết nơi Đền Thờ của Đại Từ Mẫu của chúng ta, Bà không kể con cái sang trọng của Bà đâu, trái ngược lại, Bà lại thương yêu bình vực những đứa con nào nó thiệt thà hèn yếu hơn hết.

Ấy vậy, Qua nói rằng: Trong cả mấy em đây, nếu có đứa em nào thiếu thốn cả tinh thần và vật chất, thiệt thòi nghèo khổ, tật nguyên, Qua dám chắc Bà MẸ thiêng liêng của chúng ta sẽ vui ở với những kẻ ấy lắm vậy.

Qua chỉ cho mấy em một cái Bí pháp là khi nào mấy em quá thống khổ, quá đau đớn tâm hồn, mấy em đừng vội sầu thảm, các em quì xuống giữa không trung, các em nguyện với Bà MẸ thiêng liêng ấy một lời cầu nguyện. Bàn đạo quả quyết rằng: Bà chẳng hề khi nào từ chối cùng mấy em. Bàn đạo đã thử nghiệm rồi. Cả toàn con cái của Đức Phật Mẫu thí nghiệm như Bàn đạo thử coi.

Trong cảnh đồ lưu nơi hải ngoại, cái chết dựa bên lưng. Qua thấy cả hiện tượng Bà ở bên ta đó vậy.

Cái hiển hách anh linh của Bà, Qua đã quả quyết rằng, từ thử đến giờ chưa có trong cửa Đạo nào hưởng được.

Mấy em thí nghiệm coi rồi để tâm cả thầy. Nếu muốn cho Bà thương yêu, mình có cái Bí pháp hay ho hơn hết là mấy em thương yêu những kẻ tật nguyên, đau khổ, ngu hèn, khốn mặt. Mấy em thử nghiệm lấy cái huyền linh của Bà.

Bàn đạo cầu chúc ân huệ thiêng liêng của Bà chan rưới bữa khắp toàn thể con cái của Đức Chí Tôn, Nam cũng vậy, Nữ cũng vậy, nhứt là mấy đứa thơ sinh, mấy đứa trẻ nhỏ cô cút."

Tóm lại, Bí pháp của Hội Yến Điều Trì Cung là Đức Chí Tôn đem cơ quan giải thoát xuống thế đặt trong cửa Đạo Cao Đài để toàn thể các tín đồ được hưởng.

Theo cổ luật thì, người tu một khi đắc đạo, chơn hồn được lên Diêu Trì Cung dự Hội Yến Bàn Đào, được Đức Phật Mẫu ban cho ăn trái đào Tiên và uống Tiên tửu.

Ngày nay, thời TKPD, Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương vâng lệnh Đức Chí Tôn giáng trần, mở tiệc Hội Yến DTC tại Đền thờ Phật Mẫu để toàn cả con cái của Đức Chí Tôn và Phật Mẫu về hội hiệp cùng Đức Mẹ thiêng liêng, dâng hoa quả, rượu, trà lên Đức Mẹ, và Đức Mẹ sẽ ban tặng trở lại cho con cái của Ngài để con cái gọi hưởng hồng ân của Phật Mẫu, làm cho tâm Đạo phấn chấn thêm lên, làm động cơ thúc đẩy con cái mau tiến hóa trên bước đường tu niệm, sớm trở về hội hiệp cùng Phật Mẫu. Mà một khi được hội hiệp cùng Đức Phật Mẫu thì tức nhiên là đắc đạo, giải thoát khỏi luân hồi.

Hội Yến DTC tượng trưng Bí pháp đắc đạo là vậy.

DTC: Diêu Trì Cung.

TLHS: Thiêng Liêng Hằng Sống.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

HÔN

HÔN

1. **HÔN:** 昏 Buổi tối, tối tăm.
Td: Hôn định thần tỉnh.
2. **HÔN:** 婚 Việc cưới vợ gả chồng.
Td: Hôn phối.

Hôn định thần tỉnh

昏定晨省

Hôn: Buổi tối, tối tăm. **Định:** yên ổn. **Thần:** buổi sáng.
Tỉnh: vắn an, hỏi thăm sức khỏe.

Hôn định thần tỉnh là buổi tối chăm sóc cha mẹ để cha mẹ ngủ yên, buổi sáng đến hỏi thăm cha mẹ có khỏe không.

Đây là nói bổn phận làm con hiếu thảo đối với cha mẹ, lúc cha mẹ già yếu, phải chăm nom săn sóc cha mẹ luôn luôn.

Kinh Lễ có câu: "*Phàm vi nhân tử chi lễ, đông ôn hạ sảng, hôn định thân tnh.*" Nghĩa là: Phàm theo lễ của kẻ làm con, mùa đông lo cho cha mẹ được ấm, mùa hạ lo cho cha mẹ được mát, buổi tối lo cho cha mẹ ngủ yên, buổi sáng hỏi thăm cha mẹ có khỏe không.

Hôn nhân - Hôn lễ

婚姻 - 婚禮

A: Marriage - Marriage ceremony.

P: Mariage - Cérémonie de mariage.

Hôn: Việc cưới vợ gả chồng, chỉ bên nhà gái. **Nhân:** chỉ bên nhà trai.

Hôn nhân là việc cưới vợ gả chồng cho con trai và con gái, việc kết nghĩa thông gia giữa hai họ.

Hôn lễ là việc tổ chức đám cưới theo nghi lễ cổ truyền, hay theo nghi thức của tôn giáo.

Tân Hôn hay Thành Hôn là lễ cưới dâu, tổ chức nơi nhà trai.

Vu Quy là lễ đưa con gái về nhà chồng, tổ chức nơi nhà gái.

Căn bản của đạo Nhoen luôn khởi đầu nơi sự kết thành chồng vợ, làm đầu giềng mối cho sự sanh hóa nhoen loại, nên gọi là Nhoen đạo chi thi. Theo sách Lễ Ký, Đức Khổng Tử luận thuyết với Lỗ Ai Công rằng: "*Hiệp nhị tánh chi hảo, dĩ kế Tiên Thánh chi hậu, dĩ vi Thiên Địa Tôn Miếu Xã Tắc chi chủ, Thiên Địa bất hiệp, vạn vật bất sanh, đại hôn vạn thế chi tự dã.*"

Nghĩa là: Hiệp hai họ được tốt đẹp, để truyền kế các bậc Tiên Thánh về sau, đặng làm chủ sự cúng tế Trời Đất và Tôn Miếu nước nhà, Trời Đất không hiệp, vạn vật không sanh, nên việc kết thành chồng vợ là phép truyền kế muôn đời vậy.

Sách Chu Lễ cũng minh định: "*Phối thất chi tế, vạn phúc chi nguyên.*" Nghĩa là: Việc hôn nhân là nguồn gốc của muôn hạnh phúc.

Sách Quan Hôn Tang Lễ của Đạo Cao Đài, trong mục Hôn Nhơn, viết như sau:

"Trai lớn lên cưới vợ, gái lớn lên lấy chồng, là lẽ đương nhiên. Việc hôn nhơn là việc tối trọng trong đời người. Tìm đâu có hạnh phúc? Hạnh phúc ở trong việc Hôn Nhơn.

Thật vậy, không có gì vui thích cho bằng trong gia đình được vợ chồng hòa thuận đầm ấm, thành thật yêu thương nồng hậu. Vợ biết tùy theo ý muốn của chồng, chồng biết thương vợ, không làm phật ý vợ, ăn ở với nhau lâu ngày, càng sâu nghĩa biển càng dài tình sông.

Cha mẹ dựng vợ gả chồng cho con, không ngoài ý muốn đem hạnh phúc cho con. Cha mẹ nào có con cũng mong ước: Gái thì đẹp phận mày xanh, bền duyên tơ tóc; trai thì nên nghĩa đá vàng, keo sơn gắn chặt.

Việc kết nghĩa sui gia, kén dâu kén rể, phải thận trọng, lọc lựa cho kỹ, nhớ câu: Rau nào sâu nấy.

Dâu thì nên chọn con nhà có đức hạnh, nhân từ, không có tiếng tăm gì đồn đãi; rể thì kiếm con nhà gia giáo, siêng năng cần mẫn việc làm.

Tuy nói cha mẹ kén dâu kén rể, nhưng phải có sự ưng thuận của con. Cha mẹ nên nghĩ việc Hôn Nhân của con là cả cuộc đời của chúng, để cho con có quyền lựa chọn bạn trăm năm, không nên ép uống trong việc cưới gả, sau phải ân hận."

Trong Khóa Hạnh Đường huấn luyện Chức việc Bàn Trị Sự Nam Nữ năm Canh Tuất (1970), phần dạy về Hôn Nhơn, xin chép ra sau đây:

"Chiếu theo Tân Luật điều thứ 6 đến thứ 10 dạy sự chọn hôn trong người đồng Đạo, trừ khi nào người ngoài ưng thuận nhập môn thì mới được kết làm giai ngẫu.

Tám ngày trước Lễ Sính hôn, chủ hôn trai phải dán bố cáo nơi Thánh Thất sở tại cho trong bản đạo hay biết, sau khỏi điều trắc trở.

Làm Lễ Sính hôn, hai đảng trai và gái phải đến Thánh Thất hoặc Đền Thánh mà cầu lễ Chứng Hôn (Lễ Hôn Phối).

Phương pháp thực hành:

Tất cả người trong Đạo khi kết thành hôn như con cháu, phải tuân hành theo Tân Luật như sau:

1. Trước hết phải chọn hôn là người trong Đạo, như điều thứ 6 của Tân Luật.

2. Trước ngày Sinh hôn, phải đăng bát nhật tại Thánh Thất sở tại, như điều thứ 7 của Tân Luật.

3. Khi làm lễ cưới, gả, hai đàng trai và gái phải xin phép lập lễ Hôn Phối tại Thánh Thất hoặc Đền Thánh theo điều thứ 8 của Tân Luật.

4. Cấm không được cưới hầu thiếp, trừ khi nào không con nối hậu thì đăng phép cưới hầu thiếp nhưng chính người chánh thê đứng cưới mới đăng (Điều thứ 9 Tân Luật).

5. Cấm người trong Đạo không được để bỏ nhau, trừ khi ngoại tình hay thất hiếu với công cô (Điều thứ 10 Tân Luật).

Trong trường hợp bất khả kháng, hành lễ tại tư gia, Bàn Trị Sự thi hành như sau:

a) Buộc chủ hôn nam nữ phải xin phép Đầu Phận Đạo (hay Đầu Tộc Đạo), Bàn Trị Sự hỏi rõ việc kết hôn nêu trong điều thứ 6 và 7 của Tân Luật.

b) Mỗi khi bỗn đạo gả cưới, phải thỉnh Bàn Trị Sự hay Đầu Phận (Đầu Tộc) đến chứng sự hoặc hướng dẫn cách thực hành nghi lễ để tránh điều bất trắc trong vụ, trừ ra gia đình của Chức sắc Thiên phong dĩ hạ (dù hành lễ nơi tư gia).

c) Khi Bàn Trị Sự đến chứng sự hành lễ, phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nên lưu ý mọi việc châu đáo theo phép Đạo.

d) Phần hướng dẫn hành lễ, trước hết nếu đôi bên trai gái có thỉnh Chánh Trị Sự thì hai vị này cầu nguyện Đức Chí Tôn, kế sui gia nam nữ, sau là dâu rể, khi xong tiếp bái lễ Từ Đường (Ông Bà quá vãng).

Đoạn trình Hội Thánh, Quốc Vương Thủy Thổ, Ông Bà tại tiền (sống), cha mẹ và tiếp công cô.

LƯU Ý: Khi lên đôi đèn hành lễ Cửu Huyền Thất Tổ, thì tùy chủ hôn, hoặc sở cậy người trong thân quyến có đủ phước đức, vì lệ này thành tục.

Tóm lại, phần nghi lễ trên đây, tạm thực hành, chờ Hội Thánh ban hành lễ thống nhất sẽ tuân theo.

Hôn Lễ thời xưa, theo sách Chu Lễ gồm Lục Lễ gọi là Lục Lễ Danh Nghi. (Xem: **Lục Lễ, văn L**). Nhưng ngày nay, Hôn lễ đơn giản hơn nhiều, chỉ còn 3 Lễ: Lễ Hứa Hôn, Lễ Đính Hôn (Lễ Hỏi), Lễ Thành Hôn (Lễ Cưới).

1. Lễ Hứa Hôn: Lễ phẩm: Cần nhứt là *hai chai rượu*, còn trà bánh là phụ thuộc. Cha mẹ đưa con trai qua nhà gặp cha mẹ cô gái, để hai bên hứa chắc sẽ tiến hành hôn lễ cho con trai và con gái của hai nhà.

2. Lễ Hỏi (Đính Hôn):

"Phẩm lễ trong Lễ Hỏi, cần nhứt, giàu cũng như nghèo, là *một đôi bông tai, một mâm trầu, hai chai rượu, một đôi đèn*."

Trà, bánh, trái cây là phụ thuộc. Đôi bông tai ví như cái hoa của con gái.

Đến ngày đã định, bên nhà trai sang qua nhà gái, có bà con thân thuộc và một vị dẫn lễ. Nhà trai mang theo đủ phẩm vật mà nhà gái đòi hỏi.

Đến nhà gái, khi quan khách an tọa xong, vị dẫn lễ hướng dẫn ông sui trai trình giữa hai họ những lễ phẩm đặt trước khai trầu rượu. Lễ phẩm như bông tai, nữ trang và tiền bạc cũng phải mở ra cho hai họ trông thấy. Trình phái nam xong rồi thì đem trình phái nữ. Bà sui gái nhận nữ trang đem đeo cho con gái rồi dắt con gái ra chào họ nhà trai.

Sau phần kính lễ Đức Chí Tôn và Hội Thánh, ông sui gái lên đèn cho chàng rể làm lễ Từ Đường.

Sau lễ Từ Đường là chàng rể ra mắt họ hàng nhà gái. Lễ bái Ông Bà, cha mẹ. Lễ Hỏi đến đây chấm dứt."

Sau đó là phần nhà gái mở tiệc chay khoản đãi hai họ.

Cần nhứt sui trai hay sui gái, bên nào cũng phải chọn một người trong thân tộc, trọng tuổi, còn đủ vợ chồng, làm Trưởng Tộc. Nếu trong thân tộc không có người thì chọn người ngoài cũng được, nhưng phải trọng tuổi, còn đủ vợ chồng, có tự cách và đạo đức. Trưởng Tộc là trưởng phái đoàn của mỗi

bên, nếu hai họ có điều chi không hợp ý thì nhờ Trưởng Tộc hai bên giải quyết.

3. Lễ Cưới (Thành Hôn):

Khi hai đảng đã thỏa thuận ngày cưới rồi thì sui trai (hay cho chàng rể đại diện) qua nhà gái trình hồng thiệp, có biên đầy đủ chi tiết ngày giờ phái đoàn nhà trai tới nhà gái, giờ rước dâu và đưa dâu.

Đến ngày cưới, nhà trai mang đủ lễ vật qua nhà gái, trình Lễ Cưới theo đúng thủ tục.

Sau phần kính lễ Đức Chí Tôn và Hội Thánh, chủ hôn bên nữ lên đèn, gọi con gái ra đứng cùng chàng rể lập song, cùng nhau làm lễ Từ Đường, kế tiếp làm lễ ra mắt họ hàng.

Ông sui bên trai ra lễ rước dâu và thỉnh họ nhà gái đưa dâu. Đoàn rước dâu đi ngay đến Đền Thánh (hay Thánh Thất sở tại) để làm Lễ Hôn Phối, kế đến Đền Thờ Phật Mẫu bái lễ cầu nguyện, rồi trực chỉ về nhà.

Đến nhà bên trai, Bàn Trị Sự sở tại và sui gia cầu nguyện Đức Chí Tôn, rồi đến cặp Tân hôn bái lễ Đức Chí Tôn, kính lễ Hội Thánh và chánh quyền. Kế tiếp, bên nhà trai lên đèn làm lễ Từ Đường.

Sau cùng là làm lễ Ông Bà tại tiền, cha mẹ và thân tộc.

Nghi lễ Thành Hôn đến đây chấm dứt.

Nhà trai mở tiệc chay khoản đãi hai họ.

Mãn tiệc, họ nhà gái ra lễ Cáo từ. Ông Bà sui trai và cặp Tân hôn ra cửa tiền đưa. Lễ Cưới đã thành." (Theo sách [Quan Hôn Tang Lễ của Hội Thánh](#))

Đạo Cao Đài quan niệm việc Hôn Nhân giữa thanh niên nam nữ trong Đạo là việc hợp tự nhiên, nên không khuyến khích thanh niên nam nữ sống độc thân để tu hành, bởi vì Đạo Cao Đài cho rằng Luật Nhân Quả thể hiện rõ rệt trong Hôn Nhân: Đôi vợ chồng cưới nhau là do tiền duyên oan trái từ kiếp trước. Cho nên, Hôn nhân là thực thi Nhân Quả. Người nào sống độc thân được là người đó có ít oan trái, nghiệp quả nhẹ, nên sẽ tiến hóa rất nhanh khi vào đường tu hành.

Hôn Nhân còn là một phần trong Nhơn Đạo, nó sẽ gây ra một số bổn phận tiếp theo: bổn phận làm chồng làm vợ, bổn phận làm cha làm mẹ. Nếu các bổn phận này được vuông tròn thì xong Nhơn Đạo, sẽ tiến lên tu phần Thiên Đạo dễ dàng.

Hôn phối - Hành pháp Hôn phối

婚配 - 行法婚配

A: To confer the sacrament of marriage (mystery of union).

P: Conférer le sacrement de mariage (mystère d'union).

Hôn: Việc cưới vợ gả chồng. **Phối:** sánh đôi. **Hành:** làm.
Pháp: phép bí tích.

Hôn phối là sự phối hợp thành vợ chồng.

Hành pháp Hôn phối là làm phép bí tích về Hôn phối.

Đôi tân hôn muốn được Chức sắc hành pháp Hôn phối thì phải là người đã nhập môn vào Đạo, phải trên 18 tuổi, và trước đây chưa có vợ hay chưa có chồng.

Thường thì vị Chức sắc hành pháp Hôn phối tại Tòa Thánh là Giáo Sư hay Phối Sư. Trong khi Chức sắc hành pháp Hôn phối thì đồng nhi tụng Kinh Hôn Phối.

Trong sách "**Bí truyền Chơn pháp**" của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh có dạy cách hành pháp Hôn Phối sau đây:

"Ấy vậy, khi hành lễ Hôn Phối, phải biểu chàng rể và cô dâu vào quì giữa Bửu điện, trên hết mọi người, dầu cho cha mẹ cũng phải quì sau. Quyền phép ấy, Đạo chỉ coi rể là Tứ Dương, dâu là Tứ Âm của Tạo Hóa mà thôi, ngoài nhơn luân và nhơn tình, Hội Thánh chẳng biết chi khác hơn. (Tứ Dương hiệp với Tứ Âm thành Bát Quái mà sanh hóa).

Bảo cô dâu và chàng rể nắm tay nhau, tay tả của nam nắm tay hữu của nữ, tay hữu của nam nắm tay tả của nữ, thành ra ấn Bát Quái, đoạn vị hành pháp xây mặt lên Thiên Bàn, ngó ngay Thiên Nhãn, định thần, lấy con mắt của mình viết chữ (.) ngay con người Thiên Nhãn, co chân trái lên viết chữ (.) dưới gạch, rồi đạp lên chữ ấy, chân mặt ký chữ (.) vào gót chơn trái,

gọi là đập Đinh Giáp. Đứng vậy rồi xây một vòng đến trước mặt hai trẻ, biểu chúng cúi đầu, hai cái đầu giao kề lại. Ngó ngay 2 mỏ ác trên đầu 2 trẻ, lấy con mắt vẽ chữ (.) trên nê hoàn cung 2 trẻ, nhớ vẽ chữ cho lớn đặng bao trùm cả 2 mỏ ác.

Định thần, chừng thấy 2 Thiên Nhân giáng trên nê hoàn cung hai trẻ thì chụp truyền thần hai bàn tay xốt 2 Thiên Nhân đỡ lên lưng hai bàn tay rồi xáp hai tay lại thành ấn Bát Quái cho 2 Thiên Nhân ấy kề nhau thì thấy mặt của Chí Tôn hiện tượng. Đoạn đỡ hình tượng Chí Tôn xây lên Thiên Bàn, đưa ngay Thiên Nhân cho nhập chung vào đó (nhớ đừng lo ra thì mất mà thành ra nguy hiểm cho hai người nam nữ ấy lắm).

Khi nhập rồi thì để hình tượng ấy yên tịnh nơi Thiên Nhân, đứng cầu nguyện giùm cho hai trẻ nương nơi quyền thiêng liêng của Chí Tôn đặng tấn hóa trong vòng Thánh đức, nối tóc đến già, đồng tịch đồng sàng, đồng sanh đồng tử.

Đoạn định thần, ngó ngay lên Thiên Nhân, trực Thiên tượng ấy ra (nhớ lấy cho đủ 2 con mắt), để lên lưng hai bàn tay như khi nãy. Hai bàn tay xáp lại thành ấn Bát Quái, dương nằm trên âm, rồi từ từ day lại hai trẻ, lừa Thiên tượng ấy ngay đầu hai trẻ, trả lại như xưa, tức là làm tiêu Thánh tượng.

Đứng ngay giữa đôi đứa, đọc bài thi của Đức Chí Tôn dạy làm Phép Hôn Phối:

Bài thi:

Thiên ân thử nhứt tứ thành hôn,

Mãn thế bất ly thế dữ hôn.

Đạo đức nhứt tâm tu đáo cáo,

Chủ trung thị Ngã chí Thiên Tôn.

Rồi khuyên hai trẻ và dặn rằng: Phải giữ nhưn luân đạo nghĩa và cho biết rằng quyền Hội Thánh đã định không đặng lia nhau cho đến trọn đời, nếu như đôi đứa phản nhau, sẽ phải sa đọa, Phong Đô định tội.

Dạy khuyên rồi, vị hành pháp nắm hai tay ngoài của đôi nam nữ, đỡ đứng dậy, sắp hai mặt giao nhau, xây cho hai đứa cặp nhau (đừng cho day lưng mà khổ cho hai trẻ), còn mình thì đi chính giữa, nắm tay hai trẻ diu dắt đưa ra khỏi Đền

Thánh, tức nhiên ngoài cửa HTĐ, mới cúi đầu từ tạ trở lại Điện.

CHÚ THÍCH: Bài thi Hán văn 4 câu ở trên do Đức Chí Tôn ban cho Ông Nguyễn Ngọc Thơ và Bà Lâm Thị Thanh, khi Đức Chí Tôn biểu hai vị quì trước Thiên Bàn, làm Lễ Hôn Phối vào ngày 13-7-1926 (âl 4-6-Bính Dần).

Ngài Nguyễn Ngọc Thơ có biên ra chữ Hán:

天恩此日賜成婚
滿世不離體與魂
道德一心須到告
主中是我至天尊

Giải nghĩa:

- Câu 1: Ngày nay, ơn Trời ban cho đôi trẻ thành hôn,
 Câu 2: Suốt đời, linh hồn và thể xác không rời xa nhau.
 Câu 3: Nên đến nói cho biết là một lòng lo đạo đức,
 Câu 4: Đứng giữa làm chủ là Ta, Đấng Đại Thiên Tôn.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

Hôn thơ - Hôn thú

婚書 - 婚娶

A: Marriage Certificate.

P: Acte de Mariage.

Hôn: Việc cưới vợ gả chồng. **Thơ:** tờ giấy. **Thú:** lấy vợ lấy chồng.

Hôn thơ hay Hôn thư là Giấy Kết Hôn, tờ giấy chứng nhận hai người nam nữ kết hôn với nhau.

Hôn thú là việc lấy vợ lấy chồng, đồng nghĩa: Hôn nhân.

Giấy Hôn thú cũng gọi là Hôn thơ, Giấy kết hôn.

HỒN

HỒN

1. **HỒN:** 魂 Linh hồn.
Td: Hồn bạch, Hồn phách.
2. **HỒN:** 渾 Hoàn toàn tự nhiên.
Td: Hồn nhiên.

Hồn bạch

魂帛

Hồn: Linh hồn. **Bạch:** thứ lụa dệt bằng tơ trần.

Hồn bạch là một miếng lụa đặt trên ngực người sắp chết, khi người ấy chết rồi thì lấy miếng lụa ấy thắt như hình người để linh hồn người chết nương dựa vào hình ấy, đem đặt lên bàn vong, sau đem chôn bên cạnh mộ.

Ngày nay, người ta bỏ hồn bạch, thay vào đó là một tấm hình của người chết và một linh vị, đặt trên bàn vong.

Hồn bất phụ thể

魂不附體

A: The soul leaves the body.

P: L'âme quitte du corps.

Hồn: Linh hồn. **Bất:** không. **Phụ:** nương dựa. **Thể:** thể xác.

Hồn bất phụ thể là linh hồn không còn nương dựa thể xác.

Ý nói: Sự sợ hãi quá mức đến nỗi linh hồn xuất ra khỏi xác, làm cho người đó chết giắc, không còn biết gì nữa.

Hồn ma bóng quế

Hồn: Linh hồn. **Ma:** ma quỷ. **Bóng:** ánh sáng. **Quế:** cây quế, chỉ mặt trăng. Bóng quế là ánh sáng của mặt trăng.

Theo sách Đậu Dương Tạp Trử, trên mặt trăng có một cây quế đở cao 500 trượng, có tên Ngô Cương dùng búa chặt gốc quế, chặt được nhát nào thì khi lấy búa ra, da cây quế liền lại ngay, nên Ngô Cương chặt mãi mà cây quế không ngã. Ngô Cương vì mang tội với Trời nên bị Trời phạt như thế.

Do điển tích này, trong văn chương dùng các từ ngữ: Bóng quế, Cung quế, Đan quế... là để chỉ mặt trăng.

Hồn ma bóng quế là các hồn ma quỷ thường hiện hình ở những nơi vắng vẻ dưới ánh trăng khuya.

TNHT: *Hồn ma bóng quế* cũng lên ngôi mà nạ quỷ vô thường cũng xấn bản.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hồn nhiên

渾然

A: Natural, spontaneous.

P: Naturel, spontané.

Hồn: Hoàn toàn tự nhiên. **Nhiên:** tự nhiên như thế.

Hồn nhiên là ngây thơ, trong sáng, chân thành, tánh tình giống như trẻ thơ.

Hồn phách

Có hai trường hợp giải thích do nghĩa của chữ Phách:

* Trường hợp 1: Hồn phách

魂魄

A: The soul and astral body.

P: L'âme et corps astral.

Hồn: Linh hồn. **Phách:** vía, chơn thần.

Hồn phách là linh hồn và chơn thần.

KKĐN: Trong giấc mộng nghỉ yên *hồn phách*, Đấng thiêng liêng năng mách bảo giùm.

*** Trường hợp 2: Hồn phách**

魂 魄

A: The soul and body.

P: L'âme et corps.

Hồn: Linh hồn. **Phách:** thể xác.*Hồn phách là linh hồn và thể xác.*

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn trang 48 thì: "Cũng nói Tâm Thân. Hồn tức là tâm thức, có sở dụng tinh anh linh diệu, mà không có hình ảnh; còn Phách là hình thể, chỗ để cho hồn nương dựa."

Như vậy, theo Phật giáo, Hồn phách là Tâm Thân, tức là linh hồn và thể xác.

KTKCQV: Gởi *hồn phách* cho chàng định số.

TNHT: Thủ cơ hay là chấp bút, phải để cho thần, tâm tịnh mới xuất chơn thần ra khỏi *phách* đặng đến hầu Thầy nghe dạy.

Chữ PHÁCH trong trường hợp này có nghĩa là thể xác.

KKĐN: Kinh khi đi ngủ.**KTKCQV:** Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.**TNHT:** Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.**HỒN****HỒN****HỒN:** 混 Lộn xộn, không rõ ràng.

Tđ: Hồn độn, Hồn mang.

Hồn độn sơ khai

混沌初開

A: The Chaotic period.

P: La période Chaotique.

Hỗn: Lộn xộn, không rõ ràng. **Độn:** lộn lạo với nhau. **Hỗn độn:** các chất khí lộn lạo với nhau, chưa phân âm dương thanh trực. **Sơ:** khởi đầu. **Khai:** mở ra.

Hỗn độn sơ khai là thời kỳ khởi đầu của CKVT, các chất khí còn ở trạng thái lộn lạo với nhau, thanh trực hỗn hợp, mờ mờ mịt mịt, còn gọi là thời kỳ Hồng mông, Hỗn mang.

TTCĐDTKM:

Kể từ *Hỗn độn sơ khai*,
Chí Tôn hạ chỉ trước Đài Linh Tiêu.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TTCĐDTKM: Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Hỗn mang

混芒

Hỗn: Lộn xộn, không rõ ràng. **Mang:** mênh mông mờ mịt.

Hỗn mang đồng nghĩa với Hỗn độn, chỉ thời kỳ khởi đầu của CKVT. (Xem: Hỗn độn)

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Hỗn nguyên (Hỗn nguơn)

混元

A: The Chaos.

P: Le Chaos.

Hỗn: Lộn xộn, không rõ ràng. **Nguyên:** cũng đọc là Nguơn: khởi đầu.

Hỗn nguyên hay Hỗn nguơn đồng nghĩa với: Hỗn độn sơ khai, Hỗn mang, là chỉ thời kỳ khởi đầu của CKVT, các chất khí còn lộn lạo với nhau.

Các chất khí ấy được gọi là: **Hỗn nguyên khí**, mà Đạo Cao Đài thường gọi là **Hư Vô chi Khí (Khí Hư Vô)**.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

HÔNG

HÔNG

1. **HÔNG:** 洪 To lớn.
Td: Hồng ân, Hồng chung.
2. **HÔNG:** 紅 Màu đỏ.
Td: Hồng cầu, Hồng trần.
3. **HÔNG:** 鴻 Chim hồng.
Td: Hồng học.

Hồng ân

洪恩

A: Great favour. P: Le grand bienfait.

Hông: To lớn. **Ân:** ơn.

Hồng ân là ơn lớn. Đó là ơn huệ lớn lao của Đức Chí Tôn ban cho.

KGO: May đừng gặp hồng ân chan rười.

KGO: Kinh Giải Oan.

Hồng cầu - Hồng trần

紅垢 - 紅塵

A: Red dust: the world. P: Poussière rouge: le monde.

Hông: Màu đỏ. **Cầu:** bụi bặm. **Trần:** bụi bặm.

Hồng cầu là bụi đỏ, đồng nghĩa Hồng trần, chỉ cõi trần, cõi của Nhơn loại đang sống vì cõi này có nhiều bụi bặm màu đỏ ô trược.

TNHT: Hồng cầu đã chui thân phải vấy.

KTT: Chón hồng trần quen lần gùi bụi.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

KTT: Kinh Tắm Thánh.

Hồng chung

洪鍾

A: Great bell.

P: La grande cloche.

Hồng: To lớn. **Chung:** chuông. **Hồng chung:** cái chuông lớn.

Đại hồng chung là cái chuông to lớn hơn nữa.

Kệ U Minh Chung: Hồng chung sơ khấu bảo kệ cao ngâm.

Hồng hoang - Hồng mông

洪荒 - 洪蒙

A: The Chaos.

P: Le Chaos.

Hồng: To lớn. **Hoang:** bỏ không. **Mông:** mờ昧.

Hồng hoang, đồng nghĩa Hồng mông, là thời kỳ Hỗn độn sơ khai, lúc khởi đầu của CKVT, các khí còn lộn lạo mờ昧.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Hồng hộc

鴻鵠

A: The wild goose and duck.

P: L'oie et canard sauvages.

Hồng: Chim hồng. **Hộc:** chim hộc, giống như nhạn mà lớn hơn.

Hồng hộc hay Hộc hồng là hai loài chim có cánh rất khỏe, bay cao và xa, không sợ gió bão, chỉ người tài giỏi, có chí khí cao xa.

TNHT: Ngược gió tài chi sức hộc hồng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hồng nhan

紅顏

A: Rosy-cheeked face: Beautiful woman.

P: Visage aux joues roses: Belle femme.

Hồng: Màu đỏ. **Nhan:** vẻ mặt, dáng mặt.

Hồng nhan là má hồng, chỉ người phụ nữ đẹp.

TNHT: Cái kiếp *hồng nhan* kiếp đọa đày,

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hồng oai - Hồng từ

洪威 - 洪慈

A: The great majesty and great mercy.

P: La grande majesté et grande miséricorde.

Hồng: To lớn. **Oai:** vẻ trang nghiêm đáng nể sợ. Thường nói: Oai quyền. **Từ:** lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới, lòng thương yêu chúng sanh.

1) Hồng oai: Cái oai quyền to lớn do lòng thương yêu mà có, chứ không phải do sức mạnh vũ lực đè nén người, nhờ đó mà làm cho người ta phải tâm phục.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo có kể lại một câu chuyện để chúng ta hiểu cái Hồng Oai của Đức Chí Tôn:

"Bản đạo đã đọc sự tích đó hồi còn đi học. Có hai anh em bạn học ở chung một trường với nhau. Tới kỳ thi Tú Tài thì người bạn thi rớt, về thất chí đến nước muốn hủy mình, mà may có một điều, người bạn tâm tình kia đem cả sự đau khổ tâm hồn mình tỏ cho bạn mình. Người bạn an ủi khuyên lơn chi cũng không được hết.

Hôm nọ, người thất chí đó nhứt định đi ra đón xe lửa đặng nhào đầu vô xe lửa chết, mà không dè là người bạn của mình đi theo bèn gót, đi theo xa xa, giữ gìn mà không hay. Ông ta mới vừa đi lại gần xe lửa, người bạn chạy theo nứu, nấn nỉ giữ lại đó. Người kia vùng vẫy, đổ quạu lên nói: "Mày tưởng đâu

mây thương tao mà mây kéo dài sự đau khổ của tao, chứ không phải mây thương tao."

Bây giờ chẳng thể gì can gián được, nên phải dùng chiến lược khác, phát gây lộn, nói: "Cái thân thể mây đã dở, mây ngu, mây thi rớt, rồi mây muốn hủy mình. Mây mà có chết đi nữa, linh hồn mây xuống Địa ngục là thằng tù ngu, đâu có được Đức Chí Tôn tức nhiên Đức Chúa Trời ban cho mây thành ông Thánh đi nữa, mây cũng là ông Thánh ngu."

Mắng, hai đàng đánh lộn, ôm vật với nhau, đánh thẳng tay, mà cái ông kia, mình làm mưu không nở đánh lăm, đánh sợ đau bạn. Còn ông bạn kia đổ quạu thật, đánh thối mình mẩy sưng tùm lum tủa lua, rồi đem vô nhà thương nằm. Vô đó, người bạn đó mới nói: Mây ơi! Tao cốt yếu cố tâmặng cứu mây, mây làm tao thân thể như thế này, thôi hết sức nói. Tới chừng người kia nằm kế bên mới động lòng khóc mướt, rồi ôm người bạn khóc mướt đó vậy. Cứu được, từ đó anh ta theo mãi, tới thi đậu ra trường thôi.

Đó, Hồng Oai đó. Bây giờ mình mới nghĩ coi Hồng Oai mà làm được như vậy cũng nên làm chứ."

Cái oai quyền của một người Cha đối với đàn con có được là do đâu? Có phải là do lòng thương yêu của Cha đối với Con, và của Con đối với Cha. Chính hai sự thương yêu tương liên đó tạo ra oai quyền của Cha đối với Con.

Còn Hồng Oai của Đức Chí Tôn là đối với toàn thể vạn linh trong CKVT, là con cái thương yêu của Ngài. Đức thương yêu của Đức Chí Tôn vô cùng tận thì Hồng Oai của Đức Chí Tôn cũng vô cùng tận.

2) Hồng từ: Lòng thương yêu to lớn, không vì lợi ích riêng mình mà vì lợi ích xã hội hơn quần. Đó là lòng thương yêu cao cả, vượt trên ích kỷ nhỏ nhen để đem lại lợi ích chung.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng về Hồng từ của Đức Chí Tôn như sau:

"Hồng từ, ta thử kiểm hiểu, phải có cái tinh thần Đại từ bi, Đại bác ái, nghĩa là mọi điều nó phải do nơi Luật tương đối hiện tượng, bây giờ là cái tình đời thì ta phải khoan hồng dung thứ. Muốn làm cho không lằm, phải có tinh thần lịch lãm và

khoan dung. Năm được tánh đức Hồng từ của Đức Chí Tôn, lịch lãm, ta phải biết mình biết người.

Một cái gương lịch lãm từ cổ chí kim, chưa hề có một lần thứ nhì nữa là Vua Nghiêu, có 9 người con: 7 trai, 2 gái, mà đi tìm ông Thuấn dựng truyền ngôi vua. Còn mấy người con trai kia, ta thử nghĩ thế nào đã? Khi tìm dựng ông Thuấn, đem hai người con gái Nga Hoàng và Nữ Anh gả hết cho ông Thuấn, mà ta thử nghĩ ông Thuấn là gì? Một tên ít học, cày ruộng, cha là Cỗ Tẩu, em là Tượng ghét đáo để, nhứt là bà kế mẫu. Ngài (ông Thuấn) bị hiếp bức. Ta thử nghĩ vì lẽ gì Vua Nghiêu chọn ông Thuấn làm vua kế nghiệp cho Ngài (vua Nghiêu), chỉ vì ông Thuấn là người hiếu mà thôi.

Với cái tánh lịch lãm, vua Nghiêu cho tánh đức Hiếu Nghĩa là đủ hết rồi. Hễ hiếu cùng cha mẹ, nghĩa cùng anh em, hai tánh đức đó đủ cả tinh thần dựng trị thiên hạ. Ngài đoán rồi chọn ông Thuấn. Ngài không lầm, quả nhiên ông Thuấn đã thành một vị Hoàng Đế, từ cổ chí kim, chưa hề có một người thứ nhì nữa."

Ấy là lịch lãm, nhờ cái tinh thần lịch lãm của vua Nghiêu, mà cả sự hèn hạ của ông Thuấn kia nó mất hết. Ông chỉ lấy có Hiếu với Nghĩa mà thôi. Ấy là cái gương lịch lãm khoan dung, mà cái cử chỉ của vua Nghiêu truyền ngôi cho ông Thuấn là một cái Hồng Từ mà tự thử tới giờ, chưa có ai làm một lần thứ nhì nữa.

Qua lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, chúng ta thấy vua Nghiêu cũng thương con lắm, nhưng Ngài lại yêu dân hơn yêu con, vì Ngài thấy rõ, con của Ngài không thể làm cho dân hạnh phúc bằng ông Thuấn, nên Ngài dẹp bỏ lòng thương yêu ích kỷ, truyền ngôi cho ông Thuấn. Do đó, Đức Hộ Pháp mới cho vua Nghiêu có Hồng từ vậy.

Chúng ta xét trong CKVT này, có ai oai quyền hơn Đức Chí Tôn? Đó là cái oai quyền của một ông chủ sáng lập ra cái gia tài đồ sộ là CKVT và vạn vật. Đó là cái oai quyền của một ông vua đối với các bề tôi là chư Thần Thánh, Tiên, Phật.

Đức Chí Tôn có sử dụng cái oai quyền to lớn ấy để trấn áp ai không? Đức Chí Tôn chỉ dùng tình thương yêu bao la mà ban phát cho tất cả con cái của Ngài, để mong cải hóa họ trở

về nẻo chánh đường ngay; cả những đứa con hung bạo, ngỗ nghịch, phản Ngài mà Ngài cũng vẫn thương yêu, cố đem tình thương đến những đứa con này để mong chúng hồi tâm. Đáng nào muốn trừng phạt những đứa con phản nghịch ấy cũng đều bị Đức Chí Tôn ngăn cản đến phút chót, làm cho các Đấng ấy phải lên tiếng kêu nài.

KNHTĐ: *Hồng oai hồng từ, Vô cực vô thương.*

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Hồng phạm cửu trù

洪範九疇

Hồng: To lớn. **Phạm:** khuôn mẫu. **Cửu:** 9. **Trù:** loài.

Hồng phạm là cái khuôn mẫu của Trời Đất.

Hồng phạm cửu trù là cái khuôn mẫu của Trời Đất gồm có chín trù.

Tương truyền, Hồng phạm cửu trù do vua Hạ Vũ (2205-2197 tr.TL) làm ra khi Hạ Vũ trị thủy ở sông Lạc, bắt được một con linh qui mà trên lưng của nó có một bức đồ, gọi là Lạc Thư.

Trong Kinh Thư có câu: "*Thiên nãi tích Vũ hồng phạm cửu trù, di luân du tự*". Nghĩa là: Trời bèn cho vua Vũ hồng phạm cửu trù, luân thường vì thế mà bày ra có thứ tự.

Điểm xuất phát của Hồng phạm là thừa nhận một vị Thần Linh duy nhất gọi là Thiên hay Đế, vừa khách quan vừa chủ quan.

Hồng phạm cửu trù là một quan niệm đại qui mô về tâm lý, sinh lý, xã hội, chánh trị, về vũ trụ vạn vật, tức là một Vũ trụ quan tiêu chuẩn, một Nhân sinh quan lý tưởng, căn cứ vào sự quan sát thực nghiệm mà kết cấu ra.

Thiên Hồng phạm cửu trù trong Kinh Thư mở đầu:

Sơ nhất viết Ngũ Hành,

Thứ nhị viết kính dụng Ngũ Sự,

Thứ tam viết nông dụng Bát Chánh,

*Thứ tứ viết hiệp dụng Ngũ Kỹ,
 Thứ ngũ viết kiến dụng Hoàng Cực,
 Thứ lục viết nghệ dụng Tam Đức,
 Thứ thất viết minh dụng Kê Nghi,
 Thứ bát viết niệm dụng Thứ Trưng,
 Thứ cửu viết hường dụng Ngũ Phúc, uy dụng Lục Cực.*

Nghĩa là:

Trù thứ nhất gọi là Ngũ Hành,
 Trù thứ hai gọi là kính dùng Ngũ Sự (năm việc),
 Trù thứ ba là dùng cho đầy đủ Bát chánh (8 điều chánh),
 Trù thứ tư là hiệp dùng Ngũ Kỹ,
 Trù thứ năm là kiến thiết dùng Hoàng Cực,
 Trù thứ sáu là cai trị dùng Tam Đức,
 Trù thứ bảy là sáng suốt dùng Kê Nghi (xét việc nghi ngờ),
 Trù thứ tám là xét dùng Thứ Trưng,
 Trù thứ chín là khuyên dùng Ngũ Phúc, ra oai dùng Lục Cực.

| ĐỒ BIỂU HỒNG PHẠM CỬU TRÙ | | |
|---|---|---|
| NGŨ KỸ 4 Lịch số | NGŨ PHÚC LỤC CỰC 9 Thưởng phạt | NGŨ SỰ 2 Hiện tượng nội giới |
| BÁT CHÁNH 3 Tổ chức quốc gia | HOÀNG CỰC 5 Trung tâm vũ trụ | KÊ NGHI 7 Chiêm nghiệm |
| THỨ TRƯNG 8 Thời tiết | NGŨ HÀNH 1 Hiện tượng ngoại giới | TAM ĐỨC 6 Xử thế Tiếp vật |

1. Ngũ Hành: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ.

2. Ngũ Sự: Mạo, Ngôn, Thị, Thính, Tư. (Diện mạo, lời nói, thấy, nghe, suy nghĩ).

3. Bát Chánh: Thực, Hóa, Tự, Tự Không, Tự Đò, Tự Khẩu, Tân, Sư. (Ăn, của cải, cúng tế, quan Tự Không [kho tàng], quan Tự Đò [giáo dục], quan Tự Khẩu [công an], tiếp khách, việc quân).

4. Ngũ Kỳ: Tuế, Nguyệt, Nhật, Tinh thần, Lịch số. (năm, tháng, ngày, các vì sao, lịch số).

5. Hoàng Cực: Làm vua dựng nên mực thước cho dân bắt chước, thì hưởng được 5 phúc lành, dùng để ban khắp cho thứ dân; các thứ dân theo mực thước của vua, giúp vua giữ mãi được mực thước ấy.

6. Tam Đức: Chánh trực, Cương khắc, Nhu khắc. (ngay thẳng, cứng rắn, mềm dẻo).

7. Kê Nghi: Xét những chỗ nghi hoặc bằng phép bói: Bốc là bói bằng mai rùa, Phệ là bói bằng cỏ thi.

8. Thứ Trưng: Mưa, nắng, nóng, lạnh, gió, đều hợp thời, đúng khí hậu, cây cối tốt tươi.

9. Ngũ Phúc, Lục Cực: *Ngũ phúc* là: Thọ, Phú, Khang ninh, Hiếu đức, Chung mệnh. (sống lâu, giàu có, mạnh khỏe bình yên, yêu chuộng đạo đức, già được trọn đời). *Lục Cực:* Hung đoản chiết, Tật, Ưu, Bần, Ác, Nhược. (hung họa chết non, tật bệnh, lo buồn, nghèo nàn, ác nghiệt, nhu nhược).

Hồng Quân

洪鈞

A: The Creator.

P: Le Créateur.

Hồng: To lớn. **Quân:** cái bàn xoay của người thợ nặn đồ gốm. Hồng quân là cái bàn xoay lớn của người thợ nặn đồ gốm.

Hồng Quân là chỉ Đấng Tạo Hóa, hay Hóa Công, vì Ngài giống như người thợ dùng cái bàn xoay to lớn nặn ra vạn vật.

Có câu: "Hồng Quân đào vạn loại, Địa khối bảm quần sanh." Nghĩa là: Trời nhào nặn ra muôn vật, Đất nuôi sống chúng sanh.

Vậy Hồng Quân là Đấng Thượng Đế, là Đức Chí Tôn.

KHP: Ở trước mắt *Hồng Quân* định phận.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Hồng Quân Lão Tổ

洪鈞老祖

Hồng Quân: Đấng Thượng Đế (*đã giải bên trên*).

Lão Tổ: ông già là ông Tổ đầu tiên.

Hồng Quân Lão Tổ là một hóa thân của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Theo Truyện Phong Thần, Hồng Quân Lão Tổ có ba người học trò: Lão Tử, Ngươn Thủy, Thông Thiên.

"Giữa lúc đó, nơi hướng Nam có một vùng mây ngũ sắc hiện ra, hào quang chiếu diệu sáng lòa, gió quyện mùi hương thơm nức, rồi có một Ông Lão đi đến ngâm lớn:

*Từ đời Bàn Cổ ẩn trong rừng,
Dạy được ba trò, dạ rất ưng.
Xiển giáo chia ra cùng Triệt giáo,
Cho hay cũng một gốc Hồng Quân.*

Thông Thiên giật mình, biết Thầy mình là Hồng Quân Lão Tổ đến, liền quì mọp xuống đất nghinh đón và thưa rằng:

- Đệ tử không hay Sư Phụ đến nên nghinh tiếp trễ. Xin Sư Phụ tha tội.

Hồng Quân Lão Tổ nói: - Sao người lập trận Vạn Tiên hại môn đồ người nhiều như vậy?

Thông Thiên thưa:

- Bởi hai vị Sư huynh khi dễ Triệt giáo, để học trò mắng nhiếc đệ tử quá lời, chẳng nghĩ tình Thầy, khinh khi bạn hữu.

Hồng Quân Lão Tổ nói:

- Sao người không tự trách mình mà tìm lời trách bạn? Người không nhớ lời giao ước khi lập Bảng Phong Thần sao? Việc danh lợi là chí của kẻ phàm, nếu không dằn tánh ấy, sao gọi là Tiên? Vả lại, ba anh em người tu luyện từ thuở Hồn độn

đến nay, không phải một kiếp, chẳng lẽ vì việc nhỏ nhen mà dứt nghĩa đồng song? Ta biết Lão Tử, Ngươn Thủy cũng có nhiều trái lẽ, làm môn đồ Triệt giáo ngậm hờn, song hai người ấy thuận theo mà khuấy động Đạo Trời. Đã biết mỗi phái hệ có một đường tu, song đường tu nào kết cuộc cũng phải về lẽ chánh. Nếu người hiềm thù mãi, cố lập trận Địa Thủy Hỏa Phong, làm khó dễ cho hai Sư huynh người thì phần người cũng không an được. Ta lấy tình Thầy trò xuống đây giải hòa, Đạo nào lo Đạo nấy.

Hồng Quân Lão Tổ dắt Thông Thiên đến lư bông. Na Tra đang đứng ngoài bàn luận với các Tiên, chợt thấy Thông Thiên với một Ông Già chống gậy đi tới, hào quang chói mắt, vội chạy vào nói lớn:

- Có Thông Thiên Giáo Chủ và một Lão Sư đến đây.

Lão Tử và Ngươn Thủy biết Sư Phụ của mình đến, liền xuống lư bông, quì mọp nghinh tiếp. Các đệ tử Tiên gia thấy vậy thất kinh, ai nấy đều quì xuống thành một hàng dài sau lưng hai vị Giáo chủ. Lão Tử và Ngươn Thủy thưa rằng:

- Chúng con không hay Sư Phụ đến nên nghinh tiếp trễ, cúi xin Sư Phụ từ bi hỷ xả.

Hồng Quân Lão Tổ nói:

- Bởi các người dạy đệ tử không nghiêm, nên sanh ra sát kiếp. Xiển giáo và Triệt giáo tranh nhau. Nay Ta xuống đây lo việc giải hòa. Tại Ta không muốn nghe cãi lý, mắt Ta không muốn thấy tranh hành. Hai bên đều có lỗi, từ nay phải ăn năn chừa lỗi.

Nói rồi, bảo ba đệ tử quì xuống trước mặt.

Hồng Quân Lão Tổ phán:

- Bởi khí số nhà Thương đã dứt, nhà Châu ra đời, nên hội chư Tiên phải thuận theo Luật Trời mà vạch Bảng Phong Thần. Trên bước đường hành đạo, vì giáo lý của hai bên khiếm khuyết nên mới có cuộc tranh hành, nhưng cũng do mệnh Trời định, gấp rút cho đủ số phong Thần. Song về lỗi làm thì Ta xét Thông Thiên lỗi nhiều hơn, không phải Ta thiên vị. Tuy vậy, Ta đến đây không phải để luận phân phải quấy, mà chỉ muốn giảng hòa, vì phải quấy không ích gì, chỉ có

thuận hòa mới quý. Mỗi bên phải nhịn nhau một ít, bỏ những khí tánh của mình, trở về núi tu hành, đừng sanh sự lỗi thối nữa.

Ba đệ tử cúi đầu vâng lệnh. Hồng Quân Lão Tổ lấy bầu thuốc trút ra lấy ba viên chia cho ba đệ tử và nói:

- Chúng bây mỗi đứa uống 1 viên, rồi Ta nói cho nghe.

Ba đệ tử đồng nuốt mỗi người một viên.

Hồng Quân Lão Tổ nói tiếp:

- Thuốc này không phải thuốc bổ, mà là thuốc bệnh, bệnh ấy là bệnh nóng giận. Hãy nghe bài kệ này:

*Bởi vì ba gã khiến đua tranh,
Lỗi đạo làm em, lỗi phạm anh.
Từ ấy mà còn lòng cự địch,
Thuốc linh khắc phạt, mạng tan tàn.*

Ba vị đệ tử đồng tạ ơn Thầy. Hồng Quân Lão Tổ dẫn Thông Thiên về cung Tử Tiêu, không cho dạy học trò nữa.

Hồng quần

紅裙

A: The red trousers: The women 's world.

P: Le pantalon rouge: Le monde féminin.

Hồng: Màu đỏ. **Quần:** cái quần để mặc.

Hồng quần là cái quần màu đỏ, chỉ đàn bà con gái.

Thuở xưa ở bên Tàu, con gái nhà giàu thường được cha mẹ cho mặc quần màu đỏ.

Hồng thệ

(Hồng thệ Phạm môn, xem: Đào Viên pháp)

Hồng thủy

洪水

A: The flood.

P: Le déluge.

Hồng: To lớn. **Thủy:** nước.

Hồng thủy là nước lụt rất lớn. (thời thượng cổ).

Đại hồng thủy là trận lụt lớn kéo dài 150 ngày gây ra Tận thế vào thời ông Nô-ê theo Thánh Kinh Cựu Ước của Thiên Chúa giáo.

HỚN (HÁN)

HỚN

HỚN: 漢 Còn đọc là Hán: Nhà Hán bên Tàu.

Td: Hớn Lưu Bang, Hớn Võ Đế.

Hớn Lưu Bang (Hớn Bái Công)

漢劉邦 (漢沛公)

Ngài họ Lưu tên Bang, ở huyện Bái, làm chức Đình Trưởng, họp tráng sĩ dấy lên giết chết quan huyện, rồi lên làm Bái Công, sau bình định được nước Tàu, lên ngôi Hoàng Đế xưng hiệu là Hán Cao Tổ, lập ra nhà Hán.

Hán Cao Tổ làm vua được 12 năm thì băng (năm -195).

Con là Thái Tử Đinh lên nối ngôi hiệu là Huệ Đế.

Huệ Đế ở ngôi được 7 năm thì băng.

Quần thần lập con của Bạc Hậu là Hằng lên nối ngôi, xưng hiệu là Văn Đế. Văn Đế làm vua được 23 năm thì băng (năm -157), con lên nối ngôi là vua Cảnh Đế.

Cảnh Đế làm vua được 16 năm thì băng, con là Thái Tử Triệt lên nối ngôi, ấy là vua Hớn Võ Đế.

Võ Đế làm vua được 54 năm, băng năm -87 tr.TL.

Theo lời Đức Phạm Hộ Pháp, nguyên căn của Hớn Võ Đế là Hớn Chung Ly (Chung Ly Quyền) là một vị Tiên trong Bát Tiên đầu kiếp. Ngày nay thời TKPD, Đại Tiên Hớn Chung Ly giáng phàm làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo, đó là Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư. Như vậy, Hớn Võ Đế và

Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư chỉ là hai kiếp giáng trần của Đại Tiên Hớn Chung Ly.

Trong TNHT, Nhân Âm Đạo Trưởng có nói về Hớn Lưu Bang đối đãi với tướng sĩ: "Lo ngoài quên trong, che bề trong trau bề ngoài, ấy là cách thức của *Hớn Lưu Bang* đối đãi với tướng sĩ đó, cũng như có xác không hồn, chuộng hữu hình mà quên các huyền bí chơn truyền."

Đức Thái Thượng Đạo Tổ cũng phê bình Hớn Bái Công:

"Xưa, *Hớn Bái Công* chưa phải là chánh đáng một vị minh quân, mà cơ Trời vẫn để cho nghiệp Hớn ba trăm năm quyền bính. Nào tặt đồ hiền tài, hữu thi vô chung, nghe lời sàm tấu, giết người lao công hạn mã. Nếu chẳng phải chí của Trương Lương thì không thể nào khỏi xung tâm oán trách."

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. **TKPD:** Tam Kỳ Phổ Độ.

Hớn rước Diêu Trì

Hớn: Còn đọc là Hán: Nhà Hán bên Tàu. **Diêu Trì:** Đức Diêu Trì Kim Mẫu, tức là Đức Phật Mẫu ở Cung Diêu Trì nơi tầng Trời Tạo Hóa Thiên.

Hớn rước Diêu Trì là vua Hớn Võ Đế rước Đức Phật Mẫu giáng phàm tại sân Hoa Điện vào đêm Trung Thu.

(Xem diễn tích nơi chữ: Diêu Trì Kim Mẫu, văn D)

Hớn Thọ Đình Hầu

漢壽廷侯

Hớn Thọ Đình Hầu là tước Hầu do Hớn Đế phong cho Quan Vân Trường, lúc Quan Vân Trường thất trận, thua Tào Tháo, nên phải về ở trong dinh của Tào Tháo.

Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ nhắc lại thuở Ngài được phong là Hớn Thọ Đình Hầu:

TNHT:

HỚN THỌ ĐÌNH HẦU

Tiết nghĩa trung can Hớn đảnh xây,
 Phò Lưu dựng Thục một lòng ngay.
 Kinh Châu thất thủ nơi Thiên định,
 Khiến Hớn vận suy mới đổi thay.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HỢP**Hợp**

(Xem: Hiệp)

HỦ**Hủ nho**

腐儒

A: Corrupted scholar.

P: Lettré corrompu.

Hủ: mục nát. **Nho:** người trí thức Nho học thời xưa.

Hủ nho là những người Nho học có tư tưởng hẹp hòi, cố chấp, lạc hậu, không dùng được.

TNHT: Lễ Nhạc chẳng hoàn toàn, nhiều đũa cậy tài học giỏi, lượm lật sách xả rác *hủ nho*, mong bài bác đặng vinh mặt.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HUÂN

HUÂN

1. **HUÂN:** 熏 Hơi thơm, xông khói bốc lên thấm dần.
Td: Huân chưng, Huân tập.
2. **HUÂN:** 勳 Công lao lớn.
Td: Huân nghiệp.

Huân chưng

熏蒸

Huân: Hơi thơm, xông khói bốc lên thấm dần. **Chưng:** khí nóng bốc lên giống nấu nước.

Huân chưng là khí nóng bốc lên để cho nó thấm dần.

Thuở Thái Cực phân ra hai Khí: Âm quang và Dương quang, hai khí ấy đùn đẩy nhau, mới *huân chưng* đầm ấm, hoá hóa sanh sanh muôn loài trong vũ trụ.

Huân nghiệp

勳業

A: Great merit.

P: Grand mérite.

Huân: Công lao lớn. **Nghiệp:** công nghiệp.

Huân nghiệp là công nghiệp lớn lao.

Huân tập

熏習

Huân: Hơi thơm, xông khói bốc lên thấm dần. **Tập:** làm nhiều lần cho quen.

Huân tập là tập làm nhiều lần thấm dần cho quen.

Tâm tánh con người thiện hay ác, không phải một ngày một buổi mà thay đổi được, phải trải qua nhiều lần hành động, tư duy, thì thiện ác ấy mới dần dần thấm vào, cũng như mặc áo đi ngoài sương, dần dần áo thấm ướt. Tánh tình của con người cũng phải trải qua sự thấm thấu dần dần, một quá trình xông ướp thì thiện hay ác mới trở thành thật sự.

Tụng kinh niệm Phật, cúng kiếng thường là phương pháp huân tập, cải tạo tánh tình, hướng thiện và hướng thượng, vì tụng niệm lời lành, nhớ tưởng đức tánh tốt đẹp của Tiên, Phật, để tư tưởng thiện lành, lời nói thiện lành, hành động thiện lành, huân tập cho tâm tánh của mình trở nên thiện lành thực sự.

Nghĩa của Huân tập giống như quần áo vốn không thơm, nếu đem quần áo này xông hương nhiều lần thì hương thơm dần dần thấm vào, làm cho quần áo trở nên thơm.

HUẤN

HUẤN

HUẤN: 訓 Dạy bảo, giảng dạy.

Td: Huấn chúng, Huấn đạo.

Huấn chúng

訓眾

A: To instruct the people.

P: Instruire le peuple.

Huấn: Dạy bảo, giảng dạy. **Chúng:** nhiều người, chỉ hơn sanh.

Huấn chúng là dạy bảo hơn sanh.

PMCK: Hội người hữu Chí Linh *huấn chúng*.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Huấn dụ

訓誘

A: To instruct.

P: Instruire.

Huấn: Dạy bảo, giảng dạy. **Dụ:** chỉ bảo cho kẻ dưới.

Huấn dụ là dạy bảo và dẫn dụ.

Huấn đạo bất nghiêm, sư chi đọa

訓導不嚴師之惰

Huấn: Dạy bảo, giảng dạy. **Đạo:** dẫn dắt, răn dạy. **Bất nghiêm:** không nghiêm trang. **Sư:** thầy. **Đọa:** cũng đọa Nọa: lười biếng. (chữ Đọa ở đây là Nọa nên không có nghĩa là đọa đây).

Trong Minh Tâm Bửu Giám, ông Tư Mã Ôn viết rằng:

*Dưỡng tử bất giáo, phụ chi quá,
Huấn đạo bất nghiêm, sư chi đọa (nọa).
Phụ giáo, sư nghiêm, lưỡng vô ngại,
Học vấn vô thành, tử chi tội.*

Nghĩa là:

Nuôi con không dạy là lỗi của cha,
Dạy dỗ không nghiêm là lỗi của thầy (bê trễ).
Cha dạy, thầy nghiêm, cả hai không trở ngại,
Học vấn mà không thành đạt là tội của con.

Huấn hôn

訓婚

A: Instruction of marriage.

P: Instruction de mariage.

Huấn: Dạy bảo, giảng dạy. **Hôn:** việc cưới vợ gả chồng.

Huấn hôn là lời dạy bảo đôi vợ chồng mới cưới trong hôn lễ.

Trong những đám cưới theo nghi thức của Đạo Cao Đài, luôn luôn có một vị Chức sắc trọng tuổi đứng ra thay mặt Hội Thánh, giảng dạy đôi vợ chồng mới cưới, cách thức đối xử cho phải đạo, giữ được hạnh phúc gia đình, trách nhiệm của mỗi người, cho xứng đáng là một tín đồ của Đại Đạo.

Huấn lệnh

訓令

A: Instructions.

P: Instructions.

Huấn: Dạy bảo, giảng dạy. **Lệnh:** lệnh của cấp trên truyền xuống.

Huấn lệnh là bản văn của Hội Thánh hay của Chức sắc cao cấp lãnh đạo gửi xuống các cấp dưới để dạy bảo một điều gì, nên theo đó thì hành thì được dễ dàng và kết quả tốt đẹp.

Huấn thị

訓示

Huấn: Dạy bảo, giảng dạy. **Thị:** bảo cho biết.

Huấn thị, đồng nghĩa Huấn lệnh, là cấp trên ra văn bản dạy bảo cho cấp dưới hiểu biết.

Huấn từ

訓詞

A: The practical advise.

P: La recommandation.

Huấn: Dạy bảo, giảng dạy. **Từ:** lời nói.

Huấn từ là lời dạy bảo, khuyên nhủ của Chức sắc bề trên trong một buổi hội hay buổi lễ. Thường thì vị Chức sắc cao cấp nhất trong buổi lễ ban Huấn từ.

HUÊ

HUÊ

(Xem: Hoa)

HUỆ

HUỆ

1. **HUỆ:** 惠 Ôn, thường nói Ôn huệ.
Td: Huệ chiếu, Huệ duyên, Huệ trạch.
2. **HUỆ:** 蕙 Bông huệ.
Td: Huệ lan.
3. **HUỆ:** 慧 còn đọc TUỆ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.
Td: Huệ đấng, Huệ kiếm.

Huệ

慧

A: The wisdom, enlightenment.

P: La sagesse, l' éclaircissement.

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội. Người miền Nam đọc là Huệ, người miền Bắc đọc là Tuệ. Huệ, tiếng Phạn là Prajnâ: phiên âm Bát nhã.

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn thì:

Huệ, ấy là cái đức dụng sáng suốt, thông hiểu sự và lý, dứt điều lầm lạc và mê muội, có lòng quyết định, diệt hết sở nghi. Thường nói: **Trí huệ**. Trí và Huệ là hai chữ đồng nghĩa, nhưng có khác chút ít: người ta dùng chữ Trí mà nói về thế gian, về sự hữu vi; còn chữ Huệ thì dùng để nói về việc xuất thế gian, việc đạo đức, về lý vô vi mà thôi.

■ Huệ có nhiều bậc:

- Những ai năng tụng kinh điển, nghe thầy giảng giải đạo lý, ăn ở tinh sạch, bỏ những vui sướng theo thể thường, vừa suy xét tham thiền, thì đã thấy Huệ phát hiện ra nơi mình rồi.
- Cao hơn nữa, có những bậc Huệ của La Hán, Duyên giác, Bồ Tát.
- Huệ hoàn toàn là cái Huệ của Phật, to lớn và sáng suốt hơn Huệ của các vị đắc đạo. Cái Huệ của Phật, viết theo Phạn: Tát Bà Nhã (Sarvajna), cũng gọi: Nhứt thiết Trí, là Trí Huệ biết tất cả sự vật, hữu vi, vô vi, quá khứ, hiện tại, vị lai.

■ Huệ là một sự học trong Tam Học.

Ba sự tu học là: Giới, Định, Huệ đều quan hệ mật thiết với nhau. Có tu Giới mới sanh Định, nhờ Định mới phát Huệ. Phát Huệ rồi thì dứt mê hoặc, đắc chơn lý.

■ Huệ là một nền hạnh lớn, hạnh thứ sáu trong Lục Độ.

Bồ Tát cần phải trải qua các đời tu cho đủ Lục Độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí Huệ.

Lục Độ đầy đủ thì đưa Bồ Tát lên quả vị Phật.

■ Huệ là một môn trong nhị môn mà Bồ Tát cần phải tu hành: Phước môn và Huệ môn.

Bồ Tát, chẳng những phải tu phước là đem lòng từ mà tế thế độ sanh, lại phải tu Huệ là đọc tụng kinh điển và tham thiền thì mới mau thành Phật. Ấy gọi là Phước Huệ Song Tu.

■ Có Tam Huệ, tức là ba cách phát Huệ:

1. **Văn Huệ:** Nhờ nghe kinh, đọc kinh mà phát Huệ; nhờ nghe thầy, bạn chỉ dạy mà phát Huệ.
2. **Tư Huệ:** Nhờ suy xét mà phát Huệ.
3. **Tu Huệ:** Nhờ tu thiền định mà phát Huệ.

Huệ chiếu

惠照

A: To grant a favour.

P: Accorder une faveur.

Huệ: Ơn, thường nói Ơn huệ. **Chiếu:** rọi tới.

Huệ chiếu là chiếu ơn huệ tới, tức là ban cho ơn huệ.

BDR: Thiên ân huệ chiếu giáng thiên minh.

BDR: Bài Dâng Rượu.

Huệ duyên

惠緣

Huệ: Ơn, thường nói Ơn huệ. **Duyên:** mối dây ràng buộc được định sẵn.

Huệ duyên là có cái duyên may được hưởng ơn huệ.

BDH: Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.

BDH: Bài Dâng Hoa.

Huệ đăng

慧燈

A: The lamp of wisdom.

P: La lampe de sagesse.

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.
Đăng: cái đèn đốt lên cho sáng.

Huệ đăng là cây đèn trí huệ.

Sự giác ngộ được ví như ngọn Huệ đăng, phát ra ánh sáng đẩy lui sự tăm tối, u mê, lầm lạc, phá vỡ bức màn vô minh, đưa con người từ bến mê sang bờ giác.

PG: Huệ đăng bất diệt, chiếu tam thập lục Thiên....

PG: Phật Giáo (Kinh Phật Giáo).

Huệ khiếu

慧竅

A: The opening of the wisdom.

P: L'ouverture de sagesse.

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.
Khiếu: cái lỗ hổng trong cơ thể con người.

Huệ khiếu là cái khiếu thông minh sáng suốt của con người.

Đối với một người bình thường thì cái khiếu này bị bít lại. Cái Huệ khiếu như một cửa ải chặn đứng các luồng như điện trong cơ thể, không cho chạy ngang qua, tách rời hai mạch Nhân và Đốc. Nó chính là cái Khiếu Huyền Quan ở tại Nê hoàn cung trên đỉnh đầu. Nếu khiếu này được Ôn Trên dùng điển quang mở ra cho thông suốt, hoặc do công phu tu luyện, thì lúc đó, trí não con người trở nên sáng suốt, thông hiểu được những việc huyền bí, chứng ngộ được chơn lý, tức là đắc đạo tại thế vậy. (Xem: **Huyền Quan Khiếu**)

Huệ kiếm

慧劍

A: The sabre of wisdom.

P: Le sabre de sagesse.

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.
Kiểm: cây gươm.

Huệ kiếm là cây kiếm trí huệ.

Đây là nói thí dụ, người tu khi đạt được trí huệ rồi thì phải dùng cái trí huệ này làm như cây kiếm để quyết thắng Lục tặc, Tam độc, chặt đứt mọi phiền não và oan trái, để chơn thần được nhẹ nhàng, thông dong trở về cõi thiêng liêng.

KKCĐTTT: Nắm cây *huệ kiếm* gươm thần,
Dứt tan sự thế, nợ trần từ đây.

KKCĐTTT: Kinh Khai Cứu, Đại Tường, Tiểu Tường.

Huệ lan

蕙蘭

A: Lilies and orchids.

P: Lys et orchidées.

Huệ: Bông huệ. **Lan:** hoa lan.

Huệ lan là bông huệ và hoa lan, hai loại hoa đều có mùi thơm dịu dàng thanh khiết. Từ ngữ Huệ lan dùng để chỉ:

- Người có đức tốt.
- Người con gái đức hạnh.
- Đôi bạn tốt hòa hợp nhau.

Huệ Mạng Kim Tiên

慧命金仙

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.

Mạng: cái mạng sống của con người.

Huệ mạng là lấy cái trí tuệ làm mạng sống cho mình.

Ý nói: người tu đã đạt được trí tuệ.

Kim Tiên là phẩm vị Thiên Tiên, đối phẩm Phật.

Huệ Mạng Kim Tiên là Đạo hiệu của Ông Đạo Nhỏ, tu đắc đạo tại Linh Sơn Động trong núi Bà Đen.

Ngài có pháp danh là Tánh Thiên, thường gọi ông Đạo Nhỏ, vì dáng người ông nhỏ thó, chuyên làm công quả gánh nước cho chùa, cung cấp nước uống cho khách thập phương khi đến viếng chùa lễ Phật. Ông tu đạt được trí tuệ và thần thông, thường đi xuống núi cứu độ người đời.

TNHT: "Nguyên từ buổi bế Đạo, tuy chánh pháp ra cũ mặc dầu, chớ kỳ trung thọ đắc kỳ truyền. Luật lệ tuy cũ chớ Đạo vẫn như nhiên. Do công đức mà đắc đạo cùng chẳng.

Nhưng mà có một điều là Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cổ, nên tu nhiều mà thành ít.

Vì vậy mà các con coi thử lại, từ 2000 năm nay, bên Á Đông này đã đặng bao nhiêu Tiên, Phật. Các con duy biết có một mình *Huệ Mạng Kim Tiên* mà thôi."

Huệ Mạng Kim Tiên cũng gọi là Huệ Mạng Trường Phan, có giáng cơ cho thi, in trong phần Thi Tập của TNHT:

HUỆ MẠNG TRƯỜNG PHAN

Trước ước cùng nhau sẽ hiệp vầy,
 Nào dè có đặng buổi hôm nay.
 Gìn lòng tu niệm cho bền chí,
 Bồng đảo ngày nay đặng hiệp vầy.

Tây Ninh tu luyện động Linh Sơn,
 Chẳng quản mùi trần với thiết hơn.
 Trăm đắng ngàn cay đành một kiếp,
 Công hầu vương bá dám đâu hơn.
 (23-12-1925)

Chúng tôi sưu tập được một bài Thánh giáo của Huệ Mạng Kim Tiên, xin chép ra sau đây:

Thanh Trước đàn, đêm 12-7-Nhâm Thìn (31-8-1952)

HUỆ MẠNG KIM TIÊN

Mừng mấy em nam nữ.

Bần đạo nhìn thấy lòng ngưỡng mộ đạo đức của mấy em, nên nhơn lúc rảnh, ghé đề đôi lời chỉ biểu.

THI:

*Vô thượng danh đề ngã tự linh,
 Bất năng luyến tục tầy văn thinh.
 Chơn tu sơn tháp Bà Đen thị,
 Nhứt Phật hạ nguơn đắc vị vinh.*

Bần đạo tưởng lại oai nghi như Tần, Trụ, thử hỏi danh đề tại chốn nào? Còn như tặng đồ mã kiếp háo danh lừa sanh chúng, hưởng của thập phương rồi lo thân giải thoát, hỏi cũng danh gì? Cười....

Thật Bần đạo chẳng phải người Việt hoặc một chủng sắc văn minh, nhưng nhờ được chí hy sinh tâm phượng cứu khổ cho toàn bôn dân đến cơ thoát khổ, chẳng tưởng hư danh, không màng tư lợi, nhờ đó mà đắc quả.

Bạch: - Ngài là Đức Huệ Mạng Kim Tiên phải chăng?

- Phải. Mừng đã hiểu được Bần đạo. Nhân lúc Việt chủng lâm nàn, Bần đạo khuyên mấy em nên nhớ danh đề trên bóng cờ cứu khổ, chớ xao lãng. Nên nhìn đời giả tạm, chỉ tưởng mảnh hình hài là của Chí Linh cho Vạn linh, rồi nhớ đến con đường hằng sống. Cười Bần đạo nói tiếng Việt coi không suông, nhưng không sao.... Cười....

Bạch: - Cầu xin Đức Ngài cứu độ đệ tử Bạch Vân.

- Phải. Nhưng quả nghiệp trả vay, vay nhiều nên thiếu nợ, ráng! Thánh địa phải được hoàn toàn, còn nhiều bất trắc, bởi vậy mà chưa yên. Nhon nghĩa, nghĩa nhơn lo tròn vui đẹp đó. Cận nhựt hữu đại tai, khả định chí trụ tâm. Đạo Cao, Cao Đạo, khổ bất cụ, bất cụ tất thành công.

Mấy em ráng nhớ, Bàn đạo kiếu. THĂNG.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Huệ nhãn

慧眼

A: The eye of wisdom.

P: L'oeil de la sagesse.

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.

Nhãn: con mắt.

Huệ nhãn là con mắt trí huệ, tức là thấy được bằng trí huệ chứ không thấy phải bằng mắt phàm.

Huệ nhãn đồng nghĩa: Đạo nhãn, Huệ mục.

Người tu hành mở được Huệ nhãn thì thấy được cái chơn không vô tướng của mọi pháp, tức là thấy xuyên suốt rõ thấu tất cả, không gì cản trở được như đối với mắt phàm.

Huệ quang

慧光

A: The light of wisdom.

P: La lumière de la sagesse.

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.

Quang: ánh sáng.

Huệ quang là ánh sáng của trí huệ.

Cái trí huệ đầy đủ thì sáng ngời. Như Phật, có thể phát Huệ quang chiếu ra khắp cả. Chúng sanh nào được Huệ quang của Phật chiếu tới thì rất hạnh phúc, dầu đang bị đọa trong tam đồ cũng được giải thoát ngay.

Huệ trạch

惠澤

A: Kindness.

P: Bienfait.

Huệ: Ơn, thường nói Ơn huệ. **Trạch:** ơn. Huệ trạch là ơn huệ.

TG: Đa thi *huệ trạch*, Vô lượng độ nhơn.

TG: Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.

HUNG

HUNG

HUNG: 凶 Dữ tợn, ác.

Td: Hung hoang, Hung triều.

Hung hoang

凶荒

A: Wicked.

P: Méchant.

Hung: Dữ tợn, ác. **Hoang:** không kèm chế.

Hung hoang là hung dữ, không sợ một ai.

Hung hoang đãng tử: con nhà hung dữ, chơi bời lêu lổng, phá hại xóm làng.

KSH: Lại có kẻ *hung hoang* ác nghiệt,
Cướp giết rồi chém giết mạng người.

KSH: Kinh Sám Hối.

Hung triều

凶兆

A: Bad omen.

P: Mauvais présage.

Hung: Dữ tợn, ác. **Triệu:** cái điềm báo trước.
Hung triệu là cái điềm xấu.

HUỒN (HOÀN)

HUỒN

1. **HUỒN:** 還 Quay về, trở lại, trả lại.
 Td: Huồn hồn, Huồn hư.
2. **HUỒN:** 丸 Viên tròn.
 Td: Huồn xá lợi.

Huồn hồn

還魂

A: To come back one's soul.

P: Revenir son âme.

Huồn: Quay về, trở lại, trả lại. **Hồn:** linh hồn.
Huồn hồn là hoàn trả linh hồn cho sống trở lại.
PMCK: *Huồn hồn chuyển đọa vi thăng.*

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Huồn hư

還虛

A: To return in the Nothingness.

P: Rentrer dans le Néant.

Huồn: Quay về, trở lại, trả lại. **Hư:** trống không, cõi hư linh.

Huồn hư là trở về hư vô, tức là đạt được sự mầu nhiệm.

KĐ9C: Cung Trí Giác trụ tinh thần,
Huồn hư mầu nhiệm thoát trần đăng Tiên.

KĐ9C: Kinh Đệ Cửu cửu.

Huòn nguyên chơn thần

還原真神

Huòn: Quay về, trở lại, trả lại. **Nguyên:** gốc. **Chơn thần:** xác thân thiêng liêng.

Hoàn nguyên là trở lại cái gốc buổi đầu.

Hoàn nguyên chơn thần là đem cái chơn thần trở về cái gốc ban đầu, tức là làm cho Tam bửu Tinh Khí Thần hiệp nhưt, tạo thành chơn thần huyền diệu, đắc đạo tại thế.

TNHT: Phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật, từ ngày bị bế Đạo, thì luật lệ hơi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tẩn Thần, không cho hiệp cùng Tinh, Khí. Thầy đến đặng *huòn nguyên* chơn thần cho các con đắc đạo.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Huòn xá lợi

丸舍利

A: The relic of Buddha.

P: La relique de Bouddha.

Huòn: Viên tròn. **Xá lợi:** Sau khi Đức Phật Thích Ca tịch diệt, thể xác của Phật được hỏa thiêu, trong mớ tro tàn, có những viên tròn nhỏ, màu trắng như ngọc, được gọi là ngọc xá lợi. Các hột ngọc xá lợi này được thu giữ cẩn thận, phân phát cho các vua để lập đền thờ phượng. Thờ ngọc xá lợi tức là thờ Phật.

Huòn xá lợi là hột ngọc xá lợi, chỉ Đức Phật.

KHH: Ngó Cục Lạc theo huòn xá lợi.

(Nghĩa là: Nhìn về phía CLTG để theo về với Phật).

KHH: Kinh Hạ Huyệt.

CLTG: Cục Lạc Thế giới.

HUY

Huy lụy

揮淚

A: To shed tears.

P: Verser des larmes.

Huy: vãi ra, rơi. **Lụy:** còn đọc là Lệ: nước mắt.

Huy lụy là rơi nước mắt.

Hai chữ Huy lụy thường được đặt sau cùng trong một bài điệu văn để bày tỏ lòng đau đớn thương tiếc người chết.

HÚY

HÚY

HÚY: 諱 Kiêng cử, tránh.

Td: Húy kỵ, Húy nhật.

Húy kỵ

諱忌

A: To abstain.

P: S'abstenir.

Húy: Kiêng cử, tránh. **Kỵ:** cấm.

Húy kỵ là kiêng cử không dùng.

Húy nhật

諱日

A: Anniversary day of the death.

P: Anniversaire du mort.

Húy: Kiêng cử, tránh. **Nhật:** ngày.

Húy nhật là ngày giỗ.

HỦY

Hủy báng

毀謗

A: To slander.

P: Médire.

Hủy: nói xấu, chế diễu. **Báng:** nói xấu người khác.

Hủy báng là chê bai, nói xấu người khác.

Hủy báng tôn giáo: Chê bai, chế diễu, nói xấu tôn giáo.

Hủy phá tiêu diệt

毀破消滅

Hủy: phá cho tan nát. **Tiêu diệt:** làm cho mất đi.

Hủy phá tiêu diệt là phá cho tiêu tan mất hết.

TNHT: Thời kỳ mạt pháp này khiến mới có TKPD, các sự hữu hình phải *hủy phá tiêu diệt*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

HUYÊN

Huyền đường

萱堂

A: The mother.

P: La mère.

Huyền: cỏ huyền, chỉ người mẹ. **Đường:** nhà.

Cỏ huyền, Hán văn gọi là Huyền thảo, là loại cỏ có lá giống như lá xương bồ, nhưng nhỏ hơn, có hoa màu vàng hay đỏ. Bông và đọt dùng để ăn gọi là Kim châm. Thứ cỏ này mềm,

đẹp, làm vui mắt, giải được phiền muộn, nên còn được gọi là Vong ưu thảo.

Vì thế, người ta ví cỏ huyền với người mẹ, có ý nói: người mẹ hiền dịu dàng thì con cái trong nhà vui vẻ.

Huyền đường, dịch là nhà huyền, chỉ mẹ hiền.

KTHĐMP: Thương những thuở *huyền đường* ôm ấp.

KTHĐMP: Kinh Tụng Huỳnh Đệ Mãn Phần.

HUYỀN

HUYỀN

HUYỀN: 玄 Màu đen, sâu kín, màu nhiệm.

Td: Huyền diệu, Huyền đồng.

Huyền công

玄功

A: The magic power.

P: Le pouvoir magique.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Công:** công phu, sự vất vả khó nhọc.

Huyền công là công phu luyện tập các phép biến hóa huyền diệu.

Trong Tây Du Ký, Tề Thiên và Dương Tiễn học được 72 phép biến hóa huyền diệu, gọi là Thất thập nhị Huyền công.

KĐ5C: Phép *huyền công* trụ nghĩa hóa thân.

KĐ5C: Kinh Đệ Ngũ cửu.

Huyền diệu Tiên gia

玄妙仙家

A: The miraculous power of Immortals.

P: Le pouvoir miraculeux des Immortels.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Diệu:** khéo léo. **Tiên gia:** các vị Tiên.

Huyền diệu Tiên gia là các phép thuật màu nhiệm của các vị Tiên.

Việc Cầu cơ và Chấp bút là các Đấng Tiên, Phật dùng huyền diệu Tiên gia để dạy Đạo lý cho nhơn sanh. Nhờ dùng huyền diệu Tiên gia về Cơ Bút, Đức Chí Tôn trong thời TKPD khỏi giáng sanh xuống cõi trần, chỉ dùng cơ bút giảng dạy đạo lý, lập nên một nền Đại Đạo chơn thật cho nước VN, gọi là Đạo Cao Đài, độ rỗi toàn cả nhơn sanh trong thời Hạ nguơn mặt kiếp, trước khi mở Đại Hội Long Hoa.

TKPD: Tam Kỳ Phổ Độ.

Huyền đồng

玄同

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Đồng:** cùng, hòa hợp vào.

Huyền đồng là hòa hợp vào cái sâu kín của vũ trụ, tức là hòa hợp vào Đại Hồn của vũ trụ.

Đây là một chủ trương của Lão Tử, nên trong Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử viết:

*Tri giả bất ngôn,
Ngôn giả bất tri.
Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn,
Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân,
Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần,
Thị vị Huyền đồng.*

Nghĩa là:

Người biết không nói,
Người nói không biết.
Chận các lối vào, đóng cửa vô,
Giữa mơn tinh nhuệ, gỡ bỏ rối bời.
Hòa vào ánh sáng, đồng cùng bụi bặm,
Ấy gọi là Huyền đồng.

Sách Trang Tử, chương Trí Bắc Du chép:

Trí đi chơi phương Bắc, tới Huyền Thủy, lên núi Ấn Phần, gặp Vô Vi Vị. Trí hỏi Vô Vi Vị:

- Tôi xin hỏi ông ba câu: Nghĩ làm sao, lo làm sao mà biết được Đạo? Dựa vào đâu, làm cách nào mà hiểu được Đạo? Theo đâu và đi đường nào mà tìm được Đạo?

Trí hỏi ba câu, Vô Vi Vị không đáp. Không phải không đáp mà không biết đáp ra sao.

Hỏi không được, Trí trở về Bạch Thủy, lên núi Hồ Quyết, gặp Cuồng Khuất. Trí lại đem ba câu hỏi ấy hỏi Cuồng Khuất. Cuồng Khuất đáp: - Ồ! Tôi biết, để tôi nói cho nghe.

Nhưng nói tới đó thì lại ấp úng như vừa định nói đã quên mất mình định nói gì.

Trí không hỏi ai được, bèn quay trở về Đế cung ra mắt Hoàng Đế để hỏi cho ra lẽ. Hoàng Đế đáp:

- Không nghĩ, không lo mới biết Đạo. Không dựa vào đâu, không làm gì mới rõ Đạo. Không theo đàn, không đi đường nào cả mới được Đạo.

Trí lại hỏi Hoàng Đế: - Tôi và ông biết Đạo chẳng? Còn hai người kia không biết Đạo chẳng? Ai đúng, ai sai?

- Vô Vi Vị mới thật là đúng. Cuồng Khuất cũng vậy. Chỉ có tôi và Ông là không gần Đạo mà thôi.

Vả chẳng, người biết thì không nói, người nói thì không biết. Nên bậc Thánh nhân mới thực hành cách dạy không cần lời. Đạo thì không nhận được, Đức thì không thể hiểu được.

Còn như Nhân Nghĩa (là đạo hữu vi) có thể nhìn thấy được, có thể làm được. Còn Lễ là chỉ để lừa dối người nên nói: Mất Đạo rồi mới có Đức, mất Đức rồi mới có Nhân, mất Nhân rồi mới có Nghĩa, mất Nghĩa rồi mới có Lễ. Lễ là cái phù hoa của Đạo, là đầu mối của loạn.

Theo Đạo thì phải càng ngày càng giảm, giảm rồi giảm mãi cho đến chỗ VÔ VI, không làm mà không có gì không làm.

Con đường Huyền Đồng của Lão Tử có 3 giai đoạn:

1.- Tách rời, không còn bị ngoại cảnh chi phối. Đó chính là giai đoạn tẩy tâm, gạt đục khơi trong tâm hồn.

2.- Xuất thần, chiêm nghiệm được đạo tâm và đạo thể.

3.- Giai đoạn Huyền Đồng, huyền hóa với Thượng Đế.

Ba giai đoạn Huyền đồng của Lão Tử ở trên giống như: Giới, Định, Huệ, tam học của nhà Phật.

Huyền học - Huyền môn

玄學 - 玄門

A: The occultism.

P: L'occultisme.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Học:** học thuyết, môn học. **Môn:** cửa.

Huyền học là môn học về Huyền, tức là cái học về bản thể của Đạo, cái nguyên lý khởi đầu của CKVT và vạn vật.

Huyền môn là cái cửa đi và Huyền học.

Trong sách Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử giải về chữ Đạo, có nói về Huyền: "Đồng chi vị Huyền, Huyền chi hựu Huyền, chúng diệu chi môn." Nghĩa là: vẫn chỉ là Huyền, Huyền rồi lại Huyền, cửa ngõ của mọi biến hóa huyền diệu.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Huyền khung

玄穹

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Khung:** hình khum tròn cao và rộng.

Huyền khung là cái vòm Trời cao rộng, sâu kín.

Huyền linh

玄靈

A: Mysterious and divine.

P: Mystérieux et divin.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Linh:** thiêng liêng.

Huyền linh là huyền diệu thiêng liêng.

KKTD: Tăng *huyền linh* giác ngộ chí thành.

KKTD: Kinh khi thức dậy.

Huyền phạm

玄範

A: The heavenly laws.

P: Les lois célestes.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Phạm:** cái khuôn phép.

Huyền phạm là cái khuôn phép huyền diệu của Trời.

KNHTĐ: *Huyền phạm* quảng đại, Nhứt toán

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Huyền pháp

玄法

A: The miraculous power.

P: Le pouvoir miraculeux.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Pháp:** phép thuật.

Huyền pháp là phép tắc huyền diệu.

KĐ2C: Đã thấy đủ Thiên đình *huyền pháp*.

KĐ2C: Kinh Đệ Nhị cửu.

Huyền Quan khiếu

玄關竅

A: The mysterious hole under sternum.

P: Le trou mystérieux sous le sternum.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Quan:** cái cửa ải.
Khiếu: cái lỗ hổng trong cơ thể con người.

Huyền Quan khiếu, còn được gọi bằng nhiều tên khác là: Huyền khiếu, Tổ khiếu, Thượng đan điện, Thiên môn, Côn lân

đảnh. Nó ở trong bộ não, phía dưới Nê hoàn cung, ngang cặp lông mày, là cửa xuất nhập của chơn thần.

"Người tu hành, chùng nào luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần huồn Hư, luyện Hư huồn Vô, thì Huyền Quan nhứt khiếu ấy mở hoá ra.

Huyền Quan nhứt khiếu ấy là chi? là Thiên Nhãn vậy. Nó ở ngay Nê huồn cung, gom trọn chơn dương chánh đạo.

Phép biến hóa từ đầu suốt cuối,
Khai Huyền Quan tánh muội đắc thông.
Toàn tri hiển hiện chốn không,
Huyền quan khai xuất, nhãn thông côn đoài."

(Trích ĐTCG, trang 70)

Trong Kinh Huyền Diệu Cảnh, ông Ly Trần Tử có nói:

"Chỉ có một khiếu Huyền Quan là vua trong các khiếu..."

Vậy trong mình người mà chẳng được khiếu Huyền Quan thì thân không chủ, đến phải nhọc Thần, hại Trí, tửu sắc đam mê, chẳng đặng sống lâu..."

Huyền Quan kiếu thuộc Tiên Thiên khiếu, phân biệt với Thất khiếu (2 tai, 2 mắt, 2 mũi, 1 miệng) là Hậu Thiên khiếu. Người tu luyện công phu thâm hậu, đạt tới giai đoạn cực tĩnh thì Huyền Quan khiếu xuất hiện, mở ra. Lúc này, Tiên Thiên khí ra vào qua khiếu Huyền Quan. Nó là then chốt của tất cả các khiếu trong cơ thể. Khiếu Huyền Quan mở ra là phép luyện đạo đã đắc thành rồi vậy.

Người tu thực hành các phép luyện đạo có mục đích khai thông khiếu Huyền Quan, bằng cách thúc đẩy luồng chơn khí trong cơ thể đánh phá dần dần, làm cho Huyền khiếu (bị vô minh đậy bít) được khai thông, trí não phát sáng, thông huệ lạ thường, thấu suốt chơn lý. Chơn thần nhờ đó mà có thể xuất nhập thể xác đi đến các cõi thiêng liêng.

Thánh và phàm chỉ khác nhau ở chỗ: Khiếu Huyền Quan mở hoá ra hay đóng bít lại.

PG: Phá nhứt khiếu chi *huyền quan*, tánh hiệp vô vi,....

PG: Phật Giáo (Kinh Phật Giáo).

ĐTCG: Đại Thừa Chơn Giáo.

Huyền Thiên

玄天

A: Buddha-Mother.

P: Bouddha-Mère.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Thiên:** Trời.

Huyền Thiên là nói tắt của danh hiệu: Cửu Thiên Huyền Nữ. Do đó Huyền Thiên là chỉ Đức Phật Mẫu.

KVÁC: Nhớ ơn bảo mạng *Huyền Thiên*,

KVÁC: Kinh vào ăn cơm.

Huyền vi

玄微

A: Subtle.

P: Subtil.

Huyền: Màu đen, sâu kín, màu nhiệm. **Vi:** rất nhỏ.

Huyền vi là sâu kín nhỏ nhất, không thể thấy và biết rõ.

Máy huyền vi là máy Trời.

TNHT: Cơ Tạo *huyền vi* chớ hững hờ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HUYỄN

Huyễn thân

幻身

A: The illusory body.

P: Le corps illusoire.

Huyễn: giả mà xem giống như thật. **Thân:** thân mình.

Huyễn thân là giả thân, cái xác thân giả tạm, mà Phật giáo cho rằng nó không có thật.

Theo Phật giáo, xác thân của con người do Tứ đại giả hợp kết thành. Tứ đại là: Đất, nước, gió, lửa. Vì do Tứ đại giả hợp nên đến một lúc nào đó thì nó phải tan rã tiêu mất.

Thiền sư Vạn Hạnh đời Lý có câu: "*Nhân thân như điện, hữu hoàn vô.*" Nghĩa là: Cái thân thể của con người giống như ánh điện chớp, có rồi không.

Kinh Viên Giác có câu: "*Huyễn thân diệt cố, huyễn tâm diệt diệt.*" Nghĩa là: Cái thân huyễn mất nên cái tâm huyễn cũng mất. Huyền thân là xác thân phàm, huyễn tâm là cái tâm phàm tục. Cái nào phàm thì nhứt định phải tiêu diệt.

Trái với Huyền là Chơn. Chơn thân là cái xác thân chơn thật, tức là cái xác thân thiêng liêng, thường gọi là chơn thân, nó mãi mãi trường tồn, bất tiêu bất diệt.

HUYẾT

HUYẾT

HUYẾT: 血. Máu, dòng máu.

Td: Huyết mạch, Huyết thống.

Huyết mạch đồng môn

血脈同門

Huyết: Máu, dòng máu. **Mạch:** đường dẫn máu chạy trong cơ thể. **Huyết mạch:** dòng máu chảy, ý nói anh chị em ruột. **Đồng môn:** cùng một cửa, ý nói cùng một Đạo.

Huyết mạch đồng môn là anh chị em ruột có cùng chung một Đạo với nhau.

Bài thài Em tế Anh Chị ruột:

Huyết mạch đồng môn nghĩa mặn nồng.

Huyết nhục tương liên

血肉相憐

Huyết: Máu, dòng máu. **Nhục:** thịt. **Tương:** lẫn nhau.
Liên: cũng đọc là Lân: thương. **Huyết nhục:** ý nói anh chị em ruột.

Huyết nhục tương liên nghĩa là anh chị em ruột thì thương yêu nhau.

Huyết thống

血統

A: The consanguinity.

P: La consanguinité.

Huyết: Máu, dòng máu. **Thống:** đời đời nối dõi không dứt.

Huyết thống là hệ thống huyết tộc, tức là những người có cùng một tổ tiên, có cùng một dòng máu, cùng một dòng dõi.

Huyết tộc là cùng một dòng máu trong một họ.

HUYNH

HUYNH

HUYNH: 兄 Anh, người đàn anh.

Td: Huynh đệ, Huynh trưởng.

Huynh đệ như thủ túc

兄弟如手足

A: Brothers are like hands and feet.

P: Frères sont semblables bras et jambes.

Huynh: Anh, người đàn anh. **Đệ:** em. **Thủ:** tay. **Túc:** chân.

Huynh đệ như thủ túc: Anh em như thể chân tay.

Ý nói: Anh em ruột thịt thì phải thương yêu, giúp đỡ nhau, vì cùng một gốc mà ra.

Ông Trang Tử có nói rằng:

*Huynh đệ như thủ túc,
Phụ phụ như y phục.
Y phục phá thời cánh đắc tân,
Thủ túc đoạn thời nan tái tục.*

Nghĩa là:

Anh em như chân tay,
Vợ chồng như quần áo.
Áo quần rách thì lại may mới được,
Chân tay đứt lia thì khó nối lại được.

Huynh đệ tương tàn

兄弟相殘

A: Brothers kill one another.

P: Frères s'entretuent.

Huynh: Anh, người đàn anh. **Đệ:** em. **Tương:** lẫn nhau.
Tàn: giết hại.

*Huynh đệ tương tàn là anh em ruột giết hại lẫn nhau.
Đó là cảnh nòi da xáo thịt.*

Huynh trưởng

兄長

A: Elder, predecessor.

P: Aîné, prédécesseur.

Huynh: Anh, người đàn anh. **Trưởng:** lớn, cả, đứng đầu.
*Huynh trưởng là bậc đàn anh.
Trưởng huynh là anh cả.*

HUỲNH (HOÀNG)

HUỲNH

HUỲNH: 黃 còn đọc là Hoàng: Màu vàng.
Td: Huỳnh đạo, Huỳnh lương.

Huỳnh đạo

黃道

Huỳnh: còn đọc là Hoàng: Màu vàng. **Đạo:** tôn giáo.

Huỳnh đạo dịch ra là: Đạo vàng, Phái vàng, chỉ Đạo Cao Đài.

(Xem: Thiên khai Huỳnh đạo)

Huỳnh Kim Khuyết

黃金闕

Huỳnh: còn đọc là Hoàng: Màu vàng. **Kim:** vàng (kim loại).

Khuyết: cái cổng lớn vào đền vua. Huỳnh kim là vàng ròng.

Vàng là vua loài kim, Ngọc là vua loài đá. Vàng và Ngọc rất quý báu và đẹp, nên được dùng làm các vật dụng của vua hay trang trí trong đền vua.

Huỳnh Kim Khuyết là cái cổng lớn làm bằng vàng ròng, để đi vào Linh Tiêu Điện, nơi họp Thiên triều của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế nơi cõi thiêng liêng.

KNHTĐ: Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,
Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Huỳnh Lão (Hoàng Lão)

黃老

Có hai trường hợp:

1. **Huỳnh:** vua Huỳnh Đế. **Lão:** Đức Lão Tử.

Vua Hoàng Đế hay Huỳnh Đế (Hiên Viên Huỳnh Đế) được vị Đại Tiên Quảng Thành Tử (học trò của Lão Tử) dạy phép tu luyện theo đạo Tiên, vua và hoàng hậu đều đắc đạo, có rồng bay xuống rước cả hai vợ chồng về thượng giới.

Đạo Hoàng Lão là đạo của vua Hoàng Đế và Lão Tử. Đó chính là đạo Tiên mà Đức Lão Tử làm Giáo chủ.

2. **Huỳnh:** màu vàng, thuộc Thổ, ở trung ương. **Lão:** ông già.

Huỳnh Lão là Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói: Trên Ngọc Hư Cung nơi cõi thiêng liêng có treo đôi liễn:

*Bát hồn vận chuyển ca Huỳnh Lão,
Vạn vật đồng tinh niệm Chí Tôn.*

Nghĩa là:

Tám phẩm chơn hồn vận chuyển, ca tụng Đức Chí Tôn,
Vạn vật cùng cất tiếng niệm danh hiệu Đức Chí Tôn.

Huỳnh lương mộng

黃梁夢

A: The yellow-millet dream.

P: Le rêve de millet-jaune.

Huỳnh: còn đọc là Hoàng: Màu vàng. **Lương:** bắp, kê.

Mộng: chiêm bao.

Huỳnh lương mộng là giấc mộng kê vàng.

Ý nói: Danh vọng, giàu sang, giống như một giấc chiêm bao mà thôi. (Xem điển tích nơi chữ: Bát Tiên, mục Lữ Đồng Tân)

Huỳnh tuyền (Hoàng tuyền)

黃泉

A: Yellow source: The Hell.

P: Source jaune: L'Enfer.

Huỳnh: còn đọc là Hoàng: Màu vàng. **Tuyền:** suối.

Huỳnh tuyến hay Hoàng tuyến, dịch là Suối vàng.

Màu vàng, thuộc thổ. Suối vàng là dòng suối trong lòng đất, nên chỉ cõi Địa phủ hay Âm phủ, cõi của người chết.

HƯ

HƯ

HƯ: 虛 dùng với hai nghĩa sau đây:

1. **HƯ:** không thực, giả, dối, sai, hư hỏng.
Td: Hư danh, Hư sanh.
2. **HƯ:** trống không nhưng rất huyền diệu.
Td: Hư không, Hư Vô.

Hư danh

虛名

A: Vain glory.

P: Vaine gloire.

Hư: không thực, giả, dối, sai, hư hỏng. **Danh:** tiếng tăm.

Hư danh là tiếng tăm không thực, không xứng đáng.

Ý nói: Người có tiếng tăm mà không có thực tài.

Kẻ tiểu nhân thì hay chuộng hư danh.

Hư không

虛空

A: Nothingness, Nihilicity.

P: Néant, Nihilité.

Hư: trống không nhưng rất huyền diệu. **Không:** trống rỗng, không có gì.

Hư không là cõi mà mắt phàm không thấy gì cả, cho nó là trống không.

Cõi Hư không bao gồm tất cả thể giới, vô tận vô biên.

Từ ngữ Hư không là nói tương đối với con mắt phàm của con người phàm. Thật sự thì trong Hư không có đủ tất cả mà chỉ vì mắt phàm không thấy được mà thôi. Vậy không có gì là Hư không hết, chỉ có điều là mắt phàm thấy được hay không thấy được. Đối với cặp mắt thiêng liêng thì mọi sự rất rõ ràng.

Thí dụ như cái bánh xe, khi quay chậm thì chúng ta thấy rõ từng cây cãm, nhưng khi bánh xe quay thật nhanh, chúng ta không còn thấy các cây cãm nữa, mà chỗ đó thấy trống không, như không có gì. Ta bảo chỗ đó là Hư không.

Nhưng nếu chúng ta thọc tay vào chỗ Hư không đó thì tay chúng ta bị các cây cãm đập ngay.

Cõi Hư không bao gồm 3 ý nghĩa sau đây:

- Rộng lớn vô cùng, vô tận vô biên.
- Trường tồn bất diệt.
- Thấy không có gì mà trong đó có tất cả.

Có nhiều thứ mà mắt phàm không thấy được rồi cho đó là trống không, như trong không khí mà ta đang thở, có biết bao phân tử và nguyên tử chất khí, các vi trùng, các vi khuẩn, vv . . . mà mắt trần của chúng ta không thể thấy được, nhưng chúng ta biết chắc chắn rằng các thứ đó có thật, chúng hiện hữu.

Giác quan của con người đều có một giới hạn. Do đó, chúng ta cần lưu ý rằng:

- Khi ta không thấy gì thì không phải chỗ đó không có gì.
- Khi tai ta không nghe gì thì không phải chỗ đó không tiếng động.
- Khi tay ta sờ mó mà không cảm thấy gì thì chỗ đó không phải không có gì cả.

Khoa học thực nghiệm chứng minh rằng:

■ Mắt trần của con người chỉ nhìn thấy một số ánh sáng giới hạn từ ánh sáng tím tới ánh sáng đỏ, tức là từ ánh sáng có độ dài sóng 0,40 micron (tím) đến 0,75 micron (đỏ). Còn những ánh sáng khác như tia tử ngoại, tia X, hay tia Hồng ngoại, thì mắt chúng ta không thể thấy được.

■ Lỗ tai của con người chỉ nghe được những âm thanh có tần số trong khoảng từ 16 Hertz đến 16.000 Hertz. Những âm thanh có tần số lớn hơn 16.000 Hertz thì gọi là Siêu âm. Lỗ tai của chúng ta không thể nghe được siêu âm.

Chúng ta thử hình dung có một vật đứng trước mắt ta, ta thấy nó rõ rệt từng chi tiết, ta có thể dùng tay sờ mó nó được. Giả sử cho nó bắt đầu chuyển động quay tròn, chúng ta không còn thấy nó rõ rệt nữa. Khi vật ấy chuyển động với tốc độ khá nhanh, chúng ta thấy nó như ẩn như hiện và rất mờ nhạt. Khi nó chuyển động thật nhanh, nhanh hơn độ phân biệt của mắt, thì chúng ta không còn thấy được vật ấy nữa, nó như biến mất, như vô hình, cũng như cây cặm của bánh xe quay rất nhanh.

Vậy, phải chăng trước mắt ta, vật có rồi lại thành không? Vật hữu hình biến ra vô hình? Cho nên, nhà Phật mới nói: Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc.

Có mà Không, Không mà Có. Trong cái Không có cái Có, trong cái Có thì có cái Không.

Vì vậy, chúng ta đừng nghĩ rằng: Hư không là trống rỗng, không có gì cả.

Sự thật, Hư không là một khối sinh động mãnh liệt vô biên đến mức độ Hư không trở nên cực thanh tịnh, không không, như như. Hư không không rỗng tuếch mà bao gồm đủ mọi thứ, đủ mọi tánh, đủ mọi trạng thái từ trước tới thanh, từ Địa ngục, trần gian cho đến Niết Bàn.

Hư không gồm mọi cảnh sắc sinh động, không thiếu một thứ gì. Có như thế, Hư không mới là cái nguyên lý vô cùng, là chơn lý tối thượng. Cho nên Thượng Đế cũng được gọi là Đấng Hư không.

Trong Hư không, trạng thái động thì cực động, mà tịnh thì cũng cực tịnh, nên cõi Hư không thật đẹp đẽ, thật tráng lệ, tuyệt diệu, kỳ ảo vô biên, mà không một thứ ngôn ngữ nào nơi cõi phàm trần có thể diễn tả hết được, bởi vì ngôn ngữ thì có giới hạn, làm sao diễn tả được cái vô cùng, không giới hạn.

Mọi diễn tả đều bất lực trước Hư không.

Nếu Hư không mà diễn tả ra được thì nó đâu còn là chơn lý tối thượng bất khả tư nghĩ. Chỉ khi nào con người đạt đến mức tiến hóa cuối cùng, hoà nhập vào Hư không, sống trong Hư không thì mới thật sự biết rõ Hư không.

Hư linh

虛靈

A: Divine nothingness.

P: Le néant divin.

Hư: trống không nhưng rất huyền diệu. **Linh:** thiêng liêng.

Hư linh là cõi Hư Vô thiêng liêng.

KTCMĐQL: Cõi Hư linh bao phủ ân hồng.

KTCMĐQL: Kinh tụng Cha Mẹ Đấng Qui Liễu.

Hư sanh

虛生

A: The useless life.

P: La vie inutile.

Hư: không thực, giả, dối, sai, hư hỏng. **Sanh:** sống.

■ *Hư sanh là đời sống không làm được điều gì có ích.*

Trường hợp này, Hư sanh đồng nghĩa: Dư sanh (sống thừa).

■ *Hư sanh là đời sống giả tạm, đời sống của con người nơi cõi trần nhiều lắm là trăm năm.*

Trái với Hư sanh là: Vĩnh sanh, Hằng sanh, Hằng sống, là đời sống vĩnh cửu nơi cõi thiêng liêng.

TNHT: Thầy cũng buồn lòng mà thấy bầy con lao nhao lố nhố lặn hụp chìm đắm giữa cõi *hư sanh* này.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hư thực

虛實

A: False and true.

P: Faux et vrai.

Hư: không thực, giả, dối, sai, hư hỏng. **Thực:** không giả dối.

Hư thực là sai và đúng, dối và thật.

Hành tàng hư thực tự gia tri: Lộ ra hay ẩn kín, hư và thật, tự nhà mình biết lấy.

Hư trương thanh thế

虛張聲勢

Hư: không thực, giả, dối, sai, hư hỏng. **Trương:** bày ra, phô trương. **Thanh thế:** tiếng tăm và thế lực.

Hư trương thanh thế là khoe khoang, phô trương tiếng tăm và thế lực, nhưng sự thực thì không có đúng như vậy.

Hư tự

虛字

A: Empty word.

P: Mot vide.

Hư: trống không nhưng rất huyền diệu. **Tự:** chữ.

Hư tự là chữ không có nghĩa gì cả, dùng làm tiếng đệm vào câu văn cho dễ nói, dễ đọc, có âm điệu.

Trong cổ văn Trung hoa, Hư tự gồm khá nhiều chữ: chi, hồ, giả, dã, v.v.... Trong ngôn ngữ VN, Hư tự như các chữ: để, mà, thì, nên, nghĩa là, v.v....

Hư vinh

虛榮

A: Vain glory.

P: Vaine gloire.

Hư: không thực, giả, dối, sai, hư hỏng. **Vinh:** vẻ vang, vinh hiển.

Hư vinh là sự vinh hiển giả tạo, không có thực.

Triết lý của tôn giáo đều cho rằng: Đời là cõi tạm, nên những sự vinh hiển nơi cõi đời này đều là giả tạm, nó không bền, vì sự chết làm cho mất tất cả.

Sự vinh hiển vĩnh viễn có được ở nơi đâu?

- Ở nơi Trời, nơi cõi thiêng liêng, vì nơi cõi đó không có sự chết, cũng không ai cướp giật của mình được.

Muốn có sự vinh hiển ấy thì phải làm sao?

Đức Chí Tôn trả lời: Các con phải TU.

TNHT: Ngoài tai chớ chác tiếng *hư vinh*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hư Vô

虛無

A: The Nothingness.

P: Le Néant.

Hư: trống không nhưng rất huyền diệu. **Vô:** không.

Hư Vô là hoàn toàn trống không nhưng rất thiêng liêng mầu nhiệm.

Hư Vô là cảnh giới không có hình chất, mắt phàm không nhìn thấy gì cả, nhưng trong đó lại sanh đủ các pháp. Đó là cõi của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật ngự trị, cai quản CKTG.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

KĐLC: Kinh đưạ linh cửu.

Hư Vô chi Khí

虛無之氣

A: The Cosmic Fluid, the Supreme Ether.

P: La Fluide Cosmique, le Suprême Éther.

Hư: trống không nhưng rất huyền diệu. **Vô:** không. **Chi:** hư tự. **Khí:** chất khí.

Hư Vô chi Khí là chất khí nguyên thủy sanh ra Thái Cực, là Đại hồn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Khi đã có Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế rồi thì Ngài dùng Khí Hư Vô ấy biến hóa ra Lưỡng nghi, Tứ tượng, Bát quái, tạo hóa ra CKVT và vạn vật.

Khi Hư Vô còn được gọi là: Khí Hồng môn, Khí Tiên Thiên, Đức Lão Tử gọi nó là Đạo, Nho giáo gọi là Vô Cực, khoa học gọi là Tinh vân (Nébuleuse).

"Trước khi chưa phân định Âm Dương Càn Khôn Thế giới, thì trong thời kỳ ấy, khí Hồng môn dương hỗn độn mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi, thanh trược hỗn hiệp, kêu là Tiên Thiên Hư Vô chi Khí.

Trong Khí Hư Vô ấy, lại có phát hiện một vầng Đại quang minh là Thái Cực, đó kêu rằng: Vô Cực sanh Thái Cực.

Vòng Hư Vô ấy lại có một điểm trung tâm là Thái Cực, mà Thái Cực là cơ, hể cơ là lẽ, đã lẽ thì làm sao hóa sanh để tạo thành CKTG, vạn vật muôn loài, côn trùng thảo mộc, thủy tú sơn xuyên? Nên cái lý đơn nhưt ấy mới phóng ra một vầng Quang Minh phân định: Khí khinh thanh thượng phù giá vi Thiên, khí trọng trược ngưng giá vi Địa.

Khí nhẹ nhàng bay bổng lên làm ngôi Càn, Càn là Thiên, tức là Nhưt Dương chi Khí. Khí nặng nề ngưng giá xuống làm Khôn, Khôn là Địa, tức là Nhưt Âm chi Khí.

Cái năng lực mạnh bạo của hai Khí Âm Dương vắn vắn quanh lộn, lẫn tròn, đùn đẩy nhau trong khoảng không gian. Khí Dương động, khí Âm tịnh, Âm thì nương một chỗ, còn Dương bao quát Càn Khôn.

Đức Thái Cực Thánh Hoàng mới vận hành khí Chơn Dương hiệp cùng khí Chơn Âm. Hai khí Âm Dương hỗn hiệp nhau, đụng chạm nhau mà hóa sanh là do trong chỗ điều hòa, tương ứng tương cảm, huân chưng đầm ấm, mới tạo thành nghìn giống muôn vẻ, thiên hình vạn trạng.

Khi Âm Dương bắt đầu sanh hóa muôn loài vạn vật, rồi muôn loài vạn vật cứ sanh sanh mãi mãi, đời nọ sang đời kia, không bao giờ ngưng nghỉ.

Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật, nhưng vạn vật cũng phải quay trở về số một, vì nhứt bỗn tán vạn thù, vạn thù qui nhứt bỗn." (Trích ĐTCG, trang 12)

TNHT: *Hư Vô chi Khí* sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết. Nếu không có Thầy thì không có chi trong CKTG này, mà nếu không có *Hư Vô chi Khí* thì không có Thầy.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hư Vô tịch diệt

虛無寂滅

A: The absolute peace of soul.

P: La paix absolue de l'âme.

Hư: trống không nhưng rất huyền diệu. **Vô:** không. **Tịch:** hoàn toàn yên lặng. **Diệt:** làm cho mất đi.

Chữ Phạn gọi là: Nirvana, phiên âm là Niết Bàn, dịch ra Hán văn là Tịch diệt, có nghĩa là trừ dứt hết mọi phiền não để tâm được hoàn toàn yên lặng.

Hư Vô tịch diệt là dứt hết mọi phiền não, mọi ràng buộc để tâm thần hoàn toàn thanh tịnh, hư không.

Phật giáo rất chú trọng Hư vô tịch diệt để nuôi lấy tâm thần, nên dùng phương pháp Thiền định để giữ cái tâm cho trong sạch, không vọng động, ở trạng thái lặng lẽ không không, xa rời tất cả các tướng.

Cõi Hư Vô tịch diệt là cõi Niết Bàn.

HỨA

Hứa nhập - Khai môn

許入 - 開門

Hứa: ưng thuận, cho phép. **Nhập:** đi vào. **Khai:** mở ra.
Môn: cửa.

Hứa nhập: Ưng thuận cho vào.

Khai môn: Mở cửa ra để rước người vào.

TNHT: Chiêu kỳ trung độ dẫn hoài sanh là gì? Dầu cho trẻ con trong bụng cũng phải độ, sao các con lại đuổi thiện nam tín nữ? *Hứa nhập, khai môn.*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

HƯNG

HƯNG

HƯNG: 興 có hai nghĩa sau đây:

1. **HƯNG:** Cát lên, đứng lên.
Td: Hưng bình thân.
2. **HƯNG:** Thịnh vượng.
Td: Hưng vong.

Hưng - Bái

興 - 拜

Hưng: cất lên, đứng lên. **Bái:** lạy xuống.

Lúc cúng Đại đàn hay Tiểu đàn tại Thánh Thất, sau khi tụng xong một bài kinh, Lễ sĩ xướng: *Cúc cung bái*, thì mọi người đều lạy xuống; Lễ xướng tiếp: *Hưng*, thì mọi người cất mình lên; Lễ xướng tiếp: *Bái*, mọi người lạy xuống; rồi *Hưng, Bái, Hưng*. Thế là đã lạy xong 3 lạy.

Hưng bình thân

興平身

A: To stand up.

P: Se mettre debout.

Hưng: cất lên, đứng lên. **Bình:** ngay thẳng. **Thân:** thân mình.

Bình thân là đứng thẳng người.

Hưng bình thân là cất mình lên đứng thẳng người.

Khi đến lúc cuối trong nghi tiết cúng đàn nơi Thánh Thất, mọi người đã lạy xong mà còn đang quì, thì lễ xướng: *Hưng bình thân*, mọi người đều cất mình đứng thẳng lên.

Hưng vong

興亡

A: Grandeur and decadence.

P: Grandeur et décadence.

Hưng: thịnh vượng. **Vong:** mất, suy yếu.

Hưng vong là thịnh suy, lúc hưng thịnh lúc suy vong.

Đây là hai thời kỳ biến đổi nối tiếp nhau trong công cuộc tiến hóa của CKVT. Hết thịnh thì tới suy, hết suy tới thịnh.

TNHT: Nước có trị loạn, đời có *hưng vong*, thì Đạo tất có dùn thẳng quanh co.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CKVT: Căn Khôn Vũ Trụ.

HƯƠNG

HƯƠNG

1. **HƯƠNG:** 香 Mùi thơm, cây nhang.
Td: Hương án.
2. **HƯƠNG:** 鄉 Làng, thôn quê.
Td: Hương đạo.

Hương án

香案

A: Incense table.

P: La table de l'encens.

Hương: Mùi thơm, cây nhang. **Án:** cái bàn.

Hương án là cái bàn để thắp hương đặt trước bàn thờ.

Nghệ hương án tiên: Đến trước bàn hương.

Nơi Thánh Thất, Ngoại Nghi chỉ là một bàn hương án, không phải bàn thờ, trên đó có chưng: một cặp chân đèn, một lư hương, một bình bông, một đĩa trái cây, 3 ly rượu, một chụng nước trà và một chụng nước trắng.

Cặp lễ sĩ xướng đứng hai bên Ngoại Nghi này.

Hương đạo

鄉道

A: The religious village.

P: Le village religieux.

Hương: Làng, thôn quê. **Đạo:** tôn giáo.

Hương đạo là Làng đạo, là đơn vị hành chánh đạo nhỏ nhất của Hành Chánh Đạo CTĐ, gồm các tín đồ nam nữ cư ngụ trong một làng hay một xã.

Đứng đầu Hương đạo là một vị Chánh Trị Sự với chức vụ: Đầu Hương Đạo. Hương đạo được chia làm nhiều Ấp Đạo, mỗi Ấp Đạo có một Phó Trị Sự và một Thông Sự phụ trách.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hương, đăng, hoa, trà, quả, thanh chước chi nghi

香燈花茶果清酌之儀

Hương: cây nhang. **Đăng:** đèn. **Hoa:** bông. **Quả:** trái cây.

Thanh chước: rót rượu mời. **Chi:** hư tự. **Nghi:** hình thức tốt đẹp để tỏ cái lễ. Nghi cũng là dâng cúng các phẩm vật lên các Đấng thiêng liêng.

Đây là một câu trong bài Sớ Văn, kể ra các phẩm vật dâng cúng lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng gồm: nhang, đèn, bông, trà, trái cây và rượu.

[Chúng ta để ý là: Phía trước không có chữ TỬU là rượu vì phía sau có chữ THANH CHƯỚC: rót rượu mời. Thanh là thứ nước trong sạch, chỉ rượu trắng, chước là rót rượu để mời.]

Hương hỏa tông đường

香火宗堂

A: The cult of ancestors.

P: Le culte des ancêtres.

Hương: Mùi thơm, cây nhang. **Hỏa:** lửa, chỉ cây đèn.
Tông đường: nhà thờ tổ tiên của dòng họ.

Hương hỏa là nhang đèn, chỉ sự thờ cúng.

Hương hỏa tông đường là sự thờ cúng tổ tiên và gìn giữ sự thờ cúng ấy cho được liên tục từ đời này qua đời khác.

KVH: Nguyện nên hương hỏa tông đường.

KVH: Kinh vào học.

Hương hồn

香魂

A: The perfume soul of dead, the venerable soul.

P: L'âme parfumée de mort, l'âme vénérable.

Hương: Mùi thơm, cây nhang. **Hồn:** linh hồn.

Hương hồn là hồn thơm, tiếng dùng để gọi linh hồn người chết với ý kính trọng.

KCTPĐQL: Chơn mây vái với hương hồn hiển linh.

KCTPĐQL: Kinh cầu Tô Phụ đã qui liễu.

Hương lô (Hương lư)

香爐

A: The incense burner, the censer.

P: L'encensoir.

Hương: Mùi thơm, cây nhang. **Lô:** cũng đọc là Lư, cái lò lư.

Hương lô hay Hương lư, là cái lư hương, tức là cái bình bằng thau hay bằng sành dùng để đốt nhang rồi cắm vào đó.

Hương lửa

Có hai trường hợp:

* Trường hợp 1: Hương lửa

Hương lửa là dịch chữ Hương hỏa, nghĩa là nhang đèn, chỉ sự thờ cúng. (Xem: Hương hỏa tông đường)

* Trường hợp 2: Hương lửa

Hai người trai gái yêu thương nhau nồng nàn, đốt nhang khấn vái thề nguyện kết thành chồng vợ.

Do đó, hương lửa là chỉ tình nghĩa vợ chồng thắm thiết.

Thường nói: **Hương lửa ba sinh**. Ba sinh là ba kiếp sống. Đôi nam nữ yêu nhau, thề nguyện trong ba kiếp sống thế nào cũng phải gặp nhau và kết thành vợ chồng. (Xem điển tích: Ba sinh, văn B)

KHP: Đường Tổ nghiệp nữ nam hương lửa,
Đốt cho nồng từ bữa ba sanh.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Hương lý

鄉里

A: Native village.

P: Village natal.

Hương: Làng, thôn quê. **Lý:** nơi cư ngụ.

Hương lý là quê hương của mỗi người.

Kệ U Minh Chung: Lãng tử, cô nhi tảo hờ *hương lý*.

Hương nguyên

香願

A: To burn incenses for prayer.

P: Brûler les baguettes de l'encens pour prier.

Hương: Mùi thơm, cây nhang. **Nguyên:** cầu nguyện.

Hương nguyên là đốt nhang cầu nguyện Trời Phật chứng cho lời thề kết làm vợ chồng.

KHP: Trăm năm khá nhớ *hương nguyên*.

KHP: Kinh Hôn Phối.

Hương thề

A: To burn incenses for vow together.

P: Bruâler les baguettes d'encens pour jurer.

Hương: Mùi thơm, cây nhang. **Thề:** ước hẹn với nhau một cách chắc chắn.

Hương thề là đốt nhang lên xin Trời Phật chứng minh để thề hẹn với nhau kết thành chồng vợ.

KTKVQL: *Hương thề* tắt ngọn, lạnh lòng tơ duyên.

KTKVQL: Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.

HƯƠNG

HƯƠNG

HƯƠNG: 向 Phương hướng, ngoảnh về, hướng về.

Td: Hướng đạo, Hướng thiện.

Hướng đạo

向導

A: To guide.

P: Guider.

Hướng: Phương hướng, ngoảnh về, hướng về. **Đạo:** đem đường, mở lối.

Hướng đạo là dẫn đường mở lối cho người ta đi.

TNHT: Thầy thấy nhiều đũa xả thân cầu Đạo, diệt tục xử phạm, để mình làm *hướng đạo*.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hướng thiện

向善

A: Inclined to the good.

P: Incliné au bien.

Hướng: Phương hướng, ngoảnh về, hướng về. **Thiện:** lành, tốt.

Hướng thiện là quay về điều lành.

Thường nói: **Hồi đầu hướng thiện**, nghĩa là: Quay đầu hướng về điều lành, tức là giác ngộ và từ bỏ đường ác.

HƯỜNG

Hưởng dương - Hưởng thọ

享陽 - 享壽

A: To enjoy the age. - To enjoy the old age.

P: Être agé de. - Jouir de la longivité.

Hưởng: nhận lấy mà dùng. **Dương:** chỉ sự sống. **Thọ:** sống lâu.

■ *Hưởng dương là nói về người chết mà chưa già, sống được bao nhiêu tuổi.*

Từ ngữ "Hưởng dương" chỉ dùng cho những người chết dưới 60 tuổi. Trên 60 tuổi chết thì gọi là Hưởng thọ.

■ *Hưởng thọ là nói về người già chết được bao nhiêu tuổi.*

Td:

Ngài Tiệp Thế Lê Thế Vĩnh hưởng dương 43 tuổi.

Đức Phạm Hộ Pháp hưởng thọ 70 tuổi, nghĩa là Đức Phạm Hộ Pháp sống đến 70 tuổi mới mất.

HỮU

HỮU

1. **HỮU:** 有 Có, trái với Vô là không.
Td: Hữu duyên, Hữu hình, Hữu phần.
2. **HỮU:** 友 Bạn, bè bạn.
Td: Hữu bằng.
3. **HỮU:** 右 Phía mặt, trái với Tả là phía trái.
Td: Hữu Phan Quân.

Hữu bằng

友朋

A: Friend. P: Camarade.

Hữu: Bạn, bè bạn. **Bằng:** bè bạn.

Hữu bằng là bè bạn với nhau.

GTK: Nghĩa *hữu bằng* phải kiếng phải tin.

GTK: Giới Tâm Kinh.

Hữu căn hữu kiếp

有根有劫

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Căn:** gốc rễ. **Kiếp:** một đời sống.

Hữu căn hữu kiếp là có gốc rễ có kiếp sống, tức là có kiếp sống hiện tại là do gốc rễ của các kiếp sống trước tạo nên.

TNHT: Mỗi mạng sống đều *hữu căn hữu kiếp*, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thể này lâu mau đều định trước.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hữu cầu tất ứng

有求必應

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Cầu:** cầu nguyện. **Tất:** ắt hẳn. **Ứng:** đáp lại.

Hữu cầu tất ứng là có cầu nguyện thì ắt có đáp lại.

TNHT: Muốn đến Thầy thì phải cầu nguyện. Thầy không bao giờ không cảm ứng với những lời cầu nguyện chơn thành.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hữu chí cánh thành

有志竟成

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Chí:** ý chí. **Cánh:** cuối cùng. **Thành:** nên.

Hữu chí cánh thành là có ý chí thì cuối cùng sẽ làm nên.

Câu: "Có chí thì nên" là dịch từ thành ngữ Hán văn: Hữu chí cánh thành.

Hữu danh vô thực

有名無實

A: To be something in name only.

P: Avoir le nom sans avoir la chose.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Danh:** tiếng tăm. **Vô:** không. **Thực:** thật.

Hữu danh vô thực: có tiếng tăm nhưng không có thực lực; có tiếng tăm mà không có thực tài.

Hữu duyên

有緣

A: Predestined.

P: Prédestiné.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Duyên:** mối dây ràng buộc định sẵn từ trước.

Hữu duyên là có mối dây ràng buộc được định sẵn từ trước, nên khi gặp nhau thì cảm thấy hòa hợp ngay.

Trái với Hữu duyên là Vô duyên.

Người hữu duyên với Phật là người đã có gốc tu hành từ kiếp trước, nên đến kiếp này thấy người tu hành thì có cảm tình ngay dù không quen biết, ai nói chuyện đạo đức thì rất thích, nghe không chán.

TNHT: Đạo cốt để cho kẻ *hữu duyên*.

Trong văn chương thường nói:

*Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,
Vô duyên đối diện bất tương phùng.*

Nghĩa là:

Có duyên thì dù ngàn dặm có thể gặp nhau,
Không duyên thì dù đối mặt cũng không gặp nhau.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hữu hà diện mục

有何面目

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Hà:** chữ dùng để hỏi: Sao? Nào? **Diện:** mặt. **Mục:** mắt.

Hữu hà diện mục? Nghĩa là: Có mặt mũi nào? Không còn mặt mũi nào cả (mất cả thể diện).

Hữu hạp

有合

A: To have the reunion.

P: Avoir la réunion.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Hạp:** hợp, hợp lại.

Hữu hạp là có sự hợp lại với nhau.

PMCK: Hiệp Âm Dương *hữu hạp* biến sanh.

PMCK: Phật Mẫu Chơn Kinh.

Hữu hình - Vô hình

有形 - 無形

A: Material (visible) - Immaterial (invisible)

P: Matériel (visible) - Immatériel (invisible).

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Hình:** hình thể thấy được.

Vô: không.

Hữu hình là có hình thể thấy được (đồng nghĩa Hữu vi).

Vô hình là không có hình thể, không thấy được (Vô vi).

Thế giới hữu hình là thế giới vật chất, là cõi trần.

Thế giới vô hình là thế giới của linh hồn, của Thần Tiên.

TNHT: *Hữu hình* thì bị diệt đặng, chớ *vô vi* chẳng thể nào diệt đặng.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hữu hư vô thực

有虛無實

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Hư:** giả, không thật. **Vô:** không. **Thực:** thật.

Hữu hư vô thực là có cái giả, không có cái thật.

TNHT: Thằng Lão có muốn nên Đạo đi nữa thì cũng không thi thổ chi đặng với một Hội Thánh *hữu hư vô thực?*

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Hữu lậu - Vô lậu

有漏 - 無漏

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Lậu:** nước rỉ ra ngoài làm cho dơ dáy.

Theo Phật giáo, thân người có Cửu lậu (cửu khiếu) là 9 lỗ tiết ra chất dơ dáy: 2 tai, 2 mắt, 2 mũi, 1 miệng, 1 đại tiện, 1 tiểu tiện. Thân con người cũng bị thấm trực vì phiền não, vì tham, sân, si. Cho nên Lậu được xem là Phiền não.

Hữu lậu là có phiền não, do còn mê dục, nên lưu chuyển trong vòng trần tục.

Vô lậu là không có phiền não, dứt mê lầm, tức là được giải thoát, nhập Niết Bàn.

"Lậu là tên khác của phiền não, có nghĩa là tiết lậu, phiền não, tham sân v.v... ngày đêm từ cửa lục căn: Tai, mắt, mũi, miệng v.v... tiết lậu trôi chảy ra không ngừng, gọi là Lậu.

Lậu cũng có nghĩa là rơi rụng. Phiền não khiến cho con người rơi vào tam ác đạo, gọi là Lậu. Nhân đó gọi Pháp có phiền não là Hữu lậu, Pháp xa lìa khỏi phiền não gọi là Vô lậu.

Sự vật có chứa phiền não nên gọi là Hữu lậu. Mọi vật của thế gian đều là Hữu lậu pháp. Những sự thể ở thế gian lìa bỏ phiền não gọi là Vô lậu pháp." (**Phật Học Từ Điển Hán Việt**)

Hữu Phan Quân - Tả Phan Quân

右幡君 - 左幡君

Hữu: Phía mặt, trái với Tả là phía trái. **Phan:** cây phướn, lá phướn. **Quân:** người, với ý tôn trọng. **Tả:** phía trái.

Hữu Phan Quân là vị Chức sắc đứng bên tay mặt của Đức Thượng Phẩm, cầm phướn Thượng Phẩm để dẫn đường.

Tả Phan Quân là vị Chức sắc đứng bên tay trái của Đức Thượng Sanh, cầm phướn Thượng Sanh để dẫn đường.

Hữu Phan Quân và Tả Phan Quân đối phẩm Giáo Sư CTĐ.

Hiện nay, Hữu Phan Quân là ông Lê Văn Thoại, Tả Phan Quân là ông Trang Văn Giáo.

Ông Lê Văn Thoại được Đức Lý Giáo Tông giáng cơ phong chức Hữu Phan Quân trong đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh vào đêm 15-10-Ất Ty (dl 7-11-1965).

Ông Tả Phan Quân Trang Văn Giáo đã qui vị ngày 2-5-Bính Thìn (dl 30-5-1976).

Khi cúng Đại đàn tại Tòa Thánh, Tả Phan Quân cầm phướn Thượng Sanh hướng dẫn các Lễ Sanh và Giáo Thiện đi vào Tòa Thánh, rồi đi lên lầu HTĐ, đứng dài theo bao lơn Thanh Đăng cặp vách hông CTĐ. Nam phái đứng bên bao lơn Nam phái và Nữ phái đứng bên bao lơn Nữ phái.

Kế đó, sau khi dứt 4 câu kệ Bạch Ngọc Chung thì vị Hộ Đàn Pháp Quân và vị Hữu Phan Quân vào Tòa Thánh, đến đứng trước ngài Đức Hộ Pháp và Thượng Phẩm, hướng vào Bửu điện xá 3 xá, rồi quay lại xá chữ Khí 1 xá, xong Hộ Đàn Pháp Quân lấy cây cờ lệnh cầm tay, Hữu Phan Quân lấy cây phướn Thượng Phẩm cầm tay, hai vị đi trở ra, Hộ Đàn đi trước, Hữu Phan Quân đi nối theo, ra rước các Chức sắc HTĐ và CTĐ vào Tòa Thánh đi hoán đàn.

Sau khi hoán đàn xong, Hữu Phan Quân trở lại đứng phía tay mặt của Đức Thượng Phẩm, và Tả Phan Quân đứng phía tay trái của Đức Thượng Sanh.

Đạo phục của Hữu Phan Quân và Tả Phan Quân giống hệt Đạo phục của Hộ Đàn Pháp Quân, nhưng không có buộc dây Sắc Lệnh ở lưng. (Xem: Hộ Đàn Pháp Quân)

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường đêm 19-6-Bính Ngọ (dl 5-8-1966), Phò loan: Hiến Pháp - Khai Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ nói về ba vị: Hộ Đàn Pháp Quân, Hữu Phan Quân và Tả Phan Quân:

"Đức Thượng Sanh bạch: - Hội Thánh HTĐ còn thắc mắc về trường hợp của ba vị: Hộ Đàn Pháp Quân, Hữu Phan Quân và Tả Phan Quân việc như sau đây, cầu xin Đức Ngài chỉ giáo.

1. Bạch: Trong các phiên nhóm của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài để giải quyết về Chánh Trị Đạo, ba vị trên đây có được mời dự nhóm và bàn cãi hay không?

- Mấy vị đó không phải Chức sắc Hiệp Thiên Đài nên miễn mời hội.

2. Bạch: Khi sắp hàng vào nội nghi dẫn lễ Đức Chí Tôn, ba vị này phải giữ trật tự đi như thế nào? Hiện giờ chỉ có từ phẩm Cải Trạng trở xuống Luật Sự, sau này có phẩm Chưởng Ẩn và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn thì thứ tự như thế nào?

- Dầu có hai phẩm ấy hay không, Hộ Đàn Pháp Quân và Tả Hữu Phan Quân cũng cứ ngoài vòng Chức sắc HTĐ, nên khi đánh lễ, xướng: **Chức sắc HTĐ nhập nội nghi**, lễ bái rồi phải xướng một lần nữa: **Hộ Đàn Pháp Quân, Tả Hữu Phan Quân nhập nội nghi**. Như vậy mới đúng trật tự.

3. Bạch: Khi thiết lễ bồi yến Hội Yến Diêu Trì Cung, ba vị này có dự hay không?

- Tất cả bốn đạo đều nhớ Bàn đạo không bao giờ cho việc ấy.

HTĐ: Hiệp Thiên Đài.

CTĐ: Cửu Trùng Đài.

Hữu phần - Vô phần

有分 - 無分

A: The happy lot. - The unhappy lot.

P: Le sort heureux. - Le sort malheureux.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Phần:** số phận, vận mạng của mỗi người.

Hữu phần là có vận mạng tốt, đồng nghĩa Hữu phước. Vô phần là có vận mạng xấu, đau khổ, đồng nghĩa Vô phước.

TNHT: Kẻ hữu phần, người vô phước, tin tin, không không, cũng chẳng sửa cơ Trời đặng.

Hữu phước bất khả hưởng tận

有福不可享盡

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Phước:** hạnh phúc, may mắn tốt lành. **Bất khả:** không nên. **Hưởng tận:** hưởng hết.

Hữu phước bất khả hưởng tận: Có phước không nên hưởng cho hết cả.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám có viết rằng:

Phàm nhân hữu thể bất khả ỷ tận,

Hữu phước bất khả hưởng tận,

Bần cùng bất khả khi tận.

Thử tam giả nãi Thiên Địa tuần hoàn, chu nhi phục thi.

Nghĩa là:

Phàm người có thể thì chớ nên ỷ hết vào thể,
 Có phước chẳng nên hưởng hết cả phước,
 Bị nghèo khổ chẳng nên khinh tất cả,
 Ba cái đó, ấy lẽ tuần hoàn của Trời Đất, đi giáp một vòng rồi trở lại mới khởi đầu.

Hữu sanh hữu tử

有生有死

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Sanh:** sống. **Tử:** chết.

Hữu sanh hữu tử: Có sống thì phải có chết.

Sự sống và sự chết của con người hay của chúng sanh đều theo luật: Thành, Trụ, Hoại, Không. Thành là hình thành, Trụ là tồn tại duy trì, Hoại là hư hỏng, Không là tiêu mất.

Định luật này nằm trong Luật Tiến hóa của Càn Khôn, bởi vì sống là để tiến hóa. Khi xác thân già nua không còn đủ sức tiến hóa nữa thì phải chết để linh hồn chuyển qua một xác thân mới tiếp tục tiến hóa. Mức tiến hóa cuối cùng là linh hồn hiệp vào Đại Hồn của Thượng Đế.

Hữu sắc vô hương

有色無香

A: Beautiful but without fragrance.

P: Belles couleurs mais sans parfum.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Sắc:** sắc đẹp. **Vô:** không. **Hương:** thơm.

Hữu sắc vô hương là nói về cái hoa thì: Hoa đẹp nhưng không có mùi thơm; nói về phụ nữ thì: Người phụ nữ có sắc đẹp nhưng không có hạnh nét tốt.

Hữu Thần

有神

A: The Theism.

P: Le Théisme.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Thần:** vị Thần linh, chỉ Thượng Đế.

Hữu thần là nhìn nhận và tin tưởng có Đấng Thượng Đế vô hình có quyền năng vô biên, độc nhất vô nhị, lập pháp tối cao, công bình tuyệt đối, tạo hoá ra CKVT và vạn vật.

Hữu Thần giáo là tôn giáo hữu thần, như: Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Đạo Cao Đài.

Trái với Hữu Thần là Vô Thần, tức là không tin tưởng có Thượng Đế, có Thần linh.

Hữu Thần thuộc Duy Tâm, Vô Thần thuộc Duy Vật.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Hữu thi

有始

A: Since the universe creation.

P: Depuis la création de l'univers.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Thi:** còn đọc Thủy: bắt đầu.

Hữu thi là có cái bắt đầu, tức là có nguồn gốc.

Theo Vũ Trụ quan của Đạo Cao Đài, khi Trời Đất đã an ngôi rồi thì từ đó trở về sau gọi là thời Hữu thi, vì Trời Đất là Âm Dương, như cha mẹ, hóa sanh CKVT và vạn vật. Vậy Âm Dương là cái bắt đầu, là nguồn gốc của vạn vật.

Thời Hữu thi chính là thời Hậu Thiên.

Trước thời Hữu thi là thời Hỗn mang, chỉ có Hư Vô chi Khí, mà không ai biết được nguồn gốc của nó, do đâu mà có Khí Hư Vô, nên thời kỳ này được gọi là thời Vô thi, tức là không có nguồn gốc phát sanh. Đó là thời Tiên Thiên.

Trong Kinh Tiên Giáo có câu:

Hữu thi siêu quần chơn chi thượng.

Nghĩa là: Vào thời Hữu thi, Đức Thái Thượng Đạo Tổ là Đấng vượt lên trên hết các bậc Tiên, Thánh.

Hữu thủy vô chung: Có cái bắt đầu mà không có cái cuối cùng (có thủy mà không có chung), ý nói lúc đầu tốt nhưng lúc sau thì không tốt.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

Hữu vi - Vô vi

有為 - 無為

A: Material - Spiritual.

P: Matériel - Spirituel.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Vi:** làm. **Vô:** không.

Nghĩa đen: *Hữu vi là có làm, Vô vi là không làm.*

Hữu vi là có làm, tức là có tạo tác, có nhân duyên tạo tác, có can thiệp vào tự nhiên, có suy nghĩ tính toán, từ đó phát sanh tình cảm. Hữu vi thì vô thường. Trái với Hữu vi là Vô vi.

Thí dụ như ta muốn thuyết đạo cho hay, ta cố công biên soạn trước bài thuyết đạo, đó là Hữu vi. Còn khi đột nhiên tùy cơ mà nói đạo để hóa độ người, thì đó là Vô vi.

Bồ thí mà trông phước báo đáp lại, ấy là Hữu vi; còn bồ thí một cách tự nhiên, không hề tưởng đến quả báo, đó là Vô vi.

Như thế, Hữu vi là Hữu lậu, còn phiền não, còn triu mến. Còn Vô vi là Vô lậu, tự nhiên không phiền não.

Bài kệ nổi tiếng về Hữu vi trong Kinh Kim Cang:

*Nhứt thiết Hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ, diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Nghĩa là:

Hết thầy các pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, ảnh,
Như sương, cũng như ánh chớp,
Nên quan sát như vậy đó.

Hữu xạ tự nhiên hương

有麝自然香

A: When there is musk, the perfume comes naturally.

P: Quand il y a du musc, le parfum vient naturellement.

Hữu: Có, trái với Vô là không. **Xạ:** giống thú rừng thuộc loài hươu mà nhỏ, dưới bụng có một cục cứng rất thơm, gọi là xạ hương. **Tự nhiên:** tự có như thế. **Hương:** thơm.

Hữu xạ tự nhiên hương là có chất xạ thì tự nhiên tỏa ra mùi thơm. Ý nói: Người có tài giỏi thực sự thì tự nhiên người ta biết đến, khỏi cần phải khoe khoang.

Người hay khoe khoang tài giỏi thì thường là người không có tài năng chân chính.

Bài thơ Kịch Nhưông (Nện đất) trong sách Minh Tâm Bửu Giám, trích ra 3 câu cuối:

*Hữu danh khởi tại thuyên ngoan thạch,
Lộ thượng hành nhân khẩu thẳng bi.
Hữu xạ tự nhiên hương, hà tất đương phong lập.*

Nghĩa là:

Có danh há ở khắc vào đá cứng,
Trên đường người đi, miệng nói hơn là tám bia,
Có xạ tự nhiên thơm, hà tất đứng chờ gió.

HỰU

Hựu tội

宥罪

A: To forgive sins.

P: Pardonner les fautes.

Hựu: rộng lòng tha thứ. **Tội:** tội lỗi.

Hựu tội là rộng lòng tha thứ các tội lỗi.

KNHTĐ: Tích phước *hựu tội*, Đại Thiên Tôn.

KNHTĐ: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

HY

Hy hữu

希有

A: Rare.

P: Rare.

Hy: ít có, hiếm có. **Hữu:** có.

Hy hữu là ít có.

Cổ kim hy hữu: xưa nay ít có.

CG PCT: Ấy là cơ Đạo cổ kim *hy hữu*.

CG PCT: Chú Giải Pháp Chánh Truyền.

Hy sinh

犧牲

A: The sacrifice, To sacrifice oneself.

P: Le sacrifice, Se sacrifier.

Hy: súc vật dùng để tế thần. **Sinh:** súc vật dùng làm thịt để tế thần.

Hy sinh là chỉ con vật sống như heo, bò, dê, đem giết đi để làm vật cúng tế Thần linh theo cách cúng tế thời xưa.

TL: Trong việc cúng tế vong linh, không nên dùng *hy sanh*, dùng toàn đồ chay thì được phước hơn.

Nghĩa bóng của Hy sinh: *Hy sinh là quên cả sự hiểm nguy và quyền lợi của mình để làm một việc cao cả.*

Td: Hy sinh mạng sống để bảo vệ Đạo pháp.

Đức tánh hy sinh bao trùm mọi mặt của cuộc sống hằng ngày. Như việc từ bỏ các thú vui vật chất, từ bỏ cao lương mỹ vị và những tiện nghi của nền văn minh để khép mình vào nếp sống khổ hạnh của kẻ tu hành, cũng là một sự hy sinh lớn.

Nhịn nhục kẻ hung bạo, rồi tìm cách khuyên nhủ họ bỏ dữ theo lành, cũng là một sự hy sinh.

TNHT: Con tự *hy sinh* để đem lại cho dân tộc ấy một nền Đạo lý chơn chánh.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TL: Tân Luật.

Hy vọng

希望

A: Hope, to hope.

P: Espoir, espérer.

Hy: mong. **Vọng:** ước.

Hy vọng là mong ước.

HÝ

HÝ

HÝ: 戲 Vui chơi, đùa bỡn, giễu cợt.

Td: Hý ngôn, Hý trường.

Hý ngôn

戲言

A: The joke.

P: La plaisanterie.

Hý: Vui chơi, đùa bỡn, giễu cợt. **Ngôn:** lời nói.

Hý ngôn là lời nói bông đùa, lời nói đùa cợt.

Quân bất hý ngôn: Vua thì không được nói đùa.

Hý trường

戲場

A: Theatre.

P: Théâtre.

Hý: Vui chơi, đùa bỡn, giễu cợt. **Trường:** nơi rộng rãi để tập hợp nhiều người.

Hý trường là chỗ vui chơi, chỗ diễn tuồng hát, rạp hát.

Hý trường đồng nghĩa: Hý viện.

HỖ

HỖ

Hỗ: 喜 Mừng, vui vẻ.

Td: Hỷ hiến, Hỷ xả.

Hỷ hiến

喜獻

A: To offer joyfully.

P: Offrir joyusement.

Hỷ: Mừng, vui vẻ. **Hiến:** dâng lên.

Hỷ hiến là hiến dâng một cách vui vẻ.

Hỷ hiến đồng nghĩa: Hỷ cúng.

Hỷ xả

喜捨

A: To sacrifice oneself with joy.

P: Se sacrifier avec joie.

Hỷ: Mừng, vui vẻ. **Xả:** không nắm giữ nữa.

Hỷ xả là vui vẻ bỏ qua hết.

Hỷ và Xả còn là hai đức tánh trong Tứ Vô Lượng Tâm.

Hỷ là vui vẻ đối với những phúc lợi của chúng sanh, đối với sự thành công của chúng sanh về tài vật hay danh vọng, và nhưt là về Đạo lý. Đối với người không có tâm Hỷ thì khi thấy người khác hơn mình thì sanh lòng ganh ghét.

Xả là bỏ đi, buông thả tất cả, không chấp nê vương mắc. Như tha thứ cho người ta khi họ xúc phạm đến mình, hoặc đem những thứ mà mình có bố thí cho người.

Người tu mà có lòng Hỷ Xả luôn luôn thì trong lòng bao giờ cũng hoan hỷ, thư thái, an nhàn.